BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP TỪ NĂM 2014

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1	01-K46A1		Đặng Thị Kim	Anh	Nữ	27/06/1992				Khá	811813	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2	02-K46A1		Nguyễn Tuyết	Anh	Nữ	03/06/1992				Khá	811814	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3	03-K46A1		Phan Thị	Chang	Nữ	16/08/1992				Khá	811815	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
4	04-K46A1		Đỗ Mạnh	Cường	Nam	27/07/1985				Khá	811816	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
5	05-K46A1		Phạm Thị	Dinh	Nữ	03/02/1990				Giỏi	811817	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
6	06-K46A1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	25/10/1991				Khá	811818	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
7	07-K46A1		Trần Thị Thuỳ	Dung	Nữ	17/11/1992				Khá	811819	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
8	08-K46A1		Vũ Thị Hồng	Dung	Nữ	26/10/1992				Giỏi	811820	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
9	09-K46A1		Phạm Đức	Duy	Nam	04/03/1992				Trung Bình	811821	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
10	10-K46A1		Phạm Linh	Giang	Nữ	24/09/1992				Khá	811822	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
11	11-K46A1		Trần Thị	Hà	Nữ	13/09/1991				Khá	811823	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
12	12-K46A1		Vũ Đình	Hiếu	Nam	20/09/1992				Khá	811824	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
13	13-K46A1		Tạ Thị	Hoa	Nữ	14/04/1992				Khá	811825	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
14	14-K46A1		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	08/04/1992				Khá	811826	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
15	15-K46A1		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	21/10/1992				Giỏi	811827	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
16	16-K46A1		Nguyễn Việt	Hưng	Nam	24/09/1992				Khá	811828	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
17	17-K46A1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	20/01/1992				Khá	811829	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
18	18-K46A1		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	25/06/1992				Khá	811830	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
19	19-K46A1		Lê Tiến	Lộc	Nam	20/09/1992				Giỏi	811831	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
20	20-K46A1		Ngô Văn	Long	Nam	22/03/1992				Khá	811832	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
21	21-K46A1		Vũ Duy	Long	Nam	19/09/1992				Khá	811833	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
22	22-K46A1		Nguyễn Hà	Minh	Nữ	29/12/1992				Khá	811834	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
23	23-K46A1		Đỗ Thị Thuý	Nga	Nữ	07/11/1992				Khá	811835	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
24	24-K46A1		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	14/02/1992				Khá	811836	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
25	25-K46A1		Phan Thị Hằng	Nga	Nữ	20/06/1992				Khá	811837	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
26	26-K46A1		Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	08/01/1992				Khá	811838	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
27	27-K46A1		Bùi Thị Hồng	Phương	Nữ	12/08/1991				Khá	811839	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
28	28-K46A1		Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	04/02/1991				Khá	811840	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
29	29-K46A1		Trần Thanh	Sơn	Nam	20/11/1991				Khá	811841	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
30	30-K46A1		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	07/12/1992				Khá	811842	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
31	31-K46A1		Trần Bá	Thành	Nam	01/10/1992				Khá	811843	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
32	32-K46A1		Nguyễn Đình	Thâu	Nam	07/01/1992				Trung Bình	811844	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
33	33-K46A1		Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	07/05/1992				Khá	811845	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
34	34-K46A1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	13/10/1992				Giỏi	811846	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
35	35-K46A1		Trịnh Anh	Thư	Nữ	13/07/1992				Trung Bình	811847	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
36	36-K46A1		Nguyễn Thị	Thuý	Nữ	02/11/1991				Khá	811848	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
37	37-K46A1		Nguyễn Thị	Thuỳ	Nữ	05/10/1991				Khá	811849	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
38	38-K46A1		Đỗ Thị Thu	Trang	Nữ	17/12/1992				Khá	811850	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
39	39-K46A1		Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	01/09/1992				Khá	811851	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
40	40-K46A1		Trương Thanh	Tùng	Nam	02/03/1992				Khá	811852	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
41	41-K46A1		Lê Thị Tường	Vân	Nữ	20/03/1992				Khá	811853	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
42	42-K46A1		Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	28/02/1992				Khá	811854	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
43	43-K46A1		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	16/02/1992				Khá	811855	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
44	44-K46A1		Lê Thị	Yến	Nữ	23/05/1991				Khá	811856	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
45	45-K46A2		Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	22/12/1991				Khá	811857	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
46	46-K46A2		Trịnh Thị	Bích	Nữ	20/03/1992				Giỏi	811858	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
47	47-K46A2		Trần Thị	Cẩm	Nữ	08/02/1992				Khá	811859	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
48	48-K46A2		Hoàng Chí	Công	Nam	14/08/1992				Khá	811860	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
49	49-K46A2		Phạm Thị	Cúc	Nữ	11/05/1992				Khá	811861	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
50	50-K46A2		Đoàn Văn	Đại	Nam	10/10/1992				Khá	811862	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
51	51-K46A2		Trịnh Đình	Diện	Nam	29/09/1991				Khá	811863	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
52	52-K46A2		Đỗ Thế	Dương	Nam	18/09/1992				Khá	811864	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
53	53-K46A2		Hà Thị	Hà	Nữ	24/05/1992				Khá	811865	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
54	54-K46A2		Lại Thị	Hà	Nữ	18/10/1991				Khá	811866	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
55	55-K46A2		Lưu Thị	Hiền	Nữ	24/06/1992				Khá	811867	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
56	56-K46A2		Hoàng Thị	Hoa	Nữ	07/10/1991				Khá	811868	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
57	57-K46A2		Mai Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	28/04/1992				Khá	811869	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
58	58-K46A2		Trần Thị	Hoa	Nữ	16/06/1992				Khá	811870	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
59	59-K46A2		Vũ Văn	Hoà	Nam	26/05/1992				Khá	811871	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
60	60-K46A2		Nguyễn Thị	Hồi	Nữ	06/11/1991				Khá	811872	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
61	61-K46A2		Dương Xuân	Hồng	Nam	10/10/1992				Khá	811873	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
62	62-K46A2		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	15/05/1992				Khá	811874	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
63	63-K46A2		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	14/08/1992				Khá	811875	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
64	64-K46A2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05/08/1992				Khá	811876	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
65	65-K46A2		Trịnh Văn	Khiêm	Nam	27/12/1992				Khá	811877	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
66	66-K46A2		Nguyễn Thị	Lành	Nữ	08/02/1992				Khá	811878	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
67	67-K46A2		Lại Mạnh	Linh	Nam	20/07/1992				Khá	811879	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
68	68-K46A2		Lê Thị Thanh	Nga	Nữ	10/07/1992				Khá	811880	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
69	69-K46A2		Đinh Thị	Nhài	Nữ	13/02/1992				Khá	811881	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
70	70-K46A2		Khứu Hữu	Phú	Nam	03/11/1992				Trung Bình	811882	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
71	71-K46A2		Hoàng Thị	Phương	Nữ	14/08/1992				Khá	811883	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
72	72-K46A2		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	12/04/1992				Khá	811884	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
73	73-K46A2		Trần Mạnh	Quang	Nam	11/09/1992				Khá	811885	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
74	74-K46A2		Hồ Tất	Thắng	Nam	16/10/1992				Khá	811886	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
75	75-K46A2		Nguyễn Quyết	Thắng	Nam	09/02/1992				Khá	811887	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
76	76-K46A2		Đỗ Thị	Thơ	Nữ	24/03/1992				Giỏi	811888	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
77	77-K46A2		Luyện Thị	Thuý	Nữ	10/06/1992				Khá	811889	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
78	78-K46A2		Nguyễn Thị	Thuý	Nữ	20/02/1992				Khá	811890	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
79	79-K46A2		Phạm Hữu	Tòng	Nam	18/01/1992				Trung Bình	811891	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
80	80-K46A2		Đường Vinh	Trường	Nam	16/06/1992				Khá	811892	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
81	81-K46A2		Trần Thị	Vân	Nữ	18/05/1992				Giỏi	811893	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
82	82-K46A2		Trịnh Thị	Vân	Nữ	22/12/1991				Khá	811894	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
83	83-K46A2		Phùng Tuấn	Việt	Nam	25/04/1992				Khá	811895	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
84	84-K46A2		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	21/08/1992				Khá	811896	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
85	85-K46A2		Vũ Thị	Xuyên	Nữ	16/09/1992				Khá	811897	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
86	86-K46A2		Đỗ Thị Thuý	Yên	Nữ	07/11/1992				Khá	811898	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
87	87-K46A2		Nguyễn Thị	Yên	Nữ	25/04/1992				Khá	811899	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
88	88-K46A2		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	10/05/1992				Khá	811900	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
89	89-K46A3		Đặng Thị Mai	Anh	Nữ	21/12/1992				Khá	811901	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
90	90-K46A3		Hà Thị	ánh	Nữ	11/05/1992				Khá	811902	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
91	91-K46A3		Nguyễn Văn	Bắc	Nam	01/01/1992				Khá	811903	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
92	92-K46A3		Đỗ Ngọc	Bích	Nữ	05/10/1992				Khá	811904	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
93	93-K46A3		Phạm Thị Ngọc	Bích	Nữ	14/04/1991				Khá	811905	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
94	94-K46A3		Nguyễn Đức	Chiến	Nam	09/08/1992				Khá	811906	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
95	95-K46A3		Nguyễn Thành	Đạt	Nam	14/08/1992				Khá	811907	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
96	96-K46A3		Trịnh Thị	Dung	Nữ	05/01/1992				Khá	811908	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
97	97-K46A3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	22/06/1992				Khá	811909	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
98	98-K46A3		Trần Thị	Hằng	Nữ	26/06/1992				Giỏi	811910	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
99	99-K46A3		Lê Duy	Hào	Nam	10/10/1992				Khá	811911	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
100	100-K46A3		Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	04/11/1992				Giỏi	811912	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
101	101-K46A3		Chu Thị	Hồng	Nữ	22/11/1991				Khá	811913	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
102	102-K46A3		Ngân Thị	Hồng	Nữ	12/10/1992				Khá	811914	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
103	103-K46A3		Trịnh Thị	Hợp	Nữ	30/01/1991				Giỏi	811915	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
104	104-K46A3		Nguyễn Thị Hồng	Huế	Nữ	14/09/1991				Khá	811916	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
105	105-K46A3		Nguyễn Thị Phương	Huế	Nữ	05/08/1992				Khá	811917	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
106	106-K46A3		Trần Quốc	Hưng	Nam	01/02/1992				Trung Bình	811918	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
107	107-K46A3		Bùi Hữu	Khánh	Nam	20/12/1992				Trung Bình	811919	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
108	108-K46A3		Đoàn Thị	Liên	Nữ	28/11/1992				Khá	811920	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
109	109-K46A3		Phạm Thị	Loan	Nữ	12/06/1991				Khá	811921	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
110	110-K46A3		Đặng Thị	Mê	Nữ	06/07/1992				Khá	811922	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
111	111-K46A3		Hoàng Công	Minh	Nam	20/10/1992				Khá	811923	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
112	112-K46A3		Ngô Khánh	Ngân	Nữ	04/05/1992				Giỏi	811924	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
113	113-K46A3		Bùi Thị Bích	Ngọc	Nữ	08/12/1991				Khá	811925	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
114	114-K46A3		Trần Minh	Nguyệt	Nữ	27/09/1992				Giỏi	811926	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
115	115-K46A3		Vương Quốc	Oai	Nam	23/07/1992				Giỏi	811927	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
116	116-K46A3		Phạm Thị	Phương	Nữ	19/12/1992				Khá	811928	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
117	117-K46A3		La Minh	Quỳnh	Nữ	05/02/1992				Khá	811929	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
118	118-K46A3		Lê Thị	Quỳnh	Nữ	20/02/1992				Khá	811930	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
119	119-K46A3		Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	21/01/1992				Khá	811931	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
120	120-K46A3		Vũ Văn	Sơn	Nam	14/09/1992				Khá	811932	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
121	121-K46A3		Nguyễn Thị	Thoan	Nữ	02/02/1992				Khá	811933	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
122	122-K46A3		Đỗ Minh	Thuý	Nữ	25/09/1992				Khá	811934	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
123	123-K46A3		Phạm Thị	Thuý	Nữ	14/11/1992				Khá	811935	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
124	124-K46A3		Hoàng Thị	Thuỳ	Nữ	26/12/1992				Khá	811936	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
125	125-K46A3		Vũ Đăng	Tình	Nam	13/02/1991				Khá	811937	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
126	126-K46A3		Đinh Thị	Trang	Nữ	25/01/1992				Khá	811938	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
127	127-K46A3		Nguyễn Thuỳ	Trang	Nữ	27/10/1992				Khá	811939	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
128	128-K46A3		Nguyễn Đức	Tùng	Nam	08/03/1991				Khá	811940	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
129	129-K46A3		Vũ Thị	Yến	Nữ	14/11/1992				Giỏi	811941	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
130	130-K46A4		Nguyễn Thị	Cần	Nữ	04/04/1992				Giỏi	811942	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
131	131-K46A4		Đào Thị Minh	Châu	Nữ	01/05/1992				Khá	811943	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
132	132-K46A4		Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	Nữ	13/01/1992				Giỏi	811944	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
133	133-K46A4		Trần Văn	Duẩn	Nam	17/10/1992				Khá	811945	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
134	134-K46A4		Lê Thị	Duyên	Nữ	11/02/1992				Khá	811946	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
135	135-K46A4		Ngô Hoàng	Giang	Nữ	01/09/1992				Giỏi	811947	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
136	136-K46A4		Trần Thị	Hà	Nữ	06/10/1991				Khá	811948	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
137	137-K46A4		Nguyễn Minh	Hải	Nam	12/07/1989				Khá	811949	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
138	138-K46A4		Phạm Thị	Hoài	Nữ	15/10/1992				Khá	811950	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
139	139-K46A4		Lại Thị	Hoàn	Nữ	09/10/1992				Khá	811951	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
140	140-K46A4		Lê Hữu	Hoàng	Nam	07/12/1992				Khá	811952	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
141	141-K46A4		Hoàng Thị	Hồng	Nữ	25/03/1992				Khá	811953	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
142	142-K46A4		Trần Thị	Hồng	Nữ	01/11/1992				Khá	811954	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
143	143-K46A4		Nguyễn Văn	Huân	Nam	04/04/1992				Trung Bình	811955	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
144	144-K46A4		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	21/10/1992				Khá	811956	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
145	145-K46A4		Trần Xuân	Hưng	Nam	17/03/1992				Trung Bình	811957	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
146	146-K46A4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	03/08/1992				Khá	811958	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
147	147-K46A4		Phạm Thị	Hương	Nữ	15/10/1992				Khá	811959	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
148	148-K46A4		Tô Thị	Hương	Nữ	28/05/1992				Khá	811960	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
149	149-K46A4		Lương Xuân	Huy	Nam	27/03/1992				Khá	811961	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
150	150-K46A4		Phạm Thị	Huyền	Nữ	09/05/1992				Khá	811962	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
151	151-K46A4		Nguyễn Văn	Lai	Nam	30/03/1992				Trung Bình	811963	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
152	152-K46A4		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	18/11/1992				Khá	811964	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
153	153-K46A4		Phùng Thị	Mây	Nữ	03/12/1991				Khá	811965	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
154	154-K46A4		Đinh Thị	Nhạn	Nữ	30/01/1992				Giỏi	811966	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
155	155-K46A4		Lê Thị Tuyết	Nhung	Nữ	06/11/1992				Giỏi	811967	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
156	156-K46A4		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	20/03/1992				Khá	811968	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
157	157-K46A4		Doãn Hồng	Ninh	Nam	24/11/1992				Khá	811969	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
158	158-K46A4		Trần Thị	Ninh	Nữ	11/09/1988				Giỏi	811970	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
159	159-K46A4		Nguyễn Thị Thuý	Quỳnh	Nữ	13/08/1992				Khá	811971	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
160	160-K46A4		Vũ Trúc	Quỳnh	Nữ	11/10/1992				Khá	811972	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
161	161-K46A4		Phạm Hà	Thu	Nữ	26/06/1992				Khá	811973	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
162	162-K46A4		Nguyễn Hữu	Thường	Nam	20/04/1992				Khá	811974	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
163	163-K46A4		Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	Nữ	17/06/1992				Khá	811975	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
164	164-K46A4		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	05/04/1992				Khá	811976	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
165	165-K46A4		Trịnh Văn	Trung	Nam	30/01/1992				Khá	811977	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
166	166-K46A4		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	05/12/1992				Trung Bình	811978	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
167	167-K46A4		Trần Anh	Tuấn	Nam	20/11/1992				Giỏi	811979	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
168	168-K46A4		Nguyễn Hữu	Vương	Nam	05/12/1992				Khá	811980	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
169	169-K46A4		Kiều Thị	Xuân	Nữ	16/07/1992				Giỏi	811981	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
170	170-K46A4		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	04/05/1992				Khá	811982	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
171	171-K46A5		Nguyễn Văn	An	Nam	04/02/1992				Khá	811983	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
172	172-K46A5		Đào Thị Kim	Anh	Nữ	30/05/1992				Khá	811984	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
173	173-K46A5		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	05/05/1992				Giỏi	811985	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
174	174-K46A5		Đinh Thị	Cúc	Nữ	05/12/1992				Giỏi	811986	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
175	175-K46A5		Trịnh Văn	Cường	Nam	14/07/1992				Khá	811987	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
176	176-K46A5		Đỗ Minh	Đạt	Nam	17/02/1992				Khá	811988	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
177	177-K46A5		Hà Thị	Dung	Nữ	24/10/1992				Khá	811989	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
178	178-K46A5		Lưu Thị Thuỳ	Dương	Nữ	10/10/1991				Khá	811990	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
179	179-K46A5		Nguyễn Đức	Duy	Nam	20/09/1991				Khá	811991	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
180	180-K46A5		Đinh Hà	Giang	Nữ	19/11/1992				Khá	811992	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
181	181-K46A5		Tống Thị	Hảo	Nữ	25/03/1992				Khá	811993	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
182	182-K46A5		Vũ Trung	Hiếu	Nam	02/03/1992				Khá	811994	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
183	183-K46A5		Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	06/11/1992				Khá	811995	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
184	184-K46A5		Lê Thị	Huệ	Nữ	30/08/1992				Khá	811996	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
185	185-K46A5		Ngô Thị	Hương	Nữ	03/10/1992				Xuất Sắc	811997	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
186	186-K46A5		Lê Văn	Hướng	Nam	15/11/1992				Giỏi	811998	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
187	187-K46A5		Bùi Văn	Huy	Nam	01/02/1992				Khá	811999	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
188	188-K46A5		Đinh Thị Thu	Huyền	Nữ	31/03/1992				Khá	812000	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
189	189-K46A5		Lê Thị	Lan	Nữ	17/10/1992				Giỏi	812001	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
190	190-K46A5		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	15/07/1992				Giỏi	812002	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
191	191-K46A5		Nguyễn Thị Hải	Linh	Nữ	08/04/1990				Khá	812003	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
192	192-K46A5		Đoàn Xuân	Long	Nam	27/07/1992				Khá	812004	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
193	193-K46A5		Đào Thị	Mai	Nữ	24/10/1992				Khá	812005	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
194	194-K46A5		Nguyễn Thu	Mai	Nữ	22/09/1991				Khá	812006	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
195	195-K46A5		Đỗ Thị	Mơ	Nữ	16/04/1992				Khá	812007	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
196	196-K46A5		Hà Thị Mỹ	Nga	Nữ	29/05/1991				Giỏi	812008	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
197	197-K46A5		Nguyễn Văn	Nghị	Nam	23/03/1992				Khá	812009	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
198	198-K46A5		Trần Thế	Ngoan	Nam	23/10/1992				Khá	812010	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
199	199-K46A5		Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	01/05/1992				Khá	812011	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
200	200-K46A5		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	28/04/1992				Khá	812012	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
201	201-K46A5		Trịnh Ngọc	Quân	Nam	16/02/1992				Khá	812013	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
202	202-K46A5		Nguyễn Thị Bích	Thảo	Nữ	03/04/1992				Khá	812014	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
203	203-K46A5		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	14/06/1992				Khá	812015	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
204	204-K46A5		Nguyễn Thị	Thơ	Nữ	21/12/1991				Khá	812016	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
205	205-K46A5		Ngô Thị Kim	Thoa	Nữ	18/04/1992				Khá	812017	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
206	206-K46A5		Đỗ Văn	Thường	Nam	01/04/1991				Khá	812018	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
207	207-K46A5		Nguyễn Hồng	Thuý	Nữ	22/01/1992				Khá	812019	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
208	208-K46A5		Trần Thị Minh	Thuỳ	Nữ	03/10/1992				Khá	812020	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
209	209-K46A5		Nguyễn Thị	Thuỳ	Nữ	09/06/1992				Khá	812021	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
210	210-K46A5		Phạm Thị	Tình	Nữ	05/08/1992				Khá	812022	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
211	211-K46A5		Hoàng Thị Hà	Trang	Nữ	05/09/1992				Khá	812023	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
212	212-K46A5		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	12/09/1992				Giỏi	812024	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
213	213-K46A5		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	09/01/1992				Giỏi	812025	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
214	214-K46A5		Phan Văn	Tứ	Nam	02/01/1992				Khá	812026	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
215	215-K46A5		Trần Thị Thanh	Vân	Nữ	05/10/1992				Giỏi	812027	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
216	216-K46QA		Lê Thị Tú	Anh	Nữ	20/09/1992				Xuất Sắc	812028	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
217	217-K46QA		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	20/08/1992				Khá	812029	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
218	218-K46QA		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	05/12/1992				Khá	812030	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
219	219-K46QA		Trần Tiến	Đạt	Nam	10/05/1992				Khá	812031	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
220	220-K46QA		Vũ Hoàng	Diệu	Nam	24/07/1992				Khá	812032	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
221	221-K46QA		Trương Ngọc	Đông	Nam	28/08/1991				Khá	812033	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
222	222-K46QA		Đào Thị	Duyến	Nữ	05/04/1992				Khá	812034	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
223	223-K46QA		Đào Thị	Hoà	Nữ	10/11/1992				Giỏi	812035	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
224	224-K46QA		Hoàng Quốc	Hưng	Nam	19/05/1992				Khá	812036	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
225	225-K46QA		Lường Thị	Hương	Nữ	11/05/1992				Khá	812037	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
226	226-K46QA		Vũ Thị	Hương	Nữ	10/11/1992				Khá	812038	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
227	227-K46QA		Phan Duy	Khánh	Nam	15/09/1992				Trung Bình	812039	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
228	228-K46QA		Bùi Đăng	Lĩnh	Nam	05/12/1992				Khá	812040	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
229	229-K46QA		Công Sơn	Nam	Nam	18/01/1992				Khá	812041	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
230	230-K46QA		Trương Trang	Nhã	Nữ	11/09/1992				Khá	812042	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
231	231-K46QA		Lê Xuân	Nhật	Nam	24/06/1992				Trung Bình	812043	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
232	232-K46QA		Lê Đức	Thuận	Nam	02/08/1992				Khá	812044	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
233	233-K46QA		Nguyễn Đình	Tùng	Nam	01/12/1992				Khá	812045	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
234	234-K46B1		Nguyễn Đắc Quỳnh	Anh	Nữ	21/02/1992				Khá	812046	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
235	235-K46B1		Phạm Thị	Anh	Nữ	25/09/1992				Khá	812047	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
236	236-K46B1		Phạm Thị Hải	Anh	Nữ	26/11/1992				Khá	812048	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
237	237-K46B1		Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	05/02/1991				Khá	812049	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
238	238-K46B1		Đỗ Văn	Bắc	Nam	18/11/1991				Khá	812050	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
239	239-K46B1		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	02/08/1992				Khá	812051	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
240	240-K46B1		Phạm Thị Ngọc	Bích	Nữ	17/02/1992				Khá	812052	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
241	241-K46B1		Đoàn Thị	Cúc	Nữ	12/08/1992				Khá	812053	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
242	242-K46B1		Đào Thu	Hà	Nữ	07/07/1992				Giỏi	812054	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
243	243-K46B1		Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	25/06/1992				Khá	812055	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
244	244-K46B1		Phan Thị	Hằng	Nữ	14/12/1992				Khá	812056	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
245	245-K46B1		Cao Thị Bích	Hạnh	Nữ	06/01/1991				Khá	812057	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
246	246-K46B1		Đặng Thị	Hiếu	Nữ	13/01/1992				Khá	812058	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
247	247-K46B1		Mai Thị	Huệ	Nữ	10/10/1992				Khá	812059	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
248	248-K46B1		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	24/01/1993				Khá	812060	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
249	249-K46B1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	16/10/1992				Khá	812061	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
250	250-K46B1		Trần Thị Bảo	Linh	Nữ	08/04/1992				Khá	812062	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
251	251-K46B1		Vũ Thị	Lương	Nữ	30/10/1992				Khá	812063	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
252	252-K46B1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	05/10/1992				Khá	812064	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
253	253-K46B1		Nguyễn Thị	Miền	Nữ	04/06/1991				Khá	812065	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
254	254-K46B1		Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	06/12/1992				Khá	812066	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
255	255-K46B1		Hoàng Hạnh	Nhân	Nữ	24/11/1992				Trung bình	812067	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
256	256-K46B1		Lê Thị	Nhung	Nữ	06/08/1992				Trung bình	812068	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
257	257-K46B1		Phạm Thị	Phi	Nữ	04/12/1992				Trung bình	812069	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
258	258-K46B1		Trịnh Văn	Sơn	Nam	28/02/1992				Khá	812070	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
259	259-K46B1		Hoàng Thị Phương	Thu	Nữ	20/02/1991				Trung bình	812071	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
260	260-K46B1		Lê Thị Hoài	Thương	Nữ	17/03/1992				Khá	812072	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
261	261-K46B1		Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	19/02/1992				Khá	812073	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
262	262-K46B1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/06/1991				Khá	812074	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
263	263-K46B1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	10/07/1991				Khá	812075	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
264	264-K46B1		Trần Thị	Thuyết	Nữ	05/03/1991				Trung bình	812076	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
265	265-K46B1		Trần Thị Kiều	Trang	Nữ	23/02/1992				Khá	812077	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
266	266-K46B1		Vũ Thị Thanh	Vân	Nữ	30/10/1992				Khá	812078	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
267	267-K46B1		Đào Thị	Yến	Nữ	25/02/1992				Khá	812079	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
268	268-K46B1		Trương Hải	Yến	Nữ	26/04/1992				Khá	812080	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
269	269-K46B2		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	03/11/1992				Giỏi	812081	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
270	270-K46B2		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	26/07/1992				Khá	812082	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
271	271-K46B2		Nguyễn Ngọc	ánh	Nam	16/09/1992				Khá	812083	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
272	272-K46B2		Đinh Thị Minh	Châu	Nữ	14/09/1992				Khá	812084	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
273	273-K46B2		Đinh Duy	Chính	Nam	05/06/1992				Trung bình	812085	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
274	274-K46B2		Vũ Thị	Chuyên	Nữ	13/05/1992				Khá	812086	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
275	275-K46B2		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	24/03/1992				Khá	812087	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
276	276-K46B2		Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	03/07/1992				Khá	812088	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
277	277-K46B2		Dương Thị Thu	Hằng	Nữ	01/05/1992				Khá	812089	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
278	278-K46B2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	22/08/1992				Khá	812090	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
279	279-K46B2		Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	27/07/1991				Khá	812091	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
280	280-K46B2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	09/08/1992				Giỏi	812092	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
281	281-K46B2		Trần Thị	Hạnh	Nữ	19/03/1991				Khá	812093	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
282	282-K46B2		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	12/04/1992				Khá	812094	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
283	283-K46B2		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	04/08/1992				Khá	812095	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
284	284-K46B2		Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	11/04/1992				Khá	812096	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
285	285-K46B2		Vũ Thị Mai	Hương	Nữ	09/09/1992				Khá	812097	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
286	286-K46B2		Nguyễn Thị	Hướng	Nữ	21/03/1992				Khá	812098	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
287	287-K46B2		Bùi Thị	Huyền	Nữ	16/08/1991				Khá	812099	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
288	288-K46B2		Lê Việt	Khánh	Nam	05/09/1992				Khá	812100	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
289	289-K46B2		Đỗ Thị	Liên	Nữ	31/07/1992				Khá	812101	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
290	290-K46B2		Bùi Thị	Luyến	Nữ	01/09/1992				Khá	812102	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
291	291-K46B2		Đỗ Thị	Lý	Nữ	13/10/1992				Khá	812103	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
292	292-K46B2		Nguyễn Hùng	Mạnh	Nam	22/10/1991				Khá	812104	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
293	293-K46B2		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	18/12/1992				Khá	812105	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
294	294-K46B2		Đinh Thị	Ngọc	Nữ	19/04/1992				Khá	812106	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
295	295-K46B2		Phạm Thị Thanh	Nhàn	Nữ	15/02/1992				Khá	812107	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
296	296-K46B2		Đồng Thị	Nhung	Nữ	03/03/1991				Khá	812108	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
297	297-K46B2		Trần Thị Thanh	Phương	Nữ	23/02/1991				Khá	812109	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
298	298-K46B2		Phạm Thị	Phượng	Nữ	18/09/1992				Khá	812110	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
299	299-K46B2		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	27/02/1992				Khá	812111	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
300	300-K46B2		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	16/06/1992				Khá	812112	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
301	301-K46B2		Lê Thị	Thanh	Nữ	29/11/1992				Giỏi	812113	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
302	302-K46B2		Nguyễn Chí	Thanh	Nam	09/06/1992				Khá	812114	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
303	303-K46B2		Trần Thị	Thảo	Nữ	19/10/1992				Khá	812115	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
304	304-K46B2		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	24/12/1992				Khá	812116	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
305	305-K46B2		Trương Thị	Thùy	Nữ	22/10/1991				Khá	812117	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
306	306-K46B2		Bùi Thị Thu	Thùy	Nữ	15/11/1992				Khá	812118	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
307	307-K46B2		Phạm Văn	Tiến	Nam	08/09/1992				Khá	812119	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
308	308-K46B2		Đỗ Thị Kiều	Trang	Nữ	28/08/1992				Khá	812120	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
309	309-K46B2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	18/03/1992				Khá	812121	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
310	310-K46B2		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	19/10/1992				Khá	812122	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
311	311-K46B2		Khổng Việt	Tuấn	Nam	09/07/1991				Trung bình	812123	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
312	312-K46B2		Đỗ Trọng	Tùng	Nam	14/09/1992				Trung bình	812124	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
313	313-K46B3		Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	20/01/1992				Trung bình	812125	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
314	314-K46B3		Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/01/1992				Khá	812126	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
315	315-K46B3		Nguyễn Huyền	Bích	Nữ	05/05/1992				Trung bình	812127	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
316	316-K46B3		Nguyễn Thị	Bông	Nữ	30/07/1992				Khá	812128	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
317	317-K46B3		Trần Thị	Chinh	Nữ	27/11/1992				Khá	812129	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
318	318-K46B3		Nguyễn Vũ	Đạt	Nam	27/10/1992				Khá	812130	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
319	319-K46B3		Lê Thị	Dinh	Nữ	21/08/1992				Khá	812131	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
320	320-K46B3		Vũ Thị	Dinh	Nữ	07/03/1992				Khá	812132	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
321	321-K46B3		Lê Đình	Dĩnh	Nam	10/03/1991				Khá	812133	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
322	322-K46B3		Nguyễn Đăng	Dương	Nam	02/05/1992				Khá	812134	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
323	323-K46B3		Phạm Thị Hồng	Hà	Nữ	19/10/1992				Khá	812135	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
324	324-K46B3		Trịnh Thị	Hạnh	Nữ	30/11/1991				Khá	812136	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
325	325-K46B3		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	05/08/1992				Khá	812137	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
326	326-K46B3		Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	28/05/1992				Khá	812138	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
327	327-K46B3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	24/12/1991				Khá	812139	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
328	328-K46B3		Đỗ Thị	Hương	Nữ	04/10/1992				Khá	812140	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
329	329-K46B3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/09/1992				Khá	812141	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
330	330-K46B3		Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	28/10/1992				Khá	812142	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
331	331-K46B3		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	31/01/1992				Trung bình	812143	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
332	332-K46B3		Mai Thị	Huyền	Nữ	06/03/1992				Khá	812144	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
333	333-K46B3		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	02/03/1992				Khá	812145	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
334	334-K46B3		Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	23/09/1992				Trung bình	812146	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
335	335-K46B3		Cam Thị Diệu	Linh	Nữ	29/02/1992				Khá	812147	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
336	336-K46B3		Đỗ Thị	Loan	Nữ	17/12/1992				Khá	812148	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
337	337-K46B3		Trần Thị	Loan	Nữ	06/10/1992				Khá	812149	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
338	338-K46B3		Tạ Thị	Mai	Nữ	01/03/1992				Khá	812150	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
339	339-K46B3		Trần Thị Cẩm	Nga	Nữ	01/09/1992				Khá	812151	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
340	340-K46B3		Bùi Thị Bảo	Ngọc	Nữ	17/06/1992				Khá	812152	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
341	341-K46B3		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/06/1992				Khá	812154	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
342	342-K46B3		Phạm Thị	Ngư	Nữ	04/12/1992				Khá	812155	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
343	343-K46B3		Nguyễn Đỗ Thành	Nhậm	Nam	23/09/1992				Khá	812156	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
344	344-K46B3		Trần Văn	Nhân	Nam	29/09/1992				Khá	812157	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
345	345-K46B3		Lê Thị Trang	Nhung	Nữ	19/03/1992				Khá	812158	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
346	346-K46B3		Nguyễn Đình	Quang	Nam	20/10/1992				Giỏi	812159	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
347	347-K46B3		Hoàng Thị Tú	Quyên	Nữ	09/10/1992				Khá	812160	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
348	348-K46B3		Phan Thị Lệ	Quyên	Nữ	14/11/1992				Khá	812161	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
349	349-K46B3		Nguyễn Trường	Sơn	Nam	30/11/1991				Trung bình	812162	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
350	350-K46B3		Vũ Đạt	Thành	Nam	04/09/1992				Khá	812163	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
351	351-K46B3		Phùng Thị Kim	Thoa	Nữ	29/08/1992				Khá	812164	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
352	352-K46B3		Mai Thị	Thơm	Nữ	25/08/1992				Khá	812165	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
353	353-K46B3		Mai Thị	Thúy	Nữ	03/10/1992				Khá	812166	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
354	354-K46B3		Dương Thị	Trinh	Nữ	12/04/1992				Khá	812167	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
355	355-K46B4		Tô Văn	Đạt	Nam	23/02/1992				Trung bình	812168	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
356	356-K46B4		Lê Thị	Dung	Nữ	14/10/1992				Khá	812169	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
357	357-K46B4		Đặng Thái	Dương	Nam	15/04/1991				Khá	812170	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
358	358-K46B4		Lê Mỹ	Duyên	Nữ	10/12/1992				Khá	812171	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
359	359-K46B4		Lê Thị	Duyên	Nữ	07/08/1991				Khá	812172	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
360	360-K46B4		Nguyễn Thanh	Hải	Nam	28/08/1991				Khá	812173	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
361	361-K46B4		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	07/07/1991				Khá	812174	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
362	362-K46B4		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	17/09/1991				Khá	812175	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
363	363-K46B4		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	26/02/1992				Khá	812176	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
364	364-K46B4		Ngô Hồng	Hiệp	Nữ	17/09/1992				Khá	812177	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
365	365-K46B4		Phạm Ngọc	Hoa	Nữ	20/04/1992				Khá	812178	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
366	366-K46B4		Hoàng Thị	Hoài	Nữ	08/09/1992				Khá	812179	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
367	367-K46B4		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	18/07/1992				Khá	812180	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
368	368-K46B4		Lê Đức	Hùng	Nam	09/05/1991				Khá	812181	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
369	369-K46B4		Lê Thanh	Hường	Nữ	24/10/1992				Khá	812182	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
370	370-K46B4		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	16/09/1992				Khá	812183	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
371	371-K46B4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	23/08/1992				Khá	812184	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
372	372-K46B4		Đỗ Duy	Khánh	Nam	06/01/1992				Trung bình	812185	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
373	373-K46B4		Đào Thị	Lam	Nữ	15/08/1992				Khá	812186	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
374	374-K46B4		Nguyễn Phan Thùy	Linh	Nữ	10/11/1992				Khá	812187	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
375	375-K46B4		Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	15/03/1991				Trung bình	812188	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
376	376-K46B4		Phạm Trà	Mi	Nữ	01/02/1992				Khá	812189	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
377	377-K46B4		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	02/01/1992				Khá	812190	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
378	378-K46B4		Phùng Thị	Nguyên	Nữ	15/01/1992				Khá	812191	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
379	379-K46B4		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	17/03/1992				Trung bình	812192	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
380	380-K46B4		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	25/10/1992				Khá	812193	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
381	381-K46B4		Vũ Thị Mai	Phương	Nữ	14/09/1992				Khá	812194	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
382	382-K46B4		Nguyễn Thu	Quỳnh	Nữ	02/01/1992				Khá	812195	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
383	383-K46B4		Phạm Thị	Tâm	Nữ	09/12/1992				Khá	812196	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
384	384-K46B4		Lê Thị	Thanh	Nữ	28/03/1992				Khá	812197	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
385	385-K46B4		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	23/05/1991				Khá	812198	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
386	386-K46B4		Bùi Thị	Thơm	Nữ	11/04/1992				Khá	812199	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
387	387-K46B4		Nguyễn Hoàng Thương	Thương	Nữ	18/09/1992				Khá	812200	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
388	388-K46B4		Bùi Thị	Thúy	Nữ	17/08/1992				Khá	812201	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
389	389-K46B4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/06/1992				Khá	812202	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
390	390-K46B4		Hoàng Thị	Trang	Nữ	05/06/1992				Khá	812203	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
391	391-K46B4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/08/1992				Khá	812204	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
392	392-K46B4		Đào Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	19/07/1992				Khá	812205	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
393	393-K46B4		Nguyễn Thị	Văn	Nữ	25/09/1992				Trung bình	812206	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
394	394-K46B5		Ngô Duy	An	Nam	14/03/1992				Trung bình	812207	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
395	395-K46B5		Bùi Thị Diệp	Anh	Nữ	06/10/1992				Khá	812208	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
396	396-K46B5		Thành Đàm	Chung	Nam	21/09/1992				Khá	812209	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
397	397-K46B5		Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	06/12/1992				Khá	812210	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
398	398-K46B5		Lê Anh	Đào	Nữ	19/12/1992				Khá	812211	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
399	399-K46B5		Trần Thị Bích	Đào	Nữ	21/12/1992				Khá	812212	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
400	400-K46B5		Lê Hoàng	Đức	Nam	15/04/1992				Khá	812213	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
401	401-K46B5		Nguyễn Mạnh	Dưỡng	Nam	11/01/1992				Trung bình	812214	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
402	402-K46B5		Đỗ Thị	Duyên	Nữ	15/03/1992				Khá	812215	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
403	403-K46B5		Nhân Thùy	Giang	Nữ	21/08/1991				Khá	812216	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
404	404-K46B5		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	26/12/1991				Khá	812217	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
405	405-K46B5		Trần Thị	Hằng	Nữ	15/07/1992				Khá	812218	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
406	406-K46B5		Trịnh Thị Thanh	Hảo	Nữ	21/12/1992				Khá	812219	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
407	407-K46B5		Phạm Thị	Hiền	Nữ	28/09/1992				Khá	812220	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
408	408-K46B5		Vũ Mạnh	Hiếu	Nam	05/07/1991				Khá	812221	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
409	409-K46B5		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	12/07/1992				Khá	812222	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
410	410-K46B5		Vũ Thị	Hồng	Nữ	05/01/1992				Khá	812223	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
411	411-K46B5		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	10/08/1992				Khá	812224	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
412	412-K46B5		Yên Thị Thu	Hương	Nữ	19/10/1992				Khá	812225	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
413	413-K46B5		Mai Thị	Huyền	Nữ	16/04/1992				Khá	812226	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
414	414-K46B5		Đỗ Thị	Lan	Nữ	08/12/1992				Khá	812227	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
415	415-K46B5		Nguyễn Thị Mai	Liên	Nữ	15/03/1992				Giỏi	812228	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
416	416-K46B5		Ngô Thị	Liễu	Nữ	20/03/1992				Khá	812229	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
417	417-K46B5		Đinh Thị	Loan	Nữ	16/12/1992				Khá	812230	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
418	418-K46B5		Nguyễn Như	Nam	Nam	09/04/1992				Khá	812231	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
419	419-K46B5		Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	27/12/1992				Khá	812232	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
420	420-K46B5		Lê Thị	Nhài	Nữ	30/10/1992				Khá	812233	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
421	421-K46B5		Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	16/09/1992				Khá	812234	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
422	422-K46B5		Trần Thị Lâm	Oanh	Nữ	20/08/1992				Khá	812235	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
423	423-K46B5		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	03/09/1992				Khá	812236	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
424	424-K46B5		Vũ Thị	Phương	Nữ	08/05/1992				Khá	812237	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
425	425-K46B5		Nguyễn Thị	Phường	Nữ	17/06/1992				Khá	812238	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
426	426-K46B5		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	08/09/1992				Giỏi	812239	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
427	427-K46B5		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	01/05/1992				Khá	812240	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
428	428-K46B5		Tô Thùy	Thương	Nữ	30/12/1992				Khá	812241	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
429	429-K46B5		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	13/03/1992				Khá	812242	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
430	430-K46B5		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	13/08/1992				Khá	812243	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
431	431-K46B5		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	21/11/1992				Khá	812244	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
432	432-K46B5		Phạm Thị	Trang	Nữ	25/10/1992				Khá	812245	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
433	433-K46B5		Nguyễn Thị	Tường	Nữ	06/10/1992				Khá	812246	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
434	434-K46B5		Nguyễn Thị Minh	Xiêm	Nữ	15/08/1992				Khá	812247	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
435	435-K46B5		Dương Thị	Yến	Nữ	19/11/1992				Khá	812248	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
436	436-K46B5		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	29/10/1992				Trung bình	812249	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
437	437-K46B6		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	01/10/1992				Khá	812250	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
438	438-K46B6		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	13/09/1992				Khá	812251	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
439	439-K46B6		Vũ Việt	Anh	Nam	24/07/1992				Trung bình	812252	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
440	440-K46B6		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	08/11/1992				Khá	812253	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
441	441-K46B6		Phạm Thị	Châm	Nữ	25/01/1992				Giỏi	812254	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
442	442-K46B6		Đỗ Thị	Chiến	Nữ	01/02/1992				Khá	812255	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
443	443-K46B6		Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	04/09/1991				Khá	812256	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
444	444-K46B6		Võ Thu	Hằng	Nữ	08/08/1992				Khá	812257	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
445	445-K46B6		Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	22/03/1992				Khá	812258	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
446	446-K46B6		Phạm Thị	Hiền	Nữ	31/07/1992				Khá	812259	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
447	447-K46B6		Lê Thị	Hoài	Nữ	28/09/1992				Khá	812260	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
448	448-K46B6		Trần Xuân	Hoàn	Nam	30/05/1992				Khá	812261	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
449	449-K46B6		Vũ Thị	Hồng	Nữ	22/07/1991				Khá	812262	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
450	450-K46B6		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28/11/1992				Khá	812263	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
451	451-K46B6		Vũ Thị	Hường	Nữ	18/09/1992				Khá	812264	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
452	452-K46B6		Thân Văn	Kiên	Nam	02/02/1989				Khá	812265	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
453	453-K46B6		Phạm Thị Thanh	Loan	Nữ	06/07/1992				Khá	812266	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
454	454-K46B6		Lê Thị	Lý	Nữ	22/01/1992				Khá	812267	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
455	455-K46B6		Phạm Thị Thúy	Nga	Nữ	09/05/1992				Khá	812268	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
456	456-K46B6		Trần Thị	Ninh	Nữ	23/07/1992				Giỏi	812269	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
457	457-K46B6		Dương Ngọc Mai	Phượng	Nữ	21/04/1992				Khá	812270	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
458	458-K46B6		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	03/08/1992				Khá	812271	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
459	459-K46B6		Phạm Thị	Quyên	Nữ	06/01/1992				Trung bình	812272	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
460	460-K46B6		Đặng Thị	Thành	Nữ	13/03/1992				Khá	812273	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
461	461-K46B6		Lê Thị	Thu	Nữ	14/10/1992				Khá	812274	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
462	462-K46B6		Trần Thị	Thu	Nữ	13/08/1991				Khá	812275	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
463	463-K46B6		Hoàng Thị	Thương	Nữ	10/11/1991				Giỏi	812276	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
464	464-K46B6		Trần Thị	Thủy	Nữ	06/04/1992				Khá	812277	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
465	465-K46B6		Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	08/09/1992				Khá	812278	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
466	466-K46B6		Phan Thị Thanh	Thủy	Nữ	04/08/1992				Khá	812279	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
467	467-K46B6		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24/07/1992				Khá	812280	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
468	468-K46B6		Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	06/09/1992				Khá	812281	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
469	469-K46B6		Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	05/05/1992				Khá	812282	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
470	470-K46B6		Ngô Thị	Tú	Nữ	02/10/1992				Khá	812283	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
471	471-K46B6		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	31/08/1992				Khá	812284	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
472	472-K46C1		Nguyễn Thị Diệp	Anh	Nữ	01/01/1992				Khá	812285	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
473	473-K46C1		Phạm Ngọc	Anh	Nữ	13/07/1992				Khá	812286	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
474	474-K46C1		Nguyễn Văn	Bách	Nam	15/10/1991				Khá	812287	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
475	475-K46C1		Bùi Ngọc	Bích	Nữ	09/12/1992				Khá	812288	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
476	476-K46C1		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	12/09/1992				Khá	812289	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
477	477-K46C1		Lê Tiến	Cảnh	Nam	15/02/1992				Khá	812290	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
478	478-K46C1		Lê Thị Kim	Cúc	Nữ	28/10/1991				Khá	812291	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
479	479-K46C1		Lê Thị	Diện	Nữ	03/05/1991				Giỏi	812292	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
480	480-K46C1		Đinh Thị Hải	Diệu	Nữ	19/08/1992				Khá	812293	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
481	481-K46C1		Nguyễn Thị Huyền	Dung	Nữ	14/12/1992				Khá	812294	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
482	482-K46C1		Vũ Thị	Dung	Nữ	20/11/1992				Khá	812295	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
483	483-K46C1		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02/08/1992				Khá	812296	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
484	484-K46C1		Bùi Thị	Hà	Nữ	10/12/1992				Khá	812297	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
485	485-K46C1		Dương Thị	Hằng	Nữ	09/05/1992				Khá	812298	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
486	486-K46C1		La Thị	Hoa	Nữ	15/06/1991				Khá	812299	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
487	487-K46C1		Nguyễn Thanh	Hoa	Nữ	18/03/1992				Khá	812300	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
488	488-K46C1		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	06/09/1992				Khá	812301	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
489	489-K46C1		Phạm Thị	Hoài	Nữ	24/02/1992				Khá	812302	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
490	490-K46C1		Lê Thị	Hương	Nữ	29/12/1992				Khá	812303	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
491	491-K46C1		Bùi Thị	Huyền	Nữ	08/05/1992				Khá	812304	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
492	492-K46C1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/01/1991				Khá	812305	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
493	493-K46C1		Phan Thị Thu	Huyền	Nữ	09/07/1992				Khá	812306	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
494	494-K46C1		Dương Thị Mai	Lan	Nữ	19/05/1992				Khá	812307	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
495	495-K46C1		Phạm Thị	Lan	Nữ	16/01/1992				Khá	812308	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
496	496-K46C1		Bế Thành	Linh	Nam	19/08/1992				Khá	812309	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
497	497-K46C1		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	06/07/1992				Khá	812310	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
498	498-K46C1		Hoàng Thị	Luận	Nữ	21/11/1991				Khá	812311	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
499	499-K46C1		Nguyễn Thị	Luật	Nữ	19/05/1992				Khá	812312	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
500	500-K46C1		Vũ Mạnh	Lừng	Nam	27/01/1992				Khá	812313	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
501	501-K46C1		Hà Thị	Ngân	Nữ	11/03/1992				Khá	812314	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
502	502-K46C1		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	15/10/1992				Khá	812315	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
503	503-K46C1		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	08/12/1991				Khá	812316	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
504	504-K46C1		Trương Thị Hồng	Nhung	Nữ	11/10/1992				Khá	812317	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
505	505-K46C1		Đặng Thị Hà	Phương	Nữ	19/04/1992				Khá	812318	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
506	506-K46C1		Đào Thị	Phương	Nữ	27/10/1992				Khá	812319	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
507	507-K46C1		Phan Thị	Quyên	Nữ	17/01/1991				Trung bình	812320	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
508	508-K46C1		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	18/08/1991				Khá	812321	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
509	509-K46C1		Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	19/12/1992				Khá	812322	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
510	510-K46C1		Đặng Thị	Sen	Nữ	15/04/1992				Khá	812323	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
511	511-K46C1		Đoàn Thị	Sương	Nữ	26/08/1992				Khá	812324	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
512	512-K46C1		Nguyễn Văn	Thắng	Nam	13/10/1992				Khá	812325	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
513	513-K46C1		Nguyễn Thị	Thế	Nữ	03/01/1992				Xuất sắc	812326	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
514	514-K46C1		Vũ Thị	Thu	Nữ	23/10/1992				Khá	812327	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
515	515-K46C1		Giáp Thị	Thúy	Nữ	22/05/1992				Khá	812328	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
516	516-K46C1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	20/01/1992				Khá	812329	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
517	517-K46C1		Hoàng Quỳnh	Trang	Nữ	29/01/1993				Khá	812330	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
518	518-K46C1		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	06/06/1992				Khá	812331	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
519	519-K46C1		Dương Anh	Tuấn	Nam	07/01/1992				Khá	812332	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
520	520-K46C1		Trịnh Thị	Xuân	Nữ	03/04/1991				Khá	812333	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
521	521-K46C2		Phạm Thị Kiều	Anh	Nữ	19/10/1992				Khá	812334	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
522	522-K46C2		Phùng Vân	Anh	Nữ	19/06/1992				Khá	812335	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
523	523-K46C2		Nguyễn Minh	Chi	Nữ	22/12/1992				Khá	812336	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
524	524-K46C2		Trần Thị	Điệp	Nữ	07/05/1992				Khá	812337	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
525	525-K46C2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	21/11/1992				Khá	812338	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
526	526-K46C2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	19/02/1991				Khá	812339	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
527	527-K46C2		Phạm Thị	Dung	Nữ	04/05/1992				Khá	812340	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
528	528-K46C2		Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	04/08/1992				Giỏi	812341	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
529	529-K46C2		Vũ Hoàng Phương	Dung	Nữ	30/07/1992				Khá	812342	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
530	530-K46C2		Tạ Thị Thùy	Giang	Nữ	22/09/1992				Khá	812343	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
531	531-K46C2		Đinh Thị Thúy	Hà	Nữ	13/03/1992				Khá	812344	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
532	532-K46C2		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	21/08/1992				Khá	812345	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
533	533-K46C2		Lê Minh	Hải	Nam	24/06/1992				Trung bình	812346	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
534	534-K46C2		Phạm Thị	Hằng	Nữ	08/06/1991				Khá	812347	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
535	535-K46C2		Phạm Ngọc	Hoa	Nữ	24/08/1992				Khá	812348	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
536	536-K46C2		Đặng Thị	Huế	Nữ	20/08/1992				Khá	812349	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
537	537-K46C2		Vũ Thị	Huế	Nữ	30/12/1992				Khá	812350	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
538	538-K46C2		Trần Thị	Hường	Nữ	10/12/1992				Khá	812351	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
539	539-K46C2		Đinh Thị Ngọc	Huyền	Nữ	08/12/1992				Khá	812352	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
540	540-K46C2		Lê Thị	Huyền	Nữ	20/10/1992				Khá	812353	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
541	541-K46C2		Lê Thị	Huyền	Nữ	20/09/1992				Khá	812354	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
542	542-K46C2		Nguyễn Nhật	Lệ	Nữ	28/07/1992				Khá	812355	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
543	543-K46C2		Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	21/05/1992				Khá	812356	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
544	544-K46C2		Tống Thị	Loan	Nữ	06/05/1992				Khá	812357	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
545	545-K46C2		Dương Trúc	Ly	Nữ	06/06/1992				Khá	812358	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
546	546-K46C2		Đỗ Thị	Mai	Nữ	09/07/1992				Khá	812359	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
547	547-K46C2		Lê Trà	My	Nữ	19/06/1992				Khá	812360	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
548	548-K46C2		Đinh Thị	Nga	Nữ	19/04/1992				Giỏi	812361	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
549	549-K46C2		Bùi Thị	Nguyệt	Nữ	16/09/1991				Khá	812362	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
550	550-K46C2		Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	28/08/1992				Khá	812363	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
551	551-K46C2		Trịnh Thị Nhã	Phương	Nữ	22/11/1992				Khá	812364	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
552	552-K46C2		Đinh Thị	Quyên	Nữ	10/01/1991				Khá	812365	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
553	553-K46C2		Nguyễn Thị	Sao	Nữ	11/03/1992				Khá	812366	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
554	554-K46C2		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	10/12/1991				Khá	812367	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
555	555-K46C2		Trần Thế	Sự	Nam	14/02/1991				Khá	812368	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
556	556-K46C2		Đỗ Thị Hồng	Tâm	Nữ	02/09/1991				Giỏi	812369	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
557	557-K46C2		Đỗ Thị Phương	Thảo	Nữ	01/11/1992				Khá	812370	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
558	558-K46C2		Phan Phương	Thảo	Nữ	22/11/1992				Khá	812371	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
559	559-K46C2		Hà Văn	Thế	Nam	03/03/1992				Khá	812372	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
560	560-K46C2		Trương Thị	Thu	Nữ	08/05/1992				Khá	812373	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
561	561-K46C2		Hoàng Thị Kim	Thúy	Nữ	17/07/1992				Khá	812374	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
562	562-K46C2		Hà Huyền	Trang	Nữ	17/09/1992				Khá	812375	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
563	563-K46C2		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	16/08/1992				Khá	812376	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
564	564-K46C3		Đặng Trọng	Bán	Nam	29/05/1992				Khá	812377	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
565	565-K46C3		Lê Thị	Bé	Nữ	22/04/1992				Khá	812378	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
566	566-K46C3		Phạm Thanh	Bình	Nam	12/04/1992				Khá	812379	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
567	567-K46C3		Nguyễn Thế	Đại	Nam	22/09/1992				Khá	812380	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
568	568-K46C3		Lê Thị	Dung	Nữ	01/01/1992				Khá	812381	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
569	569-K46C3		Nghiêm Thị	Dung	Nữ	11/01/1991				Giỏi	812382	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
570	570-K46C3		Nguyễn Thị Nguyệt	Dung	Nữ	07/04/1992				Khá	812383	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
571	571-K46C3		Vũ Thị	Dung	Nữ	10/08/1991				Khá	812384	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
572	572-K46C3		Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	07/07/1992				Giỏi	812385	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
573	573-K46C3		Đinh Thị Hải	Hà	Nữ	10/08/1992				Khá	812386	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
574	574-K46C3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	15/07/1992				Khá	812387	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
575	575-K46C3		Hoàng Thị	Hằng	Nữ	23/12/1992				Khá	812388	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
576	576-K46C3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	03/02/1992				Khá	812389	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
577	577-K46C3		Phạm Thị	Hằng	Nữ	24/12/1991				Giỏi	812390	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
578	578-K46C3		Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	18/01/1992				Khá	812391	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
579	579-K46C3		Phạm Thị	Hiền	Nữ	23/10/1992				Khá	812392	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
580	580-K46C3		Nguyễn Quang	Hưng	Nam	05/03/1991				Khá	812393	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
581	581-K46C3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	10/03/1992				Khá	812394	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
582	582-K46C3		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	05/07/1992				Khá	812395	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
583	583-K46C3		Phạm Thị	Hường	Nữ	24/12/1992				Giỏi	812396	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
584	584-K46C3		Mai Thu	Huyền	Nữ	10/02/1992				Khá	812397	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
585	585-K46C3		Nguyễn Thanh	Khiết	Nam	26/06/1992				Khá	812398	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
586	586-K46C3		Đỗ Thị Kim	Liên	Nữ	06/07/1992				Khá	812399	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
587	587-K46C3		Phùng Thị	Liễu	Nữ	15/02/1992				Khá	812400	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
588	588-K46C3		Phan Thị Khánh	Linh	Nữ	20/10/1992				Khá	812401	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
589	589-K46C3		Đỗ Minh	Long	Nam	06/04/1992				Khá	812402	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
590	590-K46C3		Văn Thị Minh	Lý	Nữ	06/10/1992				Khá	812403	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
591	591-K46C3		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	24/11/1992				Khá	812404	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
592	592-K46C3		Lê Thị	Nga	Nữ	25/08/1992				Giỏi	812405	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
593	593-K46C3		Bùi Tuấn	Nghĩa	Nam	24/04/1992				Khá	812406	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
594	594-K46C3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	10/09/1992				Giỏi	812407	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
595	595-K46C3		Trần Thị	Nhung	Nữ	19/12/1992				Khá	812408	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
596	596-K46C3		Trần Văn	Phong	Nam	11/07/1992				Khá	812409	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
597	597-K46C3		Nguyễn Anh	Sơn	Nam	22/10/1992				Khá	812410	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
598	598-K46C3		Nguyễn Văn	Sơn	Nam	02/10/1992				Khá	812411	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
599	599-K46C3		Phạm Văn	Thắng	Nam	31/05/1992				Khá	812412	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
600	600-K46C3		Bùi Thị	Thanh	Nữ	05/09/1991				Khá	812413	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
601	601-K46C3		Dương Thu	Thanh	Nữ	15/07/1992				Khá	812414	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
602	602-K46C3		Phạm Thị	Thảo	Nữ	03/09/1992				Khá	812415	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
603	603-K46C3		Trần Thị	Thảo	Nữ	15/12/1992				Khá	812416	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
604	604-K46C3		Kiều Minh	Thư	Nữ	30/06/1992				Khá	812417	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
605	605-K46C3		Trần Thị Thu	Thương	Nữ	12/03/1992				Khá	812418	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
606	606-K46C3		Bùi Văn	Toàn	Nam	16/04/1992				Khá	812419	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
607	607-K46C3		Đặng Thị Minh	Trang	Nữ	01/03/1992				Khá	812420	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
608	608-K46C3		Phạm Thị	Tuyết	Nữ	27/08/1992				Khá	812421	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
609	609-K46C3		Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	28/08/1992				Khá	812422	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
610	610-K46C4		Lê Minh	Châu	Nữ	14/10/1992				Khá	812423	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
611	611-K46C4		Trần Văn	Đại	Nam	06/08/1992				Giỏi	812424	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
612	612-K46C4		Nguyễn Thế	Đạt	Nam	30/11/1992				Khá	812425	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
613	613-K46C4		Lê Thùy	Dương	Nữ	26/03/1992				Khá	812426	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
614	614-K46C4		Trần Thị	Duyên	Nữ	28/02/1992				Khá	812427	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
615	615-K46C4		Đào Minh	Hạnh	Nữ	05/04/1992				Khá	812428	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
616	616-K46C4		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	30/08/1992				Khá	812429	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
617	617-K46C4		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	23/03/1992				Khá	812430	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
618	618-K46C4		Vy Thị Yến	Hoa	Nữ	10/08/1992				Khá	812431	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
619	619-K46C4		Ngũ Bá	Hợp	Nam	18/10/1991				Khá	812432	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
620	620-K46C4		Lê Thị	Huệ	Nữ	15/04/1991				Khá	812433	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
621	621-K46C4		Trần Thị	Hương	Nữ	29/01/1992				Khá	812434	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
622	622-K46C4		Bùi Thị	Huyền	Nữ	13/04/1992				Khá	812435	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
623	623-K46C4		Vũ Duy	Khánh	Nam	28/08/1991				Khá	812436	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
624	624-K46C4		Vũ Thị	Lân	Nữ	25/03/1992				Khá	812437	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
625	625-K46C4		Lê Thị Phương	Liên	Nữ	10/06/1992				Khá	812438	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
626	626-K46C4		Nguyễn Thị	Liệu	Nữ	10/11/1992				Khá	812439	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
627	627-K46C4		Lại Hồng	Mai	Nữ	10/10/1992				Khá	812440	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
628	628-K46C4		Vũ Thị Thùy	Mai	Nữ	19/05/1992				Khá	812441	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
629	629-K46C4		Hoàng Thị	Mùi	Nữ	21/02/1991				Khá	812442	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
630	630-K46C4		Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	05/02/1992				Khá	812443	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
631	631-K46C4		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	09/09/1992				Khá	812444	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
632	632-K46C4		Vũ Thị	Ngọc	Nữ	14/08/1992				Khá	812445	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
633	633-K46C4		Đồng Thị	Nhi	Nữ	13/05/1992				Khá	812446	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
634	634-K46C4		Đoàn Thị	Nhiệm	Nữ	19/09/1991				Khá	812447	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
635	635-K46C4		Phạm Thị Thu	Phương	Nữ	05/03/1992				Khá	812448	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
636	636-K46C4		Vũ Thị	Phượng	Nữ	03/11/1992				Khá	812449	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
637	637-K46C4		Chu Đình	Quân	Nam	21/08/1992				Khá	812450	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
638	638-K46C4		Nguyễn Thị	Sơn	Nữ	07/10/1991				Khá	812451	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
639	639-K46C4		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	20/11/1990				Khá	812452	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
640	640-K46C4		Lê Trung	Thành	Nam	30/09/1992				Khá	812453	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
641	641-K46C4		Mai Thị	Thơ	Nữ	20/09/1991				Khá	812454	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
642	642-K46C4		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	03/11/1992				Khá	812455	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
643	643-K46C4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	09/03/1992				Khá	812456	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
644	644-K46C4		Vũ Thị Thùy	Trang	Nữ	31/10/1992				Khá	812457	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
645	645-K46C4		Phạm Bá	Trí	Nam	01/06/1992				Khá	812458	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
646	646-K46C4		Trần Ngọc	Tuân	Nam	15/06/1992				Khá	812459	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
647	647-K46C4		Bùi Thanh	Tùng	Nam	30/01/1992				Khá	812460	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
648	648-K46C4		Đoàn Thị	Tươi	Nữ	10/07/1992				Khá	812461	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
649	649-K46C4		Hạ Thị Thu	Uyên	Nữ	27/07/1992				Khá	812462	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
650	650-K46C4		Lê Thị Thanh	Xuân	Nữ	16/02/1992				Khá	812463	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
651	651-K46C4		Nguyễn Thị ái	Xuân	Nữ	23/03/1992				Khá	812464	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
652	652-K46C5		Đoàn Thị	Anh	Nữ	30/10/1992				Khá	812465	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
653	653-K46C5		Tạ Thị	ánh	Nữ	17/02/1992				Khá	812466	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
654	654-K46C5		Nguyễn Thị Hồng	Chi	Nữ	06/04/1992				Giỏi	812467	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
655	655-K46C5		Trịnh Thị	Chiên	Nữ	13/06/1991				Giỏi	812468	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
656	656-K46C5		Mai Thị	Chung	Nữ	14/08/1992				Giỏi	812469	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
657	657-K46C5		Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	22/02/1991				Khá	812470	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
658	658-K46C5		Mai Thị	Giang	Nữ	10/12/1992				Khá	812471	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
659	659-K46C5		Nguyễn Ngọc	Hà	Nam	22/12/1990				Khá	812472	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
660	660-K46C5		Nguyễn Thị Bích	Hân	Nữ	09/08/1992				Giỏi	812473	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
661	661-K46C5		Lê Thị	Hằng	Nữ	14/02/1992				Khá	812474	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
662	662-K46C5		Lê Bá	Hiền	Nam	13/07/1983				Khá	812475	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
663	663-K46C5		Đặng Thị	Hoa	Nữ	01/08/1992				Khá	812476	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
664	664-K46C5		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	19/01/1992				Khá	812477	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
665	665-K46C5		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	11/08/1992				Khá	812478	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
666	666-K46C5		Nguyễn Thị Liên	Hồng	Nữ	07/05/1992				Khá	812479	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
667	667-K46C5		Đoàn Anh	Hùng	Nam	31/08/1991				Khá	812480	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
668	668-K46C5		Nguyễn Phú	Hướng	Nam	03/11/1991				Khá	812481	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
669	669-K46C5		Hà Thị	Huyền	Nữ	16/11/1992				Khá	812482	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
670	670-K46C5		Hà Thị Thu	Huyền	Nữ	09/05/1992				Khá	812483	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
671	671-K46C5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/04/1992				Khá	812484	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
672	672-K46C5		Đỗ Thị Hương	Lan	Nữ	09/10/1992				Khá	812485	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
673	673-K46C5		Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	01/04/1991				Khá	812486	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
674	674-K46C5		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	22/12/1992				Khá	812487	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
675	675-K46C5		Lê Thị	Loan	Nữ	28/02/1992				Khá	812488	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
676	676-K46C5		Vũ Thị Tuyết	Mai	Nữ	09/06/1992				Khá	812489	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
677	677-K46C5		Nguyễn Văn	Nam	Nam	21/02/1991				Khá	812490	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
678	678-K46C5		Vũ Hoài	Nam	Nữ	09/07/1991				Khá	812491	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
679	679-K46C5		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	16/06/1992				Khá	812492	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
680	680-K46C5		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	10/11/1992				Giỏi	812493	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
681	681-K46C5		Đặng Thị	Nhâm	Nữ	25/06/1992				Khá	812494	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
682	682-K46C5		Đinh Thị	Nhàn	Nữ	25/12/1991				Khá	812495	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
683	683-K46C5		Dương Thị	Nhàn	Nữ	17/11/1991				Khá	812496	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
684	684-K46C5		Đào Thị	Oanh	Nữ	17/06/1992				Khá	812497	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
685	685-K46C5		Phạm Hồng	Phúc	Nam	10/01/1992				Khá	812498	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
686	686-K46C5		Dương Thị	Phượng	Nữ	12/08/1992				Khá	812499	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
687	687-K46C5		Đoàn Công	Tâm	Nam	30/12/1992				Khá	812500	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
688	688-K46C5		Trần Văn	Thái	Nam	18/02/1992				Khá	812501	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
689	689-K46C5		Trương Hà	Thanh	Nam	02/08/1992				Khá	812502	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
690	690-K46C5		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	28/11/1992				Khá	812503	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
691	691-K46C5		Trương Thị Hương	Thơ	Nữ	27/07/1992				Khá	812504	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
692	692-K46C5		Đỗ Thị	Thu	Nữ	23/09/1992				Khá	812505	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
693	693-K46C5		Trịnh Thị Minh	Thu	Nữ	06/11/1992				Giỏi	812506	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
694	694-K46C5		Phạm Thị	Thương	Nữ	16/03/1992				Khá	812507	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
695	695-K46C5		Lê Thị Minh	Thúy	Nữ	15/02/1992				Khá	812508	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
696	696-K46C5		Hoàng Thị Thùy	Trang	Nữ	06/03/1992				Khá	812509	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
697	697-K46C5		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	14/04/1992				Khá	812510	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
698	698-K46C5		Ngô Quốc	Tuấn	Nam	17/08/1991				Khá	812511	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
699	699-K46C5		Trần Văn	Việt	Nam	07/02/1990				Khá	812512	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
700	700-K46C5		Đào Thị	Yến	Nữ	26/02/1992				Khá	812513	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
701	701-K46C5		Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	26/04/1992				Khá	812514	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
702	702-K46D1		Nguyễn Vân	Anh	Nữ	21/01/1992				Khá	812515	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
703	703-K46D1		Lê Thị Ngọc	ánh	Nữ	28/03/1992				Khá	812516	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
704	704-K46D1		Lưu Trọng	Đạt	Nam	06/10/1992				Trung bình	812517	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
705	705-K46D1		Nguyễn Đăng	Điệp	Nam	29/06/1992				Trung bình	812518	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
706	706-K46D1		Lương Thị	Dinh	Nữ	17/03/1992				Khá	812519	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
707	707-K46D1		Trần Thanh	Dung	Nữ	05/09/1992				Khá	812520	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
708	708-K46D1		Trần Thị	Duyên	Nữ	30/07/1992				Khá	812521	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
709	709-K46D1		Nguyễn Lệ	Giang	Nữ	20/11/1991				Khá	812522	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
710	710-K46D1		Doãn Thị Ngọc	Hà	Nữ	02/05/1992				Khá	812523	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
711	711-K46D1		Trần Thị	Hà	Nữ	05/12/1992				Giỏi	812524	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
712	712-K46D1		Võ Cẩm	Hà	Nữ	24/04/1992				Khá	812525	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
713	713-K46D1		Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	Nữ	05/07/1991				Khá	812526	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
714	714-K46D1		Cao Thị	Hạnh	Nữ	14/09/1992				Khá	812527	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
715	715-K46D1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	04/02/1992				Khá	812528	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
716	716-K46D1		Phạm Thị	Hiền	Nữ	05/07/1992				Khá	812529	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
717	717-K46D1		Đào Thị	Hoa	Nữ	01/04/1992				Giỏi	812530	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
718	718-K46D1		Bùi Thị	Hồng	Nữ	26/04/1992				Giỏi	812531	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
719	719-K46D1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	05/12/1992				Giỏi	812532	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
720	720-K46D1		Trần Thị	Hồng	Nữ	28/11/1992				Giỏi	812533	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
721	721-K46D1		Trương Thị	Hồng	Nữ	08/01/1992				Khá	812534	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
722	722-K46D1		Phạm Thị	Hương	Nữ	08/12/1992				Khá	812535	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
723	723-K46D1		Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	27/09/1992				Khá	812536	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
724	724-K46D1		Nguyễn Diệu	Hường	Nữ	22/10/1992				Giỏi	812537	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
725	725-K46D1		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/05/1991				Khá	812538	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
726	726-K46D1		Vũ Nhật	Lệ	Nữ	28/11/1992				Giỏi	812539	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
727	727-K46D1		Bùi Thị	Len	Nữ	03/08/1992				Khá	812540	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
728	728-K46D1		Phùng Thị	Loan	Nữ	14/08/1991				Khá	812541	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
729	729-K46D1		Nguyễn Thành	Luân	Nam	04/11/1992				Khá	812542	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
730	730-K46D1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	20/11/1992				Giỏi	812543	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
731	731-K46D1		Nguyễn Văn	Nam	Nam	27/07/1992				Khá	812544	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
732	732-K46D1		Nguyễn Huyền	Nga	Nữ	09/02/1992				Khá	812545	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
733	733-K46D1		Vũ Thị	Nga	Nữ	11/09/1992				Khá	812546	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
734	734-K46D1		Bùi Thị	Ngân	Nữ	27/10/1992				Khá	812547	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
735	735-K46D1		Phạm Thị	Nhung	Nữ	07/02/1992				Khá	812548	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
736	736-K46D1		Lại Thị Ngọc	Phòng	Nữ	02/11/1992				Khá	812549	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
737	737-K46D1		Vũ Minh	Phụng	Nữ	25/08/1992				Khá	812550	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
738	738-K46D1		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	02/12/1992				Giỏi	812551	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
739	739-K46D1		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	10/12/1991				Khá	812552	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
740	740-K46D1		Trần Thị Phương	Thanh	Nữ	04/01/1992				Khá	812553	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
741	741-K46D1		Phạm Thị	Thảo	Nữ	13/10/1992				Giỏi	812554	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
742	742-K46D1		Đào Thị	Thiết	Nữ	08/11/1991				Khá	812555	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
743	743-K46D1		Hoàng Thị	Thiết	Nữ	19/05/1992				Khá	812556	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
744	744-K46D1		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	29/11/1992				Xuất sắc	812557	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
745	745-K46D1		Trần Thị	Thúy	Nữ	20/03/1992				Khá	812558	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
746	746-K46D1		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	08/06/1992				Khá	812559	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
747	747-K46D1		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	08/01/1992				Khá	812560	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
748	748-K46D1		Nguyễn Thị	Tư	Nữ	22/08/1991				Khá	812561	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
749	749-K46D1		Hoàng Anh	Tuấn	Nam	27/02/1991				Khá	812562	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
750	750-K46D1		Lê Thị	Vinh	Nữ	18/08/1992				Khá	812563	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
751	751-K46D1		Phan Thị	Vinh	Nữ	01/09/1992				Trung bình	812564	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
752	752-K46D1		Nghiêm Thị	Xuân	Nữ	01/10/1992				Khá	812565	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
753	753-K46D1		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	02/06/1992				Khá	812566	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
754	754-K46D2		Trần Thị	An	Nữ	15/10/1992				Khá	812567	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
755	755-K46D2		Phạm Ngọc	ánh	Nữ	16/07/1992				Khá	812568	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
756	756-K46D2		Phạm Thị	Chung	Nữ	14/08/1992				Giỏi	812569	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
757	757-K46D2		Đinh Thị	Diện	Nữ	21/04/1992				Giỏi	812570	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
758	758-K46D2		Lê Thị	Dung	Nữ	16/08/1992				Khá	812571	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
759	759-K46D2		Ngô Thị	Hà	Nữ	10/10/1992				Khá	812572	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
760	760-K46D2		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	06/11/1992				Khá	812573	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
761	761-K46D2		Nông Thị Thu	Hà	Nữ	27/09/1991				Khá	812574	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
762	762-K46D2		Phạm Thị	Hà	Nữ	12/10/1992				Khá	812575	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
763	763-K46D2		Ngô Thị Hồng	Hân	Nữ	11/09/1991				Khá	812576	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
764	764-K46D2		Phạm Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	26/09/1991				Khá	812577	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
765	765-K46D2		Lương Thị Thùy	Hiền	Nữ	17/06/1992				Khá	812578	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
766	766-K46D2		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	13/10/1992				Khá	812579	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
767	767-K46D2		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	27/08/1992				Giỏi	812580	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
768	768-K46D2		Vũ Thị	Hiền	Nữ	10/06/1992				Khá	812581	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
769	769-K46D2		Đặng Văn	Hiếu	Nam	23/06/1991				Khá	812582	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
770	770-K46D2		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	07/12/1992				Khá	812583	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
771	771-K46D2		Hoàng Thị	Huệ	Nữ	14/09/1991				Khá	812584	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
772	772-K46D2		Lê Thị Mai	Hương	Nữ	16/12/1992				Khá	812585	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
773	773-K46D2		Trần Thị	Hướng	Nữ	24/10/1992				Giỏi	812586	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
774	774-K46D2		Chu Hải	Hường	Nữ	10/09/1991				Giỏi	812587	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
775	775-K46D2		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	10/07/1991				Khá	812588	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
776	776-K46D2		Lưu Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/06/1992				Giỏi	812589	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
777	777-K46D2		Nguyễn Minh	Huyền	Nữ	02/10/1992				Giỏi	812590	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
778	778-K46D2		Vũ Huyền	Khánh	Nữ	21/07/1992				Khá	812591	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
779	779-K46D2		Tô Văn	Khánh	Nam	23/02/1991				Khá	812592	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
780	780-K46D2		Lê Thị	Kim	Nữ	07/05/1992				Khá	812593	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
781	781-K46D2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07/12/1992				Khá	812594	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
782	782-K46D2		Lê Thị	Liên	Nữ	18/08/1992				Khá	812595	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
783	783-K46D2		Cấn Thị	Loan	Nữ	02/01/1992				Giỏi	812596	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
784	784-K46D2		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	19/10/1992				Khá	812597	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
785	785-K46D2		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	07/11/1992				Khá	812598	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
786	786-K46D2		Đào Thị	Ngà	Nữ	14/04/1992				Khá	812599	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
787	787-K46D2		Đoàn Thị	Nhàn	Nữ	17/12/1992				Khá	812600	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
788	788-K46D2		Hà Thị	Nhung	Nữ	20/01/1992				Khá	812601	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
789	789-K46D2		Cao Hồng	Phương	Nữ	26/05/1992				Khá	812602	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
790	790-K46D2		Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	08/07/1992				Khá	812603	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
791	791-K46D2		Nguyễn Đức	Quân	Nam	02/12/1991				Khá	812604	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
792	792-K46D2		Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	20/05/1992				Giỏi	812605	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
793	793-K46D2		Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	14/09/1992				Giỏi	812606	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
794	794-K46D2		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	22/04/1992				Giỏi	812607	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
795	795-K46D2		Trương Toàn	Thắng	Nam	04/05/1990				Khá	812608	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
796	796-K46D2		Hoàng Phương	Thảo	Nữ	14/12/1991				Giỏi	812609	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
797	797-K46D2		Trần Thị	Thảo	Nữ	15/10/1991				Khá	812610	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
798	798-K46D2		Nguyễn Thị Anh	Thơ	Nữ	05/12/1992				Khá	812611	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
799	799-K46D2		Lê Thị	Thu	Nữ	23/10/1992				Khá	812612	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
800	800-K46D2		Đào Thị	Thúy	Nữ	01/12/1992				Khá	812613	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
801	801-K46D2		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	11/09/1992				Khá	812614	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
802	802-K46D2		Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	28/11/1992				Khá	812615	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
803	803-K46D2		Đỗ Thị	Tươi	Nữ	02/05/1992				Khá	812616	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
804	804-K46D2		Nhâm Thị Tú	Uyên	Nữ	29/04/1992				Khá	812617	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
805	805-K46D2		Dương Trọng	Vượng	Nam	26/08/1991				Khá	812618	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
806	806-K46D2		Bùi Thị	Yến	Nữ	21/06/1992				Khá	812619	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
807	807-K46D2		Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	01/11/1991				Khá	812620	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
808	808-K46D3		Bùi Thị Lan	Anh	Nữ	02/01/1992				Giỏi	812621	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
809	809-K46D3		Đậu Thị Vân	Anh	Nữ	03/10/1992				Khá	812622	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
810	810-K46D3		Hứa Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/11/1991				Khá	812623	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
811	811-K46D3		Lê Thị	Anh	Nữ	14/06/1992				Giỏi	812624	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
812	812-K46D3		Lê Thị Lan	Anh	Nữ	30/04/1991				Giỏi	812625	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
813	813-K46D3		Phạm Thị	Anh	Nữ	20/07/1992				Khá	812626	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
814	814-K46D3		Mai Thị	Bình	Nữ	02/09/1992				Khá	812627	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
815	815-K46D3		Lê Thị Kim	Chi	Nữ	11/02/1992				Khá	812628	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
816	816-K46D3		Trần Thị Yến	Chi	Nữ	27/10/1992				Giỏi	812629	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
817	817-K46D3		Nguyễn Thị Thanh	Dịu	Nữ	21/02/1992				Khá	812630	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
818	818-K46D3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	07/10/1992				Khá	812631	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
819	819-K46D3		Ngô Thị	Hải	Nữ	22/08/1992				Khá	812632	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
820	820-K46D3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	11/06/1992				Khá	812633	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
821	821-K46D3		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	16/10/1992				Khá	812634	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
822	822-K46D3		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	02/09/1992				Khá	812635	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
823	823-K46D3		Hoàng Thị	Hiền	Nữ	21/10/1992				Giỏi	812636	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
824	824-K46D3		Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	12/08/1992				Giỏi	812637	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
825	825-K46D3		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	05/12/1992				Khá	812638	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
826	826-K46D3		Vương Thị	Huê	Nữ	05/09/1992				Giỏi	812639	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
827	827-K46D3		Nguyễn Dịu	Huế	Nữ	20/08/1992				Khá	812640	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
828	828-K46D3		Lê Thị	Huệ	Nữ	31/10/1992				Khá	812641	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
829	829-K46D3		Hoàng Thị Thu	Hương	Nữ	13/12/1992				Khá	812642	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
830	830-K46D3		Bùi Thị Khánh	Huyền	Nữ	22/05/1991				Khá	812643	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
831	831-K46D3		Vương Thị	Huyền	Nữ	05/04/1992				Khá	812644	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
832	832-K46D3		Nguyễn Văn	Huynh	Nam	09/09/1992				Khá	812645	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
833	833-K46D3		Ngô Thị	Kim	Nữ	10/02/1992				Khá	812646	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
834	834-K46D3		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	26/10/1992				Khá	812647	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
835	835-K46D3		Phạm Thị	Lan	Nữ	01/10/1992				Giỏi	812648	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
836	836-K46D3		Phạm Thị Phương	Lan	Nữ	23/09/1992				Khá	812649	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
837	837-K46D3		Vũ Thị	Lê	Nữ	02/11/1992				Khá	812650	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
838	838-K46D3		Trần Thị Cẩm	Li	Nữ	02/12/1992				Giỏi	812651	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
839	839-K46D3		Hồ Thị Thùy	Linh	Nữ	15/04/1992				Khá	812652	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
840	840-K46D3		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	10/09/1992				Khá	812653	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
841	841-K46D3		Lê Thị	Mai	Nữ	19/01/1992				Khá	812654	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
842	842-K46D3		Nguyễn Thị Như	Mai	Nữ	01/10/1991				Khá	812655	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
843	843-K46D3		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	11/05/1992				Khá	812656	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
844	844-K46D3		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	23/05/1992				Khá	812657	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
845	845-K46D3		Đào Thị	Nhài	Nữ	13/03/1993				Khá	812658	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
846	846-K46D3		Nguyễn Thị ánh	Nhạn	Nữ	27/02/1991				Giỏi	812659	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
847	847-K46D3		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	02/11/1992				Khá	812660	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
848	848-K46D3		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	04/06/1992				Khá	812661	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
849	849-K46D3		Đinh Thị Lệ	Quyên	Nữ	22/12/1992				Khá	812662	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
850	850-K46D3		Đoàn Thị	Sang	Nữ	20/08/1992				Khá	812663	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
851	851-K46D3		Trần Thị	Tâm	Nữ	12/04/1992				Khá	812664	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
852	852-K46D3		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	05/12/1992				Giỏi	812665	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
853	853-K46D3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	15/11/1992				Giỏi	812666	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
854	854-K46D3		Đỗ Thị	Thơm	Nữ	23/08/1992				Giỏi	812667	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
855	855-K46D3		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	25/09/1991				Khá	812668	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
856	856-K46D3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	18/10/1992				Khá	812669	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
857	857-K46D3		Lại Thị Lệ	Thủy	Nữ	15/07/1992				Khá	812670	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
858	858-K46D3		Nguyễn Xuân	Trường	Nam	26/09/1992				Khá	812671	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
859	859-K46D3		Ngô Anh	Tuấn	Nam	08/10/1992				Khá	812672	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
860	860-K46D3		Nguyễn Thái	Vinh	Nữ	24/06/1991				Giỏi	812673	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
861	861-K46D3		Lý Trần Quốc	Vương	Nam	11/12/1992				Khá	812674	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
862	862-K46D4		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	17/11/1992				Khá	812675	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
863	863-K46D4		Ngô Thị Thanh	Bình	Nữ	13/05/1992				Khá	812676	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
864	864-K46D4		Mạc Thị	Chuyên	Nữ	08/11/1992				Khá	812677	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
865	865-K46D4		Chu Thị	Dung	Nữ	09/02/1991				Khá	812678	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
866	866-K46D4		Mai Thị	Dung	Nữ	07/04/1992				Khá	812679	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
867	867-K46D4		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	14/05/1991				Giỏi	812680	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
868	868-K46D4		Đào Thị	Hằng	Nữ	18/08/1992				Khá	812681	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
869	869-K46D4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	10/12/1992				Khá	812682	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
870	870-K46D4		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	03/01/1992				Giỏi	812683	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
871	871-K46D4		Phan Thị	Hằng	Nữ	06/06/1991				Khá	812684	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
872	872-K46D4		Vũ Bích	Hằng	Nữ	07/06/1992				Khá	812685	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
873	873-K46D4		Phạm Thị	Hảo	Nữ	28/08/1992				Khá	812686	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
874	874-K46D4		Đặng Sỹ	Hoàng	Nam	20/01/1991				Trung bình	812687	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
875	875-K46D4		Lê Thị Thu	Hương	Nữ	08/01/1992				Giỏi	812688	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
876	876-K46D4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	18/06/1991				Giỏi	812689	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
877	877-K46D4		Vũ Thị	Hương	Nữ	28/06/1992				Khá	812690	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
878	878-K46D4		Phạm Thị	Huyền	Nữ	23/05/1992				Giỏi	812691	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
879	879-K46D4		Vũ Thị	Huyền	Nữ	24/03/1992				Giỏi	812692	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
880	880-K46D4		Vũ Thị	Lan	Nữ	28/11/1991				Khá	812693	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
881	881-K46D4		Đỗ Thị	Lệ	Nữ	06/01/1992				Giỏi	812694	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
882	882-K46D4		Trần Thị Phương	Liên	Nữ	13/01/1992				Giỏi	812695	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
883	883-K46D4		Hà Ngọc	Linh	Nữ	13/06/1992				Khá	812696	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
884	884-K46D4		Phí Tùng	Linh	Nam	06/02/1992				Khá	812697	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
885	885-K46D4		Nguyễn Thị Kim	Lương	Nữ	15/09/1992				Giỏi	812698	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
886	886-K46D4		Bùi Thị	Ly	Nữ	21/07/1991				Giỏi	812699	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
887	887-K46D4		Lê Thị	Mai	Nữ	04/05/1991				Khá	812700	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
888	888-K46D4		Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	07/11/1991				Giỏi	812701	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
889	889-K46D4		Trương Thị	Mai	Nữ	03/05/1991				Khá	812702	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
890	890-K46D4		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	02/07/1992				Khá	812703	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
891	891-K46D4		Vũ Thị	Mừng	Nữ	28/09/1992				Khá	812704	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
892	892-K46D4		Đỗ Thị Thúy	Ngân	Nữ	28/02/1992				Giỏi	812705	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
893	893-K46D4		Bùi Bảo	Ngọc	Nữ	30/05/1992				Khá	812706	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
894	894-K46D4		Tạ Đức	Nhân	Nam	03/09/1992				Khá	812707	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
895	895-K46D4		Đinh Thị	Nhung	Nữ	19/03/1992				Khá	812708	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
896	896-K46D4		Lê Thị	Nhung	Nữ	17/03/1990				Khá	812709	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
897	897-K46D4		Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	06/11/1992				Khá	812710	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
898	898-K46D4		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	10/08/1991				Giỏi	812711	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
899	899-K46D4		Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	10/01/1991				Khá	812712	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
900	900-K46D4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	25/01/1992				Giỏi	812713	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
901	901-K46D4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	09/02/1992				Khá	812714	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
902	902-K46D4		Trần Thị	Quyên	Nữ	10/09/1992				Khá	812715	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
903	903-K46D4		Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	05/09/1992				Giỏi	812716	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
904	904-K46D4		Võ Thị	Tâm	Nữ	30/08/1992				Khá	812717	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
905	905-K46D4		Đoàn Thị	Tân	Nữ	04/01/1991				Khá	812718	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
906	906-K46D4		Đỗ Minh	Thanh	Nam	06/10/1992				Khá	812719	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
907	907-K46D4		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	17/03/1992				Khá	812720	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
908	908-K46D4		Đặng Thị	Thơm	Nữ	25/12/1992				Khá	812721	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
909	909-K46D4		Phạm Thị	Thơm	Nữ	02/11/1992				Khá	812722	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
910	910-K46D4		Vũ Thị	Thu	Nữ	28/01/1992				Giỏi	812723	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
911	911-K46D4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	25/02/1992				Khá	812724	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
912	912-K46D4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	05/02/1991				Khá	812725	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
913	913-K46D4		Châu Thị	Thúy	Nữ	20/07/1991				Khá	812726	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
914	914-K46D4		Nghiêm Thị	Thúy	Nữ	07/08/1992				Khá	812727	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
915	915-K46D4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	23/11/1992				Khá	812728	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
916	916-K46D4		Trịnh Thị Thu	Trang	Nữ	02/08/1992				Khá	812729	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
917	917-K46D4		Vũ Thị	Trang	Nữ	06/01/1992				Giỏi	812730	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
918	918-K46D4		Phạm Quang	Vũ	Nam	30/06/1992				Khá	812731	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
919	919-K46D4		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	24/11/1991				Khá	812732	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
920	920-K46D5		Ngô Xuân	Bách	Nam	05/01/1992				Khá	812733	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
921	921-K46D5		Nguyễn Thị Mai	Chi	Nữ	27/07/1991				Khá	812734	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
922	922-K46D5		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	10/04/1992				Giỏi	812735	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
923	923-K46D5		Hồ Thị Xuân	Dịu	Nữ	04/11/1992				Khá	812736	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
924	924-K46D5		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	16/01/1993				Giỏi	812737	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
925	925-K46D5		Đỗ Thị	Hà	Nữ	29/08/1992				Trung bình	812738	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
926	926-K46D5		Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	29/11/1991				Khá	812739	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
927	927-K46D5		Phạm Minh	Hằng	Nữ	29/09/1992				Khá	812740	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
928	928-K46D5		Phạm Thị	Hằng	Nữ	09/11/1991				Khá	812741	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
929	929-K46D5		Cam Thị	Hiền	Nữ	09/04/1991				Khá	812742	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
930	930-K46D5		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	21/09/1992				Khá	812743	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
931	931-K46D5		Hoàng Thị Lệ	Hòa	Nữ	04/10/1992				Giỏi	812744	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
932	932-K46D5		Đặng Thị	Hoan	Nữ	09/01/1992				Khá	812745	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
933	933-K46D5		Lưu Thị Thu	Hồng	Nữ	01/09/1992				Giỏi	812746	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
934	934-K46D5		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	04/10/1992				Giỏi	812747	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
935	935-K46D5		Bùi Thị	Hương	Nữ	12/03/1992				Khá	812748	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
936	936-K46D5		Trần Thị	Hương	Nữ	29/12/1992				Khá	812749	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
937	937-K46D5		Phạm Thị	Huyền	Nữ	15/05/1992				Giỏi	812750	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
938	938-K46D5		Trịnh Thị	Huyền	Nữ	29/09/1992				Giỏi	812751	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
939	939-K46D5		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	06/10/1992				Giỏi	812752	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
940	940-K46D5		Trương Thị	Lệ	Nữ	07/10/1991				Khá	812753	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
941	941-K46D5		Đào Thị Thùy	Ly	Nữ	21/12/1992				Trung bình	812754	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
942	942-K46D5		Vũ Thị	Lý	Nữ	02/08/1991				Khá	812755	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
943	943-K46D5		Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	13/10/1992				Khá	812756	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
944	944-K46D5		Nguyễn Thị Quỳnh	Mây	Nữ	23/12/1991				Giỏi	812757	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
945	945-K46D5		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	22/06/1992				Giỏi	812758	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
946	946-K46D5		Lê Thị	Năm	Nữ	14/02/1992				Khá	812759	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
947	947-K46D5		Cao Thị Thu	Ngân	Nữ	12/05/1992				Khá	812760	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
948	948-K46D5		Trương Thị	Nhung	Nữ	06/05/1992				Khá	812761	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
949	949-K46D5		Nguyễn Thị Hải	Ninh	Nữ	12/09/1992				Khá	812762	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
950	950-K46D5		Phạm Thị	Nụ	Nữ	04/02/1991				Khá	812763	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
951	951-K46D5		Lê Thị	Phương	Nữ	04/08/1991				Giỏi	812764	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
952	952-K46D5		Đỗ Thị	Quyên	Nữ	15/06/1992				Giỏi	812765	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
953	953-K46D5		Tống Thị Hải	Quỳnh	Nữ	30/09/1992				Giỏi	812766	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
954	954-K46D5		Kiều Thị	Thắm	Nữ	02/12/1992				Khá	812767	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
955	955-K46D5		Đỗ Thị	Thảo	Nữ	29/12/1992				Khá	812768	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
956	956-K46D5		Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	23/12/1992				Khá	812769	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
957	957-K46D5		Vũ Thị	Thảo	Nữ	16/11/1992				Khá	812770	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
958	958-K46D5		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	10/03/1991				Khá	812771	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
959	959-K46D5		Trần Thị	Thu	Nữ	04/12/1992				Khá	812772	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
960	960-K46D5		Trần Thị Phương	Thu	Nữ	17/09/1992				Khá	812773	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
961	961-K46D5		Nguyễn Xuân	Thuận	Nam	13/09/1992				Khá	812774	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
962	962-K46D5		Hoàng Diệu	Thúy	Nữ	01/01/1992				Khá	812775	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
963	963-K46D5		Lê Thị	Thúy	Nữ	26/11/1992				Khá	812776	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
964	964-K46D5		Hoàng Thanh	Trà	Nữ	15/11/1991				Khá	812777	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
965	965-K46D5		Đào Thị Thùy	Trang	Nữ	15/09/1991				Khá	812778	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
966	966-K46D5		Ngô Thị	Trang	Nữ	12/05/1992				Khá	812779	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
967	967-K46D5		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	10/10/1992				Khá	812780	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
968	968-K46D5		Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	15/07/1991				Khá	812781	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
969	969-K46D5		Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	08/10/1992				Khá	812782	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
970	970-K46D5		Phan Thanh	Tuyền	Nam	01/05/1986				Giỏi	812783	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
971	971-K46D5		Đoàn Thị Thùy	Vân	Nữ	13/10/1991				Khá	812784	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
972	972-K46D5		Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Nữ	26/07/1992				Khá	812785	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
973	973-K46D6		Mai Đức	Anh	Nam	26/07/1992				Khá	812786	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
974	974-K46D6		Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	29/03/1992				Giỏi	812787	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
975	975-K46D6		Tạ Thị Kim	Anh	Nữ	07/11/1992				Khá	812788	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
976	976-K46D6		Bùi Tiến	Đạt	Nam	18/05/1992				Khá	812789	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
977	977-K46D6		Nguyễn Hoàng	Đạt	Nam	06/09/1992				Khá	812790	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
978	978-K46D6		Lê Duy	Đông	Nam	15/11/1992				Khá	812791	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
979	979-K46D6		Phạm Thị Ngọc	Diệp	Nữ	21/07/1991				Giỏi	812792	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
980	980-K46D6		Lê Thị	Dung	Nữ	15/06/1992				Khá	812793	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
981	981-K46D6		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	30/05/1991				Khá	812794	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
982	982-K46D6		Phạm Thị	Dung	Nữ	25/01/1992				Khá	812795	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
983	983-K46D6		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	17/08/1992				Giỏi	812796	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
984	984-K46D6		Lê Thị	Giang	Nữ	21/06/1991				Khá	812797	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
985	985-K46D6		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	12/10/1992				Khá	812798	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
986	986-K46D6		Đoàn Thị	Hà	Nữ	19/08/1992				Khá	812799	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
987	987-K46D6		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	13/11/1991				Giỏi	812800	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
988	988-K46D6		Hà Thị	Hiền	Nữ	20/11/1991				Khá	812801	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
989	989-K46D6		Hoàng Thị	Hiền	Nữ	03/09/1992				Khá	812802	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
990	990-K46D6		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	01/07/1991				Khá	812803	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
991	991-K46D6		Bùi Thị	Hoa	Nữ	09/05/1992				Khá	812804	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
992	992-K46D6		Trần Thị	Hòa	Nữ	23/07/1992				Khá	812805	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
993	993-K46D6		Phạm Thị Thu	Hoài	Nữ	18/10/1992				Khá	812806	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
994	994-K46D6		Tạ Thị	Huệ	Nữ	11/11/1992				Khá	812807	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
995	995-K46D6		Đào Thị Thanh	Hương	Nữ	12/01/1992				Khá	812808	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
996	996-K46D6		Nguyễn Đình Thị	Hương	Nữ	11/12/1992				Khá	812809	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
997	997-K46D6		Trịnh Thị	Hương	Nữ	10/07/1992				Khá	812810	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
998	998-K46D6		Đoàn Thị	Hường	Nữ	23/09/1992				Khá	812811	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
999	999-K46D6		Phạm Thị	Hường	Nữ	25/08/1992				Khá	812812	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1000	1000-K46D6		Đinh Hà	Linh	Nữ	22/07/1992				Giỏi	812813	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1001	1001-K46D6		Lê Hằng Phương	Linh	Nữ	22/08/1992				Khá	812814	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1002	1002-K46D6		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	20/03/1991				Trung bình	812815	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1003	1003-K46D6		Trần Thị Mai	Ly	Nữ	02/06/1992				Giỏi	812816	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1004	1004-K46D6		Đặng Thị	Mai	Nữ	28/02/1992				Giỏi	812817	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1005	1005-K46D6		Đặng Thị Ngọc	Minh	Nữ	01/08/1992				Giỏi	812818	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1006	1006-K46D6		Lê Thị	Nga	Nữ	11/01/1992				Giỏi	812819	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1007	1007-K46D6		Hoàng Thị	Nghĩa	Nữ	30/10/1991				Khá	812820	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1008	1008-K46D6		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	31/10/1992				Khá	812821	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1009	1009-K46D6		Lê Thị Thùy	Nhung	Nữ	10/11/1992				Khá	812822	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1010	1010-K46D6		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/10/1991				Khá	812823	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1011	1011-K46D6		Vũ Thị	Nhung	Nữ	12/09/1992				Khá	812824	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1012	1012-K46D6		Hoàng Thị Linh	Phương	Nữ	28/05/1992				Giỏi	812825	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1013	1013-K46D6		Hoàng Như	Quỳnh	Nữ	02/11/1992				Khá	812826	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1014	1014-K46D6		Ngô Thị Hồng	Thắm	Nữ	05/08/1992				Khá	812827	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1015	1015-K46D6		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	14/03/1992				Khá	812828	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1016	1016-K46D6		Nguyễn Thi Huyền	Thương	Nữ	17/11/1992				Giỏi	812829	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1017	1017-K46D6		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	06/06/1992				Khá	812830	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1018	1018-K46D6		Vũ Thị Minh	Thúy	Nữ	15/10/1992				Khá	812831	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1019	1019-K46D6		Đỗ Thị	Thùy	Nữ	27/10/1992				Khá	812832	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1020	1020-K46D6		Bùi Thị Hà	Trang	Nữ	11/03/1992				Khá	812833	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1021	1021-K46D6		Hoàng Thị Thu	Trang	Nữ	25/07/1992				Khá	812834	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1022	1022-K46D6		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11/09/1992				Khá	812835	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1023	1023-K46D6		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	02/10/1992				Khá	812836	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1024	1024-K46D6		Nguyễn Nhân	Tuyến	Nam	13/06/1992				Trung bình	812837	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1025	1025-K46D6		Trương Thị	Tuyết	Nữ	12/05/1991				Khá	812838	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1026	1026-K46D6		Bùi Kim	Xoan	Nữ	24/08/1991				Trung bình	812839	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1027	1027-K46D6		Tăng Thị	Xuân	Nữ	20/08/1992				Khá	812840	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1028	1028-K46D6		Vũ Thị	Xuân	Nữ	11/09/1992				Khá	812841	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1029	1029-K46D6		Trần Thị	Yến	Nữ	24/11/1992				Khá	812842	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1030	1030-K46E1		Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	22/12/1992				Khá	812843	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1031	1031-K46E1		Phạm Thị	ánh	Nữ	22/03/1992				Khá	812844	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1032	1032-K46E1		Đinh Thị Anh	Đào	Nữ	22/03/1992				Khá	812845	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1033	1033-K46E1		Lê Thanh	Hải	Nữ	09/02/1993				Khá	812846	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1034	1034-K46E1		Trần Thu	Hằng	Nữ	01/08/1992				Khá	812847	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1035	1035-K46E1		Trần Thị	Hảo	Nữ	09/05/1992				Khá	812848	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1036	1036-K46E1		Phạm Thị	Hiền	Nữ	12/11/1992				Khá	812849	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1037	1037-K46E1		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	18/03/1992				Khá	812850	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1038	1038-K46E1		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	29/01/1992				Khá	812851	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1039	1039-K46E1		Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	23/12/1992				Khá	812852	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1040	1040-K46E1		Phạm Thị Thanh	Hương	Nữ	28/04/1992				Khá	812853	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1041	1041-K46E1		Bùi Hoàng	Huy	Nam	15/10/1992				Trung bình	812854	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1042	1042-K46E1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	01/06/1992				Khá	812855	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1043	1043-K46E1		Phạm Thúy	Liễu	Nữ	20/11/1992				Khá	812856	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1044	1044-K46E1		Hoàng Thị	Linh	Nữ	10/10/1992				Khá	812857	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1045	1045-K46E1		Lê Thị	Loan	Nữ	25/06/1992				Khá	812858	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1046	1046-K46E1		Nguyễn Đình	Long	Nam	02/09/1988				Khá	812859	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1047	1047-K46E1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	30/09/1992				Khá	812860	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1048	1048-K46E1		Saiyaxang	Manolath	Nữ	25/09/1990				Khá	812861	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1049	1049-K46E1		Phạm Thị Quỳnh	Nga	Nữ	31/12/1992				Khá	812862	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1050	1050-K46E1		Chu Thị	Phương	Nữ	12/11/1992				Khá	812863	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1051	1051-K46E1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	23/11/1992				Giỏi	812864	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1052	1052-K46E1		Trịnh Mai	Phương	Nữ	05/05/1991				Khá	812865	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1053	1053-K46E1		Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	02/08/1992				Giỏi	812866	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1054	1054-K46E1		Đỗ Thị	Quỳnh	Nữ	08/01/1992				Khá	812867	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1055	1055-K46E1		Nguyễn Mạnh	Thắng	Nam	22/06/1992				Khá	812868	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1056	1056-K46E1		Đặng Thị	Thơ	Nữ	13/02/1992				Khá	812869	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1057	1057-K46E1		Yang	Thong	Nam	18/05/1989				Khá	812870	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1058	1058-K46E1		Trần Minh	Thu	Nữ	19/07/1992				Giỏi	812871	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1059	1059-K46E1		Lê Thị	Tiếp	Nữ	24/11/1992				Khá	812872	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1060	1060-K46E1		Đào Thị Thu	Trang	Nữ	20/10/1992				Khá	812873	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1061	1061-K46E1		Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	07/12/1992				Khá	812874	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1062	1062-K46E1		Phùng Minh	Trang	Nữ	02/05/1992				Khá	812875	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1063	1063-K46E1		Mai Hà	Vi	Nữ	20/05/1992				Khá	812876	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1064	1064-K46E1		Trịnh Thị	Xuân	Nữ	03/07/1991				Khá	812877	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1065	1065-K46E1		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	10/12/1992				Khá	812878	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1066	1066-K46E1		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	02/09/1992				Khá	812879	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1067	1067-K46E2		Bùi Thị Kim	Anh	Nữ	24/01/1992				Khá	812880	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1068	1068-K46E2		Nguyễn Lan	Chi	Nữ	07/09/1992				Giỏi	812881	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1069	1069-K46E2		Hà Xuân	Diệu	Nữ	12/11/1992				Khá	812882	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1070	1070-K46E2		Trần Thùy	Dương	Nữ	21/10/1991				Khá	812883	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1071	1071-K46E2		Bùi Thị	Hoa	Nữ	21/05/1991				Giỏi	812884	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1072	1072-K46E2		Nguyễn Diệu	Hoa	Nữ	03/10/1992				Khá	812885	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1073	1073-K46E2		Vũ Thị Thanh	Hoa	Nữ	26/12/1992				Xuất sắc	812886	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1074	1074-K46E2		Lương Thị Khánh	Hòa	Nữ	04/02/1991				Khá	812887	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1075	1075-K46E2		Nguyễn Thị Ngọc	Hoàn	Nữ	13/08/1992				Khá	812888	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1076	1076-K46E2		Lê Thị	Hồng	Nữ	24/07/1992				Khá	812889	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1077	1077-K46E2		Nguyễn Công	Hưng	Nam	27/09/1992				Khá	812890	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1078	1078-K46E2		Dương Thị Mai	Hương	Nữ	02/11/1991				Khá	812891	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1079	1079-K46E2		Hoàng Thị	Hương	Nữ	14/05/1992				Giỏi	812892	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1080	1080-K46E2		Phạm Ngọc	Huy	Nam	27/11/1992				Khá	812893	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1081	1081-K46E2		Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	02/09/1992				Giỏi	812894	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1082	1082-K46E2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	27/08/1991				Khá	812895	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1083	1083-K46E2		Nguyễn Minh	Khánh	Nam	01/09/1992				Khá	812896	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1084	1084-K46E2		Lê Thị	Lan	Nữ	10/12/1991				Khá	812897	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1085	1085-K46E2		Lê Thị Hà	Linh	Nữ	12/10/1992				Khá	812898	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1086	1086-K46E2		Bùi Xuân	Lộc	Nam	25/03/1991				Trung bình	812899	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1087	1087-K46E2		Đoàn Minh	Lượng	Nam	12/03/1992				Khá	812900	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1088	1088-K46E2		Mã Hồng	Luyến	Nữ	24/04/1992				Khá	812901	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1089	1089-K46E2		Vũ Thị	Mai	Nữ	20/03/1992				Khá	812902	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1090	1090-K46E2		Vũ Thị Hoa	Mai	Nữ	29/09/1992				Khá	812903	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1091	1091-K46E2		Trần Thị Lê	Na	Nữ	27/11/1992				Khá	812904	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1092	1092-K46E2		Lê Hà Phương	Ngân	Nữ	20/07/1992				Khá	812905	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1093	1093-K46E2		Nguyễn Thị Thùy	Ngân	Nữ	29/06/1992				Khá	812906	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1094	1094-K46E2		Nguyễn Tuyết	Ngân	Nữ	20/06/1991				Khá	812907	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1095	1095-K46E2		Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	25/10/1992				Khá	812908	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1096	1096-K46E2		Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	16/07/1992				Giỏi	812909	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1097	1097-K46E2		Vũ Thị	Ngọc	Nữ	03/09/1992				Khá	812910	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1098	1098-K46E2		Lương Thị Thùy	Ninh	Nữ	26/06/1992				Khá	812911	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1099	1099-K46E2		Trần Thị	Phương	Nữ	11/10/1992				Khá	812912	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1100	1100-K46E2		Vũ Thị	Phượng	Nữ	27/07/1992				Khá	812913	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1101	1101-K46E2		Trịnh Thị	Tâm	Nữ	16/09/1992				Khá	812914	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1102	1102-K46E2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	22/12/1992				Khá	812915	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1103	1103-K46E2		Lưu Thị	Trang	Nữ	04/11/1992				Khá	812916	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1104	1104-K46E2		Nguyễn Thị Đài	Trang	Nữ	14/09/1992				Khá	812917	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1105	1105-K46E2		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	15/09/1992				Khá	812918	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1106	1106-K46E2		Đỗ Ngọc	Trung	Nam	08/10/1992				Trung bình	812919	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1107	1107-K46E2		Lại Thị	Yến	Nữ	19/04/1992				Khá	812920	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1108	1108-K46E3		Bùi Thị Hà	Anh	Nữ	07/11/1992				Khá	812921	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1109	1109-K46E3		Phạm Thị Thùy	Duyên	Nữ	14/10/1992				Khá	812922	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1110	1110-K46E3		Phan Thị Khánh	Hà	Nữ	06/07/1991				Khá	812923	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1111	1111-K46E3		Đỗ Thị	Hải	Nữ	25/12/1992				Khá	812924	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1112	1112-K46E3		Đinh Thị	Hạnh	Nữ	05/08/1992				Khá	812925	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1113	1113-K46E3		Bùi Hoàng	Hiệp	Nam	28/03/1991				Trung bình	812926	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1114	1114-K46E3		Đỗ Thị Minh	Hòa	Nữ	18/08/1992				Giỏi	812927	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1115	1115-K46E3		Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	24/05/1992				Khá	812928	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1116	1116-K46E3		Vũ Thị	Hồng	Nữ	08/11/1992				Giỏi	812929	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1117	1117-K46E3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	30/05/1992				Giỏi	812930	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1118	1118-K46E3		Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	06/09/1992				Khá	812931	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1119	1119-K46E3		Đặng Thị	Hường	Nữ	20/05/1992				Giỏi	812932	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1120	1120-K46E3		Dương Thị	Hường	Nữ	23/10/1992				Giỏi	812933	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1121	1121-K46E3		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	26/02/1992				Giỏi	812934	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1122	1122-K46E3		Tạ Thị	Huyền	Nữ	07/04/1992				Khá	812935	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1123	1123-K46E3		Trần Phương	Huyền	Nữ	14/03/1992				Khá	812936	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1124	1124-K46E3		Trần Thị	Liên	Nữ	12/11/1991				Khá	812937	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1125	1125-K46E3		Trần Thị	Ly	Nữ	10/08/1992				Khá	812938	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1126	1126-K46E3		Bùi Phương	Mai	Nữ	13/12/1992				Trung bình	812939	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1127	1127-K46E3		Đỗ Thị	Mai	Nữ	03/06/1991				Khá	812940	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1128	1128-K46E3		Đỗ Thị	May	Nữ	08/02/1992				Khá	812941	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1129	1129-K46E3		Nguyễn Thị Ngọc	Ngà	Nữ	04/12/1992				Khá	812942	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1130	1130-K46E3		Nguyễn Tài	Nguyên	Nam	25/08/1992				Khá	812943	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1131	1131-K46E3		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	04/04/1992				Khá	812944	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1132	1132-K46E3		Trần Trọng	Phúc	Nam	04/11/1992				Trung bình	812945	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1133	1133-K46E3		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	08/11/1992				Khá	812946	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1134	1134-K46E3		Mai Thị Bích	Phượng	Nữ	27/01/1992				Khá	812947	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1135	1135-K46E3		Trần Thị	Phượng	Nữ	08/06/1992				Khá	812948	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1136	1136-K46E3		Đào Như	Quỳnh	Nữ	06/10/1991				Trung bình	812949	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1137	1137-K46E3		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	01/10/1991				Khá	812950	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1138	1138-K46E3		Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	01/09/1992				Khá	812951	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1139	1139-K46E3		Nguyễn Văn	Thắng	Nam	03/02/1992				Khá	812952	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1140	1140-K46E3		Trần Phương	Thảo	Nữ	22/11/1992				Khá	812953	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1141	1141-K46E3		Đoàn Thị Hồng	Thúy	Nữ	23/08/1991				Khá	812954	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1142	1142-K46E3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	01/11/1992				Khá	812955	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1143	1143-K46E3		Lê Thị	Thùy	Nữ	05/06/1992				Giỏi	812956	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1144	1144-K46E3		Phạm Thị	Thuyên	Nữ	20/04/1992				Khá	812957	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1145	1145-K46E3		Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	31/07/1992				Giỏi	812958	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1146	1146-K46E3		Nguyễn Thị Hoài	Trang	Nữ	15/12/1991				Khá	812959	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1147	1147-K46E3		Tống Thị	Trang	Nữ	19/05/1991				Khá	812960	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1148	1148-K46E3		Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	02/10/1991				Giỏi	812961	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1149	1149-K46E3		Phạm Thị	Tươi	Nữ	19/05/1992				Khá	812962	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1150	1150-K46E4		Nguyễn Thanh	An	Nữ	18/02/1992				Khá	812963	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1151	1151-K46E4		Nguyễn Minh	Anh	Nam	03/04/1992				Khá	812964	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1152	1152-K46E4		Nguyễn Thị	Bắc	Nữ	06/07/1991				Khá	812965	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1153	1153-K46E4		Trần Thị	Chang	Nữ	08/08/1992				Khá	812966	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1154	1154-K46E4		Ngô Thị	Duyên	Nữ	03/08/1992				Giỏi	812967	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1155	1155-K46E4		Nguyễn Ngọc	Giang	Nữ	20/11/1992				Khá	812968	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1156	1156-K46E4		Nguyễn Văn	Giang	Nam	26/03/1992				Khá	812969	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1157	1157-K46E4		Đỗ Thúy	Hằng	Nữ	14/07/1992				Khá	812970	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1158	1158-K46E4		Đỗ Hồng	Hạnh	Nữ	16/01/1993				Khá	812971	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1159	1159-K46E4		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	05/09/1992				Khá	812972	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1160	1160-K46E4		Chu Thị Thu	Hương	Nữ	24/04/1992				Giỏi	812973	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1161	1161-K46E4		Huỳnh Thị	Hường	Nữ	26/02/1992				Giỏi	812974	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1162	1162-K46E4		Quách Thu	Huyền	Nữ	06/11/1992				Khá	812975	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1163	1163-K46E4		Lê Văn	Khôi	Nam	10/08/1992				Khá	812976	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1164	1164-K46E4		Khuất Thị	Khuyến	Nữ	26/03/1992				Khá	812977	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1165	1165-K46E4		Ngô Thị Hạnh	Lê	Nữ	22/09/1992				Khá	812978	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1166	1166-K46E4		Đào Thị Diệu	Linh	Nữ	21/01/1992				Trung bình	812979	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1167	1167-K46E4		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	10/09/1992				Khá	812980	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1168	1168-K46E4		Trần Mỹ	Linh	Nữ	13/12/1992				Khá	812981	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1169	1169-K46E4		Hoàng Văn	Lộc	Nam	07/12/1992				Khá	812982	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1170	1170-K46E4		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	05/12/1992				Khá	812983	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1171	1171-K46E4		Trần Tuấn	Minh	Nam	03/06/1991				Khá	812984	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1172	1172-K46E4		Lê Thị	Mùi	Nữ	02/05/1991				Khá	812985	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1173	1173-K46E4		Trần Thị Trà	My	Nữ	26/09/1992				Khá	812986	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1174	1174-K46E4		Phạm Thị	Nga	Nữ	30/03/1992				Khá	812987	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1175	1175-K46E4		Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	25/12/1992				Khá	812988	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1176	1176-K46E4		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/11/1992				Khá	812989	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1177	1177-K46E4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	28/07/1992				Khá	812990	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1178	1178-K46E4		Trần Minh	Sỹ	Nam	22/06/1992				Khá	812991	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1179	1179-K46E4		Vũ Thị	Tập	Nữ	08/05/1992				Khá	812992	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1180	1180-K46E4		Phạm Thị	Thắm	Nữ	03/10/1992				Khá	812993	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1181	1181-K46E4		Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	03/09/1992				Khá	812994	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1182	1182-K46E4		Mẫn Thị	Thao	Nữ	16/02/1990				Khá	812995	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1183	1183-K46E4		Nguyễn Văn	Thiết	Nam	11/10/1992				Trung bình	812996	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1184	1184-K46E4		Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	01/07/1991				Khá	812997	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1185	1185-K46E4		Vũ Thị	Thúy	Nữ	03/08/1992				Khá	812998	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1186	1186-K46E4		Lưu Thị Huyền	Trang	Nữ	28/11/1992				Khá	812999	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1187	1187-K46E4		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	25/11/1992				Khá	813000	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1188	1188-K46E4		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	15/02/1992				Khá	813001	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1189	1189-K46E4		Phạm Thu	Trang	Nữ	26/08/1992				Khá	813002	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1190	1190-K46E4		Nguyễn Xuân	Trường	Nam	14/10/1992				Khá	813003	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1191	1191-K46E4		Ngô Hùng	Tuấn	Nam	06/02/1992				Trung bình	813004	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1192	1192-K46E4		Phạm Thị	Tuyết	Nữ	10/08/1992				Giỏi	813005	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1193	1193-K46E4		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	28/02/1992				Khá	813006	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1194	1194-K46E4		Lưu Khánh	Vinh	Nam	29/05/1992				Trung bình	813007	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1195	1195-K46E5		Ngô Thị Ngọc	Anh	Nữ	16/09/1992				Giỏi	813008	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1196	1196-K46E5		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	18/08/1991				Trung bình	813009	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1197	1197-K46E5		Phan Thị	ánh	Nữ	18/07/1992				Khá	813010	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1198	1198-K46E5		Phạm Thị Thanh	Dung	Nữ	22/01/1991				Khá	813011	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1199	1199-K46E5		Hoàng Thị Việt	Hà	Nữ	10/10/1992				Khá	813012	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1200	1200-K46E5		Chu Thị Thúy	Hằng	Nữ	13/04/1992				Khá	813013	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1201	1201-K46E5		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	10/07/1991				Khá	813014	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1202	1202-K46E5		Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	03/08/1992				Khá	813015	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1203	1203-K46E5		Vũ Thị Thu	Hằng	Nữ	30/08/1992				Khá	813016	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1204	1204-K46E5		Trần Thị Thu	Hoa	Nữ	24/09/1992				Giỏi	813017	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1205	1205-K46E5		Lê Thị	Huê	Nữ	28/01/1991				Khá	813018	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1206	1206-K46E5		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	11/12/1992				Khá	813019	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1207	1207-K46E5		Nguyễn Thị Diệu	Hương	Nữ	10/01/1991				Giỏi	813020	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1208	1208-K46E5		Chử Thị Thu	Hường	Nữ	17/08/1991				Khá	813021	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1209	1209-K46E5		Ninh Thị	Lan	Nữ	07/08/1992				Giỏi	813022	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1210	1210-K46E5		Bùi Khánh	Linh	Nữ	14/12/1992				Khá	813023	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1211	1211-K46E5		Ngô Hà	Linh	Nữ	16/11/1991				Khá	813024	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1212	1212-K46E5		Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	19/12/1992				Khá	813025	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1213	1213-K46E5		Nguyễn Thúy	Luật	Nữ	26/05/1992				Khá	813026	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1214	1214-K46E5		Nguyễn Văn	Lương	Nam	05/10/1992				Khá	813027	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1215	1215-K46E5		Trần Thị	Lương	Nữ	05/09/1992				Khá	813028	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1216	1216-K46E5		Ngô Thị Thanh	Mai	Nữ	28/11/1992				Khá	813029	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1217	1217-K46E5		Vũ Thị Hằng	Nga	Nữ	04/06/1992				Khá	813030	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1218	1218-K46E5		Trần Thu	Ngân	Nữ	26/08/1992				Khá	813031	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1219	1219-K46E5		Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	08/05/1992				Trung bình	813032	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1220	1220-K46E5		Nguyễn Thị Anh	Quỳnh	Nữ	26/09/1992				Khá	813033	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1221	1221-K46E5		Trần Thị Ngọc	Sơn	Nữ	04/01/1992				Khá	813034	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1222	1222-K46E5		Đỗ Phương	Thảo	Nữ	24/11/1992				Khá	813035	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1223	1223-K46E5		Trần Thị	Thoa	Nữ	29/07/1992				Khá	813036	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1224	1224-K46E5		Trần Hồ	Thu	Nữ	15/12/1991				Khá	813037	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1225	1225-K46E5		Đặng Thị	Thúy	Nữ	15/08/1992				Giỏi	813038	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1226	1226-K46E5		Lê Thị	Thúy	Nữ	25/06/1992				Khá	813039	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1227	1227-K46E5		Đặng Thị	Thùy	Nữ	15/08/1991				Giỏi	813040	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1228	1228-K46E5		Trần Thị Thu	Thùy	Nữ	17/02/1992				Khá	813041	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1229	1229-K46E5		Hồ Thị Bích	Trâm	Nữ	03/02/1992				Khá	813042	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1230	1230-K46E5		Đặng Thị	Trang	Nữ	28/10/1992				Khá	813043	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1231	1231-K46E5		Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	10/12/1992				Khá	813044	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1232	1232-K46E5		Nguyễn Văn	Tuyên	Nam	25/05/1992				Trung bình	813045	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1233	1233-K46E5		Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	29/10/1992				Giỏi	813046	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1234	1234-K46E5		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	01/01/1992				Giỏi	813047	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1235	1235-K46E5		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	06/07/1992				Khá	813048	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1236	1236-K46E5		Trần Thu	Vân	Nữ	03/02/1992				Khá	813049	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1237	1237-K46E5		Hoàng Thị	Yến	Nữ	24/03/1991				Giỏi	813050	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1238	1238-K46E5		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	25/11/1992				Khá	813051	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1239	1239-K46F1		Trần Thị	Bích	Nữ	27/01/1992				Khá	813052	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1240	1240-K46F1		Tô Quang	Cường	Nam	02/12/1992				Khá	813053	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1241	1241-K46F1		Ngô Thị	Dung	Nữ	10/02/1992				Khá	813054	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1242	1242-K46F1		Phan Thị	Dung	Nữ	19/09/1992				Khá	813055	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1243	1243-K46F1		Trần Thị	Dung	Nữ	03/05/1992				Khá	813056	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1244	1244-K46F1		Nguyễn Thị Bích	Giang	Nữ	27/08/1992				Khá	813057	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1245	1245-K46F1		Trần Thị	Hằng	Nữ	22/12/1992				Giỏi	813058	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1246	1246-K46F1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	11/04/1991				Khá	813059	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1247	1247-K46F1		Bùi Trung	Hoàn	Nam	23/05/1992				Khá	813060	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1248	1248-K46F1		Ngô Thị Minh	Hồng	Nữ	28/10/1992				Khá	813061	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1249	1249-K46F1		Đỗ Thị	Hương	Nữ	10/06/1992				Khá	813062	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1250	1250-K46F1		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	11/06/1992				Khá	813063	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1251	1251-K46F1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	02/06/1992				Khá	813064	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1252	1252-K46F1		Phạm Thị	Huyền	Nữ	12/01/1992				Khá	813065	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1253	1253-K46F1		Vi Tùng	Khánh	Nam	16/02/1991				Trung bình	813066	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1254	1254-K46F1		Phạm Thị	Lan	Nữ	02/02/1992				Khá	813067	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1255	1255-K46F1		Nguyễn Thị	Lành	Nữ	26/01/1992				Khá	813068	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1256	1256-K46F1		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	21/12/1992				Khá	813069	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1257	1257-K46F1		Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	23/11/1992				Giỏi	813070	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1258	1258-K46F1		Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	20/12/1992				Khá	813071	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1259	1259-K46F1		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	25/06/1992				Giỏi	813072	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1260	1260-K46F1		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	06/11/1992				Khá	813073	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1261	1261-K46F1		Phạm Thị	Loan	Nữ	07/10/1992				Khá	813074	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1262	1262-K46F1		Lê Thị	Lương	Nữ	04/07/1992				Khá	813075	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1263	1263-K46F1		Nguyễn Đình	Minh	Nam	10/12/1992				Khá	813076	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1264	1264-K46F1		Trần Khánh	Minh	Nam	13/02/1992				Khá	813077	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1265	1265-K46F1		Lê Thị	Mỹ	Nữ	16/04/1992				Giỏi	813078	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1266	1266-K46F1		Nguyễn Thị	Nam	Nữ	06/11/1992				Khá	813079	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1267	1267-K46F1		Lê Thị	Nga	Nữ	08/06/1992				Khá	813080	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1268	1268-K46F1		Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	09/11/1992				Khá	813081	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1269	1269-K46F1		Lê Thị	Ngoan	Nữ	04/11/1992				Khá	813082	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1270	1270-K46F1		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	03/05/1992				Giỏi	813083	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1271	1271-K46F1		Nguyễn Quang	Phúc	Nam	17/01/1992				Khá	813084	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1272	1272-K46F1		Đỗ Thị Mai	Phương	Nữ	22/12/1992				Khá	813085	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1273	1273-K46F1		Vũ Thị Hải	Phương	Nữ	11/10/1992				Khá	813086	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1274	1274-K46F1		Lại Văn	Quân	Nam	17/02/1992				Khá	813087	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1275	1275-K46F1		Nguyễn Thị	Sâm	Nữ	15/08/1992				Khá	813088	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1276	1276-K46F1		Vũ Thị	Thắm	Nữ	05/01/1991				Khá	813089	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1277	1277-K46F1		Đặng Thị	Thanh	Nữ	02/03/1992				Giỏi	813090	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1278	1278-K46F1		Trịnh Thị	Thanh	Nữ	13/11/1992				Khá	813091	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1279	1279-K46F1		Nguyễn Tiến	Thành	Nam	10/04/1992				Khá	813092	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1280	1280-K46F1		Lê Thị	Thúy	Nữ	22/12/1992				Khá	813093	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1281	1281-K46F1		Đỗ Thế	Tiến	Nam	23/04/1992				Khá	813094	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1282	1282-K46F1		Ngô Văn	Tiến	Nam	03/08/1992				Khá	813095	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1283	1283-K46F1		Phạm Văn	Toàn	Nam	16/06/1992				Trung bình	813096	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1284	1284-K46F1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	01/06/1992				Giỏi	813097	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1285	1285-K46F1		Nguyễn Đặng	Trường	Nam	06/05/1992				Khá	813098	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1286	1286-K46F1		Phan Văn	Tuấn	Nam	09/09/1992				Khá	813099	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1287	1287-K46F1		Lê Thanh	Tùng	Nam	02/02/1991				Khá	813100	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1288	1288-K46F1		Khổng Thị Kim	Tuyến	Nữ	24/11/1992				Khá	813101	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1289	1289-K46F1		Lê Thị Tố	Uyên	Nữ	06/03/1992				Khá	813102	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1290	1290-K46F1		Đỗ Thị	Vân	Nữ	29/08/1992				Khá	813103	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1291	1291-K46F1		Dương Thị Hải	Yến	Nữ	24/05/1992				Khá	813104	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1292	1292-K46F2		Dương Ngọc	Anh	Nữ	26/09/1992				Khá	813105	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1293	1293-K46F2		Hà Thị Kim	Chi	Nữ	31/12/1992				Khá	813106	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1294	1294-K46F2		Nguyễn Thị	Chiên	Nữ	24/02/1992				Khá	813107	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1295	1295-K46F2		Dương Minh Hoàng	Đạt	Nam	21/04/1992				Trung bình	813108	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1296	1296-K46F2		Vũ Phương	Dung	Nữ	10/03/1992				Khá	813109	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1297	1297-K46F2		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	16/10/1992				Khá	813110	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1298	1298-K46F2		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	07/06/1992				Khá	813111	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1299	1299-K46F2		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	06/12/1992				Khá	813112	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1300	1300-K46F2		Trịnh Thị	Hải	Nữ	11/04/1992				Khá	813113	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1301	1301-K46F2		Phạm Việt	Hưng	Nam	15/12/1992				Khá	813114	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1302	1302-K46F2		Bùi Thị Thảo	Hương	Nữ	24/08/1992				Giỏi	813115	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1303	1303-K46F2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	13/11/1991				Khá	813116	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1304	1304-K46F2		Trần Thị	Hương	Nữ	10/09/1992				Khá	813117	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1305	1305-K46F2		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	22/11/1991				Giỏi	813118	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1306	1306-K46F2		Nguyễn Thị	Lanh	Nữ	06/08/1992				Khá	813119	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1307	1307-K46F2		Trần Thị	Liên	Nữ	30/04/1992				Khá	813120	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1308	1308-K46F2		Nguyễn Thị	Ly	Nữ	29/08/1992				Khá	813121	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1309	1309-K46F2		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	12/03/1992				Khá	813122	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1310	1310-K46F2		Đặng Thị Bình	Minh	Nữ	15/12/1991				Khá	813123	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1311	1311-K46F2		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	12/03/1992				Khá	813124	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1312	1312-K46F2		Vũ Thị	Ngân	Nữ	07/01/1991				Khá	813125	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1313	1313-K46F2		Ngô Thị	Ngọc	Nữ	15/11/1990				Giỏi	813126	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1314	1314-K46F2		Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	25/02/1992				Giỏi	813127	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1315	1315-K46F2		Đặng Thị	Nhung	Nữ	21/10/1992				Khá	813128	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1316	1316-K46F2		Lê Thị	Nhung	Nữ	12/07/1992				Khá	813129	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1317	1317-K46F2		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/07/1992				Giỏi	813130	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1318	1318-K46F2		Trần Thị	Nhung	Nữ	04/03/1992				Khá	813131	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1319	1319-K46F2		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/03/1992				Khá	813132	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1320	1320-K46F2		Phạm Thị	Phượng	Nữ	16/03/1992				Khá	813133	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1321	1321-K46F2		Phạm Thị	Quyên	Nữ	01/09/1992				Khá	813134	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1322	1322-K46F2		Nguyễn Thị Chúc	Quỳnh	Nữ	03/11/1992				Khá	813135	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1323	1323-K46F2		Lê Thị	Tâm	Nữ	18/03/1992				Khá	813136	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1324	1324-K46F2		An Thị Thanh	Thanh	Nữ	18/07/1992				Giỏi	813137	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1325	1325-K46F2		Phạm Công	Thành	Nam	22/02/1992				Khá	813138	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1326	1326-K46F2		Nguyễn Đức	Thiện	Nam	23/08/1992				Khá	813139	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1327	1327-K46F2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/04/1992				Khá	813140	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1328	1328-K46F2		Phan Thị	Thùy	Nữ	10/01/1992				Giỏi	813141	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1329	1329-K46F2		Nguyễn Đình	Tiến	Nam	01/06/1991				Khá	813142	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1330	1330-K46F2		Trần Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	18/12/1992				Giỏi	813143	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1331	1331-K46F2		Vũ Thị	Trang	Nữ	19/10/1992				Khá	813144	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1332	1332-K46F2		Tô Thành	Trung	Nam	10/10/1991				Khá	813145	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1333	1333-K46F2		Trần Anh	Tuấn	Nam	19/09/1992				Khá	813146	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1334	1334-K46F2		Đỗ Văn	Tuyên	Nam	12/11/1992				Khá	813147	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1335	1335-K46F2		Bùi Thị Tố	Uyên	Nữ	20/12/1992				Khá	813148	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1336	1336-K46F2		Hà Quỳnh	Vân	Nữ	17/04/1992				Khá	813149	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1337	1337-K46F2		Trịnh Hải	Vân	Nữ	17/01/1992				Khá	813150	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1338	1338-K46F2		Dương Tuấn	Vinh	Nam	12/06/1992				Khá	813151	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1339	1339-K46F3		Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	20/08/1992				Khá	813152	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1340	1340-K46F3		Trần Đức	Anh	Nam	18/01/1992				Khá	813153	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1341	1341-K46F3		Ngô Thị	Chuyền	Nữ	14/09/1992				Khá	813154	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1342	1342-K46F3		Trần Văn	Điền	Nam	18/05/1992				Khá	813155	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1343	1343-K46F3		Nguyễn Phương	Dung	Nữ	25/08/1991				Khá	813156	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1344	1344-K46F3		Lương Thế	Dương	Nam	09/08/1991				Khá	813157	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1345	1345-K46F3		Nguyễn Thị An	Giang	Nữ	15/10/1992				Giỏi	813158	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1346	1346-K46F3		Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	03/03/1992				Khá	813159	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1347	1347-K46F3		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	01/08/1992				Giỏi	813160	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1348	1348-K46F3		Tào Thị Thu	Hiền	Nữ	21/03/1991				Khá	813161	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1349	1349-K46F3		Nguyễn Thị Yến	Hoa	Nữ	26/08/1992				Giỏi	813162	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1350	1350-K46F3		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	20/08/1992				Khá	813163	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1351	1351-K46F3		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	26/06/1992				Khá	813164	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1352	1352-K46F3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/07/1991				Giỏi	813165	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1353	1353-K46F3		Phạm Thị	Hương	Nữ	01/04/1992				Khá	813166	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1354	1354-K46F3		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	24/06/1992				Khá	813167	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1355	1355-K46F3		Nguyễn Ngọc	Khánh	Nam	17/02/1992				Khá	813168	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1356	1356-K46F3		Nguyễn Thị Phương	Lan	Nữ	07/07/1992				Giỏi	813169	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1357	1357-K46F3		Vương Thị	Liên	Nữ	06/11/1991				Giỏi	813170	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1358	1358-K46F3		Phạm Thị	Linh	Nữ	12/11/1992				Giỏi	813171	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1359	1359-K46F3		Chu Thị	Lý	Nữ	17/06/1992				Khá	813172	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1360	1360-K46F3		Lê Thị Hồng	Nga	Nữ	15/12/1992				Khá	813173	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1361	1361-K46F3		Phạm Thị	Nga	Nữ	19/12/1991				Khá	813174	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1362	1362-K46F3		Dương Thị	Nhung	Nữ	10/10/1992				Khá	813175	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1363	1363-K46F3		Trần Thị	Nhung	Nữ	25/06/1992				Giỏi	813176	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1364	1364-K46F3		Vũ Thị	Nhung	Nữ	02/11/1992				Khá	813177	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1365	1365-K46F3		Đặng Mai	Phương	Nữ	30/09/1992				Khá	813178	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1366	1366-K46F3		Lê Thị Thu	Quỳnh	Nữ	29/11/1992				Khá	813179	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1367	1367-K46F3		Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	03/02/1992				Khá	813180	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1368	1368-K46F3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	06/09/1992				Khá	813181	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1369	1369-K46F3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	20/01/1992				Khá	813182	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1370	1370-K46F3		Trần Thu	Thảo	Nữ	12/02/1992				Khá	813183	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1371	1371-K46F3		Nguyễn Kim	Thi	Nữ	13/11/1992				Khá	813184	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1372	1372-K46F3		Cấn Thị Phương	Thúy	Nữ	18/02/1992				Xuất sắc	813185	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1373	1373-K46F3		Phan Thị Thanh	Thúy	Nữ	23/10/1992				Khá	813186	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1374	1374-K46F3		Trần Thị	Thùy	Nữ	20/06/1992				Khá	813187	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1375	1375-K46F3		Nguyễn Thừa	Tiến	Nam	12/10/1992				Khá	813188	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1376	1376-K46F3		Phạm Thị	Toàn	Nữ	20/04/1992				Khá	813189	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1377	1377-K46F3		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	05/01/1992				Khá	813190	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1378	1378-K46F3		Phạm Anh	Tùng	Nam	29/12/1992				Trung bình	813191	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1379	1379-K46F3		Nguyễn Thị	Vụ	Nữ	18/03/1992				Khá	813192	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1380	1380-K46F3		Nguyễn Thị Kim	Xuân	Nữ	26/02/1992				Xuất sắc	813193	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1381	1381-K46F3		Thân Thị	Xuân	Nữ	17/01/1992				Khá	813194	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1382	1382-K46F3		Đồng Thị	Yến	Nữ	16/04/1992				Khá	813195	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1383	1383-K46F4		Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	10/09/1992				Khá	813196	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1384	1384-K46F4		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	06/05/1991				Giỏi	813197	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1385	1385-K46F4		Nguyễn Thị	Chích	Nữ	22/01/1992				Giỏi	813198	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1386	1386-K46F4		Thiều Khắc	Chung	Nam	26/06/1989				Trung bình	813199	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1387	1387-K46F4		Đỗ Thị	Cốm	Nữ	21/09/1992				Giỏi	813200	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1388	1388-K46F4		Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	02/10/1992				Khá	813201	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1389	1389-K46F4		Nguyễn Khánh	Dư	Nam	17/06/1992				Trung bình	813202	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1390	1390-K46F4		Đỗ Thị	Dung	Nữ	21/10/1992				Khá	813203	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1391	1391-K46F4		Hoàng Thị Hồng	Hà	Nữ	18/12/1992				Khá	813204	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1392	1392-K46F4		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	21/12/1992				Khá	813205	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1393	1393-K46F4		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20/02/1992				Giỏi	813206	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1394	1394-K46F4		Bùi Thị Thu	Hằng	Nữ	28/07/1992				Khá	813207	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1395	1395-K46F4		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	22/12/1992				Giỏi	813208	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1396	1396-K46F4		Hoàng Thị	Hòa	Nữ	06/11/1991				Khá	813209	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1397	1397-K46F4		Lê Thị Thu	Hoài	Nữ	20/08/1992				Khá	813210	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1398	1398-K46F4		Vũ Thị	Hồng	Nữ	17/06/1992				Khá	813211	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1399	1399-K46F4		Hoàng Thị	Hương	Nữ	05/01/1992				Khá	813212	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1400	1400-K46F4		Phạm Việt	Hương	Nữ	19/04/1992				Giỏi	813213	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1401	1401-K46F4		Trần Thị Lan	Hương	Nữ	12/10/1992				Khá	813214	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1402	1402-K46F4		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	20/05/1992				Khá	813215	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1403	1403-K46F4		Hà Thị Thu	Huyền	Nữ	06/03/1991				Khá	813216	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1404	1404-K46F4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	30/01/1992				Khá	813217	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1405	1405-K46F4		Lê Thị	Kiều	Nữ	19/09/1992				Giỏi	813218	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1406	1406-K46F4		Hoàng Thị	Lanh	Nữ	24/10/1992				Khá	813219	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1407	1407-K46F4		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	26/07/1992				Khá	813220	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1408	1408-K46F4		Phan Thị	Loan	Nữ	02/11/1992				Giỏi	813221	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1409	1409-K46F4		Phạm Thị	Mai	Nữ	29/10/1992				Giỏi	813222	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1410	1410-K46F4		Dương Thị Lệ	Mỹ	Nữ	28/09/1992				Giỏi	813223	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1411	1411-K46F4		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	16/04/1992				Khá	813224	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1412	1412-K46F4		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	21/06/1992				Khá	813225	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1413	1413-K46F4		Nguyễn Văn	Ninh	Nam	21/12/1992				Khá	813226	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1414	1414-K46F4		Đỗ Thị	Oanh	Nữ	24/01/1992				Khá	813227	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1415	1415-K46F4		Nguyễn Đình	Phú	Nam	24/09/1992				Khá	813228	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1416	1416-K46F4		Vũ Thị Thu	Phương	Nữ	24/12/1992				Khá	813229	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1417	1417-K46F4		Nguyễn Thị Mai	Phượng	Nữ	22/03/1992				Khá	813230	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1418	1418-K46F4		Tô Văn	Quân	Nam	04/11/1991				Khá	813231	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1419	1419-K46F4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	10/03/1992				Giỏi	813232	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1420	1420-K46F4		Lê Thị	Thu	Nữ	05/10/1992				Khá	813233	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1421	1421-K46F4		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	07/09/1992				Giỏi	813234	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1422	1422-K46F4		Nguyễn Thị Mỹ	Thùy	Nữ	05/05/1991				Khá	813235	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1423	1423-K46F4		Đoàn Thị	Trang	Nữ	17/01/1992				Khá	813236	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1424	1424-K46F4		Ngô Thị Quỳnh	Trang	Nữ	29/02/1992				Khá	813237	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1425	1425-K46F4		Nguyễn Viết	Ước	Nam	14/06/1992				Khá	813238	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1426	1426-K46F4		Lâm Thị	Xuân	Nữ	09/04/1992				Khá	813239	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1427	1427-K46F4		Nguyễn Minh	Xuân	Nam	19/11/1992				Khá	813240	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1428	1428-K46F4		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	17/08/1992				Giỏi	813241	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1429	1429-K46F5		Mai Quốc	Anh	Nam	08/07/1992				Trung bình	813242	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1430	1430-K46F5		Trịnh Đức	Cảnh	Nam	25/08/1992				Khá	813243	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1431	1431-K46F5		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	03/10/1992				Khá	813244	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1432	1432-K46F5		Bùi Đức	Dũng	Nam	02/02/1992				Khá	813245	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1433	1433-K46F5		Hà Thế	Dương	Nam	02/10/1992				Khá	813246	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1434	1434-K46F5		Hoàng Thị Thùy	Dương	Nữ	05/10/1992				Khá	813247	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1435	1435-K46F5		Lê Thị Kim	Hằng	Nữ	17/05/1992				Giỏi	813248	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1436	1436-K46F5		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	24/07/1992				Giỏi	813249	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1437	1437-K46F5		Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	03/11/1992				Khá	813250	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1438	1438-K46F5		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	17/12/1992				Khá	813251	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1439	1439-K46F5		Mạc Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	21/10/1992				Khá	813252	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1440	1440-K46F5		Vũ Thị	Hoa	Nữ	01/12/1992				Giỏi	813253	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1441	1441-K46F5		Dương Thị	Hoài	Nữ	04/10/1992				Giỏi	813254	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1442	1442-K46F5		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	10/11/1993				Giỏi	813255	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1443	1443-K46F5		Phạm Thị	Huế	Nữ	03/01/1992				Khá	813256	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1444	1444-K46F5		Tạ Thu	Hường	Nữ	09/11/1992				Khá	813257	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1445	1445-K46F5		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	23/10/1992				Khá	813258	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1446	1446-K46F5		Vũ Thị	Huyền	Nữ	20/04/1992				Khá	813259	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1447	1447-K46F5		Vũ Thị	Huyền	Nữ	14/10/1992				Khá	813260	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1448	1448-K46F5		Tạ Văn	Khiển	Nam	17/07/1991				Khá	813261	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1449	1449-K46F5		Nguyễn Thị	Lâm	Nữ	08/10/1992				Khá	813262	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1450	1450-K46F5		Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	28/12/1992				Khá	813263	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1451	1451-K46F5		Nguyễn Văn	Linh	Nam	28/09/1991				Khá	813264	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1452	1452-K46F5		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	01/07/1992				Khá	813265	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1453	1453-K46F5		Phạm Thị	Mai	Nữ	19/01/1992				Giỏi	813266	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1454	1454-K46F5		Nguyễn Công	Mạnh	Nam	04/06/1992				Khá	813267	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1455	1455-K46F5		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	20/09/1992				Giỏi	813268	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1456	1456-K46F5		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	20/12/1992				Khá	813269	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1457	1457-K46F5		Trương Thị	Nga	Nữ	23/07/1991				Khá	813270	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1458	1458-K46F5		Trần Thị	Ngọc	Nữ	01/01/1992				Giỏi	813271	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1459	1459-K46F5		Đỗ Thị	Nhung	Nữ	13/06/1991				Giỏi	813272	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1460	1460-K46F5		Đỗ Thị Kim	Oanh	Nữ	06/07/1992				Giỏi	813273	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1461	1461-K46F5		Nguyễn Đức	Phiên	Nam	28/12/1992				Khá	813274	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1462	1462-K46F5		Lê Thị	Quý	Nữ	29/06/1992				Giỏi	813275	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1463	1463-K46F5		Nguyễn Mạnh	Quyền	Nam	10/07/1990				Khá	813276	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1464	1464-K46F5		Ngô Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	05/07/1992				Khá	813277	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1465	1465-K46F5		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	06/06/1992				Khá	813278	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1466	1466-K46F5		Nguyễn Tuấn	Thành	Nam	19/05/1992				Khá	813279	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1467	1467-K46F5		Nguyễn Xuân	Thành	Nam	11/08/1992				Khá	813280	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1468	1468-K46F5		Nguyễn Hoàng	Thảo	Nữ	18/10/1992				Khá	813281	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1469	1469-K46F5		Trần Thị	Thu	Nữ	25/02/1992				Giỏi	813282	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1470	1470-K46F5		Trương Thanh	Thủy	Nữ	08/10/1992				Khá	813283	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1471	1471-K46F5		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	29/06/1991				Khá	813284	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1472	1472-K46F5		Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	27/04/1992				Giỏi	813285	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1473	1473-K46F5		Đào Minh	Tùng	Nam	07/11/1992				Giỏi	813286	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1474	1474-K46F5		Đào Thị Hồng	Vân	Nữ	17/02/1992				Giỏi	813287	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1475	1475-K46F5		Nguyễn Thị	Xoan	Nữ	22/12/1991				Giỏi	813288	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1476	1476-K46F5		Trần Hồng	Xuyến	Nữ	16/10/1992				Giỏi	813289	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1477	1477-K46F5		Hoàng Thị	Yến	Nữ	22/08/1992				Khá	813290	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1478	1478-K46H1		Lê Tuấn	Anh	Nam	17/10/1992				Khá	813291	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1479	1479-K46H1		Ngô Thị Lan	Anh	Nữ	17/05/1992				Giỏi	813292	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1480	1480-K46H1		Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	02/02/1992				Khá	813293	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1481	1481-K46H1		Trần Văn	Cường	Nam	23/10/1992				Khá	813294	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1482	1482-K46H1		Nông Văn	Đăng	Nam	14/03/1992				Khá	813295	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1483	1483-K46H1		Lê Thị	Dung	Nữ	04/10/1992				Giỏi	813296	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1484	1484-K46H1		Vũ Thị	Dung	Nữ	25/08/1992				Giỏi	813297	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1485	1485-K46H1		Nguyễn Duy	Dũng	Nam	29/02/1992				Khá	813298	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1486	1486-K46H1		Phan Thị	Giang	Nữ	20/11/1992				Giỏi	813299	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1487	1487-K46H1		Lê Thu	Hà	Nữ	22/03/1992				Giỏi	813300	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1488	1488-K46H1		Nguyễn Đỗ Thiện	Hải	Nam	04/08/1992				Giỏi	813301	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1489	1489-K46H1		Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	20/10/1992				Khá	813302	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1490	1490-K46H1		Phan Thị	Hằng	Nữ	09/04/1992				Khá	813303	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1491	1491-K46H1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	12/06/1992				Giỏi	813304	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1492	1492-K46H1		Nguyễn Quang	Hào	Nam	31/08/1992				Khá	813305	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1493	1493-K46H1		Hồ Thanh	Hiền	Nữ	06/03/1991				Khá	813306	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1494	1494-K46H1		Đoàn Thị Thanh	Hòa	Nữ	19/11/1992				Giỏi	813307	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1495	1495-K46H1		Đặng Thị	Huyền	Nữ	26/01/1992				Giỏi	813308	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1496	1496-K46H1		Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	01/10/1992				Khá	813309	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1497	1497-K46H1		Chu Thị Diệu	Ly	Nữ	11/07/1992				Khá	813310	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1498	1498-K46H1		Lê Thị	Lý	Nữ	03/10/1992				Khá	813311	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1499	1499-K46H1		Trần Thị	Mai	Nữ	30/12/1991				Khá	813312	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1500	1500-K46H1		Phùng Quang	Mạnh	Nam	06/01/1992				Khá	813313	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1501	1501-K46H1		Nguyễn Thị Ngọc	Ngoan	Nữ	06/01/1992				Giỏi	813314	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1502	1502-K46H1		Ngô Bảo	Ngọc	Nữ	23/11/1992				Khá	813315	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1503	1503-K46H1		Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	15/09/1992				Khá	813316	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1504	1504-K46H1		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	02/07/1992				Khá	813317	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1505	1505-K46H1		Vũ Thị	Phượng	Nữ	13/06/1992				Khá	813318	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1506	1506-K46H1		Phạm Xuân	Quảng	Nam	06/02/1992				Khá	813319	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1507	1507-K46H1		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	16/05/1991				Trung bình	813320	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1508	1508-K46H1		Vũ Thúy	Quỳnh	Nữ	21/03/1993				Khá	813321	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1509	1509-K46H1		Nguyễn Ngân	Sơn	Nam	23/09/1992				Khá	813322	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1510	1510-K46H1		Lê Văn	Thành	Nam	02/06/1992				Khá	813323	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1511	1511-K46H1		Nguyễn Nhân	Thao	Nam	04/04/1992				Trung bình	813324	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1512	1512-K46H1		Phạm Thị	Thơ	Nữ	25/03/1992				Khá	813325	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1513	1513-K46H1		Cao Thị Hoài	Thu	Nữ	24/06/1991				Khá	813326	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1514	1514-K46H1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	04/05/1992				Khá	813327	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1515	1515-K46H1		Phan Thị	Thùy	Nữ	20/04/1992				Khá	813328	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1516	1516-K46H1		Lê Thị	Trang	Nữ	14/09/1992				Giỏi	813329	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1517	1517-K46H1		Mai Thị	Trang	Nữ	29/10/1992				Khá	813330	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1518	1518-K46H1		Trần Thị	Trang	Nữ	05/12/1992				Giỏi	813331	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1519	1519-K46H1		Bùi	Tùng	Nam	30/06/1992				Khá	813332	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1520	1520-K46H2		Nguyễn Quang	An	Nam	01/09/1991				Khá	813333	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1521	1521-K46H2		Nguyễn Doãn Quỳnh	Anh	Nữ	02/10/1991				Khá	813334	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1522	1522-K46H2		Trần Tuấn	Anh	Nam	12/01/1992				Khá	813335	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1523	1523-K46H2		Văn Thế	Đạt	Nam	04/09/1992				Khá	813336	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1524	1524-K46H2		Hoàng Thị Hồng	Diên	Nữ	12/09/1991				Khá	813337	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1525	1525-K46H2		Đinh Thị	Diễn	Nữ	06/06/1991				Khá	813338	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1526	1526-K46H2		Trịnh Đình	Dinh	Nam	05/09/1992				Khá	813339	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1527	1527-K46H2		Trần Văn	Đội	Nam	30/05/1992				Trung bình	813340	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1528	1528-K46H2		Đậu Xuân	Duy	Nam	10/08/1992				Trung bình	813341	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1529	1529-K46H2		Nguyễn Quang	Duy	Nam	25/02/1992				Trung bình	813342	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1530	1530-K46H2		Ngô Thị Minh	Duyên	Nữ	10/08/1991				Khá	813343	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1531	1531-K46H2		Phạm Thị	Duyên	Nữ	20/11/1992				Khá	813344	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1532	1532-K46H2		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	16/08/1992				Giỏi	813345	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1533	1533-K46H2		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	22/04/1992				Giỏi	813346	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1534	1534-K46H2		Vũ Thị Hải	Hà	Nữ	19/10/1992				Khá	813347	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1535	1535-K46H2		Lê Thị Hoa	Hồng	Nữ	15/05/1992				Giỏi	813348	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1536	1536-K46H2		Lại Thị	Huế	Nữ	15/07/1992				Khá	813349	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1537	1537-K46H2		Công Việt	Hùng	Nam	23/09/1992				Khá	813350	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1538	1538-K46H2		Đinh Văn	Hùng	Nam	17/04/1991				Khá	813351	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1539	1539-K46H2		Lê Thị	Hương	Nữ	09/09/1992				Khá	813352	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1540	1540-K46H2		Hoàng Thị	Huyền	Nữ	04/02/1992				Khá	813353	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1541	1541-K46H2		Lê Thị	Huyền	Nữ	20/04/1992				Khá	813354	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1542	1542-K46H2		Vũ Thị	Huyền	Nữ	28/06/1992				Khá	813355	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1543	1543-K46H2		Nguyễn Đình	Khánh	Nam	30/01/1992				Khá	813356	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1544	1544-K46H2		Ngô Văn	Lâm	Nam	24/04/1992				Trung bình	813357	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1545	1545-K46H2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07/01/1992				Giỏi	813358	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1546	1546-K46H2		Đặng Thị Mỹ	Linh	Nữ	20/01/1992				Giỏi	813359	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1547	1547-K46H2		Nguyễn Thị Ngọc	Minh	Nữ	02/12/1992				Giỏi	813360	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1548	1548-K46H2		Phùng Thị	Mỹ	Nữ	04/03/1991				Khá	813361	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1549	1549-K46H2		Đặng Thị Châu	Ngọc	Nữ	01/11/1992				Giỏi	813362	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1550	1550-K46H2		Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	Nữ	17/06/1992				Giỏi	813363	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1551	1551-K46H2		Trần Phương	Nhung	Nữ	26/12/1992				Giỏi	813364	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1552	1552-K46H2		Đỗ Thị Cẩm	Phương	Nữ	16/05/1992				Khá	813365	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1553	1553-K46H2		Nguyễn Thị Tuyết	Phương	Nữ	01/12/1992				Khá	813366	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1554	1554-K46H2		Nguyễn Xuân	Sơn	Nam	23/10/1992				Khá	813367	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1555	1555-K46H2		Trần Thị	Thanh	Nữ	05/12/1992				Khá	813368	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1556	1556-K46H2		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	04/10/1992				Xuất sắc	813369	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1557	1557-K46H2		Nguyễn Văn	Thuộc	Nam	28/08/1992				Khá	813370	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1558	1558-K46H2		Nguyễn Lê Diệu	Thúy	Nữ	06/11/1992				Giỏi	813371	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1559	1559-K46H2		Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	16/08/1992				Giỏi	813372	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1560	1560-K46H2		Phạm Thành	Trung	Nam	30/11/1992				Giỏi	813373	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1561	1561-K46H2		Phạm Đình	Tuyển	Nam	06/06/1992				Trung bình	813374	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1562	1562-K46H2		Hoàng Thị Ngọc	Vân	Nữ	05/06/1991				Khá	813375	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1563	1563-K46H2		Lương Thị ánh	Vân	Nữ	02/09/1992				Khá	813376	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1564	1564-K46H2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	31/07/1992				Khá	813377	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1565	1565-K46H2		Phan Văn	Vũ	Nam	23/04/1992				Khá	813378	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1566	1566-K46H2		Phạm Thị	Xoa	Nữ	12/05/1991				Xuất sắc	813379	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1567	1567-K46H2		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	27/04/1992				Khá	813380	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1568	1568-K46H3		Nguyễn Lan	Anh	Nữ	12/08/1992				Giỏi	813381	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1569	1569-K46H3		Phạm Tuấn	Anh	Nam	09/01/1992				Khá	813382	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1570	1570-K46H3		Đoàn Đức	Bình	Nam	11/06/1992				Trung bình	813383	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1571	1571-K46H3		Nguyễn Trung	Dũng	Nam	13/08/1992				Khá	813384	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1572	1572-K46H3		Hoàng Trùng	Dương	Nam	21/10/1992				Khá	813385	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1573	1573-K46H3		Nguyễn Thành	Giang	Nam	12/10/1992				Khá	813386	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1574	1574-K46H3		Lưu ánh	Hà	Nữ	18/01/1992				Khá	813387	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1575	1575-K46H3		Lê Thị	Hằng	Nữ	17/04/1992				Khá	813388	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1576	1576-K46H3		Trần Thị	Hằng	Nữ	05/08/1992				Giỏi	813389	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1577	1577-K46H3		Lê Thị	Hạnh	Nữ	03/01/1992				Khá	813390	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1578	1578-K46H3		Trương Thị	Hương	Nữ	05/01/1992				Khá	813391	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1579	1579-K46H3		Hoàng Anh	Huy	Nam	10/12/1991				Khá	813392	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1580	1580-K46H3		Trần Thị	Huyền	Nữ	30/10/1992				Giỏi	813393	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1581	1581-K46H3		Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	11/07/1992				Giỏi	813394	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1582	1582-K46H3		Đoàn Trọng	Huynh	Nam	01/03/1992				Khá	813395	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1583	1583-K46H3		Nguyễn An	Khánh	Nam	09/12/1992				Khá	813396	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1584	1584-K46H3		Văn Ngọc	Liên	Nữ	02/12/1992				Khá	813397	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1585	1585-K46H3		Lê Thị Yến	Ly	Nữ	11/06/1992				Khá	813398	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1586	1586-K46H3		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	14/07/1992				Giỏi	813399	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1587	1587-K46H3		Trương Hoàng	Minh	Nam	10/12/1991				Khá	813400	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1588	1588-K46H3		Trần Thị	Nết	Nữ	08/11/1991				Khá	813401	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1589	1589-K46H3		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	30/12/1992				Giỏi	813402	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1590	1590-K46H3		Bùi Thị	Nhung	Nữ	01/01/1992				Giỏi	813403	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1591	1591-K46H3		Đoàn Văn	Phát	Nam	22/09/1992				Khá	813404	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1592	1592-K46H3		Trần Minh	Phú	Nam	25/03/1992				Trung bình	813405	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1593	1593-K46H3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	25/12/1992				Khá	813406	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1594	1594-K46H3		Vũ Văn	Thắng	Nam	19/08/1992				Giỏi	813407	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1595	1595-K46H3		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	03/10/1992				Giỏi	813408	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1596	1596-K46H3		Dương Văn	Thành	Nam	02/02/1992				Khá	813409	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1597	1597-K46H3		Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	16/09/1992				Khá	813410	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1598	1598-K46H3		Hoàng Thị	Thảo	Nữ	18/07/1991				Khá	813411	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1599	1599-K46H3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	23/11/1992				Khá	813412	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1600	1600-K46H3		Trần Thanh	Thủy	Nữ	01/11/1992				Khá	813413	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1601	1601-K46H3		Vũ Thị	Thúy	Nữ	03/02/1992				Giỏi	813414	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1602	1602-K46H3		Lê Huyền	Trang	Nữ	13/06/1992				Khá	813415	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1603	1603-K46H3		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	06/11/1992				Khá	813416	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1604	1604-K46H3		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	06/08/1992				Khá	813417	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1605	1605-K46H3		Nguyễn Trường	Trung	Nam	11/10/1992				Trung bình	813418	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1606	1606-K46H3		Phạm Đình	Trung	Nam	24/11/1991				Khá	813419	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1607	1607-K46H3		Nguyễn Thị Phương	Tú	Nữ	26/10/1991				Khá	813420	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1608	1608-K46H3		Hoàng Anh	Tuấn	Nam	01/09/1992				Giỏi	813421	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1609	1609-K46H3		Nguyễn Đăng	Tùng	Nam	15/09/1992				Khá	813422	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1610	1610-K46H3		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	22/10/1992				Khá	813423	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1611	1611-K46H3		Phạm Thị	Vui	Nữ	14/06/1992				Giỏi	813424	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1612	1612-K46H3		Ngô Thị	Yến	Nữ	20/10/1991				Khá	813425	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1613	1613-K46H3		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	02/10/1992				Giỏi	813426	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1614	1614-K46H3		Triệu Phương	Yến	Nữ	02/09/1991				Khá	813427	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1615	1615-K46H4		Trần Thị Thúy	An	Nữ	09/08/1992				Khá	813428	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1616	1616-K46H4		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	03/11/1992				Khá	813429	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1617	1617-K46H4		Nguyễn Đào Ngọc	ánh	Nữ	22/04/1992				Giỏi	813430	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1618	1618-K46H4		Mai Thị	Bích	Nữ	26/12/1992				Khá	813431	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1619	1619-K46H4		Đào Thị Bích	Diệp	Nữ	14/11/1992				Khá	813432	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1620	1620-K46H4		Nguyễn Ngọc	Định	Nam	26/09/1992				Khá	813433	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1621	1621-K46H4		Bùi Việt	Đức	Nam	28/08/1992				Khá	813434	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1622	1622-K46H4		Vũ Thị	Dung	Nữ	23/09/1991				Khá	813435	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1623	1623-K46H4		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	09/01/1992				Khá	813436	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1624	1624-K46H4		Đặng Công	Hiệp	Nam	21/04/1991				Khá	813437	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1625	1625-K46H4		Giáp Minh	Hiếu	Nam	23/05/1992				Khá	813438	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1626	1626-K46H4		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	15/03/1992				Khá	813439	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1627	1627-K46H4		Phạm Long	Hưng	Nam	22/11/1992				Khá	813440	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1628	1628-K46H4		Đặng Thị Tố	Hương	Nữ	18/12/1992				Khá	813441	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1629	1629-K46H4		Thân Thị Mai	Hương	Nữ	16/05/1992				Khá	813442	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1630	1630-K46H4		Lương Quang	Huy	Nam	01/10/1991				Khá	813443	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1631	1631-K46H4		Vy Phát	Huy	Nam	19/08/1992				Khá	813444	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1632	1632-K46H4		Khương Trọng	Khánh	Nam	25/10/1992				Khá	813445	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1633	1633-K46H4		Đỗ Trần Trung	Kiên	Nam	11/06/1992				Giỏi	813446	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1634	1634-K46H4		Nguyễn Thị	Lành	Nữ	02/03/1991				Khá	813447	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1635	1635-K46H4		Dương Thị Thùy	Linh	Nữ	04/07/1992				Khá	813448	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1636	1636-K46H4		Phạm Thị	Mai	Nữ	22/02/1992				Khá	813449	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1637	1637-K46H4		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	01/08/1992				Giỏi	813450	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1638	1638-K46H4		Vũ Đức	Mười	Nam	16/06/1992				Trung bình	813451	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1639	1639-K46H4		Phạm Thị	Ngọc	Nữ	22/11/1992				Giỏi	813452	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1640	1640-K46H4		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	29/11/1992				Giỏi	813453	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1641	1641-K46H4		Phùng Thị Hồng	Nhung	Nữ	16/08/1992				Khá	813454	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1642	1642-K46H4		Nguyễn Xuân	Quân	Nam	22/06/1992				Khá	813455	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1643	1643-K46H4		Đỗ Thị	Quyên	Nữ	07/09/1992				Khá	813456	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1644	1644-K46H4		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	01/05/1991				Khá	813457	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1645	1645-K46H4		Nguyễn Viết	Sơn	Nam	13/09/1991				Khá	813458	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1646	1646-K46H4		Nguyễn Đức	Tâm	Nam	12/10/1991				Khá	813459	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1647	1647-K46H4		Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	24/10/1991				Trung bình	813460	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1648	1648-K46H4		Ngô Thị Thu	Thảo	Nữ	15/09/1992				Khá	813461	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1649	1649-K46H4		Trần Phương	Thúy	Nữ	10/11/1991				Khá	813462	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1650	1650-K46H4		Phạm Thị	Thùy	Nữ	29/08/1992				Khá	813463	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1651	1651-K46H4		Lưu Thị	Trang	Nữ	20/11/1992				Khá	813464	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1652	1652-K46H4		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	02/02/1992				Khá	813465	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1653	1653-K46H4		Vũ Thị	Trang	Nữ	23/12/1992				Khá	813466	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1654	1654-K46H4		Nguyễn Anh	Trung	Nam	20/10/1992				Khá	813467	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1655	1655-K46H4		Đinh Văn	Trường	Nam	15/05/1992				Khá	813468	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1656	1656-K46H4		Phạm Văn	Tú	Nam	02/06/1992				Khá	813469	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1657	1657-K46H4		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	06/02/1992				Khá	813470	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1658	1658-K46H4		Phạm Thị	Xim	Nữ	25/02/1992				Khá	813471	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1659	1659-K46H4		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	28/10/1992				Giỏi	813472	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1660	1660-K46H5		Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	01/03/1992				Khá	813473	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1661	1661-K46H5		Đỗ Thị Quỳnh	Anh	Nữ	23/03/1990				Trung bình	813474	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1662	1662-K46H5		Hoàng Lan	Anh	Nữ	30/07/1992				Khá	813475	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1663	1663-K46H5		Nguyễn Mai	Anh	Nữ	02/12/1992				Giỏi	813476	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1664	1664-K46H5		Nguyễn Quỳnh	Chi	Nữ	06/03/1992				Giỏi	813477	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1665	1665-K46H5		Trần Mạnh	Cường	Nam	21/06/1992				Khá	813478	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1666	1666-K46H5		Vũ Mạnh	Cường	Nam	15/08/1992				Khá	813479	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1667	1667-K46H5		Bùi Lê	Duẩn	Nam	08/04/1992				Khá	813480	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1668	1668-K46H5		Lê Thị Thanh	Dung	Nữ	08/07/1992				Khá	813481	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1669	1669-K46H5		Võ Thùy	Dung	Nữ	24/09/1992				Giỏi	813482	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1670	1670-K46H5		Tòng Thị	Duyên	Nữ	28/03/1992				Giỏi	813483	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1671	1671-K46H5		Đinh Thị	Giang	Nữ	08/01/1992				Khá	813484	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1672	1672-K46H5		Hoàng Minh	Hà	Nữ	04/08/1992				Khá	813485	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1673	1673-K46H5		Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	15/02/1992				Khá	813486	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1674	1674-K46H5		Đỗ Ngọc	Hiếu	Nam	01/08/1990				Khá	813487	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1675	1675-K46H5		Nguyễn Thị	Hợp	Nữ	09/03/1992				Khá	813488	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1676	1676-K46H5		Hà Thị Phương	Liên	Nữ	16/03/1992				Khá	813489	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1677	1677-K46H5		Đào Thị Thùy	Linh	Nữ	30/01/1992				Giỏi	813490	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1678	1678-K46H5		Mai Thùy	Linh	Nữ	29/12/1992				Giỏi	813491	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1679	1679-K46H5		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	26/10/1992				Giỏi	813492	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1680	1680-K46H5		Trần Xuân	Lộc	Nam	01/10/1992				Giỏi	813493	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1681	1681-K46H5		Đỗ Thành	Long	Nam	24/11/1992				Khá	813494	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1682	1682-K46H5		Phạm Huy	Mạnh	Nam	27/11/1992				Khá	813495	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1683	1683-K46H5		Đặng Thị	Minh	Nữ	09/01/1992				Giỏi	813496	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1684	1684-K46H5		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	21/12/1992				Giỏi	813497	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1685	1685-K46H5		Doãn Thị Thu	Phương	Nữ	11/02/1992				Khá	813498	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1686	1686-K46H5		Hoàng Thị Thảo	Phương	Nữ	02/10/1992				Giỏi	813499	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1687	1687-K46H5		Trần Thị Mai	Phương	Nữ	27/10/1992				Khá	813500	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1688	1688-K46H5		Đào Văn	Quang	Nam	23/09/1992				Giỏi	813501	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1689	1689-K46H5		Phạm Như	Quyền	Nam	21/12/1992				Giỏi	813502	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1690	1690-K46H5		Hoàng Như	Quỳnh	Nữ	11/12/1992				Khá	813503	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1691	1691-K46H5		Nguyễn Văn	Quỳnh	Nam	02/10/1992				Khá	813504	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1692	1692-K46H5		Đào Trường	Sơn	Nam	05/02/1992				Khá	813505	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1693	1693-K46H5		Trần Thị	Sương	Nữ	02/07/1992				Giỏi	813506	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1694	1694-K46H5		Nguyễn Hữu	Tâm	Nam	06/12/1992				Khá	813507	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1695	1695-K46H5		Phan Thanh	Tân	Nam	17/04/1991				Khá	813508	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1696	1696-K46H5		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	15/10/1992				Khá	813509	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1697	1697-K46H5		Bùi Mai	Thương	Nữ	01/06/1992				Khá	813510	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1698	1698-K46H5		Đàm Thị	Thúy	Nữ	03/10/1992				Khá	813511	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1699	1699-K46H5		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	21/03/1991				Khá	813512	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1700	1700-K46H5		Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	16/11/1992				Khá	813513	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1701	1701-K46H5		Vũ Thị Hồng	Vân	Nữ	01/08/1992				Giỏi	813514	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1702	1702-K46H5		Nguyễn Thị Hữu	Vượng	Nữ	16/09/1992				Khá	813515	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1703	1703-K46H5		Đào Văn	Xinh	Nam	26/09/1992				Khá	813516	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1704	1704-K46I1		Vũ Thị	An	Nữ	02/09/1992				Khá	813517	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1705	1705-K46I1		Bùi Doãn Nam	Anh	Nam	03/12/1992				Khá	813518	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1706	1706-K46I1		Bùi Thế	Anh	Nam	30/10/1992				Khá	813519	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1707	1707-K46I1		Trần Tuấn	Anh	Nam	19/06/1992				Trung bình	813520	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1708	1708-K46I1		Trần Văn	Bảo	Nam	24/02/1992				Khá	813521	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1709	1709-K46I1		Phạm Thị	Chang	Nữ	15/11/1992				Khá	813522	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1710	1710-K46I1		Lê Ngọc	Châu	Nam	08/08/1992				Khá	813523	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1711	1711-K46I1		Hồ Văn	Chiến	Nam	04/10/1992				Khá	813524	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1712	1712-K46I1		Lương Văn	Chiến	Nam	19/08/1992				Khá	813525	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1713	1713-K46I1		Bùi Quang	Chinh	Nam	15/08/1992				Khá	813526	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1714	1714-K46I1		Đỗ Thị	Dinh	Nữ	24/04/1992				Khá	813527	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1715	1715-K46I1		Lê Thùy	Dung	Nữ	24/08/1992				Khá	813528	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1716	1716-K46I1		Dương Thị Ninh	Giang	Nữ	23/05/1992				Khá	813529	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1717	1717-K46I1		Phạm Thị	Giang	Nữ	17/01/1992				Khá	813530	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1718	1718-K46I1		Tô Thị Thanh	Hoa	Nữ	15/12/1992				Khá	813531	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1719	1719-K46I1		Trần Phương	Hoa	Nữ	02/07/1991				Khá	813532	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1720	1720-K46I1		Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	17/09/1991				Khá	813533	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1721	1721-K46I1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	05/02/1992				Khá	813534	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1722	1722-K46I1		Đoàn Thị Hồng	Lương	Nữ	20/03/1992				Khá	813535	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1723	1723-K46I1		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	22/10/1991				Khá	813536	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1724	1724-K46I1		Nguyễn Thị Hồng	Mến	Nữ	25/12/1992				Khá	813537	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1725	1725-K46I1		Bùi Thanh	Nhàn	Nữ	22/12/1991				Khá	813538	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1726	1726-K46I1		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	19/10/1992				Khá	813539	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1727	1727-K46I1		Ngô Thị	Phượng	Nữ	14/07/1991				Khá	813540	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1728	1728-K46I1		Nguyễn Ngọc	Thanh	Nữ	09/01/1991				Khá	813541	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1729	1729-K46I1		Lê Thị	Thúy	Nữ	24/04/1992				Khá	813542	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1730	1730-K46I1		Phan Thị	Thùy	Nữ	11/11/1991				Khá	813543	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1731	1731-K46I1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/02/1992				Khá	813544	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1732	1732-K46I1		Đồng Phương	Trinh	Nữ	28/07/1992				Khá	813545	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1733	1733-K46I1		Đặng Minh	Tuyển	Nam	29/04/1992				Trung bình	813546	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1734	1734-K46I1		Nguyễn Thế	Vũ	Nam	24/01/1992				Trung bình	813547	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1735	1735-K46I1		Tạ Việt	Vương	Nam	18/06/1989				Khá	813548	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1736	1736-K46I2		Trần Thị Vân	Anh	Nữ	05/11/1992				Khá	813549	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1737	1737-K46I2		Hà Xuân	Bách	Nam	14/01/1993				Khá	813550	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1738	1738-K46I2		Hoàng Việt	Cương	Nam	22/07/1991				Khá	813551	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1739	1739-K46I2		Phạm Thị Ngọc	Diệp	Nữ	16/11/1992				Giỏi	813552	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1740	1740-K46I2		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	25/03/1991				Khá	813553	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1741	1741-K46I2		Lê Thu	Hằng	Nữ	28/06/1992				Khá	813554	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1742	1742-K46I2		Phùng Thị	Hoa	Nữ	28/09/1992				Khá	813555	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1743	1743-K46I2		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	08/05/1992				Khá	813556	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1744	1744-K46I2		Chu Việt	Hùng	Nam	03/02/1989				Khá	813557	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1745	1745-K46I2		Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	07/08/1991				Trung bình	813558	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1746	1746-K46I2		Trần Duy	Khánh	Nam	18/01/1992				Khá	813559	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1747	1747-K46I2		Nguyễn Quang	Lẫm	Nam	09/08/1992				Khá	813560	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1748	1748-K46I2		Nhân Thị	Lợi	Nữ	09/05/1992				Khá	813561	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1749	1749-K46I2		Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	13/09/1992				Khá	813562	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1750	1750-K46I2		Phan Thị	Ngọc	Nữ	07/12/1992				Khá	813563	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1751	1751-K46I2		Trần Thị	Ngọc	Nữ	14/08/1992				Khá	813564	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1752	1752-K46I2		Nguyễn Phương	Nguyên	Nữ	17/05/1991				Khá	813565	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1753	1753-K46I2		Phạm Thị	Nhạn	Nữ	25/09/1992				Khá	813566	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1754	1754-K46I2		Hà Hồng	Nhung	Nữ	08/03/1992				Khá	813567	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1755	1755-K46I2		Phạm Thị Minh	Ni	Nữ	01/08/1991				Khá	813568	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1756	1756-K46I2		Bùi Thị	Phượng	Nữ	15/12/1992				Khá	813569	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1757	1757-K46I2		Nguyễn Lệ	Quyên	Nữ	29/05/1992				Khá	813570	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1758	1758-K46I2		Đoàn Phương	Quỳnh	Nữ	23/09/1992				Khá	813571	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1759	1759-K46I2		Nguyễn Thị Hoa	Quỳnh	Nữ	02/01/1992				Trung bình	813572	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1760	1760-K46I2		Trần Viết	Tạo	Nam	25/11/1992				Khá	813573	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1761	1761-K46I2		Đỗ Đình	Thuận	Nam	12/08/1992				Trung bình	813574	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1762	1762-K46I2		Dương Thị	Thương	Nữ	03/10/1992				Khá	813575	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1763	1763-K46I2		Nguyễn Thị Phương	Trà	Nữ	24/03/1992				Khá	813576	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1764	1764-K46I2		Nguyễn Minh	Trang	Nữ	07/06/1992				Khá	813577	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1765	1765-K46I2		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	13/08/1992				Khá	813578	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1766	1766-K46I2		Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	05/09/1992				Khá	813579	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1767	1767-K46I2		Hán Thị	Yến	Nữ	02/10/1992				Khá	813580	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1768	1768-K46I2		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	20/11/1992				Giỏi	813581	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1769	1769-K46I3		Lê Thị Lan	Anh	Nữ	20/11/1992				Khá	813582	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1770	1770-K46I3		Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	03/11/1992				Khá	813583	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1771	1771-K46I3		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	01/01/1992				Khá	813584	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1772	1772-K46I3		Nguyễn Thị	Chang	Nữ	14/03/1992				Khá	813585	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1773	1773-K46I3		Đỗ Đăng	Công	Nam	29/11/1992				Khá	813586	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1774	1774-K46I3		Lê Tiến	Cừ	Nam	05/06/1992				Khá	813587	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1775	1775-K46I3		Hoàng Văn	Cường	Nam	15/09/1992				Khá	813588	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1776	1776-K46I3		Phạm Mạnh	Cường	Nam	24/02/1992				Khá	813589	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1777	1777-K46I3		Phạm Tiến	Đạt	Nam	30/09/1992				Khá	813590	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1778	1778-K46I3		Vũ Thế	Dương	Nam	09/11/1991				Khá	813591	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1779	1779-K46I3		Đồng Hoàng	Giang	Nam	11/11/1992				Khá	813592	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1780	1780-K46I3		Phạm Thanh	Hằng	Nữ	06/09/1992				Trung bình	813593	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1781	1781-K46I3		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	10/01/1992				Khá	813594	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1782	1782-K46I3		Vũ Hằng Ngân	Hoa	Nữ	18/12/1992				Khá	813595	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1783	1783-K46I3		Nguyễn Ngọc	Hoàng	Nam	21/03/1992				Khá	813596	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1784	1784-K46I3		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	23/11/1991				Khá	813597	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1785	1785-K46I3		Trần Thị	Huyên	Nữ	02/09/1992				Khá	813598	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1786	1786-K46I3		Lê Phương	Huyền	Nữ	30/11/1992				Khá	813599	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1787	1787-K46I3		Trần Thị	Loan	Nữ	03/01/1992				Khá	813600	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1788	1788-K46I3		Nguyễn Vũ	Long	Nam	01/09/1991				Khá	813601	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1789	1789-K46I3		Nguyễn Hà	Nam	Nam	20/06/1991				Khá	813602	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1790	1790-K46I3		Phạm Thị Như	Ngọc	Nữ	02/08/1991				Trung bình	813603	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1791	1791-K46I3		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	14/03/1992				Khá	813604	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1792	1792-K46I3		Nguyễn Huy	Quang	Nam	10/08/1992				Khá	813605	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1793	1793-K46I3		Trần Văn	Quảng	Nam	04/07/1991				Trung bình	813606	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1794	1794-K46I3		Đỗ Khánh	Quyết	Nam	22/03/1992				Khá	813607	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1795	1795-K46I3		Nguyễn Thái	Sơn	Nam	24/10/1992				Khá	813608	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1796	1796-K46I3		Trịnh Thị	Thắm	Nữ	09/10/1992				Khá	813609	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1797	1797-K46I3		Lê Việt	Thành	Nam	30/09/1992				Khá	813610	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1798	1798-K46I3		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	22/02/1992				Khá	813611	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1799	1799-K46I3		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	14/05/1992				Khá	813612	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1800	1800-K46I3		Đỗ Văn	Thế	Nam	13/02/1992				Trung bình	813613	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1801	1801-K46I3		Nguyễn Hoàng	Trung	Nam	16/12/1992				Khá	813614	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1802	1802-K46I3		Vũ Minh	Tú	Nam	06/11/1992				Giỏi	813615	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1803	1803-K46I3		Nguyễn Thị Hồng	Tươi	Nữ	21/11/1992				Khá	813616	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1804	1804-K46I3		Hoàng Thị	Yến	Nữ	25/07/1992				Khá	813617	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1805	1805-K46I3		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	04/02/1992				Khá	813618	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1806	1806-K46I4		Đào Linh	Chi	Nữ	06/10/1992				Khá	813619	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1807	1807-K46I4		Trịnh Thị Hương	Chi	Nữ	25/08/1992				Khá	813620	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1808	1808-K46I4		Nguyễn Thế	Đạt	Nam	09/08/1992				Khá	813621	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1809	1809-K46I4		Lương Anh	Đồng	Nam	22/08/1992				Khá	813622	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1810	1810-K46I4		Vũ Anh	Đức	Nam	06/08/1992				Khá	813623	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1811	1811-K46I4		Phạm Thị Mỹ	Dung	Nữ	01/07/1992				Khá	813624	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1812	1812-K46I4		Nguyễn Viết	Hải	Nam	30/08/1992				Khá	813625	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1813	1813-K46I4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	10/07/1992				Khá	813626	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1814	1814-K46I4		Hoa Mạnh	Hiếu	Nam	22/12/1991				Khá	813627	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1815	1815-K46I4		Ngô Thị Diễm	Hương	Nữ	20/12/1992				Khá	813628	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1816	1816-K46I4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28/09/1992				Khá	813629	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1817	1817-K46I4		Vũ Thị Thanh	Hương	Nữ	20/06/1992				Khá	813630	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1818	1818-K46I4		Đặng Quang	Huy	Nam	23/10/1992				Khá	813631	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1819	1819-K46I4		Hồ Thị	Huyền	Nữ	22/12/1992				Khá	813632	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1820	1820-K46I4		Vũ Thị	Huyền	Nữ	21/04/1992				Khá	813633	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1821	1821-K46I4		Nguyễn Thị Minh	Khuê	Nữ	10/12/1991				Khá	813634	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1822	1822-K46I4		Mai Thị	Lan	Nữ	01/05/1992				Khá	813635	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1823	1823-K46I4		Đỗ Thị	Lý	Nữ	17/12/1992				Khá	813636	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1824	1824-K46I4		Vũ Thị Ngọc	Mai	Nữ	21/01/1992				Giỏi	813637	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1825	1825-K46I4		Nguyễn Thị Hoài	Mơ	Nữ	20/10/1992				Khá	813638	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1826	1826-K46I4		Hoàng Thị	Nhâm	Nữ	16/12/1992				Khá	813639	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1827	1827-K46I4		Trần Thị	Nụ	Nữ	16/03/1992				Khá	813640	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1828	1828-K46I4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	23/01/1991				Khá	813641	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1829	1829-K46I4		Hoàng Thị	Quyên	Nữ	19/03/1992				Khá	813642	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1830	1830-K46I4		Trịnh Thị	Thắm	Nữ	16/08/1992				Khá	813643	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1831	1831-K46I4		Đặng Văn	Thành	Nam	25/10/1992				Khá	813644	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1832	1832-K46I4		Đặng Phương	Thảo	Nữ	01/12/1991				Khá	813645	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1833	1833-K46I4		Dương Thái	Thảo	Nữ	30/12/1992				Khá	813646	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1834	1834-K46I4		Dương Văn	Thế	Nam	07/03/1992				Khá	813647	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1835	1835-K46I4		Hồ Thị	Thêu	Nữ	22/10/1992				Khá	813648	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1836	1836-K46I4		Mai Văn	Thiên	Nam	11/06/1991				Trung bình	813649	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1837	1837-K46I4		Trần Thị	Thùy	Nữ	28/02/1992				Khá	813650	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1838	1838-K46I4		Nguyễn Đức	Toàn	Nam	01/06/1992				Khá	813651	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1839	1839-K46I4		Nguyễn Đình	Tú	Nam	07/12/1992				Khá	813652	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1840	1840-K46I4		Nguyễn Minh	Xuân	Nữ	04/02/1992				Khá	813653	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1841	1841-K46I5		Đậu Ngọc	Anh	Nam	13/07/1992				Giỏi	813654	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1842	1842-K46I5		Trần Thị Kim	Anh	Nữ	17/07/1992				Khá	813655	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1843	1843-K46I5		Đinh Tiến	Cường	Nam	28/12/1992				Khá	813656	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1844	1844-K46I5		Nguyễn Toàn	Định	Nam	31/01/1992				Khá	813657	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1845	1845-K46I5		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	10/01/1992				Khá	813658	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1846	1846-K46I5		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	07/08/1992				Trung bình	813659	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1847	1847-K46I5		Lê Thị	Hà	Nữ	02/06/1992				Khá	813660	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1848	1848-K46I5		Lê Thị	Hậu	Nữ	14/10/1991				Khá	813661	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1849	1849-K46I5		Xuân Thị	Hường	Nữ	02/12/1992				Khá	813662	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1850	1850-K46I5		Lê Thị	Kiều	Nữ	06/04/1991				Khá	813663	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1851	1851-K46I5		Trần Thị	Liên	Nữ	29/09/1992				Khá	813664	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1852	1852-K46I5		Nguyễn Thị Châu	Loan	Nữ	16/03/1992				Khá	813665	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1853	1853-K46I5		Trần Thị Kiều	Loan	Nữ	12/12/1992				Giỏi	813666	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1854	1854-K46I5		Vũ Hồng	Mai	Nữ	07/12/1991				Khá	813667	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1855	1855-K46I5		Đoàn Thị Thanh	Nhã	Nữ	18/07/1992				Khá	813668	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1856	1856-K46I5		Nguyễn Thị Hồng	Nhật	Nữ	11/02/1992				Khá	813669	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1857	1857-K46I5		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/08/1992				Khá	813670	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1858	1858-K46I5		Trần Văn	Phi	Nam	12/09/1990				Trung bình	813671	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1859	1859-K46I5		Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	30/12/1992				Khá	813672	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1860	1860-K46I5		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	06/06/1991				Khá	813673	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1861	1861-K46I5		Lê Thị Mỹ	Tho	Nữ	27/11/1991				Giỏi	813674	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1862	1862-K46I5		Vũ Thị	Thơ	Nữ	17/08/1992				Khá	813675	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1863	1863-K46I5		Phùng Thị	Thùy	Nữ	09/05/1992				Khá	813676	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1864	1864-K46I5		Quản Thị Thu	Thùy	Nữ	21/08/1991				Khá	813677	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1865	1865-K46I5		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01/09/1989				Khá	813678	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1866	1866-K46I5		Lê Thị	Thùy	Nữ	16/05/1992				Giỏi	813679	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1867	1867-K46I5		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	09/04/1992				Khá	813680	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1868	1868-K46I5		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	03/10/1992				Khá	813681	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1869	1869-K46I5		Bùi Đức	Trọng	Nam	04/06/1992				Khá	813682	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1870	1870-K46I5		Vũ Đình	Tuấn	Nam	23/12/1992				Khá	813683	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1871	1871-K46I5		Cần Thanh	Tùng	Nam	12/10/1992				Khá	813684	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1872	1872-K46I5		Nghiêm Sơn	Tùng	Nam	28/10/1992				Khá	813685	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1873	1873-K46I5		Trần Thị	Vân	Nữ	26/09/1992				Khá	813686	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1874	1874-K46I5		Phạm Tuấn	Vũ	Nam	17/09/1992				Trung bình	813687	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1875	1875-K46K1		Nguyễn Duy	Anh	Nam	18/11/1992				Khá	813688	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1876	1877-K46K1		Nông Hoàng	Anh	Nam	02/05/1992				Khá	813689	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1877	1878-K46K1		Nguyễn Đình	Cường	Nam	01/06/1992				Trung bình	813690	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1878	1879-K46K1		Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	16/10/1992				Khá	813691	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1879	1880-K46K1		Phạm Văn	Định	Nam	10/12/1990				Trung bình	813692	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1880	1881-K46K1		Đào Đình	Dương	Nam	12/09/1992				Khá	813693	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1881	1882-K46K1		Đỗ Đức	Giao	Nam	05/07/1992				Khá	813694	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1882	1883-K46K1		Phạm Thị	Hà	Nữ	10/12/1991				Giỏi	813695	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1883	1884-K46K1		Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	28/07/1992				Khá	813696	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1884	1885-K46K1		Trương Thị Thúy	Hằng	Nữ	20/06/1992				Khá	813697	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1885	1886-K46K1		Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	27/10/1992				Khá	813698	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1886	1887-K46K1		Trần Thị Bích	Hậu	Nữ	30/08/1992				Trung bình	813699	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1887	1888-K46K1		Phạm Xuân	Hòa	Nam	20/12/1992				Khá	813700	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1888	1889-K46K1		Trần Thị Thu	Hương	Nữ	24/11/1991				Khá	813701	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1889	1890-K46K1		Trần Thị Phương	Lan	Nữ	13/01/1991				Khá	813702	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1890	1891-K46K1		Vũ Thị	Lan	Nữ	11/09/1991				Khá	813703	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1891	1892-K46K1		Hà Thị	Lê	Nữ	19/01/1992				Khá	813704	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1892	1893-K46K1		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	30/10/1992				Khá	813705	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1893	1894-K46K1		Trần Khánh	Linh	Nam	23/05/1992				Khá	813706	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1894	1895-K46K1		Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	29/05/1992				Khá	813707	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1895	1896-K46K1		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	20/11/1992				Khá	813708	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1896	1897-K46K1		Lê Hồng	Nhung	Nữ	13/12/1992				Khá	813709	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1897	1898-K46K1		Lâm Thị Kiều	Oanh	Nữ	09/08/1992				Khá	813710	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1898	1899-K46K1		Đỗ Thị	Phương	Nữ	26/12/1992				Khá	813711	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1899	1900-K46K1		Trần Thị Mai	Phương	Nữ	20/10/1992				Khá	813712	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1900	1901-K46K1		Vũ Thị	Quyên	Nữ	22/06/1991				Khá	813713	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1901	1902-K46K1		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	01/08/1992				Khá	813714	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1902	1903-K46K1		Nguyễn Trọng	Tân	Nam	12/05/1991				Trung bình	813715	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1903	1904-K46K1		Trần Thị	Thêu	Nữ	01/08/1992				Khá	813716	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1904	1905-K46K1		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	25/10/1991				Khá	813717	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1905	1906-K46K1		Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	24/08/1992				Khá	813718	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1906	1907-K46K1		Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	09/09/1992				Khá	813719	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1907	1908-K46K1		Hoàng Anh	Tuấn	Nam	20/07/1992				Khá	813720	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1908	1909-K46K1		Vũ Anh	Tuấn	Nam	10/01/1990				Khá	813721	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1909	1910-K46K2		Chu Minh	Bách	Nam	26/10/1992				Khá	813722	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1910	1911-K46K2		Nguyễn Hữu	Biên	Nam	23/10/1988				Giỏi	813723	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1911	1912-K46K2		Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	27/01/1992				Khá	813724	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1912	1913-K46K2		Bùi Đình	Đại	Nam	21/11/1992				Khá	813725	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1913	1914-K46K2		Ngô Việt	Đức	Nam	04/04/1992				Khá	813726	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1914	1915-K46K2		Nguyễn Trần Hoàng	Hà	Nữ	18/11/1992				Giỏi	813727	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1915	1916-K46K2		Phan Thanh	Hải	Nam	27/04/1992				Khá	813728	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1916	1917-K46K2		Trịnh Vũ	Hải	Nam	12/09/1992				Khá	813729	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1917	1918-K46K2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/09/1992				Giỏi	813730	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1918	1919-K46K2		Hoàng Thị	Hiền	Nữ	01/03/1992				Khá	813731	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1919	1920-K46K2		Vũ Thị	Hồng	Nữ	21/08/1991				Khá	813732	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1920	1921-K46K2		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	21/05/1991				Khá	813733	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1921	1922-K46K2		Mai Thị	Linh	Nữ	10/04/1992				Khá	813734	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1922	1923-K46K2		Võ Thị	Linh	Nữ	06/09/1992				Giỏi	813735	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1923	1924-K46K2		Lê Quỳnh	Mai	Nữ	21/05/1992				Khá	813736	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1924	1925-K46K2		Trần Thị	Mai	Nữ	02/12/1992				Giỏi	813737	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1925	1926-K46K2		Lê Thị	Nam	Nữ	11/03/1992				Khá	813738	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1926	1927-K46K2		Đoàn Thị	Nga	Nữ	19/06/1992				Khá	813739	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1927	1928-K46K2		Lê Thị	Nga	Nữ	09/12/1992				Khá	813740	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1928	1929-K46K2		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	01/09/1992				Khá	813741	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1929	1930-K46K2		Hoàng Hồng	Quân	Nam	22/06/1991				Khá	813742	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1930	1931-K46K2		Ngô Thế	Sơn	Nam	04/08/1992				Giỏi	813743	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1931	1932-K46K2		Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	10/09/1992				Khá	813744	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1932	1933-K46K2		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	16/09/1992				Khá	813745	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1933	1934-K46K2		Lương Thị	Thoan	Nữ	12/09/1992				Khá	813746	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1934	1935-K46K2		Lê Thị	Thủy	Nữ	07/05/1991				Khá	813747	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1935	1936-K46K2		Lê Thị Thanh	Thủy	Nữ	30/01/1992				Khá	813748	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1936	1937-K46K2		Nguyễn Phương	Thúy	Nữ	06/08/1992				Khá	813749	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1937	1938-K46K2		Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	07/02/1992				Giỏi	813750	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1938	1939-K46K2		Nguyễn Văn	Tiến	Nam	05/08/1992				Khá	813751	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1939	1940-K46K2		Đinh Thị	Trang	Nữ	29/05/1991				Khá	813752	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1940	1941-K46K2		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	11/11/1991				Giỏi	813753	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1941	1942-K46K2		Phan Thị Thiên	Trang	Nữ	14/09/1991				Khá	813754	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1942	1943-K46K2		Phạm Thị Thúy	Vân	Nữ	04/08/1992				Giỏi	813755	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1943	1944-K46K2		Chu Thiên	Vũ	Nam	09/11/1990				Trung bình	813756	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1944	1945-K46K3		Đặng Thị Hoàng	Anh	Nữ	27/11/1992				Khá	813757	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1945	1946-K46K3		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	22/04/1992				Khá	813758	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1946	1947-K46K3		Bùi Thị Hồng	Cẩm	Nữ	29/03/1992				Khá	813759	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1947	1948-K46K3		Nguyễn Đức	Dũng	Nam	27/12/1992				Khá	813760	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1948	1949-K46K3		Vũ Tiến	Dũng	Nam	18/01/1992				Khá	813761	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1949	1950-K46K3		Phạm Thùy	Dương	Nữ	27/08/1992				Khá	813762	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1950	1951-K46K3		Đoàn Trường	Giang	Nam	02/09/1991				Khá	813763	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1951	1952-K46K3		Nguyễn Văn	Hoàn	Nam	21/03/1992				Khá	813764	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1952	1953-K46K3		Đinh Thanh	Huế	Nữ	29/10/1991				Khá	813765	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1953	1954-K46K3		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	28/11/1991				Khá	813766	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1954	1955-K46K3		Ngô Thị Bích	Huệ	Nữ	21/07/1992				Khá	813767	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1955	1956-K46K3		Nguyễn Văn	Hưng	Nam	14/01/1991				Giỏi	813768	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1956	1957-K46K3		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	27/12/1992				Khá	813769	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1957	1958-K46K3		Trịnh Ngọc	Huyền	Nữ	10/12/1992				Khá	813770	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1958	1959-K46K3		Phùng Khắc	Khoát	Nam	20/04/1992				Khá	813771	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1959	1960-K46K3		Lương Thị Thúy	Kiều	Nữ	16/02/1992				Khá	813772	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1960	1961-K46K3		Trần Công	Lâm	Nam	23/12/1992				Khá	813773	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1961	1962-K46K3		Đinh Thị Diệu	Linh	Nữ	29/06/1992				Khá	813774	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1962	1963-K46K3		Lê Thị	Loan	Nữ	10/11/1991				Khá	813775	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1963	1964-K46K3		Đỗ Đức	Lộc	Nam	24/12/1991				Khá	813776	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1964	1965-K46K3		Đỗ Thị	Mai	Nữ	13/07/1992				Khá	813777	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1965	1966-K46K3		Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	18/08/1992				Giỏi	813778	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1966	1967-K46K3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	27/05/1992				Giỏi	813779	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1967	1968-K46K3		Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	Nữ	06/10/1992				Khá	813780	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1968	1969-K46K3		Phạm Thị	Nhũ	Nữ	11/06/1992				Khá	813781	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1969	1970-K46K3		Trương Thị Tuyết	Nhung	Nữ	09/04/1992				Khá	813782	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1970	1971-K46K3		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	03/06/1992				Khá	813783	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1971	1972-K46K3		Nguyễn Thị	Thạch	Nữ	20/08/1991				Trung bình	813784	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1972	1973-K46K3		Vũ Thị	Thoa	Nữ	25/12/1990				Khá	813785	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1973	1974-K46K3		Nguyễn Văn	Thuận	Nam	21/06/1992				Giỏi	813786	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1974	1975-K46K3		Phạm Hồng	Trà	Nữ	25/07/1992				Khá	813787	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1975	1976-K46K3		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	03/05/1992				Khá	813788	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1976	1977-K46K3		Nguyễn Đình	Trình	Nam	16/08/1992				Khá	813789	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1977	1978-K46K3		Lê Trọng	Tuấn	Nam	27/09/1992				Khá	813790	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1978	1979-K46K3		Hứa Mạnh	Tùng	Nam	18/07/1991				Khá	813791	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1979	1980-K46K3		Vũ Văn	Việt	Nam	29/02/1992				Khá	813792	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1980	1981-K46K3		Trần Thị	Vinh	Nữ	02/05/1991				Trung bình	813793	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1981	1982-K46K3		Nguyễn Phượng	Yến	Nữ	16/02/1992				Khá	813794	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1982	1983-K46N1		Phạm Hoàng	Đức	Nam	14/06/1992				Khá	813795	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1983	1984-K46N1		Hồ Lam	Giang	Nữ	21/11/1992				Khá	813796	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1984	1985-K46N1		Nguyễn Thị Minh	Giang	Nữ	10/02/1992				Khá	813797	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1985	1986-K46N1		Bùi Thị	Hà	Nữ	15/11/1992				Khá	813798	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1986	1987-K46N1		Chayxamlet Trần Viêng	Hà	Nữ	07/03/1993				Khá	813799	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1987	1988-K46N1		Vương Xuân Thị	Hằng	Nữ	26/01/1992				Khá	813800	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1988	1989-K46N1		Lương Khánh	Hòa	Nữ	21/10/1992				Khá	813801	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1989	1990-K46N1		Phạm Minh	Huế	Nữ	28/09/1992				Khá	813802	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1990	1991-K46N1		Cảnh Thị Lan	Hương	Nữ	01/09/1991				Khá	813803	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1991	1992-K46N1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	28/08/1992				Khá	813804	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1992	1993-K46N1		Lương Trung	Kiên	Nam	19/12/1992				Trung bình	813805	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1993	1994-K46N1		Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	14/11/1992				Khá	813806	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1994	1995-K46N1		Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	10/04/1992				Khá	813807	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
1995	1996-K46N1		Vũ Thị Mai	Loan	Nữ	17/01/1992				Khá	813808	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1996	1997-K46N1		Lương Thị	Mai	Nữ	25/03/1992				Khá	813809	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1997	1998-K46N1		Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	02/05/1992				Trung bình	813810	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1998	1999-K46N1		Hoàng Thị Thúy	Mùi	Nữ	08/12/1992				Khá	813811	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
1999	2000-K46N1		Trần Thị	Mùi	Nữ	04/03/1991				Khá	813812	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2000	2001-K46N1		Nguyễn Thị Thanh	Nghĩa	Nữ	02/02/1992				Khá	813813	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2001	2002-K46N1		Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	15/06/1992				Giỏi	813814	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2002	2003-K46N1		Đoàn Thị	Nhàn	Nữ	22/08/1992				Khá	813815	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2003	2004-K46N1		Bùi Thị	Nhung	Nữ	22/07/1992				Khá	813816	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2004	2005-K46N1		Bùi Thị	Nụ	Nữ	01/06/1992				Khá	813817	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2005	2006-K46N1		Hà Thị	Oanh	Nữ	15/08/1992				Khá	813818	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2006	2007-K46N1		Trần Thị	Thắm	Nữ	16/02/1992				Khá	813819	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2007	2008-K46N1		Đỗ Thị	Thanh	Nữ	08/10/1992				Khá	813820	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2008	2009-K46N1		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	15/02/1992				Khá	813821	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2009	2010-K46N1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	04/12/1992				Giỏi	813822	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2010	2011-K46N1		Bùi Thị	Thuần	Nữ	24/01/1992				Khá	813823	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2011	2012-K46N1		Lê Diệu	Thúy	Nữ	06/02/1992				Trung bình	813824	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2012	2013-K46N1		Đinh Thị	Thùy	Nữ	14/12/1991				Khá	813825	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2013	2014-K46N1		Lê Ngọc	Trang	Nữ	27/02/1992				Trung bình	813826	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2014	2015-K46N1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11/08/1992				Khá	813827	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2015	2016-K46N1		Bùi Sơn	Tùng	Nam	06/03/1992				Khá	813828	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2016	2017-K46N1		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	26/06/1992				Khá	813829	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2017	2018-K46N1		Lê Thị	Tuyết	Nữ	04/09/1992				Khá	813830	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2018	2019-K46N1		Hà Thị	Xoan	Nữ	10/09/1992				Khá	813831	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2019	2020-K46N1		Hoàng	Yến	Nữ	08/05/1992				Khá	813832	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2020	2021-K46N1		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	02/01/1992				Khá	813833	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2021	2022-K46N2		Hoàng Thị	An	Nữ	11/10/1992				Trung bình	813834	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2022	2023-K46N2		Đặng Thị Cẩm	Anh	Nữ	19/09/1992				Khá	813835	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2023	2024-K46N2		Đào Thị Lan	Anh	Nữ	06/05/1992				Khá	813836	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2024	2025-K46N2		Lê Hồng	Dương	Nam	26/08/1991				Khá	813837	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2025	2026-K46N2		Nguyễn Bằng	Giang	Nam	14/10/1992				Giỏi	813838	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2026	2027-K46N2		Hoàng Thị	Hân	Nữ	29/09/1992				Khá	813839	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2027	2028-K46N2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	01/11/1992				Khá	813840	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2028	2029-K46N2		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	14/03/1991				Khá	813841	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2029	2030-K46N2		Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	28/10/1992				Khá	813842	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2030	2031-K46N2		Hoàng Thị	Hương	Nữ	01/12/1992				Khá	813843	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2031	2032-K46N2		Lương Thị	Hương	Nữ	10/12/1992				Khá	813844	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2032	2033-K46N2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/05/1992				Khá	813845	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2033	2034-K46N2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	01/06/1991				Khá	813846	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2034	2035-K46N2		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	29/09/1992				Khá	813847	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2035	2036-K46N2		Vũ Liên	Hương	Nữ	24/04/1992				Giỏi	813848	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2036	2037-K46N2		Hoàng Quang	Huy	Nam	27/10/1992				Khá	813849	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2037	2038-K46N2		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	13/10/1992				Khá	813850	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2038	2039-K46N2		Đỗ Thúy	Nga	Nữ	31/07/1992				Khá	813851	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2039	2040-K46N2		Dương Thanh	Ngân	Nữ	15/10/1992				Khá	813852	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2040	2041-K46N2		Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	02/09/1992				Khá	813853	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2041	2042-K46N2		Lê Thị	Nhàn	Nữ	28/03/1992				Khá	813854	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2042	2043-K46N2		Thân Thị	Nhàn	Nữ	14/11/1991				Khá	813855	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2043	2044-K46N2		Nguyễn Thị	Phước	Nữ	26/07/1992				Khá	813856	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2044	2045-K46N2		Hoàng Thị Minh	Phượng	Nữ	04/08/1992				Khá	813857	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2045	2046-K46N2		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	09/09/1991				Khá	813858	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2046	2047-K46N2		Dương Thị	Thảo	Nữ	26/02/1992				Trung bình	813859	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2047	2048-K46N2		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	21/05/1991				Khá	813860	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2048	2049-K46N2		Trương Thị Minh	Thuận	Nữ	06/12/1992				Trung bình	813861	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2049	2050-K46N2		Hà Thị Vân	Trang	Nữ	12/10/1992				Khá	813862	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2050	2051-K46N2		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	18/12/1992				Khá	813863	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2051	2052-K46N2		Hoàng Thị Phương	Tuyến	Nữ	09/07/1991				Khá	813864	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2052	2053-K46N2		Lê Thị Cẩm	Vân	Nữ	12/05/1991				Trung bình	813865	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2053	2054-K46N2		Nguyễn Thị	Vui	Nữ	21/11/1992				Khá	813866	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2054	2055-K46N2		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	30/06/1992				Khá	813867	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2055	2056-K46N2		Đặng Thị Hải	Yến	Nữ	18/02/1992				Khá	813868	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2056	2057-K46N2		Hoàng Thị	Yến	Nữ	12/10/1992				Khá	813869	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2057	2058-K46N2		Lê Thị Ngọc	Yến	Nữ	01/01/1992				Khá	813870	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2058	2059-K46N2		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	01/03/1992				Khá	813871	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2059	2060-K46N3		Lương Hoàng Diệu	Anh	Nữ	01/05/1992				Khá	813872	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2060	2061-K46N3		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	01/01/1992				Khá	813873	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2061	2062-K46N3		Lê Thị Thùy	ánh	Nữ	17/08/1992				Khá	813874	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2062	2063-K46N3		Mạc Hà	Băng	Nữ	15/10/1992				Khá	813875	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2063	2064-K46N3		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	11/11/1991				Giỏi	813876	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2064	2065-K46N3		Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	28/12/1991				Khá	813877	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2065	2066-K46N3		Nguyễn Thị Trang	Dung	Nữ	08/07/1992				Khá	813878	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2066	2067-K46N3		Trần Thị	Dung	Nữ	06/10/1992				Khá	813879	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2067	2068-K46N3		Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	14/11/1992				Trung bình	813880	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2068	2069-K46N3		Đặng Hồng	Hà	Nam	01/02/1992				Khá	813881	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2069	2070-K46N3		Nguyễn Việt	Hà	Nữ	01/06/1992				Khá	813882	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2070	2071-K46N3		Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	25/03/1992				Khá	813883	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2071	2072-K46N3		Hà Thị	Hiếu	Nữ	06/02/1991				Khá	813884	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2072	2073-K46N3		Lê Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	27/08/1992				Trung bình	813885	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2073	2074-K46N3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	22/10/1992				Giỏi	813886	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2074	2075-K46N3		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	13/11/1992				Khá	813887	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2075	2076-K46N3		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	07/10/1992				Khá	813888	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2076	2077-K46N3		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	02/11/1992				Khá	813889	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2077	2078-K46N3		Phạm Phương	Khanh	Nữ	20/01/1993				Khá	813890	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2078	2079-K46N3		Trần Thị Hồng	Lê	Nữ	23/09/1991				Trung bình	813891	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2079	2080-K46N3		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	09/06/1991				Khá	813892	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2080	2081-K46N3		Vũ Mai	Linh	Nữ	06/05/1992				Khá	813893	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2081	2082-K46N3		Nguyễn Thị Bích	Ngân	Nữ	24/04/1992				Khá	813894	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2082	2083-K46N3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	24/10/1992				Khá	813895	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2083	2084-K46N3		Trần Thị	Quỳnh	Nữ	24/01/1992				Giỏi	813896	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2084	2085-K46N3		Nguyễn Hồng	Thái	Nam	11/05/1992				Khá	813897	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2085	2086-K46N3		Nguyễn Thị Kim	Thao	Nữ	12/07/1992				Khá	813898	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2086	2087-K46N3		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	20/01/1992				Khá	813899	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2087	2088-K46N3		Trịnh Thị	Thơm	Nữ	15/03/1992				Khá	813900	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2088	2089-K46N3		Bùi Thu	Trang	Nữ	28/05/1992				Trung bình	813901	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2089	2090-K46N3		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	15/08/1992				Khá	813902	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2090	2091-K46N3		Lê Hoàng	Yến	Nữ	29/06/1992				Khá	813903	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2091	2092-K46N4		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	09/08/1992				Khá	813904	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2092	2093-K46N4		Trần Thị	Đào	Nữ	05/07/1992				Khá	813905	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2093	2094-K46N4		Nguyễn Hồng	Diên	Nữ	21/10/1991				Khá	813906	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2094	2095-K46N4		Nguyễn Thị Hồng	Dung	Nữ	20/09/1992				Khá	813907	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2095	2096-K46N4		Trần Mỹ	Dung	Nữ	20/01/1991				Khá	813908	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2096	2097-K46N4		Dương Thị	Giang	Nữ	06/04/1992				Giỏi	813909	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2097	2098-K46N4		Nguyễn Hoàng	Giang	Nữ	09/10/1992				Khá	813910	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2098	2099-K46N4		Hoàng Thị	Hà	Nữ	16/12/1992				Khá	813911	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2099	2100-K46N4		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	10/11/1992				Khá	813912	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2100	2101-K46N4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	08/12/1991				Khá	813913	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2101	2102-K46N4		Vũ Thị	Hiền	Nữ	05/01/1992				Khá	813914	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2102	2103-K46N4		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	21/02/1992				Khá	813915	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2103	2104-K46N4		Đỗ Thị	Huệ	Nữ	16/02/1992				Giỏi	813916	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2104	2105-K46N4		Vũ Thị Thúy	Hường	Nữ	23/05/1992				Khá	813917	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2105	2106-K46N4		Hà Thị	Lan	Nữ	06/09/1992				Khá	813918	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2106	2107-K46N4		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	08/08/1992				Khá	813919	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2107	2108-K46N4		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	16/01/1992				Khá	813920	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2108	2109-K46N4		Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	27/12/1992				Khá	813921	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2109	2110-K46N4		Thái Thị	Lương	Nữ	25/04/1991				Khá	813922	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2110	2111-K46N4		Trần Thị	Lương	Nữ	10/03/1992				Khá	813923	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2111	2112-K46N4		Trần Thị	Mơ	Nữ	26/10/1992				Khá	813924	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2112	2113-K46N4		Nguyễn Huyền	My	Nữ	20/08/1992				Khá	813925	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2113	2114-K46N4		Ngô Thúy	My	Nữ	08/11/1992				Khá	813926	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2114	2115-K46N4		Võ Quốc	Nam	Nam	17/04/1992				Trung bình	813927	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2115	2116-K46N4		Trần Thị Thúy	Nga	Nữ	25/09/1992				Khá	813928	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2116	2117-K46N4		Lưu Thị Hồng	Ngọc	Nữ	04/05/1992				Khá	813929	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2117	2118-K46N4		Nguyễn Thị Hồng	Nhâm	Nữ	20/09/1992				Khá	813930	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2118	2119-K46N4		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	15/09/1992				Khá	813931	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2119	2120-K46N4		Vũ Thị	Phượng	Nữ	19/08/1992				Khá	813932	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2120	2121-K46N4		Bùi Thị Linh	Tâm	Nữ	11/07/1992				Khá	813933	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2121	2122-K46N4		Nguyễn Minh	Thúy	Nữ	19/10/1992				Khá	813934	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2122	2123-K46N4		Chu Thị Anh	Thùy	Nữ	17/05/1992				Khá	813935	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2123	2124-K46N4		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	16/05/1992				Khá	813936	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2124	2125-K46N4		Vũ Việt	Trinh	Nữ	29/07/1992				Khá	813937	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2125	2126-K46N5		Đậu Hà	An	Nữ	14/04/1992				Khá	813938	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2126	2127-K46N5		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	20/09/1992				Khá	813939	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2127	2128-K46N5		Hoàng Thị Ngọc	ánh	Nữ	27/11/1992				Khá	813940	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2128	2129-K46N5		Nguyễn Hồng	Dung	Nữ	29/04/1992				Khá	813941	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2129	2130-K46N5		Bùi Thu	Hà	Nữ	02/05/1992				Khá	813942	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2130	2131-K46N5		Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	19/02/1992				Trung bình	813943	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2131	2132-K46N5		Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	23/11/1991				Trung bình	813944	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2132	2133-K46N5		Nguyễn Thị	Hạ	Nữ	02/07/1991				Khá	813945	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2133	2134-K46N5		Đinh Thị	Hằng	Nữ	23/03/1991				Giỏi	813946	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2134	2135-K46N5		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	02/07/1992				Khá	813947	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2135	2136-K46N5		Vũ Thị Bích	Huệ	Nữ	01/06/1992				Trung bình	813948	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2136	2137-K46N5		Nguyễn Lan	Hương	Nữ	02/11/1992				Khá	813949	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2137	2138-K46N5		Đinh Thị	Hường	Nữ	01/01/1992				Khá	813950	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2138	2139-K46N5		Lộc Thị	Huyền	Nữ	05/01/1992				Khá	813951	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2139	2140-K46N5		Lê Duy	Khánh	Nam	29/09/1992				Khá	813952	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2140	2141-K46N5		Đinh Thị	Liên	Nữ	14/06/1992				Khá	813953	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2141	2142-K46N5		Đặng Thị	Linh	Nữ	15/08/1992				Khá	813954	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2142	2143-K46N5		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	19/08/1991				Khá	813955	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2143	2144-K46N5		Phạm Thị	Ngọc	Nữ	09/10/1992				Giỏi	813956	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2144	2145-K46N5		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	06/03/1992				Khá	813957	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2145	2146-K46N5		Vũ Thị	Nhung	Nữ	15/08/1992				Khá	813958	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2146	2147-K46N5		Vũ Thị	Oanh	Nữ	28/09/1992				Khá	813959	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2147	2148-K46N5		Bùi Thị	Phượng	Nữ	20/10/1992				Khá	813960	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2148	2149-K46N5		Lê Thị Bích	Phượng	Nữ	07/04/1992				Trung bình	813961	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2149	2150-K46N5		Huỳnh Thu	Thảo	Nữ	12/08/1992				Khá	813962	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2150	2151-K46N5		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	23/08/1992				Khá	813963	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2151	2152-K46N5		Nguyễn Thị	Thoi	Nữ	21/10/1991				Khá	813964	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2152	2153-K46N5		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	20/02/1992				Khá	813965	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2153	2154-K46N5		Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	08/06/1991				Khá	813966	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2154	2155-K46N5		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	19/02/1991				Khá	813967	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2155	2156-K46N5		Vũ Văn	Tuấn	Nam	20/10/1992				Khá	813968	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2156	2157-K46N5		Trần Thị	Tuyến	Nữ	01/11/1992				Khá	813969	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2157	2158-K46N5		Lưu Thị	Vân	Nữ	13/02/1992				Khá	813970	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2158	2159-K46N6		Ngô Kiều	Anh	Nữ	28/10/1992				Khá	813971	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2159	2160-K46N6		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	05/07/1992				Khá	813972	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2160	2161-K46N6		Trịnh Thị	Giang	Nữ	20/04/1992				Khá	813973	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2161	2162-K46N6		Vũ Thị	Hằng	Nữ	09/09/1992				Khá	813974	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2162	2163-K46N6		Bùi Thị	Hiền	Nữ	18/10/1992				Khá	813975	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2163	2164-K46N6		Nguyễn Nguyên	Hồng	Nữ	28/02/1992				Khá	813976	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2164	2165-K46N6		Trần ánh	Hồng	Nữ	13/04/1992				Khá	813977	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2165	2166-K46N6		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	22/09/1992				Khá	813978	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2166	2167-K46N6		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	31/08/1992				Khá	813979	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2167	2168-K46N6		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/11/1992				Trung bình	813980	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2168	2169-K46N6		Đàm Thị Diệu	Linh	Nữ	17/08/1992				Khá	813981	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2169	2170-K46N6		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	01/03/1992				Trung bình	813982	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2170	2171-K46N6		Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	16/04/1992				Khá	813983	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2171	2172-K46N6		Giang Thị	Mai	Nữ	04/07/1991				Khá	813984	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2172	2173-K46N6		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	15/10/1991				Khá	813985	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2173	2174-K46N6		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	13/03/1992				Khá	813986	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2174	2175-K46N6		Hoàng Minh	Nga	Nữ	04/09/1992				Khá	813987	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2175	2176-K46N6		Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	30/05/1992				Khá	813988	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2176	2177-K46N6		Lê Thị Minh	Nguyệt	Nữ	21/05/1992				Khá	813989	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2177	2178-K46N6		Bùi Ngọc	Phan	Nữ	23/05/1991				Trung bình	813990	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2178	2179-K46N6		Đoàn Thị Bích	Thảo	Nữ	05/07/1992				Khá	813991	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2179	2180-K46N6		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	14/07/1992				Khá	813992	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2180	2181-K46N6		Phan Thị Phương	Thảo	Nữ	24/09/1992				Khá	813993	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2181	2182-K46N6		Phí Phương	Thảo	Nữ	09/07/1992				Khá	813994	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2182	2183-K46N6		Đỗ Thị	Thư	Nữ	31/07/1992				Giỏi	813995	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2183	2184-K46N6		Bùi Huyền	Thương	Nữ	08/01/1992				Khá	813996	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2184	2185-K46N6		Nguyễn Phương	Thúy	Nữ	11/06/1992				Khá	813997	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2185	2186-K46N6		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	08/05/1991				Trung bình	813998	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2186	2187-K46N6		Dương Linh	Trang	Nữ	24/10/1992				Khá	813999	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2187	2188-K46N6		Trần Hà	Trang	Nữ	05/05/1992				Giỏi	814000	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2188	2189-K46N6		Đào Thị	Tú	Nữ	11/03/1992				Khá	814001	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2189	2190-K46N6		Phạm Thị	Vân	Nữ	29/05/1992				Trung bình	814002	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2190	2191-K46N6		Giáp Thị Hồng	Xuân	Nữ	26/11/1992				Khá	814003	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2191	2192-K46N6		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	29/11/1992				Khá	814004	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2192	2193-K46P1		Kim Thị Lan	Anh	Nữ	01/01/1992				Khá	814005	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2193	2194-K46P1		Trần Ngọc	Bích	Nữ	20/03/1992				Khá	814006	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2194	2195-K46P1		Trần Anh	Dũng	Nam	20/09/1992				Khá	814007	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2195	2196-K46P1		Lê Thị Hà	Giang	Nữ	11/07/1992				Khá	814008	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2196	2197-K46P1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	13/09/1992				Khá	814009	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2197	2198-K46P1		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	04/03/1992				Khá	814010	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2198	2199-K46P1		Tống Thị Thu	Hiền	Nữ	18/08/1991				Khá	814011	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2199	2200-K46P1		Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	15/02/1992				Khá	814012	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2200	2201-K46P1		Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	12/02/1992				Trung bình	814013	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2201	2202-K46P1		Nguyễn Túy	Hồng	Nữ	21/11/1992				Khá	814014	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2202	2203-K46P1		Nguyễn Thị	Huê	Nữ	12/03/1991				Giỏi	814015	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2203	2204-K46P1		Đặng Thị	Huệ	Nữ	05/02/1992				Khá	814016	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2204	2205-K46P1		Hà Việt	Hưng	Nam	22/04/1992				Khá	814017	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2205	2206-K46P1		Từ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	29/01/1992				Khá	814018	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2206	2207-K46P1		Bùi Thị	Ly	Nữ	17/02/1992				Khá	814019	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2207	2208-K46P1		Lê Thị	Lý	Nữ	18/08/1992				Khá	814020	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2208	2209-K46P1		Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	23/07/1992				Khá	814021	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2209	2210-K46P1		Trần Thị Trà	My	Nữ	20/01/1992				Giỏi	814022	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2210	2211-K46P1		Nguyễn Thị	Nết	Nữ	20/05/1992				Khá	814023	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2211	2212-K46P1		Hoàng Bích	Phương	Nữ	15/07/1992				Khá	814024	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2212	2213-K46P1		Nguyễn Mai	Phương	Nữ	11/11/1992				Khá	814025	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2213	2214-K46P1		Trịnh Minh	Phương	Nữ	02/06/1992				Khá	814026	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2214	2215-K46P1		Giang Thị Lệ	Phượng	Nữ	24/11/1992				Khá	814027	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2215	2216-K46P1		Vũ Đức	Thạch	Nam	18/11/1992				Khá	814028	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2216	2217-K46P1		Vũ Tá	Thăng	Nam	20/10/1991				Khá	814029	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2217	2218-K46P1		Nguyễn Bích	Thảo	Nữ	06/09/1991				Khá	814030	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2218	2219-K46P1		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	24/07/1992				Khá	814031	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2219	2220-K46P1		Phạm Thị	Thảo	Nữ	05/11/1992				Khá	814032	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2220	2221-K46P1		Lê Thị	Thúy	Nữ	24/05/1992				Khá	814033	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2221	2222-K46P1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	02/09/1991				Khá	814034	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2222	2223-K46P1		Phan Thị	Thùy	Nữ	20/09/1992				Khá	814035	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2223	2224-K46P1		Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	05/07/1991				Giỏi	814036	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2224	2225-K46P1		Nguyễn Thị Mai	Trang	Nữ	16/03/1992				Khá	814037	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2225	2226-K46P1		Phan Thị	Trang	Nữ	07/09/1992				Khá	814038	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2226	2227-K46P1		Hồ Thị Kim	Tuyến	Nữ	22/12/1992				Khá	814039	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2227	2228-K46P1		Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	22/12/1992				Khá	814040	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2228	2229-K46P2		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	03/10/1992				Khá	814041	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2229	2230-K46P2		Lâm Văn	Đạo	Nam	28/08/1992				Khá	814042	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2230	2231-K46P2		Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	19/05/1991				Khá	814043	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2231	2232-K46P2		Trịnh Hồng	Hải	Nữ	11/02/1992				Xuất sắc	814044	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2232	2233-K46P2		Hoàng Thị	Hằng	Nữ	04/07/1992				Khá	814045	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2233	2234-K46P2		Lê Thị	Hoa	Nữ	01/04/1992				Giỏi	814046	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2234	2235-K46P2		Nguyễn Thị ánh	Hồng	Nữ	10/08/1991				Khá	814047	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2235	2236-K46P2		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	22/01/1991				Khá	814048	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2236	2237-K46P2		Phạm Thế	Hùng	Nam	19/05/1990				Khá	814049	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2237	2238-K46P2		Mai	Hương	Nữ	19/11/1992				Khá	814050	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2238	2239-K46P2		Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	15/10/1992				Khá	814051	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2239	2240-K46P2		Lê Thị Ngọc	Liên	Nữ	25/11/1992				Khá	814052	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2240	2241-K46P2		Đặng Văn	Linh	Nam	01/07/1992				Trung bình	814053	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2241	2242-K46P2		Đỗ Thị	Luyến	Nữ	02/08/1992				Khá	814054	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2242	2243-K46P2		Nguyễn Văn	Minh	Nam	15/12/1991				Khá	814055	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2243	2244-K46P2		Phan Thị Trà	My	Nữ	29/12/1992				Khá	814056	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2244	2245-K46P2		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/09/1992				Khá	814057	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2245	2246-K46P2		Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	29/07/1992				Khá	814058	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2246	2247-K46P2		Dương Thị	Quyên	Nữ	20/06/1991				Khá	814059	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2247	2248-K46P2		Phạm Thanh	Thảo	Nữ	04/10/1992				Khá	814060	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2248	2249-K46P2		Hoàng Thị Thu	Thủy	Nữ	30/09/1992				Khá	814061	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2249	2250-K46P2		Nghiêm Thị	Tình	Nữ	26/01/1992				Khá	814062	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2250	2251-K46P2		Dương Thị	Trang	Nữ	04/08/1992				Khá	814063	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2251	2252-K46P2		Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	27/06/1992				Khá	814064	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2252	2253-K46P2		Bùi Anh	Tú	Nam	04/07/1992				Giỏi	814065	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2253	2254-K46P2		Nguyễn Thị	Tư	Nữ	19/09/1992				Khá	814066	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2254	2255-K46P2		Lê Huy	Tùng	Nam	21/01/1992				Khá	814067	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2255	2256-K46P2		Đào Thị	Tuyết	Nữ	11/10/1992				Khá	814068	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2256	2257-K46P2		Vũ Thị Thu	Uyên	Nữ	26/12/1991				Khá	814069	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2257	2258-K46P2		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	13/10/1992				Khá	814070	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2258	2259-K46P3		Phạm Văn	Ân	Nam	14/09/1991				Khá	814071	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2259	2260-K46P3		Hoàng Lan	Anh	Nữ	06/07/1992				Khá	814072	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2260	2261-K46P3		Nguyễn Hải	Anh	Nữ	25/04/1992				Khá	814073	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2261	2262-K46P3		Nguyễn Ngọc	Bảo	Nam	15/03/1992				Khá	814074	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2262	2263-K46P3		Nguyễn Kiều	Dung	Nữ	22/06/1992				Khá	814075	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2263	2264-K46P3		Lê Ngọc	Dũng	Nam	01/01/1992				Khá	814076	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2264	2265-K46P3		Hoàng Thị	Hà	Nữ	14/11/1992				Khá	814077	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2265	2266-K46P3		Nguyễn Thị Huyền	Hà	Nữ	19/01/1992				Khá	814078	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2266	2267-K46P3		Bùi Bằng	Hải	Nữ	07/06/1992				Khá	814079	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2267	2268-K46P3		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	06/06/1992				Khá	814080	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2268	2269-K46P3		Phạm Thị	Hoa	Nữ	05/12/1992				Khá	814081	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2269	2270-K46P3		Đặng Thị Thúy	Hòa	Nữ	27/08/1992				Khá	814082	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2270	2271-K46P3		Phạm Minh	Hoàng	Nam	05/11/1992				Khá	814083	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2271	2272-K46P3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	06/01/1991				Khá	814084	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2272	2273-K46P3		Lê Thị	Liên	Nữ	25/08/1992				Khá	814085	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2273	2274-K46P3		Lưu Thị Thùy	Liên	Nữ	20/08/1991				Khá	814086	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2274	2275-K46P3		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	22/07/1992				Khá	814087	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2275	2276-K46P3		Vũ Đặng Hoài	Linh	Nữ	01/12/1992				Khá	814088	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2276	2277-K46P3		Bùi Thị	Mai	Nữ	01/03/1992				Khá	814089	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2277	2278-K46P3		Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	30/12/1992				Giỏi	814090	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2278	2279-K46P3		Vũ Thị Kim	Oanh	Nữ	26/07/1992				Khá	814091	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2279	2280-K46P3		Đinh Thị	Phương	Nữ	15/02/1992				Khá	814092	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2280	2281-K46P3		Nguyễn Mai	Phương	Nữ	31/08/1992				Khá	814093	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2281	2282-K46P3		Đỗ Huy	Quang	Nam	09/11/1992				Khá	814094	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2282	2283-K46P3		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	20/07/1992				Khá	814095	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2283	2284-K46P3		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	11/07/1992				Khá	814096	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2284	2285-K46P3		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	15/06/1992				Khá	814097	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2285	2286-K46P3		Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	30/04/1992				Khá	814098	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2286	2287-K46P3		Đoàn Thị	Thúy	Nữ	22/09/1992				Khá	814099	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2287	2288-K46P3		Vũ Thanh	Thủy	Nữ	18/12/1992				Khá	814100	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2288	2289-K46P3		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	01/08/1992				Khá	814101	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2289	2290-K46P3		Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	19/10/1992				Khá	814102	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2290	2291-K46P3		Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	01/06/1992				Khá	814103	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2291	2292-K46P3		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	27/04/1992				Khá	814104	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2292	2293-K46P3		Trần Huyền	Trang	Nữ	24/10/1991				Trung bình	814105	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2293	2294-K46S1		Ngũ Kim	Chi	Nữ	01/09/1992				Khá	814106	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2294	2295-K46S1		Trần Tuấn	Cường	Nam	10/12/1992				Khá	814107	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2295	2296-K46S1		Ngô Văn	Đức	Nam	10/11/1991				Khá	814108	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2296	2297-K46S1		Nguyễn Kim	Dũng	Nam	08/03/1991				Khá	814109	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2297	2298-K46S1		Nguyễn Văn	Dũng	Nam	01/09/1990				Khá	814110	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2298	2299-K46S1		Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	14/09/1992				Khá	814111	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2299	2300-K46S1		Trần Thị	Hòa	Nữ	28/06/1992				Khá	814112	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2300	2301-K46S1		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	02/02/1992				Khá	814113	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2301	2302-K46S1		Bùi Thị Thanh	Hường	Nữ	14/07/1991				Khá	814114	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2302	2303-K46S1		Nguyễn Thị Thanh	Hường	Nữ	09/11/1992				Khá	814115	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2303	2304-K46S1		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	25/07/1992				Khá	814116	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2304	2305-K46S1		Đặng Thị	Khay	Nữ	29/03/1992				Khá	814117	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2305	2306-K46S1		Nguyễn Hoàng	Kim	Nam	19/10/1992				Trung bình	814118	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2306	2307-K46S1		Phạm Thị	Lan	Nữ	15/08/1992				Khá	814119	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2307	2308-K46S1		Nguyễn Hương	Liên	Nữ	01/09/1992				Giỏi	814120	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2308	2309-K46S1		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	13/08/1992				Khá	814121	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2309	2310-K46S1		Nguyễn Hải	Ly	Nữ	17/12/1991				Trung bình	814122	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2310	2311-K46S1		Vũ Thị	Ly	Nữ	09/01/1992				Khá	814123	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2311	2312-K46S1		Phạm Thị	Quế	Nữ	08/05/1991				Khá	814124	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2312	2313-K46S1		Nguyễn Đình	Quý	Nam	24/04/1991				Khá	814125	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2313	2314-K46S1		Nguyễn Mạnh	Quyết	Nam	04/03/1992				Giỏi	814126	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2314	2315-K46S1		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	09/10/1992				Khá	814127	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2315	2316-K46S1		Cam Ngọc	Sơn	Nam	05/01/1991				Khá	814128	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2316	2317-K46S1		Trần Thị	Thắm	Nữ	07/05/1992				Khá	814129	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2317	2318-K46S1		Bùi Nhật	Thăng	Nam	29/11/1992				Khá	814130	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2318	2319-K46S1		Lê Thị	Thảo	Nữ	12/06/1992				Khá	814131	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2319	2320-K46S1		Ngô Thị	Thu	Nữ	24/09/1992				Khá	814132	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2320	2321-K46S1		Vũ Thị	Thu	Nữ	16/06/1992				Khá	814133	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2321	2322-K46S1		Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	10/10/1992				Khá	814134	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2322	2323-K46S1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	14/09/1992				Khá	814135	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2323	2324-K46S1		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	09/04/1992				Khá	814136	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2324	2325-K46S1		Đào Thanh	Tùng	Nam	13/10/1992				Khá	814137	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2325	2326-K46S1		Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	05/10/1991				Khá	814138	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2326	2327-K46S1		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	26/07/1992				Khá	814139	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2327	2328-K46S2		Trần Thị	Chinh	Nữ	08/12/1991				Khá	814140	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2328	2329-K46S2		Nguyễn Minh	Đức	Nam	14/10/1992				Khá	814141	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2329	2330-K46S2		Bùi Thị Minh	Hải	Nữ	18/09/1992				Trung bình	814142	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2330	2331-K46S2		Trần Thị	Hằng	Nữ	15/02/1992				Khá	814143	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2331	2332-K46S2		Lý Thu	Hiền	Nữ	01/11/1992				Khá	814144	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2332	2333-K46S2		Trương Thị Minh	Hồng	Nữ	16/09/1992				Khá	814145	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2333	2334-K46S2		Vũ Minh	Huy	Nam	01/09/1990				Trung bình	814146	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2334	2335-K46S2		Trần Thị	Linh	Nữ	16/10/1992				Khá	814147	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2335	2336-K46S2		Đinh Thị	Lương	Nữ	12/09/1992				Khá	814148	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2336	2337-K46S2		Đào Thị	Mai	Nữ	09/02/1992				Khá	814149	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2337	2338-K46S2		Hà	My	Nữ	26/03/1992				Khá	814150	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2338	2339-K46S2		Lê Hoàng	Nam	Nam	08/05/1992				Khá	814151	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2339	2340-K46S2		Phan Văn	Nam	Nam	22/05/1992				Khá	814152	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2340	2341-K46S2		Phạm Thị	Nga	Nữ	22/08/1992				Khá	814153	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2341	2342-K46S2		Nguyễn Hạnh	Ngân	Nữ	29/10/1992				Khá	814154	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2342	2343-K46S2		Ngô Đức	Nghĩa	Nam	02/09/1991				Khá	814155	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2343	2344-K46S2		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	30/09/1992				Khá	814156	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2344	2345-K46S2		Võ Thị	Nhàn	Nữ	23/04/1992				Khá	814157	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2345	2346-K46S2		Tạ Thị Hoàng	Nhung	Nữ	11/10/1992				Khá	814158	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2346	2347-K46S2		Trần Thị	Sáu	Nữ	06/07/1992				Khá	814159	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2347	2348-K46S2		Bùi Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/01/1992				Khá	814160	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2348	2349-K46S2		Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	21/11/1992				Khá	814161	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2349	2350-K46S2		Vũ Thị	Thoa	Nữ	19/03/1992				Khá	814162	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2350	2351-K46S2		Diệp Thị	Thùy	Nữ	28/07/1991				Khá	814163	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2351	2352-K46S2		Lương Bích	Thùy	Nữ	25/10/1992				Khá	814164	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2352	2353-K46S2		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	25/08/1992				Trung bình	814165	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2353	2354-K46S2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	22/03/1992				Khá	814166	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2354	2355-K46S2		Nguyễn Thu	Xuân	Nữ	05/01/1992				Khá	814167	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2355	2356-K46S2		Vũ Thị	Yến	Nữ	05/02/1992				Khá	814168	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2356	2357-K46S3		Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	25/02/1992				Khá	814169	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2357	2358-K46S3		Nguyễn Thị	Đan	Nữ	17/10/1992				Khá	814170	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2358	2359-K46S3		Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	03/07/1992				Khá	814171	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2359	2360-K46S3		Vương Khánh	Duy	Nam	11/04/1992				Trung bình	814172	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2360	2361-K46S3		Phạm Thị Hương	Giang	Nữ	08/04/1992				Khá	814173	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2361	2362-K46S3		Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	18/09/1991				Trung bình	814174	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2362	2363-K46S3		Thái Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	15/07/1992				Khá	814175	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2363	2364-K46S3		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	23/04/1992				Khá	814176	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2364	2365-K46S3		Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	22/09/1992				Khá	814177	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2365	2366-K46S3		Tạ Thị	Huyền	Nữ	24/04/1992				Khá	814178	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2366	2367-K46S3		Lê Thị Ngọc	Linh	Nữ	21/06/1992				Trung bình	814179	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2367	2368-K46S3		Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	01/09/1991				Trung bình	814180	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2368	2369-K46S3		Lê Ngọc Hạnh	Mỹ	Nữ	11/11/1991				Khá	814181	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2369	2370-K46S3		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	01/05/1992				Khá	814182	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2370	2371-K46S3		Hoàng Văn	Phát	Nam	10/12/1992				Khá	814183	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2371	2372-K46S3		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	09/02/1992				Khá	814184	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2372	2373-K46S3		Vũ Văn	Song	Nam	18/02/1992				Trung bình	814185	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2373	2374-K46S3		Nguyễn Hữu	Thân	Nam	07/04/1992				Khá	814186	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2374	2375-K46S3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	11/11/1992				Khá	814187	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2375	2376-K46S3		Đào Thị	Tiếp	Nữ	22/02/1992				Khá	814188	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2376	2377-K46S3		Kim Thị Huyền	Trang	Nữ	14/01/1992				Giỏi	814189	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2377	2378-K46S3		Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	29/10/1992				Khá	814190	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2378	2379-K46S3		Nguyễn Quốc	Uy	Nam	29/08/1991				Khá	814191	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2379	2380-K46S4		Ngọ Thị	Anh	Nữ	15/11/1992				Khá	814192	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2380	2381-K46S4		Phạm Thị Hoài	Anh	Nữ	22/10/1990				Khá	814193	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2381	2382-K46S4		Trịnh Văn	Bảo	Nam	08/08/1992				Khá	814194	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2382	2383-K46S4		Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	10/11/1992				Khá	814195	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2383	2384-K46S4		Trần Thị Minh	Dịu	Nữ	06/01/1992				Khá	814196	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2384	2385-K46S4		Đỗ Phương	Dung	Nữ	03/04/1992				Khá	814197	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2385	2386-K46S4		Lăng Thị	Hải	Nữ	16/08/1991				Khá	814198	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2386	2387-K46S4		Cồ Thùy	Hương	Nữ	05/06/1992				Trung bình	814199	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2387	2388-K46S4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28/03/1992				Khá	814200	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2388	2389-K46S4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	25/01/1992				Khá	814201	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2389	2390-K46S4		Phí Thị	Hường	Nữ	26/11/1992				Khá	814202	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2390	2391-K46S4		Nguyễn Văn	Huy	Nam	02/08/1991				Khá	814203	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2391	2392-K46S4		Cao Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/07/1992				Khá	814204	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2392	2393-K46S4		Hoàng Thị Mỹ	Linh	Nữ	13/05/1992				Khá	814205	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2393	2394-K46S4		Dương Thị Thanh	Loan	Nữ	22/06/1992				Khá	814206	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2394	2395-K46S4		Hà Thúy	Nga	Nữ	14/04/1992				Khá	814207	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2395	2396-K46S4		Bùi Minh	Nguyệt	Nữ	06/11/1992				Khá	814208	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2396	2397-K46S4		Lý Thị	Nhung	Nữ	22/08/1991				Khá	814209	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2397	2398-K46S4		Phạm Trọng	Thanh	Nam	01/11/1992				Khá	814210	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2398	2399-K46S4		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	02/11/1992				Khá	814211	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2399	2400-K46S4		Trần Văn	Truyền	Nam	21/11/1992				Trung bình	814212	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2400	2401-K46S4		Nguyễn Thanh	Tú	Nữ	06/01/1991				Khá	814213	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2401	2402-K46S4		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	20/11/1992				Trung bình	814214	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2402	2403-K46S4		Trần Thị	Xuân	Nữ	17/08/1991				Trung bình	814215	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2403	2404-K46S4		Dương Thị	Yến	Nữ	25/04/1992				Khá	814216	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2404	2405-K46S4		Hoàng Minh	Yến	Nữ	22/08/1991				Khá	814217	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2405	2406-K46S5		Trương Thị	Biên	Nữ	27/08/1991				Khá	814218	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2406	2407-K46S5		Vũ Thị Kim	Chung	Nữ	05/02/1992				Khá	814219	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2407	2408-K46S5		Thiều Thiết	Cương	Nam	18/08/1992				Khá	814220	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2408	2409-K46S5		Bùi Đức	Cường	Nam	24/10/1988				Khá	814221	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2409	2410-K46S5		Phạm Văn	Đáng	Nam	31/05/1992				Khá	814222	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2410	2411-K46S5		Vũ Thị	Dung	Nữ	08/04/1992				Khá	814223	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2411	2412-K46S5		Quách Khánh	Duy	Nam	06/12/1990				Khá	814224	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2412	2413-K46S5		Phan Công	Duy	Nam	28/07/1991				Trung bình	814225	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2413	2414-K46S5		Trần Thị Kim	Duyên	Nữ	01/06/1992				Giỏi	814226	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2414	2415-K46S5		Phùng Thị	Giang	Nữ	29/01/1992				Khá	814227	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2415	2416-K46S5		Văn Thị	Hằng	Nữ	30/12/1992				Khá	814228	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2416	2417-K46S5		Lê Thị	Hạnh	Nữ	21/07/1992				Khá	814229	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2417	2418-K46S5		Lương Thị	Hạnh	Nữ	02/06/1992				Giỏi	814230	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2418	2419-K46S5		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	22/02/1992				Giỏi	814231	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2419	2420-K46S5		Đoàn Thị	Hoa	Nữ	02/05/1992				Khá	814232	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2420	2421-K46S5		Lại Thị	Hoa	Nữ	21/11/1991				Khá	814233	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2421	2422-K46S5		Phan Hữu Minh	Hoàng	Nam	26/10/1992				Khá	814234	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2422	2423-K46S5		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	18/01/1992				Khá	814235	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2423	2424-K46S5		Bùi Lan	Hương	Nữ	22/08/1992				Khá	814236	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2424	2425-K46S5		Lại Phương	Huyền	Nữ	10/11/1992				Khá	814237	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2425	2426-K46S5		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	28/04/1992				Khá	814238	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2426	2427-K46S5		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	14/08/1992				Khá	814239	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2427	2428-K46S5		Đặng Văn	Khoa	Nam	16/09/1992				Trung bình	814240	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2428	2429-K46S5		Đặng Thùy	Linh	Nữ	18/06/1992				Khá	814241	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2429	2430-K46S5		Vũ Đức	Lộc	Nam	03/01/1992				Khá	814242	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2430	2431-K46S5		Nguyễn Hoàng	Long	Nam	15/11/1992				Khá	814243	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2431	2432-K46S5		Luyện Thị	Mai	Nữ	15/04/1992				Khá	814244	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2432	2433-K46S5		Phạm Thị Thanh	Mai	Nữ	15/04/1992				Khá	814245	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2433	2434-K46S5		Nguyễn Thị Tố	Nga	Nữ	05/11/1992				Giỏi	814246	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2434	2435-K46S5		Nguyễn Văn	Nhàn	Nam	30/06/1991				Khá	814247	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2435	2436-K46S5		Nguyễn Thị Hoài	Phượng	Nữ	24/02/1992				Khá	814248	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2436	2437-K46S5		Lê Thị	Tâm	Nữ	10/11/1992				Khá	814249	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2437	2438-K46S5		Hoàng Thị	Tân	Nữ	29/10/1991				Giỏi	814250	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2438	2439-K46S5		Phạm Thị	Thanh	Nữ	03/06/1992				Khá	814251	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2439	2440-K46S5		Phạm Thị	Thảo	Nữ	02/07/1992				Khá	814252	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2440	2441-K46S5		Trần Thị Hoài	Thu	Nữ	12/07/1992				Giỏi	814253	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2441	2442-K46S5		Vũ Thị	Thúy	Nữ	08/09/1992				Khá	814254	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2442	2443-K46S5		Phạm Thị	Tình	Nữ	13/03/1992				Khá	814255	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2443	2444-K46S5		Đoàn Thị Thùy	Trang	Nữ	21/09/1992				Khá	814256	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2444	2445-K46S5		Vũ Đăng	Tú	Nam	31/05/1992				Khá	814257	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2445	2446-K46S5		Lê Thị	Tươi	Nữ	26/07/1992				Khá	814258	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2446	2447-K46T1		Dương Thị Lan	Anh	Nữ	20/08/1992				Khá	814259	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2447	2448-K46T1		Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/06/1992				Khá	814260	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2448	2449-K46T1		Nguyễn Thị	Điệp	Nữ	20/10/1992				Khá	814261	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2449	2450-K46T1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	15/04/1991				Khá	814262	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2450	2451-K46T1		Đinh Thị	Giang	Nữ	10/05/1992				Khá	814263	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2451	2452-K46T1		Lê Thị	Hạnh	Nữ	16/02/1992				Khá	814264	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2452	2453-K46T1		Trần Thị Bích	Hạnh	Nữ	17/03/1992				Khá	814265	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2453	2454-K46T1		Hoàng Thị	Hiên	Nữ	05/08/1992				Khá	814266	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2454	2455-K46T1		Bùi Nguyên	Hưng	Nam	11/11/1991				Giỏi	814267	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2455	2456-K46T1		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	26/03/1992				Khá	814268	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2456	2457-K46T1		Nông Thị Lan	Hương	Nữ	03/08/1992				Khá	814269	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2457	2458-K46T1		Bùi Doãn Thu	Huyền	Nữ	21/08/1992				Giỏi	814270	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2458	2459-K46T1		Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	07/11/1992				Khá	814271	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2459	2460-K46T1		Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	07/01/1992				Khá	814272	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2460	2461-K46T1		Trần Thùy	Linh	Nữ	16/04/1992				Khá	814273	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2461	2462-K46T1		Đinh Thị	Loan	Nữ	22/10/1991				Khá	814274	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2462	2463-K46T1		Nguyễn Phi	Long	Nam	06/07/1991				Khá	814275	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2463	2464-K46T1		Nguyễn Phương	Mai	Nữ	09/06/1992				Khá	814276	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2464	2465-K46T1		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	23/10/1991				Giỏi	814277	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2465	2466-K46T1		Phạm Như	Ngọc	Nữ	21/04/1992				Trung bình	814278	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2466	2467-K46T1		Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	01/10/1992				Khá	814279	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2467	2468-K46T1		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	03/08/1991				Khá	814280	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2468	2469-K46T1		Thân Vũ Y	Phương	Nữ	23/03/1992				Khá	814281	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2469	2470-K46T1		Hoàng Thị Hồng	Quý	Nữ	03/09/1992				Khá	814282	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2470	2471-K46T1		Nguyễn Thị	Quyền	Nữ	29/04/1992				Khá	814283	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2471	2472-K46T1		Bùi Thị	Son	Nữ	30/12/1992				Trung bình	814284	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2472	2473-K46T1		Đoàn Ngọc	Tân	Nam	17/02/1991				Khá	814285	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2473	2474-K46T1		Nguyễn Văn	Thịnh	Nam	31/07/1992				Khá	814286	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2474	2475-K46T1		Trịnh Thị Thu	Trang	Nữ	22/08/1992				Khá	814287	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2475	2476-K46T1		Trần Đình	Văn	Nam	12/11/1992				Khá	814288	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2476	2477-K46T2		Hoàng Nhật	Anh	Nam	03/08/1992				Khá	814289	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2477	2478-K46T2		Lê Trần Thúy	Anh	Nữ	23/10/1992				Khá	814290	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2478	2479-K46T2		Lưu Tuấn	Anh	Nam	26/09/1992				Khá	814291	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2479	2480-K46T2		Nguyễn Thị	Cảnh	Nữ	07/09/1991				Giỏi	814292	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2480	2481-K46T2		Phan Thị	Châu	Nữ	12/05/1991				Khá	814293	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2481	2482-K46T2		Trần Đức	Duy	Nam	22/11/1992				Khá	814294	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2482	2483-K46T2		Dương Thị	Hà	Nữ	03/08/1991				Khá	814295	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2483	2484-K46T2		Hoàng Thanh	Hiền	Nữ	22/11/1991				Giỏi	814296	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2484	2485-K46T2		Vũ Thị Thu	Hoài	Nữ	20/04/1992				Khá	814297	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2485	2486-K46T2		Phạm Thị	Huế	Nữ	02/05/1992				Khá	814298	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2486	2487-K46T2		Đặng Thanh	Hương	Nữ	08/06/1992				Khá	814299	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2487	2488-K46T2		Lê Ngọc	Khánh	Nam	10/12/1992				Khá	814300	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2488	2489-K46T2		Đinh Tuấn	Linh	Nam	11/03/1991				Khá	814301	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2489	2490-K46T2		Trần Thảo	Linh	Nữ	11/01/1992				Khá	814302	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2490	2491-K46T2		Vũ Thùy	Linh	Nữ	02/10/1992				Khá	814303	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2491	2492-K46T2		Cao Ngọc	Mai	Nữ	13/05/1992				Khá	814304	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2492	2493-K46T2		Hà ánh Phương	Mai	Nữ	02/07/1992				Khá	814305	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2493	2494-K46T2		Phạm Ngọc	Minh	Nam	10/04/1992				Khá	814306	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2494	2495-K46T2		Nguyễn Trần Kim	Ngọc	Nữ	11/08/1991				Khá	814307	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2495	2496-K46T2		Nguyễn Thùy	Ninh	Nữ	20/01/1992				Khá	814308	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2496	2497-K46T2		Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	04/08/1991				Khá	814309	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2497	2498-K46T2		Lưu Lan	Thanh	Nữ	15/05/1992				Khá	814310	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2498	2499-K46T2		Vũ Trung	Thành	Nam	26/02/1992				Khá	814311	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2499	2500-K46T2		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	09/10/1992				Khá	814312	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2500	2501-K46T2		Diêm Thị Diệu	Thu	Nữ	23/05/1992				Khá	814313	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2501	2502-K46T2		Vũ Thị	Thư	Nữ	07/11/1992				Khá	814314	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2502	2503-K46T2		Phạm Ngọc	Thuận	Nam	10/12/1992				Khá	814315	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2503	2504-K46T2		Đoàn Thị Hồng	Thương	Nữ	03/02/1992				Khá	814316	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2504	2505-K46T2		Bùi Thị	Thúy	Nữ	04/06/1992				Khá	814317	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2505	2506-K46T2		Phạm Thị Thanh	Trang	Nữ	09/02/1992				Khá	814318	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2506	2507-K46T2		Trần Thị Huyền	Trinh	Nữ	17/09/1991				Giỏi	814319	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2507	2508-K46T2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	19/03/1992				Khá	814320	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2508	2509-K46T2		Võ Thị	Vương	Nữ	14/07/1992				Khá	814321	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2509	2510-K46T2		Bùi Thị	Yến	Nữ	18/08/1992				Khá	814322	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2510	2511-K46T2		Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	24/09/1992				Khá	814323	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2511	2512-K46T3		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	01/06/1991				Khá	814324	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2512	2513-K46T3		Đinh Thị	Dung	Nữ	16/06/1992				Trung bình	814325	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2513	2514-K46T3		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	01/05/1991				Khá	814326	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2514	2515-K46T3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/08/1992				Khá	814327	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2515	2516-K46T3		Vũ Thị	Hiền	Nữ	07/11/1991				Khá	814328	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2516	2517-K46T3		Dương Thị	Hiệp	Nữ	30/05/1991				Khá	814329	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2517	2518-K46T3		Lại Thị	Hoa	Nữ	28/08/1992				Trung bình	814330	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2518	2519-K46T3		Nguyễn Thị Hồng	Huế	Nữ	20/08/1992				Giỏi	814331	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2519	2520-K46T3		Đỗ Thị	Liên	Nữ	19/05/1991				Khá	814332	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2520	2521-K46T3		Lê Hoàng Nhật	Linh	Nam	23/11/1992				Khá	814333	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2521	2522-K46T3		Lê Huyền Mỹ	Linh	Nữ	31/08/1991				Khá	814334	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2522	2523-K46T3		Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	21/04/1992				Khá	814335	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2523	2524-K46T3		Trần Thị Thanh	Loan	Nữ	07/11/1992				Giỏi	814336	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2524	2525-K46T3		Hoàng Thị	Lương	Nữ	22/06/1992				Khá	814337	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2525	2526-K46T3		Hoàng Thị Thu	Nga	Nữ	23/04/1992				Khá	814338	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2526	2527-K46T3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	08/03/1992				Khá	814339	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2527	2528-K46T3		Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	07/07/1992				Khá	814340	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2528	2529-K46T3		Phạm Thị	Nhàn	Nữ	01/12/1991				Khá	814341	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2529	2530-K46T3		Phạm Hồng	Nhung	Nữ	21/12/1992				Giỏi	814342	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2530	2531-K46T3		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	21/08/1991				Khá	814343	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2531	2532-K46T3		Đặng Thị	Thanh	Nữ	28/10/1992				Khá	814344	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2532	2533-K46T3		Bùi Trần Phương	Thảo	Nữ	04/09/1992				Khá	814345	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2533	2534-K46T3		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	18/09/1992				Khá	814346	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2534	2535-K46T3		Nguyễn Thị	Thêu	Nữ	10/04/1992				Giỏi	814347	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2535	2536-K46T3		Nguyễn Tiến	Thịnh	Nam	21/12/1991				Khá	814348	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2536	2537-K46T3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	30/04/1992				Khá	814349	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2537	2538-K46T3		Giáp Thị	Toàn	Nữ	12/04/1992				Khá	814350	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2538	2539-K46T3		Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	26/10/1992				Giỏi	814351	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2539	2540-K46T3		Lê Thùy	Trang	Nữ	23/03/1992				Khá	814352	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2540	2541-K46T3		Trần Minh	Trang	Nữ	14/04/1992				Khá	814353	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2541	2542-K46T3		Vũ Thị	Trang	Nữ	12/08/1992				Khá	814354	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2542	2543-K46T3		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	24/12/1992				Khá	814355	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2543	2544-K46T3		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	24/05/1991				Khá	814356	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2544	2545-K46T3		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	26/03/1991				Khá	814357	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2545	2546-K46T3		Đoàn Thị Hà	Vy	Nữ	08/05/1992				Khá	814358	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2546	2547-K46T4		Đặng Thị Tuyết	Anh	Nữ	14/12/1992				Khá	814359	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2547	2548-K46T4		Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	18/09/1992				Khá	814360	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2548	2549-K46T4		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	30/01/1992				Khá	814361	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2549	2550-K46T4		Ninh Thị	Dịu	Nữ	14/12/1992				Giỏi	814362	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2550	2551-K46T4		Tạ Quang	Dương	Nam	21/06/1992				Khá	814363	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2551	2552-K46T4		Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	Nữ	15/10/1992				Khá	814364	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2552	2553-K46T4		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	20/08/1992				Khá	814365	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2553	2554-K46T4		Đinh Thúy	Hà	Nữ	08/09/1992				Khá	814366	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2554	2555-K46T4		Võ Thị Ngân	Hà	Nữ	04/04/1992				Khá	814367	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2555	2556-K46T4		Nguyễn Thị Thái	Hải	Nữ	17/01/1992				Khá	814368	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2556	2557-K46T4		Trần Thị	Hạnh	Nữ	02/09/1992				Khá	814369	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2557	2558-K46T4		Cao Thị	Hậu	Nữ	11/07/1992				Khá	814370	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2558	2559-K46T4		Hà Thị	Hoa	Nữ	19/05/1992				Khá	814371	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2559	2560-K46T4		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	25/05/1992				Khá	814372	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2560	2561-K46T4		Phạm Văn	Huấn	Nam	20/02/1991				Khá	814373	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2561	2562-K46T4		Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	Nữ	20/08/1992				Giỏi	814374	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2562	2563-K46T4		Đỗ Lan	Hương	Nữ	24/12/1992				Giỏi	814375	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2563	2564-K46T4		Kiều Linh	Hương	Nữ	02/01/1992				Giỏi	814376	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2564	2565-K46T4		Lê Thanh	Hương	Nữ	18/01/1992				Khá	814377	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2565	2566-K46T4		Nguyễn Minh	Huyền	Nữ	28/04/1992				Khá	814378	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2566	2567-K46T4		Phạm Xuân	Huyền	Nam	02/01/1992				Khá	814379	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2567	2568-K46T4		Vũ Kim	Khánh	Nam	26/06/1991				Khá	814380	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2568	2569-K46T4		Nguyễn Phương	Lan	Nữ	08/12/1991				Khá	814381	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2569	2570-K46T4		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	26/11/1992				Khá	814382	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2570	2571-K46T4		Lê Trần Bảo	Linh	Nữ	14/12/1992				Khá	814383	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2571	2572-K46T4		Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	28/08/1992				Khá	814384	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2572	2573-K46T4		Dương Thị Trà	My	Nữ	01/04/1992				Khá	814385	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2573	2574-K46T4		Trần Thị Hằng	Nga	Nữ	23/01/1992				Khá	814386	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2574	2575-K46T4		Đỗ Thị	Nhàn	Nữ	02/03/1992				Giỏi	814387	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2575	2576-K46T4		Nguyễn Thùy	Nhung	Nữ	13/09/1992				Khá	814388	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2576	2577-K46T4		Đoàn Thị	Phan	Nữ	01/11/1992				Khá	814389	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2577	2578-K46T4		Vũ Minh	Phương	Nữ	25/08/1991				Khá	814390	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2578	2579-K46T4		Phí Thị Thu	Thảo	Nữ	09/11/1992				Khá	814391	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2579	2580-K46T4		Nguyễn Nguyên Hải	Thơ	Nữ	07/04/1992				Trung bình	814392	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2580	2581-K46T4		Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	13/08/1992				Khá	814393	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2581	2582-K46T4		Đậu Thùy	Trang	Nữ	22/11/1992				Khá	814394	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2582	2583-K46T4		Dương Quỳnh	Trang	Nữ	27/07/1992				Giỏi	814395	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2583	2584-K46T4		Vi Thị Thu	Trang	Nữ	16/01/1992				Khá	814396	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2584	2585-K46T4		Trần Thị	Vân	Nữ	29/07/1992				Khá	814397	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2585	2586-K46U1		Nguyễn Mai	Chi	Nữ	01/04/1992				Giỏi	814398	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2586	2587-K46U1		Phạm Thị	Dịu	Nữ	20/05/1991				Khá	814399	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2587	2588-K46U1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	01/10/1992				Khá	814400	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2588	2589-K46U1		Bùi Hoài	Giang	Nam	12/06/1992				Khá	814401	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2589	2590-K46U1		Hoàng Thị Trà	Giang	Nữ	16/08/1992				Khá	814402	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2590	2591-K46U1		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	18/04/1992				Khá	814403	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2591	2592-K46U1		Đỗ Thị	Hà	Nữ	29/09/1992				Khá	814404	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2592	2593-K46U1		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	27/06/1992				Khá	814405	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2593	2594-K46U1		Lê Thị Thanh	Hằng	Nữ	27/05/1992				Khá	814406	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2594	2595-K46U1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	16/06/1992				Giỏi	814407	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2595	2596-K46U1		Đỗ Thị	Hồng	Nữ	04/09/1992				Khá	814408	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2596	2597-K46U1		Đỗ Thị	Hồng	Nữ	26/10/1992				Khá	814409	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2597	2598-K46U1		Lê Thị	Hường	Nữ	02/11/1992				Khá	814410	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2598	2599-K46U1		Mai Thị Thu	Hường	Nữ	10/08/1992				Khá	814411	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2599	2600-K46U1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	15/03/1992				Khá	814412	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2600	2601-K46U1		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	02/05/1992				Khá	814413	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2601	2602-K46U1		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	08/10/1992				Khá	814414	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2602	2603-K46U1		Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	23/05/1991				Khá	814415	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2603	2604-K46U1		Trần Thị Hằng	Nga	Nữ	14/07/1992				Khá	814416	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2604	2605-K46U1		Tiêu Thị	Ngọc	Nữ	04/06/1991				Khá	814417	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2605	2606-K46U1		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	17/11/1992				Khá	814418	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2606	2607-K46U1		Phạm Thị	Thanh	Nữ	18/04/1992				Khá	814419	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2607	2608-K46U1		Trần Thị	Thanh	Nữ	30/10/1992				Khá	814420	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2608	2609-K46U1		Phạm Thị	Thêm	Nữ	20/11/1989				Khá	814421	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2609	2610-K46U1		Bùi Thị Kim	Thoa	Nữ	04/12/1991				Giỏi	814422	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2610	2611-K46U1		Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	14/02/1992				Khá	814423	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2611	2612-K46U1		Nguyễn Kiều	Trang	Nữ	11/11/1992				Khá	814424	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2612	2613-K46U1		Phạm Thị	Tươi	Nữ	08/01/1991				Khá	814425	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2613	2614-K46U1		Ngô Thị	Tuyết	Nữ	24/06/1992				Khá	814426	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2614	2615-K46U1		Bùi Thị	Xòe	Nữ	02/10/1992				Khá	814427	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2615	2616-K46U2		Trần Đăng	Chiến	Nam	05/02/1991				Trung bình	814428	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2616	2617-K46U2		Nguyễn Văn	Cường	Nam	02/03/1992				Khá	814429	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2617	2618-K46U2		Ngô Thị	Đông	Nữ	02/09/1992				Khá	814430	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2618	2619-K46U2		Trần Thị	Dung	Nữ	29/03/1992				Khá	814431	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2619	2620-K46U2		Tạ Thị	Hà	Nữ	21/11/1991				Khá	814432	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2620	2621-K46U2		Phan Thị	Hạ	Nữ	14/03/1992				Khá	814433	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2621	2622-K46U2		Vũ Thị	Hải	Nữ	09/01/1992				Khá	814434	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2622	2623-K46U2		Trần Thị	Hiền	Nữ	27/07/1992				Khá	814435	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2623	2624-K46U2		Trịnh Thị	Hoàn	Nữ	10/11/1992				Khá	814436	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2624	2625-K46U2		Bùi Thị	Huê	Nữ	09/01/1993				Khá	814437	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2625	2626-K46U2		Ngô Thị	Huế	Nữ	09/12/1992				Khá	814438	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2626	2627-K46U2		Nguyễn Thị Thúy	Hường	Nữ	24/09/1992				Khá	814439	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2627	2628-K46U2		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	08/11/1992				Khá	814440	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2628	2629-K46U2		Phạm Thị	Lệ	Nữ	25/07/1992				Khá	814441	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2629	2630-K46U2		Phạm Thị	Liễu	Nữ	27/04/1992				Khá	814442	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2630	2631-K46U2		Lưu Thị	Loan	Nữ	27/01/1992				Khá	814443	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2631	2632-K46U2		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	06/01/1992				Khá	814444	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2632	2633-K46U2		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	18/12/1992				Khá	814445	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2633	2634-K46U2		Hoàng Thị	Mai	Nữ	15/10/1992				Khá	814446	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2634	2635-K46U2		Hoàng Hồng	Ngọc	Nam	23/12/1992				Trung bình	814447	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2635	2636-K46U2		Nguyễn Minh	Ngọc	Nam	15/02/1990				Khá	814448	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2636	2637-K46U2		Lê Thị	Phương	Nữ	21/10/1992				Khá	814449	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2637	2638-K46U2		Bùi Phương	Thanh	Nữ	02/03/1992				Khá	814450	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2638	2639-K46U2		Đỗ Thị Thu	Thảo	Nữ	05/09/1992				Khá	814451	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2639	2640-K46U2		Hoàng Thị	Thảo	Nữ	15/11/1992				Khá	814452	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2640	2641-K46U2		Lê Thị	Thảo	Nữ	14/06/1992				Khá	814453	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2641	2642-K46U2		Nguyễn Thị	Tho	Nữ	08/08/1992				Khá	814454	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2642	2643-K46U2		Cao Thị	Thùy	Nữ	20/12/1992				Khá	814455	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2643	2644-K46U2		Phạm Thu	Thủy	Nữ	18/07/1992				Khá	814456	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2644	2645-K46U2		Nguyễn ánh	Tuyết	Nữ	30/07/1991				Khá	814457	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2645	2646-K46U2		Trương Thị Ngọc	Tú	Nữ	02/05/1992				Khá	814458	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2646	2647-K46U2		Trần Thị	Tuyết	Nữ	04/07/1991				Khá	814459	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2647	2648-K46U2		Dương Thị	Vân	Nữ	21/11/1992				Khá	814460	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2648	2649-K46U2		Hoàng Thị Kiều	Xuân	Nữ	03/07/1992				Khá	814461	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2649	2650-K46U2		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	12/01/1992				Khá	814462	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2650	2651-K46U3		Đàm Thị Quỳnh	Anh	Nữ	14/09/1992				Khá	814463	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2651	2652-K46U3		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	11/10/1992				Khá	814464	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2652	2653-K46U3		Phạm Tuấn	Anh	Nam	29/06/1992				Khá	814465	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2653	2654-K46U3		Nguyễn Hữu Thành	Công	Nam	14/09/1992				Khá	814466	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2654	2655-K46U3		Trần Thị Kim	Cúc	Nữ	08/08/1991				Khá	814467	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2655	2656-K46U3		Nguyễn Viết	Đăng	Nam	14/12/1990				Khá	814468	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2656	2657-K46U3		Nguyễn Thị	Dự	Nữ	27/11/1992				Khá	814469	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2657	2658-K46U3		Đỗ Thị Liên	Dung	Nữ	26/08/1991				Khá	814470	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2658	2659-K46U3		Nguyễn Minh	Giang	Nữ	20/05/1992				Khá	814471	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2659	2660-K46U3		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	23/02/1991				Khá	814472	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2660	2661-K46U3		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	04/05/1992				Khá	814473	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2661	2662-K46U3		Vũ Thị	Hậu	Nữ	02/09/1991				Khá	814474	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2662	2663-K46U3		Mạc Thị	Hoa	Nữ	21/02/1991				Khá	814475	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2663	2664-K46U3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	10/08/1991				Khá	814476	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2664	2665-K46U3		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	26/01/1991				Khá	814477	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2665	2666-K46U3		Vũ Thị	Hữu	Nữ	28/05/1992				Khá	814478	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2666	2667-K46U3		Lã Thanh	Huyền	Nữ	12/02/1992				Khá	814479	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2667	2668-K46U3		Nguyễn Thế	Kỳ	Nam	13/11/1991				Khá	814480	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2668	2669-K46U3		Đỗ Thị Ngọc	Lan	Nữ	25/11/1992				Khá	814481	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2669	2670-K46U3		Đỗ Thị Thúy	Liễu	Nữ	03/05/1992				Khá	814482	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2670	2671-K46U3		Dương Nhật	Linh	Nữ	31/12/1991				Khá	814483	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2671	2672-K46U3		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	11/12/1992				Khá	814484	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2672	2673-K46U3		Trương Thị	Lượng	Nữ	27/04/1991				Khá	814485	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2673	2674-K46U3		Trịnh Huyền	Mai	Nữ	10/11/1992				Khá	814486	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2674	2675-K46U3		Đỗ Hồng	Ngân	Nữ	26/10/1992				Khá	814487	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2675	2676-K46U3		Bùi Mai	Phương	Nữ	08/10/1992				Khá	814488	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2676	2677-K46U3		Đỗ Thị Minh	Phương	Nữ	19/12/1992				Khá	814489	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2677	2678-K46U3		Dương Chúc	Phương	Nữ	28/03/1992				Giỏi	814490	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2678	2679-K46U3		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	30/10/1992				Khá	814491	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2679	2680-K46U3		Hồ Thị	Quê	Nữ	06/03/1992				Khá	814492	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2680	2681-K46U3		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22/08/1992				Giỏi	814493	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2681	2682-K46U3		Trần Thị	Thảo	Nữ	17/03/1992				Khá	814494	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2682	2683-K46U3		Đào Quang	Thế	Nam	16/04/1991				Khá	814495	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2683	2684-K46U3		Hoàng Lệ	Thu	Nữ	01/05/1991				Khá	814496	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2684	2685-K46U3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	30/11/1991				Khá	814497	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2685	2686-K46U3		Vũ Minh	Thuận	Nam	01/04/1992				Khá	814498	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2686	2687-K46U3		Đặng Thị	Thương	Nữ	01/10/1991				Giỏi	814499	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2687	2688-K46U3		Hà Thị Thu	Thúy	Nữ	29/10/1992				Trung bình	814500	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2688	2689-K46U3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	02/08/1992				Khá	814501	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2689	2690-K46U3		Trần Mạnh	Tiến	Nam	22/08/1991				Khá	814502	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2690	2691-K46U3		Đào Đức	Tuấn	Nam	01/11/1992				Khá	814503	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2691	2692-K46U3		Lê Thanh	Tùng	Nam	01/12/1992				Khá	814504	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2692	2693-K46U4		Đỗ Hà Kiều	Anh	Nữ	13/10/1992				Khá	814505	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2693	2694-K46U4		Nguyễn Thị	Chính	Nữ	20/12/1992				Khá	814506	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2694	2695-K46U4		Nguyễn Việt	Cường	Nam	16/04/1992				Khá	814507	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2695	2696-K46U4		Mai Thị Hồng	Diễm	Nữ	27/04/1992				Khá	814508	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2696	2697-K46U4		Nguyễn Ngọc	Đức	Nam	10/10/1991				Khá	814509	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2697	2698-K46U4		Đỗ Thị	Dung	Nữ	10/10/1992				Khá	814510	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2698	2699-K46U4		Bùi Việt	Dũng	Nam	24/12/1992				Khá	814511	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2699	2700-K46U4		Lê Đức	Dũng	Nam	16/09/1992				Khá	814512	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2700	2701-K46U4		Phạm Khương	Duy	Nam	12/03/1992				Khá	814513	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2701	2702-K46U4		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	28/02/1992				Khá	814514	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2702	2703-K46U4		Lại Thị	Hà	Nữ	03/06/1991				Khá	814515	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2703	2704-K46U4		Dương Lệ	Hằng	Nữ	26/04/1992				Khá	814516	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2704	2705-K46U4		Lê Thị	Hằng	Nữ	19/02/1992				Khá	814517	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2705	2706-K46U4		Lê Thị	Hằng	Nữ	11/09/1991				Khá	814518	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2706	2707-K46U4		Trần Thị	Hằng	Nữ	17/02/1992				Khá	814519	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2707	2708-K46U4		Hà Thị	Hạnh	Nữ	10/09/1992				Khá	814520	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2708	2709-K46U4		Nguyễn Chí	Hiền	Nam	20/02/1992				Khá	814521	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2709	2710-K46U4		Âu Thị	Hoa	Nữ	19/04/1992				Khá	814522	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2710	2711-K46U4		Trương Thị	Hoài	Nữ	26/05/1991				Khá	814523	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2711	2712-K46U4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/06/1992				Khá	814524	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2712	2713-K46U4		Trần Thị Thu	Hương	Nữ	04/09/1992				Khá	814525	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2713	2714-K46U4		Lại Quang	Huy	Nam	14/02/1988				Giỏi	814526	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2714	2715-K46U4		Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	09/11/1992				Khá	814527	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2715	2716-K46U4		Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	17/11/1992				Khá	814528	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2716	2717-K46U4		Lê Ngọc Chi	Mai	Nữ	22/10/1992				Khá	814529	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2717	2718-K46U4		Lê Thị ánh	Ngân	Nữ	24/10/1992				Khá	814530	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2718	2719-K46U4		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/11/1992				Khá	814531	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2719	2720-K46U4		Trần Thị Ngọc	Phương	Nữ	10/11/1992				Giỏi	814532	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2720	2721-K46U4		Dương Thanh	Quỳnh	Nữ	27/11/1992				Khá	814533	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2721	2722-K46U4		Mạc Thúy	Quỳnh	Nữ	17/10/1992				Khá	814534	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2722	2723-K46U4		Tạ Thị	Quỳnh	Nữ	06/08/1992				Khá	814535	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2723	2724-K46U4		Hoàng Văn	Sáp	Nam	12/01/1990				Khá	814536	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2724	2725-K46U4		Hoàng Thu	Thanh	Nữ	12/08/1992				Khá	814537	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2725	2726-K46U4		Trần Thị	Thương	Nữ	02/10/1991				Khá	814538	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2726	2727-K46U4		Trần Thị	Thúy	Nữ	19/10/1992				Khá	814539	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2727	2728-K46U4		Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	06/08/1992				Khá	814540	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2728	2729-K46U4		Tiêu Thị	Thúy	Nữ	21/12/1991				Khá	814541	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2729	2730-K46U4		Vũ Thùy	Tiếp	Nữ	02/11/1992				Khá	814542	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2730	2731-K46U4		Trần Thị	Trang	Nữ	09/01/1992				Khá	814543	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2731	2732-K46U4		Trần Đức	Việt	Nam	27/11/1990				Khá	814544	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2732	2733-K46U4		Bùi Thị	Xuyến	Nữ	20/04/1991				Khá	814545	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2733	2734-K46U4		Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	25/06/1992				Khá	814546	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2734	2735-K46V1		Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	29/08/1992				Khá	814547	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2735	2736-K46V1		Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	10/08/1992				Khá	814548	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2736	2737-K46V1		Nguyễn Thị Cẩm	Chi	Nữ	08/05/1992				Khá	814549	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2737	2738-K46V1		Ngô Quang	Độ	Nam	15/01/1992				Khá	814550	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2738	2739-K46V1		Nguyễn Văn	Đức	Nam	10/10/1992				Khá	814551	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2739	2740-K46V1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	10/07/1992				Khá	814552	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2740	2741-K46V1		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	22/09/1992				Khá	814553	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2741	2742-K46V1		Trần Thị	Hằng	Nữ	28/07/1992				Khá	814554	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2742	2743-K46V1		Thái Thị Thu	Hiền	Nữ	14/10/1992				Khá	814555	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2743	2744-K46V1		Trịnh Thị	Hoa	Nữ	30/01/1991				Khá	814556	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2744	2745-K46V1		Trần Thị	Hòa	Nữ	01/06/1992				Khá	814557	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2745	2746-K46V1		Ngô Thị	Hoài	Nữ	08/09/1991				Khá	814558	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2746	2747-K46V1		Hồ Mai	Hương	Nữ	30/10/1992				Khá	814559	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2747	2748-K46V1		Lê Thị	Hương	Nữ	19/10/1991				Khá	814560	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2748	2749-K46V1		Dương Thị Thu	Huyền	Nữ	20/10/1992				Khá	814561	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2749	2750-K46V1		Trần Thị	Huyền	Nữ	18/10/1992				Khá	814562	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2750	2751-K46V1		Bùi Thị Tuyết	Lan	Nữ	17/10/1992				Khá	814563	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2751	2752-K46V1		Bùi Hải	Linh	Nam	25/04/1992				Khá	814564	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2752	2753-K46V1		Vũ Công	Linh	Nam	28/02/1992				Khá	814565	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2753	2754-K46V1		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	21/09/1992				Khá	814566	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2754	2755-K46V1		Hoàng Lê	Minh	Nam	24/10/1992				Khá	814567	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2755	2756-K46V1		Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	28/03/1991				Khá	814568	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2756	2757-K46V1		Nguyễn Bảo	Ngọc	Nam	23/05/1992				Khá	814569	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2757	2758-K46V1		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	10/04/1991				Khá	814570	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2758	2759-K46V1		Nguyễn Thùy	Ninh	Nữ	20/07/1992				Khá	814571	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2759	2760-K46V1		Nguyễn Minh	Phương	Nữ	05/11/1992				Khá	814572	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2760	2761-K46V1		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	01/12/1991				Khá	814573	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2761	2762-K46V1		Phạm Thị	Phượng	Nữ	03/08/1991				Khá	814574	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2762	2763-K46V1		Nguyễn Văn	Quyên	Nam	25/05/1991				Khá	814575	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2763	2764-K46V1		Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	24/09/1992				Khá	814576	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2764	2765-K46V1		Bùi Phương	Thảo	Nữ	06/04/1992				Khá	814577	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2765	2766-K46V1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	09/04/1992				Trung bình	814578	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2766	2767-K46V1		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	22/12/1992				Khá	814579	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2767	2768-K46V1		Lê Thị	Thu	Nữ	12/09/1992				Khá	814580	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2768	2769-K46V1		Mai Quỳnh	Thu	Nữ	28/09/1992				Khá	814581	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2769	2770-K46V1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	11/06/1992				Khá	814582	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2770	2771-K46V1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	09/04/1992				Khá	814583	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2771	2772-K46V1		Phùng Thị	Thùy	Nữ	03/02/1992				Khá	814584	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2772	2773-K46V1		Lưu Thị	Tình	Nữ	27/09/1991				Khá	814585	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2773	2774-K46V1		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	25/03/1991				Khá	814586	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2774	2775-K46V1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	29/10/1992				Khá	814587	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2775	2776-K46V1		Vũ Thị	Trang	Nữ	21/08/1991				Khá	814588	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2776	2777-K46V1		Trần Thị Hồng	Tươi	Nữ	12/02/1991				Khá	814589	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2777	2778-K46V2		Nguyễn Đức	Anh	Nam	24/09/1992				Khá	814590	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2778	2779-K46V2		Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	08/07/1992				Khá	814591	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2779	2780-K46V2		Phùng Thị Mai	Anh	Nữ	04/05/1992				Khá	814592	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2780	2781-K46V2		Vũ Thị Ngọc	Anh	Nữ	28/12/1992				Khá	814593	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2781	2782-K46V2		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	16/08/1992				Trung bình	814594	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2782	2783-K46V2		Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	13/01/1992				Khá	814595	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2783	2784-K46V2		Cao Hải	Hà	Nữ	24/07/1992				Khá	814596	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2784	2785-K46V2		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24/11/1992				Khá	814597	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2785	2786-K46V2		Phạm Ngọc	Hà	Nữ	05/10/1992				Khá	814598	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2786	2787-K46V2		Đỗ Thị Bích	Hằng	Nữ	25/12/1992				Khá	814599	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2787	2788-K46V2		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	25/11/1992				Khá	814600	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2788	2789-K46V2		Nguyễn Thúy	Hạnh	Nữ	01/11/1992				Khá	814601	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2789	2790-K46V2		Vũ Bích	Hạnh	Nữ	29/08/1992				Khá	814602	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2790	2791-K46V2		Hà Thu	Hiền	Nữ	17/11/1992				Khá	814603	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2791	2792-K46V2		Vũ Thị	Hồng	Nữ	05/05/1991				Khá	814604	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2792	2793-K46V2		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	27/09/1992				Khá	814605	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2793	2794-K46V2		Kiều Thị	Huyền	Nữ	30/09/1992				Khá	814606	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2794	2795-K46V2		Lê Phương	Huyền	Nữ	31/07/1992				Khá	814607	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2795	2796-K46V2		Phạm Thu	Huyền	Nữ	20/03/1992				Khá	814608	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2796	2797-K46V2		Khuất Thị Hằng	Lan	Nữ	09/09/1991				Giỏi	814609	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2797	2798-K46V2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	10/09/1990				Khá	814610	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2798	2799-K46V2		Đào Cẩm	Lệ	Nữ	13/03/1991				Khá	814611	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2799	2800-K46V2		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	04/09/1992				Khá	814612	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2800	2801-K46V2		Vũ Thị Hồng	Linh	Nữ	02/06/1991				Khá	814613	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2801	2802-K46V2		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	16/05/1992				Giỏi	814614	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2802	2803-K46V2		Nguyễn Trà	My	Nữ	27/11/1992				Khá	814615	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2803	2804-K46V2		Phạm Lệ	Mỹ	Nữ	11/04/1992				Khá	814616	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2804	2805-K46V2		Đỗ Hồng	Nhung	Nữ	19/12/1992				Khá	814617	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2805	2806-K46V2		Lưu Thị	Nhung	Nữ	09/10/1992				Khá	814618	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2806	2807-K46V2		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	14/11/1992				Khá	814619	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2807	2808-K46V2		Trần Thị Minh	Phương	Nữ	23/07/1992				Khá	814620	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2808	2809-K46V2		Tăng Duy	Quang	Nam	28/09/1992				Khá	814621	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2809	2810-K46V2		Hoàng Thị	Sen	Nữ	11/09/1992				Giỏi	814622	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2810	2811-K46V2		Phạm Thị	Thu	Nữ	29/02/1992				Khá	814623	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2811	2812-K46V2		Đoàn Thu	Trang	Nữ	29/07/1992				Khá	814624	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2812	2813-K46V2		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	09/12/1992				Khá	814625	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2813	2814-K46V2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	06/05/1991				Khá	814626	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2814	2815-K46V2		Chu Thanh	Vy	Nữ	02/10/1992				Khá	814627	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2815	2816-K46V2		Đặng Hoàng	Yến	Nữ	23/02/1992				Khá	814628	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2816	2817-K46V2		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	12/11/1991				Giỏi	814629	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2817	2818-K46V2		Trần Thị	Yến	Nữ	19/05/1992				Khá	814630	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2818	2819-K46V3		Ngô Tuấn	Anh	Nam	04/05/1992				Trung bình	814631	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2819	2820-K46V3		Nguyễn Vân	Anh	Nữ	26/10/1992				Khá	814632	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2820	2821-K46V3		Vũ Thị Thùy	Dương	Nữ	17/01/1992				Khá	814633	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2821	2822-K46V3		Phan Thanh	Hà	Nữ	18/01/1992				Khá	814634	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2822	2823-K46V3		Đào Vũ	Hải	Nam	30/06/1992				Khá	814635	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2823	2824-K46V3		Nguyễn Quỳnh	Hoa	Nữ	17/06/1992				Khá	814636	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2824	2825-K46V3		Cấn Thanh	Hương	Nữ	31/08/1992				Khá	814637	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2825	2826-K46V3		Ngô Thúy	Hương	Nữ	23/08/1992				Khá	814638	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2826	2827-K46V3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	15/10/1991				Khá	814639	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2827	2828-K46V3		Phạm Thị Ngọc	Huyền	Nữ	29/10/1991				Khá	814640	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2828	2829-K46V3		Đỗ Thị Khánh	Linh	Nữ	25/09/1992				Khá	814641	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2829	2830-K46V3		Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	22/07/1992				Khá	814642	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2830	2831-K46V3		Phạm Thế	Lượng	Nam	27/07/1992				Khá	814643	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2831	2832-K46V3		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	30/07/1992				Khá	814644	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2832	2833-K46V3		Lê Thị Quỳnh	Nga	Nữ	25/09/1992				Khá	814645	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2833	2834-K46V3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	11/09/1992				Khá	814646	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2834	2835-K46V3		Nguyễn Thị	Nhâm	Nữ	11/01/1992				Khá	814647	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2835	2836-K46V3		Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	14/07/1992				Khá	814648	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2836	2837-K46V3		Uông Thị Hoài	Phương	Nữ	15/11/1992				Khá	814649	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2837	2838-K46V3		Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	25/10/1991				Khá	814650	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2838	2839-K46V3		Đỗ Thanh	Sơn	Nam	16/08/1992				Trung bình	814651	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2839	2840-K46V3		Đoàn Thị	Tâm	Nữ	20/10/1992				Khá	814652	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2840	2841-K46V3		Nguyễn Thị	Thắng	Nữ	11/04/1992				Giỏi	814653	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2841	2842-K46V3		Trần Thị Huyền	Thanh	Nữ	24/11/1992				Khá	814654	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2842	2843-K46V3		Đinh Thị Phương	Thảo	Nữ	18/11/1991				Khá	814655	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2843	2844-K46V3		Hà Thị	Thảo	Nữ	28/04/1992				Khá	814656	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2844	2845-K46V3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	30/07/1992				Khá	814657	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2845	2846-K46V3		Trần Thị	Thúy	Nữ	19/07/1992				Khá	814658	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2846	2847-K46V3		Ngô Thị	Thùy	Nữ	29/05/1992				Khá	814659	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2847	2848-K46V3		Đỗ Thanh	Thùy	Nữ	28/12/1992				Giỏi	814660	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2848	2849-K46V3		Lưu Minh	Thùy	Nam	24/12/1991				Khá	814789	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2849	2850-K46V3		Trần Thu	Trang	Nữ	22/10/1992				Khá	814662	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2850	2851-K46V3		Nguyễn Văn	Trường	Nam	08/09/1991				Trung bình	814663	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2851	2852-K46V3		Nguyễn Thị Minh	Tú	Nữ	17/02/1992				Khá	814664	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2852	2853-K46V3		Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	20/10/1992				Khá	814665	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2853	2854-K46V3		Nguyễn Thị Diệu	Vương	Nữ	03/12/1992				Khá	814666	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2854	2855-K43C4		Đặng Thị	Lâm	Nữ	05/07/1988				Trung bình	814667	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2855	2856-K43C5		Bùi Văn	Huấn	Nam	26/02/1988				Trung bình	814668	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2856	2857-K43I3		Nguyễn Vinh	Hạnh	Nam	01/01/1989				Trung bình	814669	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2857	2858-K44A2		Tạ Minh	Hải	Nam	30/10/1990				Trung bình	814670	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2858	2859-K44A3		Hoàng Đăng	Khôi	Nam	15/05/1990				Trung bình	814671	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2859	2860-K44A5		Nguyễn Thiện	Thăng	Nam	24/04/1989				Trung bình	814672	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2860	2861-K44B6		Phạm Lệ	Thu	Nữ	18/08/1990				Khá	814673	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2861	2862-K44D2		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	03/05/1988				Khá	814674	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2862	2863-K44D5		Hoàng Thị Tuyết	Mai	Nữ	16/04/1989				Trung bình	814675	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2863	2864-K44D6		Trần Văn	Tùng	Nam	24/10/1990				Trung bình	814676	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2864	2865-K44E2		Nguyễn Xuân	Quang	Nam	25/05/1989				Trung bình	814677	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2865	2866-K44F6		Doãn Minh	Đức	Nam	04/08/1990				Trung bình	814678	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2866	2867-K44H2		Đào Thị Vân	Anh	Nữ	07/01/1990				Khá	814679	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2867	2868-K44H6		Bùi Thanh	Toàn	Nam	05/10/1990				Trung bình	814680	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2868	2869-K44I2		Mai Văn	Nam	Nam	18/02/1989				Trung bình	814681	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2869	2870-K44I4		Thân Đức	Linh	Nam	13/12/1990				Trung bình	814682	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2870	2871-K44I6		Nguyễn Thị Hải	Lý	Nữ	04/04/1989				Trung bình	814683	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2871	2872-K45A1		Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	13/11/1991				Trung bình	814684	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2872	2873-K45A4		Nguyễn Thái	Sơn	Nam	30/04/1991				Trung bình	814685	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2873	2874-K45A4		Nguyễn Hữu	Trãi	Nam	30/03/1990				Khá	814686	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2874	2875-K45A4		Đỗ Anh	Tuấn	Nam	20/06/1990				Khá	814687	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2875	2876-K45A5		Đỗ Văn	Kiên	Nam	02/07/1987				Trung bình	814688	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2876	2877-K45A5		Dương Minh	Thái	Nam	20/02/1991				Trung bình	814689	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2877	2878-K45B1		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	15/03/1991				Trung bình	814690	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2878	2879-K45B3		Tạ Trung	Hiếu	Nam	30/03/1988				Trung bình	814691	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2879	2880-K45B3		Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	Nữ	11/03/1991				Trung bình	814692	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2880	2881-K45B6		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	04/11/1991				Trung bình	814693	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2881	2882-K45B6		Vũ Hồng	Linh	Nam	27/08/1991				Trung bình	814694	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2882	2883-K45B6		Bùi Xuân	Tùng	Nam	15/11/1991				Trung bình	814695	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2883	2884-K45C2		Nguyễn Tuấn	Hải	Nam	20/07/1991				Khá	814696	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2884	2885-K45C4		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	28/03/1992				Khá	814697	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2885	2886-K45C6		Vũ Trung	Nghĩa	Nam	04/09/1991				Trung bình	814698	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2886	2887-K45D1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	27/04/1991				Trung bình	814699	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2887	2888-K45D1		Vương Chí	Linh	Nam	23/05/1990				Khá	814700	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2888	2889-K45D1		Đào Thị	Oanh	Nữ	10/04/1991				Khá	814701	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2889	2890-K45D3		Bùi Quốc	Cường	Nam	13/06/1991				Trung bình	814702	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2890	2891-K45D4		Lê Thị	Hoài	Nữ	20/07/1991				Trung bình	814703	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2891	2892-K45E1		Nguyễn Đăng	Hiếu	Nam	22/03/1991				Trung bình	814704	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2892	2893-K45E5		Đỗ Văn	Trường	Nam	05/03/1991				Trung bình	814705	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2893	2894-K45F4		Nguyễn Xuân	Ngà	Nam	24/01/1990				Trung bình	814706	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2894	2895-K45F4		Nguyễn Minh	Thông	Nam	12/11/1991				Trung bình	814707	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2895	2896-K45H1		Đinh Thị Thu	Loan	Nữ	12/09/1989				Khá	814708	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2896	2897-K45H3		Đỗ Tràng	Huy	Nam	26/10/1991				Trung bình	814709	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2897	2898-K45H4		Lê Minh	Đức	Nam	11/02/1991				Khá	814710	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2898	2899-K45H5		Ngô Văn	Diệu	Nam	05/01/1991				Trung bình	814711	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2899	2900-K45I1		Phạm Ngọc	Khánh	Nam	24/04/1989				Trung bình	814712	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2900	2901-K45I2		Trịnh Bá	Hải	Nam	10/12/1991				Trung bình	814713	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2901	2902-K45I2		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	28/01/1991				Khá	814714	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2902	2903-K45I3		Ngô Sỹ	Hoàng	Nam	13/07/1989				Trung bình	814715	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2903	2904-K45I4		Nguyễn Thành	Công	Nam	08/07/1989				Trung bình	814716	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2904	2905-K45I6		Lê Đức	Anh	Nam	07/05/1991				Trung bình	814717	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2905	2906-K45I6		Lại Đức	Thịnh	Nam	22/01/1991				Trung bình	814718	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2906	2907-K45I7		Nguyễn Hữu	Nam	Nam	15/09/1991				Khá	814719	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2907	2908-K45N3		Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	03/11/1991				Khá	814720	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2908	2909-K45N5		Nguyễn Thị Bảo	Yến	Nữ	25/06/1991				Khá	814721	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2909	2910-K45N6		Vũ Thị	Hằng	Nữ	14/03/1991				Trung bình	814722	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2910	2911-K45QA		Phạm Việt	Đức	Nam	31/10/1991				Trung bình	814723	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2911	2912-K45S1		Nguyễn Trọng	Tú	Nam	20/10/1991				Trung bình	814724	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2912	2913-K45S2		Võ Lê	Nghĩa	Nam	04/05/1991				Trung bình	814725	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2913	2914-K45S3		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	02/06/1991				Trung bình	814726	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2914	2915-K45S4		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	14/05/1991				Trung bình	814727	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2915	2916-K45U1		Dương Nhật	Anh	Nam	22/04/1991				Trung bình	814728	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2916	2917-K45U1		Đỗ Thị Thanh	Hà	Nữ	08/12/1991				Trung bình	814729	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2917	2918-K45U1		Vũ Đức	Long	Nam	11/02/1991				Khá	814730	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2918	2919-K45U2		Trần Văn	Long	Nam	01/01/1991				Trung bình	814731	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2919	2920-K45U2		Lê Văn	Lương	Nam	12/07/1991				Trung bình	814732	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2920	2921-K45U2		Đặng Triệu	Minh	Nam	11/05/1991				Trung bình	814733	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2921	2922-K45U2		Nguyễn Văn	Thăng	Nam	03/03/1991				Trung bình	814734	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2922	2923-K45A1		Phạm Đức	Cường	Nam	09/02/1991				Trung bình	814790	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2923	2924-K45A1		Phạm Duy	Linh	Nam	03/09/1991				Trung bình	814791	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2924	2925-K45A1		Nguyễn Văn	Tiến	Nam	30/03/1991				Trung bình	814792	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2925	2926-K45A2		Nguyễn Duy	Khánh	Nam	21/03/1991				Trung bình	814793	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2926	2927-K45A4		Nguyễn Nhâm	Bằng	Nam	07/01/1991				Trung bình	814794	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2927	2928-K45A4		Hà Xuân	Hoài	Nam	03/06/1991				Trung bình	814795	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2928	2929-K45A6		Hà Thanh	Thanh	Nam	26/02/1991				Trung bình	814796	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2929	2930-K46A1		Đỗ Đình	Hải	Nam	04/11/1992				Khá	814797	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2930	2931-K46A1		Vũ Văn	Nam	Nam	30/03/1992				Trung bình	814798	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2931	2932-K46A1		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	19/08/1992				Khá	814799	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2932	2933-K46A2		Trần Văn	Đức	Nam	23/08/1987				Khá	814800	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2933	2934-K46A2		Đặng Xuân	Hữu	Nam	14/04/1992				Khá	814801	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2934	2935-K46A2		Phan Diệu	Linh	Nữ	30/12/1991				Trung bình	814802	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2935	2936-K46A2		Ngô Hồng	Thái	Nam	18/07/1992				Khá	814803	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2936	2937-K46A2		Nguyễn Mạnh	Tiến	Nam	15/03/1992				Khá	814804	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2937	2938-K46A2		Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	12/06/1992				Khá	814805	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2938	2939-K46A3		Vũ Thùy	Dung	Nữ	08/05/1992				Trung bình	814806	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2939	2940-K46A3		Đàm Thị	Nga	Nữ	19/09/1992				Khá	814807	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2940	2941-K46A3		Cao Trung	Thành	Nam	03/03/1992				Khá	814808	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2941	2942-K46A3		Nguyễn Tất	Thế	Nam	03/07/1991				Khá	814809	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2942	2943-K46A3		Nguyễn Khắc	Tôn	Nam	28/06/1991				Trung bình	814810	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2943	2944-K46A3		Phạm Kim	Tôn	Nam	14/10/1992				Trung bình	814811	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2944	2945-K46A4		Đặng Đình Thịnh	Hùng	Nam	26/10/1992				Trung bình	814812	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2945	2946-K46A4		Vũ Ngọc	Quang	Nam	10/07/1992				Trung bình	814813	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2946	2947-K46A4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	11/12/1992				Khá	814814	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2947	2948-K46A4		Lưu Đức	Trường	Nam	20/04/1992				Trung bình	814815	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2948	2949-K46A4		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	18/05/1991				Trung bình	814816	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2949	2950-K46A5		Hà Mạnh	Hùng	Nam	27/02/1992				Trung bình	814817	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2950	2951-K46A5		Đỗ Sơn	Tùng	Nam	09/01/1992				Trung bình	814818	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2951	2952-K46QA		Bạch Tiến	Dũng	Nam	22/11/1992				Khá	814819	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2952	2953-K46QA		Nhữ Thị Minh	Thu	Nữ	04/05/1992				Khá	814820	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2953	2954-K46K1		Phạm An	Bảo	Nam	28/08/1992				Khá	814821	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2954	2955-K46K1		Chu Minh	Hà	Nữ	19/12/1992				Khá	814822	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2955	2956-K46K1		Lê Thị Thu	Hương	Nữ	27/09/1991				Trung bình	814823	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2956	2957-K46K1		Hoàng Thị Thanh	Mai	Nữ	22/05/1992				Trung bình	814824	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2957	2958-K46K1		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	20/08/1989				Khá	814825	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2958	2959-K46K1		Nguyễn Phi	Phong	Nam	24/09/1992				Trung bình	814826	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2959	2960-K46K1		Đinh Thị	Thêu	Nữ	19/04/1991				Khá	814827	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2960	2961-K46K2		Nguyễn Mạnh	Chiến	Nam	09/08/1992				Khá	814828	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2961	2962-K43B1		Nguyễn Sỹ	Sơn	Nam	16/03/1989				Trung bình	814829	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2962	2963-K43B4		Nguyễn Văn	Tú	Nam	26/10/1987				Trung bình	814830	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2963	2964-K44B4		Đào Duy	Hùng	Nam	14/04/1990				Trung bình	814831	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2964	2965-K44B5		Ngô Huy	Quảng	Nam	01/06/1990				Khá	814832	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2965	2966-K45B1		Phan Thanh	Tùng	Nam	21/03/1991				Trung bình	814833	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2966	2967-K45B2		Nguyễn Minh	Đức	Nam	27/10/1990				Trung bình	814834	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
2967	2968-K46B1		Lê Thị Thu	Dung	Nữ	19/10/1991				Trung bình	814835	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2968	2969-K46B1		Vũ Thanh	Huyền	Nữ	12/10/1992				Khá	814836	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2969	2970-K46B1		Phạm Thị	Hồng	Nữ	01/11/1992				Khá	814837	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2970	2971-K46B1		Trần Thị	Ly	Nữ	24/10/1992				Khá	814838	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2971	2972-K46B1		Nguyễn Hoàng Thúy	Quỳnh	Nữ	04/12/1991				Khá	814839	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2972	2973-K46B1		Lương Trung	Thành	Nam	28/04/1992				Trung bình	814840	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2973	2974-K46B1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	06/12/1992				Khá	814841	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2974	2975-K46B2		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	17/12/1992				Khá	814842	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2975	2976-K46B2		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	15/02/1992				Khá	814843	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2976	2977-K46B2		Lê Khánh	Ly	Nữ	15/07/1991				Giỏi	814844	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2977	2978-K46B2		Trịnh Thị	Sinh	Nữ	01/05/1992				Khá	814845	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2978	2979-K46B2		Hoàng Văn	út	Nam	24/06/1991				Trung bình	814846	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2979	2980-K46B3		Nguyễn Việt	Dũng	Nam	05/07/1992				Trung bình	814847	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2980	2981-K46B3		Vũ Thị	Hằng	Nữ	23/10/1992				Khá	814848	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2981	2982-K46B3		Đặng Duy	Hưng	Nam	21/11/1992				Trung bình	814849	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2982	2983-K46B3		Trần Thị	Phượng	Nữ	05/04/1992				Khá	814850	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2983	2984-K46B3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	08/06/1992				Khá	814851	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2984	2985-K46B3		Nguyễn Thị	Thường	Nữ	10/02/1991				Khá	814852	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2985	2986-K46B3		Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	03/07/1992				Trung bình	814853	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2986	2987-K46B4		Lưu Thị Kim	Anh	Nữ	03/07/1991				Khá	814854	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2987	2988-K46B4		Nguyễn Thị	Đào	Nữ	13/02/1991				Khá	814855	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2988	2989-K46B4		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	05/07/1991				Khá	814856	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2989	2990-K46B4		Nguyễn Quang	Hưng	Nam	05/10/1991				Trung bình	814857	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2990	2991-K46B4		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	15/10/1992				Trung bình	814858	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2991	2992-K46B4		Nguyễn Hoàng	Mạnh	Nam	18/01/1992				Khá	814859	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2992	2993-K46B4		Nguyễn Thị	Mây	Nữ	15/10/1992				Trung bình	814860	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2993	2994-K46B4		Nguyễn Hoành	Mùi	Nam	07/03/1992				Trung bình	814861	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2994	2995-K46B4		Vũ Thị Bích	Phương	Nữ	03/06/1992				Khá	814862	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2995	2996-K46B4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	12/09/1992				Trung bình	814863	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2996	2997-K46B5		Đinh Thị Ngọc	ánh	Nữ	13/09/1992				Khá	814864	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2997	2998-K46B5		Hoàng Hà Mỹ	Linh	Nữ	21/02/1992				Trung bình	814865	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2998	2999-K46B5		Trịnh Quang	Trường	Nam	25/02/1992				Trung bình	814866	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
2999	3000-K46B6		Đào Xuân	Đinh	Nam	06/08/1992				Trung bình	814867	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3000	3001-K46B6		Hoàng Thị	Giang	Nữ	17/10/1992				Khá	814868	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3001	3002-K46B6		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	16/08/1992				Khá	814869	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3002	3003-K46B6		Ngô Thị	Quý	Nữ	28/11/1992				Khá	814870	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3003	3004-K46V1		Đồng Mạnh	Khắc	Nam	05/04/1987				Khá	814871	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3004	3005-K46V1		Chu Thị	Thương	Nữ	20/10/1992				Trung bình	814872	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3005	3006-K46V2		Lại Hà	My	Nữ	08/11/1992				Khá	814873	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3006	3007-K46V2		Vũ Thị	Nhung	Nữ	29/12/1992				Khá	814874	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3007	3008-K46V2		Trần Thu	Trang	Nữ	20/06/1992				Trung bình	814875	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3008	3009-K46V3		Nguyễn Trọng	Duy	Nam	15/05/1992				Khá	814876	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3009	3010-K46V3		Tô Thanh	Huệ	Nữ	13/09/1992				Khá	814877	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3010	3011-K46V3		Trần Duy	Mạnh	Nam	13/09/1992				Khá	814878	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3011	3012-K46V3		Trần Yến	Ngọc	Nữ	26/06/1992				Trung bình	814879	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3012	3013-K46V3		Nguyễn Hải	Thoại	Nam	22/12/1992				Trung bình	814880	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3013	3014-K43C1		Phạm Hoàng	Long	Nam	23/09/1988				Trung bình	814881	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3014	3015-K45C4		Nguyễn Lý	Quang	Nam	01/03/1991				Trung bình	814882	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3015	3016-K45C6		Lã Thị Thùy	Linh	Nữ	08/05/1991				Khá	814883	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3016	3017-K45C7		Lê Ngọc	Nguyên	Nam	06/10/1991				Trung bình	814884	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3017	3018-K45C7		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	05/02/1991				Trung bình	814885	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3018	3019-K46C1		Đỗ Trường	Giang	Nam	18/04/1991				Trung bình	814886	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3019	3020-K46C1		Vũ Công	Luận	Nam	03/02/1992				Trung bình	814887	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3020	3021-K46C1		Nguyễn Văn	Thắng	Nam	17/09/1991				Trung bình	814888	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3021	3022-K46C2		Vũ Thị	Hường	Nữ	04/09/1992				Khá	814889	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3022	3023-K46C2		Bùi Tuấn	Huy	Nam	24/04/1992				Khá	814890	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3023	3024-K46C2		Dương Hồng	Ngọc	Nữ	17/02/1991				Khá	814891	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3024	3025-K46C2		Nguyễn Đức	Quỳnh	Nam	15/12/1991				Khá	814892	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3025	3026-K46C2		Lê Văn	Tuấn	Nam	09/12/1990				Trung bình	814893	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3026	3027-K46C2		Nguyễn Xuân	Tuấn	Nam	09/08/1991				Trung bình	814894	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3027	3028-K46C2		Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	21/05/1992				Khá	814895	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3028	3029-K46C3		Vũ Thị	Liên	Nữ	26/06/1991				Khá	814896	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3029	3030-K46C3		Hà Văn	Tiến	Nam	07/11/1992				Khá	814897	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3030	3031-K46C3		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	11/05/1991				Khá	814898	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3031	3032-K46C3		Trần Bảo	Trung	Nam	16/08/1992				Khá	814899	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3032	3033-K46C4		Lê Thị	Cúc	Nữ	15/07/1991				Khá	814900	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3033	3034-K46C4		Nguyễn Thị	Lê	Nữ	06/10/1992				Trung bình	814901	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3034	3035-K46C4		Nguyễn Thị	Mến	Nữ	25/03/1992				Khá	814902	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3035	3036-K46C4		Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	10/10/1992				Khá	814903	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3036	3037-K46C4		Nguyễn Tiến	Thiện	Nam	24/01/1992				Khá	814904	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3037	3038-K46C5		Phạm Thị	Hằng	Nữ	19/09/1991				Khá	814905	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3038	3039-K46C5		Nguyễn Thị Xuân	Lộc	Nữ	07/05/1992				Khá	814906	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3039	3040-K46C5		Tô Trọng	Phục	Nam	09/08/1991				Trung bình	814907	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3040	3041-K42E2		Hoàng Thanh	Tùng	Nam	10/06/1987				Trung bình	814908	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3041	3042-K44E6		Ngô Văn	Trọng	Nam	16/08/1990				Trung bình	814909	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3042	3043-K45E1		Hoàng Tuấn	Hiệp	Nam	23/11/1991				Trung bình	814910	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3043	3044-K45E4		Phạm Hồng	Quân	Nam	26/03/1991				Trung bình	814911	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3044	3045-K45E7		Nguyễn Bá	Tuấn	Nam	16/03/1991				Trung bình	814912	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3045	3046-K46E1		Hoàng Ngọc	Công	Nam	06/10/1992				Khá	814913	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3046	3047-K46E1		Hà Mạnh	Khang	Nam	01/11/1992				Trung bình	814914	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3047	3048-K46E1		Lương Thị	Huyền	Nữ	13/08/1992				Khá	814915	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3048	3049-K46E1		Vũ Đình	Hòa	Nam	17/06/1991				Trung bình	814916	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3049	3050-K46E1		Nguyễn Đức	Ngọc	Nam	01/01/1992				Khá	814917	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3050	3051-K46E2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	06/03/1991				Khá	814918	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3051	3052-K46E2		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24/10/1992				Khá	814919	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3052	3053-K46E2		Nguyễn Thị ánh	Hồng	Nữ	02/09/1992				Khá	814920	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3053	3054-K46E2		Vũ Thị Khánh	Ly	Nữ	26/03/1992				Trung bình	814921	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3054	3055-K46E2		Đỗ Hải	Lý	Nữ	06/05/1992				Khá	814922	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3055	3056-K46E2		Đoàn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	07/09/1992				Khá	814923	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3056	3057-K46E3		Chử Thanh	Huyền	Nữ	22/08/1992				Khá	814924	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3057	3058-K46E3		Đinh Thị	Mai	Nữ	28/12/1992				Khá	814925	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3058	3059-K46E3		Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	28/03/1989				Trung bình	814926	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3059	3060-K46E3		Nguyễn Thị Thanh Thanh	Tâm	Nữ	01/05/1992				Trung bình	814927	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3060	3061-K46E3		Tạ Trung	Thành	Nam	24/10/1992				Trung bình	814928	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3061	3062-K46E3		Lê Thị	Trang	Nữ	08/12/1992				Khá	814929	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3062	3063-K46E3		Phạm Tiến	Trung	Nam	11/06/1992				Trung bình	814930	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3063	3064-K46E4		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	09/07/1992				Khá	814931	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3064	3065-K46E4		Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	17/11/1991				Khá	814932	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3065	3066-K46E4		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	18/08/1992				Khá	814933	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3066	3067-K46E5		Trần	Khuê	Nam	01/01/1991				Trung bình	814934	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3067	3068-K46E5		Phạm Thị	Thùy	Nữ	10/09/1992				Khá	814935	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3068	3069-K44I5		Bùi Văn	Đạt	Nam	07/02/1990				Trung bình	814936	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3069	3070-K45I3		Trần Hải	Tùng	Nam	01/03/1991				Trung bình	814937	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3070	3071-K45I3		Nguyễn Thế	Vinh	Nam	26/08/1991				Trung bình	814938	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3071	3072-K45I4		Hà Xuân	Bách	Nam	25/03/1991				Trung bình	814939	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3072	3073-K45I4		Vũ Duy	Dưỡng	Nam	23/05/1991				Trung bình	814940	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3073	3074-K45I4		Chu Bá	Phúc	Nam	19/11/1991				Trung bình	814941	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3074	3075-K45I5		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	17/02/1990				Khá	814942	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3075	3076-K45I7		Đào Thanh	Hưng	Nam	11/06/1990				Trung bình	814943	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3076	3077-K45I7		Lê Mạnh	Cường	Nam	05/02/1991				Trung bình	814944	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3077	3078-K45I7		Lê Hoài	Linh	Nam	05/10/1991				Trung bình	814945	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3078	3079-K46I1		Nguyễn Hữu	Giáng	Nam	04/11/1989				Khá	814946	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3079	3080-K46I1		Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	19/03/1991				Khá	814947	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3080	3081-K46I1		Đào Duy	Hoạt	Nam	14/11/1991				Khá	814948	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3081	3082-K46I1		Thân Văn	Hưng	Nam	16/09/1992				Khá	814949	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3082	3083-K46I1		Đặng Quang	Huy	Nam	19/02/1992				Khá	814950	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3083	3084-K46I1		Phùng Duy	Khánh	Nam	23/11/1992				Trung bình	814951	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3084	3085-K46I1		Phạm Xuân	Mạnh	Nam	01/05/1992				Khá	814952	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3085	3086-K46I2		Nguyễn Hữu	Thịnh	Nam	26/01/1992				Khá	814953	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3086	3087-K46I3		Hoàng Kiều	Anh	Nam	01/11/1992				Khá	814954	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3087	3088-K46I3		Bùi Khắc	Chung	Nam	16/08/1989				Khá	814955	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3088	3089-K46I3		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	05/11/1991				Khá	814956	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3089	3090-K46I3		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	10/02/1991				Trung bình	814957	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3090	3091-K46I3		Đỗ Thị	Linh	Nữ	12/10/1991				Khá	814958	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3091	3092-K46I3		Lưu Minh	Nguyệt	Nữ	30/12/1992				Trung bình	814959	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3092	3093-K46I3		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	02/08/1992				Khá	814960	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3093	3094-K46I3		Nguyễn Thế	Tiến	Nam	10/10/1992				Trung bình	814961	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3094	3095-K46I3		Tạ Thị Mai	Trang	Nữ	13/09/1991				Trung bình	814962	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3095	3096-K46I3		Nguyễn Quang	Vượng	Nam	24/03/1992				Trung bình	814963	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3096	3097-K46I4		Lê Công	Hiếu	Nam	04/02/1992				Khá	814964	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3097	3098-K46I4		Võ Thị Hải	Hường	Nữ	02/09/1991				Khá	814965	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3098	3099-K46I4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	06/04/1992				Khá	814966	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3099	3100-K46I4		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	26/02/1991				Khá	814967	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3100	3101-K46I4		Nguyễn Văn	Tiếp	Nam	04/02/1991				Trung bình	814968	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3101	3102-K46I4		Hồ Phạm Nhật	Trung	Nam	29/08/1992				Trung bình	814969	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3102	3103-K46I4		Nguyễn Công	Tùng	Nam	27/03/1992				Trung bình	814970	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3103	3104-K46I5		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	21/07/1991				Trung bình	814971	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3104	3105-K46I5		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	17/01/1992				Khá	814972	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3105	3106-K46I5		Nguyễn Thị Ngọc	Ninh	Nữ	19/08/1992				Khá	814973	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3106	3107-K46I5		Lâm Đăng	Quý	Nam	17/07/1990				Trung bình	814974	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3107	3108-K46I5		Nguyễn Đình	Thắm	Nam	13/09/1992				Khá	814975	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3108	3109-K46I5		Nguyễn Doãn	Tuấn	Nam	12/06/1992				Khá	814976	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3109	3110-K46I5		Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	14/10/1989				Khá	814977	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3110	3111-K45P3		Lê Tùng	Linh	Nam	30/08/1991				Khá	814978	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3111	3112-K46P1		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	09/12/1992				Khá	814979	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3112	3113-K46P1		Phạm Văn	Chung	Nam	08/12/1991				Trung bình	814980	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3113	3114-K46P1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	25/05/1990				Trung bình	814981	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3114	3115-K46P1		Cù Thị Thanh	Tú	Nữ	04/06/1992				Khá	814982	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3115	3116-K46P2		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	25/10/1991				Khá	814983	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3116	3117-K46P2		Dương Thành	Trung	Nam	04/07/1992				Khá	814984	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3117	3118-K46P3		Trần Công	Anh	Nam	20/01/1992				Trung bình	814985	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3118	3119-K46P3		Nguyễn Thế Thị	Dự	Nữ	01/01/1992				Khá	814986	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3119	3120-K46P3		Bùi Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	14/08/1992				Khá	814987	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3120	3121-K46P3		Lê Thị	Thu	Nữ	18/06/1992				Khá	814988	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3121	3122-K46P3		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	15/10/1991				Khá	814989	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3122	3123-K46P3		Phạm Thị	Tươi	Nữ	26/04/1992				Khá	814990	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3123	3124-K45U2		Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	22/11/1991				Trung bình	814991	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3124	3125-K46U1		Nguyễn Thị Ngọc	Hải	Nữ	29/01/1992				Khá	814992	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3125	3126-K46U1		Đào Thu	Hương	Nữ	13/05/1991				Khá	814993	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3126	3127-K46U1		Vũ Thị	Mai	Nữ	29/01/1992				Khá	814994	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3127	3128-K46U1		Lê Thị	Phương	Nữ	20/03/1991				Khá	814995	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3128	3129-K46U1		Cao Thị	Thoa	Nữ	13/05/1992				Khá	814996	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3129	3130-K46U1		Vũ Thị Mai	Trang	Nữ	23/03/1992				Khá	814997	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3130	3131-K46U1		Nguyễn Trọng	Trung	Nam	20/12/1991				Trung bình	814998	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3131	3132-K46U2		Chu Thị	Hoài	Nữ	25/02/1991				Khá	814999	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3132	3133-K46U2		Đào Trọng	Nghĩa	Nam	19/05/1992				Trung bình	815000	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3133	3134-K46U2		Vũ Thị	Thảo	Nữ	29/10/1992				Khá	815001	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3134	3135-K46U2		Nguyễn Văn	Thuận	Nam	29/10/1992				Khá	815002	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3135	3136-K46U4		Trần Thị Bích	Nhuần	Nữ	26/10/1992				Khá	815003	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3136	3137-K46U4		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	11/08/1992				Khá	815004	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3137	3138-K46T1		Bùi Thùy	Hoa	Nữ	25/08/1992				Khá	815005	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3138	3139-K46T1		Nguyễn Thị Như	Yến	Nữ	16/11/1992				Khá	815006	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3139	3140-K46T2		Lê Hạnh	Linh	Nữ	16/04/1992				Khá	815007	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3140	3141-K46T2		Đinh Thị	Nga	Nữ	30/11/1991				Khá	815008	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3141	3142-K46T2		Tô Thúy	Nga	Nữ	08/11/1992				Khá	815009	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3142	3143-K46T2		Nguyễn Minh	Ngọc	Nam	30/11/1992				Trung bình	815010	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3143	3144-K46T3		Đào Thùy	Dương	Nữ	13/01/1992				Trung bình	815011	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3144	3145-K46T3		Chu Thị	Nhung	Nữ	25/10/1992				Khá	815012	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3145	3146-K46T3		Võ Thị Cẩm	Vân	Nữ	24/12/1992				Khá	815013	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3146	3147-K46T4		Hà Thị	Tâm	Nữ	28/03/1992				Khá	815014	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	364/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3147	3148-K44D5		Phùng Thị Ngọc	ánh	Nữ	07/10/1989				Khá	815015	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3148	3149-K45D6		Nguyễn Thị Kim	Trang	Nữ	12/06/1991				Trung bình	815016	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3149	3150-K46D1		Lê Trung	Nguyên	Nam	24/03/1992				Trung bình	815017	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3150	3151-K46D1		Lương Thị	Thúy	Nữ	15/09/1992				Giỏi	815018	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3151	3152-K46D2		Nguyễn Thanh	Bình	Nữ	16/10/1992				Khá	815019	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3152	3153-K46D2		Bùi Thị	Hạnh	Nữ	31/08/1992				Khá	815020	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3153	3154-K46D2		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	04/02/1992				Khá	815021	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3154	3155-K46D2		Bùi Thị Kim	Thoa	Nữ	28/09/1990				Khá	815022	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3155	3156-K46D2		Khánh Thị	Xuân	Nữ	31/08/1992				Khá	815023	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3156	3157-K46D3		Nguyễn Mỹ	Hạnh	Nữ	16/10/1991				Khá	815024	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3157	3158-K46D3		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	16/09/1992				Giỏi	815025	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3158	3159-K46D3		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	04/09/1992				Trung bình	815026	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3159	3160-K46D3		Lành Thị	Thu	Nữ	08/05/1991				Khá	815027	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3160	3161-K46D3		Trần Thị	Thu	Nữ	05/07/1992				Trung bình	815028	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3161	3162-K46D4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	27/06/1992				Khá	815029	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3162	3163-K46D5		Lương Thị	Cúc	Nữ	04/06/1991				Khá	815030	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3163	3164-K46D5		Phùng Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	30/05/1992				Khá	815031	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3164	3165-K46D5		Đặng Thị Thanh	Hoa	Nữ	04/02/1992				Khá	815032	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3165	3166-K46D6		Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	30/09/1992				Khá	815033	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3166	3167-K46D6		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	23/03/1992				Khá	815034	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	365/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3167	3168-K45F3		Bùi Văn	Toàn	Nam	18/03/1990				Trung bình	815035	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3168	3169-K45F3		Nguyễn Văn	Bán	Nam	24/12/1988				Trung bình	815036	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3169	3170-K45F5		Nguyễn Thái	Sơn	Nam	27/02/1991				Trung bình	815037	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3170	3171-K46F2		Doãn Thị	Hoa	Nữ	10/07/1991				Trung bình	815038	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3171	3172-K46F2		Trần Thanh	Huy	Nam	13/04/1992				Khá	815039	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3172	3173-K46F2		Nguyễn Viết	Lâm	Nam	01/11/1992				Trung bình	815040	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3173	3174-K46F2		Hoàng Văn	Nam	Nam	26/12/1992				Khá	815041	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3174	3175-K46F2		Nguyễn Công	Viện	Nam	06/10/1992				Trung bình	815042	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3175	3176-K46F3		Bùi Thế	Anh	Nam	06/05/1992				Trung bình	815043	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3176	3177-K46F3		Nguyễn Đình	Dân	Nam	08/09/1992				Khá	815044	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3177	3178-K46F4		Dương Minh	Đức	Nam	10/04/1991				Trung bình	815045	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3178	3179-K46F4		Lê Tuấn	Linh	Nam	30/09/1992				Khá	815046	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3179	3180-K46F4		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	20/07/1992				Khá	815047	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3180	3181-K46F5		Phùng Thị	Ngân	Nữ	08/11/1991				Khá	815048	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3181	3182-K43N2		Nguyễn Đức	Thông	Nam	19/05/1982				Khá	815049	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3182	3183-K45N1		Nguyễn Thị Thúy	Liễu	Nữ	17/01/1990				Trung bình	815050	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3183	3184-K46N4		Trần Thị Mai	Huyền	Nữ	27/11/1991				Khá	815051	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	367/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3184	3185-K45H3		Lê Duy	Công	Nam	05/05/1990				Trung bình	815052	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3185	3186-K45H6		Nguyễn Trọng	Khánh	Nam	08/09/1991				Trung bình	815053	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3186	3187-K46H1		Phạm Tiến	Đạt	Nam	08/05/1992				Trung bình	815054	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3187	3188-K46H1		Đoàn Văn	Thanh	Nam	17/10/1992				Khá	815055	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3188	3189-K46H2		Nguyễn Phú	Đại	Nam	29/06/1990				Trung bình	815056	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3189	3190-K46H2		Lâm Đăng	Khoa	Nam	20/12/1992				Trung bình	815057	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3190	3191-K46H3		Lê Anh	Dũng	Nam	04/07/1992				Khá	815058	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3191	3192-K46H4		Nguyễn Văn	Hưng	Nam	13/10/1992				Khá	815059	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3192	3193-K46H5		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	16/08/1992				Khá	815060	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3193	3194-K46H5		Nghiêm Đình	Chiến	Nam	18/08/1991				Trung bình	815061	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3194	3195-K46H5		Trịnh Thị	Huệ	Nữ	16/07/1992				Khá	815062	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3195	3196-K46H5		Tản Thị	Lư	Nữ	15/04/1991				Khá	815063	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3196	3197-K46H5		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	28/08/1992				Trung bình	815064	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	369/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3197	3198-K45S3		Nguyễn Hữu	Tuấn	Nam	31/08/1991				Trung bình	815065	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3198	3199-K45S4		Đỗ Thanh	Tuấn	Nam	18/10/1991				Trung bình	815066	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3199	3200-K46S1		Lưu Thị Thanh	Bình	Nữ	20/11/1990				Trung bình	815067	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3200	3201-K46S1		Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	30/08/1992				Trung bình	815068	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3201	3202-K46S2		Bùi Văn	Bình	Nam	16/07/1992				Khá	815069	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3202	3203-K46S2		Bùi Thị	Giang	Nữ	27/09/1992				Khá	815070	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3203	3204-K46S2		Bùi Văn	Phông	Nam	05/03/1991				Trung bình	815071	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3204	3205-K46S3		Hà Văn	Anh	Nam	01/03/1991				Trung bình	815072	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3205	3206-K46S3		Vũ Mạnh	Cường	Nam	18/06/1992				Khá	815073	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3206	3207-K46S3		Đỗ Thị Thanh	Hoa	Nữ	06/06/1992				Khá	815074	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3207	3208-K46S3		Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	03/09/1992				Trung bình	815075	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3208	3209-K46S4		Vũ Văn	An	Nam	02/06/1992				Khá	815076	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3209	3210-K46S4		Trương Hồng	Dương	Nam	19/01/1992				Khá	815077	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3210	3211-K46S4		Đặng Công	Đăng	Nam	03/11/1992				Trung bình	815078	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3211	3212-K46S4		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	12/09/1992				Khá	815079	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3212	3213-K46S4		Lương Khải	Hoàn	Nam	21/06/1991				Khá	815080	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3213	3214-K46S4		Nguyễn Phương	Liên	Nữ	20/11/1992				Khá	815081	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3214	3215-K46S5		Trần Nguyễn Hữu	Đức	Nam	20/04/1992				Khá	815082	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3215	3216-K46S5		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	28/10/1992				Trung bình	815083	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	368/QĐ-ĐHTM ngày 22/05/2014	
3216	3217-K45A1		Nguyễn Anh	Lâm	Nam	07/07/1991				Trung bình	815090	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3217	3218-K45A2		Trần Thế	Anh	Nam	18/07/1990				Trung bình	815091	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3218	3219-K46A1		Mai Văn	Bắc	Nam	04/06/1992				Trung bình	815092	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3219	3220-K46A1		Nguyễn Nhật	Linh	Nam	13/02/1992				Khá	815093	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3220	3221-K46A1		Bùi Đức	Thiện	Nam	05/05/1992				Khá	815094	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3221	3222-K46A3		Đỗ Văn	Vũ	Nam	05/07/1991				Trung bình	815095	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3222	3223-K46K2		Nguyễn Văn	Minh	Nam	23/06/1991				Trung bình	815096	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3223	3224-K46K2		Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	31/10/1992				Khá	815097	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3224	3225-K44B2		Phan Minh	Tuấn	Nam	26/11/1989				Trung bình	815098	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3225	3226-K46B2		Trần Trí	Đạt	Nam	06/08/1992				Trung bình	815099	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3226	3227-K46B2		Dương Quốc	Viên	Nam	11/12/1992				Trung bình	815100	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3227	3228-K46B3		Ngô Thị	Hoàn	Nữ	13/03/1992				Trung bình	815101	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3228	3229-K46B3		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	27/09/1991				Khá	815102	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3229	3230-K46B4		Khuất Thị Thanh	Huyền	Nữ	26/08/1992				Trung bình	815103	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3230	3231-K46B4		Tống Thị Hải	Yến	Nữ	17/06/1992				Trung bình	815104	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3231	3232-K46B5		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	25/09/1992				Khá	1141228	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3232	3233-K46B6		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	24/02/1992				Trung bình	815106	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3233	3234-K46B6		Vũ Thị	Huyền	Nữ	20/12/1992				Trung bình	815107	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3234	3235-K46B6		Ninh Thị Hương	Thảo	Nữ	26/12/1992				Khá	815108	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3235	3236-K46V1		Vũ Hoàng	Quân	Nam	10/09/1992				Khá	815109	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3236	3237-K46V1		Vũ Quang	Vinh	Nam	25/09/1991				Trung bình	815110	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3237	3238-K46V1		Trịnh Thị Thanh	Xuân	Nữ	01/12/1992				Trung bình	815111	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3238	3239-K46V3		Đặng Thị Thu	Trang	Nữ	29/03/1992				Khá	815112	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3239	3240-K46V3		Trần Việt	Trường	Nam	13/12/1992				Trung bình	815113	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3240	3241-K43C1		Đặng Văn	Tiến	Nam	24/07/1989				Trung bình	815114	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3241	3242-K45C4		Nguyễn Văn	Luân	Nam	02/02/1991				Trung bình	815115	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3242	3243-K45C4		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	31/08/1991				Trung bình	815116	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3243	3244-K46C1		Tô Thị Hà	Xuyên	Nữ	23/10/1992				Trung bình	815117	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3244	3245-K46C2		Ngô Văn	Đan	Nam	09/05/1991				Trung bình	815118	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3245	3246-K46C2		Đặng Minh	Lợi	Nam	06/11/1991				Khá	815119	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3246	3247-K46C3		Đoàn Văn	Mạnh	Nam	05/06/1991				Khá	815120	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3247	3248-K46C3		Phạm Thị	Thơ	Nữ	24/12/1992				Khá	815121	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3248	3249-K46C4		Dương Thanh	Huyền	Nữ	25/05/1992				Khá	815122	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3249	3250-K46C5		Nguyễn Xuân	Trường	Nam	20/01/1992				Trung bình	815123	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3250	3251-K45E1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	17/12/1991				Trung bình	815124	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3251	3252-K45E4		Đào Văn	Hải	Nam	03/10/1990				Trung bình	815125	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3252	3253-K46E1		Khương Thị	Thúy	Nữ	14/10/1992				Khá	815126	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3253	3254-K46E4		Nguyễn Thị	Hân	Nữ	04/08/1992				Trung bình	815127	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3254	3255-K46E5		Lê Mạnh	Tùng	Nam	26/12/1992				Trung bình	815128	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3255	3256-K46E5		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	13/09/1992				Khá	815129	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3256	3257-K43I3		Trịnh Xuân	Trường	Nam	30/10/1988				Trung bình	815130	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3257	3258-K44I7		Trần Tiến	Đức	Nam	12/12/1990				Trung bình	815131	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3258	3259-K46I1		Lâm Văn	Bổ	Nam	14/07/1990				Khá	815132	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3259	3260-K46I1		Nguyễn Hồng	Diện	Nam	12/10/1992				Trung bình	815133	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3260	3261-K46I1		Trần văn	Hải	Nam	20/02/1992				Trung bình	815134	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3261	3262-K46I1		Nguyễn Đăng	Mạnh	Nam	12/03/1992				Khá	815135	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3262	3263-K46I1		Lê Văn	Phương	Nam	12/10/1991				Trung bình	815136	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3263	3264-K46I1		Triệu Kim	Thành	Nam	24/08/1992				Trung bình	815137	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3264	3265-K46I2		Lê Duy	Cương	Nam	14/02/1992				Khá	815138	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3265	3266-K46I2		Lê Thị	Nga	Nữ	19/11/1991				Khá	815139	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3266	3267-K46I2		Ngô Ngọc	Nhân	Nam	16/09/1992				Trung bình	815140	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3267	3268-K46I2		Bùi Tuấn	Việt	Nam	07/11/1992				Trung bình	815141	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3268	3269-K46I3		Trần Đức	Khánh	Nam	19/01/1992				Khá	815142	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3269	3270-K46I3		Đinh Văn	Vương	Nam	16/12/1992				Khá	815143	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3270	3271-K46I4		Lê Đình	Nam	Nam	22/08/1991				Trung bình	815144	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3271	3272-K46I4		Nguyễn Ngọc	Xuân	Nam	24/07/1991				Trung bình	815145	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3272	3273-K46I5		Bùi Văn	Hoàng	Nam	20/06/1990				Trung bình	815146	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3273	3274-K46I5		Tô Việt	Hưng	Nam	20/11/1992				Trung bình	815147	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3274	3275-K46I5		Nguyễn Hoài	Nam	Nam	07/03/1991				Trung bình	815148	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3275	3276-K46I5		Nguyễn Phú	Thiện	Nam	19/10/1992				Trung bình	815149	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3276	3277-K46I5		Phạm Văn	Toàn	Nam	10/01/1990				Trung bình	815150	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3277	3278-K45P1		Phùng Đức	Thắng	Nam	30/04/1991				Trung bình	815151	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3278	3279-K46P2		Trần Mạnh	Linh	Nam	12/02/1992				Trung bình	815152	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3279	3280-K46U1		Lưu Văn	Hoàn	Nam	01/12/1991				Trung bình	815153	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3280	3281-K46U1		Nguyễn Văn	Hưng	Nam	12/09/1992				Trung bình	815154	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3281	3282-K46U1		Trần Văn	Tài	Nam	14/09/1992				Trung bình	815155	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3282	3283-K46U1		Trần Ngọc	Tú	Nam	18/10/1992				Trung bình	815156	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3283	3284-K46U3		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	25/12/1992				Khá	815157	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3284	3285-K46T1		Đỗ Ngọc	Đức	Nam	04/06/1991				Trung bình	815158	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3285	3286-K46T1		Hồ Việt	Dũng	Nam	02/08/1992				Trung bình	815159	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3286	3287-K46T1		Nguyễn Như	Hoàn	Nam	24/10/1992				Trung bình	815160	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3287	3288-K46T1		Ngô Thị	Quyên	Nữ	14/09/1990				Khá	815161	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3288	3289-K46T1		Đoàn Thị	Thư	Nữ	21/05/1992				Trung bình	815162	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3289	3290-K46T1		Nguyễn Thu	Trà	Nữ	12/10/1992				Trung bình	815163	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3290	3291-K46T4		Hà Đức	Phương	Nam	21/10/1992				Trung bình	815164	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3291	3292-K46T4		Vũ Thị Bích	Thảo	Nữ	07/12/1991				Trung bình	815165	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3292	3293-K46D2		Vi Thị	Luận	Nữ	16/11/1991				Trung bình	815166	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3293	3294-K46D3		Phạm Thị	Hà	Nữ	16/08/1992				Khá	815167	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3294	3295-K46D3		Bùi Thị Thu	Hương	Nữ	22/07/1992				Khá	815168	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3295	3296-K46D4		Ngân Thị Thu	Hương	Nữ	14/11/1991				Trung bình	815169	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3296	3297-K46D4		Nguyễn Như	Thu	Nam	28/09/1992				Khá	815170	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3297	3298-K46D6		Đỗ Thị	Thắm	Nữ	02/03/1992				Khá	815171	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3298	3299-K46F3		Nguyễn Thị Nguyệt	Minh	Nữ	07/09/1992				Trung bình	815172	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3299	3300-K46F3		Nguyễn Minh	Nam	Nam	04/12/1991				Khá	815173	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3300	3301-K46F5		Chu Đình	Long	Nam	08/08/1992				Trung bình	815174	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3301	3302-K46F5		Phan Thanh	Quang	Nam	04/06/1992				Khá	815175	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3302	3303-K45H3		Trịnh Phúc	Chung	Nam	20/02/1990				Trung bình	815176	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3303	3304-K46H1		Trần Thị	Chung	Nữ	08/01/1992				Khá	815177	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3304	3305-K46H1		Hoàng Văn	Đại	Nam	12/10/1991				Trung bình	815178	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3305	3306-K46H4		Trần Văn	Đức	Nam	02/08/1992				Trung bình	815179	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3306	3307-K46S1		Trương Thị	Chang	Nữ	26/11/1992				Trung bình	815180	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3307	3308-K46S1		Nguyễn Hữu	Hùng	Nam	25/12/1992				Trung bình	815181	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3308	3309-K46S2		Dương Thượng	Côn	Nam	05/02/1992				Trung bình	815182	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3309	3310-K46S3		Đỗ Thị	Thúy	Nữ	12/11/1992				Trung bình	815183	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3310	3311-K46S4		Lê Bá	Đạt	Nam	14/04/1991				Trung bình	815184	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3311	3312-K46S4		Lê Thị	Hương	Nữ	18/08/1992				Trung bình	815185	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3312	3313-K46S4		Phạm Thị	Quyên	Nữ	14/12/1992				Trung bình	815186	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3313	3314-K46A1		Nguyễn Đình	Công	Nam	27/10/1992				Khá	815809	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3314	3315-K46A1		Nguyễn Tiến	Hoạt	Nam	04/07/1992				Khá	815810	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3315	3316-K46A2		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	11/06/1992				Khá	815811	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3316	3317-K46A3		Nguyễn Văn	Đức	Nam	29/02/1992				Trung bình	815812	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3317	3318-K46A3		Hoàng Văn	Dũng	Nam	27/05/1992				Trung bình	815813	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3318	3319-K46A3		Nguyễn Công	Nguyên	Nam	24/02/1991				Trung bình	815814	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3319	3320-K46A4		Lương Tùng	Lâm	Nam	21/10/1990				Khá	815815	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3320	3321-K46A5		Trần Hiệp	Anh	Nam	19/09/1992				Khá	815816	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3321	3322-K45A2		Lưu Văn	Sơn	Nam	28/03/1991				Trung bình	815817	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3322	3323-K45A3		Trần Thành	Được	Nam	18/02/1991				Trung bình	815818	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3323	3324-K46B1		Đào Thị	Hương	Nữ	20/05/1992				Khá	815819	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3324	3325-K46B1		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	31/10/1992				Khá	815820	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3325	3326-K46B1		Phạm Thị	Tuyết	Nữ	09/09/1992				Trung bình	815821	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3326	3327-K46B3		Nguyễn Thị	Ngát	Nữ	29/08/1992				Khá	815822	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3327	3328-K46B3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	07/06/1991				Trung bình	815823	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3328	3329-K46B3		Phạm Văn	Tình	Nam	12/06/1992				Khá	815824	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3329	3330-K46B4		Hoàng Minh	Thu	Nữ	28/09/1992				Trung bình	815825	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3330	3331-K46B5		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	21/10/1992				Khá	815826	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3331	3332-K46B6		Vũ Tiến	Hưng	Nam	06/10/1992				Trung bình	815827	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3332	3333-K44B1		Chu Thị	Hồng	Nữ	01/01/1990				Trung bình	815828	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3333	3334-K43B6		Công Thế	Anh	Nam	29/04/1988				Trung bình	815829	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3334	3335-K45B2		Hoàng Quốc	Linh	Nam	22/12/1988				Trung bình	1050779	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3335	3336-K45B2		Ninh Phúc	Huynh	Nam	10/12/1987				Trung bình	1050780	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3336	3337-K45B3		Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	28/07/1988				Trung bình	1050781	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3337	3338-K45B4		Đặng Đình	Tuấn	Nam	05/08/1988				Khá	1050782	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3338	3339-K45B6		Trịnh Quốc	Quân	Nam	02/12/1991				Trung bình	1050783	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3339	3340-K45B2		Nguyễn Đạt	Quyết	Nam	14/04/1991				Trung bình	1050784	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3340	3341-K46C1		Vũ Đức	Hạnh	Nam	28/08/1991				Trung bình	1050785	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3341	3342-K46C1		Vương Thị	Lụa	Nữ	15/02/1992				Khá	1051111	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3342	3343-K46C1		Lại Đức	Thịnh	Nam	30/10/1990				Trung bình	1050786	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3343	3344-K46C1		Đỗ Đình	Tin	Nam	07/08/1992				Trung bình	1050787	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3344	3345-K46C2		Nguyễn Văn	Bình	Nam	16/06/1992				Khá	1050788	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3345	3346-K46C3		Phạm Thị Ngọc	Hoa	Nữ	15/03/1992				Khá	1050789	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3346	3347-K46C3		Đỗ Thị	Nhâm	Nữ	27/06/1992				Trung bình	1050790	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3347	3348-K46C3		Đặng Thị	Quyên	Nữ	18/05/1992				Trung bình	1050791	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3348	3349-K46C3		Nguyễn Đình	Thuấn	Nam	15/10/1991				Khá	1050792	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3349	3350-K46C4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/09/1992				Khá	1050793	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3350	3351-K46C4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	14/02/1992				Trung bình	1050794	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3351	3352-K46C4		Nguyễn Xuân	Tùng	Nam	24/09/1991				Khá	1050795	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3352	3353-K46C5		Vũ Ngọc	Long	Nam	06/05/1992				Khá	1050796	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3353	3354-K46C5		Hà Thanh	Tùng	Nam	10/04/1992				Trung bình	1050797	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3354	3355-K46C5		Nguyễn Thị Bích	Vượng	Nữ	14/03/1992				Trung bình	1050798	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3355	3356-K43C3		Nguyễn Thế	Quyền	Nam	20/08/1986				Trung bình	1050799	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3356	3357-K43C4		Trịnh Ngọc	Bách	Nam	15/06/1988				Trung bình	1050800	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3357	3358-K43C5		Dương Nhật	Phương	Nam	26/06/1989				Trung bình	1051001	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3358	3359-K43C5		Nguyễn Như	Ngọc	Nam	08/06/1989				Trung bình	1051002	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3359	3360-K45C2		Ma Thị Kim	Ngân	Nữ	16/09/1991				Trung bình	1051003	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3360	3361-K45C3		Nguyễn Kim	Đông	Nam	18/10/1991				Trung bình	1051004	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3361	3362-K45C5		Nguyễn Tuấn	Đạt	Nam	20/11/1990				Trung bình	1051005	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3362	3363-K45C6		Lê Duy	Hoàng	Nam	05/02/1991				Khá	1051006	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3363	3364-K45C5		Đinh Thanh	Tuấn	Nam	11/11/1989				Trung bình	1051007	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3364	3365-K46E1		Đào Tiến	Hiệp	Nam	24/11/1992				Trung bình	1051008	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3365	3366-K46E2		Nguyễn Đức	Cường	Nam	28/07/1992				Trung bình	1051009	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3366	3367-K46E2		Đinh Nhật	Hoàng	Nam	15/06/1992				Khá	1051010	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3367	3368-K46E3		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	02/04/1992				Trung bình	1051011	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3368	3369-K46E4		Văn Trọng	Hoàng	Nam	29/12/1992				Trung bình	1051012	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3369	3370-K46E4		Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	28/08/1992				Trung bình	1051013	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3370	3371-K46E5		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	08/04/1992				Trung bình	1051014	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3371	3372-K44E4		Lý Hồng	Quân	Nam	08/10/1990				Trung bình	1051015	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3372	3373-K45E3		Phạm Hoàng	Tuấn	Nam	02/05/1991				Trung bình	1051016	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3373	3374-K45E4		Đặng Văn	Tùng	Nam	02/09/1988				Trung bình	1051017	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3374	3375-K45E4		Singhapanya	KhamlaYang	Nam	08/11/1987				Trung bình	1051018	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3375	3376-K45E2		Đoàn Mạnh	Long	Nam	16/12/1988				Trung bình	1051019	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3376	3377-K46I1		Mai Trọng	Phong	Nam	03/12/1992				Trung bình	1051020	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3377	3378-K46I2		Trần Tú	Anh	Nam	10/12/1991				Trung bình	1051021	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3378	3379-K46I2		Đào Đức	Đoán	Nam	02/03/1992				Trung bình	1051022	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3379	3380-K46I2		Đặng Hoàng	Hưng	Nam	13/01/1992				Khá	1051023	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3380	3381-K46I2		Phạm Thế	Nghĩa	Nam	29/08/1992				Trung bình	1051024	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3381	3382-K46I2		Phùng Văn	Thắng	Nam	29/02/1992				Trung bình	1051025	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3382	3383-K46I3		Ngô Đức	Trọng	Nam	06/07/1992				Trung bình	1051026	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3383	3384-K46I4		Biện Hữu Tài	Anh	Nam	25/12/1992				Trung bình	1051027	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3384	3385-K46I4		Bùi Đức	Thành	Nam	02/04/1991				Trung bình	1051028	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3385	3386-K46I4		Nguyễn Đức	Tiến	Nam	03/02/1992				Trung bình	1051029	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3386	3387-K46I5		Đào Việt	Anh	Nam	20/08/1992				Trung bình	1051030	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3387	3388-K46I5		Phan Anh	Vũ	Nam	06/05/1992				Trung bình	1051031	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3388	3389-K44I6		Hoàng Văn	Thuân	Nam	15/02/1990				Trung bình	1051032	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3389	3390-K44I7		Nguyễn Đức	Anh	Nam	11/06/1990				Trung bình	1051033	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3390	3391-K43I2		Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	15/12/1989				Trung bình	1051034	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3391	3392-K45I4		Đỗ Duy	Diệu	Nam	28-04-90				Trung bình	1051035	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3392	3393-K45I5		Phạm Văn	Huế	Nam	27/07/1990				Trung bình	1051036	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3393	3394-K46P1		Lê Thị Hải	Yến	Nữ	03/12/1992				Khá	1051037	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3394	3395-K46P1		Trần Thành	Duy	Nam	20/11/1992				Trung bình	1051038	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3395	3396-K46P2		Dương Thị	Hường	Nữ	27/04/1992				Khá	1051039	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3396	3397-K46P2		Ma Thị Hồng	Ngân	Nữ	09/04/1992				Trung bình	1051040	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3397	3398-K46P3		Lê Văn	Dũng	Nam	03/05/1991				Trung bình	1051041	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3398	3399-K46P3		Phí Thị	Hường	Nữ	03/07/1991				Trung bình	1051042	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3399	3400-K46U1		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	13/02/1992				Khá	1051043	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3400	3401-K46U2		Nguyễn Thị Hà	Anh	Nữ	09/09/1992				Trung bình	1051044	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3401	3402-K46U2		Dương Đức	Bình	Nam	04/10/1992				Trung bình	1051045	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3402	3403-K46U2		Triệu Thị Trang	Nhã	Nữ	22/12/1992				Khá	1051046	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3403	3404-K46U3		Nguyễn Minh	Hiệp	Nam	24/08/1992				Khá	1051047	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3404	3405-K46U4		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	01/06/1992				Trung bình	1051048	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3405	3406-K46U4		Đặng Chí	Tuấn	Nam	23/06/1992				Khá	1051049	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3406	3407-K46T1		Trịnh Thị	Mai	Nữ	04/01/1992				Khá	1051050	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3407	3408-K46T3		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	19/11/1992				Khá	1051051	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3408	3409-K46T3		Nguyễn Đại	Dương	Nam	30/01/1992				Trung bình	1051052	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3409	3410-K46T3		Ngô Hồng	Nhung	Nữ	18/09/1991				Khá	1051053	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3410	3411-K46V1		Nguyễn Hoàng	Long	Nam	11/03/1992				Trung bình	1051054	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3411	3412-K46V1		Đặng Phương	Thảo	Nữ	23/03/1992				Khá	1051055	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QT tổ chức dịch vụ y tế&chăm sóc sức khỏe	814/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3412	3413-K46D3		Đỗ Thị	Hương	Nữ	22/01/1992				Khá	1051056	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3413	3414-K46D3		Trần Diệu	Linh	Nữ	13/02/1992				Khá	1051057	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3414	3415-K46D3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	03/02/1992				Khá	1051058	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3415	3416-K46D4		Lê Quỳnh	Hoa	Nữ	08/06/1992				Giỏi	1051059	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3416	3417-K46D5		Bùi Thị	Lan	Nữ	02/12/1992				Khá	1051060	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3417	3418-K46D5		Bùi Thúy	Nga	Nữ	24/12/1991				Trung bình	1051061	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3418	3419-K46D6		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	27/07/1992				Khá	1051062	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3419	3420-K46D6		Vũ Minh	Quý	Nữ	07/12/1992				Giỏi	1051063	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3420	3421-K44D1		Lê Sơn	Lâm	Nam	24/02/1984				Trung bình	1051064	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3421	3422-K45D1		Lương Văn	Hùng	Nam	11/06/1989				Trung bình	1051065	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3422	3423-K45D5		Vũ Thị	Loan	Nữ	24/04/1991				Khá	1051066	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3423	3424-K45D6		Dương Thùy	Dung	Nữ	19/11/1990				Trung bình	1051067	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	815/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3424	3425-K46F1		Đinh Quốc	Hưng	Nam	11/02/1992				Trung bình	1051068	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3425	3426-K46F2		Đỗ Thị	Hương	Nữ	24/01/1992				Khá	1051069	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3426	3427-K46F3		Phan Vũ	Dũng	Nam	28/10/1992				Trung bình	1051070	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3427	3428-K46F3		Đặng Văn	Dương	Nam	20/11/1991				Trung bình	1051071	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3428	3429-K46F3		Vi Văn	Duy	Nam	03/12/1990				Khá	1051072	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3429	3430-K46F3		Hoàng Sỹ	Vinh	Nam	13/08/1992				Trung bình	1051073	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3430	3431-K46F4		Lương Thái	An	Nam	21/09/1992				Trung bình	1051074	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3431	3432-K44F3		Đoàn Trường	Sa	Nam	11/04/1988				Trung bình	1051075	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3432	3433-K45F1		Phan Công	Trường	Nam	22/08/1990				Trung bình	1051076	2014	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	816/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3433	3434-K46H1		Trần Thị	Âu	Nữ	02/05/1991				Khá	1051077	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3434	3435-K46H1		Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	18/01/1992				Khá	1051078	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3435	3436-K46H1		Nguyễn Bá	Tiến	Nam	05/06/1992				Trung bình	1051079	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3436	3437-K46H1		Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	25/05/1989				Trung bình	1051080	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3437	3438-K46H2		Phan Thái	Hiệu	Nam	13/09/1992				Khá	1051081	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3438	3439-K46H2		Nguyễn Mạnh	Thắng	Nam	06/07/1992				Trung bình	1051082	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3439	3440-K46H3		Chu Việt	Hùng	Nam	18/06/1992				Trung bình	1051083	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3440	3441-K46H3		Lê Thị	Yến	Nữ	14/03/1992				Trung bình	1051084	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3441	3442-K46H4		Vũ Thị Hương	Giang	Nữ	04/12/1991				Khá	1051085	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3442	3443-K46H5		Phạm Tuấn	Phong	Nam	11/09/1992				Trung bình	1051086	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	817/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3443	3444-K46S1		Nguyễn Ngọc	Thạch	Nam	07/10/1991				Trung bình	1051087	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3444	3445-K46S1		Đặng Thị	Thêu	Nữ	29/12/1992				Khá	1051088	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3445	3446-K46S2		Cao Thị Hoài	Linh	Nữ	09/07/1991				Trung bình	1051089	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3446	3447-K46S2		Trần Quang	Vượng	Nam	08/04/1991				Trung bình	1051090	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3447	3448-K46S3		Mai Thị Kim	Hằng	Nữ	31/12/1992				Trung bình	1051091	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3448	3449-K46S3		Trịnh Xuân	Hồng	Nam	17/10/1992				Trung bình	1051092	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3449	3450-K46S3		Hoàng Thị	Ngân	Nữ	11/02/1992				Khá	1051093	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3450	3451-K46S4		Bùi Anh	Tuấn	Nam	02/04/1992				Khá	1051094	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3451	3452-K46S5		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	27/02/1992				Trung bình	1051095	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3452	3453-K46S5		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	18/09/1992				Khá	1051096	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3453	3454-K44S4		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	20/10/1990				Trung bình	1051097	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3454	3455-K45S4		Phạm Nam	Tiến	Nam	31/12/1991				Trung bình	1051098	2014	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QT hệ thống thông tin thị trường&thương mại	819/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3455	3456-K46N1		Phạm Thị Phương	Nhã	Nữ	27/07/1992				Khá	1051099	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3456	3457-K46N1		Phạm Thanh	Tâm	Nữ	12/07/1991				Khá	1051100	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3457	3458-K46N2		Phạm Mai	Chi	Nữ	14/07/1992				Trung bình	1051101	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3458	3459-K46N2		Nguyễn Văn	Khương	Nam	22/10/1992				Trung bình	1051102	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3459	3460-K46N3		Vũ Thị	Lương	Nữ	01/06/1992				Khá	1051103	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3460	3461-K46N4		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	27/07/1992				Khá	1051104	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3461	3462-K46N5		Đinh Thị Thanh	Huyền	Nữ	24/09/1992				Khá	1051105	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3462	3463-K46N6		Nguyễn Thị Thanh	Quỳnh	Nữ	25/07/1992				Khá	1051106	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3463	3464-K46N6		Đỗ Hương	Giang	Nữ	28/09/1992				Khá	1051107	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3464	3465-K46N6		Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	21/07/1992				Khá	1051108	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3465	3466-K45N2		Đỗ Linh	Chi	Nữ	24/09/1991				Trung bình	1051109	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3466	3467-K45N6		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	16/10/1991				Trung bình	1051110	2014	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	818/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2014	
3467	580-SB13C		Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	28/10/1988				Khá	815283	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3468	581-SB14A		Trần Thị Kim	Tuyết	Nữ	02/10/1988				Khá	815284	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3469	582-SB14A		Phan Thị	Yến	Nữ	23/08/1988				Trung bình	815285	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3470	583-SB14E		Tống Thị Ngọc	ánh	Nữ	19/02/1988				Trung bình	815286	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3471	584-SB14F		Đoàn Thị	Huệ	Nữ	12/02/1988				Trung bình	815287	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3472	585-SB15D		Trương Ngọc	Ánh	Nữ	10/04/1989				Trung bình	815677	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3473	586-SB15D		Lê Thị	Hằng	Nữ	20/12/1990				Khá	815289	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3474	587-SB15E		Phạm Hoàng	Hải	Nam	31/07/1990				Khá	815290	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3475	588-SB15E		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	19/12/1989				Trung bình	815291	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3476	589-SB15E		Lê Thị	Thư	Nữ	27/06/1990				Khá	815292	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3477	590-SB15F		Phan Hữu	Mạnh	Nam	20/03/1990				Trung bình	815293	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3478	591-SB15G		Bùi Thị Thu	Liên	Nữ	09/07/1989				Khá	815294	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3479	592-SB15G		Nguyễn Thị Thúy	Liên	Nữ	01/12/1990				Khá	815295	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3480	593-SB15G		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	05/07/1990				Trung bình	815296	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3481	594-SB15G		Ngô Thị	Phương	Nữ	10/04/1989				Khá	815297	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3482	595-SB15G		Trần Thị ánh	Tuyết	Nữ	05/11/1989				Trung bình	815298	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3483	596-SB15G		Phùng Bá	Nam	Nam	25/06/1990				Trung bình	815299	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3484	597-SB15G		Đào Thị	Ngân	Nữ	08/04/1990				Trung bình	815300	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3485	598-SB15G		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	01/02/1990				Khá	815301	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3486	599-SB15G		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	15/08/1990				Khá	815302	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3487	600-SB15H		Mai Thị Lan	Anh	Nữ	**14/02/1990**				Khá	815303	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3488	601-SB15H		Vũ Thị Ngân	Hà	Nữ	**05/10/1990**				Khá	815304	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3489	602-SB15H		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	**30/10/1990**				Khá	815305	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3490	603-SB15H		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	**17/06/1990**				Khá	815306	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3491	604-SB15H		Trần Thị	Hiền	Nữ	**05/07/1989**				Khá	815307	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3492	605-SB15H		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	**15/11/1988**				Khá	815308	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3493	606-SB15H		Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	**22/10/1989**				Khá	815309	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3494	607-SB15H		Vũ Thị	Hiền	Nữ	**08/08/1990**				Khá	815310	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3495	608-SB15H		Nguyễn Lan	Hoa	Nữ	**25/12/1990**				Khá	815311	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3496	609-SB15H		Đặng Thị	Hoài	Nữ	**15/02/1990**				Khá	815312	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3497	610-SB15H		Đào Thị	Hương	Nữ	**18/07/1990**				Khá	815313	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3498	611-SB15H		Lã Thị	Hương	Nữ	**08/06/1990**				Khá	815314	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3499	612-SB15H		Trần Thị	Hường	Nữ	**29/03/1988**				Khá	815315	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3500	613-SB15H		Lại Thị	Huyền	Nữ	**13/08/1989**				Khá	815316	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3501	614-SB15H		Lê Thị	Liên	Nữ	**15/11/1989**				Khá	815317	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3502	615-SB15H		Đinh Thị	Loan	Nữ	**13/11/1990**				Khá	815318	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3503	616-SB15H		Nguyễn Thúy	Lương	Nữ	**28/08/1990**				Khá	815319	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3504	617-SB15H		Lê Thị Thúy	Mai	Nữ	**13/12/1990**				Khá	815320	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3505	618-SB15H		Vương Thị Hồng	My	Nữ	**06/02/1990**				Khá	815321	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3506	619-SB15H		Phạm Thị	Nga	Nữ	**17/02/1990**				Khá	815322	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3507	620-SB15H		Phạm Thị	Oanh	Nữ	**30/01/1989**				Khá	815323	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3508	621-SB15H		Trần Thị	Thảo	Nữ	**19/01/1990**				Khá	815324	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3509	622-SB15H		Lê Thị	Thoa	Nữ	**10/02/1989**				Khá	815325	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3510	623-SB15H		Phan Thị	Thu	Nữ	**22/09/1989**				Khá	815326	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3511	624-SB15H		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	**05/09/1990**				Khá	815327	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3512	625-SB15H		Vũ Thị Bích	Thủy	Nữ	**03/11/1990**				Khá	815328	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3513	626-SB15H		Vũ Thị	Thúy	Nữ	**19/11/1990**				Khá	815329	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3514	627-SB15H		Đào Thị	Thủy	Nữ	**24/12/1988**				Khá	815330	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3515	628-SB15H		Mạnh Quỳnh	Trang	Nữ	**11/01/1990**				Khá	815331	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3516	629-SB15H		Lại Thị Thu	Trang	Nữ	**19/01/1990**				Khá	815332	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3517	630-SB15H		Mai Huyền	Trang	Nữ	**07/06/1990**				Khá	815333	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3518	631-SB15H		Trần Thị	Tươi	Nữ	**19/09/1989**				Khá	815334	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3519	632-SB15H		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	**20/10/1989**				Trung bình	815335	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3520	633-SB16A		Dương Lan	Anh	Nữ	20/11/1990				Khá	815336	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3521	634-SB16A		Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	28/11/1991				Giỏi	815337	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3522	635-SB16A		Lê Thị Minh	Anh	Nữ	17/02/1990				Khá	815338	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3523	636-SB16A		Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	30/08/1991				Giỏi	815339	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3524	637-SB16A		Đinh Thị	ánh	Nữ	21/08/1991				Giỏi	815340	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3525	638-SB16A		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	18/11/1991				Giỏi	815341	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3526	639-SB16A		Đỗ Cẩm	Bình	Nữ	08/11/1991				Khá	815342	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3527	640-SB16A		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	20/06/1991				Khá	815343	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3528	641-SB16A		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	02/11/1991				Khá	815344	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3529	642-SB16A		Nguyễn Thị	Bông	Nữ	10/10/1990				Trung bình	815345	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3530	643-SB16A		Nguyễn Văn	Cảnh	Nam	13/08/1989				Trung bình	815346	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3531	644-SB16A		Mai Ngọc	Diệp	Nữ	18/07/1991				Khá	815347	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3532	645-SB16A		Nguyễn Bùi Phương	Dung	Nữ	03/10/1990				Khá	815348	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3533	646-SB16A		Nguyễn Việt	Dũng	Nam	24/12/1991				Khá	815349	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3534	647-SB16A		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	20/08/1991				Khá	815350	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3535	648-SB16A		Nguyễn Cao	Dương	Nam	11/12/1991				Trung bình	815351	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3536	649-SB16A		Nguyễn Hồng	Đà	Nam	25/02/1991				Trung bình	815352	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3537	650-SB16A		Nguyễn Thùy	Giang	Nữ	09/09/1991				Khá	815353	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3538	651-SB16A		Dương Thị Thu	Hà	Nữ	17/07/1991				Giỏi	815354	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3539	652-SB16A		Ngô Việt	Hà	Nữ	16/08/1991				Giỏi	815355	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3540	653-SB16A		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	19/12/1991				Khá	815356	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3541	654-SB16A		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	22/10/1990				Giỏi	815357	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3542	655-SB16A		Trịnh Thị Hồng	Hà	Nữ	27/08/1991				Khá	815358	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3543	656-SB16A		Vũ Mai Thu	Hà	Nữ	20/08/1991				Khá	815359	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3544	657-SB16A		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	23/10/1991				Giỏi	815360	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3545	658-SB16A		Nhữ Thị	Hằng	Nữ	17/02/1991				Giỏi	815361	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3546	659-SB16A		Thái Thị Thu	Hằng	Nữ	09/12/1991				Giỏi	815362	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3547	660-SB16A		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	07/05/1991				Khá	815363	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3548	661-SB16A		Lê Thị	Hiền	Nữ	04/09/1991				Giỏi	815364	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3549	662-SB16A		Lê Thị	Hiền	Nữ	15/10/1991				Khá	815365	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3550	663-SB16A		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	13/05/1991				Khá	815366	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3551	664-SB16A		Hồ Thị	Hoài	Nữ	17/09/1991				Giỏi	815367	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3552	665-SB16A		Đinh Thị	Hồng	Nữ	15/04/1991				Giỏi	815368	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3553	666-SB16A		Lê Thị	Hồng	Nữ	12/02/1991				Khá	815369	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3554	667-SB16A		Ngô Thị Thúy	Hồng	Nữ	20/09/1991				Giỏi	815370	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3555	668-SB16A		Trương Thị	Huế	Nữ	25/07/1990				Khá	815371	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3556	669-SB16A		Lê Thu	Huyền	Nữ	18/11/1991				Khá	815372	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3557	670-SB16A		Lê Đắc	Hưng	Nam	28/03/1990				Khá	815373	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3558	671-SB16A		Phạm Xuân	Hưng	Nam	03/08/1991				Khá	815374	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3559	672-SB16A		Phạm Thu	Hương	Nữ	16/10/1991				Khá	815375	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3560	673-SB16A		Thân Thị Mai	Hương	Nữ	26/09/1991				Khá	815376	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3561	674-SB16A		Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	26/05/1991				Khá	815377	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3562	675-SB16A		Dương Thị	Lam	Nữ	12/08/1990				Khá	815378	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3563	676-SB16A		Nguyễn Nhã	Lam	Nữ	10/12/1991				Giỏi	815379	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3564	677-SB16A		Phùng Thị	Lam	Nữ	30/11/1990				Khá	815380	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3565	678-SB16A		Bùi Thị Mai	Lan	Nữ	15/05/1991				Khá	815381	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3566	679-SB16A		Ngô Thị Quỳnh	Liên	Nữ	24/10/1991				Khá	815382	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3567	680-SB16A		Vũ Thị	Liên	Nữ	25/12/1990				Khá	815383	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3568	681-SB16A		Trần Trà	Linh	Nữ	15/09/1991				Khá	815384	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3569	682-SB16A		Trần Thị	Luận	Nữ	24/03/1991				Giỏi	815385	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3570	683-SB16A		Trần Thị	Lương	Nữ	06/01/1989				Khá	815386	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3571	684-SB16A		Nghi Thị	Lý	Nữ	07/06/1990				Trung bình	815387	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3572	685-SB16A		Vũ Thị	Lý	Nữ	27/10/1991				Khá	815388	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3573	686-SB16A		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	21/08/1990				Khá	815389	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3574	687-SB16A		Phùng Thị Ngọc	Mai	Nữ	09/09/1989				Khá	815390	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3575	688-SB16A		Đồng Thị Thúy	Nga	Nữ	30/09/1991				Giỏi	815391	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3576	689-SB16A		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	23/04/1991				Khá	815392	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3577	690-SB16A		Vương Thị	Nga	Nữ	26/10/1991				Giỏi	815393	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3578	691-SB16A		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	19/04/1991				Khá	815394	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3579	692-SB16A		Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	15/07/1991				Khá	815395	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3580	693-SB16A		Bùi Bích	Ngọc	Nữ	31/03/1991				Khá	815396	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3581	694-SB16A		Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	18/11/1991				Khá	815397	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3582	695-SB16A		Võ Thúy Hồng	Ngọc	Nữ	22/07/1991				Khá	815398	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3583	696-SB16A		Bùi Thị	Nhung	Nữ	20/10/1991				Xuất sắc	815399	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3584	697-SB16A		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	15/05/1990				Khá	815400	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3585	698-SB16A		Phan Thị	Nhung	Nữ	27/01/1991				Khá	815401	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3586	699-SB16A		Nguyễn Ngọc	Nữ	Nữ	04/05/1991				Khá	815402	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3587	700-SB16A		Đàm Thị	Oanh	Nữ	20/09/1990				Khá	815403	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3588	701-SB16A		Trần Thị Kim	Oanh	Nữ	19/06/1991				Giỏi	815404	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3589	702-SB16A		Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	10/09/1991				Giỏi	815405	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3590	703-SB16A		Đào Thị Nhã	Phương	Nữ	26/10/1991				Giỏi	815406	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3591	704-SB16A		Nguyễn Tâm	Phương	Nữ	25/01/1991				Khá	815407	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3592	705-SB16A		Phạm Thị	Phương	Nữ	26/01/1991				Giỏi	815408	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3593	706-SB16A		Phùng Thị	Phương	Nữ	01/03/1991				Giỏi	815409	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3594	707-SB16A		Lê Thị Hồng	Quỳnh	Nữ	30/11/1991				Khá	815410	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3595	708-SB16A		Mai Thị	Quỳnh	Nữ	23/08/1991				Khá	815411	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3596	709-SB16A		Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	15/10/1991				Khá	815412	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3597	710-SB16A		Đỗ Thành	Sơn	Nam	17/09/1990				Khá	815413	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3598	711-SB16A		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	17/12/1991				Giỏi	815414	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3599	712-SB16A		Hoàng Quang	Thành	Nam	29/12/1991				Khá	815415	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3600	713-SB16A		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	22/03/1991				Khá	815416	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3601	714-SB16A		Lê Anh	Thái	Nam	15/01/1990				Trung bình	815417	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3602	715-SB16A		Phạm Đức	Thịnh	Nam	28/10/1991				Khá	815418	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3603	716-SB16A		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	15/11/1991				Khá	815419	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3604	717-SB16A		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	22/04/1991				Khá	815420	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3605	718-SB16A		Đào Minh	Thuận	Nữ	27/01/1991				Khá	815421	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3606	719-SB16A		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	01/12/1991				Giỏi	815422	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3607	720-SB16A		Phạm Thị	Thủy	Nữ	08/03/1991				Giỏi	815423	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3608	721-SB16A		Lê Thị	Thúy	Nữ	10/09/1991				Khá	815424	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3609	722-SB16A		Kiều Thị	Thư	Nữ	03/02/1990				Khá	815425	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3610	723-SB16A		Đỗ Thị	Trang	Nữ	28/12/1991				Khá	815426	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3611	724-SB16A		Lê Thị Đài	Trang	Nữ	11/03/1991				Xuất sắc	815427	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3612	725-SB16A		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	08/08/1991				Khá	815428	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3613	726-SB16A		Đỗ Ngọc	Tuấn	Nam	08/09/1991				Giỏi	815429	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3614	727-SB16A		Đỗ Trung	Tuấn	Nam	28/03/1991				Khá	815430	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3615	728-SB16A		Phạm Thị	Tuyền	Nữ	24/01/1990				Khá	815087	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3616	729-SB16A		Trần Thị	Tuyết	Nữ	19/09/1991				Khá	815432	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3617	730-SB16A		Hoàng Anh	Tú	Nam	05/01/1991				Khá	815433	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3618	731-SB16A		Lê Quốc	Tú	Nam	18/03/1991				Khá	815434	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3619	732-SB16A		Nguyễn Đức Thị	Vân	Nữ	09/02/1991				Giỏi	815435	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3620	733-SB16A		Trần Thị Thùy	Vân	Nữ	09/03/1990				Trung bình	815436	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3621	734-SB16A		Trần Thị	Vượng	Nữ	26/08/1991				Khá	815437	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3622	735-SB16A		Bùi Thị	Yến	Nữ	24/11/1991				Giỏi	815438	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3623	736-SB16A		Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	28/10/1991				Khá	815439	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3624	737-SB16A		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	05/01/1990				Giỏi	815440	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3625	738-SB16A		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	19/07/1991				Giỏi	815441	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3626	739-SB16A		Trần Hải	Yến	Nữ	25/11/1991				Giỏi	815442	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3627	740-SB16B		Nguyễn Duy Hoàng	An	Nam	19/11/1991				Giỏi	815443	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3628	741-SB16B		Võ Thị Tâm	An	Nữ	04/06/1991				Khá	815444	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3629	742-SB16B		Hoàng Mai	Anh	Nữ	15/11/1991				Khá	815445	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3630	743-SB16B		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	03/04/1991				Khá	815446	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3631	744-SB16B		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	10/03/1991				Khá	815447	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3632	745-SB16B		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	05/01/1991				Khá	815448	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3633	746-SB16B		Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	10/06/1990				Khá	815449	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3634	747-SB16B		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	29/09/1991				Khá	815450	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3635	748-SB16B		Tăng Vân	Anh	Nam	13/10/1991				Khá	815451	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3636	749-SB16B		Trần Thị Linh	Chi	Nữ	09/05/1991				Khá	815452	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3637	750-SB16B		Nguyễn Thanh	Chiêm	Nữ	07/10/1991				Khá	815453	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3638	751-SB16B		Trần Thị	Chúc	Nữ	01/03/1991				Khá	815454	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3639	752-SB16B		Trần Thị	Đào	Nữ	15/05/1991				Khá	815455	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3640	753-SB16B		Hoàng Minh	Đức	Nam	26/09/1991				Khá	815456	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3641	754-SB16B		Nguyễn Tuấn	Hải	Nam	20/07/1991				Khá	815457	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3642	755-SB16B		Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	24/03/1991				Khá	815458	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3643	756-SB16B		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	18/08/1991				Khá	815459	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3644	757-SB16B		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	17/10/1991				Khá	815460	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3645	758-SB16B		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24/11/1991				Khá	815461	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3646	759-SB16B		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	20/04/1991				Khá	815462	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3647	760-SB16B		Lê Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	28/04/1991				Khá	815463	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3648	761-SB16B		Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	27/08/1991				Giỏi	815464	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3649	762-SB16B		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	07/03/1991				Khá	815465	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3650	763-SB16B		Lê Quốc	Hoàn	Nam	26/04/1990				Trung bình	815466	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3651	764-SB16B		Đào Thị	Hồng	Nữ	18/06/1991				Khá	815467	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3652	765-SB16B		Đặng Thị	Hồng	Nữ	11/10/1991				Khá	815468	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3653	766-SB16B		Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	09/10/1991				Khá	815469	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3654	767-SB16B		Hà Thị	Hương	Nữ	23/09/1991				Khá	815470	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3655	768-SB16B		Ngô Diệu	Hương	Nữ	09/09/1991				Khá	815471	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3656	769-SB16B		Phạm Thị Mai	Hương	Nữ	30/09/1991				Xuất sắc	815472	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3657	770-SB16B		Bùi Hải	Hường	Nữ	07/08/1991				Trung bình	815473	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3658	771-SB16B		Phan Thị Thu	Hường	Nữ	14/05/1992				Khá	815474	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3659	772-SB16B		Mai Thị	Lan	Nữ	05/07/1991				Khá	815475	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3660	773-SB16B		Nguyễn Ngọc Quỳnh	Mai	Nữ	11/10/1989				Khá	815476	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3661	774-SB16B		Phạm Thanh	Mai	Nữ	02/03/1990				Khá	815477	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3662	775-SB16B		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	29/11/1991				Khá	815478	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3663	776-SB16B		Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	27/10/1991				Khá	815479	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3664	777-SB16B		Lê Thị Kim	Nga	Nữ	20/11/1991				Khá	815480	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3665	778-SB16B		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	16/09/1991				Trung bình	815481	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3666	779-SB16B		Trần Thị	Ngân	Nữ	10/03/1991				Trung bình	815482	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3667	780-SB16B		Nguyễn Thị Hồng	Ngát	Nữ	12/07/1991				Khá	815483	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3668	781-SB16B		Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	11/11/1991				Khá	815484	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3669	782-SB16B		Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	22/11/1991				Trung bình	815485	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3670	783-SB16B		Vương Thị	Ngọc	Nữ	28/11/1991				Khá	815486	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3671	784-SB16B		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	31/03/1990				Giỏi	815487	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3672	785-SB16B		Lê Thị	Oanh	Nữ	13/11/1991				Khá	815488	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3673	786-SB16B		Bùi Bích	Phương	Nữ	16/01/1991				Khá	815489	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3674	787-SB16B		Lê Thị	Phương	Nữ	24/02/1991				Khá	815490	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3675	788-SB16B		Trần Thị Mai	Phương	Nữ	10/12/1991				Khá	815491	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3676	789-SB16B		Nguyễn Thị	Son	Nữ	27/07/1991				Khá	815492	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3677	790-SB16B		Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	16/10/1990				Trung bình	815493	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3678	791-SB16B		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	27/09/1991				Khá	815494	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3679	792-SB16B		Đỗ Phương	Thanh	Nữ	15/06/1991				Trung bình	815495	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3680	793-SB16B		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	20/07/1991				Khá	815496	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3681	794-SB16B		Trần Thị	Thêm	Nữ	25/02/1991				Trung bình	815497	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3682	795-SB16B		Đào Thị	Thi	Nữ	12/01/1990				Trung bình	815498	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3683	796-SB16B		Trần Thị Hoài	Thu	Nữ	07/04/1991				Khá	815499	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3684	797-SB16B		Trần Thị Kim	Thu	Nữ	30/08/1991				Khá	815500	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3685	798-SB16B		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	11/01/1991				Khá	815501	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3686	799-SB16B		Vũ Thị	Thúy	Nữ	17/02/1991				Khá	815502	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3687	800-SB16B		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	16/10/1991				Khá	815503	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3688	801-SB16B		Vũ Thị	Thùy	Nữ	04/02/1991				Khá	815504	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3689	802-SB16B		Kim Thị Thu	Thủy	Nữ	16/07/1991				Khá	815505	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3690	803-SB16B		Đặng Thu	Trang	Nữ	07/11/1991				Trung bình	815506	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3691	804-SB16B		Phạm Thị	Trang	Nữ	14/02/1991				Trung bình	815507	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3692	805-SB16B		Ngô Thị	Trang	Nữ	19/06/1990				Trung bình	815508	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3693	806-SB16B		Bùi Huyền	Trang	Nữ	10/07/1990				Khá	815509	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3694	807-SB16B		Hoàng Thị Thu	Trang	Nữ	28/08/1991				Khá	815510	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3695	808-SB16B		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/10/1990				Khá	815511	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3696	809-SB16B		Nguyễn Thị Linh	Trang	Nữ	01/09/1991				Khá	815512	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3697	810-SB16B		Phạm Tú	Trinh	Nam	08/12/1990				Trung bình	815513	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3698	811-SB16B		Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	20/12/1991				Khá	815514	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3699	812-SB16B		Trịnh Thị	Tuyết	Nữ	15/11/1991				Khá	815515	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3700	813-SB16B		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	20/09/1991				Khá	815516	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3701	814-SB16B		Trịnh Thị	Xuân	Nữ	10/09/1990				Khá	815517	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3702	815-SB16B		Phạm Thị	Xuyến	Nữ	06/11/1990				Khá	815518	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3703	816-SB16B		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	17/12/1991				Khá	815519	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3704	817-SB16B		Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	01/05/1990				Trung bình	815520	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	502/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3705	818-SB15N		Phạm Thị Mai	Anh	Nữ	23/03/1990				Khá	815521	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3706	819-SB15N		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	25/07/1990				Khá	815522	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3707	820-SB15N		Nguyễn Thanh	Bình	Nam	21/12/1990				Khá	815523	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3708	821-SB15N		Nguyễn Hồng	Chi	Nữ	11/12/1990				Trung bình	815524	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3709	822-SB15N		Lê Mạnh	Cường	Nam	08/09/1990				Khá	815525	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3710	823-SB15N		Phạm Thị Thúy	Dịu	Nữ	15/11/1989				Khá	815526	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3711	824-SB15N		Trương Thùy	Dung	Nữ	10/11/1990				Khá	815527	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3712	825-SB15N		Tô Hải	Hà	Nữ	06/02/1990				Khá	815528	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3713	826-SB15N		Bùi Thúy	Hà	Nữ	21/02/1990				Khá	815529	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3714	827-SB15N		Lưu Thị	Hà	Nữ	29/06/1990				Khá	815530	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3715	828-SB15N		Phạm Thị	Hà	Nữ	03/10/1990				Khá	815531	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3716	829-SB15N		Phạm Thu	Hà	Nữ	17/07/1990				Khá	815532	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3717	830-SB15N		Trịnh Thị Thu	Hằng	Nữ	24/03/1990				Khá	815533	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3718	831-SB15N		Nguyễn Thái	Hằng	Nữ	08/10/1990				Khá	815534	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3719	832-SB15N		Phạm Thị	Hiền	Nữ	09/11/1988				Trung bình	815535	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3720	833-SB15N		Phan Thu	Hiền	Nữ	19/01/1991				Khá	815536	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3721	834-SB15N		Đỗ Thanh	Hiệp	Nam	20/02/1989				Khá	815537	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3722	835-SB15N		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	18/01/1990				Trung bình	815538	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3723	836-SB15N		Đặng Thị	Hồng	Nữ	17/06/1989				Khá	815539	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3724	837-SB15N		Lưu Thị Hồng	Huế	Nữ	25/02/1990				Khá	815540	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3725	838-SB15N		Lê Thị Kim	Huế	Nữ	15/08/1990				Khá	815541	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3726	839-SB15N		Chu Thị Kim	Huệ	Nữ	05/03/1990				Khá	815542	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3727	840-SB15N		Nguyễn Công	Hưng	Nam	17/12/1990				Trung bình	815543	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3728	841-SB15N		Bùi Thị Diễm	Hương	Nữ	23/10/1990				Khá	815544	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3729	842-SB15N		Phạm Thị Thanh	Hương	Nữ	11/04/1990				Khá	815545	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3730	843-SB15N		Lê Thanh	Huyền	Nữ	08/11/1990				Khá	815546	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3731	844-SB15N		Kiều Thị Ngọc	Huyền	Nữ	03/08/1990				Trung bình	815547	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3732	845-SB15N		Lê Thị Ngọc	Huyền	Nữ	21/12/1990				Trung bình	815548	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3733	846-SB15N		Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	29/05/1990				Khá	815549	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3734	847-SB15N		Đặng Thùy	Linh	Nữ	28/01/1991				Khá	815550	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3735	848-SB15N		Trần Thị	Linh	Nữ	02/09/1990				Khá	815551	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3736	849-SB15N		Đào Huệ	Linh	Nữ	10/09/1990				Khá	815552	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3737	850-SB15N		Đinh Thị	Luyện	Nữ	28/09/1990				Khá	815553	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3738	851-SB15N		Phùng Ngọc	Mai	Nữ	14/06/1990				Khá	815554	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3739	852-SB15N		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	11/10/1990				Khá	815555	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3740	853-SB15N		Đào Thị Huyền	Nhung	Nữ	10/07/1990				Khá	815556	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3741	854-SB15N		Phan Thị	Oanh	Nữ	20/12/1990				Khá	815557	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3742	855-SB15N		Đào Thị Minh	Quyên	Nữ	08/08/1990				Khá	815558	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3743	856-SB15N		Dương Thị	Quyên	Nữ	26/08/1990				Khá	815559	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3744	857-SB15N		Vũ Thị Bạch	Quyên	Nữ	15/02/1990				Khá	815560	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3745	858-SB15N		Nguyễn Thu	Sang	Nữ	19/07/1990				Khá	815561	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3746	859-SB15N		Vũ Thị	Thanh	Nữ	08/01/1990				Khá	815562	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3747	860-SB15N		Phùng Thị	Thảo	Nữ	02/02/1990				Khá	815563	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3748	861-SB15N		Khổng Thị	Thu	Nữ	25/08/1988				Khá	815564	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3749	862-SB15N		Trần Thị	Thu	Nữ	10/01/1990				Khá	815565	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3750	863-SB15N		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	20/12/1990				Khá	815566	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3751	864-SB15N		Bùi Thị Hương	Trà	Nữ	01/11/1988				Khá	815567	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3752	865-SB15N		Mai Thị	Uyên	Nữ	02/11/1990				Khá	815568	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3753	866-SB15N		Nguyễn Thị	Vui	Nữ	19/02/1990				Trung bình	815569	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3754	867-SB15N		Phạm Thị	Xuân	Nữ	14/03/1989				Trung bình	815570	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3755	868-SB15N		Hoàng Thị	Xuyên	Nữ	19/01/1990				Khá	815571	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3756	869-SB15I		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	05/09/1990				Khá	815572	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3757	870-SB15I		Hoàng Trung	Đức	Nam	28/04/1990				Khá	815573	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3758	871-SB15I		Cao Thanh	Phong	Nam	19/07/1990				Trung bình	815574	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3759	872-SB15K		Thân Đức	Linh	Nam	13/12/1990				Khá	815575	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3760	873-SB15K		Đặng Thế	Long	Nam	30/11/1989				Trung bình	815576	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3761	874-SB15K		Trần Duy	Long	Nam	12/11/1989				Khá	815577	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3762	875-SB15K		Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	10/10/1990				Khá	815578	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3763	876-SB15M		Lê Văn	Nhã	Nam	07/05/1989				Khá	815579	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3764	877-SB15P		Nguyễn Hồng	Vinh	Nam	20/04/1990				Khá	815580	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3765	878-SB16E		Kiều Thị	Anh	Nữ	11/03/1991				Khá	815584	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3766	879-SB16E		Trịnh Tuấn	Anh	Nam	02/07/1990				Khá	815581	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3767	880-SB16E		Vũ Thế	Anh	Nam	11/07/1991				Khá	815582	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3768	881-SB16E		Lương Thị	ánh	Nữ	07/12/1991				Khá	815583	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3769	882-SB16E		Lê Đình	Bảo	Nam	05/10/1991				Khá	815585	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3770	883-SB16E		Trương Thị	Bích	Nữ	16/02/1991				Khá	815586	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3771	884-SB16E		Đỗ Hoàng	Cầm	Nam	25/12/1990				Khá	815587	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3772	885-SB16E		Bùi Xuân	Cảnh	Nam	13/03/1985				Khá	815588	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3773	886-SB16E		Phạm Thùy	Chi	Nữ	17/10/1991				Giỏi	815589	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3774	887-SB16E		Nguyễn Quang	Chính	Nam	13/02/1991				Khá	815590	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3775	888-SB16E		Phạm Thành	Công	Nam	05/05/1990				Khá	815591	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3776	889-SB16E		Nguyễn Thị Thu	Cúc	Nữ	31/08/1991				Khá	815592	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3777	890-SB16E		Đỗ Mạnh	Cường	Nam	21/08/1991				Khá	815593	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3778	891-SB16E		Trương Ngọc	Diệp	Nữ	07/10/1991				Khá	815594	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3779	892-SB16E		Hoàng Văn	Duy	Nam	15/03/1991				Khá	815595	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3780	893-SB16E		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	17/04/1991				Khá	815596	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3781	894-SB16E		Phạm Hoàng	Dương	Nam	02/09/1991				Khá	815597	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3782	895-SB16E		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	01/08/1991				Khá	815598	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3783	896-SB16E		Trần Anh	Hoàng	Nam	29/09/1990				Khá	815599	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3784	897-SB16E		Đào Thị Minh	Hồng	Nữ	15/05/1991				Khá	815600	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3785	898-SB16E		Lê Thị	Hồng	Nữ	13/03/1991				Khá	815601	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3786	899-SB16E		Phùng Thị Phương	Hồng	Nữ	19/08/1991				Khá	815602	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3787	900-SB16E		Trịnh Mạnh	Hùng	Nam	20/02/1991				Khá	815603	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3788	901-SB16E		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	05/11/1991				Khá	815604	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3789	902-SB16E		Nguyễn Văn	Khánh	Nam	12/06/1991				Khá	815605	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3790	903-SB16E		Nguyễn Thị Hương	Linh	Nữ	14/05/1991				Giỏi	815606	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3791	904-SB16E		Trịnh Thị	Lịch	Nữ	22/12/1990				Khá	815607	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3792	905-SB16E		Lưu Hoàng	Ly	Nữ	14/09/1991				Khá	815608	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3793	906-SB16E		Ngô Thị Yến	Ly	Nữ	27/06/1990				Khá	815609	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3794	907-SB16E		Hà Thị	Mai	Nữ	20/02/1991				Khá	815610	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3795	908-SB16E		Lê Thị	Mây	Nữ	20/12/1991				Khá	815611	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3796	909-SB16E		Phan Văn	Nam	Nam	17/09/1989				Trung bình	815612	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3797	910-SB16E		Lê Viết	Năm	Nam	20/03/1990				Khá	815613	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3798	911-SB16E		Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	16/10/1991				Khá	815614	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3799	912-SB16E		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/09/1991				Khá	815615	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3800	913-SB16E		Nguyễn Đức	Phúc	Nam	01/10/1991				Khá	815616	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3801	914-SB16E		Phạm Thị Thanh	Phương	Nữ	19/12/1991				Giỏi	815617	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3802	915-SB16E		Nguyễn Văn	Quyết	Nam	17/08/1991				Khá	815618	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3803	916-SB16E		Trần Thị	Sang	Nữ	20/10/1991				Khá	815619	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3804	917-SB16E		Vũ Thị Bích	Thảo	Nữ	14/10/1991				Khá	815620	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3805	918-SB16E		Lương Đức	Thắng	Nam	17/09/1991				Khá	815621	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3806	919-SB16E		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	04/11/1991				Khá	815622	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3807	920-SB16E		Nguyễn Ngọc	Thúy	Nữ	07/12/1990				Trung bình	815623	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3808	921-SB16E		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/12/1991				Giỏi	815624	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3809	922-SB16E		Phạm Thị	Thúy	Nữ	11/06/1991				Khá	815625	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3810	923-SB16E		Nguyễn Khả	Toàn	Nam	18/03/1991				Khá	815626	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3811	924-SB16E		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	14/09/1991				Giỏi	815627	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3812	925-SB16E		Nguyễn Xuân	Trí	Nam	07/12/1991				Khá	815628	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3813	926-SB16E		Nguyễn Tuấn	Trung	Nam	21/08/1991				Khá	815629	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3814	927-SB16E		Trương Quý	Trung	Nam	06/03/1991				Khá	815630	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3815	928-SB16E		Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	12/11/1991				Khá	815631	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3816	929-SB16E		Phạm Thị	Yến	Nữ	21/07/1991				Khá	815632	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3817	930-SB16F		Đinh Quang	Anh	Nam	02/01/1991				Khá	815633	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3818	931-SB16F		Lưu Thị Ngọc	Anh	Nữ	13/12/1991				Khá	815634	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3819	932-SB16F		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	26/10/1991				Khá	815635	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3820	933-SB16F		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	01/12/1991				Khá	815636	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3821	934-SB16F		Vũ Thị Quỳnh	Chiên	Nữ	02/02/1990				Giỏi	815637	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3822	935-SB16F		Đặng Kiều	Chinh	Nữ	02/07/1991				Khá	815638	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3823	936-SB16F		Nguyễn Biên	Cương	Nam	29/11/1991				Khá	815639	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3824	937-SB16F		Phan Quang	Duy	Nam	12/11/1988				Khá	815640	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3825	938-SB16F		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	21/09/1991				Khá	815641	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3826	939-SB16F		Vi Thanh	Hằng	Nữ	17/11/1991				Khá	815642	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3827	940-SB16F		Đỗ Thị	Hậu	Nữ	28/05/1991				Khá	815643	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3828	941-SB16F		Vũ Viết	Hiếu	Nam	18/06/1991				Khá	815644	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3829	942-SB16F		Cao Văn	Hiệp	Nam	10/04/1990				Khá	815645	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3830	943-SB16F		Phạm Thế	Hiệu	Nam	28/12/1991				Khá	815646	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3831	944-SB16F		Vũ Văn	Hoàn	Nam	25/09/1991				Khá	815647	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3832	945-SB16F		Lương Thị	Huệ	Nữ	12/10/1991				Khá	815648	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3833	946-SB16F		Tô Thị	Huyền	Nữ	02/02/1991				Khá	815649	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3834	947-SB16F		Đặng Hữu	Hùng	Nam	06/08/1991				Khá	815650	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3835	948-SB16F		Hoàng Ngọc	Hữu	Nam	01/12/1990				Khá	815651	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3836	949-SB16F		Trần Văn	Kiên	Nam	21/07/1990				Khá	815652	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3837	950-SB16F		Vũ Hoàng	Long	Nam	14/12/1990				Khá	815653	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3838	951-SB16F		Ninh Hoàng	Luân	Nam	22/05/1991				Khá	815654	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3839	952-SB16F		Trần Đức	Lương	Nam	02/05/1991				Trung bình	815655	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3840	953-SB16F		Dương Hà	Ngân	Nữ	17/09/1991				Khá	815656	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3841	954-SB16F		Hoàng Thị Tuyết	Ngân	Nữ	24/01/1991				Khá	815657	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3842	955-SB16F		Vũ Đức	Nguyên	Nam	20/10/1989				Khá	815658	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3843	956-SB16F		Mai Thị Linh	Nhâm	Nữ	05/05/1991				Khá	815659	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3844	957-SB16F		Giáp Thị Hoa	Phương	Nữ	13/03/1989				Khá	815660	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3845	958-SB16F		Lê Xuân	Phương	Nam	27/12/1991				Khá	815661	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3846	959-SB16F		Lương Thị	Phương	Nữ	11/12/1990				Khá	815662	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3847	960-SB16F		Ngô Thị Lan	Phương	Nữ	09/06/1991				Khá	815663	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3848	961-SB16F		Trần Thị	Sen	Nữ	10/10/1991				Khá	815664	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3849	962-SB16F		Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	17/10/1991				Khá	815665	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3850	963-SB16F		Nguyễn Thị	Tân	Nữ	17/02/1991				Khá	815666	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3851	964-SB16F		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	01/07/1990				Khá	815667	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3852	965-SB16F		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	22/02/1990				Khá	815668	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3853	966-SB16F		Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	08/10/1991				Khá	815669	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3854	967-SB16F		Lê Thị Thu	Trang	Nữ	17/02/1991				Khá	815670	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3855	968-SB16F		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	05/08/1991				Khá	815671	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3856	969-SB16F		Hoàng Văn	Trung	Nam	13/11/1990				Khá	815672	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3857	970-SB16F		Nguyễn Trường	Trung	Nam	04/12/1990				Khá	815673	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3858	971-SB16F		Đỗ Anh	Tuấn	Nam	19/10/1991				Khá	815674	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3859	972-SB16F		Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	09/03/1991				Khá	815675	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3860	973-SB16F		Trần Quang	Vinh	Nam	26/04/1991				Khá	815676	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	503/QĐ-ĐHTM ngày 07/07/2014	
3861	974-16A		Đinh Thị	Bình	Nữ	06/07/1991				Khá	815188	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3862	975-16A		Đào Thị	Hải	Nữ	01/12/1990				Khá	815189	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3863	976-16A		Phạm Duy	Linh	Nam	03/09/1991				Khá	815190	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3864	977-16A		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	15/03/1991				Khá	815191	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3865	978-16B		Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	08/10/1991				Khá	815192	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3866	979-16B		Lê Thanh	Bình	Nam	22/11/1991				Khá	815193	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3867	980-16B		Đỗ Thị Thanh	Hà	Nữ	08/12/1991				Trung bình	815194	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3868	981-16B		Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	14/12/1990				Trung bình	815195	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3869	982-16B		Tô Thị	Huệ	Nữ	03/10/1991				Khá	815196	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3870	983-16B		Vũ Thị Kim	Hưng	Nữ	31/12/1990				Trung bình	815197	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3871	984-16B		Đoàn Thị Thu	Huyền	Nữ	19/04/1991				Khá	815198	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3872	985-16B		Vũ Đức	Long	Nam	11/02/1991				Khá	815199	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3873	986-16C		Cao Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/02/1991				Khá	815200	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3874	987-16C		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	31/03/1991				Khá	815201	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3875	988-16C		Đỗ Thị	Ánh	Nữ	26/05/1990				Khá	815202	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3876	989-16C		Tống Thị Ngọc	Bích	Nữ	20/05/1991				Khá	815203	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3877	990-16C		Trần Thị	Chung	Nữ	18/10/1990				Khá	815204	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3878	991-16C		Hồ Ngọc	Diệp	Nữ	12/10/1991				Khá	815205	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3879	992-16C		Nguyễn Thị Mai	Dung	Nữ	05/08/1991				Khá	815206	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3880	993-16C		Phan Thị Thanh	Dung	Nữ	18/02/1990				Trung bình	815207	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3881	994-16C		Hoàng Thị	Duyên	Nữ	21/01/1991				Khá	815208	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3882	995-16C		Nguyễn Việt	Dũng	Nam	18/04/1991				Khá	815209	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3883	996-16C		Bùi Thị	Đào	Nữ	13/07/1991				Khá	815210	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3884	997-16C		Ngô Quang	Đạo	Nam	24/07/1991				Khá	815211	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3885	998-16C		Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	13/12/1991				Khá	815212	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3886	999-16C		Nguyễn Hằng	Giang	Nữ	27/06/1990				Khá	815678	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3887	1000-16C		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	19/03/1991				Khá	815679	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3888	1001-16C		Đào Thị	Hạnh	Nữ	06/10/1991				Khá	815680	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3889	1002-16C		Đặng Thị	Hạnh	Nữ	01/08/1991				Khá	815681	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3890	1003-16C		Phạm Thị Hồng	Hạnh	Nữ	25/01/1991				Khá	815682	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3891	1004-16C		Đinh Thị Thu	Hằng	Nữ	20/06/1991				Khá	815683	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3892	1005-16C		Nguyễn Minh	Hiền	Nữ	16/07/1991				Khá	815684	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3893	1006-16C		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	31/10/1991				Khá	815685	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3894	1007-16C		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	20/09/1991				Khá	815686	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3895	1008-16C		Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	21/02/1991				Trung bình	815687	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3896	1009-16C		Nguyễn Thị Minh	Hồng	Nữ	03/07/1991				Giỏi	815688	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3897	1010-16C		Lê Thị	Huệ	Nữ	15/10/1991				Khá	815689	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3898	1011-16C		Nguyễn Thị	Huyên	Nữ	12/05/1991				Khá	815690	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3899	1012-16C		Dương Hiền	Huyền	Nữ	10/03/1991				Trung bình	815691	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3900	1013-16C		Hà Thị Thu	Huyền	Nữ	05/10/1991				Khá	815692	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3901	1014-16C		Lê Thị	Huyền	Nữ	18/10/1991				Khá	815693	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3902	1015-16C		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	02/10/1991				Khá	815694	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3903	1016-16C		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	18/07/1991				Khá	815695	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3904	1017-16C		Phạm Thị	Huyền	Nữ	08/01/1990				Khá	815696	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3905	1018-16C		Dương Thị	Hương	Nữ	13/10/1991				Khá	815697	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3906	1019-16C		Lê Thị Thu	Hương	Nữ	01/10/1991				Khá	815698	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3907	1020-16C		Lương Thị Thu	Hường	Nữ	17/03/1991				Khá	815699	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3908	1021-16C		Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	17/01/1991				Khá	815700	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3909	1022-16C		Dương Thị	Lan	Nữ	12/12/1991				Khá	815701	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3910	1023-16C		Vũ Thị	Len	Nữ	20/04/1991				Khá	815702	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3911	1024-16C		Vũ Thị	Linh	Nữ	06/09/1990				Khá	815703	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3912	1025-16C		Phạm Thị	Luyến	Nữ	19/08/1991				Giỏi	815704	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3913	1026-16C		Bùi Thị	Mai	Nữ	02/04/1991				Khá	815705	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3914	1027-16C		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	03/11/1990				Khá	815706	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3915	1028-16C		Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	07/11/1991				Khá	815707	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3916	1029-16C		Nguyễn Thị	May	Nữ	04/11/1991				Khá	815708	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3917	1030-16C		Nguyễn Thị Kiều	Miên	Nữ	08/08/1991				Khá	815709	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3918	1031-16C		Phạm Thị Hồng	Minh	Nữ	25/01/1991				Giỏi	815710	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3919	1032-16C		Vũ Thị	Mừng	Nữ	04/02/1991				Khá	815711	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3920	1033-16C		Đoàn Phương	Nga	Nữ	29/07/1991				Khá	815712	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3921	1034-16C		Vũ Thị Hằng	Nga	Nữ	13/02/1992				Khá	815713	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3922	1035-16C		Bùi Thị	Ngoan	Nữ	19/09/1991				Giỏi	815714	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3923	1036-16C		Nguyễn Thị Thu	Ngoan	Nữ	29/10/1991				Khá	815715	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3924	1037-16C		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	29/09/1991				Khá	815716	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3925	1038-16C		Hoàng Thị	Nhi	Nữ	10/10/1990				Khá	815717	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3926	1039-16C		Dương Thị	Oanh	Nữ	03/09/1991				Khá	815718	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3927	1040-16C		Đặng Thị	Phương	Nữ	26/10/1991				Khá	815719	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3928	1041-16C		Đặng Thị Thu	Phương	Nữ	25/08/1991				Khá	815720	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3929	1042-16C		Đỗ Thị	Phương	Nữ	12/11/1991				Khá	815721	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3930	1043-16C		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	06/11/1991				Khá	815722	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3931	1044-16C		Đào Thị	Thanh	Nữ	24/01/1991				Khá	815723	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3932	1045-16C		Lê Thị Thùy	Thắm	Nữ	24/09/1991				Khá	815724	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3933	1046-16C		Đỗ Thị	Thơm	Nữ	13/09/1989				Khá	815725	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3934	1047-16C		Hà Thị	Thu	Nữ	20/03/1991				Khá	815726	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3935	1048-16C		Lê Thị Hồng	Thu	Nữ	07/08/1991				Khá	815727	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3936	1049-16C		Phạm Thị Minh	Thu	Nữ	18/08/1991				Khá	815728	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3937	1050-16C		Thiều Thị	Thu	Nữ	26/09/1991				Khá	815729	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3938	1051-16C		Nguyễn Thị	Thuyên	Nữ	18/03/1991				Khá	815730	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3939	1052-16C		Lê Thị	Thúy	Nữ	22/07/1991				Khá	815731	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3940	1053-16C		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	24/03/1990				Khá	815732	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3941	1054-16C		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/01/1991				Khá	815733	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3942	1055-16C		Nguyễn Thị Mai	Thư	Nữ	08/04/1991				Khá	815734	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3943	1056-16C		Nguyễn Thị Minh	Toán	Nữ	09/06/1990				Khá	815735	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3944	1057-16C		Hà Thùy	Trang	Nữ	17/11/1991				Khá	815736	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3945	1058-16C		Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	19/12/1991				Khá	815737	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3946	1059-16C		Lương Thị	Trang	Nữ	18/05/1990				Khá	815738	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3947	1060-16C		Nguyễn Minh	Trang	Nữ	04/08/1991				Giỏi	815739	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3948	1061-16C		Cù Thị	Tuyền	Nữ	15/07/1991				Khá	815740	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3949	1062-16C		Hòa Thị Ngọc	Tú	Nữ	02/11/1991				Khá	815741	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3950	1063-16C		Nguyễn Thị Thùy	Vân	Nữ	14/09/1991				Khá	815742	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3951	1064-16C		Phạm Thị	Vui	Nữ	02/04/1991				Khá	815743	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3952	1065-16C		Lê Thị Thanh	Xuân	Nữ	10/07/1990				Khá	815744	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3953	1066-16C		Phạm Thị	Xuyến	Nữ	23/06/1991				Khá	815745	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3954	1067-16C		Nguyễn Thị Minh	Yến	Nữ	03/03/1991				Khá	815746	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3955	1068-15B		Ngô Huy	Quảng	Nam	01/06/1990				Khá	815747	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3956	1069-15G		Trần Minh	Huệ	Nam	02/09/1989				Trung bình	815748	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3957	1070-15G		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	12/09/1989				Khá	815749	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3958	1071-14C		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	01/05/1989				Khá	815750	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	835/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3959	99-16I		Bùi Hoàng	Anh	Nam	26/12/1991				Khá	815751	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3960	100-16I		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	15/09/1991				Khá	815752	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3961	1074-16I		Ngô Bùi Khánh	Chi	Nữ	27/12/1991				Khá	815753	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3962	1075-16I		Đinh Mạnh	Cương	Nam	27/08/1991				Khá	815754	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3963	1076-16I		Vũ Hữu	Cường	Nam	14/01/1991				Khá	815755	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3964	1077-16I		Tạ Văn	Đức	Nam	11/01/1991				Khá	815756	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3965	1078-16I		Đào Anh	Dũng	Nam	27/03/1991				Khá	815757	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3966	1079-16I		Nguyễn Hương	Giang	Nữ	23/10/1991				Khá	815758	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3967	1080-16I		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	03/05/1991				Giỏi	815759	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3968	1081-16I		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	16/06/1991				Khá	815760	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3969	1082-16I		Tiền Thị	Hạnh	Nữ	27/01/1991				Khá	815761	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3970	1083-16I		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	22/12/1991				Khá	815762	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3971	1084-16I		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	04/10/1991				Giỏi	815763	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3972	1085-16I		Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	28/12/1991				Khá	815765	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3973	1086-16I		Nguyễn Thị Hồng	Huệ	Nữ	20/10/1991				Khá	815800	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3974	1087-16I		Trần Thị	Hường	Nữ	08/03/1991				Khá	815767	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3975	1088-16I		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/01/1991				Khá	815768	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3976	1089-16I		Trần	Kiên	Nam	25/07/1991				Khá	815769	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3977	1090-16I		Nguyễn Hương	Lan	Nữ	09/08/1991				Khá	815770	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3978	1091-16I		Đặng Thùy	Linh	Nữ	20/03/1991				Khá	815771	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3979	1092-16I		Doãn Thị	Loan	Nữ	12/02/1991				Khá	815772	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3980	1093-16I		Nguyễn Thị Quỳnh	Lương	Nữ	07/01/1990				Khá	815773	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3981	1094-16I		Trần Văn	Mạnh	Nam	26/05/1991				Khá	815801	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3982	1095-16I		Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	01/07/1991				Khá	815775	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3983	1096-16I		Phùng Nguyễn ánh	Ngọc	Nữ	05/07/1991				Giỏi	815776	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3984	1097-16I		Phan Văn	Nguyên	Nam	21/02/1991				Khá	815777	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3985	1098-16I		Trần Thị	Nguyệt	Nữ	19/08/1991				Khá	815778	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3986	1099-16I		Đàm Thị	Nhung	Nữ	10/07/1991				Khá	815779	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3987	1100-16I		Trần Thị Lan	Oanh	Nữ	12/02/1991				Khá	815780	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3988	1101-16I		Phan Tiến	Quân	Nam	08/12/1990				Giỏi	815781	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3989	1102-16I		Nguyễn Văn	Quý	Nam	01/08/1991				Khá	815782	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3990	1103-16I		Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	20/04/1991				Khá	815783	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3991	1104-16I		Trịnh Thị	Sâm	Nữ	13/02/1991				Khá	815784	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3992	1105-16I		Nguyễn Thị	Tảo	Nữ	21/09/1991				Khá	815785	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
3993	1106-16I		Phạm Thị	Thảo	Nữ	09/04/1991				Khá	815786	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3994	1107-16I		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	04/10/1991				Khá	815787	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3995	1108-16I		Nguyễn Văn	Thông	Nam	01/10/1991				Khá	815788	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3996	1109-16I		Phạm Minh	Thư	Nữ	06/09/1991				Khá	815789	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3997	1110-16I		Trương Thị	Thương	Nữ	03/09/1990				Khá	815790	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3998	1111-16I		Lê Mạnh	Tiến	Nam	06/10/1990				Khá	815791	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
3999	1112-16I		Kiều Thanh	Toàn	Nam	05/02/1989				Khá	815792	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
4000	1113-16I		Trần Ngọc	Tuân	Nam	12/02/1991				Trung bình	815793	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
4001	1114-16I		Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Nữ	17/12/1991				Khá	815794	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
4002	1115-16I		Lê Huy	Vương	Nam	26/01/1991				Trung bình	815795	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
4003	1116-16I		Nguyễn Thị	Vượng	Nữ	18/07/1991				Khá	815796	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
4004	1117-16I		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	01/11/1991				Khá	815797	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
4005	1118-16F		Lê Trung	Anh	Nam	27/07/1991				Khá	815798	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
4006	1119-15I		Đặng Việt	Dũng	Nam	20/09/1990				Trung bình	815799	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
4007	1120-15Q		Trần Thị Lê	Na	Nữ	15/02/1989				Khá	815802	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	836/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2014	
4008	01-LKQT K6		陈丽英		Nữ	03/02/1990				Khá	814735	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4009	02-LKQT K6		韦雁鹏		Nam	26/12/1990				Trung bình	814736	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4010	03-LKQT K6		韦耐平		Nữ	22/12/1989				Khá	814737	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4011	04-LKQT K6		钟瑛高		Nam	18/08/1992				Trung bình	814738	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4012	05-LKQT K6		马景真		Nữ	21/10/1992				Khá	814739	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4013	06-LKQT K6		**江奕**		Nữ	10/02/1992				Khá	814740	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4014	07-LKQT K6		陆婷婷		Nữ	20/09/1990				Khá	814741	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4015	08-LKQT K6		**黄麒蓉**		Nữ	20/03/1992				Khá	814742	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4016	09-LKQT K6		**祝榕蓉**		Nữ	31/07/1991				Khá	814743	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4017	10-LKQT K6		**黄彤嘉**		Nữ	27/09/1992				Trung bình	814744	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4018	11-LKQT K6		**刘佳鑫**		Nam	21/08/1991				Trung bình	814745	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4019	12-LKQT K6		杨远航		Nam	05/01/1991				Trung bình	814746	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4020	13-LKQT K6		**舒勇**华		Nam	22/02/1991				Khá	814747	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4021	14-LKQT K6		谢建华		Nam	12/03/1992				Khá	814748	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4022	15-LKQT K6		**何子熙**		Nữ	22/06/1991				Khá	814749	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4023	16-LKQT K6		**姜**权珂		Nam	02/12/1990				Trung bình	814750	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4024	17-LKQT K6		**梁玉**洁		Nữ	06/12/1990				Trung bình	814751	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4025	18-LKQT K6		**唐佳**骥		Nam	15/02/1990				Trung bình	814752	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4026	19-LKQT K6		农杰霖		Nam	10/09/1991				Trung bình	814753	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4027	20-LKQT K6		**周函霖**		Nữ	22/09/1991				Khá	814754	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4028	21-LKQT K6		**刘**兰兰		Nữ	03/10/1991				Khá	814755	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4029	22-LKQT K6		**莫小**龙		Nam	30/01/1990				Khá	814756	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4030	23-LKQT K6		马媚		Nữ	06/08/1991				Khá	814757	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4031	24-LKQT K6		**吴明**		Nam	25/07/1991				Khá	814758	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4032	25-LKQT K6		罗儒铭		Nam	26/02/1990				Khá	814759	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4033	26-LKQT K6		陈庆美		Nữ	29/12/1986				Trung bình	814760	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4034	27-LKQT K6		陈浩元		Nam	02/11/1990				Trung bình	814761	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4035	28-LKQT K6		谭妮妮		Nữ	02/12/1991				Trung bình	814762	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4036	29-LKQT K6		张国芬		Nữ	19/11/1989				Khá	814763	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4037	30-LKQT K6		**申同**飞		Nam	28/01/1991				Trung bình	814764	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4038	31-LKQT K6		苏梦飞		Nữ	12/01/1992				Khá	814765	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4039	32-LKQT K6		陆明锋		Nam	05/11/1989				Trung bình	814766	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4040	33-LKQT K6		罗淋方		Nữ	19/05/1990				Trung bình	814767	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4041	34-LKQT K6		**黎文君**		Nữ	02/06/1992				Trung bình	814768	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4042	35-LKQT K6		**刘 娟**		Nữ	15/03/1992				Khá	814769	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4043	36-LKQT K6		**莫**铭倩		Nữ	12/10/1990				Khá	814770	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4044	37-LKQT K6		张楚		Nữ	11/03/1992				Trung bình	814771	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4045	38-LKQT K6		银霜		Nữ	16/09/1991				Khá	814772	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4046	39-LKQT K6		**李金**财		Nam	10/12/1990				Khá	814773	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4047	40-LKQT K6		张远聪		Nam	03/03/1992				Trung bình	814774	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4048	41-LKQT K6		劳铨		Nam	09/09/1991				Khá	814775	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4049	42-LKQT K6		**潘体**进		Nam	22/04/1990				Khá	814776	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4050	43-LKQT K6		**李雪晶**		Nữ	20/05/1992				Trung bình	814777	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4051	44-LKQT K6		**黄文静**		Nữ	14/04/1991				Khá	814778	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4052	45-LKQT K6		杨静		Nữ	04/04/1990				Khá	814779	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4053	46-LKQT K6		陆璇		Nữ	03/10/1991				Trung bình	814780	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4054	47-LKQT K6		**黄道珍**		Nữ	08/10/1992				Khá	814781	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4055	48-LKQT K6		张征秀		Nữ	25/12/1992				Khá	814782	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4056	49-LKQT K6		庞 **雪**		Nữ	07/12/1991				Khá	814783	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4057	50-LKQT K6		农艳雲		Nữ	21/09/1991				Khá	814784	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4058	51-LKQT K6		张卫		Nam	07/05/1991				Trung bình	814785	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4059	52-LKQT K6		张 圆		Nữ	04/11/1990				Khá	814786	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4060	53-LKQT K6		**刘**艳园		Nữ	05/11/1987				Khá	814787	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4061	54-LKQT K6		赖燕		Nữ	10/04/1991				Khá	814788	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	413/QĐ-ĐHTM ngày 02/06/2014	
4062	3147-HK3K7		Nguyễn Ngọc Xuân	Thảo	Nữ	21/11/1989				Trung bình	667138	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4063	3148-HK3K7		Châu Phan Thùy	Trang	Nữ	19/04/1984				Trung bình	667139	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4064	3149-HK3K7		Đào Thị Hồng	Vân	Nữ	13/06/1990				Khá	667140	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4065	3150-HK3K7		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	09/05/1987				Khá	667141	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4066	3151-HK4K7		Trương Thị	Thuận	Nữ	06/11/1990				Khá	667142	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4067	3152-HK4K7		Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	18/11/1990				Khá	667143	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4068	3153-HK4K7		Khúc Ngọc	Hải	Nam	14/11/1990				Khá	667144	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4069	3154-HK7K7		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	24/08/1987				Khá	667145	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4070	3155-HK7K7		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/10/1986				Trung bình	667146	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4071	3156-HK9K7		Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	15/04/1984				Khá	667147	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4072	3157-HK9K7		Hoàng Thị Thu	Hà	Nữ	26/10/1984				Trung bình	667148	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4073	3158-HK9K7		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	19/07/1986				Trung bình	667149	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4074	3159-HK10K7		Ngô Thị Quỳnh	Lê	Nữ	26/05/1989				Trung bình	667150	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4075	3160-HK10K7		Đậu Thị	Tuyết	Nữ	26/03/1990				Khá	667151	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4076	3161-HK10K7		Hồ Thị Bích	Xoan	Nữ	01/06/1989				Khá	667152	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4077	3162-HK11K7		Trần Thị	Hảo	Nữ	26/09/1989				Trung bình	667153	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4078	3163-HK11K7		Lê Thị	Nhung	Nữ	02/08/1984				Trung bình	667154	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4079	3164-HK11K7		Trần Thị Lệ	Thu	Nữ	06/08/1986				Khá	667155	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4080	3165-HK12K7		Lê Duy	Bình	Nam	05/10/1988				Khá	667156	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4081	3166-HK12K7		Chu Thị Thu	Hà	Nữ	09/05/1983				Khá	667157	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4082	3167-HK12K7		Bùi Văn	Trụ	Nam	04/10/1985				Trung bình	667158	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4083	3168-HK13K7		Vũ Thị	Hòa	Nữ	31/08/1982				Khá	667159	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4084	3169-HK13K7		Lê Thúy	Hoàn	Nữ	11/01/1981				Trung bình	667160	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4085	3170-HK15K7		Ông Thị	Điệp	Nữ	26/04/1987				Khá	667161	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4086	3171-HK16AK7		Nguyễn Thị	Thêu	Nữ	20/08/1985				Khá	667162	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4087	3172-HK16BK7		Nguyễn Ngọc	Diên	Nam	20/09/1985				Khá	667163	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4088	3173-HK16BK7		Phạm Thị	Hà	Nữ	22/07/1986				Khá	667164	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4089	3174-HK16BK7		Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	23/10/1989				Khá	667165	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	74/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4090	3175-HT2K7		Trương Thị Thu	Huyền	Nữ	21/12/1990				Khá	667166	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng th- ơng mại	75/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4091	3176-HQ4K7		Đặng Minh	Cường	Nam	28/11/1978				Trung bình	667167	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	76/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4092	3177-HQ4K7		Võ Thị Hồng	Điệp	Nữ	14/02/1984				Trung bình	667168	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	76/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4093	3178-HQ4K7		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	08/12/1990				Khá	667169	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	76/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4094	3179-HQ4K7		Chu Quốc	Thọ	Nam	29/06/1990				Trung bình	667170	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	76/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4095	3180-HQ6K7		Đinh Văn	Hoàng	Nam	06/11/1979				Khá	667171	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	76/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4096	3181-HQ6K7		Trần Văn	Kha	Nam	03/02/1986				Khá	667172	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	76/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4097	3182-HQ6K7		Bùi Thị Thủy	Trang	Nữ	22/06/1988				Trung bình	667173	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	76/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4098	3183-HQ11K7		Đặng Văn	Thức	Nam	18/06/1988				Khá	667174	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	76/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4099	3184-HQ13K7		Dương Công	Quang	Nam	08/10/1983				Trung bình	667175	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	76/TM-ĐT ngày 13/01/2014	
4100	3211-K8CT4		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	19/04/1990				Khá	666966	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4101	3212-K8CT4		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	16/07/1987				Khá	666968	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4102	3213-K8CT4		Lưu Ngọc	Anh	Nữ	24/06/1990				Khá	666969	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4103	3214-K8CT4		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	18/09/1990				Khá	667248	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4104	3215-K8CT4		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	29/01/1990				Khá	666970	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4105	3216-K8CT4		Vũ Thị	Diên	Nữ	15/10/1989				Khá	666971	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4106	3217-K8CT4		Phạm Thùy	Dung	Nữ	06/06/1990				Khá	666972	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4107	3218-K8CT4		Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	14/09/1990				Khá	666973	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4108	3219-K8CT4		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	15/05/1990				Khá	666975	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4109	3220-K8CT4		Đoàn Thị	Giang	Nữ	10/01/1990				Khá	666976	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4110	3221-K8CT4		Đoàn Thị	Giang	Nữ	03/02/1990				Khá	666977	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4111	3222-K8CT4		Vũ Hải	Giang	Nữ	19/02/1990				Khá	666978	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4112	3223-K8CT4		Dương Ngọc	Hà	Nữ	11/04/1989				Khá	666979	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4113	3224-K8CT4		Bùi Hữu	Hải	Nam	22/06/1990				Khá	666980	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4114	3225-K8CT4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	22/09/1989				Khá	666981	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4115	3226-K8CT4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	06/05/1990				Khá	666982	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4116	3227-K8CT4		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	25/05/1990				Khá	666983	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4117	3228-K8CT4		Vũ Thị	Hạnh	Nữ	03/09/1986				Khá	666984	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4118	3229-K8CT4		Đào Thị	Hiền	Nữ	25/11/1989				Khá	666985	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4119	3230-K8CT4		Bùi Thị	Hiền	Nữ	22/09/1990				Khá	666986	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4120	3231-K8CT4		Đàm Thu	Hiền	Nữ	30/01/1990				Khá	666987	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4121	3232-K8CT4		Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	26/07/1989				Khá	666988	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4122	3233-K8CT4		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	23/12/1989				Giỏi	666989	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4123	3234-K8CT4		Vũ Thị	Huê	Nữ	14/08/1990				Khá	666990	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4124	3235-K8CT4		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	12/05/1990				Khá	666991	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4125	3236-K8CT4		Nguyễn Đình	Hùng	Nam	04/08/1990				Khá	666992	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4126	3237-K8CT4		Nguyễn Thị	Hưng	Nữ	28/02/1990				Khá	666993	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4127	3238-K8CT4		Dương Thị Minh	Hương	Nữ	25/12/1989				Khá	666994	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4128	3239-K8CT4		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	20/08/1990				Khá	666995	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4129	3240-K8CT4		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	11/04/1990				Khá	666996	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4130	3241-K8CT4		Phạm Thị	Hương	Nữ	17/07/1988				Khá	666997	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4131	3242-K8CT4		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	17/03/1990				Khá	666998	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4132	3243-K8CT4		Nguyễn Văn	Huy	Nam	11/03/1990				Khá	666999	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4133	3244-K8CT4		Đinh Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/01/1990				Khá	667000	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4134	3245-K8CT4		Mạc Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/10/1990				Khá	667201	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4135	3246-K8CT4		Bùi Thị	Huyền	Nữ	28/08/1990				Khá	667202	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4136	3247-K8CT4		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	23/08/1990				Giỏi	667203	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4137	3248-K8CT4		Đoàn Thị	Lan	Nữ	20/05/1990				Khá	667204	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4138	3249-K8CT4		Phạm Thị	Liên	Nữ	06/03/1990				Khá	667205	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4139	3250-K8CT4		Bùi Hải	Linh	Nữ	13/10/1989				Khá	667206	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4140	3251-K8CT4		Trần Thùy	Linh	Nữ	15/11/1990				Khá	667207	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4141	3252-K8CT4		Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	29/09/1990				Khá	667208	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4142	3253-K8CT4		Bùi Thị	Luyên	Nữ	19/01/1986				Giỏi	667209	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4143	3254-K8CT4		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	19/05/1990				Khá	667210	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4144	3255-K8CT4		Nguyễn Thị Ngọc	Minh	Nữ	26/08/1990				Khá	667211	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4145	3256-K8CT4		Trần Tuệ	Minh	Nam	19/11/1989				Khá	667212	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4146	3257-K8CT4		Nguyễn Văn	Nam	Nam	10/10/1989				Khá	667213	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4147	3258-K8CT4		Nguyễn Đức	Nam	Nam	29/04/1988				Khá	667214	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4148	3259-K8CT4		Nguyễn Thị	Nền	Nữ	17/12/1990				Khá	667215	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4149	3260-K8CT4		Nguyễn Thị	Nết	Nữ	12/06/1989				Khá	667216	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4150	3261-K8CT4		Ngô Thị	Nga	Nữ	22/06/1990				Khá	667217	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4151	3262-K8CT4		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	16/03/1990				Khá	667218	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4152	3263-K8CT4		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	27/08/1990				Khá	667219	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4153	3264-K8CT4		Phạm Thị	Nga	Nữ	02/09/1989				Khá	667220	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4154	3265-K8CT4		Trần Thị Thuý	Ngọc	Nữ	07/11/1990				Khá	667221	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4155	3266-K8CT4		Phạm Thị ánh	Nguyệt	Nữ	29/10/1990				Khá	667222	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4156	3267-K8CT4		Đinh Thị	Nhài	Nữ	20/11/1990				Khá	667223	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4157	3268-K8CT4		Đỗ Thị	Nhàn	Nữ	17/06/1985				Khá	667224	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4158	3269-K8CT4		Đào Thị	Nụ	Nữ	11/07/1990				Khá	667225	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4159	3270-K8CT4		Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	15/07/1989				Khá	667226	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4160	3271-K8CT4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	12/11/1987				Trung bình	667227	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4161	3272-K8CT4		Phạm Thị	Phượng	Nữ	23/04/1990				Khá	667228	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4162	3273-K8CT4		Phạm Hồng	Quân	Nam	11/10/1989				Khá	667229	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4163	3274-K8CT4		Phùng Thuý	Quỳnh	Nữ	06/08/1989				Khá	667230	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4164	3275-K8CT4		Phạm Văn	Tăng	Nam	10/01/1989				Khá	667231	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4165	3276-K8CT4		Trần Thị	Thắm	Nữ	11/09/1990				Khá	667232	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4166	3277-K8CT4		Vũ Thị	Thắm	Nữ	25/08/1990				Khá	667233	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4167	3278-K8CT4		Đinh Thị Phương	Thanh	Nữ	06/10/1989				Khá	667234	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4168	3279-K8CT4		Nguyễn Xuân	Thích	Nam	19/09/1990				Khá	667235	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4169	3280-K8CT4		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	09/01/1990				Khá	667236	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4170	3281-K8CT4		Lê Thị	Thu	Nữ	25/10/1987				Khá	667237	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4171	3282-K8CT4		Nguyễn Thị	Thuỳ	Nữ	27/11/1990				Khá	667238	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4172	3283-K8CT4		Nguyễn Thị Kim	Thuý	Nữ	08/08/1990				Khá	667239	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4173	3284-K8CT4		Đỗ Thị	Thuý	Nữ	29/11/1987				Khá	667240	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4174	3285-K8CT4		Phạm Thị	Trang	Nữ	09/05/1988				Khá	667241	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4175	3286-K8CT4		Vũ Tiến	Trọng	Nam	28/03/1988				Khá	667242	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4176	3287-K8CT4		Phạm Xuân	Trường	Nam	19/10/1988				Khá	667243	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4177	3288-K8CT4		Trần Văn	Tuấn	Nam	10/08/1990				Khá	667244	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4178	3289-K8CT4		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	06/03/1990				Khá	667245	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4179	3290-K8CT4		Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	12/12/1988				Khá	667246	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	209/QĐ-ĐHTM ngày 08/04/2014	
4180	01-K2TK2		Lê Thanh	Bắc	Nam	28/07/1986				Trung bình	666967	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4181	02-K2TK2		Phùng Duy	Biển	Nam	15/01/1989				Trung bình	666801	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4182	03-K2TK2		Ngô Minh	Chính	Nam	14/11/1987				Trung bình	666802	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4183	04-K2TK2		Trần Thị	Chúc	Nữ	13/10/1989				Trung bình	666803	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4184	05-K2TK2		Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	02/08/1984				Trung bình	666804	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4185	06-K2TK2		Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	23/09/1981				Trung bình	666805	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4186	07-K2TK2		Đoàn Văn	Duẩn	Nam	21/07/1983				Trung bình	666806	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4187	08-K2TK2		Lê Thị	Dung	Nữ	20/06/1987				Trung bình	666807	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4188	09-K2TK2		Trần Thị	Dung	Nữ	05/12/1988				Trung bình	666808	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4189	10-K2TK2		Lù Thị	Dương	Nữ	15/10/1979				Trung bình	666809	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4190	11-K2TK2		Nguyễn Thị Hà	Giang	Nữ	26/12/1989				Trung bình	666810	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4191	12-K2TK2		Triệu Thị Thúy	Hà	Nữ	29/07/1983				Trung bình	666811	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4192	13-K2TK2		Dương Thị	Hạnh	Nữ	23/02/1987				Trung bình	666812	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4193	14-K2TK2		Đỗ Thị Thu	Hằng	Nữ	28/11/1985				Trung bình	666813	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4194	15-K2TK2		Lê Thị	Hằng	Nữ	03/05/1986				Trung bình	666814	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4195	16-K2TK2		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	23/08/1980				Khá	666815	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4196	17-K2TK2		Đào Thu	Hiền	Nữ	05/12/1987				Trung bình	666816	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4197	18-K2TK2		Vũ Thị	Hiếu	Nữ	11/08/1987				Trung bình	666817	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4198	19-K2TK2		Tạ Ngọc	Hồi	Nữ	17/05/1988				Trung bình	666818	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4199	20-K2TK2		Nguyễn Thị Hương	Hồng	Nữ	20/02/1986				Trung bình	666819	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4200	21-K2TK2		Vũ Thị	Hồng	Nữ	02/02/1988				Trung bình	666820	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4201	22-K2TK2		Phan Thị	Huế	Nữ	07/10/1989				Khá	666821	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4202	23-K2TK2		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	18/11/1981				Khá	666822	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4203	24-K2TK2		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	21/06/1986				Trung bình	666823	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4204	25-K2TK2		Đào Thị Thúy	Kiều	Nữ	12/03/1988				Trung bình	666824	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4205	26-K2TK2		Bùi Ngọc	Lan	Nữ	28/08/1981				Trung bình	666825	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4206	27-K2TK2		Nguyễn Thị Anh	Lệ	Nữ	25/08/1987				Khá	666826	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4207	28-K2TK2		Nguyễn Thị	Liệu	Nữ	06/03/1989				Khá	666827	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4208	29-K2TK2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	30/07/1987				Trung bình	666828	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4209	30-K2TK2		Dương Thị	Loan	Nữ	20/03/1983				Trung bình	666829	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4210	31-K2TK2		Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	15/11/1986				Trung bình	666830	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4211	32-K2TK2		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	20/06/1989				Trung bình	666831	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4212	33-K2TK2		Mai Thị	Mai	Nữ	03/02/1986				Trung bình	666832	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4213	34-K2TK2		Phạm Thị Hoa	Mai	Nữ	01/11/1986				Trung bình	666833	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4214	35-K2TK2		Trần Thị	Mai	Nữ	12/08/1989				Khá	666834	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4215	36-K2TK2		Phạm Thị	Nga	Nữ	14/03/1984				Khá	666835	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4216	37-K2TK2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	17/04/1986				Trung bình	666836	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4217	38-K2TK2		Phạm Kim	Ngọc	Nữ	29/11/1988				Trung bình	666837	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4218	39-K2TK2		Phạm Xuân	Ninh	Nam	23/05/1988				Trung bình	666838	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4219	40-K2TK2		Phạm Thị	Phương	Nữ	03/11/1988				Trung bình	666839	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4220	41-K2TK2		Triệu Quỳnh	Phương	Nữ	06/06/1984				Trung bình	666840	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4221	42-K2TK2		Đoàn Thị ánh	Phượng	Nữ	15/05/1988				Trung bình	666841	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4222	43-K2TK2		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	07/05/1984				Khá	666842	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4223	44-K2TK2		Trương Thị Kim	Quý	Nữ	04/05/1979				Trung bình	666843	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4224	45-K2TK2		Ngô Thị ánh	Sáng	Nữ	16/06/1988				Trung bình	666844	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4225	46-K2TK2		Đỗ Huyền	Sơn	Nữ	26/05/1989				Khá	666845	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4226	47-K2TK2		Nguyễn Thị	Sỹ	Nữ	18/02/1986				Khá	666846	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4227	48-K2TK2		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	27/02/1987				Khá	666847	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4228	49-K2TK2		Trần Thị	Thanh	Nữ	08/02/1988				Khá	666848	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4229	50-K2TK2		Lê Thị	Thảo	Nữ	28/07/1982				Khá	666849	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4230	51-K2TK2		Trần Đại	Thắng	Nam	30/04/1976				Trung bình	666850	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4231	52-K2TK2		Quản Thị	Thêm	Nữ	10/12/1987				Trung bình	666851	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4232	53-K2TK2		Đỗ Thị Hoa	Thơm	Nữ	26/12/1988				Khá	666852	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4233	54-K2TK2		Lưu Thị	Thơm	Nữ	12/05/1983				Khá	666853	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4234	55-K2TK2		Phạm Thị	Thơm	Nữ	06/04/1989				Trung bình	666854	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4235	56-K2TK2		Lê Huyền	Thu	Nữ	17/02/1988				Khá	666855	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4236	57-K2TK2		Phan Đức	Thuận	Nam	27/02/1980				Trung bình	666856	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4237	58-K2TK2		Trần Thị Phương	Thủy	Nữ	14/12/1981				Khá	666857	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4238	59-K2TK2		Bùi Hoàng	Thương	Nữ	08/12/1987				Trung bình	666858	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4239	60-K2TK2		Phan Thị Minh	Thương	Nữ	28/11/1987				Trung bình	666859	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4240	61-K2TK2		Đào Thị Thanh	Trang	Nữ	22/07/1986				Trung bình	666860	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4241	62-K2TK2		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	15/09/1988				Trung bình	666861	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4242	63-K2TK2		Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	18/10/1981				Trung bình	666862	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4243	64-K2TK2		Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	18/08/1980				Trung bình	666863	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4244	65-K2TK2		Lê Thị ánh	Tuyết	Nữ	11/11/1989				Trung bình	666864	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4245	66-K2TK2		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	10/10/1989				Trung bình	666865	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4246	67-K2TK2		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	01/06/1987				Trung bình	666866	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4247	68-K2TK2		Lê Thị	Uyên	Nữ	14/08/1986				Trung bình	666867	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4248	69-K2TK2		Lê Thị Cẩm	Vân	Nữ	17/07/1983				Trung bình	666868	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4249	70-K2TK2		Trần Thị	Vân	Nữ	25/06/1983				Trung bình	666869	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4250	71-K2TK2		Trần Thị	Vân	Nữ	16/04/1989				Trung bình	666870	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4251	72-K2TK2		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	14/11/1987				Trung bình	666871	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4252	73-K2TK3		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	24/07/1989				Trung bình	666872	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4253	74-K2TK3		Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	25/12/1989				Khá	666873	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4254	75-K2TK3		Vũ Ngọc	Bích	Nữ	09/06/1987				Trung bình	666874	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4255	76-K2TK3		Phạm Thị	Chung	Nữ	06/10/1987				Trung bình	666875	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4256	77-K2TK3		Lê Danh	Đại	Nam	11/09/1987				Khá	666876	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4257	78-K2TK3		Lê Thị	Dinh	Nữ	20/04/1986				Trung bình	666877	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4258	79-K2TK3		Bùi Thị	Dung	Nữ	17/04/1984				Khá	666878	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4259	80-K2TK3		Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	21/10/1982				Khá	666879	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4260	81-K2TK3		Đào Thị Bích	Hải	Nữ	24/08/1984				Trung bình	666880	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4261	82-K2TK3		Bùi Thị Mai	Hiên	Nữ	22/12/1985				Trung bình	666881	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4262	83-K2TK3		Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	19/07/1986				Khá	666882	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4263	84-K2TK3		Vũ Thị	Hòe	Nữ	26/03/1986				Trung bình	666883	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4264	85-K2TK3		Nguyễn Thị Thúy	Hồng	Nữ	01/09/1982				Khá	666884	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4265	86-K2TK3		Phạm Thị	Hồng	Nữ	21/04/1988				Trung bình	666885	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4266	87-K2TK3		Trần Thị Thu	Hương	Nữ	29/06/1983				Khá	666886	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4267	88-K2TK3		Hoàng Thị Lan	Hương	Nữ	12/02/1987				Khá	666887	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4268	89-K2TK3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	01/03/1988				Trung bình	666888	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4269	90-K2TK3		Huỳnh Ngọc	Lan	Nữ	24/03/1987				Trung bình	666889	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4270	91-K2TK3		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	22/03/1989				Khá	666890	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4271	92-K2TK3		Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	22/09/1984				Khá	666891	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4272	93-K2TK3		Đặng Thị Tuyết	Loan	Nữ	09/12/1971				Khá	666892	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4273	94-K2TK3		Trịnh Thị	Lợi	Nữ	12/04/1987				Trung bình	666893	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4274	95-K2TK3		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	22/07/1986				Khá	666894	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4275	96-K2TK3		Trần Duy	Mạnh	Nam	16/02/1989				Trung bình	666895	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4276	97-K2TK3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	14/04/1986				Trung bình	666896	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4277	98-K2TK3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	10/06/1987				Khá	666897	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4278	99-K2TK3		Ngô Minh	Nguyệt	Nữ	28/08/1982				Khá	666898	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4279	100-K2TK3		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	16/06/1987				Trung bình	666899	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4280	101-K2TK3		Thái Hồng	Phương	Nữ	08/04/1988				Khá	666900	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4281	102-K2TK3		Giáp Thị	Phương	Nữ	11/10/1986				Trung bình	666901	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4282	103-K2TK3		Phạm Thị Lệ	Quyên	Nữ	10/07/1989				Khá	666902	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4283	104-K2TK3		Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	10/06/1989				Khá	666903	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4284	105-K2TK3		Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	26/08/1989				Trung bình	666904	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4285	106-K2TK3		Nguyễn Minh	Sơn	Nam	12/12/1982				Trung bình	666905	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4286	107-K2TK3		Lê Văn	Tân	Nam	20/12/1988				Trung bình	666906	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4287	108-K2TK3		Đoàn Thanh	Thảo	Nữ	19/10/1989				Khá	666907	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4288	109-K2TK3		Tạ Thị	Thảo	Nữ	14/04/1989				Trung bình	666908	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4289	110-K2TK3		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	18/04/1986				Khá	666909	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4290	111-K2TK3		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	24/10/1979				Khá	666910	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4291	112-K2TK3		Đinh Thị	Tiến	Nữ	08/05/1989				Khá	666911	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4292	113-K2TK3		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	01/09/1989				Khá	666912	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4293	114-K2TK3		Trần Nam	Trung	Nam	01/06/1984				Trung bình	666913	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4294	115-K2TK3		Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	25/02/1985				Khá	666914	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4295	116-K2TK3		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	06/08/1988				Trung bình	666915	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4296	117-K2TK3		Hoàng Thị Thanh	Vân	Nữ	06/07/1986				Trung bình	666916	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4297	118-K2TK3		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	16/11/1986				Trung bình	666917	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4298	119-K2TK3		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	20/08/1988				Khá	666918	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4299	120-K2TK5		Trương Lan	Anh	Nữ	10/08/1988				Trung bình	666919	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4300	121-K2TK5		Lê Thị	Chung	Nữ	03/03/1987				Trung bình	666920	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4301	122-K2TK5		Cao Thị	Dung	Nữ	31/08/1988				Khá	666921	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4302	123-K2TK5		Vũ Thị	Duyên	Nữ	07/02/1989				Trung bình	666922	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4303	124-K2TK5		Phạm Thị	Duyên	Nữ	12/07/1989				Trung bình	666923	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4304	125-K2TK5		Dương Thị	Hạnh	Nữ	20/03/1989				Trung bình	666924	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4305	126-K2TK5		Trần Thị	Hằng	Nữ	29/08/1987				Trung bình	666925	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4306	127-K2TK5		Hoàng Thị Thu	Hằng	Nữ	30/07/1980				Trung bình	666926	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4307	128-K2TK5		Lê Công	Hoàn	Nam	02/10/1988				Trung bình	666927	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4308	129-K2TK5		Nguyễn Thị	Hoà	Nữ	07/04/1987				Khá	666928	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4309	130-K2TK5		Nguyễn Thị Thanh Kim	Huệ	Nữ	18/01/1987				Trung bình	666929	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4310	131-K2TK5		Đào Xuân	Huy	Nam	05/02/1986				Trung bình	666930	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4311	132-K2TK5		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	05/08/1990				Trung bình	666931	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4312	133-K2TK5		Lê Thị	Lan	Nữ	10/11/1989				Khá	666932	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4313	134-K2TK5		Phạm Thị	Loan	Nữ	05/05/1988				Trung bình	666933	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4314	135-K2TK5		Dương Thị Thanh	Nga	Nữ	17/06/1987				Khá	666934	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4315	136-K2TK5		Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	19/06/1985				Trung bình	666935	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4316	137-K2TK5		Nguyễn Thị Hoài	Ngân	Nữ	18/07/1989				Trung bình	666936	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4317	138-K2TK5		Phạm Thị	Ngân	Nữ	26/10/1983				Trung bình	666937	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4318	139-K2TK5		Đỗ Thị	Ngọc	Nữ	10/07/1988				Trung bình	666938	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4319	140-K2TK5		Bùi Thị Thế	Nhân	Nữ	01/06/1987				Trung bình	666939	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4320	141-K2TK5		Lê Thị Minh	Phương	Nữ	20/06/1988				Trung bình	666940	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4321	142-K2TK5		Phạm Thúy	Phương	Nữ	25/12/1985				Trung bình	666941	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4322	143-K2TK5		Nguyễn Thị Hồng	Phượng	Nữ	24/12/1986				Trung bình	666942	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4323	144-K2TK5		Trần Như	Quỳnh	Nữ	13/09/1989				Trung bình	666943	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4324	145-K2TK5		Mai Thị	Thu	Nữ	10/05/1980				Trung bình	666944	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4325	146-K2TK5		Lã Thị Thu	Thuý	Nữ	04/01/1987				Trung bình	666945	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4326	147-K2TK5		Ngô Phương	Thuỳ	Nữ	12/07/1988				Trung bình	666946	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4327	148-K2TK5		Đỗ Thị	Thương	Nữ	27/02/1985				Khá	666947	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4328	149-K2TK5		Nguyễn Mạnh	Tiến	Nam	04/10/1989				Trung bình	666948	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4329	150-K2TK5		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	18/10/1988				Khá	666949	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4330	151-K2TK5		Hoàng Thị	Tới	Nữ	05/05/1989				Trung bình	666950	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4331	152-K2TK5		Đỗ Hoàng	Tùng	Nam	20/10/1988				Trung bình	666951	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4332	153-K2TK5		Lê ánh	Tuyết	Nữ	11/12/1985				Trung bình	666952	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4333	154-K2TK5		Phạm Thị	Vui	Nữ	28/08/1988				Trung bình	666953	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	217/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4334	3210-K7HQ4		Nguyễn Thị Như	Phương	Nữ	20/06/1987				Trung bình	666954	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	218/QĐ-ĐHTM ngày 14/04/2014	
4335	155-K1TK2		Lý Đình	Đức	Nam	01/01/1981				Trung bình	666955	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4336	156-K1TK2		Lã Thị	Hà	Nữ	09/05/1987				Khá	666956	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4337	157-K1TK2		Trần Thị	Hằng	Nữ	14/02/1989				Khá	666957	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4338	158-K1TK2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	01/10/1985				Khá	666958	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4339	159-K1TK2		Phan Thị	Huy	Nữ	05/05/1986				Trung bình	666959	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4340	160-K1TK2		Đoàn Thị	Lan	Nữ	20/11/1980				Trung bình	666960	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4341	161-K1TK2		Vũ Thị Như	Liên	Nữ	10/07/1984				Khá	666961	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4342	162-K1TK2		Phạm Như	Ngọc	Nữ	20/08/1984				Trung bình	666962	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4343	163-K1TK2		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	05/04/1985				Khá	666963	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4344	164-K1TK2		Mai Thị	Oanh	Nữ	10/07/1988				Khá	666964	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4345	165-K1TK2		Nguyễn Thành	Vinh	Nam	06/02/1987				Trung bình	666965	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	243/QĐ-ĐHTM ngày 25/04/2014	
4346	1378-K2TK2		Ngô Đức	Anh	Nam	20/11/1988				Trung bình	667685	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4347	1379-K2TK2		Điêu Thị	Duyên	Nữ	05/02/1989				Trung bình	667686	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4348	1380-K2TK2		Đỗ Thị Thu	Hằng	Nữ	05/10/1984				Trung bình	667687	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4349	1381-K2TK2		Lê Huy	Hoàng	Nam	03/10/1985				Trung bình	667688	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4350	1382-K2TK2		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	18/09/1988				Trung bình	667689	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4351	1383-K2TK2		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	15/11/1988				Trung bình	667690	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4352	1384-K2TK2		Nguyễn Thị Thanh	Mười	Nữ	05/07/1985				Trung bình	667691	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4353	1385-K2TK2		Nguyễn Thị Kiều	Nga	Nữ	11/09/1988				Trung bình	667692	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4354	1386-K2TK2		Lê Thị	Phương	Nữ	09/11/1989				Trung bình	667693	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4355	1387-K2TK2		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	06/11/1989				Trung bình	667694	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4356	1388-K2TK2		Vũ Thị Thanh	Tâm	Nữ	15/08/1989				Trung bình	667695	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4357	1389-K2TK3		Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	19/05/1988				Trung bình	667696	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4358	1390-K2TK3		Đào Mai	Long	Nam	14/05/1983				Trung bình	667697	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4359	1391-K2TK3		Nguyễn Tiến	Thành	Nam	23/08/1990				Trung bình	667698	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4360	1392-K2TK3		Phạm Hương	Thảo	Nữ	10/03/1989				Trung bình	667699	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4361	1393-K2TK3		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	15/11/1989				Trung bình	667700	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4362	1394-K2TK4		Cao Phương	Anh	Nữ	10/12/1987				Khá	667701	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4363	1395-K2TK4		Cao Thị	Anh	Nữ	20/12/1988				Trung bình	667702	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4364	1396-K2TK4		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	11/07/1986				Khá	667703	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4365	1397-K2TK4		Trần Thị Phương	Anh	Nữ	10/11/1986				Trung bình	667704	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4366	1398-K2TK4		Võ Thị Lan	Anh	Nữ	02/10/1982				Khá	667705	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4367	1399-K2TK4		Nguyễn Thị	Bé	Nữ	20/08/1988				Khá	667706	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4368	1400-K2TK4		Lô Anh	Dũng	Nam	19/02/1987				Trung bình	667707	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4369	1401-K2TK4		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	03/05/1986				Trung bình	667708	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4370	1402-K2TK4		Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	04/09/1986				Khá	667709	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4371	1403-K2TK4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	27/07/1987				Trung bình	667710	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4372	1404-K2TK4		Phan Thị	Hằng	Nữ	06/03/1985				Trung bình	667711	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4373	1405-K2TK4		Dương Thị Minh	Hậu	Nữ	20/12/1987				Trung bình	667712	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4374	1406-K2TK4		Đặng Thị	Hiền	Nữ	02/02/1982				Giỏi	667713	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4375	1407-K2TK4		Hoàng Thị	Hiền	Nữ	29/09/1983				Trung bình	667714	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4376	1408-K2TK4		Võ Thị Thanh	Hiền	Nữ	01/08/1981				Khá	667715	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4377	1409-K2TK4		Nguyễn Thị Minh	Hoa	Nữ	10/11/1981				Khá	667716	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4378	1410-K2TK4		Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	20/11/1987				Trung bình	667717	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4379	1411-K2TK4		Nguyễn Thị Minh	Hoàn	Nữ	30/12/1977				Khá	667718	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4380	1412-K2TK4		Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	27/03/1974				Giỏi	667719	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4381	1413-K2TK4		Ngô Mạnh	Hùng	Nam	14/07/1984				Trung bình	667720	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4382	1414-K2TK4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/05/1982				Giỏi	667721	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4383	1415-K2TK4		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	10/05/1984				Khá	667722	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4384	1416-K2TK4		Lê Thị	Hương	Nữ	20/04/1987				Khá	667723	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4385	1417-K2TK4		Phương Thị	Hường	Nữ	12/11/1980				Khá	667724	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4386	1418-K2TK4		Bùi Thị Vân	Khánh	Nữ	02/09/1986				Khá	667725	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4387	1419-K2TK4		Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	20/06/1988				Khá	667726	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4388	1420-K2TK4		Lê Thị	Lâm	Nữ	22/02/1985				Khá	667727	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4389	1421-K2TK4		Hồ Tuyết	Lê	Nữ	15/08/1983				Khá	667728	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4390	1422-K2TK4		Nguyễn Thị Trà	Ly	Nữ	18/03/1983				Khá	667729	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4391	1423-K2TK4		Lê Thị Nguyệt	Minh	Nữ	20/05/1987				Khá	667730	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4392	1424-K2TK4		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	18/11/1982				Khá	667731	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4393	1425-K2TK4		Bùi Thị	Nga	Nữ	28/06/1987				Trung bình	667732	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4394	1426-K2TK4		Hoàng Thị Hằng	Nga	Nữ	07/03/1987				Trung bình	667733	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4395	1427-K2TK4		Trần Thị	Nga	Nữ	06/01/1986				Khá	667734	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4396	1428-K2TK4		Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	06/10/1986				Khá	667735	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4397	1429-K2TK4		Trần Thị	Nhung	Nữ	01/07/1980				Khá	667736	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4398	1430-K2TK4		Hoàng Thị Tú	Oanh	Nữ	29/07/1988				Khá	667737	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4399	1431-K2TK4		Phạm Thị	Oanh	Nữ	12/03/1989				Khá	667738	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4400	1432-K2TK4		Đậu Thị Mai	Phương	Nữ	25/11/1988				Khá	667739	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4401	1433-K2TK4		Nguyễn Thị Hoài	Phương	Nữ	20/10/1979				Khá	667740	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4402	1434-K2TK4		Phan Thị	Phương	Nữ	06/06/1986				Trung bình	667741	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4403	1435-K2TK4		Trần Hồng	Quân	Nam	31/01/1987				Trung bình	667742	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4404	1436-K2TK4		Phạm Thị Bảo	Quyên	Nữ	13/01/1982				Khá	667743	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4405	1437-K2TK4		Nguyễn Thị	Sinh	Nữ	03/09/1988				Khá	667744	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4406	1438-K2TK4		Nguyễn Thị	Soa	Nữ	20/06/1987				Khá	667745	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4407	1439-K2TK4		Cao Thị	Tám	Nữ	16/10/1983				Khá	667746	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4408	1440-K2TK4		Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	31/11/86				Khá	667747	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4409	1441-K2TK4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	05/06/1986				Khá	667748	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4410	1442-K2TK4		Ngô Thị	Thịnh	Nữ	20/09/1988				Khá	667749	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4411	1443-K2TK4		Nguyễn Thị	Thơ	Nữ	23/09/1987				Khá	667750	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4412	1444-K2TK4		Nguyễn Thức	Thuần	Nam	27/07/1979				Trung bình	667751	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4413	1445-K2TK4		Hồ Thị Lê	Thủy	Nữ	02/12/1986				Khá	667752	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4414	1446-K2TK4		Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	10/11/1989				Khá	667753	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4415	1447-K2TK4		Phan Thị	Thủy	Nữ	20/10/1982				Trung bình	667754	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4416	1448-K2TK4		Trương Thị Hồng	Thủy	Nữ	24/02/1986				Trung bình	667755	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4417	1449-K2TK4		Đậu Phương	Thúy	Nữ	08/11/1989				Khá	667756	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4418	1450-K2TK4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/01/1989				Khá	667757	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4419	1451-K2TK4		Lê Thị Cẩm	Trang	Nữ	30/12/1987				Khá	667758	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4420	1452-K2TK4		Phạm Văn	Trường	Nam	25/08/1986				Khá	667759	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4421	1453-K2TK4		Nguyễn Thị Hoài	Vân	Nữ	03/02/1988				Trung bình	667760	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4422	1454-K2TK4		Nguyễn Thúy	Vân	Nữ	25/03/1984				Khá	667761	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4423	1455-K2TK4		Trần Thị	Vinh	Nữ	26/04/1989				Khá	667762	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4424	1456-K2TK4		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	12/02/1986				Khá	667763	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4425	1457-K2TK5		Lê Thị	Dung	Nữ	15/08/1988				Khá	667764	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4426	1458-K2TK5		Phan Thị	Hằng	Nữ	27/12/1988				Trung bình	667765	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4427	1459-K2TK5		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	13/06/1985				Trung bình	667766	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4428	1460-K2TK5		Vũ Thị	Hoa	Nữ	02/09/1985				Khá	667767	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4429	1461-K2TK5		Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	18/03/1989				Khá	667768	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4430	1462-K2TK5		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	30/11/1986				Khá	667769	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4431	1463-K2TK5		Đào Lư	Mai	Nữ	03/01/1985				Trung bình	667770	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4432	1464-K2TK5		Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	25/05/1989				Khá	667771	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4433	1465-K2TK5		Vũ Mạnh	Tiến	Nam	15/01/1988				Trung bình	667772	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4434	1466-K2TK5		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	12/08/1986				Trung bình	667773	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4435	1467-K2TK5		Lê Thành	Trung	Nam	12/09/1981				Khá	667774	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4436	1468-K2TK5		Phùng Ngọc	Trường	Nam	24/08/1983				Trung bình	667775	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4437	1469-K2TK5		Phạm Thị	Tuyết	Nữ	19/12/1986				Khá	667776	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4438	1470-K2TK5		Trịnh Thị	Tuyết	Nữ	01/01/1986				Trung bình	667777	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4439	1471-K2TK5		Nguyễn Công	Tú	Nam	29/10/1988				Trung bình	667778	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4440	1472-K2TK7		Nguyễn Thanh	Chung	Nữ	06/07/1984				Trung bình	667779	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4441	1473-K2TK7		Nguyễn Đức	Cường	Nam	19/01/1989				Khá	667780	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4442	1474-K2TK7		Nguyễn Đình	Cửu	Nam	10/09/1985				Trung bình	667781	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4443	1475-K2TK7		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	07/11/1980				Khá	667782	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4444	1476-K2TK7		Lê Thị	Dung	Nữ	19/05/1988				Khá	667783	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4445	1477-K2TK7		Đào Thùy	Dương	Nữ	04/12/1988				Khá	667784	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4446	1478-K2TK7		Lê Thị	Duyên	Nữ	10/04/1989				Khá	667785	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4447	1479-K2TK7		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	08/10/1983				Khá	667786	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4448	1480-K2TK7		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	04/01/1987				Khá	667787	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4449	1481-K2TK7		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	24/12/1989				Khá	667788	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4450	1482-K2TK7		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	01/08/1983				Khá	667789	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4451	1483-K2TK7		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	20/03/1987				Khá	667790	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4452	1484-K2TK7		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	22/10/1983				Khá	667791	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4453	1485-K2TK7		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/09/1979				Khá	667792	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4454	1486-K2TK7		Nguyễn Thị Thu	Hiệu	Nữ	16/05/1989				Khá	667793	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4455	1487-K2TK7		Nguyễn Lê	Hoa	Nữ	01/11/1986				Khá	667794	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4456	1488-K2TK7		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	10/06/1983				Khá	667795	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4457	1489-K2TK7		Lê Thị	Hồng	Nữ	10/11/1987				Khá	667796	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4458	1490-K2TK7		Hoàng Thị	Huê	Nữ	01/11/1981				Khá	667797	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4459	1491-K2TK7		Phạm Thị	Hương	Nữ	17/05/1987				Khá	667798	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4460	1492-K2TK7		Vũ Thị	Hương	Nữ	24/09/1989				Trung bình	667799	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4461	1493-K2TK7		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/03/1986				Khá	667800	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4462	1494-K2TK7		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/08/1988				Khá	668001	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4463	1495-K2TK7		Hồ Thị	Lan	Nữ	17/11/1987				Khá	668002	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4464	1496-K2TK7		Đỗ Tuấn	Lê	Nam	07/04/1987				Khá	668003	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4465	1497-K2TK7		Nghiêm Thị Bích	Ngọc	Nữ	18/07/1988				Khá	668004	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4466	1498-K2TK7		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	26/02/1982				Khá	668005	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4467	1499-K2TK7		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	07/12/1980				Khá	668006	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4468	1500-K2TK7		Nguyễn Anh	Phương	Nữ	06/07/1987				Trung bình	668007	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4469	1501-K2TK7		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	06/04/1982				Khá	668008	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4470	1502-K2TK7		Hoàng Thị	Phượng	Nữ	21/06/1989				Khá	668009	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4471	1503-K2TK7		Hoàng Thị Bích	Phượng	Nữ	14/05/1983				Trung bình	668010	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4472	1504-K2TK7		Lê Thị	Phượng	Nữ	20/12/1987				Trung bình	668011	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4473	1505-K2TK7		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	06/07/1987				Khá	668012	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4474	1506-K2TK7		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	14/06/1986				Trung bình	668013	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4475	1507-K2TK7		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	13/04/1980				Trung bình	668014	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4476	1508-K2TK7		Đồng Văn	Thắng	Nam	25/07/1979				Khá	668015	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4477	1509-K2TK7		Nguyễn Huy	Thành	Nam	08/11/1987				Khá	668016	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4478	1510-K2TK7		Vũ Thị	Thơm	Nữ	17/01/1985				Khá	668017	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4479	1511-K2TK7		Dương Thị	Thu	Nữ	12/11/1986				Khá	668018	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4480	1512-K2TK7		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	29/12/1988				Trung bình	668019	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4481	1513-K2TK7		Trần Thị	Thương	Nữ	27/11/1984				Khá	668020	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4482	1514-K2TK7		Lê Thị	Thuý	Nữ	10/10/1988				Trung bình	668021	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4483	1515-K2TK7		Đinh Thị	Thùy	Nữ	20/07/1987				Khá	668022	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4484	1516-K2TK7		Lương Thị	Thùy	Nữ	10/09/1988				Trung bình	668023	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4485	1517-K2TK7		Nguyễn Quang	Tiến	Nam	30/10/1987				Trung bình	668024	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4486	1518-K2TK7		Phạm Thị	Tới	Nữ	03/01/1989				Khá	668025	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4487	1519-K2TK7		Nguyễn Thị Thanh	Trâm	Nữ	10/03/1983				Khá	668026	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4488	1520-K2TK7		Nguyễn Văn	Tuân	Nam	22/11/1980				Khá	668027	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4489	1521-K2TK7		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	09/12/1967				Trung bình	668028	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4490	1522-K2TK7		Nguyễn Thị	Xuyên	Nữ	28/12/1972				Khá	668029	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	472/QĐ-ĐHTM ngày 26/06/2014	
4491	1523-K2TK6		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	25/09/1989				Khá	668030	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4492	1524-K2TK6		Nguyễn Kim	Anh	Nữ	17/02/1985				Trung bình	668031	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4493	1525-K2TK6		Bùi Thị	Chúc	Nữ	29/05/1986				Trung bình	668032	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4494	1526-K2TK6		Lê Thị Thu	Cúc	Nữ	17/09/1988				Trung bình	668033	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4495	1527-K2TK6		Phạm Đình	Cường	Nam	13/05/1986				Trung bình	668034	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4496	1528-K2TK6		Bùi Ngọc	Diệp	Nữ	23/02/1989				Khá	668035	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4497	1529-K2TK6		Nguyễn Hồng	Điệp	Nữ	08/04/1984				Trung bình	668036	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4498	1530-K2TK6		Phạm Thị	Dung	Nữ	19/05/1987				Trung bình	668037	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4499	1531-K2TK6		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	24/04/1988				Trung bình	668038	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4500	1532-K2TK6		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	29/06/1985				Khá	668039	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4501	1533-K2TK6		Đặng Thị	Duyên	Nữ	05/05/1986				Trung bình	668040	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4502	1534-K2TK6		Hoàng Thị	Duyên	Nữ	10/12/1985				Khá	668041	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4503	1535-K2TK6		Hồ Thị Hương	Giang	Nữ	21/10/1982				Khá	668042	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4504	1536-K2TK6		Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	13/02/1990				Trung bình	668043	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4505	1537-K2TK6		Đàm Thị Thu	Hà	Nữ	27/07/1984				Trung bình	668044	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4506	1538-K2TK6		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	14/08/1983				Khá	668045	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4507	1539-K2TK6		Bùi Thị	Hạnh	Nữ	06/04/1988				Trung bình	668046	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4508	1540-K2TK6		Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	03/09/1977				Trung bình	668047	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4509	1541-K2TK6		Quách Thị	Hiền	Nữ	08/05/1988				Khá	668048	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4510	1542-K2TK6		Nguyễn Thị	Hòe	Nữ	18/10/1985				Khá	668049	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4511	1543-K2TK6		Phạm Thị	Hồng	Nữ	10/10/1988				Khá	668050	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4512	1544-K2TK6		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	24/04/1985				Khá	668051	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4513	1545-K2TK6		Phạm Thị	Huệ	Nữ	30/06/1984				Khá	668052	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4514	1546-K2TK6		Lê Đình	Hưng	Nam	23/07/1985				Trung bình	668053	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4515	1547-K2TK6		Lê Thị	Hương	Nữ	21/10/1982				Trung bình	668054	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4516	1548-K2TK6		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	10/04/1987				Trung bình	668055	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4517	1549-K2TK6		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	21/12/1983				Khá	668056	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4518	1550-K2TK6		Phạm Thị	Lan	Nữ	02/03/1989				Trung bình	668057	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4519	1551-K2TK6		Lê Thị Hương	Lý	Nữ	11/08/1984				Khá	668058	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4520	1552-K2TK6		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	14/06/1989				Trung bình	668059	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4521	1553-K2TK6		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	20/11/1980				Khá	668060	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4522	1554-K2TK6		Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	05/09/1989				Trung bình	668061	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4523	1555-K2TK6		Nguyễn Đức	Nguyên	Nam	02/04/1987				Trung bình	668062	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4524	1556-K2TK6		Lý Thị Thanh	Nhàn	Nữ	22/03/1981				Khá	668063	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4525	1557-K2TK6		Lê Quỳnh	Như	Nữ	21/04/1990				Trung bình	668064	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4526	1558-K2TK6		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	07/05/1984				Khá	668065	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4527	1559-K2TK6		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	23/08/1984				Trung bình	668066	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4528	1560-K2TK6		Trần Thị	Phương	Nữ	18/06/1988				Khá	668067	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4529	1561-K2TK6		Đỗ Hiền	Phương	Nữ	02/09/1987				Khá	668068	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4530	1562-K2TK6		Tô Lan	Phương	Nữ	17/05/1985				Trung bình	668069	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4531	1563-K2TK6		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	11/04/1983				Khá	668070	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4532	1564-K2TK6		Nguyễn Minh	Tâm	Nữ	03/05/1985				Khá	668071	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4533	1565-K2TK6		Phạm Việt	Thắng	Nam	11/09/1989				Trung bình	668072	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4534	1566-K2TK6		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	06/03/1989				Khá	668073	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4535	1567-K2TK6		Lê Thị	Thanh	Nữ	10/02/1987				Trung bình	668074	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4536	1568-K2TK6		Ngô Tư	Thế	Nam	20/10/1986				Trung bình	668075	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4537	1569-K2TK6		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	06/11/1986				Khá	668076	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4538	1570-K2TK6		Nghiêm Thị	Thúy	Nữ	07/05/1989				Khá	668077	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4539	1571-K2TK6		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	24/02/1984				Trung bình	668078	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4540	1572-K2TK6		Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	10/03/1983				Trung bình	668079	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4541	1573-K2TK6		Vương Thị	Thủy	Nữ	27/07/1984				Trung bình	668080	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4542	1574-K2TK6		Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	21/03/1983				Trung bình	668081	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4543	1575-K2TK6		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	22/06/1989				Trung bình	668082	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4544	1576-K2TK6		Doãn Thị	Vóc	Nữ	27/07/1984				Khá	668083	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4545	1577-K2TK6		Trần Thị	Yến	Nữ	30/05/1988				Trung bình	668084	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	477/QĐ-ĐHTM ngày 27/06/2014	
4546	3185-HK3K7		Hồ Thị Thanh	Hằng	Nữ	08/05/1986				Trung bình	667176	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	77/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 13/01/2014	
4547	693-K41DK15		Nguyễn Ngọc	Hiển	Nam	18/06/1979				Trung bình	723794	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	93/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4548	694-K42DK1		Lưu Văn	Trường	Nam	19/09/1989				Trung bình	723795	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	93/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4549	695-K42Dk1		Nguyễn Thị Minh	Hoa	Nữ	01/03/1973				Trung bình	723796	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	93/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4550	696-K43DK5		Nguyễn Văn	Hoạt	Nam	08/04/1985				Trung bình	723797	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	93/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4551	697-K43DQ3		Trịnh Vỹ	Cường	Nam	24/11/1973				Trung bình	723798	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4552	698-K43DQ3		Phạm Hải	Đăng	Nam	09/01/1977				Trung bình khá	723799	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4553	699-K43DQ3		Vũ Tiến	Đạt	Nam	27/08/1989				Trung bình	723800	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4554	700-K43DQ3		Nguyễn Văn	Hào	Nam	02/06/1984				Trung bình khá	667993	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4555	701-K43DQ3		Nguyễn Quốc	Hưng	Nam	08/10/1973				Trung bình	667994	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4556	702-K43DQ3		Đoàn Thị	Mơ	Nữ	29/03/1978				Trung bình khá	667995	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4557	703-K43DQ3		Bùi Thị Hải	Ninh	Nữ	23/08/1987				Trung bình khá	667996	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4558	704-K43DQ3		Nguyễn Văn	Quyền	Nam	09/11/1989				Trung bình	667997	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4559	705-K43DQ3		Võ Trọng	Toàn	Nam	05/03/1977				Trung bình khá	667998	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4560	706-K43DQ3		Nguyễn Lưu	Tú	Nam	15/11/1985				Trung bình	667999	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4561	707-K43DQ3		Hoàng Anh	Tuấn	Nam	27/11/1982				Trung bình khá	668000	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4562	708-K43DQ1		Nguyễn Văn	Bình	Nam	19/01/1983				Trung bình khá	668201	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4563	709-K43DQ1		Nguyễn Quốc	Cường	Nam	17/04/1984				Trung bình	668202	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4564	710-K43DQ1		Nguyễn Xuân	Cường	Nam	03/06/1970				Trung bình	668203	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4565	711-K43DQ1		Đặng Quốc	Dân	Nam	25/05/1985				Trung bình	668204	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4566	712-K43DQ1		Hoàng Mạnh	Hà	Nam	26/06/1984				Trung bình khá	668205	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4567	713-K43DQ1		Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	17/02/1983				Trung bình	668206	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4568	714-K43DQ1		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	28/01/1991				Trung bình khá	668207	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4569	715-K43DQ1		Đào Anh	Tú	Nam	13/08/1985				Trung bình khá	668208	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4570	716-K43DQ1		Lại Văn	Tường	Nam	16/09/1981				Trung bình	668209	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4571	717-K43DQ1		Phan Thị Hải	Uyên	Nữ	06/03/1977				Trung bình khá	668210	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4572	718-K43DQ2		Nguyễn Quân	Anh	Nam	16/06/1984				Trung bình	668211	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4573	719-K43DQ2		Nguyễn Duy	Dương	Nam	04/11/1987				Trung bình khá	668212	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4574	720-K43DQ2		Nguyễn Xuân	Dương	Nam	17/12/1981				Trung bình	668213	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4575	721-K43DQ2		Đặng Ngọc	Sơn	Nam	08/11/1987				Trung bình	668214	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4576	722-K43DQ2		Nguyễn Đình	Thùy	Nam	04/07/1986				Trung bình	668215	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4577	723-K43DQ4		Nguyễn Khánh	Bình	Nam	02/09/1981				Trung bình khá	668216	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4578	724-K43DQ4		Nguyễn Văn	Cường	Nam	10/04/1988				Trung bình khá	668217	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4579	725-K43DQ4		Nguyễn Văn	Đạo	Nam	13/08/1988				Trung bình khá	668218	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4580	726-K43DQ4		Trịnh Thị	Duyên	Nữ	27/09/1990				Trung bình khá	668219	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4581	727-K43DQ4		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	29/07/1984				Trung bình khá	668220	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4582	728-K43DQ4		Vũ Thị	Huệ	Nữ	10/04/1987				Trung bình khá	668221	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4583	729-K43DQ4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	26/03/1985				Trung bình khá	668222	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4584	730-K43DQ4		Vương Thanh	Huyền	Nữ	24/05/1989				Trung bình khá	668223	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4585	731-K43DQ4		Nguyễn Đức	Kiên	Nam	02/02/1987				Trung bình khá	668224	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4586	732-K43DQ4		Vũ Quang	Long	Nam	15/07/1989				Trung bình	668225	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4587	733-K43DQ4		Đào Ngọc	Minh	Nam	20/06/1987				Trung bình khá	668226	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4588	734-K43DQ4		Nguyễn Văn	Phác	Nam	06/12/1974				Trung bình khá	668227	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4589	735-K43DQ4		Nguyễn Minh	Sáng	Nam	19/10/1977				Trung bình	668228	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4590	736-K43DQ4		Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	20/11/1984				Trung bình khá	668229	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4591	737-K43DQ4		Nguyễn Thị	Thuần	Nữ	16/08/1987				Trung bình khá	668231	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4592	738-K43DQ4		Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	19/10/1986				Trung bình khá	668232	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4593	739-K43DQ4		Vũ Thị Thanh	Vân	Nữ	22/04/1989				Trung bình khá	668233	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4594	740-K43DQ5		Lê Thanh	Hòa	Nam	13/09/1988				Trung bình khá	668234	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4595	741-K43DQ5		Nguyễn Đình	Hoàn	Nam	10/09/1987				Trung bình khá	668235	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4596	742-K43DQ5		Nguyễn Tuyết	Hồng	Nữ	28/12/1987				Trung bình khá	668236	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4597	743-K43DQ5		Nguyễn Văn	Hưởng	Nam	25/10/1987				Trung bình khá	668237	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4598	744-K43DQ5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	03/02/1982				Trung bình khá	668238	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4599	745-K43DQ5		Bùi Dương	Huynh	Nam	10/10/1986				Trung bình	668239	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4600	746-K43DQ5		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	20/02/1987				Trung bình khá	668240	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4601	747-K43DQ5		Đỗ Hà	Phương	Nam	23/04/1989				Trung bình khá	668241	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4602	748-K43DQ5		Nguyễn Đình	Sỹ	Nam	02/06/1986				Trung bình	668242	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4603	749-K43DQ5		Phạm Hồng	Thái	Nam	14/08/1984				Trung bình khá	668243	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4604	750-K43DQ5		Nguyễn	Thọ	Nam	24/06/1986				Trung bình	668244	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4605	751-K43DQ5		Đỗ Đức	Thuấn	Nam	28/10/1991				Trung bình khá	668245	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4606	752-K43DQ5		Hoàng Thị	Thương	Nữ	18/03/1990				Trung bình khá	668246	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4607	753-K43DQ5		Nguyễn Bảo	Trung	Nam	09/07/1980				Trung bình khá	668247	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4608	754-K43DQ5		Nguyễn Đức	Trung	Nam	25/06/1983				Trung bình	668248	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4609	755-K43DQ5		Trần Văn	Tuyển	Nam	03/04/1979				Trung bình	668249	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4610	756-K39DQ2		Nguyễn Văn	Giáp	Nam	16/11/1984				Trung bình	668250	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4611	757-K41DQ1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	02/11/1985				Trung bình khá	668251	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4612	758-K41DQ2		Phạm Văn	Điểm	Nam	02/06/1983				Trung bình	668252	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4613	759-K42DQ4		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	22/03/1987				Trung bình	668253	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4614	760-K42DQ7		Hoàng Văn	Nam	Nam	20/01/1982				Trung bình	668254	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4615	761-K42DQ7		Vũ Thị	Tuyết	Nữ	25/06/1986				Trung bình khá	668255	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	94/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4616	762-K43DK2		Lưu Tuấn	Dương	Nam	13/12/1984				Trung bình	668256	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4617	763-K43DK3		Trần Thị Vân	Anh	Nữ	22/07/1987				Trung bình	668257	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4618	764-K43DK3		Nguyễn Thị	Đa	Nữ	15/05/1990				Trung bình	668258	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4619	765-K43DK3		Nguyễn Thị	Đoan	Nữ	10/04/1983				Trung bình khá	668259	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4620	766-K43DK3		Dương Tiến	Dũng	Nam	10/05/1984				Trung bình	668260	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4621	767-K43DK3		Hoàng	Hà	Nam	12/02/1984				Trung bình	668261	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4622	768-K43DK3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	19/10/1984				Trung bình khá	668262	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4623	769-K43DK3		Vũ Thị	Lan	Nữ	20/06/1986				Trung bình	668263	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4624	770-K43DK3		Đào Thị	Lanh	Nữ	20/02/1983				Trung bình	668264	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4625	771-K43DK3		Đỗ Thị Hồng	Liên	Nữ	13/03/1990				Trung bình	668265	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4626	772-K43DK3		Nguyễn Ngọc	Loan	Nữ	19/10/1986				Trung bình	668266	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4627	773-K43DK3		Giang Thị Thanh	Nga	Nữ	12/12/1984				Trung bình	668267	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4628	774-K43DK3		Văn Thị Quỳnh	Oanh	Nữ	26/02/1986				Trung bình	668268	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4629	775-K43DK3		Phan Anh	Quân	Nam	19/12/1988				Trung bình	668269	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4630	776-K43DK3		Nguyễn Thị	Sang	Nữ	27/04/1990				Trung bình	668270	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4631	777-K43DK3		Trần Thị	Thi	Nữ	10/09/1982				Trung bình	668271	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4632	778-K43DK3		Trần Thị	Thu	Nữ	19/01/1985				Trung bình	668272	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4633	779-K43DK4		Nguyễn Thị Bích	Đào	Nữ	20/09/1984				Trung bình khá	668273	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4634	780-K43DK4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	24/10/1986				Trung bình	668274	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4635	781-K43DK4		Vũ Thị	Hà	Nữ	02/06/1986				Trung bình	668275	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4636	782-K43DK4		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	15/08/1984				Trung bình khá	668276	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4637	783-K43DK4		Đinh Thị	Hòa	Nữ	25/12/1987				Trung bình	668277	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4638	784-K43DK4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	07/06/1984				Trung bình khá	668278	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4639	785-K43DK4		Đỗ Thị Hương	Lan	Nữ	27/12/1986				Trung bình	668279	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4640	786-K43DK4		Đặng Thùy	Linh	Nữ	16/01/1989				Trung bình	668280	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4641	787-K43DK4		Đỗ Thị Thúy	Mến	Nữ	04/11/1983				Trung bình khá	668281	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4642	788-K43DK4		Lê Thị	Nhàn	Nữ	30/05/1990				Trung bình	668282	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4643	789-K43DK4		Lê Thị	Phương	Nữ	28/02/1982				Trung bình khá	668283	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4644	790-K43DK4		Trần Thị	Phương	Nữ	11/04/1985				Trung bình	668284	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4645	791-K43DK4		Phạm Văn	Sáu	Nam	04/08/1961				Trung bình	668285	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4646	792-K43DK4		Nùng Thị	Thắm	Nữ	09/01/1985				Trung bình	668286	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4647	793-K43DK4		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	25/09/1987				Trung bình	668287	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4648	794-K43DK4		Đặng Thị	Thư	Nữ	07/07/1984				Trung bình khá	668288	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4649	795-K43DK4		Phan Thị	Trang	Nữ	16/01/1985				Trung bình	668289	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4650	796-K43DK4		Nghiêm Thị	Vân	Nữ	11/08/1987				Trung bình khá	668290	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4651	797-K43DK5		Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	25/03/1983				Trung bình	668291	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4652	798-K43DK5		Hoàng Thị	Thảo	Nữ	23/09/1983				Trung bình khá	668292	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4653	799-K43DK7		Lê Thị Hoài	An	Nữ	15/10/1986				Trung bình khá	668293	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4654	800-K43DK7		Phạm Văn	Đính	Nam	20/08/1986				Trung bình	668294	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4655	801-K43DK7		Lê Thị	Hà	Nữ	25/11/1983				Trung bình khá	668295	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4656	802-K43DK7		Ngô Thị Phương	Hà	Nữ	08/05/1978				Trung bình khá	668296	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4657	803-K43DK7		Phạm Thị Hồng	Hạnh	Nữ	13/10/1981				Trung bình	668297	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4658	804-K43DK7		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	07/03/1989				Trung bình	668298	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4659	805-K43DK7		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	09/11/1985				Trung bình khá	668299	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4660	806-K43DK7		Tô Văn	Lượng	Nam	21/04/1989				Trung bình	668300	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4661	807-K43DK7		Vũ Hoàng	Tâm	Nam	24/10/1982				Trung bình khá	667001	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4662	808-K43DK8		Nguyễn Văn	Chí	Nam	29/06/1983				Trung bình	667002	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4663	809-K43DK8		Tạ Thị	Gấm	Nữ	19/02/1988				Trung bình khá	667003	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4664	810-K43DK8		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	12/11/1979				Trung bình khá	667004	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4665	811-K43DK8		Nguyễn Thị Diệu	Huyền	Nữ	03/03/1986				Trung bình khá	667005	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4666	812-K43DK8		Vũ Duy	Khánh	Nam	27/12/1982				Trung bình khá	667006	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4667	813-K43DK8		Quách Diệu	Linh	Nữ	14/01/1982				Trung bình khá	667007	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4668	814-K43DK8		Phạm Phú	Minh	Nam	25/12/1982				Trung bình	667008	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4669	815-K43DK8		Bùi Đức	Ngọc	Nam	01/02/1984				Trung bình	667009	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4670	816-K43DK8		Đỗ Bích	Ngọc	Nữ	12/11/1987				Trung bình khá	667010	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4671	817-K43DK8		Lê Thị	Phúc	Nữ	06/06/1987				Trung bình	667011	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4672	818-K43DK8		Hà Thị Phương	Phương	Nữ	22/05/1988				Trung bình	667012	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4673	819-K43DK8		Mai ánh	Tuyết	Nữ	03/02/1981				Trung bình	667013	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4674	820-K43DK8		Nguyễn ánh	Tuyết	Nữ	13/12/1984				Trung bình khá	667014	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4675	821-K43DK9		Trần Thị Thu	Giang	Nữ	23/08/1986				Trung bình khá	667015	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4676	822-K43DK9		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	12/10/1983				Trung bình	667016	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4677	823-K43DK9		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	29/07/1981				Trung bình khá	667017	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4678	824-K43DK10		Cao Thị Yến	Anh	Nữ	20/02/1986				Trung bình khá	667018	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4679	825-K43DK10		Hoàng Thị	Cúc	Nữ	20/11/1984				Trung bình khá	667019	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4680	826-K43DK10		Ngô Minh	Đoàn	Nam	28/06/1989				Trung bình khá	667020	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4681	827-K43DK10		Tạ Thị Phương	Dung	Nữ	14/06/1990				Trung bình khá	667021	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4682	828-K43DK10		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	07/03/1989				Trung bình khá	667022	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4683	829-K43DK10		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	13/02/1987				Trung bình khá	667023	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4684	830-K43DK10		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20/10/1973				Trung bình khá	667024	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4685	831-K43DK10		Trần Thị	Hà	Nữ	01/10/1988				Trung bình khá	667025	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4686	832-K43DK10		Phạm Thanh	Hằng	Nữ	20/07/1990				Trung bình khá	667026	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4687	833-K43DK10		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	30/01/1988				Trung bình khá	667027	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4688	834-K43DK10		Nguyễn Thị Thúy	Hạnh	Nữ	03/12/1978				Trung bình khá	667028	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4689	835-K43DK10		Nguyễn Thúy	Hạnh	Nữ	09/01/1987				Trung bình khá	667029	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4690	836-K43DK10		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	22/09/1988				Trung bình khá	667030	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4691	837-K43DK10		Đỗ Thị	Hoài	Nữ	11/10/1987				Trung bình khá	667031	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4692	838-K43DK10		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	07/02/1984				Trung bình khá	667032	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4693	839-K43DK10		Đỗ Thị	Hợp	Nữ	01/05/1991				Khá	667033	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4694	840-K43DK10		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	21/09/1985				Trung bình khá	667034	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4695	841-K43DK10		Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	10/12/1980				Trung bình khá	667035	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4696	842-K43DK10		Nguyễn Đức	Lâm	Nam	15/03/1989				Trung bình khá	667036	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4697	843-K43DK10		Trần Thị	Lan	Nữ	17/04/1990				Trung bình khá	667037	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4698	844-K43DK10		Nguyễn Thùy	linh	Nữ	27/02/1987				Trung bình khá	667038	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4699	845-K43DK10		Phan Thị	Ngân	Nữ	03/08/1990				Trung bình khá	667039	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4700	846-K43DK10		Dương Thảo	Quyên	Nữ	11/12/1990				Trung bình khá	667040	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4701	847-K43DK10		Vũ Thị Tuyết	Sinh	Nữ	12/12/1987				Trung bình khá	667041	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4702	848-K43DK10		Lê Thị	Thúy	Nữ	20/06/1986				Trung bình khá	667042	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4703	849-K43DK10		Trần Thị	Thùy	Nữ	05/02/1990				Trung bình	667043	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4704	850-K43DK10		Đinh Thu	Trang	Nữ	16/11/1990				Trung bình khá	667044	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4705	851-K43DK10		Phạm Thị	Tuyết	Nữ	10/08/1988				Trung bình khá	667045	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4706	852-K43DK10		Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	10/12/1986				Trung bình khá	667046	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4707	853-K43DK10		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	20/01/1989				Trung bình khá	667047	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4708	854-K43DK10		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	07/07/1984				Trung bình khá	667048	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4709	855-K43DK11		Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	13/08/1988				Trung bình khá	667049	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4710	856-K43DK11		Lưu Thị Kim	Anh	Nữ	22/08/1990				Trung bình khá	667050	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4711	857-K43DK11		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	25/10/1986				Trung bình khá	667051	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4712	858-K43DK11		Nguyễn Thị Minh	Diễn	Nữ	25/05/1985				Trung bình khá	667052	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4713	859-K43DK11		Nguyễn Việt	Đức	Nam	31/03/1991				Trung bình khá	667053	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4714	860-K43DK11		Trần Thị Hương	Giang	Nữ	30/08/1981				Trung bình khá	667054	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4715	861-K43DK11		Tạ Thu	Hà	Nữ	28/08/1986				Trung bình khá	667055	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4716	862-K43DK11		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	06/11/1987				Trung bình	667056	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4717	863-K43DK11		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	19/02/1990				Trung bình khá	667057	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4718	864-K43DK11		Trần Thị	Hiên	Nữ	28/12/1990				Trung bình	667058	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4719	865-K43DK11		Đào Thị	Hiền	Nữ	30/09/1988				Trung bình khá	667059	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4720	866-K43DK11		Phạm Thị Thanh	Hoa	Nữ	10/09/1986				Trung bình khá	667060	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4721	867-K43DK11		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	03/11/1988				Trung bình khá	667061	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4722	868-K43DK11		Đào Thị	Hồi	Nữ	14/04/1979				Trung bình khá	667062	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4723	869-K43DK11		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/01/1990				Trung bình khá	667063	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4724	870-K43DK11		Nguyễn Thị Bích	Hường	Nữ	11/07/1983				Trung bình khá	667064	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4725	871-K43DK11		Nguyễn Thị	Khanh	Nữ	15/06/1983				Trung bình khá	667065	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4726	872-K43DK11		Ngô Thị	Mai	Nữ	28/03/1990				Trung bình khá	667066	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4727	873-K43DK11		Nguyễn Thành	Minh	Nam	06/01/1990				Trung bình	667067	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4728	874-K43DK11		Bùi Thị Yến	Nhung	Nữ	25/07/1989				Trung bình khá	667068	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4729	875-K43DK11		Trần Thị	Phương	Nữ	02/03/1988				Trung bình khá	667069	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4730	876-K43DK11		Lâm Thị	Thắm	Nữ	08/11/1979				Trung bình khá	667070	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4731	877-K43DK11		Đỗ Thị	Thúy	Nữ	27/05/1990				Trung bình khá	667071	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4732	878-K43DK11		Đoàn Thị Thu	Thủy	Nữ	20/05/1987				Trung bình khá	667072	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4733	879-K43DK11		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	10/07/1990				Trung bình khá	667073	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4734	880-K43DK11		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	25/12/1989				Trung bình khá	667074	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4735	881-K43DK11		Vũ Thị Khánh	Vân	Nữ	04/09/1983				Trung bình	667075	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4736	882-K43DK11		Đào Thị	Yến	Nữ	20/09/1988				Trung bình khá	667076	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4737	883-K43DK12		Nguyễn Hữu Hoàng	Anh	Nam	11/03/1991				Trung bình khá	667077	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4738	884-K43DK12		Bùi Thị Thanh	Bình	Nữ	24/07/1988				Trung bình khá	667078	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4739	885-K43DK12		Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	08/06/1981				Trung bình	667079	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4740	886-K43DK12		Lại Thị	Duyên	Nữ	11/11/1989				Trung bình khá	667080	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4741	887-K43DK12		Hoàng Thị	Giang	Nữ	20/10/1985				Trung bình	667081	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4742	888-K43DK12		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	26/08/1986				Trung bình	667082	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4743	889-K43DK12		Bùi Thị	Hiền	Nữ	17/05/1984				Trung bình khá	667083	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4744	890-K43DK12		Bùi Thị Thu	Hiền	Nữ	28/10/1990				Trung bình khá	667084	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4745	891-K43DK12		Lương Ngọc	Hoàng	Nam	07/021985				Trung bình	667085	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4746	892-K43DK12		Phan Thị	Hường	Nữ	22/07/1987				Trung bình khá	667086	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4747	893-K43DK12		Nguyễn Đức Thị Ngọc	Lan	Nữ	20/03/1984				Trung bình khá	667087	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4748	894-K43DK12		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	17/09/1986				Trung bình	667088	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4749	895-K43DK12		Đào Thị	Lợi	Nữ	15/03/1987				Trung bình khá	667089	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4750	896-K43DK12		Nguyễn Thị	Na	Nữ	14/01/1986				Trung bình	667090	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4751	897-K43DK12		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	10/09/1981				Trung bình khá	667091	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4752	898-K43DK12		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	22/10/1990				Trung bình khá	667092	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4753	899-K43DK12		Phạm Thị	Thảo	Nữ	25/04/1981				Trung bình	667093	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4754	900-K43DK12		Bùi Thu	Trang	Nữ	03/09/1984				Trung bình khá	667094	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4755	901-K43DK12		Đặng Huyền	Trang	Nữ	12/08/1990				Trung bình khá	667095	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4756	902-K43DK12		Trịnh Thị	Tươi	Nữ	22/10/1986				Trung bình khá	667096	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4757	903-K43DK12		Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	31/10/1989				Trung bình	667097	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4758	904-K43DK13		Nguyễn Như	Định	Nam	07/11/1984				Trung bình	667098	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4759	905-K43DK13		Phạm Thị Thanh	Dung	Nữ	13/03/1989				Trung bình khá	667099	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4760	906-K43DK13		Vũ Thị	Hà	Nữ	22/08/1972				Trung bình khá	667100	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4761	907-K43DK13		Phạm Thị	Hằng	Nữ	20/07/1986				Trung bình khá	667101	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4762	908-K43DK13		Trịnh Thị	Hằng	Nữ	11/08/1986				Trung bình	667102	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4763	909-K43DK13		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	25/08/1988				Trung bình khá	667103	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4764	910-K43DK13		Chu Thị	Khương	Nữ	10/03/1982				Trung bình khá	667104	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4765	911-K43DK13		Phùng Thị Thanh	Nhàn	Nữ	02/09/1987				Trung bình	667105	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4766	912-K43DK13		Nguyễn Thị	Như	Nữ	12/07/1984				Trung bình	667106	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4767	913-K43DK13		Đào Thị	Sen	Nữ	13/04/1985				Trung bình khá	667107	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4768	914-K43DK13		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	27/06/1989				Trung bình khá	667108	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4769	915-K43DK13		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	03/08/1990				Trung bình khá	667109	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4770	916-K43DK13		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	12/07/1988				Trung bình khá	667110	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4771	917-K43DK13		Phạm Thị	Tuyền	Nữ	14/04/1989				Trung bình khá	667111	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4772	918-K43DK13		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	08/02/1988				Trung bình khá	667112	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4773	919-K43DK13		Phan Thị	Vân	Nữ	26/02/1990				Trung bình	667113	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4774	920-K43DK13		Đỗ Thị	Yến	Nữ	26/06/1987				Trung bình	667114	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4775	921-K39DK8		Đặng Thị Thu	Huyền	Nữ	19/02/1980				Trung bình khá	667115	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4776	922-K40DK13		Lê Thị	Huế	Nữ	16/04/1982				Trung bình	667116	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4777	923-K40DK13		Nghiêm Thị Khánh	Ly	Nữ	12/12/1984				Trung bình	667117	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4778	924-K40DK21		Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	12/09/1986				Trung bình	667118	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4779	925-K40DK3		Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	09/11/1982				Trung bình	667119	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4780	926-K41DK15		Phạm Kiên	Cường	Nam	16/08/1985				Trung bình khá	667120	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4781	927-K41DK9		Phạm Thị ánh	Hà	Nữ	28/02/1987				Trung bình	667121	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4782	928-K42DK3		Phạm Thị Kiều	Trang	Nữ	04/10/1983				Trung bình	667122	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4783	929-K42DK4		Lê Đình	Chinh	Nam	18/01/1981				Trung bình	667123	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4784	930-K42DK9		Mẫu Đức	Thắng	Nam	03/10/1984				Trung bình	667124	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4785	931-K42DK11		Phạm Quang	Hưng	Nam	27/12/1989				Trung bình	667125	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4786	932-K42DK12		Lê Đình	Hòa	Nam	14/02/1986				Trung bình khá	667126	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4787	933-K42DK13		Nguyễn Thị	Lành	Nữ	10/04/1983				Trung bình	667127	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4788	934-K42DK14		Đào Quang	Sáng	Nam	14/12/1980				Trung bình	667128	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4789	935-K42DK14		Phạm Ngọc	Tuấn	Nam	24/10/1980				Trung bình khá	667129	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4790	936-K42DK14		Phạm Quốc	Lập	Nam	29/09/1981				Trung bình	667130	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4791	937-K42DK16		Hoàng Đăng	Khoa	Nam	25/12/1981				Trung bình	667131	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4792	938-K42DK16		Lương Thị	Quyên	Nữ	06/01/1985				Trung bình khá	667132	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	95/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4793	939-K44BK1		Hoàng Đức	Hoàn	Nam	25/03/1980				Trung bình	667133	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	96/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4794	940-K44BK1		Lê Thị	Thúy	Nữ	26/11/1984				Trung bình	667134	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	96/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4795	941-K44BK2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	25/08/1987				Trung bình	667135	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	96/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4796	942-K44BK2		Hồ Thị	Quyên	Nữ	14/07/1980				Trung bình khá	667136	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	96/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 25/02/2014	
4797	943-K43DK14		Hà Thị Thanh	Bình	Nữ	15/11/1977				Trung bình khá	667249	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4798	944-K43DK14		Trần Văn	Bộ	Nam	19/01/1981				Trung bình	667250	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4799	945-K43DK14		Mai Thị Nguyệt	Cầm	Nữ	31/08/1981				Trung bình	667251	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4800	946-K43DK14		Nguyễn Văn	Công	Nam	04/11/1978				Trung bình	667252	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4801	947-K43DK14		Kiều Việt	Cường	Nam	21/03/1978				Trung bình	667253	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4802	948-K43DK14		Nguyễn Khắc	Duệ	Nam	18/09/1983				Trung bình	667254	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4803	949-K43DK14		Đỗ Thị	Dung	Nữ	23/10/1986				Trung bình khá	667255	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4804	950-K43DK14		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	27/12/1990				Trung bình khá	667256	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4805	951-K43DK14		Nguyễn Đăng	Hà	Nam	08/06/1969				Trung bình	667257	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4806	952-K43DK14		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	16/08/1987				Trung bình	667258	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4807	953-K43DK14		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/09/1982				Trung bình	667259	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4808	954-K43DK14		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	06/09/1986				Trung bình khá	667260	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4809	955-K43DK14		Dương Thị Hồng	Hạnh	Nữ	08/04/1984				Trung bình	667261	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4810	956-K43DK14		Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	15/08/1987				Trung bình khá	667262	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4811	957-K43DK14		Hoàng	Hạnh	Nam	25/03/1979				Trung bình khá	667263	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4812	958-K43DK14		Lê Thị	Hiền	Nữ	25/09/1984				Trung bình khá	667264	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4813	959-K43DK14		Vũ Thị	Hiền	Nữ	08/07/1987				Trung bình khá	667265	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4814	960-K43DK14		Đàm Trung	Hiếu	Nam	17/04/1984				Trung bình	667266	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4815	961-K43DK14		Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	08/12/1988				Trung bình khá	667267	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4816	962-K43DK14		Đỗ Thị	Hồng	Nữ	21/12/1982				Trung bình khá	667268	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4817	963-K43DK14		Nguyễn Thị Bích	Hồng	Nữ	17/08/1990				Trung bình	667269	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4818	964-K43DK14		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	06/03/1974				Trung bình khá	667270	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4819	965-K43DK14		Nguyễn Minh	Huấn	Nam	14/05/1969				Trung bình khá	667271	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4820	966-K43DK14		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	25/06/1984				Trung bình khá	667272	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4821	967-K43DK14		Phạm Thị Kim	Hương	Nữ	29/08/1975				Trung bình khá	667273	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4822	968-K43DK14		Trần Thị Thanh	Hường	Nữ	14/12/1981				Trung bình khá	667274	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4823	969-K43DK14		Đặng Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/10/1984				Trung bình khá	667275	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4824	970-K43DK14		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	03/11/1986				Trung bình khá	667276	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4825	971-K43DK14		Vũ Thị	Huyền	Nữ	28/06/1982				Trung bình khá	667277	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4826	972-K43DK14		Phạm Thị	Loan	Nữ	05/02/1989				Trung bình khá	667278	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4827	973-K43DK14		Nguyễn Gia	Long	Nam	13/07/1976				Trung bình khá	667279	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4828	974-K43DK14		Nguyễn Văn	Lương	Nam	07/10/1984				Trung bình khá	667280	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4829	975-K43DK14		Nguyễn Văn	Minh	Nam	09/11/1984				Trung bình khá	667281	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4830	976-K43DK14		Vũ Huy	Mùi	Nam	19/10/1979				Trung bình	667282	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4831	977-K43DK14		Đinh Thị	Nga	Nữ	13/02/1988				Trung bình khá	667283	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4832	978-K43DK14		Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	12/11/1975				Trung bình khá	667284	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4833	979-K43DK14		Vũ Ngọc	Nghĩa	Nữ	21/11/1983				Trung bình khá	667285	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4834	980-K43DK14		Nguyễn Văn	Nguyên	Nam	05/01/1981				Trung bình khá	667286	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4835	981-K43DK14		Đỗ Thị	Nhài	Nữ	20/12/1982				Trung bình	667287	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4836	982-K43DK14		Hoàng Thị Hồng	Nhung	Nữ	25/10/1991				Trung bình	667288	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4837	983-K43DK14		Đường Thị	Phương	Nữ	02/08/1988				Trung bình khá	667289	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4838	984-K43DK14		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	16/03/1984				Trung bình khá	667290	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4839	985-K43DK14		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	07/08/1987				Trung bình khá	667291	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4840	986-K43DK14		Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	03/10/1983				Trung bình	667292	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4841	987-K43DK14		Cao Thị	Thái	Nữ	10/09/1979				Trung bình	667293	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4842	988-K43DK14		Phạm Thị Hồng	Thắm	Nữ	18/09/1987				Trung bình khá	667294	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4843	989-K43DK14		Nguyễn Văn	Thân	Nam	14/08/1982				Trung bình	667295	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4844	990-K43DK14		Dương Bách	Thắng	Nam	17/10/1978				Trung bình khá	667296	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4845	991-K43DK14		Trần Quang	Thắng	Nam	20/09/1983				Trung bình	667297	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4846	992-K43DK14		Đỗ Thị Thu	Thảo	Nữ	10/02/1980				Trung bình khá	667298	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4847	993-K43DK14		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	15/08/1988				Trung bình khá	667299	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4848	994-K43DK14		Phạm Thị	Thìn	Nữ	24/10/1976				Trung bình	667300	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4849	995-K43DK14		Trần Thị Kim	Thơm	Nữ	10/03/1986				Trung bình khá	667301	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4850	996-K43DK14		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	17/02/1979				Trung bình khá	667302	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4851	997-K43DK14		Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	26/12/1982				Trung bình khá	667303	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4852	998-K43DK14		Nguyễn Khắc	Thuận	Nam	08/08/1978				Trung bình	667304	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4853	999-K43DK14		Phạm Thị Minh	Thuận	Nữ	21/07/1977				Trung bình khá	667305	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4854	1000-K43DK14		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	17/03/1982				Trung bình khá	667306	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4855	1001-K43DK14		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	02/10/1984				Trung bình khá	667307	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4856	1002-K43DK14		Vũ Thị Minh	Trang	Nữ	18/09/1982				Trung bình khá	667308	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4857	1003-K43DK14		Ngô Quang	Trung	Nam	04/04/1986				Trung bình khá	667309	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4858	1004-K43DK14		Nguyễn Khắc	Trung	Nam	11/01/1979				Trung bình khá	667310	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4859	1005-K43DK14		Nguyễn Tuấn	Tuấn	Nam	10/11/1981				Trung bình khá	667311	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4860	1006-K43DK14		Nguyễn Đình	Tùng	Nam	10/08/1980				Trung bình	667312	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4861	1007-K43DK14		Nguyễn Tố	Uyên	Nữ	08/12/1974				Trung bình khá	667313	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4862	1008-K43DK14		Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	19/07/1986				Trung bình khá	667314	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4863	1009-K43DK14		Phạm Thị	Xuân	Nữ	16/02/1987				Trung bình khá	667315	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4864	1010-K43DK14		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	31/05/1985				Trung bình khá	667316	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	317/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4865	1011-K43DK3		Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	27/07/1986				Trung bình	667317	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4866	1012-K43DK4		Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	01/07/1990				Trung bình	667318	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4867	1013-K43DK7		Trần Thị Phương	Thuý	Nữ	10/12/1983				Trung bình	667319	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4868	1014-K43DK8		Hoàng Thị	ải	Nữ	01/10/1987				Trung bình khá	667320	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4869	1015-K43DK8		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	15/12/1987				Trung bình khá	667321	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4870	1016-K43DK8		Phí Thị	Nhàn	Nữ	27/09/1986				Trung bình	667322	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4871	1017-K43DK9		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	28/08/1985				Trung bình khá	667323	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4872	1018-K43DK10		Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	21/05/1988				Trung bình khá	667324	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4873	1019-K43DK10		Vũ Thị Trang	Nhung	Nữ	24/02/1989				Trung bình khá	667325	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4874	1020-K43DK10		Trần Thị Mai	Phương	Nữ	09/11/1989				Trung bình khá	667326	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4875	1021-K43DK10		Mai Thị Hoài	Thương	Nữ	19/11/1988				Trung bình khá	667327	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4876	1022-K43DK11		Đinh Thị	Ngân	Nữ	17/09/1990				Trung bình khá	667328	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4877	1023-K43DK11		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	15/09/1986				Trung bình khá	667329	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4878	1024-K43DK11		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20/03/1989				Trung bình	667330	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4879	1025-K43DK11		Trần Thị	Trầm	Nữ	24/09/1984				Trung bình khá	667331	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4880	1026-K43DK12		Đào Thị	Hồng	Nữ	04/05/1987				Trung bình	667332	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4881	1027-K43DK12		Trần Thanh	Huyền	Nữ	29/10/1981				Trung bình khá	667333	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4882	1028-K43DK12		Bùi Thị Thu	Thuỷ	Nữ	09/07/1985				Trung bình khá	667334	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4883	1029-K43DK12		Bùi Thị Thu	Trang	Nữ	02/06/1986				Trung bình khá	667335	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4884	1030-K43DK13		Lê Thị Lan	Mai	Nữ	17/06/1988				Trung bình khá	667336	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4885	1031-K43DK13		Đào Thị	Ngân	Nữ	30/10/1986				Trung bình khá	667337	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4886	1032-K43DK13		Đặng Thị Minh	Thư	Nữ	16/06/1991				Trung bình	667338	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4887	1033-K43DK13		Nguyễn Thị	Thuý	Nữ	08/10/1986				Trung bình khá	667339	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4888	1034-K43DK13		Lưu Thị	Thuỳ	Nữ	24/01/1988				Trung bình	667340	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4889	1035-K43DK15		Đào Thị Vân	Anh	Nữ	15/02/1981				Trung bình khá	667341	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4890	1036-K43DK15		Mai Tuấn	Anh	Nam	14/09/1985				Trung bình khá	667342	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4891	1037-K43DK15		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	05/04/1985				Trung bình khá	667343	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4892	1038-K43DK15		Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	14/10/1985				Trung bình khá	667344	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4893	1039-K43DK15		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	01/11/1984				Trung bình khá	667345	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4894	1040-K43DK15		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	13/11/1978				Trung bình khá	667346	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4895	1041-K43DK15		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	26/09/1983				Trung bình khá	667347	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4896	1042-K43DK15		Lê Bích	Diệp	Nữ	25/12/1988				Trung bình khá	667348	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4897	1043-K43DK15		Đinh Thị	Dự	Nữ	22/11/1981				Trung bình khá	667349	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4898	1044-K43DK15		Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	Nữ	17/09/1985				Trung bình khá	667350	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4899	1045-K43DK15		Bùi Thị	Hà	Nữ	06/03/1985				Trung bình khá	667351	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4900	1046-K43DK15		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	09/07/1989				Trung bình khá	667352	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4901	1047-K43DK15		Nguyễn Thuý	Hằng	Nữ	20/10/1984				Trung bình khá	667353	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4902	1048-K43DK15		Lương Thị	Hiên	Nữ	19/09/1987				Trung bình khá	667354	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4903	1049-K43DK15		Hà Thị Thu	Hiền	Nữ	25/09/1983				Trung bình khá	667355	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4904	1050-K43DK15		Đỗ Thị	Hồng	Nữ	11/07/1982				Trung bình khá	667356	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4905	1051-K43DK15		Nguyễn Minh	Hồng	Nữ	15/08/1988				Trung bình khá	667357	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4906	1052-K43DK15		Nguyễn Đức	Hùng	Nam	23/10/1987				Trung bình	667358	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4907	1053-K43DK15		Lại Thu	Hương	Nữ	04/07/1984				Trung bình khá	667359	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4908	1054-K43DK15		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	18/12/1983				Trung bình khá	667360	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4909	1055-K43DK15		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	16/08/1981				Trung bình khá	667435	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4910	1056-K43DK15		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	01/10/1981				Trung bình khá	667361	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4911	1057-K43DK15		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	01/06/1984				Trung bình khá	667362	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4912	1058-K43DK15		Đại Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/10/1982				Trung bình khá	667363	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4913	1059-K43DK15		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	10/09/1987				Trung bình khá	667364	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4914	1060-K43DK15		Ngô Thị Tân	Huyền	Nữ	16/11/1981				Trung bình khá	667365	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4915	1061-K43DK15		Nguyễn Văn	Khoa	Nam	03/10/1980				Trung bình khá	667366	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4916	1062-K43DK15		Nguyễn Thị Thu	Khương	Nữ	21/12/1987				Trung bình khá	667367	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4917	1063-K43DK15		Trần Thị	Loan	Nữ	28/07/1984				Trung bình khá	667368	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4918	1064-K43DK15		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	13/08/1991				Trung bình khá	667369	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4919	1065-K43DK15		Nguyễn Văn	Minh	Nam	20/07/1983				Trung bình	667370	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4920	1066-K43DK15		Nguyễn Minh	Ngọc	Nam	31/03/1979				Trung bình khá	667371	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4921	1067-K43DK15		Nguyễn Thị ánh	Ngọc	Nữ	18/08/1991				Trung bình khá	667372	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4922	1068-K43DK15		Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	20/04/1991				Trung bình khá	667373	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4923	1069-K43DK15		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	18/05/1991				Trung bình khá	667374	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4924	1070-K43DK15		Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	15/09/1985				Trung bình khá	667375	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4925	1071-K43DK15		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	09/07/1987				Trung bình khá	667376	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4926	1072-K43DK15		Đỗ Thị Quyên	Quyên	Nữ	22/08/1986				Trung bình khá	667377	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4927	1073-K43DK15		Nguyễn Thị Thanh	Quỳnh	Nữ	17/12/1990				Trung bình khá	667378	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4928	1074-K43DK15		Trần Ngọc	Sơn	Nam	05/10/1987				Trung bình khá	667379	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4929	1075-K43DK15		Đỗ Công	Thanh	Nam	22/03/1982				Trung bình khá	667380	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4930	1076-K43DK15		Nguyễn Thị Kim	Thanh	Nữ	22/01/1973				Trung bình khá	667381	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4931	1077-K43DK15		Nguyễn Việt	Trung	Nam	30/03/1988				Trung bình khá	667382	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4932	1078-K43DK15		Trần Ngọc	Tú	Nam	12/04/1990				Trung bình	667383	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4933	1079-K43DK15		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	25/05/1986				Trung bình khá	667384	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4934	1080-K43DK15		Lê Thị Hải	Yến	Nữ	28/08/1986				Trung bình khá	667385	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4935	1081-K43DK15		Bùi Thị Hải	Yến	Nữ	17/10/1984				Trung bình khá	667386	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4936	1082-K43DK16		Đoàn Thị Hồng	An	Nữ	05/02/1986				Trung bình khá	667387	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4937	1083-K43DK16		Lê Thị	Anh	Nữ	09/07/1991				Trung bình khá	667388	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4938	1084-K43DK16		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	10/11/1977				Trung bình khá	667389	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4939	1085-K43DK16		Trần Thị	Chúc	Nữ	10/08/1983				Trung bình khá	667390	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4940	1086-K43DK16		Nguyễn Văn	Công	Nam	24/05/1987				Trung bình khá	667391	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4941	1087-K43DK16		Lưu Minh	Cường	Nam	06/08/1976				Trung bình khá	667392	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4942	1088-K43DK16		Nguyễn Văn	Đạo	Nam	11/04/1979				Trung bình khá	667393	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4943	1089-K43DK16		Bùi Ngọc	Diệp	Nữ	05/05/1980				Trung bình khá	667394	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4944	1090-K43DK16		Triệu Hồng	Giang	Nữ	03/10/1988				Trung bình khá	667395	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4945	1091-K43DK16		Ngô Sơn	Hà	Nam	29/08/1986				Trung bình khá	667396	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4946	1092-K43DK16		Phạm Thị	Hà	Nữ	10/05/1989				Trung bình khá	667397	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4947	1093-K43DK16		Trương Thị	Hải	Nữ	10/11/1986				Trung bình khá	667398	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4948	1094-K43DK16		Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	19/12/1980				Trung bình khá	667399	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4949	1095-K43DK16		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	16/08/1982				Trung bình khá	667400	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4950	1096-K43DK16		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	27/10/1983				Trung bình khá	667401	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4951	1097-K43DK16		Phạm Thị	Hoa	Nữ	19/03/1990				Trung bình khá	667402	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4952	1098-K43DK16		Trần Minh	Hoà	Nam	10/10/1985				Trung bình khá	668085	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4953	1099-K43DK16		Trịnh Thanh	Hồng	Nữ	11/11/1985				Trung bình khá	667404	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4954	1100-K43DK16		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	19/12/1982				Khá	667405	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4955	1101-K43DK16		Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nữ	29/06/1985				Trung bình khá	667406	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4956	1102-K43DK16		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	30/07/1989				Trung bình khá	667407	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4957	1103-K43DK16		Hoàng Thị Tố	Liên	Nữ	21/11/1982				Trung bình khá	667408	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4958	1104-K43DK16		Nguyễn Thuỳ	Linh	Nữ	22/01/1982				Trung bình khá	667409	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4959	1105-K43DK16		Đoàn Thị Hồng	Mai	Nữ	05/02/1989				Trung bình khá	667410	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4960	1106-K43DK16		Trần Thị	Nga	Nữ	16/10/1982				Trung bình khá	667411	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4961	1107-K43DK16		Đoàn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	15/10/1988				Trung bình khá	667412	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4962	1108-K43DK16		Bùi Thị	Nhung	Nữ	19/03/1984				Trung bình khá	667413	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4963	1109-K43DK16		Lã Thị	Nhung	Nữ	12/03/1981				Trung bình khá	667414	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4964	1110-K43DK16		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	22/12/1982				Trung bình khá	667415	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
4965	1111-K43DK16		Đoàn Minh	Phương	Nữ	25/01/1984				Trung bình khá	667416	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4966	1112-K43DK16		Hoàng Thị	Thắng	Nữ	06/03/1982				Trung bình khá	667417	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4967	1113-K43DK16		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	17/08/1983				Trung bình khá	667418	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4968	1114-K43DK16		Đặng Văn	Thêm	Nam	26/06/1975				Trung bình khá	667419	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4969	1115-K43DK16		Nguyễn Thị Kim	Thu	Nữ	23/09/1984				Trung bình khá	667420	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4970	1116-K43DK16		Nguyễn Xuân	Thu	Nữ	28/11/1991				Trung bình khá	667421	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4971	1117-K43DK16		Nguyễn Thị	Thuý	Nữ	11/11/1983				Trung bình khá	667422	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4972	1118-K43DK16		Đặng Thị	Thúy	Nữ	26/11/1982				Trung bình khá	667423	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4973	1119-K43DK16		Cao Hiền	Trang	Nữ	19/04/1990				Trung bình khá	667424	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4974	1120-K43DK16		Lê Xuân	Trường	Nam	14/06/1981				Trung bình khá	667425	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4975	1121-K43DK16		Nguyễn Văn	Trường	Nam	07/10/1989				Trung bình khá	667426	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4976	1122-K43DK16		Đoàn Thị	Tuyền	Nữ	17/07/1987				Trung bình khá	667427	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4977	1123-K39DK6		Trần Thị	Lê	Nữ	06/11/1984				Trung bình	667428	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4978	1124-K40DK23		Đặng Thị Nguyệt	Minh	Nữ	23/10/1986				Trung bình khá	667429	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4979	1125-K40DK7		Vũ Đình	Trung	Nam	08/10/1986				Trung bình	667430	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4980	1126-K41DK10		Tống Thị	Hường	Nữ	19/10/1985				Trung bình khá	667431	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4981	1127-K41DK15		Bùi Thị	Hoa	Nữ	29/08/1987				Trung bình khá	667432	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4982	1128-K41DK16		Ngô Thị Lan	Anh	Nữ	02/08/1982				Trung bình	667433	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4983	1129-K42DK6		Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	27/09/1987				Trung bình khá	667434	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	318/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4984	1130-K43DQ1		Hoàng Văn	Hải	Nam	08/08/1986				Trung bình	667436	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4985	1131-K43DQ2		Nguyễn Hữu	Chiến	Nam	30/11/1989				Trung bình	667437	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4986	1132-K43DQ2		Lê Xuân	Hợp	Nam	19/07/1980				Trung bình	667438	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4987	1133-K43DQ2		Lê Huy	Nam	Nam	06/09/1982				Trung bình khá	667439	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4988	1134-K43DQ2		Vũ Đình	Nhu	Nam	20/11/1986				Trung bình	667440	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4989	1135-K43DQ2		Nguyễn Trường	Quang	Nam	25/01/1988				Trung bình	667441	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4990	1136-K43DQ2		Võ Tiến	Sĩ	Nam	10/09/1990				Trung bình	667442	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4991	1137-K43DQ2		Nguyễn Thanh	Thuý	Nữ	10/07/1988				Trung bình	667443	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4992	1138-K43DQ2		Nguyễn Đình	Vinh	Nam	23/08/1987				Trung bình	667444	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4993	1139-K43DQ3		Nguyễn Thúy	Hà	Nữ	20/03/1975				Trung bình	667445	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4994	1140-K43DQ3		Đặng Ngọc	Hiển	Nam	06/08/1981				Trung bình	667446	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4995	1141-K43DQ3		Hoàng Vĩnh	Lâm	Nam	04/01/1976				Trung bình	667447	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4996	1142-K43DQ3		Nguyễn Viết	Linh	Nam	12/06/1984				Trung bình	667448	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4997	1143-K43DQ3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	02/01/1986				Trung bình khá	667449	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4998	1144-K43DQ3		Trương Quốc	Trường	Nam	02/09/1979				Trung bình	667450	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
4999	1145-K43DQ3		Trần Mạnh	Tuấn	Nam	09/07/1968				Trung bình khá	667451	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5000	1146-K43DQ4		Dương Thị Lan	Anh	Nữ	17/07/1990				Trung bình	667452	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5001	1147-K43DQ4		Lê Kỳ	Anh	Nam	14/04/1989				Trung bình	667453	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5002	1148-K43DQ4		Trần Hữu	Chính	Nam	12/12/1986				Trung bình	667454	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5003	1149-K43DQ4		Trần Thị	Dung	Nữ	05/05/1988				Trung bình khá	667455	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5004	1150-K43DQ4		Nguyễn Đức	Được	Nam	06/06/1990				Trung bình khá	667456	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5005	1151-K43DQ4		Đàm Thị Thu	Hiền	Nữ	13/10/1986				Trung bình khá	667457	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5006	1152-K43DQ4		Đặng Văn	Khởi	Nam	09/07/1985				Trung bình	667458	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5007	1153-K43DQ4		Nguyễn Đình	Long	Nam	19/07/1987				Trung bình khá	667459	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5008	1154-K43DQ4		Đinh Công	Nhất	Nam	15/02/1988				Trung bình	667460	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5009	1155-K43DQ4		Phạm Hữu	Nhất	Nam	26/11/1987				Trung bình	667461	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5010	1156-K43DQ4		Đặng Trần	Phương	Nam	04/06/1985				Trung bình	667462	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5011	1157-K43DQ4		Vũ Đình	Quân	Nam	02/03/1984				Trung bình khá	667463	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5012	1158-K43DQ4		Lê Minh	Tâm	Nam	20/02/1988				Trung bình	667464	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5013	1159-K43DQ4		Hoàng Duy	Thanh	Nam	25/12/1987				Trung bình	667684	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5014	1160-K43DQ4		Mạc Thị	Thảo	Nữ	10/12/1987				Khá	667466	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5015	1161-K43DQ4		Trần Đức	Thọ	Nam	08/04/1984				Trung bình	667467	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5016	1162-K43DQ4		Lưu Thanh	Thoả	Nam	04/08/1984				Trung bình khá	667468	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5017	1163-K43DQ4		Nguyễn Khắc	Tiến	Nam	30/03/1990				Trung bình khá	667469	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5018	1164-K43DQ4		Triệu Thị	Trang	Nữ	16/10/1990				Trung bình khá	667470	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5019	1165-K43DQ4		Hoàng Mạnh	Trường	Nam	03/05/1983				Trung bình	667471	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5020	1166-K43DQ4		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	05/09/1982				Trung bình	667472	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5021	1167-K43DQ4		Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	11/08/1984				Trung bình khá	667473	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5022	1168-K43DQ4		Nghiêm Tuấn	Vũ	Nam	03/11/1990				Trung bình khá	667474	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5023	1169-K43DQ5		Trần Hồng	Bảo	Nam	02/10/1982				Trung bình khá	667475	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5024	1170-K43DQ5		Phan Tuấn	Danh	Nam	08/03/1986				Trung bình khá	667476	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5025	1171-K43DQ5		Bùi Minh	Đức	Nam	10/10/1985				Trung bình	667477	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5026	1172-K43DQ5		Bùi Hồng	Dương	Nam	16/06/1990				Trung bình	667478	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5027	1173-K43DQ5		Đào Ngọc	Hùng	Nam	03/08/1986				Trung bình khá	667479	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5028	1174-K43DQ5		Trần Văn	Hưng	Nam	01/08/1986				Trung bình khá	667480	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5029	1175-K43DQ5		Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	20/03/1982				Trung bình	667481	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5030	1176-K43DQ5		Cao Thành	Nhất	Nam	20/06/1989				Trung bình	667482	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5031	1177-K43DQ5		Đoàn Văn	Tài	Nam	09/10/1985				Trung bình khá	667483	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5032	1178-K43DQ5		Nguyễn Bá	Thái	Nam	16/01/1987				Trung bình khá	667484	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5033	1179-K43DQ5		Phạm Văn	Thanh	Nam	07/06/1984				Trung bình	667485	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5034	1180-K43DQ5		Nguyễn Chí	Thành	Nam	17/12/1981				Trung bình	667486	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5035	1181-K43DQ5		Nguyễn Tiến	Thành	Nam	17/04/1990				Trung bình	667487	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5036	1182-K43DQ5		Lưu Quang	Thiện	Nam	13/07/1986				Trung bình khá	667488	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5037	1183-K43DQ5		Kim Mạnh	Tiến	Nam	08/08/1986				Trung bình khá	667489	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5038	1184-K43DQ5		Đinh Văn	Toàn	Nam	07/03/1986				Trung bình khá	667490	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5039	1185-K43DQ5		Vũ Đình	Tuấn	Nam	25/10/1987				Trung bình khá	667491	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5040	1186-K43DQ6		Bùi Văn	An	Nam	10/09/1983				Trung bình khá	667492	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5041	1187-K43DQ6		Ngô Đức	Anh	Nam	05/05/1984				Trung bình khá	667493	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5042	1188-K43DQ6		Đỗ Thanh	Bích	Nam	18/09/1981				Trung bình	667494	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5043	1189-K43DQ6		Đinh Quốc	Cường	Nam	15/02/1985				Trung bình khá	667495	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5044	1190-K43DQ6		Lê Đắc	Cường	Nam	28/02/1979				Trung bình khá	667496	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5045	1191-K43DQ6		Nguyễn Hữu	Cường	Nam	17/04/1982				Trung bình	667497	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5046	1192-K43DQ6		Mai Anh	Dân	Nam	29/01/1989				Trung bình khá	667498	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5047	1193-K43DQ6		Đỗ Văn	Đệ	Nam	02/02/1972				Trung bình khá	667499	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5048	1194-K43DQ6		Trần Sỹ	Đức	Nam	09/08/1988				Trung bình	667500	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5049	1195-K43DQ6		Hoàng Thanh	Hương	Nữ	07/06/1988				Trung bình khá	667501	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5050	1196-K43DQ6		Lê Văn	Khánh	Nam	09/01/1983				Trung bình khá	667502	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5051	1197-K43DQ6		Hoàng Ngọc	Khánh	Nam	21/04/1990				Trung bình khá	667503	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5052	1198-K43DQ6		Mai Thị	Liên	Nữ	03/11/1987				Trung bình khá	667504	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5053	1199-K43DQ6		Vũ Văn	Nam	Nam	18/05/1989				Trung bình	667505	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5054	1200-K43DQ6		Đậu Xuân	Ngà	Nam	06/05/1981				Trung bình	667506	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5055	1201-K43DQ6		Phạm Thị	Phượng	Nữ	24/10/1990				Trung bình khá	667507	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5056	1202-K43DQ6		Nguyễn Mạnh	Quân	Nam	21/06/1987				Trung bình khá	667508	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5057	1203-K43DQ6		Nguyễn Xuân	Quang	Nam	18/04/1979				Trung bình khá	667509	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5058	1204-K43DQ6		Vũ Tuấn	Tài	Nam	15/09/1987				Trung bình khá	667510	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5059	1205-K43DQ6		Nguyễn Hồng	Thanh	Nam	16/02/1982				Trung bình	667511	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5060	1206-K43DQ6		Phạm Văn	Thể	Nam	19/01/1989				Trung bình	667512	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5061	1207-K43DQ6		Phùng Thị Song	Thư	Nữ	11/04/1972				Trung bình khá	667513	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5062	1208-K43DQ6		Nguyễn Văn	Vinh	Nam	01/09/1988				Trung bình khá	667514	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5063	1209-K43DQ6		Trịnh Bá	Vỹ	Nam	05/11/1986				Trung bình	667515	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5064	1210-K43DQ7		LÊ QUỐC	ÁI	Nam	15/06/1969				Trung bình	667516	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5065	1211-K43DQ7		NGUYỄN HOÀNG	ÁNH	Nam	12/02/1987				Trung bình khá	667517	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5066	1212-K43DQ7		Lê Quang	Biên	Nam	17/07/1986				Trung bình	667518	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5067	1213-K43DQ7		Đặng Hồng	Cường	Nam	22/05/1991				Trung bình	667519	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5068	1214-K43DQ7		Phan Cao	Cường	Nam	21/02/1984				Trung bình	667520	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5069	1215-K43DQ7		Đỗ Văn	Đăng	Nam	15/04/1980				Trung bình khá	667521	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5070	1216-K43DQ7		Phạm Mỹ	Đức	Nam	25/06/1979				Trung bình	668086	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5071	1217-K43DQ7		Phạm Thị Thuý	Dung	Nữ	17/06/1985				Trung bình khá	667523	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5072	1218-K43DQ7		Ngô Trung	Dũng	Nam	16/10/1987				Trung bình khá	667524	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5073	1219-K43DQ7		Phạm Quang	Dũng	Nam	17/08/1979				Trung bình khá	667525	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5074	1220-K43DQ7		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	06/11/1981				Trung bình khá	667526	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5075	1221-K43DQ7		Trần Thị	Hiền	Nữ	09/01/1975				Trung bình khá	667527	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5076	1222-K43DQ7		Nguyễn Nhân	Hiếu	Nam	04/01/1980				Trung bình khá	667528	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5077	1223-K43DQ7		Lưu Mạnh	Hoàng	Nam	08/01/1982				Trung bình khá	667529	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5078	1224-K43DQ7		Vương Thị	Hồng	Nữ	24/10/1984				Trung bình khá	667530	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5079	1225-K43DQ7		Lê Xuân	Hướng	Nam	28/12/1983				Trung bình	667531	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5080	1226-K43DQ7		Nguyễn Đình	Huy	Nam	18/03/1981				Trung bình	667532	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5081	1227-K43DQ7		Hoàng Thị Ngọc Mai	Linh	Nữ	08/06/1990				Trung bình khá	667533	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5082	1228-K43DQ7		Lê Thùy	Linh	Nữ	19/05/1990				Trung bình	667534	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5083	1229-K43DQ7		Nguyễn Đức	Long	Nam	26/02/1991				Trung bình	667535	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5084	1230-K43DQ7		Nguyễn Hoàng	Lương	Nam	18/09/1975				Trung bình khá	667536	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5085	1231-K43DQ7		Nguyễn Khánh	Ly	Nam	25/01/1989				Trung bình khá	667537	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5086	1232-K43DQ7		Nguyễn Quang	Minh	Nam	20/10/1988				Trung bình	667538	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5087	1233-K43DQ7		Nguyễn Thị Diệu	Quế	Nữ	30/08/1988				Trung bình khá	667539	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5088	1234-K43DQ7		Nguyễn Hữu	Quyết	Nam	06/03/1990				Trung bình	667540	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5089	1235-K43DQ7		Lê Minh	Tâm	Nữ	31/12/1988				Trung bình	667541	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5090	1236-K43DQ7		Lê La	Thăng	Nam	04/08/1986				Trung bình	667542	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5091	1237-K43DQ7		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	10/11/1990				Trung bình khá	667543	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5092	1238-K43DQ7		Nguyễn Trường	Thọ	Nam	09/02/1979				Trung bình khá	667544	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5093	1239-K43DQ7		Lý Văn	Trung	Nam	12/05/1986				Trung bình khá	667545	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5094	1240-K43DQ7		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	26/03/1990				Trung bình	667546	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5095	1241-K43DQ7		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	13/06/1983				Trung bình	667547	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5096	1242-K43DQ7		Nguyễn Văn	Tuyên	Nam	06/07/1986				Trung bình	667548	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5097	1243-K43DQ7		Tào Văn	Tuyền	Nam	01/12/1982				Trung bình khá	667549	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5098	1244-K43DQ7		Hoàng Thị Ngọc	Xuân	Nữ	14/03/1991				Trung bình khá	667550	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5099	1245-K39DQ2		Nguyễn Quốc	Quân	Nam	03/09/1984				Trung bình	667551	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5100	1246-K40DQ2		Đinh Văn	Sỹ	Nam	22/11/1978				Trung bình	667552	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5101	1247-K41DQ2		Trần Mạnh	Giáp	Nam	13/04/1984				Trung bình	667553	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5102	1248-K41DQ2		Nguyễn Văn	Thùy	Nam	23/10/1985				Trung bình	667554	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5103	1249-K41DQ3		Phạm Đình	Nghiệp	Nam	19/02/1984				Trung bình	667555	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5104	1250-K42DQ1		Trần Trung	Đức	Nam	16/12/1987				Trung bình	667556	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5105	1251-K42DQ4		Trần Cao	Thăng	Nam	29/10/1984				Trung bình khá	667557	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5106	1252-K42DQ5		Nguyễn Đức	Vinh	Nam	03/11/1988				Trung bình khá	667558	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5107	1253-K42DQ8		Nguyễn Ngọc	Quý	Nam	11/05/1983				Trung bình khá	667559	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	319/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5108	1254-K44BK1		Nguyễn Kim	Hoa	Nữ	20/06/1986				Trung bình khá	667560	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	320/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5109	1255-K44BK1		Nguyễn Việt	Hùng	Nam	06/05/1978				Trung bình	667561	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	320/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5110	1256-K44BK1		Trần Minh	Nhật	Nữ	13/03/1982				Trung bình	667562	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	320/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5111	1257-K44BK2		Nguyễn Trọng	Trâm	Nam	04/08/1982				Trung bình khá	667563	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	320/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5112	1258-K45BK1		Phùng Ngọc	Anh	Nữ	07/10/1987				Khá	667629	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5113	1259-K45BK1		Nguyễn Thành	Bắc	Nam	17/01/1979				Khá	667630	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5114	1260-K45BK1		Nguyễn Thanh	Bình	Nam	16/01/1976				Khá	667631	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5115	1261-K45BK1		Dương Thị Thảo	Chinh	Nữ	28/11/1981				Trung bình khá	667632	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5116	1262-K45BK1		Vũ Minh	Đoàn	Nam	29/01/1982				Trung bình khá	667633	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5117	1263-K45BK1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	28/06/1979				Khá	667634	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5118	1264-K45BK1		Bùi Thị Hương	Giang	Nữ	01/07/1980				Trung bình khá	667635	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5119	1265-K45BK1		Nguyễn Thị Hà	Giang	Nữ	09/06/1984				Trung bình khá	667636	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5120	1266-K45BK1		Nguyễn Thanh	Hà	Nam	04/05/1965				Khá	667637	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5121	1267-K45BK1		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	06/07/1984				Khá	667638	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5122	1268-K45BK1		Nguyễn Thị Hồng	Hà	Nữ	02/07/1985				Trung bình khá	667639	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5123	1269-K45BK1		Hoàng Minh	Hà	Nữ	21/11/1979				Trung bình khá	667640	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5124	1270-K45BK1		Trương Lê	Hà	Nữ	28/11/1984				Trung bình khá	667641	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5125	1271-K45BK1		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	10/09/1983				Trung bình khá	667642	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5126	1272-K45BK1		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	01/05/1978				Khá	667643	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5127	1273-K45BK1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	04/12/1986				Trung bình khá	667644	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5128	1274-K45BK1		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	30/12/1984				Khá	667645	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5129	1275-K45BK1		Trần Lê	Hiếu	Nam	07/07/1981				Trung bình khá	667646	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5130	1276-K45BK1		Nông Thị	Hoa	Nữ	10/05/1988				Trung bình khá	667647	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5131	1277-K45BK1		Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	20/09/1981				Trung bình khá	667648	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5132	1278-K45BK1		Vương Việt	Hồng	Nữ	25/04/1982				Trung bình khá	667649	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5133	1279-K45BK1		Vũ Thị	Hồng	Nữ	30/09/1979				Trung bình khá	667650	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5134	1280-K45BK1		Nguyễn Thị Hồng	Huệ	Nữ	20/12/1984				Trung bình khá	667651	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5135	1281-K45BK1		Hoàng Mai	Hương	Nữ	08/04/1984				Trung bình khá	667652	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5136	1282-K45BK1		Trần Thị Mai	Hương	Nữ	25/02/1979				Khá	667653	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5137	1283-K45BK1		Đỗ Lan	Hương	Nữ	11/09/1980				Trung bình khá	667654	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5138	1284-K45BK1		Vũ Thị	Hường	Nữ	12/04/1982				Trung bình khá	667655	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5139	1285-K45BK1		Vũ Thanh	Huyền	Nữ	27/09/1986				Trung bình khá	667656	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5140	1286-K45BK1		Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	23/03/1983				Khá	667657	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5141	1287-K45BK1		Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	15/08/1985				Khá	667658	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5142	1288-K45BK1		Lương Thị Mai	Lan	Nữ	16/04/1980				Khá	667659	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5143	1289-K45BK1		Đào Vũ Khánh	Linh	Nữ	04/05/1985				Khá	667660	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5144	1290-K45BK1		Đào Thị Hồng	Minh	Nữ	08/03/1978				Trung bình khá	667661	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5145	1291-K45BK1		Nguyễn Hồng	Minh	Nam	18/04/1981				Trung bình khá	667662	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5146	1292-K45BK1		Vũ Thị Nhật	Mỹ	Nữ	31/08/1982				Khá	667663	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5147	1293-K45BK1		Nguyễn Ngọc	Nam	Nam	14/07/1982				Trung bình khá	667664	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5148	1294-K45BK1		Tạ Thúy	Nga	Nữ	07/11/1986				Trung bình khá	667665	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5149	1295-K45BK1		Nguyễn Thị Thuý	Ngân	Nữ	15/10/1982				Trung bình khá	667666	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5150	1296-K45BK1		Nguyễn Đình	Nghĩa	Nam	01/02/1981				Trung bình khá	667667	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5151	1297-K45BK1		Bùi Minh	Nguyệt	Nữ	08/02/1985				Trung bình khá	667668	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5152	1298-K45BK1		Vũ Kim	Oanh	Nữ	24/04/1984				Trung bình khá	667669	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5153	1299-K45BK1		Phạm Thị	Phượng	Nữ	13/10/1982				Trung bình khá	667670	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5154	1300-K45BK1		Vũ Thị	Sánh	Nữ	17/09/1986				Trung bình khá	667671	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5155	1301-K45BK1		Phạm Văn	Sự	Nam	07/10/1974				Trung bình khá	667672	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5156	1302-K45BK1		Tô Việt	Thành	Nam	27/06/1977				Trung bình khá	667673	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5157	1303-K45BK1		Lê Xuân	Thọ	Nam	22/05/1976				Trung bình khá	667674	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5158	1304-K45BK1		Đinh Thị	Thoan	Nữ	03/09/1982				Trung bình khá	667675	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5159	1305-K45BK1		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	15/11/1976				Khá	667676	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5160	1306-K45BK1		Phạm Thị	Thu	Nữ	20/08/1980				Khá	667677	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5161	1307-K45BK1		Trần Thị Lệ	Thương	Nữ	10/03/1982				Trung bình khá	667678	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5162	1308-K45BK1		Phan Đăng	Toàn	Nam	10/04/1972				Khá	667679	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5163	1309-K45BK1		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	21/05/1984				Khá	667680	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5164	1310-K45BK1		Bùi Quang	Trung	Nam	22/12/1982				Trung bình khá	667681	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5165	1311-K45BK1		Phạm Kim	Vinh	Nam	12/05/1985				Trung bình khá	667682	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5166	1312-K45BK1		Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	04/12/1984				Trung bình khá	667683	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	315/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5167	1313-K45BQ1		Vũ Kim	Anh	Nữ	27/04/1983				Trung bình khá	667564	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5168	1314-K45BQ1		Trương Văn	Anh	Nam	20/01/1981				Trung bình khá	667565	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5169	1315-K45BQ1		Lưu Phương	Anh	Nữ	09/02/1980				Trung bình khá	667566	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5170	1316-K45BQ1		Nguyễn Văn	Bảy	Nam	11/03/1977				Trung bình khá	667567	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5171	1317-K45BQ1		Nguyễn Đức	Bình	Nam	12/02/1973				Trung bình khá	667568	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5172	1318-K45BQ1		Đỗ Thành	Công	Nam	10/12/1970				Trung bình khá	667569	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5173	1319-K45BQ1		Doãn Vương	Công	Nam	24/02/1979				Khá	667570	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5174	1320-K45BQ1		Phạm Vũ	Cường	Nam	08/08/1978				Trung bình khá	667571	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5175	1321-K45BQ1		Bùi Đại	Đăng	Nam	15/11/1979				Trung bình	667572	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5176	1322-K45BQ1		Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	24/06/1979				Trung bình khá	667573	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5177	1323-K45BQ1		Bùi Văn	Du	Nam	12/12/1978				Trung bình khá	667574	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5178	1324-K45BQ1		Lê Anh	Đức	Nam	06/09/1976				Trung bình khá	667575	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5179	1325-K45BQ1		Nguyễn Tấn	Đức	Nam	05/12/1980				Trung bình khá	667576	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5180	1326-K45BQ1		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	17/07/1977				Trung bình khá	667577	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5181	1327-K45BQ1		Trần Quốc	Dũng	Nam	25/09/1972				Trung bình khá	667578	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5182	1328-K45BQ1		Lưu Khánh	Duy	Nam	07/03/1984				Trung bình khá	667579	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5183	1329-K45BQ1		Nguyễn Thế	Giang	Nam	11/06/1980				Trung bình khá	667580	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5184	1330-K45BQ1		Nguyễn Khắc	Hà	Nam	26/04/1976				Trung bình khá	667581	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5185	1331-K45BQ1		Hoàng Tuấn	Hải	Nam	10/08/1978				Trung bình khá	667582	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5186	1332-K45BQ1		Nguyễn Thanh	Hải	Nam	25/10/1985				Trung bình khá	667583	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5187	1333-K45BQ1		Chu Văn	Hào	Nam	03/11/1987				Trung bình khá	667584	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5188	1334-K45BQ1		Cao Anh	Hào	Nam	24/12/1979				Trung bình khá	667628	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5189	1335-K45BQ1		Lê Văn	Hiền	Nam	02/10/1979				Khá	667627	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5190	1336-K45BQ1		Trần Tiến	Hiệp	Nam	09/01/1985				Trung bình khá	667526	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5191	1337-K45BQ1		Mai Xuân	Hoà	Nam	23/11/1982				Trung bình khá	667525	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5192	1338-K45BQ1		Phạm Duy	Hưng	Nam	08/04/1983				Trung bình khá	667524	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5193	1339-K45BQ1		Vũ Đình	Hưng	Nam	20/05/1986				Trung bình khá	667585	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5194	1340-K45BQ1		Nguyễn Văn	Hữu	Nam	07/09/1976				Trung bình khá	667586	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5195	1341-K45BQ1		Đào Lê	Huy	Nam	08/09/1974				Trung bình khá	667587	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5196	1342-K45BQ1		Bùi Văn	Huyền	Nam	10/11/1970				Trung bình khá	667588	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5197	1343-K45BQ1		Lê Huy	Khánh	Nam	01/01/1983				Trung bình khá	667589	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5198	1344-K45BQ1		Mai Hồng	Kiên	Nam	23/07/1978				Trung bình khá	667590	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5199	1345-K45BQ1		Nguyễn Tiến	Lâm	Nam	29/06/1986				Trung bình khá	667591	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5200	1346-K45BQ1		Quán Quế	Lâm	Nam	16/08/1973				Khá	667592	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5201	1347-K45BQ1		Nguyễn Chí	Linh	Nam	21/09/1980				Khá	667593	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5202	1348-K45BQ1		Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	24/10/1983				Khá	667594	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5203	1349-K45BQ1		Trần Văn	Long	Nam	01/03/1977				Trung bình khá	667595	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5204	1350-K45BQ1		Nguyễn Hoàng	Long	Nam	11/01/1982				Trung bình khá	667596	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5205	1351-K45BQ1		Trần Văn	Mạnh	Nam	12/06/1977				Trung bình khá	667597	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5206	1352-K45BQ1		Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	13/02/1984				Trung bình khá	667598	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5207	1353-K45BQ1		Nguyễn Đức	Minh	Nam	04/12/1980				Trung bình khá	667599	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5208	1354-K45BQ1		Hà Thu	Phương	Nữ	19/01/1984				Trung bình khá	667600	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5209	1355-K45BQ1		Nguyễn T. Mai	Phương	Nữ	18/10/1976				Trung bình khá	667601	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5210	1356-K45BQ1		Nguyễn Quỳnh	Phương	Nam	28/11/1976				Trung bình khá	667602	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5211	1357-K45BQ1		Bùi Minh	Phượng	Nữ	02/04/1976				Trung bình khá	667603	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5212	1358-K45BQ1		Trần Trọng	Quỳnh	Nam	10/02/1982				Trung bình khá	667604	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5213	1359-K45BQ1		Cao Ngọc	Sơn	Nam	19/07/1981				Trung bình khá	667605	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5214	1360-K45BQ1		Đặng Thái	Sơn	Nam	02/04/1986				Khá	667606	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5215	1361-K45BQ1		Nguyễn Văn	Sơn	Nam	20/07/1965				Trung bình khá	667607	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5216	1362-K45BQ1		Hà Minh	Tân	Nam	29/08/1982				Trung bình khá	667608	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5217	1363-K45BQ1		Nguyễn Tất	Thắng	Nam	31/03/1974				Khá	667609	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5218	1364-K45BQ1		Nguyễn Văn	Thanh	Nam	04/11/1986				Trung bình khá	667610	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5219	1365-K45BQ1		Lục Văn	Thành	Nam	28/04/1983				Trung bình khá	667611	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5220	1366-K45BQ1		Phạm Thị Kim	Thoa	Nữ	02/08/1982				Trung bình khá	667612	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5221	1367-K45BQ1		Mai Trọng	Thuận	Nam	05/10/1978				Trung bình khá	667613	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5222	1368-K45BQ1		Trần Thị	Thúy	Nữ	07/06/1982				Trung bình khá	667614	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5223	1369-K45BQ1		Bùi Thu	Thủy	Nữ	07/12/1981				Trung bình khá	667615	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5224	1370-K45BQ1		Đoàn Văn	Tiệp	Nam	19/08/1982				Trung bình khá	667616	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5225	1371-K45BQ1		Nguyễn Thành	Trung	Nam	06/04/1984				Trung bình khá	667617	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5226	1372-K45BQ1		Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	20/04/1988				Trung bình khá	667618	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5227	1373-K45BQ1		Nguyễn Tiến	Vinh	Nam	27/08/1983				Trung bình khá	667619	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5228	1374-K45BQ1		Nguyễn Đức	Vĩnh	Nam	12/07/1982				Trung bình khá	667620	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5229	1375-K45BQ1		Nguyễn Văn	Vĩnh	Nam	02/10/1982				Trung bình khá	667621	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5230	1376-K45BQ1		Phạm Quốc	Vượng	Nam	20/03/1973				Trung bình khá	667622	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5231	1377-K45BQ1		Bùi Giáp	Xuân	Nam	21/01/1973				Trung bình khá	667623	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	316/QĐ-ĐHTM ngày 29/04/2014	
5232	1578-K2TK2		Võ Thị	Hồng	Nữ	22/12/1984				Trung bình	668105	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5233	1579-K2TK2		Đặng Hồng	Thảo	Nữ	19/07/1988				Trung bình	668106	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5234	1580-K2TK3		Lò Thị	Hường	Nữ	20/06/1987				Trung bình	668107	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5235	1581-K2TK4		Đào Thị Ngọc	Hà	Nữ	31/08/1987				Trung bình	668108	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5236	1582-K2TK4		Bùi Thị	Thảo	Nữ	02/03/1988				Khá	668109	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5237	1583-K2TK5		Nguyễn Thị Trang	Huyền	Nữ	29/07/1986				Trung bình	668110	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5238	1584-K2TK5		Nguyễn Như Tùng	Linh	Nam	26/08/1989				Trung bình	668111	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5239	1585-K2TK5		Nguyễn Ngọc	Long	Nam	02/06/1976				Trung bình	668112	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5240	1586-K2TK5		Hứa Hồng	Nga	Nữ	17/08/1988				Trung bình	668113	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5241	1587-K2TK6		Lê Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	01/06/1984				Khá	668114	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5242	1588-K2TK6		Nguyễn Thị	Huê	Nữ	05/08/1986				Trung bình	668115	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5243	1589-K2TK6		Ngô Thọ	Huy	Nam	16/02/1988				Trung bình	668116	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5244	1590-K2TK6		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	11/09/1985				Trung bình	668117	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5245	1591-K2TK8		Trần Thị Thúy	An	Nữ	05/03/1990				Trung bình	668118	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5246	1592-K2TK8		Huỳnh Thị Tuyết	Anh	Nữ	01/01/1980				Trung bình	668119	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5247	1593-K2TK8		Vũ Thị Quỳnh	Anh	Nữ	06/09/1985				Trung bình	668120	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5248	1594-K2TK8		Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	19/12/1988				Trung bình	668121	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5249	1595-K2TK8		Nguyễn Thị Mỹ	Chi	Nữ	27/07/1990				Khá	668122	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5250	1596-K2TK8		Vũ Thiên	Di	Nữ	21/01/1984				Khá	668123	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5251	1597-K2TK8		Nghiêm Xuân	Đôn	Nam	25/04/1989				Trung bình	668124	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5252	1598-K2TK8		Chu Thị Tiên	Dung	Nữ	25/02/1989				Khá	668125	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5253	1599-K2TK8		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	14/08/1988				Trung bình	668126	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5254	1600-K2TK8		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	10/10/1989				Khá	668127	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5255	1601-K2TK8		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	02/07/1986				Khá	668128	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5256	1602-K2TK8		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	06/01/1988				Khá	668129	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5257	1603-K2TK8		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	15/11/1988				Trung bình	668130	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5258	1604-K2TK8		Lương Thị Bảo	Hằng	Nữ	20/02/1990				Khá	668131	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5259	1605-K2TK8		Khổng Thị	Hằng	Nữ	23/12/1980				Trung bình	668132	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5260	1606-K2TK8		Nguyễn Thị Minh	Hậu	Nữ	20/10/1989				Trung bình	668133	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5261	1607-K2TK8		Huỳnh Thị Mỹ	Hiệp	Nữ	20/12/1989				Trung bình	668134	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5262	1608-K2TK8		Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	12/02/1985				Khá	668135	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5263	1609-K2TK8		Điền Thị	Hình	Nữ	20/09/1988				Trung bình	668136	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5264	1610-K2TK8		Lê Thị Yến	Hòa	Nữ	06/10/1990				Khá	668137	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5265	1611-K2TK8		Nguyễn Thị Kim	Hoàng	Nữ	10/01/1987				Khá	668138	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5266	1612-K2TK8		Lê Thị Bích	Hồng	Nữ	01/05/1988				Khá	668139	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5267	1613-K2TK8		Đỗ Thị	Hồng	Nữ	18/05/1987				Khá	668140	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5268	1614-K2TK8		Nguyễn Thị Xuân	Hương	Nữ	15/05/1990				Khá	668141	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5269	1615-K2TK8		Đào Thị	Huyền	Nữ	16/07/1983				Trung bình	668142	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5270	1616-K2TK8		Mai Thanh	Huyền	Nữ	22/01/1992				Trung bình	668143	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5271	1617-K2TK8		Nguyễn Xuân	Khoa	Nam	12/07/1985				Trung bình	668144	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5272	1618-K2TK8		Huỳnh Thị Thiên	Kim	Nữ	02/01/1986				Khá	668145	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5273	1619-K2TK8		Phạm Thị	Lam	Nữ	12/11/1981				Trung bình	668146	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5274	1620-K2TK8		Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	15/02/1987				Khá	668147	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5275	1621-K2TK8		Nguyễn Thị Hương	Lan	Nữ	11/08/1984				Khá	668148	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5276	1622-K2TK8		Lê Thị Diệu	Linh	Nữ	17/05/1984				Trung bình	668149	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5277	1623-K2TK8		Lê Thị Kim	Loan	Nữ	10/02/1985				Khá	668150	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5278	1624-K2TK8		Nguyễn Phước	Long	Nam	21/10/1981				Trung bình	668151	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5279	1625-K2TK8		Trần Thị Mỹ	Mận	Nữ	30/03/1989				Trung bình	668152	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5280	1626-K2TK8		Lý Thị Trà	My	Nữ	18/06/1984				Trung bình	668153	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5281	1627-K2TK8		Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	25/06/1975				Khá	668154	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5282	1628-K2TK8		Lương Thị Tuyết	Nga	Nữ	05/01/1989				Trung bình	668155	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5283	1629-K2TK8		Trần Thị Thanh	Nga	Nữ	12/05/1988				Trung bình	668156	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5284	1630-K2TK8		Lê Thị	Ngân	Nữ	25/10/1988				Trung bình	668157	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5285	1631-K2TK8		Trần Thị Thu	Nguyệt	Nữ	27/03/1988				Trung bình	668158	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5286	1632-K2TK8		Phạm Thị Thùy	Nhung	Nữ	18/09/1988				Khá	668159	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5287	1633-K2TK8		Hồ Thị Cẩm	Nhung	Nữ	25/02/1990				Trung bình	668160	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5288	1634-K2TK8		Nguyễn Linh	Phương	Nữ	19/03/1989				Trung bình	668161	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5289	1635-K2TK8		Nguyễn Thị Tố	Quyên	Nữ	27/05/1988				Khá	668162	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5290	1636-K2TK8		Phạm Thị Hồng	Quyên	Nữ	12/07/1986				Trung bình	668163	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5291	1637-K2TK8		Đinh Thị Thanh	Tâm	Nữ	28/05/1985				Khá	668164	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5292	1638-K2TK8		Hồ Nữ Như	Thảo	Nữ	07/10/1983				Khá	668165	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5293	1639-K2TK8		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	04/03/1990				Trung bình	668166	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5294	1640-K2TK8		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	06/09/1968				Khá	668167	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5295	1641-K2TK8		Hoàng Thị	Thú	Nữ	10/06/1984				Trung bình	668168	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5296	1642-K2TK8		Lê Văn	Thuận	Nam	08/11/1979				Trung bình	668169	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5297	1643-K2TK8		Nguyễn Mạnh	Thường	Nam	20/04/1974				Khá	668170	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5298	1644-K2TK8		Ngô Thị Hồng	Thương	Nữ	12/11/1988				Trung bình	668171	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5299	1645-K2TK8		Huỳnh Thị	Thùy	Nữ	17/04/1970				Khá	668172	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5300	1646-K2TK8		La Thị Bảo	Trâm	Nữ	21/07/1989				Trung bình	668173	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5301	1647-K2TK8		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/10/1986				Khá	668174	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5302	1648-K2TK8		Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	06/02/1983				Khá	668175	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5303	1649-K2TK8		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	23/11/1987				Khá	668176	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5304	1650-K2TK8		Đặng Thị	Trang	Nữ	15/01/1989				Khá	668177	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5305	1651-K2TK8		Phạm Trung	Trực	Nam	20/11/1978				Trung bình	668178	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5306	1652-K2TK8		Trần Thị	Tuyết	Nữ	22/12/1989				Khá	668179	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5307	1653-K2TK8		Lê Đăng	Vinh	Nam	06/12/1983				Trung bình	668180	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5308	1654-K2TK8		Lê Thị Thu	Yên	Nữ	12/11/1989				Trung bình	668181	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5309	1655-K2TK8		Nguyễn Thị	Yên	Nữ	01/01/1977				Khá	668182	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5310	1656-K2TK8		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	27/05/1980				Trung bình	668183	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	633/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5311	1657-K2TK9		Trần Thị	Bình	Nữ	27/04/1980				Trung bình	668184	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5312	1658-K2TK9		Lê Thị Thùy	Chinh	Nữ	13/06/1986				Khá	668185	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5313	1659-K2TK9		Trần Ngọc	Doan	Nam	20/06/1985				Khá	668186	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5314	1660-K2TK9		Phạm Thị	Dung	Nữ	04/08/1983				Trung bình	668187	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5315	1661-K2TK9		Lã Việt	Dũng	Nam	27/06/1987				Khá	668188	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5316	1662-K2TK9		Lâm Thị	Duyên	Nữ	23/08/1987				Trung bình	668189	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5317	1663-K2TK9		Đinh Thị	Đào	Nữ	13/10/1988				Khá	668190	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5318	1664-K2TK9		Chu Thị	Hà	Nữ	26/06/1978				Khá	668191	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5319	1665-K2TK9		Lê Thị	Hà	Nữ	06/04/1981				Trung bình	668192	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5320	1666-K2TK9		Bùi Thị Thúy	Hà	Nữ	26/08/1987				Trung bình	668193	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5321	1667-K2TK9		Nguyễn Thị Thúy	Hà	Nữ	02/11/1985				Trung bình	668194	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5322	1668-K2TK9		Lê Văn	Hà	Nam	24/06/1983				Khá	668195	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5323	1669-K2TK9		Lương Thị Thu	Hà	Nữ	21/01/1989				Trung bình	668196	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5324	1670-K2TK9		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	22/12/1986				Khá	668197	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5325	1671-K2TK9		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	23/07/1983				Trung bình	668198	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5326	1672-K2TK9		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	09/04/1990				Khá	668199	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5327	1673-K2TK9		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	12/04/1988				Trung bình	668200	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5328	1674-K2TK9		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	25/09/1988				Trung bình	668302	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5329	1675-K2TK9		Phạm Thị	Hạnh	Nữ	27/10/1988				Khá	668303	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5330	1676-K2TK9		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	13/12/1981				Khá	668304	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5331	1677-K2TK9		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	07/04/1985				Trung bình	668305	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5332	1678-K2TK9		Nghiêm Thị	Hiền	Nữ	12/01/1989				Khá	668306	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5333	1679-K2TK9		Trần Thị	Hiền	Nữ	16/05/1987				Khá	668307	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5334	1680-K2TK9		Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	29/08/1980				Khá	668308	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5335	1681-K2TK9		Hoàng Thị	Hoa	Nữ	19/08/1989				Trung bình	668309	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5336	1682-K2TK9		Phạm Thị	Huệ	Nữ	10/08/1973				Khá	668310	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5337	1683-K2TK9		Cao Thị	Huệ	Nữ	25/01/1985				Khá	668311	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5338	1684-K2TK9		Nguyễn Thị Mai	Hưng	Nữ	01/05/1978				Khá	668312	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5339	1685-K2TK9		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	29/06/1983				Khá	668313	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5340	1686-K2TK9		Vũ Thị	Hương	Nữ	24/02/1983				Khá	668314	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5341	1687-K2TK9		Mai Thị	Hường	Nữ	08/01/1983				Khá	668315	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5342	1688-K2TK9		Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	05/10/1988				Trung bình	668316	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5343	1689-K2TK9		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	26/03/1990				Trung bình	668317	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5344	1690-K2TK9		Phạm Thị Châu	Loan	Nữ	09/08/1987				Khá	668318	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5345	1691-K2TK9		Phạm Thị Thanh	Lương	Nữ	20/09/1990				Trung bình	668319	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5346	1692-K2TK9		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	21/07/1984				Khá	668320	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5347	1693-K2TK9		Nguyễn Thị	Ly	Nữ	14/10/1984				Trung bình	668321	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5348	1694-K2TK9		Trần Thị Thanh	Minh	Nữ	15/04/1981				Khá	668322	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5349	1695-K2TK9		Đặng Thị Thùy	Nga	Nữ	02/01/1985				Khá	668323	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5350	1696-K2TK9		Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	05/02/1990				Trung bình	668324	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5351	1697-K2TK9		Vũ Thị Kim	Ngân	Nữ	09/05/1987				Trung bình	668325	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5352	1698-K2TK9		Ngô Thị	Ngân	Nữ	20/08/1985				Trung bình	668326	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5353	1699-K2TK9		Trần Thị	Nhiệm	Nữ	10/03/1986				Khá	668327	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5354	1700-K2TK9		Lê Thị Hồng	Nhiên	Nữ	25/09/1983				Khá	668328	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5355	1701-K2TK9		Nguyễn Thị	Phố	Nữ	02/02/1984				Trung bình	668329	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5356	1702-K2TK9		Bùi Thị	Phương	Nữ	02/11/1990				Khá	668330	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5357	1703-K2TK9		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	15/05/1989				Khá	668331	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5358	1704-K2TK9		Phạm Bích	Phượng	Nữ	15/02/1985				Khá	668332	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5359	1705-K2TK9		Vũ Hồng	Quang	Nam	28/02/1983				Trung bình	668333	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5360	1706-K2TK9		Bùi Quốc	Soạn	Nam	20/06/1978				Khá	668334	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5361	1707-K2TK9		Lê Đức	Tâm	Nam	07/02/1983				Khá	668335	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5362	1708-K2TK9		Lương Thế	Tất	Nam	05/03/1985				Khá	668336	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5363	1709-K2TK9		Vũ Thị Hồng	Thái	Nữ	14/07/1988				Khá	668337	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5364	1710-K2TK9		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	31/07/1981				Khá	668338	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5365	1711-K2TK9		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	03/03/1986				Trung bình	668339	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5366	1712-K2TK9		Bùi Thị Hồng	Thắm	Nữ	26/10/1990				Trung bình	668340	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5367	1713-K2TK9		Phạm Thị	Thanh	Nữ	19/06/1985				Khá	668341	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5368	1714-K2TK9		Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	29/10/1990				Trung bình	668342	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5369	1715-K2TK9		Nguyễn Thị	Thoan	Nữ	16/03/1985				Trung bình	668343	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5370	1716-K2TK9		Trần Thị Phương	Thúy	Nữ	10/10/1983				Trung bình	668344	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5371	1717-K2TK9		Hoàng Thị	Thúy	Nữ	07/07/1987				Khá	668345	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5372	1718-K2TK9		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/12/1987				Khá	668346	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5373	1719-K2TK9		Vũ Thị	Thúy	Nữ	14/02/1989				Khá	668347	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5374	1720-K2TK9		Bùi Thị	Thùy	Nữ	19/04/1984				Khá	668348	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5375	1721-K2TK9		Ngô Văn	Thùy	Nam	24/02/1978				Khá	668349	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5376	1722-K2TK9		Lê Thị	Thùy	Nữ	04/09/1984				Khá	668350	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5377	1723-K2TK9		Trần Thị Hoa	Tiệp	Nữ	14/08/1989				Trung bình	668351	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5378	1724-K2TK9		Phạm Thị Kiều	Trang	Nữ	02/12/1989				Khá	668352	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5379	1725-K2TK9		Phạm Thị Thùy	Trang	Nữ	12/05/1990				Khá	668353	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5380	1726-K2TK9		Lê Thị Thu	Trang	Nữ	20/06/1982				Trung bình	668354	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5381	1727-K2TK9		Nguyễn Văn	Triệu	Nam	20/05/1985				Trung bình	668355	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5382	1728-K2TK9		Tạ Viết	Tú	Nam	04/09/1976				Trung bình	668356	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5383	1729-K2TK9		Trần Thị Hồng	Tươi	Nữ	03/04/1980				Khá	668357	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5384	1730-K2TK9		Chu Xuân	Tuy	Nam	22/10/1982				Khá	668358	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5385	1731-K2TK9		Lương Mạnh	Tuyên	Nam	10/01/1986				Trung bình	668359	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5386	1732-K2TK9		Nguyễn Thị Anh	Tuyến	Nữ	30/04/1985				Trung bình	668360	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5387	1733-K2TK9		Hoàng Thị	Tuyết	Nữ	01/12/1987				Khá	668361	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5388	1734-K2TK9		Phạm Thị	Tuyết	Nữ	21/05/1986				Trung bình	668362	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5389	1735-K2TK9		Trịnh Khánh	Vân	Nam	02/02/1977				Trung bình	851656	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5390	1736-K2TK9		Vũ Hồng	Vân	Nữ	16/06/1984				Khá	668364	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5391	1737-K2TK9		Trương Thị Lệ	Xuân	Nữ	18/03/1983				Trung bình	668365	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5392	1738-K2TK9		Đỗ Thị	Xuân	Nữ	10/01/1987				Khá	668366	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5393	1739-K2TK9		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	25/07/1980				Trung bình	668367	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5394	1740-K2TK9		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	01/06/1973				Trung bình	668368	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5395	1741-K2TK9		Đỗ Thị Ly	Hương	Nữ	27/08/1985				Khá	668369	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM ngày 30/09/2014	
5396	1742-K8CK1A		Lê Thị Thúy	An	Nữ	02/01/1990				Khá	668401	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5397	1743-K8CK1A		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	03/12/1991				Khá	668402	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5398	1744-K8CK1A		Hoàng Thị	Chắm	Nữ	16/05/1991				Khá	668403	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5399	1745-K8CK1A		Lê Thị	Cúc	Nữ	20/02/1991				Khá	668404	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5400	1746-K8CK1A		Phạm Hồng	Diệp	Nữ	10/08/1990				Khá	668405	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5401	1747-K8CK1A		Lương Thị	Dịu	Nữ	02/08/1991				Khá	668406	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5402	1748-K8CK1A		Trần Thị Ngọc	Dung	Nữ	19/12/1991				Giỏi	668407	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5403	1749-K8CK1A		Đỗ Thị	Hà	Nữ	28/02/1991				Giỏi	668408	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5404	1750-K8CK1A		Lương Thị	Hải	Nữ	22/02/1990				Khá	668409	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5405	1751-K8CK1A		Hoàng Thị Minh	Hằng	Nữ	02/09/1990				Giỏi	668410	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5406	1752-K8CK1A		Võ Thị Thu	Hằng	Nữ	18/06/1991				Giỏi	668411	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5407	1753-K8CK1A		Trần Thị Thu	Hạnh	Nữ	04/06/1991				Khá	668412	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5408	1754-K8CK1A		Võ Thị	Hảo	Nữ	15/12/1991				Khá	668413	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5409	1755-K8CK1A		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	24/06/1991				Giỏi	668414	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5410	1756-K8CK1A		Mai Thị Thu	Hoa	Nữ	06/02/1988				Khá	668415	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5411	1757-K8CK1A		Đỗ Thị	Hòa	Nữ	24/03/1991				Khá	668416	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5412	1758-K8CK1A		Phạm Thị	Hón	Nữ	04/12/1990				Khá	668417	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5413	1759-K8CK1A		Phùng Thị	Hương	Nữ	28/11/1991				Khá	668418	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5414	1760-K8CK1A		Nguyễn Lan	Hương	Nữ	03/07/1990				Giỏi	668419	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5415	1761-K8CK1A		Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	14/08/1991				Khá	668420	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5416	1762-K8CK1A		Phạm Thị	Hương	Nữ	16/09/1991				Khá	668421	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5417	1763-K8CK1A		Nguyễn Thị Mai	Huyền	Nữ	27/08/1991				Giỏi	668422	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5418	1764-K8CK1A		Đặng Thị	Liên	Nữ	21/07/1991				Khá	668423	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5419	1765-K8CK1A		Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	15/12/1991				Khá	668424	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5420	1766-K8CK1A		Phạm Thị	Loan	Nữ	20/04/1990				Khá	668425	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5421	1767-K8CK1A		Đào Thị	Luyến	Nữ	06/07/1991				Khá	668426	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5422	1768-K8CK1A		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	28/09/1991				Giỏi	668427	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5423	1769-K8CK1A		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	28/12/1990				Giỏi	668428	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5424	1770-K8CK1A		Đào Thị	Mến	Nữ	26/04/1991				Khá	668429	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5425	1771-K8CK1A		Lê Thị	Mùi	Nữ	13/06/1990				Giỏi	668430	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5426	1772-K8CK1A		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	10/08/1991				Khá	668431	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5427	1773-K8CK1A		Công Thị	Ngọc	Nữ	29/10/1991				Khá	668432	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5428	1774-K8CK1A		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	06/07/1991				Khá	668433	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5429	1775-K8CK1A		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	09/07/1989				Khá	668434	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5430	1776-K8CK1A		Đàm Thị	Phương	Nữ	05/06/1991				Khá	668435	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5431	1777-K8CK1A		Lê Thị	Phượng	Nữ	27/08/1988				Khá	668436	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5432	1778-K8CK1A		Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	16/05/1991				Khá	668437	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5433	1779-K8CK1A		Trần Thị	Thao	Nữ	12/08/1990				Khá	668438	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5434	1780-K8CK1A		Vũ Thị	Thảo	Nữ	07/07/1991				Giỏi	668439	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5435	1781-K8CK1A		Ngô Thị	Thơm	Nữ	10/03/1991				Giỏi	668440	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5436	1782-K8CK1A		Bùi Thị	Thương	Nữ	17/06/1991				Giỏi	668441	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5437	1783-K8CK1A		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/06/1990				Giỏi	668442	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5438	1784-K8CK1A		Dương Thị Thu	Trang	Nữ	08/10/1991				Khá	668443	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5439	1785-K8CK1A		Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	03/08/1990				Khá	668444	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5440	1786-K8CK1A		Đinh Thị Đài	Trang	Nữ	10/10/1991				Giỏi	668445	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5441	1787-K8CK1A		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	01/05/1990				Giỏi	668446	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5442	1788-K8CK1A		Đinh Thị	Vân	Nữ	10/12/1991				Giỏi	668447	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5443	1789-K8CK1A		Hà Thị	Xuyên	Nữ	05/11/1991				Khá	668448	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5444	1790-K8CK1B		Nguyễn Thị	An	Nữ	15/05/1990				Khá	668449	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5445	1791-K8CK1B		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	21/06/1989				Giỏi	668450	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5446	1792-K8CK1B		Doãn Thị Hồ	Bắc	Nữ	17/06/1991				Xuất sắc	668451	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5447	1793-K8CK1B		Nguyễn Thị	Chang	Nữ	20/12/1991				Khá	668452	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5448	1794-K8CK1B		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	20/07/1991				Giỏi	668453	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5449	1795-K8CK1B		Nguyễn Thị	Dư	Nữ	24/09/1990				Giỏi	668454	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5450	1796-K8CK1B		Vũ Thị	Dung	Nữ	27/02/1991				Giỏi	668455	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5451	1797-K8CK1B		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	20/11/1990				Giỏi	668456	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5452	1798-K8CK1B		Phạm Thị Quỳnh	Giang	Nữ	05/10/1991				Khá	668457	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5453	1799-K8CK1B		Đỗ Thị	Hà	Nữ	20/11/1991				Giỏi	668458	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5454	1800-K8CK1B		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	11/01/1991				Khá	668459	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5455	1801-K8CK1B		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	19/04/1991				Giỏi	668460	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5456	1802-K8CK1B		Lâm Thị	Hằng	Nữ	09/04/1991				Khá	668461	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5457	1803-K8CK1B		Trịnh Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	06/03/1988				Giỏi	668462	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5458	1804-K8CK1B		Đào Thu	Hiền	Nữ	13/10/1991				Giỏi	668463	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5459	1805-K8CK1B		Nguyễn Như	Hoa	Nữ	10/10/1991				Khá	668464	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5460	1806-K8CK1B		Cao Thị Khánh	Hòa	Nữ	02/02/1990				Giỏi	668465	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5461	1807-K8CK1B		Đỗ Thị Bích	Hồng	Nữ	07/10/1990				Khá	668466	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5462	1808-K8CK1B		Đào Thị	Huệ	Nữ	02/02/1990				Khá	668467	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5463	1809-K8CK1B		Đỗ Thu	Hương	Nữ	22/08/1991				Khá	668468	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5464	1810-K8CK1B		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	21/03/1990				Giỏi	668469	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5465	1811-K8CK1B		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	02/12/1988				Khá	668470	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5466	1812-K8CK1B		Dương Thị	Liên	Nữ	07/03/1990				Khá	668471	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5467	1813-K8CK1B		Lương Thị Mai	Linh	Nữ	24/04/1989				Khá	668472	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5468	1814-K8CK1B		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	28/12/1991				Khá	668473	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5469	1815-K8CK1B		Phạm Thị	Loan	Nữ	23/05/1991				Giỏi	668474	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5470	1816-K8CK1B		Trần Thị Thanh	Loan	Nữ	07/11/1990				Khá	668475	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5471	1817-K8CK1B		Đỗ Văn	Lượng	Nam	13/12/1991				Giỏi	668476	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5472	1818-K8CK1B		Lê Thị	Luyến	Nữ	18/04/1990				Giỏi	668477	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5473	1819-K8CK1B		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	23/01/1991				Khá	668478	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5474	1820-K8CK1B		Trần Thị	Mùi	Nữ	25/11/1991				Giỏi	668479	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5475	1821-K8CK1B		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	13/03/1991				Giỏi	668480	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5476	1822-K8CK1B		Phạm Thị Minh	Nguyệt	Nữ	12/11/1991				Giỏi	668481	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5477	1823-K8CK1B		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	14/01/1990				Giỏi	668482	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5478	1824-K8CK1B		Đinh Thị Bích	Phương	Nữ	26/08/1990				Khá	668483	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5479	1825-K8CK1B		Ngô Thị	Phượng	Nữ	15/01/1991				Giỏi	668484	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5480	1826-K8CK1B		Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	19/11/1991				Giỏi	668485	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5481	1827-K8CK1B		Trương Thị Kim	Tân	Nữ	11/09/1991				Khá	668486	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5482	1828-K8CK1B		Vũ Thị	Thảo	Nữ	15/09/1990				Giỏi	668487	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5483	1829-K8CK1B		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	12/07/1991				Khá	668488	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5484	1830-K8CK1B		Đào Hoài	Thương	Nữ	20/12/1990				Khá	668489	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5485	1831-K8CK1B		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	11/01/1992				Giỏi	668490	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5486	1832-K8CK1B		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	23/09/1990				Khá	668491	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5487	1833-K8CK1B		Giang Thị	Trang	Nữ	19/12/1991				Giỏi	668492	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5488	1834-K8CK1B		Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Nữ	09/11/1991				Giỏi	668493	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5489	1835-K8CK1B		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	02/03/1992				Giỏi	668494	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5490	1836-K8CK1B		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	28/10/1991				Giỏi	668495	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5491	1837-K8CK1B		Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	12/12/1991				Giỏi	668496	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5492	1838-K8CK2A		Nguyễn Thị	An	Nữ	04/06/1990				Khá	668497	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5493	1839-K8CK2A		Nguyễn Vân	Anh	Nữ	27/06/1991				Khá	668498	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5494	1840-K8CK2A		Nguyễn Thị	Bảy	Nữ	10/07/1989				Khá	668499	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5495	1841-K8CK2A		Nguyễn Thị Kiều	Chang	Nữ	04/03/1991				Giỏi	668500	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5496	1842-K8CK2A		Vũ Thị	Diệp	Nữ	11/11/1990				Khá	668501	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5497	1843-K8CK2A		Đỗ Thị	Dự	Nữ	21/03/1991				Khá	668502	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5498	1844-K8CK2A		Đỗ Thị	Dung	Nữ	09/03/1991				Khá	668503	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5499	1845-K8CK2A		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	09/11/1991				Giỏi	668504	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5500	1846-K8CK2A		Phạm Thị Thu	Giang	Nữ	24/10/1991				Khá	668505	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5501	1847-K8CK2A		Đoàn Thị	Hà	Nữ	20/10/1991				Khá	668506	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5502	1848-K8CK2A		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	18/05/1991				Khá	668507	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5503	1849-K8CK2A		Vũ Thị	Hằng	Nữ	19/12/1989				Khá	668508	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5504	1850-K8CK2A		Lê Thị	Hằng	Nữ	03/03/1991				Giỏi	668509	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5505	1851-K8CK2A		Lê Thị	Hào	Nữ	11/06/1991				Khá	668510	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5506	1852-K8CK2A		Đinh Thị	Hiền	Nữ	11/10/1986				Khá	668511	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5507	1853-K8CK2A		Vũ Thị	Hiền	Nữ	10/10/1991				Khá	668512	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5508	1854-K8CK2A		Nguyễn Phạm Việt	Hoa	Nữ	11/02/1989				Giỏi	668513	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5509	1855-K8CK2A		Đặng Thị	Hòa	Nữ	04/07/1991				Giỏi	668514	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5510	1856-K8CK2A		Hoàng Thị	Hồng	Nữ	20/11/1991				Khá	668515	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5511	1857-K8CK2A		Hoàng Thị	Huệ	Nữ	10/04/1990				Khá	668516	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5512	1858-K8CK2A		Trần Thị	Hương	Nữ	05/09/1991				Khá	668517	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5513	1859-K8CK2A		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	10/01/1990				Khá	668518	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5514	1860-K8CK2A		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	30/08/1991				Khá	668519	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5515	1861-K8CK2A		Hoàng Thị	Liên	Nữ	10/01/1991				Khá	668520	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5516	1862-K8CK2A		Phạm Thúy	Loan	Nữ	02/06/1991				Khá	668521	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5517	1863-K8CK2A		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	27/06/1989				Khá	668522	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5518	1864-K8CK2A		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	10/07/1990				Khá	668523	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5519	1865-K8CK2A		Nguyễn Thị	Miền	Nữ	01/09/1989				Trung bình	668524	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5520	1866-K8CK2A		Vũ Thị	Mùi	Nữ	07/04/1991				Khá	668525	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5521	1867-K8CK2A		Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	19/12/1991				Khá	668526	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5522	1868-K8CK2A		Nguyễn Thị	Ngát	Nữ	12/07/1990				Giỏi	668527	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5523	1869-K8CK2A		Đỗ Thị Bích	Ngọc	Nữ	20/07/1990				Xuất sắc	668528	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5524	1870-K8CK2A		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	25/12/1990				Khá	668529	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5525	1871-K8CK2A		Mai Thị	Oanh	Nữ	24/06/1989				Khá	668530	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5526	1872-K8CK2A		Đỗ Nhã	Phương	Nữ	17/08/1989				Khá	668531	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5527	1873-K8CK2A		Lê Thị Thu	Phượng	Nữ	09/02/1989				Khá	668532	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5528	1874-K8CK2A		Ngô Thị	Phượng	Nữ	03/08/1990				Khá	668533	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5529	1875-K8CK2A		Trần Thị	Quỳnh	Nữ	06/07/1991				Xuất sắc	668534	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5530	1876-K8CK2A		Trần Thị	Thắm	Nữ	08/08/1990				Giỏi	668535	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5531	1877-K8CK2A		Đào Thị	Thảo	Nữ	06/12/1990				Giỏi	668536	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5532	1878-K8CK2A		Nguyễn Thị Hồng	Thơm	Nữ	10/04/1988				Khá	668537	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5533	1879-K8CK2A		Dương Hoài	Thương	Nữ	23/07/1991				Khá	668538	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5534	1880-K8CK2A		ứng Thị Thu	Trang	Nữ	10/08/1991				Khá	668539	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5535	1881-K8CK2A		Hoàng Thị Quỳnh	Trang	Nữ	02/12/1990				Giỏi	668540	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5536	1882-K8CK2A		Phan Thị	Tươi	Nữ	30/11/1987				Khá	668541	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5537	1883-K8CK2A		Đỗ Thị Cẩm	Vân	Nữ	10/02/1989				Khá	668542	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5538	1884-K8CK2B		Phạm Thị Hà	Anh	Nữ	20/05/1990				Khá	668543	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5539	1885-K8CK2B		Phạm Thị	Chang	Nữ	11/09/1991				Giỏi	668544	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5540	1886-K8CK2B		Tạ Thị	Cúc	Nữ	22/07/1991				Khá	668545	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5541	1887-K8CK2B		Hà Thị Thanh	Diệp	Nữ	13/02/1989				Khá	851658	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5542	1888-K8CK2B		Vương Thị	Dung	Nữ	15/06/1991				Khá	668547	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5543	1889-K8CK2B		Phạm Thị Kim	Duyên	Nữ	05/11/1991				Khá	668548	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5544	1890-K8CK2B		Quyền Thị Châu	Giang	Nữ	24/03/1991				Khá	668549	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5545	1891-K8CK2B		Phạm Thị	Hà	Nữ	10/03/1990				Khá	668550	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5546	1892-K8CK2B		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	25/08/1991				Khá	668551	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5547	1893-K8CK2B		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	27/07/1990				Khá	668552	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5548	1894-K8CK2B		Vũ Thị	Hằng	Nữ	21/11/1991				Khá	668553	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5549	1895-K8CK2B		Đặng Thị	Hảo	Nữ	07/01/1991				Khá	668554	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5550	1896-K8CK2B		Vũ Thị	Hiền	Nữ	18/03/1991				Khá	668555	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5551	1897-K8CK2B		Đinh Thu	Hiền	Nữ	27/03/1991				Khá	668556	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5552	1898-K8CK2B		Đinh Thị	Hòa	Nữ	17/10/1991				Khá	668557	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5553	1899-K8CK2B		Lường Thị	Hồng	Nữ	03/06/1989				Khá	668558	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5554	1900-K8CK2B		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	08/07/1991				Khá	668559	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5555	1901-K8CK2B		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/11/1991				Khá	668560	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5556	1902-K8CK2B		Đồng Thị Thu	Hương	Nữ	02/02/1988				Khá	668561	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5557	1903-K8CK2B		Trần Thị	Hương	Nữ	30/01/1989				Khá	668562	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5558	1904-K8CK2B		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	26/11/1991				Khá	668563	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5559	1905-K8CK2B		Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	29/08/1991				Khá	668564	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5560	1906-K8CK2B		Đinh Thu	Huyền	Nữ	27/08/1991				Khá	668565	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5561	1907-K8CK2B		Phạm Thị	Kim	Nữ	11/09/1991				Khá	668566	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5562	1908-K8CK2B		Lê Thị	Liên	Nữ	12/07/1990				Khá	668567	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5563	1909-K8CK2B		Nguyễn Huyền	Linh	Nữ	06/12/1991				Khá	668568	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5564	1910-K8CK2B		Trần Thị	Loan	Nữ	20/06/1991				Khá	668569	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5565	1911-K8CK2B		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	07/04/1989				Khá	668570	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5566	1912-K8CK2B		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	06/03/1990				Giỏi	668571	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5567	1913-K8CK2B		Nguyễn Thị Hồng	Mến	Nữ	18/01/1991				Giỏi	668572	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5568	1914-K8CK2B		Lê Thị	Mừng	Nữ	23/04/1991				Khá	668573	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5569	1915-K8CK2B		Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	10/04/1991				Khá	668574	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5570	1916-K8CK2B		Lương Thị Bích	Ngọc	Nữ	14/10/1991				Khá	668575	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5571	1917-K8CK2B		Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	17/05/1990				Khá	668576	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5572	1918-K8CK2B		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	01/08/1989				Giỏi	668577	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5573	1919-K8CK2B		Đỗ Thị	Phương	Nữ	12/11/1991				Khá	668578	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5574	1920-K8CK2B		Vân Thị	Quỳnh	Nữ	01/08/1991				Khá	668579	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5575	1921-K8CK2B		Đỗ Ngọc	Thảo	Nam	23/10/1991				Khá	851659	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5576	1922-K8CK2B		Bùi Thị	Thêu	Nữ	13/02/1990				Khá	668581	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5577	1923-K8CK2B		Lại Thị	Thương	Nữ	19/08/1990				Khá	668582	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5578	1924-K8CK2B		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	05/01/1991				Khá	668583	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5579	1925-K8CK2B		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	06/11/1989				Khá	668584	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5580	1926-K8CK2B		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	12/10/1990				Khá	668585	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5581	1927-K8CK2B		Hoàng Thị Thu	Trang	Nữ	01/09/1991				Khá	668586	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5582	1928-K8CK2B		Vũ Huyền	Trang	Nữ	09/08/1989				Khá	668587	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5583	1929-K8CK2B		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	24/05/1991				Khá	668588	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5584	1930-K8CK2B		Nguyễn Thị	Tuyên	Nữ	03/04/1990				Khá	668589	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5585	1931-K8CK2B		Hoàng Thị	Vân	Nữ	08/10/1989				Khá	668590	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5586	1932-K8CK2B		Bùi Thị	Yến	Nữ	15/05/1985				Khá	668591	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5587	1933-K8CK3A		Trần Thị	An	Nữ	04/08/1991				Khá	668592	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5588	1934-K8CK3A		Trần Thị Kim	Anh	Nữ	25/08/1991				Khá	668593	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5589	1935-K8CK3A		Lê Hồng	Bích	Nữ	07/12/1991				Khá	668594	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5590	1936-K8CK3A		Cao Thị	Chanh	Nữ	05/09/1991				Khá	668595	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5591	1937-K8CK3A		Yên Thị	Cúc	Nữ	06/02/1991				Khá	668596	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5592	1938-K8CK3A		Nguyễn Hồng	Điệp	Nữ	18/07/1981				Khá	668597	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5593	1939-K8CK3A		Nguyễn Văn	Dũng	Nam	30/09/1991				Khá	668598	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5594	1940-K8CK3A		Tạ Thị	Duyên	Nữ	27/12/1990				Khá	668599	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5595	1941-K8CK3A		Trần Thị	Giang	Nữ	05/10/1990				Khá	668600	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5596	1942-K8CK3A		Phạm Thu	Hà	Nữ	24/05/1991				Giỏi	668601	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5597	1943-K8CK3A		Đoàn Thị Thu	Hà	Nữ	28/08/1989				Khá	668602	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5598	1944-K8CK3A		Nguyễn Thị Hà	Hải	Nữ	03/12/1990				Giỏi	668603	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5599	1945-K8CK3A		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	10/08/1991				Khá	668604	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5600	1946-K8CK3A		Đinh Thị	Hạnh	Nữ	11/12/1991				Khá	668605	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5601	1947-K8CK3A		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	15/03/1989				Khá	668606	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5602	1948-K8CK3A		Vũ Thị	Hiền	Nữ	10/03/1991				Khá	668607	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5603	1949-K8CK3A		Doãn Thị	Hiền	Nữ	25/09/1991				Khá	668608	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5604	1950-K8CK3A		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	09/08/1991				Giỏi	668609	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5605	1951-K8CK3A		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	28/10/1989				Khá	668610	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5606	1952-K8CK3A		Hoàng Thị	Hòa	Nữ	21/06/1991				Giỏi	668611	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5607	1953-K8CK3A		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	08/08/1990				Khá	668612	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5608	1954-K8CK3A		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	10/09/1990				Khá	668613	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5609	1955-K8CK3A		Lê Thị	Hương	Nữ	04/09/1990				Khá	668614	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5610	1956-K8CK3A		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28/07/1991				Khá	668615	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5611	1957-K8CK3A		Trần Thị	Hương	Nữ	06/10/1990				Khá	668616	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5612	1958-K8CK3A		Trần Thị	Hường	Nữ	18/03/1990				Khá	668617	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5613	1959-K8CK3A		Phạm Thị	Huyền	Nữ	12/12/1991				Khá	668618	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5614	1960-K8CK3A		Đỗ Thị	Lan	Nữ	20/11/1991				Giỏi	668619	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5615	1961-K8CK3A		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	13/02/1990				Khá	668620	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5616	1962-K8CK3A		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	21/01/1988				Giỏi	668621	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5617	1963-K8CK3A		Nguyễn Xuân	Lộc	Nam	17/02/1987				Khá	668622	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5618	1964-K8CK3A		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	10/02/1990				Khá	668623	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5619	1965-K8CK3A		Vũ Thị	Mến	Nữ	26/10/1991				Giỏi	668624	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5620	1966-K8CK3A		Nguyễn Thị	Mừng	Nữ	18/04/1991				Khá	668625	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5621	1967-K8CK3A		Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	14/05/1991				Khá	668626	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5622	1968-K8CK3A		Chu Thị	Nhâm	Nữ	28/05/1991				Khá	668627	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5623	1969-K8CK3A		Tăng Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/01/1991				Khá	668628	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5624	1970-K8CK3A		Hoàng Thị	Phương	Nữ	19/03/1991				Khá	668629	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5625	1971-K8CK3A		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	09/04/1991				Khá	668630	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5626	1972-K8CK3A		Vũ Thị Như	Quỳnh	Nữ	01/11/1991				Khá	668631	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5627	1973-K8CK3A		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	20/03/1991				Khá	668632	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5628	1974-K8CK3A		Nguyễn Thị	Thêu	Nữ	12/07/1991				Giỏi	668633	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5629	1975-K8CK3A		Cao Thị	Thu	Nữ	25/06/1991				Khá	668634	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5630	1976-K8CK3A		Lê Thị	Thương	Nữ	28/06/1990				Giỏi	668635	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5631	1977-K8CK3A		Lê Thị	Thương	Nữ	18/10/1990				Khá	668636	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5632	1978-K8CK3A		Phan Thị Bích	Thủy	Nữ	10/01/1990				Giỏi	668637	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5633	1979-K8CK3A		Hoàng Thu	Trang	Nữ	15/08/1988				Khá	668638	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5634	1980-K8CK3A		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	02/06/1991				Giỏi	668639	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5635	1981-K8CK3A		Vũ Thị	Trang	Nữ	16/08/1990				Khá	668640	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5636	1982-K8CK3A		Hoàng Thị Kim	Tuyến	Nữ	16/11/1990				Khá	668641	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5637	1983-K8CK3A		Hoàng Thị	Vân	Nữ	04/01/1990				Khá	668642	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5638	1984-K8CK3A		Đặng Thị	Yến	Nữ	19/10/1990				Khá	668643	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5639	1985-K8CK3B		Bùi Thị Lan	Anh	Nữ	01/11/1991				Giỏi	668644	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5640	1986-K8CK3B		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	20/09/1989				Khá	668645	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5641	1987-K8CK3B		Lê Thị	Bích	Nữ	20/04/1990				Khá	668646	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5642	1988-K8CK3B		Dương Thị Kim	Chi	Nữ	29/09/1990				Khá	668647	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5643	1989-K8CK3B		Nguyễn Thị	Cương	Nữ	14/01/1990				Giỏi	668648	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5644	1990-K8CK3B		Vũ Thị	Điệp	Nữ	16/06/1991				Khá	668649	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5645	1991-K8CK3B		Đoàn Thị	Duân	Nữ	04/05/1991				Giỏi	668650	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5646	1992-K8CK3B		Triệu Khắc	Dũng	Nam	10/06/1990				Khá	668651	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5647	1993-K8CK3B		Trần Thị	Duyên	Nữ	21/02/1990				Giỏi	668652	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5648	1994-K8CK3B		Trần Thị Thu	Giang	Nữ	07/09/1988				Khá	668653	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5649	1995-K8CK3B		Trần Thái	Hà	Nữ	22/10/1991				Giỏi	668654	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5650	1996-K8CK3B		Nguyễn Thị Hồng	Hải	Nữ	10/07/1991				Khá	668655	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5651	1997-K8CK3B		Lương Thị Thúy	Hằng	Nữ	12/01/1991				Giỏi	668656	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5652	1998-K8CK3B		Đinh Thị Hồng	Hạnh	Nữ	25/06/1989				Khá	668657	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5653	1999-K8CK3B		Hà Thị	Hiền	Nữ	10/12/1991				Khá	668658	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5654	2000-K8CK3B		Đinh Thị	Hiền	Nữ	11/05/1990				Khá	668659	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5655	2001-K8CK3B		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	25/08/1990				Khá	668660	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5656	2002-K8CK3B		Lê Thị	Hòa	Nữ	25/06/1989				Khá	668661	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5657	2003-K8CK3B		Phạm Thị	Hồng	Nữ	16/11/1991				Khá	668662	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5658	2004-K8CK3B		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	21/12/1991				Giỏi	668663	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5659	2005-K8CK3B		Lê Thị	Hương	Nữ	09/02/1990				Giỏi	668664	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5660	2006-K8CK3B		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/01/1991				Khá	668665	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5661	2007-K8CK3B		Trần Thị	Hương	Nữ	02/10/1990				Khá	668666	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5662	2008-K8CK3B		Trần Thị Ngọc	Hường	Nữ	13/02/1991				Khá	851382	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5663	2009-K8CK3B		Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	17/08/1991				Khá	668668	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5664	2010-K8CK3B		Lương Thị Ngọc	Lan	Nữ	12/12/1991				Khá	668669	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5665	2011-K8CK3B		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	15/10/1991				Giỏi	668670	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5666	2012-K8CK3B		Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	10/05/1986				Khá	668671	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5667	2013-K8CK3B		Bùi Diệu	Ly	Nữ	03/03/1991				Giỏi	668672	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5668	2014-K8CK3B		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	25/07/1991				Khá	668673	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5669	2015-K8CK3B		Nguyễn Thị	Mị	Nữ	17/05/1990				Khá	668674	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5670	2016-K8CK3B		Phạm Thị	My	Nữ	02/02/1991				Khá	668675	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5671	2017-K8CK3B		Ninh Thị	Nga	Nữ	22/11/1991				Giỏi	668676	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5672	2018-K8CK3B		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	23/02/1990				Khá	668677	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5673	2019-K8CK3B		Đào Thị	Nhàn	Nữ	30/05/1991				Giỏi	668678	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5674	2020-K8CK3B		Vũ Thị	Nhường	Nữ	15/10/1990				Giỏi	668679	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5675	2021-K8CK3B		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	14/04/1991				Giỏi	668680	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5676	2022-K8CK3B		Ngô Thị	Sâm	Nữ	30/07/1991				Khá	668681	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5677	2023-K8CK3B		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	24/04/1991				Giỏi	668682	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5678	2024-K8CK3B		Hoàng Phương	Thảo	Nữ	26/04/1992				Giỏi	668683	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5679	2025-K8CK3B		Nguyễn Thị	Thi	Nữ	26/05/1990				Khá	668684	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5680	2026-K8CK3B		Đặng Thị	Thu	Nữ	22/08/1991				Khá	668685	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5681	2027-K8CK3B		Nguyễn Thị Lan	Thu	Nữ	12/12/1990				Khá	668686	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5682	2028-K8CK3B		Lê Thị	Thương	Nữ	19/07/1991				Khá	668687	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5683	2029-K8CK3B		Trần Thị	Thúy	Nữ	11/01/1990				Khá	668688	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5684	2030-K8CK3B		Trần Thị	Thùy	Nữ	29/10/1991				Giỏi	668689	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5685	2031-K8CK3B		Hoàng Thu	Trang	Nữ	20/03/1989				Giỏi	668690	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5686	2032-K8CK3B		Vũ Thu	Trang	Nữ	08/07/1991				Khá	668691	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5687	2033-K8CK3B		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	17/07/1989				Giỏi	668692	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5688	2034-K8CK3B		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	01/02/1989				Khá	668693	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5689	2035-K8CK3B		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	10/08/1991				Khá	668694	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5690	2036-K8CK4A		Phạm Thị	An	Nữ	20/11/1990				Khá	668695	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5691	2037-K8CK4A		Trần Việt	Anh	Nữ	28/06/1991				Khá	668696	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5692	2038-K8CK4A		Chu Thị Vân	Anh	Nữ	14/01/1991				Xuất sắc	668697	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5693	2039-K8CK4A		Nguyễn Kim	Bích	Nữ	15/08/1991				Khá	668698	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5694	2040-K8CK4A		Nguyễn Thảo	Chi	Nữ	15/08/1991				Giỏi	668699	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5695	2041-K8CK4A		Vũ Thị	Cương	Nữ	04/11/1990				Khá	668700	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5696	2042-K8CK4A		Bùi Thị	Dinh	Nữ	12/12/1990				Khá	668701	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5697	2043-K8CK4A		Trương Viết Việt	Dũng	Nam	02/09/1989				Khá	668702	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5698	2044-K8CK4A		Trần Thị	Hà	Nữ	13/02/1989				Giỏi	668703	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5699	2045-K8CK4A		Lê Thị	Hà	Nữ	22/05/1991				Giỏi	668704	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5700	2046-K8CK4A		Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	04/10/1991				Khá	668705	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5701	2047-K8CK4A		Ngô Thị	Hằng	Nữ	26/10/1991				Khá	668706	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5702	2048-K8CK4A		Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	16/02/1991				Giỏi	668707	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5703	2049-K8CK4A		Tạ Thị	Hảo	Nữ	25/10/1991				Giỏi	668708	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5704	2050-K8CK4A		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	31/10/1991				Khá	668709	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5705	2051-K8CK4A		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	02/10/1991				Khá	668710	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5706	2052-K8CK4A		Lê Thị	Hương	Nữ	07/11/1990				Khá	668711	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5707	2053-K8CK4A		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	30/04/1991				Khá	668712	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5708	2054-K8CK4A		Trần Thị Lan	Hương	Nữ	21/10/1990				Khá	668713	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5709	2055-K8CK4A		Nghiêm Thị	Hương	Nữ	07/05/1991				Khá	668714	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5710	2056-K8CK4A		Nguyễn Kim	Hường	Nữ	29/08/1990				Khá	668715	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5711	2057-K8CK4A		Đoàn Quốc	Huy	Nam	04/06/1989				Khá	668716	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5712	2058-K8CK4A		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	29/05/1990				Giỏi	668717	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5713	2059-K8CK4A		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	10/10/1991				Khá	668718	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5714	2060-K8CK4A		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	01/01/1990				Giỏi	668719	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5715	2061-K8CK4A		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	18/11/1991				Giỏi	668720	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5716	2062-K8CK4A		Phạm Thị	Miền	Nữ	03/01/1991				Giỏi	668721	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5717	2063-K8CK4A		Trần Thị Huyền	My	Nữ	05/10/1991				Khá	668722	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5718	2064-K8CK4A		Phạm Thị	Nga	Nữ	25/07/1989				Giỏi	668723	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5719	2065-K8CK4A		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	29/09/1990				Khá	668724	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5720	2066-K8CK4A		Nguyễn Thanh	Nhàn	Nữ	06/01/1991				Khá	668725	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5721	2067-K8CK4A		Trần Thị	Nhường	Nữ	15/04/1991				Khá	668726	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5722	2068-K8CK4A		Lê Thị	Phương	Nữ	21/04/1990				Giỏi	668727	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5723	2069-K8CK4A		Trịnh Thị	Phượng	Nữ	13/06/1990				Giỏi	668728	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5724	2070-K8CK4A		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	16/08/1991				Khá	668729	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5725	2071-K8CK4A		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	10/04/1991				Giỏi	668730	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5726	2072-K8CK4A		Phạm Thị Kim	Thi	Nữ	23/05/1989				Khá	668731	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5727	2073-K8CK4A		Hoàng Thị Hải	Thu	Nữ	20/08/1991				Khá	668732	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5728	2074-K8CK4A		Từ Thị	Thùy	Nữ	05/06/1990				Khá	668733	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5729	2075-K8CK4A		Vũ Thị	Thùy	Nữ	02/01/1990				Khá	668734	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5730	2076-K8CK4A		Lê Thị	Trang	Nữ	10/10/1991				Giỏi	668735	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5731	2077-K8CK4A		Nguyễn Thị Linh	Trang	Nữ	01/03/1990				Khá	668736	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5732	2078-K8CK4A		Đoàn Phú	Trung	Nam	20/11/1991				Khá	668737	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5733	2079-K8CK4A		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	20/04/1991				Giỏi	668738	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5734	2080-K8CK4B		Trương Hà Huyền	Anh	Nữ	12/02/1991				Giỏi	668739	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5735	2081-K8CK4B		Đinh Thị Thùy	Anh	Nữ	17/04/1991				Khá	668740	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5736	2082-K8CK4B		Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	27/11/1990				Khá	668741	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5737	2083-K8CK4B		Nguyễn Thị	Chi	Nữ	07/04/1990				Khá	668742	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5738	2084-K8CK4B		Phạm Hà Thế	Cường	Nam	29/07/1990				Khá	668743	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5739	2085-K8CK4B		Hà Thị Thanh	Dung	Nữ	09/04/1991				Khá	668744	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5740	2086-K8CK4B		Đặng Thị	Dược	Nữ	10/04/1991				Giỏi	668745	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5741	2087-K8CK4B		Trương Thị	Giang	Nữ	06/04/1990				Giỏi	668746	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5742	2088-K8CK4B		Trần Thị	Hà	Nữ	02/01/1991				Khá	668747	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5743	2089-K8CK4B		Vũ Hoàng	Hải	Nữ	08/08/1990				Giỏi	668748	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5744	2090-K8CK4B		Dương Thị	Hạnh	Nữ	26/09/1990				Khá	668749	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5745	2091-K8CK4B		Tường Thị	Hảo	Nữ	11/08/1991				Giỏi	668750	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5746	2092-K8CK4B		Lê Thị	Hiền	Nữ	24/10/1991				Giỏi	668751	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5747	2093-K8CK4B		Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	19/02/1990				Giỏi	668752	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5748	2094-K8CK4B		Phạm Trung	Hiếu	Nam	02/08/1990				Giỏi	668753	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5749	2095-K8CK4B		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	16/08/1991				Giỏi	668754	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5750	2096-K8CK4B		Mai Thị	Hòa	Nữ	14/10/1990				Giỏi	668755	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5751	2097-K8CK4B		Trần Thị	Huệ	Nữ	09/12/1991				Giỏi	668756	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5752	2098-K8CK4B		Lê Thị	Hương	Nữ	02/07/1990				Giỏi	668757	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5753	2099-K8CK4B		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	18/03/1990				Khá	668758	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5754	2100-K8CK4B		Lê Thị Lan	Hương	Nữ	02/11/1990				Khá	668759	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5755	2101-K8CK4B		Hoàng Quang	Huy	Nam	07/09/1990				Khá	668760	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5756	2102-K8CK4B		Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	15/02/1990				Khá	668761	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5757	2103-K8CK4B		Nguyễn Thị Hồng	Lan	Nữ	20/04/1990				Khá	668762	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5758	2104-K8CK4B		Nguyễn Thị Mai	Liên	Nữ	29/06/1990				Giỏi	668763	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5759	2105-K8CK4B		Nguyễn Vũ	Linh	Nam	18/12/1990				Khá	668764	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5760	2106-K8CK4B		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	13/08/1990				Khá	668765	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5761	2107-K8CK4B		Lê Mai	Ly	Nữ	16/06/1991				Giỏi	668766	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5762	2108-K8CK4B		Nguyễn Thị Hoàng	Mai	Nữ	04/03/1991				Giỏi	668767	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5763	2109-K8CK4B		Trần Thị	Miền	Nữ	09/10/1990				Khá	668768	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5764	2110-K8CK4B		Phạm Thị Quỳnh	Nga	Nữ	28/08/1990				Giỏi	668769	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5765	2111-K8CK4B		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	03/12/1991				Giỏi	668770	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5766	2112-K8CK4B		Vũ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	28/05/1991				Giỏi	668771	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5767	2113-K8CK4B		Trần Thị	Nhường	Nữ	05/01/1991				Giỏi	668772	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5768	2114-K8CK4B		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	22/01/1990				Giỏi	668773	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5769	2115-K8CK4B		Tống Thị Thanh	Thắm	Nữ	02/04/1990				Khá	668774	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5770	2116-K8CK4B		Mạc Thị	Thảo	Nữ	29/06/1991				Giỏi	668775	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5771	2117-K8CK4B		Mai Thị	Thiện	Nữ	19/05/1991				Giỏi	668776	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5772	2118-K8CK4B		Vũ Thị	Thúy	Nữ	12/12/1991				Khá	668777	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5773	2119-K8CK4B		Võ Thị Hồng	Thùy	Nữ	22/09/1989				Khá	668778	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5774	2120-K8CK4B		Lê Thị Hồng	Trang	Nữ	22/08/1991				Giỏi	668779	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5775	2121-K8CK4B		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	15/12/1989				Khá	668780	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5776	2122-K8CK4B		Phạm Thành	Trung	Nam	13/10/1991				Khá	668781	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5777	2123-K8CK4B		Cao Thị	Tuyết	Nữ	29/08/1991				Giỏi	668782	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5778	2124-K8CK4B		Đỗ Thị	Vân	Nữ	26/07/1988				Giỏi	668783	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5779	2125-K8CK4B		Trần Thị	Vân	Nữ	13/03/1991				Khá	668784	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5780	2126-K8CK4B		Ngô Thị	Yến	Nữ	02/05/1990				Khá	668785	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5781	2127-K8CK5A		Trương Thị Lan	Anh	Nữ	22/11/1991				Khá	668786	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5782	2128-K8CK5A		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	18/10/1991				Khá	668787	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5783	2129-K8CK5A		Bùi Thị	Chiên	Nữ	26/10/1990				Giỏi	668788	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5784	2130-K8CK5A		Đỗ Thị	Dân	Nữ	13/10/1991				Khá	668789	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5785	2131-K8CK5A		Đào Thị	Dinh	Nữ	01/04/1991				Giỏi	668790	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5786	2132-K8CK5A		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	30/09/1991				Giỏi	668791	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5787	2133-K8CK5A		Chu Thị	Dương	Nữ	20/01/1990				Khá	668792	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5788	2134-K8CK5A		Đào Thị	Duyến	Nữ	20/02/1989				Khá	668793	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5789	2135-K8CK5A		Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	24/03/1991				Khá	668794	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5790	2136-K8CK5A		Lê Thị	Hà	Nữ	28/11/1991				Khá	668795	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5791	2137-K8CK5A		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	03/06/1991				Giỏi	668796	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5792	2138-K8CK5A		Vũ Thị	Hải	Nữ	21/10/1989				Khá	668797	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5793	2139-K8CK5A		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	07/12/1991				Khá	668798	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5794	2140-K8CK5A		Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	18/08/1991				Khá	668799	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5795	2141-K8CK5A		Lưu Thị	Hiền	Nữ	25/08/1991				Giỏi	668800	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5796	2142-K8CK5A		Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	Nữ	09/10/1991				Giỏi	668801	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5797	2143-K8CK5A		Vũ Thị Việt	Hòa	Nữ	26/12/1991				Giỏi	668802	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5798	2144-K8CK5A		Bùi Thị	Huế	Nữ	16/06/1990				Khá	668803	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5799	2145-K8CK5A		Trần Thị	Huệ	Nữ	24/06/1989				Khá	668804	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5800	2146-K8CK5A		Lê Thị	Hương	Nữ	14/10/1990				Khá	668805	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5801	2147-K8CK5A		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	25/02/1991				Giỏi	668806	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5802	2148-K8CK5A		Trần Thu	Huyền	Nữ	13/11/1986				Khá	668807	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5803	2149-K8CK5A		Nguyễn Thị Thanh	Lan	Nữ	17/12/1991				Khá	668808	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5804	2150-K8CK5A		Nguyễn Thị Mai	Liên	Nữ	27/06/1990				Giỏi	668809	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5805	2151-K8CK5A		Lê Thị	Minh	Nữ	12/11/1990				Khá	668810	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5806	2152-K8CK5A		Phùng Thị	Mỹ	Nữ	22/05/1990				Khá	668811	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5807	2153-K8CK5A		Trần Thị Thu	Nga	Nữ	29/05/1991				Khá	668812	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5808	2154-K8CK5A		Vũ Thị Mai	Phương	Nữ	01/09/1991				Khá	668813	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5809	2155-K8CK5A		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	15/09/1991				Giỏi	668814	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5810	2156-K8CK5A		Lê Thị	Quý	Nữ	27/01/1991				Khá	668815	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5811	2157-K8CK5A		Đặng Thị	Thanh	Nữ	03/10/1989				Khá	668816	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5812	2158-K8CK5A		Lưu Thị Hồng	Thanh	Nữ	05/08/1991				Giỏi	668817	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5813	2159-K8CK5A		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	07/12/1991				Khá	668818	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5814	2160-K8CK5A		Nguyễn Hải	Thu	Nữ	21/06/1991				Khá	668819	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5815	2161-K8CK5A		Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	02/08/1991				Khá	668820	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5816	2162-K8CK5A		Khuất Thị	Thùy	Nữ	28/06/1990				Khá	668821	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5817	2163-K8CK5A		Lê Thị Kiều	Trang	Nữ	31/10/1991				Khá	668822	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5818	2164-K8CK5A		Trần Thị	Vân	Nữ	21/02/1991				Khá	668823	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5819	2165-K8CK5A		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	22/10/1991				Giỏi	668824	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5820	2166-K8CK5B		Văn Thị Vân	Anh	Nữ	28/08/1990				Khá	668825	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5821	2167-K8CK5B		Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	06/07/1990				Khá	668826	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5822	2168-K8CK5B		Hoàng Thị Thanh	Chiên	Nữ	22/08/1991				Khá	668827	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5823	2169-K8CK5B		Triệu Văn	Danh	Nam	12/02/1988				Khá	668828	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5824	2170-K8CK5B		Đoàn Thị	Dinh	Nữ	02/09/1987				Khá	668829	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5825	2171-K8CK5B		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	18/09/1990				Khá	668830	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5826	2172-K8CK5B		Đỗ Thùy	Dương	Nữ	14/01/1990				Khá	668831	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5827	2173-K8CK5B		Dương Thị	Gấm	Nữ	19/10/1990				Khá	668832	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5828	2174-K8CK5B		Cấn Thị	Hà	Nữ	09/10/1989				Khá	668833	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5829	2175-K8CK5B		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	18/05/1991				Giỏi	668834	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5830	2176-K8CK5B		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	19/06/1991				Khá	668835	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5831	2177-K8CK5B		Bùi Thị	Hân	Nữ	30/05/1990				Khá	668836	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5832	2178-K8CK5B		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	05/10/1991				Khá	668837	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5833	2179-K8CK5B		Lê Thị	Hạnh	Nữ	20/01/1990				Khá	668838	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5834	2180-K8CK5B		Bùi Thị	Hoa	Nữ	10/09/1991				Khá	668839	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5835	2181-K8CK5B		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	04/11/1990				Khá	668840	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5836	2182-K8CK5B		Chu Thị Kim	Huế	Nữ	31/12/1990				Giỏi	668841	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5837	2183-K8CK5B		Trần Thị Bích	Huệ	Nữ	29/06/1991				Khá	668842	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5838	2184-K8CK5B		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	04/09/1990				Khá	668843	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5839	2185-K8CK5B		Lê Thị	Hương	Nữ	18/02/1990				Khá	668844	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5840	2186-K8CK5B		Vũ Thiên	Hương	Nữ	03/11/1991				Khá	668845	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5841	2187-K8CK5B		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	12/10/1987				Khá	668846	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5842	2188-K8CK5B		Sỹ Thị Thu	Hường	Nữ	03/05/1991				Khá	668847	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5843	2189-K8CK5B		Vũ Thu	Huyền	Nữ	04/04/1991				Khá	668848	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5844	2190-K8CK5B		Phạm Thị	Lan	Nữ	02/02/1991				Khá	668849	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5845	2191-K8CK5B		Phạm Thị	Liên	Nữ	21/10/1991				Giỏi	668850	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5846	2192-K8CK5B		Bùi Thị Hồng	Loan	Nữ	08/07/1991				Khá	668851	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5847	2193-K8CK5B		Nguyễn Thị Hiền	Lương	Nữ	29/11/1990				Khá	668852	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5848	2194-K8CK5B		Nguyễn Thị Hà	Ly	Nữ	29/04/1990				Khá	668853	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5849	2195-K8CK5B		Lê Thị	Minh	Nữ	15/01/1990				Khá	668854	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5850	2196-K8CK5B		Phạm Thị Lê	Na	Nữ	27/03/1990				Giỏi	668855	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5851	2197-K8CK5B		Bùi Thị Kim	Ngân	Nữ	10/02/1989				Khá	668856	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5852	2198-K8CK5B		Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	05/05/1990				Giỏi	668857	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5853	2199-K8CK5B		Lê Quang	Nhất	Nam	02/04/1988				Khá	668858	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5854	2200-K8CK5B		Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	02/03/1991				Giỏi	668859	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5855	2201-K8CK5B		Lữ Thị	Quỳnh	Nữ	16/04/1990				Khá	668860	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5856	2202-K8CK5B		Hoàng Thị	Thanh	Nữ	20/12/1991				Khá	668861	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5857	2203-K8CK5B		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	29/07/1989				Khá	668862	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5858	2204-K8CK5B		Vũ Thị	Thiện	Nữ	06/10/1991				Khá	668863	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5859	2205-K8CK5B		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/09/1991				Giỏi	668864	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5860	2206-K8CK5B		Phan Thị	Thùy	Nữ	16/01/1991				Khá	668865	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5861	2207-K8CK5B		Hoàng Thị	Tiền	Nữ	10/09/1990				Giỏi	668866	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5862	2208-K8CK5B		Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	17/12/1991				Khá	668867	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5863	2209-K8CK5B		Ninh Thị Thu	Trang	Nữ	09/08/1990				Giỏi	668868	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5864	2210-K8CK5B		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	22/12/1991				Khá	668869	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5865	2211-K8CK6A		Vũ Lan	Anh	Nữ	02/05/1990				Giỏi	668870	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5866	2212-K8CK6A		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	22/08/1991				Giỏi	668871	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5867	2213-K8CK6A		Hoàng Thị Nguyên	Bình	Nữ	21/03/1990				Giỏi	668872	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5868	2214-K8CK6A		Nguyễn Thị	Chiên	Nữ	02/10/1990				Khá	668873	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5869	2215-K8CK6A		Lê Thị	Đào	Nữ	15/09/1991				Khá	668874	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5870	2216-K8CK6A		Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	09/11/1991				Giỏi	668875	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5871	2217-K8CK6A		Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	14/11/1991				Giỏi	668876	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5872	2218-K8CK6A		Lê Thị Thùy	Dương	Nữ	13/12/1991				Khá	668877	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5873	2219-K8CK6A		Cao Thị Hương	Giang	Nữ	21/08/1990				Giỏi	668878	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5874	2220-K8CK6A		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	14/02/1991				Giỏi	668879	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5875	2221-K8CK6A		Trần Thu	Hà	Nữ	07/05/1990				Khá	668880	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5876	2222-K8CK6A		Cao Mạnh	Hà	Nam	28/07/1990				Khá	668881	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5877	2223-K8CK6A		Ngô Ngọc	Hân	Nữ	10/07/1991				Khá	668882	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5878	2224-K8CK6A		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/01/1991				Khá	668883	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5879	2225-K8CK6A		Lê Thị	Hạnh	Nữ	20/12/1991				Khá	668884	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5880	2226-K8CK6A		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	16/06/1991				Khá	668885	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5881	2227-K8CK6A		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	16/09/1991				Khá	668886	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5882	2228-K8CK6A		Phạm Thị Thanh	Hoa	Nữ	05/08/1991				Khá	668887	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5883	2229-K8CK6A		Bùi Thị	Hoa	Nữ	01/08/1991				Khá	668888	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5884	2230-K8CK6A		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	02/05/1991				Khá	668889	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5885	2231-K8CK6A		Khúc Thị	Huế	Nữ	07/04/1990				Khá	668890	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5886	2232-K8CK6A		Nhữ Thị	Hương	Nữ	02/11/1991				Giỏi	668891	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5887	2233-K8CK6A		Lê Thị	Hương	Nữ	13/07/1991				Khá	668892	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5888	2234-K8CK6A		Bùi Thị	Hường	Nữ	15/10/1989				Khá	668893	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5889	2235-K8CK6A		Nguyễn Thị	Khanh	Nữ	07/03/1991				Khá	668894	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5890	2236-K8CK6A		Phạm Thị	Lan	Nữ	28/02/1991				Khá	668895	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5891	2237-K8CK6A		Phạm Thị	Liên	Nữ	12/07/1990				Khá	668896	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5892	2238-K8CK6A		Đỗ Thị	Loan	Nữ	14/01/1991				Giỏi	668897	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5893	2239-K8CK6A		Phan Thị	Lương	Nữ	01/07/1991				Giỏi	668898	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5894	2240-K8CK6A		Vy Thị	Lý	Nữ	14/03/1990				Khá	668899	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5895	2241-K8CK6A		Nguyễn Ngọc	Minh	Nữ	20/10/1989				Khá	668900	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5896	2242-K8CK6A		Hà Thanh	Nam	Nam	30/08/1991				Khá	668901	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5897	2243-K8CK6A		Nguyễn Thị	Nương	Nữ	19/12/1990				Giỏi	668902	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5898	2244-K8CK6A		Lê Thị	Ngân	Nữ	22/03/1990				Khá	668903	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5899	2245-K8CK6A		Trần Thị	Ngọc	Nữ	16/11/1991				Giỏi	668904	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5900	2246-K8CK6A		Mai Thị	Nhu	Nữ	25/03/1991				Giỏi	668905	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5901	2247-K8CK6A		Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	20/09/1991				Giỏi	668906	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5902	2248-K8CK6A		Phạm Thị	Quý	Nữ	18/09/1991				Giỏi	668907	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5903	2249-K8CK6A		Dương Thị	Tâm	Nữ	29/09/1990				Giỏi	668908	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5904	2250-K8CK6A		Lê Thị	Thanh	Nữ	23/04/1991				Giỏi	668909	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5905	2251-K8CK6A		Đỗ Thị	Thơ	Nữ	03/09/1990				Giỏi	668910	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5906	2252-K8CK6A		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	23/09/1990				Khá	668911	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5907	2253-K8CK6A		Bùi Thị	Thúy	Nữ	09/02/1991				Khá	668912	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5908	2254-K8CK6A		Bùi Thị	Thùy	Nữ	07/07/1991				Giỏi	668913	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5909	2255-K8CK6A		Lưu Thị	Tình	Nữ	25/01/1989				Giỏi	668914	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5910	2256-K8CK6A		Phạm Bảo	Trang	Nữ	26/02/1990				Giỏi	668915	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5911	2257-K8CK6A		Phạm Hồng	Tư	Nữ	12/12/1990				Khá	668916	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5912	2258-K8CK6A		Nguyễn Thị Mai	Vinh	Nữ	18/11/1991				Giỏi	668917	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5913	2259-K8CK6A		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	02/04/1990				Khá	668918	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5914	2260-K8CK6B		Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	01/09/1991				Khá	668919	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5915	2261-K8CK6B		Vũ Thị Kim	Anh	Nữ	13/05/1990				Khá	668920	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5916	2262-K8CK6B		Lý Thị	Bình	Nữ	26/01/1991				Giỏi	668921	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5917	2263-K8CK6B		Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	05/04/1989				Khá	668922	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5918	2264-K8CK6B		Phạm Thị	Dung	Nữ	08/09/1991				Khá	668923	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5919	2265-K8CK6B		Lê Thị Thùy	Dương	Nữ	09/05/1991				Khá	668924	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5920	2266-K8CK6B		Trương Thị	Hà	Nữ	15/02/1991				Giỏi	668925	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5921	2267-K8CK6B		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	20/09/1991				Khá	668926	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5922	2268-K8CK6B		Chu Thị Hải	Hà	Nữ	01/10/1989				Khá	668927	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5923	2269-K8CK6B		Bùi Thị Kim	Hằng	Nữ	21/06/1991				Khá	668928	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5924	2270-K8CK6B		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	12/08/1991				Giỏi	668929	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5925	2271-K8CK6B		Lê Thị	Hạnh	Nữ	18/01/1991				Khá	668930	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5926	2272-K8CK6B		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	13/05/1991				Giỏi	668931	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5927	2273-K8CK6B		Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	01/12/1991				Khá	668932	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5928	2274-K8CK6B		Đặng Thị Hằng	Hoa	Nữ	08/05/1990				Khá	668933	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5929	2275-K8CK6B		Phạm Hải	Hưng	Nữ	16/06/1990				Khá	668934	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5930	2276-K8CK6B		Phạm Thị	Hương	Nữ	27/09/1991				Giỏi	668935	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5931	2277-K8CK6B		Đậu Thị Thanh	Huyền	Nữ	04/01/1990				Khá	668936	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5932	2278-K8CK6B		Nguyễn Thị Vân	Khánh	Nữ	02/09/1991				Khá	668937	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5933	2279-K8CK6B		Phạm Thị	Lan	Nữ	14/10/1991				Giỏi	668938	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5934	2280-K8CK6B		Phạm Thị	Liên	Nữ	29/07/1991				Giỏi	668939	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5935	2281-K8CK6B		Bùi Thị	Lý	Nữ	06/05/1991				Khá	668940	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5936	2282-K8CK6B		Phạm Thị	Mai	Nữ	21/08/1990				Khá	668941	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5937	2283-K8CK6B		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	13/03/1991				Khá	668942	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5938	2284-K8CK6B		Vũ Thị	Nam	Nữ	20/09/1991				Khá	668943	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5939	2285-K8CK6B		Nguyễn Bích	Ngân	Nữ	23/11/1991				Khá	668944	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5940	2286-K8CK6B		Trần Thị ánh	Ngọc	Nữ	06/03/1991				Giỏi	668945	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5941	2287-K8CK6B		Nguyễn Thị	Như	Nữ	26/06/1991				Khá	668946	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5942	2288-K8CK6B		Hữu Thị	Oanh	Nữ	10/06/1991				Giỏi	668947	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5943	2289-K8CK6B		Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	06/09/1991				Giỏi	668948	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5944	2290-K8CK6B		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	24/08/1991				Giỏi	668949	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5945	2291-K8CK6B		Lê Thị	Tâm	Nữ	10/10/1990				Giỏi	668950	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5946	2292-K8CK6B		Lê Thị	Thanh	Nữ	04/06/1991				Khá	668951	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5947	2293-K8CK6B		Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	14/07/1991				Giỏi	668952	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5948	2294-K8CK6B		Lê Thị	Thơ	Nữ	20/11/1989				Khá	668953	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5949	2295-K8CK6B		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	01/09/1991				Khá	668954	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5950	2296-K8CK6B		Cấn Thị	Thúy	Nữ	12/03/1991				Khá	668955	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5951	2297-K8CK6B		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	17/02/1991				Giỏi	668956	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5952	2298-K8CK6B		Lương Thị Quỳnh	Trang	Nữ	07/01/1991				Khá	668957	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5953	2299-K8CK6B		Phạm Thị	Trang	Nữ	22/07/1990				Khá	668958	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5954	2300-K8CK6B		Đoàn Thị	Tuân	Nữ	09/11/1991				Khá	668959	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5955	2301-K8CK6B		Trần Thị	Tuyết	Nữ	08/10/1990				Khá	668960	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5956	2302-K8CK6B		Hoàng Thị	Vui	Nữ	15/02/1990				Khá	668961	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5957	2303-K8CK6B		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	25/09/1991				Khá	668962	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5958	2304-K8CK7A		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	28/05/1991				Khá	668963	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5959	2305-K8CK7A		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	26/01/1991				Giỏi	668964	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5960	2306-K8CK7A		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	05/05/1988				Khá	668965	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5961	2307-K8CK7A		Trần Thị	Đào	Nữ	12/06/1990				Khá	668966	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5962	2308-K8CK7A		Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	23/06/1991				Khá	668967	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5963	2309-K8CK7A		Phí Thùy	Dung	Nữ	26/12/1991				Giỏi	668968	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5964	2310-K8CK7A		Lương Thị	Dương	Nữ	16/03/1989				Khá	668969	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5965	2311-K8CK7A		Vũ Thị	Hà	Nữ	28/07/1991				Giỏi	668970	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5966	2312-K8CK7A		Đặng Thị	Hằng	Nữ	02/07/1991				Xuất sắc	668971	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5967	2313-K8CK7A		Lưu Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	09/12/1991				Giỏi	668972	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5968	2314-K8CK7A		Trần Thị	Hậu	Nữ	10/08/1989				Khá	668973	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5969	2315-K8CK7A		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	13/02/1991				Xuất sắc	668974	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5970	2316-K8CK7A		Đặng Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	21/07/1991				Giỏi	668975	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5971	2317-K8CK7A		Trần Thị	Hoa	Nữ	24/08/1990				Giỏi	668976	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5972	2318-K8CK7A		Đỗ Thị	Hoàn	Nữ	01/10/1990				Khá	668977	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5973	2319-K8CK7A		Lê Thị	Huế	Nữ	07/05/1991				Giỏi	668978	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5974	2320-K8CK7A		Bùi Thị Mai	Hương	Nữ	05/04/1991				Giỏi	668979	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5975	2321-K8CK7A		Lê Thị Mai	Hương	Nữ	21/08/1991				Khá	668980	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5976	2322-K8CK7A		Đặng Thị	Hường	Nữ	05/11/1990				Giỏi	668981	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5977	2323-K8CK7A		Trần Thị	Khuyên	Nữ	23/09/1991				Khá	668982	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5978	2324-K8CK7A		Phạm Thị	Làn	Nữ	08/08/1991				Giỏi	668983	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5979	2325-K8CK7A		Tống Thùy	Liên	Nữ	23/05/1991				Giỏi	668984	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5980	2326-K8CK7A		Nguyễn Thị	Lượng	Nữ	13/05/1991				Khá	668985	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5981	2327-K8CK7A		Tạ Thị	Lý	Nữ	12/09/1990				Giỏi	668986	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5982	2328-K8CK7A		Phạm Quỳnh	Mai	Nữ	30/12/1990				Khá	668987	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5983	2329-K8CK7A		Nguyễn Thị Huệ	Minh	Nữ	18/05/1983				Giỏi	668988	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5984	2330-K8CK7A		Phạm Thị	Ngân	Nữ	29/12/1991				Giỏi	668989	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5985	2331-K8CK7A		Tưởng Thái	Ngọc	Nữ	03/06/1991				Khá	668990	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5986	2332-K8CK7A		Nguyễn Thị Tố	Như	Nữ	30/11/1991				Khá	668991	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5987	2333-K8CK7A		Phạm Thị	Phương	Nữ	06/12/1991				Khá	668992	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5988	2334-K8CK7A		Lương Thị	Thanh	Nữ	05/02/1991				Giỏi	668993	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5989	2335-K8CK7A		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	27/12/1991				Khá	668994	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5990	2336-K8CK7A		Phạm Thị Anh	Thơ	Nữ	13/10/1991				Giỏi	668995	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5991	2337-K8CK7A		Đặng Thị	Thúy	Nữ	12/10/1991				Khá	668996	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
5992	2338-K8CK7A		Dương Thị	Trà	Nữ	03/01/1990				Khá	668997	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5993	2339-K8CK7A		Trần Anh	Tuấn	Nam	02/02/1985				Khá	668998	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5994	2340-K8CK7A		Trương Thị Thúy	Tuyết	Nữ	29/05/1991				Giỏi	668999	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5995	2341-K8CK7A		Trần Thị	Vui	Nữ	15/07/1991				Khá	669000	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5996	2342-K8CK7A		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	27/12/1991				Khá	669001	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5997	2343-K8CK7B		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	06/09/1990				Khá	669002	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5998	2344-K8CK7B		Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	08/10/1990				Giỏi	669003	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
5999	2345-K8CK7B		Phạm Thị	Bình	Nữ	04/10/1991				Giỏi	669004	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6000	2346-K8CK7B		Đào Thị	Chúc	Nữ	28/12/1990				Khá	669005	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6001	2347-K8CK7B		Vương Thị	Đào	Nữ	01/03/1991				Giỏi	669006	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6002	2348-K8CK7B		Phạm Thị Kim	Dinh	Nữ	12/10/1991				Khá	669007	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6003	2349-K8CK7B		Quách Thị	Dung	Nữ	02/10/1989				Khá	669008	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6004	2350-K8CK7B		Đỗ Thị Đà	Giang	Nữ	09/01/1989				Khá	669009	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6005	2351-K8CK7B		Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	03/12/1991				Giỏi	669010	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6006	2352-K8CK7B		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	23/05/1990				Khá	669011	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6007	2353-K8CK7B		Đào Thị	Hà	Nữ	22/02/1992				Khá	669012	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6008	2354-K8CK7B		Đàm Thị Thu	Hằng	Nữ	22/02/1992				Giỏi	669013	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6009	2355-K8CK7B		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/10/1990				Giỏi	669014	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6010	2356-K8CK7B		Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	21/10/1991				Giỏi	669015	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6011	2357-K8CK7B		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	05/07/1991				Giỏi	669016	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6012	2358-K8CK7B		Trần Thị	Hiền	Nữ	20/04/1991				Khá	669017	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6013	2359-K8CK7B		Đỗ Thị	Hoa	Nữ	25/11/1991				Giỏi	669018	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6014	2360-K8CK7B		Trần Thị	Hoa	Nữ	01/05/1991				Khá	669019	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6015	2361-K8CK7B		Dương Thị	Hoàn	Nữ	12/02/1991				Giỏi	669020	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6016	2362-K8CK7B		Phạm Thị	Hương	Nữ	10/09/1991				Khá	669021	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6017	2363-K8CK7B		Đào Thị	Hường	Nữ	14/03/1991				Giỏi	669022	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6018	2364-K8CK7B		Trần Thị	Khuyên	Nữ	28/09/1991				Giỏi	669023	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6019	2365-K8CK7B		Nguyễn Thị	Lanh	Nữ	10/11/1991				Khá	669024	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6020	2366-K8CK7B		Bùi Thị	Liễu	Nữ	21/11/1991				Giỏi	669025	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6021	2367-K8CK7B		Lê Thị	Loan	Nữ	06/12/1991				Khá	669026	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6022	2368-K8CK7B		Bùi Thị	Lựu	Nữ	22/03/1990				Khá	669027	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6023	2369-K8CK7B		Đào Thị	Mai	Nữ	21/05/1990				Giỏi	669028	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6024	2370-K8CK7B		Tạ Thị Ngọc	Mai	Nữ	05/01/1991				Khá	669029	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6025	2371-K8CK7B		Vũ Thị	Minh	Nữ	12/01/1990				Giỏi	669030	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6026	2372-K8CK7B		Đỗ Thị	Nga	Nữ	04/10/1990				Giỏi	669031	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6027	2373-K8CK7B		Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	19/10/1991				Giỏi	669032	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6028	2374-K8CK7B		Bạch Thị Hồng	Nhung	Nữ	07/02/1991				Khá	669033	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6029	2375-K8CK7B		Nguyễn Thị Thu	Oanh	Nữ	23/01/1991				Khá	669034	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6030	2376-K8CK7B		Phạm Thị Thu	Phương	Nữ	05/11/1991				Khá	669035	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6031	2377-K8CK7B		Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	08/11/1990				Giỏi	669036	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6032	2378-K8CK7B		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	05/06/1990				Khá	669037	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6033	2379-K8CK7B		Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	11/02/1991				Khá	669038	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6034	2380-K8CK7B		Lưu Thị Kim	Thoa	Nữ	16/05/1991				Khá	669039	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6035	2381-K8CK7B		Phùng Thị	Thu	Nữ	11/10/1991				Khá	669040	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6036	2382-K8CK7B		Dương Phương	Thúy	Nữ	09/06/1991				Giỏi	669041	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6037	2383-K8CK7B		Nguyễn Thanh	Trà	Nữ	06/01/1989				Khá	669042	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6038	2384-K8CK7B		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	02/01/1990				Khá	669043	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6039	2385-K8CK7B		Phạm Thu	Trang	Nữ	10/04/1991				Khá	669044	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6040	2386-K8CK7B		Trần Văn	Tuấn	Nam	16/02/1989				Khá	669045	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6041	2387-K8CK7B		Vũ ánh	Tuyết	Nữ	10/02/1990				Khá	669046	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6042	2388-K8CK7B		Nguyễn Sĩ	Vương	Nam	04/10/1990				Khá	669047	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6043	2389-K8CK7B		Phan Thị Hải	Yến	Nữ	25/12/1989				Khá	669048	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6044	2390-K8CK8A		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	11/12/1988				Khá	669049	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6045	2391-K8CK8A		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	15/07/1991				Giỏi	669050	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6046	2392-K8CK8A		Nguyễn Thị	Ca	Nữ	18/10/1991				Khá	669051	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6047	2393-K8CK8A		Lâm Thị	Chung	Nữ	14/07/1991				Giỏi	669052	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6048	2394-K8CK8A		Vũ Thị	Đào	Nữ	03/06/1990				Khá	669053	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6049	2395-K8CK8A		Trần Thị	Dinh	Nữ	16/11/1989				Khá	669054	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6050	2396-K8CK8A		Nguyễn Thị	Dương	Nữ	21/03/1991				Khá	669055	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6051	2397-K8CK8A		Lê Thị Hồng	Giang	Nữ	02/02/1991				Giỏi	669056	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6052	2398-K8CK8A		Đào Thị Lệ	Hà	Nữ	28/04/1988				Khá	669057	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6053	2399-K8CK8A		Hoàng Thu	Hà	Nữ	05/10/1988				Khá	669058	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6054	2400-K8CK8A		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	03/04/1989				Giỏi	669059	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6055	2401-K8CK8A		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/02/1990				Khá	669060	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6056	2402-K8CK8A		Dương Thị Thu	Hằng	Nữ	20/10/1989				Giỏi	669061	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6057	2403-K8CK8A		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	20/02/1991				Khá	669062	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6058	2404-K8CK8A		Vũ Thị	Hiên	Nữ	20/07/1991				Giỏi	669063	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6059	2405-K8CK8A		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	28/08/1990				Khá	669064	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6060	2406-K8CK8A		Hoàng Thanh	Hoa	Nữ	09/08/1991				Khá	669065	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6061	2407-K8CK8A		Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	01/01/1991				Khá	669066	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6062	2408-K8CK8A		Minh Thị	Huế	Nữ	27/09/1990				Khá	669067	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6063	2409-K8CK8A		Lưu Thị Thu	Hương	Nữ	31/10/1990				Khá	669068	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6064	2410-K8CK8A		Đào Thị Lan	Hương	Nữ	13/09/1991				Khá	669069	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6065	2411-K8CK8A		Phạm Thị Thanh	Hương	Nữ	01/12/1990				Khá	669070	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6066	2412-K8CK8A		Đào Thúy	Hường	Nữ	07/07/1990				Khá	669071	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6067	2413-K8CK8A		Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	20/10/1991				Giỏi	669072	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6068	2414-K8CK8A		Phạm Thị	Liệu	Nữ	02/12/1991				Giỏi	669073	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6069	2415-K8CK8A		Lê Thị Ngọc	Loan	Nữ	14/02/1991				Giỏi	669074	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6070	2416-K8CK8A		Nguyễn Thị	Lựu	Nữ	04/11/1990				Khá	669075	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6071	2417-K8CK8A		Trịnh Thị	Mai	Nữ	12/12/1991				Khá	669076	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6072	2418-K8CK8A		Đinh Ngọc	Mai	Nữ	21/10/1990				Khá	669077	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6073	2419-K8CK8A		Vũ Thùy	Minh	Nữ	01/07/1990				Giỏi	669078	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6074	2420-K8CK8A		Đỗ Thúy	Nga	Nữ	12/06/1991				Khá	669079	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6075	2421-K8CK8A		Vũ Thị	Ngọc	Nữ	17/08/1990				Khá	669080	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6076	2422-K8CK8A		Đào Thị Hồng	Nhung	Nữ	03/12/1991				Giỏi	669081	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6077	2423-K8CK8A		Phan Thị	Oanh	Nữ	06/01/1990				Khá	669082	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6078	2424-K8CK8A		Tạ Thị	Phương	Nữ	15/12/1991				Khá	669083	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6079	2425-K8CK8A		Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/10/1991				Khá	669084	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6080	2426-K8CK8A		Trần Thị	Tâm	Nữ	20/12/1990				Khá	669085	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6081	2427-K8CK8A		Trần Thị	Thanh	Nữ	12/11/1988				Khá	669086	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6082	2428-K8CK8A		Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	18/09/1991				Khá	669087	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6083	2429-K8CK8A		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	26/07/1991				Giỏi	669088	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6084	2430-K8CK8A		Trần Lệ	Thu	Nữ	18/08/1991				Khá	669089	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6085	2431-K8CK8A		Bùi Thị	Thúy	Nữ	16/07/1990				Khá	669090	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6086	2432-K8CK8A		Hoàng Thị Tư	Thúy	Nữ	17/05/1991				Khá	669091	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6087	2433-K8CK8A		Dương Thị Bích	Thùy	Nữ	20/10/1988				Giỏi	669092	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6088	2434-K8CK8A		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	12/07/1991				Khá	669093	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6089	2435-K8CK8A		Quách Huyền	Trang	Nữ	22/09/1990				Khá	669094	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6090	2436-K8CK8A		Nguyễn Ngọc Thanh	Tùng	Nam	28/09/1990				Khá	669095	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6091	2437-K8CK8A		Nguyễn Thị	út	Nữ	12/09/1990				Khá	669096	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6092	2438-K8CK8A		Trần Thị	Yến	Nữ	22/08/1991				Khá	669097	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6093	2439-K8CK8B		Trần Thị Hồng	ánh	Nữ	25/10/1991				Khá	669098	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6094	2440-K8CK8B		Nguyễn Thị	Chung	Nữ	23/02/1991				Khá	669099	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6095	2441-K8CK8B		Trần Ngọc	Diễm	Nữ	23/06/1991				Khá	669100	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6096	2442-K8CK8B		Cao Thị	Dịu	Nữ	15/10/1990				Giỏi	669101	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6097	2443-K8CK8B		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	11/01/1991				Khá	669102	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6098	2444-K8CK8B		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	17/02/1991				Giỏi	669103	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6099	2445-K8CK8B		Đào Thị Thu	Hà	Nữ	02/03/1990				Giỏi	669104	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6100	2446-K8CK8B		Đỗ Thị	Hạ	Nữ	02/02/1990				Khá	669105	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6101	2447-K8CK8B		Hoàng Thị	Hằng	Nữ	19/09/1991				Giỏi	669106	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6102	2448-K8CK8B		Phạm Thị	Hạnh	Nữ	10/11/1991				Khá	669107	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6103	2449-K8CK8B		Trịnh Thị	Hậu	Nữ	04/09/1991				Khá	669108	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6104	2450-K8CK8B		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	10/06/1990				Khá	669109	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6105	2451-K8CK8B		Bùi Thị	Hiền	Nữ	10/10/1991				Khá	669110	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6106	2452-K8CK8B		Hoàng Thị	Hoa	Nữ	08/03/1991				Khá	669111	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6107	2453-K8CK8B		Trương Thị	Hoa	Nữ	13/10/1991				Khá	669112	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6108	2454-K8CK8B		Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	07/11/1991				Khá	669113	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6109	2455-K8CK8B		Nguyễn Ngọc	Huế	Nữ	31/12/1990				Giỏi	669114	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6110	2456-K8CK8B		Mai Thị Thu	Hương	Nữ	27/01/1991				Khá	669115	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6111	2457-K8CK8B		Đào Thị Thu	Hương	Nữ	24/09/1990				Khá	669116	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6112	2458-K8CK8B		Phan Thị	Hương	Nữ	08/08/1991				Khá	669117	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6113	2459-K8CK8B		Dương Thu	Hường	Nữ	28/05/1991				Khá	669118	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6114	2460-K8CK8B		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/10/1990				Khá	669119	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6115	2461-K8CK8B		Nguyễn Văn	Kiên	Nam	03/08/1992				Khá	669120	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6116	2462-K8CK8B		Ngô Thị	Loan	Nữ	19/09/1991				Khá	669121	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6117	2463-K8CK8B		Đào Thị Hồng	Luyên	Nữ	25/09/1991				Khá	669122	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6118	2464-K8CK8B		Nguyễn Thị	Mẫn	Nữ	16/01/1991				Giỏi	669123	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6119	2465-K8CK8B		Đoàn Thanh	Nga	Nữ	23/11/1991				Giỏi	669124	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6120	2466-K8CK8B		An Thị	Nghệ	Nữ	07/01/1991				Giỏi	669125	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6121	2467-K8CK8B		Vũ Thị	Ngọc	Nữ	15/12/1991				Khá	669126	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6122	2468-K8CK8B		Lại Thị	Nhung	Nữ	25/03/1991				Khá	669127	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6123	2469-K8CK8B		Trần Thị	Oanh	Nữ	19/01/1991				Khá	669128	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6124	2470-K8CK8B		Trần Thị Huệ	Phương	Nữ	02/10/1991				Khá	669129	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6125	2471-K8CK8B		Đoàn Thị	Quỳnh	Nữ	02/02/1991				Giỏi	669130	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6126	2472-K8CK8B		Vũ Thị	Tâm	Nữ	10/03/1990				Khá	669131	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6127	2473-K8CK8B		Trần Thị	Thanh	Nữ	21/10/1990				Khá	669132	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6128	2474-K8CK8B		Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	09/11/1989				Khá	669133	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6129	2475-K8CK8B		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	03/01/1990				Khá	669134	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6130	2476-K8CK8B		Đỗ Thị	Thư	Nữ	10/12/1985				Khá	669135	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6131	2477-K8CK8B		Tống Thị Xuân	Trang	Nữ	21/02/1991				Khá	669136	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6132	2478-K8CK8B		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	27/03/1990				Khá	669137	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6133	2479-K8CK8B		Trần Văn	Tùng	Nam	17/06/1991				Trung bình	669138	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6134	2480-K8CK8B		Trần Thị	Yến	Nữ	20/06/1991				Giỏi	669139	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6135	2481-K8CK9A		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	04/10/1990				Khá	669140	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6136	2482-K8CK9A		Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	23/03/1991				Khá	669141	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6137	2483-K8CK9A		Trần Thị Kim	ánh	Nữ	23/10/1991				Khá	669142	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6138	2484-K8CK9A		Nguyễn Thị	Châm	Nữ	28/10/1990				Giỏi	669143	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6139	2485-K8CK9A		Nguyễn Thị Hồng	Chuyên	Nữ	07/10/1990				Khá	669144	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6140	2486-K8CK9A		Phạm Thị	Diệp	Nữ	03/04/1988				Trung bình	669145	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6141	2487-K8CK9A		Đặng Thị	Dinh	Nữ	27/01/1991				Khá	669146	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6142	2488-K8CK9A		Đinh Phương	Dịu	Nữ	06/01/1989				Khá	669147	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6143	2489-K8CK9A		Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	20/10/1990				Khá	669148	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6144	2490-K8CK9A		Phạm Minh	Dương	Nữ	18/11/1991				Khá	669149	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6145	2491-K8CK9A		Đinh Thị	Hà	Nữ	05/03/1990				Khá	669150	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6146	2492-K8CK9A		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	02/06/1987				Khá	669151	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6147	2493-K8CK9A		Nguyễn Thị	Hạ	Nữ	03/06/1990				Khá	669152	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6148	2494-K8CK9A		Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	18/01/1990				Giỏi	669153	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6149	2495-K8CK9A		Hoàng Thị	Hằng	Nữ	19/02/1991				Khá	669154	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6150	2496-K8CK9A		Phạm Thị	Hạnh	Nữ	02/04/1990				Khá	669155	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6151	2497-K8CK9A		Bùi Thị	Hiền	Nữ	29/09/1991				Khá	669156	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6152	2498-K8CK9A		Lê Thị	Hoa	Nữ	21/09/1991				Khá	669157	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6153	2499-K8CK9A		Vũ Thị	Hoa	Nữ	20/03/1990				Khá	669158	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6154	2500-K8CK9A		Đào Thị Như	Hoạt	Nữ	20/08/1991				Giỏi	669159	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6155	2501-K8CK9A		Phạm Minh	Huế	Nữ	08/08/1991				Khá	669160	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6156	2502-K8CK9A		Đỗ Thị	Hương	Nữ	28/11/1991				Khá	669161	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6157	2503-K8CK9A		Phan Thị	Hương	Nữ	02/06/1990				Khá	669162	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6158	2504-K8CK9A		Lê Thị Kim	Hường	Nữ	18/12/1991				Khá	669163	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6159	2505-K8CK9A		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	27/07/1991				Khá	669164	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6160	2506-K8CK9A		Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	08/04/1991				Khá	669165	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6161	2507-K8CK9A		Nguyễn Thị	Lịch	Nữ	20/01/1991				Khá	669166	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6162	2508-K8CK9A		Ngô Thị Bích	Loan	Nữ	17/09/1990				Giỏi	669167	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6163	2509-K8CK9A		Lê Thị	Luyên	Nữ	07/12/1991				Khá	669168	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6164	2510-K8CK9A		Hồ Thị	Mai	Nữ	30/07/1990				Khá	669169	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6165	2511-K8CK9A		Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	10/12/1988				Khá	669170	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6166	2512-K8CK9A		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	07/05/1990				Khá	669171	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6167	2513-K8CK9A		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	06/01/1990				Khá	669172	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6168	2514-K8CK9A		Lưu Thị Thanh	Nga	Nữ	17/02/1990				Khá	669173	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6169	2515-K8CK9A		Phạm Văn	Phước	Nam	28/09/1990				Khá	669174	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6170	2516-K8CK9A		Đào Thị	Phượng	Nữ	25/08/1991				Khá	669175	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6171	2517-K8CK9A		Nguyễn Hương	Quỳnh	Nữ	05/07/1991				Khá	669176	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6172	2518-K8CK9A		Vũ Thị	Thanh	Nữ	28/10/1991				Khá	669177	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6173	2519-K8CK9A		Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	07/12/1991				Giỏi	669178	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6174	2520-K8CK9A		Vũ Thị	Thoa	Nữ	15/03/1991				Khá	669179	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6175	2521-K8CK9A		Hoàng Thị	Thư	Nữ	05/10/1991				Giỏi	669180	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6176	2522-K8CK9A		Ngô Thị	Thúy	Nữ	15/08/1987				Khá	669181	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6177	2523-K8CK9A		Đào Thị Thu	Thủy	Nữ	20/09/1991				Khá	669182	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6178	2524-K8CK9A		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	20/11/1991				Khá	669183	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6179	2525-K8CK9A		Đỗ Thu	Trang	Nữ	28/08/1991				Khá	669184	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6180	2526-K8CK9A		Trần Thị	Trang	Nữ	12/10/1989				Khá	669185	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6181	2527-K8CK9A		Đặng Thị	Tươi	Nữ	02/02/1991				Giỏi	669186	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6182	2528-K8CK9A		Phạm Thị	út	Nữ	09/12/1991				Khá	669187	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6183	2529-K8CK9A		Vũ Thị	Xâm	Nữ	26/12/1991				Khá	669188	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6184	2530-K8CK9A		Ngô Thị	Xuân	Nữ	10/02/1989				Khá	669189	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6185	2531-K8CK9B		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	03/12/1990				Khá	669190	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6186	2532-K8CK9B		Hoàng Hải	Anh	Nữ	15/10/1989				Khá	669191	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6187	2533-K8CK9B		Nguyễn Thị	Ba	Nữ	24/12/1990				Khá	669192	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6188	2534-K8CK9B		Đỗ Thị Kim	Cúc	Nữ	19/09/1991				Giỏi	669193	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6189	2535-K8CK9B		Hoàng Thị	Dịu	Nữ	16/11/1991				Khá	669194	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6190	2536-K8CK9B		Trịnh Thị	Dung	Nữ	27/12/1990				Khá	669195	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6191	2537-K8CK9B		Đỗ Thị	Duyên	Nữ	29/10/1991				Khá	669196	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6192	2538-K8CK9B		Phạm Mỹ	Giang	Nữ	01/03/1991				Trung bình	669197	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6193	2539-K8CK9B		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	28/08/1991				Khá	669198	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6194	2540-K8CK9B		Trịnh Thị Phương	Hạ	Nữ	10/06/1991				Khá	669199	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6195	2541-K8CK9B		Trần Thị	Hằng	Nữ	29/08/1990				Khá	669200	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6196	2542-K8CK9B		Hoàng Thị	Hằng	Nữ	24/12/1988				Khá	669512	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6197	2543-K8CK9B		Phạm Thị Hồng	Hạnh	Nữ	16/08/1989				Khá	669513	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6198	2544-K8CK9B		Đào Thị	Hiền	Nữ	09/06/1991				Khá	669514	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6199	2545-K8CK9B		Phạm Thị	Hiền	Nữ	21/10/1990				Khá	669515	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6200	2546-K8CK9B		Vũ Thị	Hoa	Nữ	24/11/1991				Giỏi	669516	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6201	2547-K8CK9B		Mai Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	12/09/1991				Khá	669517	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6202	2548-K8CK9B		Bùi Văn	Học	Nam	26/09/1991				Khá	669518	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6203	2549-K8CK9B		Ngô Thị	Hương	Nữ	02/09/1990				Khá	669519	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6204	2550-K8CK9B		Phí Thị	Hương	Nữ	12/02/1991				Khá	669520	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6205	2551-K8CK9B		Ngô Thị	Hường	Nữ	22/01/1991				Khá	669521	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6206	2552-K8CK9B		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	02/11/1991				Khá	669522	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6207	2553-K8CK9B		Nguyễn Thị	Kim	Nữ	29/06/1986				Khá	669523	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6208	2554-K8CK9B		Đỗ Diệu	Linh	Nữ	15/04/1990				Khá	669524	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6209	2555-K8CK9B		Bùi Thị	Luyến	Nữ	02/09/1991				Khá	669525	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6210	2556-K8CK9B		Phùng Khánh	Ly	Nữ	01/11/1991				Khá	669526	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6211	2557-K8CK9B		Phạm Thị	May	Nữ	23/10/1990				Khá	669527	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6212	2558-K8CK9B		Hà Thị	Mùi	Nữ	06/10/1990				Khá	669528	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6213	2559-K8CK9B		Cao Thị	Ngọc	Nữ	12/03/1991				Giỏi	669529	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6214	2560-K8CK9B		Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	06/10/1990				Giỏi	669530	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6215	2561-K8CK9B		Mai Thị Tuyết	Nhung	Nữ	20/09/1991				Khá	669531	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6216	2562-K8CK9B		Bùi Thị	Phương	Nữ	20/01/1989				Khá	669532	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6217	2563-K8CK9B		Đỗ Thị	Phượng	Nữ	25/09/1990				Khá	669533	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6218	2564-K8CK9B		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	01/08/1991				Khá	669534	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6219	2565-K8CK9B		Lê Thị	Tân	Nữ	25/06/1991				Khá	669535	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6220	2566-K8CK9B		Nguyễn Đức	Thành	Nam	07/10/1990				Khá	669536	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6221	2567-K8CK9B		Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	17/02/1985				Khá	669537	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6222	2568-K8CK9B		Đào Thị	Thơm	Nữ	28/12/1990				Khá	669538	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6223	2569-K8CK9B		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	12/08/1991				Khá	669539	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6224	2570-K8CK9B		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	08/11/1991				Khá	669540	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6225	2571-K8CK9B		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	13/01/1989				Khá	669541	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6226	2572-K8CK9B		Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	16/12/1991				Khá	669542	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6227	2573-K8CK9B		Đồng Thị	Trang	Nữ	21/12/1991				Khá	669543	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6228	2574-K8CK9B		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24/03/1991				Khá	669544	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6229	2575-K8CK9B		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	08/08/1990				Khá	669545	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	677/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6230	2576-K8CK10		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	23/01/1979				Khá	669546	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6231	2577-K8CK10		Vương Thị Vân	Anh	Nữ	11/10/1991				Khá	669547	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6232	2578-K8CK10		Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	25/08/1990				Khá	669548	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6233	2579-K8CK10		Phan Duy	Cương	Nam	14/08/1989				Trung bình	669549	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6234	2580-K8CK10		Nguyễn Thế Hùng	Cường	Nam	10/02/1990				Khá	669550	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6235	2581-K8CK10		Nguyễn Thị Bích	Đào	Nữ	08/11/1990				Khá	669551	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6236	2582-K8CK10		Nguyễn Thị Bích	Diệp	Nữ	01/12/1984				Khá	669552	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6237	2583-K8CK10		Trần Thị Kim	Dung	Nữ	08/09/1987				Khá	669553	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6238	2584-K8CK10		Hoàng Thị	Duyên	Nữ	08/08/1991				Khá	669554	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6239	2585-K8CK10		Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	12/07/1989				Khá	669555	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6240	2586-K8CK10		Nguyễn Thanh	Hải	Nam	05/12/1987				Khá	669556	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6241	2587-K8CK10		Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	06/11/1990				Khá	669557	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6242	2588-K8CK10		Đào Thị	Hậu	Nữ	14/05/1988				Khá	669558	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6243	2589-K8CK10		Lê Thị	Hiền	Nữ	21/04/1991				Khá	669559	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6244	2590-K8CK10		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	15/07/1991				Khá	669560	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6245	2591-K8CK10		Bùi Minh	Hiển	Nữ	07/12/1991				Khá	669561	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6246	2592-K8CK10		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	20/09/1991				Khá	669562	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6247	2593-K8CK10		Nguyễn Thị	Hoan	Nữ	26/05/1990				Khá	669563	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6248	2594-K8CK10		Bùi Đức	Hoàng	Nam	02/02/1990				Khá	669564	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6249	2595-K8CK10		Bùi Thị	Hồng	Nữ	09/04/1989				Khá	669565	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6250	2596-K8CK10		Vũ Thị	Hồng	Nữ	15/09/1990				Khá	669566	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6251	2597-K8CK10		Nguyễn Thị	Hợp	Nữ	07/11/1991				Khá	669567	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6252	2598-K8CK10		Bùi Thị	Huệ	Nữ	10/03/1991				Khá	669568	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6253	2599-K8CK10		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	24/03/1990				Khá	669569	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6254	2600-K8CK10		Vũ Thị	Huệ	Nữ	19/08/1983				Khá	669570	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6255	2601-K8CK10		Nguyễn Hữu	Hưng	Nam	18/12/1990				Khá	669571	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6256	2602-K8CK10		Hoàng Thị Thu	Hương	Nữ	13/12/1991				Khá	669572	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6257	2603-K8CK10		Ngô Thị Lan	Hương	Nữ	19/08/1989				Giỏi	669573	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6258	2604-K8CK10		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	24/03/1988				Khá	669574	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6259	2605-K8CK10		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	30/07/1989				Khá	669575	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6260	2606-K8CK10		Trần Thị Mai	Hương	Nữ	26/01/1989				Khá	669576	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6261	2607-K8CK10		Đỗ Thúy	Huyền	Nữ	06/09/1990				Khá	669577	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6262	2608-K8CK10		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05/05/1985				Khá	669578	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6263	2609-K8CK10		Đỗ Trung	Kiên	Nam	13/08/1987				Khá	669579	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6264	2610-K8CK10		Nguyễn Thị	Lâm	Nữ	27/11/1991				Khá	669580	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6265	2611-K8CK10		Trần Hoài	Linh	Nữ	25/12/1991				Khá	669581	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6266	2612-K8CK10		Ngô Thị	Luyến	Nữ	17/11/1991				Khá	669582	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6267	2613-K8CK10		Vũ Tuyết	Mai	Nữ	04/05/1990				Khá	669583	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6268	2614-K8CK10		Nguyễn Thị	May	Nữ	15/12/1990				Khá	669584	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6269	2615-K8CK10		Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	01/08/1991				Khá	669585	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6270	2616-K8CK10		Nguyễn Tú	Nam	Nam	05/12/1991				Khá	669586	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6271	2617-K8CK10		Trần Thi Thúy	Nga	Nữ	27/05/1991				Khá	669587	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6272	2618-K8CK10		Hoàng Thị	Ngân	Nữ	24/12/1990				Giỏi	669588	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6273	2619-K8CK10		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	18/05/1990				Khá	669589	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6274	2620-K8CK10		Phạm Thị Thảo	Ngọc	Nữ	23/04/1991				Khá	669590	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6275	2621-K8CK10		Trần Thị	Ngọc	Nữ	07/10/1990				Khá	669591	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6276	2622-K8CK10		Lưu Thị	Nhàn	Nữ	20/02/1989				Khá	669592	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6277	2623-K8CK10		Phan Thị	Nhàn	Nữ	07/03/1988				Trung bình	669593	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6278	2624-K8CK10		Phùng Thanh	Nhàn	Nữ	10/04/1990				Khá	669594	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6279	2625-K8CK10		Đặng Thị	Nhung	Nữ	13/10/1989				Khá	669595	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6280	2626-K8CK10		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	15/09/1988				Khá	669596	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6281	2627-K8CK10		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	23/01/1990				Khá	669597	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6282	2628-K8CK10		Nguyễn Hoàng	Oanh	Nữ	11/08/1991				Khá	669598	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6283	2629-K8CK10		Trần Kiều	Oanh	Nữ	01/10/1990				Khá	669599	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6284	2630-K8CK10		Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	01/10/1991				Khá	669600	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6285	2631-K8CK10		Bùi Thị	Phương	Nữ	13/05/1991				Khá	723875	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6286	2632-K8CK10		Nguyễn Duy	Quân	Nam	07/09/1991				Khá	723876	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6287	2633-K8CK10		Đỗ Thị	Quyên	Nữ	15/09/1991				Khá	723877	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6288	2634-K8CK10		Lê Thị	Quỳnh	Nữ	16/09/1988				Khá	723878	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6289	2635-K8CK10		Nguyễn Thị ánh	Sơn	Nữ	01/01/1988				Khá	723879	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6290	2636-K8CK10		Luân Thị	Thắm	Nữ	03/10/1990				Khá	723880	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6291	2637-K8CK10		Nguyễn Thị Xuân	Thanh	Nữ	01/02/1990				Khá	723881	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6292	2638-K8CK10		Tăng Tuấn	Thành	Nam	30/04/1991				Khá	723882	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6293	2639-K8CK10		Nguyễn Thị Bách	Thảo	Nữ	15/05/1990				Khá	723883	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6294	2640-K8CK10		Trần Thị	Thảo	Nữ	14/12/1989				Khá	723884	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6295	2641-K8CK10		Trịnh Thị	Thảo	Nữ	17/10/1990				Khá	723885	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6296	2642-K8CK10		Bùi Thị	The	Nữ	27/04/1987				Khá	723886	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6297	2643-K8CK10		Đỗ Thị Hoài	Thu	Nữ	05/10/1991				Khá	723887	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6298	2644-K8CK10		Ngô Thị	Thu	Nữ	16/07/1991				Giỏi	723888	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6299	2645-K8CK10		Nguyễn Hà	Thu	Nữ	07/12/1991				Khá	723889	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6300	2646-K8CK10		Nguyễn Thị Huyền	Thu	Nữ	22/10/1987				Khá	723890	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6301	2647-K8CK10		Vương Thị Hồng	Thu	Nữ	01/04/1990				Trung bình	723891	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6302	2648-K8CK10		Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	24/08/1991				Khá	723892	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6303	2649-K8CK10		Đặng Thị	Thương	Nữ	03/01/1987				Khá	723893	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6304	2650-K8CK10		Phạm Thị	Thương	Nữ	16/09/1990				Giỏi	723894	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6305	2651-K8CK10		Hoàng Thị Minh	Thúy	Nữ	30/12/1989				Giỏi	723895	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6306	2652-K8CK10		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	14/08/1991				Khá	723896	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6307	2653-K8CK10		Trương Thị	Thúy	Nữ	18/02/1990				Khá	723897	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6308	2654-K8CK10		Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	22/03/1991				Khá	723898	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6309	2655-K8CK10		Phạm Thị	Thùy	Nữ	11/10/1989				Khá	723899	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6310	2656-K8CK10		Vũ Thị	Thùy	Nữ	15/08/1990				Khá	724201	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6311	2657-K8CK10		Phạm Thu	Thùy	Nữ	07/08/1990				Khá	724202	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6312	2658-K8CK10		Phan Thị Kim	Tiến	Nữ	20/11/1990				Trung bình	724203	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6313	2659-K8CK10		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	20/11/1990				Khá	724204	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6314	2660-K8CK10		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	20/08/1991				Khá	724205	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6315	2661-K8CK10		Vũ Thị Minh	Trang	Nữ	22/02/1990				Khá	724206	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6316	2662-K8CK10		Bùi Thị	Từ	Nữ	17/08/1987				Khá	724207	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6317	2663-K8CK10		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	06/02/1986				Trung bình	724208	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6318	2664-K8CK10		Phạm Thị	Tuyết	Nữ	18/10/1989				Khá	724209	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6319	2665-K8CK10		Tô Phương	Việt	Nam	01/10/1987				Khá	724210	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6320	2666-K8CK10		Ngô Bá	Vương	Nam	01/06/1991				Khá	724211	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6321	2667-K8CK10		Nguyễn Thị	Vượng	Nữ	05/10/1981				Giỏi	724212	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6322	2668-K8CK10		Khổng Thị	Xuân	Nữ	20/07/1988				Khá	724213	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6323	2669-K8CK10		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	26/09/1991				Khá	724214	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6324	2670-K8CK10		Bùi Thị	Xuyến	Nữ	22/05/1985				Khá	724215	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6325	2671-K8CK10		Lê Thị	Yến	Nữ	10/06/1991				Khá	724216	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6326	2672-K7HK3		Lê Minh	Hùng	Nam	10/03/1988				Trung bình	724217	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	683/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6327	2673-K7HK7		Vũ Thị	Huyền	Nữ	20/09/1986				Trung bình	724218	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	683/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6328	2674-K7HK15		Trần Thị Kim	Tuyến	Nữ	13/09/1988				Trung bình	724219	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	683/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6329	2675-K7HK15		Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	12/09/1989				Trung bình	724220	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	683/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6330	2676-K7HK16A		Nguyễn Hữu	Bằng	Nam	10/08/1986				Khá	724221	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	683/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6331	2677-K8CQ1A		Lê Quỳnh	Anh	Nữ	21/08/1990				Giỏi	724222	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6332	2678-K8CQ1A		Trịnh Lan	Anh	Nữ	25/07/1991				Khá	724223	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6333	2679-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	12/05/1991				Giỏi	724224	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6334	2680-K8CQ1A		Trần Văn	Đại	Nam	07/09/1989				Khá	724225	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6335	2681-K8CQ1A		Đào Thùy	Dung	Nữ	04/03/1991				Giỏi	724226	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6336	2682-K8CQ1A		Bùi Thùy	Dương	Nữ	19/12/1990				Khá	724227	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6337	2683-K8CQ1A		Nguyễn Như	Duy	Nam	05/05/1990				Khá	724228	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6338	2684-K8CQ1A		Đỗ Thị Hồng	Giang	Nữ	27/12/1991				Khá	724229	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6339	2685-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	29/09/1991				Khá	724230	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6340	2686-K8CQ1A		Kiều Việt	Hà	Nữ	17/07/1989				Khá	724231	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6341	2687-K8CQ1A		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	27/02/1990				Giỏi	724232	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6342	2688-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Hân	Nữ	10/11/1991				Khá	724233	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6343	2689-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/07/1987				Khá	724234	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6344	2690-K8CQ1A		Đào Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	20/12/1991				Giỏi	724235	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6345	2691-K8CQ1A		Đồng Văn	Hảo	Nam	18/12/1987				Khá	724236	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6346	2692-K8CQ1A		Bùi Thị Thu	Hiền	Nữ	20/08/1985				Khá	724237	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6347	2693-K8CQ1A		Ngô Thị	Hiền	Nữ	05/04/1991				Giỏi	724238	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6348	2694-K8CQ1A		Trần Thị	Hoa	Nữ	03/01/1989				Khá	724239	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6349	2695-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	20/10/1988				Giỏi	724240	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6350	2696-K8CQ1A		Nguyễn Hữu	Huân	Nam	10/06/1990				Khá	724241	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6351	2697-K8CQ1A		Hoàng Thị Lan	Hương	Nữ	21/09/1989				Giỏi	724242	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6352	2698-K8CQ1A		Phạm Thị	Hường	Nữ	28/08/1990				Khá	724243	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6353	2699-K8CQ1A		Nghiêm Thị	Huyền	Nữ	12/10/1991				Khá	724244	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6354	2700-K8CQ1A		Vương Công	Lâm	Nam	19/12/1990				Khá	724245	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6355	2701-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	17/07/1991				Giỏi	724246	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6356	2702-K8CQ1A		Đỗ Thị Phương	Loan	Nữ	24/08/1991				Khá	724247	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6357	2703-K8CQ1A		Đàm Thị	Lương	Nữ	04/06/1987				Khá	724248	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6358	2704-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	03/08/1987				Khá	724249	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6359	2705-K8CQ1A		Phan Thanh	Mai	Nữ	05/07/1990				Khá	724250	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6360	2706-K8CQ1A		Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	10/09/1991				Khá	724251	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6361	2707-K8CQ1A		Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	04/11/1991				Giỏi	724252	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6362	2708-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	11/01/1991				Khá	724253	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6363	2709-K8CQ1A		Đinh Lan	Phương	Nữ	30/05/1991				Khá	724254	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6364	2710-K8CQ1A		Vũ Duy	Phương	Nam	13/08/1989				Khá	724255	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6365	2711-K8CQ1A		Lê Thị	Thanh	Nữ	07/02/1990				Khá	724256	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6366	2712-K8CQ1A		Nguyễn Thị Thúy	Thảo	Nữ	29/12/1991				Khá	724257	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6367	2713-K8CQ1A		Hoàng Thị	Thoa	Nữ	20/02/1991				Khá	724258	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6368	2714-K8CQ1A		Phạm Thị	Thơm	Nữ	07/10/1991				Khá	724259	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6369	2715-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	06/11/1991				Giỏi	724260	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6370	2716-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	30/05/1991				Khá	724261	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6371	2717-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	02/03/1991				Giỏi	724262	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6372	2718-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	08/08/1991				Khá	724263	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6373	2719-K8CQ1A		Cao Thị Huyền	Trang	Nữ	23/11/1990				Khá	724264	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6374	2720-K8CQ1A		Dương Thị Thu	Trang	Nữ	30/10/1990				Khá	724265	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6375	2721-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Trọng	Nữ	06/05/1990				Khá	724266	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6376	2722-K8CQ1A		Giang Văn	Tùng	Nam	25/06/1989				Khá	724267	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6377	2723-K8CQ1A		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	22/12/1990				Khá	724268	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6378	2724-K8CQ1A		Bùi Thị	Yến	Nữ	04/01/1990				Khá	724269	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6379	2725-K8CQ1A		Vũ Hữu	Mạnh	Nam	14/01/1987				Khá	851121	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6380	2726-K8CQ1A		Đào Tuấn	Minh	Nam	16/11/1988				Khá	851122	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6381	2727-K8CQ1B		Phạm Thị	Ba	Nữ	10/09/1990				Giỏi	851123	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6382	2728-K8CQ1B		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	04/02/1991				Khá	851124	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6383	2729-K8CQ1B		Nguyễn Đức	Cảnh	Nam	02/09/1989				Khá	851125	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6384	2730-K8CQ1B		Phạm Thị	Chiên	Nữ	01/10/1991				Khá	851126	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6385	2731-K8CQ1B		Nguyễn Thị Hồng	Diệp	Nữ	16/12/1991				Khá	851127	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6386	2732-K8CQ1B		Lưu Thị Kim	Dung	Nữ	23/02/1991				Giỏi	851128	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6387	2733-K8CQ1B		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	23/02/1991				Khá	851129	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6388	2734-K8CQ1B		Phạm Ngọc	Duyên	Nam	10/07/1989				Khá	851130	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6389	2735-K8CQ1B		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	06/09/1991				Khá	851131	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6390	2736-K8CQ1B		Đỗ Thị	Hà	Nữ	01/10/1991				Khá	851132	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6391	2737-K8CQ1B		Phạm Thị	Hà	Nữ	23/11/1991				Khá	851133	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6392	2738-K8CQ1B		Đặng Thị	Hằng	Nữ	01/06/1990				Khá	851134	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6393	2739-K8CQ1B		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	22/09/1990				Khá	851135	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6394	2740-K8CQ1B		Hà Thị Hồng	Hạnh	Nữ	17/02/1991				Khá	851136	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6395	2741-K8CQ1B		Lê Thị	Hậu	Nữ	19/05/1991				Khá	851137	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6396	2742-K8CQ1B		Công Thị Thu	Hiền	Nữ	01/01/1986				Khá	851138	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6397	2743-K8CQ1B		Bùi Thị	Hòa	Nữ	04/11/1991				Khá	851139	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6398	2744-K8CQ1B		Nguyễn Thị Thanh	Hội	Nữ	01/01/1991				Khá	851140	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6399	2745-K8CQ1B		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	12/06/1990				Khá	851141	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6400	2746-K8CQ1B		Sái Thị	Hường	Nữ	31/12/1991				Giỏi	851142	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6401	2747-K8CQ1B		Trần Thị	Huyền	Nữ	10/09/1991				Khá	851143	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6402	2748-K8CQ1B		Đinh Thị	Lan	Nữ	24/10/1990				Khá	851144	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6403	2749-K8CQ1B		Hồ Thị	Linh	Nữ	07/10/1991				Khá	851145	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6404	2750-K8CQ1B		Tạ Thị	Loan	Nữ	29/08/1991				Khá	851146	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6405	2751-K8CQ1B		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	20/11/1990				Khá	851147	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6406	2752-K8CQ1B		Thiều Thị Quỳnh	Mai	Nữ	12/07/1991				Khá	851148	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6407	2753-K8CQ1B		Đỗ Thu	Ngà	Nữ	10/12/1990				Khá	851149	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6408	2754-K8CQ1B		Bùi Diệu	Ngọc	Nữ	30/10/1991				Giỏi	851150	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6409	2755-K8CQ1B		Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	15/08/1991				Giỏi	851151	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6410	2756-K8CQ1B		Phan Thị Hồng	Nhung	Nữ	13/10/1991				Giỏi	851152	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6411	2757-K8CQ1B		Lê Thị	Phương	Nữ	11/11/1991				Giỏi	851153	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6412	2758-K8CQ1B		Hoàng Thị	Quế	Nữ	08/06/1991				Khá	851154	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6413	2759-K8CQ1B		Nguyễn Văn	Sơn	Nam	26/10/1991				Khá	851155	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6414	2760-K8CQ1B		Phí Thị Hoài	Thanh	Nữ	10/01/1990				Khá	851156	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6415	2761-K8CQ1B		Nguyễn Công	Thiện	Nam	14/11/1990				Khá	851157	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6416	2762-K8CQ1B		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	24/08/1991				Khá	851158	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6417	2763-K8CQ1B		Vũ Thị	Thơm	Nữ	28/07/1991				Khá	851159	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6418	2764-K8CQ1B		Vũ Thị	Thu	Nữ	03/02/1991				Khá	851160	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6419	2765-K8CQ1B		Phạm Thị	Thúy	Nữ	25/05/1991				Khá	851161	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6420	2766-K8CQ1B		Vũ Thị	Thúy	Nữ	14/01/1991				Khá	851162	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6421	2767-K8CQ1B		Bùi Quỳnh	Trang	Nữ	10/12/1991				Khá	851163	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6422	2768-K8CQ1B		Lê Thu	Trang	Nữ	10/02/1991				Khá	851164	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6423	2769-K8CQ1B		Trần Thị	Tươi	Nữ	28/02/1991				Khá	851165	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6424	2770-K8CQ1B		Đào Thị	Vân	Nữ	01/03/1991				Khá	851166	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6425	2771-K8CQ1B		Lê Tuấn	Vũ	Nam	02/06/1990				Khá	851167	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6426	2772-K8CQ1B		Đinh Hải	Yến	Nữ	28/08/1991				Giỏi	851168	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6427	2773-K8CQ2A		Hoàng Việt	Bảo	Nam	15/12/1988				Giỏi	851169	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6428	2774-K8CQ2A		Dương Quỳnh	Chi	Nữ	25/06/1990				Khá	851170	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6429	2775-K8CQ2A		Nguyễn Huy	Cường	Nam	14/12/1986				Khá	851171	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6430	2776-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	21/07/1991				Khá	851172	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6431	2777-K8CQ2A		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	26/03/1990				Khá	851173	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6432	2778-K8CQ2A		Trần Thị	Dương	Nữ	24/01/1990				Khá	851174	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6433	2779-K8CQ2A		Bùi Thị	én	Nữ	28/02/1988				Khá	851175	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6434	2780-K8CQ2A		Phạm Thị Thái	Hà	Nữ	19/10/1991				Khá	851176	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6435	2781-K8CQ2A		Đào Thúy	Hằng	Nữ	30/11/1991				Khá	851177	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6436	2782-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	08/02/1990				Giỏi	851178	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6437	2783-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	02/06/1989				Khá	851179	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6438	2784-K8CQ2A		Đặng Thị	Hiền	Nữ	19/12/1990				Khá	851180	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6439	2785-K8CQ2A		Ngô Thị	Hoa	Nữ	20/03/1990				Khá	851181	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6440	2786-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	06/10/1991				Khá	851182	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6441	2787-K8CQ2A		Nguyễn Thị Mai	Hồng	Nữ	05/02/1991				Khá	851183	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6442	2788-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	07/03/1991				Khá	851184	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6443	2789-K8CQ2A		Trần Quang	Huy	Nam	05/04/1991				Khá	851185	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6444	2790-K8CQ2A		Vũ Thanh	Huyền	Nữ	25/05/1990				Khá	851186	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6445	2791-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	23/11/1991				Khá	851187	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6446	2792-K8CQ2A		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	16/12/1991				Khá	851188	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6447	2793-K8CQ2A		Vũ Thị	Loan	Nữ	14/07/1989				Khá	851189	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6448	2794-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	07/07/1990				Khá	851190	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6449	2795-K8CQ2A		Dương Thị	Mai	Nữ	10/08/1991				Khá	851191	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6450	2796-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Mây	Nữ	07/07/1990				Khá	851192	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6451	2797-K8CQ2A		Bùi Thị	Ngân	Nữ	07/04/1991				Khá	851193	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6452	2798-K8CQ2A		Lương Xuân	Nghĩa	Nam	09/03/1990				Khá	851194	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6453	2799-K8CQ2A		Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	16/06/1991				Giỏi	851195	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6454	2800-K8CQ2A		Hà Thị	Nguyệt	Nữ	07/12/1991				Khá	851196	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6455	2801-K8CQ2A		Đỗ Thị Linh	Như	Nữ	16/11/1991				Khá	851197	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6456	2802-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	12/06/1991				Khá	851198	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6457	2803-K8CQ2A		Quách Thị Hồng	Nhung	Nữ	07/05/1990				Trung bình	851199	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6458	2804-K8CQ2A		Trần Thị Thúy	Nương	Nữ	24/03/1990				Khá	851200	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6459	2805-K8CQ2A		Vũ Thị	Oanh	Nữ	18/09/1990				Giỏi	851201	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6460	2806-K8CQ2A		Lương Thị	Phương	Nữ	21/07/1991				Khá	851202	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6461	2807-K8CQ2A		Vũ Thị Hà	Phương	Nữ	16/05/1990				Giỏi	851203	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6462	2808-K8CQ2A		Đồng Thị	Phượng	Nữ	10/08/1991				Khá	851204	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6463	2809-K8CQ2A		Chu Thị	Quyên	Nữ	10/04/1991				Khá	851205	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6464	2810-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	14/01/1991				Khá	851206	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6465	2811-K8CQ2A		Phạm Đình	Tâm	Nam	08/11/1991				Khá	851207	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6466	2812-K8CQ2A		Lê Văn	Thành	Nam	23/01/1992				Giỏi	851208	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6467	2813-K8CQ2A		Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	05/08/1991				Khá	851209	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6468	2814-K8CQ2A		Vũ Thị	Thoan	Nữ	23/05/1990				Khá	851210	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6469	2815-K8CQ2A		Đinh Thị	Thu	Nữ	04/09/1991				Khá	851211	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6470	2816-K8CQ2A		Vũ Thị Hồng	Thu	Nữ	21/12/1990				Khá	851212	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6471	2817-K8CQ2A		Lê Thị	Thúy	Nữ	30/04/1989				Khá	851213	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6472	2818-K8CQ2A		Phạm Minh	Thúy	Nữ	11/05/1990				Khá	851214	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6473	2819-K8CQ2A		Đào Thu	Thủy	Nữ	14/08/1990				Khá	851215	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6474	2820-K8CQ2A		Nguyễn Quyết	Tiến	Nam	05/11/1990				Khá	851216	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6475	2821-K8CQ2A		Bùi Thị	Trang	Nữ	23/12/1991				Khá	851217	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6476	2822-K8CQ2A		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	01/04/1990				Khá	851218	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6477	2823-K8CQ2A		Lê Văn	Tuyển	Nam	17/09/1990				Khá	851219	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6478	2824-K8CQ2A		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	10/09/1991				Khá	851220	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6479	2825-K8CQ2A		Phạm Thị	Vui	Nữ	19/06/1990				Khá	851221	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6480	2826-K8CQ2A		Hoàng Hải	Yến	Nữ	29/01/1990				Khá	851222	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6481	2827-K8CQ2B		Lê Thị Ngọc	Bích	Nữ	20/07/1991				Giỏi	851223	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6482	2828-K8CQ2B		Ngô Phương	Chi	Nữ	28/11/1990				Khá	851224	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6483	2829-K8CQ2B		Nguyễn Văn	Cường	Nam	20/12/1990				Khá	851225	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6484	2830-K8CQ2B		Thân Thị	Định	Nữ	28/06/1990				Khá	851226	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6485	2831-K8CQ2B		Trần Thùy	Dung	Nữ	17/12/1990				Khá	851227	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6486	2832-K8CQ2B		Hoàng Ngọc	Duy	Nam	29/05/1990				Khá	851228	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6487	2833-K8CQ2B		Nguyễn Thị	Gấm	Nữ	14/11/1990				Khá	851229	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6488	2834-K8CQ2B		Vũ Thị	Giang	Nữ	12/07/1991				Khá	851230	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6489	2835-K8CQ2B		Vũ Thị	Hà	Nữ	17/09/1990				Khá	851231	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6490	2836-K8CQ2B		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/06/1991				Khá	851232	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6491	2837-K8CQ2B		Đỗ Thị	Hiên	Nữ	03/10/1990				Khá	851233	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6492	2838-K8CQ2B		Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	23/03/1991				Khá	851234	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6493	2839-K8CQ2B		Nguyễn Thị Thúy	Hoa	Nữ	09/10/1991				Khá	851235	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6494	2840-K8CQ2B		Trịnh Thị	Hoài	Nữ	12/09/1991				Khá	851236	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6495	2841-K8CQ2B		Đặng Duy	Hưng	Nam	06/07/1990				Khá	851237	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6496	2842-K8CQ2B		Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	19/08/1991				Giỏi	851238	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6497	2843-K8CQ2B		Hà Thị	Kiều	Nữ	12/06/1991				Khá	851239	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6498	2844-K8CQ2B		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	19/11/1990				Giỏi	851240	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6499	2845-K8CQ2B		Bùi Thị	Loan	Nữ	07/08/1987				Khá	851241	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6500	2846-K8CQ2B		Nguyễn Mạnh	Luân	Nam	10/12/1991				Khá	851242	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6501	2847-K8CQ2B		Nguyễn Thị Na	Ly	Nữ	18/09/1990				Khá	851243	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6502	2848-K8CQ2B		Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	12/02/1990				Khá	851244	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6503	2849-K8CQ2B		Đinh Hữu	Nguyên	Nam	11/06/1991				Khá	851245	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6504	2850-K8CQ2B		Phạm Thị	Nhàn	Nữ	19/08/1990				Trung bình	851246	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6505	2851-K8CQ2B		Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	24/02/1991				Khá	851247	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6506	2852-K8CQ2B		Thân Thị	Nụ	Nữ	26/03/1990				Khá	851248	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6507	2853-K8CQ2B		Vũ Thị Kim	Oanh	Nữ	17/01/1991				Giỏi	851249	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6508	2854-K8CQ2B		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	26/01/1990				Khá	851250	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6509	2855-K8CQ2B		Lê Thị Khánh	Phượng	Nữ	12/11/1991				Khá	851251	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6510	2856-K8CQ2B		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	20/11/1991				Khá	851252	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6511	2857-K8CQ2B		Nguyễn Thị	Thân	Nữ	03/05/1991				Khá	851253	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6512	2858-K8CQ2B		Ngô Thị Phương	Thảo	Nữ	28/06/1991				Giỏi	851254	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6513	2859-K8CQ2B		Hoàng Thị Mỹ	Tho	Nữ	24/05/1991				Khá	851255	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6514	2860-K8CQ2B		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	07/05/1991				Giỏi	851256	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6515	2861-K8CQ2B		Khuất Thị	Thư	Nữ	14/12/1990				Khá	851257	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6516	2862-K8CQ2B		Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	30/09/1989				Khá	851258	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6517	2863-K8CQ2B		Đỗ Thị Thu	Thủy	Nữ	24/03/1991				Khá	851259	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6518	2864-K8CQ2B		Lê Thị	Tình	Nữ	13/01/1991				Khá	851260	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6519	2865-K8CQ2B		Nguyễn Thị Phương	Trinh	Nữ	29/04/1991				Khá	851261	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6520	2866-K8CQ2B		Đỗ Sơn	Tùng	Nam	06/12/1989				Khá	851262	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6521	2867-K8CQ2B		Đỗ Thị Kim	Tuyết	Nữ	17/04/1991				Khá	851263	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6522	2868-K8CQ2B		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	01/09/1990				Khá	851264	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6523	2869-K8CQ2B		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	27/06/1991				Khá	851265	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6524	2870-K8CQ2B		Nguyễn Thị Thu	Yến	Nữ	25/02/1991				Khá	851266	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	678/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6525	2871-K7HQ6		Vân Thị Mỹ	Ly	Nữ	23/03/1987				Khá	851267	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	682/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6526	2872-K7HQ11		Bùi Thu	Hằng	Nữ	18/07/1989				Khá	851268	2014	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	682/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6527	2873-K8CT1		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	06/10/1991				Khá	851269	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6528	2874-K8CT1		Cao Thị Quỳnh	Anh	Nữ	21/04/1990				Khá	851270	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6529	2875-K8CT1		Nguyễn Hải	Anh	Nữ	24/11/1991				Khá	851271	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6530	2876-K8CT1		Hoàng Thục	Anh	Nữ	25/12/1991				Khá	851272	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6531	2877-K8CT1		Ngô Thị Vân	Anh	Nữ	15/08/1989				Khá	851273	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6532	2878-K8CT1		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	15/11/1991				Khá	851274	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6533	2879-K8CT1		Đào Thị	Châm	Nữ	14/11/1991				Khá	851275	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6534	2880-K8CT1		Vũ Huy	Đại	Nam	15/10/1989				Khá	851276	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6535	2881-K8CT1		Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	02/10/1990				Khá	851626	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6536	2882-K8CT1		Nguyễn Duy	Dũng	Nam	24/01/1990				Khá	851278	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6537	2883-K8CT1		Lưu Xuân	Giang	Nam	21/07/1989				Khá	851657	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6538	2884-K8CT1		Trịnh Thị út	Hà	Nữ	30/08/1990				Khá	851280	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6539	2885-K8CT1		Hoàng Mạnh	Hải	Nam	16/09/1990				Khá	851281	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6540	2886-K8CT1		Lê Thị	Hân	Nữ	13/10/1991				Khá	851282	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6541	2887-K8CT1		Lê Thị	Hằng	Nữ	18/09/1989				Khá	851283	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6542	2888-K8CT1		Lê Thị	Hằng	Nữ	27/07/1991				Khá	851284	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6543	2889-K8CT1		Hoàng Thu	Hằng	Nữ	23/04/1991				Khá	851285	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6544	2890-K8CT1		Đào Thị	Hạnh	Nữ	22/08/1991				Khá	851286	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6545	2891-K8CT1		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	26/01/1991				Khá	851287	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6546	2892-K8CT1		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	12/07/1991				Khá	851288	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6547	2893-K8CT1		Bùi Trung	Hiếu	Nam	18/04/1990				Khá	851289	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6548	2894-K8CT1		Phạm Phương	Hoa	Nữ	03/06/1991				Khá	851290	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6549	2895-K8CT1		Trần Thị	Hồng	Nữ	18/03/1988				Khá	851291	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6550	2896-K8CT1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	22/11/1991				Giỏi	851292	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6551	2897-K8CT1		Trịnh Thị	Huệ	Nữ	10/11/1991				Khá	851293	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6552	2898-K8CT1		Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	16/02/1991				Khá	851294	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6553	2899-K8CT1		Lê Thị Thu	Hường	Nữ	15/04/1991				Khá	851295	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6554	2900-K8CT1		Hoàng Thị Thanh	Huyền	Nữ	11/02/1990				Giỏi	851296	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6555	2901-K8CT1		Trịnh Thị Lệ	Huỳnh	Nữ	21/01/1991				Khá	851297	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6556	2902-K8CT1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	15/09/1990				Khá	851298	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6557	2903-K8CT1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	17/01/1991				Giỏi	851299	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6558	2904-K8CT1		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	23/11/1991				Khá	851300	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6559	2905-K8CT1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	20/05/1991				Khá	851301	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6560	2906-K8CT1		Lê Thanh	Nga	Nữ	19/04/1991				Khá	851302	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6561	2907-K8CT1		Phạm Thị	Ngọc	Nữ	15/08/1991				Khá	851303	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6562	2908-K8CT1		Mai Hồng	Ngọc	Nữ	28/07/1991				Khá	851304	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6563	2909-K8CT1		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	26/09/1990				Khá	851305	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6564	2910-K8CT1		Hoàng Thị	Nhung	Nữ	19/09/1990				Giỏi	851306	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6565	2911-K8CT1		Nguyễn Sỹ	Phúc	Nam	16/11/1989				Khá	851307	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6566	2912-K8CT1		Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	31/08/1990				Khá	851308	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6567	2913-K8CT1		Phan Bích	Quyên	Nữ	17/08/1991				Giỏi	851309	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6568	2914-K8CT1		Nguyễn Thị	Sinh	Nữ	28/12/1991				Giỏi	851310	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6569	2915-K8CT1		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	25/01/1991				Khá	851311	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6570	2916-K8CT1		Vũ Thị	Thanh	Nữ	13/10/1991				Khá	851312	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6571	2917-K8CT1		Lê Thị	Thao	Nữ	17/12/1991				Khá	851313	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6572	2918-K8CT1		Hoàng Việt	Thảo	Nữ	20/11/1990				Khá	851314	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6573	2919-K8CT1		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	01/09/1989				Khá	851315	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6574	2920-K8CT1		Đặng Thị	Thơm	Nữ	18/10/1990				Khá	851316	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6575	2921-K8CT1		Ngô Thị	Thu	Nữ	14/10/1991				Khá	851317	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6576	2922-K8CT1		Trương Thị	Thu	Nữ	24/10/1991				Khá	851318	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6577	2923-K8CT1		Nguyễn Thị	Thường	Nữ	02/10/1991				Khá	851319	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6578	2924-K8CT1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	24/08/1991				Khá	851320	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6579	2925-K8CT1		Hoàng Thị	Thúy	Nữ	09/08/1991				Trung bình	851321	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6580	2926-K8CT1		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	05/08/1991				Khá	851322	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6581	2927-K8CT1		Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	16/09/1991				Giỏi	851323	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6582	2928-K8CT1		Phùng Cẩm	Vân	Nữ	21/09/1990				Khá	851324	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6583	2929-K8CT1		Vàng Thị	Viên	Nữ	22/05/1991				Khá	851325	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6584	2930-K8CT1		Hoàng Thị	Yến	Nữ	23/02/1991				Khá	851326	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6585	2931-K8CT2		Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	23/03/1991				Khá	851327	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6586	2932-K8CT2		Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	26/03/1991				Khá	851328	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6587	2933-K8CT2		Trần Diệu	Anh	Nữ	27/04/1991				Giỏi	851329	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6588	2934-K8CT2		Đỗ Thị Ngọc	ánh	Nữ	20/08/1989				Giỏi	851330	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6589	2935-K8CT2		Vũ Thị Hồng	Cảnh	Nữ	28/08/1991				Khá	851331	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6590	2936-K8CT2		Nguyễn Linh	Chi	Nữ	07/05/1991				Giỏi	851332	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6591	2937-K8CT2		Mai Thanh	Đồng	Nam	19/05/1991				Giỏi	851333	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6592	2938-K8CT2		Phạm Thị	Dung	Nữ	15/09/1991				Giỏi	851334	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6593	2939-K8CT2		Đặng Thị Hương	Giang	Nữ	10/11/1991				Khá	851335	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6594	2940-K8CT2		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	15/09/1991				Khá	851336	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6595	2941-K8CT2		Vương Ngọc	Hà	Nữ	20/06/1991				Khá	851337	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6596	2942-K8CT2		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	22/04/1991				Giỏi	851338	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6597	2943-K8CT2		Lê Thị	Hải	Nữ	09/06/1990				Giỏi	851339	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6598	2944-K8CT2		Phạm Mỹ	Hạnh	Nữ	18/01/1991				Giỏi	851340	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6599	2945-K8CT2		Giang Thu	Hiền	Nữ	12/01/1991				Giỏi	851341	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6600	2946-K8CT2		Trần Thị	Hiền	Nữ	27/07/1991				Giỏi	851342	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6601	2947-K8CT2		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	12/07/1990				Giỏi	851343	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6602	2948-K8CT2		Vũ Thị Thu	Hoài	Nữ	30/03/1991				Giỏi	851344	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6603	2949-K8CT2		Ngô Thị	Hồng	Nữ	01/08/1991				Khá	851345	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6604	2950-K8CT2		Nguyễn Thị Thúy	Hồng	Nữ	19/07/1991				Khá	851346	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6605	2951-K8CT2		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/10/1991				Giỏi	851347	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6606	2952-K8CT2		Tuấn	Hùng	Nam	13/04/1990				Khá	851348	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6607	2953-K8CT2		Nguyễn Tiến	Hưởng	Nam	10/12/1991				Khá	851349	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6608	2954-K8CT2		Khổng Quốc	Khánh	Nam	02/09/1989				Giỏi	851350	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6609	2955-K8CT2		Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	25/03/1991				Giỏi	851351	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6610	2956-K8CT2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	12/08/1990				Giỏi	851352	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6611	2957-K8CT2		Nguyễn Thị	Lê	Nữ	07/09/1991				Giỏi	851353	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6612	2958-K8CT2		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	01/12/1991				Khá	851354	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6613	2959-K8CT2		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	12/06/1991				Giỏi	851355	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6614	2960-K8CT2		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	17/01/1990				Khá	851356	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6615	2961-K8CT2		Mai Thị	Ngọc	Nữ	05/09/1990				Giỏi	851357	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6616	2962-K8CT2		Kim Thị ánh	Ngọc	Nữ	14/09/1991				Giỏi	851358	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6617	2963-K8CT2		Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	22/10/1991				Giỏi	851359	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6618	2964-K8CT2		Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	Nữ	27/10/1991				Khá	851360	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6619	2965-K8CT2		Dương Hồng	Quang	Nam	10/08/1991				Giỏi	851361	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6620	2966-K8CT2		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	27/03/1990				Giỏi	851362	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6621	2967-K8CT2		Dương Thúy	Quỳnh	Nữ	22/10/1990				Giỏi	851363	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6622	2968-K8CT2		Đặng Thị	Thắm	Nữ	16/09/1991				Giỏi	851364	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6623	2969-K8CT2		Hà Thị	Thắng	Nữ	21/10/1991				Giỏi	851365	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6624	2970-K8CT2		Vũ Văn	Thành	Nam	06/03/1990				Giỏi	851366	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6625	2971-K8CT2		Đào Thị	Thu	Nữ	07/08/1991				Giỏi	851367	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6626	2972-K8CT2		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	28/02/1991				Giỏi	851368	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6627	2973-K8CT2		Trần Thị Hoài	Thu	Nữ	11/11/1991				Giỏi	851369	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6628	2974-K8CT2		Phùng Thị Huyền	Thương	Nữ	18/04/1991				Khá	851370	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6629	2975-K8CT2		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	17/06/1991				Giỏi	851371	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6630	2976-K8CT2		Lê Thị	Thúy	Nữ	15/03/1992				Khá	851372	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6631	2977-K8CT2		Đinh Thị	Thúy	Nữ	20/04/1991				Khá	851373	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6632	2978-K8CT2		Lương Thanh Thủy	Tiên	Nữ	20/10/1990				Khá	851374	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6633	2979-K8CT2		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	05/11/1991				Giỏi	851375	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6634	2980-K8CT2		Bùi Quỳnh	Trang	Nữ	13/01/1991				Giỏi	851376	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6635	2981-K8CT2		Phạm Quang	Trung	Nam	02/10/1991				Giỏi	851377	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6636	2982-K8CT2		Mai Thị Thu	Vân	Nữ	17/08/1991				Giỏi	851378	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6637	2983-K8CT4		Đồng Thị	Duyên	Nữ	16/12/1990				Giỏi	851379	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6638	2984-K8CT4		Trịnh Thị	Xuân	Nữ	15/07/1990				Khá	851380	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6639	2985-K7HT3		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	18/12/1989				Trung bình	851381	2014	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng thương mại	681/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
6640	2988-K8CK1B		Đặng Thị	Thảo	Nữ	22/04/1989				Khá	851627	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6641	2989-K8CK2A		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	24/10/1991				Khá	851628	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6642	2990-K8CK3A		Nguyễn Thị	Dừa	Nữ	29/07/1990				Khá	851629	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6643	2991-K8CK5B		Hoàng Thị	Hạt	Nữ	11/08/1990				Khá	851630	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6644	2992-K8CK7A		Vũ Thị Kim	Ngân	Nữ	14/09/1990				Khá	851631	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6645	2993-K8CK9A		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	07/06/1988				Khá	851632	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6646	2994-K8CK9A		Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	14/11/1990				Khá	851633	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6647	2995-K8CK9A		Đinh Thị	Thùy	Nữ	28/11/1990				Khá	851634	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6648	2996-K8CK9B		Cao Thị	Diệp	Nữ	01/10/1990				Khá	851635	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6649	2997-K8CK9B		Lê Thị	Hà	Nữ	02/11/1991				Khá	851636	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6650	2998-K7HK11		Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	23/05/1984				Trung bình	851637	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6651	2999-K2TK2		Đỗ Minh	Ngọc	Nữ	23/01/1990				Trung bình	851638	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6652	3000-K2TK2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	04/02/1988				Trung bình	851639	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6653	3001-K2TK3		Nguyễn Anh	Đức	Nam	12/01/1985				Trung bình	851640	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6654	3002-K2TK3		Lưu Quang	Huy	Nam	14/12/1984				Trung bình	851641	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6655	3003-K2TK3		Nguyễn Thị	Ly	Nữ	01/05/1988				Khá	851642	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6656	3004-K2TK4		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	26/04/1981				Trung bình	851643	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6657	3005-K2TK5		Dương Thị	Hòa	Nữ	03/06/1989				Trung bình	851644	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6658	3006-K2TK5		Trần Thanh	Ngọc	Nam	09/06/1981				Khá	851645	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6659	3007-K2TK5		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/11/1988				Trung bình	851646	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6660	3008-K2TK6		Phạm Thị	Bền	Nữ	25/11/1985				Trung bình	851647	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6661	3009-K2TK6		Nguyễn Thị	Nghĩa	Nữ	07/09/1983				Trung bình	851648	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6662	3010-K2TK6		Lê Thị	Thơm	Nữ	02/02/1987				Trung bình	851649	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6663	3011-K2TK6		Nguyễn Hồng	Trang	Nữ	03/01/1988				Khá	851650	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6664	3012-K2TK7		Nguyễn Văn	Tuân	Nam	07/04/1983				Trung bình	851651	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6665	3013-K2TK7		Nguyễn Tiến	Tùng	Nam	21/03/1987				Trung bình	851652	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6666	3014-K2TK7		Phan Thị Cẩm	Vân	Nữ	17/05/1982				Trung bình	851653	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6667	3015-K2TK9		Nguyễn Văn	Quân	Nam	15/05/1981				Trung bình	851654	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6668	3016-K2TK9		Nguyễn Thị Hải	Thanh	Nữ	18/02/1989				Trung bình	851655	2014	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	716/QĐ-ĐHTM ngày 11/11/2014	
6669	1378-K45BQ1		Ngô Đức	Điền	Nam	28/01/1981				Trung bình khá	668088	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	606/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6670	1379-K45BQ1		Chu Thanh	Hà	Nam	16/09/1980				Khá	668089	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	606/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6671	1380-K45BQ1		Dương Huy	Hùng	Nam	17/04/1981				Trung bình khá	668090	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	606/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6672	1381-K45BQ1		Đào Xuân	Lạc	Nam	24/01/1980				Trung bình	668091	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	606/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6673	1382-K45BQ1		Trần	Sơn	Nam	26/07/1983				Trung bình khá	668092	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	606/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6674	1383-K45BQ1		Mộc Văn	Thành	Nam	23/03/1980				Trung bình khá	668093	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	606/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6675	1384-K45BQ1		Nguyễn Đức	Trọng	Nam	29/03/1982				Trung bình khá	668094	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	606/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6676	1385-K45BQ1		Vũ Tiến	Tú	Nam	17/04/1980				Trung bình khá	668095	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	606/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6677	1386-K45BK1		Lương Trường	Giang	Nam	15/02/1980				Trung bình khá	668096	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	607/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6678	1387-K45BK1		Vũ Thị Việt	Hà	Nữ	20/08/1987				Trung bình khá	668097	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	607/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6679	1388-K45BK1		Dương Phú	Khánh	Nam	05/10/1981				Trung bình khá	668098	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	607/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6680	1389-K45BK1		Nguyễn Thị Thúy	Linh	Nữ	18/11/1981				Trung bình khá	668099	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	607/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6681	1390-K45BK1		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	01/11/1981				Trung bình khá	668100	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	607/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6682	1391-K45BK1		Hà Chí	Quân	Nam	05/06/1983				Trung bình	668101	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	607/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6683	1392-K45BK1		Phạm Đức	Thịnh	Nam	24/10/1983				Trung bình khá	668102	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	607/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6684	1393-K45BK1		Trần Thành	Trung	Nam	10/02/1984				Trung bình khá	668103	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	607/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6685	1394-K45BK1		Lường Thị Hồng	Tuyến	Nữ	19/10/1983				Trung bình khá	668104	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	607/QĐ-ĐHTM ngày 29/08/2014	
6686	1395-K44DK1		Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	28/09/1981				Trung bình khá	668370	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6687	1396-K44DK1		Nguyễn Đình	Bách	Nam	27/03/1983				Trung bình khá	668371	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6688	1397-K44DK1		Bùi Thanh	Bình	Nam	20/07/1987				Trung bình khá	668372	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6689	1398-K44DK1		Ngô Thanh	Bình	Nam	03/05/1984				Trung bình khá	668373	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6690	1399-K44DK1		Đỗ Mạnh	Cường	Nam	03/10/1973				Trung bình khá	668374	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6691	1400-K44DK1		Trần Thị	Đảm	Nữ	18/09/1969				Trung bình khá	668375	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6692	1401-K44DK1		Phạm Tiến	Đạt	Nam	10/06/1985				Trung bình khá	668376	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6693	1402-K44DK1		Ngô Thị	Điều	Nữ	02/10/1974				Trung bình khá	668377	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6694	1403-K44DK1		Nguyễn Văn	Định	Nam	02/11/1977				Trung bình khá	668378	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6695	1404-K44DK1		Nguyễn Đăng	Định	Nam	12/09/1971				Trung bình khá	668379	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6696	1405-K44DK1		Hoàng Văn	Duy	Nam	02/03/1981				Trung bình khá	668380	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6697	1406-K44DK1		Đào Đăng	Doanh	Nam	27/07/1963				Trung bình khá	668381	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6698	1407-K44DK1		Tường Văn	Dương	Nam	16/11/1991				Trung bình khá	668382	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6699	1408-K44DK1		Trần Thúy	Giang	Nữ	01/12/1984				Khá	668383	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6700	1409-K44DK1		Đoàn Thị Thu	Hà	Nữ	12/10/1971				Trung bình khá	668384	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6701	1410-K44DK1		Trần Thị	Hà	Nữ	02/07/1981				Trung bình khá	668385	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6702	1411-K44DK1		Lê Thị Nga	Hằng	Nữ	26/10/1975				Trung bình khá	668386	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6703	1412-K44DK1		Bùi Thị Thanh	Hoa	Nữ	13/02/1984				Trung bình khá	668387	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6704	1413-K44DK1		Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	12/06/1971				Trung bình khá	668388	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6705	1414-K44DK1		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	17/09/1987				Trung bình khá	668389	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6706	1415-K44DK1		Hà Thị	Hồng	Nữ	29/11/1978				Trung bình khá	668390	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6707	1416-K44DK1		Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	26/09/1971				Trung bình	668391	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6708	1417-K44DK1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	12/07/1976				Trung bình khá	668392	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6709	1418-K44DK1		Vũ Thị Thanh	Hương	Nữ	18/03/1980				Trung bình khá	668393	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6710	1419-K44DK1		Kiều Thu	Huyền	Nữ	26/09/1986				Trung bình khá	668394	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6711	1420-K44DK1		Trần Thị Bích	Liên	Nữ	28/01/1974				Trung bình khá	668395	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6712	1421-K44DK1		Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	01/08/1977				Trung bình khá	668396	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6713	1422-K44DK1		Nguyễn Hoàng	Long	Nam	06/12/1982				Trung bình khá	668397	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6714	1423-K44DK1		Lê Thị	Lựu	Nữ	08/10/1974				Trung bình khá	668398	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6715	1424-K44DK1		Nguyễn Thị	Mên	Nữ	15/10/1983				Trung bình khá	668399	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6716	1425-K44DK1		Lê Thị	Mến	Nữ	30/07/1986				Trung bình khá	668400	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6717	1426-K44DK1		Trần Ngọc	Minh	Nam	04/04/1991				Trung bình khá	669441	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6718	1427-K44DK1		Trần Thị Minh	Ngọc	Nữ	26/12/1980				Trung bình khá	669442	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6719	1428-K44DK1		Phạm Thị	Nụ	Nữ	20/04/1984				Trung bình khá	669443	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6720	1429-K44DK1		Đỗ Hồng	Phong	Nam	30/07/1967				Trung bình khá	669444	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6721	1430-K44DK1		Phạm Xuân	Phú	Nam	17/07/1985				Trung bình khá	669445	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6722	1431-K44DK1		Nguyễn Anh	Quang	Nam	12/01/1977				Trung bình khá	669446	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6723	1432-K44DK1		Ngô Giang	Sơn	Nam	16/04/1989				Trung bình	669447	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6724	1433-K44DK1		Nguyễn Minh	Sơn	Nam	30/03/1976				Trung bình khá	669448	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6725	1434-K44DK1		Giang Thanh	Thanh	Nữ	30/11/1991				Trung bình khá	669449	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6726	1435-K44DK1		Đỗ Văn	Thảo	Nam	03/07/1987				Trung bình	669450	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6727	1436-K44DK1		Đặng Huy	Thiêm	Nam	03/10/1978				Trung bình	669451	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6728	1437-K44DK1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	04/07/1990				Trung bình khá	669452	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6729	1438-K44DK1		Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	29/11/1975				Trung bình khá	669453	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6730	1439-K44DK1		Nguyễn Văn	Trọng	Nam	07/02/1978				Trung bình khá	669454	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6731	1440-K44DK1		Trần Văn	Trung	Nam	04/02/1981				Trung bình khá	669455	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6732	1441-K44DK1		Đào Ngọc	Trung	Nam	26/04/1987				Trung bình khá	669456	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6733	1442-K44DK1		Triệu	Tùng	Nam	20/10/1981				Trung bình khá	669457	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	695/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6734	1443-K44DK2		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	31/12/1974				Trung bình khá	669458	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6735	1444-K44DK2		Phạm Tuấn	Đạt	Nam	21/08/1985				Trung bình	669459	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6736	1445-K44DK2		Bùi Văn	Đề	Nam	13/05/1978				Trung bình khá	669460	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6737	1446-K44DK2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	21/11/1984				Trung bình khá	669461	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6738	1447-K44DK2		Phạm Đức	Dũng	Nam	16/09/1990				Trung bình	669462	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6739	1448-K44DK2		Trần Văn	Duy	Nam	14/10/1984				Trung bình khá	669463	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6740	1449-K44DK2		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	02/01/1987				Trung bình khá	669464	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6741	1450-K44DK2		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	02/04/1974				Trung bình khá	669465	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6742	1451-K44DK2		Mai Thị	Hà	Nữ	30/10/1976				Trung bình khá	669466	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6743	1452-K44DK2		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	19/12/1981				Trung bình khá	669467	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6744	1453-K44DK2		Vũ Thị Ngọc	Hằng	Nữ	21/07/1987				Trung bình khá	669468	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6745	1454-K44DK2		Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	09/06/1982				Trung bình khá	669469	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6746	1455-K44DK2		Mai Thị	Hạnh	Nữ	20/04/1966				Trung bình khá	669470	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6747	1456-K44DK2		Nguyễn Thị Thu	Hạnh	Nữ	13/09/1981				Trung bình khá	669471	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6748	1457-K44DK2		Nguyễn Thị Hường	Hiên	Nữ	21/08/1981				Trung bình khá	669472	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6749	1458-K44DK2		Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	01/02/1983				Trung bình khá	669473	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6750	1459-K44DK2		Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	30/02/1985				Trung bình khá	669474	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6751	1460-K44DK2		Trần Thị Thu	Hòa	Nữ	12/04/1982				Trung bình khá	669475	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6752	1461-K44DK2		Dương Thị Thu	Hoài	Nữ	25/02/1985				Trung bình khá	669476	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6753	1462-K44DK2		Vũ Thị	Hồng	Nữ	22/12/1987				Khá	669477	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6754	1463-K44DK2		Lê Thị	Huệ	Nữ	15/09/1976				Trung bình khá	669478	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6755	1464-K44DK2		Bùi Thị	Huệ	Nữ	24/04/1985				Trung bình	669479	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6756	1465-K44DK2		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	29/04/1976				Trung bình	669480	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6757	1466-K44DK2		Lê Ngọc	Hương	Nữ	31/10/1983				Trung bình khá	669481	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6758	1467-K44DK2		Đào Thị	Huyền	Nữ	17/10/1989				Trung bình khá	669482	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6759	1468-K44DK2		Trần Quang	Khải	Nam	05/10/1981				Trung bình khá	669483	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6760	1469-K44DK2		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	17/06/1980				Trung bình	669484	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6761	1470-K44DK2		Lại Thị	Lan	Nữ	23/08/1985				Trung bình khá	669485	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6762	1471-K44DK2		Nguyễn Thị Hồng	Lê	Nữ	03/06/1985				Trung bình khá	669486	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6763	1472-K44DK2		Đoàn Thanh	Liêm	Nam	07/03/1987				Trung bình	669487	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6764	1473-K44DK2		Đỗ Thị	Loan	Nữ	11/05/1982				Trung bình khá	669488	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6765	1474-K44DK2		Đào Thị	Lợi	Nữ	26/09/1979				Trung bình khá	669489	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6766	1475-K44DK2		Nguyễn Xuân	Long	Nam	22/02/1986				Trung bình	669490	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6767	1476-K44DK2		Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	26/12/1987				Trung bình khá	669491	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6768	1477-K44DK2		Phan Thị Thanh	Nga	Nữ	22/06/1986				Trung bình khá	669492	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6769	1478-K44DK2		Đan Thị Kim	Ngân	Nữ	06/01/1985				Trung bình khá	669493	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6770	1479-K44DK2		Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	01/02/1985				Trung bình khá	669494	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6771	1480-K44DK2		Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	14/12/1983				Trung bình khá	669495	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6772	1481-K44DK2		Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	02/11/1986				Trung bình khá	669496	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6773	1482-K44DK2		Trần Văn	Quyết	Nam	25/06/1987				Trung bình	669497	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6774	1483-K44DK2		Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	25/09/1984				Trung bình khá	669498	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6775	1484-K44DK2		Nguyễn Thị Thành	Tâm	Nữ	18/09/1985				Trung bình khá	669499	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6776	1485-K44DK2		Quách Thị	Thắm	Nữ	23/12/1981				Trung bình khá	669500	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6777	1486-K44DK2		Quán Văn	Thắng	Nam	24/06/1985				Trung bình	669501	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6778	1487-K44DK2		Trần Thị Kim	Thanh	Nữ	05/05/1986				Trung bình khá	669502	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6779	1488-K44DK2		Hoàng Quốc	Thịnh	Nam	05/06/1969				Trung bình khá	669503	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6780	1489-K44DK2		Nguyễn Trường	Thọ	Nam	21/10/1983				Trung bình khá	669504	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6781	1490-K44DK2		Trần Thị	Thu	Nữ	11/10/1985				Trung bình khá	669505	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6782	1491-K44DK2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	01/10/1986				Khá	669506	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6783	1492-K44DK2		Trần Thị Lệ	Thùy	Nữ	03/03/1982				Trung bình khá	669507	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6784	1493-K44DK2		Lê Anh	Tuấn	Nam	14/01/1984				Trung bình khá	669508	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6785	1494-K44DK2		Lê Thị Hồng	Tươi	Nữ	10/05/1988				Trung bình khá	669509	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6786	1495-K44DK2		Lê Thúy	Uyên	Nữ	06/01/1986				Trung bình khá	669510	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6787	1496-K44DK2		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	03/11/1983				Trung bình khá	669511	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	696/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6788	1443-K44DK3		Nguyễn Thị	An	Nữ	22/10/1985				Trung bình	851385	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6789	1444-K44DK3		Nguyễn Cao	Cường	Nam	30/07/1983				Trung bình	851386	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6790	1445-K44DK3		Lê Thị	Hà	Nữ	23/07/1988				Trung bình khá	851387	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6791	1446-K44DK3		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	22/11/1981				Trung bình	851388	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6792	1447-K44DK3		Vũ Thị Thu	Hằng	Nữ	02/09/1982				Trung bình khá	851389	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6793	1448-K44DK3		Dương Thị	Hạnh	Nữ	19/01/1987				Trung bình	851390	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6794	1449-K44DK3		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	20/07/1986				Trung bình khá	851391	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6795	1450-K44DK3		Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	26/09/1990				Trung bình	851392	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6796	1451-K44DK3		Lê Thị	Hoa	Nữ	10/08/1982				Trung bình	851393	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6797	1452-K44DK3		Nguyễn Trọng	Hưng	Nam	01/10/1972				Trung bình khá	851394	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6798	1453-K44DK3		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	25/09/1985				Trung bình khá	851395	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6799	1454-K44DK3		Nguyễn Thế	Lâm	Nam	26/05/1988				Trung bình	851396	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6800	1455-K44DK3		Đới Thị	Lệ	Nữ	11/01/1988				Trung bình khá	851397	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6801	1456-K44DK3		Trần Đức	Lợi	Nam	15/10/1989				Trung bình	851398	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6802	1457-K44DK3		Nguyễn Văn	Lương	Nam	15/12/1987				Trung bình khá	851399	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6803	1458-K44DK3		Nguyễn Hoài	Nam	Nam	22/04/1986				Trung bình	851401	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6804	1459-K44DK3		Nguyễn Duy	Nghĩa	Nam	12/02/1984				Trung bình	851402	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6805	1460-K44DK3		Nguyễn Thị Thu	Nhàn	Nữ	09/09/1987				Trung bình khá	851403	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6806	1461-K44DK3		Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	25/10/1988				Trung bình khá	851404	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6807	1462-K44DK3		Nguyễn Văn	Phi	Nam	15/01/1988				Trung bình	851405	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6808	1463-K44DK3		Nguyễn Văn	Phường	Nam	19/10/1989				Trung bình khá	851406	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6809	1464-K44DK3		Bùi Thị	Quyên	Nữ	02/12/1988				Trung bình khá	851407	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6810	1465-K44DK3		Đoàn Thị	Quyên	Nữ	21/09/1985				Trung bình khá	851408	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6811	1466-K44DK3		Ngô Quang	Quyền	Nam	06/10/1988				Trung bình	851409	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6812	1467-K44DK3		Nguyễn Thị	Thao	Nữ	23/03/1987				Trung bình	851410	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6813	1468-K44DK3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	12/12/1985				Trung bình khá	851411	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6814	1469-K44DK3		Ngô Thị	Thi	Nữ	19/11/1991				Trung bình khá	851412	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6815	1470-K44DK3		Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	22/12/1980				Trung bình khá	851413	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6816	1471-K44DK3		Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	22/10/1988				Trung bình	851414	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6817	1472-K44DK3		Lê Thị	Thuận	Nữ	01/06/1984				Trung bình khá	851415	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6818	1473-K44DK3		Trần Thị	Thúy	Nữ	11/10/1990				Trung bình khá	851416	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6819	1474-K44DK3		Giang Thị	Thùy	Nữ	15/08/1977				Trung bình khá	851417	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6820	1475-K44DK3		Lê Thị	Trâm	Nữ	09/11/1986				Trung bình khá	851418	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6821	1476-K44DK3		Lê Minh	Trang	Nữ	22/07/1987				Trung bình	851419	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6822	1477-K44DK3		Đỗ Ngọc	Vượng	Nam	23/01/1983				Trung bình khá	851420	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6823	1478-K44DK4		Nguyễn Thị	Bảy	Nữ	05/10/1985				Trung bình	851421	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6824	1479-K44DK4		Nguyễn Thị	Chiên	Nữ	27/02/1983				Trung bình khá	851422	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6825	1480-K44DK4		Đỗ Ngọc	Cương	Nam	19/12/1988				Trung bình khá	851423	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6826	1481-K44DK4		Bùi Thị	Dung	Nữ	20/04/1982				Trung bình khá	851424	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6827	1482-K44DK4		Trần Phương	Hải	Nữ	21/12/1983				Trung bình khá	851425	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6828	1483-K44DK4		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	21/03/1987				Trung bình khá	851426	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6829	1484-K44DK4		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	18/10/1983				Trung bình khá	851427	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6830	1485-K44DK4		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	22/12/1989				Trung bình khá	851428	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6831	1486-K44DK4		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	02/06/1987				Trung bình khá	851429	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6832	1487-K44DK4		Vũ Thị	Hồng	Nữ	24/10/1988				Trung bình khá	851430	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6833	1488-K44DK4		Nguyễn Thị	Hợp	Nữ	12/08/1986				Trung bình khá	851431	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6834	1489-K44DK4		Lê Thị	Hương	Nữ	14/03/1983				Khá	851432	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6835	1490-K44DK4		Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	14/11/1987				Trung bình khá	851433	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6836	1491-K44DK4		Ngô Thị Bích	Hường	Nữ	27/10/1986				Trung bình khá	851434	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6837	1492-K44DK4		Hoàng Thị Ngọc	Khánh	Nữ	02/09/1980				Trung bình khá	851435	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6838	1493-K44DK4		Ngô Thị	Là	Nữ	02/06/1989				Trung bình khá	851436	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6839	1494-K44DK4		Nguyễn Hồng	Lê	Nữ	26/08/1986				Trung bình khá	851437	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6840	1495-K44DK4		Dương Thị	Len	Nữ	12/02/1986				Trung bình khá	851438	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6841	1496-K44DK4		Đỗ Thị	Liên	Nữ	16/08/1988				Trung bình khá	851439	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6842	1497-K44DK4		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	14/03/1988				Trung bình khá	851440	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6843	1498-K44DK4		Tạ Thị	Miền	Nữ	23/08/1984				Trung bình khá	851441	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6844	1499-K44DK4		Bùi Đình	Minh	Nam	03/06/1980				Trung bình khá	851442	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6845	1500-K44DK4		Hoàng Thị	Nga	Nữ	06/10/1983				Trung bình khá	851443	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6846	1501-K44DK4		Trần Thị	Nga	Nữ	06/10/1990				Trung bình khá	851444	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6847	1502-K44DK4		Ngô Thị	Phương	Nữ	01/07/1986				Trung bình khá	851445	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6848	1503-K44DK4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	06/06/1987				Trung bình khá	851446	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6849	1504-K44DK4		Trần Anh	Quân	Nam	11/03/1985				Trung bình	851447	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6850	1505-K44DK4		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	04/09/1988				Trung bình khá	851448	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6851	1506-K44DK4		Cao Thị	Thắm	Nữ	23/10/1990				Trung bình khá	851449	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6852	1507-K44DK4		Nguyễn Trọng	Thắng	Nam	01/02/1980				Trung bình khá	851450	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6853	1508-K44DK4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	22/04/1986				Trung bình khá	851451	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6854	1509-K44DK4		Đặng Thị Ngọc	Thi	Nữ	15/06/1985				Trung bình khá	851452	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6855	1510-K44DK4		Vũ Thị	Thơm	Nữ	18/07/1989				Trung bình khá	851453	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6856	1511-K44DK4		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	16/06/1988				Trung bình khá	851454	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6857	1512-K44DK4		Đồng Thị	Trang	Nữ	06/12/1984				Trung bình khá	851455	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6858	1513-K44DK4		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	06/11/1987				Trung bình khá	851456	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6859	1514-K44DK4		Phạm Minh	Trang	Nữ	26/12/1991				Trung bình khá	851457	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6860	1515-K44DK4		Phùng Thị	Trang	Nữ	20/06/1990				Trung bình khá	851458	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6861	1516-K44DK4		Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	29/09/1986				Trung bình khá	851459	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6862	1517-K44DK4		Nông Bế Thị	Tứu	Nữ	11/02/1985				Trung bình khá	851460	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6863	1518-K44DK4		Trần Thị Ngọc	Xuân	Nữ	04/10/1989				Trung bình khá	851461	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6864	1519-K44DK5		Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	04/01/1988				Trung bình	851462	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6865	1520-K44DK5		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	07/07/1991				Trung bình khá	851463	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6866	1521-K44DK5		Nguyễn Trọng	Cương	Nam	01/09/1986				Trung bình khá	851464	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6867	1522-K44DK5		Đặng Thị Thu	Hằng	Nữ	20/09/1983				Trung bình khá	851465	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6868	1523-K44DK5		Phạm Phương	Hảo	Nữ	24/08/1982				Trung bình	851466	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6869	1524-K44DK5		Hà Thị Thu	Hiền	Nữ	08/05/1989				Trung bình khá	851467	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6870	1525-K44DK5		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	05/08/1989				Trung bình khá	851468	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6871	1526-K44DK5		Trần Thị Mai	Hương	Nữ	05/04/1983				Trung bình khá	851469	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6872	1527-K44DK5		Phạm Thúy	Liên	Nữ	08/01/1982				Trung bình khá	851470	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6873	1528-K44DK5		Trần Thị Mỹ	Liên	Nữ	18/03/1980				Trung bình khá	851471	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6874	1529-K44DK5		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	03/02/1982				Trung bình khá	851472	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6875	1530-K44DK5		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	20/09/1988				Trung bình khá	851473	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6876	1531-K44DK5		Phùng Mạnh	Quân	Nam	31/12/1988				Trung bình khá	851474	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6877	1532-K44DK5		Trần Thị	Sáu	Nữ	11/07/1984				Trung bình khá	851475	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6878	1533-K44DK5		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	11/07/1984				Trung bình khá	851476	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6879	1534-K44DK5		Phạm Thị	Thắm	Nữ	15/09/1982				Trung bình khá	851477	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6880	1535-K44DK5		Phùng Thị Diệu	Thúy	Nữ	22/05/1980				Trung bình khá	851478	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6881	1536-K44DK5		Nguyễn Thị	Toàn	Nữ	22/01/1987				Trung bình khá	851479	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6882	1537-K44DK5		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	28/08/1989				Trung bình khá	851480	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6883	1538-K44DK5		Phạm Thị	Trang	Nữ	17/09/1986				Trung bình khá	851481	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6884	1539-K44DK5		Trần Mạnh	Tú	Nam	02/07/1989				Trung bình khá	851482	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6885	1540-K44DK5		Tạ Thị Minh	Xuân	Nữ	11/06/1989				Trung bình khá	851483	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	697/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6886	1541-K38DK4		Nguyễn Thị Khánh	Liên	Nữ	21/09/1982				Trung bình khá	851484	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6887	1542-K39DK3		Dương Thanh	Hà	Nữ	05/06/1982				Trung bình	851485	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6888	1543-K40DK16		Nguyễn Ngọc	Khánh	Nam	19/06/1982				Trung bình	851486	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6889	1544-K41DK15		Trương Thị	Hương	Nữ	10/08/1986				Trung bình	851487	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6890	1545-K41DK9		Tống Hữu	Trung	Nam	08/12/1984				Trung bình	851488	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6891	1546-K42DK7		Lê Thị	Qúy	Nữ	01/10/1988				Trung bình	851489	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6892	1547-K43DK3		Nguyễn Thị	Hùy	Nữ	06/10/1988				Trung bình khá	851490	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6893	1548-K43DK4		Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	15/04/1987				Trung bình	851491	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6894	1549-K43DK7		Vũ Ngọc	Văn	Nam	12/07/1986				Trung bình	851492	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6895	1550-K43DK7		Phạm Thị	Hằng	Nữ	06/08/1986				Trung bình khá	851493	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6896	1551-K43DK8		Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	25/02/1985				Trung bình	851494	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6897	1552-K43DK9		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	07/10/1986				Trung bình khá	851495	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6898	1553-K43DK9		Nguyễn Đức	Thành	Nam	28/03/1982				Trung bình khá	851496	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6899	1554-K43DK11		Lê Thị	Dương	Nữ	28/07/1979				Trung bình	851497	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6900	1555-K43DK12		Nguyễn Hạnh	Dung	Nữ	12/03/1983				Trung bình	851498	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6901	1556-K43DK12		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	03/01/1990				Trung bình	851499	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6902	1557-K43DK12		Nguyễn Trung Thị	Thanh	Nữ	28/09/1988				Trung bình khá	851500	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6903	1558-K43DK12		Lê Văn	Tiến	Nam	13/08/1988				Trung bình	851501	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6904	1559-K43DK13		Đào Thị	Hiền	Nữ	01/03/1987				Trung bình khá	851502	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6905	1560-K43DK13		Dương Thu	Hồng	Nữ	09/08/1983				Trung bình	851503	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6906	1561-K43DK13		Lê Thị	Hương	Nữ	26/02/1990				Trung bình	851504	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6907	1562-K43DK13		Phạm Thị Phương	Liên	Nữ	25/05/1986				Trung bình	851505	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6908	1563-K43DK13		Hà Thị	Tâm	Nữ	28/11/1986				Trung bình	851506	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6909	1564-K43DK14		Bùi Xuân	Hưng	Nam	01/01/1979				Trung bình	851507	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6910	1565-K43DK14		Phan Mạnh	Dũng	Nam	08/03/1980				Trung bình	851508	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6911	1566-K43DK15		Hạ Thị Vân	Anh	Nữ	01/11/1989				Trung bình khá	851509	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6912	1567-K43DK15		Nguyễn Thị Minh	Hải	Nữ	27/09/1984				Trung bình khá	851510	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6913	1568-K43DK15		Phạm	Thọ	Nam	19/07/1971				Trung bình	851511	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6914	1569-K43DK16		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	16/06/1982				Trung bình khá	851512	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6915	1570-K43DK16		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	06/10/1986				Trung bình khá	851513	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6916	1571-K43DK16		Lưu Thị Kim	Tươi	Nữ	11/06/1984				Trung bình khá	851514	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6917	1572-K43DK16		Cao	Tuyên	Nam	20/10/1981				Trung bình khá	851515	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6918	1573-K43DK16		Mai Thị Thu	Giang	Nữ	13/06/1988				Trung bình	851516	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6919	1574-K43DK16		Bùi Thị	Nhung	Nữ	18/06/1983				Trung bình	851517	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6920	1575-K43BK3		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	24/07/1987				Trung bình khá	851518	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6921	1576-K44BK1		Nguyễn Chung	Dũng	Nam	25/12/1986				Trung bình khá	851519	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6922	1577-K44BK1		Hoàng Thị	Hà	Nữ	31/06/1979				Trung bình	851520	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6923	1578-K44BK1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	20/05/1983				Trung bình	851521	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp thương mại	698/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6924	1579-K44DQ1		Nguyễn Văn	An	Nam	20/08/1983				Trung bình khá	851522	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6925	1580-K44DQ1		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	03/12/1990				Trung bình khá	851523	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6926	1581-K44DQ1		Nguyễn Văn	ánh	Nam	24/09/1983				Trung bình	851524	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6927	1582-K44DQ1		Phương Văn	ánh	Nam	04/12/1987				Trung bình khá	851525	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6928	1583-K44DQ1		Cao Tiến	Bộ	Nam	22/10/1985				Trung bình khá	851526	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6929	1584-K44DQ1		Trần	Cương	Nam	09/12/1977				Trung bình khá	851527	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6930	1585-K44DQ1		Chu Hùng	Cường	Nam	02/06/1987				Trung bình khá	851528	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6931	1586-K44DQ1		Nguyễn Văn	Đạt	Nam	15/05/1986				Trung bình	851529	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6932	1587-K44DQ1		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	01/04/1988				Trung bình khá	851530	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6933	1588-K44DQ1		Vũ Văn	Đồi	Nam	25/07/1978				Trung bình	851531	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6934	1589-K44DQ1		Lê Văn	Giáp	Nam	05/05/1984				Trung bình khá	851532	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6935	1590-K44DQ1		Hoàng Huy	Hùng	Nam	28/05/1986				Trung bình	851533	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6936	1591-K44DQ1		Nguyễn Đắc	Hùng	Nam	06/06/1986				Trung bình	851534	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6937	1592-K44DQ1		Kim Văn	Hưng	Nam	25/05/1983				Trung bình	851535	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6938	1593-K44DQ1		Bùi Thị Thanh	Hương	Nữ	01/01/1985				Trung bình khá	851536	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6939	1594-K44DQ1		Trần Xuân	Khoa	Nam	12/08/1987				Trung bình khá	851537	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6940	1595-K44DQ1		Nguyễn Văn	Khoát	Nam	09/07/1987				Trung bình khá	851538	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6941	1596-K44DQ1		Nguyễn Trọng	Kiên	Nam	30/09/1979				Trung bình	851539	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6942	1597-K44DQ1		Đặng Văn	Ký	Nam	09/06/1983				Trung bình khá	851540	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6943	1598-K44DQ1		Trần Xuân	Liệu	Nam	06/03/1989				Trung bình khá	851541	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6944	1599-K44DQ1		Nguyễn Hữu	Luận	Nam	06/11/1984				Trung bình khá	851542	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6945	1600-K44DQ1		Hoàng Ngọc	Lương	Nam	28/08/1982				Khá	851543	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6946	1601-K44DQ1		Lê Thị	Lý	Nữ	10/09/1983				Trung bình khá	851544	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6947	1602-K44DQ1		Vũ Thị Thanh	Mai	Nữ	07/10/1983				Khá	851545	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6948	1603-K44DQ1		Nguyễn Công	Nam	Nam	16/09/1980				Trung bình khá	851546	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6949	1604-K44DQ1		Trần Thị	Nhung	Nữ	07/07/1991				Trung bình khá	851547	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6950	1605-K44DQ1		Lương Văn	Phong	Nam	05/08/1986				Trung bình khá	851548	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6951	1606-K44DQ1		Vũ Hữu	Phúc	Nam	07/11/1980				Trung bình khá	851549	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6952	1607-K44DQ1		Cao Thị Xuân	Phương	Nữ	10/06/1980				Trung bình khá	851550	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6953	1608-K44DQ1		Nguyễn Đình	Phương	Nam	14/07/1982				Trung bình khá	851551	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6954	1609-K44DQ1		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	24/04/1986				Trung bình khá	851552	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6955	1610-K44DQ1		Phạm Văn	Quang	Nam	10/09/1977				Trung bình	851553	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6956	1611-K44DQ1		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	03/10/1983				Trung bình khá	851554	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6957	1612-K44DQ1		Lê Đăng	Sơn	Nam	10/06/1987				Trung bình khá	851555	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6958	1613-K44DQ1		Nguyễn Văn	Sơn	Nam	15/12/1987				Trung bình khá	851556	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6959	1614-K44DQ1		Nguyễn Đức	Thắng	Nam	22/05/1984				Trung bình	851557	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6960	1615-K44DQ1		Nguyễn Thị	Thắng	Nữ	22/08/1979				Trung bình khá	851558	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6961	1616-K44DQ1		Đào Ngọc	Thanh	Nam	02/09/1990				Trung bình khá	851559	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6962	1617-K44DQ1		Trần Đức	Thiện	Nam	27/11/1980				Trung bình khá	851560	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6963	1618-K44DQ1		Nguyễn Đức	Tiến	Nam	23/02/1985				Trung bình khá	851561	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6964	1619-K44DQ1		Phạm Thị	Trang	Nữ	21/03/1985				Trung bình khá	851562	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6965	1620-K44DQ1		Hà Trọng	Trung	Nam	08/07/1981				Trung bình khá	851563	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6966	1621-K44DQ1		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	22/08/1985				Trung bình	851564	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6967	1622-K44DQ1		Tô Thanh	Tùng	Nam	05/09/1979				Trung bình khá	851565	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6968	1623-K44DQ1		Lê Văn	Việt	Nam	18/03/1988				Trung bình	851566	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6969	1624-K44DQ1		Phạm Thị	Yến	Nữ	29/10/1990				Trung bình khá	851567	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6970	1625-K44DQ4		Phạm Đình	Bằng	Nam	06/02/1990				Trung bình	851568	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6971	1626-K44DQ4		Hoàng Văn	Bộ	Nam	02/10/1985				Trung bình khá	851569	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6972	1627-K44DQ4		Phạm Quốc	Đạt	Nam	15/09/1982				Trung bình khá	851570	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6973	1628-K44DQ4		Lê Việt	Dũng	Nam	14/05/1984				Trung bình	851571	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6974	1629-K44DQ4		Phan Vĩnh	Hà	Nam	13/02/1988				Trung bình	851572	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6975	1630-K44DQ4		Chu Thị Ngọc	Hoa	Nữ	09/03/1989				Trung bình khá	851573	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6976	1631-K44DQ4		Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	01/08/1988				Trung bình khá	851574	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6977	1632-K44DQ4		Lưu Văn	Học	Nam	14/07/1984				Trung bình khá	851575	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6978	1633-K44DQ4		Nguyễn Chương	Hồng	Nam	24/03/1977				Trung bình	851576	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6979	1634-K44DQ4		Đoàn Văn	Hùng	Nam	20/12/1982				Trung bình khá	851577	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6980	1635-K44DQ4		Nguyễn Hữu	Hùng	Nam	31/12/1986				Trung bình khá	851578	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6981	1636-K44DQ4		Trần Quý	Hưng	Nam	31/01/1983				Trung bình khá	851579	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6982	1637-K44DQ4		Nguyễn Thế	Hưng	Nam	29/11/1983				Trung bình khá	851580	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6983	1638-K44DQ4		Nguyễn Lê	Hương	Nữ	31/05/1979				Trung bình khá	851581	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6984	1639-K44DQ4		Phạm Văn	Hướng	Nam	04/04/1981				Trung bình khá	851582	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6985	1640-K44DQ4		Nguyễn Trần	Kiên	Nam	10/04/1988				Trung bình khá	851583	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6986	1641-K44DQ4		Trần Duy	Linh	Nam	17/09/1987				Trung bình khá	851584	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6987	1642-K44DQ4		Lã Mạnh	Long	Nam	08/07/1988				Trung bình	851585	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6988	1643-K44DQ4		Vương Đặng	Lượng	Nam	17/08/1989				Trung bình khá	851586	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6989	1644-K44DQ4		Trần Hương	Ly	Nữ	27/06/1983				Trung bình khá	851587	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6990	1645-K44DQ4		Ngô Thị	Ngân	Nữ	28/02/1985				Trung bình khá	851588	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6991	1646-K44DQ4		Phạm Quang	Qúy	Nam	23/07/1990				Trung bình khá	851589	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6992	1647-K44DQ4		Nguyễn Quang	Sáng	Nam	02/10/1986				Trung bình khá	851590	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6993	1648-K44DQ4		Trương Văn	Sĩ	Nam	01/05/1986				Trung bình khá	851591	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6994	1649-K44DQ4		Nguyễn Hoàng	Thanh	Nam	25/05/1985				Trung bình khá	851592	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6995	1650-K44DQ4		Nguyễn Thị Mai	Thanh	Nữ	20/11/1986				Trung bình khá	851593	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
6996	1651-K44DQ4		Bùi Thị	Thảo	Nữ	07/10/1986				Trung bình khá	851594	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6997	1652-K44DQ4		Nguyễn Xuân	Thiện	Nam	01/01/1988				Trung bình khá	851595	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6998	1653-K44DQ4		Phạm Thu	Thủy	Nữ	15/03/1975				Trung bình khá	851596	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
6999	1654-K44DQ4		Thiều Quang	Thuyết	Nam	18/07/1976				Trung bình khá	851597	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7000	1655-K44DQ4		Phạm Đức	Tiến	Nam	27/08/1984				Trung bình khá	851598	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7001	1656-K44DQ4		Hồ Quỳnh	Trang	Nữ	17/11/1981				Trung bình khá	851599	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7002	1657-K44DQ4		Nguyễn Duy	Trường	Nam	06/12/1984				Trung bình	851600	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7003	1658-K39DQ4		Phạm Quang	Thái	Nam	19/02/1984				Trung bình	851601	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7004	1659-K42DQ6		Nguyễn Bá	Nghi	Nam	10/02/1983				Trung bình	851602	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7005	1660-K43DQ2		Phùng Thế	Anh	Nam	08/03/1987				Trung bình	851603	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7006	1661-K43DQ2		Ngô Quốc	Bảo	Nam	18/08/1984				Trung bình	851604	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7007	1662-K43DQ2		Bùi Mạnh	Duy	Nam	01/03/1986				Trung bình	851605	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7008	1663-K43DQ3		Ngô Thế	Anh	Nam	02/03/1980				Trung bình	851606	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7009	1664-K43DQ3		Phạm Văn	Tuấn	Nam	27/07/1988				Trung bình	851607	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7010	1665-K43DQ3		Phạm Thị	Yến	Nữ	30/10/1981				Trung bình khá	851608	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7011	1666-K43DQ3		Lê Văn	Giáp	Nam	27/06/1978				Trung bình	851609	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7012	1667-K43DQ3		Trần Duy	Khánh	Nam	19/10/1985				Trung bình	851610	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7013	1668-K43DQ4		Nguyễn Thị	Đông	Nữ	28/02/1987				Trung bình khá	851611	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7014	1669-K43DQ4		Đào Việt	Hưng	Nam	30/12/1979				Trung bình	851612	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7015	1670-K43DQ4		Hoàng Thị	Sâm	Nữ	06/03/1989				Trung bình khá	851613	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7016	1671-K43DQ4		Nguyễn Văn	Trung	Nam	26/05/1989				Trung bình	851614	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7017	1672-K43DQ5		Đặng Duy	Sơn	Nam	28/09/1986				Trung bình khá	851615	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7018	1673-K43DQ6		Đàm Quang	Thịnh	Nam	20/05/1976				Trung bình khá	851616	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7019	1674-K43DQ6		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	08/12/1986				Trung bình khá	851617	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7020	1675-K43DQ6		Nguyễn Hữu	Quyền	Nam	18/12/1983				Trung bình	851618	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7021	1676-K43DQ6		Cao Tuấn	Tài	Nam	01/10/1986				Trung bình khá	851619	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7022	1677-K43DQ7		Nguyễn Anh	Hùng	Nam	26/02/1983				Trung bình	851620	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7023	1678-K43DQ7		Nguyễn Văn	Linh	Nam	25/04/1987				Trung bình	851621	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7024	1679-K43DQ7		Đỗ Văn	Nghiệp	Nam	03/01/1984				Trung bình khá	851622	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7025	1680-K43DQ7		Nguyễn Thế	Dũng	Nam	14/08/1976				Trung bình khá	851623	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7026	1681-K43BQ2		Nguyễn Quốc	Chí	Nam	17/10/1985				Trung bình khá	851624	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7027	1682-K43BQ3		Vũ Thị Trang	Nhung	Nữ	13/12/1986				Trung bình khá	851625	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	699/QĐ-ĐHTM ngày 29/10/2014	
7028	2986-K7HK3		Lương Thị Thanh	Vy	Nữ	04/02/1987				Trung bình	851383	2014	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp th- ơng mại	684/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
7029	2987-K7HQ4		Huỳnh Ngọc	Tường	Nam	02/10/1985				Khá	851384	2014	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp th- ơng mại	685/QĐ-ĐHTM ngày 23/10/2014	
7030	01-K47A1		Hoàng Thị Kiều	Anh	Nữ	13/08/1993				Trung bình	1138310	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7031	02-K47A1		Bùi Xuân	Bách	Nam	18/09/1993				Khá	1138311	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7032	03-K47A1		Vũ Thị Minh	Châu	Nữ	17/10/1993				Khá	1138312	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7033	04-K47A1		Nguyễn Phú	Chung	Nam	12/09/1993				Khá	1138313	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7034	05-K47A1		Quách Văn	Chung	Nam	28/11/1992				Trung bình	1138314	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7035	06-K47A1		Phan Thị	Định	Nữ	29/10/1993				Giỏi	1138315	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7036	07-K47A1		Tạ Việt	Dự	Nam	09/01/1993				Khá	1138316	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7037	08-K47A1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	09/03/1993				Khá	1138317	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7038	09-K47A1		Trương Thị	Dung	Nữ	25/06/1993				Khá	1138318	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7039	10-K47A1		Lê Thị Hương	Giang	Nữ	27/01/1993				Khá	1138319	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7040	11-K47A1		Đinh Thị Thúy	Hà	Nữ	20/12/1993				Khá	1138320	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7041	12-K47A1		Hoàng Thị Thúy	Hằng	Nữ	21/08/1993				Khá	1138321	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7042	13-K47A1		Bùi Thị Hồng	Hạnh	Nữ	13/08/1993				Khá	1138322	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7043	14-K47A1		Nguyễn Công	Hậu	Nam	05/07/1993				Khá	1138323	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7044	15-K47A1		Dương Thị	Hiền	Nữ	05/03/1993				Khá	1138324	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7045	16-K47A1		Dương Thị	Hòa	Nữ	18/08/1993				Khá	1138325	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7046	17-K47A1		Lê Thị	Hương	Nữ	18/07/1993				Khá	1138326	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7047	18-K47A1		Đặng Thị Minh	Huyền	Nữ	08/09/1993				Khá	1138327	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7048	19-K47A1		Lê Thị Hoàng	Lan	Nữ	01/05/1993				Khá	1138328	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7049	20-K47A1		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	01/08/1993				Khá	1138329	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7050	21-K47A1		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	16/08/1993				Khá	1138330	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7051	22-K47A1		Nguyễn Văn	Long	Nam	11/11/1993				Khá	1138331	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7052	23-K47A1		Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	27/08/1993				Khá	1138332	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7053	24-K47A1		Lê Đình	Mạnh	Nam	20/11/1992				Khá	1138333	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7054	25-K47A1		Trần Văn	Nam	Nam	04/11/1993				Khá	1138334	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7055	26-K47A1		Lê Thị	Năm	Nữ	12/04/1993				Khá	1138335	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7056	27-K47A1		Phạm Thị	Ngoan	Nữ	31/05/1993				Khá	1138336	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7057	28-K47A1		Đặng Thị	Nhung	Nữ	05/08/1993				Khá	1138337	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7058	29-K47A1		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	30/08/1993				Khá	1138338	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7059	30-K47A1		Vũ Đình	Pháp	Nam	26/06/1992				Khá	1138339	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7060	31-K47A1		Bùi Thị Minh	Phượng	Nữ	27/04/1993				Khá	1138340	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7061	32-K47A1		Đào Ngọc	Quang	Nam	11/12/1993				Khá	1138341	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7062	33-K47A1		Phạm Ngọc	Tâm	Nam	27/10/1993				Khá	1138342	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7063	34-K47A1		Đặng Thị	Thanh	Nữ	02/08/1992				Trung bình	1138343	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7064	35-K47A1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	22/04/1993				Khá	1138344	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7065	36-K47A1		Nguyễn Xuân	Thảo	Nam	11/03/1993				Khá	1138345	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7066	37-K47A1		Nguyễn Thị	Thơ	Nữ	04/01/1993				Khá	1138346	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7067	38-K47A1		Vũ Đình	Thức	Nam	17/09/1993				Khá	1138347	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7068	39-K47A1		Nguyễn Phương	Thúy	Nữ	12/10/1993				Khá	1138348	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7069	40-K47A1		Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	16/12/1992				Khá	1138349	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7070	41-K47A1		Đặng Thị Kiều	Trang	Nữ	05/04/1993				Giỏi	1138350	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7071	42-K47A1		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	24/05/1993				Khá	1138351	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7072	43-K47A1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/09/1993				Khá	1138352	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7073	44-K47A1		Lê Viết	Trường	Nam	12/11/1993				Trung bình	1138353	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7074	45-K47A1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	19/04/1992				Khá	1138354	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7075	46-K47A2		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	28/03/1993				Giỏi	1138355	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7076	47-K47A2		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	16/10/1993				Khá	1138356	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7077	48-K47A2		Trần Thị Mai	Chi	Nữ	15/12/1993				Khá	1138357	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7078	49-K47A2		Nguyễn Hương	Đông	Nam	12/02/1993				Khá	1138358	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7079	50-K47A2		Trương Thị	Dung	Nữ	26/02/1993				Khá	1138359	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7080	51-K47A2		Vũ Việt	Dũng	Nam	21/03/1993				Trung bình	1138360	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7081	52-K47A2		Nguyễn Văn	Duy	Nam	03/11/1992				Khá	1138361	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7082	53-K47A2		Đoàn Thị	Duyên	Nữ	04/07/1993				Khá	1138362	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7083	54-K47A2		Vũ Lệ	Giang	Nữ	30/10/1992				Khá	1138363	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7084	55-K47A2		Trần Thị	Hà	Nữ	19/08/1993				Giỏi	1138364	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7085	56-K47A2		Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	20/07/1993				Giỏi	1138365	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7086	57-K47A2		Phạm Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	20/09/1993				Khá	1138366	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7087	58-K47A2		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	12/06/1993				Khá	1138367	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7088	59-K47A2		Nguyễn Văn	Hùng	Nam	03/02/1993				Khá	1138368	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7089	60-K47A2		Hoàng Thị	Hương	Nữ	02/02/1993				Khá	1138369	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7090	61-K47A2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	30/12/1993				Khá	1138370	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7091	62-K47A2		Lê	Khoa	Nam	07/11/1992				Khá	1138371	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7092	63-K47A2		Mai Thị	Lan	Nữ	03/05/1993				Khá	1138372	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7093	64-K47A2		Trần Thị Mỹ	Lệ	Nữ	15/11/1993				Khá	1138373	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7094	65-K47A2		Trần Thị	Linh	Nữ	02/03/1993				Khá	1138374	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7095	66-K47A2		Phạm Thị Ngọc	Mai	Nữ	20/05/1992				Khá	1138375	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7096	67-K47A2		Nguyễn Hoài	Nam	Nam	28/02/1993				Khá	1138376	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7097	68-K47A2		Khúc Thanh	Nga	Nữ	19/07/1993				Trung bình	1138377	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7098	69-K47A2		Tăng Thị	Ngoi	Nữ	26/11/1993				Khá	1138378	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7099	70-K47A2		Hồ Thị	Nhài	Nữ	21/02/1993				Khá	1138379	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7100	71-K47A2		Lê Thị	Nhung	Nữ	05/08/1993				Khá	1138380	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7101	72-K47A2		Nguyễn Thị Tú	Oanh	Nữ	11/08/1993				Khá	1138381	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7102	73-K47A2		Đỗ Như	Phương	Nam	05/08/1993				Khá	1138382	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7103	74-K47A2		Đặng Sỹ	Quý	Nam	15/07/1993				Trung bình	1138383	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7104	75-K47A2		Lê Thị	Sinh	Nữ	05/01/1992				Khá	1138384	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7105	76-K47A2		Lê Quang	Thái	Nam	11/12/1993				Khá	1138385	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7106	77-K47A2		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	20/07/1993				Giỏi	1138386	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7107	78-K47A2		Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	23/05/1993				Khá	1138387	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7108	79-K47A2		Bùi Thị	Thơm	Nữ	01/11/1993				Giỏi	1138388	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7109	80-K47A2		Trần Thị	Thúy	Nữ	15/03/1992				Khá	1138389	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7110	81-K47A2		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	26/02/1993				Giỏi	1138390	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7111	82-K47A2		Đỗ Thị	Trang	Nữ	17/11/1993				Giỏi	1138391	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7112	83-K47A2		Hoàng Thị	Trang	Nữ	05/07/1993				Khá	1138392	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7113	84-K47A2		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	15/07/1992				Khá	1138393	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7114	85-K47A2		Vũ Quốc	Trường	Nam	25/12/1993				Khá	1138394	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7115	86-K47A2		Nguyễn Tuấn	Tùng	Nam	14/04/1993				Khá	1138395	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7116	87-K47A2		Dương Thị	Tuyết	Nữ	02/08/1993				Khá	1138396	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7117	88-K47A2		Lê Thị	Vé	Nữ	25/11/1993				Khá	1138397	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7118	89-K47A2		Nguyễn Minh	Vương	Nam	20/09/1993				Trung bình	1138398	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7119	90-K47A3		Cao Thị Lan	Anh	Nữ	06/02/1993				Khá	1138399	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7120	91-K47A3		Vũ Hoàng	Đại	Nam	14/05/1993				Khá	1138400	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7121	92-K47A3		Nguyễn Văn	Đức	Nam	04/10/1991				Trung bình	1138401	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7122	93-K47A3		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	12/10/1993				Khá	1138402	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7123	94-K47A3		Đoàn Văn	Duy	Nam	05/07/1993				Khá	1138403	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7124	95-K47A3		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	16/01/1993				Trung bình	1138404	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7125	96-K47A3		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	08/10/1993				Giỏi	1138405	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7126	97-K47A3		Lê Thị	Hân	Nữ	20/08/1993				Khá	1138406	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7127	98-K47A3		Lê Thị	Hằng	Nữ	02/09/1992				Khá	1138407	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7128	99-K47A3		Lê Thị	Hoa	Nữ	15/12/1993				Khá	1138408	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7129	100-K47A3		Ngô Minh	Hoàng	Nam	03/01/1993				Khá	1138409	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7130	101-K47A3		Nguyễn Thị Yến	Hồng	Nữ	04/11/1993				Khá	1138410	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7131	102-K47A3		Vũ Mạnh	Hùng	Nam	04/06/1993				Khá	1138411	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7132	103-K47A3		Lê Thị Thu	Hương	Nữ	04/11/1993				Khá	1138412	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7133	104-K47A3		Vũ Thị	Huyền	Nữ	10/12/1993				Khá	1138413	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7134	105-K47A3		Hoàng Trung	Kiên	Nam	08/04/1993				Khá	1138414	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7135	106-K47A3		Nguyễn Thị Thu	Lan	Nữ	02/02/1993				Khá	1138415	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7136	107-K47A3		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	04/06/1993				Khá	1138416	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7137	108-K47A3		Vũ Thị	Loan	Nữ	22/08/1993				Khá	1138417	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7138	109-K47A3		Ngô Thị	Mai	Nữ	02/11/1993				Khá	1138418	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7139	110-K47A3		Hoàng Tùng	Nam	Nam	08/07/1993				Khá	1138419	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7140	111-K47A3		Hồ Thị	Nga	Nữ	08/02/1993				Giỏi	1138420	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7141	112-K47A3		Trần Hồng	Ngọc	Nữ	29/10/1993				Khá	1138421	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7142	113-K47A3		Nguyễn Thị	Nhanh	Nữ	24/10/1993				Khá	1138422	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7143	114-K47A3		Đoàn Thị	Oanh	Nữ	29/09/1993				Khá	1138423	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7144	115-K47A3		Phạm Ngọc	Pha	Nam	08/07/1993				Khá	1138424	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7145	116-K47A3		Phan Thị	Phương	Nữ	28/02/1993				Khá	1138425	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7146	117-K47A3		Nguyễn Văn	Quý	Nam	02/02/1993				Khá	1138426	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7147	118-K47A3		Trần Thị	Quý	Nữ	21/08/1993				Khá	1138427	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7148	119-K47A3		Nguyễn Thái	Sơn	Nam	06/12/1993				Khá	1138428	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7149	120-K47A3		Lê Thị	Tâm	Nữ	21/06/1993				Khá	1138429	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7150	121-K47A3		Đỗ Huy	Thanh	Nam	22/07/1992				Trung bình	1138430	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7151	122-K47A3		Bùi Thị	Thảo	Nữ	19/07/1993				Khá	1138431	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7152	123-K47A3		Hoàng Thị	Thiêm	Nữ	25/10/1992				Khá	1138432	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7153	124-K47A3		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	13/08/1993				Khá	1138433	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7154	125-K47A3		Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	21/08/1993				Khá	1138434	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7155	126-K47A3		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	02/08/1993				Giỏi	1138435	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7156	127-K47A3		Đặng Thu	Trang	Nữ	11/08/1992				Khá	1138436	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7157	128-K47A3		Lê Thị	Trang	Nữ	02/10/1993				Khá	1138437	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7158	129-K47A3		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	18/01/1993				Khá	1138438	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7159	130-K47A3		Vũ Thanh	Tùng	Nam	11/11/1993				Khá	1138439	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7160	131-K47A3		Đàm Thị	Tuyết	Nữ	21/02/1993				Giỏi	1138440	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7161	132-K47A3		Hoàng Thị	Vượng	Nữ	27/10/1993				Khá	1138441	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7162	133-K47A3		Vũ Hải	Yến	Nữ	19/04/1993				Khá	1138442	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7163	134-K47A4		Nguyễn Tú	Anh	Nữ	10/05/1993				Giỏi	1138443	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7164	135-K47A4		Phùng Thị Quỳnh	Anh	Nữ	03/06/1993				Khá	1138444	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7165	136-K47A4		Trần Đức	Cảnh	Nam	02/07/1993				Trung bình	1138445	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7166	137-K47A4		Nguyễn Thị Hồng	Cúc	Nữ	13/11/1993				Khá	1138446	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7167	138-K47A4		Nguyễn Minh	Đức	Nam	18/07/1993				Trung bình	1138447	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7168	139-K47A4		Đới Thị Kim	Dung	Nữ	14/12/1993				Khá	1138448	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7169	140-K47A4		Đoàn Tiến	Dũng	Nam	01/04/1993				Khá	1138449	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7170	141-K47A4		Đồng Thị Hương	Giang	Nữ	17/10/1993				Khá	1138450	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7171	142-K47A4		Lê Thị	Hà	Nữ	01/02/1992				Khá	1138451	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7172	143-K47A4		Phạm Thị	Hà	Nữ	13/07/1992				Giỏi	1138452	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7173	144-K47A4		Đỗ Thị	Hằng	Nữ	22/08/1993				Giỏi	1138453	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7174	145-K47A4		Tạ Hồng	Hạnh	Nữ	16/09/1993				Giỏi	1138454	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7175	146-K47A4		Phạm Thị	Hiền	Nữ	11/12/1993				Khá	1138455	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7176	147-K47A4		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	01/10/1993				Khá	1138456	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7177	148-K47A4		Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	04/12/1993				Khá	1138457	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7178	149-K47A4		Phạm Thị Thu	Hường	Nữ	28/04/1993				Khá	1138458	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7179	150-K47A4		Nguyễn Đăng	Kim	Nam	03/09/1992				Khá	1138459	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7180	151-K47A4		Phạm Khánh	Lam	Nữ	24/01/1993				Giỏi	1138460	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7181	152-K47A4		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	06/06/1993				Khá	1138461	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7182	153-K47A4		Phạm Thị	Lý	Nữ	26/04/1993				Khá	1138462	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7183	154-K47A4		Phạm Thị	Mai	Nữ	04/02/1993				Giỏi	1138463	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7184	155-K47A4		Đỗ Thế	Mạnh	Nam	06/12/1993				Khá	1138464	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7185	156-K47A4		Nguyễn Ngọc	Nam	Nam	11/02/1993				Trung bình	1138465	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7186	157-K47A4		Doãn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	30/11/1993				Giỏi	1138466	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7187	158-K47A4		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/08/1993				Khá	1138467	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7188	159-K47A4		An Thị	Oanh	Nữ	29/12/1993				Giỏi	1138468	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7189	160-K47A4		Nguyễn Văn	Phú	Nam	24/10/1992				Khá	1138469	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7190	161-K47A4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	11/07/1992				Trung bình	1138470	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7191	162-K47A4		Nguyễn Văn	Quý	Nam	23/12/1993				Khá	1138471	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7192	163-K47A4		Phạm Hoàng	Sơn	Nam	10/07/1993				Trung bình	1138472	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7193	164-K47A4		Vũ Đình	Thanh	Nam	12/10/1993				Khá	1138473	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7194	165-K47A4		Đàm Thị	Thảo	Nữ	15/01/1993				Khá	1138474	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7195	166-K47A4		Vũ Thị	Thương	Nữ	22/04/1993				Giỏi	1138475	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7196	167-K47A4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	10/08/1993				Khá	1138476	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7197	168-K47A4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	04/11/1992				Khá	1138477	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7198	169-K47A4		Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	01/06/1993				Khá	1138478	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7199	170-K47A4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/11/1993				Khá	1138479	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7200	171-K47A4		Nguyễn Thị Mai	Trang	Nữ	07/05/1993				Khá	1138480	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7201	172-K47A4		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	10/11/1993				Trung bình	1138481	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7202	173-K47A4		Đào Thị	Tuyết	Nữ	05/07/1993				Khá	1138482	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7203	174-K47A4		Nguyễn Quốc	Việt	Nam	19/10/1993				Trung bình	1138483	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7204	175-K47A4		Nguyễn Thị	Yên	Nữ	02/06/1993				Khá	1138484	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7205	176-K47A4		Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	04/11/1993				Giỏi	1138485	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7206	177-K47A5		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	20/11/1993				Khá	1138486	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7207	178-K47A5		Vũ Thị	Dâng	Nữ	24/02/1993				Khá	1138487	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7208	179-K47A5		Phan Thùy	Dung	Nữ	15/10/1993				Khá	1138488	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7209	180-K47A5		Vũ Thị	Hà	Nữ	10/07/1993				Khá	1138489	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7210	181-K47A5		Bạch Thị Lệ	Hằng	Nữ	10/06/1993				Giỏi	1138490	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7211	182-K47A5		Phạm Thị	Hạnh	Nữ	15/12/1993				Khá	1138491	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7212	183-K47A5		Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	22/09/1993				Giỏi	1138492	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7213	184-K47A5		Phạm Thị	Huệ	Nữ	15/06/1993				Khá	1138493	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7214	185-K47A5		Hoàng Thị	Hương	Nữ	29/05/1992				Khá	1138494	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7215	186-K47A5		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	12/07/1993				Khá	1138495	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7216	187-K47A5		Dương Thu	Lan	Nữ	23/07/1993				Khá	1138496	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7217	188-K47A5		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	20/04/1992				Khá	1138497	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7218	189-K47A5		Nguyễn Duy	Mạnh	Nam	27/01/1993				Khá	1138498	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7219	190-K47A5		Nguyễn Trọng	Nam	Nam	27/11/1993				Khá	1138499	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7220	191-K47A5		Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	23/06/1992				Giỏi	1138500	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7221	192-K47A5		Lê Thị	Nhung	Nữ	02/02/1993				Khá	1138501	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7222	193-K47A5		Lê Thị	Oanh	Nữ	08/08/1993				Khá	1138502	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7223	194-K47A5		Trần Trung	Pháp	Nam	01/02/1993				Khá	1138503	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7224	195-K47A5		Nguyễn Thanh	Quý	Nam	10/06/1992				Khá	1138504	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7225	196-K47A5		Đỗ Thị Thu	Sen	Nữ	19/06/1993				Khá	1138505	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7226	197-K47A5		Lê Văn	Song	Nam	20/09/1993				Khá	1138506	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7227	198-K47A5		Nguyễn Tiến	Thành	Nam	24/03/1993				Trung bình	1138507	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7228	199-K47A5		Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	10/11/1993				Khá	1138508	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7229	200-K47A5		Hoàng Ánh	Thơ	Nữ	04/03/1993				Khá	1138509	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7230	201-K47A5		Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	11/09/1993				Khá	1138510	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7231	202-K47A5		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	23/01/1991				Khá	1138511	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7232	203-K47A5		Lâm Thị Thùy	Tiên	Nữ	27/03/1993				Khá	1138512	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7233	204-K47A5		Đỗ Thị Quỳnh	Trang	Nữ	13/09/1993				Khá	1138513	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7234	205-K47A5		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	07/03/1993				Khá	1138514	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7235	206-K47A5		Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	01/09/1993				Khá	1138515	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7236	207-K47A5		Nguyễn Thị	Yên	Nữ	20/05/1992				Khá	1138516	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7237	208-K47A5		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	18/08/1993				Giỏi	1138517	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7238	209-K44A2		Vũ Khắc	Hương	Nam	11/10/1987				Trung bình	1138518	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7239	210-K44A5		Bùi Tiến	Tùng	Nam	22/12/1990				Trung bình	1138519	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7240	211-K45A3		Nguyễn Đắc	Thắng	Nam	06/06/1991				Trung bình	1138520	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7241	212-K45A5		Nguyễn Thành	Long	Nam	07/03/1991				Trung bình	1138521	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7242	213-K45A7		Lê Đức	Mạnh	Nam	02/01/1988				Trung bình	1138522	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7243	214-K47QA		Dương Kế Việt	Anh	Nam	29/11/1993				Khá	1138523	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7244	215-K47QA		Hà Kiều	Anh	Nữ	28/10/1993				Khá	1138524	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7245	216-K47QA		Nguyễn Việt	Anh	Nam	31/12/1993				Trung bình	1138525	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7246	217-K47QA		Lê Ngân	Hà	Nữ	15/08/1993				Khá	1138526	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7247	218-K47QA		Nguyễn Sỹ Ngọc	Hiển	Nữ	08/01/1993				Giỏi	1138527	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7248	219-K47QA		Nguyễn Thị Thanh	Hoài	Nữ	16/08/1993				Giỏi	1138528	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7249	220-K47QA		Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	20/12/1993				Khá	1138529	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7250	221-K47QA		Trần Thu	Hường	Nữ	24/03/1993				Khá	1138530	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7251	222-K47QA		Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	23/06/1993				Khá	1138531	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7252	223-K47QA		Trần Thùy	Linh	Nữ	02/06/1993				Khá	1138532	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7253	224-K47QA		Ngô Xuân	Mạnh	Nam	26/08/1993				Khá	1138533	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7254	225-K47QA		Dương Thị Trà	My	Nữ	15/08/1993				Khá	1138534	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7255	226-K47QA		Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	25/06/1993				Khá	1138535	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7256	227-K47QA		Hoàng ánh	Ngọc	Nữ	03/01/1993				Khá	1138536	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7257	228-K47QA		Nguyễn Kim	Ngọc	Nữ	28/09/1993				Khá	1138537	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7258	229-K47QA		Trần Văn	Nguyên	Nam	24/09/1993				Giỏi	1138538	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7259	230-K47QA		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/06/1993				Trung bình	1138539	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7260	231-K47QA		Trần Thị Minh	Phượng	Nữ	10/06/1993				Khá	1138540	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7261	232-K47QA		Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	19/11/1993				Khá	1138541	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7262	233-K47QA		Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	03/07/1993				Khá	1138542	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7263	234-K47QA		Nguyễn Hữu Nam	Thắng	Nam	02/07/1993				Trung bình	1138543	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7264	235-K47QA		Cao Thị	Thơm	Nữ	14/01/1993				Khá	1138544	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7265	236-K47QA		Nguyễn Thị Hương	Thơm	Nữ	28/06/1993				Khá	1138545	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7266	237-K47QA		Hà Thị	Thu	Nữ	20/07/1993				Khá	1138546	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7267	238-K47QA		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	05/11/1992				Khá	1138547	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7268	239-K47QA		Nguyễn Văn	Tiến	Nam	13/02/1993				Khá	1138548	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7269	240-K47QA		Phạm Thị Thùy	Trang	Nữ	07/12/1993				Khá	1138549	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7270	241-K47QA		Nguyễn Văn	Trung	Nam	05/07/1993				Khá	1138550	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7271	2918-K47A5		Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	25/03/1993				Khá	1141229	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7272	242-K47K1		Khổng Thị Lan	Anh	Nữ	08/01/1993				Khá	1138551	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7273	243-K47K1		Trần Văn	Anh	Nam	30/12/1993				Khá	1138552	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7274	244-K47K1		Trương Văn	Chinh	Nam	25/05/1993				Trung bình	1138553	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7275	245-K47K1		Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	20/10/1993				Khá	1138554	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7276	246-K47K1		Đậu Thị	Dịu	Nữ	06/02/1992				Giỏi	1138555	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7277	247-K47K1		Nguyễn Thị	Đông	Nữ	30/10/1992				Khá	1138556	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7278	248-K47K1		Trần Văn	Đức	Nam	04/07/1993				Khá	1138557	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7279	249-K47K1		Nguyễn Thị	Duệ	Nữ	07/03/1993				Khá	1138558	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7280	250-K47K1		Chu Duy	Hải	Nam	01/11/1990				Trung bình	1138559	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7281	251-K47K1		Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	23/09/1993				Giỏi	1138560	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7282	252-K47K1		Trần Thị	Hạnh	Nữ	06/10/1993				Khá	1138561	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7283	253-K47K1		Hồ Sỹ	Hiệp	Nam	25/08/1993				Khá	1138562	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7284	254-K47K1		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	19/02/1993				Giỏi	1138563	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7285	255-K47K1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/10/1993				Khá	1138564	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7286	256-K47K1		Lê Thị	Hường	Nữ	04/12/1993				Giỏi	1138565	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7287	257-K47K1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	26/01/1993				Khá	1138566	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7288	258-K47K1		Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	09/04/1993				Khá	1138567	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7289	259-K47K1		Đỗ Quốc	Khánh	Nam	02/05/1993				Khá	1138568	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7290	260-K47K1		Nguyễn Thị	Khánh	Nữ	23/08/1993				Khá	1138569	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7291	261-K47K1		Vũ Thị	Liên	Nữ	18/04/1993				Khá	1138570	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7292	262-K47K1		Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	05/04/1993				Giỏi	1138571	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7293	263-K47K1		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	24/03/1993				Khá	1138572	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7294	264-K47K1		Lưu Văn	Lương	Nam	19/11/1993				Khá	1138573	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7295	265-K47K1		Hà Thị Hoài	Ly	Nữ	27/11/1993				Khá	1138574	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7296	266-K47K1		Vũ Thị Thanh	Nga	Nữ	15/03/1993				Khá	1138575	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7297	267-K47K1		Phạm Thị	Nhi	Nữ	10/07/1993				Khá	1138576	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7298	268-K47K1		Đặng Thị Kiều	Oanh	Nữ	05/03/1993				Khá	1138577	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7299	269-K47K1		Phùng Văn	Phúc	Nam	24/01/1993				Khá	1138578	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7300	270-K47K1		Lê Thị	Phương	Nữ	03/10/1993				Khá	1138579	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7301	271-K47K1		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	25/02/1993				Khá	1138580	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7302	272-K47K1		Phạm Văn	Quý	Nam	08/03/1993				Khá	1138581	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7303	273-K47K1		Phan Thị	Tâm	Nữ	18/02/1993				Khá	1138582	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7304	274-K47K1		Đoàn Thị	Thắm	Nữ	23/01/1993				Khá	1138583	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7305	275-K47K1		Lê Văn	Thắng	Nam	16/02/1993				Khá	1138584	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7306	276-K47K1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	29/09/1993				Khá	1138585	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7307	277-K47K1		Đinh Đức	Thuận	Nam	15/07/1993				Trung bình	1138586	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7308	278-K47K1		Ngô Thị	Thương	Nữ	28/04/1993				Khá	1138587	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7309	279-K47K1		Ngô Thị	Thủy	Nữ	19/06/1993				Khá	1138588	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7310	280-K47K1		Hoàng Thị Mai	Trang	Nữ	18/02/1993				Khá	1138589	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7311	281-K47K1		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	14/09/1993				Khá	1138590	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7312	282-K47K1		Trần Ngọc Thùy	Trang	Nữ	15/11/1993				Khá	1138591	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7313	283-K47K1		Nguyễn Thị Hồng	Tươi	Nữ	29/12/1993				Khá	1138592	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7314	284-K47K1		Phạm Quốc	Việt	Nam	11/11/1993				Khá	1138593	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7315	285-K47K1		Lê Thị	Yến	Nữ	03/07/1993				Giỏi	1138594	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7316	286-K47K2		Trần Thị Phương	Anh	Nữ	13/04/1993				Khá	1138595	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7317	287-K47K2		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	02/01/1993				Khá	1138596	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7318	288-K47K2		Bùi Thái	Cường	Nam	04/09/1993				Trung bình	1138597	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7319	289-K47K2		Hán Văn	Đại	Nam	22/10/1993				Khá	1138598	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7320	290-K47K2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	15/09/1993				Khá	1138599	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7321	291-K47K2		Trần Đình	Duy	Nam	18/08/1992				Khá	1138600	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7322	292-K47K2		Hoàng Thu	Duyên	Nữ	08/10/1993				Khá	1138601	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7323	293-K47K2		Hồ Thị Thu	Hằng	Nữ	01/07/1992				Khá	1138602	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7324	294-K47K2		Trần Thị	Hậu	Nữ	02/06/1993				Giỏi	1138603	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7325	295-K47K2		Phạm Thanh	Hiếu	Nam	04/09/1993				Khá	1138604	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7326	296-K47K2		Nguyễn Thanh	Hoa	Nữ	09/05/1993				Khá	1138605	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7327	297-K47K2		Đinh Đức	Hoàng	Nam	01/04/1993				Khá	1138606	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7328	298-K47K2		Vũ Thị ánh	Hồng	Nữ	21/11/1993				Khá	1138607	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7329	299-K47K2		Lưu Thị	Huệ	Nữ	26/08/1993				Khá	1138608	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7330	300-K47K2		Hoàng Thị	Hương	Nữ	05/11/1993				Khá	1138609	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7331	301-K47K2		Kiều Thị Thu	Huyền	Nữ	17/06/1993				Khá	1138610	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7332	302-K47K2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	25/03/1993				Khá	1138611	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7333	303-K47K2		Nguyễn Văn	Khoa	Nam	28/02/1993				Khá	1138612	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7334	304-K47K2		Đào Thị	Khương	Nữ	11/02/1993				Khá	1138613	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7335	305-K47K2		Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	05/04/1993				Giỏi	1138614	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7336	306-K47K2		Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	08/08/1993				Khá	1138615	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7337	307-K47K2		Vũ Kim	Loan	Nữ	09/05/1993				Giỏi	1138616	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7338	308-K47K2		Hoàng Đức	Long	Nam	04/12/1993				Trung bình	1138617	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7339	309-K47K2		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	12/12/1993				Khá	1138618	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7340	310-K47K2		Phạm Ngọc	Mai	Nữ	13/08/1993				Khá	1138619	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7341	311-K47K2		Nguyễn Thị	Mừng	Nữ	26/01/1993				Khá	1138620	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7342	312-K47K2		Đoàn Quỳnh	Nga	Nữ	14/10/1993				Khá	1138621	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7343	313-K47K2		Trần Ngọc	Nhất	Nam	06/04/1993				Khá	1138622	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7344	314-K47K2		Vũ Thị	Nhung	Nữ	06/07/1993				Khá	1138623	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7345	315-K47K2		Tô Thị Kim	Oanh	Nữ	02/09/1993				Khá	1138624	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7346	316-K47K2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	01/09/1993				Giỏi	1138625	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7347	317-K47K2		Dương Thị	Phượng	Nữ	25/04/1993				Khá	1138626	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7348	318-K47K2		Phạm Văn	Quân	Nam	26/08/1993				Khá	1138627	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7349	319-K47K2		Trần Ngọc	Sơn	Nam	19/10/1993				Trung bình	1138628	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7350	320-K47K2		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	21/05/1993				Khá	1138629	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7351	321-K47K2		Phạm Hồng	Thắm	Nữ	14/05/1993				Giỏi	1138630	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7352	322-K47K2		Trần Trọng	Thạo	Nam	02/08/1993				Khá	1138631	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7353	323-K47K2		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	10/10/1993				Khá	1138632	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7354	324-K47K2		Dương Thị Thùy	Tiên	Nữ	19/10/1993				Khá	1138633	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7355	325-K47K2		Hoàng Thị	Trang	Nữ	08/11/1993				Khá	1138634	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7356	326-K47K2		Nguyễn Thành	Trung	Nam	20/12/1993				Khá	1138635	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7357	327-K47K2		Mai Anh	Tuấn	Nam	18/05/1992				Khá	1138636	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7358	328-K47K2		Phạm Xuân	Tùng	Nam	20/08/1992				Khá	1138637	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7359	329-K47K2		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	20/05/1993				Khá	1138638	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7360	330-K47K2		Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	11/04/1993				Khá	1138639	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7361	331-K47K3		Mai Thị	Anh	Nữ	17/08/1993				Khá	1138640	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7362	332-K47K3		Phạm Thế	Anh	Nam	15/12/1993				Khá	1138641	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7363	333-K47K3		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	16/11/1993				Khá	1138642	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7364	334-K47K3		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	17/05/1993				Khá	1138643	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7365	335-K47K3		Nguyễn Đăng	Cường	Nam	18/01/1993				Khá	1138644	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7366	336-K47K3		Vũ Đăng	Đạo	Nam	24/07/1993				Trung bình	1138645	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7367	337-K47K3		Đỗ Thị	Dung	Nữ	16/11/1993				Khá	1138646	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7368	338-K47K3		Lê Thị	Duyên	Nữ	03/12/1993				Khá	1138647	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7369	339-K47K3		Lâm Sơn	Hà	Nam	26/06/1993				Trung bình	1138648	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7370	340-K47K3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/10/1993				Khá	1138649	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7371	341-K47K3		Đỗ Mạnh	Hiếu	Nam	13/07/1993				Khá	1138650	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7372	342-K47K3		Vũ Thị	Hoa	Nữ	04/12/1993				Khá	1138651	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7373	343-K47K3		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	28/02/1992				Khá	1138652	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7374	344-K47K3		Mai Thị	Hồng	Nữ	02/12/1993				Khá	1138653	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7375	345-K47K3		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	02/01/1993				Khá	1138654	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7376	346-K47K3		Nguyễn Thị Liên	Hương	Nữ	08/10/1993				Khá	1138655	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7377	347-K47K3		Vũ Ngọc	Hướng	Nam	01/03/1992				Khá	1138656	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7378	348-K47K3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	15/04/1993				Khá	1138657	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7379	349-K47K3		Lê Thị Hồng	Khuyên	Nữ	22/09/1993				Khá	1138658	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7380	350-K47K3		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	06/09/1993				Giỏi	1138659	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7381	351-K47K3		Đào Thị	Liễu	Nữ	09/01/1993				Khá	1138660	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7382	352-K47K3		Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	12/09/1993				Khá	1138661	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7383	353-K47K3		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	16/02/1993				Khá	1138662	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7384	354-K47K3		Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	27/08/1993				Giỏi	1138663	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7385	355-K47K3		Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	19/07/1992				Khá	1138664	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7386	356-K47K3		Nguyễn Khắc	Ngọc	Nam	09/12/1993				Khá	1138665	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7387	357-K47K3		Nguyễn Hữu Nhật	Nguyên	Nam	20/11/1993				Khá	1138666	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7388	358-K47K3		Đoàn Thị	Nguyệt	Nữ	31/05/1993				Giỏi	1138667	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7389	359-K47K3		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	20/07/1993				Khá	1138668	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7390	360-K47K3		Lê Thị Kiều	Oanh	Nữ	16/01/1993				Giỏi	1138669	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7391	361-K47K3		Mai Thị	Phương	Nữ	03/09/1993				Khá	1138670	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7392	362-K47K3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	02/10/1993				Khá	1138671	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7393	363-K47K3		Kim Đình	Tâm	Nam	21/06/1993				Khá	1138672	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7394	364-K47K3		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	23/04/1993				Giỏi	1138673	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7395	365-K47K3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	16/11/1993				Khá	1138674	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7396	366-K47K3		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	01/04/1993				Khá	1138675	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7397	367-K47K3		Phạm Thị	Thương	Nữ	15/10/1993				Khá	1138676	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7398	368-K47K3		Võ Thị	Thúy	Nữ	16/08/1993				Khá	1138677	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7399	369-K47K3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	29/11/1993				Khá	1138678	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7400	370-K47K3		Phạm Thị	Trang	Nữ	20/11/1993				Khá	1138679	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7401	371-K47K3		Cao Văn	Trung	Nam	03/07/1993				Khá	1138680	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7402	372-K47K3		Vũ Thị Ngọc	Tú	Nữ	02/04/1992				Khá	1138681	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7403	373-K47K3		Phan Duy	Tuấn	Nam	02/08/1993				Trung bình	1138682	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7404	374-K47K3		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	02/12/1993				Trung bình	1138683	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7405	375-K47K3		Nguyễn Thị	Xánh	Nữ	05/05/1993				Khá	1138684	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7406	376-K47K4		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	02/04/1993				Khá	1138685	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7407	377-K47K4		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	04/10/1993				Giỏi	1138686	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7408	378-K47K4		Lê Mạnh	Cường	Nam	29/01/1993				Khá	1138687	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7409	379-K47K4		Lương Thị	Diệu	Nữ	15/11/1993				Khá	1138688	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7410	380-K47K4		Hồ Sỹ	Đức	Nam	28/05/1993				Trung bình	1138689	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7411	381-K47K4		Tô Thị	Duyên	Nữ	09/10/1993				Xuất sắc	1138690	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7412	382-K47K4		Phạm Thị	Hà	Nữ	29/12/1992				Khá	1138691	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7413	383-K47K4		Trần Thị	Hà	Nữ	17/06/1993				Khá	1138692	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7414	384-K47K4		Nguyễn Duy	Hải	Nam	24/09/1993				Khá	1138693	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7415	385-K47K4		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	16/08/1993				Khá	1138694	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7416	386-K47K4		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	06/06/1993				Khá	1138695	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7417	387-K47K4		Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	13/08/1993				Trung bình	1138696	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7418	388-K47K4		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	05/02/1993				Khá	1138697	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7419	389-K47K4		Phan Thị Thanh	Hoài	Nữ	14/12/1993				Khá	1138698	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7420	390-K47K4		Hoàng Thị	Hường	Nữ	20/08/1993				Khá	1138699	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7421	391-K47K4		Vũ Thị	Hữu	Nữ	25/11/1993				Khá	1138700	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7422	392-K47K4		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	04/03/1993				Giỏi	1138701	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7423	393-K47K4		Vũ Thị	Huyền	Nữ	04/09/1993				Khá	1138702	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7424	394-K47K4		Đào Văn	Lâm	Nam	23/06/1993				Trung bình	1138703	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7425	395-K47K4		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	16/10/1993				Khá	1138704	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7426	396-K47K4		Lê Thị	Liên	Nữ	18/09/1993				Khá	1138705	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7427	397-K47K4		Đinh Thị Hiền	Linh	Nữ	03/11/1993				Khá	1138706	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7428	398-K47K4		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	20/10/1992				Khá	1138707	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7429	399-K47K4		Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	14/10/1993				Trung bình	1138708	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7430	400-K47K4		Đoàn Thị	Nga	Nữ	30/01/1993				Khá	1138709	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7431	401-K47K4		Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	06/12/1993				Khá	1138710	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7432	402-K47K4		Nguyễn Thế	Nguyên	Nam	18/02/1993				Khá	1138711	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7433	403-K47K4		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	24/11/1993				Giỏi	1138712	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7434	404-K47K4		Phạm Thị	Oanh	Nữ	27/03/1993				Khá	1138713	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7435	405-K47K4		Đào Thị	Phòng	Nữ	09/04/1993				Khá	1138714	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7436	406-K47K4		Lại Cao	Phúc	Nam	05/10/1993				Khá	1138715	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7437	407-K47K4		Lương Thị	Phương	Nữ	02/08/1993				Khá	1138716	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7438	408-K47K4		Trần Thị	Phượng	Nữ	16/05/1993				Khá	1138717	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7439	409-K47K4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	15/08/1993				Khá	1138718	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7440	410-K47K4		Trần Thị	Thu	Nữ	14/02/1993				Khá	1138719	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7441	411-K47K4		Ngô Thị Huyền	Thương	Nữ	26/03/1993				Khá	1138720	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7442	412-K47K4		Phan Văn	Thường	Nam	16/12/1993				Khá	1138721	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7443	413-K47K4		Vũ Thị	Thúy	Nữ	31/12/1992				Khá	1138722	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7444	414-K47K4		Tô Thị	Trang	Nữ	28/11/1992				Khá	1138723	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7445	415-K47K4		Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	28/03/1992				Trung bình	1138724	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7446	416-K47K4		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	01/02/1993				Khá	1138725	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7447	417-K47K4		Phạm Thị	Tươi	Nữ	10/10/1993				Khá	1138726	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7448	418-K47K4		Đào Đình	Vương	Nam	08/12/1993				Khá	1138727	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7449	419-K47K4		Lê Hải	Yến	Nữ	16/08/1993				Khá	1138728	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7450	420-K46K3		Trần Đức	Mậu	Nam	05/03/1989				Khá	1138729	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7451	421-K47B1		Đặng Thị Hoàng	Anh	Nữ	03/01/1993				Khá	1138730	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7452	422-K47B1		Lương Thị	Anh	Nữ	06/06/1993				Khá	1138731	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7453	423-K47B1		Phạm Thị	Dịu	Nữ	08/05/1993				Khá	1138732	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7454	424-K47B1		Trần Thị	Dương	Nữ	24/11/1993				Khá	1138733	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7455	425-K47B1		Đặng Đức	Duy	Nam	29/11/1993				Khá	1138734	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7456	426-K47B1		Vũ Thị	Duyên	Nữ	28/02/1993				Khá	1138735	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7457	427-K47B1		Ngô Thị Hương	Giang	Nữ	17/02/1993				Khá	1138736	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7458	428-K47B1		Trần Thị	Hà	Nữ	16/10/1993				Khá	1138737	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7459	429-K47B1		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	23/12/1992				Khá	1138738	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7460	430-K47B1		Bùi Thị	Hằng	Nữ	19/09/1993				Giỏi	1138739	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7461	431-K47B1		Phạm Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	05/06/1993				Khá	1138740	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7462	432-K47B1		Lê Thị	Hoa	Nữ	14/11/1993				Khá	1138741	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7463	433-K47B1		Vũ Thị	Hoà	Nữ	29/03/1993				Khá	1138742	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7464	434-K47B1		Đỗ Thị	Hồng	Nữ	09/08/1993				Khá	1138743	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7465	435-K47B1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/06/1993				Khá	1138744	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7466	436-K47B1		Phạm Thị Thu	Hường	Nữ	10/10/1993				Khá	1138745	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7467	437-K47B1		Đỗ Quang	Huy	Nam	18/11/1993				Khá	1138746	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7468	438-K47B1		Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	20/03/1993				Giỏi	1138747	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7469	439-K47B1		Dương Thùy	Linh	Nữ	27/04/1993				Khá	1138748	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7470	440-K47B1		Trịnh Thị Mỹ	Linh	Nữ	30/01/1993				Khá	1138749	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7471	441-K47B1		Trần Thị Thanh	Mai	Nữ	19/05/1993				Khá	1138750	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7472	442-K47B1		Nguyễn Quang	Minh	Nam	03/09/1993				Trung bình	1138751	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7473	443-K47B1		Phạm Thị	Nga	Nữ	13/02/1993				Khá	1138752	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7474	444-K47B1		Mai Thị	Ngọc	Nữ	17/06/1993				Khá	1138753	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7475	445-K47B1		Trần Thị	Ngọc	Nữ	06/03/1993				Khá	1138754	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7476	446-K47B1		Nguyễn Thị Thúy	Nhài	Nữ	27/10/1993				Khá	1138755	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7477	447-K47B1		Cao Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/10/1992				Khá	1138756	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7478	448-K47B1		Nguyễn Tiến	Phong	Nam	13/08/1993				Trung bình	1138757	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7479	449-K47B1		Bùi Thị	Phượng	Nữ	02/06/1993				Khá	1138758	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7480	450-K47B1		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	22/05/1993				Khá	1138759	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7481	451-K47B1		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	02/09/1992				Khá	1138760	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7482	452-K47B1		Ngô Thị	Thêm	Nữ	12/12/1992				Giỏi	1138761	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7483	453-K47B1		Trịnh Thị	Thoa	Nữ	23/03/1993				Khá	1138762	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7484	454-K47B1		Dương Thị	Thu	Nữ	06/09/1993				Khá	1138763	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7485	455-K47B1		Bùi Thị	Thùy	Nữ	30/05/1993				Khá	1138764	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7486	456-K47B1		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	10/04/1993				Khá	1138765	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7487	457-K47B1		Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	06/03/1993				Khá	1138766	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7488	458-K47B1		Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	06/08/1993				Khá	1138767	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7489	459-K47B2		Bùi Lan	Anh	Nữ	11/05/1993				Khá	1138768	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7490	460-K47B2		Nguyễn Thị	Điểm	Nữ	03/04/1993				Khá	1138769	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7491	461-K47B2		Bùi Thị	Dung	Nữ	20/11/1993				Khá	1138770	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7492	462-K47B2		Vũ Thị	Duyên	Nữ	02/09/1993				Khá	1138771	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7493	463-K47B2		Bùi Thanh	Hà	Nữ	28/10/1993				Khá	1138772	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7494	464-K47B2		Phạm Ngọc	Hà	Nam	04/09/1993				Trung bình	1138773	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7495	465-K47B2		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	27/05/1993				Giỏi	1138774	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7496	466-K47B2		Đào Thị	Hải	Nữ	21/11/1992				Khá	1138775	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7497	467-K47B2		Trịnh Thị	Hằng	Nữ	13/05/1992				Khá	1138776	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7498	468-K47B2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	30/12/1993				Khá	1138777	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7499	469-K47B2		Lê Thu	Hiền	Nữ	05/03/1993				Khá	1138778	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7500	470-K47B2		Vương Thị	Hoà	Nữ	11/11/1993				Khá	1138779	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7501	471-K47B2		Phạm Công	Hưng	Nam	19/10/1992				Khá	1138780	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7502	472-K47B2		Trần Thị	Hương	Nữ	26/12/1993				Khá	1138781	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7503	473-K47B2		Trần Thanh	Huyền	Nữ	28/03/1993				Khá	1138782	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7504	474-K47B2		Vũ Văn	Kiên	Nam	23/10/1992				Khá	1138783	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7505	475-K47B2		Đặng Thị	Lan	Nữ	24/03/1993				Giỏi	1138784	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7506	476-K47B2		Dương Thùy	Linh	Nữ	08/02/1993				Khá	1138785	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7507	477-K47B2		Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	14/10/1992				Khá	1138786	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7508	478-K47B2		Nguyễn Thị Thanh	Minh	Nữ	06/02/1993				Khá	1138787	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7509	479-K47B2		Trần Tuấn	Nam	Nam	10/08/1993				Trung bình	1138788	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7510	480-K47B2		Vũ Thị	Nga	Nữ	28/07/1993				Khá	1138789	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7511	481-K47B2		Mai Thị	Ngọc	Nữ	10/12/1993				Khá	1138790	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7512	482-K47B2		Vũ Thị	Ngọc	Nữ	14/09/1993				Khá	1138791	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7513	483-K47B2		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	15/02/1992				Khá	1138792	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7514	484-K47B2		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/11/1993				Khá	1138793	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7515	485-K47B2		Kiều Thị	Phương	Nữ	02/10/1993				Trung bình	1138794	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7516	486-K47B2		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	09/08/1993				Khá	1138795	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7517	487-K47B2		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	17/06/1993				Xuất sắc	1138796	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7518	488-K47B2		Phạm Thị	Tâm	Nữ	07/06/1992				Khá	1138797	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7519	489-K47B2		Ngô Thị	Thanh	Nữ	05/05/1993				Giỏi	1138798	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7520	490-K47B2		Trương Minh	Thông	Nam	29/08/1992				Trung bình	1138799	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7521	491-K47B2		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	03/11/1993				Khá	1138800	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7522	492-K47B2		Lê Thị Thanh	Thúy	Nữ	20/06/1993				Khá	1138801	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7523	493-K47B2		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	16/12/1993				Khá	1138802	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7524	494-K47B2		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	26/08/1993				Giỏi	1138803	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7525	495-K47B2		Trương Văn	Trình	Nam	26/05/1992				Khá	1138804	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7526	496-K47B2		Trịnh Thị	Tuyết	Nữ	03/11/1993				Xuất sắc	1138805	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7527	497-K47B2		Đặng Quốc	Uy	Nam	02/04/1993				Khá	1138806	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7528	498-K47B2		Phạm Thị	Vinh	Nữ	20/06/1992				Khá	1138807	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7529	499-K47B3		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	13/02/1993				Khá	1138808	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7530	500-K47B3		Đinh Thị	Châu	Nữ	10/03/1993				Khá	1138809	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7531	501-K47B3		Phan Thị	Điệp	Nữ	11/02/1993				Giỏi	1138810	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7532	502-K47B3		Trịnh Thị	Dung	Nữ	05/04/1993				Khá	1138811	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7533	503-K47B3		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	01/07/1993				Khá	1138812	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7534	504-K47B3		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	06/09/1993				Trung bình	1138813	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7535	505-K47B3		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	09/07/1993				Khá	1138814	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7536	506-K47B3		Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	10/04/1993				Khá	1138815	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7537	507-K47B3		Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	15/08/1993				Khá	1138816	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7538	508-K47B3		Lê Nguyên	Hạnh	Nữ	10/09/1993				Khá	1138817	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7539	509-K47B3		Vũ Thị	Hảo	Nữ	13/11/1993				Khá	1138818	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7540	510-K47B3		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	17/08/1993				Trung bình	1138819	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7541	511-K47B3		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	11/05/1992				Khá	1138820	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7542	512-K47B3		Lê Linh	Hương	Nữ	18/01/1994				Khá	1138821	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7543	513-K47B3		Nguyễn Hồng	Khuyên	Nữ	12/07/1993				Trung bình	1138822	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7544	514-K47B3		Đinh Thị Mỹ	Linh	Nữ	08/06/1993				Khá	1138823	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7545	515-K47B3		Trương Thị	Linh	Nữ	07/07/1993				Khá	1138824	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7546	516-K47B3		Nguyễn Thị Dương	Luy	Nữ	07/01/1993				Khá	1138825	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7547	517-K47B3		Trần Thị	My	Nữ	16/04/1993				Giỏi	1138826	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7548	518-K47B3		Cao Thị	Nga	Nữ	10/03/1993				Khá	1138827	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7549	519-K47B3		Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	15/10/1993				Khá	1138828	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7550	520-K47B3		Trần Thị	Nguyệt	Nữ	23/01/1993				Khá	1138829	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7551	521-K47B3		Ngô Thị	Nhàn	Nữ	06/08/1992				Khá	1138830	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7552	522-K47B3		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	11/06/1993				Khá	1138831	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7553	523-K47B3		Phạm Thị Hoài	Phương	Nữ	12/07/1993				Khá	1138832	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7554	524-K47B3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	23/03/1993				Khá	1138833	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7555	525-K47B3		Phan Mạnh	Quang	Nam	15/04/1992				Trung bình	1138834	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7556	526-K47B3		Bùi Thị Thu	Quyên	Nữ	28/11/1993				Khá	1138835	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7557	527-K47B3		Phùng Thế	Thắng	Nam	16/11/1993				Khá	1138836	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7558	528-K47B3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	19/04/1993				Khá	1138837	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7559	529-K47B3		Trần Thị	Thùy	Nữ	26/10/1993				Khá	1138838	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7560	530-K47B3		Lê Thị Lệ	Thùy	Nữ	23/01/1993				Khá	1138839	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7561	531-K47B3		Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	02/02/1993				Khá	1138840	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7562	532-K47B3		Trần Thị	Trang	Nữ	30/06/1993				Khá	1138841	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7563	533-K47B4		Hoàng Thị út	An	Nữ	19/08/1993				Khá	1138842	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7564	534-K47B4		Nghiêm Thị Trâm	Anh	Nữ	15/04/1993				Khá	1138843	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7565	535-K47B4		Đỗ Thị Kiều	Chang	Nữ	07/11/1993				Khá	1138844	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7566	536-K47B4		Phạm Thị	Diễm	Nữ	25/05/1993				Khá	1138845	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7567	537-K47B4		Dương Phương	Dung	Nữ	09/10/1993				Khá	1138846	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7568	538-K47B4		Nguyễn Phú	Dương	Nam	13/02/1991				Khá	1138847	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7569	539-K47B4		Vũ Thị Việt	Hà	Nữ	07/12/1993				Khá	1138848	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7570	540-K47B4		Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	01/05/1993				Khá	1138849	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7571	541-K47B4		Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	26/09/1993				Khá	1138850	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7572	542-K47B4		Đậu Thị	Hoà	Nữ	03/12/1993				Khá	1138851	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7573	543-K47B4		Đinh Xuân	Hoà	Nam	17/11/1993				Khá	1138852	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7574	544-K47B4		Lê Thị Thanh	Hồng	Nữ	31/08/1993				Khá	1138853	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7575	545-K47B4		Tăng Thị	Huế	Nữ	08/12/1993				Khá	1138854	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7576	546-K47B4		Lê Thị	Hương	Nữ	27/06/1993				Khá	1138855	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7577	547-K47B4		Vũ Thị	Liên	Nữ	12/05/1993				Khá	1138856	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7578	548-K47B4		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	03/11/1993				Khá	1138857	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7579	549-K47B4		Trần Khánh	Linh	Nữ	14/12/1993				Khá	1138858	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7580	550-K47B4		Cao Thành	Lực	Nam	28/08/1993				Trung bình	1138859	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7581	551-K47B4		Vũ Thị	Lý	Nữ	12/04/1993				Khá	1138860	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7582	552-K47B4		Mai Thị Thúy	Mỹ	Nữ	27/10/1992				Khá	1138861	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7583	553-K47B4		Ngô Thị Hoa	Ngọc	Nữ	12/10/1993				Khá	1138862	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7584	554-K47B4		Phạm Thị	Ngọc	Nữ	16/06/1993				Khá	1138863	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7585	555-K47B4		Phạm Thị	Nhài	Nữ	29/05/1993				Khá	1138864	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7586	556-K47B4		Mạc Thị	Nhàn	Nữ	12/10/1993				Khá	1138865	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7587	557-K47B4		Vũ Thị	Phượng	Nữ	15/06/1993				Trung bình	1138866	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7588	558-K47B4		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	03/12/1993				Khá	1138867	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7589	559-K47B4		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	29/11/1993				Khá	1138868	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7590	560-K47B4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	22/12/1993				Khá	1138869	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7591	561-K47B4		Trần Thị	Thúy	Nữ	25/01/1993				Khá	1138870	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7592	562-K47B4		Bùi Bảo Thu	Trang	Nữ	24/12/1993				Khá	1138871	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7593	563-K47B4		Đỗ Thị Ngọc	Uyên	Nữ	03/10/1993				Giỏi	1138872	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7594	564-K47B4		Đoàn Vi Phong	Vũ	Nam	10/11/1993				Trung bình	1138873	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7595	565-K47B4		Vương Thị Hải	Yến	Nữ	24/02/1993				Khá	1138874	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7596	566-K47B5		Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	08/08/1993				Khá	1138875	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7597	567-K47B5		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	12/11/1993				Khá	1138876	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7598	568-K47B5		Trần Vi	Anh	Nữ	25/09/1992				Khá	1138877	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7599	569-K47B5		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	29/07/1992				Khá	1138878	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7600	570-K47B5		Phạm Thị Tuyết	Chinh	Nữ	04/08/1993				Trung bình	1138879	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7601	571-K47B5		Phạm Thị	Diệu	Nữ	24/10/1993				Khá	1138880	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7602	572-K47B5		Trần Thùy	Dung	Nữ	26/09/1993				Khá	1138881	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7603	573-K47B5		Trần Thị	Giang	Nữ	08/01/1993				Giỏi	1138882	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7604	574-K47B5		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	22/04/1993				Khá	1138883	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7605	575-K47B5		Bùi Thị	Hạnh	Nữ	11/02/1994				Khá	1138884	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7606	576-K47B5		Nguyễn Thị	Hoà	Nữ	18/07/1993				Khá	1138885	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7607	577-K47B5		Trần Văn	Hoàn	Nam	25/02/1992				Trung bình	1138886	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7608	578-K47B5		Ngô Thị	Hồng	Nữ	02/08/1993				Giỏi	1138887	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7609	579-K47B5		Phạm Thị Thanh	Hương	Nữ	30/11/1993				Khá	1138888	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7610	580-K47B5		Hoàng Thị	Hường	Nữ	26/09/1993				Khá	1138889	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7611	581-K47B5		Trần Thị	Lan	Nữ	26/10/1993				Khá	1138890	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7612	582-K47B5		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	30/06/1993				Khá	1138891	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7613	583-K47B5		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	02/11/1993				Giỏi	1138892	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7614	584-K47B5		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	27/07/1993				Khá	1138893	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7615	585-K47B5		Đỗ Hoàng	Minh	Nam	13/09/1993				Khá	1138894	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7616	586-K47B5		Phùng Thị Kim	Ngân	Nữ	06/08/1993				Giỏi	1138895	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7617	587-K47B5		Phạm Thanh	Ngọc	Nữ	20/12/1993				Khá	1138896	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7618	588-K47B5		Phạm Thị	Nhài	Nữ	12/04/1993				Khá	1138897	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7619	589-K47B5		Nguyễn Thị Phúc	Nhi	Nữ	09/08/1993				Khá	1138898	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7620	590-K47B5		Nguyễn Tú	Oanh	Nữ	21/10/1993				Khá	1138899	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7621	591-K47B5		Trịnh Ngọc	Phúc	Nam	18/10/1993				Khá	1138900	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7622	592-K47B5		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	21/01/1993				Khá	1138901	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7623	593-K47B5		Vũ Thị	Phượng	Nữ	18/08/1992				Khá	1138902	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7624	594-K47B5		Nguyễn Thị	Sơn	Nữ	24/04/1993				Khá	1138903	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7625	595-K47B5		Nguyễn Văn	Tám	Nam	20/09/1993				Khá	1138904	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7626	596-K47B5		Bùi Thị	Thắm	Nữ	28/06/1993				Khá	1138905	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7627	597-K47B5		Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	19/09/1993				Khá	1138906	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7628	598-K47B5		Lê Thị	Thúy	Nữ	15/10/1993				Giỏi	1138907	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7629	599-K47B5		Trần Thanh	Tùng	Nam	15/03/1993				Khá	1138908	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7630	600-K47B5		Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	19/03/1993				Khá	1138909	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7631	601-K45B6		Trần Văn	Tuấn	Nam	18/03/1991				Trung bình	1138910	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7632	602-K46B1		Trần Anh	Quang	Nam	16/03/1992				Trung bình	1138911	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7633	603-K46B1		Nguyễn Quyết	Thắng	Nam	26/06/1991				Trung bình	1138912	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7634	604-K46B1		Ngô Văn	Tường	Nam	27/06/1992				Trung bình	1138913	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7635	605-K46B2		Bùi Hồng	Nhung	Nữ	25/12/1992				Trung bình	1138914	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7636	606-K46B2		Đỗ Thị Ngọc	Phương	Nữ	10/09/1992				Trung bình	1138915	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7637	607-K46B3		Vũ Thị	Tươi	Nữ	29/02/1992				Trung bình	1138916	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7638	608-K46B4		Mai Văn	Kính	Nam	02/04/1992				Trung bình	1138917	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7639	609-K46B6		Bùi Đức	Thịnh	Nam	30/10/1991				Trung bình	1138918	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7640	610-K47V1		Bùi Phương	Anh	Nữ	30/03/1993				Khá	1138919	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7641	611-K47V1		Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	09/08/1993				Khá	1138920	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7642	612-K47V1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	15/12/1993				Giỏi	1138921	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7643	613-K47V1		Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	10/06/1993				Khá	1138922	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7644	614-K47V1		Hoàng Thị	Duynh	Nữ	16/11/1993				Khá	1138923	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7645	615-K47V1		Lương Thị Hương	Giang	Nữ	28/05/1993				Trung bình	1138924	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7646	616-K47V1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/03/1993				Khá	1138925	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7647	617-K47V1		Nguyễn Diệu	Hoa	Nữ	02/02/1993				Trung bình	1138926	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7648	618-K47V1		Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	04/11/1993				Khá	1138927	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7649	619-K47V1		Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	20/08/1992				Khá	1138928	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7650	620-K47V1		Phạm Thị Thúy	Nga	Nữ	22/07/1991				Khá	1138929	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7651	621-K47V1		Thân Thị	Ngân	Nữ	27/09/1993				Khá	1138930	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7652	622-K47V1		Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	19/11/1993				Khá	1138931	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7653	623-K47V1		Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	01/05/1993				Khá	1138932	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7654	624-K47V1		Hoàng Minh	Phương	Nữ	19/04/1993				Trung bình	1138933	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7655	625-K47V1		Nguyễn Hương	Quỳnh	Nữ	12/11/1993				Giỏi	1138934	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7656	626-K47V1		Lưu Vũ Minh	Tâm	Nữ	09/11/1993				Khá	1138935	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7657	627-K47V1		Trần Kim	Thoa	Nữ	14/10/1993				Khá	1138936	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7658	628-K47V1		Chu Thị	Thu	Nữ	18/12/1993				Khá	1138937	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7659	629-K47V1		Tạ Thị Minh	Thu	Nữ	30/10/1993				Khá	1138938	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7660	630-K47V1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	29/06/1993				Khá	1138939	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7661	631-K47V1		Dương Thị Thu	Trang	Nữ	12/02/1993				Giỏi	1138940	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7662	632-K47V1		Hà Thị	Trang	Nữ	01/01/1993				Khá	1138941	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7663	633-K47V2		Nguyễn Thùy	An	Nữ	15/11/1993				Khá	1138942	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7664	634-K47V2		Đinh Ngọc	Anh	Nữ	22/02/1993				Khá	1138943	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7665	635-K47V2		Lê Tuấn	Anh	Nam	10/08/1993				Khá	1138944	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7666	636-K47V2		Nguyễn Đại Việt	Anh	Nam	24/12/1993				Khá	1138945	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7667	637-K47V2		Phạm Ngọc	Anh	Nam	05/10/1993				Khá	1138946	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7668	638-K47V2		Nguyễn Thành	Đạt	Nam	13/04/1993				Khá	1138947	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7669	639-K47V2		Hoàng Ngọc Minh	Đức	Nam	19/05/1993				Trung bình	1138948	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7670	640-K47V2		Nguyễn Thị Hà	Giang	Nữ	09/09/1993				Giỏi	1138949	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7671	641-K47V2		Vũ Thị	Hà	Nữ	20/08/1993				Giỏi	1138950	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7672	642-K47V2		Trần Thị Minh	Hải	Nữ	05/10/1993				Khá	1138951	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7673	643-K47V2		Kiều Thị Thúy	Hằng	Nữ	23/11/1993				Khá	1138952	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7674	644-K47V2		Lê Thị Phương	Hoa	Nữ	20/12/1992				Khá	1138953	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7675	645-K47V2		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	12/11/1993				Khá	1138954	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7676	646-K47V2		Phạm Thị	Hoài	Nữ	21/08/1993				Khá	1138955	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7677	647-K47V2		Lê Thị	Huệ	Nữ	11/10/1993				Khá	1138956	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7678	648-K47V2		Hồ Thị	Hương	Nữ	07/10/1993				Khá	1138957	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7679	649-K47V2		Tống Thị	Hương	Nữ	08/12/1993				Khá	1138958	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7680	650-K47V2		Nguyễn Thị Thanh	Hường	Nữ	10/10/1993				Khá	1138959	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7681	651-K47V2		Lê Thị	Huyền	Nữ	06/03/1993				Giỏi	1138960	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7682	652-K47V2		Đinh Thị Thu	Huyền	Nữ	05/10/1993				Khá	1138961	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7683	653-K47V2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	10/06/1993				Khá	1138962	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7684	654-K47V2		Lê Lan	Linh	Nữ	01/09/1993				Khá	1138963	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7685	655-K47V2		Lê Trung Vĩnh	Luân	Nam	21/01/1993				Khá	1138964	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7686	656-K47V2		Trần Thị Khánh	Ly	Nữ	19/08/1993				Khá	1138965	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7687	657-K47V2		Nguyễn Văn	Nam	Nam	23/01/1990				Khá	1138966	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7688	658-K47V2		Hoàng Thị Thu	Nga	Nữ	08/01/1993				Khá	1138967	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7689	659-K47V2		Thiều Thị	Ngọc	Nữ	10/10/1993				Khá	1138968	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7690	660-K47V2		Trần Minh	Ngọc	Nam	17/01/1993				Khá	1138969	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7691	661-K47V2		Trần Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	17/07/1993				Khá	1138970	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7692	662-K47V2		Nguyễn Hương	Thảo	Nữ	21/08/1993				Khá	1138971	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7693	663-K47V2		Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	01/06/1993				Khá	1138972	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7694	664-K47V2		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	02/07/1993				Khá	1138973	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7695	665-K47V2		Vũ Xuân	Trà	Nam	17/11/1993				Khá	1138974	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7696	666-K47V2		Lương Quỳnh	Trang	Nữ	18/01/1993				Giỏi	1138975	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7697	667-K47V2		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	08/11/1993				Khá	1138976	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7698	668-K47V2		Khương Diệp	Tú	Nữ	23/01/1994				Khá	1138977	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7699	669-K47V2		Đàm Công	Tuấn	Nam	08/11/1993				Khá	1138978	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7700	670-K47V2		Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	13/08/1993				Khá	1138979	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7701	671-K47V3		Trần Thị Huệ	Anh	Nữ	21/04/1993				Khá	1138980	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7702	672-K47V3		Vũ Mạnh	Cường	Nam	25/08/1990				Khá	1138981	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7703	673-K47V3		Lê Thị	Dung	Nữ	14/03/1993				Khá	1138982	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7704	674-K47V3		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	12/02/1993				Khá	1138983	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7705	675-K47V3		Đàm Hải	Hà	Nữ	08/12/1993				Khá	1138984	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7706	676-K47V3		Lê Thị Thanh	Hải	Nữ	10/10/1992				Khá	1138985	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7707	677-K47V3		Bùi Thu	Hằng	Nữ	27/06/1992				Khá	1138986	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7708	678-K47V3		Nguyễn Phương	Hoa	Nữ	26/04/1993				Khá	1138987	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7709	679-K47V3		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	10/04/1993				Khá	1138988	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7710	680-K47V3		Tống Thị	Hương	Nữ	18/06/1993				Khá	1138989	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7711	681-K47V3		Vũ Diệu	Hương	Nữ	09/09/1993				Khá	1138990	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7712	682-K47V3		Hoàng Bá	Huy	Nam	26/07/1990				Trung bình	1138991	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7713	683-K47V3		Hoàng Thu	Huyền	Nữ	09/02/1992				Khá	1138992	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7714	684-K47V3		Phạm Văn	Khương	Nam	09/11/1993				Trung bình	1138993	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7715	685-K47V3		Lê Thị Thuỳ	Linh	Nữ	26/10/1993				Khá	1138994	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7716	686-K47V3		Ngô Khánh	Linh	Nữ	30/12/1993				Khá	1138995	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7717	687-K47V3		Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	13/12/1993				Khá	1138996	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7718	688-K47V3		Hà Quỳnh	Mai	Nữ	25/09/1992				Khá	1138997	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7719	689-K47V3		Vũ Thị Hà	Minh	Nữ	06/09/1992				Khá	1138998	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7720	690-K47V3		Phạm Thị Quỳnh	Nga	Nữ	09/03/1993				Giỏi	1138999	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7721	691-K47V3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	04/08/1993				Khá	1139000	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7722	692-K47V3		Nguyễn Đức	Nhật	Nam	23/01/1993				Khá	1139001	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7723	693-K47V3		Vũ Tuyết	Nhung	Nữ	20/05/1993				Trung bình	1139002	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7724	694-K47V3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	21/10/1993				Khá	1139003	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7725	695-K47V3		Phạm Duy	Tân	Nam	21/01/1993				Trung bình	1139004	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7726	696-K47V3		Trần Thị Tú	Thành	Nữ	23/05/1993				Giỏi	1139005	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7727	697-K47V3		Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	16/06/1993				Khá	1139006	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7728	698-K47V3		Trịnh Thị	Thương	Nữ	17/01/1993				Khá	1139007	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7729	699-K47V3		Bùi Minh	Trang	Nữ	04/11/1993				Khá	1139008	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7730	700-K47V3		Nguyễn Phương	Trang	Nữ	03/10/1993				Khá	1139009	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7731	701-K47V3		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	24/09/1992				Khá	1139010	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7732	702-K47V3		Phạm Thu	Trang	Nữ	14/02/1993				Trung bình	1139011	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7733	703-K47V3		Vũ Thu	Trang	Nữ	30/11/1993				Khá	1139012	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7734	704-K47V3		Đỗ Thị	Tuyến	Nữ	12/11/1993				Giỏi	1139013	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7735	705-K47V3		Đồng Thị	Yến	Nữ	24/04/1993				Khá	1139014	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7736	706-K46V2		Đỗ Hồng	Ngọc	Nữ	27/08/1992				Trung bình	1139015	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7737	707-K46V2		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	04/04/1992				Trung bình	1139016	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7738	2916-K46V1		Trần Minh	Trí	Nam	22/08/1992				Trung bình	1141225	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7739	708-K47C1		Vũ Việt	Anh	Nữ	02/06/1993				Khá	1139017	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7740	709-K47C1		Hoàng Thị Kim	Cúc	Nữ	04/11/1993				Khá	1139018	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7741	710-K47C1		Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	05/01/1992				Khá	1139019	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7742	711-K47C1		Nguyễn Thị	Đức	Nữ	10/03/1993				Giỏi	1139020	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7743	712-K47C1		Phan Trọng	Hà	Nam	28/08/1992				Khá	1139021	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7744	713-K47C1		Lê Thị Phượng	Hằng	Nữ	29/10/1993				Khá	1139022	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7745	714-K47C1		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	10/12/1993				Khá	1139023	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7746	715-K47C1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	14/10/1993				Khá	1139024	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7747	716-K47C1		Phạm Minh	Hoàng	Nữ	26/04/1993				Khá	1139025	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7748	717-K47C1		Lê Thanh	Hồng	Nữ	16/06/1993				Trung bình	1139026	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7749	718-K47C1		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	19/03/1993				Khá	1139027	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7750	719-K47C1		Lương Thị Thu	Hương	Nữ	10/10/1993				Khá	1139028	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7751	720-K47C1		Phạm Thị Quỳnh	Hương	Nữ	05/09/1993				Khá	1139029	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7752	721-K47C1		Hà Thị	Huyền	Nữ	26/01/1993				Khá	1139030	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7753	722-K47C1		Lê Thị	Huyền	Nữ	16/07/1993				Khá	1139031	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7754	723-K47C1		Trần Thị	Linh	Nữ	12/08/1993				Khá	1139032	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7755	724-K47C1		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	29/07/1993				Giỏi	1139033	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7756	725-K47C1		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	15/08/1992				Khá	1139034	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7757	726-K47C1		Đinh Thị	Nga	Nữ	20/01/1993				Khá	1139035	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7758	727-K47C1		Hoàng Trung	Nghĩa	Nam	09/08/1993				Khá	1139036	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7759	728-K47C1		Phạm Thị	Ngọc	Nữ	08/08/1993				Khá	1139037	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7760	729-K47C1		Trần Thị	Nhài	Nữ	13/08/1993				Khá	1139038	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7761	730-K47C1		Nghiêm Thị	Nhung	Nữ	01/04/1993				Khá	1139039	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7762	731-K47C1		Nguyễn Thị	Phong	Nữ	07/05/1991				Khá	1139040	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7763	732-K47C1		Phạm Ngọc	Quý	Nam	26/10/1993				Khá	1139041	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7764	733-K47C1		Nguyễn Thị	Tân	Nữ	26/01/1993				Khá	1139042	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7765	734-K47C1		Phạm Thu	Thảo	Nữ	05/11/1993				Khá	1139043	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7766	735-K47C1		Nguyễn Thị	Thi	Nữ	03/06/1993				Khá	1139044	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7767	736-K47C1		Nguyễn Minh	Thu	Nữ	01/03/1993				Khá	1139045	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7768	737-K47C1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	22/09/1993				Khá	1139046	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7769	738-K47C1		Đàm Thị Kiều	Trang	Nữ	02/04/1993				Khá	1139047	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7770	739-K47C1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24/03/1993				Khá	1139048	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7771	740-K47C1		Nguyễn Thị Hồng	Uyên	Nữ	09/02/1993				Khá	1139049	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7772	741-K47C1		Nghiêm Thị	Yến	Nữ	08/09/1993				Khá	1139050	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7773	742-K47C2		Hoàng Tuấn	Anh	Nam	25/03/1993				Khá	1139051	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7774	743-K47C2		Lương Thị	Bích	Nữ	10/08/1993				Giỏi	1139052	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7775	744-K47C2		Phạm Quang	Đạt	Nam	11/12/1991				Khá	1139053	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7776	745-K47C2		Nguyễn Thị	Doan	Nữ	24/10/1993				Giỏi	1139054	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7777	746-K47C2		Tống Thị Thùy	Dương	Nữ	26/03/1993				Giỏi	1139055	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7778	747-K47C2		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	23/07/1993				Giỏi	1139056	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7779	748-K47C2		Hoàng Văn	Hải	Nam	30/09/1993				Khá	1139057	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7780	749-K47C2		Lại Thị	Hằng	Nữ	28/10/1993				Khá	1139058	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7781	750-K47C2		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	20/06/1993				Khá	1139059	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7782	751-K47C2		Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	24/07/1993				Giỏi	1139060	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7783	752-K47C2		Phạm Thị	Hoa	Nữ	20/07/1993				Khá	1139061	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7784	753-K47C2		Lê Thị	Huệ	Nữ	19/11/1993				Khá	1139062	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7785	754-K47C2		Nguyễn Thị Mỹ	Hương	Nữ	18/12/1993				Khá	1139063	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7786	755-K47C2		Hà Thị Ngọc	Huyền	Nữ	27/06/1993				Khá	1139064	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7787	756-K47C2		Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	05/06/1993				Khá	1139065	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7788	757-K47C2		Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	24/12/1993				Khá	1139066	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7789	758-K47C2		Lê Thị	Liễu	Nữ	14/11/1993				Khá	1139067	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7790	759-K47C2		Đỗ Thị	Lựu	Nữ	20/11/1993				Khá	1139068	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7791	760-K47C2		Vũ Tuấn	Minh	Nam	27/08/1993				Khá	1139069	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7792	761-K47C2		Trần Thanh	Nga	Nữ	07/10/1993				Khá	1139070	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7793	762-K47C2		Ngô Thị	Ngân	Nữ	03/07/1993				Khá	1139071	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7794	763-K47C2		Phùng Hồng	Ngọc	Nữ	11/03/1993				Khá	1139072	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7795	764-K47C2		Huỳnh Thị Thanh	Nhàn	Nữ	28/08/1993				Khá	1139073	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7796	765-K47C2		Phạm Thị	Nhung	Nữ	04/04/1993				Khá	1139074	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7797	766-K47C2		Nguyễn Văn	Oanh	Nam	26/06/1993				Trung bình	1139075	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7798	767-K47C2		Lưu Thị	Phương	Nữ	05/11/1993				Khá	1139076	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7799	768-K47C2		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	10/09/1993				Khá	1139077	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7800	769-K47C2		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	28/06/1993				Khá	1139078	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7801	770-K47C2		Chu Thị	Thu	Nữ	01/04/1993				Khá	1139079	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7802	771-K47C2		Giang Thị Minh	Thư	Nữ	29/11/1993				Giỏi	1139080	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7803	772-K47C2		Vũ Minh	Thuận	Nữ	13/12/1993				Khá	1139081	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7804	773-K47C2		Tống Thị	Thúy	Nữ	26/06/1993				Khá	1139082	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7805	774-K47C2		Lê Thị	Thùy	Nữ	02/04/1993				Khá	1139083	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7806	775-K47C2		Trần Thị Thanh	Thùy	Nữ	02/09/1993				Khá	1139084	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7807	776-K47C2		Cao Thị Hương	Trang	Nữ	22/06/1993				Khá	1139085	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7808	777-K47C2		Lưu Đoan	Trang	Nữ	10/09/1993				Khá	1139086	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7809	778-K47C2		Nguyễn Thành	Trung	Nam	16/09/1993				Khá	1139087	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7810	779-K47C2		Ngô Thị	Tuyền	Nữ	12/08/1993				Khá	1139088	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7811	780-K47C2		Nguyễn Thị Tú	Uyên	Nữ	04/06/1993				Khá	1139089	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7812	781-K47C2		Lê Thị	Xuyến	Nữ	08/09/1993				Khá	1139090	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7813	782-K47C2		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	20/04/1993				Khá	1139091	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7814	783-K47C3		Chử Thế	Anh	Nam	08/10/1993				Khá	1139092	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7815	784-K47C3		Trần Thị	Anh	Nữ	25/01/1993				Khá	1139093	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7816	785-K47C3		Cao Thị	Châu	Nữ	22/01/1993				Khá	1139094	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7817	786-K47C3		Nguyễn Thị	Diên	Nữ	30/05/1993				Khá	1139095	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7818	787-K47C3		Vũ Anh	Đức	Nam	27/06/1993				Khá	1139096	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7819	788-K47C3		Trần Thị	Dung	Nữ	27/12/1992				Khá	1139097	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7820	789-K47C3		Phạm Ngân	Giang	Nữ	07/09/1992				Khá	1139098	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7821	790-K47C3		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	01/11/1993				Khá	1139099	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7822	791-K47C3		Tạ Thị Thúy	Hằng	Nữ	15/01/1993				Giỏi	1139100	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7823	792-K47C3		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	22/09/1993				Khá	1139101	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7824	793-K47C3		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	26/12/1993				Khá	1139102	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7825	794-K47C3		Trần Quỳnh	Hoa	Nữ	25/12/1993				Khá	1139103	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7826	795-K47C3		Nguyễn Thị Thu	Hợp	Nữ	06/09/1993				Khá	1139104	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7827	796-K47C3		Lê Thị	Huệ	Nữ	26/01/1992				Khá	1139105	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7828	797-K47C3		Vũ Thị	Hường	Nữ	05/02/1993				Khá	1139106	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7829	798-K47C3		Lê Thanh	Huyền	Nữ	19/12/1993				Giỏi	1139107	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7830	799-K47C3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	27/08/1993				Khá	1139108	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7831	800-K47C3		Phạm Thị	Khơi	Nữ	01/11/1992				Khá	1139109	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7832	801-K47C3		Phan Thị	Liễu	Nữ	08/08/1993				Khá	1139110	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7833	802-K47C3		Lê Thị Phương	Mai	Nữ	15/07/1993				Khá	1139111	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7834	803-K47C3		Nguyễn Hữu	Nam	Nam	19/02/1993				Trung bình	1139112	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7835	804-K47C3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	10/04/1993				Giỏi	1139113	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7836	805-K47C3		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	07/12/1993				Khá	1139114	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7837	806-K47C3		Nguyễn Quý	Ngọc	Nữ	10/12/1993				Khá	1139115	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7838	807-K47C3		Ngô Thị	Nhẽ	Nữ	19/12/1993				Khá	1139116	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7839	808-K47C3		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/02/1993				Khá	1139117	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7840	809-K47C3		Phan Thị Việt	Phương	Nữ	02/02/1993				Khá	1139118	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7841	810-K47C3		Dương Thị	Phượng	Nữ	27/09/1992				Khá	1139119	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7842	811-K47C3		Trần Mạnh	Quân	Nam	29/05/1993				Trung bình	1139120	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7843	812-K47C3		Dương Thị	Quỳnh	Nữ	10/04/1993				Khá	1139121	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7844	813-K47C3		Tạ Văn	Sỹ	Nam	20/03/1993				Khá	1139122	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7845	814-K47C3		Phan Thị	Thái	Nữ	10/04/1992				Khá	1139123	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7846	815-K47C3		Nguyễn Tam	Thắng	Nam	20/02/1993				Khá	1139124	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7847	816-K47C3		Trương Thị	Thu	Nữ	12/02/1993				Khá	1139125	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7848	817-K47C3		Đỗ Thị	Thúy	Nữ	20/10/1993				Giỏi	1139126	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7849	818-K47C3		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	27/07/1992				Khá	1139127	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7850	819-K47C3		Trần Thùy	Tiên	Nữ	27/06/1993				Khá	1139128	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7851	820-K47C3		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	18/03/1993				Khá	1139129	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7852	821-K47C3		Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	20/02/1993				Khá	1139130	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7853	822-K47C3		Nguyễn Trần	Trung	Nam	24/03/1993				Khá	1139131	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7854	823-K47C3		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	05/10/1993				Khá	1139132	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7855	824-K47C3		Dương Hải	Vân	Nữ	12/08/1993				Giỏi	1139133	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7856	825-K47C3		Bùi Thị	Văn	Nữ	26/10/1993				Khá	1139134	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7857	826-K47C3		Lê Thị	Yến	Nữ	08/10/1993				Khá	1139135	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7858	827-K47C3		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	29/09/1992				Khá	1139136	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7859	828-K47C4		Trần Ngọc	Anh	Nữ	05/10/1993				Khá	1139137	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7860	829-K47C4		Đoàn Thị Huyền	Châu	Nữ	18/04/1993				Khá	1139138	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7861	830-K47C4		Nguyễn Duy	Đức	Nam	06/11/1993				Khá	1139139	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7862	831-K47C4		Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	25/12/1993				Khá	1139140	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7863	832-K47C4		Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	14/08/1993				Khá	1139141	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7864	833-K47C4		Vũ Minh	Hào	Nữ	11/09/1993				Khá	1139142	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7865	834-K47C4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	22/08/1992				Khá	1139143	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7866	835-K47C4		Dương Thị Phương	Hoa	Nữ	02/07/1992				Khá	1139144	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7867	836-K47C4		Đỗ Thị	Hòa	Nữ	24/01/1992				Khá	1139145	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7868	837-K47C4		Đỗ Thị	Huế	Nữ	23/07/1993				Khá	1139146	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7869	838-K47C4		Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	09/02/1993				Khá	1139147	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7870	839-K47C4		Hà Thị	Hương	Nữ	02/08/1992				Khá	1139148	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7871	840-K47C4		Vũ Thị	Hương	Nữ	15/05/1993				Khá	1139149	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7872	841-K47C4		Nguyễn Văn	Hướng	Nam	13/04/1993				Trung bình	1139150	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7873	842-K47C4		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	23/10/1993				Khá	1139151	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7874	843-K47C4		Phạm Thị	Huyền	Nữ	20/01/1993				Khá	1139152	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7875	844-K47C4		Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/11/1993				Khá	1139153	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7876	845-K47C4		Nguyễn Thị	Lài	Nữ	08/02/1993				Khá	1139154	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7877	846-K47C4		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	27/08/1993				Khá	1139155	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7878	847-K47C4		Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	02/06/1993				Khá	1139156	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7879	848-K47C4		Nguyễn Thị Nguyệt	Mai	Nữ	21/11/1993				Khá	1139157	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7880	849-K47C4		Nguyễn Thị	Miên	Nữ	22/06/1993				Xuất sắc	1139158	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7881	850-K47C4		Vũ Thị	Ngân	Nữ	11/03/1993				Giỏi	1139159	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7882	851-K47C4		Trần Thị	Ngoan	Nữ	04/05/1992				Khá	1139160	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7883	852-K47C4		Lê Thị	Nhuần	Nữ	02/12/1993				Khá	1139161	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7884	853-K47C4		Trịnh Thị Kim	Oanh	Nữ	16/10/1993				Giỏi	1139162	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7885	854-K47C4		Nguyễn Thị Bích	Phương	Nữ	19/08/1993				Khá	1139163	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7886	855-K47C4		Đoàn Thị	Phượng	Nữ	10/07/1993				Khá	1139164	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7887	856-K47C4		Trịnh Văn	Quân	Nam	03/09/1993				Khá	1139165	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7888	857-K47C4		Phạm Lệ	Quyên	Nữ	20/05/1993				Khá	1139166	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7889	858-K47C4		Phan Duy	Thanh	Nam	01/02/1992				Khá	1139167	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7890	859-K47C4		Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	13/09/1993				Khá	1139168	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7891	860-K47C4		Cồ Thị Thu	Thủy	Nữ	20/09/1993				Khá	1139169	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7892	861-K47C4		Nguyễn Thị	Toán	Nữ	12/12/1993				Khá	1139170	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7893	862-K47C4		Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	29/07/1993				Khá	1139171	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7894	863-K47C4		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	21/11/1993				Khá	1139172	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7895	864-K47C4		Phạm Minh	Tuân	Nam	22/10/1993				Khá	1139173	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7896	865-K47C4		Phạm Thị Cẩm	Vân	Nữ	03/02/1993				Khá	1139174	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7897	866-K47C4		Hoàng Thị	Vinh	Nữ	20/08/1993				Khá	1139175	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7898	867-K47C4		Phan Thị	Yến	Nữ	10/02/1993				Khá	1139176	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7899	868-K47C5		Hồ Hữu	An	Nam	16/09/1993				Khá	1139177	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7900	869-K47C5		Đinh Thị Vân	Anh	Nữ	22/07/1993				Khá	1139178	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7901	870-K47C5		Nguyễn Duy	Anh	Nam	03/09/1993				Khá	1139179	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7902	871-K47C5		Nguyễn Thị Việt	Chinh	Nữ	19/09/1993				Khá	1139180	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7903	872-K47C5		Vũ Thị	Diệp	Nữ	17/10/1993				Khá	1139181	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7904	873-K47C5		Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	24/09/1993				Khá	1139182	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7905	874-K47C5		Lê Quý	Dương	Nam	23/10/1993				Khá	1139183	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7906	875-K47C5		Phùng Thị	Hải	Nữ	30/08/1993				Khá	1139184	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7907	876-K47C5		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/02/1992				Khá	1139185	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7908	877-K47C5		Trần Thị	Hậu	Nữ	04/03/1993				Trung bình	1139186	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7909	878-K47C5		Đỗ Thị Thu	Hiền	Nữ	26/08/1992				Khá	1139187	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7910	879-K47C5		Lưu Đức	Hiếu	Nam	20/08/1993				Trung bình	1139188	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7911	880-K47C5		Nguyễn Thanh	Hòa	Nữ	19/12/1993				Khá	1139189	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7912	881-K47C5		Âu Thị	Hoài	Nữ	09/10/1993				Khá	1139190	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7913	882-K47C5		Trần Thị	Hồng	Nữ	02/10/1993				Khá	1139191	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7914	883-K47C5		Lê Thị	Hương	Nữ	20/03/1992				Khá	1139192	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7915	884-K47C5		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/07/1993				Giỏi	1139193	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7916	885-K47C5		Hoàng Thị	Hường	Nữ	07/04/1993				Khá	1139194	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7917	886-K47C5		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	06/10/1993				Khá	1139195	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7918	887-K47C5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	15/06/1993				Giỏi	1139196	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7919	888-K47C5		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	22/12/1992				Giỏi	1139197	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7920	889-K47C5		Phạm Mỹ	Linh	Nữ	10/10/1993				Khá	1139198	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7921	890-K47C5		Trần Thị Thanh	Loan	Nữ	23/10/1993				Giỏi	1139199	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7922	891-K47C5		Nguyễn Thị Tú	Mai	Nữ	18/10/1993				Xuất sắc	1139200	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7923	892-K47C5		Trần Nguyệt	Minh	Nữ	28/12/1992				Khá	1139201	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7924	893-K47C5		Trịnh Thị	Nga	Nữ	08/12/1993				Khá	1139202	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7925	894-K47C5		Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	22/12/1992				Khá	1139203	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7926	895-K47C5		Đào Thị	Ngoan	Nữ	28/03/1993				Khá	1139204	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7927	896-K47C5		Đinh Thị Bích	Ngọc	Nữ	24/04/1993				Khá	1139205	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7928	897-K47C5		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	20/09/1993				Giỏi	1139206	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7929	898-K47C5		Bùi Thị Hà	Phương	Nữ	28/05/1993				Khá	1139207	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7930	899-K47C5		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/12/1993				Khá	1139208	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7931	900-K47C5		Nguyễn Hữu	Quang	Nam	17/08/1993				Khá	1139209	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7932	901-K47C5		Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	14/01/1992				Khá	1139210	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7933	902-K47C5		Nguyễn Đức	Thông	Nam	20/04/1993				Trung bình	1139211	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7934	903-K47C5		Đặng Thị	Thúy	Nữ	22/01/1993				Khá	1139212	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7935	904-K47C5		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	26/08/1993				Khá	1139213	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7936	905-K47C5		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	12/07/1993				Giỏi	1139214	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7937	906-K47C5		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	18/05/1993				Khá	1139215	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7938	907-K47C5		Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	08/12/1993				Khá	1139216	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7939	908-K47C5		Hoàng Thu	Trang	Nữ	07/08/1993				Khá	1139217	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7940	909-K47C5		Tạ Thị Minh	Trang	Nữ	20/02/1993				Khá	1139218	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7941	910-K47C5		Vi Văn	Tuấn	Nam	22/04/1993				Khá	1139219	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7942	911-K47C5		Phạm Thị	Tuyết	Nữ	02/12/1993				Giỏi	1139220	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7943	912-K47C5		Nguyễn Thị	Vy	Nữ	25/11/1993				Khá	1139221	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7944	913-K43C5		Lê Quốc	Khánh	Nam	02/09/1987				Trung bình	1139222	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7945	914-K47T1		Đặng Trung	Anh	Nữ	21/11/1993				Khá	1139223	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7946	915-K47T1		Lê Thị Trung	Anh	Nữ	15/11/1993				Khá	1139224	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7947	916-K47T1		Nguyễn Thị Trung	Anh	Nữ	18/09/1993				Khá	1139225	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7948	917-K47T1		Trương Thị	Anh	Nữ	27/08/1993				Khá	1139226	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7949	918-K47T1		Phan Thị Ngọc	Bích	Nữ	15/04/1993				Khá	1139227	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7950	919-K47T1		Phạm Văn	Điện	Nam	17/04/1993				Giỏi	1139228	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7951	920-K47T1		Ngô Thanh	Hà	Nữ	22/08/1993				Trung bình	1139229	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7952	921-K47T1		Lương Thị	Hằng	Nữ	28/08/1993				Giỏi	1139230	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7953	922-K47T1		Mai Thị Thu	Hằng	Nữ	26/03/1993				Khá	1139231	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7954	923-K47T1		Đào Thị	Hoa	Nữ	08/03/1993				Khá	1139232	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7955	924-K47T1		Phạm Thị	Hợp	Nữ	30/05/1993				Khá	1139233	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7956	925-K47T1		Triệu Thị	Huệ	Nữ	19/04/1993				Khá	1139234	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7957	926-K47T1		Nguyễn Lan	Hương	Nữ	21/03/1993				Khá	1139235	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7958	927-K47T1		Thái Thị	Hường	Nữ	08/03/1993				Khá	1139236	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7959	928-K47T1		Phạm Quang	Huy	Nam	19/04/1993				Khá	1139237	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7960	929-K47T1		Thân Thị	Khanh	Nữ	15/09/1993				Khá	1139238	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7961	930-K47T1		Vũ Thị	Liễu	Nữ	17/05/1993				Khá	1139239	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7962	931-K47T1		Đào Mỹ	Linh	Nữ	30/10/1993				Giỏi	1139240	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7963	932-K47T1		Chu Thị	Mai	Nữ	07/02/1993				Khá	1139241	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7964	933-K47T1		Tiêu Chu	Nam	Nam	08/04/1993				Trung bình	1139242	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7965	934-K47T1		Đỗ Thị	Nga	Nữ	29/10/1993				Khá	1139243	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7966	935-K47T1		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	19/06/1992				Khá	1139244	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7967	936-K47T1		Ngô Thị	Nhung	Nữ	28/06/1993				Khá	1139245	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7968	937-K47T1		Đinh Thị Thu	Phương	Nữ	17/03/1993				Khá	1139246	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7969	938-K47T1		Nguyễn Xuân	Quang	Nam	22/12/1993				Trung bình	1139247	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7970	939-K47T1		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	10/07/1993				Khá	1139248	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7971	940-K47T1		Đào Thu	Thảo	Nữ	03/09/1993				Giỏi	1139249	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7972	941-K47T1		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	18/09/1993				Khá	1139250	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7973	942-K47T1		Trần Minh	Thu	Nữ	12/06/1993				Khá	1139251	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7974	943-K47T1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	19/03/1993				Khá	1139252	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7975	944-K47T1		Nguyễn Văn	Tới	Nam	16/10/1992				Trung bình	1139253	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7976	945-K47T1		Mai Quỳnh	Trang	Nữ	15/09/1993				Khá	1139254	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7977	946-K47T1		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	13/06/1992				Khá	1139255	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
7978	947-K47T1		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	28/01/1993				Khá	1139256	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7979	948-K47T1		Nguyễn Hà	Trung	Nam	26/09/1990				Khá	1139257	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7980	949-K47T1		Vũ Thị	Tươi	Nữ	28/04/1993				Khá	1139258	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7981	950-K47T1		Nguyễn Thu	Vân	Nữ	25/11/1993				Khá	1139259	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7982	951-K47T1		Chu Tuấn	Việt	Nam	15/07/1993				Khá	1139260	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7983	952-K47T1		Hoàng Thị	Xuyến	Nữ	06/09/1993				Khá	1139261	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7984	953-K47T1		Kiều Thị	Xuyến	Nữ	14/06/1992				Khá	1139262	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7985	954-K47T1		Phạm Thị	Yến	Nữ	23/02/1993				Khá	1139263	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7986	955-K47T2		Đào Việt	Anh	Nam	15/11/1993				Khá	1139264	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7987	956-K47T2		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	19/02/1993				Khá	1139265	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7988	957-K47T2		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	30/04/1993				Khá	1139266	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7989	958-K47T2		Đỗ Thị Ngọc	ánh	Nữ	10/11/1992				Khá	1139267	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7990	959-K47T2		Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	02/11/1993				Khá	1139268	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7991	960-K47T2		Mai Thị	Biển	Nữ	20/01/1993				Khá	1139269	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7992	961-K47T2		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	01/10/1993				Khá	1139270	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7993	962-K47T2		Bùi Đức	Chung	Nam	28/07/1993				Trung bình	1139271	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7994	963-K47T2		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	23/05/1993				Khá	1139272	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7995	964-K47T2		Lê Thị Trà	Giang	Nữ	19/06/1993				Khá	1139273	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7996	965-K47T2		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	16/11/1993				Khá	1139274	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7997	966-K47T2		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	30/10/1993				Khá	1139275	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7998	967-K47T2		Nguyễn Phương	Hoa	Nữ	22/09/1993				Khá	1139276	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
7999	968-K47T2		Đỗ Thị	Hồng	Nữ	04/11/1993				Khá	1139277	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8000	969-K47T2		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	27/10/1993				Khá	1139278	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8001	970-K47T2		Phạm Thị	Hường	Nữ	10/02/1993				Khá	1139279	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8002	971-K47T2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05/12/1993				Khá	1139280	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8003	972-K47T2		Lê Hoài	Khanh	Nữ	10/08/1993				Khá	1139281	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8004	973-K47T2		Đinh Thị Mỹ	Linh	Nữ	03/11/1993				Khá	1139282	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8005	974-K47T2		Nguyễn Ngọc	Linh	Nam	07/03/1993				Khá	1139283	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8006	975-K47T2		Dương Hương	Ly	Nữ	18/09/1993				Khá	1139284	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8007	976-K47T2		Vũ Thị	Minh	Nữ	29/03/1993				Trung bình	1139285	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8008	977-K47T2		Nguyễn Phú Hải	Nam	Nam	27/07/1993				Khá	1139286	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8009	978-K47T2		Nguyễn Thị	Nghiêm	Nữ	19/09/1993				Giỏi	1139287	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8010	979-K47T2		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/01/1994				Khá	1139288	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8011	980-K47T2		Đỗ Thị	Phương	Nữ	09/08/1993				Khá	1139289	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8012	981-K47T2		Đào Thị	Phượng	Nữ	11/01/1992				Khá	1139290	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8013	982-K47T2		Nguyễn Công	Quỳnh	Nam	13/02/1993				Khá	1139291	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8014	983-K47T2		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	26/12/1991				Khá	1139292	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8015	984-K47T2		Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	12/06/1993				Xuất sắc	1139293	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8016	985-K47T2		Đặng Minh	Thanh	Nam	30/07/1993				Khá	1139294	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8017	986-K47T2		Nguyễn Thị	Thê	Nữ	20/01/1993				Khá	1139295	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8018	987-K47T2		Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	10/12/1993				Khá	1139296	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8019	988-K47T2		Phí Thị	Thúy	Nữ	07/01/1993				Trung bình	1139297	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8020	989-K47T2		Bùi Thị	Thùy	Nữ	02/01/1993				Khá	1139298	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8021	990-K47T2		Vũ Thị Mỹ	Trinh	Nữ	03/09/1993				Trung bình	1139299	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8022	991-K47T2		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	08/09/1992				Khá	1139300	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8023	992-K47T2		Phạm Bá	Việt	Nam	16/04/1992				Giỏi	1139301	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8024	993-K47T2		Đặng Thị Hồng	Vinh	Nữ	27/06/1993				Khá	1139302	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8025	994-K47T2		Nguyễn Thị Hà	Yên	Nữ	16/08/1993				Khá	1139303	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8026	995-K47T3		Mai Hoàng	Anh	Nữ	30/11/1992				Khá	1139304	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8027	996-K47T3		Trần Thị Mai	Anh	Nữ	19/03/1993				Khá	1139305	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8028	997-K47T3		Trịnh Thị Mai	Anh	Nữ	29/09/1993				Khá	1139306	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8029	998-K47T3		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	13/09/1993				Khá	1139307	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8030	999-K47T3		Đặng Thị Sao	Biển	Nữ	21/06/1993				Khá	1139308	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8031	1000-K47T3		Hà Thị	Cường	Nữ	26/09/1993				Khá	1139309	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8032	1001-K47T3		Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	09/10/1993				Khá	1139310	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8033	1002-K47T3		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	11/10/1993				Khá	1139311	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8034	1003-K47T3		Phạm Hương	Giang	Nữ	16/11/1993				Khá	1139312	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8035	1004-K47T3		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	03/12/1993				Khá	1139313	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8036	1005-K47T3		Vương Thị	Hằng	Nữ	04/03/1992				Khá	1139314	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8037	1006-K47T3		Hà Thị Thu	Hiền	Nữ	17/05/1992				Khá	1139315	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8038	1007-K47T3		Trần Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	10/01/1993				Khá	1139316	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8039	1008-K47T3		Tăng Thúy	Hồng	Nữ	07/02/1993				Khá	1139317	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8040	1009-K47T3		Đào Thị	Hương	Nữ	10/07/1993				Khá	1139318	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8041	1010-K47T3		Thái Thu	Hường	Nữ	05/10/1993				Khá	1139319	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8042	1011-K47T3		Trịnh Thị Phương	Huyền	Nữ	02/05/1993				Khá	1139320	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8043	1012-K47T3		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	11/06/1993				Khá	1139321	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8044	1013-K47T3		Đỗ Quốc	Long	Nam	30/01/1993				Trung bình	1139322	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8045	1014-K47T3		Nguyễn Thị Phương	Mai	Nữ	02/10/1992				Khá	1139323	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8046	1015-K47T3		Vi Văn	Mạnh	Nam	02/09/1993				Trung bình	1139324	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8047	1016-K47T3		Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	09/04/1993				Khá	1139325	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8048	1017-K47T3		Hoàng Thị Lê	Na	Nữ	12/10/1993				Trung bình	1139326	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8049	1018-K47T3		Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	22/03/1993				Khá	1139327	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8050	1019-K47T3		Đinh Thị	Nguyệt	Nữ	20/06/1993				Trung bình	1139328	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8051	1020-K47T3		Cao Thị	Oanh	Nữ	18/07/1993				Khá	1139329	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8052	1021-K47T3		Hoàng Thị Ngọc	Oanh	Nữ	28/12/1993				Khá	1139330	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8053	1022-K47T3		Nguyễn Quốc	Phương	Nam	29/08/1993				Khá	1139331	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8054	1023-K47T3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	10/05/1993				Khá	1139332	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8055	1024-K47T3		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	12/02/1993				Khá	1139333	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8056	1025-K47T3		Hoàng Thị	Thu	Nữ	03/04/1992				Giỏi	1139334	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8057	1026-K47T3		Đỗ Thị Thanh	Thư	Nữ	06/05/1993				Khá	1139335	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8058	1027-K47T3		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	17/11/1993				Khá	1139336	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8059	1028-K47T3		Phan Thị Thu	Trang	Nữ	02/10/1992				Khá	1139337	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8060	1029-K47T3		Phạm Đức	Trí	Nam	17/10/1993				Trung bình	1139338	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8061	1030-K47T3		Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	05/07/1993				Khá	1139339	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8062	1031-K47T3		Võ Thị	Yến	Nữ	16/06/1993				Khá	1139340	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8063	1032-K47T3		Vũ Thị	Yến	Nữ	22/09/1993				Khá	1139341	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8064	1033-K47T4		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	16/05/1993				Khá	1139342	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8065	1034-K47T4		Triệu Hoài	Anh	Nữ	02/09/1993				Khá	1139343	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8066	1035-K47T4		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	14/12/1993				Khá	1139344	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8067	1036-K47T4		Cao Thị Tố	Đông	Nữ	22/01/1993				Khá	1139345	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8068	1037-K47T4		Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	03/05/1993				Khá	1139346	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8069	1038-K47T4		Mai Ngọc	Hải	Nam	17/02/1992				Trung bình	1139347	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8070	1039-K47T4		Lê Thị	Hằng	Nữ	15/03/1993				Khá	1139348	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8071	1040-K47T4		Ngô Thị	Hằng	Nữ	26/06/1993				Khá	1139349	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8072	1041-K47T4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	11/01/1993				Trung bình	1139350	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8073	1042-K47T4		Nguyễn Thị Khánh	Hoà	Nữ	24/07/1993				Khá	1139351	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8074	1043-K47T4		Phan Thanh	Huyền	Nữ	19/01/1993				Khá	1139352	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8075	1044-K47T4		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	29/04/1993				Khá	1139353	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8076	1045-K47T4		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	08/11/1993				Khá	1139354	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8077	1046-K47T4		Bùi Bích	Phương	Nữ	03/09/1993				Khá	1139355	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8078	1047-K47T4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	06/02/1993				Trung bình	1139356	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8079	1048-K47T4		Phạm Hương	Sen	Nữ	23/02/1993				Khá	1139357	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8080	1049-K47T4		Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	10/05/1993				Khá	1139358	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8081	1050-K47T4		Trần Thị	Thu	Nữ	07/09/1993				Khá	1139359	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8082	1051-K47T4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	03/03/1993				Khá	1139360	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8083	1052-K47T4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01/10/1992				Khá	1139361	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8084	1053-K47T4		Nguyễn Minh	Trang	Nữ	17/02/1993				Xuất sắc	1139362	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8085	1054-K47T4		Nguyễn Thế	Trung	Nam	03/01/1993				Khá	1139363	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8086	1055-K47T4		Nguyễn Thị	ứng	Nữ	19/10/1993				Khá	1139364	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8087	1056-K47T4		Đinh Thị Hồng	Vân	Nữ	07/01/1993				Trung bình	1139365	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8088	1057-K47T4		Trần Thị	Vui	Nữ	09/04/1993				Khá	1139366	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8089	1058-K47T4		Phạm Thị Thanh	Xuân	Nữ	28/07/1993				Khá	1139367	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8090	1059-K47T4		Đào Mai	Yến	Nữ	27/07/1993				Trung bình	1139368	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8091	1060-K47T4		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	09/02/1993				Trung bình	1139369	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8092	1061-K47T5		Bùi Thị Ngọc	Anh	Nữ	22/10/1993				Khá	1139370	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8093	1062-K47T5		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	01/03/1993				Khá	1139371	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8094	1063-K47T5		Trần Duy	Anh	Nam	04/01/1993				Khá	1139372	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8095	1064-K47T5		Trịnh Thị Mai	Anh	Nữ	12/09/1993				Khá	1139373	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8096	1065-K47T5		Hồ Bảo	Châu	Nam	23/03/1993				Khá	1139374	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8097	1066-K47T5		Nguyễn Việt	Cường	Nam	04/08/1993				Khá	1139375	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8098	1067-K47T5		Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	29/03/1993				Xuất sắc	1139376	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8099	1068-K47T5		Ngô Quí	Dương	Nam	13/06/1993				Khá	1139377	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8100	1069-K47T5		Bùi Thị Hương	Giang	Nữ	15/03/1993				Khá	1139378	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8101	1070-K47T5		Đặng Thị Hương	Giang	Nữ	27/04/1993				Khá	1139379	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8102	1071-K47T5		Nguyễn Hoàng Thu	Hà	Nữ	10/12/1993				Khá	1139380	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8103	1072-K47T5		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/07/1993				Giỏi	1139381	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8104	1073-K47T5		Nguyễn Văn	Hào	Nam	07/05/1991				Khá	1139382	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8105	1074-K47T5		Trần Hằng	Hoa	Nữ	19/10/1993				Khá	1139383	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8106	1075-K47T5		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/08/1993				Khá	1139384	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8107	1076-K47T5		Đàm Thu	Hương	Nữ	19/08/1992				Khá	1139385	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8108	1077-K47T5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/04/1993				Khá	1139386	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8109	1078-K47T5		Phạm Thu	Huyền	Nữ	02/04/1992				Khá	1139387	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8110	1079-K47T5		Trần Thị	Lâm	Nữ	25/04/1993				Khá	1139388	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8111	1080-K47T5		Trần Thị	Mận	Nữ	03/12/1992				Khá	1139389	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8112	1081-K47T5		Trần Thị Hà	My	Nữ	22/12/1993				Khá	1139390	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8113	1082-K47T5		Hoàng Văn	Nam	Nam	05/05/1992				Khá	1139391	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8114	1083-K47T5		Lưu Thị	Năm	Nữ	26/03/1993				Khá	1139392	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8115	1084-K47T5		Tô Thị	Nga	Nữ	26/10/1992				Khá	1139393	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8116	1085-K47T5		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/11/1993				Khá	1139394	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8117	1086-K47T5		Đỗ Lan	Phương	Nữ	24/07/1993				Khá	1139395	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8118	1087-K47T5		Nguyễn Duy	Phương	Nam	15/02/1992				Khá	1139396	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8119	1088-K47T5		Nguyễn Mai	Phương	Nữ	10/06/1993				Giỏi	1139397	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8120	1089-K47T5		Nguyễn Thị Mỹ	Phương	Nữ	24/06/1993				Khá	1139398	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8121	1090-K47T5		Đoàn Thị	Quỳnh	Nữ	04/06/1993				Khá	1139399	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8122	1091-K47T5		Nguyễn Thị	Sáu	Nữ	28/05/1993				Khá	1139400	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8123	1092-K47T5		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	10/10/1993				Khá	1139401	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8124	1093-K47T5		Lưu Thị	Thảo	Nữ	25/12/1991				Khá	1139402	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8125	1094-K47T5		Nguyễn Văn	Thực	Nam	18/05/1993				Khá	1139403	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8126	1095-K47T5		Phạm Thị	Thúy	Nữ	20/10/1992				Khá	1139404	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8127	1096-K47T5		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	13/08/1993				Khá	1139405	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8128	1097-K47T5		Hoàng Huyền	Trang	Nữ	10/05/1993				Khá	1139406	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8129	1098-K47T5		Lương Thị Huyền	Trang	Nữ	07/05/1993				Khá	1139407	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8130	1099-K47T5		Nguyễn Trung	Tú	Nam	18/08/1993				Khá	1139408	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8131	1100-K47T5		Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	07/07/1993				Xuất sắc	1139409	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8132	1101-K47T5		Nguyễn Khánh	Việt	Nam	19/07/1993				Khá	1139410	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8133	1102-K47T5		Trần Thị	Xiêm	Nữ	22/01/1993				Khá	1139411	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8134	1103-K47E1		Thân Thị Lan	Anh	Nữ	14/04/1993				Khá	1139412	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8135	1104-K47E1		Trương Thị Lan	Anh	Nữ	16/08/1993				Khá	1139413	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8136	1105-K47E1		Nguyễn Hải	Châu	Nam	18/04/1993				Trung bình	1139414	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8137	1106-K47E1		Trần Thị	Diệu	Nữ	18/10/1993				Giỏi	1139415	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8138	1107-K47E1		Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	18/10/1993				Trung bình	1139416	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8139	1108-K47E1		Tạ Ngọc	Duy	Nam	06/04/1993				Giỏi	1139417	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8140	1109-K47E1		Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	30/01/1993				Khá	1139418	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8141	1110-K47E1		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	06/06/1993				Khá	1139419	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8142	1111-K47E1		Đỗ Ngọc	Hải	Nam	31/08/1992				Khá	1139420	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8143	1112-K47E1		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	20/06/1993				Khá	1139421	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8144	1113-K47E1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	16/03/1993				Khá	1139422	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8145	1114-K47E1		Dương Thị	Hậu	Nữ	23/01/1993				Khá	1139423	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8146	1115-K47E1		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	29/11/1991				Khá	1139424	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8147	1116-K47E1		Bùi Thị	Hoài	Nữ	07/03/1993				Khá	1139425	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8148	1117-K47E1		Hoàng Thị	Hồng	Nữ	30/08/1993				Khá	1139426	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8149	1118-K47E1		Hoàng Thị Mai	Hương	Nữ	02/09/1993				Khá	1139427	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8150	1119-K47E1		Đồng Ngọc	Huy	Nam	21/02/1993				Giỏi	1139428	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8151	1120-K47E1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	01/04/1992				Khá	1139429	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8152	1121-K47E1		Trịnh Thị	Lan	Nữ	22/04/1992				Trung bình	1139430	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8153	1122-K47E1		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	21/10/1993				Khá	1139431	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8154	1123-K47E1		Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	25/09/1993				Khá	1139432	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8155	1124-K47E1		Phùng Thị	Luyến	Nữ	15/06/1993				Khá	1139433	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8156	1125-K47E1		Lữ Thị	Mơ	Nữ	21/04/1993				Khá	1139434	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8157	1126-K47E1		Bùi Huyền	My	Nữ	26/12/1993				Khá	1139435	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8158	1127-K47E1		Đỗ Thị Thanh	Nga	Nữ	01/06/1993				Trung bình	1139436	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8159	1128-K47E1		Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	24/11/1993				Giỏi	1139437	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8160	1129-K47E1		Phạm Thị ánh	Ngọc	Nữ	06/09/1993				Khá	1139438	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8161	1130-K47E1		Phạm Thị Thanh	Nhàn	Nữ	27/06/1993				Khá	1139439	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8162	1131-K47E1		Nguyễn Viết	Nương	Nam	04/10/1993				Trung bình	1139440	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8163	1132-K47E1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	23/09/1993				Khá	1139441	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8164	1133-K47E1		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	10/10/1993				Khá	1139442	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8165	1134-K47E1		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	19/02/1993				Giỏi	1139443	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8166	1135-K47E1		Hoàng Ngọc	Sơn	Nam	12/09/1993				Khá	1139444	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8167	1136-K47E1		Phạm Thị	Tám	Nữ	16/08/1993				Khá	1139445	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8168	1137-K47E1		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	06/03/1992				Khá	1139446	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8169	1138-K47E1		Mai Thị	Thảo	Nữ	01/03/1993				Khá	1139447	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8170	1139-K47E1		Lê Thị	Thơm	Nữ	18/03/1993				Khá	1139448	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8171	1140-K47E1		Hà Thị	Thu	Nữ	19/08/1993				Khá	1139449	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8172	1141-K47E1		Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/10/1993				Khá	1139450	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8173	1142-K47E1		Trương Thị Thu	Trang	Nữ	03/05/1993				Khá	1139451	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8174	1143-K47E1		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	15/11/1993				Khá	1139452	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8175	1144-K47E1		Hà Quốc	Việt	Nam	15/10/1992				Khá	1139453	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8176	1145-K47E1		Đỗ Thị	Xuyến	Nữ	10/05/1993				Khá	1139454	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8177	1146-K47E1		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	22/08/1993				Khá	1139455	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8178	1147-K47E2		Đỗ Lê Đức	Anh	Nam	15/12/1993				Khá	1139456	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8179	1148-K47E2		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	12/10/1992				Giỏi	1139457	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8180	1149-K47E2		Đào Thị Ngọc	ánh	Nữ	31/07/1993				Giỏi	1139458	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8181	1150-K47E2		Nguyễn Thị	Chi	Nữ	28/02/1992				Khá	1139459	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8182	1151-K47E2		Nguyễn Thị Huyền	Dịu	Nữ	28/06/1993				Khá	1139460	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8183	1152-K47E2		Đinh Thị Kim	Dung	Nữ	18/12/1993				Khá	1139461	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8184	1153-K47E2		Trịnh Bảo	Duy	Nam	09/10/1992				Khá	1139462	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8185	1154-K47E2		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	23/11/1993				Khá	1139463	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8186	1155-K47E2		Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	29/05/1993				Trung bình	1139464	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8187	1156-K47E2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	05/04/1993				Khá	1139465	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8188	1157-K47E2		Phan Thị	Hậu	Nữ	20/10/1991				Khá	1139466	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8189	1158-K47E2		Phan Thúy	Hồng	Nữ	07/10/1993				Khá	1139467	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8190	1159-K47E2		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	29/01/1993				Khá	1139468	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8191	1160-K47E2		Nguyễn Văn	Hùng	Nam	17/05/1993				Trung bình	1139469	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8192	1161-K47E2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	17/03/1993				Khá	1139470	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8193	1162-K47E2		Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	02/09/1993				Khá	1139471	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8194	1163-K47E2		Trần Duy	Khiên	Nam	25/07/1992				Khá	1139472	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8195	1164-K47E2		Phạm Thị Hương	Lan	Nữ	03/11/1992				Khá	1139473	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8196	1165-K47E2		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	30/12/1993				Khá	1139474	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8197	1166-K47E2		Hoàng Thị	Lụa	Nữ	10/09/1993				Khá	1139475	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8198	1167-K47E2		Vũ Thị Thảo	Ly	Nữ	20/10/1993				Khá	1139476	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8199	1168-K47E2		Nguyễn Thị	Năm	Nữ	29/09/1993				Trung bình	1139477	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8200	1169-K47E2		Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	12/11/1993				Khá	1139478	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8201	1170-K47E2		Nguyễn Linh	Ngọc	Nữ	12/06/1992				Khá	1139479	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8202	1171-K47E2		Trần Thị	Nhung	Nữ	26/02/1993				Khá	1139480	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8203	1172-K47E2		Đỗ Thị	Phương	Nữ	11/05/1993				Khá	1139481	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8204	1173-K47E2		Trần Hà	Phương	Nữ	08/11/1993				Khá	1139482	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8205	1174-K47E2		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	14/12/1993				Khá	1139483	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8206	1175-K47E2		Vũ Công	Tân	Nam	06/03/1993				Khá	1139484	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8207	1176-K47E2		Vũ Thị Thu	Thanh	Nữ	30/04/1993				Khá	1139485	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8208	1177-K47E2		Trần Thị	Thảo	Nữ	10/10/1993				Khá	1139486	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8209	1178-K47E2		Vũ Thị	Thơm	Nữ	28/03/1993				Khá	1139487	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8210	1179-K47E2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	01/11/1993				Khá	1139488	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8211	1180-K47E2		Nguyễn Thị	Tiếp	Nữ	09/11/1993				Khá	1139489	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8212	1181-K47E2		Trần Thị	Trang	Nữ	19/06/1993				Khá	1139490	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8213	1182-K47E2		Bùi Xuân	Trường	Nam	01/10/1993				Khá	1139491	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8214	1183-K47E2		Hà Anh	Tùng	Nam	15/12/1993				Khá	1139492	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8215	1184-K47E2		Nguyễn Thị Hồng	Tươi	Nữ	27/07/1993				Khá	1139493	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8216	1185-K47E2		Lê Thanh	Vân	Nữ	07/08/1993				Khá	1139494	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8217	1186-K47E2		Trần Thị	Xuyến	Nữ	13/12/1993				Khá	1139495	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8218	1187-K47E3		Đào Thị Mai	Anh	Nữ	06/02/1993				Khá	1139496	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8219	1188-K47E3		Phạm Ngọc	Anh	Nữ	03/06/1993				Khá	1139497	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8220	1189-K47E3		Nguyễn Bá	Bình	Nam	09/11/1992				Khá	1139498	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8221	1190-K47E3		Nguyễn Kim	Chi	Nữ	26/02/1992				Khá	1139499	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8222	1191-K47E3		Nguyễn Thị	Dự	Nữ	23/02/1993				Giỏi	1139500	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8223	1192-K47E3		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	11/11/1993				Khá	1139501	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8224	1193-K47E3		Nguyễn Trường	Giang	Nam	16/07/1993				Khá	1139502	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8225	1194-K47E3		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	28/09/1993				Giỏi	1139503	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8226	1195-K47E3		Phùng Thị Thu	Hằng	Nữ	09/09/1993				Giỏi	1139504	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8227	1196-K47E3		Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	19/11/1993				Khá	1139505	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8228	1197-K47E3		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	14/05/1993				Khá	1139506	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8229	1198-K47E3		Hoàng Văn	Hiếu	Nam	14/02/1992				Khá	1139507	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8230	1199-K47E3		Hoàng Mai	Hoa	Nữ	15/09/1993				Khá	1139508	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8231	1200-K47E3		Dương Thị Thanh	Huế	Nữ	15/01/1993				Khá	1139509	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8232	1201-K47E3		Đặng Thị	Hương	Nữ	19/08/1993				Khá	1139510	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8233	1202-K47E3		Đỗ Thị Thu	Hường	Nữ	12/12/1993				Khá	1139511	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8234	1203-K47E3		Hoàng Thị Nhật	Lạ	Nữ	23/09/1993				Khá	1139512	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8235	1204-K47E3		Nguyễn Thị Hương	Lan	Nữ	17/11/1993				Khá	1139513	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8236	1205-K47E3		Võ Thị Thùy	Linh	Nữ	18/10/1993				Khá	1139514	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8237	1206-K47E3		Ngô Thị Ly	Na	Nữ	07/12/1993				Khá	1139515	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8238	1207-K47E3		Đoàn Thị Thanh	Nga	Nữ	17/09/1993				Khá	1139516	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8239	1208-K47E3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	08/02/1992				Khá	1139517	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8240	1209-K47E3		Đinh Thị Thúy	Phương	Nữ	20/11/1993				Khá	1139518	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8241	1210-K47E3		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	14/12/1993				Khá	1139519	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8242	1211-K47E3		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	03/08/1993				Khá	1139520	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8243	1212-K47E3		Đỗ Thị	Tần	Nữ	25/03/1993				Khá	1139521	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8244	1213-K47E3		Lê Thị	Thảo	Nữ	04/09/1993				Khá	1139522	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8245	1214-K47E3		Vũ Thị	Thảo	Nữ	17/05/1993				Khá	1139523	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8246	1215-K47E3		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	24/06/1993				Khá	1139524	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8247	1216-K47E3		Đào Thị	Thùy	Nữ	15/06/1993				Khá	1139525	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8248	1217-K47E3		Trần Thị	Trâm	Nữ	09/05/1993				Khá	1139526	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8249	1218-K47E3		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	21/08/1993				Giỏi	1139527	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8250	1219-K47E3		Trần Thị Kiều	Trinh	Nữ	25/02/1993				Giỏi	1139528	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8251	1220-K47E3		Vũ Thị	Vui	Nữ	07/11/1993				Khá	1139529	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8252	1221-K47E3		Bế Hải	Yến	Nữ	10/09/1992				Khá	1139530	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8253	1222-K47E3		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	05/11/1993				Khá	1139531	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8254	1223-K47E4		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	18/07/1993				Khá	1139532	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8255	1224-K47E4		Phạm Vân	Anh	Nữ	06/07/1993				Xuất sắc	1139533	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8256	1225-K47E4		Vũ Thị Hồng	Anh	Nữ	30/04/1993				Khá	1139534	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8257	1226-K47E4		Phạm Thị Bích	Diệp	Nữ	03/09/1993				Khá	1139535	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8258	1227-K47E4		Lê Thanh	Dung	Nữ	25/01/1993				Khá	1139536	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8259	1228-K47E4		Đinh Viết	Dưỡng	Nam	21/06/1993				Khá	1139537	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8260	1229-K47E4		Phạm Thị	Duyên	Nữ	07/04/1993				Khá	1139538	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8261	1230-K47E4		Hoàng Thị	Giang	Nữ	13/06/1993				Khá	1139539	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8262	1231-K47E4		Hồ Thị	Hà	Nữ	03/09/1993				Khá	1139540	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8263	1232-K47E4		Tống Đức Thanh	Hà	Nam	27/01/1993				Giỏi	1139541	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8264	1233-K47E4		Vũ Thị	Hằng	Nữ	30/01/1992				Giỏi	1139542	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8265	1234-K47E4		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	02/04/1993				Khá	1139543	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8266	1235-K47E4		Bùi Thị Kim	Hoa	Nữ	18/08/1993				Khá	1139544	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8267	1236-K47E4		Trần Khánh	Hồng	Nữ	27/06/1993				Khá	1139545	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8268	1237-K47E4		Nguyễn Duy	Hưng	Nam	06/09/1992				Khá	1139546	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8269	1238-K47E4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/04/1992				Khá	1139547	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8270	1239-K47E4		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	12/06/1993				Khá	1139548	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8271	1240-K47E4		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	29/04/1992				Khá	1139549	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8272	1241-K47E4		Hoàng Diệu	Lê	Nữ	19/04/1993				Khá	1139550	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8273	1242-K47E4		Mai Thị	Liên	Nữ	06/10/1993				Khá	1139551	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8274	1243-K47E4		Đào Khánh	Linh	Nữ	04/12/1993				Khá	1139552	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8275	1244-K47E4		Nguyễn Thị	Luần	Nữ	16/02/1992				Khá	1139553	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8276	1245-K47E4		Phạm Phương	Ly	Nữ	13/03/1993				Khá	1139554	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8277	1246-K47E4		Dương Thị	Mến	Nữ	02/02/1993				Khá	1139555	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8278	1247-K47E4		Lê Thị An	Na	Nữ	25/12/1993				Khá	1139556	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8279	1248-K47E4		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	21/10/1993				Khá	1139557	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8280	1249-K47E4		Trần Thị	Ngọc	Nữ	10/09/1993				Khá	1139558	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8281	1250-K47E4		Lương Thị	Nhuyên	Nữ	22/05/1993				Khá	1139559	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8282	1251-K47E4		Nghiêm Thu	Phương	Nữ	24/09/1992				Khá	1139560	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8283	1252-K47E4		Trần Thị	Phương	Nữ	08/04/1993				Khá	1139561	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8284	1253-K47E4		Phạm Minh	Quang	Nam	28/06/1993				Khá	1139562	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8285	1254-K47E4		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	13/03/1993				Khá	1139563	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8286	1255-K47E4		Đàm Thị	Thắm	Nữ	15/09/1992				Khá	1139564	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8287	1256-K47E4		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	19/07/1992				Khá	1139565	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8288	1257-K47E4		Nguyễn Hoài	Thư	Nữ	26/09/1993				Khá	1139566	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8289	1258-K47E4		Nguyễn Thị ái	Thúy	Nữ	26/09/1993				Khá	1139567	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8290	1259-K47E4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01/08/1993				Khá	1139568	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8291	1260-K47E4		Nguyễn Thị Trà	Trang	Nữ	30/11/1993				Khá	1139569	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8292	1261-K47E4		Chu Huyền	Trinh	Nữ	19/10/1993				Khá	1139570	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8293	1262-K47E4		Nguyễn Mạnh	Tú	Nam	25/06/1993				Trung bình	1139571	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8294	1263-K47E4		Phạm Khắc	Tuyên	Nam	03/04/1991				Trung bình	1139572	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8295	1264-K47E4		Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	12/12/1993				Khá	1139573	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8296	1265-K47E4		Đặng Thị	Yến	Nữ	14/02/1993				Khá	1139574	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8297	1266-K47E5		Hồ Thị Vân	Anh	Nữ	20/10/1992				Khá	1139575	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8298	1267-K47E5		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	18/02/1992				Khá	1139576	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8299	1268-K47E5		Phùng Thị	Ban	Nữ	04/09/1993				Khá	1139577	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8300	1269-K47E5		Lê Thị Hồng	Diệu	Nữ	03/06/1993				Khá	1139578	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8301	1270-K47E5		Nguyễn Văn	Du	Nam	08/05/1993				Khá	1139579	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8302	1271-K47E5		Chu Thị Mỹ	Dung	Nữ	27/01/1993				Khá	1139580	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8303	1272-K47E5		Dương Thị	Duyên	Nữ	05/09/1993				Giỏi	1139581	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8304	1273-K47E5		Phạm Thị	Giang	Nữ	21/04/1992				Khá	1139582	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8305	1274-K47E5		Trịnh Thị Khánh	Hà	Nữ	21/09/1993				Khá	1139583	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8306	1275-K47E5		Lê Thị	Hạnh	Nữ	07/10/1992				Khá	1139584	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8307	1276-K47E5		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	18/11/1993				Khá	1139585	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8308	1277-K47E5		Đoàn Thanh	Hương	Nữ	07/08/1993				Khá	1139586	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8309	1278-K47E5		Vũ Thị	Hương	Nữ	13/02/1993				Khá	1139587	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8310	1279-K47E5		Đỗ Thị Thu	Hường	Nữ	10/10/1992				Khá	1139588	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8311	1280-K47E5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/02/1993				Khá	1139589	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8312	1281-K47E5		Nguyễn Hồng	Lê	Nữ	28/09/1993				Khá	1139590	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8313	1282-K47E5		Đặng Thị	Liên	Nữ	18/09/1993				Khá	1139591	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8314	1283-K47E5		Dương Thùy	Linh	Nữ	01/05/1993				Khá	1139592	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8315	1284-K47E5		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	21/08/1993				Khá	1139593	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8316	1285-K47E5		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	10/06/1992				Khá	1139594	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8317	1286-K47E5		Đỗ Thị	Ngà	Nữ	14/11/1993				Khá	1139595	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8318	1287-K47E5		Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	Nữ	02/01/1993				Khá	1139596	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8319	1288-K47E5		Trần Thị ánh	Ngọc	Nữ	26/08/1993				Giỏi	1139597	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8320	1289-K47E5		Phạm Thị	Oanh	Nữ	17/07/1993				Khá	1139598	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8321	1290-K47E5		Nguyễn Mai	Phương	Nữ	21/12/1993				Khá	1139599	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8322	1291-K47E5		Phạm Thị Thu	Quỳnh	Nữ	05/09/1993				Khá	1139600	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8323	1292-K47E5		Dương Thị	Thắm	Nữ	18/01/1993				Khá	1139601	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8324	1293-K47E5		Phạm Văn	Thắng	Nam	03/09/1993				Khá	1139602	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8325	1294-K47E5		Lương Thị Phương	Thảo	Nữ	21/07/1993				Khá	1139603	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8326	1295-K47E5		Trịnh Thị	Thơ	Nữ	20/05/1993				Khá	1139604	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8327	1296-K47E5		Lê Thị	Thúy	Nữ	06/09/1992				Khá	1139605	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8328	1297-K47E5		Phạm Thị	Thùy	Nữ	11/10/1992				Khá	1139606	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8329	1298-K47E5		Dương Thị Thu	Trang	Nữ	13/05/1993				Khá	1139607	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8330	1299-K47E5		Trịnh Hà	Trang	Nữ	14/11/1993				Khá	1139608	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8331	1300-K47E5		Đặng Thị	Tư	Nữ	18/03/1993				Xuất sắc	1139609	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8332	1301-K47E5		Vũ Ngọc	Tuyên	Nữ	06/12/1993				Khá	1139610	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8333	1302-K47E5		Phạm Thị	Xuyến	Nữ	02/10/1992				Khá	1139611	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8334	1303-K47E5		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	14/10/1993				Khá	1139612	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8335	1304-K45E1		Phan Công	Đoàn	Nam	01/09/1991				Trung bình	1139613	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8336	1305-K45E7		Lã Vi	Sơn	Nam	04/12/1990				Trung bình	1139614	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8337	1306-K46E2		Chu Thị Bích	Thuận	Nữ	02/12/1992				Khá	1139615	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8338	1307-K47I1		Trần Linh	Anh	Nữ	17/10/1993				Khá	1139616	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8339	1308-K47I1		Tạ Văn	Đoàn	Nam	25/05/1993				Khá	1139617	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8340	1309-K47I1		Hoàng Văn	Đông	Nam	21/08/1993				Khá	1139618	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8341	1310-K47I1		Nguyễn Thị	Dư	Nữ	26/09/1993				Khá	1139619	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8342	1311-K47I1		Trần Thị	Dung	Nữ	12/12/1993				Khá	1139620	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8343	1312-K47I1		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	07/10/1993				Khá	1139621	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8344	1313-K47I1		Lê Thị Thanh	Hà	Nữ	21/05/1993				Giỏi	1139622	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8345	1314-K47I1		Phạm Thị	Hà	Nữ	25/07/1993				Khá	1139623	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8346	1315-K47I1		Đinh Thị Thu	Hằng	Nữ	09/03/1993				Khá	1139624	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8347	1316-K47I1		Hồ Thị	Hòa	Nữ	26/01/1993				Khá	1139625	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8348	1317-K47I1		Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	25/06/1993				Khá	1139626	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8349	1318-K47I1		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	06/09/1993				Khá	1139627	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8350	1319-K47I1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	09/09/1993				Khá	1139628	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8351	1320-K47I1		Đỗ Thị	Hường	Nữ	16/08/1992				Khá	1139629	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8352	1321-K47I1		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	30/09/1993				Khá	1139630	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8353	1322-K47I1		Trần Văn	Huỳnh	Nam	31/10/1993				Khá	1139631	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8354	1323-K47I1		Nguyễn Đức	Khang	Nam	16/10/1993				Trung bình	1139632	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8355	1324-K47I1		Đặng Thị Oanh	Kiều	Nữ	17/09/1993				Giỏi	1139633	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8356	1325-K47I1		Nguyễn Thị	Len	Nữ	29/09/1992				Khá	1139634	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8357	1326-K47I1		Nguyễn Đức	Linh	Nam	19/06/1993				Trung bình	1139635	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8358	1327-K47I1		Bùi Thị Thùy	Linh	Nữ	15/10/1993				Khá	1139636	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8359	1328-K47I1		Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	09/09/1993				Khá	1139637	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8360	1329-K47I1		Nguyễn Thị	My	Nữ	28/12/1993				Khá	1139638	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8361	1330-K47I1		Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	15/10/1993				Khá	1139639	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8362	1331-K47I1		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	18/11/1993				Giỏi	1139640	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8363	1332-K47I1		Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/08/1992				Khá	1139641	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8364	1333-K47I1		Đặng Văn	Phúc	Nam	17/02/1993				Trung bình	1139642	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8365	1334-K47I1		Vũ Thị	Phương	Nữ	08/11/1993				Khá	1139643	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8366	1335-K47I1		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	05/04/1993				Khá	1139644	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8367	1336-K47I1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	12/06/1993				Khá	1139645	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8368	1337-K47I1		Trần Văn	Thế	Nam	07/07/1992				Trung bình	1139646	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8369	1338-K47I1		Phạm Thị Thương	Thương	Nữ	09/05/1993				Khá	1139647	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8370	1339-K47I1		Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	02/09/1993				Khá	1139648	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8371	1340-K47I1		Trịnh Thị	Thùy	Nữ	07/01/1992				Khá	1139649	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8372	1341-K47I1		Dương Đình	Tiến	Nam	20/11/1993				Khá	1139650	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8373	1342-K47I1		Hoàng Hà Phương	Trang	Nữ	20/09/1993				Khá	1139651	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8374	1343-K47I1		Vũ Văn	Trình	Nam	22/06/1992				Khá	1139652	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8375	1344-K47I1		Phan Thị	Tươi	Nữ	07/11/1993				Khá	1139653	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8376	1345-K47I1		Đào Thị	Uyên	Nữ	10/08/1992				Giỏi	1139654	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8377	1346-K47I1		Hà Huy	Việt	Nam	22/09/1991				Khá	1139655	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8378	1347-K47I1		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	17/06/1993				Khá	1139656	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8379	1348-K47I2		Nguyễn Quỳnh	An	Nam	10/03/1993				Trung bình	1139657	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8380	1349-K47I2		Nguyễn Đức	Anh	Nam	22/09/1993				Khá	1139658	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8381	1350-K47I2		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	26/08/1992				Khá	1139659	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8382	1351-K47I2		Vũ Thị	Bích	Nữ	14/09/1993				Khá	1139660	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8383	1352-K47I2		Vũ Tiến	Đạt	Nam	10/05/1992				Khá	1139661	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8384	1353-K47I2		Lâm Thị	Dinh	Nữ	20/08/1992				Khá	1139662	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8385	1354-K47I2		Nguyễn Văn	Đức	Nam	05/11/1993				Khá	1139663	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8386	1355-K47I2		Đỗ Văn	Dũng	Nam	05/07/1993				Khá	1139664	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8387	1356-K47I2		Nguyễn Thành	Dương	Nam	18/09/1993				Khá	1139665	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8388	1357-K47I2		Kiều Thị	Duyên	Nữ	24/11/1992				Khá	1139666	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8389	1358-K47I2		Nguyễn Thái	Hà	Nam	08/11/1992				Khá	1139667	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8390	1359-K47I2		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	28/06/1993				Giỏi	1139668	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8391	1360-K47I2		Vũ Thu	Hằng	Nữ	27/11/1993				Khá	1139669	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8392	1361-K47I2		Đỗ Thị	Hảo	Nữ	23/10/1993				Khá	1139670	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8393	1362-K47I2		Trần Trung	Hiệp	Nam	05/02/1993				Khá	1139671	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8394	1363-K47I2		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	14/05/1993				Khá	1139672	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8395	1364-K47I2		Bùi Văn	Hoành	Nam	19/11/1991				Khá	1139673	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8396	1365-K47I2		Trần Duy	Hùng	Nam	03/03/1993				Khá	1139674	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8397	1366-K47I2		Lê Việt	Hưng	Nam	15/08/1993				Khá	1139675	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8398	1367-K47I2		Bùi Thị Thanh	Hương	Nữ	02/09/1993				Khá	1139676	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8399	1368-K47I2		Đồng Thị	Hường	Nữ	10/07/1993				Khá	1139677	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8400	1369-K47I2		Trần Quang	Huy	Nam	31/01/1993				Khá	1139678	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8401	1370-K47I2		Chu Thị	Huyền	Nữ	25/11/1993				Khá	1139679	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8402	1371-K47I2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	27/12/1993				Khá	1139680	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8403	1372-K47I2		Vũ Văn	Kiệt	Nam	30/12/1993				Khá	1139681	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8404	1373-K47I2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	26/07/1993				Khá	1139682	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8405	1374-K47I2		Đoàn Thị	Linh	Nữ	16/04/1993				Khá	1139683	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8406	1375-K47I2		Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	14/08/1993				Khá	1139684	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8407	1376-K47I2		Đặng Thị Thanh	Ngà	Nữ	02/10/1993				Khá	1139685	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8408	1377-K47I2		Hoàng Thị	Nhâm	Nữ	27/10/1992				Khá	1139686	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8409	1378-K47I2		Nguyễn Cẩm	Nhung	Nữ	13/09/1993				Giỏi	1139687	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8410	1379-K47I2		Phạm Văn	Quang	Nam	29/11/1993				Trung bình	1139688	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8411	1380-K47I2		Trần Thị	Tâm	Nữ	16/11/1993				Khá	1139689	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8412	1381-K47I2		Nguyễn Tiến	Tấn	Nam	22/07/1993				Khá	1139690	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8413	1382-K47I2		Bùi Thị	Thơm	Nữ	08/08/1992				Khá	1139691	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8414	1383-K47I2		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	30/11/1992				Trung bình	1139692	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8415	1384-K47I2		Đinh Thị	Thúy	Nữ	01/04/1993				Khá	1139693	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8416	1385-K47I2		Lê Thị Thành	Thúy	Nữ	14/10/1993				Khá	1139694	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8417	1386-K47I2		Hoàng Thị Minh	Trang	Nữ	29/11/1993				Trung bình	1139695	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8418	1387-K47I2		Phạm Duy	Tú	Nam	29/12/1993				Trung bình	1139696	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8419	1388-K47I2		Nguyễn Hữu	Tùng	Nam	01/08/1993				Khá	1139697	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8420	1389-K47I2		Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	29/07/1992				Trung bình	1139698	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8421	1390-K47I2		Vương Thị Hải	Yến	Nữ	09/10/1993				Khá	1139699	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8422	1391-K47I3		Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	09/12/1993				Giỏi	1139700	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8423	1392-K47I3		Hoàng Anh	Chiến	Nam	29/11/1993				Khá	1139701	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8424	1393-K47I3		Lê Thị Ngọc	Chiến	Nữ	16/07/1993				Khá	1139702	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8425	1394-K47I3		Cao Văn	Dậu	Nam	15/03/1993				Khá	1139703	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8426	1395-K47I3		Nguyễn Văn	Điểm	Nam	26/08/1993				Khá	1139704	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8427	1396-K47I3		Trịnh Thị	Diệu	Nữ	03/02/1993				Khá	1139705	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8428	1397-K47I3		Vũ Văn	Đức	Nam	14/08/1993				Khá	1139706	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8429	1398-K47I3		Kiều Trí	Dũng	Nam	04/11/1993				Khá	1139707	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8430	1399-K47I3		Phùng Thị Hương	Giang	Nữ	21/05/1993				Khá	1139708	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8431	1400-K47I3		Trần Thu	Hà	Nữ	06/01/1993				Khá	1139709	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8432	1401-K47I3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	01/02/1993				Khá	1139710	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8433	1402-K47I3		Quách Văn	Hào	Nam	23/07/1993				Khá	1139711	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8434	1403-K47I3		Vũ Thị	Hiên	Nữ	29/10/1993				Giỏi	1139712	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8435	1404-K47I3		Nguyễn Viết	Hoạn	Nam	05/10/1993				Khá	1139713	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8436	1405-K47I3		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	19/01/1993				Khá	1139714	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8437	1406-K47I3		Đỗ Thị	Huế	Nữ	30/12/1993				Giỏi	1139715	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8438	1407-K47I3		Nguyễn Quốc	Hùng	Nam	10/03/1993				Khá	1139716	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8439	1408-K47I3		Nguyễn Xuân	Hưng	Nam	29/01/1993				Trung bình	1139717	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8440	1409-K47I3		Cao Thị	Hương	Nữ	19/10/1993				Khá	1139718	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8441	1410-K47I3		Trương Đức	Huy	Nam	20/02/1992				Trung bình	1139719	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8442	1411-K47I3		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	09/10/1993				Giỏi	1139720	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8443	1412-K47I3		Phạm Khánh	Huyền	Nữ	10/08/1993				Khá	1139721	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8444	1413-K47I3		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	10/08/1993				Khá	1139722	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8445	1414-K47I3		Dương Thị	Lương	Nữ	23/09/1993				Giỏi	1139723	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8446	1415-K47I3		Hoàng Thị Mai	Ly	Nữ	25/02/1992				Khá	1139724	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8447	1416-K47I3		Hà Thị	Mai	Nữ	05/11/1993				Khá	1139725	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8448	1417-K47I3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	19/08/1993				Khá	1139726	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8449	1418-K47I3		Phạm Thị	Nga	Nữ	25/12/1993				Khá	1139727	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8450	1419-K47I3		Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	05/08/1993				Khá	1139728	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8451	1420-K47I3		Phùng Thị	Nhung	Nữ	18/05/1993				Khá	1139729	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8452	1421-K47I3		Nguyễn Văn	Phương	Nam	29/04/1993				Trung bình	1139730	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8453	1422-K47I3		Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	16/08/1993				Khá	1139731	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8454	1423-K47I3		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	13/12/1993				Trung bình	1139732	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8455	1424-K47I3		Nguyễn Văn	Thăng	Nam	24/04/1992				Khá	1139733	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8456	1425-K47I3		Nguyễn Đức	Thắng	Nam	27/03/1993				Trung bình	1139734	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8457	1426-K47I3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	11/07/1993				Khá	1139735	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8458	1427-K47I3		Phạm Thị	Thiện	Nữ	22/03/1993				Khá	1139736	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8459	1428-K47I3		Đoàn Thị	Thu	Nữ	19/01/1993				Khá	1139737	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8460	1429-K47I3		Nguyễn Văn	Toàn	Nam	25/12/1993				Khá	1139738	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8461	1430-K47I3		Quách Thu	Trinh	Nữ	18/01/1992				Khá	1139739	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8462	1431-K47I3		Đoàn Văn	Tú	Nam	13/10/1993				Trung bình	1139740	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8463	1432-K47I3		Trịnh Thị	Vân	Nữ	04/09/1993				Trung bình	1139741	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8464	1433-K47I4		Phạm Đức	Anh	Nam	02/10/1993				Trung bình	1139742	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8465	1434-K47I4		Đào Thế	Chung	Nam	08/06/1993				Khá	1139743	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8466	1435-K47I4		Phạm Thị	Cúc	Nữ	07/06/1993				Khá	1139744	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8467	1436-K47I4		Giáp Văn	Cường	Nam	07/06/1993				Khá	1139745	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8468	1437-K47I4		Nguyễn Danh	Đông	Nam	18/01/1992				Trung bình	1139746	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8469	1438-K47I4		Phạm Anh	Đức	Nam	09/11/1993				Khá	1139747	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8470	1439-K47I4		Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	25/12/1993				Khá	1139748	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8471	1440-K47I4		Phạm Anh	Dũng	Nam	29/09/1993				Khá	1139749	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8472	1441-K47I4		Vũ Nguyễn	Dũng	Nam	09/09/1993				Khá	1139750	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8473	1442-K47I4		Hoàng Thị	Hà	Nữ	15/02/1993				Khá	1139751	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8474	1443-K47I4		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	21/10/1993				Khá	1139752	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8475	1444-K47I4		Cao Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	14/04/1993				Khá	1139753	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8476	1445-K47I4		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	09/01/1993				Khá	1139754	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8477	1446-K47I4		Vũ Văn	Hiển	Nam	17/09/1993				Khá	1139755	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8478	1447-K47I4		Vũ Văn	Hiếu	Nam	22/02/1993				Khá	1139756	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8479	1448-K47I4		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	28/08/1992				Khá	1139757	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8480	1449-K47I4		Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	28/10/1993				Khá	1139758	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8481	1450-K47I4		Bùi Ngọc	Khánh	Nam	27/11/1993				Trung bình	1139759	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8482	1451-K47I4		Đinh Thị Mai	Lan	Nữ	19/12/1993				Khá	1139760	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8483	1452-K47I4		Nguyễn Duy	Liên	Nam	21/11/1993				Khá	1139761	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8484	1453-K47I4		Hà Thị	Loan	Nữ	09/05/1993				Khá	1139762	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8485	1454-K47I4		Nguyễn Thành	Long	Nam	11/10/1990				Khá	1139763	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8486	1455-K47I4		Trần Thị	Mai	Nữ	10/08/1993				Giỏi	1139764	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8487	1456-K47I4		Phạm Thị	Mến	Nữ	01/02/1993				Khá	1139765	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8488	1457-K47I4		Đặng Văn	Nam	Nam	25/04/1993				Khá	1139766	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8489	1458-K47I4		Hà Thị Thúy	Nga	Nữ	19/10/1993				Khá	1139767	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8490	1459-K47I4		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/10/1993				Khá	1139768	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8491	1460-K47I4		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	03/01/1993				Khá	1139769	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8492	1461-K47I4		Phạm Thị	Tâm	Nữ	21/08/1993				Trung bình	1139770	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8493	1462-K47I4		Vũ Quốc	Thái	Nam	21/07/1993				Khá	1139771	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8494	1463-K47I4		Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	12/12/1993				Khá	1139772	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8495	1464-K47I4		Nguyễn Kiều	Thương	Nữ	04/12/1993				Khá	1139773	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8496	1465-K47I4		Đặng Thị Thu	Thúy	Nữ	20/09/1992				Khá	1139774	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8497	1466-K47I4		Nguyễn Ngọc	Thúy	Nữ	02/03/1993				Khá	1139775	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8498	1467-K47I4		Vi Thị	Thùy	Nữ	06/05/1993				Khá	1139776	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8499	1468-K47I4		Phí Hữu	Tiến	Nam	16/12/1993				Khá	1139777	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8500	1469-K47I4		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	17/03/1993				Khá	1139778	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8501	1470-K47I4		Phạm Văn	Trường	Nam	20/12/1993				Khá	1139779	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8502	1471-K47I4		Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	07/12/1993				Khá	1139780	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8503	1472-K47I4		Trần Quốc	Việt	Nam	08/05/1993				Khá	1139781	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8504	1473-K47I4		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	28/08/1993				Khá	1139782	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8505	1474-K45I4		Bùi Văn	Trường	Nam	27/05/1991				Trung bình	1139783	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8506	1475-K46I1		Nguyễn Văn	Cường	Nam	14/04/1992				Trung bình	1139784	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8507	1476-K46I1		Phạm Thị Hương	Mai	Nữ	03/09/1992				Trung bình	1139785	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8508	1477-K46I3		Nguyễn Duy	Anh	Nam	26/11/1992				Khá	1139786	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8509	1478-K46I4		Trương Văn	Lực	Nam	21/05/1991				Trung bình	1139787	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8510	1479-K46I4		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	24/10/1992				Trung bình	1139788	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8511	1480-K47P1		Lương Thị Nguyên	An	Nữ	06/08/1993				Khá	1139789	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8512	1481-K47P1		Đinh Thị Mai	Anh	Nữ	11/07/1993				Khá	1139790	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8513	1482-K47P1		Trần Quang	Anh	Nam	19/06/1993				Khá	1139791	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8514	1483-K47P1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	25/09/1993				Khá	1139792	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8515	1484-K47P1		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	24/02/1993				Khá	1139793	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8516	1485-K47P1		Phạm Thị	Liễu	Nữ	20/11/1992				Khá	1139794	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8517	1486-K47P1		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	20/08/1993				Khá	1139795	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8518	1487-K47P1		Đồng Thị	Lơ	Nữ	19/05/1993				Khá	1139796	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8519	1488-K47P1		Đậu Thị Kiều	Lục	Nữ	20/09/1993				Khá	1139797	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8520	1489-K47P1		Trần Thị	Ngát	Nữ	02/02/1993				Khá	1139798	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8521	1490-K47P1		Ngô Thị Thanh	Ngọc	Nữ	30/04/1993				Khá	1139799	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8522	1491-K47P1		Kiều Thị Hương	Nhài	Nữ	10/11/1993				Khá	1139800	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8523	1492-K47P1		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	24/09/1993				Khá	1139801	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8524	1493-K47P1		Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	06/10/1993				Khá	1139802	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8525	1494-K47P1		Phạm Thị	Thơm	Nữ	07/10/1993				Khá	1139803	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8526	1495-K47P1		Trần Thị Hà	Thu	Nữ	27/12/1993				Khá	1139804	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8527	1496-K47P1		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	06/09/1993				Khá	1139805	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8528	1497-K47P1		Nguyễn Văn	Toàn	Nam	22/02/1993				Khá	1139806	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8529	1498-K47P1		Đỗ Thị	Trang	Nữ	13/08/1993				Khá	1139807	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8530	1499-K47P1		Đoàn Việt	Trinh	Nữ	16/03/1993				Khá	1139808	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8531	1500-K47P1		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	04/11/1993				Khá	1139809	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8532	1501-K47P2		Nguyễn Thị	Chi	Nữ	22/07/1993				Khá	1139810	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8533	1502-K47P2		Phùng Trọng	Đại	Nam	10/08/1993				Giỏi	1139811	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8534	1503-K47P2		Kim Thị	Dung	Nữ	08/04/1993				Khá	1139812	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8535	1504-K47P2		Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	12/05/1993				Khá	1139813	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8536	1505-K47P2		Lê Thị	Hạnh	Nữ	28/09/1993				Khá	1139814	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8537	1506-K47P2		Bùi Thị	Hiền	Nữ	31/10/1992				Khá	1139815	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8538	1507-K47P2		Phạm Tiến	Hiệp	Nam	04/04/1993				Khá	1139816	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8539	1508-K47P2		Lê Thị Việt	Hòa	Nữ	18/09/1993				Giỏi	1139817	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8540	1509-K47P2		Đoàn Thị	Hồng	Nữ	09/12/1993				Khá	1139818	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8541	1510-K47P2		Lê Thị Kim	Lan	Nữ	13/10/1993				Khá	1139819	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8542	1511-K47P2		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	15/09/1993				Khá	1139820	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8543	1512-K47P2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	03/02/1993				Khá	1139821	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8544	1513-K47P2		Vũ Thị	Lua	Nữ	25/10/1993				Khá	1139822	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8545	1514-K47P2		Đinh Thị Hà	Ly	Nữ	05/10/1993				Giỏi	1139823	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8546	1515-K47P2		Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	22/05/1993				Khá	1139824	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8547	1516-K47P2		Mai Thị Thanh	Ngọc	Nữ	05/10/1993				Khá	1139825	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8548	1517-K47P2		Đỗ Thị	Phượng	Nữ	06/06/1993				Khá	1139826	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8549	1518-K47P2		Nguyễn Ngọc	Quý	Nam	17/10/1993				Khá	1139827	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8550	1519-K47P2		Trần Phương	Thảo	Nữ	03/09/1992				Khá	1139828	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8551	1520-K47P2		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	04/02/1993				Khá	1139829	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8552	1521-K47P2		Phạm Thu	Thủy	Nữ	15/10/1993				Khá	1139830	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8553	1522-K47P2		Lưu Thị Minh	Trang	Nữ	27/10/1993				Khá	1139831	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8554	1523-K47P2		Phạm Văn	Việt	Nam	20/08/1993				Khá	1139832	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8555	1524-K47P2		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	18/05/1993				Khá	1139833	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8556	1525-K47P3		Đỗ Thị Ngọc	Anh	Nữ	14/09/1991				Khá	1139834	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8557	1526-K47P3		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	29/10/1993				Khá	1139835	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8558	1527-K47P3		Phan Công Tuấn	Anh	Nam	18/04/1993				Khá	1139836	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8559	1528-K47P3		Nguyễn Kim	Chi	Nữ	18/06/1993				Khá	1139837	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8560	1529-K47P3		Nguyễn Phương	Dung	Nữ	29/10/1993				Khá	1139838	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8561	1530-K47P3		Ngô Thị	Hà	Nữ	16/12/1992				Khá	1139839	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8562	1531-K47P3		Nguyễn Thanh	Hải	Nữ	21/11/1993				Khá	1139840	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8563	1532-K47P3		Khoa Thị Thanh	Hoa	Nữ	20/04/1991				Khá	1139841	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8564	1533-K47P3		Trần Thị	Hồng	Nữ	12/11/1993				Khá	1139842	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8565	1534-K47P3		Trương Tùng	Lâm	Nam	05/09/1992				Khá	1139843	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8566	1535-K47P3		Dương Thị Thúy	Minh	Nữ	23/06/1993				Khá	1139844	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8567	1536-K47P3		Tiết Quang	Minh	Nam	26/10/1993				Khá	1139845	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8568	1537-K47P3		Trần Thị Diệu	My	Nữ	06/01/1992				Giỏi	1139846	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8569	1538-K47P3		Lê Thị	Ngà	Nữ	03/10/1993				Khá	1139847	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8570	1539-K47P3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	18/04/1993				Khá	1139848	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8571	1540-K47P3		Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	11/12/1993				Khá	1139849	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8572	1541-K47P3		Trần Lê	Quân	Nam	22/12/1993				Khá	1139850	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8573	1542-K47P3		Đặng Lệ	Quyên	Nữ	18/12/1993				Khá	1139851	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8574	1543-K47P3		Dương Thị	Thắm	Nữ	15/09/1993				Khá	1139852	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8575	1544-K47P3		Phạm Thị	Thương	Nữ	09/03/1993				Khá	1139853	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8576	1545-K47P3		Lưu Kim	Thúy	Nữ	03/06/1993				Khá	1139854	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8577	1546-K47P3		Trần Thị	Trang	Nữ	09/11/1993				Khá	1139855	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8578	1547-K47P3		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	02/05/1993				Khá	1139856	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8579	1548-K47P4		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	16/09/1993				Khá	1139857	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8580	1549-K47P4		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	09/01/1993				Khá	1139858	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8581	1550-K47P4		Nguyễn Thị Thu	Dinh	Nữ	18/05/1992				Khá	1139859	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8582	1551-K47P4		Nguyễn Tiến	Đức	Nam	11/04/1993				Giỏi	1139860	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8583	1552-K47P4		Bùi Thị Việt	Hòa	Nữ	25/10/1993				Khá	1139861	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8584	1553-K47P4		Lê Thị Thu	Hồng	Nữ	08/02/1993				Khá	1139862	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8585	1554-K47P4		Lương Văn	Hùng	Nam	13/03/1993				Khá	1139863	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8586	1555-K47P4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	11/01/1992				Khá	1139864	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8587	1556-K47P4		Mai Thị Hồng	Linh	Nữ	29/12/1993				Khá	1139865	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8588	1557-K47P4		Vũ Thị	Loan	Nữ	09/01/1993				Khá	1139866	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8589	1558-K47P4		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	21/04/1993				Khá	1139867	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8590	1559-K47P4		Đoàn Thị Hà	My	Nữ	27/11/1993				Khá	1139868	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8591	1560-K47P4		Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	16/09/1993				Khá	1139869	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8592	1561-K47P4		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	07/07/1993				Khá	1139870	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8593	1562-K47P4		Nguyễn Thị Phương	Oanh	Nữ	02/08/1993				Khá	1139871	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8594	1563-K47P4		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	28/12/1993				Khá	1139872	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8595	1564-K47P4		Dương Thị	Thái	Nữ	28/01/1993				Khá	1139873	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8596	1565-K47P4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	17/11/1992				Khá	1139874	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8597	1566-K47P4		Trần Thị Minh	Trang	Nữ	15/11/1993				Trung bình	1139875	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8598	1567-K47P4		Vương Thị Hoàng	Trang	Nữ	24/08/1993				Khá	1139876	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8599	1568-K47P4		Trịnh Quang	Tuấn	Nam	01/02/1993				Khá	1139877	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8600	1569-K47P4		Chu Sơn	Tùng	Nam	28/06/1992				Giỏi	1139878	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8601	1570-K47P4		Nguyễn Văn	Vinh	Nam	13/06/1992				Khá	1139879	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8602	1571-K47P4		Phạm Hải	Yến	Nữ	29/06/1993				Khá	1139880	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8603	2913-K47P1		Mai Thị Thu	Hiền	Nữ	16/03/1993				Khá	1141222	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8604	1572-K45P2		Trịnh Phương	Thảo	Nữ	13/12/1991				Trung bình	1139881	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8605	1573-K47U1		Nguyễn Thị	An	Nữ	03/07/1993				Khá	1139882	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8606	1574-K47U1		Đỗ Thị Ngọc	Anh	Nữ	24/11/1993				Khá	1139883	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8607	1575-K47U1		Ngô Thị	Bền	Nữ	25/08/1993				Khá	1139884	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8608	1576-K47U1		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	18/10/1993				Giỏi	1139885	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8609	1577-K47U1		Đào Ngọc	Diệp	Nữ	18/02/1993				Khá	1139886	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8610	1578-K47U1		Hoàng Thị Bích	Dịu	Nữ	14/03/1993				Khá	1139887	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8611	1579-K47U1		Nguyễn Văn	Hải	Nam	18/06/1993				Trung bình	1139888	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8612	1580-K47U1		Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	28/04/1993				Khá	1139889	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8613	1581-K47U1		Phan Thị Thu	Hiền	Nữ	03/11/1993				Khá	1139890	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8614	1582-K47U1		Phan Thị	Huế	Nữ	22/07/1993				Trung bình	1139891	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8615	1583-K47U1		Bùi Thị	Huệ	Nữ	24/02/1992				Khá	1139892	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8616	1584-K47U1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	01/11/1993				Khá	1139893	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8617	1585-K47U1		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	10/04/1993				Khá	1139894	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8618	1586-K47U1		Đỗ Thị	Huyền	Nữ	14/01/1993				Khá	1139895	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8619	1587-K47U1		Nguyễn Minh	Khuê	Nam	17/08/1993				Khá	1139896	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8620	1588-K47U1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	30/07/1993				Giỏi	1139897	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8621	1589-K47U1		Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	03/02/1993				Khá	1139898	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8622	1590-K47U1		Trần	Mạnh	Nam	13/07/1993				Khá	1139899	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8623	1591-K47U1		Đỗ Tuyết	Minh	Nữ	20/05/1993				Trung bình	1139900	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8624	1592-K47U1		Nguyễn Thu	Nga	Nữ	02/08/1993				Trung bình	1139901	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8625	1593-K47U1		Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	18/09/1993				Khá	1139902	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8626	1594-K47U1		Ngọ Hồng	Ngọc	Nữ	09/11/1993				Khá	1139903	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8627	1595-K47U1		Phạm Thị	Nguyệt	Nữ	12/08/1993				Khá	1139904	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8628	1596-K47U1		Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	07/03/1993				Khá	1139905	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8629	1597-K47U1		Đặng Thị	Oanh	Nữ	25/09/1993				Khá	1139906	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8630	1598-K47U1		Lê Thị	Phượng	Nữ	15/05/1993				Khá	1139907	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8631	1599-K47U1		Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	09/08/1993				Khá	1139908	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8632	1600-K47U1		Trịnh Thị	Sáu	Nữ	19/05/1993				Khá	1139909	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8633	1601-K47U1		Lê Văn	Sơn	Nam	10/11/1992				Khá	1139910	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8634	1602-K47U1		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	07/02/1993				Khá	1139911	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8635	1603-K47U1		Đinh Đức	Tân	Nam	11/11/1992				Trung bình	1139912	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8636	1604-K47U1		Nguyễn Văn	Thạch	Nam	21/04/1991				Khá	1139913	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8637	1605-K47U1		Ngô Kim	Thanh	Nữ	25/10/1993				Khá	1139914	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8638	1606-K47U1		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	07/09/1993				Khá	1139915	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8639	1607-K47U1		Bùi Thị	Thuận	Nữ	10/05/1992				Khá	1139916	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8640	1608-K47U1		Vũ Thị	Thùy	Nữ	25/12/1993				Khá	1139917	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8641	1609-K47U1		Nguyễn Đa	Tiến	Nam	18/08/1993				Khá	1139918	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8642	1610-K47U1		Phạm Thu	Trang	Nữ	02/09/1992				Khá	1139919	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8643	1611-K47U1		Lê Ngọc	Tuấn	Nam	24/10/1993				Khá	1139920	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8644	1612-K47U1		Đỗ Thị Cẩm	Vân	Nữ	06/10/1993				Khá	1139921	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8645	1613-K47U1		Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	11/12/1993				Khá	1139922	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8646	1614-K47U2		Đàm Thị	An	Nữ	15/05/1993				Khá	1139923	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8647	1615-K47U2		Đinh Quốc	Anh	Nam	12/08/1993				Khá	1139924	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8648	1616-K47U2		Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	29/08/1993				Khá	1139925	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8649	1617-K47U2		Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	01/09/1992				Khá	1139926	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8650	1618-K47U2		Vũ Thị Kim	Cúc	Nữ	19/01/1993				Khá	1139927	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8651	1619-K47U2		Đào Thị Kim	Cương	Nữ	08/10/1993				Khá	1139928	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8652	1620-K47U2		Lương Thị Quỳnh	Diệu	Nữ	23/11/1993				Khá	1139929	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8653	1621-K47U2		Vũ Lập	Duy	Nam	27/12/1993				Giỏi	1139930	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8654	1622-K47U2		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	02/03/1993				Khá	1139931	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8655	1623-K47U2		Đào Thị	Hạnh	Nữ	07/01/1993				Khá	1139932	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8656	1624-K47U2		Trần Thị Thảo	Hiền	Nữ	09/03/1993				Khá	1139933	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8657	1625-K47U2		Lương Thị	Hoa	Nữ	19/11/1993				Khá	1139934	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8658	1626-K47U2		Phạm Thị Minh	Huế	Nữ	21/08/1993				Khá	1139935	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8659	1627-K47U2		Nguyễn Tuấn	Hưng	Nam	11/12/1993				Trung bình	1139936	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8660	1628-K47U2		Phạm Thảo	Hương	Nữ	10/09/1993				Khá	1139937	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8661	1629-K47U2		Trịnh Thị Thu	Hương	Nữ	29/06/1993				Xuất sắc	1139938	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8662	1630-K47U2		Đinh Thị	Hường	Nữ	26/05/1993				Khá	1139939	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8663	1631-K47U2		Bùi Thị	Huyền	Nữ	28/09/1993				Khá	1139940	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8664	1632-K47U2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	26/02/1993				Khá	1139941	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8665	1633-K47U2		Vũ Thị	Lan	Nữ	28/10/1993				Khá	1139942	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8666	1634-K47U2		Hoàng Thúy	Linh	Nữ	28/07/1993				Khá	1139943	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8667	1635-K47U2		Phan Thị	Linh	Nữ	10/06/1993				Khá	1139944	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8668	1636-K47U2		Vũ Quốc	Long	Nam	16/12/1988				Khá	1139945	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8669	1637-K47U2		Nguyễn Thị	Miền	Nữ	07/11/1993				Khá	1139946	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8670	1638-K47U2		Đào Hải	Nam	Nam	16/04/1992				Trung bình	1139947	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8671	1639-K47U2		Cao Thị	Nga	Nữ	10/10/1992				Khá	1139948	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8672	1640-K47U2		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	06/06/1993				Khá	1139949	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8673	1641-K47U2		Đỗ Thị	Ngà	Nữ	23/05/1992				Khá	1139950	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8674	1642-K47U2		Bùi Thị Thu	Nhâm	Nữ	10/01/1992				Khá	1139951	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8675	1643-K47U2		Trương Thị	Nhung	Nữ	11/01/1993				Khá	1139952	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8676	1644-K47U2		Nguyễn Hà	Phương	Nữ	26/10/1993				Khá	1139953	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8677	1645-K47U2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	18/09/1993				Khá	1139954	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8678	1646-K47U2		Lê Thị	Phượng	Nữ	26/05/1993				Giỏi	1139955	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8679	1647-K47U2		Lê Thị	Sao	Nữ	22/01/1993				Khá	1139956	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8680	1648-K47U2		Hoàng Văn	Tài	Nam	27/02/1993				Khá	1139957	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8681	1649-K47U2		Lương Thị	Tâm	Nữ	18/02/1993				Khá	1139958	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8682	1650-K47U2		Đào Thị	Thắm	Nữ	08/09/1993				Khá	1139959	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8683	1651-K47U2		Đỗ Thị	Thêu	Nữ	12/09/1993				Khá	1139960	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8684	1652-K47U2		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	09/11/1993				Giỏi	1139961	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8685	1653-K47U2		Nguyễn Ngọc	Thùy	Nữ	26/04/1993				Khá	1139962	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8686	1654-K47U2		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	30/01/1993				Khá	1139963	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8687	1655-K47U2		Trần Danh	Toàn	Nam	01/10/1993				Khá	1139964	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8688	1656-K47U2		Trương Thị Thu	Trà	Nữ	03/07/1993				Khá	1139965	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8689	1657-K47U2		Hoàng Thị	Tuyết	Nữ	06/09/1993				Khá	1139966	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8690	1658-K47U2		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	13/03/1993				Khá	1139967	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8691	1659-K47U3		Phạm Vân	Anh	Nữ	08/10/1993				Khá	1139968	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8692	1660-K47U3		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	22/03/1993				Khá	1139969	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8693	1661-K47U3		Vũ Thị	Bình	Nữ	18/05/1993				Khá	1139970	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8694	1662-K47U3		Hà Văn	Cảnh	Nam	04/04/1992				Khá	1139971	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8695	1663-K47U3		Đặng Thị Minh	Châu	Nữ	02/08/1992				Khá	1139972	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8696	1664-K47U3		Hà Thị	Cúc	Nữ	29/09/1993				Khá	1139973	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8697	1665-K47U3		Nguyễn Thị Hiền	Dịu	Nữ	22/01/1993				Khá	1139974	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8698	1666-K47U3		Lê Thị	Đông	Nữ	25/11/1993				Khá	1139975	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8699	1667-K47U3		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	20/11/1993				Khá	1139976	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8700	1668-K47U3		Phạm Thị Thanh	Hiền	Nữ	05/10/1993				Khá	1139977	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8701	1669-K47U3		Vương Thị	Hoa	Nữ	01/09/1993				Khá	1139978	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8702	1670-K47U3		Vũ Thị	Hoạt	Nữ	25/04/1993				Khá	1139979	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8703	1671-K47U3		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	08/03/1993				Khá	1139980	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8704	1672-K47U3		Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	19/03/1992				Khá	1139981	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8705	1673-K47U3		Mạc Khánh	Huyền	Nữ	12/07/1993				Khá	1139982	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8706	1674-K47U3		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	10/11/1993				Khá	1139983	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8707	1675-K47U3		Nguyễn Thị Bích	Lệ	Nữ	17/08/1993				Khá	1139984	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8708	1676-K47U3		Vũ Thị Khánh	Linh	Nữ	15/10/1993				Khá	1139985	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8709	1677-K47U3		Đặng Ngọc	Long	Nam	08/04/1993				Giỏi	1139986	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8710	1678-K47U3		Bùi Thị	Nga	Nữ	21/02/1993				Khá	1139987	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8711	1679-K47U3		Vũ Thị	Nga	Nữ	06/05/1992				Khá	1139988	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8712	1680-K47U3		Nguyễn Thị	Ngoãn	Nữ	01/12/1993				Trung bình	1139989	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8713	1681-K47U3		Đặng Thị	Ngọc	Nữ	17/08/1993				Khá	1139990	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8714	1682-K47U3		Bùi Thị Thanh	Nhẫn	Nữ	26/05/1993				Khá	1139991	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8715	1683-K47U3		Lại Thị	Phương	Nữ	15/10/1993				Khá	1139992	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8716	1684-K47U3		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	17/01/1993				Khá	1139993	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8717	1685-K47U3		Trần Thị Kim	Phượng	Nữ	01/01/1993				Khá	1139994	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8718	1686-K47U3		Phạm Thị	Quyên	Nữ	18/10/1993				Khá	1139995	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8719	1687-K47U3		Vũ Minh	Thắng	Nam	19/03/1993				Khá	1139996	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8720	1688-K47U3		Vũ Thị	Thu	Nữ	25/12/1993				Khá	1139997	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8721	1689-K47U3		Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	17/09/1993				Khá	1139998	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8722	1690-K47U3		Đỗ Thị Phương	Thùy	Nữ	17/12/1992				Khá	1139999	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8723	1691-K47U3		Ngô Thị Thu	Thủy	Nữ	03/10/1993				Khá	1140000	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8724	1692-K47U3		Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	13/09/1993				Khá	1140001	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8725	1693-K47U3		Đỗ Thị	Trang	Nữ	14/10/1993				Khá	1140002	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8726	1694-K47U3		Vũ Mạnh	Trường	Nam	03/04/1993				Khá	1140003	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8727	1695-K47U3		Đoàn Anh	Tuấn	Nam	07/12/1993				Khá	1140004	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8728	1696-K47U3		Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	15/08/1992				Khá	1140005	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8729	1697-K47U3		Hoàng Thị	Xoan	Nữ	09/10/1993				Khá	1140006	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8730	1698-K47U4		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	11/06/1993				Khá	1140007	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8731	1699-K47U4		Phan Ngọc	Anh	Nữ	08/06/1993				Khá	1140008	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8732	1700-K47U4		Hoàng Thị	Bích	Nữ	30/03/1993				Khá	1140009	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8733	1701-K47U4		Nguyễn Văn	Công	Nam	13/01/1993				Khá	1140010	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8734	1702-K47U4		Đỗ Thị	Đào	Nữ	10/01/1993				Khá	1140011	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8735	1703-K47U4		Lê Thị Oanh	Điệp	Nữ	21/02/1992				Khá	1140012	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8736	1704-K47U4		Vũ Thị	Dung	Nữ	11/11/1993				Khá	1140013	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8737	1705-K47U4		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	07/04/1993				Khá	1140014	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8738	1706-K47U4		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	25/09/1993				Khá	1140015	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8739	1707-K47U4		Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	18/09/1993				Khá	1140016	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8740	1708-K47U4		Nguyễn Thành	Hưng	Nam	19/02/1993				Khá	1140017	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8741	1709-K47U4		Đặng Thanh	Huyền	Nữ	11/09/1993				Khá	1140018	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8742	1710-K47U4		Nguyễn Thanh	Lan	Nữ	21/07/1993				Giỏi	1140019	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8743	1711-K47U4		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	03/02/1993				Khá	1140020	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8744	1712-K47U4		Bùi Thị	Loan	Nữ	16/10/1993				Khá	1140021	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8745	1713-K47U4		Đào Thị	Lý	Nữ	16/11/1993				Giỏi	1140022	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8746	1714-K47U4		Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	18/05/1993				Khá	1140023	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8747	1715-K47U4		Đặng Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	18/12/1993				Trung bình	1140024	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8748	1716-K47U4		Triệu Thị	Nụ	Nữ	24/09/1993				Giỏi	1140025	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8749	1717-K47U4		Khổng Thị Thanh	Phương	Nữ	05/11/1993				Khá	1140026	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8750	1718-K47U4		Hoàng Thị	Thanh	Nữ	09/09/1993				Khá	1140027	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8751	1719-K47U4		Ngô Thị Thu	Thảo	Nữ	10/08/1993				Giỏi	1140028	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8752	1720-K47U4		Trần Thị Ngọc	Thúy	Nữ	17/01/1993				Khá	1140029	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8753	1721-K47U4		Ngô Kim	Thùy	Nữ	26/07/1993				Giỏi	1140030	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8754	1722-K47U4		Lê Ngọc	Tiến	Nam	08/09/1993				Khá	1140031	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8755	1723-K47U4		Bùi Thị Hồng	Vân	Nữ	17/10/1993				Khá	1140032	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8756	1724-K47U4		Nguyễn Hồng	Vinh	Nam	16/08/1993				Trung bình	1140033	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8757	1725-K47U4		Trần Thị	Vinh	Nữ	22/08/1993				Khá	1140034	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8758	1726-K47U5		Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	21/07/1993				Giỏi	1140035	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8759	1727-K47U5		Lăng Thị Tú	Anh	Nữ	20/12/1992				Khá	1140036	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8760	1728-K47U5		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	14/01/1993				Khá	1140037	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8761	1729-K47U5		Lê Thị Ngọc	ánh	Nữ	05/10/1993				Giỏi	1140038	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8762	1730-K47U5		Lường Thị	Bình	Nữ	12/08/1992				Khá	1140039	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8763	1731-K47U5		Mai Quang	Đại	Nam	26/10/1993				Khá	1140040	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8764	1732-K47U5		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	16/03/1993				Khá	1140041	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8765	1733-K47U5		Trương Thị	Hòa	Nữ	03/06/1993				Khá	1140042	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8766	1734-K47U5		Trần Thị	Hồng	Nữ	25/10/1992				Khá	1140043	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8767	1735-K47U5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/06/1993				Khá	1140044	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8768	1736-K47U5		Quách Thị	Lan	Nữ	20/02/1993				Khá	1140045	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8769	1737-K47U5		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	22/09/1994				Khá	1140046	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8770	1738-K47U5		Trần Thị	Loan	Nữ	10/06/1993				Khá	1140047	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8771	1739-K47U5		Lê Thị	Minh	Nữ	16/06/1993				Khá	1140048	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8772	1740-K47U5		Đinh Thị Thúy	Nga	Nữ	31/10/1993				Khá	1140049	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8773	1741-K47U5		Tạ Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/07/1993				Khá	1140050	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8774	1742-K47U5		Nguyễn Thị	Quý	Nữ	28/07/1993				Khá	1140051	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8775	1743-K47U5		Hoàng Thị	Thao	Nữ	30/01/1993				Khá	1140052	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8776	1744-K47U5		Hoàng Thanh	Thảo	Nữ	21/03/1993				Giỏi	1140053	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8777	1745-K47U5		Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	17/09/1993				Khá	1140054	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8778	1746-K47U5		Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	28/05/1992				Khá	1140055	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8779	1747-K47U5		Lê Thị Kim	Thoa	Nữ	17/05/1993				Khá	1140056	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8780	1748-K47U5		Phạm Thị	Thúy	Nữ	13/08/1993				Trung bình	1140057	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8781	1749-K47U5		Phạm Văn	Tiến	Nam	13/12/1991				Khá	1140058	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8782	1750-K47U5		Nguyễn Thị Hồng	Trang	Nữ	20/02/1993				Khá	1140059	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8783	1751-K47U5		Trần Cẩm	Tú	Nữ	27/03/1993				Khá	1140060	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8784	1752-K47U5		Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	27/11/1993				Khá	1140061	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8785	1753-K47U5		Hoàng Hải	Yến	Nữ	01/10/1993				Khá	1140062	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8786	1754-K45U1		Vũ Thị Kiều	Trang	Nữ	11/09/1991				Khá	1140063	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8787	1755-K46U1		Ngô Đức	Khuyến	Nam	10/08/1992				Trung bình	1140064	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8788	1756-K46U2		Phan Văn	Phong	Nam	26/11/1992				Trung bình	1140065	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8789	1757-K46U3		Bùi Minh	Quyết	Nam	18/11/1992				Khá	1140066	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8790	1758-K46U1		Trần Văn	Hùng	Nam	06/01/1990				Trung bình	1140067	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8791	2912-K47U4		Đậu Thị Diễm	Ngọc	Nữ	08/01/1993				Khá	1141221	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	279/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8792	1759-K47D1		Hoàng Thị	Anh	Nữ	20/08/1993				Khá	1140286	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8793	1760-K47D1		Trần Thị Minh	Anh	Nữ	15/10/1993				Khá	1140287	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8794	1761-K47D1		Hoàng Tiến	Chung	Nam	18/12/1992				Khá	1140288	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8795	1762-K47D1		Lê Thị	Chinh	Nữ	24/08/1993				Xuất sắc	1140289	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8796	1763-K47D1		Lê Thị Hồng	Diệp	Nữ	12/10/1993				Khá	1140290	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8797	1764-K47D1		Đỗ Văn	Đôn	Nam	10/07/1993				Khá	1140291	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8798	1765-K47D1		Đinh Thị Thu	Đông	Nữ	14/10/1993				Giỏi	1140292	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8799	1766-K47D1		Bùi Thị	Dung	Nữ	20/01/1992				Trung bình	1140293	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8800	1767-K47D1		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	01/01/1993				Giỏi	1140294	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8801	1768-K47D1		Dương Thị	Duyên	Nữ	10/09/1993				Khá	1140295	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8802	1769-K47D1		Đoàn Thị Hương	Giang	Nữ	26/10/1993				Khá	1140296	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8803	1770-K47D1		Ngô Thị	Hải	Nữ	01/03/1993				Khá	1140297	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8804	1771-K47D1		Lê Thanh	Hằng	Nữ	24/09/1993				Khá	1140298	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8805	1772-K47D1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	28/11/1993				Khá	1140299	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8806	1773-K47D1		Trần Thanh	Hiền	Nữ	05/10/1993				Khá	1140300	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8807	1774-K47D1		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	21/09/1993				Khá	1140301	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8808	1775-K47D1		Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	15/09/1992				Khá	1140302	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8809	1776-K47D1		Đoàn Thị	Hồng	Nữ	21/06/1993				Khá	1140303	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8810	1777-K47D1		Nguyễn Văn	Hùng	Nam	15/12/1993				Khá	1140304	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8811	1778-K47D1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	12/06/1993				Khá	1140305	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8812	1779-K47D1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	25/04/1992				Khá	1140306	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8813	1780-K47D1		Phạm Thanh	Hường	Nữ	20/11/1993				Khá	1140307	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8814	1781-K47D1		Lê Thị	Huyền	Nữ	10/05/1992				Khá	1140308	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8815	1782-K47D1		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	10/02/1993				Khá	1140309	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8816	1783-K47D1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	02/12/1993				Khá	1140310	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8817	1784-K47D1		Kim ánh	Linh	Nữ	27/08/1993				Khá	1140311	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8818	1785-K47D1		Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	04/09/1993				Khá	1140312	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8819	1786-K47D1		Đoàn Thị	Lượm	Nữ	28/11/1993				Khá	1140313	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8820	1787-K47D1		Dương Thị Hồng	Lý	Nữ	01/10/1993				Khá	1140314	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8821	1788-K47D1		Tô Thị	Mơ	Nữ	06/01/1993				Khá	1140315	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8822	1789-K47D1		Trương Hoàng	Nam	Nam	20/12/1993				Khá	1140316	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8823	1790-K47D1		Vũ Thị Hằng	Nga	Nữ	16/07/1992				Khá	1140317	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8824	1791-K47D1		Phạm Thị Hồng	Ngọc	Nữ	25/05/1993				Giỏi	1140318	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8825	1792-K47D1		Phạm Thị Mai	Ngọc	Nữ	01/01/1993				Khá	1140319	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8826	1793-K47D1		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	05/08/1993				Khá	1140320	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8827	1794-K47D1		Trịnh Thị	Ninh	Nữ	08/01/1993				Giỏi	1140321	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8828	1795-K47D1		Trần Minh	Phúc	Nữ	01/02/1993				Khá	1140322	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8829	1796-K47D1		Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	15/08/1993				Giỏi	1140323	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8830	1797-K47D1		Lê Thị Tuyết	Sương	Nữ	10/10/1993				Khá	1140324	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8831	1798-K47D1		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	11/03/1993				Khá	1140325	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8832	1799-K47D1		Vũ Thị Kim	Thanh	Nữ	11/09/1993				Giỏi	1140326	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8833	1800-K47D1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	12/03/1993				Khá	1140327	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8834	1801-K47D1		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	29/09/1991				Khá	1140328	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8835	1802-K47D1		Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	27/12/1993				Khá	1140329	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8836	1803-K47D1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20/07/1993				Khá	1140330	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8837	1804-K47D1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	18/06/1993				Khá	1140331	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8838	1805-K47D1		Trần Thị Thanh	Thủy	Nữ	11/10/1993				Khá	1140332	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8839	1806-K47D1		Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	23/02/1993				Khá	1140333	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8840	1807-K47D1		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	09/10/1993				Trung bình	1140334	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8841	1808-K47D1		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	18/03/1993				Khá	1140335	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8842	1809-K47D1		Trịnh Thị	Tuyến	Nữ	04/08/1993				Khá	1140336	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8843	1810-K47D1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	31/12/1993				Giỏi	1140337	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8844	1811-K47D1		Phan Thị	Viện	Nữ	16/01/1992				Trung bình	1140338	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8845	1812-K47D1		Tô Thị	Vinh	Nữ	20/11/1993				Khá	1140339	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8846	1813-K47D1		Trần Thị	Xuân	Nữ	10/12/1992				Trung bình	1140340	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8847	1814-K47D1		Bùi Thị Thanh	Yến	Nữ	26/03/1993				Khá	1140341	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8848	1815-K47D2		Dương Thị	An	Nữ	08/06/1993				Khá	1140342	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8849	1816-K47D2		Lê Thị Thúy	Anh	Nữ	31/10/1993				Khá	1140343	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8850	1817-K47D2		Khúc Thùy	Băng	Nữ	04/05/1992				Trung bình	1140344	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8851	1818-K47D2		Đinh Thị Minh	Châu	Nữ	16/04/1993				Khá	1140345	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8852	1819-K47D2		Nguyễn Kim	Chúc	Nữ	17/11/1993				Giỏi	1140346	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8853	1820-K47D2		Dương Thị	Dịu	Nữ	04/09/1993				Giỏi	1140347	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8854	1821-K47D2		Nguyễn Việt	Đức	Nam	12/11/1993				Khá	1140348	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8855	1822-K47D2		Đào Thị	Dung	Nữ	01/02/1993				Khá	1140349	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8856	1823-K47D2		Nguyễn Thị Lệ	Duyên	Nữ	23/12/1993				Giỏi	1140350	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8857	1824-K47D2		Cao Thị Hải	Hà	Nữ	02/10/1993				Khá	1140351	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8858	1825-K47D2		Trần Thu	Hằng	Nữ	23/12/1993				Khá	1140352	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8859	1826-K47D2		Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	15/10/1993				Khá	1140353	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8860	1827-K47D2		Lê Thị Hồng	Hảo	Nữ	01/10/1993				Khá	1140354	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8861	1828-K47D2		Trần Thị	Hoa	Nữ	15/01/1993				Khá	1140355	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8862	1829-K47D2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	17/12/1993				Khá	1140356	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8863	1830-K47D2		Nguyễn Thị Liên	Hương	Nữ	14/08/1993				Khá	1140357	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8864	1831-K47D2		Phùng Thị	Hương	Nữ	19/11/1993				Khá	1140358	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8865	1832-K47D2		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	21/01/1993				Khá	1140359	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8866	1833-K47D2		Vũ Xuân	Kỳ	Nam	23/09/1993				Khá	1140360	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8867	1834-K47D2		Bùi Thanh	Lành	Nữ	05/05/1992				Khá	1140361	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8868	1835-K47D2		Đàm Thị Hồng	Liên	Nữ	28/01/1993				Khá	1140362	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8869	1836-K47D2		Khuất Thị	Linh	Nữ	20/09/1993				Giỏi	1140363	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8870	1837-K47D2		Trương Thùy	Linh	Nữ	23/07/1993				Khá	1140364	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8871	1838-K47D2		Nguyễn Thị Thúy	Loan	Nữ	20/06/1993				Khá	1140365	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8872	1839-K47D2		Nguyễn Thị Minh	Lý	Nữ	07/06/1993				Khá	1140366	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8873	1840-K47D2		Nguyễn Thị Hoa	Mai	Nữ	19/11/1993				Giỏi	1140367	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8874	1841-K47D2		Hoàng Thị	Nga	Nữ	03/08/1992				Khá	1140368	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8875	1842-K47D2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	01/04/1993				Khá	1140369	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8876	1843-K47D2		Phan Hồng	Ngọc	Nữ	07/07/1993				Khá	1140370	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8877	1844-K47D2		La Thị	Nguyệt	Nữ	04/12/1992				Trung bình	1140371	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8878	1845-K47D2		Bùi Thị	Nhung	Nữ	15/12/1993				Khá	1140372	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8879	1846-K47D2		Trịnh Thị	Ninh	Nữ	29/10/1992				Khá	1140373	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8880	1847-K47D2		Đoàn Thanh	Phương	Nam	26/12/1993				Khá	1140374	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8881	1848-K47D2		Ngô Minh	Phương	Nữ	22/06/1993				Khá	1140375	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8882	1849-K47D2		Đỗ Thúy	Quỳnh	Nữ	24/11/1993				Khá	1140376	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8883	1850-K47D2		Ngô Thị Thanh	Sắc	Nữ	06/07/1993				Giỏi	1140377	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8884	1851-K47D2		Bùi Thị	Thanh	Nữ	05/02/1993				Khá	1140378	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8885	1852-K47D2		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	22/05/1993				Giỏi	1140379	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8886	1853-K47D2		Triệu Thị	Thơm	Nữ	06/01/1992				Khá	1140380	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8887	1854-K47D2		Bùi Thị	Thu	Nữ	02/03/1993				Khá	1140381	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8888	1855-K47D2		Hoàng Thị	Thu	Nữ	22/02/1993				Khá	1140382	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8889	1856-K47D2		Trương Thị	Thương	Nữ	02/02/1993				Khá	1140383	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8890	1857-K47D2		Lê Thị	Thùy	Nữ	26/08/1993				Khá	1140384	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8891	1858-K47D2		Trần Thị	Thùy	Nữ	20/07/1993				Khá	1140385	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8892	1859-K47D2		Lê Thị	Trang	Nữ	08/03/1993				Khá	1140386	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8893	1860-K47D2		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	23/10/1993				Khá	1140387	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8894	1861-K47D2		Nguyễn Hồng	Tuấn	Nam	06/03/1993				Khá	1140388	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8895	1862-K47D2		Linh Duy	Tùng	Nam	11/06/1992				Khá	1140389	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8896	1863-K47D2		Hoàng Kim	Tuyến	Nữ	15/10/1993				Khá	1140390	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8897	1864-K47D2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	13/10/1993				Khá	1140391	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8898	1865-K47D2		Lê Thị Hải	Yến	Nữ	14/12/1993				Giỏi	1140392	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8899	1866-K47D3		Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	28/12/1992				Khá	1140393	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8900	1867-K47D3		Hà Ngọc	Anh	Nữ	24/08/1992				Khá	1140394	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8901	1868-K47D3		Lê Quốc	Anh	Nam	20/08/1993				Khá	1140395	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8902	1869-K47D3		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	19/07/1993				Giỏi	1140396	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8903	1870-K47D3		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	03/04/1993				Khá	1140397	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8904	1871-K47D3		Tạ Thị Quý	Dậu	Nữ	25/03/1993				Giỏi	1140398	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8905	1872-K47D3		Bùi Thị	Dung	Nữ	01/05/1993				Giỏi	1140399	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8906	1873-K47D3		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	20/12/1993				Khá	1140400	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8907	1874-K47D3		Nông Đức	Dương	Nam	15/04/1993				Khá	1140401	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8908	1875-K47D3		Đào Thị	Duyên	Nữ	28/05/1993				Khá	1140402	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8909	1876-K47D3		Nguyễn Thị Kim	Duyên	Nữ	27/11/1992				Khá	1140403	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8910	1877-K47D3		Bùi Thị Ngọc	Hà	Nữ	06/04/1992				Khá	1140404	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8911	1878-K47D3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	25/05/1993				Khá	1140405	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8912	1879-K47D3		Giáp Thị Ngọc	Hân	Nữ	15/11/1993				Khá	1140406	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8913	1880-K47D3		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	02/08/1993				Khá	1140407	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8914	1881-K47D3		Lê Thị	Hiền	Nữ	18/12/1993				Khá	1140408	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8915	1882-K47D3		Đào Thị	Hoa	Nữ	26/07/1993				Khá	1140409	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8916	1883-K47D3		Phạm Thị	Hồng	Nữ	11/02/1993				Khá	1140410	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8917	1884-K47D3		Phạm Thị Kim	Huế	Nữ	30/01/1993				Khá	1140411	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8918	1885-K47D3		Chu Khánh	Hưng	Nam	02/01/1993				Trung bình	1140412	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8919	1886-K47D3		Ngô Thị	Hương	Nữ	23/08/1992				Khá	1140413	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8920	1887-K47D3		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	19/01/1993				Khá	1140414	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8921	1888-K47D3		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	23/03/1992				Trung bình	1140415	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8922	1889-K47D3		Doãn Thị	Hường	Nữ	24/02/1993				Khá	1140416	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8923	1890-K47D3		Phạm Thị	Hường	Nữ	26/12/1993				Khá	1140417	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8924	1891-K47D3		Bùi Thị	Huyền	Nữ	11/01/1993				Giỏi	1140418	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8925	1892-K47D3		Phạm Thị	Lan	Nữ	04/02/1993				Khá	1140419	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8926	1893-K47D3		Lê Thị Kim	Liên	Nữ	19/07/1993				Giỏi	1140420	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8927	1894-K47D3		Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	22/10/1993				Khá	1140421	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8928	1895-K47D3		Vũ Xuân	Linh	Nữ	27/07/1993				Khá	1140422	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8929	1896-K47D3		Phạm Tám	Long	Nam	14/05/1993				Khá	1140423	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8930	1897-K47D3		Trần Thị	Luyến	Nữ	03/04/1993				Giỏi	1140424	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8931	1898-K47D3		Bùi Thị	Lý	Nữ	27/11/1993				Khá	1140425	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8932	1899-K47D3		Phạm Thị Tuyết	Minh	Nữ	25/03/1993				Khá	1140426	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8933	1900-K47D3		Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	06/07/1993				Giỏi	1140427	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8934	1901-K47D3		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	02/09/1992				Giỏi	1140428	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8935	1902-K47D3		Vũ Thị	Ngọc	Nữ	21/08/1993				Khá	1140429	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8936	1903-K47D3		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	02/01/1993				Giỏi	1140430	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8937	1904-K47D3		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	21/08/1993				Khá	1140431	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8938	1905-K47D3		Lê Toàn	Phong	Nam	18/08/1993				Khá	1140432	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8939	1906-K47D3		Lê Thị	Phương	Nữ	01/05/1992				Khá	1140433	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8940	1907-K47D3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	12/09/1992				Khá	1140434	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8941	1908-K47D3		Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	14/10/1993				Giỏi	1140435	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8942	1909-K47D3		Đỗ Thị	Thoa	Nữ	10/08/1993				Khá	1140436	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8943	1910-K47D3		Tống Thị	Thu	Nữ	16/05/1993				Khá	1140437	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8944	1911-K47D3		Đỗ Thị	Thúy	Nữ	02/08/1993				Khá	1140438	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8945	1912-K47D3		Nguyễn Thị	Thuyên	Nữ	18/05/1993				Trung bình	1140439	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8946	1913-K47D3		Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	13/05/1993				Khá	1140440	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8947	1914-K47D3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	17/10/1993				Khá	1140441	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8948	1915-K47D3		Vũ Thị	Tuyết	Nữ	25/03/1992				Khá	1140442	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8949	1916-K47D3		Bùi Thị	Vân	Nữ	08/02/1992				Khá	1140443	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8950	1917-K47D3		Đào Thị	Vân	Nữ	13/09/1993				Khá	1140444	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8951	1918-K47D3		Hà Thị	Viên	Nữ	07/09/1992				Trung bình	1140445	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8952	1919-K47D3		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	26/09/1993				Giỏi	1140446	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8953	1920-K47D3		Phạm Hải	Yến	Nữ	28/08/1993				Giỏi	1140447	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8954	1921-K47D4		Phan Thị Vân	Anh	Nữ	10/02/1993				Khá	1140448	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8955	1922-K47D4		Tạ Duy	Anh	Nam	04/01/1993				Khá	1140449	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8956	1923-K47D4		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	23/09/1993				Khá	1140450	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8957	1924-K47D4		Vũ Thị	Bắc	Nữ	23/11/1993				Giỏi	1140451	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8958	1925-K47D4		Long Thị	Chang	Nữ	10/10/1992				Khá	1140452	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8959	1926-K47D4		Nguyễn Linh	Chi	Nữ	23/06/1993				Giỏi	1140453	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8960	1927-K47D4		Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	03/04/1993				Khá	1140454	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8961	1928-K47D4		Đỗ Kim	Dung	Nữ	06/11/1993				Khá	1140455	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8962	1929-K47D4		Phạm Thùy	Dung	Nữ	13/05/1993				Khá	1140456	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8963	1930-K47D4		Lê	Dương	Nam	16/08/1993				Khá	1140457	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8964	1931-K47D4		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	10/08/1993				Khá	1140458	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8965	1932-K47D4		Lương Thị	Hà	Nữ	15/08/1993				Giỏi	1140459	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
8966	1933-K47D4		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	08/06/1993				Giỏi	1140460	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8967	1934-K47D4		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	13/06/1993				Khá	1140461	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8968	1935-K47D4		Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	06/10/1991				Khá	1140462	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8969	1936-K47D4		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	23/07/1993				Khá	1140463	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8970	1937-K47D4		Triệu Thị	Hoa	Nữ	07/02/1992				Khá	1140464	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8971	1938-K47D4		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	10/11/1993				Giỏi	1140465	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8972	1939-K47D4		Phạm Thị	Hơn	Nữ	16/06/1993				Khá	1140466	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8973	1940-K47D4		Bùi Thị	Hồng	Nữ	29/07/1993				Khá	1140467	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8974	1941-K47D4		Nguyễn Văn	Huân	Nam	04/05/1993				Khá	1140468	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8975	1942-K47D4		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	22/02/1993				Khá	1140469	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8976	1943-K47D4		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	20/11/1993				Khá	1140470	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8977	1944-K47D4		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	28/08/1993				Khá	1140471	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8978	1945-K47D4		Hoàng Thị	Hường	Nữ	04/08/1993				Khá	1140472	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8979	1946-K47D4		Hoàng Thị	Lan	Nữ	09/10/1993				Khá	1140473	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8980	1947-K47D4		Đàm Thị	Lê	Nữ	23/03/1993				Khá	1140474	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8981	1948-K47D4		Hoàng Thị Mỹ	Lệ	Nữ	25/03/1993				Khá	1140475	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8982	1949-K47D4		Trần Thị	Liên	Nữ	04/02/1993				Khá	1140476	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8983	1950-K47D4		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	13/10/1993				Giỏi	1140477	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8984	1951-K47D4		Đỗ Thị	Luyến	Nữ	03/04/1993				Trung bình	1140478	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8985	1952-K47D4		Hoàng Thị	Lý	Nữ	03/05/1993				Khá	1140479	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8986	1953-K47D4		Vũ Thị Trà	My	Nữ	16/11/1993				Khá	1140480	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8987	1954-K47D4		Phạm Thị Thúy	Nga	Nữ	18/02/1992				Khá	1140481	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8988	1955-K47D4		Phạm Thị	Nghiêm	Nữ	24/09/1992				Khá	1140482	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8989	1956-K47D4		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	05/03/1993				Khá	1140483	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8990	1957-K47D4		Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	03/12/1992				Khá	1140484	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8991	1958-K47D4		Vũ Thị	Nhung	Nữ	01/08/1993				Khá	1140485	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8992	1959-K47D4		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	13/11/1993				Giỏi	1140486	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8993	1960-K47D4		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	30/09/1993				Khá	1140487	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8994	1961-K47D4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	22/01/1993				Khá	1140488	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8995	1962-K47D4		Trần Thái	Quang	Nam	09/04/1993				Khá	1140489	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8996	1963-K47D4		Trần Thị	Quy	Nữ	04/05/1993				Khá	1140490	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8997	1964-K47D4		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	01/12/1993				Khá	1140491	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8998	1965-K47D4		Lý Thị Thu	Thảo	Nữ	15/01/1992				Khá	1140492	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
8999	1966-K47D4		Trần Thị	Thảo	Nữ	02/11/1992				Giỏi	1140493	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9000	1967-K47D4		Nguyễn Thị	Thật	Nữ	28/03/1993				Giỏi	1140494	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9001	1968-K47D4		Bùi Thị Kim	Thoa	Nữ	24/11/1993				Khá	1140495	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9002	1969-K47D4		Đoàn Thị	Thương	Nữ	03/02/1993				Khá	1140496	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9003	1970-K47D4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	03/03/1993				Giỏi	1140497	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9004	1971-K47D4		Nguyễn Đăng	Toàn	Nam	08/05/1993				Khá	1140498	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9005	1972-K47D4		Trần Thị	Trang	Nữ	20/04/1993				Giỏi	1140499	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9006	1973-K47D4		Vũ Thị	Trang	Nữ	25/09/1993				Khá	1140500	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9007	1974-K47D4		Nguyễn Thị	Tú	Nữ	10/10/1993				Khá	1140501	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9008	1975-K47D4		Bùi Thị	Tuyết	Nữ	01/12/1993				Giỏi	1140502	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9009	1976-K47D4		Lê Thị	Vân	Nữ	22/08/1993				Giỏi	1140503	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9010	1977-K47D4		Trần Thị Anh	Vân	Nữ	14/09/1993				Khá	1140504	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9011	1978-K47D4		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	06/01/1993				Giỏi	1140505	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9012	1979-K47D5		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	24/12/1993				Khá	1140506	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9013	1980-K47D5		Nguyễn Vân	Anh	Nữ	13/09/1993				Khá	1140507	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9014	1981-K47D5		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	25/06/1993				Khá	1140508	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9015	1982-K47D5		Lại Thị Thu	Biên	Nữ	22/11/1993				Giỏi	1140509	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9016	1983-K47D5		Lê Anh	Bình	Nam	10/07/1993				Khá	1140510	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9017	1984-K47D5		Sầm Thị	Cúc	Nữ	29/09/1992				Khá	1140511	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9018	1985-K47D5		Đỗ Thị	Dinh	Nữ	18/06/1993				Giỏi	1140512	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9019	1986-K47D5		Dương Thị Kim	Dung	Nữ	13/11/1993				Khá	1140513	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9020	1987-K47D5		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	19/09/1993				Khá	1140514	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9021	1988-K47D5		Đặng Trường	Giang	Nam	01/03/1993				Khá	1140515	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9022	1989-K47D5		Đặng Thị Thu	Hà	Nữ	25/11/1993				Khá	1140516	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9023	1990-K47D5		Từ Thị	Hải	Nữ	10/04/1993				Khá	1140517	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9024	1991-K47D5		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	01/05/1993				Xuất sắc	1140518	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9025	1992-K47D5		Vũ Thị	Hạnh	Nữ	20/08/1993				Khá	1140519	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9026	1993-K47D5		Lê Thị	Hậu	Nữ	15/12/1993				Khá	1140520	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9027	1994-K47D5		Vũ Thị Thúy	Hoa	Nữ	02/04/1993				Giỏi	1140521	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9028	1995-K47D5		Trần Thị	Hoài	Nữ	08/04/1993				Khá	1140522	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9029	1996-K47D5		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	12/11/1993				Xuất sắc	1140523	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9030	1997-K47D5		Đặng Thị Lan	Hương	Nữ	20/10/1993				Khá	1140524	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9031	1998-K47D5		Ngô Thu	Hương	Nữ	20/10/1993				Khá	1140525	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9032	1999-K47D5		Dương Thị	Hường	Nữ	08/06/1993				Khá	1140526	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9033	2000-K47D5		Phạm Thị	Huyền	Nữ	02/10/1992				Khá	1140527	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9034	2001-K47D5		Hoàng Thị Thu	Huyền	Nữ	16/07/1993				Khá	1140528	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9035	2002-K47D5		Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	29/05/1993				Khá	1140529	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9036	2003-K47D5		Đặng Thị Bích	Liên	Nữ	15/07/1993				Khá	1140530	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9037	2004-K47D5		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	23/01/1993				Trung bình	1140531	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9038	2005-K47D5		Trần Diệu	Linh	Nữ	01/08/1993				Khá	1140532	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9039	2006-K47D5		Vũ Thị Thu	Linh	Nữ	05/04/1993				Khá	1140533	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9040	2007-K47D5		Lưu Thị	Loan	Nữ	05/11/1993				Giỏi	1140534	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9041	2008-K47D5		Nguyễn Hữu	Mạnh	Nam	22/11/1993				Trung bình	1140535	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9042	2009-K47D5		Hà Thị	Nga	Nữ	13/04/1993				Khá	1140536	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9043	2010-K47D5		Đồng Thị Kim	Ngân	Nữ	21/09/1993				Giỏi	1140537	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9044	2011-K47D5		Nguyễn Thị Mai	Ngọc	Nữ	21/08/1993				Khá	1140538	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9045	2012-K47D5		Nguyễn Thị	Nhiễu	Nữ	09/08/1993				Khá	1140539	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9046	2013-K47D5		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/04/1993				Giỏi	1140540	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9047	2014-K47D5		Triệu Thị	Nhung	Nữ	04/11/1992				Giỏi	1140541	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9048	2015-K47D5		Tạ Vân	Phương	Nữ	23/04/1992				Khá	1140542	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9049	2016-K47D5		Ngô Thị Bích	Phượng	Nữ	06/04/1993				Khá	1140543	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9050	2017-K47D5		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	28/06/1992				Khá	1140544	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9051	2018-K47D5		Trần Tiến	Sĩ	Nam	29/09/1993				Trung bình	1140545	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9052	2019-K47D5		Trần Thị	Tâm	Nữ	10/04/1993				Khá	1140546	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9053	2020-K47D5		Đỗ Thị	Thanh	Nữ	27/08/1993				Khá	1140547	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9054	2021-K47D5		Ngô Thu	Thảo	Nữ	13/12/1993				Giỏi	1140548	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9055	2022-K47D5		Trần Thị	Thảo	Nữ	16/10/1993				Giỏi	1140549	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9056	2023-K47D5		Lường Thị	Thu	Nữ	18/12/1992				Khá	1140550	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9057	2024-K47D5		Chì Kim	Thúy	Nữ	11/06/1992				Trung bình	1140551	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9058	2025-K47D5		Ngô Thị	Thúy	Nữ	10/11/1993				Khá	1140552	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9059	2026-K47D5		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	26/10/1993				Khá	1140553	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9060	2027-K47D5		Nguyễn Hoàng Thu	Thùy	Nữ	10/12/1993				Giỏi	1140554	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9061	2028-K47D5		Nguyễn Văn	Toàn	Nam	12/08/1993				Khá	1140555	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9062	2029-K47D5		Vũ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	10/10/1993				Khá	1140556	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9063	2030-K47D5		Đào Thị	Trang	Nữ	18/08/1993				Khá	1140557	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9064	2031-K47D5		Nguyễn Thùy	Trinh	Nữ	20/12/1993				Khá	1140558	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9065	2032-K47D5		Hoàng Minh	Tuân	Nam	01/12/1992				Trung bình	1140559	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9066	2033-K47D5		Trần Tú	Uyên	Nữ	27/12/1993				Giỏi	1140560	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9067	2034-K47D5		Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	13/04/1993				Giỏi	1140561	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9068	2035-K47D5		Trần Thị	Yến	Nữ	08/04/1993				Giỏi	1140562	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9069	2036-K47D6		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	07/07/1993				Khá	1140563	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9070	2037-K47D6		Trương Thị Kim	Anh	Nữ	16/07/1993				Khá	1140564	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9071	2038-K47D6		Hà Đăng	Cảnh	Nam	16/11/1993				Khá	1140565	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9072	2039-K47D6		Đào Thị	Chăm	Nữ	14/06/1993				Khá	1140566	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9073	2040-K47D6		Phan Thị Mỹ	Chinh	Nữ	26/05/1993				Khá	1140567	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9074	2041-K47D6		Nguyễn Thị Lệ	Diễm	Nữ	24/05/1993				Khá	1140568	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9075	2042-K47D6		Trần Thị	Đông	Nữ	28/03/1993				Khá	1140569	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9076	2043-K47D6		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	07/10/1992				Giỏi	1140570	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9077	2044-K47D6		Vũ Thị	Dung	Nữ	27/11/1993				Khá	1140571	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9078	2045-K47D6		Hồ Thị Thu	Giang	Nữ	14/08/1993				Khá	1140572	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9079	2046-K47D6		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	10/10/1993				Giỏi	1140573	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9080	2047-K47D6		Hoàng Thị	Hải	Nữ	19/11/1993				Giỏi	1140574	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9081	2048-K47D6		Thái Ngọc	Hải	Nam	20/04/1993				Trung bình	1140575	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9082	2049-K47D6		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	07/12/1993				Giỏi	1140576	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9083	2050-K47D6		Bùi Thị	Hạnh	Nữ	04/10/1992				Khá	1140577	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9084	2051-K47D6		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	15/02/1993				Khá	1140578	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9085	2052-K47D6		Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	20/02/1993				Khá	1140579	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9086	2053-K47D6		Vũ Thị Thu	Hoài	Nữ	23/06/1993				Khá	1140580	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9087	2054-K47D6		Trần Thị	Hồng	Nữ	13/03/1993				Khá	1140581	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9088	2055-K47D6		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	23/09/1993				Khá	1140582	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9089	2056-K47D6		Đặng Thị	Hương	Nữ	10/04/1993				Khá	1140583	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9090	2057-K47D6		Hoàng Thị Thu	Hương	Nữ	25/08/1993				Khá	1140584	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9091	2058-K47D6		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	14/02/1993				Trung bình	1140585	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9092	2059-K47D6		Vũ Thị	Huyền	Nữ	24/04/1992				Khá	1140586	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9093	2060-K47D6		Trần Thị	Liên	Nữ	21/11/1993				Khá	1140587	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9094	2061-K47D6		Trịnh Thị Khánh	Linh	Nữ	26/10/1993				Giỏi	1140588	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9095	2062-K47D6		Vũ Thùy	Linh	Nữ	01/11/1993				Khá	1140589	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9096	2063-K47D6		Hoàng Thị Thanh	Loan	Nữ	26/11/1993				Khá	1140590	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9097	2064-K47D6		Nguyễn Thị	Lợi	Nữ	12/11/1993				Giỏi	1140591	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9098	2065-K47D6		Đặng Thị	Lý	Nữ	20/12/1992				Khá	1140592	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9099	2066-K47D6		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	26/04/1993				Giỏi	1140593	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9100	2067-K47D6		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	20/07/1993				Khá	1140594	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9101	2068-K47D6		Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	27/08/1993				Khá	1140595	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9102	2069-K47D6		Lưu Thị	Ngọc	Nữ	30/04/1993				Khá	1140596	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9103	2070-K47D6		Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	22/11/1993				Khá	1140597	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9104	2071-K47D6		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	05/06/1992				Khá	1140598	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9105	2072-K47D6		Trần Hồng	Nhung	Nữ	29/05/1993				Khá	1140599	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9106	2073-K47D6		Dương Thị	Phương	Nữ	14/12/1993				Giỏi	1140600	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9107	2074-K47D6		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	24/03/1993				Giỏi	1140601	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9108	2075-K47D6		Nguyễn Thị ánh	Phượng	Nữ	23/07/1993				Khá	1140602	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9109	2076-K47D6		Vũ Thị	Quyên	Nữ	10/08/1993				Khá	1140603	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9110	2077-K47D6		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	03/01/1993				Khá	1140604	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9111	2078-K47D6		Nguyễn Vương	Thanh	Nữ	05/10/1993				Khá	1140605	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9112	2079-K47D6		Phạm Thị	Thảo	Nữ	03/08/1991				Trung bình	1140606	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9113	2080-K47D6		Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	10/08/1993				Giỏi	1140607	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9114	2081-K47D6		Trần Thị	Thu	Nữ	13/03/1993				Giỏi	1140608	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9115	2082-K47D6		Vũ Thị Thanh	Thư	Nữ	20/06/1993				Khá	1140609	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9116	2083-K47D6		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	30/09/1993				Khá	1140610	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9117	2084-K47D6		Nguyễn An	Thùy	Nữ	07/12/1993				Khá	1140611	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9118	2085-K47D6		Nguyễn Trung	Thuyết	Nam	19/09/1993				Trung bình	1140612	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9119	2086-K47D6		Trần Thị Thu	Trà	Nữ	26/03/1993				Khá	1140613	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9120	2087-K47D6		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	25/01/1993				Khá	1140614	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9121	2088-K47D6		Dương Văn	Trường	Nam	08/12/1993				Trung bình	1140615	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9122	2089-K47D6		Trần Thị	Tuyên	Nữ	15/01/1993				Khá	1140616	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9123	2090-K47D6		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	01/01/1993				Khá	1140617	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9124	2091-K47D6		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	06/05/1993				Giỏi	1140618	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9125	2092-K45D2		Hoàng Công	Bình	Nam	02/09/1986				Trung bình	1140619	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9126	2093-K45D2		Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	11/12/1991				Trung bình	1140620	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9127	2094-K46D1		Đào Kim	Tuyến	Nữ	31/07/1992				Khá	1140621	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9128	2095-K46D5		Hoàng Mạnh	Hà	Nam	09/10/1992				Trung Bình	1140622	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	281/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9129	2096-K47F1		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	05/06/1993				Khá	1140068	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9130	2097-K47F1		Phạm Ngọc	ánh	Nữ	13/01/1993				Khá	1140069	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9131	2098-K47F1		Trần Thái	Bảo	Nam	12/09/1993				Khá	1140070	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9132	2099-K47F1		Hoàng Thị Thu	Cúc	Nữ	04/12/1993				Giỏi	1140071	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9133	2100-K47F1		Nguyễn Đức	Đạo	Nam	06/02/1992				Trung bình	1140072	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9134	2101-K47F1		Lương Thị	Dung	Nữ	16/05/1993				Giỏi	1140073	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9135	2102-K47F1		Đinh Thị Hương	Giang	Nữ	21/11/1993				Giỏi	1140074	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9136	2103-K47F1		Bùi Thị Thúy	Hiền	Nữ	13/04/1993				Khá	1140075	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9137	2104-K47F1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	25/05/1993				Khá	1140076	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9138	2105-K47F1		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	24/10/1993				Khá	1140077	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9139	2106-K47F1		Trương Thu	Hương	Nữ	06/06/1993				Khá	1140078	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9140	2107-K47F1		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/06/1993				Giỏi	1140079	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9141	2108-K47F1		Trần Trung	Kiên	Nam	13/10/1993				Khá	1140080	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9142	2109-K47F1		Trương Thị Thùy	Liên	Nữ	28/05/1993				Khá	1140081	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9143	2110-K47F1		Trần Thị	Loan	Nữ	03/11/1992				Khá	1140082	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9144	2111-K47F1		Phan Thị ánh	Ly	Nữ	26/08/1993				Giỏi	1140083	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9145	2112-K47F1		Trần Văn	Mạnh	Nam	03/04/1993				Khá	1140084	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9146	2113-K47F1		Ngô Thị	Mến	Nữ	19/11/1993				Khá	1140085	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9147	2114-K47F1		Đinh Thị	Ngà	Nữ	01/02/1993				Khá	1140086	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9148	2115-K47F1		Lê Thị	Ngọc	Nữ	10/09/1993				Khá	1140087	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9149	2116-K47F1		Phạm Thị	Ngọc	Nữ	15/02/1993				Giỏi	1140088	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9150	2117-K47F1		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	26/09/1993				Giỏi	1140089	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9151	2118-K47F1		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	18/11/1993				Khá	1140090	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9152	2119-K47F1		Dương Thị Hương	Ni	Nữ	07/06/1993				Khá	1140091	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9153	2120-K47F1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	19/10/1993				Khá	1140092	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9154	2121-K47F1		Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/02/1992				Khá	1140093	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9155	2122-K47F1		Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	15/05/1992				Khá	1140094	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9156	2123-K47F1		Trần Văn	Thắng	Nam	15/04/1993				Khá	1140095	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9157	2124-K47F1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	21/01/1993				Khá	1140096	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9158	2125-K47F1		Hoàng Thị	Thòa	Nữ	25/05/1992				Khá	1140097	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9159	2126-K47F1		Nguyễn Quỳnh	Thu	Nữ	18/10/1993				Giỏi	1140098	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9160	2127-K47F1		Hoàng Thị	Thương	Nữ	17/10/1993				Giỏi	1140099	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9161	2128-K47F1		Trịnh Thị	Thùy	Nữ	30/09/1993				Khá	1140100	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9162	2129-K47F1		Lê Thị	Trang	Nữ	08/12/1993				Khá	1140101	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9163	2130-K47F1		Bùi Văn	Tuấn	Nam	12/02/1992				Khá	1140102	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9164	2131-K47F1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	19/08/1993				Giỏi	1140103	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9165	2132-K47F1		Nguyễn Văn	Vương	Nam	26/08/1993				Khá	1140104	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9166	2133-K47F1		Hồ Thị Hoài	Xim	Nữ	27/08/1993				Khá	1140105	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9167	2134-K47F1		Bùi Thị	Yến	Nữ	10/10/1993				Khá	1140106	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9168	2135-K47F2		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	11/02/1993				Giỏi	1140107	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9169	2136-K47F2		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	04/06/1993				Khá	1140108	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9170	2137-K47F2		Dương Văn	Bắc	Nam	19/07/1991				Trung bình	1140109	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9171	2138-K47F2		Đỗ Thị Ngọc	Cân	Nữ	27/02/1993				Giỏi	1140110	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9172	2139-K47F2		Hồ Việt	Đức	Nam	24/12/1993				Giỏi	1140111	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9173	2140-K47F2		Đỗ Thị	Dung	Nữ	06/07/1993				Khá	1140112	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9174	2141-K47F2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	22/06/1992				Giỏi	1140113	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9175	2142-K47F2		Đinh Công	Duy	Nam	02/11/1992				Trung bình	1140114	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9176	2143-K47F2		Cao Thu	Hà	Nữ	28/04/1993				Khá	1140115	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9177	2144-K47F2		Nguyễn Hữu	Hạnh	Nam	17/10/1992				Trung bình	1140116	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9178	2145-K47F2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	18/07/1993				Giỏi	1140117	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9179	2146-K47F2		Trần Thị	Hiền	Nữ	11/03/1993				Khá	1140118	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9180	2147-K47F2		Đỗ Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	10/03/1993				Khá	1140119	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9181	2148-K47F2		Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	07/09/1993				Khá	1140120	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9182	2149-K47F2		Ngô Thị	Hường	Nữ	17/06/1993				Khá	1140121	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9183	2150-K47F2		Trịnh Đình	Huy	Nam	04/04/1993				Trung bình	1140122	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9184	2151-K47F2		Trịnh Thu	Huyền	Nữ	18/10/1993				Khá	1140123	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9185	2152-K47F2		Phạm Trung	Kiên	Nam	22/06/1993				Khá	1140124	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9186	2153-K47F2		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	18/07/1993				Khá	1140125	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9187	2154-K47F2		Vũ Thị	Loan	Nữ	27/07/1993				Khá	1140126	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9188	2155-K47F2		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	08/03/1992				Khá	1140127	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9189	2156-K47F2		Trần Thị	Mai	Nữ	05/08/1993				Khá	1140128	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9190	2157-K47F2		Lê Thị	My	Nữ	24/11/1993				Khá	1140129	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9191	2158-K47F2		Nguyễn Thành	Nam	Nam	23/05/1993				Khá	1140130	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9192	2159-K47F2		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	20/11/1992				Khá	1140131	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9193	2160-K47F2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	23/03/1993				Khá	1140132	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9194	2161-K47F2		Ngô Thị	Nguyệt	Nữ	02/07/1993				Khá	1140133	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9195	2162-K47F2		Lê ý	Nhi	Nữ	10/12/1992				Khá	1140134	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9196	2163-K47F2		Trần Thị	Nhung	Nữ	07/02/1993				Khá	1140135	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9197	2164-K47F2		Đỗ Thị	Phượng	Nữ	03/02/1991				Khá	1140136	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9198	2165-K47F2		Nguyễn Gia	Quân	Nam	11/11/1993				Trung bình	1140137	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9199	2166-K47F2		Bùi Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	09/06/1992				Khá	1140138	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9200	2167-K47F2		Nguyễn Đức	Thắng	Nam	01/01/1993				Khá	1140139	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9201	2168-K47F2		Mai Thị	Thảo	Nữ	10/10/1993				Giỏi	1140140	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9202	2169-K47F2		Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	26/03/1993				Khá	1140141	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9203	2170-K47F2		Bùi Thị Huyền	Thư	Nữ	23/10/1993				Khá	1140142	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9204	2171-K47F2		Trần Minh	Thúy	Nữ	11/12/1993				Giỏi	1140143	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9205	2172-K47F2		Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	26/02/1993				Khá	1140144	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9206	2173-K47F2		Nguyễn Việt	Tiến	Nam	03/12/1990				Khá	1140145	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9207	2174-K47F2		Bùi Thị Hồng	Trang	Nữ	16/09/1993				Khá	1140146	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9208	2175-K47F2		Lê Văn	Tuấn	Nam	10/10/1993				Khá	1140147	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9209	2176-K47F2		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	15/05/1993				Khá	1140148	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9210	2177-K47F2		Trần Thị Thanh	Vân	Nữ	12/07/1992				Khá	1140149	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9211	2178-K47F2		Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	12/06/1993				Trung bình	1140150	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9212	2179-K47F2		Nguyễn Thị	Xoan	Nữ	30/11/1993				Khá	1140151	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9213	2180-K47F2		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	25/10/1993				Khá	1140152	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9214	2181-K47F3		Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	15/10/1992				Khá	1140153	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9215	2182-K47F3		Phạm Thị	Bình	Nữ	29/07/1993				Trung bình	1140154	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9216	2183-K47F3		Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	27/11/1993				Giỏi	1140155	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9217	2184-K47F3		Đinh Thị	Duyên	Nữ	02/05/1993				Trung bình	1140156	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9218	2185-K47F3		Nguyễn Trường	Giang	Nam	06/04/1993				Khá	1140157	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9219	2186-K47F3		Hoàng Thị	Hải	Nữ	07/08/1993				Khá	1140158	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9220	2187-K47F3		Lại Thị	Hằng	Nữ	10/12/1993				Khá	1140159	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9221	2188-K47F3		Nguyễn Quang	Hậu	Nam	19/04/1993				Khá	1140160	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9222	2189-K47F3		Đinh Nho	Hiệp	Nam	05/12/1993				Khá	1140161	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9223	2190-K47F3		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	02/02/1993				Khá	1140162	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9224	2191-K47F3		Mai Thị	Huê	Nữ	01/04/1993				Khá	1140163	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9225	2192-K47F3		Trần Thị	Huế	Nữ	23/06/1993				Khá	1140164	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9226	2193-K47F3		Trần Thị Mai	Hương	Nữ	26/08/1993				Khá	1140165	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9227	2194-K47F3		Phan Thị Thu	Hường	Nữ	24/12/1993				Trung bình	1140166	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9228	2195-K47F3		Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	29/07/1993				Khá	1140167	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9229	2196-K47F3		Trần Thị	Lài	Nữ	21/10/1993				Khá	1140168	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9230	2197-K47F3		Phạm Thị	Linh	Nữ	13/10/1993				Khá	1140169	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9231	2198-K47F3		Vũ Thị Hồng	Loan	Nữ	19/09/1993				Khá	1140170	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9232	2199-K47F3		Phạm Thị	Mai	Nữ	26/03/1992				Khá	1140171	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9233	2200-K47F3		Nguyễn Thị Phương	Nam	Nữ	18/03/1993				Giỏi	1140172	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9234	2201-K47F3		Nguyễn Văn	Nam	Nam	26/10/1993				Khá	1140173	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9235	2202-K47F3		Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	20/12/1993				Khá	1140174	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9236	2203-K47F3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	28/06/1992				Khá	1140175	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9237	2204-K47F3		Đoàn Minh	Nguyệt	Nữ	06/01/1993				Khá	1140176	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9238	2205-K47F3		Phạm Thị	Nhuần	Nữ	23/10/1993				Khá	1140177	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9239	2206-K47F3		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	18/04/1993				Giỏi	1140178	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9240	2207-K47F3		Hoàng Thị	Nụ	Nữ	15/05/1993				Khá	1140179	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9241	2208-K47F3		Hoàng Thế	Quý	Nam	23/11/1993				Khá	1140180	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9242	2209-K47F3		Lường Thị	Quyên	Nữ	01/09/1993				Giỏi	1140181	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9243	2210-K47F3		Lê Thị	Quỳnh	Nữ	27/01/1993				Trung bình	1140182	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9244	2211-K47F3		Đỗ Công	Sơn	Nam	01/09/1993				Khá	1140183	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9245	2212-K47F3		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	09/04/1993				Khá	1140184	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9246	2213-K47F3		Đặng Thị	Thảo	Nữ	08/11/1992				Giỏi	1140185	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9247	2214-K47F3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	09/03/1993				Giỏi	1140186	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9248	2215-K47F3		Nguyễn Thị	Thơ	Nữ	30/08/1993				Khá	1140187	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9249	2216-K47F3		Dương Thị	Thúy	Nữ	16/05/1993				Khá	1140188	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9250	2217-K47F3		Nguyễn Thị	Tới	Nữ	17/11/1993				Giỏi	1140189	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9251	2218-K47F3		Lưu Thị	Trang	Nữ	29/04/1993				Khá	1140190	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9252	2219-K47F3		Bùi Thiện	Tuấn	Nam	15/12/1993				Khá	1140191	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9253	2220-K47F3		Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	20/04/1993				Giỏi	1140192	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9254	2221-K47F3		Trần Thị Thúy	Vân	Nữ	04/10/1992				Khá	1140193	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9255	2222-K47F3		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	07/06/1992				Khá	1140194	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9256	2223-K47F3		Nguyễn Văn	ý	Nam	22/06/1993				Trung bình	1140195	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9257	2224-K47F3		Ngô Thị	Yến	Nữ	14/04/1993				Giỏi	1140196	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9258	2225-K47F4		Hoàng Thị	ánh	Nữ	25/01/1993				Khá	1140197	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9259	2226-K47F4		Trần Thị	Bắc	Nữ	02/09/1994				Khá	1140198	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9260	2227-K47F4		Lê Thanh	Chung	Nữ	20/11/1993				Khá	1140199	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9261	2228-K47F4		Kim Xuân	Cường	Nam	22/09/1993				Giỏi	1140200	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9262	2229-K47F4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	26/12/1993				Khá	1140201	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9263	2230-K47F4		Đàm Trường	Giang	Nam	20/12/1993				Khá	1140202	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9264	2231-K47F4		Nguyễn Thị	Giáo	Nữ	13/12/1993				Khá	1140203	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9265	2232-K47F4		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	05/02/1992				Khá	1140204	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9266	2233-K47F4		Phạm Thị	Hằng	Nữ	04/05/1993				Khá	1140205	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9267	2234-K47F4		Lê Thị	Hảo	Nữ	07/10/1993				Khá	1140206	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9268	2235-K47F4		Phạm Công	Hậu	Nam	07/08/1993				Trung bình	1140207	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9269	2236-K47F4		Trương Văn	Hiếu	Nam	05/10/1993				Khá	1140208	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9270	2237-K47F4		Đồng Thị Khánh	Hòa	Nữ	22/11/1992				Khá	1140209	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9271	2238-K47F4		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/03/1993				Khá	1140210	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9272	2239-K47F4		Trần Thị Thu	Huế	Nữ	04/03/1993				Khá	1140211	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9273	2240-K47F4		Lê Thị	Huệ	Nữ	10/02/1993				Khá	1140212	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9274	2241-K47F4		Lê Thị	Hương	Nữ	19/04/1993				Khá	1140213	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9275	2242-K47F4		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	08/07/1993				Khá	1140214	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9276	2243-K47F4		Ngô Thị	Huyền	Nữ	04/03/1993				Khá	1140215	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9277	2244-K47F4		Nguyễn Văn	Khánh	Nam	13/08/1993				Khá	1140216	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9278	2245-K47F4		Lê Thiếu	Kỳ	Nam	04/03/1993				Trung bình	1140217	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9279	2246-K47F4		Hồ Thị	La	Nữ	11/10/1993				Khá	1140218	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9280	2247-K47F4		Nguyễn Bích	Lệ	Nữ	06/04/1993				Xuất sắc	1140219	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9281	2248-K47F4		Phùng Thị Phương	Loan	Nữ	10/12/1993				Khá	1140220	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9282	2249-K47F4		Đinh Thị	Mùa	Nữ	08/04/1993				Giỏi	1140221	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9283	2250-K47F4		Ngô Thị Mỹ	Nga	Nữ	21/06/1993				Khá	1140222	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9284	2251-K47F4		Hà Ngọc	Ngân	Nữ	23/03/1993				Giỏi	1140223	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9285	2252-K47F4		Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	18/06/1993				Khá	1140224	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9286	2253-K47F4		Nguyễn Thị	Nhâm	Nữ	05/02/1993				Khá	1140225	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9287	2254-K47F4		Lê Thị	Nhung	Nữ	02/09/1992				Khá	1140226	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9288	2255-K47F4		Phạm Thu	Phương	Nữ	27/06/1993				Khá	1140227	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9289	2256-K47F4		Phan Văn	Sang	Nam	11/03/1993				Khá	1140228	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9290	2257-K47F4		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	25/05/1992				Khá	1140229	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9291	2258-K47F4		Phạm Thị	Thanh	Nữ	31/05/1993				Khá	1140230	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9292	2259-K47F4		Kiều Thu	Thảo	Nữ	05/05/1993				Khá	1140231	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9293	2260-K47F4		Lê Thị	Thúy	Nữ	23/08/1992				Khá	1140232	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9294	2261-K47F4		Lý Thị	Thùy	Nữ	08/03/1993				Khá	1140233	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9295	2262-K47F4		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	10/06/1993				Khá	1140234	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9296	2263-K47F4		Nguyễn Văn	Toàn	Nam	20/06/1993				Trung bình	1140235	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9297	2264-K47F4		Dương Thị Quỳnh	Trang	Nữ	12/10/1993				Khá	1140236	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9298	2265-K47F4		Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	23/11/1993				Khá	1140237	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9299	2266-K47F4		Nguyễn Văn	Tuyên	Nam	26/03/1993				Khá	1140238	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9300	2267-K47F4		Trần Thị	Tuyết	Nữ	10/04/1992				Khá	1140239	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9301	2268-K47F4		Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	18/10/1993				Khá	1140240	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9302	2269-K47F4		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	06/12/1993				Trung bình	1140241	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9303	2270-K47F5		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	06/09/1993				Khá	1140242	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9304	2271-K47F5		Phạm Thế	Anh	Nam	12/10/1993				Trung bình	1140243	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9305	2272-K47F5		Trần Thị	ánh	Nữ	07/11/1993				Khá	1140244	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9306	2273-K47F5		Trần Thị	Cúc	Nữ	18/10/1993				Khá	1140245	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9307	2274-K47F5		Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	03/08/1992				Khá	1140246	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9308	2275-K47F5		Trần Thị	Giang	Nữ	22/08/1993				Khá	1140247	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9309	2276-K47F5		Trịnh Thanh	Hải	Nam	01/03/1993				Trung bình	1140248	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9310	2277-K47F5		Vũ Thị	Hằng	Nữ	05/07/1993				Giỏi	1140249	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9311	2278-K47F5		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	20/08/1993				Khá	1140250	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9312	2279-K47F5		Hoàng Thị	Hoàn	Nữ	23/05/1993				Khá	1140251	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9313	2280-K47F5		Thái Thị	Hồng	Nữ	05/03/1993				Khá	1140252	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9314	2281-K47F5		Lưu Quang	Hưng	Nam	07/12/1992				Khá	1140253	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9315	2282-K47F5		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	28/08/1993				Khá	1140254	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9316	2283-K47F5		Hoàng Văn	Khuê	Nam	02/02/1993				Trung bình	1140255	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9317	2284-K47F5		Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	21/09/1993				Khá	1140256	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9318	2285-K47F5		Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	24/09/1993				Giỏi	1140257	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9319	2286-K47F5		Nguyễn Thị	Lĩnh	Nữ	18/10/1993				Khá	1140258	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9320	2287-K47F5		Đặng Kiều	Loan	Nữ	20/08/1993				Khá	1140259	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9321	2288-K47F5		Phan Thị	Minh	Nữ	22/07/1993				Khá	1140260	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9322	2289-K47F5		Nguyễn Thanh	Nga	Nữ	19/08/1993				Khá	1140261	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9323	2290-K47F5		Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	09/03/1993				Khá	1140262	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9324	2291-K47F5		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	21/03/1993				Giỏi	1140263	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9325	2292-K47F5		Lưu Minh	Nguyệt	Nữ	20/07/1993				Khá	1140264	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9326	2293-K47F5		Trương Thị	Nhài	Nữ	18/03/1993				Khá	1140265	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9327	2294-K47F5		Phạm Thị Thúy	Nhung	Nữ	20/03/1993				Giỏi	1140266	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9328	2295-K47F5		Vũ Thị	Nhung	Nữ	02/03/1992				Khá	1140267	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9329	2296-K47F5		Nguyễn Quang	Phú	Nam	10/08/1993				Khá	1140268	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9330	2297-K47F5		Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	27/11/1992				Khá	1140269	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9331	2298-K47F5		Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	08/03/1993				Khá	1140270	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9332	2299-K47F5		Bùi Thị Thanh	Tâm	Nữ	01/05/1993				Khá	1140271	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9333	2300-K47F5		Phạm Thị	Thắm	Nữ	02/06/1992				Khá	1140272	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9334	2301-K47F5		Đỗ Trung	Thành	Nam	23/10/1993				Khá	1140273	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9335	2302-K47F5		Trần Thị	Thảo	Nữ	04/07/1993				Khá	1140274	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9336	2303-K47F5		Lê Thị	Thương	Nữ	08/08/1993				Khá	1140275	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9337	2304-K47F5		Võ Thị	Thúy	Nữ	12/11/1993				Khá	1140276	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9338	2305-K47F5		Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	03/07/1992				Giỏi	1140277	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9339	2306-K47F5		Phạm Hồng	Tiến	Nam	05/04/1993				Khá	1140278	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9340	2307-K47F5		Phan Thị	Trang	Nữ	11/03/1992				Khá	1140279	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9341	2308-K47F5		Đặng Văn	Trường	Nam	05/08/1990				Trung bình	1140280	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9342	2309-K47F5		Đặng Thị	Vân	Nữ	04/08/1993				Khá	1140281	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9343	2310-K47F5		Phạm Thị Tuyết	Vân	Nữ	29/10/1993				Khá	1140282	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9344	2311-K47F5		Hoàng Công	Văn	Nam	25/08/1993				Trung bình	1140283	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9345	2312-K47F5		Đỗ Thị	Xuyến	Nữ	11/04/1993				Khá	1140284	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9346	2313-K48F1		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	03/11/1993				Khá	1140285	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9347	2917-K47F2		Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	23/09/1993				Trung bình	1141227	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9348	2919-K47F2		Đậu Thị	Giang	Nữ	04/07/1993				Khá	1141230	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	280/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9349	2314-K47H1		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	26/05/1993				Khá	1140623	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9350	2315-K47H1		Nguyễn Tiến	Anh	Nam	04/10/1993				Khá	1140624	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9351	2316-K47H1		Lê Thị Minh	Châu	Nữ	27/09/1993				Khá	1140625	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9352	2317-K47H1		Nguyễn Hữu	Cương	Nam	27/11/1993				Khá	1140626	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9353	2318-K47H1		Dương Thị	Diệp	Nữ	20/05/1993				Khá	1140627	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9354	2319-K47H1		Nguyễn Văn	Đông	Nam	05/10/1993				Trung bình	1140628	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9355	2320-K47H1		Bùi Duy	Dũng	Nam	14/10/1993				Khá	1140629	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9356	2321-K47H1		Nguyễn Hương	Giang	Nữ	10/04/1993				Khá	1140630	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9357	2322-K47H1		Hoàng Thị	Hà	Nữ	18/09/1992				Khá	1140631	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9358	2323-K47H1		Nguyễn Mạnh	Hà	Nam	14/08/1993				Khá	1140632	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9359	2324-K47H1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15/12/1992				Giỏi	1140633	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9360	2325-K47H1		Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	21/10/1992				Giỏi	1140634	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9361	2326-K47H1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	02/11/1993				Khá	1140635	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9362	2327-K47H1		Mã Quốc	Hiệp	Nam	22/07/1993				Khá	1140636	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9363	2328-K47H1		Hoàng Thị Thu	Hoài	Nữ	27/10/1993				Khá	1140637	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9364	2329-K47H1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/08/1993				Khá	1140638	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9365	2330-K47H1		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	20/04/1993				Giỏi	1140639	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9366	2331-K47H1		Nguyễn Thị Phương	Huyền	Nữ	17/11/1992				Giỏi	1140640	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9367	2332-K47H1		Vũ Thị	Liên	Nữ	05/09/1993				Khá	1140641	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9368	2333-K47H1		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	12/05/1993				Giỏi	1140642	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9369	2334-K47H1		Quân Trọng	Luật	Nam	20/10/1993				Khá	1140643	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9370	2335-K47H1		Nguyễn Hải	Ly	Nữ	28/10/1993				Giỏi	1140644	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9371	2336-K47H1		Bùi Thị	Mến	Nữ	13/11/1993				Giỏi	1140645	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9372	2337-K47H1		Nguyễn Việt	Nam	Nam	30/08/1993				Khá	1140646	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9373	2338-K47H1		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	27/07/1993				Giỏi	1140647	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9374	2339-K47H1		Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	22/11/1993				Giỏi	1140648	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9375	2340-K47H1		Đào Thị Hồng	Nhung	Nữ	29/09/1993				Khá	1140649	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9376	2341-K47H1		Đoàn Thị	Phương	Nữ	29/01/1993				Giỏi	1140650	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9377	2342-K47H1		Bùi Công	Quân	Nam	11/10/1993				Trung bình	1140651	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9378	2343-K47H1		Bùi Thị	Quý	Nữ	06/03/1993				Khá	1140652	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9379	2344-K47H1		Đào Thị	Tâm	Nữ	18/04/1992				Giỏi	1140653	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9380	2345-K47H1		Đinh Thị	Thanh	Nữ	10/10/1993				Khá	1140654	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9381	2346-K47H1		Phạm Đăng	Thành	Nam	02/09/1993				Khá	1140655	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9382	2347-K47H1		Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	28/09/1992				Khá	1140656	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9383	2348-K47H1		Phạm Phương	Thảo	Nữ	09/09/1993				Khá	1140657	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9384	2349-K47H1		Vũ Thị	Thư	Nữ	10/11/1993				Khá	1140658	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9385	2350-K47H1		Trần Thị Linh	Thùy	Nữ	03/11/1993				Giỏi	1140659	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9386	2351-K47H1		Trần Thị	Trang	Nữ	22/10/1993				Giỏi	1140660	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9387	2352-K47H1		Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	20/07/1993				Giỏi	1140661	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9388	2353-K47H1		Vũ Văn	Trường	Nam	03/09/1993				Khá	1140662	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9389	2354-K47H1		Trương Quang	Tùng	Nam	09/12/1993				Khá	1140663	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9390	2355-K47H1		Nguyễn Hải	Vân	Nữ	20/09/1993				Khá	1140664	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9391	2356-K47H1		Đinh Tuấn	Xuân	Nam	14/05/1993				Giỏi	1140665	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9392	2357-K47H1		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	17/10/1993				Khá	1140666	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9393	2358-K47H2		Nguyễn Hải	Anh	Nữ	20/02/1993				Giỏi	1140667	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9394	2359-K47H2		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	02/09/1993				Giỏi	1140668	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9395	2360-K47H2		Phùng Quốc	Bằng	Nam	21/02/1993				Khá	1140669	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9396	2361-K47H2		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	07/05/1993				Khá	1140670	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9397	2362-K47H2		Trần Văn	Đại	Nam	12/05/1993				Khá	1140671	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9398	2363-K47H2		Bùi Thị	Dung	Nữ	20/02/1992				Khá	1140672	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9399	2364-K47H2		Nguyễn Kim	Dung	Nữ	12/10/1993				Khá	1140673	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9400	2365-K47H2		Nguyễn Văn	Dũng	Nam	07/09/1993				Khá	1140674	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9401	2366-K47H2		Phí Thị Thu	Giang	Nữ	03/05/1993				Giỏi	1140675	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9402	2367-K47H2		Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	15/06/1991				Khá	1140676	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9403	2368-K47H2		Nguyễn Xuân	Hải	Nam	26/11/1993				Khá	1140677	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9404	2369-K47H2		Đoàn Thị	Hằng	Nữ	03/10/1993				Khá	1140678	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9405	2370-K47H2		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	05/03/1993				Khá	1140679	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9406	2371-K47H2		Nguyễn Quỳnh	Hoa	Nữ	31/12/1993				Giỏi	1140680	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9407	2372-K47H2		Vi Thị Bích	Hồng	Nữ	02/10/1993				Khá	1140681	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9408	2373-K47H2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/01/1993				Khá	1140682	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9409	2374-K47H2		Trịnh Thị	Huyền	Nữ	13/08/1993				Khá	1140683	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9410	2375-K47H2		Đỗ Kim	Khuyên	Nữ	18/05/1993				Khá	1140684	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9411	2376-K47H2		Tạ Văn	Kiên	Nam	28/05/1993				Khá	1140685	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9412	2377-K47H2		Nguyễn Tống Mỹ	Linh	Nữ	05/12/1993				Khá	1140686	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9413	2378-K47H2		Phạm Thị	Linh	Nữ	17/11/1993				Giỏi	1140687	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9414	2379-K47H2		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	04/11/1993				Khá	1140688	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9415	2380-K47H2		Lâm Văn	Mạnh	Nam	01/01/1992				Khá	1140689	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9416	2381-K47H2		Đỗ Ngọc	Minh	Nam	27/06/1993				Khá	1140690	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9417	2382-K47H2		Lê Thị	My	Nữ	04/02/1993				Giỏi	1140691	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9418	2383-K47H2		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	23/12/1993				Khá	1140692	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9419	2384-K47H2		Vũ Thị Thúy	Ngọc	Nữ	25/05/1993				Khá	1140693	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9420	2385-K47H2		Nguyễn Hồng	Nguyên	Nam	12/11/1993				Khá	1140694	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9421	2386-K47H2		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	26/09/1993				Giỏi	1140695	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9422	2387-K47H2		Lê Thị	Nhung	Nữ	03/02/1993				Khá	1140696	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9423	2388-K47H2		Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	22/03/1993				Khá	1140697	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9424	2389-K47H2		Trần Thị Mai	Phương	Nữ	08/07/1993				Giỏi	1140698	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9425	2390-K47H2		Hồ Anh	Quang	Nam	29/01/1993				Trung bình	1140699	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9426	2391-K47H2		Đinh Thị	Quý	Nữ	25/09/1993				Giỏi	1140700	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9427	2392-K47H2		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	28/09/1993				Giỏi	1140701	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9428	2393-K47H2		Hoàng Thị	Thanh	Nữ	11/10/1993				Giỏi	1140702	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9429	2394-K47H2		Vũ Thị	Thảo	Nữ	21/06/1993				Giỏi	1140703	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9430	2395-K47H2		Nguyễn Hương	Thu	Nữ	15/03/1993				Khá	1140704	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9431	2396-K47H2		Phạm Thị	Thương	Nữ	07/11/1993				Khá	1140705	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9432	2397-K47H2		Vũ Thị	Thúy	Nữ	07/12/1993				Khá	1140706	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9433	2398-K47H2		Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	01/01/1993				Khá	1140707	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9434	2399-K47H2		Hoàng Việt	Trung	Nam	21/02/1993				Trung bình	1140708	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9435	2400-K47H2		Nguyễn Minh	Tùng	Nam	03/06/1993				Khá	1140709	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9436	2401-K47H2		Triệu Thị	Tươi	Nữ	01/03/1992				Khá	1140710	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9437	2402-K47H2		Lê Thị Hải	Yến	Nữ	15/10/1993				Khá	1140711	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9438	2403-K47H2		Trịnh Thị	Yến	Nữ	22/10/1993				Khá	1140712	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9439	2404-K47H3		Phạm Thúy	Anh	Nữ	05/01/1993				Khá	1140713	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9440	2405-K47H3		Phạm Ngọc	ánh	Nữ	25/09/1993				Khá	1140714	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9441	2406-K47H3		Trần Đức	Chung	Nam	19/08/1992				Trung bình	1140715	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9442	2407-K47H3		Bùi Công	Đạt	Nam	17/01/1993				Trung bình	1140716	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9443	2408-K47H3		Hoàng Tiến	Đạt	Nam	03/10/1993				Trung bình	1140717	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9444	2409-K47H3		Hà Thị	Đôi	Nữ	27/10/1992				Khá	1140718	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9445	2410-K47H3		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	05/02/1993				Giỏi	1140719	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9446	2411-K47H3		Cao Việt	Dũng	Nam	08/08/1993				Trung bình	1140720	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9447	2412-K47H3		Nguyễn Thị	Dương	Nữ	18/11/1992				Giỏi	1140721	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9448	2413-K47H3		Nguyễn Khắc	Hấn	Nam	02/07/1992				Khá	1140722	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9449	2414-K47H3		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	17/02/1993				Khá	1140723	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9450	2415-K47H3		Lâm Mỹ	Hạnh	Nữ	28/08/1992				Khá	1140724	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9451	2416-K47H3		Phan Thị	Hạnh	Nữ	06/08/1993				Khá	1140725	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9452	2417-K47H3		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	16/03/1993				Khá	1140726	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9453	2418-K47H3		Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	15/08/1993				Khá	1140727	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9454	2419-K47H3		Trương Thu	Huyền	Nữ	19/10/1993				Giỏi	1140728	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9455	2420-K47H3		Hoàng Ngọc	Khánh	Nam	25/05/1993				Khá	1140729	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9456	2421-K47H3		Vi Thị Tiểu	Linh	Nữ	16/03/1993				Khá	1140730	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9457	2422-K47H3		Ngô Văn	Lợi	Nam	12/12/1993				Khá	1140731	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9458	2423-K47H3		Vũ Quí	Minh	Nam	27/03/1993				Khá	1140732	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9459	2424-K47H3		Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	05/11/1993				Giỏi	1140733	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9460	2425-K47H3		Phan Thị	Nga	Nữ	03/05/1993				Khá	1140734	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9461	2426-K47H3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	10/12/1993				Khá	1140735	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9462	2427-K47H3		Trần Minh	Nguyệt	Nữ	03/09/1993				Khá	1140736	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9463	2428-K47H3		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	14/04/1993				Khá	1140737	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9464	2429-K47H3		Nguyễn Ngọc	Ninh	Nam	05/06/1993				Khá	1140738	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9465	2430-K47H3		Võ Thị Ngọc	Phú	Nữ	01/10/1993				Khá	1140739	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9466	2431-K47H3		Bùi Thị Thu	Phương	Nữ	05/03/1992				Khá	1140740	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9467	2432-K47H3		Lương Thị Lệ	Quyên	Nữ	15/03/1993				Khá	1140741	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9468	2433-K47H3		Phạm Tuấn	Quỳnh	Nam	23/01/1992				Khá	1140742	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9469	2434-K47H3		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	18/02/1993				Khá	1140743	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9470	2435-K47H3		Hoàng Thị	Thắm	Nữ	18/07/1992				Khá	1140744	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9471	2436-K47H3		Hoàng Thị Hà	Thanh	Nữ	03/12/1993				Giỏi	1140745	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9472	2437-K47H3		Phan Văn	Thế	Nam	01/01/1993				Khá	1140746	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9473	2438-K47H3		Đàm Quang	Thịnh	Nam	05/07/1992				Khá	1140747	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9474	2439-K47H3		Đỗ Hoài	Thu	Nữ	03/07/1993				Khá	1140748	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9475	2440-K47H3		Trần Thị	Thương	Nữ	02/09/1993				Giỏi	1140749	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9476	2441-K47H3		Đỗ Thị Thu	Thủy	Nữ	28/01/1993				Giỏi	1140750	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9477	2442-K47H3		Đỗ Thị	Trang	Nữ	12/12/1993				Khá	1140751	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9478	2443-K47H3		Lý Thị Thu	Trang	Nữ	14/01/1992				Khá	1140752	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9479	2444-K47H3		Trần Thị	Trang	Nữ	04/12/1993				Khá	1140753	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9480	2445-K47H3		Hà Ngọc	Tuấn	Nam	12/02/1993				Khá	1140754	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9481	2446-K47H3		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	05/02/1993				Giỏi	1140755	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9482	2447-K47H3		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	29/07/1993				Khá	1140756	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9483	2448-K47H4		Tạ Tuấn	Anh	Nam	23/04/1992				Khá	1140757	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9484	2449-K47H4		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	17/12/1992				Khá	1140758	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9485	2450-K47H4		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	15/11/1993				Giỏi	1140759	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9486	2451-K47H4		Nguyễn Thế	Biên	Nam	27/08/1993				Khá	1140760	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9487	2452-K47H4		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	01/02/1993				Khá	1140761	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9488	2453-K47H4		Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	24/01/1993				Khá	1140762	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9489	2454-K47H4		Hoàng Thị Thu	Hà	Nữ	25/08/1992				Khá	1140763	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9490	2455-K47H4		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	04/09/1993				Xuất sắc	1140764	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9491	2456-K47H4		Nhữ Thúy	Hằng	Nữ	25/02/1993				Khá	1140765	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9492	2457-K47H4		Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	08/07/1993				Giỏi	1140766	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9493	2458-K47H4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	05/03/1993				Khá	1140767	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9494	2459-K47H4		Đoàn Thị	Hòa	Nữ	28/12/1993				Khá	1140768	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9495	2460-K47H4		Hoàng Thị	Huế	Nữ	17/03/1993				Khá	1140769	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9496	2461-K47H4		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	14/11/1993				Khá	1140770	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9497	2462-K47H4		Quán Trọng	Hường	Nam	17/07/1993				Trung bình	1140771	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9498	2463-K47H4		Đoàn Thị Thanh	Huyền	Nữ	23/04/1993				Khá	1140772	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9499	2464-K47H4		Phạm Khắc	Khoa	Nam	16/03/1993				Khá	1140773	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9500	2465-K47H4		Võ Thị	Lam	Nữ	04/02/1993				Khá	1140774	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9501	2466-K47H4		Mã Thị	Liễu	Nữ	23/09/1992				Khá	1140775	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9502	2467-K47H4		Bùi Thị Mai	Linh	Nữ	26/11/1993				Giỏi	1140776	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9503	2468-K47H4		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	02/03/1993				Giỏi	1140777	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9504	2469-K47H4		Đào Nhật	Long	Nam	21/09/1993				Khá	1140778	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9505	2470-K47H4		Bế Khánh	Ly	Nữ	06/08/1992				Khá	1140779	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9506	2471-K47H4		Hà Hải	Nam	Nam	26/02/1993				Khá	1140780	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9507	2472-K47H4		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	15/06/1993				Khá	1140781	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9508	2473-K47H4		Lê Thị Thái	Ngân	Nữ	17/11/1993				Khá	1140782	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9509	2474-K47H4		Đoàn Thanh	Nhàn	Nữ	16/04/1993				Khá	1140783	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9510	2475-K47H4		Vũ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/12/1993				Khá	1140784	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9511	2476-K47H4		Trần Thị Kim	Phụng	Nữ	08/03/1993				Khá	1140785	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9512	2477-K47H4		Lưu Thị Minh	Phương	Nữ	14/06/1993				Khá	1140786	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9513	2478-K47H4		Phạm Thị Thu	Phương	Nữ	03/08/1993				Khá	1140787	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9514	2479-K47H4		Ngô Minh	Quân	Nam	23/11/1993				Khá	1140788	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9515	2480-K47H4		Vũ Văn	Quý	Nam	15/03/1993				Khá	1140789	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9516	2481-K47H4		Cao Thị	Sâm	Nữ	24/05/1993				Khá	1140790	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9517	2482-K47H4		Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	13/01/1993				Giỏi	1140791	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9518	2483-K47H4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	30/03/1993				Khá	1140792	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9519	2484-K47H4		Trịnh Phương	Thảo	Nữ	29/08/1993				Giỏi	1140793	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9520	2485-K47H4		Nguyễn Công	Thịnh	Nam	16/05/1993				Khá	1140794	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9521	2486-K47H4		Phạm Thị Hoài	Thu	Nữ	23/06/1993				Giỏi	1140795	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9522	2487-K47H4		Đỗ Thị Minh	Thúy	Nữ	14/05/1993				Xuất sắc	1140796	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9523	2488-K47H4		Hoàng Minh	Tiến	Nam	27/04/1993				Khá	1140797	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9524	2489-K47H4		Hoàng Thị	Trang	Nữ	10/10/1992				Giỏi	1140798	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9525	2490-K47H4		Ngô Thị Ngọc	Trang	Nữ	20/10/1993				Giỏi	1140799	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9526	2491-K47H4		Mai Thị	Tươi	Nữ	05/07/1993				Khá	1140800	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9527	2492-K47H4		Ngô Thị	Xuân	Nữ	01/11/1993				Khá	1140801	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9528	2493-K47H4		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	05/11/1993				Khá	1140802	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9529	2494-K47H5		Lê Ngọc	Anh	Nam	08/02/1993				Trung bình	1140803	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9530	2495-K47H5		Trương Thị	Châm	Nữ	15/08/1993				Giỏi	1140804	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9531	2496-K47H5		Nguyễn Hoàng	Công	Nam	07/03/1993				Khá	1140805	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9532	2497-K47H5		Vũ Văn	Đỗ	Nam	27/08/1993				Trung bình	1140806	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9533	2498-K47H5		Lê Thị	Đoan	Nữ	09/11/1992				Trung bình	1140807	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9534	2499-K47H5		Nguyễn Quang	Duy	Nam	20/06/1993				Trung bình	1140808	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9535	2500-K47H5		Phùng Thị	Giang	Nữ	04/12/1993				Giỏi	1140809	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9536	2501-K47H5		Bùi Thị Ngọc	Hân	Nữ	12/07/1993				Khá	1140810	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9537	2502-K47H5		Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	28/02/1993				Khá	1140811	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9538	2503-K47H5		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	29/04/1993				Giỏi	1140812	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9539	2504-K47H5		Lại Thị	Hảo	Nữ	06/09/1993				Giỏi	1140813	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9540	2505-K47H5		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	17/11/1993				Khá	1140814	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9541	2506-K47H5		Trương Văn	Hùng	Nam	14/03/1993				Khá	1140815	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9542	2507-K47H5		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/04/1993				Giỏi	1140816	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9543	2508-K47H5		Đinh Thị Khánh	Huyền	Nữ	23/06/1993				Khá	1140817	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9544	2509-K47H5		Lê Thị	Huyền	Nữ	20/06/1993				Khá	1140818	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9545	2510-K47H5		Đỗ Thị	Liên	Nữ	20/12/1993				Khá	1140819	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9546	2511-K47H5		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	13/07/1993				Giỏi	1140820	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9547	2512-K47H5		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	24/11/1993				Khá	1140821	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9548	2513-K47H5		Bùi Ngọc	Luân	Nam	23/09/1993				Khá	1140822	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9549	2514-K47H5		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	11/05/1993				Giỏi	1140823	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9550	2515-K47H5		Nông Thị Thảo	My	Nữ	11/12/1992				Khá	1140824	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9551	2516-K47H5		Lê Thị	Nga	Nữ	22/04/1993				Khá	1140825	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9552	2517-K47H5		Lương Thị	Nga	Nữ	27/08/1993				Giỏi	1140826	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9553	2518-K47H5		Trần Thị	Ngọc	Nữ	05/02/1992				Giỏi	1140827	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9554	2519-K47H5		Phạm Thị Kiều	Nhi	Nữ	27/02/1993				Giỏi	1140828	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9555	2520-K47H5		Hoàng Cẩm	Nhung	Nữ	13/08/1992				Khá	1140829	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9556	2521-K47H5		Vũ Thị Lan	Phương	Nữ	29/03/1993				Khá	1140831	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9557	2522-K47H5		Hoàng Tiến	Quân	Nữ	21/09/1993				Giỏi	1140832	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9558	2523-K47H5		Đỗ Thị Hoa	Sim	Nữ	04/12/1993				Giỏi	1140830	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9559	2524-K47H5		Hoàng Văn	Soái	Nam	04/05/1992				Trung bình	1140833	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9560	2525-K47H5		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	03/09/1993				Khá	1140834	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9561	2526-K47H5		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	04/08/1993				Khá	1140835	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9562	2527-K47H5		Phạm Thị Huyền	Thư	Nữ	26/11/1993				Khá	1140836	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9563	2528-K47H5		Nguyễn Đoàn Hoài	Thương	Nữ	25/09/1993				Khá	1140837	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9564	2529-K47H5		Nguyễn Thạc Phương	Thúy	Nữ	23/01/1993				Xuất sắc	1140838	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9565	2530-K47H5		Nguyễn Dương	Thùy	Nữ	20/06/1993				Khá	1140839	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9566	2531-K47H5		Phạm Thị Thùy	Tiên	Nữ	25/08/1993				Giỏi	1140840	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9567	2532-K47H5		Phùng Văn	Tốt	Nam	13/09/1993				Trung bình	1140841	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9568	2533-K47H5		Lê Xuân	Trường	Nam	05/11/1993				Khá	1140842	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9569	2534-K47H5		Nguyễn Tiến	Tùng	Nam	09/11/1992				Khá	1140843	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9570	2535-K47H5		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	07/12/1992				Khá	1140844	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9571	2910-K47H3		Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	11/07/1992				Giỏi	1141219	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9572	2911-K44H6		Trần Đức	Văn	Nam	04/08/1990				Trung bình	1141220	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	282/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9573	2536-K47S1		Nguyễn Hoàng	Giang	Nam	14/12/1993				Khá	1140845	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9574	2537-K47S1		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	27/08/1993				Giỏi	1140846	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9575	2538-K47S1		Trần Thị	Hạnh	Nữ	24/09/1993				Khá	1140847	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9576	2539-K47S1		Lê Thị	Hiền	Nữ	26/09/1993				Khá	1140848	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9577	2540-K47S1		Đặng Thị	Hòa	Nữ	10/05/1993				Khá	1140849	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9578	2541-K47S1		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	13/02/1993				Khá	1140850	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9579	2542-K47S1		Nguyễn Phạm Liên	Hương	Nữ	02/07/1993				Khá	1140851	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9580	2543-K47S1		Nguyễn Thị	Khanh	Nữ	18/01/1993				Khá	1140852	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9581	2544-K47S1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	18/06/1993				Giỏi	1140853	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9582	2545-K47S1		Trần Thị	Lệ	Nữ	04/10/1993				Khá	1140854	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9583	2546-K47S1		Bùi Thị Mai	Linh	Nữ	21/10/1993				Giỏi	1140855	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9584	2547-K47S1		Phạm Thị	Linh	Nữ	15/06/1993				Khá	1140856	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9585	2548-K47S1		Nguyễn Quốc Bảo	Long	Nam	01/09/1993				Khá	1140857	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9586	2549-K47S1		Nguyễn Văn	Luyến	Nam	10/11/1993				Trung bình	1140858	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9587	2550-K47S1		Hoàng Thị Hiền	Minh	Nữ	21/09/1993				Khá	1140859	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9588	2551-K47S1		Khương Thị	Ngoan	Nữ	07/12/1992				Khá	1140860	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9589	2552-K47S1		Lã Hồng	Ngọc	Nam	25/08/1993				Trung bình	1140861	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9590	2553-K47S1		Lương Thị Bích	Ngọc	Nữ	08/05/1993				Khá	1140862	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9591	2554-K47S1		Vũ Thị	Như	Nữ	03/08/1993				Khá	1140863	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9592	2555-K47S1		Võ Thị Hồng	Oanh	Nữ	27/02/1992				Khá	1140864	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9593	2556-K47S1		Trần Thị	Phượng	Nữ	16/03/1993				Giỏi	1140865	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9594	2557-K47S1		Nguyễn Thị	Quý	Nữ	03/10/1993				Xuất sắc	1140866	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9595	2558-K47S1		Lâm Thị	Sen	Nữ	20/02/1993				Khá	1140867	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9596	2559-K47S1		Nguyễn Thanh	Thanh	Nữ	21/11/1993				Khá	1140868	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9597	2560-K47S1		Hồ Anh	Thế	Nam	24/11/1993				Trung bình	1140869	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9598	2561-K47S1		Phạm Thị	Thịnh	Nữ	01/01/1993				Khá	1140870	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9599	2562-K47S1		Đào Thị	Thương	Nữ	22/08/1993				Khá	1140871	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9600	2563-K47S1		Mai Thị Phương	Trinh	Nữ	07/09/1993				Trung bình	1140872	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9601	2564-K47S1		Nguyễn Thanh	Tuyền	Nam	02/12/1992				Khá	1140873	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9602	2565-K47S1		Đỗ Thị Cẩm	Vân	Nữ	04/08/1993				Khá	1140874	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9603	2566-K47S2		Vũ Thị Thanh	An	Nữ	16/06/1993				Khá	1140875	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9604	2567-K47S2		Ngô Việt	Anh	Nam	14/01/1993				Trung bình	1140876	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9605	2568-K47S2		Vũ Tùng	Chi	Nữ	09/01/1993				Giỏi	1140877	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9606	2569-K47S2		Nguyễn Hữu	Cường	Nam	05/02/1992				Giỏi	1140878	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9607	2570-K47S2		Trịnh Tiến	Dũng	Nam	09/09/1993				Trung bình	1140879	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9608	2571-K47S2		Nông Thị Thu	Hà	Nữ	11/01/1993				Khá	1140880	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9609	2572-K47S2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	01/04/1992				Khá	1140881	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9610	2573-K47S2		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	19/03/1992				Khá	1140882	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9611	2574-K47S2		Hoàng Thị	Hồng	Nữ	08/11/1993				Khá	1140883	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9612	2575-K47S2		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	09/02/1993				Khá	1140884	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9613	2576-K47S2		Hoàng Thị	Lan	Nữ	04/10/1993				Khá	1140885	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9614	2577-K47S2		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	18/11/1993				Khá	1140886	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9615	2578-K47S2		Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	15/01/1993				Khá	1140887	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9616	2579-K47S2		Nguyễn Thị Mĩ	Linh	Nữ	20/09/1993				Trung bình	1140888	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9617	2580-K47S2		Nguyễn Hoàng	Long	Nam	26/09/1993				Trung bình	1140889	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9618	2581-K47S2		Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	26/05/1993				Khá	1140890	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9619	2582-K47S2		Nguyễn Quang	Nghĩa	Nam	21/02/1993				Khá	1140891	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9620	2583-K47S2		Bùi Thị	Ngọc	Nữ	20/03/1993				Khá	1140892	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9621	2584-K47S2		Lê Bích	Ngọc	Nữ	03/02/1993				Khá	1140893	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9622	2585-K47S2		Nguyễn Bảo	Ngọc	Nam	17/10/1993				Khá	1140894	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9623	2586-K47S2		Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	06/09/1993				Khá	1140895	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9624	2587-K47S2		Trần Thị	Nhàn	Nữ	04/04/1991				Khá	1140896	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9625	2588-K47S2		Nguyễn Thị	Sáng	Nữ	03/10/1993				Trung bình	1140897	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9626	2589-K47S2		Trương Thị	Thoa	Nữ	12/06/1993				Khá	1140898	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9627	2590-K47S2		Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	05/08/1993				Khá	1140899	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9628	2591-K47S2		Tạ Thị Anh	Thư	Nữ	12/08/1993				Khá	1140900	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9629	2592-K47S2		Trần Thị Thanh	Thương	Nữ	02/09/1993				Giỏi	1140901	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9630	2593-K47S2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11/04/1993				Khá	1140902	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9631	2594-K47S2		Vũ Thị	Xuân	Nữ	27/08/1993				Trung bình	1140903	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9632	2595-K47S3		Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	06/02/1993				Khá	1140904	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9633	2596-K47S3		Trần Trung	Anh	Nữ	21/12/1993				Khá	1140905	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9634	2597-K47S3		Kim Văn	Bảo	Nam	03/03/1993				Trung bình	1140906	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9635	2598-K47S3		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	22/11/1993				Khá	1140907	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9636	2599-K47S3		Vũ Thị	Hà	Nữ	10/11/1993				Khá	1140908	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9637	2600-K47S3		Lê Thị	Hoa	Nữ	05/02/1993				Khá	1140909	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9638	2601-K47S3		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	13/01/1993				Khá	1140910	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9639	2602-K47S3		Võ	Huy	Nam	18/11/1993				Khá	1140911	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9640	2603-K47S3		Lê Ngọc	Huyền	Nữ	09/05/1993				Khá	1140912	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9641	2604-K47S3		Trần Thị Phương	Lan	Nữ	16/07/1993				Khá	1140913	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9642	2605-K47S3		Hoàng Thị	Liên	Nữ	20/04/1993				Khá	1140914	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9643	2606-K47S3		Cao Thị Mỹ	Linh	Nữ	13/10/1993				Khá	1140915	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9644	2607-K47S3		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	16/09/1993				Khá	1140916	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9645	2608-K47S3		Nguyễn Hải	Long	Nam	21/07/1993				Khá	1140917	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9646	2609-K47S3		Bùi Khánh	Ly	Nữ	02/09/1992				Khá	1140918	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9647	2610-K47S3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	10/12/1993				Khá	1140919	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9648	2611-K47S3		Lê Thị	Ngoãn	Nữ	25/07/1993				Khá	1140920	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9649	2612-K47S3		Nguyễn Hoàng	Ngọc	Nam	20/10/1993				Khá	1140921	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9650	2613-K47S3		Trịnh Thị	Ngọc	Nữ	30/10/1993				Khá	1140922	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9651	2614-K47S3		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	08/03/1993				Khá	1140923	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9652	2615-K47S3		Phan Quý	Nhân	Nam	12/11/1993				Trung bình	1140924	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9653	2616-K47S3		Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	04/11/1993				Giỏi	1140925	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9654	2617-K47S3		Ngô Hoàng	Quý	Nam	15/12/1993				Khá	1140926	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9655	2618-K47S3		Tạ Thị	Quý	Nữ	27/05/1993				Khá	1140927	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9656	2619-K47S3		Đinh Thị	Sương	Nữ	02/12/1992				Khá	1140928	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9657	2620-K47S3		Lê Thị	Thu	Nữ	28/09/1992				Khá	1140929	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9658	2621-K47S3		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	03/06/1993				Khá	1140930	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9659	2622-K47S3		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	10/07/1993				Khá	1140931	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9660	2623-K47S3		Đặng Văn	Toàn	Nam	28/11/1993				Trung bình	1140932	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9661	2624-K47S3		Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	02/09/1993				Khá	1140933	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9662	2625-K47S4		Đinh Thị Vân	Anh	Nữ	18/10/1992				Khá	1140934	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9663	2626-K47S4		Phạm Quốc	Biên	Nam	15/08/1991				Khá	1140935	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9664	2627-K47S4		Hồ Thị Thanh	Bình	Nữ	16/05/1993				Khá	1140936	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9665	2628-K47S4		Trương Thị	Đào	Nữ	19/04/1992				Khá	1140937	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9666	2629-K47S4		Bùi Thanh	Dung	Nữ	11/12/1993				Khá	1140938	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9667	2630-K47S4		Trần Thị Ngân	Hà	Nữ	28/09/1993				Khá	1140939	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9668	2631-K47S4		Cung Thị	Hằng	Nữ	23/02/1992				Khá	1140940	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9669	2632-K47S4		Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	12/08/1993				Giỏi	1140941	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9670	2633-K47S4		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	24/10/1993				Khá	1140942	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9671	2634-K47S4		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	13/01/1993				Khá	1140943	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9672	2635-K47S4		Đoàn Ngọc	Hoa	Nữ	25/08/1993				Khá	1140944	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9673	2636-K47S4		Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	Nữ	03/09/1993				Khá	1140945	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9674	2637-K47S4		Trần Thị Ngọc	Hòa	Nữ	18/06/1993				Khá	1140946	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9675	2638-K47S4		Vũ Thị	Hồng	Nữ	18/05/1993				Trung bình	1140947	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9676	2639-K47S4		Nguyễn Mai	Hương	Nữ	25/05/1992				Khá	1140948	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9677	2640-K47S4		Bùi Văn	Hữu	Nam	15/03/1993				Khá	1140949	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9678	2641-K47S4		Trương Thị	Huyền	Nữ	21/10/1993				Khá	1140950	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9679	2642-K47S4		Bùi Thị	Lam	Nữ	15/05/1993				Khá	1140951	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9680	2643-K47S4		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	29/08/1993				Giỏi	1140952	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9681	2644-K47S4		Lê Thị Hoàng	Loan	Nữ	12/04/1993				Khá	1140953	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9682	2645-K47S4		Hoàng Thị Thúy	Nga	Nữ	11/02/1993				Khá	1140954	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9683	2646-K47S4		Nguyễn Hoàng Đại	Ngọc	Nữ	22/12/1993				Khá	1140955	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9684	2647-K47S4		Vũ Văn	Phong	Nam	20/02/1992				Trung bình	1140956	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9685	2648-K47S4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/04/1993				Giỏi	1140957	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9686	2649-K47S4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	03/03/1993				Giỏi	1140958	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9687	2650-K47S4		Nguyễn Minh	Quý	Nam	05/09/1993				Khá	1140959	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9688	2651-K47S4		Phạm Thị Lệ	Quyên	Nữ	16/06/1993				Khá	1140960	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9689	2652-K47S4		Vũ Văn	Sự	Nam	13/09/1993				Khá	1140961	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9690	2653-K47S4		Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	18/08/1993				Trung bình	1140962	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9691	2654-K47S4		Ngô Thị Thu	Thắm	Nữ	15/11/1993				Khá	1140963	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9692	2655-K47S4		Trần Nguyên	Thảo	Nữ	28/03/1993				Khá	1140964	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9693	2656-K47S4		Đinh Văn	Thịnh	Nam	10/12/1993				Khá	1140965	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9694	2657-K47S4		Hoàng Thị Ngọc	Thùy	Nữ	13/06/1993				Giỏi	1140966	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9695	2658-K47S4		Phan Thị Thùy	Tiên	Nữ	28/10/1992				Giỏi	1140967	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9696	2659-K47S4		Vũ Văn	Tiến	Nam	02/05/1993				Khá	1140968	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9697	2660-K47S4		Lê Thị Thu	Trang	Nữ	09/08/1993				Khá	1140969	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9698	2661-K47S4		Phạm Thị Thiên	Trang	Nữ	19/10/1993				Khá	1140970	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9699	2662-K47S4		Vũ Thị	Tuyết	Nữ	10/01/1993				Khá	1140971	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9700	2663-K47S4		Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	06/03/1993				Khá	1140972	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9701	2664-K47S5		Nguyễn Trung	Anh	Nam	04/04/1993				Khá	1140973	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9702	2665-K47S5		Nguyễn Thị Hồng	ánh	Nữ	27/12/1993				Khá	1140974	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9703	2666-K47S5		Vũ Đăng	Bình	Nam	12/01/1993				Khá	1140975	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9704	2667-K47S5		Phạm Thị	Diệp	Nữ	03/09/1993				Khá	1140976	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9705	2668-K47S5		Nguyễn Thế	Đức	Nam	13/08/1993				Khá	1140977	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9706	2669-K47S5		Lương Thị Kim	Dung	Nữ	25/10/1993				Khá	1140978	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9707	2670-K47S5		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	02/04/1993				Khá	1140979	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9708	2671-K47S5		Trần Thu	Hà	Nữ	11/10/1993				Khá	1140980	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9709	2672-K47S5		Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	18/07/1992				Giỏi	1140981	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9710	2673-K47S5		Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	09/03/1993				Khá	1140982	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9711	2674-K47S5		Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	01/09/1993				Khá	1140983	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9712	2675-K47S5		Bùi Thị Hồng	Hiên	Nữ	07/08/1993				Khá	1140984	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9713	2676-K47S5		Đới Ngọc	Hoa	Nữ	26/11/1993				Khá	1140985	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9714	2677-K47S5		Trần Thị Phương	Hoa	Nữ	10/02/1993				Khá	1140986	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9715	2678-K47S5		Võ Thị	Hồng	Nữ	06/09/1992				Giỏi	1140987	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9716	2679-K47S5		Cao Thị Thanh	Hương	Nữ	12/06/1992				Khá	1140988	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9717	2680-K47S5		Hà Thị Lan	Hương	Nữ	17/12/1993				Khá	1140989	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9718	2681-K47S5		Nguyễn Quang	Hưởng	Nam	20/11/1990				Khá	1140990	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9719	2682-K47S5		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	27/12/1993				Trung bình	1140991	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9720	2683-K47S5		Dương Thị	Liễu	Nữ	09/11/1993				Khá	1140992	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9721	2684-K47S5		Phạm Thị	Minh	Nữ	10/11/1992				Trung bình	1140993	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9722	2685-K47S5		Lê Thị Phương	Ngân	Nữ	09/10/1993				Khá	1140994	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9723	2686-K47S5		Vũ Thị Bích	Ngọc	Nữ	31/05/1992				Giỏi	1140995	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9724	2687-K47S5		Hoàng Thị Hà	Phương	Nữ	28/09/1993				Khá	1140996	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9725	2688-K47S5		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	20/11/1993				Khá	1140997	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9726	2689-K47S5		Lê Như	Quý	Nam	15/02/1993				Khá	1140998	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9727	2690-K47S5		Lại Thị	Quỳnh	Nữ	12/12/1993				Khá	1140999	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9728	2691-K47S5		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	26/07/1993				Khá	1141000	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9729	2692-K47S5		Lê Thị	Thanh	Nữ	22/05/1993				Khá	1141001	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9730	2693-K47S5		Trần Thị	Thọ	Nữ	10/08/1993				Khá	1141002	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9731	2694-K47S5		Vũ Thị Hồng	Thương	Nữ	14/03/1993				Khá	1141003	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9732	2695-K47S5		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	08/03/1993				Khá	1141004	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9733	2696-K47S5		Trịnh Thị	Thùy	Nữ	06/03/1993				Khá	1141005	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9734	2697-K47S5		Đỗ Thùy	Tỏ	Nữ	03/09/1993				Khá	1141006	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9735	2698-K47S5		Bùi Thị Minh	Trang	Nữ	04/09/1993				Khá	1141007	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9736	2699-K47S5		Phạm Thị Quỳnh	Trang	Nữ	25/07/1993				Giỏi	1141008	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9737	2700-K47S5		Trần Ngọc Diệp	Tú	Nữ	29/10/1993				Khá	1141009	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9738	2701-K47S5		Nguyễn Thanh	Tuân	Nam	19/02/1993				Khá	1141010	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9739	2702-K47S5		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	20/10/1993				Khá	1141011	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9740	2703-K47S5		Nguyễn Thị	Viện	Nữ	06/06/1992				Khá	1141012	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9741	2704-K47S5		Từ Thị Hải	Yến	Nữ	12/01/1993				Giỏi	1141013	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	283/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9742	2705-K47N1		Ngô Thị	Bích	Nữ	02/09/1993				Khá	1141014	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9743	2706-K47N1		Đinh Thị Anh	Đào	Nữ	09/10/1993				Trung bình	1141015	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9744	2707-K47N1		Phạm Thùy	Dương	Nữ	16/01/1993				Khá	1141016	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9745	2708-K47N1		Lê Vũ Hương	Giang	Nữ	08/07/1993				Khá	1141017	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9746	2709-K47N1		Nguyễn Trần Thu	Hà	Nữ	19/05/1992				Khá	1141018	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9747	2710-K47N1		Trương Đức	Hải	Nam	23/05/1993				Khá	1141019	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9748	2711-K47N1		Phạm Thị	Hằng	Nữ	26/12/1993				Trung bình	1141020	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9749	2712-K47N1		Bùi Thị	Hạnh	Nữ	20/12/1993				Khá	1141021	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9750	2713-K47N1		Phùng Thị Thu	Hiền	Nữ	03/12/1992				Khá	1141022	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9751	2714-K47N1		Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	04/01/1993				Khá	1141023	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9752	2715-K47N1		Khuất Thị	Huệ	Nữ	23/08/1993				Khá	1141024	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9753	2716-K47N1		Đinh Thị Thu	Hương	Nữ	16/11/1993				Khá	1141025	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9754	2717-K47N1		Hà Thị	Hương	Nữ	03/01/1993				Khá	1141026	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9755	2718-K47N1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	05/06/1993				Trung bình	1141027	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9756	2719-K47N1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/10/1993				Khá	1141028	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9757	2720-K47N1		Vũ Thị	Lâm	Nữ	05/06/1992				Khá	1141029	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9758	2721-K47N1		Hoàng Huyền	Ly	Nữ	22/09/1993				Khá	1141030	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9759	2722-K47N1		Phạm Thị Hồng	Nga	Nữ	27/03/1993				Khá	1141031	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9760	2723-K47N1		Cao Thị ánh	Ngọc	Nữ	12/08/1993				Trung bình	1141032	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9761	2724-K47N1		Đỗ Thị	Ngọc	Nữ	30/09/1993				Trung bình	1141033	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9762	2725-K47N1		Trần Thị	Nguyệt	Nữ	05/03/1993				Giỏi	1141034	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9763	2726-K47N1		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	12/07/1993				Khá	1141035	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9764	2727-K47N1		Đinh Thị	Phượng	Nữ	30/08/1993				Khá	1141036	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9765	2728-K47N1		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	12/05/1993				Khá	1141037	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9766	2729-K47N1		Vũ Tuấn	Sơn	Nam	18/05/1993				Khá	1141038	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9767	2730-K47N1		Đinh Thị	Thanh	Nữ	10/10/1993				Khá	1141039	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9768	2731-K47N1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	27/09/1992				Khá	1141040	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9769	2732-K47N1		Trần Thị	Thảo	Nữ	16/02/1993				Khá	1141041	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9770	2733-K47N1		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	20/09/1992				Khá	1141042	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9771	2734-K47N1		Lương Thị	Thùy	Nữ	23/06/1993				Khá	1141043	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9772	2735-K47N1		Vũ Phương	Thùy	Nữ	25/04/1993				Khá	1141044	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9773	2736-K47N1		Phùng Ngọc	Tới	Nam	03/09/1993				Trung bình	1141045	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9774	2737-K47N1		Khiêu Thị Quỳnh	Trang	Nữ	05/04/1993				Trung bình	1141046	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9775	2738-K47N1		Nguyễn Bảo	Trang	Nữ	01/12/1993				Khá	1141047	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9776	2739-K47N1		Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	13/07/1993				Khá	1141048	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9777	2740-K47N1		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	01/06/1993				Trung bình	1141049	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9778	2741-K47N1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	06/09/1993				Khá	1141050	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9779	2742-K47N2		Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	13/11/1993				Khá	1141051	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9780	2743-K47N2		Lê Ngọc Bảo	Châu	Nữ	30/10/1993				Giỏi	1141052	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9781	2744-K47N2		Đỗ Thị	Đào	Nữ	28/04/1993				Khá	1141053	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9782	2745-K47N2		Trần Quang	Đạo	Nam	24/10/1993				Giỏi	1141054	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9783	2746-K47N2		Phạm Thị Thanh	Dung	Nữ	12/01/1993				Khá	1141055	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9784	2747-K47N2		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	08/09/1993				Khá	1141056	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9785	2748-K47N2		Bùi Thị	Hà	Nữ	04/12/1993				Khá	1141057	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9786	2749-K47N2		Trần Thanh	Hằng	Nữ	01/08/1993				Khá	1141058	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9787	2750-K47N2		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	12/09/1993				Khá	1141059	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9788	2751-K47N2		Bùi Thị	Hiên	Nữ	24/07/1993				Khá	1141060	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9789	2752-K47N2		Viên Thị Thu	Hiền	Nữ	02/06/1993				Khá	1141061	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9790	2753-K47N2		Cần Vũ Quỳnh	Hoa	Nữ	19/08/1993				Giỏi	1141062	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9791	2754-K47N2		Trương Thị	Huế	Nữ	11/07/1993				Khá	1141063	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9792	2755-K47N2		Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	28/10/1993				Khá	1141064	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9793	2756-K47N2		Lê Hồng	Hường	Nam	19/07/1992				Khá	1141065	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9794	2757-K47N2		Hà Thị Thanh	Huyền	Nữ	20/10/1993				Khá	1141066	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9795	2758-K47N2		Mẫn Thị	Liên	Nữ	11/02/1993				Khá	1141067	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9796	2759-K47N2		Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	16/10/1992				Khá	1141068	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9797	2760-K47N2		Đỗ Mạnh	Linh	Nam	13/08/1993				Khá	1141069	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9798	2761-K47N2		Nguyễn Thị Ngọc	Ly	Nữ	26/12/1993				Khá	1141070	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9799	2762-K47N2		Mai Thị	Mai	Nữ	06/09/1993				Khá	1141071	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9800	2763-K47N2		Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	30/11/1993				Khá	1141072	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9801	2764-K47N2		Đỗ Thị Bích	Ngọc	Nữ	08/08/1993				Khá	1141073	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9802	2765-K47N2		Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	12/06/1993				Khá	1141074	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9803	2766-K47N2		Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	16/04/1993				Khá	1141075	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9804	2767-K47N2		Trần Thị Bích	Phương	Nữ	20/05/1993				Khá	1141076	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9805	2768-K47N2		Lê Thị	Phượng	Nữ	15/02/1993				Khá	1141077	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9806	2769-K47N2		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	10/05/1993				Khá	1141078	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9807	2770-K47N2		Phạm Văn	Sang	Nam	27/07/1993				Khá	1141079	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9808	2771-K47N2		Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	17/01/1993				Giỏi	1141080	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9809	2772-K47N2		Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	17/02/1993				Trung bình	1141081	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9810	2773-K47N2		Đỗ Thị	Thoa	Nữ	05/10/1993				Khá	1141082	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9811	2774-K47N2		Trịnh Thị	Thương	Nữ	10/09/1993				Khá	1141083	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9812	2775-K47N2		Hoàng Thị	Thúy	Nữ	15/03/1991				Khá	1141084	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9813	2776-K47N2		Lê Thị	Trang	Nữ	05/11/1992				Khá	1141085	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9814	2777-K47N2		Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	13/08/1993				Khá	1141086	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9815	2778-K47N2		Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	21/09/1993				Trung bình	1141087	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9816	2779-K47N2		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	07/09/1993				Trung bình	1141088	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9817	2780-K47N2		Kiều Phi	Yến	Nữ	08/08/1993				Khá	1141089	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9818	2781-K47N3		Đặng Tuấn	Anh	Nữ	07/10/1993				Trung bình	1141090	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9819	2782-K47N3		Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	22/11/1993				Giỏi	1141091	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9820	2783-K47N3		Lý Kim	Chi	Nữ	05/11/1993				Trung bình	1141092	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9821	2784-K47N3		Phan Thị	Đào	Nữ	11/09/1993				Khá	1141093	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9822	2785-K47N3		Trương Thị	Dung	Nữ	15/03/1993				Khá	1141094	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9823	2786-K47N3		Trần Thị Trà	Giang	Nữ	06/03/1993				Khá	1141095	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9824	2787-K47N3		Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	12/06/1993				Giỏi	1141096	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9825	2788-K47N3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	17/05/1993				Khá	1141097	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9826	2789-K47N3		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	26/01/1993				Khá	1141098	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9827	2790-K47N3		Lê Thị	Hạnh	Nữ	18/03/1993				Khá	1141099	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9828	2791-K47N3		Trần Thị	Hiền	Nữ	16/02/1992				Khá	1141100	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9829	2792-K47N3		Phan Thị	Hiếu	Nữ	01/09/1993				Trung bình	1141101	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9830	2793-K47N3		Đinh Văn	Hùng	Nam	20/01/1993				Khá	1141102	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9831	2794-K47N3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	12/11/1993				Khá	1141103	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9832	2795-K47N3		Mai Thị Thu	Huyền	Nữ	05/08/1993				Khá	1141104	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9833	2796-K47N3		Phạm Thị	Huyền	Nữ	05/08/1993				Khá	1141105	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9834	2797-K47N3		Lê Thị	Liên	Nữ	24/05/1993				Khá	1141106	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9835	2798-K47N3		Vũ Thị	Liễu	Nữ	03/11/1993				Khá	1141107	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9836	2799-K47N3		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	07/08/1993				Khá	1141108	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9837	2800-K47N3		Nguyễn Xuân	Mạnh	Nam	16/03/1993				Giỏi	1141109	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9838	2801-K47N3		Nguyễn Thị	Mây	Nữ	04/05/1992				Khá	1141110	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9839	2802-K47N3		Nguyễn Thị Huyền	My	Nữ	12/01/1993				Khá	1141111	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9840	2803-K47N3		Trương Thị Thu	Ngọc	Nữ	20/12/1992				Trung bình	1141112	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9841	2804-K47N3		Lang Thị	Nhung	Nữ	01/09/1993				Trung bình	1141113	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9842	2805-K47N3		Lê Thị Hồng	Nụ	Nữ	22/01/1993				Khá	1141114	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9843	2806-K47N3		Bùi Thị	Phương	Nữ	11/02/1993				Khá	1141115	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9844	2807-K47N3		Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	06/05/1992				Khá	1141116	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9845	2808-K47N3		Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	09/07/1993				Khá	1141117	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9846	2809-K47N3		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	02/09/1993				Trung bình	1141118	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9847	2810-K47N3		Phạm Thị	Thoa	Nữ	14/06/1993				Giỏi	1141119	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9848	2811-K47N3		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	15/04/1993				Trung bình	1141120	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9849	2812-K47N3		Dương Thị	Thúy	Nữ	21/05/1993				Trung bình	1141121	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9850	2813-K47N3		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	19/08/1993				Khá	1141122	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9851	2814-K47N3		Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	09/09/1993				Khá	1141123	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9852	2815-K47N3		Bùi Minh	Trang	Nữ	25/05/1993				Khá	1141124	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9853	2816-K47N3		Lê Thị	Trang	Nữ	10/10/1992				Trung bình	1141125	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9854	2817-K47N3		Phạm Thu	Trang	Nữ	12/08/1993				Khá	1141126	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9855	2818-K47N3		Phạm Anh	Tùng	Nam	18/02/1993				Khá	1141127	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9856	2819-K47N3		Nông Thị	Vân	Nữ	26/09/1993				Khá	1141128	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9857	2820-K47N3		Nguyễn Quang	Vinh	Nam	06/10/1993				Khá	1141129	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9858	2821-K47N3		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	12/05/1993				Trung bình	1141130	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9859	2822-K47N3		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	01/11/1993				Khá	1141131	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9860	2823-K47N4		Đinh Thị Quỳnh	Anh	Nữ	05/09/1993				Khá	1141132	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9861	2824-K47N4		Dương Thị	Chinh	Nữ	02/12/1993				Khá	1141133	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9862	2825-K47N4		Phạm Thị	Đan	Nữ	28/12/1993				Trung bình	1141134	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9863	2826-K47N4		Nguyễn Hà	Giang	Nữ	17/12/1993				Khá	1141135	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9864	2827-K47N4		Hoàng Thị Hồng	Hải	Nữ	06/10/1993				Khá	1141136	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9865	2828-K47N4		Đặng Thị	Hằng	Nữ	02/10/1993				Trung bình	1141137	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9866	2829-K47N4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/02/1993				Khá	1141138	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9867	2830-K47N4		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	18/09/1993				Khá	1141139	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9868	2831-K47N4		Phan Thị	Hoài	Nữ	25/10/1993				Khá	1141140	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9869	2832-K47N4		Dương Thị Tuyết	Hương	Nữ	19/05/1993				Khá	1141141	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9870	2833-K47N4		Nghiêm Thị Lan	Hương	Nữ	29/04/1993				Khá	1141142	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9871	2834-K47N4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/11/1993				Khá	1141143	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9872	2835-K47N4		Nguyễn Thị	Kim	Nữ	10/05/1993				Trung bình	1141144	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9873	2836-K47N4		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	13/11/1993				Trung bình	1141145	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9874	2837-K47N4		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	18/02/1993				Khá	1141146	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9875	2838-K47N4		Vũ Hương	Linh	Nữ	06/02/1993				Khá	1141147	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9876	2839-K47N4		Nguyễn Hương	Ly	Nữ	09/11/1993				Trung bình	1141148	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9877	2840-K47N4		Ngô Thị Ngọc	Mai	Nữ	01/06/1993				Khá	1141149	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9878	2841-K47N4		Dương Đức	Nam	Nam	18/07/1993				Trung bình	1141150	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9879	2842-K47N4		Bùi Thị	Nga	Nữ	23/12/1992				Giỏi	1141151	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9880	2843-K47N4		Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	24/09/1993				Giỏi	1141152	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9881	2844-K47N4		Đoàn Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/12/1993				Trung bình	1141153	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9882	2845-K47N4		Trịnh Thị Kim	Oanh	Nữ	10/08/1993				Khá	1141154	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9883	2846-K47N4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	14/05/1993				Khá	1141155	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9884	2847-K47N4		Trần Mai Trúc	Phương	Nữ	11/05/1993				Khá	1141156	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9885	2848-K47N4		Đỗ Thị	Quỳnh	Nữ	04/09/1993				Khá	1141157	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9886	2849-K47N4		Nguyễn Thị	Thành	Nữ	02/03/1993				Khá	1141158	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9887	2850-K47N4		Phạm Quang	Thành	Nam	09/01/1993				Trung bình	1141159	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9888	2851-K47N4		Lưu Thị Thanh	Thảo	Nữ	17/09/1993				Khá	1141160	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9889	2852-K47N4		Nguyễn Tùng	Thu	Nữ	16/05/1993				Khá	1141161	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9890	2853-K47N4		Nguyễn Minh	Thúy	Nữ	18/06/1993				Khá	1141162	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9891	2854-K47N4		Nguyễn Thu	Thùy	Nữ	03/07/1993				Khá	1141163	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9892	2855-K47N4		Nguyễn Thu	Thùy	Nữ	30/06/1993				Khá	1141164	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9893	2856-K47N4		Nguyễn Thị Vân	Trang	Nữ	20/09/1993				Khá	1141165	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9894	2857-K47N4		Thân Thị Kiều	Trang	Nữ	01/09/1993				Trung bình	1141166	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9895	2858-K47N4		Tạ Mạnh	Tùng	Nam	23/04/1993				Trung bình	1141167	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9896	2859-K47N4		Phạm Thị Hồng	Tươi	Nữ	27/07/1993				Khá	1141168	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9897	2860-K47N4		Vũ Thị	Vân	Nữ	09/12/1993				Khá	1141169	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9898	2861-K47N4		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	15/11/1993				Khá	1141170	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9899	2862-K47N5		Nguyễn Thị	An	Nữ	10/04/1993				Khá	1141171	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9900	2863-K47N5		Bùi Thị	Anh	Nữ	07/03/1992				Trung bình	1141172	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9901	2864-K47N5		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	12/08/1993				Khá	1141173	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9902	2865-K47N5		Lê Ngọc	ánh	Nữ	17/11/1992				Khá	1141174	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9903	2866-K47N5		Nguyễn Thị Thu	Bé	Nữ	06/10/1992				Khá	1141175	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9904	2867-K47N5		Phạm Hữu	Bùi	Nam	10/07/1990				Khá	1141176	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9905	2868-K47N5		Hoàng Thị Kim	Cúc	Nữ	14/03/1993				Khá	1141177	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9906	2869-K47N5		Tô Thị	Dung	Nữ	06/09/1993				Khá	1141178	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9907	2870-K47N5		Bùi Thu	Giang	Nữ	22/05/1993				Khá	1141179	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9908	2871-K47N5		Nguyễn Hương	Giang	Nữ	07/04/1993				Khá	1141180	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9909	2872-K47N5		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	10/10/1993				Trung bình	1141181	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9910	2873-K47N5		Hoàng Thị	Hải	Nữ	13/11/1993				Khá	1141182	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9911	2874-K47N5		Dương Thị Thu	Hằng	Nữ	22/12/1993				Giỏi	1141183	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9912	2875-K47N5		Ngô Trần Thu	Hằng	Nữ	29/01/1994				Khá	1141184	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9913	2876-K47N5		Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	11/11/1992				Khá	1141185	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9914	2877-K47N5		Nguyễn Thị Hồng	Hoa	Nữ	01/06/1993				Khá	1141186	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9915	2878-K47N5		Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	16/08/1993				Khá	1141187	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9916	2879-K47N5		Lê Thu	Hương	Nữ	24/04/1993				Khá	1141188	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9917	2880-K47N5		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	08/09/1993				Khá	1141189	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9918	2881-K47N5		Nghiêm Ngọc	Huyền	Nữ	21/08/1993				Khá	1141190	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9919	2882-K47N5		Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	12/10/1993				Khá	1141191	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9920	2883-K47N5		Phạm Thị	Lan	Nữ	16/05/1992				Trung bình	1141192	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9921	2884-K47N5		Vũ Mỹ	Linh	Nữ	15/09/1993				Khá	1141193	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9922	2885-K47N5		Phạm Thị	Nga	Nữ	21/07/1993				Khá	1141194	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9923	2886-K47N5		Vũ Thị	Ngọc	Nữ	15/12/1993				Trung bình	1141195	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9924	2887-K47N5		Hà Diệu	Ngọc	Nữ	21/06/1993				Trung bình	1141196	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9925	2888-K47N5		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/08/1993				Khá	1141197	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9926	2889-K47N5		Lê Thị Kiều	Oanh	Nữ	12/12/1993				Khá	1141198	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9927	2890-K47N5		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/07/1993				Khá	1141199	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9928	2891-K47N5		Đinh Thị Hương	Quỳnh	Nữ	02/10/1993				Khá	1141200	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9929	2892-K47N5		Phạm Thị Hồng	Thắm	Nữ	16/10/1993				Khá	1141201	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9930	2893-K47N5		Vũ Anh	Thắng	Nam	30/03/1993				Khá	1141202	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9931	2894-K47N5		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	16/10/1993				Khá	1141203	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9932	2895-K47N5		Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	15/12/1993				Khá	1141204	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9933	2896-K47N5		Đoàn Lệ	Thủy	Nữ	10/02/1992				Khá	1141205	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9934	2897-K47N5		Ngô Thị	Trầm	Nữ	15/01/1993				Khá	1141206	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9935	2898-K47N5		Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	17/10/1993				Khá	1141207	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9936	2899-K47N5		Hoàng Thị	Trang	Nữ	24/12/1993				Khá	1141208	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9937	2900-K47N5		Trần Thu	Trang	Nữ	14/01/1991				Khá	1141209	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9938	2901-K47N5		Ngô Thị	Vân	Nữ	23/01/1993				Khá	1141210	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9939	2902-K47N5		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	14/06/1993				Khá	1141211	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9940	2903-K44N5		Lê Thị Phương	Dung	Nữ	01/07/1990				Khá	1141212	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9941	2904-K46N1		Đỗ Thị Huyền	Thoa	Nữ	19/09/1992				Khá	1141213	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9942	2905-K46N2		Ngô Kim	Phượng	Nữ	21/01/1992				Trung bình	1141214	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9943	2906-K46N3		Lê Thùy	Linh	Nữ	18/03/1991				Khá	1141215	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9944	2907-K46N4		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	29/05/1991				Khá	1141216	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9945	2908-K46N5		Phí Việt	Hưng	Nam	29/01/1992				Trung bình	1141217	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9946	2909-K46N5		Nông Thanh	Hương	Nữ	01/08/1992				Trung bình	1141218	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9947	2914-K46N2		Hoàng Bích	Loan	Nữ	02/02/1992				Trung bình	1141226	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9948	2915-K46N2		Hà Nhật	Hồng	Nữ	30/06/1992				Khá	1141224	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	284/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2015	
9949	01-LKQT K7		LIU YEBAO		Nam	03/09/1990				Trung bình	885354	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9950	02-LKQT K7		ZHANG ZHU PING		Nữ	07/09/1993				Trung bình	885355	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9951	03-LKQT K7		MENG YING PING		Nữ	28/01/1992				Khá	885356	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9952	04-LKQT K7		LI DAN		Nam	05/01/1991				Khá	885357	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9953	05-LKQT K7		HE ZHONGDONG		Nam	25/02/1993				Trung bình	885358	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
9954	06-LKQT K7		GAN HAODE		Nam	26/07/1991				Trung bình	885359	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9955	07-LKQT K7		CHEN XI YANG		Nam	02/07/1992				Trung bình	885360	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9956	08-LKQT K7		LOU CHANG HAO		Nam	09/01/1993				Khá	885361	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9957	09-LKQT K7		LUO LI HENG		Nam	19/04/1992				Trung bình	885362	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9958	10-LKQT K7		HUANG XIAO HONG		Nữ	12/08/1992				Khá	885363	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9959	11-LKQT K7		HUA HAIKUAN		Nam	27/06/1992				Trung bình	885364	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9960	12-LKQT K7		LI DONG MEI		Nữ	19/09/1991				Khá	885365	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9961	13-LKQT K7		XIA KAI NA		Nữ	13/02/1992				Trung bình	885366	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9962	14-LKQT K7		YU YING		Nữ	05/10/1992				Trung bình	885367	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9963	15-LKQT K7		LAO RUIYI		Nam	01/02/1991				Khá	885368	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9964	16-LKQT K7		ZHANG XING YI		Nam	05/12/1991				Trung bình	885369	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9965	17-LKQT K7		NONG LI JUAN		Nữ	08/06/1991				Trung bình	885370	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9966	18-LKQT K7		BAI SHI RUI		Nữ	26/02/1993				Trung bình	885371	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9967	19-LKQT K7		HUANG ZHIQING		Nam	18/01/1992				Khá	885372	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9968	20-LKQT K7		LING FENG ZE		Nữ	01/10/1992				Trung bình	885373	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9969	21-LKQT K7		HUANG SI SI		Nữ	22/11/1991				Trung bình	885374	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9970	22-LKQT K7		WU TIAN YUN		Nữ	01/02/1989				Khá	885375	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9971	23-LKQT K7		ZHANG YUN		Nữ	06/05/1992				Trung bình	885376	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9972	24-LKQT K7		YANG YI WU		Nam	22/02/1991				Trung bình	885377	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	327/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9973	25-LKQT K7		HUANG MEI		Nữ	06/12/1990				Trung bình	885378	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	328/QĐ-ĐHTM ngày 01/06/2015	
9974	3253-K47A1		Trần Thị	Hà	Nữ	18/09/1993				Khá	852601	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9975	3254-K47A1		Lê Thị	Yến	Nữ	05/05/1992				Khá	852602	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9976	3255-K47A2		Hồ Đức	Bình	Nam	01/10/1992				Trung bình	852603	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9977	3256-K47A2		Mai Ngọc	Đoàn	Nam	12/12/1993				Khá	852604	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9978	3257-K47A2		Nguyễn Trường	Sơn	Nam	12/02/1993				Khá	852605	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9979	3258-K47A3		Trịnh Tiến	Bình	Nam	12/08/1993				Khá	852606	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9980	3259-K47A4		Hoàng Công	Nguyên	Nam	01/04/1993				Trung bình	852607	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9981	3260-K47A5		Trần Thị	Giang	Nữ	07/06/1993				Trung bình	852608	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9982	3261-K47A5		Vũ Đình	Hoà	Nam	30/11/1993				Trung bình	852609	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9983	3262-K47A5		Nguyễn Thị	Mến	Nữ	19/09/1993				Khá	852610	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9984	3263-K47A5		Hoàng Thị	Mơ	Nữ	12/02/1993				Khá	852611	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9985	3264-K47A5		Ngô Thị	Nga	Nữ	18/05/1993				Khá	852612	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9986	3265-K45A4		Lê Minh	Nghĩa	Nam	14/06/1991				Trung bình	852613	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9987	3266-K46A2		Nguyễn Duy	Cường	Nam	20/11/1990				Khá	852614	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9988	3267-K46A3		Hồ Sỹ	Đạt	Nam	21/07/1992				Trung bình	852615	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9989	3268-K46A4		Đỗ Văn	Gánh	Nam	24/03/1991				Trung bình	852616	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9990	3269-K47K1		Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	07/12/1993				Khá	852617	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9991	3270-K47K2		Vũ Quỳnh	Hà	Nữ	13/10/1993				Khá	852618	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9992	3271-K47K4		Tạ Hữu Vương	Anh	Nam	30/11/1993				Khá	852619	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9993	3272-K47K4		Phùng Thị Thanh	Loan	Nữ	31/01/1993				Giỏi	852620	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9994	3273-K46K2		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	10/08/1992				Khá	852621	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9995	3274-K47B1		Doãn Tiến	Đạt	Nam	01/06/1993				Trung bình	852622	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9996	3275-K47B5		Phạm Thị	Hải	Nữ	14/12/1993				Khá	852623	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9997	3276-K47B5		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	13/12/1993				Khá	852624	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9998	3277-K47B5		Vũ Việt	Trung	Nam	22/11/1993				Khá	852625	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
9999	3278-K47B5		Lê Hải	Yến	Nữ	09/11/1993				Khá	852626	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10000	3279-K43B1		Phạm Xuân	Việt	Nam	19/04/1988				Trung bình	852627	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10001	3280-K44B2		Nguyễn Văn	Nam	Nam	18/09/1990				Trung bình	852628	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10002	3281-K45B2		Phùng Ngọc Tuấn	Anh	Nam	17/09/1989				Trung bình	852629	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10003	3282-K45B5		Nguyễn Chí	Hùng	Nam	22/06/1990				Trung bình	852630	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10004	3283-K45B5		Trần Quang	Linh	Nam	29/07/1991				Trung bình	852631	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10005	3284-K45B7		Ngô Anh	Tuấn	Nam	20/05/1991				Trung bình	852632	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10006	3285-K46B1		Vũ Xuân	Trường	Nam	07/06/1992				Trung bình	852633	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10007	3286-K46B1		Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	29/07/1992				Trung bình	852634	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10008	3287-K46B2		Trần Văn	Thịnh	Nam	22/05/1991				Trung bình	852635	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10009	3288-K46B3		Vũ Bá	Vương	Nam	28/01/1992				Trung bình	852636	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10010	3289-K46B4		Phạm Hoàng	Dương	Nam	06/09/1992				Trung bình	852637	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10011	3290-K46B4		Lê Văn	Thắng	Nam	16/09/1992				Trung bình	852638	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10012	3291-K46B5		Nguyễn Duy	Hùng	Nam	11/09/1992				Trung bình	852639	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10013	3292-K46B5		Trần Văn	Lại	Nam	27/10/1992				Trung bình	852640	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10014	3293-K46B5		Ngô Hồng	Quang	Nam	28/03/1990				Trung bình	852641	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10015	3294-K46B5		Bùi Văn	Thành	Nam	07/10/1992				Trung bình	852642	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10016	3295-K46B5		Nguyễn Chí	Thường	Nam	12/08/1992				Trung bình	852643	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10017	3296-K46B6		Cao Thị Phương	Thảo	Nữ	01/11/1992				Trung bình	852644	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10018	3297-K46B1		Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	19/01/1991				Trung bình	852645	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10019	3298-K47V1		Trương Thị Thu	Hiền	Nữ	10/11/1993				Khá	852646	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10020	3299-K47V1		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	25/10/1993				Khá	852647	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10021	3300-K47V1		Vũ Thu	Thủy	Nữ	24/04/1993				Khá	852648	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10022	3301-K47V2		Phạm Thị	Hương	Nữ	01/05/1993				Khá	852649	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10023	3302-K47V2		Vũ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	16/12/1993				Khá	852650	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10024	3303-K47V2		Nguyễn Bích	Phượng	Nữ	27/04/1993				Khá	852651	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10025	3304-K47V3		Nguyễn Vũ Phi	Công	Nam	15/05/1993				Khá	852652	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10026	3305-K47V3		Lê Quang	Đại	Nam	12/01/1993				Khá	852653	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10027	3306-K47V3		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	13/12/1993				Khá	852654	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10028	3307-K46V1		Nguyễn Mạnh	Khánh	Nam	18/11/1992				Trung bình	852655	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10029	3308-K46V3		Lê Khang	Nam	Nam	17/11/1992				Trung bình	852656	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10030	3309-K47C1		Đặng Hiền	Trang	Nữ	26/12/1993				Giỏi	852657	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10031	3310-K47C2		Vũ Quỳnh	Mai	Nữ	11/10/1993				Khá	852658	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10032	3311-K47C2		Phan Thị	Thắm	Nữ	07/03/1993				Khá	852659	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10033	3312-K47C3		Lê Thị	Hương	Nữ	16/10/1993				Khá	852660	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10034	3313-K47C4		Nguyễn Hoàng	Giang	Nữ	16/09/1993				Khá	852661	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10035	3314-K47C4		Bùi Thị	Tuyết	Nữ	10/09/1993				Khá	852662	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10036	3315-K47C5		Đoàn Thị	Lan	Nữ	25/11/1993				Khá	852663	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10037	3316-K47C5		Vũ Thị	Phượng	Nữ	04/06/1993				Khá	852664	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10038	3317-K47C5		Trần Quang	Thiện	Nam	02/08/1990				Khá	852665	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10039	3318-K47C5		Phi Hải	Yến	Nữ	06/12/1993				Khá	852666	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10040	3319-K46C1		Nguyễn Văn	Cương	Nam	20/07/1992				Trung bình	852667	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10041	3320-K46C2		Lâm Thành	Đạt	Nam	04/11/1992				Trung bình	852668	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10042	3321-K46C2		Trần Trọng	Hoà	Nam	09/09/1992				Trung bình	852669	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10043	3322-K46C2		Nguyễn Thị Thuý	Phương	Nữ	24/10/1992				Khá	852670	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10044	3323-K47C5		Hoàng Thế	Hùng	Nam	01/12/1993				Trung bình	852671	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10045	3324-K47T4		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	16/08/1993				Khá	852672	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10046	3325-K47T4		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	07/09/1993				Khá	852673	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10047	3326-K47T5		Nguyễn Thị Hà	Linh	Nữ	22/10/1992				Khá	852674	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10048	3327-K47T5		Đào Thị Thu	Thảo	Nữ	12/09/1993				Khá	852675	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10049	3328-K47T5		Hoàng Thị Thu	Vân	Nữ	24/03/1993				Khá	852676	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10050	3329-K46T1		Dương Việt	Anh	Nam	28/08/1992				Khá	852677	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10051	3330-K46T3		Nghiêm Thị Thanh	Hương	Nữ	19/01/1992				Trung bình	852678	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10052	3331-K47T5		Trần Thị	Dung	Nữ	02/03/1991				Khá	852679	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10053	3332-K47E1		Lê Ngọc	Đạt	Nam	29/03/1993				Trung bình	852680	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10054	3333-K47E3		Phạm Quang	Thái	Nam	12/08/1993				Khá	852681	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10055	3334-K47E4		Nguyễn Thuý	Hiền	Nữ	07/12/1993				Khá	852682	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10056	3335-K47E4		Phan Thị Hồng	Quyên	Nữ	05/06/1992				Khá	852683	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10057	3336-K47E5		Phạm Văn	Hà	Nam	02/09/1993				Trung bình	852684	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10058	3337-K44E3		Trần Nguyên	Dũng	Nam	12/06/1990				Trung bình	852685	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10059	3338-K45E7		Nguyễn Vương	Quốc	Nam	05/07/1991				Trung bình	852686	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10060	3339-K46E1		Lê Thị Thu	Hương	Nữ	29/12/1992				Trung bình	852687	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10061	3340-K46E1		Nguyễn Hồng	Thái	Nam	17/07/1992				Trung bình	852688	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10062	3341-K46E2		Lê Văn	Quang	Nam	18/01/1992				Trung bình	852689	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10063	3342-K46E5		Lưu Văn	Hiện	Nam	30/04/1989				Trung bình	852690	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10064	3343-K43I2		Đoàn Thanh	Cương	Nam	10/10/1989				Trung bình	852691	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10065	3344-K44I4		Tạ Ngọc	Văn	Nam	10/02/1990				Trung bình	852692	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10066	3345-K45I3		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	11/12/1991				Khá	852693	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10067	3346-K46I2		Trần Văn	Hà	Nam	28/08/1992				Trung bình	852694	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10068	3347-K46I2		Hoàng Đức	Hiếu	Nam	19/04/1992				Khá	852695	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10069	3348-K46I2		Trần Đăng	Thiện	Nam	18/06/1992				Trung bình	852696	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10070	3349-K46I2		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	20/01/1992				Trung bình	852697	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10071	3350-K46I3		Đỗ Văn	Đại	Nam	01/11/1992				Trung bình	852698	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10072	3351-K46I4		Phùng Hải	Đăng	Nam	30/07/1992				Trung bình	852699	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10073	3352-K46I5		Nguyễn Văn	Mười	Nam	30/09/1992				Trung bình	852700	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10074	3353-K46I5		Nguyễn Xuân	Vương	Nam	05/06/1991				Khá	852701	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10075	3354-K47P1		Đào Quốc	Đông	Nam	29/08/1993				Khá	852702	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10076	3355-K47P1		Vũ Tuấn	Dương	Nam	26/10/1993				Khá	852703	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10077	3356-K47P1		Ninh Hải	Hà	Nữ	08/07/1993				Khá	852704	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10078	3357-K47P1		Nguyễn Huyền	Hương	Nữ	21/06/1993				Khá	852705	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10079	3358-K47P1		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	15/05/1993				Khá	852706	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10080	3359-K47P1		Đặng Hồng	Phương	Nữ	10/10/1993				Trung bình	852707	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10081	3360-K47P1		Lê Huyền	Trang	Nữ	19/11/1993				Khá	852708	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10082	3361-K47P2		Vương Thị Phương	Anh	Nữ	29/06/1993				Khá	852709	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10083	3362-K47P2		Bùi Thị	Phương	Nữ	06/06/1992				Khá	852710	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10084	3363-K47P2		Đặng Thị	Thúy	Nữ	24/12/1993				Trung bình	852711	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10085	3364-K47P3		Nguyễn Hải	Anh	Nữ	17/04/1993				Khá	852712	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10086	3365-K47P3		Lê Thị	Hằng	Nữ	22/02/1993				Khá	852713	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10087	3366-K47P3		Cù Thị Thu	Hiền	Nữ	09/01/1993				Khá	852714	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10088	3367-K47P3		Hoàng Tiến	Hùng	Nam	08/06/1993				Khá	852715	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10089	3368-K47P3		Nguyễn Đăng	Thuận	Nam	17/04/1993				Khá	852716	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10090	3369-K47P4		Lê Thị	Hạnh	Nữ	23/09/1993				Khá	852717	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10091	3370-K46P2		Đỗ Thị Hải	Liên	Nữ	15/05/1992				Trung bình	852718	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10092	3371-K46P3		Lê Đình	Minh	Nam	23/05/1991				Trung bình	852719	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10093	3372-K47U1		Đặng Thị	Loan	Nữ	24/02/1992				Khá	852720	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10094	3373-K47U3		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	09/03/1993				Khá	852721	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10095	3374-K47U4		Nguyễn Cao	Cường	Nam	08/11/1993				Trung bình	852722	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10096	3375-K47U5		Lê Văn	Viên	Nam	04/06/1989				Khá	852723	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10097	3376-K45U3		Lại Long	Nam	Nam	19/06/1991				Trung bình	852724	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10098	3377-K46U1		Nguyễn Mạnh	Phát	Nam	09/10/1991				Trung bình	852725	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10099	3378-K46U2		Trần Diệu	Linh	Nữ	30/03/1992				Trung bình	852726	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	632/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10100	3379-K47F1		Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	16/01/1991				Trung bình	852727	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	633/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10101	3380-K47F2		Ngô Thanh	Tùng	Nam	08/03/1993				Trung bình	852728	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	633/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10102	3381-K47F3		Trần Tuấn	Anh	Nam	13/04/1993				Khá	852729	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	633/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10103	3382-K47F4		Phạm Văn	Tiến	Nam	15/08/1986				Khá	852730	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	633/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10104	3383-K43F6		Ngô Văn	Hải	Nam	13/04/1989				Trung bình	852731	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	633/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10105	3384-K45F6		Lê Hồng	Sơn	Nam	01/03/1991				Trung bình	852732	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	633/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10106	3385-K46F1		Nguyễn Việt	Vương	Nam	13/06/1992				Trung bình	852733	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	633/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10107	3386-K46F3		Nguyễn Đình	Mạnh	Nam	03/04/1992				Trung bình	852734	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	633/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10108	3387-K46F4		Nguyễn Quang	Linh	Nam	01/03/1992				Trung bình	852735	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	633/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10109	3388-K46F5		Phan Thị	Thư	Nữ	20/03/1992				Khá	852736	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	633/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10110	3389-K47D2		Trần Đức	Hiển	Nam	28/10/1993				Khá	852737	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	634/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10111	3390-K47D3		Đỗ Thị Kim	Thanh	Nữ	26/07/1993				Khá	852738	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	634/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10112	3391-K46D4		Ma Thị	Anh	Nữ	26/12/1991				Khá	852739	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10113	3392-K46D5		Nguyễn Đức	Bình	Nam	09/10/1991				Trung bình	852740	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10114	3393-K46D5		Phạm Thị	Giang	Nữ	20/07/1992				Trung bình	852741	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	634/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10115	3394-K47H1		Đặng Huy	Hoàng	Nam	12/06/1992				Khá	852742	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	635/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10116	3395-K47H1		Nguyễn Văn	Khuê	Nam	07/01/1993				Khá	852743	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	635/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10117	3396-K47H3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	08/02/1993				Khá	852744	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	635/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10118	3397-K47H3		Trịnh Thị Ngọc	Mai	Nữ	10/07/1993				Giỏi	852745	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	635/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10119	3398-K47H4		Phạm Khánh	Ngọc	Nữ	02/09/1993				Khá	852746	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	635/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10120	3399-K47H5		Lê Thị	Na	Nữ	25/07/1992				Khá	852747	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	635/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10121	3400-K47H5		Trần Trung	Nam	Nam	16/02/1992				Khá	852748	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	635/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10122	3401-K47H5		Nguyễn Duy	Quân	Nam	08/11/1993				Trung bình	852749	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	635/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10123	3402-K47N2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	26/03/1992				Khá	852750	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	636/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10124	3403-K47N3		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	17/08/1993				Khá	852751	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	636/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10125	3404-K47N3		Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	08/03/1993				Khá	852752	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	636/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10126	3405-K47N4		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	24/08/1993				Khá	852753	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	636/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10127	3406-K45N5		Hoàng Thị Thúy	Duy	Nữ	19/07/1991				Trung bình	852754	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	636/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10128	3407-K46N1		Hoàng Trung	Đức	Nam	17/09/1992				Khá	852755	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	636/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10129	3408-K46N1		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	16/01/1992				Khá	852756	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	636/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10130	3409-K47S1		Lê Mạnh	Tùng	Nam	21/07/1991				Khá	852757	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10131	3410-K47S2		Lê Hà	Giang	Nữ	29/07/1993				Khá	852758	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10132	3411-K47S2		Mai Duy	Thanh	Nam	08/03/1993				Trung bình	852759	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10133	3412-K47S2		Vũ Thế	Trung	Nam	05/06/1993				Trung bình	852760	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10134	3413-K47S4		Vũ Thị	Diễm	Nữ	11/10/1993				Khá	852761	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10135	3414-K47S4		Nguyễn Tuấn	Hải	Nam	17/12/1993				Khá	852762	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10136	3415-K47S4		Lại Thị Thu	Thúy	Nữ	26/05/1993				Khá	852763	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10137	3416-K47S5		Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	08/12/1989				Khá	852764	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10138	3417-K46S1		Phạm Tài	Lợi	Nam	19/10/1992				Trung bình	852765	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10139	3418-K46S3		Lê Văn	Quảng	Nam	02/09/1992				Trung bình	852766	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10140	3419-K46S3		Vũ Xuân	Thế	Nam	15/01/1992				Trung bình	852767	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10141	3420-K46S4		Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	04/12/1992				Trung bình	852768	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10142	3421-K46S4		Lê Xuân	Minh	Nam	15/10/1991				Khá	852769	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10143	3422-K46S5		Đinh Văn	Duẩn	Nam	29/04/1989				Trung bình	852770	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	637/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/10/2015	
10144	3832-K47A1		Bùi Lê Thanh	Nga	Nữ	19/01/1992				Khá	852537	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10145	3833-K47A1		Trần Tuấn	Khải	Nam	01/06/1993				Trung bình	852538	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10146	3834-K47A1		Lê Văn	Quyền	Nam	06/01/1993				Trung bình	852539	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10147	3835-K47A2		Huỳnh Sơn Nam	Hoàng	Nam	26/10/1992				Trung bình	852540	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10148	3836-K47A4		Đỗ Văn	Hưng	Nam	23/12/1991				Trung bình	852541	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10149	3837-K47A5		Phạm Việt	Hưng	Nam	07/07/1992				Trung bình	852542	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10150	3838-K47A5		Nguyễn Duy	Thanh	Nam	12/11/1993				Khá	852543	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10151	4022-K47A1		Bùi Duy	Tuấn	Nam	24/10/1993				Trung bình	1259078	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10152	4023-K47A3		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	04/07/1993				Khá	1259079	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10153	4024-K47A3		Nguyễn Văn	Thân	Nam	27/02/1991				Trung bình	1259080	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10154	4025-K47A4		Nghiêm Quang	Duy	Nam	09/09/1993				Khá	1259081	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10155	4026-K47A4		Nguyễn Xuân	Huy	Nam	20/12/1993				Trung bình	1259082	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10156	4027-K47A4		Trần Thị	Tươi	Nữ	02/02/1993				Khá	1259083	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10157	3839-K47K1		Đỗ Hoàng	Minh	Nữ	25/07/1993				Giỏi	852544	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10158	3840-K47K1		Trần Văn	Nghĩa	Nam	28/05/1993				Khá	852545	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10159	3841-K47K2		Lê Năng	Nam	Nam	10/02/1993				Trung bình	852546	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10160	3842-K47K4		Bùi Văn	Kháng	Nam	26/01/1992				Trung bình	852547	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10161	3843-K47K4		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	06/03/1993				Khá	852548	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10162	3844-K46K3		Trần Hạnh	Hoa	Nữ	11/05/1992				Khá	852549	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10163	3845-K46K1		Trần Lưu	Phong	Nam	18/08/1992				Trung bình	852550	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10164	3846-K47B1		Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	24/07/1993				Trung bình	852551	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10165	3847-K47B3		Nguyễn Thanh	Hoàng	Nam	15/12/1992				Trung bình	852552	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10166	3848-K47B4		Nguyễn Thanh	Hải	Nam	25/09/1993				Trung bình	852553	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10167	3849-K47B5		Võ Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	16/09/1992				Trung bình	852554	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10168	3850-K45B3		Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	28/08/1991				Trung bình	852555	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10169	3851-K46B3		Nguyễn Đình	Minh	Nam	09/08/1991				Trung bình	852556	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10170	3852-K46B6		Vũ Sơn	Tùng	Nam	24/10/1992				Trung bình	852557	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10171	4028-K47B1		Trần Thị	Huê	Nữ	06/11/1992				Khá	1259084	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10172	4029-K47B1		Phan Thanh	Tùng	Nam	12/06/1993				Trung bình	1259085	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10173	4030-K47B4		Lê Thị	Phượng	Nữ	05/04/1993				Khá	1259086	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10174	4031-K47B5		Bùi Thị	Huế	Nữ	03/12/1993				Trung bình	1259087	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10175	4032-K43B2		Trần Văn	Tuấn	Nam	18/05/1989				Trung bình	1259088	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10176	4033-K45B1		Bùi Văn	Cường	Nam	01/04/1989				Trung bình	1259089	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10177	4034-K45B4		Nguyễn Văn	Hoằng	Nam	11/09/1989				Trung bình	1259090	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10178	3853-K47V1		Nguyễn Đức	Cường	Nam	10/11/1993				Trung bình	852558	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10179	3854-K47V1		Đặng Tiến	Long	Nam	20/12/1993				Khá	852559	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10180	3855-K47V1		Lê Thị	Ngọc	Nữ	01/05/1993				Trung bình	852560	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10181	3856-K47V1		Đỗ Hồng	Quân	Nam	25/09/1993				Trung bình	852561	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10182	3857-K47V1		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	09/08/1993				Khá	852562	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10183	3858-K47V2		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	07/12/1992				Khá	852563	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10184	3859-K47V2		Nguyễn Lam	Linh	Nữ	07/10/1993				Trung bình	852564	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10185	3860-K47V2		Lã Quý	Phú	Nam	06/10/1993				Trung bình	852565	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10186	3861-K47V2		Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	24/12/1993				Khá	852566	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10187	3862-K47V3		Nguyễn Thành	Luân	Nam	27/01/1993				Khá	852567	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10188	3863-K47V3		Mai Anh	Phong	Nam	31/08/1992				Trung bình	852568	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10189	3864-K47V3		Phạm Vũ	Tùng	Nam	17/06/1993				Trung bình	852569	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10190	3865-K46V3		Bùi Thùy	Dương	Nữ	30/10/1992				Trung bình	852570	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10191	3866-K46V3		Trần Minh	Thu	Nữ	27/04/1991				Trung bình	852571	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10192	4035-K47V3		Hoàng Mạnh	Hưng	Nam	19/10/1992				Giỏi	1259091	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10193	3867-K47C1		Cao Đăng	Đô	Nam	08/04/1993				Trung bình	852572	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10194	3868-K47C1		Phạm Thị	Duyên	Nữ	23/06/1992				Trung bình	852573	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10195	3869-K47C1		Lê Quý	Trọng	Nam	26/05/1993				Khá	852574	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10196	3870-K47C1		Đào Thị	Xuyến	Nữ	02/02/1993				Khá	852575	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10197	3871-K47C2		Lê Thị	Hà	Nữ	04/02/1993				Trung bình	852576	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10198	3872-K47C2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	06/04/1993				Khá	852577	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10199	3873-K47C4		Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	01/11/1993				Khá	852578	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10200	3874-K45C5		Lê Đình	Tuân	Nam	19/03/1991				Trung bình	852579	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10201	3875-K46C4		Trần Tất	Thắng	Nam	11/06/1992				Trung bình	852580	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10202	4036-K47C2		Mai Thị	Hường	Nữ	18/07/1992				Trung bình	1259092	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10203	4037-K47C2		Lưu Tiến	Thành	Nam	01/12/1992				Trung bình	1259093	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10204	4038-K47C3		Nguyễn Xuân	Chung	Nam	26/09/1992				Trung bình	1259094	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10205	4039-K47C3		Chu Công	Hào	Nam	07/02/1993				Trung bình	1259095	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10206	4040-K47C4		Vũ Kỳ	Anh	Nam	18/09/1993				Trung bình	1259096	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10207	4041-K44C2		Phạm Thị Thu	Quỳnh	Nữ	29/09/1989				Trung bình	1259097	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10208	4042-K46C1		Nguyễn Trung	Anh	Nam	13/08/1992				Trung Bình	1259098	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10209	3876-K47T1		Đỗ Thị Ngọc	ánh	Nữ	08/12/1992				Trung bình	852581	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10210	3877-K47T1		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	04/05/1992				Khá	852582	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10211	3878-K47T2		Nguyễn Thế	Trường	Nam	07/09/1993				Khá	852583	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10212	3879-K47T3		Vũ Mạnh	Toàn	Nam	15/10/1993				Khá	852584	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10213	3880-K47T3		Hoàng Thị Thu	Uyên	Nữ	04/02/1992				Trung bình	852585	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10214	3881-K47T4		Nguyễn Phương	Hoa	Nữ	14/03/1993				Trung bình	852586	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10215	3882-K47T4		Lê Thị	Linh	Nữ	27/11/1993				Trung bình	852587	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10216	3883-K47T4		Vũ Hoàng	Mai	Nữ	09/01/1993				Trung bình	852588	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10217	3884-K47T4		Lưu Kỳ	Nguyên	Nam	26/12/1991				Khá	852589	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10218	4043-K47T3		Bùi Thị	Lý	Nữ	08/10/1992				Khá	1259099	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10219	4044-K47T4		Lương Thị Hồng	Hà	Nữ	07/03/1993				Khá	1259100	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10220	4045-K47T4		Phạm Thu	Hà	Nữ	12/08/1993				Khá	1259101	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10221	4046-K47T4		Nguyễn Đình	Thống	Nam	26/11/1993				Trung bình	1259102	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10222	4047-K47T5		Lê Thu	Phương	Nữ	25/06/1993				Khá	1206492	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10223	4048-K47T5		Dương Tiến	Trung	Nam	22/10/1993				Trung bình	1206493	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10224	4049-K46T2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	08/08/1983				Trung Bình	1206494	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10225	3885-K47E1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	01/11/1992				Khá	852590	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10226	3886-K47E1		Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	03/08/1992				Trung bình	852591	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10227	3887-K47E1		Phan Văn	Thùy	Nam	07/10/1993				Trung bình	852592	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10228	3888-K47E2		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	20/06/1993				Khá	852593	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10229	3889-K47E2		Trần Công	Chính	Nam	25/09/1993				Trung bình	852594	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10230	3890-K47E3		Trần Thị Kim	Anh	Nữ	08/01/1993				Khá	852595	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10231	3891-K47E3		Nguyễn Hồng	Phong	Nam	28/12/1993				Trung bình	852596	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10232	3892-K47E3		Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	18/10/1993				Khá	852597	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10233	3893-K47E3		Vũ Sỹ	Tuân	Nam	29/03/1993				Khá	852598	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10234	3894-K47E4		Hướng Thị Ngọc	Anh	Nữ	28/09/1993				Trung bình	852599	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10235	3895-K47E5		Lưu Mạnh	Cường	Nam	10/11/1993				Trung bình	852600	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10236	3896-K44E5		Tống Sỹ Xuân	Trường	Nam	03/12/1990				Trung bình	852771	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10237	3897-K45E3		Nguyễn Hồng	Minh	Nam	12/04/1991				Trung bình	852772	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10238	3898-K46E3		Trịnh Văn	Tuấn	Nam	16/07/1992				Trung bình	852773	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10239	3899-K46E1		Hà Hoàng	Việt	Nam	16/08/1992				Trung bình	852774	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10240	4050-K47E1		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	26/06/1993				Khá	1206495	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10241	4051-K47E1		Vongphan	Vongchonglue	Nam	20/01/1992				Trung bình	1206496	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10242	4052-K47E3		Bùi Ngọc	Dương	Nam	01/10/1993				Trung bình	1206497	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10243	4053-K47E3		Đỗ Thị	Nhung	Nữ	20/12/1993				Khá	1206498	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10244	4054-K47E3		Hoàng Xuân	Tiến	Nam	03/07/1993				Trung bình	1206499	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10245	3900-K47I1		Đặng Ngọc	Hà	Nam	16/11/1993				Trung bình	852775	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10246	3901-K47I2		Cao Đức	Minh	Nam	01/07/1993				Khá	852776	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10247	3902-K47I4		Nguyễn Hồng	Hải	Nam	20/10/1993				Trung bình	852777	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10248	3903-K42I2		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	15/06/1988				Trung bình	852778	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10249	3904-K44I5		Nguyễn Long	Biên	Nam	22/09/1990				Trung bình	852779	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10250	3905-K46I1		Nguyễn Huy	Tùng	Nam	11/09/1992				Trung bình	852780	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10251	3906-K46I2		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	10/01/1991				Trung bình	852781	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10252	3907-K46I2		Vũ Hồng	Quân	Nam	15/06/1991				Trung bình	852782	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10253	4055-K47I4		Lê Huy	Hoàng	Nam	03/11/1993				Trung bình	1206500	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10254	4056-K46I5		Nguyễn Đình	Hùng	Nam	31/12/1992				Trung bình	1206501	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10255	3908-K47P1		Lê Đức	Anh	Nam	16/09/1993				Trung bình	852783	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10256	3909-K47P1		Đoàn Đức	Bách	Nam	01/07/1993				Khá	852784	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10257	3910-K47P1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	29/08/1993				Khá	852785	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10258	3911-K47P1		Vũ Tuyết	Mai	Nữ	02/06/1993				Khá	852786	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10259	3912-K47P1		Nguyễn Công	Thành	Nam	21/05/1993				Khá	852787	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10260	3913-K47P1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	06/07/1992				Trung bình	852788	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10261	3914-K47P1		Nguyễn Thị út	Thùy	Nữ	23/10/1992				Khá	852789	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10262	3915-K47P2		Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	03/02/1993				Khá	852790	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10263	3916-K47P2		Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	27/11/1993				Khá	852791	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10264	3917-K47P2		Thân Thị Thu	Hằng	Nữ	19/11/1993				Khá	852792	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10265	3918-K47P2		Nguyễn Nhật	Huy	Nam	17/11/1993				Khá	852793	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10266	3919-K47P2		An Thị Thu	Trang	Nữ	19/04/1993				Khá	852794	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10267	3920-K47P3		Nguyễn Trung	Đạt	Nam	04/04/1993				Khá	852795	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10268	3921-K47P3		Từ Thị Minh	Hiền	Nữ	03/07/1993				Trung bình	852796	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10269	3922-K47P3		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	19/01/1993				Khá	852797	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10270	3923-K47P3		Hà Thị	Loan	Nữ	24/11/1993				Khá	852798	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10271	3924-K47P3		La Hạnh	Ly	Nữ	28/07/1993				Khá	852799	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10272	3925-K47P3		Mai Ngọc Tú	Tài	Nam	09/09/1993				Khá	852800	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10273	3926-K47P3		Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	13/02/1993				Trung bình	852801	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10274	3927-K47P3		Cao Thị Quỳnh	Trang	Nữ	04/04/1993				Khá	852802	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10275	3928-K47P3		Kiều Minh	Trung	Nam	23/11/1993				Khá	852803	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10276	3929-K47P3		Nguyễn Duy	Việt	Nam	16/03/1993				Khá	852804	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10277	3930-K47P4		Trần Đức	Anh	Nam	15/10/1993				Khá	852805	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10278	3931-K47P4		Lê Đức	Khánh	Nam	13/04/1993				Trung bình	852806	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10279	3932-K47P4		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	08/10/1993				Trung bình	852807	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10280	3933-K47P4		Ngô Tùng	Ngọc	Nam	05/11/1993				Khá	852808	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10281	3934-K47P4		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	08/11/1993				Trung bình	852809	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10282	3935-K47P4		Phạm Ngọc	Tân	Nam	20/03/1993				Trung bình	852810	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10283	3936-K47P4		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	12/04/1993				Trung bình	852811	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10284	3937-K47P4		Đinh Thị Lệ	Thu	Nữ	28/06/1993				Trung bình	852812	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10285	3938-K47P4		Vũ Thị Xuân	Trà	Nữ	13/07/1993				Khá	852813	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10286	3939-K47P4		Bùi Thanh	Tùng	Nam	17/09/1993				Trung bình	852814	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10287	4057-K47P1		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	07/06/1993				Khá	1206502	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10288	4058-K47P1		Nguyễn Nam	Hưng	Nam	29/06/1992				Khá	1206503	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10289	4059-K47P1		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	30/08/1993				Khá	1206504	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10290	4060-K47P2		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	18/11/1993				Khá	1206505	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10291	4061-K47P2		Đinh Hải	Linh	Nữ	08/09/1993				Trung bình	1206506	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10292	4062-K47P3		Nguyễn Mai	Linh	Nữ	06/03/1993				Trung bình	1206507	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10293	4063-K47P4		Tăng Mạnh	Cường	Nam	23/09/1993				Khá	1206508	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10294	4064-K47P4		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	01/05/1993				Khá	1206509	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10295	3940-K47U1		Nguyễn Hải	Đăng	Nam	04/05/1993				Trung bình	852815	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10296	3941-K47U1		Cao Quốc	Duy	Nam	09/05/1992				Trung bình	852816	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10297	3942-K47U2		Nguyễn Đăng	Mạnh	Nam	23/01/1993				Khá	852817	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10298	3943-K47U2		Giáp Thị	Quyên	Nữ	13/06/1992				Khá	852818	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10299	3944-K47U2		Nông Đức	Vân	Nam	20/06/1993				Khá	852819	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10300	3945-K47U3		Đào Thị Thu	Hằng	Nữ	12/10/1993				Khá	852820	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10301	3946-K47U3		Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	06/05/1993				Khá	852821	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10302	3947-K47U3		Trần Thị	Hồng	Nữ	10/03/1993				Khá	852822	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10303	3948-K47U4		Mai Thị	Hương	Nữ	12/10/1993				Trung bình	852824	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10304	3949-K47U5		Nguyễn Văn	Đỉnh	Nam	17/08/1993				Trung bình	852823	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10305	3950-K47U5		Nguyễn Hữu	Tài	Nam	19/01/1993				Trung bình	852825	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10306	3951-K47U5		Phan Hoài	Thanh	Nữ	21/05/1993				Khá	852826	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10307	3952-K46U1		Hoàng Đình	Nhâm	Nam	12/07/1992				Trung bình	852827	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10308	3953-K46U2		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	16/07/1992				Trung bình	852828	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10309	4065-K47U3		Ngô Thị Quỳnh	Mai	Nữ	26/01/1993				Trung bình	1206510	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10310	4066-K47U3		Lê Quang	Minh	Nam	18/07/1993				Khá	1206511	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10311	4067-K47U4		Phùng Đức	Anh	Nam	24/10/1992				Trung bình	1206512	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	853/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10312	3954-K46F2		Phạm Đình	Duyệt	Nam	17/09/1992				Trung bình	852829	2015	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	854/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10313	3955-K47D1		Trần Việt	Anh	Nam	14/04/1992				Trung bình	852830	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10314	3956-K47D1		Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	04/06/1993				Khá	852831	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10315	3957-K47D3		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	22/02/1993				Khá	852832	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10316	3958-K47D3		Hoàng Minh	Tú	Nam	29/05/1993				Trung bình	852833	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10317	3959-K47D4		Bùi Tiến	Lực	Nam	12/10/1993				Khá	852834	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10318	3960-K47D6		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	14/03/1993				Khá	852835	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10319	3961-K47D6		Nguyễn Hải	Nam	Nam	27/09/1993				Trung bình	852836	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10320	3962-K47D6		Quách Thị	Phương	Nữ	22/09/1992				Trung bình	852837	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10321	4068-K44D7		Hoàng Thị	Hải	Nữ	04/03/1989				Trung bình	1206513	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10322	3963-K44D2		Đào Thị Phương	Thảo	Nữ	06/10/1990				Trung bình	852838	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10323	3964-K46D2		Trịnh Thị	Hồng	Nữ	18/09/1992				Trung bình	852839	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10324	3965-K46D2		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	17/01/1992				Trung bình	852840	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10325	4010-SB16A		Trần Thế	Anh	Nam	18/07/1990				Trung bình	1141578	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10326	4011-SB16B		Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	02/05/1991				Khá	1141579	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10327	4012-SB16B		Kiều Phương	Thảo	Nữ	06/10/1991				Trung bình	1141580	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10328	4013-SB16C		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	03/02/1991				Khá	1141581	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10329	4014-SB16D		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	19/05/1990				Khá	1141582	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	855/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10330	3966-K47H1		Nguyễn Việt	Đức	Nam	27/08/1993				Trung bình	852841	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10331	3967-K47H2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	30/04/1993				Khá	852842	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10332	3968-K44H1		Thái Thành	Long	Nam	04/05/1990				Trung bình	852843	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10333	3969-K46H5		Nguyễn Văn	Hải	Nam	12/08/1992				Trung bình	852844	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10334	4069-K47H4		Đặng Cư	Đạt	Nam	27/06/1993				Trung bình	1206514	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10335	4070-K47H4		Trần Thị Kiều	Diễm	Nữ	22/12/1993				Trung bình	1206515	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10336	4015-SB16F		Trần Quốc	Toàn	Nam	08/10/1989				Trung bình	1141583	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10337	4016-SB16K		Hoàng Thùy	Dương	Nữ	07/04/1991				Khá	1141584	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10338	4017-SB16K		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	25/12/1991				Trung bình	1141585	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10339	4018-SB16K		Đỗ Mai	Thanh	Nữ	12/02/1992				Khá	1141586	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10340	4019-SB15I		Nguyễn Như	Ngọc	Nam	08/06/1989				Khá	1141587	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	856/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10341	3993-K47N1		Đặng Thị Thu	Huyền	Nữ	30/06/1991				Trung bình	1141561	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10342	3994-K47N1		Kim Thị Thu	Huyền	Nữ	13/02/1992				Khá	1141562	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10343	3995-K47N1		Khổng Thị Thanh	Phương	Nữ	27/04/1993				Khá	1141563	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10344	3996-K47N2		Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	08/09/1993				Trung bình	1141564	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10345	3997-K47N3		Nguyễn Thị	Huê	Nữ	25/07/1993				Khá	1141565	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10346	3998-K47N3		Phạm Thị	Ngọc	Nữ	11/09/1993				Khá	1141566	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10347	3999-K47N3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	02/02/1992				Trung bình	1141567	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10348	4000-K47N3		Trần Lan	Phương	Nữ	06/02/1992				Khá	1141568	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10349	4001-K47N4		Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	08/10/1993				Trung bình	1141569	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10350	4002-K47N4		Nguyễn Hoàng	Hưng	Nam	24/05/1993				Trung bình	1141570	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10351	4003-K47N4		Doãn Thị Thu	Hường	Nữ	13/11/1993				Khá	1141571	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10352	4004-K47N4		Nguyễn Thành	Vũ	Nam	24/03/1993				Trung bình	1141572	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10353	4005-K47N5		Nguyễn Bảo	Giang	Nữ	06/01/1992				Khá	1141573	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10354	4006-K47N5		Vũ Thị Thanh	Hoàn	Nữ	06/10/1991				Khá	1141574	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10355	4007-K47N5		Vũ Thị	Loan	Nữ	10/02/1992				Khá	1141575	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10356	4008-K47N5		Bùi Hương	Thảo	Nữ	25/10/1991				Khá	1141576	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10357	4009-K46N6		Trần Văn	Duy	Nam	05/05/1992				Trung bình	1141577	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10358	4076-K47N2		Vũ Thị Quỳnh	Anh	Nữ	10/10/1993				Trung bình	1141592	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10359	4077-K47N2		Khổng Thị Kim	Nhung	Nữ	04/10/1993				Trung bình	1141593	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10360	4078-K47N3		Liêu Thị	Anh	Nữ	01/11/1993				Khá	1141594	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10361	4079-K47N5		Trần Thị	Thúy	Nữ	20/02/1993				Trung bình	1141595	2015	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	858/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10362	3970-K47S1		Bạch Hồng	Đức	Nam	21/01/1993				Trung bình	852845	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10363	3971-K47S1		Nguyễn Thế	Dũng	Nam	13/07/1993				Khá	852846	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10364	3972-K47S1		Lê Khánh	Ly	Nữ	17/12/1993				Khá	852847	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10365	3973-K47S1		Bùi Huy	Quý	Nam	22/09/1993				Khá	852848	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10366	3974-K47S1		Trần Phương	Thúy	Nữ	08/06/1993				Trung bình	852849	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10367	3975-K47S1		Chu Ngọc Hải	Vũ	Nam	20/04/1993				Trung bình	852850	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10368	3976-K47S2		Lê Đăng	Hưng	Nam	01/06/1993				Trung bình	852851	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10369	3977-K47S2		Trần Tiến	Mạnh	Nam	08/02/1992				Trung bình	852852	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10370	3978-K47S2		Nguyễn Thị	Quý	Nữ	26/02/1993				Khá	852853	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10371	3979-K47S2		Đàm Quang	Thịnh	Nam	17/01/1991				Trung bình	852854	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10372	3980-K47S2		Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	14/05/1993				Trung bình	852855	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10373	3981-K47S3		Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	Nữ	13/04/1993				Khá	852856	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10374	3982-K47S3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	18/09/1993				Trung bình	852857	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10375	3983-K47S3		Hoàng Việt	Tùng	Nam	11/02/1993				Trung bình	852858	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10376	3984-K47S4		Nguyễn Phương	Dung	Nữ	01/12/1993				Khá	852859	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10377	3985-K47S4		Nguyễn Trọng	Trung	Nam	20/07/1993				Khá	852860	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10378	3986-K47S5		Lã Duy	Đại	Nam	08/04/1993				Khá	852861	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10379	3987-K47S5		Nguyễn Văn	Hưng	Nam	12/06/1993				Trung bình	852862	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10380	3988-K47S5		Nguyễn Thị Trần	Quyên	Nữ	22/11/1993				Khá	852863	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10381	3989-K47S5		Nguyễn Đức	Trung	Nam	21/08/1993				Trung bình	852864	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10382	4071-K47S2		Bùi Thị Thanh	Loan	Nữ	29/11/1993				Trung bình	1206516	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10383	4072-K47S2		Mai Duy	Quang	Nam	03/09/1993				Trung bình	1141588	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10384	4073-K47S4		Đào Thị Thanh	Hồng	Nữ	07/12/1993				Trung bình	1141589	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10385	3990-K45S1		Nguyễn Việt	Anh	Nam	09/11/1989				Trung bình	852865	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10386	3991-K46S3		Phạm Thị	Mai	Nữ	15/06/1992				Trung bình	852866	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10387	3992-K46S3		Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	08/11/1992				Khá	1141560	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10388	4074-K46S2		Doãn Minh	Thành	Nam	25/12/1991				Trung bình	1141590	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10389	4075-K46S4		Lê Thu	Trang	Nữ	28/09/1992				Trung bình	1141591	2015	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	857/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
10390	3300-SB16K		Nguyễn Thị Vân	An	Nữ	09/06/1991				Khá	1141648	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10391	3301-SB16K		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	12/10/1990				Trung bình	1141649	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10392	3302-SB16K		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	13/07/1991				Khá	1141650	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10393	3303-SB16K		Đặng Việt	Anh	Nam	27/01/1991				Khá	1141651	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10394	3304-SB16K		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	16/09/1991				Khá	1141652	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10395	3305-SB16K		Nguyễn Thị Huyền	Châu	Nữ	28/04/1991				Khá	1141653	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10396	3306-SB16K		Đặng Thị	Đào	Nữ	20/12/1991				Khá	1141654	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10397	3307-SB16K		Đặng Thị	Duyên	Nữ	14/11/1991				Khá	1141655	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10398	3308-SB16K		Vũ Thị	Duyên	Nữ	22/02/1991				Khá	1141656	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10399	3309-SB16K		Võ Thị Thu	Hà	Nữ	23/06/1991				Khá	1141657	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10400	3310-SB16K		Phạm Thị	Hằng	Nữ	19/04/1991				Khá	1141658	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10401	3311-SB16K		Trần Minh	Hằng	Nữ	03/11/1991				Khá	1141659	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10402	3312-SB16K		Lương Thị	Hào	Nữ	30/12/1991				Khá	1141660	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10403	3313-SB16K		Phạm Hải	Hậu	Nữ	28/03/1991				Khá	1141661	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10404	3314-SB16K		Chu Minh	Hiệp	Nam	17/01/1992				Khá	1141662	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10405	3315-SB16K		Phùng Phương	Hoa	Nữ	23/02/1991				Khá	1141663	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10406	3316-SB16K		Phạm Thị	Hợp	Nữ	10/09/1991				Giỏi	1141664	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10407	3317-SB16K		Trần Thị	Hương	Nữ	02/06/1991				Khá	1141665	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10408	3318-SB16K		Trần Thị Thu	Hương	Nữ	11/09/1991				Khá	1141666	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10409	3319-SB16K		Vũ Minh	Hương	Nữ	24/11/1991				Khá	1141667	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10410	3320-SB16K		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	04/10/1991				Khá	1141668	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10411	3321-SB16K		Đỗ Thị Thu	Hường	Nữ	06/06/1991				Khá	1141669	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10412	3322-SB16K		Ngô Thị Thúy	Hường	Nữ	10/02/1990				Khá	1141670	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10413	3323-SB16K		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	17/03/1991				Khá	1141671	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10414	3324-SB16K		Trần Quốc	Khánh	Nam	18/02/1991				Trung bình	1141672	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10415	3325-SB16K		Nguyễn Thị Phương	Liên	Nữ	20/02/1991				Khá	1141673	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10416	3326-SB16K		Nguyễn Phương	Loan	Nữ	20/06/1990				Khá	1141674	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10417	3327-SB16K		Vũ Thế	Mạnh	Nam	13/05/1991				Khá	1141675	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10418	3328-SB16K		Trịnh Hồng	Minh	Nữ	04/08/1992				Khá	1141676	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10419	3329-SB16K		Bùi Thị Hồng	Ngọc	Nữ	26/11/1991				Khá	1141677	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10420	3330-SB16K		Hồ Bảo	Ngọc	Nữ	25/12/1991				Khá	1141678	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10421	3331-SB16K		Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	23/10/1991				Khá	1141679	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10422	3332-SB16K		Cao Thị Hồng	Nhung	Nữ	16/04/1991				Khá	1141680	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10423	3333-SB16K		Trần Việt	Phương	Nữ	16/06/1991				Khá	1141681	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10424	3334-SB16K		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	14/08/1991				Khá	1141682	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10425	3335-SB16K		Nguyễn Thị Hồng	Tâm	Nữ	08/05/1990				Khá	1141683	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10426	3336-SB16K		Dư Diệu	Thư	Nữ	29/08/1991				Khá	1141684	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10427	3337-SB16K		Đào Nguyệt	Thùy	Nữ	20/09/1991				Khá	1141685	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10428	3338-SB16K		Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	03/07/1991				Khá	1141686	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10429	3339-SB16K		Hồ Hồng	Trang	Nữ	24/07/1991				Khá	1141687	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10430	3340-SB16K		Vũ Huyền	Trang	Nữ	02/08/1991				Khá	1141688	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10431	3341-SB16K		Lê Thị	Trang	Nữ	12/06/1991				Khá	1141689	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10432	3342-SB16K		Thái Phương	Uyên	Nữ	09/07/1991				Khá	1141690	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10433	3343-SB16K		Bùi Thị Anh	Vân	Nữ	13/11/1991				Khá	1141691	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10434	3344-SB16K		Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	03/11/1991				Trung bình	1141692	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10435	3345-SB16K		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	27/11/1990				Khá	1141693	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10436	3346-SB16K		Trần Thị Ngọc	Yến	Nữ	20/12/1991				Khá	1141694	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10437	3347-SB15N		Vũ Đức	Toàn	Nam	05/02/1990				Trung bình	1141695	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10438	3348-SB16E		Trần Thành	Được	Nam	18/02/1991				Khá	1141696	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10439	3349-SB16E		Nguyễn Ngọc	Thanh	Nam	19/02/1991				Trung bình	1141697	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10440	3350-SB16E		Đặng Đình	Tuấn	Nam	05/08/1988				Khá	1141698	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10441	3351-SB16F		Nguyễn Thế	Vinh	Nam	26/08/1991				Khá	1141699	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10442	3352-SB16I		Nguyễn Hiền	Hậu	Nữ	24/11/1991				Trung bình	1141700	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	461/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10443	3253-SB16D		Lê Thị Ngọc	ánh	Nữ	02/10/1991				Giỏi	1141601	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10444	3254-SB16D		Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	06/07/1991				Khá	1141602	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10445	3255-SB16D		Võ Thị Thùy	Dương	Nữ	15/07/1991				Khá	1141603	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10446	3256-SB16D		Lại Thị	Duyên	Nữ	08/03/1991				Khá	1141604	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10447	3257-SB16D		Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	12/07/1991				Khá	1141605	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10448	3258-SB16D		Hà Thị Hương	Giang	Nữ	14/11/1991				Khá	1141606	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10449	3259-SB16D		Bùi Thanh	Hà	Nữ	21/06/1991				Khá	1141607	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10450	3260-SB16D		Phạm	Hân	Nam	02/10/1990				Khá	1141608	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10451	3261-SB16D		Lương Thị Thu	Hằng	Nữ	08/08/1990				Khá	1141609	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10452	3262-SB16D		Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	03/07/1991				Khá	1141610	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10453	3263-SB16D		Tô Thị	Hoa	Nữ	02/06/1991				Khá	1141611	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10454	3264-SB16D		Đoàn Thị	Hồng	Nữ	28/10/1990				Khá	1141612	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10455	3265-SB16D		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	18/11/1991				Khá	1141613	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10456	3266-SB16D		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	11/07/1991				Khá	1141614	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10457	3267-SB16D		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	22/05/1991				Khá	1141615	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10458	3268-SB16D		Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/08/1991				Khá	1141616	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10459	3269-SB16D		Phạm Thị Hoa	Lê	Nữ	02/01/1991				Khá	1141617	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10460	3270-SB16D		Lê Thị Ngọc	Liên	Nữ	01/05/1991				Khá	1141618	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10461	3271-SB16D		Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	11/12/1991				Khá	1141619	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10462	3272-SB16D		Trần Thị	Liên	Nữ	07/05/1991				Trung bình	1141620	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10463	3273-SB16D		Quách Thị Thùy	Linh	Nữ	15/08/1991				Khá	1141621	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10464	3274-SB16D		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	25/02/1991				Khá	1141622	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10465	3275-SB16D		Nguyễn Thị	Ly	Nữ	13/10/1991				Khá	1141623	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10466	3276-SB16D		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	07/08/1991				Khá	1141624	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10467	3277-SB16D		Phạm Thị	Mai	Nữ	02/03/1991				Khá	1141625	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10468	3278-SB16D		Nguyễn Thị Như	Mai	Nữ	24/02/1991				Khá	1141626	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10469	3279-SB16D		Hoàng Thị Bích	Ngọc	Nữ	21/11/1991				Khá	1141627	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10470	3280-SB16D		Lê Thị Mai	Phương	Nữ	25/06/1991				Khá	1141628	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10471	3281-SB16D		Phạm Thị	Phương	Nữ	04/03/1991				Khá	1141629	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10472	3282-SB16D		Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	08/12/1991				Khá	1141630	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10473	3283-SB16D		Nguyễn Thị	Thành	Nữ	16/09/1990				Khá	1141631	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10474	3284-SB16D		Võ Thị Phương	Thảo	Nữ	01/11/1991				Khá	1141632	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10475	3285-SB16D		Đoàn Thị	Thơm	Nữ	15/01/1991				Khá	1141633	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10476	3286-SB16D		Cao Thị	Tình	Nữ	17/10/1989				Khá	1141634	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10477	3287-SB16D		Phạm Thị Cẩm	Trang	Nữ	04/02/1991				Khá	1141635	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10478	3288-SB16D		Nguyễn Ngọc	Tú	Nữ	13/07/1991				Khá	1141636	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10479	3289-SB16D		Bùi Thị	Tuyết	Nữ	10/12/1991				Khá	1141637	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10480	3290-SB16D		Đỗ Hoàng	Vân	Nữ	24/06/1991				Khá	1141638	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10481	3291-SB16D		Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	13/04/1991				Khá	1141639	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10482	3292-SB16D		Đào Thị Hoàng	Yến	Nữ	07/08/1991				Khá	1141640	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10483	3293-SB16D		Nguyễn Thị Bảo	Yến	Nữ	25/06/1991				Khá	1141641	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10484	3294-SB15H		Đỗ Ngọc	ánh	Nữ	18/10/1989				Khá	1141642	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10485	3295-SB16B		Hồ Thị Thanh	Huyền	Nữ	26/08/1991				Khá	1141643	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10486	3296-SB16B		Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	08/09/1990				Khá	1141644	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10487	3297-SB16C		Lê Minh	Giang	Nam	12/10/1991				Khá	1141645	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10488	3298-SB16C		Đào Thanh	Tú	Nam	15/10/1990				Khá	1141646	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10489	3299-SB15F		Trần Thị	Hải	Nữ	23/02/1990				Khá	1141647	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	462/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 19/06/2015	
10490	01-K44DK3		Trần Thị	Dược	Nữ	06/05/1986				Trung bình khá	851660	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10491	02-K44DK3		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	24/08/1983				Trung bình	851661	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10492	03-K44DK3		Phạm Thị	Doan	Nữ	16/10/1988				Trung bình khá	851662	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10493	04-K44DK3		Đào Hồng	Đức	Nam	11/09/1991				Trung bình	851663	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10494	05-K44DK3		Vũ Trí	Dũng	Nam	13/12/1980				Trung bình khá	851664	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10495	06-K44DK3		Đào Thị	Hằng	Nữ	01/03/1986				Trung bình	851665	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10496	07-K44DK3		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	15/08/1989				Trung bình khá	851666	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10497	08-K44DK3		Nguyễn Duy	Hiếu	Nam	01/07/1986				Trung bình	851667	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10498	09-K44DK3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28/02/1988				Trung bình khá	851668	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10499	10-K44DK3		Trịnh Thị	Hương	Nữ	26/04/1988				Trung bình khá	851669	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10500	11-K44DK3		Trần Quốc	Huy	Nam	05/09/1987				Trung bình	851670	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10501	12-K44DK3		Trần Thị Kim	Liên	Nữ	11/06/1980				Trung bình	851671	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10502	13-K44DK3		Hà Thị	Lực	Nữ	22/01/1983				Trung bình khá	851672	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10503	14-K44DK3		Đinh Trung	Minh	Nam	24/08/1983				Trung bình khá	851673	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10504	15-K44DK3		Đỗ Thị	Ngát	Nữ	05/05/1983				Trung bình khá	851674	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10505	16-K44DK3		Đặng Thị	Nhung	Nữ	17/12/1990				Trung bình khá	851675	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10506	17-K44DK3		Lê Thị	Ninh	Nữ	12/12/1988				Trung bình khá	851676	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10507	18-K44DK3		Vũ Thị Thanh	Thủy	Nữ	21/11/1974				Trung bình khá	851677	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10508	19-K44DK4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/09/1984				Trung bình khá	851678	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10509	20-K44DK4		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	22/08/1990				Trung bình khá	851679	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10510	21-K44DK4		Đinh Mai	Hương	Nữ	01/07/1987				Trung bình khá	851680	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10511	22-K44DK4		Trần Thị	Mai	Nữ	20/10/1987				Trung bình khá	851681	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10512	23-K44DK4		Phan Thị Vân	Anh	Nữ	09/07/1990				Trung bình khá	851682	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10513	24-K44DK4		Hà Thị Thu	Hà	Nữ	06/09/1988				Trung bình	851683	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10514	25-K44DK4		Vũ Thị	Hoàng	Nữ	29/11/1991				Trung bình khá	851684	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10515	26-K44DK4		Trần Thị	Thảo	Nữ	10/03/1990				Trung bình	851685	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10516	27-K44DK5		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	28/08/1989				Trung bình	851686	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10517	28-K44DK5		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	23/03/1978				Trung bình khá	851687	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10518	29-K44DK5		Phạm Thị	Hằng	Nữ	04/07/1990				Trung bình	851688	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10519	30-K44DK5		Trần Thị	Linh	Nữ	24/09/1984				Trung bình	851689	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10520	31-K44DK5		Dương Phương	Phương	Nữ	17/09/1990				Trung bình khá	851690	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10521	32-K44DK5		Trần Thị	Thủy	Nữ	24/06/1986				Trung bình khá	851691	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10522	33-K44DK5		Đào Thị Quỳnh	Trang	Nữ	05/12/1986				Trung bình khá	851692	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10523	34-K44DK5		Lê Tuấn	Ngọc	Nam	20/01/1971				Trung bình khá	851693	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10524	35-K44DK5		Nguyễn Lương Thanh	Tùng	Nam	18/08/1989				Trung bình	851694	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10525	36-K44DK5		Bùi Mạnh	Cường	Nam	01/01/1988				Trung bình khá	851695	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10526	37-K44DK5		Tô Thị Kim	Dung	Nữ	04/10/1991				Trung bình khá	851696	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10527	38-K44DK5		Trần Đức	Giang	Nam	21/09/1979				Trung bình khá	851697	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10528	39-K44DK5		Trần Thị	Hằng	Nữ	05/08/1984				Trung bình khá	851698	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10529	40-K44DK5		Bùi Thị Hồng	Hạnh	Nữ	14/03/1991				Trung bình khá	851699	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10530	41-K44DK5		Lê Diệu	Hiền	Nữ	09/07/1983				Trung bình	851700	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10531	42-K44DK5		Bùi Thị	Hương	Nữ	02/03/1979				Trung bình khá	851701	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10532	43-K44DK5		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	25/10/1979				Trung bình khá	851702	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10533	44-K44DK5		Trương Thương	Huyền	Nữ	06/12/1974				Trung bình khá	851703	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10534	45-K44DK5		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	14/07/1982				Trung bình khá	851704	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10535	46-K44DK5		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	25/10/1991				Trung bình khá	851705	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10536	47-K44DK5		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	13/09/1972				Trung bình khá	851706	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10537	48-K44DK5		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	03/02/1989				Trung bình khá	851707	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10538	49-K44DK5		Nguyễn Xuân	Trường	Nam	20/10/1991				Trung bình khá	851708	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10539	50-K44DK5		Nguyễn Đình	Vân	Nam	08/08/1985				Trung bình	851709	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10540	51-K39DK6		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	16/04/1983				Trung bình	851710	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10541	52-K41DK13		Bùi Thị Thái	Hà	Nữ	31/01/1985				Trung bình khá	851711	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10542	53-K42DK16		Phạm Văn	Tuấn	Nam	23/02/1984				Trung bình khá	851712	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10543	54-K42DK4		Bùi Thanh	Sơn	Nữ	17/11/1983				Trung bình khá	851713	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10544	55-K43DK12		Đỗ Ngọc	Điển	Nam	24/01/1987				Trung bình	851714	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10545	56-K43DK13		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	03/10/1989				Trung bình	851715	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10546	57-K43DK13		Vũ Thị Thanh	Mai	Nữ	21/08/1988				Trung bình	851716	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10547	58-K43DK14		Nguyễn Viết	Dũng	Nam	18/04/1982				Trung bình	851717	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10548	59-K43DK14		Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	04/02/1985				Trung bình	851718	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10549	60-K43DK15		Nguyễn Xuân	Đạt	Nam	23/07/1985				Trung bình khá	851719	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10550	61-K43DK15		Đặng Văn	Khôi	Nam	10/07/1983				Trung bình	851720	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10551	62-K43DK16		Nguyễn Thành	Đăng	Nam	21/06/1987				Trung bình	851721	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10552	63-K43DK4		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	04/06/1989				Trung bình	851722	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10553	64-K43DK7		Đặng Thị	Thùy	Nữ	21/11/1988				Trung bình khá	851723	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10554	65-K43DK8		Trịnh Văn	Chúc	Nam	27/07/1987				Trung bình	851724	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10555	66-K43DK8		Lê Thị Lan	Anh	Nữ	26/01/1984				Trung bình	851725	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	19/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10556	67-K44DQ1		Nguyễn Ngọc	ánh	Nam	23/02/1988				Trung bình khá	851726	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10557	68-K44DQ1		Nguyễn Văn	Chương	Nam	14/08/1990				Trung bình	851727	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10558	69-K44DQ4		Đinh Duy	Hùng	Nam	02/08/1987				Trung bình khá	851728	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10559	70-K44DQ4		Phạm Văn	Lượng	Nam	25/02/1983				Trung bình khá	851729	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10560	71-K44DQ4		Trần Quốc	Quân	Nam	07/09/1978				Trung bình khá	851730	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10561	72-K44DQ4		Nguyễn Duy	Hiệp	Nam	04/08/1985				Trung bình	851731	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10562	73-K41DQ2		Bùi Văn	Tiến	Nam	21/12/1988				Trung bình	851732	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10563	74-K42DQ4		Hoàng Văn	Thành	Nam	15/09/1983				Trung bình	851733	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10564	75-K43BQ2		Nguyễn Việt	Giang	Nam	11/04/1986				Trung bình khá	851734	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10565	76-K43DQ1		Trần Đức	Lộc	Nam	13/11/1983				Trung bình	851735	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10566	77-K43DQ1		Nguyễn Văn	Thoan	Nam	28/06/1980				Trung bình khá	851736	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10567	78-K43DQ1		Đỗ Thị	Thúy	Nữ	25/07/1982				Trung bình khá	851737	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10568	79-K43DQ2		Trịnh Xuân	Mạnh	Nam	10/06/1987				Trung bình	851738	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10569	80-K43DQ2		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	03/05/1985				Trung bình	851739	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10570	81-K43DQ3		Nguyễn Tuấn	Thịnh	Nam	29/06/1982				Trung bình	851740	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10571	82-K43DQ3		Đoàn Ngọc	Thùy	Nam	20/06/1987				Trung bình	851741	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10572	83-K43DQ6		Dương Trung	Hiếu	Nam	30/10/1987				Trung bình	851742	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10573	84-K43DQ7		Trần Duy	Dinh	Nam	04/10/1979				Trung bình	851743	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10574	85-K43DQ7		Lê Quang	Dương	Nam	14/06/1985				Trung bình khá	851744	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10575	86-K43DQ7		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	03/08/1991				Trung bình khá	851745	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	20/QĐ-ĐHTM, ngày 15/01/2015	
10576	656-K44DQ2		Vũ Kim	Anh	Nữ	18/07/1981				Trung bình khá	852317	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10577	657-K44DQ2		Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	16/01/1986				Trung bình khá	852318	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10578	658-K44DQ2		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	30/09/1991				Trung bình khá	852319	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10579	659-K44DQ2		Lê Hải	Châu	Nam	03/02/1985				Trung bình khá	852320	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10580	660-K44DQ2		Đặng Văn	Cương	Nam	16/10/1990				Trung bình	852321	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10581	661-K44DQ2		Nguyễn Mạnh	Diện	Nam	22/07/1987				Trung bình khá	852322	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10582	662-K44DQ2		Trần Xuân	Diện	Nam	19/08/1989				Trung bình khá	852323	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10583	663-K44DQ2		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	15/01/1984				Trung bình khá	852324	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10584	664-K44DQ2		Nguyễn Đình	Độ	Nam	26/09/1985				Trung bình khá	852325	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10585	665-K44DQ2		Nguyễn Đình	Đông	Nam	01/08/1986				Trung bình khá	852326	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10586	666-K44DQ2		Hoàng Anh	Đức	Nam	26/02/1987				Trung bình khá	852327	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10587	667-K44DQ2		Trần Đăng	Đức	Nam	20/11/1988				Trung bình khá	852328	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10588	668-K44DQ2		Nguyễn Bình	Dũng	Nam	28/08/1985				Trung bình	852329	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10589	669-K44DQ2		Bùi Thị	Hà	Nữ	08/08/1986				Trung bình khá	852330	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10590	670-K44DQ2		Lê Thanh	Hải	Nam	25/05/1984				Trung bình khá	852331	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10591	671-K44DQ2		Hoàng Văn	Hân	Nam	20/07/1983				Trung bình khá	852332	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10592	672-K44DQ2		Quán Thị	Hằng	Nữ	25/04/1987				Trung bình khá	852333	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10593	673-K44DQ2		Phạm Đức	Hiện	Nam	31/05/1986				Trung bình khá	852334	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10594	674-K44DQ2		Vũ Minh	Hoàn	Nam	09/10/1991				Trung bình khá	852335	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10595	675-K44DQ2		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	03/09/1986				Trung bình khá	852336	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10596	676-K44DQ2		Nguyễn Quang	Huy	Nam	25/10/1983				Trung bình khá	852337	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10597	677-K44DQ2		Nguyễn Quang	Huy	Nam	26/05/1991				Trung bình khá	852338	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10598	678-K44DQ2		Trịnh Hữu	Khóe	Nam	01/01/1980				Trung bình khá	852339	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10599	679-K44DQ2		Nguyễn Sĩ	Luân	Nam	16/08/1988				Trung bình	852340	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10600	680-K44DQ2		Lê Thúy	Ly	Nữ	13/01/1986				Trung bình khá	852341	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10601	681-K44DQ2		Đoàn Xuân	Minh	Nam	03/11/1990				Trung bình khá	852342	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10602	682-K44DQ2		Trương Văn	Minh	Nam	12/06/1980				Trung bình	852343	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10603	683-K44DQ2		Nguyễn Văn	Nam	Nam	25/10/1982				Trung bình khá	852344	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10604	684-K44DQ2		Nguyễn Anh	Nghĩa	Nam	16/10/1984				Trung bình khá	852345	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10605	685-K44DQ2		Hoàng Đình	Núi	Nam	02/11/1981				Trung bình	852346	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10606	686-K44DQ2		Đặng Xuân	Phúc	Nam	18/02/1988				Trung bình khá	852347	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10607	687-K44DQ2		Lê Lệ	Quyên	Nữ	15/08/1992				Trung bình khá	852348	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10608	688-K44DQ2		Nguyễn Xuân	Quyền	Nam	10/05/1987				Trung bình khá	852349	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10609	689-K44DQ2		Trần Văn	Tài	Nam	18/11/1981				Trung bình khá	852350	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10610	690-K44DQ2		Quán Thị	Tâm	Nữ	02/02/1991				Trung bình khá	852351	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10611	691-K44DQ2		Nguyễn Hùng	Thắng	Nam	15/06/1984				Trung bình khá	852352	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10612	692-K44DQ2		Vũ Đại	Thắng	Nam	25/05/1983				Trung bình khá	852353	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10613	693-K44DQ2		Chu Văn	Thành	Nam	06/09/1982				Trung bình	852354	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10614	694-K44DQ2		Trần Văn	Thế	Nam	19/09/1977				Trung bình	852355	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10615	695-K44DQ2		Nguyễn Văn	Thuận	Nam	20/03/1990				Trung bình	852356	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10616	696-K44DQ2		Đường Văn	Toàn	Nam	06/09/1986				Trung bình	852357	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10617	697-K44DQ2		Phạm Thị Thúy	Vân	Nữ	30/09/1979				Trung bình	852358	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10618	698-K44DQ2		Đỗ Văn	Vinh	Nam	05/05/1990				Trung bình khá	852359	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10619	699-K44DQ3		Vũ Thanh	An	Nam	12/01/1985				Trung bình	852360	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10620	700-K44DQ3		Ngọ Tuấn	Anh	Nam	12/07/1987				Trung bình khá	852361	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10621	701-K44DQ3		Trần Tuấn	Anh	Nam	04/10/1974				Trung bình khá	852362	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10622	702-K44DQ3		Lê Văn	Chí	Nam	03/10/1980				Trung bình	852363	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10623	703-K44DQ3		Vũ Đức	Chuẩn	Nam	06/09/1980				Trung bình khá	852364	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10624	704-K44DQ3		Nguyễn Xuân	Chương	Nam	24/03/1975				Trung bình	852365	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10625	705-K44DQ3		Phùng Thế	Cường	Nam	27/07/1984				Trung bình	852366	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10626	706-K44DQ3		Phạm Văn	Đát	Nam	10/01/1984				Trung bình khá	852367	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10627	707-K44DQ3		Đỗ Hải	Đạt	Nam	14/04/1979				Trung bình khá	852368	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10628	708-K44DQ3		Nguyễn Thị	Điệp	Nữ	26/08/1988				Trung bình khá	852369	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10629	709-K44DQ3		Lê Minh	Đức	Nam	24/06/1978				Trung bình	852370	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10630	710-K44DQ3		Nguyễn Đình	Dương	Nam	16/02/1982				Trung bình	852371	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10631	711-K44DQ3		Đỗ Như	Duy	Nam	23/05/1983				Trung bình khá	852372	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10632	712-K44DQ3		Nguyễn Văn	Hải	Nam	18/04/1982				Trung bình	852373	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10633	713-K44DQ3		Hà Thọ	Hân	Nam	10/02/1983				Trung bình khá	852374	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10634	714-K44DQ3		Bùi Văn	Hoàng	Nam	10/09/1987				Trung bình	852375	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10635	715-K44DQ3		Trần Xuân	Hoàng	Nam	11/11/1986				Trung bình khá	852376	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10636	716-K44DQ3		Trần Thị	Hồng	Nữ	29/10/1986				Trung bình khá	852377	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10637	717-K44DQ3		Vũ Viết	Huấn	Nam	17/10/1981				Trung bình khá	852378	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10638	718-K44DQ3		Đào Anh	Hùng	Nam	07/10/1983				Trung bình	852379	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10639	719-K44DQ3		Nguyễn Xuân	Hưng	Nam	16/08/1984				Trung bình khá	852380	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10640	720-K44DQ3		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	23/09/1990				Trung bình khá	852381	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10641	721-K44DQ3		Vũ Bá	Huy	Nam	30/03/1985				Trung bình khá	852382	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10642	722-K44DQ3		Nguyễn Xuân	Khương	Nam	29/11/1972				Trung bình khá	852383	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10643	723-K44DQ3		Nguyễn Văn	Kiên	Nam	04/09/1984				Trung bình khá	852384	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10644	724-K44DQ3		Nguyễn Đào	Lộc	Nam	24/02/1981				Trung bình	852385	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10645	725-K44DQ3		Bùi Mạnh	Long	Nam	19/11/1974				Trung bình	852386	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10646	726-K44DQ3		Lưu Quang	Long	Nam	13/08/1988				Trung bình	852387	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10647	727-K44DQ3		Tống Thị	Mến	Nữ	23/07/1982				Trung bình khá	852388	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10648	728-K44DQ3		Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	04/07/1991				Trung bình	852389	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10649	729-K44DQ3		Dương Thị	Phương	Nữ	20/07/1969				Trung bình khá	852390	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10650	730-K44DQ3		Nguyễn Chí	Thành	Nam	07/07/1990				Trung bình	852391	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10651	731-K44DQ3		Tạ Sắc	Thành	Nam	11/12/1987				Trung bình	852392	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10652	732-K44DQ3		Phạm Thành	Thạo	Nam	17/11/1981				Trung bình	852393	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10653	733-K44DQ3		Đặng Đình	Thế	Nam	15/12/1985				Trung bình	852394	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10654	734-K44DQ3		Phạm Văn	Thế	Nam	17/05/1985				Trung bình khá	852395	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10655	735-K44DQ3		Lương Văn	Thuận	Nam	08/07/1987				Trung bình khá	852396	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10656	736-K44DQ3		Nguyễn Tiến	Thuật	Nam	03/06/1979				Trung bình khá	852397	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10657	737-K44DQ3		Bùi Yến	Trang	Nữ	16/09/1987				Trung bình khá	852398	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10658	738-K44DQ3		Ngô Anh	Tú	Nam	25/04/1989				Trung bình khá	852399	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10659	739-K44DQ3		Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	19/10/1991				Trung bình khá	852400	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10660	740-K44DQ3		Trần Lê	Văn	Nam	24/10/1989				Trung bình khá	852401	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10661	741-K44DQ3		Hoàng Đại	Vũ	Nam	17/02/1986				Trung bình	852402	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10662	742-K44DQ4		Võ Xuân	Dũng	Nam	02/09/1980				Trung bình	852403	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10663	743-K44DQ4		Đặng Ngọc	Duy	Nam	30/05/1989				Trung bình	852404	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10664	744-K44DQ4		Trần Văn	Viên	Nam	20/08/1979				Trung bình	852405	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10665	745-K44DQ7		Vũ Mai	Anh	Nữ	15/03/1992				Trung bình khá	852406	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10666	746-K44DQ7		Trần Hữu	Cường	Nam	25/07/1987				Trung bình khá	852407	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10667	747-K44DQ7		Nguyễn Bá	Cương	Nam	30/09/1982				Trung bình khá	852408	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10668	748-K44DQ7		Đỗ Văn	Đông	Nam	18/04/1991				Trung bình khá	852409	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10669	749-K44DQ7		Đoàn Thị Kim	Dung	Nữ	14/08/1986				Trung bình khá	852410	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10670	750-K44DQ7		Nguyễn Xuân	Hải	Nam	13/10/1986				Trung bình khá	852411	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10671	751-K44DQ7		Lê Văn	Hân	Nam	02/05/1984				Trung bình	852412	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10672	752-K44DQ7		Đoàn Văn	Hiệp	Nam	05/10/1984				Trung bình khá	852413	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10673	753-K44DQ7		Nguyễn Quốc	Hoàn	Nam	26/05/1983				Trung bình khá	852414	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10674	754-K44DQ7		Nguyễn Văn	Hùng	Nam	15/03/1987				Trung bình khá	852415	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10675	755-K44DQ7		Nguyễn Ngọc	Hữu	Nam	03/03/1982				Trung bình khá	852416	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10676	756-K44DQ7		Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	24/04/1971				Trung bình khá	852417	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10677	757-K44DQ7		Đinh Văn	Luận	Nam	26/05/1984				Trung bình	852418	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10678	758-K44DQ7		Nguyễn Thị Yến	Ly	Nữ	09/12/1983				Trung bình khá	852419	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10679	759-K44DQ7		Nguyễn Đức	Nam	Nam	30/04/1989				Trung bình khá	852420	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10680	760-K44DQ7		Hồ Thị Bích	Ngọc	Nữ	08/08/1989				Trung bình khá	852421	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10681	761-K44DQ7		Đào Thị	Oanh	Nữ	22/09/1986				Trung bình khá	852422	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10682	762-K44DQ7		Đào Thị Hoài	Phương	Nữ	01/11/1985				Trung bình khá	852423	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10683	763-K44DQ7		Nguyễn Văn	Quân	Nam	17/07/1985				Trung bình khá	852424	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10684	764-K44DQ7		Trần Văn	Sơn	Nam	12/09/1986				Trung bình khá	852425	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10685	765-K44DQ7		Phạm Hữu	Thắng	Nam	28/02/1982				Trung bình khá	852426	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10686	766-K44DQ7		Lê Minh	Thành	Nam	01/10/1988				Trung bình khá	852427	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10687	767-K44DQ7		Đặng Hữu	Tiệp	Nam	04/08/1982				Trung bình khá	852428	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10688	768-K44DQ7		Tôn Nữ Thùy	Trang	Nữ	09/10/1985				Trung bình khá	852429	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10689	769-K44DQ7		Ngô Thanh	Tú	Nam	05/08/1984				Trung bình khá	852430	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10690	770-K42DQ2		Đinh Văn	Cường	Nam	28/11/1986				Trung bình khá	852431	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10691	771-K42DQ5		Lê Thị	Hoa	Nữ	02/02/1985				Trung bình	852432	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10692	772-K42DQ8		Bùi Trọng	Huy	Nam	28/07/1984				Trung bình khá	852433	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10693	773-K42DQ8		Vũ Tuấn	Việt	Nam	18/09/1987				Trung bình khá	852434	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10694	774-K43DQ3		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	08/04/1986				Trung bình khá	852435	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10695	775-K43DQ5		Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	30/04/1984				Trung bình	852436	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10696	776-K43DQ7		Hoàng Mạnh	Tuấn	Nam	30/07/1986				Trung bình	852437	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	364/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10697	827-K46BQ1		Nguyễn Vũ	Anh	Nam	31/01/1988				Trung bình khá	852488	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10698	828-K46BQ1		Đinh Gia	Cảnh	Nam	26/05/1978				Trung bình khá	852489	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10699	829-K46BQ1		Nguyễn Thị Hải	Dương	Nữ	09/07/1978				Khá	852490	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10700	830-K46BQ1		Phạm Thị Xuân	Hà	Nữ	30/10/1981				Khá	852491	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10701	831-K46BQ1		Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	03/12/1979				Trung bình khá	852492	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10702	832-K46BQ1		Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	27/04/1989				Trung bình khá	852493	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10703	833-K46BQ1		Nguyễn Bích	Hồng	Nữ	07/08/1981				Khá	852494	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10704	834-K46BQ1		Đỗ Kiều	Hưng	Nam	30/08/1987				Khá	852495	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10705	835-K46BQ1		Trần Lan	Hương	Nữ	01/07/1987				Khá	852496	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10706	836-K46BQ1		Phạm Văn	Hướng	Nam	18/10/1979				Trung bình khá	852497	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10707	837-K46BQ1		Trần Thị Bích	Lan	Nữ	21/02/1978				Khá	852498	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10708	838-K46BQ1		Phạm Thị Tố	Loan	Nữ	22/07/1984				Trung bình khá	852499	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10709	839-K46BQ1		Bùi Lê	Mai	Nữ	20/02/1986				Khá	852500	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10710	840-K46BQ1		Lê Thị Phương	Mai	Nữ	15/05/1983				Khá	852501	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10711	841-K46BQ1		Trần Văn	Nam	Nam	04/10/1985				Khá	852502	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10712	842-K46BQ1		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	08/09/1985				Trung bình khá	852503	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10713	843-K46BQ1		Nguyễn Anh	Nguyên	Nam	11/04/1981				Trung bình khá	852504	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10714	844-K46BQ1		Đỗ Thị Thúy	Nhạn	Nữ	02/11/1981				Trung bình khá	852505	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10715	845-K46BQ1		Bùi Phương	Nhung	Nữ	06/04/1986				Khá	852506	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10716	846-K46BQ1		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/08/1987				Khá	852507	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10717	847-K46BQ1		Lương Thị Minh	Phương	Nữ	03/05/1985				Khá	852508	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10718	848-K46BQ1		Phạm Thị	Phượng	Nữ	12/04/1984				Giỏi	852509	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10719	849-K46BQ1		Đỗ Minh	Quang	Nam	21/09/1989				Trung bình khá	852510	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10720	850-K46BQ1		Nguyễn Xuân	Quang	Nam	12/02/1985				Khá	852511	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10721	851-K46BQ1		Đinh Công	Sơn	Nam	18/01/1988				Trung bình khá	852512	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10722	852-K46BQ1		Phạm Văn	Thắng	Nam	05/12/1988				Trung bình khá	852513	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10723	853-K46BQ1		Giang Đức	Thiện	Nam	03/06/1984				Khá	852514	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10724	854-K46BQ1		Hoàng Thị Anh	Thơ	Nữ	07/08/1988				Khá	852515	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10725	855-K46BQ1		Nguyễn Anh	Thơ	Nam	01/10/1980				Trung bình khá	852516	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10726	856-K46BQ1		Trần Xuân	Thọ	Nam	07/10/1985				Trung bình khá	852517	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10727	857-K46BQ1		Bùi Thị	Thơm	Nữ	07/01/1988				Khá	852518	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10728	858-K46BQ1		Trần Anh	Thư	Nữ	25/01/1985				Khá	852519	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10729	859-K46BQ1		Bùi Thanh	Thúy	Nữ	18/10/1982				Khá	852520	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10730	860-K46BQ1		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	02/08/1980				Trung bình khá	852521	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10731	861-K46BQ1		Hoàng Ngọc	Trường	Nam	03/08/1984				Trung bình khá	852522	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10732	862-K46BQ1		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	11/11/1980				Trung bình khá	852523	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10733	863-K46BQ1		Trần Thị Thúy	Vân	Nữ	13/12/1986				Trung bình khá	852524	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10734	864-K41DQ2		Hà văn	Cương	Nam	14/12/1984				Trung bình khá	852525	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10735	865-K43DQ1		Lê Vĩnh	Phiến	Nam	29/01/1984				Trung bình	852526	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10736	866-K43DQ5		Mai Hùng	Anh	Nam	13/10/1983				Trung bình khá	852527	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10737	867-K44DQ1		Nguyễn Ngọc	Hùng	Nam	10/10/1983				Trung bình	852528	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10738	868-K44DQ2		Nguyễn Văn	Đích	Nam	21/02/1984				Trung bình	852529	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10739	869-K44DQ2		Nguyễn Hoài	Nam	Nam	16/01/1984				Trung bình khá	852530	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10740	870-K44DQ3		Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	09/10/1988				Trung bình khá	852531	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10741	871-K44DQ4		Lê Công	Nghị	Nam	12/09/1987				Trung bình	852532	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	366/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
10742	3160-K3TK4		Nguyễn Thi	Thoan	Nữ	20/01/1983				Khá	1141489	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10743	2919-K3TK6		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	01/03/1990				Khá	1141231	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10744	2920-K3TK6		Nguyễn Thị Mai Vân	Anh	Nữ	09/06/1989				Khá	1141232	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10745	2921-K3TK6		Ka	Dis	Nữ	30/07/1981				Khá	1141233	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10746	2922-K3TK6		Đặng Thị Bích	Giang	Nữ	07/08/1991				Khá	1141234	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10747	2923-K3TK6		Nguyễn Thị Thúy	Hồng	Nữ	21/04/1976				Khá	1141235	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10748	2924-K3TK6		Trần Thị Hồng	Hương	Nữ	20/05/1986				Khá	1141236	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10749	2925-K3TK6		Trương Thị Hồng	Khánh	Nữ	05/10/1991				Khá	1141237	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10750	2926-K3TK6		Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	01/09/1989				Trung bình	1141238	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10751	2927-K3TK6		Nguyễn Đăng	Lâm	Nam	13/07/1986				Trung bình	1141239	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10752	2928-K3TK6		Nguyễn Viết	Lâm	Nam	16/08/1978				Khá	1141240	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10753	2929-K3TK6		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	08/02/1989				Khá	1141241	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10754	2930-K3TK6		Nguyễn Thị	Long	Nữ	05/06/1990				Trung bình	1141242	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10755	2931-K3TK6		Huỳnh Thị Mai	Ly	Nữ	25/08/1988				Khá	1141243	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10756	2932-K3TK6		Phan Thị Trà	My	Nữ	31/01/1984				Khá	1141244	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10757	2933-K3TK6		Hoàng Thị	Nga	Nữ	02/03/1990				Khá	1141245	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10758	2934-K3TK6		Trương Nữ Quỳnh	Nga	Nữ	16/07/1988				Khá	1141246	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10759	2935-K3TK6		Hồ Thị Diệu	Nguyên	Nữ	17/10/1992				Khá	1141247	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10760	2936-K3TK6		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	04/05/1987				Trung bình	1141248	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10761	2937-K3TK6		Phạm Văn	Sông	Nam	08/08/1992				Trung bình	1141249	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10762	2938-K3TK6		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	20/03/1984				Khá	1141250	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10763	2939-K3TK6		Hồ Thế	Toàn	Nam	19/08/1989				Trung bình	1141251	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10764	2940-K3TK6		Nguyễn Thị Kim	Trang	Nữ	26/07/1988				Khá	1141252	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10765	2941-K3TK6		Hà Thị Thu	Thủy	Nữ	28/01/1990				Trung bình	1141253	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	131/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10766	2942-K3TK1		Đinh Việt	Anh	Nam	26/02/1987				Trung bình	1141254	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10767	2943-K3TK1		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	08/08/1990				Khá	1141255	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10768	2944-K3TK1		Trần Thị	ánh	Nữ	05/06/1989				Khá	1141256	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10769	2945-K3TK1		Lê Thị	Châm	Nữ	05/09/1990				Khá	1141257	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10770	2946-K3TK1		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	12/02/1989				Khá	1141258	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10771	2947-K3TK1		Lâm Thị Kim	Dung	Nữ	31/07/1990				Khá	1141259	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10772	2948-K3TK1		Đào Hoàng	Dũng	Nam	21/01/1989				Khá	1141260	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10773	2949-K3TK1		Trần Thị	Giang	Nữ	21/02/1988				Trung bình	1141261	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10774	2950-K3TK1		Đinh Thị	Hà	Nữ	10/03/1987				Khá	1141262	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10775	2951-K3TK1		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	08/06/1983				Trung bình	1141263	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10776	2952-K3TK1		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	03/04/1986				Khá	1141264	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10777	2953-K3TK1		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	20/09/1988				Khá	1141265	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10778	2954-K3TK1		Phạm Thị	Hằng	Nữ	11/10/1990				Trung bình	1141266	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10779	2955-K3TK1		Cao Thị	Hảo	Nữ	05/09/1987				Khá	1141267	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10780	2956-K3TK1		Lê Thị	Hiền	Nữ	01/11/1983				Trung bình	1141268	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10781	2957-K3TK1		Phạm Như	Hiển	Nam	19/05/1987				Khá	1141269	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10782	2958-K3TK1		Lục Thị	Hòa	Nữ	03/12/1986				Trung bình	1141270	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10783	2959-K3TK1		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	16/10/1988				Trung bình	1141271	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10784	2960-K3TK1		Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	04/08/1989				Trung bình	1141272	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10785	2961-K3TK1		Nguyễn Thị Hồng	Khánh	Nữ	24/02/1981				Khá	1141273	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10786	2962-K3TK1		Trần Thanh	Loan	Nữ	23/03/1988				Trung bình	1141274	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10787	2963-K3TK1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	07/07/1987				Trung bình	1141275	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10788	2964-K3TK1		Lưu Thị	Minh	Nữ	20/12/1985				Trung bình	1141276	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10789	2965-K3TK1		Triệu Lê		Nam	23/11/1991				Khá	1141277	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10790	2966-K3TK1		Hà Thị	Ngân	Nữ	29/11/1989				Khá	1141278	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10791	2967-K3TK1		Nguyễn Thị Thu	Ngọc	Nữ	04/09/1984				Khá	1141279	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10792	2968-K3TK1		Trần Thị Tú	Nguyệt	Nữ	24/08/1988				Trung bình	1141280	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10793	2969-K3TK1		Bùi Thị	Nhung	Nữ	26/06/1989				Trung bình	1141281	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10794	2970-K3TK1		Dương Thị	Quyên	Nữ	22/09/1989				Khá	1141282	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10795	2971-K3TK1		Lê Thị Hồng	Sen	Nữ	04/07/1990				Trung bình	1141283	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10796	2972-K3TK1		Bùi Thanh	Tâm	Nữ	08/03/1989				Khá	1141284	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10797	2973-K3TK1		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	08/08/1987				Trung bình	1141285	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10798	2974-K3TK1		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	20/02/1990				Trung bình	1141286	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10799	2975-K3TK1		Phan Thị	Thời	Nữ	27/12/1986				Khá	1141287	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10800	2976-K3TK1		Lê Thị	Thương	Nữ	09/08/1987				Trung bình	1141288	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10801	2977-K3TK1		Diêm Thị	Thùy	Nữ	29/06/1988				Khá	1141289	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10802	2978-K3TK1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	02/11/1990				Khá	1141290	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10803	2979-K3TK1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/11/1990				Khá	1141291	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10804	2980-K3TK1		Trần Bích	Thùy	Nữ	02/02/1982				Khá	1141292	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10805	2981-K3TK1		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	07/05/1988				Trung bình	1141293	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10806	2982-K3TK1		Trần Thị	Trang	Nữ	20/10/1989				Khá	1141294	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10807	2983-K3TK1		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	01/09/1990				Khá	1141295	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10808	2984-K3TK1		Hồ Thị Kim	Vân	Nữ	02/09/1988				Trung bình	1141296	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10809	2985-K3TK1		Hà Thị	Vân	Nữ	11/07/1986				Khá	1141297	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10810	2986-K3TK1		Nguyễn Thị	Xoa	Nữ	10/12/1990				Trung bình	1141298	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10811	2987-K3TK1		Ninh Thị	Xuân	Nữ	06/12/1990				Giỏi	1141299	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10812	2988-K3TK1		Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	29/05/1990				Trung bình	1141300	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10813	2989-K3TK1		Đỗ Hải	Yến	Nữ	08/08/1989				Khá	1141301	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10814	2990-K3TK1		Lý Anh	Tú	Nam	07/07/1990				Khá	1141302	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10815	2991-K3TK2		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	22/02/1984				Trung bình	1141303	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10816	2992-K3TK2		Lê Thị	Bắc	Nữ	09/03/1981				Trung bình	1141304	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10817	2993-K3TK2		Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	10/08/1986				Trung bình	1141305	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10818	2994-K3TK2		Lê Thị	Dung	Nữ	07/04/1986				Khá	1141306	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10819	2995-K3TK2		Trần Đình	Dương	Nam	20/02/1990				Trung bình	1141307	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10820	2996-K3TK2		Dương Thị	Giang	Nữ	02/05/1989				Khá	1141308	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10821	2997-K3TK2		Đỗ Thu	Hà	Nữ	01/02/1990				Khá	1141309	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10822	2998-K3TK2		Hoàng Thị Thanh	Hà	Nữ	30/06/1988				Trung bình	1141310	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10823	2999-K3TK2		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	01/09/1984				Khá	1141311	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10824	3000-K3TK2		Hoàng Thị	Hà	Nữ	14/06/1989				Khá	1141312	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10825	3001-K3TK2		Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	27/08/1989				Trung bình	1141313	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10826	3002-K3TK2		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	17/07/1986				Trung bình	1141314	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10827	3003-K3TK2		Đinh Thị	Hạnh	Nữ	14/07/1983				Trung bình	1141315	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10828	3004-K3TK2		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	17/10/1984				Khá	1141316	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10829	3005-K3TK2		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	29/01/1988				Giỏi	1141317	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10830	3006-K3TK2		Cấn Thị	Hòa	Nữ	11/06/1988				Trung bình	1141318	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10831	3007-K3TK2		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	28/02/1989				Khá	1141319	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10832	3008-K3TK2		Bùi Thị Thúy	Hồng	Nữ	23/02/1989				Khá	1141320	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10833	3009-K3TK2		Trần Thị	Hồng	Nữ	20/01/1990				Khá	1141321	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10834	3010-K3TK2		Lê Thị	Huệ	Nữ	26/10/1989				Khá	1141322	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10835	3011-K3TK2		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	07/09/1981				Khá	1141323	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10836	3012-K3TK2		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	05/06/1985				Khá	1141324	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10837	3013-K3TK2		Phạm Hồng	Kỳ	Nữ	20/01/1986				Trung bình	1141325	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10838	3014-K3TK2		Phạm Thị	Liêm	Nữ	08/01/1983				Trung bình	1141326	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10839	3015-K3TK2		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	10/02/1989				Trung bình	1141327	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10840	3016-K3TK2		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	31/08/1977				Khá	1141328	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10841	3017-K3TK2		Nguyễn Văn	Luật	Nam	10/12/1984				Khá	1141329	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10842	3018-K3TK2		Ngô Thị	Luyến	Nữ	06/05/1985				Trung bình	1141330	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10843	3019-K3TK2		Nguyễn Bá	Minh	Nam	10/02/1989				Khá	1141331	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10844	3020-K3TK2		Nguyễn Thị Lê Hồng	Na	Nữ	12/07/1986				Trung bình	1141332	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10845	3021-K3TK2		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	22/08/1982				Khá	1141333	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10846	3022-K3TK2		Đặng Thị	Ngoan	Nữ	14/06/1974				Trung bình	1141334	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10847	3023-K3TK2		Trịnh Thị	Ngọc	Nữ	23/06/1990				Khá	1141335	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10848	3024-K3TK2		Trần Diệu	Ninh	Nữ	28/12/1988				Khá	1141336	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10849	3025-K3TK2		Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	23/10/1988				Trung bình	1141337	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10850	3026-K3TK2		Phan Thị	Quyên	Nữ	20/09/1987				Trung bình	1141338	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10851	3027-K3TK2		Đặng Thị	Tám	Nữ	01/08/1985				Trung bình	1141339	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10852	3028-K3TK2		Trần Bích	Thảo	Nữ	16/04/1985				Khá	1141340	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10853	3029-K3TK2		Nguyễn Thị	Thể	Nữ	24/05/1990				Khá	1141341	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10854	3030-K3TK2		Cao Thị	Thu	Nữ	27/10/1984				Khá	1141342	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10855	3031-K3TK2		Đỗ Thị	Thu	Nữ	24/04/1989				Trung bình	1141343	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10856	3032-K3TK2		Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	28/10/1990				Khá	1141344	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10857	3033-K3TK2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	04/12/1990				Trung bình	1141345	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10858	3034-K3TK2		Vũ Thị	Thúy	Nữ	10/06/1985				Khá	1141346	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10859	3035-K3TK2		Lê Thị Thu	Trang	Nữ	06/07/1990				Khá	1141347	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10860	3036-K3TK2		Bùi Thị	Tuyết	Nữ	24/10/1987				Trung bình	1141348	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10861	3037-K3TK2		Nguyễn Quốc	Việt	Nam	02/08/1989				Trung bình	1141349	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10862	3038-K3TK2		Ngô Thị	Yến	Nữ	14/05/1989				Khá	1141350	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10863	3039-K3TK2		Lê Thị Thu	Hoài	Nữ	12/03/1989				Khá	1141351	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10864	3040-K3TK3		Đào Vân	Anh	Nữ	31/08/1989				Khá	1141352	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10865	3041-K3TK3		Lê Tuấn	Anh	Nam	07/10/1989				Khá	1141353	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10866	3042-K3TK3		Nguyễn Đăng	Anh	Nam	02/05/1988				Khá	1141354	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10867	3043-K3TK3		Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	29/04/1990				Khá	1141355	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10868	3044-K3TK3		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	18/02/1985				Trung bình	1141356	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10869	3045-K3TK3		Nguyễn Thị Hoài	Ân	Nữ	23/03/1990				Khá	1141357	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10870	3046-K3TK3		Vũ Thị Hải	Châu	Nữ	10/07/1985				Trung bình	1141358	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10871	3047-K3TK3		Trịnh Văn	Cường	Nam	15/10/1989				Trung bình	1141359	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10872	3048-K3TK3		Trần Thị	Diệp	Nữ	11/12/1990				Khá	1141360	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10873	3049-K3TK3		Ngô Thị	Dung	Nữ	10/04/1990				Trung bình	1141361	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10874	3050-K3TK3		Trần Thị Kim	Dung	Nữ	15/08/1989				Khá	1141362	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10875	3051-K3TK3		Lê Thị	Đào	Nữ	20/06/1990				Khá	1141363	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10876	3052-K3TK3		Dương Thị	Đinh	Nữ	13/03/1988				Khá	1141364	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10877	3053-K3TK3		Nguyễn Trường	Giang	Nam	25/09/1985				Khá	1141365	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10878	3054-K3TK3		Chu Thị	Hằng	Nữ	05/08/1989				Khá	1141366	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10879	3055-K3TK3		Chu Thị Mai	Hằng	Nữ	05/02/1988				Khá	1141367	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10880	3056-K3TK3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/05/1988				Khá	1141368	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10881	3057-K3TK3		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	05/06/1986				Khá	1141369	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10882	3058-K3TK3		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	19/09/1989				Khá	1141370	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10883	3059-K3TK3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	26/07/1989				Trung bình	1141371	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10884	3060-K3TK3		Nguyễn Thị	Hóa	Nữ	16/01/1988				Khá	1141372	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10885	3061-K3TK3		Phùng Thanh	Hoa	Nữ	19/01/1985				Khá	1141373	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10886	3062-K3TK3		Trần Thị Thu	Hoài	Nữ	12/12/1990				Trung bình	1141374	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10887	3063-K3TK3		Nguyễn ánh	Hồng	Nữ	27/08/1987				Khá	1141375	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10888	3064-K3TK3		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	12/05/1990				Khá	1141376	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10889	3065-K3TK3		Bùi Thị	Huê	Nữ	05/10/1990				Khá	1141377	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10890	3066-K3TK3		Đỗ Thị	Huế	Nữ	26/02/1984				Khá	1141378	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10891	3067-K3TK3		Phạm Thị	Huế	Nữ	28/05/1990				Khá	1141379	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10892	3068-K3TK3		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	28/04/1988				Trung bình	1141380	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10893	3069-K3TK3		Trịnh Thị Thu	Hương	Nữ	12/06/1988				Khá	1141381	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10894	3070-K3TK3		Tạ Thị	Hữu	Nữ	03/10/1981				Khá	1141382	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10895	3071-K3TK3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	15/08/1988				Khá	1141383	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10896	3072-K3TK3		Vũ Thị	Huyền	Nữ	16/07/1989				Trung bình	1141384	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10897	3073-K3TK3		Vũ Thu	Huyền	Nữ	13/03/1983				Khá	1141385	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10898	3074-K3TK3		Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	12/10/1990				Trung bình	1141386	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10899	3075-K3TK3		Trần Thị	Liên	Nữ	19/07/1990				Trung bình	1141387	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10900	3076-K3TK3		Trương Thị Thúy	Linh	Nữ	09/08/1988				Trung bình	1141388	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10901	3077-K3TK3		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	12/05/1988				Trung bình	1141389	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10902	3078-K3TK3		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	04/05/1989				Khá	1141390	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10903	3079-K3TK3		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	27/08/1990				Khá	1141391	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10904	3080-K3TK3		Vũ Thị	Mai	Nữ	04/03/1987				Khá	1141392	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10905	3081-K3TK3		Phạm Thị	Mi	Nữ	07/08/1990				Khá	1141393	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10906	3082-K3TK3		Nguyễn Xuân	Nam	Nam	28/02/1985				Trung bình	1141394	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10907	3083-K3TK3		Đoàn Thị Nhật	Nga	Nữ	02/07/1990				Khá	1141395	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10908	3084-K3TK3		Tống Thị	Ngát	Nữ	02/10/1982				Khá	1141396	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10909	3085-K3TK3		Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	25/08/1988				Khá	1141397	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10910	3086-K3TK3		Trần Thị	Nghĩa	Nữ	15/05/1990				Trung bình	1141398	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10911	3087-K3TK3		Trần Như	Nguyệt	Nữ	14/03/1980				Khá	1141399	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10912	3088-K3TK3		Lò Thị Bích	Nhâm	Nữ	23/04/1990				Khá	1141400	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10913	3089-K3TK3		Hoàng Thị	Nhung	Nữ	14/10/1986				Khá	1141401	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10914	3090-K3TK3		Vũ Thị	Nhung	Nữ	28/04/1987				Trung bình	1141402	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10915	3091-K3TK3		Dương Văn	Phong	Nam	29/02/1989				Trung bình	1141403	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10916	3092-K3TK3		Đỗ Thị	Phương	Nữ	27/03/1989				Trung bình	1141404	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10917	3093-K3TK3		Lê Thu	Phương	Nữ	04/11/1985				Trung bình	1141405	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10918	3094-K3TK3		Trịnh Thu	Phương	Nữ	09/12/1990				Khá	1141406	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10919	3095-K3TK3		Lê Thị	Quỳnh	Nữ	07/02/1990				Trung bình	1141407	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10920	3096-K3TK3		Trịnh Xuân	Quỳnh	Nữ	11/04/1990				Khá	1141408	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10921	3097-K3TK3		Nguyễn Thị	Sáu	Nữ	06/10/1988				Trung bình	1141409	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10922	3098-K3TK3		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	05/12/1986				Khá	1141410	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10923	3099-K3TK3		Phạm Thị	Thanh	Nữ	01/11/1990				Trung bình	1141411	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10924	3100-K3TK3		Trần Đức	Thành	Nam	09/09/1986				Trung bình	1141412	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10925	3101-K3TK3		Nguyễn Tất	Thắng	Nam	27/09/1988				Trung bình	1141413	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10926	3102-K3TK3		Trần Minh	Thắng	Nam	09/12/1990				Trung bình	1141414	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10927	3103-K3TK3		Hoàng Thị	Thoa	Nữ	02/06/1990				Khá	1141415	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10928	3104-K3TK3		Hoàng Thị	Thu	Nữ	27/07/1987				Khá	1141416	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10929	3105-K3TK3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	02/08/1981				Khá	1141417	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10930	3106-K3TK3		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	23/09/1988				Khá	1141418	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10931	3107-K3TK3		Trần Thị Hồng	Thu	Nữ	07/04/1991				Khá	1141419	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10932	3108-K3TK3		Đặng Thị Hoài	Thương	Nữ	08/09/1980				Khá	1141420	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10933	3109-K3TK3		Phạm Thị	Thúy	Nữ	25/10/1990				Khá	1141421	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10934	3110-K3TK3		Đỗ Thị	Thùy	Nữ	27/07/1989				Khá	1141422	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10935	3111-K3TK3		Trần Thị Lệ	Thùy	Nữ	08/07/1990				Khá	1141423	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10936	3112-K3TK3		Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	07/11/1986				Trung bình	1141424	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10937	3113-K3TK3		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	19/01/1989				Khá	1141425	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10938	3114-K3TK3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24/09/1989				Khá	1141426	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10939	3115-K3TK3		Vũ Đức	Tráng	Nam	25/08/1990				Trung bình	1141427	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10940	3116-K3TK3		Hoàng Văn	Tuấn	Nam	25/01/1990				Trung bình	1141428	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10941	3117-K3TK3		Phạm Anh	Tuấn	Nam	09/07/1990				Trung bình	1141429	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
10942	3118-K3TK3		Đoàn Thị	Vân	Nữ	06/06/1984				Khá	1141430	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10943	3119-K3TK3		Nguyễn Kim	Xuyến	Nữ	15/01/1981				Khá	1141431	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10944	3120-K3TK3		Nguyễn Thị Bình	Yên	Nữ	16/04/1989				Khá	1141432	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10945	3121-K3TK3		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	23/03/1981				Trung bình	1141433	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10946	3122-K3TK3		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	12/01/1988				Trung bình	1141434	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10947	3123-K3TK3		Phạm Thị	Yến	Nữ	09/03/1987				Khá	1141435	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10948	3124-K3TK4		Trần Thị Hòa	An	Nữ	28/11/1990				Khá	1141436	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10949	3125-K3TK4		Lê Thị Phương	Anh	Nữ	18/01/1988				Khá	1141437	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10950	3126-K3TK4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	29/10/1989				Trung bình	1141438	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10951	3127-K3TK4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	07/08/1990				Khá	1141439	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10952	3128-K3TK4		Hoàng Tiến	Dũng	Nam	02/11/1990				Trung bình	1141440	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10953	3129-K3TK4		Dương Thị	Điệu	Nữ	01/07/1990				Khá	1141441	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10954	3130-K3TK4		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	01/08/1990				Khá	1141442	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10955	3131-K3TK4		Phạm Thị Hương	Giang	Nữ	17/02/1990				Khá	1141443	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10956	3132-K3TK4		Đặng Thị	Hà	Nữ	06/08/1990				Khá	1141444	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10957	3133-K3TK4		Trần Thị	Hân	Nữ	03/09/1985				Khá	1141445	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10958	3134-K3TK4		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/11/1982				Khá	1141446	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10959	3135-K3TK4		Trần Văn	Hình	Nam	21/09/1988				Khá	1141447	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10960	3136-K3TK4		Trần Thị	Hoa	Nữ	15/07/1988				Khá	1141448	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10961	3137-K3TK4		Trần Thị	Hợi	Nữ	20/08/1983				Trung bình	1141449	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10962	3138-K3TK4		Nguyễn Xuân	Hồng	Nữ	23/11/1981				Khá	1141450	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10963	3139-K3TK4		Cấn Thị	Hương	Nữ	03/11/1988				Khá	1141451	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10964	3140-K3TK4		Phạm Thị	Hương	Nữ	05/12/1990				Khá	1141452	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10965	3141-K3TK4		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	22/04/1984				Khá	1141453	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10966	3142-K3TK4		Đinh Thị	Luyến	Nữ	19/02/1989				Khá	1141454	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10967	3143-K3TK4		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	21/09/1988				Khá	1141455	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10968	3144-K3TK4		Trần Hương	Mai	Nữ	02/10/1977				Khá	1141456	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10969	3145-K3TK4		Nguyễn Duy	Mạnh	Nam	09/05/1986				Khá	1141457	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10970	3146-K3TK4		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	07/10/1986				Khá	1141458	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10971	3147-K3TK4		Vũ Thị Thập	Ngần	Nữ	05/04/1971				Giỏi	1141459	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10972	3148-K3TK4		Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	28/05/1988				Khá	1141460	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10973	3149-K3TK4		Nguyễn Thị	Nhâm	Nữ	22/10/1990				Khá	1141461	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10974	3150-K3TK4		Phạm Tuyết	Nhung	Nữ	27/05/1989				Khá	1141462	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10975	3151-K3TK4		Vũ Thị Kim	Oanh	Nữ	08/07/1989				Khá	1141463	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10976	3152-K3TK4		Đặng Thị	Phương	Nữ	13/01/1990				Khá	1141464	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10977	3153-K3TK4		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	01/11/1989				Khá	1141465	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10978	3154-K3TK4		Đào Thị Bích	Phượng	Nữ	10/02/1990				Trung bình	1141466	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10979	3155-K3TK4		Trần Thị Hồng	Quế	Nữ	22/12/1985				Khá	1141467	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10980	3156-K3TK4		Đặng Ngọc	Tâm	Nam	13/09/1988				Trung bình	1141468	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10981	3157-K3TK4		Đào Thị	Thảo	Nữ	15/07/1988				Khá	1141469	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10982	3158-K3TK4		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	13/09/1990				Khá	1141470	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10983	3159-K3TK4		Lê Thị	Thơ	Nữ	21/08/1986				Khá	1141471	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10984	3161-K3TK4		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	16/04/1990				Khá	1141472	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10985	3162-K3TK4		Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	11/07/1990				Khá	1141473	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10986	3163-K3TK4		Lê Thị Phương	Thúy	Nữ	14/11/1987				Khá	1141474	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10987	3164-K3TK4		Nguyễn Bích	Thủy	Nữ	06/10/1989				Khá	1141475	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10988	3165-K3TK4		Phạm Thị Lệ	Thủy	Nữ	08/08/1984				Khá	1141476	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10989	3166-K3TK4		Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	04/11/1990				Trung bình	1141477	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10990	3167-K3TK4		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	05/02/1984				Khá	1141478	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10991	3168-K3TK4		Vũ Kiều	Trang	Nữ	02/09/1989				Khá	1141479	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10992	3169-K3TK4		Đỗ Anh	Tuấn	Nam	15/11/1990				Trung bình	1141480	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10993	3170-K3TK4		Lê Đắc	Tùng	Nam	05/09/1984				Khá	1141481	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10994	3171-K3TK4		Lê Thị	Tuyết	Nữ	02/03/1984				Khá	1141482	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10995	3172-K3TK4		Nguyễn Thị ái	Vân	Nữ	20/02/1988				Khá	1141483	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10996	3173-K3TK4		Chu Thị	Xim	Nữ	20/05/1988				Khá	1141484	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10997	3174-K3TK4		Đỗ Thị Thu	Yên	Nữ	24/05/1990				Trung bình	1141485	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10998	3175-K3TK4		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	24/08/1990				Khá	1141486	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
10999	3176-K3TK4		Nguyễn Thị Kiều	Giang	Nữ	15/10/1986				Khá	1141487	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11000	3177-K3TK4		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	16/04/1988				Khá	1141488	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11001	3178-K3TK5		Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	21/05/1988				Trung bình	1141490	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11002	3179-K3TK5		Phạm Ngọc	Anh	Nữ	01/07/1989				Trung bình	1141491	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11003	3180-K3TK5		Nguyễn Thùy	Chi	Nữ	26/02/1990				Khá	1141492	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11004	3181-K3TK5		Nguyễn Thị	Chung	Nữ	15/08/1990				Khá	1141493	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11005	3182-K3TK5		Nguyễn Văn	Diễn	Nam	23/08/1989				Trung bình	1141494	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11006	3183-K3TK5		Nông Phương	Diện	Nữ	22/06/1985				Khá	1141495	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11007	3184-K3TK5		Phạm Thị	Dung	Nữ	18/01/1990				Khá	1141496	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11008	3185-K3TK5		Phạm Thị Phương	Dung	Nữ	17/07/1984				Khá	1141497	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11009	3186-K3TK5		Võ Thị Thùy	Dung	Nữ	03/09/1990				Khá	1141498	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11010	3187-K3TK5		Đào Thu	Hà	Nữ	27/05/1990				Trung bình	1141499	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11011	3188-K3TK5		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24/10/1990				Trung bình	1141500	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11012	3189-K3TK5		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	30/09/1980				Trung bình	1141501	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11013	3190-K3TK5		Trịnh Thanh	Hằng	Nữ	22/11/1990				Khá	1141502	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11014	3191-K3TK5		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	16/02/1990				Khá	1141503	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11015	3192-K3TK5		Đàm Thị Thu	Hiền	Nữ	12/09/1990				Khá	1141504	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11016	3193-K3TK5		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	18/07/1990				Khá	1141505	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11017	3194-K3TK5		Nguyễn Xuân	Hòa	Nam	13/07/1989				Trung bình	1141506	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11018	3195-K3TK5		Dương Thị	Hồng	Nữ	03/03/1990				Khá	1141507	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11019	3196-K3TK5		Nguyễn Thị Thúy	Hồng	Nữ	13/10/1986				Trung bình	1141508	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11020	3197-K3TK5		Trần Thị	Hồng	Nữ	18/02/1989				Trung bình	1141509	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11021	3198-K3TK5		Khúc Thị	Huê	Nữ	25/05/1986				Trung bình	1141510	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11022	3199-K3TK5		Hà Thị Kim	Hương	Nữ	28/03/1990				Khá	1141511	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11023	3200-K3TK5		Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	15/12/1986				Khá	1141512	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11024	3201-K3TK5		Trịnh Thị Thu	Hường	Nữ	10/07/1986				Khá	1141513	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11025	3202-K3TK5		Hoàng Thị	Huyền	Nữ	06/03/1990				Trung bình	1141514	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11026	3203-K3TK5		Lương Thu	Huyền	Nữ	21/09/1990				Trung bình	1141515	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11027	3204-K3TK5		Lý Thị	Kim	Nữ	20/08/1990				Khá	1141516	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11028	3205-K3TK5		Lưu Thị	Lan	Nữ	10/06/1989				Khá	1141517	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11029	3206-K3TK5		Đặng Thúy	Loan	Nữ	08/05/1988				Khá	1141518	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11030	3207-K3TK5		Vũ Thị Thúy	Lụa	Nữ	18/04/1984				Khá	1141519	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11031	3208-K3TK5		Dương Thị	Mai	Nữ	05/12/1989				Trung bình	1141520	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11032	3209-K3TK5		Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	29/09/1989				Trung bình	1141521	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11033	3210-K3TK5		Dương Thị	Mến	Nữ	04/09/1987				Trung bình	1141522	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11034	3211-K3TK5		Lý Lệ Trà	My	Nữ	07/07/1989				Khá	1141523	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11035	3212-K3TK5		Nguyễn Tuyết	Nga	Nữ	30/03/1990				Khá	1141524	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11036	3213-K3TK5		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	22/08/1990				Trung bình	1141525	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11037	3214-K3TK5		Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	16/09/1985				Khá	1141526	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11038	3215-K3TK5		Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	03/07/1989				Trung bình	1141527	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11039	3216-K3TK5		Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	17/10/1983				Khá	1141528	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11040	3217-K3TK5		Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/07/1987				Trung bình	1141529	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11041	3218-K3TK5		Nguyễn Thế	Quyền	Nam	25/12/1990				Trung bình	1141530	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11042	3219-K3TK5		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	09/12/1988				Khá	1141531	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11043	3220-K3TK5		Phạm Ngọc	Thạch	Nam	26/12/1988				Khá	1141532	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11044	3221-K3TK5		Hứa Thị Phương	Thảo	Nữ	03/03/1985				Trung bình	1141533	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11045	3222-K3TK5		Lê Phương	Thảo	Nữ	05/09/1989				Trung bình	1141534	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11046	3223-K3TK5		Phạm Hương	Thảo	Nữ	19/05/1988				Khá	1141535	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11047	3224-K3TK5		Nguyễn Thị Minh	Thơ	Nữ	16/07/1988				Trung bình	1141536	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11048	3225-K3TK5		Nguyễn Thị Kim	Thu	Nữ	21/08/1984				Khá	1141537	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11049	3226-K3TK5		Nguyễn Hồng	Phương	Nữ	14/06/1988				Trung bình	1141538	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11050	3227-K3TK5		Đinh Thị Phương	Thúy	Nữ	06/07/1987				Trung bình	1141539	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11051	3228-K3TK5		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/07/1989				Trung bình	1141540	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11052	3229-K3TK5		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	20/10/1984				Khá	1141541	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11053	3230-K3TK5		Lê Kiều	Trang	Nữ	16/08/1989				Trung bình	1141542	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11054	3231-K3TK5		Mai Thu	Trang	Nữ	07/12/1988				Trung bình	1141543	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11055	3232-K3TK5		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24/09/1990				Trung bình	1141544	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11056	3233-K3TK5		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	02/11/1987				Trung bình	1141545	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11057	3234-K3TK5		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	21/02/1988				Trung bình	1141546	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11058	3235-K3TK5		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	03/04/1990				Trung bình	1141547	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11059	3236-K3TK5		Đoàn Thị ánh	Tuyết	Nữ	10/10/1981				Trung bình	1141548	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11060	3237-K3TK5		Lê Thị Phúc	Vân	Nữ	12/05/1988				Trung bình	1141549	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11061	3238-K3TK5		Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	16/11/1987				Trung bình	1141550	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11062	3239-K3TK5		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	02/05/1990				Trung bình	1141551	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11063	3240-K2TK2		Phạm Thị	Chiêm	Nữ	06/06/1986				Trung bình	1141552	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11064	3241-K2TK2		Nguyễn Minh	Hiền	Nữ	04/08/1988				Trung bình	1141553	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11065	3242-K2TK2		Bùi Thị Minh	Phương	Nữ	29/03/1984				Trung bình	1141554	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11066	3243-K2TK2		Phạm Thị	Thanh	Nữ	10/10/1986				Khá	1141555	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11067	3244-K2TK2		Trương Thị Hồng	Thủy	Nữ	21/12/1969				Trung bình	1141556	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11068	3245-K2TK2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	25/09/1983				Trung bình	1141557	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11069	3246-K2TK3		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	30/08/1987				Trung bình	1141558	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11070	3247-K2TK7		Trương Văn	Kỳ	Nam	01/02/1984				Trung bình	1141559	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	133/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11071	01-K5HQ1B		Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	29/11/1986				Khá	815803	2015	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	190/QĐ-ĐHTM ngày 09/04/2015	
11072	03-K6HK9		Khương Thị Thu	Hà	Nữ	10/08/1987				Trung bình	815804	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	188/QĐ-ĐHTM ngày 09/04/2015	
11073	04-K6HK10		Vương Thị Hương	Quỳnh	Nữ	14/11/1988				Khá	815805	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	188/QĐ-ĐHTM ngày 09/04/2015	
11074	06-K1TK2		Lê Thanh	Tùng	Nam	22/11/1978				Trung bình	815806	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	191/QĐ-ĐHTM ngày 09/04/2015	
11075	87-K6HQ4		Trương Ngọc	Lăng	Nam	29/06/1987				Trung bình khá	815807	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	189/QĐ-ĐHTM, ngày 09/04/2015	
11076	02-K5HK4		Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	16/08/1987				Khá	815808	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	188/QĐ-ĐHTM ngày 09/04/2015	
11077	87-K44DK9		Võ Quốc	Bình	Nam	23/06/1979				Trung bình khá	851746	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11078	88-K44DK9		Đặng Bảo	Châu	Nam	10/08/1988				Trung bình khá	851747	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11079	89-K44DK9		Lê Anh	Chiến	Nam	26/07/1977				Trung bình khá	851748	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11080	90-K44DK9		Đoàn Mạnh	Công	Nam	12/03/1990				Trung bình khá	851749	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11081	91-K44DK9		Đỗ Thị	Dinh	Nữ	28/02/1984				Trung bình khá	851750	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11082	92-K44DK9		Đặng Thị	Đông	Nữ	21/02/1986				Trung bình khá	851751	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11083	93-K44DK9		Nguyễn Văn	Dũng	Nam	23/12/1990				Trung bình khá	851752	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11084	94-K44DK9		Phùng Thị	Duyên	Nữ	18/06/1984				Trung bình khá	851753	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11085	95-K44DK9		Tống Thị	Duyên	Nữ	24/07/1982				Trung bình khá	851754	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11086	96-K44DK9		Nguyễn Thị	Gái	Nữ	27/06/1987				Trung bình khá	851755	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11087	97-K44DK9		Hoàng Thị	Hạ	Nữ	06/10/1980				Trung bình khá	851756	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11088	98-K44DK9		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	09/12/1983				Trung bình khá	851757	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11089	99-K44DK9		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	02/05/1991				Trung bình khá	851758	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11090	100-K44DK9		Đàm Thị Phương	Hiền	Nữ	02/06/1981				Trung bình khá	851760	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11091	101-K44DK9		Ngô Thị	Hoa	Nữ	15/09/1990				Trung bình khá	851761	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11092	102-K44DK9		Nguyễn Quang	Hòa	Nam	29/11/1987				Trung bình khá	851762	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11093	103-K44DK9		Phan Thị	Hồng	Nữ	07/04/1981				Trung bình khá	851763	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11094	104-K44DK9		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	19/07/1986				Trung bình khá	851764	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11095	105-K44DK9		Hà Thị	Hương	Nữ	11/10/1982				Trung bình khá	851765	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11096	106-K44DK9		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	14/09/1981				Trung bình khá	851766	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11097	107-K44DK9		Trương Thị	Hường	Nữ	02/08/1985				Trung bình khá	851767	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11098	108-K44DK9		Lê Thị	Huyền	Nữ	07/06/1989				Trung bình khá	851768	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11099	109-K44DK9		Vũ Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/01/1989				Trung bình khá	851769	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11100	110-K44DK9		Dương Thị	Lành	Nữ	01/09/1983				Trung bình khá	851770	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11101	111-K44DK9		Phạm Thị	Loan	Nữ	17/07/1991				Trung bình khá	851771	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11102	112-K44DK9		Trương Thị	Lương	Nữ	26/11/1991				Trung bình khá	851772	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11103	113-K44DK9		Nguyễn Thị	Luyện	Nữ	04/02/1983				Trung bình khá	851773	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11104	114-K44DK9		Nguyễn Như	Lý	Nữ	19/02/1989				Trung bình khá	851774	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11105	115-K44DK9		Phạm Thị	Miên	Nữ	16/06/1989				Trung bình khá	851775	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11106	116-K44DK9		Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	11/12/1986				Trung bình khá	851776	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11107	117-K44DK9		Chu Văn	Nam	Nam	11/06/1987				Trung bình	851777	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11108	118-K44DK9		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/12/1983				Trung bình khá	851778	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11109	119-K44DK9		Phạm Văn	Nhưng	Nam	15/12/1977				Trung bình khá	851779	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11110	120-K44DK9		Vũ Thị	Phương	Nữ	02/12/1985				Trung bình khá	851780	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11111	121-K44DK9		Phạm Thị	Phượng	Nữ	10/04/1988				Trung bình khá	851781	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11112	122-K44DK9		Vũ Văn	Quang	Nam	21/04/1991				Trung bình	851782	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11113	123-K44DK9		Nguyễn Thị	Quý	Nữ	12/11/1984				Trung bình khá	851783	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11114	124-K44DK9		Đỗ Thị	Thanh	Nữ	15/07/1984				Trung bình khá	851784	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11115	125-K44DK9		Ngô Thị Bích	Thảo	Nữ	05/03/1981				Trung bình khá	851785	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11116	126-K44DK9		Phạm Bích	Thảo	Nữ	13/08/1986				Trung bình	851786	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11117	127-K44DK9		Lê Thị	Thêm	Nữ	02/06/1983				Khá	851787	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11118	128-K44DK9		Hoàng Mạnh	Thông	Nam	21/09/1991				Trung bình khá	851788	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11119	129-K44DK9		Trần Thị Hà	Thương	Nữ	20/10/1987				Trung bình khá	851789	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11120	130-K44DK9		Bùi Thị	Thương	Nữ	25/09/1990				Trung bình khá	851790	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11121	131-K44DK9		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	04/06/1990				Trung bình khá	851791	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11122	132-K44DK9		Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	02/02/1983				Trung bình khá	851792	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11123	133-K44DK9		Hoàng Văn	Tiếp	Nam	18/07/1978				Trung bình khá	851793	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11124	134-K44DK9		Đặng Thị	Tình	Nữ	15/07/1989				Trung bình khá	851794	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11125	135-K44DK9		Ngô Minh	Tuấn	Nam	22/12/1976				Trung bình khá	851795	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11126	136-K44DK9		Đào Ngọc	Tùng	Nam	04/01/1990				Trung bình khá	851796	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11127	137-K44DK9		Hoàng Hải	Vân	Nữ	10/01/1990				Trung bình khá	851797	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11128	138-K44DK9		Ngô Thị	Vinh	Nữ	11/09/1983				Trung bình khá	851798	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11129	139-K44DK9		Trần Thị	Yến	Nữ	26/05/1990				Trung bình khá	851799	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11130	140-K44DK13		Phạm Thị	Anh	Nữ	06/09/1992				Trung bình khá	851800	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11131	141-K44DK13		Ngô Tuấn	Anh	Nam	03/01/1990				Trung bình khá	851801	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11132	142-K44DK13		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	04/04/1991				Trung bình khá	851802	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11133	143-K44DK13		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	04/12/1982				Trung bình khá	851803	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11134	144-K44DK13		Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	25/03/1991				Trung bình khá	851804	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11135	145-K44DK13		Phạm Quang	Bách	Nam	16/09/1988				Trung bình khá	851805	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11136	146-K44DK13		Đoàn Thị	Bích	Nữ	02/06/1983				Trung bình khá	851806	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11137	147-K44DK13		Trần Thị	Bình	Nữ	22/11/1972				Trung bình khá	851807	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11138	148-K44DK13		Văn Hữu	Chắc	Nam	01/06/1987				Trung bình	851808	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11139	149-K44DK13		Phùng Ngọc	Chương	Nam	07/04/1987				Trung bình khá	851809	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11140	150-K44DK13		Lương Thanh	Cúc	Nữ	08/12/1991				Trung bình khá	851810	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11141	151-K44DK13		Vy Thị Thúy	Diệp	Nữ	20/12/1990				Trung bình khá	851811	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11142	152-K44DK13		Nguyễn Thị	Đông	Nữ	22/11/1984				Trung bình khá	851812	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11143	153-K44DK13		Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	28/08/1986				Trung bình khá	851813	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11144	154-K44DK13		Đặng Thị	Duyên	Nữ	13/01/1991				Trung bình khá	851814	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11145	155-K44DK13		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	26/10/1989				Trung bình khá	851815	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11146	156-K44DK13		Vi Đức	Giang	Nam	29/04/1987				Trung bình	851816	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11147	157-K44DK13		Vũ Thị	Hà	Nữ	22/05/1985				Trung bình khá	851817	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11148	158-K44DK13		Vũ Thị Thúy	Hà	Nữ	26/09/1988				Trung bình khá	851818	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11149	159-K44DK13		Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	14/11/1992				Trung bình khá	851819	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11150	160-K44DK13		Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	06/10/1989				Trung bình	851820	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11151	161-K44DK13		Nguyễn Trung	Hải	Nam	01/06/1985				Trung bình khá	851821	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11152	162-K44DK13		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	01/11/1987				Trung bình khá	851822	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11153	163-K44DK13		Lê Văn	Hiệu	Nam	06/08/1975				Trung bình khá	851823	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11154	164-K44DK13		Nguyễn Thị Mai	Hoa	Nữ	02/01/1983				Trung bình khá	851824	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11155	165-K44DK13		Vũ Thị Thanh	Huế	Nữ	14/08/1972				Khá	851825	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11156	166-K44DK13		Phạm Thanh	Hùng	Nam	03/08/1983				Trung bình	851826	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11157	167-K44DK13		Bùi Thị	Hương	Nữ	26/01/1983				Trung bình khá	851827	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11158	168-K44DK13		Ngô Thu	Hường	Nữ	25/10/1976				Trung bình khá	851828	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11159	169-K44DK13		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	23/03/1992				Trung bình khá	851829	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11160	170-K44DK13		Vũ Văn	Khoa	Nam	08/03/1990				Trung bình khá	851830	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11161	171-K44DK13		Đỗ Thị	Lành	Nữ	16/09/1986				Trung bình khá	851831	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11162	172-K44DK13		Lý Thị	Lệ	Nữ	27/08/1991				Trung bình khá	851832	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11163	173-K44DK13		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	03/02/1985				Trung bình khá	851833	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11164	174-K44DK13		Nguyễn Thị Bích	Loan	Nữ	27/10/1987				Trung bình khá	851834	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11165	175-K44DK13		Nguyễn Văn	Lương	Nam	06/07/1988				Trung bình khá	851835	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11166	176-K44DK13		Lê Thị	Mến	Nữ	16/08/1985				Trung bình khá	851836	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11167	177-K44DK13		Trần Thúy	Nga	Nữ	12/01/1982				Trung bình khá	851837	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11168	178-K44DK13		Phùng Ngọc	Ngà	Nữ	16/10/1983				Trung bình khá	851838	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11169	179-K44DK13		Bùi Khắc	Ngọc	Nam	11/07/1983				Trung bình khá	851839	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11170	180-K44DK13		Bùi Thị	Nguyệt	Nữ	11/10/1984				Trung bình khá	851840	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11171	181-K44DK13		Phạm Thị Ngọc	Nhung	Nữ	11/04/1984				Trung bình khá	851841	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11172	182-K44DK13		Nguyễn Thị	Nhường	Nữ	05/10/1982				Trung bình khá	851842	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11173	183-K44DK13		Hoàng Văn	Phương	Nam	13/06/1984				Trung bình khá	851843	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11174	184-K44DK13		Vũ Xuân	Phương	Nam	24/08/1992				Trung bình khá	851844	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11175	185-K44DK13		Lê Thị	Phượng	Nữ	12/03/1984				Trung bình khá	851845	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11176	186-K44DK13		Trần Anh	Quang	Nam	24/04/1988				Trung bình khá	851846	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11177	187-K44DK13		Đoàn Văn	Quang	Nam	25/08/1982				Trung bình khá	851847	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11178	188-K44DK13		Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	25/07/1992				Trung bình khá	851848	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11179	189-K44DK13		Nguyễn Thị Hồng	Sâm	Nữ	02/06/1985				Trung bình khá	851849	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11180	190-K44DK13		Phạm Thị Hồng	Thắm	Nữ	03/02/1983				Trung bình khá	851850	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11181	191-K44DK13		Nguyễn Đức	Thắng	Nam	23/10/1987				Trung bình khá	851851	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11182	192-K44DK13		Nguyễn Thị Lan	Thanh	Nữ	05/06/1983				Trung bình khá	851852	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11183	193-K44DK13		Hoàng Minh	Thanh	Nữ	19/09/1987				Trung bình khá	851853	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11184	194-K44DK13		Phạm Bích	Thảo	Nữ	30/08/1983				Trung bình khá	851854	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11185	195-K44DK13		Vũ Thị	Thu	Nữ	22/11/1986				Trung bình khá	851855	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11186	196-K44DK13		Ngô Thị	Thùy	Nữ	08/03/1984				Trung bình khá	851856	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11187	197-K44DK13		Trần Minh	Tiến	Nam	30/09/1987				Trung bình khá	851857	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11188	198-K44DK13		Hoàng Quốc	Toản	Nam	01/02/1985				Trung bình khá	851858	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11189	199-K44DK13		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	11/09/1990				Trung bình khá	851859	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11190	200-K44DK13		Đặng Xuân	Tuấn	Nam	21/02/1973				Trung bình khá	851860	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11191	201-K44DK13		Đinh Quang	Tuyên	Nam	07/09/1985				Trung bình khá	851861	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11192	202-K44DK13		Quách Thị	Vui	Nữ	12/06/1984				Trung bình khá	851862	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11193	203-K44DK13		Lưu Thị Hải	Yến	Nữ	13/02/1992				Trung bình	851863	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11194	204-K44DK14		Nguyễn Văn	Cảnh	Nam	01/05/1984				Trung bình	851864	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11195	205-K44DK14		Mai Thị	Chi	Nữ	25/02/1991				Trung bình	851865	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11196	206-K44DK14		Đỗ Ngọc	Chinh	Nam	26/08/1982				Trung bình	851866	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11197	207-K44DK14		Nguyễn Hữu	Chinh	Nam	27/09/1987				Trung bình	851867	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11198	208-K44DK14		Trần Sỹ	Cường	Nam	27/08/1986				Trung bình khá	851868	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11199	209-K44DK14		Vy Thị Anh	Đào	Nữ	22/03/1985				Trung bình	851869	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11200	210-K44DK14		Lý Thị	Dung	Nữ	13/07/1990				Trung bình	851870	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11201	211-K44DK14		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	28/04/1984				Trung bình	851871	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11202	212-K44DK14		Vũ Công	Hải	Nam	20/03/1983				Trung bình	851872	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11203	213-K44DK14		Vũ Thu	Hằng	Nữ	19/03/1991				Trung bình	851873	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11204	214-K44DK14		Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	19/03/1983				Trung bình khá	851874	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11205	215-K44DK14		Dương Thị	Hiền	Nữ	03/07/1988				Trung bình	851875	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11206	216-K44DK14		Lưu Thị	Hiền	Nữ	20/08/1989				Trung bình khá	851876	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11207	217-K44DK14		Trần Trung	Hiếu	Nam	05/05/1986				Trung bình khá	851877	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11208	218-K44DK14		Trần Thị Thu	Hoài	Nữ	16/09/1987				Trung bình khá	851878	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11209	219-K44DK14		Nguyễn Huy	Hồng	Nam	24/04/1980				Trung bình khá	851879	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11210	221-K44DK14		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	28/08/1986				Trung bình khá	851880	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11211	220-K44DK14		Hoàng Thị	Hứa	Nữ	24/04/1981				Trung bình khá	851881	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11212	222-K44DK14		Đặng Thanh	Hùng	Nam	05/01/1988				Trung bình	851882	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11213	223-K44DK14		Lê Thị	Hương	Nữ	09/03/1990				Trung bình khá	851883	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11214	224-K44DK14		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	15/11/1987				Trung bình khá	851884	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11215	225-K44DK14		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	23/01/1991				Trung bình	851885	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11216	226-K44DK14		Đặng Thị	Hường	Nữ	17/07/1987				Trung bình khá	851886	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11217	227-K44DK14		Vũ Thị Thu	Hường	Nữ	27/08/1989				Trung bình khá	851887	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11218	228-K44DK14		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/06/1990				Trung bình khá	851888	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11219	229-K44DK14		Bùi Thị	Huyền	Nữ	12/10/1991				Trung bình khá	851889	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11220	230-K44DK14		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	13/08/1986				Trung bình khá	851890	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11221	231-K44DK14		Đinh Thị	Huyền	Nữ	22/10/1989				Trung bình khá	851891	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11222	232-K44DK14		Hà Thu	Huyền	Nữ	22/12/1990				Trung bình khá	851892	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11223	233-K44DK14		Tạ Thị	Lan	Nữ	22/08/1990				Trung bình khá	851893	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11224	234-K44DK14		Nguyễn Thị Hồng	Lê	Nữ	16/07/1984				Trung bình khá	851894	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11225	235-K44DK14		Phạm Thị Tố	Loan	Nữ	15/01/1985				Trung bình khá	851895	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11226	236-K44DK14		Lê Văn	Lực	Nam	26/12/1978				Trung bình khá	851896	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11227	237-K44DK14		Phạm Quý	Lương	Nam	28/02/1978				Trung bình khá	851897	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11228	238-K44DK14		Hoàng Thị	Mây	Nữ	06/04/1985				Trung bình khá	851898	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11229	239-K44DK14		Bùi Thọ	Nam	Nam	20/11/1987				Trung bình khá	851899	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11230	240-K44DK14		Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	05/10/1988				Trung bình	851900	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11231	241-K44DK14		Dương Thị	Nhung	Nữ	13/11/1986				Trung bình khá	851901	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11232	242-K44DK14		Trần Thị	Nhung	Nữ	24/04/1990				Trung bình khá	851902	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11233	243-K44DK14		Hoàng Thị	Oanh	Nữ	20/10/1980				Trung bình khá	851903	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11234	244-K44DK14		Hà Ngọc	Phú	Nam	28/10/1988				Trung bình khá	851904	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11235	245-K44DK14		Đỗ Thị	Phương	Nữ	09/08/1986				Trung bình khá	851905	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11236	246-K44DK14		Trần Thị	Phương	Nữ	14/06/1983				Trung bình khá	851906	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11237	247-K44DK14		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	17/03/1977				Trung bình khá	851907	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11238	248-K44DK14		Nguyễn Văn	Quân	Nam	20/12/1986				Trung bình khá	851908	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11239	249-K44DK14		Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	16/11/1992				Trung bình khá	851909	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11240	250-K44DK14		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	10/11/1985				Trung bình khá	851910	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11241	251-K44DK14		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	20/07/1992				Trung bình khá	851911	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11242	252-K44DK14		Đào Công	Thịnh	Nam	15/09/1986				Trung bình	851912	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11243	253-K44DK14		Đoàn Thị	Thơ	Nữ	29/08/1981				Trung bình khá	851913	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11244	254-K44DK14		Hoàng Thị	Thu	Nữ	01/10/1989				Trung bình khá	851914	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11245	255-K44DK14		Phùng Thị Minh	Thương	Nữ	22/07/1992				Trung bình khá	851915	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11246	256-K44DK14		Phạm Bích	Thùy	Nữ	26/08/1983				Trung bình khá	851916	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11247	257-K44DK14		Phạm Thị Thanh	Thùy	Nữ	01/04/1984				Trung bình khá	851917	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11248	258-K44DK14		Trần Kim	Tiến	Nữ	25/10/1991				Trung bình khá	851918	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11249	259-K44DK14		Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Nữ	29/12/1988				Trung bình khá	851919	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11250	260-K44DK14		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	04/12/1987				Trung bình	851920	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11251	261-K44DK14		Tạ Thị Thanh	Tuyền	Nữ	22/02/1992				Trung bình khá	851921	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11252	262-K44DK14		Vũ Thị	Uyên	Nữ	20/01/1984				Trung bình khá	851922	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11253	263-K44DK14		Lê Thị Hằng	Vân	Nữ	06/10/1978				Trung bình khá	851923	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11254	264-K44DK14		Nguyễn Quốc	Việt	Nam	23/02/1992				Trung bình	851924	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11255	265-K44DK14		Đinh Hồng	Xiêm	Nữ	24/04/1982				Trung bình khá	851925	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11256	266-K44DK14		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	04/04/1991				Trung bình	851926	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	330/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11257	267-K41DK15		Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	01/05/1985				Trung bình	851927	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	331/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11258	369-K44DQ5		Phạm Thị Ngọc	Bích	Nữ	13/04/1969				Trung bình khá	851929	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11259	370-K44DQ5		Nguyễn Thanh	Bình	Nam	26/08/1983				Trung bình khá	851930	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11260	371-K44DQ5		Nguyễn Văn	Cảnh	Nam	24/12/1981				Trung bình khá	851931	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11261	372-K44DQ5		Nguyễn Văn	Cường	Nam	22/12/1986				Trung bình khá	851932	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11262	373-K44DQ5		Nghiêm Trọng	Đại	Nam	04/10/1972				Trung bình khá	851933	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11263	374-K44DQ5		Nguyễn Hoàng	Dân	Nam	16/10/1960				Trung bình	851934	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11264	375-K44DQ5		Bùi Tá	Diễm	Nam	23/07/1983				Trung bình khá	851935	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11265	376-K44DQ5		Trần Mạnh	Dũng	Nam	08/05/1983				Trung bình	851936	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11266	377-K44DQ5		Phùng Văn	Dũng	Nam	23/08/1983				Trung bình khá	851937	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11267	378-K44DQ5		Phạm Văn	Duy	Nam	11/08/1983				Trung bình	851938	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11268	379-K44DQ5		Tăng Bá	Giang	Nam	10/12/1977				Trung bình khá	851939	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11269	380-K44DQ5		Trần Văn	Hiệp	Nam	30/04/1985				Trung bình khá	851940	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11270	381-K44DQ5		Bùi Văn	Hiếu	Nam	27/07/1984				Trung bình khá	851941	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11271	382-K44DQ5		Nguyễn Đức	Hoàn	Nam	29/06/1981				Trung bình khá	851942	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11272	383-K44DQ5		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	14/07/1980				Trung bình khá	851943	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11273	384-K44DQ5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	08/05/1988				Trung bình khá	851944	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11274	385-K44DQ5		Vũ Văn	Khiêm	Nam	15/03/1981				Trung bình khá	851945	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11275	386-K44DQ5		Bùi Thanh	Liêm	Nam	18/07/1987				Trung bình khá	851946	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11276	387-K44DQ5		Phạm Văn	Luận	Nam	15/01/1981				Trung bình khá	851947	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11277	388-K44DQ5		Hoàng Văn	Lương	Nam	19/08/1981				Trung bình khá	851948	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11278	389-K44DQ5		Bùi Thị	Mai	Nữ	01/06/1986				Trung bình khá	851949	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11279	390-K44DQ5		Vũ Văn	Phác	Nam	11/12/1983				Trung bình khá	851950	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11280	391-K44DQ5		Nguyễn Thị	Phấn	Nữ	09/01/1982				Trung bình khá	851951	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11281	392-K44DQ5		Hoàng Văn	Sáng	Nam	04/12/1988				Trung bình khá	851952	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11282	393-K44DQ5		Nguyễn Ngọc	Tâm	Nam	28/05/1988				Trung bình khá	851953	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11283	394-K44DQ5		Phạm Tiến	Thăng	Nam	03/03/1986				Trung bình khá	851954	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11284	395-K44DQ5		Bùi Tuấn	Thành	Nam	13/12/1985				Trung bình khá	851955	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11285	396-K44DQ5		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	16/08/1988				Trung bình khá	851956	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11286	397-K44DQ5		Vũ Văn	Thiều	Nam	08/01/1983				Trung bình	851957	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11287	398-K44DQ5		Vũ Huy	Thu	Nam	18/09/1984				Trung bình khá	851958	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11288	399-K44DQ5		Nguyễn Trung	Thường	Nam	08/09/1983				Trung bình khá	851959	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11289	400-K44DQ5		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	27/05/1985				Trung bình khá	851960	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11290	401-K44DQ5		Nguyễn Thanh	Tú	Nam	27/02/1985				Trung bình khá	851961	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11291	402-K44DQ5		Vũ Minh	Tuấn	Nam	03/02/1971				Trung bình khá	851962	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11292	403-K44DQ5		Nguyễn Văn	Tuyển	Nam	22/12/1970				Trung bình	851963	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11293	404-K44DQ5		Phạm Gia	Võ	Nam	29/03/1983				Trung bình khá	851964	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11294	405-K44DQ6		Vũ Tuấn	Anh	Nam	02/02/1982				Trung bình khá	851965	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11295	406-K44DQ6		Bùi Quang	Bình	Nam	21/08/1973				Trung bình	851966	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11296	407-K44DQ6		Trần Thị	Chiên	Nữ	20/01/1988				Trung bình khá	851967	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11297	408-K44DQ6		Đoàn Văn	Chung	Nam	18/07/1974				Trung bình	851968	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11298	409-K44DQ6		Đinh Thái	Độ	Nam	29/10/1972				Trung bình khá	851969	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11299	410-K44DQ6		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	25/09/1972				Trung bình khá	851970	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11300	411-K44DQ6		Phạm Văn	Dương	Nam	12/10/1983				Trung bình khá	851971	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11301	412-K44DQ6		Đinh Tuấn	Giang	Nam	05/11/1984				Trung bình khá	851972	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11302	413-K44DQ6		Đồng Đức	Giáp	Nam	15/02/1984				Trung bình khá	851973	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11303	414-K44DQ6		Vũ Anh	Hiếu	Nam	02/01/1981				Trung bình	851974	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11304	415-K44DQ6		Hoàng Văn	Hiu	Nam	01/04/1974				Trung bình	851975	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11305	416-K44DQ6		Lê Trung	Hòa	Nam	10/05/1984				Trung bình khá	851976	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11306	417-K44DQ6		Hà Văn	Huân	Nam	20/03/1983				Trung bình	851977	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11307	418-K44DQ6		Nguyễn Văn	Hưng	Nam	26/12/1983				Trung bình khá	851978	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11308	419-K44DQ6		Phạm Ngọc	Hướng	Nam	11/02/1981				Trung bình khá	851979	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11309	420-K44DQ6		Nguyễn Ngọc	Huynh	Nam	20/08/1976				Trung bình	851980	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11310	421-K44DQ6		Nguyễn Duy	Khiêm	Nam	24/09/1985				Trung bình khá	851981	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11311	422-K44DQ6		Nguyễn Văn	Liêm	Nam	24/08/1982				Trung bình	851982	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11312	423-K44DQ6		Tăng Bá	Như	Nam	14/11/1977				Trung bình khá	851983	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11313	424-K44DQ6		Đỗ Văn	Pha	Nam	17/01/1984				Trung bình khá	851984	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11314	425-K44DQ6		Đỗ Văn	Quang	Nam	16/09/1979				Trung bình	851985	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11315	426-K44DQ6		Phạm Hương	Quỳnh	Nữ	26/08/1992				Trung bình khá	851986	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11316	427-K44DQ6		Vũ Văn	Sướng	Nam	29/06/1982				Trung bình	851987	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11317	428-K44DQ6		Dương Thế	Tài	Nam	26/04/1982				Trung bình khá	851988	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11318	429-K44DQ6		Vũ Duy	Tân	Nam	26/08/1988				Trung bình khá	851989	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11319	430-K44DQ6		Nguyễn Bá	Thanh	Nam	20/12/1981				Trung bình khá	851990	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11320	431-K44DQ6		Nguyễn Minh	Thanh	Nam	11/08/1982				Trung bình khá	851991	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11321	432-K44DQ6		Trần Quang	Thể	Nam	16/11/1981				Trung bình	851992	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11322	433-K44DQ6		Nguyễn Hữu	Thuân	Nam	21/07/1989				Trung bình khá	851993	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11323	434-K44DQ6		Lê Văn	Tiệp	Nam	23/06/1985				Trung bình khá	851994	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11324	435-K44DQ6		Nguyễn Đức	Trung	Nam	28/08/1979				Trung bình khá	851995	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11325	436-K44DQ6		Nguyễn Quang	Tuấn	Nam	06/02/1980				Trung bình khá	851996	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11326	437-K44DQ6		Nguyễn Văn	Tuyên	Nam	21/02/1983				Trung bình khá	851997	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11327	438-K44DQ6		Nguyễn Anh	Vân	Nam	16/06/1987				Trung bình khá	851998	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11328	439-K44DQ6		Khổng Văn	Xuân	Nam	14/01/1963				Trung bình khá	851999	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	332/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11329	268-K44DK10		Vũ Lan	Anh	Nữ	19/12/1988				Trung bình khá	852000	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11330	269-K44DK10		Phạm Ngọc	Anh	Nam	29/01/1986				Trung bình	852001	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11331	270-K44DK10		Đinh Thị	Ánh	Nữ	26/06/1988				Trung bình khá	852002	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11332	271-K44DK10		Đặng Huy	Bình	Nam	29/11/1986				Trung bình khá	852003	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11333	272-K44DK10		Nguyễn Đức	Chính	Nam	17/03/1983				Trung bình khá	852004	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11334	273-K44DK10		Phạm Thị Phương	Dịu	Nữ	25/04/1985				Trung bình khá	852005	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11335	274-K44DK10		Phan Tuấn	Dũng	Nam	11/09/1978				Trung bình khá	852006	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11336	275-K44DK10		Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	23/09/1986				Trung bình khá	852007	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11337	276-K44DK10		Vũ Xuân	Dương	Nam	07/08/1989				Trung bình khá	852008	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11338	277-K44DK10		Hoàng Thị	Giang	Nữ	15/10/1983				Trung bình khá	852009	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11339	278-K44DK10		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	26/11/1979				Trung bình khá	852010	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11340	279-K44DK10		Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	03/02/1982				Trung bình khá	852011	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11341	280-K44DK10		Nguyễn Thị Sơn	Hạnh	Nữ	07/06/1984				Trung bình khá	852012	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11342	281-K44DK10		Phạm Thị Thanh	Hiền	Nữ	12/09/1983				Trung bình khá	852013	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11343	282-K44DK10		Nguyễn Văn	Hiền	Nam	25/09/1985				Trung bình khá	852014	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11344	283-K44DK10		Đinh Thị Việt	Hòa	Nữ	19/01/1984				Trung bình khá	852015	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11345	284-K44DK10		Hà Huy	Hoàng	Nam	20/03/1988				Trung bình khá	852016	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11346	285-K44DK10		Phạm Thị Minh	Huệ	Nữ	27/09/1983				Trung bình khá	852017	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11347	286-K44DK10		Trần Thị	Hương	Nữ	02/09/1986				Trung bình khá	852018	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11348	287-K44DK10		Nguyễn Thị Cẩm	Hương	Nữ	25/05/1985				Trung bình khá	852019	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11349	288-K44DK10		Nguyễn Thái	Hương	Nữ	11/08/1974				Trung bình khá	852020	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11350	289-K44DK10		Vũ Thị Thu	Hường	Nữ	18/08/1981				Trung bình khá	852021	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11351	290-K44DK10		Trần Ngọc	Huy	Nam	02/10/1981				Trung bình khá	852022	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11352	291-K44DK10		Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	24/04/1986				Trung bình khá	852023	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11353	292-K44DK10		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	25/10/1990				Khá	852024	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11354	293-K44DK10		Đỗ Thị	Huyền	Nữ	03/06/1988				Trung bình khá	852025	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11355	294-K44DK10		Lê Thị	Lan	Nữ	25/10/1973				Trung bình khá	852026	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11356	295-K44DK10		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	28/08/1984				Khá	852027	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11357	296-K44DK10		Bùi Thị	Long	Nữ	26/04/1988				Trung bình khá	852028	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11358	297-K44DK10		Nguyễn Hải	Nam	Nam	03/11/1977				Trung bình khá	852029	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11359	298-K44DK10		Đồng Thị	Ngọc	Nữ	12/12/1981				Trung bình khá	852030	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11360	299-K44DK10		Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	03/12/1968				Trung bình khá	852031	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11361	300-K44DK10		Phạm Thị Minh	Phương	Nữ	08/01/1987				Trung bình khá	852032	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11362	301-K44DK10		Bùi Thị	Phương	Nữ	20/04/1983				Trung bình khá	852033	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11363	302-K44DK10		Bùi	Quyền	Nam	16/04/1987				Trung bình khá	852034	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11364	303-K44DK10		Vũ Thị	Tâm	Nữ	18/09/1984				Trung bình khá	852035	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11365	304-K44DK10		Nguyễn Thanh	Tân	Nam	18/01/1982				Trung bình khá	852036	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11366	305-K44DK10		Đỗ Chiến	Thắng	Nam	28/12/1972				Trung bình khá	852037	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11367	306-K44DK10		Đoàn Thị	Thoáng	Nữ	05/04/1988				Trung bình khá	852038	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11368	307-K44DK10		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	01/10/1986				Trung bình khá	852039	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11369	308-K44DK10		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	02/08/1989				Trung bình khá	852040	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11370	309-K44DK10		Tống Thị Thanh	Thủy	Nữ	29/08/1990				Trung bình khá	852041	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11371	310-K44DK10		Lê Thị	Thủy	Nữ	15/03/1979				Trung bình khá	852042	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11372	311-K44DK10		Phạm Thị	Thuyết	Nữ	14/08/1987				Trung bình khá	852043	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11373	312-K44DK10		Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	22/11/1989				Trung bình khá	852044	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11374	313-K44DK10		Phạm Thị	Từ	Nữ	02/12/1982				Trung bình khá	852045	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11375	314-K44DK10		Nguyễn Huy	Tuấn	Nam	15/10/1984				Trung bình khá	852046	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11376	315-K44DK10		Trần Thị	Tuyết	Nữ	02/10/1986				Trung bình khá	852047	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11377	316-K44DK10		Lê Thị	Vân	Nữ	02/01/1987				Trung bình khá	852048	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11378	317-K44DK10		Trần Thị	Vinh	Nữ	07/02/1971				Trung bình khá	852049	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11379	318-K44DK10		Trương Thị Bảo	Yến	Nữ	15/04/1985				Khá	852050	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11380	319-K44DK12		Trần Thị	Anh	Nữ	23/03/1983				Trung bình khá	852051	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11381	320-K44DK12		Bùi Huy	Bình	Nam	18/05/1971				Trung bình khá	852052	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11382	321-K44DK12		Lưu Văn	Cường	Nam	07/03/1987				Trung bình khá	852053	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11383	322-K44DK12		Nguyễn Thị	Dự	Nữ	10/08/1983				Trung bình khá	852054	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11384	323-K44DK12		Phạm Văn	Dũng	Nam	23/07/1985				Trung bình khá	852055	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11385	324-K44DK12		Nguyễn Văn	Dương	Nam	25/04/1982				Trung bình khá	852056	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11386	325-K44DK12		Vũ Minh	Duy	Nam	06/10/1986				Trung bình khá	852057	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11387	326-K44DK12		Nguyễn Đức	Duy	Nam	21/04/1988				Trung bình khá	852058	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11388	327-K44DK12		Vũ Trung	Giáp	Nam	06/09/1987				Trung bình khá	852059	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11389	328-K44DK12		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	31/10/1983				Trung bình khá	852060	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11390	329-K44DK12		Cao Thị	Hằng	Nữ	17/08/1985				Trung bình khá	852061	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11391	330-K44DK12		Hà Thị	Hạnh	Nữ	19/08/1974				Trung bình khá	852062	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11392	331-K44DK12		Ngô Thị	Hạnh	Nữ	30/11/1986				Trung bình khá	852063	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11393	332-K44DK12		Phạm Thị Thanh	Hoa	Nữ	22/06/1985				Trung bình khá	852064	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11394	333-K44DK12		Lê Thị	Hòa	Nữ	04/05/1981				Trung bình khá	852065	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11395	334-K44DK12		Phạm Minh	Huệ	Nữ	10/10/1986				Trung bình khá	852066	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11396	335-K44DK12		Nguyễn Tiến	Hưng	Nam	10/01/1987				Trung bình khá	852067	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11397	336-K44DK12		Ngô Thị Mai	Hương	Nữ	25/12/1983				Trung bình khá	852068	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11398	337-K44DK12		Phạm Thị	Hương	Nữ	03/11/1988				Trung bình khá	852069	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11399	338-K44DK12		Đinh Thị	Hường	Nữ	24/05/1981				Trung bình khá	852070	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11400	339-K44DK12		Nghiêm Viết	Huy	Nam	18/10/1988				Trung bình khá	852071	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11401	340-K44DK12		Nguyễn Đức	Huy	Nam	19/03/1985				Trung bình khá	852072	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11402	341-K44DK12		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	18/02/1985				Trung bình khá	852073	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11403	342-K44DK12		Đặng Thị Thu	Huyền	Nữ	02/10/1988				Trung bình khá	852074	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11404	343-K44DK12		Hoàng Thị Thu	Huyền	Nữ	18/02/1981				Trung bình khá	852075	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11405	344-K44DK12		Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	25/07/1986				Trung bình khá	852076	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11406	345-K44DK12		Phạm Thị	Lan	Nữ	12/12/1984				Trung bình khá	852077	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11407	346-K44DK12		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	11/09/1991				Trung bình khá	852078	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11408	347-K44DK12		Mai Thị	Liễu	Nữ	26/01/1974				Trung bình khá	852079	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11409	348-K44DK12		Lê Thị	Loan	Nữ	06/04/1976				Trung bình khá	852080	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11410	349-K44DK12		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	15/08/1989				Trung bình khá	852081	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11411	350-K44DK12		Đặng Hữu	Minh	Nam	02/06/1982				Trung bình khá	852082	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11412	351-K44DK12		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	22/03/1991				Trung bình khá	852083	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11413	352-K44DK12		Phạm Thị	Nguyệt	Nữ	09/09/1988				Trung bình khá	852084	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11414	353-K44DK12		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	12/12/1985				Trung bình khá	852085	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11415	354-K44DK12		Trần Thị Ngọc	Oánh	Nữ	25/09/1981				Trung bình khá	852086	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11416	355-K44DK12		Hà Thị	Phương	Nữ	20/02/1986				Trung bình khá	852087	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11417	356-K44DK12		Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	Nữ	18/08/1980				Trung bình khá	852088	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11418	357-K44DK12		Nguyễn Thị	Tân	Nữ	02/04/1991				Trung bình khá	852089	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11419	358-K44DK12		Bùi Thị	Thu	Nữ	21/08/1988				Khá	852090	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11420	359-K44DK12		Vũ Thị	Thương	Nữ	25/12/1992				Trung bình khá	852091	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11421	360-K44DK12		Ngô Thị	Thúy	Nữ	15/12/1981				Trung bình khá	852092	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11422	361-K44DK12		Vũ Thị	Thủy	Nữ	21/08/1984				Trung bình khá	852093	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11423	362-K44DK12		Bùi Thanh	Thủy	Nữ	24/11/1988				Trung bình khá	852094	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11424	363-K44DK12		Nguyễn Quỳnh	Tuân	Nam	30/04/1979				Trung bình khá	852095	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11425	364-K44DK12		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	30/08/1983				Trung bình khá	852096	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11426	365-K44DK12		Bùi Thị Thúy	Vân	Nữ	07/05/1980				Trung bình khá	852097	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11427	366-K44DK12		Phạm Thị Thúy	Vinh	Nữ	07/10/1973				Trung bình khá	852098	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11428	367-K44DK12		Đinh Thị	Vững	Nữ	15/01/1988				Trung bình khá	852099	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11429	368-K44DK12		Phạm Văn	Xuyên	Nam	20/11/1984				Trung bình khá	852100	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	333/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11430	440-K44DK11		Quách Thùy	Anh	Nữ	30/10/1988				Trung bình khá	852101	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11431	441-K44DK11		Đỗ Thị Thúy	Bình	Nữ	03/11/1979				Trung bình	852102	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11432	442-K44DK11		Nguyễn Thị	Chiều	Nữ	05/05/1984				Trung bình khá	852103	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11433	443-K44DK11		Trần Văn	Chung	Nam	26/08/1992				Trung bình	852104	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11434	444-K44DK11		Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	21/04/1981				Trung bình khá	852105	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11435	445-K44DK11		Phạm Văn	Đinh	Nam	22/07/1984				Trung bình	852106	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11436	446-K44DK11		Vũ Thị Thùy	Dương	Nữ	24/02/1992				Trung bình khá	852107	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11437	447-K44DK11		Nguyễn Công	Hà	Nam	07/07/1981				Trung bình	852108	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11438	448-K44DK11		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	26/09/1989				Trung bình khá	852109	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11439	449-K44DK11		Đồng Xuân	Hải	Nam	03/09/1984				Trung bình	852110	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11440	450-K44DK11		Trương Thị	Hải	Nữ	26/11/1987				Trung bình	852111	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11441	451-K44DK11		Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	25/03/1992				Trung bình	852112	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11442	452-K44DK11		Phạm Ngọc	Hạnh	Nữ	27/11/1983				Trung bình khá	852113	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11443	453-K44DK11		Võ Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	01/01/1992				Trung bình khá	852114	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11444	454-K44DK11		Đỗ Thị Thu	Hiền	Nữ	19/06/1990				Trung bình	852115	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11445	455-K44DK11		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	01/12/1991				Trung bình khá	852116	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11446	456-K44DK11		Phạm Thị Phương	Hoa	Nữ	06/02/1992				Trung bình	852117	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11447	457-K44DK11		Đặng Thị Tuyết	Hương	Nữ	23/06/1976				Trung bình khá	852118	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11448	458-K44DK11		Hoàng Thị Thu	Hương	Nữ	25/12/1982				Trung bình khá	852119	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11449	459-K44DK11		Vũ Thị Thanh	Hương	Nữ	30/10/1983				Trung bình	852120	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11450	460-K44DK11		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	02/02/1990				Trung bình khá	852121	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11451	461-K44DK11		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	24/04/1982				Trung bình khá	852122	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11452	462-K44DK11		Tạ Thị	Hường	Nữ	05/03/1974				Trung bình khá	852123	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11453	463-K44DK11		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	25/09/1982				Trung bình khá	852124	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11454	464-K44DK11		Nguyễn Thị Vân	Khánh	Nữ	26/02/1984				Trung bình khá	852125	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11455	465-K44DK11		Nguyễn Hồng	Kỳ	Nam	26/05/1978				Trung bình khá	852126	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11456	466-K44DK11		Trần Thị Bích	Li	Nữ	22/04/1992				Trung bình	852127	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11457	467-K44DK11		Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	05/09/1987				Trung bình	852128	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11458	468-K44DK11		Vũ Thùy	Linh	Nữ	14/04/1984				Trung bình khá	852129	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11459	469-K44DK11		Đoàn Thị	Lụa	Nữ	23/07/1982				Trung bình khá	852130	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11460	470-K44DK11		Vũ Thị	Luận	Nữ	02/09/1991				Trung bình	852131	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11461	471-K44DK11		Vũ Thị	Lương	Nữ	06/09/1992				Trung bình khá	852132	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11462	472-K44DK11		Phạm Thị Phương	Nam	Nữ	16/07/1979				Trung bình	852133	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11463	473-K44DK11		Đỗ Thị Thanh	Nga	Nữ	20/08/1983				Trung bình khá	852134	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11464	474-K44DK11		Đỗ Thị	Ngà	Nữ	01/12/1987				Trung bình khá	852135	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11465	475-K44DK11		Đào Thị	Ngân	Nữ	15/05/1985				Trung bình	852136	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11466	476-K44DK11		Lê Minh	Nguyệt	Nữ	24/10/1990				Trung bình	852137	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11467	477-K44DK11		Trần Minh	Nguyệt	Nữ	22/06/1980				Trung bình	852138	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11468	478-K44DK11		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	20/05/1992				Trung bình	852139	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11469	479-K44DK11		Phạm Thị	Nhung	Nữ	27/05/1991				Trung bình khá	852140	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11470	480-K44DK11		Phùng Thị Hồng	Nhung	Nữ	11/03/1987				Trung bình khá	852141	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11471	481-K44DK11		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/11/1991				Trung bình khá	852142	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11472	482-K44DK11		Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	19/03/1989				Trung bình	852143	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11473	483-K44DK11		Trần Mạnh	Phương	Nam	26/03/1983				Trung bình	852144	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11474	484-K44DK11		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	15/11/1985				Trung bình	852145	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11475	485-K44DK11		Dương Thị Ngọc	Thu	Nữ	19/05/1980				Trung bình khá	852146	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11476	486-K44DK11		Đào Thị	Thùy	Nữ	16/06/1989				Trung bình khá	852147	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11477	487-K44DK11		Nguyễn Thị	Toán	Nữ	20/06/1985				Trung bình khá	852148	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11478	488-K44DK11		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	01/12/1991				Trung bình khá	852149	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11479	489-K44DK11		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	04/08/1986				Trung bình khá	852150	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11480	490-K44DK11		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	14/10/1991				Trung bình khá	852151	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11481	491-K44DK11		Trần Kim	Tuấn	Nam	16/08/1984				Trung bình khá	852152	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11482	492-K44DK11		Phạm Thị	Tươi	Nữ	02/12/1991				Trung bình khá	852153	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11483	493-K44DK11		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	16/09/1987				Trung bình khá	852154	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11484	494-K44DK11		Cao Thị Hải	Yến	Nữ	19/06/1987				Trung bình khá	852155	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	334/QĐ-ĐHTM, ngày 25/05/2015	
11485	495-K44DK3		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	09/08/1988				Trung bình	852156	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11486	496-K44DK3		Phan Tiến	Dũng	Nam	28/01/1988				Trung bình	852157	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11487	497-K44DK3		Bùi Ngọc	út	Nữ	25/07/1991				Trung bình	852158	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11488	498-K44DK4		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	09/03/1987				Trung bình khá	852159	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11489	499-K44DK5		Nguyễn Việt	Linh	Nam	28/05/1991				Trung bình khá	852160	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11490	500-K44DK6		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	15/04/1991				Trung bình khá	852161	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11491	501-K44DK6		Thái Thị	Dung	Nữ	15/10/1989				Trung bình	852162	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11492	502-K44DK6		Trần Thị Ngọc	Hà	Nữ	30/08/1988				Trung bình khá	852163	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11493	503-K44DK6		Trần Thị Thanh	Hà	Nữ	24/10/1985				Trung bình khá	852164	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11494	504-K44DK6		Vũ Ngọc	Hải	Nam	13/10/1982				Trung bình khá	852165	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11495	505-K44DK6		Tạ Thị	Hằng	Nữ	28/06/1984				Trung bình khá	852166	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11496	506-K44DK6		Lô Thị	Hảo	Nữ	07/06/1983				Trung bình khá	852167	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11497	507-K44DK6		Lê Khắc	Hệ	Nam	20/09/1975				Trung bình khá	852168	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11498	508-K44DK6		Vũ Văn	Hiếu	Nam	28/02/1987				Trung bình khá	852169	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11499	509-K44DK6		Tạ Hữu	Huấn	Nam	26/09/1985				Trung bình	852170	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11500	510-K44DK6		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	07/07/1990				Trung bình	852171	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11501	511-K44DK6		Phạm Mạnh	Hùng	Nam	27/04/1977				Trung bình khá	852172	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11502	512-K44DK6		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	09/05/1987				Trung bình khá	852173	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11503	513-K44DK6		Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	26/10/1987				Trung bình khá	852174	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11504	514-K44DK6		Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	01/08/1986				Trung bình khá	852175	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11505	515-K44DK6		Nguyễn Thị	Khoa	Nữ	10/11/1988				Trung bình khá	852176	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11506	516-K44DK6		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	26/02/1983				Trung bình khá	852177	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11507	517-K44DK6		Phạm Thị	Lịch	Nữ	17/07/1980				Trung bình khá	852178	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11508	518-K44DK6		Nguyễn Xuân	Lĩnh	Nam	07/03/1991				Trung bình	852179	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11509	519-K44DK6		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	14/01/1984				Trung bình khá	852180	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11510	520-K44DK6		Hà Thị	Nga	Nữ	13/09/1982				Trung bình khá	852181	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11511	521-K44DK6		Phùng Thị	Ngân	Nữ	15/07/1988				Trung bình khá	852182	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11512	522-K44DK6		Trần Thị	Ngân	Nữ	09/05/1986				Trung bình	852183	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11513	523-K44DK6		Nguyễn Thị	Nương	Nữ	22/11/1987				Trung bình khá	852184	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11514	524-K44DK6		Đỗ Thị	Oanh	Nữ	23/07/1987				Trung bình khá	852185	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11515	525-K44DK6		Phạm Thị	Oanh	Nữ	28/01/1991				Trung bình khá	852186	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11516	526-K44DK6		Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	28/10/1979				Trung bình khá	852187	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11517	527-K44DK6		Đào Thị	Sánh	Nữ	17/10/1984				Trung bình khá	852188	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11518	528-K44DK6		Đỗ Ngọc	Thanh	Nữ	25/04/1991				Trung bình	852189	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11519	529-K44DK6		Nguyễn Văn	Thành	Nam	04/10/1991				Trung bình khá	852190	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11520	530-K44DK6		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	22/08/1990				Trung bình khá	852191	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11521	531-K44DK6		Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	22/01/1987				Trung bình khá	852192	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11522	532-K44DK6		Trần Thị Minh	Thuận	Nữ	23/05/1981				Trung bình khá	852193	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11523	533-K44DK6		Phạm Thị	Thúy	Nữ	15/03/1990				Trung bình khá	852194	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11524	534-K44DK6		Phạm Thị Thanh	Tình	Nữ	30/01/1988				Trung bình khá	852195	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11525	535-K44DK6		Khổng Thị Huyền	Trang	Nữ	20/07/1991				Trung bình khá	852196	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11526	536-K44DK6		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	25/07/1990				Trung bình khá	852197	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11527	537-K44DK6		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	23/06/1986				Trung bình khá	852198	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11528	538-K44DK6		Trịnh Thành	Trung	Nam	04/11/1991				Trung bình	852199	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11529	539-K44DK6		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	24/08/1991				Trung bình khá	852200	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11530	540-K44DK6		Trương Thị	Yến	Nữ	19/06/1983				Trung bình khá	852201	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11531	541-K44DK7		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	18/07/1992				Trung bình	852202	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11532	542-K44DK7		Nguyễn Thị	Bé	Nữ	10/03/1983				Trung bình khá	852203	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11533	543-K44DK7		Lê Văn	Biên	Nam	10/03/1991				Trung bình	852204	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11534	544-K44DK7		Phạm Thúy	Cúc	Nữ	22/11/1988				Trung bình khá	852205	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11535	545-K44DK7		Chu Quang	Dũng	Nam	22/07/1987				Trung bình	852206	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11536	546-K44DK7		Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	16/05/1991				Trung bình khá	852207	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11537	547-K44DK7		Vũ Thị	Hạnh	Nữ	18/04/1985				Trung bình	852208	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11538	548-K44DK7		Đỗ Hồng	Hảo	Nữ	17/08/1984				Trung bình khá	852209	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11539	549-K44DK7		Đặng Thị	Hiên	Nữ	09/01/1986				Trung bình khá	852210	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11540	550-K44DK7		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	25/12/1979				Trung bình	852211	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11541	551-K44DK7		Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	26/06/1992				Trung bình	852212	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11542	552-K44DK7		Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	22/07/1987				Trung bình khá	852213	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11543	553-K44DK7		Trần Thu	Hoài	Nữ	01/01/1990				Trung bình khá	852214	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11544	554-K44DK7		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	30/07/1979				Trung bình khá	852215	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11545	555-K44DK7		Hoàng Thị Thúy	Huyền	Nữ	09/04/1986				Trung bình khá	852216	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11546	556-K44DK7		Vũ Thị Thanh	Huyền	Nữ	27/07/1985				Trung bình khá	852217	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11547	557-K44DK7		Phan Thu	Huyền	Nữ	07/08/1988				Trung bình	852218	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11548	558-K44DK7		Võ Tá Tùng	Lâm	Nam	20/05/1990				Trung bình	852219	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11549	559-K44DK7		Lệnh Thị	Liên	Nữ	23/08/1990				Trung bình khá	852220	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11550	560-K44DK7		Nguyễn Thị	Luận	Nữ	09/01/1992				Trung bình	852221	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11551	561-K44DK7		Trần Hải	Nam	Nam	18/02/1990				Trung bình khá	852222	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11552	562-K44DK7		Đinh Thị	Nga	Nữ	27/06/1992				Trung bình khá	852223	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11553	563-K44DK7		Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	14/06/1975				Trung bình	852224	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11554	564-K44DK7		Trần Hồng	Nhung	Nữ	30/11/1989				Trung bình khá	852225	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11555	565-K44DK7		Nguyễn Thị Hồng	Quyên	Nữ	28/11/1991				Trung bình khá	852226	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11556	566-K44DK7		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	24/09/1987				Trung bình khá	852227	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11557	567-K44DK7		Nguyễn Thị	Tân	Nữ	25/01/1992				Trung bình khá	852228	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11558	568-K44DK7		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	09/11/1989				Trung bình khá	852229	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11559	569-K44DK7		Trịnh Thị	Thu	Nữ	15/08/1987				Trung bình	852230	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11560	570-K44DK7		Trần Thị	Thúy	Nữ	20/09/1990				Trung bình khá	852231	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11561	571-K44DK7		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/08/1988				Trung bình khá	852232	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11562	572-K44DK7		Lê Mạnh	Tuấn	Nam	07/06/1986				Trung bình khá	852233	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11563	573-K44DK7		Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	06/10/1983				Trung bình khá	852234	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11564	574-K44DK7		Phùng Anh	Tuấn	Nam	18/10/1986				Trung bình	852235	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11565	575-K44DK7		Mai Thị	Tươi	Nữ	07/05/1984				Trung bình khá	852236	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11566	576-K44DK7		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	06/06/1986				Trung bình	852237	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11567	577-K44DK7		Lương Thị	Uyên	Nữ	14/06/1988				Trung bình khá	852238	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11568	578-K44DK7		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	12/01/1983				Trung bình khá	852239	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11569	579-K44DK7		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	10/12/1986				Trung bình	852240	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11570	580-K44DK8		Nguyễn Thanh	Bình	Nam	26/07/1984				Trung bình	852241	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11571	581-K44DK8		Lý Thanh	Châu	Nam	06/06/1985				Trung bình khá	852242	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11572	582-K44DK8		Nguyễn Thị	Chiêm	Nữ	20/10/1986				Trung bình khá	852243	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11573	583-K44DK8		Nguyễn Duy	Chuyên	Nam	15/11/1982				Trung bình khá	852244	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11574	584-K44DK8		Nguyễn Thị	Đào	Nữ	16/08/1984				Trung bình khá	852245	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11575	585-K44DK8		Vương Thị	Đào	Nữ	28/10/1985				Trung bình khá	852246	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11576	586-K44DK8		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	07/11/1992				Trung bình khá	852247	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11577	587-K44DK8		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	20/06/1984				Trung bình khá	852248	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11578	588-K44DK8		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	03/08/1990				Trung bình khá	852249	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11579	589-K44DK8		Nguyễn Thị	Duy	Nữ	09/08/1990				Trung bình khá	852250	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11580	590-K44DK8		Bùi Thị	Giang	Nữ	20/11/1983				Trung bình khá	852251	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11581	591-K44DK8		Trần Hương	Giang	Nữ	20/10/1991				Trung bình khá	852252	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11582	592-K44DK8		Phạm Thị Thu	Hồng	Nữ	18/04/1981				Trung bình khá	852253	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11583	593-K44DK8		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	18/10/1983				Trung bình khá	852254	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11584	594-K44DK8		Bùi Thị Diễm	Hương	Nữ	15/02/1991				Trung bình khá	852255	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11585	595-K44DK8		Đỗ Thanh	Hường	Nữ	20/08/1987				Trung bình khá	852256	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11586	596-K44DK8		Nguyễn Thị	Khuyến	Nữ	18/06/1985				Trung bình	852257	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11587	597-K44DK8		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	07/01/1985				Trung bình khá	852258	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11588	598-K44DK8		Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	24/06/1986				Trung bình	852259	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11589	599-K44DK8		Dương Thị	Nhung	Nữ	30/02/1991				Trung bình	852260	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11590	600-K44DK8		Đỗ Hồng	Nhung	Nữ	26/02/1989				Trung bình khá	852261	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11591	601-K44DK8		Trần Thị	Nụ	Nữ	18/10/1986				Trung bình	852262	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11592	602-K44DK8		Khuất Thị Thu	Phương	Nữ	22/10/1985				Trung bình khá	852263	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11593	603-K44DK8		Trần Thị Minh	Phương	Nữ	22/05/1988				Trung bình	852264	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11594	604-K44DK8		Nguyễn Lan	Phương	Nữ	11/01/1989				Trung bình khá	852265	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11595	605-K44DK8		Trần Tuyết	Thanh	Nữ	30/12/1985				Trung bình khá	852266	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11596	606-K44DK8		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	09/11/1981				Trung bình khá	852267	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11597	607-K44DK8		Ngô Thị	Thúy	Nữ	22/12/1987				Trung bình khá	852268	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11598	608-K44DK8		Đặng Thị	Thúy	Nữ	24/10/1981				Trung bình	852269	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11599	609-K44DK8		Nguyễn Thị Hạnh	Yên	Nữ	20/04/1979				Trung bình khá	852270	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11600	610-K44DK15		Chu Thị Vân	Anh	Nữ	07/10/1983				Trung bình khá	852271	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11601	611-K44DK15		Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	25/03/1972				Trung bình khá	852272	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11602	612-K44DK15		Vũ Tú	Anh	Nữ	04/04/1989				Trung bình khá	852273	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11603	613-K44DK15		Bùi Văn	Bình	Nam	25/01/1987				Trung bình khá	852274	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11604	614-K44DK15		Lê Minh	Đức	Nam	29/12/1984				Trung bình khá	852275	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11605	615-K44DK15		Đặng Thùy	Dương	Nữ	06/12/1985				Khá	852276	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11606	616-K44DK15		Đoàn Trọng	Hiếu	Nam	07/03/1983				Trung bình khá	852277	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11607	617-K44DK15		Kiều Khánh	Hòa	Nữ	14/09/1976				Trung bình khá	852278	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11608	618-K44DK15		Đỗ Đăng	Hoàn	Nam	16/02/1980				Trung bình khá	852279	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11609	619-K44DK15		Hồ Trần	Hưng	Nam	10/06/1984				Trung bình khá	852280	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11610	620-K44DK15		Nguyễn Anh	Huyền	Nữ	01/03/1983				Trung bình khá	852281	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11611	621-K44DK15		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	04/12/1989				Trung bình khá	852282	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11612	622-K44DK15		Đào Quang	Kiên	Nam	04/02/1979				Trung bình khá	852283	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11613	623-K44DK15		Lê Thị	Lành	Nữ	10/12/1988				Trung bình khá	852284	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11614	624-K44DK15		Đặng Thị Mai	Liên	Nữ	26/11/1988				Trung bình khá	852285	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11615	625-K44DK15		Phạm Thanh	Loan	Nữ	12/08/1987				Trung bình khá	852286	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11616	626-K44DK15		Vũ Thăng	Long	Nam	22/08/1988				Trung bình khá	852287	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11617	627-K44DK15		Trần Thị	Nga	Nữ	06/11/1987				Trung bình khá	852288	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11618	628-K44DK15		Chu Thị	Nga	Nữ	01/10/1982				Trung bình khá	852289	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11619	629-K44DK15		Nguyễn Thị	Ngoan	Nữ	17/10/1988				Trung bình khá	852290	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11620	630-K44DK15		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	22/03/1986				Trung bình khá	852291	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11621	631-K44DK15		Trịnh Thị	Nhàn	Nữ	04/02/1982				Trung bình khá	852292	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11622	632-K44DK15		Trần Thị	Phương	Nữ	21/11/1992				Trung bình	852293	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11623	633-K44DK15		Nguyễn Thanh	Tân	Nam	26/02/1988				Trung bình khá	852294	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11624	634-K44DK15		Trần Thị	Thảo	Nữ	11/03/1986				Trung bình khá	852295	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11625	635-K44DK15		Đặng Thị	Thu	Nữ	01/06/1987				Trung bình khá	852296	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11626	636-K44DK15		Nguyễn Thị Kim	Thu	Nữ	05/03/1987				Trung bình khá	852297	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11627	637-K44DK15		Nguyễn Minh	Toán	Nam	08/05/1981				Trung bình khá	852298	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11628	638-K44DK15		Nguyễn Mai	Trang	Nữ	23/08/1987				Trung bình khá	852299	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11629	639-K44DK15		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	22/09/1981				Trung bình khá	852300	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11630	640-K44DK15		Phạm Thu	Trang	Nữ	25/07/1981				Trung bình khá	852301	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	362/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11631	641-K40DK22		Đoàn Hà	Phương	Nữ	14/09/1987				Trung bình khá	852302	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11632	642-K40DK23		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/08/1987				Trung bình khá	852303	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11633	643-K42DK9		Nguyễn Mạnh	Tùng	Nam	10/06/1989				Trung bình	852304	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11634	644-K42DK10		Dương Ngọc	Minh	Nam	22/01/1988				Trung bình	852305	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11635	645-K42DK11		Trịnh Thu	Hường	Nữ	04/11/1986				Trung bình	852306	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11636	646-K42DK11		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	21/04/1988				Trung bình	852307	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11637	647-K43DK12		Trần Văn	Tuấn	Nam	10/04/1986				Trung bình	852308	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11638	648-K43DK14		Vũ Thị	Hương	Nữ	24/11/1979				Trung bình khá	852309	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11639	649-K43DK14		Lê Văn	Luyện	Nam	20/03/1971				Trung bình khá	852310	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11640	650-K43DK16		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	13/09/1978				Trung bình khá	852311	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11641	651-K43DK2		Lê Thị	Hân	Nữ	11/11/1988				Trung bình	852312	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11642	652-K43DK3		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	07/11/1983				Trung bình khá	852313	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11643	653-K43DK8		Kiều Chung	Thủy	Nữ	22/08/1983				Trung bình khá	852314	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11644	654-K43BK2		Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	16/05/1981				Trung bình	852315	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11645	655-K44BK1		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	07/07/1983				Trung bình khá	852316	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	363/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11646	777-K46BK1		Mai Thị	Anh	Nữ	21/04/1982				Trung bình khá	852438	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11647	778-K46BK1		Phạm Mai	Anh	Nữ	13/03/1982				Trung bình khá	852439	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11648	779-K46BK1		Vũ Thị Mỹ	Anh	Nữ	30/03/1979				Trung bình khá	852440	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11649	780-K46BK1		Nguyễn Thùy	Châu	Nữ	02/01/1979				Trung bình khá	852441	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11650	781-K46BK1		Hoàng Mạnh	Chiến	Nam	01/06/1989				Trung bình khá	852442	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11651	782-K46BK1		Nguyễn Thị	Định	Nữ	15/11/1987				Trung bình khá	852443	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11652	783-K46BK1		Nguyễn Viết	Dương	Nam	07/07/1976				Trung bình khá	852444	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11653	784-K46BK1		Phạm Thị	Dưỡng	Nữ	10/04/1987				Trung bình khá	852445	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11654	785-K46BK1		Hoàng	Hải	Nữ	21/12/1982				Trung bình khá	852446	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11655	786-K46BK1		Đinh Thị Thu	Hằng	Nữ	10/10/1988				Khá	852447	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11656	787-K46BK1		Quách Thị Thu	Hằng	Nữ	01/08/1982				Trung bình khá	852448	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11657	788-K46BK1		Phan Thị	Hảo	Nữ	05/01/1989				Trung bình khá	852449	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11658	789-K46BK1		Nguyễn Thị Mai	Hiên	Nữ	06/06/1984				Trung bình khá	852450	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11659	790-K46BK1		Trịnh Thị Thu	Hiền	Nữ	19/07/1987				Trung bình khá	852451	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11660	791-K46BK1		Trần Vinh	Hiển	Nữ	05/02/1988				Trung bình khá	852452	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11661	792-K46BK1		Đinh Thị Thu	Hòa	Nữ	10/01/1981				Trung bình khá	852453	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11662	793-K46BK1		Phạm Thị Thu	Hòa	Nữ	16/12/1989				Trung bình khá	852454	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11663	794-K46BK1		Lăng Thị	Hoài	Nữ	08/04/1982				Trung bình khá	852455	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11664	795-K46BK1		Lại Thị	Hồng	Nữ	17/08/1988				Trung bình khá	852456	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11665	796-K46BK1		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	11/01/1980				Trung bình khá	852457	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11666	797-K46BK1		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	16/04/1988				Trung bình khá	852458	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11667	798-K46BK1		Đặng Quỳnh	Lan	Nữ	16/04/1982				Trung bình khá	852459	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11668	799-K46BK1		Hoàng Thị Hương	Lan	Nữ	27/05/1985				Trung bình khá	852460	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11669	800-K46BK1		Lưu Thị	Liên	Nữ	23/12/1988				Trung bình khá	852461	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11670	801-K46BK1		Trần	Long	Nam	29/08/1976				Trung bình khá	852462	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11671	802-K46BK1		Đỗ Thùy	Mai	Nữ	10/10/1987				Trung bình khá	852463	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11672	803-K46BK1		Bùi Thị Kim	Ngân	Nữ	12/10/1988				Trung bình khá	852464	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11673	804-K46BK1		Trịnh Thị	Ngân	Nữ	05/06/1985				Trung bình khá	852465	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11674	805-K46BK1		Phạm Hương	Nhài	Nữ	21/08/1981				Trung bình khá	852466	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11675	806-K46BK1		Nguyễn Thị	Nhiên	Nữ	11/03/1979				Trung bình khá	852467	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11676	807-K46BK1		Nguyễn Thị	Quế	Nữ	12/07/1987				Trung bình khá	852468	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11677	808-K46BK1		Đoàn Thị	Quỳnh	Nữ	05/10/1985				Trung bình khá	852469	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11678	809-K46BK1		Trần Như	Quỳnh	Nữ	31/07/1985				Trung bình khá	852470	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11679	810-K46BK1		Nguyễn Văn	Tám	Nam	27/02/1976				Trung bình khá	852471	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11680	811-K46BK1		Chu Thị	Thanh	Nữ	27/05/1976				Trung bình khá	852472	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11681	812-K46BK1		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	17/10/1983				Trung bình khá	852473	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11682	813-K46BK1		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	10/03/1984				Trung bình khá	852474	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11683	814-K46BK1		Lê Thị	Thúy	Nữ	03/03/1988				Trung bình khá	852475	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11684	815-K46BK1		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	13/08/1982				Trung bình khá	852476	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11685	816-K46BK1		Nguyễn Như	Tú	Nam	12/07/1985				Trung bình khá	852477	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11686	817-K46BK1		Phạm Thị	Tuyết	Nữ	10/02/1987				Trung bình khá	852478	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11687	818-K46BK1		Nguyễn Thị Tố	Uyên	Nữ	18/09/1987				Trung bình khá	852479	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11688	819-K46BK1		Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	13/04/1987				Trung bình khá	852480	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11689	820-K46BK1		Hoàng Quốc	Việt	Nam	14/06/1980				Trung bình khá	852481	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11690	821-K46BK1		Nguyễn Thị	Xiêm	Nữ	07/07/1989				Trung bình khá	852482	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11691	822-K46BK1		Đỗ Hoàng	Yến	Nữ	29/01/1977				Trung bình khá	852483	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11692	824-K44DK2		Trần Thị	Lụa	Nữ	23/05/1984				Trung bình khá	852485	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11693	825-K44DK6		Dương Thị	Giang	Nữ	24/10/1986				Trung bình khá	852486	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11694	826-K44DK6		Sầm Thị Lệ	Xuân	Nữ	10/05/1982				Trung bình khá	852487	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	365/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11695	874-K3TK1		Phạm Xuân	Dương	Nam	09/01/1966				Khá	852533	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	132/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11696	873-K2TK5		Trần Thu	Hà	Nữ	20/09/1978				Trung bình khá	852534	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	132/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11697	872-K3TK6		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/11/1986				Trung bình khá	852535	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	130/QĐ-ĐHTM ngày 26/05/2015	
11698	823-K41DK13		Ngô Như	Quỳnh	Nữ	11/10/1984				Trung bình khá	852536	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	360A/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2015	
11699	875-K9CK1		Lương Thị Cẩm	Anh	Nữ	21/01/1990				Trung bình khá	852867	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11700	876-K9CK1		Trần Thái	Anh	Nam	15/06/1991				Trung bình khá	852868	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11701	877-K9CK1		Nguyễn Hoàng	ánh	Nữ	03/09/1992				Khá	852869	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11702	878-K9CK1		Trần Phương	Chi	Nữ	21/10/1992				Khá	852870	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11703	879-K9CK1		Vũ Trần Khánh	Chi	Nữ	30/03/1991				Trung bình khá	852871	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11704	880-K9CK1		Trương Minh	Đạt	Nam	29/09/1991				Khá	852872	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11705	881-K9CK1		Hoàng Thị	Diệu	Nữ	24/10/1988				Trung bình khá	852873	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11706	882-K9CK1		Võ	Đức	Nam	22/02/1988				Trung bình khá	852874	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11707	883-K9CK1		Vũ Thị	Gái	Nữ	02/02/1989				Khá	852875	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11708	884-K9CK1		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	06/01/1989				Khá	852876	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11709	885-K9CK1		Trần Thị	Hà	Nữ	30/03/1992				Trung bình khá	852877	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11710	886-K9CK1		Võ Thị Thu	Hà	Nữ	05/11/1992				Trung bình khá	852878	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11711	887-K9CK1		Đỗ Thị Thanh	Hằng	Nữ	23/07/1991				Khá	852879	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11712	888-K9CK1		Kiều Thu	Hằng	Nữ	08/10/1991				Trung bình khá	852880	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11713	889-K9CK1		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	28/02/1987				Trung bình khá	852881	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11714	890-K9CK1		Nguyễn Thanh	Hảo	Nữ	29/08/1985				Khá	852882	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11715	891-K9CK1		Lê Thị	Hoa	Nữ	08/09/1987				Trung bình khá	852883	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11716	892-K9CK1		Nguyễn Thị Thanh	Hòa	Nữ	29/12/1987				Trung bình khá	852884	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11717	893-K9CK1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	19/01/1987				Trung bình khá	852885	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11718	894-K9CK1		Phạm	Hùng	Nam	27/04/1987				Trung bình	852886	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11719	895-K9CK1		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	01/03/1989				Trung bình khá	852887	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11720	896-K9CK1		Trịnh Thị	Hương	Nữ	08/08/1988				Trung bình khá	852888	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11721	897-K9CK1		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	26/09/1989				Trung bình khá	852889	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11722	898-K9CK1		Trương Thị Thanh	Lan	Nữ	22/01/1990				Trung bình khá	852890	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11723	899-K9CK1		Lê Thị	Lệ	Nữ	19/10/1989				Trung bình khá	852891	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11724	900-K9CK1		Đào Văn	Linh	Nam	10/06/1992				Trung bình	852892	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11725	901-K9CK1		Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	06/10/1990				Trung bình khá	852893	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11726	902-K9CK1		Trần Ngọc	Linh	Nữ	05/01/1992				Trung bình khá	852894	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11727	903-K9CK1		Vũ Thùy	Linh	Nữ	06/05/1991				Trung bình khá	852895	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11728	904-K9CK1		Lê Thị Mai	Loan	Nữ	02/08/1992				Trung bình khá	852896	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11729	905-K9CK1		Trần Thị	Loan	Nữ	22/03/1987				Khá	852897	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11730	906-K9CK1		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	09/06/1992				Khá	852898	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11731	907-K9CK1		Đào Thị Thảo	Ly	Nữ	15/09/1990				Trung bình khá	852899	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11732	908-K9CK1		Nguyễn Phương	Ly	Nữ	16/07/1991				Trung bình khá	852900	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11733	909-K9CK1		Đỗ Thị Thanh	Mai	Nữ	14/10/1980				Khá	852901	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11734	910-K9CK1		Phạm Thị Phương	Mai	Nữ	23/10/1990				Trung bình khá	852902	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11735	911-K9CK1		Nguyễn Thị	Miên	Nữ	05/06/1987				Trung bình khá	852903	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11736	912-K9CK1		Lê Thị Ngọc	Minh	Nữ	17/01/1988				Trung bình khá	852904	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11737	913-K9CK1		Nguyễn Thị	Năm	Nữ	12/01/1990				Trung bình khá	852905	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11738	914-K9CK1		Văn Tất	Năm	Nam	15/11/1989				Trung bình khá	852906	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11739	915-K9CK1		Hoàng Kim	Ngân	Nữ	14/10/1989				Trung bình khá	852907	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11740	916-K9CK1		Trần Thị	Nguyệt	Nữ	03/07/1990				Khá	852908	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11741	917-K9CK1		Lê Thị ánh	Nhật	Nữ	20/11/1991				Trung bình khá	852909	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11742	918-K9CK1		Hoàng Thị	Nhung	Nữ	04/02/1991				Trung bình khá	852910	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11743	919-K9CK1		Đỗ Thị	Phương	Nữ	03/03/1990				Trung bình khá	852911	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11744	920-K9CK1		Hoàng Minh	Phương	Nữ	01/04/1991				Khá	852912	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11745	921-K9CK1		Đàm Thị	Quế	Nữ	21/11/1988				Trung bình khá	852913	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11746	922-K9CK1		Đàm Thị	Thanh	Nữ	25/10/1987				Trung bình khá	852914	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11747	923-K9CK1		Đặng Thị Phương	Thanh	Nữ	12/01/1991				Trung bình khá	852915	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11748	924-K9CK1		Nguyễn Tiến	Thành	Nam	29/05/1990				Trung bình khá	852916	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11749	925-K9CK1		Đỗ Phương	Thảo	Nữ	22/11/1991				Khá	852917	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11750	926-K9CK1		Hoàng Văn	Thảo	Nam	15/01/1992				Trung bình	852918	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11751	927-K9CK1		Nguyễn Quang	Thảo	Nam	28/02/1991				Trung bình khá	852919	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11752	928-K9CK1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	05/02/1989				Trung bình khá	852920	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11753	929-K9CK1		Tạ Thị Phương	Thu	Nữ	14/01/1988				Trung bình khá	852921	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11754	930-K9CK1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	30/08/1988				Khá	852922	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11755	931-K9CK1		Trần Mạnh	Tuyên	Nam	14/06/1991				Trung bình khá	852923	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11756	932-K9CK1		Chu Kim	Tuyến	Nữ	08/01/1991				Trung bình khá	852924	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11757	933-K9CK1		Vũ Đức	Việt	Nam	20/10/1992				Trung bình khá	852925	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11758	934-K9CK1		Vũ Đức	Vinh	Nam	24/04/1991				Trung bình khá	852926	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	508/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11759	935-K9CK2		Trần Thị Ngọc	ánh	Nữ	03/11/1989				Trung bình khá	852927	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11760	936-K9CK2		Bùi Trọng	Bắc	Nam	24/11/1991				Khá	852928	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11761	937-K9CK2		Phạm Thị	Bình	Nữ	30/08/1989				Trung bình khá	852929	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11762	938-K9CK2		Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	12/12/1991				Trung bình khá	852930	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11763	939-K9CK2		Nguyễn Thành	Đô	Nam	23/10/1990				Khá	852931	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11764	940-K9CK2		Lê Văn	Đức	Nam	17/01/1988				Trung bình khá	852932	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11765	941-K9CK2		Hà Anh	Dũng	Nam	11/10/1991				Trung bình khá	852933	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11766	942-K9CK2		Phạm Thị Thùy	Dương	Nữ	22/08/1985				Khá	852934	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11767	943-K9CK2		Lê Thị	Hà	Nữ	13/09/1983				Khá	852935	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11768	944-K9CK2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	27/09/1991				Khá	852936	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11769	945-K9CK2		Trần Thị Thanh	Hằng	Nữ	10/12/1992				Trung bình khá	852937	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11770	946-K9CK2		Dương Thị Minh	Hạnh	Nữ	04/09/1990				Trung bình khá	852938	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11771	947-K9CK2		Trần Thị Như	Hậu	Nữ	19/09/1990				Khá	852939	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11772	948-K9CK2		Bàn Thị	Hiền	Nữ	02/07/1992				Trung bình khá	852940	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11773	949-K9CK2		Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	01/09/1992				Trung bình khá	852941	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11774	950-K9CK2		Nguyễn Khánh	Hiền	Nữ	27/08/1990				Trung bình khá	852942	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11775	951-K9CK2		Phạm Hưng	Hiếu	Nam	17/11/1987				Trung bình khá	852943	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11776	952-K9CK2		Trần Diệu	Hoa	Nữ	20/12/1991				Khá	852944	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11777	953-K9CK2		Cầm Thị	Học	Nữ	18/05/1981				Trung bình khá	852945	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11778	954-K9CK2		Đỗ Thị	Hồng	Nữ	20/11/1991				Khá	852946	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11779	955-K9CK2		Quàng Văn	Hưng	Nam	05/06/1989				Trung bình khá	852947	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11780	956-K9CK2		Lại Lan	Hương	Nữ	10/03/1990				Khá	852948	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11781	957-K9CK2		Hà Văn	Hường	Nam	21/01/1987				Trung bình khá	852949	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11782	958-K9CK2		Đinh Thị	Huyền	Nữ	11/03/1989				Trung bình khá	852950	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11783	959-K9CK2		Đinh Thị	Huyền	Nữ	24/03/1988				Trung bình khá	852951	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11784	960-K9CK2		Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	19/09/1992				Khá	852952	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11785	961-K9CK2		Nguyễn Duy	Khánh	Nam	19/05/1988				Khá	852953	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11786	962-K9CK2		Phạm Thị Tuyết	Mai	Nữ	12/08/1988				Trung bình khá	852954	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11787	963-K9CK2		Vũ Tuyết	Mai	Nữ	18/09/1990				Trung bình khá	852955	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11788	964-K9CK2		Mông Văn	Ngọc	Nam	25/01/1989				Trung bình khá	852956	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11789	965-K9CK2		Phạm Thị	Ngọc	Nữ	08/12/1991				Trung bình khá	852957	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11790	966-K9CK2		Lưu Thị	Nhung	Nữ	05/09/1989				Trung bình khá	852958	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11791	967-K9CK2		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	25/08/1989				Trung bình khá	852959	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11792	968-K9CK2		Nguyễn Trang	Nhung	Nữ	15/08/1989				Khá	852960	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11793	969-K9CK2		Cà Văn	Phương	Nam	07/05/1985				Trung bình khá	852961	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11794	970-K9CK2		Doãn Thị	Phương	Nữ	26/06/1990				Khá	852962	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11795	971-K9CK2		Lò Thanh	Quý	Nam	20/04/1989				Trung bình khá	852963	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11796	972-K9CK2		Đỗ Thị	Quyên	Nữ	15/10/1991				Khá	852964	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11797	973-K9CK2		Đoàn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	26/07/1992				Trung bình khá	852965	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11798	974-K9CK2		Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	18/02/1991				Khá	852966	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11799	975-K9CK2		Lò Ly	Sa	Nữ	17/01/1991				Khá	852967	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11800	976-K9CK2		Nguyễn Hữu	Tài	Nam	03/05/1980				Trung bình khá	852968	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11801	977-K9CK2		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	01/09/1987				Khá	852969	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11802	978-K9CK2		Phạm Minh	Thành	Nam	08/07/1990				Trung bình khá	852970	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11803	979-K9CK2		An Ngọc	Thảo	Nữ	14/07/1987				Khá	852971	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11804	980-K9CK2		Lò Thị	Thảo	Nữ	29/08/1992				Trung bình khá	852972	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11805	981-K9CK2		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	26/09/1991				Trung bình khá	852973	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11806	982-K9CK2		Lò Thị	Thiên	Nữ	20/06/1991				Trung bình khá	852974	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11807	983-K9CK2		Tòng Thị	Thuận	Nữ	06/09/1992				Trung bình khá	852975	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11808	984-K9CK2		Lò Văn	Thùy	Nam	11/08/1989				Trung bình khá	852976	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11809	985-K9CK2		Đặng Hà	Trang	Nữ	05/09/1991				Trung bình khá	852977	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11810	986-K9CK2		Đào Thị	Trang	Nữ	07/10/1992				Trung bình khá	852978	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11811	987-K9CK2		Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	31/07/1991				Trung bình khá	852979	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11812	988-K9CK2		Lò Thu	Trang	Nữ	28/10/1991				Trung bình khá	852980	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11813	989-K9CK2		Nguyễn Minh	Trang	Nữ	01/09/1989				Khá	852981	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11814	990-K9CK2		Trịnh Ngọc	Trường	Nam	22/09/1990				Trung bình khá	852982	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11815	991-K9CK2		Nguyễn Thị Ngọc	Tú	Nữ	28/11/1986				Khá	852983	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11816	992-K9CK2		Lò Thanh	Tử	Nam	04/10/1984				Trung bình khá	852984	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11817	993-K9CK2		Trương Mạnh	Tuấn	Nam	01/02/1990				Trung bình khá	852985	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11818	994-K9CK2		Đoàn Thanh	Tùng	Nam	17/07/1992				Trung bình khá	852986	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11819	995-K9CK2		Nguyễn Hoàng	Tuy	Nam	01/09/1986				Trung bình khá	852987	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11820	996-K9CK2		Vũ Thị	Tuyến	Nữ	21/01/1990				Trung bình khá	852988	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11821	997-K9CK2		Cầm Thị Thanh	Tuyền	Nữ	08/06/1990				Trung bình khá	852989	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11822	998-K9CK2		Đặng Thị	Vân	Nữ	19/02/1987				Trung bình khá	852990	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11823	999-K9CK2		Hoàng Hải	Vân	Nữ	04/09/1989				Trung bình khá	852991	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11824	1000-K9CK2		Lường Thị	Vinh	Nữ	26/11/1986				Khá	852992	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11825	1001-K9CK2		Vũ Thị	Yến	Nữ	30/05/1988				Trung bình khá	852993	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	509/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11826	1002-K9CQ1		Nguyễn Thị Lâm	Anh	Nữ	09/10/1990				Khá	852994	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11827	1003-K9CQ1		Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	04/11/1991				Khá	852995	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11828	1004-K9CQ1		Vũ Thị Hoàng	Anh	Nữ	24/04/1990				Khá	852996	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11829	1005-K9CQ1		Trần Thị	Cúc	Nữ	04/05/1992				Khá	852997	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11830	1006-K9CQ1		Nguyễn Thị Thanh	Dung	Nữ	29/09/1992				Khá	852998	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11831	1007-K9CQ1		Lê Quang	Dũng	Nam	14/03/1989				Trung bình khá	852999	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11832	1008-K9CQ1		Hoàng Trung	Duy	Nam	05/11/1988				Trung bình khá	853000	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11833	1009-K9CQ1		Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	27/11/1991				Trung bình khá	853001	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11834	1010-K9CQ1		Lê Việt	Hà	Nữ	14/07/1992				Khá	853002	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11835	1011-K9CQ1		Lưu Thanh	Hải	Nam	11/03/1986				Trung bình khá	853003	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11836	1012-K9CQ1		Bùi Thị	Huế	Nữ	20/06/1980				Trung bình khá	853004	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11837	1013-K9CQ1		Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	07/12/1992				Trung bình khá	853005	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11838	1014-K9CQ1		Trịnh Trọng	Hưng	Nam	18/09/1990				Khá	853006	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11839	1015-K9CQ1		Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	16/03/1991				Trung bình khá	853007	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11840	1016-K9CQ1		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	26/05/1991				Trung bình khá	853008	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11841	1017-K9CQ1		Hoàng Thị Ngọc	Lan	Nữ	11/01/1986				Trung bình khá	853009	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11842	1018-K9CQ1		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	10/07/1991				Trung bình khá	853010	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11843	1019-K9CQ1		Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	03/09/1991				Trung bình khá	853011	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11844	1020-K9CQ1		Lê Thị	Quỳnh	Nữ	25/03/1987				Trung bình khá	853012	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11845	1021-K9CQ1		Đỗ Ngọc	Sơn	Nam	19/08/1991				Trung bình khá	853013	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11846	1022-K9CQ1		Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	19/02/1988				Trung bình khá	853014	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11847	1023-K9CQ1		Trần Bá	Thái	Nam	10/07/1990				Trung bình khá	853015	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11848	1024-K9CQ1		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	04/06/1989				Khá	853016	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11849	1025-K9CQ1		Phan Huy	Thuận	Nam	12/10/1992				Trung bình khá	853017	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11850	1026-K9CQ1		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	24/08/1991				Trung bình khá	853018	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11851	1027-K9CQ1		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	16/04/1992				Khá	853019	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11852	1028-K9CQ1		Nguyễn Quang	Trung	Nam	12/10/1989				Trung bình khá	853020	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11853	1029-K9CQ1		Nguyễn Thị Minh	Tú	Nữ	06/04/1991				Trung bình khá	853021	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11854	1030-K9CQ1		Lê Văn	Tùng	Nam	05/11/1987				Trung bình	853022	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11855	1031-K9CQ1		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	13/08/1989				Khá	853023	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11856	1032-K9CQ1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	04/10/1990				Trung bình khá	853024	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	510/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11857	3248-K2TK4		Võ Thị	Chung	Nữ	25/10/1987				Trung bình	853025	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	511/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11858	3249-K2TK4		Võ Thị Lan	Hương	Nữ	15/08/1985				Khá	853026	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	511/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11859	3250-K2TK6		Lê Thị Mai	Phương	Nữ	03/07/1986				Trung bình	853027	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	511/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11860	3251-K2TK9		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	01/07/1981				Trung bình	853028	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	511/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11861	3252-K7HK11		Nguyễn Hoàng	Tùng	Nam	23/09/1986				Trung bình	853029	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	512/QĐ-ĐHTM ngày 28/08/2015	
11862	3423-K2TK2		Bạch Thị	Huyền	Nữ	28/01/1987				Trung bình	853031	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11863	3424-K2TK3		Ngô Thị Hồng	Nhị	Nữ	22/08/1988				Trung bình	853032	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11864	3425-K2TK4		Lê Thị Thùy	Giang	Nữ	20/02/1988				Trung bình	853033	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11865	3426-K2TK5		Lương Kim	Nguyệt	Nữ	07/04/1982				Trung bình	853034	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11866	3427-K2TK6		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	19/04/1984				Trung bình	853035	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11867	3428-K3TK1		Lê Ngọc Thùy	Dương	Nữ	20/10/1990				Trung bình	853036	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11868	3429-K3TK1		Trần Thị Hương	Giang	Nữ	16/09/1984				Trung bình	853037	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11869	3430-K3TK1		Lê Hồng	Hoa	Nữ	25/10/1990				Khá	853038	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11870	3431-K3TK1		Hoàng Thị	Lộc	Nữ	18/04/1989				Trung bình	853039	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11871	3432-K3TK1		Phùng Thị Hương	Thanh	Nữ	13/05/1983				Trung bình	853040	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11872	3433-K3TK1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	24/05/1986				Trung bình	853041	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11873	3434-K3TK2		Đoàn Thu	Hiền	Nữ	19/06/1989				Trung bình	853042	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11874	3435-K3TK2		Võ Thị Hồng	Hoa	Nữ	19/01/1987				Trung bình	853043	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11875	3436-K3TK2		Đào Thị	Thảo	Nữ	17/02/1984				Khá	853044	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11876	3437-K3TK2		Lưu Thị	Hương	Nữ	20/09/1989				Khá	853045	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11877	3438-K3TK3		Bùi Văn	Nam	Nam	15/11/1988				Trung bình	853046	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11878	3439-K3TK3		Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	15/12/1990				Trung bình	853047	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11879	3440-K3TK4		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	13/08/1987				Trung bình	853048	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11880	3441-K3TK4		Bùi Thị Thu	Hiền	Nữ	12/04/1987				Trung bình	853049	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11881	3442-K3TK4		Đoàn Thị Bích	Hồng	Nữ	07/01/1984				Khá	853050	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11882	3443-K3TK4		Đặng Thị	Ngân	Nữ	13/06/1988				Trung bình	853051	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11883	3444-K3TK5		Trần Duy	Linh	Nam	03/01/1989				Trung bình	853052	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11884	3445-K3TK5		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	25/12/1989				Trung bình	853053	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11885	3446-K3TK5		Phạm Thị	Nguyệt	Nữ	18/10/1984				Trung bình	853054	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11886	3447-K3TK5		Kiều Minh	Tâm	Nữ	03/08/1987				Trung bình	853055	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11887	3448-K3TK5		Vũ Thu	Trang	Nữ	10/09/1990				Trung bình	853056	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11888	3449-K3TK7		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	05/08/1988				Khá	853057	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11889	3450-K3TK7		Trần Ngọc	ánh	Nữ	05/07/1990				Khá	853058	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11890	3451-K3TK7		Nguyễn Thị Thúy	Anh	Nữ	26/04/1988				Khá	853059	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11891	3452-K3TK7		Hoàng Văn	Anh	Nam	03/02/1990				Trung bình	853060	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11892	3453-K3TK7		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	04/09/1989				Khá	853061	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11893	3454-K3TK7		Lê Thị Lan	Anh	Nữ	26/10/1988				Khá	853062	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11894	3455-K3TK7		Phạm Văn	Bảo	Nam	09/06/1990				Khá	853063	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11895	3456-K3TK7		Nguyễn Thị Thùy	Chi	Nữ	14/07/1989				Khá	853064	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11896	3457-K3TK7		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	17/06/1988				Trung bình	853065	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11897	3458-K3TK7		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	04/12/1982				Khá	853066	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11898	3459-K3TK7		Dương Thị	Dung	Nữ	16/07/1988				Khá	853067	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11899	3460-K3TK7		Đinh Thị Thùy	Dương	Nữ	01/09/1987				Khá	853068	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11900	3461-K3TK7		Đỗ Thùy	Dương	Nữ	15/06/1990				Khá	853069	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11901	3462-K3TK7		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	14/05/1990				Khá	853070	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11902	3463-K3TK7		Trần Thị Hương	Giang	Nữ	07/09/1990				Khá	853071	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11903	3464-K3TK7		Lương Thị Thu	Hằng	Nữ	30/10/1989				Khá	853072	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11904	3465-K3TK7		Nguyễn Thế	Hanh	Nam	12/06/1984				Khá	853073	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11905	3466-K3TK7		Hoàng Thị	Hiền	Nữ	20/02/1987				Khá	853074	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11906	3467-K3TK7		Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	13/01/1990				Khá	853075	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11907	3468-K3TK7		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	09/04/1985				Khá	853076	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11908	3469-K3TK7		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/10/1990				Trung bình	853077	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11909	3470-K3TK7		Phan Đình	Huấn	Nam	18/10/1986				Khá	853078	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11910	3471-K3TK7		Nguyễn Thị	Lai	Nữ	26/02/1987				Khá	853079	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11911	3472-K3TK7		Hoàng Thị	Lài	Nữ	06/07/1990				Khá	853080	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11912	3473-K3TK7		Huỳnh Thị Thùy	Linh	Nữ	31/03/1990				Khá	853081	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11913	3474-K3TK7		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	11/04/1990				Khá	853082	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11914	3475-K3TK7		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	24/02/1989				Trung bình	853083	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11915	3476-K3TK7		Cao Thúy	Mai	Nữ	16/08/1984				Khá	853084	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11916	3477-K3TK7		Phạm Thị Thanh	Nga	Nữ	26/06/1985				Khá	853085	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11917	3478-K3TK7		Phạm Hồng	Nhung	Nữ	28/09/1990				Khá	853086	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11918	3479-K3TK7		Hoàng Thị	Nở	Nữ	19/07/1988				Khá	853087	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11919	3480-K3TK7		Vũ Thị Minh	Phương	Nữ	25/07/1990				Trung bình	853088	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11920	3481-K3TK7		Lưu Thị Ngọc	Phượng	Nữ	02/11/1986				Khá	853089	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11921	3482-K3TK7		Đỗ Văn	Quân	Nam	10/11/1988				Khá	853090	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11922	3483-K3TK7		Dương Thế	Quân	Nam	30/11/1986				Khá	853091	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11923	3484-K3TK7		Lê Thị Lệ	Quyên	Nữ	30/06/1983				Khá	853092	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11924	3485-K3TK7		Phạm Thanh	Sơn	Nam	26/09/1987				Khá	853093	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11925	3486-K3TK7		Phùng Thị	Thanh	Nữ	26/06/1984				Trung bình	853094	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11926	3487-K3TK7		Phạm Phương	Thảo	Nữ	09/11/1990				Khá	853095	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11927	3488-K3TK7		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	10/12/1990				Khá	853096	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11928	3489-K3TK7		Trần Thị	Thúy	Nữ	08/11/1990				Khá	853097	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11929	3490-K3TK7		Lâm Thị Thu	Thủy	Nữ	21/09/1990				Khá	853098	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
11930	3491-K3TK7		Kiều Quang	Tiến	Nam	30/07/1989				Khá	853099	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11931	3492-K3TK7		Đỗ Văn	Tiến	Nam	10/03/1981				Khá	853100	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11932	3493-K3TK7		Đinh Cao	Tuấn	Nam	24/10/1985				Khá	853101	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11933	3494-K3TK7		Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	23/12/1985				Trung bình	853102	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11934	3495-K3TK7		Đinh Thị	Vi	Nữ	23/02/1990				Trung bình	853103	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11935	3496-K3TK7		Đinh Thị	Xuân	Nữ	04/04/1990				Trung bình	853104	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11936	3497-K3TK7		Trần Thị	Yến	Nữ	12/03/1989				Khá	853105	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11937	3498-K3TK7		Hà Thị	Phương	Nữ	20/01/1990				Trung bình	853106	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11938	3499-K3TK7		Nguyễn Thị Phương	Liên	Nữ	03/05/1990				Khá	853107	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11939	3500-K3TK7		Cao Thúy	Huyền	Nữ	30/10/1991				Khá	853108	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11940	3501-K3TK8		Đào Phương	Anh	Nữ	06/03/1990				Khá	853109	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11941	3502-K3TK8		Vũ Thị Hà	Anh	Nữ	07/04/1981				Trung bình	853110	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11942	3503-K3TK8		Phạm Thị Thanh	Bình	Nữ	01/03/1990				Khá	853111	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11943	3504-K3TK8		Nguyễn Thị Hồng	Điệp	Nữ	26/09/1980				Khá	853112	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11944	3505-K3TK8		Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	Nữ	05/05/1986				Khá	853113	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11945	3506-K3TK8		Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	08/03/1984				Khá	853114	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11946	3507-K3TK8		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	06/07/1987				Trung bình	853115	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11947	3508-K3TK8		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	08/02/1986				Khá	853116	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11948	3509-K3TK8		Nông Sinh	Hằng	Nữ	02/05/1984				Khá	853117	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11949	3510-K3TK8		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	03/09/1991				Khá	853118	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11950	3511-K3TK8		Hoàng Thị	Hồng	Nữ	23/12/1990				Khá	853119	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11951	3512-K3TK8		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	28/12/1986				Khá	853120	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11952	3513-K3TK8		Phạm Quang	Hưng	Nam	23/08/1978				Khá	853121	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11953	3514-K3TK8		Đinh Thu	Hương	Nữ	08/06/1990				Khá	853122	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11954	3515-K3TK8		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	07/02/1989				Khá	853123	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11955	3516-K3TK8		Phạm Thị	Hường	Nữ	25/06/1986				Khá	853124	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11956	3517-K3TK8		Nguyễn Xuân	Kỳ	Nam	24/04/1986				Khá	853125	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11957	3518-K3TK8		Nguyễn Thị	Lê	Nữ	25/06/1989				Trung bình	853126	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11958	3519-K3TK8		Nguyễn Văn	Linh	Nam	02/04/1986				Trung bình	853127	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11959	3520-K3TK8		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	20/09/1987				Khá	853128	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11960	3521-K3TK8		Bùi Thị	Loan	Nữ	20/09/1988				Khá	853129	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11961	3522-K3TK8		Chu Thị	Lương	Nữ	23/03/1990				Khá	853130	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11962	3523-K3TK8		Lê Nguyễn	Lưu	Nam	21/04/1990				Khá	853131	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11963	3524-K3TK8		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	19/03/1989				Khá	853132	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11964	3525-K3TK8		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	03/02/1982				Khá	853133	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11965	3526-K3TK8		Mai Lê	Na	Nữ	12/11/1990				Khá	853134	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11966	3527-K3TK8		Nguyễn Hoài	Nam	Nam	13/09/1990				Trung bình	853135	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11967	3528-K3TK8		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	15/11/1989				Trung bình	853136	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11968	3529-K3TK8		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/01/1989				Khá	853137	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11969	3530-K3TK8		Nguyễn Thị Phương	Nhung	Nữ	07/06/1989				Khá	853138	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11970	3531-K3TK8		Cao Thị Lan	Phương	Nữ	18/11/1987				Khá	853139	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11971	3532-K3TK8		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	18/12/1991				Khá	853140	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11972	3533-K3TK8		Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	19/01/1989				Khá	853141	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11973	3534-K3TK8		Nguyễn Thị	Quế	Nữ	05/09/1988				Khá	853142	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11974	3535-K3TK8		Lê Thị Hồng	Thắm	Nữ	24/10/1989				Khá	853143	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11975	3536-K3TK8		Lã Phương	Thanh	Nữ	10/09/191987				Trung bình	853144	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11976	3537-K3TK8		Đặng Thị Kim	Thoa	Nữ	01/08/1988				Trung bình	853145	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11977	3538-K3TK8		Hàn Thị Kim	Thoa	Nữ	20/10/1984				Trung bình	853146	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11978	3539-K3TK8		Phùng Thị	Thúy	Nữ	15/10/1985				Trung bình	853147	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11979	3540-K3TK8		Lưu Thị Thúy	Tình	Nữ	20/02/1984				Khá	853148	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11980	3541-K3TK8		Nguyễn Thị	Toản	Nữ	14/01/1990				Khá	853149	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11981	3542-K3TK8		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	05/11/1989				Khá	853150	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11982	3543-K3TK8		Hoàng Tiến	Trường	Nam	05/05/1980				Khá	853151	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11983	3544-K3TK8		Nguyễn Thị Minh	Tuyết	Nữ	15/10/1990				Khá	853152	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11984	3545-K3TK8		Bùi Thị Tố	Uyên	Nữ	10/11/1984				Khá	853153	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11985	3546-K3TK8		Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	13/05/1987				Khá	853154	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11986	3547-K3TK8		Vũ Thị Anh	Văn	Nữ	09/06/1991				Khá	853155	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11987	3548-K3TK8		Phạm Thị	Xuân	Nữ	25/04/1987				Khá	853156	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11988	3549-K3TK8		Đỗ Thị	Nhung	Nữ	27/03/1989				Trung bình	853157	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11989	3550-K3TK8		Nguyễn ánh	Tuyết	Nữ	07/08/1990				Trung bình	853158	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11990	3551-K3TK8		Lê Việt	Hoàng	Nam	10/12/1990				Trung bình	853159	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11991	3552-K3TK9		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	07/03/1977				Khá	853160	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11992	3553-K3TK9		Vũ Thị Ngọc	Anh	Nữ	10/10/1988				Khá	853161	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11993	3554-K3TK9		Nguyễn Thị Lệ	Anh	Nữ	19/10/1984				Khá	853162	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11994	3555-K3TK9		Đặng Thị	Anh	Nữ	27/06/1986				Khá	853163	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11995	3556-K3TK9		Nguyễn Hiền	Anh	Nam	30/10/1981				Trung bình	853164	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11996	3557-K3TK9		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	13/02/1983				Khá	853165	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11997	3558-K3TK9		Nguyễn Thị Hoài	Anh	Nữ	10/04/1989				Khá	853166	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11998	3559-K3TK9		Nguyễn Thị Hồng	ánh	Nữ	13/08/1984				Khá	853167	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
11999	3560-K3TK9		Đào Thị	ánh	Nữ	01/07/1991				Khá	853168	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12000	3561-K3TK9		Vũ Hồng	Chiến	Nữ	03/09/1990				Khá	853169	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12001	3562-K3TK9		Bùi Trần	Chung	Nam	05/09/1988				Trung bình	853170	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12002	3563-K3TK9		Nguyễn Chí	Đại	Nam	31/07/1988				Khá	853171	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12003	3564-K3TK9		Nguyễn Anh	Đức	Nam	28/10/1991				Trung bình	853172	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12004	3565-K3TK9		Đào Thị Mai	Dung	Nữ	13/08/1972				Khá	853173	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12005	3566-K3TK9		Hoàng Thị	Duyên	Nữ	12/10/1991				Khá	853174	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12006	3567-K3TK9		Nguyễn Thành	Giang	Nam	03/10/1990				Khá	853175	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12007	3568-K3TK9		Trần Thị Trà	Giang	Nữ	03/05/1991				Khá	853176	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12008	3569-K3TK9		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/09/1990				Khá	853177	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12009	3570-K3TK9		Phạm Thị Việt	Hà	Nữ	16/10/1985				Khá	853178	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12010	3571-K3TK9		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	06/04/1990				Khá	853179	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12011	3572-K3TK9		Hán Thị	Hà	Nữ	22/11/1991				Khá	853180	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12012	3573-K3TK9		Phùng Thị	Hằng	Nữ	22/12/1991				Khá	853181	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12013	3574-K3TK9		Quách Thu	Hiền	Nữ	29/03/1989				Khá	853182	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12014	3575-K3TK9		Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	02/09/1986				Trung bình	853183	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12015	3576-K3TK9		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	05/05/1990				Khá	853184	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12016	3577-K3TK9		Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	21/08/1986				Khá	853185	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12017	3578-K3TK9		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	06/08/1989				Khá	853186	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12018	3579-K3TK9		Hoàng Thanh	Hương	Nữ	03/06/1979				Trung bình	853187	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12019	3580-K3TK9		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	12/01/1989				Khá	853188	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12020	3581-K3TK9		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	02/10/1980				Khá	853189	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12021	3582-K3TK9		Chu Thị Xuân	Hương	Nữ	14/09/1991				Khá	853190	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12022	3583-K3TK9		Nguyễn Thu	Hường	Nữ	31/03/1991				Khá	853191	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12023	3584-K3TK9		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	15/10/1989				Khá	853192	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12024	3585-K3TK9		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	25/07/1989				Khá	853193	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12025	3586-K3TK9		Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	03/09/1991				Khá	853194	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12026	3587-K3TK9		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	12/08/1991				Khá	853195	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12027	3588-K3TK9		Phan Thị	Huyền	Nữ	12/10/1989				Trung bình	853196	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12028	3589-K3TK9		Lê Phương	Lan	Nữ	26/04/1985				Trung bình	853197	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12029	3590-K3TK9		Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	14/02/1986				Trung bình	853198	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12030	3591-K3TK9		Trịnh Nam	Liên	Nam	09/04/1978				Trung bình	853199	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12031	3592-K3TK9		Nguyễn Thị Mai	Loan	Nữ	27/03/1991				Khá	853200	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12032	3593-K3TK9		Hoàng Thị Bích	Lộc	Nữ	24/01/1990				Trung bình	853201	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12033	3594-K3TK9		Nguyễn Thị Bích	Long	Nữ	11/01/1989				Trung bình	853202	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12034	3595-K3TK9		Lê Hoàng	Long	Nam	24/08/1991				Khá	853203	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12035	3596-K3TK9		Phạm Thị	Mai	Nữ	13/04/1991				Khá	853204	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12036	3597-K3TK9		Nguyễn Thị Hồng	Minh	Nữ	23/12/1983				Khá	853205	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12037	3598-K3TK9		Ngô Minh	Ngọc	Nữ	16/10/1990				Trung bình	853206	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12038	3599-K3TK9		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	28/06/1991				Khá	853207	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12039	3600-K3TK9		Nguyễn Thế	Phong	Nam	12/06/1989				Trung bình	853208	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12040	3601-K3TK9		Bùi Thị Hồng	Quý	Nữ	18/05/1991				Khá	853209	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12041	3602-K3TK9		Nguyễn Thị	Soi	Nữ	10/10/1991				Khá	853210	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12042	3603-K3TK9		Nguyễn Thị Tố	Tâm	Nữ	05/11/1975				Khá	853211	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12043	3604-K3TK9		Lê Thị Hồng	Thanh	Nữ	11/03/1990				Khá	853212	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12044	3605-K3TK9		Đoàn Thị	Thanh	Nữ	19/08/1991				Khá	853213	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12045	3606-K3TK9		Trương Thị Phương	Thảo	Nữ	01/11/1988				Trung bình	853214	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12046	3607-K3TK9		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	06/07/1990				Trung bình	853215	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12047	3608-K3TK9		Tống Thị Phương	Thùy	Nữ	29/08/1990				Khá	853216	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12048	3609-K3TK9		Đỗ Thị	Thùy	Nữ	14/09/1985				Khá	853217	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12049	3610-K3TK9		Hoàng Thị Bích	Thùy	Nữ	22/09/1990				Khá	853218	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12050	3611-K3TK9		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	30/10/1988				Trung bình	853219	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12051	3612-K3TK9		Nguyễn Anh	Trang	Nữ	28/11/1989				Khá	853220	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12052	3613-K3TK9		Giang Thị	Trang	Nữ	14/11/1991				Khá	853221	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12053	3614-K3TK9		Trương Thị Huyền	Trang	Nữ	08/01/1990				Khá	853222	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12054	3615-K3TK9		Tô Thị Huyền	Trang	Nữ	21/06/1991				Khá	853223	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12055	3616-K3TK9		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	07/09/1985				Trung bình	853224	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12056	3617-K3TK9		Đào Thị Tố	Uyên	Nữ	31/08/1973				Trung bình	853225	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12057	3618-K3TK9		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	02/12/1977				Trung bình	853226	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12058	3619-K3TK9		Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	10/09/1991				Trung bình	853227	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12059	3620-K3TK10		Trần Thị Thúy	An	Nữ	24/05/1991				Trung bình	853228	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12060	3621-K3TK10		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	11/11/1989				Khá	853229	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12061	3622-K3TK10		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	26/12/1989				Trung bình	853230	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12062	3623-K3TK10		Trần Thị	ánh	Nữ	05/12/1986				Trung bình	853231	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12063	3624-K3TK10		Đinh Thị	Chăm	Nữ	10/04/1991				Khá	853232	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12064	3625-K3TK10		Trần Cao	Cường	Nam	14/10/1991				Trung bình	853233	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12065	3626-K3TK10		Vũ Thành	Đạt	Nam	29/08/1991				Khá	853234	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12066	3627-K3TK10		Trần Hương	Điệp	Nữ	21/03/1984				Khá	853235	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12067	3628-K3TK10		Lương Thị Hiền	Dung	Nữ	14/12/1991				Khá	853236	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12068	3629-K3TK10		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	05/12/1990				Khá	853237	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12069	3630-K3TK10		Chu Thị Thanh	Duyên	Nữ	26/09/1987				Trung bình	853238	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12070	3631-K3TK10		Đoàn Hồng	Hạnh	Nữ	13/08/1991				Khá	853239	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12071	3632-K3TK10		Bùi Thị	Hậu	Nữ	29/03/1984				Khá	853240	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12072	3633-K3TK10		Hàn Sỹ	Hiển	Nam	20/04/1989				Khá	853241	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12073	3634-K3TK10		Nguyễn Thị Nam	Hoa	Nữ	01/06/1986				Khá	853242	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12074	3635-K3TK10		Bùi Thị	Hương	Nữ	26/06/1990				Khá	853243	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12075	3636-K3TK10		Đoàn Thị Xuân	Hương	Nữ	14/07/1983				Khá	853244	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12076	3637-K3TK10		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	19/02/1990				Trung bình	853245	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12077	3638-K3TK10		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	23/08/1986				Trung bình	853246	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12078	3639-K3TK10		Nguyễn Thu	Hường	Nữ	12/10/1991				Khá	853247	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12079	3640-K3TK10		Nguyễn Thu	Hường	Nữ	19/11/1991				Khá	853248	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12080	3641-K3TK10		Đào Quang	Huy	Nam	17/05/1980				Khá	853249	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12081	3642-K3TK10		Bùi Thị	Huyền	Nữ	15/05/1991				Khá	853250	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12082	3643-K3TK10		Đặng Thị Thu	Huyền	Nữ	09/07/1983				Khá	853251	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12083	3644-K3TK10		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	30/10/1991				Trung bình	853252	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12084	3645-K3TK10		Phạm Thanh	Huyền	Nữ	21/09/1991				Trung bình	853253	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12085	3646-K3TK10		Vi Thị Thu	Huyền	Nữ	01/06/1990				Khá	853254	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12086	3647-K3TK10		Đỗ ái	Linh	Nữ	20/03/1991				Trung bình	853255	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12087	3648-K3TK10		Trần Tố	Linh	Nữ	07/12/1990				Khá	853256	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12088	3649-K3TK10		Bùi Đình	Luân	Nam	12/06/1991				Khá	853257	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12089	3650-K3TK10		Dương Thị	Mai	Nữ	09/08/1990				Khá	853258	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12090	3651-K3TK10		Giáp Thị	Minh	Nữ	13/08/1991				Khá	853259	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12091	3652-K3TK10		Dương Thị Thanh	Nga	Nữ	18/10/1990				Khá	853260	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12092	3653-K3TK10		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	25/12/1989				Trung bình	853261	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12093	3654-K3TK10		Lê Thị Minh	Nguyệt	Nữ	16/05/1990				Khá	853262	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12094	3655-K3TK10		Ngô Thị Bích	Nguyệt	Nữ	06/05/1983				Trung bình	853263	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12095	3656-K3TK10		Bùi Thị Ngọc	Oanh	Nữ	22/06/1991				Khá	853264	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12096	3657-K3TK10		Nguyễn Thị Hạnh	Phúc	Nữ	12/07/1991				Khá	853265	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12097	3658-K3TK10		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	27/07/1990				Trung bình	853266	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12098	3659-K3TK10		Nguyễn Đình	Quân	Nam	30/07/1991				Trung bình	853267	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12099	3660-K3TK10		Vũ Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	04/11/1991				Trung bình	853268	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12100	3661-K3TK10		Hoàng Văn	Sơn	Nam	08/11/1990				Trung bình	853269	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12101	3662-K3TK10		Trần Thị	Tám	Nữ	17/07/1991				Khá	853270	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12102	3663-K3TK10		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	17/07/1991				Khá	853271	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12103	3664-K3TK10		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	22/06/1991				Khá	853272	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12104	3665-K3TK10		Trần Thị	Thùy	Nữ	16/04/1987				Trung bình	853273	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12105	3666-K3TK10		Võ Văn	Tiến	Nam	09/01/1983				Trung bình	853274	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12106	3667-K3TK10		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	21/07/1990				Trung bình	853275	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12107	3668-K3TK10		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	06/08/1991				Trung bình	853276	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12108	3669-K3TK10		Trịnh Thị	Trang	Nữ	01/11/1990				Khá	853277	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12109	3670-K3TK10		Hoàng Đức	Trung	Nam	21/07/1991				Khá	853278	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12110	3671-K3TK10		Nguyễn Thành	Trung	Nam	27/08/1984				Trung bình	853279	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12111	3672-K3TK10		Trần Ngọc	Tú	Nam	29/10/1984				Trung bình	853280	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12112	3673-K3TK10		Vũ Văn	Tuấn	Nam	30/12/1981				Khá	853281	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12113	3674-K3TK10		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	25/01/1985				Khá	853282	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12114	3675-K3TK10		Dương Thị	Huyền	Nữ	24/12/1988				Khá	853283	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12115	3676-K3TK10		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	20/01/1990				Khá	853284	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12116	3677-K3TK10		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	10/11/1989				Khá	853285	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12117	3678-K3TK11		Hoàng Thị Mai	Anh	Nữ	28/08/1989				Khá	853286	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12118	3679-K3TK11		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	02/07/1990				Khá	853287	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12119	3680-K3TK11		Nguyễn Hồng	Cương	Nam	07/11/1979				Khá	853288	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12120	3681-K3TK11		Trần Đức	Đại	Nam	27/05/1990				Trung bình	853289	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12121	3682-K3TK11		Lê Phương	Dung	Nữ	09/09/1991				Khá	853290	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12122	3683-K3TK11		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	19/11/1989				Khá	853291	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12123	3684-K3TK11		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	05/11/1991				Trung bình	853292	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12124	3685-K3TK11		Chu Thị	Hà	Nữ	28/02/1989				Khá	853293	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12125	3686-K3TK11		Lê Thị	Hiền	Nữ	18/01/1989				Trung bình	853294	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12126	3687-K3TK11		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	12/06/1982				Khá	853295	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12127	3688-K3TK11		Nguyễn Thị Mai	Hoa	Nữ	27/02/1990				Khá	853296	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12128	3689-K3TK11		Trương Thị Mai	Hoa	Nữ	14/08/1991				Trung bình	853297	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12129	3690-K3TK11		Phan Thị	Hoài	Nữ	10/03/1984				Khá	853298	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12130	3691-K3TK11		Trần Văn	Huân	Nam	03/01/1989				Trung bình	853299	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12131	3692-K3TK11		Đặng Thị	Huế	Nữ	03/07/1986				Khá	853300	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12132	3693-K3TK11		Nguyễn Thị Hồng	Huệ	Nữ	07/04/1991				Khá	853301	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12133	3694-K3TK11		Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	15/06/1989				Trung bình	853302	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12134	3695-K3TK11		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	08/02/1990				Khá	853303	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12135	3696-K3TK11		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	26/10/1989				Trung bình	853304	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12136	3697-K3TK11		Trần Thị	Hương	Nữ	20/05/1990				Khá	853305	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12137	3698-K3TK11		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/01/1990				Khá	853306	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12138	3699-K3TK11		Nguyễn Văn	Lâm	Nam	01/10/1976				Trung bình	853307	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12139	3700-K3TK11		Lê Kim	Liên	Nữ	21/04/1991				Khá	853308	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12140	3701-K3TK11		Đặng Thị	Loan	Nữ	18/09/1986				Trung bình	853309	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12141	3702-K3TK11		Nguyễn Thị	Lợi	Nữ	08/04/1982				Khá	853310	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12142	3703-K3TK11		Bùi Nho	Long	Nam	25/03/1988				Khá	853311	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12143	3704-K3TK11		Phạm Thị	Lý	Nữ	22/02/1989				Khá	853312	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12144	3705-K3TK11		Đinh Thị Ngọc	Bích	Nữ	27/08/1991				Khá	853313	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12145	3706-K3TK11		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	20/10/1987				Trung bình	853314	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12146	3707-K3TK11		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	01/08/1982				Khá	853315	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12147	3708-K3TK11		Đỗ Bích	Nhung	Nữ	21/10/1991				Khá	853316	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12148	3709-K3TK11		Vũ Thị	Nụ	Nữ	16/09/1990				Khá	853317	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12149	3710-K3TK11		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	27/02/1979				Khá	853318	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12150	3711-K3TK11		Trần Thị	Phới	Nữ	10/07/1986				Khá	853319	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12151	3712-K3TK11		Đặng An	Phương	Nam	29/12/1990				Khá	853320	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12152	3713-K3TK11		Man Thị	Phượng	Nữ	18/09/1990				Khá	853321	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12153	3714-K3TK11		Đinh Hồng	Quân	Nam	10/04/1984				Khá	853322	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12154	3715-K3TK11		Nguyễn Văn	Quang	Nam	06/10/1986				Khá	853323	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12155	3716-K3TK11		Phí Thị	Sâm	Nữ	24/04/1989				Trung bình	853324	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12156	3717-K3TK11		Nguyễn Trần	Sơn	Nam	04/12/1985				Khá	853325	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12157	3718-K3TK11		Đỗ Thị	Tâm	Nữ	26/02/1987				Khá	853326	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12158	3719-K3TK11		Nguyễn Thị Minh	Tân	Nữ	24/02/1981				Khá	853327	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12159	3720-K3TK11		Đàm Thị Hồng	Thắm	Nữ	13/03/1986				Khá	853328	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12160	3721-K3TK11		Thịnh Thị	Thanh	Nữ	01/05/1990				Khá	853329	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12161	3722-K3TK11		Đỗ Minh	Thành	Nam	04/08/1991				Khá	853330	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12162	3723-K3TK11		Đỗ Thị	Thảo	Nữ	13/12/1990				Khá	853331	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12163	3724-K3TK11		Hà Thị	Thìn	Nữ	20/01/1988				Trung bình	853332	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12164	3725-K3TK11		Trương Thị Mỹ	Thơ	Nữ	12/08/1981				Khá	853333	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12165	3726-K3TK11		Hà Thị	Thu	Nữ	09/07/1987				Khá	853334	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12166	3727-K3TK11		Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	14/08/1989				Khá	853335	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12167	3728-K3TK11		Trần Đức	Thuận	Nam	18/11/1989				Trung bình	853336	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12168	3729-K3TK11		Nguyễn Đức	Thuận	Nam	30/04/1989				Trung bình	853337	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12169	3730-K3TK11		Đinh Thị Thu	Thương	Nữ	20/03/1987				Khá	853338	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12170	3731-K3TK11		Nguyễn Xuân	Toàn	Nam	23/10/1991				Khá	853339	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12171	3732-K3TK11		Đỗ Thị Thu	Trang	Nữ	12/01/1988				Khá	853340	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12172	3733-K3TK11		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	04/09/1991				Khá	853341	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12173	3734-K3TK11		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	23/08/1989				Khá	853342	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12174	3735-K3TK11		Lê Thị	Vân	Nữ	08/10/1986				Trung bình	853343	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12175	3736-K3TK11		Nguyễn Văn	Vinh	Nam	10/09/1989				Khá	853344	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12176	3737-K3TK11		Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	24/12/1987				Khá	853345	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12177	3738-K3TK11		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28/03/1986				Khá	853346	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12178	3739-K3TK12		Trần Thị Bình	Diệu	Nữ	08/03/1988				Trung bình	853347	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12179	3740-K3TK12		Lê Thị	Đính	Nữ	06/10/1986				Khá	853348	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12180	3741-K3TK12		Vũ Thị Kim	Dung	Nữ	16/09/1991				Khá	853349	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12181	3742-K3TK12		Bùi Thu	Hà	Nữ	14/01/1989				Khá	853350	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12182	3743-K3TK12		Luân Thị Hồng	Hải	Nữ	21/08/1984				Trung bình	853351	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12183	3744-K3TK12		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	30/04/1987				Khá	853352	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12184	3745-K3TK12		Trần Thị Kiều	Hoa	Nữ	26/09/1988				Khá	853353	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12185	3746-K3TK12		Ngô Thị Kim	Huệ	Nữ	20/01/1974				Trung bình	853354	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12186	3747-K3TK12		Phạm Thị	Huyền	Nữ	04/04/1989				Trung bình	853355	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12187	3748-K3TK12		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	02/06/1990				Khá	853356	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12188	3749-K3TK12		Lê Mai	Khanh	Nữ	01/12/1991				Khá	853357	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12189	3750-K3TK12		Trần Thị	Linh	Nữ	21/02/1989				Khá	853358	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12190	3751-K3TK12		Công Thị Kim	Loan	Nữ	15/02/1991				Khá	853359	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12191	3752-K3TK12		Vũ Đại	Lượng	Nam	01/09/1985				Trung bình	853360	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12192	3753-K3TK12		Bùi Hoa	Mai	Nữ	04/02/1990				Khá	853361	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12193	3754-K3TK12		Cao Thị	Nga	Nữ	13/03/1989				Trung bình	853362	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12194	3755-K3TK12		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	02/12/1982				Khá	853363	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12195	3756-K3TK12		Hoàng Thị	Nhuận	Nữ	18/09/1991				Khá	853364	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12196	3757-K3TK12		Phạm Thị	Nhung	Nữ	04/12/1989				Khá	853365	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12197	3758-K3TK12		Tạ Kim	Nương	Nữ	19/12/1990				Khá	853366	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12198	3759-K3TK12		Dương Kim	Oanh	Nữ	07/01/1990				Trung bình	853367	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12199	3760-K3TK12		Hoàng Thị	Phương	Nữ	14/11/1987				Khá	853368	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12200	3761-K3TK12		Đỗ Thị Hoa	Phượng	Nữ	05/06/1985				Khá	853369	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12201	3762-K3TK12		Đặng Thế	Sơn	Nam	16/12/1989				Khá	853370	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12202	3763-K3TK12		Đoàn Thị	Thắm	Nữ	25/06/1990				Trung bình	853371	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12203	3764-K3TK12		Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	20/08/1990				Khá	853372	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12204	3765-K3TK12		Thắm Thị	Thoa	Nữ	28/10/1979				Trung bình	853373	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12205	3766-K3TK12		Phan Tiến	Tú	Nam	21/03/1985				Khá	853374	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12206	3767-K3TK12		Lê Cẩm	Vân	Nữ	25/05/1991				Trung bình	853375	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12207	3768-K3TK13		Nguyễn Thị	An	Nữ	10/11/1988				Khá	853376	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12208	3769-K3TK13		Ngô Ngọc	Anh	Nữ	01/11/1983				Trung bình	853377	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12209	3770-K3TK13		Phùng Thị Vân	Anh	Nữ	26/03/1991				Khá	853378	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12210	3771-K3TK13		Phạm Thị Ngọc	Bích	Nữ	24/08/1983				Trung bình	853379	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12211	3772-K3TK13		Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	04/08/1989				Khá	853380	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12212	3773-K3TK13		Bùi Xuân	Đạt	Nam	19/07/1987				Khá	853381	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12213	3774-K3TK13		Tráng Văn	Dũng	Nam	10/08/1989				Trung bình	853382	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12214	3775-K3TK13		Hoàng Ninh	Giang	Nam	03/05/1989				Trung bình	853383	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12215	3776-K3TK13		Nguyễn Thị	Giới	Nữ	10/05/1985				Khá	853384	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12216	3777-K3TK13		Lê Kim Thu	Hà	Nữ	13/11/1991				Trung bình	853385	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12217	3778-K3TK13		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	14/05/1990				Khá	853386	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12218	3779-K3TK13		Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	28/11/1991				Khá	853387	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12219	3780-K3TK13		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	25/07/1990				Khá	853388	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12220	3781-K3TK13		Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	13/04/1991				Trung bình	853389	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12221	3782-K3TK13		Bạch Thị	Hoàn	Nữ	12/12/1986				Khá	853390	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12222	3783-K3TK13		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	03/04/1991				Khá	853391	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12223	3784-K3TK13		Lê Thị	Huệ	Nữ	30/11/1991				Trung bình	853392	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12224	3785-K3TK13		Nguyễn Văn	Hưng	Nam	19/01/1991				Trung bình	853393	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12225	3786-K3TK13		Hà Thị	Huyền	Nữ	09/05/1984				Khá	853394	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12226	3787-K3TK13		Lê Bảo	Khánh	Nam	22/09/1989				Khá	853395	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12227	3788-K3TK13		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	10/12/1990				Khá	853396	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12228	3789-K3TK13		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	30/09/1990				Khá	853397	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12229	3790-K3TK13		Tạ Tùng	Lâm	Nam	14/04/1988				Trung bình	853398	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12230	3791-K3TK13		Hoàng Thị	Lành	Nữ	23/06/1984				Trung bình	853399	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12231	3792-K3TK13		Nguyễn Thị Nhật	Lệ	Nữ	11/11/1989				Khá	853400	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12232	3793-K3TK13		Lê Thị Thanh	Lệ	Nữ	28/10/1982				Trung bình	853401	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12233	3794-K3TK13		Nguyễn Bích	Liên	Nữ	03/12/1991				Khá	853402	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12234	3795-K3TK13		Ngô Hồng	Minh	Nữ	22/05/1991				Khá	853403	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12235	3796-K3TK13		Nguyễn Hà	My	Nữ	27/10/1990				Khá	853404	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12236	3797-K3TK13		Bùi Thúy	Ngân	Nữ	23/12/1990				Khá	853405	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12237	3798-K3TK13		Trần Kim	Ngân	Nữ	15/04/1991				Khá	853406	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12238	3799-K3TK13		Đoàn Thị	Nhung	Nữ	18/09/1990				Khá	853407	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12239	3800-K3TK13		Phan Thị	Ninh	Nữ	08/01/1984				Khá	853408	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12240	3801-K3TK13		Phạm Thị	Phượng	Nữ	25/09/1989				Khá	853409	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12241	3802-K3TK13		Phùng Thị	Phương	Nữ	15/01/1991				Khá	853410	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12242	3803-K3TK13		Trương Thị	Phượng	Nữ	14/06/1990				Khá	853411	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12243	3804-K3TK13		Huỳnh Thị Ngọc	Quyên	Nữ	06/07/1989				Trung bình	853412	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12244	3805-K3TK13		Nguyễn Văn	Quyền	Nam	21/02/1991				Trung bình	853413	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12245	3806-K3TK13		Nguyễn Thị	Sang	Nữ	09/09/1991				Khá	853414	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12246	3807-K3TK13		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	04/05/1990				Khá	853415	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12247	3808-K3TK13		Đinh Văn	Sơn	Nam	19/08/1983				Trung bình	853416	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12248	3809-K3TK13		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	05/08/1991				Khá	853417	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12249	3810-K3TK13		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	02/01/1992				Khá	853418	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12250	3811-K3TK13		Nguyễn Thị Minh	Thảo	Nữ	18/05/1990				Khá	853419	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12251	3812-K3TK13		Trịnh Thị Phương	Thảo	Nữ	14/10/1990				Khá	853420	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12252	3813-K3TK13		Phạm Thị	Thu	Nữ	04/10/1991				Trung bình	853421	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12253	3814-K3TK13		Đặng Thị	Thùy	Nữ	02/10/1989				Trung bình	853422	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12254	3815-K3TK13		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	23/03/1990				Khá	853423	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12255	3816-K3TK13		Đào Thị	Trang	Nữ	23/01/1990				Trung bình	853424	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12256	3817-K3TK13		Đoàn Minh	Tú	Nam	08/02/1991				Trung bình	853425	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12257	3818-K3TK13		Nguyễn Vương	Tuấn	Nam	05/09/1990				Trung bình	853426	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12258	3819-K3TK13		Trần Thanh	Tùng	Nam	22/09/1990				Khá	853427	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12259	3820-K3TK13		Nguyễn Quốc	Tùng	Nam	01/06/1989				Khá	853428	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12260	3821-K3TK13		Trương Thị	Tuyến	Nữ	21/04/1990				Trung bình	853429	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12261	3822-K3TK13		Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	28/01/1989				Trung bình	853430	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12262	3823-K3TK13		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	01/01/1981				Khá	853431	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12263	3824-K3TK13		Nguyễn Bảo	Yến	Nữ	09/04/1991				Khá	853432	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12264	3825-K3TK13		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	23/10/1991				Trung bình	853433	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	679/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12265	1033-K3TK14		Lương Thị Ngọc	Bích	Nữ	13/05/1989				Trung bình khá	853434	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12266	1034-K3TK14		Nguyễn Thị	Bông	Nữ	24/04/1984				Khá	853435	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12267	1035-K3TK14		Thạch Công	Cần	Nam	10/08/1988				Trung bình khá	853436	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12268	1036-K3TK14		Trần Thị	Chinh	Nữ	13/11/1988				Trung bình khá	853437	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12269	1037-K3TK14		Đỗ Đào	Chương	Nam	25/05/1991				Trung bình khá	853438	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12270	1038-K3TK14		Phạm Thị	Đào	Nữ	12/05/1986				Khá	853439	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12271	1039-K3TK14		Vũ Văn	Đoàn	Nam	18/01/1968				Khá	853440	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12272	1040-K3TK14		Bùi Thị	Hà	Nữ	08/02/1983				Khá	853441	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12273	1041-K3TK14		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	17/06/1990				Khá	853442	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12274	1042-K3TK14		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	15/09/1987				Khá	853443	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12275	1043-K3TK14		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	06/11/1985				Khá	853444	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12276	1044-K3TK14		Bùi Thị	Hải	Nữ	01/02/1982				Khá	853445	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12277	1045-K3TK14		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	26/11/1985				Khá	853446	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12278	1046-K3TK14		Trần Thị Lệ	Hằng	Nữ	05/08/1979				Khá	853447	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12279	1047-K3TK14		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	05/09/1976				Khá	853448	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12280	1048-K3TK14		Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	25/01/1989				Trung bình khá	853449	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12281	1049-K3TK14		Ngô Thị	Hồng	Nữ	18/10/1987				Khá	853450	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12282	1050-K3TK14		Phạm Thị	Hồng	Nữ	07/10/1987				Trung bình khá	853451	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12283	1051-K3TK14		Vũ Thị	Huệ	Nữ	08/03/1991				Khá	853452	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12284	1052-K3TK14		Đỗ Thị	Hương	Nữ	26/06/1983				Khá	853453	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12285	1053-K3TK14		Ngô Thị	Hương	Nữ	20/10/1980				Khá	853454	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12286	1054-K3TK14		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	03/02/1987				Khá	853455	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12287	1055-K3TK14		Trần Thị	Hương	Nữ	01/02/1985				Trung bình khá	853456	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12288	1056-K3TK14		Đặng Thị	Huyên	Nữ	10/11/1982				Khá	853457	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12289	1057-K3TK14		Kiều Thị	Lan	Nữ	12/05/1987				Khá	853458	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12290	1058-K3TK14		Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	06/02/1983				Khá	853459	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12291	1059-K3TK14		Nghiêm Thị	Liên	Nữ	05/12/1990				Khá	853460	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12292	1060-K3TK14		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	23/03/1987				Trung bình khá	853461	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12293	1061-K3TK14		Đỗ Thị	Loan	Nữ	22/04/1984				Trung bình khá	853462	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12294	1062-K3TK14		Trần Thị Bích	Loan	Nữ	26/03/1986				Trung bình khá	853463	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12295	1063-K3TK14		Lưu Tuấn	Lợi	Nam	15/07/1977				Trung bình khá	853464	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12296	1064-K3TK14		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	05/08/1973				Khá	853465	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12297	1065-K3TK14		Trương Thị Khánh	Ly	Nữ	28/09/1984				Khá	853466	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12298	1066-K3TK14		Trần Thị	Mùi	Nữ	07/08/1979				Trung bình khá	853467	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12299	1067-K3TK14		Đặng Thị	Na	Nữ	23/06/1978				Trung bình khá	853468	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12300	1068-K3TK14		Thế Hoài	Nam	Nam	08/09/1988				Trung bình khá	853469	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12301	1069-K3TK14		Lê Thị	Nga	Nữ	09/10/1983				Khá	853470	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12302	1070-K3TK14		Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	06/02/1987				Khá	853471	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12303	1071-K3TK14		Phan Thị	Ngọc	Nữ	06/01/1986				Khá	853472	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12304	1072-K3TK14		Tạ Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	26/02/1982				Khá	853473	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12305	1073-K3TK14		Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	18/10/1983				Khá	853474	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12306	1074-K3TK14		Đinh Thị	Phương	Nữ	05/09/1982				Khá	853475	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12307	1075-K3TK14		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	26/07/1985				Khá	853476	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12308	1076-K3TK14		Đặng Thị	Phượng	Nữ	18/06/1980				Khá	853477	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12309	1077-K3TK14		Phạm Thị	Phượng	Nữ	10/07/1989				Trung bình khá	853478	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12310	1078-K3TK14		Văn Thị	Quế	Nữ	14/08/1988				Khá	853479	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12311	1079-K3TK14		Hoàng Văn	Sỹ	Nam	06/05/1979				Khá	853480	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12312	1080-K3TK14		Nguyễn Thị Hồng	Thái	Nữ	30/09/1985				Trung bình khá	853481	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12313	1081-K3TK14		Bùi Thị	Thắm	Nữ	15/11/1980				Khá	853482	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12314	1082-K3TK14		Trần Thị	Thêu	Nữ	20/02/1987				Trung bình khá	853483	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12315	1083-K3TK14		Lê Thị	Thu	Nữ	29/11/1977				Khá	853484	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12316	1084-K3TK14		Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	05/03/1986				Khá	853485	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12317	1085-K3TK14		Ngô Thanh	Thúy	Nữ	27/01/1991				Trung bình khá	853486	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12318	1086-K3TK14		Trần Thị	Thúy	Nữ	28/05/1983				Trung bình khá	853487	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12319	1087-K3TK14		Trần Thị	Thúy	Nữ	17/05/1991				Trung bình khá	853488	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12320	1088-K3TK14		Phạm Thu	Thủy	Nữ	09/11/1991				Khá	853489	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12321	1089-K3TK14		Lê Quang	Tuấn	Nam	16/05/1977				Trung bình khá	853490	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12322	1090-K3TK14		Trương Văn	Tuấn	Nam	08/06/1974				Khá	853491	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12323	1091-K3TK14		Nguyễn Thị ánh	Vân	Nữ	01/07/1979				Khá	853492	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12324	1092-K3TK14		Cao Thị	Xuân	Nữ	10/01/1987				Trung bình khá	853493	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12325	1093-K3TK14		Đỗ Thị Bích	Yến	Nữ	01/07/1989				Khá	853494	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12326	1094-K3TK14		Vũ Thị	Yến	Nữ	16/02/1982				Khá	853495	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12327	1095-K3TK14		Đinh Thị	Dung	Nữ	08/08/1986				Trung bình khá	853496	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	865/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12328	1096-K3TK1		Đinh Thị Thúy	Hằng	Nữ	30/11/1882				Trung bình khá	853497	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	680/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12329	1097-K9CK1		Phạm Tấn	Anh	Nam	08/07/1991				Trung bình khá	853498	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	682/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12330	3826-K8CT1		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24/06/1991				Khá	853499	2015	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	683/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12331	3827-K7HK11		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	02/09/1988				Trung bình	853500	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	681/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12332	3828-K8CK1A		Đào Ngọc Thị	Hiền	Nữ	23/09/1991				Khá	853501	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	684/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12333	3829-K8CK5A		Nguyễn Thị	Thiện	Nữ	30/08/1989				Khá	853502	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	684/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12334	3830-K8CK9A		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	09/11/1991				Khá	853503	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	684/QĐ-ĐHTM ngày 21/10/2015	
12335	1098-K44DQ6		Nguyễn Ngọc	Biên	Nam	06/05/1985				Trung bình khá	853504	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12336	1099-K44DQ6		Bùi Trọng	Luân	Nam	02/08/1986				Trung bình khá	853505	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12337	1100-K44DQ5		Đỗ Thế	Minh	Nam	24/11/1963				Trung bình khá	853506	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12338	1101-K44DQ1		Phạm Đình	Hưng	Nam	21/01/1984				Trung bình	853507	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12339	1102-K44DQ1		Bùi Thị	Lương	Nữ	26/11/1988				Trung bình	853508	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12340	1103-K44DQ1		Nguyễn Đình	Yên	Nam	01/06/1982				Trung bình	853509	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12341	1104-K44DQ1		Nguyễn Đức	Dũng	Nam	28/08/1987				Trung bình	853510	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12342	1105-K44DQ2		Dương Thị	Chinh	Nữ	04/08/1987				Trung bình khá	853511	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12343	1106-K44DQ2		Lương Văn	Hùng	Nam	28/07/1991				Trung bình khá	853512	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12344	1107-K44DQ2		Nguyễn Đức	Thơ	Nam	20/08/1981				Trung bình	853513	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12345	1108-K44DQ2		Đỗ Duy	Thọ	Nam	15/09/1990				Trung bình khá	853514	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12346	1109-K44DQ2		Nguyễn Văn	Tuyên	Nam	30/05/1986				Trung bình khá	853515	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12347	1110-K44DQ2		Nguyễn Văn	Chùng	Nam	20/08/1983				Trung bình khá	853516	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12348	1111-K44DQ2		Đỗ Hoàng	Thái	Nam	25/11/1991				Trung bình khá	853517	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12349	1112-K44DQ2		Lý Thị	Uyên	Nữ	20/09/1989				Trung bình	853518	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12350	1113-K44DQ3		Phan Anh	Linh	Nam	09/09/1981				Trung bình	853519	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12351	1114-K44DQ3		Nguyễn Văn	Tài	Nam	10/10/1989				Trung bình	853520	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12352	1115-K44DQ3		Mai Quyền	Đắc	Nam	25/05/1986				Trung bình khá	853521	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12353	1116-K44DQ3		Vũ Đức	Lưu	Nam	12/09/1978				Trung bình khá	853522	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12354	1117-K44DQ3		Dương Trọng	Nghị	Nam	06/06/1984				Trung bình	853523	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12355	1118-K44DQ3		Nguyễn Anh	Tú	Nam	01/04/1986				Trung bình khá	853524	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12356	1119-K44DQ3		Đỗ Trung	Tuyến	Nam	23/08/1984				Trung bình khá	853525	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12357	1120-K44DQ3		Hạ Nguyễn Trung	Anh	Nam	31/12/1990				Trung bình	853526	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12358	1121-K44DQ3		Chu Đức	Tuấn	Nam	19/03/1981				Trung bình	853527	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12359	1122-K44DQ4		Lã Kim	Sơn	Nam	09/07/1980				Trung bình khá	853528	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12360	1123-K44DQ7		Nguyễn Đắc	Dũng	Nam	23/10/1985				Trung bình khá	853529	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12361	1124-K44DQ7		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/04/1990				Trung bình khá	853530	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12362	1125-K44DQ7		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	29/04/1986				Trung bình khá	853531	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12363	1126-K44DQ7		Đặng Văn	Diễn	Nam	12/03/1976				Trung bình	853532	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12364	1127-K44DQ7		Hà Minh	Đức	Nam	18/09/1981				Trung bình	853533	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12365	1128-K44DQ7		Bùi Quang	Dũng	Nam	20/09/1984				Trung bình khá	853534	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12366	1129-K44DQ7		Nguyễn Công	Hiệp	Nam	15/12/1980				Trung bình khá	853535	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12367	1130-K44DQ7		Tạ Duy	Phúc	Nam	28/07/1990				Trung bình	853536	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12368	1131-K44DQ7		Trần Văn	Tứ	Nam	12/09/1984				Trung bình	853537	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12369	1132-K46BQ1		Nguyễn Văn	Học	Nam	12/01/1980				Trung bình khá	853538	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12370	1133-K46BQ1		Nguyễn Duy	Khánh	Nam	10/11/1988				Trung bình khá	853539	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12371	1134-K46BQ1		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	28/12/1986				Trung bình khá	853540	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12372	1135-K40DQ5		Đoàn Thành	Trung	Nam	09/10/1981				Trung bình	853541	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12373	1136-K43DQ5		Nguyễn Hùng	Tráng	Nam	20/07/1986				Trung bình	853542	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12374	1137-K43DQ5		Lê Xuân	Anh	Nam	28/06/1983				Trung bình	853543	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12375	1138-K43DQ5		Phạm Bá	Thuần	Nam	01/05/1981				Trung bình khá	853544	2015	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	743/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12376	1139-K44DK10		Nguyễn Hồng	Duy	Nam	03/11/1989				Trung bình khá	853545	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12377	1140-K44DK9		Phạm Thị	Nhung	Nữ	20/05/1987				Trung bình khá	853546	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12378	1141-K44DK9		Nguyễn Văn	Phú	Nam	27/05/1984				Trung bình khá	853547	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12379	1142-K44DK9		Phạm Đức	Thuận	Nam	03/02/1983				Trung bình khá	853548	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12380	1143-K44DK14		Đoàn Văn	Bình	Nam	23/03/1986				Trung bình khá	853549	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12381	1144-K44DK13		Vũ Tuấn	Cương	Nam	07/01/1990				Trung bình khá	853550	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12382	1145-K44DK13		Nguyễn Trường	Sinh	Nam	14/10/1978				Trung bình khá	853551	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12383	1146-K44DK13		Ngô Thị Phương	Thảo	Nữ	09/01/1986				Trung bình khá	853552	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12384	1147-K44DK13		Lê Văn	Vũ	Nam	22/08/1991				Trung bình	853553	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12385	1148-K46BK1		Ngô Thị Thanh	Bình	Nữ	15/10/1982				Trung bình khá	853554	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12386	1149-K46BK1		Trịnh Thị Mai	Hương	Nữ	19/06/1988				Trung bình khá	853555	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12387	1150-K46BK1		Trương Thị Bích	Ngọc	Nữ	07/02/1986				Trung bình khá	853556	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12388	1151-K46BK1		Trần Xuân	Việt	Nam	01/12/1980				Trung bình khá	853557	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12389	1152-K46BK1		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	22/03/1987				Trung bình khá	853558	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12390	1153-K46BK1		Trần Đức	Quang	Nam	20/11/1983				Trung bình khá	853559	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12391	1154-K46BK1		Đỗ Thị	Quyên	Nữ	29/04/1989				Trung bình khá	853560	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12392	1155-K44DK15		Vũ Thị	Hương	Nữ	25/07/1985				Trung bình khá	853561	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12393	1156-K44DK15		Lương Thị	Thúy	Nữ	06/04/1991				Trung bình khá	853562	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12394	1157-K44DK15		Trần Thị Kim	Lê	Nữ	01/12/1979				Trung bình khá	853563	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12395	1158-K44DK3		Nguyễn Văn	Tiếp	Nam	10/10/1988				Trung bình	853564	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12396	1159-K44DK6		Phạm Thị	Hoài	Nữ	01/04/1988				Trung bình khá	853565	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12397	1160-K44DK6		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	20/03/1992				Trung bình khá	853566	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12398	1161-K44DK6		Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	10/10/1988				Trung bình khá	853567	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12399	1162-K44DK7		Vũ Văn	Giang	Nam	20/11/1981				Trung bình	853568	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12400	1163-K44DK7		Hoàng Anh	Đức	Nam	23/12/1991				Trung bình	853569	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12401	1164-K44DK7		Bùi Thị	Liên	Nữ	24/09/1989				Trung bình khá	853570	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12402	1165-K44DK7		Trần Thị	Loan	Nữ	25/04/1985				Trung bình khá	853571	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12403	1166-K44DK7		Nguyễn Thị Thúy	Ngần	Nữ	14/01/1986				Trung bình	853572	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12404	1167-K44DK7		Hà Lan	Phương	Nữ	07/11/1991				Trung bình	853573	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12405	1168-K44DK7		Vũ Thị	Xuân	Nữ	24/09/1991				Trung bình	853574	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12406	1169-K44DK8		Hồ Hoàng	Anh	Nữ	03/12/1991				Trung bình khá	853575	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12407	1170-K44DK8		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	10/10/1986				Trung bình khá	853576	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12408	1171-K44DK8		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	25/05/1984				Trung bình khá	853577	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12409	1172-K44DK8		Phạm Thị	Nga	Nữ	29/03/1989				Trung bình khá	853578	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12410	1173-K44DK8		Lê Tú	Quỳnh	Nữ	27/01/1983				Trung bình khá	853579	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12411	1174-K44DK8		Nguyễn Thị Thanh	Tài	Nữ	01/06/1988				Trung bình	853580	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12412	1175-K44DK8		Trần Thị	Thanh	Nữ	01/01/1986				Trung bình	853581	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12413	1176-K44DK8		Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	09/04/1991				Trung bình khá	853582	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	737/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12414	1177-43DK13		Đặng Thị Thu	Hiền	Nữ	10/08/1988				Trung bình	853583	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	738/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12415	1178-43DK13		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	06/11/1983				Trung bình khá	853584	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	738/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12416	1179-K41DK8		Lê Văn	Nam	Nam	05/09/1983				Trung bình khá	853585	2015	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	738/QĐ-ĐHTM ngày 12/11/2015	
12417	3831-K3TK13		Đỗ Tuấn	Minh	Nam	10/11/1991				Khá	853586	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1827/QĐ-ĐHTM ngày 21/12/2015	
12418	4020-K1TK2		Phạm Văn	Cường	Nam	06/09/1985				Khá	853637	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	870/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
12419	4021-K1TK2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	12/07/1979				Trung bình	853638	2015	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	870/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2015	
12420	01-K48A1	K48A1	Ngô Thị Phương	Anh	Nữ	20/11/1994				Khá	1050801	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12421	02-K48A1	K48A1	Trần Văn	Chính	Nam	19/04/1994				Khá	1050802	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12422	03-K48A1	K48A1	Dương Thị	Dung	Nữ	09/09/1994				Khá	1050803	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12423	04-K48A1	K48A1	Lê út	Duyên	Nữ	15/04/1994				Khá	1050804	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12424	05-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị Hà	Giang	Nữ	18/12/1994				Khá	1050805	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12425	06-K48A1	K48A1	Cần Thị Hải	Hà	Nữ	11/09/1994				Khá	1050806	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12426	07-K48A1	K48A1	Vũ Thị	Hải	Nữ	19/07/1994				Khá	1050807	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12427	08-K48A1	K48A1	Phạm Văn	Hân	Nam	05/08/1994				Trung bình	1050808	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12428	09-K48A1	K48A1	Đào Thị Thúy	Hằng	Nữ	01/12/1994				Khá	1050809	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12429	10-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	25/10/1994				Khá	1050810	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12430	11-K48A1	K48A1	Đặng Thị	Hoa	Nữ	01/09/1994				Khá	1050811	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12431	12-K48A1	K48A1	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	04/02/1994				Khá	1050812	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12432	13-K48A1	K48A1	Đỗ Thị	Hồng	Nữ	20/01/1994				Khá	1050813	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12433	14-K48A1	K48A1	Đinh Thị Thu	Hương	Nữ	02/06/1994				Khá	1050814	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12434	15-K48A1	K48A1	Nguyễn Thanh	Hường	Nữ	28/03/1994				Khá	1050815	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12435	16-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	16/06/1994				Khá	1050816	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12436	17-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	11/11/1994				Khá	1050817	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12437	18-K48A1	K48A1	Đặng Thị Phương	Lan	Nữ	08/05/1994				Khá	1050818	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12438	19-K48A1	K48A1	Dương Thị Mỹ	Linh	Nữ	15/05/1994				Giỏi	1050819	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12439	20-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị	Lưu	Nữ	14/03/1994				Khá	1050820	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12440	21-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị	Mừng	Nữ	09/12/1994				Khá	1050821	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12441	22-K48A1	K48A1	Đỗ Thị	Ngân	Nữ	21/11/1994				Khá	1050822	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12442	23-K48A1	K48A1	Giang Thị Bích	Ngọc	Nữ	18/09/1993				Xuất sắc	1050823	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12443	24-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	25/02/1994				Khá	1050824	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12444	25-K48A1	K48A1	Phạm Công	Phức	Nam	17/03/1993				Khá	1050825	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12445	26-K48A1	K48A1	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	17/02/1994				Khá	1050826	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12446	27-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị	Thà	Nữ	01/06/1994				Giỏi	1050827	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12447	28-K48A1	K48A1	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	24/10/1994				Giỏi	1050828	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12448	29-K48A1	K48A1	Tô Thị	Thoa	Nữ	13/05/1994				Giỏi	1050829	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12449	30-K48A1	K48A1	Đỗ Thị Hồng	Thu	Nữ	17/10/1994				Khá	1050830	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12450	31-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	16/01/1994				Khá	1050831	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12451	32-K48A1	K48A1	Ngô Thu	Thủy	Nữ	25/10/1994				Khá	1050832	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12452	33-K48A1	K48A1	Ngô Quang	Tôn	Nam	10/06/1994				Khá	1050833	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12453	34-K48A1	K48A1	Đoàn Thị Huyền	Trang	Nữ	20/12/1994				Khá	1050834	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12454	35-K48A1	K48A1	Trần Thị	Trang	Nữ	20/08/1994				Khá	1050835	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12455	36-K48A1	K48A1	Đặng Bá	Tuấn	Nam	20/01/1994				Khá	1050836	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12456	37-K48A1	K48A1	Trịnh Thị	Xoan	Nữ	11/10/1994				Khá	1050837	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12457	38-K48A1	K48A1	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	12/08/1994				Khá	1050838	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12458	39-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị Phương	Na	Nữ	07/09/1993				Khá	1050839	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12459	40-K48A2	K48A2	Đoàn Thị Lan	Anh	Nữ	04/09/1994				Khá	1050840	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12460	41-K48A2	K48A2	Ngô Thị Phương	Dung	Nữ	20/12/1994				Giỏi	1050841	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12461	42-K48A2	K48A2	Đỗ Hồng	Dương	Nam	24/12/1994				Khá	1050842	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12462	43-K48A2	K48A2	Tạ Thị	Giang	Nữ	25/12/1994				Khá	1050843	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12463	44-K48A2	K48A2	Đỗ Thị	Hân	Nữ	03/10/1994				Khá	1050844	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12464	45-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	08/05/1994				Khá	1050845	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12465	46-K48A2	K48A2	Phạm Thị	Hảo	Nữ	08/04/1994				Khá	1050846	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12466	47-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	11/09/1994				Khá	1050847	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12467	48-K48A2	K48A2	Ngô Trung	Hiếu	Nam	26/02/1994				Khá	1050848	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12468	49-K48A2	K48A2	Lê Thị	Huê	Nữ	27/01/1994				Khá	1050849	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12469	50-K48A2	K48A2	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	18/09/1994				Giỏi	1050850	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12470	51-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	20/04/1994				Khá	1050851	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12471	52-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	16/09/1994				Khá	1050852	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12472	53-K48A2	K48A2	Tống Thị Ngọc	Huyền	Nữ	04/11/1994				Khá	1050853	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12473	54-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị Hồng	Lê	Nữ	01/12/1994				Giỏi	1050854	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12474	55-K48A2	K48A2	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	12/09/1994				Giỏi	1050855	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12475	56-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị Kiều	Linh	Nữ	26/06/1994				Khá	1050856	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12476	57-K48A2	K48A2	Đỗ Khắc	Mạnh	Nam	07/08/1994				Khá	1050857	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12477	58-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị Huyền	My	Nữ	12/07/1994				Khá	1050858	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12478	59-K48A2	K48A2	Đinh Thị	Nga	Nữ	06/08/1994				Khá	1050859	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12479	60-K48A2	K48A2	Đỗ Thị Kim	Ngân	Nữ	13/07/1994				Khá	1050860	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12480	61-K48A2	K48A2	Trần Thị	Ngọc	Nữ	05/09/1994				Khá	1050861	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12481	62-K48A2	K48A2	Trần Thảo	Nguyệt	Nữ	18/08/1994				Khá	1050862	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12482	63-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	28/08/1994				Khá	1050863	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12483	64-K48A2	K48A2	Bùi Thị	Phương	Nữ	21/03/1994				Khá	1050864	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12484	65-K48A2	K48A2	Nguyễn Đăng	Quảng	Nam	09/07/1994				Trung bình	1050865	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12485	66-K48A2	K48A2	Phạm Thị	Soi	Nữ	28/10/1994				Khá	1050866	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12486	67-K48A2	K48A2	Phạm Thị	Thành	Nữ	04/08/1994				Khá	1050867	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12487	68-K48A2	K48A2	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	08/06/1993				Khá	1050868	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12488	69-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	05/07/1993				Khá	1050869	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12489	70-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	21/08/1994				Khá	1050870	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12490	71-K48A2	K48A2	Đinh Thị	Thùy	Nữ	02/05/1994				Giỏi	1050871	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12491	72-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	08/06/1994				Khá	1050872	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12492	73-K48A2	K48A2	Đoàn Thu	Trà	Nữ	31/12/1994				Khá	1050873	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12493	74-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	20/07/1994				Khá	1050874	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12494	75-K48A2	K48A2	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	10/11/1994				Khá	1050875	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12495	76-K48A2	K48A2	Tô Minh	Trí	Nam	11/03/1994				Khá	1050876	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12496	77-K48A2	K48A2	Ngô Anh	Tùng	Nam	17/09/1994				Khá	1050877	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12497	78-K48A2	K48A2	Đoàn Thị Hải	Yến	Nữ	15/10/1994				Khá	1050878	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12498	79-K48A3	K48A3	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	10/10/1994				Khá	1050879	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12499	80-K48A3	K48A3	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	15/12/1994				Khá	1050880	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12500	81-K48A3	K48A3	Lương Thị	Duyên	Nữ	02/04/1994				Khá	1050881	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12501	82-K48A3	K48A3	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	30/10/1994				Trung bình	1050882	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12502	83-K48A3	K48A3	Phạm Thu	Hà	Nữ	05/06/1994				Khá	1050883	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12503	84-K48A3	K48A3	Lưu Mỹ	Hạ	Nữ	25/06/1994				Khá	1050884	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12504	85-K48A3	K48A3	Đặng Thị Thu	Hằng	Nữ	28/03/1994				Khá	1050885	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12505	86-K48A3	K48A3	Phạm Thu	Hằng	Nữ	08/09/1994				Giỏi	1050886	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12506	87-K48A3	K48A3	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	Nữ	30/03/1994				Khá	1050887	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12507	88-K48A3	K48A3	Đỗ Trung	Hiếu	Nam	15/06/1994				Khá	1050888	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12508	89-K48A3	K48A3	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	11/01/1994				Khá	1050889	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12509	90-K48A3	K48A3	Trương Thị Hồng	Hướng	Nữ	04/09/1993				Khá	1050890	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12510	91-K48A3	K48A3	Vũ Thị	Hường	Nữ	30/11/1993				Khá	1050891	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12511	92-K48A3	K48A3	Vũ Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/01/1994				Khá	1050892	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12512	93-K48A3	K48A3	Cao Văn	Khanh	Nam	17/10/1993				Trung bình	1050893	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12513	94-K48A3	K48A3	Vũ Thị	Lệ	Nữ	13/08/1994				Khá	1050894	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12514	95-K48A3	K48A3	Ngô Thị	Liền	Nữ	26/07/1994				Khá	1050895	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12515	96-K48A3	K48A3	Lê Bảo	Linh	Nữ	25/10/1994				Khá	1050896	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12516	97-K48A3	K48A3	Trần Hoàng	Long	Nam	24/04/1994				Khá	1050897	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12517	98-K48A3	K48A3	Phạm Thị	Mai	Nữ	10/04/1994				Trung bình	1050898	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12518	99-K48A3	K48A3	Đoàn Văn	Mạnh	Nam	13/11/1994				Khá	1050899	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12519	100-K48A3	K48A3	Bùi Thị Trà	My	Nữ	05/09/1994				Giỏi	1050900	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12520	101-K48A3	K48A3	Phạm Thị	Ngân	Nữ	05/07/1994				Khá	1050901	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12521	102-K48A3	K48A3	Phạm Thị Hồng	Ngọc	Nữ	11/09/1994				Khá	1050902	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12522	103-K48A3	K48A3	Trần Thị	Nhàn	Nữ	08/11/1994				Khá	1050903	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12523	104-K48A3	K48A3	Ninh Mai	Phương	Nữ	03/12/1994				Khá	1050904	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12524	105-K48A3	K48A3	Trần Minh	Quyết	Nam	12/03/1994				Khá	1050905	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12525	106-K48A3	K48A3	Lê Thị	Tâm	Nữ	29/01/1994				Khá	1050906	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12526	107-K48A3	K48A3	Phạm Thị	Thắm	Nữ	04/07/1994				Khá	1050907	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12527	108-K48A3	K48A3	Vũ Ngọc	Thanh	Nam	08/09/1994				Khá	1050908	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12528	109-K48A3	K48A3	Phạm Thị	Thảo	Nữ	16/12/1994				Giỏi	1050909	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12529	110-K48A3	K48A3	Nguyễn Văn	Thiêm	Nam	23/02/1992				Khá	1050910	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12530	111-K48A3	K48A3	Nguyễn Thị Hồng	Thu	Nữ	02/11/1994				Khá	1050911	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12531	112-K48A3	K48A3	Bá Thị	Thư	Nữ	22/02/1994				Khá	1050912	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12532	113-K48A3	K48A3	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	27/12/1994				Khá	1050913	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12533	114-K48A3	K48A3	Phạm Thị	Thùy	Nữ	01/10/1994				Khá	1050914	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12534	115-K48A3	K48A3	Đỗ Ngọc	Trang	Nữ	24/07/1994				Trung bình	1050915	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12535	116-K48A3	K48A3	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	24/10/1994				Khá	1050916	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12536	117-K48A3	K48A3	Đinh Thị Như	ý	Nữ	06/12/1994				Khá	1050917	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12537	118-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	27/08/1994				Khá	1050918	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12538	119-K48A4	K48A4	Đỗ Thị	Bích	Nữ	14/06/1994				Xuất sắc	1050919	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12539	120-K48A4	K48A4	Phạm Đức	Bình	Nam	25/09/1994				Trung bình	1050920	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12540	121-K48A4	K48A4	Trần Văn	Được	Nam	22/02/1994				Trung bình	1050921	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12541	122-K48A4	K48A4	Lê Đức	Duy	Nam	25/12/1994				Giỏi	1050922	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12542	123-K48A4	K48A4	Đậu Thị	Duyên	Nữ	15/01/1994				Khá	1050923	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12543	124-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	29/06/1994				Khá	1050924	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12544	125-K48A4	K48A4	Trần Thu	Hà	Nữ	01/12/1994				Khá	1050925	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12545	126-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	11/10/1994				Giỏi	1050926	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12546	127-K48A4	K48A4	Trần Thị	Hằng	Nữ	05/11/1993				Khá	1050927	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12547	128-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	06/04/1994				Khá	1050928	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12548	129-K48A4	K48A4	Vũ Thị	Hòa	Nữ	04/11/1994				Khá	1050929	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12549	130-K48A4	K48A4	Phùng Thị	Hương	Nữ	10/10/1994				Khá	1050930	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12550	131-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	25/10/1994				Giỏi	1050931	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12551	132-K48A4	K48A4	Phạm Thị	Hường	Nữ	03/04/1994				Khá	1050932	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12552	133-K48A4	K48A4	Trần Thị	Huyền	Nữ	09/03/1994				Khá	1050933	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12553	134-K48A4	K48A4	Đỗ Thị Phương	Liên	Nữ	17/02/1994				Trung bình	1050934	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12554	135-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	11/03/1994				Khá	1050935	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12555	136-K48A4	K48A4	Đặng Thị Mai	Loan	Nữ	15/03/1994				Khá	1050936	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12556	137-K48A4	K48A4	Vũ Thị	Mai	Nữ	10/08/1994				Trung bình	1050937	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12557	138-K48A4	K48A4	Đào Thị	My	Nữ	22/10/1994				Trung bình	1050938	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12558	139-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	04/11/1994				Khá	1050939	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12559	140-K48A4	K48A4	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	04/06/1994				Khá	1050940	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12560	141-K48A4	K48A4	Đỗ Thị Minh	Nhạn	Nữ	20/04/1994				Khá	1050941	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12561	142-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	17/03/1994				Khá	1050942	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12562	143-K48A4	K48A4	Đào Quang	Quý	Nam	18/09/1994				Khá	1050943	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12563	144-K48A4	K48A4	Vũ Quốc	Thái	Nam	26/10/1994				Khá	1050944	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12564	145-K48A4	K48A4	Tạ Thị	Thoa	Nữ	20/05/1994				Khá	1050945	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12565	146-K48A4	K48A4	Vũ Thị	Thu	Nữ	31/07/1994				Khá	1050946	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12566	147-K48A4	K48A4	Lê Thị Huyền	Thương	Nữ	24/12/1994				Khá	1050947	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12567	148-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	11/08/1994				Khá	1050948	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12568	149-K48A4	K48A4	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	02/11/1994				Khá	1050949	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12569	150-K48A4	K48A4	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	16/06/1994				Khá	1050950	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12570	151-K48A4	K48A4	Bùi Thị	Tuyết	Nữ	16/10/1994				Khá	1050951	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12571	152-K48A5	K48A5	Bùi Phương	Anh	Nữ	17/01/1994				Giỏi	1050952	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12572	153-K48A5	K48A5	Trần Kiều	Chinh	Nữ	12/10/1994				Khá	1050953	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12573	154-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	17/09/1994				Giỏi	1050954	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12574	155-K48A5	K48A5	Lê Thị Trà	Giang	Nữ	11/07/1994				Khá	1050955	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12575	156-K48A5	K48A5	Giang Thị	Hà	Nữ	12/09/1994				Khá	1050956	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12576	157-K48A5	K48A5	Vương Thị	Hà	Nữ	25/08/1994				Giỏi	1050957	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12577	158-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	27/12/1994				Khá	1050958	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12578	159-K48A5	K48A5	Bùi Thị	Hiền	Nữ	28/08/1993				Khá	1050959	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12579	160-K48A5	K48A5	Lê Huy	Hiệu	Nam	01/10/1994				Khá	1050960	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12580	161-K48A5	K48A5	Trần Thị Mỹ	Hoa	Nữ	03/07/1994				Khá	1050961	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12581	162-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	22/09/1994				Khá	1050962	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12582	163-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	15/04/1994				Khá	1050963	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12583	164-K48A5	K48A5	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	28/05/1994				Khá	1050964	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12584	165-K48A5	K48A5	Lương Văn	Kiên	Nam	24/01/1994				Khá	1050965	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12585	166-K48A5	K48A5	Kiều Phương	Lan	Nữ	09/09/1994				Khá	1050966	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12586	167-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị Phương	Liên	Nữ	11/11/1994				Khá	1050967	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12587	168-K48A5	K48A5	Vũ Thùy	Linh	Nữ	20/08/1994				Khá	1050968	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12588	169-K48A5	K48A5	Phạm Thị	Loan	Nữ	09/06/1994				Khá	1050969	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12589	170-K48A5	K48A5	Vũ Phúc	Lượng	Nam	11/10/1994				Khá	1050970	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12590	171-K48A5	K48A5	Lại Thị Mai Hồng	Minh	Nữ	01/05/1994				Giỏi	1050971	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12591	172-K48A5	K48A5	Trần Thùy	Mỹ	Nữ	17/07/1994				Khá	1050972	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12592	173-K48A5	K48A5	Đàm Xuân	Nguyên	Nam	29/10/1994				Khá	1050973	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12593	174-K48A5	K48A5	Lê Thị	Nhung	Nữ	06/02/1994				Khá	1050974	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12594	175-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	27/09/1994				Khá	1050975	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12595	176-K48A5	K48A5	Bùi Ngọc	Quỳnh	Nam	17/09/1994				Khá	1050976	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12596	177-K48A5	K48A5	Trần Thị Thanh	Quỳnh	Nữ	06/10/1994				Giỏi	1050977	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12597	178-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	21/01/1994				Khá	1050978	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12598	179-K48A5	K48A5	Phạm Tiến	Thành	Nam	13/09/1991				Khá	1050979	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12599	180-K48A5	K48A5	Phạm Hương	Thảo	Nữ	09/03/1994				Khá	1050980	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12600	181-K48A5	K48A5	Đỗ Thị	Thu	Nữ	07/07/1994				Khá	1050981	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12601	182-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/03/1994				Khá	1050982	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12602	183-K48A5	K48A5	Hoàng Thị	Thùy	Nữ	10/09/1994				Khá	1050983	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12603	184-K48A5	K48A5	Bùi Thùy	Tiên	Nữ	08/02/1994				Khá	1050984	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12604	185-K48A5	K48A5	Ngô Quốc	Toàn	Nam	05/02/1994				Trung bình	1050985	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12605	186-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	18/04/1994				Khá	1050986	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12606	187-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	22/09/1994				Giỏi	1050987	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12607	188-K48A5	K48A5	Lê Anh	Tuấn	Nam	23/04/1994				Khá	1050988	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12608	189-K48A5	K48A5	Nguyễn Xuân	Tùng	Nam	15/07/1994				Khá	1050989	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12609	190-K48A5	K48A5	Vũ Thị Lệ	Tuyết	Nữ	24/09/1994				Khá	1050990	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12610	191-K48A5	K48A5	Vũ Thị Thúy	Vân	Nữ	15/07/1994				Giỏi	1050991	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12611	192-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	26/05/1994				Khá	1050992	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12612	193-K48QA	K48QA	Nguyễn Thị Thúy	Anh	Nữ	25/06/1994				Khá	1050993	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12613	194-K48QA	K48QA	Trần Trung	Dũng	Nam	28/08/1994				Giỏi	1050994	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12614	195-K48QA	K48QA	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	18/09/1994				Khá	1050995	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12615	196-K48QA	K48QA	Phạm Thị	Hoa	Nữ	04/05/1994				Khá	1050996	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12616	197-K48QA	K48QA	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	20/09/1994				Khá	1050997	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12617	198-K48QA	K48QA	Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	16/03/1994				Khá	1050998	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12618	199-K48QA	K48QA	Nguyễn Thị	Mân	Nữ	21/09/1994				Khá	1050999	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12619	200-K48QA	K48QA	Lăng Thị Thúy	Na	Nữ	14/11/1994				Khá	1051000	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12620	201-K48QA	K48QA	Phạm Thị Thúy	Nga	Nữ	02/09/1994				Khá	1051112	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12621	202-K48QA	K48QA	Lã Thị Mai	Phương	Nữ	18/10/1993				Khá	1051113	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12622	203-K48QA	K48QA	Vũ Việt	Phương	Nữ	06/02/1994				Khá	1051114	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12623	204-K48QA	K48QA	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	03/02/1994				Khá	1051115	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12624	205-K48QA	K48QA	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	17/09/1994				Khá	1051116	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12625	206-K48QA	K48QA	Luyện Thị Kha	Tin	Nữ	11/01/1994				Khá	1051117	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12626	207-K48QA	K48QA	Nguyễn Hoàng Phi	Yến	Nữ	15/10/1994				Khá	1051118	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12627	208-K48K1	K48K1	Nguyễn Sỹ Tuấn	Anh	Nam	10/08/1993				Khá	1051119	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12628	209-K48K1	K48K1	Vũ Thị Quỳnh	Anh	Nữ	09/02/1994				Khá	1051120	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12629	210-K48K1	K48K1	Võ Ngọc	ánh	Nữ	12/09/1994				Khá	1051121	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12630	211-K48K1	K48K1	Dương Hồng	Cúc	Nữ	09/06/1994				Khá	1051122	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12631	212-K48K1	K48K1	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	10/04/1994				Khá	1051123	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12632	213-K48K1	K48K1	Phùng Thị Thùy	Dương	Nữ	13/12/1994				Khá	1051124	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12633	214-K48K1	K48K1	Cam Thị	Giang	Nữ	03/09/1994				Khá	1051125	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12634	215-K48K1	K48K1	Bùi Thu	Hà	Nữ	02/07/1994				Khá	1051126	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12635	216-K48K1	K48K1	Hoàng Thị Thái	Hà	Nữ	25/08/1994				Khá	1051127	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12636	217-K48K1	K48K1	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	10/10/1994				Khá	1051128	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12637	218-K48K1	K48K1	Hà Thị	Hiền	Nữ	20/07/1994				Khá	1051129	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12638	219-K48K1	K48K1	Lê Thị	Hoa	Nữ	01/07/1994				Khá	1051130	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12639	220-K48K1	K48K1	Hoàng Văn	Hoan	Nam	09/06/1994				Khá	1051131	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12640	221-K48K1	K48K1	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	24/11/1994				Khá	1051132	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12641	222-K48K1	K48K1	Phan Thị	Hường	Nữ	10/01/1994				Khá	1051133	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12642	223-K48K1	K48K1	Lê Thanh	Huyền	Nữ	31/05/1994				Khá	1051134	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12643	224-K48K1	K48K1	Ngô Thị Thanh	Huyền	Nữ	02/02/1994				Giỏi	1051135	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12644	225-K48K1	K48K1	Lê Thị	Lệ	Nữ	16/07/1994				Giỏi	1051136	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12645	226-K48K1	K48K1	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	28/12/1994				Khá	1051137	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12646	227-K48K1	K48K1	Phan Thị Diệu	Linh	Nữ	25/06/1994				Giỏi	1051138	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12647	228-K48K1	K48K1	Đặng Thị Hải	Lý	Nữ	29/06/1994				Khá	1051139	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12648	229-K48K1	K48K1	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	13/07/1994				Khá	1051140	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12649	230-K48K1	K48K1	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	09/02/1994				Giỏi	1051141	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12650	231-K48K1	K48K1	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/06/1994				Khá	1051142	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12651	232-K48K1	K48K1	Đinh Khánh	Ninh	Nam	24/05/1994				Khá	1051143	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12652	233-K48K1	K48K1	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	06/01/1994				Khá	1051144	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12653	234-K48K1	K48K1	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	02/09/1994				Khá	1051145	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12654	235-K48K1	K48K1	Trần Văn	Sơn	Nam	26/05/1994				Trung bình	1051146	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12655	236-K48K1	K48K1	Lã Đình	Thành	Nam	28/04/1994				Khá	1051147	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12656	237-K48K1	K48K1	Trần Phương	Thảo	Nữ	04/11/1994				Khá	1051148	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12657	238-K48K1	K48K1	Chu Thị	Thơm	Nữ	22/02/1994				Xuất sắc	1051149	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12658	239-K48K1	K48K1	Nguyễn Văn	Thuần	Nam	28/12/1994				Trung bình	1051150	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12659	240-K48K1	K48K1	Lương Thị Hồng	Thương	Nữ	02/05/1994				Khá	1051151	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12660	241-K48K1	K48K1	Hoàng Thị	Trang	Nữ	20/10/1993				Khá	1051152	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12661	242-K48K1	K48K1	Phí Thị	Tuyết	Nữ	06/08/1994				Giỏi	1051153	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12662	243-K48K2	K48K2	Lương Thị	An	Nữ	12/10/1994				Khá	1051154	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12663	244-K48K2	K48K2	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	16/01/1993				Khá	1051155	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12664	245-K48K2	K48K2	Đồng Thị Anh	Đào	Nữ	02/02/1994				Khá	1051156	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12665	246-K48K2	K48K2	Ngô Thị Thùy	Dung	Nữ	01/07/1994				Khá	1051157	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12666	247-K48K2	K48K2	Cao Thị	Hà	Nữ	07/11/1994				Khá	1051158	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12667	248-K48K2	K48K2	Trương Thị Thu	Hà	Nữ	17/11/1994				Giỏi	1051159	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12668	249-K48K2	K48K2	Trần Văn	Hải	Nam	09/08/1994				Khá	1051160	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12669	250-K48K2	K48K2	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	23/11/1994				Khá	1051161	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12670	251-K48K2	K48K2	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	05/04/1994				Khá	1051162	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12671	252-K48K2	K48K2	Đỗ Thị	Hồng	Nữ	27/10/1994				Khá	1051163	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12672	253-K48K2	K48K2	Lê Thị	Hương	Nữ	05/10/1994				Khá	1051164	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12673	254-K48K2	K48K2	Vũ Thị Thu	Hường	Nữ	18/10/1994				Khá	1051165	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12674	255-K48K2	K48K2	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05/04/1994				Khá	1051166	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12675	256-K48K2	K48K2	Nguyễn Thương	Huyền	Nữ	14/02/1993				Khá	1051167	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12676	257-K48K2	K48K2	Bùi Thị	Lệ	Nữ	30/12/1994				Khá	1051168	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12677	258-K48K2	K48K2	Nguyễn Hải	Linh	Nữ	09/11/1994				Khá	1051169	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12678	259-K48K2	K48K2	Vũ Thùy	Linh	Nữ	20/06/1994				Khá	1051170	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12679	260-K48K2	K48K2	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	30/11/1994				Khá	1051171	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12680	261-K48K2	K48K2	Hoàng Thị Thanh	Ngân	Nữ	18/03/1994				Khá	1051172	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12681	262-K48K2	K48K2	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	05/03/1994				Khá	1051173	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12682	263-K48K2	K48K2	Phạm Thị	Nhung	Nữ	18/04/1993				Khá	1051174	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12683	264-K48K2	K48K2	Nguyễn Đăng	Phong	Nam	05/06/1994				Khá	1051175	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12684	265-K48K2	K48K2	Phạm Thị	Phượng	Nữ	06/10/1994				Giỏi	1051176	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12685	266-K48K2	K48K2	Trần Thị	Quý	Nữ	29/04/1994				Khá	1051177	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12686	267-K48K2	K48K2	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	18/09/1994				Khá	1051178	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12687	268-K48K2	K48K2	Đinh Thị	Thoa	Nữ	13/07/1994				Khá	1051179	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12688	269-K48K2	K48K2	Vũ Hà	Thu	Nữ	23/05/1994				Khá	1051180	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12689	270-K48K2	K48K2	Kim Thị	Thương	Nữ	31/10/1994				Khá	1051181	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12690	271-K48K2	K48K2	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	20/08/1994				Khá	1051182	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12691	272-K48K2	K48K2	Nguyễn Văn	Trường	Nam	09/06/1994				Khá	1051183	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12692	273-K48K2	K48K2	Phạm Thanh	Tùng	Nam	10/09/1994				Khá	1051184	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12693	274-K48K2	K48K2	Đồng Kim	Tuyến	Nữ	07/05/1994				Khá	1051185	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12694	275-K48K2	K48K2	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	10/03/1994				Giỏi	1051186	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12695	276-K48K2	K48K2	Trần Thị	Yến	Nữ	14/09/1994				Khá	1051187	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12696	277-K48K3	K48K3	Đinh Thị	Anh	Nữ	21/11/1994				Khá	1051188	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12697	278-K48K3	K48K3	Lê Nhật	Anh	Nam	15/10/1994				Khá	1051189	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12698	279-K48K3	K48K3	Trương Mai	Anh	Nữ	26/07/1994				Khá	1051190	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12699	280-K48K3	K48K3	Vân Thị Ngọc	Châm	Nữ	27/07/1994				Khá	1051191	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12700	281-K48K3	K48K3	Nguyễn Văn	Cường	Nam	05/10/1992				Trung bình	1051192	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12701	282-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	17/02/1994				Khá	1051193	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12702	283-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	08/06/1994				Khá	1051194	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12703	284-K48K3	K48K3	Lê Thị	Dung	Nữ	28/10/1993				Khá	1051195	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12704	285-K48K3	K48K3	Bùi Thị	Hà	Nữ	07/05/1994				Khá	1051196	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12705	286-K48K3	K48K3	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	13/10/1994				Khá	1051197	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12706	287-K48K3	K48K3	Hồ Đình	Hậu	Nam	10/08/1993				Trung bình	1051198	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12707	288-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	18/01/1994				Khá	1051199	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12708	289-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	13/08/1994				Khá	1051200	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12709	290-K48K3	K48K3	Lã Mạnh	Hùng	Nam	07/10/1994				Trung bình	1051201	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12710	291-K48K3	K48K3	Đoàn Thu	Huyền	Nữ	04/02/1994				Khá	1051202	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12711	292-K48K3	K48K3	Vũ Thùy	Linh	Nữ	18/05/1994				Khá	1051203	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12712	293-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị Phương	Loan	Nữ	18/01/1994				Khá	1051204	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12713	294-K48K3	K48K3	Phạm Quang	Lộc	Nam	10/07/1994				Khá	1051205	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12714	295-K48K3	K48K3	Trần Thị	Mai	Nữ	12/01/1994				Khá	1051206	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12715	296-K48K3	K48K3	Trần Hoài	Nam	Nam	09/10/1994				Khá	1051207	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12716	297-K48K3	K48K3	Trần Thị Việt	Nga	Nữ	01/06/1994				Khá	1051208	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12717	298-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị Hồng	Ngoan	Nữ	23/03/1994				Khá	1051209	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12718	299-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	14/11/1994				Giỏi	1051210	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12719	300-K48K3	K48K3	Dương Ngọc	Pháp	Nam	25/12/1993				Khá	1051211	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12720	301-K48K3	K48K3	Bùi Như	Quỳnh	Nữ	09/11/1994				Khá	1051212	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12721	302-K48K3	K48K3	Nguyễn Anh	Tài	Nam	10/05/1994				Khá	1051213	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12722	303-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	15/03/1994				Khá	1051214	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12723	304-K48K3	K48K3	Dương Thị Kim	Thoa	Nữ	04/02/1994				Giỏi	1051215	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12724	305-K48K3	K48K3	Đỗ Thị ánh	Thu	Nữ	24/06/1994				Khá	1051216	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12725	306-K48K3	K48K3	Trần Thị	Thương	Nữ	28/06/1993				Khá	1051217	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12726	307-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	10/08/1994				Khá	1051218	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12727	308-K48K3	K48K3	Lưu Thị	Tuyến	Nữ	18/02/1994				Khá	1051219	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12728	309-K48K3	K48K3	Lê Thị ánh	Tuyết	Nữ	15/11/1994				Khá	1051220	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12729	310-K48K3	K48K3	Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	13/09/1994				Khá	1051221	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12730	311-K48K4	K48K4	Đỗ Thị	Anh	Nữ	20/04/1994				Khá	1051222	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12731	312-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	29/08/1994				Khá	1051223	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12732	313-K48K4	K48K4	Thái Thị	Chinh	Nữ	06/03/1993				Khá	1051224	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12733	314-K48K4	K48K4	Nguyễn Văn	Du	Nam	23/07/1994				Trung bình	1051225	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12734	315-K48K4	K48K4	Phan Thị	Duyên	Nữ	02/08/1994				Khá	1051226	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12735	316-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	11/12/1993				Khá	1051227	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12736	317-K48K4	K48K4	Lê Thị	Hà	Nữ	08/08/1994				Khá	1051228	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12737	318-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15/08/1994				Khá	1051229	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12738	319-K48K4	K48K4	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	25/05/1994				Khá	1051230	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12739	320-K48K4	K48K4	Lê Thị	Hòa	Nữ	26/03/1994				Khá	1051231	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12740	321-K48K4	K48K4	Dương Thị	Huệ	Nữ	08/02/1994				Khá	1051232	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12741	322-K48K4	K48K4	Nguyễn Bích	Huyền	Nữ	04/09/1993				Khá	1051233	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12742	323-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	29/09/1994				Khá	1051234	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12743	324-K48K4	K48K4	Trần Thị	Liễu	Nữ	06/09/1993				Khá	1051235	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12744	325-K48K4	K48K4	Nguyễn Hải	Linh	Nữ	27/02/1994				Khá	1051236	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12745	326-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	03/08/1994				Giỏi	1051237	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12746	327-K48K4	K48K4	Phạm Quỳnh	Nga	Nữ	04/09/1994				Giỏi	1051238	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12747	328-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	13/03/1994				Khá	1051239	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12748	329-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	14/10/1994				Khá	1051240	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12749	330-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	27/04/1994				Khá	1051241	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12750	331-K48K4	K48K4	Vũ Thị Thu	Phương	Nữ	27/08/1994				Khá	1051242	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12751	332-K48K4	K48K4	Nguyễn Tài	Tao	Nam	10/04/1993				Khá	1051243	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12752	333-K48K4	K48K4	Đoàn Hà	Thanh	Nữ	01/06/1994				Khá	1051244	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12753	334-K48K4	K48K4	Phạm Thị	Thảo	Nữ	01/11/1994				Khá	1051245	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12754	335-K48K4	K48K4	Bùi Thị	Thơm	Nữ	28/11/1994				Khá	1051246	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12755	336-K48K4	K48K4	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	02/11/1994				Khá	1051247	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12756	337-K48K4	K48K4	Bùi Thu	Trang	Nữ	20/03/1993				Khá	1051248	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12757	338-K48K4	K48K4	Ngô Thị Thùy	Trang	Nữ	26/11/1994				Khá	1051249	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12758	339-K48K4	K48K4	Ngô Thị	Tươi	Nữ	19/10/1993				Khá	1051250	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12759	340-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	07/12/1994				Giỏi	1051251	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12760	341-K48K5	K48K5	Hồ Thị Lan	Anh	Nữ	14/01/1994				Khá	1051252	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12761	342-K48K5	K48K5	Đỗ Thị Ngọc	ánh	Nữ	04/02/1994				Khá	1051253	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12762	343-K48K5	K48K5	Mai Phạm	Cao	Nam	28/03/1994				Khá	1051254	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12763	344-K48K5	K48K5	Phạm Thị	Chuyền	Nữ	14/01/1994				Khá	1051255	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12764	345-K48K5	K48K5	Nguyễn Thị Thúy	Dịu	Nữ	20/02/1994				Giỏi	1051256	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12765	346-K48K5	K48K5	Trương Trung	Đức	Nam	18/04/1994				Khá	1051257	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12766	347-K48K5	K48K5	Phùng Đình	Duy	Nam	28/03/1994				Khá	1051258	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12767	348-K48K5	K48K5	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	04/09/1994				Khá	1051259	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12768	349-K48K5	K48K5	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	18/11/1994				Khá	1051260	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12769	350-K48K5	K48K5	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	09/01/1994				Khá	1051261	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12770	351-K48K5	K48K5	Vũ Thị	Hậu	Nữ	13/03/1994				Khá	1051262	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12771	352-K48K5	K48K5	Nguyễn Minh	Hiền	Nữ	22/08/1994				Khá	1051263	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12772	353-K48K5	K48K5	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	06/01/1993				Khá	1051264	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12773	354-K48K5	K48K5	Ngô Thị	Hồi	Nữ	16/04/1994				Khá	1051265	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12774	355-K48K5	K48K5	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	10/09/1994				Trung bình	1051266	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12775	356-K48K5	K48K5	Ngô Văn	Hùng	Nam	11/01/1993				Khá	1051267	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12776	357-K48K5	K48K5	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	17/07/1994				Khá	1051268	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12777	358-K48K5	K48K5	Ngô Thị Thu	Huyền	Nữ	10/09/1994				Khá	1051269	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12778	359-K48K5	K48K5	Đồng Thị Ngọc	Lan	Nữ	22/09/1994				Khá	1051270	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12779	360-K48K5	K48K5	Hoàng Diệu	Linh	Nữ	12/07/1994				Giỏi	1051271	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12780	361-K48K5	K48K5	Trịnh Thị	Lý	Nữ	13/08/1994				Khá	1051272	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12781	362-K48K5	K48K5	Nguyễn Bá	Mạnh	Nam	28/09/1994				Khá	1051273	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12782	363-K48K5	K48K5	Lê Thị	Ngân	Nữ	18/12/1993				Khá	1051274	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12783	364-K48K5	K48K5	Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	10/08/1994				Khá	1051275	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12784	365-K48K5	K48K5	Lê Văn	Nhiên	Nam	01/04/1992				Khá	1051276	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12785	366-K48K5	K48K5	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	24/10/1994				Khá	1051277	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12786	367-K48K5	K48K5	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	27/07/1994				Khá	1051278	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12787	368-K48K5	K48K5	Đỗ Thị	Phương	Nữ	05/02/1994				Khá	1051279	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12788	369-K48K5	K48K5	Nguyễn Ngọc	Quý	Nam	17/09/1993				Khá	1051280	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12789	370-K48K5	K48K5	Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	16/05/1994				Khá	1051281	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12790	371-K48K5	K48K5	Trần Thị	Thảo	Nữ	20/12/1994				Khá	1051282	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12791	372-K48K5	K48K5	Trần Thị	Thư	Nữ	07/05/1994				Khá	1051283	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12792	373-K48K5	K48K5	Trần Thị	Thúy	Nữ	20/12/1993				Khá	1051284	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12793	374-K48K5	K48K5	Lê Duy	Tiến	Nam	03/02/1994				Khá	1051285	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12794	375-K48K5	K48K5	Trần Thị	Tuyến	Nữ	10/01/1994				Khá	1051286	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12795	376-K48K5	K48K5	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	04/10/1994				Khá	1051287	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12796	377-K48B1	K48B1	Bùi Thị Ngọc	Anh	Nữ	26/12/1994				Khá	1051288	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12797	378-K48B1	K48B1	Hồ Thị	Bích	Nữ	28/05/1994				Khá	1051289	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12798	379-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	02/10/1994				Khá	1051290	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12799	380-K48B1	K48B1	Vũ Thị	Bích	Nữ	04/08/1994				Giỏi	1051291	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12800	381-K48B1	K48B1	Phạm Thị	Đan	Nữ	18/08/1994				Khá	1051292	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12801	382-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	17/05/1994				Khá	1051293	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12802	383-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	11/11/1994				Khá	1051294	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12803	384-K48B1	K48B1	Hoàng Thị	Hà	Nữ	01/12/1994				Khá	1051295	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12804	385-K48B1	K48B1	Nguyễn Hoàng	Hà	Nữ	10/07/1994				Khá	1051296	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12805	386-K48B1	K48B1	Trần Thúy	Hằng	Nữ	16/03/1994				Khá	1051297	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12806	387-K48B1	K48B1	Ngô Thị	Hiền	Nữ	24/11/1993				Khá	1051298	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12807	388-K48B1	K48B1	Phạm Thị Hạnh	Hiền	Nữ	04/11/1994				Khá	1051299	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12808	389-K48B1	K48B1	Lê Thị	Hoa	Nữ	12/05/1994				Khá	1051300	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12809	390-K48B1	K48B1	Trần Thị	Huệ	Nữ	10/11/1994				Khá	1051301	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12810	391-K48B1	K48B1	Cao Thị	Hương	Nữ	09/07/1994				Khá	1051302	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12811	392-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	14/10/1994				Khá	1051303	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12812	393-K48B1	K48B1	Nguyễn Phương	Lan	Nữ	08/01/1994				Khá	1051304	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12813	394-K48B1	K48B1	Lê Thị	Linh	Nữ	10/04/1994				Khá	1051305	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12814	395-K48B1	K48B1	Trần Tố	Linh	Nữ	09/11/1994				Khá	1051306	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12815	396-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	21/01/1994				Khá	1051307	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12816	397-K48B1	K48B1	Trịnh Quang	Minh	Nam	21/06/1994				Khá	1051308	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12817	398-K48B1	K48B1	Bùi Thị Bích	Ngọc	Nữ	20/09/1994				Khá	1051309	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12818	399-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị	Nhiên	Nữ	25/10/1994				Khá	1051310	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12819	400-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị	Như	Nữ	05/11/1994				Giỏi	1051311	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12820	401-K48B1	K48B1	Phạm Thị	Phụng	Nữ	22/12/1994				Khá	1051312	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12821	402-K48B1	K48B1	Đào Thu	Phương	Nữ	25/12/1994				Khá	1051313	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12822	403-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	11/02/1994				Khá	1051314	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12823	404-K48B1	K48B1	Trịnh Văn	Quý	Nam	06/07/1994				Trung bình	1051315	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12824	405-K48B1	K48B1	Trần Thị	Sen	Nữ	15/05/1994				Khá	1051316	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12825	406-K48B1	K48B1	Quàng Thị	Thêu	Nữ	14/09/1994				Khá	1051317	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12826	407-K48B1	K48B1	Lưu Thị	Thúy	Nữ	25/08/1993				Khá	1051318	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12827	408-K48B1	K48B1	Phạm Thị	Thuyền	Nữ	18/05/1994				Khá	1051319	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12828	409-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị	Tiến	Nữ	14/04/1994				Khá	1051320	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12829	410-K48B1	K48B1	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	27/10/1994				Khá	1051321	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12830	411-K48B1	K48B1	Vũ Quỳnh	Trang	Nữ	22/02/1994				Khá	1051322	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12831	412-K48B1	K48B1	Phạm Xuân	Trường	Nam	14/09/1994				Khá	1051323	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12832	413-K48B1	K48B1	Lê Thị Quỳnh	Tươi	Nữ	23/04/1994				Khá	1051324	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12833	414-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị Thu	Yến	Nữ	15/02/1994				Khá	1051325	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12834	415-K48B1	K48B1	Lê Thị	Liên	Nữ	08/05/1994				Khá	1051326	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12835	416-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị Huệ	Anh	Nữ	28/09/1994				Khá	1051327	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12836	417-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	03/09/1994				Khá	1051328	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12837	418-K48B2	K48B2	Hoàng Văn	Bách	Nam	18/08/1993				Khá	1051329	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12838	419-K48B2	K48B2	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	25/06/1993				Khá	1051330	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12839	420-K48B2	K48B2	Trần Thị	Bình	Nữ	13/06/1994				Khá	1051331	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12840	421-K48B2	K48B2	Hà Thị	Chang	Nữ	11/01/1993				Khá	1051332	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12841	422-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị	Chung	Nữ	10/02/1994				Khá	1051333	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12842	423-K48B2	K48B2	Đặng Thị	Đào	Nữ	17/01/1994				Khá	1051334	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12843	424-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị	Đinh	Nữ	20/11/1993				Khá	1051335	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12844	425-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	20/12/1994				Khá	1051336	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12845	426-K48B2	K48B2	Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	12/04/1994				Xuất sắc	1051337	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12846	427-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	25/08/1994				Khá	1051338	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12847	428-K48B2	K48B2	Trịnh Thị Thúy	Hằng	Nữ	05/02/1994				Khá	1051339	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12848	429-K48B2	K48B2	Đỗ Tô Hồng	Hậu	Nữ	31/10/1994				Giỏi	1051340	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12849	430-K48B2	K48B2	Lê Thị	Hậu	Nữ	26/12/1994				Khá	1051341	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12850	431-K48B2	K48B2	Vũ Thị	Hiền	Nữ	02/07/1994				Khá	1051342	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12851	432-K48B2	K48B2	Phạm Thị	Hoa	Nữ	12/11/1994				Khá	1051343	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12852	433-K48B2	K48B2	Phan Thị Thu	Hoài	Nữ	13/03/1994				Khá	1051344	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12853	434-K48B2	K48B2	Hồ Thị	Hương	Nữ	12/10/1994				Khá	1051345	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12854	435-K48B2	K48B2	Phạm Thị	Hương	Nữ	29/09/1994				Khá	1051346	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12855	436-K48B2	K48B2	Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	25/09/1994				Khá	1051347	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12856	437-K48B2	K48B2	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	01/06/1994				Khá	1051348	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12857	438-K48B2	K48B2	Hoàng Quỳnh	Loan	Nữ	26/10/1994				Khá	1051349	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12858	439-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị Hải	Lý	Nữ	14/04/1994				Khá	1051350	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12859	440-K48B2	K48B2	Đỗ Minh	Ngọc	Nữ	23/05/1993				Khá	1051351	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12860	441-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	04/05/1994				Khá	1051352	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12861	442-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/04/1994				Khá	1051353	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12862	443-K48B2	K48B2	Nguyễn Thúy	Phương	Nữ	04/11/1994				Khá	1051354	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12863	444-K48B2	K48B2	Hoàng Thị	Phượng	Nữ	02/05/1994				Khá	1051355	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12864	445-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	01/05/1994				Khá	1051356	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12865	446-K48B2	K48B2	Giang Thị	Tam	Nữ	09/05/1994				Khá	1051357	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12866	447-K48B2	K48B2	Lê Thị	Thanh	Nữ	25/07/1994				Khá	1051358	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12867	448-K48B2	K48B2	Phạm Thị	Thảo	Nữ	20/12/1994				Giỏi	1051359	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12868	449-K48B2	K48B2	Đào Thị Hoài	Thu	Nữ	15/08/1994				Giỏi	1051360	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12869	450-K48B2	K48B2	Trần Thị Thanh	Thư	Nữ	17/08/1994				Khá	1051361	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12870	451-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	08/07/1994				Khá	1051362	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12871	452-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	Nữ	02/07/1994				Giỏi	1051363	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12872	453-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	29/07/1994				Khá	1051364	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12873	454-K48B2	K48B2	Nguyễn Tố	Uyên	Nữ	06/01/1994				Khá	1051365	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12874	455-K48B2	K48B2	Đỗ Hùng	Vương	Nam	17/05/1994				Khá	1051366	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12875	456-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị	Yên	Nữ	15/02/1994				Khá	1051367	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12876	457-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	15/05/1994				Khá	1051368	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12877	458-K48B3	K48B3	Lê Thị Hoàng	Anh	Nữ	17/05/1994				Khá	1051369	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12878	459-K48B3	K48B3	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	17/12/1994				Khá	1051370	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12879	460-K48B3	K48B3	Lại Ngọc	Bích	Nữ	22/01/1994				Khá	1051371	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12880	461-K48B3	K48B3	Vũ Thị	Chiên	Nữ	16/09/1994				Giỏi	1051372	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12881	462-K48B3	K48B3	Hoàng Thị	Chinh	Nữ	28/11/1994				Khá	1051373	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12882	463-K48B3	K48B3	Vũ Thị	Chung	Nữ	16/12/1994				Khá	1051374	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12883	464-K48B3	K48B3	Tạ Hải	Đăng	Nam	07/11/1994				Khá	1051375	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12884	465-K48B3	K48B3	Trần Thị Kim	Điệp	Nữ	28/07/1994				Khá	1051376	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12885	466-K48B3	K48B3	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	14/10/1994				Khá	1051377	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12886	467-K48B3	K48B3	Đoàn Thị Hương	Giang	Nữ	29/11/1994				Khá	1051378	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12887	468-K48B3	K48B3	Đào Thu	Hà	Nữ	05/11/1994				Khá	1051379	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12888	469-K48B3	K48B3	Đặng Thị	Hằng	Nữ	02/07/1994				Khá	1327565	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12889	470-K48B3	K48B3	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	12/06/1994				Khá	1327566	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12890	471-K48B3	K48B3	Phạm Thị Hồng	Hạnh	Nữ	10/08/1994				Giỏi	1327567	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12891	472-K48B3	K48B3	Bùi Thị Thu	Hiền	Nữ	09/02/1994				Khá	1327568	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12892	473-K48B3	K48B3	Cao Thị	Hiền	Nữ	28/07/1994				Khá	1327569	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12893	474-K48B3	K48B3	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	16/11/1994				Khá	1327570	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12894	475-K48B3	K48B3	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	31/07/1994				Khá	1327571	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12895	476-K48B3	K48B3	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	Nữ	30/10/1994				Khá	1327572	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12896	477-K48B3	K48B3	Nguyễn Duy	Hoàng	Nam	10/04/1993				Khá	1327573	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12897	478-K48B3	K48B3	Bùi Thị	Hương	Nữ	08/11/1993				Khá	1327574	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12898	479-K48B3	K48B3	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	30/03/1994				Giỏi	1327575	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12899	480-K48B3	K48B3	Bùi Thị	Hường	Nữ	01/08/1994				Khá	1327576	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12900	481-K48B3	K48B3	Đồng Thị	Huyền	Nữ	10/07/1994				Khá	1327577	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12901	482-K48B3	K48B3	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	20/10/1994				Khá	1327578	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12902	483-K48B3	K48B3	Đặng Thùy	Linh	Nữ	16/01/1994				Khá	1327579	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12903	484-K48B3	K48B3	Phạm Khánh	Linh	Nữ	28/11/1994				Giỏi	1327580	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12904	485-K48B3	K48B3	Phạm Thị	Loan	Nữ	11/06/1994				Giỏi	1327581	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12905	486-K48B3	K48B3	Phạm Thị	Minh	Nữ	04/12/1994				Trung bình	1327582	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12906	487-K48B3	K48B3	Lê Thị	Mơ	Nữ	31/10/1994				Khá	1327583	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12907	488-K48B3	K48B3	Nguyễn Văn	Nam	Nam	07/06/1994				Khá	1327584	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12908	489-K48B3	K48B3	Đỗ Bích	Nga	Nữ	15/04/1994				Khá	1327585	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12909	490-K48B3	K48B3	Đỗ Thị	Ngọc	Nữ	29/07/1993				Khá	1327586	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12910	491-K48B3	K48B3	Lê Thanh	Nhàn	Nữ	22/09/1994				Trung bình	1327587	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12911	492-K48B3	K48B3	Trần Thị	Nhung	Nữ	09/12/1994				Giỏi	1327588	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12912	493-K48B3	K48B3	Trần Thị Bích	Nụ	Nữ	10/06/1994				Khá	1327589	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12913	494-K48B3	K48B3	Hoàng Thị	Phương	Nữ	09/04/1994				Khá	1327590	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12914	495-K48B3	K48B3	Trần Thị	Phượng	Nữ	10/07/1993				Khá	1327591	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12915	496-K48B3	K48B3	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	16/01/1994				Khá	1327592	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12916	497-K48B3	K48B3	Trương Thị	Tâm	Nữ	21/12/1994				Khá	1327593	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12917	498-K48B3	K48B3	Đào Thị Thu	Thảo	Nữ	16/09/1994				Khá	1327594	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12918	499-K48B3	K48B3	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	15/03/1994				Trung bình	1327595	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12919	500-K48B3	K48B3	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	14/02/1994				Khá	1327596	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12920	501-K48B3	K48B3	Phạm Thị Thu	Thương	Nữ	21/11/1994				Khá	1327597	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12921	502-K48B3	K48B3	Phan Thị Thu	Thúy	Nữ	28/05/1994				Trung bình	1327598	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12922	503-K48B3	K48B3	Đặng Thị	Thùy	Nữ	26/08/1994				Khá	1327599	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12923	504-K48B3	K48B3	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	20/12/1994				Khá	1327600	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12924	505-K48B3	K48B3	Bùi Thị Thanh	Trang	Nữ	13/11/1994				Giỏi	1327601	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12925	506-K48B3	K48B3	Phạm Thị Tố	Trinh	Nữ	31/05/1994				Khá	1327602	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12926	507-K48B3	K48B3	Bùi Thị	Vân	Nữ	10/10/1994				Khá	1327603	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12927	508-K48B3	K48B3	Phú Thị Hoàng	Yến	Nữ	23/03/1993				Khá	1327604	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12928	509-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	10/02/1994				Khá	1327605	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12929	510-K48B4	K48B4	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	10/10/1993				Khá	1327606	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12930	511-K48B4	K48B4	Vũ Ngọc	ánh	Nữ	06/05/1994				Khá	1327607	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12931	512-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	12/04/1994				Khá	1327608	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12932	513-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nữ	12/01/1994				Khá	1327609	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12933	514-K48B4	K48B4	Phùng Văn	Đức	Nam	10/09/1994				Giỏi	1327610	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12934	515-K48B4	K48B4	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	23/09/1993				Khá	1327611	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12935	516-K48B4	K48B4	Bùi Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	29/10/1994				Khá	1327612	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12936	517-K48B4	K48B4	Phạm Thị Hồng	Gấm	Nữ	12/09/1994				Giỏi	1327613	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12937	518-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	19/08/1993				Khá	1327614	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12938	519-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	01/08/1994				Khá	1327615	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12939	520-K48B4	K48B4	Trịnh Thúy	Hằng	Nữ	13/03/1994				Khá	1327616	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12940	521-K48B4	K48B4	Lê Thị	Hiên	Nữ	26/03/1994				Trung bình	1327617	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12941	522-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	15/09/1994				Khá	1327618	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12942	523-K48B4	K48B4	Đào Thị	Hoa	Nữ	28/04/1994				Khá	1327619	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12943	524-K48B4	K48B4	Trần Thị Thu	Hoa	Nữ	21/08/1994				Khá	1327620	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12944	525-K48B4	K48B4	Tạ Thị	Hòa	Nữ	02/12/1994				Khá	1327621	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12945	526-K48B4	K48B4	Nguyễn Kim	Hương	Nữ	25/12/1994				Khá	1327622	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12946	527-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị Kim	Hương	Nữ	01/10/1994				Khá	1327623	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12947	528-K48B4	K48B4	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	21/06/1994				Giỏi	1327624	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12948	529-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Kim	Nữ	02/08/1994				Giỏi	1327625	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12949	530-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Lã	Nữ	04/11/1994				Khá	1327626	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12950	531-K48B4	K48B4	Đỗ Thị Khánh	Linh	Nữ	03/01/1994				Khá	1327627	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12951	532-K48B4	K48B4	Lê Minh Diệu	Linh	Nữ	16/04/1994				Khá	1327628	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12952	533-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	25/01/1994				Khá	1327629	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12953	534-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Lựu	Nữ	26/02/1994				Khá	1327630	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12954	535-K48B4	K48B4	Trần Thị	Mai	Nữ	23/04/1994				Khá	1327631	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12955	536-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	01/09/1994				Khá	1327632	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12956	537-K48B4	K48B4	Lại Thị	Ngà	Nữ	29/12/1994				Khá	1327633	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12957	538-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	01/12/1994				Khá	1327634	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12958	539-K48B4	K48B4	Vũ Minh	Nhật	Nữ	26/11/1994				Khá	1327635	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12959	540-K48B4	K48B4	Nguyễn Phương	Oanh	Nữ	09/10/1994				Khá	1327636	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12960	541-K48B4	K48B4	Trần Linh	Phương	Nữ	19/06/1993				Khá	1327637	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12961	542-K48B4	K48B4	Trần Hương	Quỳnh	Nữ	19/09/1994				Khá	1327638	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12962	543-K48B4	K48B4	Lê Thị	Thắm	Nữ	28/03/1994				Khá	1327639	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12963	544-K48B4	K48B4	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	27/12/1994				Khá	1327640	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12964	545-K48B4	K48B4	Ngô Thị	Thương	Nữ	02/08/1994				Khá	1327641	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12965	546-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	02/01/1994				Khá	1327642	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12966	547-K48B4	K48B4	Ngô Phương	Thùy	Nữ	22/12/1994				Khá	1327643	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12967	548-K48B4	K48B4	Phan Hoàng Thanh	Thùy	Nữ	19/12/1994				Khá	1327644	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12968	549-K48B4	K48B4	Đặng Thị Thu	Trang	Nữ	24/08/1994				Giỏi	1327645	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12969	550-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Xâm	Nữ	11/02/1994				Khá	1327646	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12970	551-K48B4	K48B4	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	26/04/1994				Khá	1327647	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12971	552-K48B5	K48B5	Trần Thị Vân	ánh	Nữ	06/04/1994				Khá	1327648	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
12972	553-K48B5	K48B5	Nguyễn Kim	Đạt	Nam	04/01/1994				Khá	1327649	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12973	554-K48B5	K48B5	Trần Thị	Duyên	Nữ	12/05/1994				Khá	1327650	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12974	555-K48B5	K48B5	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	16/10/1994				Khá	1327651	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12975	556-K48B5	K48B5	Phạm Thị	Hạnh	Nữ	01/03/1993				Khá	1327652	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12976	557-K48B5	K48B5	Lê Thị	Hoa	Nữ	04/07/1994				Khá	1327653	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12977	558-K48B5	K48B5	Trần Thị	Hòa	Nữ	26/01/1994				Khá	1327654	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12978	559-K48B5	K48B5	Trần Thị	Hồng	Nữ	12/11/1993				Khá	1327655	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12979	560-K48B5	K48B5	Bùi Thị	Hương	Nữ	24/02/1994				Khá	1327656	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12980	561-K48B5	K48B5	Trần Thị	Hương	Nữ	10/02/1994				Khá	1327657	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12981	562-K48B5	K48B5	Vũ Thị	Hương	Nữ	22/12/1994				Khá	1327658	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12982	563-K48B5	K48B5	Phạm Thị	Hướng	Nữ	15/12/1994				Khá	1327659	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12983	564-K48B5	K48B5	Trần Thị	Huyền	Nữ	01/06/1994				Khá	1327660	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12984	565-K48B5	K48B5	Phạm Quốc	Khánh	Nam	04/09/1992				Trung bình	1327661	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12985	566-K48B5	K48B5	Tô Thị	Là	Nữ	05/06/1994				Khá	1327662	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12986	567-K48B5	K48B5	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	03/01/1994				Khá	1327663	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12987	568-K48B5	K48B5	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	16/04/1994				Khá	1327664	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12988	569-K48B5	K48B5	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	05/08/1994				Khá	1327665	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12989	570-K48B5	K48B5	Đoàn Thị	Ly	Nữ	27/07/1993				Khá	1327666	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12990	571-K48B5	K48B5	Hoàng Thị Thanh	Mai	Nữ	06/02/1994				Khá	1327667	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12991	572-K48B5	K48B5	Lê Thị	Nga	Nữ	14/02/1994				Khá	1327668	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12992	573-K48B5	K48B5	Trần Thị	Ngát	Nữ	03/06/1994				Khá	1327669	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12993	574-K48B5	K48B5	Hoàng Thị	Nhài	Nữ	18/02/1994				Khá	1327670	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12994	575-K48B5	K48B5	Phạm Thị	Nhung	Nữ	07/02/1994				Khá	1327671	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12995	576-K48B5	K48B5	Trần Thị	Nữ	Nữ	24/10/1994				Khá	1327672	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12996	577-K48B5	K48B5	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	30/03/1994				Khá	1327673	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12997	578-K48B5	K48B5	Nguyễn Thị Linh	Phương	Nữ	01/06/1994				Khá	1327674	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12998	579-K48B5	K48B5	Mai Thị	Phượng	Nữ	30/09/1994				Khá	1327675	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
12999	580-K48B5	K48B5	Trần Thị	Phượng	Nữ	28/02/1994				Khá	1327676	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13000	581-K48B5	K48B5	Nguyễn Đức	Quyết	Nam	10/12/1994				Khá	1327677	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13001	582-K48B5	K48B5	Phùng Văn	Quỳnh	Nam	20/06/1990				Khá	1327678	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13002	583-K48B5	K48B5	Phùng Thị	Sen	Nữ	28/11/1994				Giỏi	1327679	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13003	584-K48B5	K48B5	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	04/06/1994				Khá	1327680	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13004	585-K48B5	K48B5	Lê Thị	Thanh	Nữ	16/07/1994				Khá	1327681	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13005	586-K48B5	K48B5	Nguyễn Phan	Thành	Nam	29/03/1994				Khá	1327682	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13006	587-K48B5	K48B5	Lưu Thị Thu	Thảo	Nữ	10/04/1994				Khá	1327683	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13007	588-K48B5	K48B5	Nguyễn Thị Hồng	Thơm	Nữ	12/01/1994				Giỏi	1327684	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13008	589-K48B5	K48B5	Đặng Thị Huyền	Thương	Nữ	31/01/1994				Khá	1327685	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13009	590-K48B5	K48B5	Phạm Thị	Thúy	Nữ	08/06/1994				Khá	1327686	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13010	591-K48B5	K48B5	Cung Thị	Thùy	Nữ	08/09/1994				Khá	1327687	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13011	592-K48B5	K48B5	Lê Thị Thanh	Thùy	Nữ	01/04/1994				Khá	1327688	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13012	593-K48B5	K48B5	Hoàng Thu	Trang	Nữ	12/02/1993				Khá	1327689	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13013	594-K48B5	K48B5	Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	02/04/1994				Khá	1327690	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13014	595-K48B5	K48B5	Nguyễn Thị	Tú	Nữ	07/10/1994				Giỏi	1327691	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13015	596-K48B5	K48B5	Trần Thị	Vân	Nữ	03/04/1994				Khá	1327692	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13016	597-K48B5	K48B5	Nguyễn Thị Thành	Vinh	Nữ	22/11/1994				Khá	1327693	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13017	598-K48B6	K48B6	Chu Minh	Đức	Nam	22/07/1992				Khá	1327694	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13018	599-K48B6	K48B6	Đào Thị	Hằng	Nữ	25/03/1993				Khá	1327695	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13019	600-K48B6	K48B6	Trịnh Thị	Hạnh	Nữ	02/07/1993				Khá	1327696	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13020	601-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	16/06/1994				Giỏi	1327697	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13021	602-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	17/10/1994				Khá	1327698	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13022	603-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	03/05/1994				Khá	1327699	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13023	604-K48B6	K48B6	Hoàng Thị	Hương	Nữ	02/10/1994				Khá	1327700	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13024	605-K48B6	K48B6	Hoàng Thị Thu	Hương	Nữ	24/07/1994				Khá	1327701	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13025	606-K48B6	K48B6	Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	29/11/1994				Khá	1327702	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13026	607-K48B6	K48B6	Phan Thị	La	Nữ	02/10/1994				Khá	1327703	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13027	608-K48B6	K48B6	Trần Thị	Lệ	Nữ	22/08/1994				Khá	1327704	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13028	609-K48B6	K48B6	Ngô Thị	Linh	Nữ	22/04/1994				Khá	1327705	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13029	610-K48B6	K48B6	Nguyễn Nhật	Linh	Nữ	01/12/1994				Khá	1327706	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13030	611-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	23/02/1994				Khá	1327707	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13031	612-K48B6	K48B6	Cao Thị	Lượng	Nữ	21/11/1994				Khá	1327708	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13032	613-K48B6	K48B6	Trịnh Thị	Ly	Nữ	17/07/1994				Khá	1327709	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13033	614-K48B6	K48B6	Trương Ngọc	Mai	Nữ	24/10/1994				Khá	1327710	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13034	615-K48B6	K48B6	Bùi Ngọc	Ngát	Nữ	01/02/1994				Khá	1327711	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13035	616-K48B6	K48B6	Nguyễn Lệ	Ngọc	Nữ	09/02/1993				Khá	1327712	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13036	617-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	28/02/1994				Khá	1327713	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13037	618-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	24/11/1994				Khá	1327714	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13038	619-K48B6	K48B6	Vũ Thị Thùy	Ninh	Nữ	30/05/1994				Khá	1327715	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13039	620-K48B6	K48B6	Đoàn Thị	Oanh	Nữ	16/03/1994				Khá	1327716	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13040	621-K48B6	K48B6	Bùi Thị Bích	Phương	Nữ	06/11/1994				Khá	1327717	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13041	622-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	14/11/1994				Khá	1327718	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13042	623-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	06/05/1994				Khá	1327719	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13043	624-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	24/08/1994				Khá	1327720	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13044	625-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	12/04/1994				Khá	1327721	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13045	626-K48B6	K48B6	Nguyễn Duy	Quảng	Nam	06/08/1993				Trung bình	1327722	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13046	627-K48B6	K48B6	Nguyễn Xuân	Quỳnh	Nam	07/08/1994				Khá	1327723	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13047	628-K48B6	K48B6	Phạm Thị	Tâm	Nữ	28/09/1994				Khá	1327724	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13048	629-K48B6	K48B6	Đỗ Thị	Thanh	Nữ	09/01/1994				Khá	1327725	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13049	630-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	15/07/1994				Khá	1327726	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13050	631-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	28/10/1994				Khá	1327727	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13051	632-K48B6	K48B6	Thái Thị	Thảo	Nữ	02/02/1994				Khá	1327728	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13052	633-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Thêu	Nữ	26/04/1994				Khá	1327729	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13053	634-K48B6	K48B6	Phạm Thị	Thu	Nữ	06/10/1994				Khá	1327730	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13054	635-K48B6	K48B6	Bùi Minh	Thư	Nữ	24/12/1994				Khá	1327731	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13055	636-K48B6	K48B6	Đinh Thị	Thường	Nữ	08/11/1993				Khá	1327732	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13056	637-K48B6	K48B6	Tống Văn	Thường	Nam	28/01/1993				Khá	1327733	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13057	638-K48B6	K48B6	Lê Thị	Thúy	Nữ	20/05/1994				Khá	1327734	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13058	639-K48B6	K48B6	Lưu Thị	Thúy	Nữ	23/06/1994				Khá	1327735	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13059	640-K48B6	K48B6	Vũ Thị	Thùy	Nữ	26/05/1994				Khá	1327736	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13060	641-K48B6	K48B6	Trần Thị Kiều	Trang	Nữ	29/10/1994				Khá	1327737	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13061	642-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	26/10/1994				Khá	1327738	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13062	643-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	22/11/1993				Khá	1327739	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13063	644-K48B6	K48B6	Đặng Thị	Vi	Nữ	14/05/1994				Khá	1327740	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13064	645-K48B6	K48B6	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	10/04/1994				Trung bình	1327741	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13065	646-K48T1	K48T1	Trần Nhật	Anh	Nữ	24/05/1994				Khá	1327742	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13066	647-K48T1	K48T1	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	27/09/1994				Khá	1327743	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13067	648-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	26/12/1993				Khá	1327744	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13068	649-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	Nữ	23/11/1994				Khá	1327745	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13069	650-K48T1	K48T1	Nguyễn Khánh	Chi	Nữ	08/12/1994				Khá	1327746	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13070	651-K48T1	K48T1	Phạm Thị	Chinh	Nữ	16/01/1993				Khá	1327747	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13071	652-K48T1	K48T1	Bùi Thị Hồng	Đoan	Nữ	28/11/1993				Khá	1327748	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13072	653-K48T1	K48T1	Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	17/12/1994				Khá	1327749	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13073	654-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	09/10/1994				Khá	1327750	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13074	655-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	16/02/1994				Khá	1327751	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13075	656-K48T1	K48T1	Đặng Việt	Dũng	Nam	09/07/1994				Trung bình	1327752	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13076	657-K48T1	K48T1	Thạch Quỳnh	Giang	Nữ	18/11/1994				Khá	1327753	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13077	658-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	18/09/1994				Khá	1327754	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13078	659-K48T1	K48T1	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	10/07/1994				Giỏi	1327755	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13079	660-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	12/05/1994				Khá	1327756	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13080	661-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Nữ	12/05/1994				Khá	1327757	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13081	662-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	22/05/1994				Khá	1327758	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13082	663-K48T1	K48T1	Phạm Thị	Hồng	Nữ	17/12/1994				Khá	1327759	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13083	664-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị Hồng	Huế	Nữ	27/07/1994				Khá	1327760	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13084	665-K48T1	K48T1	Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	29/07/1994				Khá	1327761	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13085	666-K48T1	K48T1	Đinh Thị Khánh	Huyền	Nữ	10/03/1994				Khá	1327762	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13086	667-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05/02/1994				Khá	1327763	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13087	668-K48T1	K48T1	Phạm Thị	Huyền	Nữ	28/11/1994				Khá	1327764	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13088	669-K48T1	K48T1	Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	17/11/1994				Khá	1327765	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13089	670-K48T1	K48T1	Hoàng Trường	Lộc	Nam	01/09/1994				Trung bình	1327766	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13090	671-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	27/12/1992				Khá	1327767	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13091	672-K48T1	K48T1	Đinh Thị	Minh	Nữ	25/11/1994				Khá	1327768	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13092	673-K48T1	K48T1	Lý Thị	Oanh	Nữ	01/05/1993				Khá	1327769	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13093	674-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	14/02/1994				Khá	1327770	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13094	675-K48T1	K48T1	Bùi Thị	Tâm	Nữ	26/05/1994				Khá	1327771	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13095	676-K48T1	K48T1	Bùi Thị	Thảo	Nữ	06/07/1993				Khá	1327772	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13096	677-K48T1	K48T1	Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	04/05/1994				Khá	1327773	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13097	678-K48T1	K48T1	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	20/02/1994				Khá	1327774	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13098	679-K48T2	K48T2	Bùi Quỳnh	Anh	Nữ	21/09/1994				Giỏi	1327775	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13099	680-K48T2	K48T2	Lê Thị Hải	Anh	Nữ	31/05/1993				Khá	1327776	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13100	681-K48T2	K48T2	Nguyễn Việt	Anh	Nam	19/10/1994				Trung bình	1327777	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13101	682-K48T2	K48T2	Trần Thị Thùy	Chi	Nữ	10/10/1994				Khá	1327778	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13102	683-K48T2	K48T2	Phạm Đức	Duy	Nam	05/07/1994				Khá	1327779	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13103	684-K48T2	K48T2	Đào Thị Thu	Hà	Nữ	15/04/1994				Giỏi	1327780	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13104	685-K48T2	K48T2	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	08/09/1994				Khá	1327781	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13105	686-K48T2	K48T2	Vũ Thị	Hoài	Nữ	28/09/1994				Khá	1327782	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13106	687-K48T2	K48T2	Vũ Huy	Hoàng	Nam	10/07/1994				Khá	1327783	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13107	688-K48T2	K48T2	Phạm Thị	Hường	Nữ	24/09/1994				Khá	1327784	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13108	689-K48T2	K48T2	Vũ Thị Thanh	Huyền	Nữ	02/11/1994				Khá	1327785	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13109	690-K48T2	K48T2	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	09/04/1994				Khá	1327786	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13110	691-K48T2	K48T2	Phan Thị Hồng	Lam	Nữ	05/09/1994				Khá	1327787	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13111	692-K48T2	K48T2	Hoàng ánh	Linh	Nữ	19/01/1994				Khá	1327788	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13112	693-K48T2	K48T2	Lê Hải	Linh	Nữ	12/07/1994				Giỏi	1327789	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13113	694-K48T2	K48T2	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	26/08/1994				Khá	1327790	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13114	695-K48T2	K48T2	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	26/05/1994				Khá	1327791	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13115	696-K48T2	K48T2	Ngô Khánh	Ly	Nữ	03/10/1993				Khá	1327792	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13116	697-K48T2	K48T2	Vũ Thị	Mai	Nữ	29/12/1994				Khá	1327793	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13117	698-K48T2	K48T2	Quang Thị	Mến	Nữ	09/01/1994				Khá	1327794	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13118	699-K48T2	K48T2	Phạm Thị	Nga	Nữ	03/12/1994				Khá	1327795	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13119	700-K48T2	K48T2	Vũ Thị	Nga	Nữ	16/12/1994				Khá	1327796	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13120	701-K48T2	K48T2	Phạm Anh	Ngọc	Nữ	02/09/1994				Khá	1327797	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13121	702-K48T2	K48T2	Lê Hồng	Nhung	Nữ	04/12/1994				Khá	1327798	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13122	703-K48T2	K48T2	Phạm Thị Hải	Quyên	Nữ	12/03/1994				Khá	1327799	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13123	704-K48T2	K48T2	Nguyễn ánh	Sao	Nữ	10/04/1994				Khá	1327800	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13124	705-K48T2	K48T2	Đào Vũ	Thắng	Nam	19/09/1994				Khá	1327801	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13125	706-K48T2	K48T2	Bùi Thị	Thảo	Nữ	17/10/1992				Khá	1327802	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13126	707-K48T2	K48T2	Phạm Thị	Thảo	Nữ	04/09/1994				Khá	1327803	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13127	708-K48T2	K48T2	Đinh Thị Huyền	Thu	Nữ	14/09/1994				Khá	1327804	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13128	709-K48T2	K48T2	Ngô Huyền	Thu	Nữ	02/11/1994				Khá	1327805	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13129	710-K48T2	K48T2	Lê Thị	Thương	Nữ	18/11/1994				Khá	1327806	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13130	711-K48T2	K48T2	Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	13/09/1994				Khá	1327807	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13131	712-K48T2	K48T2	Lê Thị	Trang	Nữ	18/02/1994				Khá	1327808	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13132	713-K48T2	K48T2	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	13/11/1994				Khá	1327809	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13133	714-K48T2	K48T2	Trương Thị	Trang	Nữ	08/06/1994				Khá	1327810	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13134	715-K48T2	K48T2	Dương Thị Ngọc	Tú	Nữ	11/03/1994				Khá	1327811	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13135	716-K48T2	K48T2	Lương Thị	Yến	Nữ	02/01/1994				Khá	1327812	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13136	717-K48T3	K48T3	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	24/06/1994				Khá	1327813	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13137	718-K48T3	K48T3	Trần Tuấn	Anh	Nam	14/03/1994				Trung bình	1327814	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13138	719-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	10/02/1994				Giỏi	1327815	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13139	720-K48T3	K48T3	Hà Văn	Chiến	Nam	18/11/1993				Trung bình	1327816	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13140	721-K48T3	K48T3	Phạm Thùy	Dung	Nữ	16/11/1994				Khá	1327817	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13141	722-K48T3	K48T3	Phan Thị	Dung	Nữ	11/12/1994				Khá	1327818	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13142	723-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	09/09/1994				Khá	1327819	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13143	724-K48T3	K48T3	Bùi Thị	Hà	Nữ	19/03/1993				Khá	1327820	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13144	725-K48T3	K48T3	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	10/06/1994				Khá	1327821	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13145	726-K48T3	K48T3	Mai Gia	Hùng	Nam	15/03/1993				Trung bình	1327822	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13146	727-K48T3	K48T3	Nguyễn Trọng	Hùng	Nam	30/03/1993				Khá	1327823	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13147	728-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/05/1994				Khá	1327824	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13148	729-K48T3	K48T3	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	26/08/1994				Khá	1327825	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13149	730-K48T3	K48T3	Trần Thị Hồng	Lê	Nữ	19/05/1994				Khá	1327826	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13150	731-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	17/06/1994				Khá	1327827	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13151	732-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	07/08/1993				Khá	1327828	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13152	733-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	20/07/1994				Giỏi	1327829	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13153	734-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị	Mát	Nữ	23/03/1993				Khá	1327830	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13154	735-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị Phương	Nam	Nữ	08/09/1994				Khá	1327831	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13155	736-K48T3	K48T3	Phạm Huy	Nam	Nam	02/06/1994				Khá	1327832	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13156	737-K48T3	K48T3	Cao Thị Kim	Ngân	Nữ	15/09/1993				Khá	1327833	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13157	738-K48T3	K48T3	Phạm Thúy	Nhài	Nữ	16/03/1994				Khá	1327834	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13158	739-K48T3	K48T3	Phan Thị Ngọc	Nhung	Nữ	12/04/1994				Khá	1327835	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13159	740-K48T3	K48T3	Đặng Hồng	Phúc	Nữ	30/12/1994				Khá	1327836	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13160	741-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị Xuân	Quý	Nữ	26/10/1993				Khá	1327837	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13161	742-K48T3	K48T3	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	05/04/1994				Khá	1327838	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13162	743-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	18/01/1994				Khá	1327839	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13163	744-K48T3	K48T3	Lê Thu	Thảo	Nữ	18/02/1994				Khá	1327840	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13164	745-K48T3	K48T3	Thân Thị	Thảo	Nữ	28/05/1993				Khá	1327841	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13165	746-K48T3	K48T3	Hoàng Thị	Thu	Nữ	29/03/1994				Khá	1327842	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13166	747-K48T3	K48T3	Trần Thị Hoài	Thương	Nữ	18/04/1993				Khá	1327843	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13167	748-K48T3	K48T3	Đỗ Thị	Thùy	Nữ	20/12/1994				Khá	1327844	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13168	749-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị	Tình	Nữ	11/07/1994				Khá	1327845	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13169	750-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	01/08/1994				Khá	1327846	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13170	751-K48T3	K48T3	Phan Thị Hà	Trang	Nữ	13/10/1993				Khá	1327847	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13171	752-K48T3	K48T3	Phan Thị	Tuyết	Nữ	25/09/1994				Khá	1327848	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13172	753-K48T3	K48T3	Vũ Thị	Vân	Nữ	07/10/1993				Khá	1327849	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13173	754-K48T3	K48T3	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	04/03/1994				Khá	1327850	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13174	755-K48T4	K48T4	Nguyễn Thị	An	Nữ	24/05/1994				Khá	1327851	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13175	756-K48T4	K48T4	Lê Tiến	Đạt	Nam	21/12/1994				Khá	1327852	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13176	757-K48T4	K48T4	Nguyễn Văn	Đạt	Nam	06/12/1994				Trung bình	1327853	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13177	758-K48T4	K48T4	Trần Tiến	Dũng	Nam	07/09/1994				Khá	1327854	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13178	759-K48T4	K48T4	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	13/12/1994				Khá	1327855	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13179	760-K48T4	K48T4	Trần Thị Quỳnh	Giang	Nữ	19/02/1994				Khá	1327856	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13180	761-K48T4	K48T4	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	26/09/1994				Khá	1327857	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13181	762-K48T4	K48T4	Bùi Thị	Hoa	Nữ	12/07/1994				Khá	1327858	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13182	763-K48T4	K48T4	Lê Thị	Hoài	Nữ	19/01/1994				Khá	1327859	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13183	764-K48T4	K48T4	Đinh Thị Diệu	Hương	Nữ	08/05/1994				Khá	1327860	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13184	765-K48T4	K48T4	Vũ Thị Thanh	Hương	Nữ	21/05/1994				Khá	1327861	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13185	766-K48T4	K48T4	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	22/11/1994				Khá	1327862	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13186	767-K48T4	K48T4	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	30/04/1994				Khá	1327863	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13187	768-K48T4	K48T4	Trình Thị	Huyền	Nữ	16/04/1994				Khá	1327864	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13188	769-K48T4	K48T4	Cao Thị	Khánh	Nữ	24/07/1994				Khá	1327865	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13189	770-K48T4	K48T4	Bùi Khánh	Linh	Nữ	26/05/1993				Khá	1327866	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13190	771-K48T4	K48T4	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	03/12/1994				Khá	1327867	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13191	772-K48T4	K48T4	Nguyễn Văn	Long	Nam	28/08/1994				Khá	1327868	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13192	773-K48T4	K48T4	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	20/09/1994				Khá	1327869	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13193	774-K48T4	K48T4	Phạm Thị Thúy	My	Nữ	15/12/1993				Khá	1327870	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13194	775-K48T4	K48T4	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	02/04/1994				Khá	1327871	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13195	776-K48T4	K48T4	Đặng Thị	Phương	Nữ	19/01/1994				Khá	1327872	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13196	777-K48T4	K48T4	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	16/09/1994				Khá	1327873	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13197	778-K48T4	K48T4	Đỗ Thị Minh	Tâm	Nữ	20/03/1994				Khá	1327874	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13198	779-K48T4	K48T4	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	14/11/1993				Khá	1327875	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13199	780-K48T4	K48T4	Phạm Thị	Tâm	Nữ	24/09/1993				Trung bình	1327876	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13200	781-K48I1	K48I1	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	25/12/1993				Khá	1327877	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13201	782-K48I1	K48I1	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	07/12/1994				Khá	1327878	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13202	783-K48I1	K48I1	Đinh Quang	Bắc	Nam	21/10/1993				Trung bình	1327879	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13203	784-K48I1	K48I1	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	Nữ	25/04/1994				Khá	1327880	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13204	785-K48I1	K48I1	Phan Thị	Diệu	Nữ	10/12/1994				Khá	1327881	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13205	786-K48I1	K48I1	Lê Văn	Đông	Nam	17/10/1994				Khá	1327882	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13206	787-K48I1	K48I1	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	09/05/1993				Khá	1327883	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13207	788-K48I1	K48I1	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	13/02/1992				Khá	1327884	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13208	789-K48I1	K48I1	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	25/07/1994				Khá	1327885	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13209	790-K48I1	K48I1	Nguyễn Đức	Hạnh	Nam	09/04/1993				Trung bình	1327886	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13210	791-K48I1	K48I1	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	15/09/1993				Khá	1327887	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13211	792-K48I1	K48I1	Tạ Thị	Hoài	Nữ	14/10/1994				Giỏi	1327888	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13212	793-K48I1	K48I1	Vũ Thúy	Hồng	Nữ	02/02/1994				Khá	1327889	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13213	794-K48I1	K48I1	Đặng Thị	Huế	Nữ	28/12/1994				Giỏi	1327890	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13214	795-K48I1	K48I1	Phạm Thị	Hương	Nữ	06/02/1993				Khá	1327891	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13215	796-K48I1	K48I1	Đặng Thị	Huyền	Nữ	11/06/1994				Khá	1327892	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13216	797-K48I1	K48I1	Đặng Thị	Khuyên	Nữ	03/03/1993				Khá	1327893	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13217	798-K48I1	K48I1	Hà Thị	Liên	Nữ	22/11/1994				Khá	1327894	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13218	799-K48I1	K48I1	Lưu Thị	Loan	Nữ	04/04/1994				Khá	1327895	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13219	800-K48I1	K48I1	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	01/02/1994				Khá	1327896	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13220	801-K48I1	K48I1	Nguyễn Hà	Nam	Nam	29/10/1994				Khá	1327897	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13221	802-K48I1	K48I1	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	18/01/1994				Khá	1327898	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13222	803-K48I1	K48I1	Lê Minh	Ngọc	Nam	19/05/1994				Khá	1327899	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13223	804-K48I1	K48I1	Vũ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	07/10/1993				Khá	1327900	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13224	805-K48I1	K48I1	Thái Thị Kiều	Oanh	Nữ	03/02/1994				Khá	1327901	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13225	806-K48I1	K48I1	Lê Thị Bích	Phương	Nữ	16/06/1994				Khá	1327902	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13226	807-K48I1	K48I1	Bùi Thị Thúy	Quyên	Nữ	14/04/1994				Khá	1327903	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13227	808-K48I1	K48I1	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	20/02/1994				Khá	1327904	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13228	809-K48I1	K48I1	Lương Đức	Sơn	Nam	22/10/1993				Trung bình	1327905	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13229	810-K48I1	K48I1	Mai Việt	Sơn	Nam	04/03/1992				Trung bình	1327906	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13230	811-K48I1	K48I1	Phạm Văn	Thái	Nam	07/09/1994				Khá	1327907	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13231	812-K48I1	K48I1	Bùi Thị	Thảo	Nữ	06/10/1994				Khá	1327908	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13232	813-K48I1	K48I1	Lâm Thị Hoài	Thu	Nữ	10/07/1994				Khá	1327909	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13233	814-K48I1	K48I1	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	10/08/1994				Khá	1327910	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13234	815-K48I1	K48I1	Lê Thị	Trà	Nữ	23/11/1994				Khá	1327911	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13235	816-K48I1	K48I1	Phan Thu	Trang	Nữ	21/10/1994				Khá	1327912	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13236	817-K48I1	K48I1	Trần Thị	Vân	Nữ	24/04/1994				Khá	1327913	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13237	818-K48I1	K48I1	Đỗ Thị	Yến	Nữ	05/10/1994				Khá	1327914	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13238	819-K48I2	K48I2	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	05/04/1994				Khá	1327915	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13239	820-K48I2	K48I2	Trần Nhật	Chình	Nam	14/05/1994				Khá	1327916	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13240	821-K48I2	K48I2	Nguyễn Thị	Chung	Nữ	11/05/1993				Khá	1327917	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13241	822-K48I2	K48I2	Trần Văn	Đạt	Nam	07/11/1994				Khá	1327918	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13242	823-K48I2	K48I2	Phạm Thị Thu	Dung	Nữ	09/04/1994				Khá	1327919	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13243	824-K48I2	K48I2	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	29/08/1994				Khá	1327920	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13244	825-K48I2	K48I2	Nguyễn Hữu	Hải	Nam	05/08/1994				Trung bình	1327921	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13245	826-K48I2	K48I2	Trần Thị	Hằng	Nữ	08/08/1994				Khá	1327922	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13246	827-K48I2	K48I2	Trần Đức	Hạnh	Nam	02/05/1994				Khá	1327923	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13247	828-K48I2	K48I2	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	06/11/1994				Khá	1327924	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13248	829-K48I2	K48I2	Vũ Thị Thu	Hòa	Nữ	25/11/1993				Khá	1327925	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13249	830-K48I2	K48I2	Trịnh Thị	Hồng	Nữ	01/01/1993				Khá	1327926	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13250	831-K48I2	K48I2	Dương Thị	Huệ	Nữ	03/06/1994				Khá	1327927	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13251	832-K48I2	K48I2	Lê Thị	Hường	Nữ	10/12/1994				Giỏi	1327928	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13252	833-K48I2	K48I2	Lê Thị	Khuyên	Nữ	18/01/1994				Khá	1327929	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13253	834-K48I2	K48I2	Hà Thị	Lâm	Nữ	31/10/1993				Khá	1327930	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13254	835-K48I2	K48I2	Trần Thị THùy	Linh	Nữ	12/08/1993				Khá	1327931	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13255	836-K48I2	K48I2	Nguyễn Ngọc	Long	Nam	27/10/1994				Khá	1327932	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13256	837-K48I2	K48I2	Đoàn Thị	Luân	Nữ	29/10/1994				Khá	1327933	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13257	838-K48I2	K48I2	Lê Thị	Minh	Nữ	24/08/1994				Giỏi	1327934	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13258	839-K48I2	K48I2	Dương Thị Hồng	Ngọc	Nữ	14/12/1994				Khá	1327935	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13259	840-K48I2	K48I2	Trần Thị Minh	Nguyệt	Nữ	14/01/1994				Khá	1327936	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13260	841-K48I2	K48I2	Nguyễn Lâm	Nhật	Nam	01/12/1994				Khá	1327937	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13261	842-K48I2	K48I2	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	02/04/1994				Khá	1327938	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13262	843-K48I2	K48I2	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	14/04/1994				Khá	1327939	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13263	844-K48I2	K48I2	Phùng Thị	Quyên	Nữ	28/11/1994				Khá	1327940	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13264	845-K48I2	K48I2	Chu Văn	Sơn	Nam	07/10/1994				Khá	1327941	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13265	846-K48I2	K48I2	Nguyễn Đình	Sơn	Nam	16/02/1994				Khá	1327942	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13266	847-K48I2	K48I2	Trịnh Thanh	Tâm	Nữ	17/05/1993				Khá	1327943	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13267	848-K48I2	K48I2	Bạch Thị	Thắm	Nữ	25/07/1994				Khá	1327944	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13268	849-K48I2	K48I2	Đoàn Tiến	Thịnh	Nam	24/12/1994				Khá	1327945	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13269	850-K48I2	K48I2	Trần Thị	Thùy	Nữ	14/02/1994				Giỏi	1327946	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13270	851-K48I2	K48I2	Nguyễn Ngọc	Trường	Nam	02/09/1994				Khá	1327947	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13271	852-K48I2	K48I2	Kiều Tú	Tú	Nữ	30/08/1994				Trung bình	1327948	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13272	853-K48I2	K48I2	Tạ Thị	Vân	Nữ	15/11/1994				Khá	1327949	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13273	854-K48I2	K48I2	Hồ Hải	Yến	Nữ	04/05/1994				Khá	1327950	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13274	855-K48I2	K48I2	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	24/11/1994				Giỏi	1327951	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13275	856-K48I3	K48I3	Đỗ Thị Minh	Anh	Nữ	17/12/1994				Khá	1327952	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13276	857-K48I3	K48I3	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	04/09/1993				Khá	1327953	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13277	858-K48I3	K48I3	Vũ Văn	Cơ	Nam	26/08/1994				Trung bình	1327954	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13278	859-K48I3	K48I3	Bạch Văn	Đức	Nam	25/02/1993				Khá	1327955	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13279	860-K48I3	K48I3	Vũ Thị	Dung	Nữ	25/05/1994				Khá	1327956	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13280	861-K48I3	K48I3	Dương Thị	Hà	Nữ	19/05/1994				Khá	1327957	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13281	862-K48I3	K48I3	Mai Thị Thu	Hà	Nữ	18/12/1994				Khá	1327958	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13282	863-K48I3	K48I3	Khúc Hoàng	Hải	Nam	09/02/1993				Khá	1327959	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13283	864-K48I3	K48I3	Trần Thanh	Hoa	Nữ	24/11/1994				Khá	1327960	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13284	865-K48I3	K48I3	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	21/03/1994				Khá	1327961	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13285	866-K48I3	K48I3	Trần Thị	Huế	Nữ	20/03/1994				Khá	1327962	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13286	867-K48I3	K48I3	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	29/06/1994				Khá	1327963	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13287	868-K48I3	K48I3	Bùi Thị	Khánh	Nữ	16/03/1993				Khá	1327964	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13288	869-K48I3	K48I3	Nguyễn Xuân	Lộc	Nam	02/12/1994				Khá	1327965	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13289	870-K48I3	K48I3	Vũ Thị Thùy	Ly	Nữ	05/10/1994				Khá	1327966	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13290	871-K48I3	K48I3	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	07/11/1994				Khá	1327967	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13291	872-K48I3	K48I3	Ngô Tiểu	My	Nữ	13/05/1994				Khá	1327968	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13292	873-K48I3	K48I3	Trương Thị	Ngọc	Nữ	12/02/1994				Giỏi	1327969	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13293	874-K48I3	K48I3	Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	17/12/1994				Khá	1327970	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13294	875-K48I3	K48I3	Phùng Tuấn	Phong	Nam	28/09/1994				Khá	1327971	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13295	876-K48I3	K48I3	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	13/12/1994				Khá	1327972	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13296	877-K48I3	K48I3	Lê Xuân	Quý	Nam	10/03/1994				Khá	1327973	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13297	878-K48I3	K48I3	Ngô Hồng	Quyên	Nữ	28/12/1994				Khá	1327974	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13298	879-K48I3	K48I3	Phạm Giang	Sơn	Nam	08/01/1993				Trung bình	1327975	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13299	880-K48I3	K48I3	Vũ Thị	Thành	Nữ	27/02/1994				Trung bình	1327976	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13300	881-K48I3	K48I3	Bùi Thị	Thoan	Nữ	08/11/1994				Khá	1327977	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13301	882-K48I3	K48I3	Hoàng Thị	Thùy	Nữ	09/04/1994				Khá	1327978	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13302	883-K48I3	K48I3	Đinh Công	Tiến	Nam	21/12/1994				Trung bình	1327979	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13303	884-K48I3	K48I3	Cao Thu	Trang	Nữ	22/11/1994				Khá	1327980	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13304	885-K48I3	K48I3	Trương Thị Cẩm	Vân	Nữ	17/06/1994				Khá	1327981	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13305	886-K48I3	K48I3	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	29/08/1994				Khá	1327982	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13306	887-K48I3	K48I3	Trần Thị	Xuân	Nữ	10/11/1994				Khá	1327983	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13307	888-K48I3	K48I3	Phạm Thị Hoàng	Yến	Nữ	11/05/1993				Khá	1327984	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13308	889-K48I3	K48I3	Đinh Thị Hà	Phương	Nữ	28/03/1994				Khá	1327985	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13309	890-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	09/06/1994				Khá	1327986	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13310	891-K48I4	K48I4	Thiều Thị Vân	Anh	Nữ	03/04/1994				Khá	1327987	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13311	892-K48I4	K48I4	Phạm Thị	Bích	Nữ	11/12/1994				Khá	1327988	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13312	893-K48I4	K48I4	Nguyễn Minh	Châu	Nữ	03/11/1994				Khá	1327989	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13313	894-K48I4	K48I4	Trần Văn	Chí	Nam	01/09/1993				Khá	1327990	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13314	895-K48I4	K48I4	Vũ Thị	Dung	Nữ	05/05/1994				Khá	1327991	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13315	896-K48I4	K48I4	Trần Thị	Hằng	Nữ	20/02/1994				Khá	1327992	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13316	897-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	31/07/1994				Khá	1327993	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13317	898-K48I4	K48I4	Chu Thị	Hiền	Nữ	12/04/1993				Khá	1327994	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13318	899-K48I4	K48I4	Trần Việt	Hoàng	Nam	10/08/1994				Trung bình	1327995	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13319	900-K48I4	K48I4	Trần Thị	Hường	Nữ	02/04/1993				Trung bình	1327996	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13320	901-K48I4	K48I4	Đào Thị	Huyền	Nữ	21/09/1994				Khá	1327997	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13321	902-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	03/04/1994				Khá	1327998	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13322	903-K48I4	K48I4	Trần Thị	Huyền	Nữ	29/09/1994				Giỏi	1327999	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13323	904-K48I4	K48I4	Lê Thanh	Lam	Nữ	14/09/1994				Khá	1328000	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13324	905-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị Thúy	Linh	Nữ	10/09/1994				Khá	1328001	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13325	906-K48I4	K48I4	Phùng Thừa	Linh	Nam	17/01/1993				Khá	1328002	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13326	907-K48I4	K48I4	Đoàn Viết	Mạnh	Nam	26/12/1991				Khá	1328003	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13327	908-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	29/05/1994				Giỏi	1328004	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13328	909-K48I4	K48I4	Đỗ Thu	Nga	Nữ	25/11/1994				Giỏi	1328005	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13329	910-K48I4	K48I4	Lê Thị	Nhung	Nữ	21/12/1994				Khá	1328006	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13330	911-K48I4	K48I4	Phạm Văn	Phúc	Nam	16/01/1993				Khá	1328007	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13331	912-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	Nữ	10/05/1994				Khá	1328008	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13332	913-K48I4	K48I4	Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	26/12/1994				Khá	1328009	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13333	914-K48I4	K48I4	Trần Văn	Sơn	Nam	22/07/1993				Khá	1328010	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13334	915-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	21/03/1994				Khá	1328011	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13335	916-K48I4	K48I4	Nguyễn Hoài	Thanh	Nữ	02/11/1994				Khá	1328012	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13336	917-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	12/03/1994				Khá	1328013	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13337	918-K48I4	K48I4	Trần Duy	Thiện	Nam	17/04/1993				Khá	1328014	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13338	919-K48I4	K48I4	Phạm Thị	Thơ	Nữ	08/08/1994				Khá	1328015	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13339	920-K48I4	K48I4	Lê Thị Ngọc	Thúy	Nữ	01/05/1994				Khá	1328016	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13340	921-K48I4	K48I4	Lê Thị	Thủy	Nữ	25/07/1994				Khá	1328017	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13341	922-K48I4	K48I4	Ngô Văn	Tiến	Nam	01/06/1994				Khá	1328018	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13342	923-K48I4	K48I4	Lê Thị	Trang	Nữ	22/02/1994				Khá	1328019	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13343	924-K48I4	K48I4	Vũ Thị	Trang	Nữ	10/05/1993				Khá	1328020	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13344	925-K48I4	K48I4	Phạm Thị	Trinh	Nữ	04/12/1994				Khá	1328021	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13345	926-K48I4	K48I4	Hà Hữu	Trường	Nam	25/05/1994				Khá	1328022	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13346	927-K48I4	K48I4	Lê Thị	Tuyết	Nữ	26/12/1994				Khá	1328023	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13347	928-K48I4	K48I4	Phí Thị Thúy	Vân	Nữ	25/05/1994				Khá	1328024	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13348	929-K48I4	K48I4	Đoàn Thị	Yên	Nữ	14/10/1994				Khá	1328025	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13349	930-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	19/09/1994				Khá	1328026	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13350	931-K48I5	K48I5	Lưu Hồng	Anh	Nữ	02/12/1994				Khá	1328027	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13351	932-K48I5	K48I5	Phạm Ngọc	Anh	Nam	20/05/1993				Khá	1328028	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13352	933-K48I5	K48I5	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	17/12/1994				Khá	1328029	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13353	934-K48I5	K48I5	Nguyễn Minh	Công	Nam	22/08/1994				Khá	1328030	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13354	935-K48I5	K48I5	Đặng Thị Mỹ	Dung	Nữ	03/10/1994				Khá	1328031	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13355	936-K48I5	K48I5	Đặng Thị	Đượm	Nữ	12/10/1993				Khá	1328032	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13356	937-K48I5	K48I5	Mai Thị	Hà	Nữ	02/09/1994				Khá	1328033	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13357	938-K48I5	K48I5	Lê Thị	Hằng	Nữ	23/05/1994				Giỏi	1328034	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13358	939-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	26/05/1994				Khá	1328035	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13359	940-K48I5	K48I5	Hoàng Cẩm	Hạnh	Nữ	02/09/1994				Khá	1328036	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13360	941-K48I5	K48I5	Nguyễn Ngọc	Hạp	Nam	18/04/1993				Khá	1328037	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13361	942-K48I5	K48I5	Đặng Thị	Hiền	Nữ	02/11/1993				Trung bình	1328038	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13362	943-K48I5	K48I5	Nghiêm Công	Huy	Nam	04/01/1994				Trung bình	1328039	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13363	944-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị Tân	Huyền	Nữ	19/12/1994				Khá	1328040	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13364	945-K48I5	K48I5	Phạm Thu	Huyền	Nữ	19/12/1993				Giỏi	1328041	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13365	946-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	17/07/1994				Khá	1328042	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13366	947-K48I5	K48I5	Đỗ Thị	Liên	Nữ	23/03/1994				Giỏi	1328043	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13367	948-K48I5	K48I5	Nguyễn Huy	Linh	Nam	19/03/1994				Khá	1328044	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13368	949-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị	Na	Nữ	24/10/1994				Giỏi	1328045	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13369	950-K48I5	K48I5	Lê Thị Sinh	Nhị	Nữ	05/04/1994				Khá	1328046	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13370	951-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	15/01/1994				Khá	1328047	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13371	952-K48I5	K48I5	Hoàng Minh	Phong	Nam	23/10/1994				Khá	1328048	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13372	953-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	Nữ	15/03/1993				Giỏi	1328065	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13373	954-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	20/01/1993				Khá	1328049	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13374	955-K48I5	K48I5	Lê Xuân	Thái	Nam	10/07/1994				Khá	1328050	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13375	956-K48I5	K48I5	Nguyễn Tất	Thắng	Nam	18/08/1994				Khá	1328051	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13376	957-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	28/12/1994				Khá	1328052	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13377	958-K48I5	K48I5	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	15/07/1994				Khá	1328053	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13378	959-K48I5	K48I5	Bùi Thị	Thoa	Nữ	30/07/1994				Khá	1328054	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13379	960-K48I5	K48I5	Đồng Văn	Thoại	Nam	13/05/1993				Khá	1328055	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13380	961-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	05/11/1994				Khá	1328056	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13381	962-K48I5	K48I5	Dương Thị	Thương	Nữ	02/12/1994				Khá	1328057	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13382	963-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	25/08/1994				Trung bình	1328058	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13383	964-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	19/09/1994				Khá	1328059	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13384	965-K48I5	K48I5	Trương Bảo	Trung	Nam	05/04/1993				Trung bình	1328060	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13385	966-K48I5	K48I5	Trịnh Thị Thu	Tuyền	Nữ	21/11/1994				Khá	1328061	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13386	967-K48I5	K48I5	Hoàng Thị	Tuyết	Nữ	24/03/1994				Khá	1328062	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13387	968-K48I5	K48I5	Nguyễn Ngọc	Vinh	Nam	14/10/1994				Trung bình	1328063	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13388	969-K48I5	K48I5	Ngô Thị	Xuân	Nữ	04/02/1994				Khá	1328064	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13389	1487-K48H1	K48H1	Lưu Thị Kim	Anh	Nữ	27/11/1994				Khá	1329428	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13390	1488-K48H1	K48H1	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/11/1994				Khá	1329429	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13391	1489-K48H1	K48H1	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	03/09/1994				Khá	1329430	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13392	1490-K48H1	K48H1	Đỗ Thị Khánh	Chi	Nữ	30/12/1994				Khá	1329431	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13393	1491-K48H1	K48H1	Trần Văn	Cường	Nam	09/10/1994				Khá	1329432	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13394	1492-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	04/02/1994				Khá	1329433	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13395	1493-K48H1	K48H1	Đỗ Thị	Dịu	Nữ	19/07/1994				Giỏi	1329434	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13396	1494-K48H1	K48H1	Trương Thị	Dung	Nữ	07/02/1993				Khá	1329435	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13397	1495-K48H1	K48H1	Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	01/11/1994				Giỏi	1329436	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13398	1496-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	14/04/1994				Khá	1329437	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13399	1497-K48H1	K48H1	Phạm Thanh	Hải	Nam	17/02/1994				Khá	1329438	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13400	1498-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	02/07/1994				Khá	1329439	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13401	1499-K48H1	K48H1	Bàng Thị Ngân	Hạnh	Nữ	10/12/1994				Khá	1329440	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13402	1500-K48H1	K48H1	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	06/04/1994				Khá	1329441	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13403	1501-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	Nữ	29/09/1994				Khá	1329443	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13404	1502-K48H1	K48H1	Phạm Duy	Hoàng	Nam	29/07/1994				Khá	1329442	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13405	1503-K48H1	K48H1	Phan Mạnh	Hùng	Nam	21/09/1994				Khá	1329444	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13406	1504-K48H1	K48H1	Đỗ Thị	Hương	Nữ	09/01/1994				Khá	1329445	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13407	1505-K48H1	K48H1	Hoàng Thị	Hường	Nữ	17/08/1994				Khá	1329446	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13408	1506-K48H1	K48H1	Trần Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23/04/1994				Khá	1329447	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13409	1507-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	02/11/1994				Giỏi	1329448	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13410	1508-K48H1	K48H1	Phạm Thị THùy	Linh	Nữ	10/10/1993				Khá	1329449	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13411	1509-K48H1	K48H1	Nguyễn Nhật	Long	Nam	23/05/1994				Khá	1329450	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13412	1510-K48H1	K48H1	Đoàn Quang	Minh	Nam	05/12/1993				Khá	1329451	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13413	1511-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	12/06/1993				Giỏi	1329452	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13414	1512-K48H1	K48H1	Trần Thị ái	Ngân	Nữ	13/01/1994				Khá	1329453	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13415	1513-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	26/02/1994				Khá	1329454	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13416	1514-K48H1	K48H1	Phan Mỹ	Như	Nữ	10/11/1994				Khá	1329455	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13417	1515-K48H1	K48H1	Bùi Hoàng	Phương	Nam	25/02/1988				Khá	1329456	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13418	1516-K48H1	K48H1	Bùi Thị	Phương	Nữ	18/11/1993				Khá	1329457	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13419	1517-K48H1	K48H1	Lê Thị Hồng	Phương	Nữ	09/11/1994				Giỏi	1329458	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13420	1518-K48H1	K48H1	Nguyễn Bá	Sáng	Nam	29/10/1994				Khá	1329459	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13421	1519-K48H1	K48H1	Trần Thị	Thắm	Nữ	28/01/1994				Khá	1329460	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13422	1520-K48H1	K48H1	Lê Tất	Thành	Nam	01/11/1994				Khá	1329461	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13423	1521-K48H1	K48H1	Đỗ Thị	Thảo	Nữ	04/04/1994				Trung bình	1329462	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13424	1522-K48H1	K48H1	Trần Văn	Thường	Nam	07/10/1994				Trung bình	1329463	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13425	1523-K48H1	K48H1	Bùi Văn	Toàn	Nam	14/04/1993				Khá	1329464	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13426	1524-K48H1	K48H1	Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	10/10/1994				Khá	1329465	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13427	1525-K48H1	K48H1	Bùi Đình	Trường	Nam	11/03/1994				Khá	1329466	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13428	1526-K48H1	K48H1	Vũ Anh	Tuấn	Nam	13/12/1994				Khá	1329467	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13429	1527-K48H1	K48H1	Tạ Thị Tố	Uyên	Nữ	09/07/1994				Giỏi	1329468	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13430	1528-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	17/10/1994				Khá	1329469	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13431	1529-K48H2	K48H2	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	13/04/1994				Giỏi	1329470	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13432	1530-K48H2	K48H2	Phạm Hoàng	Anh	Nữ	22/09/1994				Khá	1329471	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13433	1531-K48H2	K48H2	Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	09/03/1993				Khá	1329472	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13434	1532-K48H2	K48H2	Vũ Thị Tuyết	Chinh	Nữ	01/11/1994				Khá	1329473	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13435	1533-K48H2	K48H2	Đinh Văn	Công	Nam	16/08/1994				Khá	1329474	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13436	1534-K48H2	K48H2	Đào Thị	Diệu	Nữ	09/03/1994				Khá	1329475	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13437	1535-K48H2	K48H2	Dương Thị Kim	Dung	Nữ	16/12/1994				Khá	1329476	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13438	1536-K48H2	K48H2	Trần Trung	Dũng	Nam	25/11/1991				Khá	1329477	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13439	1537-K48H2	K48H2	Trần Thị Hương	Giang	Nữ	20/10/1994				Khá	1329478	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13440	1538-K48H2	K48H2	Hoàng Thị	Hà	Nữ	20/11/1993				Khá	1329479	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13441	1539-K48H2	K48H2	Ngô Thị	Hà	Nữ	04/10/1994				Khá	1329480	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13442	1540-K48H2	K48H2	Trần Thị	Hằng	Nữ	02/03/1994				Khá	1329481	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13443	1541-K48H2	K48H2	Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	03/06/1993				Khá	1329482	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13444	1542-K48H2	K48H2	Phạm Thị	Hậu	Nữ	12/01/1994				Khá	1329483	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13445	1543-K48H2	K48H2	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	27/10/1993				Giỏi	1329484	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13446	1544-K48H2	K48H2	Hoàng Thị Minh	Hòa	Nữ	20/02/1994				Khá	1329485	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13447	1545-K48H2	K48H2	Phạm Thị Thu	Hoài	Nữ	12/09/1994				Khá	1329486	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13448	1546-K48H2	K48H2	Bùi Huy	Hoàng	Nam	19/07/1994				Trung bình	1329487	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13449	1547-K48H2	K48H2	Lê Thị	Hương	Nữ	10/05/1994				Khá	1329488	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13450	1548-K48H2	K48H2	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	21/07/1994				Khá	1329489	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13451	1549-K48H2	K48H2	Bùi Kim	Khánh	Nữ	28/08/1994				Khá	1329490	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13452	1550-K48H2	K48H2	Bàn Thị Thùy	Linh	Nữ	17/02/1993				Khá	1329491	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13453	1551-K48H2	K48H2	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	13/07/1994				Khá	1329492	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13454	1552-K48H2	K48H2	Nguyễn Thị	Ngoan	Nữ	05/11/1994				Khá	1329494	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13455	1553-K48H2	K48H2	Đào Thị	Nhung	Nữ	10/04/1994				Khá	1329495	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13456	1554-K48H2	K48H2	Nguyễn Thị	Nhường	Nữ	09/05/1994				Khá	1329496	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13457	1555-K48H2	K48H2	Lê Hoài	Phương	Nữ	23/09/1994				Khá	1329497	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13458	1556-K48H2	K48H2	Lương Thị	Phương	Nữ	24/06/1994				Khá	1329498	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13459	1557-K48H2	K48H2	Nguyễn Trường	Sơn	Nam	06/01/1994				Khá	1329499	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13460	1558-K48H2	K48H2	Chung Thanh	Tâm	Nữ	02/04/1993				Khá	1329500	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13461	1559-K48H2	K48H2	Tạ Phương	Thảo	Nữ	02/04/1994				Khá	1329501	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13462	1560-K48H2	K48H2	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	08/02/1994				Khá	1329502	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13463	1561-K48H2	K48H2	Vũ Hà	Thu	Nữ	10/08/1994				Khá	1329503	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13464	1562-K48H2	K48H2	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	06/02/1994				Giỏi	1329504	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13465	1563-K48H2	K48H2	Lê Duy	Tiến	Nam	26/08/1994				Khá	1329505	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13466	1564-K48H2	K48H2	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	11/07/1994				Khá	1329506	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13467	1565-K48H2	K48H2	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	20/06/1994				Khá	1329507	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13468	1566-K48H2	K48H2	Đỗ Đăng	Trường	Nam	23/03/1994				Khá	1329508	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13469	1567-K48H2	K48H2	Phan Thị	Vi	Nữ	09/08/1993				Khá	1329509	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13470	1568-K48H2	K48H2	Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	18/12/1994				Khá	1329510	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13471	1569-K48H3	K48H3	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	25/01/1994				Khá	1329511	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13472	1570-K48H3	K48H3	Ông Thị Lan	Anh	Nữ	11/06/1994				Khá	1329512	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13473	1571-K48H3	K48H3	Phạm Thị	ánh	Nữ	03/07/1994				Khá	1329513	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13474	1572-K48H3	K48H3	Hoàng Thị Minh	Châu	Nữ	15/08/1993				Khá	1329514	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13475	1573-K48H3	K48H3	Nguyễn Đức	Cường	Nam	09/08/1992				Trung bình	1329515	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13476	1574-K48H3	K48H3	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	30/08/1994				Khá	1329516	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13477	1575-K48H3	K48H3	Nguyễn Quang	Dương	Nam	09/11/1994				Khá	1329517	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13478	1576-K48H3	K48H3	Đỗ Thu	Hà	Nữ	12/02/1994				Khá	1329518	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13479	1577-K48H3	K48H3	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	17/05/1994				Khá	1329519	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13480	1578-K48H3	K48H3	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	27/06/1994				Khá	1329520	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13481	1579-K48H3	K48H3	Ngô Thị Lệ	Hằng	Nữ	12/06/1993				Khá	1329521	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13482	1580-K48H3	K48H3	Trần Thị	Hằng	Nữ	05/02/1994				Khá	1329522	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13483	1581-K48H3	K48H3	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	27/09/1994				Khá	1329523	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13484	1582-K48H3	K48H3	Trần Thúy	Hiền	Nữ	15/07/1994				Khá	1329524	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13485	1583-K48H3	K48H3	Nguyễn Đình	Hiếu	Nam	14/07/1994				Khá	1329525	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13486	1584-K48H3	K48H3	Luyện Thị Thu	Hoài	Nữ	25/09/1994				Khá	1329526	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13487	1585-K48H3	K48H3	Phạm Văn	Hoàng	Nam	01/09/1994				Khá	1329527	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13488	1586-K48H3	K48H3	Hoàng Thị Mai	Hương	Nữ	31/08/1994				Khá	1329528	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13489	1587-K48H3	K48H3	Mai Thị Thục	Hương	Nữ	20/08/1994				Khá	1329529	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13490	1588-K48H3	K48H3	Phan Thị	Lam	Nữ	25/03/1994				Khá	1329530	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13491	1589-K48H3	K48H3	Lê Xuân	Linh	Nam	12/04/1994				Khá	1329531	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13492	1590-K48H3	K48H3	Vũ Khánh	Linh	Nữ	05/01/1994				Khá	1329532	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13493	1591-K48H3	K48H3	Đỗ Thị	Mận	Nữ	08/03/1994				Khá	1329533	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13494	1592-K48H3	K48H3	Nguyễn Tuấn	Mạnh	Nam	09/11/1994				Khá	1329534	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13495	1593-K48H3	K48H3	Hà Thị Huyền	Nhung	Nữ	13/10/1994				Khá	1329535	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13496	1594-K48H3	K48H3	Phạm Thị THùy	Ninh	Nữ	28/07/1994				Khá	1329536	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13497	1595-K48H3	K48H3	Vũ Mạnh	Phong	Nam	21/04/1994				Khá	1329537	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13498	1596-K48H3	K48H3	Vũ Mai	Phương	Nữ	03/06/1994				Khá	1329538	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13499	1597-K48H3	K48H3	Đào Thị	Sơn	Nữ	15/04/1994				Giỏi	1329539	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13500	1598-K48H3	K48H3	Lê Văn	Tâm	Nam	17/09/1993				Khá	1329540	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13501	1599-K48H3	K48H3	Nguyễn Mạnh	Thắng	Nam	12/10/1994				Khá	1329541	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13502	1600-K48H3	K48H3	Phạm Thị Phương	Thủy	Nữ	02/11/1994				Khá	1329542	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13503	1601-K48H3	K48H3	Trần Văn	Tiến	Nam	01/03/1994				Khá	1329543	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13504	1602-K48H3	K48H3	Đỗ Huyền	Trang	Nữ	11/04/1994				Khá	1329544	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13505	1603-K48H3	K48H3	Dương Thị	Trang	Nữ	14/09/1994				Khá	1329545	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13506	1604-K48H3	K48H3	Đặng Hải	Triều	Nam	25/12/1994				Khá	1329546	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13507	1605-K48H3	K48H3	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	15/11/1994				Khá	1329547	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13508	1606-K48H3	K48H3	Dương Ngọc	Tuấn	Nam	22/09/1993				Khá	1329548	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13509	1607-K48H3	K48H3	Nguyễn Mạnh	Tùng	Nam	23/05/1994				Khá	1329549	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13510	1608-K48H3	K48H3	Trần Thị Khánh	Vân	Nữ	30/05/1994				Trung bình	1329550	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13511	1609-K48H3	K48H3	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	10/12/1994				Giỏi	1329551	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13512	1610-K48H3	K48H3	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	02/08/1994				Khá	1329552	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13513	1611-K48H3	K48H3	Đỗ ánh	Dương	Nữ	20/11/1994				Khá	1329553	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13514	1612-K48H4	K48H4	Mai Hải	Anh	Nam	12/09/1994				Khá	1329554	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13515	1613-K48H4	K48H4	Trần Thị Hương	Anh	Nữ	12/07/1994				Khá	1329555	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13516	1614-K48H4	K48H4	Ngô Thị	ánh	Nữ	20/03/1994				Khá	1329556	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13517	1615-K48H4	K48H4	Đặng Thị Ngọc	Bích	Nữ	02/07/1994				Khá	1329557	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13518	1616-K48H4	K48H4	Nguyễn Thị	Châm	Nữ	03/05/1994				Khá	1329558	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13519	1617-K48H4	K48H4	Nông Thị	Chuyên	Nữ	09/06/1991				Khá	1329559	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13520	1618-K48H4	K48H4	Trần Thị Hồng	Diệu	Nữ	22/12/1994				Khá	1329560	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13521	1619-K48H4	K48H4	Nguyễn Trung	Đức	Nam	14/03/1994				Trung bình	1329561	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13522	1620-K48H4	K48H4	Đào Thị	Dung	Nữ	22/10/1994				Khá	1329562	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13523	1621-K48H4	K48H4	Ngô Thị Hoàng	Dung	Nữ	15/05/1994				Giỏi	1329563	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13524	1622-K48H4	K48H4	Đào Thị	Giang	Nữ	10/09/1994				Khá	1329564	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13525	1623-K48H4	K48H4	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	30/10/1994				Khá	1329565	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13526	1624-K48H4	K48H4	Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	18/02/1993				Khá	1329566	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13527	1625-K48H4	K48H4	Trần Thị	Hằng	Nữ	30/08/1994				Khá	1329567	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13528	1626-K48H4	K48H4	Bùi Thị	Hạnh	Nữ	14/09/1994				Giỏi	1329568	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13529	1627-K48H4	K48H4	Lê Thị	Hạnh	Nữ	05/09/1994				Khá	1329569	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13530	1628-K48H4	K48H4	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	15/03/1993				Khá	1329570	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13531	1629-K48H4	K48H4	Trương Thị Mai	Hiền	Nữ	13/07/1994				Khá	1329571	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13532	1630-K48H4	K48H4	Hoàng Thị Hải	Hòa	Nữ	01/09/1994				Khá	1329572	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13533	1631-K48H4	K48H4	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	25/10/1994				Giỏi	1329573	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13534	1632-K48H4	K48H4	Lê Quý	Long	Nam	09/03/1994				Giỏi	1329574	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13535	1633-K48H4	K48H4	Nguyễn Thế	Mạnh	Nam	29/10/1994				Khá	1329575	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13536	1634-K48H4	K48H4	Phạm Thị Thúy	Nga	Nữ	04/09/1994				Giỏi	1329576	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13537	1635-K48H4	K48H4	Phùng Thị Hạnh	Ngân	Nữ	28/11/1994				Khá	1329577	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13538	1636-K48H4	K48H4	Dương Hồng	Nhung	Nữ	07/01/1994				Khá	1329578	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13539	1637-K48H4	K48H4	Hoàng Thị	Oanh	Nữ	12/07/1994				Khá	1329579	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13540	1638-K48H4	K48H4	Phạm Thị	Phương	Nữ	11/04/1994				Khá	1329580	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13541	1639-K48H4	K48H4	Vương Hoài Lan	Phương	Nữ	24/10/1994				Khá	1329581	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13542	1640-K48H4	K48H4	Ngô Đức	Tâm	Nam	12/09/1994				Khá	1329582	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13543	1641-K48H4	K48H4	Lưu Đại	Thắng	Nam	30/04/1994				Khá	1329583	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13544	1642-K48H4	K48H4	Dương Thị Ngọc	Thanh	Nữ	07/01/1994				Khá	1329584	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13545	1643-K48H4	K48H4	Phạm Thị Lệ	Thu	Nữ	11/02/1994				Khá	1329585	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13546	1644-K48H4	K48H4	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	05/02/1993				Giỏi	1329586	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13547	1645-K48H4	K48H4	Nguyễn Hoàng	Tiến	Nam	12/03/1994				Khá	1329587	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13548	1646-K48H4	K48H4	Vũ Hà	Trang	Nữ	22/05/1994				Khá	1329588	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13549	1647-K48H4	K48H4	Vũ Đức Anh	Tuấn	Nam	02/09/1994				Khá	1329590	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13550	1648-K48H4	K48H4	Vũ Bách	Tùng	Nam	19/10/1994				Khá	1329591	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13551	1649-K48H4	K48H4	Lê Thị	Tuyết	Nữ	02/07/1994				Giỏi	1329592	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13552	1650-K48H4	K48H4	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	08/12/1994				Khá	1329593	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13553	1651-K48H4	K48H4	Cao Hải	Yến	Nữ	10/02/1993				Khá	1329594	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13554	1652-K48H4	K48H4	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	22/04/1994				Khá	1329595	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13555	1653-K48H5	K48H5	Nguyễn Xuân	Anh	Nam	10/09/1993				Khá	1329596	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13556	1654-K48H5	K48H5	Trần Thị Thanh	Dung	Nữ	16/06/1994				Giỏi	1329597	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13557	1655-K48H5	K48H5	Lê Thị	Hằng	Nữ	03/09/1994				Khá	1329598	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13558	1656-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị Mai	Hồng	Nữ	11/11/1994				Khá	1329599	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13559	1657-K48H5	K48H5	Trần Thị	Huyền	Nữ	20/08/1994				Khá	1329600	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13560	1658-K48H5	K48H5	Vũ Thị	Huyền	Nữ	03/08/1994				Khá	1329601	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13561	1659-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	25/04/1994				Khá	1329602	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13562	1660-K48H5	K48H5	Vũ Thị	Liên	Nữ	15/01/1994				Khá	1329603	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13563	1661-K48H5	K48H5	Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	26/09/1994				Giỏi	1329604	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13564	1662-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	09/10/1994				Khá	1329605	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13565	1663-K48H5	K48H5	Nguyễn THùy	Linh	Nữ	21/08/1994				Khá	1329606	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13566	1664-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	03/11/1994				Khá	1329607	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13567	1665-K48H5	K48H5	Đặng Thị Thanh	Mơ	Nữ	25/11/1994				Giỏi	1329608	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13568	1666-K48H5	K48H5	Nguyễn Huyền	My	Nữ	20/04/1994				Khá	1329609	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13569	1667-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	13/06/1993				Khá	1329610	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13570	1668-K48H5	K48H5	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	01/10/1994				Khá	1329611	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13571	1669-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	26/10/1994				Giỏi	1329612	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13572	1670-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	06/03/1994				Khá	1329613	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13573	1671-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	07/01/1994				Khá	1329614	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13574	1672-K48H5	K48H5	Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	30/10/1994				Giỏi	1329615	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13575	1673-K48H5	K48H5	Đào Thị Ngọc	Phương	Nữ	19/08/1994				Khá	1329616	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13576	1674-K48H5	K48H5	Doãn Thu	Phương	Nữ	03/06/1994				Khá	1329617	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13577	1675-K48H5	K48H5	Huy Thị	Phương	Nữ	07/04/1994				Khá	1329618	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13578	1676-K48H5	K48H5	Lưu Thị	Quyên	Nữ	01/03/1994				Khá	1329619	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13579	1677-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	13/04/1994				Khá	1329620	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13580	1678-K48H5	K48H5	Mai Phương	Thảo	Nữ	04/10/1994				Giỏi	1329621	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13581	1679-K48H5	K48H5	Đặng Thị	Thu	Nữ	18/12/1993				Khá	1329622	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13582	1680-K48H5	K48H5	Đoàn Thị	Thúy	Nữ	10/12/1994				Khá	1329623	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13583	1681-K48H5	K48H5	Bùi Thị Mai	Thùy	Nữ	15/02/1994				Khá	1329624	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13584	1682-K48H5	K48H5	Đinh Thanh	Thùy	Nữ	25/12/1993				Khá	1329625	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13585	1683-K48H5	K48H5	Hàn Thị Linh	Trang	Nữ	02/10/1994				Giỏi	1329626	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13586	1684-K48H5	K48H5	Lê Thị	Trang	Nữ	10/05/1993				Khá	1329627	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13587	1685-K48H5	K48H5	Bùi Đức	Trung	Nam	19/02/1994				Khá	1329628	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13588	1686-K48H5	K48H5	Vũ Thị	Tươi	Nữ	20/01/1994				Khá	1329629	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13589	1687-K48H5	K48H5	Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	30/12/1994				Khá	1329630	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13590	1688-K48H5	K48H5	Trần Thị	Yên	Nữ	19/12/1994				Khá	1329631	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13591	1689-K48H5	K48H5	Thạch Thị Hải	Yến	Nữ	04/10/1993				Giỏi	1329632	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13592	1690-K48H5	K48H5	Trần Thị An	Sáng	Nữ	23/02/1994				Khá	1329633	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13593	1691-K48H6	K48H6	Vũ Tuấn	Anh	Nam	22/06/1994				Khá	1329634	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13594	1692-K48H6	K48H6	Vũ Thị	Chinh	Nữ	25/11/1994				Khá	1329635	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13595	1693-K48H6	K48H6	Đỗ Thành	Đạt	Nam	02/11/1994				Khá	1329636	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13596	1694-K48H6	K48H6	Dương Thị Phương	Dung	Nữ	03/05/1994				Khá	1329637	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13597	1695-K48H6	K48H6	Hoàng	Hải	Nam	14/06/1994				Trung bình	1329638	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13598	1696-K48H6	K48H6	Vũ Thị	Hằng	Nữ	15/04/1994				Giỏi	1329639	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13599	1697-K48H6	K48H6	Huỳnh Hồng	Huệ	Nữ	19/10/1993				Khá	1329640	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13600	1698-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	13/04/1994				Khá	1329641	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13601	1699-K48H6	K48H6	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	18/11/1994				Khá	1329642	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13602	1700-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	04/04/1994				Khá	1329643	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13603	1701-K48H6	K48H6	Hoàng Thị	Lâm	Nữ	17/07/1994				Khá	1329644	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13604	1702-K48H6	K48H6	Lã Thị	Linh	Nữ	02/12/1994				Khá	1329645	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13605	1703-K48H6	K48H6	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	03/10/1994				Khá	1329646	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13606	1704-K48H6	K48H6	Vũ Thị	Mến	Nữ	20/11/1994				Giỏi	1329647	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13607	1705-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	04/01/1994				Khá	1329648	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13608	1706-K48H6	K48H6	Trần Thị	Nga	Nữ	29/07/1994				Khá	1329649	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13609	1707-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	Nữ	06/01/1994				Khá	1329650	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13610	1708-K48H6	K48H6	Trần Hải	Ngọc	Nam	28/07/1994				Khá	1329651	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13611	1709-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị	Nguyện	Nữ	03/12/1994				Khá	1329652	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13612	1710-K48H6	K48H6	Vũ Thị Phương	Nhung	Nữ	01/11/1994				Khá	1329653	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13613	1711-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	08/01/1993				Khá	1329654	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13614	1712-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị	Phấn	Nữ	10/07/1994				Khá	1329655	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13615	1713-K48H6	K48H6	Vũ Thị Thu	Phương	Nữ	09/01/1994				Khá	1329656	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13616	1714-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	18/11/1994				Khá	1329657	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13617	1715-K48H6	K48H6	Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	28/07/1994				Khá	1329658	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13618	1716-K48H6	K48H6	Phùng Thị	Tâm	Nữ	16/02/1994				Khá	1329659	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13619	1717-K48H6	K48H6	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	20/12/1994				Khá	1329660	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13620	1718-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị	Thêu	Nữ	02/12/1994				Giỏi	1329661	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13621	1719-K48H6	K48H6	Đoàn Thị Kim	Thoa	Nữ	10/06/1994				Khá	1329662	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13622	1720-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	06/06/1994				Khá	1329663	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13623	1721-K48H6	K48H6	Trần Thị	Thúy	Nữ	18/10/1994				Khá	1329664	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13624	1722-K48H6	K48H6	Lưu Thị	Thùy	Nữ	17/07/1994				Khá	1329665	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13625	1723-K48H6	K48H6	Ngô Thị	Trang	Nữ	21/10/1993				Khá	1329666	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13626	1724-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	07/11/1994				Trung bình	1329667	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13627	1725-K48H6	K48H6	Phạm Thị	Trang	Nữ	27/12/1994				Khá	1329668	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13628	1726-K48H6	K48H6	Thái Thị	Trang	Nữ	10/02/1993				Khá	1329669	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13629	1727-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị	Tứ	Nữ	11/06/1994				Giỏi	1329670	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13630	1728-K48H6	K48H6	Lại Thị	Tươi	Nữ	25/03/1994				Khá	1329671	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13631	1729-K48H6	K48H6	Đặng Thị	Tuyết	Nữ	01/09/1994				Khá	1329672	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13632	1730-K48H6	K48H6	Phạm Thị	Vinh	Nữ	22/09/1994				Khá	1329673	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13633	1731-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	08/08/1994				Khá	1329674	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13634	1732-K47H3	K47H3	Hoàng Thế	Báo	Nam	07/03/1993				Trung bình	1329675	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13635	1733-K47H4	K47H4	Đoàn Thanh	Tâm	Nữ	07/03/1992				Khá	1329676	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13636	1734-K47H5	K47H5	Phạm Hữu	Văn	Nam	26/03/1993				Trung bình	1329677	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13637	1735-K46H1	K46H1	Souphaphone	ONLEUXAY	Nữ	03/09/1991				Trung bình	1329678	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13638	1736-K43H4	K43H4	Nguyễn Khắc	Điệp	Nam	22/11/1989				Trung bình	1329679	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13639	1737-SB17H	SB17H	Nguyễn Văn	Trường	Nam	08/09/1991				Trung bình	1329493	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13640	1738-SB16K	SB16K	Dương Thu	Quỳnh	Nữ	12/09/1991				Khá	1330015	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13641	1903-K47T	K47T1	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	Nữ	23/07/1993				Trung bình	1330029	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13642	1904-K47T	K47T5	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	30/03/1993				Khá	1330030	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13643	1920-K46T	K46T1	Lê Thị	Hằng	Nữ	17/10/1991				Khá	1330046	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13644	1925-K46T	K46T1	Lại Tiến	Tùng	Nam	01/12/1991				Trung bình	1330051	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13645	1929-K48C1	K48C1	Trần Trung	Anh	Nữ	12/06/1994				Khá	1328837	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13646	1930-K48C1	K48C1	Trần Vân	Anh	Nữ	10/02/1994				Khá	1328838	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13647	1931-K48C1	K48C1	Đặng Ngọc	Bích	Nữ	14/06/1994				Khá	1328839	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13648	1932-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị Hoài	Chung	Nữ	17/08/1994				Khá	1328840	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13649	1933-K48C1	K48C1	Quách Văn	Đại	Nam	28/01/1994				Giỏi	1328841	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13650	1934-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	18/01/1994				Khá	1328842	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13651	1935-K48C1	K48C1	Trần Thị Kim	Doanh	Nữ	18/10/1994				Khá	1328843	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13652	1936-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	08/08/1994				Khá	1328844	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13653	1937-K48C1	K48C1	Lâm Văn	Hải	Nam	12/05/1994				Khá	1328845	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13654	1938-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	25/11/1994				Khá	1328846	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13655	1939-K48C1	K48C1	Chu Thị	Huệ	Nữ	23/08/1994				Khá	1328847	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13656	1940-K48C1	K48C1	Hoàng Thị	Hương	Nữ	24/10/1994				Khá	1328848	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13657	1941-K48C1	K48C1	Vương Xuân	Huy	Nam	24/10/1994				Khá	1328849	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13658	1942-K48C1	K48C1	Đàm Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/04/1994				Khá	1328850	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13659	1943-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	13/05/1994				Khá	1328851	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13660	1944-K48C1	K48C1	Bùi Đăng	Kiên	Nam	02/07/1994				Khá	1328852	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13661	1945-K48C1	K48C1	Chu Thị Thùy	Linh	Nữ	22/07/1994				Khá	1328853	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13662	1946-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	10/10/1994				Giỏi	1328854	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13663	1947-K48C1	K48C1	Lê Thị	Năm	Nữ	10/02/1994				Khá	1328855	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13664	1948-K48C1	K48C1	Lý Ngọc	Ngân	Nữ	12/04/1993				Khá	1328856	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13665	1949-K48C1	K48C1	Đào Thị	Ngọc	Nữ	14/05/1994				Khá	1328857	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13666	1950-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/08/1994				Khá	1328858	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13667	1951-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	25/07/1994				Khá	1328859	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13668	1952-K48C1	K48C1	Đinh Huệ	Phương	Nữ	08/10/1994				Khá	1328860	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13669	1953-K48C1	K48C1	Nguyễn Duy	Phương	Nam	21/10/1994				Trung bình	1328861	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13670	1954-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	04/03/1994				Khá	1328862	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13671	1955-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	25/01/1992				Khá	1328863	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13672	1956-K48C1	K48C1	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	09/10/1994				Giỏi	1328864	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13673	1957-K48C1	K48C1	Phạm Đức	Thịnh	Nam	24/02/1994				Khá	1328865	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13674	1958-K48C1	K48C1	Đoàn Thị	Thoa	Nữ	30/11/1994				Khá	1328866	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13675	1959-K48C1	K48C1	Trần Minh	Thư	Nữ	13/06/1994				Khá	1328867	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13676	1960-K48C1	K48C1	Đỗ Thị Phương	Thúy	Nữ	13/09/1994				Khá	1328868	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13677	1961-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	27/01/1994				Khá	1328869	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13678	1962-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	20/03/1994				Khá	1328870	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13679	1963-K48C1	K48C1	Phạm Huyền	Trang	Nữ	08/10/1994				Khá	1328871	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13680	1964-K48C1	K48C1	Nguyễn Anh	Tú	Nam	18/02/1994				Khá	1328872	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13681	1965-K48C1	K48C1	Hoàng Thị Kim	Tuyến	Nữ	23/10/1993				Khá	1328873	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13682	1966-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	08/11/1994				Khá	1328874	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13683	1967-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	03/05/1994				Khá	1328875	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13684	1968-K48C1	K48C1	Ứng Thị	Hạnh	Nữ	04/07/1994				Khá	1328876	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13685	1969-K48C2	K48C2	Đào Thị Vân	Anh	Nữ	11/12/1993				Khá	1328877	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13686	1970-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	27/12/1994				Khá	1328878	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13687	1971-K48C2	K48C2	Đào Thị	Bích	Nữ	21/09/1993				Khá	1328879	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13688	1972-K48C2	K48C2	Nguyễn Viết	Chức	Nam	23/10/1993				Khá	1328880	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13689	1973-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị	Chuyên	Nữ	23/01/1994				Khá	1328881	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13690	1974-K48C2	K48C2	Ngũ Hải	Đăng	Nam	26/12/1993				Giỏi	1328882	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13691	1975-K48C2	K48C2	Hoàng Thị Kim	Dung	Nữ	22/09/1994				Khá	1328883	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13692	1976-K48C2	K48C2	Vũ Thị Phương	Dung	Nữ	25/12/1992				Khá	1328884	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13693	1977-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị	Đương	Nữ	14/04/1994				Khá	1328885	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13694	1978-K48C2	K48C2	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	11/10/1994				Giỏi	1328886	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13695	1979-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	17/08/1994				Giỏi	1328887	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13696	1980-K48C2	K48C2	Trần Minh	Hoàng	Nam	02/12/1994				Khá	1328888	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13697	1981-K48C2	K48C2	Lê Thị Ngọc	Hồng	Nữ	25/07/1994				Khá	1328889	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13698	1982-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	15/09/1992				Khá	1328890	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13699	1983-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	25/10/1994				Trung bình	1328891	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13700	1984-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	16/02/1994				Khá	1328892	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13701	1985-K48C2	K48C2	Đặng Thị	Huyền	Nữ	16/06/1994				Khá	1328893	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13702	1986-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	26/03/1994				Khá	1328894	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13703	1987-K48C2	K48C2	Nghiêm Thị Thanh	Long	Nữ	26/04/1994				Khá	1328895	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13704	1988-K48C2	K48C2	Dương Thị Thanh	Mai	Nữ	20/01/1994				Khá	1328896	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13705	1989-K48C2	K48C2	Lê Đức	Minh	Nam	06/07/1994				Khá	1328897	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13706	1990-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	29/12/1994				Giỏi	1328898	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13707	1991-K48C2	K48C2	Phạm Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	17/10/1994				Khá	1328899	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13708	1992-K48C2	K48C2	Lê Thị	Nhung	Nữ	15/03/1994				Giỏi	1328900	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13709	1993-K48C2	K48C2	Phùng Linh	Phương	Nữ	31/07/1994				Khá	1328901	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13710	1994-K48C2	K48C2	Nguyễn Trường	Quân	Nam	17/08/1994				Khá	1328902	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13711	1995-K48C2	K48C2	Nguyễn Kim	Quỳnh	Nữ	26/09/1994				Khá	1328903	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13712	1996-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị Tịnh	Tâm	Nữ	09/10/1994				Khá	1328904	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13713	1997-K48C2	K48C2	Phạm Thị Bảo	Thoa	Nữ	23/10/1994				Khá	1328905	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13714	1998-K48C2	K48C2	Đinh Thị	Thơm	Nữ	23/08/1994				Khá	1328906	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13715	1999-K48C2	K48C2	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	20/03/1994				Khá	1328907	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13716	2000-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị	Tốt	Nữ	03/03/1993				Khá	1328908	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13717	2001-K48C2	K48C2	Lê Thị	Trang	Nữ	26/10/1994				Giỏi	1328909	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13718	2002-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	16/02/1994				Khá	1328910	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13719	2003-K48C2	K48C2	Vũ Thu	Trang	Nữ	16/09/1994				Khá	1328911	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13720	2004-K48C2	K48C2	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	23/03/1993				Khá	1328912	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13721	2005-K48C2	K48C2	Vũ Thị	Yến	Nữ	15/09/1994				Khá	1328913	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13722	2006-K48C3	K48C3	Lê Thị Việt	An	Nữ	27/05/1994				Giỏi	1328914	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13723	2007-K48C3	K48C3	Mai Ngọc	Ân	Nam	20/10/1994				Khá	1328915	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13724	2008-K48C3	K48C3	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	15/06/1994				Khá	1328916	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13725	2009-K48C3	K48C3	Vũ Thị	ánh	Nữ	20/09/1994				Khá	1328917	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13726	2010-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	Nữ	04/05/1993				Giỏi	1328918	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13727	2011-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị	Chúc	Nữ	22/05/1994				Khá	1328919	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13728	2012-K48C3	K48C3	Lê Minh	Đức	Nam	12/02/1994				Khá	1328920	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13729	2013-K48C3	K48C3	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	20/07/1994				Khá	1328921	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13730	2014-K48C3	K48C3	Phạm Thị Ngọc	Dung	Nữ	18/10/1994				Khá	1328922	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13731	2015-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	02/12/1994				Giỏi	1328923	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13732	2016-K48C3	K48C3	Trần Thị	Hải	Nữ	09/10/1994				Khá	1328924	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13733	2017-K48C3	K48C3	Đào Thị	Hằng	Nữ	17/07/1994				Khá	1328925	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13734	2018-K48C3	K48C3	Bùi Trọng	Hậu	Nam	03/08/1994				Khá	1328926	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13735	2019-K48C3	K48C3	Trương Thanh	Hiền	Nữ	29/11/1994				Giỏi	1328927	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13736	2020-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	19/08/1994				Khá	1328928	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13737	2021-K48C3	K48C3	Vũ Minh	Hoàng	Nam	22/08/1994				Khá	1328929	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13738	2022-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	21/01/1994				Khá	1328930	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13739	2023-K48C3	K48C3	Phạm Việt	Hưng	Nam	18/11/1993				Khá	1328931	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13740	2024-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	03/06/1994				Khá	1328932	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13741	2025-K48C3	K48C3	Vũ Thị Lan	Hương	Nữ	27/10/1994				Khá	1328933	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13742	2026-K48C3	K48C3	Bùi Thị	Huyền	Nữ	05/08/1993				Giỏi	1328934	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13743	2027-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	09/02/1994				Khá	1328935	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13744	2028-K48C3	K48C3	Lê Thùy	Linh	Nữ	22/07/1994				Khá	1328936	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13745	2029-K48C3	K48C3	Phùng Thị	Linh	Nữ	28/07/1994				Khá	1328937	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13746	2030-K48C3	K48C3	Vũ Việt Khánh	Linh	Nữ	15/07/1994				Khá	1328938	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13747	2031-K48C3	K48C3	Phạm Thị	Mến	Nữ	03/03/1994				Khá	1328939	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13748	2032-K48C3	K48C3	Phạm Thị Hương	Nga	Nữ	03/05/1994				Giỏi	1328940	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13749	2033-K48C3	K48C3	Bùi Trung	Nghĩa	Nam	20/12/1994				Khá	1328941	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13750	2034-K48C3	K48C3	Triệu Bích	Ngọc	Nữ	14/07/1994				Khá	1328942	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13751	2035-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	01/12/1994				Giỏi	1328943	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13752	2036-K48C3	K48C3	Lê Thị	Oanh	Nữ	20/10/1994				Giỏi	1328944	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13753	2037-K48C3	K48C3	Trương Ngọc	Phương	Nữ	11/06/1994				Khá	1328945	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13754	2038-K48C3	K48C3	Đỗ Văn	Sơn	Nam	25/08/1994				Khá	1328946	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13755	2039-K48C3	K48C3	Đào Thị Hoài	Thanh	Nữ	17/01/1994				Khá	1328947	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13756	2040-K48C3	K48C3	Vũ Thị Minh	Thảo	Nữ	19/11/1993				Khá	1328948	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13757	2041-K48C3	K48C3	Mạc Thị	Thơ	Nữ	20/12/1994				Giỏi	1328949	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13758	2042-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	10/08/1994				Khá	1328950	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13759	2043-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	06/06/1994				Khá	1328951	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13760	2044-K48C3	K48C3	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	16/02/1994				Khá	1328952	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13761	2045-K48C3	K48C3	Nguyễn Thu	Trà	Nữ	31/12/1994				Khá	1328953	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13762	2046-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị Linh	Trang	Nữ	26/06/1994				Khá	1328954	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13763	2047-K48C3	K48C3	Vũ Thiên	Trang	Nữ	07/05/1994				Khá	1328955	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13764	2048-K48C3	K48C3	Lê Thị Thanh	Vân	Nữ	11/12/1994				Khá	1328956	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13765	2049-K48C3	K48C3	Hà Thị	Vinh	Nữ	02/04/1994				Khá	1328957	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13766	2050-K48C3	K48C3	Đỗ Thị	Yến	Nữ	28/09/1994				Khá	1328958	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13767	2051-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	01/04/1994				Khá	1328959	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13768	2052-K48C4	K48C4	Vũ Thị Ngọc	Anh	Nữ	06/11/1994				Khá	1328960	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13769	2053-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị	ánh	Nữ	13/12/1994				Khá	1328961	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13770	2054-K48C4	K48C4	Nguyễn Xuân	Cát	Nam	19/11/1991				Trung bình	1328962	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13771	2055-K48C4	K48C4	Lê Quỳnh	Chi	Nữ	15/04/1994				Khá	1328963	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13772	2056-K48C4	K48C4	Lê Thị Thu	Cúc	Nữ	09/01/1994				Khá	1328964	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13773	2057-K48C4	K48C4	Trần Thị Hồng	Dung	Nữ	16/12/1994				Khá	1328965	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13774	2058-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	25/01/1994				Khá	1328966	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13775	2059-K48C4	K48C4	Lê Thị Thùy	Giang	Nữ	01/01/1994				Khá	1328967	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13776	2060-K48C4	K48C4	Đỗ Thị	Hào	Nữ	05/01/1994				Khá	1328968	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13777	2061-K48C4	K48C4	Bùi Thị Hải	Hậu	Nữ	25/05/1994				Khá	1328969	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13778	2062-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	14/04/1994				Khá	1328970	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13779	2063-K48C4	K48C4	Tạ Thị	Hiền	Nữ	12/05/1993				Giỏi	1328971	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13780	2064-K48C4	K48C4	Vũ Văn	Hiếu	Nam	20/06/1994				Khá	1328972	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13781	2065-K48C4	K48C4	Trần Văn	Hòa	Nam	10/09/1991				Khá	1328973	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13782	2066-K48C4	K48C4	Trần Thế	Hưng	Nam	08/08/1994				Khá	1328974	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13783	2067-K48C4	K48C4	Đỗ Thu	Hương	Nữ	01/05/1994				Giỏi	1328975	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13784	2068-K48C4	K48C4	Phan Thị Quỳnh	Hương	Nữ	18/11/1993				Khá	1328976	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13785	2069-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	10/11/1994				Khá	1328977	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13786	2070-K48C4	K48C4	Vũ Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/08/1994				Khá	1328978	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13787	2071-K48C4	K48C4	Lê Thị Mai	Linh	Nữ	14/01/1994				Khá	1328979	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13788	2072-K48C4	K48C4	Trần Phi	Long	Nam	27/05/1994				Trung bình	1328980	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13789	2073-K48C4	K48C4	Lê Thị Hồng	Mến	Nữ	26/08/1994				Khá	1328981	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13790	2074-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	23/10/1994				Khá	1328982	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13791	2075-K48C4	K48C4	Lê Thị	Phương	Nữ	09/02/1994				Khá	1328983	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13792	2076-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị Hoài	Phương	Nữ	28/10/1994				Khá	1328984	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13793	2077-K48C4	K48C4	Phạm Thị Xuân	San	Nữ	17/07/1994				Khá	1328985	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13794	2078-K48C4	K48C4	Nguyễn Trọng	Sơn	Nam	13/06/1994				Khá	1328986	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13795	2079-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	22/12/1994				Khá	1328987	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13796	2080-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	10/09/1993				Khá	1328988	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13797	2081-K48C4	K48C4	Phạm Thị	Thảo	Nữ	08/11/1994				Khá	1328989	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13798	2082-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị Lệ	Thơm	Nữ	23/03/1994				Khá	1328990	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13799	2083-K48C4	K48C4	Lương Thị	Thùy	Nữ	11/10/1994				Khá	1328991	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13800	2084-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	19/08/1994				Khá	1328992	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13801	2085-K48C4	K48C4	Đào Minh	Trang	Nữ	12/07/1994				Khá	1328993	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13802	2086-K48C4	K48C4	Trịnh Huyền	Trang	Nữ	13/12/1994				Khá	1328994	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13803	2087-K48C4	K48C4	Hà Ngọc	Tuân	Nam	13/12/1994				Khá	1328995	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13804	2088-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	13/03/1994				Khá	1328996	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13805	2089-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	03/08/1994				Khá	1328997	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13806	2090-K48C5	K48C5	Lương Ngọc	ánh	Nữ	01/09/1994				Giỏi	1328998	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13807	2091-K48C5	K48C5	Vũ Linh	Chi	Nữ	30/10/1994				Khá	1328999	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13808	2092-K48C5	K48C5	Lê Thị	Diệu	Nữ	04/08/1994				Khá	1329000	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13809	2093-K48C5	K48C5	Hoàng Thị	Dực	Nữ	02/07/1994				Khá	1329001	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13810	2094-K48C5	K48C5	Nguyễn Mạnh	Hào	Nam	28/01/1994				Khá	1329002	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13811	2095-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	16/01/1994				Khá	1329003	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13812	2096-K48C5	K48C5	Đỗ Thị Thu	Hiền	Nữ	30/09/1994				Trung bình	1329004	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13813	2097-K48C5	K48C5	Cao Quang	Hiếu	Nam	04/12/1994				Khá	1329005	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13814	2098-K48C5	K48C5	Lê Thị Kim	Huệ	Nữ	06/10/1993				Khá	1329006	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13815	2099-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	11/01/1994				Khá	1329007	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13816	2100-K48C5	K48C5	Đinh Thị Mai	Huyền	Nữ	30/12/1994				Khá	1329008	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13817	2101-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/05/1994				Giỏi	1329009	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13818	2102-K48C5	K48C5	Phan Thị Thanh	Lam	Nữ	12/05/1994				Khá	1329010	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13819	2103-K48C5	K48C5	Đỗ Thị Hải	Linh	Nữ	08/07/1994				Khá	1329011	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13820	2104-K48C5	K48C5	Vũ Thị	Loan	Nữ	16/08/1993				Khá	1329012	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13821	2105-K48C5	K48C5	Đào Thị	Mai	Nữ	10/03/1994				Khá	1329013	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13822	2106-K48C5	K48C5	Đinh Thị Hồng	Minh	Nữ	25/11/1994				Khá	1329014	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13823	2107-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	05/05/1994				Giỏi	1329015	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13824	2108-K48C5	K48C5	Trần Thị	Ngọc	Nữ	16/12/1994				Khá	1329016	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13825	2109-K48C5	K48C5	Phạm Thị	Nhi	Nữ	06/05/1994				Khá	1329017	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13826	2110-K48C5	K48C5	Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	23/03/1994				Khá	1329018	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13827	2111-K48C5	K48C5	Hoàng Minh	Phúc	Nam	10/05/1994				Khá	1329019	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13828	2112-K48C5	K48C5	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	10/08/1994				Khá	1329020	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13829	2113-K48C5	K48C5	Phạm Thị	Sáng	Nữ	18/08/1994				Giỏi	1329021	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13830	2114-K48C5	K48C5	Nguyễn Xuân	Thành	Nam	05/05/1994				Khá	1329022	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13831	2115-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	04/12/1994				Trung bình	1329023	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13832	2116-K48C5	K48C5	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	12/01/1994				Khá	1329024	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13833	2117-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị	Thê	Nữ	03/03/1994				Giỏi	1329025	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13834	2118-K48C5	K48C5	Phan Thị	Thơm	Nữ	05/08/1994				Khá	1329026	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13835	2119-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	27/07/1994				Khá	1329027	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13836	2120-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	12/08/1994				Khá	1329028	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13837	2121-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị Mai	Trang	Nữ	04/11/1994				Khá	1329029	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13838	2122-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	06/12/1994				Giỏi	1329030	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13839	2123-K48C5	K48C5	Phạm Thị Huyền	Trinh	Nữ	03/08/1994				Khá	1329031	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13840	2124-K48C5	K48C5	Nguyễn Thanh	Xuân	Nữ	17/08/1994				Giỏi	1329032	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13841	2125-K48C5	K48C5	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	13/10/1994				Khá	1329033	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13842	1879-K47C1	K47C1	Phạm Bá	Hùng	Nam	12/02/1992				Trung bình	1304863	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13843	1880-K47C1	K47C1	Nguyễn Tuấn	Linh	Nam	26/12/1993				Trung bình	1304864	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13844	1881-K47C1	K47C1	Nguyễn Hà	My	Nữ	03/12/1993				Khá	1304865	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13845	1882-K47C2	K47C2	Nguyễn Văn	Khôi	Nam	29/08/1991				Trung bình	1304866	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13846	1883-K47C5	K47C5	Nguyễn Tiến	Lộc	Nam	01/12/1993				Trung bình	1304867	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13847	1884-K47C5	K47C5	Trần Hồng	Vân	Nữ	08/12/1993				Khá	1304868	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13848	1917-K46C4	K46C4	Phạm Thị	Hà	Nữ	29/10/1992				Trung bình	1330043	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13849	1927-K45C1	K45C1	Phạm Minh	Thắng	Nam	14/02/1989				Trung bình	1330053	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13850	1150-K48D1	K48D1	Bùi Thị Vân	Anh	Nữ	7/7/1994				Khá	1328246	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13851	1151-K48D1	K48D1	Đỗ Ngọc	Anh	Nam	27/2/1994				Giỏi	1328247	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13852	1152-K48D1	K48D1	Lưu Thị Phương	Anh	Nữ	18/7/1994				Giỏi	1328248	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13853	1153-K48D1	K48D1	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	26/4/1994				Khá	1328249	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13854	1154-K48D1	K48D1	Nguyễn Thị	Cẩm	Nữ	26/5/1993				Khá	1328250	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13855	1155-K48D1	K48D1	Trịnh Thị	Dịu	Nữ	26/5/1994				Khá	1328251	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13856	1156-K48D1	K48D1	Lê	Dung	Nữ	12/9/1994				Khá	1328252	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13857	1157-K48D1	K48D1	Nguyễn Thị Mai	Duyên	Nữ	6/11/1994				Khá	1328253	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13858	1158-K48D1	K48D1	Hoàng Thị Hương	Giang	Nữ	21/1/1994				Khá	1328254	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13859	1159-K48D1	K48D1	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	14/5/1994				Giỏi	1328255	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13860	1160-K48D1	K48D1	Trịnh Thị Thu	Hà	Nữ	29/12/1994				Khá	1328256	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13861	1161-K48D1	K48D1	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	10/6/1994				Khá	1328257	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13862	1162-K48D1	K48D1	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	25/5/1994				Khá	1328258	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13863	1163-K48D1	K48D1	Đỗ Hào	Hiệp	Nam	17/9/1994				Giỏi	1328259	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13864	1164-K48D1	K48D1	Lại Phương	Hoa	Nữ	9/5/1994				Khá	1328260	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13865	1165-K48D1	K48D1	Phạm Thị Thanh	Hoài	Nữ	31/3/1994				Khá	1328261	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13866	1166-K48D1	K48D1	Đỗ Thị	Huế	Nữ	6/10/1994				Khá	1328262	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13867	1167-K48D1	K48D1	Lê Thị	Hương	Nữ	8/10/1994				Giỏi	1328263	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13868	1168-K48D1	K48D1	Lê Thùy	Hương	Nữ	5/7/1993				Khá	1328264	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13869	1169-K48D1	K48D1	Ngô Thị	Hường	Nữ	21/9/1994				Khá	1328265	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13870	1170-K48D1	K48D1	Đoàn Thị	Huyền	Nữ	16/4/1993				Khá	1328266	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13871	1171-K48D1	K48D1	Ngô Thị	Huyền	Nữ	4/9/1993				Khá	1328267	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13872	1172-K48D1	K48D1	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	29/12/1993				Khá	1328268	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13873	1173-K48D1	K48D1	Đặng Xuân	Kiên	Nam	31/12/1994				Trung bình	1328269	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13874	1174-K48D1	K48D1	Nguyễn Thị	Lành	Nữ	13/3/1994				Khá	1328270	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13875	1175-K48D1	K48D1	Phạm Thị	Lý	Nữ	26/5/1994				Giỏi	1328271	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13876	1176-K48D1	K48D1	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	Nữ	17/9/1994				Khá	1328272	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13877	1177-K48D1	K48D1	Phạm Thị ánh	Ngọc	Nữ	18/7/1994				Trung bình	1328273	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13878	1178-K48D1	K48D1	Lâm Thị	Nhâm	Nữ	6/11/1993				Khá	1328274	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13879	1179-K48D1	K48D1	Trần Thị Tố	Như	Nữ	12/3/1993				Khá	1328275	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13880	1180-K48D1	K48D1	Lừu Thị	Nhung	Nữ	26/2/1993				Khá	1328276	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13881	1181-K48D1	K48D1	Nguyễn Thị Xuân	Phong	Nữ	13/4/1994				Khá	1328277	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13882	1182-K48D1	K48D1	Bùi Thị	Phương	Nữ	9/10/1994				Khá	1328278	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13883	1183-K48D1	K48D1	Phạm Thị	Phương	Nữ	30/7/1994				Khá	1328279	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13884	1184-K48D1	K48D1	Đặng Thị	Quyên	Nữ	23/7/1994				Khá	1328280	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13885	1185-K48D1	K48D1	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	11/7/1994				Giỏi	1328281	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13886	1186-K48D1	K48D1	Vũ Thị Thu	Thanh	Nữ	28/3/1994				Trung bình	1328282	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13887	1187-K48D1	K48D1	Đào Thị Thu	Thảo	Nữ	13/11/1994				Khá	1328283	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13888	1188-K48D1	K48D1	Trần Minh	Thảo	Nữ	10/3/1994				Khá	1328284	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13889	1189-K48D1	K48D1	Lê Thị Hoài	Thu	Nữ	28/9/1994				Khá	1328285	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13890	1190-K48D1	K48D1	Trương Thị	Thu	Nữ	11/9/1993				Khá	1328286	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13891	1191-K48D1	K48D1	Võ Thị	Thúy	Nữ	10/8/1993				Giỏi	1328287	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13892	1192-K48D1	K48D1	Cù Thị	Tình	Nữ	16/12/1994				Khá	1328288	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13893	1193-K48D1	K48D1	Nguyễn Thị Thiên	Trang	Nữ	14/11/1994				Giỏi	1328289	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13894	1194-K48D1	K48D1	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	9/8/1994				Khá	1328290	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13895	1195-K48D1	K48D1	Trần Thị	Trinh	Nữ	5/2/1993				Giỏi	1328291	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13896	1196-K48D1	K48D1	Hoàng Thị Hồng	Vinh	Nữ	30/1/1994				Khá	1328292	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13897	1197-K48D1	K48D1	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	14/12/1993				Khá	1328293	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13898	1198-K48D1	K48D1	Vũ Thị	Yến	Nữ	5/7/1993				Khá	1328294	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13899	1199-K48D2	K48D2	Lưu Thị Vân	Anh	Nữ	25/9/1994				Khá	1328295	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13900	1200-K48D2	K48D2	Ngô Đức	Anh	Nam	20/5/1994				Khá	1328296	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13901	1201-K48D2	K48D2	Trương Thị	Anh	Nữ	18/10/1994				Giỏi	1328297	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13902	1202-K48D2	K48D2	Phạm Thị	Châu	Nữ	4/9/1994				Khá	1328298	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13903	1203-K48D2	K48D2	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	24/2/1994				Khá	1328299	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13904	1204-K48D2	K48D2	Trần Thị	Dịu	Nữ	7/8/1994				Khá	1328300	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13905	1205-K48D2	K48D2	Lê Thị	Dung	Nữ	21/12/1994				Khá	1328301	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13906	1206-K48D2	K48D2	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	5/11/1994				Khá	1328302	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13907	1207-K48D2	K48D2	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	23/9/1994				Khá	1328303	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13908	1208-K48D2	K48D2	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	14/2/1994				Giỏi	1328304	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13909	1209-K48D2	K48D2	Ngô Thanh	Hằng	Nữ	18/4/1994				Khá	1328305	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13910	1210-K48D2	K48D2	Tô Hồng	Hạnh	Nữ	6/9/1993				Xuất sắc	1328306	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13911	1211-K48D2	K48D2	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	27/5/1994				Khá	1328307	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13912	1212-K48D2	K48D2	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	5/3/1994				Giỏi	1328308	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13913	1213-K48D2	K48D2	Đào Thị	Hồng	Nữ	25/2/1994				Khá	1328309	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13914	1214-K48D2	K48D2	Lý Thị	Hồng	Nữ	22/5/1993				Trung bình	1328310	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13915	1215-K48D2	K48D2	Nông Đức	Huân	Nam	28/12/1993				Khá	1328311	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13916	1216-K48D2	K48D2	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	9/2/1994				Khá	1328312	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13917	1217-K48D2	K48D2	Bùi Thị	Hương	Nữ	23/7/1994				Khá	1328313	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13918	1218-K48D2	K48D2	Phan Thị	Hường	Nữ	13/9/1993				Khá	1328314	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13919	1219-K48D2	K48D2	Mai Khánh	Huyền	Nữ	19/2/1994				Giỏi	1328315	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13920	1220-K48D2	K48D2	Phạm Lê	Kiên	Nam	12/10/1994				Trung bình	1328316	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13921	1221-K48D2	K48D2	Thái Thị	Lê	Nữ	21/2/1993				Khá	1328317	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13922	1222-K48D2	K48D2	Hà Thị	Linh	Nữ	26/8/1994				Khá	1328318	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13923	1223-K48D2	K48D2	Hán Thị Thùy	Linh	Nữ	2/2/1994				Trung bình	1328319	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13924	1224-K48D2	K48D2	Phạm Thị	Lộc	Nữ	19/6/1994				Khá	1328320	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13925	1225-K48D2	K48D2	Lưu Đức	Mạnh	Nam	28/10/1994				Khá	1328321	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13926	1226-K48D2	K48D2	Vũ Thị Trà	My	Nữ	3/6/1994				Khá	1328322	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13927	1227-K48D2	K48D2	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	25/2/1994				Giỏi	1328323	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13928	1228-K48D2	K48D2	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	9/8/1993				Khá	1328324	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13929	1229-K48D2	K48D2	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	2/1/1994				Khá	1328325	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13930	1230-K48D2	K48D2	Đàm Thị	Oanh	Nữ	19/5/1994				Khá	1328326	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13931	1231-K48D2	K48D2	Đào Thị	Phương	Nữ	20/6/1994				Khá	1328327	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13932	1232-K48D2	K48D2	Vũ Thị Mai	Phương	Nữ	7/10/1994				Khá	1328328	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13933	1233-K48D2	K48D2	Trịnh Thị	Phượng	Nữ	7/11/1994				Khá	1328329	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13934	1234-K48D2	K48D2	Mai Thúy	Quỳnh	Nữ	22/12/1994				Khá	1328330	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13935	1235-K48D2	K48D2	Nghiêm Thị	Quỳnh	Nữ	11/10/1994				Giỏi	1328331	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13936	1236-K48D2	K48D2	Trương Thị	Thanh	Nữ	22/1/1994				Khá	1328332	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13937	1237-K48D2	K48D2	Đỗ Văn	Thành	Nam	11/9/1994				Giỏi	1328333	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13938	1238-K48D2	K48D2	Phạm Thị	Thảo	Nữ	22/12/1994				Giỏi	1328334	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13939	1239-K48D2	K48D2	Phan Thị Phương	Thảo	Nữ	29/8/1994				Khá	1328335	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13940	1240-K48D2	K48D2	Vi Diệu	Thùy	Nữ	27/11/1993				Khá	1328336	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13941	1241-K48D2	K48D2	Mai Thị	Thúy	Nữ	15/10/1994				Giỏi	1328337	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13942	1242-K48D2	K48D2	Phạm Thị Ngọc	Trâm	Nữ	18/3/1993				Trung bình	1328338	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13943	1243-K48D2	K48D2	Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	28/2/1994				Khá	1328339	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13944	1244-K48D2	K48D2	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	11/12/1994				Khá	1328340	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13945	1245-K48D2	K48D2	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	28/8/1994				Khá	1328341	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13946	1246-K48D2	K48D2	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	28/2/1994				Khá	1328342	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13947	1247-K48D2	K48D2	Nguyễn Thị	Vượng	Nữ	10/4/1994				Khá	1328343	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13948	1248-K48D2	K48D2	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	9/7/1994				Khá	1328344	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13949	1249-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	8/10/1994				Khá	1328345	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13950	1250-K48D3	K48D3	Vũ Hà	Anh	Nữ	12/1/1994				Khá	1328346	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13951	1251-K48D3	K48D3	Trần Thị Ngọc	ánh	Nữ	22/3/1994				Trung bình	1328347	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13952	1252-K48D3	K48D3	Vũ Thị	Chinh	Nữ	20/7/1994				Khá	1328348	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13953	1253-K48D3	K48D3	Đoàn Lập	Chính	Nam	26/12/1994				Khá	1328349	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13954	1254-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	13/7/1994				Khá	1328350	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13955	1255-K48D3	K48D3	Đinh Thị	Dung	Nữ	16/10/1994				Khá	1328351	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13956	1256-K48D3	K48D3	Trương Thị Kim	Duyên	Nữ	6/8/1994				Khá	1328352	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13957	1257-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị Thảo	Giang	Nữ	25/7/1994				Khá	1328353	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13958	1258-K48D3	K48D3	Ngô Thị	Hằng	Nữ	2/3/1994				Khá	1328354	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
13959	1259-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	16/4/1994				Khá	1328355	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13960	1260-K48D3	K48D3	Phạm Thị	Hiền	Nữ	20/8/1994				Khá	1328356	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13961	1261-K48D3	K48D3	Lê Thị	Hoa	Nữ	20/7/1994				Khá	1328357	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13962	1262-K48D3	K48D3	Nguyễn Văn	Huân	Nam	1/1/1994				Khá	1328358	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13963	1263-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	18/9/1993				Trung bình	1328359	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13964	1264-K48D3	K48D3	Trần Thị	Hương	Nữ	12/12/1994				Khá	1328360	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13965	1265-K48D3	K48D3	Đỗ Thị	Huyền	Nữ	30/3/1994				Khá	1328361	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13966	1266-K48D3	K48D3	Lê Thị	Lan	Nữ	15/10/1993				Khá	1328362	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13967	1267-K48D3	K48D3	Nhữ Thị	Lê	Nữ	13/4/1993				Khá	1328363	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13968	1268-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	9/4/1994				Khá	1328364	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13969	1269-K48D3	K48D3	Bùi Thị Thu	Lý	Nữ	6/3/1994				Khá	1328365	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13970	1270-K48D3	K48D3	Nguyễn Huyền	My	Nữ	23/8/1994				Khá	1328366	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13971	1271-K48D3	K48D3	Trần Ngọc	Nam	Nam	14/12/1994				Khá	1328367	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13972	1272-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	4/10/1994				Khá	1328368	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13973	1273-K48D3	K48D3	Vũ Thị	Nhung	Nữ	6/8/1994				Khá	1328369	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13974	1274-K48D3	K48D3	Bùi Thị	Oanh	Nữ	12/3/1994				Giỏi	1328370	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13975	1275-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	13/10/1994				Khá	1328371	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13976	1276-K48D3	K48D3	Vũ Thị	Phương	Nữ	19/9/1994				Khá	1328372	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13977	1277-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	15/9/1994				Khá	1328373	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13978	1278-K48D3	K48D3	Phạm Thị Phương	Quỳnh	Nữ	15/12/1993				Giỏi	1328374	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13979	1279-K48D3	K48D3	Lò Thị	Sim	Nữ	12/3/1993				Khá	1328375	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13980	1280-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	4/9/1994				Khá	1328376	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13981	1281-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	22/12/1994				Trung bình	1328377	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13982	1282-K48D3	K48D3	Chu Thị Phương	Thu	Nữ	8/4/1994				Khá	1328378	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13983	1283-K48D3	K48D3	Đỗ Thị Bích	Thủy	Nữ	29/10/1993				Khá	1328379	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13984	1284-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	15/9/1993				Khá	1328380	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13985	1285-K48D3	K48D3	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	12/10/1994				Khá	1328381	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13986	1286-K48D3	K48D3	Trần Thị	Trang	Nữ	8/2/1994				Khá	1328382	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13987	1287-K48D3	K48D3	Vũ Huyền	Trang	Nữ	23/9/1994				Khá	1328383	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13988	1288-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	14/8/1993				Khá	1328384	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13989	1289-K48D3	K48D3	Phạm Thị	Tươi	Nữ	23/1/1994				Khá	1328385	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13990	1290-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	14/1/1994				Khá	1328386	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13991	1291-K48D3	K48D3	Lại Thị	Yến	Nữ	1/1/1994				Giỏi	1328387	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13992	1292-K48D4	K48D4	Lê Thị Tú	Anh	Nữ	12/2/1994				Khá	1328388	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13993	1293-K48D4	K48D4	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	Nữ	30/6/1994				Giỏi	1328389	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13994	1294-K48D4	K48D4	Thiều Thị	Chinh	Nữ	6/7/1994				Giỏi	1328390	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13995	1295-K48D4	K48D4	Lưu Viết	Công	Nam	17/1/1994				Khá	1328391	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13996	1296-K48D4	K48D4	Doãn Thị Thanh	Dung	Nữ	17/9/1994				Giỏi	1328392	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13997	1297-K48D4	K48D4	Đoàn Thị	Duyên	Nữ	10/10/1994				Khá	1328393	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13998	1298-K48D4	K48D4	Đoàn Hà	Giang	Nữ	1/12/1994				Giỏi	1328394	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
13999	1299-K48D4	K48D4	Bùi Thị	Hà	Nữ	12/9/1994				Khá	1328395	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14000	1300-K48D4	K48D4	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	14/12/1994				Khá	1328396	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14001	1301-K48D4	K48D4	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	21/4/1994				Khá	1328397	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14002	1302-K48D4	K48D4	Chu Thu	Hằng	Nữ	28/12/1993				Khá	1328398	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14003	1303-K48D4	K48D4	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	10/4/1994				Khá	1328399	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14004	1304-K48D4	K48D4	Ngô Thanh	Hiếu	Nữ	15/8/1994				Khá	1328400	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14005	1305-K48D4	K48D4	Đinh Thị	Hoa	Nữ	5/6/1994				Khá	1328401	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14006	1306-K48D4	K48D4	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	10/5/1994				Giỏi	1328402	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14007	1307-K48D4	K48D4	Hoàng Mai	Hương	Nữ	2/9/1994				Khá	1328403	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14008	1308-K48D4	K48D4	Đặng Đức	Huy	Nam	27/12/1993				Khá	1328404	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14009	1309-K48D4	K48D4	Thân Thị	Huyền	Nữ	12/12/1992				Khá	1328405	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14010	1310-K48D4	K48D4	Vũ Thị	Huyền	Nữ	13/5/1994				Khá	1328406	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14011	1311-K48D4	K48D4	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	19/5/1994				Giỏi	1328407	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14012	1312-K48D4	K48D4	Trần Thị Hương	Lan	Nữ	1/1/1994				Khá	1328408	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14013	1313-K48D4	K48D4	Nông Nhật	Lệ	Nữ	24/12/1993				Khá	1328409	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14014	1314-K48D4	K48D4	Trần Thị	Lệ	Nữ	10/5/1994				Giỏi	1328410	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14015	1315-K48D4	K48D4	Chu Thị Thùy	Linh	Nữ	11/6/1994				Giỏi	1328411	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14016	1316-K48D4	K48D4	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	13/3/1993				Giỏi	1328412	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14017	1317-K48D4	K48D4	Trần Thị	Luyện	Nữ	10/4/1994				Giỏi	1328413	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14018	1318-K48D4	K48D4	Lê Thị Thanh	Na	Nữ	10/3/1993				Khá	1328414	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14019	1319-K48D4	K48D4	Hà Thị	Ngọc	Nữ	22/8/1993				Khá	1328415	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14020	1320-K48D4	K48D4	Lê Thị	Ngọc	Nữ	15/5/1993				Khá	1328416	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14021	1321-K48D4	K48D4	Nguyễn ánh	Nhật	Nam	17/2/1994				Trung bình	1328417	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14022	1322-K48D4	K48D4	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/12/1994				Khá	1328418	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14023	1323-K48D4	K48D4	Nguyễn Kim	Oanh	Nữ	8/4/1993				Khá	1328419	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14024	1324-K48D4	K48D4	Hồ Thị	Phương	Nữ	28/9/1994				Giỏi	1328420	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14025	1325-K48D4	K48D4	Lê Vi	Phương	Nữ	19/9/1994				Khá	1328421	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14026	1326-K48D4	K48D4	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	29/12/1994				Khá	1328422	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14027	1327-K48D4	K48D4	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	6/9/1994				Khá	1328423	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14028	1328-K48D4	K48D4	Nguyễn Tuyết	Quỳnh	Nữ	24/9/1994				Khá	1328424	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14029	1329-K48D4	K48D4	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	9/5/1993				Khá	1328425	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14030	1330-K48D4	K48D4	Hoàng Thị Kim	Thoa	Nữ	25/2/1994				Khá	1328426	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14031	1331-K48D4	K48D4	Ngô Thị	Thu	Nữ	15/8/1993				Giỏi	1328427	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14032	1332-K48D4	K48D4	Đinh Thị	Thúy	Nữ	28/2/1994				Khá	1328428	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14033	1333-K48D4	K48D4	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	19/10/1994				Khá	1328429	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14034	1334-K48D4	K48D4	Trần Kim	Tuyến	Nữ	15/1/1993				Khá	1328430	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14035	1335-K48D4	K48D4	Hoàng Thị	Uyên	Nữ	12/3/1993				Khá	1328431	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14036	1336-K48D4	K48D4	Tống Thị	Yên	Nữ	22/10/1994				Khá	1328432	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14037	1337-K48D5	K48D5	Dương Bảo	Anh	Nữ	5/9/1993				Trung bình	1328433	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14038	1338-K48D5	K48D5	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	28/7/1994				Khá	1328434	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14039	1339-K48D5	K48D5	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	5/1/1994				Khá	1328435	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14040	1340-K48D5	K48D5	Tô Thị Thùy	Chinh	Nữ	14/9/1993				Khá	1328436	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14041	1341-K48D5	K48D5	Hoàng Trọng	Đô	Nam	21/3/1994				Khá	1328437	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14042	1342-K48D5	K48D5	Trần Thị	Dung	Nữ	7/12/1994				Khá	1328438	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14043	1343-K48D5	K48D5	Vũ Thị	Dung	Nữ	9/1/1993				Khá	1328439	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14044	1344-K48D5	K48D5	Dương Thị	Duyên	Nữ	23/5/1993				Khá	1328440	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14045	1345-K48D5	K48D5	Lê Thị	Giang	Nữ	5/3/1994				Khá	1328441	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14046	1346-K48D5	K48D5	Hoàng Thị Thu	Hà	Nữ	15/1/1994				Khá	1328442	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14047	1347-K48D5	K48D5	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	28/9/1994				Khá	1328443	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14048	1348-K48D5	K48D5	Mai Thị	Hiền	Nữ	3/8/1994				Khá	1328444	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14049	1349-K48D5	K48D5	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	22/12/1994				Khá	1328445	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14050	1350-K48D5	K48D5	Trịnh Thị	Huê	Nữ	19/5/1994				Khá	1328446	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14051	1351-K48D5	K48D5	Lê Thị	Hương	Nữ	10/10/1994				Khá	1328447	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14052	1352-K48D5	K48D5	Lê Thị	Huyên	Nữ	13/6/1993				Khá	1328448	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14053	1353-K48D5	K48D5	Vũ Khánh	Huyền	Nữ	20/4/1994				Khá	1328449	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14054	1354-K48D5	K48D5	Phạm Thị	Lan	Nữ	8/10/1994				Khá	1328450	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14055	1355-K48D5	K48D5	Lô Thanh	Lịch	Nữ	17/7/1993				Khá	1328451	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14056	1356-K48D5	K48D5	Lê Thị Kim	Liên	Nữ	11/6/1994				Khá	1328452	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14057	1357-K48D5	K48D5	Chu Thị Thùy	Linh	Nữ	22/5/1994				Khá	1328453	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14058	1358-K48D5	K48D5	Phan Thị	Linh	Nữ	18/12/1994				Giỏi	1328454	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14059	1359-K48D5	K48D5	Đặng Thị	Lương	Nữ	7/12/1994				Khá	1328455	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14060	1360-K48D5	K48D5	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	6/5/1994				Khá	1328456	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14061	1361-K48D5	K48D5	Trịnh Thị Thanh	Nga	Nữ	26/10/1993				Giỏi	1328457	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14062	1362-K48D5	K48D5	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	19/6/1992				Trung bình	1328458	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14063	1363-K48D5	K48D5	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	10/11/1994				Khá	1328459	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14064	1364-K48D5	K48D5	Lại Thị	Nhàn	Nữ	10/1/1994				Khá	1328460	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14065	1365-K48D5	K48D5	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	19/11/1993				Giỏi	1328461	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14066	1366-K48D5	K48D5	Lê Kiều	Oanh	Nữ	13/7/1994				Khá	1328462	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14067	1367-K48D5	K48D5	Bùi Bích	Phương	Nữ	2/10/1994				Khá	1328463	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14068	1368-K48D5	K48D5	Hoàng Đức	Quang	Nam	9/3/1993				Khá	1328464	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14069	1369-K48D5	K48D5	Nguyễn Thị	Quế	Nữ	28/9/1993				Khá	1328465	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14070	1370-K48D5	K48D5	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	13/2/1994				Khá	1328466	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14071	1371-K48D5	K48D5	Ngô Phương	Thảo	Nữ	26/7/1993				Trung bình	1328467	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14072	1372-K48D5	K48D5	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	26/12/1994				Khá	1328468	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14073	1373-K48D5	K48D5	Dương Thị Minh	Thu	Nữ	3/11/1994				Khá	1328469	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14074	1374-K48D5	K48D5	Hà Thị Huyền	Thương	Nữ	12/11/1994				Khá	1328470	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14075	1375-K48D5	K48D5	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	15/7/1993				Khá	1328471	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14076	1376-K48D5	K48D5	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	11/2/1994				Giỏi	1328472	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14077	1377-K48D5	K48D5	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	18/6/1994				Trung bình	1328473	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14078	1378-K48D5	K48D5	Trịnh Thị Kim	Trang	Nữ	27/12/1994				Khá	1328474	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14079	1379-K48D5	K48D5	Nguyễn Đức	Tùng	Nam	19/12/1994				Khá	1328475	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14080	1380-K48D5	K48D5	Bùi Thị Hồng	Vân	Nữ	24/7/1994				Trung bình	1328476	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14081	1381-K48D5	K48D5	Đào Thị	Yến	Nữ	26/6/1993				Trung bình	1328477	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14082	1382-K48D5	K48D5	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	10/7/1994				Giỏi	1328478	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14083	1383-K48D5	K48D5	Trần Thị	Yến	Nữ	11/2/1994				Khá	1328479	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14084	1384-K48D6	K48D6	Cao Thị Vân	Anh	Nữ	24/8/1994				Khá	1328480	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14085	1385-K48D6	K48D6	Liễu Thị Ngọc	Anh	Nữ	17/1/1993				Khá	1328481	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14086	1386-K48D6	K48D6	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	7/8/1994				Khá	1328482	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14087	1387-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị	Ca	Nữ	5/1/1994				Khá	1328483	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14088	1388-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị	Diên	Nữ	16/4/1994				Khá	1328484	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14089	1389-K48D6	K48D6	Hoàng Minh	Đức	Nam	16/1/1994				Khá	1328485	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14090	1390-K48D6	K48D6	Hoàng Thị Thu	Dung	Nữ	20/3/1994				Khá	1328486	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14091	1391-K48D6	K48D6	Bùi Thị	Duyên	Nữ	17/5/1994				Khá	1328487	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14092	1392-K48D6	K48D6	Phan Thị	Giang	Nữ	6/7/1994				Khá	1328488	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14093	1393-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị Việt	Hà	Nữ	11/7/1994				Khá	1328489	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14094	1394-K48D6	K48D6	Ninh Thị	Hà	Nữ	25/3/1993				Khá	1328490	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14095	1395-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/1/1994				Khá	1328491	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14096	1396-K48D6	K48D6	Lê Thị Hồng	Hạnh	Nữ	4/10/1993				Giỏi	1328492	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14097	1397-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	13/10/1994				Khá	1328493	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14098	1398-K48D6	K48D6	Đinh Thị	Hoa	Nữ	2/4/1994				Khá	1328494	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14099	1399-K48D6	K48D6	Vũ Thị	Hoài	Nữ	20/7/1994				Khá	1328495	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14100	1400-K48D6	K48D6	Hoàng Thị	Huế	Nữ	20/3/1994				Khá	1328496	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14101	1401-K48D6	K48D6	Chu Thị	Hương	Nữ	27/7/1993				Trung bình	1328497	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14102	1402-K48D6	K48D6	Nguyễn Xuân	Hương	Nữ	11/11/1994				Khá	1328498	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14103	1403-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	1/8/1994				Khá	1328499	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14104	1404-K48D6	K48D6	Đỗ Văn	Hữu	Nam	31/8/1994				Trung bình	1328500	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14105	1405-K48D6	K48D6	Bùi Thu	Huyền	Nữ	5/7/1994				Khá	1328501	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14106	1406-K48D6	K48D6	Bùi Thị Kim	Lan	Nữ	11/7/1994				Giỏi	1328502	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14107	1407-K48D6	K48D6	Dương Thị Bích	Liên	Nữ	19/9/1994				Khá	1328503	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14108	1408-K48D6	K48D6	Hoàng Thị	Linh	Nữ	17/12/1994				Giỏi	1328504	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14109	1409-K48D6	K48D6	Phạm Thị	Loan	Nữ	11/3/1994				Khá	1328505	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14110	1410-K48D6	K48D6	Nguyễn Thành	Luân	Nam	12/11/1989				Khá	1328506	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14111	1411-K48D6	K48D6	Thiều Thị	Ly	Nữ	20/2/1994				Khá	1328507	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14112	1412-K48D6	K48D6	Bùi Thị Tuyết	Mai	Nữ	18/9/1994				Khá	1328508	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14113	1413-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	24/6/1993				Khá	1328509	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14114	1414-K48D6	K48D6	Khương Thị Huyền	Nga	Nữ	18/9/1994				Giỏi	1328510	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14115	1415-K48D6	K48D6	Bùi Thị Bích	Ngọc	Nữ	20/1/1994				Khá	1328511	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14116	1416-K48D6	K48D6	Nguyễn Thanh	Nhàn	Nữ	8/3/1993				Khá	1328512	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14117	1417-K48D6	K48D6	Vũ Thị Hồng	Nhạn	Nữ	8/7/1994				Khá	1328513	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14118	1418-K48D6	K48D6	Trần Thị Thu	Như	Nữ	22/9/1994				Khá	1328514	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14119	1419-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị	Phấn	Nữ	21/8/1994				Giỏi	1328515	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14120	1420-K48D6	K48D6	Hoàng Thị Mai	Phương	Nữ	2/10/1994				Khá	1328516	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14121	1421-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	31/5/1994				Khá	1328517	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14122	1422-K48D6	K48D6	Trần Thị	Quyên	Nữ	2/1/1993				Khá	1328518	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14123	1423-K48D6	K48D6	Trịnh Thị	Quỳnh	Nữ	20/10/1993				Khá	1328519	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14124	1424-K48D6	K48D6	Ngô Ngọc	Thảo	Nữ	6/2/1994				Giỏi	1328520	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14125	1425-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	16/8/1994				Khá	1328521	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14126	1426-K48D6	K48D6	Bùi Thị Kim	Thoa	Nữ	3/3/1993				Khá	1328522	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14127	1427-K48D6	K48D6	Trần Thị	Thơm	Nữ	26/12/1994				Khá	1328523	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14128	1428-K48D6	K48D6	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	2/9/1994				Khá	1328524	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14129	1429-K48D6	K48D6	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	2/4/1994				Khá	1328525	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14130	1430-K48D6	K48D6	Chu Thị Thu	Trang	Nữ	3/4/1994				Khá	1328526	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14131	1431-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	12/1/1993				Khá	1328527	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14132	1432-K48D6	K48D6	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	10/12/1994				Khá	1328528	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14133	1433-K48D6	K48D6	Bùi Thị Hải	Yến	Nữ	5/12/1994				Giỏi	1328529	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14134	1434-K48D6	K48D6	Dư Thị Hải	Yến	Nữ	13/8/1994				Trung bình	1328530	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14135	1435-K47D6	K47D6	Nguyễn Thị Ngọc	Lam	Nữ	29/06/1993				Khá	1328531	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14136	1436-K47D6	K47D6	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01/12/1993				Khá	1328532	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14137	2978-K48D3	K48D1	Ngô Thanh	Thảo	Nữ	27/8/1994				Trung bình	1329809	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14138	1437-SB17D	SB17D	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	08/07/1992				Khá	1328533	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14139	1438-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	04/06/1993				Khá	1328534	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14140	1439-SB17D	SB17D	Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	16/11/1993				Khá	1328535	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14141	1440-SB17D	SB17D	Trương Thị	Biên	Nữ	27/08/1991				Khá	1328536	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14142	1441-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị	Duệ	Nữ	07/03/1993				Khá	1328537	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14143	1442-SB17D	SB17D	Phạm Thị Hương	Giang	Nữ	08/04/1992				Khá	1328538	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14144	1443-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	15/07/1992				Khá	1328539	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14145	1444-SB17D	SB17D	Phạm Thị	Hà	Nữ	29/12/1992				Trung bình	1328540	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14146	1445-SB17D	SB17D	Lê Thị	Hân	Nữ	20/08/1993				Khá	1328541	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14147	1446-SB17D	SB17D	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	23/12/1992				Trung bình	1328542	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14148	1447-SB17D	SB17D	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	25/11/1992				Trung bình	1328543	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14149	1448-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	04/07/1993				Khá	1328544	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14150	1449-SB17D	SB17D	Phạm Thị	Hạnh	Nữ	15/12/1993				Khá	1328545	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14151	1450-SB17D	SB17D	Vũ Thị	Hoa	Nữ	04/12/1993				Khá	1328546	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14152	1451-SB17D	SB17D	Mai Thị	Hồng	Nữ	02/12/1993				Khá	1328547	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14153	1452-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/08/1993				Khá	1328548	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14154	1453-SB17D	SB17D	Trương Thị Minh	Hồng	Nữ	16/09/1992				Trung bình	1328549	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14155	1454-SB17D	SB17D	Lê Thị	Hương	Nữ	19/10/1991				Khá	1328550	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14156	1455-SB17D	SB17D	Lê Hoài	Khanh	Nữ	10/08/1993				Khá	1328551	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14157	1456-SB17D	SB17D	Hoàng Ngọc	Khánh	Nam	25/05/1993				Khá	1328552	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14158	1457-SB17D	SB17D	Dương Thị Mai	Lan	Nữ	19/05/1992				Khá	1328553	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14159	1458-SB17D	SB17D	Đỗ Thị	Liên	Nữ	20/12/1993				Khá	1328554	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14160	1459-SB17D	SB17D	Đào Mỹ	Linh	Nữ	30/10/1993				Giỏi	1328555	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14161	1460-SB17D	SB17D	Đinh Thị Mỹ	Linh	Nữ	03/11/1993				Khá	1328556	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14162	1461-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	22/07/1992				Khá	1328557	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14163	1462-SB17D	SB17D	Nguyễn Tống Mỹ	Linh	Nữ	05/12/1993				Khá	1328558	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14164	1463-SB17D	SB17D	Vũ Đặng Hoài	Linh	Nữ	01/12/1992				Khá	1328559	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14165	1464-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	11/05/1993				Khá	1328560	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14166	1465-SB17D	SB17D	Đỗ Hoàng	Minh	Nữ	25/07/1993				Khá	1328561	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14167	1466-SB17D	SB17D	Lưu Thị	Năm	Nữ	26/03/1993				Khá	1328562	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14168	1467-SB17D	SB17D	Đặng Thị Thanh	Ngà	Nữ	02/10/1993				Khá	1328563	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14169	1468-SB17D	SB17D	Vũ Thị Thúy	Ngọc	Nữ	25/05/1993				Khá	1328564	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14170	1469-SB17D	SB17D	Nguyễn Đức	Nhật	Nam	23/01/1993				Khá	1328565	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14171	1470-SB17D	SB17D	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	05/08/1993				Khá	1328566	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14172	1471-SB17D	SB17D	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/10/1993				Khá	1328567	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14173	1472-SB17D	SB17D	Nguyễn Thùy	Ninh	Nữ	20/07/1992				Khá	1328568	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14174	1473-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	25/02/1993				Khá	1328569	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14175	1474-SB17D	SB17D	Nguyễn Hương	Quỳnh	Nữ	12/11/1993				Giỏi	1328570	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14176	1475-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	10/10/1993				Khá	1328571	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14177	1476-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	01/04/1993				Khá	1328572	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14178	1477-SB17D	SB17D	Ngô Thị Huyền	Thương	Nữ	26/03/1993				Khá	1328573	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14179	1478-SB17D	SB17D	Vũ Thanh	Thùy	Nữ	18/12/1992				Khá	1328574	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14180	1479-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	19/10/1992				Khá	1328575	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14181	1480-SB17D	SB17D	Vũ Thị	Thúy	Nữ	08/09/1992				Khá	1328576	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14182	1481-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/09/1993				Khá	1328577	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14183	1482-SB17D	SB17D	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	15/07/1992				Khá	1328578	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14184	1483-SB17D	SB17D	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	18/01/1993				Khá	1328579	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14185	1484-SB16B	SB16B	Tống Sỹ Xuân	Trường	Nam	03/12/1990				Trung bình	1328580	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14186	1485-SB16C	SB16C	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	13/09/1990				Khá	1328581	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14187	1486-SB16D	SB16D	Trương Phương	Nhung	Nữ	05/11/1991				Khá	1328582	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14188	1874-K47B1	K47B1	Hồ Xuân	Hùng	Nam	08/01/1992				Trung bình	1141705	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14189	1875-K47B2	K47B2	Vũ Thị Diệp	Anh	Nữ	09/12/1993				Khá	1141706	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14190	1876-K47B3	K47B3	Lê Thạc	Linh	Nam	01/06/1992				Khá	1141707	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14191	1877-K47B5	K47B5	Đỗ Quỳnh	Hoa	Nữ	13/09/1992				Khá	1141708	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14192	1878-K47B5	K47B5	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	09/05/1993				Trung bình	1141709	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14193	1916-K46B2	K46B2	Phạm Thành	Công	Nam	28/05/1991				Trung bình	1330042	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14194	1926-K45B5	K45B5	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	28/12/1987				Trung bình	1330052	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14195	1909-K47V1	K47V1	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	17/04/1993				Trung bình	1330035	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị các tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14196	1910-K47V1	K47V1	Hà Tiêu	Mi	Nữ	25/05/1993				Khá	1330036	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị các tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14197	1911-K47V1	K47V1	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	21/12/1993				Trung bình	1330037	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị các tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14198	1912-K47V1	K47V1	Nhữ Thùy	Trang	Nữ	24/12/1993				Trung bình	1330038	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị các tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14199	1913-K47V3	K47V3	Vũ Trọng	Nghĩa	Nam	06/10/1993				Trung bình	1330039	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị các tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14200	1914-K47V3	K47V3	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	07/09/1990				Trung bình	1330040	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị các tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14201	1739-K48S1	K48S1	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	09/10/1994				Khá	1329680	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14202	1740-K48S1	K48S1	Phạm Việt	Bách	Nam	05/10/1994				Trung bình	1329681	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14203	1741-K48S1	K48S1	Đinh Thị	Dung	Nữ	06/05/1994				Khá	1329682	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14204	1742-K48S1	K48S1	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	17/08/1994				Khá	1329683	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14205	1743-K48S1	K48S1	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	21/09/1994				Khá	1329684	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14206	1744-K48S1	K48S1	Trịnh Hồng	Huệ	Nữ	08/08/1994				Khá	1329685	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14207	1745-K48S1	K48S1	Nguyễn An	Khánh	Nam	14/12/1994				Khá	1329686	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14208	1746-K48S1	K48S1	Đỗ THùy	Linh	Nữ	27/05/1994				Khá	1329687	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14209	1747-K48S1	K48S1	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	28/09/1994				Khá	1329688	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14210	1748-K48S1	K48S1	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	06/04/1994				Khá	1329689	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14211	1749-K48S1	K48S1	Ngô Thị	Lua	Nữ	24/12/1994				Khá	1329690	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14212	1750-K48S1	K48S1	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	16/08/1994				Khá	1329691	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14213	1751-K48S1	K48S1	Trần Thị	Phương	Nữ	03/01/1993				Khá	1329692	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14214	1752-K48S1	K48S1	Đỗ Thị	Quỳnh	Nữ	29/05/1994				Khá	1329693	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14215	1753-K48S1	K48S1	Cao Văn	Thao	Nam	03/08/1994				Khá	1329694	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14216	1754-K48S1	K48S1	Đào Thị	Thảo	Nữ	14/03/1994				Khá	1329695	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14217	1755-K48S1	K48S1	Trần Thị	Thảo	Nữ	15/12/1994				Khá	1329696	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14218	1756-K48S1	K48S1	Nguyễn Văn	Thiện	Nam	05/04/1994				Trung bình	1329697	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14219	1757-K48S1	K48S1	Nguyễn Mộng	Thúy	Nữ	11/03/1994				Khá	1329698	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14220	1758-K48S1	K48S1	Mai Thị	Thùy	Nữ	20/03/1994				Trung bình	1329699	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14221	1759-K48S1	K48S1	Phạm Thu	Thủy	Nữ	23/08/1994				Khá	1329700	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14222	1760-K48S1	K48S1	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	27/11/1994				Khá	1329701	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14223	1761-K48S1	K48S1	Nguyễn Thị	Trúc	Nữ	19/09/1994				Khá	1329702	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14224	1762-K48S1	K48S1	Lê Thanh	Tùng	Nam	07/11/1994				Khá	1329703	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14225	1763-K48S1	K48S1	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	21/08/1994				Khá	1329704	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14226	1764-K48S1	K48S1	Lăng Thị Hải	Yến	Nữ	24/05/1994				Khá	1329705	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14227	1765-K48S2	K48S2	Đào Anh	Chung	Nam	21/03/1994				Khá	1329706	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14228	1766-K48S2	K48S2	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	20/06/1994				Khá	1329707	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14229	1767-K48S2	K48S2	Phạm Thị	Hằng	Nữ	24/09/1994				Khá	1329708	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14230	1768-K48S2	K48S2	Hà Thị	Hiền	Nữ	24/10/1994				Khá	1329709	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14231	1769-K48S2	K48S2	Nguyễn Thị Bích	Huệ	Nữ	28/06/1994				Khá	1329710	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14232	1770-K48S2	K48S2	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	26/08/1994				Khá	1329711	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14233	1771-K48S2	K48S2	Nguyễn Đăng	Khôi	Nam	15/09/1992				Trung bình	1329712	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14234	1772-K48S2	K48S2	Lê Thị	Lan	Nữ	05/07/1994				Khá	1329713	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14235	1773-K48S2	K48S2	Đỗ THùy	Linh	Nữ	19/05/1994				Khá	1329714	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14236	1774-K48S2	K48S2	Hoàng Thị Dịu	Linh	Nữ	10/12/1994				Khá	1329715	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14237	1775-K48S2	K48S2	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	15/11/1994				Khá	1329716	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14238	1776-K48S2	K48S2	Nguyễn Thị	Na	Nữ	29/01/1994				Trung bình	1329717	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14239	1777-K48S2	K48S2	Đỗ Quỳnh	Nhi	Nữ	23/01/1994				Khá	1329718	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14240	1778-K48S2	K48S2	Trần Hải	Ninh	Nam	20/01/1994				Khá	1329719	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14241	1779-K48S2	K48S2	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	01/04/1994				Khá	1329720	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14242	1780-K48S2	K48S2	Trần Thúy	Quỳnh	Nữ	30/04/1994				Khá	1329721	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14243	1781-K48S2	K48S2	Ngô Hải	Sơn	Nam	10/03/1994				Khá	1329722	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14244	1782-K48S2	K48S2	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	15/09/1994				Khá	1329723	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14245	1783-K48S2	K48S2	Đặng An	Thiên	Nam	15/09/1994				Khá	1329724	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14246	1784-K48S2	K48S2	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	29/03/1994				Khá	1329725	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14247	1785-K48S2	K48S2	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	08/10/1994				Khá	1329726	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14248	1786-K48S2	K48S2	Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	06/12/1994				Khá	1329727	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14249	1787-K48S2	K48S2	Bùi Thị	Trang	Nữ	20/06/1994				Khá	1329728	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14250	1788-K48S2	K48S2	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	17/09/1994				Khá	1329806	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14251	1789-K48S2	K48S2	Phạm Minh	Vân	Nữ	08/10/1994				Khá	1329729	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14252	1790-K48S2	K48S2	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	27/06/1994				Khá	1329730	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14253	1791-K48S3	K48S3	Đặng Thị Quỳnh	Anh	Nữ	02/04/1994				Khá	1329731	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14254	1792-K48S3	K48S3	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	20/08/1994				Khá	1329732	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14255	1793-K48S3	K48S3	Lê Thị	Bình	Nữ	05/12/1994				Khá	1329733	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14256	1794-K48S3	K48S3	Đào Thị	Đoài	Nữ	25/07/1994				Khá	1329734	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14257	1795-K48S3	K48S3	Phạm Hồng	Đức	Nam	12/06/1994				Khá	1329735	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14258	1796-K48S3	K48S3	Lê THùy	Dương	Nữ	17/11/1993				Khá	1329736	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14259	1797-K48S3	K48S3	Tạ Thị Thùy	Duyên	Nữ	30/08/1994				Khá	1329737	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14260	1798-K48S3	K48S3	Nguyễn Hồng	Giang	Nữ	28/08/1994				Khá	1329738	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14261	1799-K48S3	K48S3	Bùi Thị	Hằng	Nữ	16/01/1994				Khá	1329739	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14262	1800-K48S3	K48S3	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/12/1994				Khá	1329740	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14263	1801-K48S3	K48S3	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	24/06/1994				Trung bình	1329741	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14264	1802-K48S3	K48S3	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	27/06/1994				Khá	1329742	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14265	1803-K48S3	K48S3	Đào Thị Phương	Hoa	Nữ	13/09/1994				Khá	1329743	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14266	1804-K48S3	K48S3	Đặng Thị Thúy	Hồng	Nữ	03/05/1994				Khá	1329744	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14267	1805-K48S3	K48S3	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	08/06/1994				Khá	1329745	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14268	1806-K48S3	K48S3	Lê Thị Hương	Lan	Nữ	09/06/1994				Khá	1329746	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14269	1807-K48S3	K48S3	Vũ Thị	Linh	Nữ	29/01/1994				Giỏi	1329747	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14270	1808-K48S3	K48S3	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	01/06/1994				Trung bình	1329748	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14271	1809-K48S3	K48S3	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	21/06/1994				Khá	1329749	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14272	1810-K48S3	K48S3	Lưu Thị	Mỹ	Nữ	06/07/1993				Khá	1329750	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14273	1811-K48S3	K48S3	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	25/11/1994				Khá	1329751	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14274	1812-K48S3	K48S3	Mai Thị	Phương	Nữ	23/09/1994				Khá	1329752	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14275	1813-K48S3	K48S3	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	Nữ	24/08/1994				Khá	1329753	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14276	1814-K48S3	K48S3	Đỗ Thị Mai	Thanh	Nữ	27/05/1994				Khá	1329754	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14277	1815-K48S3	K48S3	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	18/10/1994				Khá	1329755	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14278	1816-K48S3	K48S3	Vương Thị	Thảo	Nữ	10/07/1994				Khá	1329756	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14279	1817-K48S3	K48S3	Cao Thị	Thùy	Nữ	23/08/1994				Giỏi	1329757	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14280	1818-K48S3	K48S3	Vũ Thị	Vân	Nữ	16/08/1994				Khá	1329758	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14281	1819-K48S4	K48S4	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	21/03/1993				Khá	1329759	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14282	1820-K48S4	K48S4	Trương Thị Kim	Anh	Nữ	14/05/1994				Khá	1329760	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14283	1821-K48S4	K48S4	Vũ Lan	Anh	Nữ	15/11/1994				Trung bình	1329761	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14284	1822-K48S4	K48S4	Lại Thu	Cúc	Nữ	20/11/1994				Khá	1329762	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14285	1823-K48S4	K48S4	Nguyễn Thu	Đức	Nam	20/09/1994				Khá	1329763	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14286	1824-K48S4	K48S4	Trương Mỹ	Duyên	Nữ	27/09/1994				Khá	1329764	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14287	1825-K48S4	K48S4	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	16/06/1994				Khá	1329765	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14288	1826-K48S4	K48S4	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	11/10/1994				Khá	1329766	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14289	1827-K48S4	K48S4	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	05/03/1994				Khá	1329767	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14290	1828-K48S4	K48S4	Hoàng Thu	Hiền	Nữ	20/10/1994				Khá	1329768	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14291	1829-K48S4	K48S4	Phạm Huy	Hoàn	Nam	15/12/1994				Khá	1329769	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14292	1830-K48S4	K48S4	Trần Thị	Hương	Nữ	28/08/1994				Giỏi	1329770	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14293	1831-K48S4	K48S4	Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	01/01/1994				Khá	1329771	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14294	1832-K48S4	K48S4	Trần Thị	Hường	Nữ	14/10/1994				Khá	1329772	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14295	1833-K48S4	K48S4	Lại Thị	Huyền	Nữ	10/02/1994				Khá	1329773	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14296	1834-K48S4	K48S4	Phạm Bá	Kha	Nam	04/08/1994				Khá	1329774	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14297	1835-K48S4	K48S4	Bùi Thị Việt	Linh	Nữ	14/09/1993				Khá	1329775	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14298	1836-K48S4	K48S4	Trương Thị Mỹ	Linh	Nữ	19/06/1994				Khá	1329776	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14299	1837-K48S4	K48S4	Hoàng Thị	Minh	Nữ	18/03/1994				Khá	1329777	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14300	1838-K48S4	K48S4	Hoàng Thị Diễm	My	Nữ	23/11/1994				Khá	1329778	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14301	1839-K48S4	K48S4	Quang Thị	My	Nữ	24/10/1994				Khá	1329779	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14302	1840-K48S4	K48S4	Ngô ánh	Nguyệt	Nữ	25/06/1994				Khá	1329780	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14303	1841-K48S4	K48S4	Trần Mai	Phượng	Nữ	20/07/1994				Khá	1329781	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14304	1842-K48S4	K48S4	Vũ Văn	Quyền	Nam	20/01/1994				Khá	1329782	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14305	1843-K48S4	K48S4	Hoàng Thị	Thanh	Nữ	16/08/1993				Khá	1329783	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14306	1844-K48S4	K48S4	Ngô Thị Thu	Thanh	Nữ	29/12/1994				Khá	1329784	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14307	1845-K48S4	K48S4	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	20/08/1994				Khá	1329785	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14308	1846-K48S4	K48S4	Nguyễn Thị Minh	Thục	Nữ	16/07/1994				Khá	1329786	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14309	1847-K48S4	K48S4	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01/09/1994				Khá	1329787	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14310	1848-K48S4	K48S4	Tôn Thị	Tình	Nữ	20/12/1994				Khá	1329788	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14311	1849-K48S4	K48S4	Cao Thị Kiều	Trang	Nữ	19/06/1994				Khá	1329789	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14312	1850-K48S4	K48S4	Đỗ Thị	Vân	Nữ	18/05/1994				Khá	1329790	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14313	1851-K47S1	K47S1	Nguyễn Duy	Biên	Nam	12/08/1993				Trung bình	1329791	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14314	1852-K47S1	K47S1	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	19/10/1993				Khá	1329792	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14315	1853-K47S1	K47S1	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	27/09/1993				Khá	1329793	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14316	1854-K47S1	K47S1	Khổng Minh	Trọng	Nam	13/09/1993				Trung bình	1329794	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14317	1855-K47S2	K47S2	Lê Thị	Tuyết	Nữ	03/12/1993				Trung bình	1329795	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14318	1856-K47S3	K47S3	Nguyễn Văn	Dương	Nam	02/10/1993				Trung bình	1329796	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14319	1857-K47S3	K47S3	Mạnh Hùng	Giang	Nam	25/12/1993				Trung bình	1329797	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14320	1858-K47S3	K47S3	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	02/09/1993				Trung bình	1329798	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14321	1859-K47S3	K47S3	Đặng Phương	Thảo	Nữ	11/04/1993				Trung bình	1329799	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14322	1860-K47S3	K47S3	Nguyễn Thị Thuý	Vân	Nữ	30/09/1993				Khá	1329800	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14323	1861-K47S4	K47S4	Trần Anh	Minh	Nam	09/11/1993				Trung bình	1329801	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14324	1862-K47S5	K47S5	Lê Văn	Mạnh	Nam	17/10/1993				Trung bình	1329802	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14325	1863-K46S2	K46S2	Trần Dương Việt	Hùng	Nam	04/10/1992				Trung bình	1329803	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14326	1864-K46S3	K46S3	Dương Đào	An	Nam	21/08/1991				Trung bình	1329804	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14327	1865-K46S3	K46S3	Nguyễn Hữu	Mạnh	Nam	16/10/1991				Trung bình	1329805	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14328	2380-K48N1	K48N1	Bàng Thị Lan	Anh	Nữ	27/02/1994				Khá	1329822	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14329	2381-K48N1	K48N1	Lương Quỳnh	Anh	Nữ	19/11/1994				Khá	1329823	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14330	2382-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	18/05/1994				Khá	1329824	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14331	2383-K48N1	K48N1	Lê Thị	Chi	Nữ	10/02/1994				Khá	1329825	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14332	2384-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị	Định	Nữ	02/11/1994				Khá	1329826	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14333	2385-K48N1	K48N1	Lê Thị Hồng	Hà	Nữ	03/01/1994				Khá	1329827	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14334	2386-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị Bích	Hiền	Nữ	25/06/1994				Khá	1329828	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14335	2387-K48N1	K48N1	Võ Thị	Hồng	Nữ	10/10/1994				Trung bình	1329829	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14336	2388-K48N1	K48N1	Trần Nhật	Hương	Nữ	11/03/1994				Khá	1329830	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14337	2389-K48N1	K48N1	Đào Thị	Huyền	Nữ	17/09/1994				Khá	1329831	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14338	2390-K48N1	K48N1	Đỗ Thị	Lan	Nữ	06/07/1993				Trung bình	1329832	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14339	2391-K48N1	K48N1	Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	18/11/1994				Khá	1329833	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14340	2392-K48N1	K48N1	Hà Thị Thùy	Linh	Nữ	30/05/1994				Khá	1329834	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14341	2393-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	19/05/1994				Khá	1329835	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14342	2394-K48N1	K48N1	Vũ Thị Hồng	Minh	Nữ	31/12/1994				Khá	1329836	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14343	2395-K48N1	K48N1	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	28/07/1994				Trung bình	1329837	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14344	2396-K48N1	K48N1	Bùi Thị	Nguyên	Nữ	11/12/1993				Khá	1329838	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14345	2397-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	14/06/1994				Khá	1329839	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14346	2398-K48N1	K48N1	Nguyễn Đoàn	Quân	Nam	30/08/1994				Khá	1329840	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14347	2399-K48N1	K48N1	Lê Bảo	Quyên	Nữ	26/11/1994				Khá	1329841	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14348	2400-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	01/05/1994				Giỏi	1329842	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14349	2401-K48N1	K48N1	Kiều Hiền	Thương	Nữ	15/02/1994				Khá	1329843	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14350	2402-K48N1	K48N1	Vương Thị Ngọc	Yến	Nữ	11/10/1994				Khá	1329844	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14351	2403-K48N1	K48N1	Bùi Phạm Quỳnh	Hoa	Nữ	20/11/1994				Khá	1329845	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14352	2404-K48N2	K48N2	Đoàn Thị Nguyệt	Anh	Nữ	07/07/1994				Khá	1329846	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14353	2405-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	16/04/1994				Giỏi	1329847	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14354	2406-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	Nữ	05/12/1994				Khá	1329848	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14355	2407-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị Việt	Chinh	Nữ	06/12/1994				Khá	1329849	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14356	2408-K48N2	K48N2	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	01/01/1994				Khá	1329850	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14357	2409-K48N2	K48N2	Phạm Thị Hương	Giang	Nữ	03/05/1994				Khá	1329851	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14358	2410-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/10/1994				Khá	1329852	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14359	2411-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	04/03/1994				Khá	1329853	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14360	2412-K48N2	K48N2	Phùng Thị	Hiền	Nữ	09/11/1994				Giỏi	1329854	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14361	2413-K48N2	K48N2	Bùi Thị	Hoa	Nữ	08/12/1994				Khá	1329855	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14362	2414-K48N2	K48N2	Khuất Thị	Hồng	Nữ	25/02/1993				Trung bình	1329856	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14363	2415-K48N2	K48N2	Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	06/07/1994				Khá	1329857	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14364	2416-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	14/03/1994				Giỏi	1329858	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14365	2417-K48N2	K48N2	Đàm Thị	Lan	Nữ	15/01/1994				Khá	1329859	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14366	2418-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	28/03/1994				Khá	1329860	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14367	2419-K48N2	K48N2	Trần Mỹ	Linh	Nữ	16/08/1994				Khá	1329861	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14368	2420-K48N2	K48N2	Ngô Thị	Loan	Nữ	02/05/1994				Khá	1329862	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14369	2421-K48N2	K48N2	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	03/08/1994				Khá	1329863	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14370	2422-K48N2	K48N2	Phan Thị	Mai	Nữ	20/12/1994				Giỏi	1329864	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14371	2423-K48N2	K48N2	Vũ Thị ánh	Nguyệt	Nữ	04/06/1994				Khá	1329865	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14372	2424-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị Đức	Nhung	Nữ	04/09/1994				Khá	1329866	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14373	2425-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị	Nữ	Nữ	21/10/1994				Khá	1329867	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14374	2426-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	24/02/1994				Khá	1329868	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14375	2427-K48N2	K48N2	Nguyễn Hà	Thu	Nữ	07/06/1994				Trung bình	1329869	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14376	2428-K48N2	K48N2	Phùng Thị Xuân	Thu	Nữ	30/01/1993				Trung bình	1329870	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14377	2429-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị	Thường	Nữ	01/11/1994				Trung bình	1329871	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14378	2430-K48N2	K48N2	Lê Phương	Thùy	Nữ	09/11/1994				Khá	1329872	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14379	2431-K48N2	K48N2	Lê Thị	Trang	Nữ	06/06/1994				Trung bình	1329873	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14380	2432-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	21/11/1994				Khá	1329874	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14381	2433-K48N2	K48N2	Trần Quang	Trung	Nam	25/04/1994				Khá	1329875	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14382	2434-K48N2	K48N2	Nguyễn Hà	Vy	Nữ	29/11/1994				Khá	1329876	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14383	2435-K48N2	K48N2	Phạm Thị	Tâm	Nữ	09/07/1992				Khá	1329877	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14384	2436-K48N3	K48N3	Đào Hải	Anh	Nữ	04/08/1994				Trung bình	1329878	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14385	2437-K48N3	K48N3	Đỗ Cẩm	Anh	Nữ	25/10/1994				Giỏi	1329879	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14386	2438-K48N3	K48N3	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	10/09/1994				Khá	1329880	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14387	2439-K48N3	K48N3	Phạm Hà	Chung	Nữ	16/10/1994				Giỏi	1329881	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14388	2440-K48N3	K48N3	Vũ Thu	Hà	Nữ	10/11/1994				Khá	1329882	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14389	2441-K48N3	K48N3	Phan Thị	Hải	Nữ	11/02/1994				Khá	1329883	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14390	2442-K48N3	K48N3	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	23/12/1994				Khá	1329884	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14391	2443-K48N3	K48N3	Trần Thị	Hiền	Nữ	04/10/1994				Khá	1329885	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14392	2444-K48N3	K48N3	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	04/04/1994				Khá	1329886	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14393	2445-K48N3	K48N3	Khắc Thị	Hồng	Nữ	20/12/1992				Khá	1329887	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14394	2446-K48N3	K48N3	Vũ Thị Thu	Huế	Nữ	02/11/1994				Giỏi	1329888	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14395	2447-K48N3	K48N3	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	21/08/1994				Khá	1329889	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14396	2448-K48N3	K48N3	Nguyễn Thị	Lê	Nữ	08/11/1994				Khá	1329890	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14397	2449-K48N3	K48N3	Hà Thị Thùy	Linh	Nữ	08/09/1994				Trung bình	1329891	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14398	2450-K48N3	K48N3	Lương Diệu	Linh	Nữ	13/12/1994				Khá	1329892	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14399	2451-K48N3	K48N3	Nguyễn Thị Thúy	Loan	Nữ	24/09/1994				Khá	1329893	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14400	2452-K48N3	K48N3	Lê Thị	Lý	Nữ	08/07/1994				Trung bình	1329894	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14401	2453-K48N3	K48N3	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	14/11/1994				Trung bình	1329895	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14402	2454-K48N3	K48N3	Lường Thị	Năm	Nữ	04/06/1994				Trung bình	1329896	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14403	2455-K48N3	K48N3	Lê Thúy	Nga	Nữ	23/08/1994				Khá	1329897	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14404	2456-K48N3	K48N3	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	15/12/1994				Khá	1329898	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14405	2457-K48N3	K48N3	Phạm Thị	Oanh	Nữ	19/11/1994				Khá	1329899	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14406	2458-K48N3	K48N3	Lê Thị	Phượng	Nữ	01/10/1994				Trung bình	1329900	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14407	2459-K48N3	K48N3	Thái Thị Thanh	Tâm	Nữ	06/07/1994				Khá	1329901	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14408	2460-K48N3	K48N3	Phạm Thanh	Thùy	Nữ	16/11/1994				Khá	1329902	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14409	2461-K48N3	K48N3	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	02/08/1994				Khá	1329903	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14410	2462-K48N3	K48N3	Kim Thị	Trang	Nữ	15/12/1994				Khá	1329904	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14411	2463-K48N3	K48N3	Vũ Thị Cẩm	Tú	Nữ	06/05/1994				Khá	1329905	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14412	2464-K48N3	K48N3	Lê Thị	Xuân	Nữ	25/01/1993				Khá	1329906	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14413	2465-K48N3	K48N3	Nguyễn Thị Thanh	Yến	Nữ	11/07/1994				Khá	1329907	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14414	2466-K48N4	K48N4	Hà Thị Vân	Anh	Nữ	29/05/1994				Khá	1329908	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14415	2467-K48N4	K48N4	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	22/03/1994				Trung bình	1329909	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14416	2468-K48N4	K48N4	Nguyễn Thị	ánh	Nữ	15/06/1994				Khá	1329910	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14417	2469-K48N4	K48N4	Nguyễn Thị	Chuyên	Nữ	20/10/1994				Khá	1329911	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14418	2470-K48N4	K48N4	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	23/01/1994				Khá	1329912	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14419	2471-K48N4	K48N4	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	17/07/1994				Khá	1329913	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14420	2472-K48N4	K48N4	Nguyễn Thị	Hào	Nữ	04/08/1994				Khá	1329914	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14421	2473-K48N4	K48N4	Vũ Thị	Hiền	Nữ	29/10/1994				Khá	1329915	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14422	2474-K48N4	K48N4	Bùi Thị Minh	Hồng	Nữ	03/10/1994				Khá	1329916	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14423	2475-K48N4	K48N4	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	06/08/1994				Khá	1329917	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14424	2476-K48N4	K48N4	Phan Thị Thu	Hường	Nữ	01/08/1994				Khá	1329918	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14425	2477-K48N4	K48N4	Hà Phương	Huyền	Nữ	22/09/1994				Khá	1329919	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14426	2478-K48N4	K48N4	Hoàng Thị Cẩm	Lê	Nữ	16/11/1994				Khá	1329920	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14427	2479-K48N4	K48N4	Đàm Thị Khánh	Linh	Nữ	29/12/1994				Khá	1329921	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14428	2480-K48N4	K48N4	Lê Thị	Linh	Nữ	13/10/1994				Khá	1329922	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14429	2481-K48N4	K48N4	Trần Thị	Loan	Nữ	14/12/1994				Khá	1329923	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14430	2482-K48N4	K48N4	Cầm Thị	Luân	Nữ	18/09/1993				Khá	1329924	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14431	2483-K48N4	K48N4	Phạm Quỳnh	Nga	Nữ	13/09/1994				Khá	1329925	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14432	2484-K48N4	K48N4	Phạm Thị	Ngân	Nữ	14/01/1994				Trung bình	1329926	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14433	2485-K48N4	K48N4	Trần Thị Hồng	Ngọc	Nữ	11/05/1994				Khá	1329927	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14434	2486-K48N4	K48N4	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	23/10/1994				Khá	1329928	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14435	2487-K48N4	K48N4	Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/01/1993				Khá	1329929	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14436	2488-K48N4	K48N4	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	21/09/1994				Trung bình	1329930	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14437	2489-K48N4	K48N4	Đoàn Thị	Quế	Nữ	27/05/1994				Khá	1329931	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14438	2490-K48N4	K48N4	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	30/07/1994				Khá	1329932	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14439	2491-K48N4	K48N4	Vũ Thị	Thùy	Nữ	13/01/1994				Khá	1329933	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14440	2492-K48N4	K48N4	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	14/01/1994				Khá	1329934	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14441	2493-K48N4	K48N4	Lê Thị	Tình	Nữ	14/02/1994				Trung bình	1329935	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14442	2494-K48N4	K48N4	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	13/04/1994				Khá	1329936	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14443	2495-K48N4	K48N4	Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	15/03/1994				Khá	1329937	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14444	2496-K48N4	K48N4	Bùi Thị Tố	Uyên	Nữ	17/07/1994				Trung bình	1329938	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14445	2497-K48N4	K48N4	Biện Thị Hải	Yến	Nữ	02/11/1994				Khá	1329939	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14446	2498-K48N4	K48N4	Vũ Thị	Yến	Nữ	14/01/1994				Xuất sắc	1329940	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14447	2499-K48N5	K48N5	Phan Thị Lan	Anh	Nữ	28/10/1994				Trung bình	1329941	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14448	2500-K48N5	K48N5	Tống Vân	Anh	Nữ	20/11/1994				Giỏi	1329942	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14449	2501-K48N5	K48N5	Vũ Thị Ngọc	Bích	Nữ	09/10/1994				Khá	1329943	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14450	2502-K48N5	K48N5	Phạm Thị	Chiến	Nữ	03/02/1993				Trung bình	1329944	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14451	2503-K48N5	K48N5	Hoàng Thị	Cúc	Nữ	15/01/1994				Khá	1329945	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14452	2504-K48N5	K48N5	Đoàn Việt	Dũng	Nam	06/12/1994				Khá	1329946	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14453	2505-K48N5	K48N5	Hồ Thị	Duyên	Nữ	01/10/1994				Khá	1329947	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14454	2506-K48N5	K48N5	Đào Thu	Hà	Nữ	15/09/1994				Trung bình	1329948	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14455	2507-K48N5	K48N5	Phạm Thị	Hà	Nữ	18/12/1994				Khá	1329949	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14456	2508-K48N5	K48N5	Đặng Thị	Hải	Nữ	08/10/1994				Giỏi	1329950	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14457	2509-K48N5	K48N5	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	08/07/1994				Khá	1329951	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14458	2510-K48N5	K48N5	Trần Thị Thu	Hoài	Nữ	28/10/1994				Khá	1329952	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14459	2511-K48N5	K48N5	Bùi Thị	Hương	Nữ	04/12/1994				Khá	1329953	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14460	2512-K48N5	K48N5	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	20/01/1994				Khá	1329954	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14461	2513-K48N5	K48N5	Nguyễn Văn	Khang	Nam	11/03/1994				Khá	1329955	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14462	2514-K48N5	K48N5	Đồng Thị	Lan	Nữ	20/09/1994				Giỏi	1329956	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14463	2515-K48N5	K48N5	Đinh Hồng Ngọc	Linh	Nữ	05/08/1994				Khá	1329957	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14464	2516-K48N5	K48N5	Nguyễn Trần Mỹ	Linh	Nữ	09/11/1994				Khá	1329958	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14465	2517-K48N5	K48N5	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	02/10/1994				Khá	1329959	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14466	2518-K48N5	K48N5	Đặng Thùy	Loan	Nữ	20/01/1994				Khá	1329960	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14467	2519-K48N5	K48N5	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	31/03/1994				Khá	1329961	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14468	2520-K48N5	K48N5	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	20/02/1994				Khá	1329962	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14469	2521-K48N5	K48N5	Phạm Thị	Nhung	Nữ	05/04/1994				Khá	1329963	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14470	2522-K48N5	K48N5	Trần Thị Bích	Nhung	Nữ	01/10/1994				Khá	1329964	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14471	2523-K48N5	K48N5	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	02/12/1994				Khá	1329965	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14472	2524-K48N5	K48N5	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	08/11/1994				Trung bình	1329966	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14473	2525-K48N5	K48N5	Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	08/02/1994				Khá	1329967	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14474	2526-K48N5	K48N5	Nguyễn Trang	Thanh	Nữ	22/03/1994				Khá	1329968	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14475	2527-K48N5	K48N5	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	17/02/1994				Khá	1329969	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14476	2528-K48N5	K48N5	Trần Vũ Anh	Thế	Nam	19/07/1994				Khá	1329970	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14477	2529-K48N5	K48N5	Nguyễn Diệu	Thuận	Nữ	22/07/1994				Khá	1329971	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14478	2530-K48N5	K48N5	Nguyễn Thu	Thùy	Nữ	03/02/1994				Khá	1329972	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14479	2531-K48N5	K48N5	Mai Thị	Thùy	Nữ	21/04/1994				Khá	1329973	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14480	2532-K48N5	K48N5	Phạm Hà	Trang	Nữ	14/06/1994				Khá	1329974	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14481	2533-K48N5	K48N5	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	18/01/1994				Khá	1329975	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14482	2534-K48N5	K48N5	Lê Thị Thúy	Vân	Nữ	28/08/1994				Khá	1329976	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14483	2535-K48N6	K48N6	Đinh Thị Vân	An	Nữ	18/09/1994				Khá	1329977	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14484	2536-K48N6	K48N6	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	10/03/1994				Khá	1329978	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14485	2537-K48N6	K48N6	Vũ Thị	Dinh	Nữ	14/11/1994				Khá	1329979	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14486	2538-K48N6	K48N6	Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	21/03/1993				Trung bình	1329980	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14487	2539-K48N6	K48N6	Trần Thùy	Dương	Nữ	23/08/1994				Khá	1329981	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14488	2540-K48N6	K48N6	Ngô Thị	Hà	Nữ	02/04/1993				Khá	1329982	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14489	2541-K48N6	K48N6	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	08/10/1994				Giỏi	1329983	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14490	2542-K48N6	K48N6	Nguyễn Thị ánh	Hồng	Nữ	03/08/1994				Khá	1329984	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14491	2543-K48N6	K48N6	Cao Thị Thanh	Hương	Nữ	02/05/1994				Khá	1329985	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14492	2544-K48N6	K48N6	Phạm Thị	Huyền	Nữ	04/10/1994				Khá	1329986	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14493	2545-K48N6	K48N6	Bùi Thị	Lan	Nữ	10/10/1994				Khá	1329987	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14494	2546-K48N6	K48N6	Đào Thị	Linh	Nữ	16/11/1994				Khá	1329988	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14495	2547-K48N6	K48N6	Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	20/08/1994				Trung bình	1329989	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14496	2548-K48N6	K48N6	Trần Thanh	Mai	Nữ	06/10/1994				Khá	1329990	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14497	2549-K48N6	K48N6	Trần Thị Thu	Mai	Nữ	06/01/1994				Giỏi	1329991	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14498	2550-K48N6	K48N6	Đặng Thị Hằng	Nga	Nữ	21/11/1994				Khá	1329992	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14499	2551-K48N6	K48N6	Nguyễn Nữ Minh	Ngọc	Nữ	09/08/1994				Khá	1329993	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14500	2552-K48N6	K48N6	Mạc Thị Thảo	Nguyên	Nữ	27/02/1994				Khá	1329994	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14501	2553-K48N6	K48N6	Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	03/04/1994				Khá	1329995	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14502	2554-K48N6	K48N6	Phạm Thị	Phương	Nữ	27/05/1993				Khá	1329996	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14503	2555-K48N6	K48N6	Phan Thị	Quyên	Nữ	06/01/1994				Khá	1329997	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14504	2556-K48N6	K48N6	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	27/05/1994				Khá	1329998	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14505	2557-K48N6	K48N6	Trịnh Thị	Thắm	Nữ	07/04/1994				Khá	1329999	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14506	2558-K48N6	K48N6	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	22/09/1993				Khá	1330000	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14507	2559-K48N6	K48N6	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Nữ	01/07/1994				Khá	1330001	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14508	2560-K48N6	K48N6	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	16/07/1994				Trung bình	1330002	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14509	2561-K48N6	K48N6	Đoàn Thị	Vân	Nữ	23/12/1994				Khá	1330003	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14510	2562-K47N1	K47N1	Nguyễn Thị Kiều	Anh	Nữ	03/08/1993				Trung bình	1330004	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14511	2563-K47N1	K47N1	Đào Diệu	Linh	Nữ	04/11/1993				Khá	1330005	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14512	2564-K47N1	K47N1	Vũ Thị Diệu	Linh	Nữ	03/07/1993				Khá	1330006	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14513	2565-K47N1	K47N1	Phạm Thị Minh	Yến	Nữ	23/10/1993				Khá	1330007	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14514	2566-K47N2	K47N2	Nguyễn Thị Hạnh	Lê	Nữ	25/12/1993				Trung bình	1330008	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14515	2567-K47N2	K47N2	Đinh Thị Yến	Ngọc	Nữ	04/07/1993				Trung bình	1330009	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14516	2568-K47N2	K47N2	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	08/01/1993				Trung bình	1330010	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14517	2569-K47N3	K47N3	Tống Hữu	Thành	Nam	19/09/1993				Khá	1330011	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14518	2570-K47N4	K47N4	Bùi Kim	Ngân	Nữ	16/02/1993				Khá	1330012	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14519	2571-K47N5	K47N5	Nguyễn Thị Bích	Ly	Nữ	11/12/1992				Khá	1330013	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14520	2572-K47N5	K47N5	Mai Huyền	Mi	Nữ	07/06/1993				Trung bình	1330014	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14521	1866-K47A	K47A2	Đào Thị	Hà	Nữ	26/03/1993				Khá	1141596	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14522	1867-K47A	K47A2	Đoàn Tô Thanh	Long	Nam	27/01/1993				Khá	1141597	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14523	1868-K47A	K47A4	Nguyễn Kiên	Trung	Nam	14/01/1992				Trung bình	1141598	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14524	1869-K47A	K47A5	Phạm Hữu	Chuẩn	Nam	25/08/1993				Trung bình	1141599	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14525	1870-K47A	K47A5	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	04/02/1992				Trung bình	1141600	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14526	1871-K47A	K47A5	Vương Đức	Khôi	Nam	26/08/1993				Khá	1376614	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14527	1872-K47A	K47A5	Vũ Đăng	Quí	Nam	30/08/1993				Trung bình	1376615	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14528	1873-K47A	K47A5	Trần Thị	Thắm	Nữ	26/05/1993				Khá	1141704	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14529	1915-K46A	K46A5	Nguyễn Ngọc	Khuê	Nam	17/12/1992				Trung bình	1330041	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14530	1902-K47Q	K47QA	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	18/01/1993				Trung bình	1330028	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14531	1919-K46Q	K46QA	Đặng Đức	Việt	Nam	02/11/1990				Khá	1330045	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14532	1898-K47K	K47K1	Nguyễn Hà	Nam	Nam	05/11/1993				Trung bình	1330024	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14533	1899-K47K	K47K3	Nguyễn Văn	Biên	Nam	13/11/1993				Khá	1330025	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14534	970-K48F1	K48F1	Cao Tuấn	Anh	Nam	19/06/1994				Khá	1328066	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14535	971-K48F1	K48F1	Trần Ngọc	Anh	Nữ	11/05/1994				Giỏi	1328067	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14536	972-K48F1	K48F1	Hoàng Thị	Đào	Nữ	25/08/1994				Khá	1328068	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14537	973-K48F1	K48F1	Phạm Trung	Đức	Nam	27/10/1993				Khá	1328069	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14538	974-K48F1	K48F1	Vũ Thị	Dung	Nữ	24/06/1994				Khá	1328070	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14539	975-K48F1	K48F1	Hoàng Thị Thu	Hằng	Nữ	05/09/1994				Khá	1328071	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14540	976-K48F1	K48F1	Bùi Thị	Hảo	Nữ	22/12/1994				Khá	1328072	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14541	977-K48F1	K48F1	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	Nữ	05/11/1994				Giỏi	1328073	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14542	978-K48F1	K48F1	Trần Thị Oanh	Hòa	Nữ	25/12/1994				Giỏi	1328074	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14543	979-K48F1	K48F1	Phạm Văn	Hùng	Nam	25/08/1994				Trung bình	1328075	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14544	980-K48F1	K48F1	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	24/07/1994				Khá	1328076	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14545	981-K48F1	K48F1	Đỗ Thị Thu	Huyền	Nữ	28/11/1994				Khá	1328077	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14546	982-K48F1	K48F1	Ninh Thị	Huyền	Nữ	20/03/1994				Khá	1328078	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14547	983-K48F1	K48F1	Trần Thọ	Khoa	Nam	01/01/1994				Trung bình	1328079	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14548	984-K48F1	K48F1	Thân Thị Minh	Khuê	Nữ	16/10/1994				Khá	1328080	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14549	985-K48F1	K48F1	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	07/09/1994				Giỏi	1328081	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14550	986-K48F1	K48F1	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nữ	17/08/1994				Khá	1328082	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14551	987-K48F1	K48F1	Thân Thị	Lợi	Nữ	29/09/1994				Giỏi	1328083	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14552	988-K48F1	K48F1	Đinh Thị Yến	Ly	Nữ	09/09/1994				Khá	1328084	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14553	989-K48F1	K48F1	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	15/10/1994				Khá	1328085	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14554	990-K48F1	K48F1	Bùi Như	Mạnh	Nam	06/01/1994				Trung bình	1328086	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14555	991-K48F1	K48F1	Lưu Thị	Nga	Nữ	12/02/1994				Khá	1328087	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14556	992-K48F1	K48F1	Trần Thị	Ngân	Nữ	12/08/1994				Khá	1328088	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14557	993-K48F1	K48F1	Đào Thị	Nguyệt	Nữ	27/05/1994				Khá	1328089	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14558	994-K48F1	K48F1	Lê Thị	Nhung	Nữ	21/08/1994				Giỏi	1328090	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14559	995-K48F1	K48F1	Bùi Thị	Tâm	Nữ	16/12/1994				Khá	1328091	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14560	996-K48F1	K48F1	Mai Thị	Thắm	Nữ	29/01/1994				Khá	1328092	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14561	997-K48F1	K48F1	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	12/11/1994				Khá	1328093	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14562	998-K48F1	K48F1	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	07/09/1994				Khá	1328094	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14563	999-K48F1	K48F1	Hoàng Thị	Thùy	Nữ	27/12/1994				Khá	1328095	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14564	1000-K48F1	K48F1	Trần Thị THùy	Trang	Nữ	30/10/1994				Khá	1328096	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14565	1001-K48F1	K48F1	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	03/01/1994				Khá	1328097	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14566	1002-K48F1	K48F1	Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	13/09/1994				Giỏi	1328098	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14567	1003-K48F1	K48F1	Trần Thị	Vân	Nữ	28/08/1994				Khá	1328099	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14568	1004-K48F2	K48F2	Phạm Quốc	Anh	Nam	04/10/1994				Khá	1328100	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14569	1005-K48F2	K48F2	Phan Thị Ngọc	Anh	Nữ	02/02/1994				Khá	1328101	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14570	1006-K48F2	K48F2	Phan Thị Việt	Anh	Nữ	12/02/1994				Khá	1328102	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14571	1007-K48F2	K48F2	Lê Thị	Ban	Nữ	27/01/1994				Khá	1328103	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14572	1008-K48F2	K48F2	Nguyễn Văn	Cường	Nam	17/10/1994				Khá	1328104	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14573	1009-K48F2	K48F2	Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	03/10/1993				Khá	1328105	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14574	1010-K48F2	K48F2	Phan Thị	Duyên	Nữ	24/03/1994				Khá	1328106	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14575	1011-K48F2	K48F2	Bùi Thị Hồng	én	Nữ	02/02/1994				Giỏi	1328107	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14576	1012-K48F2	K48F2	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	18/07/1994				Giỏi	1328108	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14577	1013-K48F2	K48F2	Lê Đại	Hiệp	Nam	28/02/1994				Khá	1328109	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14578	1014-K48F2	K48F2	Đinh Thị	Hoa	Nữ	16/01/1994				Giỏi	1328110	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14579	1015-K48F2	K48F2	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	01/09/1994				Giỏi	1328111	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14580	1016-K48F2	K48F2	Phùng Văn	Hưng	Nam	23/04/1994				Khá	1328112	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14581	1017-K48F2	K48F2	Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	17/01/1994				Khá	1328113	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14582	1018-K48F2	K48F2	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/04/1993				Trung bình	1328114	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14583	1019-K48F2	K48F2	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	10/08/1994				Khá	1328115	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14584	1020-K48F2	K48F2	Đào Thị Thanh	Lam	Nữ	29/08/1993				Giỏi	1328116	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14585	1021-K48F2	K48F2	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	10/08/1994				Khá	1328117	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14586	1022-K48F2	K48F2	Đỗ Thị Diệu	Linh	Nữ	07/06/1994				Khá	1328118	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14587	1023-K48F2	K48F2	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	04/02/1994				Khá	1328119	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14588	1024-K48F2	K48F2	Đào Thị	Ly	Nữ	21/02/1994				Khá	1328120	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14589	1025-K48F2	K48F2	Nguyễn Anh	Minh	Nam	28/08/1994				Khá	1328121	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14590	1026-K48F2	K48F2	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	18/08/1994				Khá	1328122	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14591	1027-K48F2	K48F2	Phạm Thị Thanh	Nga	Nữ	30/04/1994				Khá	1328123	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14592	1028-K48F2	K48F2	Lê Thị	Ngọc	Nữ	12/01/1994				Khá	1328124	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14593	1029-K48F2	K48F2	Phạm Thị	Nhài	Nữ	14/09/1994				Khá	1328125	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14594	1030-K48F2	K48F2	Doãn Thị	Nhung	Nữ	20/06/1994				Khá	1328126	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14595	1031-K48F2	K48F2	Lê Thị	Nhung	Nữ	08/01/1994				Khá	1328127	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14596	1032-K48F2	K48F2	Hoàng Thu	Phương	Nữ	16/06/1994				Khá	1328128	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14597	1033-K48F2	K48F2	Nguyễn Huệ	Phương	Nữ	30/09/1994				Khá	1328129	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14598	1034-K48F2	K48F2	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	22/12/1994				Khá	1328130	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14599	1035-K48F2	K48F2	Lương Thị	Tâm	Nữ	05/01/1994				Khá	1328131	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14600	1036-K48F2	K48F2	Vũ Thị Minh	Thuận	Nữ	27/03/1994				Khá	1328132	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14601	1037-K48F2	K48F2	Hoàng Thị Diệu	Thương	Nữ	01/05/1994				Khá	1328133	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14602	1038-K48F2	K48F2	Nguyễn Thị Bích	Thùy	Nữ	06/02/1993				Khá	1328134	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14603	1039-K48F2	K48F2	Đặng Văn	Tiến	Nam	26/02/1994				Giỏi	1328135	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14604	1040-K48F2	K48F2	Nguyễn Thị	Trà	Nữ	24/07/1994				Khá	1328136	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14605	1041-K48F2	K48F2	Phùng Thị	Vân	Nữ	15/01/1994				Khá	1328137	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14606	1042-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	03/09/1994				Khá	1328138	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14607	1043-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	21/06/1994				Trung bình	1328139	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14608	1044-K48F3	K48F3	Đào Thị	Bích	Nữ	23/03/1994				Khá	1328140	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14609	1045-K48F3	K48F3	Trần Thanh	Bình	Nam	12/02/1994				Khá	1328141	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14610	1046-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	24/03/1994				Khá	1328142	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14611	1047-K48F3	K48F3	Ngô Thị	Hà	Nữ	06/10/1994				Khá	1328143	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14612	1048-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	28/11/1994				Khá	1328144	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14613	1049-K48F3	K48F3	Phạm Thị	Hạnh	Nữ	15/06/1994				Khá	1328145	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14614	1050-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	15/10/1994				Giỏi	1328146	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14615	1051-K48F3	K48F3	Phạm Thị Thanh	Hoa	Nữ	03/10/1994				Giỏi	1328147	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14616	1052-K48F3	K48F3	Cao Văn	Hoan	Nam	01/07/1994				Khá	1328148	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14617	1053-K48F3	K48F3	Trần Thị Bích	Hồng	Nữ	12/04/1994				Khá	1328149	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14618	1054-K48F3	K48F3	Lê Thị Cẩm	Hương	Nữ	03/08/1993				Khá	1328150	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14619	1055-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	15/09/1994				Khá	1328151	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14620	1056-K48F3	K48F3	Đoàn Phương	Lan	Nữ	17/09/1994				Giỏi	1328152	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14621	1057-K48F3	K48F3	Đặng Thị	Liễu	Nữ	22/05/1994				Khá	1328153	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14622	1058-K48F3	K48F3	Lê Hồng	Linh	Nữ	27/10/1993				Khá	1328154	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14623	1059-K48F3	K48F3	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	16/06/1993				Khá	1328155	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14624	1060-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị Hồng	Minh	Nữ	14/05/1994				Giỏi	1328156	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14625	1061-K48F3	K48F3	Vũ Kiều	Nga	Nữ	05/05/1994				Giỏi	1328157	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14626	1062-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	04/03/1994				Giỏi	1328158	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14627	1063-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	17/01/1994				Khá	1328159	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14628	1064-K48F3	K48F3	Lê Thị Lan	Phương	Nữ	06/10/1994				Khá	1328160	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14629	1065-K48F3	K48F3	Đào Thị	Phượng	Nữ	03/08/1994				Khá	1328161	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14630	1066-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	30/11/1994				Giỏi	1328162	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14631	1067-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/12/1994				Khá	1328163	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14632	1068-K48F3	K48F3	Lê Thị	Thảo	Nữ	10/02/1994				Khá	1328164	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14633	1069-K48F3	K48F3	Đặng Thị Kim	Thoa	Nữ	26/01/1994				Khá	1328165	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14634	1070-K48F3	K48F3	Bùi Thị	Thúy	Nữ	22/07/1994				Khá	1328166	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14635	1071-K48F3	K48F3	Trần Thị	Thùy	Nữ	03/02/1993				Khá	1328167	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14636	1072-K48F3	K48F3	Trần Thị	Tơ	Nữ	19/10/1993				Xuất sắc	1328168	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14637	1073-K48F3	K48F3	Phạm THùy	Trang	Nữ	08/10/1994				Khá	1328169	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14638	1074-K48F3	K48F3	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	11/04/1994				Khá	1328170	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14639	1075-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	13/03/1994				Giỏi	1328171	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14640	1076-K48F4	K48F4	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	08/11/1994				Khá	1328172	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14641	1077-K48F4	K48F4	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	17/12/1994				Khá	1328173	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14642	1078-K48F4	K48F4	Nguyễn Thị Huệ	Chi	Nữ	23/11/1994				Khá	1328174	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14643	1079-K48F4	K48F4	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	21/05/1994				Khá	1328175	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14644	1080-K48F4	K48F4	Nguyễn Thị Linh	Giang	Nữ	29/11/1993				Khá	1328176	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14645	1081-K48F4	K48F4	Đỗ Thị	Hà	Nữ	07/03/1994				Khá	1328177	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14646	1082-K48F4	K48F4	Âu Thị Thu	Hằng	Nữ	20/12/1994				Khá	1328178	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14647	1083-K48F4	K48F4	Phạm Thị	Hằng	Nữ	30/04/1994				Khá	1328179	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14648	1084-K48F4	K48F4	Hoàng Mai	Hoa	Nữ	15/09/1994				Giỏi	1328180	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14649	1085-K48F4	K48F4	Phạm Quỳnh	Hoa	Nữ	25/06/1994				Khá	1328181	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14650	1086-K48F4	K48F4	Lê Thị	Hồng	Nữ	06/04/1994				Khá	1328182	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14651	1087-K48F4	K48F4	Phạm Thị Lệ Xuân	Hường	Nữ	01/04/1994				Khá	1328183	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14652	1088-K48F4	K48F4	Trần Thị	Liên	Nữ	13/12/1994				Khá	1328184	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14653	1089-K48F4	K48F4	Đỗ Thị	Liệu	Nữ	05/09/1994				Khá	1328185	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14654	1090-K48F4	K48F4	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	23/07/1994				Giỏi	1328186	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14655	1091-K48F4	K48F4	Dương Thị	Lụa	Nữ	12/09/1994				Khá	1328187	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14656	1092-K48F4	K48F4	Dương Quỳnh	Mai	Nữ	20/03/1994				Khá	1328188	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14657	1093-K48F4	K48F4	Hà Thị	My	Nữ	16/08/1994				Khá	1328189	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14658	1094-K48F4	K48F4	Nguyễn Tuấn	Nam	Nam	26/11/1994				Khá	1328190	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14659	1095-K48F4	K48F4	Trần Thị	Nga	Nữ	13/07/1994				Khá	1328191	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14660	1096-K48F4	K48F4	Lã Thị	Nhâm	Nữ	21/04/1994				Khá	1328192	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14661	1097-K48F4	K48F4	Hà Thị Tuyết	Nhung	Nữ	24/08/1993				Khá	1328193	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14662	1098-K48F4	K48F4	Phạm Thị	Nụ	Nữ	17/01/1994				Khá	1328194	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14663	1099-K48F4	K48F4	Đỗ Thị	Phương	Nữ	26/03/1994				Khá	1328195	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14664	1100-K48F4	K48F4	Nguyễn Hồng	Quyên	Nữ	03/11/1994				Khá	1328196	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14665	1101-K48F4	K48F4	Ninh Thị	Sâm	Nữ	20/12/1994				Giỏi	1328197	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14666	1102-K48F4	K48F4	Nguyễn Công	Sơn	Nam	20/04/1994				Trung bình	1328198	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14667	1103-K48F4	K48F4	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	10/08/1994				Khá	1328199	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14668	1104-K48F4	K48F4	Đỗ Thị	Thu	Nữ	29/03/1994				Khá	1328200	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14669	1105-K48F4	K48F4	Bùi Thị	Thúy	Nữ	21/09/1994				Khá	1328201	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14670	1106-K48F4	K48F4	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	05/09/1994				Khá	1328202	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14671	1107-K48F4	K48F4	Nguyễn Thị	Tới	Nữ	10/11/1994				Khá	1328203	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14672	1108-K48F4	K48F4	Vũ Thị	Trang	Nữ	06/03/1994				Khá	1328204	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14673	1109-K48F4	K48F4	Trương Thị Tuyết	Trinh	Nữ	02/11/1994				Khá	1328205	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14674	1110-K48F4	K48F4	Ngô Thị Cẩm	Vân	Nữ	07/11/1994				Khá	1328206	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14675	1111-K48F5	K48F5	Lê Thị Hà	Anh	Nữ	30/10/1994				Khá	1328207	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14676	1112-K48F5	K48F5	Phạm Tú	Anh	Nữ	14/12/1994				Khá	1328208	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14677	1113-K48F5	K48F5	Lê Thị Ngọc	ánh	Nữ	18/06/1994				Khá	1328209	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14678	1114-K48F5	K48F5	Đặng Thị	Chinh	Nữ	21/06/1994				Giỏi	1328210	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14679	1115-K48F5	K48F5	Hoàng Mạnh	Chung	Nam	23/06/1994				Khá	1328211	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14680	1116-K48F5	K48F5	Tạ Thị	Duyên	Nữ	05/09/1994				Khá	1328212	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14681	1117-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	17/07/1994				Khá	1328213	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14682	1118-K48F5	K48F5	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	17/06/1994				Giỏi	1328214	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14683	1119-K48F5	K48F5	Khuất Thị Thu	Hằng	Nữ	28/08/1994				Khá	1328215	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14684	1120-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	29/06/1994				Khá	1328216	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14685	1121-K48F5	K48F5	Đoàn Thị	Hoa	Nữ	06/12/1994				Giỏi	1328217	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14686	1122-K48F5	K48F5	Trần Thị	Huế	Nữ	07/10/1994				Khá	1328218	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14687	1123-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	21/01/1995				Xuất sắc	1328219	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14688	1124-K48F5	K48F5	Đỗ Vũ Thu	Hường	Nữ	16/09/1994				Giỏi	1328220	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14689	1125-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	06/10/1994				Khá	1328221	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14690	1126-K48F5	K48F5	Từ Thị	Lan	Nữ	22/06/1993				Trung bình	1328222	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14691	1127-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	10/07/1994				Khá	1328223	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14692	1128-K48F5	K48F5	Đỗ Thị	Linh	Nữ	18/08/1993				Giỏi	1328224	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14693	1129-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	22/08/1994				Trung bình	1328225	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14694	1130-K48F5	K48F5	Ngô Thị	Lượng	Nữ	06/03/1994				Khá	1328226	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14695	1131-K48F5	K48F5	Lê Thị Thanh	Mai	Nữ	15/04/1993				Khá	1328227	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14696	1132-K48F5	K48F5	Đỗ Phương	Nga	Nữ	16/12/1994				Giỏi	1328228	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14697	1133-K48F5	K48F5	Trần Thị Thanh	Nhi	Nữ	20/07/1994				Khá	1328229	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14698	1134-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/08/1994				Khá	1328230	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14699	1135-K48F5	K48F5	Cao Thị	Oanh	Nữ	04/02/1994				Khá	1328231	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14700	1136-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	27/10/1994				Khá	1328232	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14701	1137-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	13/01/1994				Khá	1328233	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14702	1138-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	18/11/1994				Giỏi	1328234	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14703	1139-K48F5	K48F5	Trịnh Thị	Sinh	Nữ	06/02/1994				Giỏi	1328235	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14704	1140-K48F5	K48F5	Phạm Thị	Thảo	Nữ	12/04/1994				Giỏi	1328236	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14705	1141-K48F5	K48F5	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	12/09/1994				Khá	1328237	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14706	1142-K48F5	K48F5	Lê Thị Hồng	Trang	Nữ	17/06/1994				Khá	1328238	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14707	1143-K48F5	K48F5	Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	05/11/1994				Khá	1328239	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14708	1144-K48F5	K48F5	Đậu Thị Thanh	Tú	Nữ	25/03/1994				Khá	1328240	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14709	1145-K48F5	K48F5	Vy Thị Hồng	Vân	Nữ	29/12/1994				Khá	1328241	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14710	1146-K47F1	K47F1	Vũ Văn	Dương	Nam	29/07/1993				Trung bình	1328242	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14711	1147-K47F1	K47F1	Đặng Thị	Hoa	Nữ	18/02/1993				Trung bình	1328243	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14712	1148-K47F3	K47F3	Thái Nguyên	Thắng	Nam	06/06/1993				Trung bình	1328244	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14713	1149-K47F5	K47F5	Vũ Thị Minh	Huệ	Nữ	11/04/1993				Khá	1328245	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14714	2573-K48P1	K48P1	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	08/12/1994				Giỏi	1329253	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14715	2574-K48P1	K48P1	Nguyễn Tú	Anh	Nữ	08/09/1994				Khá	1329254	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14716	2575-K48P1	K48P1	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	30/05/1994				Giỏi	1329255	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14717	2576-K48P1	K48P1	Vũ Ngọc	ánh	Nữ	18/12/1994				Khá	1329256	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14718	2577-K48P1	K48P1	Nguyễn Thị	Châm	Nữ	04/04/1994				Giỏi	1329257	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14719	2578-K48P1	K48P1	Vũ Thị	Duyên	Nữ	25/10/1994				Khá	1329258	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14720	2579-K48P1	K48P1	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	05/04/1994				Khá	1329259	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14721	2580-K48P1	K48P1	Phạm Thị Hương	Giang	Nữ	02/11/1994				Khá	1329260	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14722	2581-K48P1	K48P1	Lê Thị Việt	Hà	Nữ	21/01/1994				Khá	1329261	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14723	2582-K48P1	K48P1	Lê Bảo	Hân	Nữ	27/12/1993				Khá	1329262	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14724	2583-K48P1	K48P1	Nông Thúy	Hằng	Nữ	11/02/1994				Khá	1329263	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14725	2584-K48P1	K48P1	Lê Mỹ	Hạnh	Nữ	20/11/1994				Khá	1329264	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14726	2585-K48P1	K48P1	Lê Thị	Hoài	Nữ	28/04/1994				Khá	1329265	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14727	2586-K48P1	K48P1	Nguyễn Lê	Hoàng	Nam	28/10/1994				Khá	1329266	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14728	2587-K48P1	K48P1	Hà Thị Thu	Huyền	Nữ	02/02/1993				Khá	1329267	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14729	2588-K48P1	K48P1	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/11/1994				Khá	1329268	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14730	2589-K48P1	K48P1	Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	09/12/1994				Trung bình	1329269	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14731	2590-K48P1	K48P1	Tạ Thùy	Linh	Nữ	26/08/1994				Khá	1329270	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14732	2591-K48P1	K48P1	Nguyễn Thị	Lự	Nữ	22/08/1994				Giỏi	1329271	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14733	2592-K48P1	K48P1	Lê Thị	Nhiễm	Nữ	12/11/1994				Khá	1329272	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14734	2593-K48P1	K48P1	Hà Hồng	Nhung	Nữ	11/11/1994				Giỏi	1329273	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14735	2594-K48P1	K48P1	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	26/03/1994				Khá	1329274	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14736	2595-K48P1	K48P1	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	09/11/1994				Khá	1329275	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14737	2596-K48P1	K48P1	Trần Tiến	Quân	Nam	22/08/1994				Khá	1329276	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14738	2597-K48P1	K48P1	Hoàng Phương	Thảo	Nữ	16/12/1994				Khá	1329277	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14739	2598-K48P1	K48P1	Phạm Phương	Thu	Nữ	19/04/1994				Khá	1329278	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14740	2599-K48P1	K48P1	Bùi Huyền	Trâm	Nữ	13/01/1994				Giỏi	1329279	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14741	2600-K48P1	K48P1	Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	02/11/1994				Khá	1329280	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14742	2601-K48P1	K48P1	Nguyễn Văn	Việt	Nam	20/01/1994				Giỏi	1329281	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14743	2602-K48P1	K48P1	Nguyễn Thị Như	Vinh	Nữ	14/06/1994				Khá	1329282	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14744	2603-K48P2	K48P2	Lương Đức	Anh	Nam	11/11/1994				Khá	1329283	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14745	2604-K48P2	K48P2	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	13/11/1994				Khá	1329284	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14746	2605-K48P2	K48P2	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	24/08/1993				Khá	1329285	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14747	2606-K48P2	K48P2	Vũ Mai	Anh	Nữ	16/03/1994				Khá	1329286	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14748	2607-K48P2	K48P2	Đặng Thị Ngọc	Bích	Nữ	08/03/1994				Giỏi	1329287	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14749	2608-K48P2	K48P2	Trịnh Minh	Đức	Nam	08/02/1994				Khá	1329288	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14750	2609-K48P2	K48P2	Trịnh Thị Xuân	Dương	Nữ	30/07/1994				Khá	1329289	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14751	2610-K48P2	K48P2	Đỗ Thị Linh	Giang	Nữ	17/04/1994				Khá	1329290	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14752	2611-K48P2	K48P2	Vũ Hà	Giang	Nữ	09/08/1994				Khá	1329291	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14753	2612-K48P2	K48P2	Triệu Thái	Hà	Nữ	19/12/1994				Khá	1329292	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14754	2613-K48P2	K48P2	Lê Thị	Hằng	Nữ	20/10/1994				Khá	1329293	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14755	2614-K48P2	K48P2	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	07/12/1994				Khá	1329294	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14756	2615-K48P2	K48P2	Phương Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	12/01/1994				Khá	1329296	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14757	2616-K48P2	K48P2	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	25/08/1994				Khá	1329297	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14758	2617-K48P2	K48P2	Phan Sỹ	Hoàng	Nam	19/05/1994				Khá	1329298	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14759	2618-K48P2	K48P2	Hà Thị Thanh	Hương	Nữ	15/10/1994				Khá	1329299	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14760	2619-K48P2	K48P2	Nguyễn Mai	Lan	Nữ	12/11/1994				Khá	1329300	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14761	2620-K48P2	K48P2	Nguyễn Thị Quỳnh	Linh	Nữ	17/10/1994				Khá	1329301	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14762	2621-K48P2	K48P2	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	27/10/1994				Khá	1329302	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14763	2622-K48P2	K48P2	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	21/01/1994				Khá	1329303	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14764	2623-K48P2	K48P2	Cỏ Thảo	Nguyên	Nữ	08/04/1994				Khá	1329304	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14765	2624-K48P2	K48P2	Lý Thị	Nhung	Nữ	20/10/1994				Khá	1329305	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14766	2625-K48P2	K48P2	Trịnh Thị Lâm	Oanh	Nữ	18/12/1994				Khá	1329306	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14767	2626-K48P2	K48P2	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	24/10/1994				Khá	1329307	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14768	2627-K48P2	K48P2	Phùng Thị Mai	Phương	Nữ	28/04/1994				Khá	1329308	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14769	2628-K48P2	K48P2	Trần Bích	Phượng	Nữ	14/11/1994				Khá	1329309	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14770	2629-K48P2	K48P2	Nguyễn Khắc	Sơn	Nam	10/09/1993				Khá	1329310	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14771	2630-K48P2	K48P2	Hoàng Thị Thanh	Tâm	Nữ	22/10/1993				Khá	1329311	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14772	2631-K48P2	K48P2	Vương Đình Thị	Thắm	Nữ	23/01/1993				Khá	1329312	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14773	2632-K48P2	K48P2	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	29/04/1993				Khá	1329313	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14774	2633-K48P2	K48P2	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	10/09/1994				Khá	1329314	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14775	2634-K48P2	K48P2	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	02/04/1994				Giỏi	1329315	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14776	2635-K48P2	K48P2	Hoàng Thu	Trang	Nữ	03/04/1994				Khá	1329316	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14777	2636-K48P2	K48P2	Vũ Tường	Vân	Nữ	18/04/1994				Khá	1329317	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14778	2637-K48P2	K48P2	Nguyễn Thị	Vị	Nữ	10/09/1994				Khá	1329318	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14779	2638-K48P3	K48P3	Đinh Hồng	Anh	Nữ	06/12/1994				Khá	1329319	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14780	2639-K48P3	K48P3	Ngô Hồng	Anh	Nữ	11/02/1994				Khá	1329320	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14781	2640-K48P3	K48P3	Nguyễn Minh	Anh	Nam	26/02/1994				Khá	1329321	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14782	2641-K48P3	K48P3	Đào Thị Ngọc	Bích	Nữ	30/08/1994				Giỏi	1329322	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14783	2642-K48P3	K48P3	Trần Đức	Điệp	Nữ	14/10/1993				Khá	1329323	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14784	2643-K48P3	K48P3	Phạm Thị	Dung	Nữ	26/07/1993				Khá	1329324	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14785	2644-K48P3	K48P3	Trần Thị Thanh	Hải	Nữ	06/01/1994				Khá	1329325	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14786	2645-K48P3	K48P3	Mai Thị	Hoa	Nữ	10/09/1993				Khá	1329326	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14787	2646-K48P3	K48P3	Nguyễn Hải	Hường	Nữ	18/11/1994				Giỏi	1329327	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14788	2647-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	06/05/1994				Khá	1329328	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14789	2648-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	18/08/1994				Khá	1329329	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14790	2649-K48P3	K48P3	Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	18/02/1994				Khá	1329330	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14791	2650-K48P3	K48P3	Nguyễn Nhật	Linh	Nữ	05/03/1994				Khá	1329331	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14792	2651-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị Tú	Linh	Nữ	04/10/1994				Giỏi	1329332	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14793	2652-K48P3	K48P3	Đinh Thị	Nga	Nữ	23/11/1994				Khá	1329333	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14794	2653-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	19/08/1994				Khá	1329334	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14795	2654-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	03/05/1994				Khá	1329335	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14796	2655-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	20/12/1994				Khá	1329336	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14797	2656-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	04/04/1993				Khá	1329337	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14798	2657-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị Minh	Phượng	Nữ	30/12/1994				Khá	1329338	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14799	2658-K48P3	K48P3	Tô Trọng	Quân	Nam	30/08/1994				Khá	1329339	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14800	2659-K48P3	K48P3	Trương Thị	Quỳnh	Nữ	28/10/1994				Khá	1329340	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14801	2660-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	05/10/1994				Khá	1329341	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14802	2661-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	05/11/1994				Giỏi	1329342	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14803	2662-K48P3	K48P3	Trần Thị	Thùy	Nữ	30/05/1994				Khá	1329343	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14804	2663-K48P3	K48P3	Phạm Tiến Dũng	Toàn	Nam	29/07/1993				Khá	1329344	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14805	2664-K48P3	K48P3	Phạm Thị	Tuyến	Nữ	26/12/1994				Khá	1329345	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14806	2665-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	25/09/1994				Khá	1329346	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14807	2666-K48P4	K48P4	Đặng Ngọc	Anh	Nữ	25/12/1994				Khá	1329347	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14808	2667-K48P4	K48P4	Đinh Hà Phương	Anh	Nữ	19/09/1994				Khá	1329348	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14809	2668-K48P4	K48P4	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	31/10/1994				Giỏi	1329349	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14810	2669-K48P4	K48P4	Hoàng Thị	Chinh	Nữ	20/12/1994				Khá	1329350	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14811	2670-K48P4	K48P4	Phan Thị Hồng	Dung	Nữ	10/01/1994				Khá	1329351	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14812	2671-K48P4	K48P4	Vũ Kim	Dung	Nữ	09/06/1994				Khá	1329352	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14813	2672-K48P4	K48P4	Mai Thị Lệ	Giang	Nữ	30/03/1994				Khá	1329353	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14814	2673-K48P4	K48P4	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	26/06/1994				Khá	1329354	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14815	2674-K48P4	K48P4	Nguyễn Ngọc	Hằng	Nữ	28/08/1994				Khá	1329355	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14816	2675-K48P4	K48P4	Lê Thị Hồng	Hạnh	Nữ	27/11/1994				Giỏi	1329356	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14817	2676-K48P4	K48P4	Vũ Thị	Hiền	Nữ	21/01/1994				Khá	1329357	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14818	2677-K48P4	K48P4	Vũ Thị Thúy	Hiền	Nữ	28/11/1994				Khá	1329358	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14819	2678-K48P4	K48P4	Đặng Thị	Hồng	Nữ	10/10/1994				Khá	1329359	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14820	2679-K48P4	K48P4	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	26/07/1994				Khá	1329360	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14821	2680-K48P4	K48P4	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	09/03/1995				Khá	1329361	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14822	2681-K48P4	K48P4	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	02/07/1994				Khá	1329362	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14823	2682-K48P4	K48P4	Phạm Thị Thanh	Hường	Nữ	07/09/1994				Khá	1329363	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14824	2683-K48P4	K48P4	Lê Thị	Huyền	Nữ	20/03/1994				Khá	1329364	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14825	2684-K48P4	K48P4	Mai Thị	Huyền	Nữ	04/07/1994				Khá	1329365	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14826	2685-K48P4	K48P4	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	25/12/1994				Khá	1329366	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14827	2686-K48P4	K48P4	Lã Thị Hương	Lan	Nữ	06/09/1994				Khá	1329367	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14828	2687-K48P4	K48P4	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	13/10/1994				Khá	1329368	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14829	2688-K48P4	K48P4	Vũ Thị Ly	Ly	Nữ	20/06/1994				Khá	1329369	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14830	2689-K48P4	K48P4	Tống Thị	Mai	Nữ	17/01/1994				Khá	1329370	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14831	2690-K48P4	K48P4	Lương Thị Minh	Minh	Nữ	25/05/1994				Khá	1329371	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14832	2691-K48P4	K48P4	Phạm Thị	Nga	Nữ	03/03/1994				Khá	1329372	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14833	2692-K48P4	K48P4	Bùi Thị Thanh	Ngân	Nữ	01/08/1994				Khá	1329373	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14834	2693-K48P4	K48P4	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/02/1994				Khá	1329374	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14835	2694-K48P4	K48P4	Đỗ Bích	Phương	Nữ	21/05/1994				Khá	1329375	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14836	2695-K48P4	K48P4	Lê Thị	Sen	Nữ	25/09/1994				Khá	1329376	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14837	2696-K48P4	K48P4	Đỗ Thị Thu	Thảo	Nữ	12/01/1994				Khá	1329377	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14838	2697-K48P4	K48P4	Đinh Thị	Thêu	Nữ	10/12/1993				Khá	1329378	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14839	2698-K48P4	K48P4	Phạm Thị	Thu	Nữ	03/03/1994				Khá	1329379	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14840	2699-K48P4	K48P4	Nguyễn Hữu	Thực	Nam	04/01/1994				Khá	1329380	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14841	2700-K48P4	K48P4	Trần Thị	Thương	Nữ	21/08/1993				Khá	1329381	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14842	2701-K48P4	K48P4	Trần Thị	Thúy	Nữ	02/01/1994				Khá	1329382	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14843	2702-K48P4	K48P4	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	31/07/1994				Khá	1329383	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14844	2703-K48P4	K48P4	Phùng Thị Thu	Thủy	Nữ	10/07/1994				Khá	1329384	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14845	2704-K48P4	K48P4	Lê Thị	Tuyến	Nữ	28/11/1994				Khá	1329385	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14846	2705-K48P4	K48P4	Đỗ Thị	Xoan	Nữ	24/04/1994				Khá	1329386	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14847	2706-K48P4	K48P4	Phan Thị	Tâm	Nữ	21/11/1993				Khá	1329387	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14848	2707-K48P5	K48P5	Đỗ Thị Ngọc	Anh	Nữ	30/11/1994				Khá	1329388	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14849	2708-K48P5	K48P5	Lại Thị Kim	Anh	Nữ	31/10/1993				Khá	1329389	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14850	2709-K48P5	K48P5	Dương Thị Tuyết	Chinh	Nữ	21/07/1994				Khá	1329390	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14851	2710-K48P5	K48P5	Cao Thị Thùy	Dung	Nữ	20/02/1994				Khá	1329391	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14852	2711-K48P5	K48P5	Phan Thị Thùy	Dung	Nữ	18/12/1994				Khá	1329392	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14853	2712-K48P5	K48P5	Vũ Thùy	Dương	Nữ	17/05/1994				Khá	1329393	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14854	2713-K48P5	K48P5	Trần Thu	Hà	Nữ	08/10/1994				Khá	1329394	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14855	2714-K48P5	K48P5	Vũ Thị	Hải	Nữ	22/11/1994				Khá	1329395	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14856	2715-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	02/07/1994				Khá	1329396	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14857	2716-K48P5	K48P5	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	03/02/1994				Khá	1329397	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14858	2717-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	20/11/1994				Khá	1329398	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14859	2718-K48P5	K48P5	Đỗ Thị	Hồng	Nữ	03/04/1994				Khá	1329399	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14860	2719-K48P5	K48P5	Lê Thị Bích	Hồng	Nữ	23/08/1993				Khá	1329400	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14861	2720-K48P5	K48P5	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	04/10/1994				Khá	1329401	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14862	2721-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24/10/1994				Khá	1329402	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14863	2722-K48P5	K48P5	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	16/05/1994				Khá	1329403	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14864	2723-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị	Khuê	Nữ	19/10/1994				Khá	1329404	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14865	2724-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	01/06/1994				Khá	1329405	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14866	2725-K48P5	K48P5	Trần Thị	Liễu	Nữ	04/03/1994				Khá	1329406	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14867	2726-K48P5	K48P5	Cao Thị Khánh	Linh	Nữ	20/11/1994				Khá	1329407	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14868	2727-K48P5	K48P5	Phạm Khánh	Linh	Nữ	26/03/1994				Khá	1329408	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14869	2728-K48P5	K48P5	Trịnh Thị	Loan	Nữ	14/11/1994				Giỏi	1329409	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14870	2729-K48P5	K48P5	Lưu Bảo	Long	Nam	13/10/1994				Khá	1329410	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14871	2730-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị Sao	Mai	Nữ	20/10/1994				Khá	1329411	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14872	2731-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	03/03/1994				Khá	1329412	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14873	2732-K48P5	K48P5	Vũ Thị	Nga	Nữ	08/09/1994				Khá	1329413	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14874	2733-K48P5	K48P5	Hoàng Thị Kim	Ngân	Nữ	02/04/1994				Khá	1329414	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14875	2734-K48P5	K48P5	Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	10/10/1994				Khá	1329415	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14876	2735-K48P5	K48P5	Vũ Hồng	Ngọc	Nữ	23/12/1994				Khá	1329416	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14877	2736-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị	Nhâm	Nữ	18/07/1994				Khá	1329417	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14878	2737-K48P5	K48P5	Hoàng Thị	Phương	Nữ	05/01/1994				Khá	1329418	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14879	2738-K48P5	K48P5	Lò Thị	Tâm	Nữ	04/04/1993				Khá	1329419	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14880	2739-K48P5	K48P5	Phùng Thị	Thanh	Nữ	16/10/1994				Khá	1329420	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14881	2740-K48P5	K48P5	Đinh Thị	Thảo	Nữ	03/03/1994				Khá	1329421	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14882	2741-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	21/01/1994				Khá	1329422	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14883	2742-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	18/11/1994				Khá	1329423	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14884	2743-K48P5	K48P5	Bùi Thị	Thuận	Nữ	02/07/1993				Khá	1329424	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14885	2744-K48P5	K48P5	Đinh Thu	Thủy	Nữ	31/05/1994				Trung bình	1329425	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14886	2745-K48P5	K48P5	Trần Thị	Trang	Nữ	07/06/1994				Khá	1329426	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14887	2746-K48P5	K48P5	Hoàng Thị	Trinh	Nữ	13/03/1994				Giỏi	1329427	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14888	2747-K48P5	K48P5	Đinh Thị	Xoan	Nữ	11/10/1994				Khá	1330016	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14889	1900-K47P2	K47P2	Hàn Kiều	Linh	Nữ	25/12/1993				Khá	1330026	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14890	1901-K47P4	K47P4	Lê Anh	Tuấn	Nam	29/12/1993				Khá	1330027	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14891	1924-K46P3	K46P3	Nguyễn Trường	Hiển	Nam	14/10/1992				Trung bình	1330050	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14892	2748-K48U1	K48U1	Đào Ngọc	Anh	Nữ	14/11/1994				Giỏi	1329034	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14893	2749-K48U1	K48U1	Nghiêm Thị Vân	Anh	Nữ	10/02/1994				Khá	1329035	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14894	2750-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	16/11/1994				Khá	1329036	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14895	2751-K48U1	K48U1	Phan Thị Lan	Anh	Nữ	08/06/1994				Khá	1329037	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14896	2752-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	12/12/1994				Khá	1329038	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14897	2753-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	28/01/1994				Khá	1329039	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14898	2754-K48U1	K48U1	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	30/06/1994				Khá	1329040	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14899	2755-K48U1	K48U1	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	12/12/1994				Giỏi	1329041	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14900	2756-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	11/03/1994				Khá	1329042	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14901	2757-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	14/12/1993				Khá	1329043	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14902	2758-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	22/04/1993				Khá	1329044	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14903	2759-K48U1	K48U1	Trương Thị	Hiền	Nữ	25/03/1993				Trung bình	1329045	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14904	2760-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	23/01/1994				Khá	1329046	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14905	2761-K48U1	K48U1	Nguyễn Minh	Huệ	Nữ	20/09/1994				Khá	1329047	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14906	2762-K48U1	K48U1	Dương Quang Vũ	Hưng	Nam	16/12/1994				Trung bình	1329048	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14907	2763-K48U1	K48U1	Nguyễn Diệu	Hương	Nữ	11/08/1994				Khá	1329049	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14908	2764-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị Xuân	Hương	Nữ	16/12/1993				Khá	1329050	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14909	2765-K48U1	K48U1	Vũ Thị Mai	Hương	Nữ	15/10/1994				Khá	1329051	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14910	2766-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/05/1994				Trung bình	1329052	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14911	2767-K48U1	K48U1	Lưu Thị Ngọc	Lan	Nữ	06/06/1994				Khá	1329053	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14912	2768-K48U1	K48U1	Phạm Thị Thanh	Liêm	Nữ	21/10/1994				Giỏi	1329054	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14913	2769-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	12/10/1994				Khá	1329055	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14914	2770-K48U1	K48U1	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	24/12/1994				Khá	1329056	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14915	2771-K48U1	K48U1	Vũ Thị Hải	Lý	Nữ	19/09/1994				Khá	1329057	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14916	2772-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	Nữ	25/10/1994				Giỏi	1329058	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14917	2773-K48U1	K48U1	Ngô Thị Bích	Ngọc	Nữ	31/10/1994				Khá	1329059	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14918	2774-K48U1	K48U1	Phan Thị Thanh	Nhàn	Nữ	13/01/1994				Khá	1329060	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14919	2775-K48U1	K48U1	Võ Thị	Nhi	Nữ	12/02/1994				Khá	1329061	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14920	2776-K48U1	K48U1	Trần Thị	Phương	Nữ	01/10/1994				Khá	1329062	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14921	2777-K48U1	K48U1	Vũ Thị Bích	Phượng	Nữ	24/11/1993				Khá	1329063	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14922	2778-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	05/10/1994				Khá	1329064	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14923	2779-K48U1	K48U1	Nguyễn Anh	Sơn	Nam	22/10/1994				Khá	1329065	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14924	2780-K48U1	K48U1	Phan Hùng	Sơn	Nam	23/05/1993				Trung bình	1329066	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14925	2781-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	18/08/1994				Khá	1329067	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14926	2782-K48U1	K48U1	Chu Thị	Thảo	Nữ	13/01/1994				Giỏi	1329068	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14927	2783-K48U1	K48U1	Trần Vũ Hà	Thu	Nữ	25/10/1994				Khá	1329069	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14928	2784-K48U1	K48U1	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	10/01/1994				Khá	1329070	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14929	2785-K48U1	K48U1	Vũ Thị Thanh	Thủy	Nữ	24/12/1994				Giỏi	1329071	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14930	2786-K48U1	K48U1	Trần Thị	Trang	Nữ	17/10/1994				Khá	1329072	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14931	2787-K48U1	K48U1	Võ Thị Thiên	Trang	Nữ	15/10/1994				Khá	1329073	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14932	2788-K48U1	K48U1	Lê Hoàng	Tùng	Nam	14/06/1994				Trung bình	1329074	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14933	2789-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	18/11/1994				Khá	1329075	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14934	2790-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	15/06/1994				Giỏi	1329076	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14935	2791-K48U1	K48U1	Nguyễn Đình	Vĩ	Nam	12/10/1994				Khá	1329077	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14936	2792-K48U1	K48U1	Bùi Thị	Yến	Nữ	10/10/1994				Khá	1329078	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14937	2793-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị	An	Nữ	28/10/1993				Khá	1329079	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14938	2794-K48U2	K48U2	Hoàng Thị Ngọc	Anh	Nữ	19/01/1994				Giỏi	1329080	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14939	2795-K48U2	K48U2	Lê Đặng Trâm	Anh	Nữ	26/11/1994				Khá	1329081	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14940	2796-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	28/12/1994				Khá	1329082	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14941	2797-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị Thúy	Anh	Nữ	11/10/1994				Giỏi	1329083	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14942	2798-K48U2	K48U2	Nguyễn Cẩm	ánh	Nữ	16/03/1994				Khá	1329084	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14943	2799-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị Xuân	Diệp	Nữ	21/08/1994				Khá	1329085	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14944	2800-K48U2	K48U2	Lê Thị	Dung	Nữ	23/11/1994				Khá	1329086	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14945	2801-K48U2	K48U2	Bùi Tiến	Dũng	Nam	14/04/1994				Khá	1329087	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14946	2802-K48U2	K48U2	Tạ Thị	Dương	Nữ	03/11/1994				Khá	1329088	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14947	2803-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	06/07/1994				Khá	1329089	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14948	2804-K48U2	K48U2	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	07/12/1994				Khá	1329090	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14949	2805-K48U2	K48U2	Bùi Thúy	Hằng	Nữ	14/10/1994				Khá	1329091	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14950	2806-K48U2	K48U2	Lâm Thị Hồng	Hạnh	Nữ	23/07/1994				Khá	1329092	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14951	2807-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	05/04/1994				Khá	1329093	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14952	2808-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	29/09/1994				Khá	1329094	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14953	2809-K48U2	K48U2	Hoàng Thị Thu	Hương	Nữ	11/06/1994				Khá	1329095	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14954	2810-K48U2	K48U2	Trần Thị	Hương	Nữ	06/03/1994				Khá	1329096	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14955	2811-K48U2	K48U2	Phạm Thị	Hường	Nữ	07/12/1994				Khá	1329097	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14956	2812-K48U2	K48U2	Phan Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/03/1994				Khá	1329098	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14957	2813-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị Diệu	Khanh	Nữ	30/06/1993				Khá	1329099	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14958	2814-K48U2	K48U2	Vũ Thị	Lan	Nữ	13/10/1993				Khá	1329100	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14959	2815-K48U2	K48U2	Đoàn Thị	Liên	Nữ	13/05/1994				Khá	1329101	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14960	2816-K48U2	K48U2	Lý Thị Thùy	Linh	Nữ	18/12/1994				Khá	1329102	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14961	2817-K48U2	K48U2	Trịnh Khắc	Linh	Nam	16/10/1994				Khá	1329103	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14962	2818-K48U2	K48U2	Cao Thị Phương	Loan	Nữ	27/10/1994				Khá	1329104	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14963	2819-K48U2	K48U2	Nguyễn Khánh	Ngân	Nữ	09/01/1994				Khá	1329105	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14964	2820-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	28/08/1994				Khá	1329106	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14965	2821-K48U2	K48U2	Dương Thị Qúy	Nhàn	Nữ	16/01/1994				Khá	1329107	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14966	2822-K48U2	K48U2	Đào Thị	Phúc	Nữ	02/09/1994				Khá	1329108	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14967	2823-K48U2	K48U2	Đào Thị	Phương	Nữ	26/05/1994				Khá	1329109	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14968	2824-K48U2	K48U2	Vũ Minh	Phượng	Nữ	05/12/1994				Khá	1329110	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14969	2825-K48U2	K48U2	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	06/08/1994				Khá	1329111	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14970	2826-K48U2	K48U2	Lê Đình	Thành	Nam	24/01/1994				Khá	1329112	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14971	2827-K48U2	K48U2	Nguyễn Minh	Thảo	Nữ	24/11/1994				Khá	1329113	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14972	2828-K48U2	K48U2	Đặng Thị	Thúy	Nữ	01/01/1994				Khá	1329114	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14973	2829-K48U2	K48U2	Bùi Thị Bích	Thủy	Nữ	28/01/1994				Khá	1329115	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14974	2830-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	04/09/1994				Khá	1329116	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14975	2831-K48U2	K48U2	Nguyễn Ngọc	Tú	Nữ	05/04/1994				Khá	1329117	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14976	2832-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	14/08/1994				Giỏi	1329118	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14977	2833-K48U2	K48U2	Bùi Thị	Yến	Nữ	23/09/1994				Giỏi	1329119	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14978	2834-K48U3	K48U3	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	19/08/1994				Giỏi	1329120	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14979	2835-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	29/07/1994				Khá	1329121	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14980	2836-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	04/04/1994				Khá	1329122	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14981	2837-K48U3	K48U3	Nông Thị Hồng	Anh	Nữ	28/08/1993				Khá	1329123	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14982	2838-K48U3	K48U3	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	25/05/1994				Khá	1329124	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14983	2839-K48U3	K48U3	Bùi Tuấn	Bình	Nam	08/06/1993				Khá	1329125	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
14984	2840-K48U3	K48U3	Đào Thị	Đan	Nữ	28/06/1994				Khá	1329126	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14985	2841-K48U3	K48U3	Phạm Thị	Dinh	Nữ	14/10/1994				Khá	1329127	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14986	2842-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	14/09/1994				Khá	1329128	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14987	2843-K48U3	K48U3	Hoàng Thị Thùy	Dương	Nữ	02/10/1994				Khá	1329129	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14988	2844-K48U3	K48U3	Ngô Thanh	Hà	Nữ	18/10/1994				Khá	1329130	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14989	2845-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	07/03/1994				Khá	1329131	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14990	2846-K48U3	K48U3	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	08/10/1994				Khá	1329132	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14991	2847-K48U3	K48U3	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	19/04/1994				Khá	1329133	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14992	2848-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	04/01/1994				Khá	1329134	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14993	2849-K48U3	K48U3	Trần Thị	Hoa	Nữ	25/01/1994				Khá	1329135	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14994	2850-K48U3	K48U3	Lương Thị	Huế	Nữ	10/03/1994				Khá	1329136	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14995	2851-K48U3	K48U3	Đỗ Thị	Hương	Nữ	22/07/1994				Khá	1329137	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14996	2852-K48U3	K48U3	Phạm Thị Quỳnh	Hương	Nữ	16/01/1994				Khá	1329138	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14997	2853-K48U3	K48U3	Đỗ Thị	Hường	Nữ	24/11/1994				Khá	1329139	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14998	2854-K48U3	K48U3	Vũ Mạnh	Huy	Nam	20/07/1994				Khá	1329140	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
14999	2855-K48U3	K48U3	Đoàn Thị Thu	Huyền	Nữ	01/05/1993				Khá	1329141	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15000	2856-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/02/1994				Khá	1329142	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15001	2857-K48U3	K48U3	Hoàng Thị Thanh	Lam	Nữ	09/05/1994				Khá	1329143	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15002	2858-K48U3	K48U3	Bùi Thị	Lệ	Nữ	30/04/1994				Khá	1329144	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15003	2859-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	11/04/1994				Khá	1329145	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15004	2860-K48U3	K48U3	Bùi Hoàng	Long	Nam	22/06/1993				Khá	1329146	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15005	2861-K48U3	K48U3	Đào Duy	Nam	Nam	31/05/1994				Khá	1329147	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15006	2862-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	31/12/1994				Khá	1329148	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15007	2863-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị út	Ngoan	Nữ	13/12/1994				Giỏi	1329149	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15008	2864-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	26/06/1994				Giỏi	1329150	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15009	2865-K48U3	K48U3	Vũ Thanh	Nhàn	Nữ	09/09/1993				Khá	1329151	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15010	2866-K48U3	K48U3	Lê Thị Thanh	Phương	Nữ	20/08/1994				Khá	1329152	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15011	2867-K48U3	K48U3	Cù Thị	Phượng	Nữ	06/01/1994				Khá	1329153	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15012	2868-K48U3	K48U3	Đỗ Thị Hồng	Quyên	Nữ	12/12/1994				Khá	1329154	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15013	2869-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	02/12/1993				Giỏi	1329155	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15014	2870-K48U3	K48U3	Ngô Văn	Sang	Nam	26/03/1994				Khá	1329156	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15015	2871-K48U3	K48U3	Nguyễn Ngọc Thanh	Sơn	Nam	27/10/1994				Khá	1329157	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15016	2872-K48U3	K48U3	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	20/04/1994				Khá	1329158	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15017	2873-K48U3	K48U3	Phạm Thu	Thương	Nữ	03/03/1994				Khá	1329159	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15018	2874-K48U3	K48U3	Đỗ Huyền	Trang	Nữ	23/04/1994				Khá	1329160	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15019	2875-K48U3	K48U3	Trương Thu	Trang	Nữ	12/09/1994				Khá	1329161	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15020	2876-K48U3	K48U3	Trần Thị	Vân	Nữ	31/12/1994				Giỏi	1329162	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15021	2877-K48U3	K48U3	Nguyễn Khánh	Vinh	Nam	31/12/1994				Khá	1329163	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15022	2878-K48U3	K48U3	Lê Thị	Yến	Nữ	21/12/1994				Khá	1329164	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15023	2879-K48U4	K48U4	Mai Thị	Đào	Nữ	12/11/1994				Khá	1329165	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15024	2880-K48U4	K48U4	Vũ Thị Minh	Doan	Nữ	26/04/1994				Khá	1329166	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15025	2881-K48U4	K48U4	Bùi Thị Ngọc	Giang	Nữ	20/10/1994				Khá	1329167	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15026	2882-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	30/08/1994				Khá	1329168	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15027	2883-K48U4	K48U4	Hoàng Thị Thu	Hằng	Nữ	13/05/1994				Khá	1329169	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15028	2884-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	17/09/1994				Khá	1329170	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15029	2885-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	15/06/1994				Khá	1329171	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15030	2886-K48U4	K48U4	Lê Thị	Hoa	Nữ	03/12/1994				Khá	1329172	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15031	2887-K48U4	K48U4	Lê Thị Minh	Hòa	Nữ	08/04/1994				Giỏi	1329173	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15032	2888-K48U4	K48U4	Bùi Thị	Hoài	Nữ	30/07/1994				Khá	1329174	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15033	2889-K48U4	K48U4	Lê Thị	Hoài	Nữ	10/06/1994				Khá	1329175	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15034	2890-K48U4	K48U4	Luyện Thị Thu	Hồng	Nữ	23/09/1994				Khá	1329176	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15035	2891-K48U4	K48U4	Bùi Điện	Hùng	Nam	07/05/1994				Khá	1329177	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15036	2892-K48U4	K48U4	Phạm Thị	Hường	Nữ	12/02/1994				Khá	1329178	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15037	2893-K48U4	K48U4	Trần Thị	Huyền	Nữ	14/06/1994				Khá	1329179	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15038	2894-K48U4	K48U4	Trương Thị	Huyền	Nữ	20/01/1994				Khá	1329180	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15039	2895-K48U4	K48U4	Lê Duy	Khánh	Nam	27/06/1993				Khá	1329181	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15040	2896-K48U4	K48U4	Đoàn Phương	Liên	Nữ	28/04/1994				Khá	1329182	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15041	2897-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	02/05/1994				Giỏi	1329183	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15042	2898-K48U4	K48U4	Hoàng Thị Nam	Linh	Nữ	24/05/1994				Khá	1329184	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15043	2899-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	05/09/1994				Khá	1329185	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15044	2900-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	07/04/1993				Khá	1329186	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15045	2901-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	21/12/1994				Khá	1329187	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15046	2902-K48U4	K48U4	Lê Thị	Nga	Nữ	21/04/1994				Khá	1329188	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15047	2903-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	08/07/1994				Khá	1329189	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15048	2904-K48U4	K48U4	Trịnh Thị	Ngân	Nữ	10/04/1994				Giỏi	1329190	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15049	2905-K48U4	K48U4	Hà Thị	Ngọc	Nữ	21/07/1994				Khá	1329191	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15050	2906-K48U4	K48U4	Nguyễn Bích	Nhâm	Nữ	24/05/1994				Giỏi	1329192	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15051	2907-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	30/12/1994				Khá	1329193	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15052	2908-K48U4	K48U4	Vy Thị	Nụ	Nữ	04/11/1994				Khá	1329194	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15053	2909-K48U4	K48U4	Hoàng Minh	Phương	Nam	17/11/1993				Trung bình	1329195	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15054	2910-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/08/1994				Khá	1329196	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15055	2911-K48U4	K48U4	Trần Thị	Phương	Nữ	15/10/1994				Khá	1329197	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15056	2912-K48U4	K48U4	Đồng Thanh	Quý	Nữ	12/05/1994				Khá	1329198	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15057	2913-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	12/02/1993				Khá	1329199	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15058	2914-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	29/10/1994				Khá	1329200	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15059	2915-K48U4	K48U4	Đỗ Thị	Thảo	Nữ	04/05/1994				Khá	1329201	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15060	2916-K48U4	K48U4	Phí Thị	Thảo	Nữ	01/01/1994				Khá	1329202	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15061	2917-K48U4	K48U4	Đoàn Thị	Thùy	Nữ	10/04/1994				Khá	1329203	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15062	2918-K48U4	K48U4	Lương Thị	Thùy	Nữ	04/01/1994				Khá	1329204	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15063	2919-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01/02/1993				Khá	1329205	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15064	2920-K48U4	K48U4	Lê Thị	Trang	Nữ	25/06/1993				Khá	1329206	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15065	2921-K48U4	K48U4	Phạm Thị Kiều	Trang	Nữ	21/04/1994				Khá	1329207	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15066	2922-K48U4	K48U4	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	13/03/1994				Giỏi	1329208	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15067	2923-K48U4	K48U4	Đinh Thị	Trường	Nữ	21/09/1994				Khá	1329209	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15068	2924-K48U4	K48U4	Ngô Thị Ngọc	Xuân	Nữ	28/03/1994				Khá	1329210	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15069	2925-K48U4	K48U4	Vương Thị	Yến	Nữ	19/11/1994				Khá	1329211	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15070	2926-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	28/12/1994				Khá	1329212	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15071	2927-K48U5	K48U5	Bùi Thị	Dung	Nữ	01/05/1994				Khá	1329213	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15072	2928-K48U5	K48U5	Hoàng Thị	Giang	Nữ	29/05/1994				Khá	1329214	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15073	2929-K48U5	K48U5	Trịnh Thị Hương	Giang	Nữ	16/10/1994				Khá	1329215	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15074	2930-K48U5	K48U5	Lê Thị	Hải	Nữ	03/01/1994				Khá	1329216	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15075	2931-K48U5	K48U5	Hoàng Thúy	Hằng	Nữ	23/09/1993				Trung bình	1329217	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15076	2932-K48U5	K48U5	Tạ Thị Thu	Hằng	Nữ	11/06/1994				Khá	1329218	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15077	2933-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	03/01/1994				Khá	1329219	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15078	2934-K48U5	K48U5	Trần Thị	Hiền	Nữ	05/10/1994				Khá	1329220	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15079	2935-K48U5	K48U5	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	10/07/1994				Khá	1329221	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15080	2936-K48U5	K48U5	Đỗ Thị	Hoa	Nữ	10/10/1994				Khá	1329222	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15081	2937-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	23/04/1993				Giỏi	1329223	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15082	2938-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	06/11/1994				Khá	1329224	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15083	2939-K48U5	K48U5	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	20/12/1994				Khá	1329225	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15084	2940-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	15/04/1994				Khá	1329226	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15085	2941-K48U5	K48U5	Lê Thị Khánh	Huyền	Nữ	17/08/1994				Khá	1329227	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15086	2942-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/06/1993				Khá	1329228	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15087	2943-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	23/07/1994				Khá	1329229	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15088	2944-K48U5	K48U5	Phan Thị	Lài	Nữ	14/08/1993				Khá	1329230	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15089	2945-K48U5	K48U5	Lê Thị	Liên	Nữ	09/11/1994				Khá	1329231	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15090	2946-K48U5	K48U5	Phạm Thị	Liễu	Nữ	01/01/1994				Khá	1329232	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15091	2947-K48U5	K48U5	Đào Thị Thùy	Linh	Nữ	01/10/1994				Khá	1329233	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15092	2948-K48U5	K48U5	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	19/10/1994				Khá	1329234	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15093	2949-K48U5	K48U5	Nguyễn Thành	Luân	Nam	25/08/1993				Khá	1329235	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15094	2950-K48U5	K48U5	Lê Thị	Mai	Nữ	31/12/1994				Khá	1329236	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15095	2951-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	03/08/1994				Khá	1329237	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15096	2952-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	25/09/1994				Khá	1329238	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15097	2953-K48U5	K48U5	Trần Thị	Ngân	Nữ	17/05/1994				Khá	1329239	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15098	2954-K48U5	K48U5	Nguyễn Đàm Minh	Ngọc	Nữ	07/03/1994				Khá	1329240	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15099	2955-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	21/11/1994				Khá	1329241	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15100	2956-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị An	Nhàn	Nữ	12/08/1994				Khá	1329242	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15101	2957-K48U5	K48U5	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	21/09/1994				Khá	1329243	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15102	2958-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	24/11/1994				Khá	1329244	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15103	2959-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị Mỹ	Oanh	Nữ	06/09/1994				Khá	1329245	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15104	2960-K48U5	K48U5	Vũ Đình	Phi	Nam	13/04/1994				Trung bình	1329246	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15105	2961-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	27/11/1994				Khá	1329247	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15106	2962-K48U5	K48U5	Hoàng Ngọc	Quyên	Nữ	19/01/1994				Khá	1329248	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15107	2963-K48U5	K48U5	Trần Thị	Quyên	Nữ	09/07/1994				Khá	1329249	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15108	2964-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	29/12/1993				Khá	1329250	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15109	2965-K48U5	K48U5	Phạm Thị	Thắm	Nữ	06/07/1994				Khá	1329251	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15110	2966-K48U5	K48U5	Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	16/01/1994				Khá	1329252	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15111	2967-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	28/03/1994				Khá	1329255	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15112	2968-K48U5	K48U5	Ngô Anh	Thư	Nữ	29/07/1994				Khá	1329256	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15113	2969-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	04/02/1994				Khá	1329257	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15114	2970-K48U5	K48U5	Hoàng Thị Thu	Thủy	Nữ	19/12/1994				Khá	1329258	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15115	2971-K48U5	K48U5	Bùi Thị	Thủy	Nữ	07/08/1994				Khá	1329259	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15116	2972-K48U5	K48U5	Phan Thị Anh	Trâm	Nữ	25/09/1994				Khá	1329260	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15117	2973-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	15/09/1994				Khá	1329261	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15118	2974-K48U5	K48U5	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	08/08/1994				Khá	1329262	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15119	2975-K48U5	K48U5	Hoàng Thị Thúy	Vân	Nữ	06/06/1994				Giỏi	1329263	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15120	2976-K48U5	K48U5	Cao Thị	Yến	Nữ	17/04/1994				Khá	1329264	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15121	2980-K48U4	K48U1	Bùi Thị	Nguyên	Nữ	01/04/1994				Giỏi	1329810	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15122	1905-K47U	K47U1	Cao Việt	Anh	Nam	02/09/1993				Trung bình	1330031	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15123	1906-K47U	K47U1	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	20/04/1993				Khá	1330032	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15124	1907-K47U	K47U1	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	20/10/1993				Khá	1330033	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15125	1908-K47U	K47U1	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	27/01/1992				Khá	1330034	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15126	1921-K46U	K46U2	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	10/02/1992				Trung bình	1330047	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15127	1888-K47I	K47I1	Võ Văn	Hiếu	Nam	05/01/1993				Trung bình	1304872	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15128	1889-K47I	K47I1	Ngô Quang	Ngọc	Nam	26/06/1993				Khá	1304873	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15129	1890-K47I	K47I2	Trần Quốc	Chượng	Nam	26/08/1993				Trung bình	1304874	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15130	1891-K47I	K47I2	Phạm Xuân	Nghĩa	Nam	07/02/1993				Khá	1330017	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15131	1892-K47I	K47I2	Lê Thị Hồng	Thắm	Nữ	10/02/1993				Khá	1330018	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15132	1893-K47I	K47I2	Đỗ Tiến Hoàng	Thắng	Nam	27/10/1993				Khá	1330019	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15133	1894-K47I	K47I3	Nguyễn Vũ	Hiệp	Nam	05/03/1993				Trung bình	1330020	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15134	1895-K47I	K47I3	Hoàng Minh	Tiến	Nam	17/02/1993				Trung bình	1330021	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15135	1896-K47I	K47I4	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/09/1993				Trung bình	1330022	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15136	1897-K47I	K47I4	Trần Thế	Huỳnh	Nam	15/11/1993				Trung bình	1330023	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15137	1928-K45I	K45I1	Đặng Đức	Hiếu	Nam	27/09/1991				Trung bình	1330054	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15138	2126-K48E1	K48E1	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	30/03/1994				Khá	1328583	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15139	2127-K48E1	K48E1	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	10/10/1993				Khá	1328584	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15140	2128-K48E1	K48E1	Nguyễn Thị ánh	Đào	Nữ	31/01/1994				Giỏi	1328585	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15141	2129-K48E1	K48E1	Nguyễn Thị Trang	Dung	Nữ	23/04/1994				Giỏi	1328586	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15142	2130-K48E1	K48E1	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	02/05/1994				Khá	1328587	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15143	2131-K48E1	K48E1	Nguyễn Thị Việt	Hà	Nữ	16/08/1994				Khá	1328588	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15144	2132-K48E1	K48E1	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	07/06/1994				Khá	1328589	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15145	2133-K48E1	K48E1	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	17/10/1994				Khá	1328590	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15146	2134-K48E1	K48E1	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	04/12/1994				Khá	1328591	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15147	2135-K48E1	K48E1	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	13/09/1994				Khá	1328592	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15148	2136-K48E1	K48E1	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	09/06/1994				Khá	1328593	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15149	2137-K48E1	K48E1	Lê Thị Kim	Huế	Nữ	16/12/1994				Khá	1328594	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15150	2138-K48E1	K48E1	Ngô Thị	Hương	Nữ	26/10/1994				Giỏi	1328595	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15151	2139-K48E1	K48E1	Phùng Thị Thu	Hương	Nữ	15/02/1993				Khá	1328596	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15152	2140-K48E1	K48E1	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/11/1994				Khá	1328597	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15153	2141-K48E1	K48E1	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	24/06/1994				Khá	1328598	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15154	2142-K48E1	K48E1	Hà Thị	Loan	Nữ	09/03/1994				Khá	1328599	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15155	2143-K48E1	K48E1	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	30/10/1994				Khá	1328600	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15156	2144-K48E1	K48E1	Đào Thị Hồng	Mơ	Nữ	07/07/1994				Khá	1328601	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15157	2145-K48E1	K48E1	Đặng Ngọc	Nam	Nam	03/05/1993				Khá	1328602	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15158	2146-K48E1	K48E1	Cao Thanh	Ngọc	Nữ	30/04/1994				Khá	1328603	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15159	2147-K48E1	K48E1	Lương Thị	Nương	Nữ	20/05/1994				Trung bình	1328604	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15160	2148-K48E1	K48E1	Trần Thị Kim	Phượng	Nữ	14/10/1994				Khá	1328605	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15161	2149-K48E1	K48E1	Nguyễn Công	Tâm	Nam	27/02/1994				Khá	1328606	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15162	2150-K48E1	K48E1	Trần Thị Mai	Thanh	Nữ	15/08/1994				Khá	1328607	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15163	2151-K48E1	K48E1	Hoàng Thu	Thảo	Nữ	03/04/1994				Khá	1328608	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15164	2152-K48E1	K48E1	Đoàn Thị Hồng	Thu	Nữ	08/02/1994				Khá	1328609	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15165	2153-K48E1	K48E1	Bùi Minh	Thúy	Nữ	18/08/1994				Giỏi	1328610	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15166	2154-K48E1	K48E1	Lê Hữu	Trường	Nam	05/05/1993				Khá	1328611	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15167	2155-K48E1	K48E1	Chu Ngọc	Tú	Nữ	04/03/1994				Khá	1328612	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15168	2156-K48E1	K48E1	Trần Thị	Tuyết	Nữ	23/03/1994				Giỏi	1328613	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15169	2157-K48E1	K48E1	Lương Thị	Vân	Nữ	10/02/1994				Khá	1328614	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15170	2158-K48E1	K48E1	Hoàng Quốc	Việt	Nam	14/05/1994				Khá	1328615	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15171	2159-K48E1	K48E1	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	27/01/1994				Khá	1328616	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15172	2160-K48E2	K48E2	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	18/10/1993				Khá	1328617	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15173	2161-K48E2	K48E2	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	03/02/1993				Khá	1328618	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15174	2162-K48E2	K48E2	Hà Thị Minh	Châu	Nữ	02/10/1994				Khá	1328619	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15175	2163-K48E2	K48E2	Bùi Thị	Chi	Nữ	11/06/1994				Khá	1328620	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15176	2164-K48E2	K48E2	Đỗ Bích	Diệp	Nữ	31/01/1994				Khá	1328621	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15177	2165-K48E2	K48E2	Phạm Thị	Duyên	Nữ	18/12/1994				Khá	1328622	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15178	2166-K48E2	K48E2	Nguyễn Thị Như	Gấm	Nữ	19/05/1994				Khá	1328623	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15179	2167-K48E2	K48E2	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	09/10/1994				Khá	1328624	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15180	2168-K48E2	K48E2	Mai Thuý	Hằng	Nữ	05/10/1994				Khá	1328625	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15181	2169-K48E2	K48E2	Đỗ Dương Ngân	Hạnh	Nữ	16/11/1994				Khá	1328626	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15182	2170-K48E2	K48E2	Dương Thanh	Hiền	Nữ	12/07/1994				Khá	1328627	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15183	2171-K48E2	K48E2	Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	26/05/1994				Khá	1328628	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15184	2172-K48E2	K48E2	Đinh Huy	Hoàng	Nam	22/10/1994				Khá	1328629	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15185	2173-K48E2	K48E2	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	10/09/1994				Khá	1328630	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15186	2174-K48E2	K48E2	Đoàn Thị	Huế	Nữ	01/08/1994				Khá	1328631	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15187	2175-K48E2	K48E2	Dương Thị	Hương	Nữ	14/02/1994				Khá	1328632	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15188	2176-K48E2	K48E2	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	11/09/1993				Khá	1328633	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15189	2177-K48E2	K48E2	Phạm Thùy	Linh	Nữ	26/02/1994				Khá	1328634	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15190	2178-K48E2	K48E2	Triệu Thị	Linh	Nữ	16/08/1994				Giỏi	1328635	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15191	2179-K48E2	K48E2	Đỗ Văn	Mạnh	Nam	08/03/1994				Khá	1328636	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15192	2180-K48E2	K48E2	Hoàng Giang	Nam	Nam	06/10/1994				Khá	1328637	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15193	2181-K48E2	K48E2	Vũ Thị Thúy	Nga	Nữ	05/08/1994				Khá	1328638	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15194	2182-K48E2	K48E2	Đinh Thị Thảo	Ngân	Nữ	04/10/1994				Khá	1328639	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15195	2183-K48E2	K48E2	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	Nam	16/11/1993				Khá	1328640	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15196	2184-K48E2	K48E2	Hoàng Lê Như	Ngọc	Nữ	02/08/1994				Khá	1328641	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15197	2185-K48E2	K48E2	Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	11/07/1994				Khá	1328642	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15198	2186-K48E2	K48E2	Bùi Thị Minh	Phương	Nữ	11/04/1994				Khá	1328643	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15199	2187-K48E2	K48E2	Lê Việt	Thắng	Nam	20/11/1994				Khá	1328644	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15200	2188-K48E2	K48E2	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	21/11/1994				Khá	1328645	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15201	2189-K48E2	K48E2	Hà Phương	Thảo	Nữ	31/08/1994				Khá	1328646	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15202	2190-K48E2	K48E2	Phan Phương	Thảo	Nữ	02/10/1994				Trung bình	1328647	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15203	2191-K48E2	K48E2	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	04/03/1994				Khá	1328648	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15204	2192-K48E2	K48E2	Hướng Thị	Thùy	Nữ	27/11/1994				Khá	1328649	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15205	2193-K48E2	K48E2	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	23/09/1994				Khá	1328650	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15206	2194-K48E2	K48E2	Hoàng Anh	Tuấn	Nam	03/01/1994				Khá	1328651	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15207	2195-K48E2	K48E2	Vũ Thị ánh	Tuyết	Nữ	17/08/1994				Khá	1328652	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15208	2196-K48E2	K48E2	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	18/10/1993				Khá	1328653	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15209	2197-K48E2	K48E2	Đặng Thị Hải	Vân	Nữ	01/07/1994				Khá	1328654	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15210	2198-K48E2	K48E2	Trần Thị	Xuân	Nữ	15/02/1994				Khá	1328655	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15211	2199-K48E2	K48E2	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	31/10/1994				Khá	1328656	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15212	2200-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	21/08/1994				Khá	1328657	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15213	2201-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	29/01/1994				Giỏi	1328658	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15214	2202-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	26/10/1994				Khá	1328659	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15215	2203-K48E3	K48E3	Phùng Thị Hồng	Anh	Nữ	12/04/1994				Trung bình	1328660	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15216	2204-K48E3	K48E3	Đinh Thành	Công	Nam	13/12/1994				Trung bình	1328661	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15217	2205-K48E3	K48E3	Hà Thị	Diệp	Nữ	31/10/1994				Khá	1328662	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15218	2206-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	09/04/1994				Khá	1328663	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15219	2207-K48E3	K48E3	Nguyễn Mai Thùy	Dương	Nữ	25/08/1994				Khá	1328664	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15220	2208-K48E3	K48E3	Đặng Thị	Duyên	Nữ	20/01/1994				Khá	1328665	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15221	2209-K48E3	K48E3	Trần Thị Hồng	Gấm	Nữ	18/09/1994				Khá	1328666	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15222	2210-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	03/03/1994				Khá	1328667	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15223	2211-K48E3	K48E3	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	24/10/1994				Trung bình	1328668	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15224	2212-K48E3	K48E3	Nguyễn Bảo	Hằng	Nữ	02/08/1994				Khá	1328669	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15225	2213-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	08/07/1994				Khá	1328670	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15226	2214-K48E3	K48E3	Hồ Thị	Hoa	Nữ	15/02/1994				Khá	1328671	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15227	2215-K48E3	K48E3	Đỗ Thanh	Hồng	Nữ	09/07/1994				Khá	1328672	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15228	2216-K48E3	K48E3	Trịnh Thị	Hồng	Nữ	05/01/1994				Khá	1328673	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15229	2217-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	15/05/1994				Giỏi	1328674	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15230	2218-K48E3	K48E3	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	19/12/1994				Giỏi	1328675	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15231	2219-K48E3	K48E3	Trần Mai	Hương	Nữ	15/12/1994				Trung bình	1328676	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15232	2220-K48E3	K48E3	Bùi Thị	Huyền	Nữ	05/07/1994				Khá	1328677	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15233	2221-K48E3	K48E3	Võ Thị Thanh	Huyền	Nữ	04/03/1993				Khá	1328678	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15234	2222-K48E3	K48E3	Đỗ Thùy	Linh	Nữ	22/05/1994				Giỏi	1328679	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15235	2223-K48E3	K48E3	Trịnh Thị	Linh	Nữ	24/09/1994				Khá	1328680	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15236	2224-K48E3	K48E3	Vũ Thị	Ly	Nữ	26/04/1994				Trung bình	1328681	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15237	2225-K48E3	K48E3	Đỗ Thị Thanh	Mai	Nữ	03/09/1994				Giỏi	1328682	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15238	2226-K48E3	K48E3	Thái Duy	Minh	Nam	15/11/1994				Khá	1328683	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15239	2227-K48E3	K48E3	Dương Quỳnh	Nga	Nữ	28/06/1994				Giỏi	1328684	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15240	2228-K48E3	K48E3	Kiều Thị	Ngọc	Nữ	05/11/1994				Giỏi	1328685	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15241	2229-K48E3	K48E3	Lê Thị Thu	Phương	Nữ	04/10/1994				Khá	1328686	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15242	2230-K48E3	K48E3	Vũ Anh	Quân	Nam	18/03/1994				Khá	1328687	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15243	2231-K48E3	K48E3	Lại Thu	Quỳnh	Nữ	07/08/1994				Giỏi	1328688	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15244	2232-K48E3	K48E3	Ma Thị	Quỳnh	Nữ	02/09/1993				Khá	1328689	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15245	2233-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	23/06/1994				Giỏi	1328690	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15246	2234-K48E3	K48E3	Trần Minh	Tiến	Nam	08/12/1994				Khá	1328691	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15247	2235-K48E3	K48E3	Mai Thị Huyền	Trang	Nữ	28/02/1994				Khá	1328692	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15248	2236-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/06/1994				Khá	1328693	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15249	2237-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	10/12/1994				Khá	1328694	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15250	2238-K48E3	K48E3	Vũ Thị Nguyệt	Tú	Nữ	29/08/1994				Khá	1328695	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15251	2239-K48E3	K48E3	Nông Thái	Tùng	Nam	19/03/1994				Khá	1328696	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15252	2240-K48E3	K48E3	Trương Thị	Vân	Nữ	15/11/1994				Khá	1328697	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15253	2241-K48E3	K48E3	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	17/07/1993				Khá	1328698	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15254	2242-K48E4	K48E4	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/10/1994				Khá	1328699	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15255	2243-K48E4	K48E4	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	30/11/1994				Khá	1328700	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15256	2244-K48E4	K48E4	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	03/06/1994				Khá	1328701	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15257	2245-K48E4	K48E4	Trần Thị	Chinh	Nữ	14/04/1994				Khá	1328702	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15258	2246-K48E4	K48E4	Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	12/10/1994				Xuất sắc	1328703	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15259	2247-K48E4	K48E4	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	28/03/1994				Khá	1328704	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15260	2248-K48E4	K48E4	Đinh Thị	Dương	Nữ	03/07/1994				Khá	1328705	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15261	2249-K48E4	K48E4	Bùi Lê	Giang	Nữ	03/11/1994				Khá	1328706	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15262	2250-K48E4	K48E4	Hà Thị Bằng	Giang	Nữ	15/10/1994				Khá	1328707	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15263	2251-K48E4	K48E4	Đỗ Thu	Hà	Nữ	03/07/1993				Khá	1328708	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15264	2252-K48E4	K48E4	Trần Thu	Hà	Nữ	09/07/1994				Trung bình	1328709	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15265	2253-K48E4	K48E4	Phạm Thanh	Hằng	Nữ	08/09/1994				Khá	1328710	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15266	2254-K48E4	K48E4	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	Nữ	11/02/1994				Khá	1328711	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15267	2255-K48E4	K48E4	Trần Thị	Hạnh	Nữ	23/02/1994				Khá	1328712	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15268	2256-K48E4	K48E4	Phạm Trung	Hào	Nam	08/10/1994				Khá	1328713	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15269	2257-K48E4	K48E4	Hoàng Thị	Hoa	Nữ	15/03/1994				Khá	1328714	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15270	2258-K48E4	K48E4	Đoàn Thị	Hồng	Nữ	23/08/1994				Khá	1328715	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15271	2259-K48E4	K48E4	Nguyễn Lâm	Hồng	Nữ	01/12/1994				Khá	1328716	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15272	2260-K48E4	K48E4	Ngô Thu	Hương	Nữ	07/03/1994				Khá	1328717	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15273	2261-K48E4	K48E4	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	22/11/1994				Khá	1328718	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15274	2262-K48E4	K48E4	Bùi Thị	Huyền	Nữ	01/04/1994				Khá	1328719	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15275	2263-K48E4	K48E4	Đoàn Khánh	Huyền	Nữ	07/06/1994				Khá	1328720	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15276	2264-K48E4	K48E4	Bùi Xuân	Linh	Nam	09/06/1994				Khá	1328721	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15277	2265-K48E4	K48E4	Lê Thị Diệu	Linh	Nữ	05/08/1994				Khá	1328722	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15278	2266-K48E4	K48E4	Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	28/10/1994				Khá	1328723	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15279	2267-K48E4	K48E4	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	25/01/1993				Giỏi	1328724	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15280	2268-K48E4	K48E4	Phạm Thị Ngọc	Mai	Nữ	27/08/1994				Khá	1328725	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15281	2269-K48E4	K48E4	Trần Thị Bích	Nga	Nữ	15/05/1994				Khá	1328726	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15282	2270-K48E4	K48E4	Đỗ Thị Hạnh	Ngân	Nữ	14/12/1994				Khá	1328727	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15283	2271-K48E4	K48E4	Nguyễn Phương	Phương	Nữ	21/11/1994				Khá	1328728	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15284	2272-K48E4	K48E4	Nguyễn Xuân	Phượng	Nữ	04/02/1994				Trung bình	1328729	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15285	2273-K48E4	K48E4	Nguyễn Thị	Sinh	Nữ	22/06/1994				Khá	1328730	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15286	2274-K48E4	K48E4	Phạm Thị	Thảo	Nữ	27/04/1994				Trung bình	1328731	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15287	2275-K48E4	K48E4	Vũ Thanh	Thảo	Nữ	23/04/1994				Trung bình	1328732	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15288	2276-K48E4	K48E4	Đỗ Thị	Thơm	Nữ	11/03/1994				Khá	1328733	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15289	2277-K48E4	K48E4	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	25/07/1993				Khá	1328734	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15290	2278-K48E4	K48E4	Bùi Thị	Thúy	Nữ	25/06/1994				Khá	1328735	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15291	2279-K48E4	K48E4	Nguyễn Thế	Tình	Nam	19/05/1994				Giỏi	1328736	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15292	2280-K48E4	K48E4	Hoàng Thu	Trang	Nữ	22/10/1994				Khá	1328737	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15293	2281-K48E4	K48E4	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	24/10/1994				Khá	1328738	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15294	2282-K48E4	K48E4	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	12/06/1994				Khá	1328739	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15295	2283-K48E4	K48E4	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	25/07/1994				Khá	1328740	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15296	2284-K48E4	K48E4	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	31/05/1994				Khá	1328741	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15297	2285-K48E4	K48E4	Phạm Thị Thu	Vân	Nữ	19/07/1994				Khá	1328742	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15298	2286-K48E4	K48E4	Đào Thị Lệ	Yến	Nữ	24/05/1994				Khá	1328743	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15299	2287-K48E5	K48E5	Trịnh Thị	Anh	Nữ	06/07/1994				Khá	1328744	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15300	2288-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	02/07/1993				Khá	1328745	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15301	2289-K48E5	K48E5	Trương Mỹ	Hạnh	Nữ	10/02/1994				Khá	1328746	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15302	2290-K48E5	K48E5	Phạm Thị	Hóa	Nữ	11/02/1994				Khá	1328747	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15303	2291-K48E5	K48E5	Nghiêm Thị	Hồng	Nữ	01/06/1994				Khá	1328748	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15304	2292-K48E5	K48E5	Trần Nguyên	Hồng	Nam	09/01/1994				Khá	1328749	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15305	2293-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	17/01/1994				Khá	1328750	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15306	2294-K48E5	K48E5	Nguyễn Thu	Hường	Nữ	01/04/1994				Khá	1328751	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15307	2295-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	25/11/1994				Khá	1328752	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15308	2296-K48E5	K48E5	Phạm Thị Thúy	Kiều	Nữ	08/02/1994				Khá	1328753	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15309	2297-K48E5	K48E5	Lương Thị Kim	Liên	Nữ	12/09/1994				Khá	1328754	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15310	2298-K48E5	K48E5	Kiều Mỹ	Linh	Nữ	01/04/1994				Khá	1328755	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15311	2299-K48E5	K48E5	Hoàng Thị Lưu	Luyến	Nữ	22/07/1994				Khá	1328756	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15312	2300-K48E5	K48E5	Đàm Thị	Mai	Nữ	07/12/1994				Khá	1328757	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15313	2301-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	07/05/1994				Khá	1328758	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15314	2302-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	25/05/1994				Giỏi	1328759	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15315	2303-K48E5	K48E5	Hoàng Thị	Mận	Nữ	05/01/1994				Khá	1328760	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15316	2304-K48E5	K48E5	Đào Thị Hằng	Nga	Nữ	01/08/1994				Khá	1328761	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15317	2305-K48E5	K48E5	Đào Thị	Ngân	Nữ	02/07/1994				Giỏi	1328762	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15318	2306-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	17/10/1994				Khá	1328763	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15319	2307-K48E5	K48E5	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	08/08/1994				Khá	1328764	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15320	2308-K48E5	K48E5	Dương Thị	Như	Nữ	21/07/1994				Khá	1328765	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15321	2309-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	17/04/1994				Khá	1328766	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15322	2310-K48E5	K48E5	Phạm Thị	Nhung	Nữ	13/07/1994				Giỏi	1328767	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15323	2311-K48E5	K48E5	Trần Thị Tuyết	Nhung	Nữ	07/10/1994				Khá	1328768	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15324	2312-K48E5	K48E5	Đoàn Thị	Oanh	Nữ	24/12/1994				Giỏi	1328769	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15325	2313-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	02/04/1994				Khá	1328770	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15326	2314-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	01/07/1994				Khá	1328771	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15327	2315-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	30/05/1994				Khá	1328772	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15328	2316-K48E5	K48E5	Đào Thị Hồng	Phượng	Nữ	13/02/1994				Khá	1328773	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15329	2317-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	27/06/1994				Trung bình	1328774	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15330	2318-K48E5	K48E5	Lê Duy	Quang	Nam	25/05/1994				Trung bình	1328775	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15331	2319-K48E5	K48E5	Cao Thị Như	Quỳnh	Nữ	27/10/1994				Khá	1328776	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15332	2320-K48E5	K48E5	Đinh Thị	Thanh	Nữ	27/09/1994				Khá	1328777	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15333	2321-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	25/09/1994				Khá	1328778	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15334	2322-K48E5	K48E5	Phạm Thị	Thiện	Nữ	07/03/1994				Khá	1328779	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15335	2323-K48E5	K48E5	Trần Thị	Thoa	Nữ	22/08/1994				Khá	1328780	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15336	2324-K48E5	K48E5	Trần Thị	Thơm	Nữ	01/02/1994				Khá	1328781	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15337	2325-K48E5	K48E5	Bùi Thị Minh	Thúy	Nữ	05/09/1994				Khá	1328782	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15338	2326-K48E5	K48E5	Phạm Thị	Thúy	Nữ	21/05/1994				Khá	1328783	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15339	2327-K48E5	K48E5	Đỗ Thị Ngọc	Thùy	Nữ	02/03/1994				Khá	1328784	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15340	2328-K48E5	K48E5	Đồng Thị	Tình	Nữ	19/09/1993				Khá	1328785	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15341	2329-K48E5	K48E5	Đào Minh	Trang	Nữ	06/07/1993				Khá	1328786	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15342	2330-K48E5	K48E5	Nguyễn Thành	Trung	Nam	30/11/1994				Khá	1328787	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15343	2331-K48E5	K48E5	Phùng Thị	Tú	Nữ	10/07/1994				Khá	1328788	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15344	2332-K48E5	K48E5	Vũ Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	28/05/1994				Khá	1328789	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15345	2333-K48E5	K48E5	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	16/06/1994				Khá	1328790	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15346	2334-K48E6	K48E6	Trần Thị Hồng	ánh	Nữ	16/10/1994				Khá	1328791	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15347	2335-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	22/10/1994				Khá	1328792	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15348	2336-K48E6	K48E6	Hoàng Mỹ	Hà	Nữ	24/12/1993				Khá	1328793	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15349	2337-K48E6	K48E6	Đỗ Văn	Hải	Nam	13/03/1994				Trung bình	1328794	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15350	2338-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	13/08/1994				Khá	1328795	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15351	2339-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	Nữ	02/02/1994				Khá	1328796	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15352	2340-K48E6	K48E6	Vũ Thị	Hợp	Nữ	01/08/1993				Khá	1328797	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15353	2341-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	10/03/1994				Khá	1328798	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15354	2342-K48E6	K48E6	Chu Thị	Huyền	Nữ	26/09/1994				Khá	1328799	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15355	2343-K48E6	K48E6	Đỗ Thị Hà	Lan	Nữ	18/10/1994				Khá	1328800	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15356	2344-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	10/03/1994				Khá	1328801	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15357	2345-K48E6	K48E6	Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	07/05/1994				Khá	1328802	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15358	2346-K48E6	K48E6	Đinh Thị Sao	Mai	Nữ	28/10/1994				Trung bình	1328803	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15359	2347-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	02/09/1993				Khá	1328804	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15360	2348-K48E6	K48E6	Vũ Thị Ngọc	Mai	Nữ	22/07/1994				Giỏi	1328805	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15361	2349-K48E6	K48E6	Cao Thị	My	Nữ	01/07/1993				Khá	1328806	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15362	2350-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	30/09/1994				Giỏi	1328807	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15363	2351-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	28/09/1994				Giỏi	1328808	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15364	2352-K48E6	K48E6	Hồ Thị Bích	Ngọc	Nữ	30/07/1993				Trung bình	1328809	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15365	2353-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	27/06/1994				Khá	1328810	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15366	2354-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	03/02/1994				Khá	1328811	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15367	2355-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Như	Nữ	22/06/1994				Khá	1328812	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15368	2356-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	10/11/1994				Khá	1328813	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15369	2357-K48E6	K48E6	Phạm Thị	Nhung	Nữ	14/11/1994				Giỏi	1328814	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15370	2358-K48E6	K48E6	Hoàng Thị Phương	Oanh	Nữ	19/09/1994				Khá	1328815	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15371	2359-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	25/03/1994				Giỏi	1328816	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15372	2360-K48E6	K48E6	Vũ Thị	Oanh	Nữ	15/04/1994				Khá	1328817	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15373	2361-K48E6	K48E6	Hà Tiến	Phương	Nam	13/12/1993				Khá	1328818	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15374	2362-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	15/04/1994				Khá	1328819	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15375	2363-K48E6	K48E6	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	23/01/1993				Khá	1328820	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15376	2364-K48E6	K48E6	Trương Thị	Sen	Nữ	16/07/1994				Khá	1328821	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15377	2365-K48E6	K48E6	Khổng Thị	Thắm	Nữ	14/11/1994				Khá	1328822	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15378	2366-K48E6	K48E6	Bùi Công	Thành	Nam	06/11/1994				Trung bình	1328823	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15379	2367-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	31/10/1994				Khá	1328824	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15380	2368-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	21/08/1994				Khá	1328825	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15381	2369-K48E6	K48E6	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	27/04/1994				Khá	1328826	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15382	2370-K48E6	K48E6	Trương Thị Dung	Thoa	Nữ	09/01/1994				Khá	1328827	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15383	2371-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	29/10/1994				Khá	1328828	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15384	2372-K48E6	K48E6	Cao Huyền	Thương	Nữ	02/07/1994				Khá	1328829	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15385	2373-K48E6	K48E6	Nguyễn Minh	Thúy	Nữ	27/03/1994				Khá	1328830	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15386	2374-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị Kim	Thúy	Nữ	09/01/1994				Giỏi	1328831	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15387	2375-K48E6	K48E6	Phùng Thị	Thúy	Nữ	24/10/1992				Khá	1328832	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15388	2376-K48E6	K48E6	Lại Thị	Trang	Nữ	28/08/1994				Khá	1328833	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15389	2377-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	15/11/1994				Khá	1328834	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15390	2378-K48E6	K48E6	Vũ Thị Kiều	Trang	Nữ	14/10/1994				Khá	1328835	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15391	2379-K48E6	K48E6	Đỗ Thị	Vân	Nữ	11/03/1994				Khá	1328836	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15392	2977-K48E1	K48E1	Phạm Thị Phương	Trang	Nữ	22/02/1994				Khá	1329807	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15393	1885-K47E2	K47E2	Lê Thúy	Kiều	Nữ	20/06/1993				Khá	1304869	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15394	1886-K47E2	K47E2	Vũ Thị	Minh	Nữ	08/07/1993				Khá	1304870	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15395	1887-K47E5	K47E5	Lê Đắc	Mười	Nam	24/02/1992				Trung bình	1304871	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15396	1918-K46E4	K46E4	Đỗ Văn	Phượng	Nam	22/01/1992				Trung bình	1330044	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15397	1922-K46E2	K46E2	Tống Phú	Tuấn	Nam	08/02/1992				Trung bình	1330048	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15398	1923-K46E4	K46E4	Vũ Thị Cẩm	Tú	Nữ	12/06/1991				Trung bình	1330049	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15399	442-K7HQ1A	K47E2	Vũ Văn	Thìn	Nam	23/08/1988				Khá	1269090	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	390/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 27/05/2016	
15400	1-K2TK2		Đỗ Huyền	Trang	Nữ	1/1/1987				Trung bình	853650	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15401	2-K2TK4		Võ Quang	Vinh	Nam	31/10/1982				Trung bình	853651	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15402	3-K3TK2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	8/12/1989				Trung bình	853652	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15403	4-K3TK5		Vũ Thu	Trang	Nữ	24/10/1988				Trung bình	853653	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15404	5-K3TK7		Lỗ Bá Sỹ	Cường	Nam	26/11/1989				Trung bình	853654	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15405	6-K3TK7		Nguyễn Thị	Đông	Nữ	8/7/1983				Trung bình	853655	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15406	7-K3TK7		Lê Thành	Duy	Nam	2/6/1989				Trung bình	853656	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15407	8-K3TK7		Trần Mai	Ly	Nữ	19/8/1991				Khá	853657	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15408	9-K3TK7		Dương Thị Thanh	Nga	Nữ	26/9/1989				Khá	853658	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15409	10-K3TK7		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	6/6/1988				Khá	853659	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15410	11-K3TK7		Trần Thanh	Trúc	Nữ	9/4/1989				Khá	853660	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15411	12-K3TK7		Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	26/1/1987				Trung bình	853661	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15412	13-K3TK8		Phạm Văn	Thành	Nam	18/8/1990				Khá	853662	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15413	14-K3TK8		Ngô Thị	Thu	Nữ	14/8/1986				Trung bình	853663	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15414	15-K3TK9		Tạ Văn	Điệp	Nam	26/12/1986				Trung bình	853664	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15415	16-K3TK9		Phạm Thị	Ngọc	Nữ	10/1/1990				Trung bình	853665	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15416	17-K3TK10		Cao Thị Thu	Hoài	Nữ	31/8/1990				Trung bình	853666	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15417	18-K3TK10		Phạm Thanh	Trí	Nữ	28/5/1990				Trung bình	853667	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15418	19-K3TK10		Nguyễn Đình	Tùng	Nam	22/2/1989				Trung bình	853668	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15419	20-K3TK12		Trần Phương	Chi	Nữ	1/4/1991				Trung bình	853669	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15420	21-K3TK12		Nghiêm Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	14/5/1991				Trung bình	853670	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15421	22-K3TK12		Vũ Thị Mỹ	Huyền	Nữ	29/10/1990				Trung bình	853671	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15422	23-K3TK12		Trần Trung	Khải	Nam	30/3/1989				Trung bình	853672	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15423	24-K3TK12		Nguyễn Thị	Khương	Nữ	28/11/1988				Trung bình	853673	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15424	25-K3TK12		Phạm Thị	Lê	Nữ	21/7/1981				Trung bình	853674	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15425	26-K3TK12		Nguyễn Thị Thúy	Liên	Nữ	16/9/1985				Trung bình	853675	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15426	27-K3TK12		Doãn Thị Minh	Ly	Nữ	10/12/1991				Khá	853676	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15427	28-K3TK12		Lê Thị	Mai	Nữ	12/4/1989				Trung bình	853677	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15428	29-K3TK12		Trần Hồng	Nhung	Nữ	22/8/1986				Trung bình	853678	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15429	30-K3TK12		Hà Thị Thanh	Quế	Nữ	27/3/1988				Khá	853679	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15430	31-K3TK12		Đỗ Thị Hà	Thu	Nữ	26/10/1987				Khá	853680	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15431	32-K3TK13		Trần Thị Hồng	Hoa	Nữ	1/7/1991				Khá	853681	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15432	33-K3TK13		Phan Thị	Hương	Nữ	19/7/1988				Trung bình	853682	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15433	34-K3TK13		Đỗ Thị	Liên	Nữ	8/5/1987				Trung bình	853683	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15434	35-K3TK13		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	11/11/1987				Trung bình	853684	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15435	36-K3TK13		Trần Thanh	Phương	Nữ	7/1/1989				Trung bình	853685	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	140/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15436	37-K3TK14		Trần Huy	Hùng	Nam	25/8/1986				Trung bình khá	853686	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	141/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15437	38-K9CK2		Phạm Hà	Thu	Nữ	1/10/1992				Trung bình khá	853687	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	142/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 21/03/2016	
15438	258-K10CK1		Lê Huy	Anh	Nam	16/12/1993				Trung bình khá	853688	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15439	259-K10CK1		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	11/08/1992				Khá	853689	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15440	260-K10CK1		Lương Hồng Ngọc	Anh	Nữ	14/11/1992				Trung bình khá	853690	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15441	261-K10CK1		Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	12/01/1992				Trung bình khá	853691	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15442	262-K10CK1		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	01/03/1992				Trung bình khá	853692	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15443	263-K10CK1		Nguyễn Vương	Anh	Nam	14/09/1991				Trung bình khá	853693	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15444	264-K10CK1		Phùng Thị Lan	Anh	Nữ	20/07/1992				Khá	853694	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15445	265-K10CK1		Trần Tiến	Anh	Nam	19/09/1991				Trung bình khá	853695	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15446	266-K10CK1		Phạm Xuân	Bách	Nam	14/07/1990				Trung bình khá	853696	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15447	267-K10CK1		Nguyễn An	Đông	Nam	02/12/1991				Khá	853697	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15448	268-K10CK1		Vũ Đình	Đức	Nam	20/02/1992				Trung bình khá	853698	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15449	269-K10CK1		Nguyễn Thị Thanh	Dung	Nữ	25/03/1993				Khá	853699	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15450	270-K10CK1		Nguyễn Vũ	Duy	Nam	05/01/1993				Khá	853700	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15451	271-K10CK1		Phạm Thị	Gái	Nữ	12/12/1992				Trung bình khá	853701	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15452	272-K10CK1		Nguyễn Lê Hương	Giang	Nữ	25/03/1993				Trung bình khá	853702	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15453	273-K10CK1		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	30/03/1993				Trung bình khá	853703	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15454	274-K10CK1		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	20/12/1991				Trung bình khá	853704	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15455	275-K10CK1		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	18/07/1991				Khá	853705	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15456	276-K10CK1		Tô Thu	Hà	Nữ	25/02/1992				Khá	853706	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15457	277-K10CK1		Lê Thanh	Hải	Nam	28/05/1993				Trung bình khá	853707	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15458	278-K10CK1		Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	02/03/1990				Khá	853708	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15459	279-K10CK1		Nguyễn Thị Hoàng	Hạnh	Nữ	23/03/1992				Trung bình khá	1268927	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15460	280-K10CK1		Lê Quang	Hào	Nam	31/08/1992				Khá	1268928	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15461	281-K10CK1		Trịnh Thị Thanh	Hiền	Nữ	16/12/1992				Khá	1268929	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15462	282-K10CK1		Phạm Minh	Hiệp	Nam	09/12/1992				Trung bình khá	1268930	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15463	283-K10CK1		Lê Thị	Hoa	Nữ	20/04/1992				Trung bình khá	1268931	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15464	284-K10CK1		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	11/03/1990				Trung bình khá	1268932	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15465	285-K10CK1		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	04/09/1992				Khá	1268933	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15466	286-K10CK1		Đinh Thị Bích	Huệ	Nữ	13/05/1987				Khá	1268934	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15467	287-K10CK1		Lê Trung	Hùng	Nam	20/10/1992				Trung bình khá	1268935	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15468	288-K10CK1		Phan Thị Thanh	Hương	Nữ	11/10/1992				Trung bình khá	1268936	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15469	289-K10CK1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	20/03/1993				Trung bình khá	1268937	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15470	290-K10CK1		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	15/10/1993				Trung bình khá	1268938	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15471	291-K10CK1		Phạm Doãn	Mạnh	Nam	04/07/1990				Trung bình khá	1268939	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15472	292-K10CK1		Nguyễn Diễm	My	Nữ	09/01/1992				Trung bình khá	1268940	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15473	293-K10CK1		Nguyễn Hà	My	Nữ	21/06/1991				Trung bình khá	1268941	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15474	294-K10CK1		Lê Thị	Nga	Nữ	24/07/1991				Trung bình khá	1268942	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15475	295-K10CK1		Lê Thị	Ngân	Nữ	22/07/1991				Khá	1268943	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15476	296-K10CK1		Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	01/11/1991				Trung bình khá	1268944	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15477	297-K10CK1		Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	29/12/1990				Trung bình khá	1268945	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15478	298-K10CK1		Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	25/12/1992				Trung bình khá	1268946	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15479	299-K10CK1		Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	10/02/1990				Trung bình khá	1268947	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15480	300-K10CK1		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/11/1991				Khá	1268948	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15481	301-K10CK1		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	29/12/1991				Khá	1268949	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15482	302-K10CK1		Bùi Bích	Phương	Nữ	15/04/1992				Trung bình khá	1268950	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15483	303-K10CK1		Lê Thu	Phượng	Nữ	28/02/1993				Khá	1268951	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15484	304-K10CK1		Phạm Thị	Sao	Nữ	27/03/1993				Khá	1268952	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15485	305-K10CK1		Phạm Tiến	Thành	Nam	30/07/1992				Trung bình khá	1268953	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15486	306-K10CK1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	20/10/1991				Khá	1268954	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15487	307-K10CK1		Nguyễn Diệu	Thu	Nữ	18/12/1992				Khá	1268955	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15488	308-K10CK1		Lã Thị	Thùy	Nữ	25/04/1992				Trung bình khá	1268956	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15489	309-K10CK1		Vũ Thu	Thủy	Nữ	28/12/1991				Trung bình khá	1268957	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15490	310-K10CK1		Vũ Viết	Tiến	Nam	13/11/1993				Trung bình khá	1268958	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15491	311-K10CK1		Đậu Thị	Trang	Nữ	26/10/1992				Trung bình khá	1268959	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15492	312-K10CK1		Vũ Thu	Trang	Nữ	26/12/1993				Trung bình khá	1268960	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15493	313-K10CK1		Nguyễn Thành	Trung	Nam	22/11/1983				Trung bình khá	1268961	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15494	314-K10CK1		Nguyễn Duy	Tuân	Nam	15/11/1991				Trung bình khá	1268962	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15495	315-K9CK1		Lê Thị Mai	Hương	Nữ	23/12/1988				Trung bình khá	1268963	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	353/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15496	316-K10CQ1		Võ Quỳnh	Anh	Nữ	17/07/1993				Trung bình khá	1268964	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15497	317-K10CQ1		Đỗ Quang	Diệu	Nam	01/10/1992				Trung bình khá	1268965	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15498	318-K10CQ1		Đoàn Thị	Hằng	Nữ	23/08/1993				Trung bình khá	1268966	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15499	319-K10CQ1		Lê Thu	Hiền	Nữ	17/11/1991				Khá	1268967	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15500	320-K10CQ1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	17/05/1991				Khá	1268968	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15501	321-K10CQ1		Đào Ngọc	Hiệu	Nam	12/07/1992				Trung bình khá	1268969	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15502	322-K10CQ1		Phùng Thị	Hòa	Nữ	21/03/1992				Khá	1268970	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15503	323-K10CQ1		Đỗ Việt	Hưng	Nam	15/07/1992				Khá	1268971	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15504	324-K10CQ1		Lưu Thị	Hương	Nữ	21/10/1969				Trung bình khá	1268972	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15505	325-K10CQ1		Nguyễn Việt	Linh	Nam	13/09/1992				Trung bình khá	1268973	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15506	326-K10CQ1		Đinh Thị Thanh	Nga	Nữ	02/02/1993				Trung bình khá	1268974	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15507	327-K10CQ1		Nguyễn Phạm Bảo	Ngọc	Nam	09/05/1993				Trung bình khá	1268975	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15508	328-K10CQ1		Trần Ngọc	Nhường	Nam	14/09/1993				Khá	1268976	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15509	329-K10CQ1		Dương Thị Hồng	Phương	Nữ	03/12/1993				Trung bình khá	1268977	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15510	330-K10CQ1		Phạm Thùy	Phương	Nữ	23/10/1993				Khá	1268978	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15511	331-K10CQ1		Trịnh Minh	Phương	Nữ	15/10/1993				Trung bình khá	1268979	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15512	332-K10CQ1		Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	28/021993				Trung bình khá	1268980	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15513	333-K10CQ1		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	08/10/1993				Khá	1268981	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15514	334-K10CQ1		Đỗ Thị	Tâm	Nữ	08/03/1993				Khá	1268982	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15515	335-K10CQ1		Trần Thị	Tâm	Nữ	05/11/1992				Khá	1268983	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15516	336-K10CQ1		Nguyễn Văn	Tăng	Nam	24/01/1973				Khá	1268984	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15517	337-K10CQ1		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	09/09/1983				Trung bình khá	1268985	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15518	338-K10CQ1		Trần Thị	Trang	Nữ	12/10/1993				Khá	1268986	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15519	339-K10CQ1		Nguyễn Thị	Vinh	Nữ	21/11/1981				Trung bình khá	1268987	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15520	340-K10CQ1		Tạ Quốc	Vững	Nam	07/01/1989				Trung bình khá	1268988	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15521	341-K9CQ1		Nguyễn Thị	Yên	Nữ	20/02/1991				Trung bình khá	1268989	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	354/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15522	342-K3TK3		Lê Thị	Trang	Nữ	24/8/1987				Trung bình	1268990	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	355/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15523	343-K3TK11		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	9/11/1989				Khá	1268991	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	355/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2016	
15524	1-K45DK3		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	06/09/1982				Trung bình khá	853587	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15525	2-K45DK3		Vũ Ngọc Tú	Anh	Nữ	17/12/1988				Trung bình khá	853588	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15526	3-K45DK3		Nguyễn Thị	Bắc	Nữ	03/09/1982				Trung bình khá	853589	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15527	4-K45DK3		Lường Thị	Bằng	Nữ	20/02/1972				Trung bình	853590	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15528	5-K45DK3		Đinh Văn	Bứng	Nam	08/08/1976				Trung bình khá	853591	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15529	6-K45DK3		Lò Văn	Chí	Nam	02/08/1981				Trung bình	853592	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15530	7-K45DK3		Hà Văn	Chiến	Nam	10/04/1969				Trung bình khá	853593	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15531	8-K45DK3		Lừ Văn	Chuyền	Nam	06/02/1982				Trung bình	853594	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15532	9-K45DK3		Đinh Hùng	Cường	Nam	16/10/1989				Trung bình khá	853595	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15533	10-K45DK3		Đinh Thị	Đào	Nữ	19/08/1987				Trung bình khá	853596	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15534	11-K45DK3		Nguyễn Văn	Đông	Nam	04/09/1981				Trung bình	853597	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15535	12-K45DK3		Hà Thị	Dung	Nữ	26/07/1985				Trung bình khá	853598	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15536	13-K45DK3		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	07/12/1984				Trung bình khá	853599	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15537	14-K45DK3		Cầm Văn	Dũng	Nam	21/10/1983				Trung bình	853600	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15538	15-K45DK3		Lừ Văn	Dũng	Nam	18/05/1979				Trung bình khá	853601	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15539	16-K45DK3		Cầm Thị Hồng	Duyên	Nữ	30/06/1985				Trung bình khá	853602	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15540	17-K45DK3		Giàng A	Gàng	Nam	23/06/1991				Trung bình	853603	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15541	18-K45DK3		Hoàng Văn	Hà	Nam	02/07/1980				Trung bình	853604	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15542	19-K45DK3		Mùi Thị	Hai	Nữ	24/10/1985				Trung bình khá	853605	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15543	20-K45DK3		Nguyễn Xuân	Hòa	Nam	18/04/1984				Trung bình	853606	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15544	21-K45DK3		Lò Văn	Hoàng	Nam	01/03/1982				Trung bình khá	853607	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15545	22-K45DK3		Nguyễn Bình	Hồng	Nam	16/11/1980				Trung bình khá	853608	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15546	23-K45DK3		Lê Thu	Hương	Nữ	07/10/1988				Trung bình khá	853609	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15547	24-K45DK3		Trần Thu	Hương	Nữ	16/08/1992				Trung bình	853610	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15548	25-K45DK3		Lừ Thị	Khâu	Nữ	14/04/1985				Trung bình khá	853611	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15549	26-K45DK3		Đinh Thị	Khèm	Nữ	07/03/1985				Trung bình khá	853612	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15550	27-K45DK3		Cầm Văn	Khới	Nam	07/09/1966				Trung bình khá	853613	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15551	28-K45DK3		Nguyễn Thành	Long	Nam	29/04/1980				Trung bình khá	853614	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15552	29-K45DK3		Lường Thị	Lưu	Nữ	21/07/1987				Trung bình khá	853615	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15553	30-K45DK3		Đinh Thị	Luyến	Nữ	10/12/1974				Trung bình	853616	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15554	31-K45DK3		Cầm Văn	Lý	Nam	12/06/1977				Trung bình	853617	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15555	32-K45DK3		Mùi Thị Minh	Mẫn	Nữ	04/12/1989				Trung bình khá	853618	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15556	33-K45DK3		Cầm Thị Hồng	Năm	Nữ	05/10/1988				Trung bình khá	853619	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15557	34-K45DK3		Trần Kim	Ngân	Nữ	13/04/1981				Trung bình khá	853620	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15558	35-K45DK3		Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	08/07/1985				Trung bình khá	853621	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15559	36-K45DK3		Lường Thị	Oán	Nữ	31/03/1984				Trung bình	853622	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15560	37-K45DK3		Sồng A	Páo	Nam	20/05/1984				Trung bình khá	853623	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15561	38-K45DK3		Đinh Văn	Phái	Nam	04/03/1984				Trung bình	853624	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15562	39-K45DK3		Lường Thị	Quyên	Nữ	08/08/1981				Trung bình khá	853625	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15563	40-K45DK3		Hà Văn	Sưa	Nam	17/01/1982				Trung bình khá	853626	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15564	41-K45DK3		Tráng A	Tềnh	Nam	02/10/1985				Trung bình	853627	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15565	42-K45DK3		Hoàng Thị	Thảo	Nữ	30/11/1986				Trung bình khá	853628	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15566	43-K45DK3		Lò Văn	Thấy	Nam	12/03/1981				Trung bình	853629	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15567	44-K45DK3		Đỗ Thị Minh	Thùy	Nữ	09/01/1972				Trung bình	853630	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15568	45-K45DK3		Hà Văn	Thùy	Nam	13/09/1982				Trung bình	853631	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15569	46-K45DK3		Lường Văn	Toàn	Nam	27/09/1982				Trung bình	853632	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15570	47-K45DK3		Đinh Công	Tuân	Nam	15/07/1964				Trung bình	853633	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15571	48-K45DK3		Giàng A	Ư	Nam	09/10/1986				Trung bình	853634	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15572	49-K45DK3		Đinh Văn	Vấn	Nam	10/12/1985				Trung bình	853635	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15573	50-K45DK3		Lừ Văn	Thăm	Nam	15/05/1983				Trung bình	853636	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	18/QĐ-ĐHTM ngày 14/01/2016	
15574	51-K45DK1		Trần Thị	An	Nữ	8/11/1989				Trung bình khá	853640	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15575	52-K45DK1		Bùi Ngọc	Anh	Nữ	12/6/1983				Trung bình khá	1270601	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15576	53-K45DK1		Cấn Thị Ngọc	Anh	Nữ	24/5/1990				Trung bình khá	1270602	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15577	54-K45DK1		Hà Thị Lan	Anh	Nữ	21/6/1988				Trung bình khá	1270603	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15578	55-K45DK1		Dương Thị	ánh	Nữ	24/3/1984				Trung bình khá	1270604	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15579	56-K45DK1		Phí Thị	Bích	Nữ	1/1/1985				Trung bình khá	1270605	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15580	57-K45DK1		Lao Thị	Bình	Nữ	4/2/1985				Trung bình khá	1270606	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15581	58-K45DK1		Mai Thị	Dịu	Nữ	20/6/1985				Trung bình khá	1270607	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15582	59-K45DK1		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	29/8/1980				Trung bình khá	1270608	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15583	60-K45DK1		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	24/3/1990				Trung bình khá	1270609	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15584	61-K45DK1		Trần Văn	Định	Nam	26/12/1980				Trung bình khá	1270610	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15585	62-K45DK1		Ngô Thị Hương	Giang	Nữ	12/4/1984				Trung bình khá	1270611	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15586	63-K45DK1		Lương Thị út	Hà	Nữ	5/5/1989				Trung bình khá	1270612	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15587	64-K45DK1		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	1/10/1986				Trung bình khá	1270613	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15588	65-K45DK1		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	20/11/1986				Trung bình khá	1270614	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15589	66-K45DK1		Nguyễn Thị Việt	Hà	Nữ	1/11/1983				Trung bình khá	1270615	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15590	67-K45DK1		Nghiêm Thị	Hằng	Nữ	12/9/1987				Trung bình khá	1270616	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15591	68-K45DK1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	8/4/1989				Trung bình khá	1270617	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15592	69-K45DK1		Trần Thị	Hậu	Nữ	29/9/1988				Trung bình khá	1270618	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15593	70-K45DK1		Lê Thị	Hiền	Nữ	15/7/1989				Trung bình khá	1270619	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15594	71-K45DK1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	16/2/1986				Trung bình khá	1270620	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15595	72-K45DK1		Vũ Thanh	Hòa	Nữ	8/7/1984				Trung bình khá	1270621	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15596	73-K45DK1		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	23/9/1980				Trung bình	1270622	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15597	74-K45DK1		Phan Thị Bích	Hồng	Nữ	22/9/1984				Trung bình khá	1270623	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15598	75-K45DK1		Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	21/7/1981				Trung bình khá	1270624	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15599	76-K45DK1		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	15/11/1989				Trung bình khá	1270625	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15600	77-K45DK1		Phạm Thu	Hương	Nữ	30/8/1984				Trung bình khá	1270626	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15601	78-K45DK1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	26/7/1983				Trung bình khá	1270627	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15602	79-K45DK1		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	28/12/1988				Trung bình khá	1270628	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15603	80-K45DK1		Lê Thị	Lý	Nữ	2/3/1986				Trung bình khá	1270629	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15604	81-K45DK1		Nghiêm Thị Thu	Ngọc	Nữ	2/4/1989				Trung bình khá	1270630	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15605	82-K45DK1		Lê Thị	Nguyên	Nữ	26/6/1985				Trung bình khá	1270631	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15606	83-K45DK1		Lê Thị Bích	Nguyệt	Nữ	25/3/1985				Trung bình khá	1270632	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15607	84-K45DK1		Trần Thị	Phấn	Nữ	6/10/1988				Trung bình khá	1270633	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15608	85-K45DK1		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	23/4/1982				Trung bình khá	1270634	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15609	86-K45DK1		Đỗ Thị Xuân	Tình	Nữ	17/6/1986				Trung bình khá	1270635	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15610	87-K45DK1		Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	3/4/1991				Trung bình khá	1270636	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15611	88-K45DK1		Bùi Thị	Thảo	Nữ	15/12/1986				Trung bình khá	1270637	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15612	89-K45DK1		Cao Thị	Thêu	Nữ	9/11/1988				Trung bình khá	1270638	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15613	90-K45DK1		Hoàng Thị Kim	Thơm	Nữ	29/7/1986				Trung bình khá	1270639	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15614	91-K45DK1		Võ Thị	Thúy	Nữ	13/12/1989				Trung bình khá	1270640	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15615	92-K45DK1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/4/1988				Trung bình khá	1270641	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15616	93-K45DK1		Nguyễn Đức	Thực	Nam	17/4/1985				Trung bình khá	1270642	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15617	94-K45DK1		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	20/8/1989				Trung bình khá	1270643	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15618	95-K45DK1		Dương Thị	Vân	Nữ	6/4/1991				Trung bình	1270644	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15619	96-K45DK1		Nguyễn Danh	Xuân	Nam	25/9/1979				Trung bình	1270645	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15620	97-K45DK2		Đặng Thị	An	Nữ	5/10/1988				Trung bình khá	1270646	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15621	98-K45DK2		Thiều Văn	Công	Nam	11/1/1987				Trung bình	1270647	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15622	99-K45DK2		Phạm Thị Hồng	Dịu	Nữ	25/9/1985				Trung bình khá	1270648	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15623	100-K45DK2		Phạm Thị Hương	Giang	Nữ	11/5/1985				Trung bình khá	1270649	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15624	101-K45DK2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	28/6/1988				Trung bình khá	1270650	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15625	102-K45DK2		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/5/1988				Trung bình khá	1270651	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15626	103-K45DK2		Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	20/1/1985				Trung bình khá	1270652	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15627	104-K45DK2		Nguyễn Thị Hồng	Lai	Nữ	12/8/1979				Trung bình khá	1270653	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15628	105-K45DK2		Lê Thị	Lan	Nữ	2/10/1986				Trung bình khá	1270654	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15629	106-K45DK2		Phạm Thị Bích	Liên	Nữ	24/3/1984				Trung bình khá	1270655	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15630	107-K45DK2		Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	Nữ	30/7/1989				Trung bình	1270656	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15631	108-K45DK2		Tiêu Thùy	Linh	Nữ	11/2/1987				Trung bình khá	1270657	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15632	109-K45DK2		Vũ Thùy	Linh	Nữ	27/12/1990				Trung bình khá	1270658	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15633	110-K45DK2		Đinh Thị	Lý	Nữ	4/10/1989				Trung bình khá	1270659	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15634	111-K45DK2		Đào Thị Thanh	Mai	Nữ	26/11/1991				Trung bình khá	1270660	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15635	112-K45DK2		Trần Thị	Mai	Nữ	8/10/1986				Trung bình khá	1270661	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15636	113-K45DK2		Hoàng Đăng	Ngọ	Nam	2/1/1981				Trung bình khá	1270662	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15637	114-K45DK2		Đặng Thị Minh	Nguyệt	Nữ	20/10/1984				Trung bình khá	1270663	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15638	115-K45DK2		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	18/5/1987				Trung bình khá	1270664	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15639	116-K45DK2		Nguyễn Thanh	Phú	Nam	10/10/1981				Trung bình khá	1270665	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15640	117-K45DK2		Đỗ Xuân	Quỳnh	Nữ	5/9/1991				Khá	1270666	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15641	118-K45DK2		Chu Văn	Sông	Nam	19/4/1983				Trung bình khá	1270667	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15642	119-K45DK2		Nguyễn Thanh	Sơn	Nam	15/4/1984				Trung bình khá	1270668	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15643	120-K45DK2		Phùng Văn	Tài	Nam	1/10/1987				Trung bình khá	1270669	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15644	121-K45DK2		Trần Thị	Tâm	Nữ	9/12/1989				Trung bình khá	1270670	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15645	122-K45DK2		Trần Minh	Tú	Nam	6/1/1990				Trung bình khá	1270671	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15646	123-K45DK2		Hà Thị	Tươi	Nữ	20/8/1985				Trung bình khá	1270672	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15647	124-K45DK2		Phạm Thị Hồng	Thắm	Nữ	28/12/1978				Trung bình khá	1270673	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15648	125-K45DK2		Nguyễn Lê Như	Thơ	Nữ	27/4/1986				Trung bình khá	1270674	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15649	126-K45DK2		Nguyễn Hồng	Thúy	Nữ	31/3/1985				Trung bình khá	1270675	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15650	127-K45DK2		Trần Thị Lệ	Thủy	Nữ	3/6/1982				Trung bình khá	1270676	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15651	128-K45DK2		Phạm Thị	Yến	Nữ	2/10/1989				Trung bình khá	1270677	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15652	129-44DK1		Trần Xuân	Phú	Nam	28/1/1984				Trung bình	1270678	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15653	130-44DK11		Từ Thị	Huyền	Nữ	20/10/1977				Trung bình	1270679	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15654	131-44DK11		Ngô Thị Kim	Thúy	Nữ	20/6/1990				Trung bình	1270680	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15655	132-44DK15		Bùi Thanh	Trà	Nữ	22/12/1987				Trung bình khá	1270681	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15656	133-44DK8		Nguyễn Thị	Đức	Nữ	11/7/1976				Trung bình khá	1270682	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15657	134-44DK8		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	19/4/1989				Trung bình khá	1270683	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15658	135-K44DK11		Vũ Văn	Long	Nam	13/8/1982				Trung bình	1270684	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	146/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15659	136-40DK11		Trịnh Đình	Dũng	Nam	8/7/1979				Trung bình	853641	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	147/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15660	137-41DK5		Lê Thị Thu	Hòa	Nữ	13/7/1982				Trung bình khá	853642	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	147/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15661	138-41DK12		Mai Thị Mỹ	Cảnh	Nữ	2/5/1987				Trung bình khá	853643	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	147/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15662	139-41DK14		Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	28/12/1982				Trung bình khá	853644	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	147/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15663	140-42DK6		Trịnh Thị	Thảo	Nữ	30/1/1983				Trung bình	853645	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	147/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15664	141-43DK3		Cù Xuân	Thắng	Nam	22/9/1979				Trung bình	853646	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	147/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15665	142-43DK15		Bùi Phương	Thảo	Nữ	21/12/1991				Trung bình	853647	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	147/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15666	143-43DK16		Trần Bá	Tình	Nam	11/8/1982				Trung bình khá	853648	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	147/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15667	145-K42DK14		Nguyễn Thị Thu	Trà	Nữ	31/8/1984				Trung bình khá	853649	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	147/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15668	146-K45DQ1		Dương Minh	Cường	Nam	15/10/1989				Trung bình khá	1268815	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15669	147-K45DQ1		Phạm Đình	Chương	Nam	20/2/1988				Trung bình	1268816	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15670	148-K45DQ1		Đinh Quang	Dũng	Nam	10/4/1979				Trung bình	1268817	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15671	149-K45DQ1		Nguyễn Đăng	Dũng	Nam	27/8/1990				Trung bình khá	1268818	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15672	150-K45DQ1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	5/10/1984				Trung bình khá	1268819	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15673	151-K45DQ1		Cao Hùng	Hậu	Nam	10/10/1987				Trung bình khá	1268820	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15674	152-K45DQ1		Trần Văn	Hiếu	Nam	15/7/1987				Trung bình khá	1268821	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15675	153-K45DQ1		Vương Đình	Hiếu	Nam	15/2/1990				Trung bình	1268822	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15676	154-K45DQ1		Quách Văn	Hoan	Nam	5/5/1992				Trung bình khá	1268823	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15677	155-K45DQ1		Phạm Văn	Hoàn	Nam	15/10/1992				Trung bình khá	1268824	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15678	156-K45DQ1		Đinh Xuân	Hoàng	Nam	5/4/1981				Trung bình khá	1268825	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15679	157-K45DQ1		Trần Quang	Hùng	Nam	26/1/1984				Trung bình khá	1268826	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15680	158-K45DQ1		Phạm Lương	Huy	Nam	22/10/1988				Trung bình khá	1268827	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15681	159-K45DQ1		Ngô Văn	Hưng	Nam	30/8/1983				Trung bình khá	1268828	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15682	160-K45DQ1		Nguyễn Sĩ	Kiên	Nam	18/11/1989				Trung bình	1268829	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15683	161-K45DQ1		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	10/10/1984				Trung bình khá	1268830	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15684	162-K45DQ1		Trần Đăng	Khoa	Nam	11/7/1982				Trung bình	1268831	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15685	163-K45DQ1		Đào Thị	Lan	Nữ	3/12/1983				Trung bình khá	1268832	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15686	164-K45DQ1		Ngô Văn	Nguyên	Nam	20/12/1987				Trung bình khá	1268833	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15687	165-K45DQ1		Nguyễn Doãn	Phước	Nam	15/2/1985				Trung bình khá	1268834	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15688	166-K45DQ1		Trần Thị Minh	Phương	Nữ	27/2/1987				Trung bình khá	1268835	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15689	167-K45DQ1		Chu Minh	Quân	Nam	2/11/1987				Trung bình khá	1268836	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15690	168-K45DQ1		Đặng Trần	Quân	Nam	13/6/1974				Trung bình khá	1268837	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15691	169-K45DQ1		Nguyễn Đức	Tiến	Nam	23/10/1983				Trung bình khá	1268838	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15692	170-K45DQ1		Nguyễn Bích	Thùy	Nữ	24/6/1984				Trung bình khá	1268839	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15693	171-K45DQ1		Phạm Thị Ngọc	Thùy	Nữ	27/10/1975				Trung bình	1268840	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15694	172-K45DQ2		Lê Hồng	ánh	Nữ	11/6/1974				Trung bình khá	1268841	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15695	173-K45DQ2		Lương Xuân	Bình	Nam	15/8/1980				Trung bình khá	1268842	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15696	174-K45DQ2		Nguyễn Chí	Công	Nam	21/4/1981				Trung bình khá	1268843	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15697	175-K45DQ2		Lê Mạnh	Cường	Nam	20/11/1982				Trung bình khá	1268844	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15698	176-K45DQ2		Nguyễn Văn	Chuyển	Nam	8/2/1992				Trung bình	1268845	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15699	177-K45DQ2		Nguyễn Ngọc	Chương	Nam	2/1/1984				Trung bình khá	1268846	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15700	178-K45DQ2		Nguyễn Tài	Dương	Nam	20/11/1990				Trung bình khá	1268847	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15701	179-K45DQ2		Bùi Quốc	Đại	Nam	6/11/1986				Trung bình khá	1268848	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15702	180-K45DQ2		Lê Hồng	Đoàn	Nam	15/12/1980				Trung bình khá	1268849	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15703	181-K45DQ2		Nguyễn Công	Đồng	Nam	20/9/1980				Trung bình khá	1268850	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15704	182-K45DQ2		Nguyễn Anh	Đức	Nam	9/6/1983				Trung bình khá	1268851	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15705	183-K45DQ2		Lê Trường	Giang	Nam	2/9/1979				Trung bình khá	1268852	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15706	184-K45DQ2		Vũ Nhị	Hà	Nam	15/8/1982				Trung bình khá	1268853	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15707	185-K45DQ2		Vũ Thái	Hà	Nam	11/1/1990				Trung bình khá	1268854	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15708	186-K45DQ2		Nguyễn Thế	Hải	Nam	2/9/1988				Trung bình khá	1268855	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15709	187-K45DQ2		Lê Thanh	Hoa	Nữ	26/11/1985				Trung bình khá	1268856	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15710	188-K45DQ2		Đặng Thanh	Hòa	Nam	5/12/1984				Trung bình khá	1268857	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15711	189-K45DQ2		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	8/7/1987				Trung bình khá	1268858	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15712	190-K45DQ2		Nguyễn Văn	Hòa	Nam	8/5/1985				Trung bình khá	1268859	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15713	191-K45DQ2		Đoàn Anh	Hoàn	Nam	25/10/1986				Trung bình khá	1268860	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15714	192-K45DQ2		Nguyễn Bá	Hoàng	Nam	20/8/1985				Trung bình khá	1268861	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15715	193-K45DQ2		Nguyễn Khắc	Huê	Nam	16/4/1987				Trung bình khá	1268862	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15716	194-K45DQ2		Trần Thị	Huế	Nữ	15/1/1975				Trung bình khá	1268863	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15717	195-K45DQ2		Bùi Xuân	Hùng	Nam	3/6/1989				Trung bình khá	1268864	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15718	196-K45DQ2		Lại Văn	Hùng	Nam	13/12/1992				Trung bình khá	1268865	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15719	197-K45DQ2		Nguyễn Viết	Hùng	Nam	9/3/1982				Trung bình khá	1268866	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15720	198-K45DQ2		Nguyễn Quang	Huy	Nam	10/8/1986				Trung bình khá	1268867	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15721	199-K45DQ2		Lê Thúy	Huyền	Nữ	30/9/1966				Trung bình khá	1268868	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15722	200-K45DQ2		Trần Nghĩa	Hưng	Nam	11/4/1969				Trung bình khá	1268869	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15723	201-K45DQ2		Vũ Ngọc	Hưng	Nam	14/2/1984				Trung bình	1268870	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15724	202-K45DQ2		Vũ Văn	Hưng	Nam	15/10/1989				Trung bình khá	1268871	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15725	203-K45DQ2		Trần Thị	Hương	Nữ	26/9/1983				Trung bình khá	1268872	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15726	204-K45DQ2		Nguyễn Văn	Kỳ	Nam	28/12/1988				Trung bình khá	1268873	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15727	205-K45DQ2		Lưu Ngọc	Khanh	Nam	27/9/1979				Trung bình khá	1268874	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15728	206-K45DQ2		Nguyễn Tuấn	Khanh	Nam	14/11/1979				Trung bình khá	1268875	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15729	207-K45DQ2		Lê Tiến	Khoa	Nam	4/3/1992				Trung bình khá	1268876	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15730	208-K45DQ2		Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	12/12/1980				Trung bình khá	1268877	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15731	209-K45DQ2		Đỗ Văn	Long	Nam	2/10/1986				Trung bình khá	1268878	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15732	210-K45DQ2		Bùi Văn	Lương	Nam	5/6/1991				Trung bình khá	1268879	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15733	211-K45DQ2		Ninh Thị	Lương	Nữ	6/5/1989				Trung bình khá	1268880	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15734	212-K45DQ2		Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	5/7/1987				Trung bình khá	1268881	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15735	213-K45DQ2		Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	21/7/1984				Trung bình khá	1268882	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15736	214-K45DQ2		Phạm Ngọc	Nam	Nam	29/11/1983				Trung bình khá	1268883	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15737	215-K45DQ2		Phùng Thị Thanh	Nga	Nữ	20/7/1979				Trung bình khá	1268884	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15738	216-K45DQ2		Lê Hồng	Ngân	Nữ	10/5/1980				Trung bình khá	1268885	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15739	217-K45DQ2		Vũ Đại	Nghĩa	Nam	19/9/1985				Trung bình khá	1268886	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15740	218-K45DQ2		Lê Hoàng	Nguyên	Nam	16/11/1983				Trung bình khá	1268887	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15741	219-K45DQ2		Nguyễn Hồng	Ngư	Nam	8/12/1982				Trung bình khá	1268888	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15742	220-K45DQ2		Nguyễn Ngọc	Phi	Nam	20/10/1980				Trung bình khá	1268889	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15743	221-K45DQ2		Phạm Thu	Phương	Nữ	7/5/1977				Trung bình khá	1268890	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15744	222-K45DQ2		Lê Hà Vinh	Quang	Nam	20/6/1989				Trung bình khá	1268891	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15745	223-K45DQ2		Nguyễn Đình	Quang	Nam	19/9/1991				Trung bình khá	1268892	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15746	224-K45DQ2		Nguyễn Ngọc	Quang	Nam	1/9/1987				Trung bình khá	1268893	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15747	225-K45DQ2		Nghiêm Dương	Sơn	Nam	2/6/1972				Trung bình khá	1268894	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15748	226-K45DQ2		Ninh Thị	Tình	Nữ	10/4/1987				Trung bình khá	1268895	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15749	227-K45DQ2		Võ Anh	Tú	Nam	8/8/1968				Trung bình khá	1268896	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15750	228-K45DQ2		Đinh Đức	Tuấn	Nam	14/10/1990				Trung bình khá	1268897	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15751	229-K45DQ2		Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	11/12/1969				Trung bình khá	1268898	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15752	230-K45DQ2		Hoàng Mạnh	Tuyên	Nam	25/4/1982				Trung bình khá	1268899	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15753	231-K45DQ2		Đặng Ngọc	Thanh	Nam	3/2/1977				Trung bình khá	1268900	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15754	232-K45DQ2		Nguyễn Hữu	Thành	Nam	28/5/1987				Trung bình khá	1268901	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15755	233-K45DQ2		Hoàng Minh	Thảo	Nam	16/6/1984				Trung bình khá	1268902	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15756	234-K45DQ2		Bùi Văn	Thiêm	Nam	6/11/1985				Trung bình khá	1268903	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15757	235-K45DQ2		An Ngọc	Thịnh	Nam	23/12/1973				Trung bình khá	1268904	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15758	236-K45DQ2		Vũ Thị Phương	Thúy	Nữ	24/4/1987				Trung bình khá	1268905	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15759	237-K45DQ2		Nguyễn Tuấn	Trung	Nam	23/7/1983				Trung bình khá	1268906	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15760	238-K45DQ2		Hà Văn	Trường	Nam	28/3/1987				Trung bình khá	1268907	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15761	239-K45DQ2		Nguyễn Đức	Trường	Nam	19/10/1987				Trung bình khá	1268908	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15762	240-K45DQ2		Phạm Vương Nhật	Trường	Nam	12/7/1987				Trung bình khá	1268909	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15763	241-K45DQ2		Cao Xuân	Vương	Nam	8/11/1987				Trung bình khá	1268910	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15764	242-K45DQ2		Nguyễn Thanh	Xuân	Nam	8/8/1980				Trung bình khá	1268911	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15765	243-40DQ1		Bùi Văn	Tân	Nam	2/12/1983				Trung bình	1268912	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15766	244-42DQ3		Phạm Văn	Vinh	Nam	21/4/1987				Trung bình khá	1268913	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15767	245-42DQ7		Lưu Việt	Phương	Nam	29/10/1985				Trung bình	1268914	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15768	246-42DQ8		Nguyễn Văn	Tâm	Nam	5/8/1984				Trung bình khá	1268915	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15769	247-43DQ1		Nguyễn Thị	Sâm	Nữ	2/7/1989				Trung bình	1268916	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15770	248-43DQ2		Trịnh Văn	Trung	Nam	21/7/1986				Trung bình khá	1268917	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15771	249-43DQ5		Hà Phương	Duy	Nam	12/5/1991				Trung bình	1268918	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15772	250-43DQ7		Ngô Quang	Hòa	Nam	20/10/1981				Trung bình	1268919	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15773	251-44DQ1		Nguyễn Việt	Dũng	Nam	21/8/1984				Trung bình khá	1268920	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15774	252-44DQ2		Kiều Văn	Thắng	Nam	16/10/1981				Trung bình	1268926	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15775	253-44DQ2		Vũ Văn	Dũng	Nam	14/9/1986				Trung bình khá	1268921	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15776	254-44DQ3		Hà Thanh	Hương	Nam	1/10/1984				Trung bình	1268922	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15777	255-44DQ4		Phạm Xuân	Hiếu	Nam	1/12/1980				Trung bình khá	1268923	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15778	256-44DQ4		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	22/1/1985				Trung bình khá	1268924	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15779	257-44DQ7		Nguyễn Đạt	Hải	Nam	1/2/1986				Trung bình	1268925	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	148/QĐ-ĐHTM-ĐT ngày 22/03/2016	
15780	403-K45DQ4		Hoàng Thị Thu	Anh	Nữ	12/12/1983				Trung bình khá	1269051	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15781	404-K45DQ4		Tô Thế	Anh	Nam	20/08/1981				Trung bình khá	1269052	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15782	405-K45DQ4		Vũ Thế	Anh	Nam	30/08/1987				Khá	1269053	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15783	406-K45DQ4		Bùi Duy	Biên	Nam	12/07/1979				Trung bình khá	1269054	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15784	407-K45DQ4		Bùi Mạnh	Dần	Nam	19/04/1986				Trung bình	1269055	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15785	408-K45DQ4		Lê Ngọc	Điệp	Nam	20/05/1987				Trung bình khá	1269056	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15786	409-K45DQ4		Lê Chí	Dũng	Nam	08/03/1988				Trung bình khá	1269057	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15787	410-K45DQ4		Đỗ Mạnh	Hà	Nam	20/08/1990				Trung bình khá	1269058	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15788	411-K45DQ4		Nguyễn Thái	Hà	Nam	17/09/1986				Trung bình khá	1269059	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15789	412-K45DQ4		Mai Phi	Hải	Nam	18/05/1986				Trung bình khá	1269060	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15790	413-K45DQ4		Phạm Hồng	Hải	Nam	09/10/1981				Trung bình khá	1269061	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15791	414-K45DQ4		Bùi Thị	Hoà	Nữ	28/04/1977				Trung bình khá	1269062	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15792	415-K45DQ4		Vũ Công	Hoành	Nam	01/11/1981				Trung bình khá	1269063	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15793	416-K45DQ4		Nguyễn Đức	Hoạt	Nam	26/03/1987				Khá	1269064	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15794	417-K45DQ4		Nguyễn Hữu	Học	Nam	06/09/1987				Trung bình khá	1269065	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15795	418-K45DQ4		Đặng Mạnh	Hùng	Nam	13/07/1983				Trung bình khá	1269066	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15796	419-K45DQ4		Trần Việt	Hùng	Nam	12/10/1982				Trung bình khá	1269067	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15797	420-K45DQ4		Mai Văn	Khánh	Nam	11/07/1982				Trung bình khá	1269068	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15798	421-K45DQ4		Tạ Thị	Mai	Nữ	16/09/1988				Trung bình khá	1269069	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15799	422-K45DQ4		Bùi Văn	Nam	Nam	16/08/1991				Trung bình khá	1269070	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15800	423-K45DQ4		Vũ Hoài	Nam	Nam	23/05/1987				Trung bình khá	1269071	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15801	424-K45DQ4		Phạm Hữu	Nghĩa	Nam	13/02/1990				Trung bình khá	1269072	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15802	425-K45DQ4		Trần Đại	Nghĩa	Nam	23/08/1992				Trung bình khá	1269073	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15803	426-K45DQ4		Nguyễn Văn	Nhân	Nam	05/04/1981				Trung bình khá	1269074	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15804	427-K45DQ4		Đinh Văn	Phong	Nam	18/09/1990				Trung bình khá	1269075	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15805	428-K45DQ4		Nguyễn Thanh	Sơn	Nam	14/11/1983				Trung bình khá	1269076	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15806	429-K45DQ4		Vũ Đức	Thắng	Nam	26/02/1980				Khá	1269077	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15807	430-K45DQ4		Phạm Văn	Thành	Nam	07/07/1986				Trung bình khá	1269078	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15808	431-K45DQ4		Hà Lương	Thiện	Nam	13/05/1981				Trung bình khá	1269079	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15809	432-K45DQ4		Vũ Thị	Thu	Nữ	15/01/1974				Khá	1269080	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15810	433-K45DQ4		Bùi Văn	Tiến	Nam	29/05/1979				Trung bình khá	1269081	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15811	434-K45DQ4		Nguyễn Đức	Toàn	Nam	05/10/1986				Trung bình khá	1269082	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15812	435-K45DQ4		Nguyễn Huy	Trung	Nam	13/01/1969				Trung bình khá	1269083	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15813	436-K45DQ4		Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	30/11/1979				Trung bình khá	1269084	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15814	437-K45DQ4		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	13/10/1989				Trung bình khá	1269085	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15815	438-K45DQ4		Lưu Sơn	Tùng	Nam	01/09/1988				Trung bình khá	1269086	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15816	439-K45DQ4		Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	22/11/1992				Trung bình khá	1269087	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15817	440-K45DQ4		Trịnh Thanh	Tùng	Nam	29/10/1989				Trung bình khá	1269088	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15818	441-K45DQ4		Tăng Bá	Xứng	Nam	13/01/1982				Trung bình khá	1269089	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	395/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15819	344-K45DK8		Đỗ Thị	ánh	Nữ	08/09/1975				Trung bình khá	1268992	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15820	345-K45DK8		Lý Thanh	Bình	Nữ	12/11/1990				Trung bình khá	1268993	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15821	346-K45DK8		Nguyễn Hùng	Cường	Nam	26/12/1990				Trung bình	1268994	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15822	347-K45DK8		Vũ Mạnh	Cường	Nam	07/11/1987				Trung bình khá	1268995	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15823	348-K45DK8		Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	02/09/1983				Trung bình khá	1268996	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15824	349-K45DK8		Vũ Quang	Đạo	Nam	02/01/1990				Trung bình	1268997	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15825	350-K45DK8		Nguyễn Ngọc	Điệp	Nam	03/09/1989				Trung bình khá	1268998	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15826	351-K45DK8		Hoàng Minh	Đức	Nam	15/08/1987				Trung bình	1268999	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15827	352-K45DK8		Hà Thị Mỹ	Hiên	Nữ	20/01/1979				Trung bình khá	1269000	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15828	353-K45DK8		Phạm Văn	Hoa	Nam	19/03/1992				Trung bình	1269001	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15829	354-K45DK8		Lê Thị	Liên	Nữ	05/08/1984				Trung bình khá	1269002	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15830	355-K45DK8		Nguyễn Ngọc	Long	Nam	01/09/1988				Trung bình	1269003	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15831	356-K45DK8		Trần Thị	Miền	Nữ	25/10/1984				Trung bình khá	1269004	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15832	357-K45DK8		Mạ Thị	Mộc	Nữ	10/07/1989				Trung bình khá	1269005	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15833	358-K45DK8		Đỗ Tiến	Phong	Nam	16/11/1989				Trung bình khá	1269006	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15834	359-K45DK8		Vũ Thị	Phúc	Nữ	09/10/1991				Trung bình khá	1269007	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15835	360-K45DK8		Phạm Thị	Phương	Nữ	13/11/1992				Trung bình khá	1269008	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15836	361-K45DK8		Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	16/03/1993				Trung bình khá	1269009	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15837	362-K45DK8		Đoàn Anh	Tuấn	Nam	03/12/1988				Trung bình khá	1269010	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15838	363-K45DK8		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	26/02/1989				Trung bình khá	1269011	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15839	364-K45DK8		Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	06/04/1993				Trung bình khá	1269012	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15840	365-K45DK8		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	01/05/1990				Trung bình	1269013	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15841	366-K45DK8		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	21/10/1986				Trung bình khá	1269014	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15842	367-K45DK6		Hoàng Thị	Cúc	Nữ	10/06/1987				Trung bình khá	1269015	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15843	368-K45DK6		Đặng Thị Mai	Chi	Nữ	25/02/1989				Khá	1269016	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15844	369-K45DK6		Lê Thị	Dung	Nữ	12/08/1988				Trung bình khá	1269017	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15845	370-K45DK6		Nguyễn Thị Thu	Dung	Nữ	24/09/1988				Trung bình khá	1269018	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15846	371-K45DK6		Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	02/10/1991				Trung bình khá	1269019	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15847	372-K45DK6		Vũ Thị	Điệp	Nữ	16/11/1990				Trung bình khá	1269020	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15848	373-K45DK6		Bùi Thị	Đông	Nữ	13/09/1982				Khá	1269021	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15849	374-K45DK6		Trịnh Thị Việt	Hà	Nữ	04/09/1981				Khá	1269022	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15850	375-K45DK6		Hoàng Minh	Hải	Nam	14/06/1986				Trung bình khá	1269023	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15851	376-K45DK6		Bùi Văn	Hãnh	Nam	02/12/1982				Khá	1269024	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15852	377-K45DK6		Đinh Thị Oanh	Hiền	Nữ	21/11/1984				Trung bình khá	1269025	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15853	378-K45DK6		Nguyễn Thị Lan	Hoa	Nữ	13/11/1982				Trung bình khá	1269026	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15854	379-K45DK6		Trần Thị	Hoa	Nữ	20/01/1986				Trung bình khá	1269027	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15855	380-K45DK6		Đặng Thị ánh	Hồng	Nữ	15/07/1991				Trung bình khá	1269028	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15856	381-K45DK6		Đào Thị	Huế	Nữ	06/04/1991				Trung bình khá	1269029	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15857	382-K45DK6		Nguyễn Thị Thanh	Huế	Nữ	11/06/1990				Trung bình khá	1269030	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15858	383-K45DK6		Lê Thị Bích	Huệ	Nữ	04/10/1986				Trung bình khá	1269031	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15859	384-K45DK6		Đào Thị Thu	Huyền	Nữ	20/06/1984				Trung bình khá	1269032	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15860	385-K45DK6		Nguyễn Công	Hứng	Nam	13/01/1983				Trung bình khá	1269033	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15861	386-K45DK6		Đào Lan	Hương	Nữ	15/10/1993				Trung bình khá	1269034	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15862	387-K45DK6		Hà Thị	Loan	Nữ	23/05/1980				Khá	1269035	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15863	388-K45DK6		Vũ Thế	Lực	Nam	24/04/1985				Trung bình khá	1269036	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15864	389-K45DK6		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	07/10/1987				Trung bình khá	1269037	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15865	390-K45DK6		Lê Thị	Nga	Nữ	19/11/1990				Trung bình khá	1269038	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15866	391-K45DK6		Đào Thị Kim	Ngân	Nữ	06/01/1983				Trung bình khá	1269039	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15867	392-K45DK6		Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	06/01/1987				Trung bình khá	1269040	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15868	393-K45DK6		Mai Thị	Nhàn	Nữ	22/01/1990				Trung bình khá	1269041	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15869	394-K45DK6		Lê Thị	Nhung	Nữ	01/08/1988				Trung bình khá	1269042	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15870	395-K45DK6		Lâm Thị	Sáng	Nữ	30/01/1984				Trung bình khá	1269043	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15871	396-K45DK6		Trần Thị	Thành	Nữ	19/12/1986				Trung bình khá	1269044	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15872	397-K45DK6		Lê Quốc	Thắng	Nam	17/12/1984				Trung bình khá	1269045	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15873	398-K45DK6		Lê Trung	Thông	Nam	03/09/1984				Trung bình khá	1269046	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15874	399-K45DK6		Lê Thị Bích	Thủy	Nữ	01/01/1986				Trung bình khá	1269047	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15875	400-K45DK6		Vũ Thị Hồng	Thương	Nữ	24/03/1990				Khá	1269048	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15876	401-K45DK6		Đoàn Thị Hồng	Vân	Nữ	21/09/1986				Khá	1269049	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15877	402-K45DK6		Hà Hoài	Vân	Nữ	19/04/1988				Trung bình khá	1269050	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	394/QĐ-ĐHTM ngày 30/05/2016	
15878	443-K45DK7		Cao Thị Lan	Anh	Nữ	16/10/1978				Trung bình khá	1269091	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15879	444-K45DK7		Phạm Thị	Bằng	Nữ	14/04/1984				Trung bình khá	1269092	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15880	445-K45DK7		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	02/09/1981				Khá	1269093	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15881	446-K45DK7		Nguyễn Trí	Cao	Nam	10/08/1986				Trung bình khá	1269094	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15882	447-K45DK7		Đỗ Thị Hoa	Chúc	Nữ	29/06/1979				Trung bình khá	1269095	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15883	448-K45DK7		Nguyễn Xuân	Diệp	Nữ	08/12/1989				Trung bình khá	1269096	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15884	449-K45DK7		Nguyễn Quân	Đoàn	Nam	08/03/1980				Trung bình khá	1269097	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15885	450-K45DK7		Phạm Thị	Hà	Nữ	26/04/1987				Trung bình khá	1269098	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15886	451-K45DK7		Đào Ngọc	Hải	Nam	30/05/1987				Trung bình khá	1269099	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15887	452-K45DK7		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	24/06/1978				Trung bình khá	1269100	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15888	453-K45DK7		Đặng Thị Ngọc	Hằng	Nữ	30/01/1989				Trung bình khá	1269101	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15889	454-K45DK7		Phạm Thu	Hằng	Nữ	11/02/1987				Trung bình khá	1269102	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15890	455-K45DK7		Trương Thị	Hạnh	Nữ	08/09/1987				Trung bình khá	1269103	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15891	456-K45DK7		Trần Thị	Hiên	Nữ	12/08/1983				Trung bình khá	1269104	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15892	457-K45DK7		Bạch Thị	Hiền	Nữ	22/09/1984				Trung bình khá	1269105	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15893	458-K45DK7		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	08/10/1985				Trung bình khá	1269106	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15894	459-K45DK7		Phạm Thị Mai	Hồng	Nữ	19/08/1986				Trung bình khá	1269107	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15895	460-K45DK7		Dương Thị	Huế	Nữ	05/03/1991				Trung bình khá	1269108	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15896	461-K45DK7		Trần Thị Thu	Huế	Nữ	10/09/1986				Trung bình khá	1269109	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15897	462-K45DK7		Hà Thế	Hùng	Nam	05/06/1971				Khá	1269110	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15898	463-K45DK7		Phan Mạnh	Hùng	Nam	27/02/1987				Trung bình khá	1269111	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15899	464-K45DK7		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	18/10/1980				Trung bình khá	1269112	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15900	465-K45DK7		Nguyễn Minh	Khôi	Nam	15/10/1982				Trung bình khá	1269113	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15901	466-K45DK7		Dương Thị	Lan	Nữ	12/08/1986				Khá	1269114	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15902	467-K45DK7		Trần Thị	Liên	Nữ	05/08/1988				Trung bình khá	1269115	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15903	468-K45DK7		Trần Thị Kiều	Liên	Nữ	14/11/1972				Khá	1269116	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15904	469-K45DK7		Đặng Thị	Lý	Nữ	17/06/1981				Trung bình khá	1269117	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15905	470-K45DK7		Đặng Hữu	Nam	Nam	02/04/1982				Trung bình khá	1269118	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15906	471-K45DK7		Ngô Thị Thu	Nga	Nữ	15/02/1986				Trung bình khá	1269119	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15907	472-K45DK7		Đinh Trọng	Nghĩa	Nam	19/10/1982				Trung bình khá	1269120	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15908	473-K45DK7		Nguyễn Thị Hải	Ngọc	Nữ	09/10/1986				Trung bình khá	1269121	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15909	474-K45DK7		Vũ Thị	Nhung	Nữ	03/07/1984				Khá	1269122	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15910	475-K45DK7		Đào Ngọc	Ninh	Nam	10/11/1988				Trung bình khá	1269123	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15911	476-K45DK7		Đỗ Việt	Quí	Nam	23/09/1988				Trung bình khá	1269124	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15912	477-K45DK7		Nguyễn Xuân	Sơn	Nam	30/10/1979				Khá	1269125	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15913	478-K45DK7		Quách Thị	Thoa	Nữ	15/11/1979				Khá	1269126	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15914	479-K45DK7		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/07/1984				Trung bình khá	1269127	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15915	480-K45DK7		Phạm Thị	Thúy	Nữ	25/10/1981				Trung bình khá	1269128	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15916	481-K45DK7		Đinh Thị	Thùy	Nữ	06/06/1977				Trung bình khá	1269129	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15917	482-K45DK7		Trần Anh	Tuấn	Nam	11/02/1992				Trung bình khá	1269130	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15918	483-K45DK7		Đỗ Thị Hồng	Vân	Nữ	17/03/1977				Trung bình khá	1269131	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15919	484-K45DK7		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	10/07/1985				Trung bình khá	1269132	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15920	485-K45DK7		Đinh Văn	Vương	Nam	03/08/1990				Trung bình khá	1269133	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15921	486-K45DK7		Trần Thị Thanh	Xuân	Nữ	06/06/1978				Trung bình khá	1269134	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	449/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15922	487-K45DK4		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	26/08/1989				Trung bình khá	1269135	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15923	488-K45DK4		Phạm Thị Kiều	Diễm	Nữ	15/03/1985				Trung bình khá	1269136	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15924	489-K45DK4		Lê Thị Hồng	Duyên	Nữ	24/03/1989				Trung bình khá	1269137	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15925	490-K45DK4		Nguyễn Nam	Giang	Nữ	03/10/1984				Trung bình khá	1269138	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15926	491-K45DK4		Chử Thị	Hà	Nữ	17/04/1991				Trung bình khá	1269139	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15927	492-K45DK4		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	05/09/1980				Trung bình khá	1269140	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15928	493-K45DK4		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	24/01/1988				Trung bình khá	1269141	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15929	494-K45DK4		Vũ Thị	Hằng	Nữ	08/08/1990				Trung bình khá	1269142	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15930	495-K45DK4		Vũ Minh	Hiến	Nam	01/06/1974				Trung bình khá	1269143	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15931	496-K45DK4		Vũ Thế	Hiệu	Nam	01/11/1983				Trung bình khá	1269144	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15932	497-K45DK4		Nguyễn Lê	Hoài	Nữ	09/11/1989				Trung bình khá	1269145	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15933	498-K45DK4		Lê Thị	Huệ	Nữ	08/09/1989				Trung bình khá	1269146	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15934	499-K45DK4		Phạm Thị	Hường	Nữ	20/12/1973				Trung bình khá	1269147	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15935	500-K45DK4		Cao Thị	Lan	Nữ	22/04/1993				Trung bình khá	1269148	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15936	501-K45DK4		Đoàn Thị Hương	Loan	Nữ	17/04/1983				Trung bình khá	1269149	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15937	502-K45DK4		Bùi Thị	Lương	Nữ	26/12/1988				Trung bình khá	1269150	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15938	503-K45DK4		Nguyễn Thị	Mến	Nữ	15/04/1982				Trung bình khá	1269151	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15939	504-K45DK4		Vũ Thị Thu	Minh	Nữ	18/03/1977				Trung bình khá	1269152	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15940	505-K45DK4		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	04/03/1986				Trung bình khá	1269153	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15941	506-K45DK4		Trần Thị Hồng	Ngân	Nữ	16/05/1987				Trung bình khá	1269154	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15942	507-K45DK4		Nguyễn Thị	Nguyện	Nữ	12/02/1973				Trung bình khá	1269155	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15943	508-K45DK4		Đặng Thị	Nhài	Nữ	04/11/1989				Trung bình khá	1269156	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15944	509-K45DK4		Nguyễn Văn	Nhuận	Nam	07/04/1984				Trung bình khá	1269157	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15945	510-K45DK4		Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/11/1993				Trung bình	1269158	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15946	511-K45DK4		Đoàn Thị	Tâm	Nữ	17/04/1989				Trung bình khá	1269159	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15947	512-K45DK4		Vũ Đình	Thà	Nam	23/12/1971				Trung bình khá	1269160	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15948	513-K45DK4		Trần Thị	Thanh	Nữ	12/09/1984				Trung bình khá	1269161	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15949	514-K45DK4		Trần Thị Hà	Thanh	Nữ	05/08/1983				Trung bình khá	1269162	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15950	515-K45DK4		Ngụy Thị	Thảo	Nữ	09/08/1991				Trung bình khá	1269163	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15951	516-K45DK4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	05/06/1989				Trung bình khá	1269164	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15952	517-K45DK4		Ngô Thị	Thúy	Nữ	15/12/1985				Trung bình khá	1269165	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15953	518-K45DK4		Trịnh Thị	Thúy	Nữ	13/06//1990				Trung bình khá	1269166	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15954	519-K45DK4		Đồng Thị	Thùy	Nữ	06/06/1986				Trung bình khá	1269167	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15955	520-K45DK4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	26/01/1987				Trung bình khá	1269168	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15956	521-K45DK4		Trần Thị	Thùy	Nữ	27/06/1988				Trung bình khá	1269169	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15957	522-K45DK4		Bùi Như	Trang	Nữ	17/12/1985				Trung bình khá	1269170	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15958	523-K45DK4		Đào Thị Quỳnh	Trang	Nữ	25/10/1984				Trung bình khá	1269171	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15959	524-K45DK4		Đào Xuân	Tuấn	Nam	08/03/1991				Trung bình khá	1269172	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15960	525-K45DK4		Phạm Văn	Tùng	Nam	05/05/1984				Trung bình khá	1269173	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15961	526-K45DK4		Phạm Thị	Tuyển	Nữ	07/07/1970				Trung bình khá	1269174	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15962	527-K45DK4		Đào Thị	Vân	Nữ	06/04/1989				Trung bình khá	1269175	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	450/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15963	528-K45DQ3		Lê Kim	Bách	Nam	07/01/1987				Trung bình khá	1269176	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15964	529-K45DQ3		Hoàng Văn	Chình	Nam	04/09/1983				Trung bình khá	1269177	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15965	530-K45DQ3		Nguyễn Duy	Chính	Nam	12/04/1981				Trung bình khá	1269178	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15966	531-K45DQ3		Nguyễn Đình	Chuyên	Nam	25/07/1975				Trung bình khá	1269179	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15967	532-K45DQ3		Bùi Văn	Cường	Nam	20/11/1983				Trung bình khá	1269180	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15968	533-K45DQ3		Nguyễn Văn	Cường	Nam	17/10/1986				Trung bình khá	1269181	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15969	534-K45DQ3		Phạm Văn	Đạt	Nam	17/03/1984				Trung bình khá	1269182	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15970	535-K45DQ3		Hoàng Thu	Diễm	Nữ	08/08/1990				Trung bình khá	1269183	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15971	536-K45DQ3		Bùi Lương	Đức	Nam	07/12/1984				Trung bình khá	1269184	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15972	537-K45DQ3		Nguyễn Văn	Dũng	Nam	29/08/1987				Trung bình khá	1269185	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15973	538-K45DQ3		Lương Bình	Dương	Nam	15/08/1987				Trung bình khá	1269186	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15974	539-K45DQ3		Vũ Thành	Dương	Nam	23/10/1981				Trung bình khá	1269187	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15975	540-K45DQ3		Vũ Xuân	Duy	Nam	28/03/1988				Trung bình khá	1269188	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15976	541-K45DQ3		Nguyễn Văn	Duyên	Nam	01/12/1982				Trung bình khá	1269189	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15977	542-K45DQ3		Trương Thị	Giang	Nữ	6/9/1984				Trung bình khá	1269190	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
15978	543-K45DQ3		Dương Thị Thu	Hà	Nữ	3/2/1984				Trung bình khá	1269191	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15979	544-K45DQ3		Bùi Văn	Hải	Nam	29/3/1983				Trung bình khá	1269192	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15980	545-K45DQ3		Phạm Ngọc	Hiện	Nam	26/1/1988				Trung bình khá	1269193	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15981	546-K45DQ3		Lê Thị	Hoa	Nữ	11/11/1986				Khá	1269194	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15982	547-K45DQ3		Đặng Xuân	Học	Nam	31/7/1983				Trung bình khá	1269195	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15983	548-K45DQ3		Đỗ Thị	Huệ	Nữ	23/12/1988				Trung bình khá	1269196	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15984	549-K45DQ3		Phạm Thị Thanh	Huệ	Nữ	9/2/1979				Khá	1269197	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15985	550-K45DQ3		Nguyễn Chí	Hùng	Nam	6/8/1985				Trung bình khá	1269198	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15986	551-K45DQ3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/6/1982				Trung bình khá	1269199	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15987	552-K45DQ3		Nguyễn Duy	Huyên	Nam	17/10/1977				Trung bình khá	1269200	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15988	553-K45DQ3		Bùi Thị	Huyền	Nữ	16/9/1974				Khá	1269201	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15989	554-K45DQ3		Nguyễn Quang	Khải	Nam	22/9/1984				Trung bình khá	1269202	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15990	555-K45DQ3		Phạm Văn	Khánh	Nam	2/9/1981				Trung bình khá	1269203	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15991	556-K45DQ3		Nguyễn Xuân	Khởi	Nam	24/10/1977				Trung bình khá	1269204	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15992	557-K45DQ3		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	14/6/1977				Khá	1269205	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15993	558-K45DQ3		Phạm Văn	Mẫn	Nam	18/11/1993				Trung bình khá	1269206	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15994	559-K45DQ3		Đào Kim	Mong	Nam	27/9/1986				Trung bình khá	1269207	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15995	560-K45DQ3		Lê Văn	Nam	Nam	17/5/1984				Trung bình khá	1269208	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15996	561-K45DQ3		Nguyễn Đình	Nam	Nam	4/3/1988				Trung bình khá	1269209	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15997	562-K45DQ3		Nguyễn Huy	Nam	Nam	24/10/1980				Trung bình khá	1269210	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15998	563-K45DQ3		Phạm Thị Thùy	Ninh	Nữ	23/6/1988				Trung bình khá	1269211	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
15999	564-K45DQ3		Phạm Đức	Phiến	Nam	10/11/1975				Trung bình khá	1269212	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16000	565-K45DQ3		Phạm Văn	Phúc	Nam	24/5/1984				Trung bình khá	1269213	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16001	566-K45DQ3		Vũ Thị	Phượng	Nữ	23/9/1970				Trung bình khá	1269214	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16002	567-K45DQ3		Đinh Đức	Quang	Nam	16/3/1984				Trung bình khá	1269215	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16003	568-K45DQ3		Nguyễn Thị Bích	Quyên	Nữ	6/4/1980				Trung bình khá	1269216	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16004	569-K45DQ3		Hà Văn	Sắc	Nam	8/2/1980				Trung bình khá	1269217	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16005	570-K45DQ3		Đoàn Thế	Thiêm	Nam	24/6/1984				Trung bình khá	1269218	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16006	571-K45DQ3		Hoàng Thị	Thơ	Nữ	13/1/1986				Trung bình khá	1269219	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16007	572-K45DQ3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	1/10/1973				Trung bình khá	1269220	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16008	573-K45DQ3		Vũ Thị	Thu	Nữ	23/10/1988				Trung bình khá	1269221	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16009	574-K45DQ3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	6/6/1976				Trung bình khá	1269222	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16010	575-K45DQ3		Trịnh Đức	Thùy	Nam	14/12/1980				Trung bình khá	1269223	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16011	576-K45DQ3		Nguyễn Đa	Thuyết	Nam	9/10/1983				Trung bình khá	1269224	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16012	577-K45DQ3		Đoàn Văn	Tiệp	Nam	9/3/1985				Trung bình khá	1269225	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16013	578-K45DQ3		Trương Thị Thu	Tình	Nữ	20/12/1991				Trung bình khá	1269226	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16014	579-K45DQ3		Nguyễn Văn	Trình	Nam	12/10/1988				Trung bình khá	1269227	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16015	580-K45DQ3		Đặng Duy	Tuyển	Nam	15/10/1983				Trung bình khá	1269228	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16016	581-K45DQ3		Dương Thị	Tý	Nữ	23/6/1991				Trung bình khá	1269229	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16017	582-K45DQ3		Lê Văn	Việt	Nam	4/10/1983				Trung bình khá	1269230	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16018	583-K45DQ3		Lê Văn	Việt	Nam	20/4/1985				Trung bình khá	1269231	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16019	584-K45DQ3		Nguyễn Thị Huyền	Vy	Nữ	1/4/1989				Trung bình khá	1269232	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16020	585-K45DQ3		Phạm Thị	Yến	Nữ	20/10/1980				Trung bình khá	1269233	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16021	586-K45DQ3		Phạm Thị	Hiền	Nữ	19/6/1984				Trung bình khá	1269234	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	451/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16022	587-K45DK1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	18/08/1988				Trung bình khá	1269235	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16023	588-K45DK1		Trần Thị Hồng	Phượng	Nữ	11/10/1985				Trung bình	1269236	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16024	589-K45DK1		Hoàng Thị	Thi	Nữ	12/07/1987				Trung bình khá	1269237	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16025	590-K45DK2		Phạm Thu	Hương	Nữ	13/11/1986				Trung bình khá	1269238	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16026	591-K45DK5		Hoàng Thị	Bình	Nữ	18/06/1987				Khá	1269239	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16027	592-K45DK5		Dương Thị	Đen	Nữ	27/07/1983				Trung bình khá	1269240	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16028	593-K45DK5		Trần Thị	Hải	Nữ	02/12/1991				Trung bình khá	1269241	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16029	594-K45DK5		Tô Thị Thúy	Hiền	Nữ	07/10/1986				Trung bình khá	1269242	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16030	595-K45DK5		Ngô Thị Phương	Hoa	Nữ	08/05/1973				Trung bình khá	1269243	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16031	596-K45DK5		Nguyễn Thị Hà	Hồng	Nữ	16/12/1985				Trung bình khá	1269244	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16032	597-K45DK5		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	03/04/1982				Khá	1269245	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16033	598-K45DK5		Trịnh Thị Thúy	Huyền	Nữ	24/04/1993				Trung bình khá	1269246	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16034	599-K45DK5		Đào Thị Hà	Lan	Nữ	21/09/1982				Trung bình khá	1269247	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16035	600-K45DK5		Nguyễn Thị Đàm	Linh	Nữ	19/09/1983				Khá	1269248	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16036	601-K45DK5		Nguyễn Duy	Nam	Nam	03/07/1993				Trung bình khá	1269249	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16037	602-K45DK5		Phạm Thị Hồng	Nga	Nữ	04/06/1989				Trung bình khá	1269250	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16038	603-K45DK5		Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	07/12/1991				Trung bình khá	1269251	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16039	604-K45DK5		Vũ Thị Hồng	Phương	Nữ	19/06/1981				Trung bình khá	1269252	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16040	605-K45DK5		Nguyễn Minh	Tiến	Nam	21/10/1991				Trung bình khá	1269253	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16041	606-K45DK5		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	10/05/1982				Trung bình khá	1269254	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16042	607-K45DK5		Nguyễn Thọ	Tuấn	Nam	29/09/1979				Trung bình khá	1269255	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16043	608-K45DK5		Lê Thị ánh	Tuyết	Nữ	30/08/1978				Trung bình khá	1269256	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16044	609-K45DK5		Lưu Thị	Thư	Nữ	21/11/1988				Trung bình khá	1269257	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16045	610-K45DK5		Bùi Thị Hồng	Thương	Nữ	04/12/1981				Khá	1269258	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16046	611-K45DK6		Nguyễn Mai	Quyên	Nữ	22/09/1980				Trung bình khá	1269259	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16047	612-K45DK8		Nguyễn Thúy	Kim	Nữ	07/02/1991				Trung bình khá	1269260	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16048	613-K45DK8		Trần Văn	Quyết	Nam	02/12/1993				Trung bình khá	1269261	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16049	614-K45DK8		Phạm Thị	Thêm	Nữ	01/10/1979				Trung bình khá	1269262	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16050	615-K44DK14		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	18/06/1991				Trung bình	1269263	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	446/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16051	616-41DK2		Phạm Tiến	Long	Nam	28/06/1983				Trung bình khá	1269264	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	447/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16052	617-41DK17		Phạm Thu	Hương	Nữ	11/03/1984				Trung bình khá	1269265	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	447/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16053	618-43BK4		Mạc Thị Thu	Hiền	Nữ	24/01/1984				Trung bình khá	1269266	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	447/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16054	619-43DK7		Nguyễn Diệu	Thúy	Nữ	22/02/1983				Trung bình khá	1269267	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	447/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16055	620-K45DQ5		Nguyễn Trọng	An	Nam	06/03/1981				Trung bình khá	1269268	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16056	621-K45DQ5		Nguyễn Thế Phan	Bình	Nam	08/07/1991				Trung bình khá	1269269	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16057	622-K45DQ5		Chu Văn	Chung	Nam	28/06/1986				Trung bình khá	1269270	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16058	623-K45DQ1		Vũ Quyết	Chung	Nam	16/02/1985				Trung bình	1269271	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16059	624-K45DQ5		Nguyễn Đức	Diễn	Nam	05/09/1988				Trung bình khá	1269272	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16060	625-K45DQ2		Nguyễn Văn	Diễn	Nam	16/08/1985				Trung bình	1269273	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16061	626-K45DQ5		Phan Văn	Dục	Nam	15/05/1985				Trung bình khá	1269274	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16062	627-K45DQ5		Phạm Văn	Đạt	Nam	04/06/1990				Trung bình khá	1269275	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16063	628-K45DQ1		Nguyễn Lan	Giang	Nữ	25/11/1988				Trung bình khá	1269276	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16064	629-K45DQ5		Hoàng Mai	Hạnh	Nữ	17/06/1985				Trung bình khá	1269277	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16065	630-K45DQ5		Nguyễn Văn	Hội	Nam	21/08/1987				Trung bình khá	1269278	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16066	631-K45DQ5		Nguyễn Việt	Hùng	Nam	18/05/1987				Trung bình khá	1269279	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16067	632-K45DQ5		Nguyễn Quốc	Huynh	Nam	23/02/1982				Trung bình khá	1269280	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16068	633-K45DQ5		Giang Đình	Hưng	Nam	07/02/1984				Trung bình khá	1269281	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16069	634-K45DQ5		Nguyễn Hương	Lan	Nữ	24/08/1984				Trung bình khá	1269282	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16070	635-K45DQ5		Nguyễn Ngọc	Lương	Nam	27/07/1988				Trung bình khá	1269283	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16071	636-K45DQ5		Vũ Hải	Nam	Nam	26/06/1980				Trung bình khá	1269284	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16072	637-K45DQ5		Nguyễn Khánh	Quỳnh	Nam	09/08/1982				Trung bình khá	1269285	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16073	638-K45DQ5		Nguyễn Hữu	Tình	Nam	17/11/1984				Trung bình khá	1269286	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16074	639-K45DQ5		Ngô Anh	Toàn	Nữ	17/03/1978				Trung bình khá	1269287	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16075	640-K45DQ5		Vũ Ngọc	Toán	Nam	05/02/1989				Trung bình khá	1269288	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16076	641-K45DQ5		Vũ Xuân	Tú	Nam	30/11/1981				Trung bình	1269289	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16077	642-K45DQ5		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	20/11/1988				Trung bình khá	1269290	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16078	643-K45DQ5		Vũ Đức	Thiên	Nam	06/09/1987				Trung bình khá	1269291	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16079	644-K45DQ5		Trần Minh	Thúy	Nữ	16/08/1991				Trung bình khá	1269292	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16080	645-K45DQ5		Hà Thị Thu	Trang	Nữ	03/05/1985				Trung bình khá	1269293	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16081	646-K45DQ5		Lương Thị Thùy	Trang	Nữ	12/06/1992				Trung bình khá	1269294	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16082	647-K45DQ5		Nguyễn Bạch	Vân	Nữ	01/06/1986				Trung bình khá	1269295	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16083	648-K45DQ5		Nguyễn Quốc	Đại	Nam	11/10/1983				Trung bình khá	1269296	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16084	649-K44DQ1		Lê Tất	Hưng	Nam	08/08/1988				Trung bình khá	1269297	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	448/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2016	
16085	3119-K48H1	K48H1	Nguyễn Thành	An	Nam	10/12/1994				Khá	1330278	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16086	3120-K48H1	K48H1	Lương Thị Thúy	Anh	Nữ	15/09/1994				Khá	1330279	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16087	3121-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	24/07/1994				Khá	1330280	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16088	3122-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị Kim	Phú	Nữ	19/06/1993				Khá	1330281	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16089	3123-K48H1	K48H1	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	13/01/1994				Khá	1330282	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16090	3124-K48H1	K48H1	Bùi Thị	Trà	Nữ	23/08/1994				Khá	1330283	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16091	3125-K48H2	K48H2	Vũ Thị	Duyên	Nữ	18/08/1994				Khá	1330284	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16092	3126-K48H2	K48H2	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	29/03/1993				Trung bình	1330285	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16093	3127-K48H2	K48H2	Bùi Đức	Mạnh	Nam	4/1/1994				Khá	1330286	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16094	3128-K48H2	K48H2	Tô Thị	Vân	Nữ	12/6/1993				Trung bình	1330287	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16095	3129-K48H3	K48H3	Trần Thị Hồng	Ngát	Nữ	8/2/1994				Khá	1330288	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16096	3130-K48H4	K48H4	Ngô Thu	Hằng	Nữ	10/1/1993				Trung bình	1330289	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16097	3131-K48H4	K48H4	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	30/09/1993				Trung bình	1330290	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16098	3132-K48H4	K48H4	Nguyễn Thu	Hường	Nữ	14/02/1994				Trung bình	1330291	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16099	3133-K48H4	K48H4	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	27/10/1994				Khá	1330292	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16100	3134-K48H4	K48H4	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	20/04/1994				Khá	1330293	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16101	3135-K48H5	K48H5	Đỗ Quang	Anh	Nam	4/12/1994				Trung bình	1330294	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16102	3136-K48H5	K48H5	Đào Thị	Chi	Nữ	13/12/1993				Khá	1330295	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16103	3137-K48H5	K48H5	Hoàng Vinh	Dự	Nam	27/07/1994				Khá	1330296	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16104	3138-K48H5	K48H5	Hà Anh	Dũng	Nam	24/08/1994				Trung bình	1330297	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16105	3139-K48H5	K48H5	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	12/10/1994				Khá	1330298	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16106	3140-K48H5	K48H5	Nguyễn Vũ	Nam	Nam	14/05/1994				Trung bình	1330299	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16107	3141-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	28/03/1994				Khá	1330300	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16108	3142-K48H6	K48H6	Nguyễn Khánh	An	Nam	29/05/1994				Khá	1330301	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16109	3143-K48H6	K48H6	Nguyễn Thị Phương	Loan	Nữ	8/10/1994				Khá	1330302	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16110	3144-K48H6	K48H6	Dương Hồng	Nhung	Nữ	12/12/1994				Khá	1330303	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16111	3145-K48H6	K48H6	Phạm Thị Diệu	Oanh	Nữ	16/08/1994				Khá	1330304	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16112	3146-K48H6	K48H6	Trần Xuân	Quang	Nam	11/4/1994				Trung bình	1330305	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16113	3147-K48H6	K48H6	Đỗ Chí	Quyết	Nam	18/07/1994				Khá	1330306	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16114	3148-K48H6	K48H6	Phan Thị	Thùy	Nữ	16/10/1994				Trung bình	1330307	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16115	3149-K45H1	K45H1	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	13/05/1991				Trung bình	1330308	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16116	3150-K44H5	K44H5	Đồng Thái	Quang	Nam	21/04/1990				Trung bình	1330309	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16117	3236-K17H_SB	K17H_SB	Phạm Thị	Hà	Nữ	29/10/1992				Trung Bình	1330310	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16118	3237-K17H_SB	K17H_SB	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/08/1993				Khá	1330311	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16119	3238-K17H_SB	K17H_SB	Lê Trung Vĩnh	Luân	Nam	21/01/1993				Khá	1330312	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	718/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16120	2981-K48A1	K48A1	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	24/08/1994				Khá	1330066	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16121	2982-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	13/08/1994				Khá	1330067	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16122	2983-K48A1	K48A1	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	3/10/1994				Khá	1330068	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16123	2984-K48A2	K48A2	Đinh Thị Hồng	Xuân	Nữ	17/09/1994				Khá	1330069	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16124	2985-K48A3	K48A3	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	17/05/1994				Trung bình	1330070	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16125	2986-K48A3	K48A3	Lê Thị	Nga	Nữ	23/09/1994				Khá	1330071	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16126	2987-K48A3	K48A3	Cao Thanh	Xuân	Nữ	27/05/1994				Khá	1330072	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16127	2988-K48A4	K48A4	Mai Hà	Hiệp	Nam	14/01/1994				Khá	1330073	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16128	2989-K48A4	K48A4	Dương Văn	Khánh	Nam	16/02/1994				Trung bình	1330074	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16129	2990-K48A4	K48A4	Vũ Minh	Tâm	Nữ	20/04/1994				Khá	1330075	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16130	2991-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị Thúy	Trang	Nữ	20/10/1994				Khá	1330076	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16131	2992-K48A4	K48A4	Lê Duy	Tùng	Nam	25/09/1994				Trung bình	1330077	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16132	2993-K48A5	K48A5	Tào Ngọc	Hải	Nam	28/07/1994				Trung bình	1330078	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16133	2994-K48A5	K48A5	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	22/05/1994				Trung bình	1330079	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16134	3229-K48QA	K48A5	Trần Khánh	Linh	Nữ	12/9/1994				Khá	1330190	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16135	2995-K47A2	K47A2	Lê Duy	Thắng	Nam	25/01/1992				Trung bình	1330127	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16136	2996-K46A1	K46A1	Vi Thị	Mùi	Nữ	13/07/1991				Trung bình	1330128	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16137	2997-K46A3	K46A3	Đào Xuân	Hiệp	Nam	9/6/1992				Trung bình	1330129	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16138	2998-K46A5	K46A5	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	17/07/1991				Khá	1330130	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16139	3239-K46A5	K47A2	Đoàn Tuấn	Anh	Nam	16/05/1987				Trung bình	1330313	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16140	3043-K48T1	K48T1	Nguyễn Mạnh	Đạt	Nam	11/2/1994				Trung bình	1330147	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16141	3044-K48T1	K48T1	Lê Hồng	Oanh	Nữ	29/03/1993				Khá	1330148	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16142	3045-K48T1	K48T1	Đoàn Quang	Vinh	Nam	24/04/1994				Trung bình	1330149	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16143	3046-K48T3	K48T3	Đặng Thảo	Quyên	Nữ	22/07/1993				Khá	1330150	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16144	3047-K48T4	K48T4	Nguyễn Minh	Đức	Nam	17/12/1994				Trung bình	1330151	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16145	3048-K48T4	K48T4	Phan Thế	Toán	Nam	7/8/1994				Khá	1330152	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16146	3049-K48T4	K48T4	Nguyễn Thị Khánh	Trình	Nữ	25/12/1994				Trung bình	1330153	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16147	2999-K48K1	K48K1	Lê Huy	Đông	Nam	18/12/1993				Trung bình	1330080	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16148	3000-K48K1	K48K1	Nguyễn Mai	Hồng	Nữ	28/05/1994				Khá	1330081	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16149	3001-K48K1	K48K1	Đỗ Thị Mai	Phượng	Nữ	14/01/1994				Trung bình	1330082	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16150	3002-K48K1	K48K1	Trần Quốc	Việt	Nam	30/06/1991				Khá	1330083	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16151	3003-K48K2	K48K2	Trần Thị	Bích	Nữ	14/02/1994				Khá	1330084	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16152	3004-K48K2	K48K2	Trần Thị Thúy	Diễm	Nữ	2/7/1994				Trung bình	1330085	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16153	3005-K48K2	K48K2	Đặng Văn	Hùng	Nam	26/02/1994				Trung bình	1330086	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16154	3006-K48K2	K48K2	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	27/09/1994				Khá	1330087	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16155	3007-K48K2	K48K2	Trương Văn	Thùy	Nam	7/4/1994				Khá	1330088	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16156	3008-K48K2	K48K2	Khúc Thị Thu	Thùy	Nữ	28/11/1994				Trung bình	1330089	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16157	3009-K48K3	K48K3	Phạm Thị	Hương	Nữ	26/02/1993				Khá	1330090	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16158	3010-K48K3	K48K3	Nguyễn Hữu	Thật	Nam	3/9/1994				Khá	1330091	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16159	3011-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	4/1/1994				Trung bình	1330092	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16160	3012-K48K3	K48K3	Nguyễn Ngọc	Trường	Nam	15/08/1992				Trung bình	1330093	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16161	3013-K48K4	K48K4	Nguyễn Văn	Đông	Nam	26/06/1994				Trung bình	1330094	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16162	3014-K48K4	K48K4	Đinh Văn	Hùng	Nam	16/07/1994				Trung bình	1330095	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16163	3015-K48K5	K48K5	Bùi Thế	Khánh	Nam	29/05/1994				Khá	1330096	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16164	3016-K48K5	K48K5	Lê Thị Tuyết	Linh	Nữ	2/3/1994				Khá	1330097	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16165	3017-K47K1	K47K1	Nguyễn Đăng	Tiến	Nam	10/9/1989				Trung bình	1330131	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16166	3018-K48B1	K48B1	Đặng Thị Kim	Anh	Nữ	17/10/1994				Khá	1330098	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16167	3019-K48B1	K48B1	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	17/11/1993				Trung bình	1330099	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16168	3020-K48B2	K48B2	Võ Thị	Hiền	Nữ	21/01/1994				Khá	1330100	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16169	3021-K48B2	K48B2	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	6/6/1994				Trung bình	1330101	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16170	3022-K48B2	K48B2	Mạc Thị	Liên	Nữ	13/10/1994				Khá	1330102	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16171	3023-K48B2	K48B2	Lưu Nguyệt	Nga	Nữ	11/3/1994				Khá	1330103	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16172	3024-K48B5	K48B5	Vũ Thị	Thu	Nữ	29/01/1994				Khá	1330104	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16173	3025-K48B6	K48B6	Trần Thị Ngọc	Bích	Nữ	7/5/1994				Khá	1330105	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16174	3026-K48B6	K48B6	Phan Thùy	Dương	Nữ	24/06/1994				Khá	1330106	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16175	3027-K48B6	K48B6	Nguyễn Thị	Thơ	Nữ	20/09/1994				Khá	1330107	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16176	3028-K47B3	K47B3	Đỗ Tiến	Hưng	Nam	22/05/1993				Trung bình	1330132	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16177	3029-K47B4	K47B4	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	Nữ	13/07/1993				Khá	1330133	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16178	3030-K47B5	K47B5	Đoàn Thị Việt	Trình	Nữ	18/06/1993				Trung bình	1330134	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16179	3031-K46B6	K46B6	Phạm Thị	Yến	Nữ	15/10/1991				Trung bình	1330135	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16180	3032-K46B6	K46B6	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	15/05/1992				Trung bình	1330136	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16181	3033-K47V1	K47V1	Lý Tuấn	Hiệp	Nam	25/07/1993				Trung bình	1330137	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16182	3034-K47V1	K47V1	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	20/10/1992				Trung bình	1330138	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16183	3035-K47V2	K47V2	Vũ Duy	Long	Nam	17/03/1989				Trung bình	1330139	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16184	3036-K46V2	K46V2	Nguyễn Phương	Hải	Nam	31/01/1993				Trung bình	1330140	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16185	3186-K48C1	K48C1	Nguyễn Văn	Chương	Nam	24/06/1994				Trung bình	1330192	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	714/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16186	3187-K48C1	K48C1	Sengchanh	Yongpao	Nam	3/2/1991				Trung bình	1330193	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	714/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16187	3188-K48C2	K48C2	Vũ Việt	Anh	Nam	22/10/1994				Khá	1330194	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	714/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16188	3189-K48C2	K48C2	Hoàng Phương	Linh	Nữ	3/9/1994				Trung bình	1330195	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	714/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16189	3190-K48C3	K48C3	Nguyễn Văn	Công	Nam	7/11/1993				Khá	1330196	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	714/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16190	3191-K48C3	K48C3	Nguyễn Vũ	Long	Nam	9/12/1994				Khá	1330197	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	714/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16191	3192-K48C4	K48C4	Nguyễn Văn	Diễn	Nam	1/4/1994				Khá	1330198	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	714/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16192	3193-K48C4	K48C4	Lê Quỳnh	Trang	Nữ	15/08/1991				Khá	1330199	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	714/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16193	3194-K48C5	K48C5	Lý Thị	Hảo	Nữ	28/02/1993				Khá	1330200	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	714/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16194	3037-K47C1	K47C1	Đặng Thanh	Huyền	Nữ	8/12/1993				Trung bình	1330141	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16195	3038-K47C2	K47C2	Đinh Văn	Cường	Nam	30/12/1992				Trung bình	1330142	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16196	3039-K47C2	K47C2	Trần Ngọc	Tuấn	Nam	18/04/1992				Khá	1330143	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16197	3040-K47C4	K47C4	Nguyễn Đức	Lộc	Nam	11/2/1993				Trung bình	1330144	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16198	3041-K47C4	K47C4	Nguyễn Đức	Tình	Nam	20/04/1993				Trung bình	1330145	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16199	3042-K46C2	K46C2	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	9/2/1992				Trung bình	1330146	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16200	3195-K48E1	K48E1	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	3/9/1994				Khá	1330241	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16201	3196-K48E1	K48E1	Lê Thị Như	Anh	Nữ	27/10/1994				Khá	1330242	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16202	3197-K48E1	K48E1	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	1/12/1994				Trung bình	1330243	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16203	3198-K48E1	K48E1	Thang Việt	Hà	Nữ	25/11/1994				Khá	1330244	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16204	3199-K48E1	K48E1	Trịnh Ngọc	Huyền	Nữ	13/10/1994				Trung bình	1330245	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16205	3200-K48E1	K48E1	Trần Thu	Phương	Nữ	10/7/1994				Trung bình	1330246	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16206	3201-K48E1	K48E1	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	3/1/1994				Trung bình	1330247	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16207	3202-K48E1	K48E1	Đinh Thị	Yến	Nữ	18/01/1994				Trung bình	1330248	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16208	3203-K48E2	K48E2	Nguyễn Thị Thúy	Tiên	Nữ	31/01/1994				Khá	1330249	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16209	3204-K48E3	K48E3	Nguyễn Trường	Giang	Nam	27/10/1994				Khá	1330250	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16210	3205-K48E3	K48E3	Trịnh Thị Minh	Hải	Nữ	3/5/1993				Khá	1330251	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16211	3206-K48E4	K48E4	Lê Thị Quỳnh	Anh	Nữ	26/04/1994				Khá	1330252	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16212	3207-K48E5	K48E5	Nông Thị Thùy	Dương	Nữ	23/06/1993				Khá	1330253	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16213	3208-K48E5	K48E5	Dương Thị Hồng	Ngọc	Nữ	15/04/1994				Khá	1330254	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16214	3209-K48E6	K48E6	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/06/1994				Khá	1330255	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16215	3210-K48E6	K48E6	Đào Thị	Phượng	Nữ	14/02/1994				Khá	1330256	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16216	3211-K48E6	K48E6	Phạm Thị Nhật	Thu	Nữ	11/4/1994				Khá	1330257	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	716/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16217	3050-K47E2		Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	25/05/1993				Khá	1330154	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16218	3051-K45E4		Phạm Minh	Tuấn	Nam	30/08/1991				Trung bình	1330155	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16219	3052-K48I1	K48I1	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	15/09/1994				Khá	1330156	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16220	3053-K48I2	K48I2	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	18/03/1994				Khá	1330157	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16221	3054-K48I2	K48I2	Nguyễn Thới	Bưng	Nam	6/7/1994				Trung bình	1330158	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16222	3055-K48I3	K48I3	Trần Công	Cảnh	Nam	2/5/1994				Khá	1330159	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16223	3056-K48I3	K48I3	Hà Thị	Hiền	Nữ	15/08/1994				Trung bình	1330160	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16224	3057-K48I3	K48I3	Nguyễn Thị Hồng	Lan	Nữ	9/6/1994				Trung bình	1330161	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16225	3058-K48I3	K48I3	Nguyễn Thị Tú	Linh	Nữ	27/10/1993				Khá	1330162	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16226	3059-K48I3	K48I3	Nguyễn Văn	Nam	Nam	16/01/1994				Trung bình	1330163	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16227	3060-K48I3	K48I3	Trần Đại	Nghĩa	Nam	3/9/1994				Trung bình	1330164	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16228	3061-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	28/09/1993				Khá	1330165	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16229	3062-K48I4	K48I4	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	22/08/1994				Khá	1330166	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16230	3063-K48I4	K48I4	Lê Văn	Tùng	Nam	12/7/1994				Khá	1330167	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16231	3064-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	13/10/1994				Trung bình	1330168	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16232	3065-K48I5	K48I5	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	3/3/1994				Trung bình	1330169	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	713/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16233	3066-K47I1	K47I1	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	18/11/1993				Trung bình	1330170	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16234	3067-K47I2	K47I2	Nguyễn Thành	Trung	Nam	2/5/1990				Trung bình	1330171	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16235	3068-K47I3	K47I3	Phạm Hoàng	Hiệp	Nam	18/12/1992				Trung bình	1330172	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16236	3069-K47I4	K47I4	Phạm Thị Thúy	Nghĩa	Nữ	9/8/1992				Khá	1330173	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16237	3070-K47I4	K47I4	Đào Ngọc	Sơn	Nam	6/1/1991				Trung bình	1330174	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16238	3071-K45I2	K45I2	Đậu Đức	Tân	Nam	27/02/1991				Trung bình	1330175	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16239	3072-K45I4	K45I4	Bùi Đức	Quý	Nam	10/11/1991				Trung bình	1330176	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16240	3073-K45I4	K45I4	Đinh Hồng	Tuấn	Nam	30/11/1991				Trung bình	1330177	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16241	3074-K44I1	K44I1	Trần Thế	Vinh	Nam	2/9/1990				Trung bình	1330178	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16242	3212-K48P1	K48P1	Bùi Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	22/03/1994				Khá	1330224	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	720/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16243	3213-K48P2	K48P2	Vũ Phương Thảo	Linh	Nữ	29/08/1994				Trung bình	1330225	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	720/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16244	3214-K48P3	K48P3	Trịnh Thị Thu	Huyền	Nữ	23/12/1994				Khá	1330226	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	720/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16245	3215-K48P3	K48P3	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	25/08/1992				Khá	1330227	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	720/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16246	3075-K47P2	K47P2	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	12/2/1992				Trung bình	1330179	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16247	3076-K47P2	K47P2	Nguyễn Minh	Tùng	Nam	10/12/1993				Trung bình	1330180	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16248	3077-K47P2	K47P2	Nguyễn Xuân	Quý	Nam	26/07/1993				Trung bình	1330181	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16249	3078-K47P3	K47P3	Nông Thị Cẩm	Nhung	Nữ	5/2/1993				Khá	1330182	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16250	3079-K47P4	K47P4	Hà Ngọc	ánh	Nữ	30/07/1993				Khá	1330183	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16251	3080-K47P4	K47P4	Lê Thị Diễm	Hạnh	Nữ	23/09/1993				Khá	1330184	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16252	3081-K47P4	K47P4	Phương Đức	Minh	Nam	22/07/1993				Trung bình	1330185	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16253	3216-K48U1	K48U1	Vũ Thị	Châm	Nữ	20/01/1994				Khá	1330228	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16254	3217-K48U1	K48U1	Phạm Thị Ngân	Hằng	Nữ	8/3/1994				Khá	1330229	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16255	3218-K48U1	K48U1	Lê Thị	Hường	Nữ	20/01/1994				Khá	1330230	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16256	3219-K48U3	K48U3	Phương Mỹ	Linh	Nữ	12/2/1993				Khá	1330231	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16257	3220-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị Xuân	Thu	Nữ	29/10/1994				Khá	1330232	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16258	3221-K48U3	K48U3	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	3/2/1994				Khá	1330233	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16259	3222-K48U3	K48U3	Lê Thị	Thùy	Nữ	19/12/1994				Khá	1330234	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16260	3223-K48U4	K48U4	Thạch Thị Lan	Anh	Nữ	16/02/1994				Khá	1330235	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16261	3224-K48U4	K48U4	Lê Văn	Nghĩa	Nam	17/08/1994				Trung bình	1330236	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16262	3225-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	8/9/1994				Khá	1330237	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16263	3226-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Thêu	Nữ	10/10/1994				Khá	1330238	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16264	3227-K48U5	K48U5	Phạm Trần Tuấn	Anh	Nam	27/06/1994				Khá	1330239	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16265	3228-K48U5	K48U5	Bùi Thị Thu	Hường	Nữ	12/1/1994				Khá	1330240	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	722/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16266	3082-K47U2	K47U2	Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	3/10/1993				Khá	1330186	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16267	3083-K47U3	K47U3	Bùi Thế	Anh	Nam	25/05/1993				Trung bình	1330187	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16268	3084-K47U3	K47U3	Sền Xuân	Tùng	Nam	7/6/1993				Trung bình	1330188	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16269	3085-K46U2	K46U2	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nam	9/4/1992				Trung bình	1330189	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	723/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16270	3086-K48F1	K48F1	Trần Công	Hậu	Nam	7/6/1994				Khá	1330108	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16271	3087-K48F1	K48F1	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	7/6/1993				Khá	1330109	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16272	3088-K48F2	K48F2	Đỗ Văn	Đức	Nam	12/5/1994				Trung bình	1330110	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16273	3089-K48F2	K48F2	Hồ Ngọc	Phương	Nam	17/11/1994				Trung bình	1330111	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16274	3090-K48F3	K48F3	Nguyễn Minh	Đức	Nam	25/09/1994				Trung bình	1330112	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16275	3091-K48F3	K48F3	Nguyễn Ngọc	Duy	Nam	30/06/1994				Trung bình	1330113	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16276	3092-K48F3	K48F3	Đào Thị Thanh	Huyền	Nữ	6/12/1994				Khá	1330114	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16277	3093-K48F4	K48F4	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	11/10/1994				Khá	1330115	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16278	3094-K48F4	K48F4	Trần Hoàng	Trung	Nam	22/10/1994				Khá	1330116	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16279	3095-K48F5	K48F5	Vũ	Hoàng	Nam	10/8/1994				Khá	1330117	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16280	3096-K48F5	K48F5	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	24/03/1994				Trung bình	1330118	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16281	3097-K47F1	K47F1	Đặng Thị Thu	Thủy	Nữ	9/7/1993				Trung bình	1330119	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16282	3098-K47F3	K47F3	Nguyễn Văn	Cường	Nam	5/5/1993				Khá	1330120	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16283	3099-K46F4	K46F4	Phạm Văn	Chính	Nam	20/08/1991				Trung bình	1330121	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16284	3100-K45F2	K45F2	Nguyễn Duy	Tuân	Nam	14/09/1990				Trung bình	1330122	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16285	3101-K45F6	K45F6	Nguyễn Quang	Anh	Nam	22/05/1990				Trung bình	1330123	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16286	3102-K45F6	K45F6	Trần Tuấn	Ngọc	Nam	27/10/1991				Trung bình	1330124	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16287	3103-K45F6	K45F6	Dương Ngọc	Minh	Nam	27/09/1987				Trung bình	1330125	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16288	3104-K44F2	K44F2	Lê Đăng	Hậu	Nam	11/12/1990				Trung bình	1330126	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	717/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16289	3151-K48S1	K48S1	Lê Thị	Minh	Nữ	23/12/1994				Khá	1330201	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16290	3152-K48S2	K48S2	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	26/08/1994				Khá	1330202	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16291	3153-K48S2	K48S2	Âu Thị	Thanh	Nữ	17/05/1994				Trung bình	1330203	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16292	3154-K48S2	K48S2	Trần Thị ánh	Tuyết	Nữ	11/12/1994				Khá	1330204	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16293	3155-K48S3	K48S3	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	30/10/1994				Khá	1330205	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16294	3156-K48S3	K48S3	Đỗ Thị	Hường	Nữ	27/10/1994				Trung bình	1330206	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16295	3157-K48S3	K48S3	Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	9/1/1994				Trung bình	1330207	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16296	3158-K48S3	K48S3	Phạm Thị	Trinh	Nữ	21/07/1994				Khá	1330208	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16297	3159-K48S4	K48S4	Bùi Thị Hồng	Duyên	Nữ	2/1/1994				Khá	1330209	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16298	3160-K48S4	K48S4	Ngô Thị Kiều	Oanh	Nữ	12/2/1994				Trung bình	1330210	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16299	3161-K47S1	K47S1	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	20/01/1990				Khá	1330211	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16300	3162-K47S1	K47S1	Vũ Trí	Huy	Nam	11/2/1993				Khá	1330212	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16301	3163-K47S1	K47S1	Trần Quốc	Phương	Nam	19/02/1993				Trung bình	1330213	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16302	3164-K47S2	K47S2	Vũ Mạnh	Kha	Nam	8/11/1993				Trung bình	1330214	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16303	3165-K47S2	K47S2	Trần Thị Kim	Thanh	Nữ	2/12/1993				Trung bình	1330215	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16304	3166-K47S3	K47S3	Hoàng Thị	Hào	Nữ	3/3/1993				Trung bình	1330216	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16305	3167-K47S5	K47S5	Lương Thị Thùy	Dung	Nữ	21/04/1993				Trung bình	1330217	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16306	3168-K47S5	K47S5	Nguyễn Đức	Hoan	Nam	26/07/1993				Trung bình	1330218	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16307	3169-K47S5	K47S5	Phạm Trung	Tiến	Nam	28/03/1993				Trung bình	1330219	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16308	3170-K46S1	K46S1	Hà Quang	Thanh	Nam	3/6/1991				Trung bình	1330220	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16309	3171-K46S1	K46S1	Phạm Văn	Phương	Nam	3/10/1989				Trung bình	1330221	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16310	3172-K46S5	K46S5	Lưu Hoàng	Việt	Nam	5/9/1992				Trung bình	1330222	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16311	3173-K44S3	K44S3	Vũ Quang	Hưng	Nam	30/04/1990				Trung bình	1330223	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại	721/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16312	3174-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị Hương	Dịu	Nữ	13/02/1994				Trung bình	1329811	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16313	3175-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	25/12/1994				Trung bình	1329812	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16314	3176-K48N1	K48N1	Mai Thị Thu	Nga	Nữ	11/9/1994				Trung bình	1329813	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16315	3177-K48N1	K48N1	Lại Thị Thu	Trang	Nữ	8/2/1994				Khá	1329814	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16316	3178-K48N2	K48N2	Đỗ Trung	Quân	Nam	4/1/1994				Khá	1329815	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16317	3179-K48N3	K48N3	Ngô Thị ánh	Nguyệt	Nữ	24/06/1994				Khá	1329816	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16318	3180-K48N3	K48N3	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	15/03/1994				Khá	1329817	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16319	3181-K48N6	K48N6	Vũ Hữu	Hào	Nam	9/12/1994				Khá	1329818	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16320	3182-K48N6	K48N6	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	16/01/1994				Trung bình	1329819	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16321	3183-K48N6	K48N6	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	12/12/1994				Khá	1329820	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16322	3184-K47N4	K47N4	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	10/4/1993				Trung bình	1329821	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16323	3185-K46N5	K46N5	Hàn Minh	Tuấn	Nam	7/10/1992				Khá	1330065	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	719/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16324	3105-K48D1	K48D1	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	15/04/1992				Khá	1330258	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16325	3106-K48D1	K48D1	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	9/1/1993				Trung bình	1330259	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16326	3107-K48D3	K48D3	Vũ Thị Hương	Giang	Nữ	10/3/1993				Trung bình	1330260	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16327	3108-K48D3	K48D3	Ngô Thị	Hà	Nữ	21/10/1994				Khá	1330261	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16328	3109-K48D3	K48D3	Nông Thị	Huệ	Nữ	24/06/1993				Trung bình	1330262	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16329	3110-K48D3	K48D3	Vũ Thị	Hưng	Nữ	27/06/1994				Trung bình	1330263	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16330	3111-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	26/12/1994				Trung bình	1330264	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16331	3112-K48D3	K48D3	Bùi Thị	Thúy	Nữ	18/02/1994				Khá	1330265	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16332	3113-K48D4	K48D4	Vũ Thị	Dung	Nữ	9/5/1994				Trung bình	1330266	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16333	3114-K48D4	K48D4	Tiêu Thị Mai	Hương	Nữ	9/6/1994				Khá	1330267	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16334	3115-K48D4	K48D4	Lương Thị Phương	Thảo	Nữ	10/7/1994				Khá	1330268	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16335	3116-K48D6	K48D6	Hoàng	Sâm	Nam	10/2/1994				Khá	1330269	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16336	3117-K48D6	K48D6	Mai Thị	Thúy	Nữ	25/08/1994				Khá	1330270	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16337	3118-K46D1	K46D1	Lê Thị Kim	Lan	Nữ	1/3/1992				Trung bình	1330271	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16338	3240-K45D8	K46D1	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	9/8/1991				Trung bình	1330314	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16339	3230-K17D_SB	K17D_SB	Triệu Thị	Huệ	Nữ	19/04/1993				Khá	1330272	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16340	3231-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	02/03/1992				Khá	1330273	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16341	3232-K17D_SB	K17D_SB	Dương Hương	Ly	Nữ	18/09/1993				Khá	1330274	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16342	3233-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Bích	Phượng	Nữ	27/04/1993				Khá	1330275	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16343	3234-K17D_SB	K17D_SB	Dương Thị Thu	Trang	Nữ	12/02/1993				Khá	1330276	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16344	3235-K17D_SB	K17D_SB	Trần Thị	Tươi	Nữ	02/02/1993				Khá	1330277	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	715/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/09/2016	
16345	3466-K48P3	K48P1	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	13/07/1994				Khá	1330539	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16346	3467-K48N3	K48P1	Phạm Hoài	Thu	Nữ	14/05/1994				Khá	1330540	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1160/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16347	3393-K48H1	K48H1	Nguyễn Xuân	Bách	Nam	21/07/1994				Khá	1330466	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16348	3394-K48H2	K48H2	Bùi Văn	Toàn	Nam	10/04/1994				Trung bình	1330467	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16349	3395-K48H3	K48H3	Đào Ngọc	Anh	Nữ	18/02/1993				Khá	1330468	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16350	3396-K48H3	K48H3	Lương Thúy	Hảo	Nữ	08/05/1994				Khá	1330469	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16351	3397-K48H3	K48H3	Bùi Thị	Loan	Nữ	08/02/1993				Khá	1330470	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16352	3398-K48H3	K48H3	âu Thanh	Vân	Nữ	20/07/1993				Trung bình	1330471	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16353	3399-K48H4	K48H4	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	14/06/1993				Trung bình	1330472	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16354	3400-K48H5	K48H5	Hoàng Quốc	Hà	Nam	06/07/1994				Trung bình	1330473	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16355	3401-K48H5	K48H5	Lê Ngọc	Long	Nam	18/10/1994				Khá	1330474	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16356	3402-K48H5	K48H5	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	07/11/1994				Khá	1330475	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16357	3403-K48H5	K48H5	Hoàng Hào	Quang	Nam	01/11/1994				Trung bình	1330476	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16358	3404-K48H5	K48H5	Hồ Thị	Trang	Nữ	29/08/1994				Trung bình	1330477	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16359	3405-K48H5	K48H5	Lê Hà	Trang	Nữ	08/07/1994				Khá	1330478	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16360	3406-K48H6	K48H6	Trần Tiến	Dũng	Nam	13/04/1994				Trung bình	1330479	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16361	3407-K48H6	K48H6	Trần Quốc	Thành	Nam	01/08/1994				Khá	1330480	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16362	3408-K47H2	K47H2	Hoàng Minh	Tuấn	Nam	28/10/1992				Trung bình	1330481	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16363	3409-K46H4	K46H4	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	05/09/1992				Trung bình	1330482	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16364	3410-K45H5	K45H5	Phan Hồng	Thái	Nam	25/06/1991				Khá	1330483	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16365	3411-K17H_SB	K17H_SB	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	01/03/1993				Khá	1330484	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16366	3412-K17H_SB	K17H_SB	Nguyễn Duy	Hải	Nam	24/09/1993				Khá	1330485	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16367	3413-K17H_SB	K17H_SB	Trần Trọng	Thạo	Nam	02/08/1993				Khá	1330486	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16368	3414-K17H_SB	K17H_SB	Nguyễn Văn	Thực	Nam	18/05/1993				Khá	1330487	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16369	3415-K17H_SB	K17H_SB	Dương Thị Thùy	Tiên	Nữ	19/10/1993				Khá	1330488	2016	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	1158/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16370	3265-K48A2	K48A2	Vũ Duy	Việt	Nam	04/11/1991				Khá	1330338	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16371	3266-K48A2	K48A2	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	28/03/1993				Trung bình	1330339	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16372	3267-K48A2	K48A2	Nguyễn Văn	Linh	Nam	12/08/1994				Khá	1330340	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16373	3268-K48A3	K48A3	Nguyễn Văn	Đạt	Nam	04/08/1993				Trung bình	1330341	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16374	3269-K48A4	K48A4	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	18/07/1994				Trung bình	1330342	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16375	3270-K48A4	K48A4	Nguyễn Hữu	Lượng	Nam	05/04/1994				Khá	1330343	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16376	3271-K48A4	K48A4	Đỗ Văn	Minh	Nam	04/12/1993				Trung bình	1330344	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16377	3272-K48A5	K48A5	Nguyễn Đức	Cảnh	Nam	04/08/1993				Trung bình	1330345	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16378	3273-K48A5	K48A5	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	10/02/1994				Khá	1330346	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16379	3274-K48QA	K48QA	Ngô Quốc	Doanh	Nam	20/01/1994				Trung bình	1330347	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16380	3243-K47A1	K47A1	Mai Thế	Điệp	Nam	30/11/1993				Trung bình	1330316	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16381	3244-K47A4	K47A4	Lê Thành	Đạt	Nam	03/11/1993				Trung bình	1330317	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16382	3245-K46A3	K46A3	Đặng Thanh	Tùng	Nam	16/01/1992				Khá	1330318	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16383	3246-K47QA	K47QA	Nguyễn Tất	Doanh	Nam	14/06/1993				Trung bình	1330319	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16384	3247-K47QA	K47QA	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	25/01/1993				Trung bình	1330320	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16385	3300-K48T1	K48T1	Lê Minh	Hiếu	Nam	09/11/1994				Trung bình	1330373	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16386	3301-K48T1	K48T1	Nguyễn Đăng	Quang	Nam	22/08/1994				Trung bình	1330374	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16387	3302-K48T2	K48T2	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	01/05/1990				Khá	1330375	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16388	3303-K48T3	K48T3	Lê Thị	Kiều	Nữ	21/04/1993				Trung bình	1330376	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16389	3304-K48T3	K48T3	Lương Tuấn	Vũ	Nam	22/10/1994				Khá	1330377	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16390	3305-K48T4	K48T4	Phạm Hồng	Ngọc	Nữ	13/12/1993				Khá	1330378	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16391	3259-K47T1	K47T1	Nguyễn Quang	Huy	Nam	26/05/1993				Trung bình	1330332	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16392	3260-K47T2	K47T2	Đinh Minh	Huyền	Nữ	06/10/1993				Trung bình	1330333	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16393	3261-K47T3	K47T3	Nguyễn Thùy	Liên	Nữ	30/08/1993				Trung bình	1330334	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16394	3275-K48K1	K48K1	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	16/08/1994				Trung bình	1330348	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16395	3276-K48K1	K48K1	Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	17/10/1994				Trung bình	1330349	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16396	3277-K48K2	K48K2	Phạm Văn	Nam	Nam	10/12/1993				Trung bình	1330350	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16397	3278-K48K3	K48K3	Nguyễn Thanh	Phương	Nữ	23/11/1994				Khá	1330351	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16398	3279-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05/10/1994				Khá	1330352	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16399	3280-K48K4	K48K4	Bùi Thị	Phượng	Nữ	01/04/1994				Khá	1330353	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16400	3281-K48K4	K48K4	Dương Lê	Quân	Nam	05/02/1994				Trung bình	1330354	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16401	3282-K48K4	K48K4	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	18/05/1994				Khá	1330355	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16402	3283-K48K4	K48K4	Nguyễn Văn	Tư	Nam	29/09/1994				Trung bình	1330356	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16403	3284-K48K4	K48K4	Hoàng Thanh	Quang	Nam	23/05/1993				Trung bình	1330357	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16404	3285-K48K5	K48K5	Đinh Thị	Thắm	Nữ	10/10/1994				Khá	1330358	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16405	3286-K49K2	K49K2	Đào Thị	Hà	Nữ	12/04/1994				Khá	1330359	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16406	3263-K47K1	K47K1	Ngô Công	Hoàn	Nam	17/06/1992				Trung bình	1330336	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16407	3264-K46K1	K46K1	Trần Quốc	Hưng	Nam	06/09/1991				Trung bình	1330337	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16408	3287-K48B1	K48B1	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	03/10/1992				Khá	1330360	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16409	3288-K48B4	K48B4	Thiều Thị	Trang	Nữ	13/07/1994				Trung bình	1330361	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16410	3289-K48B5	K48B5	Dương Thạch	Thảo	Nữ	25/11/1994				Trung bình	1330362	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16411	3248-K47B5	K47B5	Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	31/10/1993				Trung bình	1330321	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16412	3249-K46B2	K46B2	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	17/04/1992				Trung bình	1330322	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16413	3432-K48C2	K48C2	Tạ Hữu	Vinh	Nam	26/08/1994				Trung bình	1330505	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1155/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16414	3433-K48C3	K48C3	Đoàn Thị	Quỳnh	Nữ	15/11/1993				Khá	1330506	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1155/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16415	3434-K48C5	K48C5	Lê Quang	Huy	Nam	10/09/1994				Trung bình	1330507	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1155/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16416	3435-K48C5	K48C5	Bùi Đức	Mạnh	Nam	28/07/1994				Trung bình	1330508	2016	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1155/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16417	3250-K47C2	K47C2	Đỗ Thị	Trang	Nữ	10/09/1992				Khá	1330323	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16418	3251-K47C3	K47C3	Phạm Văn	Lân	Nam	06/01/1993				Trung bình	1330324	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16419	3252-K46C3	K46C3	Nguyễn Diệu	Thu	Nữ	09/06/1992				Trung bình	1330325	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16420	3253-K47E3	K47E3	Đỗ Thị	Miền	Nữ	06/12/1993				Khá	1330326	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16421	3254-K47E1	K47E1	Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	01/06/1993				Trung bình	1330327	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16422	3255-K45E1	K45E1	Nguyễn Thế	Biên	Nam	10/10/1986				Trung bình	1330328	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16423	3290-K48I1	K48I1	Đinh Tiến	Đạt	Nam	19/12/1994				Khá	1330363	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16424	3291-K48I1	K48I1	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	Nữ	04/08/1994				Khá	1330364	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16425	3292-K48I2	K48I2	Lê Thị Tú	Anh	Nữ	09/12/1994				Trung bình	1330365	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16426	3293-K48I2	K48I2	Đỗ Hà	Nam	Nam	26/12/1994				Trung bình	1330366	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16427	3294-K48I3	K48I3	Nguyễn Việt	Anh	Nam	27/08/1994				Trung bình	1330367	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16428	3295-K48I3	K48I3	Trần Thị	Hằng	Nữ	30/07/1994				Trung bình	1330368	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16429	3296-K48I3	K48I3	Thân Thị	Huyền	Nữ	26/08/1994				Trung bình	1330369	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16430	3297-K48I3	K48I3	Phùng Thị	Thúy	Nữ	07/10/1994				Trung bình	1330370	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16431	3298-K48I5	K48I5	Đoàn Văn	Huỳnh	Nam	21/03/1993				Trung bình	1330371	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16432	3299-K48I5	K48I5	Lưu Đức	Nguyện	Nam	18/04/1989				Khá	1330372	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1151/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16433	3256-K46I1	K46I1	Phạm Thị	Hằng	Nữ	03/02/1991				Trung bình	1330329	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16434	3444-K48P1	K48P1	Dương Tú	Anh	Nữ	19/07/1994				Khá	1330517	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16435	3445-K48P1	K48P1	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	13/04/1994				Khá	1330518	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16436	3446-K48P1	K48P1	Vũ Thị Hồng	Thúy	Nữ	15/06/1993				Khá	1330519	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16437	3447-K48P2	K48P2	Hoàng Anh	Vũ	Nam	07/01/1994				Khá	1330520	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16438	3448-K48P3	K48P3	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	17/05/1994				Khá	1330521	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16439	3449-K48P3	K48P3	Dương Thành	Công	Nam	29/04/1994				Khá	1330522	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16440	3450-K48P3	K48P3	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	15/04/1993				Trung bình	1330523	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16441	3451-K48P3	K48P3	Nguyễn Giang	Nhi	Nữ	23/09/1994				Khá	1330524	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16442	3452-K48P4	K48P4	Nguyễn Đăng	Phong	Nam	07/03/1994				Trung bình	1330525	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16443	3453-K48P3	K48P3	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	11/10/1994				Khá	1330526	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16444	3257-K47P1	K47P1	Xuân Thị Vân	Anh	Nữ	22/01/1993				Khá	1330330	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16445	3258-K47P3	K47P3	Lê Thị	Hạnh	Nữ	03/05/1993				Khá	1330331	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16446	3454-K17P_SB	K17P_SB	Tăng Mạnh	Cường	Nam	23/09/1993				Khá	1330527	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16447	3455-K17P_SB	K17P_SB	Lê Thị Diễm	Hạnh	Nữ	23/09/1993				Khá	1330528	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16448	3456-K17P_SB	K17P_SB	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	01/05/1993				Khá	1330529	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16449	3457-K17P_SB	K17P_SB	Vương Thị Hoàng	Trang	Nữ	24/08/1993				Khá	1330530	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16450	3458-K17P_SB	K17P_SB	Lê Anh	Tuấn	Nam	29/12/1993				Khá	1330531	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16451	3459-K18P_SB	K18P_SB	Hoàng Tiến	Hùng	Nam	08/06/1993				Khá	1330532	2016	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1157/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16452	3436-K48U1	K48U1	Tạ Hữu	Diệu	Nam	14/07/1992				Trung bình	1330509	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1156/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16453	3437-K48U1	K48U1	Nguyễn Thị Khải	Linh	Nữ	28/10/1994				Khá	1330510	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1156/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16454	3438-K48U2	K48U2	Đinh Thị	Thành	Nữ	28/01/1994				Khá	1330511	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1156/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16455	3439-K48U2	K48U2	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	18/06/1994				Khá	1330512	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1156/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16456	3440-K48U3	K48U3	Lê Trọng	Thịnh	Nam	16/12/1992				Trung bình	1330513	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1156/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16457	3441-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	27/06/1994				Khá	1330514	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1156/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16458	3442-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	25/12/1994				Khá	1330515	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1156/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16459	3443-K48U4	K48U4	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	08/03/1994				Khá	1330516	2016	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1156/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16460	3262-K46U1	K46U1	Khúc Hữu	Khuê	Nam	16/06/1992				Trung bình	1330335	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	1150/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16461	3381-K48F1	K48F1	Hoàng Thị	Trang	Nữ	24/11/1994				Khá	1330454	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16462	3382-K48F2	K48F2	Nguyễn Phan Lê Minh	Hằng	Nữ	23/02/1994				Khá	1330455	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16463	3383-K48F3	K48F3	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	06/06/1993				Khá	1330456	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16464	3384-K48F3	K48F3	Lê Thị	Thúy	Nữ	04/06/1994				Trung bình	1330457	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16465	3385-K48F3	K48F3	Vũ Văn	Vinh	Nam	20/10/1994				Khá	1330458	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16466	3386-K48F4	K48F4	Phùng Trung	Đức	Nam	26/01/1994				Trung bình	1330459	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16467	3387-K48F4	K48F4	Nguyễn Lê	Hoàng	Nam	06/12/1994				Trung bình	1330460	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16468	3388-K48F4	K48F4	Bùi Thế	Luân	Nam	23/07/1994				Trung bình	1330461	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16469	3389-K48F5	K48F5	Vũ Hoàng	Nguyên	Nam	23/02/1994				Trung bình	1330462	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16470	3390-K48F5	K48F5	Trần Công	Thành	Nam	01/10/1994				Trung bình	1330463	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16471	3391-K47F1	K47F1	Vũ Văn	Sáng	Nam	20/10/1993				Trung bình	1330464	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16472	3392-K47F5	K47F5	Đinh Diệu	Thùy	Nữ	10/04/1992				Trung bình	1330465	2016	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1152/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16473	3425-K48S1	K48S1	Võ Anh	Dũng	Nam	15/09/1994				Trung bình	1330498	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1159/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16474	3426-K48S1	K48S1	Nguyễn Văn	Quang	Nam	12/06/1994				Trung bình	1330499	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1159/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16475	3427-K48S3	K48S3	Đỗ Thị Thanh	Thảo	Nữ	11/08/1994				Trung bình	1330500	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1159/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16476	3428-K48S4	K48S4	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	19/09/1994				Khá	1330501	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1159/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16477	3429-K48S3	K48S3	Ngô Minh	Tú	Nam	17/07/1994				Trung bình	1330502	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1159/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16478	3430-K47S2	K47S2	Phạm Thị	Vân	Nữ	13/08/1993				Trung bình	1330503	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1159/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16479	3431-K47S5	K47S5	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	01/12/1993				Khá	1330504	2016	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1159/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16480	3416-K48N3	K48N3	Nghiêm Thị	Hà	Nữ	27/07/1994				Trung bình	1330489	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1161/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16481	3417-K48N3	K48N3	Bùi Thúy	Tiên	Nữ	27/10/1994				Trung bình	1330490	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1161/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16482	3418-K48N4	K48N4	Nguyễn Hằng Quỳnh	Hoa	Nữ	26/01/1994				Trung bình	1330491	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1161/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16483	3419-K48N4	K48N4	Đoàn Văn	Hùng	Nam	26/11/1993				Khá	1330492	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1161/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16484	3420-K48N6	K48N6	Lưu Thị Kim	Anh	Nữ	11/06/1994				Trung bình	1330493	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1161/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16485	3421-K48N6	K48N6	Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	23/10/1994				Trung bình	1330494	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1161/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16486	3422-K47N1	K47N1	Phạm Duy	Tình	Nam	19/07/1992				Trung bình	1330495	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1161/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16487	3423-K47N3	K47N3	Lương Đức	Trung	Nam	09/11/1992				Trung bình	1330496	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1161/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16488	3424-K45N1	K45N1	Phạm Thị Ngọc	Linh	Nữ	29/06/1990				Trung bình	1330497	2016	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1161/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16489	3306-K48D1	K48D1	Hoàng Thị Thu	ái	Nữ	07/03/1993				Trung bình	1330379	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16490	3307-K48D1	K48D1	Hạ Thị	Liên	Nữ	02/10/1994				Khá	1330380	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16491	3308-K48D1	K48D1	Trương Thị Thu	Loan	Nữ	11/11/1994				Khá	1330381	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16492	3309-K48D1	K48D1	Bùi Tùng	Sơn	Nam	22/11/1993				Trung bình	1330382	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16493	3310-K48D2	K48D2	Doãn Thị Rượu	Khánh	Nữ	29/11/1994				Trung bình	1330383	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16494	3311-K48D2	K48D2	Vi Thị	Quỳnh	Nữ	07/04/1993				Trung bình	1330384	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16495	3312-K48D3	K48D3	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	29/04/1994				Trung bình	1330385	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16496	3313-K48D3	K48D3	Bùi Thị	Lệ	Nữ	21/03/1993				Trung bình	1330386	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16497	3314-K48D3	K48D3	Hồ Thị Mai	Ngọc	Nữ	10/02/1993				Trung bình	1330387	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16498	3315-K48D4	K48D4	Hoàng Ngọc	Mai	Nữ	22/11/1994				Trung bình	1330388	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16499	3316-K48D4	K48D4	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	21/08/1994				Khá	1330389	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16500	3317-K48D4	K48D4	Hoàng Thị	Yến	Nữ	26/02/1994				Khá	1330390	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16501	3318-K48D5	K48D5	Quách Thị	Thương	Nữ	10/10/1993				Trung bình	1330391	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16502	3319-K48D6	K48D6	Đỗ Thị	Huyền	Nữ	01/06/1994				Trung bình	1330392	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16503	3320-K47D5	K47D5	Nguyễn Văn	Huy	Nam	03/05/1993				Trung bình	1330393	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16504	3321-K46D2	K46D2	Nguyễn Ngọc	Quang	Nam	06/10/1992				Trung bình	1330394	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16505	3322-K17D_SB	K17D_SB	Khổng Thị Lan	Anh	Nữ	08/01/1993				Khá	1330395	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16506	3323-K17D_SB	K17D_SB	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	20/11/1992				Trung bình	1330396	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16507	3324-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	03/11/1992				Khá	1330397	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16508	3325-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	13/02/1993				Khá	1330398	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16509	3326-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	15/10/1992				Khá	1330399	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16510	3327-K17D_SB	K17D_SB	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	13/04/1993				Khá	1330400	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16511	3328-K17D_SB	K17D_SB	Trần Vi	Anh	Nữ	25/09/1992				Khá	1330401	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16512	3329-K17D_SB	K17D_SB	Đinh Thị	Châu	Nữ	10/03/1993				Khá	1330402	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16513	3330-K17D_SB	K17D_SB	Đỗ Thị	Dinh	Nữ	24/04/1992				Khá	1330403	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16514	3331-K17D_SB	K17D_SB	Vũ Thị	Dung	Nữ	10/08/1991				Khá	1330404	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16515	3332-K17D_SB	K17D_SB	Cao Thu	Hà	Nữ	28/04/1993				Khá	1330405	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16516	3333-K17D_SB	K17D_SB	Đàm Hải	Hà	Nữ	08/12/1993				Khá	1330406	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16517	3334-K17D_SB	K17D_SB	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	16/03/1993				Trung bình	1330407	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16518	3335-K17D_SB	K17D_SB	Vũ Thị	Hà	Nữ	20/08/1993				Giỏi	1330408	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16519	3336-K17D_SB	K17D_SB	Lê Thị	Hà	Nữ	02/06/1992				Khá	1330409	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16520	3337-K17D_SB	K17D_SB	Đới Ngọc	Hoa	Nữ	26/11/1993				Khá	1330410	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16521	3338-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Phương	Hoa	Nữ	26/04/1993				Khá	1330411	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16522	3339-K17D_SB	K17D_SB	Trần Thị Phương	Hoa	Nữ	10/02/1993				Khá	1330412	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16523	3340-K17D_SB	K17D_SB	Vũ Thị ánh	Hồng	Nữ	21/11/1993				Khá	1330413	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16524	3341-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Thị	Huệ	Nữ	15/06/1993				Khá	1330414	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16525	3342-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	13/12/1993				Khá	1330415	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16526	3343-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Thảo	Hương	Nữ	10/09/1993				Khá	1330416	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16527	3344-K17D_SB	K17D_SB	Chu Thị	Huyền	Nữ	25/11/1993				Khá	1330417	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16528	3345-K17D_SB	K17D_SB	Hoàng Thị	Lan	Nữ	04/10/1993				Khá	1330418	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16529	3346-K17D_SB	K17D_SB	Trần Khánh	Linh	Nữ	14/12/1993				Khá	1330419	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16530	3347-K17D_SB	K17D_SB	Hà Thị Hoài	Ly	Nữ	27/11/1993				Khá	1330420	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16531	3348-K17D_SB	K17D_SB	Hà	My	Nữ	26/03/1992				Khá	1330421	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16532	3349-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Văn	Nam	Nam	23/01/1990				Khá	1330422	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16533	3350-K17D_SB	K17D_SB	Hoàng Thị Thúy	Nga	Nữ	11/02/1993				Khá	1330423	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16534	3351-K17D_SB	K17D_SB	Vũ Thị Thanh	Nga	Nữ	15/03/1993				Khá	1330424	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16535	3352-K17D_SB	K17D_SB	Bùi Thị	Ngọc	Nữ	20/03/1993				Khá	1330425	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16536	3353-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	30/09/1992				Trung bình	1330426	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16537	3354-K17D_SB	K17D_SB	Ngô Thị	Nguyệt	Nữ	02/07/1993				Khá	1330427	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16538	3355-K17D_SB	K17D_SB	Đào Thị	Phòng	Nữ	09/04/1993				Khá	1330428	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16539	3356-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	01/09/1993				Khá	1330429	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16540	3357-K17D_SB	K17D_SB	Bùi Thị Minh	Phượng	Nữ	27/04/1993				Khá	1330430	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16541	3358-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Hoài	Phượng	Nữ	24/02/1992				Khá	1330431	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16542	3359-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	04/11/1993				Khá	1330432	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16543	3360-K17D_SB	K17D_SB	Phan Thị Hồng	Quyên	Nữ	05/06/1992				Khá	1330433	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16544	3361-K17D_SB	K17D_SB	Đinh Thị	Sương	Nữ	02/12/1992				Trung bình	1330434	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16545	3362-K17D_SB	K17D_SB	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	21/12/1993				Khá	1330435	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16546	3363-K17D_SB	K17D_SB	Lê Văn	Thắng	Nam	16/02/1993				Khá	1330436	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16547	3364-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Hương	Thảo	Nữ	21/08/1993				Khá	1330437	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16548	3365-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	08/09/1992				Khá	1330438	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16549	3366-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	02/09/1992				Trung bình	1330439	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16550	3367-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	24/12/1993				Trung bình	1330440	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16551	3368-K17D_SB	K17D_SB	Bùi Thị Kim	Thoa	Nữ	04/12/1991				Khá	1330441	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16552	3369-K17D_SB	K17D_SB	Vũ Thị	Thương	Nữ	22/04/1993				Khá	1330442	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16553	3370-K17D_SB	K17D_SB	Lương Bích	Thủy	Nữ	25/10/1992				Khá	1330443	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16554	3371-K17D_SB	K17D_SB	Vũ Thùy	Tiếp	Nữ	02/11/1992				Khá	1330444	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16555	3372-K17D_SB	K17D_SB	Đặng Hiền	Trang	Nữ	26/12/1993				Giỏi	1330445	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16556	3373-K17D_SB	K17D_SB	Hoàng Thị Mai	Trang	Nữ	18/02/1993				Khá	1330446	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16557	3374-K17D_SB	K17D_SB	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	09/04/1992				Khá	1330447	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16558	3375-K17D_SB	K17D_SB	Lương Quỳnh	Trang	Nữ	18/01/1993				Khá	1330448	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16559	3376-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Thị Quỳnh	Trang	Nữ	25/07/1993				Khá	1330449	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16560	3377-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Văn	Trường	Nam	20/12/1993				Khá	1330450	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16561	3378-K17D_SB	K17D_SB	Trần Ngọc Diệp	Tú	Nữ	29/10/1993				Khá	1330451	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16562	3379-K17D_SB	K17D_SB	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	10/01/1993				Khá	1330452	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16563	3380-K17D_SB	K17D_SB	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	04/11/1993				Giỏi	1330453	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1153/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16564	3460-K48E1	K48E1	Đỗ Thị	Bình	Nữ	10/8/1994				Khá	1330533	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1154/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16565	3461-K48E2	K48E2	Phạm Thị Hồng	Hà	Nữ	15/12/1994				Khá	1330534	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1154/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16566	3462-K48E4	K48E4	Nguyễn Thị Thu Mỹ	Tú	Nữ	28/11/1993				Trung bình	1330535	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1154/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16567	3463-K48E5	K48E5	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	17/2/1994				Trung bình	1330536	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1154/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16568	3464-K48E6	K48E6	Tạ Hùng	Cường	Nam	2/12/1994				Trung bình	1330537	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1154/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16569	3465-K48E6	K48E6	Hoàng Thanh	Tùng	Nam	3/6/1993				Trung bình	1330538	2016	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1154/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 30/12/2016	
16570	650-K10CK2		Đinh Thị	Chi	Nữ	14/07/1990				Trung bình	1269383	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16571	651-K10CK2		Lê Thị	Dung	Nữ	21/04/1988				Khá	1269298	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16572	652-K10CK2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	26/01/1988				Khá	1269299	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16573	653-K10CK2		Đoàn Thị	Duyên	Nữ	10/01/1988				Khá	1269300	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16574	654-K10CK2		Lại Thị	Giang	Nữ	05/02/1986				Khá	1269301	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16575	655-K10CK2		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	10/05/1987				Khá	1269302	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16576	656-K10CK2		Phạm Thị Việt	Hà	Nữ	19/09/1987				Khá	1269303	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16577	657-K10CK2		Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	19/09/1988				Khá	1269304	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16578	658-K10CK2		Đinh Thị	Hạnh	Nữ	09/07/1989				Khá	1269305	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16579	659-K10CK2		Lê Thị	Hạnh	Nữ	06/06/1988				Trung bình	1269306	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16580	660-K10CK2		Nguyễn Ngọc	Hạnh	Nữ	13/03/1985				Khá	1269307	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16581	661-K10CK2		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	20/01/1990				Khá	1269308	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16582	662-K10CK2		Vũ Thị	Hoa	Nữ	05/02/1990				Giỏi	1269309	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16583	663-K10CK2		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	27/01/1988				Khá	1269310	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16584	664-K10CK2		Đào Thị Thu	Hương	Nữ	09/09/1990				Khá	1269311	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16585	665-K10CK2		Đinh Thị Mai	Hương	Nữ	14/06/1986				Giỏi	1269312	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16586	666-K10CK2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	08/08/1990				Khá	1269313	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16587	667-K10CK2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	26/10/1989				Khá	1269314	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16588	668-K10CK2		Hà Thị Thu	Hường	Nữ	28/03/1988				Khá	1269315	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16589	669-K10CK2		Trương Thị	Hường	Nữ	04/12/1986				Khá	1269316	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16590	670-K10CK2		Nguyễn Quang	Huy	Nam	15/12/1988				Khá	1269317	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16591	671-K10CK2		Dương Thị	Huyền	Nữ	08/10/1990				Khá	1269318	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16592	672-K10CK2		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	10/09/1990				Khá	1269319	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16593	673-K10CK2		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	06/09/1990				Giỏi	1269320	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16594	674-K10CK2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	21/10/1989				Khá	1269321	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16595	675-K10CK2		Lê Thị	Khuyến	Nữ	01/01/1989				Khá	1269322	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16596	676-K10CK2		Mã Thị	Lan	Nữ	26/06/1980				Khá	1269323	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16597	677-K10CK2		Ngô Thị	Lan	Nữ	29/04/1990				Khá	1269324	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16598	678-K10CK2		Đỗ Thị	Lê	Nữ	26/11/1989				Khá	1269325	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16599	679-K10CK2		Ngô Thanh	Lịch	Nữ	16/06/1985				Khá	1269326	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16600	680-K10CK2		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	11/09/1986				Xuất sắc	1269327	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16601	681-K10CK2		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	12/08/1988				Khá	1269328	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16602	682-K10CK2		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	13/10/1989				Khá	1269329	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16603	683-K10CK2		Lê Hoàng	Long	Nam	16/09/1988				Khá	1269330	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16604	684-K10CK2		Lê Thị	Mai	Nữ	05/01/1990				Khá	1269331	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16605	685-K10CK2		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	12/10/1990				Trung bình	1269332	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16606	686-K10CK2		Vũ	Minh	Nam	30/06/1991				Khá	1269333	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16607	687-K10CK2		Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	20/11/1989				Khá	1269334	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16608	688-K10CK2		Trần Trà	My	Nữ	06/11/1988				Khá	1269335	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16609	689-K10CK2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	27/08/1989				Khá	1269336	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16610	690-K10CK2		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	23/10/1986				Trung bình	1269337	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16611	691-K10CK2		Phạm Huyền	Nhung	Nữ	21/08/1987				Khá	1269338	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16612	692-K10CK2		Phùng Thị	Nhung	Nữ	16/09/1984				Giỏi	1269339	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16613	693-K10CK2		Mai Văn	Phong	Nam	13/04/1989				Khá	1269340	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16614	694-K10CK2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	05/06/1986				Khá	1269341	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16615	695-K10CK2		Phạm Thị Hà	Phương	Nữ	20/06/1990				Khá	1269342	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16616	696-K10CK2		Trần Thị	Thắm	Nữ	28/07/1985				Khá	1269343	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16617	697-K10CK2		Bùi Thị	Thắng	Nữ	14/04/1990				Giỏi	1269344	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16618	698-K10CK2		Phạm Thị	Thìn	Nữ	04/09/1987				Trung bình	1269345	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16619	699-K10CK2		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	17/09/1986				Khá	1269346	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16620	700-K10CK2		Mai Thị	Thường	Nữ	28/04/1984				Khá	1269347	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16621	701-K10CK2		Bùi Thị	Thúy	Nữ	10/05/1990				Khá	1269348	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16622	702-K10CK2		Nguyễn Quang	Tiến	Nam	17/10/1986				Khá	1269349	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16623	703-K10CK2		Phạm Huyền	Trang	Nữ	05/07/1989				Khá	1269350	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16624	704-K10CK2		Trần Cẩm	Tú	Nữ	24/02/1986				Khá	1269351	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16625	705-K10CK2		Doãn Văn	Tùng	Nam	28/08/1989				Khá	1269352	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16626	706-K10CK2		Vũ Thị	Vè	Nữ	06/08/1988				Khá	1269353	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16627	707-K10CK2		Hà Thị Cẩm	Vinh	Nữ	02/06/1987				Khá	1269354	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16628	708-K10CK2		Đỗ Thị Hà	Xuyên	Nữ	05/10/1988				Khá	1269355	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16629	709-K10CK2		Trần Hải	Yến	Nữ	27/07/1980				Khá	1269356	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	559/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16630	733-K7HK12		Trịnh Thị Thùy	Dung	Nữ	23/06/1984				Trung bình	1269364	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	561/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16631	734-K7HK12		Bùi Hồng	Nhung	Nữ	17/02/1987				Trung bình	1269365	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	561/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16632	727-K9CK1		Đặng Thị	Hiền	Nữ	15/04/1992				Trung bình	1269358	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	560/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16633	728-K10CK1		Vũ Thị Ngọc	ánh	Nữ	25/09/1993				Trung bình khá	1269359	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	560/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16634	729-K10CK1		Lê Trung	Hiếu	Nam	21/07/1987				Khá	1269360	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	560/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16635	730-K10CK1		Bạch Thị	Lương	Nữ	08/07/1987				Trung bình khá	1269361	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	560/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16636	731-K10CK1		Trương Hoài	Nam	Nam	12/09/1991				Trung bình khá	1269362	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	560/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16637	732-K10CK1		Lại Thị	Tình	Nữ	12/04/1992				Khá	1269363	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	560/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16638	735-K2TK2		Đinh Thị	Trang	Nữ	10/10/1989				Trung bình	1269366	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	562/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16639	736-K2TK4		Phùng Thị Mai	Hương	Nữ	27/02/1983				Trung bình	1269367	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	562/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16640	737-K2TK5		Phùng Văn	Hải	Nam	25/11/1989				Trung bình	1269368	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	562/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16641	710-K10CQ2		Thế Thị Vân	Anh	Nữ	24/12/1990				Khá	1269369	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16642	711-K10CQ2		Trần Thị	Dung	Nữ	03/08/1988				Trung bình	1269370	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16643	712-K10CQ2		Phạm Ngọc	Hoàng	Nam	20/10/1984				Khá	1269371	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16644	713-K10CQ2		Trần Thế	Hùng	Nam	16/06/1990				Khá	1269372	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16645	714-K10CQ2		Phạm Hương	Lan	Nữ	12/06/1988				Trung bình	1269373	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16646	715-K10CQ2		Lã Thị Ngọc	Lê	Nữ	14/04/1990				Khá	1269374	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16647	716-K10CQ2		Bùi Thị Ngọc	Mai	Nữ	10/03/1989				Khá	1269375	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16648	717-K10CQ2		Lưu Đình	Phệ	Nam	02/01/1985				Trung bình	1269376	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16649	718-K10CQ2		Đào Duy	Phượng	Nam	13/01/1988				Khá	1269377	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16650	719-K10CQ2		Nguyễn Duy	Thiệp	Nam	12/11/1989				Khá	1269378	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16651	720-K10CQ2		Vũ Anh	Thư	Nữ	30/03/1990				Trung bình	1269379	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16652	721-K10CQ2		Phạm Thị Thu	Thương	Nữ	15/07/1989				Khá	1269380	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16653	722-K10CQ2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	22/11/1989				Khá	1269381	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16654	723-K10CQ2		Vũ Anh	Tùng	Nam	13/07/1987				Trung bình	1269382	2016	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	563/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16655	724-K10CQ1		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	30/12/1991				Trung bình khá	1269357	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	564/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16656	725-K10CQ1		Trần Thị Thanh	Nhàn	Nữ	28/03/1985				Trung bình khá	1269384	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	564/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16657	726-K10CQ1		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	06/01/1982				Trung bình khá	1269385	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	564/QĐ-ĐHTM ngày 05/08/2016	
16658	855-K4TK1		Lưu Thị Mai	Anh	Nữ	27/03/1990				Khá	1269630	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16659	856-K4TK1		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	02/04/1992				Khá	1269631	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16660	857-K4TK1		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	09/10/1984				Khá	1269632	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16661	858-K4TK1		Phạm Thị Mai	Anh	Nữ	31/05/1990				Trung bình khá	1269633	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16662	859-K4TK1		Vũ Phương	Anh	Nữ	10/07/1993				Trung bình khá	1269634	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16663	860-K4TK1		Nguyễn Thị	bình	Nữ	19/07/1991				Trung bình khá	1269635	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16664	861-K4TK1		Trịnh Thị	Diệp	Nữ	24/05/1991				Trung bình khá	1269636	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16665	862-K4TK1		Trịnh Thị Ngọc	Đức	Nữ	01/04/1986				Trung bình khá	1269637	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16666	863-K4TK1		Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	10/07/1980				Khá	1269638	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16667	864-K4TK1		Trần Thị	Dung	Nữ	09/09/1990				Trung bình khá	1269639	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16668	865-K4TK1		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	16/07/1979				Khá	1269640	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16669	866-K4TK1		Lê Thị	Duyên	Nữ	12/10/1988				Trung bình khá	1269641	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16670	867-K4TK1		Võ Hương	Giang	Nữ	09/07/1987				Trung bình khá	1269642	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16671	868-K4TK1		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	28/08/1988				Trung bình khá	1269643	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16672	869-K4TK1		Mai Thúy	Hằng	Nữ	16/06/1988				Khá	1269644	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16673	870-K4TK1		Ngô Thu	Hằng	Nữ	14/10/1990				Trung bình khá	1269645	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16674	871-K4TK1		Nguyễn Thị Thu	Hào	Nữ	01/03/1985				Khá	1269646	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16675	872-K4TK1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	24/02/1986				Khá	1269647	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16676	873-K4TK1		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	20/07/1984				Trung bình khá	1269648	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16677	874-K4TK1		Phùng Thị Cúc	Hoa	Nữ	20/10/1993				Trung bình khá	1269649	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16678	875-K4TK1		Nguyễn Minh	Hòa	Nữ	23/02/1993				Khá	1269650	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16679	876-K4TK1		Phạm Thu	Hoài	Nữ	12/01/1989				Khá	1269651	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16680	877-K4TK1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	18/11/1989				Khá	1269652	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16681	878-K4TK1		Lương Thị	Huệ	Nữ	13/07/1989				Trung bình khá	1269653	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16682	879-K4TK1		Đào Quang	Hưng	Nam	03/07/1992				Trung bình khá	1269654	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16683	880-K4TK1		Bùi Thị Thu	Huyền	Nữ	06/01/1991				Trung bình khá	1269655	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16684	881-K4TK1		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	16/9/1989				Khá	1269656	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16685	882-K4TK1		Cao Thị Ngọc	Khánh	Nữ	10/11/1991				Trung bình khá	1269657	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16686	883-K4TK1		Dương Thị	Lan	Nữ	5/11/1993				Khá	1269658	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16687	884-K4TK1		Mai Thị Ngọc	Lan	Nữ	15/9/1992				Trung bình khá	1269659	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16688	885-K4TK1		Trần Thị	Liên	Nữ	28/8/1987				Khá	1269660	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16689	886-K4TK1		Bùi Diệu	Linh	Nữ	22/7/1991				Khá	1269661	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16690	887-K4TK1		Nguyễn Thị Hải	Linh	Nữ	5/6/1981				Khá	1269662	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16691	888-K4TK1		Lâm Quang	Long	Nam	20/12/1992				Trung bình khá	1269663	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16692	889-K4TK1		Lê Hà	Ly	Nữ	17/9/1991				Trung bình khá	1269664	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16693	890-K4TK1		Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	23/9/1984				Khá	1269665	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16694	891-K4TK1		Đỗ Thanh	Nga	Nữ	20/6/1982				Khá	1269666	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16695	892-K4TK1		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	8/1/1985				Trung bình khá	1269667	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16696	893-K4TK1		Trần Thị Huyền	Nga	Nữ	5/7/1985				Khá	1269668	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16697	894-K4TK1		Nguyễn Phương	Nguyên	Nữ	14/1/1992				Khá	1269669	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16698	895-K4TK1		Dương Thị	Nhung	Nữ	30/11/1993				Khá	1269670	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16699	896-K4TK1		Đỗ Thị	Oanh	Nữ	5/10/1992				Trung bình khá	1269671	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16700	897-K4TK1		Trần Kim	Oanh	Nữ	26/10/1993				Khá	1269672	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16701	898-K4TK1		Trần Thị	Oanh	Nữ	6/10/1976				Trung bình khá	1269673	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16702	899-K4TK1		Ngô Thị	Phương	Nữ	2/1/1983				Khá	1269674	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16703	900-K4TK1		Tạ Thu	Phương	Nữ	29/5/1993				Khá	1269675	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16704	901-K4TK1		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	7/12/1986				Trung bình khá	1269676	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16705	902-K4TK1		Phạm Như	Quỳnh	Nữ	6/4/1986				Trung bình khá	1269677	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16706	903-K4TK1		Phùng Thị	Quỳnh	Nữ	3/8/1986				Trung bình khá	1269678	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16707	904-K4TK1		Nguyễn Thị Anh	Sơn	Nữ	9/12/1977				Trung bình khá	1269679	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16708	905-K4TK1		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	8/6/1987				Trung bình khá	1269680	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16709	906-K4TK1		Trường Văn	Thái	Nam	19/1/1988				Trung bình khá	1269681	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16710	907-K4TK1		Nguyễn Đức	Thành	Nam	19/11/1986				Khá	1269682	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16711	908-K4TK1		Đàm Phương	Thảo	Nữ	14/8/1993				Khá	1269683	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16712	909-K4TK1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	3/11/1990				Trung bình khá	1269684	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16713	910-K4TK1		Nguyễn Thị Mậu	Thìn	Nữ	20/8/1987				Trung bình khá	1269685	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16714	911-K4TK1		Đinh Thị	Thoa	Nữ	10/9/1986				Khá	1269686	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16715	912-K4TK1		Triệu Thế	Thụ	Nam	15/1/1986				Trung bình khá	1269687	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16716	913-K4TK1		Nguyễn Thị Lê	Thúy	Nữ	9/9/1993				Trung bình khá	1269688	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16717	914-K4TK1		Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	18/1/1993				Trung bình khá	1269689	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16718	915-K4TK1		Cao Thị Kiều	Trang	Nữ	29/10/1989				Khá	1269690	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16719	916-K4TK1		Lương Quỳnh	Trang	Nữ	30/9/1991				Khá	1269691	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16720	917-K4TK1		Phùng Thị Thu	Trang	Nữ	9/5/1992				Khá	1269692	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16721	918-K4TK1		Vũ Thị	Trang	Nữ	7/11/1987				Khá	1269693	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16722	919-K4TK1		Nguyễn Thành	Trung	Nam	19/6/1989				Trung bình khá	1269694	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16723	920-K4TK1		Nguyễn Quang	Tú	Nam	3/10/1990				Trung bình khá	1269695	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16724	921-K4TK1		Hoàng Xuân	Tùng	Nam	7/9/1993				Trung bình khá	1269696	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16725	922-K4TK1		Ngô Thị ánh	Tuyết	Nữ	19/3/1982				Khá	1269697	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16726	923-K4TK1		Lê Thị	Yến	Nữ	2/5/1983				Khá	1269698	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16727	924-K4TK2		Giang Văn	Bình	Nam	2/10/1988				Trung bình khá	1269699	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16728	925-K4TK2		Lê Văn	Bình	Nam	27/8/1985				Trung bình khá	1269700	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16729	926-K4TK2		Vũ Thị	Bình	Nữ	16/2/1991				Trung bình khá	1269701	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16730	927-K4TK2		Hoàng Xuân	Chuyên	Nữ	16/6/1980				Trung bình khá	1269702	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16731	928-K4TK2		Phạm Thị	Dung	Nữ	13/3/1990				Trung bình khá	1269703	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16732	929-K4TK2		Bùi Thị Thanh	Hà	Nữ	30/12/1989				Trung bình khá	1269704	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16733	930-K4TK2		Bùi Thu	Hà	Nữ	1/3/1990				Trung bình khá	1269705	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16734	931-K4TK2		Trịnh Thị Thu	Hà	Nữ	12/5/1986				Trung bình khá	1269706	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16735	932-K4TK2		Đỗ Thị	Hải	Nữ	25/4/1993				Trung bình khá	1269707	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16736	933-K4TK2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/9/1986				Trung bình khá	1269708	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16737	934-K4TK2		Nguyễn Thị Bích	Hằng	Nữ	4/9/1990				Trung bình khá	1269709	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16738	935-K4TK2		Phạm Thanh	Hằng	Nữ	1/10/1988				Trung bình khá	1269710	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16739	936-K4TK2		Phạm Thu	Hằng	Nữ	13/7/1981				Trung bình khá	1269711	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16740	937-K4TK2		Hoàng Hồng	Hạnh	Nữ	16/4/1987				Khá	1269712	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16741	938-K4TK2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	20/10/1978				Trung bình khá	1269713	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16742	939-K4TK2		Nguyễn Thị Ngọc	Hiên	Nữ	22/7/1981				Trung bình khá	1269714	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16743	940-K4TK2		Dương Quốc	Hiếu	Nam	7/4/1985				Trung bình khá	1269715	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16744	941-K4TK2		Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	Nữ	25/7/1986				Trung bình khá	1269716	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16745	942-K4TK2		Vũ Thị	Hoa	Nữ	31/10/1990				Khá	1269717	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16746	943-K4TK2		Vũ Thị	Hoài	Nữ	25/3/1981				Trung bình khá	1269718	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16747	944-K4TK2		Hoàng Thu	Huệ	Nữ	1/12/1989				Trung bình khá	1269719	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16748	945-K4TK2		Lương Thị	Hương	Nữ	19/4/1988				Trung bình khá	1269720	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16749	946-K4TK2		Tô Thị Quỳnh	Hương	Nữ	27/8/1988				Trung bình khá	1269721	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16750	947-K4TK2		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	23/1/1984				Trung bình khá	1269722	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16751	948-K4TK2		Đỗ Quang	Huy	Nam	13/8/1982				Trung bình khá	1269723	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16752	949-K4TK2		Hoàng Thị Minh	Khoa	Nữ	30/10/1979				Trung bình khá	1269724	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16753	950-K4TK2		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	5/5/1992				Trung bình khá	1269725	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16754	951-K4TK2		Sần Móc	Lộc	Nữ	26/12/1983				Trung bình khá	1269726	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16755	952-K4TK2		Giang Thị	Mai	Nữ	23/2/1986				Khá	1269727	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16756	953-K4TK2		Mạc Thị	Nga	Nữ	20/6/1993				Trung bình khá	1269728	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16757	954-K4TK2		Bùi Thị Bích	Ngân	Nữ	13/9/1987				Trung bình khá	1269729	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16758	955-K4TK2		Hoàng Thị Việt	Ngân	Nữ	25/11/1978				Trung bình khá	1269730	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16759	956-K4TK2		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	6/9/1989				Trung bình khá	1269731	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16760	957-K4TK2		Vũ Thị Thu	Ngân	Nữ	19/9/1983				Trung bình khá	1269732	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16761	958-K4TK2		Ôn Thúy	Ngần	Nữ	17/1/1972				Trung bình khá	1269733	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16762	959-K4TK2		Nghiêm Thị	Ngọc	Nữ	21/1/1993				Trung bình khá	1269734	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16763	960-K4TK2		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	24/10/1986				Trung bình khá	1269735	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16764	961-K4TK2		Chu Thị	Ninh	Nữ	24/12/1973				Trung bình khá	1269736	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16765	962-K4TK2		Lương Tú	Phùng	Nam	13/8/1987				Trung bình khá	1269737	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16766	963-K4TK2		Lương Thị	Quế	Nữ	23/2/1974				Trung bình khá	1269738	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16767	964-K4TK2		Hoàng Thị Kim	Quyên	Nữ	14/9/1987				Khá	1269739	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16768	965-K4TK2		Nguyễn Ngọc	Quyên	Nữ	2/5/1983				Trung bình khá	1269740	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16769	966-K4TK2		Bùi Mạnh	Quyết	Nam	27/1/1985				Trung bình khá	1269741	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16770	967-K4TK2		Lê Thúy	Quỳnh	Nữ	4/11/1985				Trung bình khá	1269742	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16771	968-K4TK2		Hoàng Đức	Thuận	Nam	20/6/1980				Trung bình khá	1269743	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16772	969-K4TK2		Hoàng Thị	Thúy	Nữ	19/10/1989				Trung bình khá	1269744	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16773	970-K4TK2		Nguyễn Thị Biên	Thùy	Nữ	20/2/1982				Trung bình khá	1269745	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16774	971-K4TK2		Bùi Thị	Tình	Nữ	20/4/1990				Trung bình khá	1269746	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16775	972-K4TK2		Đinh Thị Huyền	Trang	Nữ	20/9/1988				Trung bình khá	1269747	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16776	973-K4TK2		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	1/2/1990				Trung bình khá	1269748	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16777	974-K4TK2		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	13/7/1986				Trung bình khá	1269749	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16778	975-K4TK2		Vương Thị Thanh	Tuyền	Nữ	19/1/1989				Trung bình khá	1269750	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16779	976-K4TK2		Lê Thị Bình	Yên	Nữ	4/6/1989				Trung bình khá	1269751	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16780	977-K4TK2		Phạm Văn	Yên	Nam	2/9/1984				Trung bình khá	1269752	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16781	978-K4TK2A		Nguyễn Thanh Tú	Chinh	Nữ	21/9/1984				Trung bình khá	1269753	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16782	979-K4TK2A		Hoàng Thục	Đức	Nữ	24/10/1978				Trung bình khá	1269754	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16783	980-K4TK2A		Lương Việt	Đức	Nam	12/11/1991				Trung bình khá	1269755	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16784	981-K4TK2A		Phạm Trung	Hải	Nam	21/6/1986				Trung bình khá	1269756	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16785	982-K4TK2A		Nguyễn Hữu	Hạnh	Nam	20/11/1987				Trung bình khá	1269757	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16786	983-K4TK2A		Lương Thu	Huyền	Nữ	8/10/1992				Trung bình khá	1269758	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16787	984-K4TK2A		Trần Thị	Lại	Nữ	12/7/1992				Trung bình khá	1269759	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16788	985-K4TK2A		Dương Thùy	Linh	Nữ	1/12/1989				Trung bình khá	1269760	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16789	986-K4TK2A		Phạm Thùy	Linh	Nữ	11/12/1992				Trung bình khá	1269761	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16790	987-K4TK2A		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	25/7/1986				Trung bình khá	1269762	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16791	988-K4TK3		Trương Thị	Anh	Nữ	7/8/1993				Khá	1269763	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16792	989-K4TK3		Đinh Thị	Cúc	Nữ	20/1/1990				Trung bình khá	1269764	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16793	990-K4TK3		Nguyễn Thị	Diễn	Nữ	15/5/1987				Trung bình khá	1269765	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16794	991-K4TK3		Lương Ngọc	Định	Nam	25/10/1978				Trung bình khá	1269766	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16795	992-K4TK3		Nguyễn Quý	Đông	Nam	15/12/1992				Trung bình khá	1269530	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16796	993-K4TK3		Lưu Thị	Hằng	Nữ	5/11/1981				Trung bình khá	1269531	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16797	994-K4TK3		Trịnh Thị Thu	Hằng	Nữ	28/10/1974				Khá	1269532	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16798	995-K4TK3		Nguyễn Thiện	Hoàn	Nam	4/8/1987				Trung bình khá	1269533	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16799	996-K4TK3		Nguyễn Đăng	Hùng	Nam	20/10/1991				Trung bình khá	1269534	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16800	997-K4TK3		Hoàng Thị	Hương	Nữ	15/6/1990				Trung bình khá	1269535	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16801	998-K4TK3		Lê Thị	Hường	Nữ	2/9/1983				Trung bình khá	1269536	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16802	999-K4TK3		Lương Thị	Hường	Nữ	5/1/1981				Trung bình khá	1269537	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16803	1000-K4TK3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	18/4/1978				Trung bình khá	1269538	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16804	1001-K4TK3		Đỗ Thị	Liên	Nữ	18/2/1992				Trung bình khá	1269539	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16805	1002-K4TK3		Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	22/10/1993				Trung bình khá	1269540	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16806	1003-K4TK3		Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	20/11/1993				Trung bình khá	1269541	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16807	1004-K4TK3		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	12/11/1993				Trung bình khá	1269542	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16808	1005-K4TK3		Nguyễn Văn	Lượng	Nam	9/10/1992				Trung bình khá	1269543	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16809	1006-K4TK3		Ngân Thị	Luyện	Nữ	8/10/1993				Trung bình khá	1269544	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16810	1007-K4TK3		Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	5/8/1991				Trung bình khá	1269545	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16811	1008-K4TK3		Nguyễn Xuân	Mạnh	Nam	7/2/1992				Trung bình khá	1269546	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16812	1009-K4TK3		Lê Thị	Nga	Nữ	21/9/1982				Trung bình khá	1269547	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16813	1010-K4TK3		Lê Thị	Nguyệt	Nữ	20/3/1980				Khá	1269548	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16814	1011-K4TK3		Đỗ Thị Lan	Phương	Nữ	27/4/1978				Trung bình khá	1269549	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16815	1012-K4TK3		Lê Thị	Phương	Nữ	1/2/1990				Trung bình khá	1269550	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16816	1013-K4TK3		Nguyễn Hữu	Phương	Nam	3/8/1982				Trung bình khá	1269551	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16817	1014-K4TK3		Lê Văn	Thành	Nam	5/8/1993				Trung bình khá	1269552	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16818	1015-K4TK3		Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	7/8/1978				Trung bình khá	1269553	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16819	1016-K4TK3		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	28/3/1983				Khá	1269554	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16820	1017-K4TK3		Phạm Thị Thu	Thùy	Nữ	29/4/1990				Trung bình khá	1269555	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16821	1018-K4TK3		Vũ Thị	Tình	Nữ	14/4/1990				Trung bình khá	1269556	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16822	1019-K4TK3		Lê Thị	Trang	Nữ	20/12/1993				Trung bình khá	1269557	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16823	1020-K4TK3		Lê Thị	Trang	Nữ	1/2/1989				Trung bình khá	1269558	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16824	1021-K4TK3		Lê Anh	Tuấn	Nam	28/1/1993				Trung bình khá	1269559	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16825	1022-K4TK3		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	19/6/1993				Trung bình khá	1269560	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16826	1023-K4TK3		Ngô Ngọc	Tuyến	Nữ	17/8/1987				Trung bình khá	1269561	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16827	1024-K4TK3		Hoàng Thị	Vân	Nữ	4/6/1987				Trung bình khá	1269562	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16828	1025-K4TK4		Lê Bá Như	ái	Nữ	11/4/1988				Trung bình khá	1269563	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16829	1026-K4TK4		Hồ Thị Ngọc	Anh	Nữ	2/9/1991				Trung bình khá	1269564	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16830	1027-K4TK4		Lưu Tuấn	Anh	Nam	18/5/1984				Trung bình khá	1269565	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16831	1028-K4TK4		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	29/10/1993				Trung bình khá	1269566	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16832	1029-K4TK4		Phùng Thị Lan	Anh	Nữ	21/8/1988				Trung bình khá	1269567	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16833	1030-K4TK4		Tạ Thị	Chiêm	Nữ	1/1/1981				Trung bình khá	1269568	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16834	1031-K4TK4		Hoàng Thị Hồng	Diện	Nữ	7/5/1985				Trung bình khá	1269569	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16835	1032-K4TK4		Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	24/6/1986				Trung bình khá	1269570	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16836	1033-K4TK4		Trương Thị Mỹ	Duyên	Nữ	1/2/1982				Khá	1269571	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16837	1034-K4TK4		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	23/11/1986				Trung bình khá	1269572	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16838	1035-K4TK4		Nguyễn Thanh	Hải	Nam	11/5/1985				Trung bình khá	1269573	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16839	1036-K4TK4		Hoàng Thị Thúy	Hằng	Nữ	17/2/1983				Khá	1269574	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16840	1037-K4TK4		Lê Thị	Hạnh	Nữ	1/3/1979				Trung bình khá	1269575	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16841	1038-K4TK4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	18/6/1992				Khá	1269576	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16842	1039-K4TK4		Hoàng Thị	Hoài	Nữ	25/9/1985				Trung bình khá	1269577	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16843	1040-K4TK4		Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	20/8/1992				Trung bình khá	1269578	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16844	1041-K4TK4		Hoàng Thị	Hồng	Nữ	30/11/1991				Trung bình khá	1269579	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16845	1042-K4TK4		Phạm Duy	Hợp	Nam	12/2/1982				Trung bình khá	1269580	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16846	1043-K4TK4		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	1/4/1991				Trung bình khá	1269581	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16847	1044-K4TK4		Hồ Thị Kim	Huệ	Nữ	22/2/1990				Trung bình khá	1269582	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16848	1045-K4TK4		Nguyễn Văn	Huy	Nam	2/9/1988				Trung bình khá	1269583	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16849	1046-K4TK4		Cao Thị Diệu	Huyền	Nữ	17/11/1978				Trung bình khá	1269584	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16850	1047-K4TK4		Cao Thị Kim	Kiều	Nữ	27/5/1985				Trung bình khá	1269585	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16851	1048-K4TK4		Trần Ngọc	Linh	Nữ	23/6/1990				Trung bình khá	1269586	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16852	1049-K4TK4		Trương Ngọc Kiều	Linh	Nữ	2/2/1986				Trung bình khá	1269587	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16853	1050-K4TK4		Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	28/2/1979				Khá	1269588	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16854	1051-K4TK4		Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	2/3/1985				Trung bình khá	1269589	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16855	1052-K4TK4		Trần Thị	Luyến	Nữ	17/9/1976				Khá	1269590	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16856	1053-K4TK4		Bùi Thị	Ly	Nữ	22/7/1989				Trung bình khá	1269591	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16857	1054-K4TK4		Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	2/6/1990				Trung bình khá	1269592	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16858	1055-K4TK4		Tô Thị Ngọc	Mai	Nữ	18/10/1974				Khá	1269593	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16859	1056-K4TK4		Trần Thị	Mùi	Nữ	15/12/1992				Trung bình khá	1269594	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16860	1057-K4TK4		Hồ Thị Thanh	Nga	Nữ	1/1/1984				Khá	1269595	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16861	1058-K4TK4		Nguyễn Thị ánh	Ngọc	Nữ	21/5/1992				Trung bình khá	1269596	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16862	1059-K4TK4		Dương Thị	Nguyệt	Nữ	19/9/1989				Trung bình khá	1269597	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16863	1060-K4TK4		Trần Thị Thanh	Nhàn	Nữ	28/9/1974				Khá	1269598	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16864	1061-K4TK4		Nguyễn Thị Hoài	Nhi	Nữ	13/3/1985				Trung bình khá	1269599	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16865	1062-K4TK4		Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	Nữ	14/10/1991				Trung bình khá	1269600	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16866	1063-K4TK4		Lê Cẩm Phương	Nhung	Nữ	1/7/1986				Khá	1269601	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16867	1064-K4TK4		Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	Nữ	11/6/1991				Khá	1269602	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16868	1065-K4TK4		Nguyễn Thị Hồng	Ninh	Nữ	24/8/1992				Trung bình khá	1269603	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16869	1066-K4TK4		Trần Thị Hải	Phú	Nữ	2/10/1984				Trung bình khá	1269604	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16870	1067-K4TK4		Nguyễn Thị Minh	Phúc	Nữ	6/9/1984				Khá	1269605	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16871	1068-K4TK4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	8/3/1990				Khá	1269606	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16872	1069-K4TK4		Nguyễn Văn	Sang	Nam	20/5/1990				Trung bình khá	1269607	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16873	1070-K4TK4		Hoàng Khắc	Song	Nam	23/9/1970				Khá	1269608	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16874	1071-K4TK4		Hoàng Quang	Thắng	Nam	30/4/1981				Trung bình khá	1269609	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16875	1072-K4TK4		Dương Thị Kiều	Thảo	Nữ	14/9/1986				Trung bình khá	1269610	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16876	1073-K4TK4		Hồ Thị	Thu	Nữ	12/7/1979				Khá	1269611	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16877	1074-K4TK4		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	18/7/1992				Trung bình khá	1269612	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16878	1075-K4TK4		Trần Thị Diệu	Thuần	Nữ	12/3/1988				Khá	1269613	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16879	1076-K4TK4		Trần Thị Thùy	Tiên	Nữ	10/10/1985				Khá	1269614	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16880	1077-K4TK4		Lê Thị	Tình	Nữ	30/1/1984				Khá	1269615	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16881	1078-K4TK4		Hồ Minh	Tuấn	Nam	12/4/1989				Trung bình khá	1269616	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16882	1079-K4TK4		Võ Ngọc	Tuấn	Nam	13/11/1985				Trung bình khá	1269617	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16883	1080-K4TK4		Lê Thị	Túy	Nữ	2/5/1985				Khá	1269618	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16884	1081-K4TK4		Đào Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	18/5/1985				Khá	1269619	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16885	1082-K4TK4		Mai Thị Cẩm	Vân	Nữ	7/6/1990				Khá	1269620	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16886	1083-K4TK4		Nguyễn Thị Hoài	Vân	Nữ	10/9/1982				Trung bình khá	1269621	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16887	1084-K4TK4		Nguyễn Thị Ngọc	Vân	Nữ	2/11/1987				Khá	1269622	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16888	1085-K4TK4		Trần Thị Hồng	Vân	Nữ	1/6/1992				Khá	1269623	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16889	1086-K4TK4		Nguyễn Thị Hoàng	Vy	Nữ	17/5/1983				Trung bình khá	1269624	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1113/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16890	1087-K3TK5		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	01/10/1984				Trung bình	1269625	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1112/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16891	1088-K3TK2		Lê Văn	Đại	Nam	28/12/1987				Trung bình	1269626	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1112/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16892	1089-K3TK3		Trương Vĩnh	Tùng	Nam	20/11/1990				Trung bình	1269627	2016	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1112/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16893	1090-K10CQ1		Trần Thị Giáng	My	Nữ	09/11/1991				Khá	1269628	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1111/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16894	1091-K10CQ1		Hà Thị	Thoa	Nữ	05/01/1993				Trung bình khá	1269629	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1111/QĐ-ĐHTM ngày 26/12/2016	
16895	738-K46DK2		Phạm Huy	Anh	Nam	29/01/1985				Trung bình khá	1269387	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16896	739-K46DK2		Vũ Văn	Anh	Nam	05/03/1975				Trung bình khá	1269388	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16897	740-K46DK2		Lương Thị Thanh	Điệp	Nữ	12/10/1986				Khá	1269389	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16898	741-K46DK2		Nguyễn Giáp	Đông	Nam	07/10/1977				Khá	1269390	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16899	742-K46DK2		Đặng Thị Kim	Dung	Nữ	10/02/1983				Trung bình khá	1269391	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16900	743-K46DK2		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	27/10/1989				Trung bình khá	1269392	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16901	744-K46DK2		Nguyễn Trung	Dũng	Nam	03/08/1991				Khá	1269393	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16902	745-K46DK2		Nguyễn ánh	Dương	Nam	31/05/1984				Trung bình khá	1269394	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16903	746-K46DK2		Trần Thị	Duyên	Nữ	07/09/1982				Khá	1269395	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16904	747-K46DK2		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	20/02/1985				Khá	1269396	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16905	748-K46DK2		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	25/08/1985				Khá	1269397	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16906	749-K46DK2		Đỗ Thị	Hải	Nữ	08/10/1974				Khá	1269398	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16907	750-K46DK2		Lưu Thế	Hải	Nam	18/03/1993				Trung bình khá	1269399	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16908	751-K46DK2		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	10/12/1982				Khá	1269400	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16909	752-K46DK2		Lương Văn	Hấn	Nam	03/12/1980				Khá	1269401	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16910	753-K46DK2		Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	02/09/1983				Khá	1269402	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16911	754-K46DK2		Trần Lệ	Hằng	Nữ	28/08/1984				Khá	1269403	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16912	755-K46DK2		Lò Hồng	Hạnh	Nữ	08/08/1987				Trung bình khá	1269404	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16913	756-K46DK2		Lưu Thị	Hậu	Nữ	15/11/1986				Khá	1269405	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16914	757-K46DK2		Phạm Thanh	Hòa	Nữ	26/12/1988				Khá	1269406	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16915	758-K46DK2		Phạm Thị	Hoàn	Nữ	18/11/1980				Khá	1269407	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16916	759-K46DK2		Nguyễn Thị Kim	Hồng	Nữ	08/10/1969				Giỏi	1269408	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16917	760-K46DK2		Trần Ngọc	Hồng	Nam	22/06/1980				Trung bình khá	1269409	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16918	761-K46DK2		Nguyễn Hữu	Huấn	Nam	26/04/1982				Khá	1269410	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16919	762-K46DK2		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	15/08/1986				Khá	1269411	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16920	763-K46DK2		Vùi A	Hùng	Nam	18/03/1983				Khá	1269412	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16921	764-K46DK2		Phạm Thị Thanh	Hương	Nữ	16/03/1989				Trung bình khá	1269413	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16922	765-K46DK2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	06/09/1984				Khá	1269414	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16923	766-K46DK2		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/05/1980				Khá	1269415	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16924	767-K46DK2		Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	15/07/1989				Trung bình khá	1269416	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16925	768-K46DK2		Bùi Hoàng	Lâm	Nam	02/02/1990				Trung bình khá	1269417	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16926	769-K46DK2		Bùi Thị Kim	Liên	Nữ	19/05/1979				Trung bình khá	1269418	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16927	770-K46DK2		Lâm Thị	Liên	Nữ	27/09/1980				Trung bình khá	1269419	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16928	771-K46DK2		Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	19/07/1989				Khá	1269420	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16929	772-K46DK2		Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	27/09/1985				Khá	1269421	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16930	773-K46DK2		Phạm Thị Minh	Lợi	Nữ	19/12/1984				Khá	1269422	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16931	774-K46DK2		Đào Thị	Mai	Nữ	06/12/1983				Khá	1269423	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16932	775-K46DK2		Đỗ Thị Oanh	Miền	Nữ	28/09/1978				Trung bình khá	1269424	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16933	776-K46DK2		Nguyễn Văn	Minh	Nam	21/04/1987				Trung bình khá	1269425	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16934	777-K46DK2		Nguyễn Văn	Minh	Nam	10/02/1976				Khá	1269426	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16935	778-K46DK2		Đoàn Thị Thu	Nga	Nữ	05/11/1979				Khá	1269427	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16936	779-K46DK2		Nguyễn Thị	Ngoãn	Nữ	29/11/1989				Trung bình khá	1269428	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16937	780-K46DK2		Lê Thị	Nguyệt	Nữ	10/10/1982				Khá	1269429	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16938	781-K46DK2		Hà Hồng	Nhung	Nữ	17/10/1990				Trung bình khá	1269430	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16939	782-K46DK2		Phạm Thị	Nhung	Nữ	27/11/1981				Khá	1269431	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16940	783-K46DK2		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	10/07/1983				Khá	1269432	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16941	784-K46DK2		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	26/08/1984				Khá	1269433	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16942	785-K46DK2		Trần Thu	Phương	Nữ	05/03/1980				Khá	1269434	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16943	786-K46DK2		Vương Minh	Phương	Nam	30/09/1981				Trung bình khá	1269435	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16944	787-K46DK2		Đặng Thúy	Quỳnh	Nữ	11/02/1986				Khá	1269436	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16945	788-K46DK2		Trần Duy	Tân	Nam	28/01/1986				Trung bình khá	1269437	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16946	789-K46DK2		Nguyễn Thị	Thao	Nữ	13/10/1983				Khá	1269438	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16947	790-K46DK2		Trần Thị Kim	Thao	Nữ	03/01/1975				Trung bình khá	1269439	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16948	791-K46DK2		Nguyễn Khương	Thôn	Nam	18/10/1985				Trung bình khá	1269440	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16949	792-K46DK2		Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	05/06/1978				Khá	1269441	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16950	793-K46DK2		Võ Thị Anh	Thư	Nữ	08/07/1984				Trung bình khá	1269442	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16951	794-K46DK2		Quách Thu	Thủy	Nữ	23/09/1993				Trung bình khá	1269443	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16952	795-K46DK2		Khương Thị	Thủy	Nữ	19/05/1990				Trung bình khá	1269444	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16953	796-K46DK2		Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	19/03/1982				Trung bình khá	1269445	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16954	797-K46DK2		Nguyễn Đình	Trung	Nam	12/06/1982				Trung bình khá	1269446	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16955	798-K46DK2		Phạm Hải	Trung	Nam	28/09/1983				Trung bình khá	1269447	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16956	799-K46DK2		Nguyễn Tiến	Tú	Nam	03/09/1988				Trung bình khá	1269448	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16957	800-K46DK2		Lê Anh	Tuấn	Nam	21/03/1986				Trung bình khá	1269449	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16958	801-K46DK2		Lù Thị	Vân	Nữ	13/04/1982				Khá	1269450	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16959	802-K46DK2		Chu Duy	Viễn	Nam	16/11/1985				Trung bình khá	1269451	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16960	803-K46DK2		Lâm Thị	Yến	Nữ	20/07/1992				Khá	1269452	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16961	804-K46DK1		Đỗ Ngọc	Anh	Nữ	18/10/1993				Trung bình khá	1269453	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16962	805-K46DK1		Trần Văn	Cảnh	Nam	20/05/1985				Trung bình khá	1269454	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16963	806-K46DK1		Lê Thị	Hà	Nữ	02/07/1990				Trung bình khá	1269455	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16964	807-K46DK1		Đỗ Thị Thúy	Hằng	Nữ	30/12/1990				Trung bình khá	1269456	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16965	808-K46DK1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	17/07/1993				Trung bình khá	1269457	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16966	809-K46DK1		Tạ Thị	Huệ	Nữ	04/11/1984				Trung bình khá	1269458	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16967	810-K46DK1		Trần Thị Kiều	Nhi	Nữ	13/03/1980				Trung bình khá	1269459	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16968	811-K46DK1		Nguyễn Thị Ngọc	Như	Nữ	18/06/1988				Trung bình khá	1269460	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16969	812-K46DK1		Phạm Thị Tuyết	Nhung	Nữ	18/03/1991				Trung bình khá	1269461	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16970	813-K46DK1		Nghiêm Thị	Quế	Nữ	29/06/1987				Trung bình khá	1269462	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16971	814-K46DK1		Sầm Thị	Thắm	Nữ	24/11/1991				Trung bình khá	1269463	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16972	815-K46DK1		Đào Thị	Thu	Nữ	07/04/1984				Trung bình khá	1269464	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16973	816-K46DK1		Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	13/03/1992				Trung bình khá	1269465	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16974	817-K46DK1		Quách Thị	Thủy	Nữ	07/06/1992				Trung bình khá	1269466	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16975	818-K46DK1		Hoàng Thị	Yến	Nữ	03/07/1992				Trung bình khá	1269467	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16976	819-K45DK1		Phạm Thị Bích	Liên	Nữ	15/12/1987				Trung bình	1269468	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16977	820-K45DK1		Phạm Thị	Hằng	Nữ	07/09/1983				Trung bình khá	1269469	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16978	821-K45DK2		Dương Văn	Yên	Nam	13/03/1973				Trung bình khá	1269470	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16979	822-K45DK2		Nguyễn Việt	Hoa	Nữ	15/09/1990				Trung bình khá	1269471	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
16980	823-K45DK4		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	04/11/1990				Trung bình khá	1269472	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16981	824-K44DK15		Phan Duy Bảo	Tuyển	Nam	28/05/1989				Trung bình khá	1269473	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16982	825-K45DK2		Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	13/10/1989				Trung bình khá	1269474	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1026/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16983	826-K43DK13		Nguyễn Quỳnh	Giang	Nữ	22/10/1988				Trung bình khá	1269475	2016	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	1027/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16984	827-K46DQ1		Trần Văn	Bách	Nam	10/02/1989				Trung bình khá	1269476	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16985	828-K46DQ1		Vũ Chí	Công	Nam	24/12/1985				Trung bình	1269477	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16986	829-K46DQ1		Đặng Thu	Dân	Nam	12/08/1983				Trung bình khá	1269478	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16987	830-K46DQ1		Đinh Quang	Dự	Nam	20/02/1984				Trung bình khá	1269479	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16988	831-K46DQ1		Lê	Dũng	Nam	01/01/1989				Trung bình khá	1269480	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16989	832-K46DQ1		Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	13/11/1988				Trung bình khá	1269481	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16990	833-K46DQ1		Nguyễn Bá	Hiệp	Nam	06/11/1990				Trung bình khá	1269482	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16991	834-K46DQ1		Vũ Tiến	Huỳnh	Nam	12/06/1993				Trung bình khá	1269483	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16992	835-K46DQ1		Lý Trung	Kiên	Nam	20/03/1985				Trung bình khá	1269484	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16993	836-K46DQ1		Phạm Thị Thúy	Lan	Nữ	29/02/1984				Trung bình khá	1269485	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16994	837-K46DQ1		Trần Ngọc	Lan	Nữ	28/03/1986				Trung bình khá	1269486	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16995	838-K46DQ1		Vũ Văn	Luật	Nam	08/10/1990				Trung bình khá	1269487	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16996	839-K46DQ1		Trịnh Khắc	Lượng	Nam	05/09/1985				Trung bình khá	1269488	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16997	840-K46DQ1		Nguyễn Đức	Sâm	Nam	03/09/1987				Trung bình khá	1269489	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16998	841-K46DQ1		Lê Thái	Sơn	Nam	29/07/1982				Trung bình khá	1269490	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
16999	842-K46DQ1		Nguyễn Văn	Sơn	Nam	18/09/1987				Trung bình	1269491	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17000	843-K46DQ1		Ngô Trang	Trang	Nữ	06/08/1990				Trung bình khá	1269492	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17001	844-K46DQ1		Phạm	Trường	Nam	13/09/1986				Trung bình	1269493	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17002	845-K43DQ7		Nguyễn Quỳnh	Châu	Nữ	02/08/1979				Trung bình khá	1269494	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17003	846-K44DQ2		Vũ Văn	Hùng	Nam	01/01/1988				Trung bình khá	1269495	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17004	847-K45DQ1		Đinh Hải	Anh	Nam	24/11/1990				Trung bình khá	1269496	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17005	848-K45DQ2		Nguyễn Duy	Anh	Nam	17/08/1982				Trung bình khá	1269497	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17006	849-K45DQ2		Nguyễn Đăng	Phúc	Nam	25/12/1983				Trung bình khá	1269498	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17007	850-K45DQ5		Phan Văn	Chình	Nam	01/09/1985				Trung bình khá	1269499	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17008	851-K45DQ5		Phan Văn	Điền	Nam	16/04/1985				Trung bình khá	1269500	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17009	852-K45DQ5		Phan Anh	Đức	Nam	19/04/1988				Trung bình khá	1269501	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17010	853-K45DQ5		Thái Anh	Dũng	Nam	20/12/1981				Trung bình khá	1269502	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17011	854-K45DQ5		Nguyễn Nhật	Anh	Nam	12/01/1988				Trung bình	1269503	2016	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1028/QĐ-ĐHTM ngày 01/12/2016	
17012	01-K48A4		Lê Thái	Dương	Nam	21/01/1993				Khá	1330541	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17013	02-K48A5		Đào Thị	Hường	Nữ	27/11/1994				Khá	1330542	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17014	03-K46A5		Hồ Dương	Nam	Nam	18/05/1992				Trung bình	1330543	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17015	04-K17A_SB		Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	06/02/1993				Khá	1330544	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17016	05-K48K1		Hoàng Văn	Linh	Nam	28/11/1993				Khá	1330545	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17017	06-K48K1		Ngô Thị Thu	Thảo	Nữ	10/09/1994				Khá	1330546	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17018	07-K48K4		Lê Thị	Dinh	Nữ	11/07/1994				Khá	1330547	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17019	08-K48K4		Trần Thị	Hiền	Nữ	10/10/1994				Khá	1330548	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17020	09-K48K4		Đỗ Văn	Hiếu	Nam	01/11/1994				Trung bình	1330549	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17021	10-K48K4		Ngô Nhật	Hưng	Nam	30/10/1994				Trung bình	1330550	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17022	11-K48K4		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	22/06/1994				Trung bình	1330551	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17023	12-K48K4		Nguyễn Văn	Nhất	Nam	07/11/1994				Trung bình	1330552	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17024	13-K48K4		Nguyễn Minh	Thiện	Nam	29/10/1994				Trung bình	1330553	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17025	14-K48B1		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	26/05/1994				Khá	1330554	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17026	15-K48B2		Đỗ Văn	Hoàn	Nam	14/08/1994				Trung bình	1330555	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17027	16-K48B2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	27/02/1994				Khá	1330556	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17028	17-K48B2		Nguyễn Thị	Mây	Nữ	05/08/1994				Trung bình	1330557	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17029	18-K48B2		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	11/10/1994				Khá	1330558	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17030	19-K48B3		Tạ Thị	Hằng	Nữ	18/10/1994				Trung bình	1330559	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17031	20-K48B3		Trần Thị	Lụa	Nữ	19/01/1994				Khá	1330560	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17032	21-K48B4		Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	11/08/1994				Khá	1330561	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17033	22-K48B4		Đỗ Thị	Nhung	Nữ	06/06/1994				Trung bình	1330562	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17034	23-K48B4		Nguyễn Kim	Tiệp	Nam	21/05/1994				Trung bình	1330563	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17035	24-K48B5		Trần Thị	Thao	Nữ	15/09/1994				Khá	1330564	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17036	25-K48B5		Văn Thị	Thòa	Nữ	14/07/1994				Trung bình	1330565	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17037	26-K48B6		Đinh Thị	Quỳnh	Nữ	25/12/1994				Khá	1330566	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17038	27-K48B6		Hoàng Thị	Yến	Nữ	05/11/1994				Khá	1330567	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17039	28-K47V1		Nguyễn Đình	Tuấn	Nam	14/08/1991				Trung bình	1330568	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17040	29-K47V2		Phạm Thị Thuận	Yến	Nữ	01/06/1993				Trung bình	1330569	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17041	30-K47V3		Vũ Văn	Đương	Nam	24/08/1990				Trung bình	1330570	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17042	31-K47V3		Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	29/12/1993				Khá	1330571	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17043	32-K45C3		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	12/03/1990				Khá	1330572	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17044	33-K45C7		Nguyễn Minh	Phương	Nam	14/01/1991				Trung bình	1330573	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17045	34-K48T2		Dương Thị Lan	Phương	Nữ	25/11/1993				Khá	1330574	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17046	35-K48T2		Nguyễn Thái	Sơn	Nam	10/08/1994				Trung bình	1330575	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17047	36-K48T4		Đỗ Thị Khánh	Huyền	Nữ	27/01/1994				Khá	1330576	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17048	37-K48T4		Lưu Đăng	Vững	Nam	23/08/1994				Trung bình	1330577	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17049	38-K47T4		Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	25/02/1993				Trung bình	1330578	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17050	39-K46T4		Lê Vũ	Bình	Nam	26/11/1992				Trung bình	1330579	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17051	40-K46E5		Nguyễn Thành	Minh	Nam	03/08/1992				Trung bình	1330580	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17052	41-K48I1		Lương Tùng	Anh	Nam	03/06/1994				Khá	1330581	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17053	42-K48I1		Vũ Mạnh	Cường	Nam	06/06/1993				Trung bình	1330582	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17054	43-K48I2		Đỗ Văn	Mười	Nam	27/10/1994				Trung bình	1330583	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17055	44-K48I2		Lê Phương	Nam	Nam	16/05/1994				Trung bình	1330584	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17056	45-K48I2		Lê Văn	Việt	Nam	17/10/1994				Trung bình	1330585	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17057	46-K48I3		Mai Đức	Điệp	Nam	10/01/1994				Trung bình	1330586	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17058	47-K48I3		Phạm Quang	Hoàng	Nam	23/07/1994				Trung bình	1330587	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17059	48-K48I3		Nguyễn Kim Long	Uy	Nam	24/05/1993				Khá	1330588	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17060	49-K48I4		Vũ Yến	Chi	Nữ	01/12/1994				Khá	1330589	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17061	50-K48I4		Nguyễn Vân	Linh	Nam	06/04/1994				Khá	1330590	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17062	51-K47I3		Hoàng Mạnh	Lương	Nam	12/09/1993				Trung bình	1330591	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17063	52-K47U1		Hoàng Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/07/1992				Khá	1330592	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	166/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17064	53-K48D2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	20/12/1993				Trung bình	1330593	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17065	54-K48D2		Phạm Thị	Thu	Nữ	25/07/1994				Trung bình	1330594	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17066	55-K48D6		Trịnh Thị	Tâm	Nữ	21/04/1994				Trung bình	1330595	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17067	56-K48D6		Liễu Thu	Trang	Nữ	08/04/1993				Trung bình	1330596	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17068	57-K17D_SB		Nguyễn Phương	Dung	Nữ	01/12/1993				Khá	1330597	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17069	58-K17D_SB		Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	18/07/1992				Khá	1330598	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17070	59-K17D_SB		Lê Thị	Hương	Nữ	16/10/1993				Khá	1330599	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17071	60-K17D_SB		Khương Thị	Ngoan	Nữ	07/12/1992				Trung bình	1330600	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17072	61-K17D_SB		Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	19/11/1993				Khá	1330601	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17073	62-K17D_SB		Bùi Bích	Phương	Nữ	03/09/1993				Khá	1330602	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17074	63-K17D_SB		Nguyễn Đăng	Thuận	Nam	17/04/1993				Trung bình	1330603	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17075	64-K17D_SB		Trần Cẩm	Tú	Nữ	27/03/1993				Khá	1330604	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17076	65-K17D_SB		Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	27/11/1993				Khá	1330605	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	172/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17077	66-K48F1		Lê Thị Thu	Phương	Nữ	15/05/1994				Khá	1330606	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	171/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17078	67-K48F3		Nguyễn Bá	Lộc	Nam	27/09/1994				Trung bình	1330607	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	171/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17079	68-K48F4		Vũ Thị	Yến	Nữ	21/08/1994				Khá	1330608	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	171/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17080	69-K46F4		Hoàng Văn	Long	Nam	14/06/1991				Trung bình	1330609	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	171/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17081	70-K48H1		Lê Thị Trà	Giang	Nữ	08/03/1994				Khá	1330610	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17082	71-K48H1		Nguyễn Ngọc	Thùy	Nữ	11/11/1993				Giỏi	1330611	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17083	72-K48H2		Hà Cẩm	Anh	Nữ	31/08/1993				Trung bình	1330612	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17084	73-K48H2		Nguyễn Công	Thành	Nam	26/05/1994				Trung bình	1330613	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17085	74-K48H3		Nguyễn Thị Thu	Hạnh	Nữ	29/01/1994				Trung bình	1330614	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17086	75-K48H3		Trịnh Thị	Thảo	Nữ	20/09/1994				Khá	1330615	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17087	76-K48H4		Khuất Thị Thu	Hà	Nữ	02/10/1994				Khá	1330616	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17088	77-K48H4		Vũ Văn	Phôn	Nam	06/03/1993				Trung bình	1330617	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17089	78-K48H5		Vũ Huy	Hoàng	Nam	07/12/1994				Khá	1330618	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17090	79-K48H5		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	10/05/1993				Khá	1330619	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17091	80-K17H_SB		Vũ Thị Thanh	An	Nữ	16/06/1993				Khá	1330620	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17092	81-K17H_SB		Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	17/04/1992				Trung bình	1330621	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17093	82-K17H_SB		Nghiêm Thị Lan	Hương	Nữ	29/04/1993				Khá	1330622	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17094	83-K17H_SB		Lê Văn	Mạnh	Nam	17/10/1993				Khá	1330623	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17095	84-K17H_SB		Mai Quỳnh	Trang	Nữ	15/09/1993				Khá	1330624	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17096	85-K17H_SB		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	14/09/1993				Khá	1330625	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17097	86-K17H_SB		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	28/01/1993				Khá	1330626	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17098	87-K17H_SB		Bùi Thanh	Tùng	Nam	17/09/1993				Trung bình	1330627	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17099	88-K17H_SB		Phạm Quốc	Việt	Nam	11/11/1993				Khá	1330628	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	173/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17100	89-K48N1		Đặng Thị ánh	Tuyết	Nữ	23/02/1994				Khá	1330629	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17101	90-K48N2		Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	20/08/1994				Trung bình	1330630	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17102	91-K48N2		Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	Nữ	12/08/1994				Khá	1330631	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17103	92-K48N2		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	12/03/1994				Khá	1330632	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17104	93-K48N3		Phạm Thị	Linh	Nữ	06/10/1992				Trung bình	1330633	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17105	94-K48N4		Nguyễn Thị Thu	Mai	Nữ	09/01/1994				Trung bình	1330634	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17106	95-K48N5		Nguyễn Thị Như	Hoa	Nữ	30/07/1994				Khá	1330635	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17107	96-K48N5		Phạm Minh	Vũ	Nam	17/04/1994				Khá	1330636	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17108	97-K48N6		Phạm Thị Hồng	Hạnh	Nữ	09/09/1994				Khá	1330637	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17109	98-K48N6		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	03/09/1994				Trung bình	1330638	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17110	99-K46N4		Vũ Thị	Anh	Nữ	25/11/1992				Trung bình	1330639	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17111	100-K45N3		Bùi Thế	Anh	Nam	06/04/1991				Trung bình	1330640	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17112	101-K45N3		Lê Thanh	Tùng	Nam	21/01/1992				Trung bình	1330641	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17113	102-K45N6		Trần Mạnh	Tuấn	Nam	18/12/1991				Trung bình	1330642	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	175/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17114	103-K48S1		Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	16/08/1994				Trung bình	1330643	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17115	104-K48S1		Bùi Thị Minh	Phương	Nữ	12/11/1994				Trung bình	1330644	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17116	105-K48S1		Nguyễn Thị	Sơn	Nữ	22/12/1994				Trung bình	1330645	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17117	106-K48S1		Phạm Thị	Trang	Nữ	29/09/1994				Trung bình	1330646	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17118	107-K48S2		Vũ Hải	Minh	Nam	27/02/1994				Khá	1330647	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17119	108-K48S2		Trương Việt	Trinh	Nữ	20/10/1994				Trung bình	1330648	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17120	109-K48S3		Trần Thị Hải	Hà	Nữ	10/08/1994				Trung bình	1330649	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17121	110-K48S3		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	29/06/1994				Khá	1330650	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17122	111-K48S4		Nguyễn Thị	Hoạt	Nữ	10/09/1994				Khá	1330651	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17123	112-K48S4		Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	20/10/1994				Khá	1330652	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17124	113-K48S4		Đỗ Hoàng	Việt	Nam	08/11/1994				Khá	1330653	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17125	114-K47S2		Bùi Văn	Vân	Nam	05/12/1990				Trung bình	1330654	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17126	115-K47S3		Nguyễn Minh	Vương	Nam	09/10/1993				Trung bình	1330655	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17127	116-K47S4		Hoàng Tuấn	Anh	Nam	18/04/1993				Trung bình	1330656	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17128	117-K44S1		Nguyễn Khắc	Hưng	Nam	23/12/1990				Trung bình	1330657	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin thị trường và thương mại	174/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17129	118-K48C1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	27/01/1994				Khá	1330658	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	167/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17130	119-K48C2		Lê Đức	Anh	Nam	18/07/1994				Trung bình	1330659	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	167/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17131	120-K48C2		Vũ Ngọc	Hưng	Nam	02/11/1994				Trung bình	1330660	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	167/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17132	121-K48C4		Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	05/09/1993				Trung bình	1330661	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	167/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17133	122-K48C4		Tống Thị	Mai	Nữ	10/07/1994				Trung bình	1330662	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	167/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17134	123-K48C4		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	29/08/1994				Khá	1330663	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	167/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17135	124-K48U2		Trịnh Thị	Mai	Nữ	07/10/1994				Khá	1330664	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	170/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17136	125-K48U2		Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	08/09/1994				Khá	1330665	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	170/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17137	126-K48U3		Đỗ Ngọc	Linh	Nữ	20/05/1994				Trung bình	1330666	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	170/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17138	127-K48U3		Phan Thị	Phương	Nữ	20/02/1994				Trung bình	1330667	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	170/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17139	128-K48P1		Chu Thị Loan	Oanh	Nữ	25/11/1994				Khá	1330668	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	169/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17140	129-K48P1		Trần Huyền	Trang	Nữ	11/05/1994				Khá	1330669	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	169/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17141	130-K48P2		Phạm Duy	Tùng	Nam	20/11/1994				Khá	1330670	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	169/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17142	131-K48P4		Đặng Thúy	Ngọc	Nữ	30/07/1994				Khá	1330671	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	169/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17143	132-K48P4		Trần Thị	Phương	Nữ	28/02/1994				Trung bình	1330672	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	169/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17144	133-K48P5		Bùi Thị Quỳnh	Ly	Nữ	04/08/1994				Khá	1330673	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	169/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17145	134-K17P_SB		Trịnh Quang	Tuấn	Nam	01/02/1993				Khá	1330674	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	169/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17146	135-K48E1		Trần Thị Thanh	Nga	Nữ	27/01/1994				Khá	1330675	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	168/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17147	136-K48E1		Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	01/03/1994				Khá	1330676	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	168/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17148	137-K48E2		Đinh Hoàng	Anh	Nam	17/03/1994				Khá	1330677	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	168/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17149	138-K48E2		Phạm Lê Việt	Anh	Nữ	29/09/1994				Khá	1330678	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	168/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17150	139-K48E2		Cấn Trọng	Đạt	Nam	22/04/1993				Trung bình	1330679	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	168/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17151	140-K48E3		Lê Thị	Thúy	Nữ	27/08/1994				Khá	1330680	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	168/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17152	141-K48E4		Hoàng Thị Thanh	Xuân	Nữ	16/06/1993				Trung bình	1330681	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	168/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 13/03/2017	
17153	147-K49A1		Đặng Thanh	Tùng	Nam	27/07/1994				Khá	1330828	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17154	148-K49A1		Tô Kim Thúy	An	Nữ	17/08/1995				Khá	1330829	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17155	149-K49A1		Nguyễn Minh	Anh	Nam	19/10/1995				Khá	1330830	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17156	150-K49A1		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	21/07/1995				Khá	1330831	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17157	151-K49A1		Phạm Thùy	Chinh	Nữ	21/03/1995				Khá	1330832	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17158	152-K49A1		Nguyễn Văn	Cường	Nam	10/01/1994				Khá	1330833	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17159	153-K49A1		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	18/09/1995				Khá	1330834	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17160	154-K49A1		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	10/02/1995				Khá	1330835	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17161	155-K49A1		Lê Thị	Hà	Nữ	29/09/1995				Khá	1330836	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17162	156-K49A1		Lã Hoàng	Hải	Nam	23/09/1994				Trung bình	1330837	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17163	157-K49A1		Lê Thị	Hảo	Nữ	29/11/1995				Khá	1330838	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17164	158-K49A1		Đào Việt	Hưng	Nam	21/08/1995				Khá	1330839	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17165	159-K49A1		Phạm Thị	Hương	Nữ	09/10/1993				Trung bình	1330840	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17166	160-K49A1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	06/04/1995				Khá	1330841	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17167	161-K49A1		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	10/08/1995				Khá	1330842	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17168	162-K49A1		Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	06/10/1995				Khá	1330843	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17169	163-K49A1		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	30/08/1995				Khá	1330844	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17170	164-K49A1		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	15/11/1995				Giỏi	1330845	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17171	165-K49A1		Nguyễn Thị Ly	Na	Nữ	06/09/1995				Khá	1330846	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17172	166-K49A1		Đào Thị	Nguyệt	Nữ	10/12/1995				Khá	1330847	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17173	167-K49A1		Trần Thị	Phương	Nữ	08/01/1995				Khá	1330848	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17174	168-K49A1		Lê Thị	Quỳnh	Nữ	17/07/1995				Giỏi	1330849	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17175	169-K49A1		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	12/08/1995				Khá	1330850	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17176	170-K49A1		Trần Văn	Tân	Nam	15/02/1995				Khá	1330851	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17177	171-K49A1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	30/08/1995				Khá	1330852	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17178	172-K49A1		Nguyễn Thị	Thêm	Nữ	02/09/1994				Khá	1330853	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17179	173-K49A1		Trần Thị Minh	Thu	Nữ	07/04/1995				Khá	1330854	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17180	174-K49A1		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	10/10/1995				Giỏi	1330855	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17181	175-K49A1		Hoàng Thị	Thương	Nữ	22/08/1995				Giỏi	1330856	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17182	176-K49A1		Lê Thị	Trang	Nữ	30/12/1995				Giỏi	1330857	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17183	177-K49A1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	16/12/1995				Khá	1330858	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17184	178-K49A1		Lê Thị	Tuyến	Nữ	10/08/1995				Khá	1330859	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17185	179-K49A1		Đào Quang	Tùng	Nam	01/03/1993				Khá	1330860	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17186	180-K49A1		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	12/01/1995				Khá	1330861	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17187	181-K49A1		Đinh Thị	Yến	Nữ	17/04/1995				Khá	1330862	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17188	182-K49A2		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	07/11/1995				Khá	1330863	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17189	183-K49A2		Nguyễn Đức	Bình	Nam	04/05/1995				Khá	1330864	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17190	184-K49A2		Phạm Thị Hoàng	Diễm	Nữ	25/12/1994				Khá	1330865	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17191	185-K49A2		Lương Thị	Duyên	Nữ	19/07/1994				Trung bình	1330866	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17192	186-K49A2		Tống Thành	Đạt	Nam	16/09/1995				Khá	1330867	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17193	187-K49A2		Trần Hương	Giang	Nữ	14/02/1995				Khá	1330868	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17194	188-K49A2		Lê Xuân	Hải	Nam	28/10/1992				Khá	1330869	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17195	189-K49A2		Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	11/05/1995				Khá	1330870	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17196	190-K49A2		Trịnh Thị	Hiếu	Nữ	10/03/1995				Khá	1330871	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17197	191-K49A2		Phạm Văn	Hòa	Nam	26/08/1995				Khá	1330872	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17198	192-K49A2		Dương Thị Thu	Hồng	Nữ	03/11/1994				Khá	1330873	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17199	193-K49A2		Ngô Thị	Huyền	Nữ	14/12/1995				Khá	1330874	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17200	194-K49A2		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	16/01/1995				Khá	1330875	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17201	195-K49A2		Đào Thu	Hương	Nữ	16/10/1995				Khá	1330876	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17202	196-K49A2		Nguyễn Ngọc	Khánh	Nữ	19/07/1995				Giỏi	1330877	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17203	197-K49A2		Đinh Thị Ngọc	Hoàn	Nữ	01/05/1994				Khá	1330878	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17204	198-K49A2		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	29/03/1995				Khá	1330879	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17205	199-K49A2		Lê Nhật	Linh	Nữ	29/12/1995				Giỏi	1330880	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17206	200-K49A2		Phạm Tiến	Lợi	Nam	26/10/1995				Khá	1330881	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17207	201-K49A2		Nguyễn Thị	Luyện	Nữ	10/10/1995				Khá	1330882	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17208	202-K49A2		Phạm Thị Tuyết	Mai	Nữ	08/12/1995				Khá	1330883	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17209	203-K49A2		Lê Thị	Phượng	Nữ	10/02/1995				Khá	1330884	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17210	204-K49A2		Phạm Thị Bích	Tâm	Nữ	20/08/1995				Khá	1330885	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17211	205-K49A2		Trần Thị	Thêu	Nữ	21/03/1995				Khá	1330886	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17212	206-K49A2		Phạm Thị	Thoại	Nữ	06/11/1995				Khá	1330887	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17213	207-K49A2		Phạm Thị	Thu	Nữ	08/11/1995				Khá	1330888	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17214	208-K49A2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	16/05/1995				Khá	1330889	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17215	209-K49A2		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	20/07/1995				Khá	1330890	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17216	210-K49A2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11/06/1995				Khá	1330891	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17217	211-K49A2		Phạm Thị ánh	Tuyết	Nữ	09/04/1995				Khá	1330892	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17218	212-K49A2		Đào Duy	Tùng	Nam	12/10/1995				Khá	1330893	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17219	213-K49A2		Nguyễn Thúy	Vi	Nữ	21/11/1995				Khá	1330894	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17220	214-K49A2		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	14/09/1995				Khá	1330895	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17221	215-K49A3		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	18/04/1995				Khá	1330896	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17222	216-K49A3		Hoàng Kim	Anh	Nữ	03/04/1994				Khá	1330897	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17223	217-K49A3		Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	25/12/1995				Khá	1330898	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17224	218-K49A3		Nguyễn Đức	Duy	Nam	30/11/1995				Khá	1330899	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17225	219-K49A3		Đặng Thùy	Dương	Nữ	22/12/1995				Khá	1330900	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17226	220-K49A3		Nguyễn Tuấn	Đạt	Nam	05/10/1995				Khá	1330901	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17227	221-K49A3		Dương Thu	Hà	Nữ	05/11/1995				Khá	1330902	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17228	222-K49A3		Trần Thanh	Hải	Nam	04/06/1995				Khá	1330903	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17229	223-K49A3		Trần Mỹ	Hạnh	Nữ	24/07/1995				Khá	1330904	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17230	224-K49A3		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	06/03/1995				Khá	1330905	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17231	225-K49A3		Vũ Thị	Huyền	Nữ	03/03/1995				Giỏi	1330906	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17232	226-K49A3		Hà Thị Thanh	Hương	Nữ	09/08/1995				Khá	1330907	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17233	227-K49A3		Lã Thế	Hương	Nữ	30/05/1995				Giỏi	1330908	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17234	228-K49A3		Nguyễn Phương	Liên	Nữ	26/07/1994				Khá	1330909	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17235	229-K49A3		Phạm Diệu	Linh	Nữ	09/10/1995				Khá	1330910	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17236	230-K49A3		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	26/01/1995				Trung bình	1330911	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17237	231-K49A3		Nguyễn Thị	Ly	Nữ	07/05/1995				Khá	1330912	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17238	232-K49A3		Tăng Thị Thanh	Mai	Nữ	08/12/1995				Giỏi	1330913	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17239	233-K49A3		Lã Thị	Nguyệt	Nữ	12/06/1995				Khá	1330914	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17240	234-K49A3		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	06/11/1995				Khá	1330915	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17241	235-K49A3		Đinh Đào	Phương	Nữ	21/02/1995				Khá	1330916	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17242	236-K49A3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	06/06/1995				Khá	1330917	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17243	237-K49A3		Nguyễn Thanh	Quý	Nam	05/11/1995				Trung bình	1330918	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17244	238-K49A3		Vũ Thị	Thảo	Nữ	21/11/1995				Khá	1330919	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17245	239-K49A3		Nguyễn Thị	Thi	Nữ	30/05/1995				Giỏi	1330920	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17246	240-K49A3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	27/09/1995				Trung bình	1330921	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17247	241-K49A3		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	02/05/1995				Khá	1330922	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17248	242-K49A3		Mạch Thị	Trang	Nữ	08/09/1995				Khá	1330923	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17249	243-K49A3		Lê Thị	Trang	Nữ	26/02/1995				Khá	1330924	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17250	244-K49A3		Nguyễn Thị ánh	Vui	Nữ	14/08/1994				Khá	1330925	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17251	245-K49A4		Đỗ Thị	Phương	Nữ	15/12/1994				Khá	1330926	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17252	246-K49A4		Phạm Thị	ánh	Nữ	29/06/1995				Giỏi	1330927	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17253	247-K49A4		Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	30/12/1993				Khá	1330928	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17254	248-K49A4		Đỗ Thị	Dung	Nữ	17/11/1995				Khá	1330929	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17255	249-K49A4		Lê Thị Hồng	Điệp	Nữ	06/01/1995				Khá	1330930	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17256	250-K49A4		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	16/06/1995				Khá	1330931	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17257	251-K49A4		Trần Thị	Hoa	Nữ	09/08/1995				Khá	1330932	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17258	252-K49A4		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	11/12/1994				Khá	1330933	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17259	253-K49A4		Hoàng Đình	Huy	Nam	30/05/1995				Khá	1330934	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17260	254-K49A4		Hoàng Thị	Huyền	Nữ	06/12/1995				Khá	1330935	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17261	255-K49A4		Nguyễn Mai	Hương	Nữ	02/12/1995				Khá	1330936	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17262	256-K49A4		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	15/11/1995				Khá	1330937	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17263	257-K49A4		Trần Duy	Khánh	Nam	28/04/1995				Khá	1330938	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17264	258-K49A4		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	20/10/1994				Khá	1330939	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17265	259-K49A4		Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	19/06/1994				Khá	1330940	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17266	260-K49A4		Đặng Thị	Linh	Nữ	01/01/1995				Khá	1330941	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17267	261-K49A4		Nguyễn Thị Ly	Ly	Nữ	18/08/1995				Khá	1330942	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17268	262-K49A4		Vương Quỳnh	Mai	Nữ	04/03/1995				Khá	1330943	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17269	263-K49A4		Nguyễn Thị Thu	Nhàn	Nữ	04/01/1995				Khá	1330944	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17270	264-K49A4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/04/1995				Khá	1330945	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17271	265-K49A4		Lương Thị	Phượng	Nữ	04/07/1995				Giỏi	1330946	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17272	266-K49A4		Trần Thị Mỹ	Quỳnh	Nữ	22/05/1995				Khá	1330947	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17273	267-K49A4		Bùi Văn	Tài	Nam	14/04/1995				Khá	1330948	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17274	268-K49A4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	03/10/1995				Khá	1330949	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17275	269-K49A4		Đỗ Thị	Thắm	Nữ	29/07/1995				Khá	1330950	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17276	270-K49A4		Đinh Công	Thế	Nam	09/12/1995				Khá	1330951	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17277	271-K49A4		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	06/10/1995				Khá	1330952	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17278	272-K49A4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	15/08/1995				Khá	1330953	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17279	273-K49A4		Trịnh Thị	Thương	Nữ	30/01/1995				Khá	1330954	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17280	274-K49A4		Phạm Thị Mai	Trang	Nữ	29/10/1995				Khá	1330955	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17281	275-K49A4		Phan Ngọc	Trâm	Nữ	23/09/1995				Khá	1330956	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17282	276-K49A4		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	12/08/1995				Khá	1330957	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17283	277-K49A4		Trần Văn	Việt	Nam	18/06/1994				Trung bình	1330958	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17284	278-K49A5		Đặng Thị Việt	Anh	Nữ	15/01/1995				Khá	1330959	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17285	279-K49A5		Trần Thị Lan	Chinh	Nữ	18/09/1994				Khá	1330960	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17286	280-K49A5		Võ Mạnh	Cường	Nam	16/04/1995				Khá	1330961	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17287	281-K49A5		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	12/12/1995				Khá	1330962	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17288	282-K49A5		Nguyễn Minh	Đồng	Nam	30/04/1994				Khá	1330963	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17289	283-K49A5		Nguyễn Thị Đà	Giang	Nữ	20/11/1995				Khá	1330964	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17290	284-K49A5		Phạm Thị	Hà	Nữ	14/03/1995				Khá	1330965	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17291	285-K49A5		Nguyễn Mỹ	Hảo	Nữ	15/01/1995				Khá	1330966	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17292	286-K49A5		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	05/10/1995				Khá	1330967	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17293	287-K49A5		Bùi Thị	Huệ	Nữ	27/04/1995				Giỏi	1330968	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17294	288-K49A5		Lương Khánh	Hưng	Nam	21/07/1995				Khá	1330969	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17295	289-K49A5		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	25/12/1995				Khá	1330970	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17296	290-K49A5		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	07/09/1995				Khá	1330971	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17297	291-K49A5		Nguyễn Tài	Kính	Nam	11/12/1995				Khá	1330972	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17298	292-K49A5		Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	07/09/1995				Khá	1330973	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17299	293-K49A5		Vũ Cẩm	Linh	Nữ	23/06/1995				Xuất sắc	1330974	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17300	294-K49A5		Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	16/10/1995				Khá	1330975	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17301	295-K49A5		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	01/05/1995				Khá	1330976	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17302	296-K49A5		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	19/05/1995				Khá	1330977	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17303	297-K49A5		Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	25/08/1995				Khá	1330978	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17304	298-K49A5		Nguyễn Thị	Na	Nữ	16/11/1995				Khá	1330979	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17305	299-K49A5		Mai Bảo	Ngọc	Nữ	27/11/1995				Khá	1330980	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17306	300-K49A5		Nguyễn Hải	Nhi	Nữ	18/08/1995				Khá	1330981	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17307	301-K49A5		Phạm Mỹ	Phương	Nữ	15/08/1995				Khá	1330982	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17308	302-K49A5		Thái Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	09/09/1995				Khá	1330983	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17309	303-K49A5		Hoàng Văn	Tân	Nam	27/02/1995				Khá	1330984	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17310	304-K49A5		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	19/08/1995				Khá	1330985	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17311	305-K49A5		Hoàng Thị	Thắm	Nữ	27/03/1995				Khá	1330986	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17312	306-K49A5		Trịnh Thị Ngân	Thoa	Nữ	07/09/1995				Giỏi	1330987	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17313	307-K49A5		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	19/12/1995				Giỏi	1330988	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17314	308-K49A5		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	15/08/1995				Khá	1330989	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17315	309-K49A5		Đào Thị Thanh	Thương	Nữ	01/10/1995				Giỏi	1330990	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17316	310-K49A5		Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	26/02/1995				Giỏi	1330991	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17317	311-K49A5		Nguy Thị	Trang	Nữ	20/11/1995				Khá	1330992	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17318	312-K49A5		Phạm Thị Thúy	Trinh	Nữ	24/11/1995				Khá	1330993	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17319	313-K49A5		Trần Văn	Tú	Nam	25/02/1995				Khá	1330994	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17320	314-K49A5		Nguyễn Hưng	Việt	Nam	17/10/1995				Khá	1330995	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17321	315-K48A1		Tạ Tùng	Lâm	Nam	02/07/1994				Trung bình	1330996	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17322	316-K48A1		Nguyễn Công	Thành	Nam	26/10/1994				Trung bình	1330997	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17323	317-K48A5		Phạm Thị Bích	Phượng	Nữ	06/10/1993				Khá	1330998	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17324	318-K49Q		Đặng Thúy	Lan	Nữ	04/09/1994				Trung bình	1330999	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17325	3304-K48QA		Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	06/09/1994				Khá	1508841	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17326	319-K49K1		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	21/03/1995				Khá	1331003	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17327	320-K49K1		Đoàn Thị Hương	Biển	Nữ	04/01/1995				Khá	1331004	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17328	321-K49K1		Phạm Thị	Dung	Nữ	04/07/1994				Trung bình	1331005	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17329	322-K49K1		Đoàn Thị	Duyên	Nữ	07/08/1995				Khá	1331006	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17330	323-K49K1		Phạm Khắc	Đoàn	Nam	19/09/1994				Khá	1331007	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17331	324-K49K1		Đỗ Thanh	Hảo	Nữ	14/02/1995				Khá	1331008	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17332	325-K49K1		Mai Thị Thu	Hiền	Nữ	13/10/1995				Giỏi	1331009	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17333	326-K49K1		Bùi Thị Yến	Hoa	Nữ	15/08/1995				Khá	1331010	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17334	327-K49K1		Lê Thị	Hòa	Nữ	24/07/1995				Khá	1331011	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17335	328-K49K1		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	27/11/1995				Khá	1331012	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17336	329-K49K1		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	13/02/1995				Giỏi	1331013	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17337	330-K49K1		Vũ Đình	Kiên	Nam	27/01/1995				Giỏi	1331014	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17338	331-K49K1		Trần Thị Thanh	Lam	Nữ	09/01/1995				Khá	1331015	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17339	332-K49K1		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	08/11/1995				Trung bình	1331016	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17340	333-K49K1		Lương Cao Thùy	Linh	Nữ	24/05/1995				Khá	1331017	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17341	334-K49K1		Nguyễn Thị Thanh	Ly	Nữ	29/08/1995				Khá	1331018	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17342	335-K49K1		Đặng Thị Hoa	Mai	Nữ	05/08/1995				Khá	1331019	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17343	336-K49K1		Kiều Bích	Nguyệt	Nữ	18/11/1995				Khá	1331020	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17344	337-K49K1		Đặng Thị Thu	Phương	Nữ	16/09/1995				Khá	1331021	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17345	338-K49K1		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	13/02/1995				Khá	1331022	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17346	339-K49K1		Tạ Hoài	Thu	Nữ	17/01/1995				Trung bình	1331023	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17347	340-K49K1		Đỗ Xuân	Tiến	Nam	29/06/1992				Trung bình	1331024	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17348	341-K49K1		Bùi Thu	Trang	Nữ	01/10/1995				Khá	1331025	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17349	342-K49K1		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	18/04/1995				Khá	1331026	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17350	343-K49K1		Hoàng Thị	Trinh	Nữ	21/10/1995				Khá	1331027	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17351	344-K49K1		Nguyễn Văn	Trường	Nam	04/05/1995				Khá	1331028	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17352	345-K49K1		Phạm Thị	Uyên	Nữ	24/02/1995				Khá	1331029	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17353	346-K49K1		Dương Quang	Vinh	Nam	03/02/1995				Khá	1331030	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17354	347-K49K1		Phạm Thị	Xuân	Nữ	01/01/1995				Khá	1331031	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17355	348-K49K1		Lương Thị Hải	Yến	Nữ	24/12/1995				Khá	1331032	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17356	349-K49K2		Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	07/01/1995				Khá	1331033	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17357	350-K49K2		Nguyễn Văn	Bắc	Nam	23/02/1995				Trung bình	1331034	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17358	351-K49K2		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	24/06/1995				Giỏi	1331035	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17359	352-K49K2		Chu Mạnh	Cường	Nam	04/08/1995				Khá	1331036	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17360	353-K49K2		Lưu Hồng	Dung	Nữ	25/08/1995				Khá	1331037	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17361	354-K49K2		Khuất Kiều	Duyên	Nữ	16/07/1995				Khá	1331038	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17362	355-K49K2		Đỗ Trí	Đông	Nam	09/04/1995				Trung bình	1331039	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17363	356-K49K2		Trương Thị Phương	Hà	Nữ	01/11/1995				Khá	1331040	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17364	357-K49K2		Dương Thị Hồng	Hạnh	Nữ	29/07/1995				Khá	1331041	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17365	358-K49K2		Cao Trung	Hiếu	Nam	27/07/1995				Trung bình	1331042	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17366	359-K49K2		Mai Thị	Hoa	Nữ	30/05/1995				Khá	1331043	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17367	360-K49K2		Trần Thị	Hồng	Nữ	31/03/1995				Khá	1331044	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17368	361-K49K2		Phạm Thị	Huế	Nữ	06/10/1995				Giỏi	1331045	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17369	362-K49K2		Cao Thị	Huyền	Nữ	26/10/1995				Khá	1331046	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17370	363-K49K2		Ngô Văn	Hưng	Nam	17/04/1995				Khá	1331047	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17371	364-K49K2		Phương Thu	Hương	Nữ	12/05/1995				Giỏi	1331048	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17372	365-K49K2		Bùi Thị	Hương	Nữ	29/03/1995				Khá	1331049	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17373	366-K49K2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	27/02/1995				Khá	1331050	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17374	367-K49K2		Bùi Thị Nhật	Lệ	Nữ	28/08/1995				Khá	1331051	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17375	368-K49K2		Đỗ Quang	Linh	Nam	19/12/1995				Trung bình	1331052	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17376	369-K49K2		Đặng Thùy	Linh	Nữ	24/04/1995				Khá	1331053	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17377	370-K49K2		Bùi Ngọc Phương	Mai	Nữ	30/07/1995				Khá	1331054	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17378	371-K49K2		Nguyễn Trà	My	Nữ	25/10/1995				Khá	1331055	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17379	372-K49K2		Trần Hải	Nam	Nam	28/01/1995				Trung bình	1331056	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17380	373-K49K2		Lê Thị Trang	Ngân	Nữ	14/11/1995				Khá	1331057	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17381	374-K49K2		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	11/11/1995				Khá	1331058	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17382	375-K49K2		Bùi Lan	Phương	Nữ	09/03/1995				Khá	1331059	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17383	376-K49K2		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	11/10/1995				Khá	1331060	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17384	377-K49K2		Phạm Thị Thanh	Thanh	Nữ	14/12/1995				Khá	1331061	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17385	378-K49K2		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23/01/1995				Khá	1331062	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17386	379-K49K2		Nguyễn Thị	Thăng	Nữ	28/07/1994				Khá	1331063	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17387	380-K49K2		Trần Thị Minh	Thu	Nữ	15/09/1995				Trung bình	1331064	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17388	381-K49K2		Hoàng Văn	Thuận	Nam	05/11/1992				Khá	1331065	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17389	382-K49K2		Phạm Thị	Thúy	Nữ	18/03/1995				Khá	1331066	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17390	383-K49K2		Phùng Thị Huyền	Trang	Nữ	10/08/1995				Khá	1331067	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17391	384-K49K2		Nguyễn Ngọc	Trang	Nữ	21/08/1995				Khá	1331068	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17392	385-K49K2		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	22/03/1995				Khá	1331069	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17393	386-K49K2		Phạm Thị Tuyết	Trinh	Nữ	14/07/1995				Khá	1331070	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17394	387-K49K2		Bùi Thị	út	Nữ	02/10/1995				Khá	1331071	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17395	388-K49K2		Mai Thị	Xuân	Nữ	15/10/1995				Khá	1331072	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17396	389-K49K2		Đỗ Bảo	Yến	Nữ	04/12/1995				Khá	1331073	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17397	390-K49K3		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	15/12/1995				Khá	1331074	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17398	391-K49K3		Tống Thị Phương	Anh	Nữ	10/04/1995				Khá	1331075	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17399	392-K49K3		Lê Thị	Chúc	Nữ	26/12/1995				Khá	1331076	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17400	393-K49K3		Nguyễn Việt	Dũng	Nam	10/02/1995				Trung bình	1331077	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17401	394-K49K3		Nguyễn Thị	Gấm	Nữ	14/03/1995				Khá	1331078	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17402	395-K49K3		Đào Thị Thu	Hằng	Nữ	13/06/1995				Trung bình	1331079	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17403	396-K49K3		Nguyễn Tài	Hiếu	Nam	05/02/1995				Khá	1331080	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17404	397-K49K3		Đào Thị	Hiền	Nữ	10/02/1995				Khá	1331081	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17405	398-K49K3		Vũ Thị	Hoa	Nữ	05/01/1995				Giỏi	1331082	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17406	399-K49K3		Lê Thị	Hoa	Nữ	20/09/1995				Khá	1331083	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17407	400-K49K3		Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	20/01/1995				Khá	1331084	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17408	401-K49K3		Đồng Thị	Huyền	Nữ	20/04/1995				Khá	1331085	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17409	402-K49K3		Bùi Thị Mai	Hương	Nữ	08/06/1995				Giỏi	1331086	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17410	403-K49K3		Ngô Thị	Hướng	Nữ	04/06/1995				Khá	1331087	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17411	404-K49K3		Phạm Văn	Khái	Nam	05/05/1995				Khá	1331088	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17412	405-K49K3		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	06/03/1995				Giỏi	1331089	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17413	406-K49K3		Trần Thị	Liên	Nữ	28/08/1995				Khá	1331090	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17414	407-K49K3		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	16/05/1995				Khá	1331091	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17415	408-K49K3		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	30/09/1995				Khá	1331092	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17416	409-K49K3		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	31/03/1995				Khá	1331093	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17417	410-K49K3		Nguyễn Thị Mận	Mai	Nữ	23/08/1995				Khá	1331094	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17418	411-K49K3		Dương Thị Linh	Năm	Nữ	04/02/1995				Khá	1331095	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17419	412-K49K3		Phạm Thị	Ngân	Nữ	20/07/1995				Khá	1331096	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17420	413-K49K3		Phùng Văn	Ngọc	Nam	26/05/1994				Khá	1331097	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17421	414-K49K3		Nguyễn Thị	Ngọt	Nữ	29/08/1995				Khá	1331098	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17422	415-K49K3		Lê Khánh	Nhi	Nữ	18/02/1995				Khá	1331099	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17423	416-K49K3		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	20/07/1995				Khá	1331100	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17424	417-K49K3		Phạm Thị Thu	Quỳnh	Nữ	13/10/1995				Khá	1331101	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17425	418-K49K3		Đinh Thị Diễm	Sương	Nữ	13/08/1995				Trung bình	1331102	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17426	419-K49K3		Phạm Thị	Thao	Nữ	22/02/1995				Khá	1331103	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17427	420-K49K3		Đỗ Phương	Thảo	Nữ	30/11/1994				Trung bình	1331104	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17428	421-K49K3		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	25/09/1995				Khá	1331105	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17429	422-K49K3		Vũ Quang	Thắng	Nam	20/01/1995				Khá	1331106	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17430	423-K49K3		Đỗ Thị	Thu	Nữ	01/08/1995				Khá	1331107	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17431	424-K49K3		Nguyễn Hữu	Thuận	Nam	22/02/1995				Khá	1331108	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17432	425-K49K3		Đàm Thị	Thùy	Nữ	26/11/1995				Khá	1331109	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17433	426-K49K3		Nguyễn Thị	Thức	Nữ	02/04/1995				Khá	1331110	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17434	427-K49K3		Lê Đức	Tiệp	Nam	20/09/1995				Trung bình	1331111	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17435	428-K49K3		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	21/04/1995				Khá	1331112	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17436	429-K49K3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	16/06/1995				Khá	1331113	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17437	430-K49K3		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	12/12/1995				Khá	1331114	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17438	431-K49K3		Dương Thị	Vân	Nữ	18/10/1995				Khá	1331115	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17439	432-K49K3		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	02/10/1995				Khá	1331116	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17440	433-K49K3		Nguyễn Diệu	Anh	Nữ	06/09/1994				Trung bình	1331117	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17441	434-K49K4		Phạm Lê Vân	Anh	Nữ	11/11/1995				Trung bình	1331118	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17442	435-K49K4		Vũ Tú	Anh	Nữ	04/02/1995				Khá	1331119	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17443	436-K49K4		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	15/09/1995				Khá	1331120	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17444	437-K49K4		Nguyễn Đức	Cương	Nam	23/06/1995				Khá	1331121	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17445	438-K49K4		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	22/05/1995				Khá	1331122	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17446	439-K49K4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	22/07/1994				Khá	1331123	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17447	440-K49K4		Hà Tiến	Dũng	Nam	15/04/1995				Khá	1331124	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17448	441-K49K4		Hoàng Thị	Giang	Nữ	04/04/1995				Khá	1331125	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17449	442-K49K4		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	27/06/1995				Khá	1331126	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17450	443-K49K4		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	09/02/1995				Khá	1331127	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17451	444-K49K4		Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	Nữ	15/06/1995				Khá	1331128	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17452	445-K49K4		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	25/09/1995				Khá	1331129	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17453	446-K49K4		Triệu Thị	Huyền	Nữ	27/01/1995				Khá	1331130	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17454	447-K49K4		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	24/04/1995				Khá	1331131	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17455	448-K49K4		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	21/12/1995				Khá	1331132	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17456	449-K49K4		Vũ Thị Thu	Lan	Nữ	06/12/1994				Khá	1331133	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17457	450-K49K4		Nguyễn Quỳnh	Liễu	Nữ	20/12/1995				Khá	1331134	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17458	451-K49K4		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	05/10/1995				Giỏi	1331135	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17459	452-K49K4		Lê Thị Kim	Loan	Nữ	08/09/1995				Khá	1331136	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17460	453-K49K4		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	28/02/1995				Khá	1331137	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17461	454-K49K4		Nguyễn Đình	Minh	Nam	25/03/1995				Khá	1331138	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17462	455-K49K4		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	24/10/1995				Khá	1331139	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17463	456-K49K4		Lương Thị	Tâm	Nữ	08/01/1995				Giỏi	1331140	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17464	457-K49K4		Phạm Thị	Thảo	Nữ	16/07/1995				Khá	1331141	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17465	458-K49K4		Phạm Đức	Thi	Nam	11/08/1995				Khá	1331142	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17466	459-K49K4		Nguyễn Thị	Tho	Nữ	12/07/1995				Khá	1331143	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17467	460-K49K4		Trần Thị	Thu	Nữ	06/02/1995				Trung bình	1331144	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17468	461-K49K4		Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	06/12/1995				Khá	1331145	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17469	462-K49K4		Đào Văn	Thường	Nam	10/09/1995				Trung bình	1331146	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17470	463-K49K4		Lê Thị Thu	Trang	Nữ	15/02/1995				Khá	1331147	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17471	464-K49K4		Lê Thị Hà	Trang	Nữ	07/05/1995				Khá	1331148	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17472	465-K49K4		Lê Thị	Yến	Nữ	01/03/1995				Khá	1331149	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17473	466-K49K5		Tống Vân	Anh	Nữ	24/04/1995				Khá	1331150	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17474	467-K49K5		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	22/03/1995				Khá	1331151	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17475	468-K49K5		Vũ Thị Phương	Anh	Nữ	01/04/1995				Khá	1331152	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17476	469-K49K5		Mai Thị	ánh	Nữ	11/12/1995				Khá	1331153	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17477	470-K49K5		Vương Sỹ	Cương	Nam	27/07/1994				Trung bình	1331154	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17478	471-K49K5		Vũ Thị Thùy	Dung	Nữ	24/06/1995				Khá	1331155	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17479	472-K49K5		Nguyễn Hữu	Dũng	Nam	07/10/1995				Trung bình	1331156	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17480	473-K49K5		Nguyễn Thị Chung	Hà	Nữ	06/11/1995				Khá	1331157	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17481	474-K49K5		Bùi Thu	Hà	Nữ	18/01/1995				Khá	1331158	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17482	475-K49K5		Chu Thị	Hoàn	Nữ	13/11/1995				Khá	1331159	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17483	476-K49K5		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	24/10/1995				Khá	1331160	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17484	477-K49K5		Lê Thị Thu	Hương	Nữ	08/12/1994				Khá	1331161	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17485	478-K49K5		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	09/10/1995				Khá	1331162	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17486	479-K49K5		Nguyễn Đình	Kiên	Nam	17/12/1995				Khá	1331163	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17487	480-K49K5		Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	07/10/1995				Giỏi	1331164	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17488	481-K49K5		Phạm Thị Tài	Linh	Nữ	20/03/1995				Khá	1331165	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17489	482-K49K5		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	24/07/1995				Khá	1331166	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17490	483-K49K5		Trần Hạnh	Mai	Nữ	12/07/1995				Khá	1331167	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17491	484-K49K5		Trần Hoàng	Minh	Nam	11/08/1994				Khá	1331168	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17492	485-K49K5		Nguyễn Thị Huyền	My	Nữ	26/02/1995				Khá	1331169	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17493	486-K49K5		Ngô Thị Thúy	Nga	Nữ	21/09/1995				Khá	1331170	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17494	487-K49K5		Ngô Minh	Nguyệt	Nữ	19/03/1995				Giỏi	1331171	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17495	488-K49K5		Trương Thị	Oanh	Nữ	01/08/1995				Khá	1331172	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17496	489-K49K5		Cao Xuân	Phúc	Nam	20/06/1995				Khá	1331173	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17497	490-K49K5		Trần Thị Hoàng	Quân	Nữ	31/12/1995				Khá	1331174	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17498	491-K49K5		Lê Thị	Thanh	Nữ	05/12/1995				Khá	1331175	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17499	492-K49K5		Lưu Thị	Thảo	Nữ	12/05/1995				Khá	1331176	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17500	493-K49K5		Đào Thị Phương	Thảo	Nữ	14/02/1995				Trung bình	1331177	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17501	494-K49K5		Đỗ Thị	Thơm	Nữ	20/10/1995				Khá	1331178	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17502	495-K49K5		Đỗ Đức	Thuận	Nam	18/11/1994				Trung bình	1331179	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17503	496-K49K5		Đoàn Thị	Thùy	Nữ	02/01/1995				Khá	1331180	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17504	497-K49K5		Đào Thu	Trang	Nữ	06/07/1995				Khá	1331181	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17505	498-K49K5		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	18/09/1994				Khá	1331182	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17506	499-K49K5		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	12/08/1995				Khá	1331183	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17507	500-K49K5		Hà Trọng	Trung	Nam	02/12/1995				Khá	1331184	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17508	501-K49K5		Ngô Thị ánh	Tuyết	Nữ	15/10/1995				Khá	1331185	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17509	502-K49K5		Hoàng Duy	Tùng	Nam	25/06/1995				Khá	1331186	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17510	503-K49K5		Đàm Thị	Yến	Nữ	21/11/1995				Khá	1331187	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17511	504-K49K6		Vũ Trường	Giang	Nam	13/03/1995				Khá	1331188	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17512	505-K49K6		Phạm Tuấn	Hùng	Nam	03/06/1995				Khá	1331189	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17513	506-K49K6		Nguyễn Thị Thanh	Minh	Nữ	08/11/1995				Khá	1331190	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17514	507-K49K6		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	11/02/1994				Khá	1331191	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17515	508-K49K6		Hoàng Thị Yến	Nhi	Nữ	27/09/1995				Khá	1331192	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17516	509-K49K6		Đào Thị	Thảo	Nữ	08/04/1995				Khá	1331193	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17517	510-K49K6		Diệp Thị Hương	Thảo	Nữ	29/10/1994				Khá	1331194	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17518	511-K49K6		Phạm Ngọc	Tú	Nam	24/09/1994				Khá	1331195	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17519	512-K50K4		Nguyễn Mai	Hương	Nữ	08/08/1995				Khá	1331196	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17520	513-K48K1		Trần Văn	Công	Nam	08/03/1994				Trung bình	1331197	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17521	514-K48K3		Bùi Thị	Liên	Nữ	06/05/1994				Trung bình	1331198	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17522	515-K48K3		Lưu Văn	Tùng	Nam	04/06/1994				Trung bình	1331199	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17523	516-K48K4		Vũ Đình	Lương	Nam	15/06/1994				Khá	1331200	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17524	517-K48K5		Đỗ Huy	Thịnh	Nam	06/01/1994				Trung bình	1331201	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17525	518-K49Q		Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	09/10/1995				Khá	1480432	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17526	519-K49Q		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	26/05/1995				Khá	1480433	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17527	520-K49Q		Nguyễn Văn	Bình	Nam	08/09/1995				Khá	1480434	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17528	521-K49Q		Lê Thị Kim	Chi	Nữ	07/03/1995				Khá	1480435	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17529	522-K49Q		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	19/11/1995				Khá	1480436	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17530	523-K49Q		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	11/04/1995				Khá	1480437	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17531	524-K49Q		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	27/08/1995				Khá	1480438	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17532	525-K49Q		Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	12/10/1995				Khá	1480439	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17533	526-K49Q		Phan Thị Thu	Hà	Nữ	07/03/1995				Trung bình	1480440	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17534	527-K49Q		Khổng Thị	Hảo	Nữ	25/08/1995				Khá	1480441	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17535	528-K49Q		Phạm Thị	Hiệp	Nữ	21/03/1995				Khá	1480442	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17536	529-K49Q		Đỗ Thị	Hoạt	Nữ	11/05/1995				Khá	1480443	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17537	530-K49Q		Nguyễn Thị Mai	Hồng	Nữ	01/01/1995				Khá	1480444	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17538	531-K49Q		Hoàng Khánh	Huyền	Nữ	25/10/1995				Khá	1480445	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17539	532-K49Q		Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	28/05/1995				Khá	1480446	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17540	533-K49Q		Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/10/1995				Khá	1480447	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17541	534-K49Q		Trần Thị	Huyền	Nữ	28/01/1995				Khá	1480448	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17542	535-K49Q		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16/04/1995				Khá	1480449	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17543	536-K49Q		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28/10/1995				Khá	1480450	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17544	537-K49Q		Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	04/09/1995				Khá	1480451	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17545	538-K49Q		Hoàng Thị	Lan	Nữ	26/01/1995				Khá	1480452	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17546	539-K49Q		Ngô Xuân	Lộc	Nam	18/09/1995				Khá	1480453	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17547	540-K49Q		Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	27/06/1995				Khá	1480454	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17548	541-K49Q		Ngô Thị Hồng	Ngọc	Nữ	20/09/1995				Khá	1480455	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17549	542-K49Q		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	19/04/1995				Khá	1480456	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17550	543-K49Q		Vũ Thị	Nhài	Nữ	22/12/1995				Khá	1480457	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17551	544-K49Q		Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/11/1995				Khá	1480458	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17552	545-K49Q		Đỗ Thị Thu	Phương	Nữ	20/06/1995				Khá	1480459	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17553	546-K49Q		Hoàng Lan	Phương	Nữ	25/08/1995				Khá	1480460	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17554	547-K49Q		Doãn Khánh	Phượng	Nữ	22/07/1995				Khá	1480461	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17555	548-K49Q		Đặng Thị	Thanh	Nữ	15/05/1995				Khá	1480462	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17556	549-K49Q		Nguyễn Thị Thiên	Trang	Nữ	18/07/1995				Trung bình	1480463	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17557	550-K49Q		Nguyễn Thị Ngọc	Mến	Nữ	15/03/1994				Khá	1480464	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17558	551-K49I1		Phạm Thị	Huyền	Nữ	11/04/1994				Khá	1331202	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17559	552-K49I1		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	07/09/1995				Khá	1331203	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17560	553-K49I1		Chu Nguyệt	ánh	Nữ	19/03/1995				Khá	1331204	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17561	554-K49I1		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	14/09/1995				Khá	1331205	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17562	555-K49I1		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	06/03/1995				Khá	1331206	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17563	556-K49I1		Danh Thị	Dương	Nữ	26/12/1994				Khá	1331207	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17564	557-K49I1		Phạm Thị	Hải	Nữ	20/10/1995				Khá	1331208	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17565	558-K49I1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	24/12/1994				Trung bình	1331209	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17566	559-K49I1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	16/03/1995				Khá	1331210	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17567	560-K49I1		Lê Thị	Hoài	Nữ	04/04/1994				Khá	1331211	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17568	561-K49I1		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	27/11/1994				Khá	1331212	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17569	562-K49I1		Lưu Quang	Huy	Nam	13/06/1995				Khá	1331213	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17570	563-K49I1		Vũ Văn	Hùng	Nam	25/08/1995				Khá	1331214	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17571	564-K49I1		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	28/05/1994				Khá	1331215	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17572	565-K49I1		Trần Thị	Hương	Nữ	20/02/1995				Khá	1331216	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17573	566-K49I1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	21/08/1995				Khá	1331217	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17574	567-K49I1		Nguyễn Thị Hồng	Linh	Nữ	08/12/1995				Khá	1331218	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17575	568-K49I1		Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	23/11/1995				Khá	1331219	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17576	569-K49I1		Nguyễn Ngọc	Long	Nam	04/05/1995				Khá	1331220	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17577	570-K49I1		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	30/10/1995				Khá	1331221	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17578	571-K49I1		Vũ Hoàng Hải	Nga	Nữ	18/07/1995				Trung bình	1331222	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17579	572-K49I1		Đoàn Thị Bích	Ngọc	Nữ	26/11/1994				Khá	1331223	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17580	573-K49I1		Nguyễn Thúy	Phương	Nữ	31/08/1995				Khá	1331224	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17581	574-K49I1		Nguyễn Ngọc	Phượng	Nữ	21/01/1995				Khá	1331225	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17582	575-K49I1		Đào Thị	Phượng	Nữ	27/10/1995				Khá	1331226	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17583	576-K49I1		Lương Trung	Quân	Nam	02/02/1995				Trung bình	1331227	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17584	577-K49I1		Bùi Đức	Quỳnh	Nam	19/11/1995				Trung bình	1331228	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17585	578-K49I1		Phạm Thị	Thanh	Nữ	16/04/1995				Khá	1331229	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17586	579-K49I1		Đoàn Thị	Thảo	Nữ	27/10/1994				Khá	1331230	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17587	580-K49I1		Bùi Thị	Thu	Nữ	06/07/1995				Trung bình	1331231	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17588	581-K49I1		Tống Thị	Thúy	Nữ	21/08/1995				Khá	1331232	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17589	582-K49I1		Lê Thị	Thương	Nữ	16/08/1995				Khá	1331233	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17590	583-K49I1		Đào Thị Thu	Trang	Nữ	20/01/1995				Khá	1331234	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17591	584-K49I1		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	17/10/1995				Trung bình	1331235	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17592	585-K49I1		Phùng Thị	Vân	Nữ	29/05/1994				Giỏi	1331236	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17593	586-K49I1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	19/05/1995				Khá	1331237	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17594	587-K49I2		Tạ Thị Phương	Anh	Nữ	20/10/1995				Khá	1331238	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17595	588-K49I2		Bùi Thị Lan	Anh	Nữ	30/06/1995				Khá	1331239	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17596	589-K49I2		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	01/10/1995				Khá	1331240	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17597	590-K49I2		Trần Thị	Dung	Nữ	02/03/1995				Khá	1331241	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17598	591-K49I2		Lê Thị	Duyên	Nữ	15/08/1995				Khá	1331242	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17599	592-K49I2		Phạm Thị	Hảo	Nữ	19/10/1995				Khá	1331243	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17600	593-K49I2		Trần Thị	Hân	Nữ	29/09/1995				Khá	1331244	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17601	594-K49I2		Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	04/06/1995				Khá	1331245	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17602	595-K49I2		Phạm Hồng	Hiệp	Nam	24/02/1993				Khá	1331246	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17603	596-K49I2		Chu Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	01/04/1994				Khá	1331247	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17604	597-K49I2		Trần Đình	Hoàng	Nam	09/09/1995				Khá	1331248	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17605	598-K49I2		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	27/10/1995				Khá	1331249	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17606	599-K49I2		Nguyễn Đức	Huy	Nam	27/07/1995				Khá	1331250	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17607	600-K49I2		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/07/1995				Khá	1331251	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17608	601-K49I2		Phạm Văn	Hùng	Nam	21/04/1995				Trung bình	1331252	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17609	602-K49I2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	11/01/1995				Khá	1331253	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17610	603-K49I2		Phạm Thị	Hường	Nữ	11/09/1995				Khá	1331254	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17611	604-K49I2		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	19/10/1994				Khá	1331255	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17612	605-K49I2		Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	18/08/1995				Khá	1331256	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17613	606-K49I2		Nguyễn Thị Giang	Linh	Nữ	20/06/1995				Khá	1331257	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17614	607-K49I2		Trần Văn	Lộc	Nam	13/11/1995				Khá	1331258	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17615	608-K49I2		Trần Thị	Luyến	Nữ	02/11/1995				Khá	1331259	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17616	609-K49I2		Nguyễn Hà	My	Nữ	26/09/1995				Khá	1331260	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17617	610-K49I2		Phùng Minh	Nguyệt	Nữ	14/07/1995				Trung bình	1331261	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17618	611-K49I2		Trần Thị	Nụ	Nữ	29/01/1995				Khá	1331262	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17619	612-K49I2		Nguyễn Thị Linh	Phương	Nữ	11/12/1995				Khá	1331263	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17620	613-K49I2		Vũ Thị Mỹ	Phượng	Nữ	23/03/1995				Khá	1331264	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17621	614-K49I2		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	30/10/1995				Khá	1331265	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17622	615-K49I2		Phạm Thị Ngọc	Thanh	Nữ	26/04/1995				Khá	1331266	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17623	616-K49I2		Lê Thị	Thảo	Nữ	10/01/1995				Khá	1331267	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17624	617-K49I2		Phạm Thị	Thu	Nữ	02/02/1995				Khá	1331268	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17625	618-K49I2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	15/07/1995				Khá	1331269	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17626	619-K49I2		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	06/08/1995				Khá	1331270	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17627	620-K49I2		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	23/09/1995				Trung bình	1331271	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17628	621-K49I2		Bùi Thị	Tuyền	Nữ	20/11/1995				Khá	1331272	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17629	622-K49I2		Ngô Văn	Tường	Nam	12/12/1995				Khá	1331273	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17630	623-K49I2		Lê Thị	Vân	Nữ	02/06/1995				Giỏi	1331274	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17631	624-K49I2		Ngô Thị	Vân	Nữ	30/06/1994				Khá	1331275	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17632	625-K49I2		Nguyễn Đức	Võ	Nam	22/11/1995				Khá	1331276	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17633	626-K49I3		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	02/02/1995				Trung bình	1331277	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17634	627-K49I3		Trần Thị	Chang	Nữ	23/07/1995				Khá	1331278	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17635	628-K49I3		Hoàng Thị	Dung	Nữ	27/08/1995				Khá	1331279	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17636	629-K49I3		Nguyễn Văn	Đức	Nam	01/07/1995				Khá	1331280	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17637	630-K49I3		Dương Văn	Hai	Nam	23/02/1995				Khá	1331281	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17638	631-K49I3		Cao Hồng	Hà	Nữ	18/08/1995				Khá	1331282	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17639	632-K49I3		Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	19/05/1995				Khá	1331283	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17640	633-K49I3		Lương Thị	Hằng	Nữ	03/09/1995				Khá	1331284	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17641	634-K49I3		Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Nữ	01/11/1995				Khá	1331285	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17642	635-K49I3		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	04/11/1995				Khá	1331286	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17643	636-K49I3		Đào Thị	Hoa	Nữ	13/02/1995				Khá	1331287	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17644	637-K49I3		Phạm Thị	Huệ	Nữ	30/08/1995				Khá	1331288	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17645	638-K49I3		Nguyễn Quý	Huy	Nam	14/01/1995				Khá	1331289	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17646	639-K49I3		Nguyễn Văn	Huy	Nam	30/05/1994				Khá	1331290	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17647	640-K49I3		Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	15/08/1995				Khá	1331291	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17648	641-K49I3		Mai Trọng	Hùng	Nam	28/04/1995				Khá	1331292	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17649	642-K49I3		Mai Thu	Hương	Nữ	04/01/1995				Khá	1331293	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17650	643-K49I3		Phạm Thị	Lan	Nữ	05/02/1995				Khá	1331294	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17651	644-K49I3		Giáp Thị Kim	Liên	Nữ	02/03/1995				Khá	1331295	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17652	645-K49I3		Đỗ Thị	Loan	Nữ	09/07/1995				Khá	1331296	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17653	646-K49I3		Phùng Thị	Ly	Nữ	08/10/1995				Khá	1331297	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17654	647-K49I3		Tạ Đăng	Mạnh	Nam	29/05/1994				Khá	1331298	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17655	648-K49I3		Lương Thị Kiều	My	Nữ	22/07/1995				Khá	1331299	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17656	649-K49I3		Lê Thị	Ngọc	Nữ	02/10/1994				Khá	1331300	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17657	650-K49I3		Nguyễn Thanh	Nhàn	Nữ	09/08/1995				Khá	1331301	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17658	651-K49I3		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	19/04/1995				Khá	1331302	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17659	652-K49I3		Thái Hồng	Phượng	Nữ	28/05/1995				Khá	1331303	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17660	653-K49I3		Nguyễn Văn	Quang	Nam	19/10/1994				Trung bình	1331304	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17661	654-K49I3		Lê Thị Kim	Thành	Nữ	02/11/1995				Khá	1331305	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17662	655-K49I3		Hầu Phương	Thảo	Nữ	09/07/1995				Khá	1331306	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17663	656-K49I3		Hoàng Văn	Thật	Nam	17/08/1993				Khá	1331307	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17664	657-K49I3		Hoàng Thị Lệ	Thu	Nữ	02/01/1995				Khá	1331308	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17665	658-K49I3		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	02/08/1995				Khá	1331309	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17666	659-K49I3		Từ Thị	Tình	Nữ	02/09/1995				Khá	1331310	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17667	660-K49I3		Dương Thị Kiều	Trang	Nữ	15/06/1995				Khá	1331311	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17668	661-K49I3		Thân Thị	Trinh	Nữ	01/08/1995				Trung bình	1331312	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17669	662-K49I3		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	18/05/1995				Khá	1331313	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17670	663-K49I3		Hoàng Thị	Tú	Nữ	28/09/1995				Khá	1331314	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17671	664-K49I3		Hà Thị	Vân	Nữ	03/05/1995				Giỏi	1331315	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17672	665-K49I3		Nguyễn Thị	Vè	Nữ	16/02/1995				Trung bình	1331316	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17673	666-K49I3		Trần Hữu	Việt	Nam	26/06/1995				Khá	1331317	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17674	667-K49I4		Nguyễn Hải	Nam	Nam	25/03/1994				Trung bình	1331318	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17675	668-K49I4		Mai Văn	Thái	Nam	15/05/1993				Khá	1331319	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17676	669-K49I4		Hoàng Thị	Anh	Nữ	12/11/1995				Khá	1331320	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17677	670-K49I4		Nguyễn Thị	Biều	Nữ	23/08/1995				Khá	1331321	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17678	671-K49I4		Nguyễn Mạnh	Chiến	Nam	28/08/1995				Khá	1331322	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17679	672-K49I4		Đặng Thị	Cúc	Nữ	08/06/1995				Khá	1331323	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17680	673-K49I4		Đỗ Thị	Dịu	Nữ	15/05/1995				Giỏi	1331324	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17681	674-K49I4		Ngô Thị	Dung	Nữ	01/06/1995				Khá	1331325	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17682	675-K49I4		Trương Văn	Đạt	Nam	25/11/1994				Trung bình	1331326	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17683	676-K49I4		Bùi Hồng	Giang	Nữ	08/12/1995				Giỏi	1331327	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17684	677-K49I4		Kiều Thị	Hà	Nữ	08/04/1995				Khá	1331328	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17685	678-K49I4		Phạm Ngọc	Hà	Nữ	30/12/1995				Khá	1331329	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17686	679-K49I4		Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	15/03/1995				Giỏi	1331330	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17687	680-K49I4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/08/1995				Giỏi	1331331	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17688	681-K49I4		Hoàng Thúy	Hằng	Nữ	13/11/1995				Giỏi	1331332	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17689	682-K49I4		Phạm Thị Phương	Hoa	Nữ	28/06/1995				Khá	1331333	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17690	683-K49I4		Phan Thị Thanh	Hoài	Nữ	08/12/1995				Khá	1331334	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17691	684-K49I4		Đinh Thị	Huệ	Nữ	08/03/1995				Khá	1331335	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17692	685-K49I4		Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/08/1995				Giỏi	1331336	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17693	686-K49I4		Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	29/07/1995				Trung bình	1331337	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17694	687-K49I4		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	19/08/1995				Khá	1331338	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17695	688-K49I4		Tạ Duy	Khánh	Nam	11/08/1995				Trung bình	1331339	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17696	689-K49I4		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	12/06/1995				Khá	1331340	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17697	690-K49I4		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	26/09/1995				Khá	1331341	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17698	691-K49I4		Lê Thị	Nga	Nữ	22/09/1994				Khá	1331342	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17699	692-K49I4		Phạm ánh	Ngần	Nữ	20/09/1995				Khá	1331343	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17700	693-K49I4		Vũ Minh	Ngọc	Nam	06/07/1995				Khá	1331344	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17701	694-K49I4		Đỗ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	09/12/1995				Khá	1331345	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17702	695-K49I4		Võ Thị	Nhật	Nữ	05/11/1995				Khá	1331346	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17703	696-K49I4		Nhâm Thị	Nhung	Nữ	12/11/1995				Khá	1331347	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17704	697-K49I4		Lương Thị Kiều	Oanh	Nữ	06/06/1995				Khá	1331348	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17705	698-K49I4		Trần Phương	Oanh	Nữ	02/04/1995				Khá	1331349	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17706	699-K49I4		Phạm Hoài	Phương	Nữ	03/09/1995				Khá	1331350	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17707	700-K49I4		Trần Thị	Phương	Nữ	29/09/1995				Khá	1331351	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17708	701-K49I4		Nguyễn Thị	Quế	Nữ	29/01/1995				Khá	1331352	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17709	702-K49I4		Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/08/1995				Khá	1331353	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17710	703-K49I4		Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	11/07/1995				Khá	1331354	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17711	704-K49I4		Tống Thị Hồng	Thắm	Nữ	12/11/1995				Khá	1331355	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17712	705-K49I4		Nguyễn Thị út	Thơm	Nữ	06/04/1995				Khá	1331356	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17713	706-K49I4		Trần Phương	Thúy	Nữ	14/05/1995				Khá	1331357	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17714	707-K49I4		Vũ Thị Thanh	Thùy	Nữ	06/01/1995				Khá	1331358	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17715	708-K49I4		Nguyễn Phương	Thùy	Nữ	27/10/1994				Khá	1331359	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17716	709-K49I4		Phạm Thị	Trang	Nữ	14/06/1994				Khá	1331360	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17717	710-K49I4		Lê Huyền	Trang	Nữ	10/02/1995				Khá	1331361	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17718	711-K49I4		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	21/11/1995				Giỏi	1331362	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17719	712-K49I4		Bùi Thị Tú	Uyên	Nữ	13/03/1995				Khá	1331363	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17720	713-K49I4		Đinh Thị	Yến	Nữ	05/04/1995				Khá	1331364	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17721	714-K49I4		Vũ Thị	Yến	Nữ	19/04/1995				Khá	1331365	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17722	715-K49I5		Vũ Thị	Khánh	Nữ	16/11/1994				Khá	1331366	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17723	716-K49I5		Vũ Thị	Nhung	Nữ	18/01/1994				Khá	1331367	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17724	717-K49I5		Phạm Thị Quỳnh	Anh	Nữ	15/12/1995				Khá	1331368	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17725	718-K49I5		Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	21/10/1995				Khá	1331369	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17726	719-K49I5		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	19/08/1995				Khá	1331370	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17727	720-K49I5		Nguyễn Mạnh	Công	Nam	26/12/1995				Khá	1331371	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17728	721-K49I5		Nguyễn Thị Thu	Diễm	Nữ	09/01/1995				Khá	1331372	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17729	722-K49I5		Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	24/10/1995				Trung bình	1331373	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17730	723-K49I5		Phạm Thị	Dung	Nữ	12/06/1995				Khá	1331374	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17731	724-K49I5		Phùng Thị Thùy	Dương	Nữ	22/08/1995				Khá	1331375	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17732	725-K49I5		Nguyễn Hương	Giang	Nữ	21/02/1995				Khá	1331376	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17733	726-K49I5		Vũ Thị	Hà	Nữ	10/06/1995				Khá	1331377	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17734	727-K49I5		Trần Thị	Hảo	Nữ	14/08/1995				Khá	1331378	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17735	728-K49I5		Phạm Thị Thu	Hạnh	Nữ	18/12/1995				Khá	1331379	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17736	729-K49I5		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/01/1995				Giỏi	1331380	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17737	730-K49I5		Đặng Anh	Hợp	Nam	06/03/1995				Khá	1331381	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17738	731-K49I5		Phạm Thị	Huế	Nữ	25/11/1995				Khá	1331382	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17739	732-K49I5		Phan Thị Khánh	Huyền	Nữ	02/07/1995				Khá	1331383	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17740	733-K49I5		Lê Quốc	Hưng	Nam	10/12/1995				Khá	1331384	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17741	734-K49I5		Phạm Thị Thanh	Lam	Nữ	18/08/1995				Khá	1331385	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17742	735-K49I5		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	08/01/1995				Khá	1331386	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17743	736-K49I5		Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	20/06/1995				Khá	1331387	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17744	737-K49I5		Nguyễn Thị Như	Mai	Nữ	16/01/1995				Khá	1331388	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17745	738-K49I5		Bùi Thị	Ngoan	Nữ	13/10/1995				Khá	1331389	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17746	739-K49I5		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	24/04/1995				Khá	1331390	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17747	740-K49I5		Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/06/1995				Khá	1331391	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17748	741-K49I5		Lê Thục	Oanh	Nữ	12/09/1995				Khá	1331392	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17749	742-K49I5		Đỗ Thị	Phúc	Nữ	01/05/1994				Khá	1331393	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17750	743-K49I5		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	07/03/1995				Khá	1331394	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17751	744-K49I5		Trần Thị Thu	Phương	Nữ	01/04/1995				Khá	1331395	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17752	745-K49I5		Vũ Thị	Quyên	Nữ	18/11/1995				Trung bình	1331396	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17753	746-K49I5		Tống Thị	Quỳnh	Nữ	19/03/1995				Khá	1331397	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17754	747-K49I5		Đặng Thị	Thảo	Nữ	11/01/1995				Khá	1331398	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17755	748-K49I5		Hoàng Thu	Thảo	Nữ	14/07/1995				Khá	1331399	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17756	749-K49I5		Lê Thị Anh	Thơ	Nữ	20/07/1995				Khá	1331400	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17757	750-K49I5		Phí Thị	Thu	Nữ	30/05/1995				Khá	1331401	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17758	751-K49I5		Bùi Thị	Thùy	Nữ	16/02/1995				Khá	1331402	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17759	752-K49I5		Lê Thanh	Thúy	Nữ	30/05/1995				Khá	1331403	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17760	753-K49I5		Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	06/09/1995				Khá	1331404	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17761	754-K49I5		Đậu Thu	Trang	Nữ	11/12/1995				Khá	1331405	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17762	755-K49I5		Dương Thị	Tuyến	Nữ	19/09/1995				Khá	1331406	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17763	756-K49I5		Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	08/11/1995				Khá	1331407	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17764	757-K49I5		Trương Thị Hải	Yến	Nữ	09/11/1995				Khá	1331408	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17765	758-K49I5		Đào Thị Hải	Yến	Nữ	29/08/1995				Trung bình	1331409	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17766	759-K49I5		Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	10/04/1995				Khá	1331410	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17767	760-K49I6		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	07/10/1995				Khá	1331411	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17768	761-K49I6		Bùi Thị Ngọc	ánh	Nữ	15/11/1995				Khá	1331412	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17769	762-K49I6		Phạm Thị	Cúc	Nữ	28/02/1994				Khá	1331413	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17770	763-K49I6		Trần Thị Vân	Diệu	Nữ	26/04/1994				Khá	1331414	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17771	764-K49I6		Phan Thị	Dung	Nữ	18/04/1993				Khá	1331415	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17772	765-K49I6		Thái Thị	Dung	Nữ	30/10/1995				Khá	1331416	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17773	766-K49I6		Đào Thị Thu	Hà	Nữ	02/04/1995				Khá	1331417	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17774	767-K49I6		Triệu Thu	Hà	Nữ	18/07/1995				Khá	1331418	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17775	768-K49I6		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	28/10/1994				Trung bình	1331419	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17776	769-K49I6		Lê Thị	Hằng	Nữ	06/05/1995				Khá	1331420	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17777	770-K49I6		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	07/03/1995				Khá	1331421	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17778	771-K49I6		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	03/02/1995				Khá	1331422	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17779	772-K49I6		Lê Thị Thu	Hoài	Nữ	12/10/1995				Khá	1331423	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17780	773-K49I6		Hồ Thị	Huế	Nữ	04/09/1995				Giỏi	1331424	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17781	774-K49I6		Trần Thu	Huyền	Nữ	06/03/1994				Khá	1331425	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17782	775-K49I6		Trần Văn Tuấn	Hùng	Nam	04/01/1995				Giỏi	1331426	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17783	776-K49I6		Phan Thị Thu	Hương	Nữ	12/10/1995				Khá	1331427	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17784	777-K49I6		Trương Thị	Lành	Nữ	13/11/1995				Khá	1331428	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17785	778-K49I6		Phan Thị Thùy	Linh	Nữ	07/09/1995				Khá	1331429	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17786	779-K49I6		Hồ Hoàng	Long	Nam	28/06/1994				Khá	1331430	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17787	780-K49I6		Hà Thị Hải	Ly	Nữ	05/04/1995				Trung bình	1331431	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17788	781-K49I6		Lương Thị	Mơ	Nữ	04/04/1995				Khá	1331432	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17789	782-K49I6		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	19/12/1995				Khá	1331433	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17790	783-K49I6		Nguyễn Hiền	Ngọc	Nữ	09/12/1994				Khá	1331434	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17791	784-K49I6		Cao Thị	Nhung	Nữ	14/01/1995				Khá	1331435	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17792	785-K49I6		Hà Thị	Oanh	Nữ	02/12/1995				Khá	1331436	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17793	786-K49I6		Phạm Thị Hà	Phương	Nữ	30/07/1994				Trung bình	1331437	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17794	787-K49I6		Phạm Vũ Việt	Phương	Nữ	03/11/1995				Khá	1331438	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17795	788-K49I6		Trần Ngọc	Quân	Nam	22/11/1995				Khá	1331439	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17796	789-K49I6		Hà Thị	Quỳnh	Nữ	15/06/1995				Khá	1331440	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17797	790-K49I6		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	10/05/1995				Trung bình	1331441	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17798	791-K49I6		Dương Thu	Thảo	Nữ	10/08/1995				Khá	1331442	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17799	792-K49I6		Bùi Thị	Thảo	Nữ	06/01/1995				Khá	1331443	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17800	793-K49I6		Nguyễn Thị Thanh	Thiêm	Nữ	26/06/1995				Khá	1331444	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17801	794-K49I6		Phạm Thị	Thơ	Nữ	16/02/1995				Khá	1331445	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17802	795-K49I6		Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	13/08/1995				Khá	1331446	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17803	796-K49I6		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	19/03/1995				Khá	1331447	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17804	797-K49I6		Đỗ Thị	Thúy	Nữ	19/02/1995				Khá	1331448	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17805	798-K49I6		Nguyễn Mai	Trang	Nữ	22/03/1995				Khá	1331449	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17806	799-K49I6		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	01/11/1995				Khá	1331450	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17807	800-K49I6		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	14/10/1995				Khá	1331451	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17808	801-K49I6		Vũ Văn	Tuyển	Nam	22/01/1995				Trung bình	1331452	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17809	802-K49I6		Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	25/11/1995				Khá	1331453	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17810	803-K49I6		Dương Thị	Vóc	Nữ	22/11/1995				Khá	1331454	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17811	804-K49I6		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	04/12/1994				Khá	1331455	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17812	805-K44I2		Bùi Khánh	Nhật	Nam	01/12/1990				Trung bình	1331456	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17813	806-K46I2		Trần Văn	Cơ	Nam	05/03/1992				Trung bình	1331457	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17814	807-K46I2		Phạm Văn	Duy	Nam	10/07/1992				Khá	1331458	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17815	808-K46I4		Nguyễn Công	Quyết	Nam	01/10/1992				Trung bình	1331459	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17816	809-K47I1		Nguyễn Hải	Dương	Nam	20/08/1993				Trung bình	1331460	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17817	810-K48I1		Nguyễn Tài	Phú	Nam	19/12/1994				Trung bình	1331461	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17818	811-K48I1		Vũ Thanh	Tùng	Nam	23/11/1993				Trung bình	1331462	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17819	812-K48I2		Lê Trung	Đức	Nam	24/05/1994				Trung bình	1331463	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17820	813-K48I4		Đoàn Thu	Hà	Nữ	19/02/1992				Khá	1331464	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17821	814-K48I4		Đỗ Viết	Huy	Nam	10/07/1993				Trung bình	1480411	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17822	815-K48I5		Trần Hồng	Minh	Nam	03/09/1994				Trung bình	1480412	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17823	816-K48I5		Nguyễn Thị	San	Nữ	02/02/1993				Khá	1480413	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17824	817-K17A_SB		Bùi Khánh	Ly	Nữ	02/09/1992				Trung bình	1331000	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17825	818-K17A_SB		Nguyễn Trung	Thuyết	Nam	19/09/1993				Trung bình	1331001	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17826	819-K17A_SB		Lê Thị	Trang	Nữ	05/11/1992				Khá	1331002	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17827	820-K45B1		Vũ Hải	Quân	Nam	31/03/1991				Trung bình	1480414	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17828	821-K45B2		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	08/11/1991				Trung bình	1480415	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17829	822-K48B1		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	25/05/1994				Trung bình	1480416	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17830	823-K48B1		Dương Ngọc	Mai	Nữ	25/10/1994				Trung bình	1480417	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17831	824-K48B2		Đỗ Thúy	Hiền	Nữ	02/11/1994				Khá	1480418	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17832	825-K48B3		Nguyễn Ngọc	Thạch	Nam	07/01/1993				Trung bình	1480419	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17833	826-K47V1		Lê Thị	Thắm	Nữ	16/07/1993				Trung bình	1480429	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị tổ chức dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17834	827-K47C4		Nguyễn Văn	Dương	Nam	08/08/1992				Khá	1480427	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17835	828-K47C4		Đinh Thị	Thúy	Nữ	19/05/1993				Khá	1480428	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17836	829-K46P1		Vũ Mạnh	Cường	Nam	03/10/1992				Trung bình	1480430	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17837	830-K47U2		Đặng Ngọc	Đức	Nam	09/05/1993				Trung bình	1480431	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực thương mại	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17838	831-K47T2		La Thị Thanh	Mai	Nữ	28/11/1993				Trung bình	1480420	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17839	832-K48T1		Nguyễn Mạnh	Tiến	Nam	04/03/1995				Trung bình	1480421	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17840	833-K48T1		Nguyễn Hữu	Tiến	Nam	26/01/1994				Trung bình	1480422	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17841	834-K48T2		Hồ Sỹ Sơn	Tùng	Nam	19/06/1994				Khá	1480423	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17842	835-K48T4		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	10/03/1994				Trung bình	1480424	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17843	836-K48T4		Hoàng Quang	Trung	Nam	05/03/1994				Trung bình	1480425	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17844	837-K48T4		Đặng Thu	Hương	Nữ	01/10/1994				Khá	1480426	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	377/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17845	838-K49B1KS		Vũ Thị	Thùy	Nữ	27/08/1994				Khá	1480465	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17846	839-K49B1KS		Lý Thành	An	Nam	20/10/1994				Khá	1480466	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17847	840-K49B1KS		Mai Quỳnh	Anh	Nữ	14/02/1995				Khá	1480467	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17848	841-K49B1KS		Trần Diệp	Anh	Nữ	26/09/1995				Khá	1480468	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17849	842-K49B1KS		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	25/11/1995				Khá	1480469	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17850	843-K49B1KS		Nguyễn Mai	Chi	Nữ	19/12/1995				Khá	1480470	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17851	844-K49B1KS		Trần Thị Phương	Dung	Nữ	13/12/1995				Khá	1480471	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17852	845-K49B1KS		Trần Hùng	Đức	Nam	31/05/1995				Xuất sắc	1480472	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17853	846-K49B1KS		Phạm Trường	Giang	Nam	01/08/1995				Trung bình	1480473	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17854	847-K49B1KS		Nguyễn Minh	Giang	Nữ	21/12/1995				Khá	1480474	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17855	848-K49B1KS		Đinh Thị	Hà	Nữ	12/10/1995				Giỏi	1480475	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17856	849-K49B1KS		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	17/09/1995				Khá	1480476	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17857	850-K49B1KS		Phạm Thị Mỹ	Hằng	Nữ	22/09/1995				Giỏi	1480477	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17858	851-K49B1KS		Trần Thị	Hiên	Nữ	20/04/1995				Khá	1480478	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17859	852-K49B1KS		Lê Thanh	Hiền	Nữ	24/06/1995				Khá	1480479	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17860	853-K49B1KS		Nguyễn Thị Hương	Lan	Nữ	18/12/1995				Khá	1480480	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17861	854-K49B1KS		Dương Thị	Lệ	Nữ	30/05/1995				Khá	1480481	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17862	855-K49B1KS		Nguyễn Thị Diệp	Linh	Nữ	11/08/1995				Khá	1480482	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17863	856-K49B1KS		Tô Thị Mỹ	Linh	Nữ	10/11/1995				Khá	1480483	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17864	857-K49B1KS		Phạm Thị	Mến	Nữ	18/10/1995				Giỏi	1480484	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17865	858-K49B1KS		Vũ Minh	Ngọc	Nữ	26/12/1995				Khá	1480485	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17866	859-K49B1KS		Phạm Thị	Phương	Nữ	25/01/1995				Khá	1480486	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17867	860-K49B1KS		Lê Thị Thu	Phương	Nữ	18/04/1995				Khá	1480487	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17868	861-K49B1KS		Vũ Yến	Quỳnh	Nữ	26/07/1995				Trung bình	1480488	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17869	862-K49B1KS		Tô Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/09/1995				Khá	1480489	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17870	863-K49B1KS		Trần Phương	Thảo	Nữ	09/10/1995				Khá	1480490	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17871	864-K49B1KS		Phan Thị	Thảo	Nữ	26/04/1995				Khá	1480491	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17872	865-K49B1KS		Trần Thanh	Thúy	Nữ	30/11/1995				Giỏi	1480492	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17873	866-K49B1KS		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	24/11/1995				Khá	1480493	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17874	867-K49B1KS		Nguyễn Thị Thúy	Tiên	Nữ	19/10/1995				Khá	1480494	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17875	868-K49B1KS		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	29/07/1995				Khá	1480495	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17876	869-K49B1KS		Lê Thị	Trang	Nữ	06/12/1995				Giỏi	1480496	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17877	870-K49B1KS		Trương Thị Hoài	Trâm	Nữ	17/11/1995				Khá	1480497	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17878	871-K49B1KS		Nguyễn Thị Thúy	Vân	Nữ	17/11/1995				Khá	1480498	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17879	872-K49B1KS		Hoàng Thị	Vân	Nữ	08/10/1995				Khá	1480499	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17880	873-K49B1KS		Nguyễn Thị	Viên	Nữ	18/02/1995				Khá	1480500	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17881	874-K49B2KS		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	25/01/1995				Khá	1480501	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17882	875-K49B2KS		Nguyễn Linh	Chi	Nữ	25/04/1995				Khá	1480502	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17883	876-K49B2KS		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	24/04/1995				Khá	1480503	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17884	877-K49B2KS		Nguyễn Hồng	Dương	Nam	15/11/1995				Khá	1480504	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17885	878-K49B2KS		Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	19/06/1995				Trung bình	1480505	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17886	879-K49B2KS		Đỗ Ngọc	Hà	Nữ	08/10/1994				Khá	1480506	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17887	880-K49B2KS		Trương Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	23/03/1995				Khá	1480507	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17888	881-K49B2KS		Võ Thị	Hằng	Nữ	18/03/1995				Khá	1480508	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17889	882-K49B2KS		Lê Thị	Hằng	Nữ	18/09/1995				Khá	1480509	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17890	883-K49B2KS		Phạm Thị	Hiền	Nữ	10/06/1995				Khá	1480510	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17891	884-K49B2KS		Hán Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	22/09/1995				Khá	1480511	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17892	885-K49B2KS		Phạm Thị	Liễu	Nữ	20/05/1995				Khá	1480512	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17893	886-K49B2KS		Trịnh Hà	Linh	Nữ	07/11/1995				Khá	1480513	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17894	887-K49B2KS		Trần Thị	Mai	Nữ	10/08/1995				Khá	1480514	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17895	888-K49B2KS		Khiếu Thị	Nga	Nữ	23/10/1995				Khá	1480515	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17896	889-K49B2KS		Bùi Thị Cẩm	Nhung	Nữ	05/11/1995				Giỏi	1480516	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17897	890-K49B2KS		Lê Hoài	Phương	Nữ	14/06/1994				Khá	1480517	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17898	891-K49B2KS		Dương Thị	Phương	Nữ	06/03/1995				Khá	1480518	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17899	892-K49B2KS		Cao Thị	Quỳnh	Nữ	05/05/1995				Khá	1480519	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17900	893-K49B2KS		Nguyễn Thái	Sơn	Nam	27/11/1995				Khá	1480520	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17901	894-K49B2KS		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	02/10/1993				Khá	1480521	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17902	895-K49B2KS		Bùi Hoàng	Thiên	Nam	24/09/1995				Khá	1480522	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17903	896-K49B2KS		Lê Thị Minh	Thúy	Nữ	03/07/1995				Trung bình	1480523	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17904	897-K49B2KS		Phạm Thị Thương	Thương	Nữ	23/11/1995				Khá	1480524	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17905	898-K49B2KS		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	23/12/1995				Giỏi	1480525	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17906	899-K49B2KS		Đào Thu	Trang	Nữ	05/03/1995				Khá	1480526	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17907	900-K49B2KS		Trần Thị	Trang	Nữ	21/03/1995				Khá	1480527	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17908	901-K49B2KS		Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	23/09/1995				Khá	1480528	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17909	902-K49B2KS		Phạm Tuấn	Tú	Nữ	15/07/1995				Khá	1480529	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17910	903-K49B2KS		Trần Hải	Vân	Nữ	05/07/1995				Khá	1480530	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17911	904-K49B2KS		Hoàng Hồng	Vân	Nữ	21/09/1995				Trung bình	1480531	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17912	905-K49B2KS		Nguyễn Thị Hồng	Xiêm	Nữ	23/11/1995				Khá	1480532	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17913	906-K49B2KS		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	14/11/1995				Khá	1480533	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17914	907-K49B2KS		Dương Hải	Yến	Nữ	24/04/1995				Khá	1480534	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17915	908-K49B3KS		Nguyễn Linh	Anh	Nữ	27/09/1995				Khá	1480535	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17916	909-K49B3KS		Trần Thúy	Anh	Nữ	22/09/1995				Giỏi	1480536	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17917	910-K49B3KS		Nguyễn Triệu Quỳnh	Chi	Nữ	06/09/1995				Khá	1480537	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17918	911-K49B3KS		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	06/01/1995				Khá	1480538	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17919	912-K49B3KS		Chu Tiến	Đạt	Nam	14/11/1995				Trung bình	1480539	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17920	913-K49B3KS		Nguyễn Trường	Giang	Nam	06/07/1994				Khá	1480540	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17921	914-K49B3KS		Phạm Thị	Giang	Nữ	01/08/1995				Khá	1480541	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17922	915-K49B3KS		Lâm Thu	Hà	Nữ	25/10/1995				Khá	1480542	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17923	916-K49B3KS		Dương Thị	Hải	Nữ	30/08/1995				Khá	1480543	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17924	917-K49B3KS		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	08/10/1995				Khá	1480544	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17925	918-K49B3KS		Hoàng Mỹ	Hằng	Nữ	08/11/1995				Khá	1480545	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17926	919-K49B3KS		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	16/11/1995				Khá	1480546	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17927	920-K49B3KS		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	03/08/1995				Khá	1480547	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17928	921-K49B3KS		Khúc Thị	Huệ	Nữ	12/12/1995				Khá	1480548	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17929	922-K49B3KS		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16/07/1995				Khá	1480549	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17930	923-K49B3KS		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	24/08/1995				Khá	1480550	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17931	924-K49B3KS		Hà Nhật	Linh	Nam	13/08/1995				Giỏi	1480551	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17932	925-K49B3KS		Vũ Thùy	Linh	Nữ	31/03/1995				Khá	1480552	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17933	926-K49B3KS		Nguyễn Đình	Luyện	Nam	04/02/1995				Khá	1480553	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17934	927-K49B3KS		Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	02/11/1995				Giỏi	1480554	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17935	928-K49B3KS		Khuất Thị Kim	Ngọc	Nữ	16/03/1995				Khá	1480555	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17936	929-K49B3KS		Chu Thị	Nguyệt	Nữ	23/02/1995				Khá	1480556	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17937	930-K49B3KS		Lê Thị	Oanh	Nữ	01/09/1995				Khá	1480557	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17938	931-K49B3KS		Đỗ Thị Hà	Phương	Nữ	12/04/1995				Khá	1480558	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17939	932-K49B3KS		Bùi Thị	Phương	Nữ	15/05/1995				Khá	1480559	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17940	933-K49B3KS		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	07/08/1995				Giỏi	1480560	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17941	934-K49B3KS		Bùi Văn	Thịnh	Nam	16/01/1993				Trung bình	1480561	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17942	935-K49B3KS		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	22/06/1995				Khá	1480562	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17943	936-K49B3KS		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	26/06/1995				Khá	1480563	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17944	937-K49B3KS		Phạm Thị Tuyết	Chinh	Nữ	09/10/1995				Khá	1480564	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17945	938-K49B3KS		Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	19/12/1995				Khá	1480565	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17946	939-K49B3KS		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	01/07/1995				Khá	1480566	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17947	940-K49B3KS		Đoàn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	08/09/1995				Khá	1480567	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17948	941-K49B3KS		Trần Bích	Hồng	Nữ	03/01/1995				Khá	1480568	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17949	942-K49B3KS		Nguyễn Thanh	Loan	Nữ	07/06/1995				Khá	1480569	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17950	943-K49B3KS		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	04/12/1995				Trung bình	1480570	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17951	944-K49B3KS		Phạm Kiều	My	Nữ	01/04/1995				Trung bình	1480571	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17952	945-K49B3KS		Trần Thị Thảo	My	Nữ	15/10/1995				Khá	1480572	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17953	946-K49B3KS		Vũ Minh	Ngọc	Nữ	13/06/1995				Khá	1480573	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17954	947-K49B3KS		Trịnh Thị Hồng	Nhung	Nữ	26/04/1995				Khá	1480574	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17955	948-K49B3KS		Đào Thị	Phương	Nữ	19/11/1995				Khá	1480575	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17956	949-K49B3KS		Lê Thị	Phượng	Nữ	14/03/1994				Khá	1480576	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17957	950-K49B3KS		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	07/06/1995				Khá	1480577	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17958	951-K49B3KS		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	09/02/1995				Trung bình	1480578	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
17959	952-K49B3KS		Bùi Thu	Yến	Nữ	30/08/1995				Khá	1480579	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	378/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17960	953-K49B1LH		Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	27/04/1995				Khá	1480813	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17961	954-K49B1LH		Lê Thị Thùy	Dương	Nữ	19/09/1995				Khá	1480814	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17962	955-K49B1LH		Phạm Thị	Giang	Nữ	06/07/1995				Khá	1480815	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17963	956-K49B1LH		Đỗ Thị	Hằng	Nữ	12/02/1995				Khá	1480816	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17964	957-K49B1LH		Tào Thanh	Hoa	Nữ	26/10/1995				Khá	1480817	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17965	958-K49B1LH		Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	17/06/1995				Khá	1480818	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17966	959-K49B1LH		Hoàng Thu	Huyền	Nữ	01/09/1995				Giỏi	1480819	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17967	960-K49B1LH		Thái Thị	Hương	Nữ	01/05/1995				Khá	1480820	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17968	961-K49B1LH		Hoàng Thị	Hương	Nữ	20/05/1995				Giỏi	1480821	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17969	962-K49B1LH		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	19/06/1995				Khá	1480822	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17970	963-K49B1LH		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	18/04/1995				Khá	1480823	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17971	964-K49B1LH		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	20/08/1995				Khá	1480824	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17972	965-K49B1LH		Bùi Văn	Linh	Nam	19/11/1995				Giỏi	1480825	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17973	966-K49B1LH		Vương Thùy	Linh	Nữ	08/11/1995				Giỏi	1480826	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17974	967-K49B1LH		Trịnh Thị	Luyến	Nữ	02/07/1995				Khá	1480827	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17975	968-K49B1LH		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	27/08/1995				Khá	1480828	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17976	969-K49B1LH		Bùi Thúy	Ngân	Nữ	03/08/1995				Khá	1480829	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17977	970-K49B1LH		Phạm Văn	Nguyên	Nam	10/10/1995				Giỏi	1480830	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17978	971-K49B1LH		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	19/08/1995				Khá	1480831	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17979	972-K49B1LH		Trần Thị	Nụ	Nữ	03/05/1995				Khá	1480832	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17980	973-K49B1LH		Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	26/11/1995				Khá	1480833	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17981	974-K49B1LH		Nguyễn Thị Hải	Phương	Nữ	03/02/1995				Khá	1480834	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17982	975-K49B1LH		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	26/12/1995				Khá	1480835	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17983	976-K49B1LH		Ngô Thị	Quyên	Nữ	01/05/1995				Khá	1480836	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17984	977-K49B1LH		Hà Thị Phương	Quỳnh	Nữ	06/11/1995				Khá	1480837	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17985	978-K49B1LH		Đinh Thị	Quỳnh	Nữ	08/03/1995				Khá	1480838	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17986	979-K49B1LH		Bùi Thị	Thảo	Nữ	17/11/1995				Khá	1480839	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17987	980-K49B1LH		Vũ Thanh	Thảo	Nữ	28/12/1995				Khá	1480840	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17988	981-K49B1LH		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	17/09/1995				Khá	1480841	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17989	982-K49B1LH		Đàm Thị	Thùy	Nữ	28/04/1995				Khá	1480842	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17990	983-K49B1LH		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	01/10/1995				Khá	1480843	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17991	984-K49B1LH		Lâm Thị	Tuyết	Nữ	04/08/1995				Khá	1480844	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17992	985-K49B1LH		Lã Thị	Xuân	Nữ	13/09/1995				Khá	1480845	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17993	986-K49B1LH		CHANTHAVISOUK	Ladtana	Nữ	06/03/1993				Khá	1480846	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17994	987-K49B2LH		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	17/09/1995				Giỏi	1480847	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17995	988-K49B2LH		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	18/08/1995				Khá	1480848	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17996	989-K49B2LH		Nguyễn Thị Lệ	Hằng	Nữ	26/02/1995				Khá	1480849	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17997	990-K49B2LH		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	30/06/1995				Trung bình	1480850	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17998	991-K49B2LH		Đoàn Thị Minh	Hòa	Nữ	16/10/1995				Giỏi	1480851	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
17999	992-K49B2LH		Khắc Thị	Hợi	Nữ	01/02/1995				Khá	1480852	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18000	993-K49B2LH		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12/11/1995				Khá	1480853	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18001	994-K49B2LH		Lê Thị Xuân	Hương	Nữ	02/02/1995				Khá	1480854	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18002	995-K49B2LH		Lê Thị	Hương	Nữ	28/09/1995				Khá	1480855	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18003	996-K49B2LH		Bùi Ngọc	Lê	Nữ	21/11/1995				Khá	1480856	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18004	997-K49B2LH		Phạm Ngọc Phương	Linh	Nữ	11/07/1995				Khá	1480857	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18005	998-K49B2LH		Vũ Thùy	Linh	Nữ	20/12/1995				Khá	1480858	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18006	999-K49B2LH		Nguyễn Thị Duy	Ly	Nữ	26/04/1995				Khá	1480859	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18007	1000-K49B2LH		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	05/07/1995				Khá	1480860	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18008	1001-K49B2LH		Đinh Thị	Nhung	Nữ	01/08/1995				Khá	1480861	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18009	1002-K49B2LH		Trần Thị	Nụ	Nữ	07/09/1995				Khá	1480862	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18010	1003-K49B2LH		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	13/09/1995				Khá	1480863	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18011	1004-K49B2LH		Hà Bích	Phượng	Nữ	21/03/1995				Khá	1480864	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18012	1005-K49B2LH		Đỗ Thị	Quyến	Nữ	13/07/1995				Khá	1480865	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18013	1006-K49B2LH		Lê Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	30/09/1995				Giỏi	1480866	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18014	1007-K49B2LH		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	15/01/1995				Khá	1480867	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18015	1008-K49B2LH		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	20/11/1995				Khá	1480868	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18016	1009-K49B2LH		Lã Thị Kim	Thoa	Nữ	13/06/1995				Khá	1480869	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18017	1010-K49B2LH		Đỗ Kiều	Thương	Nữ	22/11/1995				Trung bình	1480870	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18018	1011-K49B2LH		Triệu Thùy	Trang	Nữ	23/12/1995				Giỏi	1480871	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18019	1012-K49B2LH		Lê Thị	Trang	Nữ	10/08/1995				Khá	1480872	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18020	1013-K49B2LH		Lương Thị Thanh	Trà	Nữ	19/08/1995				Khá	1480873	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18021	1014-K49B2LH		Trương Thị	Vui	Nữ	18/12/1995				Khá	1480874	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18022	1015-K49B3LH		Hứa Phương	Anh	Nữ	07/02/1994				Giỏi	1480875	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18023	1016-K49B3LH		Cung Thùy	Chi	Nữ	08/06/1995				Khá	1480876	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18024	1017-K49B3LH		Đặng Thị Mỹ	Duyên	Nữ	10/11/1995				Khá	1480877	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18025	1018-K49B3LH		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	13/03/1995				Khá	1480878	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18026	1019-K49B3LH		Phạm Thị	Hậu	Nữ	15/05/1994				Khá	1480879	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18027	1020-K49B3LH		Đào Thị	Hằng	Nữ	15/04/1995				Khá	1480880	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18028	1021-K49B3LH		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	16/07/1995				Khá	1480881	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18029	1022-K49B3LH		Vũ Thị	Hoài	Nữ	17/10/1995				Giỏi	1480882	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18030	1023-K49B3LH		Trần Thị	Huyền	Nữ	17/10/1994				Khá	1480883	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18031	1024-K49B3LH		Nguyễn Xuân	Khải	Nam	13/12/1995				Khá	1480884	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18032	1025-K49B3LH		Bùi Đình	Thành	Nam	23/08/1995				Khá	1480885	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18033	1026-K49B3LH		Đồng Thị	Hiền	Nữ	24/01/1995				Khá	1480886	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18034	1027-K49B3LH		Lê Thị Thanh	Hoa	Nữ	02/10/1994				Khá	1480887	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18035	1028-K49B3LH		Trần Thị	Huệ	Nữ	10/02/1995				Khá	1480888	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18036	1029-K49B3LH		Dương Thị	Huệ	Nữ	14/11/1995				Khá	1480889	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18037	1030-K49B3LH		Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	03/11/1994				Khá	1480890	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18038	1031-K49B3LH		Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	11/03/1995				Trung bình	1480891	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18039	1032-K49B3LH		Vũ Thị	Liên	Nữ	21/04/1995				Khá	1480892	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18040	1033-K49B3LH		Đào Hương	Ly	Nữ	18/03/1995				Khá	1480893	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18041	1034-K49B3LH		Lê Thị	Nhị	Nữ	28/03/1994				Khá	1480894	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18042	1035-K49B3LH		Nguyễn Trang	Nhung	Nữ	24/07/1994				Khá	1480895	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18043	1036-K49B3LH		Trịnh Minh	Thắng	Nam	23/02/1994				Trung bình	1480896	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18044	1037-K49B3LH		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	03/11/1995				Khá	1480897	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18045	1038-K49B4LH		Lê Thị Mai	Anh	Nữ	21/10/1995				Khá	1480898	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18046	1039-K49B4LH		Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	04/10/1995				Khá	1480899	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18047	1040-K49B4LH		Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	06/11/1995				Khá	1480900	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18048	1041-K49B4LH		Phạm Đức	Anh	Nam	05/12/1995				Khá	1480901	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18049	1042-K49B4LH		Mai Kim	Chi	Nữ	20/01/1995				Khá	1480902	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18050	1043-K49B4LH		Trần Thị Ngọc	Hà	Nữ	24/12/1995				Khá	1480903	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18051	1044-K49B4LH		Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	29/01/1994				Khá	1480904	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18052	1045-K49B4LH		Trần Thị	Hoa	Nữ	24/06/1995				Khá	1480905	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18053	1046-K49B4LH		Đặng Huy	Hoàng	Nam	08/12/1995				Khá	1480906	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18054	1047-K49B4LH		Mai Thị	Hương	Nữ	01/09/1995				Khá	1480907	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18055	1048-K49B4LH		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	19/02/1995				Khá	1480908	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18056	1049-K49B4LH		Trần Thị	Lan	Nữ	09/05/1995				Khá	1480909	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18057	1050-K49B4LH		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	24/03/1995				Giỏi	1480910	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18058	1051-K49B4LH		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	06/03/1995				Khá	1480911	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18059	1052-K49B4LH		Đỗ Văn	Ly	Nữ	08/04/1995				Khá	1480912	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18060	1053-K49B4LH		Nguyễn Thị	Ly	Nữ	16/03/1995				Khá	1480913	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18061	1054-K49B4LH		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	21/07/1995				Khá	1480914	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18062	1055-K49B4LH		Trần Thị	Nga	Nữ	27/11/1995				Khá	1480915	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18063	1056-K49B4LH		Đặng Thị Như	Ngọc	Nữ	08/04/1995				Khá	1480916	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18064	1057-K49B4LH		Nguyễn Linh	Ngọc	Nữ	27/05/1995				Giỏi	1480917	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18065	1058-K49B4LH		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	25/08/1995				Trung bình	1480918	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18066	1059-K49B4LH		Phạm Thu	Phương	Nữ	26/02/1994				Khá	1480919	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18067	1060-K49B4LH		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	19/07/1995				Giỏi	1480920	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18068	1061-K49B4LH		Cao Thị Phương	Thảo	Nữ	25/05/1995				Khá	1480921	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18069	1062-K49B4LH		Trần Hoàng	Thảo	Nữ	29/10/1995				Khá	1480922	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18070	1063-K49B4LH		Trần Thị Ngọc	Thoa	Nữ	02/11/1995				Khá	1480923	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18071	1064-K49B4LH		Cao Thị	Thúy	Nữ	18/06/1995				Khá	1480924	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18072	1065-K49B4LH		Hoàng Thị	Thúy	Nữ	15/09/1994				Giỏi	1480925	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18073	1066-K49B4LH		Đặng Thị Thu	Trang	Nữ	24/12/1995				Khá	1480926	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18074	1067-K49B4LH		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	30/03/1994				Khá	1480927	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18075	1068-K49B4LH		Bùi Bích	Việt	Nữ	13/05/1995				Giỏi	1480928	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18076	1069-K49B4LH		Lại Thị Lan	Vy	Nữ	21/01/1995				Giỏi	1480929	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18077	1070-K49B4LH		Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	28/07/1995				Khá	1480930	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18078	1071-K49B5LH		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	06/02/1995				Khá	1480931	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18079	1072-K49B5LH		Trịnh Văn Quốc	Dũng	Nam	11/01/1995				Khá	1480932	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18080	1073-K49B5LH		Hoàng Thị	Giang	Nữ	14/04/1995				Khá	1480933	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18081	1074-K49B5LH		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	07/07/1995				Khá	1480934	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18082	1075-K49B5LH		Đỗ Thúy	Hằng	Nữ	05/01/1995				Khá	1480935	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18083	1076-K49B5LH		Bùi Thị	Hiền	Nữ	01/09/1994				Khá	1480936	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18084	1077-K49B5LH		Ngô Thị Ngọc	Hoài	Nữ	06/09/1995				Khá	1480937	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18085	1078-K49B5LH		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/07/1995				Khá	1480938	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18086	1079-K49B5LH		Phạm Ngọc	Huệ	Nữ	06/04/1995				Khá	1480939	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18087	1080-K49B5LH		Lý Thị Thu	Huyền	Nữ	29/07/1995				Khá	1480940	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18088	1081-K49B5LH		Lê Thị Thu	Hương	Nữ	15/11/1995				Khá	1480965	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18089	1082-K49B5LH		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	26/10/1995				Khá	1480941	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18090	1083-K49B5LH		Lê Văn	Kiên	Nam	21/03/1995				Khá	1480942	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18091	1084-K49B5LH		Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	27/08/1995				Khá	1480943	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18092	1085-K49B5LH		Phạm Thùy	Linh	Nữ	28/07/1995				Khá	1480944	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18093	1086-K49B5LH		Trần Diệu	Linh	Nữ	14/02/1995				Khá	1480945	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18094	1087-K49B5LH		Tạ Phương	Loan	Nữ	10/07/1995				Giỏi	1480946	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18095	1088-K49B5LH		Dương Thị Dung	Lương	Nữ	16/05/1995				Khá	1480947	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18096	1089-K49B5LH		Phạm Thị Hương	Ly	Nữ	05/11/1995				Trung bình	1480948	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18097	1090-K49B5LH		Bùi Thị	Nga	Nữ	05/02/1995				Khá	1480949	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18098	1091-K49B5LH		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/12/1994				Giỏi	1480950	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18099	1092-K49B5LH		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	30/08/1995				Giỏi	1480951	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18100	1093-K49B5LH		Lưu Thị Hải	Ninh	Nữ	10/08/1995				Khá	1480952	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18101	1094-K49B5LH		Nguyễn Mai	Phương	Nữ	22/06/1995				Khá	1480953	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18102	1095-K49B5LH		Triệu Thùy	Tâm	Nữ	30/08/1995				Khá	1480954	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18103	1096-K49B5LH		Lê Đan	Thanh	Nữ	03/04/1995				Khá	1480955	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18104	1097-K49B5LH		Trịnh Thị	Thịnh	Nữ	09/08/1995				Khá	1480956	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18105	1098-K49B5LH		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	10/12/1995				Khá	1480957	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18106	1099-K49B5LH		Lương Thị	Thúy	Nữ	27/10/1995				Khá	1480958	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18107	1100-K49B5LH		Phạm Minh	Thư	Nữ	18/07/1994				Khá	1480959	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18108	1101-K49B5LH		Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	27/07/1995				Khá	1480960	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18109	1102-K49B5LH		Phùng Thị Huyền	Trang	Nữ	10/08/1995				Khá	1480961	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18110	1103-K49B5LH		Hoàng Văn	Ước	Nam	08/01/1995				Khá	1480962	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18111	1104-K49B5LH		Trần Thị Hải	Vân	Nữ	22/09/1995				Khá	1480963	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18112	1105-K49B5LH		Bùi Thị	Yến	Nữ	17/05/1995				Khá	1480964	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	379/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18113	1106-K49E1		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	23/04/1995				Khá	1507154	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18114	1107-K49E1		Phạm Lan	Anh	Nữ	24/10/1995				Khá	1507155	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18115	1108-K49E1		Đỗ Thị Ngọc	ánh	Nữ	04/06/1995				Khá	1507156	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18116	1109-K49E1		Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	09/07/1995				Khá	1507157	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18117	1110-K49E1		Nguyễn Thị	Chung	Nữ	17/03/1995				Khá	1507158	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18118	1111-K49E1		Hoàng Thị Mỹ	Dung	Nữ	17/07/1995				Khá	1507159	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18119	1112-K49E1		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	01/04/1995				Giỏi	1507160	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18120	1113-K49E1		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	29/05/1995				Khá	1507161	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18121	1114-K49E1		Đỗ Thu	Hà	Nữ	03/03/1995				Khá	1507162	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18122	1115-K49E1		Mai Phương	Hạnh	Nữ	11/07/1995				Khá	1507163	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18123	1116-K49E1		Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	16/12/1995				Khá	1507164	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18124	1117-K49E1		Nguyễn Phương	Hiếu	Nữ	28/08/1995				Khá	1507165	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18125	1118-K49E1		Chu Thị Phương	Hoa	Nữ	24/05/1995				Giỏi	1507166	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18126	1119-K49E1		Vũ Thị	Hồng	Nữ	17/11/1995				Khá	1507167	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18127	1120-K49E1		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	30/09/1995				Khá	1507168	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18128	1121-K49E1		Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	02/07/1995				Khá	1507169	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18129	1122-K49E1		Lê Thị	Hương	Nữ	29/03/1995				Khá	1507170	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18130	1123-K49E1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/12/1995				Khá	1507171	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18131	1124-K49E1		Phạm Thị	Lệ	Nữ	02/08/1995				Khá	1507172	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18132	1125-K49E1		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	10/02/1995				Khá	1507173	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18133	1126-K49E1		Nguyễn Hà	Linh	Nữ	14/01/1995				Khá	1507174	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18134	1127-K49E1		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	19/10/1995				Khá	1507175	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18135	1128-K49E1		Đặng Thị	Ly	Nữ	08/02/1995				Giỏi	1507176	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18136	1129-K49E1		Nguyễn Nhật	Minh	Nam	27/01/1995				Giỏi	1507177	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18137	1130-K49E1		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	12/04/1995				Khá	1507178	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18138	1131-K49E1		Phạm Thanh	Nga	Nữ	20/10/1995				Khá	1507179	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18139	1132-K49E1		Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	01/01/1995				Khá	1507180	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18140	1133-K49E1		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	15/12/1995				Khá	1507181	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18141	1134-K49E1		Lưu Thị Kim	Oanh	Nữ	17/05/1995				Giỏi	1507182	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18142	1135-K49E1		Phạm Thu	Phương	Nữ	10/08/1995				Khá	1507183	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18143	1136-K49E1		Nguyễn Minh	Phương	Nữ	20/08/1995				Khá	1507184	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18144	1137-K49E1		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	22/12/1995				Khá	1507185	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18145	1138-K49E1		Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	04/12/1995				Giỏi	1507186	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18146	1139-K49E1		Phạm Thị	Tâm	Nữ	10/07/1995				Khá	1507187	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18147	1140-K49E1		Bùi Huy	Thái	Nam	10/04/1995				Khá	1507188	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18148	1141-K49E1		Dương Thị	Thảo	Nữ	25/01/1995				Khá	1507189	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18149	1142-K49E1		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	08/08/1995				Khá	1507190	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18150	1143-K49E1		Hà Thị	Thúy	Nữ	20/04/1995				Khá	1507191	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18151	1144-K49E1		Trần Thị	Trang	Nữ	02/08/1995				Khá	1507192	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18152	1145-K49E1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	06/12/1995				Khá	1507193	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18153	1146-K49E1		Đặng Linh	Trang	Nữ	21/04/1994				Giỏi	1507194	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18154	1147-K49E1		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	27/09/1995				Giỏi	1507195	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18155	1148-K49E1		Vũ Thị	Vui	Nữ	20/08/1995				Khá	1507196	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18156	1149-K49E1		Nguyễn Thị Phương	Yến	Nữ	13/02/1995				Khá	1507197	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18157	1150-K49E1		MANIVANH	Soneanong	Nữ	28/05/1994				Khá	1507198	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18158	1151-K49E1		PHENGSOMBATH	Vathasin	Nam	27/03/1993				Khá	1507199	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18159	1152-K49E2		Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	04/03/1995				Khá	1507200	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18160	1153-K49E2		Văn Thị Ngọc	ánh	Nữ	25/01/1995				Giỏi	1507201	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18161	1154-K49E2		Phạm Thị	Dịu	Nữ	08/01/1995				Khá	1507202	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18162	1155-K49E2		Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	18/04/1995				Giỏi	1507203	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18163	1156-K49E2		Trần Đức	Hà	Nam	16/03/1995				Khá	1507204	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18164	1157-K49E2		Phạm Thị	Hà	Nữ	01/03/1995				Giỏi	1507205	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18165	1158-K49E2		Lương Mỹ	Hảo	Nữ	19/10/1995				Khá	1507206	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18166	1159-K49E2		Đỗ Thị Thanh	Hằng	Nữ	15/11/1995				Khá	1507207	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18167	1160-K49E2		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	08/10/1995				Khá	1507208	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18168	1161-K49E2		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	27/02/1995				Khá	1507209	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18169	1162-K49E2		Trần Thị	Hoài	Nữ	17/02/1995				Khá	1507210	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18170	1163-K49E2		Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	15/10/1995				Khá	1507211	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18171	1164-K49E2		Đặng Thu	Huyền	Nữ	18/04/1995				Giỏi	1507212	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18172	1165-K49E2		Lê Trần	Hương	Nữ	27/12/1995				Khá	1507213	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18173	1166-K49E2		Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	31/05/1995				Khá	1507214	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18174	1167-K49E2		Vũ Thị Minh	Khánh	Nữ	08/01/1995				Trung bình	1507215	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18175	1168-K49E2		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	23/06/1995				Giỏi	1507216	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18176	1169-K49E2		Trần Khánh	Linh	Nữ	07/10/1995				Trung bình	1507217	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18177	1170-K49E2		Đào Ngọc	Linh	Nữ	25/03/1995				Giỏi	1507218	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18178	1171-K49E2		Tào Huệ	Linh	Nữ	23/02/1995				Giỏi	1507219	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18179	1172-K49E2		Nguyễn Thị Hoa	Mai	Nữ	23/05/1995				Trung bình	1507220	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18180	1173-K49E2		Đặng Thị Tuyết	Mai	Nữ	25/12/1995				Giỏi	1507221	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18181	1174-K49E2		Chu Tiến	Minh	Nam	16/07/1995				Giỏi	1507222	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18182	1175-K49E2		Bùi Thị Trà	My	Nữ	05/02/1995				Khá	1507223	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18183	1176-K49E2		Hoàng Thị	Nga	Nữ	14/08/1995				Khá	1507224	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18184	1177-K49E2		Lê Thị Thúy	Ngân	Nữ	20/09/1995				Khá	1507225	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18185	1178-K49E2		Lê Hải	Nhi	Nữ	29/05/1995				Khá	1507226	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18186	1179-K49E2		Phạm Thị Tuyết	Nhung	Nữ	08/11/1995				Khá	1507227	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18187	1180-K49E2		Phạm Thị Kiều	Oanh	Nữ	03/03/1995				Khá	1507228	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18188	1181-K49E2		Lê Thị	Phương	Nữ	16/02/1995				Khá	1507229	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18189	1182-K49E2		Nguyễn Thị Thảo	Phương	Nữ	04/07/1995				Khá	1507230	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18190	1183-K49E2		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	07/04/1995				Khá	1507231	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18191	1184-K49E2		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	15/02/1995				Khá	1507232	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18192	1185-K49E2		Ngô Thị	Tâm	Nữ	11/06/1995				Giỏi	1507233	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18193	1186-K49E2		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	30/07/1995				Khá	1507234	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18194	1187-K49E2		Trương Thị	Thoa	Nữ	02/05/1995				Khá	1507235	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18195	1188-K49E2		Võ Thị Phương	Thúy	Nữ	02/06/1995				Khá	1507236	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18196	1189-K49E2		Bùi Văn	Toàn	Nam	11/09/1995				Trung bình	1507237	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18197	1190-K49E2		Lý Thu	Trang	Nữ	21/05/1995				Khá	1507238	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18198	1191-K49E2		Chu Minh	Trang	Nữ	22/08/1995				Khá	1507239	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18199	1192-K49E2		Nguyễn Vân	Trang	Nữ	19/08/1995				Khá	1507240	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18200	1193-K49E2		Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	22/10/1995				Khá	1507241	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18201	1194-K49E2		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	19/04/1995				Khá	1507242	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18202	1195-K49E2		MARKPHONESOUK	Hormmali	Nữ	26/08/1993				Khá	1507243	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18203	1196-K49E2		VANHNATHUM	Sibsunthavee	Nam	20/07/1993				Khá	1507244	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18204	1197-K49E2		SONEPHACHAN	Manila	Nữ	12/06/1993				Khá	1507245	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18205	1198-K49E3		Diệp Phương	Thảo	Nữ	17/05/1994				Khá	1507246	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18206	1199-K49E3		Bùi Hải	Anh	Nữ	22/10/1995				Khá	1507247	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18207	1200-K49E3		Trương Việt	Anh	Nam	05/09/1995				Khá	1507248	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18208	1201-K49E3		Khổng Thị	Bích	Nữ	01/01/1995				Giỏi	1507249	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18209	1202-K49E3		Đỗ Khánh	Chi	Nữ	13/01/1995				Giỏi	1507250	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18210	1203-K49E3		Trần Thị Hương	Dịu	Nữ	05/10/1995				Khá	1507251	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18211	1204-K49E3		Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	23/02/1995				Khá	1507252	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18212	1205-K49E3		Trần Thị	Giang	Nữ	09/04/1995				Khá	1507253	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18213	1206-K49E3		Trần Thị Ngọc	Hà	Nữ	20/09/1995				Khá	1507254	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18214	1207-K49E3		Lê Văn	Hải	Nam	27/10/1995				Khá	1507255	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18215	1208-K49E3		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	17/06/1995				Khá	1507256	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18216	1209-K49E3		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	08/10/1995				Giỏi	1507257	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18217	1210-K49E3		Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	19/11/1995				Giỏi	1507258	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18218	1211-K49E3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	03/09/1995				Khá	1507259	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18219	1212-K49E3		Lê Thị Thu	Hoài	Nữ	15/04/1995				Khá	1507260	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18220	1213-K49E3		Lê Minh	Hồng	Nữ	23/05/1995				Khá	1507261	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18221	1214-K49E3		Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	20/12/1995				Khá	1507262	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18222	1215-K49E3		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	11/03/1995				Khá	1507263	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18223	1216-K49E3		Phan Thị Thu	Hường	Nữ	08/08/1995				Khá	1507264	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18224	1217-K49E3		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	20/11/1995				Khá	1507265	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18225	1218-K49E3		Nguyễn Hồng	Liên	Nữ	09/08/1995				Khá	1507266	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18226	1219-K49E3		Tống Khánh	Linh	Nữ	25/07/1995				Khá	1507267	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18227	1220-K49E3		Bùi Hà	Linh	Nữ	22/12/1995				Khá	1507268	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18228	1221-K49E3		Phạm Thị Phương	Loan	Nữ	15/11/1995				Giỏi	1507269	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18229	1222-K49E3		Lưu Thị	Mai	Nữ	26/03/1995				Khá	1507270	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18230	1223-K49E3		Nguyễn Thị	Mận	Nữ	10/06/1995				Khá	1507271	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18231	1224-K49E3		Nguyễn Quý	Minh	Nam	11/07/1995				Giỏi	1507272	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18232	1225-K49E3		Nguyễn Trà	My	Nữ	25/09/1995				Khá	1507273	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18233	1226-K49E3		Trần Mỹ	Nga	Nữ	07/01/1995				Khá	1507274	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18234	1227-K49E3		Nguyễn Thị Hải	Ngân	Nữ	27/11/1995				Khá	1507275	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18235	1228-K49E3		Nguyễn Thị Thảo	Nhi	Nữ	07/04/1995				Khá	1507276	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18236	1229-K49E3		Ngô Thị	Nhung	Nữ	25/08/1995				Giỏi	1507277	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18237	1230-K49E3		Dương Thị Kiều	Oanh	Nữ	23/03/1995				Khá	1507278	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18238	1231-K49E3		Trần Thị	Phương	Nữ	03/03/1995				Khá	1507279	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18239	1232-K49E3		Nguyễn Xuân	Phương	Nữ	29/05/1995				Khá	1507280	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18240	1233-K49E3		Nguyễn Thị	Quyết	Nữ	01/03/1995				Khá	1507281	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18241	1234-K49E3		Trần Hương	Quỳnh	Nữ	09/12/1995				Khá	1507282	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18242	1235-K49E3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	29/01/1995				Khá	1507283	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18243	1236-K49E3		Lê Thị Hương	Thảo	Nữ	14/10/1995				Khá	1507284	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18244	1237-K49E3		Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	03/11/1995				Giỏi	1507285	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18245	1238-K49E3		Nguyễn Thị Thảo	Trang	Nữ	02/10/1995				Khá	1507286	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18246	1239-K49E3		Hà Thu	Trang	Nữ	09/01/1995				Giỏi	1507287	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18247	1240-K49E3		Trương Ngọc	Trà	Nữ	19/12/1995				Khá	1507288	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18248	1241-K49E3		Lê Xuân	Tùng	Nam	10/04/1995				Khá	1507289	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18249	1242-K49E3		Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	11/06/1995				Khá	1507290	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18250	1243-K49E3		Nguyễn Thị Như	ý	Nữ	06/01/1995				Khá	1508843	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18251	1244-K49E4		Vũ Lan	Anh	Nữ	09/10/1995				Khá	1507292	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18252	1245-K49E4		Ba Thảo	Anh	Nữ	08/01/1995				Giỏi	1507293	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18253	1246-K49E4		Nguyễn Huy	Bang	Nam	08/01/1995				Khá	1507294	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18254	1247-K49E4		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	21/03/1995				Khá	1507295	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18255	1248-K49E4		Nguyễn Kim	Chi	Nữ	06/06/1995				Khá	1507296	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18256	1249-K49E4		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	12/04/1995				Khá	1507297	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18257	1250-K49E4		Vy Hương	Giang	Nữ	20/07/1995				Trung bình	1507298	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18258	1251-K49E4		Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	10/03/1995				Khá	1507299	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18259	1252-K49E4		Đặng Thị	Huệ	Nữ	19/10/1995				Khá	1507300	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18260	1253-K49E4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	07/03/1995				Giỏi	1507301	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18261	1254-K49E4		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	30/11/1995				Khá	1507302	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18262	1255-K49E4		Phạm Thị	Lan	Nữ	20/02/1995				Khá	1507303	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18263	1256-K49E4		Đoàn Thị Hương	Liên	Nữ	10/10/1995				Khá	1507304	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18264	1257-K49E4		Nguyễn Hiền	Linh	Nữ	04/12/1995				Khá	1507305	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18265	1258-K49E4		Hoàng Thị	Loan	Nữ	18/10/1995				Khá	1507306	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18266	1259-K49E4		Đồng Thị	Mai	Nữ	23/11/1995				Khá	1507307	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18267	1260-K49E4		Đường Thị	Mến	Nữ	04/08/1995				Giỏi	1507308	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18268	1261-K49E4		Vũ Thảo	Ngân	Nữ	28/09/1995				Khá	1507309	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18269	1262-K49E4		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	20/04/1995				Khá	1507310	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18270	1263-K49E4		Trần Thị	Nhung	Nữ	07/01/1995				Khá	1507311	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18271	1264-K49E4		Bùi Lâm	Oanh	Nữ	11/04/1995				Khá	1507312	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18272	1265-K49E4		Tô Lan	Phương	Nữ	25/04/1995				Khá	1507313	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18273	1266-K49E4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	14/02/1995				Khá	1507314	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18274	1267-K49E4		Trần Thị Yến	Phương	Nữ	16/04/1995				Khá	1507315	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18275	1268-K49E4		Bùi Trâm	Quỳnh	Nữ	19/12/1995				Giỏi	1507316	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18276	1269-K49E4		Bùi Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	22/04/1995				Khá	1507317	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18277	1270-K49E4		Phạm Thị	Thảo	Nữ	05/06/1995				Khá	1507318	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18278	1271-K49E4		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	20/02/1995				Khá	1507319	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18279	1272-K49E4		Phạm Thị	Thúy	Nữ	07/05/1995				Giỏi	1507320	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18280	1273-K49E4		Trần Anh	Thư	Nữ	22/05/1995				Khá	1507321	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18281	1274-K49E4		Đào Thị Thu	Trang	Nữ	25/12/1995				Khá	1507322	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18282	1275-K49E4		Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	18/08/1995				Khá	1507323	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18283	1276-K49E4		Phạm Thu	Uyên	Nữ	19/06/1995				Khá	1507324	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18284	1277-K49E5		Trần Thị	Khuyên	Nữ	09/04/1994				Khá	1507366	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18285	1278-K49E5		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	06/11/1994				Khá	1507325	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18286	1279-K49E5		Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	25/01/1995				Xuất sắc	1507326	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18287	1280-K49E5		Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	12/09/1995				Khá	1507327	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18288	1281-K49E5		Lê Thu	Chinh	Nữ	25/05/1994				Khá	1507328	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18289	1282-K49E5		Nguyễn Thị	Doan	Nữ	13/04/1995				Khá	1507329	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18290	1283-K49E5		Bùi Thị	Dung	Nữ	11/09/1995				Khá	1507330	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18291	1284-K49E5		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	16/04/1995				Khá	1507331	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18292	1285-K49E5		Vũ Thị	Hà	Nữ	27/02/1995				Khá	1507332	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18293	1286-K49E5		Phạm Thị	Hiền	Nữ	26/07/1995				Khá	1507333	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18294	1287-K49E5		Nguyễn Phương	Hoa	Nữ	10/10/1995				Khá	1507334	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18295	1288-K49E5		Nguyễn Thị Phương	Hồng	Nữ	15/11/1995				Khá	1507335	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18296	1289-K49E5		Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	18/02/1995				Khá	1507336	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18297	1290-K49E5		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	24/09/1994				Khá	1507337	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18298	1291-K49E5		Hoàng Mai	Hương	Nữ	29/01/1994				Trung bình	1507338	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18299	1292-K49E5		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	31/10/1995				Khá	1507339	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18300	1293-K49E5		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	07/05/1995				Giỏi	1507340	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18301	1294-K49E5		Trần Thùy	Linh	Nữ	14/08/1995				Khá	1507341	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18302	1295-K49E5		Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	02/05/1994				Khá	1507342	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18303	1296-K49E5		Trịnh Khánh	Linh	Nữ	11/12/1995				Khá	1507343	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18304	1297-K49E5		Hoàng Thị	Lộc	Nữ	29/06/1995				Giỏi	1507344	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18305	1298-K49E5		Phạm Thị	Mai	Nữ	04/05/1995				Khá	1507345	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18306	1299-K49E5		Hồ Tuấn	Mạnh	Nam	06/11/1995				Khá	1507346	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18307	1300-K49E5		Nguyễn Thu	Minh	Nữ	09/07/1995				Khá	1507347	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18308	1301-K49E5		Trần Thị	Nết	Nữ	15/05/1995				Khá	1507348	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18309	1302-K49E5		Vũ Thị Minh	Ngân	Nữ	25/06/1995				Giỏi	1507349	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18310	1303-K49E5		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	08/03/1995				Giỏi	1507350	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18311	1304-K49E5		Đỗ Thảo	Phương	Nữ	15/05/1995				Khá	1507351	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18312	1305-K49E5		Cao Thị	Phương	Nữ	20/11/1995				Khá	1507352	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18313	1306-K49E5		Nguyễn Quang	Quí	Nam	17/10/1995				Khá	1507353	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18314	1307-K49E5		Phan Như	Quỳnh	Nữ	01/11/1995				Giỏi	1507354	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18315	1308-K49E5		Mai Phương	Thảo	Nữ	04/10/1995				Khá	1507355	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18316	1309-K49E5		Vũ Thị	Thúy	Nữ	16/10/1994				Khá	1507367	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18317	1310-K49E5		Cao Thị	Thương	Nữ	08/01/1995				Khá	1507356	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18318	1311-K49E5		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	23/03/1995				Khá	1507357	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18319	1312-K49E5		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	14/10/1995				Khá	1507358	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18320	1313-K49E5		Phùng Thị ánh	Tuyết	Nữ	23/12/1994				Khá	1507359	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18321	1314-K49E5		Nguyễn Hải	Vân	Nữ	01/09/1995				Khá	1507360	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18322	1315-K49E5		Đỗ Thị Hà	Yên	Nữ	07/04/1995				Khá	1507361	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18323	1316-K49E5		Lê Quốc	Vương	Nam	11/02/1993				Khá	1507362	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18324	1317-K48E1		Nguyễn Thị Mĩ	Việt	Nữ	21/02/1994				Khá	1507363	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18325	1318-K48E3		Đào Nhật	Anh	Nữ	21/08/1994				Khá	1507364	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18326	1319-K48E6		Trịnh Thị	Vân	Nữ	26/02/1994				Khá	1507365	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	380/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18327	1320-K49C1		Hoàng Thị	Hiền	Nữ	24/07/1994				Khá	1507368	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18328	1321-K49C1		Vũ Minh	Anh	Nữ	02/10/1995				Khá	1507369	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18329	1322-K49C1		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	02/07/1994				Khá	1507370	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18330	1323-K49C1		Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	22/05/1995				Khá	1507371	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18331	1324-K49C1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	01/04/1995				Khá	1507372	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18332	1325-K49C1		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	26/08/1995				Khá	1507373	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18333	1326-K49C1		Nguyễn Văn	Đăng	Nam	10/11/1994				Khá	1507374	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18334	1327-K49C1		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	01/01/1995				Giỏi	1507375	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18335	1328-K49C1		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	01/06/1995				Khá	1507376	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18336	1329-K49C1		Cao Thị	Hiền	Nữ	11/11/1995				Trung bình	1507377	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18337	1330-K49C1		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	05/10/1995				Khá	1507378	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18338	1331-K49C1		Trần Thị	Hồng	Nữ	18/11/1995				Giỏi	1507379	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18339	1332-K49C1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	06/08/1995				Khá	1507380	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18340	1333-K49C1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	01/07/1995				Khá	1507381	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18341	1334-K49C1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	03/08/1995				Khá	1507382	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18342	1335-K49C1		Trần Thị	Hường	Nữ	16/10/1994				Khá	1507383	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18343	1336-K49C1		Vũ Ngọc	Lan	Nữ	19/05/1995				Khá	1507384	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18344	1337-K49C1		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	10/11/1995				Khá	1507385	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18345	1338-K49C1		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	16/02/1995				Khá	1507386	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18346	1339-K49C1		Bùi Mỹ	Linh	Nữ	10/11/1995				Khá	1507387	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18347	1340-K49C1		Vi Thị Thúy	Hường	Nữ	23/03/1993				Khá	1507388	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18348	1341-K49C1		Phạm Thị	Luân	Nữ	01/09/1995				Khá	1507389	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18349	1342-K49C1		Đỗ Thị	May	Nữ	24/05/1995				Khá	1507390	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18350	1343-K49C1		Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	12/02/1995				Khá	1507391	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18351	1344-K49C1		Phạm Thanh	Ngọc	Nam	05/05/1994				Khá	1507392	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18352	1345-K49C1		Đinh Thị	Nguyệt	Nữ	28/01/1995				Khá	1507393	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18353	1346-K49C1		Đặng Thị Kiều	Oanh	Nữ	23/03/1995				Khá	1507394	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18354	1347-K49C1		Vũ Thanh	Phong	Nam	05/08/1995				Khá	1507395	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18355	1348-K49C1		Tăng Thị	Phương	Nữ	07/04/1995				Khá	1507396	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18356	1349-K49C1		Trần Thị	Quyên	Nữ	18/02/1995				Giỏi	1507397	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18357	1350-K49C1		Nguyễn Minh	Tâm	Nữ	08/01/1995				Khá	1507398	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18358	1351-K49C1		Phạm Thị Phương	Thành	Nữ	06/11/1994				Khá	1507399	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18359	1352-K49C1		Vũ Phương	Thảo	Nữ	18/12/1995				Khá	1507400	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18360	1353-K49C1		Vũ Thị	Thơm	Nữ	23/11/1995				Khá	1507401	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18361	1354-K49C1		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	28/11/1995				Khá	1507402	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18362	1355-K49C1		Đặng Kim	Tiến	Nữ	20/09/1995				Khá	1507403	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18363	1356-K49C1		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	21/11/1995				Khá	1507404	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18364	1357-K49C1		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	01/08/1995				Khá	1507405	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18365	1358-K49C1		Trần Thị Kiều	Vân	Nữ	12/01/1995				Khá	1507406	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18366	1359-K49C1		Phan Thị	Xuân	Nữ	30/08/1995				Khá	1507407	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18367	1360-K49C1		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	08/09/1995				Khá	1507408	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18368	1361-K49C1		PHOMPHACKDY	Lairnoy	Nam	05/03/1993				Khá	1507409	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18369	1362-K49C2		Lê Hoàng	Anh	Nữ	23/02/1995				Khá	1507410	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18370	1363-K49C2		Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	08/08/1995				Khá	1507411	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18371	1364-K49C2		Phạm Thị Kim	Chi	Nữ	22/01/1995				Khá	1507412	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18372	1365-K49C2		Bùi Thị	Dung	Nữ	24/10/1995				Khá	1507413	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18373	1366-K49C2		Trần Thị	Hải	Nữ	17/09/1995				Khá	1507414	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18374	1367-K49C2		Bùi Thị Thu	Hằng	Nữ	21/06/1995				Khá	1507415	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18375	1368-K49C2		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	08/02/1995				Khá	1507416	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18376	1369-K49C2		Trần Minh	Hoàng	Nam	03/05/1995				Khá	1507417	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18377	1370-K49C2		Lê Thị	Hồng	Nữ	13/04/1995				Khá	1507418	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18378	1371-K49C2		Hồ Thị Thanh	Huyền	Nữ	26/10/1995				Khá	1507419	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18379	1372-K49C2		Phạm Thị	Hương	Nữ	09/09/1995				Khá	1507420	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18380	1373-K49C2		Lê Thị	Hường	Nữ	25/09/1995				Khá	1507421	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18381	1374-K49C2		Trần Thị	Hường	Nữ	01/02/1995				Khá	1507422	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18382	1375-K49C2		Nguyễn Thị	Kim	Nữ	12/08/1995				Khá	1507423	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18383	1376-K49C2		Nguyễn Thị	Lập	Nữ	28/11/1995				Khá	1507424	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18384	1377-K49C2		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	14/05/1995				Giỏi	1507425	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18385	1378-K49C2		Vũ Hương	Linh	Nữ	20/09/1995				Khá	1507426	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18386	1379-K49C2		Đỗ Thị Bích	Loan	Nữ	01/08/1995				Khá	1507427	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18387	1380-K49C2		Nguyễn Thị Hoa	Lý	Nữ	27/10/1994				Khá	1507428	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18388	1381-K49C2		Phan Hồng	Mến	Nữ	17/02/1995				Khá	1507429	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18389	1382-K49C2		Đặng Thị	Mỹ	Nữ	12/10/1995				Khá	1507430	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18390	1383-K49C2		Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	29/11/1994				Khá	1507431	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18391	1384-K49C2		Quách Thị Bích	Ngọc	Nữ	14/02/1995				Khá	1507432	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18392	1385-K49C2		Đỗ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	24/07/1995				Khá	1507433	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18393	1386-K49C2		Phạm Thị Kiều	Oanh	Nữ	15/10/1995				Khá	1507434	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18394	1387-K49C2		Trần Xuân	Phương	Nam	01/10/1995				Khá	1507435	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18395	1388-K49C2		Bùi Thị Thảo	Phương	Nữ	08/09/1995				Khá	1507436	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18396	1389-K49C2		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	25/06/1995				Khá	1507437	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18397	1390-K49C2		Đào Thị	Sen	Nữ	06/10/1995				Khá	1507438	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18398	1391-K49C2		Lê Thị	Thảo	Nữ	30/07/1995				Khá	1507439	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18399	1392-K49C2		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	02/07/1995				Khá	1507440	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18400	1393-K49C2		Tô Thị	Thùy	Nữ	09/06/1995				Khá	1507441	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18401	1394-K49C2		Nguyễn Thị Hoài	Thư	Nữ	24/07/1994				Khá	1507442	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18402	1395-K49C2		Vũ Hải	Tiến	Nam	02/07/1995				Khá	1507443	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18403	1396-K49C2		Lê Thị	Trang	Nữ	08/11/1995				Khá	1507444	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18404	1397-K49C2		Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	23/11/1995				Khá	1507445	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18405	1398-K49C2		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	09/06/1995				Giỏi	1507446	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18406	1399-K49C2		Vũ Thị ánh	Tuyết	Nữ	16/11/1995				Khá	1507447	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18407	1400-K49C2		Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	01/06/1995				Giỏi	1507448	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18408	1401-K49C2		Hoàng Thế	Vinh	Nam	10/06/1995				Trung bình	1507449	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18409	1402-K49C2		Hồ Thị Hải	Yến	Nữ	14/09/1995				Khá	1507450	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18410	1403-K49C2		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	29/01/1995				Khá	1507451	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18411	1404-K49C3		Phạm Thị	Nguyệt	Nữ	13/08/1994				Khá	1507452	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18412	1405-K49C3		Trần Thị Vân	Anh	Nữ	25/11/1995				Giỏi	1507453	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18413	1406-K49C3		Lê Thanh Huyền	Chi	Nữ	28/12/1995				Khá	1507454	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18414	1407-K49C3		Quách Thị	Duyên	Nữ	28/02/1995				Khá	1507455	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18415	1408-K49C3		Nguyễn Tiến Thị	Hải	Nữ	13/05/1995				Giỏi	1507456	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18416	1409-K49C3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	03/09/1995				Khá	1507457	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18417	1410-K49C3		Nguyễn Huy	Hiếu	Nam	29/12/1995				Khá	1507458	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18418	1411-K49C3		Đinh Thị Như	Hoa	Nữ	07/09/1995				Khá	1507459	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18419	1412-K49C3		Lê Thị	Hoàn	Nữ	20/11/1995				Khá	1507460	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18420	1413-K49C3		Phạm Thị	Hồng	Nữ	02/11/1995				Khá	1507461	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18421	1414-K49C3		Lê Thị	Huyền	Nữ	16/03/1995				Khá	1507462	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18422	1415-K49C3		Nguyễn Quang	Huỳnh	Nam	15/09/1995				Khá	1507463	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18423	1416-K49C3		Trần Thị	Hương	Nữ	10/03/1995				Khá	1507464	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18424	1417-K49C3		Lê Thị	Hường	Nữ	10/09/1995				Khá	1507465	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18425	1418-K49C3		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	30/03/1995				Khá	1507466	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18426	1419-K49C3		Lương Thị	Lan	Nữ	08/04/1995				Khá	1507467	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18427	1420-K49C3		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	15/09/1995				Khá	1507468	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18428	1421-K49C3		Đinh Thị	Mai	Nữ	15/08/1995				Khá	1507469	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18429	1422-K49C3		Trịnh Thị	Minh	Nữ	24/04/1995				Khá	1507470	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18430	1423-K49C3		Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	01/01/1995				Khá	1507471	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18431	1424-K49C3		Dương Thị	Nga	Nữ	10/08/1995				Khá	1507472	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18432	1425-K49C3		Bùi Thị Diệu	Linh	Nữ	28/12/1994				Khá	1507473	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18433	1426-K49C3		Bùi Thị	Ngọc	Nữ	29/12/1995				Khá	1507474	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18434	1427-K49C3		Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	03/01/1995				Khá	1507475	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18435	1428-K49C3		Lại Thị Thanh	Phương	Nữ	19/01/1994				Khá	1507476	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18436	1429-K49C3		Đinh Minh	Phượng	Nữ	01/09/1995				Khá	1507477	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18437	1430-K49C3		Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24/11/1995				Khá	1507478	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18438	1431-K49C3		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	30/08/1995				Khá	1507479	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18439	1432-K49C3		Mai Thị	Thảo	Nữ	01/06/1995				Khá	1507480	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18440	1433-K49C3		Đỗ Thị	Thắm	Nữ	22/10/1995				Khá	1507481	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18441	1434-K49C3		Trần Thị	Thu	Nữ	18/06/1995				Khá	1507482	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18442	1435-K49C3		Lê Thu	Thủy	Nữ	06/11/1995				Khá	1507483	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18443	1436-K49C3		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	30/05/1995				Khá	1507484	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18444	1437-K49C3		Lê Thị	Trang	Nữ	13/03/1995				Khá	1507485	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18445	1438-K49C3		Trần Bảo	Trung	Nam	23/02/1995				Khá	1507486	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18446	1439-K49C3		Phạm Nam	Tú	Nam	02/02/1995				Khá	1507487	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18447	1440-K49C3		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	13/06/1995				Khá	1507488	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18448	1441-K49C3		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	06/05/1995				Khá	1507489	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18449	1442-K49C4		Đinh Thị Quỳnh	Anh	Nữ	29/01/1995				Khá	1507490	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18450	1443-K49C4		Đỗ Thị Ngọc	Bích	Nữ	20/08/1995				Giỏi	1507491	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18451	1444-K49C4		Phạm Thị	Cúc	Nữ	29/08/1995				Khá	1507492	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18452	1445-K49C4		Trịnh Thị Thùy	Dung	Nữ	18/05/1995				Khá	1507493	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18453	1446-K49C4		Phạm Văn	Đại	Nam	06/02/1995				Khá	1507494	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18454	1447-K49C4		Lê Thị	Hà	Nữ	04/08/1995				Khá	1507495	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18455	1448-K49C4		Đào Thị	Hảo	Nữ	29/01/1995				Khá	1507496	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18456	1449-K49C4		Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	27/08/1995				Khá	1507497	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18457	1450-K49C4		Bùi Quang	Hiếu	Nam	03/03/1995				Khá	1507498	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18458	1451-K49C4		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	28/11/1995				Khá	1507499	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18459	1452-K49C4		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/07/1995				Giỏi	1507500	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18460	1453-K49C4		Trần Thị	Hương	Nữ	31/03/1995				Khá	1507501	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18461	1454-K49C4		Đinh Thị Thúy	Hường	Nữ	25/04/1995				Khá	1507502	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18462	1455-K49C4		Vũ Thị Thu	Lan	Nữ	18/05/1995				Khá	1507503	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18463	1456-K49C4		Nguyễn Thị Nhật	Lệ	Nữ	03/07/1995				Khá	1507504	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18464	1457-K49C4		Khuất Thị	Linh	Nữ	24/11/1995				Khá	1507505	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18465	1458-K49C4		Dương Thị Diệu	Linh	Nữ	13/05/1995				Giỏi	1507506	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18466	1459-K49C4		Đào Thị	Loan	Nữ	20/06/1995				Khá	1507507	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18467	1460-K49C4		Trần Thị ánh	Mai	Nữ	17/10/1995				Khá	1507508	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18468	1461-K49C4		Lê Thị Thúy	Mơ	Nữ	19/10/1995				Giỏi	1507509	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18469	1462-K49C4		Tăng Thị	Nga	Nữ	02/04/1995				Giỏi	1507510	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18470	1463-K49C4		Lê Thị Thanh	Nga	Nữ	30/01/1995				Khá	1507511	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18471	1464-K49C4		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	07/01/1995				Khá	1507512	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18472	1465-K49C4		Ngô Văn	Nhất	Nam	07/07/1995				Khá	1507513	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18473	1466-K49C4		Trần Thị	Nhung	Nữ	21/04/1995				Giỏi	1507514	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18474	1467-K49C4		Tạ Thị	Oanh	Nữ	15/08/1995				Khá	1507515	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18475	1468-K49C4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	12/07/1995				Khá	1507516	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18476	1469-K49C4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	25/04/1995				Giỏi	1507517	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18477	1470-K49C4		Hoàng Thị Hải	Quỳnh	Nữ	13/11/1995				Khá	1507518	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18478	1471-K49C4		Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	15/07/1995				Giỏi	1507519	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18479	1472-K49C4		Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	05/01/1995				Khá	1507520	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18480	1473-K49C4		Lê Thị Hồng	Thắm	Nữ	05/08/1995				Khá	1507521	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18481	1474-K49C4		Nguyễn Văn	Thắng	Nam	10/07/1995				Khá	1507522	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18482	1475-K49C4		Đào Diệu	Thu	Nữ	28/04/1995				Khá	1507523	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18483	1476-K49C4		Trần Thị	Thương	Nữ	06/06/1995				Khá	1507524	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18484	1477-K49C4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/03/1995				Giỏi	1507525	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18485	1478-K49C4		Mai Thị Hà	Trang	Nữ	26/09/1995				Khá	1507526	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18486	1479-K49C4		Đào Thị	Trinh	Nữ	18/09/1995				Khá	1507527	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18487	1480-K49C4		Lê Sơn	Tùng	Nam	05/09/1995				Khá	1507528	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18488	1481-K49C4		Đỗ Thị Thu	Uyên	Nữ	09/06/1995				Khá	1507529	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18489	1482-K49C4		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	12/12/1995				Khá	1507530	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18490	1483-K49C4		Phan Thị Hải	Yến	Nữ	13/06/1995				Khá	1507531	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18491	1484-K49C5		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	25/02/1995				Khá	1507532	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18492	1485-K49C5		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	20/06/1995				Khá	1507533	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18493	1486-K49C5		Nguyễn Thị Huyền	Chang	Nữ	23/12/1995				Khá	1507534	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18494	1487-K49C5		Hòa Thị Hồng	Diệp	Nữ	29/10/1995				Khá	1507535	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18495	1488-K49C5		Ngô Thị Thùy	Duyên	Nữ	16/03/1995				Khá	1507536	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18496	1489-K49C5		Trịnh Trọng	Đạt	Nam	10/10/1995				Khá	1507537	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18497	1490-K49C5		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	09/09/1995				Khá	1507538	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18498	1491-K49C5		Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	28/07/1995				Khá	1507539	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18499	1492-K49C5		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	07/04/1995				Khá	1507540	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18500	1493-K49C5		Phan Thị	Hồng	Nữ	15/06/1995				Khá	1507541	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18501	1494-K49C5		Phạm Thị	Huy	Nữ	19/11/1995				Khá	1507542	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18502	1495-K49C5		Bùi Thị Minh	Hương	Nữ	05/08/1995				Khá	1507543	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18503	1496-K49C5		Phạm Thị Thúy	Hường	Nữ	02/09/1995				Khá	1507544	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18504	1497-K49C5		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	30/03/1995				Khá	1507545	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18505	1498-K49C5		Nguyễn Thị	Khắc	Nữ	05/02/1995				Khá	1507546	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18506	1499-K49C5		Nguyễn Văn	Khôi	Nam	12/04/1995				Khá	1507547	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18507	1500-K49C5		Hoàng Thị Mai	Lan	Nữ	10/01/1995				Khá	1507548	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18508	1501-K49C5		Đỗ Thị	Linh	Nữ	02/02/1995				Khá	1507549	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18509	1502-K49C5		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	06/06/1995				Khá	1507550	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18510	1503-K49C5		Trịnh Thị	Loan	Nữ	15/01/1995				Khá	1507551	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18511	1504-K49C5		Mai	Mai	Nữ	04/10/1995				Khá	1507552	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18512	1505-K49C5		Nguyễn Thị Huyền	My	Nữ	19/07/1995				Khá	1507553	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18513	1506-K49C5		Phạm Thị	Nga	Nữ	19/05/1995				Giỏi	1507554	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18514	1507-K49C5		Đỗ Thị Kim	Ngân	Nữ	20/08/1995				Khá	1507555	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18515	1508-K49C5		Phạm Thị	Nguyên	Nữ	12/12/1995				Khá	1507556	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18516	1509-K49C5		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/02/1995				Khá	1507557	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18517	1510-K49C5		Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	16/05/1995				Khá	1507558	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18518	1511-K49C5		Đào Thị	Phương	Nữ	06/11/1995				Khá	1507559	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18519	1512-K49C5		Đinh Thị	Phượng	Nữ	01/02/1995				Khá	1507560	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18520	1513-K49C5		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	03/08/1994				Khá	1507561	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18521	1514-K49C5		Vũ Thị Thanh	Tâm	Nữ	13/08/1995				Khá	1507562	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18522	1515-K49C5		Đào Thị	Thái	Nữ	20/10/1994				Khá	1507563	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18523	1516-K49C5		Lê Thị	Thảo	Nữ	07/06/1995				Khá	1507564	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18524	1517-K49C5		Phạm Thị Thanh	Thơ	Nữ	01/08/1995				Khá	1507565	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18525	1518-K49C5		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	14/02/1995				Khá	1507566	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18526	1519-K49C5		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	27/09/1994				Khá	1507567	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18527	1520-K49C5		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	20/09/1995				Khá	1507568	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18528	1521-K49C5		Dư Thùy	Trang	Nữ	30/03/1995				Khá	1507569	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18529	1522-K49C5		Ninh Thị	Uyên	Nữ	15/10/1995				Khá	1507570	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18530	1523-K49C5		Lê Thị	Xuân	Nữ	24/07/1995				Khá	1507571	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18531	1524-K49C5		Trần Thị	Yến	Nữ	20/10/1995				Khá	1507572	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18532	1525-K49C5		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	30/12/1995				Khá	1507573	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18533	1526-K49C5		Hoàng Thị	Thảo	Nữ	15/02/1995				Khá	1507574	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18534	1527-K48C1		Trương Minh	Hiển	Nam	11/10/1994				Khá	1507575	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18535	1528-K48C1		Ngô Thu	Thảo	Nữ	23/09/1994				Trung bình	1507576	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18536	1529-K48C5		Đoàn Thị	Linh	Nữ	11/09/1994				Khá	1507577	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18537	1530-K48C5		Nguyễn Quang	Tú	Nam	07/07/1994				Khá	1507578	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18538	3305-K48C3		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	25/02/1993				Khá	1508840	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18539	1531-K17C_SB		Nguyễn Thị	Thơ	Nữ	04/01/1993				Khá	1507579	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18540	1532-K49T1		Vũ Thị	ánh	Nữ	13/11/1995				Khá	1507580	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18541	1533-K49T1		Kiều Thị	Dung	Nữ	06/02/1993				Khá	1507581	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18542	1534-K49T1		Nguyễn Việt	Dũng	Nam	02/12/1994				Khá	1507582	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18543	1535-K49T1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	26/02/1995				Khá	1507583	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18544	1536-K49T1		Trần Thị	Hoài	Nữ	04/03/1994				Khá	1507584	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18545	1537-K49T1		Lê Thị	Huệ	Nữ	19/12/1995				Khá	1507585	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18546	1538-K49T1		Đoàn Khánh	Huyền	Nữ	10/11/1995				Khá	1507586	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18547	1539-K49T1		Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	25/09/1995				Khá	1507587	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18548	1540-K49T1		Trịnh Thị	Lan	Nữ	12/12/1994				Khá	1507588	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18549	1541-K49T1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	17/07/1995				Khá	1507589	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18550	1542-K49T1		Hà Thị Kim	Phượng	Nữ	30/04/1995				Giỏi	1507590	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18551	1543-K49T1		Trần Văn	Sơn	Nam	27/03/1995				Khá	1507591	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18552	1544-K49T1		Nguyễn Minh	Thắng	Nam	31/12/1995				Khá	1507592	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18553	1545-K49T1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	06/01/1995				Khá	1507593	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18554	1546-K49T1		Hoàng Thị	Thương	Nữ	15/10/1995				Khá	1507594	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18555	1547-K49T1		Nguyễn Ngọc	Trang	Nữ	27/04/1995				Khá	1507595	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18556	1548-K49T1		Lương Thế	Vinh	Nam	30/09/1995				Khá	1507596	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18557	1549-K49T1		Hà Thị	Yến	Nữ	09/10/1995				Khá	1507597	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18558	1550-K49T1		Đoàn Vân	Anh	Nữ	24/05/1995				Khá	1507598	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18559	1551-K49T1		Nguyễn Hải	Anh	Nữ	11/10/1995				Khá	1507599	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18560	1552-K49T1		Trần Hải	Anh	Nữ	13/08/1995				Khá	1507600	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18561	1553-K49T1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	17/04/1995				Khá	1507601	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18562	1554-K49T1		Đặng Thị	Duyên	Nữ	23/01/1995				Trung bình	1507602	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18563	1555-K49T1		Trần Linh	Giang	Nữ	11/02/1995				Khá	1507603	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18564	1556-K49T1		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	06/03/1995				Khá	1507604	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18565	1557-K49T1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	02/11/1994				Khá	1507605	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18566	1558-K49T1		Trần Thị	Hòa	Nữ	24/06/1995				Khá	1507606	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18567	1559-K49T1		Đặng Minh	Hoàng	Nam	21/08/1995				Khá	1507607	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18568	1560-K49T1		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	23/03/1995				Khá	1507608	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18569	1561-K49T1		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/04/1995				Khá	1507609	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18570	1562-K49T1		Trương Thị	Huyền	Nữ	19/01/1994				Khá	1507610	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18571	1563-K49T1		Phù Thị	Hương	Nữ	21/12/1995				Khá	1507611	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18572	1564-K49T1		Thân Thị	Kha	Nữ	12/04/1995				Khá	1507612	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18573	1565-K49T1		Trần Khánh	Linh	Nữ	01/10/1995				Khá	1507613	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18574	1566-K49T1		Hà Ngọc	Linh	Nữ	24/12/1995				Khá	1507614	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18575	1567-K49T2		Ninh Thị	Dung	Nữ	25/10/1994				Khá	1507615	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18576	1568-K49T2		Ngô Thị Hải	Anh	Nữ	10/08/1995				Khá	1507616	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18577	1569-K49T2		Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	31/10/1995				Khá	1507617	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18578	1570-K49T2		Lê Thị Ngọc	ánh	Nữ	28/08/1995				Khá	1507618	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18579	1571-K49T2		Phạm Thị Phương	Chi	Nữ	29/07/1995				Khá	1507619	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18580	1572-K49T2		Lê Thị	Diễm	Nữ	05/07/1995				Khá	1507620	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18581	1573-K49T2		Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	10/08/1995				Khá	1507621	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18582	1574-K49T2		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	26/11/1995				Khá	1507622	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18583	1575-K49T2		Lê Viết	Dũng	Nam	01/06/1992				Khá	1507623	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18584	1576-K49T2		Hoàng Thị	Giang	Nữ	17/10/1995				Khá	1507624	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18585	1577-K49T2		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	15/12/1995				Khá	1507625	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18586	1578-K49T2		Trần Thị	Hào	Nữ	10/01/1995				Khá	1507626	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18587	1579-K49T2		Trần Thị	Hằng	Nữ	21/07/1995				Khá	1507627	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18588	1580-K49T2		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	03/05/1995				Khá	1507628	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18589	1581-K49T2		Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	07/05/1994				Khá	1507629	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18590	1582-K49T2		Hoàng Thị	Hòa	Nữ	18/12/1995				Khá	1507630	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18591	1583-K49T2		Phạm Thị	Huyền	Nữ	16/03/1995				Khá	1507631	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18592	1584-K49T2		Mai Thị	Huyền	Nữ	26/08/1995				Khá	1507632	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18593	1585-K49T2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/09/1995				Khá	1507633	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18594	1586-K49T2		Trần Thị Thanh	Lam	Nữ	31/07/1995				Khá	1507634	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18595	1587-K49T2		Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	08/07/1995				Khá	1507635	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18596	1588-K49T2		Đỗ Khánh	Ly	Nữ	03/11/1995				Khá	1507636	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18597	1589-K49T2		Lã Thị Ngọc	Mai	Nữ	21/02/1995				Giỏi	1507637	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18598	1590-K49T2		Đỗ Thị	Mến	Nữ	04/06/1994				Khá	1507638	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18599	1591-K49T2		Trần Hiếu	Nhân	Nữ	25/11/1995				Giỏi	1507639	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18600	1592-K49T2		Trần Tuyết	Nhung	Nữ	30/03/1995				Khá	1507640	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18601	1593-K49T2		Bùi Thị Bích	Phương	Nữ	01/12/1995				Khá	1507641	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18602	1594-K49T2		Nguyễn Mai	Phương	Nữ	09/05/1995				Khá	1507642	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18603	1595-K49T2		Đỗ Thị	Phương	Nữ	05/06/1995				Khá	1507643	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18604	1596-K49T2		Đoàn Văn	Sơn	Nam	18/02/1995				Khá	1507644	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18605	1597-K49T2		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	16/07/1994				Khá	1507645	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18606	1598-K49T2		Phạm Thị	Thảo	Nữ	22/09/1995				Khá	1507646	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18607	1599-K49T2		Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	05/08/1995				Khá	1507647	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18608	1600-K49T2		Hà Thị	Thắm	Nữ	12/10/1995				Khá	1507648	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18609	1601-K49T2		Phạm Thị	Thư	Nữ	06/07/1995				Khá	1507649	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18610	1602-K49T2		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	21/10/1995				Khá	1507650	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18611	1603-K49T2		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	16/11/1994				Khá	1507651	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18612	1604-K49T2		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	29/07/1995				Khá	1507652	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18613	1605-K49T2		Phạm Văn	Tuân	Nam	31/03/1995				Trung bình	1507653	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18614	1606-K49T2		Lê Thị	Tú	Nữ	23/08/1995				Khá	1507654	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18615	1607-K49T2		Khổng Thị	Vinh	Nữ	31/03/1996				Khá	1507655	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18616	1608-K49T2		Đỗ Thị	Yến	Nữ	12/10/1994				Khá	1507656	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18617	1609-K49T3		Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	07/02/1995				Giỏi	1507657	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18618	1610-K49T3		Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	11/08/1995				Khá	1507658	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18619	1611-K49T3		Mẫn Thị	Chinh	Nữ	30/10/1995				Khá	1507659	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18620	1612-K49T3		Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	04/11/1995				Khá	1507660	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18621	1613-K49T3		Phan Thị	Dung	Nữ	02/10/1995				Khá	1507661	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18622	1614-K49T3		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	21/08/1995				Khá	1507662	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18623	1615-K49T3		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	06/07/1995				Khá	1507663	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18624	1616-K49T3		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	02/08/1995				Khá	1507664	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18625	1617-K49T3		Vương Thị Thu	Hạ	Nữ	28/12/1995				Khá	1507665	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18626	1618-K49T3		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	24/10/1995				Khá	1507666	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18627	1619-K49T3		Đào Thị Thu	Hiền	Nữ	11/08/1995				Khá	1507667	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18628	1620-K49T3		Lê Quang	Huy	Nam	20/10/1995				Khá	1507668	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18629	1621-K49T3		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/11/1995				Khá	1507669	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18630	1622-K49T3		Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	24/08/1994				Giỏi	1507670	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18631	1623-K49T3		Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	08/07/1995				Khá	1507671	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18632	1624-K49T3		Phạm Thị Mai	Hương	Nữ	11/02/1995				Khá	1507672	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18633	1625-K49T3		Trần Thị Hương	Lan	Nữ	24/08/1995				Khá	1507673	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18634	1626-K49T3		Lại Thị	Linh	Nữ	19/07/1995				Khá	1507674	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18635	1627-K49T3		Vũ Thị	Loan	Nữ	16/08/1995				Khá	1507675	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18636	1628-K49T3		Phan Thị Hương	Ly	Nữ	02/11/1995				Khá	1507676	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18637	1629-K49T3		Phạm Thị	Mai	Nữ	07/02/1995				Giỏi	1507677	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18638	1630-K49T3		Trần Thị	Mến	Nữ	16/02/1995				Khá	1507678	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18639	1631-K49T3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	07/10/1995				Khá	1507679	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18640	1632-K49T3		Phạm Thị Thanh	Ngà	Nữ	18/10/1995				Khá	1507680	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18641	1633-K49T3		Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	26/01/1995				Khá	1507681	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18642	1634-K49T3		Thái Thị	Nhung	Nữ	24/11/1995				Khá	1507682	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18643	1635-K49T3		Mai Thị Cẩm	Nhung	Nữ	29/08/1995				Khá	1507683	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18644	1636-K49T3		Kiều Thị Bích	Phương	Nữ	26/11/1995				Giỏi	1507684	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18645	1637-K49T3		Nguyễn Hà	Phương	Nữ	01/06/1995				Khá	1507685	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18646	1638-K49T3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	20/01/1995				Khá	1507686	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18647	1639-K49T3		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	17/05/1995				Khá	1507687	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18648	1640-K49T3		Bùi Phương	Thảo	Nữ	11/04/1995				Khá	1507688	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18649	1641-K49T3		Đoàn Phương	Thảo	Nữ	16/05/1995				Khá	1507689	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18650	1642-K49T3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	05/09/1994				Khá	1507690	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18651	1643-K49T3		Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	05/09/1994				Khá	1507691	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18652	1644-K49T3		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	03/05/1995				Khá	1507692	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18653	1645-K49T3		Phạm Thu	Trang	Nữ	17/03/1995				Khá	1507693	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18654	1646-K49T3		Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	13/05/1995				Khá	1507694	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18655	1647-K49T3		Khương Thị	Uyên	Nữ	21/07/1995				Khá	1507695	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18656	1648-K49T3		Mai Thanh	Yên	Nữ	25/07/1995				Khá	1507696	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18657	1649-K49T3		Nguyễn Thị Như	ý	Nữ	11/09/1995				Giỏi	1508842	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18658	1650-K49T4		Nguyễn Thị Huyền	Ngân	Nữ	25/12/1994				Khá	1507698	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18659	1651-K49T4		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	13/12/1995				Khá	1507699	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18660	1652-K49T4		Nguyễn Thị Hồng	Bộ	Nữ	15/05/1995				Khá	1507700	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18661	1653-K49T4		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	20/02/1995				Khá	1507701	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18662	1654-K49T4		Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	15/02/1995				Khá	1507702	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18663	1655-K49T4		Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	21/01/1995				Khá	1507703	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18664	1656-K49T4		Trần Thị Hồng	Điệp	Nữ	01/06/1994				Giỏi	1507704	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18665	1657-K49T4		Đào Văn	Đông	Nam	13/03/1995				Khá	1507705	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18666	1658-K49T4		Lê Đoàn Việt	Hà	Nữ	05/02/1995				Trung bình	1507706	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18667	1659-K49T4		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	03/03/1995				Khá	1507707	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18668	1660-K49T4		Phạm Thị	Hiền	Nữ	12/01/1994				Khá	1507708	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18669	1661-K49T4		Lưu Thị	Hồng	Nữ	16/10/1995				Khá	1507709	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18670	1662-K49T4		Vũ Thị	Huyền	Nữ	06/10/1995				Khá	1507710	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18671	1663-K49T4		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	19/02/1995				Khá	1507711	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18672	1664-K49T4		Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	08/06/1995				Giỏi	1507712	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18673	1665-K49T4		Vũ Thị	Hường	Nữ	11/02/1995				Khá	1507713	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18674	1666-K49T4		Phạm Thị Quỳnh	Liên	Nữ	30/01/1995				Khá	1507714	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18675	1667-K49T4		Vũ Mai	Linh	Nữ	27/09/1995				Khá	1507715	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18676	1668-K49T4		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	27/03/1995				Khá	1507716	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18677	1669-K49T4		Vũ Thị	Mai	Nữ	03/04/1995				Khá	1507717	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18678	1670-K49T4		Trần Thị	Mi	Nữ	05/03/1995				Khá	1507718	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18679	1671-K49T4		Trần Thị	Nga	Nữ	15/08/1995				Khá	1507719	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18680	1672-K49T4		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	22/09/1995				Khá	1507720	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18681	1673-K49T4		Phan Thị ánh	Nguyệt	Nữ	02/08/1995				Khá	1507721	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18682	1674-K49T4		Đoàn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	28/09/1995				Khá	1507722	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18683	1675-K49T4		Đỗ Thị Tuấn	Oanh	Nữ	03/02/1995				Khá	1507723	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18684	1676-K49T4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	06/10/1995				Khá	1507724	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18685	1677-K49T4		Nguyễn Thị	Tây	Nữ	02/05/1995				Khá	1507725	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18686	1678-K49T4		Nguyễn Thị	Thao	Nữ	29/07/1995				Khá	1507726	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18687	1679-K49T4		Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	04/11/1995				Khá	1507727	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18688	1680-K49T4		Lê Phương	Thảo	Nữ	03/11/1995				Khá	1507728	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18689	1681-K49T4		Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	30/01/1995				Trung bình	1507729	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18690	1682-K49T4		Trịnh Thị Thanh	Thủy	Nữ	26/10/1995				Trung bình	1507730	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18691	1683-K49T4		Trần Thị Kim	Thương	Nữ	26/08/1995				Khá	1507731	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18692	1684-K49T4		Dư Thị Hà	Trang	Nữ	26/02/1995				Khá	1507732	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18693	1685-K49T4		Hoàng Thị	Trang	Nữ	23/02/1995				Khá	1507733	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18694	1686-K49T4		Tạ Thị Thu	Trang	Nữ	13/02/1995				Khá	1507734	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18695	1687-K49T4		Nguyễn Thị Hải	Vân	Nữ	06/03/1995				Trung bình	1507735	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18696	1688-K49T4		Vũ Thị Ngọc	Yến	Nữ	25/11/1995				Khá	1507736	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18697	1689-K49T5		Trần Thị Vân	Anh	Nữ	19/05/1995				Khá	1507737	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18698	1690-K49T5		Vũ Phương	Anh	Nữ	26/12/1995				Khá	1507738	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18699	1691-K49T5		Bùi Thúy	Anh	Nữ	02/06/1995				Khá	1507739	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18700	1692-K49T5		Nguyễn Thị Thúy	Cải	Nữ	01/08/1995				Khá	1507740	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18701	1693-K49T5		Trịnh Thị	Chinh	Nữ	24/05/1995				Khá	1507741	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18702	1694-K49T5		Nguyễn Thị	Doan	Nữ	16/10/1995				Khá	1507742	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18703	1695-K49T5		Trịnh Thị	Dung	Nữ	23/08/1995				Khá	1507743	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18704	1696-K49T5		Lê Thị Hồng	Gấm	Nữ	24/01/1995				Khá	1507744	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18705	1697-K49T5		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/03/1995				Khá	1507745	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18706	1698-K49T5		Phạm Thị	Hà	Nữ	09/04/1995				Khá	1507746	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18707	1699-K49T5		Lương Thị Hồng	Hạnh	Nữ	05/03/1995				Khá	1507747	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18708	1700-K49T5		Lê Thị	Hiền	Nữ	20/10/1995				Khá	1507748	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18709	1701-K49T5		Ngô Thị	Hồng	Nữ	14/08/1995				Khá	1507749	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18710	1702-K49T5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	31/05/1995				Khá	1507750	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18711	1703-K49T5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	07/11/1995				Khá	1507751	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18712	1704-K49T5		Đinh Thị Mai	Hương	Nữ	08/03/1995				Khá	1507752	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18713	1705-K49T5		Công Thanh	Hường	Nữ	14/12/1995				Khá	1507753	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18714	1706-K49T5		Lê Thảo	Linh	Nữ	01/08/1994				Khá	1507754	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18715	1707-K49T5		Vũ Diệu	Linh	Nữ	17/08/1995				Khá	1507755	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18716	1708-K49T5		Đỗ Thị	Mai	Nữ	10/02/1995				Khá	1507756	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18717	1709-K49T5		Văn Thị	Mai	Nữ	19/01/1994				Khá	1507757	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18718	1710-K49T5		Đoàn Thị	My	Nữ	20/04/1995				Khá	1507758	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18719	1711-K49T5		Trần Thị Thúy	Nga	Nữ	24/05/1995				Khá	1507759	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18720	1712-K49T5		Đinh Thị Kim	Ngân	Nữ	12/11/1995				Khá	1507760	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18721	1713-K49T5		Trần Thị	Nguyệt	Nữ	30/03/1994				Giỏi	1507761	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18722	1714-K49T5		Hồ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	24/04/1995				Khá	1507762	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18723	1715-K49T5		Nguyễn Mai	Phương	Nữ	05/05/1995				Khá	1507763	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18724	1716-K49T5		Bùi Bích	Phương	Nữ	28/07/1995				Khá	1507764	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18725	1717-K49T5		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	22/09/1995				Khá	1507765	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18726	1718-K49T5		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	19/07/1995				Khá	1507766	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18727	1719-K49T5		Đào Thị	Thảo	Nữ	30/03/1995				Khá	1507767	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18728	1720-K49T5		Phạm Thị	Thật	Nữ	21/05/1995				Khá	1507768	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18729	1721-K49T5		Phan Thị Bích	Thủy	Nữ	06/12/1995				Khá	1507769	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18730	1722-K49T5		Trần Thị Ngọc	Thúy	Nữ	17/09/1995				Khá	1507770	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18731	1723-K49T5		Phạm Thị	Thùy	Nữ	15/01/1995				Khá	1507771	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18732	1724-K49T5		Trần Thị Thương	Thương	Nữ	10/05/1995				Khá	1507772	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18733	1725-K49T5		Trần Thị	Trang	Nữ	18/05/1995				Khá	1507773	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18734	1726-K49T5		Nguyễn Lưu Hải	Trang	Nữ	29/06/1995				Giỏi	1507774	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18735	1727-K49T5		Phạm Thị	Tuyết	Nữ	21/05/1995				Khá	1507775	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18736	1728-K49T5		Lê Thị	Vi	Nữ	18/01/1995				Khá	1507776	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18737	1729-K49T5		Đoàn Thị Hải	Yến	Nữ	24/07/1995				Khá	1507777	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	381/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18738	1730-K49P1		Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	12/10/1995				Khá	1507778	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18739	1731-K49P1		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	23/04/1995				Khá	1507779	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18740	1732-K49P1		Ngô Thị Vân	Anh	Nữ	15/07/1995				Khá	1507780	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18741	1733-K49P1		Hà Thảo	Chi	Nữ	26/06/1994				Khá	1507781	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18742	1734-K49P1		Phan Thị	Diễm	Nữ	09/12/1995				Khá	1507782	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18743	1735-K49P1		Bùi Thị	Điệp	Nữ	24/04/1994				Khá	1507783	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18744	1736-K49P1		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	10/03/1994				Khá	1507784	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18745	1737-K49P1		Đặng Thúy	Hằng	Nữ	12/07/1995				Giỏi	1507785	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18746	1738-K49P1		Bùi Thị	Hiền	Nữ	20/10/1995				Khá	1507786	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18747	1739-K49P1		Hà Thị Tú	Hồng	Nữ	11/05/1995				Khá	1507787	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18748	1740-K49P1		Đặng Khánh	Huyền	Nữ	24/11/1995				Khá	1507788	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18749	1741-K49P1		Lý Lan	Hương	Nữ	05/12/1995				Khá	1507789	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18750	1742-K49P1		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	29/03/1995				Khá	1507790	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18751	1743-K49P1		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	13/02/1995				Khá	1507791	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18752	1744-K49P1		Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	05/03/1995				Khá	1507792	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18753	1745-K49P1		Võ Thị	Ngọc	Nữ	07/10/1995				Khá	1507793	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18754	1746-K49P1		Vũ Phan	Nguyên	Nữ	27/11/1995				Khá	1507794	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18755	1747-K49P1		Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	11/02/1995				Khá	1507795	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18756	1748-K49P1		Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	13/04/1995				Khá	1507796	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18757	1749-K49P1		Lý Phương	Thảo	Nữ	22/05/1995				Khá	1507797	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18758	1750-K49P1		Lê Hoàng	Thạch	Nam	04/07/1993				Khá	1507798	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18759	1751-K49P1		Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	29/04/1995				Khá	1507799	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18760	1752-K49P1		Phạm Thị	Tình	Nữ	18/02/1995				Trung bình	1507800	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18761	1753-K49P1		Hoàng Thu	Trang	Nữ	31/08/1995				Giỏi	1507801	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18762	1754-K49P1		Phan Thị Thùy	Trang	Nữ	25/06/1995				Khá	1507802	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18763	1755-K49P1		Hà Thu	Trang	Nữ	09/10/1994				Khá	1507803	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18764	1756-K49P1		Đinh Thị Thanh	Tâm	Nữ	30/12/1994				Khá	1507804	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18765	1757-K49P1		Trần Thị	Tươi	Nữ	02/06/1995				Khá	1507805	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18766	1758-K49P1		Lê Thị Hồng	Uyên	Nữ	09/11/1995				Khá	1507806	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18767	1759-K49P1		Hoàng Diệu	Thu	Nữ	16/12/1994				Khá	1507807	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18768	1760-K49P1		Dương Thế	Vũ	Nam	01/05/1995				Khá	1507808	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18769	1761-K49P1		Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	20/12/1995				Khá	1507809	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18770	1762-K49P2		Trần Thị Thùy	An	Nữ	12/04/1995				Khá	1507810	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18771	1763-K49P2		Nguyễn Hồng Quỳnh	Anh	Nữ	15/04/1995				Khá	1507811	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18772	1764-K49P2		Vũ Thị Mai	Anh	Nữ	07/07/1995				Khá	1507812	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18773	1765-K49P2		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	27/03/1995				Khá	1507813	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18774	1766-K49P2		Nguyễn Linh	Chi	Nữ	28/10/1995				Khá	1507814	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18775	1767-K49P2		Nguyễn Thị Hoàng	Diệu	Nữ	04/02/1995				Khá	1507815	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18776	1768-K49P2		Nguyễn Việt	Dũng	Nam	16/02/1995				Khá	1507816	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18777	1769-K49P2		Lê Thùy	Dương	Nữ	26/12/1995				Khá	1507817	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18778	1770-K49P2		Nguyễn Hoàng	Giang	Nữ	10/03/1995				Giỏi	1507818	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18779	1771-K49P2		Lò Thị Thu	Hà	Nữ	30/03/1995				Giỏi	1507819	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18780	1772-K49P2		Trần Thị	Hồng	Nữ	04/09/1995				Khá	1507820	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18781	1773-K49P2		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	17/08/1995				Khá	1507821	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18782	1774-K49P2		Giang Thị Thu	Hương	Nữ	09/06/1995				Khá	1507822	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18783	1775-K49P2		Chu Kim	Liên	Nữ	01/10/1995				Giỏi	1507823	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18784	1776-K49P2		Vũ Thị Diệu	Linh	Nữ	01/10/1995				Khá	1507824	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18785	1777-K49P2		Phạm Thùy	Linh	Nữ	01/02/1995				Khá	1507825	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18786	1778-K49P2		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	02/11/1995				Khá	1507826	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18787	1779-K49P2		Chu Thị Ngọc	Mai	Nữ	11/07/1995				Khá	1507827	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18788	1780-K49P2		Đào Thị	Ngân	Nữ	09/12/1995				Khá	1507828	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18789	1781-K49P2		Lê Thị Hoàng	Oanh	Nữ	21/04/1995				Giỏi	1507829	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18790	1782-K49P2		Cao Thị Phương	Thanh	Nữ	27/10/1995				Khá	1507830	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18791	1783-K49P2		Vũ Thị Linh	Thắm	Nữ	25/07/1995				Khá	1507831	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18792	1784-K49P2		Đặng Thị Minh	Thúy	Nữ	26/03/1995				Khá	1507832	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18793	1785-K49P2		Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	29/05/1995				Khá	1507833	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18794	1786-K49P2		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	16/11/1995				Trung bình	1507834	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18795	1787-K49P2		Bùi Thị	Trinh	Nữ	02/05/1995				Giỏi	1507835	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18796	1788-K49P2		Hoàng Thị Phương	Uyên	Nữ	05/06/1995				Khá	1507836	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18797	1789-K49P2		Đào Ngọc	Xuân	Nữ	07/02/1995				Khá	1507837	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18798	1790-K49P3		Lưu Quỳnh	Anh	Nữ	20/09/1995				Khá	1507838	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18799	1791-K49P3		Nguyễn Thị Ngọc	Châm	Nữ	31/03/1995				Khá	1507839	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18800	1792-K49P3		Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	19/10/1995				Giỏi	1507840	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18801	1793-K49P3		Nguyễn Hương	Diễn	Nữ	23/02/1995				Khá	1507841	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18802	1794-K49P3		Hoàng Thu	Hà	Nữ	15/01/1995				Khá	1507842	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18803	1795-K49P3		Phạm Vũ	Hải	Nam	19/06/1995				Khá	1507843	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18804	1796-K49P3		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	17/03/1995				Khá	1507844	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18805	1797-K49P3		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	17/01/1995				Khá	1507845	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18806	1798-K49P3		Vũ Thị	Hường	Nữ	02/10/1995				Khá	1507846	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18807	1799-K49P3		Lò Thị Thùy	Linh	Nữ	10/02/1995				Khá	1507847	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18808	1800-K49P3		Bùi Thị	Soan	Nữ	18/11/1994				Trung bình	1507848	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18809	1801-K49P3		Lò Thị	Thảo	Nữ	16/06/1994				Khá	1507849	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18810	1802-K49P3		Phan Xuân	Tùng	Nam	09/06/1995				Khá	1507850	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18811	1803-K49P3		Đinh Văn	Vương	Nam	16/03/1995				Khá	1507851	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18812	1804-K49P3		Vũ Lê Vân	An	Nữ	09/01/1995				Khá	1507852	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18813	1805-K49P3		Đào Duy	Anh	Nam	15/07/1995				Khá	1507853	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18814	1806-K49P3		Nguyễn Thị Hồng	ánh	Nữ	11/01/1995				Khá	1507854	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18815	1807-K49P3		Lê Thị	Duyên	Nữ	26/06/1995				Khá	1507855	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18816	1808-K49P3		Nguyễn Thu	Dương	Nữ	24/10/1995				Khá	1507856	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18817	1809-K49P3		Vũ Thị Thanh	Hà	Nữ	23/12/1994				Khá	1507857	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18818	1810-K49P3		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	09/01/1995				Khá	1507858	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18819	1811-K49P3		Vũ Thị	Hoa	Nữ	23/12/1995				Khá	1507859	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18820	1812-K49P3		Chu Thị Lan	Hương	Nữ	29/10/1995				Khá	1507860	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18821	1813-K49P3		Lê Thị	Lan	Nữ	19/09/1995				Khá	1507861	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18822	1814-K49P3		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	16/10/1995				Khá	1507862	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18823	1815-K49P3		Phan Thị	Loan	Nữ	03/06/1995				Khá	1507863	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18824	1816-K49P3		Đỗ Hoàng	Long	Nam	03/08/1994				Khá	1507864	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18825	1817-K49P3		Nguyễn Thị Hải	Minh	Nữ	07/06/1995				Khá	1507865	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18826	1818-K49P3		Lê Trà	My	Nữ	23/05/1995				Khá	1507866	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18827	1819-K49P3		Đỗ Văn	Thực	Nam	24/06/1993				Khá	1507867	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18828	1820-K49P3		Nguyễn Thị ánh	Hồng	Nữ	10/01/1995				Khá	1507868	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18829	1821-K49P4		Tạ Thị Nhật	Xuân	Nữ	28/11/1994				Khá	1507869	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18830	1822-K49P4		Phan Diệu	Anh	Nữ	24/08/1995				Trung bình	1507870	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18831	1823-K49P4		Đỗ Thị	An	Nữ	01/05/1993				Khá	1507871	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18832	1824-K49P4		Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	14/10/1995				Khá	1507872	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18833	1825-K49P4		Bùi Phương	Dung	Nữ	11/12/1994				Giỏi	1507873	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18834	1826-K49P4		Lê Thị Thúy	Hà	Nữ	07/02/1995				Khá	1507874	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18835	1827-K49P4		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/11/1995				Khá	1507875	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18836	1828-K49P4		Phùng Bảo	Hoa	Nữ	04/04/1995				Khá	1507876	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18837	1829-K49P4		Trần Huy	Hoàng	Nam	28/11/1995				Khá	1507877	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18838	1830-K49P4		Nguyễn Kim	Huy	Nam	09/05/1995				Khá	1507878	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18839	1831-K49P4		Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/09/1995				Khá	1507879	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18840	1832-K49P4		Đặng Ngọc	Huyền	Nữ	05/01/1995				Khá	1507880	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18841	1833-K49P4		Bùi Thị Mai	Linh	Nữ	23/04/1995				Khá	1507881	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18842	1834-K49P4		Nguyễn Phương	Linh	Nữ	10/05/1995				Khá	1507882	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18843	1835-K49P4		Bùi Việt Hà	Mi	Nữ	15/02/1995				Khá	1507883	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18844	1836-K49P4		Đinh Thị	Mơ	Nữ	11/07/1995				Khá	1507884	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18845	1837-K49P4		Phùng Thị Thanh	Nhàn	Nữ	08/01/1995				Khá	1507885	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18846	1838-K49P4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/07/1995				Khá	1507886	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18847	1839-K49P4		Trần Thu	Phương	Nữ	02/02/1995				Khá	1507887	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18848	1840-K49P4		Bùi Thị Thu	Phương	Nữ	09/01/1995				Khá	1507888	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18849	1841-K49P4		Lê Thị	Phượng	Nữ	06/03/1994				Khá	1507889	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18850	1842-K49P4		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	17/10/1995				Khá	1507890	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18851	1843-K49P4		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	04/11/1995				Khá	1507891	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18852	1844-K49P4		Trần Thị	Thảo	Nữ	11/07/1995				Giỏi	1507892	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18853	1845-K49P4		Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	28/07/1995				Khá	1507893	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18854	1846-K49P4		Phan Phương	Thảo	Nữ	26/02/1995				Khá	1507894	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18855	1847-K49P4		Lã Phương	Thảo	Nữ	22/12/1995				Khá	1507895	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18856	1848-K49P4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	27/05/1995				Khá	1507896	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18857	1849-K49P4		Hoàng Thị	Thúy	Nữ	12/04/1994				Khá	1507897	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18858	1850-K49P4		Đồng Thị	Thư	Nữ	14/01/1995				Khá	1507898	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18859	1851-K49P4		Vũ Thị Hà	Trang	Nữ	28/09/1995				Khá	1507899	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18860	1852-K49P4		Phạm Thu	Trang	Nữ	09/12/1995				Khá	1507900	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18861	1853-K49P4		Nguyễn Thị Thu	Trà	Nữ	14/07/1995				Khá	1507901	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18862	1854-K49P4		Tạ Thị Hồng	Tươi	Nữ	07/12/1995				Khá	1507902	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18863	1855-K49P4		Nguyễn Thị Thục	Uyên	Nữ	19/08/1995				Khá	1507903	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18864	1856-K49P4		Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	10/04/1995				Khá	1507904	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18865	1857-K49P4		Phạm Hải	Yến	Nữ	15/11/1995				Khá	1507905	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18866	1858-K49P4		Vũ Hải	Yến	Nữ	29/11/1995				Khá	1507906	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18867	1859-K48P1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	26/08/1994				Khá	1507907	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18868	1860-K48P4		Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	06/07/1993				Khá	1507908	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18869	1861-K17P_SB		Trần Đức	Anh	Nam	15/10/1993				Khá	1507909	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18870	1862-K17P_SB		Xuân Thị Vân	Anh	Nữ	22/01/1993				Khá	1507910	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18871	1863-K17P_SB		Tạ Việt	Dự	Nam	09/01/1993				Khá	1507911	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18872	1864-K17P_SB		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	06/07/1992				Trung bình	1507912	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18873	1865-K17P_SB		Kiều Minh	Trung	Nam	23/11/1993				Giỏi	1507913	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	382/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18874	1866-K49N1		Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	23/01/1995				Trung bình	1330684	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18875	1867-K49N1		Bùi Thị Ngọc	Bích	Nữ	14/06/1995				Khá	1330685	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18876	1868-K49N1		Nguyễn Thị	Châm	Nữ	05/08/1995				Khá	1330686	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18877	1869-K49N1		Nguyễn Thị Cẩm	Dung	Nữ	22/03/1995				Khá	1330687	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18878	1870-K49N1		Vũ Thị	Hằng	Nữ	29/08/1995				Khá	1330688	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18879	1871-K49N1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	21/05/1995				Trung bình	1330689	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18880	1872-K49N1		Lê Thị	Hoa	Nữ	12/01/1995				Khá	1330690	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18881	1873-K49N1		Trần Nguyễn Vĩnh	Hoài	Nữ	30/10/1995				Khá	1330691	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18882	1874-K49N1		Cao Thị	Huyền	Nữ	12/02/1995				Khá	1330692	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18883	1875-K49N1		Vũ Thanh	Huyền	Nữ	20/09/1995				Khá	1330693	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18884	1876-K49N1		Vũ Thị Lan	Hương	Nữ	21/04/1994				Khá	1330694	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18885	1877-K49N1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	16/01/1994				Trung bình	1330695	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18886	1878-K49N1		Bùi Thị	Lả	Nữ	25/02/1995				Khá	1330696	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18887	1879-K49N1		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	12/07/1995				Khá	1330697	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18888	1880-K49N1		Phạm Thị Phương	Loan	Nữ	01/06/1993				Khá	1330698	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18889	1881-K49N1		Phạm Thị	Mai	Nữ	30/05/1995				Khá	1330699	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18890	1882-K49N1		Vũ Thị	Nết	Nữ	21/03/1995				Khá	1330700	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18891	1883-K49N1		Hoàng Thị Kim	Ngân	Nữ	19/06/1995				Khá	1330701	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18892	1884-K49N1		Đoàn Thị Kim	Ngân	Nữ	26/02/1995				Khá	1330702	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18893	1885-K49N1		Hoàng Thị	Nhàn	Nữ	17/05/1995				Khá	1330703	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18894	1886-K49N1		Trần Hồng	Phượng	Nữ	28/03/1995				Khá	1330704	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18895	1887-K49N1		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	03/07/1994				Khá	1330705	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18896	1888-K49N1		Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	09/09/1995				Khá	1330706	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18897	1889-K49N1		Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	25/08/1994				Khá	1330707	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18898	1890-K49N1		Bùi Phương	Thảo	Nữ	27/10/1994				Khá	1330708	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18899	1891-K49N1		Phạm Thị	Thêu	Nữ	06/04/1994				Khá	1330709	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18900	1892-K49N1		Phạm Thị	Tho	Nữ	03/07/1994				Khá	1330710	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18901	1893-K49N1		Lê Thị	Thơm	Nữ	28/05/1995				Trung bình	1330711	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18902	1894-K49N1		Dương Thị Thu	Thủy	Nữ	22/10/1995				Khá	1330712	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18903	1895-K49N1		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	11/03/1995				Khá	1330713	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18904	1896-K49N1		Trần Thị	Trang	Nữ	26/09/1994				Khá	1330714	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18905	1897-K49N1		Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	23/06/1995				Khá	1330715	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18906	1898-K49N1		Lưu Thị Thanh	Vân	Nữ	10/07/1995				Khá	1330716	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18907	1899-K49N2		Bùi Thị Hải	Anh	Nữ	22/10/1995				Khá	1330717	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18908	1900-K49N2		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	21/07/1994				Khá	1330718	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18909	1901-K49N2		Nghiêm Thanh	Danh	Nam	10/11/1995				Khá	1330719	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18910	1902-K49N2		Ngô Thị	Dung	Nữ	25/06/1995				Khá	1330720	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18911	1903-K49N2		Ngô Thị ánh	Dương	Nữ	05/04/1995				Khá	1330721	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18912	1904-K49N2		Đậu Thị	Hà	Nữ	26/01/1994				Khá	1330722	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18913	1905-K49N2		Vũ Thị	Hải	Nữ	02/08/1995				Khá	1330723	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18914	1906-K49N2		Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	12/02/1995				Khá	1330724	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18915	1907-K49N2		Trịnh Thị	Hiền	Nữ	25/12/1995				Khá	1330725	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18916	1908-K49N2		Mè Thị	Hòa	Nữ	13/05/1995				Trung bình	1330726	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18917	1909-K49N2		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	06/04/1995				Khá	1330727	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18918	1910-K49N2		Phạm Thị	Loan	Nữ	10/08/1995				Khá	1330728	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18919	1911-K49N2		Vũ Chi	Mai	Nữ	27/12/1995				Khá	1330729	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18920	1912-K49N2		Trần Thị	Mai	Nữ	20/11/1995				Khá	1330730	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18921	1913-K49N2		Lương Tuyết	Minh	Nữ	08/10/1994				Khá	1330731	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18922	1914-K49N2		Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	29/06/1994				Khá	1330732	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18923	1915-K49N2		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	23/12/1995				Khá	1330733	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18924	1916-K49N2		Phạm Thị	Nhung	Nữ	26/10/1995				Khá	1330734	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18925	1917-K49N2		Phạm Thị	Phượng	Nữ	15/12/1995				Khá	1330735	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18926	1918-K49N2		Nguyễn Thị	Thành	Nữ	02/02/1995				Giỏi	1330736	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18927	1919-K49N2		Vũ Thị	Thêu	Nữ	04/02/1994				Khá	1330737	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18928	1920-K49N2		Viên Thị	Thu	Nữ	17/07/1994				Khá	1330738	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18929	1921-K49N2		Đoàn Thị Huyền	Thu	Nữ	20/10/1995				Khá	1330739	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18930	1922-K49N2		Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	07/09/1995				Khá	1330740	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18931	1923-K49N2		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	21/10/1995				Khá	1330741	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18932	1924-K49N2		Phạm Thị Thùy	Trang	Nữ	11/05/1995				Trung bình	1330742	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18933	1925-K49N2		Trần Thị	Trang	Nữ	15/10/1994				Khá	1330743	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18934	1926-K49N3		Vũ Kim	Anh	Nữ	30/04/1995				Khá	1330744	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18935	1927-K49N3		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	13/11/1995				Khá	1330745	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18936	1928-K49N3		Trịnh Thị	Bình	Nữ	03/11/1995				Khá	1330746	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18937	1929-K49N3		Trịnh Thị	Chinh	Nữ	10/07/1995				Khá	1330747	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18938	1930-K49N3		Phạm Thị	Dung	Nữ	09/08/1995				Khá	1330748	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18939	1931-K49N3		Nguyễn Trọng	Dũng	Nam	27/08/1993				Giỏi	1330749	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18940	1932-K49N3		Phạm Tâm	Đan	Nữ	05/01/1995				Giỏi	1330750	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18941	1933-K49N3		Nguyễn Thị Việt	Hà	Nữ	10/12/1995				Trung bình	1330751	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18942	1934-K49N3		Phan Thị Hồng	Hạnh	Nữ	10/09/1995				Trung bình	1330752	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18943	1935-K49N3		Đỗ Thị	Hằng	Nữ	04/04/1995				Khá	1330753	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18944	1936-K49N3		Phạm Thị	Hoài	Nữ	26/01/1995				Khá	1330754	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18945	1937-K49N3		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	11/11/1995				Khá	1330755	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18946	1938-K49N3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	07/06/1995				Khá	1330756	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
18947	1939-K49N3		Trần Thị	Hương	Nữ	07/08/1995				Khá	1330757	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18948	1940-K49N3		Phạm Thị	Khuyên	Nữ	24/08/1995				Khá	1330758	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18949	1941-K49N3		Hoàng Thị Thanh	Loan	Nữ	11/01/1995				Giỏi	1330759	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18950	1942-K49N3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	07/12/1995				Khá	1330760	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18951	1943-K49N3		Phan Thị	Ngoan	Nữ	05/01/1995				Khá	1330761	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18952	1944-K49N3		Hà Thị	Nguyệt	Nữ	11/09/1995				Khá	1330762	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18953	1945-K49N3		Trịnh Thị Thùy	Ninh	Nữ	24/07/1995				Khá	1330763	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18954	1946-K49N3		Trần Bảo Ngọc	Quỳnh	Nữ	11/09/1995				Trung bình	1330764	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18955	1947-K49N3		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24/10/1994				Giỏi	1330765	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18956	1948-K49N3		Hà Thị Phương	Thảo	Nữ	23/03/1995				Khá	1330766	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18957	1949-K49N3		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	26/10/1993				Trung bình	1330767	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18958	1950-K49N3		Nguyễn Thị Mai	Thi	Nữ	09/03/1995				Khá	1330768	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18959	1951-K49N3		Đỗ Diệu	Thu	Nữ	27/05/1993				Khá	1330769	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18960	1952-K49N3		Hạ Thị Thu	Thủy	Nữ	05/11/1995				Khá	1330770	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18961	1953-K49N3		Phùng Thị	Thủy	Nữ	17/04/1994				Khá	1330771	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18962	1954-K49N3		Phạm Thị	Trang	Nữ	16/11/1995				Khá	1330772	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18963	1955-K49N3		Trần Thị	Trang	Nữ	09/02/1995				Khá	1330773	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18964	1956-K49N3		Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	28/01/1995				Trung bình	1330774	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18965	1957-K49N3		Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	Nữ	28/12/1995				Khá	1330775	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18966	1958-K49N3		Phạm Thị	Uyên	Nữ	04/11/1994				Khá	1330776	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18967	1959-K49N3		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	13/11/1995				Trung bình	1330777	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18968	1960-K49N4		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	11/01/1995				Khá	1330778	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18969	1961-K49N4		Phạm Thị	Bốn	Nữ	20/08/1994				Khá	1330779	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18970	1962-K49N4		Lăng Hồng	Điệp	Nam	18/01/1995				Khá	1330780	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18971	1963-K49N4		Đồng Thị	Hà	Nữ	25/09/1995				Khá	1330781	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18972	1964-K49N4		Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	30/10/1995				Khá	1330782	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18973	1965-K49N4		Nguyễn Thị ánh	Hồng	Nữ	08/08/1995				Khá	1330783	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18974	1966-K49N4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	16/07/1995				Khá	1330784	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18975	1967-K49N4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	17/03/1994				Khá	1330785	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18976	1968-K49N4		Trần Mỹ	Linh	Nữ	04/09/1995				Trung bình	1330786	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18977	1969-K49N4		Đặng Thị	Hà	Nữ	26/07/1995				Khá	1330787	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18978	1970-K49N4		Phạm Thúy	Hằng	Nữ	10/09/1995				Khá	1330788	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18979	1971-K49N4		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	16/04/1995				Khá	1330789	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18980	1972-K49N4		Nguyễn Phương	Liên	Nữ	25/06/1995				Khá	1330790	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18981	1973-K49N4		Nguyễn Thị Kiều	Loan	Nữ	16/08/1995				Khá	1330791	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18982	1974-K49N4		Ngô Thị	Hoan	Nữ	01/06/1994				Trung bình	1330792	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18983	1975-K49N4		Vũ Thị	Nhẫn	Nữ	09/10/1995				Giỏi	1330793	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18984	1976-K49N4		Hoàng Thị Quỳnh	Như	Nữ	13/11/1995				Khá	1330794	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18985	1977-K49N4		Nguyễn Tiến	Trung	Nam	19/04/1995				Khá	1330795	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18986	1978-K49N5		Mai Thị	Ngoan	Nữ	08/03/1994				Trung bình	1330796	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18987	1979-K49N5		Nguyễn Mai	Anh	Nữ	22/11/1995				Khá	1330797	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18988	1980-K49N5		Vũ Thị	Dinh	Nữ	01/09/1995				Khá	1330798	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18989	1981-K49N5		Nguyễn Nguyệt	Hà	Nữ	28/08/1994				Khá	1330799	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18990	1982-K49N5		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	23/01/1995				Khá	1330800	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18991	1983-K49N5		Chu Thị Khánh	Linh	Nữ	22/07/1995				Trung bình	1330801	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18992	1984-K49N5		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	06/01/1995				Khá	1330802	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18993	1985-K49N5		Phạm Ngọc	Minh	Nam	26/09/1995				Khá	1330803	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18994	1986-K49N5		Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	22/07/1995				Trung bình	1330804	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18995	1987-K49N5		Đào Thị	Nhẫn	Nữ	04/12/1995				Khá	1330805	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18996	1988-K49N5		Vũ Thị Kiều	Oanh	Nữ	27/10/1995				Khá	1330806	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18997	1989-K49N5		Nguyễn Thanh	Phượng	Nữ	16/09/1995				Trung bình	1330807	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18998	1990-K49N5		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	25/12/1995				Khá	1330808	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
18999	1991-K49N5		Lê Trần	Thanh	Nữ	27/12/1995				Khá	1330809	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19000	1992-K49N5		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	28/08/1995				Khá	1330810	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19001	1993-K49N5		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	25/08/1995				Khá	1330811	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19002	1994-K49N5		Bùi Thị	Thùy	Nữ	22/01/1995				Khá	1330812	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19003	1995-K49N5		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	09/08/1995				Khá	1330813	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19004	1996-K49N5		Trần Thị	Thúy	Nữ	04/04/1995				Khá	1330814	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19005	1997-K49N5		Đặng Thị	Thùy	Nữ	19/08/1995				Trung bình	1330815	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19006	1998-K49N5		Lường Thị	Tình	Nữ	10/10/1995				Khá	1330816	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19007	1999-K49N5		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	01/08/1995				Khá	1330817	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19008	2000-K49N5		Trịnh Thị Thu	Trang	Nữ	16/05/1995				Khá	1330818	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19009	2001-K49N5		Lê Thị	Xoan	Nữ	07/05/1995				Khá	1330819	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19010	2002-K46N3		Phan Thanh	Thư	Nữ	18/09/1992				Khá	1330820	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19011	2003-K47N1		Cao Thị Ngọc	Mai	Nữ	23/06/1993				Trung bình	1330821	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19012	2004-K48N1		Đặng Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	16/08/1994				Trung bình	1330822	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19013	2005-K48N1		Nguyễn Thị	Nương	Nữ	14/08/1994				Khá	1330823	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19014	2006-K48N1		Trần Thị	Vân	Nữ	10/02/1994				Trung bình	1330824	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19015	2007-K48N2		Nguyễn Hà	Quí	Nữ	25/04/1994				Trung bình	1330825	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19016	2008-K48N3		Trần Thị	Dung	Nữ	03/12/1994				Khá	1330826	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19017	2009-K48N5		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	14/08/1994				Trung bình	1330827	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19018	2010-K48N6		Phạm Văn	Phái	Nam	09/06/1994				Trung bình	1480580	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19019	2011-K48N6		Nguyễn Bảo	Yến	Nữ	12/12/1994				Khá	1480581	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19020	3306-K48N1		Lê Thế Hoàng	Linh	Nam	09/11/1994				Trung bình	1508839	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	386/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19021	2012-K49H1		Trần Tú	Anh	Nữ	27/08/1994				Khá	1480582	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19022	2013-K49H1		Nguyễn Việt	Chinh	Nữ	24/10/1995				Khá	1480583	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19023	2014-K49H1		Mai Gia	Cường	Nam	12/09/1995				Khá	1480584	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19024	2015-K49H1		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	18/09/1995				Khá	1480585	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19025	2016-K49H1		Hoàng Thị Hương	Giang	Nữ	07/02/1995				Khá	1480586	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19026	2017-K49H1		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	04/06/1995				Khá	1480587	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19027	2018-K49H1		Nguyễn Minh	Hải	Nam	30/03/1994				Khá	1480588	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19028	2019-K49H1		Dương Thị	Hiền	Nữ	20/10/1995				Khá	1480589	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19029	2020-K49H1		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	08/08/1995				Giỏi	1480590	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19030	2021-K49H1		Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	08/07/1995				Khá	1480591	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19031	2022-K49H1		Bùi Thị Thu	Hòa	Nữ	05/09/1995				Khá	1480592	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19032	2023-K49H1		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	16/09/1995				Khá	1480593	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19033	2024-K49H1		Đỗ Hải	Hưng	Nam	01/06/1995				Khá	1480594	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19034	2025-K49H1		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	16/03/1995				Khá	1480595	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19035	2026-K49H1		Phạm Thùy	Linh	Nữ	17/10/1995				Khá	1480596	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19036	2027-K49H1		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	08/12/1995				Khá	1480597	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19037	2028-K49H1		Hà Thành	Long	Nam	21/12/1995				Trung bình	1480598	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19038	2029-K49H1		Đỗ Hải Trà	My	Nữ	07/08/1995				Khá	1480599	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19039	2030-K49H1		Vũ Thị ánh	Nguyệt	Nữ	25/08/1995				Khá	1480600	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19040	2031-K49H1		Hoàng Thị	Nhung	Nữ	19/11/1995				Khá	1480601	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19041	2032-K49H1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	18/06/1995				Khá	1480602	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19042	2033-K49H1		Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	25/08/1995				Khá	1480603	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19043	2034-K49H1		Trần Minh	Quỳnh	Nữ	01/11/1995				Khá	1480604	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19044	2035-K49H1		Đoàn Hồng	Thanh	Nữ	31/08/1994				Khá	1480605	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19045	2036-K49H1		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	17/12/1995				Khá	1480606	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19046	2037-K49H1		Nguyễn Hồng	Thơ	Nữ	20/09/1995				Giỏi	1480607	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19047	2038-K49H1		Lê Phương	Thúy	Nữ	10/01/1995				Khá	1480608	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19048	2039-K49H1		Bùi Thu	Thủy	Nữ	10/07/1995				Khá	1480609	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19049	2040-K49H1		Trịnh Xuân	Thư	Nam	08/10/1995				Khá	1480610	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19050	2041-K49H1		Hoàng Thị	Trang	Nữ	17/06/1995				Khá	1480611	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19051	2042-K49H1		Vũ Thị	Trang	Nữ	01/10/1995				Khá	1480612	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19052	2043-K49H1		Trần Thị Minh	Trang	Nữ	11/06/1993				Khá	1480613	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19053	2044-K49H1		Phạm Thị	Trang	Nữ	29/07/1995				Khá	1480614	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19054	2045-K49H1		Đỗ Minh	Tuấn	Nam	09/07/1995				Khá	1480615	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19055	2046-K49H1		Nguyễn Thị Tố	Uyên	Nữ	12/01/1994				Khá	1480616	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19056	2047-K49H1		Dương Phương	Vi	Nữ	22/09/1995				Khá	1480617	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19057	2048-K49H1		Vũ Trần	Vũ	Nam	03/01/1995				Khá	1480618	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19058	2049-K49H2		Đào Phương	Anh	Nữ	03/12/1995				Khá	1480619	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19059	2050-K49H2		Đỗ Đức	Anh	Nam	02/04/1995				Khá	1480620	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19060	2051-K49H2		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	21/03/1995				Khá	1480621	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19061	2052-K49H2		Nguyễn Đức	Duy	Nam	26/08/1995				Trung bình	1480622	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19062	2053-K49H2		Phạm Thị	Duyên	Nữ	22/03/1995				Trung bình	1480623	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19063	2054-K49H2		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	29/11/1995				Khá	1480624	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19064	2055-K49H2		Vi Hồng	Hạnh	Nữ	29/12/1995				Khá	1480625	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19065	2056-K49H2		Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	20/10/1995				Khá	1480626	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19066	2057-K49H2		Lương Xuân	Hoa	Nữ	21/07/1995				Giỏi	1480627	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19067	2058-K49H2		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/09/1994				Trung bình	1480628	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19068	2059-K49H2		Đào Đình	Huân	Nam	19/05/1995				Khá	1480629	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19069	2060-K49H2		Bùi Thị	Huệ	Nữ	31/05/1995				Giỏi	1480630	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19070	2061-K49H2		Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	13/02/1995				Khá	1480631	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19071	2062-K49H2		Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	16/01/1995				Khá	1480632	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19072	2063-K49H2		Hoàng Phi	Khanh	Nam	29/04/1995				Trung bình	1480633	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19073	2064-K49H2		Nguyễn Thị Minh	Khuê	Nữ	06/07/1995				Trung bình	1480634	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19074	2065-K49H2		Lê Hoàng	Lâm	Nam	07/11/1995				Trung bình	1480635	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19075	2066-K49H2		Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	21/07/1995				Khá	1480636	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19076	2067-K49H2		Trần Ngọc	Long	Nam	06/09/1995				Khá	1480637	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19077	2068-K49H2		Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	10/01/1995				Khá	1480638	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19078	2069-K49H2		Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	26/08/1995				Khá	1480639	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19079	2070-K49H2		Lê Thị	Nhị	Nữ	18/10/1995				Khá	1480640	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19080	2071-K49H2		Đào Thị	Như	Nữ	02/03/1995				Giỏi	1480641	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19081	2072-K49H2		Tạ Minh	Phong	Nam	02/04/1995				Khá	1480642	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19082	2073-K49H2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	19/11/1995				Khá	1480643	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19083	2074-K49H2		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	04/02/1995				Khá	1480644	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19084	2075-K49H2		Hoàng Thị Hương	Quỳnh	Nữ	17/10/1995				Khá	1480645	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19085	2076-K49H2		Tô Hoài	Thanh	Nữ	29/01/1995				Khá	1480646	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19086	2077-K49H2		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	01/10/1995				Khá	1480647	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19087	2078-K49H2		Hồ Minh	Thúy	Nữ	28/03/1995				Khá	1480648	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19088	2079-K49H2		Hà Thị Thu	Trang	Nữ	28/05/1995				Khá	1480649	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19089	2080-K49H2		Trương Thị Huyền	Trang	Nữ	10/05/1995				Khá	1480650	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19090	2081-K49H2		Nguyễn Phạm Lâm	Tùng	Nam	28/07/1995				Khá	1480651	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19091	2082-K49H2		Tạ Thị	Vui	Nữ	07/02/1995				Khá	1480652	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19092	2083-K49H2		Trịnh Quỳnh	Anh	Nữ	23/09/1995				Trung bình	1480653	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19093	2084-K49H3		Trần Quốc	Anh	Nam	17/10/1995				Khá	1480654	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19094	2085-K49H3		Lê Thị Lan	Anh	Nữ	07/11/1995				Khá	1480655	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19095	2086-K49H3		Đinh Hải	Anh	Nữ	29/11/1995				Khá	1480656	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19096	2087-K49H3		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	27/12/1995				Khá	1480657	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19097	2088-K49H3		Hoàng Văn	Chí	Nam	06/07/1995				Khá	1480658	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19098	2089-K49H3		Đinh Thị	Duyên	Nữ	29/10/1995				Khá	1480659	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19099	2090-K49H3		Bùi Xuân	Dương	Nam	08/11/1995				Khá	1480660	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19100	2091-K49H3		Nguyễn Thị Thu	Giang	Nữ	18/10/1995				Khá	1480661	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19101	2092-K49H3		Trần Thị Thanh	Hà	Nữ	16/08/1995				Khá	1480662	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19102	2093-K49H3		Chử Hồng	Hằng	Nữ	25/12/1994				Khá	1480663	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19103	2094-K49H3		Nguyễn Thị	Hoan	Nữ	12/07/1995				Khá	1480664	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19104	2095-K49H3		Lê Thị	Huế	Nữ	10/02/1995				Khá	1480665	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19105	2096-K49H3		Lê Trần	Huy	Nam	14/07/1995				Khá	1480666	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19106	2097-K49H3		Hà Thị	Hằng	Nữ	11/03/1994				Giỏi	1480667	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19107	2098-K49H3		Đinh Thị	Huyền	Nữ	17/11/1995				Khá	1480668	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19108	2099-K49H3		Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	14/02/1995				Khá	1480669	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19109	2100-K49H3		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	24/01/1995				Trung bình	1480670	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19110	2101-K49H3		Nguyễn Văn	Kiên	Nam	25/08/1995				Khá	1480671	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19111	2102-K49H3		Đinh Quang	Linh	Nam	21/11/1995				Khá	1480672	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19112	2103-K49H3		Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	08/02/1995				Trung bình	1480673	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19113	2104-K49H3		Phùng Thị Tuyết	Mai	Nữ	14/10/1995				Khá	1480674	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19114	2105-K49H3		Khuất Hằng	Nga	Nữ	29/10/1995				Khá	1480675	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19115	2106-K49H3		Trịnh Thị Kim	Ngân	Nữ	15/05/1995				Khá	1480676	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19116	2107-K49H3		Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	02/06/1995				Khá	1480677	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19117	2108-K49H3		Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	17/06/1995				Khá	1480678	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19118	2109-K49H3		Nguyễn Ngọc	Ninh	Nữ	25/09/1995				Khá	1480679	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19119	2110-K49H3		Nguyễn Hoàng Lâm	Phương	Nữ	16/04/1995				Giỏi	1480680	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19120	2111-K49H3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	09/09/1995				Khá	1480681	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19121	2112-K49H3		Lê Minh	Quang	Nam	07/11/1995				Khá	1480682	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19122	2113-K49H3		Nguyễn Lệ	Quỳnh	Nữ	20/07/1995				Khá	1480683	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19123	2114-K49H3		Ngô Thị Thanh	Tâm	Nữ	08/11/1995				Khá	1480684	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19124	2115-K49H3		Lê Thị Hoài	Thanh	Nữ	26/06/1995				Khá	1480685	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19125	2116-K49H3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	15/09/1995				Khá	1480686	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19126	2117-K49H3		Đồng Thị	Thúy	Nữ	04/02/1995				Khá	1480687	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19127	2118-K49H3		Tăng Anh	Thư	Nữ	28/02/1995				Khá	1480688	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19128	2119-K49H3		Lê Thị	Trinh	Nữ	28/02/1995				Giỏi	1480689	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19129	2120-K49H3		Phạm Thanh	Tùng	Nam	22/08/1993				Khá	1480690	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19130	2121-K49H3		Phùng Thị	Vân	Nữ	03/11/1995				Khá	1480691	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19131	2122-K49H4		Nguyễn Thị Dung	Anh	Nữ	05/12/1994				Khá	1480692	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19132	2123-K49H4		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	16/12/1995				Khá	1480693	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19133	2124-K49H4		Vũ Mai	Anh	Nữ	23/05/1995				Khá	1480694	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19134	2125-K49H4		Thân Đức	Anh	Nam	26/07/1995				Khá	1480695	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19135	2126-K49H4		Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	28/02/1994				Giỏi	1480696	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19136	2127-K49H4		Nguyễn Quốc	Chung	Nam	24/06/1995				Trung bình	1480697	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19137	2128-K49H4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	13/02/1995				Khá	1480698	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19138	2129-K49H4		Nguyễn Kim	Đông	Nam	04/12/1995				Khá	1480699	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19139	2130-K49H4		Nguyễn Thị	Gấm	Nữ	23/12/1995				Khá	1480700	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19140	2131-K49H4		Phạm Hương	Giang	Nữ	23/02/1995				Khá	1480701	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19141	2132-K49H4		Nguyễn Hoàng	Hà	Nữ	03/09/1995				Khá	1480702	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19142	2133-K49H4		Lại Quang	Hào	Nam	16/12/1995				Khá	1480703	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19143	2134-K49H4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	10/06/1995				Khá	1480704	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19144	2135-K49H4		Phạm Thị	Hệ	Nữ	28/06/1995				Khá	1480705	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19145	2136-K49H4		Đỗ Trung	Hiếu	Nam	15/11/1995				Khá	1480706	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19146	2137-K49H4		Đinh Thị Thanh	Hoa	Nữ	26/01/1994				Khá	1480707	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19147	2138-K49H4		Đoàn Thị Thanh	Huế	Nữ	22/03/1995				Khá	1480708	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19148	2139-K49H4		Mai Đức	Huy	Nam	30/09/1995				Giỏi	1480709	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19149	2140-K49H4		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/08/1995				Giỏi	1480710	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19150	2141-K49H4		Doãn Thị Lan	Hương	Nữ	01/09/1995				Khá	1480711	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19151	2142-K49H4		Hà Thị Thanh	Hòa	Nữ	05/07/1994				Trung bình	1480712	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19152	2143-K49H4		Trần Thị	Lan	Nữ	08/09/1995				Khá	1480713	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19153	2144-K49H4		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	24/06/1995				Khá	1480714	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19154	2145-K49H4		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	24/08/1995				Giỏi	1480715	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19155	2146-K49H4		Bùi Thị	Nga	Nữ	05/10/1995				Khá	1480716	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19156	2147-K49H4		Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	20/06/1995				Khá	1480717	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19157	2148-K49H4		Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/05/1995				Khá	1480718	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19158	2149-K49H4		Đỗ Thị Kiều	Oanh	Nữ	19/01/1995				Khá	1480719	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19159	2150-K49H4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	17/06/1994				Khá	1480720	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19160	2151-K49H4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	03/02/1995				Khá	1480721	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19161	2152-K49H4		Đinh Lệ	Quỳnh	Nữ	05/10/1995				Khá	1480722	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19162	2153-K49H4		Trương Thị	Thanh	Nữ	10/04/1995				Khá	1480723	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19163	2154-K49H4		Nguyễn Thị	Thà	Nữ	02/08/1995				Khá	1480724	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19164	2155-K49H4		Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	03/07/1994				Khá	1480725	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19165	2156-K49H4		Mai Thị	Thu	Nữ	10/11/1995				Khá	1480726	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19166	2157-K49H4		Nguyễn Trung	Thuật	Nam	19/05/1995				Khá	1480727	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19167	2158-K49H4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	18/08/1995				Khá	1480728	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19168	2159-K49H4		Nguyễn Ngọc	Thúy	Nữ	07/12/1995				Khá	1480729	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19169	2160-K49H4		Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	23/05/1995				Khá	1480730	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19170	2161-K49H4		Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	05/09/1995				Khá	1480731	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19171	2162-K49H4		Đồng Linh	Trang	Nữ	30/08/1995				Khá	1480732	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19172	2163-K49H4		Hoàng Quang	Tuấn	Nam	26/11/1995				Giỏi	1480733	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19173	2164-K49H4		Đinh Thị	Tuyến	Nữ	02/11/1995				Giỏi	1480734	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19174	2165-K49H4		Phạm Thanh	Tùng	Nam	07/10/1995				Khá	1480735	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19175	2166-K49H4		Trần Thị	Vân	Nữ	18/09/1995				Khá	1480736	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19176	2167-K49H4		Nguyễn Thị Hồng	Yến	Nữ	14/01/1995				Khá	1480737	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19177	2168-K49H5		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	10/04/1995				Khá	1480738	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19178	2169-K49H5		Lã Thị Kim	Anh	Nữ	07/10/1995				Khá	1480739	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19179	2170-K49H5		Lỗ Thị Ngọc	ánh	Nữ	04/06/1995				Khá	1480740	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19180	2171-K49H5		Đỗ Phương	Chi	Nữ	12/09/1995				Khá	1480741	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19181	2172-K49H5		Hoàng Thị	Dung	Nữ	29/12/1995				Khá	1480742	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19182	2173-K49H5		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	23/02/1994				Khá	1480743	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19183	2174-K49H5		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	01/05/1995				Khá	1480744	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19184	2175-K49H5		Trần Thúy	Hằng	Nữ	03/01/1996				Khá	1480745	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19185	2176-K49H5		Lê Thị	Hoa	Nữ	03/07/1995				Khá	1480746	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19186	2177-K49H5		Vũ Thị	Hoài	Nữ	10/12/1995				Khá	1480747	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19187	2178-K49H5		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/03/1994				Khá	1480748	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19188	2179-K49H5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/10/1995				Khá	1480749	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19189	2180-K49H5		Vũ Thị	Huyền	Nữ	18/11/1995				Khá	1480750	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19190	2181-K49H5		Tống Thu	Hương	Nữ	14/08/1995				Khá	1480751	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19191	2182-K49H5		Trần Thị Thu	Lan	Nữ	04/08/1995				Khá	1480752	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19192	2183-K49H5		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	17/07/1992				Trung bình	1480753	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19193	2184-K49H5		Cao Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/06/1995				Khá	1480754	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19194	2185-K49H5		Nguyễn Thảo	Nguyệt	Nữ	06/01/1995				Giỏi	1480755	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19195	2186-K49H5		Nguyễn Thị Thúy	Nhung	Nữ	05/07/1995				Khá	1480756	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19196	2187-K49H5		Vũ Thị	Phấn	Nữ	25/01/1995				Khá	1480757	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19197	2188-K49H5		Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	25/03/1995				Khá	1480758	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19198	2189-K49H5		Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	26/12/1995				Khá	1480759	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19199	2190-K49H5		Đào Thị	Thanh	Nữ	18/01/1995				Khá	1480760	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19200	2191-K49H5		Đặng Thị Phương	Thảo	Nữ	30/12/1995				Khá	1480761	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19201	2192-K49H5		Phạm Thị	Thiền	Nữ	18/04/1995				Khá	1480762	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19202	2193-K49H5		Nguyễn Thị Hà	Thu	Nữ	24/01/1995				Khá	1480763	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19203	2194-K49H5		Đặng Xuân	Thùy	Nam	17/02/1995				Khá	1480764	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19204	2195-K49H5		Uông Biên	Thùy	Nữ	08/07/1995				Khá	1480765	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19205	2196-K49H5		Vũ Thị Ngọc	Tiếp	Nữ	19/08/1995				Khá	1480766	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19206	2197-K49H5		Đào Thị Huyền	Trang	Nữ	24/10/1995				Khá	1480767	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19207	2198-K49H5		Lê Thị	Trang	Nữ	18/07/1995				Khá	1480768	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19208	2199-K49H5		Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	11/11/1995				Khá	1480769	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19209	2200-K49H5		Đỗ Thị Sinh	Tươi	Nữ	02/10/1995				Khá	1480770	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19210	2201-K49H6		Đào Thị Lan	Anh	Nữ	30/10/1995				Khá	1480771	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19211	2202-K49H6		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	16/04/1995				Khá	1480772	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19212	2203-K49H6		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	23/04/1995				Khá	1480773	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19213	2204-K49H6		Phạm Xuân	Bách	Nam	14/12/1995				Trung bình	1480774	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19214	2205-K49H6		Tống Thanh	Bình	Nam	06/05/1991				Trung bình	1480775	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19215	2206-K49H6		Nguyễn Quỳnh	Chi	Nữ	02/11/1994				Khá	1480776	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19216	2207-K49H6		Nguy Thị	Dung	Nữ	25/09/1995				Khá	1480777	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19217	2208-K49H6		Đỗ Thị Thanh	Hằng	Nữ	16/05/1994				Khá	1480778	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19218	2209-K49H6		Phan Thị	Hiếu	Nữ	22/09/1994				Khá	1480779	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19219	2210-K49H6		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/09/1994				Khá	1480780	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19220	2211-K49H6		Phan Thị Thảo	Hoa	Nữ	24/07/1995				Khá	1480781	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19221	2212-K49H6		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	13/11/1995				Khá	1480782	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19222	2213-K49H6		Bùi Mạnh	Hùng	Nam	19/09/1995				Khá	1480783	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19223	2214-K49H6		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	17/10/1995				Khá	1480784	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19224	2215-K49H6		Phạm Thị Thu	Ly	Nữ	05/01/1995				Khá	1480785	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19225	2216-K49H6		Dương Quỳnh	Mai	Nữ	16/06/1995				Khá	1480786	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19226	2217-K49H6		Lê Phương	Mai	Nữ	12/11/1995				Khá	1480787	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19227	2218-K49H6		Đàm Thị	Minh	Nữ	24/04/1994				Khá	1480788	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19228	2219-K49H6		Vũ Thị	Nga	Nữ	30/03/1995				Khá	1480789	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19229	2220-K49H6		Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	04/07/1995				Khá	1480790	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19230	2221-K49H6		Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	21/08/1994				Khá	1480791	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19231	2222-K49H6		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	14/04/1995				Khá	1480792	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19232	2223-K49H6		Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	02/02/1994				Khá	1480793	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19233	2224-K49H6		Nguyễn Anh	Quang	Nam	29/08/1995				Khá	1480794	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19234	2225-K49H6		Hoàng Minh	Tâm	Nữ	06/03/1995				Khá	1480795	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19235	2226-K49H6		Bùi Trọng	Thành	Nam	01/08/1993				Trung bình	1480796	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19236	2227-K49H6		Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	22/12/1995				Khá	1480797	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19237	2228-K49H6		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	20/05/1995				Khá	1480798	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19238	2229-K49H6		Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	08/08/1995				Khá	1480799	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19239	2230-K49H6		Trần Thị	Trang	Nữ	26/03/1995				Khá	1480800	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19240	2231-K49H6		Đỗ Minh	Trường	Nam	18/05/1995				Khá	1480801	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19241	2232-K49H6		Phạm Thị Hà	Giang	Nữ	30/09/1995				Khá	1480802	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19242	2233-K48H1		Hà Quang	Huy	Nam	25/11/1993				Trung bình	1480803	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19243	2234-K48H4		Lục Thanh	Tuyền	Nam	30/09/1993				Trung bình	1480804	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19244	2235-K48H6		Lương Văn	Hải	Nam	06/08/1994				Trung bình	1480805	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19245	2236-K17H_SB		Nguyễn Thị	An	Nữ	24/05/1994				Khá	1480806	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19246	2237-K17H_SB		Nguyễn Văn	Đạt	Nam	06/12/1994				Khá	1480807	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19247	2238-K17H_SB		Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	14/11/1992				Khá	1480808	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19248	2239-K17H_SB		Hoàng Bích	Loan	Nữ	02/02/1992				Khá	1480809	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19249	2240-K17H_SB		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	13/03/1994				Khá	1480810	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19250	2241-K18H_SB		Trần Thị	Duyên	Nữ	12/05/1994				Khá	1480811	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19251	2242-K18H_SB		Trần Thị	Lệ	Nữ	22/08/1994				Khá	1480812	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	388/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19252	2243-K49D1		Nguyễn Hồng Ngọc	Anh	Nữ	17/11/1995				Giỏi	1508286	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19253	2244-K49D1		Nguyễn Thị	Chi	Nữ	05/04/1995				Khá	1508287	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19254	2245-K49D1		Ngô Thị	Dung	Nữ	02/08/1995				Khá	1508288	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19255	2246-K49D1		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	18/06/1995				Khá	1508289	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19256	2247-K49D1		Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	03/10/1995				Giỏi	1508290	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19257	2248-K49D1		Cao Thị	Giang	Nữ	28/04/1995				Giỏi	1508291	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19258	2249-K49D1		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	02/07/1995				Khá	1508292	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19259	2250-K49D1		Lê Thị Hồng	Hải	Nữ	24/05/1995				Khá	1508293	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19260	2251-K49D1		Đàm Thị	Hoa	Nữ	16/02/1995				Khá	1508294	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19261	2252-K49D1		Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	11/10/1994				Trung bình	1508295	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19262	2253-K49D1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	29/11/1995				Khá	1508296	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19263	2254-K49D1		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	13/08/1995				Khá	1508297	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19264	2255-K49D1		Luân Thị	Hân	Nữ	25/11/1993				Khá	1508298	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19265	2256-K49D1		Trần Thị	Huyền	Nữ	12/04/1995				Trung bình	1508299	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19266	2257-K49D1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	02/11/1995				Khá	1508300	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19267	2258-K49D1		Trương Thị	Hương	Nữ	29/08/1995				Khá	1508301	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19268	2259-K49D1		Đào Thị Hương	Lan	Nữ	08/11/1995				Khá	1508302	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19269	2260-K49D1		Hoàng Thị	Là	Nữ	29/06/1995				Giỏi	1508303	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19270	2261-K49D1		Lê Thị	Linh	Nữ	30/12/1994				Khá	1508304	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19271	2262-K49D1		Triệu Khánh	Linh	Nữ	23/07/1995				Khá	1508305	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19272	2263-K49D1		Vũ Thị Hồng	Loan	Nữ	08/12/1995				Giỏi	1508306	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19273	2264-K49D1		Đào Thị Tuyết	Mai	Nữ	14/12/1995				Khá	1508307	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19274	2265-K49D1		Lê Thị Huyền	My	Nữ	12/08/1995				Khá	1508308	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19275	2266-K49D1		Nguyễn Đình	Nam	Nam	18/08/1995				Khá	1508309	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19276	2267-K49D1		Phú Thị Thanh	Nga	Nữ	24/04/1995				Khá	1508310	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19277	2268-K49D1		Nguyễn Thị Huyền	Ngoan	Nữ	08/01/1995				Khá	1508311	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19278	2269-K49D1		Phan Thị Bích	Ngọc	Nữ	17/01/1995				Khá	1508312	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19279	2270-K49D1		Chu Thị	Nguyệt	Nữ	09/09/1995				Khá	1508313	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19280	2271-K49D1		Vũ Thị Thái	Nhật	Nữ	25/08/1995				Khá	1508314	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19281	2272-K49D1		Bùi Thị Tuyết	Nhung	Nữ	07/05/1995				Khá	1508315	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19282	2273-K49D1		Trần Thị	Oanh	Nữ	05/05/1994				Khá	1508316	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19283	2274-K49D1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	26/04/1995				Khá	1508317	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19284	2275-K49D1		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	20/02/1995				Khá	1508318	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19285	2276-K49D1		Trần Thúy	Quỳnh	Nữ	30/05/1995				Khá	1508319	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19286	2277-K49D1		Nguyễn Thị Minh	Thanh	Nữ	03/12/1995				Khá	1508320	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19287	2278-K49D1		Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	11/07/1995				Giỏi	1508321	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19288	2279-K49D1		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	22/07/1995				Khá	1508322	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19289	2280-K49D1		Nguyễn Thị	Thêu	Nữ	24/03/1995				Khá	1508323	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19290	2281-K49D1		Phạm Thị	Thúy	Nữ	26/10/1995				Khá	1508324	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19291	2282-K49D1		Đặng Hoài	Thương	Nữ	22/09/1995				Khá	1508325	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19292	2283-K49D1		Phạm Thị	Trang	Nữ	06/10/1995				Khá	1508326	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19293	2284-K49D1		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	22/10/1995				Khá	1508327	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19294	2285-K49D1		Bùi Huyền	Trang	Nữ	11/05/1995				Khá	1508328	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19295	2286-K49D1		Hoàng Hạnh	Tâm	Nữ	06/12/1994				Khá	1508329	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19296	2287-K49D1		Nguyễn Thị	Trà	Nữ	01/01/1995				Khá	1508330	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19297	2288-K49D1		Hoàng Trần Thanh	Vân	Nữ	01/09/1995				Khá	1508331	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19298	2289-K49D1		Nguyễn Hồng	Xuyến	Nữ	02/06/1995				Khá	1508332	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19299	2290-K49D1		Lê Thị Bích	Thủy	Nữ	12/08/1994				Giỏi	1508333	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19300	2291-K49D2		Phan Thị	An	Nữ	02/09/1995				Khá	1508334	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19301	2292-K49D2		Đặng Vân	Anh	Nữ	15/03/1995				Giỏi	1508335	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19302	2293-K49D2		Trần Thị Vân	Anh	Nữ	16/09/1995				Khá	1508336	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19303	2294-K49D2		Vi Thị Ngọc	Anh	Nữ	13/12/1994				Khá	1508337	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19304	2295-K49D2		Phạm Thị	Chi	Nữ	28/02/1995				Khá	1508338	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19305	2296-K49D2		Lê Thị	Dung	Nữ	26/03/1995				Giỏi	1508339	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19306	2297-K49D2		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	18/03/1995				Khá	1508340	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19307	2298-K49D2		Nguyễn Hữu	Dương	Nam	21/11/1995				Khá	1508341	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19308	2299-K49D2		Phạm Thùy	Dương	Nữ	23/02/1995				Khá	1508342	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19309	2300-K49D2		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	03/10/1995				Giỏi	1508343	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19310	2301-K49D2		Ngô Thị	Hạnh	Nữ	16/03/1995				Khá	1508344	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19311	2302-K49D2		Nhâm Thị	Hiền	Nữ	22/10/1995				Khá	1508345	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19312	2303-K49D2		Bùi Thị	Hoa	Nữ	28/03/1995				Khá	1508346	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19313	2304-K49D2		Lê Thị	Hợi	Nữ	13/10/1995				Khá	1508347	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19314	2305-K49D2		Trần Ngọc	Huân	Nam	03/04/1995				Trung bình	1508348	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19315	2306-K49D2		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	01/10/1995				Khá	1508349	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19316	2307-K49D2		Hoàng Thị	Huyền	Nữ	12/06/1995				Giỏi	1508350	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19317	2308-K49D2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12/11/1995				Giỏi	1508351	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19318	2309-K49D2		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	06/02/1995				Khá	1508352	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19319	2310-K49D2		Hoàng Thị Hương	Lan	Nữ	19/05/1994				Trung bình	1508353	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19320	2311-K49D2		Hồ Thị Thanh	Huê	Nữ	26/10/1994				Trung bình	1508354	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19321	2312-K49D2		Đặng Thị	Lệ	Nữ	10/09/1995				Trung bình	1508355	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19322	2313-K49D2		Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	08/10/1995				Khá	1508356	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19323	2314-K49D2		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	28/09/1995				Giỏi	1508357	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19324	2315-K49D2		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	29/01/1995				Khá	1508358	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19325	2316-K49D2		Đỗ Trà	My	Nữ	08/10/1995				Giỏi	1508359	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19326	2317-K49D2		Lê Thị	Nga	Nữ	04/06/1995				Khá	1508360	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19327	2318-K49D2		Vũ Thị	Ngọc	Nữ	04/12/1995				Khá	1508361	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19328	2319-K49D2		Vũ Thị Bích	Ngọc	Nữ	12/08/1995				Khá	1508362	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19329	2320-K49D2		Bùi Thị ánh	Nguyệt	Nữ	18/12/1995				Khá	1508363	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19330	2321-K49D2		Nguyễn Thị Bình	Nhi	Nữ	11/11/1995				Khá	1508364	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19331	2322-K49D2		Phạm Thị	Nhung	Nữ	26/01/1995				Khá	1508365	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19332	2323-K49D2		Trần Thị	Oanh	Nữ	11/01/1995				Khá	1508366	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19333	2324-K49D2		Trần Quang	Phong	Nam	17/11/1994				Khá	1508367	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19334	2325-K49D2		Phan Thị Linh	Phương	Nữ	16/12/1995				Giỏi	1508368	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19335	2326-K49D2		Bùi Thị Thúy	Phương	Nữ	11/03/1995				Khá	1508369	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19336	2327-K49D2		Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	30/11/1995				Giỏi	1508370	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19337	2328-K49D2		Phạm Nguyệt	Quỳnh	Nữ	20/08/1995				Khá	1508371	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19338	2329-K49D2		Ngô Thị	Thanh	Nữ	21/10/1995				Giỏi	1508372	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19339	2330-K49D2		Đỗ Thị Thanh	Thảo	Nữ	19/05/1995				Giỏi	1508373	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19340	2331-K49D2		Lê Thị	Thảo	Nữ	07/01/1995				Khá	1508374	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19341	2332-K49D2		Mạc Thị Hồng	Thuyên	Nữ	11/08/1995				Giỏi	1508375	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19342	2333-K49D2		Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	11/03/1995				Khá	1508376	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19343	2334-K49D2		Ngô Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/04/1995				Khá	1508377	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19344	2335-K49D2		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	25/11/1995				Khá	1508378	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19345	2336-K49D2		Bùi Thị	Tuyết	Nữ	20/05/1995				Khá	1508379	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19346	2337-K49D2		Nguyễn Thị Khánh	Vân	Nữ	11/08/1995				Khá	1508380	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19347	2338-K49D2		Hoàng Thị Kim	Xuyến	Nữ	21/01/1995				Giỏi	1508381	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19348	2339-K49D3		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	16/10/1995				Khá	1508382	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19349	2340-K49D3		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	02/06/1995				Khá	1508383	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19350	2341-K49D3		Đặng Tuấn	Anh	Nam	04/04/1995				Giỏi	1508384	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19351	2342-K49D3		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	20/09/1995				Giỏi	1508385	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19352	2343-K49D3		Phạm Hà	Chi	Nữ	15/09/1995				Khá	1508386	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19353	2344-K49D3		Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	18/11/1995				Khá	1508387	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19354	2345-K49D3		Vương Thị	Diễm	Nữ	21/10/1994				Khá	1508388	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19355	2346-K49D3		Nguyễn Thị	Gấm	Nữ	29/01/1995				Khá	1508389	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19356	2347-K49D3		Trần Thị Thu	Giang	Nữ	05/12/1995				Khá	1508390	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19357	2348-K49D3		Trần Thị	Hạnh	Nữ	01/06/1995				Khá	1508391	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19358	2349-K49D3		Bành Thu	Hiền	Nữ	02/12/1995				Khá	1508392	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19359	2350-K49D3		Lương Khánh	Hoa	Nữ	14/08/1995				Khá	1508393	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19360	2351-K49D3		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	25/09/1995				Khá	1508394	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19361	2352-K49D3		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	16/02/1995				Khá	1508395	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19362	2353-K49D3		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	19/03/1995				Giỏi	1508396	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19363	2354-K49D3		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	19/05/1995				Khá	1508397	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19364	2355-K49D3		Mai Thị Thu	Hương	Nữ	27/03/1995				Khá	1508398	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19365	2356-K49D3		Lưu Thị	Lan	Nữ	11/02/1995				Khá	1508399	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19366	2357-K49D3		Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	03/09/1995				Khá	1508400	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19367	2358-K49D3		Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	05/11/1995				Khá	1508401	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19368	2359-K49D3		Hoàng Phương	Linh	Nữ	07/11/1995				Khá	1508402	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19369	2360-K49D3		Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	11/03/1995				Khá	1508403	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19370	2361-K49D3		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	21/10/1995				Giỏi	1508404	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19371	2362-K49D3		Hoàng Thúy	Lam	Nữ	06/07/1994				Khá	1508405	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19372	2363-K49D3		Phạm Thị Phương	Nga	Nữ	09/08/1995				Khá	1508406	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19373	2364-K49D3		Lê Thị Hồng	Ngọc	Nữ	14/01/1995				Khá	1508407	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19374	2365-K49D3		Trần Thị	Nhạn	Nữ	19/01/1995				Khá	1508408	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19375	2366-K49D3		Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	07/06/1995				Khá	1508409	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19376	2367-K49D3		Hoàng Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/04/1995				Khá	1508410	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19377	2368-K49D3		Trần Thị	Phượng	Nữ	07/08/1995				Khá	1508411	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19378	2369-K49D3		Nguyễn Duy	Quân	Nam	17/10/1995				Khá	1508412	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19379	2370-K49D3		Trần Thị Hồng	Quyên	Nữ	08/08/1995				Khá	1508413	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19380	2371-K49D3		Hoàng Thị Như	Quỳnh	Nữ	30/04/1995				Khá	1508414	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19381	2372-K49D3		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	26/12/1995				Khá	1508415	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19382	2373-K49D3		Phạm Thị	Thanh	Nữ	30/08/1995				Khá	1508416	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19383	2374-K49D3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	07/11/1995				Khá	1508417	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19384	2375-K49D3		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	14/11/1995				Khá	1508418	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19385	2376-K49D3		Bùi Thị	Thơm	Nữ	19/11/1994				Khá	1508419	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19386	2377-K49D3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	09/01/1995				Khá	1508420	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19387	2378-K49D3		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	28/10/1994				Khá	1508421	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19388	2379-K49D3		Nguyễn Thị Lệ	Thương	Nữ	11/12/1995				Giỏi	1508422	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19389	2380-K49D3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	14/07/1995				Khá	1508423	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19390	2381-K49D3		Lê Hà	Trang	Nữ	15/09/1995				Khá	1508424	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19391	2382-K49D3		Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	03/04/1995				Khá	1508425	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19392	2383-K49D3		Trần Thị	Tươi	Nữ	24/07/1995				Giỏi	1508426	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19393	2384-K49D3		Lê Thị	Vân	Nữ	20/09/1994				Khá	1508427	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19394	2385-K49D3		Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	16/04/1995				Khá	1508428	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19395	2386-K49D4		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	22/12/1994				Khá	1508429	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19396	2387-K49D4		Tô Hồng	Anh	Nữ	02/01/1995				Khá	1508430	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19397	2388-K49D4		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	04/08/1995				Khá	1508431	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19398	2389-K49D4		Trần Thị Ngọc	ánh	Nữ	19/08/1995				Khá	1508432	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19399	2390-K49D4		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	15/03/1995				Khá	1508433	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19400	2391-K49D4		Lê Xuân	Cường	Nam	04/09/1994				Khá	1508434	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19401	2392-K49D4		Trần Thị	Dung	Nữ	22/04/1995				Khá	1508435	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19402	2393-K49D4		Vũ Thị	Duyên	Nữ	20/01/1995				Giỏi	1508436	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19403	2394-K49D4		Ngô Thị	Gấm	Nữ	28/06/1995				Khá	1508437	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19404	2395-K49D4		Phan Hương	Giang	Nữ	18/06/1995				Khá	1508438	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19405	2396-K49D4		Nguyễn Thị Hải	Hà	Nữ	12/08/1995				Khá	1508439	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19406	2397-K49D4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/04/1995				Khá	1508440	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19407	2398-K49D4		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	10/10/1995				Khá	1508441	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19408	2399-K49D4		Phạm Thị Thanh	Hoa	Nữ	13/10/1995				Khá	1508442	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19409	2400-K49D4		Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	03/06/1995				Khá	1508443	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19410	2401-K49D4		Nguyễn Thị Thanh	Huế	Nữ	07/10/1995				Khá	1508444	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19411	2402-K49D4		Đỗ Thị	Huyền	Nữ	06/01/1995				Khá	1508445	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19412	2403-K49D4		Phạm Khánh	Huyền	Nữ	07/11/1995				Trung bình	1508446	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19413	2404-K49D4		Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	26/05/1995				Khá	1508447	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19414	2405-K49D4		Đào Thị	Hường	Nữ	03/05/1995				Khá	1508448	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19415	2406-K49D4		Hoàng Thị Hương	Lan	Nữ	20/07/1994				Khá	1508449	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19416	2407-K49D4		Trần Thị	Liên	Nữ	11/03/1995				Khá	1508450	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19417	2408-K49D4		Vũ Thị	Linh	Nữ	01/04/1995				Khá	1508451	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19418	2409-K49D4		Đỗ Thị	Mai	Nữ	12/05/1995				Khá	1508452	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19419	2410-K49D4		Trần Thị	Mai	Nữ	21/10/1995				Giỏi	1508453	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19420	2411-K49D4		Phạm Thị	Nga	Nữ	02/04/1995				Khá	1508454	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19421	2412-K49D4		Đặng Thị	Ngân	Nữ	03/12/1995				Khá	1508455	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19422	2413-K49D4		Nguyễn Thị	Nhâm	Nữ	28/11/1995				Trung bình	1508456	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19423	2414-K49D4		Hoàng Thị	Nhung	Nữ	08/10/1995				Khá	1508457	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19424	2415-K49D4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	02/03/1995				Khá	1508458	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19425	2416-K49D4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	06/02/1995				Khá	1508459	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19426	2417-K49D4		Lê Lệ	Quyên	Nữ	12/12/1995				Khá	1508460	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19427	2418-K49D4		Trần Như	Quỳnh	Nữ	03/10/1995				Khá	1508461	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19428	2419-K49D4		Vũ Tuấn	Sang	Nam	22/07/1995				Trung bình	1508462	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19429	2420-K49D4		Phạm Thị Mai	Sương	Nữ	10/08/1995				Khá	1508463	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19430	2421-K49D4		Trần Thị Thanh	Thanh	Nữ	20/06/1995				Khá	1508464	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19431	2422-K49D4		Trịnh Thị Phương	Thảo	Nữ	20/12/1995				Khá	1508465	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19432	2423-K49D4		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	02/07/1995				Khá	1508466	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19433	2424-K49D4		Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	23/04/1995				Khá	1508467	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19434	2425-K49D4		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	05/02/1995				Khá	1508468	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19435	2426-K49D4		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	11/12/1995				Khá	1508469	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19436	2427-K49D4		Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	03/03/1995				Khá	1508470	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19437	2428-K49D4		Trịnh Thị	Trang	Nữ	06/07/1995				Khá	1508471	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19438	2429-K49D4		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	28/10/1995				Khá	1508472	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19439	2430-K49D4		Trần Thị Hoàng Thu	Uyên	Nữ	04/09/1995				Khá	1508473	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19440	2431-K49D4		Phạm Thu	Vân	Nữ	22/11/1995				Giỏi	1508474	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19441	2432-K49D4		Phạm Thị	Xuyến	Nữ	27/10/1995				Khá	1508475	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19442	2433-K49D4		Bùi Thị Kim	Xoa	Nữ	05/08/1994				Khá	1508476	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19443	2434-K49D5		Phan Thị Vân	Anh	Nữ	20/06/1995				Giỏi	1508477	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19444	2435-K49D5		Cao Thị	Anh	Nữ	17/03/1995				Khá	1508478	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19445	2436-K49D5		Đinh Thị	Cúc	Nữ	10/03/1995				Khá	1508479	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19446	2437-K49D5		Mai Thị	Dung	Nữ	05/11/1995				Khá	1508480	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19447	2438-K49D5		Nguyễn Ngọc	Duyên	Nữ	28/08/1994				Khá	1508481	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19448	2439-K49D5		Hoàng Hương	Giang	Nữ	05/07/1995				Khá	1508482	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19449	2440-K49D5		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	04/11/1995				Giỏi	1508483	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19450	2441-K49D5		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	10/04/1994				Khá	1508484	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19451	2442-K49D5		Quản Thị Thúy	Hồng	Nữ	01/11/1995				Khá	1508485	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19452	2443-K49D5		Vũ Thị	Huế	Nữ	28/10/1995				Khá	1508486	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19453	2444-K49D5		Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23/06/1995				Khá	1508487	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19454	2445-K49D5		Nguyễn Vũ	Khải	Nam	06/08/1995				Khá	1508488	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19455	2446-K49D5		Đặng Thị Cẩm	Linh	Nữ	15/12/1995				Giỏi	1508489	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19456	2447-K49D5		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	15/03/1995				Giỏi	1508490	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19457	2448-K49D5		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	06/09/1995				Giỏi	1508491	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19458	2449-K49D5		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	23/12/1994				Khá	1508492	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19459	2450-K49D5		Nguyễn Thị Diễm	Ngọc	Nữ	11/06/1995				Khá	1508493	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19460	2451-K49D5		Phạm Thị	Nhung	Nữ	01/02/1995				Khá	1508494	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19461	2452-K49D5		Đoàn Thị	Ninh	Nữ	08/02/1995				Giỏi	1508495	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19462	2453-K49D5		Phạm Thị	Phương	Nữ	05/05/1995				Khá	1508496	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19463	2454-K49D5		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	04/08/1995				Khá	1508497	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19464	2455-K49D5		Ngô Thị	Quyên	Nữ	05/11/1995				Khá	1508498	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19465	2456-K49D5		Trần Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	21/06/1995				Khá	1508499	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19466	2457-K49D5		Nguyễn Toàn	Tài	Nam	14/01/1995				Khá	1508500	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19467	2458-K49D5		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	01/08/1995				Khá	1508501	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19468	2459-K49D5		Ninh Thị	Thanh	Nữ	21/12/1994				Khá	1508502	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19469	2460-K49D5		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	16/09/1995				Giỏi	1508503	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19470	2461-K49D5		Nguyễn Thị	Thạch	Nữ	22/08/1995				Giỏi	1508504	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19471	2462-K49D5		Vũ Thị	Thu	Nữ	01/08/1995				Giỏi	1508505	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19472	2463-K49D5		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	04/03/1995				Khá	1508506	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19473	2464-K49D5		Phan Thị Thùy	Tiên	Nữ	03/10/1995				Khá	1508507	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19474	2465-K49D5		Trịnh Thị Thùy	Trang	Nữ	02/06/1995				Khá	1508508	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19475	2466-K49D5		Bùi Thị Thu	Trang	Nữ	18/06/1995				Khá	1508509	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19476	2467-K49D5		Mai Thị	Vóc	Nữ	24/03/1995				Giỏi	1508510	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19477	2468-K49D5		Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	27/06/1995				Khá	1508511	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19478	2469-K49D6		Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	01/03/1995				Giỏi	1508512	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19479	2470-K49D6		Hà Thị Huệ	Anh	Nữ	19/05/1995				Khá	1508513	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19480	2471-K49D6		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	21/02/1995				Giỏi	1508514	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19481	2472-K49D6		Nguyễn Phương	Dung	Nữ	10/08/1995				Khá	1508515	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19482	2473-K49D6		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	14/10/1995				Khá	1508516	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19483	2474-K49D6		Vũ Thu	Hà	Nữ	13/10/1994				Khá	1508517	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19484	2475-K49D6		Chu Thị Thúy	Hằng	Nữ	12/02/1995				Khá	1508518	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19485	2476-K49D6		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	06/08/1995				Trung bình	1508519	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19486	2477-K49D6		Chử Thị Phương	Hoa	Nữ	16/02/1995				Khá	1508520	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19487	2478-K49D6		Nguyễn Minh	Hoàn	Nam	04/08/1995				Khá	1508521	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19488	2479-K49D6		Trần Thị Thu	Hồng	Nữ	11/06/1995				Khá	1508522	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19489	2480-K49D6		Triệu Thị	Hạnh	Nữ	01/03/1993				Trung bình	1508523	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19490	2481-K49D6		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	28/10/1995				Giỏi	1508524	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19491	2482-K49D6		Trần Thanh	Huyền	Nữ	07/02/1995				Khá	1508525	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19492	2483-K49D6		Trần Thị	Hương	Nữ	18/01/1995				Khá	1508526	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19493	2484-K49D6		Phan Thị	Khuyên	Nữ	20/08/1995				Giỏi	1508527	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19494	2485-K49D6		Lê Hương	Lan	Nữ	06/07/1995				Khá	1508528	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19495	2486-K49D6		Đào Hà	Lâm	Nam	27/04/1995				Khá	1508529	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19496	2487-K49D6		Đặng Thị	Linh	Nữ	18/08/1995				Khá	1508530	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19497	2488-K49D6		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	31/03/1995				Khá	1508531	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19498	2489-K49D6		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	09/01/1995				Khá	1508532	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19499	2490-K49D6		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	03/03/1995				Khá	1508533	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19500	2491-K49D6		Lê Thị	Nga	Nữ	14/03/1995				Khá	1508534	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19501	2492-K49D6		Trần Thị	Nghĩa	Nữ	26/10/1995				Giỏi	1508535	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19502	2493-K49D6		Trương Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/10/1995				Khá	1508536	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19503	2494-K49D6		Trần Thị	Ngọt	Nữ	09/09/1995				Khá	1508537	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19504	2495-K49D6		Mai Thị	Nhật	Nữ	08/12/1995				Khá	1508538	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19505	2496-K49D6		Phan Thị Lâm	Oanh	Nữ	14/05/1995				Khá	1508539	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19506	2497-K49D6		Tạ Thị	Phương	Nữ	25/06/1995				Khá	1508540	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19507	2498-K49D6		Đỗ Thị	Phượng	Nữ	16/03/1995				Khá	1508541	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19508	2499-K49D6		Hoàng Hương	Quỳnh	Nữ	10/10/1995				Khá	1508542	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19509	2500-K49D6		Trần Phương	Thanh	Nữ	07/02/1995				Khá	1508543	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19510	2501-K49D6		Phạm Thị	Thảo	Nữ	28/05/1995				Khá	1508544	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19511	2502-K49D6		Nguyễn Văn	Thòa	Nam	23/05/1995				Giỏi	1508545	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19512	2503-K49D6		Lê Thị	Thuận	Nữ	08/01/1995				Khá	1508546	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19513	2504-K49D6		Tô Thị	Thúy	Nữ	02/12/1995				Khá	1508547	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19514	2505-K49D6		Vi Thị	Thương	Nữ	28/06/1995				Khá	1508548	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19515	2506-K49D6		Phạm Thùy	Trang	Nữ	02/06/1995				Trung bình	1508549	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19516	2507-K49D6		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24/03/1995				Giỏi	1508550	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19517	2508-K49D6		Vũ Minh	Trang	Nữ	22/01/1995				Khá	1508551	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19518	2509-K48D1		Bùi Thành	Luận	Nam	31/07/1994				Trung bình	1508552	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19519	2510-K48D3		Triệu Văn	Liêm	Nam	29/07/1993				Trung bình	1508553	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19520	2511-K48D5		Nguyễn Văn	Luân	Nam	14/11/1994				Trung bình	1508554	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19521	2512-K17D_SB		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	21/03/1993				Trung bình	1508555	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19522	2513-K17D_SB		Lê Thị Ngọc	ánh	Nữ	18/06/1994				Khá	1508556	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19523	2514-K17D_SB		Trần Thị	Bích	Nữ	14/02/1994				Khá	1508557	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19524	2515-K17D_SB		Lê Thị	Bình	Nữ	05/12/1994				Khá	1508558	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19525	2516-K17D_SB		Vũ Thị	Diễm	Nữ	11/10/1993				Khá	1508559	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19526	2517-K17D_SB		Đào Thị	Dung	Nữ	22/10/1994				Khá	1508560	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19527	2518-K17D_SB		Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	13/12/1994				Khá	1508561	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19528	2519-K17D_SB		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	11/12/1993				Khá	1508562	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19529	2520-K17D_SB		Đào Thị Thu	Hà	Nữ	15/04/1994				Giỏi	1508563	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19530	2521-K17D_SB		Lê Thị	Hà	Nữ	08/08/1994				Khá	1508564	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19531	2522-K17D_SB		Trương Thị Thu	Hà	Nữ	17/11/1994				Giỏi	1508565	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19532	2523-K17D_SB		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	02/07/1994				Khá	1508566	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19533	2524-K17D_SB		Lê Thị	Hậu	Nữ	26/12/1994				Khá	1508567	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19534	2525-K17D_SB		Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	15/03/1993				Khá	1508568	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19535	2526-K17D_SB		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	19/03/1992				Khá	1508569	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19536	2527-K17D_SB		Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	07/12/1993				Khá	1508570	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19537	2528-K17D_SB		Võ Thị	Hiền	Nữ	21/01/1994				Khá	1508571	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19538	2529-K17D_SB		Bùi Thị	Hoa	Nữ	12/07/1994				Khá	1508572	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19539	2530-K17D_SB		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	23/04/1993				Khá	1508573	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19540	2531-K17D_SB		Phạm Minh	Hoàng	Nam	05/11/1992				Khá	1508574	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19541	2532-K17D_SB		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	25/12/1994				Khá	1508575	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19542	2533-K17D_SB		Trương Thị	Huyền	Nữ	21/10/1993				Trung bình	1508576	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19543	2534-K17D_SB		Cao Thị	Khánh	Nữ	24/07/1994				Khá	1508577	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19544	2535-K17D_SB		Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	03/01/1994				Khá	1508578	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19545	2536-K17D_SB		Đỗ Thị	Linh	Nữ	18/08/1993				Khá	1508579	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19546	2537-K17D_SB		Hoàng Thúy	Linh	Nữ	28/07/1993				Khá	1508580	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19547	2538-K17D_SB		Nguyễn Nhật	Linh	Nữ	01/12/1994				Khá	1508581	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19548	2539-K17D_SB		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	30/08/1993				Khá	1508582	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19549	2540-K17D_SB		Vũ Thị	Linh	Nữ	29/01/1994				Khá	1508583	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19550	2541-K17D_SB		Phạm Thị	Loan	Nữ	09/06/1994				Khá	1508584	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19551	2542-K17D_SB		La Hạnh	Ly	Nữ	28/07/1993				Khá	1508585	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19552	2543-K17D_SB		Bùi Thị Trà	My	Nữ	05/09/1994				Khá	1508586	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19553	2544-K17D_SB		Đỗ Thu	Nga	Nữ	25/11/1994				Khá	1508587	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19554	2545-K17D_SB		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	12/06/1993				Giỏi	1508588	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19555	2546-K17D_SB		Vũ Thị	Nga	Nữ	16/12/1994				Khá	1508589	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19556	2547-K17D_SB		Lê Thị Phương	Ngân	Nữ	09/10/1993				Khá	1508590	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19557	2548-K17D_SB		Trần Thị	Ngát	Nữ	03/06/1994				Khá	1508591	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19558	2549-K17D_SB		Lê Thị	Ngoãn	Nữ	25/07/1993				Trung bình	1508592	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19559	2550-K17D_SB		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	02/04/1994				Khá	1508593	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19560	2551-K17D_SB		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/08/1994				Khá	1508594	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19561	2552-K17D_SB		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	27/04/1994				Khá	1508595	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19562	2553-K17D_SB		Phạm Thị	Phụng	Nữ	22/12/1994				Khá	1508596	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19563	2554-K17D_SB		Bùi Thị	Phương	Nữ	21/03/1994				Khá	1508597	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19564	2555-K17D_SB		Bùi Thị Bích	Phương	Nữ	06/11/1994				Khá	1508598	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19565	2556-K17D_SB		Đào Thị Ngọc	Phương	Nữ	19/08/1994				Khá	1508599	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19566	2557-K17D_SB		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	01/04/1994				Khá	1508600	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19567	2558-K17D_SB		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	10/10/1993				Khá	1508601	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19568	2559-K17D_SB		Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	Nữ	15/03/1993				Khá	1508602	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19569	2560-K17D_SB		Trần Thúy	Quỳnh	Nữ	30/04/1994				Khá	1508603	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19570	2561-K17D_SB		Nguyễn Trường	Sơn	Nam	06/01/1994				Khá	1508604	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19571	2562-K17D_SB		Phạm Thị	Tâm	Nữ	24/09/1993				Trung bình	1508605	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19572	2563-K17D_SB		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	15/09/1994				Khá	1508606	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19573	2564-K17D_SB		Hoàng Thanh	Thảo	Nữ	21/03/1993				Khá	1508607	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19574	2565-K17D_SB		Thái Thị	Thảo	Nữ	02/02/1994				Khá	1508608	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19575	2566-K17D_SB		Đặng Thị Kim	Thoa	Nữ	26/01/1994				Khá	1508609	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19576	2567-K17D_SB		Đỗ Thị	Thu	Nữ	07/07/1994				Khá	1508610	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19577	2568-K17D_SB		Nguyễn Tùng	Thu	Nữ	16/05/1993				Khá	1508611	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19578	2569-K17D_SB		Tạ Thị Anh	Thư	Nữ	12/08/1993				Khá	1508612	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19579	2570-K17D_SB		Lưu Thị	Thúy	Nữ	25/08/1993				Khá	1508613	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19580	2571-K17D_SB		Trần Thị	Thúy	Nữ	18/10/1994				Khá	1508614	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19581	2572-K17D_SB		Cao Thị	Thùy	Nữ	23/08/1994				Khá	1508615	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19582	2573-K17D_SB		Đinh Thanh	Thùy	Nữ	25/12/1993				Khá	1508616	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19583	2574-K17D_SB		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	10/09/1994				Khá	1508617	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19584	2575-K17D_SB		Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	02/09/1993				Trung bình	1508618	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19585	2576-K17D_SB		Vũ Quỳnh	Trang	Nữ	22/02/1994				Khá	1508619	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19586	2577-K17D_SB		Trần Thanh	Tùng	Nam	15/03/1993				Khá	1508620	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19587	2578-K17D_SB		Trần Thị	Tuyến	Nữ	10/01/1994				Khá	1508621	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19588	2579-K17D_SB		Trần Thị	Vân	Nữ	24/04/1994				Khá	1508622	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19589	2580-K17D_SB		Đào Thị	Xuyên	Nữ	02/02/1993				Khá	1508623	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19590	2581-K17D_SB		Nguyễn Thị	Yên	Nữ	15/02/1994				Khá	1508624	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19591	2582-K17D_SB		Phi Hải	Yến	Nữ	06/12/1993				Khá	1508625	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19592	2583-K18D_SB		Hoàng Thị	Đào	Nữ	25/08/1994				Khá	1508626	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19593	2584-K18D_SB		Phạm Thị	Duyên	Nữ	23/06/1992				Trung bình	1508627	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19594	2585-K18D_SB		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	09/02/1993				Trung bình	1508628	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19595	2586-K18D_SB		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	20/01/1990				Khá	1508629	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19596	2587-K18D_SB		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	22/11/1994				Khá	1508630	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19597	2588-K18D_SB		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	23/02/1994				Khá	1508631	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19598	2589-K18D_SB		Ngô Tiểu	My	Nữ	13/05/1994				Khá	1508632	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19599	2590-K18D_SB		Phạm Thanh	Ngọc	Nữ	20/12/1993				Khá	1508633	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19600	2591-K18D_SB		Phạm Thị Hồng	Ngọc	Nữ	11/09/1994				Khá	1508634	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19601	2592-K18D_SB		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	26/10/1994				Khá	1508635	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19602	2593-K18D_SB		Nguyễn Thị Xuân	Quý	Nữ	26/10/1993				Khá	1508636	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19603	2594-K18D_SB		Trần Thị An	Sáng	Nữ	23/02/1994				Khá	1508637	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19604	2595-K18D_SB		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	12/04/1993				Trung bình	1508638	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19605	2596-K18D_SB		Đinh Thị Lệ	Thu	Nữ	28/06/1993				Trung bình	1508639	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19606	2597-K18D_SB		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	10/11/1994				Khá	1508640	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19607	2598-K18D_SB		Cao Thanh	Xuân	Nữ	27/05/1994				Khá	1508641	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19608	2599-K18D_SB		Đỗ Thị	Yến	Nữ	05/10/1994				Khá	1508642	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	385/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19609	2600-K49F1		Đỗ Hoàng Ngọc	Anh	Nam	17/10/1994				Khá	1507778	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19610	2601-K49F1		Lăng Thị Huyền	Châm	Nữ	11/08/1995				Khá	1507779	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19611	2602-K49F1		Đỗ Thị	Dung	Nữ	17/03/1995				Khá	1507780	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19612	2603-K49F1		Trần Anh	Dũng	Nam	18/12/1995				Khá	1507781	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19613	2604-K49F1		Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	22/10/1994				Giỏi	1507782	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19614	2605-K49F1		Nguyễn Thành	Đạt	Nam	04/06/1995				Khá	1507783	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19615	2606-K49F1		Đặng Ngọc	Hà	Nữ	19/05/1995				Khá	1507784	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19616	2607-K49F1		Trần Thị	Hân	Nữ	15/09/1995				Khá	1507785	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19617	2608-K49F1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	24/11/1995				Khá	1507786	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19618	2609-K49F1		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	28/12/1995				Khá	1507787	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19619	2610-K49F1		Vũ Thị	Hiền	Nữ	19/12/1995				Khá	1507788	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19620	2611-K49F1		Phạm Thị	Huyền	Nữ	05/02/1995				Khá	1507789	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19621	2612-K49F1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	21/01/1995				Giỏi	1507790	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19622	2613-K49F1		Bùi Thị Thu	Hoài	Nữ	28/08/1994				Khá	1507791	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19623	2614-K49F1		Hoàng Thị	Khuê	Nữ	30/03/1994				Trung bình	1507792	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19624	2615-K49F1		Nguyễn Thị	Lê	Nữ	28/06/1995				Khá	1507793	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19625	2616-K49F1		Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	17/02/1995				Khá	1507794	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19626	2617-K49F1		Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	15/10/1995				Khá	1507795	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19627	2618-K49F1		Nguyễn Hà	Lộc	Nam	16/04/1995				Khá	1507796	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19628	2619-K49F1		Lương Thị	Lý	Nữ	01/09/1994				Khá	1507797	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19629	2620-K49F1		Trần Thị	Mận	Nữ	09/05/1995				Trung bình	1507798	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19630	2621-K49F1		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	03/10/1995				Khá	1507799	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19631	2622-K49F1		Phan Thị Kim	Oanh	Nữ	24/05/1994				Khá	1507800	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19632	2623-K49F1		Ngô Thị	Phượng	Nữ	20/07/1995				Giỏi	1507801	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19633	2624-K49F1		Vũ Thị	Quất	Nữ	31/03/1995				Khá	1507802	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19634	2625-K49F1		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	08/04/1995				Khá	1507803	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19635	2626-K49F1		Dương Thị Minh	Nguyệt	Nữ	07/10/1994				Khá	1507804	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19636	2627-K49F1		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	09/09/1994				Khá	1507805	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19637	2628-K49F1		Nguyễn Chí	Thành	Nam	14/11/1995				Khá	1507806	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19638	2629-K49F1		Mai Thị	Thơm	Nữ	16/02/1995				Khá	1507807	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19639	2630-K49F1		Trịnh Thị Quỳnh	Trang	Nữ	18/05/1995				Khá	1507808	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19640	2631-K49F1		Lê Thị	Trinh	Nữ	26/10/1995				Khá	1507809	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19641	2632-K49F1		Bùi Hải	Yến	Nữ	06/08/1995				Giỏi	1507810	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19642	2633-K49F1		Hoàng Quang	Trung	Nam	17/12/1994				Trung bình	1507811	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19643	2634-K49F2		Đoàn Thu	Thảo	Nữ	29/12/1994				Khá	1507812	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19644	2635-K49F2		Lê Văn	Bảng	Nam	16/11/1995				Khá	1507813	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19645	2636-K49F2		Trần Thị	Gấm	Nữ	04/07/1995				Giỏi	1507814	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19646	2637-K49F2		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	22/06/1995				Khá	1507815	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19647	2638-K49F2		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	06/12/1995				Khá	1507816	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19648	2639-K49F2		Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	26/01/1995				Khá	1507817	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19649	2640-K49F2		Nhữ Minh	Hoàng	Nam	21/05/1995				Khá	1507818	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19650	2641-K49F2		Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	24/04/1995				Khá	1507819	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19651	2642-K49F2		Ngô Thị	Hương	Nữ	01/11/1995				Giỏi	1507820	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19652	2643-K49F2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	26/04/1995				Khá	1507821	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19653	2644-K49F2		Dương Thị Mỹ	Lệ	Nữ	05/05/1995				Khá	1507822	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19654	2645-K49F2		Hoàng Thị	Linh	Nữ	06/09/1995				Khá	1507823	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19655	2646-K49F2		Lê Thị Thúy	Linh	Nữ	10/02/1995				Khá	1507824	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19656	2647-K49F2		Trần Thị	Mai	Nữ	24/10/1995				Khá	1507825	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19657	2648-K49F2		Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	02/04/1995				Khá	1507826	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19658	2649-K49F2		Vũ Thị	Nhung	Nữ	24/10/1995				Khá	1507827	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19659	2650-K49F2		Trần Thị	Oanh	Nữ	01/09/1995				Khá	1507828	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19660	2651-K49F2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	11/03/1995				Khá	1507829	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19661	2652-K49F2		Hoàng Thị Minh	Phương	Nữ	16/11/1995				Giỏi	1507830	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19662	2653-K49F2		Phạm Hoàng Vinh	Quang	Nam	06/03/1995				Khá	1507831	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19663	2654-K49F2		Nguyễn Nam	Sơn	Nam	28/09/1995				Khá	1507832	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19664	2655-K49F2		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	20/02/1995				Khá	1507833	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19665	2656-K49F2		Vũ Thị	Thảo	Nữ	04/06/1995				Khá	1507834	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19666	2657-K49F2		Hoàng Thị Minh	Phương	Nữ	24/04/1994				Khá	1507835	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19667	2658-K49F2		Lê Thị	Thúy	Nữ	02/07/1994				Khá	1507836	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19668	2659-K49F2		Nguyễn Đức	Tiến	Nam	29/01/1992				Khá	1507837	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19669	2660-K49F2		Vũ Thị Hiền	Trang	Nữ	10/09/1995				Khá	1507838	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19670	2661-K49F2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/04/1995				Khá	1507839	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19671	2662-K49F2		Dương Vũ	Tuyết	Nữ	05/02/1994				Khá	1507840	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19672	2663-K49F2		Vũ Văn	Việt	Nam	28/08/1992				Trung bình	1507841	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19673	2664-K49F2		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	13/11/1995				Khá	1507842	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19674	2665-K49F2		Ngô Thị	Yến	Nữ	26/01/1995				Khá	1507843	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19675	2666-K49F3		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	05/07/1994				Khá	1507844	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19676	2667-K49F3		Bùi Ngọc	ánh	Nữ	26/01/1995				Khá	1507845	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19677	2668-K49F3		Vũ Thị	Duyên	Nữ	13/05/1995				Khá	1507846	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19678	2669-K49F3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	13/10/1994				Trung bình	1507847	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19679	2670-K49F3		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	22/09/1994				Khá	1507848	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19680	2671-K49F3		Phạm Thị Minh	Hằng	Nữ	28/08/1995				Giỏi	1507849	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19681	2672-K49F3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	20/08/1995				Khá	1507850	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19682	2673-K49F3		Tạ Thành	Huy	Nam	02/09/1995				Khá	1507851	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19683	2674-K49F3		Lê Thị Thu	Hương	Nữ	28/10/1995				Khá	1507852	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19684	2675-K49F3		Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	16/04/1995				Khá	1507853	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19685	2676-K49F3		Trần Thị	Lan	Nữ	27/02/1995				Khá	1507854	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19686	2677-K49F3		Trần Thị Quỳnh	Liên	Nữ	28/06/1995				Khá	1507855	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19687	2678-K49F3		Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	23/10/1994				Khá	1507856	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19688	2679-K49F3		Đào Thị	Loan	Nữ	07/11/1995				Khá	1507857	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19689	2680-K49F3		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	10/05/1995				Khá	1507858	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19690	2681-K49F3		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	24/12/1995				Khá	1507859	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19691	2682-K49F3		Hoàng Mai	Phương	Nữ	27/09/1994				Khá	1507860	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19692	2683-K49F3		Dương Hoài	Phương	Nữ	27/12/1995				Khá	1507861	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19693	2684-K49F3		Trần Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	04/06/1995				Khá	1507862	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19694	2685-K49F3		Phạm Đức	Tài	Nam	06/11/1992				Khá	1507863	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19695	2686-K49F3		Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	27/11/1995				Khá	1507864	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19696	2687-K49F3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	09/11/1995				Khá	1507865	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19697	2688-K49F3		Phùng Thị	Thúy	Nữ	22/02/1995				Khá	1507866	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19698	2689-K49F3		Hà Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	11/02/1994				Khá	1507867	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19699	2690-K49F3		Vũ Hải	Yến	Nữ	18/04/1995				Khá	1507868	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19700	2691-K49F3		Nguyễn Kim	Tuyến	Nữ	31/07/1994				Trung bình	1507869	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19701	2692-K49F4		Trịnh Thị Thúy	Anh	Nữ	24/02/1995				Khá	1507870	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19702	2693-K49F4		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	10/09/1995				Giỏi	1507871	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19703	2694-K49F4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	20/10/1995				Khá	1507872	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19704	2695-K49F4		Bùi Thị	Đào	Nữ	03/09/1995				Khá	1507873	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19705	2696-K49F4		Đàm Văn	Đại	Nam	12/04/1995				Trung bình	1507874	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19706	2697-K49F4		Đỗ Thu	Hà	Nữ	09/12/1995				Khá	1507875	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19707	2698-K49F4		Nguyễn Thị Vinh	Hạnh	Nữ	05/11/1995				Khá	1507876	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19708	2699-K49F4		Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	11/10/1995				Khá	1507877	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19709	2700-K49F4		Vũ Thị	Hiền	Nữ	05/02/1995				Khá	1507878	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19710	2701-K49F4		Hoàng Thị	Hợi	Nữ	16/08/1995				Khá	1507879	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19711	2702-K49F4		Trương Thị	Hằng	Nữ	06/10/1994				Khá	1507880	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19712	2703-K49F4		Đỗ Thị	Hương	Nữ	28/01/1995				Khá	1507881	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19713	2704-K49F4		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	28/02/1995				Khá	1507882	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19714	2705-K49F4		Vũ Thị	Lê	Nữ	27/09/1995				Khá	1507883	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19715	2706-K49F4		Trương Thị Thùy	Linh	Nữ	07/10/1995				Khá	1507884	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19716	2707-K49F4		Phan Thị	Mây	Nữ	01/05/1995				Khá	1507885	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19717	2708-K49F4		Đào Thị	Nhàn	Nữ	25/11/1995				Khá	1507886	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19718	2709-K49F4		Trần Thị	Nương	Nữ	06/02/1994				Khá	1507887	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19719	2710-K49F4		Cao Thị Mai	Phương	Nữ	10/04/1995				Trung bình	1507888	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19720	2711-K49F4		Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	22/05/1995				Trung bình	1507889	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19721	2712-K49F4		Vũ Thị Như	Quỳnh	Nữ	14/11/1995				Khá	1507890	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19722	2713-K49F4		Vũ Toàn	Thắng	Nam	14/11/1995				Khá	1507891	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19723	2714-K49F4		Nguyễn Thị	Thịnh	Nữ	26/06/1995				Giỏi	1507892	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19724	2715-K49F4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	07/05/1995				Khá	1507893	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19725	2716-K49F4		Phạm Huyền	Thương	Nữ	02/06/1995				Khá	1507894	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19726	2717-K49F4		Phạm Thị Ngọc	Trâm	Nữ	11/11/1995				Khá	1507895	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19727	2718-K49F4		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	26/03/1995				Khá	1507896	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19728	2719-K49F4		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	25/01/1995				Khá	1507897	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19729	2720-K49F4		Linh Thị	Vui	Nữ	03/04/1993				Khá	1507898	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19730	2721-K49F5		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	09/08/1995				Giỏi	1507899	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19731	2722-K49F5		Trần Vân	Anh	Nữ	25/05/1995				Khá	1507900	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19732	2723-K49F5		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	06/04/1995				Khá	1507901	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19733	2724-K49F5		Trần Thị	Dung	Nữ	16/05/1995				Khá	1507902	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19734	2725-K49F5		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	29/11/1995				Khá	1507903	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19735	2726-K49F5		Đỗ Thị	Dung	Nữ	14/10/1995				Khá	1507904	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19736	2727-K49F5		Hà Thị Thùy	Dương	Nữ	20/11/1995				Khá	1507905	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19737	2728-K49F5		Trịnh Thị	Gấm	Nữ	14/04/1995				Khá	1507906	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19738	2729-K49F5		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	06/08/1995				Khá	1507907	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19739	2730-K49F5		Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	28/08/1995				Khá	1507908	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19740	2731-K49F5		Nguyễn Minh	Hải	Nữ	07/11/1995				Khá	1507909	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19741	2732-K49F5		Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	05/01/1995				Khá	1507910	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19742	2733-K49F5		Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	05/03/1995				Khá	1507911	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19743	2734-K49F5		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	22/10/1995				Khá	1507912	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19744	2735-K49F5		Trần Thị	Hoa	Nữ	27/02/1995				Khá	1507913	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19745	2736-K49F5		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	10/12/1994				Khá	1507914	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19746	2737-K49F5		Trần Thị	Hồng	Nữ	18/05/1995				Khá	1507915	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19747	2738-K49F5		Đặng Thị	Huyền	Nữ	04/09/1995				Khá	1507916	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19748	2739-K49F5		Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	13/09/1995				Khá	1507917	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19749	2740-K49F5		Luyện Thị	Hương	Nữ	14/11/1995				Khá	1507918	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19750	2741-K49F5		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	30/10/1995				Khá	1507919	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19751	2742-K49F5		Đặng Thị	Hường	Nữ	01/03/1995				Khá	1507920	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19752	2743-K49F5		Trịnh Thị	La	Nữ	20/10/1995				Khá	1507921	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19753	2744-K49F5		Phạm Thị	Lê	Nữ	08/10/1995				Xuất sắc	1507922	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19754	2745-K49F5		Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	02/05/1995				Giỏi	1507923	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19755	2746-K49F5		Đường Thị Khánh	Linh	Nữ	19/05/1995				Khá	1507924	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19756	2747-K49F5		Đặng Thùy	Linh	Nữ	25/12/1994				Trung bình	1507925	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19757	2748-K49F5		Đặng Thùy	Linh	Nữ	10/11/1995				Khá	1507926	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19758	2749-K49F5		Ngọ Thị	Ly	Nữ	15/02/1995				Khá	1507927	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19759	2750-K49F5		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	15/01/1995				Khá	1507928	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19760	2751-K49F5		Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	10/08/1995				Khá	1507929	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19761	2752-K49F5		Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	11/12/1995				Giỏi	1507930	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19762	2753-K49F5		Phạm Thị Thanh	Nga	Nữ	12/06/1995				Khá	1507931	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19763	2754-K49F5		Phan Thị	Ngân	Nữ	10/06/1995				Khá	1507932	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19764	2755-K49F5		Trương Thị	Ninh	Nữ	05/06/1995				Khá	1507933	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19765	2756-K49F5		Lưu Thị Hồng	Phúc	Nữ	08/03/1995				Khá	1507934	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19766	2757-K49F5		Trần Thị	Phương	Nữ	13/08/1995				Giỏi	1507935	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19767	2758-K49F5		Nguyễn Thị Kim	Quế	Nữ	16/05/1995				Khá	1507936	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19768	2759-K49F5		Phùng Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	23/12/1995				Khá	1507937	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19769	2760-K49F5		Nguyễn Văn	Tâm	Nam	05/12/1995				Khá	1507938	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19770	2761-K49F5		Phan Thị Thanh	Thảo	Nữ	05/08/1995				Khá	1507939	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19771	2762-K49F5		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	28/04/1995				Khá	1507940	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19772	2763-K49F5		Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	22/06/1995				Khá	1507941	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19773	2764-K49F5		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	11/06/1995				Giỏi	1507942	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19774	2765-K49F5		Phạm Hoài	Thu	Nữ	29/06/1995				Khá	1507943	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19775	2766-K49F5		Vũ Thị	Thùy	Nữ	05/06/1995				Khá	1507944	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19776	2767-K49F5		Hồ Thị	Thùy	Nữ	05/09/1995				Khá	1507945	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19777	2768-K49F5		Đỗ Thị	Tình	Nữ	30/03/1995				Khá	1507946	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19778	2769-K49F5		Lê Thị Thu	Trang	Nữ	28/06/1995				Khá	1507947	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19779	2770-K49F5		Đào Thị Thúy	Trang	Nữ	22/01/1995				Khá	1507948	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19780	2771-K49F5		Phạm Hạ	Trang	Nữ	02/03/1995				Khá	1507949	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19781	2772-K49F5		Tống Thị Thanh	Tuyết	Nữ	05/04/1995				Khá	1507950	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19782	2773-K49F5		Đoàn Khánh	Vân	Nữ	09/08/1995				Khá	1507951	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19783	2774-K49F5		Lê Thị	Vy	Nữ	24/09/1995				Khá	1507952	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19784	2775-K49F6		Lê Thị Lan	Anh	Nữ	16/09/1995				Khá	1507953	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19785	2776-K49F6		Thân Hồng	Anh	Nữ	10/03/1995				Khá	1507954	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19786	2777-K49F6		Cao Thị	Bích	Nữ	03/01/1995				Khá	1507955	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19787	2778-K49F6		Vũ Ngọc	Diệp	Nữ	29/01/1995				Khá	1507956	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19788	2779-K49F6		Lê Thị	Dung	Nữ	20/01/1995				Khá	1507957	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19789	2780-K49F6		Đinh Thúy	Hà	Nữ	24/08/1994				Khá	1507958	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19790	2781-K49F6		Đào Thị Thu	Hà	Nữ	08/05/1995				Khá	1507959	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19791	2782-K49F6		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	10/10/1995				Khá	1507960	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19792	2783-K49F6		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	15/08/1995				Khá	1507961	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19793	2784-K49F6		Trần Thị	Hằng	Nữ	08/10/1995				Giỏi	1507962	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19794	2785-K49F6		Dương Thu	Hằng	Nữ	02/12/1995				Giỏi	1507963	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19795	2786-K49F6		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	11/08/1995				Khá	1507964	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19796	2787-K49F6		Phạm Thị	Hoan	Nữ	09/07/1995				Khá	1507965	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19797	2788-K49F6		Phạm Thị	Huế	Nữ	12/01/1995				Khá	1507966	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19798	2789-K49F6		Ngô Thị	Huyền	Nữ	11/07/1995				Khá	1507967	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19799	2790-K49F6		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	19/05/1995				Khá	1507968	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19800	2791-K49F6		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	03/10/1995				Khá	1507969	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19801	2792-K49F6		Cao Thị	Hương	Nữ	25/09/1994				Khá	1507970	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19802	2793-K49F6		Vũ Thị	Hương	Nữ	23/08/1995				Khá	1507971	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19803	2794-K49F6		Lê Thị	Hường	Nữ	01/10/1995				Khá	1507972	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19804	2795-K49F6		Phạm Thị	Khánh	Nữ	07/06/1995				Khá	1507973	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19805	2796-K49F6		Đoàn Đình	Lân	Nam	14/10/1994				Khá	1507974	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19806	2797-K49F6		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	09/11/1995				Khá	1507975	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19807	2798-K49F6		Nguyễn Thị Huệ	Mai	Nữ	10/08/1995				Khá	1507976	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19808	2799-K49F6		Trần Thị	Mai	Nữ	14/04/1995				Khá	1507977	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19809	2800-K49F6		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	22/10/1995				Khá	1507978	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19810	2801-K49F6		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	16/02/1995				Khá	1507979	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19811	2802-K49F6		Trần Hồng	Ngọc	Nữ	16/04/1995				Khá	1507980	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19812	2803-K49F6		Đoàn Thị	Nhung	Nữ	11/04/1995				Khá	1507981	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19813	2804-K49F6		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	14/03/1994				Khá	1507982	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19814	2805-K49F6		Mai Thị	Phương	Nữ	07/01/1994				Khá	1507983	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19815	2806-K49F6		Lê Thị	Phương	Nữ	28/02/1995				Khá	1507984	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19816	2807-K49F6		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	18/05/1995				Khá	1507985	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19817	2808-K49F6		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	10/04/1995				Khá	1507986	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19818	2809-K49F6		Đỗ Thị	Thảo	Nữ	20/06/1995				Khá	1507987	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19819	2810-K49F6		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	18/02/1995				Xuất sắc	1507988	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19820	2811-K49F6		Nguyễn Thị Lệ	Thủy	Nữ	10/10/1995				Khá	1507989	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19821	2812-K49F6		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	26/08/1995				Khá	1507990	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19822	2813-K49F6		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	27/03/1995				Giỏi	1507991	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19823	2814-K49F6		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	06/09/1995				Khá	1507992	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19824	2815-K49F6		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	01/10/1995				Khá	1507993	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19825	2816-K49F6		Hoàng Huyền	Trang	Nữ	25/04/1995				Khá	1507994	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19826	2817-K49F6		Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	29/03/1995				Khá	1507995	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19827	2818-K49F6		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	27/12/1995				Khá	1507996	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19828	2819-K47F1		Vũ Quang	Huy	Nam	10/02/1992				Trung bình	1507997	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19829	2820-K48F1		Cao Thị	Thảo	Nữ	02/02/1993				Trung bình	1507998	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19830	2821-K48F4		Nguyễn Hữu	Dũng	Nam	13/08/1994				Trung bình	1507999	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19831	2822-K48F4		Phạm Thị	Hương	Nữ	21/10/1994				Khá	1508000	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19832	2823-K48F5		Trương Thị	Yến	Nữ	17/09/1994				Trung bình	1508001	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	384/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19833	2824-K49S1		Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	13/10/1995				Khá	1508643	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19834	2825-K49S1		Vũ Thị	Chi	Nữ	20/05/1995				Khá	1508644	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19835	2826-K49S1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	30/08/1995				Trung bình	1508645	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19836	2827-K49S1		Phan Thị Thùy	Dung	Nữ	11/06/1995				Khá	1508646	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19837	2828-K49S1		Dương Thị	Dung	Nữ	22/05/1995				Khá	1508647	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19838	2829-K49S1		Nguyễn Đức	Giang	Nam	16/08/1995				Khá	1508648	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19839	2830-K49S1		Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	Nữ	23/11/1995				Khá	1508649	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19840	2831-K49S1		Tô Thị	Hà	Nữ	15/01/1995				Khá	1508650	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19841	2832-K49S1		Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	15/08/1995				Khá	1508651	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19842	2833-K49S1		Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	12/02/1995				Khá	1508652	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19843	2834-K49S1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	04/11/1995				Khá	1508653	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19844	2835-K49S1		Vũ Thị	Huyền	Nữ	20/01/1995				Khá	1508654	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19845	2836-K49S1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	25/07/1995				Khá	1508655	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19846	2837-K49S1		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	10/01/1995				Khá	1508656	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19847	2838-K49S1		Trương Khắc	Khải	Nam	25/05/1995				Trung bình	1508657	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19848	2839-K49S1		Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	29/04/1995				Khá	1508658	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19849	2840-K49S1		Nguyễn Tiến	Lộc	Nam	24/09/1995				Khá	1508659	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19850	2841-K49S1		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	30/04/1995				Khá	1508660	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19851	2842-K49S1		Trịnh Thị Ngọc	Mai	Nữ	05/05/1995				Khá	1508661	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19852	2843-K49S1		Trần Hoàng	Nam	Nam	01/05/1995				Khá	1508662	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19853	2844-K49S1		Phạm Thị	Ngân	Nữ	25/10/1995				Khá	1508663	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19854	2845-K49S1		Tạ Thị	Ngân	Nữ	29/10/1994				Khá	1508664	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19855	2846-K49S1		Nguyễn Văn	Nghiệp	Nam	16/08/1995				Khá	1508665	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19856	2847-K49S1		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	21/01/1995				Khá	1508666	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19857	2848-K49S1		Mạch Thị Thuý	Ngọc	Nữ	08/02/1995				Khá	1508667	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19858	2849-K49S1		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	02/11/1995				Khá	1508668	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19859	2850-K49S1		Trần Thị	Ninh	Nữ	24/06/1995				Khá	1508669	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19860	2851-K49S1		Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	21/03/1995				Khá	1508670	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19861	2852-K49S1		Trần Như	Quỳnh	Nữ	12/03/1995				Khá	1508671	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19862	2853-K49S1		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	27/02/1995				Khá	1508672	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19863	2854-K49S1		Ngô Kim	Thanh	Nữ	29/08/1995				Khá	1508673	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19864	2855-K49S1		Khổng Thị	Thảo	Nữ	21/02/1995				Khá	1508674	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19865	2856-K49S1		Đỗ Thị	Thơ	Nữ	06/07/1995				Trung bình	1508675	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19866	2857-K49S1		Vũ Hà	Thu	Nữ	21/08/1995				Khá	1508676	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19867	2858-K49S1		Bùi Thị	Trang	Nữ	09/09/1994				Khá	1508677	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19868	2859-K49S1		Thiều Thị Thu	Trang	Nữ	16/03/1995				Trung bình	1508678	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19869	2860-K49S1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	22/02/1995				Trung bình	1508679	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19870	2861-K49S1		Ngô Thị Hải	Yến	Nữ	05/05/1995				Khá	1508680	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19871	2862-K49S1		Giáp Thị Ngọc	Yến	Nữ	06/03/1995				Khá	1508681	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19872	2863-K49S2		Chu Vân	An	Nữ	21/10/1995				Khá	1508682	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19873	2864-K49S2		Lê Thị Ngọc	ánh	Nữ	06/06/1995				Khá	1508683	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19874	2865-K49S2		Phạm Xuân	Bách	Nam	08/12/1995				Khá	1508684	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19875	2866-K49S2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	30/10/1995				Trung bình	1508685	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19876	2867-K49S2		Phan Thị Thuỳ	Dương	Nữ	11/08/1994				Khá	1508686	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19877	2868-K49S2		Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	19/02/1993				Khá	1508687	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19878	2869-K49S2		Lý Thị	Điền	Nữ	03/02/1995				Khá	1508688	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19879	2870-K49S2		Nguyễn Hải	Hà	Nữ	04/11/1995				Trung bình	1508689	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19880	2871-K49S2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	24/01/1995				Khá	1508690	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19881	2872-K49S2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	08/08/1995				Khá	1508691	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19882	2873-K49S2		Trịnh Xuân	Hiếu	Nam	04/02/1995				Trung bình	1508692	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19883	2874-K49S2		Ngô Thị	Hoa	Nữ	25/11/1995				Khá	1508693	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19884	2875-K49S2		Võ Thị	Hoài	Nữ	11/11/1995				Khá	1508694	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19885	2876-K49S2		Phùng Thị	Hồng	Nữ	30/01/1995				Khá	1508695	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19886	2877-K49S2		Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/08/1995				Khá	1508696	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19887	2878-K49S2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	25/10/1995				Khá	1508697	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19888	2879-K49S2		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	10/12/1994				Khá	1508698	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19889	2880-K49S2		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	16/12/1995				Khá	1508699	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19890	2881-K49S2		Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	29/08/1995				Khá	1508700	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19891	2882-K49S2		Đoàn Thị Khánh	Linh	Nữ	12/12/1994				Giỏi	1508701	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19892	2883-K49S2		Dương Thị Kiều	Mai	Nữ	15/08/1995				Khá	1508702	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19893	2884-K49S2		Ngọc Thị	Mùa	Nữ	05/02/1995				Khá	1508703	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19894	2885-K49S2		Dương Thị	Niên	Nữ	08/09/1995				Khá	1508704	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19895	2886-K49S2		Nguyễn Văn	Ninh	Nam	25/12/1994				Khá	1508705	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19896	2887-K49S2		Trịnh Thị	Phương	Nữ	12/03/1995				Trung bình	1508706	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19897	2888-K49S2		Trần Thị	Quyên	Nữ	07/01/1995				Khá	1508707	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19898	2889-K49S2		Phan Thị	Quỳnh	Nữ	29/07/1995				Khá	1508708	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19899	2890-K49S2		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	20/06/1995				Trung bình	1508709	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19900	2891-K49S2		Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	15/09/1994				Khá	1508710	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19901	2892-K49S2		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	13/11/1995				Khá	1508711	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19902	2893-K49S2		Vũ Thị	Thu	Nữ	24/05/1995				Khá	1508712	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19903	2894-K49S2		Võ Thị	Thuận	Nữ	15/05/1995				Khá	1508713	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19904	2895-K49S2		Trần Thị	Thương	Nữ	13/09/1995				Khá	1508714	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19905	2896-K49S2		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	01/12/1994				Khá	1508715	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19906	2897-K49S2		Lê Thùy	Trang	Nữ	12/07/1995				Khá	1508716	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19907	2898-K49S2		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	26/08/1995				Khá	1508717	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19908	2899-K49S2		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	05/07/1995				Giỏi	1508718	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19909	2900-K49S2		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	03/08/1995				Khá	1508719	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19910	2901-K49S2		Vũ Thị Hồng	Vân	Nữ	18/05/1995				Khá	1508720	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19911	2902-K49S3		Phạm Tuấn	Anh	Nam	25/09/1995				Khá	1508721	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19912	2903-K49S3		Nguyễn Mai	Anh	Nữ	08/08/1995				Khá	1508722	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19913	2904-K49S3		Nguyễn Thị Châm	Anh	Nữ	24/04/1995				Khá	1508723	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19914	2905-K49S3		Đỗ Thị	Bình	Nữ	10/12/1994				Khá	1508724	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19915	2906-K49S3		Nguyễn Văn	Bôn	Nam	31/07/1995				Khá	1508725	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19916	2907-K49S3		Lê Thị	Chuyền	Nữ	26/01/1995				Khá	1508726	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19917	2908-K49S3		Trần Thị	Dung	Nữ	09/04/1995				Trung bình	1508727	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19918	2909-K49S3		Phạm Thị	Giang	Nữ	12/10/1995				Khá	1508728	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19919	2910-K49S3		Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	16/02/1995				Khá	1508729	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19920	2911-K49S3		Vũ Thị	Hạnh	Nữ	09/09/1995				Khá	1508730	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19921	2912-K49S3		Hoàng Thị	Hiên	Nữ	30/08/1994				Khá	1508731	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19922	2913-K49S3		Mai Hoàng	Hiệp	Nam	23/07/1992				Khá	1508732	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19923	2914-K49S3		Phạm Thị	Hoài	Nữ	24/07/1995				Giỏi	1508733	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19924	2915-K49S3		Nguyễn Thị	Huê	Nữ	11/07/1995				Khá	1508734	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19925	2916-K49S3		Ngô Thị Thu	Huyền	Nữ	04/03/1995				Khá	1508735	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19926	2917-K49S3		Trần Thị	Huyền	Nữ	04/04/1995				Giỏi	1508736	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19927	2918-K49S3		Phạm Thị	Hương	Nữ	05/08/1995				Khá	1508737	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19928	2919-K49S3		Vũ Thị	Hường	Nữ	14/04/1995				Khá	1508738	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19929	2920-K49S3		Bùi Thị Thùy	Linh	Nữ	22/08/1994				Khá	1508739	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19930	2921-K49S3		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	04/12/1995				Khá	1508740	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19931	2922-K49S3		Trịnh Thị	Lụa	Nữ	16/08/1995				Khá	1508741	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19932	2923-K49S3		Đinh Thị Thúy	Nga	Nữ	10/04/1995				Trung bình	1508742	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19933	2924-K49S3		Nguyễn Thị	Nhật	Nữ	03/12/1995				Khá	1508743	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19934	2925-K49S3		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	06/12/1994				Trung bình	1508744	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
19935	2926-K49S3		Lương Thị Huyền	Phương	Nữ	21/08/1995				Khá	1508745	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19936	2927-K49S3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	03/04/1995				Khá	1508746	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19937	2928-K49S3		Nguyễn Thị Hồng	Quyên	Nữ	12/08/1994				Khá	1508747	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19938	2929-K49S3		Nguyễn Diệu	Quỳnh	Nữ	19/08/1995				Giỏi	1508748	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19939	2930-K49S3		Vũ Thị	Thanh	Nữ	01/06/1995				Khá	1508749	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19940	2931-K49S3		Vũ Thị	Thảo	Nữ	12/03/1995				Khá	1508750	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19941	2932-K49S3		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	09/11/1995				Khá	1508751	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19942	2933-K49S3		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	10/09/1995				Giỏi	1508752	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19943	2934-K49S3		Trần Thị Hà	Trang	Nữ	11/02/1994				Khá	1508753	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19944	2935-K49S3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	12/09/1995				Khá	1508754	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19945	2936-K49S3		Trần Thị ánh	Tuyết	Nữ	04/09/1995				Khá	1508755	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19946	2937-K49S3		Trần Ngọc	Tùng	Nam	27/08/1995				Khá	1508756	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19947	2938-K49S3		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	15/05/1994				Khá	1508757	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19948	2939-K49S3		Phùng Thị	Vân	Nữ	07/06/1995				Khá	1508758	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19949	2940-K49S3		Lê Thị Thanh	Yến	Nữ	16/08/1995				Khá	1508759	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19950	2941-K49S4		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	27/11/1995				Khá	1508760	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19951	2942-K49S4		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	06/02/1995				Khá	1508761	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19952	2943-K49S4		Nguyễn Thị	Chương	Nữ	13/03/1995				Khá	1508762	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19953	2944-K49S4		Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	15/10/1994				Khá	1508763	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19954	2945-K49S4		Nguyễn Thuỳ	Dương	Nữ	23/09/1995				Khá	1508764	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19955	2946-K49S4		Đinh Thu	Hằng	Nữ	12/10/1995				Khá	1508765	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19956	2947-K49S4		Dương Thị Thu	Hiền	Nữ	03/11/1995				Khá	1508766	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19957	2948-K49S4		Đào Thị	Hoa	Nữ	04/02/1995				Khá	1508767	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19958	2949-K49S4		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	06/08/1995				Khá	1508768	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19959	2950-K49S4		Đồng Thị	Huế	Nữ	08/11/1995				Khá	1508769	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19960	2951-K49S4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	11/12/1995				Khá	1508770	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19961	2952-K49S4		Đặng Thị	Huyền	Nữ	07/12/1995				Khá	1508771	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19962	2953-K49S4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	24/11/1995				Khá	1508772	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19963	2954-K49S4		Hà Thị	Liên	Nữ	04/05/1995				Khá	1508773	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19964	2955-K49S4		Phạm Thị Thuỳ	Linh	Nữ	05/11/1995				Khá	1508774	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19965	2956-K49S4		Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	26/11/1995				Khá	1508775	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19966	2957-K49S4		Đàm Thị	Mây	Nữ	17/12/1995				Khá	1508776	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19967	2958-K49S4		Vũ Thị Quỳnh	Nga	Nữ	06/10/1995				Khá	1508777	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19968	2959-K49S4		Phạm Thị	Ngoan	Nữ	18/10/1994				Khá	1508778	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19969	2960-K49S4		Nguyễn Thị	Nhị	Nữ	17/06/1995				Khá	1508779	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19970	2961-K49S4		Đỗ Hà	Phương	Nữ	28/08/1995				Khá	1508780	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19971	2962-K49S4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	13/08/1993				Khá	1508781	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19972	2963-K49S4		Vũ Thị	Phượng	Nữ	24/01/1995				Khá	1508782	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19973	2964-K49S4		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	11/05/1995				Khá	1508783	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19974	2965-K49S4		Vũ Thị Thanh	Thanh	Nữ	09/02/1995				Khá	1508784	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19975	2966-K49S4		Vũ Thị	Thảo	Nữ	02/09/1995				Khá	1508785	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19976	2967-K49S4		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	10/12/1995				Khá	1508786	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19977	2968-K49S4		Trương Thị	Thùy	Nữ	03/04/1995				Khá	1508787	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19978	2969-K49S4		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	09/09/1995				Khá	1508788	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19979	2970-K49S4		Võ Thị Thu	Trang	Nữ	24/01/1995				Khá	1508789	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19980	2971-K49S4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	04/10/1994				Khá	1508790	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19981	2972-K49S4		Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	06/01/1994				Khá	1508791	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19982	2973-K49S4		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	03/04/1995				Khá	1508792	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19983	2974-K49S4		Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	14/05/1995				Khá	1508793	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19984	2975-K49S4		Trương Thị	Vân	Nữ	09/01/1995				Khá	1508794	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19985	2976-K49S5		Đồng Thị Lan	Anh	Nữ	24/04/1995				Khá	1508795	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19986	2977-K49S5		Trần Ngọc	Anh	Nữ	04/10/1995				Trung bình	1508796	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19987	2978-K49S5		Vũ Ngọc	ánh	Nữ	21/09/1995				Khá	1508797	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19988	2979-K49S5		Lý Thị	Bông	Nữ	29/12/1995				Khá	1508798	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19989	2980-K49S5		Phí Thị	Duyên	Nữ	27/05/1995				Trung bình	1508799	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19990	2981-K49S5		Triệu Thị Trang	Điểm	Nữ	11/05/1995				Khá	1508800	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19991	2982-K49S5		Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	30/08/1995				Khá	1508801	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19992	2983-K49S5		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	15/09/1995				Khá	1508802	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19993	2984-K49S5		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	27/11/1995				Khá	1508803	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19994	2985-K49S5		Ngô Thị Thu	Hiền	Nữ	23/09/1995				Khá	1508804	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19995	2986-K49S5		Nguyễn Thu	Huệ	Nữ	20/12/1995				Khá	1508805	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19996	2987-K49S5		Vũ Thị Khánh	Huyền	Nữ	10/12/1995				Khá	1508806	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19997	2988-K49S5		Phùng Thị	Huyền	Nữ	22/01/1995				Khá	1508807	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19998	2989-K49S5		Lê Mạnh	Hùng	Nam	27/11/1994				Khá	1508808	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
19999	2990-K49S5		Ngô Thị Lan	Hương	Nữ	30/10/1995				Khá	1508809	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20000	2991-K49S5		Hoàng Thị	Hường	Nữ	23/08/1995				Khá	1508810	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20001	2992-K49S5		Tạ Thị Tài	Linh	Nữ	19/05/1995				Khá	1508811	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20002	2993-K49S5		Đào Thị Thanh	Loan	Nữ	04/03/1995				Khá	1508812	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20003	2994-K49S5		Đoàn Thị	Mai	Nữ	07/10/1994				Khá	1508813	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20004	2995-K49S5		Lê Thị	My	Nữ	16/11/1995				Khá	1508814	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20005	2996-K49S5		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	18/02/1995				Khá	1508815	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20006	2997-K49S5		Nguyễn Thị Bích	Nguyên	Nữ	07/01/1995				Khá	1508816	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20007	2998-K49S5		Đoàn Thị	Nhung	Nữ	01/04/1994				Khá	1508817	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20008	2999-K49S5		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	06/09/1994				Khá	1508818	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20009	3000-K49S5		Lê Thị	Phượng	Nữ	10/08/1994				Khá	1508819	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20010	3001-K49S5		Công Thị Tố	Quỳnh	Nữ	31/05/1994				Khá	1508820	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20011	3002-K49S5		Đỗ Thu	Thảo	Nữ	01/01/1995				Giỏi	1508821	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20012	3003-K49S5		Trần Thị	Thuận	Nữ	13/07/1995				Khá	1508822	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20013	3004-K49S5		Lê Thu	Thuỳ	Nữ	27/10/1995				Giỏi	1508823	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20014	3005-K49S5		Đỗ Thị	Thương	Nữ	10/03/1995				Khá	1508824	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20015	3006-K49S5		Đinh Thị	Trang	Nữ	15/11/1995				Khá	1508825	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20016	3007-K49S5		Đào Thị Thu	Trang	Nữ	25/12/1995				Khá	1508826	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20017	3008-K49S5		Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	07/10/1995				Khá	1508827	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20018	3009-K49S5		Hoàng Thị Minh	Trang	Nữ	30/09/1995				Khá	1508828	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20019	3010-K49S5		Hoàng Thị Cẩm	Tú	Nữ	02/08/1995				Khá	1508829	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20020	3011-K49S5		Nguyễn Thị Tố	Uyên	Nữ	28/08/1995				Khá	1508830	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20021	3012-K49S5		Bùi Huy	Việt	Nam	27/01/1994				Trung bình	1508831	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20022	3013-K48S1		Nguyễn Xuân	Dao	Nam	01/12/1993				Trung bình	1508832	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20023	3014-K48S1		Đoàn Thị Hương	Giang	Nữ	13/10/1994				Trung bình	1508833	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20024	3015-K48S2		Phạm Duy	Linh	Nam	30/12/1994				Trung bình	1508834	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20025	3016-K48S3		Bùi Thị Vân	Anh	Nữ	15/12/1994				Trung bình	1508835	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20026	3017-K48S4		Phạm Đình	Anh	Nam	15/08/1992				Trung bình	1508836	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20027	3018-K48S4		Cao Văn	Dũng	Nam	23/08/1993				Trung bình	1508837	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20028	3019-K48S4		Nguyễn Thị Tâm	Đan	Nữ	11/11/1994				Trung bình	1508838	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	387/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20029	3020-K49U1		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	15/10/1995				Khá	1508002	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20030	3021-K49U1		Đặng Thị Ngọc	ánh	Nữ	06/11/1995				Khá	1508003	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20031	3022-K49U1		Nguyễn Thanh	Bình	Nữ	12/10/1995				Khá	1508004	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20032	3023-K49U1		Trần Thị	Châm	Nữ	15/04/1995				Khá	1508005	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20033	3024-K49U1		Trần Xuân	Công	Nam	21/04/1995				Khá	1508006	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20034	3025-K49U1		Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	02/05/1995				Khá	1508007	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20035	3026-K49U1		Nguyễn Thành	Đạt	Nam	26/06/1995				Khá	1508008	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20036	3027-K49U1		Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	18/01/1995				Giỏi	1508009	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20037	3028-K49U1		Nguyễn Thị Thanh	Hảo	Nữ	03/06/1995				Khá	1508010	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20038	3029-K49U1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15/08/1995				Khá	1508011	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20039	3030-K49U1		Tạ Thu	Hiền	Nữ	05/05/1995				Giỏi	1508012	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20040	3031-K49U1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	29/10/1995				Giỏi	1508013	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20041	3032-K49U1		Nguyễn Thị Xuân	Huyền	Nữ	08/01/1995				Giỏi	1508014	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20042	3033-K49U1		Nguyễn Thị	Kim	Nữ	17/05/1995				Khá	1508015	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20043	3034-K49U1		Lê Thùy	Linh	Nữ	04/11/1995				Khá	1508016	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20044	3035-K49U1		Phạm Thuỳ	Linh	Nữ	13/09/1995				Khá	1508017	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20045	3036-K49U1		Tô Thị	Mai	Nữ	21/04/1995				Khá	1508018	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20046	3037-K49U1		Bùi Duy	Minh	Nam	14/10/1995				Khá	1508019	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20047	3038-K49U1		Huỳnh Yến	My	Nữ	24/03/1995				Khá	1508020	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20048	3039-K49U1		Kiều Thị Kim	Ngân	Nữ	26/06/1995				Khá	1508021	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20049	3040-K49U1		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	26/06/1995				Khá	1508022	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20050	3041-K49U1		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/10/1995				Khá	1508023	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20051	3042-K49U1		Đỗ Thị	Oanh	Nữ	09/04/1995				Khá	1508024	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20052	3043-K49U1		Trịnh Thị Việt	Phương	Nữ	29/01/1995				Khá	1508025	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20053	3044-K49U1		Trần Hà	Phương	Nữ	18/12/1995				Khá	1508026	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20054	3045-K49U1		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	07/12/1995				Khá	1508027	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20055	3046-K49U1		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	08/06/1995				Khá	1508028	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20056	3047-K49U1		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	10/02/1995				Khá	1508029	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20057	3048-K49U1		Nguyễn Thị	Thịnh	Nữ	15/04/1995				Khá	1508030	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20058	3049-K49U1		Bùi Thị	Thoa	Nữ	13/02/1995				Khá	1508031	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20059	3050-K49U1		Lê Thị	Thúy	Nữ	12/12/1995				Khá	1508032	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20060	3051-K49U1		Trịnh Hoài	Thương	Nữ	02/11/1995				Khá	1508033	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20061	3052-K49U1		Đỗ Mai	Trang	Nữ	26/09/1995				Khá	1508034	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20062	3053-K49U1		Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	16/09/1995				Khá	1508035	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20063	3054-K49U1		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	20/11/1995				Khá	1508036	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20064	3055-K49U1		Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	20/01/1995				Khá	1508037	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20065	3056-K49U1		Đỗ Sơn	Tùng	Nam	19/10/1995				Khá	1508038	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20066	3057-K49U1		Phạm Đình	Vũ	Nam	12/03/1995				Khá	1508039	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20067	3058-K49U1		Phạm Thị	Yến	Nữ	17/09/1995				Khá	1508040	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20068	3059-K49U2		Vương Thị Mai	Anh	Nữ	21/12/1994				Giỏi	1508041	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20069	3060-K49U2		Nguyễn Thị	Cẩm	Nữ	28/08/1995				Giỏi	1508042	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20070	3061-K49U2		Nghiêm Thị	Chinh	Nữ	06/06/1995				Khá	1508043	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20071	3062-K49U2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	07/01/1995				Khá	1508044	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20072	3063-K49U2		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	13/07/1995				Giỏi	1508045	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20073	3064-K49U2		Đỗ Hương	Giang	Nữ	06/04/1995				Khá	1508046	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20074	3065-K49U2		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	06/11/1995				Khá	1508047	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20075	3066-K49U2		Vũ Hồng	Hạnh	Nữ	06/03/1995				Khá	1508048	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20076	3067-K49U2		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	14/08/1995				Khá	1508049	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20077	3068-K49U2		Trần Đình	Hiếu	Nam	14/03/1995				Khá	1508050	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20078	3069-K49U2		Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	08/09/1995				Khá	1508051	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20079	3070-K49U2		Nguyễn Thị Minh	Hòa	Nữ	03/11/1995				Khá	1508052	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20080	3071-K49U2		Hoàng Thị	Hà	Nữ	08/04/1994				Khá	1508053	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20081	3072-K49U2		Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	20/02/1995				Khá	1508054	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20082	3073-K49U2		Lê Thị	Hương	Nữ	11/09/1995				Giỏi	1508055	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20083	3074-K49U2		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	02/11/1995				Khá	1508056	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20084	3075-K49U2		Đỗ Thị	Linh	Nữ	24/11/1995				Khá	1508057	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20085	3076-K49U2		Trương Quỳnh	Mai	Nữ	06/12/1995				Khá	1508058	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20086	3077-K49U2		Trần Hà	My	Nữ	12/04/1995				Khá	1508059	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20087	3078-K49U2		Lê Thị	Ngọc	Nữ	15/09/1995				Khá	1508060	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20088	3079-K49U2		Bùi Thị Hồng	Ngọc	Nữ	04/08/1995				Khá	1508061	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20089	3080-K49U2		Trần Thị	Nhung	Nữ	18/08/1995				Khá	1508062	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20090	3081-K49U2		Bùi Thị	Nhung	Nữ	06/09/1995				Khá	1508063	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20091	3082-K49U2		Trịnh Thị	Oanh	Nữ	03/05/1995				Khá	1508064	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20092	3083-K49U2		Phan Thị Bích	Phương	Nữ	09/01/1995				Khá	1508065	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20093	3084-K49U2		Đỗ Thị	Phương	Nữ	05/08/1995				Khá	1508066	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20094	3085-K49U2		Ngô Thị Hải	Quyên	Nữ	17/11/1995				Khá	1508067	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20095	3086-K49U2		Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	21/10/1995				Giỏi	1508068	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20096	3087-K49U2		Phan Thị Hoài	Thanh	Nữ	01/08/1994				Khá	1508069	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20097	3088-K49U2		Đoàn Thị	Thảo	Nữ	19/03/1995				Khá	1508070	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20098	3089-K49U2		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	20/10/1995				Giỏi	1508071	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20099	3090-K49U2		Hoàng Thị	Thoa	Nữ	20/10/1995				Khá	1508072	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20100	3091-K49U2		Hoàng Thị	Thu	Nữ	20/08/1994				Khá	1508073	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20101	3092-K49U2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	06/04/1995				Khá	1508074	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20102	3093-K49U2		Vũ Thị	Thùy	Nữ	08/07/1995				Khá	1508075	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20103	3094-K49U2		Lê Thị Huyền	Thương	Nữ	06/06/1995				Khá	1508076	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20104	3095-K49U2		Nguyễn Thị Thủy	Trang	Nữ	18/02/1995				Khá	1508077	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20105	3096-K49U2		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	14/03/1995				Khá	1508078	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20106	3097-K49U3		Lê Thị	Bắc	Nữ	25/09/1995				Khá	1508079	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20107	3098-K49U3		Lê Thị	Châm	Nữ	08/06/1995				Khá	1508080	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20108	3099-K49U3		Đỗ Thị Kim	Dung	Nữ	28/03/1994				Khá	1508081	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20109	3100-K49U3		Đỗ Hồng	Dung	Nữ	12/01/1995				Khá	1508082	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20110	3101-K49U3		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	16/08/1995				Giỏi	1508083	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20111	3102-K49U3		Trần Hương	Giang	Nữ	31/08/1995				Khá	1508084	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20112	3103-K49U3		Giáp Thị	Hai	Nữ	12/04/1995				Khá	1508085	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20113	3104-K49U3		Đỗ Thị	Hằng	Nữ	27/01/1995				Khá	1508086	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20114	3105-K49U3		Âu Thị	Hoa	Nữ	21/07/1995				Khá	1508087	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20115	3106-K49U3		Lê Thị Phượng	Hồng	Nữ	21/05/1995				Khá	1508088	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20116	3107-K49U3		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	27/11/1995				Khá	1508089	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20117	3108-K49U3		Quyền Thị	Hường	Nữ	28/07/1995				Khá	1508090	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20118	3109-K49U3		Bùi Thị	Liên	Nữ	20/03/1995				Khá	1508091	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20119	3110-K49U3		Lê Thùy	Linh	Nữ	23/03/1995				Giỏi	1508092	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20120	3111-K49U3		Bùi Thị	Linh	Nữ	27/01/1995				Khá	1508093	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20121	3112-K49U3		Đỗ Thị Quỳnh	Mai	Nữ	16/11/1995				Khá	1508094	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20122	3113-K49U3		Nguyễn Thị Hường	Ngọc	Nữ	21/01/1994				Khá	1508095	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20123	3114-K49U3		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	15/07/1995				Giỏi	1508096	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20124	3115-K49U3		Nguyễn Thị Dinh	Nhung	Nữ	15/10/1994				Khá	1508097	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20125	3116-K49U3		Đào Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/04/1995				Khá	1508098	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20126	3117-K49U3		Đoàn Thị Thu	Phương	Nữ	26/09/1994				Khá	1508099	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20127	3118-K49U3		Đào Thị	Phương	Nữ	29/03/1995				Khá	1508100	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20128	3119-K49U3		Vũ Thị	Phượng	Nữ	21/07/1995				Giỏi	1508101	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20129	3120-K49U3		Vũ Thị	Quyên	Nữ	02/08/1995				Khá	1508102	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20130	3121-K49U3		Đường Thị Hoa	Sim	Nữ	13/01/1995				Khá	1508103	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20131	3122-K49U3		Lôi Thị Thanh	Nhật	Nữ	23/04/1994				Khá	1508104	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20132	3123-K49U3		Đặng Thị	Thanh	Nữ	20/02/1995				Khá	1508105	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20133	3124-K49U3		Bùi Phương	Thảo	Nữ	04/01/1995				Khá	1508106	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20134	3125-K49U3		Vũ Trần	Thắng	Nam	21/12/1995				Khá	1508107	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20135	3126-K49U3		Ngô Thị	Thêu	Nữ	07/03/1995				Giỏi	1508108	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20136	3127-K49U3		Trịnh Thị	Thoa	Nữ	19/10/1994				Khá	1508109	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20137	3128-K49U3		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01/07/1995				Khá	1508110	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20138	3129-K49U3		Phạm Thị	Thương	Nữ	04/02/1995				Khá	1508111	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20139	3130-K49U3		Phạm Thị	Trang	Nữ	24/03/1995				Khá	1508112	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20140	3131-K49U3		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	26/02/1995				Khá	1508113	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20141	3132-K49U3		Tăng Minh	Trang	Nữ	11/10/1995				Khá	1508114	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20142	3133-K49U3		Vũ Thị	Vân	Nữ	16/10/1995				Khá	1508115	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20143	3134-K49U3		Phạm Ngọc	Việt	Nam	16/03/1995				Khá	1508116	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20144	3135-K49U4		Đinh Thị Hoàng	Anh	Nữ	01/12/1994				Khá	1508117	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20145	3136-K49U4		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	29/10/1994				Khá	1508118	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20146	3137-K49U4		Nguyễn Ngọc	Châm	Nữ	12/03/1995				Khá	1508119	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20147	3138-K49U4		Nguyễn Thị	Chúc	Nữ	27/10/1994				Khá	1508120	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20148	3139-K49U4		Lê Thị	Dịu	Nữ	27/01/1995				Khá	1508121	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20149	3140-K49U4		Trần Thị Thuỳ	Dung	Nữ	16/02/1994				Khá	1508122	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20150	3141-K49U4		Lê Thị	Duyên	Nữ	16/01/1995				Khá	1508123	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20151	3142-K49U4		Trịnh Thùy	Dương	Nữ	02/09/1995				Khá	1508124	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20152	3143-K49U4		Trịnh Minh	Dương	Nam	14/10/1995				Giỏi	1508125	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20153	3144-K49U4		Bùi Thị	Hà	Nữ	24/10/1995				Khá	1508126	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20154	3145-K49U4		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	18/12/1995				Giỏi	1508127	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20155	3146-K49U4		Nghiêm Thị Lệ	Hằng	Nữ	13/12/1994				Khá	1508128	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20156	3147-K49U4		Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	04/01/1995				Khá	1508129	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20157	3148-K49U4		Hoàng Thu	Hoài	Nữ	28/12/1995				Khá	1508130	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20158	3149-K49U4		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/05/1995				Khá	1508131	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20159	3150-K49U4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	17/03/1995				Giỏi	1508132	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20160	3151-K49U4		Đinh Thị	Huyền	Nữ	14/09/1995				Giỏi	1508133	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20161	3152-K49U4		Nguyễn Thị	Kiên	Nữ	03/01/1995				Khá	1508134	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20162	3153-K49U4		Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	18/04/1994				Khá	1508135	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20163	3154-K49U4		Trịnh Hoàng	Linh	Nữ	27/09/1995				Khá	1508136	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20164	3155-K49U4		Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	27/02/1995				Giỏi	1508137	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20165	3156-K49U4		Phan Thị	Lý	Nữ	17/08/1995				Khá	1508138	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20166	3157-K49U4		Vũ Trà	My	Nữ	16/07/1995				Trung bình	1508139	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20167	3158-K49U4		Nguyễn Thị	Năm	Nữ	11/02/1995				Khá	1508140	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20168	3159-K49U4		Nguyễn Thị	Nhi	Nữ	02/08/1994				Khá	1508141	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20169	3160-K49U4		Trịnh Thị	Nhung	Nữ	07/12/1995				Khá	1508142	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20170	3161-K49U4		Đỗ Thị Trang	Nhung	Nữ	12/10/1995				Khá	1508143	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20171	3162-K49U4		Hoàng Thị	Phương	Nữ	18/12/1995				Khá	1508144	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20172	3163-K49U4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	14/02/1995				Khá	1508145	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20173	3164-K49U4		Trần Thị	Quyên	Nữ	17/04/1994				Khá	1508146	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20174	3165-K49U4		Trần Thị	Thanh	Nữ	01/09/1995				Khá	1508147	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20175	3166-K49U4		Phạm Thị	Thanh	Nữ	18/03/1995				Khá	1508148	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20176	3167-K49U4		Bùi Thị	Thiết	Nữ	11/01/1995				Khá	1508149	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20177	3168-K49U4		Ngô Thị Hồng	Phượng	Nữ	20/10/1994				Trung bình	1508150	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20178	3169-K49U4		Nguyễn Thị Hà	Thu	Nữ	02/08/1995				Khá	1508151	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20179	3170-K49U4		Chu Thị	Thùy	Nữ	27/12/1994				Khá	1508152	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20180	3171-K49U4		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	11/02/1995				Khá	1508153	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20181	3172-K49U4		Hoàng Thị	Trang	Nữ	19/01/1994				Khá	1508154	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20182	3173-K49U4		Phạm Minh	Trang	Nữ	01/02/1995				Khá	1508155	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20183	3174-K49U4		Nguyễn Thị Phương	Trâm	Nữ	17/09/1995				Khá	1508156	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20184	3175-K49U4		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	08/05/1995				Khá	1508157	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20185	3176-K49U4		Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	27/11/1995				Khá	1508158	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20186	3177-K49U5		Trương Trung	Anh	Nam	05/09/1995				Khá	1508159	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20187	3178-K49U5		Đoàn Thị Vân	Anh	Nữ	14/02/1995				Khá	1508160	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20188	3179-K49U5		Trần Thị Ngọc	ánh	Nữ	05/02/1995				Khá	1508161	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20189	3180-K49U5		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	03/07/1995				Khá	1508162	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20190	3181-K49U5		Nguyễn Ngọc	Diễm	Nữ	09/08/1995				Khá	1508163	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20191	3182-K49U5		Đặng Mai	Dung	Nữ	13/09/1995				Khá	1508164	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20192	3183-K49U5		Tạ Thị	Dung	Nữ	14/05/1995				Khá	1508165	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20193	3184-K49U5		Nguyễn Thuỳ	Dương	Nữ	18/09/1995				Khá	1508166	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20194	3185-K49U5		Vũ Thị Hương	Giang	Nữ	11/11/1995				Khá	1508167	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20195	3186-K49U5		Phạm Thị	Hà	Nữ	18/10/1995				Khá	1508168	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20196	3187-K49U5		Phí Thị	Hạnh	Nữ	23/01/1995				Khá	1508169	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20197	3188-K49U5		Trần Thị	Hằng	Nữ	11/04/1995				Khá	1508170	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20198	3189-K49U5		Trần Thị	Hoa	Nữ	28/12/1995				Khá	1508171	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20199	3190-K49U5		Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	16/03/1995				Khá	1508172	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20200	3191-K49U5		Nguyễn Thị Khánh	Hòa	Nữ	07/07/1995				Khá	1508173	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20201	3192-K49U5		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	20/09/1994				Khá	1508174	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20202	3193-K49U5		Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	14/07/1995				Khá	1508175	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20203	3194-K49U5		Phan Thị	Hương	Nữ	22/04/1995				Khá	1508176	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20204	3195-K49U5		Vương Thị	Hương	Nữ	12/08/1995				Khá	1508177	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20205	3196-K49U5		Lê Thị	Kim	Nữ	06/11/1995				Khá	1508178	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20206	3197-K49U5		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	08/06/1995				Khá	1508179	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20207	3198-K49U5		Phạm Thị	Loan	Nữ	22/02/1995				Khá	1508180	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20208	3199-K49U5		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	17/01/1995				Khá	1508181	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20209	3200-K49U5		Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	25/09/1995				Khá	1508182	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20210	3201-K49U5		Hoàng Thị Khánh	Ngân	Nữ	22/09/1995				Khá	1508183	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20211	3202-K49U5		Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	06/03/1994				Khá	1508184	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20212	3203-K49U5		Tô Thị	Nguyên	Nữ	15/09/1995				Khá	1508185	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20213	3204-K49U5		Đặng Thị	Nhi	Nữ	18/05/1994				Khá	1508186	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20214	3205-K49U5		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	06/01/1994				Khá	1508187	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20215	3206-K49U5		Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	13/04/1995				Khá	1508188	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20216	3207-K49U5		Nguyễn Thị Hoài	Phương	Nữ	11/12/1995				Khá	1508189	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20217	3208-K49U5		Đoàn Thu	Phương	Nữ	11/09/1995				Khá	1508190	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20218	3209-K49U5		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	01/05/1995				Khá	1508191	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20219	3210-K49U5		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	28/08/1994				Khá	1508192	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20220	3211-K49U5		Đồng Thị	Soi	Nữ	10/08/1995				Giỏi	1508193	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20221	3212-K49U5		Vũ Ngọc	Thành	Nam	17/07/1995				Giỏi	1508194	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20222	3213-K49U5		Phùng Thị	Thu	Nữ	16/04/1995				Khá	1508195	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20223	3214-K49U5		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	08/11/1995				Khá	1508196	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20224	3215-K49U5		Phạm Thị	Thúy	Nữ	16/05/1995				Khá	1508197	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20225	3216-K49U5		Nguyễn Thị	Tiên	Nữ	20/09/1995				Khá	1508198	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20226	3217-K49U5		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	10/08/1995				Khá	1508199	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20227	3218-K49U5		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	17/08/1995				Khá	1508200	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20228	3219-K49U5		Phạm Thị	Vân	Nữ	07/09/1995				Khá	1508201	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20229	3220-K49U5		Nguyễn Thị Thu	Yến	Nữ	28/04/1995				Khá	1508202	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20230	3221-K49U6		Nguyễn Thị Hồng	ánh	Nữ	26/10/1995				Khá	1508203	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20231	3222-K49U6		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	16/02/1995				Khá	1508204	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20232	3223-K49U6		Nguyễn Thuỳ	Dương	Nữ	14/10/1995				Khá	1508205	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20233	3224-K49U6		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	22/10/1995				Khá	1508206	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20234	3225-K49U6		Hoàng Thị	Hà	Nữ	14/12/1995				Khá	1508207	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20235	3226-K49U6		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	08/04/1995				Khá	1508208	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20236	3227-K49U6		Vũ Thị	Hằng	Nữ	27/09/1995				Khá	1508209	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20237	3228-K49U6		Phạm Thị	Hiền	Nữ	05/09/1995				Khá	1508210	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20238	3229-K49U6		Nguyễn Thị	Hoà	Nữ	14/10/1995				Khá	1508211	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20239	3230-K49U6		Trương Thị	Hoài	Nữ	06/02/1995				Khá	1508212	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20240	3231-K49U6		Đỗ Thị	Hồng	Nữ	12/06/1995				Khá	1508213	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20241	3232-K49U6		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	03/11/1995				Khá	1508214	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20242	3233-K49U6		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	03/11/1995				Khá	1508215	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20243	3234-K49U6		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	27/05/1995				Giỏi	1508216	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20244	3235-K49U6		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	14/03/1995				Khá	1508217	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20245	3236-K49U6		Dư Thị Thu	Hương	Nữ	26/04/1995				Khá	1508218	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20246	3237-K49U6		Ngô Thị	Hường	Nữ	28/11/1995				Khá	1508219	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20247	3238-K49U6		Đinh Thị	Kiều	Nữ	12/03/1995				Khá	1508220	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20248	3239-K49U6		Nguyễn Thị	Lành	Nữ	21/01/1995				Giỏi	1508221	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20249	3240-K49U6		Nguyễn Thu	Linh	Nữ	22/08/1995				Khá	1508222	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20250	3241-K49U6		Phạm Khánh	Linh	Nữ	05/08/1995				Khá	1508223	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20251	3242-K49U6		Phạm Hồng	Loan	Nữ	04/02/1995				Khá	1508224	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20252	3243-K49U6		Trương Thị	Mai	Nữ	02/05/1995				Khá	1508225	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20253	3244-K49U6		Lê Thị	Nga	Nữ	18/04/1994				Khá	1508226	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20254	3245-K49U6		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	16/10/1994				Khá	1508227	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20255	3246-K49U6		Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	13/03/1995				Khá	1508228	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20256	3247-K49U6		Nguyễn Thị	Như	Nữ	16/08/1995				Khá	1508229	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20257	3248-K49U6		Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	03/02/1995				Khá	1508230	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20258	3249-K49U6		Bùi Bích	Phương	Nữ	31/03/1995				Khá	1508231	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20259	3250-K49U6		Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	01/09/1995				Khá	1508232	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20260	3251-K49U6		Phạm Văn	Quân	Nam	18/08/1995				Trung bình	1508233	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20261	3252-K49U6		Lương Thị	Quý	Nữ	05/07/1995				Khá	1508234	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20262	3253-K49U6		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	18/06/1995				Khá	1508235	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20263	3254-K49U6		Trịnh Thị	Thoa	Nữ	11/06/1995				Khá	1508236	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20264	3255-K49U6		Nguyễn Thị Anh	Thu	Nữ	27/02/1995				Khá	1508237	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20265	3256-K49U6		Đinh Minh	Thuận	Nữ	15/12/1995				Khá	1508238	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20266	3257-K49U6		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	09/06/1995				Khá	1508239	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20267	3258-K49U6		Đỗ Thu	Trang	Nữ	26/09/1995				Khá	1508240	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20268	3259-K49U6		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	26/05/1995				Khá	1508241	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20269	3260-K49U6		Trừ Thị	Vui	Nữ	20/02/1995				Khá	1508242	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20270	3261-K49U6		Đỗ Hoàng	Yến	Nữ	17/11/1995				Khá	1508243	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20271	3262-K49U7		Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	18/02/1995				Khá	1508244	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20272	3263-K49U7		Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	15/02/1995				Khá	1508245	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20273	3264-K49U7		Phạm Thị Khánh	Chinh	Nữ	01/03/1995				Khá	1508246	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20274	3265-K49U7		Nguyễn Tiến	Cường	Nam	04/04/1995				Khá	1508247	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20275	3266-K49U7		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	12/02/1995				Khá	1508248	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20276	3267-K49U7		Lưu Huệ	Dư	Nữ	10/11/1995				Khá	1508249	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20277	3268-K49U7		Hoàng Thị Hồng	Đào	Nữ	22/01/1995				Trung bình	1508250	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20278	3269-K49U7		Lê Thị	Hà	Nữ	01/08/1995				Khá	1508251	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20279	3270-K49U7		Nguyễn Thị Thái	Hà	Nữ	03/07/1994				Khá	1508252	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20280	3271-K49U7		Đào Thị	Hạnh	Nữ	01/11/1995				Khá	1508253	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20281	3272-K49U7		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	10/03/1995				Khá	1508254	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20282	3273-K49U7		Nguyễn Thuý	Hằng	Nữ	10/05/1994				Khá	1508255	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20283	3274-K49U7		Vũ Thị	Hiền	Nữ	10/01/1995				Khá	1508256	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20284	3275-K49U7		Phan Thị Khánh	Hòa	Nữ	21/04/1995				Khá	1508257	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20285	3276-K49U7		Trịnh Thị	Hồng	Nữ	08/02/1995				Khá	1508258	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20286	3277-K49U7		Hà Thanh	Huệ	Nữ	30/12/1995				Khá	1508259	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20287	3278-K49U7		Phạm Thị	Hương	Nữ	07/12/1995				Khá	1508260	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20288	3279-K49U7		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	09/02/1995				Khá	1508261	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20289	3280-K49U7		Bạch Thị Tùng	Lâm	Nữ	15/12/1995				Giỏi	1508262	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20290	3281-K49U7		Trương Thị Mỹ	Linh	Nữ	25/08/1995				Khá	1508263	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20291	3282-K49U7		Phạm Thị Mỹ	Linh	Nữ	22/12/1995				Khá	1508264	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20292	3283-K49U7		Phan Thị Phương	Loan	Nữ	12/07/1995				Khá	1508265	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20293	3284-K49U7		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	11/12/1995				Khá	1508266	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20294	3285-K49U7		Lê Thị	Ngát	Nữ	22/03/1995				Giỏi	1508267	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20295	3286-K49U7		Lương Thị	Ngoan	Nữ	05/06/1995				Khá	1508268	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20296	3287-K49U7		Đinh Trần Bảo	Ngọc	Nữ	22/10/1995				Khá	1508269	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20297	3288-K49U7		Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	07/02/1994				Khá	1508270	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20298	3289-K49U7		Đặng Thị Hồng	Nhung	Nữ	24/12/1995				Khá	1508271	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20299	3290-K49U7		Phùng Thị Hải	Ninh	Nữ	20/07/1995				Khá	1508272	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20300	3291-K49U7		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	16/12/1994				Khá	1508273	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20301	3292-K49U7		Trần Thị	Phượng	Nữ	30/11/1994				Khá	1508274	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20302	3293-K49U7		Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	05/01/1995				Khá	1508275	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20303	3294-K49U7		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	22/08/1995				Khá	1508276	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20304	3295-K49U7		Trần Thị	Thu	Nữ	28/02/1994				Khá	1508277	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20305	3296-K49U7		Nguyễn Thị Minh	Thuận	Nữ	18/06/1995				Khá	1508278	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20306	3297-K49U7		Trần Thị	Trang	Nữ	10/11/1995				Khá	1508279	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20307	3298-K49U7		Phạm Thị	Trinh	Nữ	25/01/1995				Khá	1508280	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20308	3299-K49U7		Đặng Thị	Tươi	Nữ	03/08/1995				Khá	1508281	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20309	3300-K49U7		Phạm Thị	Xuân	Nữ	03/05/1995				Khá	1508282	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20310	3301-K48U1		Phan Quang	Ngọc	Nam	12/12/1994				Trung bình	1508283	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20311	3302-K48U4		Nguyễn Văn	Cường	Nam	03/12/1989				Khá	1508284	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20312	3303-K48U5		Nguyễn Duy	Hưng	Nam	14/08/1994				Trung bình	1508285	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	383/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/05/2017	
20313	01-K46DK4		Đinh Thị	Bé	Nữ	20/03/1987				Trung bình khá	1269504	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20314	02-K46DK4		Lê Văn	Châu	Nam	15/10/1983				Khá	1269505	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20315	03-K46DK4		Võ Thị Thúy	Diễm	Nữ	09/01/1989				Khá	1269506	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20316	04-K46DK4		Mai Như	Đức	Nam	10/12/1982				Trung bình khá	1269507	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20317	05-K46DK4		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	05/08/1980				Trung bình khá	1269508	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20318	06-K46DK4		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	15/05/1980				Trung bình khá	1269509	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20319	07-K46DK4		Lê Vũ Hải	Hà	Nữ	26/05/1986				Trung bình khá	1269510	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20320	08-K46DK4		Phùng Đức	Hải	Nam	20/11/1983				Khá	1269511	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20321	09-K46DK4		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	10/09/1987				Trung bình khá	1269512	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20322	10-K46DK4		Lâm Thị	Hiếu	Nữ	18/10/1979				Trung bình khá	1269513	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20323	11-K46DK4		Ngô Thị Xuân	Hoàn	Nữ	13/02/1989				Trung bình khá	1269514	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20324	12-K46DK4		Vũ Hoàng Thanh	Huyền	Nữ	10/11/1980				Trung bình khá	1269515	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20325	13-K46DK4		Nguyễn Thị Tú	Huỳnh	Nữ	31/07/1987				Trung bình khá	1269516	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20326	14-K46DK4		Trần Thị Mỹ	Lam	Nữ	20/09/1991				Trung bình khá	1269517	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20327	15-K46DK4		Lê Thị Phương	Lan	Nữ	08/03/1976				Khá	1269518	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20328	16-K46DK4		Trần Thị	Lễ	Nữ	01/04/1976				Trung bình khá	1269519	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20329	17-K46DK4		Đinh Thị Ngọc	Lý	Nữ	20/10/1984				Khá	1269520	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20330	18-K46DK4		Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	21/10/1986				Trung bình khá	1269521	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20331	19-K46DK4		Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	Nữ	20/06/1986				Trung bình khá	1269522	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20332	20-K46DK4		Nguyễn Thị Thanh	Phong	Nữ	12/11/1979				Khá	1269523	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20333	21-K46DK4		Phạm Thị Như	Quý	Nữ	12/06/1983				Trung bình khá	1269524	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20334	22-K46DK4		Trịnh Công	Thành	Nam	25/06/1985				Trung bình khá	1269525	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20335	23-K46DK4		Phạm Thái	Thông	Nam	03/02/1993				Trung bình khá	1269526	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20336	24-K46DK4		Bùi Thị	Thương	Nữ	17/12/1989				Khá	1269527	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20337	25-K46DK4		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	13/05/1987				Trung bình khá	1269528	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20338	26-K46DK4		Hoàng Thị Thanh	Vân	Nữ	03/09/1988				Khá	1269529	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	06/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 05/01/2017	
20339	27-K46DF1		Đinh Xuân	Bá	Nam	19/12/1962				Khá	1269767	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20340	28-K46DF1		Tòng Văn	Biển	Nam	20/09/1963				Trung bình khá	1269768	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20341	29-K46DF1		Bạc Thị	Bình	Nữ	20/12/1982				Trung bình khá	1269769	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20342	30-K46DF1		Bàn Thanh	Bình	Nam	28/06/1968				Trung bình khá	1269770	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20343	31-K46DF1		Lò Văn	Bình	Nam	12/12/1976				Khá	1269771	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20344	32-K46DF1		Lò Văn	Bun	Nam	12/02/1962				Trung bình khá	1269772	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20345	33-K46DF1		Bàn Văn	Châu	Nam	12/08/1975				Trung bình khá	1269773	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20346	34-K46DF1		Sồng A	Chu	Nam	15/11/1967				Trung bình khá	1269774	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20347	35-K46DF1		Lèo Văn	Cương	Nam	28/09/1968				Trung bình khá	1269775	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20348	36-K46DF1		Lường Văn	Cương	Nam	31/05/1971				Trung bình khá	1269776	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20349	37-K46DF1		Chá A	Dánh	Nam	06/05/1985				Trung bình khá	1269777	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20350	38-K46DF1		Thào A	Dê	Nam	26/03/1986				Trung bình khá	1269778	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20351	39-K46DF1		Hờ A	Dia	Nam	01/10/1980				Trung bình khá	1269779	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20352	40-K46DF1		Mùa A	Dia	Nam	14/09/1978				Trung bình khá	1269780	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20353	41-K46DF1		Lò Văn	Định	Nam	19/12/1979				Trung bình khá	1269781	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20354	42-K46DF1		Vàng Thị	Dở	Nữ	13/01/1983				Trung bình khá	1269782	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20355	43-K46DF1		Quàng Văn	Độ	Nam	15/04/1973				Trung bình khá	1269783	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20356	44-K46DF1		Quàng Văn	Đọt	Nam	28/02/1987				Trung bình khá	1269784	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20357	45-K46DF1		Lò Văn	Hạnh	Nam	06/06/1977				Trung bình khá	1269785	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20358	46-K46DF1		Đào Thị Thu	Hiền	Nữ	02/02/1975				Khá	1269786	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20359	47-K46DF1		Tòng Văn	Hiền	Nam	01/03/1977				Trung bình khá	1269787	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20360	48-K46DF1		Vì Hương	Hiệu	Nam	20/03/1964				Trung bình khá	1269788	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20361	49-K46DF1		Bế Thị Thanh	Hòa	Nữ	21/04/1973				Trung bình khá	1269789	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20362	50-K46DF1		Lò Thị	Hoài	Nữ	02/06/1987				Khá	1269790	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20363	51-K46DF1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/05/1983				Khá	1269791	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20364	52-K46DF1		Trần Công	Khanh	Nam	02/06/1971				Trung bình khá	1269792	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20365	53-K46DF1		Mùa A	Kháy	Nam	03/02/1978				Trung bình khá	1269793	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20366	54-K46DF1		Vì Văn	Lếch	Nam	22/12/1989				Trung bình khá	1269794	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20367	55-K46DF1		Thào A	Lo	Nam	08/02/1990				Trung bình khá	1269795	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20368	56-K46DF1		Quàng Văn	Loa	Nam	07/12/1966				Trung bình khá	1269796	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20369	57-K46DF1		Quàng Văn	Long	Nam	02/06/1972				Trung bình khá	1269797	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20370	58-K46DF1		Sồng A	Lừ	Nam	05/03/1974				Trung bình khá	1269798	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20371	59-K46DF1		Cứ A	Lừ	Nam	16/05/1981				Trung bình khá	1269799	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20372	60-K46DF1		Lò Văn	Mến	Nam	12/11/1980				Trung bình khá	1269800	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20373	61-K46DF1		Tòng Văn	Minh	Nam	14/02/1969				Trung bình khá	1269801	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20374	62-K46DF1		Tráng A	Mua	Nam	12/08/1984				Trung bình khá	1269802	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20375	63-K46DF1		Cà Văn	Nam	Nam	23/08/1967				Trung bình khá	1269803	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20376	64-K46DF1		Nguyễn Trọng	Nam	Nam	10/11/1979				Khá	1269804	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20377	65-K46DF1		Sồng A	Nênh	Nam	12/06/1992				Trung bình khá	1269805	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20378	66-K46DF1		Lò Văn	Nghẹ	Nam	15/03/1968				Trung bình khá	1269806	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20379	67-K46DF1		Hà Văn	Nghĩa	Nam	26/06/1982				Trung bình khá	1269807	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20380	68-K46DF1		Lò Văn	Ngoan	Nam	15/02/1978				Trung bình khá	1269808	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20381	69-K46DF1		Giàng A	Nhà	Nam	15/11/1965				Trung bình khá	1269809	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20382	70-K46DF1		Phàng A	Nhìa	Nam	20/12/1978				Trung bình khá	1269810	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20383	71-K46DF1		Lò Văn	Nhung	Nam	22/08/1970				Khá	1269811	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20384	72-K46DF1		Đinh Văn	Nơi	Nam	02/08/1965				Trung bình khá	1269812	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20385	73-K46DF1		Phàng A	Nù	Nam	16/10/1972				Trung bình khá	1269813	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20386	74-K46DF1		Vàng A	Nụ	Nam	07/12/1988				Trung bình khá	1269814	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20387	75-K46DF1		Đinh Văn	Phấn	Nam	25/04/1967				Trung bình khá	1269815	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20388	76-K46DF1		Quàng Văn	Phanh	Nam	21/11/1977				Trung bình khá	1269816	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20389	77-K46DF1		Lò Thị	Phiên	Nữ	18/08/1984				Trung bình khá	1269817	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20390	78-K46DF1		Ngô Minh	Phóng	Nam	01/09/1970				Khá	1269818	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20391	79-K46DF1		Quàng Văn	Phòng	Nam	13/08/1963				Trung bình khá	1269819	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20392	80-K46DF1		Lèo Văn	Phúc	Nam	17/04/1969				Trung bình khá	1269820	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20393	81-K46DF1		Lò Văn	Phương	Nam	10/09/1974				Trung bình khá	1269821	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20394	82-K46DF1		Vì Thị	Phương	Nữ	14/06/1975				Khá	1269822	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20395	83-K46DF1		Quàng Văn	Pun	Nam	05/10/1966				Trung bình khá	1269823	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20396	84-K46DF1		Mè Văn	Quyết	Nam	19/09/1965				Trung bình khá	1269824	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20397	85-K46DF1		Sồng Bà	Sa	Nam	16/05/1975				Trung bình khá	1269825	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20398	86-K46DF1		Mùa A	Sàng	Nam	09/04/1990				Trung bình khá	1269826	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20399	87-K46DF1		Mùa A	Say	Nam	04/06/1989				Trung bình khá	1269827	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20400	88-K46DF1		Mùa A	Sáy	Nam	08/12/1993				Trung bình khá	1269828	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20401	89-K46DF1		Giàng A	Sềnh	Nam	15/03/1977				Trung bình khá	1269829	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20402	90-K46DF1		Cà Văn	Sinh	Nam	15/10/1963				Trung bình khá	1269830	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20403	91-K46DF1		Lò Văn	Sơn	Nam	20/12/1967				Trung bình khá	1269831	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20404	92-K46DF1		Mùa A	Sồng	Nam	12/01/1975				Trung bình khá	1269832	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20405	93-K46DF1		Hàng A	Su	Nam	10/10/1979				Trung bình khá	1269833	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20406	94-K46DF1		Hoàng Văn	Sướng	Nam	12/04/1964				Trung bình khá	1269834	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20407	95-K46DF1		Bùi Văn	Tâm	Nam	20/08/1969				Trung bình khá	1269835	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20408	96-K46DF1		Mùi Văn	Tha	Nam	28/12/1975				Trung bình khá	1269836	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20409	97-K46DF1		Ly A	Thành	Nam	12/07/1989				Khá	1269837	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20410	98-K46DF1		Triệu Văn	Thành	Nam	13/08/1987				Trung bình khá	1269838	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20411	99-K46DF1		Vàng A	Thào	Nam	10/08/1972				Trung bình khá	1269839	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20412	100-K46DF1		Mùi Văn	Thịnh	Nam	03/01/1986				Trung bình khá	1269840	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20413	101-K46DF1		Hà Thị	Thư	Nữ	24/04/1972				Trung bình khá	1269841	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20414	102-K46DF1		Nguyễn Chất	Thuần	Nam	09/05/1965				Khá	1269842	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20415	103-K46DF1		Cầm Văn	Thược	Nam	18/01/1967				Trung bình khá	1269843	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20416	104-K46DF1		Lò Văn	Tiên	Nam	15/05/1973				Khá	1269844	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20417	105-K46DF1		Lường Văn	Tình	Nam	18/08/1971				Trung bình khá	1269845	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20418	106-K46DF1		Lò Văn	Tới	Nam	06/12/1969				Khá	1269846	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20419	107-K46DF1		Giàng A	Trang	Nam	08/06/1976				Trung bình khá	1269847	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20420	108-K46DF1		Mùa A	Tráng	Nam	08/02/1994				Trung bình khá	1269848	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20421	109-K46DF1		Lò Văn	Tuấn	Nam	02/04/1977				Trung bình khá	1269849	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20422	110-K46DF1		Hà Văn	Ước	Nam	20/02/1964				Trung bình khá	1269850	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20423	111-K46DF1		Mùa A	Vàng	Nam	12/09/1988				Trung bình khá	1269851	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20424	112-K46DF1		Mùa A	Vàng	Nam	13/05/1977				Trung bình khá	1269852	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20425	113-K46DF1		Cứ A	Vang	Nam	15/06/1978				Trung bình khá	1269853	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20426	114-K46DF1		Sùng A	Vang	Nam	18/10/1976				Trung bình khá	1269854	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20427	115-K46DF1		Hà Văn	Viêng	Nam	20/06/1968				Trung bình khá	1269855	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20428	116-K46DF1		Vàng A	Vự	Nam	05/10/1985				Trung bình khá	1269856	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20429	117-K46DF1		Ly A	Vựa	Nam	12/11/1986				Trung bình khá	1269857	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20430	118-K46DF1		Lường Văn	Vương	Nam	20/05/1972				Trung bình khá	1269858	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20431	119-K46DF1		Tòng Văn	Xuân	Nam	29/10/1968				Trung bình khá	1269859	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20432	120-K46DF1		Lò Hải	Yên	Nam	15/11/1965				Trung bình khá	1269860	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20433	121-K46DF1		Vừ A	Hờ	Nam	05/09/1971				Trung bình khá	1269861	2017	Vừa làm vừa học	Kinh tế	Kinh tế thương mại	91/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20434	122-K46DP1		Quàng Văn	Anh	Nam	12/10/1988				Trung bình khá	1269862	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20435	123-K46DP1		Hoàng Việt	Bắc	Nam	10/10/1989				Trung bình khá	1269863	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20436	124-K46DP1		Nguyễn Đình	Bắc	Nam	19/08/1985				Trung bình khá	1269864	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20437	125-K46DP1		Sồng Bà	Chống	Nam	18/09/1986				Trung bình khá	1269865	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20438	126-K46DP1		Hà Văn	Cương	Nam	15/04/1989				Trung bình khá	1269866	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20439	127-K46DP1		Cà Văn	Cường	Nam	20/04/1987				Trung bình khá	1269867	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20440	128-K46DP1		Lậu Vá	Dềnh	Nam	16/05/1991				Trung bình khá	1269868	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20441	129-K46DP1		Hà Văn	Đức	Nam	07/02/1992				Trung bình khá	1269869	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20442	130-K46DP1		Lương Anh	Đức	Nam	10/06/1990				Trung bình khá	1269870	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20443	131-K46DP1		Lèo Văn	Dũng	Nam	08/05/1970				Trung bình khá	1269871	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20444	132-K46DP1		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	09/05/1993				Trung bình khá	1269872	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20445	133-K46DP1		Hồ Thu	Hà	Nữ	14/03/1993				Trung bình khá	1269873	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20446	134-K46DP1		Phan Văn	Hậu	Nam	15/10/1973				Khá	1269874	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20447	135-K46DP1		Quàng Văn	Hiệp	Nam	01/10/1992				Trung bình khá	1269875	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20448	136-K46DP1		Đinh Ngọc	Hoàng	Nam	15/10/1985				Khá	1269876	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20449	137-K46DP1		Hà Thúy	Hồng	Nữ	10/01/1994				Trung bình khá	1269877	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20450	138-K46DP1		Quàng Văn	Hùng	Nam	25/05/1994				Trung bình khá	1269878	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20451	139-K46DP1		Cầm Duy	Khánh	Nam	04/09/1989				Khá	1269879	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20452	140-K46DP1		Giàng Bá	Lênh	Nam	12/10/1984				Trung bình khá	1269880	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20453	141-K46DP1		Tòng Văn	Long	Nam	30/05/1987				Khá	1269881	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20454	142-K46DP1		Lê Xuân	Mạnh	Nam	15/10/1987				Trung bình khá	1269882	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20455	143-K46DP1		Lã Văn	Nam	Nam	07/03/1987				Trung bình khá	1269883	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20456	144-K46DP1		Vũ Thị Tuyết	Nga	Nữ	22/01/1992				Khá	1269884	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20457	145-K46DP1		Cà Văn	Ngọc	Nam	31/12/1988				Trung bình khá	1269885	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20458	146-K46DP1		Hà Hoàng	Ngọc	Nam	16/04/1980				Trung bình khá	1269886	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20459	147-K46DP1		Bạc Thị	Nhung	Nữ	01/08/1993				Trung bình khá	1269887	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20460	148-K46DP1		Lường Thị Hoài	Nhung	Nữ	23/07/1994				Khá	1269888	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20461	149-K46DP1		Lường Văn	Phong	Nam	01/08/1981				Trung bình khá	1269889	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20462	150-K46DP1		Giàng A	Pó	Nam	04/06/1993				Trung bình khá	1269890	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20463	151-K46DP1		Sộng Bá	Pó	Nam	01/03/1986				Trung bình khá	1269891	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20464	152-K46DP1		Nguyễn Hoài	Sơn	Nam	13/03/1982				Trung bình khá	1269892	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20465	153-K46DP1		Quàng Văn	Sơn	Nam	01/07/1993				Trung bình khá	1269893	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20466	154-K46DP1		Lường Văn	Tài	Nam	26/02/1989				Khá	1269894	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20467	155-K46DP1		Lò Văn	Thắng	Nam	28/10/1990				Trung bình khá	1269895	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20468	156-K46DP1		Lò Văn	Thanh	Nam	26/06/1980				Trung bình khá	1269896	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20469	157-K46DP1		Phạm Thị Phương	Thanh	Nữ	05/11/1981				Trung bình khá	1269897	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20470	158-K46DP1		Lù Văn	Thi	Nam	15/10/1990				Trung bình khá	1269898	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20471	159-K46DP1		Lò Văn	Thời	Nam	25/05/1983				Trung bình khá	1269899	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20472	160-K46DP1		Lường Văn	Thơm	Nam	14/09/1985				Trung bình khá	1269900	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20473	161-K46DP1		Phạm Phúc	Thuận	Nam	03/06/1981				Trung bình khá	1269901	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20474	162-K46DP1		Lò Thị	Thùy	Nữ	20/11/1991				Trung bình khá	1269902	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20475	163-K46DP1		Sồng A	Tủa	Nam	15/10/1980				Trung bình khá	1269903	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20476	164-K46DP1		Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	14/11/1991				Khá	1269904	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20477	165-K46DP1		Bùi Thị ánh	Tuyết	Nữ	20/09/1983				Trung bình khá	1269905	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20478	166-K46DP1		Cà Thị	Viên	Nữ	23/06/1992				Trung bình khá	1269906	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20479	167-K46DP1		Lường Thị	Yêng	Nữ	10/03/1982				Trung bình khá	1269907	2017	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	92/QĐ-ĐHTM ngày 27/02/2017	
20480	168-K46DK1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	16/08/1984				Trung bình khá	1270001	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20481	169-K46DK1		Phạm Thanh	Mai	Nữ	14/11/1993				Trung bình khá	1270002	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20482	170-K46DK3		Phan Văn	Bảo	Nam	04/09/1988				Trung bình khá	1270003	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20483	171-K46DK3		Nguyễn Hồng	Giang	Nữ	03/07/1984				Trung bình khá	1270004	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20484	172-K46DK3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	13/09/1985				Trung bình khá	1270005	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20485	173-K46DK3		Ngô Thị	Hào	Nữ	28/09/1979				Trung bình khá	1270006	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20486	174-K46DK3		Đào Văn	Hiệu	Nam	12/07/1980				Trung bình khá	1270007	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20487	175-K46DK3		Hoàng Thị	Hòa	Nữ	04/06/1988				Trung bình khá	1270008	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20488	176-K46DK3		Đinh Thị	Huệ	Nữ	20/06/1984				Trung bình khá	1270009	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20489	177-K46DK3		Trần Thị Lan	Hương	Nữ	04/01/1974				Trung bình khá	1270010	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20490	178-K46DK3		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	02/07/1985				Trung bình khá	1270011	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20491	179-K46DK3		Lê Bá	Linh	Nam	30/01/1988				Trung bình khá	1270012	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20492	180-K46DK3		Lê Thùy	Linh	Nữ	13/03/1985				Trung bình khá	1270013	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20493	181-K46DK3		Nguyễn Hoàng	Luật	Nam	08/04/1983				Trung bình khá	1270014	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20494	182-K46DK3		Lê Thị	Ngà	Nữ	15/01/1993				Trung bình khá	1270015	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20495	183-K46DK3		Ngô Thị Bích	Ngân	Nữ	22/10/1990				Trung bình khá	1270016	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20496	184-K46DK3		Nguyễn Bá	Soán	Nam	19/07/1992				Trung bình	1269908	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20497	185-K46DK3		Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	14/10/1981				Trung bình khá	1269909	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20498	186-K46DK3		Lương Thị	Thùy	Nữ	10/10/1989				Trung bình khá	1269910	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20499	187-K46DK3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	29/07/1994				Trung bình khá	1269911	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20500	188-K46DK3		Vũ Thị Hà	Trang	Nữ	10/09/1990				Trung bình khá	1269912	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20501	189-K46DK3		Nguyễn Xuân	Trường	Nam	13/07/1985				Trung bình khá	1269913	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20502	190-K46DK3		Đặng Thị Thu Huyền	Vân	Nữ	24/04/1987				Trung bình khá	1269914	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20503	191-K46DK3		Hòa Thị	Yến	Nữ	20/11/1993				Trung bình khá	1269915	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20504	214-K45DK1		Nguyễn Thu	Thúy	Nữ	01/09/1986				Trung bình khá	1269938	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20505	215-K44DK8		Nguyễn Hà	Thi	Nữ	14/08/1990				Trung bình khá	1269939	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20506	192-K47BK1		Phùng Thị Lan	Anh	Nữ	06/08/1988				Trung bình khá	1269916	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20507	193-K47BK1		Trần Thị Vân	Anh	Nữ	16/09/1985				Trung bình khá	1269917	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20508	194-K47BK1		Phùng Thị Khánh	Diệp	Nữ	16/01/1978				Trung bình khá	1269918	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20509	195-K47BK1		Ngô Thị Kim	Doanh	Nữ	12/11/1980				Khá	1269919	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20510	196-K47BK1		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	23/04/1989				Trung bình khá	1269920	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20511	197-K47BK1		Trần Thị	Hạnh	Nữ	23/03/1980				Khá	1269921	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20512	198-K47BK1		Đỗ Thị	Hằng	Nữ	15/08/1991				Trung bình khá	1269922	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20513	199-K47BK1		Nguyễn Thị Diễm	Hằng	Nữ	30/11/1990				Khá	1269923	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20514	200-K47BK1		Nguyễn Thị Phương	Loan	Nữ	23/11/1989				Trung bình khá	1269924	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20515	201-K47BK1		Bùi Thị	Mai	Nữ	17/09/1985				Trung bình khá	1269925	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20516	202-K47BK1		Trần Hoàng	Ngân	Nữ	22/10/1987				Trung bình khá	1269926	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20517	203-K47BK1		Tạ Thị Bích	Ngọc	Nữ	27/05/1989				Trung bình khá	1269927	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20518	204-K47BK1		Bùi Thị Thục	Oanh	Nữ	16/09/1980				Trung bình khá	1269928	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20519	205-K47BK1		Bùi Thị Ngọc	Quế	Nữ	02/09/1984				Trung bình khá	1269929	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20520	206-K47BK1		Trương Thị	Soa	Nữ	18/11/1984				Trung bình khá	1269930	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20521	207-K47BK1		Trần Thị Thu	Tâm	Nữ	08/05/1989				Khá	1269931	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20522	208-K47BK1		Lê Thị	Thảo	Nữ	30/11/1988				Trung bình khá	1269932	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20523	209-K47BK1		Giang Đức	Thiện	Nam	10/04/1978				Trung bình khá	1269933	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20524	210-K47BK1		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	07/12/1982				Trung bình khá	1269934	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20525	211-K47BK1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	14/12/1983				Khá	1269935	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20526	212-K47BK1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	30/08/1986				Trung bình khá	1269936	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20527	213-K47BK1		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	01/01/1991				Khá	1269937	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	178/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20528	216-K43DK4		Đỗ Lan	Phương	Nữ	19/07/1986				Trung bình khá	1269940	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	179/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20529	217-K42DK3		Phạm Hải	Yến	Nữ	02/01/1985				Trung bình khá	1269941	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	179/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20530	218-K46DQ1		Lê Quang	Minh	Nam	21/10/1987				Trung bình khá	1269942	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20531	219-K46DQ2		Nguyễn Lê	An	Nam	23/10/1984				Trung bình khá	1269943	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20532	220-K46DQ2		Lê Tuấn	Anh	Nam	05/03/1994				Trung bình khá	1269944	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20533	221-K46DQ2		Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	31/07/1986				Trung bình khá	1269945	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20534	222-K46DQ2		Vũ Thị	Dung	Nữ	22/10/1982				Trung bình khá	1269946	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20535	223-K46DQ2		Bùi Văn	Duy	Nam	22/06/1990				Trung bình khá	1269947	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20536	224-K46DQ2		Lê Việt	Đức	Nam	29/07/1993				Trung bình khá	1269948	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20537	225-K46DQ2		Nguyễn Hoàng	Gia	Nam	02/02/1991				Trung bình khá	1269949	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20538	226-K46DQ2		Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	20/01/1973				Trung bình khá	1269950	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20539	227-K46DQ2		Nguyễn Thị Thúy	Hà	Nữ	10/08/1975				Trung bình khá	1269951	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20540	228-K46DQ2		Hà Mạnh	Hải	Nam	07/07/1993				Trung bình khá	1269952	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20541	229-K46DQ2		Nguyễn Đăng	Hiếu	Nam	22/11/1980				Khá	1269953	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20542	230-K46DQ2		Vương Ngọc	Hiếu	Nam	18/06/1988				Trung bình khá	1269954	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20543	231-K46DQ2		Văn Đình	Hoàng	Nam	29/05/1992				Trung bình khá	1269955	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20544	232-K46DQ2		Trần Mạnh	Hùng	Nam	22/07/1989				Trung bình khá	1269956	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20545	233-K46DQ2		Nguyễn Lệ	Huyền	Nữ	17/10/1979				Trung bình khá	1269957	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20546	234-K46DQ2		Hoàng	Lanh	Nam	22/08/1988				Trung bình khá	1269958	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20547	235-K46DQ2		Nguyễn Thị	Lưu	Nữ	14/01/1986				Trung bình khá	1269959	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20548	236-K46DQ2		Đoàn Ngọc	Mạnh	Nam	01/08/1993				Trung bình khá	1269960	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20549	237-K46DQ2		Trần Thị Nguyệt	Nga	Nữ	23/05/1980				Trung bình khá	1269961	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20550	238-K46DQ2		Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	19/10/1984				Trung bình khá	1269962	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20551	239-K46DQ2		Đặng Quang	Tiến	Nam	28/10/1982				Trung bình khá	1269963	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20552	240-K46DQ2		Hoàng Ngọc	Tới	Nam	15/06/1985				Trung bình khá	1269964	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20553	241-K46DQ2		Trần Anh	Tuấn	Nam	05/12/1984				Trung bình khá	1269965	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20554	242-K46DQ2		Dương Xuân	Tùng	Nam	26/09/1984				Trung bình khá	1269966	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20555	243-K46DQ2		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	01/07/1991				Trung bình khá	1269967	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20556	244-K46DQ2		Vũ Thị	Tùng	Nữ	28/04/1983				Trung bình khá	1269968	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20557	245-K46DQ2		Hoàng Công	Tuyển	Nam	04/08/1977				Trung bình khá	1269969	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20558	246-K46DQ2		Nguyễn Kiều	Thanh	Nam	27/07/1971				Trung bình khá	1269970	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20559	247-K46DQ2		Nguyễn Diệu	Thùy	Nữ	21/06/1992				Trung bình khá	1269971	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20560	248-K46DQ2		Phạm Thu	Thủy	Nữ	23/09/1974				Trung bình khá	1269972	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20561	249-K46DQ2		Trần Văn	Trà	Nam	19/08/1982				Trung bình khá	1269973	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20562	250-K46DQ2		Nguyễn Văn	Trường	Nam	02/07/1983				Trung bình khá	1269974	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20563	251-K46DQ2		Vũ Cao	Trường	Nam	19/07/1985				Trung bình khá	1269975	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20564	252-K46DQ2		Lê Hoàng	Việt	Nam	09/07/1989				Trung bình khá	1269976	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20565	253-K47BQ1		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	09/08/1988				Trung bình khá	1269977	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20566	254-K47BQ1		Đào Mạnh	Hải	Nam	30/08/1978				Trung bình khá	1269978	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20567	255-K47BQ1		Đinh Việt	Hưng	Nam	03/07/1977				Trung bình khá	1269979	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20568	256-K47BQ1		Kiều Đức	Minh	Nam	01/05/1978				Trung bình khá	1269980	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20569	257-K47BQ1		Nguyễn Hoài	Nam	Nam	26/03/1986				Trung bình khá	1269981	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20570	258-K47BQ1		Phạm Ngọc	Nhất	Nam	08/01/1971				Trung bình khá	1269982	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20571	259-K47BQ1		Trần Thế	Sơn	Nam	15/09/1975				Trung bình khá	1269983	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20572	260-K47BQ1		Nguyễn Đình	Tài	Nam	19/07/1989				Trung bình khá	1269984	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20573	261-K47BQ1		Lương Anh	Tuấn	Nam	14/09/1972				Khá	1269985	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20574	262-K47BQ1		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	05/04/1987				Trung bình khá	1269986	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20575	263-K47BQ1		Ngô Ngọc	Thanh	Nữ	13/06/1985				Trung bình khá	1269987	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20576	264-K47BQ1		Bùi Đức	Thịnh	Nam	24/11/1990				Trung bình khá	1269988	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20577	265-K47BQ1		Phạm Thị	Thùy	Nữ	16/06/1977				Khá	1269989	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20578	266-K47BQ1		Đào Lệ	Thủy	Nữ	29/06/1976				Trung bình khá	1269990	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20579	267-K47BQ1		Trần Thị Huyền	Thư	Nữ	01/03/1986				Trung bình khá	1269991	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20580	268-K47BQ1		Vũ Thị Quỳnh	Trang	Nữ	01/09/1985				Trung bình khá	1269992	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20581	269-K47BQ1		Phương Quốc	Trí	Nam	28/12/1984				Trung bình khá	1269993	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20582	270-K47BQ1		Phan Quang	Viện	Nam	20/09/1973				Trung bình khá	1269994	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20583	271-K45DQ5		Hoàng Cao	Bắc	Nam	17/10/1993				Trung bình khá	1269995	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20584	272-K45DQ5		Lý Trần	Dương	Nam	28/03/1991				Trung bình khá	1269996	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20585	273-K45DQ2		Đặng Danh	Quý	Nam	02/01/1991				Trung bình khá	1269997	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20586	274-K43DQ1		Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	07/01/1983				Trung bình	1269998	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20587	275-K44DQ2		Lê Quang	Chi	Nam	02/08/1977				Trung bình khá	1269999	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	180/QĐ-ĐHTM ngày 13/03/2017	
20588	538-K11CK3		Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	22/05/1994				Khá	1270200	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20589	539-K11CK3		Lữ Ngọc	Anh	Nữ	12/12/1993				Khá	1270201	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20590	540-K11CK3		Nguyễn Mai	Anh	Nữ	14/09/1993				Trung bình	1270202	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20591	541-K11CK3		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	10/11/1992				Khá	1270203	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20592	542-K11CK3		Nguyễn Thị Thúy	Anh	Nữ	07/09/1992				Khá	1270204	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20593	543-K11CK3		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	12/06/1993				Khá	1270205	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20594	544-K11CK3		Trần Kiều	Anh	Nữ	08/11/1991				Khá	1270206	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20595	545-K11CK3		Lê Thanh	Bình	Nam	25/02/1990				Khá	1270207	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20596	546-K11CK3		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	29/06/1993				Khá	1270208	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20597	547-K11CK3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	04/03/1993				Khá	1270209	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20598	548-K11CK3		Nguyễn Văn	Hà	Nam	30/03/1993				Khá	1270210	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20599	549-K11CK3		Trần Thị Thiên	Hà	Nữ	26/06/1994				Khá	1270211	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20600	550-K11CK3		Vũ Thanh	Hằng	Nữ	26/06/1992				Khá	1270212	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20601	551-K11CK3		Vũ Thị Minh	Hạnh	Nữ	25/07/1992				Khá	1270213	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20602	552-K11CK3		Dương Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	06/12/1993				Khá	1270214	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20603	553-K11CK3		Đàm Thị	Hoa	Nữ	12/08/1986				Khá	1270215	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20604	554-K11CK3		Nguyễn Thị Hồng	Hoa	Nữ	20/09/1993				Khá	1270216	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20605	555-K11CK3		Trương Thị	Huế	Nữ	07/02/1993				Khá	1270217	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20606	556-K11CK3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	01/01/1994				Khá	1270218	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20607	557-K11CK3		Phạm Thị	Hương	Nữ	13/03/1991				Khá	1270219	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20608	558-K11CK3		Dương Thị	Hường	Nữ	14/09/1993				Khá	1270220	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20609	559-K11CK3		Trần Thị	Hường	Nữ	03/06/1992				Khá	1270221	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20610	560-K11CK3		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	22/12/1989				Khá	1270222	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20611	561-K11CK3		Thân Thị Thanh	Huyền	Nữ	18/02/1994				Khá	1270223	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20612	562-K11CK3		Hoàng Thị	Liên	Nữ	28/04/1991				Khá	1270224	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20613	563-K11CK3		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	12/02/1993				Khá	1270225	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20614	564-K11CK3		Hoàng Thị	Mai	Nữ	21/09/1993				Khá	1270226	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20615	565-K11CK3		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	23/07/1993				Khá	1270227	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20616	566-K11CK3		Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	20/09/1992				Khá	1270228	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20617	567-K11CK3		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	24/07/1990				Khá	1270229	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20618	568-K11CK3		Hà Thị Kiều	Oanh	Nữ	20/11/1993				Khá	1270230	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20619	569-K11CK3		Dương Thị Thu	Phương	Nữ	02/01/1991				Khá	1270231	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20620	570-K11CK3		Trịnh Thị Mai	Phương	Nữ	20/12/1993				Khá	1270232	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20621	571-K11CK3		Trần Thị	Phượng	Nữ	16/10/1992				Khá	1270233	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20622	572-K11CK3		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	22/11/1994				Khá	1270234	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20623	573-K11CK3		Bùi Việt	Thắng	Nam	10/11/1992				Khá	1270235	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20624	574-K11CK3		Tạ Thị Ngọc	Thoan	Nữ	23/02/1992				Khá	1270236	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20625	575-K11CK3		Nguyễn Văn	Thông	Nam	21/05/1994				Khá	1270237	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20626	576-K11CK3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	01/07/1993				Khá	1270238	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20627	577-K11CK3		Phạm Thị Hoài	Thương	Nữ	06/04/1991				Khá	1270239	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20628	578-K11CK3		Hồ Thị	Thùy	Nữ	26/01/1992				Khá	1270240	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20629	579-K11CK3		Nguyễn Duy Thị	Thúy	Nữ	29/10/1992				Khá	1270241	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20630	580-K11CK3		Lại Thị	Toan	Nữ	18/10/1993				Khá	1270242	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20631	581-K11CK3		Mai Chí	Trung	Nam	26/06/1993				Khá	1270243	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20632	582-K11CK3		Trương Thanh	Tú	Nữ	03/12/1990				Khá	1270244	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20633	583-K11CK3		Đỗ Thanh	Tươi	Nữ	12/06/1991				Khá	1270245	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20634	584-K11CK3		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	28/11/1993				Khá	1270246	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20635	585-K11CK3		Lê Thị	Uyên	Nữ	27/04/1993				Khá	1270247	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20636	586-K11CK3		Lê Thị	Vân	Nữ	20/10/1992				Khá	1270248	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20637	587-K11CK3		Hoàng Thị	Vui	Nữ	02/07/1993				Khá	1270249	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20638	588-K11CK3		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	08/06/1993				Khá	1270250	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20639	589-K11CK4		Lê Kim	Anh	Nữ	06/08/1994				Khá	1270155	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20640	590-K11CK4		Nguyễn Diệu	Anh	Nữ	14/10/1993				Khá	1270156	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20641	591-K11CK4		Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	24/04/1993				Khá	1270157	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20642	592-K11CK4		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	13/03/1992				Khá	1270158	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20643	593-K11CK4		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	26/04/1994				Trung bình	1270159	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20644	594-K11CK4		Vũ Thị	Châm	Nữ	28/02/1994				Giỏi	1270160	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20645	595-K11CK4		Đào Thị Hồng	Duyên	Nữ	04/01/1994				Khá	1270161	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20646	596-K11CK4		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	15/07/1993				Khá	1270162	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20647	597-K11CK4		Tô Thị Thu	Hà	Nữ	14/12/1994				Khá	1270163	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20648	598-K11CK4		Kiều Thị	Hải	Nữ	14/01/1993				Khá	1270164	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20649	599-K11CK4		Phan Thị Thúy	Hằng	Nữ	22/12/1993				Khá	1270165	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20650	600-K11CK4		Lê Thị Lan	Hiên	Nữ	04/03/1992				Khá	1270166	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20651	601-K11CK4		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	17/10/1993				Khá	1270167	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20652	602-K11CK4		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	14/09/1993				Trung bình	1270168	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20653	603-K11CK4		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	22/04/1993				Khá	1270169	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20654	604-K11CK4		Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	29/12/1992				Khá	1270170	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20655	605-K11CK4		Đỗ Thị	Hường	Nữ	27/03/1994				Khá	1270171	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20656	606-K11CK4		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	08/09/1993				Khá	1270172	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20657	607-K11CK4		Mai Hữu	Kiên	Nam	02/12/1991				Khá	1270173	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20658	608-K11CK4		Phạm Thị Linh	Lan	Nữ	14/08/1993				Khá	1270174	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20659	609-K11CK4		Nguyễn Thị Minh	Lý	Nữ	02/11/1994				Khá	1270175	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20660	610-K11CK4		Đỗ Thị	Minh	Nữ	15/09/1991				Khá	1270176	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20661	611-K11CK4		Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	07/09/1993				Khá	1270177	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20662	612-K11CK4		Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	05/01/1992				Khá	1270178	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20663	613-K11CK4		Đặng Thị Bích	Ngọc	Nữ	19/05/1993				Khá	1270179	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20664	614-K11CK4		Trần Thị	Nhiên	Nữ	21/03/1991				Khá	1270180	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20665	615-K11CK4		Đinh Thị Ngọc	Oanh	Nữ	27/09/1987				Khá	1270181	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20666	616-K11CK4		Hồ Thị	Oanh	Nữ	05/03/1992				Trung bình	1270182	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20667	617-K11CK4		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	20/04/1992				Khá	1270183	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20668	618-K11CK4		Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	27/10/1993				Khá	1270184	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20669	619-K11CK4		Vũ Thị	Quyên	Nữ	27/03/1994				Khá	1270185	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20670	620-K11CK4		Nguyễn Thị	Thơi	Nữ	02/05/1993				Khá	1270186	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20671	621-K11CK4		Đặng Thị Ngọc	Thương	Nữ	27/05/1991				Khá	1270187	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20672	622-K11CK4		Phan Thị	Thương	Nữ	09/12/1991				Khá	1270188	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20673	623-K11CK4		Lê Ngọc	Thúy	Nữ	24/03/1991				Khá	1270189	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20674	624-K11CK4		Dương Thanh	Thủy	Nữ	27/03/1993				Trung bình	1270190	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20675	625-K11CK4		Vũ Thị Minh	Trang	Nữ	10/09/1993				Khá	1270191	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20676	626-K11CK4		Đặng Văn	Tú	Nam	29/10/1991				Khá	1270192	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20677	627-K11CK4		Đặng Văn	Tuấn	Nam	29/10/1991				Khá	1270193	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20678	628-K11CK4		Hoàng Thị Kim	Tuyến	Nữ	16/01/1994				Khá	1270194	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20679	629-K11CK4		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	05/02/1992				Khá	1270195	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20680	630-K11CK4		Nguyễn Thị	út	Nữ	06/06/1993				Giỏi	1270196	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20681	631-K11CK4		Hoàng Thị Hồng	Vân	Nữ	09/10/1993				Khá	1270197	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20682	632-K11CK4		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	02/11/1993				Khá	1270198	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20683	633-K11CK4		Bùi Thị Thanh	Xuân	Nữ	24/10/1993				Trung bình	1270199	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20684	634-K11CK5		Lê Thị	An	Nữ	26/07/1992				Trung bình	1270251	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20685	635-K11CK5		Đỗ Kiều	Anh	Nữ	02/02/1993				Khá	1270252	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20686	636-K11CK5		Dương Diệp	Anh	Nữ	20/04/1992				Khá	1270253	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20687	637-K11CK5		Lê Phương	Anh	Nữ	13/10/1994				Khá	1270254	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20688	638-K11CK5		Nguyễn Mai	Anh	Nữ	20/05/1991				Khá	1270255	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20689	639-K11CK5		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	29/10/1994				Giỏi	1270256	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20690	640-K11CK5		Phí Đình Tuấn	Anh	Nam	07/11/1994				Khá	1270257	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20691	641-K11CK5		Trần Vân	Anh	Nữ	01/11/1991				Khá	1270258	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20692	642-K11CK5		Trịnh Thị Kim	Anh	Nữ	30/04/1989				Khá	1270259	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20693	643-K11CK5		Vũ Hà	Anh	Nữ	06/04/1994				Trung bình	1270260	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20694	644-K11CK5		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	28/09/1992				Khá	1270261	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20695	645-K11CK5		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	09/10/1987				Khá	1270262	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20696	646-K11CK5		Vũ Thị	Bích	Nữ	17/03/1993				Khá	1270263	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20697	647-K11CK5		Vũ Văn	Chiến	Nam	20/06/1993				Khá	1270264	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20698	648-K11CK5		Phạm Thị Việt	Chinh	Nữ	02/05/1994				Khá	1270265	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20699	649-K11CK5		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	20/05/1993				Khá	1270266	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20700	650-K11CK5		Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	23/01/1993				Khá	1270267	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20701	651-K11CK5		Đào Thị	Giang	Nữ	29/04/1994				Khá	1270268	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20702	652-K11CK5		Lê Thị	Hà	Nữ	12/02/1994				Khá	1270269	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20703	653-K11CK5		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	12/12/1993				Khá	1270270	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20704	654-K11CK5		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	28/07/1994				Khá	1270271	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20705	655-K11CK5		Phí Thị	Hà	Nữ	22/08/1986				Khá	1270272	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20706	656-K11CK5		Phùng Thị	Hà	Nữ	02/02/1994				Khá	1270273	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20707	657-K11CK5		Tạ Thị	Hà	Nữ	27/08/1992				Khá	1270274	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20708	658-K11CK5		Trần Thị Ngọc	Hà	Nữ	11/09/1993				Khá	1270275	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20709	659-K11CK5		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	03/07/1994				Khá	1270276	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20710	660-K11CK5		Đoàn Thị	Hiền	Nữ	05/01/1992				Khá	1270277	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20711	661-K11CK5		Lê Thị	Hiền	Nữ	28/01/1992				Khá	1270278	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20712	662-K11CK5		Nguyễn Huy	Hiệp	Nam	07/09/1991				Trung bình	1270279	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20713	663-K11CK5		Lê Minh	Hiếu	Nam	15/12/1993				Khá	1270280	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20714	664-K11CK5		Hoàng Thị Thanh	Hòa	Nữ	24/07/1993				Khá	1270281	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20715	665-K11CK5		Lê Thị	Hoài	Nữ	01/12/1993				Khá	1270282	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20716	666-K11CK5		Mai Thị	Hoài	Nữ	27/12/1993				Khá	1270283	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20717	667-K11CK5		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	06/06/1994				Khá	1270284	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20718	668-K11CK5		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	25/10/1991				Khá	1270285	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20719	669-K11CK5		Bùi Thanh	Hương	Nữ	24/10/1993				Khá	1270286	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20720	670-K11CK5		Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	18/05/1992				Khá	1270287	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20721	671-K11CK5		Lê Thị	Hướng	Nữ	04/11/1991				Khá	1270288	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20722	672-K11CK5		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	20/05/1993				Khá	1270289	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20723	673-K11CK5		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	22/01/1994				Khá	1270290	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20724	674-K11CK5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/05/1990				Khá	1270291	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20725	675-K11CK5		Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	24/07/1994				Khá	1270292	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20726	676-K11CK5		Nguyễn Thị	Lê	Nữ	29/05/1994				Khá	1270293	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20727	677-K11CK5		Trần Phương	Linh	Nữ	10/09/1993				Khá	1270294	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20728	678-K11CK5		Đặng Thị	Loan	Nữ	10/08/1991				Khá	1270295	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20729	679-K11CK5		Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	03/02/1992				Giỏi	1270296	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20730	680-K11CK5		Trần Văn	Ninh	Nam	15/06/1994				Khá	1270297	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20731	681-K11CK5		Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	24/12/1994				Khá	1270298	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20732	682-K11CK5		Nguyễn Minh	Quang	Nam	16/10/1994				Trung bình	1270299	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20733	683-K11CK5		Trần Lệ	Quyên	Nữ	03/03/1992				Khá	1270300	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20734	684-K11CK5		Trịnh Thị	Quỳnh	Nữ	14/10/1991				Khá	1270301	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20735	685-K11CK5		Đàm Thị Thanh	Tâm	Nữ	18/10/1992				Khá	1270302	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20736	686-K11CK5		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	21/05/1991				Khá	1270303	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20737	687-K11CK5		Đào Thị Minh	Thanh	Nữ	01/12/1993				Khá	1270304	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20738	688-K11CK5		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	15/09/1993				Khá	1270305	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20739	689-K11CK5		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/07/1993				Khá	1270306	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20740	690-K11CK5		Lê Bích	Thùy	Nữ	07/04/1994				Trung bình	1270307	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20741	691-K11CK5		Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	29/06/1993				Trung bình	1270308	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20742	692-K11CK5		Đoàn Thị Kiều	Trang	Nữ	20/11/1994				Khá	1270309	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20743	693-K11CK5		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	05/12/1992				Khá	1270310	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20744	694-K11CK5		Trần Thu	Trang	Nữ	13/10/1994				Khá	1270311	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20745	695-K11CK5		Đinh Mạnh	Tùng	Nam	15/10/1992				Khá	1270312	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20746	696-K11CK5		Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	15/09/1990				Khá	1270313	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20747	697-K11CK5		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	14/06/1994				Khá	1270314	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20748	698-K11CK6		Bùi Thị	An	Nữ	06/09/1994				Khá	1270315	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20749	699-K11CK6		Cao Thị Lan	Anh	Nữ	06/07/1993				Trung bình	1270316	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20750	700-K11CK6		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	01/08/1991				Khá	1270317	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20751	701-K11CK6		Nguyễn Thu	Anh	Nữ	07/10/1992				Khá	1270318	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20752	702-K11CK6		Nguyễn Thi Ngọc	ánh	Nữ	24/10/1991				Khá	1270319	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20753	703-K11CK6		Đường ích	Bảo	Nam	22/01/1990				Trung bình	1270320	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20754	704-K11CK6		Lê Thị Ngọc	Bích	Nữ	29/03/1985				Khá	1270321	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20755	705-K11CK6		Lê Kim	Chung	Nam	01/03/1993				Trung bình	1270322	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20756	706-K11CK6		Phan Thị Thúy	Diệu	Nữ	29/09/1992				Khá	1270323	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20757	707-K11CK6		Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	02/12/1993				Khá	1270324	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20758	708-K11CK6		Vũ Thị	Duyên	Nữ	04/06/1992				Khá	1270325	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20759	709-K11CK6		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	26/06/1992				Khá	1270326	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20760	710-K11CK6		Phan Thị Hồng	Hà	Nữ	18/04/1993				Khá	1270327	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20761	711-K11CK6		Đoàn Thị	Hằng	Nữ	18/01/1993				Khá	1270328	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20762	712-K11CK6		Hoàng Thị Thúy	Hằng	Nữ	23/08/1994				Khá	1270329	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20763	713-K11CK6		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	10/09/1992				Khá	1270330	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20764	714-K11CK6		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	05/12/1992				Khá	1270331	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20765	715-K11CK6		Trần Thị	Hằng	Nữ	11/11/1994				Khá	1270332	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20766	716-K11CK6		Phùng Thị	Hạnh	Nữ	10/06/1991				Khá	1270333	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20767	717-K11CK6		Hoàng Thị	Hiền	Nữ	01/02/1994				Khá	1270334	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20768	718-K11CK6		Trần Thị	Hiền	Nữ	26/12/1990				Khá	1270335	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20769	719-K11CK6		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	21/10/1992				Khá	1270336	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20770	720-K11CK6		Nguyễn Thị Khánh	Hòa	Nữ	08/09/1991				Khá	1270337	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20771	721-K11CK6		Hoàng Thị	Hoài	Nữ	25/10/1992				Khá	1270338	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20772	722-K11CK6		Hoàng Thị	Huệ	Nữ	07/08/1988				Khá	1270339	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20773	723-K11CK6		Trần Việt	Hùng	Nam	18/01/1994				Khá	1270340	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20774	724-K11CK6		Lê Thị	Hương	Nữ	25/08/1993				Khá	1270341	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20775	725-K11CK6		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/06/1991				Khá	1270342	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20776	726-K11CK6		Đỗ Thúy	Hường	Nữ	01/06/1994				Khá	1270343	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20777	727-K11CK6		Đặng Thị	Huyền	Nữ	22/05/1990				Khá	1270344	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20778	728-K11CK6		Trần Thị	Huyền	Nữ	01/07/1992				Khá	1270345	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20779	729-K11CK6		Trần Thị Phương	Huyền	Nữ	12/12/1994				Trung bình	1270346	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20780	730-K11CK6		Phan Vũ Thùy	Linh	Nữ	11/12/1993				Khá	1270347	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20781	731-K11CK6		Vũ Thị	Loan	Nữ	16/05/1994				Trung bình	1270348	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20782	732-K11CK6		Chu Thị Phương	Mai	Nữ	16/12/1991				Khá	1270349	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20783	733-K11CK6		Bùi Thị	Mến	Nữ	29/04/1993				Khá	1270350	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20784	734-K11CK6		Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	27/04/1993				Khá	1270351	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20785	735-K11CK6		Đồng Thu	Nga	Nữ	10/01/1992				Khá	1270352	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20786	736-K11CK6		Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	03/11/1992				Khá	1270353	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20787	737-K11CK6		Lê Hồng	Ngọc	Nữ	11/11/1994				Khá	1270354	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20788	738-K11CK6		Nguyễn Trang	Nhung	Nữ	16/05/1993				Khá	1270355	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20789	739-K11CK6		Bùi Hà	Phương	Nữ	20/03/1994				Khá	1270356	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20790	740-K11CK6		Phạm Thị Thúy	Phương	Nữ	13/09/1994				Khá	1270357	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20791	741-K11CK6		Đào Thị	Quỳnh	Nữ	02/03/1993				Khá	1270358	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20792	742-K11CK6		Lương Thị	Quỳnh	Nữ	20/08/1991				Khá	1270359	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20793	743-K11CK6		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	24/01/1992				Khá	1270360	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20794	744-K11CK6		Đặng Thị Minh	Tâm	Nữ	22/01/1993				Khá	1270361	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20795	745-K11CK6		Phan Thị	Thanh	Nữ	11/11/1993				Khá	1270362	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20796	746-K11CK6		Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	09/11/1993				Khá	1270363	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20797	747-K11CK6		Tô Thị Thanh	Thiện	Nữ	28/09/1993				Khá	1270364	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20798	748-K11CK6		Ngô Thị	Thư	Nữ	17/03/1993				Khá	1270365	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20799	749-K11CK6		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	18/11/1993				Trung bình	1270366	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20800	750-K11CK6		Vũ Thị Đào	Thùy	Nữ	05/10/1990				Khá	1270367	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20801	751-K11CK6		Cao Thị	Thùy	Nữ	05/11/1992				Khá	1270368	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20802	752-K11CK6		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	10/08/1993				Khá	1270369	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20803	753-K11CK6		Dương Diệu	Trang	Nữ	09/09/1992				Khá	1270370	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20804	754-K11CK6		Phan Hà	Trang	Nữ	24/10/1994				Khá	1270371	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20805	755-K11CK6		Vũ Thu	Trang	Nữ	04/05/1992				Trung bình	1270372	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20806	756-K11CK6		Trần Anh	Tuấn	Nam	15/08/1992				Trung bình	1270373	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20807	757-K11CK6		Đoàn Thị	Tuyết	Nữ	22/05/1986				Khá	1270374	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20808	758-K11CK6		Phạm Thế	Vinh	Nam	11/12/1989				Khá	1270375	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20809	759-K11CK6		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	09/12/1993				Khá	1270376	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20810	760-K11CK7		Đỗ Xuân	Anh	Nữ	16/12/1993				Khá	1270097	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20811	761-K11CK7		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	11/09/1993				Trung bình	1270098	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20812	762-K11CK7		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	22/11/1993				Khá	1270099	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20813	763-K11CK7		Trần Kim	Anh	Nữ	01/07/1991				Khá	1270100	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20814	764-K11CK7		Đào Ngọc	ánh	Nữ	08/09/1993				Khá	1270101	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20815	765-K11CK7		Phạm Thị Ngọc	ánh	Nữ	14/07/1993				Khá	1270102	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20816	766-K11CK7		Lê Ngọc	Bích	Nữ	19/06/1993				Khá	1270103	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20817	767-K11CK7		Đào Thị	Bình	Nữ	19/03/1985				Giỏi	1270104	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20818	768-K11CK7		Mai Trung	Đức	Nam	26/10/1993				Khá	1270105	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20819	769-K11CK7		Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	20/07/1992				Giỏi	1270106	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20820	770-K11CK7		Phan Thị Thanh	Hải	Nữ	02/10/1994				Khá	1270107	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20821	771-K11CK7		Dương Thị	Hằng	Nữ	23/08/1993				Khá	1270108	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20822	772-K11CK7		Lê Thị	Hằng	Nữ	05/07/1994				Khá	1270109	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20823	773-K11CK7		Lê Thị	Hằng	Nữ	14/03/1993				Khá	1270110	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20824	774-K11CK7		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	29/10/1985				Khá	1270111	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20825	775-K11CK7		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	01/03/1992				Khá	1270112	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20826	776-K11CK7		Đinh Thị	Hảo	Nữ	04/12/1993				Khá	1270113	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20827	777-K11CK7		Hoàng Thị Yến	Hoa	Nữ	16/03/1994				Khá	1270114	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20828	778-K11CK7		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	02/03/1992				Khá	1270115	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20829	779-K11CK7		Trịnh Thị	Hồng	Nữ	12/01/1994				Khá	1270116	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20830	780-K11CK7		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	04/09/1992				Khá	1270117	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20831	781-K11CK7		Đỗ Thu	Hương	Nữ	17/04/1993				Khá	1270118	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20832	782-K11CK7		Lê Thị	Hương	Nữ	28/12/1993				Khá	1270119	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20833	783-K11CK7		Trần Thị	Hường	Nữ	20/09/1994				Khá	1270120	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20834	784-K11CK7		Hoàng Thanh	Huyền	Nữ	10/05/1994				Khá	1270121	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20835	785-K11CK7		Lê Thanh	Huyền	Nữ	24/04/1992				Khá	1270122	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20836	786-K11CK7		Bùi Thị	Khuê	Nữ	02/08/1994				Khá	1270123	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20837	787-K11CK7		Lương Khánh	Linh	Nữ	02/09/1994				Khá	1270124	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20838	788-K11CK7		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	30/01/1991				Khá	1270125	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20839	789-K11CK7		Trần Thùy	Linh	Nữ	17/09/1993				Khá	1270126	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20840	790-K11CK7		Mạc Khánh	Ly	Nữ	23/04/1991				Khá	1270127	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20841	791-K11CK7		Hoàng Thị	Mai	Nữ	06/10/1991				Khá	1270128	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20842	792-K11CK7		Âu Thị Thanh	Nam	Nữ	12/08/1994				Khá	1270129	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20843	793-K11CK7		Vũ Thị	Nga	Nữ	09/10/1990				Khá	1270130	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20844	794-K11CK7		Đào Thị	Ngà	Nữ	20/05/1992				Giỏi	1270131	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20845	795-K11CK7		Phạm Thúy	Ngân	Nữ	18/11/1993				Khá	1270132	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20846	796-K11CK7		Dương Hồng	Ngọc	Nữ	20/01/1991				Khá	1270133	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20847	797-K11CK7		Lê Thị	Ngọc	Nữ	12/08/1990				Giỏi	1270134	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20848	798-K11CK7		Lê Thị	Nhường	Nữ	03/09/1993				Khá	1270135	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20849	799-K11CK7		Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	14/10/1987				Khá	1270136	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20850	800-K11CK7		Phạm Thị Thu	Phương	Nữ	01/07/1994				Khá	1270137	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20851	801-K11CK7		Nguyễn Thị Hoa	Phượng	Nữ	09/03/1992				Giỏi	1270138	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20852	802-K11CK7		Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	04/12/1991				Khá	1270139	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20853	803-K11CK7		Vũ Thị	Sen	Nữ	16/06/1993				Khá	1270140	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20854	804-K11CK7		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	21/10/1994				Khá	1270141	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20855	805-K11CK7		Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	24/12/1994				Giỏi	1270142	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20856	806-K11CK7		Vương Thị	Thảo	Nữ	16/10/1993				Khá	1270143	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20857	807-K11CK7		Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	10/03/1994				Khá	1270144	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20858	808-K11CK7		Bạch Xuân	Thương	Nữ	08/11/1994				Trung bình	1270145	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20859	809-K11CK7		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	20/06/1993				Khá	1270146	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20860	810-K11CK7		Nguyễn Thị Bích	Thùy	Nữ	28/07/1994				Khá	1270147	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20861	811-K11CK7		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01/08/1992				Khá	1270148	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20862	812-K11CK7		Ngô Thị Kim	Tiến	Nữ	13/04/1992				Khá	1270149	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20863	813-K11CK7		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11/10/1993				Khá	1270150	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20864	814-K11CK7		Nguyễn Thị Nguyệt	Trang	Nữ	30/04/1994				Khá	1270151	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20865	815-K11CK7		Hoàng Văn	Tú	Nam	25/08/1993				Khá	1270152	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20866	816-K11CK7		Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	20/09/1993				Khá	1270153	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20867	817-K11CK7		Lương Thị	Vân	Nữ	15/12/1992				Khá	1270154	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20868	818-K11CK8		Đỗ Diệp	Anh	Nữ	11/02/1992				Khá	1270377	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20869	819-K11CK8		Lê Kim	Anh	Nữ	25/05/1992				Trung bình	1270378	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20870	820-K11CK8		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	23/05/1993				Khá	1270379	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20871	821-K11CK8		Tô Lan	Anh	Nữ	08/11/1993				Trung bình	1270380	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20872	822-K11CK8		Vũ Tuấn	Anh	Nam	24/04/1988				Khá	1270381	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20873	823-K11CK8		Trần Vân	ánh	Nữ	14/11/1992				Khá	1270382	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20874	824-K11CK8		Trần Thị Hòa	Bình	Nữ	23/07/1993				Khá	1270383	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20875	825-K11CK8		Trần Thị Hồng	Điệp	Nữ	21/08/1993				Khá	1270384	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20876	826-K11CK8		Lê Thị	Dung	Nữ	30/11/1992				Khá	1270385	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20877	827-K11CK8		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	21/06/1993				Khá	1270386	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20878	828-K11CK8		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	01/09/1992				Khá	1270387	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20879	829-K11CK8		Đặng Thị	Hà	Nữ	05/10/1994				Khá	1270388	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20880	830-K11CK8		Vũ Thị Việt	Hà	Nữ	11/10/1991				Khá	1270389	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20881	831-K11CK8		Doãn Thị	Hằng	Nữ	08/03/1993				Giỏi	1270390	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20882	832-K11CK8		Hoàng Thị Thúy	Hằng	Nữ	30/08/1993				Khá	1270391	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20883	833-K11CK8		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	10/02/1993				Khá	1270392	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20884	834-K11CK8		Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	05/12/1990				Khá	1270393	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20885	835-K11CK8		Trần Thu	Hằng	Nữ	03/05/1994				Khá	1270394	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20886	836-K11CK8		Trần Thị	Hạnh	Nữ	28/04/1990				Khá	1270395	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20887	837-K11CK8		Trần Thị	Hiên	Nữ	07/12/1993				Khá	1270396	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20888	838-K11CK8		Lê Thị	Hoa	Nữ	11/11/1992				Giỏi	1270397	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20889	839-K11CK8		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	14/05/1992				Khá	1270398	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20890	840-K11CK8		Nguyễn Thị Khánh	Hòa	Nữ	02/06/1992				Khá	1270399	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20891	841-K11CK8		Vũ Thị	Huế	Nữ	10/05/1993				Giỏi	1270400	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20892	842-K11CK8		Vũ Thị	Huệ	Nữ	26/09/1991				Khá	1270401	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20893	843-K11CK8		Lê Thị	Hương	Nữ	30/05/1992				Khá	1270402	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20894	844-K11CK8		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	23/11/1993				Khá	1270403	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20895	845-K11CK8		Phạm Thị	Hương	Nữ	29/08/1990				Khá	1270404	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20896	846-K11CK8		Bùi Thị	Huyền	Nữ	07/02/1992				Khá	1270405	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20897	847-K11CK8		Phạm Thị	Huyền	Nữ	12/07/1991				Khá	1270406	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20898	848-K11CK8		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	25/12/1994				Khá	1270407	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20899	849-K11CK8		Bùi Hồng	Loan	Nữ	02/01/1992				Khá	1270408	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20900	850-K11CK8		Phan Trần Khánh	Ly	Nữ	10/10/1993				Khá	1270409	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20901	851-K11CK8		Bùi Thị Tuyết	Mai	Nữ	28/02/1994				Khá	1270410	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20902	852-K11CK8		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	04/01/1993				Khá	1270411	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20903	853-K11CK8		Đồng Thị Thúy	Nga	Nữ	23/12/1992				Khá	1270412	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20904	854-K11CK8		Lê Thị	Ngân	Nữ	27/11/1991				Khá	1270413	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20905	855-K11CK8		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	14/11/1992				Khá	1270414	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20906	856-K11CK8		Trần Thị Thùy	Ngân	Nữ	19/03/1993				Khá	1270415	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20907	857-K11CK8		Bùi Thị Bích	Ngần	Nữ	03/02/1992				Khá	1270416	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20908	858-K11CK8		Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	16/03/1992				Khá	1270417	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20909	859-K11CK8		Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	26/08/1994				Khá	1270418	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20910	860-K11CK8		Nguyễn Văn	Phúc	Nam	03/06/1988				Khá	1270419	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20911	861-K11CK8		Bùi Thị	Phương	Nữ	10/11/1991				Khá	1270420	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20912	862-K11CK8		Vũ Thị Bích	Phượng	Nữ	14/09/1993				Khá	1270421	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20913	863-K11CK8		Khúc Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	20/08/1991				Khá	1270422	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20914	864-K11CK8		Lê Thu	Quỳnh	Nữ	01/04/1991				Khá	1270423	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20915	865-K11CK8		Nguyễn Thị	Sinh	Nữ	30/08/1994				Khá	1270424	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20916	866-K11CK8		Bùi Thị Thanh	Thanh	Nữ	03/04/1994				Khá	1270425	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20917	867-K11CK8		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	04/03/1993				Khá	1270426	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20918	868-K11CK8		Vương Thị	Thảo	Nữ	25/12/1992				Khá	1270427	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20919	869-K11CK8		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	15/08/1993				Giỏi	1270428	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20920	870-K11CK8		Nguyễn Kim	Thương	Nữ	05/12/1993				Khá	1270429	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20921	871-K11CK8		Đặng Thị	Thùy	Nữ	22/12/1992				Khá	1270430	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20922	872-K11CK8		Đinh Thị	Thùy	Nữ	28/02/1993				Khá	1270431	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20923	873-K11CK8		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	22/12/1991				Khá	1270432	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20924	874-K11CK8		Nguyễn Thị Thu	Trà	Nữ	20/10/1994				Khá	1270433	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20925	875-K11CK8		Nguyễn Thị Phương	Trâm	Nữ	21/02/1992				Khá	1270434	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20926	876-K11CK8		Nhâm Thị Đài	Trang	Nữ	22/09/1992				Khá	1270435	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20927	877-K11CK8		Đỗ Văn	Tuấn	Nam	24/10/1993				Khá	1270436	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20928	878-K11CK8		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	19/08/1993				Khá	1270437	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20929	879-K11CK8		Phạm Thanh	Tùng	Nam	21/06/1994				Khá	1270438	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20930	880-K11CK8		Vũ Thị Hải	Vân	Nữ	08/06/1991				Khá	1270439	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20931	881-K11CK1		Đỗ Thị	Dung	Nữ	19/03/1991				Khá	1270440	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20932	882-K11CK1		Đinh Thị Phúc	Nga	Nữ	18/07/1990				Trung bình	1270441	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20933	496-K11CK2		Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	28/11/1993				Trung bình	1501574	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20934	497-K11CK2		Đặng Thị Ngọc	ánh	Nữ	19/11/1991				Khá	1501575	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20935	498-K11CK2		Đào Ngọc	ánh	Nữ	19/01/1993				Khá	1501576	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20936	499-K11CK2		Nguyễn Huy	Cần	Nam	17/06/1989				Khá	1501577	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20937	500-K11CK2		Nguyễn Thị Mai	Châm	Nữ	03/05/1994				Khá	1501578	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20938	501-K11CK2		Nguyễn Đức	Chính	Nam	22/12/1992				Trung bình	1501579	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20939	502-K11CK2		Trần Thị	Giang	Nữ	05/08/1994				Khá	1501580	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20940	503-K11CK2		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	07/10/1993				Trung bình	1501581	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20941	504-K11CK2		Đỗ Thu	Hằng	Nữ	30/04/1994				Khá	1501582	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20942	505-K11CK2		Lê Thị	Hạnh	Nữ	19/07/1992				Khá	1501583	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20943	506-K11CK2		Trần Thị	Hạnh	Nữ	21/09/1990				Trung bình	1501584	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20944	507-K11CK2		Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	22/02/1994				Khá	1501585	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20945	508-K11CK2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	11/05/1992				Khá	1501586	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20946	509-K11CK2		Đỗ Thị Thu	Huyền	Nữ	07/11/1994				Khá	1501587	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20947	510-K11CK2		Trần Thanh	Huyền	Nữ	14/02/1994				Khá	1501588	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20948	511-K11CK2		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	11/10/1990				Khá	1501589	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20949	512-K11CK2		Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	26/12/1994				Trung bình	1501590	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20950	513-K11CK2		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	23/03/1994				Khá	1501591	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20951	514-K11CK2		Đinh Lê Ngọc	Mai	Nữ	27/01/1993				Khá	1501592	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20952	515-K11CK2		Dương Thị	Minh	Nữ	07/12/1990				Trung bình	1501593	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20953	516-K11CK2		Hồ Thị Thúy	Nga	Nữ	10/04/1994				Khá	1501594	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20954	517-K11CK2		Nguyễn Thị Hải	Nguyên	Nữ	25/07/1993				Khá	1501595	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20955	518-K11CK2		Hoàng Như	Nguyệt	Nữ	29/06/1994				Khá	1501596	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20956	519-K11CK2		Đào Thị	Nhung	Nữ	30/03/1992				Khá	1501597	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20957	520-K11CK2		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/07/1993				Khá	1501598	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20958	521-K11CK2		Ngô Mạnh	Ninh	Nam	10/11/1993				Khá	1501599	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20959	522-K11CK2		Đặng Thị Kim	Phượng	Nữ	23/09/1983				Khá	1501600	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20960	523-K11CK2		Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	03/06/1994				Khá	1501601	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20961	524-K11CK2		Đỗ Thị	Tân	Nữ	02/05/1983				Khá	1501602	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20962	525-K11CK2		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	27/07/1993				Khá	1501603	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20963	526-K11CK2		Thân Thị Thu	Thảo	Nữ	26/04/1993				Khá	1501604	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20964	527-K11CK2		Lê Thị	Thu	Nữ	28/07/1994				Trung bình	1501605	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20965	528-K11CK2		Ngô Thị Hà	Thu	Nữ	23/07/1989				Giỏi	1501606	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20966	529-K11CK2		Nguyễn Thị Kim	Thư	Nữ	23/10/1994				Khá	1501607	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20967	530-K11CK2		Hồ Thị	Trang	Nữ	18/10/1993				Khá	1501608	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20968	531-K11CK2		Lý Minh	Trang	Nữ	09/11/1994				Khá	1501609	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20969	532-K11CK2		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	15/05/1993				Khá	1501610	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20970	533-K11CK2		Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	10/08/1990				Khá	1501611	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20971	534-K11CK2		Đào Thị	Tươi	Nữ	31/08/1993				Khá	1501612	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20972	535-K11CK2		Hồ Thị	Vân	Nữ	20/10/1993				Khá	1501613	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20973	536-K11CK2		Vũ Thị	Vui	Nữ	04/07/1991				Khá	1501614	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20974	537-K11CK2		Tô Thị Hải	Yến	Nữ	20/10/1993				Khá	1501615	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	335/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20975	927-K11CT2		Đỗ Đức	Anh	Nam	04/06/1993				Khá	1501660	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20976	928-K11CT2		Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	17/02/1993				Khá	1501661	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20977	929-K11CT2		Nguyễn Mai	Anh	Nữ	26/12/1992				Khá	1501662	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20978	930-K11CT2		Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	08/11/1993				Khá	1501663	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20979	931-K11CT2		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	17/06/1994				Khá	1501664	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20980	932-K11CT2		Trần Thị	Bình	Nữ	26/06/1994				Khá	1501665	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20981	933-K11CT2		Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	05/08/1993				Khá	1501666	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20982	934-K11CT2		Hoàng	Cường	Nam	14/12/1991				Trung bình	1501667	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20983	935-K11CT2		Phan Tiến	Dũng	Nam	07/11/1994				Khá	1501668	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20984	936-K11CT2		Đỗ Thị Việt	Hà	Nữ	24/07/1993				Khá	1501669	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20985	937-K11CT2		Ma Seo	Hải	Nam	03/07/1994				Khá	1501670	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20986	938-K11CT2		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	14/09/1992				Khá	1501671	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20987	939-K11CT2		Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	11/09/1993				Khá	1501672	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20988	940-K11CT2		Lê Thị	Hạnh	Nữ	22/12/1993				Khá	1501673	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20989	941-K11CT2		Nguyễn Mỹ	Hạnh	Nữ	29/09/1994				Khá	1501674	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20990	942-K11CT2		Đào Hồng	Hoa	Nữ	22/02/1993				Khá	1501675	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20991	943-K11CT2		Bùi Quang	Hoan	Nam	25/03/1994				Trung bình	1501676	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20992	944-K11CT2		Trần Tuấn	Hùng	Nam	13/05/1994				Khá	1501677	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20993	945-K11CT2		Vi Mạnh	Hưng	Nam	03/08/1994				Khá	1501678	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20994	946-K11CT2		Bùi Thu	Hương	Nữ	15/02/1993				Khá	1501679	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20995	947-K11CT2		Đặng Thị	Hường	Nữ	16/09/1993				Khá	1501680	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20996	948-K11CT2		Phương Quốc	Huy	Nam	25/07/1994				Trung bình	1501681	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20997	949-K11CT2		Nguyễn Ngọc	Khánh	Nam	25/02/1993				Khá	1501682	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
20998	950-K11CT2		Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	06/09/1994				Khá	1501683	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
20999	951-K11CT2		Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	05/09/1994				Khá	1501684	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21000	952-K11CT2		Hà Diệu	Linh	Nữ	17/08/1994				Trung bình	1501685	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21001	953-K11CT2		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	15/07/1994				Khá	1501686	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21002	954-K11CT2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	11/01/1994				Khá	1270582	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21003	955-K11CT2		Đoàn Thị	Nga	Nữ	15/08/1993				Khá	1270583	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21004	956-K11CT2		Đặng Ngọc Kim	Ngân	Nữ	15/03/1992				Khá	1270584	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21005	957-K11CT2		Ngô Thị	Ngọc	Nữ	12/09/1994				Khá	1270585	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21006	958-K11CT2		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	27/03/1994				Khá	1270586	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21007	959-K11CT2		Trần Tuấn	Phương	Nam	02/11/1994				Trung bình	1270587	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21008	960-K11CT2		Ngô Văn	Quyết	Nam	27/07/1991				Khá	1270588	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21009	961-K11CT2		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	15/07/1993				Khá	1270589	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21010	962-K11CT2		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	16/02/1994				Khá	1270590	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21011	963-K11CT2		Nguyễn Thị Hoài	Thanh	Nữ	05/11/1993				Khá	1270591	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21012	964-K11CT2		Đinh Trung	Thành	Nam	15/02/1994				Khá	1270592	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21013	965-K11CT2		Nguyễn Đình	Thành	Nam	14/03/1994				Khá	1270593	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21014	966-K11CT2		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	01/03/1993				Khá	1270594	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21015	967-K11CT2		Nguyễn Thị Thu	Trà	Nữ	09/09/1994				Khá	1270595	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21016	968-K11CT2		Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	Nữ	03/02/1994				Khá	1270596	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21017	969-K11CT2		Nguyễn Thị Ngọc	Vân	Nữ	26/12/1993				Khá	1270597	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21018	883-K11CT1		Phạm Mai	Anh	Nữ	30/11/1993				Khá	1501616	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21019	884-K11CT1		Trần Thị Quý	Anh	Nữ	20/10/1993				Khá	1501617	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21020	885-K11CT1		Đoàn Quang	Bách	Nam	07/11/1992				Khá	1501618	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21021	886-K11CT1		Lê Thị	Bích	Nữ	08/03/1991				Khá	1501619	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21022	887-K11CT1		Lê Thị Ngọc	Bích	Nữ	26/04/1993				Khá	1501620	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21023	888-K11CT1		Nguyễn Thành	Đạt	Nam	23/03/1993				Khá	1501621	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21024	889-K11CT1		Trần Phúc	Đồng	Nam	15/12/1993				Khá	1501622	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21025	890-K11CT1		Dư Hoàng	Đức	Nam	16/10/1992				Khá	1501623	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21026	891-K11CT1		Trịnh Công	Đức	Nam	26/09/1994				Khá	1501624	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21027	892-K11CT1		Lê Thùy	Dung	Nữ	26/09/1994				Khá	1501625	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21028	893-K11CT1		Nguyễn Ngọc	Dũng	Nam	05/10/1993				Khá	1501626	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21029	894-K11CT1		Trương Đại	Dương	Nam	05/12/1990				Khá	1501627	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21030	895-K11CT1		Lê Thị Hồng	Duyên	Nữ	26/03/1991				Khá	1501628	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21031	896-K11CT1		Đặng Trà	Giang	Nữ	01/05/1993				Khá	1501629	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21032	897-K11CT1		Nguyễn Trường	Giang	Nam	30/01/1990				Khá	1501630	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21033	898-K11CT1		Phùng Thị	Giang	Nữ	16/10/1994				Khá	1501631	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21034	899-K11CT1		Trần Quỳnh	Giang	Nữ	28/03/1993				Khá	1501632	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21035	900-K11CT1		Lê Thị	Hà	Nữ	10/12/1993				Khá	1501633	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21036	901-K11CT1		Ngô Thị Thu	Hà	Nữ	16/03/1992				Khá	1501634	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21037	902-K11CT1		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	13/08/1992				Khá	1501635	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21038	903-K11CT1		Nguyễn Trung	Hà	Nam	15/08/1991				Khá	1501636	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21039	904-K11CT1		Tô Thị	Hà	Nữ	19/01/1992				Khá	1501637	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21040	905-K11CT1		Võ Minh	Hải	Nam	20/06/1993				Khá	1501638	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21041	906-K11CT1		Lê Thanh	Hiền	Nữ	27/06/1991				Khá	1501639	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21042	907-K11CT1		Đặng Thị Thanh	Hoa	Nữ	28/02/1993				Giỏi	1501640	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21043	908-K11CT1		Lê Thị Thu	Hoài	Nữ	22/09/1992				Giỏi	1501641	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21044	909-K11CT1		Đỗ Mạnh	Hùng	Nam	04/09/1992				Khá	1501642	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21045	910-K11CT1		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	17/10/1992				Khá	1501643	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21046	911-K11CT1		Trần Ngọc	Minh	Nam	29/05/1993				Khá	1501644	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21047	912-K11CT1		Chu Thị	Nam	Nữ	18/09/1994				Khá	1501645	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21048	913-K11CT1		Lý Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/11/1992				Khá	1501646	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21049	914-K11CT1		Đặng Thị	Thảo	Nữ	06/05/1994				Khá	1501647	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21050	915-K11CT1		Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	03/03/1994				Khá	1501648	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21051	916-K11CT1		Chu Thị	Thoa	Nữ	28/04/1993				Khá	1501649	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21052	917-K11CT1		Đặng Minh	Thuần	Nam	12/05/1993				Khá	1501650	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21053	918-K11CT1		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	25/09/1993				Khá	1501651	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21054	919-K11CT1		Trần Thị	Thủy	Nữ	20/04/1991				Khá	1501652	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21055	920-K11CT1		Lại Minh	Tiến	Nam	26/03/1993				Khá	1501653	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21056	921-K11CT1		Nguyễn Huy	Toàn	Nam	09/01/1992				Khá	1501654	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21057	922-K11CT1		Trần Thị	Trang	Nữ	20/01/1994				Khá	1501655	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21058	923-K11CT1		Dư Hồng Tố	Trinh	Nữ	25/09/1991				Khá	1501656	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21059	924-K11CT1		Hoàng	Trung	Nam	05/12/1992				Khá	1501657	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21060	925-K11CT1		Nguyễn Thành	Trung	Nam	03/11/1991				Khá	1501658	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21061	926-K11CT1		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	11/02/1992				Khá	1501659	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	336/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21062	356-K11CQ2		Đỗ Tuấn	Anh	Nam	01/10/1994				Khá	1270442	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21063	357-K11CQ2		Hoàng Tuấn	Anh	Nam	07/01/1992				Khá	1270443	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21064	358-K11CQ2		Lê Thị Lan	Anh	Nữ	21/04/1992				Khá	1270444	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21065	359-K11CQ2		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	14/12/1994				Khá	1270445	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21066	360-K11CQ2		Nguyễn Vân	Anh	Nữ	24/04/1994				Khá	1270446	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21067	361-K11CQ2		Ngô Thị Kim	ánh	Nữ	28/02/1992				Khá	1270447	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21068	362-K11CQ2		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	29/12/1994				Khá	1270448	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21069	363-K11CQ2		Trần Đại	Cương	Nam	11/03/1989				Khá	1270449	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21070	364-K11CQ2		Lưu Quang	Đức	Nam	04/03/1992				Khá	1270450	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21071	365-K11CQ2		Nguyễn Tiến	Dương	Nam	10/09/1992				Khá	1270451	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21072	366-K11CQ2		Trần Thị Châu	Giang	Nữ	02/09/1994				Khá	1270452	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21073	367-K11CQ2		Hoàng Thị	Hà	Nữ	26/01/1994				Khá	1270453	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21074	368-K11CQ2		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	15/08/1994				Khá	1270454	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21075	369-K11CQ2		Phùng Thị Thu	Hà	Nữ	10/11/1994				Khá	1270455	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21076	370-K11CQ2		Hồ Thị Thu	Hằng	Nữ	07/08/1992				Khá	1270456	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21077	371-K11CQ2		Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	21/01/1994				Khá	1270457	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21078	372-K11CQ2		Đặng Thị	Hiền	Nữ	26/03/1994				Khá	1270458	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21079	373-K11CQ2		Lưu Minh	Hiển	Nam	02/12/1993				Khá	1270459	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21080	374-K11CQ2		Ngô Thị Thu	Hiền	Nữ	21/08/1991				Khá	1270460	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21081	375-K11CQ2		Trương Trung	Hiếu	Nam	14/04/1994				Khá	1270461	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21082	376-K11CQ2		Bùi Thị	Hoa	Nữ	22/08/1994				Khá	1270462	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21083	377-K11CQ2		Đinh Quang	Hòa	Nam	03/11/1991				Khá	1270463	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21084	378-K11CQ2		Trần Thái	Hòa	Nam	28/08/1993				Khá	1270464	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21085	379-K11CQ2		Trần Thị	Hoài	Nữ	10/07/1994				Khá	1270465	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21086	380-K11CQ2		Nguyễn Thị	Huấn	Nữ	21/01/1994				Khá	1270466	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21087	381-K11CQ2		Cao Văn	Hưng	Nam	17/05/1993				Trung bình	1270467	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21088	382-K11CQ2		Phạm Mai	Hương	Nữ	13/12/1992				Khá	1270468	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21089	383-K11CQ2		Lương Thị	Hường	Nữ	12/08/1994				Khá	1270469	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21090	384-K11CQ2		Mai Thị Ngọc	Huyền	Nữ	01/06/1993				Khá	1270470	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21091	385-K11CQ2		Nguyễn Thị Thương	Huyền	Nữ	05/08/1992				Khá	1270471	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21092	386-K11CQ2		Phạm	Kiên	Nam	01/12/1994				Trung bình	1270472	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21093	387-K11CQ2		Trần Trung	Kiên	Nam	26/11/1993				Giỏi	1270473	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21094	388-K11CQ2		Lê Thị Hương	Lan	Nữ	08/10/1991				Khá	1270474	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21095	389-K11CQ2		Hà Ngọc	Linh	Nữ	06/03/1993				Khá	1270475	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21096	390-K11CQ2		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	21/08/1994				Khá	1270476	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21097	391-K11CQ2		Bùi Thị	Loan	Nữ	10/10/1986				Trung bình	1270477	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21098	392-K11CQ2		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	23/10/1993				Khá	1270478	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21099	393-K11CQ2		Đỗ Ngọc	Minh	Nam	04/09/1993				Khá	1270479	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21100	394-K11CQ2		Đậu Thị	Mỹ	Nữ	10/03/1993				Khá	1270480	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21101	395-K11CQ2		Nguyễn Bá	Nam	Nam	30/08/1994				Trung bình	1270481	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21102	396-K11CQ2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	16/10/1994				Khá	1270482	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21103	397-K11CQ2		Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	15/03/1993				Khá	1270483	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21104	398-K11CQ2		Nguyễn Ngọc	Nhất	Nam	26/09/1993				Khá	1270484	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21105	399-K11CQ2		Vũ Thành	Nhu	Nam	11/02/1991				Khá	1270485	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21106	400-K11CQ2		Nguyễn Thanh	Phong	Nam	11/12/1994				Khá	1270486	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21107	401-K11CQ2		Đào Hoàng	Phương	Nam	01/03/1993				Khá	1270487	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21108	402-K11CQ2		Quản Bích	Phương	Nữ	16/11/1993				Khá	1270488	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21109	403-K11CQ2		Đặng Xuân	Quang	Nam	16/11/1994				Khá	1270489	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21110	404-K11CQ2		Vũ Thị	Quyên	Nữ	10/06/1993				Khá	1270490	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21111	405-K11CQ2		Trần Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	19/08/1991				Giỏi	1270491	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21112	406-K11CQ2		Lê Xuân	Sơn	Nam	29/01/1993				Khá	1270492	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21113	407-K11CQ2		Nguyễn Văn	Sơn	Nam	23/09/1994				Trung bình	1270493	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21114	408-K11CQ2		Nguyễn Văn	Sỹ	Nam	24/09/1994				Khá	1270494	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21115	409-K11CQ2		Nguyễn Huy	Tân	Nam	03/05/1991				Khá	1270495	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21116	410-K11CQ2		Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	09/11/1992				Khá	1270496	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21117	411-K11CQ2		Lê Văn	Thọ	Nam	26/10/1991				Khá	1270497	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21118	412-K11CQ2		Trần Thị	Thu	Nữ	12/04/1994				Khá	1270498	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21119	413-K11CQ2		Đỗ Thị	Thúy	Nữ	30/04/1993				Khá	1270499	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21120	414-K11CQ2		Phạm Hữu	Trấn	Nam	19/08/1994				Khá	1270500	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21121	415-K11CQ2		Hà Thùy	Trang	Nữ	20/04/1994				Khá	1270501	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21122	416-K11CQ2		Mai Thị	Trang	Nữ	06/03/1993				Khá	1270502	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21123	417-K11CQ2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/08/1992				Khá	1270503	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21124	418-K11CQ2		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	26/05/1993				Khá	1270504	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21125	419-K11CQ2		Vũ Thị	Trang	Nữ	16/04/1993				Khá	1270505	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21126	420-K11CQ2		Nguyễn Thị	Tú	Nữ	16/09/1993				Khá	1270506	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21127	421-K11CQ2		Đỗ Thanh	Tùng	Nam	10/10/1994				Khá	1270507	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21128	422-K11CQ2		Vũ Hải	Yến	Nữ	01/02/1988				Khá	1270508	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21129	423-K11CQ3		Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	20/02/1994				Khá	1270509	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21130	424-K11CQ3		Lê Ngọc	Anh	Nữ	02/08/1993				Giỏi	1270510	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21131	425-K11CQ3		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	26/12/1994				Giỏi	1270511	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21132	426-K11CQ3		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	19/02/1993				Khá	1270512	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21133	427-K11CQ3		Vũ Ngọc	Anh	Nữ	03/06/1994				Giỏi	1270513	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21134	428-K11CQ3		Bùi Ngọc	Cương	Nam	16/01/1991				Khá	1270514	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21135	429-K11CQ3		Hoàng Trọng	Đà	Nam	23/06/1993				Khá	1270515	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21136	430-K11CQ3		Nguyễn Minh	Đức	Nam	01/08/1992				Khá	1270516	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21137	431-K11CQ3		Bùi Khánh	Duy	Nam	01/09/1993				Khá	1270517	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21138	432-K11CQ3		Chu Ngọc	Hà	Nữ	28/07/1993				Khá	1270518	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21139	433-K11CQ3		Phan Thị Thanh	Hà	Nữ	27/09/1994				Khá	1270519	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21140	434-K11CQ3		Đỗ Thị	Hằng	Nữ	21/10/1991				Khá	1270520	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21141	435-K11CQ3		Trần Thanh	Hằng	Nữ	09/10/1993				Khá	1270521	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21142	436-K11CQ3		Nguyễn Văn	Hiến	Nam	25/03/1993				Khá	1270522	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21143	437-K11CQ3		Hoàng Thu	Hiền	Nữ	20/03/1994				Khá	1270523	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21144	438-K11CQ3		Tạ Thị Thu	Hiền	Nữ	09/02/1994				Giỏi	1270524	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21145	439-K11CQ3		Nguyễn Xuân	Hiếu	Nam	25/11/1993				Khá	1270525	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21146	440-K11CQ3		Nguyễn Văn	Hiệu	Nam	08/04/1992				Khá	1270526	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21147	441-K11CQ3		Trương Thị Mỹ	Hoa	Nữ	21/07/1994				Khá	1270527	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21148	442-K11CQ3		Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	24/09/1993				Khá	1270528	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21149	443-K11CQ3		Trần Xuân	Hoạt	Nam	07/08/1992				Khá	1270529	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21150	444-K11CQ3		Lương Thị Thanh	Huế	Nữ	21/02/1993				Khá	1270530	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21151	445-K11CQ3		Hoàng Mạnh	Hùng	Nam	07/08/1992				Khá	1270531	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21152	446-K11CQ3		Đào Ngọc	Hưng	Nam	15/05/1993				Khá	1270532	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21153	447-K11CQ3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	23/07/1992				Khá	1270533	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21154	448-K11CQ3		Hà Thị Thanh	Hường	Nữ	01/04/1993				Khá	1270534	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21155	449-K11CQ3		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	27/07/1994				Khá	1270535	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21156	450-K11CQ3		Lê	Huy	Nam	11/01/1994				Trung bình	1270536	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21157	451-K11CQ3		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	25/09/1992				Giỏi	1270537	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21158	452-K11CQ3		Phan Thị	Huyền	Nữ	04/07/1993				Khá	1270538	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21159	453-K11CQ3		Ưng Sỹ	Khánh	Nam	18/08/1994				Khá	1270539	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21160	454-K11CQ3		Trần Mạnh	Kiên	Nam	04/11/1992				Trung bình	1270540	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21161	455-K11CQ3		Đàm Thị	Kiều	Nữ	09/08/1993				Khá	1270541	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21162	456-K11CQ3		Lê Hồng	Liên	Nữ	24/03/1993				Khá	1270542	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21163	457-K11CQ3		Lê Trần Phương	Linh	Nữ	30/03/1994				Khá	1270543	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21164	458-K11CQ3		Phương Tuấn	Linh	Nam	23/06/1993				Khá	1270544	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21165	459-K11CQ3		Lê Dương	Long	Nam	02/12/1990				Khá	1270545	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21166	460-K11CQ3		Lê Thị Hồng	Mến	Nữ	17/03/1992				Khá	1270546	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21167	461-K11CQ3		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	04/03/1992				Khá	1270547	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21168	462-K11CQ3		Lê Hoài	Nam	Nam	19/02/1994				Khá	1270548	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21169	463-K11CQ3		Nguyễn Hữu	Nam	Nam	06/08/1994				Khá	1270549	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21170	464-K11CQ3		Trần Quang	Năng	Nam	23/04/1991				Khá	1270550	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21171	465-K11CQ3		Bùi Công	Nên	Nam	20/10/1992				Khá	1270551	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21172	466-K11CQ3		Hoàng Thanh	Ngân	Nữ	28/05/1992				Khá	1270552	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21173	467-K11CQ3		Nguyễn Xuân	Ngọc	Nam	23/05/1991				Khá	1270553	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21174	468-K11CQ3		Nguyễn Thị	Nhâm	Nữ	13/11/1992				Giỏi	1270554	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21175	469-K11CQ3		Vũ Minh	Nhật	Nam	11/05/1991				Khá	1270555	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21176	470-K11CQ3		Hồ Thị	Oanh	Nữ	09/09/1992				Khá	1270556	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21177	471-K11CQ3		Nguyễn Văn	Phương	Nam	15/10/1992				Khá	1270557	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21178	472-K11CQ3		Đặng Thị Hoa	Phượng	Nữ	19/05/1993				Giỏi	1270558	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21179	473-K11CQ3		Nguyễn Văn	Quý	Nam	01/10/1991				Khá	1270559	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21180	474-K11CQ3		Nguyễn Lệ	Quyên	Nữ	03/03/1991				Giỏi	1270560	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21181	475-K11CQ3		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	16/05/1994				Khá	1270561	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21182	476-K11CQ3		Lâm Văn	Sáng	Nam	28/01/1994				Khá	1270562	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21183	477-K11CQ3		Mai Thiện	Sơn	Nam	20/02/1990				Khá	1270563	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21184	478-K11CQ3		Phan Trung	Sơn	Nam	09/05/1987				Khá	1270564	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21185	479-K11CQ3		Nguyễn Bá	Tâm	Nam	19/08/1990				Khá	1270565	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21186	480-K11CQ3		Phạm Hoàng	Thạch	Nam	03/11/1993				Khá	1270566	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21187	481-K11CQ3		Phạm Phương	Thảo	Nữ	09/08/1991				Khá	1270567	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21188	482-K11CQ3		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	06/01/1994				Khá	1270568	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21189	483-K11CQ3		Đỗ Thị Quỳnh	Trang	Nữ	23/10/1994				Khá	1270569	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21190	484-K11CQ3		Lê Thu	Trang	Nữ	06/09/1993				Khá	1270570	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21191	485-K11CQ3		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	29/06/1990				Khá	1270571	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21192	486-K11CQ3		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	21/08/1991				Khá	1270572	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21193	487-K11CQ3		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	12/10/1994				Khá	1270573	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21194	488-K11CQ3		Vũ Huyền	Trang	Nữ	05/04/1994				Khá	1270574	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21195	489-K11CQ3		Trương Thị	Trí	Nữ	17/02/1992				Khá	1270575	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21196	490-K11CQ3		Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	06/09/1994				Khá	1270576	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21197	491-K11CQ3		Lê Thị Thanh	Tươi	Nữ	08/05/1993				Khá	1270577	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21198	492-K11CQ3		Bùi Thị Hoài	Vân	Nữ	28/12/1989				Khá	1270578	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21199	493-K11CQ3		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	14/07/1993				Khá	1270579	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21200	494-K10CQ2		Dương Xuân	Mão	Nam	23/11/1987				Trung bình	1270580	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21201	495-K10CQ2		Phạm Hoài	Nam	Nam	25/04/1990				Khá	1270581	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	334/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21202	970-K3TK9		Bùi Thị	Phương	Nữ	06/01/1989				Trung bình	1270598	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	337/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21203	971-K4TK1		Đỗ Thị	Nhung	Nữ	01/08/1987				Trung bình khá	1270599	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	338/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21204	972-K4TK1		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	06/05/1988				Trung bình khá	1270600	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	338/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 05 năm 2017	
21205	3592-K49N1		Trình Thị Ngọc	Anh	Nữ	10/01/1995				Khá	1509128	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21206	3593-K49N1		Hoàng Thị Kim	Oanh	Nữ	06/02/1995				Khá	1509129	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21207	3594-K49N2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	13/08/1995				Khá	1509130	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21208	3595-K49N2		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	19/12/1995				Khá	1509131	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21209	3596-K49N2		Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	Nữ	09/04/1995				Khá	1509132	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21210	3597-K49N3		Nghiêm Thị	Ngát	Nữ	06/05/1995				Khá	1509133	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21211	3598-K49N3		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	20/05/1995				Khá	1509134	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21212	3599-K49N3		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	05/05/1995				Khá	1509135	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21213	3600-K49N5		Vũ Thị	Mến	Nữ	28/08/1995				Trung bình	1509136	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21214	3601-K49N5		Phạm Thị	Phương	Nữ	20/05/1995				Khá	1509137	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21215	3602-K46N2		Hồ Thị Thùy	Dung	Nữ	13/12/1992				Trung bình	1509138	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21216	3603-K46N4		Võ Thị	Giới	Nữ	14/02/1992				Trung bình	1509139	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21217	3604-K48N2		Lữ Hoàng	Long	Nam	09/02/1994				Khá	1509140	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21218	3605-K48N2		Mai Hồng	Ngọc	Nữ	23/07/1994				Trung bình	1509141	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21219	3606-K48N3		Nguyễn Hải	Duy	Nam	24/05/1994				Trung bình	1509142	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21220	3607-K48N4		Bùi Văn	Thắng	Nam	24/05/1994				Trung bình	1509143	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21221	3608-K48N5		Nguyễn Kiều	Linh	Nữ	24/10/1993				Trung bình	1509144	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21222	3609-K48N6		Đỗ Diệu	Hoa	Nữ	29/09/1994				Trung bình	1509145	2017	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT 29/09/17	
21223	3523-K49H1		Ngô Việt	Anh	Nam	24/12/1994				Khá	1509059	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21224	3524-K49H2		Trần Ngọc	Cảnh	Nam	24/08/1992				Trung bình	1509060	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21225	3525-K49H2		Hồ Thị Mai	Cúc	Nữ	01/08/1995				Khá	1509061	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21226	3526-K49H2		Nguyễn Thị	Huê	Nữ	30/08/1995				Trung bình	1509062	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21227	3527-K49H2		Bùi Thị Linh	Trang	Nữ	23/02/1995				Khá	1509063	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21228	3528-K49H3		Ninh Thị	Dịu	Nữ	12/07/1995				Khá	1509064	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21229	3529-K49H3		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	19/08/1995				Khá	1509065	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21230	3530-K49H3		Phạm Bá	Thành	Nam	09/08/1994				Khá	1509066	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21231	3531-K49H3		Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	10/01/1995				Khá	1509067	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21232	3532-K49H4		Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	03/12/1995				Khá	1509068	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21233	3533-K49H4		Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	13/10/1995				Khá	1509069	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21234	3534-K49H4		Đinh Thị	Thương	Nữ	08/05/1995				Khá	1509070	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21235	3535-K49H5		Sỹ Mạnh	Cường	Nam	30/10/1995				Khá	1509071	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21236	3536-K49H5		Nguyễn Minh	Đức	Nam	01/02/1995				Khá	1509072	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21237	3537-K49H5		Đỗ Minh	Hải	Nam	12/10/1995				Khá	1509073	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21238	3538-K49H5		Bùi Thu	Hiền	Nữ	08/12/1995				Trung bình	1509074	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21239	3539-K49H5		Lê Trọng	Hiếu	Nam	24/10/1995				Khá	1509075	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21240	3540-K49H5		Lê Ngọc	Kỳ	Nam	13/08/1994				Khá	1509076	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21241	3541-K49H5		Trần Thị	Loan	Nữ	07/04/1995				Khá	1509077	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21242	3542-K49H5		Nguyễn Hữu	Sâm	Nam	15/09/1995				Trung bình	1509078	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21243	3543-K49H5		Phan Thùy	Trang	Nữ	12/08/1995				Khá	1509079	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21244	3544-K49H5		Lê Hải	Yến	Nữ	12/11/1995				Khá	1509080	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21245	3545-K49H6		Nguyễn Ngọc	Cương	Nam	04/03/1994				Khá	1509081	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21246	3546-K49H6		Ngô Duyên	Long	Nam	09/02/1995				Khá	1509082	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21247	3547-K49H6		Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	04/10/1995				Trung bình	1509083	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21248	3548-K49H6		Trần Thanh	Tùng	Nam	06/01/1995				Trung bình	1509084	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21249	3549-K49H6		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	26/11/1995				Khá	1509085	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21250	3550-K47H3		Ngô Văn	An	Nam	05/11/1993				Trung bình	1509086	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21251	3551-K47H4		Nguyễn Minh	Tuyên	Nam	30/06/1993				Trung bình	1509087	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21252	3552-K48H1		Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	16/12/1994				Trung bình	1509088	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21253	3553-K48H2		Hoàng Đức	Hải	Nam	08/08/1994				Trung bình	1509089	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21254	3554-K48H2		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	08/01/1994				Khá	1509090	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21255	3555-K48H3		Trần Thị Hoài	Thu	Nữ	20/12/1994				Khá	1509091	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21256	3556-K48H4		Ngô Ngọc	Hùng	Nam	24/05/1992				Trung bình	1509092	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21257	3557-K48H4		Trung Thị	Trà	Nữ	31/08/1994				Khá	1509093	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21258	3558-K17H_SB		Bùi Thị	Tuyết	Nữ	10/09/1993				Khá	1509094	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21259	3559-K18H_SB		Vũ Thị	Vân	Nữ	16/08/1994				Khá	1509095	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	664/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21260	3415-K49D1		Lê Tuấn	Anh	Nam	22/01/1995				Trung bình	1508951	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21261	3416-K49D1		Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	10/11/1995				Giỏi	1508952	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21262	3417-K49D2		Nông Thị	Nga	Nữ	17/06/1994				Trung bình	1508953	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21263	3418-K49D2		Nguyễn Thị Kim	Thương	Nữ	18/02/1995				Khá	1508954	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21264	3419-K49D3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	11/08/1995				Khá	1508955	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21265	3420-K49D3		Lưu Thị	Nga	Nữ	02/06/1995				Khá	1508956	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21266	3421-K49D3		Phạm Thị Ngọc	Phú	Nữ	20/10/1995				Trung bình	1508957	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21267	3422-K49D4		Bùi Trung	Đức	Nam	20/12/1995				Khá	1508958	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21268	3423-K49D6		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	11/08/1995				Khá	1508959	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21269	3424-K48D1		Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	05/03/1993				Trung bình	1508960	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21270	3425-K48D3		Lục Thị	Ngân	Nữ	08/12/1993				Trung bình	1508961	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21271	3426-K17D_SB		Trần Thị Mai	Chi	Nữ	15/12/1993				Khá	1508962	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21272	3427-K17D_SB		Nguyễn Hà	Giang	Nữ	17/12/1993				Khá	1508963	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21273	3428-K17D_SB		Mai Thị Thu	Hà	Nữ	18/12/1994				Khá	1508964	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21274	3429-K17D_SB		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	16/06/1994				Khá	1508965	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21275	3430-K17D_SB		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	25/09/1993				Trung bình	1508966	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21276	3431-K17D_SB		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	11/10/1994				Khá	1508967	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21277	3432-K17D_SB		Hà Thị	Hiền	Nữ	24/10/1994				Khá	1508968	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21278	3433-K17D_SB		Phạm Thị Thanh	Hiền	Nữ	05/10/1993				Trung bình	1508969	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21279	3434-K17D_SB		Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	18/09/1994				Khá	1508970	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21280	3435-K17D_SB		Đỗ Vũ Thu	Hường	Nữ	16/09/1994				Khá	1508971	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21281	3436-K17D_SB		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	20/04/1994				Khá	1508972	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21282	3437-K17D_SB		Đào Thị	Huyền	Nữ	17/09/1994				Khá	1508973	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21283	3438-K17D_SB		Đặng Thị Phương	Lan	Nữ	08/05/1994				Khá	1508974	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21284	3439-K17D_SB		Nguyễn Thị Hồng	Lê	Nữ	01/12/1994				Giỏi	1508975	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21285	3440-K17D_SB		Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	12/09/1994				Khá	1508976	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21286	3441-K17D_SB		Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	02/11/1994				Khá	1508977	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21287	3442-K17D_SB		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	03/11/1994				Khá	1508978	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21288	3443-K17D_SB		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	04/03/1994				Khá	1508979	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21289	3444-K17D_SB		Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	10/08/1994				Khá	1508980	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21290	3445-K17D_SB		Lê Hồng	Oanh	Nữ	29/03/1993				Khá	1508981	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21291	3446-K17D_SB		Hoàng Ngọc	Quyên	Nữ	19/01/1994				Khá	1508982	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21292	3447-K17D_SB		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	08/06/1993				Khá	1508983	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21293	3448-K17D_SB		Phạm Thị	Thảo	Nữ	12/04/1994				Khá	1508984	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21294	3449-K17D_SB		Trần Vũ Anh	Thế	Nam	19/07/1994				Trung bình	1508985	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21295	3450-K17D_SB		Đỗ Thị Hồng	Thu	Nữ	17/10/1994				Khá	1508986	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21296	3451-K17D_SB		Nguyễn Thị Hồng	Thúy	Nữ	02/07/1994				Khá	1508987	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21297	3452-K17D_SB		Lê Thị Thu	Trang	Nữ	09/08/1993				Khá	1508988	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21298	3453-K17D_SB		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	27/11/1994				Khá	1508989	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21299	3454-K17D_SB		Nguyễn Thị Hồng	Trang	Nữ	20/02/1993				Khá	1508990	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21300	3455-K17D_SB		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	10/03/1994				Khá	1508991	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21301	3456-K18D_SB		Trịnh Thị	Hạnh	Nữ	02/07/1993				Khá	1508992	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21302	3457-K18D_SB		Bùi Thị Hải	Hậu	Nữ	25/05/1994				Khá	1508993	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21303	3458-K18D_SB		Trần Thị	Hương	Nữ	10/02/1994				Khá	1508994	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21304	3459-K18D_SB		Phạm Văn	Khương	Nam	09/11/1993				Trung bình	1508995	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21305	3460-K18D_SB		Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	19/10/1994				Khá	1508996	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21306	3461-K18D_SB		Trần Thị Hồng	Ngát	Nữ	02/08/1994				Trung bình	1508997	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21307	3462-K18D_SB		Lã Quý	Phú	Nam	06/10/1993				Trung bình	1508998	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21308	3463-K18D_SB		Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	20/08/1994				Khá	1508999	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21309	3464-K18D_SB		Vương Thị	Thảo	Nữ	10/07/1994				Khá	1509000	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21310	3465-K18D_SB		Nguyễn Thị Minh	Thục	Nữ	16/07/1994				Khá	1509001	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21311	3466-K18D_SB		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	10/05/1993				Trung bình	1509002	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21312	3467-K19D_SB		Hoàng Thị	Nhài	Nữ	18/02/1994				Khá	1509003	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21313	3468-K49F1		Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	10/10/1995				Trung bình	1509004	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21314	3469-K49F1		Nguyễn Thị	Nhật	Nữ	23/10/1995				Khá	1509005	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21315	3470-K49F1		Dương Thị Huệ	Phương	Nữ	08/11/1995				Khá	1509006	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21316	3471-K49F1		Vũ Thị Minh	Thúy	Nữ	05/06/1995				Khá	1509007	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21317	3472-K49F1		Phạm Thị	Vân	Nữ	10/03/1995				Trung bình	1509008	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21318	3473-K49F2		Nguyễn Thúy	Anh	Nữ	26/10/1995				Khá	1509009	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21319	3474-K49F2		Đinh Thị Thúy	Chinh	Nữ	27/08/1994				Trung bình	1509010	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21320	3475-K49F2		Vũ Đức	Đinh	Nam	23/04/1995				Khá	1509011	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21321	3476-K49F2		Lại Phương	Hoa	Nữ	11/12/1995				Khá	1509012	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21322	3477-K49F2		Mai Thị	Hoạt	Nữ	09/10/1994				Trung bình	1509013	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21323	3478-K49F2		Chu Thị Thúy	Nga	Nữ	14/10/1995				Khá	1509014	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21324	3479-K49F2		Lương Thị	Thùy	Nữ	13/03/1994				Khá	1509015	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21325	3480-K49F3		Lê Thị Ngọc	Dạ	Nữ	15/07/1995				Giỏi	1509016	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21326	3481-K49F3		Trần Thị Hồng	Dịu	Nữ	04/02/1995				Trung bình	1509017	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21327	3482-K49F3		Thân Văn	Đông	Nam	08/11/1995				Khá	1509018	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21328	3483-K49F3		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	04/01/1995				Trung bình	1509019	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21329	3484-K49F3		Trịnh Thị	Hồng	Nữ	12/09/1994				Khá	1509020	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21330	3485-K49F3		Nguyễn Hải	Nam	Nam	23/10/1995				Khá	1509021	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21331	3486-K49F3		Nguyễn Thị Đỗ	Quyên	Nữ	12/10/1995				Khá	1509022	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21332	3487-K49F3		Phí Đình	Thắng	Nam	01/06/1995				Khá	1509023	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21333	3488-K49F3		Lãnh Kim	Thi	Nữ	11/08/1995				Khá	1509024	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21334	3489-K49F3		Lưu Thu	Trang	Nữ	25/11/1995				Khá	1509025	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21335	3490-K49F4		Phạm Thị	Diên	Nữ	05/08/1995				Trung bình	1509026	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21336	3491-K49F4		Trần Thị	Liên	Nữ	01/02/1995				Khá	1509027	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21337	3492-K49F4		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	16/08/1995				Khá	1509028	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21338	3493-K49F4		Đinh Thị	Phượng	Nữ	17/02/1995				Khá	1509029	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21339	3494-K49F4		Lê Thị	Thảo	Nữ	30/08/1995				Khá	1509030	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21340	3495-K49F5		Nguyễn Thị Thúy	Hường	Nữ	09/08/1995				Khá	1509031	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21341	3496-K49F5		Vũ Thị	Huyền	Nữ	10/02/1995				Khá	1509032	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21342	3497-K49F5		Phạm Duy	Mạnh	Nam	04/08/1995				Khá	1509033	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21343	3498-K49F5		Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	24/07/1995				Khá	1509034	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21344	3499-K49F5		Vũ Thị	Thúy	Nữ	24/10/1995				Trung bình	1509035	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21345	3500-K49F6		Nguyễn Thị Trung	Anh	Nữ	04/10/1995				Trung bình	1509036	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21346	3501-K49F6		Nguyễn Lê Thùy	Dung	Nữ	25/09/1995				Khá	1509037	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21347	3502-K49F6		Lê Phụng	Dương	Nam	08/03/1995				Trung bình	1509038	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21348	3503-K49F6		Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	09/10/1995				Khá	1509039	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21349	3504-K49F6		Nguyễn Ngọc	Hà	Nam	23/02/1995				Trung bình	1509040	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21350	3505-K49F6		Lưu Thị	Lan	Nữ	21/03/1995				Khá	1509041	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21351	3506-K49F6		Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	17/05/1995				Khá	1509042	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21352	3507-K49F6		Phạm Thị Bích	Loan	Nữ	05/02/1995				Khá	1509043	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21353	3508-K49F6		Hoàng Ninh	Sơn	Nam	10/02/1995				Trung bình	1509044	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21354	3509-K49F6		Hoàng Văn	Thành	Nam	08/01/1995				Khá	1509045	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21355	3510-K49F6		Dương Thu	Thảo	Nữ	19/11/1995				Khá	1509046	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21356	3511-K49F6		Vũ Thu	Thảo	Nữ	21/10/1995				Khá	1509047	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21357	3512-K49F6		Nguyễn Thị Mai	Thơ	Nữ	02/05/1995				Trung bình	1509048	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21358	3513-K49F6		Đặng Thị	Thư	Nữ	01/04/1995				Khá	1509049	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21359	3514-K49F6		Đặng Ngọc	Thùy	Nữ	15/09/1995				Khá	1509050	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21360	3515-K44F4		Nguyễn Trọng	Đại	Nam	17/12/1990				Trung bình	1509051	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21361	3516-K46F3		Mai Thị	Hằng	Nữ	29/07/1992				Trung bình	1509052	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21362	3517-K47F3		Lý Văn	Huy	Nam	20/10/1992				Trung bình	1509053	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21363	3518-K48F1		Bùi Thị Vân	Anh	Nữ	11/12/1994				Trung bình	1509054	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21364	3519-K48F1		Bùi Trọng	Thiện	Nam	29/03/1994				Trung bình	1509055	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21365	3520-K48F3		Cao Tiến	Hưng	Nam	29/06/1994				Trung bình	1509056	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21366	3521-K48F5		Mai Quốc	Đại	Nam	29/04/1994				Trung bình	1509057	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21367	3522-K48F5		Nguyễn Hữu	Lực	Nam	27/06/1994				Trung bình	1509058	2017	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21368	3317-K49A1		Mai Thùy	Dương	Nữ	26/08/1994				Khá	1508853	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21369	3318-K49A1		Phan Ngọc	Hoan	Nam	02/08/1995				Trung bình	1508854	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21370	3319-K49A1		Nguyễn Xuân	Trung	Nam	11/12/1995				Khá	1508855	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21371	3320-K49A1		Nghiêm Thị Cẩm	Vân	Nữ	26/03/1995				Khá	1508856	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21372	3321-K49A2		Doãn Thị	Liên	Nữ	08/07/1995				Khá	1508857	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21373	3322-K49A2		Lê Thị	May	Nữ	19/10/1995				Khá	1508858	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21374	3323-K49A2		Đỗ Thị	Nga	Nữ	17/12/1995				Trung bình	1508859	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21375	3324-K49A2		Lương Mạnh	Thắng	Nam	08/02/1995				Khá	1508860	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21376	3325-K49A2		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	05/04/1995				Khá	1508861	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21377	3326-K49A3		Trần Trọng	Chương	Nam	04/07/1995				Khá	1508862	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21378	3327-K49A3		Đặng Thị	Huệ	Nữ	22/01/1995				Khá	1508863	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21379	3328-K49A3		Trang Thị Hằng	Nga	Nữ	04/09/1994				Giỏi	1508864	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21380	3329-K49A3		Vũ Anh	Tuấn	Nam	19/06/1995				Khá	1508865	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21381	3330-K49A3		Hoàng Thị	Uyên	Nữ	28/08/1995				Khá	1508866	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21382	3331-K49A4		Mẫn Mạnh	Đình	Nam	08/06/1995				Khá	1508867	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21383	3332-K49A4		Vương Đình	Hiệp	Nam	22/08/1994				Khá	1508868	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21384	3333-K49A5		Hoàng Xuân	Hinh	Nam	29/07/1995				Trung bình	1508869	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21385	3334-K48A3		Vũ Văn	Trung	Nam	12/10/1993				Trung bình	1508870	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21386	3335-K48QA		Vũ Phạm	Toàn	Nam	27/06/1994				Khá	1508871	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21387	3336-K49K1		Lê Thị	Hiên	Nữ	15/07/1995				Trung bình	1508872	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21388	3337-K49K1		Vũ Thị	Hương	Nữ	01/03/1995				Trung bình	1508873	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21389	3338-K49K1		Lê Thị	Lành	Nữ	02/04/1995				Khá	1508874	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21390	3339-K49K1		Nguyễn Duy	Nam	Nam	25/09/1995				Khá	1508875	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21391	3340-K49K1		Lại Thị	Ngát	Nữ	26/05/1995				Khá	1508876	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21392	3341-K49K1		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	27/03/1995				Khá	1508877	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21393	3342-K49K2		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	15/12/1995				Khá	1508878	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21394	3343-K49K2		Phạm Thị	Lý	Nữ	20/08/1995				Khá	1508879	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21395	3344-K49K2		Trần Xuân	Tiến	Nam	21/12/1995				Khá	1508880	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21396	3345-K49K2		Bùi Xuân	Vũ	Nam	10/11/1995				Trung bình	1508881	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21397	3346-K49K3		Ngô Thị	Dung	Nữ	20/10/1995				Khá	1508882	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21398	3347-K49K3		Đặng Thanh	Giang	Nam	15/02/1995				Khá	1508883	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21399	3348-K49K3		Nguyễn Thị Xuân	Hương	Nữ	07/01/1995				Giỏi	1508884	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21400	3349-K49K3		Dương Viết	Quảng	Nam	02/10/1995				Khá	1508885	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21401	3350-K49K4		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	28/08/1995				Giỏi	1508886	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21402	3351-K49K4		Vũ Thị Minh	Huệ	Nữ	15/10/1995				Giỏi	1508887	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21403	3352-K49K4		Trần Duy	Khánh	Nam	10/09/1995				Khá	1508888	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21404	3353-K49K4		Lê Thị Kiều	Nga	Nữ	11/02/1995				Khá	1508889	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21405	3354-K49K4		Tô Thị Yến	Nhi	Nữ	07/12/1995				Giỏi	1508890	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21406	3355-K49K4		Phạm Minh	Tình	Nam	05/08/1995				Khá	1508891	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21407	3356-K49K4		Lê Thị Thiên	Trang	Nữ	05/05/1995				Khá	1508892	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21408	3357-K49K4		Nguyễn Thị Tú	Trang	Nữ	16/04/1995				Khá	1508893	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21409	3358-K49K5		Đặng Xuân	Hải	Nam	05/07/1995				Khá	1508894	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21410	3359-K49K5		Nguyễn Quang	Huy	Nam	24/08/1995				Khá	1508895	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21411	3360-K49K5		Trịnh Khánh	Linh	Nữ	25/01/1995				Khá	1508896	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21412	3361-K49K5		Phan Thị	Xinh	Nữ	05/04/1994				Khá	1508897	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21413	3362-K49K6		Lưu Thị Thanh	Hiền	Nữ	16/10/1995				Trung bình	1508898	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21414	3363-K49K6		Bùi Thị Hồng	Hường	Nữ	07/05/1995				Giỏi	1508899	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21415	3364-K49K6		Nguyễn Văn	Khoa	Nam	08/07/1995				Khá	1508900	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21416	3365-K49K6		Trần Thị	Thoa	Nữ	04/02/1995				Khá	1508901	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21417	3366-K49K6		Trần Xuân	Trường	Nam	10/12/1995				Khá	1508902	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21418	3367-K50K4		Trương Công	Hải	Nam	10/10/1994				Khá	1508903	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21419	3368-K48K1		Nguyễn Viết	Hưng	Nam	14/03/1994				Trung bình	1508904	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21420	3369-K48K2		Nguyễn Duy	Sơn	Nam	25/11/1994				Khá	1508905	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21421	3370-K48K2		Đỗ Thế	Thạch	Nam	09/08/1994				Trung bình	1508906	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21422	3371-K46B1		Trần Thị	Đào	Nữ	11/06/1992				Khá	1508907	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21423	3372-K48B1		Quảng Trung	Hiếu	Nam	10/08/1994				Khá	1508908	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21424	3373-K48B5		Nguyễn Phúc	An	Nam	22/03/1994				Trung bình	1508909	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21425	3374-K47C2		Nguyễn Diệu	Anh	Nữ	24/03/1993				Khá	1508910	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21426	3375-K47C4		Nguyễn Bá	Tường	Nam	01/02/1993				Trung bình	1508911	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21427	3376-K46E5		Lê Ngọc	Khuê	Nam	08/07/1992				Trung bình	1508912	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Thương mại quốc tế	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21428	3377-K49I1		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	08/03/1995				Trung bình	1508913	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21429	3378-K49I1		Phạm Ngọc	Duy	Nam	12/05/1995				Khá	1508914	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21430	3379-K49I1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	25/04/1995				Khá	1508915	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21431	3380-K49I1		Vũ Thị	Mừng	Nữ	06/09/1995				Khá	1508916	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21432	3381-K49I1		Trần Thị	Nhiên	Nữ	13/11/1995				Trung bình	1508917	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21433	3382-K49I1		Lê Thị	Trang	Nữ	27/04/1994				Trung bình	1508918	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21434	3383-K49I2		Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	18/06/1994				Khá	1508919	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21435	3384-K49I2		Vũ Trọng	Quyền	Nam	14/09/1995				Trung bình	1508920	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21436	3385-K49I2		Lê Văn	Sơn	Nam	09/09/1995				Khá	1508921	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21437	3386-K49I3		Chu Ngọc	Sơn	Nam	02/02/1994				Trung bình	1508922	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21438	3387-K49I4		Trần Thị Mĩ	Duyên	Nữ	05/06/1995				Khá	1508923	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21439	3388-K49I4		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	21/01/1995				Khá	1508924	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21440	3389-K49I5		Dương Thị	Hiền	Nữ	18/03/1995				Trung bình	1508925	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21441	3390-K49I5		Bùi Thị	Loan	Nữ	25/08/1995				Khá	1508926	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21442	3391-K49I5		Đặng Cẩm	Nhi	Nữ	21/09/1995				Khá	1508927	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21443	3392-K49I5		Vũ Thị	Trang	Nữ	07/01/1995				Khá	1508928	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21444	3393-K49I6		Lê Tiến	Hùng	Nam	30/10/1995				Trung bình	1508929	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21445	3394-K49I6		Bùi Trọng	Hướng	Nam	28/07/1994				Trung bình	1508930	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21446	3395-K49I6		Ong Gia	Linh	Nữ	14/09/1995				Khá	1508931	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21447	3396-K46I5		Trần Hoàng	Tú	Nam	22/07/1992				Trung bình	1508932	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21448	3397-K48I1		Vũ Thị	Hà	Nữ	21/09/1993				Trung bình	1508933	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21449	3398-K48I1		Nguyễn Hồng	Lân	Nam	03/05/1993				Trung bình	1508934	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21450	3399-K48I3		Vương Văn	Tú	Nam	15/11/1994				Trung bình	1508935	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21451	3400-K48I4		Nguyễn Đăng	Thao	Nam	24/12/1994				Trung bình	1508936	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21452	3401-K48I5		Phạm Văn	Khu	Nam	03/02/1990				Trung bình	1508937	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21453	3402-K48I5		Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	30/11/1994				Khá	1508938	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21454	3403-K47P3		Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	16/05/1993				Trung bình	1508939	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21455	3404-K47P4		Trần Đình	Hiếu	Nam	18/12/1993				Khá	1508940	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21456	3405-K48T2		Lê Thị	Duyên	Nữ	08/08/1994				Trung bình	1508941	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21457	3406-K48T3		Trần Việt	Dũng	Nam	08/02/1994				Trung bình	1508942	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21458	3407-K48T3		Hoàng Tuấn	Hiếu	Nam	17/10/1993				Trung bình	1508943	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21459	3408-K48T3		Phan Huy	Phú	Nam	11/04/1993				Khá	1508944	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21460	3409-K48T3		Hoàng Trung	Sơn	Nam	25/12/1993				Trung bình	1508945	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21461	3410-K48T4		Nguyễn Tùng	Linh	Nam	05/12/1994				Khá	1508946	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21462	3411-K49Q		Trần Thị Khánh	Hòa	Nữ	13/03/1995				Giỏi	1508947	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21463	3412-K49Q		Đặng Thị	Hương	Nữ	01/06/1995				Giỏi	1508948	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21464	3413-K49Q		Vũ Thị	Minh	Nữ	01/02/1994				Khá	1508949	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21465	3414-K49Q		Trần Đức	Trung	Nam	17/01/1995				Khá	1508950	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	653/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21466	3664-K49P1		Đinh Thị Mai	Anh	Nữ	07/10/1995				Khá	1509200	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21467	3665-K49P1		Lê Thị	Dung	Nữ	14/02/1992				Khá	1509201	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21468	3666-K49P2		Phạm Thị Minh	Nga	Nữ	05/09/1995				Khá	1509202	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21469	3667-K49P2		Phạm Hồng	Ngọc	Nữ	26/01/1995				Khá	1509203	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21470	3668-K49P3		Trần Thanh	Hoàn	Nam	12/07/1995				Khá	1509204	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21471	3669-K49P3		Chu Thu	Hương	Nữ	25/10/1995				Khá	1509205	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21472	3670-K49P3		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	19/09/1995				Khá	1509206	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21473	3671-K49P3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	18/09/1995				Khá	1509207	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21474	3672-K49P3		Nguyễn Thị Thảo	Linh	Nữ	25/09/1995				Khá	1509208	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21475	3673-K49P4		Vũ Hoàng	Hải	Nam	07/04/1995				Khá	1509209	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21476	3674-K49P4		Trịnh Hồng	Lam	Nữ	14/03/1995				Khá	1509210	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21477	3675-K49P4		Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	14/06/1995				Khá	1509211	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21478	3676-K49P4		Trần Trọng Anh	Sơn	Nam	12/04/1995				Trung bình	1509212	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21479	3677-K48P4		Nguyễn Duy	Anh	Nam	12/06/1994				Trung bình	1509213	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21480	3678-K17P_SB		Vũ Thị	Loan	Nữ	09/01/1993				Giỏi	1509214	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21481	3679-K17P_SB		Chu Ngọc Hải	Vũ	Nam	20/04/1993				Trung bình	1509215	2017	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	658/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21482	3634-K49C2		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	17/01/1995				Khá	1509170	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21483	3635-K49C3		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	10/07/1995				Khá	1509171	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21484	3636-K49C3		Đặng Thùy	Linh	Nữ	02/02/1995				Khá	1509172	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21485	3637-K49C3		Phan Thị	Loan	Nữ	02/10/1995				Khá	1509173	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21486	3638-K49C3		Đỗ Thị	Tươi	Nữ	09/01/1995				Giỏi	1509174	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21487	3639-K49C5		Trịnh Thị	Tuyến	Nữ	17/01/1995				Khá	1509175	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21488	3640-K48C2		Dương Thị	Thúy	Nữ	12/05/1994				Trung bình	1509176	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21489	3641-K49T1		Nguyễn Danh	An	Nam	26/03/1995				Trung bình	1509177	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21490	3642-K49T1		Trần Thị	Na	Nữ	27/05/1995				Trung bình	1509178	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21491	3643-K49T1		Vũ Hồng	Phúc	Nam	18/01/1995				Giỏi	1509179	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21492	3644-K49T1		Nguyễn Thế	Triệu	Nam	11/08/1995				Khá	1509180	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21493	3645-K49T2		Đoàn Thị	Huyền	Nữ	01/12/1995				Khá	1509181	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21494	3646-K49T2		Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	12/11/1995				Khá	1509182	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21495	3647-K49T3		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	07/01/1995				Trung bình	1509183	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21496	3648-K49T3		Đinh Tùng	Dương	Nam	31/10/1994				Trung bình	1509184	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21497	3649-K49T3		Hồ Anh	Thắng	Nam	09/03/1995				Trung bình	1509185	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21498	3650-K49T3		Hoàng Khánh	Vy	Nữ	25/05/1993				Khá	1509186	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21499	3651-K49T4		Nguyễn Công	Vụ	Nam	01/01/1995				Trung bình	1509187	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21500	3652-K49T5		Phạm Thị	Hoan	Nữ	22/03/1995				Khá	1509188	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21501	3653-K49T5		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	07/05/1995				Khá	1509189	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21502	3654-K49T5		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	01/04/1995				Trung bình	1509190	2017	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21503	3655-K18C_SB		Lê Huy	Hiệu	Nam	01/10/1994				Khá	1509191	2017	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	657/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21504	3616-K49B1LH		Ngô Thanh	Hường	Nữ	10/06/1995				Khá	1509152	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21505	3617-K49B1LH		Đoàn Thị	Thúy	Nữ	17/01/1995				Khá	1509153	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21506	3618-K49B2LH		Trần Quỳnh	Chi	Nữ	12/07/1995				Khá	1509154	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21507	3619-K49B2LH		Nguyễn Thị Cẩm	Hương	Nữ	07/09/1995				Khá	1509155	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21508	3620-K49B2LH		Phùng Ngọc	Linh	Nữ	04/11/1995				Khá	1509156	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21509	3621-K49B2LH		Đỗ Thái	Sơn	Nam	25/01/1995				Khá	1509157	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21510	3622-K49B2LH		Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	23/07/1995				Khá	1509158	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21511	3623-K49B3LH		Bá Thị	Phượng	Nữ	29/12/1995				Khá	1509159	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21512	3624-K49B4LH		Ngô Thị Linh	Chi	Nữ	10/10/1995				Khá	1509160	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21513	3625-K49B4LH		Vũ Thùy	Dung	Nữ	18/05/1995				Khá	1509161	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21514	3626-K49B4LH		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	12/01/1995				Khá	1509162	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21515	3627-K49B4LH		Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	10/02/1995				Khá	1509163	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21516	3628-K49B4LH		Nguyễn Thị Thu	Ninh	Nữ	17/03/1995				Khá	1509164	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21517	3629-K49B4LH		Phạm Thị Thanh	Trang	Nữ	18/11/1995				Khá	1509165	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21518	3630-K49B5LH		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	12/09/1995				Khá	1509166	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21519	3631-K49B5LH		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	24/02/1994				Khá	1509167	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21520	3632-K49B5LH		Lê Phương	Thúy	Nữ	03/02/1995				Khá	1509168	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21521	3633-K49B5LH		Tô Phương	Anh	Nữ	04/10/1995				Khá	1509169	2017	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	655/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21522	3610-K49B1KS		Ngô Duy	Anh	Nam	15/10/1995				Khá	1509146	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	654/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21523	3611-K49B1KS		Trần Văn	Cường	Nam	01/11/1995				Khá	1509147	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	654/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21524	3612-K49B1KS		Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	20/11/1995				Khá	1509148	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	654/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21525	3613-K49B2KS		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	17/03/1994				Khá	1509149	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	654/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21526	3614-K49B3KS		Nguyễn Đức	Anh	Nam	01/09/1995				Khá	1509150	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	654/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21527	3615-K49B3KS		Lê Ngọc	Thịnh	Nam	08/01/1995				Khá	1509151	2017	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	654/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21528	3656-K49E1		Phan Thùy	Linh	Nữ	19/07/1995				Giỏi	1509192	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	656/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21529	3657-K49E1		SAPHAOTHONG	Soukhy	Nam	23/05/1993				Trung bình	1509193	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	656/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21530	3658-K49E3		Triệu Khánh	Vy	Nữ	28/01/1995				Trung bình	1509194	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	656/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21531	3659-K49E4		Đinh Thị	Hằng	Nữ	20/05/1995				Khá	1509195	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	656/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21532	3660-K49E5		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	29/12/1995				Khá	1509196	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	656/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21533	3661-K49E5		Lê Thị	Hạnh	Nữ	13/07/1995				Trung bình	1509197	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	656/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21534	3662-K49E5		Đỗ Thị	Phương	Nữ	05/02/1995				Trung bình	1509198	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	656/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21535	3663-K48E1		Phạm Thị Minh	Hà	Nữ	11/07/1994				Khá	1509199	2017	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	656/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21536	3680-K49U1		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	26/07/1995				Khá	1509216	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21537	3681-K49U1		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	01/01/1995				Khá	1509217	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21538	3682-K49U1		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	07/02/1995				Khá	1509218	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21539	3683-K49U1		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	16/06/1995				Khá	1509219	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21540	3684-K49U1		Trần Thị	Quỳnh	Nữ	10/09/1995				Khá	1509220	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21541	3685-K49U1		Nguyễn Thị Kim	Thanh	Nữ	21/03/1995				Khá	1509221	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21542	3686-K49U1		Nguyễn Thị	Thành	Nữ	27/01/1995				Khá	1509222	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21543	3687-K49U1		Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	01/12/1995				Trung bình	1509223	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21544	3688-K49U2		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	10/09/1995				Khá	1509224	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21545	3689-K49U2		Đào Thị Ngọc	ánh	Nữ	10/11/1995				Khá	1509225	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21546	3690-K49U2		Phạm Thị	Cúc	Nữ	06/02/1995				Khá	1509226	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21547	3691-K49U2		Đinh Thị	Dung	Nữ	09/10/1995				Khá	1509227	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21548	3692-K49U2		Đặng Thị	Giang	Nữ	01/12/1995				Khá	1509228	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21549	3693-K49U2		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	27/09/1995				Khá	1509229	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21550	3694-K49U2		Nguyễn Thị Vân	Vân	Nữ	17/02/1995				Khá	1509230	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21551	3695-K49U3		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	02/05/1995				Khá	1509231	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21552	3696-K49U3		Đặng Thị	Cúc	Nữ	24/10/1995				Khá	1509232	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21553	3697-K49U4		Nguyễn Huyền	Anh	Nữ	18/07/1995				Khá	1509233	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21554	3698-K49U4		Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	10/02/1994				Khá	1509234	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21555	3699-K49U4		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	09/06/1995				Khá	1509235	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21556	3700-K49U4		Hoàng Thị	Thảo	Nữ	12/05/1995				Khá	1509236	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21557	3701-K49U4		Đỗ Quang	Vinh	Nam	02/09/1995				Khá	1509237	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21558	3702-K49U5		Vũ Kim	An	Nữ	28/05/1994				Khá	1509238	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21559	3703-K49U5		Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	25/01/1995				Khá	1509239	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21560	3704-K49U5		Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	05/02/1995				Khá	1509240	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21561	3705-K49U5		Đinh Khánh	Ly	Nữ	26/06/1995				Khá	1509241	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21562	3706-K49U6		Chung Thị Vân	Anh	Nữ	19/02/1994				Khá	1509242	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21563	3707-K49U6		Hoàng Thị Ngọc	Anh	Nữ	12/06/1995				Khá	1509243	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21564	3708-K49U6		Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	14/08/1995				Khá	1509244	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21565	3709-K49U6		Dương Thùy	Linh	Nữ	20/10/1995				Khá	1509245	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21566	3710-K49U6		Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	14/08/1995				Khá	1509246	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21567	3711-K49U6		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	30/05/1995				Khá	1509247	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21568	3712-K49U6		Nguyễn Khắc	Tuấn	Nam	21/02/1995				Trung bình	1509248	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21569	3713-K49U7		Triệu Thị Thu	Hoàn	Nữ	10/02/1995				Khá	1509249	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21570	3714-K49U7		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	09/01/1995				Khá	1509250	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21571	3715-K49U7		Đỗ Thanh	Huyền	Nữ	03/12/1995				Khá	1509251	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21572	3716-K49U7		Phan Thị	Kiều	Nữ	31/05/1995				Khá	1509252	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21573	3717-K49U7		Trần Thị Hà	My	Nữ	26/04/1995				Khá	1509253	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21574	3718-K49U7		Lê Thị	Phú	Nữ	15/10/1994				Khá	1509254	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21575	3719-K49U7		Bùi Thị	Phượng	Nữ	28/06/1995				Khá	1509255	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21576	3720-K49U7		Bùi Thị Kim	Thoa	Nữ	13/03/1994				Khá	1509256	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21577	3721-K49U7		Phạm Thị	Thương	Nữ	16/10/1995				Khá	1509257	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21578	3722-K49U7		Phạm Thị	Thúy	Nữ	02/06/1995				Khá	1509258	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21579	3723-K48U1		Lê Văn	Hải	Nam	21/11/1994				Trung bình	1509259	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21580	3724-K48U2		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	01/06/1994				Trung bình	1509260	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21581	3725-K48U2		Nguyễn Trung	Đức	Nam	11/09/1994				Khá	1509261	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21582	3726-K48U2		Nguyễn Duy	Phước	Nam	28/10/1994				Trung bình	1509262	2017	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21583	3560-K49S1		Đặng Thị	Hồng	Nữ	26/05/1995				Khá	1509096	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21584	3561-K49S1		Vương Sỹ	Thành	Nam	06/12/1994				Khá	1509097	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21585	3562-K49S2		Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	22/07/1995				Khá	1509098	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21586	3563-K49S2		Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	10/07/1995				Khá	1509099	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21587	3564-K49S3		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	02/05/1995				Khá	1509100	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21588	3565-K49S3		Trần Thanh	Hoa	Nữ	15/04/1995				Trung bình	1509101	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21589	3566-K49S3		Đoàn Thị	Hương	Nữ	22/09/1995				Trung bình	1509102	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21590	3567-K49S3		Phạm Thị	Mai	Nữ	10/03/1995				Khá	1509103	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21591	3568-K49S3		Vũ Thị	Thương	Nữ	11/03/1995				Trung bình	1509104	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21592	3569-K49S3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	02/05/1994				Khá	1509105	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21593	3570-K49S4		Trần Hải	Đăng	Nam	01/10/1995				Khá	1509106	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21594	3571-K49S4		Phạm Thị	My	Nữ	15/01/1995				Trung bình	1509107	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21595	3572-K49S4		Hoàng Thị	Trang	Nữ	20/02/1995				Khá	1509108	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21596	3573-K49S4		Tạ Thị	Yến	Nữ	15/09/1994				Khá	1509109	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21597	3574-K49S5		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	05/12/1994				Khá	1509110	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21598	3575-K49S5		Đào Thị	Hồng	Nữ	13/03/1995				Khá	1509111	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21599	3576-K49S5		Đinh Quang	Minh	Nam	17/10/1995				Khá	1509112	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21600	3577-K49S5		Đoàn Thị	Sen	Nữ	19/03/1995				Trung bình	1509113	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21601	3578-K49S5		Nguyễn Văn	Trường	Nam	22/11/1993				Trung bình	1509114	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21602	3579-K49S5		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	13/10/1994				Khá	1509115	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21603	3580-K47S1		Hoàng	Thanh	Nam	24/04/1993				Trung bình	1509116	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21604	3581-K48S1		Lê Anh	Sơn	Nam	23/02/1994				Khá	1509117	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21605	3582-K48S2		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	16/08/1994				Trung bình	1509118	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21606	3583-K48S2		Đàm Quang	Ngọc	Nam	14/04/1994				Trung bình	1509119	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21607	3584-K48S2		Trương Thị Thanh	Nhàn	Nữ	27/11/1994				Trung bình	1509120	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21608	3585-K48S2		Lê Nhật	Quang	Nam	22/11/1994				Trung bình	1509121	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21609	3586-K48S2		Ngô Xuân	Tiến	Nam	27/01/1994				Khá	1509122	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21610	3587-K48S2		Lê Hải	Trung	Nam	10/03/1994				Trung bình	1509123	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21611	3588-K48S3		Kim Văn	Huỳnh	Nam	09/01/1994				Trung bình	1509124	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21612	3589-K48S3		Huỳnh Thị	Phương	Nữ	24/01/1994				Trung bình	1509125	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21613	3590-K48S3		Vũ Thu	Trang	Nữ	07/04/1994				Khá	1509126	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21614	3591-K48S4		Phạm Thành	Đạt	Nam	11/03/1994				Trung bình	1509127	2017	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	663/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 29/09/2017	
21615	973-K11CK5		Nguyễn Thúy	Hà	Nữ	16/08/1994				Khá	1501687	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21616	974-K11CK9		Đinh Thị Vân	Anh	Nữ	14/03/1991				Khá	1501688	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21617	975-K11CK9		Trần Thị	Anh	Nữ	06/10/1990				Khá	1501689	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21618	976-K11CK9		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	22/09/1991				Khá	1501690	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21619	977-K11CK9		Nguyễn Xuân	Chiến	Nam	18/10/1987				Khá	1501691	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21620	978-K11CK9		Nguyễn Thị Hồng	Cúc	Nữ	06/12/1991				Giỏi	1501692	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21621	979-K11CK9		Vũ Thị	Điệp	Nữ	15/09/1987				Khá	1501693	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21622	980-K11CK9		Trịnh Thị	Dung	Nữ	15/12/1992				Khá	1501694	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21623	981-K11CK9		Lưu Thị	Duyên	Nữ	19/05/1992				Khá	1501695	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21624	982-K11CK9		Bùi Thị Quỳnh	Giao	Nữ	30/03/1989				Khá	1501696	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21625	983-K11CK9		Ngô Thị Hải	Hà	Nữ	25/05/1990				Giỏi	1501750	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21626	984-K11CK9		Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	11/10/1982				Khá	1501698	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21627	985-K11CK9		Bùi Thị Thúy	Hằng	Nữ	27/05/1982				Khá	1501699	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21628	986-K11CK9		Chu Thị	Hằng	Nữ	14/09/1984				Khá	1501700	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21629	987-K11CK9		Đinh Thị Thu	Hằng	Nữ	25/01/1987				Khá	1501701	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21630	988-K11CK9		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	18/07/1984				Giỏi	1501702	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21631	989-K11CK9		Mai Thị Thu	Hằng	Nữ	13/12/1977				Giỏi	1501703	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21632	990-K11CK9		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	09/07/1993				Khá	1501704	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21633	991-K11CK9		Phan Thị	Hằng	Nữ	26/03/1993				Khá	1501705	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21634	992-K11CK9		Lê Thị	Hạnh	Nữ	20/10/1984				Khá	1501706	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21635	993-K11CK9		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	25/05/1993				Khá	1501707	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21636	994-K11CK9		Phạm Thị Hồng	Hạnh	Nữ	20/10/1992				Giỏi	1501708	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21637	995-K11CK9		Trần Thị	Hiệp	Nữ	26/07/1979				Khá	1501709	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21638	996-K11CK9		Dương Thúy	Hòa	Nữ	26/08/1987				Khá	1501710	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21639	997-K11CK9		Đinh Thị	Hoài	Nữ	15/01/1991				Giỏi	1501711	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21640	998-K11CK9		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	08/06/1984				Khá	1501712	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21641	999-K11CK9		Phạm Thị	Hồng	Nữ	01/05/1986				Giỏi	1501713	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21642	1000-K11CK9		Vũ Thị	Hồng	Nữ	13/02/1990				Khá	1501714	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21643	1001-K11CK9		Lê Thị	Huê	Nữ	16/10/1989				Khá	1501715	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21644	1002-K11CK9		Đỗ Thị	Huế	Nữ	04/05/1992				Giỏi	1501716	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21645	1003-K11CK9		Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	06/09/1993				Khá	1501717	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21646	1004-K11CK9		Trần Thị	Hương	Nữ	14/12/1986				Giỏi	1501718	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21647	1005-K11CK9		Phạm Thị	Hường	Nữ	01/10/1990				Khá	1501719	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21648	1006-K11CK9		Bùi Thị Thanh	Huyền	Nữ	28/11/1988				Giỏi	1501720	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21649	1007-K11CK9		Chu Thị Tuyết	Lan	Nữ	24/07/1984				Khá	1501721	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21650	1008-K11CK9		Đào Thị	Linh	Nữ	06/12/1985				Khá	1501722	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21651	1009-K11CK9		Đỗ Thị Phương	Linh	Nữ	12/08/1991				Trung bình	1501723	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21652	1010-K11CK9		Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	01/01/1993				Khá	1501724	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21653	1011-K11CK9		Trần Thị Khánh	Ly	Nữ	25/04/1992				Khá	1501725	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21654	1012-K11CK9		Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	04/02/1993				Khá	1501726	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21655	1013-K11CK9		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	21/08/1993				Giỏi	1501727	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21656	1014-K11CK9		Trần Thị	Nhung	Nữ	09/08/1988				Khá	1501728	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21657	1015-K11CK9		Ngô Thị Thu	Phương	Nữ	09/10/1990				Giỏi	1501729	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21658	1016-K11CK9		Nguyễn Hà	Phương	Nữ	27/10/1992				Khá	1501730	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21659	1017-K11CK9		Hà Thị Anh	Phượng	Nữ	11/07/1992				Khá	1501731	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21660	1018-K11CK9		Đặng Thị	Quyên	Nữ	15/07/1989				Khá	1501732	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21661	1019-K11CK9		Đinh Trúc	Quỳnh	Nữ	07/07/1993				Khá	1501733	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21662	1020-K11CK9		Đinh Thị	Sen	Nữ	12/11/1982				Khá	1501734	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21663	1021-K11CK9		Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	13/10/1991				Khá	1501735	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21664	1022-K11CK9		Chu Ngọc	Thắng	Nam	17/04/1992				Khá	1501736	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21665	1023-K11CK9		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	28/12/1992				Khá	1501737	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21666	1024-K11CK9		Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	12/10/1992				Khá	1501738	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21667	1025-K11CK9		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	03/05/1990				Khá	1501739	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21668	1026-K11CK9		Đào Diệu	Thùy	Nữ	20/09/1992				Khá	1501740	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21669	1027-K11CK9		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01/09/1989				Giỏi	1501741	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21670	1028-K11CK9		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	31/05/1988				Khá	1501742	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21671	1029-K11CK9		Nguyễn Thị	Thuyết	Nữ	18/07/1991				Khá	1501743	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21672	1030-K11CK9		Đinh Thị	Tuyết	Nữ	10/11/1980				Khá	1501744	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21673	1031-K11CK9		Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	22/10/1980				Giỏi	1501745	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21674	1032-K11CK9		Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	06/10/1993				Khá	1501746	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21675	1033-K11CK9		Quyền Thị	Yến	Nữ	06/11/1986				Khá	1501747	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	583/QĐ-ĐHTM ngày 07 tháng 09 năm 2017	
21676	1034-K11CK10		Cao Thị Yến	Anh	Nữ	13/06/1991				Trung bình	1501751	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21677	1035-K11CK10		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	23/11/1991				Khá	1501752	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21678	1036-K11CK10		Trần Thị	Bích	Nữ	01/11/1990				Khá	1501753	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21679	1037-K11CK10		Trịnh Thị	Chinh	Nữ	21/12/1994				Khá	1502387	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21680	1038-K11CK10		Nguyễn Thị	Đào	Nữ	18/04/1992				Trung bình	1501754	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21681	1039-K11CK10		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	19/10/1992				Khá	1501755	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21682	1040-K11CK10		Dương Thị Hồng	Giang	Nữ	05/12/1994				Khá	1501756	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21683	1041-K11CK10		Lê Thị	Hà	Nữ	08/02/1994				Khá	1501757	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21684	1042-K11CK10		Mầu Thị	Hằng	Nữ	15/12/1993				Khá	1501758	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21685	1043-K11CK10		Tạ Thị Thu	Hằng	Nữ	27/07/1991				Khá	1501759	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21686	1044-K11CK10		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	22/06/1988				Khá	1501760	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21687	1045-K11CK10		Dương Thị	Hiếu	Nữ	03/09/1991				Khá	1501761	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21688	1046-K11CK10		Trần Thị Kiều	Hoa	Nữ	14/07/1994				Khá	1501762	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21689	1047-K11CK10		Trịnh Phương	Hoài	Nữ	02/03/1994				Khá	1501763	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21690	1048-K11CK10		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	23/02/1994				Khá	1501764	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21691	1049-K11CK10		Mai Thịnh	Hưng	Nam	26/02/1992				Trung bình	1501765	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21692	1050-K11CK10		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	17/06/1989				Giỏi	1501766	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21693	1051-K11CK10		Trần Thị	Hường	Nữ	16/08/1986				Khá	1501767	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21694	1052-K11CK10		Nguyễn Quốc	Huy	Nam	23/12/1994				Khá	1501768	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21695	1053-K11CK10		Nguyễn Mạnh	Khang	Nam	21/10/1991				Khá	1501769	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21696	1054-K11CK10		Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	25/04/1989				Khá	1501770	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21697	1055-K11CK10		Nguyễn Ngọc	Liên	Nữ	11/07/1991				Khá	1501771	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21698	1056-K11CK10		Dương Thị Diệu	Linh	Nữ	12/06/1993				Khá	1501772	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21699	1057-K11CK10		Nguyễn Phương	Linh	Nữ	07/10/1993				Khá	1501773	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21700	1058-K11CK10		Tào Khánh	Linh	Nữ	28/07/1994				Khá	1501774	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21701	1059-K11CK10		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	20/10/1992				Khá	1501775	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21702	1060-K11CK10		Hoàng Thị Ngọc	Mi	Nữ	08/12/1994				Khá	1501776	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21703	1061-K11CK10		Đỗ Thị	Nga	Nữ	11/06/1994				Khá	1501777	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21704	1062-K11CK10		Trần Thị Thanh	Nga	Nữ	28/11/1994				Khá	1501778	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21705	1063-K11CK10		Bùi Thị	Ngọc	Nữ	02/08/1991				Khá	1501779	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21706	1064-K11CK10		Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	03/01/1993				Khá	1501780	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21707	1065-K11CK10		Bùi Thị	Nhàn	Nữ	24/02/1994				Khá	1501781	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21708	1066-K11CK10		Nguyễn Phương	Nhung	Nữ	22/04/1993				Khá	1501782	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21709	1067-K11CK10		Trần Tuyết	Nhung	Nữ	13/07/1994				Khá	1501783	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21710	1068-K11CK10		Lê Thị Mai	Phương	Nữ	06/02/1992				Giỏi	1501784	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21711	1069-K11CK10		Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	15/10/1994				Khá	1501785	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21712	1070-K11CK10		Trần Thị Hiền	Phương	Nữ	24/10/1994				Khá	1501786	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21713	1071-K11CK10		Vũ Thị	Phượng	Nữ	06/06/1990				Khá	1501787	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21714	1072-K11CK10		Đỗ Thị	Quyên	Nữ	07/09/1994				Khá	1501788	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21715	1073-K11CK10		Lê Thị	Sinh	Nữ	05/10/1993				Khá	1501789	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21716	1074-K11CK10		Ngô Minh	Tấn	Nam	23/07/1992				Khá	1501790	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21717	1075-K11CK10		Nguyễn Tiến	Thành	Nam	30/04/1994				Khá	1501791	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21718	1076-K11CK10		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	22/01/1993				Khá	1501792	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21719	1077-K11CK10		Phan Thị	Thảo	Nữ	10/09/1990				Khá	1501793	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21720	1078-K11CK10		Hà Thị	Thòa	Nữ	10/03/1993				Khá	1501794	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21721	1079-K11CK10		Phạm Thị Hương	Thơm	Nữ	19/03/1994				Khá	1501795	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21722	1080-K11CK10		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	08/12/1991				Khá	1501796	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21723	1081-K11CK10		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	02/02/1993				Khá	1501797	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21724	1082-K11CK10		Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	16/01/1994				Khá	1501798	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21725	1083-K11CK10		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	05/02/1993				Khá	1501799	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21726	1084-K11CK10		Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	22/01/1994				Khá	1501800	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21727	1085-K11CK10		Nguyễn Lê	Trang	Nữ	11/12/1989				Khá	1501801	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21728	1086-K11CK10		Phạm Thị	Trang	Nữ	02/02/1992				Trung bình	1501802	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21729	1087-K11CK10		Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	05/05/1993				Trung bình	1501803	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21730	1088-K11CK10		Ngô Thị	Uyên	Nữ	23/08/1990				Khá	1501804	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21731	1089-K11CK10		Vũ Thùy	Vân	Nữ	15/08/1994				Khá	1501805	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21732	1090-K11CK10		Hoàng Thị	Yến	Nữ	16/02/1992				Khá	1501806	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21733	1091-K11CK11		Chu Thúy	Anh	Nữ	20/09/1993				Khá	1501807	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21734	1092-K11CK11		Nguyễn Thị Thu	Anh	Nữ	12/08/1994				Khá	1501808	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21735	1093-K11CK11		Lê Thị	Bình	Nữ	12/11/1994				Khá	1501809	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21736	1094-K11CK11		Nguyễn Thị	Chung	Nữ	10/01/1992				Khá	1501810	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21737	1095-K11CK11		Phạm Thị	Đào	Nữ	20/11/1993				Khá	1501811	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21738	1096-K11CK11		Vũ Thành	Đồng	Nam	04/11/1994				Trung bình	1501812	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21739	1097-K11CK11		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	08/08/1994				Khá	1501813	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21740	1098-K11CK11		Nguyễn Lê Hải	Dương	Nam	27/09/1992				Trung bình	1501814	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21741	1099-K11CK11		Lê Thị Hương	Giang	Nữ	25/04/1992				Khá	1501815	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21742	1100-K11CK11		Lê Thị Ngọc	Hà	Nữ	10/03/1993				Khá	1501816	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21743	1101-K11CK11		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	16/05/1994				Khá	1501817	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21744	1102-K11CK11		Vi Thị Diệu	Hằng	Nữ	23/02/1994				Khá	1501818	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21745	1103-K11CK11		Phạm Thanh	Hậu	Nữ	25/10/1993				Khá	1501819	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21746	1104-K11CK11		Nguyễn Viết	Hiếu	Nam	02/08/1993				Trung bình	1501820	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21747	1105-K11CK11		Lê Thị	Hoa	Nữ	07/08/1993				Khá	1501821	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21748	1106-K11CK11		Vũ Thị	Hoa	Nữ	06/04/1991				Khá	1501822	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21749	1107-K11CK11		Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	23/05/1994				Khá	1501823	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21750	1108-K11CK11		Bùi Thị	Hường	Nữ	14/03/1992				Khá	1501824	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21751	1109-K11CK11		Dương Thị	Huyên	Nữ	09/02/1992				Khá	1501825	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21752	1110-K11CK11		Hà Thị	Khuê	Nữ	02/08/1991				Khá	1501826	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21753	1111-K11CK11		Phạm Thị	Lan	Nữ	05/07/1994				Khá	1501827	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21754	1112-K11CK11		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	11/05/1992				Khá	1501828	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21755	1113-K11CK11		Hoàng Lê Diệu	Linh	Nữ	03/02/1994				Khá	1501829	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21756	1114-K11CK11		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	01/02/1993				Khá	1501830	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21757	1115-K11CK11		Trịnh Khánh Nguyên	Linh	Nữ	05/08/1994				Khá	1501831	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21758	1116-K11CK11		Bùi Thị	Lưu	Nữ	18/09/1994				Khá	1501832	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21759	1117-K11CK11		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	03/09/1992				Khá	1501833	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21760	1118-K11CK11		Nguyễn Thị Ngọc	Mi	Nữ	20/08/1992				Trung bình	1501834	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21761	1119-K11CK11		Hoàng Thị	Nga	Nữ	13/06/1993				Khá	1501835	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21762	1120-K11CK11		Lê Thị	Ngà	Nữ	23/07/1993				Khá	1501836	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21763	1121-K11CK11		Cao Thị	Ngọc	Nữ	08/11/1994				Khá	1501837	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21764	1122-K11CK11		Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	12/01/1991				Khá	1501838	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21765	1123-K11CK11		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	06/09/1993				Khá	1501839	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21766	1124-K11CK11		Phùng Thị	Nụ	Nữ	24/07/1993				Khá	1501840	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21767	1125-K11CK11		Lê Thị Thúy	Phương	Nữ	01/04/1992				Khá	1501841	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21768	1126-K11CK11		Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	01/01/1990				Khá	1501842	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21769	1127-K11CK11		Trần Thị Thu	Phương	Nữ	22/05/1994				Khá	1501843	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21770	1128-K11CK11		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	10/09/1993				Khá	1501844	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21771	1129-K11CK11		Bùi Thái	Sơn	Nam	26/10/1992				Trung bình	1501845	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21772	1130-K11CK11		Trần Thị	Thái	Nữ	01/01/1991				Khá	1501846	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21773	1131-K11CK11		Tráng Thị	Thanh	Nữ	01/11/1988				Khá	1501847	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21774	1132-K11CK11		Bùi Phương	Thảo	Nữ	19/05/1993				Khá	1501848	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21775	1133-K11CK11		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	28/02/1993				Khá	1501849	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21776	1134-K11CK11		Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	20/05/1992				Khá	1501850	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21777	1135-K11CK11		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	10/06/1990				Khá	1501851	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21778	1136-K11CK11		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	06/05/1994				Khá	1501852	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21779	1137-K11CK11		Tương Thị	Thúy	Nữ	31/12/1994				Khá	1501853	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21780	1138-K11CK11		Nguyễn Thị	Thuyết	Nữ	04/08/1991				Khá	1501854	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21781	1139-K11CK11		Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	02/09/1993				Khá	1501855	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21782	1140-K11CK11		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	31/08/1994				Khá	1501856	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21783	1141-K11CK11		Vũ Thị Thùy	Trang	Nữ	26/08/1993				Khá	1501857	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21784	1142-K11CK11		Nguyễn Thị	Ven	Nữ	22/07/1986				Khá	1501858	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21785	1143-K11CK11		Trần Khánh	Vượng	Nữ	29/08/1993				Khá	1501859	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21786	1144-K11CK11		Lê Thị Hải	Yến	Nữ	11/08/1992				Khá	1501860	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21787	1145-K11CK12		Đào Thế	Anh	Nam	23/09/1992				Khá	1501861	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21788	1146-K11CK12		Đỗ Thị Ngọc	ánh	Nữ	27/07/1993				Khá	1501862	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21789	1147-K11CK12		Trần Thị	Cẩm	Nữ	09/03/1992				Khá	1501863	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21790	1148-K11CK12		Mai Thế	Công	Nam	19/03/1994				Khá	1501864	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21791	1149-K11CK12		Nguyễn Trung	Đức	Nam	02/05/1994				Khá	1501865	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21792	1150-K11CK12		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	13/05/1991				Khá	1501866	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21793	1151-K11CK12		Nguyễn Thị Minh	Giang	Nữ	23/06/1994				Trung bình	1501867	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21794	1152-K11CK12		Mai Thị Thu	Hà	Nữ	02/04/1993				Khá	1501868	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21795	1153-K11CK12		Vũ Thị Khánh	Hà	Nữ	18/02/1992				Khá	1501869	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21796	1154-K11CK12		Hoàng Hồng	Hạnh	Nữ	09/06/1993				Khá	1501870	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21797	1155-K11CK12		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	14/09/1992				Khá	1501871	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21798	1156-K11CK12		Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	05/11/1993				Khá	1501872	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21799	1157-K11CK12		Lê Thị	Hoa	Nữ	01/01/1990				Khá	1501873	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21800	1158-K11CK12		Hà Thị	Hòa	Nữ	30/10/1983				Khá	1501874	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21801	1159-K11CK12		Phạm Thị	Hoan	Nữ	12/06/1990				Khá	1501875	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21802	1160-K11CK12		Ngô Thị	Huế	Nữ	02/08/1993				Khá	1501876	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21803	1161-K11CK12		Đặng Thị	Hương	Nữ	02/06/1994				Khá	1501877	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21804	1162-K11CK12		Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	21/08/1994				Khá	1501878	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21805	1163-K11CK12		Trần Thị Tùng	Lan	Nữ	26/12/1994				Khá	1501879	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21806	1164-K11CK12		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	26/03/1988				Khá	1501880	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21807	1165-K11CK12		Lê Diệu	Linh	Nữ	25/07/1992				Khá	1501881	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21808	1166-K11CK12		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	16/12/1991				Khá	1501882	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21809	1167-K11CK12		Đỗ Thị	Loan	Nữ	30/01/1993				Khá	1501883	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21810	1168-K11CK12		Bùi Thị	Luyến	Nữ	04/12/1994				Khá	1501884	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21811	1169-K11CK12		Phan Thị Hương	Mai	Nữ	09/02/1990				Khá	1501885	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21812	1170-K11CK12		Nguyễn Trà	Mi	Nữ	27/01/1994				Khá	1501886	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21813	1171-K11CK12		Lê Thị	Nga	Nữ	20/01/1994				Khá	1501887	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21814	1172-K11CK12		Lại Thị	Ngân	Nữ	09/09/1990				Khá	1501888	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21815	1173-K11CK12		Lê Hải	Ngọc	Nữ	04/09/1992				Khá	1501889	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21816	1174-K11CK12		Trần Thị	Ngọc	Nữ	09/11/1993				Khá	1501890	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21817	1175-K11CK12		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	10/08/1992				Khá	1501891	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21818	1176-K11CK12		Hồ Thị	Oanh	Nữ	01/01/1990				Khá	1501892	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21819	1177-K11CK12		Ngô Thúy	Phương	Nữ	24/04/1992				Khá	1501893	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21820	1178-K11CK12		Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	15/06/1993				Khá	1501894	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21821	1179-K11CK12		Vũ Thị	Phương	Nữ	04/03/1993				Giỏi	1501895	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21822	1180-K11CK12		Nguyễn Thanh	Phượng	Nữ	18/10/1994				Khá	1501896	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21823	1181-K11CK12		Nguyễn Văn	Quyết	Nam	01/07/1993				Khá	1501897	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21824	1182-K11CK12		Phan Thị	Thắm	Nữ	04/05/1992				Khá	1501898	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21825	1183-K11CK12		Bùi Thị	Thảo	Nữ	10/08/1990				Khá	1501899	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21826	1184-K11CK12		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	10/10/1994				Khá	1501900	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21827	1185-K11CK12		Vũ Thị	Thảo	Nữ	23/01/1991				Khá	1501901	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21828	1186-K11CK12		Đặng Hoài	Thu	Nữ	31/01/1991				Khá	1501902	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21829	1187-K11CK12		Trần Thị Lệ	Thu	Nữ	19/10/1993				Khá	1501903	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21830	1188-K11CK12		Vũ Thị	Thúy	Nữ	16/09/1992				Khá	1501904	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21831	1189-K11CK12		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	15/03/1993				Khá	1501905	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21832	1190-K11CK12		Vũ Thu	Trang	Nữ	04/10/1993				Khá	1501906	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21833	1191-K11CK12		Hoàng Thị	Tuyết	Nữ	15/01/1991				Giỏi	1501907	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21834	1192-K11CK12		Hoàng Thị	Vân	Nữ	20/02/1993				Khá	1501908	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21835	1193-K11CK12		Khuất Trần	Việt	Nam	20/04/1994				Khá	1501909	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21836	1194-K11CK12		Lê Thị Hải	Yến	Nữ	05/12/1993				Khá	1501910	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21837	1195-K11CK13		Đào Thị Lan	Anh	Nữ	15/10/1992				Khá	1501911	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21838	1196-K11CK13		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	22/09/1994				Khá	1501912	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21839	1197-K11CK13		Nguyễn Minh	Châu	Nữ	05/09/1993				Giỏi	1501913	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21840	1198-K11CK13		Lê Văn	Cừ	Nam	14/04/1990				Khá	1501914	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21841	1199-K11CK13		Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	06/08/1994				Khá	1501915	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21842	1200-K11CK13		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	29/10/1993				Khá	1501916	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21843	1201-K11CK13		Vũ Văn	Duy	Nam	13/04/1994				Giỏi	1501917	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21844	1202-K11CK13		Nguyễn Ngọc	Hà	Nam	21/07/1987				Khá	1501918	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21845	1203-K11CK13		Vương Thu	Hà	Nữ	04/01/1994				Khá	1501919	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21846	1204-K11CK13		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	21/07/1993				Khá	1501920	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21847	1205-K11CK13		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	29/10/1994				Khá	1501921	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21848	1206-K11CK13		Trần Đức	Hiếu	Nam	02/12/1994				Khá	1501922	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21849	1207-K11CK13		Nguyễn Phương	Hoa	Nữ	12/02/1992				Khá	1501923	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21850	1208-K11CK13		Hồ Thị Khánh	Hòa	Nữ	05/12/1989				Trung bình	1501924	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21851	1209-K11CK13		Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	17/01/1993				Khá	1501925	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21852	1210-K11CK13		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	16/03/1993				Khá	1501926	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21853	1211-K11CK13		Đỗ Thị Mai	Hương	Nữ	05/04/1994				Khá	1501927	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21854	1212-K11CK13		Tô Lan	Hương	Nữ	17/11/1992				Khá	1501928	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21855	1213-K11CK13		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	16/09/1992				Trung bình	1501929	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21856	1214-K11CK13		Trần Thị Hồng	Khuyên	Nữ	30/06/1989				Khá	1501930	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21857	1215-K11CK13		Nguyễn Thị Thu	Lan	Nữ	18/02/1988				Khá	1501931	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21858	1216-K11CK13		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	12/02/1994				Trung bình	1501932	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21859	1217-K11CK13		Lê Diệu	Linh	Nữ	15/07/1994				Khá	1501933	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21860	1218-K11CK13		Nguyễn Thị Huyền	Linh	Nữ	13/02/1994				Khá	1501934	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21861	1219-K11CK13		Nguyễn Kiều	Loan	Nữ	23/01/1993				Khá	1501935	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21862	1220-K11CK13		Trần Thùy	Ly	Nữ	21/03/1993				Khá	1501936	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21863	1221-K11CK13		Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	23/12/1992				Trung bình	1501937	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21864	1222-K11CK13		Mai Thanh	Minh	Nam	13/07/1993				Trung bình	1501938	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21865	1223-K11CK13		Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	21/01/1991				Khá	1501939	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21866	1224-K11CK13		Nghiêm Thị	Ngân	Nữ	28/02/1991				Khá	1501940	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21867	1225-K11CK13		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	08/11/1992				Giỏi	1501941	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21868	1226-K11CK13		Vũ Thị Bích	Ngọc	Nữ	11/03/1990				Khá	1501942	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21869	1227-K11CK13		Mai Thị	Nhiên	Nữ	28/04/1991				Khá	1501943	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21870	1228-K11CK13		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	19/11/1993				Khá	1501944	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21871	1229-K11CK13		Mai Phương	Oanh	Nữ	15/01/1990				Giỏi	1501945	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21872	1230-K11CK13		Nguyễn Mai	Phương	Nữ	18/06/1993				Khá	1501946	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21873	1231-K11CK13		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	09/08/1993				Khá	1501947	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21874	1232-K11CK13		Chu Thị	Phượng	Nữ	27/03/1993				Khá	1501948	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21875	1233-K11CK13		Lại Văn	Quân	Nam	05/07/1994				Khá	1501949	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21876	1234-K11CK13		Phạm Văn	Sơn	Nam	02/09/1991				Khá	1501950	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21877	1235-K11CK13		Vũ Thị	Thắm	Nữ	13/10/1992				Khá	1501951	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21878	1236-K11CK13		Bùi Thị Thanh	Thảo	Nữ	28/10/1994				Khá	1501952	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21879	1237-K11CK13		Nguyễn Thị Bích	Thảo	Nữ	02/12/1994				Khá	1501953	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21880	1238-K11CK13		Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	01/06/1994				Khá	1501954	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21881	1239-K11CK13		Lê Thị	Thu	Nữ	04/03/1987				Khá	1501955	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21882	1240-K11CK13		Vũ Thị	Thu	Nữ	10/10/1991				Khá	1501956	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21883	1241-K11CK13		Đỗ Thị Thanh	Thủy	Nữ	21/08/1994				Khá	1501957	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21884	1242-K11CK13		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	28/12/1993				Khá	1501958	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21885	1243-K11CK13		Vũ Thị Kim	Tiến	Nữ	26/01/1994				Khá	1501959	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21886	1244-K11CK13		Đoàn Thị	Trang	Nữ	26/09/1992				Khá	1501960	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21887	1245-K11CK13		Nguyễn Thị Hồng	Trang	Nữ	12/03/1994				Khá	1501961	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21888	1246-K11CK13		Tạ Thị	Trang	Nữ	18/06/1993				Khá	1501962	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21889	1247-K11CK13		Lại Thị Việt	Trinh	Nữ	22/06/1994				Khá	1501963	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21890	1248-K11CK13		Lê Thị	Vân	Nữ	04/10/1994				Khá	1501964	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21891	1249-K11CK13		Nguyễn Đức	Việt	Nam	13/01/1990				Khá	1501965	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21892	1250-K11CK13		Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	21/03/1993				Khá	1501966	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21893	1251-K11CK13		Ngô Thị	Yến	Nữ	27/08/1994				Khá	1501967	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21894	1252-K11CK14		Dương Ngọc	Anh	Nam	02/09/1993				Khá	1501968	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21895	1253-K11CK14		Nguyễn Thùy	Chi	Nữ	10/02/1993				Khá	1501969	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21896	1254-K11CK14		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	24/10/1991				Khá	1501970	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21897	1255-K11CK14		Lê Thị Ngọc	Diệp	Nữ	10/08/1994				Khá	1501971	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21898	1256-K11CK14		Đỗ Thị	Dung	Nữ	07/04/1994				Khá	1501972	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21899	1257-K11CK14		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	06/05/1993				Khá	1501973	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21900	1258-K11CK14		Trần Thị	Gái	Nữ	17/02/1991				Khá	1501974	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21901	1259-K11CK14		Đào Thị	Hà	Nữ	04/09/1992				Khá	1501975	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21902	1260-K11CK14		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	29/05/1990				Khá	1501976	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21903	1261-K11CK14		Nguyễn Trọng	Hải	Nam	22/01/1992				Khá	1501977	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21904	1262-K11CK14		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/08/1994				Khá	1501978	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21905	1263-K11CK14		Lê Thị	Hạnh	Nữ	01/05/1990				Khá	1501979	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21906	1264-K11CK14		Phạm Thị	Hiền	Nữ	05/01/1994				Giỏi	1501980	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21907	1265-K11CK14		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	05/11/1985				Khá	1501981	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21908	1266-K11CK14		Bùi Ngọc	Hoàng	Nam	18/06/1994				Trung bình	1501982	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21909	1267-K11CK14		Phạm Thị	Huế	Nữ	02/09/1991				Giỏi	1501983	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21910	1268-K11CK14		Đỗ Thu	Hương	Nữ	11/05/1993				Giỏi	1501984	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21911	1269-K11CK14		Trần Thị Thu	Hường	Nữ	14/07/1993				Khá	1501985	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21912	1270-K11CK14		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	10/09/1992				Giỏi	1501986	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21913	1271-K11CK14		Trọng Thị Hải	Lê	Nữ	11/08/1990				Khá	1501987	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21914	1272-K11CK14		Bùi Thị Huyền	Linh	Nữ	31/03/1994				Khá	1501988	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21915	1273-K11CK14		Lê Thùy	Linh	Nữ	14/05/1994				Giỏi	1501989	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21916	1274-K11CK14		Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	30/09/1993				Khá	1501990	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21917	1275-K11CK14		Trần Thị	Loan	Nữ	15/04/1986				Khá	1501991	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21918	1276-K11CK14		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	26/08/1983				Khá	1501992	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21919	1277-K11CK14		Nguyễn Thị	Mận	Nữ	04/11/1993				Khá	1501993	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21920	1278-K11CK14		Nguyễn Thị Thu	Minh	Nữ	05/04/1992				Giỏi	1501994	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21921	1279-K11CK14		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	26/09/1994				Giỏi	1501995	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21922	1280-K11CK14		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	21/03/1989				Giỏi	1501996	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21923	1281-K11CK14		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	24/09/1992				Khá	1501997	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21924	1282-K11CK14		Khuất Thị Minh	Nguyệt	Nữ	24/08/1994				Giỏi	1501998	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21925	1283-K11CK14		Bùi Thị	Nhung	Nữ	11/09/1994				Khá	1501999	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21926	1284-K11CK14		Nguyễn Tuyết	Nhung	Nữ	23/12/1994				Khá	1502000	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21927	1285-K11CK14		Ngô Thị Tú	Oanh	Nữ	07/11/1994				Khá	1502001	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21928	1286-K11CK14		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	12/11/1994				Khá	1502002	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21929	1287-K11CK14		Phạm Thị	Phương	Nữ	19/04/1991				Khá	1502003	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21930	1288-K11CK14		Hoàng Thị	Phượng	Nữ	05/11/1994				Khá	1502004	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21931	1289-K11CK14		Nguyễn Hoàng	Quân	Nam	27/12/1992				Khá	1502005	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21932	1290-K11CK14		Hoàng Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	23/08/1992				Khá	1502006	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21933	1291-K11CK14		Hoàng Thị	Tâm	Nữ	28/01/1993				Khá	1502007	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21934	1292-K11CK14		Trần Mạnh	Thắng	Nam	17/10/1994				Khá	1502008	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21935	1293-K11CK14		Lê Phương	Thảo	Nữ	14/10/1994				Khá	1502009	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21936	1294-K11CK14		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	23/01/1993				Khá	1502010	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21937	1295-K11CK14		Bùi Đức	Thế	Nam	04/10/1993				Khá	1502011	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21938	1296-K11CK14		Nguyễn Lệ	Thu	Nữ	25/04/1993				Khá	1502012	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21939	1297-K11CK14		Nguyễn Thị ái	Thư	Nữ	26/05/1993				Khá	1502013	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21940	1298-K11CK14		Đinh Thị Phương	Thúy	Nữ	29/12/1994				Khá	1502014	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21941	1299-K11CK14		Nguyễn Xuân	Tình	Nữ	04/03/1990				Khá	1502015	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21942	1300-K11CK14		Khuất Thu	Trang	Nữ	21/10/1993				Khá	1502016	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21943	1301-K11CK14		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	04/07/1990				Khá	1502017	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21944	1302-K11CK14		Tào Thị	Trang	Nữ	10/10/1991				Khá	1502018	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21945	1303-K11CK14		Mai Thị	Trinh	Nữ	27/03/1994				Khá	1502019	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21946	1304-K11CK14		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	11/06/1992				Khá	1502020	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21947	1305-K11CK14		Nguyễn Tuấn	Việt	Nam	25/05/1993				Khá	1502021	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21948	1306-K11CK14		Vũ Thị	Xuân	Nữ	08/02/1994				Khá	1502022	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21949	1307-K11CK15		Phạm Thị Kim	Chi	Nữ	11/07/1994				Khá	1502023	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21950	1308-K11CK15		Vũ Thị	Cúc	Nữ	24/10/1992				Khá	1502024	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21951	1309-K11CK15		Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	05/02/1994				Khá	1502025	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21952	1310-K11CK15		Dương Thị	Dung	Nữ	05/06/1993				Khá	1502026	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21953	1311-K11CK15		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	17/01/1993				Khá	1502027	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21954	1312-K11CK15		Phạm Thị	Gấm	Nữ	15/06/1985				Khá	1502028	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21955	1313-K11CK15		Phạm Văn	Hải	Nam	28/04/1993				Khá	1502029	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21956	1314-K11CK15		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	15/11/1991				Khá	1502030	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21957	1315-K11CK15		Lê Thúy	Hạnh	Nữ	28/05/1993				Khá	1502031	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21958	1316-K11CK15		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	30/06/1993				Khá	1502032	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21959	1317-K11CK15		Đặng Thị Mai	Hoa	Nữ	02/08/1993				Trung bình	1502033	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21960	1318-K11CK15		Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	Nữ	14/03/1991				Khá	1502034	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21961	1319-K11CK15		Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	04/10/1992				Khá	1502035	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21962	1320-K11CK15		Lê Công	Hoàng	Nam	12/07/1991				Khá	1502036	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21963	1321-K11CK15		Trịnh Thị	Huệ	Nữ	28/03/1993				Khá	1502037	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21964	1322-K11CK15		Hoàng Thị Đinh	Hương	Nữ	26/10/1990				Khá	1502038	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21965	1323-K11CK15		Trần Thu	Hương	Nữ	25/08/1991				Khá	1502039	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21966	1324-K11CK15		Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	28/08/1994				Khá	1502040	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21967	1325-K11CK15		Lê Thị	Lài	Nữ	20/09/1994				Khá	1502041	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21968	1326-K11CK15		Nguyễn Tuấn	Lễ	Nam	31/08/1991				Khá	1502042	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21969	1327-K11CK15		Đặng Thùy	Linh	Nữ	30/07/1994				Khá	1502043	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21970	1328-K11CK15		Mai Thùy	Linh	Nữ	21/02/1994				Khá	1502044	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21971	1329-K11CK15		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	14/01/1993				Khá	1502045	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21972	1330-K11CK15		Nguyễn Thị	Lộc	Nữ	10/09/1991				Khá	1502046	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21973	1331-K11CK15		Đỗ Thị Tuyết	Mai	Nữ	14/07/1990				Khá	1502047	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21974	1332-K11CK15		Nguyễn Như	Mây	Nữ	21/01/1994				Khá	1502048	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21975	1333-K11CK15		Trần Thị Diễm	My	Nữ	06/04/1994				Khá	1502049	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21976	1334-K11CK15		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	20/10/1992				Khá	1502050	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21977	1335-K11CK15		Trịnh Trà	Ngân	Nữ	11/12/1990				Khá	1502051	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21978	1336-K11CK15		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	01/12/1991				Khá	1502052	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21979	1337-K11CK15		Lê Thị Minh	Nguyệt	Nữ	16/01/1993				Khá	1502053	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21980	1338-K11CK15		Đỗ Thị	Nhung	Nữ	03/02/1991				Khá	1502054	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21981	1339-K11CK15		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	19/06/1993				Khá	1502055	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21982	1340-K11CK15		Nguyễn Đình	Phi	Nam	29/07/1993				Khá	1502056	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21983	1341-K11CK15		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	12/07/1993				Khá	1502057	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21984	1342-K11CK15		Phạm Thị	Phương	Nữ	06/10/1993				Khá	1502058	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21985	1343-K11CK15		Nguyễn Khánh	Phượng	Nữ	06/08/1990				Khá	1502059	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21986	1344-K11CK15		Vũ Văn	Quân	Nam	31/07/1991				Khá	1502060	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
21987	1345-K11CK15		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	07/08/1989				Khá	1502061	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21988	1346-K11CK15		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	20/05/1994				Khá	1502062	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21989	1347-K11CK15		Bùi Thị	Thanh	Nữ	02/02/1994				Khá	1502063	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21990	1348-K11CK15		Lê Thị	Thảo	Nữ	05/01/1993				Khá	1502064	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21991	1349-K11CK15		Nguyễn Việt	Thảo	Nữ	18/12/1993				Khá	1502065	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21992	1350-K11CK15		Lã Thị	Thiềm	Nữ	02/01/1987				Khá	1502066	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21993	1351-K11CK15		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	01/03/1992				Khá	1502067	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21994	1352-K11CK15		Nguyễn Minh	Thúy	Nữ	15/10/1994				Khá	1502068	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21995	1353-K11CK15		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	07/10/1992				Khá	1502069	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21996	1354-K11CK15		Lê Văn	Trang	Nam	02/10/1991				Khá	1502070	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21997	1355-K11CK15		Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	02/12/1993				Khá	1502071	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21998	1356-K11CK15		Tống Thị Thùy	Trang	Nữ	10/10/1994				Khá	1502072	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
21999	1357-K11CK15		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	30/12/1992				Khá	1502073	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22000	1358-K11CK15		Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	06/06/1992				Khá	1502074	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22001	1359-K11CK15		Hồ Tuấn	Vũ	Nam	14/11/1993				Khá	1502075	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22002	1360-K11CK15		Trần Thị	ý	Nữ	11/04/1993				Khá	1502076	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22003	1361-K11CK15		Phạm Thị	Yến	Nữ	10/04/1993				Khá	1502077	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22004	1362-K11CK16		Lã Thị Lan	Anh	Nữ	05/11/1994				Trung bình	1502078	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22005	1363-K11CK16		Nguyễn Đức	Bảo	Nam	22/02/1992				Khá	1502079	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22006	1364-K11CK16		Phạm Mai	Chi	Nữ	23/10/1994				Khá	1502080	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22007	1365-K11CK16		Hồ Thị	Đào	Nữ	07/08/1994				Khá	1502081	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22008	1366-K11CK16		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	03/11/1994				Khá	1502082	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22009	1367-K11CK16		Hà Kim	Dung	Nữ	18/10/1987				Khá	1502083	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22010	1368-K11CK16		Vũ Thị	Dung	Nữ	16/08/1992				Khá	1502084	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22011	1369-K11CK16		Chu Hương	Giang	Nữ	25/09/1992				Khá	1502085	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22012	1370-K11CK16		Lại Thị	Hà	Nữ	20/06/1994				Trung bình	1502086	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22013	1371-K11CK16		Bùi Thị Thu	Hằng	Nữ	27/09/1994				Khá	1502087	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22014	1372-K11CK16		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	20/10/1991				Khá	1502088	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22015	1373-K11CK16		Vũ Hồng	Hạnh	Nữ	29/11/1993				Khá	1502089	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22016	1374-K11CK16		Phan Thanh	Hiền	Nữ	06/02/1993				Khá	1502090	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22017	1375-K11CK16		Đinh Thị	Hoa	Nữ	10/10/1991				Trung bình	1502091	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22018	1376-K11CK16		Phạm Thanh	Hoa	Nữ	09/12/1993				Trung bình	1502092	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22019	1377-K11CK16		Đặng Thị	Hoài	Nữ	27/12/1993				Khá	1502093	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22020	1378-K11CK16		Lê Thanh	Huệ	Nữ	07/01/1991				Khá	1502094	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22021	1379-K11CK16		Phạm Thị Ngọc	Huyền	Nữ	25/02/1992				Khá	1502095	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22022	1380-K11CK16		Đỗ Thị	Lan	Nữ	26/03/1991				Khá	1502096	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22023	1381-K11CK16		Bùi Thị	Liên	Nữ	13/04/1994				Khá	1502097	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22024	1382-K11CK16		Đào Thị Diệu	Linh	Nữ	06/02/1994				Khá	1502098	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22025	1383-K11CK16		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	10/02/1992				Khá	1502099	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22026	1384-K11CK16		Đặng Thị	Lụa	Nữ	01/08/1994				Khá	1502100	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22027	1385-K11CK16		Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	23/11/1994				Khá	1502101	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22028	1386-K11CK16		Nguyễn Thị	Mến	Nữ	15/07/1991				Khá	1502102	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22029	1387-K11CK16		Trương Thị	Mỹ	Nữ	10/07/1993				Khá	1502103	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22030	1388-K11CK16		Cao Thị Hồng	Ngát	Nữ	17/11/1992				Khá	1502104	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22031	1389-K11CK16		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	12/10/1992				Khá	1502105	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22032	1390-K11CK16		Doãn Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/05/1993				Trung bình	1502106	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22033	1391-K11CK16		Lê Anh	Phương	Nữ	28/11/1993				Khá	1502107	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22034	1392-K11CK16		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	26/09/1992				Khá	1502108	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22035	1393-K11CK16		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	24/10/1993				Khá	1502109	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22036	1394-K11CK16		Bùi Thị	Quý	Nữ	01/04/1985				Khá	1502110	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22037	1395-K11CK16		Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	23/06/1992				Khá	1502111	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22038	1396-K11CK16		Hà Ngọc	Tân	Nam	06/09/1991				Khá	1502112	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22039	1397-K11CK16		Phan Phương	Thanh	Nữ	04/03/1990				Khá	1502113	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22040	1398-K11CK16		Lê Thị	Thảo	Nữ	05/08/1994				Khá	1502114	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22041	1399-K11CK16		Phạm Phương	Thảo	Nữ	18/03/1992				Khá	1502115	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22042	1400-K11CK16		Phạm Văn	Thịnh	Nam	15/08/1993				Khá	1502116	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22043	1401-K11CK16		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	05/09/1993				Khá	1502117	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22044	1402-K11CK16		Lại Thị	Thược	Nữ	22/07/1994				Khá	1502118	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22045	1403-K11CK16		Đỗ Thị	Thúy	Nữ	15/05/1993				Khá	1502119	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22046	1404-K11CK16		Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	23/11/1994				Khá	1502120	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22047	1405-K11CK16		Mai Thị	Trang	Nữ	29/08/1994				Khá	1502121	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22048	1406-K11CK16		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	28/04/1988				Khá	1502122	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22049	1407-K11CK16		Trịnh Thị	Trang	Nữ	14/01/1994				Khá	1502123	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22050	1408-K11CK16		Nguyễn Đình	Tùng	Nam	01/09/1992				Trung bình	1502124	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22051	1409-K11CK16		Trần Thị	Tuyết	Nữ	12/08/1994				Khá	1502125	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22052	1410-K11CK16		Phùng Thị Ngọc	Vân	Nữ	29/11/1993				Khá	1502126	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22053	1411-K11CK16		Trần Mạnh	Vũ	Nam	30/11/1994				Khá	1502127	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22054	1412-K11CK16		Hà Thị	Yến	Nữ	14/09/1992				Trung bình	1502128	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22055	1413-K11CK16		Trịnh Thị	Yến	Nữ	22/09/1994				Khá	1502129	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22056	1414-K11CK17		Ngô Thị Vân	Anh	Nữ	08/11/1994				Khá	1502130	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22057	1415-K11CK17		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	29/12/1993				Khá	1502131	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22058	1416-K11CK17		Nguyễn Thị	Đào	Nữ	10/12/1993				Khá	1502132	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22059	1417-K11CK17		Hoàng Thị	Doãn	Nữ	22/06/1988				Trung bình	1502133	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22060	1418-K11CK17		Lý Ngọc Tiến	Dung	Nữ	20/05/1992				Khá	1502134	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22061	1419-K11CK17		Ngô Duy	Dũng	Nam	25/05/1993				Khá	1502135	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22062	1420-K11CK17		Dương Thị	Giang	Nữ	10/01/1991				Khá	1502136	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22063	1421-K11CK17		Lê Thị	Hà	Nữ	16/12/1987				Khá	1502137	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22064	1422-K11CK17		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	24/12/1993				Khá	1502138	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22065	1423-K11CK17		Hà Thị	Hằng	Nữ	13/03/1992				Trung bình	1502139	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22066	1424-K11CK17		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	14/05/1988				Khá	1502140	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22067	1425-K11CK17		Trần Thị	Hảo	Nữ	17/11/1994				Khá	1502141	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22068	1426-K11CK17		Trần Minh	Hiền	Nữ	06/10/1994				Khá	1502142	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22069	1427-K11CK17		Đỗ Vũ Thanh	Hoa	Nữ	03/03/1990				Khá	1502143	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22070	1428-K11CK17		Phùng Thị	Hoa	Nữ	05/10/1992				Khá	1502144	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22071	1429-K11CK17		Phạm Thị	Hoài	Nữ	23/09/1993				Khá	1502145	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22072	1430-K11CK17		Lê Thị	Hồng	Nữ	20/08/1991				Khá	1502146	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22073	1431-K11CK17		Lê Thị Hồng	Huệ	Nữ	21/11/1992				Khá	1502147	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22074	1432-K11CK17		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	12/10/1992				Khá	1502148	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22075	1433-K11CK17		Nguyễn Thị Thanh	Hường	Nữ	12/12/1994				Khá	1502149	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22076	1434-K11CK17		Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/07/1993				Khá	1502150	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22077	1435-K11CK17		Khuất Thị	Lan	Nữ	07/01/1993				Khá	1502151	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22078	1436-K11CK17		Mai Thị	Liên	Nữ	14/10/1992				Khá	1502152	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22079	1437-K11CK17		Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	27/07/1992				Khá	1502153	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22080	1438-K11CK17		Nguyễn Nhật	Linh	Nữ	22/05/1993				Khá	1502154	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22081	1439-K11CK17		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	28/10/1993				Khá	1502155	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22082	1440-K11CK17		Nguyễn Thị	Lua	Nữ	08/05/1994				Khá	1502156	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22083	1441-K11CK17		Nguyễn Thị Thùy	Mai	Nữ	08/11/1994				Khá	1502157	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22084	1442-K11CK17		Hoàng	Mi	Nữ	20/09/1992				Khá	1502158	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22085	1443-K11CK17		Nguyễn Thị	Na	Nữ	06/12/1989				Khá	1502159	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22086	1444-K11CK17		Phạm Thị	Nga	Nữ	03/12/1993				Khá	1502160	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22087	1445-K11CK17		Vũ Thị	Nghĩa	Nữ	05/04/1991				Khá	1502161	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22088	1446-K11CK17		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	04/06/1994				Khá	1502162	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22089	1447-K11CK17		Trương Thị ánh	Nguyệt	Nữ	22/05/1994				Khá	1502163	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22090	1448-K11CK17		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	21/11/1994				Khá	1502164	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22091	1449-K11CK17		Nguyễn Thị Diệu	Phương	Nữ	03/02/1993				Khá	1502165	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22092	1450-K11CK17		Nguyễn Thị	Quý	Nữ	10/05/1993				Khá	1502166	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22093	1451-K11CK17		Nguyễn Văn	Sáng	Nam	08/10/1991				Khá	1502167	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22094	1452-K11CK17		Văn Thị Vỹ	Thanh	Nữ	17/10/1992				Khá	1502168	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22095	1453-K11CK17		Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	03/12/1994				Khá	1502169	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22096	1454-K11CK17		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	14/01/1993				Khá	1502170	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22097	1455-K11CK17		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	15/03/1993				Khá	1502171	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22098	1456-K11CK17		Lê Thị Thương	Thương	Nữ	17/06/1993				Khá	1502172	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22099	1457-K11CK17		Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	02/03/1994				Khá	1502173	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22100	1458-K11CK17		Lê Thu	Thủy	Nữ	19/10/1994				Trung bình	1502174	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22101	1459-K11CK17		Đàm Thu	Trang	Nữ	24/07/1993				Khá	1502175	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22102	1460-K11CK17		Ngô Thị Quỳnh	Trang	Nữ	20/03/1993				Khá	1502176	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22103	1461-K11CK17		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	30/09/1992				Khá	1502177	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22104	1462-K11CK17		Trịnh Thị	Trang	Nữ	29/10/1993				Khá	1502178	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22105	1463-K11CK17		Nguyễn Văn	Tường	Nam	25/09/1992				Khá	1502179	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22106	1464-K11CK17		Vũ Thị ánh	Tuyết	Nữ	07/01/1993				Khá	1502180	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22107	1465-K11CK17		Trần Thị Cẩm	Vân	Nữ	23/12/1994				Khá	1502181	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22108	1466-K11CK17		Hoàng Thị	Yến	Nữ	22/12/1994				Khá	1502182	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22109	1467-K11CK3		Vũ Thị	Nhung	Nữ	29/10/1993				Trung bình	1502183	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22110	1468-K11CK4		Nguyễn Thị Tân	Anh	Nữ	22/02/1991				Khá	1502184	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22111	1469-K11CK4		Mạc Thị	Hảo	Nữ	05/09/1993				Khá	1502185	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22112	1470-K11CK4		Vũ thị Khánh	Hiền	Nữ	29/06/1994				Khá	1502186	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22113	1471-K11CK4		Hoàng Thị Kim	Hoa	Nữ	14/04/1993				Khá	1502187	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22114	1472-K11CK4		Nguyễn Quang	Huy	Nam	27/03/1992				Khá	1502188	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22115	1473-K11CK4		Phùng Thị Xuân	Lộc	Nữ	06/09/1992				Khá	1502189	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22116	1474-K11CK4		Lê Chí	Tấn	Nam	02/03/1989				Trung bình	1502190	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22117	1475-K11CK5		Đỗ Thị Ngọc	ánh	Nữ	30/11/1991				Khá	1502191	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22118	1476-K11CK5		Trần Thị	Trà	Nữ	13/11/1994				Trung bình	1502192	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22119	1477-K11CQ4		Lê Thị Hồng	An	Nữ	05/09/1994				Khá	1502193	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22120	1478-K11CQ4		Phạm Thị Ngọc	ánh	Nữ	12/11/1993				Khá	1502194	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22121	1479-K11CQ4		Nguyễn Trọng	Cảnh	Nam	15/07/1991				Khá	1502195	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22122	1480-K11CQ4		Lê Quỳnh	Chi	Nữ	08/12/1991				Trung bình	1502196	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22123	1481-K11CQ4		Nguyễn Tiến	Cường	Nam	17/04/1994				Trung bình	1502197	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22124	1482-K11CQ4		Nguyễn Phương	Đông	Nam	03/08/1991				Khá	1502198	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22125	1483-K11CQ4		Hoàng Thị	Dung	Nữ	01/10/1994				Khá	1502199	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22126	1484-K11CQ4		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	28/09/1992				Khá	1502200	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22127	1485-K11CQ4		Tống Minh	Hà	Nam	27/08/1993				Trung bình	1502201	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22128	1486-K11CQ4		Phạm Văn	Hải	Nam	14/08/1994				Khá	1502202	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22129	1487-K11CQ4		Vũ Hồng	Hạnh	Nữ	22/10/1994				Khá	1502203	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22130	1488-K11CQ4		Nguyễn Khắc	Hiếu	Nam	26/05/1994				Trung bình	1502204	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22131	1489-K11CQ4		Bùi Mạnh	Hùng	Nam	19/08/1993				Khá	1502205	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22132	1490-K11CQ4		Hoàng Thị Mai	Hương	Nữ	01/06/1994				Khá	1502206	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22133	1491-K11CQ4		Dương Văn	Lập	Nam	27/05/1993				Khá	1502207	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22134	1492-K11CQ4		Đinh Thị	Liêm	Nữ	24/08/1993				Khá	1502208	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22135	1493-K11CQ4		Vũ Thị Thanh	Loan	Nữ	19/02/1991				Khá	1502209	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22136	1494-K11CQ4		Đậu Thị	Minh	Nữ	12/01/1993				Khá	1502210	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22137	1495-K11CQ4		Hoàng Thị	Nga	Nữ	10/03/1988				Khá	1502211	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22138	1496-K11CQ4		Lê Trọng	Nghĩa	Nam	29/12/1994				Trung bình	1502212	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22139	1497-K11CQ4		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	30/05/1993				Khá	1502213	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22140	1498-K11CQ4		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	26/03/1993				Khá	1502214	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22141	1499-K11CQ4		Nguyễn Ngọc	Quý	Nam	20/04/1993				Trung bình	1502215	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22142	1500-K11CQ4		Lê Thị	Thanh	Nữ	05/04/1994				Trung bình	1502216	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22143	1501-K11CQ4		Đào Đức	Thành	Nam	21/04/1993				Khá	1502217	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22144	1502-K11CQ4		Đào Thị Phương	Thảo	Nữ	05/11/1991				Khá	1502218	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22145	1503-K11CQ4		Trần Thị	Thích	Nữ	28/09/1992				Khá	1502219	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22146	1504-K11CQ4		Hữu Thị	Thơm	Nữ	24/05/1994				Khá	1502220	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22147	1505-K11CQ4		Phùng Đức	Thuận	Nam	27/05/1994				Khá	1502221	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22148	1506-K11CQ4		Lê Văn	Tiến	Nam	02/11/1990				Khá	1502222	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22149	1507-K11CQ4		Đoàn Quỳnh	Trang	Nữ	24/10/1993				Khá	1502223	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22150	1508-K11CQ4		Lê Quỳnh	Trang	Nữ	15/07/1990				Khá	1502224	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22151	1509-K11CQ4		Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	24/07/1994				Khá	1502225	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22152	1510-K11CQ4		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	27/11/1992				Khá	1502226	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22153	1511-K11CQ4		Trần Thu	Trang	Nữ	04/10/1993				Khá	1502227	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22154	1512-K11CQ4		Nguyễn Thành	Trung	Nam	14/09/1991				Khá	1502228	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22155	1513-K11CQ4		Vũ Huy	Trung	Nam	08/09/1992				Khá	1502229	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22156	1514-K11CQ4		Nguyễn Anh	Tú	Nam	15/09/1994				Khá	1502230	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22157	1515-K11CQ4		Lê Anh	Tuấn	Nam	25/02/1991				Khá	1502231	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22158	1516-K11CQ4		Phạm Đình	Tuấn	Nam	17/12/1992				Khá	1502232	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22159	1517-K11CQ4		Phan Thị ánh	Tuyết	Nữ	04/09/1992				Khá	1502233	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22160	1518-K11CQ4		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	09/12/1991				Khá	1502234	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22161	1519-K11CQ4		Phạm Thị	Yến	Nữ	25/02/1991				Khá	1502235	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22162	1520-K11CQ5		Nguyễn Duy	Anh	Nam	12/03/1994				Trung bình	1502236	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22163	1521-K11CQ5		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	25/11/1994				Khá	1502237	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22164	1522-K11CQ5		Đặng Thị Kim	Chi	Nữ	30/01/1994				Khá	1502238	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22165	1523-K11CQ5		Bùi Xuân	Chiêu	Nam	19/08/1991				Trung bình	1502239	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22166	1524-K11CQ5		Đinh Xuân	Đăng	Nam	14/08/1994				Trung bình	1502240	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22167	1525-K11CQ5		Nguyễn Ngọc	Đạt	Nam	16/06/1992				Giỏi	1502241	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22168	1526-K11CQ5		Hoàng Minh	Đức	Nam	26/09/1994				Trung bình	1502242	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22169	1527-K11CQ5		Hoàng Việt	Dũng	Nam	09/04/1993				Khá	1502243	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22170	1528-K11CQ5		Vũ Thái Bình	Dương	Nam	02/09/1989				Trung bình	1502244	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22171	1529-K11CQ5		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	23/08/1993				Khá	1502245	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22172	1530-K11CQ5		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	05/09/1993				Trung bình	1502397	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22173	1531-K11CQ5		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	26/08/1993				Khá	1502247	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22174	1532-K11CQ5		Cao Thu	Hiền	Nữ	29/10/1994				Trung bình	1502248	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22175	1533-K11CQ5		Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	04/06/1985				Khá	1502249	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22176	1534-K11CQ5		Tăng Thị	Hồng	Nữ	26/08/1991				Khá	1502250	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22177	1535-K11CQ5		Hoàng Thị	Hương	Nữ	03/09/1991				Khá	1502251	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22178	1536-K11CQ5		Hồ Thị	Linh	Nữ	16/08/1993				Khá	1502252	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22179	1537-K11CQ5		Trần Văn	Linh	Nam	09/02/1993				Trung bình	1502253	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22180	1538-K11CQ5		Phạm Thị Trà	Mi	Nữ	03/12/1993				Khá	1502254	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22181	1539-K11CQ5		Lê Nhật	Minh	Nam	24/07/1992				Khá	1502255	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22182	1540-K11CQ5		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	11/10/1992				Khá	1502256	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22183	1541-K11CQ5		Võ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	14/04/1994				Khá	1502257	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22184	1542-K11CQ5		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	08/03/1993				Khá	1502258	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22185	1543-K11CQ5		Lê Đình	Quang	Nam	03/02/1992				Khá	1502259	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22186	1544-K11CQ5		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	17/09/1994				Khá	1502260	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22187	1545-K11CQ5		Đỗ Mạnh	Tài	Nam	17/06/1994				Trung bình	1502261	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22188	1546-K11CQ5		Vũ Thị	Thanh	Nữ	14/04/1992				Khá	1502262	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22189	1547-K11CQ5		Nguyễn Xuân	Thành	Nam	26/09/1993				Khá	1502263	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22190	1548-K11CQ5		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	17/11/1991				Khá	1502264	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22191	1549-K11CQ5		Đinh Văn	Thiện	Nam	28/03/1994				Khá	1502265	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22192	1550-K11CQ5		Nguyễn Văn	Thuần	Nam	08/08/1993				Khá	1502266	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22193	1551-K11CQ5		Đặng Hoài	Thương	Nữ	25/08/1992				Trung bình	1502267	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22194	1552-K11CQ5		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	10/01/1989				Khá	1502268	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22195	1553-K11CQ5		Hà Văn	Tình	Nam	02/03/1987				Khá	1502269	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22196	1554-K11CQ5		Lê Huyền	Trang	Nữ	05/07/1992				Khá	1502270	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22197	1555-K11CQ5		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	22/01/1990				Khá	1502271	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22198	1556-K11CQ5		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	15/08/1992				Khá	1502272	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22199	1557-K11CQ5		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	04/12/1994				Khá	1502273	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22200	1558-K11CQ5		Lê Việt	Trinh	Nữ	16/05/1991				Khá	1502274	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22201	1559-K11CQ5		Tạ Đình	Trung	Nam	19/05/1992				Khá	1502275	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22202	1560-K11CQ5		Trịnh Huy	Trường	Nam	21/07/1993				Khá	1502276	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22203	1561-K11CQ5		Nguyễn Thanh	Tú	Nữ	23/06/1994				Trung bình	1502277	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22204	1562-K11CQ5		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	03/01/1992				Trung bình	1502278	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22205	1563-K11CQ5		Ninh Duy	Tuấn	Nam	27/03/1994				Khá	1502279	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22206	1564-K11CQ5		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	26/04/1992				Khá	1502280	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22207	1565-K11CQ5		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	22/09/1994				Khá	1502281	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22208	1566-K11CQ5		Trịnh Hải	Yến	Nữ	05/05/1986				Khá	1502282	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22209	1567-K11CQ1		Nguyễn Thị	Bầu	Nữ	30/06/1988				Khá	1502283	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22210	1568-K11CQ3		Đoàn Thị Thu	Hà	Nữ	08/03/1994				Khá	1502284	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22211	1569-K11CQ3		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	11/04/1990				Khá	1502285	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	702/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22212	1570-K11CT3		An Lan	Anh	Nữ	12/08/1993				Khá	1502286	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22213	1571-K11CT3		Lương Thị	Anh	Nữ	30/08/1994				Khá	1502287	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22214	1572-K11CT3		Phan Tùng	Anh	Nam	25/06/1994				Trung bình	1502288	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22215	1573-K11CT3		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	04/03/1992				Trung bình	1502289	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22216	1574-K11CT3		Tô Thành	Công	Nam	16/02/1994				Khá	1502290	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22217	1575-K11CT3		Lê Tất	Đại	Nam	29/03/1993				Khá	1502291	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22218	1576-K11CT3		Nguyễn Thu	Đông	Nữ	05/07/1992				Khá	1502292	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22219	1577-K11CT3		Nguyễn Trung	Dũng	Nam	18/08/1991				Khá	1502293	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22220	1578-K11CT3		Nguyễn Như Thùy	Dương	Nữ	19/07/1991				Khá	1502294	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22221	1579-K11CT3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	19/01/1994				Khá	1502295	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22222	1580-K11CT3		Nguyễn Trọng	Hải	Nam	26/05/1992				Trung bình	1502296	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22223	1581-K11CT3		Đào Thảo	Hiền	Nữ	03/02/1993				Khá	1502297	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22224	1582-K11CT3		Chu Thanh	Hiếu	Nam	04/10/1992				Khá	1502298	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22225	1583-K11CT3		Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	28/10/1994				Khá	1502299	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22226	1584-K11CT3		Lê Thị	Hoài	Nữ	04/02/1991				Khá	1502300	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22227	1585-K11CT3		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	04/06/1992				Khá	1502301	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22228	1586-K11CT3		Cao Khánh	Huyền	Nữ	12/01/1992				Khá	1502302	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22229	1587-K11CT3		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	16/02/1993				Trung bình	1502303	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22230	1588-K11CT3		Bùi Đăng	Linh	Nam	17/05/1991				Khá	1502304	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22231	1589-K11CT3		Bùi Thị	Linh	Nữ	28/12/1993				Khá	1502305	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22232	1590-K11CT3		Ngô Thùy	Linh	Nữ	27/07/1993				Khá	1502306	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22233	1591-K11CT3		Tạ Mai	Linh	Nữ	20/09/1993				Khá	1502307	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22234	1592-K11CT3		Phạm Thị	Loan	Nữ	22/12/1994				Khá	1502308	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22235	1593-K11CT3		Trần Hồng	Minh	Nam	18/11/1992				Khá	1502309	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22236	1594-K11CT3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	13/02/1992				Khá	1502310	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22237	1595-K11CT3		Lê Thị	Nhung	Nữ	20/11/1990				Khá	1502311	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22238	1596-K11CT3		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/05/1992				Khá	1502312	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22239	1597-K11CT3		Lưu Tú	Phương	Nữ	15/09/1988				Khá	1502313	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22240	1598-K11CT3		Đỗ Ngọc	Quỳnh	Nữ	02/04/1993				Khá	1502314	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22241	1599-K11CT3		Ngô Quang	Thạch	Nam	10/11/1991				Khá	1502315	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22242	1600-K11CT3		Nguyễn Tiến	Thành	Nam	13/11/1991				Khá	1502316	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22243	1601-K11CT3		Nguyễn Thị	Thơ	Nữ	01/09/1991				Khá	1502317	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22244	1602-K11CT3		Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	10/11/1993				Trung bình	1502318	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22245	1603-K11CT3		Lê Thị Hồng	Trâm	Nữ	03/12/1991				Khá	1502319	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22246	1604-K11CT3		Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	28/03/1993				Khá	1502320	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22247	1605-K11CT3		Đào Đăng	Trọng	Nam	17/05/1991				Khá	1502321	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22248	1606-K11CT3		Nguyễn Thành	Trung	Nam	27/09/1991				Trung bình	1502322	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22249	1607-K11CT3		Trần Mạnh	Tú	Nam	29/06/1992				Khá	1502323	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22250	1608-K11CT3		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	18/10/1990				Trung bình	1502324	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22251	1609-K11CT3		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	21/04/1993				Khá	1502325	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22252	1610-K11CT3		Hoàng Thị	út	Nữ	06/06/1993				Khá	1502326	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22253	1611-K11CT3		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	10/06/1992				Khá	1502327	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22254	1612-K11CT4		Đỗ Tuấn	Anh	Nam	13/06/1994				Khá	1502328	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22255	1613-K11CT4		Lê Tuấn	Anh	Nam	17/09/1993				Khá	1502329	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22256	1614-K11CT4		Nguyễn Công Phương	Anh	Nữ	04/11/1991				Khá	1502330	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22257	1615-K11CT4		Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	11/09/1993				Khá	1502331	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22258	1616-K11CT4		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	09/12/1994				Trung bình	1502332	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22259	1617-K11CT4		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	25/05/1982				Khá	1502333	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22260	1618-K11CT4		Trần Đức	Anh	Nam	31/01/1994				Trung bình	1502334	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22261	1619-K11CT4		Phạm Quỳnh	Châu	Nữ	17/08/1993				Khá	1502335	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22262	1620-K11CT4		Đỗ Mạnh	Cường	Nam	19/07/1993				Trung bình	1502336	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22263	1621-K11CT4		Vũ Thị Bích	Diệp	Nữ	21/09/1991				Khá	1502337	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22264	1622-K11CT4		Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	18/09/1994				Khá	1502338	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22265	1623-K11CT4		Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	25/08/1994				Trung bình	1502339	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22266	1624-K11CT4		Lê Trường	Giang	Nam	14/11/1991				Trung bình	1502340	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22267	1625-K11CT4		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	05/02/1994				Khá	1502341	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22268	1626-K11CT4		Đào Thu	Hằng	Nữ	16/12/1993				Khá	1502342	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22269	1627-K11CT4		Chu Thị	Hiền	Nữ	10/05/1991				Khá	1502343	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22270	1628-K11CT4		Bùi Diệu	Hoa	Nữ	05/02/1993				Khá	1502344	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22271	1629-K11CT4		Hà Thị	Hòa	Nữ	24/12/1993				Khá	1502345	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22272	1630-K11CT4		Kiều Thị	Hồng	Nữ	10/07/1994				Trung bình	1502346	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22273	1631-K11CT4		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	13/01/1993				Khá	1502347	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22274	1632-K11CT4		Nguyễn Hán	Hùng	Nam	06/09/1993				Khá	1502348	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22275	1633-K11CT4		Chử Xuân	Hường	Nam	04/01/1993				Khá	1502349	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22276	1634-K11CT4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	07/12/1989				Khá	1502350	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22277	1635-K11CT4		Đỗ Thị Phượng	Liên	Nữ	01/09/1993				Khá	1502351	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22278	1636-K11CT4		Kiều Thu	Linh	Nữ	30/09/1991				Khá	1502352	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22279	1637-K11CT4		Nguyễn Nhật	Linh	Nữ	12/06/1993				Khá	1502353	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22280	1638-K11CT4		Phạm Hoàng	Long	Nam	24/09/1992				Khá	1502354	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22281	1639-K11CT4		Phan Văn	Minh	Nam	22/06/1991				Trung bình	1502355	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22282	1640-K11CT4		Bùi Trà	My	Nữ	06/04/1993				Trung bình	1502356	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22283	1641-K11CT4		Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	09/10/1990				Trung bình	1502357	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22284	1642-K11CT4		Đới Thị	Nga	Nữ	06/02/1992				Khá	1502358	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22285	1643-K11CT4		Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	09/01/1992				Khá	1502359	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22286	1644-K11CT4		Dương Thị Bích	Ngọc	Nữ	19/11/1994				Khá	1502360	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22287	1645-K11CT4		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	05/12/1994				Khá	1502361	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22288	1646-K11CT4		Phan Thanh	Phúc	Nam	22/03/1994				Khá	1502362	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22289	1647-K11CT4		Bùi Thị	Phương	Nữ	10/05/1994				Khá	1502363	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22290	1648-K11CT4		Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	07/10/1993				Khá	1502364	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22291	1649-K11CT4		Nguyễn Thị	Quý	Nữ	06/10/1994				Khá	1502365	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22292	1650-K11CT4		Nguyễn Hữu	Thạch	Nam	20/12/1990				Trung bình	1502366	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22293	1651-K11CT4		Trần Thị Yên	Thành	Nữ	13/09/1989				Khá	1502367	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22294	1652-K11CT4		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	05/10/1994				Trung bình	1502368	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22295	1653-K11CT4		Nguyễn Thanh	Trà	Nữ	26/03/1992				Khá	1502369	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22296	1654-K11CT4		Lê Thu	Trang	Nữ	08/11/1993				Trung bình	1502370	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22297	1655-K11CT4		Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	21/10/1993				Khá	1502371	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22298	1656-K11CT4		Nghiêm Đức	Trung	Nam	10/08/1991				Trung bình	1502372	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22299	1657-K11CT4		Đặng Văn	Tú	Nam	10/11/1993				Khá	1502373	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22300	1658-K11CT4		Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	20/04/1992				Khá	1502374	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22301	1659-K11CT4		Trần Thị	Tuyết	Nữ	01/08/1986				Khá	1502375	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22302	1660-K11CT4		Lưu Thị	Uyên	Nữ	01/01/1994				Trung bình	1502376	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22303	1661-K11CT1		Lê Thành	Chung	Nam	16/12/1992				Khá	1502377	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	704/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22304	1662-K10CK1		Đỗ	Huy	Nam	04/11/1991				Trung bình khá	1502378	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	700/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22305	1663-K10CQ1		Lưu Xuân	Cường	Nam	02/07/1993				Khá	1502379	2017	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	703/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22306	1664-K4TK1		Phan Tiến	Toàn	Nam	28/08/1990				Trung bình khá	1502380	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	699/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22307	1665-K4TK3		Lộc Thị Bích	Dung	Nữ	27/04/1991				Trung bình khá	1502381	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	699/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22308	1666-K4TK3		Lê Văn	Nam	Nam	21/05/1981				Trung bình khá	1502382	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	699/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22309	1667-K4TK4		Võ Anh	Mạnh	Nam	08/02/1987				Trung bình khá	1502383	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	699/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22310	1668-K4TK4		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	24/02/1993				Khá	1502384	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	699/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22311	1669-K5TK1		Lê Anh	Tuấn	Nam	11/09/1989				Trung bình khá	1502385	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	699/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22312	1670-K5TK1		Lương Thị	Tuyết	Nữ	09/10/1990				Trung bình khá	1502386	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	699/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22313	1671-K11CK2		Nguyễn Quang	Anh	Nam	30/09/1992				Trung bình	1502388	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22314	1672-K11CK2		Lưu Thị	Hà	Nữ	14/12/1993				Khá	1502389	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22315	1673-K11CK2		Đào Thị	Hạnh	Nữ	18/10/1985				Trung bình	1502390	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22316	1674-K11CK2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	11/02/1992				Khá	1502391	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22317	1675-K11CK2		Ngô Duy	Khánh	Nam	28/09/1992				Trung bình	1502392	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22318	1676-K11CK2		Lưu Thị	Lan	Nữ	19/10/1990				Trung bình	1502393	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22319	1677-K11CK2		Lương Thị	Ngọc	Nữ	20/10/1990				Trung bình	1502394	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22320	1678-K11CK2		Hà Duy	Ninh	Nam	23/06/1989				Trung bình	1502395	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22321	1679-K11CK2		Lê Thanh	Sơn	Nam	19/04/1993				Trung bình	1502396	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	701/QĐ-ĐHTM, 16/10/17	
22322	1680-K12CK1		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	05/08/1994				Khá	1502398	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22323	1681-K12CK1		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	02/07/1994				Khá	1502399	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22324	1682-K12CK1		Trần Thị Vân	Anh	Nữ	25/07/1994				Trung bình	1502400	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22325	1683-K12CK1		Trần Việt	Anh	Nam	30/07/1993				Trung bình	1502401	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22326	1684-K12CK1		Phí Ngọc	Bích	Nữ	07/03/1993				Khá	1502402	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22327	1685-K12CK1		Nguyễn Thị	Điệp	Nữ	21/03/1993				Khá	1502403	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22328	1686-K12CK1		Nguyễn Hoàng	Giang	Nam	08/03/1994				Khá	1502404	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22329	1687-K12CK1		Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	10/03/1994				Khá	1502405	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22330	1688-K12CK1		Nguyễn Hải	Hà	Nữ	15/04/1994				Khá	1502406	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22331	1689-K12CK1		Vũ Thị Thu	Hằng	Nữ	17/04/1992				Giỏi	1502407	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22332	1690-K12CK1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	07/02/1994				Khá	1502408	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22333	1691-K12CK1		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	16/03/1994				Khá	1502409	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22334	1692-K12CK1		Phạm Thị	Hiền	Nữ	30/09/1992				Khá	1502410	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22335	1693-K12CK1		Trịnh Thị	Hiền	Nữ	30/12/1982				Giỏi	1502411	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22336	1694-K12CK1		Trương Văn	Hiếu	Nam	28/02/1993				Giỏi	1502412	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22337	1695-K12CK1		Đỗ Ngọc Quỳnh	Hoa	Nữ	08/07/1994				Giỏi	1502413	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22338	1696-K12CK1		Hồ Thị	Huệ	Nữ	01/06/1994				Khá	1502414	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22339	1697-K12CK1		Kiều Thị	Hương	Nữ	17/05/1994				Khá	1502415	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22340	1698-K12CK1		Vũ Thị Thanh	Hương	Nữ	05/04/1981				Giỏi	1502416	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22341	1699-K12CK1		Hà Khánh	Huyền	Nữ	28/04/1994				Khá	1502417	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22342	1700-K12CK1		Kiều Thị Thu	Huyền	Nữ	24/11/1994				Khá	1502418	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22343	1701-K12CK1		Ngô Thị Thu	Huyền	Nữ	01/02/1994				Khá	1502419	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22344	1702-K12CK1		Trần Thị	Lan	Nữ	01/08/1992				Khá	1502420	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22345	1703-K12CK1		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	03/01/1994				Khá	1502421	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22346	1704-K12CK1		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	08/07/1991				Khá	1502422	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22347	1705-K12CK1		Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	29/11/1993				Khá	1502423	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22348	1706-K12CK1		Vương Thị Hồng	Linh	Nữ	20/09/1992				Khá	1502424	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22349	1707-K12CK1		Vương Tuấn	Linh	Nam	25/02/1994				Khá	1502425	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22350	1708-K12CK1		Chu Thị	Lý	Nữ	01/01/1992				Trung bình	1502426	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22351	1709-K12CK1		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	13/02/1992				Khá	1502427	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22352	1710-K12CK1		Phạm Thị	Mai	Nữ	03/08/1992				Khá	1502428	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22353	1711-K12CK1		Lương Đức	Mạnh	Nam	22/07/1993				Khá	1502429	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22354	1712-K12CK1		Vũ Thị	Mến	Nữ	26/07/1993				Khá	1502430	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22355	1713-K12CK1		Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	02/11/1991				Khá	1502431	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22356	1714-K12CK1		Ngô Thái Trà	My	Nữ	27/10/1990				Giỏi	1502432	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22357	1715-K12CK1		Lê Hoài	Nam	Nam	20/06/1991				Khá	1502433	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22358	1716-K12CK1		Hoàng Thị	Nga	Nữ	06/05/1993				Khá	1502434	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22359	1717-K12CK1		Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	20/11/1990				Khá	1502435	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22360	1718-K12CK1		Hoàng Thị	Ngân	Nữ	17/07/1992				Khá	1502436	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22361	1719-K12CK1		Trần Thị	Ngân	Nữ	30/08/1991				Khá	1502437	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22362	1720-K12CK1		Nguyễn Thanh	Nghĩa	Nữ	11/05/1994				Giỏi	1502438	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22363	1721-K12CK1		Nguyễn Thị	Ngoan	Nữ	30/08/1994				Khá	1502439	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22364	1722-K12CK1		Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	16/12/1993				Khá	1502440	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22365	1723-K12CK1		Ngô Thị	Nhài	Nữ	10/05/1994				Khá	1502441	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22366	1724-K12CK1		Hoàng Tuyết	Nhung	Nữ	10/12/1993				Khá	1502442	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22367	1725-K12CK1		Đỗ Thị Kiều	Oanh	Nữ	11/09/1993				Giỏi	1502443	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22368	1726-K12CK1		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	12/07/1994				Khá	1502444	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22369	1727-K12CK1		Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	22/10/1993				Khá	1502445	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22370	1728-K12CK1		Kiều Thị	Phúc	Nữ	24/12/1994				Khá	1502446	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22371	1729-K12CK1		Bùi Thị	Phương	Nữ	01/04/1992				Khá	1502447	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22372	1730-K12CK1		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	15/10/1981				Giỏi	1502448	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22373	1731-K12CK1		Trần Thảo	Phương	Nữ	09/11/1994				Khá	1502449	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22374	1732-K12CK1		Nguyễn Văn	Quyền	Nam	01/11/1994				Khá	1502450	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22375	1733-K12CK1		Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/10/1992				Khá	1502451	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22376	1734-K12CK1		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	03/07/1993				Khá	1502452	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22377	1735-K12CK1		Đỗ Thị Minh	Tân	Nữ	03/02/1992				Giỏi	1502453	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22378	1736-K12CK1		Hoàng Thị Minh	Tân	Nữ	29/03/1993				Khá	1502454	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22379	1737-K12CK1		Nguyễn Thị Thu	Thanh	Nữ	14/12/1993				Khá	1502455	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22380	1738-K12CK1		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	27/09/1994				Khá	1502456	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22381	1739-K12CK1		Nguyễn Thị	Thiêm	Nữ	10/07/1993				Khá	1502457	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22382	1740-K12CK1		Phạm Thị	Thoa	Nữ	09/07/1991				Khá	1502458	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22383	1741-K12CK1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	04/02/1990				Khá	1502459	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22384	1742-K12CK1		Đặng Thị	Thúy	Nữ	26/01/1994				Trung bình	1502460	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22385	1743-K12CK1		Trần Thị	Thùy	Nữ	22/11/1992				Khá	1502461	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22386	1744-K12CK1		Lê Thị Phương	Thùy	Nữ	17/04/1993				Khá	1502462	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22387	1745-K12CK1		Nguyễn Thị Thanh	Trà	Nữ	28/09/1994				Khá	1502463	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22388	1746-K12CK1		Hà Minh	Trang	Nữ	26/02/1991				Khá	1502464	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22389	1747-K12CK1		Lê Thị	Trang	Nữ	15/10/1993				Khá	1502465	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22390	1748-K12CK1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	17/03/1990				Khá	1502466	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22391	1749-K12CK1		Vũ Thị Mai	Trang	Nữ	11/04/1994				Khá	1502467	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22392	1750-K12CK1		Hà Việt	Trinh	Nữ	07/12/1994				Khá	1502468	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22393	1751-K12CK1		Võ Ngọc	Tuyết	Nữ	23/09/1987				Khá	1502469	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22394	1752-K12CK1		Trịnh Hải	Vân	Nữ	02/09/1993				Khá	1502470	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22395	1753-K12CK1		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	05/03/1993				Khá	1502471	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22396	1754-K12CK1		Đặng Thị	Xuyến	Nữ	27/11/1992				Trung bình	1502472	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22397	1755-K12CK1		Lê Thị	Yến	Nữ	08/04/1993				Khá	1502473	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22398	1756-K12CK1		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	05/09/1990				Khá	1502474	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22399	1757-K12CK1		Vũ Ngọc	Yến	Nữ	16/11/1991				Khá	1502475	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22400	1758-K10CK2		Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	29/09/1990				Khá	1502476	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22401	1759-K11CK3		Khuất Thị Hương	Giang	Nữ	06/09/1993				Khá	1502477	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22402	1760-K11CK8		Lê Thị	Chúc	Nữ	04/06/1993				Trung bình	1502478	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22403	1761-K11CK9		Ngô Mỹ	Linh	Nữ	02/11/1994				Khá	1502479	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22404	1762-K11CK10		Hoàng Văn	Đoàn	Nam	19/02/1992				Trung bình	1502480	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22405	1763-K11CK10		Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	18/08/1989				Khá	1502481	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22406	1764-K11CK11		Lê Thị	Hoan	Nữ	02/02/1993				Khá	1502482	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22407	1765-K11CK12		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/08/1990				Khá	1502483	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22408	1766-K11CK12		Đào Thị	Nhi	Nữ	24/11/1993				Khá	1502484	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22409	1767-K11CK13		Lê Đức	Hạnh	Nữ	24/10/1989				Khá	1502485	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22410	1768-K11CK15		Vũ Thị	Ba	Nữ	31/05/1992				Khá	1502486	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22411	1769-K11CK15		Trần Thị	Trà	Nữ	01/07/1992				Khá	1502487	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22412	1770-K11CK16		Nguyễn Bá	Hoàng	Nam	19/08/1988				Trung bình	1502488	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22413	1771-K11CK16		Nguyễn Thị ánh	Ngọc	Nữ	21/09/1992				Trung bình	1502489	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	905/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22414	1772-K12CK2		Trương Thị Vân	Anh	Nữ	26/03/1993				Khá	1502490	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22415	1773-K12CK2		Đỗ Thị Ngọc	ánh	Nữ	08/09/1993				Khá	1502491	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22416	1774-K12CK2		Đoàn Ngọc	Bảo	Nam	20/10/1994				Khá	1502492	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22417	1775-K12CK2		Hoàng Thị Thạch	Cầm	Nữ	23/08/1993				Khá	1502493	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22418	1776-K12CK2		Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	17/04/1993				Khá	1502494	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22419	1777-K12CK2		Hà Thị Bích	Đào	Nữ	03/06/1985				Khá	1502495	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22420	1778-K12CK2		Phan Thị Kim	Dự	Nữ	28/09/1994				Khá	1502496	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22421	1779-K12CK2		Lê Hạnh	Dung	Nữ	04/12/1994				Trung bình	1502497	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22422	1780-K12CK2		Lê My	Dung	Nữ	04/12/1994				Trung bình	1502498	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22423	1781-K12CK2		Lê Phương	Dung	Nữ	04/12/1994				Trung bình	1502499	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22424	1782-K12CK2		Trần Thị Phương	Dung	Nữ	27/07/1992				Khá	1502500	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22425	1783-K12CK2		Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	10/07/1993				Khá	1502501	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22426	1784-K12CK2		Huỳnh Thị Bảo	Duyên	Nữ	14/12/1993				Khá	1502502	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22427	1785-K12CK2		Trần Hồng	Duyên	Nữ	17/04/1994				Khá	1502503	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22428	1786-K12CK2		Trần Thị	Giang	Nữ	14/09/1994				Khá	1502504	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22429	1787-K12CK2		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	06/08/1994				Khá	1502505	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22430	1788-K12CK2		Phạm Thị	Hằng	Nữ	15/01/1993				Khá	1502506	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22431	1789-K12CK2		Trần Thị Ngọc	Hậu	Nữ	20/01/1994				Khá	1502507	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22432	1790-K12CK2		Trần Thị Thanh	Hiền	Nữ	23/10/1993				Khá	1502508	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22433	1791-K12CK2		Đinh Thị Thanh	Hiếu	Nữ	24/09/1990				Khá	1502509	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22434	1792-K12CK2		Nguyễn Thị Minh	Hiếu	Nữ	23/12/1993				Khá	1502510	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22435	1793-K12CK2		Phan My	Hoa	Nữ	20/02/1994				Khá	1502511	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22436	1794-K12CK2		Lê Thị ánh	Hồng	Nữ	05/03/1993				Khá	1502512	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22437	1795-K12CK2		Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	19/08/1991				Khá	1502513	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22438	1796-K12CK2		Trần Vũ	Lâm	Nam	06/03/1990				Trung bình	1502514	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22439	1797-K12CK2		Mai Thị	Lan	Nữ	09/06/1989				Khá	1502515	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22440	1798-K12CK2		Phan Thị Kim	Loan	Nữ	14/05/1991				Khá	1502516	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22441	1799-K12CK2		Nguyễn Thị	Long	Nữ	04/07/1994				Khá	1502517	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22442	1800-K12CK2		Dương Thị Tuyết	Mai	Nữ	24/01/1986				Khá	1502518	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22443	1801-K12CK2		Nguyễn Thị Thu	My	Nữ	23/09/1993				Trung bình	1502519	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22444	1802-K12CK2		Võ Thị	Na	Nữ	12/02/1993				Khá	1502520	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22445	1803-K12CK2		Hà Thị Kim	Ngọc	Nữ	05/03/1990				Khá	1502521	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22446	1804-K12CK2		Nguyễn Thị Thanh	Nhã	Nữ	19/06/1993				Khá	1502522	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22447	1805-K12CK2		Hồ Thị Yến	Nhi	Nữ	19/07/1994				Khá	1502523	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22448	1806-K12CK2		Lê Thị	Nhị	Nữ	14/10/1994				Khá	1502524	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22449	1807-K12CK2		Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	20/10/1993				Trung bình	1502525	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22450	1808-K12CK2		Nguyễn Thị Ngọc	Nương	Nữ	06/12/1992				Khá	1502526	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22451	1809-K12CK2		Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	07/08/1994				Khá	1502527	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22452	1810-K12CK2		Hồ Đắc	Phú	Nam	10/10/1994				Khá	1502528	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22453	1811-K12CK2		Lê Vĩnh	Phú	Nam	20/10/1992				Trung bình	1502529	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22454	1812-K12CK2		Lê Tấn	Phúc	Nam	28/06/1991				Khá	1502530	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22455	1813-K12CK2		Mai Tiến	Phước	Nam	05/01/1993				Khá	1502531	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22456	1814-K12CK2		Cái Hà	Phương	Nữ	15/12/1992				Khá	1502532	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22457	1815-K12CK2		Lê Thị	Phương	Nữ	24/06/1994				Khá	1502533	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22458	1816-K12CK2		Lê Thị Bích	Phương	Nữ	11/01/1993				Khá	1502534	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22459	1817-K12CK2		Nguyễn Thị Bích	Phương	Nữ	25/01/1986				Khá	1502535	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22460	1818-K12CK2		Trần Thị	Phương	Nữ	16/09/1993				Khá	1502536	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22461	1819-K12CK2		Trương Thị	Phương	Nữ	06/04/1993				Khá	1502537	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22462	1820-K12CK2		Mai Đình	Quang	Nam	25/02/1994				Trung bình	1502538	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22463	1821-K12CK2		Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	10/12/1994				Khá	1502539	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22464	1822-K12CK2		Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	04/12/1993				Giỏi	1502540	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22465	1823-K12CK2		Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	23/04/1993				Khá	1502541	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22466	1824-K12CK2		Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	03/01/1991				Khá	1502542	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22467	1825-K12CK2		Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	20/11/1994				Khá	1502543	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22468	1826-K12CK2		Phạm Thị Kim	Thọ	Nữ	23/03/1993				Giỏi	1502544	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22469	1827-K12CK2		Huỳnh Thị Hoài	Thu	Nữ	04/10/1993				Khá	1502545	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22470	1828-K12CK2		Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	21/10/1993				Khá	1502546	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22471	1829-K12CK2		Lưu Thị Hoài	Thương	Nữ	07/10/1993				Khá	1502547	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22472	1830-K12CK2		Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	31/08/1993				Khá	1502548	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22473	1831-K12CK2		Hoàng Thị Diệu	Thúy	Nữ	18/08/1992				Giỏi	1502549	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22474	1832-K12CK2		Phan Thị Như	Thủy	Nữ	08/05/1992				Giỏi	1502550	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22475	1833-K12CK2		Phạm Thị Thanh	Thúy	Nữ	12/12/1993				Khá	1502551	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22476	1834-K12CK2		Thái Thị	Thúy	Nữ	24/06/1994				Khá	1502552	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22477	1835-K12CK2		Võ Thị Như	Thùy	Nữ	05/12/1992				Khá	1502553	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22478	1836-K12CK2		Nguyễn Thị Mỹ	Toàn	Nữ	12/07/1993				Khá	1502554	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22479	1837-K12CK2		Lê Thị Thùy	Trâm	Nữ	22/07/1994				Khá	1502555	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22480	1838-K12CK2		Hồ Thị Việt	Trinh	Nữ	02/05/1992				Khá	1502556	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22481	1839-K12CK2		Lê Thị Việt	Trinh	Nữ	08/06/1992				Khá	1502557	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22482	1840-K12CK2		Vũ Thị Ngọc	Trinh	Nữ	16/03/1994				Khá	1502558	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22483	1841-K12CK2		Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	12/09/1992				Khá	1502559	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22484	1842-K12CK2		Nguyễn Thị Thiên	Tường	Nữ	19/02/1994				Khá	1502560	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22485	1843-K12CK2		Hồ Thị Ngọc	Uyên	Nữ	08/04/1994				Khá	1502561	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22486	1844-K12CK2		Huỳnh Thị Phương	Uyên	Nữ	15/11/1991				Khá	1502562	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22487	1845-K12CK2		Ngô Thị Phan	Uyên	Nữ	10/08/1992				Giỏi	1502563	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22488	1846-K12CK2		Trần Lê Tố	Uyên	Nữ	18/07/1994				Khá	1502564	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22489	1847-K12CK2		Lê Thị Dung	Vi	Nữ	28/06/1994				Khá	1502565	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22490	1848-K12CK2		Ngô Văn	Vinh	Nam	20/07/1991				Khá	1502566	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22491	1849-K12CK2		Võ Thị Như	Vy	Nữ	12/12/1994				Khá	1502567	2017	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	906/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22492	1850-K12CQ2		Phạm Thị Hồng	Anh	Nữ	24/10/1992				Khá	1502568	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22493	1851-K12CQ2		Lương Xuân	Cảm	Nam	17/10/1989				Khá	1502569	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22494	1852-K12CQ2		Nguyễn	Cảm	Nam	22/02/1990				Khá	1502570	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22495	1853-K12CQ2		Hoàng Hải	Đăng	Nam	01/05/1981				Giỏi	1502571	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22496	1854-K12CQ2		Lê Hoàng	Đông	Nam	13/02/1993				Khá	1502572	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22497	1855-K12CQ2		Phan Thị Phương	Dung	Nữ	20/10/1993				Khá	1502573	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22498	1856-K12CQ2		Dương Thị Mỹ	Duyên	Nữ	18/06/1993				Khá	1502574	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22499	1857-K12CQ2		Trần Anh Minh	Hải	Nam	08/05/1985				Khá	1502575	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22500	1858-K12CQ2		Lương Thị	Hiền	Nữ	18/08/1993				Khá	1502576	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22501	1859-K12CQ2		Nghiêm Đỗ Quang	Hiển	Nam	19/10/1990				Khá	1502577	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22502	1860-K12CQ2		Văn Thị Trung	Hiếu	Nữ	08/08/1992				Khá	1502578	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22503	1861-K12CQ2		Trần	Hùng	Nam	11/10/1989				Khá	1502579	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22504	1862-K12CQ2		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	18/09/1992				Khá	1502580	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22505	1863-K12CQ2		Nguyễn Khương Hồng	Khanh	Nữ	26/08/1991				Khá	1502581	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22506	1864-K12CQ2		Nguyễn Thị Kim	Khánh	Nữ	12/04/1994				Khá	1502582	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22507	1865-K12CQ2		Nguyễn Minh	Lâm	Nam	10/01/1991				Khá	1502583	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22508	1866-K12CQ2		Lương Giang Ngọc	Linh	Nữ	29/08/1994				Khá	1502584	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22509	1867-K12CQ2		Nguyễn Hoài	Linh	Nữ	17/09/1994				Khá	1502585	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22510	1868-K12CQ2		Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	23/01/1993				Khá	1502586	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22511	1869-K12CQ2		Trần Thị Hồng	Mận	Nữ	20/08/1994				Khá	1502587	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22512	1870-K12CQ2		Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	08/12/1989				Khá	1502588	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22513	1871-K12CQ2		Lê Kờ Lem	Na	Nữ	18/05/1992				Khá	1502589	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22514	1872-K12CQ2		Võ Thị Thúy	Nga	Nữ	04/01/1994				Khá	1502590	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22515	1873-K12CQ2		Đặng Văn	Ngọc	Nam	10/06/1991				Trung bình	1502591	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22516	1874-K12CQ2		Ngô Đăng Thị Minh	Ngọc	Nữ	13/09/1992				Khá	1502592	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22517	1875-K12CQ2		Trương Thị Bích	Ngọc	Nữ	15/06/1989				Khá	1502593	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22518	1876-K12CQ2		Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	16/07/1992				Khá	1502594	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22519	1877-K12CQ2		Trần Thiện	Nhân	Nữ	25/12/1994				Giỏi	1502595	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22520	1878-K12CQ2		Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	09/01/1994				Khá	1502596	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22521	1879-K12CQ2		Quan Tú	Nhiên	Nữ	13/06/1992				Khá	1502597	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22522	1880-K12CQ2		Tăng Thị Yến	Nương	Nữ	20/11/1992				Khá	1502598	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22523	1881-K12CQ2		Thân Đăng	Phước	Nam	20/08/1994				Giỏi	1502599	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22524	1882-K12CQ2		Ngô Thị Diễm	Phương	Nữ	06/01/1988				Khá	1502600	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22525	1883-K12CQ2		Nguyễn Hữu	Quý	Nam	22/09/1994				Khá	1502601	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22526	1884-K12CQ2		Nguyễn Thị Hồng	Quyên	Nữ	07/08/1994				Khá	1502602	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22527	1885-K12CQ2		Nguyễn Thị	Sa	Nữ	03/05/1991				Khá	1502603	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22528	1886-K12CQ2		Nguyễn Thị Thu	Sen	Nữ	24/02/1993				Khá	1502604	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22529	1887-K12CQ2		Trần Nhật	Sơn	Nam	08/10/1993				Khá	1502605	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22530	1888-K12CQ2		Phan Minh	Tài	Nam	04/06/1992				Khá	1502606	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22531	1889-K12CQ2		Lê Thiện Chí	Tâm	Nam	24/10/1990				Khá	1502607	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22532	1890-K12CQ2		Lê Thế	Tân	Nam	16/12/1989				Trung bình	1502608	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22533	1891-K12CQ2		Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	17/05/1993				Giỏi	1502609	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22534	1892-K12CQ2		Lưu Thị Phương	Thảo	Nữ	10/07/1990				Khá	1502610	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22535	1893-K12CQ2		Nguyễn Đăng Đan	Thảo	Nữ	11/10/1993				Giỏi	1502611	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22536	1894-K12CQ2		Đỗ Thị Thu	Thịnh	Nữ	27/01/1994				Khá	1502612	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22537	1895-K12CQ2		Lê Tấn	Thịnh	Nam	13/10/1993				Trung bình	1502613	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22538	1896-K12CQ2		Trịnh Thị Hoài	Thương	Nữ	01/01/1991				Khá	1502614	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22539	1897-K12CQ2		Lưu Thị	Thúy	Nữ	12/06/1994				Khá	1502615	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22540	1898-K12CQ2		Nguyễn Trương Diệu	Tiên	Nữ	12/12/1994				Khá	1502616	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22541	1899-K12CQ2		Trần Minh	Toàn	Nam	04/06/1992				Khá	1502617	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22542	1900-K12CQ2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	29/08/1993				Khá	1502618	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22543	1901-K12CQ2		Võ Công Quốc	Trí	Nam	04/05/1994				Khá	1502619	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22544	1902-K12CQ2		Đỗ Thị	Trinh	Nữ	12/10/1993				Khá	1502620	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22545	1903-K12CQ2		Trần Thị Kiều	Trinh	Nữ	02/06/1992				Khá	1502621	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22546	1904-K12CQ2		Nguyễn Hữu	Trung	Nam	11/06/1993				Khá	1502622	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22547	1905-K12CQ2		Trần Thị Thanh	Truyền	Nữ	20/05/1994				Khá	1502623	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22548	1906-K12CQ2		Nguyễn Quang	Tuấn	Nam	14/03/1993				Khá	1502624	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22549	1907-K12CQ2		Phí Thanh	Tuấn	Nam	10/04/1991				Khá	1502625	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22550	1908-K12CQ2		Nguyễn Thị Tú	Uyên	Nữ	05/11/1994				Khá	1502626	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22551	1909-K12CQ2		Châu Tường	Vân	Nữ	22/12/1994				Khá	1502627	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22552	1910-K12CQ2		Trương Thị Ngọc	Vân	Nữ	01/06/1992				Khá	1502628	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22553	1911-K12CQ2		Trần Lê	Việt	Nam	15/12/1994				Khá	1502629	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22554	1912-K12CQ2		Đinh Trần	Vũ	Nam	29/11/1992				Khá	1502630	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22555	1913-K12CQ2		Ngô Văn	Vũ	Nam	28/11/1994				Khá	1502631	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22556	1914-K12CQ2		Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	18/09/1994				Giỏi	1502632	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22557	1915-K12CQ2		Lưu Thị Phương	Vỹ	Nữ	26/04/1994				Giỏi	1502633	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22558	1916-K12CQ2		Lê Thị Bích	Yên	Nữ	01/06/1994				Khá	1502634	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	907/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22559	1917-K11CQ1		Khuất Thanh	Sơn	Nam	05/05/1987				Trung bình	1502635	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	910/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22560	1918-K11CQ4		Nguyễn Đình	Quang	Nam	05/11/1988				Khá	1502636	2017	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	910/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22561	1919-K12CT2		Nguyễn Thị Quế	Anh	Nữ	02/11/1994				Khá	1502637	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22562	1920-K12CT2		Hồ Thị Nguyệt	ánh	Nữ	25/08/1991				Khá	1502638	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22563	1921-K12CT2		Phạm Phước	Cảm	Nam	30/10/1992				Khá	1502639	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22564	1922-K12CT2		Võ Văn	Đạt	Nam	03/09/1993				Khá	1502640	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22565	1923-K12CT2		Lê Quang Bá	Diên	Nam	25/10/1992				Khá	1502641	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22566	1924-K12CT2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	08/10/1993				Giỏi	1502642	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22567	1925-K12CT2		Lê Thị Hương	Giang	Nữ	07/02/1994				Khá	1502643	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22568	1926-K12CT2		Lâm Ngọc	Hân	Nữ	27/02/1990				Khá	1502644	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22569	1927-K12CT2		Hồ Thị	Hằng	Nữ	02/11/1994				Khá	1502645	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22570	1928-K12CT2		Phùng Thị Thanh	Hằng	Nữ	09/02/1992				Khá	1502646	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22571	1929-K12CT2		Võ Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	16/10/1994				Khá	1502647	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22572	1930-K12CT2		Huỳnh Thị	Huệ	Nữ	10/04/1993				Khá	1502648	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22573	1931-K12CT2		Hoàng Văn	Hùng	Nam	22/06/1993				Khá	1502649	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22574	1932-K12CT2		Phạm Đình Nhật	Huy	Nam	14/10/1991				Khá	1502650	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22575	1933-K12CT2		Nguyễn Huy	Khá	Nam	14/09/1994				Khá	1502651	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22576	1934-K12CT2		Bùi Thị Khánh	Khuyên	Nữ	25/03/1993				Khá	1502652	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22577	1935-K12CT2		Hoàng Thị Ngọc	Lan	Nữ	24/03/1991				Khá	1502653	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22578	1936-K12CT2		Lê Thị	Lan	Nữ	06/03/1993				Khá	1502654	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22579	1937-K12CT2		Trần Đình	Lân	Nam	30/06/1994				Khá	1502655	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22580	1938-K12CT2		Nguyễn Đức	Luân	Nam	29/10/1992				Khá	1502656	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22581	1939-K12CT2		Hồ Thị	Mẫn	Nữ	20/02/1992				Giỏi	1502657	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22582	1940-K12CT2		Trương Thị Thu	Mậu	Nữ	24/09/1991				Giỏi	1502658	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22583	1941-K12CT2		Nguyễn Đình Họa	Mi	Nữ	01/11/1993				Giỏi	1502659	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22584	1942-K12CT2		Cao Văn	Minh	Nam	18/01/1993				Khá	1502660	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22585	1943-K12CT2		Phan Thị	My	Nữ	20/01/1992				Khá	1502661	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22586	1944-K12CT2		Lê Thanh Hồng	Ngọc	Nữ	21/09/1994				Khá	1502662	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22587	1945-K12CT2		Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	08/01/1993				Khá	1502663	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22588	1946-K12CT2		Phan Thị Thảo	Nguyên	Nữ	24/08/1994				Khá	1502664	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22589	1947-K12CT2		Hồ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	19/06/1993				Khá	1502665	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22590	1948-K12CT2		Lê Thị	Nhàn	Nữ	17/11/1994				Khá	1502666	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22591	1949-K12CT2		Nguyễn Thị Kim	Nhanh	Nữ	19/04/1993				Khá	1502667	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22592	1950-K12CT2		Trương Thị Hoàng	Oanh	Nữ	07/09/1994				Khá	1502668	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22593	1951-K12CT2		Nguyễn Đức	Phong	Nam	19/04/1994				Khá	1502669	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22594	1952-K12CT2		Trần Văn	Phước	Nam	09/08/1993				Khá	1502670	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22595	1953-K12CT2		Đặng Xuân	Quang	Nam	30/04/1994				Khá	1502671	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22596	1954-K12CT2		Trần Đặng	Quyên	Nữ	24/09/1994				Khá	1502672	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22597	1955-K12CT2		Trịnh Hoài	Sinh	Nam	19/02/1991				Khá	1502673	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22598	1956-K12CT2		Ngô Thị	Tâm	Nữ	01/01/1993				Khá	1502674	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22599	1957-K12CT2		Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	Nữ	13/07/1994				Khá	1502675	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22600	1958-K12CT2		Võ Thuỵ Ngọc	Tâm	Nữ	03/01/1993				Khá	1502676	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22601	1959-K12CT2		Phạm Quang	Thành	Nam	24/03/1994				Khá	1502677	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22602	1960-K12CT2		Phan Thị Hồng	Thảo	Nữ	28/10/1993				Khá	1502678	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22603	1961-K12CT2		Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	15/04/1992				Khá	1502679	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22604	1962-K12CT2		Trần Thị Hoài	Thu	Nữ	04/11/1993				Giỏi	1502680	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22605	1963-K12CT2		Đinh Thị	Thương	Nữ	14/04/1992				Giỏi	1502681	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22606	1964-K12CT2		Trần Thị Mai	Thương	Nữ	20/09/1992				Khá	1502682	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22607	1965-K12CT2		Trịnh Thị Kim	Thúy	Nữ	07/04/1994				Khá	1502683	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22608	1966-K12CT2		Trần Thị Thanh	Thùy	Nữ	02/10/1993				Giỏi	1502684	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22609	1967-K12CT2		Trương Thị Thùy	Tiên	Nữ	05/05/1993				Khá	1502685	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22610	1968-K12CT2		Phan Hải	Tiến	Nam	27/12/1989				Giỏi	1502686	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22611	1969-K12CT2		Ngô Thị	Trà	Nữ	22/08/1992				Giỏi	1502687	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22612	1970-K12CT2		Lê Minh	Triết	Nam	01/01/1993				Khá	1502688	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22613	1971-K12CT2		Nguyễn Thị Thúy	Vân	Nữ	16/04/1993				Khá	1502689	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22614	1972-K12CT2		Trịnh Thị ái	Vân	Nữ	24/10/1993				Giỏi	1502690	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22615	1973-K12CT2		Nguyễn Đức	Vĩ	Nam	01/08/1992				Khá	1502691	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22616	1974-K12CT2		Nguyễn Hào	Vũ	Nam	04/09/1994				Khá	1502692	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22617	1975-K12CT2		Nguyễn Thị Thanh	Vy	Nữ	21/09/1993				Giỏi	1502693	2017	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	908/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22618	1976-K9CK1		Đàm Mai	Hoa	Nữ	30/11/1992				Trung bình khá	1502694	2017	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	909/QĐ-ĐHTM,21/12/17	
22619	01-K49A1	K49A1	Đào Thị	Thoa	Nữ	09/05/1995				Giỏi	1509265	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22620	02-K49A1	K49A1	Phạm Hải	Tuân	Nam	06/01/1994				Trung bình	1509266	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22621	03-K49A3	K49A3	Phạm Văn	Thắng	Nam	01/12/1995				Trung bình	1509267	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22622	04-K49A3	K49A3	Đinh Thị	Thanh	Nữ	23/07/1995				Trung bình	1509268	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22623	05-K49A3	K49A3	Trần Thị	Tuyết	Nữ	04/02/1995				Trung bình	1509269	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22624	06-K49A4	K49A4	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	13/10/1994				Trung bình	1509270	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22625	07-K49A4	K49A4	Đỗ Thị Kiều	Trang	Nữ	03/02/1995				Khá	1509271	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22626	08-K49A5	K49A5	Ngô Thùy	Linh	Nữ	27/11/1994				Khá	1509272	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22627	09-K49A5	K49A5	Cao Thị	Quỳnh	Nữ	20/09/1995				Trung bình	1509273	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22628	10-K47A2	K47A2	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	07/10/1993				Trung bình	1509274	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22629	11-K48A1	K48A1	Vũ Trí	Lực	Nam	06/03/1993				Trung bình	1509275	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22630	12-K48A3	K48A3	Đoàn Ngọc	ánh	Nữ	15/06/1994				Trung bình	1509276	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22631	13-K17A_SB	K17A_SB	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	18/05/1994				Khá	1509277	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22632	14-K17A_SB	K17A_SB	Đào Thị Ngọc	Bích	Nữ	30/08/1994				Khá	1509278	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22633	15-K49K1	K49K1	Bùi Minh	Cường	Nam	15/02/1995				Khá	1509279	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22634	16-K49K1	K49K1	Trần Thị	Hương	Nữ	16/12/1995				Trung bình	1509280	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22635	17-K49K1	K49K1	Đinh Thị	Ngọc	Nữ	12/08/1995				Khá	1509281	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22636	18-K49K1	K49K1	Trần Đăng	Phương	Nam	04/02/1995				Trung bình	1509282	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22637	19-K49K1	K49K1	Nguyễn Phúc	Sơn	Nam	10/02/1995				Trung bình	1509283	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22638	20-K49K2	K49K2	Nguyễn Tiến	Quang	Nam	30/10/1995				Khá	1509284	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22639	21-K49K2	K49K2	Lê Minh	Tuấn	Nam	28/08/1995				Khá	1509285	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22640	22-K49K3	K49K3	Mai Văn	Mạnh	Nam	02/03/1995				Trung bình	1509286	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22641	23-K49K4	K49K4	Mai Văn	Giáp	Nam	14/11/1994				Trung bình	1509287	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22642	24-K49K4	K49K4	Vũ Văn	Quốc	Nam	06/05/1995				Trung bình	1509288	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22643	25-K49K4	K49K4	Nguyễn Mạnh	Tùng	Nam	28/04/1996				Trung bình	1509289	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22644	26-K49K6	K49K6	Hoàng Minh	Đức	Nam	10/06/1995				Khá	1509290	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22645	27-K49K6	K49K6	Đinh Tuấn	Linh	Nam	26/09/1993				Trung bình	1509291	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22646	28-K49K6	K49K6	Nguyễn Quang	Minh	Nam	08/09/1995				Trung bình	1509292	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22647	29-K49K6	K49K6	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	19/01/1995				Trung bình	1509293	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22648	30-K49K6	K49K6	Đinh Thị	Yến	Nữ	10/07/1995				Khá	1509294	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22649	31-K50K1	K50K1	Nguyễn Thị	Gấm	Nữ	01/03/1996				Khá	1509295	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22650	32-K50K6	K50K6	Trần Thị Hà	Lan	Nữ	20/03/1996				Khá	1509296	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22651	33-K50K6	K50K6	Lã Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	15/12/1996				Khá	1509297	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22652	34-K50K6	K50K6	Lê Thị	Linh	Nữ	20/09/1996				Khá	1509298	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22653	35-K48K3	K48K3	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	17/11/1994				Trung bình	1509299	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22654	36-K46B4	K46B4	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	15/12/1992				Trung bình	1509300	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÁCH SẠN, DU LỊCH	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22655	37-K46B6	K46B6	Nguyễn Duy	Quang	Nam	05/11/1992				Trung bình	1509301	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÁCH SẠN, DU LỊCH	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22656	38-K47B2	K47B2	Lưu Anh	Đức	Nam	01/03/1993				Khá	1509302	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÁCH SẠN, DU LỊCH	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22657	39-K48B2	K48B2	Nguyễn Đình	Nam	Nam	20/10/1994				Trung bình	1509303	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÁCH SẠN, DU LỊCH	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22658	40-K48B4	K48B4	Đàm Thị	Liên	Nữ	27/12/1993				Khá	1509304	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÁCH SẠN, DU LỊCH	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22659	41-K48B5	K48B5	Lê Thị	Linh	Nữ	27/11/1994				Trung bình	1509305	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÁCH SẠN, DU LỊCH	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22660	42-K46C1	K46C1	Thái Đình	Chiêu	Nam	29/07/1990				Trung bình	1509306	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	MARKETING THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22661	43-K46C2	K46C2	Nguyễn Thị	Doản	Nữ	17/04/1992				Trung bình	1509307	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	MARKETING THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22662	44-K46C4	K46C4	Hoàng Văn	Hiếu	Nam	08/01/1991				Trung bình	1509308	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	MARKETING THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22663	45-K49I1	K49I1	Nguyễn Trung	Đức	Nam	23/11/1995				Khá	1509309	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22664	46-K49I1	K49I1	Phạm Minh	Thành	Nam	01/09/1995				Trung bình	1509310	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22665	47-K49I1	K49I1	Ngô Văn	Thịnh	Nam	06/06/1994				Trung bình	1509311	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22666	48-K49I2	K49I2	Trần Tuấn	Anh	Nam	09/09/1995				Trung bình	1509312	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22667	49-K49I2	K49I2	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	05/04/1995				Trung bình	1509313	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22668	50-K49I2	K49I2	Nguyễn Đình	Phúc	Nam	27/08/1995				Khá	1509314	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22669	51-K49I2	K49I2	Hoàng Hà	Trang	Nữ	30/11/1995				Trung bình	1509315	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22670	52-K49I3	K49I3	Nguyễn Việt	Anh	Nam	30/05/1995				Khá	1509316	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22671	53-K49I3	K49I3	Hà Thế	Nhân	Nam	29/03/1995				Trung bình	1509317	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22672	54-K49I4	K49I4	Chu Anh	Tuấn	Nam	12/01/1995				Khá	1509318	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22673	55-K49I5	K49I5	Trịnh Thị	Hoan	Nữ	08/06/1995				Khá	1509319	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22674	56-K49I6	K49I6	Phạm Trần	Dũng	Nam	11/06/1995				Khá	1509320	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22675	57-K49I6	K49I6	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	03/09/1995				Khá	1509321	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22676	58-K46I1	K46I1	Đỗ Minh	Dương	Nam	24/04/1992				Trung bình	1509322	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22677	59-K46I5	K46I5	Trần Khánh	Linh	Nữ	06/09/1992				Khá	1509323	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22678	60-K47I1	K47I1	Đặng Văn	Cao	Nam	16/02/1992				Trung bình	1509324	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22679	61-K47I4	K47I4	Đặng Văn	Thắng	Nam	08/09/1993				Trung bình	1509325	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22680	62-K48I1	K48I1	Trịnh Tiến	Toàn	Nam	24/05/1993				Trung bình	1509326	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22681	63-K48I3	K48I3	Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	16/04/1994				Trung bình	1509327	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22682	64-K47P1	K47P1	Đào Thị Hương Ly	Hoa	Nữ	05/11/1993				Trung bình	1509328	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	LUẬT THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22683	65-K47P1	K47P1	Vũ Duy	Đông	Nam	20/02/1993				Trung bình	1509329	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	LUẬT THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22684	66-K48T1	K48T1	Phạm Huy	Bình	Nam	11/10/1994				Trung bình	1509330	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22685	67-K48T1	K48T1	Vũ Hồng	Nhung	Nữ	26/02/1994				Khá	1509331	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22686	68-K48T1	K48T1	Nguyễn Bá	Quang	Nam	05/02/1993				Khá	1509332	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22687	69-K48T4	K48T4	Nguyễn Huy	Anh	Nam	12/07/1994				Trung bình	1509333	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22688	70-K46U2	K46U2	Nguyễn Văn	Luân	Nam	07/02/1992				Khá	1509334	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22689	71-K47U1	K47U1	Lê Quang	Minh	Nam	24/08/1993				Trung bình	1509335	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	69/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22690	72-K49D1	K49D1	Đỗ Trọng	Hòa	Nam	13/06/1995				Khá	1509336	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22691	73-K49D1	K49D1	Nguyễn Thị Xuân	Phương	Nữ	03/01/1995				Khá	1509337	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22692	74-K49D2	K49D2	Võ Ngọc	Anh	Nam	27/10/1995				Trung bình	1509338	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22693	75-K49D2	K49D2	Mạch Thị	Hoài	Nữ	04/08/1995				Khá	1509339	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22694	76-K49D2	K49D2	Phùng Thị	Thi	Nữ	09/05/1995				Khá	1509340	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22695	77-K49D2	K49D2	Lã Thị Minh	Thoa	Nữ	23/05/1994				Trung bình	1509341	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22696	78-K49D3	K49D3	Nguyễn Minh	Đức	Nam	12/08/1995				Trung bình	1509342	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22697	79-K49D4	K49D4	Hà Thị	Nhất	Nữ	19/05/1994				Trung bình	1509343	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22698	80-K49D5	K49D5	Phạm Thị	Ngân	Nữ	31/08/1995				Khá	1509344	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22699	81-K49D5	K49D5	Nguyễn Linh	Phương	Nữ	05/09/1994				Khá	1509345	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22700	82-K49D6	K49D6	Nguyễn Thị Hương	Mơ	Nữ	09/07/1995				Khá	1509346	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22701	83-K49D6	K49D6	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	11/08/1995				Giỏi	1509347	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22702	84-K49D6	K49D6	Nguyễn Thị	Tây	Nữ	05/03/1995				Trung bình	1509348	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22703	85-K49D6	K49D6	Tạ Thị Thùy	Tiên	Nữ	23/03/1995				Trung bình	1509349	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22704	86-K47D2	K47D2	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	15/10/1993				Khá	1509350	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22705	87-K48D4	K48D4	Tạ Thị	Trang	Nữ	19/06/1994				Trung bình	1509351	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22706	88-K48D5	K48D5	Lưu Thu	Huyền	Nữ	22/04/1993				Trung bình	1509352	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22707	89-K17D_SB	K17D_SB	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	24/06/1994				Khá	1509353	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22708	90-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	01/01/1994				Giỏi	1509354	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22709	91-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Tiến	Đức	Nam	11/04/1993				Khá	1509355	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22710	92-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Thị	Hệ	Nữ	28/06/1995				Khá	1509356	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22711	93-K17D_SB	K17D_SB	Đỗ Thùy	Linh	Nữ	22/05/1994				Khá	1509357	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22712	94-K17D_SB	K17D_SB	Hà Hồng	Nhung	Nữ	11/11/1994				Khá	1509358	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22713	95-K17D_SB	K17D_SB	Lê Thị Hồng	Nụ	Nữ	22/01/1993				Khá	1509359	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22714	96-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	20/12/1994				Khá	1509360	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22715	97-K17D_SB	K17D_SB	Bùi Thị	Phương	Nữ	11/02/1993				Khá	1509361	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22716	98-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	30/07/1994				Khá	1509362	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22717	99-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	22/09/1995				Khá	1509363	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22718	100-K17D_SB	K17D_SB	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	10/01/1994				Khá	1509364	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22719	101-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Hữu	Thực	Nam	04/01/1994				Khá	1509365	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22720	102-K17D_SB	K17D_SB	Vũ Tường	Vân	Nữ	18/04/1994				Khá	1509366	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22721	103-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	26/06/1994				Khá	1509367	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22722	104-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	06/09/1993				Khá	1509368	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22723	105-K17D_SB	K17D_SB	Trần Thảo	Nguyệt	Nữ	18/08/1994				Khá	1509369	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22724	106-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	23/01/1993				Khá	1509370	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22725	107-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Hoài	Thu	Nữ	14/05/1994				Trung bình	1509371	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22726	108-K17D_SB	K17D_SB	Vũ Phương	Thúy	Nữ	25/04/1993				Khá	1509372	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22727	109-K17D_SB	K17D_SB	Đinh Thị	Nga	Nữ	06/08/1994				Khá	1509373	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22728	110-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	22/04/1994				Khá	1509374	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22729	111-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	16/08/1995				Khá	1509375	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22730	112-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	08/07/1994				Khá	1509376	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22731	113-K17D_SB	K17D_SB	Phùng Thị Mai	Anh	Nữ	04/05/1992				Trung bình	1509377	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22732	114-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	29/07/1994				Khá	1509378	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22733	115-K17D_SB	K17D_SB	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	15/03/1994				Trung bình	1509379	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22734	116-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	16/09/1993				Trung bình	1509380	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22735	117-K17D_SB	K17D_SB	Mai Bảo	Ngọc	Nữ	27/11/1995				Khá	1509381	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22736	118-K18D	K18D	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	12/12/1994				Khá	1509382	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22737	119-K18D	K18D	Khuất Thị	Hồng	Nữ	25/02/1993				Khá	1509383	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22738	120-K18D	K18D	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	05/08/1994				Khá	1509384	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22739	121-K18D	K18D	Vũ Thùy	Linh	Nữ	18/05/1994				Trung bình	1509385	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22740	122-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	24/08/1995				Khá	1509386	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22741	123-K18D	K18D	Bùi Thị	Nga	Nữ	05/10/1995				Khá	1509387	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22742	124-K18D	K18D	Cổ Thảo	Nguyên	Nữ	08/04/1994				Khá	1509388	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22743	125-K18D	K18D	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	31/07/1994				Khá	1509389	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22744	126-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	30/08/1994				Khá	1509390	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22745	127-K18D	K18D	Phạm Thị	Soi	Nữ	28/10/1994				Trung bình	1509391	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22746	128-K18D	K18D	Lã Thị Kim	Anh	Nữ	07/10/1995				Khá	1509392	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22747	129-K18D	K18D	Nguyễn Hải	Nhi	Nữ	18/08/1995				Khá	1509393	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22748	130-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	28/08/1994				Trung bình	1509394	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22749	131-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	15/09/1995				Khá	1509395	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22750	132-K18D	K18D	Lương Thị Hồng	Hạnh	Nữ	05/03/1995				Khá	1509396	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22751	133-K18D	K18D	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	06/01/1993				Khá	1509397	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22752	134-K18D	K18D	Vũ Thị	Phấn	Nữ	25/01/1995				Trung bình	1509398	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22753	135-K18D	K18D	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	02/08/1994				Trung bình	1509399	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22754	136-K19D	K19D	Phan Thùy	Dương	Nữ	24/06/1994				Khá	1509400	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22755	137-K19D	K19D	Phạm Huy	Hoàn	Nam	15/12/1994				Khá	1509401	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22756	138-K19D	K19D	Hoàng Thị Thu	Hương	Nữ	24/07/1994				Khá	1509402	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22757	139-K19D	K19D	Nguyễn Đức	Quyết	Nam	10/12/1994				Khá	1509403	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22758	140-K19D	K19D	Phí Thị Thúy	Vân	Nữ	25/05/1994				Trung bình	1509404	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22759	141-K19D	K19D	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	11/10/1995				Khá	1509405	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22760	142-K19D	K19D	Vũ Thị Thanh	Huyền	Nữ	02/11/1994				Khá	1509406	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	77/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22761	143-K49F1	K49F1	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	10/01/1995				Trung bình	1509407	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22762	144-K49F1	K49F1	Phạm Minh	Hoàng	Nam	29/09/1995				Trung bình	1509408	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22763	145-K49F1	K49F1	Võ Tiến	Thịnh	Nam	10/11/1995				Trung bình	1509409	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22764	146-K49F1	K49F1	Hoàng Mai	Xuân	Nữ	28/03/1994				Khá	1509410	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22765	147-K49F1	K49F1	CHANTHALANGSY	Kongkham	Nữ	24/12/1994				Trung bình	1509619	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22766	148-K49F1	K49F1	YOMVONGKHAM	Vatahly	Nữ	28/10/1994				Trung bình	1509620	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22767	149-K49F2	K49F2	Hoàng Thị Hồng	Anh	Nữ	03/06/1995				Trung bình	1509413	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22768	150-K49F2	K49F2	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	04/04/1995				Trung bình	1509414	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22769	151-K49F2	K49F2	Nguyễn Hữu	Dương	Nam	24/09/1995				Trung bình	1509415	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22770	152-K49F2	K49F2	Đỗ Thị	Hậu	Nữ	10/07/1995				Trung bình	1509416	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22771	153-K49F3	K49F3	Trương Mạnh	Dương	Nam	01/12/1995				Trung bình	1509417	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22772	154-K49F3	K49F3	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	13/11/1995				Khá	1509418	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22773	155-K49F4	K49F4	Lê Hồng	Hải	Nam	09/08/1995				Trung bình	1509419	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22774	156-K49F4	K49F4	Bùi Thị	Hoan	Nữ	25/09/1995				Trung bình	1509420	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22775	157-K49F4	K49F4	Phạm Trung	Kiên	Nam	14/08/1995				Trung bình	1509421	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22776	158-K49F4	K49F4	Đỗ Minh	Ngọc	Nam	22/01/1995				Khá	1509422	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22777	159-K49F5	K49F5	Lê Chí	Thành	Nam	19/04/1995				Trung bình	1509423	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22778	160-K49F6	K49F6	Phạm Thị	Hồng	Nữ	29/05/1995				Khá	1509424	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22779	161-K49F6	K49F6	Hoàng Thị	Mai	Nữ	02/09/1995				Trung bình	1509425	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22780	162-K50F3	K50F3	Đoàn Việt	Anh	Nam	12/12/1995				Giỏi	1509426	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22781	163-K50F5	K50F5	Vũ Thị	Diễm	Nữ	06/03/1996				Khá	1509427	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22782	164-K47F1	K47F1	Đặng Đình	Công	Nam	04/02/1992				Trung bình	1509428	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22783	165-K47F5	K47F5	Kiều Thị Thu	Trang	Nữ	24/05/1993				Trung bình	1509429	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22784	166-K48F3	K48F3	Bùi Hữu	Nam	Nam	15/09/1994				Trung bình	1509430	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	76/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22785	167-K49H1	K49H1	Trần Tuấn	Anh	Nam	06/08/1993				Trung bình	1509431	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22786	168-K49H1	K49H1	Trần Tuấn	Anh	Nam	24/01/1995				Trung bình	1509432	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22787	169-K49H1	K49H1	Vũ Thị	ánh	Nữ	18/08/1995				Khá	1509433	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22788	170-K49H1	K49H1	Nguyễn Hoàng	Giang	Nam	29/10/1994				Trung bình	1509434	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22789	171-K49H1	K49H1	Ninh Xuân	Nguyên	Nam	12/07/1995				Trung bình	1509435	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22790	172-K49H3	K49H3	Đỗ Hoài	Thu	Nữ	24/08/1995				Trung bình	1509436	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22791	173-K49H3	K49H3	Lê Sơn	Tuấn	Nam	02/06/1995				Trung bình	1509437	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22792	174-K49H3	K49H3	Khúc Thị	Yến	Nữ	08/04/1995				Khá	1509438	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22793	175-K49H4	K49H4	Nguyễn Ngọc	Thành	Nam	10/08/1993				Trung bình	1509439	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22794	176-K49H5	K49H5	Nguyễn Lê	Anh	Nam	07/03/1995				Khá	1509440	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22795	177-K49H5	K49H5	Đỗ Mạnh	Hùng	Nam	12/10/1995				Trung bình	1509441	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22796	178-K49H6	K49H6	Ong Thị Phương	Hoài	Nữ	29/04/1995				Khá	1509442	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22797	179-K49H6	K49H6	Trịnh Tùng	Lâm	Nam	12/04/1995				Khá	1509443	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22798	180-K49H6	K49H6	Trần Cao Hoàng	Linh	Nam	08/07/1995				Trung bình	1509444	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22799	181-K49H6	K49H6	Đinh Thị Hương	Loan	Nữ	11/03/1995				Xuất Sắc	1509445	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22800	182-K49H6	K49H6	Phạm Thanh	Thái	Nữ	26/02/1995				Khá	1509446	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22801	183-K48H3	K48H3	Tạ Thị Thùy	Dung	Nữ	08/11/1994				Khá	1509447	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22802	184-K48H4	K48H4	Hoàng Thị Mỹ	Linh	Nữ	25/11/1994				Trung bình	1509448	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22803	185-K48H6	K48H6	Bùi Thị Phương	Linh	Nữ	20/11/1994				Trung bình	1509449	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22804	186-K48H6	K48H6	Trần Thị	Phương	Nữ	26/09/1994				Trung bình	1509450	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22805	187-K17H_SB	K17H_SB	Lê Viết	Dũng	Nam	01/06/1992				Khá	1509451	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22806	188-K17H_SB	K17H_SB	Trần Anh	Minh	Nam	09/11/1993				Trung bình	1509452	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22807	189-K18H	K18H	Vũ Thu	Trang	Nữ	07/04/1994				Khá	1509453	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22808	190-K18H	K18H	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	21/06/1994				Khá	1509454	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22809	191-K18H	K18H	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	09/11/1994				Khá	1509455	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22810	192-K19H	K19H	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	22/12/1994				Khá	1509456	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	80/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22811	193-K49S1	K49S1	Bùi Ngọc	Dư	Nam	15/04/1994				Khá	1509457	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22812	194-K49S1	K49S1	Bùi Thái Nhất	Linh	Nam	21/06/1995				Trung bình	1509458	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22813	195-K49S2	K49S2	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	26/05/1995				Trung bình	1509459	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22814	196-K49S2	K49S2	Dương Thị Phương	Chi	Nữ	06/02/1994				Khá	1509460	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22815	197-K49S3	K49S3	Chu Hải	Đăng	Nam	02/01/1995				Trung bình	1509461	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22816	198-K49S3	K49S3	Vũ Đức	Kiên	Nam	09/11/1995				Khá	1509462	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22817	199-K49S3	K49S3	Lê Thị Trà	My	Nữ	09/02/1995				Khá	1509463	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22818	200-K49S3	K49S3	Vũ Thị Tuyết	Ngân	Nữ	19/12/1995				Khá	1509464	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22819	201-K49S3	K49S3	Nguyễn Duy	Quang	Nam	19/06/1995				Trung bình	1509465	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22820	202-K49S3	K49S3	Nguyễn Văn	Thiện	Nam	16/01/1994				Trung bình	1509466	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22821	203-K49S3	K49S3	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	04/08/1995				Trung bình	1509467	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22822	204-K49S3	K49S3	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	12/01/1995				Trung bình	1509468	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22823	205-K49S4	K49S4	Nguyễn Thị Ngọc	Hải	Nữ	12/03/1995				Khá	1509469	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22824	206-K49S4	K49S4	Nguyễn Văn	Huân	Nam	21/02/1994				Trung bình	1509470	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22825	207-K49S4	K49S4	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	28/02/1995				Khá	1509471	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22826	208-K49S4	K49S4	Nguyễn Thị	Sáu	Nữ	18/01/1995				Trung bình	1509472	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22827	209-K49S4	K49S4	Đào Thị Huyền	Trang	Nữ	17/12/1995				Trung bình	1509473	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22828	210-K49S4	K49S4	Vũ Văn	Việt	Nam	20/07/1991				Trung bình	1509474	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22829	211-K49S5	K49S5	Vũ Thành	Đạt	Nam	02/06/1995				Trung bình	1509475	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22830	212-K49S5	K49S5	Trịnh Thị	Liễu	Nữ	25/05/1995				Trung bình	1509476	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22831	213-K49S5	K49S5	Mai Văn	Tâm	Nam	07/06/1995				Khá	1509477	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22832	214-K49S5	K49S5	Lã Thị	Thu	Nữ	08/07/1994				Khá	1509478	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22833	215-K48S4	K48S4	Trương Thị	Phương	Nữ	27/12/1994				Khá	1509479	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	79/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22834	216-K49N1	K49N1	Trần Thị	Thu	Nữ	06/12/1995				Trung bình	1509480	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22835	217-K49N1	K49N1	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	05/07/1995				Trung bình	1509481	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22836	218-K49N2	K49N2	Trần Thị	Hoài	Nữ	14/07/1995				Trung bình	1509482	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22837	219-K49N2	K49N2	Phạm Thị Kim	Thoa	Nữ	24/05/1995				Trung bình	1509483	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22838	220-K49N3	K49N3	Vũ Thị	Quyên	Nữ	05/07/1995				Trung bình	1509484	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22839	221-K49N3	K49N3	Bùi Thị	Thảo	Nữ	02/03/1995				Trung bình	1509485	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22840	222-K49N3	K49N3	Nguyễn Thị Hồng	Thu	Nữ	18/10/1995				Trung bình	1509486	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22841	223-K49N4	K49N4	Phạm Quỳnh	Hương	Nữ	25/07/1995				Trung bình	1509487	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22842	224-K49N4	K49N4	Hoàng Trung	Kiên	Nam	26/01/1995				Trung bình	1509488	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22843	225-K49N4	K49N4	Phạm Anh	Tuấn	Nam	19/10/1995				Trung bình	1509489	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22844	226-K49N5	K49N5	Trần Thị	Hồng	Nữ	28/02/1995				Trung bình	1509490	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22845	227-K49N5	K49N5	Mạc Thị	Phượng	Nữ	01/01/1995				Trung bình	1509491	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22846	228-K49N5	K49N5	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	02/11/1995				Trung bình	1509492	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22847	229-K49N5	K49N5	Trần Ngọc Minh	Tâm	Nữ	10/03/1995				Trung bình	1509493	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22848	230-K49N5	K49N5	Phạm Thị	Thảo	Nữ	04/01/1995				Trung bình	1509494	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22849	231-K49N5	K49N5	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	21/11/1994				Trung bình	1509495	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22850	232-K49N5	K49N5	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	13/04/1995				Trung bình	1509496	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22851	233-K49N5	K49N5	Trần Thị	Vui	Nữ	04/03/1994				Trung bình	1509497	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22852	234-K45N5	K45N5	Trần Đình	Hiền	Nam	28/08/1991				Trung bình	1509498	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22853	235-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	10/01/1994				Trung bình	1509499	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22854	236-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	14/07/1994				Trung bình	1509500	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22855	237-K48N2	K48N2	Đặng Thị Trà	My	Nữ	18/12/1994				Trung bình	1509501	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22856	238-K48N3	K48N3	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	14/10/1994				Trung bình	1509502	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22857	239-K48N5	K48N5	Bùi Thị Quỳnh	Mai	Nữ	18/06/1994				Trung bình	1509503	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22858	240-K17N_SB	K17N_SB	Vũ Thị Hải	Hà	Nữ	19/10/1992				Khá	1509504	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22859	241-K49B1KS	K49B1KS	Đào Thị	Nhíp	Nữ	20/10/1995				Trung bình	1509505	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	70/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22860	242-K49B1KS	K49B1KS	Vũ Thị	Tuyền	Nữ	14/04/1995				Khá	1509506	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	70/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22861	243-K49B2KS	K49B2KS	Lưu Vân	Anh	Nữ	24/07/1995				Khá	1509507	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	70/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22862	244-K49B2KS	K49B2KS	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	11/04/1995				Khá	1509508	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	70/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22863	245-K49B2KS	K49B2KS	Mã Thị	Huệ	Nữ	20/06/1995				Trung bình	1509509	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	70/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22864	246-K49B2KS	K49B2KS	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	26/02/1995				Khá	1509510	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	70/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22865	247-K49B3KS	K49B3KS	Dương Dỗ	Chí	Nam	27/08/1995				Trung bình	1509511	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	70/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22866	248-K49B3KS	K49B3KS	Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	04/08/1995				Khá	1509512	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	70/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22867	249-K49B3KS	K49B3KS	Hoàng Thúy	Quỳnh	Nữ	23/03/1995				Trung bình	1509513	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	70/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22868	250-K49B3KS	K49B3KS	Trần Thị Thanh	Tú	Nữ	10/11/1994				Trung bình	1509514	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	70/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22869	251-K49B1LH	K49B1LH	Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	26/09/1995				Khá	1509515	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22870	252-K49B1LH	K49B1LH	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	11/06/1994				Trung bình	1509516	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22871	253-K49B1LH	K49B1LH	Phạm Phương Thảo	Nguyên	Nữ	17/05/1995				Khá	1509517	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22872	254-K49B2LH	K49B2LH	Ngô Hồng	Hạnh	Nữ	21/05/1995				Khá	1509518	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22873	255-K49B2LH	K49B2LH	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	05/02/1995				Khá	1509519	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22874	256-K49B2LH	K49B2LH	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	09/02/1995				Trung bình	1509520	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22875	257-K49B2LH	K49B2LH	Trần Vũ Thu	Thảo	Nữ	01/11/1995				Trung bình	1509521	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22876	258-K49B3LH	K49B3LH	Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	28/01/1995				Trung bình	1509522	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22877	259-K49B3LH	K49B3LH	Bùi Duy	Khánh	Nam	23/12/1995				Trung bình	1509523	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22878	260-K49B3LH	K49B3LH	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	28/01/1995				Trung bình	1509524	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22879	261-K49B3LH	K49B3LH	Ngô Thị Thu	Thủy	Nữ	10/01/1995				Khá	1509525	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22880	262-K49B3LH	K49B3LH	Đỗ Thị	Vân	Nữ	10/03/1992				Khá	1509526	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22881	263-K49B4LH	K49B4LH	Mai Thị	Huyền	Nữ	02/11/1995				Khá	1509527	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22882	264-K49B4LH	K49B4LH	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	18/12/1995				Khá	1509528	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22883	265-K49B4LH	K49B4LH	Lâm Thị	Thuận	Nữ	24/10/1995				Trung bình	1509529	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22884	266-K49B4LH	K49B4LH	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	07/08/1995				Khá	1509530	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22885	267-K49B5LH	K49B5LH	Đỗ Ngọc	Anh	Nữ	20/12/1994				Trung bình	1509531	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22886	268-K49B5LH	K49B5LH	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	19/11/1995				Trung bình	1509532	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22887	269-K49B5LH	K49B5LH	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	29/06/1995				Khá	1509533	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22888	270-K49B5LH	K49B5LH	Hoàng Thị	Mai	Nữ	12/08/1995				Trung bình	1509534	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22889	271-K49B5LH	K49B5LH	Hà Ngân Hằng	Nga	Nữ	30/08/1995				Trung bình	1509535	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22890	272-K49B5LH	K49B5LH	Nguyễn Xuân	Thu	Nữ	21/08/1995				Khá	1509536	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22891	273-K49B5LH	K49B5LH	Nguyễn Tuyết	Trinh	Nữ	23/04/1995				Khá	1509537	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22892	274-K50B4LH	K50B4LH	Lê Cẩm	Anh	Nữ	18/10/1994				Khá	1509538	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	71/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22893	275-K49C1	K49C1	Trần Hoàng	Anh	Nam	01/11/1995				Trung bình	1509539	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22894	276-K49C1	K49C1	Phạm Tiến	Hoàn	Nam	22/03/1995				Trung bình	1509540	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22895	277-K49C3	K49C3	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	Nữ	28/09/1995				Trung bình	1509541	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22896	278-K49C5	K49C5	Nguyễn Văn	Thịnh	Nam	23/03/1995				Khá	1509542	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22897	279-K49C5	K49C5	Khổng Thị	Tình	Nữ	07/12/1994				Trung bình	1509543	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22898	280-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	01/03/1995				Khá	1509544	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22899	281-K50C3	K50C3	Đỗ Thanh	Hoa	Nữ	07/10/1996				Khá	1509545	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22900	282-K50C3	K50C3	Vũ Thị	Hương	Nữ	09/11/1996				Khá	1509546	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22901	283-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	05/04/1996				Khá	1509547	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22902	284-K50C4	K50C4	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	13/02/1995				Khá	1509548	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22903	285-K48C3	K48C3	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	12/09/1994				Trung bình	1509549	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22904	286-K48C4	K48C4	Ngô Thị	Loan	Nữ	14/10/1994				Trung bình	1509550	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22905	287-K49T1	K49T1	Vũ Minh	Chiến	Nam	28/02/1995				Trung bình	1509551	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22906	288-K49T1	K49T1	Nguyễn Linh	Hậu	Nữ	25/07/1995				Trung bình	1509552	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22907	289-K49T2	K49T2	Phan Ngọc	Long	Nam	08/10/1995				Trung bình	1509553	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22908	290-K49T2	K49T2	Phạm Thanh	Ngọc	Nữ	13/04/1995				Khá	1509554	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22909	291-K49T2	K49T2	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	03/08/1995				Trung bình	1509555	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22910	292-K49T3	K49T3	Lê Trần	Minh	Nam	08/07/1994				Trung bình	1509556	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22911	293-K49T3	K49T3	Giáp Văn Tuấn	Vũ	Nam	01/11/1995				Trung bình	1509557	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22912	294-K49T4	K49T4	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	01/10/1995				Khá	1509558	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22913	295-K49T4	K49T4	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	25/11/1994				Khá	1509559	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22914	296-K49T4	K49T4	Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	23/01/1994				Khá	1509560	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22915	297-K49T5	K49T5	Nguyễn Đức	Cường	Nam	02/04/1995				Khá	1509561	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22916	298-K49T5	K49T5	Phạm Ngọc	Thức	Nam	28/04/1995				Trung bình	1509562	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22917	299-K50T7	K50T7	Phạm Văn	Đại	Nam	11/12/1996				Khá	1509563	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	73/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22918	300-K49E1	K49E1	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	31/07/1995				Khá	1509564	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	72/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22919	301-K49E1	K49E1	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	28/10/1995				Trung bình	1509565	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	72/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22920	302-K49E2	K49E2	Trịnh Thị	Hồng	Nữ	19/03/1995				Khá	1509566	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	72/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22921	303-K49E3	K49E3	Lương Trang	Anh	Nữ	01/01/1995				Trung bình	1509567	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	72/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22922	304-K48E5	K48E5	Nguyễn Lệ Phương	Thảo	Nữ	23/09/1994				Khá	1509621	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	72/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22923	305-K18E	K18E	Nguyễn Giang	Nhi	Nữ	23/09/1994				Khá	1509569	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	72/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22924	306-K49P1	K49P1	Bùi Thị	Hương	Nữ	04/01/1995				Khá	1509570	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22925	307-K49P1	K49P1	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	06/06/1995				Khá	1509571	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22926	308-K49P1	K49P1	Trương Tiểu	Phong	Nam	17/08/1995				Khá	1509572	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22927	309-K49P2	K49P2	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	25/05/1995				Khá	1509573	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22928	310-K49P2	K49P2	Nguyễn	Khánh	Nam	13/10/1995				Khá	1509574	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22929	311-K49P2	K49P2	Mai Đức	Quý	Nam	27/08/1995				Khá	1509575	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22930	312-K49P2	K49P2	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	31/03/1994				Khá	1509576	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22931	313-K49P3	K49P3	Hà Thị Lan	Anh	Nữ	24/10/1995				Khá	1509577	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22932	314-K49P3	K49P3	Thiều Quang	Cường	Nam	13/07/1995				Trung bình	1509578	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22933	315-K49P3	K49P3	Vũ Thị Khánh	Ly	Nữ	22/10/1995				Khá	1509579	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22934	316-K49P4	K49P4	Nghiêm Hoàng Diễm	Anh	Nữ	03/01/1994				Trung bình	1509580	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22935	317-K49P4	K49P4	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	22/04/1995				Khá	1509581	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22936	318-K49P4	K49P4	Trịnh Xuân Hồng	Thắng	Nam	27/01/1995				Trung bình	1509582	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22937	319-K49P4	K49P4	Trần Thu	Thủy	Nữ	13/11/1995				Khá	1509583	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22938	320-K49P4	K49P4	Nguyễn Ngọc Vân	Trang	Nữ	20/04/1995				Khá	1509584	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22939	321-K48P3	K48P3	Cấn Thị	Vân	Nữ	25/02/1994				Khá	1509585	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22940	322-K48P3	K48P3	Đỗ Thái	Việt	Nam	16/02/1994				Khá	1509586	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22941	323-K48P5	K48P5	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	04/12/1994				Trung bình	1509587	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22942	324-K48P5	K48P5	Tạ Anh	Quân	Nam	28/07/1994				Trung bình	1509588	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22943	325-K17P_SB	K17P_SB	Nguyễn Trang	Thanh	Nữ	22/03/1994				Giỏi	1509589	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22944	326-K17P_SB	K17P_SB	Phạm Thị	Nhài	Nữ	14/09/1994				Giỏi	1509590	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22945	327-K17P_SB	K17P_SB	Lê Thị Như	Anh	Nữ	27/10/1994				Khá	1509591	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22946	328-K18P	K18P	Trần Đình	Hiếu	Nam	18/12/1993				Khá	1509592	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	74/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22947	329-K49U1	K49U1	Phạm Thị	Giang	Nữ	19/04/1995				Khá	1509593	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22948	330-K49U1	K49U1	Lê Thị	Hoạt	Nữ	05/08/1995				Khá	1509594	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22949	331-K49U1	K49U1	Nguyễn Hà	Thu	Nữ	02/08/1995				Trung bình	1509595	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22950	332-K49U2	K49U2	Trần Thị	Huệ	Nữ	17/05/1995				Trung bình	1509596	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22951	333-K49U2	K49U2	Nguyễn Hoàng	Trang	Nữ	30/09/1995				Khá	1509597	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22952	334-K49U2	K49U2	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	18/12/1994				Khá	1509598	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22953	335-K49U3	K49U3	Phạm Tiến	Dũng	Nam	19/08/1995				Khá	1509599	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22954	336-K49U3	K49U3	Trần Trung	Hiếu	Nam	24/04/1995				Trung bình	1509600	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22955	337-K49U3	K49U3	Trịnh Ngọc	Mỹ	Nữ	07/07/1995				Khá	1509601	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22956	338-K49U3	K49U3	Lê Thị	Xuyến	Nữ	26/06/1995				Khá	1509602	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22957	339-K49U4	K49U4	Nguyễn Thu	Giang	Nữ	24/08/1995				Khá	1509603	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22958	340-K49U4	K49U4	Cao Thị	Thùy	Nữ	01/01/1994				Trung bình	1509604	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22959	341-K49U5	K49U5	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	19/03/1995				Khá	1509605	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22960	342-K49U7	K49U7	Lê Thị	Doan	Nữ	07/07/1995				Khá	1509606	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22961	343-K49U7	K49U7	Lưu Thị	Loan	Nữ	24/10/1995				Khá	1509607	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22962	344-K49U7	K49U7	Nguyễn Đức	Sinh	Nam	09/02/1995				Trung bình	1509608	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22963	345-K48U3	K48U3	Nguyễn Ngọc	Đức	Nam	05/04/1994				Trung bình	1509609	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22964	346-K48U3	K48U3	Ngô Thị	Trinh	Nữ	10/01/1994				Trung bình	1509610	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	75/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22965	347-K49N1	K49N1	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	22/09/1995				Khá	1509611	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22966	348-K49N2	K49N2	Dương Thị Diệu	Linh	Nữ	13/09/1995				Khá	1509612	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22967	349-K49N2	K49N2	Trần Thu	Trang	Nữ	31/10/1995				Khá	1509613	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22968	350-K49N4	K49N4	Vũ Thị Ngọc	Dung	Nữ	12/10/1995				Khá	1509614	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22969	351-K49N5	K49N5	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	05/08/1995				Khá	1509615	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22970	352-K48N1	K48N1	Lê Trang	Nhung	Nữ	03/02/1994				Khá	1509616	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22971	353-K48N1	K48N1	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/07/1994				Khá	1509617	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22972	354-K48N2	K48N2	Đỗ Trung	Quân	Nam	01/04/1994				Khá	1509618	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	78/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/01/18	
22973	20-K5TK3	K5TK3	Bùi Thị Kim	Anh	Nữ	10/01/1980				Trung bình	1502714	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22974	21-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	22/09/1989				Trung bình	1502715	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22975	22-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị Hoài	Anh	Nữ	11/09/1987				Khá	1502716	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22976	23-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	04/12/1988				Khá	1502717	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22977	24-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	17/12/1984				Khá	1502718	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22978	25-K5TK3	K5TK3	Lưu Thị	ánh	Nữ	03/03/1984				Khá	1502719	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22979	26-K5TK3	K5TK3	Phạm Văn	Đức	Nam	18/08/1993				Khá	1502720	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22980	27-K5TK3	K5TK3	Đào Thị	Giang	Nữ	07/08/1991				Trung bình	1502721	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22981	28-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	18/11/1991				Khá	1502722	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22982	29-K5TK3	K5TK3	Dương Thu	Hà	Nữ	20/01/1991				Khá	1502723	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
22983	30-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Hải	Hà	Nam	21/12/1990				Khá	1502724	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22984	31-K5TK3	K5TK3	Đinh Thị	Hằng	Nữ	20/03/1986				Khá	1502725	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22985	32-K5TK3	K5TK3	Trần Hồng	Hạnh	Nữ	14/05/1985				Khá	1502726	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22986	33-K5TK3	K5TK3	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	04/11/1990				Khá	1502727	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22987	34-K5TK3	K5TK3	Phạm Thế Anh	Hào	Nam	24/02/1980				Khá	1502728	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22988	35-K5TK3	K5TK3	Phan Thị Bích	Hảo	Nữ	04/05/1989				Khá	1502729	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22989	36-K5TK3	K5TK3	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	01/01/1988				Khá	1502730	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22990	37-K5TK3	K5TK3	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	30/08/1988				Trung bình	1502731	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22991	38-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	14/05/1987				Khá	1502732	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22992	39-K5TK3	K5TK3	Trần Thị	Hồng	Nữ	29/11/1990				Trung bình	1502733	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22993	40-K5TK3	K5TK3	Khuất Thị	Huế	Nữ	26/08/1991				Trung bình	1502734	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22994	41-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị Hồng	Huế	Nữ	21/01/1990				Khá	1502735	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22995	42-K5TK3	K5TK3	Cấn Thị	Hương	Nữ	04/11/1983				Khá	1502736	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22996	43-K5TK3	K5TK3	Đoàn Thị	Hương	Nữ	20/05/1984				Khá	1502737	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22997	44-K5TK3	K5TK3	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	06/03/1991				Khá	1502738	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22998	45-K5TK3	K5TK3	Lại Thị	Huyền	Nữ	27/03/1990				Khá	1502739	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
22999	46-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/07/1989				Trung bình	1502740	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23000	47-K5TK3	K5TK3	Phạm Thị	Huyền	Nữ	10/07/1990				Trung bình	1502741	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23001	48-K5TK3	K5TK3	Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	07/10/1986				Khá	1502742	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23002	49-K5TK3	K5TK3	Dương Thị Ngọc	Lan	Nữ	26/06/1982				Khá	1502743	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23003	50-K5TK3	K5TK3	Phạm Thị Phương	Lan	Nữ	04/01/1990				Khá	1502744	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23004	51-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Bích	Liên	Nữ	02/09/1981				Trung bình	1502745	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23005	52-K5TK3	K5TK3	Trần Phương	Liên	Nữ	04/04/1986				Trung bình	1502746	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23006	53-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	10/10/1991				Khá	1502747	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23007	54-K5TK3	K5TK3	Phan Thị Hồng	Loan	Nữ	07/12/1990				Khá	1502748	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23008	55-K5TK3	K5TK3	Hoàng Thị	Ngoan	Nữ	09/10/1986				Khá	1502749	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23009	56-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	29/04/1987				Trung bình	1502750	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23010	57-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	27/07/1984				Trung bình	1502751	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23011	58-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Đình	Oai	Nam	26/09/1991				Trung bình	1502752	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23012	59-K5TK3	K5TK3	Trần Thị	Phương	Nữ	01/01/1989				Trung bình	1502753	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23013	60-K5TK3	K5TK3	Trần Thị	Phượng	Nữ	01/09/1987				Khá	1502754	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23014	61-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22/08/1992				Trung bình	1502755	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23015	62-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị Bích	Thuận	Nữ	04/06/1991				Khá	1502756	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23016	63-K5TK3	K5TK3	Lê Đại	Thương	Nam	24/04/1991				Trung bình	1502757	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23017	64-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Ngọc	Thúy	Nữ	26/07/1988				Trung bình	1502758	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23018	65-K5TK3	K5TK3	Cù Thị	Thúy	Nữ	05/08/1993				Trung bình	1502759	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23019	66-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thu	Thùy	Nữ	20/11/1982				Khá	1502760	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23020	67-K5TK3	K5TK3	Phan Thị	Thùy	Nữ	08/05/1990				Khá	1502761	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23021	68-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	08/11/1988				Trung bình	1502762	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23022	69-K5TK3	K5TK3	Lương Ngọc	Tú	Nữ	19/12/1982				Khá	1502763	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23023	70-K5TK3	K5TK3	Phạm Hữu	Tuân	Nam	12/03/1990				Khá	1502764	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23024	71-K5TK3	K5TK3	Cao Văn	Tuấn	Nam	28/08/1989				Trung bình	1502765	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23025	72-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	25/08/1990				Khá	1502766	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23026	73-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	05/07/1989				Khá	1502767	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23027	74-K5TK3	K5TK3	Vũ Thị	Xuyến	Nữ	14/09/1988				Trung bình	1502768	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23028	75-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	12/01/1992				Trung bình	1502769	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23029	76-K5TK3	K5TK3	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	08/01/1991				Khá	1502770	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	47/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23030	77-K11CK12	K11CK12	Phạm Văn	Duy	Nam	09/02/1993				Trung bình	1502771	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	48/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23031	78-K11CK12	K11CK12	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	10/08/1990				Khá	1502772	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	48/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23032	79-K11CK12	K11CK12	Đào Thế	Sơn	Nam	21/02/1993				Trung bình	1502773	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	48/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23033	80-K11CK14	K11CK14	Đặng Thị	Hoa	Nữ	08/01/1992				Khá	1502774	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	48/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23034	81-K11CK14	K11CK14	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	20/02/1994				Khá	1502775	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	48/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23035	82-K11CT3	K11CT3	Hà Việt	Bắc	Nam	27/02/1991				Trung bình	1502776	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	50/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23036	83-K11CT3	K11CT3	Đinh Thị	Hải	Nữ	12/01/1991				Khá	1502777	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	50/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23037	84-K11CT3	K11CT3	Nguyễn Tuyết	Hằng	Nữ	18/12/1992				Khá	1502778	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	50/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23038	85-K11CT4	K11CT4	Vũ Hải	Linh	Nữ	14/10/1993				Trung bình	1502779	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	50/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23039	86-K11CQ2	K11CQ2	Đỗ Thanh	Hằng	Nữ	21/03/1992				Khá	1502780	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	49/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
23040	87-K48BK1	K48BK1	Phạm Thị Hoàng	Anh	Nữ	22/04/1992				Khá	1502781	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23041	88-K48BK1	K48BK1	Trần Anh	Đức	Nam	15/01/1992				Khá	1502782	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23042	89-K48BK1	K48BK1	Hoàng Thị	Dung	Nữ	08/09/1981				Khá	1502783	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23043	90-K48BK1	K48BK1	Lê Thị	Gấm	Nữ	27/12/1985				Khá	1502784	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23044	91-K48BK1	K48BK1	Khuất Thị Hương	Giang	Nữ	27/12/1979				Khá	1502785	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23045	92-K48BK1	K48BK1	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	19/02/1987				Khá	1502786	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23046	93-K48BK1	K48BK1	Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	20/11/1977				Giỏi	1502787	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23047	94-K48BK1	K48BK1	Lê Vũ Hoàng	Linh	Nam	31/03/1981				Khá	1502788	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23048	95-K48BK1	K48BK1	Vũ Thị	Loan	Nữ	10/02/1991				Khá	1502789	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23049	96-K48BK1	K48BK1	Phạm Thị	Luyến	Nữ	25/01/1989				Khá	1502790	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23050	97-K48BK1	K48BK1	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	Nữ	25/09/1989				Khá	1502791	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23051	98-K48BK1	K48BK1	Bùi Thị	Nga	Nữ	28/08/1989				Khá	1502792	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23052	99-K48BK1	K48BK1	Lưu Thị Bích	Ngọc	Nữ	11/08/1989				Khá	1502793	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23053	100-K48BK1	K48BK1	Đỗ Huy	Quang	Nam	09/11/1992				Khá	1502794	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23054	101-K48BK1	K48BK1	Đoàn Lê	Quỳnh	Nữ	06/02/1987				Khá	1502795	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23055	102-K48BK1	K48BK1	Trần Thị	Thắng	Nữ	03/08/1991				Khá	1502796	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23056	103-K48BK1	K48BK1	Đồng Lệ	Thùy	Nữ	30/09/1988				Khá	1502797	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23057	104-K48BK1	K48BK1	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	02/01/1987				Khá	1502798	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23058	105-K48BK1	K48BK1	Dư Thị Phương	Yến	Nữ	02/03/1990				Khá	1502799	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23059	106-K48BK1	K48BK1	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	28/12/1988				Khá	1502800	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23060	107-K48BK1	K48BK1	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	20/06/1981				Trung bình	1502801	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	190/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23061	108-K48BQ1	K48BQ1	Hoàng Thị Ngân	Anh	Nữ	12/06/1979				Khá	1502802	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	191/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23062	109-K48BQ1	K48BQ1	Nguyễn Hoàng Quang	Anh	Nam	05/06/1989				Trung bình	1502803	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	191/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23063	110-K48BQ1	K48BQ1	Phạm Hữu	Đồng	Nam	23/12/1990				Trung bình	1502804	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	191/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23064	111-K48BQ1	K48BQ1	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	28/09/1984				Khá	1502805	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	191/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23065	112-K48BQ1	K48BQ1	Trịnh Hùng	Hạnh	Nam	31/07/1976				Khá	1502806	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	191/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23066	113-K48BQ1	K48BQ1	Vương Hồng	Khanh	Nam	27/12/1975				Khá	1502807	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	191/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23067	114-K48BQ1	K48BQ1	Đinh Xuân	Thu	Nam	03/11/1988				Khá	1502808	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	191/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23068	115-K48BQ1	K48BQ1	Đặng Văn	Tiến	Nam	26/06/1989				Khá	1502809	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	191/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23069	116-K48BQ1	K48BQ1	Trịnh Quang	Tuân	Nam	06/06/1984				Trung bình	1502810	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	191/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23070	117-K48BQ1	K48BQ1	Trần Hoàng	Xuân	Nam	04/03/1975				Khá	1502811	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	191/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23071	118-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Quang	Anh	Nam	13/02/1992				Khá	1502812	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23072	119-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	19/05/1992				Khá	1502813	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23073	120-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Mậu	Bình	Nam	08/10/1992				Khá	1502814	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23074	121-K12CK3	K12CK3	Lê Khánh	Chi	Nữ	17/08/1989				Khá	1502815	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23075	122-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Chiêm	Nữ	06/10/1993				Khá	1502816	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23076	123-K12CK3	K12CK3	Trần Thị	Cúc	Nữ	30/04/1994				Khá	1502817	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23077	124-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Diễn	Nữ	10/09/1989				Khá	1502818	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23078	125-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	16/10/1991				Khá	1502819	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23079	126-K12CK3	K12CK3	Trần Minh	Đức	Nam	30/08/1991				Khá	1502820	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23080	127-K12CK3	K12CK3	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	01/02/1994				Khá	1502821	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23081	128-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị Thanh	Dung	Nữ	09/11/1994				Khá	1502822	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23082	129-K12CK3	K12CK3	Trương Thị	Dung	Nữ	01/05/1994				Khá	1502823	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23083	130-K12CK3	K12CK3	Đỗ Thùy	Dương	Nữ	01/05/1994				Khá	1502824	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23084	131-K12CK3	K12CK3	Đinh Thị	Hà	Nữ	26/08/1994				Trung bình	1502825	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23085	132-K12CK3	K12CK3	Lê Thị	Hà	Nữ	26/04/1992				Khá	1502826	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23086	133-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	26/10/1991				Khá	1502827	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23087	134-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	12/10/1994				Khá	1502828	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23088	135-K12CK3	K12CK3	Phạm Thị	Hà	Nữ	12/01/1992				Khá	1502829	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23089	136-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Xuân	Hải	Nam	16/02/1993				Khá	1502830	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23090	137-K12CK3	K12CK3	Phạm Thị	Hải	Nữ	18/07/1988				Khá	1502831	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23091	138-K12CK3	K12CK3	Trần Thị	Hòa	Nữ	15/05/1993				Khá	1502832	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23092	139-K12CK3	K12CK3	Phan Thị	Hoài	Nữ	09/10/1994				Khá	1502833	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23093	140-K12CK3	K12CK3	Vũ Thị	Hoài	Nữ	08/08/1993				Khá	1502834	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23094	141-K12CK3	K12CK3	Trần Thị	Hồng	Nữ	24/08/1992				Khá	1502835	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23095	142-K12CK3	K12CK3	Trần Thị	Huệ	Nữ	20/03/1994				Khá	1502836	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23096	143-K12CK3	K12CK3	Hoàng Thị Hồng	Hương	Nữ	26/04/1990				Khá	1502837	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23097	144-K12CK3	K12CK3	Vũ Thị Mai	Hương	Nữ	09/11/1992				Khá	1502838	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23098	145-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Hướng	Nữ	23/03/1993				Khá	1502839	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23099	146-K12CK3	K12CK3	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	27/04/1991				Khá	1502840	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23100	147-K12CK3	K12CK3	Phan Thị	Kiều	Nữ	15/05/1992				Khá	1502841	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23101	148-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	29/10/1994				Khá	1502842	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23102	149-K12CK3	K12CK3	Mai Thị Thùy	Linh	Nữ	29/10/1994				Khá	1502843	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23103	150-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	09/09/1991				Giỏi	1502844	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23104	151-K12CK3	K12CK3	Thân Thùy	Linh	Nữ	25/10/1993				Khá	1502845	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23105	152-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	26/12/1993				Khá	1502846	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23106	153-K12CK3	K12CK3	Bùi Thị Phương	Mai	Nữ	08/09/1994				Khá	1502847	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23107	154-K12CK3	K12CK3	Vũ Thị	Mai	Nữ	13/09/1993				Khá	1502848	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23108	155-K12CK3	K12CK3	Phạm Thị	Miến	Nữ	27/04/1990				Khá	1502849	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23109	156-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	13/08/1994				Khá	1502850	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23110	157-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị Duy	Nga	Nữ	28/10/1986				Khá	1502851	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23111	158-K12CK3	K12CK3	Lương Thị	Ngân	Nữ	20/07/1991				Khá	1502852	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23112	159-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	12/04/1986				Khá	1502853	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23113	160-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	Nữ	11/07/1995				Khá	1502854	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23114	161-K12CK3	K12CK3	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	24/04/1988				Khá	1502855	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23115	162-K12CK3	K12CK3	Đỗ Thị	Nhung	Nữ	01/10/1992				Khá	1502856	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23116	163-K12CK3	K12CK3	Thạc Thị	Phương	Nữ	11/09/1990				Khá	1502857	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23117	164-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	19/04/1992				Khá	1502858	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23118	165-K12CK3	K12CK3	Đặng Thị	Thắm	Nữ	07/06/1993				Khá	1502859	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23119	166-K12CK3	K12CK3	Phạm Thế	Thắng	Nam	25/03/1987				Khá	1502860	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23120	167-K12CK3	K12CK3	Lâm Văn	Thành	Nam	14/10/1993				Khá	1502861	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23121	168-K12CK3	K12CK3	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	21/09/1994				Khá	1502862	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23122	169-K12CK3	K12CK3	Trần Thị	Thảo	Nữ	29/04/1992				Khá	1502863	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23123	170-K12CK3	K12CK3	Bùi Thị Hoa	Thiêm	Nữ	20/02/1991				Khá	1502864	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23124	171-K12CK3	K12CK3	Bùi Thị	Thiện	Nữ	25/02/1991				Khá	1502865	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23125	172-K12CK3	K12CK3	Lê Thị	Thơm	Nữ	01/06/1993				Khá	1502866	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23126	173-K12CK3	K12CK3	Lê Hoài	Thu	Nữ	16/12/1991				Khá	1502867	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23127	174-K12CK3	K12CK3	Lương Thị	Thu	Nữ	22/06/1993				Khá	1502868	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23128	175-K12CK3	K12CK3	Vũ Thị	Thu	Nữ	20/03/1993				Khá	1502869	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23129	176-K12CK3	K12CK3	Phạm Thị	Thư	Nữ	09/12/1994				Khá	1502870	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23130	177-K12CK3	K12CK3	Lê Thị	Thùy	Nữ	20/10/1993				Khá	1502871	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23131	178-K12CK3	K12CK3	Đặng Thị	Thùy	Nữ	07/07/1983				Khá	1502872	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23132	179-K12CK3	K12CK3	Đoàn Thị Thanh	Thùy	Nữ	05/05/1993				Khá	1502873	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23133	180-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	02/08/1991				Giỏi	1502874	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23134	181-K12CK3	K12CK3	Vi Thị	Thùy	Nữ	29/05/1991				Khá	1502875	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23135	182-K12CK3	K12CK3	Bàn Hà	Trang	Nữ	18/01/1993				Khá	1502876	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23136	183-K12CK3	K12CK3	Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	23/01/1992				Khá	1502877	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23137	184-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/02/1994				Khá	1502878	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23138	185-K12CK3	K12CK3	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	21/08/1992				Khá	1502879	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23139	186-K12CK3	K12CK3	Vũ Thị Minh	Trang	Nữ	27/02/1992				Khá	1502880	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23140	187-K12CK3	K12CK3	Trần Thị	Tuyết	Nữ	08/01/1992				Khá	1502881	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23141	188-K12CK3	K12CK3	Hoàng Thị Diệu	Uyên	Nữ	08/08/1992				Khá	1502882	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23142	189-K12CK3	K12CK3	Vũ Thị Thúy	Vân	Nữ	27/08/1994				Khá	1502883	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23143	190-K12CK3	K12CK3	Tống Thị	Vui	Nữ	11/07/1992				Khá	1502884	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23144	191-K12CK4	K12CK4	Đỗ Thị Cúc	Anh	Nữ	27/06/1994				Khá	1502885	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23145	192-K12CK4	K12CK4	Lương Thị	Anh	Nữ	27/10/1994				Khá	1502886	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23146	193-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	20/10/1993				Khá	1502887	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23147	194-K12CK4	K12CK4	Trần Thị Quỳnh	Anh	Nữ	07/02/1991				Khá	1502888	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23148	195-K12CK4	K12CK4	Đinh Vũ Ngọc	Châm	Nữ	25/05/1994				Khá	1502889	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23149	196-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	24/12/1993				Khá	1502890	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23150	197-K12CK4	K12CK4	Trịnh Thị Ngọc	Chinh	Nữ	27/01/1993				Khá	1502891	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23151	198-K12CK4	K12CK4	Lương Thị	Chung	Nữ	02/01/1990				Khá	1502892	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23152	199-K12CK4	K12CK4	Đinh Hữu	Dân	Nam	30/10/1994				Khá	1502893	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23153	200-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị Quỳnh	Diệp	Nữ	30/10/1992				Khá	1502894	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23154	201-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	04/12/1994				Khá	1502895	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23155	202-K12CK4	K12CK4	Bùi Thị Mai	Dung	Nữ	27/08/1992				Khá	1502896	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23156	203-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	01/12/1989				Khá	1502897	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23157	204-K12CK4	K12CK4	Bùi Thị	Duyên	Nữ	21/04/1994				Khá	1502898	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23158	205-K12CK4	K12CK4	Hoàng Thị	Hà	Nữ	07/07/1994				Khá	1502899	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23159	206-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	20/10/1994				Khá	1502900	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23160	207-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	19/04/1986				Giỏi	1502901	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23161	208-K12CK4	K12CK4	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	01/09/1991				Khá	1502902	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23162	209-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	12/10/1991				Khá	1502903	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23163	210-K12CK4	K12CK4	Cấn Văn	Hào	Nam	24/04/1994				Khá	1502904	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23164	211-K12CK4	K12CK4	Vũ Thị	Hiếu	Nữ	16/03/1993				Khá	1502905	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23165	212-K12CK4	K12CK4	Bùi Thị	Hoài	Nữ	22/08/1993				Giỏi	1502906	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23166	213-K12CK4	K12CK4	Trần Thị	Hoài	Nữ	03/01/1992				Khá	1502907	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23167	214-K12CK4	K12CK4	Vũ Thúy	Hồng	Nữ	20/07/1991				Khá	1502908	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23168	215-K12CK4	K12CK4	Đặng Hồng	Hương	Nữ	03/10/1987				Khá	1502909	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23169	216-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	21/12/1992				Khá	1502910	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23170	217-K12CK4	K12CK4	Trần Thị	Hường	Nữ	20/12/1994				Giỏi	1502911	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23171	218-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05/09/1991				Khá	1502912	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23172	219-K12CK4	K12CK4	Ngô Thị	Huyền	Nữ	08/10/1992				Khá	1502913	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23173	220-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Là	Nữ	26/03/1993				Khá	1502914	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23174	221-K12CK4	K12CK4	Phạm Thị	Lan	Nữ	24/02/1990				Khá	1502915	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23175	222-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	28/08/1994				Khá	1502916	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23176	223-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	28/09/1992				Khá	1502917	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23177	224-K12CK4	K12CK4	Văn Thị Thùy	Linh	Nữ	05/08/1993				Khá	1502918	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23178	225-K12CK4	K12CK4	Phạm Hà	Ly	Nữ	05/03/1991				Khá	1502919	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23179	226-K12CK4	K12CK4	Ngô Hoàng Bình	Minh	Nam	11/11/1993				Khá	1502920	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23180	227-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Nam	Nữ	11/04/1993				Khá	1502921	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23181	228-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	06/05/1991				Khá	1502922	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23182	229-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Ngần	Nữ	02/07/1994				Khá	1502923	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23183	230-K12CK4	K12CK4	Phạm Thị	Ngát	Nữ	28/10/1993				Khá	1502924	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23184	231-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	11/10/1993				Khá	1502925	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23185	232-K12CK4	K12CK4	Vũ Thị Bích	Ngọc	Nữ	17/11/1994				Khá	1502926	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23186	233-K12CK4	K12CK4	Trịnh Thị	Nguyên	Nữ	22/03/1991				Giỏi	1502927	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23187	234-K12CK4	K12CK4	Dương Thị	Như	Nữ	27/11/1994				Khá	1502928	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23188	235-K12CK4	K12CK4	Đỗ Thị	Nhung	Nữ	29/05/1994				Khá	1502929	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23189	236-K12CK4	K12CK4	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	16/07/1991				Khá	1502930	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23190	237-K12CK4	K12CK4	Phạm Thị Hà	Phương	Nữ	19/12/1993				Khá	1502931	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23191	238-K12CK4	K12CK4	Bùi Thị	Phượng	Nữ	12/10/1994				Giỏi	1502932	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23192	239-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Hoàng	Quyền	Nam	04/05/1992				Khá	1502933	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23193	240-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Sáng	Nữ	17/08/1994				Khá	1502934	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23194	241-K12CK4	K12CK4	Lê Thị	Sen	Nữ	04/10/1993				Khá	1502935	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23195	242-K12CK4	K12CK4	Trần Thị	Thanh	Nữ	20/03/1994				Khá	1502936	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23196	243-K12CK4	K12CK4	Trần Thị Ngọc	Thành	Nữ	13/03/1994				Khá	1502937	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23197	244-K12CK4	K12CK4	Lê Thị	Thảo	Nữ	06/05/1990				Giỏi	1502938	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23198	245-K12CK4	K12CK4	Ngô Thị	Thảo	Nữ	19/10/1994				Khá	1502939	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23199	246-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	12/08/1994				Khá	1502940	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23200	247-K12CK4	K12CK4	Phùng Thị Thu	Thảo	Nữ	29/09/1994				Khá	1502941	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23201	248-K12CK4	K12CK4	Vương Đức	Thiện	Nam	16/05/1989				Khá	1502942	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23202	249-K12CK4	K12CK4	Đinh Thị	Thoa	Nữ	27/04/1993				Khá	1502943	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23203	250-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	08/02/1990				Khá	1502944	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23204	251-K12CK4	K12CK4	Lê Thị Hoài	Thu	Nữ	10/02/1993				Khá	1502945	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23205	252-K12CK4	K12CK4	Trần Thị	Thu	Nữ	14/07/1991				Khá	1502946	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23206	253-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	03/06/1992				Khá	1502947	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23207	254-K12CK4	K12CK4	Phan Thị	Thuận	Nữ	01/08/1990				Khá	1502948	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23208	255-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Minh	Thúy	Nữ	19/11/1994				Khá	1502949	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23209	256-K12CK4	K12CK4	Phan Thị	Thùy	Nữ	04/08/1993				Khá	1502950	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23210	257-K12CK4	K12CK4	Bùi Thị	Thùy	Nữ	07/04/1989				Khá	1502951	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23211	258-K12CK4	K12CK4	Đàm Thu	Thùy	Nữ	30/10/1991				Khá	1502952	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23212	259-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	30/09/1994				Khá	1502953	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23213	260-K12CK4	K12CK4	Vũ Lệ	Thùy	Nữ	16/09/1993				Khá	1502954	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23214	261-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Tiến	Nữ	28/09/1988				Khá	1502955	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23215	262-K12CK4	K12CK4	Lê Thị	Trà	Nữ	07/12/1993				Khá	1502956	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23216	263-K12CK4	K12CK4	Đặng Thị Thiên	Trang	Nữ	11/07/1990				Khá	1502957	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23217	264-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	09/01/1991				Giỏi	1502958	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23218	265-K12CK4	K12CK4	Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	25/01/1992				Giỏi	1502959	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23219	266-K12CK4	K12CK4	Chu Thị Hồng	Vân	Nữ	12/07/1988				Giỏi	1502960	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23220	267-K12CK4	K12CK4	Ngô Thị Cẩm	Vân	Nữ	29/03/1993				Khá	1502961	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23221	268-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị	Vui	Nữ	02/09/1992				Khá	1502962	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23222	269-K12CK4	K12CK4	Bùi Thị	Yên	Nữ	18/08/1994				Giỏi	1502963	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23223	270-K12CK4	K12CK4	Ngô Thị	Yên	Nữ	23/11/1993				Giỏi	1502964	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23224	271-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Huyền	Anh	Nữ	23/01/1993				Khá	1502965	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23225	272-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	12/09/1993				Khá	1502966	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23226	273-K12CK5	K12CK5	Vũ Thị	Anh	Nữ	08/04/1994				Khá	1502967	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23227	274-K12CK5	K12CK5	Lê Hoàng Linh	Chi	Nữ	19/11/1994				Khá	1502968	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23228	275-K12CK5	K12CK5	Trương Thị	Chi	Nữ	13/06/1992				Khá	1502969	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23229	276-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Thị	Diễn	Nữ	12/08/1992				Khá	1502970	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23230	277-K12CK5	K12CK5	Vũ Thị Ngọc	Diệp	Nữ	16/11/1994				Khá	1502971	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23231	278-K12CK5	K12CK5	Đỗ Thị	Dung	Nữ	06/11/1994				Khá	1502972	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23232	279-K12CK5	K12CK5	Trần Thị	Dung	Nữ	18/02/1985				Khá	1502973	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23233	280-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Anh	Dũng	Nam	03/04/1992				Khá	1502974	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23234	281-K12CK5	K12CK5	Khuất Thị Thu	Hà	Nữ	25/12/1994				Khá	1502975	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23235	282-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	28/05/1992				Khá	1502976	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23236	283-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Thị Thái	Hà	Nữ	14/08/1992				Khá	1502977	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23237	284-K12CK5	K12CK5	Đoàn Thị	Hảo	Nữ	17/07/1993				Khá	1502978	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23238	285-K12CK5	K12CK5	Bùi Kim Quỳnh	Hoa	Nữ	15/05/1993				Khá	1502979	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23239	286-K12CK5	K12CK5	Hoàng Thị	Hoài	Nữ	05/11/1994				Khá	1502980	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23240	287-K12CK5	K12CK5	Trần Thị	Hoài	Nữ	12/11/1994				Khá	1502981	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23241	288-K12CK5	K12CK5	Đinh Thị	Hồng	Nữ	20/05/1994				Khá	1502982	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23242	289-K12CK5	K12CK5	Hoàng Thị	Hương	Nữ	12/07/1994				Khá	1502983	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23243	290-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/02/1994				Khá	1502984	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23244	291-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	13/01/1991				Trung bình	1502985	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23245	292-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	31/10/1993				Khá	1502986	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23246	293-K12CK5	K12CK5	Đỗ Thị	Huyền	Nữ	08/03/1994				Khá	1502987	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23247	294-K12CK5	K12CK5	Phạm Thị Phương	Huyền	Nữ	15/12/1992				Trung bình	1502988	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23248	295-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	15/01/1994				Trung bình	1502989	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23249	296-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Vĩnh	Linh	Nam	24/08/1990				Khá	1502990	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23250	297-K12CK5	K12CK5	Bùi Thị Phương	Loan	Nữ	02/08/1993				Khá	1502991	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23251	298-K12CK5	K12CK5	Đỗ Minh	Lý	Nữ	09/11/1994				Khá	1502992	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23252	299-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Quang	Minh	Nam	04/11/1984				Khá	1502993	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23253	300-K12CK5	K12CK5	Phạm Thị Thanh	Nhung	Nữ	03/08/1992				Khá	1502994	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23254	301-K12CK5	K12CK5	Phạm Thị Mai	Phương	Nữ	18/08/1990				Giỏi	1502995	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23255	302-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	18/01/1994				Khá	1502996	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23256	303-K12CK5	K12CK5	Phạm Thị Hoài	Thương	Nữ	10/11/1993				Giỏi	1502997	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23257	304-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	09/05/1994				Khá	1502998	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23258	305-K12CK5	K12CK5	Nguyễn Việt	Tùng	Nam	17/07/1994				Khá	1502999	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23259	306-K11CK11	11CK11	Trần Hoàng	Hà	Nam	04/10/1993				Trung bình	1503000	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23260	307-K11CK11	11CK11	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	28/11/1987				Trung bình	1503063	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23261	308-K12CK1	K12CK1	Trần Đình	Ninh	Nam	11/12/1994				Khá	1503064	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23262	309-K12CK1	K12CK1	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	30/05/1992				Trung bình	1503065	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23263	310-K11CK16	11CK16	Phạm Thị	Nga	Nữ	15/05/1994				Trung bình	1503066	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	192/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23264	311-K12CQ1	K12CQ1	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	12/01/1994				Khá	1503067	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23265	312-K12CQ1	K12CQ1	Đinh Anh	Dũng	Nam	08/03/1992				Khá	1503068	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23266	313-K12CQ1	K12CQ1	Đinh Khương	Duy	Nam	17/02/1992				Khá	1503069	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23267	314-K12CQ1	K12CQ1	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	01/07/1994				Khá	1503070	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23268	315-K12CQ1	K12CQ1	Đỗ Thị Thanh	Hảo	Nữ	30/10/1993				Giỏi	1503071	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23269	316-K12CQ1	K12CQ1	Trần Trung	Hiếu	Nam	02/08/1993				Giỏi	1503072	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23270	317-K12CQ1	K12CQ1	Ngô Thị	Hòa	Nữ	28/09/1994				Khá	1503073	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23271	318-K12CQ1	K12CQ1	Trần Thị	Huế	Nữ	15/04/1991				Giỏi	1503074	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23272	319-K12CQ1	K12CQ1	Vũ Thị	Hương	Nữ	06/09/1992				Khá	1503075	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23273	320-K12CQ1	K12CQ1	Lê Văn	Kỳ	Nam	15/09/1994				Khá	1503076	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23274	321-K12CQ1	K12CQ1	Bùi Thị	Liên	Nữ	02/06/1988				Khá	1503077	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23275	322-K12CQ1	K12CQ1	Dương Thùy	Linh	Nữ	30/08/1991				Khá	1503078	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23276	323-K12CQ1	K12CQ1	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	10/09/1994				Khá	1503079	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23277	324-K12CQ1	K12CQ1	Bùi Huyền	My	Nữ	27/09/1994				Khá	1503080	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23278	325-K12CQ1	K12CQ1	Đoàn Việt	Nga	Nữ	04/08/1993				Khá	1503081	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23279	326-K12CQ1	K12CQ1	Ngô Thị	Nhung	Nữ	24/03/1994				Khá	1503082	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23280	327-K12CQ1	K12CQ1	Trần Thị Khánh	Ninh	Nữ	16/09/1991				Khá	1503083	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23281	328-K12CQ1	K12CQ1	Nguyễn Bá	Quỳnh	Nam	25/05/1994				Khá	1503084	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23282	329-K12CQ1	K12CQ1	Quách Văn	Tây	Nam	25/03/1992				Khá	1503085	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23283	330-K12CQ1	K12CQ1	Lưu Minh	Thư	Nữ	20/07/1992				Khá	1503086	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23284	331-K12CQ1	K12CQ1	Bùi Thùy	Tiên	Nữ	20/10/1994				Khá	1503087	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23285	332-K12CQ1	K12CQ1	Đinh Đức	Tùng	Nam	07/07/1994				Khá	1503088	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23286	333-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Quang	Anh	Nam	14/11/1994				Khá	1503089	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23287	334-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	02/02/1994				Khá	1503090	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23288	335-K12CQ3	K12CQ3	Trần Thị Quỳnh	Anh	Nữ	28/10/1991				Khá	1503091	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23289	336-K12CQ3	K12CQ3	Đào Thị Thanh	Bình	Nữ	31/08/1994				Khá	1503092	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23290	337-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thúy	Đạt	Nữ	01/06/1993				Khá	1503093	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23291	338-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị	Điệp	Nữ	20/08/1991				Khá	1503094	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23292	339-K12CQ3	K12CQ3	Phạm Công	Định	Nam	02/03/1995				Khá	1503095	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23293	340-K12CQ3	K12CQ3	Vũ Đình	Đông	Nam	06/01/1994				Khá	1503096	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23294	341-K12CQ3	K12CQ3	Phạm Văn	Du	Nam	01/10/1988				Giỏi	1503097	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23295	342-K12CQ3	K12CQ3	Chu Văn	Đức	Nam	28/10/1993				Khá	1503098	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23296	343-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	20/11/1995				Khá	1503099	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23297	344-K12CQ3	K12CQ3	Phạm Thị Kim	Dương	Nữ	09/08/1995				Khá	1503100	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23298	345-K12CQ3	K12CQ3	Lê Thành	Duy	Nam	17/02/1993				Trung bình	1503101	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23299	346-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	06/08/1995				Khá	1503102	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23300	347-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thu	Giang	Nữ	21/12/1995				Khá	1503103	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23301	348-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	20/08/1994				Khá	1503104	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23302	349-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	22/08/1989				Khá	1503105	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23303	350-K12CQ3	K12CQ3	Phạm Thị	Hoa	Nữ	02/01/1992				Khá	1503106	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23304	351-K12CQ3	K12CQ3	Trần Đức	Hoàng	Nam	13/12/1993				Khá	1503107	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23305	352-K12CQ3	K12CQ3	Lường Thị	Huệ	Nữ	27/02/1991				Khá	1503108	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23306	353-K12CQ3	K12CQ3	Trịnh Thị	Huệ	Nữ	15/09/1995				Khá	1503109	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23307	354-K12CQ3	K12CQ3	Trần Duy	Hùng	Nam	04/09/1993				Khá	1503110	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23308	355-K12CQ3	K12CQ3	Cao Thanh	Hưng	Nam	23/04/1993				Trung bình	1503111	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23309	356-K12CQ3	K12CQ3	Trương Thị	Hương	Nữ	27/09/1994				Trung bình	1503112	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23310	357-K12CQ3	K12CQ3	Lê Thị	Hường	Nữ	19/02/1989				Khá	1503113	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23311	358-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	13/11/1994				Khá	1503114	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23312	359-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Hữu	Khanh	Nam	02/09/1995				Khá	1503115	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23313	360-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Văn	Khánh	Nam	05/09/1994				Khá	1503116	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23314	361-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	31/05/1983				Giỏi	1503117	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23315	362-K12CQ3	K12CQ3	Phùng Văn	Kỳ	Nam	03/07/1989				Khá	1503118	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23316	363-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị Phương	Lam	Nữ	14/05/1995				Khá	1503119	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23317	364-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	06/01/1992				Khá	1503120	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23318	365-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	16/05/1994				Khá	1503121	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23319	366-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Xuân	Lộc	Nam	05/07/1995				Khá	1503122	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23320	367-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thành	Long	Nam	26/06/1994				Khá	1503123	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23321	368-K12CQ3	K12CQ3	Trần Khánh	Ly	Nữ	27/03/1995				Khá	1503124	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23322	369-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị	Mãi	Nữ	16/03/1995				Khá	1503125	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23323	370-K12CQ3	K12CQ3	Lê Thị	Na	Nữ	15/08/1995				Khá	1503126	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23324	371-K12CQ3	K12CQ3	Phạm Phương	Nguyên	Nữ	18/11/1995				Khá	1503127	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23325	372-K12CQ3	K12CQ3	Hoàng Thị	Nhàn	Nữ	20/07/1992				Khá	1503128	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23326	373-K12CQ3	K12CQ3	Lê Thanh	Nhung	Nữ	17/12/1994				Khá	1503129	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23327	374-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Quý	Phong	Nam	07/02/1994				Khá	1503130	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23328	375-K12CQ3	K12CQ3	Vũ Hải	Quân	Nam	19/01/1993				Trung bình	1503131	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23329	376-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	18/02/1994				Khá	1503132	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23330	377-K12CQ3	K12CQ3	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	03/11/1994				Khá	1503133	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23331	378-K12CQ3	K12CQ3	Vũ Văn	Sơn	Nam	09/11/1995				Trung bình	1503134	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23332	379-K12CQ3	K12CQ3	Lê Minh	Thành	Nam	16/03/1994				Khá	1503135	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23333	380-K12CQ3	K12CQ3	Nông Tất	Thành	Nam	08/05/1994				Khá	1503136	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23334	381-K12CQ3	K12CQ3	Chu Lý Thu	Thảo	Nữ	03/11/1992				Khá	1503137	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23335	382-K12CQ3	K12CQ3	Quách Phương	Thảo	Nữ	26/01/1995				Khá	1503138	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23336	383-K12CQ3	K12CQ3	Đỗ Thị	Thư	Nữ	07/12/1994				Khá	1503139	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23337	384-K12CQ3	K12CQ3	Phan Thị	Thuận	Nữ	01/02/1995				Khá	1503140	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23338	385-K12CQ3	K12CQ3	Lê Thị	Thương	Nữ	09/04/1995				Khá	1503141	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23339	386-K12CQ3	K12CQ3	Lê Thị	Thúy	Nữ	15/12/1991				Khá	1503142	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23340	387-K12CQ3	K12CQ3	Ngô Thị	Thúy	Nữ	03/07/1995				Khá	1503143	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23341	388-K12CQ3	K12CQ3	Vũ Thị	Thúy	Nữ	13/11/1992				Khá	1503144	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23342	389-K12CQ3	K12CQ3	Phan Thị Thùy	Tiên	Nữ	01/07/1994				Khá	1503145	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23343	390-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Đăng	Toàn	Nam	27/10/1995				Khá	1503146	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23344	391-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Thanh	Trà	Nữ	26/12/1994				Khá	1503211	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23345	392-K12CQ3	K12CQ3	Phạm Thị	Trang	Nữ	20/10/1994				Khá	1503148	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23346	393-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Hoàng	Trọng	Nam	08/04/1995				Khá	1503149	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23347	394-K12CQ3	K12CQ3	Lê Minh	Tú	Nam	05/09/1993				Khá	1503150	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23348	395-K12CQ3	K12CQ3	Tô Thị	Tươi	Nữ	28/01/1995				Khá	1503151	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23349	396-K12CQ3	K12CQ3	Bùi Thị ánh	Tuyết	Nữ	05/10/1992				Khá	1503152	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23350	397-K12CQ3	K12CQ3	Nguyễn Duy	Vũ	Nam	05/11/1995				Khá	1503153	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23351	398-K12CQ3	K12CQ3	Vũ Thị	Yến	Nữ	12/07/1993				Khá	1503154	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23352	399-K11CQ4	K11CQ4	Bùi Đức	Hùng	Nam	10/11/1989				Trung bình	1503155	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	187/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23353	400-K12CT1	K12CT1	Phạm Thị Hương	Giang	Nữ	09/08/1994				Khá	1503156	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23354	401-K12CT1	K12CT1	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	09/08/1992				Khá	1503157	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23355	402-K12CT1	K12CT1	Dương Thị Nhật	Lệ	Nữ	28/10/1992				Khá	1503158	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23356	403-K12CT1	K12CT1	Lý Ngọc	Linh	Nữ	07/07/1994				Khá	1503159	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23357	404-K12CT1	K12CT1	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	30/01/1991				Khá	1503160	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23358	405-K12CT1	K12CT1	Đặng Vũ Hoàng	Nam	Nam	08/06/1993				Khá	1503161	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23359	406-K12CT1	K12CT1	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	22/04/1992				Khá	1503162	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23360	407-K12CT1	K12CT1	Lê Kiều	Oanh	Nữ	29/01/1993				Khá	1503163	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23361	408-K12CT1	K12CT1	Đặng Văn	Thông	Nam	18/04/1989				Khá	1503164	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23362	409-K12CT1	K12CT1	Đoàn Ngọc	Thúy	Nữ	30/09/1994				Khá	1503165	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23363	410-K12CT1	K12CT1	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	23/01/1993				Khá	1503166	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23364	411-K12CT1	K12CT1	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	10/04/1994				Khá	1503167	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23365	412-K12CT1	K12CT1	Đào Huyền	Trang	Nữ	19/09/1992				Giỏi	1503168	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23366	413-K12CT1	K12CT1	Vũ Huyền	Trang	Nữ	26/06/1994				Khá	1503169	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23367	414-K12CT1	K12CT1	Hoàng Thị	Vân	Nữ	03/01/1994				Khá	1503170	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23368	415-K12CT1	K12CT1	Triệu Văn	Vĩnh	Nam	10/02/1989				Khá	1503171	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23369	416-K12CT3	K12CT3	Lê Phương	Anh	Nữ	24/07/1993				Khá	1503172	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23370	417-K12CT3	K12CT3	Ngô Minh	Châu	Nữ	13/10/1992				Giỏi	1503173	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23371	418-K12CT3	K12CT3	Mai Văn	Đạt	Nam	09/09/1991				Khá	1503174	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23372	419-K12CT3	K12CT3	Trần Ngọc	Đông	Nam	03/08/1992				Khá	1503175	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23373	420-K12CT3	K12CT3	Hoàng Mạnh	Đức	Nam	01/12/1994				Khá	1503176	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23374	421-K12CT3	K12CT3	Lưu Anh	Đức	Nam	04/04/1993				Khá	1503177	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23375	422-K12CT3	K12CT3	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	06/07/1994				Khá	1503178	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23376	423-K12CT3	K12CT3	Đinh Thanh	Hằng	Nữ	16/08/1994				Khá	1503179	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23377	424-K12CT3	K12CT3	Vũ Thị Thanh	Hằng	Nữ	14/09/1991				Khá	1503180	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23378	425-K12CT3	K12CT3	Đặng Thị	Hoa	Nữ	25/03/1992				Khá	1503181	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23379	426-K12CT3	K12CT3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	08/02/1992				Giỏi	1503182	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23380	427-K12CT3	K12CT3	Phan Long	Khánh	Nam	18/10/1993				Khá	1503183	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23381	428-K12CT3	K12CT3	Nguyễn Thị Như	Mai	Nữ	15/03/1992				Khá	1503184	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23382	429-K12CT3	K12CT3	Cồ Thị	May	Nữ	03/03/1993				Khá	1503185	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23383	430-K12CT3	K12CT3	Đỗ Hoài	Nam	Nam	20/02/1990				Khá	1503186	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23384	431-K12CT3	K12CT3	Lê Thị	Ngọc	Nữ	20/04/1994				Khá	1503187	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23385	432-K12CT3	K12CT3	Vũ Lâm	Nhi	Nữ	25/09/1994				Giỏi	1503188	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23386	433-K12CT3	K12CT3	Võ Phương	Thảo	Nữ	27/02/1992				Khá	1503189	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23387	434-K12CT3	K12CT3	Phan Diệu	Thúy	Nữ	02/12/1994				Khá	1503190	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23388	435-K12CT3	K12CT3	Đào Thị Thùy	Tiên	Nữ	03/07/1993				Khá	1503191	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23389	436-K12CT3	K12CT3	Đặng Thị Thu	Trang	Nữ	18/10/1991				Khá	1503192	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23390	437-K12CT3	K12CT3	Lê Ngọc	Tuấn	Nam	06/01/1993				Khá	1503193	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23391	438-K12CT3	K12CT3	Nguyễn Xuân	Tùng	Nam	28/01/1993				Khá	1503194	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23392	439-K11CT3	K11CT3	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	07/12/1994				Trung bình	1503195	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23393	440-K11CT3	K11CT3	Nguyễn Thị Hải	My	Nữ	12/01/1993				Trung bình	1503196	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23394	441-K12CT2	K12CT2	Huỳnh Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	20/11/1993				Khá	1503197	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	184/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
23395	355-K50A1	K50A1	Vũ Kiều	Anh	Nữ	26/11/1996				Khá	1652462	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23396	356-K50A1	K50A1	Vũ Thị Tú	Anh	Nữ	19/04/1996				Khá	1509623	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23397	357-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị Kim	ánh	Nữ	06/06/1996				Khá	1509624	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23398	358-K50A1	K50A1	Trần Thị	Châm	Nữ	04/01/1995				Khá	1509625	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23399	359-K50A1	K50A1	Trương Thị	Chinh	Nữ	21/04/1996				Khá	1509626	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23400	360-K50A1	K50A1	Vũ Hùng	Cường	Nam	25/08/1996				Khá	1509627	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23401	361-K50A1	K50A1	Nguyễn Công	Đức	Nam	17/04/1996				Trung bình	1509628	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23402	362-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	06/01/1996				Khá	1509629	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23403	363-K50A1	K50A1	Trần Việt	Dũng	Nam	14/02/1996				Trung bình	1509630	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23404	364-K50A1	K50A1	Hoàng Thị	Hà	Nữ	12/02/1996				Khá	1509631	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23405	365-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị Tâm	Hoa	Nữ	20/06/1996				Khá	1509632	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23406	366-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	31/12/1996				Khá	1509633	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23407	367-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16/08/1995				Giỏi	1509634	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23408	368-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	24/10/1996				Khá	1509635	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23409	369-K50A1	K50A1	Đỗ Thị Thu	Huyền	Nữ	02/10/1996				Khá	1509636	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23410	370-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị Thu	Lan	Nữ	17/11/1996				Khá	1509637	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23411	371-K50A1	K50A1	Phan Thị	Liên	Nữ	08/09/1996				Khá	1509638	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23412	372-K50A1	K50A1	Bùi Thị	Ngát	Nữ	01/08/1996				Khá	1509639	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23413	373-K50A1	K50A1	Đỗ Quỳnh	Ngọc	Nữ	03/01/1996				Khá	1509640	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23414	374-K50A1	K50A1	Hoàng Anh	Ngọc	Nam	29/10/1996				Trung bình	1509641	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23415	375-K50A1	K50A1	Ngô Ngọc	Nhi	Nữ	21/06/1996				Khá	1509642	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23416	376-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị	Như	Nữ	04/08/1995				Khá	1509643	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23417	377-K50A1	K50A1	Đào Đình	Sơn	Nam	25/09/1996				Khá	1509644	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23418	378-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	18/02/1996				Khá	1509645	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23419	379-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	12/10/1996				Giỏi	1509646	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23420	380-K50A1	K50A1	Phạm Thị	Thu	Nữ	07/08/1996				Giỏi	1509647	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23421	381-K50A1	K50A1	Đào Xuân	Thuận	Nam	22/07/1996				Khá	1509648	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23422	382-K50A1	K50A1	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	20/08/1996				Khá	1509649	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23423	383-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	23/07/1996				Khá	1509650	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23424	384-K50A1	K50A1	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	21/08/1996				Khá	1509651	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23425	385-K50A1	K50A1	Phạm Thị	Trang	Nữ	20/06/1996				Khá	1509652	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23426	386-K50A1	K50A1	Lưu Thị	Tuyết	Nữ	10/06/1996				Khá	1509653	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23427	387-K50A1	K50A1	Đặng Thị Hải	Yến	Nữ	20/07/1996				Khá	1509654	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23428	388-K50A1	K50A1	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	15/11/1996				Giỏi	1509655	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23429	389-K50A2	K50A2	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	08/07/1996				Khá	1509656	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23430	390-K50A2	K50A2	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	25/11/1996				Khá	1509657	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23431	391-K50A2	K50A2	Đinh Thị Ngọc	ánh	Nữ	02/07/1996				Khá	1509658	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23432	392-K50A2	K50A2	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	20/07/1996				Khá	1509659	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23433	393-K50A2	K50A2	Đặng Việt	Cường	Nam	22/08/1996				Khá	1509660	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23434	394-K50A2	K50A2	Ngô Thị	Đông	Nữ	12/08/1996				Khá	1509661	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23435	395-K50A2	K50A2	Trần Quốc	Dũng	Nam	26/11/1996				Giỏi	1509662	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23436	396-K50A2	K50A2	Chu Thị Thu	Hà	Nữ	07/03/1996				Khá	1509663	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23437	397-K50A2	K50A2	Lê Ngọc	Hải	Nam	13/03/1996				Khá	1509664	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23438	398-K50A2	K50A2	Trần Nhật	Hằng	Nữ	11/11/1996				Giỏi	1509665	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23439	399-K50A2	K50A2	Đào Thị	Huế	Nữ	04/02/1996				Khá	1509666	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23440	400-K50A2	K50A2	Nguyễn Xuân	Hưng	Nam	19/05/1996				Khá	1509667	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23441	401-K50A2	K50A2	Đàm Thị Thu	Hương	Nữ	21/10/1996				Khá	1509668	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23442	402-K50A2	K50A2	Vũ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	15/07/1996				Khá	1509669	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23443	403-K50A2	K50A2	Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	07/05/1996				Khá	1509670	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23444	404-K50A2	K50A2	Đỗ Thị	Lý	Nữ	14/03/1996				Khá	1509671	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23445	405-K50A2	K50A2	Trần Thị Trà	My	Nữ	20/08/1996				Khá	1509672	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23446	406-K50A2	K50A2	Đặng Thị	Ngát	Nữ	09/01/1996				Khá	1509673	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23447	407-K50A2	K50A2	Lê Thị	Ngọc	Nữ	12/08/1996				Khá	1509674	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23448	408-K50A2	K50A2	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	22/05/1996				Khá	1509675	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23449	409-K50A2	K50A2	Vương Đình	Tâm	Nam	09/02/1996				Khá	1509676	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23450	410-K50A2	K50A2	Nguyễn Đình	Thắng	Nam	18/06/1996				Trung bình	1509677	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23451	411-K50A2	K50A2	Hà Hoàng	Thảo	Nữ	17/11/1996				Khá	1509678	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23452	412-K50A2	K50A2	Trương Thị	Thảo	Nữ	29/01/1996				Giỏi	1509679	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23453	413-K50A2	K50A2	Phạm Thị	Thoa	Nữ	06/10/1996				Khá	1509680	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23454	414-K50A2	K50A2	Trần Thị	Thùy	Nữ	08/02/1996				Giỏi	1509681	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23455	415-K50A2	K50A2	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	22/02/1996				Trung bình	1509682	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23456	416-K50A2	K50A2	Phạm Thị	Trinh	Nữ	10/07/1996				Khá	1509683	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23457	417-K50A2	K50A2	Bùi Ngọc	Tú	Nam	31/10/1996				Trung bình	1509684	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23458	418-K50A2	K50A2	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	12/05/1996				Trung bình	1509685	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23459	419-K50A2	K50A2	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	15/12/1996				Trung bình	1509686	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23460	420-K50A2	K50A2	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	06/01/1996				Khá	1509687	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23461	421-K50A3	K50A3	Đinh Thị Vân	Anh	Nữ	15/07/1996				Giỏi	1509688	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23462	422-K50A3	K50A3	Trần Thị Tú	Anh	Nữ	22/11/1996				Khá	1509689	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23463	423-K50A3	K50A3	Nguyễn Tuấn	Cảnh	Nam	05/06/1996				Khá	1509690	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23464	424-K50A3	K50A3	Hoàng Thị Trà	Giang	Nữ	07/11/1996				Trung bình	1509691	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23465	425-K50A3	K50A3	Lê Thị	Hạ	Nữ	11/09/1996				Khá	1509692	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23466	426-K50A3	K50A3	Phan Thị	Hòa	Nữ	12/08/1996				Khá	1509693	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23467	427-K50A3	K50A3	Phan Thị	Hương	Nữ	05/02/1996				Khá	1509694	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23468	428-K50A3	K50A3	Dương Thị Hương	Lan	Nữ	16/09/1996				Khá	1509695	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23469	429-K50A3	K50A3	Lê Thị	Lệ	Nữ	12/12/1996				Khá	1509696	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23470	430-K50A3	K50A3	Nguyễn Thanh	Nga	Nữ	18/08/1995				Khá	1509697	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23471	431-K50A3	K50A3	Dương Thị	Ngân	Nữ	01/09/1996				Trung bình	1509698	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23472	432-K50A3	K50A3	Bùi Đắc	Quyết	Nam	15/11/1996				Khá	1509699	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23473	433-K50A3	K50A3	Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	29/09/1995				Khá	1509700	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23474	434-K50A3	K50A3	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	16/08/1996				Khá	1509701	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23475	435-K50A3	K50A3	Trần Thị	Thảo	Nữ	16/12/1996				Khá	1509702	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23476	436-K50A3	K50A3	Trần Thị	Thảo	Nữ	31/05/1996				Khá	1509703	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23477	437-K50A3	K50A3	Phạm Thị	Thơm	Nữ	28/10/1996				Khá	1509704	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23478	438-K50A3	K50A3	Phạm Thanh	Thư	Nữ	26/01/1995				Khá	1509705	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23479	439-K50A3	K50A3	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	03/03/1996				Khá	1509706	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23480	440-K50A3	K50A3	Chu Thị Huyền	Trang	Nữ	25/12/1996				Khá	1509707	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23481	441-K50A3	K50A3	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/01/1996				Khá	1509708	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23482	442-K50A3	K50A3	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	13/05/1996				Khá	1509709	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23483	443-K50A3	K50A3	Hà Thị Kiều	Trinh	Nữ	20/12/1996				Khá	1509710	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23484	444-K50A3	K50A3	Trần Thị Hồng	Vân	Nữ	24/10/1996				Khá	1509711	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23485	445-K50A4	K50A4	Hoàng Thị Thúy	Anh	Nữ	23/09/1996				Khá	1509712	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23486	446-K50A4	K50A4	Vũ Thế Hoàng	Anh	Nam	26/11/1996				Giỏi	1509713	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23487	447-K50A4	K50A4	Ngô Thị	Biển	Nữ	07/06/1996				Khá	1509714	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23488	448-K50A4	K50A4	Nguyễn Thị	Doan	Nữ	12/08/1996				Khá	1509715	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23489	449-K50A4	K50A4	Trần Thị	Giang	Nữ	03/12/1996				Giỏi	1509716	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23490	450-K50A4	K50A4	Trần Thu	Hằng	Nữ	29/12/1996				Khá	1509717	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23491	451-K50A4	K50A4	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	10/10/1996				Khá	1509718	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23492	452-K50A4	K50A4	Phùng Thị	Huệ	Nữ	25/09/1996				Khá	1509719	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23493	453-K50A4	K50A4	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	13/08/1996				Khá	1509720	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23494	454-K50A4	K50A4	Đào Thị	Liên	Nữ	03/03/1996				Trung bình	1509721	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23495	455-K50A4	K50A4	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	02/08/1996				Khá	1509722	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23496	456-K50A4	K50A4	Phạm Thị	Loan	Nữ	07/08/1996				Khá	1509723	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23497	457-K50A4	K50A4	Nguyễn Đức	Nam	Nam	18/05/1995				Khá	1509724	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23498	458-K50A4	K50A4	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	01/02/1996				Khá	1509725	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23499	459-K50A4	K50A4	Phạm Thị Hồng	Ngân	Nữ	02/12/1996				Trung bình	1509726	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23500	460-K50A4	K50A4	Phạm Thị Minh	Nguyệt	Nữ	31/10/1996				Khá	1509727	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23501	461-K50A4	K50A4	Nguyễn Toàn	Quyền	Nam	14/01/1996				Khá	1509728	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23502	462-K50A4	K50A4	Lê Thị	Sang	Nữ	14/04/1996				Khá	1509729	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23503	463-K50A4	K50A4	Phạm Thị Bích	Thảo	Nữ	08/07/1996				Khá	1509730	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23504	464-K50A4	K50A4	Triệu Thị	Thảo	Nữ	23/07/1996				Khá	1509731	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23505	465-K50A4	K50A4	Tạ Thị	Thơm	Nữ	03/11/1996				Khá	1509732	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23506	466-K50A4	K50A4	Nguyễn Đăng	Toàn	Nam	21/05/1995				Khá	1509733	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23507	467-K50A4	K50A4	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/06/1996				Khá	1509734	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23508	468-K50A4	K50A4	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	25/07/1996				Khá	1509735	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23509	469-K50A4	K50A4	Ngọ Thị	Tuyến	Nữ	13/08/1996				Khá	1509736	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23510	470-K50A4	K50A4	Trịnh Thị	Uyên	Nữ	12/04/1996				Khá	1509737	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23511	471-K50A4	K50A4	Nguyễn Thị Hải	Vân	Nữ	04/01/1996				Khá	1509738	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23512	472-K50A4	K50A4	Lương Thị Hải	Yến	Nữ	01/03/1996				Khá	1509739	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23513	473-K49A1	K49A1	Nguyễn Đắc	Đại	Nam	14/04/1995				Trung bình	1509740	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23514	474-K49A1	K49A1	Hoàng Thảo	Nhung	Nữ	19/11/1995				Trung bình	1509741	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23515	475-K49A2	K49A2	Vũ Thị Minh	Phương	Nữ	13/09/1995				Trung bình	1509742	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23516	476-K49A2	K49A2	Đặng Thị	Tiên	Nữ	09/07/1995				Trung bình	1509743	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23517	477-K48A1	K48A1	Vũ Văn	Sơn	Nam	24/06/1994				Trung bình	1509744	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23518	478-K50K1	K50K1	Trần Thị	Anh	Nữ	26/02/1995				Khá	1509745	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23519	479-K50K1	K50K1	Trần Thị	Cảnh	Nữ	22/08/1996				Khá	1509746	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23520	480-K50K1	K50K1	Trần Quân	Dân	Nam	13/01/1996				Trung bình	1509747	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23521	481-K50K1	K50K1	Hồ Thị Anh	Đào	Nữ	01/10/1996				Khá	1509748	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23522	482-K50K1	K50K1	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	19/02/1996				Trung bình	1509749	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23523	483-K50K1	K50K1	Phùng Thị Thùy	Dung	Nữ	15/02/1996				Khá	1509750	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23524	484-K50K1	K50K1	Dương Thị	Hà	Nữ	21/04/1996				Khá	1509751	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23525	485-K50K1	K50K1	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	21/12/1996				Khá	1509752	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23526	486-K50K1	K50K1	Lưu Thị	Hải	Nữ	29/09/1996				Khá	1509753	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23527	487-K50K1	K50K1	Trần Thị	Hiền	Nữ	10/10/1995				Khá	1509754	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23528	488-K50K1	K50K1	Trần Quang	Hiếu	Nam	08/11/1996				Khá	1509755	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23529	489-K50K1	K50K1	Triệu Thị Bích	Hồng	Nữ	27/01/1996				Khá	1509756	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23530	490-K50K1	K50K1	Trần Thị	Hương	Nữ	05/03/1996				Khá	1509757	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23531	491-K50K1	K50K1	Vương Thị	Hường	Nữ	13/12/1996				Khá	1509758	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23532	492-K50K1	K50K1	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	02/09/1996				Khá	1509759	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23533	493-K50K1	K50K1	Văn Đức	Khoa	Nam	21/11/1996				Khá	1509760	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23534	494-K50K1	K50K1	Lã Thị Linh	Lâm	Nữ	11/05/1996				Khá	1509761	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23535	495-K50K1	K50K1	Nguyễn Kiều	Loan	Nữ	24/06/1996				Khá	1509762	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23536	496-K50K1	K50K1	Nguyễn Thị	Lượng	Nữ	28/03/1996				Khá	1509763	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23537	497-K50K1	K50K1	Lưu Văn	Mạnh	Nam	24/02/1996				Trung bình	1509764	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23538	498-K50K1	K50K1	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	Nữ	02/09/1996				Trung bình	1509765	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23539	499-K50K1	K50K1	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	10/10/1996				Khá	1509766	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23540	500-K50K1	K50K1	Phạm Bích	Ngọc	Nữ	21/10/1996				Khá	1509767	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23541	501-K50K1	K50K1	Cao Thị	Nhân	Nữ	09/07/1996				Giỏi	1509768	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23542	502-K50K1	K50K1	Trần Thị	Nhung	Nữ	23/09/1996				Khá	1509769	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23543	503-K50K1	K50K1	Vũ Thị Lan	Phương	Nữ	23/03/1996				Khá	1509770	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23544	504-K50K1	K50K1	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	25/07/1996				Khá	1509771	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23545	505-K50K1	K50K1	Nguyễn Thị Yến	Thanh	Nữ	30/04/1996				Khá	1509772	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23546	506-K50K1	K50K1	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	01/12/1996				Khá	1509773	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23547	507-K50K1	K50K1	Phạm Thị Phương	Thúy	Nữ	11/03/1996				Khá	1509774	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23548	508-K50K1	K50K1	Trần Thị Thúy	Thúy	Nữ	23/08/1996				Khá	1509775	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23549	509-K50K1	K50K1	Phùng Thị	Thùy	Nữ	09/02/1996				Khá	1509776	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23550	510-K50K1	K50K1	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	12/11/1996				Khá	1509777	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23551	511-K50K1	K50K1	Đỗ Thị Việt	Trinh	Nữ	01/07/1996				Khá	1509778	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23552	512-K50K1	K50K1	Hồ Thị Hồng	Vân	Nữ	15/01/1996				Khá	1509779	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23553	513-K50K1	K50K1	Noy	YA	Nam	15/02/1993				Khá	1509780	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23554	514-K50K2	K50K2	Nguyễn Thị Cẩm	Anh	Nữ	08/07/1996				Khá	1509781	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23555	515-K50K2	K50K2	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Nữ	12/09/1995				Khá	1509782	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23556	516-K50K2	K50K2	Lê Ngọc	ánh	Nữ	29/11/1996				Khá	1509783	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23557	517-K50K2	K50K2	Phan Viết	Bắc	Nam	15/02/1996				Khá	1509784	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23558	518-K50K2	K50K2	Đặng Thị Kim	Chi	Nữ	27/12/1996				Khá	1509785	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23559	519-K50K2	K50K2	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	21/07/1996				Khá	1509786	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23560	520-K50K2	K50K2	Nguyễn Công	Định	Nam	30/04/1996				Khá	1509787	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23561	521-K50K2	K50K2	Hoàng Thị	Dung	Nữ	22/08/1996				Khá	1509788	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23562	522-K50K2	K50K2	Lê Văn	Dũng	Nam	22/08/1996				Trung bình	1509789	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23563	523-K50K2	K50K2	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	18/02/1996				Khá	1509790	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23564	524-K50K2	K50K2	Đào Thị Thanh	Hoa	Nữ	08/04/1996				Khá	1509791	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23565	525-K50K2	K50K2	Dương Thị	Hường	Nữ	09/09/1996				Khá	1509792	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23566	526-K50K2	K50K2	Lê Thị	Huyền	Nữ	15/08/1996				Khá	1509793	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23567	527-K50K2	K50K2	Mai Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/06/1996				Trung bình	1509794	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23568	528-K50K2	K50K2	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	05/11/1996				Khá	1509795	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23569	529-K50K2	K50K2	Bùi Thị Mỹ	Linh	Nữ	21/05/1996				Khá	1509796	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23570	530-K50K2	K50K2	Phạm Diệu	Linh	Nữ	19/09/1996				Trung bình	1509797	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23571	531-K50K2	K50K2	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	11/02/1996				Khá	1509798	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23572	532-K50K2	K50K2	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	05/01/1996				Khá	1509799	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23573	533-K50K2	K50K2	Đinh Thị Thiên	Nga	Nữ	16/03/1996				Khá	1509800	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23574	534-K50K2	K50K2	Phạm Thị Chính	Nghĩa	Nữ	26/11/1996				Khá	1509801	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23575	535-K50K2	K50K2	Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	02/06/1996				Trung bình	1509802	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23576	536-K50K2	K50K2	Trần Thị	Nhân	Nữ	25/02/1996				Giỏi	1509803	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23577	537-K50K2	K50K2	Phùng Thị	Phượng	Nữ	15/10/1996				Trung bình	1509804	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23578	538-K50K2	K50K2	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	04/06/1996				Khá	1509805	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23579	539-K50K2	K50K2	Ngô Thị Phương	Thảo	Nữ	16/02/1996				Khá	1509806	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23580	540-K50K2	K50K2	Trần Thanh	Thảo	Nữ	24/08/1996				Khá	1509807	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23581	541-K50K2	K50K2	Phạm Thị	Thơm	Nữ	29/05/1996				Khá	1509808	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23582	542-K50K2	K50K2	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	05/09/1995				Giỏi	1509809	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23583	543-K50K2	K50K2	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	07/02/1996				Khá	1509810	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23584	544-K50K2	K50K2	Bùi Thị Việt	Trinh	Nữ	18/06/1996				Khá	1509811	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23585	545-K50K2	K50K2	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	29/07/1996				Khá	1509812	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23586	546-K50K2	K50K2	Hà Thị	Vân	Nữ	08/06/1996				Khá	1509813	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23587	547-K50K2	K50K2	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	29/09/1996				Khá	1509814	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23588	548-K50K2	K50K2	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	04/11/1996				Khá	1509815	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23589	549-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	08/05/1996				Khá	1509816	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23590	550-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	28/04/1996				Khá	1509817	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23591	551-K50K3	K50K3	Trần Thị	Chinh	Nữ	02/10/1996				Khá	1509818	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23592	552-K50K3	K50K3	Nông Thị	Đoan	Nữ	11/01/1996				Khá	1509819	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23593	553-K50K3	K50K3	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	10/07/1996				Trung bình	1509820	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23594	554-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	14/02/1996				Giỏi	1509821	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23595	555-K50K3	K50K3	Ngô Thị	Hà	Nữ	24/08/1996				Khá	1509822	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23596	556-K50K3	K50K3	Trịnh Thị	Hà	Nữ	10/02/1996				Trung bình	1509823	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23597	557-K50K3	K50K3	Phan Văn	Hiệp	Nam	23/06/1996				Khá	1509824	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23598	558-K50K3	K50K3	Đỗ Thị Thu	Hoài	Nữ	04/04/1995				Khá	1509825	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23599	559-K50K3	K50K3	Đinh Thị	Hương	Nữ	26/10/1996				Khá	1509826	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23600	560-K50K3	K50K3	Hồ Thị	Hướng	Nữ	05/02/1996				Khá	1509827	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23601	561-K50K3	K50K3	Dương Đức	Huy	Nam	27/02/1996				Khá	1509828	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23602	562-K50K3	K50K3	Đặng Thị Diệu	Huyền	Nữ	12/04/1996				Khá	1509829	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23603	563-K50K3	K50K3	Phạm Thị	Lý	Nữ	16/08/1996				Khá	1509830	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23604	564-K50K3	K50K3	Lê Thị Trà	My	Nữ	01/01/1996				Khá	1509831	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23605	565-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	12/09/1996				Khá	1509832	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23606	566-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	20/04/1996				Khá	1509833	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23607	567-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị Lan	Nhi	Nữ	23/12/1996				Khá	1509834	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23608	568-K50K3	K50K3	Phạm Thị	Như	Nữ	05/08/1996				Khá	1509835	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23609	569-K50K3	K50K3	Trần Thị	Phương	Nữ	28/02/1996				Khá	1652463	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23610	570-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	12/01/1996				Khá	1509837	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23611	571-K50K3	K50K3	Bùi Thị	Sợi	Nữ	16/02/1996				Khá	1509838	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23612	572-K50K3	K50K3	Trương Công	Thành	Nam	11/11/1996				Khá	1509839	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23613	573-K50K3	K50K3	Phùng Phương	Thảo	Nữ	22/08/1996				Khá	1509840	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23614	574-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	01/10/1996				Khá	1509841	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23615	575-K50K3	K50K3	Vũ Thị	Thương	Nữ	13/11/1996				Khá	1509842	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23616	576-K50K3	K50K3	Đặng Thị Thu	Thủy	Nữ	08/05/1996				Khá	1509843	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23617	577-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	27/10/1996				Khá	1509844	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23618	578-K50K3	K50K3	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	30/06/1996				Khá	1509845	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23619	579-K50K3	K50K3	Lê Văn	Tuyển	Nam	12/03/1994				Trung bình	1509846	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23620	580-K50K3	K50K3	Bùi Thanh	Vân	Nữ	13/08/1996				Khá	1509847	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23621	581-K50K4	K50K4	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	27/01/1996				Khá	1509848	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23622	582-K50K4	K50K4	Đặng Thị	Đoan	Nữ	27/08/1996				Khá	1509849	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23623	583-K50K4	K50K4	Cao Thị	Dung	Nữ	07/01/1996				Khá	1509850	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23624	584-K50K4	K50K4	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	30/09/1996				Khá	1509851	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23625	585-K50K4	K50K4	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	06/04/1996				Khá	1509852	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23626	586-K50K4	K50K4	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	18/04/1996				Khá	1509853	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23627	587-K50K4	K50K4	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	04/02/1996				Khá	1509854	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23628	588-K50K4	K50K4	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	23/11/1995				Khá	1509855	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23629	589-K50K4	K50K4	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	26/02/1996				Khá	1509856	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23630	590-K50K4	K50K4	Ngô Đức	Long	Nam	12/02/1996				Khá	1509857	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23631	591-K50K4	K50K4	Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	03/11/1996				Khá	1509858	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23632	592-K50K4	K50K4	Phạm Thị	My	Nữ	24/03/1996				Trung bình	1509859	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23633	593-K50K4	K50K4	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	02/11/1996				Khá	1509860	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23634	594-K50K4	K50K4	Đỗ Như	Nguyệt	Nữ	25/11/1996				Khá	1509861	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23635	595-K50K4	K50K4	Dương Thị Yến	Nhi	Nữ	28/07/1996				Khá	1509862	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23636	596-K50K4	K50K4	Đỗ Thị Hồng	Như	Nữ	22/03/1996				Khá	1509863	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23637	597-K50K4	K50K4	Tô Thị	Phượng	Nữ	18/10/1996				Khá	1509864	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23638	598-K50K4	K50K4	Cao Thị	Thảo	Nữ	22/05/1996				Khá	1509865	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23639	599-K50K4	K50K4	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	08/05/1996				Khá	1509866	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23640	600-K50K4	K50K4	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	13/03/1995				Giỏi	1509867	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23641	601-K50K4	K50K4	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	17/09/1995				Khá	1509868	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23642	602-K50K4	K50K4	Đỗ Thị	Tuyến	Nữ	17/10/1996				Giỏi	1509869	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23643	603-K50K4	K50K4	Nguyễn Đức	Tuyển	Nam	27/04/1996				Khá	1509870	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23644	604-K50K4	K50K4	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	13/10/1996				Khá	1509871	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23645	605-K50K4	K50K4	Vũ Công	Vương	Nam	20/06/1996				Trung bình	1509872	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23646	606-K50K5	K50K5	Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	12/12/1996				Khá	1509873	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23647	607-K50K5	K50K5	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	20/07/1996				Khá	1509874	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23648	608-K50K5	K50K5	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	20/06/1996				Khá	1509875	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23649	609-K50K5	K50K5	Nguyễn Văn	Dương	Nam	27/07/1996				Trung bình	1509876	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23650	610-K50K5	K50K5	Đỗ Thị Thái	Hà	Nữ	09/12/1995				Trung bình	1509877	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23651	611-K50K5	K50K5	Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	17/08/1996				Khá	1509878	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23652	612-K50K5	K50K5	Lưu Thị	Hoa	Nữ	11/09/1996				Khá	1509879	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23653	613-K50K5	K50K5	Phạm Xuân	Hoằng	Nam	25/07/1996				Trung bình	1509880	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23654	614-K50K5	K50K5	Lưu Thị Thanh	Hường	Nữ	19/11/1996				Khá	1509881	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23655	615-K50K5	K50K5	Trần Thị	Lan	Nữ	09/01/1996				Khá	1509882	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23656	616-K50K5	K50K5	Phạm Thị Nhật	Lệ	Nữ	13/04/1996				Trung bình	1509883	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23657	617-K50K5	K50K5	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	10/11/1996				Khá	1509884	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23658	618-K50K5	K50K5	Lê Thị	Lợi	Nữ	21/09/1996				Khá	1509885	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23659	619-K50K5	K50K5	Trương Mạn	Ngọc	Nữ	17/11/1996				Khá	1509886	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23660	620-K50K5	K50K5	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/03/1996				Khá	1509887	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23661	621-K50K5	K50K5	Trần Như	Phong	Nam	06/01/1996				Khá	1509888	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23662	622-K50K5	K50K5	Đào Thị	Phương	Nữ	27/06/1996				Khá	1509889	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23663	623-K50K5	K50K5	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	16/12/1996				Khá	1509890	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23664	624-K50K5	K50K5	Nguyễn Minh	Sơn	Nam	08/12/1995				Khá	1509891	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23665	625-K50K5	K50K5	Lê Thị	Thảo	Nữ	25/08/1996				Giỏi	1509892	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23666	626-K50K5	K50K5	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	02/02/1997				Khá	1509893	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23667	627-K50K5	K50K5	Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	09/06/1996				Khá	1509894	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23668	628-K50K5	K50K5	Phạm Thị	Thùy	Nữ	02/03/1996				Khá	1509895	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23669	629-K50K5	K50K5	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	07/08/1997				Khá	1509896	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23670	630-K50K5	K50K5	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	27/01/1996				Khá	1509897	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23671	631-K50K5	K50K5	Trịnh Tú	Uyên	Nữ	21/04/1996				Khá	1509898	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23672	632-K50K5	K50K5	Trần Thị	Vân	Nữ	06/06/1996				Khá	1509899	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23673	633-K50K6	K50K6	Phạm Quế	Anh	Nữ	21/05/1996				Khá	1509900	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23674	634-K50K6	K50K6	Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	29/06/1996				Khá	1509901	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23675	635-K50K6	K50K6	Trương Văn	Cường	Nam	25/02/1996				Khá	1509902	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23676	636-K50K6	K50K6	Trương Thị Linh	Đan	Nữ	04/11/1996				Khá	1509903	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23677	637-K50K6	K50K6	Đào Thị	Dung	Nữ	01/12/1996				Khá	1509904	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23678	638-K50K6	K50K6	Phạm Thùy	Dung	Nữ	19/10/1996				Khá	1509905	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23679	639-K50K6	K50K6	Bùi Thị	Đường	Nữ	23/11/1996				Khá	1509906	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23680	640-K50K6	K50K6	Lê Thanh	Hà	Nữ	27/05/1996				Khá	1509907	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23681	641-K50K6	K50K6	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	21/05/1996				Khá	1509908	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23682	642-K50K6	K50K6	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	11/10/1996				Khá	1509909	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23683	643-K50K6	K50K6	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	25/07/1996				Khá	1509910	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23684	644-K50K6	K50K6	Vũ Văn	Hậu	Nam	11/03/1996				Khá	1509911	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23685	645-K50K6	K50K6	Nguyễn Thị Thu	Hoa	Nữ	26/09/1995				Khá	1509912	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23686	646-K50K6	K50K6	Nguyễn Thị Kim	Hồng	Nữ	04/01/1996				Khá	1509913	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23687	647-K50K6	K50K6	Lê Thị Mai	Hương	Nữ	09/07/1996				Khá	1509914	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23688	648-K50K6	K50K6	Nguyễn Kim	Liên	Nữ	21/02/1995				Khá	1509915	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23689	649-K50K6	K50K6	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	23/11/1996				Khá	1509916	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23690	650-K50K6	K50K6	Hoàng Phúc	Lương	Nam	08/11/1996				Khá	1509917	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23691	651-K50K6	K50K6	Lê Ngọc	Mai	Nữ	22/01/1996				Khá	1509918	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23692	652-K50K6	K50K6	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	04/12/1996				Khá	1509919	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23693	653-K50K6	K50K6	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	22/10/1996				Khá	1509920	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23694	654-K50K6	K50K6	Dương Thị	Ngọc	Nữ	08/08/1996				Khá	1509921	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23695	655-K50K6	K50K6	Hoàng Thị	Nhài	Nữ	01/02/1996				Khá	1509922	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23696	656-K50K6	K50K6	Phạm Thị	Nhung	Nữ	24/07/1996				Khá	1509923	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23697	657-K50K6	K50K6	Đặng Thị	Phương	Nữ	09/10/1996				Trung bình	1509924	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23698	658-K50K6	K50K6	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	Nữ	05/10/1996				Khá	1509925	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23699	659-K50K6	K50K6	Lê Thị Thanh	Thanh	Nữ	19/08/1995				Khá	1509926	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23700	660-K50K6	K50K6	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	30/04/1996				Khá	1509927	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23701	661-K50K6	K50K6	Trần Hưng	Thịnh	Nam	01/08/1996				Khá	1509928	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23702	662-K50K6	K50K6	Dương Thị	Thuận	Nữ	13/05/1996				Khá	1509929	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23703	663-K50K6	K50K6	Phạm Thị Hồng	Thúy	Nữ	09/09/1996				Khá	1509930	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23704	664-K50K6	K50K6	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	10/10/1996				Khá	1509931	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23705	665-K50K6	K50K6	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	26/05/1996				Khá	1509932	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23706	666-K50K6	K50K6	Lâm ánh	Tuyết	Nữ	05/02/1996				Khá	1509933	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23707	667-K50K6	K50K6	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	09/12/1996				Khá	1509934	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23708	668-K49K2	K49K2	Vũ Văn	Thảo	Nam	24/09/1995				Trung bình	1509935	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23709	669-K49K3	K49K3	Phạm Quốc	Đạt	Nam	18/03/1994				Trung bình	1509936	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23710	670-K49K6	K49K6	Phạm Lê Hoài	Anh	Nữ	30/11/1995				Trung bình	1509937	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23711	671-K49K6	K49K6	Nguyễn Tùng	Sơn	Nam	13/11/1993				Khá	1509938	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23712	672-K49K6	K49K6	Đỗ Thị	Vân	Nữ	02/02/1995				Trung bình	1509939	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23713	673-K50Q1	K50Q1	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	27/11/1996				Khá	1509940	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23714	674-K50Q1	K50Q1	Lê Minh	Công	Nam	28/08/1996				Khá	1509941	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23715	675-K50Q1	K50Q1	Nguyễn Đức	Đạt	Nam	08/11/1996				Khá	1509942	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23716	676-K50Q1	K50Q1	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	08/01/1995				Trung bình	1509943	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23717	677-K50Q1	K50Q1	Trần Hồng	Hạnh	Nữ	11/11/1996				Giỏi	1509944	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23718	678-K50Q1	K50Q1	Đặng Thị Mỹ	Hoa	Nữ	13/11/1996				Khá	1509945	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23719	679-K50Q1	K50Q1	Trần Lan	Hương	Nữ	29/05/1996				Khá	1509946	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23720	680-K50Q1	K50Q1	Nguyễn Tuấn	Kiên	Nam	07/03/1996				Khá	1509947	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23721	681-K50Q1	K50Q1	Dương Thị	Liên	Nữ	06/06/1996				Trung bình	1509948	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23722	682-K50Q1	K50Q1	Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	04/12/1996				Trung bình	1509949	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23723	683-K50Q1	K50Q1	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	28/10/1996				Khá	1509950	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23724	684-K50Q1	K50Q1	Nguyễn Trà	My	Nữ	01/06/1996				Khá	1509951	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23725	685-K50Q1	K50Q1	Phạm Thị	Nhàn	Nữ	17/09/1996				Khá	1509952	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23726	686-K50Q1	K50Q1	Nguyễn Đức	Phương	Nam	06/04/1996				Khá	1509953	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23727	687-K50Q1	K50Q1	Nguyễn Thu	Quỳnh	Nữ	20/01/1996				Khá	1509954	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23728	688-K50Q1	K50Q1	Nguyễn Diệu	Thùy	Nữ	02/01/1996				Trung bình	1509955	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23729	689-K50Q1	K50Q1	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	26/06/1995				Giỏi	1509956	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23730	690-K50Q1	K50Q1	Phạm Minh	Tùng	Nam	23/06/1996				Khá	1509957	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23731	691-K50Q2	K50Q2	Lê Mạnh	Cường	Nam	12/12/1996				Khá	1509958	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23732	692-K50Q2	K50Q2	Vũ Thị Hồng	Gấm	Nữ	10/09/1996				Khá	1509959	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23733	693-K50Q2	K50Q2	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	17/05/1996				Khá	1509960	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23734	694-K50Q2	K50Q2	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	03/07/1996				Khá	1509961	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23735	695-K50Q2	K50Q2	Cao Thị Thu	Hoa	Nữ	12/04/1996				Khá	1509962	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23736	696-K50Q2	K50Q2	Lê Thị	Hường	Nữ	07/06/1996				Khá	1509963	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23737	697-K50Q2	K50Q2	Đỗ Thị	Huyền	Nữ	12/02/1995				Khá	1509964	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23738	698-K50Q2	K50Q2	Phạm Thị	Kiều	Nữ	06/11/1996				Trung bình	1509965	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23739	699-K50Q2	K50Q2	Trần Mỹ	Linh	Nữ	13/01/1995				Khá	1509966	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23740	700-K50Q2	K50Q2	Dương Thị	Loan	Nữ	13/01/1996				Khá	1509967	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23741	701-K50Q2	K50Q2	Kiều Thị	Mai	Nữ	05/04/1996				Trung bình	1509968	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23742	702-K50Q2	K50Q2	Nguyễn Trà	My	Nữ	28/07/1996				Trung bình	1509969	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23743	703-K50Q2	K50Q2	Vũ Thanh Thanh	Nhàn	Nữ	19/11/1996				Khá	1509970	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23744	704-K50Q2	K50Q2	Vũ	Quang	Nam	27/08/1996				Khá	1509971	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23745	705-K50Q2	K50Q2	Vũ Thị	Quyên	Nữ	29/08/1995				Khá	1509972	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23746	706-K50Q2	K50Q2	Nguyễn Thị	Sen	Nữ	10/09/1995				Khá	1509973	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23747	707-K50Q2	K50Q2	Đinh Thị Hồng	Sơn	Nữ	01/09/1996				Khá	1509974	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23748	708-K50Q2	K50Q2	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	Nữ	21/10/1996				Khá	1509975	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23749	709-K50Q2	K50Q2	Vũ Thị Hạnh	Trang	Nữ	10/12/1996				Giỏi	1509976	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23750	710-K50Q2	K50Q2	Trần Thị Lâm	Yến	Nữ	13/01/1996				Trung bình	1509977	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23751	711-K50Q3	K50Q3	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	22/02/1995				Khá	1509978	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23752	712-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Việt	Anh	Nam	18/05/1996				Khá	1509979	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23753	713-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	04/05/1996				Khá	1509980	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23754	714-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	02/08/1996				Khá	1509981	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23755	715-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	17/04/1996				Khá	1509982	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23756	716-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Trần Thị Minh	Hằng	Nữ	17/08/1996				Giỏi	1509983	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23757	717-K50Q3	K50Q3	Kiều Minh	Hồng	Nữ	03/12/1996				Giỏi	1509984	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23758	718-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Hoàng Ngọc	Lam	Nữ	18/11/1996				Khá	1509985	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23759	719-K50Q3	K50Q3	Đào Khánh	Linh	Nữ	19/03/1996				Khá	1509986	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23760	720-K50Q3	K50Q3	Lê Thị	Ngọc	Nữ	15/06/1995				Khá	1509987	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23761	721-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	09/04/1996				Khá	1509988	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23762	722-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	02/11/1996				Khá	1509989	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23763	723-K50Q3	K50Q3	Bùi Thị Thu	Trang	Nữ	09/02/1996				Trung bình	1509990	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23764	724-K50Q3	K50Q3	Lương Thị	Xuân	Nữ	17/03/1996				Giỏi	1509991	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23765	725-K50Q4	K50Q4	Lê Tuấn	Anh	Nam	18/06/1995				Khá	1509992	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23766	726-K50Q4	K50Q4	Mai Thị	Chinh	Nữ	20/04/1996				Khá	1509993	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23767	727-K50Q4	K50Q4	Lưu Thị Ngọc	Dung	Nữ	22/03/1996				Trung bình	1509994	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23768	728-K50Q4	K50Q4	Cáp Vũ Tuấn	Hà	Nam	17/09/1996				Khá	1509995	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23769	729-K50Q4	K50Q4	Vương Thị	Hằng	Nữ	30/03/1995				Khá	1509996	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23770	730-K50Q4	K50Q4	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	30/04/1996				Khá	1509997	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23771	731-K50Q4	K50Q4	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	Nữ	19/08/1996				Khá	1509998	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23772	732-K50Q4	K50Q4	Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	26/10/1996				Khá	1509999	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23773	733-K50Q4	K50Q4	Dương Khánh	Linh	Nữ	13/09/1996				Khá	1510000	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23774	734-K50Q4	K50Q4	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	26/02/1996				Khá	1510001	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23775	735-K50Q4	K50Q4	Phạm Thị Phương	Oanh	Nữ	08/07/1996				Khá	1510002	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23776	736-K50Q4	K50Q4	Phan Thị	Thúy	Nữ	29/10/1996				Khá	1510003	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23777	737-K50Q4	K50Q4	Võ Trần	Tiến	Nam	09/04/1996				Trung bình	1510004	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23778	738-K50Q4	K50Q4	Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	17/05/1996				Khá	1510005	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23779	739-K49I3	K49I3	Trần Thị Khánh	Tâm	Nữ	09/11/1995				Khá	1510006	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23780	740-K49I3	K49I3	Trần Văn	Hiệp	Nam	24/07/1995				Trung bình	1510007	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23781	741-K47I4	K47I4	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	25/01/1993				Trung bình	1510008	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23782	742-K48T2	K48T2	Nguyễn Đình	Thanh	Nam	14/07/1994				Trung bình	1510009	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23783	743-K46B5	K46B5	Hồ Thanh	Trâm	Nữ	10/07/1992				Khá	1510010	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÁCH SẠN, DU LỊCH	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23784	2084-K50F1	K50F1	Đỗ Thị Phương	Anh	Nữ	11/09/1996				Khá	1650979	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23785	2085-K50F1	K50F1	Trần Thị Việt	Chinh	Nữ	14/06/1996				Trung bình	1650980	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23786	2086-K50F1	K50F1	Hoàng Thị	Diệu	Nữ	24/10/1996				Khá	1650981	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23787	2087-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	07/09/1995				Giỏi	1650982	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23788	2088-K50F1	K50F1	Đào Thị	Gấm	Nữ	24/11/1995				Giỏi	1650983	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23789	2089-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	28/08/1996				Khá	1650984	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23790	2090-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	10/03/1996				Khá	1650985	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23791	2091-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị Phương	Hải	Nữ	04/09/1996				Khá	1650986	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23792	2092-K50F1	K50F1	Nhữ Thị Hà	Hằng	Nữ	08/02/1996				Khá	1650987	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23793	2093-K50F1	K50F1	Phạm Thị ánh	Hằng	Nữ	18/08/1994				Khá	1650988	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23794	2094-K50F1	K50F1	Trần Văn	Hào	Nam	10/12/1993				Khá	1650989	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23795	2095-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị út	Hiền	Nữ	22/12/1996				Khá	1650990	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23796	2096-K50F1	K50F1	Nguyễn Quỳnh	Hoa	Nữ	30/07/1996				Giỏi	1650991	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23797	2097-K50F1	K50F1	Phùng Trang	Hoa	Nữ	13/06/1996				Giỏi	1650992	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23798	2098-K50F1	K50F1	Ngô Thị	Hồng	Nữ	12/10/1996				Giỏi	1650993	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23799	2099-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	15/01/1995				Khá	1650994	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23800	2100-K50F1	K50F1	Đoàn Thị	Hương	Nữ	14/12/1996				Khá	1650995	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23801	2101-K50F1	K50F1	Trần Thị	Huyền	Nữ	26/12/1996				Khá	1650996	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23802	2102-K50F1	K50F1	Nguyễn Bá	Khanh	Nam	08/05/1995				Khá	1650997	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23803	2103-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07/12/1996				Khá	1650998	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23804	2104-K50F1	K50F1	Mai Thị Mỹ	Linh	Nữ	04/09/1996				Khá	1650999	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23805	2105-K50F1	K50F1	Trần Thùy	Linh	Nữ	28/11/1996				Khá	1651000	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23806	2106-K50F1	K50F1	Ngô Thị	Loan	Nữ	11/09/1996				Khá	1651001	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23807	2107-K50F1	K50F1	Vi Thị Bích	Mai	Nữ	16/06/1996				Khá	1651002	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23808	2108-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	31/10/1996				Khá	1651003	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23809	2109-K50F1	K50F1	Nguyễn Văn	Nam	Nam	04/05/1996				Khá	1651004	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23810	2110-K50F1	K50F1	Đỗ Thị	Nga	Nữ	07/12/1995				Khá	1651005	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23811	2111-K50F1	K50F1	Đỗ Thị Hồng	Ngân	Nữ	26/12/1996				Khá	1651006	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23812	2112-K50F1	K50F1	Đoàn Thị Mai	Nhung	Nữ	02/12/1996				Khá	1651007	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23813	2113-K50F1	K50F1	Đặng Thị	Nữ	Nữ	14/07/1995				Khá	1651008	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23814	2114-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị Hồng	Oanh	Nữ	08/11/1994				Khá	1651009	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23815	2115-K50F1	K50F1	Vũ Hoài	Phương	Nữ	27/12/1996				Khá	1651010	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23816	2116-K50F1	K50F1	Lê Thị	Phượng	Nữ	12/04/1996				Khá	1651011	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23817	2117-K50F1	K50F1	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	20/03/1996				Khá	1651012	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23818	2118-K50F1	K50F1	Vũ Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	01/11/1996				Giỏi	1651013	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23819	2119-K50F1	K50F1	Phan Thị Huyền	Thắm	Nữ	09/07/1996				Trung bình	1651014	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23820	2120-K50F1	K50F1	Vũ Thị Ngọc	Thoa	Nữ	13/11/1995				Khá	1651015	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23821	2121-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	09/12/1996				Khá	1651016	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23822	2122-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị Hà	Thương	Nữ	15/03/1996				Giỏi	1651017	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23823	2123-K50F1	K50F1	Phạm Thị	Thùy	Nữ	30/09/1996				Giỏi	1651018	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23824	2124-K50F1	K50F1	Phạm Thị	Thùy	Nữ	27/12/1996				Giỏi	1651019	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23825	2125-K50F1	K50F1	Lê Thu	Trang	Nữ	16/07/1996				Khá	1651020	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23826	2126-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	03/05/1996				Khá	1651021	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23827	2127-K50F1	K50F1	Lê Hữu	Triết	Nam	31/07/1996				Khá	1651022	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23828	2128-K50F1	K50F1	Chu Thanh	Tuyền	Nữ	17/05/1996				Khá	1651023	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23829	2129-K50F1	K50F1	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	25/01/1996				Khá	1651024	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23830	2130-K50F1	K50F1	Lê	Vinh	Nam	22/04/1996				Khá	1651025	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23831	2131-K50F1	K50F1	Cao Thanh	Xuân	Nữ	01/03/1996				Khá	1651026	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23832	2132-K50F1	K50F1	Long Hoàng	Yến	Nữ	30/08/1996				Giỏi	1651027	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23833	2133-K50F2	K50F2	Đỗ Thị Thùy	Anh	Nữ	19/12/1996				Khá	1651028	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23834	2134-K50F2	K50F2	Nguyễn Trung	Anh	Nam	22/08/1996				Khá	1651029	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23835	2135-K50F2	K50F2	Tạ Thị Vân	Anh	Nữ	11/03/1996				Khá	1651030	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23836	2136-K50F2	K50F2	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	14/01/1996				Khá	1651031	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23837	2137-K50F2	K50F2	Ngô Thị Tuyết	Chinh	Nữ	12/01/1996				Khá	1651032	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23838	2138-K50F2	K50F2	Nguyễn Hữu	Đang	Nam	13/08/1996				Khá	1651033	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23839	2139-K50F2	K50F2	Phạm Thị	Dinh	Nữ	10/05/1996				Khá	1651034	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23840	2140-K50F2	K50F2	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	26/12/1996				Khá	1651035	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23841	2141-K50F2	K50F2	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	14/11/1996				Khá	1651036	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23842	2142-K50F2	K50F2	Tạ Thị	Hảo	Nữ	18/02/1996				Khá	1651037	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23843	2143-K50F2	K50F2	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	08/08/1996				Khá	1651038	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23844	2144-K50F2	K50F2	Nguyễn Thành	Hiếu	Nam	07/07/1996				Trung bình	1651039	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23845	2145-K50F2	K50F2	Dương Thị	Hoa	Nữ	15/03/1996				Khá	1651040	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23846	2146-K50F2	K50F2	Trần Thị	Hoài	Nữ	18/12/1996				Khá	1651041	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23847	2147-K50F2	K50F2	Trần Thị Minh	Hồng	Nữ	28/01/1996				Giỏi	1651042	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23848	2148-K50F2	K50F2	Bùi Linh	Hương	Nữ	26/12/1996				Giỏi	1651043	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23849	2149-K50F2	K50F2	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	22/11/1996				Giỏi	1651044	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23850	2150-K50F2	K50F2	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	20/07/1996				Khá	1651045	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23851	2151-K50F2	K50F2	Bùi Thùy	Linh	Nữ	02/11/1996				Khá	1651046	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23852	2152-K50F2	K50F2	Đoàn Thùy	Linh	Nữ	12/10/1996				Khá	1651047	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23853	2153-K50F2	K50F2	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	11/05/1996				Khá	1651048	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23854	2154-K50F2	K50F2	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	16/08/1996				Khá	1651049	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23855	2155-K50F2	K50F2	Trần Thị	Lý	Nữ	06/09/1996				Khá	1651050	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23856	2156-K50F2	K50F2	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	09/02/1996				Khá	1651051	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23857	2157-K50F2	K50F2	Trần Thị	My	Nữ	13/03/1996				Khá	1651052	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23858	2158-K50F2	K50F2	Hà Thị	Nga	Nữ	20/09/1996				Trung bình	1651053	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23859	2159-K50F2	K50F2	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	06/09/1996				Khá	1651054	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23860	2160-K50F2	K50F2	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	21/12/1996				Khá	1651055	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23861	2161-K50F2	K50F2	Lục Thị	Oanh	Nữ	15/10/1996				Khá	1651056	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23862	2162-K50F2	K50F2	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	08/05/1995				Khá	1651057	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23863	2163-K50F2	K50F2	Hoàng Thị Thu	Quỳnh	Nữ	07/02/1996				Khá	1651058	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23864	2164-K50F2	K50F2	Lê Hoàng	Quỳnh	Nữ	22/02/1996				Giỏi	1651059	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23865	2165-K50F2	K50F2	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	10/01/1995				Khá	1651060	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23866	2166-K50F2	K50F2	Phạm Thị	Thắm	Nữ	10/07/1996				Khá	1651061	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23867	2167-K50F2	K50F2	Phạm Ngọc	Thắng	Nam	10/01/1996				Khá	1651062	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23868	2168-K50F2	K50F2	Hoàng Phương	Thảo	Nữ	04/10/1996				Giỏi	1651063	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23869	2169-K50F2	K50F2	Lã Thị	Thơm	Nữ	08/06/1996				Khá	1651064	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23870	2170-K50F2	K50F2	Đỗ Thị	Thu	Nữ	28/05/1996				Khá	1651065	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23871	2171-K50F2	K50F2	Tăng Thị	Thùy	Nữ	11/10/1996				Giỏi	1651066	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23872	2172-K50F2	K50F2	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	14/12/1996				Khá	1651067	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23873	2173-K50F2	K50F2	Phạm Thị	Trang	Nữ	21/01/1996				Khá	1651068	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23874	2174-K50F2	K50F2	Phạm Thị	Tươi	Nữ	30/01/1996				Khá	1651069	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23875	2175-K50F2	K50F2	Lê Thị Lan	Vi	Nữ	02/09/1996				Giỏi	1651070	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23876	2176-K50F2	K50F2	Trần Minh	Vương	Nam	12/04/1996				Khá	1651071	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23877	2177-K50F2	K50F2	Lê Thị	Xuyến	Nữ	18/09/1996				Khá	1651072	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23878	2178-K50F2	K50F2	Trần Thị	Thư	Nữ	06/12/1996				Trung Bình	1651073	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23879	2179-K50F3	K50F3	Lê Thị Phương	An	Nữ	27/04/1996				Giỏi	1651074	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23880	2180-K50F3	K50F3	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	17/08/1996				Khá	1651075	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23881	2181-K50F3	K50F3	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	05/11/1996				Khá	1651076	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23882	2182-K50F3	K50F3	Chu Thị	Chung	Nữ	09/09/1996				Giỏi	1651077	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23883	2183-K50F3	K50F3	Vương Thị Thu	Hà	Nữ	24/02/1996				Khá	1651078	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23884	2184-K50F3	K50F3	Đặng Thị	Hằng	Nữ	10/02/1996				Khá	1651079	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23885	2185-K50F3	K50F3	Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	06/10/1996				Khá	1651080	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23886	2186-K50F3	K50F3	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	04/10/1996				Khá	1651081	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23887	2187-K50F3	K50F3	Kiều Thị Như	Hoa	Nữ	19/03/1996				Khá	1651082	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23888	2188-K50F3	K50F3	Lê Thị	Hoàn	Nữ	19/03/1996				Khá	1651083	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23889	2189-K50F3	K50F3	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	05/11/1996				Khá	1651084	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23890	2190-K50F3	K50F3	Lê Thị	Hường	Nữ	06/03/1995				Khá	1651085	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23891	2191-K50F3	K50F3	Trần Thị	Huyền	Nữ	08/12/1996				Khá	1651086	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23892	2192-K50F3	K50F3	Trần Thị	Lan	Nữ	30/11/1996				Trung bình	1651087	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23893	2193-K50F3	K50F3	Phạm Thị Bích	Liên	Nữ	11/09/1996				Khá	1651088	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23894	2194-K50F3	K50F3	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	10/12/1996				Khá	1651089	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23895	2195-K50F3	K50F3	Phạm Thị Phương	Loan	Nữ	16/04/1996				Khá	1651090	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23896	2196-K50F3	K50F3	Hồ Thị Thiên	Lý	Nữ	11/11/1996				Giỏi	1651091	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23897	2197-K50F3	K50F3	Cao Thị Tuyết	Mai	Nữ	05/02/1996				Khá	1651092	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23898	2198-K50F3	K50F3	Đinh Thị Thanh	Mỹ	Nữ	04/08/1996				Giỏi	1651093	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23899	2199-K50F3	K50F3	Lê Thị Phương	Nga	Nữ	28/12/1996				Khá	1651094	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23900	2200-K50F3	K50F3	Phan Thị ánh	Nguyệt	Nữ	31/10/1996				Khá	1651095	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23901	2201-K50F3	K50F3	Lê Thị	Nhung	Nữ	08/08/1996				Khá	1651096	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23902	2202-K50F3	K50F3	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	Nữ	13/01/1996				Khá	1651097	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23903	2203-K50F3	K50F3	Nguyễn Kim	Oanh	Nữ	22/12/1996				Khá	1651098	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23904	2204-K50F3	K50F3	Đàm Bùi Minh	Phúc	Nam	10/03/1996				Khá	1651099	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23905	2205-K50F3	K50F3	Phạm Thị	Phượng	Nữ	22/09/1996				Khá	1651100	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23906	2206-K50F3	K50F3	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	23/08/1996				Xuất Sắc	1651101	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23907	2207-K50F3	K50F3	Nguyễn Hữu	Sơn	Nam	30/04/1995				Trung bình	1651102	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23908	2208-K50F3	K50F3	Hoàng Thị	Thắm	Nữ	24/08/1996				Khá	1651103	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23909	2209-K50F3	K50F3	Trần Thị Hồng	Thu	Nữ	09/10/1996				Giỏi	1651104	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23910	2210-K50F3	K50F3	Hồ Thị	Thư	Nữ	05/09/1995				Khá	1651105	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23911	2211-K50F3	K50F3	Nguyễn Thị Thương	Thương	Nữ	20/08/1996				Khá	1651106	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23912	2212-K50F3	K50F3	Phí Thị Thùy	Tiên	Nữ	15/05/1996				Giỏi	1651107	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23913	2213-K50F3	K50F3	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	14/12/1996				Khá	1651108	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23914	2214-K50F3	K50F3	Đặng Thị	Vui	Nữ	28/03/1996				Trung bình	1651109	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23915	2215-K50F3	K50F3	Võ Thị	Yến	Nữ	13/07/1996				Khá	1651110	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23916	2216-K50F4	K50F4	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	26/04/1996				Giỏi	1651111	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23917	2217-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	28/11/1996				Khá	1651112	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23918	2218-K50F4	K50F4	Đinh Trí	Bảo	Nam	03/02/1996				Khá	1651113	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23919	2219-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	14/04/1996				Khá	1651114	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23920	2220-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Quỳnh	Diễm	Nữ	28/06/1996				Khá	1651115	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23921	2221-K50F4	K50F4	Bùi Minh	Đức	Nam	19/09/1996				Trung bình	1651116	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23922	2222-K50F4	K50F4	Phạm Thị	Dung	Nữ	08/10/1996				Khá	1651117	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23923	2223-K50F4	K50F4	Mai Thị	Duyên	Nữ	24/09/1996				Giỏi	1651118	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23924	2224-K50F4	K50F4	Cao Thị Lệ	Giang	Nữ	18/08/1996				Khá	1651119	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23925	2225-K50F4	K50F4	Lê Thị	Hà	Nữ	09/10/1996				Khá	1651120	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23926	2226-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	25/10/1996				Khá	1651121	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23927	2227-K50F4	K50F4	Phạm Thị Ngọc	Hân	Nữ	15/07/1996				Khá	1651122	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23928	2228-K50F4	K50F4	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	21/10/1996				Khá	1651123	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23929	2229-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	05/09/1996				Khá	1651124	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23930	2230-K50F4	K50F4	Trần Thị	Hiền	Nữ	29/06/1996				Khá	1651125	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23931	2231-K50F4	K50F4	Trần Thị	Hoa	Nữ	26/11/1996				Khá	1651126	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23932	2232-K50F4	K50F4	Lục Thị	Hòa	Nữ	24/03/1995				Khá	1651127	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23933	2233-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Kim	Huế	Nữ	01/12/1996				Khá	1651128	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23934	2234-K50F4	K50F4	Phạm Thị	Hương	Nữ	28/06/1996				Khá	1651129	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23935	2235-K50F4	K50F4	Trần Thị	Lan	Nữ	23/11/1996				Khá	1651130	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23936	2236-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	02/11/1996				Khá	1651131	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23937	2237-K50F4	K50F4	Tô Thị Mỹ	Linh	Nữ	27/07/1996				Khá	1651132	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23938	2238-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	12/08/1996				Khá	1651133	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23939	2239-K50F4	K50F4	Ngô Hồng	Long	Nam	30/05/1996				Khá	1651134	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23940	2240-K50F4	K50F4	Vũ Thị ái	Lương	Nữ	20/08/1995				Khá	1651135	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23941	2241-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	08/04/1996				Khá	1651136	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23942	2242-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	03/05/1996				Khá	1651137	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
23943	2243-K50F4	K50F4	Đào Thị	Nga	Nữ	03/02/1996				Khá	1651138	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23944	2244-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	04/02/1996				Giỏi	1651139	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23945	2245-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Hải	Như	Nữ	02/07/1996				Khá	1651140	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23946	2246-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	24/03/1996				Khá	1651141	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23947	2247-K50F4	K50F4	Vũ Thị	Oanh	Nữ	31/01/1996				Giỏi	1651142	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23948	2248-K50F4	K50F4	Phạm Thị	Phương	Nữ	03/10/1996				Giỏi	1651143	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23949	2249-K50F4	K50F4	Phan Thị	Phương	Nữ	20/12/1996				Khá	1651144	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23950	2250-K50F4	K50F4	Nguyễn Diệu	Phương	Nữ	06/11/1996				Khá	1651145	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23951	2251-K50F4	K50F4	Hoàng Thái	Sơn	Nam	02/04/1996				Khá	1651146	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23952	2252-K50F4	K50F4	Trịnh Thị	Tâm	Nữ	11/08/1996				Khá	1651147	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23953	2253-K50F4	K50F4	Tăng Thị	Thảo	Nữ	07/12/1996				Khá	1651148	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23954	2254-K50F4	K50F4	Vũ Thị	Thêu	Nữ	12/11/1996				Khá	1651149	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23955	2255-K50F4	K50F4	Tạ Thị	Thu	Nữ	22/09/1996				Khá	1651150	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23956	2256-K50F4	K50F4	Đinh Thị	Thương	Nữ	23/06/1995				Khá	1651151	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23957	2257-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị	Thuy	Nữ	11/09/1996				Khá	1651152	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23958	2258-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	20/08/1996				Khá	1651153	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23959	2259-K50F4	K50F4	Lê Thị	Trang	Nữ	02/01/1996				Khá	1651154	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23960	2260-K50F4	K50F4	Mạc Thị Thu	Trang	Nữ	29/04/1996				Khá	1651155	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23961	2261-K50F4	K50F4	Nguyễn Tú	Trinh	Nữ	12/07/1996				Khá	1651156	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23962	2262-K50F4	K50F4	Đào Duy	Tùng	Nam	11/03/1996				Khá	1651157	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23963	2263-K50F4	K50F4	Lê Thị	Vân	Nữ	25/08/1996				Khá	1651158	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23964	2264-K50F4	K50F4	Phạm Thị	Xoa	Nữ	09/04/1996				Khá	1651159	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23965	2265-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	30/04/1996				Khá	1651160	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23966	2266-K50F5	K50F5	Hoàng Thị Nhật	Anh	Nữ	05/08/1996				Khá	1651161	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23967	2267-K50F5	K50F5	Cao Thị	ánh	Nữ	06/06/1996				Giỏi	1651162	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23968	2268-K50F5	K50F5	Phạm Thanh	Bình	Nam	04/08/1996				Khá	1651163	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23969	2269-K50F5	K50F5	Hoàng Thị Hải	Chiên	Nữ	28/11/1996				Khá	1651164	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23970	2270-K50F5	K50F5	Vũ Thùy	Dung	Nữ	03/07/1996				Khá	1651165	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23971	2271-K50F5	K50F5	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	02/10/1996				Khá	1651166	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23972	2272-K50F5	K50F5	Đoàn Thị Thu	Hà	Nữ	27/11/1996				Khá	1651167	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23973	2273-K50F5	K50F5	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nữ	12/11/1996				Trung bình	1651168	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23974	2274-K50F5	K50F5	Vũ Viết	Hải	Nam	24/04/1995				Khá	1651169	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23975	2275-K50F5	K50F5	Kim Thị	Hằng	Nữ	20/01/1996				Khá	1651170	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23976	2276-K50F5	K50F5	Vũ Thị	Hằng	Nữ	22/11/1996				Khá	1651171	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23977	2277-K50F5	K50F5	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	22/07/1995				Khá	1651172	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23978	2278-K50F5	K50F5	Phạm Thị	Hiếu	Nữ	17/03/1996				Khá	1651173	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23979	2279-K50F5	K50F5	Vũ Mai	Hoa	Nữ	13/09/1996				Khá	1651174	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23980	2280-K50F5	K50F5	Lương Thu	Huế	Nữ	26/03/1996				Khá	1651175	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23981	2281-K50F5	K50F5	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	20/01/1995				Khá	1651176	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23982	2282-K50F5	K50F5	Chu Danh	Kiên	Nam	14/03/1996				Khá	1651177	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23983	2283-K50F5	K50F5	Lê Thị Ngọc	Lan	Nữ	18/07/1996				Trung bình	1651178	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23984	2284-K50F5	K50F5	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	28/05/1996				Khá	1651179	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23985	2285-K50F5	K50F5	Cao Thị Ni	Linh	Nữ	18/11/1996				Khá	1651180	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23986	2286-K50F5	K50F5	Trần Thị	Loan	Nữ	27/11/1996				Khá	1651181	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23987	2287-K50F5	K50F5	Lê Vũ Mi	Ly	Nữ	28/09/1996				Khá	1651182	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23988	2288-K50F5	K50F5	Phạm Hồng	Năm	Nữ	25/11/1996				Khá	1651183	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23989	2289-K50F5	K50F5	Phan Thị	Ngân	Nữ	02/08/1996				Khá	1651184	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23990	2290-K50F5	K50F5	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	18/09/1996				Xuất Sắc	1651185	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23991	2291-K50F5	K50F5	Lê Thị	Như	Nữ	30/09/1996				Khá	1651186	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23992	2292-K50F5	K50F5	Hồ Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/11/1996				Khá	1651187	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23993	2293-K50F5	K50F5	Bùi Thị Mai	Phương	Nữ	16/03/1995				Khá	1651188	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23994	2294-K50F5	K50F5	Vũ Thị Thu	Phương	Nữ	21/06/1996				Trung bình	1651189	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23995	2295-K50F5	K50F5	Phạm Văn	Tân	Nam	18/09/1996				Khá	1651190	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23996	2296-K50F5	K50F5	Chu Thị	Thảo	Nữ	24/05/1996				Khá	1651191	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23997	2297-K50F5	K50F5	Nguyễn Thị	Thi	Nữ	11/12/1996				Khá	1651192	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23998	2298-K50F5	K50F5	Đào Thị Lệ	Thu	Nữ	05/02/1996				Khá	1651193	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
23999	2299-K50F5	K50F5	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	15/09/1996				Khá	1651194	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24000	2300-K50F5	K50F5	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	25/09/1996				Giỏi	1651195	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24001	2301-K50F5	K50F5	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	14/09/1996				Khá	1651196	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24002	2302-K50F5	K50F5	Lê Thị	Vân	Nữ	13/02/1996				Khá	1651197	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24003	2303-K50F5	K50F5	Lê Công	Việt	Nam	28/10/1996				Khá	1651198	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24004	2304-K50F5	K50F5	Đoàn Thị Thanh	Xuân	Nữ	21/08/1996				Khá	1651199	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24005	2305-K50F5	K50F5	Lê Thị Ngọc	Yến	Nữ	27/10/1996				Khá	1651200	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24006	2306-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị Yến	Anh	Nữ	10/12/1996				Khá	1651201	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24007	2307-K50F6	K50F6	Trần Thu	Anh	Nữ	12/11/1996				Khá	1651202	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24008	2308-K50F6	K50F6	Phạm Thị Ngọc	ánh	Nữ	10/05/1996				Khá	1651203	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24009	2309-K50F6	K50F6	Lê Thị	Dung	Nữ	19/09/1996				Khá	1651204	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24010	2310-K50F6	K50F6	Vũ Thị Hương	Giang	Nữ	11/12/1996				Giỏi	1651205	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24011	2311-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	16/10/1996				Khá	1651206	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24012	2312-K50F6	K50F6	Trần Thị	Hà	Nữ	17/08/1995				Khá	1651207	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24013	2313-K50F6	K50F6	Bùi Hoàng	Hải	Nam	15/05/1994				Khá	1651208	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24014	2314-K50F6	K50F6	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	03/01/1996				Khá	1651209	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24015	2315-K50F6	K50F6	Phan Thị Thanh	Hằng	Nữ	19/12/1996				Khá	1651210	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24016	2316-K50F6	K50F6	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	26/10/1996				Khá	1651211	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24017	2317-K50F6	K50F6	Lê Thị	Hoa	Nữ	21/05/1996				Giỏi	1651212	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24018	2318-K50F6	K50F6	Trương Thị	Hồng	Nữ	01/03/1996				Khá	1651213	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24019	2319-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	17/07/1996				Khá	1651214	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24020	2320-K50F6	K50F6	Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	20/12/1995				Giỏi	1651215	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24021	2321-K50F6	K50F6	Đặng Thu	Huyền	Nữ	30/10/1995				Khá	1651216	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24022	2322-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị ánh	Khuyên	Nữ	24/11/1996				Khá	1651217	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24023	2323-K50F6	K50F6	Vũ Chung	Kiên	Nam	30/09/1996				Khá	1651218	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24024	2324-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	13/04/1996				Khá	1651219	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24025	2325-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	18/11/1996				Khá	1651220	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24026	2326-K50F6	K50F6	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	09/11/1996				Khá	1651221	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24027	2327-K50F6	K50F6	Trịnh Thị	Loan	Nữ	08/09/1996				Khá	1651222	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24028	2328-K50F6	K50F6	Vũ Thị Nguyệt	Ly	Nữ	04/10/1996				Khá	1651223	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24029	2329-K50F6	K50F6	Vũ Thị	Mai	Nữ	19/07/1996				Khá	1651224	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24030	2330-K50F6	K50F6	Nguyễn Hồng	Nam	Nam	07/04/1996				Khá	1651225	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24031	2331-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị	Năm	Nữ	20/06/1996				Khá	1651226	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24032	2332-K50F6	K50F6	Phạm Thị	Ngân	Nữ	05/01/1996				Khá	1651227	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24033	2333-K50F6	K50F6	Phùng Thị Thúy	Ngọc	Nữ	25/09/1996				Khá	1651228	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24034	2334-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	01/10/1996				Khá	1651229	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24035	2335-K50F6	K50F6	Trịnh Thị	Nhung	Nữ	10/08/1996				Giỏi	1651230	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24036	2336-K50F6	K50F6	Bùi Thị	Nụ	Nữ	25/07/1996				Khá	1651231	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24037	2337-K50F6	K50F6	Lương Hà	Phương	Nữ	16/12/1996				Khá	1651232	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24038	2338-K50F6	K50F6	Hoàng Thị	Phường	Nữ	05/06/1996				Khá	1651233	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24039	2339-K50F6	K50F6	Hà Thị	Quỳnh	Nữ	04/03/1996				Khá	1651234	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24040	2340-K50F6	K50F6	Đỗ Thị	Thanh	Nữ	26/10/1996				Khá	1651235	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24041	2341-K50F6	K50F6	Trần Văn	Thanh	Nam	07/05/1995				Khá	1651236	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24042	2342-K50F6	K50F6	Mạch Thị	Thu	Nữ	04/08/1996				Khá	1651237	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24043	2343-K50F6	K50F6	Phạm Thị Hoài	Thương	Nữ	14/07/1996				Khá	1651238	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24044	2344-K50F6	K50F6	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	20/11/1996				Khá	1651239	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24045	2345-K50F6	K50F6	Đỗ Thị Thu	Trang	Nữ	21/05/1996				Khá	1651240	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24046	2346-K50F6	K50F6	Hoàng Thị Thu	Trang	Nữ	17/02/1996				Khá	1651241	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24047	2347-K50F6	K50F6	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	04/05/1996				Khá	1651242	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24048	2348-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	11/11/1995				Khá	1651243	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24049	2349-K50F6	K50F6	Bùi Đăng	Vinh	Nam	18/07/1996				Khá	1651244	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24050	2350-K50F6	K50F6	Lê Thị	Xuân	Nữ	25/06/1996				Khá	1651245	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24051	2351-K49F3	K49F3	Đỗ Viết	Công	Nam	20/07/1995				Trung bình	1651246	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24052	2352-K49F4	K49F4	Triệu Thị Kim	Ngân	Nữ	13/01/1994				Trung bình	1651247	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24053	2353-K49F5	K49F5	Lê Việt	Anh	Nam	03/11/1995				Trung bình	1651248	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24054	2354-K49F5	K49F5	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	03/09/1995				Trung bình	1651249	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24055	2355-K49F6	K49F6	Phạm Thanh	Dung	Nữ	18/08/1995				Trung bình	1651250	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24056	1048-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	29/11/1995				Trung bình	1510315	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24057	1049-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	20/04/1996				Khá	1510316	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24058	1050-K50E1	K50E1	Tường Thị Diệp	Anh	Nữ	27/04/1996				Giỏi	1510317	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24059	1051-K50E1	K50E1	Vanit	CHANTHAKOUN	Nam	08/09/1994				Khá	1510318	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24060	1052-K50E1	K50E1	Lê Thị	Cúc	Nữ	24/11/1996				Khá	1510319	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24061	1053-K50E1	K50E1	Dương Thị	Điện	Nữ	13/05/1996				Khá	1510320	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24062	1054-K50E1	K50E1	Dương Thị	Dịu	Nữ	10/09/1996				Giỏi	1510321	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24063	1055-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	22/09/1996				Khá	1510322	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24064	1056-K50E1	K50E1	Đặng Thị	Giang	Nữ	10/02/1995				Khá	1510323	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24065	1057-K50E1	K50E1	Kiều Thu	Hà	Nữ	11/05/1996				Khá	1510324	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24066	1058-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	29/08/1996				Giỏi	1510325	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24067	1059-K50E1	K50E1	Phạm Thị	Hằng	Nữ	03/08/1996				Giỏi	1510326	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24068	1060-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	15/08/1996				Giỏi	1510327	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24069	1061-K50E1	K50E1	Trần Thị Minh	Hòa	Nữ	10/03/1996				Khá	1510328	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24070	1062-K50E1	K50E1	Lê Thị	Hồng	Nữ	28/10/1996				Khá	1510330	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24071	1063-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	17/01/1996				Khá	1652464	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24072	1064-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	08/12/1996				Khá	1510331	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24073	1065-K50E1	K50E1	Trần Thị	Hương	Nữ	13/06/1996				Giỏi	1510332	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24074	1066-K50E1	K50E1	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	15/02/1996				Khá	1510333	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24075	1067-K50E1	K50E1	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	11/10/1996				Khá	1510334	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24076	1068-K50E1	K50E1	Bounpasert	INTHAVONGSA	Nam	25/03/1994				Khá	1510335	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24077	1069-K50E1	K50E1	Nguyễn Tùng	Lâm	Nữ	15/06/1996				Khá	1510336	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24078	1070-K50E1	K50E1	Cao Khánh	Linh	Nữ	02/04/1996				Trung bình	1510337	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24079	1071-K50E1	K50E1	Lê Thị	Linh	Nữ	21/11/1996				Giỏi	1510338	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24080	1072-K50E1	K50E1	Phonesak	LUDOUNHENG	Nam	02/12/1994				Trung bình	1510339	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24081	1073-K50E1	K50E1	Dương Trần Hương	Ly	Nữ	02/12/1996				Khá	1510340	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24082	1074-K50E1	K50E1	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	Nữ	20/08/1996				Giỏi	1510341	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24083	1075-K50E1	K50E1	Phạm Thị	Nga	Nữ	05/05/1995				Giỏi	1510342	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24084	1076-K50E1	K50E1	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	12/10/1995				Khá	1510343	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24085	1077-K50E1	K50E1	Vũ ánh	Ngọc	Nữ	07/03/1996				Giỏi	1510344	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24086	1078-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/03/1995				Trung bình	1510345	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24087	1079-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	02/06/1996				Khá	1510346	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24088	1080-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	03/05/1996				Khá	1510347	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24089	1081-K50E1	K50E1	Hoàng Thị	Phượng	Nữ	14/08/1996				Khá	1510348	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24090	1082-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	21/02/1996				Giỏi	1510349	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24091	1083-K50E1	K50E1	Hoàng Thị	Tâm	Nữ	02/05/1995				Khá	1510350	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24092	1084-K50E1	K50E1	Trần Thị Hồng	Thêu	Nữ	17/01/1996				Trung bình	1510351	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24093	1085-K50E1	K50E1	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	25/04/1996				Khá	1510352	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24094	1086-K50E1	K50E1	Trần Thu	Thương	Nữ	29/04/1996				Khá	1510353	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24095	1087-K50E1	K50E1	Hoàng Phương	Thùy	Nữ	03/03/1995				Khá	1510354	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24096	1088-K50E1	K50E1	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	06/07/1996				Khá	1510355	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24097	1089-K50E1	K50E1	Vongpha	VORLASING	Nam	15/01/1991				Khá	1510356	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24098	1090-K50E1	K50E1	Bùi Thị Hà	Vy	Nữ	17/10/1996				Khá	1510357	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24099	1091-K50E1	K50E1	Chu Thị Hải	Yến	Nữ	20/03/1996				Khá	1510358	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24100	1092-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	20/06/1996				Khá	1510359	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24101	1093-K50E2	K50E2	Phạm Thị	Anh	Nữ	13/09/1996				Khá	1510360	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24102	1094-K50E2	K50E2	Đỗ Ngọc	ánh	Nữ	01/01/1996				Khá	1510361	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24103	1095-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	Nữ	01/07/1996				Khá	1510362	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24104	1096-K50E2	K50E2	Trần Thị	Diễn	Nữ	09/12/1995				Khá	1510363	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24105	1097-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	29/08/1996				Khá	1510364	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24106	1098-K50E2	K50E2	Lê Thị Thu	Giang	Nữ	20/08/1996				Khá	1510365	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24107	1099-K50E2	K50E2	Đặng Thái	Hà	Nam	28/10/1996				Khá	1510366	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24108	1100-K50E2	K50E2	Lương Khánh	Hà	Nữ	23/05/1996				Khá	1510367	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24109	1101-K50E2	K50E2	Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	14/11/1996				Khá	1510368	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24110	1102-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	12/11/1996				Khá	1510369	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24111	1103-K50E2	K50E2	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	21/12/1996				Khá	1510370	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24112	1104-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16/10/1995				Khá	1510371	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24113	1105-K50E2	K50E2	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	22/10/1996				Giỏi	1510372	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24114	1106-K50E2	K50E2	Trần Thị	Huyền	Nữ	31/08/1996				Khá	1510373	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24115	1107-K50E2	K50E2	Nguyễn Đức Xuân	Lâm	Nam	12/01/1996				Xuất sắc	1510374	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24116	1108-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	04/03/1996				Khá	1510375	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24117	1109-K50E2	K50E2	Nguyễn Thuỳ	Linh	Nữ	10/12/1995				Khá	1510376	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24118	1110-K50E2	K50E2	Phạm Thuỳ	Linh	Nữ	16/02/1996				Khá	1510377	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24119	1111-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	16/11/1996				Khá	1510378	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24120	1112-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	15/06/1996				Khá	1510379	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24121	1113-K50E2	K50E2	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	30/01/1996				Khá	1510380	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24122	1114-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Mai	Nga	Nữ	10/07/1996				Khá	1510381	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24123	1115-K50E2	K50E2	Phạm Thị Thúy	Nga	Nữ	20/10/1996				Khá	1510382	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24124	1116-K50E2	K50E2	Đinh Thị	Nhi	Nữ	04/05/1996				Khá	1510383	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24125	1117-K50E2	K50E2	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/04/1996				Khá	1510384	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24126	1118-K50E2	K50E2	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	11/12/1995				Khá	1510385	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24127	1119-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	20/08/1996				Khá	1510386	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24128	1120-K50E2	K50E2	Lê Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	07/05/1996				Khá	1510387	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24129	1121-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	09/08/1996				Khá	1510388	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24130	1122-K50E2	K50E2	Phạm Thị	Thêu	Nữ	17/01/1996				Khá	1510389	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24131	1123-K50E2	K50E2	Trần Thị	Thùy	Nữ	20/02/1996				Khá	1510390	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24132	1124-K50E2	K50E2	Lê Thị	Thùy	Nữ	10/12/1996				Khá	1510391	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24133	1125-K50E2	K50E2	Ngô Thuý	Tiên	Nữ	09/07/1996				Khá	1510392	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24134	1126-K50E2	K50E2	Trần Ngọc	Trâm	Nữ	03/01/1996				Khá	1510393	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24135	1127-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24/09/1996				Khá	1510394	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24136	1128-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Vân	Trang	Nữ	25/12/1996				Khá	1510395	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24137	1129-K50E2	K50E2	Nguyễn Ngọc	Tuyên	Nam	19/06/1996				Trung bình	1510396	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24138	1130-K50E2	K50E2	Trần Thị Hồng	Xinh	Nữ	12/02/1996				Khá	1510397	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24139	1131-K50E2	K50E2	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	20/11/1996				Khá	1510398	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24140	1132-K50E3	K50E3	Đặng Hồng	Anh	Nữ	17/03/1996				Khá	1510399	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24141	1133-K50E3	K50E3	Phạm Việt	Anh	Nữ	27/11/1996				Giỏi	1510400	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24142	1134-K50E3	K50E3	Bùi Thị	Bay	Nữ	16/04/1996				Giỏi	1510401	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24143	1135-K50E3	K50E3	Nguyễn Hà	Giang	Nữ	19/09/1996				Xuất sắc	1510402	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24144	1136-K50E3	K50E3	Phan Thị Hà	Giang	Nữ	01/04/1996				Khá	1510403	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24145	1137-K50E3	K50E3	Bùi Thị	Hà	Nữ	07/11/1996				Khá	1510404	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24146	1138-K50E3	K50E3	Phạm Ngọc Sơn	Hà	Nữ	13/08/1996				Khá	1510405	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24147	1139-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị Mỹ	Hải	Nữ	21/09/1996				Khá	1510406	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24148	1140-K50E3	K50E3	Vũ Thị Thanh	Hằng	Nữ	20/12/1995				Khá	1510407	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24149	1141-K50E3	K50E3	Lê Thị	Hậu	Nữ	17/09/1996				Khá	1510408	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24150	1142-K50E3	K50E3	Bùi Thị Thu	Hiền	Nữ	28/11/1995				Giỏi	1510409	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24151	1143-K50E3	K50E3	Lê Thị	Hồng	Nữ	12/12/1996				Khá	1510410	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24152	1144-K50E3	K50E3	Lê Nhữ Diệu	Hương	Nữ	10/01/1996				Khá	1510411	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24153	1145-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	12/09/1996				Giỏi	1510412	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24154	1146-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	19/06/1996				Khá	1510413	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24155	1147-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	13/11/1996				Giỏi	1510414	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24156	1148-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05/07/1996				Khá	1510415	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24157	1149-K50E3	K50E3	Hà Thị	Khiếu	Nữ	21/10/1996				Khá	1510416	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24158	1150-K50E3	K50E3	Lưu Thùy	Linh	Nữ	29/03/1996				Khá	1510417	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24159	1151-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	30/04/1996				Khá	1510418	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24160	1152-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	10/05/1996				Trung bình	1510419	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24161	1153-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	26/07/1996				Giỏi	1510420	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24162	1154-K50E3	K50E3	Đào Thị	Ngà	Nữ	27/06/1996				Trung bình	1510421	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24163	1155-K50E3	K50E3	Lê Bích	Ngọc	Nữ	13/02/1995				Khá	1510422	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24164	1156-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	05/10/1996				Khá	1510423	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24165	1157-K50E3	K50E3	Nguyễn Kiều	Ninh	Nữ	18/09/1996				Khá	1510424	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24166	1158-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị Hồng	Oanh	Nữ	18/08/1996				Khá	1510425	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24167	1159-K50E3	K50E3	Trần Thị Khánh	Quỳnh	Nữ	25/11/1996				Khá	1510426	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24168	1160-K50E3	K50E3	Vũ Thị	Thiết	Nữ	28/02/1996				Khá	1510427	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24169	1161-K50E3	K50E3	Vũ Thị	Thúy	Nữ	01/05/1996				Khá	1510428	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24170	1162-K50E3	K50E3	Lương Thị	Thúy	Nữ	21/03/1996				Giỏi	1510429	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24171	1163-K50E3	K50E3	Trần Bích	Thùy	Nữ	08/09/1995				Giỏi	1510430	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24172	1164-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	26/08/1996				Khá	1510431	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24173	1165-K50E3	K50E3	Đinh Thị Thùy	Trang	Nữ	03/04/1996				Khá	1510432	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24174	1166-K50E3	K50E3	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	20/10/1996				Khá	1510433	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24175	1167-K50E3	K50E3	Nguyễn ánh	Tuyết	Nữ	20/04/1995				Khá	1510434	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24176	1168-K50E3	K50E3	Phan Thị	Vân	Nữ	15/06/1996				Khá	1510435	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24177	1169-K50E3	K50E3	Cao Thị	Yến	Nữ	20/02/1996				Khá	1510436	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24178	1170-K50E4	K50E4	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	10/07/1996				Giỏi	1510437	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24179	1171-K50E4	K50E4	Trần Thị Mai	Anh	Nữ	24/12/1996				Khá	1510438	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24180	1172-K50E4	K50E4	Lương Đức	Bài	Nam	10/03/1996				Khá	1510439	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24181	1173-K50E4	K50E4	Lê Thuý	Chinh	Nữ	11/02/1996				Khá	1510440	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24182	1174-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	03/06/1996				Khá	1510441	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24183	1175-K50E4	K50E4	Đoàn Hương	Giang	Nữ	04/12/1996				Xuất sắc	1510442	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24184	1176-K50E4	K50E4	Đặng Thị Thu	Hà	Nữ	26/03/1996				Giỏi	1510443	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24185	1177-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	22/07/1996				Khá	1510444	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24186	1178-K50E4	K50E4	Ngô Thị	Hằng	Nữ	12/11/1996				Giỏi	1510445	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24187	1179-K50E4	K50E4	Phí Thị	Hằng	Nữ	09/11/1996				Giỏi	1510446	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24188	1180-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	01/05/1996				Khá	1510447	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24189	1181-K50E4	K50E4	Lưu Việt	Hoàng	Nam	04/07/1996				Khá	1510448	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24190	1182-K50E4	K50E4	Lê Thị	Hương	Nữ	28/11/1996				Giỏi	1510449	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24191	1183-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	06/04/1996				Khá	1510450	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24192	1184-K50E4	K50E4	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	17/07/1996				Khá	1510451	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24193	1185-K50E4	K50E4	Trần Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23/10/1996				Khá	1510452	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24194	1186-K50E4	K50E4	Trần Thị Thuý	Huyền	Nữ	04/11/1995				Khá	1510453	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24195	1187-K50E4	K50E4	Chu Thị	Khôi	Nữ	01/07/1996				Khá	1510454	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24196	1188-K50E4	K50E4	Đỗ Thị Pha	Lê	Nữ	18/12/1995				Khá	1510455	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24197	1189-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	09/03/1996				Khá	1510456	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24198	1190-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	15/04/1996				Khá	1510457	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24199	1191-K50E4	K50E4	Trần Mỹ	Linh	Nữ	26/05/1996				Khá	1510458	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24200	1192-K50E4	K50E4	Đào Thị	Mai	Nữ	14/07/1995				Khá	1510459	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24201	1193-K50E4	K50E4	Bùi Thị	Miền	Nữ	17/11/1995				Khá	1510460	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24202	1194-K50E4	K50E4	Phan Thị Hồng	Ngan	Nữ	23/11/1996				Giỏi	1510461	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24203	1195-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	20/09/1996				Khá	1510462	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24204	1196-K50E4	K50E4	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/10/1996				Khá	1510463	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24205	1197-K50E4	K50E4	Trần Thị Hải	Ninh	Nữ	29/08/1996				Khá	1510464	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24206	1198-K50E4	K50E4	Trịnh Thị	Phương	Nữ	15/08/1996				Khá	1510465	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24207	1199-K50E4	K50E4	Lương Nhật	Quyên	Nữ	26/02/1996				Khá	1510466	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24208	1200-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	16/10/1996				Khá	1510467	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24209	1201-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	21/03/1996				Khá	1510468	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24210	1202-K50E4	K50E4	Đỗ Thị Phương	Thảo	Nữ	21/04/1996				Khá	1510469	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24211	1203-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	13/03/1996				Khá	1510470	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24212	1204-K50E4	K50E4	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	16/10/1996				Khá	1510471	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24213	1205-K50E4	K50E4	Bùi Thị	Thủy	Nữ	26/06/1995				Khá	1510472	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24214	1206-K50E4	K50E4	Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	13/10/1996				Khá	1510473	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24215	1207-K50E4	K50E4	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	03/03/1996				Giỏi	1510474	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24216	1208-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	13/08/1996				Khá	1510475	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24217	1209-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	15/06/1996				Khá	1510476	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24218	1210-K50E4	K50E4	Dương Thị	Vân	Nữ	10/11/1996				Giỏi	1510477	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24219	1211-K50E4	K50E4	Nguyễn Thanh	Xuân	Nữ	02/03/1996				Khá	1510478	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24220	1212-K50E4	K50E4	Đào Như	ý	Nữ	14/11/1996				Khá	1510479	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24221	1213-K50E5	K50E5	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	07/05/1996				Khá	1510480	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24222	1214-K50E5	K50E5	Trần Thị Hà	Anh	Nữ	16/03/1996				Trung bình	1510481	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24223	1215-K50E5	K50E5	Nguyễn Thị	Bắc	Nữ	18/06/1996				Giỏi	1510482	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24224	1216-K50E5	K50E5	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	21/12/1996				Khá	1510483	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24225	1217-K50E5	K50E5	Đỗ Thị	Dinh	Nữ	11/03/1996				Khá	1510484	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24226	1218-K50E5	K50E5	Nguyễn Tuấn	Dương	Nam	20/02/1996				Khá	1510485	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24227	1219-K50E5	K50E5	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	16/07/1996				Khá	1510486	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24228	1220-K50E5	K50E5	Hoàng Hương	Giang	Nữ	03/08/1996				Khá	1510487	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24229	1221-K50E5	K50E5	Nguyễn Nguyệt	Hà	Nữ	26/11/1996				Trung bình	1510488	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24230	1222-K50E5	K50E5	Đoàn Văn	Hải	Nam	11/03/1996				Trung bình	1510489	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24231	1223-K50E5	K50E5	Công Thị Thu	Hằng	Nữ	05/02/1996				Khá	1510490	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24232	1224-K50E5	K50E5	Vũ Thị	Hiền	Nữ	27/07/1996				Giỏi	1510491	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24233	1225-K50E5	K50E5	Đinh Thị	Hiền	Nữ	17/03/1996				Khá	1510492	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24234	1226-K50E5	K50E5	Cao Thị	Hoa	Nữ	19/11/1996				Khá	1510493	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24235	1227-K50E5	K50E5	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	20/12/1996				Giỏi	1510494	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24236	1228-K50E5	K50E5	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	26/04/1996				Khá	1510495	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24237	1229-K50E5	K50E5	Nguyễn Ngọc	Huy	Nam	06/01/1996				Khá	1510496	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24238	1230-K50E5	K50E5	Lê Thị	Huyền	Nữ	15/06/1996				Khá	1510497	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24239	1231-K50E5	K50E5	Trần Thị	Huyền	Nữ	30/12/1995				Khá	1510498	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24240	1232-K50E5	K50E5	Vũ Minh	Khang	Nam	05/01/1996				Giỏi	1510499	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24241	1233-K50E5	K50E5	Phạm Thị	Khuyên	Nữ	17/05/1996				Giỏi	1510500	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24242	1234-K50E5	K50E5	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	Nữ	16/09/1996				Khá	1510501	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24243	1235-K50E5	K50E5	Đồng Thị	Linh	Nữ	12/10/1996				Khá	1510502	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24244	1236-K50E5	K50E5	Ngô Diệu	Linh	Nữ	22/11/1995				Khá	1510503	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24245	1237-K50E5	K50E5	Vũ Hải	Linh	Nữ	24/01/1996				Khá	1510504	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24246	1238-K50E5	K50E5	Đoàn Thị Thanh	Nga	Nữ	17/10/1996				Khá	1510505	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24247	1239-K50E5	K50E5	Đặng Thị	Ngân	Nữ	23/10/1996				Khá	1510506	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24248	1240-K50E5	K50E5	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	12/09/1996				Khá	1510507	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24249	1241-K50E5	K50E5	Khuất Minh	Nguyệt	Nữ	05/08/1996				Khá	1510508	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24250	1242-K50E5	K50E5	Trương Hải	Ninh	Nữ	01/10/1996				Khá	1510509	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24251	1243-K50E5	K50E5	Vũ Thị	Oanh	Nữ	21/10/1995				Khá	1510510	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24252	1244-K50E5	K50E5	Bùi Hạnh	Quyên	Nữ	12/10/1996				Khá	1510511	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24253	1245-K50E5	K50E5	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	05/01/1996				Khá	1510512	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24254	1246-K50E5	K50E5	Mai Phương	Thảo	Nữ	20/09/1996				Khá	1510513	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24255	1247-K50E5	K50E5	Nguyễn Hà	Thu	Nữ	11/10/1996				Trung bình	1510514	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24256	1248-K50E5	K50E5	Lương Thị Anh	Thư	Nữ	02/12/1996				Khá	1510515	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24257	1249-K50E5	K50E5	Trương Thị Minh	Thùy	Nữ	29/11/1996				Khá	1510516	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24258	1250-K50E5	K50E5	Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	22/12/1996				Khá	1510517	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24259	1251-K50E5	K50E5	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	26/09/1996				Khá	1510518	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24260	1252-K50E5	K50E5	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	04/08/1996				Giỏi	1510519	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24261	1253-K50E5	K50E5	Trương Công Hoàng	Tuấn	Nam	13/10/1995				Khá	1510520	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24262	1254-K50E5	K50E5	Phạm Tú	Uyên	Nữ	20/01/1996				Khá	1510521	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24263	1255-K50E5	K50E5	Nguyễn Thảo	Vân	Nữ	29/03/1996				Khá	1510522	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24264	1256-K50E5	K50E5	Nguyễn Thị	Yên	Nữ	14/10/1996				Giỏi	1510523	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24265	1257-K50E6	K50E6	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	04/04/1996				Khá	1510524	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24266	1258-K50E6	K50E6	Lê Hoàng	Anh	Nữ	15/09/1996				Giỏi	1510525	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24267	1259-K50E6	K50E6	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	18/06/1996				Khá	1510526	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24268	1260-K50E6	K50E6	Đỗ Thị Ngọc	Bích	Nữ	19/02/1996				Khá	1510527	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24269	1261-K50E6	K50E6	Vương Hoàng	Chung	Nam	15/01/1996				Xuất sắc	1510528	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24270	1262-K50E6	K50E6	Đào Thị	Dịu	Nữ	06/08/1995				Khá	1510529	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24271	1263-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	15/07/1996				Khá	1510530	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24272	1264-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	09/09/1996				Khá	1510531	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24273	1265-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	07/01/1996				Khá	1510532	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24274	1266-K50E6	K50E6	Vũ Thị	Hà	Nữ	20/04/1996				Khá	1510533	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24275	1267-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	24/11/1996				Khá	1510534	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24276	1268-K50E6	K50E6	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	25/11/1996				Khá	1510535	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24277	1269-K50E6	K50E6	Nguyễn Phương	Hòa	Nữ	15/08/1995				Khá	1510536	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24278	1270-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	25/06/1996				Khá	1510537	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24279	1271-K50E6	K50E6	Lê Đình	Hùng	Nam	07/03/1996				Khá	1510538	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24280	1272-K50E6	K50E6	Kiều Thị Lan	Hương	Nữ	21/11/1996				Giỏi	1510539	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24281	1273-K50E6	K50E6	Tạ Xuân	Hương	Nữ	05/02/1996				Giỏi	1510540	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24282	1274-K50E6	K50E6	Vũ Thị Diệp	Khánh	Nữ	04/03/1995				Giỏi	1510541	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24283	1275-K50E6	K50E6	Đỗ Thị	Lan	Nữ	16/12/1996				Giỏi	1510542	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24284	1276-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	15/02/1997				Khá	1510543	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24285	1277-K50E6	K50E6	Đoàn Trúc	Linh	Nữ	28/05/1996				Khá	1510544	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24286	1278-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	13/06/1996				Khá	1510545	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24287	1279-K50E6	K50E6	Nguyễn Thuỳ	Linh	Nữ	13/07/1996				Khá	1510546	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24288	1280-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	15/07/1996				Khá	1510547	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24289	1281-K50E6	K50E6	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	30/12/1996				Khá	1510548	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24290	1282-K50E6	K50E6	Lưu Thị Trà	My	Nữ	25/10/1996				Khá	1510549	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24291	1283-K50E6	K50E6	Đỗ Thuý	Ngân	Nữ	03/06/1996				Khá	1510550	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24292	1284-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	14/12/1996				Trung bình	1510551	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24293	1285-K50E6	K50E6	Trần Thị Thu	Nhàn	Nữ	06/11/1996				Giỏi	1510552	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24294	1286-K50E6	K50E6	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	27/10/1996				Khá	1510553	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24295	1287-K50E6	K50E6	Mai Thị	Quỳnh	Nữ	05/05/1996				Khá	1510554	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24296	1288-K50E6	K50E6	Nguyễn Chiến	Thắng	Nam	25/02/1996				Khá	1510555	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24297	1289-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	03/01/1996				Khá	1510556	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24298	1290-K50E6	K50E6	Vũ Hoài	Thương	Nữ	05/02/1996				Khá	1510557	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24299	1291-K50E6	K50E6	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	02/08/1996				Khá	1510558	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24300	1292-K50E6	K50E6	Trần Thị	Thủy	Nữ	15/11/1996				Giỏi	1510559	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24301	1293-K50E6	K50E6	Đỗ Thị	Trang	Nữ	25/04/1996				Khá	1510560	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24302	1294-K50E6	K50E6	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	13/05/1996				Khá	1510561	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24303	1295-K50E6	K50E6	Hoàng Thu	Vân	Nữ	25/09/1996				Khá	1510562	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24304	1296-K49E4	K49E4	Hoàng Thị Phương	Dung	Nữ	03/02/1995				Trung bình	1510563	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24305	1297-K49E4	K49E4	Nguyễn Hà	My	Nữ	21/11/1995				Trung bình	1510564	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24306	1298-K18E	K18E	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	Nữ	12/08/1994				Khá	1510565	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	537/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24307	1299-K50C1	K50C1	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	27/06/1994				Khá	1510566	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24308	1300-K50C1	K50C1	Trịnh Thị	ánh	Nữ	27/07/1996				Khá	1510567	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24309	1301-K50C1	K50C1	Trần Thị Lan	Chi	Nữ	05/07/1996				Khá	1510568	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24310	1302-K50C1	K50C1	Trần Thị	Chinh	Nữ	03/02/1996				Khá	1510569	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24311	1303-K50C1	K50C1	Ngô Quốc	Đạt	Nam	29/07/1996				Trung bình	1510570	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24312	1304-K50C1	K50C1	Đỗ Thị Thu	Dung	Nữ	23/08/1996				Khá	1510571	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24313	1305-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	18/02/1996				Khá	1510572	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24314	1306-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	01/04/1996				Khá	1510573	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24315	1307-K50C1	K50C1	Thái Thị Nguyệt	Hà	Nữ	15/06/1996				Khá	1510574	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24316	1308-K50C1	K50C1	Vũ Thanh	Hằng	Nữ	23/01/1996				Khá	1510575	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24317	1309-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị Hồng	Hảo	Nữ	09/12/1996				Khá	1510576	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24318	1310-K50C1	K50C1	Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	20/08/1996				Khá	1510577	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24319	1311-K50C1	K50C1	Bùi Thị	Hoàn	Nữ	10/01/1996				Trung bình	1510578	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24320	1312-K50C1	K50C1	Trần Thị	Huệ	Nữ	30/08/1995				Khá	1510579	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24321	1313-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	29/09/1996				Giỏi	1510580	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24322	1314-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	27/09/1996				Khá	1510581	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24323	1315-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	19/05/1996				Khá	1510582	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24324	1316-K50C1	K50C1	Đào Thị	Huyền	Nữ	27/04/1996				Khá	1510583	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24325	1317-K50C1	K50C1	Giáp Thị	Huyền	Nữ	20/05/1996				Khá	1510584	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24326	1318-K50C1	K50C1	Vũ Hương	Lan	Nữ	03/07/1996				Khá	1510585	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24327	1319-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	11/10/1996				Khá	1510586	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24328	1320-K50C1	K50C1	Lê Thị	Linh	Nữ	10/10/1996				Trung bình	1510587	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24329	1321-K50C1	K50C1	Phạm Thị Thuỳ	Linh	Nữ	01/10/1996				Khá	1510588	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24330	1322-K50C1	K50C1	Đàm Thị	Lụa	Nữ	10/01/1996				Khá	1510589	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24331	1323-K50C1	K50C1	Triệu Thị	Mơ	Nữ	19/01/1996				Khá	1510590	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24332	1324-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị Việt	Mỹ	Nữ	03/09/1996				Giỏi	1510591	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24333	1325-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị Kim	Nga	Nữ	13/11/1996				Xuất sắc	1510592	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24334	1326-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	Nữ	14/02/1996				Khá	1510593	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24335	1327-K50C1	K50C1	Đặng Thị	Nhàn	Nữ	30/05/1996				Khá	1510594	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24336	1328-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị Tú	Oanh	Nữ	29/09/1996				Khá	1510595	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24337	1329-K50C1	K50C1	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	15/01/1996				Giỏi	1510596	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24338	1330-K50C1	K50C1	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	16/08/1996				Khá	1510597	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24339	1331-K50C1	K50C1	Chu Thị Thanh	Tâm	Nữ	20/06/1996				Khá	1510598	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24340	1332-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20/02/1996				Trung bình	1510599	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24341	1333-K50C1	K50C1	Lê Thị Phương	Thúy	Nữ	08/11/1996				Khá	1510600	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24342	1334-K50C1	K50C1	Vũ Thị	Tình	Nữ	26/09/1996				Trung bình	1510601	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24343	1335-K50C1	K50C1	Trần Thị	Trang	Nữ	14/12/1996				Khá	1510602	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24344	1336-K50C1	K50C1	Ngô Đức	Tuấn	Nam	26/11/1996				Khá	1510603	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24345	1337-K50C1	K50C1	Ngô Thị	Tuyết	Nữ	21/11/1996				Khá	1510604	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24346	1338-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	15/10/1995				Khá	1510605	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24347	1339-K50C1	K50C1	Bùi Thị Thanh	Xuân	Nữ	14/10/1996				Khá	1510606	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24348	1340-K50C2	K50C2	Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	29/10/1996				Trung bình	1510607	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24349	1341-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị	ánh	Nữ	20/10/1996				Khá	1510608	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24350	1342-K50C2	K50C2	Đinh Thành	Biên	Nam	24/08/1995				Trung bình	1510609	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24351	1343-K50C2	K50C2	Trương Thị	Chình	Nữ	04/09/1996				Khá	1510610	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24352	1344-K50C2	K50C2	Lê Thị	Dung	Nữ	07/01/1996				Khá	1510611	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24353	1345-K50C2	K50C2	Trần Thị	Dung	Nữ	17/07/1996				Khá	1510612	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24354	1346-K50C2	K50C2	Ngô Thị Trà	Giang	Nữ	08/10/1996				Trung bình	1510613	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24355	1347-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	22/07/1995				Khá	1510614	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24356	1348-K50C2	K50C2	Trần Thị	Hạnh	Nữ	11/01/1996				Khá	1510615	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24357	1349-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	16/11/1996				Khá	1510616	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24358	1350-K50C2	K50C2	Trần Thị Mai	Hoa	Nữ	05/04/1996				Khá	1510617	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24359	1351-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	11/12/1996				Khá	1510618	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24360	1352-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị Thu	Huế	Nữ	26/06/1995				Khá	1510619	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24361	1353-K50C2	K50C2	Phạm Thị Hồng	Huệ	Nữ	08/07/1996				Khá	1510620	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24362	1354-K50C2	K50C2	Trần Thị	Hương	Nữ	03/10/1996				Khá	1510621	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24363	1355-K50C2	K50C2	Vũ Thị	Hương	Nữ	25/10/1996				Khá	1510622	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24364	1356-K50C2	K50C2	Lê Thị	Huyền	Nữ	28/04/1996				Giỏi	1510623	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24365	1357-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	28/09/1996				Khá	1510624	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24366	1358-K50C2	K50C2	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	20/06/1996				Khá	1510625	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24367	1359-K50C2	K50C2	Phạm Phương	Lan	Nữ	07/11/1996				Khá	1510626	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24368	1360-K50C2	K50C2	Đinh Thị Phương	Liên	Nữ	19/08/1996				Khá	1510627	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24369	1361-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	09/10/1996				Khá	1510628	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24370	1362-K50C2	K50C2	Trương Thị Thuỳ	Linh	Nữ	06/10/1996				Khá	1510629	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24371	1363-K50C2	K50C2	Vũ Ngọc	Ly	Nữ	01/11/1996				Khá	1510630	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24372	1364-K50C2	K50C2	Đào Thị Hà	My	Nữ	16/09/1996				Khá	1510631	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24373	1365-K50C2	K50C2	Phạm Thị	Na	Nữ	31/12/1996				Khá	1510632	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24374	1366-K50C2	K50C2	Lã Văn	Ngân	Nam	01/06/1995				Khá	1510633	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24375	1367-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	01/02/1996				Khá	1510634	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24376	1368-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	13/01/1996				Khá	1510635	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24377	1369-K50C2	K50C2	Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	10/02/1996				Khá	1510636	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24378	1370-K50C2	K50C2	Trịnh Thị Hồng	Nhung	Nữ	17/12/1996				Khá	1510637	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24379	1371-K50C2	K50C2	Hoàng Thị	Oanh	Nữ	29/02/1996				Khá	1510638	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24380	1372-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	20/05/1996				Khá	1510639	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24381	1373-K50C2	K50C2	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	26/02/1995				Khá	1510640	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24382	1374-K50C2	K50C2	Lê Thị	Thảo	Nữ	04/11/1996				Khá	1510641	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24383	1375-K50C2	K50C2	Vũ Thị Anh	Thư	Nữ	15/08/1996				Khá	1510642	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24384	1376-K50C2	K50C2	Nguyễn Hồng	Thùy	Nữ	28/06/1996				Khá	1510643	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24385	1377-K50C2	K50C2	Vũ Thanh	Thùy	Nữ	26/11/1996				Trung bình	1510644	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24386	1378-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị Thái	Trà	Nữ	27/03/1996				Khá	1510645	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24387	1379-K50C2	K50C2	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	07/02/1996				Khá	1510646	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24388	1380-K50C2	K50C2	Phạm Hồ	Trang	Nữ	19/04/1996				Khá	1510647	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24389	1381-K50C2	K50C2	Trần Thị	Vân	Nữ	03/06/1995				Khá	1510648	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24390	1382-K50C3	K50C3	Đỗ Thị Hoàng	Anh	Nữ	17/01/1996				Giỏi	1510649	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24391	1383-K50C3	K50C3	Đỗ Thị	Chi	Nữ	20/10/1996				Khá	1510650	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24392	1384-K50C3	K50C3	Trần Thị	Cúc	Nữ	17/02/1996				Khá	1510651	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24393	1385-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	24/12/1996				Khá	1510652	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24394	1386-K50C3	K50C3	Vũ Thị	Duyên	Nữ	23/11/1996				Giỏi	1510653	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24395	1387-K50C3	K50C3	Đoàn Thị	Giang	Nữ	19/10/1996				Khá	1510654	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24396	1388-K50C3	K50C3	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	07/06/1996				Khá	1510655	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24397	1389-K50C3	K50C3	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	13/05/1996				Khá	1510656	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24398	1390-K50C3	K50C3	Nguyễn Hồ	Hải	Nam	25/09/1996				Khá	1510657	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24399	1391-K50C3	K50C3	Hoàng Minh	Hằng	Nữ	22/11/1996				Khá	1510658	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24400	1392-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị Bích	Hòa	Nữ	14/07/1996				Khá	1510659	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24401	1393-K50C3	K50C3	Lê Thu	Hương	Nữ	16/04/1996				Khá	1510660	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24402	1394-K50C3	K50C3	Bùi Thị	Huyền	Nữ	06/04/1996				Khá	1510661	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24403	1395-K50C3	K50C3	Dương Thị	Huyền	Nữ	24/03/1995				Trung bình	1510662	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24404	1396-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/10/1996				Khá	1510663	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24405	1397-K50C3	K50C3	Bùi Thị Hồng	Liên	Nữ	08/07/1992				Trung bình	1510664	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24406	1398-K50C3	K50C3	Đinh Thị Thuỳ	Linh	Nữ	16/01/1996				Khá	1510665	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24407	1399-K50C3	K50C3	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	01/04/1996				Khá	1510666	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24408	1400-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị Thảo	Ly	Nữ	25/11/1996				Khá	1510667	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24409	1401-K50C3	K50C3	Nguyễn Hà Linh	My	Nữ	02/03/1996				Khá	1510668	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24410	1402-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	22/06/1996				Khá	1510669	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24411	1403-K50C3	K50C3	Đinh Trọng	Ngân	Nam	01/07/1996				Trung bình	1510670	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24412	1404-K50C3	K50C3	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	27/12/1996				Giỏi	1510671	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24413	1405-K50C3	K50C3	Cao Hồng	Ngọc	Nam	16/06/1995				Khá	1510672	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24414	1406-K50C3	K50C3	Lê Hồng	Ngọc	Nữ	17/06/1996				Khá	1510673	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24415	1407-K50C3	K50C3	Đỗ Thị	Nhung	Nữ	26/08/1996				Khá	1510674	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24416	1408-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	Nữ	02/06/1996				Khá	1510675	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24417	1409-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	10/02/1996				Khá	1510676	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24418	1410-K50C3	K50C3	Mai Thị Thanh	Tâm	Nữ	22/02/1996				Khá	1510677	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24419	1411-K50C3	K50C3	Nguyễn Công	Thành	Nam	26/05/1996				Trung bình	1510678	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24420	1412-K50C3	K50C3	Đinh Thị Hoài	Thu	Nữ	30/08/1996				Khá	1510679	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24421	1413-K50C3	K50C3	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	27/12/1996				Khá	1510680	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24422	1414-K50C3	K50C3	Phạm Thị Kiều	Trang	Nữ	02/10/1996				Khá	1510681	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24423	1415-K50C3	K50C3	Trương Thị	Trinh	Nữ	16/10/1996				Khá	1510682	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24424	1416-K50C3	K50C3	Phan Thị	Tươi	Nữ	09/08/1996				Khá	1510683	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24425	1417-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	14/05/1995				Khá	1510684	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24426	1418-K50C3	K50C3	Lương Anh	Việt	Nam	13/03/1992				Trung bình	1510685	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24427	1419-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	13/10/1996				Khá	1510686	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24428	1420-K50C4	K50C4	Nguyễn Vân	Anh	Nữ	01/09/1996				Giỏi	1510687	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24429	1421-K50C4	K50C4	Vi Thị	Bình	Nữ	27/09/1996				Khá	1510688	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24430	1422-K50C4	K50C4	Lê Thị	Diễm	Nữ	26/04/1995				Giỏi	1510689	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24431	1423-K50C4	K50C4	Hoàng Thị	Dương	Nữ	26/09/1996				Khá	1510690	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24432	1424-K50C4	K50C4	Nguyễn Trọng	Dương	Nam	12/06/1996				Trung bình	1510691	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24433	1425-K50C4	K50C4	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	14/07/1996				Khá	1510692	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24434	1426-K50C4	K50C4	Trần Thu	Hà	Nữ	14/11/1996				Khá	1510693	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24435	1427-K50C4	K50C4	Trần Thị	Hiên	Nữ	03/03/1996				Khá	1510694	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24436	1428-K50C4	K50C4	Đào Thị	Hoa	Nữ	20/12/1996				Khá	1510695	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24437	1429-K50C4	K50C4	Phạm Thị	Hoa	Nữ	25/04/1996				Khá	1510696	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24438	1430-K50C4	K50C4	Trần Thị	Hương	Nữ	30/10/1996				Khá	1510697	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24439	1431-K50C4	K50C4	Đoàn Thị	Huyền	Nữ	25/10/1996				Khá	1510698	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24440	1432-K50C4	K50C4	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/11/1996				Khá	1510699	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24441	1433-K50C4	K50C4	Nguyễn Thị Thanh	Khuyên	Nữ	19/03/1996				Khá	1510700	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24442	1434-K50C4	K50C4	Lương Thanh	Lam	Nữ	15/07/1995				Trung bình	1510701	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24443	1435-K50C4	K50C4	Trần Thị Hương	Lan	Nữ	18/06/1996				Khá	1510702	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24444	1436-K50C4	K50C4	Nguyễn Thị	Lễu	Nữ	26/08/1996				Khá	1510703	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24445	1437-K50C4	K50C4	Hoàng Hà	Linh	Nữ	17/04/1996				Khá	1510704	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24446	1438-K50C4	K50C4	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	17/10/1996				Khá	1510705	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24447	1439-K50C4	K50C4	Trần Thị	Mai	Nữ	20/11/1996				Khá	1510706	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24448	1440-K50C4	K50C4	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	26/10/1996				Khá	1510707	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24449	1441-K50C4	K50C4	Dương Thị	My	Nữ	28/04/1996				Khá	1510708	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24450	1442-K50C4	K50C4	Nguyễn Thị Phương	Nga	Nữ	18/03/1996				Khá	1510709	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24451	1443-K50C4	K50C4	Trần Thị	Ngọc	Nữ	12/06/1996				Khá	1510710	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24452	1444-K50C4	K50C4	Nguyễn Hữu	Nhất	Nam	22/07/1995				Giỏi	1510711	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24453	1445-K50C4	K50C4	Lê Thị	Nhung	Nữ	29/10/1996				Giỏi	1510712	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24454	1446-K50C4	K50C4	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	03/10/1996				Khá	1510713	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24455	1447-K50C4	K50C4	Vũ Thị	Phượng	Nữ	26/08/1996				Giỏi	1510714	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24456	1448-K50C4	K50C4	Đỗ Thị	Thanh	Nữ	06/06/1996				Khá	1510715	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24457	1449-K50C4	K50C4	Phạm Công	Thịnh	Nam	30/10/1995				Khá	1510716	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24458	1450-K50C4	K50C4	Vũ Thị	Thơm	Nữ	23/09/1996				Khá	1510717	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24459	1451-K50C4	K50C4	Trần Thị Lệ	Thùy	Nữ	17/05/1996				Khá	1510718	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24460	1452-K50C4	K50C4	Vũ Thị Việt	Trinh	Nữ	23/08/1996				Xuất sắc	1510719	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24461	1453-K50C4	K50C4	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	19/03/1996				Khá	1510720	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24462	1454-K50C4	K50C4	Ngô Quang	Việt	Nam	14/07/1995				Khá	1510721	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24463	1455-K50C4	K50C4	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	08/06/1996				Khá	1510722	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24464	1456-K50C4	K50C4	Nguyễn Thanh	Trang	Nữ	04/03/1996				Khá	1510723	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24465	1457-K50C5	K50C5	Hoàng Thị Tú	Anh	Nữ	04/09/1996				Khá	1510724	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24466	1458-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị	Chang	Nữ	21/04/1996				Khá	1510725	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24467	1459-K50C5	K50C5	Đỗ Thị	Chiên	Nữ	06/01/1996				Khá	1510726	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24468	1460-K50C5	K50C5	Tính Mù	Dìn	Nữ	02/09/1995				Khá	1510727	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24469	1461-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	23/06/1996				Khá	1510728	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24470	1462-K50C5	K50C5	Trần Quý	Dương	Nam	14/09/1996				Trung bình	1510729	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24471	1463-K50C5	K50C5	Vũ Thị	Duyên	Nữ	02/06/1996				Khá	1510730	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24472	1464-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	03/03/1996				Khá	1510731	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24473	1465-K50C5	K50C5	Ngọ Thị	Hằng	Nữ	16/02/1995				Khá	1510732	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24474	1466-K50C5	K50C5	Lê Thị	Hiền	Nữ	09/01/1996				Khá	1510733	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24475	1467-K50C5	K50C5	Lê Minh	Hoa	Nữ	01/09/1995				Khá	1510734	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24476	1468-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị	Hoan	Nữ	17/02/1996				Khá	1510735	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24477	1469-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	25/02/1996				Khá	1510736	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24478	1470-K50C5	K50C5	Trần Văn	Hưng	Nam	29/07/1996				Trung bình	1510737	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24479	1471-K50C5	K50C5	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	23/11/1996				Trung bình	1510738	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24480	1472-K50C5	K50C5	Trần Thị Thuỳ	Hương	Nữ	12/01/1996				Khá	1510739	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24481	1473-K50C5	K50C5	Đặng Thị	Huyền	Nữ	12/06/1996				Khá	1510740	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24482	1474-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	01/02/1995				Khá	1510741	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24483	1475-K50C5	K50C5	Vương Thị	Huyền	Nữ	27/09/1996				Giỏi	1510742	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24484	1476-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị Kim	Linh	Nữ	13/07/1995				Khá	1510743	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24485	1477-K50C5	K50C5	Lưu Thị Hồng	Mai	Nữ	28/09/1995				Giỏi	1510744	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24486	1478-K50C5	K50C5	Phạm Thị Thuý	Nga	Nữ	30/08/1996				Khá	1510745	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24487	1479-K50C5	K50C5	Phạm Thị	Ngoan	Nữ	10/11/1996				Khá	1510746	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24488	1480-K50C5	K50C5	Vũ Thị Minh	Ngọc	Nữ	11/05/1996				Khá	1510747	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24489	1481-K50C5	K50C5	Mai Thị	Nhung	Nữ	12/10/1996				Khá	1510748	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24490	1482-K50C5	K50C5	Phạm Thanh	Phương	Nữ	09/10/1996				Trung bình	1510749	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24491	1483-K50C5	K50C5	Trần Hạnh	Quyên	Nữ	25/02/1996				Trung bình	1510750	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24492	1484-K50C5	K50C5	Bùi Thị	Sương	Nữ	10/10/1996				Trung bình	1510751	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24493	1485-K50C5	K50C5	Đinh Thị	Thảo	Nữ	13/04/1995				Khá	1510752	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24494	1486-K50C5	K50C5	Nguyễn Việt	Thu	Nữ	01/09/1996				Khá	1510753	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24495	1487-K50C5	K50C5	Lê Thị	Thương	Nữ	01/02/1996				Giỏi	1510754	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24496	1488-K50C5	K50C5	Ngô Thị Thúy	Thúy	Nữ	21/08/1996				Khá	1510755	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24497	1489-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	17/04/1996				Khá	1510756	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24498	1490-K50C5	K50C5	Phạm Thị	Trang	Nữ	22/08/1996				Giỏi	1510757	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24499	1491-K50C5	K50C5	Phạm Thị ánh	Trang	Nữ	11/04/1996				Khá	1510758	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24500	1492-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	04/02/1996				Khá	1510759	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24501	1493-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	03/02/1996				Khá	1510760	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24502	1494-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	17/12/1996				Khá	1510761	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24503	1495-K50C6	K50C6	Vũ Thị	Chanh	Nữ	20/02/1996				Khá	1510762	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24504	1496-K50C6	K50C6	Phạm Thị	Đào	Nữ	03/05/1996				Khá	1510763	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24505	1497-K50C6	K50C6	Nhâm Thị	Dung	Nữ	22/12/1996				Khá	1510764	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24506	1498-K50C6	K50C6	Vũ Thị	Duyên	Nữ	10/08/1996				Khá	1510765	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24507	1499-K50C6	K50C6	Trịnh Thu	Hà	Nữ	24/06/1996				Khá	1510766	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24508	1500-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	23/10/1996				Giỏi	1510767	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24509	1501-K50C6	K50C6	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	05/10/1996				Khá	1510768	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24510	1502-K50C6	K50C6	Lương Quỳnh	Hoa	Nữ	12/07/1996				Trung bình	1510769	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24511	1503-K50C6	K50C6	Trần Thanh	Hoàn	Nữ	02/11/1995				Trung bình	1510770	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24512	1504-K50C6	K50C6	Trần Thị	Huê	Nữ	10/06/1996				Trung bình	1510771	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24513	1505-K50C6	K50C6	Lê Thị	Hương	Nữ	15/02/1996				Khá	1510772	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24514	1506-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	14/08/1996				Khá	1510773	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24515	1507-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	25/12/1996				Khá	1510774	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24516	1508-K50C6	K50C6	Bùi Thị	Huyền	Nữ	02/08/1996				Khá	1510775	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24517	1509-K50C6	K50C6	Đỗ Thu	Huyền	Nữ	28/12/1996				Khá	1510776	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24518	1510-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	03/03/1996				Khá	1510777	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24519	1511-K50C6	K50C6	Hà Thị Thuỳ	Linh	Nữ	05/02/1996				Khá	1510778	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24520	1512-K50C6	K50C6	Vũ Thị	Linh	Nữ	16/03/1996				Khá	1510779	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24521	1513-K50C6	K50C6	Đinh Thị	Loan	Nữ	09/12/1995				Khá	1510780	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24522	1514-K50C6	K50C6	Vi Thị	Ly	Nữ	03/08/1995				Khá	1510781	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24523	1515-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị	Miền	Nữ	15/07/1996				Khá	1510782	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24524	1516-K50C6	K50C6	Hoàng Thị	Mỹ	Nữ	20/12/1996				Khá	1510783	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24525	1517-K50C6	K50C6	Đậu Thị	Nga	Nữ	28/07/1996				Giỏi	1510784	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24526	1518-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	10/04/1996				Khá	1510785	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24527	1519-K50C6	K50C6	Phạm Thị	Nhài	Nữ	24/07/1996				Khá	1510786	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24528	1520-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	04/02/1996				Giỏi	1510787	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24529	1521-K50C6	K50C6	Phạm Thị	Tâm	Nữ	02/07/1996				Khá	1510788	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24530	1522-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị Minh	Thảo	Nữ	18/10/1996				Khá	1510789	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24531	1523-K50C6	K50C6	Trần Hồng	Thu	Nữ	08/04/1996				Khá	1510790	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24532	1524-K50C6	K50C6	Vũ Thị Hoài	Thu	Nữ	26/06/1996				Khá	1510791	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24533	1525-K50C6	K50C6	Bùi Thị	Thúy	Nữ	23/06/1996				Khá	1510792	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24534	1526-K50C6	K50C6	Phạm Thị Phương	Trang	Nữ	08/05/1996				Khá	1510793	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24535	1527-K50C6	K50C6	Hoàng Quốc	Trung	Nam	06/03/1996				Trung bình	1510794	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24536	1528-K50C6	K50C6	Lê Thị	Tuyết	Nữ	19/09/1996				Khá	1510795	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24537	1529-K50C6	K50C6	Lương Hồng	Uyên	Nữ	07/11/1996				Khá	1510796	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24538	1530-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	09/07/1996				Khá	1510797	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24539	1531-K50C6	K50C6	Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	08/10/1995				Khá	1510798	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24540	1532-K50C6	K50C6	Chu Minh	Quân	Nam	17/07/1996				Trung bình	1510799	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24541	1533-K49C2	K49C2	Phạm Quang	Giỏi	Nam	06/07/1995				Trung bình	1510800	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24542	1534-K48C1	K48C1	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	27/02/1994				Trung bình	1510801	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24543	1535-K48C4	K48C4	Nguyễn Thị	Tiến	Nữ	22/11/1994				Trung bình	1510802	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24544	1536-K50T1	K50T1	Chu Thị Kim	ánh	Nữ	16/11/1996				Khá	1510803	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24545	1537-K50T1	K50T1	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	10/03/1996				Khá	1510804	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24546	1538-K50T1	K50T1	Trần Thị	Dung	Nữ	14/10/1995				Trung bình	1510805	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24547	1539-K50T1	K50T1	Phạm Thu	Hà	Nữ	20/10/1996				Khá	1510806	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24548	1540-K50T1	K50T1	Trần Thị	Hà	Nữ	25/10/1996				Khá	1510807	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24549	1541-K50T1	K50T1	Lê Thị	Hân	Nữ	23/01/1996				Khá	1510808	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24550	1542-K50T1	K50T1	Vũ Thanh	Hằng	Nữ	15/09/1996				Khá	1510809	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24551	1543-K50T1	K50T1	Lý Hồng	Hạnh	Nữ	09/04/1996				Khá	1510810	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24552	1544-K50T1	K50T1	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	16/05/1996				Khá	1510811	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24553	1545-K50T1	K50T1	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	28/09/1996				Khá	1510812	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24554	1546-K50T1	K50T1	Đinh Thị	Huyền	Nữ	11/06/1996				Khá	1510813	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24555	1547-K50T1	K50T1	Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	25/02/1996				Khá	1510814	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24556	1548-K50T1	K50T1	Phạm Thị	Huyền	Nữ	21/11/1996				Khá	1510815	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24557	1549-K50T1	K50T1	Vũ Thị	Lan	Nữ	20/04/1996				Khá	1510816	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24558	1550-K50T1	K50T1	Trần Thị	Linh	Nữ	06/10/1996				Khá	1510817	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24559	1551-K50T1	K50T1	Ngô Thị	Loan	Nữ	10/08/1996				Khá	1510818	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24560	1552-K50T1	K50T1	Trần Khánh	Ly	Nữ	17/08/1996				Khá	1510819	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24561	1553-K50T1	K50T1	Nghiêm Thị Ngọc	Mai	Nữ	18/12/1996				Khá	1510820	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24562	1554-K50T1	K50T1	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	23/10/1996				Khá	1510821	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24563	1555-K50T1	K50T1	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	03/10/1996				Khá	1510822	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24564	1556-K50T1	K50T1	Trần Thị	Nhung	Nữ	30/05/1996				Khá	1510823	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24565	1557-K50T1	K50T1	Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	22/03/1996				Khá	1510824	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24566	1558-K50T1	K50T1	Trần Thị	Phương	Nữ	03/08/1996				Khá	1510825	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24567	1559-K50T1	K50T1	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	16/10/1996				Khá	1510826	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24568	1560-K50T1	K50T1	Hà Thị	Thắng	Nữ	13/08/1996				Khá	1510827	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24569	1561-K50T1	K50T1	Hoàng Thị	Thơm	Nữ	25/02/1994				Khá	1510828	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24570	1562-K50T1	K50T1	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	26/07/1994				Khá	1510829	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24571	1563-K50T1	K50T1	Hà Thị Lệ	Thùy	Nữ	28/05/1996				Khá	1510830	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24572	1564-K50T1	K50T1	Đào Thu	Trang	Nữ	26/05/1996				Khá	1510831	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24573	1565-K50T1	K50T1	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	01/07/1996				Khá	1510832	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24574	1566-K50T1	K50T1	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	09/10/1996				Khá	1510833	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24575	1567-K50T1	K50T1	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	23/05/1996				Khá	1510834	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24576	1568-K50T2	K50T2	Lê Thị Trường	An	Nữ	04/06/1996				Trung bình	1510835	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24577	1569-K50T2	K50T2	Hoàng Thị Hải	Anh	Nữ	08/06/1996				Khá	1510836	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24578	1570-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	02/04/1996				Khá	1510837	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24579	1571-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	25/12/1996				Khá	1510838	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24580	1572-K50T2	K50T2	Mai Thị	Duyên	Nữ	10/02/1996				Xuất sắc	1510839	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24581	1573-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	05/06/1996				Khá	1510840	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24582	1574-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/06/1996				Khá	1510841	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24583	1575-K50T2	K50T2	Đào Thị	Hạnh	Nữ	16/04/1996				Khá	1510842	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24584	1576-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	13/12/1996				Khá	1510843	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24585	1577-K50T2	K50T2	Hà Minh	Hiếu	Nam	27/04/1996				Khá	1510844	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24586	1578-K50T2	K50T2	Tạ Quang	Hùng	Nam	20/11/1996				Khá	1510845	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24587	1579-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	28/07/1996				Giỏi	1510846	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24588	1580-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	22/02/1996				Khá	1510847	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24589	1581-K50T2	K50T2	Dương Thị	Lan	Nữ	29/09/1996				Khá	1510848	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24590	1582-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	16/11/1995				Khá	1510849	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24591	1583-K50T2	K50T2	Phạm Diệu	Linh	Nữ	22/08/1996				Khá	1510850	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24592	1584-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	02/11/1996				Khá	1510851	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24593	1585-K50T2	K50T2	Chu Thị Minh	Nguyệt	Nữ	01/06/1996				Khá	1510852	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24594	1586-K50T2	K50T2	Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/07/1996				Khá	1510853	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24595	1587-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	17/12/1996				Khá	1510854	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24596	1588-K50T2	K50T2	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	12/07/1996				Khá	1510855	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24597	1589-K50T2	K50T2	Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	11/10/1996				Khá	1510856	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24598	1590-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	29/01/1995				Khá	1510857	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24599	1591-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	14/12/1996				Khá	1510858	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24600	1592-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	24/10/1996				Khá	1510859	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24601	1593-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	15/06/1996				Khá	1510860	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24602	1594-K50T2	K50T2	Trần Thị	Yến	Nữ	16/05/1996				Khá	1510861	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24603	1595-K50T3	K50T3	Hoàng Vân	Anh	Nữ	31/10/1996				Khá	1510862	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24604	1596-K50T3	K50T3	Nguyễn Thanh	Bình	Nữ	24/11/1996				Khá	1510863	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24605	1597-K50T3	K50T3	Phạm Thị	Chinh	Nữ	11/11/1996				Khá	1510864	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24606	1598-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị	Đông	Nữ	20/01/1996				Khá	1510865	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24607	1599-K50T3	K50T3	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	19/07/1996				Khá	1510866	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24608	1600-K50T3	K50T3	Phan Thị Thuý	Hà	Nữ	04/04/1996				Khá	1510867	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24609	1601-K50T3	K50T3	Mai Văn	Hải	Nam	24/09/1994				Khá	1510868	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24610	1602-K50T3	K50T3	Lê Thị	Hạnh	Nữ	14/05/1995				Khá	1510869	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24611	1603-K50T3	K50T3	Mai Thị	Hậu	Nữ	05/02/1996				Khá	1510870	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24612	1604-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Nữ	17/12/1996				Khá	1510871	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24613	1605-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị	Hoan	Nữ	07/10/1996				Khá	1510872	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24614	1606-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị Thảo	Hồng	Nữ	02/12/1996				Khá	1510873	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24615	1607-K50T3	K50T3	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	02/03/1996				Giỏi	1510874	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24616	1608-K50T3	K50T3	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	04/03/1996				Khá	1510875	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24617	1609-K50T3	K50T3	Trần Thị	Huyền	Nữ	02/01/1996				Khá	1510876	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24618	1610-K50T3	K50T3	Phạm Thị	Lê	Nữ	22/06/1996				Khá	1510877	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24619	1611-K50T3	K50T3	Dương Thị Mỹ	Linh	Nữ	18/10/1996				Khá	1510878	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24620	1612-K50T3	K50T3	Nguyễn Hà Mỹ	Linh	Nữ	05/11/1996				Khá	1510879	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24621	1613-K50T3	K50T3	Trần Thị Mai	Lý	Nữ	07/10/1996				Khá	1510880	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24622	1614-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	08/11/1996				Khá	1510881	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24623	1615-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	29/09/1996				Khá	1510882	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24624	1616-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	07/11/1996				Khá	1510883	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24625	1617-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	24/12/1996				Khá	1510884	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24626	1618-K50T3	K50T3	Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/08/1995				Khá	1510885	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24627	1619-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	22/12/1996				Trung bình	1510886	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24628	1620-K50T3	K50T3	Hoàng Thị	Quý	Nữ	06/08/1996				Khá	1510887	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24629	1621-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	23/10/1996				Khá	1510888	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24630	1622-K50T3	K50T3	Lê Thị Thuý	Thanh	Nữ	22/02/1996				Khá	1510889	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24631	1623-K50T3	K50T3	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	08/05/1996				Khá	1510890	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24632	1624-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	04/12/1996				Khá	1510891	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24633	1625-K50T3	K50T3	Dương Thị Huyền	Trang	Nữ	16/03/1996				Khá	1510892	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24634	1626-K50T3	K50T3	Mai Thị Quỳnh	Trang	Nữ	22/11/1996				Khá	1510893	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24635	1627-K50T3	K50T3	Phạm Thu	Trang	Nữ	23/03/1996				Khá	1510894	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24636	1628-K50T3	K50T3	Vũ Văn	Tuyên	Nam	15/07/1995				Khá	1510895	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24637	1629-K50T3	K50T3	Đinh Thị ánh	Tuyết	Nữ	05/07/1996				Khá	1510896	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24638	1630-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị	Xen	Nữ	09/12/1996				Khá	1510897	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24639	1631-K50T3	K50T3	Lê Thị	Yến	Nữ	31/10/1996				Khá	1510898	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24640	1632-K50T4	K50T4	Vũ Thị Minh	Anh	Nữ	18/09/1996				Khá	1510899	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24641	1633-K50T4	K50T4	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	28/01/1996				Giỏi	1510900	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24642	1634-K50T4	K50T4	Trần Thị Xuân	Diệu	Nữ	22/08/1996				Khá	1510901	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24643	1635-K50T4	K50T4	Ngô Đắc	Đông	Nam	06/12/1996				Trung bình	1510902	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24644	1636-K50T4	K50T4	Đỗ Thị Thùy	Dương	Nữ	08/08/1996				Khá	1510903	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24645	1637-K50T4	K50T4	Trần Thị	Hà	Nữ	13/06/1996				Khá	1510904	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24646	1638-K50T4	K50T4	Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	10/02/1996				Khá	1510905	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24647	1639-K50T4	K50T4	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/05/1996				Khá	1510906	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24648	1640-K50T4	K50T4	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	01/07/1996				Trung bình	1510907	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24649	1641-K50T4	K50T4	Đỗ Thị	Hường	Nữ	29/11/1996				Khá	1510908	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24650	1642-K50T4	K50T4	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	21/08/1995				Khá	1510909	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24651	1643-K50T4	K50T4	Trịnh Thị	Lệ	Nữ	13/04/1996				Khá	1510910	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24652	1644-K50T4	K50T4	Ngô Sơn	Linh	Nam	01/09/1994				Khá	1510911	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24653	1645-K50T4	K50T4	Nguyễn Thuỳ	Linh	Nữ	19/05/1996				Khá	1510912	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24654	1646-K50T4	K50T4	Nguyễn Thị Sao	Mai	Nữ	22/05/1996				Khá	1510913	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24655	1647-K50T4	K50T4	Trần Thúy	Nga	Nữ	30/09/1996				Khá	1510914	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24656	1648-K50T4	K50T4	Đặng Thị	Ngọc	Nữ	24/10/1996				Khá	1510915	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24657	1649-K50T4	K50T4	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	07/02/1996				Khá	1510916	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24658	1650-K50T4	K50T4	Phạm Thị Phương	Oanh	Nữ	15/10/1995				Khá	1510917	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24659	1651-K50T4	K50T4	Trần Văn	Quang	Nam	28/03/1995				Khá	1510918	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24660	1652-K50T4	K50T4	Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	29/08/1996				Khá	1510919	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24661	1653-K50T4	K50T4	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	02/01/1996				Khá	1510920	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24662	1654-K50T4	K50T4	Trần Thị Thanh	Thanh	Nữ	10/02/1996				Khá	1510921	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24663	1655-K50T4	K50T4	Dương Thị	Thoan	Nữ	11/11/1995				Khá	1510922	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24664	1656-K50T4	K50T4	Đào Thu	Thủy	Nữ	01/12/1996				Khá	1510923	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24665	1657-K50T4	K50T4	Khương Thị	Thúy	Nữ	31/08/1995				Khá	1510924	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24666	1658-K50T4	K50T4	Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	10/06/1996				Khá	1510925	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24667	1659-K50T4	K50T4	Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	17/12/1996				Khá	1510926	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24668	1660-K50T4	K50T4	Đào Thị Kiều	Trang	Nữ	03/08/1996				Trung bình	1510927	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24669	1661-K50T4	K50T4	Trần Thu	Trang	Nữ	08/09/1996				Khá	1510928	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24670	1662-K50T4	K50T4	Phạm Minh	Tuyển	Nam	01/10/1995				Trung bình	1510929	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24671	1663-K50T4	K50T4	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	17/08/1996				Khá	1510930	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24672	1664-K50T4	K50T4	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	10/08/1995				Khá	1510931	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24673	1665-K50T5	K50T5	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	26/12/1996				Khá	1510932	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24674	1666-K50T5	K50T5	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	08/11/1996				Giỏi	1510933	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24675	1667-K50T5	K50T5	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	30/07/1996				Giỏi	1510934	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24676	1668-K50T5	K50T5	Lê Mỹ	Hạnh	Nữ	03/09/1996				Khá	1510935	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24677	1669-K50T5	K50T5	Đào Thị Thu	Hiền	Nữ	12/12/1996				Khá	1510936	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24678	1670-K50T5	K50T5	Nguyễn Thị Trung	Hiếu	Nữ	04/11/1996				Xuất sắc	1510937	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24679	1671-K50T5	K50T5	Lưu Văn	Hoàng	Nam	09/04/1996				Khá	1510938	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24680	1672-K50T5	K50T5	Trần Thị	Hồng	Nữ	08/11/1996				Khá	1510939	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24681	1673-K50T5	K50T5	Nguyễn Quang	Hùng	Nam	24/01/1994				Khá	1510940	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24682	1674-K50T5	K50T5	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	27/06/1994				Khá	1510941	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24683	1675-K50T5	K50T5	Nguyễn Thanh	Lam	Nữ	14/03/1996				Khá	1510942	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24684	1676-K50T5	K50T5	Trần Thị Phương	Liên	Nữ	01/12/1995				Khá	1510943	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24685	1677-K50T5	K50T5	Bùi Thị Trà	My	Nữ	15/03/1996				Khá	1510944	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24686	1678-K50T5	K50T5	Lâm Thị	Nhung	Nữ	07/09/1996				Khá	1510945	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24687	1679-K50T5	K50T5	Nguyễn Kim	Phượng	Nữ	21/04/1995				Khá	1510946	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24688	1680-K50T5	K50T5	Tạ Thị	Sen	Nữ	06/07/1996				Khá	1510947	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24689	1681-K50T5	K50T5	Trần Thị	Thương	Nữ	23/03/1996				Khá	1510948	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24690	1682-K50T5	K50T5	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	19/04/1996				Khá	1510949	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24691	1683-K50T5	K50T5	Nguyễn Thị	Thuyên	Nữ	01/11/1996				Giỏi	1510950	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24692	1684-K50T5	K50T5	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	16/08/1995				Khá	1510951	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24693	1685-K50T5	K50T5	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	20/03/1995				Khá	1510952	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24694	1686-K50T5	K50T5	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	02/04/1996				Khá	1510953	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24695	1687-K50T5	K50T5	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	09/01/1996				Khá	1510954	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24696	1688-K50T6	K50T6	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	08/08/1996				Khá	1510955	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24697	1689-K50T6	K50T6	Tạ Thị	Anh	Nữ	10/12/1996				Khá	1510956	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24698	1690-K50T6	K50T6	Lê Thị Kim	Dung	Nữ	12/11/1996				Khá	1510957	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24699	1691-K50T6	K50T6	Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	30/10/1996				Khá	1510958	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24700	1692-K50T6	K50T6	Phan Thị	Hải	Nữ	11/06/1996				Giỏi	1510959	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24701	1693-K50T6	K50T6	Kiều Thị	Hạnh	Nữ	21/08/1996				Giỏi	1510960	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24702	1694-K50T6	K50T6	Phùng Thị Thu	Hiền	Nữ	05/09/1996				Khá	1510961	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24703	1695-K50T6	K50T6	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	11/10/1996				Giỏi	1510962	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24704	1696-K50T6	K50T6	Nguyễn Thị Lan	Linh	Nữ	03/11/1996				Khá	1510963	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24705	1697-K50T6	K50T6	Đặng Thị	Ngọc	Nữ	03/02/1996				Khá	1650592	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24706	1698-K50T6	K50T6	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	09/10/1996				Khá	1650593	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24707	1699-K50T6	K50T6	Nguyễn Bảo	Trang	Nữ	15/09/1995				Khá	1650594	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24708	1700-K50T6	K50T6	Lê Thị	Vân	Nữ	06/09/1996				Khá	1650595	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24709	1701-K50T6	K50T6	Nguyễn Xuân	Vinh	Nam	24/12/1996				Trung bình	1650596	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24710	1702-K50T6	K50T6	Nguyễn Thanh	Giang	Nữ	27/07/1996				Khá	1650597	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24711	1703-K50T7	K50T7	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	27/07/1996				Khá	1650598	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24712	1704-K50T7	K50T7	Phạm Nhật	Ha	Nữ	20/03/1996				Xuất sắc	1650599	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24713	1705-K50T7	K50T7	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	13/11/1996				Khá	1650600	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24714	1706-K50T7	K50T7	Lê Thị Mai	Hoa	Nữ	05/01/1996				Khá	1650601	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24715	1707-K50T7	K50T7	Lê Thị	Hồng	Nữ	29/02/1996				Khá	1650602	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24716	1708-K50T7	K50T7	Đặng Thị	Huệ	Nữ	04/08/1996				Khá	1650603	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24717	1709-K50T7	K50T7	Đinh Thúy	Huyền	Nữ	30/05/1996				Khá	1650604	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24718	1710-K50T7	K50T7	Nguyễn Thị	Lợi	Nữ	17/06/1996				Khá	1650605	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24719	1711-K50T7	K50T7	Lê Thị Hương	Ly	Nữ	10/03/1996				Khá	1650606	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24720	1712-K50T7	K50T7	Đỗ Thanh	Nam	Nam	11/09/1996				Khá	1650607	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24721	1713-K50T7	K50T7	Nguyễn ánh	Ngọc	Nữ	12/06/1996				Khá	1650608	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24722	1714-K50T7	K50T7	Trần Thị	Nhi	Nữ	10/03/1996				Khá	1650609	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24723	1715-K50T7	K50T7	Chu Thị	Nhung	Nữ	01/04/1996				Khá	1650610	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24724	1716-K50T7	K50T7	Trần Kim	Oanh	Nữ	27/07/1996				Giỏi	1650611	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24725	1717-K50T7	K50T7	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	10/06/1996				Giỏi	1650612	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24726	1718-K50T7	K50T7	Ngô Đình	Sơn	Nam	13/10/1995				Khá	1650613	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24727	1719-K50T7	K50T7	Phạm Thu	Thanh	Nữ	20/07/1996				Khá	1650614	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24728	1720-K50T7	K50T7	Lê Thùy	Trang	Nữ	20/10/1995				Khá	1650615	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24729	1721-K50T7	K50T7	Nguyễn Phan Thu	Trang	Nữ	10/10/1996				Khá	1650616	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24730	1722-K50T7	K50T7	Trần Đức	Việt	Nam	26/02/1996				Khá	1650617	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24731	1723-K49T1	K49T1	Lê Quang	Dinh	Nam	11/04/1995				Trung bình	1650618	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24732	1724-K49T1	K49T1	Nguyễn Chí	Dũng	Nam	18/05/1995				Trung bình	1650619	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24733	1725-K49T1	K49T1	Ngô Mạnh	Linh	Nam	19/02/1995				Trung bình	1650620	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24734	1726-K49T1	K49T1	Trần Thị	My	Nữ	13/02/1994				Khá	1650621	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24735	1727-K49T4	K49T4	Ngô Việt	Anh	Nam	27/09/1995				Khá	1650622	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24736	1728-K49T4	K49T4	Ninh Văn	Thế	Nam	20/12/1995				Trung bình	1650623	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24737	1729-K49T5	K49T5	Trần Tùng	Lâm	Nam	23/05/1995				Trung bình	1650624	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24738	744-K50B1KS	K50B1KS	Lê Minh	Anh	Nữ	07/10/1996				Khá	1510011	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24739	745-K50B1KS	K50B1KS	Vũ Thị	Anh	Nữ	15/03/1995				Khá	1510012	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24740	746-K50B1KS	K50B1KS	Phạm Thị	ánh	Nữ	20/10/1996				Khá	1510013	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24741	747-K50B1KS	K50B1KS	Bùi Minh	Hằng	Nữ	07/09/1996				Khá	1510014	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24742	748-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	31/01/1996				Khá	1510015	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24743	749-K50B1KS	K50B1KS	Hoàng Mai	Hoa	Nữ	09/10/1996				Khá	1510016	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24744	750-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16/09/1996				Khá	1510017	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24745	751-K50B1KS	K50B1KS	Trần Lan	Hương	Nữ	17/12/1996				Khá	1510018	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24746	752-K50B1KS	K50B1KS	Bùi Thu	Huyền	Nữ	03/10/1996				Khá	1510019	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24747	753-K50B1KS	K50B1KS	Lê Tùng	Lâm	Nam	21/10/1996				Trung bình	1510020	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24748	754-K50B1KS	K50B1KS	Đào Thị Hà	Linh	Nữ	23/12/1996				Khá	1510021	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24749	755-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	01/10/1996				Khá	1510022	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24750	756-K50B1KS	K50B1KS	Trần Giang	Nam	Nam	19/05/1996				Khá	1510023	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24751	757-K50B1KS	K50B1KS	Trần Kim	Ngân	Nữ	27/07/1996				Khá	1510024	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24752	758-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn Thị	Ngoan	Nữ	22/02/1996				Khá	1510025	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24753	759-K50B1KS	K50B1KS	Lê Thị	Ngọc	Nữ	09/10/1996				Khá	1510026	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24754	760-K50B1KS	K50B1KS	Chu Thị	Nương	Nữ	05/10/1996				Khá	1510027	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24755	761-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	09/01/1996				Khá	1510028	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24756	762-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn Xuân	Sơn	Nam	16/06/1996				Khá	1510029	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24757	763-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn	Thắng	Nam	01/03/1995				Khá	1510030	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24758	764-K50B1KS	K50B1KS	Trần Phương	Thảo	Nữ	09/07/1995				Khá	1510031	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24759	765-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	27/02/1996				Khá	1510032	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24760	766-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	13/02/1996				Khá	1510033	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24761	767-K50B1KS	K50B1KS	Phạm Thị Đoan	Trang	Nữ	09/10/1995				Khá	1510034	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24762	768-K50B1KS	K50B1KS	Đinh Thanh	Tùng	Nam	22/05/1996				giỏi	1510035	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24763	769-K50B1KS	K50B1KS	Lê Thị	Xiêm	Nữ	29/09/1996				Khá	1510036	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24764	770-K50B2KS	K50B2KS	Đỗ Thị Thúy	Anh	Nữ	05/10/1996				Khá	1510037	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24765	771-K50B2KS	K50B2KS	Trần Huệ	Anh	Nữ	17/06/1996				Khá	1510038	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24766	772-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Kim	Chi	Nữ	01/07/1996				Khá	1510039	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24767	773-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	18/09/1996				Khá	1510040	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24768	774-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	25/08/1996				Khá	1510041	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24769	775-K50B2KS	K50B2KS	Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	07/09/1996				Khá	1510042	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24770	776-K50B2KS	K50B2KS	Lại Thị Thu	Hường	Nữ	10/11/1996				Khá	1510043	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24771	777-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12/12/1995				Khá	1510044	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24772	778-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Thị	Kim	Nữ	14/11/1996				Khá	1510045	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24773	779-K50B2KS	K50B2KS	Lương Thị Mỹ	Linh	Nữ	19/11/1996				Khá	1510046	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24774	780-K50B2KS	K50B2KS	Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	24/12/1996				Khá	1510047	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24775	781-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	20/05/1996				giỏi	1510048	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24776	782-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	22/10/1996				Khá	1510049	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24777	783-K50B2KS	K50B2KS	Phan Thị Hồng	Ngân	Nữ	19/12/1996				Trung bình	1510050	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24778	784-K50B2KS	K50B2KS	Cao Thị	Tâm	Nữ	15/01/1996				Khá	1510051	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24779	785-K50B2KS	K50B2KS	Bùi Minh	Thu	Nữ	09/09/1996				Khá	1510052	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24780	786-K50B2KS	K50B2KS	Trần Anh	Thư	Nữ	25/09/1995				Khá	1510053	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24781	787-K50B2KS	K50B2KS	Mai Thị	Thùy	Nữ	03/10/1996				Khá	1510054	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24782	788-K50B2KS	K50B2KS	Đào Thu	Trang	Nữ	15/10/1996				Khá	1510055	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24783	789-K50B2KS	K50B2KS	Đỗ Quỳnh	Trang	Nữ	11/02/1996				Khá	1510056	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24784	790-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	09/11/1996				Khá	1510057	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24785	791-K50B2KS	K50B2KS	Phan Lê Thu	Trang	Nữ	26/03/1996				Khá	1510058	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24786	792-K50B2KS	K50B2KS	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	15/10/1996				Khá	1510059	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24787	793-K50B2KS	K50B2KS	Trần Thị	Tuyết	Nữ	29/05/1996				Khá	1510060	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24788	794-K50B3KS	K50B3KS	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	04/06/1996				Khá	1510061	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24789	795-K50B3KS	K50B3KS	Lê Thị Khuê	Bích	Nữ	09/08/1996				Khá	1510062	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24790	796-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	22/05/1996				Khá	1510063	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24791	797-K50B3KS	K50B3KS	Vũ Hương	Giang	Nữ	05/09/1996				Khá	1510064	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24792	798-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	16/01/1996				Khá	1510065	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24793	799-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị	Hoan	Nữ	22/08/1996				Khá	1510066	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24794	800-K50B3KS	K50B3KS	Trần Thị	Hường	Nữ	15/02/1996				Khá	1510067	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24795	801-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	13/02/1996				Khá	1510068	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24796	802-K50B3KS	K50B3KS	Giáp Thị	Lan	Nữ	24/03/1996				Khá	1510069	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24797	803-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	07/11/1995				Khá	1510070	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24798	804-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Ngọc Tiểu	Linh	Nữ	14/09/1996				Khá	1510071	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24799	805-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	09/10/1996				Khá	1510072	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24800	806-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	21/11/1996				Khá	1510073	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24801	807-K50B3KS	K50B3KS	Trần Phương	Linh	Nữ	22/05/1996				giỏi	1510074	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24802	808-K50B3KS	K50B3KS	Lã Lưu	Ly	Nữ	25/01/1996				Khá	1510075	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24803	809-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	31/08/1996				Khá	1510076	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24804	810-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	19/03/1996				Khá	1510077	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24805	811-K50B3KS	K50B3KS	Lê Thị Hiếu	Nghĩa	Nữ	07/05/1996				Khá	1510078	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24806	812-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	10/07/1996				Khá	1510079	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24807	813-K50B3KS	K50B3KS	Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	15/03/1996				giỏi	1510080	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24808	814-K50B3KS	K50B3KS	Đào Hoa	Phương	Nữ	13/09/1996				Khá	1510081	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24809	815-K50B3KS	K50B3KS	Quách Thị	Quyên	Nữ	18/06/1994				Trung bình	1510082	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24810	816-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	14/03/1996				Khá	1510083	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24811	817-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	27/10/1996				Khá	1510084	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24812	818-K50B3KS	K50B3KS	Đỗ Thị	Thu	Nữ	20/05/1996				Khá	1510085	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24813	819-K50B3KS	K50B3KS	Trần Thị	Thùy	Nữ	20/11/1996				Khá	1510086	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24814	820-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thu	Trà	Nữ	22/10/1996				giỏi	1510087	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24815	821-K50B3KS	K50B3KS	Đặng Thị	Trang	Nữ	11/04/1996				Khá	1510088	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24816	822-K50B3KS	K50B3KS	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	07/12/1995				giỏi	1510089	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24817	823-K50B3KS	K50B3KS	Phạm Đình	Tuấn	Nam	24/10/1996				Khá	1510090	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24818	824-K50B3KS	K50B3KS	Bùi Thị Hoàng	Yến	Nữ	13/11/1996				Khá	1510091	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24819	825-K50B4KS	K50B4KS	Ngô Thị Kim	Anh	Nữ	17/11/1996				Khá	1510092	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24820	826-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	16/09/1994				giỏi	1510093	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24821	827-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Trọng	Cường	Nam	23/12/1996				Trung bình	1510094	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24822	828-K50B4KS	K50B4KS	Đặng Tiến	Đông	Nam	17/03/1996				Khá	1510095	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24823	829-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	17/06/1995				Khá	1510096	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24824	830-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	08/04/1996				Khá	1510097	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24825	831-K50B4KS	K50B4KS	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	17/08/1996				Khá	1510098	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24826	832-K50B4KS	K50B4KS	Vũ Thị	Hoa	Nữ	02/03/1996				Khá	1510099	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24827	833-K50B4KS	K50B4KS	Trần Thị	Hương	Nữ	05/03/1996				Khá	1510100	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24828	834-K50B4KS	K50B4KS	Trần Thu	Hương	Nữ	11/05/1996				Khá	1510101	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24829	835-K50B4KS	K50B4KS	Đặng Thị	Hường	Nữ	16/11/1996				Khá	1510102	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24830	836-K50B4KS	K50B4KS	Dương Khánh	Huyền	Nữ	10/11/1996				Khá	1510103	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24831	837-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	30/08/1996				Trung bình	1510104	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24832	838-K50B4KS	K50B4KS	Đào Ngọc	Liên	Nữ	22/02/1996				Khá	1510105	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24833	839-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	13/08/1996				Khá	1510106	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24834	840-K50B4KS	K50B4KS	Tô Thị	Linh	Nữ	28/12/1996				Khá	1510107	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24835	841-K50B4KS	K50B4KS	Trần Thị Diệu	Linh	Nữ	08/10/1996				Khá	1510108	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24836	842-K50B4KS	K50B4KS	Hồ Thị	My	Nữ	06/10/1996				giỏi	1510109	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24837	843-K50B4KS	K50B4KS	Lê Thị Hà	My	Nữ	22/10/1996				Khá	1510110	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24838	844-K50B4KS	K50B4KS	Lê Thị Phương	Nga	Nữ	03/06/1996				Khá	1510111	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24839	845-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Thị	Nghĩa	Nữ	25/11/1996				Khá	1510112	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24840	846-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	02/11/1996				Khá	1510113	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24841	847-K50B4KS	K50B4KS	Lê Thị	Phương	Nữ	15/01/1996				Khá	1510114	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24842	848-K50B4KS	K50B4KS	Trần Minh	Phương	Nữ	23/09/1996				Khá	1510115	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24843	849-K50B4KS	K50B4KS	Lê Thị Diệu	Quỳnh	Nữ	12/11/1996				Khá	1510116	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24844	850-K50B4KS	K50B4KS	Ngô Phương	Thảo	Nữ	15/03/1996				Khá	1510117	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24845	851-K50B4KS	K50B4KS	Đinh Thị	Thùy	Nữ	27/05/1996				Khá	1510118	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24846	852-K50B4KS	K50B4KS	Phạm Thị	Thuyên	Nữ	02/07/1996				Khá	1510119	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24847	853-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Thu	Trà	Nữ	14/10/1996				Khá	1510120	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24848	854-K50B4KS	K50B4KS	Đào Thị Kiều	Trang	Nữ	27/10/1996				Khá	1510121	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24849	855-K50B4KS	K50B4KS	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	22/04/1996				Khá	1510122	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24850	856-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	01/01/1996				Khá	1510123	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24851	857-K50B5KS	K50B5KS	Ngô Thị Lan	Anh	Nữ	27/03/1996				Khá	1510124	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24852	858-K50B5KS	K50B5KS	Vũ Thị Ngọc	Anh	Nữ	30/07/1996				Khá	1510125	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24853	859-K50B5KS	K50B5KS	Lê Thị	Diệp	Nữ	17/03/1996				Khá	1510126	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24854	860-K50B5KS	K50B5KS	Phạm Thị	Hà	Nữ	15/06/1996				Khá	1510127	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24855	861-K50B5KS	K50B5KS	Tạ Vương Vinh	Hoa	Nữ	06/08/1995				Khá	1510128	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24856	862-K50B5KS	K50B5KS	Dương Minh	Hoàng	Nam	09/04/1996				Khá	1510129	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24857	863-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	25/01/1996				Khá	1510130	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24858	864-K50B5KS	K50B5KS	Đoàn Phương	Liên	Nữ	27/08/1996				Khá	1510131	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24859	865-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Thảo	My	Nữ	21/12/1996				Khá	1510132	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24860	866-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	07/04/1996				Khá	1510133	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24861	867-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	21/05/1996				Khá	1510134	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24862	868-K50B5KS	K50B5KS	Đặng Thị	Nguyệt	Nữ	17/10/1996				Khá	1510135	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24863	869-K50B5KS	K50B5KS	Phí Thị Hồng	Nhung	Nữ	29/08/1996				Khá	1510136	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24864	870-K50B5KS	K50B5KS	Lê Thị	Oanh	Nữ	24/11/1996				Khá	1510137	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24865	871-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	24/08/1996				Khá	1510138	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24866	872-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	26/05/1996				Khá	1510139	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24867	873-K50B5KS	K50B5KS	Vũ Thị Vân	Quỳnh	Nữ	27/03/1996				Khá	1510140	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24868	874-K50B5KS	K50B5KS	Ngô Trung	Sơn	Nam	05/05/1996				Khá	1510141	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24869	875-K50B5KS	K50B5KS	Đoàn Thị	Thu	Nữ	23/08/1996				giỏi	1510142	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24870	876-K50B5KS	K50B5KS	Trần Thu	Thủy	Nữ	11/03/1996				Khá	1510143	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24871	877-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	06/12/1996				Khá	1510144	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24872	878-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Thị Mai	Trâm	Nữ	14/11/1996				Khá	1510145	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24873	879-K50B5KS	K50B5KS	Bùi Thiên	Trang	Nữ	03/01/1996				Khá	1510146	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24874	880-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	03/09/1996				Khá	1510147	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24875	881-K50B5KS	K50B5KS	Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	31/01/1996				Khá	1510148	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24876	882-K50B5KS	K50B5KS	Vũ Thị Quỳnh	Trang	Nữ	15/03/1996				Khá	1510149	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24877	883-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn ánh	Tuyết	Nữ	08/02/1996				Khá	1510150	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24878	884-K50B5KS	K50B5KS	Phạm Thị	Vinh	Nữ	03/02/1996				giỏi	1510151	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24879	885-K50B4KS	K50B4KS	Đào Cẩm	Tú	Nữ	02/12/1996				Khá	1510152	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24880	886-K49B3KS	K49B3KS	Nguyễn Bảo	Linh	Nam	02/12/1995				Khá	1510153	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	544/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24881	887-K50B1LH	K50B1LH	Phan Thị	An	Nữ	20/10/1996				Khá	1510154	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24882	888-K50B1LH	K50B1LH	Lê Thị Ngọc	ánh	Nữ	31/07/1996				Trung bình	1510155	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24883	889-K50B1LH	K50B1LH	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	22/11/1996				Khá	1510156	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24884	890-K50B1LH	K50B1LH	Hoàng Thị Kim	Hải	Nữ	14/05/1996				Khá	1510157	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24885	891-K50B1LH	K50B1LH	Đặng Thị	Hằng	Nữ	17/02/1996				Khá	1510158	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24886	892-K50B1LH	K50B1LH	Mai Thị	Hằng	Nữ	18/06/1996				Khá	1510159	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24887	893-K50B1LH	K50B1LH	Bùi Thị	Hậu	Nữ	30/09/1996				Xuất sắc	1510160	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24888	894-K50B1LH	K50B1LH	Bùi Thị	Hiếu	Nữ	26/03/1996				Khá	1510161	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24889	895-K50B1LH	K50B1LH	Bùi Thị	Hoa	Nữ	19/10/1996				Giỏi	1510162	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24890	896-K50B1LH	K50B1LH	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	24/07/1996				Khá	1510163	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24891	897-K50B1LH	K50B1LH	Nguyễn Thị ánh	Lâm	Nữ	29/06/1996				Khá	1510164	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24892	898-K50B1LH	K50B1LH	Lê Thị Hải	Linh	Nữ	11/01/1996				Khá	1510165	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24893	899-K50B1LH	K50B1LH	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	01/09/1996				Khá	1510166	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24894	900-K50B1LH	K50B1LH	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	04/10/1996				Khá	1510167	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24895	901-K50B1LH	K50B1LH	Lô Thị	Loan	Nữ	09/04/1996				Khá	1510168	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24896	902-K50B1LH	K50B1LH	Trần Thị Thúy	Ngà	Nữ	25/01/1996				Khá	1510169	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24897	903-K50B1LH	K50B1LH	Phạm Thị Kim	Ngọc	Nữ	20/07/1996				Khá	1510170	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24898	904-K50B1LH	K50B1LH	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	03/03/1996				Khá	1510171	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24899	905-K50B1LH	K50B1LH	Lại Thị	Nguyệt	Nữ	16/06/1996				Khá	1510172	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24900	906-K50B1LH	K50B1LH	Trần Tuyết	Nhu	Nữ	15/04/1996				Khá	1510173	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24901	907-K50B1LH	K50B1LH	Trương Thị Thanh	Oanh	Nữ	30/08/1996				Khá	1510174	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24902	908-K50B1LH	K50B1LH	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	31/12/1996				Khá	1510175	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24903	909-K50B1LH	K50B1LH	Lưu Thị	Rinh	Nữ	30/05/1996				Khá	1510176	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24904	910-K50B1LH	K50B1LH	Nguyễn Thị	Thoan	Nữ	12/03/1996				Khá	1510177	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24905	911-K50B1LH	K50B1LH	Lê Thị	Thương	Nữ	24/08/1996				Xuất sắc	1510178	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24906	912-K50B1LH	K50B1LH	Đỗ Thị Thanh	Thúy	Nữ	16/07/1996				Khá	1510179	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24907	913-K50B1LH	K50B1LH	Đinh Thị Thùy	Trang	Nữ	05/11/1996				Khá	1510180	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24908	914-K50B1LH	K50B1LH	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	03/10/1996				Khá	1510181	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24909	915-K50B1LH	K50B1LH	Phạm Thanh	Xuân	Nữ	25/12/1996				Trung bình	1510182	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24910	916-K50B1LH	K50B1LH	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	04/03/1996				Khá	1510183	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24911	917-K50B2LH	K50B2LH	Trần Vân	Anh	Nữ	16/09/1996				Khá	1510184	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24912	918-K50B2LH	K50B2LH	Trần Vân	Anh	Nữ	24/12/1996				Khá	1510185	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24913	919-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Thị	ánh	Nữ	11/03/1996				Khá	1510186	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24914	920-K50B2LH	K50B2LH	Vũ Ngọc	Bích	Nữ	12/05/1996				Khá	1510187	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24915	921-K50B2LH	K50B2LH	Hoàng Thị	Cúc	Nữ	11/11/1996				Khá	1510188	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24916	922-K50B2LH	K50B2LH	Đặng Thị Thùy	Dương	Nữ	01/10/1995				Khá	1510189	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24917	923-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	17/02/1996				Khá	1510190	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24918	924-K50B2LH	K50B2LH	Hoàng Thanh	Hằng	Nữ	11/06/1996				Khá	1510191	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24919	925-K50B2LH	K50B2LH	Hoàng Thị Thu	Hằng	Nữ	06/12/1996				Khá	1510192	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24920	926-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/11/1996				Khá	1510193	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24921	927-K50B2LH	K50B2LH	Hoàng Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	28/09/1996				Khá	1510194	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24922	928-K50B2LH	K50B2LH	Lại Thanh	Huyền	Nữ	16/01/1996				Trung bình	1510195	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24923	929-K50B2LH	K50B2LH	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	25/08/1996				Khá	1510196	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24924	930-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	22/06/1996				Khá	1510197	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24925	931-K50B2LH	K50B2LH	Hồ Thị Nhật	Lệ	Nữ	12/11/1996				Khá	1510198	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24926	932-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	03/08/1996				Khá	1510199	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24927	933-K50B2LH	K50B2LH	Cung Mỹ Hồng	Loan	Nữ	11/10/1996				Khá	1510200	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24928	934-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Tú Dạ	Ngân	Nữ	16/12/1996				Khá	1510201	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24929	935-K50B2LH	K50B2LH	Đỗ Đức	Ngọc	Nam	02/01/1996				Khá	1510202	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24930	936-K50B2LH	K50B2LH	Mai ánh	Ngọc	Nữ	29/01/1996				Khá	1510203	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24931	937-K50B2LH	K50B2LH	Lê Thị	Nhung	Nữ	02/10/1996				Giỏi	1510204	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24932	938-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	29/06/1996				Khá	1510205	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24933	939-K50B2LH	K50B2LH	Hà Minh	Phương	Nữ	31/12/1996				Trung bình	1510206	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24934	940-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	15/10/1996				Khá	1510207	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24935	941-K50B2LH	K50B2LH	Đinh Lệ	Quyên	Nữ	20/11/1996				Khá	1510208	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24936	942-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	22/03/1996				Xuất sắc	1510209	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24937	943-K50B2LH	K50B2LH	Hoàng Thị	Tâm	Nữ	08/08/1996				Giỏi	1510210	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24938	944-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	Nữ	05/10/1996				Khá	1510211	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24939	945-K50B2LH	K50B2LH	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	14/12/1995				Khá	1510212	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24940	946-K50B2LH	K50B2LH	Ngô Thị	Trang	Nữ	06/09/1996				Khá	1510213	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24941	947-K50B2LH	K50B2LH	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	18/09/1996				Khá	1510214	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24942	948-K50B2LH	K50B2LH	Đỗ Thị	Yến	Nữ	18/02/1996				Khá	1510215	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24943	949-K50B3LH	K50B3LH	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	11/08/1996				Giỏi	1510216	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24944	950-K50B3LH	K50B3LH	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	20/08/1996				Khá	1510217	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24945	951-K50B3LH	K50B3LH	Vũ Lan	Anh	Nữ	19/08/1996				Khá	1510218	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24946	952-K50B3LH	K50B3LH	Nguyễn Thị	ánh	Nữ	29/06/1996				Khá	1510219	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24947	953-K50B3LH	K50B3LH	Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	10/12/1996				Khá	1510220	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24948	954-K50B3LH	K50B3LH	Bùi Thị Thùy	Dung	Nữ	19/02/1996				Khá	1510221	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24949	955-K50B3LH	K50B3LH	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	25/04/1996				Khá	1510222	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24950	956-K50B3LH	K50B3LH	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	12/09/1996				Giỏi	1510223	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24951	957-K50B3LH	K50B3LH	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	28/12/1996				Khá	1510224	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24952	958-K50B3LH	K50B3LH	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	02/08/1996				Khá	1510225	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24953	959-K50B3LH	K50B3LH	Dương Thị Ngọc	Huế	Nữ	27/01/1996				Khá	1510226	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24954	960-K50B3LH	K50B3LH	Đỗ Thị	Hường	Nữ	21/11/1996				Khá	1510227	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24955	961-K50B3LH	K50B3LH	Tô Thị	Huyền	Nữ	31/07/1996				Khá	1510228	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24956	962-K50B3LH	K50B3LH	Phạm Thị Phương	Lan	Nữ	19/10/1996				Khá	1510229	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24957	963-K50B3LH	K50B3LH	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	23/11/1996				Khá	1510230	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24958	964-K50B3LH	K50B3LH	Tăng Tú	Linh	Nữ	24/11/1996				Khá	1510231	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24959	965-K50B3LH	K50B3LH	Vũ Thùy	Linh	Nữ	20/03/1996				Khá	1510232	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24960	966-K50B3LH	K50B3LH	Lê Thị Việt	Mỹ	Nữ	29/05/1996				Khá	1510233	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24961	967-K50B3LH	K50B3LH	Trần Đình	Nguyên	Nam	17/02/1996				Khá	1510234	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24962	968-K50B3LH	K50B3LH	Nghiêm Thị Thanh	Phương	Nữ	24/11/1996				Khá	1510235	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24963	969-K50B3LH	K50B3LH	Phạm Thị	Phương	Nữ	02/01/1996				Khá	1510236	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24964	970-K50B3LH	K50B3LH	Khương Thị Thúy	Quyên	Nữ	12/09/1995				Khá	1510237	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24965	971-K50B3LH	K50B3LH	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	25/11/1996				Khá	1510238	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24966	972-K50B3LH	K50B3LH	Hoàng Thị	Thanh	Nữ	20/05/1996				Khá	1510239	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
24967	973-K50B3LH	K50B3LH	Trần Thị	Thảo	Nữ	26/06/1996				Khá	1510240	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24968	974-K50B3LH	K50B3LH	Phan Thị Minh	Thu	Nữ	14/12/1996				Khá	1510241	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24969	975-K50B3LH	K50B3LH	Phạm Thị	Thương	Nữ	25/01/1996				Khá	1510242	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24970	976-K50B3LH	K50B3LH	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	20/03/1996				Khá	1510243	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24971	977-K50B3LH	K50B3LH	Đào Thị Thu	Trang	Nữ	20/02/1996				Giỏi	1510244	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24972	978-K50B3LH	K50B3LH	Phạm Thị	Trang	Nữ	06/07/1996				Khá	1510245	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24973	979-K50B3LH	K50B3LH	Đỗ Thị Thúy	Vân	Nữ	05/04/1996				Khá	1510246	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24974	980-K50B3LH	K50B3LH	Ngô Thị	Yến	Nữ	15/01/1996				Khá	1510247	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24975	981-K50B4LH	K50B4LH	Lưu Thị Kiều	Anh	Nữ	26/12/1996				Khá	1510248	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24976	982-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Huỳnh Việt	Anh	Nam	12/02/1996				Khá	1510249	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24977	983-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	13/02/1996				Khá	1510250	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24978	984-K50B4LH	K50B4LH	Phạm Thị Thái	Bảo	Nữ	06/06/1996				Khá	1510251	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24979	985-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Minh	Đức	Nam	27/12/1996				Khá	1510252	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24980	986-K50B4LH	K50B4LH	Đinh Thị	Dung	Nữ	30/03/1996				Giỏi	1510253	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24981	987-K50B4LH	K50B4LH	Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	10/01/1996				Khá	1510254	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24982	988-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	21/09/1995				Khá	1510255	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24983	989-K50B4LH	K50B4LH	Trần Thị	Hoa	Nữ	08/01/1996				Giỏi	1510256	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24984	990-K50B4LH	K50B4LH	Bùi Thị	Hương	Nữ	25/02/1996				Khá	1510257	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24985	991-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Thị Mai	Hường	Nữ	06/10/1996				Khá	1510258	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24986	992-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	17/11/1996				Khá	1510259	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24987	993-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	25/11/1996				Khá	1510260	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24988	994-K50B4LH	K50B4LH	Hồ Thị Phương	Lan	Nữ	02/12/1996				Khá	1510261	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24989	995-K50B4LH	K50B4LH	Phan Thị Thành	Liên	Nữ	09/02/1996				Khá	1510262	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24990	996-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	13/01/1996				Giỏi	1510263	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24991	997-K50B4LH	K50B4LH	Lê Thị	Loan	Nữ	21/11/1996				Khá	1510264	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24992	998-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	23/08/1996				Khá	1510265	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24993	999-K50B4LH	K50B4LH	Bùi Thị	Mùi	Nữ	01/06/1996				Khá	1510266	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24994	1000-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Thị	Ngoan	Nữ	14/06/1996				Khá	1510267	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24995	1001-K50B4LH	K50B4LH	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	16/09/1996				Khá	1510268	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24996	1002-K50B4LH	K50B4LH	Đặng Minh	Nguyệt	Nữ	02/08/1996				Giỏi	1510269	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24997	1003-K50B4LH	K50B4LH	Trần Thị	Nhung	Nữ	29/10/1996				Giỏi	1510270	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24998	1004-K50B4LH	K50B4LH	Lương Văn	Phúc	Nam	20/07/1996				Khá	1510271	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
24999	1005-K50B4LH	K50B4LH	Trần Thị Thu	Phương	Nữ	10/08/1996				Khá	1510272	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25000	1006-K50B4LH	K50B4LH	Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	23/12/1995				Khá	1510273	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25001	1007-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Thanh	Quỳnh	Nữ	19/09/1996				Khá	1510274	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25002	1008-K50B4LH	K50B4LH	Bùi Phạm Thanh	Thanh	Nữ	17/10/1996				Khá	1510275	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25003	1009-K50B4LH	K50B4LH	Trần Thị	Thảo	Nữ	29/10/1996				Khá	1510276	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25004	1010-K50B4LH	K50B4LH	Lê Thị	Thúy	Nữ	23/03/1995				Khá	1510277	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25005	1011-K50B4LH	K50B4LH	Hoàng Thảo	Trang	Nữ	14/12/1996				Khá	1510278	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25006	1012-K50B4LH	K50B4LH	Phạm Thị	Trang	Nữ	05/10/1996				Khá	1510279	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25007	1013-K50B4LH	K50B4LH	Phạm Thị Cẩm	Tú	Nữ	07/05/1996				Khá	1510280	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25008	1014-K50B5LH	K50B5LH	Lưu Nhật	Anh	Nữ	25/04/1996				Khá	1510281	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25009	1015-K50B5LH	K50B5LH	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	05/08/1996				Khá	1510282	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25010	1016-K50B5LH	K50B5LH	Phạm Thái	Bảo	Nữ	31/12/1996				Khá	1510283	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25011	1017-K50B5LH	K50B5LH	Lê Thị Khánh	Duyên	Nữ	18/08/1996				Khá	1510284	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25012	1018-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	05/11/1996				Khá	1510285	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25013	1019-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	23/07/1996				Khá	1510286	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25014	1020-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	19/01/1996				Khá	1510287	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25015	1021-K50B5LH	K50B5LH	Trương Thị	Hằng	Nữ	15/10/1996				Khá	1510288	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25016	1022-K50B5LH	K50B5LH	Triệu Thị Bích	Hạnh	Nữ	02/09/1996				Khá	1510289	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25017	1023-K50B5LH	K50B5LH	Vũ Thị	Hoa	Nữ	05/09/1996				Khá	1510290	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25018	1024-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Thị	Hoan	Nữ	14/12/1996				Khá	1510291	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25019	1025-K50B5LH	K50B5LH	Phạm Thị	Hương	Nữ	15/05/1996				Khá	1510292	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25020	1026-K50B5LH	K50B5LH	Vũ Thị	Huyền	Nữ	22/08/1996				Khá	1510293	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25021	1027-K50B5LH	K50B5LH	Hà Thị Ngọc	Lan	Nữ	19/04/1996				Khá	1510294	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25022	1028-K50B5LH	K50B5LH	Vũ Thị	Lan	Nữ	04/01/1996				Giỏi	1510295	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25023	1029-K50B5LH	K50B5LH	Nông Thị	Liệu	Nữ	03/11/1996				Khá	1510296	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25024	1030-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	10/09/1996				Khá	1510297	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25025	1031-K50B5LH	K50B5LH	Trần Thị	Mai	Nữ	17/02/1996				Khá	1510298	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25026	1032-K50B5LH	K50B5LH	Bùi Thị	Ngọc	Nữ	28/04/1996				Khá	1510299	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25027	1033-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Thị Phương	Nhung	Nữ	05/06/1996				Khá	1510300	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25028	1034-K50B5LH	K50B5LH	Đỗ Trọng	Phúc	Nam	31/10/1996				Giỏi	1510301	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25029	1035-K50B5LH	K50B5LH	Lê Thị	Phương	Nữ	05/03/1996				Khá	1510302	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25030	1036-K50B5LH	K50B5LH	Lê Thị Mai	Phương	Nữ	18/11/1996				Khá	1510303	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25031	1037-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	23/12/1996				Khá	1510304	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25032	1038-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	19/09/1996				Khá	1510305	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25033	1039-K50B5LH	K50B5LH	Trần Thị	Thúy	Nữ	15/11/1996				Giỏi	1510306	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25034	1040-K50B5LH	K50B5LH	Thân Thị Thu	Trà	Nữ	08/10/1996				Khá	1510307	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25035	1041-K50B5LH	K50B5LH	Đoàn Thị	Trang	Nữ	15/10/1996				Khá	1510308	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25036	1042-K50B5LH	K50B5LH	Quách Thị	Trang	Nữ	07/09/1996				Khá	1510309	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25037	1043-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Minh	Vương	Nam	31/05/1996				Khá	1510310	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25038	1044-K50B5LH	K50B5LH	Bùi Thị	Yến	Nữ	29/09/1996				Khá	1510311	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25039	1045-K49B2LH	K49B2LH	Bùi Thị Hồng	Thúy	Nữ	17/06/1995				Trung bình	1510312	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25040	1046-K49B4LH	K49B4LH	Nguyễn Quang	Hưng	Nam	19/04/1995				Trung bình	1510313	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25041	1047-K49B5LH	K49B5LH	Đào Hồng	Ngọc	Nữ	29/05/1994				Trung bình	1510314	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	543/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25042	1730-K50P1	K50P1	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	03/10/1996				Khá	1650625	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25043	1731-K50P1	K50P1	Mai Thảo	Anh	Nữ	30/12/1995				Khá	1650626	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25044	1732-K50P1	K50P1	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	25/11/1996				Khá	1650627	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25045	1733-K50P1	K50P1	Trần Hoàng	Anh	Nam	03/10/1996				Khá	1650628	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25046	1734-K50P1	K50P1	Nguyễn Thị	ánh	Nữ	11/05/1996				Khá	1650629	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25047	1735-K50P1	K50P1	Ngô Thị Việt	Chinh	Nữ	03/04/1996				Khá	1650630	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25048	1736-K50P1	K50P1	Phạm Thị Thùy	Dương	Nữ	21/09/1996				Khá	1650631	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25049	1737-K50P1	K50P1	Nguyễn Thiên	Giang	Nữ	12/10/1996				Xuất sắc	1650632	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25050	1738-K50P1	K50P1	Cao Thị Vân	Hà	Nữ	06/12/1996				Giỏi	1650633	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25051	1739-K50P1	K50P1	Tạ Thị Thục	Hân	Nữ	11/11/1996				Khá	1650634	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25052	1740-K50P1	K50P1	Lê Thị	Hằng	Nữ	20/07/1996				Khá	1650635	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25053	1741-K50P1	K50P1	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	20/08/1996				Trung bình	1650636	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25054	1742-K50P1	K50P1	Trương Lan	Hương	Nữ	21/09/1996				Khá	1650637	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25055	1743-K50P1	K50P1	Đoàn Văn	Hưởng	Nam	15/09/1994				Khá	1650638	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25056	1744-K50P1	K50P1	Ngô Thị Minh	Huyền	Nữ	05/12/1996				Khá	1650639	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25057	1745-K50P1	K50P1	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/08/1996				Trung bình	1650640	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25058	1746-K50P1	K50P1	Phạm Thị	Liễu	Nữ	17/01/1995				Khá	1650641	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25059	1747-K50P1	K50P1	Lê Khánh	Linh	Nữ	31/05/1996				Khá	1650642	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25060	1748-K50P1	K50P1	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	18/01/1996				Khá	1650643	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25061	1749-K50P1	K50P1	Phan Thị Phương	Linh	Nữ	23/10/1996				Khá	1650644	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25062	1750-K50P1	K50P1	Nguyễn Xuân	Lợi	Nam	24/05/1996				Khá	1650645	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25063	1751-K50P1	K50P1	Phạm Thị	Ngà	Nữ	11/08/1996				Khá	1650646	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25064	1752-K50P1	K50P1	Ngô Thị	Ngọc	Nữ	22/06/1996				Khá	1650647	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25065	1753-K50P1	K50P1	Lê Thị Thu	Phương	Nữ	04/02/1996				Khá	1650648	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25066	1754-K50P1	K50P1	Phùng Thị	Phương	Nữ	23/12/1996				Giỏi	1650649	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25067	1755-K50P1	K50P1	Trần Vũ Hoa	Quỳnh	Nữ	30/05/1996				Khá	1650650	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25068	1756-K50P1	K50P1	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	24/04/1996				Khá	1650651	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25069	1757-K50P1	K50P1	Trần Minh Phương	Thảo	Nữ	05/10/1996				Khá	1650652	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25070	1758-K50P1	K50P1	Hoàng Thị	Thêm	Nữ	28/05/1996				Khá	1650653	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25071	1759-K50P1	K50P1	Nghiêm Minh	Thùy	Nữ	25/12/1996				Giỏi	1650654	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25072	1760-K50P1	K50P1	Nguyễn Thị Cẩm	Trà	Nữ	20/09/1996				Khá	1650655	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25073	1761-K50P1	K50P1	Đào Nguyễn Thu	Trang	Nữ	27/10/1996				Khá	1650656	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25074	1762-K50P1	K50P1	Trần Thu	Trang	Nữ	09/12/1996				Khá	1650657	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25075	1763-K50P1	K50P1	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	04/05/1996				Khá	1650658	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25076	1764-K50P1	K50P1	Lê Thu	Uyên	Nữ	12/11/1996				Khá	1650659	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25077	1765-K50P2	K50P2	Lê Vân	Anh	Nữ	21/01/1996				Trung bình	1650660	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25078	1766-K50P2	K50P2	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	14/05/1996				Khá	1650661	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25079	1767-K50P2	K50P2	Phạm Vũ Vân	Anh	Nữ	12/07/1996				Giỏi	1650662	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25080	1768-K50P2	K50P2	Đoàn Thảo	ánh	Nữ	23/03/1996				Khá	1650663	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25081	1769-K50P2	K50P2	Hoàng Thị Kim	Dung	Nữ	29/05/1996				Khá	1650664	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25082	1770-K50P2	K50P2	Phạm Thị	Hải	Nữ	10/10/1996				Khá	1650665	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25083	1771-K50P2	K50P2	Trần Thị Lan	Hương	Nữ	10/12/1996				Khá	1650666	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25084	1772-K50P2	K50P2	Bùi Thị	Huyền	Nữ	24/05/1996				Khá	1650667	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25085	1773-K50P2	K50P2	Lê Thị Diệu	Huyền	Nữ	06/11/1996				Khá	1650668	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25086	1774-K50P2	K50P2	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	31/10/1996				Khá	1650669	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25087	1775-K50P2	K50P2	Nguyễn Diệu Mai	Linh	Nữ	19/11/1996				Khá	1650670	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25088	1776-K50P2	K50P2	Vương Thị Mỹ	Linh	Nữ	08/10/1996				Giỏi	1650671	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25089	1777-K50P2	K50P2	Đỗ Hà	Mi	Nữ	09/06/1996				Khá	1650672	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25090	1778-K50P2	K50P2	Nguyễn Hồng	Ngân	Nữ	31/12/1996				Khá	1650673	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25091	1779-K50P2	K50P2	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	15/12/1996				Khá	1650674	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25092	1780-K50P2	K50P2	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	13/09/1996				Khá	1650675	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25093	1781-K50P2	K50P2	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	19/01/1996				Khá	1650676	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25094	1782-K50P2	K50P2	Đào Minh	Phương	Nữ	02/08/1996				Khá	1650677	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25095	1783-K50P2	K50P2	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	25/01/1996				Khá	1650678	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25096	1784-K50P2	K50P2	Đỗ Thị	Quỳnh	Nữ	12/06/1996				Khá	1650679	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25097	1785-K50P2	K50P2	Đỗ Đức	Tài	Nam	31/12/1995				Khá	1650680	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25098	1786-K50P2	K50P2	Tạ Thị	Thảo	Nữ	07/10/1996				Khá	1650681	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25099	1787-K50P2	K50P2	Tường Phương	Thảo	Nữ	24/01/1996				Khá	1650682	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25100	1788-K50P2	K50P2	Trần Nhật	Thu	Nữ	12/09/1996				Khá	1650683	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25101	1789-K50P2	K50P2	Nhâm Thị Huyền	Thương	Nữ	11/05/1995				Khá	1650684	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25102	1790-K50P2	K50P2	Đặng Thị Thu	Thủy	Nữ	12/01/1996				Khá	1650685	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25103	1791-K50P2	K50P2	Đỗ Thị Thu	Trang	Nữ	26/06/1996				Giỏi	1650686	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25104	1792-K50P2	K50P2	Lê Thị	Trang	Nữ	04/08/1995				Khá	1650687	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25105	1793-K50P2	K50P2	Ngô Hạ	Trang	Nữ	29/03/1996				Khá	1650688	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25106	1794-K50P2	K50P2	Nguyễn Minh	Trang	Nữ	20/11/1996				Khá	1650689	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25107	1795-K50P2	K50P2	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	01/11/1996				Khá	1650690	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25108	1796-K50P2	K50P2	Phạm Thị	Vân	Nữ	02/05/1996				Khá	1650691	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25109	1797-K50P2	K50P2	Bùi Thị	Xuân	Nữ	18/02/1996				Khá	1650692	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25110	1798-K50P3	K50P3	Đinh Thị Lan	Anh	Nữ	02/08/1996				Giỏi	1650693	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25111	1799-K50P3	K50P3	Hoàng Nhật	Anh	Nam	04/09/1996				Trung bình	1650694	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25112	1800-K50P3	K50P3	Lê Quỳnh Vân	Anh	Nữ	14/05/1996				Khá	1650695	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25113	1801-K50P3	K50P3	Phạm Minh	Anh	Nữ	16/11/1996				Khá	1650696	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25114	1802-K50P3	K50P3	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	13/09/1996				Khá	1650697	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25115	1803-K50P3	K50P3	Hoàng Thị Ngọc	Điệp	Nữ	25/10/1996				Khá	1650698	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25116	1804-K50P3	K50P3	Nguyễn Phương	Đông	Nam	00				Khá	1650699	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25117	1805-K50P3	K50P3	Ngô Thị Thùy	Dương	Nữ	12/07/1996				Khá	1650700	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25118	1806-K50P3	K50P3	Chu Thu	Hà	Nữ	09/02/1995				Khá	1650701	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25119	1807-K50P3	K50P3	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	19/01/1996				Khá	1650702	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25120	1808-K50P3	K50P3	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	19/07/1996				Khá	1650703	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25121	1809-K50P3	K50P3	Hoàng Thị	Hoa	Nữ	16/09/1996				Giỏi	1650704	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25122	1810-K50P3	K50P3	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	23/03/1996				Khá	1650705	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25123	1811-K50P3	K50P3	Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	14/05/1996				Giỏi	1650706	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25124	1812-K50P3	K50P3	Nguyễn Minh	Huyền	Nữ	06/11/1996				Khá	1650707	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25125	1813-K50P3	K50P3	Nguyễn Bằng	Khánh	Nam	22/04/1996				Khá	1650708	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25126	1814-K50P3	K50P3	Đào Thị Huyền	Linh	Nữ	06/11/1996				Khá	1650709	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25127	1815-K50P3	K50P3	Phạm Thùy	Linh	Nữ	03/05/1996				Khá	1650710	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25128	1816-K50P3	K50P3	Phan Mỹ	Linh	Nữ	25/04/1996				Giỏi	1650711	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25129	1817-K50P3	K50P3	Nguyễn Thị Hồng	Mai	Nữ	05/06/1996				Khá	1650712	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25130	1818-K50P3	K50P3	Lê Thị Kiều	Ngân	Nữ	15/12/1996				Khá	1650713	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25131	1819-K50P3	K50P3	Hoàng Minh	Ngọc	Nữ	26/09/1996				Khá	1650714	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25132	1820-K50P3	K50P3	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	Nữ	17/09/1996				Khá	1650715	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25133	1821-K50P3	K50P3	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/03/1996				Khá	1650716	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25134	1822-K50P3	K50P3	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	02/04/1996				Khá	1650717	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25135	1823-K50P3	K50P3	Nguyễn Yến	Phượng	Nữ	11/02/1996				Khá	1650718	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25136	1824-K50P3	K50P3	Dương Thị	Quỳnh	Nữ	16/02/1996				Trung bình	1650719	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25137	1825-K50P3	K50P3	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	20/06/1996				Khá	1650720	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25138	1826-K50P3	K50P3	Hoàng Thị	Thoan	Nữ	19/01/1996				Khá	1650721	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25139	1827-K50P3	K50P3	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	11/03/1996				Khá	1650722	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25140	1828-K50P3	K50P3	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	12/04/1996				Khá	1650723	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25141	1829-K50P3	K50P3	Lại Thị Thu	Trang	Nữ	02/10/1996				Khá	1650724	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25142	1830-K50P3	K50P3	Nguyễn Minh	Trang	Nữ	09/06/1996				Khá	1650725	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25143	1831-K50P3	K50P3	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	06/02/1996				Khá	1650726	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25144	1832-K50P3	K50P3	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	19/05/1996				Khá	1650727	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25145	1833-K50P3	K50P3	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	11/10/1995				Khá	1650728	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25146	1834-K50P3	K50P3	Nguyễn Thị Thùy	Vân	Nữ	21/10/1996				Khá	1650729	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25147	1835-K50P3	K50P3	Ngô Thị	Yến	Nữ	13/11/1996				Khá	1650730	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25148	1836-K50P4	K50P4	Đào Thị Kim	Anh	Nữ	18/04/1996				Khá	1650731	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25149	1837-K50P4	K50P4	Tạ Minh	Anh	Nữ	07/09/1996				Khá	1650732	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25150	1838-K50P4	K50P4	Trương Thị Lan	Anh	Nữ	18/11/1996				Khá	1650733	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25151	1839-K50P4	K50P4	Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	10/09/1996				Khá	1650734	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25152	1840-K50P4	K50P4	Phạm Thị Thùy	Dương	Nữ	28/02/1995				Khá	1650735	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25153	1841-K50P4	K50P4	Nguyễn Thị Hà	Giang	Nữ	01/06/1995				Khá	1650736	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25154	1842-K50P4	K50P4	Lường Thị	Hằng	Nữ	07/11/1996				Khá	1650737	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25155	1843-K50P4	K50P4	Phạm Thúy	Hiền	Nữ	08/12/1996				Khá	1650738	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25156	1844-K50P4	K50P4	Trần Trung	Hiếu	Nam	14/02/1996				Khá	1650739	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25157	1845-K50P4	K50P4	Phạm Thu	Hương	Nữ	06/02/1996				Khá	1650740	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25158	1846-K50P4	K50P4	Phan Thị Hải	Hường	Nữ	24/04/1996				Giỏi	1650741	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25159	1847-K50P4	K50P4	Lê Thị	Huyền	Nữ	19/09/1996				Khá	1650742	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25160	1848-K50P4	K50P4	Đặng Phương	Linh	Nữ	02/01/1996				Khá	1650743	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25161	1849-K50P4	K50P4	Hoàng Nguyễn Hà	Linh	Nữ	16/11/1996				Giỏi	1650744	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25162	1850-K50P4	K50P4	Hoàng Thị Diệu	Linh	Nữ	14/04/1996				Khá	1650745	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25163	1851-K50P4	K50P4	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	13/06/1995				Khá	1650746	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25164	1852-K50P4	K50P4	Hồ Quỳnh	Mai	Nữ	17/03/1996				Khá	1650747	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25165	1853-K50P4	K50P4	Nông Thị Thanh	Nga	Nữ	26/09/1995				Trung bình	1650748	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25166	1854-K50P4	K50P4	Nguyễn Hạnh	Nguyên	Nữ	21/10/1996				Khá	1650749	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25167	1855-K50P4	K50P4	Lê Hồng	Nhung	Nữ	16/12/1995				Trung bình	1650750	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25168	1856-K50P4	K50P4	Trần Hồng	Nhung	Nữ	21/06/1996				Khá	1650751	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25169	1857-K50P4	K50P4	Võ Thị Kim	Oanh	Nữ	20/02/1996				Giỏi	1650752	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25170	1858-K50P4	K50P4	Phạm Thị Thu	Phượng	Nữ	15/12/1996				Khá	1650753	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25171	1859-K50P4	K50P4	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	22/09/1996				Khá	1650754	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25172	1860-K50P4	K50P4	Trần Lan	Thanh	Nữ	14/05/1996				Khá	1650755	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25173	1861-K50P4	K50P4	Cao Thanh	Thảo	Nữ	02/06/1996				Khá	1650756	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25174	1862-K50P4	K50P4	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	13/06/1996				Trung bình	1650757	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25175	1863-K50P4	K50P4	Đinh Thị	Thơm	Nữ	04/01/1996				Khá	1650758	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25176	1864-K50P4	K50P4	Lê Thị Hoài	Thu	Nữ	18/08/1995				Khá	1650759	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25177	1865-K50P4	K50P4	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	27/07/1996				Khá	1650760	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25178	1866-K50P4	K50P4	Phạm Thị Thảo	Trang	Nữ	14/05/1996				Khá	1650761	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25179	1867-K50P4	K50P4	Trần Thị	Trang	Nữ	11/01/1996				Khá	1650762	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25180	1868-K50P4	K50P4	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	24/02/1996				Khá	1650763	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25181	1869-K50P4	K50P4	Lưu Thị Bích	Việt	Nữ	07/06/1994				Khá	1650764	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25182	1870-K50P5	K50P5	Hoàng Thị	Anh	Nữ	11/09/1996				Khá	1650765	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25183	1871-K50P5	K50P5	Nguyễn Thị Thảo	Anh	Nữ	17/07/1996				Khá	1650766	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25184	1872-K50P5	K50P5	Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	19/08/1996				Khá	1650767	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25185	1873-K50P5	K50P5	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	Nữ	09/04/1996				Khá	1650768	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25186	1874-K50P5	K50P5	Quách Hương	Giang	Nữ	26/08/1996				Khá	1652465	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25187	1875-K50P5	K50P5	Trần Thúy	Hà	Nữ	15/06/1996				Trung bình	1650769	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25188	1876-K50P5	K50P5	Hoàng Thị	Hải	Nữ	15/10/1995				Khá	1650770	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25189	1877-K50P5	K50P5	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	07/09/1996				Khá	1650771	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25190	1878-K50P5	K50P5	Phạm Thị Thúy	Hạnh	Nữ	27/06/1996				Khá	1650772	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25191	1879-K50P5	K50P5	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	17/08/1996				Khá	1650773	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25192	1880-K50P5	K50P5	Trần Thị	Hoài	Nữ	08/09/1996				Khá	1650774	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25193	1881-K50P5	K50P5	Ngô Việt	Hương	Nữ	07/02/1996				Khá	1650775	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25194	1882-K50P5	K50P5	Nguyễn Đức	Huy	Nam	29/12/1995				Khá	1650776	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25195	1883-K50P5	K50P5	Trương Thị	Huyền	Nữ	28/08/1996				Khá	1650777	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25196	1884-K50P5	K50P5	Khuất Thị Kim	Liễu	Nữ	27/12/1996				Khá	1650778	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25197	1885-K50P5	K50P5	Lê Phương	Linh	Nữ	16/11/1996				Khá	1650779	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25198	1886-K50P5	K50P5	Phan Thùy	Linh	Nữ	26/07/1996				Giỏi	1650780	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25199	1887-K50P5	K50P5	Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	06/05/1996				Khá	1650781	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25200	1888-K50P5	K50P5	Đoàn Thị ánh	Ngần	Nữ	01/09/1996				Trung bình	1650782	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25201	1889-K50P5	K50P5	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	27/12/1996				Khá	1650783	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25202	1890-K50P5	K50P5	Phan Diệp	Nhi	Nữ	14/10/1995				Khá	1650784	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25203	1891-K50P5	K50P5	Trần Thị Nhật	Quỳnh	Nữ	23/10/1995				Khá	1650785	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25204	1892-K50P5	K50P5	Dương Minh	Thanh	Nữ	19/12/1996				Khá	1650786	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25205	1893-K50P5	K50P5	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	13/11/1995				Khá	1650787	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25206	1894-K50P5	K50P5	Trần Thị	Thảo	Nữ	09/10/1995				Khá	1650788	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25207	1895-K50P5	K50P5	Dương Thị	Thơm	Nữ	13/11/1996				Khá	1650789	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25208	1896-K50P5	K50P5	Phùng Thị Thùy	Trang	Nữ	02/10/1996				Giỏi	1650790	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25209	1897-K50P5	K50P5	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	25/10/1996				Khá	1650791	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25210	1898-K50P5	K50P5	Vũ Thùy	Trang	Nữ	01/10/1996				Khá	1650792	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25211	1899-K50P5	K50P5	Nguyễn Thị Anh	Trúc	Nữ	03/07/1996				Khá	1650793	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25212	1900-K50P5	K50P5	Trần Tố	Uyên	Nữ	04/07/1996				Trung bình	1650794	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25213	1901-K50P5	K50P5	Bùi Thị Hải	Yến	Nữ	29/04/1996				Khá	1650795	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25214	1902-K49P3	K49P3	Bùi Vân	Anh	Nữ	06/02/1995				Trung bình	1650796	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25215	1903-K17P_SB	7P_SB	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	18/11/1993				Trung bình	1650797	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	539/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25216	1904-K50U1	K50U1	Vũ Thị Kiều	Anh	Nữ	11/07/1996				Khá	1650799	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25217	1905-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị Thúy	Cải	Nữ	19/07/1996				Khá	1650800	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25218	1906-K50U1	K50U1	Đỗ Thị	Chuyên	Nữ	28/04/1996				Khá	1650801	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25219	1907-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	10/06/1996				Khá	1650802	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25220	1908-K50U1	K50U1	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	19/02/1996				Khá	1650803	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25221	1909-K50U1	K50U1	Hồ Thị	Hảo	Nữ	26/10/1996				Khá	1650804	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25222	1910-K50U1	K50U1	Lê Thị	Hiền	Nữ	15/07/1996				Khá	1650805	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25223	1911-K50U1	K50U1	Trần Thị Kim	Hoa	Nữ	25/07/1995				Khá	1650806	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25224	1912-K50U1	K50U1	Chu Thanh	Hoà	Nữ	15/08/1995				Khá	1650807	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25225	1913-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	01/11/1996				Khá	1650808	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25226	1914-K50U1	K50U1	Hoàng Thanh	Hương	Nữ	10/03/1996				Khá	1650809	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25227	1915-K50U1	K50U1	Đinh Thị	Huyền	Nữ	17/12/1996				Khá	1650810	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25228	1916-K50U1	K50U1	Phạm Thị Hà	Lan	Nữ	16/06/1996				Khá	1650811	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25229	1917-K50U1	K50U1	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	13/05/1996				Khá	1650812	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25230	1918-K50U1	K50U1	Trần Thị	Lương	Nữ	06/12/1996				Khá	1650813	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25231	1919-K50U1	K50U1	Vũ Thị	Ly	Nữ	04/07/1995				Khá	1650814	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25232	1920-K50U1	K50U1	Bùi Thị	Mai	Nữ	14/10/1996				Khá	1650815	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25233	1921-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	24/10/1995				Khá	1650816	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25234	1922-K50U1	K50U1	Phùng Thị	Nga	Nữ	16/12/1996				Khá	1650817	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25235	1923-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	28/09/1996				Khá	1650818	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25236	1924-K50U1	K50U1	Thân Ngọc	Ninh	Nam	28/01/1996				Khá	1650819	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25237	1925-K50U1	K50U1	Hoàng Thị	Phương	Nữ	20/03/1996				Khá	1650820	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25238	1926-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	27/04/1996				Khá	1650821	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25239	1927-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị Hồng	Sương	Nữ	08/10/1996				Khá	1650822	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25240	1928-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	15/09/1996				Khá	1650823	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25241	1929-K50U1	K50U1	Vũ Đức	Thuận	Nam	10/06/1996				Khá	1650824	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25242	1930-K50U1	K50U1	Phan Thị Thu	Thủy	Nữ	14/09/1996				Khá	1650825	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25243	1931-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	17/11/1996				Khá	1650826	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25244	1932-K50U1	K50U1	Hoàng Thị Thu	Trang	Nữ	06/10/1996				Khá	1650827	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25245	1933-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	29/01/1996				Giỏi	1650828	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25246	1934-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	30/11/1996				Giỏi	1650829	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25247	1935-K50U2	K50U2	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	16/11/1996				Khá	1650830	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25248	1936-K50U2	K50U2	Phạm Thị Quỳnh	Anh	Nữ	09/10/1996				Khá	1650831	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25249	1937-K50U2	K50U2	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	01/12/1996				Khá	1650832	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25250	1938-K50U2	K50U2	Trần Văn	Chiến	Nam	20/03/1996				Trung bình	1650833	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25251	1939-K50U2	K50U2	Dương Thị Ngọc	Diệp	Nữ	11/09/1996				Khá	1650834	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25252	1940-K50U2	K50U2	Nguyễn Lệ	Giang	Nữ	21/10/1995				Khá	1650835	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25253	1941-K50U2	K50U2	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	08/10/1996				Khá	1650836	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25254	1942-K50U2	K50U2	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	30/03/1996				Khá	1650837	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25255	1943-K50U2	K50U2	Bùi Thị	Hạnh	Nữ	11/04/1996				Khá	1650838	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25256	1944-K50U2	K50U2	Vũ Thu	Hiền	Nữ	16/03/1996				Khá	1650839	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25257	1945-K50U2	K50U2	Đào Thị	Hoa	Nữ	01/01/1996				Khá	1650840	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25258	1946-K50U2	K50U2	Vũ Thị	Hoà	Nữ	06/01/1996				Khá	1650841	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25259	1947-K50U2	K50U2	Lê Thị	Hòa	Nữ	04/10/1996				Khá	1650842	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25260	1948-K50U2	K50U2	Lê Thị	Hương	Nữ	18/03/1996				Khá	1650843	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25261	1949-K50U2	K50U2	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07/11/1996				Khá	1650844	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25262	1950-K50U2	K50U2	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	02/09/1995				Khá	1650845	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25263	1951-K50U2	K50U2	Phạm Ngọc	Mai	Nữ	15/10/1996				Khá	1650846	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25264	1952-K50U2	K50U2	Đặng Thị	Năm	Nữ	25/03/1996				Khá	1650847	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25265	1953-K50U2	K50U2	Quách Thị	Nguyệt	Nữ	24/11/1996				Khá	1650848	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25266	1954-K50U2	K50U2	Bùi Thị Thu	Phương	Nữ	10/10/1996				Khá	1650849	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25267	1955-K50U2	K50U2	Bùi Thị	Quỳnh	Nữ	17/11/1996				Khá	1650850	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25268	1956-K50U2	K50U2	Dương Thị	Tâm	Nữ	16/05/1996				Khá	1650851	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25269	1957-K50U2	K50U2	Vũ Thị	Thanh	Nữ	22/11/1996				Khá	1650852	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25270	1958-K50U2	K50U2	Đàm Thị Thanh	Thảo	Nữ	23/09/1996				Khá	1650853	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25271	1959-K50U2	K50U2	Đặng Thị	Thương	Nữ	13/07/1996				Khá	1650854	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25272	1960-K50U2	K50U2	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	06/04/1996				Khá	1650855	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25273	1961-K50U2	K50U2	Phan Thị Thanh	Trà	Nữ	12/04/1996				Khá	1650856	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25274	1962-K50U2	K50U2	Nguyễn Thị Hương	Trang	Nữ	23/10/1996				Khá	1650857	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25275	1963-K50U2	K50U2	Đặng Thị Tố	Uyên	Nữ	02/10/1996				Khá	1650858	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25276	1964-K50U2	K50U2	Vũ Thị Ngọc	Yến	Nữ	12/07/1996				Khá	1650859	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25277	1965-K50U3	K50U3	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	01/09/1996				Khá	1650860	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25278	1966-K50U3	K50U3	Trịnh Thị Hải	Anh	Nữ	15/05/1996				Khá	1650861	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25279	1967-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị Minh	Diệp	Nữ	20/08/1996				Khá	1650862	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25280	1968-K50U3	K50U3	Bùi Mỹ	Duyên	Nữ	16/09/1996				Giỏi	1650863	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25281	1969-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	30/10/1996				Khá	1650864	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25282	1970-K50U3	K50U3	Ngô Ngọc	Hà	Nữ	23/10/1996				Khá	1650865	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25283	1971-K50U3	K50U3	Vũ Thị	Hằng	Nữ	20/03/1996				Khá	1650866	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25284	1972-K50U3	K50U3	Chu Thị	Hạnh	Nữ	26/09/1996				Khá	1650867	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25285	1973-K50U3	K50U3	Vũ Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	01/05/1996				Giỏi	1650868	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25286	1974-K50U3	K50U3	Vũ Thị	Hoài	Nữ	01/11/1996				Khá	1650869	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25287	1975-K50U3	K50U3	Quách Thị	Hồng	Nữ	23/06/1996				Khá	1650870	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25288	1976-K50U3	K50U3	Vũ Thị	Huệ	Nữ	24/10/1996				Khá	1650871	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25289	1977-K50U3	K50U3	Trần Văn	Huy	Nam	26/12/1996				Khá	1650872	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25290	1978-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	23/01/1996				Giỏi	1650873	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25291	1979-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	27/12/1996				Khá	1650874	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25292	1980-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	Lân	Nữ	21/12/1996				Khá	1650875	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25293	1981-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	12/01/1996				Khá	1650876	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25294	1982-K50U3	K50U3	Phùng Mỹ	Linh	Nữ	30/04/1996				Khá	1650877	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25295	1983-K50U3	K50U3	Trần Thị	Lý	Nữ	01/08/1996				Khá	1650878	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25296	1984-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	05/02/1996				Khá	1650879	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25297	1985-K50U3	K50U3	Đỗ Thị	Nhàn	Nữ	12/05/1996				Khá	1650880	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25298	1986-K50U3	K50U3	Phạm Thị Hoài	Ninh	Nữ	02/12/1996				Khá	1650881	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25299	1987-K50U3	K50U3	Hoàng Thị	Phương	Nữ	29/06/1996				Khá	1650882	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25300	1988-K50U3	K50U3	Phan Thị	Phương	Nữ	19/07/1996				Khá	1650883	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25301	1989-K50U3	K50U3	Nông Thị	Phượng	Nữ	07/09/1995				Khá	1650884	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25302	1990-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	San	Nữ	19/06/1996				Khá	1650885	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25303	1991-K50U3	K50U3	Lê Văn	Tài	Nam	14/09/1993				Khá	1650886	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25304	1992-K50U3	K50U3	Đào Thị	Tâm	Nữ	11/05/1996				Khá	1650887	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25305	1993-K50U3	K50U3	Phạm Thị	Thảo	Nữ	20/09/1996				Khá	1650888	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25306	1994-K50U3	K50U3	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	09/11/1996				Khá	1650889	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25307	1995-K50U3	K50U3	Trần Hồng	Thu	Nữ	24/03/1996				Khá	1650890	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25308	1996-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/06/1996				Khá	1650891	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25309	1997-K50U3	K50U3	Vũ Ngọc	Thúy	Nữ	09/01/1996				Khá	1650892	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25310	1998-K50U3	K50U3	Bùi Thị Thùy	Tiên	Nữ	30/10/1996				Khá	1650893	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25311	1999-K50U3	K50U3	Hoàng Thị	Trang	Nữ	10/11/1996				Khá	1650894	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25312	2000-K50U3	K50U3	Lê Thị Hà	Tuyên	Nữ	03/01/1995				Khá	1650895	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25313	2001-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	16/10/1996				Giỏi	1650896	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25314	2002-K50U3	K50U3	Hoàng Thị	Yến	Nữ	08/08/1995				Khá	1650897	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25315	2003-K50U4	K50U4	Thân Thị Lan	Anh	Nữ	04/11/1996				Khá	1650898	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25316	2004-K50U4	K50U4	Trịnh Quỳnh	Anh	Nữ	09/10/1996				Giỏi	1650899	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25317	2005-K50U4	K50U4	Trịnh Thị	Chinh	Nữ	06/02/1995				Giỏi	1650900	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25318	2006-K50U4	K50U4	Mai Thị	Dịu	Nữ	07/02/1996				Khá	1650901	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25319	2007-K50U4	K50U4	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	04/01/1996				Khá	1650902	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25320	2008-K50U4	K50U4	Trần Thị Mỹ	Hảo	Nữ	20/11/1996				Khá	1650903	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25321	2009-K50U4	K50U4	Trần Thị	Hậu	Nữ	20/06/1996				Khá	1650904	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25322	2010-K50U4	K50U4	Hà Thị	Hoa	Nữ	13/08/1996				Khá	1650905	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25323	2011-K50U4	K50U4	Ngô Thị	Hoa	Nữ	29/11/1996				Khá	1650906	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25324	2012-K50U4	K50U4	Nguyễn Thị Minh	Hoài	Nữ	12/11/1995				Khá	1650907	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25325	2013-K50U4	K50U4	Đặng Thị Thảo	Hương	Nữ	17/08/1996				Khá	1650908	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25326	2014-K50U4	K50U4	Phạm Thanh	Hương	Nữ	14/10/1996				Giỏi	1650909	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25327	2015-K50U4	K50U4	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	09/11/1996				Khá	1650910	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25328	2016-K50U4	K50U4	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	17/12/1996				Khá	1650911	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25329	2017-K50U4	K50U4	Nguyễn Thị	Lân	Nữ	15/09/1996				Khá	1650912	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25330	2018-K50U4	K50U4	Ngô Thị	Liên	Nữ	26/12/1996				Khá	1650913	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25331	2019-K50U4	K50U4	Khương Thị	Mai	Nữ	11/07/1996				Khá	1650914	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25332	2020-K50U4	K50U4	Trần Thị	Nga	Nữ	29/11/1996				Khá	1650915	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25333	2021-K50U4	K50U4	Đỗ Thị	Ngọc	Nữ	03/03/1996				Khá	1650916	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25334	2022-K50U4	K50U4	Đinh Thị	Nhung	Nữ	15/08/1996				Giỏi	1650917	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25335	2023-K50U4	K50U4	Phạm Thị Kiều	Oanh	Nữ	07/12/1996				Khá	1650918	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25336	2024-K50U4	K50U4	Nguyễn Bích	Phương	Nữ	17/01/1996				Khá	1650919	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25337	2025-K50U4	K50U4	Trần Thị	Phượng	Nữ	16/06/1996				Khá	1650920	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25338	2026-K50U4	K50U4	Nguyễn Thị	Sao	Nữ	28/01/1995				Khá	1650921	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25339	2027-K50U4	K50U4	Lê Thị	Thanh	Nữ	22/08/1996				Khá	1650922	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25340	2028-K50U4	K50U4	Đồng Thị Kim	Thảo	Nữ	31/07/1996				Khá	1650923	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25341	2029-K50U4	K50U4	Phạm Thị	Thảo	Nữ	25/08/1996				Khá	1650924	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25342	2030-K50U4	K50U4	Ngô Thị	Thạo	Nữ	28/10/1996				Khá	1650925	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25343	2031-K50U4	K50U4	Trần Thị	Thu	Nữ	10/12/1996				Khá	1650926	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25344	2032-K50U4	K50U4	Ngô Thị	Thùy	Nữ	20/11/1996				Khá	1650927	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25345	2033-K50U4	K50U4	Sa Thị Minh	Thúy	Nữ	15/02/1995				Khá	1650928	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25346	2034-K50U4	K50U4	Dương Thị	Trang	Nữ	12/10/1996				Khá	1650929	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25347	2035-K50U4	K50U4	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/11/1996				Khá	1650930	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25348	2036-K50U4	K50U4	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	16/10/1996				Khá	1650931	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25349	2037-K50U4	K50U4	Lê Công	Tuyển	Nam	21/10/1995				Khá	1650932	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25350	2038-K50U4	K50U4	Mai Thị	Yến	Nữ	10/07/1996				Khá	1650933	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25351	2039-K50U5	K50U5	Nguyễn Thu	An	Nữ	06/10/1996				Khá	1650934	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25352	2040-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	23/03/1996				Khá	1650935	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25353	2041-K50U5	K50U5	Nguyễn Tú	Anh	Nữ	23/04/1996				Khá	1650936	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25354	2042-K50U5	K50U5	Phạm Thị Trần	Bích	Nữ	02/04/1996				Khá	1650937	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25355	2043-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị	Chung	Nữ	17/09/1996				Khá	1650938	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25356	2044-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị	Doan	Nữ	04/08/1996				Khá	1650939	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25357	2045-K50U5	K50U5	Hà Thị Thu	Giang	Nữ	19/10/1996				Khá	1650940	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25358	2046-K50U5	K50U5	Vũ Thị Thùy	Giang	Nữ	17/03/1996				Khá	1650941	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25359	2047-K50U5	K50U5	Phạm Thị	Hậu	Nữ	05/08/1996				Khá	1650942	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25360	2048-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	10/12/1996				Khá	1650943	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25361	2049-K50U5	K50U5	Phạm Thị	Hoa	Nữ	09/08/1996				Khá	1650944	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25362	2050-K50U5	K50U5	Ngô Thị	Hoài	Nữ	28/01/1996				Khá	1650945	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25363	2051-K50U5	K50U5	Lê Thị	Hương	Nữ	09/11/1996				Khá	1650946	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25364	2052-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	29/09/1996				Khá	1650947	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25365	2053-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/11/1996				Khá	1650948	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25366	2054-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị Hồng	Linh	Nữ	30/12/1996				Khá	1650949	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25367	2055-K50U5	K50U5	Nguyễn Tất	Lương	Nam	14/10/1996				Khá	1650950	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25368	2056-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị	My	Nữ	05/06/1996				Khá	1650951	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25369	2057-K50U5	K50U5	Đào Thị	Nga	Nữ	14/01/1996				Khá	1650952	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25370	2058-K50U5	K50U5	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	06/10/1996				Khá	1650953	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25371	2059-K50U5	K50U5	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	19/12/1996				Khá	1650954	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25372	2060-K50U5	K50U5	Trương Thị Tú	Oanh	Nữ	21/11/1996				Giỏi	1650955	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25373	2061-K50U5	K50U5	Nguyễn Hồng	Phương	Nữ	31/01/1996				Trung bình	1650956	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25374	2062-K50U5	K50U5	Bùi Thị	Phượng	Nữ	09/02/1996				Khá	1650957	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25375	2063-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị	Sáu	Nữ	18/09/1996				Khá	1650958	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25376	2064-K50U5	K50U5	Nguyễn Văn	Sỹ	Nam	19/07/1996				Khá	1650959	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25377	2065-K50U5	K50U5	Lưu Thị	Thắm	Nữ	20/06/1996				Khá	1650960	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25378	2066-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	08/08/1996				Khá	1650961	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25379	2067-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	21/10/1996				Khá	1650962	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25380	2068-K50U5	K50U5	Trịnh Thu	Thảo	Nữ	04/09/1996				Khá	1650963	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25381	2069-K50U5	K50U5	Lê Hà	Thu	Nữ	06/10/1996				Khá	1650964	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25382	2070-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	16/02/1996				Khá	1650965	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25383	2071-K50U5	K50U5	Phạm Thu	Thùy	Nữ	25/02/1996				Khá	1650966	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25384	2072-K50U5	K50U5	Bùi Thị Hà	Trang	Nữ	06/11/1996				Giỏi	1650967	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25385	2073-K50U5	K50U5	Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	04/08/1996				Khá	1650968	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25386	2074-K50U5	K50U5	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	18/07/1996				Khá	1650969	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25387	2075-K50U5	K50U5	Dương Thị	Vân	Nữ	18/08/1995				Khá	1650970	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25388	2076-K50U5	K50U5	Phan Thị	Yến	Nữ	02/06/1996				Khá	1650971	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25389	2077-K49U5	K49U5	Trần Thị	Huyền	Nữ	08/02/1995				Trung bình	1650972	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25390	2078-K49U6	K49U6	Trần Thị	Hà	Nữ	12/09/1995				Khá	1650973	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25391	2079-K49U6	K49U6	Trần Thị	Nhung	Nữ	06/01/1995				Trung bình	1650974	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25392	2080-K49U7	K49U7	Doãn Huy	Hoàng	Nam	19/06/1995				Trung bình	1650975	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25393	2081-K48U1	K48U1	Đỗ Tuấn	Anh	Nam	03/02/1994				Trung bình	1650976	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25394	2082-K48U3	K48U3	Trần Quang	Khánh	Nam	01/12/1994				Trung bình	1650977	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25395	2083-K48U5	K48U5	Tô Thành	Đạt	Nam	03/02/1994				Trung bình	1650978	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25396	2356-K50D1	K50D1	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	28/06/1996				Khá	1651251	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25397	2357-K50D1	K50D1	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	01/08/1995				Khá	1651252	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25398	2358-K50D1	K50D1	Đỗ Thị	Diệp	Nữ	13/11/1996				Trung bình	1651253	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25399	2359-K50D1	K50D1	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	19/02/1996				Khá	1651254	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25400	2360-K50D1	K50D1	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	26/01/1996				Khá	1651255	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25401	2361-K50D1	K50D1	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	14/07/1996				Khá	1651256	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25402	2362-K50D1	K50D1	Mai Khánh	Hằng	Nữ	22/11/1996				Trung bình	1651257	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25403	2363-K50D1	K50D1	Trần Thị	Hằng	Nữ	22/03/1996				Khá	1651258	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25404	2364-K50D1	K50D1	Lê Hồng	Hạnh	Nữ	23/12/1996				Khá	1651259	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25405	2365-K50D1	K50D1	Đinh Thanh	Hiền	Nữ	18/06/1996				Khá	1651260	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25406	2366-K50D1	K50D1	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	14/10/1996				Khá	1651261	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25407	2367-K50D1	K50D1	Phạm Thị	Hồng	Nữ	07/12/1996				Giỏi	1651262	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25408	2368-K50D1	K50D1	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	04/06/1996				Khá	1651263	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25409	2369-K50D1	K50D1	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	18/04/1996				Giỏi	1651264	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25410	2370-K50D1	K50D1	Vũ Thị	Hương	Nữ	15/12/1996				Khá	1651265	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25411	2371-K50D1	K50D1	Trần Thị	Hướng	Nữ	19/06/1996				Khá	1651266	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25412	2372-K50D1	K50D1	Trịnh Thị Ngọc	Huyền	Nữ	28/03/1996				Khá	1651267	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25413	2373-K50D1	K50D1	Phạm Thị Nhật	Lệ	Nữ	11/10/1996				Khá	1651268	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25414	2374-K50D1	K50D1	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	14/08/1996				Khá	1651269	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25415	2375-K50D1	K50D1	Trần Mỹ	Linh	Nữ	23/12/1996				Khá	1651270	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25416	2376-K50D1	K50D1	Phạm Thị	Mai	Nữ	11/06/1996				Khá	1651271	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25417	2377-K50D1	K50D1	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	05/09/1996				Khá	1651272	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25418	2378-K50D1	K50D1	Đặng Thị	Oanh	Nữ	05/12/1995				Khá	1651273	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25419	2379-K50D1	K50D1	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	29/10/1996				Giỏi	1651274	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25420	2380-K50D1	K50D1	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	14/01/1996				Khá	1651275	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25421	2381-K50D1	K50D1	Ninh Thị	Quỳnh	Nữ	18/05/1996				Khá	1651276	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25422	2382-K50D1	K50D1	Vũ Thị Kim	Sang	Nữ	22/02/1996				Trung bình	1651277	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25423	2383-K50D1	K50D1	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	01/04/1996				Trung bình	1651278	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25424	2384-K50D1	K50D1	Vũ Thị	Thoa	Nữ	12/03/1996				Khá	1651279	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25425	2385-K50D1	K50D1	Trần Thị	Thơm	Nữ	05/07/1996				Khá	1651280	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25426	2386-K50D1	K50D1	Vũ Thị Minh	Thúy	Nữ	15/01/1996				Khá	1651281	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25427	2387-K50D1	K50D1	Hoàng Thị Kiều	Trang	Nữ	12/06/1996				Khá	1651282	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25428	2388-K50D1	K50D1	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	21/10/1996				Khá	1651283	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25429	2389-K50D1	K50D1	Tạ Thị	Xuyến	Nữ	16/11/1995				Khá	1651284	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25430	2390-K50D1	K50D1	Ngô Thị Hồng	Yến	Nữ	29/01/1996				Giỏi	1651285	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25431	2391-K50D2	K50D2	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	13/06/1996				Khá	1651286	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25432	2392-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị	ánh	Nữ	13/01/1996				Khá	1651287	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25433	2393-K50D2	K50D2	Bùi Thị	Bình	Nữ	04/05/1996				Khá	1651288	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25434	2394-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị Thanh	Chung	Nữ	26/10/1996				Khá	1651289	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25435	2395-K50D2	K50D2	Phan Thị	Diệu	Nữ	21/02/1996				Khá	1651290	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25436	2396-K50D2	K50D2	Nguyễn Đức	Duy	Nam	01/11/1995				Khá	1651291	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25437	2397-K50D2	K50D2	Vũ Thị Mai	Duyên	Nữ	02/09/1996				Khá	1651292	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25438	2398-K50D2	K50D2	Đỗ Thị	Giáng	Nữ	05/03/1996				Khá	1651293	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25439	2399-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	30/12/1996				Khá	1651294	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25440	2400-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	23/8/1996				Khá	1651295	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25441	2401-K50D2	K50D2	Trần Thị	Hoa	Nữ	6/8/1995				Khá	1651296	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25442	2402-K50D2	K50D2	Phạm Thị	Hòa	Nữ	8/11/1996				Giỏi	1651297	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25443	2403-K50D2	K50D2	Chu Thị	Hoài	Nữ	8/5/1996				Khá	1651298	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25444	2404-K50D2	K50D2	Vũ Thị	Huệ	Nữ	10/5/1995				Khá	1651299	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25445	2405-K50D2	K50D2	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	29/7/1996				Khá	1651300	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25446	2406-K50D2	K50D2	Phạm Thị	Hương	Nữ	6/11/1996				Khá	1651301	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25447	2407-K50D2	K50D2	Đoàn Thị Thu	Huyền	Nữ	12/12/1996				Khá	1651302	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25448	2408-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	17/2/1996				Khá	1651303	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25449	2409-K50D2	K50D2	Phạm Thị	Khuyên	Nữ	15/8/1996				Khá	1651304	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25450	2410-K50D2	K50D2	Phạm Thu	Lan	Nữ	7/8/1996				Khá	1651305	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25451	2411-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	28/11/1995				Khá	1651306	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25452	2412-K50D2	K50D2	Bùi Thị Khánh	Ly	Nữ	23/10/1996				Khá	1651307	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25453	2413-K50D2	K50D2	Cao Thị	Mai	Nữ	12/2/1996				Khá	1651308	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25454	2414-K50D2	K50D2	Tạ Thị Thanh	Nga	Nữ	16/8/1996				Giỏi	1651309	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25455	2415-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	4/9/1996				Giỏi	1651310	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25456	2416-K50D2	K50D2	Tăng Thị Minh	Nguyệt	Nữ	16/12/1996				Khá	1651311	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25457	2417-K50D2	K50D2	Đinh Thị	Nhung	Nữ	28/5/1996				Khá	1651312	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25458	2418-K50D2	K50D2	Lê Thị	Oanh	Nữ	23/4/1996				Trung bình	1651313	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25459	2419-K50D2	K50D2	Lưu Huệ	Phương	Nữ	20/4/1995				Khá	1651314	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25460	2420-K50D2	K50D2	Trịnh Thị	Phương	Nữ	4/8/1996				Khá	1651315	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25461	2421-K50D2	K50D2	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	1/9/1996				Khá	1651316	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25462	2422-K50D2	K50D2	Lê Thị	Sang	Nữ	5/10/1996				Khá	1651317	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25463	2423-K50D2	K50D2	Nguyễn Hương	Thảo	Nữ	16/1/1996				Giỏi	1651318	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25464	2424-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	10/9/1996				Khá	1651319	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25465	2425-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	18/5/1996				Khá	1651320	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25466	2426-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	2/8/1996				Khá	1651321	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25467	2427-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	Nữ	7/2/1995				Khá	1651322	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25468	2428-K50D2	K50D2	Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	18/4/1995				Khá	1651323	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25469	2429-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	21/10/1996				Khá	1651324	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25470	2430-K50D2	K50D2	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	1/7/1996				Khá	1651325	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25471	2431-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	2/11/1996				Khá	1651326	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25472	2432-K50D2	K50D2	Trần Thị Thúy	Vân	Nữ	26/1/1996				Khá	1651327	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25473	2433-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	19/11/1996				Khá	1651328	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25474	2434-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	6/8/1996				Khá	1651329	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25475	2435-K50D3	K50D3	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	11/6/1996				Khá	1651330	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25476	2436-K50D3	K50D3	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	20/9/1996				Trung bình	1651331	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25477	2437-K50D3	K50D3	Trần Thị	Cúc	Nữ	7/12/1996				Khá	1651332	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25478	2438-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	3/9/1996				Khá	1651333	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25479	2439-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	18/6/1996				Trung bình	1651334	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25480	2440-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/8/1996				Khá	1651335	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25481	2441-K50D3	K50D3	Vũ Thị Thanh	Hằng	Nữ	2/7/1996				Khá	1651336	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25482	2442-K50D3	K50D3	Nguyễn Bích	Hạnh	Nữ	1/3/1996				Khá	1651337	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25483	2443-K50D3	K50D3	Hoàng Thị	Hoa	Nữ	29/3/1996				Khá	1651338	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25484	2444-K50D3	K50D3	Trần Thị	Huế	Nữ	19/12/1996				Khá	1651339	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25485	2445-K50D3	K50D3	Ngô Thị Mai	Hương	Nữ	28/9/1996				Khá	1651340	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25486	2446-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	7/4/1996				Khá	1651341	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25487	2447-K50D3	K50D3	Tống Thu	Hương	Nữ	13/3/1996				Khá	1651342	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25488	2448-K50D3	K50D3	Ngô Ngọc	Huyền	Nữ	8/2/1996				Giỏi	1651343	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25489	2449-K50D3	K50D3	Vũ Thị	Huyền	Nữ	27/12/1996				Khá	1651344	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25490	2450-K50D3	K50D3	Đỗ Thị	Lan	Nữ	16/7/1996				Khá	1651345	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25491	2451-K50D3	K50D3	Phạm Ngọc	Lan	Nữ	21/11/1996				Giỏi	1651346	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25492	2452-K50D3	K50D3	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	24/8/1996				Khá	1651347	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25493	2453-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	29/12/1996				Giỏi	1651348	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25494	2454-K50D3	K50D3	Đoàn Thị Kiều	Loan	Nữ	20/7/1996				Khá	1651349	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25495	2455-K50D3	K50D3	Phạm Thị	Lý	Nữ	1/6/1996				Khá	1651350	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25496	2456-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	1/2/1996				Khá	1651351	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25497	2457-K50D3	K50D3	Hà Thị	Ngọc	Nữ	29/7/1996				Khá	1651352	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25498	2458-K50D3	K50D3	Hoàng Thị ánh	Nguyệt	Nữ	6/1/1996				Khá	1651353	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25499	2459-K50D3	K50D3	Trần Thị	Nhung	Nữ	10/6/1995				Giỏi	1651354	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25500	2460-K50D3	K50D3	Lê Thị	Oanh	Nữ	15/9/1996				Khá	1651355	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25501	2461-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	Nữ	12/9/1996				Khá	1651356	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25502	2462-K50D3	K50D3	Đặng Thị	Quỳnh	Nữ	12/2/1996				Khá	1651357	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25503	2463-K50D3	K50D3	Bùi Thị	Sáng	Nữ	9/3/1996				Khá	1651358	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25504	2464-K50D3	K50D3	Ngô Thị Phương	Thảo	Nữ	18/9/1996				Khá	1651359	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25505	2465-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	25/11/1996				Khá	1651360	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25506	2466-K50D3	K50D3	Phùng Thị	Thoa	Nữ	28/6/1996				Khá	1651361	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25507	2467-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	2/1/1995				Trung bình	1651362	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25508	2468-K50D3	K50D3	Nhữ Thị	Thùy	Nữ	7/10/1996				Khá	1651363	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25509	2469-K50D3	K50D3	Bùi Thị	Trà	Nữ	14/11/1996				Khá	1651364	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25510	2470-K50D3	K50D3	Linh Thị Tú	Trinh	Nữ	7/9/1994				Khá	1651365	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25511	2471-K50D3	K50D3	Hà Mạnh	Tùng	Nam	23/11/1996				Khá	1651366	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25512	2472-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	24/9/1996				Khá	1651367	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25513	2473-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị Hoa	Vi	Nữ	2/9/1996				Giỏi	1651368	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25514	2474-K50D3	K50D3	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	19/2/1996				Khá	1651369	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25515	2475-K50D3	K50D3	Lê Hà	Phương	Nữ	10/8/1996				Khá	1651370	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25516	2476-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	8/1/1995				Trung bình	1651371	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25517	2477-K50D4	K50D4	Trịnh Thị Ngọc	ánh	Nữ	19/9/1996				Khá	1651372	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25518	2478-K50D4	K50D4	Nguyễn Khánh	Chi	Nữ	24/2/1996				Khá	1651373	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25519	2479-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị	Dần	Nữ	15/1/1996				Trung bình	1651374	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25520	2480-K50D4	K50D4	Đoàn Ngọc	Điệp	Nữ	12/12/1995				Khá	1651375	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25521	2481-K50D4	K50D4	Vũ Thị	Dung	Nữ	18/10/1996				Khá	1651376	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25522	2482-K50D4	K50D4	Đặng Thị	Hà	Nữ	1/5/1996				Khá	1651377	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25523	2483-K50D4	K50D4	Phạm Minh	Hằng	Nữ	17/7/1996				Khá	1651378	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25524	2484-K50D4	K50D4	Ngô Thị	Hiền	Nữ	17/12/1996				Khá	1651379	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25525	2485-K50D4	K50D4	Trần Thị	Hiền	Nữ	16/4/1995				Khá	1651380	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25526	2486-K50D4	K50D4	Trần Thị Thu	Hoài	Nữ	28/7/1996				Khá	1651381	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25527	2487-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị ánh	Hồng	Nữ	13/11/1996				Khá	1651382	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25528	2488-K50D4	K50D4	Ngô Thị Hồng	Huế	Nữ	8/6/1996				Khá	1651383	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25529	2489-K50D4	K50D4	Lê Thu	Hương	Nữ	13/1/1996				Khá	1651384	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25530	2490-K50D4	K50D4	Trần Thị	Hương	Nữ	8/9/1996				Khá	1651385	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25531	2491-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12/7/1996				Khá	1651386	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25532	2492-K50D4	K50D4	Trần Thị Mỹ	Lanh	Nữ	20/5/1996				Khá	1651387	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25533	2493-K50D4	K50D4	Trần Thị	Liên	Nữ	8/2/1996				Giỏi	1651388	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25534	2494-K50D4	K50D4	Lê Thùy	Linh	Nữ	21/3/1996				Khá	1651389	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25535	2495-K50D4	K50D4	Lê Thị	Loan	Nữ	16/6/1996				Khá	1651390	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25536	2496-K50D4	K50D4	Trịnh Thị	Loan	Nữ	11/5/1996				Khá	1651391	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25537	2497-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	14/5/1996				Khá	1651392	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25538	2498-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	19/5/1996				Khá	1651393	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25539	2499-K50D4	K50D4	Hoàng Thị	Ngát	Nữ	7/12/1996				Khá	1651394	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25540	2500-K50D4	K50D4	Phạm Hữu	Nghĩa	Nam	21/9/1996				Khá	1651395	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25541	2501-K50D4	K50D4	Đoàn Thị Kim	Nhung	Nữ	3/8/1996				Khá	1651396	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25542	2502-K50D4	K50D4	Nguyễn Lâm	Oanh	Nữ	21/5/1996				Giỏi	1651397	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25543	2503-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	26/9/1996				Trung bình	1651398	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25544	2504-K50D4	K50D4	Trần Thị Minh	Phương	Nữ	15/11/1996				Khá	1651399	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25545	2505-K50D4	K50D4	Trần Thị	Phượng	Nữ	22/7/1996				Giỏi	1651400	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25546	2506-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	18/9/1996				Giỏi	1651401	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25547	2507-K50D4	K50D4	Đào Thị	Tâm	Nữ	9/3/1996				Khá	1651402	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25548	2508-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	6/7/1996				Trung bình	1651403	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25549	2509-K50D4	K50D4	Nhữ Thị Phương	Thảo	Nữ	25/1/1996				Khá	1651404	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25550	2510-K50D4	K50D4	Đỗ Thị	Thoả	Nữ	28/10/1995				Khá	1651405	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25551	2511-K50D4	K50D4	Phạm Thị Minh	Thu	Nữ	7/10/1996				Khá	1651406	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25552	2512-K50D4	K50D4	Hoàng Thị	Thùy	Nữ	10/3/1996				Khá	1651407	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25553	2513-K50D4	K50D4	Vũ Thị Thanh	Thủy	Nữ	30/11/1996				Khá	1651408	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25554	2514-K50D4	K50D4	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	3/10/1996				Khá	1651409	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25555	2515-K50D4	K50D4	Lương Thị Thu	Trang	Nữ	18/11/1996				Khá	1651410	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25556	2516-K50D4	K50D4	Nguyễn Kiều	Trang	Nữ	21/8/1995				Trung bình	1651411	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25557	2517-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị	Tuyền	Nữ	27/9/1996				Khá	1651412	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25558	2518-K50D4	K50D4	Bùi Thị Hải	Yến	Nữ	25/2/1995				Khá	1651413	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25559	2519-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	15/1/1996				Khá	1651414	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25560	2520-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	ánh	Nữ	24/4/1996				Khá	1651415	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25561	2521-K50D5	K50D5	Bùi Kim	Chi	Nữ	9/5/1996				Giỏi	1651416	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25562	2522-K50D5	K50D5	Dương Thị Thùy	Dung	Nữ	5/2/1996				Khá	1651417	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25563	2523-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	24/6/1996				Khá	1651418	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25564	2524-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	29/1/1996				Giỏi	1651419	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25565	2525-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	10/1/1996				Khá	1651420	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25566	2526-K50D5	K50D5	Lương Thị	Hằng	Nữ	6/6/1996				Trung bình	1651421	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25567	2527-K50D5	K50D5	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	28/10/1996				Giỏi	1651422	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25568	2528-K50D5	K50D5	Trần Thị	Hoa	Nữ	26/1/1996				Khá	1651423	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25569	2529-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	20/10/1996				Giỏi	1651424	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25570	2530-K50D5	K50D5	Phùng Thị ánh	Hồng	Nữ	22/9/1996				Khá	1651425	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25571	2531-K50D5	K50D5	Đỗ Thị	Hương	Nữ	1/2/1996				Khá	1651426	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25572	2532-K50D5	K50D5	Lương Thị	Hương	Nữ	12/4/1996				Giỏi	1651427	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25573	2533-K50D5	K50D5	Trần Thị Quỳnh	Lan	Nữ	20/11/1996				Khá	1651428	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25574	2534-K50D5	K50D5	Bùi Thị Mỹ	Linh	Nữ	6/8/1996				Khá	1651429	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25575	2535-K50D5	K50D5	Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	21/12/1996				Khá	1651430	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25576	2536-K50D5	K50D5	Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	12/3/1996				Khá	1651431	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25577	2537-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	30/10/1996				Khá	1651432	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25578	2538-K50D5	K50D5	Lê Thị	Ngân	Nữ	6/4/1996				Khá	1651433	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25579	2539-K50D5	K50D5	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	27/7/1996				Khá	1651434	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25580	2540-K50D5	K50D5	Kiều	Nụ	Nữ	6/1/1996				Khá	1651435	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25581	2541-K50D5	K50D5	Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	24/9/1996				Khá	1651436	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25582	2542-K50D5	K50D5	Phạm Thị Kiều	Phương	Nữ	20/8/1996				Khá	1651437	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25583	2543-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	7/5/1996				Khá	1651438	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25584	2544-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị Từ	Tâm	Nữ	20/1/1996				Khá	1651439	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25585	2545-K50D5	K50D5	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	13/9/1996				Khá	1651440	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25586	2546-K50D5	K50D5	Nguyễn Bích	Thủy	Nữ	19/8/1996				Khá	1651441	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25587	2547-K50D5	K50D5	Phùng Thị Thu	Thủy	Nữ	17/1/1996				Khá	1651442	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25588	2548-K50D5	K50D5	Vũ Thị Hồng	Trâm	Nữ	15/7/1996				Giỏi	1651443	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25589	2549-K50D5	K50D5	Thang Huyền	Trang	Nữ	29/10/1996				Khá	1651444	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25590	2550-K50D5	K50D5	Vũ Thị Anh	Tú	Nữ	4/4/1996				Khá	1651445	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25591	2551-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	5/6/1996				Khá	1651446	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25592	2552-K50D5	K50D5	Trương Thị	Thắm	Nữ	1/5/1996				Khá	1651447	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25593	2553-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	6/2/1996				Khá	1651448	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25594	2554-K50D6	K50D6	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	9/12/1996				Khá	1651449	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25595	2555-K50D6	K50D6	Vũ Thị Ngọc	Bích	Nữ	5/11/1996				Giỏi	1651450	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25596	2556-K50D6	K50D6	Vũ Thị Minh	Diễm	Nữ	17/7/1996				Khá	1651451	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25597	2557-K50D6	K50D6	Trần Thị	Dung	Nữ	19/5/1996				Khá	1651452	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25598	2558-K50D6	K50D6	Trương Thị Thùy	Dung	Nữ	8/1/1996				Khá	1651453	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25599	2559-K50D6	K50D6	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	10/7/1996				Khá	1651454	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25600	2560-K50D6	K50D6	Trần Thị	Hằng	Nữ	13/1/1996				Khá	1651455	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25601	2561-K50D6	K50D6	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	1/4/1996				Khá	1651456	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25602	2562-K50D6	K50D6	Trịnh Thị	Hiền	Nữ	2/5/1996				Khá	1651457	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25603	2563-K50D6	K50D6	Đỗ Thị Thanh	Hoài	Nữ	2/6/1996				Khá	1651458	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25604	2564-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	18/9/1996				Giỏi	1651459	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25605	2565-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	Nữ	8/8/1996				Giỏi	1651460	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25606	2566-K50D6	K50D6	Đoàn Thị	Hương	Nữ	19/12/1996				Khá	1651461	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25607	2567-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	15/8/1995				Giỏi	1651462	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25608	2568-K50D6	K50D6	Thân Thị Mai	Hương	Nữ	20/11/1996				Khá	1651463	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25609	2569-K50D6	K50D6	Nguyễn Nhật	Hường	Nữ	26/11/1996				Khá	1651464	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25610	2570-K50D6	K50D6	Đoàn Thị Lệ	Huyền	Nữ	27/9/1996				Khá	1651465	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25611	2571-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	4/1/1996				Khá	1651466	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25612	2572-K50D6	K50D6	Hoàng Thị	Lan	Nữ	10/5/1996				Khá	1651467	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25613	2573-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	13/8/1996				Khá	1651468	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25614	2574-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	9/4/1996				Khá	1651469	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25615	2575-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị	Nụ	Nữ	14/10/1996				Giỏi	1651470	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25616	2576-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	25/5/1996				Giỏi	1651471	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25617	2577-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị Bích	Phương	Nữ	22/10/1996				Khá	1651472	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25618	2578-K50D6	K50D6	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	18/3/1996				Khá	1651473	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25619	2579-K50D6	K50D6	Lại Thị	Thảo	Nữ	13/7/1996				Khá	1651474	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25620	2580-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	18/1/1996				Trung bình	1651475	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25621	2581-K50D6	K50D6	Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	10/8/1996				Trung bình	1651476	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25622	2582-K50D6	K50D6	Đỗ Thị	The	Nữ	22/6/1996				Khá	1651477	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25623	2583-K50D6	K50D6	Đỗ Thị	Thư	Nữ	4/12/1996				Khá	1651478	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25624	2584-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	5/8/1996				Khá	1651479	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25625	2585-K50D6	K50D6	Phạm Thị	Tuyết	Nữ	18/9/1996				Khá	1651480	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25626	2586-K50D6	K50D6	Phạm Thị Thanh	Xuân	Nữ	16/3/1996				Khá	1651481	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25627	2587-K49D1	K49D1	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	23/1/1994				Khá	1651482	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25628	2588-K48D5	K48D5	Đỗ Thị	Hoa	Nữ	21/7/1993				Trung bình	1651483	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25629	2589-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị	Hào	Nữ	4/8/1994				Khá	1651484	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25630	2590-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	22/10/1995				Khá	1651485	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25631	2591-K17D_SB	K17D_SB	Trình Thị	La	Nữ	20/10/1995				Khá	1651486	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25632	2592-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	21/1/1995				Khá	1651487	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25633	2593-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	2/2/1994				Khá	1651488	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25634	2594-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	22/7/1995				Trung bình	1651489	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25635	2595-K17D_SB	K17D_SB	Nông Thị Cẩm	Nhung	Nữ	2/5/1993				Trung bình	1651490	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25636	2596-K17D_SB	K17D_SB	Trương Thị	Phương	Nữ	27/12/1994				Trung bình	1651491	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25637	2597-K17D_SB	K17D_SB	Vũ Thị	Phượng	Nữ	24/1/1995				Khá	1651492	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25638	2598-K17D_SB	K17D_SB	Trần Thị	Quyên	Nữ	7/1/1995				Khá	1651493	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25639	2599-K17D_SB	K17D_SB	Trình Thị	Thoa	Nữ	11/6/1995				Khá	1651494	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25640	2600-K17D_SB	K17D_SB	Bùi Thị	Dung	Nữ	11/9/1995				Khá	1651495	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25641	2601-K17D_SB	K17D_SB	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/8/1995				Khá	1651496	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25642	2602-K17D_SB	K17D_SB	Bùi Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	22/3/1994				Trung bình	1651497	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25643	2603-K18D	K18D	Lê Thị	Nga	Nữ	14/2/1994				Khá	1651498	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25644	2604-K18D	K18D	Đồng Thị Lan	Anh	Nữ	24/4/1995				Khá	1651499	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25645	2605-K18D	K18D	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	8/8/1995				Khá	1651500	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25646	2606-K18D	K18D	Phạm Tuấn	Anh	Nam	25/9/1995				Khá	1651501	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25647	2607-K18D	K18D	Lê Thị	Dung	Nữ	20/1/1995				Khá	1651502	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25648	2608-K18D	K18D	Phạm Thị	Giang	Nữ	12/10/1995				Khá	1651503	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25649	2609-K18D	K18D	Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	16/2/1995				Trung bình	1651504	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25650	2610-K18D	K18D	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	6/8/1995				Khá	1651505	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25651	2611-K18D	K18D	Phạm Thị	Hải	Nữ	20/10/1995				Trung bình	1651506	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25652	2612-K18D	K18D	Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	5/1/1995				Khá	1651507	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25653	2613-K18D	K18D	Ngô Thị Thu	Hiền	Nữ	23/9/1995				Khá	1651508	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25654	2614-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	4/1/1995				Khá	1651509	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25655	2615-K18D	K18D	Đào Thị Phương	Hoa	Nữ	13/9/1994				Khá	1651510	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25656	2616-K18D	K18D	Đinh Thị Thanh	Hoa	Nữ	26/1/1994				Khá	1651511	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25657	2617-K18D	K18D	Trình Hồng	Huệ	Nữ	8/8/1994				Trung bình	1651512	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25658	2618-K18D	K18D	Vũ Thị Mai	Hương	Nữ	15/10/1994				Trung bình	1651513	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25659	2619-K18D	K18D	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/8/1995				Giỏi	1651514	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25660	2620-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	3/4/1994				Trung bình	1651515	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25661	2621-K18D	K18D	Trương Thị	Huyền	Nữ	19/1/1994				Trung bình	1651516	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25662	2622-K18D	K18D	Thân Thị	Kha	Nữ	12/4/1995				Khá	1651581	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25663	2623-K18D	K18D	Bạch Thị Tùng	Lâm	Nữ	15/12/1995				Khá	1651517	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25664	2624-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	2/5/1995				Khá	1651518	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25665	2625-K18D	K18D	Bùi Thị Thùy	Linh	Nữ	22/8/1994				Khá	1651519	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25666	2626-K18D	K18D	Lại Thị	Linh	Nữ	19/7/1995				Khá	1651520	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25667	2627-K18D	K18D	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	5/11/1995				Khá	1651521	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25668	2628-K18D	K18D	Đoàn Thị	Mai	Nữ	7/10/1994				Khá	1651522	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25669	2629-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	17/1/1995				Khá	1651523	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25670	2630-K18D	K18D	Vũ Thị	Mai	Nữ	3/4/1995				Khá	1651524	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25671	2631-K18D	K18D	Trần Thị	Mi	Nữ	5/3/1995				Khá	1651525	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25672	2632-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	3/8/1994				Khá	1651526	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25673	2633-K18D	K18D	Tăng Thị	Nga	Nữ	2/4/1995				Khá	1651527	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25674	2634-K18D	K18D	Vũ Thị Quỳnh	Nga	Nữ	6/10/1995				Trung bình	1651528	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25675	2635-K18D	K18D	Tạ Thị	Ngân	Nữ	29/10/1994				Khá	1651529	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25676	2636-K18D	K18D	Phạm Thị	Ngoan	Nữ	18/10/1994				Khá	1651530	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25677	2637-K18D	K18D	Vũ Thị ánh	Nguyệt	Nữ	25/8/1995				Khá	1651531	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25678	2638-K18D	K18D	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	9/12/1995				Khá	1651532	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25679	2639-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Nhật	Nữ	3/12/1995				Khá	1651533	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25680	2640-K18D	K18D	Đoàn Thị	Nhung	Nữ	1/4/1994				Khá	1651534	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25681	2641-K18D	K18D	Hồ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	24/4/1995				Khá	1651535	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25682	2642-K18D	K18D	Lương Thị Kiều	Oanh	Nữ	6/6/1995				Khá	1651536	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25683	2643-K18D	K18D	Đỗ Thị	Phúc	Nữ	1/5/1994				Trung bình	1651537	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25684	2644-K18D	K18D	Bùi Thị Bích	Phương	Nữ	1/12/1995				Khá	1651538	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25685	2645-K18D	K18D	Phan Thị	Quỳnh	Nữ	29/7/1995				Khá	1651539	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25686	2646-K18D	K18D	Phan Thị Hoài	Thanh	Nữ	1/8/1994				Khá	1651540	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25687	2647-K18D	K18D	Vũ Ngọc	Thành	Nam	17/7/1995				Khá	1651541	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25688	2648-K18D	K18D	Đỗ Thu	Thảo	Nữ	1/1/1995				Khá	1651542	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25689	2649-K18D	K18D	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	20/10/1994				Khá	1651543	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25690	2650-K18D	K18D	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	17/2/1994				Khá	1651544	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25691	2651-K18D	K18D	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	28/4/1995				Khá	1651545	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25692	2652-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	13/11/1995				Khá	1651546	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25693	2653-K18D	K18D	Vũ Thị	Thảo	Nữ	12/3/1995				Khá	1651547	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25694	2654-K18D	K18D	Phạm Minh	Thư	Nữ	18/7/1994				Khá	1651548	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25695	2655-K18D	K18D	Vũ Thị Ngọc	Tiếp	Nữ	19/8/1995				Khá	1651549	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25696	2656-K18D	K18D	Đỗ Thu	Trang	Nữ	26/9/1995				Khá	1651550	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25697	2657-K18D	K18D	Nguyễn Lưu Hải	Trang	Nữ	29/6/1995				Khá	1651551	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25698	2658-K18D	K18D	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	21/10/1995				Khá	1651552	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25699	2659-K18D	K18D	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	29/7/1995				Khá	1651553	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25700	2660-K18D	K18D	Nguyễn Thị Như	ý	Nữ	11/9/1995				Khá	1651554	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25701	2661-K18D	K18D	Đỗ Hoàng	Yến	Nữ	17/11/1995				Khá	1651555	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25702	2662-K18D	K18D	Đỗ Thị	Yến	Nữ	12/10/1994				Khá	1651556	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25703	2663-K19D	K19D	Bùi Thúy	Anh	Nữ	2/6/1995				Khá	1651557	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25704	2664-K19D	K19D	Nguyễn Thị	Chương	Nữ	13/3/1995				Khá	1651558	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25705	2665-K19D	K19D	Vũ Ngọc	Diệp	Nữ	29/1/1995				Khá	1651559	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25706	2666-K19D	K19D	Đoàn Thị Minh	Hoà	Nữ	16/10/1995				Khá	1651560	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25707	2667-K19D	K19D	Trịnh Thị	Hoan	Nữ	8/6/1995				Khá	1651561	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25708	2668-K19D	K19D	Nguyễn Thị	Huê	Nữ	11/7/1995				Trung bình	1651562	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25709	2669-K19D	K19D	Đoàn Văn	Hùng	Nam	26/11/1993				Trung bình	1651563	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25710	2670-K19D	K19D	Lê Thị	Hường	Nữ	1/10/1995				Khá	1651564	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25711	2671-K19D	K19D	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	7/4/1995				Khá	1651565	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25712	2672-K19D	K19D	Trần Thu	Huyền	Nữ	6/3/1994				Khá	1651566	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25713	2673-K19D	K19D	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	27/8/1995				Trung bình	1651567	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25714	2674-K19D	K19D	Trần Khánh	Linh	Nữ	1/10/1995				Khá	1651568	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25715	2675-K19D	K19D	Phan Thị Hương	Ly	Nữ	2/11/1995				Khá	1651569	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25716	2676-K19D	K19D	Trần Thị	Mai	Nữ	14/4/1995				Khá	1651570	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25717	2677-K19D	K19D	Lương Thị Kiều	My	Nữ	22/7/1995				Khá	1651571	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25718	2678-K19D	K19D	Lê Thị	Phương	Nữ	28/2/1995				Khá	1651572	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25719	2679-K19D	K19D	Nguyễn Thị	Thà	Nữ	2/8/1995				Khá	1651573	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25720	2680-K19D	K19D	Hoàng Thị	Thương	Nữ	22/8/1995				Khá	1651574	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25721	2681-K19D	K19D	Phan Thị Bích	Thùy	Nữ	6/12/1995				Khá	1651575	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25722	2682-K19D	K19D	Trần Thị ánh	Tuyết	Nữ	4/9/1995				Khá	1651576	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25723	2683-K19D	K19D	Phùng Thị	Vân	Nữ	3/11/1995				Khá	1651577	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25724	2684-K20D	K20D	Nguyễn Mỹ	Hảo	Nữ	15/1/1995				Khá	1651578	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25725	2685-K20D	K20D	Lê Thị	Kim	Nữ	6/11/1995				Khá	1651579	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25726	2686-K20D	K20D	Nguyễn Thị Như	Mai	Nữ	16/1/1995				Trung bình	1651580	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	535/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25727	2724-K50N1	K50N1	Phùng Tú	Anh	Nữ	16/10/1996				Khá	1651619	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25728	2725-K50N1	K50N1	Vũ Thị Ngọc	Anh	Nữ	9/11/1996				Khá	1651620	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25729	2726-K50N1	K50N1	Phạm Thị Ngọc	ánh	Nữ	21/11/1996				Khá	1651621	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25730	2727-K50N1	K50N1	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	4/5/1996				Khá	1651622	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25731	2728-K50N1	K50N1	Nguyễn Quỳnh	Chi	Nữ	11/9/1996				Khá	1651623	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25732	2729-K50N1	K50N1	Đỗ Minh	Cương	Nam	2/1/1996				Khá	1651624	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25733	2730-K50N1	K50N1	Hồ Thị Thu	Hà	Nữ	7/1/1995				Khá	1651625	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25734	2731-K50N1	K50N1	Lê Thị	Hải	Nữ	4/6/1996				Khá	1651626	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25735	2732-K50N1	K50N1	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	8/11/1996				Giỏi	1651627	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25736	2733-K50N1	K50N1	Trần Thị	Hiền	Nữ	2/2/1996				Trung bình	1651628	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25737	2734-K50N1	K50N1	Nguyễn Phúc	Hiếu	Nam	7/1/1995				Trung bình	1651629	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25738	2735-K50N1	K50N1	Dương Thị	Hồng	Nữ	6/9/1996				Khá	1651630	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25739	2736-K50N1	K50N1	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	9/4/1996				Khá	1651631	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25740	2737-K50N1	K50N1	Trần Lan	Hương	Nữ	24/9/1996				Khá	1651632	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25741	2738-K50N1	K50N1	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	26/9/1996				Khá	1651633	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25742	2739-K50N1	K50N1	Hoàng Thị	Khang	Nữ	25/1/1996				Khá	1651634	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25743	2740-K50N1	K50N1	Lương Thị	Lan	Nữ	12/2/1996				Khá	1651635	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25744	2741-K50N1	K50N1	Hoàng Thị Nhật	Lệ	Nữ	23/7/1996				Khá	1651636	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25745	2742-K50N1	K50N1	Võ Thị Thùy	Linh	Nữ	2/10/1996				Khá	1651637	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25746	2743-K50N1	K50N1	Nguyễn Hương	Ly	Nữ	27/6/1996				Khá	1651638	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25747	2744-K50N1	K50N1	Trương Huyền	My	Nữ	7/1/1996				Khá	1651639	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25748	2745-K50N1	K50N1	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	18/2/1996				Khá	1651640	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25749	2746-K50N1	K50N1	Trịnh Thị	Nguyệt	Nữ	27/3/1996				Khá	1651641	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25750	2747-K50N1	K50N1	Phạm Thị	Oanh	Nữ	7/2/1996				Khá	1651642	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25751	2748-K50N1	K50N1	Tô Lan	Phương	Nữ	27/9/1996				Khá	1651643	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25752	2749-K50N1	K50N1	Vũ Đình	Quyết	Nam	17/8/1996				Giỏi	1651644	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25753	2750-K50N1	K50N1	Lê Ngọc	Quỳnh	Nữ	13/5/1996				Khá	1651645	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25754	2751-K50N1	K50N1	Đỗ Thị	Thao	Nữ	6/10/1996				Khá	1651646	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25755	2752-K50N1	K50N1	Giang Thị	Thảo	Nữ	10/10/1995				Khá	1651647	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25756	2753-K50N1	K50N1	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	28/1/1996				Khá	1651648	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25757	2754-K50N1	K50N1	Bùi Thị Thanh	Thơm	Nữ	4/12/1996				Khá	1651649	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25758	2755-K50N1	K50N1	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	6/10/1996				Khá	1651650	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25759	2756-K50N1	K50N1	Hoàng Thị Kiều	Trang	Nữ	24/2/1996				Khá	1651651	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25760	2757-K50N1	K50N1	Lê Thị Kiều	Trang	Nữ	29/4/1996				Khá	1651652	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25761	2758-K50N1	K50N1	Vũ Thị	Xuân	Nữ	14/7/1996				Khá	1651653	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25762	2759-K50N2	K50N2	Hoàng Vân	Anh	Nữ	10/5/1996				Khá	1651654	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25763	2760-K50N2	K50N2	Đỗ Thị Minh	ánh	Nữ	10/7/1996				Khá	1651655	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25764	2761-K50N2	K50N2	Trần Thanh	Bình	Nữ	28/12/1994				Khá	1651656	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25765	2762-K50N2	K50N2	Trịnh Hà	Châu	Nữ	24/5/1996				Khá	1651657	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25766	2763-K50N2	K50N2	Chu Thùy	Dung	Nữ	26/1/1996				Khá	1651658	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25767	2764-K50N2	K50N2	Đinh Thị	Giang	Nữ	7/6/1996				Khá	1651659	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25768	2765-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	29/10/1996				Khá	1651660	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25769	2766-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	2/5/1996				Khá	1651661	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25770	2767-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	23/10/1996				Khá	1651662	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25771	2768-K50N2	K50N2	Nguyễn Thanh	Hường	Nữ	2/8/1995				Khá	1651663	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25772	2769-K50N2	K50N2	Phạm Thị	Huyền	Nữ	19/11/1996				Khá	1651664	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25773	2770-K50N2	K50N2	Nguyễn Mai	Khanh	Nữ	6/12/1996				Giỏi	1651665	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25774	2771-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	23/11/1996				Khá	1651666	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25775	2772-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	7/1/1996				Khá	1651667	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25776	2773-K50N2	K50N2	Nguyễn Thảo	Ly	Nữ	18/5/1996				Trung bình	1651668	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25777	2774-K50N2	K50N2	Dương Thu	Nga	Nữ	21/2/1996				Trung bình	1651669	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25778	2775-K50N2	K50N2	Lê Thị	Phương	Nữ	15/5/1995				Khá	1651670	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25779	2776-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	3/3/1996				Khá	1651671	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25780	2777-K50N2	K50N2	Ngô Phương	Quỳnh	Nữ	11/9/1996				Khá	1651672	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25781	2778-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/3/1996				Khá	1651673	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25782	2779-K50N2	K50N2	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	27/7/1996				Khá	1651674	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25783	2780-K50N2	K50N2	Tạ Thị	Thảo	Nữ	13/2/1995				Khá	1651867	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25784	2781-K50N2	K50N2	Phạm Thị	Thư	Nữ	16/3/1996				Khá	1651675	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25785	2782-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị	Tình	Nữ	23/1/1996				Khá	1651676	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25786	2783-K50N2	K50N2	Bùi Thị Thu	Trang	Nữ	27/3/1996				Khá	1651677	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25787	2784-K50N2	K50N2	ích Thị	Trang	Nữ	20/12/1996				Trung bình	1651678	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25788	2785-K50N2	K50N2	Nguyễn Đỗ Bảo	Trang	Nữ	4/7/1996				Khá	1651679	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25789	2786-K50N2	K50N2	Nguyễn Thành	Tuấn	Nam	9/12/1996				Khá	1651680	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25790	2787-K50N2	K50N2	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	7/9/1996				Khá	1651681	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25791	2788-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị Thanh	Yên	Nữ	3/7/1996				Khá	1651682	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25792	2789-K50N3	K50N3	Trần Nam	Anh	Nam	23/1/1996				Khá	1651683	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25793	2790-K50N3	K50N3	Trần Thị Ngọc	ánh	Nữ	7/7/1996				Khá	1651684	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25794	2791-K50N3	K50N3	Hoàng Khánh	Chi	Nữ	19/5/1996				Khá	1651685	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25795	2792-K50N3	K50N3	Vũ Bình	Dương	Nữ	1/11/1996				Khá	1651686	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25796	2793-K50N3	K50N3	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	26/7/1996				Khá	1651687	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25797	2794-K50N3	K50N3	Nguyễn Vy	Hạ	Nữ	20/4/1996				Khá	1651688	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25798	2795-K50N3	K50N3	Hán Thị Hồng	Hạnh	Nữ	8/2/1996				Khá	1651689	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25799	2796-K50N3	K50N3	Sầm Thị Thu	Hiền	Nữ	7/8/1995				Khá	1651690	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25800	2797-K50N3	K50N3	Trần Thị	Hồng	Nữ	27/10/1996				Khá	1651691	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25801	2798-K50N3	K50N3	Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	15/1/1996				Khá	1651692	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25802	2799-K50N3	K50N3	Dương Vân	Huyền	Nữ	20/2/1996				Khá	1651693	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25803	2800-K50N3	K50N3	Trần Khánh	Huyền	Nữ	28/7/1996				Khá	1651694	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25804	2801-K50N3	K50N3	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	Nữ	2/9/1996				Trung bình	1651695	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25805	2802-K50N3	K50N3	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	25/7/1996				Khá	1651696	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25806	2803-K50N3	K50N3	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	21/7/1996				Khá	1651697	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25807	2804-K50N3	K50N3	Đỗ Thị Thanh	Loan	Nữ	15/1/1996				Khá	1651698	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25808	2805-K50N3	K50N3	Phạm Thị Cẩm	Ly	Nữ	29/8/1995				Khá	1651699	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25809	2806-K50N3	K50N3	Cù Tiến	Mẫn	Nam	1/6/1996				Khá	1651700	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25810	2807-K50N3	K50N3	Bùi Thị	My	Nữ	2/7/1996				Khá	1651701	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25811	2808-K50N3	K50N3	Nguyễn Thị Thu	Ngà	Nữ	6/9/1995				Trung bình	1651702	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25812	2809-K50N3	K50N3	Trần Thị	Ngọc	Nữ	7/2/1996				Khá	1651703	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25813	2810-K50N3	K50N3	Đặng Thị	Quỳnh	Nữ	3/10/1996				Khá	1651704	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25814	2811-K50N3	K50N3	Vũ Như	Quỳnh	Nữ	12/7/1996				Khá	1651705	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25815	2812-K50N3	K50N3	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	Nữ	12/1/1996				Khá	1651706	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25816	2813-K50N3	K50N3	Ngô Tiến	Thành	Nam	7/7/1996				Trung bình	1651707	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25817	2814-K50N3	K50N3	Lê Phương	Thảo	Nữ	9/7/1996				Khá	1651708	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25818	2815-K50N3	K50N3	Vũ Anh	Thư	Nữ	27/1/1996				Khá	1651709	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25819	2816-K50N3	K50N3	Nguyễn Minh	Thúy	Nữ	12/12/1996				Khá	1651710	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25820	2817-K50N3	K50N3	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	15/12/1996				Khá	1651711	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25821	2818-K50N3	K50N3	Đoàn Thị Hoàng	Yến	Nữ	26/6/1996				Khá	1651712	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25822	2819-K50N4	K50N4	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	23/12/1996				Giỏi	1651713	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25823	2820-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	Nữ	7/11/1996				Khá	1651714	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25824	2821-K50N4	K50N4	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	5/1/1996				Khá	1651715	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25825	2822-K50N4	K50N4	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	10/9/1996				Khá	1651716	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25826	2823-K50N4	K50N4	Lê Thị Ngọc	ánh	Nữ	29/1/1995				Khá	1651717	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25827	2824-K50N4	K50N4	Lê Thị Thùy	Dương	Nữ	17/9/1996				Khá	1651718	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25828	2825-K50N4	K50N4	Ngô Gia	Duy	Nam	27/11/1996				Khá	1651719	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25829	2826-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	7/12/1996				Khá	1651720	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25830	2827-K50N4	K50N4	Vũ Thị	Hằng	Nữ	1/3/1996				Khá	1651721	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25831	2828-K50N4	K50N4	Hà Hồng	Hạnh	Nữ	23/4/1996				Khá	1651722	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25832	2829-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	18/9/1995				Khá	1651723	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25833	2830-K50N4	K50N4	Phạm Lan	Hương	Nữ	4/2/1996				Trung bình	1651724	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25834	2831-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	6/8/1996				Khá	1651725	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25835	2832-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	20/8/1996				Giỏi	1651726	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25836	2833-K50N4	K50N4	Lê Quang	Khánh	Nam	6/10/1996				Khá	1651727	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25837	2834-K50N4	K50N4	Phùng Thị ánh	Khánh	Nữ	15/10/1996				Khá	1651728	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25838	2835-K50N4	K50N4	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	15/1/1996				Khá	1651729	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25839	2836-K50N4	K50N4	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	8/5/1996				Khá	1651730	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25840	2837-K50N4	K50N4	Trần Thị	Linh	Nữ	9/7/1996				Khá	1651731	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25841	2838-K50N4	K50N4	Phan Thị	Loan	Nữ	1/11/1996				Khá	1651732	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25842	2839-K50N4	K50N4	Đặng Thị	Mai	Nữ	24/1/1996				Giỏi	1651733	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25843	2840-K50N4	K50N4	Phạm Hồng	Ngân	Nữ	2/12/1996				Khá	1651734	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25844	2841-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	18/11/1996				Khá	1651735	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25845	2842-K50N4	K50N4	Đinh Thị Mai	Phương	Nữ	30/1/1996				Khá	1651736	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25846	2843-K50N4	K50N4	Trịnh Hồng	Phương	Nữ	7/8/1996				Khá	1651737	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25847	2844-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	12/7/1996				Khá	1651738	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25848	2845-K50N4	K50N4	Đào Thị	Sim	Nữ	20/6/1996				Khá	1651739	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25849	2846-K50N4	K50N4	Bùi Băng	Thanh	Nữ	4/9/1996				Khá	1651740	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25850	2847-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	19/7/1996				Trung bình	1651741	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25851	2848-K50N4	K50N4	Đỗ Thế	Thiện	Nam	19/11/1996				Khá	1651742	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25852	2849-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	5/10/1996				Khá	1651743	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25853	2850-K50N4	K50N4	Nguyễn Minh	Thúy	Nữ	16/1/1996				Khá	1651744	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25854	2851-K50N4	K50N4	Đỗ Thu	Trà	Nữ	17/6/1996				Khá	1651745	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25855	2852-K50N4	K50N4	Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	28/10/1996				Khá	1651746	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25856	2853-K50N4	K50N4	Hoàng Thùy	Trang	Nữ	11/3/1996				Khá	1651747	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25857	2854-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	30/8/1996				Khá	1651748	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25858	2855-K50N4	K50N4	Tiêu Thị Hồng	Vân	Nữ	1/3/1996				Khá	1651749	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25859	2856-K50N4	K50N4	Nguyễn Việt	Đức	Nam	3/6/1995				Khá	1651750	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25860	2857-K50N5	K50N5	Lưu Phạm Phương	Anh	Nữ	10/10/1996				Khá	1651751	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25861	2858-K50N5	K50N5	Vũ Trần Duy	Anh	Nam	15/3/1996				Khá	1651752	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25862	2859-K50N5	K50N5	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	23/10/1996				Khá	1651753	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25863	2860-K50N5	K50N5	Trần Thị Phương	Dung	Nữ	20/4/1996				Khá	1651754	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25864	2861-K50N5	K50N5	Hồ Quốc	Duy	Nam	2/7/1996				Khá	1651755	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25865	2862-K50N5	K50N5	Lại Thị Thu	Hà	Nữ	22/11/1995				Khá	1651756	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25866	2863-K50N5	K50N5	Đặng Thu	Hằng	Nữ	29/3/1996				Khá	1651757	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25867	2864-K50N5	K50N5	Vũ Thị	Hiếu	Nữ	27/3/1996				Khá	1651758	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25868	2865-K50N5	K50N5	Nguyễn Thùy	Hoa	Nữ	14/2/1996				Khá	1651759	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25869	2866-K50N5	K50N5	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	18/2/1996				Khá	1651760	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25870	2867-K50N5	K50N5	Cấn Thị Thanh	Huyền	Nữ	23/9/1996				Khá	1651761	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25871	2868-K50N5	K50N5	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	23/1/1996				Trung bình	1651762	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25872	2869-K50N5	K50N5	Hoàng Thị	Lệ	Nữ	22/8/1996				Khá	1651763	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25873	2870-K50N5	K50N5	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23/9/1996				Trung bình	1651764	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25874	2871-K50N5	K50N5	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	15/2/1996				Khá	1651765	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25875	2872-K50N5	K50N5	Nguyễn Bá	Nghiệp	Nam	26/7/1996				Khá	1651766	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25876	2873-K50N5	K50N5	Đỗ Thị Thu	Phương	Nữ	18/8/1996				Khá	1651767	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25877	2874-K50N5	K50N5	Phạm Thị	Phượng	Nữ	27/11/1996				Trung bình	1651768	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25878	2875-K50N5	K50N5	Nguyễn Thị	Suốt	Nữ	4/2/1996				Khá	1651769	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25879	2876-K50N5	K50N5	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	27/11/1996				Khá	1651770	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25880	2877-K50N5	K50N5	Bùi Thị	Thoa	Nữ	25/3/1996				Khá	1651771	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25881	2878-K50N5	K50N5	Phạm Thị	Thùy	Nữ	27/4/1996				Khá	1651772	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25882	2879-K50N5	K50N5	Võ Thị	Trâm	Nữ	8/2/1996				Giỏi	1651773	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25883	2880-K50N5	K50N5	Lê Huyền	Trang	Nữ	10/12/1996				Khá	1651774	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25884	2881-K50N5	K50N5	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	25/7/1995				Khá	1651775	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25885	2882-K50N5	K50N5	Trương Cẩm	Tú	Nữ	4/8/1996				Khá	1651776	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25886	2883-K50N5	K50N5	Nguyễn Thị Phương	Yến	Nữ	5/7/1996				Khá	1651777	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25887	2884-K50N6	K50N6	Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	21/2/1996				Khá	1651778	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25888	2885-K50N6	K50N6	Trần Ngọc	ánh	Nữ	30/4/1996				Khá	1651779	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25889	2886-K50N6	K50N6	Nguyễn Đắc	Duy	Nam	20/9/1996				Khá	1651780	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25890	2887-K50N6	K50N6	Lương Thị Ngọc	Hà	Nữ	3/3/1996				Khá	1651781	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25891	2888-K50N6	K50N6	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	14/12/1996				Khá	1651782	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25892	2889-K50N6	K50N6	Lê Hồng	Hạnh	Nữ	5/8/1996				Khá	1651783	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25893	2890-K50N6	K50N6	Tạ Thu	Hiền	Nữ	18/10/1996				Khá	1651784	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25894	2891-K50N6	K50N6	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	Nữ	9/1/1996				Khá	1651785	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25895	2892-K50N6	K50N6	Lê ánh	Hồng	Nữ	6/9/1996				Khá	1651786	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25896	2893-K50N6	K50N6	Hoàng Thị	Hường	Nữ	28/6/1996				Khá	1651787	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25897	2894-K50N6	K50N6	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	8/7/1996				Khá	1651788	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25898	2895-K50N6	K50N6	Nguyễn Hương	Lan	Nữ	18/10/1995				Khá	1651789	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25899	2896-K50N6	K50N6	Phạm Thị Ngọc	Lệ	Nữ	24/1/1996				Khá	1651790	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25900	2897-K50N6	K50N6	Phạm Nguyễn Thu	Linh	Nữ	6/6/1996				Khá	1651791	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25901	2898-K50N6	K50N6	Nguyễn Thị Thanh	Lụa	Nữ	25/5/1996				Khá	1651792	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25902	2899-K50N6	K50N6	Tạ Quỳnh	Nga	Nữ	14/6/1996				Khá	1651793	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25903	2900-K50N6	K50N6	Bùi Hồng	Ngọc	Nữ	18/2/1995				Khá	1651794	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25904	2901-K50N6	K50N6	Lê Hoàng	Nguyên	Nam	7/3/1996				Khá	1651795	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25905	2902-K50N6	K50N6	Ngô Hoàng	Nguyên	Nữ	4/6/1996				Khá	1651796	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25906	2903-K50N6	K50N6	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	20/11/1996				Khá	1651797	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25907	2904-K50N6	K50N6	Nguyễn Thùy	Phương	Nữ	5/10/1996				Khá	1651798	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25908	2905-K50N6	K50N6	Đào Thị ánh	Phượng	Nữ	23/3/1996				Khá	1651799	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25909	2906-K50N6	K50N6	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	24/10/1996				Khá	1651800	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25910	2907-K50N6	K50N6	Trần Thị	Tám	Nữ	16/10/1996				Khá	1651801	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25911	2908-K50N6	K50N6	Lăng Thanh	Tâm	Nữ	9/2/1995				Trung bình	1651802	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25912	2909-K50N6	K50N6	Nguyễn Thị Hà	Thanh	Nữ	2/1/1996				Khá	1651803	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25913	2910-K50N6	K50N6	Trần Thị Nhật	Thoa	Nữ	20/2/1996				Khá	1651804	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25914	2911-K50N6	K50N6	Tô Thị	Thương	Nữ	15/1/1996				Khá	1651805	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25915	2912-K50N6	K50N6	Phạm Ngọc	Trâm	Nữ	27/8/1996				Trung bình	1651806	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25916	2913-K50N6	K50N6	Dương Thị	Trang	Nữ	22/5/1996				Khá	1651807	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25917	2914-K50N6	K50N6	Hoàng Thùy	Trang	Nữ	7/4/1996				Trung bình	1651808	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25918	2915-K50N6	K50N6	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	6/7/1995				Khá	1651809	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25919	2916-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	12/6/1996				Khá	1651810	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25920	2917-K50N7	K50N7	Phạm Nguyệt Minh	Anh	Nữ	23/11/1996				Khá	1651811	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25921	2918-K50N7	K50N7	Đặng Thị	Bích	Nữ	2/10/1996				Khá	1651812	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25922	2919-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	27/4/1996				Khá	1651813	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25923	2920-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	3/12/1996				Khá	1651814	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25924	2921-K50N7	K50N7	Đinh Thị	Giang	Nữ	12/10/1996				Trung bình	1651815	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25925	2922-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	12/12/1996				Khá	1651816	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25926	2923-K50N7	K50N7	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	16/12/1996				Khá	1651817	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25927	2924-K50N7	K50N7	Hoàng Thu	Hằng	Nữ	1/11/1996				Khá	1651818	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25928	2925-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	21/6/1996				Trung bình	1651819	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25929	2926-K50N7	K50N7	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	27/6/1996				Khá	1651820	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25930	2927-K50N7	K50N7	Chu Thị Thanh	Hiền	Nữ	21/02/1996				Khá	1651821	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25931	2928-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	02/03/1996				Khá	1651822	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25932	2929-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	11/02/1996				Khá	1651823	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25933	2930-K50N7	K50N7	Đào Thị Ngọc	Huyền	Nữ	10/11/1996				Khá	1651824	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25934	2931-K50N7	K50N7	Tạ Thị	Huyền	Nữ	13/04/1996				Khá	1651825	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25935	2932-K50N7	K50N7	Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	08/11/1996				Khá	1651826	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25936	2933-K50N7	K50N7	Phạm Thị Nhật	Lệ	Nữ	14/07/1996				Khá	1651827	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25937	2934-K50N7	K50N7	Phùng Thị Mỹ	Linh	Nữ	25/06/1996				Khá	1651828	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25938	2935-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	27/10/1996				Khá	1651829	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25939	2936-K50N7	K50N7	Trịnh Thị	Nga	Nữ	24/11/1996				Khá	1651830	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25940	2937-K50N7	K50N7	Vi Thị	Nguyệt	Nữ	16/3/1996				Trung bình	1651831	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25941	2938-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	14/3/1996				Khá	1651832	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25942	2939-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	24/1/1996				Khá	1651833	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25943	2940-K50N7	K50N7	Nguyễn Minh	Phượng	Nữ	6/2/1996				Khá	1651834	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25944	2941-K50N7	K50N7	Trần Thị	Tài	Nữ	1/3/1996				Khá	1651835	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25945	2942-K50N7	K50N7	Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	11/3/1996				Khá	1651836	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25946	2943-K50N7	K50N7	Mai Thị Quỳnh	Thơ	Nữ	22/7/1996				Khá	1651837	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25947	2944-K50N7	K50N7	Bùi Thị Hoài	Thương	Nữ	26/8/1996				Khá	1651838	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25948	2945-K50N7	K50N7	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	7/5/1996				Khá	1651839	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25949	2946-K50N7	K50N7	Nguyễn Diệp Bảo	Trâm	Nữ	25/9/1996				Giỏi	1651840	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25950	2947-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	3/6/1996				Khá	1651841	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25951	2948-K50N7	K50N7	Trần Thị	Trang	Nữ	20/10/1996				Khá	1651842	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25952	2949-K50N7	K50N7	Đoàn Anh	Tuấn	Nam	23/3/1996				Khá	1651843	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25953	2950-K50N7	K50N7	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	20/1/1996				Trung bình	1651844	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25954	2951-K50N7	K50N7	Phạm Thị	Yến	Nữ	11/11/1996				Khá	1651845	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25955	2952-K49N1	K49N1	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	15/9/1995				Trung bình	1651846	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25956	2953-K49N1	K49N1	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	10/10/1994				Trung bình	1651847	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25957	2954-K49N1	K49N1	Nguyễn Anh	Ngọc	Nữ	9/6/1995				Trung bình	1651848	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25958	2955-K49N1	K49N1	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	12/8/1995				Trung bình	1651849	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25959	2956-K49N2	K49N2	Phạm Thị Thanh	Hà	Nữ	5/8/1994				Khá	1651850	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25960	2957-K49N3	K49N3	Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	1/1/1996				Trung bình	1651851	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25961	2958-K49N3	K49N3	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	11/7/1995				Trung bình	1651852	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25962	2959-K49N4	K49N4	Trịnh Ngọc	Bích	Nữ	17/11/1995				Trung bình	1651853	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25963	2960-K49N4	K49N4	Vũ Thị	Duyên	Nữ	21/11/1995				Trung bình	1651854	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25964	2961-K49N4	K49N4	Tạ Thị	Hà	Nữ	27/11/1995				Trung bình	1651855	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25965	2962-K49N4	K49N4	Phan Thị	Hằng	Nữ	20/08/1995				Trung bình	1651856	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25966	2963-K49N4	K49N4	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	15/01/1995				Trung bình	1651857	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25967	2964-K49N4	K49N4	Lê Thị	Huyền	Nữ	20/03/1995				Trung bình	1651858	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25968	2965-K49N4	K49N4	Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	01/05/1995				Trung bình	1651859	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25969	2966-K49N4	K49N4	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	04/05/1995				Trung bình	1651860	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25970	2967-K49N5	K49N5	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	30/10/1995				Trung bình	1651861	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25971	2968-K49N5	K49N5	Hoàng Thị Yến	Phương	Nữ	07/12/1995				Trung bình	1651862	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25972	2969-K49N5	K49N5	Bùi Thị Thảo	Uyên	Nữ	19/11/1995				Trung bình	1651863	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25973	2970-K48N1	K48N1	Trần Văn	An	Nam	03/08/1994				Trung bình	1651864	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25974	2971-K48N1	K48N1	Phạm Thị	Trinh	Nữ	04/07/1993				Trung bình	1651865	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25975	2972-K48N5	K48N5	Chu Thị	Nguyệt	Nữ	2/2/1993				Khá	1651866	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	541/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25976	2973-K50S1	K50S1	Trần Thị	ánh	Nữ	7/1/1996				Khá	1651868	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25977	2974-K50S1	K50S1	Hoàng Thị Hồng	Gấm	Nữ	19/9/1996				Khá	1651869	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25978	2975-K50S1	K50S1	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	22/6/1996				Khá	1651870	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25979	2976-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	21/3/1995				Khá	1651871	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25980	2977-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	17/2/1996				Khá	1651872	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25981	2978-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	7/11/1996				Khá	1651873	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25982	2979-K50S1	K50S1	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	4/4/1996				Khá	1651874	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25983	2980-K50S1	K50S1	Trần Thị	Linh	Nữ	6/9/1996				Khá	1651875	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25984	2981-K50S1	K50S1	Đặng Thị Hoa	Mai	Nữ	11/02/1996				Khá	1651876	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25985	2982-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	10/04/1996				Khá	1651877	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25986	2983-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị Tri	Ngân	Nữ	20/3/1996				Khá	1651878	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25987	2984-K50S1	K50S1	Đỗ Thúy	Ngọc	Nữ	08/07/1996				Khá	1651879	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25988	2985-K50S1	K50S1	Phạm Thị	Ngọt	Nữ	03/01/1996				Khá	1651880	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25989	2986-K50S1	K50S1	Bùi Thị Thu	Nguyệt	Nữ	21/11/1996				Khá	1651881	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25990	2987-K50S1	K50S1	Trịnh Thị	Nhật	Nữ	20/10/1996				Trung bình	1651882	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
25991	2988-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	15/03/1996				Khá	1651883	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25992	2989-K50S1	K50S1	Nguyễn Hồng	Soan	Nữ	11/06/1996				Khá	1651884	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25993	2990-K50S1	K50S1	Đặng Thị	Thắm	Nữ	14/10/1995				Khá	1651885	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25994	2991-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	18/07/1996				Giỏi	1651886	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25995	2992-K50S1	K50S1	Trần Thu	Thủy	Nữ	12/07/1996				Khá	1651887	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25996	2993-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	08/06/1996				Khá	1651888	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25997	2994-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị	Truyền	Nữ	21/12/1996				Khá	1651889	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25998	2995-K50S1	K50S1	Bùi Thị	Tuyến	Nữ	22/07/1996				Khá	1651890	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
25999	2996-K50S1	K50S1	Đào Thị	Xoan	Nữ	05/04/1996				Khá	1651891	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26000	2997-K50S1	K50S1	Phạm Thị	Yến	Nữ	01/02/1996				Khá	1651892	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26001	2998-K50S2	K50S2	Bùi Thị	Anh	Nữ	09/10/1996				Khá	1651893	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26002	2999-K50S2	K50S2	Mai Tú	Anh	Nữ	03/02/1996				Khá	1651894	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26003	3000-K50S2	K50S2	Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	21/08/1996				Giỏi	1651895	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26004	3001-K50S2	K50S2	Nguyễn Trung	Anh	Nữ	22/07/1996				Khá	1651896	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26005	3002-K50S2	K50S2	Trần Nam	Anh	Nam	08/06/1995				Khá	1651897	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26006	3003-K50S2	K50S2	Đặng Thị	Chi	Nữ	20/08/1995				Khá	1651898	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26007	3004-K50S2	K50S2	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	18/05/1995				Trung bình	1651899	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26008	3005-K50S2	K50S2	Sái Thị	Hạnh	Nữ	13/11/1996				Khá	1651900	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26009	3006-K50S2	K50S2	Đoàn Thị	Hiền	Nữ	29/06/1996				Khá	1651901	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26010	3007-K50S2	K50S2	Bùi Thị Thu	Hương	Nữ	29/07/1996				Khá	1651902	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26011	3008-K50S2	K50S2	Giáp Thu	Hường	Nữ	09/04/1996				Khá	1651903	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26012	3009-K50S2	K50S2	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	06/11/1996				Khá	1651904	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26013	3010-K50S2	K50S2	Lại Thị	Lan	Nữ	03/03/1996				Khá	1651905	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26014	3011-K50S2	K50S2	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	26/02/1996				Khá	1651906	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26015	3012-K50S2	K50S2	Nguyễn Ngọc	Lợi	Nam	18/04/1996				Trung bình	1651907	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26016	3013-K50S2	K50S2	Lê Thị	Ngân	Nữ	08/09/1996				Khá	1651908	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26017	3014-K50S2	K50S2	Đoàn Thị	Ngọc	Nữ	08/08/1996				Khá	1651909	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26018	3015-K50S2	K50S2	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	24/02/1996				Trung bình	1651910	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26019	3016-K50S2	K50S2	Nguyễn Hữu	Nguyện	Nam	21/10/1996				Khá	1651911	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26020	3017-K50S2	K50S2	Phạm Thị Thanh	Nhàn	Nữ	21/01/1996				Khá	1651912	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26021	3018-K50S2	K50S2	Đỗ Thị Kiều	Oanh	Nữ	21/10/1996				Khá	1651913	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26022	3019-K50S2	K50S2	Trần Thị	Quy	Nữ	13/07/1996				Khá	1651914	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26023	3020-K50S2	K50S2	Vũ Thị	Thảo	Nữ	11/07/1996				Khá	1651915	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26024	3021-K50S2	K50S2	Lại Thị Thu	Trang	Nữ	21/10/1996				Khá	1651916	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26025	3022-K50S2	K50S2	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	31/07/1996				Khá	1651917	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26026	3023-K50S2	K50S2	Lê Thị	Tuyết	Nữ	09/01/1996				Khá	1651918	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26027	3024-K50S2	K50S2	Ngần Hải	Yến	Nữ	10/10/1996				Khá	1651919	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26028	3025-K50S2	K50S2	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	27/1/1996				Khá	1651920	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26029	3026-K50S3	K50S3	Trần Thị	Anh	Nữ	26/7/1996				Giỏi	1651921	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26030	3027-K50S3	K50S3	Phạm Bá	Chính	Nam	22/8/1993				Khá	1651922	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26031	3028-K50S3	K50S3	Vũ Thị	Duyên	Nữ	26/12/1996				Khá	1651923	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26032	3029-K50S3	K50S3	Hồ Thị Thanh	Hằng	Nữ	2/10/1996				Khá	1651924	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26033	3030-K50S3	K50S3	Lê Thị	Hoa	Nữ	6/3/1996				Khá	1651925	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26034	3031-K50S3	K50S3	Trần Thị	Hoàn	Nữ	2/1/1996				Khá	1651926	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26035	3032-K50S3	K50S3	Trịnh Văn	Hưng	Nam	24/6/1996				Khá	1651927	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26036	3033-K50S3	K50S3	Lê Ngọc	Huyền	Nữ	25/8/1996				Khá	1651928	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26037	3034-K50S3	K50S3	Phạm Thị	Nga	Nữ	6/9/1996				Khá	1651929	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26038	3035-K50S3	K50S3	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	Nữ	1/9/1996				Khá	1651930	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26039	3036-K50S3	K50S3	Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/6/1996				Trung bình	1651931	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26040	3037-K50S3	K50S3	Vũ Thị Kim	Oanh	Nữ	18/3/1996				Khá	1651932	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26041	3038-K50S3	K50S3	Nguyễn Minh	Phước	Nam	16/1/1996				Khá	1651933	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26042	3039-K50S3	K50S3	Trần Thị	Quyên	Nữ	18/2/1996				Khá	1651934	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26043	3040-K50S3	K50S3	Nguyễn Xuân	Tấn	Nam	23/3/1996				Khá	1651935	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26044	3041-K50S3	K50S3	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	23/11/1996				Khá	1651936	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26045	3042-K50S3	K50S3	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	23/12/1996				Khá	1651937	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26046	3043-K50S3	K50S3	Nguyễn Thị Phương	Thủy	Nữ	31/12/1996				Khá	1651938	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26047	3044-K50S3	K50S3	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	2/10/1996				Khá	1651939	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26048	3045-K50S3	K50S3	Nguyễn Thành	Trung	Nam	6/7/1995				Khá	1651940	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26049	3046-K50S3	K50S3	Nguyễn Mạnh	Tùng	Nam	19/9/1996				Trung bình	1651941	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26050	3047-K50S3	K50S3	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	4/3/1996				Khá	1651942	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26051	3048-K50S4	K50S4	Nguyễn Thanh Thanh	An	Nữ	2/1/1996				Giỏi	1651943	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26052	3049-K50S4	K50S4	Phạm Hồng	Anh	Nam	26/9/1995				Khá	1651944	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26053	3050-K50S4	K50S4	Hồ Văn	Bắc	Nam	19/5/1995				Khá	1651945	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26054	3051-K50S4	K50S4	Hoàng Thị Phương	Châm	Nữ	19/1/1996				Khá	1651946	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26055	3052-K50S4	K50S4	Nguyễn Văn	Công	Nam	4/4/1995				Khá	1651947	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26056	3053-K50S4	K50S4	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	1/6/1996				Trung bình	1651948	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26057	3054-K50S4	K50S4	Nguyễn Tuấn	Đại	Nam	23/5/1996				Khá	1651949	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26058	3055-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị Thu	Duyên	Nữ	25/2/1996				Khá	1651950	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26059	3056-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	8/1/1996				Khá	1651951	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26060	3057-K50S4	K50S4	Phạm Minh	Hiển	Nam	10/3/1996				Khá	1651952	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26061	3058-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	Nữ	19/7/1996				Khá	1651953	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26062	3059-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	22/5/1996				Khá	1651954	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26063	3060-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	3/5/1996				Khá	1651955	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26064	3061-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	16/6/1996				Khá	1651956	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26065	3062-K50S4	K50S4	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	19/9/1996				Khá	1651957	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26066	3063-K50S4	K50S4	Vũ Phương	Linh	Nữ	7/7/1996				Khá	1651958	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26067	3064-K50S4	K50S4	Hoàng Thị	Mai	Nữ	18/7/1996				Khá	1651959	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26068	3065-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	15/11/1996				Khá	1651960	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26069	3066-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	18/1/1996				Khá	1651961	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26070	3067-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	16/6/1996				Khá	1651962	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26071	3068-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	Nữ	6/2/1995				Khá	1651963	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26072	3069-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	29/5/1995				Khá	1651964	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26073	3070-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	2/8/1995				Khá	1651965	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26074	3071-K50S4	K50S4	Phạm Thị Thu	Thanh	Nữ	1/2/1996				Khá	1651966	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26075	3072-K50S4	K50S4	Dương Thị	Thảo	Nữ	16/02/1996				Khá	1651967	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26076	3073-K50S4	K50S4	Nguyễn Hữu	Thường	Nam	02/09/1996				Khá	1651968	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26077	3074-K50S4	K50S4	Đào Thu	Trang	Nữ	30/08/1996				Khá	1651969	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26078	3075-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	05/07/1996				Khá	1651970	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26079	3076-K50S4	K50S4	Nhữ Thị	Uyên	Nữ	13/09/1996				Khá	1651971	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26080	3077-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	02/05/1995				Khá	1651972	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26081	3078-K50S5	K50S5	Hà Phương	Anh	Nữ	10/09/1996				Khá	1651973	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26082	3079-K50S5	K50S5	Vũ Xuân	Anh	Nam	12/11/1996				Khá	1651974	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26083	3080-K50S5	K50S5	Nguyễn Thị Lan	ánh	Nữ	16/5/1996				Giỏi	1651975	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26084	3081-K50S5	K50S5	Phùng Thị	Hằng	Nữ	27/11/1995				Khá	1651976	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26085	3082-K50S5	K50S5	Võ Thị	Hiền	Nữ	5/7/1996				Trung bình	1651977	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26086	3083-K50S5	K50S5	Nghiêm Thị	Huế	Nữ	26/9/1994				Giỏi	1651978	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26087	3084-K50S5	K50S5	Phạm Mạnh	Hùng	Nam	3/2/1995				Khá	1651979	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26088	3085-K50S5	K50S5	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	12/10/1996				Khá	1651980	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26089	3086-K50S5	K50S5	Đặng Thị Phương	Linh	Nữ	27/4/1996				Khá	1651981	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26090	3087-K50S5	K50S5	Phạm Đình	Lộc	Nam	27/2/1996				Trung bình	1651982	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26091	3088-K50S5	K50S5	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	22/2/1996				Khá	1651983	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26092	3089-K50S5	K50S5	Đinh Hoài	Nam	Nam	18/1/1995				Khá	1651984	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26093	3090-K50S5	K50S5	Phạm Thị	Nga	Nữ	20/12/1996				Khá	1651985	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26094	3091-K50S5	K50S5	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	21/11/1995				Khá	1651986	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26095	3092-K50S5	K50S5	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/6/1996				Khá	1651987	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26096	3093-K50S5	K50S5	Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	18/7/1996				Khá	1651988	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26097	3094-K50S5	K50S5	Cao Minh	Phương	Nữ	17/8/1996				Trung bình	1651989	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26098	3095-K50S5	K50S5	Trương Thị	Phượng	Nữ	14/4/1995				Khá	1651990	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26099	3096-K50S5	K50S5	Trần Ngọc	Quang	Nam	16/9/1994				Khá	1651991	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26100	3097-K50S5	K50S5	Nguyễn Bá	Sâm	Nam	31/03/1995				Khá	1651992	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26101	3098-K50S5	K50S5	Trần Hoàng	Thiện	Nam	18/12/1996				Khá	1651993	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26102	3099-K50S5	K50S5	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	5/1/1996				Khá	1651994	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26103	3100-K50S5	K50S5	Trương Thu	Trà	Nữ	1/2/1996				Giỏi	1651995	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26104	3101-K50S5	K50S5	Đinh Huyền	Trang	Nữ	16/6/1996				Khá	1651996	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26105	3102-K50S5	K50S5	Giáp Thị Thảo	Trang	Nữ	2/3/1996				Khá	1651997	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26106	3103-K50S5	K50S5	Lê Xuân	Tùng	Nam	9/10/1996				Khá	1651998	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26107	3104-K50S6	K50S6	Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	13/9/1996				Khá	1651999	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26108	3105-K50S6	K50S6	Phù Quỳnh	Giang	Nữ	11/11/1996				Khá	1652000	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26109	3106-K50S6	K50S6	Lê Minh	Hằng	Nữ	16/8/1996				Khá	1652001	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26110	3107-K50S6	K50S6	Nguyễn Thị Phương	Hạnh	Nữ	12/4/1996				Khá	1652002	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26111	3108-K50S6	K50S6	Nguyễn Đức	Hiệp	Nam	21/3/1995				Trung bình	1652003	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26112	3109-K50S6	K50S6	Đặng Xuân	Hùng	Nam	15/9/1996				Khá	1652004	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26113	3110-K50S6	K50S6	Kiều Đức	Huy	Nam	26/8/1996				Khá	1652005	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26114	3111-K50S6	K50S6	Ngô Thị	Huyền	Nữ	17/8/1996				Khá	1652006	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26115	3112-K50S6	K50S6	Vũ Thị	Lan	Nữ	10/6/1996				Khá	1652007	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26116	3113-K50S6	K50S6	Ngô Duy	Linh	Nam	28/9/1995				Khá	1652008	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26117	3114-K50S6	K50S6	Lê Thị	Loan	Nữ	8/1/1996				Giỏi	1652009	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26118	3115-K50S6	K50S6	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	11/8/1996				Khá	1652010	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26119	3116-K50S6	K50S6	Thiên Bích	Ngọc	Nữ	4/3/1995				Trung bình	1652011	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26120	3117-K50S6	K50S6	Trần ánh	Ngọc	Nữ	14/12/1996				Khá	1652012	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26121	3118-K50S6	K50S6	Đào Thị Thanh	Nhàn	Nữ	21/5/1996				Khá	1652013	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26122	3119-K50S6	K50S6	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	16/9/1996				Khá	1652014	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26123	3120-K50S6	K50S6	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	6/1/1996				Khá	1652015	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26124	3121-K50S6	K50S6	Hoàng Thị	Phượng	Nữ	23/3/1996				Khá	1652016	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26125	3122-K50S6	K50S6	Bùi Thi Như	Quỳnh	Nữ	6/10/1996				Khá	1652017	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26126	3123-K50S6	K50S6	Ngô Minh	Sơn	Nam	14/12/1996				Khá	1652018	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26127	3124-K50S6	K50S6	Bùi Thị Ngọc	Thảo	Nữ	22/4/1996				Khá	1652019	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26128	3125-K50S6	K50S6	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	5/3/1996				Khá	1652020	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26129	3126-K50S6	K50S6	Nguyễn Mạnh	Toàn	Nam	28/10/1996				Trung bình	1652021	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26130	3127-K50S6	K50S6	Bùi Quỳnh	Trang	Nữ	6/9/1996				Khá	1652022	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26131	3128-K50S6	K50S6	Trương Thu	Trang	Nữ	9/1/1996				Giỏi	1652023	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26132	3129-K50S7	K50S7	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	14/4/1996				Khá	1652024	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26133	3130-K50S7	K50S7	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	15/8/1996				Khá	1652025	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26134	3131-K50S7	K50S7	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	09/11/1996				Khá	1652026	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26135	3132-K50S7	K50S7	Lê Thị	Hân	Nữ	08/09/1996				Giỏi	1652027	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26136	3133-K50S7	K50S7	Lưu Thị Thu	Hằng	Nữ	02/01/1996				Khá	1652028	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26137	3134-K50S7	K50S7	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	28/08/1996				Khá	1652029	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26138	3135-K50S7	K50S7	Lương Thị Ngọc	Mai	Nữ	03/02/1996				Khá	1652030	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26139	3136-K50S7	K50S7	Nghiêm Xuân	Nam	Nam	08/11/1996				Giỏi	1652031	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26140	3137-K50S7	K50S7	Trần Thị	Phương	Nữ	19/09/1995				Khá	1652032	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26141	3138-K50S7	K50S7	Ngọc Thị	Sen	Nữ	18/6/1996				Khá	1652033	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26142	3139-K50S7	K50S7	Nguyễn Quang	Thắng	Nam	31/12/1995				Khá	1652034	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26143	3140-K50S7	K50S7	Mai Thị Thu	Thảo	Nữ	26/11/1996				Khá	1652035	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26144	3141-K50S7	K50S7	Trần Thị	Thư	Nữ	3/7/1996				Khá	1652036	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26145	3142-K50S7	K50S7	Chu Thị Hồng	Tươi	Nữ	3/4/1996				Khá	1652037	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26146	3143-K50S7	K50S7	Lê Tuấn	Vũ	Nam	22/8/1996				Khá	1652038	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26147	3144-K50S8	K50S8	Mai Thị	Chi	Nữ	23/1/1996				Khá	1652039	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26148	3145-K50S8	K50S8	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	25/4/1996				Giỏi	1652040	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26149	3146-K50S8	K50S8	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15/8/1996				Khá	1652041	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26150	3147-K50S8	K50S8	Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	29/3/1996				Khá	1652042	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26151	3148-K50S8	K50S8	Phạm Thị	Hương	Nữ	1/7/1996				Khá	1652043	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26152	3149-K50S8	K50S8	Trần Thị Quỳnh	Hương	Nữ	6/6/1996				Khá	1652044	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26153	3150-K50S8	K50S8	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	17/10/1996				Khá	1652045	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26154	3151-K50S8	K50S8	Phan Thị Khánh	Ly	Nữ	26/6/1996				Khá	1652046	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26155	3152-K50S8	K50S8	Trịnh Văn	Mạnh	Nam	20/5/1995				Trung bình	1652047	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26156	3153-K50S8	K50S8	Nguyễn Trà	My	Nữ	23/11/1996				Giỏi	1652048	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26157	3154-K50S8	K50S8	Nguyễn Tuấn	Tài	Nam	18/12/1996				Trung bình	1652049	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26158	3155-K50S8	K50S8	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	29/1/1996				Khá	1652050	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26159	3156-K50S8	K50S8	Trần Thành	Thái	Nam	23/8/1996				Trung bình	1652051	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26160	3157-K50S8	K50S8	Trần Ngọc	Thắng	Nam	14/11/1996				Khá	1652052	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26161	3158-K50S8	K50S8	Cao Thị	Thêu	Nữ	30/8/1996				Khá	1652053	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26162	3159-K50S8	K50S8	Ngô Thị	Thùy	Nữ	18/10/1996				Khá	1652054	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26163	3160-K50S8	K50S8	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24/10/1996				Khá	1652055	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26164	3161-K49S4	K49S4	Lê Văn	Sơn	Nam	25/10/1995				Trung bình	1652056	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26165	3162-K49S5	K49S5	Đặng Thị Trà	Mi	Nữ	01/12/1995				Trung bình	1652057	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26166	3163-K47S1	K47S1	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	18/08/1993				Trung bình	1652058	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26167	3164-K46S4	K46S4	Nguyễn Hữu	Phú	Nam	30/05/1992				Trung bình	1652059	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ THƯƠNG MẠI	534/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26168	3165-K50H1	K50H1	Lê Duy Thanh	An	Nam	28/09/1996				Trung bình	1652060	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26169	3166-K50H1	K50H1	Đoàn Thị Ngọc	Anh	Nữ	13/10/1996				Khá	1652061	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26170	3167-K50H1	K50H1	Phạm Minh	Anh	Nữ	09/12/1996				Khá	1652062	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26171	3168-K50H1	K50H1	Kiều Thúy	Bình	Nữ	25/10/1996				Khá	1652063	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26172	3169-K50H1	K50H1	Phạm Linh	Chi	Nữ	01/11/1996				Khá	1652064	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26173	3170-K50H1	K50H1	Nguyễn Đức	Cường	Nam	26/02/1996				Trung bình	1652065	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26174	3171-K50H1	K50H1	Hà Lê Anh	Đức	Nam	20/08/1996				Trung bình	1652066	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26175	3172-K50H1	K50H1	Phạm Thùy	Dương	Nữ	14/07/1996				Khá	1652067	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26176	3173-K50H1	K50H1	Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	15/04/1996				Khá	1652068	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26177	3174-K50H1	K50H1	Nguyễn Văn	Hải	Nam	11/7/1994				Khá	1652069	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26178	3175-K50H1	K50H1	Đào Thị Thu	Hằng	Nữ	5/7/1996				Khá	1652070	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26179	3176-K50H1	K50H1	Vũ Thị	Hậu	Nữ	10/5/1996				Khá	1652071	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26180	3177-K50H1	K50H1	Phạm Thị	Hoa	Nữ	23/12/1996				Khá	1652072	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26181	3178-K50H1	K50H1	Mai Thị Thu	Hồng	Nữ	13/4/1996				Khá	1652073	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26182	3179-K50H1	K50H1	Vũ Thị	Huệ	Nữ	19/9/1996				Khá	1652074	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26183	3180-K50H1	K50H1	Dương Thị Thu	Huyền	Nữ	15/2/1996				Khá	1652075	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26184	3181-K50H1	K50H1	Sái Văn	Kiên	Nam	8/4/1996				Trung bình	1652076	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26185	3182-K50H1	K50H1	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	28/8/1996				Khá	1652077	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26186	3183-K50H1	K50H1	Đặng Thị	Mai	Nữ	1/10/1996				Khá	1652078	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26187	3184-K50H1	K50H1	Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	17/2/1996				Trung bình	1652079	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26188	3185-K50H1	K50H1	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	3/4/1996				Khá	1652080	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26189	3186-K50H1	K50H1	Phạm Thị	Nga	Nữ	14/1/1996				Trung bình	1652081	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26190	3187-K50H1	K50H1	Vũ Thị Tuyết	Nga	Nữ	3/4/1996				Khá	1652082	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26191	3188-K50H1	K50H1	Cao Thị	Ngọc	Nữ	1/10/1996				Khá	1652083	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26192	3189-K50H1	K50H1	Nguyễn Thị Thảo	Ngọc	Nữ	7/12/1996				Khá	1652084	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26193	3190-K50H1	K50H1	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	16/5/1996				Khá	1652085	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26194	3191-K50H1	K50H1	Cao Thị	Oanh	Nữ	23/12/1996				Khá	1652086	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26195	3192-K50H1	K50H1	Ngô Thị Thu	Phương	Nữ	29/05/1996				Khá	1652087	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26196	3193-K50H1	K50H1	Trần Ngọc	Quỳnh	Nữ	02/12/1996				giỏi	1652088	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26197	3194-K50H1	K50H1	Phan Thị	Sen	Nữ	23/3/1996				Khá	1652089	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26198	3195-K50H1	K50H1	Đào Thị Phương	Thảo	Nữ	4/7/1996				Khá	1652090	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26199	3196-K50H1	K50H1	Lê Thu	Thảo	Nữ	17/9/1996				Khá	1652091	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26200	3197-K50H1	K50H1	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	25/9/1996				Trung bình	1652092	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26201	3198-K50H1	K50H1	Phó Thị	Thúy	Nữ	13/11/1994				Khá	1652093	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26202	3199-K50H1	K50H1	Hoàng Linh	Trang	Nữ	18/3/1996				Khá	1652094	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26203	3200-K50H1	K50H1	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	03/02/1996				Khá	1652095	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26204	3201-K50H1	K50H1	Phan Thị Huyền	Trang	Nữ	19/5/1996				Khá	1652096	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26205	3202-K50H1	K50H1	Lương Thục	Trinh	Nữ	6/2/1996				Trung bình	1652097	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26206	3203-K50H1	K50H1	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	1/11/1995				giỏi	1652098	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26207	3204-K50H1	K50H1	Hoàng Thị Thúy	Vân	Nữ	29/1/1995				Khá	1652099	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26208	3205-K50H1	K50H1	Nguyễn Thị Minh	Vân	Nữ	25/8/1996				Khá	1652100	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26209	3206-K50H1	K50H1	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	28/12/1996				Khá	1652101	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26210	3207-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	12/2/1996				Khá	1652102	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26211	3208-K50H2	K50H2	Vũ Thị Thanh	Bình	Nữ	27/10/1996				Khá	1652103	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26212	3209-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	10/8/1995				Khá	1652104	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26213	3210-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	6/11/1996				Khá	1652105	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26214	3211-K50H2	K50H2	Phan Thị	Duyên	Nữ	12/1/1996				Khá	1652106	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26215	3212-K50H2	K50H2	Tạ Thị	Gấm	Nữ	26/6/1996				Khá	1652107	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26216	3213-K50H2	K50H2	Vũ Thị	Hà	Nữ	26/9/1996				Trung bình	1652108	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26217	3214-K50H2	K50H2	Hà Thị Kim	Hằng	Nữ	2/11/1996				Khá	1652109	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26218	3215-K50H2	K50H2	Lê Thị	Hằng	Nữ	13/09/1996				Khá	1652110	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26219	3216-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	10/3/1996				Khá	1652111	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26220	3217-K50H2	K50H2	Vũ Thị	Hảo	Nữ	5/11/1996				Khá	1652112	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26221	3218-K50H2	K50H2	Khắc Thị	Hoa	Nữ	5/3/1996				Khá	1652113	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26222	3219-K50H2	K50H2	Trịnh Phương	Hoa	Nữ	6/2/1996				giỏi	1652114	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26223	3220-K50H2	K50H2	Phạm Thị	Hồng	Nữ	1/4/1996				Khá	1652115	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26224	3221-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	14/11/1996				Khá	1652116	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26225	3222-K50H2	K50H2	Nguyễn Thúy	Hường	Nữ	28/11/1996				Khá	1652117	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26226	3223-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	15/6/1996				Khá	1652118	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26227	3224-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị Thanh	Lan	Nữ	15/3/1996				Khá	1652119	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26228	3225-K50H2	K50H2	Đặng Thùy	Linh	Nữ	4/12/1996				Khá	1652120	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26229	3226-K50H2	K50H2	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	8/6/1996				Khá	1652121	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26230	3227-K50H2	K50H2	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	1/8/1996				Khá	1652122	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26231	3228-K50H2	K50H2	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	25/9/1996				Khá	1652123	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26232	3229-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị	Ngát	Nữ	25/10/1995				Khá	1652124	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26233	3230-K50H2	K50H2	Hoàng Bích	Ngọc	Nữ	16/3/1996				Khá	1652125	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26234	3231-K50H2	K50H2	Trần Thị	Nho	Nữ	2/6/1996				Khá	1652126	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26235	3232-K50H2	K50H2	Lê Thị Kiều	Oanh	Nữ	16/6/1996				Trung bình	1652127	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26236	3233-K50H2	K50H2	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	7/8/1996				Trung bình	1652128	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26237	3234-K50H2	K50H2	Phùng Thị	Thảo	Nữ	29/11/1996				Khá	1652129	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26238	3235-K50H2	K50H2	Trần Thị	Thu	Nữ	5/11/1996				Khá	1652130	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26239	3236-K50H2	K50H2	Doãn Thị	Thùy	Nữ	29/3/1996				Khá	1652131	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26240	3237-K50H2	K50H2	Tạ Thu	Trang	Nữ	31/10/1996				Khá	1652132	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26241	3238-K50H2	K50H2	Trần Thị Hà	Trang	Nữ	17/11/1996				Khá	1652133	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26242	3239-K50H2	K50H2	Mai Thanh	Tú	Nữ	19/7/1996				Khá	1652134	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26243	3240-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	24/10/1996				Trung bình	1652135	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26244	3241-K50H2	K50H2	Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	28/12/1996				Khá	1652136	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26245	3242-K50H3	K50H3	Bùi Thị Lan	Anh	Nữ	11/5/1996				Khá	1652137	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26246	3243-K50H3	K50H3	Nguyễn Trịnh Phương	Anh	Nữ	11/10/1996				Khá	1652138	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26247	3244-K50H3	K50H3	Trương Thị	Bền	Nữ	4/6/1996				Khá	1652139	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26248	3245-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	18/5/1996				Khá	1652140	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26249	3246-K50H3	K50H3	Ngô Thị Hạnh	Dung	Nữ	4/9/1996				Khá	1652141	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26250	3247-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	20/11/1996				Khá	1652142	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26251	3248-K50H3	K50H3	Lê Hải	Dương	Nam	20/6/1996				Khá	1652143	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26252	3249-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	3/6/1996				Khá	1652144	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26253	3250-K50H3	K50H3	Trần Thị Hà	Giang	Nữ	3/4/1995				Khá	1652145	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26254	3251-K50H3	K50H3	Vũ Thị Thanh	Hà	Nữ	11/2/1996				Khá	1652146	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26255	3252-K50H3	K50H3	Lê Thu	Hằng	Nữ	12/2/1996				Khá	1652147	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26256	3253-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	9/1/1995				Khá	1652148	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26257	3254-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	1/8/1996				Khá	1652149	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26258	3255-K50H3	K50H3	Trần Thị	Hoà	Nữ	26/6/1996				Khá	1652150	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26259	3256-K50H3	K50H3	Phan Thị Thu	Hương	Nữ	11/4/1996				Khá	1652151	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26260	3257-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	8/3/1996				Khá	1652152	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26261	3258-K50H3	K50H3	Vũ Đức	Huy	Nam	5/12/1996				Khá	1652153	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26262	3259-K50H3	K50H3	Nguyễn Mai Hương	Lan	Nữ	1/11/1996				Khá	1652154	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26263	3260-K50H3	K50H3	Phùng Thị	Lịch	Nữ	1/1/1996				Trung bình	1652155	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26264	3261-K50H3	K50H3	Lương Thị ánh	Linh	Nữ	10/7/1996				Khá	1652156	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26265	3262-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	19/4/1996				Khá	1652157	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26266	3263-K50H3	K50H3	Lưu Thị	Ly	Nữ	10/9/1996				Khá	1652158	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26267	3264-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị Huyền	My	Nữ	13/4/1995				Khá	1652159	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26268	3265-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	21/3/1996				Khá	1652160	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26269	3266-K50H3	K50H3	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	1/8/1996				Trung bình	1652161	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26270	3267-K50H3	K50H3	Phan Thị	Ngọc	Nữ	7/8/1996				Khá	1652162	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26271	3268-K50H3	K50H3	Phạm Thị	Nguyệt	Nữ	31/10/1996				Khá	1652163	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26272	3269-K50H3	K50H3	Mạch Thị	Nhung	Nữ	25/1/1995				Khá	1652164	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26273	3270-K50H3	K50H3	Vũ Cẩm	Nhung	Nữ	13/4/1995				Khá	1652165	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26274	3271-K50H3	K50H3	Trịnh Thị Hà	Phương	Nữ	6/3/1996				Khá	1652166	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26275	3272-K50H3	K50H3	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	14/2/1996				Khá	1652167	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26276	3273-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	12/11/1995				Khá	1652168	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26277	3274-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	10/9/1996				Khá	1652169	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26278	3275-K50H3	K50H3	Phạm Thu	Thường	Nữ	16/1/1996				Khá	1652170	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26279	3276-K50H3	K50H3	Đặng Thị Quỳnh	Trang	Nữ	8/9/1996				Khá	1652171	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26280	3277-K50H3	K50H3	Nguyễn Hương	Trang	Nữ	20/6/1996				Khá	1652172	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26281	3278-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	3/5/1996				Khá	1652173	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26282	3279-K50H3	K50H3	Lê Thị	Tú	Nữ	21/4/1996				Khá	1652174	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26283	3280-K50H3	K50H3	Phạm Thị ánh	Tuyết	Nữ	27/9/1996				Khá	1652175	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26284	3281-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	24/4/1995				Khá	1652176	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26285	3282-K50H3	K50H3	Đồng Hải	Yến	Nữ	30/9/1996				Khá	1652177	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26286	3283-K50H4	K50H4	Đỗ Thị Mai	Anh	Nữ	10/9/1996				Khá	1652178	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26287	3284-K50H4	K50H4	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	31/7/1996				Khá	1652179	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26288	3285-K50H4	K50H4	Nguyễn Thị Minh	Chi	Nữ	2/11/1996				Khá	1652180	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26289	3286-K50H4	K50H4	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	10/9/1996				Khá	1652181	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26290	3287-K50H4	K50H4	Đặng Thị Thùy	Dung	Nữ	14/3/1996				Khá	1652182	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26291	3288-K50H4	K50H4	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	4/5/1996				Khá	1652183	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26292	3289-K50H4	K50H4	Đào Hoàng	Dũng	Nam	14/6/1996				Khá	1652184	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26293	3290-K50H4	K50H4	Phan Thị	Hà	Nữ	26/5/1996				Khá	1652185	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26294	3291-K50H4	K50H4	Đặng Thu	Hằng	Nữ	08/03/1996				Khá	1652186	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26295	3292-K50H4	K50H4	Đào Thị Thu	Hằng	Nữ	29/01/1996				Khá	1652187	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26296	3293-K50H4	K50H4	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	13/12/1996				Khá	1652188	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26297	3294-K50H4	K50H4	Lê Thị	Hoài	Nữ	19/07/1996				Khá	1652189	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26298	3295-K50H4	K50H4	Hoàng Thị Hương	Huệ	Nữ	18/2/1996				Khá	1652190	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26299	3296-K50H4	K50H4	Phạm Thị	Hường	Nữ	16/10/1996				Khá	1652191	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26300	3297-K50H4	K50H4	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	29/8/1996				Khá	1652192	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26301	3298-K50H4	K50H4	Lê Thùy	Linh	Nữ	11/10/1996				Khá	1652193	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26302	3299-K50H4	K50H4	Nguyễn Cẩm	Linh	Nữ	28/4/1996				Khá	1652194	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26303	3300-K50H4	K50H4	Phan Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	30/1/1996				Khá	1652195	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26304	3301-K50H4	K50H4	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	14/12/1995				Khá	1652196	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26305	3302-K50H4	K50H4	Trịnh Lê	Minh	Nữ	18/10/1996				Khá	1652197	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26306	3303-K50H4	K50H4	Nguyễn Đức	Nghĩa	Nam	23/3/1996				Khá	1652198	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26307	3304-K50H4	K50H4	Võ Thị ánh	Nguyệt	Nữ	20/5/1996				Trung bình	1652199	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26308	3305-K50H4	K50H4	Đoàn Nguyệt	Quế	Nữ	14/1/1996				Khá	1652200	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26309	3306-K50H4	K50H4	Lương Thu	Thảo	Nữ	3/1/1996				Khá	1652201	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26310	3307-K50H4	K50H4	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	4/4/1996				Khá	1652202	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26311	3308-K50H4	K50H4	Trần Thị	Thảo	Nữ	2/1/1996				Khá	1652203	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26312	3309-K50H4	K50H4	Nguyễn Thị	Thơ	Nữ	21/11/1996				Khá	1652204	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26313	3310-K50H4	K50H4	Đinh Thị Thu	Thúy	Nữ	2/12/1996				Khá	1652205	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26314	3311-K50H4	K50H4	Lương Thị	Thùy	Nữ	9/11/1995				Khá	1652206	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26315	3312-K50H4	K50H4	Trần Thị Phương	Trà	Nữ	12/2/1996				Khá	1652207	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26316	3313-K50H4	K50H4	Hoàng Thị	Trang	Nữ	16/5/1996				Trung bình	1652208	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26317	3314-K50H4	K50H4	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	22/4/1996				Khá	1652209	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26318	3315-K50H4	K50H4	Dương Sơn	Tùng	Nam	22/08/1990				Khá	1652210	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26319	3316-K50H4	K50H4	Đoàn Thị Cẩm	Vân	Nữ	22/02/1996				giỏi	1652211	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26320	3317-K50H4	K50H4	Lại Thị	Xuân	Nữ	14/07/1996				Khá	1652212	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26321	3318-K50H5	K50H5	Phan Tú	Anh	Nữ	28/02/1995				Khá	1652213	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26322	3319-K50H5	K50H5	Vũ Hoàng	Anh	Nam	13/11/1996				Khá	1652214	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26323	3320-K50H5	K50H5	Vũ Thị Mai	Anh	Nữ	22/02/1996				Trung bình	1652215	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26324	3321-K50H5	K50H5	Đỗ Thị Thảo	Chi	Nữ	11/10/1996				Khá	1652216	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26325	3322-K50H5	K50H5	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	06/07/1996				Khá	1652217	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26326	3323-K50H5	K50H5	Lê Phương	Hải	Nữ	15/03/1996				Khá	1652218	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26327	3324-K50H5	K50H5	Đào Thị Ngọc	Hân	Nữ	11/08/1996				Khá	1652219	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26328	3325-K50H5	K50H5	Trần Thúy	Hằng	Nữ	20/07/1996				Khá	1652220	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26329	3326-K50H5	K50H5	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	04/05/1996				Khá	1652221	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26330	3327-K50H5	K50H5	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	17/11/1995				Khá	1652222	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26331	3328-K50H5	K50H5	Vũ Diệu	Hoa	Nữ	02/08/1996				Khá	1652223	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26332	3329-K50H5	K50H5	Đinh Thị Thu	Hương	Nữ	08/11/1996				Khá	1652224	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26333	3330-K50H5	K50H5	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23/09/1996				Khá	1652225	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26334	3331-K50H5	K50H5	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	30/01/1996				Khá	1652226	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26335	3332-K50H5	K50H5	Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	17/09/1996				Khá	1652227	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26336	3333-K50H5	K50H5	Phạm Thị	Loan	Nữ	30/10/1996				Khá	1652228	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26337	3334-K50H5	K50H5	Phạm Thị Phương	Mai	Nữ	08/06/1996				Khá	1652229	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26338	3335-K50H5	K50H5	Phùng Thị	Minh	Nữ	19/01/1996				Khá	1652230	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26339	3336-K50H5	K50H5	Phạm Thị	Na	Nữ	21/03/1996				Khá	1652231	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26340	3337-K50H5	K50H5	Hà Thị Nguyệt	Nga	Nữ	11/09/1996				Trung bình	1652232	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26341	3338-K50H5	K50H5	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	Nữ	21/06/1996				Khá	1652233	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26342	3339-K50H5	K50H5	Vương Thị Hồng	Ngọc	Nữ	05/09/1996				Trung bình	1652234	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26343	3340-K50H5	K50H5	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	17/04/1996				Khá	1652235	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26344	3341-K50H5	K50H5	Kiều Thị	Quyên	Nữ	13/10/1996				Khá	1652236	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26345	3342-K50H5	K50H5	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	24/06/1996				Khá	1652237	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26346	3343-K50H5	K50H5	Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	30/12/1996				Khá	1652238	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26347	3344-K50H5	K50H5	Trương Thị Thu	Thảo	Nữ	18/05/1996				Trung bình	1652239	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26348	3345-K50H5	K50H5	Vũ Thị Minh	Thơm	Nữ	04/10/1996				Khá	1652240	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26349	3346-K50H5	K50H5	Vũ Thị	Thùy	Nữ	01/07/1996				Khá	1652241	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26350	3347-K50H5	K50H5	Nguyễn Thị Hà	Tĩnh	Nữ	18/01/1996				Khá	1652242	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26351	3348-K50H5	K50H5	Trần Thiên	Trâm	Nữ	13/12/1996				Khá	1652243	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26352	3349-K50H5	K50H5	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	28/09/1996				Khá	1652244	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26353	3350-K50H5	K50H5	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	06/10/1996				Khá	1652245	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26354	3351-K50H5	K50H5	Lê Trần	Trung	Nam	10/07/1996				Khá	1652246	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26355	3352-K50H5	K50H5	Thái ánh	Tuyết	Nữ	16/08/1996				Khá	1652247	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26356	3353-K50H5	K50H5	Đoàn Hải	Yến	Nữ	14/10/1996				Khá	1652248	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26357	3354-K50H5	K50H5	Trần Thị	Yến	Nữ	12/11/1996				Khá	1652249	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26358	3355-K50H6	K50H6	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	16/11/1996				Khá	1652250	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26359	3356-K50H6	K50H6	Bùi Hà	Chi	Nữ	12/01/1996				Khá	1652251	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26360	3357-K50H6	K50H6	Lê Thành	Công	Nam	21/09/1996				Khá	1652252	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26361	3358-K50H6	K50H6	Đặng Thị Hồng	Hà	Nữ	17/02/1996				Trung bình	1652253	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26362	3359-K50H6	K50H6	Lương Ngọc	Hải	Nam	26/01/1996				Khá	1652254	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26363	3360-K50H6	K50H6	Trần Thị Thanh	Hằng	Nữ	15/09/1996				Khá	1652255	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26364	3361-K50H6	K50H6	Châu Thị Hồng	Hạnh	Nữ	12/02/1996				Khá	1652256	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26365	3362-K50H6	K50H6	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	Nữ	17/01/1995				Khá	1652257	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26366	3363-K50H6	K50H6	Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	15/08/1996				Khá	1652258	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26367	3364-K50H6	K50H6	Vũ Thị	Hưng	Nữ	25/10/1996				Khá	1652259	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26368	3365-K50H6	K50H6	Đinh Thị Thu	Hương	Nữ	01/01/1996				Khá	1652260	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26369	3366-K50H6	K50H6	Hà Thị Thu	Huyền	Nữ	07/11/1996				Khá	1652261	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26370	3367-K50H6	K50H6	Nguyễn Thị Hương	Lan	Nữ	21/01/1996				Trung bình	1652262	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26371	3368-K50H6	K50H6	Trần Thị	Lệ	Nữ	09/03/1996				Trung bình	1652263	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26372	3369-K50H6	K50H6	Dương Khánh	Linh	Nữ	22/04/1996				Khá	1652264	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26373	3370-K50H6	K50H6	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	13/03/1996				Khá	1652265	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26374	3371-K50H6	K50H6	Trương Hà	Linh	Nữ	15/09/1996				Khá	1652266	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26375	3372-K50H6	K50H6	Hoàng Thị	Nga	Nữ	24/09/1996				Khá	1652267	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26376	3373-K50H6	K50H6	Hoàng Thị Bích	Ngọc	Nữ	05/06/1996				Khá	1652268	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26377	3374-K50H6	K50H6	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	03/12/1996				Khá	1652269	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26378	3375-K50H6	K50H6	Nguyễn Phương	Nhung	Nữ	03/12/1996				Khá	1652270	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26379	3376-K50H6	K50H6	Đào Thị	Ninh	Nữ	24/09/1996				Trung bình	1652271	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26380	3377-K50H6	K50H6	Vũ Thị Thu	Phương	Nữ	12/04/1995				Khá	1652272	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26381	3378-K50H6	K50H6	Hà Thị Lệ	Quyên	Nữ	12/11/1996				Khá	1652273	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26382	3379-K50H6	K50H6	Hoàng Phương	Thảo	Nữ	02/02/1996				Khá	1652274	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26383	3380-K50H6	K50H6	Vũ Thị Thu	Thúy	Nữ	27/08/1996				Khá	1652275	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26384	3381-K50H6	K50H6	Vũ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	08/04/1996				Khá	1652276	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26385	3382-K50H6	K50H6	Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	18/06/1995				Khá	1652277	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26386	3383-K50H6	K50H6	Đỗ Minh	Trang	Nữ	11/09/1996				Khá	1652278	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26387	3384-K50H6	K50H6	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	30/07/1995				Khá	1652279	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26388	3385-K50H6	K50H6	Đỗ Thị Thu	Uyên	Nữ	10/10/1996				Khá	1652280	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26389	3386-K50H6	K50H6	Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	28/11/1996				Khá	1652281	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26390	3387-K49H1	K49H1	Lương Thị	Hà	Nữ	04/06/1995				Trung bình	1652282	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26391	3388-K49H4	K49H4	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	12/07/1995				Trung bình	1652283	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26392	3389-K49H5	K49H5	Vũ Thị	Phương	Nữ	30/03/1995				Khá	1652284	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26393	3390-K49H5	K49H5	Trần Văn	Thành	Nam	01/03/1995				Trung bình	1652285	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26394	3391-K48H1	K48H1	Lê Ngọc	Yến	Nữ	24/11/1992				Trung bình	1652286	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26395	3392-K18H	K18H	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	30/08/1995				Khá	1652287	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26396	3393-K18H	K18H	Võ Thị Thu	Trang	Nữ	24/01/1995				Khá	1652288	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26397	3394-K19H	K19H	Ngô ánh	Nguyệt	Nữ	25/06/1994				Khá	1652289	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26398	3395-K19H	K19H	Hoàng Thị Minh	Trang	Nữ	30/09/1995				Khá	1652290	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26399	3417-K50I1	K50I1	Trần Thị Huệ	An	Nữ	26/07/1996				Khá	1652312	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26400	3418-K50I1	K50I1	Đinh Thị Lan	Anh	Nữ	24/12/1996				Trung bình	1652313	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26401	3419-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị	Chung	Nữ	09/05/1996				Khá	1652314	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26402	3420-K50I1	K50I1	Vũ Thị	Diệu	Nữ	20/03/1996				Khá	1652315	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26403	3421-K50I1	K50I1	Tạ Thị	Hà	Nữ	18/07/1996				Khá	1652316	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26404	3422-K50I1	K50I1	Đỗ Thị Thúy	Hằng	Nữ	21/08/1995				Khá	1652317	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26405	3423-K50I1	K50I1	Phạm Thị	Hằng	Nữ	05/03/1996				Khá	1652318	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26406	3424-K50I1	K50I1	Phùng Thị	Hiếu	Nữ	22/12/1995				Khá	1652319	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26407	3425-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	24/10/1996				Khá	1652320	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26408	3426-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	21/07/1996				Khá	1652321	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26409	3427-K50I1	K50I1	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	10/04/1996				Trung bình	1652322	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26410	3428-K50I1	K50I1	Bùi Thị	Huyền	Nữ	20/03/1996				Giỏi	1652323	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26411	3429-K50I1	K50I1	Trần Ngọc	Khánh	Nam	17/02/1995				Trung bình	1652324	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26412	3430-K50I1	K50I1	Nguyễn Trường	Lâm	Nam	29/02/1996				Khá	1652325	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26413	3431-K50I1	K50I1	Đào Thị	Liễu	Nữ	18/08/1996				Khá	1652326	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26414	3432-K50I1	K50I1	Đào Diệu	Linh	Nữ	03/03/1996				Khá	1652327	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26415	3433-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	02/02/1996				Khá	1652328	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26416	3434-K50I1	K50I1	Lý Thị	Minh	Nữ	05/08/1996				Khá	1652329	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26417	3435-K50I1	K50I1	Hoàng Thị Hồng	My	Nữ	15/01/1996				Khá	1652330	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26418	3436-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	02/01/1996				Trung bình	1652331	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26419	3437-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	02/02/1996				Khá	1652332	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26420	3438-K50I1	K50I1	Lê Thị Kim	Oanh	Nữ	16/07/1996				Khá	1652333	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26421	3439-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	02/05/1996				Khá	1652334	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26422	3440-K50I1	K50I1	Vũ Hải	Quyên	Nữ	03/09/1996				Khá	1652335	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26423	3441-K50I1	K50I1	Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	18/11/1996				Khá	1652336	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26424	3442-K50I1	K50I1	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	05/12/1996				Khá	1652337	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26425	3443-K50I1	K50I1	Phạm Thị	Thoan	Nữ	16/11/1995				Khá	1652338	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26426	3444-K50I1	K50I1	Đặng Thị	Thương	Nữ	24/10/1996				Khá	1652339	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26427	3445-K50I1	K50I1	Vương Đức	Thường	Nam	04/11/1989				Khá	1652340	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26428	3446-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/10/1996				Trung bình	1652341	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26429	3447-K50I1	K50I1	Sái Thị Minh	Thúy	Nữ	19/08/1996				Khá	1652342	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26430	3448-K50I1	K50I1	Lê Thị	Trang	Nữ	01/01/1996				Khá	1652343	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26431	3449-K50I1	K50I1	Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	15/07/1996				Khá	1652344	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26432	3450-K50I1	K50I1	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	10/03/1996				Khá	1652345	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26433	3451-K50I1	K50I1	Nguyễn Anh	Tùng	Nam	20/04/1995				Khá	1652346	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26434	3452-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	28/09/1996				Khá	1652347	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26435	3453-K50I1	K50I1	Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	02/04/1996				Khá	1652348	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26436	3454-K50I2	K50I2	Nguyễn Thị Kiều	Anh	Nữ	20/11/1996				Trung bình	1652349	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26437	3455-K50I2	K50I2	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09/02/1996				Khá	1652350	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26438	3456-K50I2	K50I2	Phan Trần	Đắc	Nam	28/06/1996				Khá	1652351	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26439	3457-K50I2	K50I2	Dương Thị Thùy	Giang	Nữ	22/10/1996				Khá	1652352	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26440	3458-K50I2	K50I2	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	15/03/1996				Khá	1652353	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26441	3459-K50I2	K50I2	Bùi Thị	Hằng	Nữ	17/10/1996				Khá	1652354	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26442	3460-K50I2	K50I2	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	23/09/1996				Khá	1652355	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26443	3461-K50I2	K50I2	Nguyễn Huy	Hạnh	Nam	06/12/1996				Khá	1652356	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26444	3462-K50I2	K50I2	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	26/08/1996				Khá	1652357	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26445	3463-K50I2	K50I2	Bùi Thị	Hòa	Nữ	03/10/1996				Khá	1652358	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26446	3464-K50I2	K50I2	Vũ Thị	Huệ	Nữ	05/06/1996				Khá	1652359	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26447	3465-K50I2	K50I2	Đinh Thị	Hường	Nữ	25/07/1996				Khá	1652360	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26448	3466-K50I2	K50I2	Nguyễn Bảo	Huy	Nam	22/09/1996				Khá	1652361	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26449	3467-K50I2	K50I2	Phạm Thị	Lan	Nữ	11/04/1996				Khá	1652362	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26450	3468-K50I2	K50I2	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	20/12/1996				Khá	1652363	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26451	3469-K50I2	K50I2	Đặng Thị	Lương	Nữ	07/04/1996				Khá	1652364	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26452	3470-K50I2	K50I2	Nguyễn Thị Khánh	Minh	Nữ	31/08/1996				Khá	1652365	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26453	3471-K50I2	K50I2	Lê Thị Việt	Mỹ	Nữ	12/08/1996				Trung bình	1652366	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26454	3472-K50I2	K50I2	Lê Thị Hồng	Ngọc	Nữ	01/07/1996				Khá	1652367	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26455	3473-K50I2	K50I2	Nguyễn Hạnh	Nhi	Nữ	24/10/1996				Khá	1652368	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26456	3474-K50I2	K50I2	Đỗ Thị Tú	Oanh	Nữ	11/12/1996				Khá	1652369	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26457	3475-K50I2	K50I2	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	22/06/1996				Khá	1652370	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26458	3476-K50I2	K50I2	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	14/08/1996				Khá	1652371	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26459	3477-K50I2	K50I2	Vũ Đình	Quảng	Nam	15/08/1996				Khá	1652372	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26460	3478-K50I2	K50I2	Nguyễn Hoàng Lệ	Quyên	Nữ	24/04/1996				Khá	1652373	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26461	3479-K50I2	K50I2	Bùi Thanh	Sang	Nam	21/11/1996				Trung bình	1652374	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26462	3480-K50I2	K50I2	Nguyễn Thị	Son	Nữ	19/10/1996				Trung bình	1652375	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26463	3481-K50I2	K50I2	Hoàng Tiến	Thành	Nam	29/04/1996				Trung bình	1652376	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26464	3482-K50I2	K50I2	Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	08/09/1996				Giỏi	1652377	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26465	3483-K50I2	K50I2	Ngô Thị Trang	Thơ	Nữ	13/08/1996				Khá	1652378	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26466	3484-K50I2	K50I2	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	05/08/1996				Khá	1652379	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26467	3485-K50I2	K50I2	Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	23/02/1996				Khá	1652380	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26468	3486-K50I2	K50I2	Phạm Thị Hà	Trang	Nữ	24/11/1996				Khá	1652381	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26469	3487-K50I2	K50I2	Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	03/09/1996				Khá	1652382	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26470	3488-K50I2	K50I2	Bùi Tiến	Trường	Nam	14/08/1996				Khá	1652383	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26471	3489-K50I2	K50I2	Thân Thị	Uyên	Nữ	12/11/1996				Khá	1652384	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26472	3490-K50I2	K50I2	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	10/11/1996				Khá	1652385	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26473	3491-K50I2	K50I2	Đào Thị	Yến	Nữ	16/09/1996				Khá	1652386	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26474	3492-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	15/04/1995				Khá	1652387	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26475	3493-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	10/04/1996				Khá	1652388	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26476	3494-K50I3	K50I3	Trần Tú	Anh	Nữ	07/02/1996				Khá	1652389	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26477	3495-K50I3	K50I3	Nghiêm Thị	Bình	Nữ	28/08/1994				Khá	1652390	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26478	3496-K50I3	K50I3	Nguyễn Công	Bình	Nam	21/05/1996				Trung bình	1652391	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26479	3497-K50I3	K50I3	Nguyễn Đăng	Điểm	Nam	05/12/1996				Trung bình	1652392	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26480	3498-K50I3	K50I3	Trần Thị Kim	Dung	Nữ	13/08/1996				Khá	1652393	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26481	3499-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	22/08/1996				Trung bình	1652394	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26482	3500-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	06/08/1995				Khá	1652395	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26483	3501-K50I3	K50I3	Phạm Văn	Hải	Nam	26/01/1996				Trung bình	1652396	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26484	3502-K50I3	K50I3	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	11/10/1996				Khá	1652397	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26485	3503-K50I3	K50I3	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	04/12/1996				Khá	1652398	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26486	3504-K50I3	K50I3	Nguyễn Văn	Học	Nam	22/07/1995				Trung bình	1652399	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26487	3505-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	15/02/1996				Khá	1652400	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26488	3506-K50I3	K50I3	Lương Ngọc Quang	Hưng	Nam	03/08/1996				Trung bình	1652401	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26489	3507-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	13/02/1996				Khá	1652402	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26490	3508-K50I3	K50I3	Hồ Thị	Khanh	Nữ	15/01/1995				Khá	1652403	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26491	3509-K50I3	K50I3	Nguyễn Văn	Khánh	Nam	05/01/1996				Khá	1652404	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26492	3510-K50I3	K50I3	Vũ Xuân	Lương	Nam	02/10/1996				Khá	1652405	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26493	3511-K50I3	K50I3	Vũ Thị Kim	Lý	Nữ	28/08/1996				Khá	1652406	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26494	3512-K50I3	K50I3	Bùi Thị	Miền	Nữ	21/08/1996				Trung bình	1652407	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26495	3513-K50I3	K50I3	Trần Văn	Nam	Nam	15/10/1995				Khá	1652408	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26496	3514-K50I3	K50I3	Đỗ Thị Hà	Năm	Nữ	07/02/1996				Khá	1652409	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26497	3515-K50I3	K50I3	Bùi Thị Kim	Ngân	Nữ	25/12/1996				Khá	1652410	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26498	3516-K50I3	K50I3	Lương Thị	Nguyên	Nữ	07/07/1996				Trung bình	1652411	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26499	3517-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	25/12/1996				Trung bình	1652412	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26500	3518-K50I3	K50I3	Xiêm Thị	Phượng	Nữ	07/04/1996				Khá	1652413	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26501	3519-K50I3	K50I3	Phùng Văn	Quý	Nam	19/09/1996				Trung bình	1652414	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26502	3520-K50I3	K50I3	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	29/08/1996				Khá	1652415	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26503	3521-K50I3	K50I3	Trần Thị	Thảo	Nữ	07/05/1996				Khá	1652416	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26504	3522-K50I3	K50I3	Phạm Thị	Thu	Nữ	08/04/1996				Khá	1652417	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26505	3523-K50I3	K50I3	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	05/04/1996				Khá	1652418	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26506	3524-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị	Tình	Nữ	10/12/1996				Khá	1652419	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26507	3525-K50I3	K50I3	Bùi Đức	Toàn	Nam	10/12/1995				Trung bình	1652420	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26508	3526-K50I3	K50I3	Đỗ Thị	Trâm	Nữ	24/12/1996				Khá	1652421	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26509	3527-K50I3	K50I3	Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	06/06/1996				Trung bình	1652422	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26510	3528-K50I3	K50I3	Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	24/08/1996				Khá	1652423	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26511	3529-K50I3	K50I3	Đào Thị Hồng	Vân	Nữ	08/05/1996				Khá	1652424	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26512	3530-K50I3	K50I3	Nguyễn Quốc	Vương	Nam	19/11/1996				Trung bình	1652425	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26513	3531-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	16/03/1996				Giỏi	1652426	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26514	3532-K50I3	K50I3	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	02/09/1996				Khá	1652427	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26515	3533-K50I4	K50I4	Đồng Thị Hiền	Anh	Nữ	24/12/1996				Khá	1652428	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26516	3534-K50I4	K50I4	Nguyễn Tiến	Danh	Nam	03/03/1996				Giỏi	1652429	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26517	3535-K50I4	K50I4	Phạm Thị Mỹ	Duyên	Nữ	26/09/1996				Khá	1652430	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26518	3536-K50I4	K50I4	Tạ Đình Hoàng	Giang	Nữ	24/11/1996				Khá	1652431	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26519	3537-K50I4	K50I4	Vũ Thị	Hằng	Nữ	31/01/1996				Khá	1652432	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26520	3538-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	15/10/1996				Khá	1652433	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26521	3539-K50I4	K50I4	Dương Thị	Hiền	Nữ	18/10/1996				Khá	1652434	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26522	3540-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	16/06/1996				Khá	1652435	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26523	3541-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	25/06/1996				Khá	1652436	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26524	3542-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	11/11/1996				Khá	1652437	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26525	3543-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị	Khánh	Nữ	02/09/1996				Khá	1652438	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26526	3544-K50I4	K50I4	Vũ Thùy	Liễu	Nữ	06/08/1996				Trung bình	1652439	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26527	3545-K50I4	K50I4	Khuất Diệu	Linh	Nữ	12/06/1996				Khá	1652440	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26528	3546-K50I4	K50I4	Nguyễn Tuyết	Mai	Nữ	06/09/1996				Khá	1652441	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26529	3547-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	02/06/1996				Khá	1652442	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26530	3548-K50I4	K50I4	Đinh Hồng	Ngọc	Nữ	26/07/1996				Khá	1652443	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26531	3549-K50I4	K50I4	Trần Thị	Nhàn	Nữ	27/04/1996				Khá	1652444	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26532	3550-K50I4	K50I4	Lê Thu	Phương	Nữ	05/12/1996				Khá	1652445	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26533	3551-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	06/09/1996				Khá	1652446	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26534	3552-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	02/05/1996				Khá	1652447	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26535	3553-K50I4	K50I4	Nguyễn Văn	Quỳnh	Nam	22/08/1996				Khá	1652448	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26536	3554-K50I4	K50I4	Nguyễn Quang	Sơn	Nam	19/01/1996				Khá	1652449	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26537	3555-K50I4	K50I4	Hà Thị	Thanh	Nữ	10/11/1996				Khá	1652450	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26538	3556-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	10/05/1996				Khá	1652451	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26539	3557-K50I4	K50I4	Ngô Quang	Thịnh	Nam	01/05/1996				Khá	1652452	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26540	3558-K50I4	K50I4	Phạm Thị	Thu	Nữ	30/08/1996				Khá	1652453	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26541	3559-K50I4	K50I4	Cao Thị Hồng	Thúy	Nữ	14/11/1996				Khá	1652454	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26542	3560-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	19/09/1996				Khá	1652455	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26543	3561-K50I4	K50I4	Trịnh Hải	Trang	Nữ	17/04/1996				Khá	1652456	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26544	3562-K50I4	K50I4	Nguyễn Văn	Tráng	Nam	27/08/1996				Khá	1652457	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26545	3563-K50I4	K50I4	Đặng Thị	Tuyến	Nữ	11/05/1996				Khá	1652458	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26546	3564-K50I4	K50I4	Trần Thị	Vân	Nữ	02/08/1995				Khá	1652459	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26547	3565-K50I4	K50I4	Đào Minh	Yến	Nữ	17/06/1996				Giỏi	1652460	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26548	3566-K50I4	K50I4	Phùng Thị	Yến	Nữ	30/01/1996				Khá	1652461	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	548/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26549	2687-K50DD	K50DD	Ngô Hoàng	Anh	Nam	22/01/1996				Giỏi	1651582	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26550	2688-K50DD	K50DD	Lê Xuân	An	Nam	12/04/1996				Khá	1651583	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26551	2689-K50DD	K50DD	Đinh Thị Trung	Anh	Nữ	16/03/1996				Khá	1651584	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26552	2690-K50DD	K50DD	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	09/10/1996				Khá	1651585	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26553	2691-K50DD	K50DD	Hoàng Huệ	Chi	Nữ	13/09/1996				Khá	1651586	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26554	2692-K50DD	K50DD	Hoàng Thị Bạch	Cúc	Nữ	11/06/1995				Khá	1651587	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26555	2693-K50DD	K50DD	Nguyễn Trung	Đức	Nam	31/10/1996				Khá	1651588	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26556	2694-K50DD	K50DD	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	18/07/1996				Khá	1651589	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26557	2695-K50DD	K50DD	Nguyễn Mạnh	Hà	Nam	24/04/1996				Khá	1651590	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26558	2696-K50DD	K50DD	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	21/12/1996				Khá	1651591	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26559	2697-K50DD	K50DD	Ngô Thúy	Hồng	Nữ	30/11/1996				Khá	1651592	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26560	2698-K50DD	K50DD	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	01/07/1996				Khá	1651593	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26561	2699-K50DD	K50DD	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	27/10/1996				Khá	1651594	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26562	2700-K50DD	K50DD	Vũ Thị Thanh	Hương	Nữ	16/12/1996				Khá	1651595	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26563	2701-K50DD	K50DD	Khương Mỹ	Linh	Nữ	26/04/1996				Khá	1651596	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26564	2702-K50DD	K50DD	Lưu Khánh	Linh	Nữ	09/08/1996				Khá	1651597	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26565	2703-K50DD	K50DD	Vũ Khánh	Linh	Nữ	30/12/1996				Khá	1651598	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26566	2704-K50DD	K50DD	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	Nữ	22/10/1996				Khá	1651599	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26567	2705-K50DD	K50DD	Đào Thị Thanh	Mai	Nữ	25/09/1996				Giỏi	1651600	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26568	2706-K50DD	K50DD	Trần Đức	Nghĩa	Nam	28/12/1996				Khá	1651601	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26569	2707-K50DD	K50DD	Tô Quang	Nhàn	Nam	20/11/1996				Khá	1651602	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26570	2708-K50DD	K50DD	Đoàn Kim	Nhung	Nữ	19/08/1996				Khá	1651603	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26571	2709-K50DD	K50DD	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	10/02/1996				Khá	1651604	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26572	2710-K50DD	K50DD	Đặng Thúy	Quỳnh	Nữ	16/11/1996				Khá	1651605	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26573	2711-K50DD	K50DD	Phạm Thị Hồng	Thắm	Nữ	04/12/1996				Khá	1651606	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26574	2712-K50DD	K50DD	Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	10/06/1996				Khá	1651607	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26575	2713-K50DD	K50DD	Trần Phúc	Thịnh	Nam	29/07/1996				Khá	1651608	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26576	2714-K50DD	K50DD	Phí Thị Phương	Thùy	Nữ	27/08/1996				Khá	1651609	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26577	2715-K50DD	K50DD	Đoàn Minh	Toàn	Nam	29/03/1996				Khá	1651610	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26578	2716-K50DD	K50DD	Lê Thị	Trang	Nữ	30/08/1996				Khá	1651611	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26579	2717-K50DD	K50DD	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	03/05/1995				Khá	1651612	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26580	2718-K50DD	K50DD	Trần Linh	Trang	Nữ	24/05/1996				Khá	1651613	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26581	2719-K50DD	K50DD	Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	03/10/1996				Khá	1651614	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26582	2720-K50DD	K50DD	Bùi Thị Thuỳ	Trinh	Nữ	25/06/1996				Khá	1651615	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26583	2721-K50DD	K50DD	Âu Hải	Trung	Nam	27/07/1996				Khá	1651616	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26584	2722-K50DD	K50DD	Đinh Thị	Tuyến	Nữ	16/04/1996				Trung bình	1651617	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26585	2723-K50DD	K50DD	Nguyễn Thanh	Xuân	Nữ	01/11/1996				Khá	1651618	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	536/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26586	3396-K50HH	K50HH	Dương Tuấn	Anh	Nam	13/12/1996				Trung bình	1652291	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26587	3397-K50HH	K50HH	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	29/05/1996				Trung bình	1652292	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26588	3398-K50HH	K50HH	Hồ Văn	Chiến	Nam	28/06/1996				Khá	1652293	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26589	3399-K50HH	K50HH	Chu Văn	Đức	Nam	29/01/1996				Khá	1652294	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26590	3400-K50HH	K50HH	Nguyễn Trọng	Đức	Nam	11/01/1996				Khá	1652295	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26591	3401-K50HH	K50HH	Phùng Thị Hạnh	Dung	Nữ	25/02/1996				Khá	1652296	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26592	3402-K50HH	K50HH	Dương Thị Thùy	Duyên	Nữ	22/10/1996				Khá	1652297	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26593	3403-K50HH	K50HH	Bùi Tuấn	Hoàng	Nam	17/07/1995				Khá	1652298	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26594	3404-K50HH	K50HH	Đỗ Thành	Hưng	Nam	06/07/1996				Khá	1652299	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26595	3405-K50HH	K50HH	Mai Thị Diệu	Linh	Nữ	06/12/1996				Khá	1652300	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26596	3406-K50HH	K50HH	Tào Minh	Ngọc	Nữ	01/02/1996				Khá	1652301	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26597	3407-K50HH	K50HH	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	03/10/1996				Khá	1652302	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26598	3408-K50HH	K50HH	Bùi Thị Bích	Thảo	Nữ	19/12/1996				Trung bình	1652303	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26599	3409-K50HH	K50HH	Bùi Văn	Toàn	Nam	02/11/1996				Khá	1652304	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26600	3410-K50HH	K50HH	Bạch Thu	Trà	Nữ	13/10/1996				Giỏi	1652305	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26601	3411-K50HH	K50HH	Phùng Thị Thu	Trang	Nữ	07/07/1996				Khá	1652306	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26602	3412-K50HH	K50HH	Nguyễn Tuấn	Trung	Nam	28/08/1996				Khá	1652307	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26603	3413-K50HH	K50HH	Nguyễn Văn	Trường	Nam	21/01/1996				Khá	1652308	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26604	3414-K50HH	K50HH	Giang Thanh	Tuấn	Nam	21/07/1996				Khá	1652309	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26605	3415-K50HH	K50HH	Vũ Tú	Uyên	Nữ	25/09/1996				Khá	1652310	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26606	3416-K50HH	K50HH	Tô Thị Hải	Yến	Nữ	09/12/1996				Khá	1652311	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26607	3567-K50F1	K50F1	Nguyễn Đức	Kiên	Nam	35380				Khá	1652466	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	538/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26608	3568-K50T7	K50T7	Lê Thị Thu	Hường	Nữ	17/6/1996				Khá	1652467	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	540/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26609	3569-K49H6	K49H6	Đặng Anh	Tuấn	Nam	34261				Trung bình	1652468	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	546/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26610	3570-K49U2	K49U2	Bùi Trung	Dũng	Nam	33861				Trung bình	1652469	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	545/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26611	3571-K47V2	K47V2	Nguyễn Hữu	Cường	Nam	34215				Trung bình	1652470	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ TỔ CHỨC DỊCH VỤ Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG	542/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 25/05/2018	
26612	564-K12CK6	K12CK6	Bùi Thị Lan	Anh	Nữ	25/05/1994				Khá	1503212	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26613	565-K12CK6	K12CK6	Hà Kiều	Anh	Nữ	13/10/1995				Khá	1503213	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26614	566-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	22/10/1995				Trung bình	1503214	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26615	567-K12CK6	K12CK6	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	19/11/1995				Khá	1503215	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26616	568-K12CK6	K12CK6	Trần Thị Lan	Anh	Nữ	17/11/1995				Khá	1503216	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26617	569-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Văn	Doanh	Nam	06/08/1994				Khá	1503217	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26618	570-K12CK6	K12CK6	Đỗ Thị	Dung	Nữ	18/08/1992				Khá	1503218	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26619	571-K12CK6	K12CK6	Lê Thùy	Dung	Nữ	18/05/1994				Khá	1503219	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26620	572-K12CK6	K12CK6	Đào Anh	Dũng	Nam	15/09/1993				Khá	1503220	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26621	573-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	15/07/1991				Khá	1503221	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26622	574-K12CK6	K12CK6	Đào Thị	Hà	Nữ	22/10/1992				Khá	1503222	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26623	575-K12CK6	K12CK6	Lê Thị	Hà	Nữ	25/03/1993				Khá	1503223	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26624	576-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	15/02/1994				Khá	1503224	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26625	577-K12CK6	K12CK6	Phan Thị	Hà	Nữ	12/09/1995				Khá	1503225	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26626	578-K12CK6	K12CK6	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	29/07/1995				Khá	1503226	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26627	579-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	24/01/1988				Khá	1503227	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26628	580-K12CK6	K12CK6	Đinh Thị Thu	Hằng	Nữ	01/04/1993				Khá	1503228	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26629	581-K12CK6	K12CK6	Bùi Thị Thúy	Hạnh	Nữ	25/04/1995				Khá	1503229	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26630	582-K12CK6	K12CK6	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	28/08/1992				Khá	1503230	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26631	583-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	03/07/1995				Khá	1503231	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26632	584-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	28/02/1995				Khá	1503232	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26633	585-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	04/09/1994				Khá	1503233	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26634	586-K12CK6	K12CK6	Phan Thị Thanh	Hoa	Nữ	22/09/1993				Khá	1503234	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26635	587-K12CK6	K12CK6	Vũ Thị Thanh	Hòa	Nữ	13/11/1990				Khá	1503235	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26636	588-K12CK6	K12CK6	Đỗ Thị	Hồng	Nữ	15/08/1995				Khá	1503236	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26637	589-K12CK6	K12CK6	Vũ Thị	Huế	Nữ	01/02/1994				Khá	1503237	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26638	590-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	08/12/1992				Khá	1503238	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26639	591-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị Minh	Hương	Nữ	07/06/1992				Khá	1503239	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26640	592-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	06/01/1992				Khá	1503240	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26641	593-K12CK6	K12CK6	Lê Thị	Huyền	Nữ	10/04/1992				Khá	1503241	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26642	594-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	29/06/1988				Khá	1503242	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26643	595-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	05/05/1995				Khá	1503243	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26644	596-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nam	17/07/1995				Khá	1503244	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26645	597-K12CK6	K12CK6	Dương Hà Phương	Lâm	Nữ	01/03/1994				Khá	1503245	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26646	598-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thu	Lan	Nữ	11/10/1991				Khá	1503246	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26647	599-K12CK6	K12CK6	Hoàng Thị	Liên	Nữ	05/10/1994				Khá	1503247	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26648	600-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	26/01/1994				Khá	1503248	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26649	601-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Quang	Luân	Nam	19/09/1993				Khá	1503249	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26650	602-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	01/12/1991				Khá	1503250	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26651	603-K12CK6	K12CK6	Lê Thị Lưu	Ly	Nữ	25/08/1993				Khá	1503251	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26652	604-K12CK6	K12CK6	Hoàng Thị Phương	Lý	Nữ	12/01/1994				Khá	1503252	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26653	605-K12CK6	K12CK6	Bùi Thị Hồng	Minh	Nữ	15/05/1994				Khá	1503253	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26654	606-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị Lê	Na	Nữ	15/11/1989				Khá	1503254	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26655	607-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	29/05/1994				Khá	1503255	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26656	608-K12CK6	K12CK6	Phạm Thị Thanh	Nga	Nữ	11/11/1994				Khá	1503256	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26657	609-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	10/02/1994				Khá	1503257	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26658	610-K12CK6	K12CK6	Bùi Thanh	Ngọc	Nữ	10/10/1995				Khá	1503258	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26659	611-K12CK6	K12CK6	Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	21/03/1992				Khá	1503259	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26660	612-K12CK6	K12CK6	Trần Thị	Ngọc	Nữ	17/02/1994				Khá	1503260	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26661	613-K12CK6	K12CK6	Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/10/1995				Khá	1503261	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26662	614-K12CK6	K12CK6	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	02/09/1993				Khá	1503262	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26663	615-K12CK6	K12CK6	Bùi Hà	Phương	Nữ	03/11/1995				Khá	1503263	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26664	616-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	21/01/1993				Khá	1503264	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26665	617-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	02/02/1990				Khá	1503265	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26666	618-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	09/02/1986				Khá	1503266	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26667	619-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	Nữ	02/06/1995				Khá	1503267	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26668	620-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị Kim	Sinh	Nữ	21/10/1992				Khá	1503268	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26669	621-K12CK6	K12CK6	Phạm Thị	Tân	Nữ	16/06/1990				Khá	1503269	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26670	622-K12CK6	K12CK6	Lê Quốc	Thắng	Nam	13/03/1992				Giỏi	1503270	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26671	623-K12CK6	K12CK6	Phạm Thị	Thêu	Nữ	15/11/1993				Giỏi	1503271	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26672	624-K12CK6	K12CK6	Hoàng Hanh	Thông	Nam	31/12/1994				Khá	1503272	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26673	625-K12CK6	K12CK6	Ngô Thị	Thu	Nữ	20/09/1991				Khá	1503273	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26674	626-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	05/04/1990				Khá	1503274	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26675	627-K12CK6	K12CK6	Tống Thị Việt	Thu	Nữ	26/08/1992				Khá	1503275	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26676	628-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Văn	Thực	Nam	14/06/1995				Khá	1503276	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26677	629-K12CK6	K12CK6	Bùi Thị Ngọc	Thúy	Nữ	09/07/1989				Khá	1503277	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26678	630-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	20/06/1995				Khá	1503278	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26679	631-K12CK6	K12CK6	Dương Thị	Thùy	Nữ	27/08/1995				Khá	1503279	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26680	632-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	Nữ	11/10/1991				Giỏi	1503280	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26681	633-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Mạnh	Tiến	Nam	02/07/1994				Khá	1503281	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26682	634-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	26/10/1995				Khá	1503282	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26683	635-K12CK6	K12CK6	Đoàn Phương	Trang	Nữ	18/06/1995				Khá	1503283	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26684	636-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Như	Trang	Nữ	01/04/1995				Khá	1503284	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26685	637-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	07/03/1990				Khá	1503285	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26686	638-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	23/12/1995				Khá	1624228	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26687	639-K12CK6	K12CK6	Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	01/09/1993				Giỏi	1624229	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26688	640-K12CK6	K12CK6	Dương Thế	Trọng	Nam	26/12/1992				Khá	1624230	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26689	641-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Chí	Tùng	Nam	10/06/1992				Khá	1624231	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26690	642-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	25/06/1985				Khá	1624232	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26691	643-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	12/11/1986				Giỏi	1624233	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26692	644-K12CK6	K12CK6	Tống Thị Hải	Yến	Nữ	20/11/1994				Khá	1624234	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26693	645-K12CK7	K12CK7	Hoàng Thị Trâm	Anh	Nữ	20/06/1993				Giỏi	1624235	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26694	646-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	16/04/1991				Khá	1624236	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26695	647-K12CK7	K12CK7	Nông Thị	Anh	Nữ	06/07/1994				Khá	1624237	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26696	648-K12CK7	K12CK7	Tạ Mai	Anh	Nữ	20/09/1994				Giỏi	1624238	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26697	649-K12CK7	K12CK7	Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	22/08/1993				Khá	1624239	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26698	650-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	11/08/1993				Khá	1624240	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26699	651-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Điệp	Nữ	17/10/1993				Khá	1624241	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26700	652-K12CK7	K12CK7	Hà Huy	Đông	Nam	02/06/1988				Khá	1624244	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26701	653-K12CK7	K12CK7	Hoàng Thị	Dung	Nữ	27/04/1993				Khá	1624245	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26702	654-K12CK7	K12CK7	Lê Thùy	Dung	Nữ	03/03/1994				Khá	1624246	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26703	655-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	14/12/1993				Khá	1624242	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26704	656-K12CK7	K12CK7	Phạm Thị	Duyên	Nữ	13/11/1993				Khá	1624243	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26705	657-K12CK7	K12CK7	Hoàng Thị Thanh	Hà	Nữ	29/08/1993				Khá	1624247	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26706	658-K12CK7	K12CK7	Lò Thị Thu	Hà	Nữ	25/03/1992				Khá	1624248	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26707	659-K12CK7	K12CK7	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	01/08/1991				Khá	1624249	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26708	660-K12CK7	K12CK7	Lê Minh	Hải	Nam	08/08/1994				Khá	1624250	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26709	661-K12CK7	K12CK7	Phan Ngọc	Hải	Nam	23/04/1993				Khá	1624251	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26710	662-K12CK7	K12CK7	Phạm Thị	Hằng	Nữ	13/06/1995				Giỏi	1624252	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26711	663-K12CK7	K12CK7	Lê Thị	Hạnh	Nữ	07/10/1994				Khá	1624253	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26712	664-K12CK7	K12CK7	Hồ Thị	Hiền	Nữ	02/10/1993				Khá	1624254	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26713	665-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	23/09/1994				Khá	1624255	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26714	666-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	09/05/1989				Giỏi	1624256	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26715	667-K12CK7	K12CK7	Tô Thanh	Hoa	Nữ	22/11/1995				Khá	1624257	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26716	668-K12CK7	K12CK7	Đỗ Thị Ngọc	Hoài	Nữ	20/03/1992				Giỏi	1624258	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26717	669-K12CK7	K12CK7	Bùi Thúy	Hồng	Nữ	01/11/1992				Khá	1624259	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26718	670-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	16/06/1995				Khá	1624260	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26719	671-K12CK7	K12CK7	Bùi Kim	Huệ	Nữ	30/04/1992				Khá	1624261	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26720	672-K12CK7	K12CK7	Trần Thị	Huệ	Nữ	25/09/1994				Khá	1624262	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26721	673-K12CK7	K12CK7	Ngô Thị Lan	Hương	Nữ	02/01/1994				Khá	1624263	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26722	674-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/07/1990				Khá	1624264	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26723	675-K12CK7	K12CK7	Tạ Thị	Hương	Nữ	09/11/1995				Khá	1624265	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26724	676-K12CK7	K12CK7	Vũ Thị Thúy	Hường	Nữ	13/10/1993				Khá	1624266	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26725	677-K12CK7	K12CK7	Bùi Thị	Huyền	Nữ	22/05/1992				Khá	1624267	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26726	678-K12CK7	K12CK7	Lộ Thị	Huyền	Nữ	11/05/1988				Giỏi	1624268	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26727	679-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/05/1995				Khá	1624269	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26728	680-K12CK7	K12CK7	Phạm Thị	Kiều	Nữ	08/03/1995				Khá	1624270	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26729	681-K12CK7	K12CK7	Lê Thị	Lan	Nữ	06/12/1992				Khá	1624271	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26730	682-K12CK7	K12CK7	Bùi Thùy	Linh	Nữ	09/08/1995				Khá	1624272	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26731	683-K12CK7	K12CK7	Lê Thị	Linh	Nữ	13/07/1995				Khá	1624273	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26732	684-K12CK7	K12CK7	Phan Trần Diệu	Linh	Nữ	02/04/1995				Khá	1624274	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26733	685-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	10/05/1995				Khá	1624275	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26734	686-K12CK7	K12CK7	Phan Thị	Lương	Nữ	10/05/1994				Khá	1624276	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26735	687-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	06/08/1991				Giỏi	1624277	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26736	688-K12CK7	K12CK7	Lê Thị Ngọc	Ly	Nữ	13/08/1995				Khá	1624278	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26737	689-K12CK7	K12CK7	Lê Thị	Lý	Nữ	17/02/1994				Khá	1624279	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26738	690-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	08/05/1992				Khá	1624280	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26739	691-K12CK7	K12CK7	Đào Ngọc	Nam	Nam	20/12/1989				Khá	1624281	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26740	692-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	19/07/1994				Khá	1624282	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26741	693-K12CK7	K12CK7	Trịnh Thị	Nga	Nữ	10/05/1988				Khá	1624283	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26742	694-K12CK7	K12CK7	Lã Thị Hoàng	Ngân	Nữ	15/05/1995				Khá	1624284	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26743	695-K12CK7	K12CK7	Trần Thị	Ngân	Nữ	21/02/1995				Khá	1624285	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26744	696-K12CK7	K12CK7	Bùi Thị	Ngoan	Nữ	29/10/1995				Khá	1624286	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26745	697-K12CK7	K12CK7	Lê Thị	Nguyên	Nữ	01/09/1993				Khá	1624287	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26746	698-K12CK7	K12CK7	Trần Thị	Nhạn	Nữ	10/02/1994				Khá	1624288	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26747	699-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Trang	Nhung	Nữ	24/01/1995				Khá	1624289	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26748	700-K12CK7	K12CK7	Đặng Bích	Phương	Nữ	30/10/1994				Khá	1624290	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26749	701-K12CK7	K12CK7	Lưu Minh	Phương	Nữ	20/08/1994				Khá	1624291	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26750	702-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/08/1993				Khá	1624292	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26751	703-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	01/02/1992				Khá	1624293	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26752	704-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Huy	Quang	Nam	10/10/1994				Khá	1624294	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26753	705-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Trung	Quyết	Nam	20/10/1994				Khá	1624295	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26754	706-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Tùng	Sơn	Nam	30/01/1993				Khá	1624296	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26755	707-K12CK7	K12CK7	Vũ Minh	Tâm	Nam	18/05/1994				Khá	1624297	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26756	708-K12CK7	K12CK7	Hà Diệu	Thảo	Nữ	17/11/1994				Khá	1624298	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26757	709-K12CK7	K12CK7	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	20/02/1993				Khá	1624299	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26758	710-K12CK7	K12CK7	Phan Thị	Thía	Nữ	10/05/1995				Khá	1624300	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26759	711-K12CK7	K12CK7	Cao Thị Hoài	Thu	Nữ	21/08/1993				Khá	1624301	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26760	712-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	22/01/1995				Khá	1624302	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26761	713-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	02/10/1994				Khá	1624303	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26762	714-K12CK7	K12CK7	Đào Thị	Thương	Nữ	07/10/1994				Khá	1624304	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26763	715-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị Kim	Thúy	Nữ	03/10/1995				Khá	1624305	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26764	716-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	25/01/1995				Khá	1624306	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26765	717-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	03/05/1994				Khá	1624307	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26766	718-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thu	Thùy	Nữ	18/04/1994				Khá	1624308	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26767	719-K12CK7	K12CK7	Phí Đình	Tiến	Nam	21/01/1995				Khá	1624309	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26768	720-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Nữ	23/05/1995				Khá	1624310	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26769	721-K12CK7	K12CK7	Đặng Huyền	Trang	Nữ	20/01/1994				Khá	1624311	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26770	722-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	15/08/1993				Khá	1624312	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26771	723-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	20/03/1993				Khá	1624313	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26772	724-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	13/09/1993				Khá	1624314	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26773	725-K12CK7	K12CK7	Phạm Thu	Trang	Nữ	10/12/1990				Khá	1624315	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26774	726-K12CK7	K12CK7	Vũ Thị Thùy	Trang	Nữ	12/09/1990				Khá	1624316	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26775	727-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	03/06/1995				Khá	1624317	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26776	728-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Hải	Vân	Nữ	18/08/1989				Khá	1624318	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26777	729-K12CK7	K12CK7	Bùi Thị	Xinh	Nữ	20/11/1989				Khá	1624319	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26778	730-K12CK7	K12CK7	Đặng Thị Hoàng	Yên	Nữ	28/09/1994				Khá	1624320	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26779	731-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Vân	Anh	Nữ	05/04/1992				Trung bình	1624321	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26780	732-K12CK8	K12CK8	Tô Quang	Anh	Nam	11/03/1994				Khá	1624322	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26781	733-K12CK8	K12CK8	Triệu Thị	Ba	Nữ	28/07/1994				Khá	1624323	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26782	734-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Chuyên	Nữ	19/03/1993				Giỏi	1624324	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26783	735-K12CK8	K12CK8	Trần Văn	Diện	Nam	12/09/1994				Khá	1624325	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26784	736-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	25/01/1995				Khá	1624326	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26785	737-K12CK8	K12CK8	Lê Thị	Dung	Nữ	20/03/1993				Giỏi	1624327	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26786	738-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	05/11/1995				Khá	1624328	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26787	739-K12CK8	K12CK8	Ngô Tiến	Duy	Nam	29/05/1995				Khá	1624329	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26788	740-K12CK8	K12CK8	Đặng Thị Hương	Giang	Nữ	24/11/1994				Khá	1624330	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26789	741-K12CK8	K12CK8	Lê Thị	Hà	Nữ	07/04/1992				Khá	1624331	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26790	742-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Khánh	Hà	Nữ	31/12/1985				Khá	1624332	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26791	743-K12CK8	K12CK8	Phạm Thị	Hà	Nữ	25/08/1987				Khá	1624333	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26792	744-K12CK8	K12CK8	Trịnh Thu	Hà	Nữ	22/01/1995				Khá	1624334	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26793	745-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	15/01/1990				Khá	1624335	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26794	746-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	16/05/1992				Khá	1624336	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26795	747-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	14/08/1995				Khá	1624337	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26796	748-K12CK8	K12CK8	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	14/04/1995				Khá	1624338	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26797	749-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	02/01/1995				Khá	1624339	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26798	750-K12CK8	K12CK8	Đỗ Thị Thanh	Hoa	Nữ	14/10/1993				Khá	1624340	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26799	751-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	02/06/1995				Khá	1624341	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26800	752-K12CK8	K12CK8	Mai Thị	Hòa	Nữ	19/05/1995				Khá	1624342	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26801	753-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	24/08/1994				Khá	1624343	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26802	754-K12CK8	K12CK8	Đặng Thị	Hồng	Nữ	02/12/1995				Khá	1624344	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26803	755-K12CK8	K12CK8	Phan Thị	Huế	Nữ	26/09/1995				Khá	1624345	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26804	756-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	03/06/1995				Khá	1624346	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26805	757-K12CK8	K12CK8	Lê Thị Thu	Hường	Nữ	17/05/1994				Khá	1624347	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26806	758-K12CK8	K12CK8	Đào Thị	Hường	Nữ	11/08/1992				Giỏi	1624348	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26807	759-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Quang	Huy	Nam	10/05/1995				Khá	1624349	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26808	760-K12CK8	K12CK8	Bùi Thị	Huyền	Nữ	30/07/1992				Khá	1624350	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26809	761-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	20/06/1993				Khá	1624351	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26810	762-K12CK8	K12CK8	Bùi Sơn	Lâm	Nam	15/01/1993				Khá	1624352	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26811	763-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	28/02/1992				Giỏi	1624353	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26812	764-K12CK8	K12CK8	Dương Thị	Len	Nữ	11/02/1992				Khá	1624354	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26813	765-K12CK8	K12CK8	Ngô Thị Mỹ	Linh	Nữ	29/01/1995				Giỏi	1624355	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26814	766-K12CK8	K12CK8	Trịnh Thị Thùy	Linh	Nữ	06/10/1993				Giỏi	1624356	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26815	767-K12CK8	K12CK8	Vũ Thị Thiên	Lộc	Nữ	23/03/1995				Khá	1624357	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26816	768-K12CK8	K12CK8	Hà Thị Hồng	Luyến	Nữ	13/03/1990				Giỏi	1624358	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26817	769-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	06/01/1990				Giỏi	1624359	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26818	770-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	19/08/1995				Khá	1624360	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26819	771-K12CK8	K12CK8	Dương Quỳnh	Mai	Nữ	20/10/1993				Khá	1624361	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26820	772-K12CK8	K12CK8	Hoàng Thị Lê	Na	Nữ	02/10/1995				Giỏi	1624362	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26821	773-K12CK8	K12CK8	Hồ Thị Thúy	Nga	Nữ	11/10/1995				Khá	1624363	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26822	774-K12CK8	K12CK8	Mai Thị Tố	Nga	Nữ	18/10/1986				Khá	1624364	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26823	775-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	15/04/1991				Khá	1624365	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26824	776-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	24/10/1993				Khá	1624366	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26825	777-K12CK8	K12CK8	Vũ Thị	Ngoan	Nữ	09/09/1995				Khá	1624367	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26826	778-K12CK8	K12CK8	Tô Thị Hồng	Ngọc	Nữ	09/12/1995				Khá	1624368	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26827	779-K12CK8	K12CK8	Mai Thảo	Nguyên	Nữ	16/08/1994				Giỏi	1624369	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26828	780-K12CK8	K12CK8	Vũ Thị	Nhình	Nữ	15/04/1995				Khá	1624370	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26829	781-K12CK8	K12CK8	Dương Thị	Nhung	Nữ	12/08/1995				Khá	1624371	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26830	782-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Tuyết	Nhung	Nữ	30/08/1991				Giỏi	1624372	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26831	783-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Văn	Phong	Nam	13/03/1995				Khá	1624373	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26832	784-K12CK8	K12CK8	Đào Thị Thảo	Phương	Nữ	23/07/1995				Khá	1624374	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26833	785-K12CK8	K12CK8	Ngô Thị Thu	Phương	Nữ	02/05/1995				Khá	1624375	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26834	786-K12CK8	K12CK8	Vũ Thị Hồng	Phương	Nữ	13/08/1992				Khá	1624376	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26835	787-K12CK8	K12CK8	Hoàng Nhật	Quỳnh	Nữ	31/08/1995				Khá	1624377	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26836	788-K12CK8	K12CK8	Ngô Minh	Tâm	Nữ	13/12/1991				Khá	1624378	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26837	789-K12CK8	K12CK8	Đặng Minh	Tân	Nam	07/01/1994				Khá	1624379	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26838	790-K12CK8	K12CK8	Phạm Thị	Thắm	Nữ	03/10/1989				Khá	1624380	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26839	791-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	23/08/1995				Giỏi	1624381	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26840	792-K12CK8	K12CK8	Vũ Thanh	Thảo	Nữ	26/05/1995				Khá	1624382	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26841	793-K12CK8	K12CK8	Quất Đức	Thiện	Nam	09/06/1986				Khá	1624383	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26842	794-K12CK8	K12CK8	Lê Thị Kiều	Thu	Nữ	06/07/1995				Khá	1624384	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26843	795-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	28/12/1992				Khá	1624385	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26844	796-K12CK8	K12CK8	Phạm Thị	Thu	Nữ	28/10/1992				Khá	1624386	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26845	797-K12CK8	K12CK8	Phạm Quỳnh Anh	Thư	Nữ	16/07/1995				Khá	1624387	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26846	798-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	15/04/1988				Giỏi	1624388	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26847	799-K12CK8	K12CK8	Lê	Thùy	Nữ	14/10/1995				Giỏi	1624389	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26848	800-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thu	Thùy	Nữ	25/05/1990				Khá	1624390	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26849	801-K12CK8	K12CK8	Hà Thùy	Tiên	Nữ	12/05/1995				Khá	1624391	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26850	802-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Toan	Nữ	24/12/1987				Khá	1624392	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26851	803-K12CK8	K12CK8	Trần Thị	Trà	Nữ	14/08/1994				Khá	1624393	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26852	804-K12CK8	K12CK8	Đinh Thị Huyền	Trang	Nữ	28/07/1992				Khá	1624394	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26853	805-K12CK8	K12CK8	Lê Thị Hoài	Trang	Nữ	12/11/1993				Khá	1624395	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26854	806-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	27/08/1993				Khá	1624396	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26855	807-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	28/10/1986				Khá	1624397	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26856	808-K12CK8	K12CK8	Phạm Thị	Trang	Nữ	18/08/1992				Giỏi	1624398	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26857	809-K12CK8	K12CK8	Phan Thị Thu	Trang	Nữ	17/10/1994				Khá	1624399	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26858	810-K12CK8	K12CK8	Lưu Thị Kiều	Trinh	Nữ	15/10/1995				Khá	1624400	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26859	811-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Anh	Tùng	Nam	31/07/1988				Khá	1624401	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26860	812-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Tuyên	Nữ	08/07/1995				Khá	1624402	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26861	813-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	02/03/1991				Khá	1624403	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26862	814-K11CK7	K11CK7	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/02/1991				Khá	1624549	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26863	815-K12CK1	K12CK1	Dương Lan	Hương	Nữ	09/03/1993				Khá	1624405	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26864	816-K12CK2	K12CK2	Lê Hồng	Sơn	Nam	27/04/1992				Trung bình	1624406	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	400-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26865	817-K12CK9	K12CK9	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	04/06/1991				Giỏi	1624407	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26866	818-K12CK9	K12CK9	Lữ Thị Phương	Anh	Nữ	14/04/1994				Giỏi	1624408	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26867	819-K12CK9	K12CK9	Trần Thị	Bình	Nữ	27/01/1994				Giỏi	1624409	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26868	820-K12CK9	K12CK9	Đặng Thị	Cúc	Nữ	23/06/1987				Giỏi	1624410	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26869	821-K12CK9	K12CK9	Đỗ Huy	Du	Nam	23/10/1987				Khá	1624411	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26870	822-K12CK9	K12CK9	Trần Thị	Dung	Nữ	24/08/1988				Giỏi	1624412	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26871	823-K12CK9	K12CK9	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	18/02/1995				Khá	1624413	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26872	824-K12CK9	K12CK9	Bùi Thị	Hà	Nữ	06/10/1992				Giỏi	1624414	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26873	825-K12CK9	K12CK9	Lê Thị	Hà	Nữ	15/01/1990				Khá	1624415	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26874	826-K12CK9	K12CK9	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	21/08/1992				Giỏi	1624416	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26875	827-K12CK9	K12CK9	Vũ Thị	Hà	Nữ	08/09/1993				Giỏi	1624417	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26876	828-K12CK9	K12CK9	Đàm Thị	Hòa	Nữ	10/10/1987				Giỏi	1624418	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26877	829-K12CK9	K12CK9	Đỗ Thị	Hương	Nữ	23/11/1993				Giỏi	1624419	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26878	830-K12CK9	K12CK9	Nguyễn Thị Thúy	Hương	Nữ	27/06/1995				Khá	1624420	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26879	831-K12CK9	K12CK9	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	14/09/1986				Giỏi	1624421	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26880	832-K12CK9	K12CK9	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	20/10/1989				Khá	1624422	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26881	833-K12CK9	K12CK9	Phạm Hoài	Linh	Nữ	25/07/1988				Giỏi	1624423	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26882	834-K12CK9	K12CK9	Nguyễn Thị Thúy	Loan	Nữ	29/09/1994				Khá	1624424	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26883	835-K12CK9	K12CK9	Trần Thị	Lương	Nữ	10/08/1990				Giỏi	1624425	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26884	836-K12CK9	K12CK9	Trần Thị	Mai	Nữ	27/07/1987				Giỏi	1624426	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26885	837-K12CK9	K12CK9	Phạm Thị Hồng	Ngân	Nữ	02/10/1992				Khá	1624427	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26886	838-K12CK9	K12CK9	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/07/1992				Giỏi	1624428	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26887	839-K12CK9	K12CK9	Trần Ngọc	Phương	Nữ	07/05/1991				Khá	1624429	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26888	840-K12CK9	K12CK9	Phạm Thị	Thảo	Nữ	08/09/1994				Khá	1624430	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26889	841-K12CK9	K12CK9	Đinh Thị	Thúy	Nữ	02/01/1991				Giỏi	1624431	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26890	842-K12CK9	K12CK9	Trần Thị	Thùy	Nữ	10/01/1990				Giỏi	1624432	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26891	843-K12CK9	K12CK9	Trịnh Thị Lệ	Thùy	Nữ	01/10/1993				Khá	1624433	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26892	844-K12CK9	K12CK9	Chu Huyền	Trang	Nữ	23/05/1993				Giỏi	1624434	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26893	845-K12CK9	K12CK9	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	12/08/1993				Khá	1624435	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26894	846-K12CK9	K12CK9	Bùi Thị Thanh	Tuyền	Nữ	13/07/1991				Giỏi	1624436	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26895	847-K12CK9	K12CK9	Trần Thị	Vân	Nữ	12/05/1988				Giỏi	1624437	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26896	848-K12CK9	K12CK9	Dương Xuân	Việt	Nam	12/08/1995				Giỏi	1624438	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26897	849-K12CK9	K12CK9	Hà Thị	Xuyến	Nữ	27/07/1992				Giỏi	1624439	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26898	850-K12CK9	K12CK9	Vũ Thị	Yến	Nữ	11/02/1988				Giỏi	1624440	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	398-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26899	851-K11CT4	K11CT4	Bùi Trung	Hiếu	Nam	26/08/1993				Khá	1624441	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	399-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26900	852-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	28/09/1994				Khá	1624442	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26901	853-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	13/06/1995				Khá	1624443	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26902	854-K12CQ4	K12CQ4	Trần Ngọc	Anh	Nữ	17/09/1995				Khá	1624444	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26903	855-K12CQ4	K12CQ4	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	17/01/1989				Trung bình	1624445	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26904	856-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Thế	Đạt	Nam	16/04/1994				Khá	1624446	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26905	857-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Trung	Đức	Nam	23/06/1992				Trung bình	1624447	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26906	858-K12CQ4	K12CQ4	Hoàng Thị	Duyên	Nữ	26/06/1993				Khá	1624448	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26907	859-K12CQ4	K12CQ4	Vũ Thu	Hà	Nữ	22/06/1995				Khá	1624449	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26908	860-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	17/07/1995				Khá	1624450	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26909	861-K12CQ4	K12CQ4	Dương Thị Phương	Hiền	Nữ	06/02/1995				Khá	1624451	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26910	862-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Văn	Hiển	Nam	25/03/1993				Khá	1624452	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26911	863-K12CQ4	K12CQ4	Trương Trung	Hiếu	Nam	23/09/1995				Trung bình	1624453	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26912	864-K12CQ4	K12CQ4	Phạm Thị	Hoa	Nữ	21/09/1992				Khá	1624454	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26913	865-K12CQ4	K12CQ4	Vũ Thị	Hoa	Nữ	12/04/1995				Khá	1624455	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26914	866-K12CQ4	K12CQ4	Lý Văn	Hoan	Nam	01/05/1994				Khá	1624456	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26915	867-K12CQ4	K12CQ4	Cao Thị Kim	Huế	Nữ	21/07/1990				Khá	1624457	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26916	868-K12CQ4	K12CQ4	Phan Thị	Hường	Nữ	13/05/1992				Khá	1624458	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26917	869-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	19/11/1995				Khá	1624459	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26918	870-K12CQ4	K12CQ4	Vũ Quang	Huy	Nam	15/10/1995				Giỏi	1624460	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26919	871-K12CQ4	K12CQ4	Trịnh Thị Thu	Huyền	Nữ	18/04/1994				Giỏi	1624461	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26920	872-K12CQ4	K12CQ4	Đào Đức	Kiên	Nam	05/11/1994				Khá	1624462	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26921	873-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Duy Nhật	Linh	Nam	01/03/1994				Khá	1624463	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26922	874-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	17/08/1994				Khá	1624464	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26923	875-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	28/03/1995				Khá	1624465	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26924	876-K12CQ4	K12CQ4	Kim Ngọc	Lư	Nam	03/09/1995				Khá	1624466	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26925	877-K12CQ4	K12CQ4	Lương Thị Kim	Luyện	Nữ	12/11/1983				Khá	1624467	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26926	878-K12CQ4	K12CQ4	Trần Thị Nho	Ly	Nữ	03/07/1993				Khá	1624468	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26927	879-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	24/06/1993				Khá	1624469	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26928	880-K12CQ4	K12CQ4	Phạm Thế	Mạnh	Nam	23/06/1981				Khá	1624470	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26929	881-K12CQ4	K12CQ4	Dương Văn	Minh	Nam	14/09/1994				Khá	1624471	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26930	882-K12CQ4	K12CQ4	Bùi Thế	Nam	Nam	26/04/1993				Khá	1624472	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26931	883-K12CQ4	K12CQ4	Vũ Thị	Nga	Nữ	23/08/1995				Khá	1624473	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26932	884-K12CQ4	K12CQ4	Phạm Thu	Ngân	Nữ	10/09/1995				Khá	1624474	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26933	885-K12CQ4	K12CQ4	Lê Bảo	Ngọc	Nam	20/08/1992				Khá	1624475	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26934	886-K12CQ4	K12CQ4	Trần Hồng	Nhung	Nữ	16/04/1995				Khá	1624476	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26935	887-K12CQ4	K12CQ4	Bùi Thị Vân	Oanh	Nữ	08/06/1995				Khá	1624477	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26936	888-K12CQ4	K12CQ4	Hoàng Thảo	Phương	Nữ	29/12/1995				Khá	1624478	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26937	889-K12CQ4	K12CQ4	Phạm Thị Hà	Phương	Nữ	24/10/1995				Khá	1624479	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26938	890-K12CQ4	K12CQ4	Hồ Thị	Quỳnh	Nữ	17/05/1991				Khá	1624480	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26939	891-K12CQ4	K12CQ4	Phạm Văn	Sâm	Nam	22/07/1995				Khá	1624481	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26940	892-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Ngọc	Sang	Nam	16/06/1993				Khá	1624482	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26941	893-K12CQ4	K12CQ4	Phạm Minh	Tân	Nam	02/11/1993				Khá	1624483	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26942	894-K12CQ4	K12CQ4	Vũ Mạnh	Tân	Nam	14/07/1994				Khá	1624484	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26943	895-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Quốc	Tạo	Nam	18/12/1995				Khá	1624485	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26944	896-K12CQ4	K12CQ4	Bùi Ngọc	Thắng	Nam	11/09/1995				Khá	1624486	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26945	897-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Hữu	Thành	Nam	20/07/1994				Khá	1624487	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26946	898-K12CQ4	K12CQ4	Trần Văn	Thành	Nam	18/11/1994				Khá	1624488	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26947	899-K12CQ4	K12CQ4	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	21/06/1994				Khá	1624489	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26948	900-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Văn	Thảo	Nam	21/09/1988				Khá	1624490	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26949	901-K12CQ4	K12CQ4	Lê Minh	Thuận	Nam	19/02/1995				Khá	1624491	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26950	902-K12CQ4	K12CQ4	Đỗ Duy	Thường	Nam	23/03/1995				Khá	1624492	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
26951	903-K12CQ4	K12CQ4	Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	21/07/1991				Khá	1624493	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26952	904-K12CQ4	K12CQ4	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	24/09/1992				Khá	1624494	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26953	905-K12CQ4	K12CQ4	Phạm Thị Minh	Trang	Nữ	15/06/1993				Khá	1624495	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26954	906-K12CQ4	K12CQ4	Phạm Thị Thiên	Trang	Nữ	03/09/1995				Khá	1624496	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26955	907-K12CQ4	K12CQ4	Lê Hoàng	Việt	Nam	02/09/1995				Trung bình	1624497	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26956	908-K11CQ2	K11CQ2	Trần Quang	Khải	Nam	29/10/1991				Trung bình	1624498	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26957	909-K11CQ5	K11CQ5	Hoàng	Long	Nam	09/05/1993				Trung bình	1624499	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	397-QĐ-ĐHTM, 27/04/2018	
26958	3572-LKQTK10		NONG	LiHong	Nữ	08/10/1994				Trung bình	885382	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	606/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 12/06/2018	
26959	3573-LKQTK10		CHEN	ZiLong	Nam	03/12/1995				Trung bình	885383	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	606/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 12/06/2018	
26960	3574-LKQTK10		YANG	Mei	Nữ	29/01/1996				Khá	885384	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	606/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 12/06/2018	
26961	3575-LKQTK10		HUANG	LiQing	Nữ	10/02/1995				Trung bình	885385	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	606/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 12/06/2018	
26962	3576-LKQTK10		TANG	CuiYun	Nữ	11/06/1994				Trung bình	885387	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	606/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 12/06/2018	
26963	3577-LKQTK10		CHEN	Siyu	Nữ	23/03/1995				Khá	885388	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	606/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 12/06/2018	
26964	01-K5TK2	K5TK2	Trần Duy	Bách	Nam	18/11/1990				Trung bình khá	1502695	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26965	02-K5TK2	K5TK2	Bùi Thị Hương	Giang	Nữ	31/08/1992				Trung bình khá	1502696	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26966	03-K5TK2	K5TK2	Vũ Thị Hồng	Giang	Nữ	14/07/1987				Trung bình khá	1502697	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26967	04-K5TK2	K5TK2	Nguyễn Thị Thế	Hằng	Nữ	03/02/1988				Trung bình khá	1502698	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26968	05-K5TK2	K5TK2	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	19/07/1989				Trung bình khá	1502699	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26969	06-K5TK2	K5TK2	Lương Thị	Huyền	Nữ	03/04/1993				Trung bình khá	1502700	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26970	07-K5TK2	K5TK2	Mai Quốc	Khánh	Nam	02/09/1994				Trung bình khá	1502701	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26971	08-K5TK2	K5TK2	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nữ	17/04/1986				Trung bình khá	1502702	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26972	09-K5TK2	K5TK2	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	03/04/1993				Trung bình khá	1502703	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26973	10-K5TK2	K5TK2	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	08/06/1992				Trung bình khá	1502704	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26974	11-K5TK2	K5TK2	Phạm Thị	Nga	Nữ	23/03/1993				Trung bình khá	1502705	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26975	12-K5TK2	K5TK2	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	26/08/1989				Trung bình khá	1502706	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26976	13-K5TK2	K5TK2	Triệu Thị	Ngân	Nữ	08/09/1989				Trung bình khá	1502707	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26977	14-K5TK2	K5TK2	Trần Thị	Nhung	Nữ	13/09/1992				Trung bình khá	1502708	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26978	15-K5TK2	K5TK2	Hoàng Thị	Phương	Nữ	12/05/1988				Trung bình khá	1502709	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26979	16-K5TK2	K5TK2	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	03/12/1993				Trung bình khá	1502710	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26980	17-K5TK2	K5TK2	Hoàng Văn	San	Nam	19/08/1985				Trung bình khá	1502711	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26981	18-K5TK2	K5TK2	Phạm Thị	Trang	Nữ	23/09/1993				Trung bình khá	1502712	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26982	19-K5TK2	K5TK2	Hoàng Thị	Từ	Nữ	12/08/1986				Trung bình khá	1502713	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	46/QĐ-ĐHTM ngày 22/01/2018	
26983	442-K5TK2	K5TK2	Hồ Thị Lan	Anh	Nữ	11/05/1993				Trung bình khá	1503198	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	185/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26984	443-K5TK2	K5TK2	Đỗ Thị	Loan	Nữ	10/10/1979				Trung bình khá	1503199	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	185/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26985	444-K5TK2	K5TK2	Dương Hương	Ly	Nữ	20/06/1990				Trung bình khá	1503200	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	185/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26986	564-K5TK2	K5TK2	Lê Huyền	Trang	Nữ	12/04/1991				Trung bình khá	1503201	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	185/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26987	565-K9CQ1	K9CQ1	Nguyễn Hồng	Giang	Nữ	09/12/1987				Trung bình Khá	1503202	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	186/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26988	566-K48BK1A	K48BK1A	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	27/03/1983				Khá	1503203	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	188/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26989	567-K48BK1A	K48BK1A	Lê Minh	Hiếu	Nữ	19/05/1989				Khá	1503204	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	188/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26990	568-K48BK1A	K48BK1A	Phạm Thị Mai	Lan	Nữ	02/04/1988				Khá	1503205	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	188/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26991	569-K48BK1A	K48BK1A	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	01/12/1987				Trung bình khá	1503206	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	188/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26992	570-K48BK1A	K48BK1A	Phạm Thị	Thành	Nữ	02/01/1980				Trung bình khá	1503207	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	188/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26993	571-K48BK1A	K48BK1A	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	21/07/1986				Khá	1503208	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	188/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26994	572-K48BK1A	K48BK1A	Lê Thị	Tuyết	Nữ	19/05/1981				Khá	1503209	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	188/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26995	573-K48BQ1A	K48BQ1A	Trịnh Việt	Bình	Nam	29/09/1974				Khá	1503210	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	189/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/18	
26996	445-K47DK1	K47DK1	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	06/03/1994				Trung bình khá	1503001	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
26997	446-K47DK1	K47DK1	Phạm Thị Kim	Chi	Nữ	11/05/1981				Trung bình khá	1503002	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
26998	447-K47DK1	K47DK1	Ngô Công	Chiến	Nam	27/09/1989				Trung bình khá	1503003	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
26999	448-K47DK1	K47DK1	Phạm Văn	Chiến	Nam	10/03/1983				Trung bình khá	1503004	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27000	449-K47DK1	K47DK1	Đặng Thị	Dương	Nữ	08/09/1984				Trung bình khá	1503005	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27001	450-K47DK1	K47DK1	Phạm Thu	Hà	Nữ	20/04/1979				Trung bình khá	1503006	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27002	451-K47DK1	K47DK1	Hoàng Hồng	Hằng	Nữ	27/06/1981				Trung bình khá	1503007	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27003	452-K47DK1	K47DK1	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	25/08/1983				Trung bình khá	1503008	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27004	453-K47DK1	K47DK1	Nguyễn Thị	Hợi	Nữ	15/11/1983				Trung bình khá	1503009	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27005	454-K47DK1	K47DK1	Trương Thị Phương	Loan	Nữ	20/10/1991				Trung bình khá	1503010	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27006	455-K47DK1	K47DK1	Nguyễn Tuyết	Nga	Nữ	25/10/1989				Trung bình khá	1503011	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27007	456-K47DK1	K47DK1	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	11/07/1993				Trung bình khá	1503012	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27008	457-K47DK1	K47DK1	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	Nữ	26/03/1993				Trung bình khá	1503013	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27009	458-K47DK1	K47DK1	Trần Minh	Nguyệt	Nữ	26/12/1980				Trung bình khá	1503014	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27010	459-K47DK1	K47DK1	Hoàng Thế	Phong	Nam	21/09/1990				Trung bình khá	1503015	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27011	460-K47DK1	K47DK1	Chu Thị	Thu	Nữ	01/02/1987				Khá	1503016	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27012	461-K47DK1	K47DK1	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	04/06/1993				Trung bình khá	1503017	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27013	462-K47DK1	K47DK1	Lê Trung	Kiên	Nam	20/08/1986				Trung bình khá	1503018	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27014	463-K44DK5	K44DK5	Đỗ Ngọc	Duy	Nam	04/08/1984				Trung bình khá	1503019	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27015	464-K44DK11	K44DK11	Phạm Thị ánh	Nguyệt	Nữ	20/01/1983				Trung bình	1503020	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27016	465-K45DK4	K45DK4	Lê Thị Hoàng	Phương	Nữ	31/08/1986				Trung bình khá	1503021	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27017	466-K46DK3	K46DK3	Phạm Thế Hải	Long	Nam	01/09/1988				Trung bình khá	1503022	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27018	467-K46DK4	K46DK4	Hồ Thị	Hậu	Nữ	08/04/1986				Trung bình khá	1503023	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27019	468-K46DK1	K46DK1	Đinh Thị	Lan	Nữ	13/05/1985				Trung bình khá	1503024	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27020	469-K46DK1	K46DK1	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	15/10/1987				Trung bình khá	1503025	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27021	470-K42DK17	K42DK17	Nguyễn Thị Phương	Ly	Nữ	15/05/1988				Trung bình	1503026	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	199/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27022	471-K47DK2	K47DK2	Phạm Tuấn	Anh	Nam	03/11/1977				Trung bình khá	1503027	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27023	472-K47DK2	K47DK2	Trần Việt	Anh	Nam	21/06/1978				Trung bình khá	1503028	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27024	473-K47DK2	K47DK2	Nông Thị Nguyệt	ánh	Nữ	13/11/1986				Trung bình khá	1503029	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27025	474-K47DK2	K47DK2	Trần Thị	Bình	Nữ	18/03/1986				Trung bình khá	1503030	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27026	475-K47DK2	K47DK2	Nông Ngọc	Chiến	Nam	22/10/1980				Khá	1503031	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27027	476-K47DK2	K47DK2	Lý Thị	Diệp	Nữ	15/05/1985				Trung bình khá	1503032	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27028	477-K47DK2	K47DK2	Hoàng Kinh	Đông	Nam	22/12/1986				Trung bình khá	1503033	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27029	478-K47DK2	K47DK2	Phan Hùng	Dũng	Nam	01/07/1980				Trung bình khá	1503034	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27030	479-K47DK2	K47DK2	Hoàng Thị	Hiên	Nữ	25/05/1987				Trung bình khá	1503035	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27031	480-K47DK2	K47DK2	La Thị	Hiên	Nữ	23/09/1979				Trung bình khá	1503036	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27032	481-K47DK2	K47DK2	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	27/05/1990				Trung bình khá	1503037	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27033	482-K47DK2	K47DK2	Linh Đức	Hoan	Nam	21/05/1986				Trung bình khá	1503038	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27034	483-K47DK2	K47DK2	Nông Thị	Huệ	Nữ	26/02/1983				Trung bình khá	1503039	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27035	484-K47DK2	K47DK2	Nguyễn Ngọc	Hưng	Nam	07/01/1988				Trung bình khá	1503040	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27036	485-K47DK2	K47DK2	Nông Thị	Hường	Nữ	06/12/1987				Trung bình khá	1503041	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27037	486-K47DK2	K47DK2	Nông Thị	Khanh	Nữ	01/11/1980				Trung bình khá	1503042	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27038	487-K47DK2	K47DK2	Chu Viết	Khởi	Nam	25/05/1974				Trung bình khá	1503043	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27039	488-K47DK2	K47DK2	Nguyễn Thị Thùy	Liên	Nữ	15/06/1983				Trung bình khá	1503044	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27040	489-K47DK2	K47DK2	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	02/07/1985				Trung bình khá	1503045	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27041	490-K47DK2	K47DK2	Hoàng Thị Ly	Ly	Nữ	13/09/1985				Trung bình khá	1503046	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27042	491-K47DK2	K47DK2	Chung Thị	Mai	Nữ	15/03/1987				Trung bình khá	1503047	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27043	492-K47DK2	K47DK2	Hoàng Thị Kim	Ngân	Nữ	25/03/1983				Trung bình khá	1503048	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27044	493-K47DK2	K47DK2	Nông Trọng	Nghĩa	Nam	06/12/1985				Trung bình khá	1503049	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27045	494-K47DK2	K47DK2	Đào Bích	Ngọc	Nữ	23/06/1988				Trung bình khá	1503050	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27046	495-K47DK2	K47DK2	Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/12/1986				Trung bình khá	1503051	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27047	496-K47DK2	K47DK2	Lãnh Thị	Niềm	Nữ	26/10/1981				Trung bình khá	1503052	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27048	497-K47DK2	K47DK2	Nguyễn Nam	Phong	Nam	19/08/1985				Trung bình khá	1503053	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27049	498-K47DK2	K47DK2	Hoàng Thị	Sinh	Nữ	28/02/1987				Trung bình khá	1503054	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27050	499-K47DK2	K47DK2	Hoàng Đức	Thịnh	Nam	02/11/1984				Trung bình khá	1503055	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27051	500-K47DK2	K47DK2	Ngân Bá	Thời	Nam	03/09/1981				Trung bình khá	1503056	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27052	501-K47DK2	K47DK2	Toán Bích	Thu	Nữ	16/12/1986				Trung bình khá	1503057	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27053	502-K47DK2	K47DK2	Từ Thị	Thuận	Nữ	01/11/1982				Trung bình khá	1503058	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27054	503-K47DK2	K47DK2	Triệu Sầm	Thương	Nữ	13/05/1988				Trung bình khá	1503059	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27055	504-K47DK2	K47DK2	Nguyễn Thị	Truy	Nữ	14/01/1983				Trung bình khá	1503060	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27056	505-K47DK2	K47DK2	Hoàng Văn	Tuấn	Nam	08/08/1971				Trung bình khá	1503061	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27057	506-K47DK2	K47DK2	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	22/05/1983				Trung bình khá	1503062	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27058	507-K47DK2	K47DK2	Đào Quốc	Tùng	Nam	28/08/1986				Trung bình khá	1624171	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27059	508-K47DK2	K47DK2	Nông Thị	Vân	Nữ	29/08/1988				Trung bình khá	1624172	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27060	509-K47DK2	K47DK2	Trần Hồng	Vân	Nữ	04/02/1989				Trung bình khá	1624173	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27061	510-K47DK2	K47DK2	Nông Quang	Việt	Nam	28/11/1984				Trung bình khá	1624174	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27062	511-K47DK2	K47DK2	Trần Quốc	Việt	Nam	17/12/1982				Trung bình khá	1624175	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	201/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27063	512-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	25/12/1984				Trung bình khá	1624176	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27064	513-K47DQ1	K47DQ1	Đàm Quang	Cường	Nam	05/09/1980				Trung bình khá	1624177	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27065	514-K47DQ1	K47DQ1	Nghiêm Tuấn	Đạt	Nam	23/03/1979				Trung bình khá	1624178	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27066	515-K47DQ1	K47DQ1	Trần Văn	Đông	Nam	11/09/1986				Trung bình khá	1624179	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27067	516-K47DQ1	K47DQ1	Đinh Quang	Đức	Nam	16/12/1989				Trung bình khá	1624180	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27068	517-K47DQ1	K47DQ1	Lê Văn	Dũng	Nam	28/08/1978				Trung bình khá	1624181	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27069	518-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	07/08/1987				Trung bình khá	1624182	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27070	519-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Thị Châu	Giang	Nữ	24/10/1990				Trung bình khá	1624183	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27071	520-K47DQ1	K47DQ1	Văn Trung	Hải	Nam	06/05/1993				Trung bình khá	1624184	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27072	521-K47DQ1	K47DQ1	Đinh Thị	Hoa	Nữ	28/02/1992				Trung bình khá	1624185	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27073	522-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	25/12/1995				Trung bình khá	1624186	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27074	523-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Quang	Huấn	Nam	21/02/1993				Trung bình khá	1624187	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27075	524-K47DQ1	K47DQ1	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	08/04/1982				Trung bình khá	1624188	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27076	525-K47DQ1	K47DQ1	Trần Quang	Huy	Nam	07/10/1992				Khá	1624189	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27077	526-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nữ	07/10/1994				Trung bình khá	1624190	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27078	527-K47DQ1	K47DQ1	Bùi Thanh	Liêm	Nam	27/11/1983				Trung bình khá	1624191	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27079	528-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Mạnh	Linh	Nam	01/10/1989				Trung bình khá	1624192	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27080	529-K47DQ1	K47DQ1	Đỗ Thăng	Long	Nam	28/04/1988				Trung bình khá	1624193	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27081	530-K47DQ1	K47DQ1	Lê	Minh	Nam	30/10/1995				Trung bình khá	1624194	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27082	531-K47DQ1	K47DQ1	Vũ Hoàng	Nam	Nam	10/07/1991				Trung bình khá	1624195	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27083	532-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Thị Xuân	Nga	Nữ	25/12/1985				Khá	1624196	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27084	533-K47DQ1	K47DQ1	Lê Hoài	Phương	Nữ	24/04/1995				Khá	1624197	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27085	534-K47DQ1	K47DQ1	Thiều Hà Hồng	Quân	Nam	08/01/1992				Trung bình khá	1624198	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27086	535-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Như	Quỳnh	Nam	04/08/1983				Trung bình khá	1624199	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27087	536-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Công	Tạo	Nam	05/10/1983				Trung bình khá	1624200	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27088	537-K47DQ1	K47DQ1	Lò Văn	Thành	Nam	28/06/1995				Trung bình khá	1624201	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27089	538-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	11/12/1992				Trung bình khá	1624202	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27090	539-K47DQ1	K47DQ1	Trần Anh	Thuấn	Nam	24/04/1990				Khá	1624203	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27091	540-K47DQ1	K47DQ1	Phạm Tiến	Thường	Nam	12/04/1983				Trung bình khá	1624204	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27092	541-K47DQ1	K47DQ1	Đỗ Đức	Toàn	Nam	18/05/1991				Trung bình khá	1624205	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27093	542-K47DQ1	K47DQ1	Trần Quốc	Toàn	Nam	02/08/1980				Trung bình khá	1624206	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27094	543-K47DQ1	K47DQ1	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	05/08/1991				Trung bình khá	1624207	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27095	544-K47DQ1	K47DQ1	Phan Quang	Tuấn	Nam	16/09/1971				Trung bình khá	1624208	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27096	545-K47DQ1	K47DQ1	Lê Tiến	Tùng	Nam	15/09/1994				Trung bình khá	1624209	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27097	546-K47DQ1	K47DQ1	Thái Quốc	Uy	Nam	15/01/1986				Trung bình khá	1624210	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27098	547-K47DQ1	K47DQ1	Dương Thị Hải	Yến	Nữ	26/05/1990				Trung bình khá	1624211	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27099	548-K43DQ2	K43DQ2	Nguyễn Quốc	Minh	Nam	27/01/1983				Trung bình	1624212	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27100	549-K44DQ2	K44DQ2	Đào Nguyệt	Anh	Nữ	29/06/1980				Trung bình khá	1624213	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27101	550-K44DQ2	K44DQ2	Nguyễn Văn	Giang	Nam	22/05/1983				Trung bình khá	1624214	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27102	551-K45DQ1	K45DQ1	Đào Duy	Thương	Nam	05/03/1983				Trung bình khá	1624215	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27103	552-K45DQ2	K45DQ2	Lã Văn	Sinh	Nam	04/03/1985				Trung bình khá	1624216	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27104	553-K45DQ3	K45DQ3	Bùi Ngọc	Luân	Nam	05/10/1984				Trung bình khá	1624217	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27105	554-K46DQ1	K46DQ1	Phạm Ngọc	Diệp	Nữ	03/07/1987				Trung bình	1624218	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27106	555-K46DQ1	K46DQ1	Nguyễn Thu	Hồng	Nữ	08/09/1990				Trung bình khá	1624219	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27107	556-K46DQ2	K46DQ2	Nguyễn Việt	Hùng	Nam	09/11/1976				Trung bình khá	1624220	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27108	557-K46DQ2	K46DQ2	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	14/09/1983				Trung bình khá	1624221	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27109	558-K46DQ2	K46DQ2	Nguyễn Ngọc	Thuấn	Nam	25/02/1978				Trung bình khá	1624222	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27110	559-K46DQ2	K46DQ2	Trần Tất	Đạt	Nam	24/10/1984				Trung bình khá	1624223	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27111	560-K46DQ2	K46DQ2	Nguyễn Quang	Hưng	Nam	02/02/1981				Trung bình khá	1624224	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27112	561-K46DQ2	K46DQ2	Trần Quang	Sáng	Nam	20/05/1983				Trung bình khá	1624225	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27113	562-K47BQ1	K47BQ1	Hoàng Công	Khương	Nam	25/11/1976				Trung bình khá	1624226	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27114	563-K47BQ1	K47BQ1	Phạm Trung	Kiên	Nam	18/04/1976				Trung bình khá	1624227	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	200/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 16/03/2018	
27115	910-K47DK3	K47DK3	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	17/03/1981				Trung bình khá	1624500	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27116	911-K47DK3	K47DK3	Lê Văn Hoàng	Giang	Nam	12/10/1992				Trung bình khá	1624501	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27117	912-K47DK3	K47DK3	Nguyễn Hồng	Giang	Nam	20/08/1990				Trung bình khá	1624502	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27118	913-K47DK3	K47DK3	Hoàng Minh	Hà	Nam	03/08/1979				Trung bình khá	1624503	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27119	914-K47DK3	K47DK3	Đặng Thị Thu	Hằng	Nữ	28/12/1973				Trung bình khá	1624504	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27120	915-K47DK3	K47DK3	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	28/12/1993				Trung bình khá	1624505	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27121	916-K47DK3	K47DK3	Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	29/04/1978				Trung bình khá	1624506	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27122	917-K47DK3	K47DK3	Trần Mạnh	Hùng	Nam	08/12/1992				Trung bình khá	1624507	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27123	918-K47DK3	K47DK3	Đặng Thị Lệ	Huyền	Nữ	26/06/1986				Trung bình khá	1624508	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27124	919-K47DK3	K47DK3	Lê Thị Hồng	Lý	Nữ	14/08/1988				Trung bình khá	1624509	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27125	920-K47DK3	K47DK3	Lương Thị Hải	Nam	Nữ	02/01/1990				Trung bình khá	1624510	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27126	921-K47DK3	K47DK3	Ngô Thị	Ngân	Nữ	10/08/1975				Trung bình khá	1624511	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27127	922-K47DK3	K47DK3	Bùi Thị Ninh	Nhâm	Nữ	28/06/1982				Trung bình khá	1624512	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27128	923-K47DK3	K47DK3	Trần Thị	Nhung	Nữ	18/09/1983				Trung bình khá	1624513	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27129	924-K47DK3	K47DK3	Trần Thị Bích	Phương	Nữ	16/12/1993				Trung bình khá	1624514	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27130	925-K47DK3	K47DK3	Nguyễn Xuân	Sang	Nam	07/12/1983				Trung bình khá	1624515	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27131	926-K47DK3	K47DK3	Nguyễn Tuyết	Thơm	Nữ	11/12/1985				Trung bình khá	1624516	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27132	927-K47DK3	K47DK3	Ngô Thúy	Vân	Nữ	14/12/1985				Trung bình khá	1624517	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27133	928-K47DK3A	K47DK3A	Vũ Đức	Hoạn	Nam	27/05/1988				Trung bình khá	1624518	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27134	929-K44DK8	K44DK8	Lê Thị Minh	Thu	Nữ	05/09/1983				Trung bình khá	1624519	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	431/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27135	930-K47DQ2	K47DQ2	Trần Thị Thùy	Châu	Nữ	21/05/1975				Khá	1624521	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27136	931-K47DQ2	K47DQ2	Đỗ Đức	Cường	Nam	31/01/1989				Trung bình khá	1624520	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27137	932-K47DQ2	K47DQ2	Đoàn Nguyên Bá	Đạt	Nam	21/08/1984				Trung bình khá	1624522	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27138	933-K47DQ2	K47DQ2	Phạm Công	Hiếu	Nam	16/01/1975				Trung bình khá	1624523	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27139	934-K47DQ2	K47DQ2	Trần Quang	Huy	Nam	22/09/1988				Trung bình khá	1624524	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27140	935-K47DQ2	K47DQ2	Trần Duy	Khánh	Nam	08/09/1984				Trung bình khá	1624525	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27141	936-K47DQ2	K47DQ2	Cao Đức	Kiên	Nam	14/01/1985				Trung bình khá	1624526	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27142	937-K47DQ2	K47DQ2	Hoàng Văn	Kiên	Nam	13/03/1985				Trung bình khá	1624527	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27143	938-K47DQ2	K47DQ2	Trần Trung	Kiên	Nam	20/02/1993				Trung bình khá	1624528	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27144	939-K47DQ2	K47DQ2	Đỗ Thị Song	Lê	Nữ	28/11/1986				Trung bình khá	1624529	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27145	940-K47DQ2	K47DQ2	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	26/11/1980				Trung bình khá	1624530	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27146	941-K47DQ2	K47DQ2	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	24/04/1992				Trung bình khá	1624531	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27147	942-K47DQ2	K47DQ2	Lê Văn	Nam	Nam	19/09/1989				Trung bình khá	1624532	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27148	943-K47DQ2	K47DQ2	Dương Văn	Ngọc	Nam	14/01/1988				Trung bình khá	1624533	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27149	944-K47DQ2	K47DQ2	Bùi Văn	Phong	Nam	04/02/1988				Trung bình khá	1624534	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27150	945-K47DQ2	K47DQ2	Nguyễn Tuấn	Phúc	Nam	26/02/1978				Trung bình khá	1624535	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27151	946-K47DQ2	K47DQ2	Trần Thị	Thúy	Nữ	10/02/1985				Khá	1624536	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27152	947-K47DQ2	K47DQ2	Đỗ Bích	Thùy	Nữ	05/02/1975				Trung bình khá	1624537	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27153	948-K47DQ2	K47DQ2	Thiều Quốc	Trường	Nam	06/01/1984				Trung bình khá	1624538	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27154	949-K47DQ2	K47DQ2	Đỗ Mạnh	Tuấn	Nam	02/01/1986				Trung bình khá	1624539	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27155	950-K47DQ2	K47DQ2	Hà Thanh	Tùng	Nam	16/03/1986				Trung bình khá	1624540	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27156	951-K47DQ2	K47DQ2	Nguyễn Doanh	Tuyên	Nam	03/09/1980				Trung bình khá	1624541	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27157	952-K47DQ2	K47DQ2	Nguyễn Thị Lệ	Vân	Nữ	09/04/1984				Khá	1624542	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27158	953-K47DQ2A	K47DQ2A	Bùi Văn	Huy	Nam	01/06/1980				Trung bình khá	1624543	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27159	954-K47DQ2A	K47DQ2A	Nguyễn Thành	Nam	Nam	20/07/1994				Trung bình khá	1624544	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27160	955-K46DQ2	K46DQ2	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	15/02/1990				Trung bình khá	1624545	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27161	956-K43DQ6	K43DQ6	Vũ Tuấn	Anh	Nam	07/04/1981				Trung bình khá	1624546	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27162	957-K43DQ6	K43DQ6	Trần Văn	Tình	Nam	30/07/1984				Trung bình	1624547	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27163	958-K43DQ3	K43DQ3	Lê Hồng	Thu	Nam	08/10/1983				Trung bình	1624548	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	432/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 07/05/2018	
27164	959-K11CK10	K11CK10	Phạm Quốc	Vương	Nam	05/04/1987				Trung bình	1624550	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27165	960-K12CK1	K12CK1	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	01/10/1993				Trung bình	1624551	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27166	961-K12CK1	K12CK1	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	03/07/1995				Trung bình	1624552	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27167	962-K12CK3	K12CK3	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/03/1994				Khá	1624553	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27168	963-K12CK3	K12CK3	Phan Văn	Hữu	Nam	25/11/1994				Khá	1624554	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27169	964-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thành	Nam	Nam	21/08/1992				Khá	1624555	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27170	965-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Sao	Nữ	02/04/1993				Khá	1624556	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27171	966-K12CK3	K12CK3	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	16/12/1992				Khá	1624557	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27172	967-K12CK3	K12CK3	Đỗ Hoàng	Xuyến	Nữ	03/02/1994				Khá	1624558	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27173	968-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	10/01/1992				Khá	1624559	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27174	969-K12CK4	K12CK4	Tạ Thị	Hải	Nữ	14/04/1995				Khá	1624560	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27175	970-K12CK4	K12CK4	Phạm Thanh	Ngân	Nữ	14/09/1993				Khá	1624561	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27176	971-K12CK4	K12CK4	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	31/08/1992				Khá	1624562	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27177	972-K12CK4	K12CK4	Trần Hữu	Thuần	Nam	04/07/1993				Khá	1624563	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27178	973-K12CK5	K12CK5	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	25/09/1990				Khá	1624564	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27179	974-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Việt	Anh	Nam	01/11/1993				Khá	1624565	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27180	975-K12CK6	K12CK6	Hồ Mậu	Điện	Nam	24/10/1990				Khá	1624566	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27181	976-K12CK6	K12CK6	Trần Thị Thu	Hoài	Nữ	24/02/1993				Khá	1624567	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27182	977-K12CK6	K12CK6	Trần Văn	Nghĩa	Nam	16/05/1992				Khá	1624568	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27183	978-K12CK6	K12CK6	Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	06/01/1993				Khá	1624569	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27184	979-K12CK6	K12CK6	Phạm Thị	Ninh	Nữ	06/11/1994				Khá	1624570	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27185	980-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	03/04/1994				Khá	1624571	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27186	981-K12CK6	K12CK6	Hồ Thị	Thành	Nữ	16/01/1990				Khá	1624633	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27187	982-K12CK6	K12CK6	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	25/11/1987				Khá	1624573	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27188	983-K12CK6	K12CK6	Phạm Ngọc	Trâm	Nữ	07/06/1995				Khá	1624574	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27189	984-K12CK7	K12CK7	Phùng Huyền	Châu	Nữ	26/02/1993				Khá	1624575	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27190	985-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	28/09/1995				Khá	1624576	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27191	986-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	21/01/1995				Khá	1624577	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27192	987-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	30/09/1995				Khá	1624578	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27193	988-K12CK7	K12CK7	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	14/06/1991				Khá	1624579	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27194	989-K12CK7	K12CK7	Phan Bích	Ngọc	Nữ	29/10/1994				Khá	1624580	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27195	990-K12CK8	K12CK8	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	27/09/1989				Khá	1624581	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27196	991-K12CQ2	K12CQ2	Trần Nguyễn Thanh	Thi	Nữ	13/09/1994				Khá	1624582	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27197	992-K12CQ2	K12CQ2	Cao Xuân	Trung	Nam	15/03/1993				Trung bình	1624583	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27198	993-K12CQ3	K12CQ3	Ngô Mạnh	Đạt	Nam	22/09/1992				Khá	1624584	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27199	994-K12CQ3	K12CQ3	Lê Thu	Hà	Nữ	21/01/1995				Khá	1624585	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27200	995-K12CQ3	K12CQ3	Trương Trọng	Hà	Nam	15/03/1992				Khá	1624586	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27201	996-K12CQ3	K12CQ3	Đinh Thị	Hằng	Nữ	12/01/1993				Khá	1624587	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27202	997-K12CQ3	K12CQ3	Phạm Huy	Khánh	Nam	11/07/1991				Khá	1624588	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27203	998-K12CQ3	K12CQ3	Trần Văn	Kiên	Nam	24/04/1991				Khá	1624589	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27204	999-K12CQ3	K12CQ3	Đinh Như	Ngọc	Nam	11/05/1994				Khá	1624590	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27205	1000-K12CQ3	K12CQ3	Trần Thanh	Thiết	Nam	20/12/1990				Khá	1624591	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27206	1001-K12CQ3	K12CQ3	Lê Thị	Trang	Nữ	20/08/1993				Khá	1624592	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27207	1002-K12CQ3	K12CQ3	Vũ Mạnh	Tuấn	Nam	09/02/1989				Khá	1624593	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1098/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27208	1003-K11CT3	K11CT3	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	10/12/1992				Khá	1624594	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27209	1004-K11CT3	K11CT3	Nguyễn Huyền	Anh	Nữ	30/08/1993				Khá	1624595	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27210	1005-K11CT3	K11CT3	Nguyễn Hữu	Quý	Nam	18/04/1992				Trung bình	1624596	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27211	1006-K11CT3	K11CT3	Lê Thu	Trang	Nữ	05/09/1993				Trung bình	1624597	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27212	1007-K11CT4	K11CT4	Đào Ngọc	Đức	Nam	05/10/1991				Trung bình	1624598	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27213	1008-K12CT1	K12CT1	Vũ Huyền	Trang	Nữ	09/10/1993				Khá	1624599	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27214	1009-K12CT2	K12CT2	Đinh Hữu	Vương	Nam	25/08/1994				Khá	1624600	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27215	1010-K12CT3	K12CT3	Lê Ngọc	Anh	Nữ	05/01/1990				Khá	1624601	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27216	1011-K12CT3	K12CT3	Ngô Tiến	Dũng	Nam	20/05/1993				Khá	1624602	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27217	1012-K12CT3	K12CT3	Lê Thị	Hạnh	Nữ	07/09/1994				Khá	1624603	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27218	1013-K12CT3	K12CT3	Nguyễn Thị Tường	Khanh	Nữ	22/02/1991				Khá	1624604	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27219	1014-K12CT3	K12CT3	Phạm Minh	Tú	Nam	12/04/1993				Trung bình	1624605	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1101/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27220	1015-K49BK1	K49BK1	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	11/03/1991				Khá	1624606	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27221	1016-K49BK1	K49BK1	Phan Thị Tuấn	Anh	Nữ	25/05/1982				Khá	1624607	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27222	1017-K49BK1	K49BK1	Mai Ngọc	Hải	Nam	17/02/1992				Khá	1624608	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27223	1018-K49BK1	K49BK1	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	27/10/1992				Khá	1624609	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27224	1019-K49BK1	K49BK1	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	15/09/1974				Khá	1624610	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27225	1020-K49BK1	K49BK1	Hoàng Thị Lan	Hương	Nữ	21/09/1989				Khá	1624611	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27226	1021-K49BK1	K49BK1	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/06/1991				Khá	1624612	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27227	1022-K49BK1	K49BK1	Nguyễn Văn	Khoa	Nam	23/08/1990				Khá	1624613	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27228	1023-K49BK1	K49BK1	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	21/04/1992				Khá	1624614	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27229	1024-K49BK1	K49BK1	Nguyễn Thị	Lợi	Nữ	19/11/1984				Khá	1624615	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27230	1025-K49BK1	K49BK1	Lê Thị Minh	Nguyệt	Nữ	05/05/1987				Khá	1624616	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27231	1026-K49BK1	K49BK1	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	18/03/1982				Khá	1624617	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27232	1027-K49BK1	K49BK1	Trần Đại	Quốc	Nam	11/03/1987				Khá	1624618	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27233	1028-K49BK1	K49BK1	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	19/01/1983				Khá	1624619	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27234	1029-K49BK1	K49BK1	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	20/05/1985				Khá	1624620	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27235	1030-K49BK1	K49BK1	Lê Thị	Trang	Nữ	08/12/1982				Trung bình	1624621	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27236	1031-K49BK1	K49BK1	Phạm Khánh	Vân	Nữ	15/01/1990				Khá	1624622	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1105/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27237	1032-K49BQ1	K49BQ1	Vũ Thị Kim	Chi	Nữ	04/11/1991				Trung bình	1624623	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1104/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27238	1033-K49BQ1	K49BQ1	Trần Đình	Đạt	Nam	16/10/1983				Trung bình	1624624	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1104/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27239	1034-K49BQ1	K49BQ1	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/02/1991				Khá	1624625	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1104/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27240	1035-K49BQ1	K49BQ1	Phạm Hùng	Thịnh	Nam	03/12/1986				Khá	1624626	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1104/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27241	1036-K49BQ1	K49BQ1	Bạch Tiến	Tuân	Nam	07/01/1978				Trung bình	1624627	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1104/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27242	1037-K49BQ1	K49BQ1	Nguyễn Hữu	Việt	Nam	04/08/1988				Khá	1624628	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1104/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
27243	3579-K50A1	K50A1	Phạm Quang	ánh	Nam	04/08/1996				Khá	1652472	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27244	3580-K50A1	K50A1	Ngô Bình	Đạt	Nam	15/10/1996				Khá	1652473	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27245	3581-K50A1	K50A1	Vũ Thị	Thái	Nữ	07/12/1996				Khá	1652474	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27246	3582-K50A2	K50A2	Vũ Xuân	Lượng	Nam	08/02/1995				Khá	1652475	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27247	3583-K50A3	K50A3	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	31/12/1995				Khá	1652477	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27248	3584-K50A3	K50A3	Phạm Thành	Đô	Nam	05/02/1996				Trung bình	1652478	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27249	3585-K50A3	K50A3	Trần Thị	Loan	Nữ	20/02/1995				Trung bình	1652479	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27250	3586-K50A3	K50A3	Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	02/10/1996				Trung bình	1652480	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27251	3587-K50A3	K50A3	Trần Thị Thanh	Thanh	Nữ	28/11/1996				Khá	1652481	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27252	3588-K50A4	K50A4	Vũ Duy	Cơ	Nam	06/06/1992				Trung bình	1652482	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27253	3589-K50A4	K50A4	Hoàng Thị Ngọc	Minh	Nữ	25/10/1996				Trung bình	1652483	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27254	3590-K50A4	K50A4	Phan Thị Thu	Phương	Nữ	22/01/1995				Khá	1652484	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27255	3591-K50A4	K50A4	Đặng Thị Thu	Trang	Nữ	05/11/1996				Khá	1652485	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27256	3592-K50K1	K50K1	Trịnh Thị Quỳnh	Anh	Nữ	03/11/1996				Khá	1652486	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27257	3593-K50K1	K50K1	Đặng Đình	Hồng	Nam	11/01/1996				Trung bình	1652487	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27258	3594-K50K1	K50K1	Vũ Thị	Phương	Nữ	23/06/1995				Trung bình	1652488	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27259	3595-K50K1	K50K1	Hoàng Hải	Yến	Nữ	27/04/1996				Khá	1652489	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27260	3596-K50K2	K50K2	Bùi Minh	Hiếu	Nam	25/03/1995				Trung bình	1652490	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27261	3597-K50K2	K50K2	Ngô Hữu	Văn	Nam	28/05/1995				Trung bình	1652491	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27262	3598-K50K3	K50K3	Vũ Thị	Dung	Nữ	14/10/1996				Trung bình	1652492	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27263	3599-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	12/07/1996				Khá	1652493	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27264	3600-K50K3	K50K3	Vũ Thị Thu	Lệ	Nữ	18/02/1996				Khá	1652494	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27265	3601-K50K3	K50K3	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	19/06/1995				Trung bình	1652495	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27266	3602-K50K3	K50K3	Vũ Thị	Thùy	Nữ	25/10/1996				Trung bình	1652496	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27267	3603-K50K3	K50K3	Bùi Thị	ý	Nữ	08/10/1995				Trung bình	1652497	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27268	3604-K50K4	K50K4	Phạm Ngọc	Hải	Nam	09/07/1996				Trung bình	1652498	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27269	3605-K50K4	K50K4	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	19/08/1996				Khá	1652499	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27270	3606-K50K4	K50K4	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	28/06/1995				Trung bình	1652500	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27271	3607-K50K4	K50K4	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	26/11/1996				Khá	1652501	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27272	3608-K50K4	K50K4	Cao Đức	Quỳnh	Nam	12/11/1996				Trung bình	1652502	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27273	3609-K50K4	K50K4	Đào Minh	Trung	Nam	22/12/1996				Khá	1652503	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27274	3610-K50K5	K50K5	Lưu Thị Lan	Anh	Nữ	24/11/1996				Khá	1652504	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27275	3611-K50K5	K50K5	Đoàn Mạnh	Cường	Nam	30/05/1996				Trung bình	1652505	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27276	3612-K50K5	K50K5	Đinh Việt	Đức	Nam	27/11/1996				Khá	1652506	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27277	3613-K50K5	K50K5	Trần Thị Nguyệt	Hà	Nữ	10/06/1996				Khá	1652507	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27278	3614-K50K5	K50K5	Vũ Đức	Hoàn	Nam	17/12/1995				Khá	1652508	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27279	3615-K50K5	K50K5	Phạm Thị	Huyền	Nữ	28/11/1996				Khá	1652509	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27280	3616-K50K5	K50K5	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	10/06/1996				Giỏi	1652510	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27281	3617-K50K5	K50K5	Trần Thị	Nhài	Nữ	07/05/1996				Khá	1652511	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27282	3618-K50K5	K50K5	Bùi Thị	Tâm	Nữ	19/12/1996				Khá	1652512	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27283	3619-K50K5	K50K5	Hoàng Thị Ngọc	Thoa	Nữ	13/02/1996				Trung bình	1652513	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27284	3620-K50K6	K50K6	Đinh Thị Thùy	Anh	Nữ	30/04/1996				Khá	1652514	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27285	3621-K50K6	K50K6	Đặng Thị	Hường	Nữ	20/11/1995				Trung bình	1652515	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27286	3622-K50K6	K50K6	Lê Hữu	Khánh	Nam	04/04/1996				Trung bình	1652516	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27287	3623-K50K6	K50K6	Dương Thị	Thúy	Nữ	25/11/1996				Trung bình	1652517	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27288	3624-K50K6	K50K6	Dương Thị Hải	Yến	Nữ	08/12/1996				Khá	1652518	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27289	3625-K50Q1	K50Q1	Vũ Thị Thúy	Hà	Nữ	18/07/1995				Khá	1652519	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27290	3626-K50Q1	K50Q1	Đỗ Thuỳ	Linh	Nữ	26/11/1996				Trung bình	1652520	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27291	3627-K50Q2	K50Q2	Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	11/07/1996				Khá	1652521	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27292	3628-K50Q2	K50Q2	Bùi Linh	Chi	Nữ	16/10/1996				Khá	1652522	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27293	3629-K50Q2	K50Q2	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	31/10/1996				Khá	1652523	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27294	3630-K50Q2	K50Q2	Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	26/07/1996				Khá	1652524	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27295	3631-K50Q3	K50Q3	Bùi Quốc	Anh	Nam	31/10/1996				Khá	1652525	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27296	3632-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	26/02/1996				Khá	1652526	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27297	3633-K50Q3	K50Q3	Trần Hạnh	Đức	Nam	14/01/1996				Khá	1652527	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27298	3634-K50Q3	K50Q3	Trương Anh	Đức	Nam	30/12/1996				Trung bình	1652528	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27299	3635-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Thị Bích	Hường	Nữ	13/03/1996				Khá	1652529	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27300	3636-K50Q3	K50Q3	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	11/09/1996				Khá	1652530	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27301	4092-K50Q3	K50Q3	Lờ Nhó	Thiện	Nam	22/06/1996				Trung bình	1653007	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27302	3637-K50Q4	K50Q4	Nguyễn Mỹ	Anh	Nữ	31/03/1994				Khá	1652531	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27303	3638-K49A3	K49A3	Hoàng Quốc	Huy	Nam	09/03/1995				Khá	1652532	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27304	3639-K49A5	K49A5	Lê Duy	Đức	Nam	24/05/1995				Khá	1652533	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27305	3640-K49I2	K49I2	Nguyễn Xuân	Giang	Nam	19/02/1994				Trung bình	1652534	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27306	3641-K49I2	K49I2	Cao Xuân	Nam	Nam	04/11/1995				Trung bình	1652535	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27307	3642-K49I2	K49I2	Lê Văn	Thường	Nam	10/09/1995				Trung bình	1652536	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27308	3643-K49I5	K49I5	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	26/02/1995				Trung bình	1652537	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27309	3644-K49K1	K49K1	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	19/01/1995				Khá	1652538	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27310	3645-K49K1	K49K1	Hoàng Thị Thu	Hà	Nữ	17/12/1995				Trung bình	1652539	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27311	3646-K49K2	K49K2	Vũ Lan	Anh	Nữ	12/05/1995				Trung bình	1652540	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27312	3647-K49K6	K49K6	Phạm Văn	Chiến	Nam	29/03/1995				Trung bình	1652541	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27313	3648-K49Q	K49Q	Bùi Thị	Thu	Nữ	30/12/1995				Khá	1652542	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27314	3649-K47I4	K47I4	Nguyễn Văn	Đoàn	Nam	26/03/1993				Trung bình	1652543	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27315	3650-K17A_SB	K17A_SB	Đỗ Trung	Quân	Nam	01/04/1994				Khá	1652544	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1159/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27316	3651-K50D1	K50D1	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	02/03/1996				Khá	1652545	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27317	3652-K50D1	K50D1	Trịnh Thị	Chình	Nữ	15/08/1996				Khá	1652546	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27318	3653-K50D1	K50D1	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	01/02/1996				Khá	1652547	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27319	3654-K50D1	K50D1	Đinh Thị	Nga	Nữ	22/08/1996				Trung bình	1652548	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27320	3655-K50D1	K50D1	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	02/10/1995				Khá	1652549	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27321	3656-K50D1	K50D1	Lê Thị	Nguyên	Nữ	25/01/1995				Khá	1652550	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27322	3657-K50D1	K50D1	Đoàn Thị	Oanh	Nữ	05/06/1996				Trung bình	1652551	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27323	3658-K50D1	K50D1	Trương Thị	Thảo	Nữ	06/04/1996				Trung bình	1652552	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27324	3659-K50D1	K50D1	Hoàng Thị	Thơm	Nữ	10/07/1995				Trung bình	1652553	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27325	3660-K50D1	K50D1	Phạm Thị	Thuỵ	Nữ	11/08/1995				Khá	1652554	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27326	3661-K50D1	K50D1	Hoàng Thị ánh	Tuyết	Nữ	10/10/1996				Trung bình	1652555	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27327	3662-K50D2	K50D2	Cao Thị Việt	Anh	Nữ	09/06/1996				Khá	1652556	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27328	3663-K50D2	K50D2	Mạc Thị Thu	Hằng	Nữ	27/10/1996				Khá	1652557	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27329	3664-K50D2	K50D2	Lê Thị	Hiền	Nữ	18/08/1996				Khá	1652558	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27330	3665-K50D2	K50D2	Lê Thị	Hường	Nữ	01/09/1995				Khá	1652559	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27331	3666-K50D2	K50D2	Đinh Thị	Loan	Nữ	27/03/1996				Trung bình	1652560	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27332	3667-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	19/08/1996				Khá	1652561	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27333	3668-K50D2	K50D2	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	02/02/1996				Trung bình	1652562	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27334	3669-K50D3	K50D3	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	18/09/1995				Khá	1652564	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27335	3670-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	25/05/1996				Khá	1652565	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27336	3671-K50D3	K50D3	Vũ Thị	Hiền	Nữ	06/05/1996				Trung bình	1652566	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27337	3672-K50D3	K50D3	Cao Thị Thu	Hường	Nữ	15/03/1996				Khá	1652567	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27338	3673-K50D3	K50D3	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	04/02/1996				Khá	1652568	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27339	3674-K50D3	K50D3	Vũ Thị	Mai	Nữ	12/11/1995				Khá	1652569	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27340	3675-K50D3	K50D3	Nguyễn Hoài	Phương	Nữ	22/10/1996				Trung bình	1652570	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27341	3676-K50D3	K50D3	Bùi Thị	Tình	Nữ	08/01/1996				Khá	1652571	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27342	3677-K50D4	K50D4	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	04/03/1996				Khá	1652572	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27343	3678-K50D4	K50D4	Trương Thị Thục	Nhàn	Nữ	11/06/1996				Khá	1652573	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27344	3679-K50D4	K50D4	Vi Thị	Tâm	Nữ	01/08/1995				Trung bình	1652574	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27345	3680-K50D4	K50D4	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	02/05/1996				Khá	1652575	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27346	3681-K50D5	K50D5	Lục Thị Vân	Anh	Nữ	15/08/1995				Khá	1652576	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27347	3682-K50D5	K50D5	Trần Thị	Đông	Nữ	01/05/1996				Khá	1652577	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27348	3683-K50D5	K50D5	Lương Thị	Hiền	Nữ	02/02/1996				Khá	1652578	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27349	3684-K50D5	K50D5	Hoàng Thị	Huế	Nữ	06/03/1996				Khá	1652579	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27350	3685-K50D5	K50D5	Trần Thị Minh	Hường	Nữ	09/03/1996				Khá	1652580	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27351	3686-K50D5	K50D5	Phạm Thị Ngọc	Huyền	Nữ	14/10/1996				Khá	1652581	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27352	3687-K50D5	K50D5	Vũ ánh	Lâm	Nữ	10/03/1996				Khá	1652582	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27353	3688-K50D5	K50D5	Vũ Thị	Lương	Nữ	28/09/1996				Khá	1652583	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27354	3689-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị Hải	Phương	Nữ	07/10/1996				Khá	1652584	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27355	3690-K50D5	K50D5	Phan Thu	Thảo	Nữ	21/03/1996				Khá	1652585	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27356	3691-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	Thơ	Nữ	20/05/1995				Khá	1652586	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27357	3692-K50D5	K50D5	Ninh Thị	Thu	Nữ	11/03/1996				Khá	1652587	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27358	3693-K50D5	K50D5	Nguyễn Thị	Xinh	Nữ	29/01/1996				Trung bình	1652588	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27359	3694-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	05/03/1995				Khá	1652589	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27360	3695-K50D6	K50D6	Lê Thị	Huệ	Nữ	02/10/1996				Khá	1652590	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27361	3696-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị	Lết	Nữ	13/04/1996				Trung bình	1652591	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27362	3697-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	09/10/1996				Khá	1652592	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27363	3698-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị	Ngoan	Nữ	26/03/1996				Khá	1652593	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27364	3699-K50D6	K50D6	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	18/06/1995				Khá	1652594	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27365	3700-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	12/02/1995				Trung bình	1652595	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27366	3701-K50D6	K50D6	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	08/10/1996				Trung bình	1652596	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27367	3702-K50D6	K50D6	Đinh Thị Ngọc	Trang	Nữ	04/09/1995				Khá	1652597	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27368	3703-K50D6	K50D6	Nguyễn Hoài	Trang	Nữ	22/12/1996				Trung bình	1652598	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27369	3704-K50D6	K50D6	Lưu Thị	Vân	Nữ	15/01/1995				Khá	1652599	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27370	3705-K49D1	K49D1	Lương Giang	Long	Nam	18/01/1995				Trung bình	1652600	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27371	3706-K49D4	K49D4	Trần Nhật	Linh	Nữ	08/10/1995				Trung bình	1652601	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27372	3707-K49D5	K49D5	Tô Trung	Dũng	Nam	01/03/1995				Trung bình	1652602	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27373	3708-K49D5	K49D5	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	17/02/1994				Trung bình	1652603	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27374	3709-K49D5	K49D5	Nguyễn Thị Minh	Hường	Nữ	28/08/1995				Trung bình	1652604	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27375	3710-K49D6	K49D6	Lê Quang	Dũng	Nam	26/11/1995				Trung bình	1652605	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27376	3711-K49D6	K49D6	Nhâm Thị Tú	Quyên	Nữ	08/03/1995				Trung bình	1652606	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27377	3712-K49D6	K49D6	Lê Hồng	Sơn	Nam	16/06/1994				Khá	1652607	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27378	3713-K48D3	K48D3	Trương Duy	Kiên	Nam	20/06/1994				Trung bình	1652608	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27379	3714-K17D_SB	K17D_SB	Phan Thị Thùy	Dung	Nữ	18/12/1994				Trung bình	1652609	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27380	3715-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Thúy	Hằng	Nữ	10/09/1995				Trung bình	1652610	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27381	3716-K17D_SB	K17D_SB	Lê Thị Kim	Loan	Nữ	08/09/1995				Khá	1652611	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27382	3717-K17D_SB	K17D_SB	Phùng Thị Hải	Ninh	Nữ	20/07/1995				Khá	1652612	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27383	3718-K17D_SB	K17D_SB	Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	13/04/1995				Khá	1652613	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27384	3719-K17D_SB	K17D_SB	Nguyễn Diệu	Quỳnh	Nữ	19/08/1995				Khá	1652614	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27385	3720-K18D	K18D	Đinh Thị Hoàng	Anh	Nữ	01/12/1994				Khá	1652615	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27386	3721-K18D	K18D	Nguyễn Thị Châm	Anh	Nữ	24/04/1995				Khá	1652616	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27387	3722-K18D	K18D	Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	15/02/1995				Khá	1652617	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27388	3723-K18D	K18D	Phạm Thị	ánh	Nữ	29/06/1995				Khá	1652618	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27389	3724-K18D	K18D	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nữ	12/01/1994				Trung bình	1652619	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27390	3725-K18D	K18D	Phí Thị	Hạnh	Nữ	23/01/1995				Khá	1652620	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27391	3726-K18D	K18D	Trịnh Xuân	Hiếu	Nam	04/02/1995				Khá	1652621	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27392	3727-K18D	K18D	Hà Thanh	Huệ	Nữ	30/12/1995				Khá	1652622	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27393	3728-K18D	K18D	Ngô Thị Lan	Hương	Nữ	30/10/1995				Khá	1652623	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27394	3729-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/09/1995				Trung bình	1652624	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27395	3730-K18D	K18D	Mai Hồng	Ngọc	Nữ	23/07/1994				Khá	1652625	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27396	3731-K18D	K18D	Hoàng Thị	Phương	Nữ	18/12/1995				Trung bình	1652626	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27397	3732-K18D	K18D	Hoàng Thu	Thảo	Nữ	14/07/1995				Khá	1652627	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27398	3733-K18D	K18D	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	10/12/1995				Khá	1652628	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27399	3734-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	06/10/1995				Trung bình	1652629	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27400	3735-K18D	K18D	Nguyễn Thị út	Thơm	Nữ	06/04/1995				Khá	1652630	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27401	3736-K18D	K18D	Phạm Hoài	Thu	Nữ	29/06/1995				Khá	1652631	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27402	3737-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Thụy	Nữ	15/08/1995				Khá	1652632	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27403	3738-K18D	K18D	Vũ Thị	Thuỳ	Nữ	05/06/1995				Khá	1652633	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27404	3739-K18D	K18D	Hoàng Thị Cẩm	Tú	Nữ	02/08/1995				Khá	1652634	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27405	3740-K18D	K18D	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	17/08/1995				Trung bình	1652635	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27406	3741-K19D	K19D	Ngô Thị Hải	Anh	Nữ	10/08/1995				Khá	1652636	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27407	3742-K19D	K19D	Trịnh Thị	Dung	Nữ	23/08/1995				Khá	1652637	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27408	3743-K19D	K19D	Phí Thị	Duyên	Nữ	27/05/1995				Trung bình	1652638	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27409	3744-K19D	K19D	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28/10/1995				Khá	1652639	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27410	3745-K19D	K19D	Phạm Thùy	Linh	Nữ	28/07/1995				Khá	1652640	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27411	3746-K19D	K19D	Vũ Thùy	Linh	Nữ	20/12/1995				Trung bình	1652641	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27412	3747-K19D	K19D	Phạm Thị Thanh	Ngà	Nữ	18/10/1995				Trung bình	1652642	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27413	3748-K19D	K19D	Nguyễn Hiền	Ngọc	Nữ	09/12/1994				Khá	1652643	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27414	3749-K19D	K19D	Lê Hồng	Nhung	Nữ	04/12/1994				Trung bình	1652644	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27415	3750-K19D	K19D	Nguyễn Phan	Thành	Nam	29/03/1994				Khá	1652645	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27416	3751-K19D	K19D	Nguyễn Thị	Thêm	Nữ	02/09/1994				Khá	1652646	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27417	3752-K19D	K19D	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	01/10/1995				Khá	1652647	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1151/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27418	3753-K50F1	K50F1	Nguyễn Vương	Anh	Nam	01/07/1996				Trung bình	1652648	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27419	3754-K50F1	K50F1	Sonthalinh	SOMSILAMACK	Nữ	04/09/1993				Khá	1652649	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27420	3755-K50F1	K50F1	Phạm Thị Thuỳ	Linh	Nữ	17/10/1996				Trung bình	1652650	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27421	3756-K50F1	K50F1	Đinh Thị	Thanh	Nữ	17/06/1996				Khá	1652651	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27422	3757-K50F1	K50F1	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	03/08/1996				Khá	1652652	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27423	3758-K50F2	K50F2	Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	17/10/1996				Khá	1652653	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27424	3759-K50F2	K50F2	Dương Thế	Linh	Nam	19/05/1996				Khá	1652654	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27425	3760-K50F2	K50F2	Trịnh Tâm	Nhi	Nữ	07/04/1995				Khá	1652655	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27426	3761-K50F2	K50F2	Đỗ Thị Hồng	Phương	Nữ	19/09/1996				Khá	1652656	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27427	3762-K50F2	K50F2	Đỗ Văn	Quý	Nam	19/06/1995				Khá	1652657	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27428	3763-K50F2	K50F2	Đặng Hải	Yến	Nữ	05/09/1996				Khá	1652658	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27429	3764-K50F3	K50F3	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	15/11/1996				Khá	1652659	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27430	3765-K50F3	K50F3	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	14/11/1996				Giỏi	1652660	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27431	3766-K50F3	K50F3	Lê Thị	Mai	Nữ	13/03/1994				Trung bình	1652661	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27432	3767-K50F3	K50F3	Dương Thị Kim	Phụng	Nữ	17/12/1996				Khá	1652662	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27433	3768-K50F3	K50F3	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	05/09/1996				Trung bình	1652663	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27434	3769-K50F3	K50F3	Phùng Thị Minh	Thuận	Nữ	17/10/1996				Khá	1652664	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27435	3770-K50F3	K50F3	Nguyễn Trí	Tuệ	Nam	24/09/1996				Trung bình	1652665	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27436	3771-K50F3	K50F3	Hoàng Thị	Tươi	Nữ	23/09/1996				Giỏi	1652666	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27437	3772-K50F4	K50F4	Đỗ Thị	Hòa	Nữ	02/05/1996				Khá	1652667	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27438	3773-K50F4	K50F4	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	24/09/1996				Giỏi	1652668	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27439	3774-K50F4	K50F4	Hoàng Thị	Liên	Nữ	19/12/1996				Trung bình	1652669	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27440	3775-K50F4	K50F4	Nguyễn Bảo	Linh	Nữ	10/10/1996				Khá	1652670	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27441	3776-K50F4	K50F4	Trương Minh	Quang	Nam	08/05/1996				Trung bình	1652671	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27442	3777-K50F5	K50F5	Nghiêm Thị	Mai	Nữ	09/12/1996				Trung bình	1652672	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27443	3778-K50F5	K50F5	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	Nữ	18/08/1996				Giỏi	1652673	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27444	3779-K50F5	K50F5	Nguyễn Thị	Thỳy	Nữ	16/02/1996				Trung bình	1652674	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27445	3780-K50F5	K50F5	Đoàn Thị	Trang	Nữ	19/10/1996				Khá	1652675	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27446	3781-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị Việt	Chinh	Nữ	03/03/1995				Trung bình	1652676	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27447	3782-K50F6	K50F6	Hoàng Thị	Đượm	Nữ	15/06/1996				Trung bình	1652677	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27448	3783-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	03/01/1996				Khá	1652678	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27449	3784-K50F6	K50F6	Nguyễn Thị Thanh	Yến	Nữ	28/12/1996				Khá	1652679	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27450	3785-K49F4	K49F4	Vũ Hoàng	Doanh	Nam	05/11/1995				Trung bình	1652680	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27451	3786-K48F3	K48F3	Triệu Vĩnh	Tiến	Nam	10/09/1992				Trung bình	1652681	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1153/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27452	3787-K50H1	K50H1	Lê Đình	Duy	Nam	04/11/1994				Khá	1652682	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27453	3788-K50H1	K50H1	Lê Thị	Hạnh	Nữ	10/03/1996				Khá	1652683	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27454	3789-K50H1	K50H1	Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	05/06/1996				Trung bình	1652684	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27455	3790-K50H1	K50H1	Hoàng Thị Mai	Nhâm	Nữ	19/11/1996				Khá	1652685	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27456	3791-K50H1	K50H1	Phạm Thị Thương	Thương	Nữ	16/08/1996				Khá	1652686	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27457	3792-K50H1	K50H1	Phùng Khánh	Linh	Nữ	20/02/1996				Khá	1652687	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27458	3793-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	18/11/1996				Trung bình	1652688	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27459	3794-K50H2	K50H2	Chương Thị	Dung	Nữ	29/08/1996				Trung bình	1652689	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27460	3795-K50H2	K50H2	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	21/08/1995				Khá	1652690	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27461	3796-K50H2	K50H2	Nguyễn Kim	Phúc	Nam	10/04/1995				Khá	1652691	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27462	3797-K50H2	K50H2	Trần Thị	Sinh	Nữ	09/07/1996				Khá	1652692	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27463	3798-K50H2	K50H2	Đinh Thanh	Thanh	Nữ	08/11/1996				Khá	1652693	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27464	3799-K50H2	K50H2	Phạm Phương	Thảo	Nữ	02/12/1995				Khá	1652694	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27465	3800-K50H2	K50H2	Trần Thị	Trang	Nữ	06/07/1996				Khá	1652695	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27466	3801-K50H2	K50H2	Lưu Trương Tường	Vân	Nữ	14/04/1995				Trung bình	1652696	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27467	3802-K50H3	K50H3	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	14/03/1996				Khá	1652697	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27468	3803-K50H3	K50H3	Trịnh Thị	Hoa	Nữ	23/08/1996				Khá	1652698	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27469	3804-K50H3	K50H3	Phạm Văn	Mẫn	Nam	21/04/1995				Khá	1652699	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27470	3805-K50H3	K50H3	Nguyễn Duy	Thái	Nam	12/11/1996				Trung bình	1652700	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27471	3806-K50H3	K50H3	Đinh Phương	Thảo	Nữ	26/11/1996				Giỏi	1652701	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27472	3807-K50H3	K50H3	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	12/06/1996				Khá	1652702	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27473	3808-K50H3	K50H3	Phùng Thị	Trang	Nữ	10/06/1996				Giỏi	1652703	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27474	3809-K50H4	K50H4	Nguyễn Đức	Sơn	Nam	28/11/1996				Khá	1652704	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27475	3810-K50H4	K50H4	Trần Diệu	Hương	Nữ	11/12/1996				Khá	1652705	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27476	3811-K50H4	K50H4	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	06/01/1996				Giỏi	1652706	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27477	3812-K50H4	K50H4	Bùi Thị Hải	Yến	Nữ	16/07/1996				Khá	1652707	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27478	3813-K50H5	K50H5	Dương Hoàng	Đạt	Nam	05/12/1996				Trung bình	1652708	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27479	3814-K50H5	K50H5	Đặng Ngọc	Hà	Nữ	19/06/1996				Khá	1652709	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27480	3815-K50H5	K50H5	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	Nữ	18/01/1996				Khá	1652710	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27481	3816-K50H5	K50H5	Phạm Thu	Huệ	Nữ	25/02/1996				Trung bình	1652711	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27482	3817-K50H5	K50H5	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	03/11/1996				Khá	1652712	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27483	3818-K50H5	K50H5	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	05/11/1996				Khá	1652713	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27484	3819-K50H6	K50H6	Hoàng Thu	Hằng	Nữ	17/01/1996				Trung bình	1652714	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27485	3820-K50H6	K50H6	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	04/06/1996				Khá	1652715	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27486	3821-K50H6	K50H6	Phạm Lệ	Thu	Nữ	20/02/1996				Khá	1652716	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27487	3822-K50H6	K50H6	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	16/08/1996				Khá	1652717	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27488	3823-K49H1	K49H1	Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	14/12/1995				Khá	1652718	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27489	3824-K49H1	K49H1	Nguyễn Thị Tố	Quyên	Nữ	30/03/1995				Trung bình	1652719	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27490	3825-K49H1	K49H1	Đào Duy	Thành	Nam	23/10/1995				Trung bình	1652720	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27491	3826-K49H2	K49H2	Trần Linh	Tâm	Nữ	31/01/1995				Trung bình	1652721	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27492	3827-K49H2	K49H2	Đào Ngọc	Thắng	Nam	09/12/1995				Trung bình	1652722	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27493	3828-K49H2	K49H2	Hà Thu	Vân	Nữ	25/03/1995				Khá	1652723	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27494	3829-K49H3	K49H3	Nguyễn Đức	Thiện	Nam	12/11/1995				Khá	1652724	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27495	3830-K49H5	K49H5	Nguyễn Thành	Long	Nam	02/03/1995				Khá	1652725	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27496	3831-K49H5	K49H5	Mai Thị Hồng	Vân	Nữ	29/01/1995				Trung bình	1652726	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27497	3832-K49H6	K49H6	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	10/02/1995				Trung bình	1652727	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27498	3833-K49H6	K49H6	Lâm Tiến	Nhật	Nam	13/08/1995				Khá	1652728	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27499	3834-K49H6	K49H6	Đàm Thị Huyền	Trang	Nữ	20/08/1995				Trung bình	1652729	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27500	3835-K48H4	K48H4	Hoàng Mạnh	Quý	Nam	04/06/1989				Trung bình	1652730	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27501	3836-K17H_SB	K17H_SB	Đặng Thị Cẩm	Anh	Nữ	19/09/1992				Khá	1652731	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27502	3837-K17H_SB	K17H_SB	Nguyễn Hồng	Giang	Nữ	28/08/1994				Khá	1652732	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27503	3838-K17H_SB	K17H_SB	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	19/09/1994				Trung bình	1652733	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27504	3839-K17H_SB	K17H_SB	Đỗ Thuỳ	Linh	Nữ	19/05/1994				Khá	1652734	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27505	3840-K17H_SB	K17H_SB	Dương Đức	Nam	Nam	18/07/1993				Trung bình	1652735	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27506	3841-K18H	K18H	Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	25/09/1995				Trung bình	1652736	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1161/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27507	3842-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị	Lê	Nữ	05/06/1995				Khá	1652737	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27508	3843-K50S1	K50S1	Nguyễn Thị	Quế	Nữ	30/04/1996				Trung bình	1652738	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27509	3844-K50S2	K50S2	Lê Công	Du	Nam	02/03/1995				Trung bình	1652739	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27510	3845-K50S2	K50S2	Ngô Thanh	Hương	Nữ	07/12/1996				Khá	1652740	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27511	3846-K50S2	K50S2	Trần Bá	Thiện	Nam	02/05/1996				Trung bình	1652741	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27512	3847-K50S3	K50S3	Nguyễn Tất	Đạt	Nam	09/09/1995				Khá	1652742	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27513	3848-K50S3	K50S3	Bùi Thị Hồng	Diệp	Nữ	09/09/1996				Khá	1652743	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27514	3849-K50S3	K50S3	Hoàng Đức	Hải	Nam	10/04/1996				Trung bình	1652744	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27515	3850-K50S3	K50S3	Khương Thị	Thoa	Nữ	21/04/1996				Khá	1652745	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27516	3851-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	06/10/1996				Khá	1652746	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27517	3852-K50S4	K50S4	Vũ Minh	Đức	Nam	10/09/1996				Trung bình	1652747	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27518	3853-K50S4	K50S4	Trần Ngọc	Hiếu	Nam	23/10/1996				Khá	1652748	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27519	3854-K50S4	K50S4	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	29/07/1996				Trung bình	1652749	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27520	3855-K50S5	K50S5	Trần Văn	Hiệp	Nam	18/05/1995				Trung bình	1652750	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27521	3856-K50S5	K50S5	Nghiêm Thị	Hoa	Nữ	13/11/1996				Khá	1652751	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27522	3857-K50S5	K50S5	Trần Thị	Mai	Nữ	22/12/1996				Khá	1652752	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27523	3858-K50S5	K50S5	Đinh Thị Minh	Nguyệt	Nữ	14/03/1996				Trung bình	1652753	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27524	3859-K50S5	K50S5	Đoàn Công	Thành	Nam	31/01/1996				Trung bình	1652754	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27525	3860-K50S7	K50S7	Nguyễn Ngọc	Hùng	Nam	12/05/1995				Khá	1652755	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27526	3861-K50S7	K50S7	Mai Lâm	Thái	Nam	06/05/1996				Trung bình	1652756	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27527	3862-K50S8	K50S8	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	21/06/1996				Khá	1652757	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27528	3863-K50S8	K50S8	Phạm Hùng	Cường	Nam	06/04/1996				Trung bình	1652758	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27529	3864-K50S8	K50S8	Nguyễn Thị Phương	Lam	Nữ	23/01/1995				Khá	1652759	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27530	3865-K50S8	K50S8	Nguyễn Thanh	Thuỷ	Nam	12/10/1996				Khá	1652760	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27531	3866-K49S1	K49S1	Trần Việt	Anh	Nam	09/04/1995				Trung bình	1652761	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27532	3867-K49S2	K49S2	Phạm Thị	Loan	Nữ	16/08/1995				Trung bình	1652762	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27533	3868-K49S4	K49S4	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	05/09/1995				Trung bình	1652763	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27534	3869-K48S3	K48S3	Lê Huy	Thành	Nam	21/12/1994				Khá	1652764	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1150/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27535	3870-K50N1	K50N1	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	10/03/1996				Trung bình	1652765	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27536	3871-K50N1	K50N1	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	05/07/1995				Trung bình	1652766	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27537	3872-K50N1	K50N1	Trần Thùy	Dung	Nữ	16/05/1996				Khá	1652767	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27538	3873-K50N1	K50N1	Hoàng Thị Linh	Giang	Nữ	15/06/1996				Trung bình	1652768	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27539	3874-K50N1	K50N1	Lê Thị Thanh	Hằng	Nữ	15/07/1996				Khá	1652769	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27540	3875-K50N1	K50N1	Hà Thị	Vân	Nữ	10/12/1996				Trung bình	1652770	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27541	3876-K50N2	K50N2	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	01/01/1996				Khá	1652771	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27542	3877-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	24/11/1995				Trung bình	1652772	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27543	3878-K50N2	K50N2	Lê Thị	Oanh	Nữ	20/05/1996				Khá	1652773	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27544	3879-K50N2	K50N2	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	25/11/1996				Khá	1652774	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27545	3880-K50N2	K50N2	Phạm Thị Thanh	Vân	Nữ	11/04/1996				Trung bình	1652775	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27546	3881-K50N3	K50N3	Trần Bích	Phương	Nữ	30/06/1996				Khá	1652776	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27547	3882-K50N3	K50N3	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	18/12/1996				Khá	1652777	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27548	3883-K50N3	K50N3	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	11/06/1996				Khá	1652778	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27549	3884-K50N4	K50N4	Nguyễn Hải	Hà	Nữ	19/08/1996				Trung bình	1652779	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27550	3885-K50N4	K50N4	Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	21/04/1996				Khá	1652780	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27551	3886-K50N4	K50N4	Vũ Thị Mai	Hoa	Nữ	22/12/1996				Khá	1652781	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27552	3887-K50N4	K50N4	Trần Thị Thu	Hường	Nữ	20/12/1996				Trung bình	1652782	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27553	3888-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	11/03/1996				Khá	1652783	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27554	3889-K50N4	K50N4	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	01/08/1995				Khá	1652784	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27555	3890-K50N5	K50N5	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	07/12/1995				Khá	1652785	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27556	3891-K50N5	K50N5	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	24/08/1996				Khá	1652786	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27557	3892-K50N5	K50N5	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	11/12/1996				Khá	1652787	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27558	3893-K50N5	K50N5	Tống Thị Phương	Linh	Nữ	08/09/1996				Trung bình	1652788	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27559	3894-K50N5	K50N5	Phạm Thị	Thảo	Nữ	20/09/1996				Khá	1652789	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27560	3895-K50N5	K50N5	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	27/07/1996				Trung bình	1652790	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27561	3896-K50N6	K50N6	Nguyễn Thị	Thuỷ	Nữ	19/07/1996				Trung bình	1652791	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27562	3897-K50N6	K50N6	Trần Thu	Trang	Nữ	18/12/1996				Khá	1652792	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27563	3898-K50N6	K50N6	Bạch Thanh	Tú	Nữ	24/01/1996				Khá	1652793	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27564	3899-K50N6	K50N6	Đỗ Thị	Xuân	Nữ	01/10/1996				Trung bình	1652794	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27565	3900-K50N6	K50N6	Trương Thị Thu	Yến	Nữ	20/12/1996				Khá	1652795	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27566	3901-K50N7	K50N7	Đinh Thị Thu	Hương	Nữ	07/04/1996				Khá	1652796	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27567	3902-K50N7	K50N7	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	04/08/1996				Trung bình	1652797	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27568	3903-K49N2	K49N2	Lê Thị	Phương	Nữ	20/08/1995				Trung bình	1652798	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27569	3904-K49N3	K49N3	Trần Thị	Anh	Nữ	07/04/1995				Khá	1652799	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27570	3905-K49N5	K49N5	Phan Thị Thu	Hiền	Nữ	03/05/1995				Trung bình	1652800	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27571	3906-K49N5	K49N5	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	16/06/1995				Trung bình	1652801	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27572	3907-K48N2	K48N2	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	16/01/1994				Khá	1652802	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27573	3908-K48N4	K48N4	Trần Ngọc Chi	Mai	Nữ	29/07/1994				Trung bình	1652803	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1156/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27574	3909-K50B1KS	K50B1KS	Lã Thị	Anh	Nữ	26/01/1996				Khá	1652804	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27575	3910-K50B1KS	K50B1KS	Phạm Thị	Hòa	Nữ	29/09/1996				Khá	1652805	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27576	3911-K50B1KS	K50B1KS	Ngô Thuỳ	Linh	Nữ	27/04/1996				Khá	1652806	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27577	3912-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	25/03/1995				Trung bình	1652807	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27578	3913-K50B1KS	K50B1KS	Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	22/11/1996				Khá	1652808	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27579	3914-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Thị Lê	Anh	Nữ	21/07/1995				Khá	1652809	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27580	3915-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Quang	Huy	Nam	22/12/1996				Khá	1652810	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27581	3916-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Minh	Thuỷ	Nữ	27/03/1996				Khá	1652811	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27582	3917-K50B2KS	K50B2KS	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	10/09/1996				Khá	1652812	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27583	3918-K50B2KS	K50B2KS	Phạm Thanh	Xuân	Nữ	04/02/1996				Giỏi	1652813	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27584	3919-K50B3KS	K50B3KS	Hoàng Quốc	Đạt	Nam	01/05/1996				Trung bình	1652814	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27585	3920-K50B3KS	K50B3KS	Hoàng Thị Thùy	Duyên	Nữ	20/09/1996				Khá	1652815	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27586	3921-K50B3KS	K50B3KS	Lê Thị	Hạnh	Nữ	12/11/1996				Khá	1652816	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27587	3922-K50B4KS	K50B4KS	Phạm Bích	Ngọc	Nữ	09/10/1996				Khá	1652817	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27588	3923-K50B4KS	K50B4KS	Đào Ngọc Hồng	Sơn	Nam	24/12/1996				Trung bình	1652818	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27589	3924-K50B4KS	K50B4KS	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	21/12/1996				Khá	1652819	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27590	3925-K50B5KS	K50B5KS	Đỗ Ngọc Phương	Linh	Nữ	29/11/1996				Giỏi	1652820	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27591	3926-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	20/11/1996				Khá	1652821	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27592	3927-K50B5KS	K50B5KS	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	23/09/1996				Khá	1652822	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27593	3928-K49B2KS	K49B2KS	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	21/09/1995				Trung bình	1652823	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1158/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27594	3929-K50B1LH	K50B1LH	Phùng Thị	Lan	Nữ	28/04/1996				Trung bình	1652988	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27595	3930-K50B1LH	K50B1LH	Trịnh Thị	Mỹ	Nữ	29/06/1996				Khá	1652989	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27596	3931-K50B1LH	K50B1LH	Lưu Thị	Thùy	Nữ	13/10/1996				Khá	1652990	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27597	3932-K50B2LH	K50B2LH	Đặng Hoài	Thu	Nữ	03/02/1996				Khá	1652991	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27598	3933-K50B3LH	K50B3LH	Đỗ Thu	Trang	Nữ	05/06/1996				Khá	1652992	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27599	3934-K50B4LH	K50B4LH	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	01/10/1996				Khá	1652993	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27600	3935-K50B4LH	K50B4LH	Đặng Thu	Hà	Nữ	23/03/1996				Trung bình	1652994	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27601	3936-K50B4LH	K50B4LH	Phạm Thỳy	Hằng	Nữ	06/09/1996				Khá	1652995	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27602	3937-K50B4LH	K50B4LH	Tô Thị Thu	Trang	Nữ	07/09/1996				Khá	1652996	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27603	3938-K50B5LH	K50B5LH	Lương Thanh	Huyền	Nữ	05/01/1996				Khá	1652997	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27604	3939-K50B5LH	K50B5LH	Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	10/05/1995				Trung bình	1652998	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27605	3940-K50B5LH	K50B5LH	Phạm Kim	Thi	Nữ	03/07/1996				Trung bình	1652999	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27606	3941-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	24/03/1996				Trung bình	1653000	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27607	3942-K50B5LH	K50B5LH	Nguyễn Thị Anh	Tú	Nữ	07/10/1996				Trung bình	1653001	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1157/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27608	3943-K50C1	K50C1	Lê Hồng	Khánh	Nam	07/06/1996				Khá	1652838	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27609	3944-K50C1	K50C1	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	05/08/1996				Khá	1652839	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27610	3945-K50C1	K50C1	Đào Thị	Thuỷ	Nữ	08/12/1996				Khá	1652840	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27611	3946-K50C2	K50C2	Đỗ Thị	Nhung	Nữ	15/08/1995				Khá	1652841	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27612	3947-K50C2	K50C2	Lê Minh	Tú	Nam	01/08/1995				Trung bình	1652842	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27613	3948-K50C3	K50C3	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	16/05/1996				Khá	1652843	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27614	3949-K50C4	K50C4	Nguyễn Thị út	Duyên	Nữ	23/08/1995				Khá	1652844	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27615	3950-K50C4	K50C4	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	06/03/1996				Khá	1652845	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27616	3951-K50C4	K50C4	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	14/06/1996				Khá	1652846	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27617	3952-K50C5	K50C5	Đậu Thị	Đào	Nữ	06/01/1996				Khá	1652847	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27618	3953-K50C5	K50C5	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20/08/1996				Khá	1652848	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27619	3954-K50C6	K50C6	Phạm Thị	Chình	Nữ	03/05/1996				Khá	1652849	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27620	3955-K50C6	K50C6	Đặng Thị Thanh	Hảo	Nữ	15/07/1996				Trung bình	1652850	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27621	3956-K50C6	K50C6	Doãn Văn	Hưởng	Nam	30/07/1995				Khá	1652851	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27622	3957-K50C6	K50C6	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	22/02/1996				Trung bình	1652852	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27623	3958-K50T1	K50T1	Phạm Thị	Chiều	Nữ	25/06/1996				Trung bình	1652853	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27624	3959-K50T1	K50T1	Trần Thị Hương	Quỳnh	Nữ	26/08/1996				Khá	1652854	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27625	3960-K50T1	K50T1	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	03/02/1996				Khá	1652855	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27626	3961-K50T2	K50T2	Lê Thị	Điệp	Nữ	12/01/1996				Trung bình	1652856	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27627	3962-K50T2	K50T2	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	25/02/1996				Trung bình	1652857	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27628	3963-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/04/1996				Khá	1652858	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27629	3964-K50T3	K50T3	Đinh Thị Cẩm	Oanh	Nữ	17/03/1996				Khá	1652859	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27630	3965-K50T3	K50T3	Vũ Thị	Thanh	Nữ	10/02/1995				Khá	1652860	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27631	3966-K50T3	K50T3	Nguyễn Thị	Thoan	Nữ	22/12/1996				Khá	1652861	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27632	3967-K50T3	K50T3	Đinh Thị	Thùy	Nữ	14/07/1996				Khá	1652862	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27633	3968-K50T4	K50T4	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	20/09/1996				Khá	1652863	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27634	3969-K50T4	K50T4	Dương Thị	Nụ	Nữ	30/11/1996				Khá	1652864	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27635	3970-K50T4	K50T4	Phạm Thị	Thu	Nữ	02/01/1996				Khá	1652865	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27636	3971-K50T5	K50T5	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	16/08/1995				Khá	1652866	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27637	3972-K50T7	K50T7	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	23/09/1996				Trung bình	1652867	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27638	3973-K49T2	K49T2	Nguyễn Thế	Anh	Nam	10/08/1995				Trung bình	1652868	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27639	3974-K49T3	K49T3	Nguyễn Thế	Anh	Nam	25/01/1995				Trung bình	1652869	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27640	3975-K48C1	K48C1	Phạm Tuấn	Anh	Nam	28/05/1994				Khá	1652870	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27641	3976-K48C4	K48C4	Đoàn Thị Kim	Thơ	Nữ	11/04/1993				Trung bình	1652871	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27642	3977-K17C_SB	K17C_SB	Phùng Bảo	Hoa	Nữ	04/04/1995				Khá	1652872	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27643	3978-K17C_SB	K17C_SB	Đặng Ngọc	Huyền	Nữ	05/01/1995				Khá	1652873	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1155/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27644	3979-K50E1	K50E1	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	23/07/1996				Khá	1652874	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27645	3980-K50E1	K50E1	Dương Thị Thanh	Mai	Nữ	22/04/1996				Trung bình	1652875	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27646	3981-K50E2	K50E2	Đỗ Thị Thuỳ	Dương	Nữ	13/09/1996				Khá	1652876	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27647	3982-K50E2	K50E2	Tống Thị Thúy	Hằng	Nữ	20/11/1996				Trung bình	1652877	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27648	3983-K50E2	K50E2	Phạm Văn	Hoàn	Nam	20/08/1995				Khá	1652878	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27649	3984-K50E2	K50E2	Đặng Thị	Hương	Nữ	18/10/1995				Giỏi	1652879	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27650	3985-K50E2	K50E2	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	01/11/1996				Khá	1652880	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27651	3986-K50E2	K50E2	Hoàng Thị	Oanh	Nữ	15/11/1996				Trung bình	1652881	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27652	3987-K50E2	K50E2	Trần Thị Minh	Tâm	Nữ	27/06/1996				Trung bình	1652882	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27653	3988-K50E3	K50E3	Nguyễn Tú	Anh	Nam	28/10/1996				Khá	1652883	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27654	3989-K50E3	K50E3	Hoàng Thị	Hoa	Nữ	22/10/1996				Khá	1652884	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27655	3990-K50E3	K50E3	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	10/10/1996				Khá	1652885	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27656	3991-K50E4	K50E4	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	20/08/1996				Khá	1652886	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27657	3992-K50E4	K50E4	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	14/08/1996				Khá	1652887	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27658	3993-K50E4	K50E4	Trương Thị	Thụy	Nữ	19/11/1996				Khá	1652888	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27659	3994-K50E5	K50E5	Lưu Tùng	Anh	Nam	06/01/1996				Trung bình	1652889	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27660	3995-K50E5	K50E5	Lăng Thị	Hồng	Nữ	06/08/1996				Khá	1652890	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27661	3996-K50E5	K50E5	Phạm Quỳnh	Mai	Nữ	03/03/1996				Khá	1652891	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27662	3997-K50E5	K50E5	Phùng Nguyễn Ngọc	Nhung	Nữ	25/08/1996				Khá	1652892	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27663	3998-K50E6	K50E6	Lê Hoàng	Hải	Nam	12/12/1996				Khá	1652893	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27664	3999-K50E6	K50E6	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	13/12/1995				Trung bình	1652894	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27665	4000-K50E6	K50E6	Phạm Thị	Phượng	Nữ	30/04/1996				Giỏi	1652895	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27666	4001-K50E6	K50E6	Ngô Diệu	Sương	Nữ	11/09/1996				Trung bình	1652896	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27667	4002-K50E6	K50E6	Nguyễn Hải	Tiến	Nữ	28/07/1996				Khá	1652897	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27668	4003-K50E6	K50E6	Đỗ Thị Hà	Uyên	Nữ	03/06/1996				Trung bình	1652898	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27669	4004-K49E4	K49E4	Trần Phú	Nguyên	Nam	02/10/1994				Trung bình	1652899	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27670	4005-K18E	K18E	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	24/03/1995				Giỏi	1652900	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27671	4006-K18E	K18E	Lữ Hoàng	Long	Nam	09/02/1994				Trung bình	1652901	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27672	4007-K18E	K18E	Vũ Thị	Nhẫn	Nữ	09/10/1995				Giỏi	1652902	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1152/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27673	4008-K50P1	K50P1	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	22/05/1996				Trung bình	1652903	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27674	4009-K50P1	K50P1	Vũ Hà	My	Nữ	11/06/1996				Khá	1652904	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27675	4010-K50P1	K50P1	Đặng Thị Như	Ngọc	Nữ	31/01/1996				Khá	1652905	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27676	4011-K50P1	K50P1	Nguyễn Ngọc	Nhi	Nữ	14/07/1996				Khá	1652906	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27677	4012-K50P1	K50P1	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	09/04/1996				Khá	1652907	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27678	4013-K50P1	K50P1	Cao Minh	Trang	Nữ	26/07/1996				Giỏi	1652908	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27679	4014-K50P1	K50P1	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	07/07/1996				Giỏi	1652909	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27680	4015-K50P2	K50P2	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	31/12/1996				Giỏi	1652910	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27681	4016-K50P2	K50P2	Đỗ Thị	Hậu	Nữ	25/01/1996				Trung bình	1652911	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27682	4017-K50P2	K50P2	Đào Thuỳ	Linh	Nữ	25/09/1996				Khá	1652912	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27683	4018-K50P2	K50P2	Phạm Thị	Loan	Nữ	04/03/1995				Trung bình	1652913	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27684	4019-K50P2	K50P2	Phạm Đức	Việt	Nam	14/11/1996				Trung bình	1652914	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27685	4020-K50P3	K50P3	Cầm Nguyệt	Anh	Nữ	05/06/1996				Khá	1652915	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27686	4021-K50P3	K50P3	Nguyễn Ngọc	Hải	Nữ	15/01/1996				Trung bình	1652916	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27687	4022-K50P3	K50P3	Lê	Hoàng	Nam	30/08/1996				Khá	1652917	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27688	4023-K50P3	K50P3	La Khánh	Ly	Nữ	04/05/1996				Khá	1652918	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27689	4024-K50P4	K50P4	Trịnh Châu	Giang	Nữ	13/06/1996				Khá	1652919	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27690	4025-K50P4	K50P4	Ma Thị Thu	Hà	Nữ	20/04/1995				Khá	1652920	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27691	4026-K50P4	K50P4	Giang Khánh	Huyền	Nữ	09/10/1996				Trung bình	1652921	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27692	4027-K50P4	K50P4	Hoàng Minh	Nhật	Nam	22/04/1996				Khá	1652922	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27693	4028-K50P4	K50P4	Trần Việt	Trinh	Nữ	18/05/1996				Khá	1652923	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27694	4029-K50P4	K50P4	Cao Thị Hồng	Vân	Nữ	13/06/1996				Khá	1652924	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27695	4030-K50P4	K50P4	Nguyễn Phạm Như	Uyên	Nữ	26/10/1996				Khá	1652925	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27696	4031-K50P5	K50P5	Trần Trọng	Hiếu	Nam	13/01/1996				Trung bình	1652926	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27697	4032-K50P5	K50P5	Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	13/02/1996				Trung bình	1652927	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27698	4033-K50P5	K50P5	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	04/01/1996				Trung bình	1652928	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27699	4034-K50P5	K50P5	Nguyễn Thu	Trà	Nữ	02/03/1996				Khá	1652929	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27700	4035-K50P5	K50P5	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	16/04/1996				Giỏi	1652930	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27701	4036-K49P3	K49P3	Phạm Đức	Hòa	Nam	31/10/1995				Khá	1652931	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27702	4037-K49P3	K49P3	Nguyễn Hồng	Thái	Nam	20/07/1995				Trung bình	1652932	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27703	4038-K49P4	K49P4	Ngô Đức	Hiếu	Nam	01/02/1995				Trung bình	1652933	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27704	4039-K48P1	K48P1	Lê Huy	Đông	Nam	24/09/1994				Trung bình	1652934	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27705	4040-K48P5	K48P5	Phạm Thu	Thùy	Nữ	16/08/1994				Trung bình	1652935	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27706	4041-K17P_SB	K17P_SB	Đào Thị Hương Ly	Hoa	Nữ	05/11/1993				Khá	1652936	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27707	4042-K18P	K18P	Lại Thị Lan	Vy	Nữ	21/01/1995				Giỏi	1652937	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1154/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27708	4043-K50U1	K50U1	Đào Thị Nguyệt	Hà	Nữ	22/12/1996				Khá	1652938	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27709	4044-K50U1	K50U1	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	15/11/1996				Khá	1652939	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27710	4045-K50U1	K50U1	Hoàng Thị	Lê	Nữ	21/09/1996				Khá	1652940	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27711	4046-K50U1	K50U1	Trần Thị Kim	Xuân	Nữ	28/12/1996				Trung bình	1652941	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27712	4047-K50U2	K50U2	Đỗ Thị Thanh	Hương	Nữ	18/11/1996				Khá	1652942	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27713	4048-K50U2	K50U2	Hoàng Thị	Linh	Nữ	20/05/1996				Khá	1652943	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27714	4049-K50U2	K50U2	Dương Thị Hồng	Ngát	Nữ	09/09/1996				Trung bình	1652944	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27715	4050-K50U2	K50U2	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	12/09/1996				Trung bình	1652945	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27716	4051-K50U2	K50U2	Lê Ngọc	Sơn	Nam	26/07/1996				Trung bình	1652946	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27717	4052-K50U2	K50U2	Ngô Thị	Thu	Nữ	17/01/1996				Khá	1652947	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27718	4053-K50U2	K50U2	Đặng Thị Hà	Trang	Nữ	08/12/1996				Khá	1652948	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27719	4054-K50U3	K50U3	Nguyễn Đức	Chính	Nam	15/01/1996				Khá	1652949	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27720	4055-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	14/11/1996				Trung bình	1652950	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27721	4056-K50U3	K50U3	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	12/09/1996				Khá	1652951	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27722	4057-K50U3	K50U3	Ngũ Văn	Trường	Nam	06/11/1996				Khá	1652952	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27723	4058-K50U4	K50U4	Đỗ Nguyên	Hồng	Nữ	23/09/1996				Trung bình	1652953	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27724	4059-K50U4	K50U4	Tô Văn	Thăng	Nam	24/01/1996				Khá	1652954	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27725	4060-K50U5	K50U5	Dương Lê Gia	Hợp	Nữ	23/05/1996				Khá	1652955	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27726	4061-K50U5	K50U5	Vùi Lưu	Thuyên	Nữ	06/01/1995				Trung bình	1652956	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27727	4062-K50U5	K50U5	Nguyễn Thị	Vinh	Nữ	08/03/1996				Trung bình	1652957	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27728	4063-K49U6	K49U6	Lê Thị	Bình	Nữ	26/03/1995				Trung bình	1652958	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	1160/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27729	4064-K50I1	K50I1	Nguyễn Đương	Đông	Nam	02/09/1996				Trung bình	1652959	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27730	4065-K50I1	K50I1	Đào Thị Thuỳ	Dương	Nữ	17/08/1996				Khá	1652960	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27731	4066-K50I1	K50I1	Trần Thanh	Hải	Nam	15/04/1994				Khá	1652987	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27732	4067-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	25/04/1996				Khá	1652961	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27733	4068-K50I1	K50I1	Phạm Thế	Mạnh	Nam	01/08/1995				Trung bình	1652962	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27734	4069-K50I1	K50I1	Hoàng Minh	Sang	Nam	11/09/1996				Khá	1652963	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27735	4070-K50I1	K50I1	Nguyễn Văn	Thái	Nam	02/03/1996				Trung bình	1652964	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27736	4071-K50I1	K50I1	Lưu Thị Hà	Thu	Nữ	03/08/1996				Khá	1652965	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27737	4072-K50I1	K50I1	Thái Văn	Trung	Nam	16/04/1996				Khá	1652966	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27738	4073-K50I1	K50I1	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	06/10/1996				Khá	1652967	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27739	4074-K50I2	K50I2	Phạm Hoàng	Anh	Nam	16/01/1996				Khá	1652968	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27740	4075-K50I2	K50I2	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	07/12/1996				Khá	1652969	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27741	4076-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị Thuỳ	Diên	Nữ	21/08/1996				Trung bình	1652970	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27742	4077-K50I3	K50I3	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	17/08/1996				Giỏi	1652971	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27743	4078-K50I3	K50I3	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	07/10/1996				Khá	1652972	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27744	4079-K50I3	K50I3	Trịnh Văn	Sinh	Nam	10/10/1995				Khá	1652973	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27745	4080-K50I3	K50I3	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	17/10/1996				Khá	1652974	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27746	4081-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị Thu	Diệu	Nữ	08/12/1996				Trung bình	1652975	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27747	4082-K50I4	K50I4	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	19/04/1996				Trung bình	1652976	2018	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1162/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27748	4083-K50DD	K50DD	Nguyễn Quý Minh	Anh	Nữ	10/09/1996				Khá	1653002	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1163/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27749	4084-K50DD	K50DD	Lý Văn	Bảo	Nam	27/10/1996				Khá	1653003	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1163/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27750	4085-K50DD	K50DD	Phạm Thị	Hường	Nữ	31/03/1996				Khá	1653004	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1163/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27751	4086-K50DD	K50DD	Trần Thị	Nhung	Nữ	21/06/1996				Khá	1653005	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1163/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27752	4087-K50DD	K50DD	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	30/09/1996				Khá	1653006	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1163/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27753	4088-K50HH	K50HH	Phạm Trung	Hiếu	Nam	15/07/1996				Khá	1652982	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1164/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27754	4089-K50HH	K50HH	Nguyễn Trần	Hoàng	Nam	22/11/1996				Khá	1652983	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1164/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27755	4090-K50HH	K50HH	Lưu Anh	Sơn	Nam	26/10/1996				Khá	1652984	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1164/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27756	4091-K50HH	K50HH	Ngô Ngọc	Tuyên	Nam	14/08/1996				Khá	1652985	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1164/QĐ-ĐHTM, 05/09/2018	
27757	1042-K12CK1		Nguyễn Thanh	Hoa	Nữ	27/11/1991				Trung bình	1624634	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27758	1043-K12CK1		Hoàng Văn	Tiến	Nam	29/10/1989				Khá	1624635	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27759	1044-K12CK3		Lê Thị	Hoa	Nữ	21/02/1994				Trung bình	1624636	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27760	1045-K12CK3		Trần Thị Thúy	Tiên	Nữ	19/08/1994				Khá	1624637	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27761	1046-K12CK3		Hoàng Thị	Tuyết	Nữ	16/02/1991				Khá	1624638	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27762	1047-K12CK4		Hà Thị Kiều	My	Nữ	25/02/1993				Khá	1624639	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27763	1048-K12CK5		Phạm Tuyết	Lan	Nữ	08/10/1992				Khá	1624640	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27764	1049-K12CK5		Đinh Thị	Mến	Nữ	13/07/1993				Khá	1624641	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27765	1050-K12CK5		Phạm Thị	Trang	Nữ	01/12/1994				Khá	1624642	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27766	1051-K12CK6		Nguyễn Hải	Đăng	Nam	25/10/1993				Khá	1624643	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27767	1052-K12CK6		Nguyễn Thị	Huyên	Nữ	25/09/1993				Khá	1624644	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27768	1053-K12CK8		Hồ Thị	Châm	Nữ	08/10/1994				Khá	1624645	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27769	1054-K12CK8		ứng Thị	Ngân	Nữ	19/11/1994				Khá	1624646	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27770	1055-K12CK9		Vũ Thanh	Tùng	Nam	28/12/1992				Trung bình	1624647	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1440/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27771	1056-K11CT3		Nguyễn Hải	Nam	Nam	30/05/1993				Trung bình	1624648	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1441/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27772	1057-K12CT2		Nguyễn Đình	Vương	Nam	17/03/1993				Khá	1624649	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1441/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27773	1058-K12CT2		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	06/09/1992				Khá	1624650	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1441/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27774	1059-K11CQ2		Nguyễn Thành	Nam	Nam	24/03/1989				Trung bình	1624651	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1443/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27775	1060-K11CQ4		Lại Thị Anh	Đào	Nữ	20/01/1994				Trung bình	1624652	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1443/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27776	1061-K11CQ4		Phạm Vũ	Linh	Nam	18/04/1994				Trung bình	1624653	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1443/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27777	1062-K12CQ4		Nguyễn Thị Thanh	An	Nữ	07/10/1994				Khá	1624654	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1443/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27778	1063-K6TK1		Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	18/07/1986				Khá	1624655	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27779	1064-K6TK1		Đặng Thị	Bích	Nữ	09/10/1986				Trung bình	1624656	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27780	1065-K6TK1		Trương Thị	Chang	Nữ	11/02/1987				Khá	1624657	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27781	1066-K6TK1		Nguyễn Trọng	Chiến	Nam	03/09/1986				Khá	1624658	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27782	1067-K6TK1		Lương Thị	Diệu	Nữ	30/09/1990				Khá	1624659	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27783	1068-K6TK1		Vũ Thị	Hà	Nữ	18/08/1988				Khá	1624660	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27784	1069-K6TK1		Trương Thị	Hằng	Nữ	01/11/1989				Trung bình	1624661	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27785	1070-K6TK1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	19/08/1989				Khá	1624662	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27786	1071-K6TK1		Phạm Thị Bích	Hạnh	Nữ	19/08/1983				Trung bình	1624663	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27787	1072-K6TK1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	26/06/1986				Giỏi	1624664	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27788	1073-K6TK1		Thái Thị Thu	Hiền	Nữ	26/12/1984				Trung bình	1624665	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27789	1074-K6TK1		Lê Thị	Hoa	Nữ	10/03/1991				Khá	1624666	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27790	1075-K6TK1		Lại Thị	Hoàn	Nữ	02/08/1985				Giỏi	1624667	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27791	1076-K6TK1		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	06/05/1985				Khá	1624668	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27792	1077-K6TK1		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/10/1983				Giỏi	1624669	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27793	1078-K6TK1		Lê Thị	Oanh	Nữ	02/08/1986				Khá	1624670	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27794	1079-K6TK1		Hà Thị	Thảo	Nữ	10/10/1987				Khá	1624671	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27795	1080-K6TK1		Trịnh Thị	Thúy	Nữ	02/03/1988				Khá	1624672	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27796	1081-K5TK3		Trần Thị	Bích	Nữ	10/07/1987				Trung bình	1624673	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27797	1082-K5TK3		Trần Hồng	Thúy	Nữ	09/02/1990				Trung bình	1624674	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27798	1083-K5TK3		Nguyễn Văn	Trung	Nam	04/06/1982				Trung bình	1624675	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27799	1084-K5TK3		Đàm Tố	Uyên	Nữ	10/04/1991				Khá	1624676	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27800	1085-K5TK3		Đồng Thị	Vui	Nữ	16/01/1986				Trung bình	1624677	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1438/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27801	1088-K49BQ1		Lê Quang	Hòa	Nam	02/12/1977				Khá	2E+06	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1439/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27802	1089-K49BQ1		Nguyễn Ngọc	Hồng	Nam	02/01/1986				Trung bình	2E+06	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1439/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27803	1090-K49BQ1		Lại Ngọc	Thương	Nữ	01/02/1988				Trung bình	2E+06	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1439/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
27804	1091-K13CA1		Triệu Thị	Bến	Nữ	3/2/1993				Khá	1624683	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27805	1092-K13CA1		Trịnh Xuân	Đông	Nam	2/6/1992				Khá	1624684	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27806	1093-K13CA1		Lê Văn	Duyệt	Nam	23/2/1992				Khá	1624685	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27807	1094-K13CA1		Lê Thị	Hà	Nữ	28/6/1993				Giỏi	1624686	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27808	1095-K13CA1		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	22/4/1992				Khá	1624687	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27809	1096-K13CA1		Hoàng Thị Thu	Hường	Nữ	8/6/1995				Khá	1624688	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27810	1097-K13CA1		Vũ Thị	Hường	Nữ	12/2/1994				Khá	1624689	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27811	1098-K13CA1		Phùng Thị	Lan	Nữ	21/8/1995				Khá	1624690	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27812	1099-K13CA1		Trịnh Khánh	Ly	Nữ	25/9/1995				Khá	1624691	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27813	1100-K13CA1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	31/10/1991				Khá	1624692	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27814	1101-K13CA1		Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	18/12/1995				Khá	1624693	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27815	1102-K13CA1		Bùi Tống	Ngọc	Nam	25/3/1995				Khá	1624694	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27816	1103-K13CA1		Trương Thị Hồng	Ngọc	Nữ	9/10/1994				Khá	1624695	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27817	1104-K13CA1		Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	20/1/1995				Khá	1624696	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27818	1105-K13CA1		Lý Thị	Phượng	Nữ	23/5/1992				Giỏi	1624697	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27819	1106-K13CA1		Nguyễn Hương	Quỳnh	Nữ	7/7/1995				Khá	1624698	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27820	1107-K13CA1		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	5/6/1995				Khá	1624699	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27821	1108-K13CA1		Nguyễn Mỹ	Trà	Nữ	16/6/1994				Giỏi	1624700	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27822	1109-K13CA1		Đặng Kiều	Trang	Nữ	19/10/1991				Khá	1624701	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27823	1110-K13CA1		Phạm Thị Thùy	Trang	Nữ	10/8/1994				Khá	1624702	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27824	1111-K13CA1		Trần Thị	Vân	Nữ	10/3/1995				Khá	1624703	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1487/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27825	1112-K13CK1		Đào Thị Kim	Anh	Nữ	2/6/1993				Trung bình	1624704	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27826	1113-K13CK1		Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	11/10/1995				Khá	1624705	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27827	1114-K13CK1		Phạm Tùng	Anh	Nam	28/11/1995				Khá	1624706	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27828	1115-K13CK1		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	16/10/1993				Khá	1624707	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27829	1116-K13CK1		Lê Thị	Diễn	Nữ	10/10/1992				Khá	1624708	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27830	1117-K13CK1		Lê Thị Hương	Giang	Nữ	27/11/1994				Khá	1624709	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27831	1118-K13CK1		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	15/3/1991				Khá	1624710	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27832	1119-K13CK1		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	11/9/1993				Khá	1624711	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27833	1120-K13CK1		Đỗ Thị Thúy	Hằng	Nữ	8/2/1994				Khá	1624712	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27834	1121-K13CK1		Trương Thu	Hằng	Nữ	4/11/1991				Khá	1624713	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27835	1122-K13CK1		Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	18/7/1992				Khá	1624714	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27836	1123-K13CK1		Nguyễn Thị Thu	Hạnh	Nữ	22/10/1992				Khá	1624715	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27837	1124-K13CK1		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	18/2/1994				Khá	1624716	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27838	1125-K13CK1		Lê Thị	Hoài	Nữ	10/10/1983				Giỏi	1624717	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27839	1126-K13CK1		Lê Thị Hoa	Hồng	Nữ	14/2/1993				Khá	1624718	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27840	1127-K13CK1		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	30/6/1995				Khá	1624719	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27841	1128-K13CK1		Trịnh Thị Bích	Hường	Nữ	3/7/1989				Khá	1624720	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27842	1129-K13CK1		Nguyễn Duy	Linh	Nam	6/8/1992				Khá	1624721	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27843	1130-K13CK1		Phạm Thị Hồng	Loan	Nữ	10/10/1992				Khá	1624722	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27844	1131-K13CK1		Hoàng Văn	Long	Nam	11/12/1994				Trung bình	1624723	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27845	1132-K13CK1		Nguyễn Thế	Nam	Nam	22/8/1992				Khá	1624724	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27846	1133-K13CK1		Lê Thị Thu	Nga	Nữ	25/11/1990				Khá	1624725	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27847	1134-K13CK1		Phạm Thị Anh	Nhân	Nữ	7/9/1991				Khá	1624726	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27848	1135-K13CK1		Đinh Thị	Nhung	Nữ	24/5/1995				Khá	1624727	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27849	1136-K13CK1		Trương Thị Mai	Phương	Nữ	27/1/1992				Trung bình	1624728	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27850	1137-K13CK1		Đỗ Thị	Phượng	Nữ	3/10/1984				Giỏi	1624729	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27851	1138-K13CK1		Nguyễn Thị	Sen	Nữ	24/10/1992				Khá	1624730	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27852	1139-K13CK1		Lê Thị	Tâm	Nữ	16/10/1995				Khá	1624731	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27853	1140-K13CK1		Trần Thanh	Tâm	Nữ	16/3/1992				Khá	1624732	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27854	1141-K13CK1		Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	18/2/1994				Khá	1624733	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27855	1142-K13CK1		Cồ Thị Kim	Thêu	Nữ	4/11/1993				Khá	1624734	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27856	1143-K13CK1		Lưu Thị	Thương	Nữ	17/8/1993				Khá	1624735	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27857	1144-K13CK1		Nguyễn Trường	Tiến	Nam	19/9/1992				Khá	1624736	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27858	1145-K13CK1		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	16/9/1995				Khá	1624737	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27859	1146-K13CK1		Phạm Thị Quỳnh	Trang	Nữ	25/1/1988				Khá	1624738	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27860	1147-K13CK1		Ngô Anh	Tuấn	Nam	24/2/1994				Khá	1624739	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27861	1148-K13CK1		Thái Thị	Tươi	Nữ	10/5/1993				Khá	1624740	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27862	1149-K13CK1		Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	1/1/1995				Khá	1624741	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27863	1150-K13CK1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	10/12/1992				Khá	1624742	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27864	1151-K13CK1		Dương Thị Kim	Yến	Nữ	17/4/1991				Khá	1624743	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27865	1152-K13CK1		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	5/10/1992				Khá	1624744	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27866	1153-K13CK2		Lê Tuấn	Anh	Nam	4/2/1992				Khá	1624745	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27867	1154-K13CK2		Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	4/11/1995				Khá	1624746	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27868	1155-K13CK2		Tô Thị Mai	Anh	Nữ	11/6/1994				Khá	1624747	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27869	1156-K13CK2		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	26/12/1992				Khá	1624748	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27870	1157-K13CK2		Nguyễn Thị	Chi	Nữ	9/5/1994				Khá	1624749	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27871	1158-K13CK2		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	31/8/1994				Khá	1624750	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27872	1159-K13CK2		Hoàng Thị Thu	Hằng	Nữ	30/8/1993				Giỏi	1624751	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27873	1160-K13CK2		Nguyễn Lê Thị Hồng	Hạnh	Nữ	12/4/1994				Khá	1624752	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27874	1161-K13CK2		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	31/12/1991				Khá	1624753	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27875	1162-K13CK2		Kiều Thị	Huế	Nữ	25/8/1995				Khá	1624754	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27876	1163-K13CK2		Đoàn Quang	Hưng	Nam	20/10/1993				Trung bình	1624755	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27877	1164-K13CK2		Trần Quỳnh	Hương	Nữ	1/6/1995				Khá	1624756	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27878	1165-K13CK2		Nông Thị Thúy	Hường	Nữ	26/8/1995				Khá	1624757	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27879	1166-K13CK2		Lê Thùy	Linh	Nữ	27/4/1995				Khá	1624758	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27880	1167-K13CK2		Nghiêm Hương	Linh	Nữ	23/4/1991				Khá	1624759	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27881	1168-K13CK2		Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	24/11/1993				Khá	1624760	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27882	1169-K13CK2		Hoàng Thị	Loan	Nữ	14/1/1994				Giỏi	1624761	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27883	1170-K13CK2		Khuất Thị	Nga	Nữ	6/4/1989				Khá	1624762	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27884	1171-K13CK2		Phí Hằng	Nga	Nữ	21/2/1990				Trung bình	1624763	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27885	1172-K13CK2		Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	4/9/1992				Khá	1624764	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27886	1173-K13CK2		Phùng Thị	Nguyệt	Nữ	14/12/1994				Khá	1624765	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27887	1174-K13CK2		Trịnh Thị ánh	Nguyệt	Nữ	16/10/1993				Khá	1624766	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27888	1175-K13CK2		Đặng Thị	Nhung	Nữ	24/9/1990				Khá	1624767	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27889	1176-K13CK2		Tống Thị Mai	Phương	Nữ	25/3/1992				Khá	1624768	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27890	1177-K13CK2		Bùi Thị	Phượng	Nữ	20/3/1985				Khá	1624769	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27891	1178-K13CK2		Hà Thị	Phượng	Nữ	13/11/1991				Khá	1624770	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27892	1179-K13CK2		Trần Thị Kim	Sen	Nữ	25/8/1987				Khá	1624771	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27893	1180-K13CK2		Ngô Thị Minh	Tâm	Nữ	3/5/1995				Khá	1624772	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27894	1181-K13CK2		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	10/6/1992				Khá	1624773	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27895	1182-K13CK2		Đặng Thị Thu	Thảo	Nữ	25/8/1996				Khá	1624774	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27896	1183-K13CK2		Phan Thị	Thảo	Nữ	11/3/1993				Khá	1624775	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27897	1184-K13CK2		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	12/4/1994				Khá	1624776	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27898	1185-K13CK2		Ngô Thị Lệ	Thủy	Nữ	9/9/1992				Khá	1624777	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27899	1186-K13CK2		Đỗ Thị Thu	Trang	Nữ	25/7/1994				Khá	1624778	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27900	1187-K13CK2		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	17/6/1994				Giỏi	1624779	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27901	1188-K13CK2		Nguyễn Thị Vân	Trang	Nữ	23/11/1992				Khá	1624780	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27902	1189-K13CK2		Trần Thị	Trúc	Nữ	1/4/1992				Khá	1624781	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27903	1190-K13CK2		Lương Văn	Tuấn	Nam	7/8/1992				Khá	1624782	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27904	1191-K13CK2		Trịnh Đăng	Tùng	Nam	28/7/1993				Khá	1624783	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27905	1192-K13CK2		Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	1/11/1995				Khá	1624784	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27906	1193-K13CK2		Hà Thị Anh	Văn	Nữ	10/6/1989				Khá	1624785	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27907	1194-K13CK2		Lê Hải	Yến	Nữ	19/1/1993				Khá	1624786	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27908	1195-K13CK3		Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	31/5/1995				Trung bình	1624787	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27909	1196-K13CK3		Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	1/9/1988				Khá	1624788	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27910	1197-K13CK3		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	23/4/1987				Khá	1624789	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27911	1198-K13CK3		Bùi Văn	Ba	Nam	25/10/1992				Khá	1624790	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27912	1199-K13CK3		Lê Thị	Duyên	Nữ	6/5/1994				Khá	1624791	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27913	1200-K13CK3		Nguyễn Việt	Hà	Nữ	28/6/1985				Khá	1624792	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27914	1201-K13CK3		Đinh Thị	Hiền	Nữ	6/6/1994				Khá	1624793	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27915	1202-K13CK3		Vũ Thị	Hoa	Nữ	10/2/1990				Khá	1624794	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27916	1203-K13CK3		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	2/4/1993				Trung bình	1624795	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27917	1204-K13CK3		Hoàng Thị Thanh	Huyền	Nữ	5/9/1992				Trung bình	1624796	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27918	1205-K13CK3		Bùi Xuân	Lịch	Nam	21/2/1994				Trung bình	1624797	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27919	1206-K13CK3		Kiều Ngọc	Linh	Nữ	8/5/1994				Khá	1624798	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27920	1207-K13CK3		Bùi Thanh	Loan	Nữ	29/10/1994				Khá	1624799	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27921	1208-K13CK3		Đoàn Thị Kiều	Loan	Nữ	21/8/1989				Trung bình	1624800	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27922	1209-K13CK3		Trần Thị	Lụa	Nữ	29/8/1985				Khá	1624801	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27923	1210-K13CK3		Hà Thiên	Lý	Nữ	30/10/1979				Khá	1624802	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27924	1211-K13CK3		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	16/10/1994				Khá	1624803	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27925	1212-K13CK3		Phạm Thị	May	Nữ	20/11/1994				Khá	1624804	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27926	1213-K13CK3		Phạm Thị	Miền	Nữ	19/8/1985				Khá	1624805	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27927	1214-K13CK3		Phạm Bích	Ngọc	Nữ	7/9/1991				Trung bình	1624806	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27928	1215-K13CK3		Nguyễn Thị Thanh	Nguyệt	Nữ	24/4/1993				Khá	1624807	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27929	1216-K13CK3		Bùi Thị	Nhung	Nữ	17/3/1992				Khá	1624808	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27930	1217-K13CK3		Hoàng Thị	Nhung	Nữ	18/11/1991				Trung bình	1624809	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27931	1218-K13CK3		Lê Thị	Nhung	Nữ	14/5/1992				Khá	1624810	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27932	1219-K13CK3		Đỗ Đại	Quốc	Nam	23/8/1995				Khá	1624811	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27933	1220-K13CK3		Đào Thị	Quỳnh	Nữ	9/5/1994				Khá	1624812	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27934	1221-K13CK3		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	15/10/1991				Trung bình	1624813	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27935	1222-K13CK3		Lưu Thị	Thảo	Nữ	13/8/1995				Khá	1624814	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27936	1223-K13CK3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	24/8/1993				Khá	1624815	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27937	1224-K13CK3		Hồ Thị Mai	Thu	Nữ	25/7/1992				Khá	1624816	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27938	1225-K13CK3		Đào Thị	Thúy	Nữ	21/7/1992				Khá	1624817	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27939	1226-K13CK3		Lê Thùy	Trang	Nữ	26/11/1993				Khá	1624818	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27940	1227-K13CK3		Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	19/10/1990				Khá	1624819	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27941	1228-K13CK3		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	11/6/1993				Khá	1624820	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27942	1229-K13CK3		Trần Thị Thanh	Vân	Nữ	9/5/1994				Khá	1624821	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27943	1230-K13CK3		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	23/6/1994				Khá	1624822	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27944	1231-K12CK7		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	11/8/1995				Khá	1624823	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1488/QĐ-ĐHTM, 23/10/2018	
27945	1281-K6TK2		Nguyễn Tú	Anh	Nữ	11/05/1986				Khá	1624873	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27946	1282-K6TK2		Phùng Quang	Chiến	Nam	28/12/1991				Giỏi	1624874	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27947	1283-K6TK2		Lương Hương	Giang	Nữ	11/02/1994				Khá	1624875	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27948	1284-K6TK2		Phạm Thị Bích	Hà	Nữ	21/10/1986				Khá	1624876	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27949	1285-K6TK2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	02/04/1987				Khá	1624877	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27950	1286-K6TK2		Chu Thị Minh	Hiền	Nữ	04/07/1987				Khá	1624878	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27951	1287-K6TK2		Lê Thị	Hoa	Nữ	10/10/1993				Khá	1624879	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27952	1288-K6TK2		Nguyễn Xuân	Hòa	Nam	05/12/1990				Khá	1624880	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27953	1289-K6TK2		Phạm Thị Thu	Hoài	Nữ	20/07/1983				Khá	1624881	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27954	1290-K6TK2		Nguyễn Lan	Hương	Nữ	17/05/1980				Khá	1624882	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27955	1291-K6TK2		Trần Thị Minh	Hương	Nữ	22/08/1990				Khá	1624883	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27956	1292-K6TK2		Đặng Thu	Hường	Nữ	15/04/1992				Khá	1624884	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27957	1293-K6TK2		Trần Thị	Hường	Nữ	22/01/1994				Khá	1624885	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27958	1294-K6TK2		Bùi Thị	Huyền	Nữ	15/02/1987				Khá	1624886	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27959	1295-K6TK2		Bùi Thị	Huyền	Nữ	19/01/1988				Khá	1624887	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27960	1296-K6TK2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/01/1978				Khá	1624888	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27961	1297-K6TK2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12/05/1992				Khá	1624889	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27962	1298-K6TK2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/02/1994				Khá	1624890	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27963	1299-K6TK2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	18/08/1995				Khá	1624891	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27964	1300-K6TK2		Phạm Thị	Huyền	Nữ	19/02/1994				Trung bình	1624892	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27965	1301-K6TK2		Đặng Thị	Lá	Nữ	30/11/1995				Khá	1624893	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27966	1302-K6TK2		Trần Thị	Lan	Nữ	19/06/1995				Khá	1624894	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27967	1303-K6TK2		Phạm Thanh	Nga	Nữ	11/04/1981				Giỏi	1624895	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27968	1304-K6TK2		Phùng Thị	Ngân	Nữ	10/07/1993				Khá	1624896	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27969	1305-K6TK2		Lê Thu	Quyên	Nữ	05/11/1992				Khá	1624897	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27970	1306-K6TK2		Nguyễn Thị	Tần	Nữ	22/09/1984				Khá	1624898	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27971	1307-K6TK2		Nguyễn Chí	Thanh	Nam	03/01/1990				Khá	1624899	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27972	1308-K6TK2		Bùi Thị Anh	Thơ	Nữ	25/11/1992				Khá	1624900	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27973	1309-K6TK2		Trương Thị	Thứ	Nữ	19/03/1993				Khá	1624901	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27974	1310-K6TK2		Bùi Thị Thu	Thủy	Nữ	02/01/1983				Giỏi	1624902	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
27975	1311-K6TK2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	17/03/1983				Khá	1624903	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27976	1312-K6TK2		Trần Ngọc	Tiến	Nam	15/12/1990				Giỏi	1624904	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27977	1313-K6TK2		Nguyễn Thành	Trung	Nam	18/05/1992				Khá	1624905	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27978	1314-K6TK2		Đỗ Văn	Tuấn	Nam	07/02/1993				Khá	1624906	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27979	1315-K6TK2		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	22/06/1984				Khá	1624907	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27980	1316-K6TK2		Trần Thị Lệ	Tuyết	Nữ	10/08/1988				Khá	1624908	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27981	1317-K6TK2		Hoàng Tuấn	Vũ	Nam	08/08/1993				Trung bình	1624909	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27982	1318-K6TK2		Trần Văn	Xuân	Nam	02/01/1987				Khá	1624910	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27983	1319-K6TK1		Trần Hùng	Anh	Nam	20/10/1986				Trung bình	1624911	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1752/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27984	1320-K12CK5		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	05/01/1983				Khá	1624912	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1751/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27985	1321-K12CK5		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	13/02/1992				Khá	1624913	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1751/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27986	1322-K12CK5		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23/10/1994				Khá	1624914	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1751/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27987	1323-K12CK7		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	15/04/1991				Khá	1624915	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1751/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27988	1324-K12CK8		Lưu Thị Vân	Anh	Nữ	07/09/1994				Khá	1624916	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1751/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27989	1325-K12CK8		Nguyễn Minh	Huệ	Nữ	19/03/1995				Khá	1624917	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1751/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27990	1326-K12CK8		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	02/10/1994				Khá	1624918	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1751/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27991	1327-K13CK2		Phạm Minh	Hữu	Nam	10/09/1983				Khá	1624919	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1751/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27992	1328-K13CK2		Đặng Thùy	Dung	Nữ	03/11/1993				Khá	1624920	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1751/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27993	1329-K11CQ3		Bùi Thu	Phương	Nữ	10/09/1992				Trung bình	1624921	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1750/QĐ-ĐHTM, 07/12/2018	
27994	4093-K51A1		Lê Thùy	Linh	Nữ	08/05/1997				Khá	1653008	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
27995	4094-K51A2		Nguyễn Minh	Đức	Nam	08/05/1996				Khá	1653009	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
27996	4095-K51A2		Trịnh Thị	Hoa	Nữ	07/02/1997				Khá	1653010	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
27997	4096-K51A2		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	05/10/1997				Khá	1653011	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
27998	4097-K51A2		Vũ Quang	Thắng	Nam	02/02/1997				Khá	1653012	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
27999	4098-K51A2		Bùi Thị	Thúy	Nữ	26/09/1997				Khá	1653013	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28000	4099-K51A2		Bạch Thị	Vân	Nữ	25/03/1997				Khá	1653014	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28001	4100-K51A3		Tống Thị	Hằng	Nữ	20/05/1997				Khá	1653015	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28002	4101-K51A3		Triệu Thị Thanh	Huyền	Nữ	14/09/1997				Khá	1653016	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28003	4102-K51A3		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	10/11/1997				Khá	1653017	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28004	4103-K51A3		Lê Thị	Thêm	Nữ	12/02/1997				Khá	1653018	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28005	4104-K51A3		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	22/09/1997				Khá	1653019	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28006	4105-K51A4		Hoàng Thu	Hằng	Nữ	06/01/1997				Khá	1653020	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28007	4106-K51A4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	26/09/1997				Khá	1653021	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28008	4107-K51A4		Phạm Thị	Thương	Nữ	28/06/1997				Khá	1653022	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28009	4108-K51A4		Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	01/11/1997				Khá	1653023	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28010	4109-K51A5		Trần Thị Thúy	Giang	Nữ	24/06/1997				Khá	1653024	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28011	4110-K51A5		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	28/12/1997				Giỏi	1653025	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28012	4111-K51A5		Trần Thị	Nga	Nữ	05/06/1997				Khá	1653026	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28013	4112-K51A5		Vũ Thị	Oanh	Nữ	10/08/1997				Khá	1653027	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28014	4113-K50A2		Nguyễn Cảnh Tùng	Anh	Nam	6/10/1996				Trung bình	1653028	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28015	4114-K50A2		Đinh Thị	Quyên	Nữ	6/2/1996				Khá	1653029	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28016	4115-K50A2		Đặng Quang	Tiến	Nam	4/3/1995				Trung bình	1653030	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28017	4116-K50A3		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	5/12/1996				Trung bình	1653031	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28018	4117-K50A2		Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	14/8/1996				Trung bình	1653032	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28019	4118-K47A2		Ngô Thanh	Minh	Nam	24/2/1993				Trung bình	1653033	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28020	4119-K51K1		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	03/12/1997				Khá	1653034	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28021	4120-K51K1		Trịnh Thị Thu	Hường	Nữ	27/11/1996				Khá	1653035	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28022	4121-K51K1		Lê Thị	Nhân	Nữ	11/02/1997				Khá	1653036	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28023	4122-K51K1		Lê Thành	Trung	Nam	14/09/1996				Khá	1653037	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28024	4123-K51K1		Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	Nữ	04/10/1997				Khá	1653038	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28025	4124-K51K2		Mai Quốc	Đức	Nam	08/09/1997				Khá	1653039	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28026	4125-K51K2		Hoàng Thùy	Dung	Nữ	20/10/1997				Khá	1653040	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28027	4126-K51K2		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	10/12/1996				Khá	1653041	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28028	4127-K51K2		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	06/11/1997				Khá	1653042	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28029	4128-K51K2		Thái Thị Hoa	Quỳnh	Nữ	19/02/1997				Khá	1653043	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28030	4129-K51K2		Ngô Thị Hải	Yến	Nữ	23/08/1997				Khá	1653044	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28031	4130-K51K3		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	22/11/1997				Khá	1653045	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28032	4131-K51K3		Bùi Thị	Tươi	Nữ	13/07/1997				Khá	1653046	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28033	4132-K51K4		Phạm Lan	Anh	Nữ	28/11/1997				Khá	1653047	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28034	4133-K51K4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	30/09/1997				Khá	1653048	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28035	4134-K51K4		Hoàng Thị	Hảo	Nữ	19/10/1997				Khá	1653049	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28036	4135-K51K4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	13/06/1997				Khá	1653050	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28037	4136-K51K4		Đỗ Thị Nhật	Lệ	Nữ	08/12/1997				Khá	1653051	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28038	4137-K51K4		Hoàng Thị	Lương	Nữ	08/09/1997				Giỏi	1653052	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28039	4138-K51K4		Đào Thị	Ngân	Nữ	21/04/1997				Khá	1653053	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28040	4139-K51K4		Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	31/10/1997				Giỏi	1653054	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28041	4140-K51K4		Lưu Thị	Nhung	Nữ	16/10/1997				Khá	1653055	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28042	4141-K51K4		Phùng Thị	Thùy	Nữ	08/07/1997				Khá	1653056	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28043	4142-K51K5		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	02/04/1997				Giỏi	1653057	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28044	4143-K51K5		Vũ Thị	Huyền	Nữ	11/07/1997				Khá	1653058	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28045	4144-K51K5		Nguyễn Thị Vân	Kiều	Nữ	27/07/1997				Khá	1653059	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28046	4145-K51K5		Bùi Anh	Tú	Nữ	27/03/1997				Khá	1653060	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28047	4146-K51K5		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	27/07/1997				Khá	1653061	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28048	4147-K50K1		Lê Việt	Anh	Nam	27/11/1995				Trung bình	1653062	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28049	4148-K50K1		Mai Thị	Linh	Nữ	20/06/1996				Trung bình	1653063	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28050	4149-K50K1		Lê Đức	Trung	Nam	27/07/1995				Trung bình	1653064	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28051	4150-K50K1		Phùng Lệ	Tuyết	Nữ	08/12/1996				Khá	1653065	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28052	4151-K50K2		Nguyễn Tuấn	Đức	Nam	18/05/1996				Khá	1653066	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28053	4152-K50K2		Phạm Văn	Minh	Nam	09/03/1996				Trung bình	1653067	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28054	4153-K50K2		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	23/11/1996				Khá	1653068	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28055	4154-K50K2		Nguyễn Hoàng	Quân	Nam	29/8/1994				Khá	1653069	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28056	4155-K50K2		Tạ Thị Ngọc	Thúy	Nữ	27/8/1996				Khá	1653070	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28057	4156-K50K3		Lại Văn	Đức	Nam	7/3/1996				Trung bình	1653071	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28058	4157-K50K4		Lê Đăng	Huy	Nam	20/4/1996				Trung bình	1653072	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28059	4158-K50K4		Vũ Thị	Ngà	Nữ	19/4/1996				Trung bình	1653073	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28060	4159-K50K4		Ngô Công	Thành	Nam	14/5/1996				Trung bình	1653074	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28061	4160-K50K5		Ngô Thị	Đông	Nữ	30/8/1996				Trung bình	1653075	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28062	4161-K50K5		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	20/10/1996				Trung bình	1653076	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28063	4162-K50K6		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	16/3/1996				Trung bình	1653077	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28064	4163-K50K6		Trần Văn	Phú	Nam	7/10/1995				Trung bình	1653078	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28065	4164-K50K6		Lê Văn	Tùng	Nam	9/7/1996				Trung bình	1653079	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28066	4165-K49K1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	1/6/1995				Trung bình	1653080	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28067	4166-K49K6		Phạm Châu	Quỳnh	Nữ	13/8/1994				Trung bình	1653081	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28068	4167-K49K6		Lê Hải	Sơn	Nam	31/12/1995				Trung bình	1653082	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28069	4168-K47K2		Trịnh Hồng	Đức	Nam	7/12/1993				Khá	1653083	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28070	4169-K48B2		Trương Thị Mỹ	Trinh	Nữ	24/8/1994				Trung bình	1653084	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP KHÁCH SẠN, DU LỊCH	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28071	4170-K49I5		Lưu Xuân	Quân	Nam	1/5/1995				Trung bình	1653085	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28072	4173-K50Q2		Đào Thị	Luyến	Nữ	23/12/1995				Khá	1653088	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28073	4174-K51D1		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	19/01/1997				Khá	1653089	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28074	4175-K51D1		Đào Thị Ngọc	Trâm	Nữ	11/06/1997				Khá	1653090	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28075	4176-K51D2		Trương Thị Ngọc	ánh	Nữ	09/02/1997				Khá	1653091	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28076	4177-K51D2		Bùi Thị Minh	Hồng	Nữ	15/02/1997				Khá	1653092	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28077	4178-K51D2		Vũ Thị	Huyền	Nữ	09/05/1997				Khá	1653093	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28078	4179-K51D2		Đỗ Thị Quỳnh	Thơ	Nữ	18/09/1996				Khá	1653094	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28079	4180-K51D2		Bùi Thị	Thúy	Nữ	18/08/1997				Khá	1653095	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28080	4181-K51D2		Trần Quỳnh	Trang	Nữ	10/11/1997				Giỏi	1653096	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28081	4182-K51D4		Chu Thị	Huyền	Nữ	09/11/1997				Khá	1653097	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28082	4183-K51D4		Trịnh Thị	Lanh	Nữ	12/07/1994				Giỏi	1653098	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28083	4184-K51D4		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	21/10/1997				Khá	1653099	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28084	4185-K51D4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	09/02/1997				Khá	1653100	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28085	4186-K51D4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	19/02/1997				Khá	1653101	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28086	4187-K51D4		Nguyễn Thị Việt	Trinh	Nữ	17/02/1994				Khá	1653102	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28087	4188-K51D5		Nguyễn Quỳnh	Ly	Nữ	20/09/1997				Giỏi	1653103	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28088	4189-K51D6		Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	03/06/1997				Khá	1653104	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28089	4190-K51D6		Nguyễn Thị ánh	Ngọc	Nữ	19/08/1997				Khá	1653105	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28090	4191-K51D6		Lê Thị	Phương	Nữ	14/01/1997				Khá	1653106	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28091	4192-K51D6		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	28/11/1997				Khá	1653107	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28092	4193-K50D1		Triệu Ngọc	Bảo	Nam	13/12/1995				Khá	1653108	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28093	4194-K50D1		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	2/7/1995				Khá	1653109	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28094	4195-K50D2		Trương Mỹ	Hằng	Nữ	9/3/1996				Trung bình	1653110	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28095	4196-K50D2		Hoàng Thị	Huế	Nữ	12/11/1996				Trung bình	1653111	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28096	4197-K50D2		Bùi Thị	Lệ	Nữ	9/1/1996				Trung bình	1653112	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28097	4198-K50D2		Nguyễn Hồng	Phượng	Nữ	25/10/1996				Trung bình	1653113	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28098	4199-K50D5		Vũ Thị Mai	Hương	Nữ	21/9/1996				Trung bình	1653114	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28099	4200-K50D6		Đỗ Thùy	Trang	Nữ	2/11/1996				Trung bình	1653115	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28100	4201-K49D3		Hoàng Thị	Nhẫn	Nữ	28/5/1994				Trung bình	1653116	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28101	4202-K49D5		Cao Phương	Huyền	Nữ	2/1/1995				Trung bình	1653117	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28102	4203-K49D5		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	18/11/1994				Trung bình	1653118	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28103	4204-K49D6		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	4/11/1994				Trung bình	1653119	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28104	4205-K48D4		Lại Thị Phương	Thảo	Nữ	12/7/1994				Trung bình	1653120	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28105	4206-K48D6		Nguyễn Huyền	An	Nữ	28/11/1994				Khá	1653121	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28106	4207-K47D2		Phạm Ngọc	Tiệp	Nam	3/4/1993				Khá	1653122	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28107	4208-K17D_SB		Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	10/4/1995				Khá	1653123	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28108	4209-K18D		Đào Ngọc	Anh	Nữ	18/2/1993				Trung bình	1653124	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28109	4210-K18D		Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	09/10/1995				Khá	1653125	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28110	4211-K18D		Vũ Thị Ngọc	Bích	Nữ	09/10/1994				Khá	1653126	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28111	4212-K18D		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	16/12/1995				Khá	1653127	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28112	4213-K18D		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	25/08/1995				Trung bình	1653128	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28113	4214-K18D		Vũ Thị Minh	Thuận	Nữ	27/03/1994				Trung bình	1653129	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28114	4215-K18D		Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	06/01/1994				Trung bình	1653130	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28115	4216-K18D		Tạ Thị	Yến	Nữ	15/09/1994				Khá	1653131	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28116	4217-K19D		Trần Thị	Dung	Nữ	09/04/1995				Khá	1653132	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28117	4218-K19D		Lê Thị	Duyên	Nữ	26/06/1995				Khá	1653133	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28118	4219-K19D		Đặng Thu	Hằng	Nữ	08/03/1996				Khá	1653134	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28119	4220-K19D		Hoàng Mỹ	Hằng	Nữ	08/11/1995				Trung bình	1653135	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28120	4221-K19D		Phan Thị	Hòa	Nữ	12/08/1996				Khá	1653136	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28121	4222-K19D		Lê Thị	Hoàn	Nữ	19/03/1996				Khá	1653137	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28122	4223-K19D		Ngô Thị Thu	Huyền	Nữ	04/03/1995				Trung bình	1653138	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28123	4224-K19D		Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	07/05/1996				Khá	1653139	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28124	4225-K19D		Đỗ Ngọc Phương	Linh	Nữ	29/11/1996				Giỏi	1653140	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28125	4226-K19D		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	08/11/1995				Trung bình	1653141	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28126	4227-K19D		Đào Hương	Ly	Nữ	18/03/1995				Khá	1653142	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28127	4228-K19D		Đinh Hoài	Nam	Nam	18/01/1995				Khá	1653143	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28128	4229-K19D		Đỗ Như	Nguyệt	Nữ	25/11/1996				Giỏi	1653144	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28129	4230-K19D		Trần Thu	Phương	Nữ	02/02/1995				Khá	1653145	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28130	4231-K19D		Lê Thị Thúy	Thanh	Nữ	22/02/1996				Khá	1653146	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28131	4232-K19D		Nguyễn Thị Thanh	Thanh	Nữ	18/08/1996				Khá	1653147	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28132	4233-K19D		Phạm Thị Thanh	Thanh	Nữ	14/12/1995				Khá	1653148	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28133	4234-K19D		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	13/03/1995				Giỏi	1653150	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28134	4235-K20D		Trần Thị Hà	Giang	Nữ	03/04/1995				Khá	1653149	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28135	4236-K20D		Lê Thị	Hạnh	Nữ	10/03/1996				Khá	1653151	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28136	4237-K20D		Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	23/11/1995				Khá	1653152	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28137	4238-K20D		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	28/12/1996				Khá	1653153	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28138	4239-K20D		Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	23/12/1996				Khá	1653154	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28139	4240-K20D		Phạm Thị	Thùy	Nữ	15/01/1995				Khá	1653155	2018	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1838/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28140	4241-K51F1		Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	27/10/1997				Khá	1653156	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28141	4242-K51F1		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	05/01/1997				Khá	1653157	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28142	4243-K51F1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	09/07/1997				Khá	1653158	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28143	4244-K51F1		Vũ Quang	Minh	Nam	21/11/1997				Khá	1653159	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28144	4245-K51F1		Đỗ Thị Thu	Nguyệt	Nữ	30/01/1996				Khá	1653160	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28145	4246-K51F1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	07/06/1997				Khá	1653161	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28146	4247-K51F1		Trần Thùy	Trang	Nữ	14/02/1997				Giỏi	1653162	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28147	4248-K51F2		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	12/04/1997				Khá	1653163	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28148	4249-K51F2		Lê Thị	Phương	Nữ	18/03/1997				Khá	1653164	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28149	4250-K51F3		Trần Thị	Cúc	Nữ	20/07/1997				Khá	1653165	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28150	4251-K51F3		Phạm Thị	Phương	Nữ	08/02/1997				Khá	1653166	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28151	4252-K51F4		Nguyễn Thị	Bắc	Nữ	02/11/1997				Khá	1653167	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28152	4253-K51F4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/05/1997				Khá	1653168	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28153	4254-K51F4		Đặng Thị	Hạnh	Nữ	28/12/1997				Khá	1653169	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28154	4255-K51F4		Phạm Thị	Hường	Nữ	19/11/1997				Khá	1653170	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28155	4256-K51F4		Ngô Thị Khánh	Huyền	Nữ	05/09/1997				Giỏi	1653171	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28156	4257-K51F4		Vương Thị	Vân	Nữ	15/03/1997				Khá	1653172	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28157	4258-K51F5		Nguyễn Thị Hoàng	Diệu	Nữ	23/10/1997				Khá	1653173	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28158	4259-K51F5		Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	14/05/1997				Khá	1653174	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28159	4260-K51F5		Phạm Thị Bích	Phượng	Nữ	20/05/1997				Giỏi	1653175	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28160	4261-K51F5		Long Thị	Thơ	Nữ	10/08/1995				Trung bình	1653176	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28161	4262-K51F6		Trần Thị Ngọc	ánh	Nữ	12/06/1997				Khá	1653177	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28162	4263-K51F6		Dương Thị Thu	Huyền	Nữ	13/06/1997				Khá	1653178	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28163	4264-K51F6		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	26/04/1997				Giỏi	1653179	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28164	4265-K51F6		Đặng Thị	Mai	Nữ	24/10/1997				Khá	1653180	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28165	4266-K51F6		Phạm Thị	Phương	Nữ	02/12/1996				Khá	1653181	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28166	4267-K51F6		Khuất Thị Thu	Trang	Nữ	09/03/1997				Giỏi	1653182	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28167	4268-K50F1		Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	21/10/1996				Trung bình	1653183	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28168	4269-K50F3		Lưu Minh	Hoàng	Nam	7/6/1996				Khá	1653184	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28169	4270-K50F3		Trịnh Hoàng	Long	Nam	16/10/1996				Trung bình	1653185	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28170	4271-K50F4		Dương Thị	Trang	Nữ	3/4/1996				Khá	1653186	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28171	4272-K50F5		Phạm Thị ánh	Nguyệt	Nữ	23/1/1996				Trung bình	1653187	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28172	4273-K50F5		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	25/12/1995				Trung bình	1653188	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28173	4274-K50F6		Vũ Minh	Quyền	Nam	8/9/1996				Trung bình	1653189	2018	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	1840/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28174	4275-K51H1		Hoàng Thị Ngọc	Anh	Nữ	08/04/1997				Khá	1653190	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28175	4276-K51H1		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	13/12/1997				Giỏi	1653191	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28176	4277-K51H1		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	04/03/1997				Giỏi	1653192	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28177	4278-K51H1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	22/10/1995				Khá	1653193	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28178	4279-K51H1		Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	26/08/1996				Khá	1653194	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28179	4280-K51H2		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	20/06/1997				Khá	1653195	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28180	4281-K51H2		Nguyễn Thanh	Hường	Nữ	16/10/1997				Khá	1653196	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28181	4282-K51H3		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	15/12/1997				Khá	1653197	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28182	4283-K51H3		Đặng Thị	Huế	Nữ	26/07/1997				Khá	1653198	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28183	4284-K51H3		Đinh Diệu	Linh	Nữ	03/06/1996				Khá	1653199	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28184	4285-K51H3		Lê Văn	Phú	Nam	21/12/1990				Khá	1653200	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28185	4286-K51H3		Phan Vinh	Quang	Nam	17/04/1996				Giỏi	1653201	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28186	4287-K51H3		Đỗ Thị Minh	Thúy	Nữ	09/10/1997				Khá	1653202	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28187	4288-K51H3		Lê Thị Thùy	Tiên	Nữ	15/10/1997				Khá	1653203	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28188	4289-K51H3		Bùi Thị Quỳnh	Trang	Nữ	11/02/1997				Khá	1653204	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28189	4290-K51H4		Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	26/11/1997				Khá	1653205	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28190	4291-K51H5		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	21/05/1997				Xuất Sắc	1653206	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28191	4292-K51H5		Tăng Hoài	Nam	Nữ	04/09/1997				Giỏi	1653207	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28192	4293-K51H5		Đặng Thị	Nga	Nữ	10/02/1997				Khá	1653208	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28193	4294-K51H3		Phùng Thị	Tuyền	Nữ	06/07/1997				Khá	1653209	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28194	4295-K50H2		Vũ Quang	Huy	Nam	2/11/1996				Trung bình	1653210	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28195	4296-K50H2		Nguyễn Cường	Thịnh	Nam	21/6/1996				Trung bình	1653211	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28196	4297-K50H2		Trần Văn	Thương	Nam	6/3/1996				Trung bình	1653212	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28197	4298-K50H2		Vũ Thế	Trọng	Nam	28/5/1996				Trung bình	1653213	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28198	4299-K50H3		Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	4/10/1996				Trung bình	1653214	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28199	4300-K50H4		Lưu Thị Thu	Hà	Nữ	02/04/1996				Trung bình	1653215	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28200	4301-K50H4		Đỗ Thị Hồng	Hoa	Nữ	26/08/1996				Trung bình	1653216	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28201	4302-K50H4		Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	24/03/1996				Khá	1653217	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28202	4303-K50H4		Ngô Thị Bích	Ngọc	Nữ	30/01/1996				Trung bình	1653218	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28203	4304-K50H4		Vũ Thị	Nhung	Nữ	29/11/1995				Khá	1653219	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28204	4305-K50H4		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	27/09/1996				Trung bình	1653220	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28205	4306-K50H4		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	06/11/1996				Trung bình	1653221	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28206	4307-K50H5		Trần Phương	Chinh	Nữ	24/03/1996				Trung bình	1653222	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28207	4308-K50H5		Nguyễn Diệu	Ninh	Nữ	19/08/1996				Trung bình	1653223	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28208	4309-K50H5		Trịnh Thị	Trang	Nữ	24/09/1996				Khá	1653224	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28209	4310-K50H5		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	28/08/1996				Trung bình	1653225	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28210	4311-K50H6		Nguyễn Thúy	Hậu	Nữ	01/07/1996				Trung bình	1653226	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28211	4312-K49H5		Nguyễn Văn	Thông	Nam	23/10/1994				Trung bình	1653227	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28212	4313-K49H6		Giang Thanh	Thảo	Nữ	30/8/1995				Trung bình	1653228	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28213	4314-K20H		Lưu Thị	Hải	Nữ	29/09/1996				Khá	1653229	2018	Chính quy	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1848/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28214	4315-K51S1		Dương Bá	Tùng	Nam	08/03/1995				Khá	1653230	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28215	4316-K51S2		Đinh Văn	Lý	Nam	15/05/1997				Khá	1653231	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28216	4317-K50S1		Đoàn Ngọc Lan	Anh	Nữ	23/12/1996				Khá	1653232	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28217	4318-K50S1		Trần Thị Kim	Anh	Nữ	15/1/1996				Trung bình	1653233	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28218	4319-K50S1		Nguyễn Quang	Huy	Nam	16/10/1995				Khá	1653234	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28219	4320-K50S2		Đỗ Thị Thu	Huệ	Nữ	21/9/1996				Khá	1653235	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28220	4321-K50S2		Đặng Thị	Phượng	Nữ	9/7/1996				Trung bình	1653236	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28221	4322-K50S3		Hoàng Thị	Hà	Nữ	8/12/1996				Khá	1653237	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28222	4323-K50S5		Bùi Thị Thu	Huyền	Nữ	29/8/1996				Khá	1653238	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28223	4324-K50S5		Hồ Công	Tiến	Nam	28/5/1996				Khá	1653239	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28224	4325-K50S5		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	23/10/1996				Khá	1653240	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28225	4326-K50S6		Vũ Tú	Anh	Nam	9/10/1996				Trung bình	1653241	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28226	4327-K50S6		Phạm Thị Kiều	Hương	Nữ	22/2/1995				Khá	1653242	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28227	4328-K50S6		Mai Thị	Hường	Nữ	28/2/1996				Giỏi	1653243	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28228	4329-K50S6		Tô Tuấn	Vỹ	Nam	17/3/1992				Khá	1653244	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28229	4330-K50S7		Bùi Ngọc	Khải	Nam	23/7/1996				Trung bình	1653245	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28230	4331-K50S7		Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	26/10/1994				Trung bình	1653246	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28231	4332-K50S7		Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	27/5/1996				Trung bình	1653247	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28232	4333-K50S8		Bùi Huy	Đức	Nam	28/8/1996				Trung bình	1653248	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28233	4334-K50S8		Lê Khánh	Trang	Nữ	7/8/1996				Trung bình	1653249	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28234	4335-K49S2		Nguyễn Đức	Anh	Nam	11/11/1993				Khá	1653250	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28235	4336-K49S2		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	4/7/1995				Trung bình	1653251	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28236	4337-K49S5		Đinh Văn	Hiến	Nam	10/1/1995				Trung bình	1653252	2018	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1837/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28237	4338-K50N1		Trịnh Thị	Hằng	Nữ	28/1/1996				Khá	1653253	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28238	4339-K50N2		Vũ Thảo	Linh	Nữ	18/12/1996				Khá	1653254	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28239	4340-K50N2		Hoàng Ngọc	Mạnh	Nam	1/12/1996				Khá	1653255	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28240	4341-K50N2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	12/2/1996				Khá	1653256	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28241	4342-K50N2		Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	4/3/1996				Khá	1653257	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28242	4343-K50N3		Đỗ Thu	Hiền	Nữ	20/5/1996				Trung bình	1653258	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28243	4344-K50N4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	7/2/1996				Khá	1653259	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28244	4345-K50N5		Trần Thị	Kiều	Nữ	16/5/1996				Khá	1653260	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28245	4346-K50N5		Dương Thị	Quỳnh	Nữ	7/11/1996				Khá	1653261	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28246	4347-K50N5		Tạ Văn	Tuân	Nam	5/7/1996				Trung bình	1653262	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28247	4348-K50N5		Vũ Hà	Vy	Nữ	5/5/1996				Trung bình	1653263	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28248	4349-K50N6		Hoàng Thị	Thảo	Nữ	24/4/1996				Trung bình	1653264	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28249	4350-K50N6		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	25/3/1996				Khá	1653265	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28250	4351-K49N2		Dương Công	Sơn	Nam	21/1/1995				Khá	1653266	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28251	4352-K49N4		Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	11/11/1995				Trung bình	1653267	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28252	4353-K49N5		Nguyễn Thị Bích	Thảo	Nữ	17/11/1995				Trung bình	1653268	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28253	4354-K49N4		Vũ Thị Ngân	Hà	Nữ	11/6/1995				Trung bình	1653269	2018	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1843/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28254	4355-K50B1KS		Trần Thu	Hương	Nữ	25/5/1996				Trung bình	1653270	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1845/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28255	4356-K50B1KS		Vũ Thị	Kiên	Nữ	10/10/1996				Trung bình	1653271	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1845/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28256	4357-K50B2KS		Nguyễn Kiều	Oanh	Nữ	8/10/1996				Trung bình	1653272	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1845/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28257	4358-K50B2KS		Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	10/6/1996				Khá	1653273	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1845/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28258	4359-K50B3KS		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	13/11/1996				Khá	1653274	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1845/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28259	4360-K50B3KS		Đỗ Thị	Tần	Nữ	13/3/1996				Khá	1653275	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1845/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28260	4361-K50B5KS		Lê Thị	Thùy	Nữ	28/8/1996				Khá	1653276	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1845/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28261	4362-K51B2LH		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	08/11/1997				Khá	1653277	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1844/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28262	4363-K50B5LH		Trần Đức	Minh	Nam	3/7/1995				Khá	1653278	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1844/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28263	4364-K49B1LH		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	27/5/1995				Trung bình	1653279	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1844/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28264	4365-K49B4LH		Đỗ Huyền	Trang	Nữ	14/8/1995				Trung bình	1653280	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1844/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28265	4366-K49B5LH		Vũ Thu	Nguyệt	Nữ	4/3/1995				Khá	1653281	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1844/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28266	4367-K51C5		Đào Thị	Hoa	Nữ	03/04/1996				Khá	1653282	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28267	4368-K51C5		Lê Thị	Linh	Nữ	24/08/1997				Giỏi	1653283	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28268	4369-K51C5		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	09/09/1997				Khá	1653284	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28269	4370-K51C5		Phạm Thị Thu	Phương	Nữ	13/07/1997				Khá	1653285	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28270	4371-K50C3		Đỗ Thái	Dương	Nam	28/4/1996				Trung bình	1653286	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28271	4372-K50C5		Nguyễn Thị Phương	Lam	Nữ	27/6/1996				Trung bình	1653287	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28272	4373-K50C5		Trần Thị	Truyền	Nữ	20/5/1995				Trung bình	1653288	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28273	4374-K49C1		Lê Như	Quỳnh	Nữ	20/12/1995				Trung bình	1653289	2018	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28274	4375-K50T1		Dương Trường	Giang	Nam	28/12/1996				Khá	1653328	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28275	4376-K50T1		Phạm Huy	Hoàng	Nam	30/7/1996				Trung bình	1653290	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28276	4377-K50T1		Nguyễn Đình	Hùng	Nam	29/2/1996				Trung bình	1653291	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28277	4378-K50T1		Lê Thị	Tâm	Nữ	21/12/1996				Trung bình	1653292	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28278	4380-K50T2		Nguyễn Mai	Phương	Nữ	15/11/1996				Khá	1653294	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28279	4381-K50T3		Trần Xuân	Chúc	Nam	3/1/1996				Trung bình	1653295	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28280	4382-K50T4		Phạm Thị	Hiền	Nữ	28/10/1994				Trung bình	1653296	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28281	4383-K50T4		Phạm Thị Tuyết	Mai	Nữ	16/12/1996				Trung bình	1653297	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28282	4384-K50T7		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	21/8/1996				Khá	1653298	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28283	4385-K50T2		Lục Xuân	Minh	Nam	8/7/1994				Trung bình	1653299	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28284	4386-K49T4		Trần Thị	Lý	Nữ	3/2/1995				Trung bình	1653300	2018	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1842/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28285	4171-K48T1		Ngô Thị	Ly	Nữ	4/11/1994				Trung bình	1653086	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28286	4172-K48T3		Trần Trung	Kiên	Nam	10/5/1994				Trung bình	1653087	2018	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1846/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28287	4387-K51E1		Hồ Thị	An	Nữ	06/02/1997				Khá	1653301	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28288	4388-K51E1		Nguyễn Thị Lệ	Diễm	Nữ	26/02/1997				Khá	1653302	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28289	4389-K51E1		Phạm Thị	Giang	Nữ	10/12/1997				Giỏi	1653303	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28290	4390-K51E1		Nguyễn Văn	Hải	Nam	27/11/1997				Khá	1653304	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28291	4391-K51E1		Vương Đình Hồng	Ngân	Nữ	17/10/1997				Khá	1653305	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28292	4392-K51E1		Trần Thị	Ngọc	Nữ	28/10/1997				Khá	1653306	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28293	4393-K51E1		Hoàng Thị	Phượng	Nữ	10/09/1997				Khá	1653307	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28294	4394-K51E1		Trần Thị	Thu	Nữ	20/11/1997				Khá	1653308	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28295	4395-K51E1		Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	24/08/1997				Khá	1653309	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28296	4396-K51E2		Vũ Thị	Thu	Nữ	11/09/1997				Khá	1653310	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28297	4397-K51E3		Trương Thị	Oanh	Nữ	22/03/1997				Khá	1653311	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28298	4398-K51E3		Doãn Thu	Thủy	Nữ	01/10/1997				Khá	1653312	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28299	4399-K51E3		Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	08/04/1997				Khá	1653313	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28300	4400-K51E5		Lưu Thị	Hoa	Nữ	22/04/1997				Khá	1653314	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28301	4401-K51E5		Vũ Ngọc	Quỳnh	Nữ	15/06/1996				Khá	1653315	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28302	4402-K51E6		Nguyễn Thúy	Anh	Nữ	19/01/1997				Khá	1653316	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28303	4403-K51E6		Trần Thị Thúy	Hồng	Nữ	04/10/1997				Khá	1653317	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28304	4404-K50E1		Bùi Thị Hiền	Trang	Nữ	10/8/1996				Trung bình	1653318	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28305	4405-K50E2		Vũ Khánh	Hồng	Nữ	29/8/1996				Trung bình	1653319	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28306	4406-K48E5		Đỗ Thị	Nga	Nữ	14/10/1993				Trung bình	1653320	2018	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1839/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28307	4407-K51P2		Đỗ Thị Thanh	Nga	Nữ	18/04/1996				Khá	1653321	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1841/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28308	4408-K50P1		Phạm Thảo	Vi	Nữ	23/12/1996				Trung bình	1653322	2018	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT THƯƠNG MẠI	1841/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28309	4409-K50U2		Đỗ Thị Thu	Huệ	Nữ	1/12/1996				Trung bình	1653323	2018	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1847/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28310	4410-K50U2		Giáp Thị	Thúy	Nữ	28/10/1996				Trung bình	1653324	2018	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1847/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28311	4411-K50U5		Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	11/3/1996				Trung bình	1653325	2018	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1847/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28312	4412-K49U1		Đặng Hồng	Lâm	Nam	23/2/1989				Trung bình	1653326	2018	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1847/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28313	4413-K18U		Phan Thị	Loan	Nữ	03/06/1995				Khá	1653327	2018	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1847/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 28/12/2018	
28314	1038-K9CK1	K9CK1	Trần Thị	Thúy	Nữ	28/05/2987				Trung bình	1624629	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1099/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
28315	1039-K4TK1	K4TK1	Trần Thị	Hồng	Nữ	15/03/1987				Trung bình khá	1624630	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1102/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
28316	1040-K10CQ1	K10CQ1	Nguyễn Thị Lê	Lan	Nữ	02/01/1983				Trung bình khá	1624631	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	1097/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
28317	1041-K49BQ1A	K49BQ1A	Tạ Đình	Tiến	Nam	25/05/1984				Khá	1624632	2018	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DNTM	1103/QĐ-ĐHTM, 30/08/2018	
28318	1086-K4TK1	K4TK2	Lưu Vũ Thiên	Nga	Nữ	4/5/1990				Trung bình khá	1624678	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1442/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28319	1087-K4TK3	K4TK2	Trịnh Thị	Xuân	Nữ	20/1/1987				Trung bình khá	1624679	2018	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1442/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28320	1232-K48DP1		Lường Văn	Bình	Nam	27/01/1986				Khá	1624824	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28321	1233-K48DP1		Bùi Văn	Cảnh	Nam	13/01/1984				Trung bình khá	1624825	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28322	1234-K48DP1		Lò Văn	Chanh	Nam	01/03/1992				Khá	1624826	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28323	1235-K48DP1		Lò Văn	Cuốn	Nam	09/12/1985				Khá	1624827	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28324	1236-K48DP1		Tòng Văn	Cường	Nam	19/11/1983				Trung bình khá	1624828	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28325	1237-K48DP1		Hàng A	Dơ	Nam	27/02/1984				Trung bình khá	1624829	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28326	1238-K48DP1		Vàng A	Dơ	Nam	06/08/1986				Trung bình khá	1624830	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28327	1239-K48DP1		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	23/11/1993				Trung bình khá	1624831	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28328	1240-K48DP1		Nguyễn Việt	Dũng	Nam	19/05/1982				Trung bình khá	1624832	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28329	1241-K48DP1		Hà Thị	Dương	Nữ	19/02/1991				Khá	1624833	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28330	1242-K48DP1		Quàng Văn	Duy	Nam	25/10/1995				Trung bình khá	1624834	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28331	1243-K48DP1		Lường Văn	Hà	Nam	26/08/1983				Khá	1624835	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28332	1244-K48DP1		Lê Thị Phương	Hiền	Nữ	22/07/1994				Khá	1624836	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28333	1245-K48DP1		Lò Văn	Hiệp	Nam	26/07/1987				Khá	1624837	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28334	1246-K48DP1		Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	28/11/1982				Khá	1624838	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28335	1247-K48DP1		Lù Thị	Hòa	Nữ	20/04/1983				Khá	1624839	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28336	1248-K48DP1		Tòng Văn	Hòa	Nam	15/05/1982				Khá	1624840	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28337	1249-K48DP1		Phạm Văn	Huấn	Nam	22/09/1982				Trung bình khá	1624841	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28338	1250-K48DP1		Cầm Mạnh	Hùng	Nam	23/09/1989				Khá	1624842	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28339	1251-K48DP1		Nguyễn Thị Bích	Huyền	Nữ	11/02/1977				Trung bình khá	1624843	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28340	1252-K48DP1		Mùa A	Lụ	Nam	16/12/1978				Trung bình khá	1624844	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28341	1253-K48DP1		Hà Văn	Luật	Nam	15/07/1989				Khá	1624845	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28342	1254-K48DP1		Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	08/07/1990				Khá	1624846	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28343	1255-K48DP1		Đào Hải	Nam	Nam	01/01/1978				Khá	1624847	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28344	1256-K48DP1		Lường Văn	Ngọc	Nam	28/11/1986				Trung bình khá	1624848	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28345	1257-K48DP1		Tòng Văn	Ngọc	Nam	20/11/1984				Khá	1624849	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28346	1258-K48DP1		Đoàn Danh	Phúc	Nam	10/05/1975				Khá	1624850	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28347	1259-K48DP1		Trịnh Kế	Phúc	Nam	25/06/1985				Trung bình khá	1624851	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28348	1260-K48DP1		Lê Thái	Quang	Nam	04/02/1992				Trung bình khá	1624852	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28349	1261-K48DP1		Vũ Thị Lệ	Quyên	Nữ	01/10/1983				Khá	1624853	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28350	1262-K48DP1		Đinh Thị	Quyên	Nữ	21/09/1976				Khá	1624854	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28351	1263-K48DP1		Lầu A	Say	Nam	05/08/1986				Trung bình khá	1624855	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28352	1264-K48DP1		Lê Hà	Sơn	Nam	21/06/1991				Khá	1624856	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28353	1265-K48DP1		Lò Thị Thanh	Tâm	Nữ	27/09/1985				Khá	1624857	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28354	1266-K48DP1		Lù A	Thanh	Nam	21/06/1989				Trung bình khá	1624858	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28355	1267-K48DP1		Lò Chình	Thành	Nam	04/12/1986				Trung bình khá	1624859	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28356	1268-K48DP1		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	26/12/1995				Khá	1624860	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28357	1269-K48DP1		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	28/06/1987				Khá	1624861	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28358	1270-K48DP1		Lê Thị	Thương	Nữ	04/04/1993				Trung bình khá	1624862	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28359	1271-K48DP1		Lò Văn	Thương	Nam	01/06/1981				Trung bình khá	1624863	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28360	1272-K48DP1		Lò Văn	Tiệp	Nam	20/09/1995				Trung bình khá	1624864	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28361	1273-K48DP1		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	27/09/1987				Khá	1624865	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28362	1274-K48DP1		Lò Minh	Trung	Nam	24/06/1987				Trung bình khá	1624866	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28363	1275-K48DP1		Lường Văn	Trường	Nam	07/02/1986				Trung bình khá	1624867	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28364	1276-K48DP1		Lò Anh	Tuấn	Nam	07/08/1992				Khá	1624868	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28365	1277-K48DP1		Nguyễn Việt	Tùng	Nam	05/08/1991				Khá	1624869	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28366	1278-K48DP1		Sùng A	Vự	Nam	12/08/1990				Trung bình khá	1624870	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28367	1279-K48DP1		Quàng Văn	Hồng	Nam	14/10/1986				Trung bình khá	1624871	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28368	1280-K48DP1		Đinh Thành	Trung	Nam	03/02/1984				Khá	1624872	2018	Vừa làm vừa học	Luật kinh tế	Luật thương mại	1551/QĐ-ĐHTM, 15/10/2018	
28369	01-K51A1		Nguyễn Đăng	Giang	Nam	02/01/1997				Khá	1653329	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28370	02-K51A1		Trần Thị	Giang	Nữ	19/12/1996				Khá	1653330	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28371	03-K51A1		Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	01/01/1997				Khá	1653331	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28372	04-K51A1		Hà Đăng	Huy	Nam	16/01/1997				Khá	1653332	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28373	05-K51A1		Nguyễn Thị Kim	Lan	Nữ	18/12/1996				Giỏi	1653333	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28374	06-K51A1		Vũ Văn	Mạnh	Nam	16/07/1996				Khá	1653334	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28375	07-K51A1		Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Nữ	13/11/1997				Khá	1653335	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28376	08-K51A1		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	03/11/1997				Giỏi	1653336	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28377	09-K51A2		Thịnh Thị	Huyền	Nữ	26/09/1997				Trung bình	1653337	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28378	10-K51A2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	29/10/1997				Khá	1653338	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28379	11-K51A3		Lê Thị Thu	Hương	Nữ	14/01/1997				Khá	1653339	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28380	12-K51A4		Lý Thị	Giang	Nữ	11/08/1997				Khá	1653340	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28381	13-K51A4		Đỗ Ngọc	Mai	Nữ	26/09/1997				Khá	1653341	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28382	14-K51A4		Nguyễn Văn	Phương	Nam	17/10/1997				Khá	1653342	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28383	15-K51A4		Đỗ Thị	Tươi	Nữ	17/11/1997				Khá	1653343	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28384	16-K51A5		Trần Thị Hồng	Hà	Nữ	18/04/1997				Khá	1653344	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28385	17-K51A5		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	04/08/1997				Khá	1653345	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28386	18-K51A5		Bùi Khánh	Linh	Nữ	19/06/1997				Xuất sắc	1653346	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28387	19-K51A5		Đinh Khánh	Linh	Nữ	02/01/1997				Khá	1653347	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28388	20-K51A5		Đỗ Thị	Vân	Nữ	22/09/1997				Giỏi	1653348	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28389	21-K51A5		Nguyễn Thị	Vui	Nữ	31/08/1997				Khá	1653349	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28390	22-K51A5		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	10/04/1997				Khá	1653350	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28391	23-K51A5		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	06/02/1997				Khá	1653351	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28392	24-K50A2		Nguyễn Minh	Quang	Nam	23/08/1995				Trung bình	1653352	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28393	25-K50A2		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	24/01/1996				Khá	1653353	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28394	26-K50A4		Chu Thị	ánh	Nữ	31/10/1996				Khá	1653354	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28395	27-K49A1		Vũ Thị Phương	Oanh	Nữ	22/09/1995				Khá	1653355	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28396	28-K49A1		Dương Hải	Phong	Nam	12/06/1994				Trung bình	1653356	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28397	29-K49A4		Trần Việt	Dũng	Nam	18/08/1995				Trung bình	1653357	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28398	30-K50Q1		Nguyễn Quang	Tùng	Nam	13/08/1994				Trung bình	1653358	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28399	31-K51K2		Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/05/1997				Khá	1653359	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28400	32-K51K2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/02/1997				Khá	1653360	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28401	33-K51K2		Đào Thị	Khuyên	Nữ	27/11/1997				Khá	1653361	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28402	34-K51K2		Trần Thị Minh	Thúy	Nữ	03/12/1997				Khá	1653362	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28403	35-K51K3		Phạm Thị	Liên	Nữ	17/06/1997				Khá	1653363	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28404	36-K51K4		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	25/07/1997				Khá	1653364	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28405	37-K51K4		Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	10/05/1997				Khá	1653365	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28406	38-K50K3		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	08/01/1996				Trung bình	1653366	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28407	39-K50K4		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	24/12/1996				Trung bình	1653367	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28408	40-K50K5		Chu Thị Thu	Hương	Nữ	11/05/1996				Khá	1653368	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28409	41-K49K1		Bùi Thị Vân	Anh	Nữ	14/03/1995				Trung bình	1653369	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28410	42-K49K3		Thân Văn	Vững	Nam	23/04/1993				Trung bình	1653370	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28411	43-K48B1		Bùi Thị Kim	Ngân	Nữ	02/10/1994				Trung bình	1653371	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28412	44-K48T2		Đỗ Thị Kiều	Oanh	Nữ	06/12/1994				Trung bình	1653372	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28413	45-K49I1		Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	15/03/1995				Trung bình	1653373	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28414	46-K49I4		Triệu Tuấn	Hưng	Nam	08/10/1994				Trung bình	1653374	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28415	47-K49I5		Vũ Thế	Mạnh	Nam	18/08/1994				Trung bình	1653375	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28416	48-K47P2		Nguyễn Duy	Anh	Nam	18/10/1993				Trung bình	1653376	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Luật thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28417	49-K45U1		Lê Quốc	Đạt	Nam	22/12/1991				Trung bình	1653377	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị nguồn nhân lực thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28418	277-K51C2		Đinh Ngọc	Bảo	Nam	23/7/1992				Trung bình	1653712	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Marketing thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28419	50-K50Q1		Nguyễn Quốc	Dũng	Nam	29/04/1995				Trung bình	1653378	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28420	51-K50Q1		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	28/05/1996				Trung bình	1653379	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28421	52-K50Q1		Nguyễn Mạnh	Quân	Nam	10/08/1996				Khá	1653380	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28422	53-K50Q1		Lê Thị	Thanh	Nữ	20/09/1996				Khá	1653381	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28423	54-K50Q3		Nguyễn Kiều	Hưng	Nam	16/09/1996				Giỏi	1653382	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28424	55-K50Q4		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	25/06/1996				Khá	1653383	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28425	56-K49Q		Dương Thị	Thảo	Nữ	01/02/1995				Trung bình	1653384	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	255/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28426	57-K51D1		Tạ Tố	Quyên	Nữ	20/12/1997				Khá	1653385	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28427	58-K51D1		Ngô Thị Thu	Thảo	Nữ	09/01/1997				Khá	1653386	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28428	59-K51D2		Trịnh Thị	Hằng	Nữ	24/09/1997				Giỏi	1653387	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28429	60-K51D2		Nghiêm Thị	Lan	Nữ	12/05/1997				Khá	1653388	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28430	61-K51D2		Trần Thị	Lan	Nữ	01/10/1997				Khá	1653389	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28431	62-K51D2		Phạm Thị	Tâm	Nữ	10/12/1997				Giỏi	1653390	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28432	63-K51D3		Nguyễn Thị Hồng	Mai	Nữ	01/07/1997				Khá	1653391	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28433	64-K51D3		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	27/06/1997				Khá	1653392	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28434	65-K51D3		Nguyễn Thị Thúy	Vân	Nữ	18/02/1997				Khá	1653393	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28435	66-K51D4		Nguyễn Thùy	Duyên	Nữ	26/02/1997				Giỏi	1653394	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28436	67-K51D4		Dương Thị Thúy	Hằng	Nữ	02/05/1997				Trung bình	1653395	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28437	68-K51D4		Vũ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	21/10/1997				Khá	1653396	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28438	69-K51D4		Lưu Thị	Liễu	Nữ	16/02/1996				Khá	1653397	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28439	70-K51D4		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	02/07/1997				Khá	1653398	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28440	71-K51D4		Lê Thị	Loan	Nữ	25/12/1997				Khá	1653399	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28441	72-K51D4		Lưu Thị	Lý	Nữ	01/01/1997				Khá	1653400	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28442	73-K51D4		Trần Minh	Phượng	Nữ	11/08/1997				Khá	1653401	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28443	74-K51D4		Phạm Thị	Tình	Nữ	07/04/1997				Khá	1653402	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28444	75-K51D5		Trần Thị Khánh	Ly	Nữ	09/08/1997				Khá	1653403	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28445	76-K51D5		Nguyễn Minh	Nguyệt	Nữ	19/12/1997				Khá	1653404	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28446	77-K51D6		Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	17/01/1997				Giỏi	1653405	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28447	78-K51D6		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	11/07/1997				Khá	1653406	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28448	79-K51D6		Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	13/12/1997				Khá	1653407	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28449	80-K51D6		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	26/09/1997				Khá	1653408	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28450	81-K51D6		Lê Thị Phương	Ly	Nữ	08/10/1996				Giỏi	1653409	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28451	82-K50D1		Nguyễn Việt	Anh	Nam	25/08/1996				Trung bình	1653410	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28452	83-K50D2		Bùi Diệu	Linh	Nữ	11/08/1996				Khá	1653411	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28453	84-K50D2		Nguyễn Thị Thúy	Tiên	Nữ	17/11/1996				Khá	1653412	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28454	85-K50D3		Cao Thị	Hồng	Nữ	18/07/1996				Khá	1653413	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28455	86-K50D3		Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	04/02/1994				Trung bình	1653414	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28456	87-K50D3		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	22/08/1996				Trung bình	1653415	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28457	88-K50D5		Trần Ngọc	Mai	Nữ	22/10/1996				Trung bình	1653416	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28458	89-K50D6		Trần Thị Chung	Anh	Nữ	31/07/1996				Khá	1653417	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28459	90-K50D6		Trần Thị	Nga	Nữ	23/09/1996				Trung bình	1653418	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28460	91-K49D4		Đinh Mạnh	Hùng	Nam	22/11/1995				Trung bình	1653419	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28461	92-K48D3		Đồng Thị Bích	Hồng	Nữ	25/11/1994				Trung bình	1653420	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28462	93-K17D_SB		Phạm Xuân	Bách	Nam	08/12/1995				Khá	1653421	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28463	94-K17D_SB		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	29/08/1994				Khá	1653422	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28464	95-K18D		Đinh Thu	Hằng	Nữ	12/10/1995				Trung bình	1653423	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28465	96-K18D		Trần Thị	Hoa	Nữ	28/12/1995				Trung bình	1653424	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28466	97-K18D		Nguyễn Thị	Hoà	Nữ	14/10/1995				Trung bình	1653425	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28467	98-K18D		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	03/10/1995				Khá	1653426	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28468	99-K19D		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09/02/1996				Khá	1653427	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28469	100-K19D		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	24/08/1994				Khá	1653428	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28470	101-K19D		Nguyễn Linh	Chi	Nữ	28/10/1995				Khá	1653429	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28471	102-K19D		Vũ Thị	Chi	Nữ	20/05/1995				Khá	1653430	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28472	103-K19D		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	04/05/1996				Khá	1653431	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28473	104-K19D		Lê Minh	Hằng	Nữ	16/08/1996				Khá	1653432	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28474	105-K19D		Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	29/03/1996				Khá	1653433	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28475	106-K19D		Nguyễn Thị Thu	Hoàn	Nữ	18/01/1996				Khá	1653434	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28476	107-K19D		Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	15/01/1996				Khá	1653435	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28477	108-K19D		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	23/11/1996				Khá	1653436	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28478	109-K19D		Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	10/06/1996				Khá	1653437	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28479	110-K19D		Hồ Hoàng	Long	Nam	28/06/1994				Khá	1653438	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28480	111-K19D		Trịnh Thị	Luyến	Nữ	02/07/1995				Khá	1653439	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28481	112-K19D		Cao Thị	Nhân	Nữ	09/07/1996				Khá	1653440	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28482	113-K19D		Trần Thị	Nhân	Nữ	25/02/1996				Giỏi	1653441	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28483	114-K19D		Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	21/09/1994				Trung bình	1653442	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28484	115-K19D		Trần Thị	Phương	Nữ	19/09/1995				Khá	1653443	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28485	116-K19D		Phan Phương	Thảo	Nữ	26/02/1995				Khá	1653444	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28486	117-K19D		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	18/07/1996				Khá	1653445	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28487	118-K19D		Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	12/11/1995				Trung bình	1653446	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28488	119-K19D		Phạm Thị	Thương	Nữ	04/02/1995				Khá	1653447	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28489	120-K19D		Đỗ Thị	Yến	Nữ	18/02/1996				Khá	1653448	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28490	121-K20D		Hoàng Thị	Cúc	Nữ	11/11/1996				Khá	1653449	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28491	122-K20D		Lê Thu	Hằng	Nữ	12/02/1996				Khá	1653450	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28492	123-K20D		Lê Thị	Hoa	Nữ	21/05/1996				Khá	1653451	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28493	124-K20D		Phạm Thị Ngọc	Trâm	Nữ	11/11/1995				Khá	1653452	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28494	125-K20D		Nguyễn Thị Hải	Vân	Nữ	04/01/1996				Khá	1653453	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28495	126-K20D		Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	29/09/1996				Khá	1653454	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	244/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28496	127-K51F1		Nguyễn Thị Hoài	Diên	Nữ	20/01/1997				Khá	1653455	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28497	128-K51F1		Bùi Thị	Linh	Nữ	20/03/1997				Khá	1653456	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28498	129-K51F1		Đinh Thị	Quỳnh	Nữ	02/11/1997				Khá	1653457	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28499	130-K51F2		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	01/06/1997				Khá	1653458	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28500	131-K51F3		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	22/05/1997				Khá	1653459	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28501	132-K51F3		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	30/03/1997				Khá	1653460	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28502	133-K51F3		Nguyễn Thị Thảo	My	Nữ	07/07/1997				Khá	1653461	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28503	134-K51F3		Bùi Thị	Ngân	Nữ	10/08/1997				Khá	1653462	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28504	135-K51F3		Chu Thị	Nguyên	Nữ	17/03/1997				Khá	1653463	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28505	136-K51F3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	01/08/1997				Khá	1653464	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28506	137-K51F3		Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	03/06/1997				Khá	1653465	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28507	138-K51F3		Phạm Thu	Trang	Nữ	22/05/1997				Giỏi	1653466	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28508	139-K51F3		Trần Thị	Tuyết	Nữ	23/10/1997				Khá	1653467	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28509	140-K51F4		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	21/11/1996				Khá	1653468	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28510	141-K51F4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	25/11/1997				Khá	1653469	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28511	142-K51F4		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	02/02/1997				Khá	1653470	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28512	143-K51F4		Trương Thị	Hòa	Nữ	11/08/1997				Khá	1653471	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28513	144-K51F4		Bùi Thị	Linh	Nữ	17/02/1996				Khá	1653472	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28514	145-K51F4		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	25/10/1997				Khá	1653473	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28515	146-K51F5		Bùi Thị	Liên	Nữ	01/09/1997				Khá	1653474	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28516	147-K51F5		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	01/09/1996				Khá	1653475	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28517	148-K51F5		Ngô Thị	Phương	Nữ	01/08/1997				Giỏi	1653476	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28518	149-K51F5		Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	06/11/1997				Khá	1653477	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28519	150-K51F5		Nguyễn Thị Linh	Trang	Nữ	19/04/1997				Khá	1653478	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28520	151-K51F6		Trần Thị	Hiền	Nữ	05/07/1997				Khá	1653479	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28521	152-K51F6		Trần Thị	Mến	Nữ	19/05/1996				Giỏi	1653480	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28522	153-K51F6		Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	18/09/1997				Khá	1653481	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28523	154-K51F1		Đào Thị ánh	Phượng	Nữ	11/11/1997				Giỏi	1653482	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28524	155-K51F4		Nguyễn Thị Minh	Uyên	Nữ	30/04/1997				Khá	1653483	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28525	156-K50F1		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	18/10/1996				Trung bình	1653484	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28526	157-K50F2		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	27/12/1996				Trung bình	1653485	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28527	158-K50F2		Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	10/09/1996				Khá	1653486	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28528	159-K50F2		Bàn Càn	Lộc	Nam	13/09/1994				Trung bình	1653487	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28529	160-K50F5		Dương Bình	Minh	Nam	18/01/1996				Khá	1653488	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28530	161-K50F5		Cồ Thị	Trang	Nữ	19/05/1995				Trung bình	1653489	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28531	162-K50F6		Lê Thị	Hiếu	Nữ	28/07/1996				Khá	1653490	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28532	163-K49F2		Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	15/01/1994				Trung bình	1653491	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	246/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28533	164-K51H1		Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	24/09/1997				Khá	1653492	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28534	165-K51H1		Đồng Mạnh	Dũng	Nam	20/09/1997				Khá	1653493	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28535	166-K51H1		Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	31/12/1997				Khá	1653494	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28536	167-K51H1		Hoàng Thanh	Thanh	Nữ	08/06/1997				Khá	1653495	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28537	168-K51H1		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	08/02/1997				Khá	1653496	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28538	169-K51H1		Trần Thị Huyền	Trâm	Nữ	26/03/1997				Khá	1653497	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28539	170-K51H2		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	24/08/1996				Khá	1653498	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28540	171-K51H2		Phan Thị Hồng	Hà	Nữ	16/10/1997				Khá	1653499	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28541	172-K51H2		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	19/03/1997				Giỏi	1653500	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28542	173-K51H2		Bùi Thị	Yến	Nữ	17/11/1997				Khá	1653501	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28543	174-K51H3		Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	08/11/1997				Khá	1653502	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28544	175-K51H3		Nguyễn Thị Hồng	Hải	Nữ	22/04/1997				Khá	1653503	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28545	176-K51H3		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	20/01/1997				Khá	1653504	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28546	177-K51H4		Ngô Hồng	Hạnh	Nữ	11/11/1997				Khá	1653505	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28547	178-K51H4		Lê Thùy	Linh	Nữ	19/08/1997				Khá	1653506	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28548	179-K51H4		Lại Thanh	Thùy	Nữ	16/09/1997				Khá	1653507	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28549	180-K51H5		Nguyễn Trà	My	Nữ	11/11/1997				Khá	1653508	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28550	181-K51H5		Hoàng Thị Hồng	Phương	Nữ	20/09/1997				Khá	1653509	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28551	182-K50H1		Nguyễn Lê Kiều	Chi	Nữ	23/06/1996				Khá	1653510	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28552	183-K50H1		Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	17/02/1995				Trung bình	1653511	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28553	184-K50H1		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	25/03/1995				Khá	1653512	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28554	185-K50H3		Trần Hồng	Anh	Nữ	08/06/1996				Trung bình	1653513	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28555	186-K50H4		Hoàng Thị Thảo	Trang	Nữ	28/11/1996				Trung bình	1653514	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28556	187-K50H5		Nguyễn Thị Nhật	Lệ	Nữ	12/10/1996				Khá	1653515	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28557	188-K50H5		Ngô Thị	Oanh	Nữ	22/05/1995				Trung bình	1653516	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28558	189-K50H5		Lê Thị	Phương	Nữ	05/01/1996				Khá	1653517	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28559	190-K50H5		Lê	Vân	Nữ	11/03/1996				Khá	1653518	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28560	191-K50H6		Vũ Anh	Dũng	Nam	20/01/1996				Khá	1653519	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28561	192-K50H6		Nguyễn Văn	Kiên	Nam	16/08/1996				Trung bình	1653520	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28562	193-K50H6		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	15/06/1996				Trung bình	1653521	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28563	194-K50H6		Bùi Văn	Toàn	Nam	04/09/1996				Trung bình	1653522	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28564	195-K50H6		Trần Thị	Vân	Nữ	21/05/1996				Trung bình	1653523	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28565	196-K49H6		Nguyễn Ngọc	Tâm	Nam	06/11/1993				Trung bình	1653524	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28566	197-K48H2		Lê Tuấn	Anh	Nam	08/02/1994				Trung bình	1653525	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28567	198-K48H4		Tào Việt	Cường	Nam	01/01/1994				Trung bình	1653526	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28568	199-K48H4		Bùi Quang	Hải	Nam	16/09/1993				Khá	1653527	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	253/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28569	200-K51S1		Lê Thị Hồng	Ngân	Nữ	24/09/1997				Khá	1653528	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28570	201-K51S1		Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	30/07/1997				Khá	1653529	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28571	202-K51S1		Phạm Thu	Thảo	Nữ	27/05/1997				Khá	1653530	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28572	203-K51S1		Chu Thị	Thùy	Nữ	27/10/1997				Trung bình	1653531	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28573	204-K51S2		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	03/04/1997				Khá	1653532	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28574	205-K51S2		Bùi Thị Thu	Uyên	Nữ	24/12/1997				Khá	1653533	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28575	206-K51S3		Lê Thị Thu	Uyên	Nữ	06/10/1997				Khá	1653534	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28576	207-K51S4		Trần Thị Tuyết	Lan	Nữ	11/11/1996				Khá	1653535	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28577	208-K51S4		Lê Văn	Tuấn	Nam	28/09/1996				Khá	1653536	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28578	209-K51S3		Đoàn Thị	Dịu	Nữ	15/10/1996				Khá	1653537	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28579	210-K50S2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	09/09/1996				Trung bình	1653538	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28580	211-K50S3		Thiều Thị	Hường	Nữ	08/08/1996				Khá	1653539	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28581	212-K50S4		Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	Nữ	06/05/1996				Khá	1653540	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28582	213-K50S4		Đặng Linh	Quyền	Nam	26/10/1996				Trung bình	1653541	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28583	214-K50S4		Vũ Đức	Thanh	Nam	26/03/1996				Khá	1653542	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28584	215-K50S4		Nguyễn Văn	Vấn	Nam	17/10/1996				Khá	1653543	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28585	216-K50S6		Nguyễn Đức	Cảnh	Nam	09/09/1995				Trung bình	1653544	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28586	217-K50S6		Nguyễn Hoàng	Trung	Nam	23/06/1996				Trung bình	1653545	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28587	218-K50S7		Lê Thu	Hoài	Nữ	08/08/1996				Khá	1653546	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28588	219-K50S7		Nguyễn Duy	Hưng	Nam	13/04/1995				Trung bình	1653547	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28589	220-K50S7		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	10/05/1996				Trung bình	1653548	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28590	221-K50S8		Mai Đăng	Khoa	Nam	01/02/1996				Trung bình	1653549	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28591	222-K50S8		Trương Diệu	Linh	Nữ	12/02/1996				Trung bình	1653550	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28592	223-K50S8		Lưu Thị Mai	Phương	Nữ	27/06/1996				Khá	1653551	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28593	224-K49S2		Nguyễn Trí	Thanh	Nam	07/05/1995				Khá	1653552	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	243/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28594	225-K51N4		Lê Thị Kim	Anh	Nữ	25/02/1996				Khá	1653553	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28595	226-K51N4		Nguyễn Thị Phương	Hạnh	Nữ	16/08/1997				Giỏi	1653554	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28596	227-K51N6		Nông Hạnh	Duyên	Nữ	04/08/1996				Khá	1653555	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28597	228-K51N6		Nguyễn Thị	Mận	Nữ	15/11/1995				Khá	1653556	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28598	229-K50N1		Đặng Thị Thanh	Phương	Nữ	08/02/1996				Trung bình	1653557	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28599	230-K50N2		Hoàng Huyền	My	Nữ	28/10/1996				Khá	1653558	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28600	231-K50N3		Đặng Hà	Anh	Nữ	10/11/1996				Trung bình	1653559	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28601	232-K50N3		Đàm Thị	Trang	Nữ	08/01/1996				Khá	1653560	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28602	233-K50N3		Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	07/09/1996				Trung bình	1653561	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28603	234-K50N3		Vũ Thùy	Trang	Nữ	19/02/1996				Khá	1653562	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28604	235-K50N3		Phạm Xuân	Trường	Nam	29/12/1996				Trung bình	1653563	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28605	236-K50N4		Ngô Thị	Mỹ	Nữ	13/12/1996				Khá	1653564	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28606	237-K50N5		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	24/12/1996				Khá	1653565	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28607	238-K50N5		Hà Thị Kiều	Linh	Nữ	02/01/1996				Khá	1653566	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28608	239-K50N6		Cao Quỳnh	Dung	Nữ	28/06/1996				Khá	1653567	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28609	240-K49N3		Hoàng Thị	Linh	Nữ	05/03/1995				Khá	1653568	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28610	241-K49N4		Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	21/06/1995				Trung bình	1653569	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	249/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28611	242-K51B4KS		Nguyễn Thị Hằng	Loan	Nữ	26/06/1997				Giỏi	1653570	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	251/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28612	243-K50B1KS		Nguyễn Linh	Chi	Nữ	09/05/1996				Khá	1653571	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	251/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28613	244-K50B1KS		Đinh Thị Kim	Oanh	Nữ	12/05/1996				Trung bình	1653572	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	251/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28614	245-K50B1KS		Trần Thị	Trang	Nữ	15/05/1995				Trung bình	1653573	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	251/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28615	246-K50B2KS		Đặng Việt	Anh	Nữ	17/07/1996				Khá	1653574	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	251/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28616	247-K50B2KS		Lê Thị Lan	Hương	Nữ	10/06/1996				Trung bình	1653575	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	251/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28617	248-K50B2KS		Nguyễn Thị Hồng	Oanh	Nữ	19/08/1996				Trung bình	1653576	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	251/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28618	249-K50B3KS		Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	28/09/1996				Trung bình	1653577	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	251/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28619	250-K50B5KS		Nguyễn Linh	Chi	Nữ	05/10/1996				Khá	1653578	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	251/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28620	251-K51B1LH		Lê Thị	Ngọc	Nữ	17/03/1997				Giỏi	1653579	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28621	252-K51B3LH		Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	14/09/1997				Khá	1653580	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28622	253-K50B1LH		Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	04/09/1996				Trung bình	1653581	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28623	254-K50B1LH		Vũ Thị	Vân	Nữ	14/12/1996				Khá	1653582	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28624	255-K50B2LH		Lê Thị	Trang	Nữ	12/02/1996				Trung bình	1653583	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28625	256-K50B5LH		Tạ Đặng Bích	Ngọc	Nữ	18/02/1996				Trung bình	1653584	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28626	257-K49B4LH		Đặng Văn	Long	Nam	24/05/1995				Khá	1653585	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28627	258-K49B5LH		Đặng Quốc	Việt	Nam	11/04/1995				Trung bình	1653586	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28628	259-K51C2		Phùng Thị Ngọc	Anh	Nữ	24/05/1996				Giỏi	1653587	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28629	260-K51C3		Đặng Thị Phương	Anh	Nữ	02/12/1997				Khá	1653588	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28630	261-K51C3		Ngô Thị	Hoa	Nữ	15/01/1997				Khá	1653589	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28631	262-K51C3		Nguyễn Thị Xuân	Hồng	Nữ	06/02/1997				Khá	1653590	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28632	263-K51C3		Phan Thị	Như	Nữ	16/07/1997				Khá	1653591	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28633	264-K51C4		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	25/07/1997				Giỏi	1653592	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28634	265-K51C4		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	11/11/1997				Khá	1653593	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28635	266-K51C4		Ngô Thị	Thùy	Nữ	22/09/1997				Khá	1653594	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28636	267-K51C5		Đỗ Thị Mai	Anh	Nữ	08/04/1997				Khá	1653595	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28637	268-K51C5		Lê Thị Hồng	ánh	Nữ	03/01/1997				Khá	1653596	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28638	269-K51C5		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02/03/1997				Khá	1653597	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28639	270-K51C5		Trịnh Thị	Duyên	Nữ	20/07/1997				Giỏi	1653598	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28640	271-K51C5		Lê Thu	Hà	Nữ	11/06/1997				Khá	1653599	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28641	272-K51C5		Nguyễn Hồng	Hương	Nữ	20/10/1996				Khá	1653600	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28642	273-K51C5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	01/12/1997				Khá	1653601	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28643	274-K51C5		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	23/03/1997				Khá	1653602	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28644	275-K51C5		Trần Thảo	Phương	Nữ	04/11/1997				Giỏi	1653603	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28645	276-K51C5		Phùng Thị	Phượng	Nữ	20/07/1997				Khá	1653604	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28646	278-K50C2		Phùng Trung	Hà	Nam	23/07/1996				Trung bình	1653606	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28647	279-K50C4		Thiều Thị	Nghiêm	Nữ	13/04/1996				Trung bình	1653607	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28648	280-K50C5		Nguyễn Hương	Giang	Nữ	29/12/1996				Trung bình	1653608	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28649	281-K50C6		Nguyễn Hoàng	Dương	Nam	22/12/1996				Trung bình	1653609	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28650	282-K50C6		Nguyễn Trường	Nam	Nam	26/10/1996				Trung bình	1653610	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28651	283-K49C5		Đặng Minh	Nhật	Nam	08/02/1991				Khá	1653611	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28652	284-K48C4		Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	Nữ	24/05/1994				Trung bình	1653612	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28653	285-K51T1		Đào Thị Việt	Chinh	Nữ	06/08/1997				Khá	1653613	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28654	286-K51T3		Vũ Thị	Hằng	Nữ	29/04/1996				Khá	1653614	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28655	287-K51T3		Lê Thị	Hương	Nữ	11/10/1997				Khá	1653615	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28656	288-K51T3		Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	17/08/1996				Khá	1653616	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28657	289-K51T3		Bùi Thị	Trang	Nữ	16/09/1997				Khá	1653617	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28658	290-K51T4		Dương Thị Lan	Anh	Nữ	12/12/1996				Khá	1653618	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28659	291-K51T4		Trần Thị Kim	Chi	Nữ	24/07/1997				Khá	1653619	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28660	292-K51T4		Phí Thị Thục	Chinh	Nữ	15/12/1997				Khá	1653620	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28661	293-K51T4		Vũ Thị Khánh	Minh	Nữ	25/01/1997				Khá	1653621	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28662	294-K50T1		Lại Thị Hồng	Thư	Nữ	14/08/1996				Trung bình	1653622	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28663	295-K50T1		Vũ Thị	Tươi	Nữ	16/01/1996				Trung bình	1653623	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28664	296-K50T2		Vi Thị	Huyền	Nữ	18/01/1996				Trung bình	1653624	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28665	297-K50T2		Nguyễn Thị	Lam	Nữ	13/07/1996				Khá	1653625	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28666	298-K50T2		Nguyễn Thị Thu	Minh	Nữ	09/01/1996				Trung bình	1653626	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28667	299-K50T2		Phạm Thị	Thảo	Nữ	17/12/1996				Trung bình	1653627	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28668	300-K50T2		Mai Thị	Thu	Nữ	27/09/1996				Trung bình	1653628	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28669	301-K50T3		Trịnh Văn	Mạnh	Nam	14/04/1996				Trung bình	1653629	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28670	302-K50T4		Phạm Quang	Mỹ	Nam	28/11/1996				Trung bình	1653630	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28671	303-K50T4		Nguyễn Thái	Sơn	Nam	13/02/1996				Trung bình	1653631	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28672	304-K50T6		Hà Vũ Khánh	Linh	Nữ	14/02/1996				Khá	1653632	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28673	305-K49T2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	04/09/1995				Trung bình	1653633	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28674	306-K51E1		Doãn Thị	Dung	Nữ	04/11/1997				Khá	1653634	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28675	307-K51E1		Nguyễn Thị Hạnh	Duyên	Nữ	19/05/1997				Khá	1653635	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28676	308-K51E1		Phạm Thu	Hà	Nữ	28/07/1997				Khá	1653636	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28677	309-K51E1		Đặng Thị	Huệ	Nữ	11/10/1997				Khá	1653637	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28678	310-K51E1		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	16/10/1997				Khá	1653638	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28679	311-K51E1		Trần Cẩm	Ly	Nữ	02/01/1997				Khá	1653639	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28680	312-K51E1		Nguyễn Thị Phương	Nam	Nữ	10/11/1997				Khá	1653640	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28681	313-K51E1		Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	06/10/1997				Khá	1653641	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28682	314-K51E1		Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	25/10/1997				Khá	1653642	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28683	315-K51E2		Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	07/10/1997				Khá	1653643	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28684	316-K51E2		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	29/07/1997				Trung bình	1653644	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28685	317-K51E2		Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	03/02/1997				Khá	1653645	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28686	318-K51E2		Nguyễn Trọng	Mạnh	Nam	06/09/1996				Khá	1653646	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28687	319-K51E4		Nguyễn Thị Thu	Duyên	Nữ	14/01/1997				Khá	1653647	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28688	320-K51E4		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	16/09/1997				Khá	1653648	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28689	321-K51E4		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	09/02/1997				Khá	1653649	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28690	322-K51E4		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	21/10/1997				Khá	1653650	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28691	323-K51E5		Lưu Thị	Hồng	Nữ	22/10/1997				Khá	1653651	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28692	324-K51E5		Bùi Thị Thúy	Hường	Nữ	25/09/1996				Khá	1653652	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28693	325-K51E5		Phùng Thị Hải	Ninh	Nữ	08/11/1997				Khá	1653653	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28694	326-K51E5		Nguyễn Minh	Phụng	Nữ	05/04/1997				Giỏi	1653654	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28695	327-K51E5		Lê Ngọc	Thương	Nữ	28/12/1997				Khá	1653655	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28696	328-K51E5		Đỗ Trọng	Trung	Nam	01/09/1995				Khá	1653656	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28697	329-K51E5		Trần Thị Thanh	Xuân	Nữ	13/08/1997				Khá	1653657	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28698	330-K51E6		Nguyễn Thị Vinh	ánh	Nữ	21/02/1997				Khá	1653658	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28699	331-K51E6		Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	03/09/1997				Khá	1653659	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28700	332-K51E6		Nguyễn Văn	Hà	Nam	01/06/1996				Khá	1653660	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28701	333-K51E6		Vũ Thị	Hường	Nữ	09/12/1997				Khá	1653661	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28702	334-K51E6		Ngô Đức	Trung	Nam	25/10/1997				Khá	1653662	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28703	335-K50E1		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	09/04/1996				Trung bình	1653663	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28704	336-K50E2		Đỗ Thị Phương	Thúy	Nữ	09/11/1996				Trung bình	1653664	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28705	337-K50E3		Lê Phương	Dung	Nữ	26/01/1996				Trung bình	1653665	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28706	338-K19E		Đào Thị Thu	Hiền	Nữ	12/12/1996				Khá	1653666	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	245/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28707	339-K51P3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	24/06/1997				Giỏi	1653667	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28708	340-K51P3		Lê Thị	Thảo	Nữ	30/08/1997				Khá	1653668	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28709	341-K51P4		Mai Thị Hoài	Phương	Nữ	02/08/1997				Khá	1653669	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28710	342-K50P1		Phạm Hùng	Cường	Nam	27/09/1995				Khá	1653670	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28711	343-K50P1		Trần Thị Thanh	Mai	Nữ	21/02/1996				Khá	1653671	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28712	344-K50P1		Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	11/04/1995				Trung bình	1653672	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28713	345-K50P1		Lưu Phương	Tú	Nữ	30/12/1996				Khá	1653673	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28714	346-K50P4		Ngô Thị Lan	Anh	Nữ	09/07/1996				Trung bình	1653674	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28715	347-K50P4		La Thị	Hương	Nữ	20/06/1995				Trung bình	1653675	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28716	348-K50P4		Phạm Thùy	Linh	Nữ	05/06/1996				Khá	1653676	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28717	349-K50P5		Phạm Thị	Phương	Nữ	19/05/1996				Trung bình	1653677	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28718	350-K50P5		Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	20/01/1996				Khá	1653678	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28719	351-K48P2		Nguyễn Lê Mỹ	Linh	Nữ	04/06/1994				Trung bình	1653679	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28720	352-K17P_SB		Hoàng Ngọc Minh	Đức	Nam	19/05/1993				Khá	1653680	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	247/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28721	353-K51U3		Đoàn Thị Thu	Huyền	Nữ	06/06/1997				Khá	1653681	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28722	354-K51U3		Vũ Thị	Phương	Nữ	17/10/1997				Khá	1653682	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28723	355-K51U4		Nguyễn Thị Tâm	Đan	Nữ	19/04/1996				Trung bình	1653683	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28724	356-K51U5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12/10/1997				Giỏi	1653684	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28725	357-K51U5		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	06/08/1997				Khá	1653685	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28726	358-K50U1		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	19/06/1996				Khá	1653686	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28727	359-K50U2		Phạm Thị	Dung	Nữ	15/01/1996				Trung bình	1653687	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28728	360-K50U2		Đỗ Thu	Hường	Nữ	28/01/1996				Trung bình	1653688	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28729	361-K50U2		Quan Thị Khánh	Ly	Nữ	26/11/1995				Khá	1653689	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28730	362-K50U3		Ngô Thị Phương	Anh	Nữ	22/01/1996				Trung bình	1653690	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28731	363-K50U3		Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	Nữ	21/07/1995				Khá	1653691	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28732	364-K50U4		Phạm Thị	Mến	Nữ	11/11/1995				Trung bình	1653692	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28733	365-K49U2		Nguyễn Bình	Nguyên	Nam	24/12/1994				Khá	1653693	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28734	366-K19U		Nguyễn Thị Mai	Thơ	Nữ	02/05/1995				Khá	1653694	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	252/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28735	367-K51I1		Nguyễn Anh	Thu	Nữ	11/11/1997				Khá	1653695	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28736	368-K51I1		Nguyễn Thị	Toan	Nữ	01/11/1997				Khá	1653696	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28737	369-K51I2		Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	19/10/1997				Khá	1653697	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28738	370-K51I2		Vũ Thị	Huệ	Nữ	11/07/1997				Khá	1653698	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28739	371-K51I2		Trần Thị	Hương	Nữ	15/09/1996				Khá	1653699	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28740	372-K51I2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	22/05/1997				Trung bình	1653700	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28741	373-K51I2		Phạm Thị	Vân	Nữ	19/02/1997				Khá	1653701	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28742	374-K51I2		Tô Thị Hải	Yến	Nữ	13/06/1996				Khá	1653702	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28743	375-K51I3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	30/01/1997				Khá	1653703	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28744	376-K51I3		Đặng Thị	Phượng	Nữ	09/06/1997				Khá	1653704	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28745	377-K51I4		Lê Thị Thanh Kim	Huệ	Nữ	09/05/1996				Khá	1653705	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28746	378-K51I4		Đặng Thị	Thanh	Nữ	03/05/1997				Khá	1653706	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28747	379-K50I1		Tô Việt	Hoàng	Nam	15/07/1996				Trung bình	1653707	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28748	380-K50I3		Đỗ Thị	Oanh	Nữ	03/07/1996				Khá	1653708	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28749	381-K50I4		Đinh Văn	Tú	Nam	24/04/1995				Khá	1653714	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	254/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28750	382-K50DD		Lê Thị	Thảo	Nữ	06/08/1995				Khá	1653710	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	260/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28751	383-K50HH		Lương Khánh	Tùng	Nam	06/09/1996				Khá	1653711	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	261/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28752	384-K50T1		Cao Thị	Tuyết	Nữ	6/8/1996				Khá	1653713	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	248/QĐ-ĐHTM-QLĐT, 04/03/2019	
28753	2053-K51D1		Lê Thị Thu	An	Nữ	11/04/1997				Khá	1812824	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28754	2054-K51D1		Nguyễn Kim	Anh	Nữ	23/11/1997				Khá	1812825	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28755	2055-K51D1		Trịnh Thúy	Anh	Nữ	01/06/1996				Khá	1812826	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28756	2056-K51D1		Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	22/05/1997				Khá	1812827	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28757	2057-K51D1		Bùi Thị	Bích	Nữ	20/02/1997				Khá	1812828	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28758	2058-K51D1		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	15/07/1997				Khá	1812829	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28759	2059-K51D1		Nguyễn Thị	Đào	Nữ	04/10/1995				Khá	1812830	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28760	2060-K51D1		Bùi Thị	Diệu	Nữ	21/03/1997				Khá	1812831	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28761	2061-K51D1		Tạ Thùy	Dương	Nữ	01/07/1997				Khá	1812832	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28762	2062-K51D1		Ông Thị	Gấm	Nữ	03/08/1997				Khá	1812833	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28763	2063-K51D1		Lê Thị	Hà	Nữ	02/02/1997				Khá	1812834	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28764	2064-K51D1		Trần Thu	Hằng	Nữ	16/09/1997				Khá	1812835	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28765	2065-K51D1		Hoàng Thị	Hậu	Nữ	28/08/1997				Khá	1812836	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28766	2066-K51D1		Lê Thị Kim	Hoa	Nữ	01/06/1997				Khá	1812837	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28767	2067-K51D1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	29/04/1997				Khá	1812838	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28768	2068-K51D1		Dương Thị Thanh	Huyền	Nữ	25/03/1997				Khá	1812839	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28769	2069-K51D1		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	12/01/1997				Khá	1812840	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28770	2070-K51D1		Nguyễn Thị	Khuê	Nữ	12/10/1997				Khá	1812841	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28771	2071-K51D1		Lê Thị Thanh	Lan	Nữ	29/07/1997				Trung bình	1812842	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28772	2072-K51D1		Nguyễn Nhật	Lệ	Nữ	17/10/1997				Khá	1812843	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28773	2073-K51D1		Trần Thị Thu	Liễu	Nữ	13/07/1997				Khá	1812844	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28774	2074-K51D1		Mạc Thị Thùy	Linh	Nữ	08/07/1997				Khá	1812845	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28775	2075-K51D1		Đức Thị	Loan	Nữ	20/04/1997				Khá	1812846	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28776	2076-K51D1		Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	28/11/1996				Trung bình	1812847	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28777	2077-K51D1		Đào Thị	Mai	Nữ	04/02/1997				Khá	1812848	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28778	2078-K51D1		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	15/06/1997				Khá	1812849	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28779	2079-K51D1		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	07/05/1997				Khá	1812850	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28780	2080-K51D1		Phạm Thị	Nguyệt	Nữ	12/06/1997				Trung bình	1812851	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28781	2081-K51D1		Vũ Thị	Nhung	Nữ	06/04/1997				Khá	1812852	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28782	2082-K51D1		Đoàn Thị	Oanh	Nữ	22/01/1997				Khá	1812853	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28783	2083-K51D1		Hồ Thị	Phương	Nữ	01/02/1996				Khá	1812854	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28784	2084-K51D1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	24/06/1997				Khá	1812855	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28785	2085-K51D1		Vũ Thị	Phương	Nữ	02/07/1997				Khá	1812856	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28786	2086-K51D1		Phạm Thị	Thanh	Nữ	31/08/1996				Khá	1812857	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28787	2087-K51D1		Phạm Phương	Thảo	Nữ	07/12/1997				Khá	1812858	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28788	2088-K51D1		Cao Thị Hoài	Thu	Nữ	10/10/1997				Khá	1812859	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28789	2089-K51D1		Đặng Thị	Thúy	Nữ	25/10/1997				Khá	1812860	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28790	2090-K51D1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	16/07/1996				Khá	1812861	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28791	2091-K51D1		Hoàng Minh	Tiến	Nam	01/11/1997				Khá	1812862	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28792	2092-K51D1		Ngô Thị Quỳnh	Trang	Nữ	20/11/1997				Khá	1812863	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28793	2093-K51D1		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	15/07/1997				Khá	1812864	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28794	2094-K51D1		Trần Thị	Tươi	Nữ	12/02/1997				Khá	1812865	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28795	2095-K51D1		Đỗ Thùy	Vân	Nữ	13/09/1997				Khá	1812866	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28796	2096-K51D1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	27/01/1997				Khá	1812867	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28797	2097-K51D1		Nguyễn Thị ánh	Xoan	Nữ	17/12/1997				Xuất sắc	1812868	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28798	2098-K51D2		Nguyễn Minh	Anh	Nữ	05/07/1997				Khá	1812869	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28799	2099-K51D2		Võ Thị Kim	Anh	Nữ	13/11/1996				Khá	1812870	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28800	2100-K51D2		Lê Hồng	ánh	Nữ	17/08/1996				Khá	1812871	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28801	2101-K51D2		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	04/09/1997				Trung bình	1812872	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28802	2102-K51D2		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	12/12/1997				Giỏi	1812873	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28803	2103-K51D2		Trần Hồng	Đào	Nữ	12/01/1997				Khá	1812874	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28804	2104-K51D2		Trần Ngọc	Diệu	Nữ	18/10/1997				Khá	1812875	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28805	2105-K51D2		Vũ Thùy	Dương	Nữ	21/09/1997				Khá	1812876	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28806	2106-K51D2		Lê Thị	Giang	Nữ	20/10/1997				Trung bình	1812877	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28807	2107-K51D2		Trần Thị	Hà	Nữ	22/12/1997				Khá	1812878	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28808	2108-K51D2		Ngô Thị	Hiền	Nữ	16/04/1997				Khá	1812879	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28809	2109-K51D2		Nguyễn Thị Minh	Hồng	Nữ	15/04/1997				Khá	1812880	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28810	2110-K51D2		Quán Thị Thu	Huệ	Nữ	25/12/1997				Trung bình	1812881	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28811	2111-K51D2		Vương Thị Thanh	Hường	Nữ	10/07/1997				Giỏi	1812882	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28812	2112-K51D2		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	30/04/1997				Giỏi	1812883	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28813	2113-K51D2		Đào Thị	Liên	Nữ	08/05/1997				Khá	1812884	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28814	2114-K51D2		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	07/10/1997				Khá	1812885	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28815	2115-K51D2		Phạm Hoài	Linh	Nữ	23/07/1997				Khá	1812886	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28816	2116-K51D2		Dương Thị	Loan	Nữ	02/09/1997				Khá	1812887	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28817	2117-K51D2		Vũ Thị	Loan	Nữ	18/01/1997				Khá	1812888	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28818	2118-K51D2		Hoàng Thị Phương	Mai	Nữ	01/05/1997				Khá	1812889	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28819	2119-K51D2		Nguyễn Hà	My	Nữ	01/10/1996				Trung bình	1812890	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28820	2120-K51D2		Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	12/02/1997				Khá	1812891	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28821	2121-K51D2		Vũ Thị	Nhung	Nữ	20/12/1997				Khá	1812892	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28822	2122-K51D2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	06/09/1997				Giỏi	1812893	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28823	2123-K51D2		Vũ Thị	Phương	Nữ	01/08/1997				Khá	1812894	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28824	2124-K51D2		Vi Thị	Thanh	Nữ	11/01/1996				Khá	1812895	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28825	2125-K51D2		Đỗ Thị	Thu	Nữ	27/08/1997				Khá	1812896	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28826	2126-K51D2		Ngô Thị	Thúy	Nữ	29/06/1997				Trung bình	1812897	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28827	2127-K51D2		Đỗ Thị Hà	Trang	Nữ	16/01/1997				Khá	1812898	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28828	2128-K51D2		Ngô Thị	Trang	Nữ	11/10/1997				Khá	1812899	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28829	2129-K51D2		Tạ Kim	Tuyến	Nam	28/10/1997				Khá	1812900	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28830	2130-K51D2		Vương Thị	Tuyết	Nữ	16/09/1997				Giỏi	1812901	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28831	2131-K51D2		Hoàng Thị	Vân	Nữ	05/04/1996				Khá	1812902	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28832	2132-K51D2		Lê Thanh	Xuân	Nữ	02/01/1996				Khá	1812903	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28833	2133-K51D3		Lê Thị Kim	Anh	Nữ	07/09/1997				Khá	1812904	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28834	2134-K51D3		Trương Thị Ngọc	ánh	Nữ	06/08/1997				Giỏi	1812905	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28835	2135-K51D3		Nguyễn Thị	Chanh	Nữ	12/09/1997				Khá	1812906	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28836	2136-K51D3		Bùi Thị Ngọc	Diệp	Nữ	04/11/1997				Khá	1812907	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28837	2137-K51D3		Bùi Thị Mỹ	Duyên	Nữ	16/03/1997				Khá	1812908	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28838	2138-K51D3		Trần Trà	Giang	Nữ	05/11/1997				Khá	1812909	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28839	2139-K51D3		Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	06/06/1996				Giỏi	1812910	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28840	2140-K51D3		Vũ Thị Thanh	Hải	Nữ	20/09/1997				Giỏi	1812911	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28841	2141-K51D3		Phạm Thị	Hằng	Nữ	16/03/1997				Khá	1812912	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28842	2142-K51D3		Bùi Thị	Hạnh	Nữ	22/10/1997				Khá	1812913	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28843	2143-K51D3		Đinh Thị Thu	Hồng	Nữ	29/01/1997				Giỏi	1812914	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28844	2144-K51D3		Vương Ngọc Thị Bích	Hồng	Nữ	19/12/1997				Khá	1812915	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28845	2145-K51D3		Hoàng Thị Thu	Hương	Nữ	22/03/1997				Khá	1812916	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28846	2146-K51D3		Cầm Thị Thu	Huyền	Nữ	06/05/1997				Khá	1812917	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28847	2147-K51D3		Vũ Thị	Huyền	Nữ	22/12/1997				Giỏi	1812918	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28848	2148-K51D3		Dương Thu	Lan	Nữ	31/03/1997				Khá	1812919	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28849	2149-K51D3		Phạm Thị Hương	Lan	Nữ	12/02/1997				Khá	1812920	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28850	2150-K51D3		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	08/11/1996				Khá	1812921	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28851	2151-K51D3		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	05/08/1997				Khá	1812922	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28852	2152-K51D3		Phạm Thị Hà	Linh	Nữ	11/10/1997				Khá	1812923	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28853	2153-K51D3		Hoàng Thị Mỹ	Loan	Nữ	09/04/1997				Khá	1812924	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28854	2154-K51D3		Nguyễn Thị	Lương	Nữ	26/02/1997				Khá	1812925	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28855	2155-K51D3		Đoàn Hồng	Nga	Nữ	30/04/1997				Trung bình	1812926	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28856	2156-K51D3		Phạm Thị Hương	Ngát	Nữ	22/12/1997				Khá	1812927	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28857	2157-K51D3		Đỗ Bích	Nguyệt	Nữ	02/12/1996				Khá	1812928	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28858	2158-K51D3		Nguyễn Thị	Như	Nữ	13/03/1997				Khá	1812929	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28859	2159-K51D3		Phạm Thị	Ninh	Nữ	18/05/1997				Khá	1812930	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28860	2160-K51D3		Nguyễn Việt	Phương	Nữ	22/03/1997				Trung bình	1812931	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28861	2161-K51D3		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	04/01/1997				Khá	1812932	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28862	2162-K51D3		Chu Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	16/09/1997				Khá	1812933	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28863	2163-K51D3		Bùi Thúy	Thanh	Nữ	08/02/1997				Khá	1812934	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28864	2164-K51D3		Quách Thị	Thanh	Nữ	04/09/1996				Trung bình	1812935	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28865	2165-K51D3		Nguyễn Thị	Thao	Nữ	26/05/1997				Khá	1812936	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28866	2166-K51D3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	02/09/1997				Khá	1812937	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28867	2167-K51D3		Nguyễn Kim	Thoa	Nữ	10/02/1997				Khá	1812938	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28868	2168-K51D3		Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	01/03/1997				Giỏi	1812939	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28869	2169-K51D3		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	05/08/1996				Khá	1812940	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28870	2170-K51D3		Bùi Hiền	Trang	Nữ	04/02/1997				Khá	1812941	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28871	2171-K51D3		Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	16/12/1997				Trung bình	1812942	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28872	2172-K51D3		Ngô Thị	Trang	Nữ	14/04/1997				Khá	1812943	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28873	2173-K51D3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/05/1997				Khá	1812944	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28874	2174-K51D3		Vũ Thị Thùy	Trang	Nữ	15/01/1997				Khá	1812945	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28875	2175-K51D3		Phạm Thu	Uyên	Nữ	14/01/1997				Khá	1812946	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28876	2176-K51D3		Nguyễn Thị Lê	Vi	Nữ	03/09/1997				Khá	1812947	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28877	2177-K51D3		Trịnh Thị	Yên	Nữ	06/04/1997				Khá	1812948	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28878	2178-K51D4		Lê Thị Lan	Anh	Nữ	20/09/1997				Khá	1812949	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28879	2179-K51D4		Trịnh Lan	Anh	Nữ	18/11/1996				Khá	1812950	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28880	2180-K51D4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	09/08/1997				Khá	1812951	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28881	2181-K51D4		Phạm ánh	Dương	Nữ	14/01/1997				Khá	1812952	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28882	2182-K51D4		Trần Minh	Hằng	Nữ	24/10/1997				Khá	1812953	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28883	2183-K51D4		Trịnh Thị	Hạnh	Nữ	12/02/1997				Khá	1812954	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28884	2184-K51D4		Phạm Thị	Huế	Nữ	06/10/1997				Khá	1812955	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28885	2185-K51D4		Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	09/09/1997				Khá	1812956	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28886	2186-K51D4		Lê Thị	Lan	Nữ	08/05/1997				Trung bình	1812957	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28887	2187-K51D4		Phạm Thị	Lan	Nữ	27/02/1997				Khá	1812958	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28888	2188-K51D4		Lê Thị út	Linh	Nữ	19/08/1997				Trung bình	1812959	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28889	2189-K51D4		Phạm Thị Phương	Linh	Nữ	05/09/1996				Trung bình	1812960	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28890	2190-K51D4		Trương Thị	Linh	Nữ	13/01/1997				Khá	1812961	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28891	2191-K51D4		Nguyễn Thị	Mến	Nữ	02/12/1997				Khá	1812962	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28892	2192-K51D4		Lường Thị	Ngân	Nữ	10/05/1997				Trung bình	1812963	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28893	2193-K51D4		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	16/09/1997				Khá	1812964	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28894	2194-K51D4		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	10/04/1997				Khá	1812965	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28895	2195-K51D4		Đào Thị	Nụ	Nữ	20/12/1995				Khá	1812966	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28896	2196-K51D4		Trần Thị Thu	Phương	Nữ	05/04/1996				Khá	1812967	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28897	2197-K51D4		Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	06/10/1997				Khá	1812968	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28898	2198-K51D4		Nguyễn Thị Hồng	Thanh	Nữ	01/04/1997				Khá	1812969	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28899	2199-K51D4		Phí Thị	Thơm	Nữ	26/10/1997				Khá	1812970	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28900	2200-K51D4		Chu Thị	Trang	Nữ	26/05/1997				Khá	1812971	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28901	2201-K51D4		Hoàng Hà	Trang	Nữ	15/11/1997				Khá	1812972	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28902	2202-K51D4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	03/08/1997				Khá	1812973	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28903	2203-K51D4		Bùi Thị Hồng	Vân	Nữ	11/02/1997				Khá	1812974	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28904	2204-K51D4		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	18/03/1997				Trung bình	1812975	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28905	2205-K51D4		Trần Thị Kim	Vương	Nữ	11/06/1997				Khá	1812976	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28906	2206-K51D5		Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	12/09/1997				Giỏi	1812977	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28907	2207-K51D5		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	06/08/1997				Giỏi	1812978	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28908	2208-K51D5		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	16/08/1997				Khá	1812979	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28909	2209-K51D5		Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	13/11/1997				Giỏi	1812980	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28910	2210-K51D5		Vũ Thị	Diên	Nữ	01/07/1997				Khá	1812981	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28911	2211-K51D5		Nguyễn Thị Thu	Giang	Nữ	12/02/1997				Trung bình	1812982	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28912	2212-K51D5		Bạch Thị	Hiền	Nữ	26/02/1997				Khá	1812983	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28913	2213-K51D5		Đinh Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	20/07/1997				Giỏi	1812984	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28914	2214-K51D5		Hà Thị Bích	Hồng	Nữ	28/12/1997				Khá	1812985	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28915	2215-K51D5		Bùi Thanh Kim	Huệ	Nữ	15/01/1997				Khá	1812986	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28916	2216-K51D5		Phạm Thị Mai	Hương	Nữ	16/10/1997				Khá	1812987	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28917	2217-K51D5		Lê Văn Quốc	Huy	Nam	02/07/1997				Trung bình	1812988	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28918	2218-K51D5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	11/12/1997				Giỏi	1812989	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28919	2219-K51D5		Bùi Thị Huyền	Linh	Nữ	07/12/1997				Khá	1812990	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28920	2220-K51D5		Lê Thị Kiều	Linh	Nữ	01/03/1997				Khá	1812991	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28921	2221-K51D5		Phạm Nhật	Linh	Nữ	05/04/1997				Xuất sắc	1812992	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28922	2222-K51D5		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	10/04/1997				Khá	1812993	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28923	2223-K51D5		Trần Thị	Nhung	Nữ	10/04/1997				Khá	1812994	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28924	2224-K51D5		Hà Việt	Phương	Nam	10/02/1996				Khá	1812995	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28925	2225-K51D5		Ngô Thị	Phương	Nữ	24/10/1997				Giỏi	1812996	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28926	2226-K51D5		Trần Thị	Phương	Nữ	18/07/1997				Khá	1812997	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28927	2227-K51D5		Bùi Phương	Thảo	Nữ	13/12/1997				Giỏi	1812998	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28928	2228-K51D5		Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	26/09/1997				Giỏi	1812999	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28929	2229-K51D5		Hoàng Thị	Thương	Nữ	20/11/1997				Giỏi	1813000	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28930	2230-K51D5		Lục Linh	Trang	Nữ	16/11/1997				Khá	1813001	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28931	2231-K51D5		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	08/05/1997				Khá	1813002	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28932	2232-K51D5		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	01/01/1997				Giỏi	1813003	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28933	2233-K51D5		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	23/07/1997				Giỏi	1813005	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28934	2234-K51D5		Tăng Thị Kiều	Trinh	Nữ	25/08/1997				Khá	1813004	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28935	2235-K51D5		Phan Dạ	Tú	Nữ	07/06/1997				Khá	1813006	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28936	2236-K51D6		Mai Thị Phương	Anh	Nữ	08/12/1997				Khá	1813007	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28937	2237-K51D6		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	13/01/1997				Khá	1813008	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28938	2238-K51D6		Phan Thị	Chinh	Nữ	09/02/1997				Khá	1813009	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28939	2239-K51D6		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	22/03/1997				Khá	1813010	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28940	2240-K51D6		Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	05/11/1996				Khá	1813011	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28941	2241-K51D6		Dương Thị	Hòa	Nữ	02/08/1997				Khá	1813012	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28942	2242-K51D6		Phạm Thị	Hoài	Nữ	01/10/1997				Khá	1813013	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28943	2243-K51D6		Ngô Thị	Hương	Nữ	03/07/1997				Khá	1813014	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28944	2244-K51D6		Bùi Thị Ngọc	Huyền	Nữ	06/03/1997				Khá	1813015	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28945	2245-K51D6		Vũ Thị Thanh	Huyền	Nữ	08/07/1997				Khá	1813016	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28946	2246-K51D6		Phạm Phương	Linh	Nữ	10/08/1997				Khá	1813017	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28947	2247-K51D6		Hồ Thùy	Nga	Nữ	16/07/1997				Khá	1813018	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28948	2248-K51D6		Nguyễn Thị Minh	Phượng	Nữ	02/10/1997				Khá	1813019	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28949	2249-K51D6		Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	07/01/1997				Khá	1813020	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28950	2250-K51D6		Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	14/08/1997				Khá	1813021	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28951	2251-K51D6		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	01/10/1997				Khá	1813022	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28952	2252-K51D6		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	07/10/1997				Khá	1813023	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28953	2253-K51D6		Trần Thị Thục	Trinh	Nữ	19/02/1996				Khá	1813024	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28954	2254-K51D6		Phan Thị	Vân	Nữ	10/02/1997				Trung bình	1813025	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28955	2255-K48D4		Phạm Huyền	Thương	Nữ	30/09/1993				Trung bình	1813026	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28956	2256-K17D_SB		Phạm Thu	Trang	Nữ	09/12/1995				Trung bình	1813027	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28957	2257-K18D		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	21/03/1995				Khá	1813028	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28958	2258-K19D		Nguyễn Thị Hồng	Ánh	Nữ	26/10/1995				Khá	1813029	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28959	2259-K19D		Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	03/06/1996				Khá	1813030	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28960	2260-K19D		Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	08/11/1996				Giỏi	1813031	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28961	2261-K19D		Trần Lan	Hương	Nữ	17/12/1996				Khá	1813032	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28962	2262-K19D		Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	15/06/1996				Khá	1813033	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28963	2263-K19D		Bùi Thị	Thu	Nữ	30/12/1995				Trung bình	1813034	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28964	2264-K20D		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	27/04/1996				Khá	1813035	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28965	2265-K20D		Trịnh Thị	Hằng	Nữ	28/01/1996				Giỏi	1813036	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28966	2266-K20D		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	31/10/1996				Khá	1813037	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28967	2267-K20D		Đặng Thị Phương	Linh	Nữ	27/04/1996				Trung bình	1813038	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28968	2268-K20D		Trần Thị	Mai	Nữ	22/12/1996				Khá	1813039	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28969	2269-K20D		Đinh Thị Minh	Nguyệt	Nữ	14/03/1996				Trung bình	1813040	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28970	2270-K21D		Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	05/09/1996				Khá	1813041	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	664/QĐ-ĐHTM NGÀY 21/5/2019	
28971	2609-K51H1		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	21/05/1997				Khá	1813380	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28972	2610-K51H1		Phạm Văn	Cường	Nam	28/08/1997				Khá	1813381	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28973	2611-K51H1		Hoàng Xuân	Diễm	Nữ	01/02/1997				Khá	1813382	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28974	2612-K51H1		Lê Thị Thùy	Dương	Nữ	08/06/1997				Khá	1813383	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28975	2613-K51H1		Chu Hải	Giang	Nữ	28/12/1997				Khá	1813384	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28976	2614-K51H1		Bùi Hoàng	Hà	Nam	12/12/1997				Khá	1813385	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28977	2615-K51H1		Nguyễn Đăng Thu	Hà	Nữ	12/08/1997				Khá	1813386	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28978	2616-K51H1		Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	17/07/1997				Khá	1813387	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28979	2617-K51H1		Tạ Thị Khánh	Hòa	Nữ	26/03/1997				Khá	1813388	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28980	2618-K51H1		Nguyễn Phương	Huệ	Nữ	22/04/1997				Khá	1813389	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28981	2619-K51H1		Phạm Thị Quỳnh	Mai	Nữ	16/01/1997				Trung bình	1813390	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28982	2620-K51H1		Phùng Đức	Minh	Nam	12/11/1997				Giỏi	1813391	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28983	2621-K51H1		Nguyễn Thị Thanh	Nam	Nữ	12/10/1997				Khá	1813392	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28984	2622-K51H1		Lèo Thị	Ngọc	Nữ	29/11/1997				Khá	1813393	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28985	2623-K51H1		Trần Như	Ngọc	Nữ	02/09/1996				Khá	1813394	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28986	2624-K51H1		Trần Lan	Nhi	Nữ	14/10/1997				Khá	1813395	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
28987	2625-K51H1		Tống Thị Khánh	Ninh	Nữ	22/10/1997				Khá	1813396	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28988	2626-K51H1		Trần Thị	Phương	Nữ	20/05/1997				Khá	1813397	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28989	2627-K51H1		Đỗ Cao	Quý	Nam	17/12/1997				Khá	1813398	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28990	2628-K51H1		Lê Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	06/01/1997				Khá	1813399	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28991	2629-K51H1		Nguyễn Tú	Quỳnh	Nữ	16/06/1997				Khá	1813400	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28992	2630-K51H1		Trương Đông	Sơn	Nam	08/02/1997				Trung bình	1813401	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28993	2631-K51H1		Đới Thị	Tâm	Nữ	10/05/1997				Khá	1813402	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28994	2632-K51H1		Phạm Phương	Thảo	Nữ	28/04/1997				Trung bình	1813403	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28995	2633-K51H1		Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	15/09/1997				Khá	1813404	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28996	2634-K51H1		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	09/09/1997				Trung bình	1813405	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28997	2635-K51H1		Hà Thị	Trang	Nữ	02/07/1997				Khá	1813406	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28998	2636-K51H1		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	10/08/1996				Khá	1813407	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
28999	2637-K51H1		Nguyễn Thị	Vui	Nữ	13/04/1996				Khá	1813408	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29000	2638-K51H1		Vũ Hải	Yến	Nữ	04/10/1997				Khá	1813409	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29001	2639-K51H2		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	16/11/1997				Khá	1813410	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29002	2640-K51H2		Lê Thị	Chinh	Nữ	07/07/1996				Khá	1813411	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29003	2641-K51H2		Đỗ Văn	Đại	Nam	23/05/1997				Giỏi	1813412	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29004	2642-K51H2		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	02/07/1997				Giỏi	1813413	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29005	2643-K51H2		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	12/03/1997				Giỏi	1813414	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29006	2644-K51H2		Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	23/11/1997				Trung bình	1813415	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29007	2645-K51H2		Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	02/12/1997				Khá	1813416	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29008	2646-K51H2		Phạm Phương	Hoa	Nữ	11/12/1996				Khá	1813417	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29009	2647-K51H2		Đặng Thị Thúy	Hồng	Nữ	20/02/1997				Khá	1813418	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29010	2648-K51H2		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	05/07/1997				Khá	1813419	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29011	2649-K51H2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/09/1997				Khá	1813420	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29012	2650-K51H2		Trịnh Thị	Huyền	Nữ	19/07/1997				Khá	1813421	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29013	2651-K51H2		Bùi Thị	Linh	Nữ	30/07/1997				Khá	1813422	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29014	2652-K51H2		Lê Văn	Linh	Nam	20/09/1997				Khá	1813423	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29015	2653-K51H2		Nguyễn Thị Anh	Linh	Nữ	23/11/1997				Giỏi	1813424	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29016	2654-K51H2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	12/04/1997				Giỏi	1813425	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29017	2655-K51H2		Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	01/07/1997				Khá	1813426	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29018	2656-K51H2		Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	13/10/1997				Khá	1813427	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29019	2657-K51H2		Phạm Thị	Nguyệt	Nữ	15/03/1997				Khá	1813428	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29020	2658-K51H2		Trần Thị Kiều	Nhi	Nữ	01/11/1997				Giỏi	1813429	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29021	2659-K51H2		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	01/09/1997				Khá	1813430	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29022	2660-K51H2		Lều Tuyết	Quyên	Nữ	13/01/1996				Khá	1813431	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29023	2661-K51H2		Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	05/08/1997				Khá	1813432	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29024	2662-K51H2		Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	21/05/1997				Trung bình	1813433	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29025	2663-K51H2		Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	23/01/1997				Khá	1813434	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29026	2664-K51H2		Trần Thị	Thương	Nữ	20/06/1997				Khá	1813435	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29027	2665-K51H2		Trần Phương	Thủy	Nữ	25/08/1997				Khá	1813436	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29028	2666-K51H2		Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	30/09/1997				Khá	1813437	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29029	2667-K51H2		Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	10/05/1997				Khá	1813438	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29030	2668-K51H2		Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	05/07/1997				Khá	1813439	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29031	2669-K51H2		Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	06/11/1997				Khá	1813440	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29032	2670-K51H3		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	24/09/1996				Khá	1813441	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29033	2671-K51H3		Bùi Quỳnh	Châu	Nữ	25/03/1997				Khá	1813442	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29034	2672-K51H3		Bùi Thị Thùy	Dung	Nữ	20/05/1997				Khá	1813443	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29035	2673-K51H3		Nguyễn Việt	Dũng	Nam	22/01/1997				Khá	1813444	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29036	2674-K51H3		Trần Thị Hồng	Duyên	Nữ	19/02/1997				Khá	1813445	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29037	2675-K51H3		Phạm Thị	Hằng	Nữ	01/02/1997				Khá	1813446	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29038	2676-K51H3		Hà Thị	Hạnh	Nữ	07/04/1997				Khá	1813447	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29039	2677-K51H3		Đỗ Thu	Hiền	Nữ	24/06/1997				Khá	1813448	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29040	2678-K51H3		Dương Văn	Hiền	Nam	19/05/1995				Khá	1813449	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29041	2679-K51H3		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	20/09/1997				Khá	1813450	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29042	2680-K51H3		Vũ Thị	Hiền	Nữ	05/05/1997				Khá	1813451	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29043	2681-K51H3		Vũ Thị	Huệ	Nữ	25/07/1997				Khá	1813452	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29044	2682-K51H3		Lò Mạnh	Hùng	Nam	15/08/1997				Trung bình	1813453	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29045	2683-K51H3		Phạm Thị	Hường	Nữ	18/01/1996				Khá	1813454	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29046	2684-K51H3		Hà Thị Thu	Huyền	Nữ	08/05/1997				Khá	1813455	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29047	2685-K51H3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12/10/1997				Khá	1813456	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29048	2686-K51H3		Lê Việt	Khánh	Nam	02/09/1997				Khá	1813457	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29049	2687-K51H3		Trần Thị Thanh	Lam	Nữ	24/09/1997				Khá	1813458	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29050	2688-K51H3		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	14/06/1997				Giỏi	1813459	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29051	2689-K51H3		Trần Thị	Mỹ	Nữ	27/05/1996				Khá	1813460	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29052	2690-K51H3		Nguyễn Thị Hồng	Ngát	Nữ	26/06/1997				Khá	1813461	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29053	2691-K51H3		Trần Thị	Như	Nữ	09/09/1996				Khá	1813462	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29054	2692-K51H3		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/12/1997				Khá	1813463	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29055	2693-K51H3		Tạ Thanh	Quyền	Nam	29/03/1997				Trung bình	1813464	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29056	2694-K51H3		Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	05/06/1996				Khá	1813465	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29057	2695-K51H3		Phạm Thúy	Quỳnh	Nữ	12/08/1997				Khá	1813466	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29058	2696-K51H3		Nguyễn Đình	Thắng	Nam	08/02/1997				Khá	1813467	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29059	2697-K51H3		Bùi Thị	Thảo	Nữ	16/09/1997				Khá	1813468	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29060	2698-K51H3		Trần Thu	Thảo	Nữ	07/10/1997				Khá	1813469	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29061	2699-K51H3		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	28/12/1997				Khá	1813470	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29062	2700-K51H3		Vi Tường	Tiến	Nam	12/03/1997				Khá	1813471	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29063	2701-K51H3		Đỗ Kiều	Trang	Nữ	14/12/1997				Khá	1813472	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29064	2702-K51H3		Nguyễn Minh	Trang	Nữ	31/08/1997				Khá	1813473	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29065	2703-K51H3		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	08/03/1997				Khá	1813474	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29066	2704-K51H3		Vũ Xuân	Tùng	Nam	20/07/1997				Khá	1813475	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29067	2705-K51H3		Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	30/04/1997				Khá	1813476	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29068	2706-K51H4		Nguyễn Hà Ngọc	Anh	Nữ	07/11/1997				Khá	1813477	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29069	2707-K51H4		Giáp Thị Phương	Chi	Nữ	28/03/1997				Khá	1813478	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29070	2708-K51H4		Vũ Quỳnh	Chúc	Nữ	09/06/1996				Khá	1813479	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29071	2709-K51H4		Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	05/10/1997				Khá	1813480	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29072	2710-K51H4		Trần Trung	Dũng	Nam	17/05/1996				Khá	1813481	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29073	2711-K51H4		Lê Thị Minh	Hằng	Nữ	26/02/1997				Khá	1813482	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29074	2712-K51H4		Hoa Thúy	Hiền	Nữ	20/05/1997				Khá	1813483	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29075	2713-K51H4		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	13/04/1997				Khá	1813484	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29076	2714-K51H4		Tạ Công	Hiệp	Nam	29/07/1997				Khá	1813485	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29077	2715-K51H4		Đào Thị	Hoa	Nữ	03/10/1997				Giỏi	1813486	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29078	2716-K51H4		Trần Thị	Hoà	Nữ	31/05/1997				Khá	1813487	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29079	2717-K51H4		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	13/04/1997				Khá	1813488	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29080	2718-K51H4		Trần Thị	Hường	Nữ	17/09/1997				Khá	1813489	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29081	2719-K51H4		Hoàng Ngọc	Huyền	Nữ	06/07/1997				Khá	1813490	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29082	2720-K51H4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	29/06/1997				Khá	1813491	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29083	2721-K51H4		Hoàng Trung	Kiên	Nam	01/11/1997				Khá	1813492	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29084	2722-K51H4		Cao Thị Mỹ	Lệ	Nữ	09/06/1997				Khá	1813493	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29085	2723-K51H4		Phạm Phương	Mai	Nữ	13/10/1997				Khá	1813494	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29086	2724-K51H4		Phạm Lê	Minh	Nam	21/11/1997				Khá	1813495	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29087	2725-K51H4		Hà Thị	Na	Nữ	18/08/1996				Khá	1813496	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29088	2726-K51H4		Tống Thị Hồng	Ngọc	Nữ	13/11/1997				Khá	1813497	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29089	2727-K51H4		Trần Minh	Nguyệt	Nữ	28/04/1997				Khá	1813498	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29090	2728-K51H4		Mai Thị	Nhung	Nữ	05/04/1997				Khá	1813499	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29091	2729-K51H4		Nghiêm Thị Nam	Ninh	Nữ	21/11/1997				Khá	1813500	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29092	2730-K51H4		Lê Thị Minh	Phương	Nữ	25/07/1997				Trung bình	1813501	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29093	2731-K51H4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	20/05/1997				Khá	1813502	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29094	2732-K51H4		Đinh Bạt	Quý	Nam	22/09/1997				Khá	1813503	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29095	2733-K51H4		Dương Thị	Quỳnh	Nữ	02/09/1997				Khá	1813504	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29096	2734-K51H4		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	04/11/1997				Khá	1813505	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29097	2735-K51H4		Võ Hương	Quỳnh	Nữ	20/09/1997				Khá	1813506	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29098	2736-K51H4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	06/12/1995				Khá	1813507	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29099	2737-K51H4		Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	10/12/1997				Khá	1813508	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29100	2738-K51H4		Vũ Quỳnh	Thu	Nữ	25/12/1997				Khá	1813509	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29101	2739-K51H4		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	06/10/1997				Khá	1813510	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29102	2740-K51H4		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	24/11/1997				Khá	1813511	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29103	2741-K51H4		Hồ Thục	Trinh	Nữ	25/08/1997				Khá	1813512	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29104	2742-K51H4		Hoàng Quang	Trung	Nam	07/12/1997				Khá	1813513	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29105	2743-K51H4		Nguyễn ánh	Tuyết	Nữ	18/09/1997				Khá	1813514	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29106	2744-K51H4		Vũ Hồng	Vân	Nữ	29/08/1997				Giỏi	1813515	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29107	2745-K51H4		Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	01/04/1997				Khá	1813516	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29108	2746-K51H5		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	03/10/1997				Khá	1813517	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29109	2747-K51H5		Trần Ngọc Hoàng	Anh	Nữ	20/11/1997				Khá	1813518	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29110	2748-K51H5		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	07/12/1997				Khá	1813519	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29111	2749-K51H5		Trần Thị	Hà	Nữ	08/07/1997				Khá	1813520	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29112	2750-K51H5		Phạm Thị	Hằng	Nữ	20/08/1995				Khá	1813521	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29113	2751-K51H5		Nguyễn Minh	Hiền	Nữ	26/07/1997				Xuất sắc	1813522	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29114	2752-K51H5		Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	08/01/1997				Trung bình	1813523	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29115	2753-K51H5		Đoàn Ngọc	Huyền	Nữ	15/09/1997				Khá	1813524	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29116	2754-K51H5		Cao Thị Mỹ	Linh	Nữ	11/09/1997				Khá	1813525	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29117	2755-K51H5		Vũ Thị Khánh	Linh	Nữ	26/11/1997				Khá	1813526	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29118	2756-K51H5		Hoàng Thu	Mai	Nữ	09/12/1997				Khá	1813527	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29119	2757-K51H5		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	08/03/1997				Khá	1813528	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29120	2758-K51H5		Đỗ Thị	Ngọc	Nữ	27/03/1997				Khá	1813529	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29121	2759-K51H5		Ngô Thị	Nhung	Nữ	06/11/1997				Khá	1813530	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29122	2760-K51H5		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	04/02/1997				Khá	1813532	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29123	2761-K51H5		Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	07/01/1997				Khá	1813531	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29124	2762-K51H5		Trần Phương	Thảo	Nữ	22/10/1997				Khá	1813533	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29125	2763-K51H5		Trương Thị Hoài	Thương	Nữ	27/01/1997				Khá	1813534	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29126	2764-K51H5		Hà Quỳnh	Trang	Nữ	06/06/1997				Khá	1813535	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29127	2765-K51H5		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	29/10/1997				Khá	1813536	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29128	2766-K51H5		Phạm Thị Kiều	Trang	Nữ	14/05/1997				Khá	1813537	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29129	2767-K51H5		Trần Thị	Vui	Nữ	09/11/1997				Khá	1813538	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29130	2768-K51H6		Đỗ Hải	Anh	Nữ	11/01/1996				Trung bình	1813539	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29131	2769-K51H6		Đoàn Thị	Cúc	Nữ	17/11/1996				Khá	1813540	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29132	2770-K51H6		Nguyễn Thị	Đinh	Nữ	12/11/1997				Khá	1813541	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29133	2771-K51H6		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	28/02/1997				Khá	1813542	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29134	2772-K51H6		Vũ Thị	Hằng	Nữ	22/06/1997				Khá	1813543	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29135	2773-K51H6		Phan Thị Thu	Hiền	Nữ	17/07/1996				Khá	1813544	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29136	2774-K51H6		Nguyễn Thị Hồng	Huê	Nữ	12/04/1997				Khá	1813545	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29137	2775-K51H6		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	26/03/1996				Khá	1813546	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29138	2776-K51H6		Vũ Thị Thúy	Hương	Nữ	21/03/1997				Khá	1813547	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29139	2777-K51H6		Nguyễn Lê Ngọc	Huyền	Nữ	23/04/1997				Khá	1813548	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29140	2778-K51H6		Phạm Hồng	Liên	Nữ	28/08/1997				Trung bình	1813549	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29141	2779-K51H6		Ngô Mỹ Tú	Linh	Nữ	11/12/1996				Khá	1813550	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29142	2780-K51H6		Bùi Thị	Mai	Nữ	29/01/1996				Khá	1813551	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29143	2781-K51H6		Nguyễn Thị Phương	Mai	Nữ	22/04/1997				Giỏi	1813552	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29144	2782-K51H6		Vũ Thảo	My	Nữ	02/02/1997				Trung bình	1813553	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29145	2783-K51H6		Đàm Thị	Nga	Nữ	19/06/1997				Giỏi	1813554	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29146	2784-K51H6		Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	09/06/1997				Giỏi	1813555	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29147	2785-K51H6		Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	16/03/1997				Khá	1813556	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29148	2786-K51H6		Phạm ánh	Ngọc	Nữ	30/08/1997				Trung bình	1813557	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29149	2787-K51H6		Trần Thị Thanh	Nhàn	Nữ	01/03/1997				Khá	1813558	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29150	2788-K51H6		Lê Thị	Thảo	Nữ	17/04/1997				Khá	1813559	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29151	2789-K51H6		Lê Thị	Thơm	Nữ	01/03/1997				Khá	1813560	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29152	2790-K51H6		Đặng Thị	Thúy	Nữ	28/04/1997				Khá	1813561	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29153	2791-K51H6		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	06/11/1996				Giỏi	1813562	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29154	2792-K51H6		Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	12/02/1997				Khá	1813563	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29155	2793-K51H6		Nguyễn Thục	Trang	Nữ	15/09/1997				Khá	1813564	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29156	2794-K51H6		Hoàng Ngọc	Tú	Nữ	15/05/1997				Khá	1813565	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29157	2795-K51H6		Vũ Thị Thu	Thảo	Nữ	20/12/1996				Khá	1813566	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29158	2796-K50H1		Nguyễn Điền	Phong	Nam	08/03/1996				Trung bình	1813567	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29159	2797-K50H1		Lê Xuân	Toàn	Nam	05/09/1996				Trung bình	1813568	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29160	2798-K50H3		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	12/01/1996				Trung bình	1813569	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29161	2799-K50H4		Trần Bảo	Trung	Nam	05/04/1992				Khá	1813570	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29162	2800-K50H6		Nguyễn Thị Ngọc	Hồng	Nữ	02/02/1995				Khá	1813571	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29163	2801-K19H		Ngô Duy	Anh	Nam	15/10/1995				Khá	1813572	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29164	2802-K19H		Vũ Thùy	Dung	Nữ	18/05/1995				Trung bình	1813573	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29165	2803-K20H		Đặng Tiến	Đông	Nam	17/03/1996				Khá	1813574	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	667/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29166	2297-K51N1		Nguyễn Việt	An	Nữ	06/10/1997				Khá	1813068	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29167	2298-K51N1		Nguyễn Lê Minh	Anh	Nữ	21/02/1997				Giỏi	1813069	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29168	2299-K51N1		Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	31/05/1997				Khá	1813070	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29169	2300-K51N1		Trần Ngọc	ánh	Nữ	15/08/1997				Khá	1813071	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29170	2301-K51N1		Cành Thị Tuyết	Chinh	Nữ	07/08/1997				Khá	1813072	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29171	2302-K51N1		Nguyễn Thị	Đảm	Nữ	10/04/1997				Khá	1813073	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29172	2303-K51N1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	15/04/1997				Khá	1813074	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29173	2304-K51N1		Đỗ Thị Bích	Duyên	Nữ	10/12/1997				Khá	1813075	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29174	2305-K51N1		Trần Thị	Hà	Nữ	24/10/1997				Khá	1813076	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29175	2306-K51N1		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	15/09/1996				Khá	1813077	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29176	2307-K51N1		Lâm Thị	Hạnh	Nữ	04/12/1997				Khá	1813078	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29177	2308-K51N1		Đặng Thị	Hiền	Nữ	19/11/1997				Khá	1813079	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29178	2309-K51N1		Hoàng Thị	Hoa	Nữ	11/08/1997				Khá	1813080	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29179	2310-K51N1		Hồ Thị	Hoài	Nữ	05/09/1997				Khá	1813081	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29180	2311-K51N1		Chu Thị Thu	Hồng	Nữ	24/03/1997				Khá	1813082	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29181	2312-K51N1		Đỗ Thị	Huê	Nữ	18/06/1996				Trung bình	1813083	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29182	2313-K51N1		Trần Thu	Huệ	Nữ	26/04/1997				Khá	1813084	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29183	2314-K51N1		Nguyễn Thùy	Hương	Nữ	08/10/1997				Khá	1813085	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29184	2315-K51N1		Vũ Thị Lan	Hương	Nữ	30/11/1997				Khá	1813086	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29185	2316-K51N1		Lê Thị	Huyền	Nữ	14/04/1996				Trung bình	1813087	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29186	2317-K51N1		Nguyễn Thị	Lê	Nữ	18/02/1996				Khá	1813088	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29187	2318-K51N1		Lê Thị	Linh	Nữ	19/02/1997				Khá	1813089	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29188	2319-K51N1		Mạc Thị	Loan	Nữ	08/05/1997				Khá	1813090	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29189	2320-K51N1		Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	20/08/1997				Trung bình	1813091	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29190	2321-K51N1		Trần Thị Thảo	Nguyên	Nữ	05/10/1996				Trung bình	1813092	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29191	2322-K51N1		Đặng Văn	Nho	Nam	23/10/1997				Khá	1813093	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29192	2323-K51N1		Trương Thị	Nhung	Nữ	31/03/1997				Khá	1813094	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29193	2324-K51N1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	29/08/1997				Khá	1813095	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29194	2325-K51N1		Đinh Thị	Quyên	Nữ	23/08/1997				Khá	1813096	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29195	2326-K51N1		Phạm Thị	Thanh	Nữ	27/08/1997				Khá	1813097	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29196	2327-K51N1		Vũ Thị	Thảo	Nữ	23/11/1997				Khá	1813098	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29197	2328-K51N1		Lương Thị	Thu	Nữ	30/03/1997				Khá	1813099	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29198	2329-K51N1		Lưu Thị	Thư	Nữ	04/12/1997				Khá	1813100	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29199	2330-K51N1		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	12/02/1997				Khá	1813101	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29200	2331-K51N1		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	13/09/1997				Khá	1813102	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29201	2332-K51N1		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	09/09/1997				Khá	1813103	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29202	2333-K51N1		Vũ Thị	Trinh	Nữ	23/09/1997				Khá	1813104	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29203	2334-K51N1		Lê Thị	Tuyết	Nữ	03/04/1997				Khá	1813105	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29204	2335-K51N1		Trương Tố	Uyên	Nữ	30/03/1997				Trung bình	1813106	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29205	2336-K51N1		Đinh Mai Hà	Vi	Nữ	24/04/1997				Khá	1813107	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29206	2337-K51N2		Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	25/07/1997				Khá	1813108	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29207	2338-K51N2		Phạm Thị Quỳnh	Diệu	Nữ	03/11/1997				Khá	1813109	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29208	2339-K51N2		Cao Đình	Đức	Nam	14/03/1997				Khá	1813110	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29209	2340-K51N2		Vũ Thị Kim	Dung	Nữ	16/10/1997				Khá	1813111	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29210	2341-K51N2		Danh Thị	Hà	Nữ	13/01/1997				Giỏi	1813112	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29211	2342-K51N2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	10/02/1996				Khá	1813113	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29212	2343-K51N2		Nguyễn Thị Kim	Hiền	Nữ	26/02/1997				Khá	1813114	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29213	2344-K51N2		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	01/01/1997				Khá	1813115	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29214	2345-K51N2		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	26/04/1997				Khá	1813116	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29215	2346-K51N2		Đinh Thị	Hồng	Nữ	23/05/1997				Khá	1813117	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29216	2347-K51N2		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	09/10/1997				Khá	1813118	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29217	2348-K51N2		Hà Thị	Hương	Nữ	25/03/1997				Khá	1813119	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29218	2349-K51N2		Lê Thị	Hường	Nữ	31/07/1997				Khá	1813120	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29219	2350-K51N2		Lò Văn	Hướng	Nam	25/12/1995				Khá	1813121	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29220	2351-K51N2		Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	04/01/1997				Khá	1813122	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29221	2352-K51N2		Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	02/09/1997				Khá	1813123	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29222	2353-K51N2		Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	02/02/1996				Khá	1813124	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29223	2354-K51N2		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	06/06/1997				Khá	1813125	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29224	2355-K51N2		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	22/03/1997				Khá	1813126	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29225	2356-K51N2		Đoàn Thị	Ngoan	Nữ	08/10/1997				Khá	1813127	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29226	2357-K51N2		Ngô Thị	Nguyệt	Nữ	15/10/1997				Khá	1813128	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29227	2358-K51N2		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/06/1997				Khá	1813129	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29228	2359-K51N2		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	19/08/1997				Khá	1813130	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29229	2360-K51N2		Trương Thị	Sen	Nữ	02/08/1997				Khá	1813131	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29230	2361-K51N2		Phan Ngọc	Sơn	Nam	04/02/1997				Khá	1813132	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29231	2362-K51N2		Phạm Thị	Thanh	Nữ	15/08/1997				Khá	1813133	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29232	2363-K51N2		Nguyễn Quỳnh	Thu	Nữ	25/12/1997				Khá	1813134	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29233	2364-K51N2		Nguyễn Thị	Thư	Nữ	19/11/1997				Khá	1813135	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29234	2365-K51N2		Lê Thị	Thùy	Nữ	10/03/1997				Trung bình	1813136	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29235	2366-K51N2		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	01/02/1997				Khá	1813137	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29236	2367-K51N2		Đậu Thị	Tú	Nữ	23/07/1997				Khá	1813138	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29237	2368-K51N2		Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	08/07/1997				Khá	1813139	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29238	2369-K51N2		Nguyễn Thị	Vui	Nữ	15/06/1997				Khá	1813140	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29239	2370-K51N3		Hoàng Mỹ	Anh	Nữ	18/05/1996				Khá	1813141	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29240	2371-K51N3		Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	28/08/1996				Khá	1813142	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29241	2372-K51N3		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	04/08/1997				Khá	1813143	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29242	2373-K51N3		Vũ Thị Kim	Anh	Nữ	19/04/1997				Khá	1813144	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29243	2374-K51N3		Phạm Thị	Chinh	Nữ	09/01/1997				Khá	1813145	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29244	2375-K51N3		Hồ Phương	Dung	Nữ	21/04/1997				Khá	1813146	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29245	2376-K51N3		Nguyễn Thị Bạch	Dược	Nữ	31/08/1997				Khá	1813147	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29246	2377-K51N3		Vũ Thị Thanh	Duyên	Nữ	08/02/1997				Khá	1813148	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29247	2378-K51N3		Hoàng Thị Ngọc	Hà	Nữ	25/10/1997				Khá	1813149	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29248	2379-K51N3		Phương Thu	Hằng	Nữ	19/05/1997				Khá	1813150	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29249	2380-K51N3		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	27/12/1996				Khá	1813151	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29250	2381-K51N3		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	03/03/1997				Khá	1813152	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29251	2382-K51N3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	16/09/1997				Khá	1813153	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29252	2383-K51N3		Võ Thị	Hoan	Nữ	12/09/1996				Khá	1813154	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29253	2384-K51N3		Mai ánh	Hồng	Nữ	19/07/1997				Khá	1813155	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29254	2385-K51N3		Mạc Thị	Huệ	Nữ	02/06/1997				Khá	1813156	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29255	2386-K51N3		Lương Thị	Hương	Nữ	11/08/1997				Khá	1813157	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29256	2387-K51N3		Phạm Thị	Hương	Nữ	23/08/1997				Khá	1813158	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29257	2388-K51N3		Phạm Thị	Hường	Nữ	04/09/1997				Giỏi	1813159	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29258	2389-K51N3		Nguyễn	Huy	Nam	02/01/1997				Trung bình	1813160	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29259	2390-K51N3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	01/09/1997				Khá	1813161	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29260	2391-K51N3		Trần Văn	Huyền	Nữ	25/09/1997				Khá	1813162	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29261	2392-K51N3		Đào Thị	Lệ	Nữ	21/10/1997				Khá	1813163	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29262	2393-K51N3		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	28/08/1997				Khá	1813164	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29263	2394-K51N3		Quách Khánh	Linh	Nữ	30/05/1997				Khá	1813165	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29264	2395-K51N3		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	24/05/1997				Khá	1813166	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29265	2396-K51N3		Nguyễn Hoài	Nam	Nữ	15/09/1997				Trung bình	1813167	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29266	2397-K51N3		Bùi Thị	Ngọc	Nữ	24/02/1997				Khá	1813168	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29267	2398-K51N3		Đỗ Thị Thúy	Ninh	Nữ	27/10/1997				Khá	1813169	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29268	2399-K51N3		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	18/12/1997				Khá	1813170	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29269	2400-K51N3		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	21/11/1997				Khá	1813171	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29270	2401-K51N3		Hoàng Thị	Tâm	Nữ	18/09/1997				Khá	1813172	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29271	2402-K51N3		Bùi Thị	Thảo	Nữ	08/01/1997				Khá	1813173	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29272	2403-K51N3		Phan Thị Thu	Thảo	Nữ	26/08/1997				Trung bình	1813174	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29273	2404-K51N3		Vũ Thu	Thảo	Nữ	14/11/1997				Khá	1813175	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29274	2405-K51N3		Trịnh Thị	Thùy	Nữ	25/01/1997				Khá	1813176	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29275	2406-K51N3		Nguyễn Thị	Tứ	Nữ	04/09/1997				Khá	1813177	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29276	2407-K51N3		Trần Thị	Tuyết	Nữ	26/09/1997				Khá	1813178	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29277	2408-K51N3		Mai Thị Thúy	Vân	Nữ	06/08/1997				Khá	1813179	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29278	2409-K51N3		Phạm Thị	Xoan	Nữ	20/10/1997				Khá	1813180	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29279	2410-K51N4		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	27/11/1997				Khá	1813181	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29280	2411-K51N4		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	27/11/1997				Khá	1813182	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29281	2412-K51N4		Nguyễn Thị Minh	Chang	Nữ	09/05/1997				Khá	1813183	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29282	2413-K51N4		Lê Thị Phương	Dung	Nữ	20/05/1997				Khá	1813184	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29283	2414-K51N4		Phạm Thùy	Dung	Nữ	29/10/1996				Khá	1813185	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29284	2415-K51N4		Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	09/07/1997				Khá	1813186	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29285	2416-K51N4		Cao Thị	Hằng	Nữ	12/03/1997				Khá	1813187	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29286	2417-K51N4		Phạm Thanh	Hiền	Nữ	04/12/1997				Khá	1813188	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29287	2418-K51N4		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/11/1997				Khá	1813189	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29288	2419-K51N4		Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	20/03/1997				Khá	1813190	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29289	2420-K51N4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	26/06/1997				Khá	1813191	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29290	2421-K51N4		Đinh Thị	Lan	Nữ	23/02/1997				Khá	1813192	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29291	2422-K51N4		Vũ Thị	Lệ	Nữ	08/01/1997				Khá	1813193	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29292	2423-K51N4		Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	23/07/1997				Khá	1813194	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29293	2424-K51N4		Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	27/07/1997				Khá	1813195	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29294	2425-K51N4		Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	30/12/1997				Khá	1813196	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29295	2426-K51N4		Xuân Thị	Nga	Nữ	08/08/1996				Khá	1813197	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29296	2427-K51N4		Phạm Thị	Ninh	Nữ	01/02/1997				Khá	1813198	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29297	2428-K51N4		Vũ Thị	Phương	Nữ	10/02/1997				Khá	1813199	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29298	2429-K51N4		Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	08/05/1997				Khá	1813200	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29299	2430-K51N4		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	15/02/1997				Khá	1813201	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29300	2431-K51N4		Đỗ Thị	Thảo	Nữ	01/11/1997				Khá	1813202	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29301	2432-K51N4		Trần Thị	Thảo	Nữ	28/12/1997				Khá	1813203	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29302	2433-K51N4		Trần Hà	Thi	Nữ	04/11/1997				Khá	1813204	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29303	2434-K51N4		Chử Thu	Thương	Nữ	09/02/1997				Khá	1813205	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29304	2435-K51N4		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	25/11/1997				Khá	1813206	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29305	2436-K51N4		Trần Thị	Tình	Nữ	20/06/1997				Trung bình	1813207	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29306	2437-K51N4		Trần Thùy	Trang	Nữ	01/10/1997				Khá	1813208	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29307	2438-K51N4		Đào Thị Hồng	Tuyên	Nữ	06/09/1996				Khá	1813209	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29308	2439-K51N5		Trần Mỹ	Châu	Nữ	29/07/1997				Khá	1813210	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29309	2440-K51N5		Đỗ Thị	Cúc	Nữ	12/12/1997				Khá	1813211	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29310	2441-K51N5		Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	04/05/1997				Khá	1813212	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29311	2442-K51N5		Hoàng Minh	Giang	Nữ	30/12/1997				Khá	1813213	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29312	2443-K51N5		Lê Thu	Hằng	Nữ	06/06/1997				Khá	1813214	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29313	2444-K51N5		Đào Thị	Hoa	Nữ	04/10/1997				Khá	1813215	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29314	2445-K51N5		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	27/07/1996				Khá	1813216	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29315	2446-K51N5		Hoàng Thị	Hoàn	Nữ	10/10/1997				Khá	1813217	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29316	2447-K51N5		Nguyễn Thị Xuân	Hồng	Nữ	21/11/1997				Khá	1813218	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29317	2448-K51N5		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	12/04/1997				Khá	1813219	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29318	2449-K51N5		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	28/10/1997				Giỏi	1813220	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29319	2450-K51N5		Phùng Thị Hải	Hương	Nữ	21/09/1997				Khá	1813221	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29320	2451-K51N5		Đoàn Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/10/1997				Khá	1813222	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29321	2452-K51N5		Hoàng Thị	Liên	Nữ	02/09/1997				Khá	1813223	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29322	2453-K51N5		Vũ Thùy	Linh	Nữ	30/04/1997				Khá	1813224	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29323	2454-K51N5		Nguyễn Thị Mai	Ly	Nữ	24/09/1997				Khá	1813225	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29324	2455-K51N5		Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	29/10/1997				Khá	1813226	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29325	2456-K51N5		Hoàng Thị	Ngân	Nữ	11/11/1997				Giỏi	1813227	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29326	2457-K51N5		Đào Mai	Nhung	Nữ	22/11/1997				Khá	1813228	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29327	2458-K51N5		Trần Thị	Quỳnh	Nữ	10/05/1997				Khá	1813229	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29328	2459-K51N5		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	13/07/1997				Khá	1813230	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29329	2460-K51N5		Trần Thị Xuân	Thảo	Nữ	25/12/1997				Khá	1813231	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29330	2461-K51N5		Hà Minh	Thu	Nữ	01/09/1997				Khá	1813232	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29331	2462-K51N5		Đặng Thanh	Thư	Nữ	26/05/1997				Khá	1813233	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29332	2463-K51N5		Đinh Thị	Thương	Nữ	23/04/1997				Khá	1813234	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29333	2464-K51N5		Nguyễn Thị	Trà	Nữ	07/08/1997				Khá	1813235	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29334	2465-K51N5		Bùi Thị Phương	Trinh	Nữ	04/09/1997				Khá	1813236	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29335	2466-K51N5		Bùi Thị	Uyên	Nữ	01/02/1997				Khá	1813237	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29336	2467-K51N5		Hà Thị	Yến	Nữ	01/01/1997				Khá	1813238	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29337	2468-K51N6		Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	21/01/1997				Khá	1813239	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29338	2469-K51N6		Nghiêm Thị Thùy	Dung	Nữ	31/03/1997				Trung bình	1813240	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29339	2470-K51N6		Vũ Thị Thùy	Dương	Nữ	23/04/1997				Khá	1813241	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29340	2471-K51N6		Nguyễn Thị Thanh	Giang	Nữ	30/05/1997				Khá	1813242	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29341	2472-K51N6		Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	06/02/1997				Giỏi	1813243	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29342	2473-K51N6		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	27/08/1997				Khá	1813244	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29343	2474-K51N6		Phạm Quốc	Hiệp	Nam	11/11/1997				Khá	1813245	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29344	2475-K51N6		Đoàn Thị	Hoa	Nữ	21/12/1997				Khá	1813246	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29345	2476-K51N6		Hà Thị	Hoài	Nữ	14/12/1997				Khá	1813247	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29346	2477-K51N6		Trần Thị Minh	Huệ	Nữ	24/10/1997				Khá	1813248	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29347	2478-K51N6		Tạ Quỳnh	Hương	Nữ	06/12/1997				Khá	1813249	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29348	2479-K51N6		Hoàng Thị Thu	Huyền	Nữ	20/07/1997				Khá	1813250	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29349	2480-K51N6		Tiêu Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23/11/1997				Giỏi	1813251	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29350	2481-K51N6		Trần Thị	Lành	Nữ	22/10/1997				Khá	1813252	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29351	2482-K51N6		Doãn Thị	Loan	Nữ	23/08/1997				Khá	1813253	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29352	2483-K51N6		Hoàng Minh	Lý	Nữ	07/03/1997				Khá	1813254	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29353	2484-K51N6		Phạm Thị	Mơ	Nữ	20/10/1997				Khá	1813255	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29354	2485-K51N6		Phạm Thị Thúy	Ngọc	Nữ	24/11/1997				Khá	1813256	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29355	2486-K51N6		Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	14/10/1997				Khá	1813257	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29356	2487-K51N6		Vũ Thị Mỹ	Thảo	Nữ	29/07/1996				Khá	1813258	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29357	2488-K51N6		Nguyễn Thị Thu	Thương	Nữ	14/12/1997				Khá	1813259	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29358	2489-K51N6		Lê Thị Uyên	Trang	Nữ	25/10/1997				Khá	1813260	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29359	2490-K51N6		Lương Thị	Trinh	Nữ	28/12/1997				Khá	1813261	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29360	2491-K51N6		Đinh Thị Thu	Uyên	Nữ	14/11/1997				Khá	1813262	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29361	2492-K51N6		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	08/04/1997				Khá	1813263	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29362	2493-K51N6		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	08/10/1997				Khá	1813264	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29363	2494-K50N1		Lê Thu	Trang	Nữ	18/09/1996				Trung bình	1813265	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29364	2495-K50N3		Phạm Thị	Hoa	Nữ	08/05/1996				Trung bình	1813266	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29365	2496-K50N4		Nguyễn Thị	Thêm	Nữ	06/09/1996				Trung bình	1813267	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29366	2497-K50N5		Bùi Thị Hải	Hường	Nữ	06/11/1996				Trung bình	1813268	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29367	2498-K49N2		Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	06/12/1995				Trung bình	1813269	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	665/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29368	2499-K51S1		Bùi Thị Vân	Anh	Nữ	16/10/1997				Khá	1813270	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29369	2500-K51S1		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22/06/1997				Khá	1813271	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29370	2501-K51S1		Bùi Minh	Châu	Nữ	12/07/1997				Khá	1813272	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29371	2502-K51S1		Vũ Thị	Chính	Nữ	11/07/1997				Khá	1813273	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29372	2503-K51S1		Trần Thị	Dịu	Nữ	09/05/1997				Khá	1813274	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29373	2504-K51S1		Đinh Minh	Đức	Nam	08/11/1997				Khá	1813275	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29374	2505-K51S1		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	19/10/1997				Khá	1813276	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29375	2506-K51S1		Đinh Thị Mỹ	Duyên	Nữ	21/10/1997				Khá	1813277	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29376	2507-K51S1		Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	11/02/1997				Khá	1813278	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29377	2508-K51S1		Bùi Thị	Hạnh	Nữ	28/08/1997				Khá	1813279	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29378	2509-K51S1		Lương Thị	Hiền	Nữ	10/05/1997				Xuất sắc	1813280	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29379	2510-K51S1		Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	06/08/1997				Khá	1813281	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29380	2511-K51S1		Lương Văn	Huân	Nam	03/03/1996				Khá	1813282	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29381	2512-K51S1		Vũ Thị Quỳnh	Hương	Nữ	14/12/1997				Khá	1813283	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29382	2513-K51S1		Phạm Thị Phương	Lan	Nữ	04/05/1997				Khá	1813284	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29383	2514-K51S1		Phạm Phương	Linh	Nữ	07/12/1997				Khá	1813285	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29384	2515-K51S1		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	07/12/1997				Khá	1813286	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29385	2516-K51S1		Lê Hoàng	Long	Nam	21/11/1997				Khá	1813287	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29386	2517-K51S1		Hoàng Thị	Lý	Nữ	05/10/1997				Trung bình	1813288	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29387	2518-K51S1		Nguyễn Xuân	Minh	Nam	25/01/1996				Trung bình	1813289	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29388	2519-K51S1		Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	30/11/1997				Khá	1813290	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29389	2520-K51S1		Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	22/11/1997				Khá	1813291	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29390	2521-K51S1		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	13/11/1996				Khá	1813292	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29391	2522-K51S1		Lê Sỹ	Quyền	Nam	06/05/1996				Khá	1813293	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29392	2523-K51S1		Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	28/09/1997				Khá	1813294	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29393	2524-K51S1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	25/09/1997				Khá	1813295	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29394	2525-K51S1		Trần Thị	Trinh	Nữ	12/11/1997				Khá	1813296	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29395	2526-K51S1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	08/01/1997				Khá	1813297	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29396	2527-K51S1		Nguyễn Thúy	Vân	Nữ	22/02/1997				Khá	1813298	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29397	2528-K51S1		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	22/10/1997				Khá	1813299	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29398	2529-K51S2		Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	28/09/1997				Khá	1813300	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29399	2530-K51S2		Đinh Thị Thu	Chinh	Nữ	03/05/1997				Khá	1813301	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29400	2531-K51S2		Phạm Thị Thu	Cúc	Nữ	26/08/1997				Khá	1813302	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29401	2532-K51S2		Lê Phương	Dung	Nữ	02/07/1997				Khá	1813303	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29402	2533-K51S2		Ngô Thị Thùy	Dương	Nữ	18/10/1997				Trung bình	1813304	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29403	2534-K51S2		Vũ Hương	Giang	Nữ	03/02/1997				Khá	1813305	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29404	2535-K51S2		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	17/09/1997				Khá	1813306	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29405	2536-K51S2		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	10/06/1997				Khá	1813307	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29406	2537-K51S2		Mai Thị	Hòa	Nữ	10/02/1997				Khá	1813308	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29407	2538-K51S2		Nguyễn Như	Hoàng	Nam	29/05/1997				Trung bình	1813309	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29408	2539-K51S2		Lê Thị Mai	Hương	Nữ	16/07/1997				Khá	1813310	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29409	2540-K51S2		Lê Thị Khánh	Huyền	Nữ	19/11/1997				Khá	1813311	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29410	2541-K51S2		Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	17/03/1997				Khá	1813312	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29411	2542-K51S2		Phạm Thị Hồng	Loan	Nữ	04/03/1997				Khá	1813313	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29412	2543-K51S2		Trần Thị	Lưu	Nữ	10/03/1997				Trung bình	1813314	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29413	2544-K51S2		Nguyễn Thị	Mến	Nữ	15/09/1997				Khá	1813315	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29414	2545-K51S2		Trần Thị	Nga	Nữ	30/01/1997				Khá	1813316	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29415	2546-K51S2		Phùng Thị	Ngọc	Nữ	09/03/1997				Khá	1813317	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29416	2547-K51S2		Trương Thị	Nhàn	Nữ	30/05/1996				Trung bình	1813318	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29417	2548-K51S2		Lê Chí	Quang	Nam	06/12/1997				Khá	1813319	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29418	2549-K51S2		Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	28/01/1997				Khá	1813320	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29419	2550-K51S2		Lê Văn	Sơn	Nam	25/04/1997				Khá	1813321	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29420	2551-K51S2		Đỗ Thị Minh	Thắm	Nữ	17/03/1997				Khá	1813322	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29421	2552-K51S2		Trịnh Thị	Thanh	Nữ	19/07/1997				Khá	1813323	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29422	2553-K51S2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	06/02/1997				Khá	1813324	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29423	2554-K51S2		Vũ Thành	Trai	Nam	09/05/1995				Khá	1813325	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29424	2555-K51S2		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	19/10/1995				Khá	1813326	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29425	2556-K51S2		Phạm Văn	Tú	Nam	07/10/1997				Trung bình	1813327	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29426	2557-K51S2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	02/09/1997				Khá	1813328	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29427	2558-K51S2		Đỗ Thị Như	ý	Nữ	26/03/1997				Khá	1813329	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29428	2559-K51S3		Dương Quỳnh	Anh	Nữ	03/12/1997				Khá	1813330	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29429	2560-K51S3		Trần Thị Vân	Anh	Nữ	02/11/1997				Khá	1813331	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29430	2561-K51S3		Nguyễn Thị Thái	Bình	Nữ	10/12/1997				Giỏi	1813332	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29431	2562-K51S3		Nguyễn Thị Quỳnh	Diễm	Nữ	25/10/1997				Khá	1813333	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29432	2563-K51S3		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	28/11/1997				Khá	1813334	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29433	2564-K51S3		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	22/01/1997				Giỏi	1813335	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29434	2565-K51S3		Chu Ngọc	Hà	Nữ	09/12/1997				Khá	1813336	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29435	2566-K51S3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	05/04/1997				Khá	1813337	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29436	2567-K51S3		Phạm Lê	Hoàng	Nam	16/09/1997				Trung bình	1813338	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29437	2568-K51S3		Phạm Thị	Huyền	Nữ	28/12/1997				Khá	1813339	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29438	2569-K51S3		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	03/06/1997				Khá	1813340	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29439	2570-K51S3		Trịnh Thị	Linh	Nữ	07/03/1997				Khá	1813341	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29440	2571-K51S3		Hồ Thị	Mai	Nữ	01/07/1997				Khá	1813342	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29441	2572-K51S3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	05/10/1997				Khá	1813343	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29442	2573-K51S3		Quách Thị Thu	Ngà	Nữ	09/08/1997				Khá	1813344	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29443	2574-K51S3		Lê Thị	Nguyệt	Nữ	15/06/1997				Khá	1813345	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29444	2575-K51S3		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	28/08/1997				Khá	1813346	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29445	2576-K51S3		Phan Thị	Thắm	Nữ	03/04/1997				Khá	1813347	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29446	2577-K51S3		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	24/02/1997				Trung bình	1813348	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29447	2578-K51S3		Vi Thị	Yên	Nữ	03/02/1997				Khá	1813349	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29448	2579-K51S4		Nguyễn Phương	Chi	Nữ	31/10/1997				Khá	1813350	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29449	2580-K51S4		Nguyễn Hải	Đăng	Nam	11/09/1995				Khá	1813351	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29450	2581-K51S4		Lê Thùy	Dung	Nữ	07/08/1997				Khá	1813352	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29451	2582-K51S4		Nghiêm Minh	Duy	Nam	17/01/1997				Khá	1813353	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29452	2583-K51S4		Nguyễn Hương	Giang	Nữ	12/04/1997				Khá	1813354	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29453	2584-K51S4		Nguyễn Hồng	Hà	Nữ	16/11/1997				Khá	1813355	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29454	2585-K51S4		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	06/09/1997				Khá	1813356	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29455	2586-K51S4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	13/03/1997				Khá	1813357	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29456	2587-K51S4		Hoàng Thái	Hòa	Nữ	24/01/1997				Khá	1813358	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29457	2588-K51S4		Trịnh Huy	Hoàng	Nam	18/03/1997				Giỏi	1813359	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29458	2589-K51S4		Lùng Thị	Hồng	Nữ	05/09/1997				Khá	1813360	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29459	2590-K51S4		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	25/04/1997				Khá	1813361	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29460	2591-K51S4		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/07/1997				Khá	1813362	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29461	2592-K51S4		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	21/06/1997				Khá	1813363	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29462	2593-K51S4		Đặng Thị	Ngát	Nữ	20/03/1997				Khá	1813364	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29463	2594-K51S4		Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	01/06/1997				Trung bình	1813365	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29464	2595-K51S4		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	09/04/1997				Khá	1813366	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29465	2596-K51S4		Nguyễn Phương	Nhung	Nữ	03/11/1997				Khá	1813367	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29466	2597-K51S4		Vũ Quang	Phong	Nam	24/05/1997				Khá	1813368	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29467	2598-K51S4		Nguyễn Tiến	Phú	Nam	09/02/1997				Khá	1813369	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29468	2599-K51S4		Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	15/03/1997				Khá	1813370	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29469	2600-K51S4		Dương Thị	Phượng	Nữ	24/04/1997				Khá	1813371	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29470	2601-K51S4		Lê Minh	Tâm	Nữ	08/08/1997				Khá	1813372	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29471	2602-K51S4		Đỗ Thị Quỳnh	Thảo	Nữ	20/09/1997				Trung bình	1813373	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29472	2603-K51S4		Hoàng Văn	Thuận	Nam	16/05/1997				Khá	1813374	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29473	2604-K51S4		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	03/04/1997				Khá	1813375	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29474	2605-K51S4		Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	03/12/1997				Khá	1813376	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29475	2606-K51S4		Bùi Thị Hải	Yến	Nữ	17/03/1997				Khá	1813377	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29476	2607-K51S4		Đào Thị	Yến	Nữ	26/10/1997				Khá	1813378	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29477	2608-K50S8		Nguyễn Thục	Anh	Nữ	20/02/1996				Khá	1813379	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	666/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29478	746-K51B1KS		Chu Thị Minh	Anh	Nữ	07/09/1997				Khá	1654079	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29479	747-K51B1KS		Vũ Ngọc	Diệp	Nữ	23/07/1997				Khá	1654080	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29480	748-K51B1KS		Mào Thị	Diệu	Nữ	10/09/1996				Khá	1654081	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29481	749-K51B1KS		Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	09/06/1997				Khá	1654082	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29482	750-K51B1KS		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	04/03/1997				Khá	1654083	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29483	751-K51B1KS		Đặng Thị	Hằng	Nữ	18/10/1997				Khá	1654084	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29484	752-K51B1KS		Nguyễn Thị Bích	Hằng	Nữ	28/04/1997				Khá	1654085	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29485	753-K51B1KS		Trần Mỹ	Hạnh	Nữ	29/09/1997				Khá	1654086	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29486	754-K51B1KS		Phạm Hoàng	Hiếu	Nam	29/12/1997				Khá	1654087	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29487	755-K51B1KS		Đỗ Thị	Hoa	Nữ	17/09/1997				Trung bình	1654088	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29488	756-K51B1KS		Dương Thu	Hường	Nữ	01/06/1997				Khá	1654089	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29489	757-K51B1KS		Lê Thu	Huyền	Nữ	16/01/1997				Khá	1654090	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29490	758-K51B1KS		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	04/02/1997				Khá	1654091	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29491	759-K51B1KS		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	17/01/1997				Khá	1654092	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29492	760-K51B1KS		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	08/08/1997				Khá	1654093	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29493	761-K51B1KS		Bùi Thanh	Mai	Nữ	17/11/1997				Khá	1654094	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29494	762-K51B1KS		Thân Thị Thu	Nga	Nữ	04/03/1997				Khá	1654095	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29495	763-K51B1KS		Nguyễn Gia	Oanh	Nữ	29/11/1997				Giỏi	1654096	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29496	764-K51B1KS		Đỗ Thị	Phương	Nữ	11/08/1997				Khá	1654097	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29497	765-K51B1KS		Lê Thu	Quỳnh	Nữ	11/07/1997				Khá	1654098	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29498	766-K51B1KS		Vũ Thị Thanh	Tâm	Nữ	29/07/1997				Khá	1654099	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29499	767-K51B1KS		Phan Thị	Thảo	Nữ	16/02/1997				Khá	1654100	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29500	768-K51B1KS		Bùi Minh	Thu	Nữ	20/09/1997				Giỏi	1654101	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29501	769-K51B1KS		Nguyễn Minh	Thư	Nữ	21/02/1997				Khá	1654102	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29502	770-K51B1KS		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	17/07/1996				Khá	1654103	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29503	771-K51B1KS		Thiều Thị	Trang	Nữ	30/09/1997				Khá	1654104	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29504	772-K51B1KS		Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	23/08/1997				Khá	1654105	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29505	773-K51B2KS		Đào Duy	Cường	Nam	17/05/1997				Khá	1654106	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29506	774-K51B2KS		Dương Thị	Dịu	Nữ	20/05/1997				Khá	1654107	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29507	775-K51B2KS		Phạm Thị Mai	Duyên	Nữ	16/02/1997				Giỏi	1654108	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29508	776-K51B2KS		Phan Thanh	Hà	Nữ	17/06/1997				Khá	1654109	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29509	777-K51B2KS		Hứa Thị	Hằng	Nữ	26/08/1997				Khá	1654110	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29510	778-K51B2KS		Lê Thị	Hậu	Nữ	08/07/1997				Khá	1654111	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29511	779-K51B2KS		Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	02/10/1997				Giỏi	1654112	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29512	780-K51B2KS		Nguyễn Minh	Huyền	Nữ	23/02/1997				Khá	1654113	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29513	781-K51B2KS		Trần Thanh	Huyền	Nữ	05/01/1997				Khá	1654114	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29514	782-K51B2KS		Lê Thị	Liên	Nữ	05/08/1997				Khá	1654115	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29515	783-K51B2KS		Lê Thị	Linh	Nữ	23/12/1997				Khá	1654116	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29516	784-K51B2KS		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	31/05/1997				Khá	1654117	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29517	785-K51B2KS		Vũ Thị	Loan	Nữ	23/05/1997				Khá	1654118	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29518	786-K51B2KS		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	10/09/1997				Khá	1654119	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29519	787-K51B2KS		Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	25/02/1997				Giỏi	1654120	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29520	788-K51B2KS		Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	16/06/1997				Khá	1654121	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29521	789-K51B2KS		Hà Kim	Phụng	Nữ	19/01/1997				Khá	1654122	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29522	790-K51B2KS		Hà Thị Xuân	Quyên	Nữ	29/09/1997				Khá	1654123	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29523	791-K51B2KS		Ngô Thị Thanh	Thanh	Nữ	07/10/1997				Khá	1654124	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29524	792-K51B2KS		Nguyễn Thị Hương	Thảo	Nữ	08/04/1997				Giỏi	1654125	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29525	793-K51B2KS		Tống Bảo	Thoa	Nữ	14/06/1997				Khá	1654126	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29526	794-K51B2KS		Hoàng Thị Hà	Thu	Nữ	20/11/1997				Giỏi	1654127	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29527	795-K51B2KS		Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	22/11/1997				Khá	1654128	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29528	796-K51B2KS		Mai Văn	Toàn	Nam	31/01/1997				Khá	1654129	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29529	797-K51B2KS		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	25/07/1997				Khá	1654130	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29530	798-K51B2KS		Phạm Thị Tố	Uyên	Nữ	27/12/1997				Khá	1654131	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29531	799-K51B2KS		Chu Thị Thu	Hường	Nữ	19/02/1997				Khá	1654132	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29532	800-K51B3KS		Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	02/09/1997				Khá	1654133	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29533	801-K51B3KS		Phan Thị Lan	Anh	Nữ	26/02/1997				Khá	1654134	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29534	802-K51B3KS		Trần Thị Ngọc	ánh	Nữ	05/09/1997				Khá	1654135	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29535	803-K51B3KS		Trần Dương	Đàm	Nam	28/09/1997				Khá	1654136	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29536	804-K51B3KS		Trương Thị Mỹ	Duyên	Nữ	13/07/1997				Giỏi	1654137	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29537	805-K51B3KS		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	09/04/1997				Khá	1654138	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29538	806-K51B3KS		Lê Thị	Hằng	Nữ	12/10/1997				Khá	1654139	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29539	807-K51B3KS		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	22/06/1997				Trung bình	1654140	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29540	808-K51B3KS		Dương Thị	Hiền	Nữ	07/10/1997				Khá	1654141	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29541	809-K51B3KS		Phan Thị	Hiếu	Nữ	16/01/1997				Khá	1654142	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29542	810-K51B3KS		Phạm Thị	Huế	Nữ	19/05/1997				Khá	1654143	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29543	811-K51B3KS		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	15/05/1997				Khá	1654144	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29544	812-K51B3KS		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	14/12/1997				Khá	1654145	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29545	813-K51B3KS		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	05/08/1997				Khá	1654146	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29546	814-K51B3KS		Đỗ Thị Quỳnh	Mai	Nữ	10/03/1997				Khá	1654147	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29547	815-K51B3KS		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	15/12/1997				Khá	1654148	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29548	816-K51B3KS		Vũ Hoàng Bảo	Nhi	Nữ	10/09/1997				Khá	1654149	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29549	817-K51B3KS		Cồ Minh	Phương	Nữ	20/09/1997				Khá	1654150	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29550	818-K51B3KS		Đoàn Thanh	Tâm	Nữ	23/04/1997				Khá	1654151	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29551	819-K51B3KS		Phạm Thị Hà	Thanh	Nữ	13/01/1997				Khá	1654152	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29552	820-K51B3KS		Cao Thị	Thoại	Nữ	27/08/1997				Giỏi	1654153	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29553	821-K51B3KS		Lại Nhật Thanh	Thu	Nữ	03/10/1997				Khá	1654154	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29554	822-K51B3KS		Lã Thị	Trang	Nữ	24/02/1997				Khá	1654155	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29555	823-K51B3KS		Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	08/11/1997				Khá	1654156	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29556	824-K51B3KS		Phạm Thị	Trang	Nữ	16/10/1997				Khá	1654157	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29557	825-K51B3KS		Vũ Thị Cẩm	Tú	Nữ	01/01/1997				Khá	1654158	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29558	826-K51B3KS		Lại Vy	Tuấn	Nam	11/08/1997				Khá	1654159	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29559	827-K51B3KS		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	24/07/1997				Khá	1654160	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29560	828-K51B4KS		Lê Thị Lan	Anh	Nữ	27/04/1997				Khá	1654161	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29561	829-K51B4KS		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	04/10/1997				Khá	1654162	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29562	830-K51B4KS		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	23/12/1997				Khá	1654163	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29563	831-K51B4KS		Phùng Thị Thùy	Dương	Nữ	24/09/1996				Khá	1654164	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29564	832-K51B4KS		Bùi Thị	Hằng	Nữ	12/08/1997				Khá	1654165	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29565	833-K51B4KS		Mai Thị	Hằng	Nữ	27/05/1996				Khá	1654166	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29566	834-K51B4KS		Nguyễn Lê Minh	Hiền	Nữ	08/08/1997				Khá	1654167	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29567	835-K51B4KS		Phạm Ngọc	Huệ	Nữ	17/02/1997				Khá	1654168	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29568	836-K51B4KS		Trương Thị Thu	Hương	Nữ	24/02/1997				Khá	1654169	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29569	837-K51B4KS		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	10/04/1997				Khá	1654170	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29570	838-K51B4KS		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	10/07/1996				Khá	1654171	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29571	839-K51B4KS		Lê Hương	Ly	Nữ	07/05/1997				Khá	1654172	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29572	840-K51B4KS		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	04/09/1997				Khá	1654173	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29573	841-K51B4KS		Dương Hồng	Ngọc	Nữ	11/05/1996				Khá	1654174	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29574	842-K51B4KS		Trần Thị	Nhàn	Nữ	23/11/1996				Khá	1654175	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29575	843-K51B4KS		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	13/02/1997				Khá	1654176	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29576	844-K51B4KS		Đinh Thị Hà	Phương	Nữ	10/03/1997				Khá	1654177	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29577	845-K51B4KS		Quách Thu	Phương	Nữ	23/10/1997				Khá	1654178	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29578	846-K51B4KS		Đoàn Thị	Quỳnh	Nữ	11/10/1997				Giỏi	1654179	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29579	847-K51B4KS		Phạm Quang	Sơn	Nam	20/08/1997				Khá	1654180	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29580	848-K51B4KS		Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	28/07/1997				Khá	1654181	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29581	849-K51B4KS		Nguyễn Thị Thu	Thơm	Nữ	11/02/1997				Xuất sắc	1654182	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29582	850-K51B4KS		Trần Thanh	Thúy	Nữ	25/08/1997				Khá	1654183	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29583	851-K51B4KS		Nguyễn Thị	Thuy	Nữ	19/04/1997				Khá	1654184	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29584	852-K51B4KS		Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	03/11/1997				Khá	1654185	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29585	853-K51B4KS		Phạm Thu	Trang	Nữ	19/02/1997				Khá	1654186	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29586	854-K51B4KS		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	27/09/1997				Khá	1654187	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29587	855-K51B4KS		Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	25/11/1997				Khá	1654188	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29588	856-K50B1KS		Nguyễn Hải	Đức	Nam	23/12/1996				Trung bình	1654189	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29589	857-K50B2KS		Nguyễn Bảo	Minh	Nam	24/11/1996				Trung bình	1654190	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	657/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29590	858-K51B1LH		Hoàng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04/02/1997				Khá	1654191	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29591	859-K51B1LH		Vũ Thị	Dần	Nữ	30/03/1997				Khá	1654192	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29592	860-K51B1LH		Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	13/09/1997				Trung bình	1654193	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29593	861-K51B1LH		Khuất Thị	Duyên	Nữ	12/12/1997				Giỏi	1654194	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29594	862-K51B1LH		Lại Thị Hồng	Gấm	Nữ	05/05/1997				Khá	1654195	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29595	863-K51B1LH		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/11/1996				Khá	1654196	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29596	864-K51B1LH		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	22/04/1997				Khá	1654197	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29597	865-K51B1LH		Phạm Minh	Hiếu	Nữ	21/05/1997				Khá	1654198	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29598	866-K51B1LH		Dương Thị	Hoài	Nữ	13/09/1997				Khá	1654199	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29599	867-K51B1LH		Ma Thúy	Huệ	Nữ	13/04/1997				Trung bình	1654200	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29600	868-K51B1LH		Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	05/02/1997				Khá	1654201	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29601	869-K51B1LH		Phan Thị	Kiều	Nữ	27/09/1997				Khá	1654202	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29602	870-K51B1LH		Lê Thị Hiếu	Lan	Nữ	20/05/1996				Khá	1654203	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29603	871-K51B1LH		Đặng Thị Mỹ	Linh	Nữ	30/10/1997				Khá	1654204	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29604	872-K51B1LH		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	24/03/1996				Khá	1654205	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29605	873-K51B1LH		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	08/09/1997				Trung bình	1654206	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29606	874-K51B1LH		Hoàng Thị Phương	Loan	Nữ	18/10/1997				Trung bình	1654207	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29607	875-K51B1LH		Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	25/03/1997				Khá	1654208	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29608	876-K51B1LH		Nguyễn Quỳnh	Nga	Nữ	31/01/1997				Khá	1654209	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29609	877-K51B1LH		Thái Thị Thảo	Ngân	Nữ	22/03/1997				Khá	1654210	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29610	878-K51B1LH		Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	26/02/1997				Khá	1654211	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29611	879-K51B1LH		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	06/08/1997				Khá	1654212	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29612	880-K51B1LH		Phạm Thị Thu	Phương	Nữ	15/10/1997				Khá	1654213	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29613	881-K51B1LH		Bùi Thị	Quê	Nữ	29/03/1997				Khá	1654214	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29614	882-K51B1LH		Quách Thị	Quỳnh	Nữ	13/03/1997				Khá	1654215	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29615	883-K51B1LH		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	03/10/1997				Giỏi	1654216	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29616	884-K51B1LH		Đào Thị Phương	Thúy	Nữ	08/12/1997				Khá	1654217	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29617	885-K51B1LH		Bùi Thị	Thùy	Nữ	09/03/1996				Khá	1654218	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29618	886-K51B1LH		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	29/10/1997				Khá	1654219	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29619	887-K51B1LH		Trần Thị	Trang	Nữ	24/05/1997				Khá	1654220	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29620	888-K51B1LH		Hán Thị	Xuân	Nữ	10/04/1997				Khá	1654221	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29621	889-K51B1LH		Vũ Thị	Yến	Nữ	11/11/1997				Khá	1654222	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29622	890-K51B2LH		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	27/10/1997				Khá	1654223	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29623	891-K51B2LH		Trần Thị	Diệp	Nữ	29/01/1997				Khá	1654224	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29624	892-K51B2LH		Vũ Thùy	Dung	Nữ	12/03/1996				Khá	1654225	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29625	893-K51B2LH		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	05/11/1997				Khá	1654226	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29626	894-K51B2LH		Đặng Thị Hương	Giang	Nữ	18/08/1997				Khá	1654227	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29627	895-K51B2LH		Đỗ Thu	Hà	Nữ	14/04/1997				Khá	1654228	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29628	896-K51B2LH		Trịnh Thanh	Hà	Nữ	25/10/1997				Khá	1654229	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29629	897-K51B2LH		Trương Thị	Hằng	Nữ	04/12/1997				Khá	1654230	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29630	898-K51B2LH		Trịnh Quang	Hiếu	Nam	03/05/1997				Giỏi	1654231	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29631	899-K51B2LH		Đào Thị	Hoa	Nữ	21/03/1997				Khá	1654232	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29632	900-K51B2LH		Trần Thị Thu	Hoài	Nữ	17/11/1997				Khá	1654233	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29633	901-K51B2LH		Đinh Thị Minh	Huệ	Nữ	13/06/1997				Khá	1654234	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29634	902-K51B2LH		Bàn Thị	Hường	Nữ	02/02/1996				Khá	1654235	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29635	903-K51B2LH		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12/08/1997				Khá	1654236	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29636	904-K51B2LH		Đặng Hoa Mai	Lan	Nữ	17/12/1997				Khá	1654237	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29637	905-K51B2LH		Nguyễn Thị Trúc	Linh	Nữ	12/11/1997				Khá	1654238	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29638	906-K51B2LH		Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	11/01/1997				Khá	1654239	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29639	907-K51B2LH		Đoàn Thị	Mùa	Nữ	29/04/1997				Khá	1654240	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29640	908-K51B2LH		Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	01/10/1997				Khá	1654241	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29641	909-K51B2LH		Tô Thị	Ngân	Nữ	28/06/1997				Khá	1654242	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29642	910-K51B2LH		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	20/02/1997				Khá	1654243	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29643	911-K51B2LH		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	24/11/1997				Khá	1654244	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29644	912-K51B2LH		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	16/02/1997				Trung bình	1654245	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29645	913-K51B2LH		Ngô Bích	Phương	Nữ	21/09/1997				Khá	1654246	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29646	914-K51B2LH		Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	29/08/1997				Giỏi	1654247	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29647	915-K51B2LH		Khuất Thị Mai	Quyên	Nữ	05/11/1997				Khá	1654248	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29648	916-K51B2LH		Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	22/06/1997				Khá	1654249	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29649	917-K51B2LH		Trần Thị	Quỳnh	Nữ	06/07/1997				Khá	1654250	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29650	918-K51B2LH		Đỗ Thị Thanh	Thảo	Nữ	28/05/1997				Giỏi	1654251	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29651	919-K51B2LH		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	11/02/1997				Khá	1654252	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29652	920-K51B2LH		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	04/03/1997				Khá	1654253	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29653	921-K51B2LH		Dương Ngọc	Thùy	Nữ	05/06/1997				Khá	1654254	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29654	922-K51B2LH		Bùi Ngọc	Trà	Nữ	18/12/1997				Khá	1654255	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29655	923-K51B2LH		Hoàng Quỳnh	Trang	Nữ	09/02/1997				Khá	1654256	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29656	924-K51B2LH		Phạm Thị	Tươi	Nữ	19/05/1997				Khá	1654257	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29657	925-K51B2LH		Hoàng Thị	Vân	Nữ	03/08/1996				Khá	1654258	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29658	926-K51B2LH		Nguyễn Hữu	Vinh	Nam	05/03/1997				Khá	1654259	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29659	927-K51B2LH		Phạm Thị	Yên	Nữ	22/12/1997				Khá	1654260	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29660	928-K51B3LH		Đào Phương	Anh	Nữ	17/01/1997				Khá	1654261	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29661	929-K51B3LH		Lê Đức	Anh	Nam	29/01/1997				Khá	1654262	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29662	930-K51B3LH		Vũ Thị Tâm	Anh	Nữ	27/09/1997				Khá	1654263	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29663	931-K51B3LH		Lưu Thị Ngọc	Châu	Nữ	19/06/1997				Khá	1654264	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29664	932-K51B3LH		Vũ Thị Lâm	Điệp	Nữ	14/01/1997				Khá	1654265	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29665	933-K51B3LH		Trịnh Thị	Duyên	Nữ	12/01/1997				Khá	1654266	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29666	934-K51B3LH		Trần Thị	Giang	Nữ	25/10/1997				Khá	1654267	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29667	935-K51B3LH		Lê Thị	Hà	Nữ	25/05/1997				Khá	1654268	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29668	936-K51B3LH		Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	14/09/1997				Khá	1654269	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29669	937-K51B3LH		Lưu Thị	Huệ	Nữ	20/07/1997				Khá	1654270	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29670	938-K51B3LH		A Văn	Hưng	Nam	06/07/1997				Khá	1654271	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29671	939-K51B3LH		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	14/05/1997				Khá	1654272	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29672	940-K51B3LH		Phạm Thị	Huyền	Nữ	17/06/1997				Khá	1654273	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29673	941-K51B3LH		Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	26/03/1997				Khá	1654274	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29674	942-K51B3LH		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	06/09/1997				Khá	1654275	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29675	943-K51B3LH		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	13/12/1997				Khá	1654276	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29676	944-K51B3LH		Nguyễn Thị	Mến	Nữ	18/02/1997				Khá	1654277	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29677	945-K51B3LH		Phạm Thảo	My	Nữ	21/08/1997				Khá	1654278	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29678	946-K51B3LH		Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	19/08/1997				Khá	1654279	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29679	947-K51B3LH		Nguyễn Thị Hồng	Ngát	Nữ	12/07/1997				Khá	1654280	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29680	948-K51B3LH		Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	29/11/1996				Khá	1654281	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29681	949-K51B3LH		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	02/03/1997				Khá	1654282	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29682	950-K51B3LH		Đoàn Thị	Nhất	Nữ	16/01/1997				Khá	1654283	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29683	951-K51B3LH		Trần Thị	Nôn	Nữ	05/10/1996				Khá	1654284	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29684	952-K51B3LH		Nguyễn Duy	Phúc	Nam	01/05/1997				Khá	1654285	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29685	953-K51B3LH		Nguyễn Minh	Phương	Nữ	12/12/1997				Khá	1654286	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29686	954-K51B3LH		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	12/04/1997				Khá	1654287	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29687	955-K51B3LH		Vũ Thị Mai	Phương	Nữ	09/02/1997				Khá	1654288	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29688	956-K51B3LH		Bùi Hương	Quỳnh	Nữ	25/10/1997				Khá	1654289	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29689	957-K51B3LH		Phạm Thị Thu	Quỳnh	Nữ	11/12/1997				Khá	1654290	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29690	958-K51B3LH		Đinh Thị	Tâm	Nữ	18/06/1997				Trung bình	1654291	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29691	959-K51B3LH		Lê Phương	Thảo	Nữ	07/12/1997				Khá	1654292	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29692	960-K51B3LH		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	28/01/1997				Khá	1654293	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29693	961-K51B3LH		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/05/1997				Khá	1654294	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29694	962-K51B3LH		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	21/06/1997				Khá	1654295	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29695	963-K51B3LH		Phạm Mỹ	Trang	Nữ	11/03/1997				Khá	1654296	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29696	964-K51B3LH		Hoàng Thị	Tuyên	Nữ	19/02/1996				Khá	1654297	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29697	965-K51B3LH		Đậu Thị Thúy	Vân	Nữ	28/12/1997				Khá	1654298	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29698	966-K51B3LH		Phạm Hải	Yến	Nữ	08/06/1997				Khá	1654299	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29699	967-K51B4LH		Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	22/02/1997				Khá	1654300	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29700	968-K51B4LH		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	05/07/1997				Khá	1654301	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29701	969-K51B4LH		Nguyễn Thị Thanh	Chúc	Nữ	16/06/1997				Khá	1654302	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29702	970-K51B4LH		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	23/10/1997				Khá	1654303	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29703	971-K51B4LH		Vũ Thị Thùy	Dương	Nữ	15/01/1997				Khá	1654304	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29704	972-K51B4LH		Vũ Thị	Duyên	Nữ	29/04/1997				Khá	1654305	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29705	973-K51B4LH		Vũ Thị	Giang	Nữ	10/12/1997				Khá	1654306	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29706	974-K51B4LH		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	26/11/1996				Khá	1654307	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29707	975-K51B4LH		Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	19/01/1997				Khá	1654308	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29708	976-K51B4LH		Lưu Thị Huệ	Linh	Nữ	07/07/1997				Khá	1654309	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29709	977-K51B4LH		Nguyễn Phương	Linh	Nữ	15/08/1997				Giỏi	1654310	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29710	978-K51B4LH		Trần Anh	Linh	Nam	24/10/1997				Khá	1654311	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29711	979-K51B4LH		Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	06/04/1997				Khá	1654312	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29712	980-K51B4LH		Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	26/03/1997				Khá	1654313	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29713	981-K51B4LH		Hoàng Thị Thanh	Nga	Nữ	11/06/1997				Khá	1654314	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29714	982-K51B4LH		Trần Thanh	Nga	Nữ	21/12/1997				Khá	1654315	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29715	983-K51B4LH		Đặng Thúy	Nghi	Nữ	01/03/1997				Khá	1654316	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29716	984-K51B4LH		Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	07/02/1997				Khá	1654317	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29717	985-K51B4LH		Nguyễn Thị Hằng	Phương	Nữ	05/09/1997				Trung bình	1654318	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29718	986-K51B4LH		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	20/03/1997				Khá	1654319	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29719	987-K51B4LH		Phan Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	18/06/1997				Khá	1654320	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29720	988-K51B4LH		Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	10/11/1997				Giỏi	1654321	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29721	989-K51B4LH		Lê Thị	Thảo	Nữ	13/11/1997				Khá	1654322	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29722	990-K51B4LH		Phùng Thị	Thu	Nữ	27/02/1997				Khá	1654323	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29723	991-K51B4LH		Bùi Minh	Thúy	Nữ	25/07/1997				Trung bình	1654324	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29724	992-K51B4LH		Hoàng Anh	Thùy	Nữ	24/01/1997				Khá	1654325	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29725	993-K51B4LH		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	21/08/1997				Khá	1654326	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29726	994-K51B4LH		Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	23/05/1997				Giỏi	1654327	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29727	995-K51B4LH		Hoàng Sơn	Tùng	Nam	26/04/1997				Trung bình	1654328	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29728	996-K51B4LH		Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	11/09/1997				Khá	1654329	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29729	997-K51B4LH		Văn Thị Hải	Yến	Nữ	08/11/1997				Khá	1654330	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29730	998-K50B4LH		Phan Thị	Huệ	Nữ	02/05/1996				Khá	1654331	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29731	999-K52B3LH		Hoàng Khánh	Linh	Nữ	15/10/1997				Khá	1654332	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	658/QĐ-ĐHTM 21/5/2019	
29732	1555-K51P1		Nguyễn Thúy	An	Nữ	13/07/1997				Khá	1812326	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29733	1556-K51P1		Mai Thị Phương	Anh	Nữ	19/08/1997				Khá	1812327	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29734	1557-K51P1		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	12/11/1997				Khá	1812328	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29735	1558-K51P1		Phạm Hoàng	Anh	Nữ	03/10/1997				Khá	1812329	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29736	1559-K51P1		Nguyễn Hiền	Giang	Nữ	06/12/1997				Khá	1812330	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29737	1560-K51P1		Vũ Thị	Hà	Nữ	28/12/1997				Khá	1812331	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29738	1561-K51P1		Đỗ Thị	Hằng	Nữ	22/02/1997				Khá	1812332	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29739	1562-K51P1		Lương Minh	Hạnh	Nữ	15/10/1997				Khá	1812333	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29740	1563-K51P1		Trần Thị Thu	Hạnh	Nữ	12/05/1997				Khá	1812334	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29741	1564-K51P1		Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	02/12/1997				Khá	1812335	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29742	1565-K51P1		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	24/08/1996				Khá	1812336	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29743	1566-K51P1		Phùng Đắc	Huấn	Nam	21/01/1997				Khá	1812337	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29744	1567-K51P1		Lại Thị	Huyền	Nữ	03/07/1997				Khá	1812338	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29745	1568-K51P1		Hoàng Thị Hương	Lan	Nữ	16/12/1996				Giỏi	1812339	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29746	1569-K51P1		Trần Phương	Lan	Nữ	23/07/1997				Khá	1812340	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29747	1570-K51P1		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	25/08/1997				Khá	1812341	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29748	1571-K51P1		Phạm Thùy	Linh	Nữ	18/07/1997				Khá	1812342	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29749	1572-K51P1		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	29/01/1997				Khá	1812343	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29750	1573-K51P1		Ngô Thị	Lương	Nữ	12/04/1997				Khá	1812344	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29751	1574-K51P1		Phạm Thị Tuyết	Mai	Nữ	09/06/1997				Khá	1812345	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29752	1575-K51P1		Võ Thị Bích	Nhung	Nữ	13/10/1997				Khá	1812346	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29753	1576-K51P1		Đặng Hoài	Phương	Nữ	06/09/1997				Khá	1812347	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29754	1577-K51P1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	19/01/1997				Khá	1812348	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29755	1578-K51P1		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	04/02/1997				Khá	1812349	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29756	1579-K51P1		Thái Thị Như	Quỳnh	Nữ	23/02/1996				Khá	1812350	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29757	1580-K51P1		Lâm Thị	Thảo	Nữ	16/08/1997				Khá	1812351	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29758	1581-K51P1		Nguyễn Hương	Thảo	Nữ	24/10/1997				Khá	1812352	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29759	1582-K51P1		Lư Uyên	Thúy	Nữ	08/08/1997				Trung bình	1812353	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29760	1583-K51P1		Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	28/03/1997				Khá	1812354	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29761	1584-K51P1		Ngô Linh	Trang	Nữ	01/09/1997				Khá	1812355	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29762	1585-K51P1		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	23/11/1997				Khá	1812356	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29763	1586-K51P1		Trần Linh	Trang	Nữ	06/08/1997				Khá	1812357	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29764	1587-K51P1		Mai Thị	Tuyết	Nữ	27/01/1996				Khá	1812358	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29765	1588-K51P1		Phạm Thị Cẩm	Vân	Nữ	25/06/1997				Khá	1812359	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29766	1589-K51P2		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	12/02/1997				Khá	1812360	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29767	1590-K51P2		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	26/08/1996				Khá	1812361	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29768	1591-K51P2		Phạm Thị	Anh	Nữ	17/09/1996				Khá	1812362	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29769	1592-K51P2		Trịnh Ngọc	Anh	Nữ	18/09/1997				Khá	1812363	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29770	1593-K51P2		Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	05/02/1997				Khá	1812364	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29771	1594-K51P2		Lê Thị Kim	Dung	Nữ	09/10/1997				Khá	1812365	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29772	1595-K51P2		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	03/10/1997				Khá	1812366	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29773	1596-K51P2		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	05/10/1997				Khá	1812367	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29774	1597-K51P2		Lộc Thúy	Hà	Nữ	17/05/1996				Khá	1812368	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29775	1598-K51P2		Lưu Thị	Hải	Nữ	15/07/1997				Khá	1812369	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29776	1599-K51P2		Trần Thanh	Hằng	Nữ	22/11/1997				Khá	1812370	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29777	1600-K51P2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	07/11/1997				Khá	1812371	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29778	1601-K51P2		Võ Thị	Hạnh	Nữ	26/03/1997				Khá	1812372	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29779	1602-K51P2		Đỗ Phương	Hoa	Nữ	19/02/1997				Khá	1812373	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29780	1603-K51P2		Trần Thị	Hồng	Nữ	10/08/1997				Khá	1812374	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29781	1604-K51P2		Dương Quốc	Hưng	Nam	11/12/1997				Khá	1812375	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29782	1605-K51P2		Nguyễn Mai	Hương	Nữ	16/07/1997				Khá	1812376	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29783	1606-K51P2		Nguyễn Thị Hương	Lan	Nữ	14/05/1997				Khá	1812377	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29784	1607-K51P2		Bùi Nhật	Lệ	Nữ	23/07/1997				Khá	1812378	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29785	1608-K51P2		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	27/06/1997				Khá	1812379	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29786	1609-K51P2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	12/09/1997				Khá	1812380	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29787	1610-K51P2		Nguyễn Thị Mai	Loan	Nữ	11/03/1997				Khá	1812381	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29788	1611-K51P2		Đinh Thị Thảo	Ly	Nữ	09/09/1997				Khá	1812382	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29789	1612-K51P2		Trần Thị Hải	Minh	Nữ	01/09/1997				Khá	1812383	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29790	1613-K51P2		Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	17/10/1997				Khá	1812384	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29791	1614-K51P2		Chu Thị Kim	Oanh	Nữ	10/01/1997				Khá	1812385	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29792	1615-K51P2		Đào Đức	Phong	Nam	23/07/1997				Khá	1812386	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29793	1616-K51P2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	29/10/1997				Khá	1812387	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29794	1617-K51P2		Phạm Như	Quỳnh	Nữ	28/09/1997				Khá	1812388	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29795	1618-K51P2		Vũ Thị Hương	Quỳnh	Nữ	07/02/1997				Khá	1812389	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29796	1619-K51P2		Nguyễn Thu	Thanh	Nữ	13/11/1997				Khá	1812390	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29797	1620-K51P2		Lê Thị	Thảo	Nữ	22/06/1997				Khá	1812391	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29798	1621-K51P2		Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	20/04/1997				Khá	1812392	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29799	1622-K51P2		Đỗ Thị Điểm	Trang	Nữ	05/02/1997				Khá	1812393	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29800	1623-K51P2		Hà Thị	Trang	Nữ	15/01/1996				Khá	1812394	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29801	1624-K51P2		Trương Thùy	Trang	Nữ	01/07/1997				Khá	1812395	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29802	1625-K51P2		Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	24/08/1996				Khá	1812396	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29803	1626-K51P2		Vũ Thị	Tuyết	Nữ	23/08/1997				Giỏi	1812397	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29804	1627-K51P2		Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	22/11/1997				Khá	1812398	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29805	1628-K51P3		Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	25/11/1997				Khá	1812399	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29806	1629-K51P3		Thiều Thị Vân	Anh	Nữ	25/10/1997				Khá	1812400	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29807	1630-K51P3		Vũ Tú	Anh	Nữ	24/06/1997				Khá	1812401	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29808	1631-K51P3		Phạm Thị	Diễm	Nữ	17/09/1997				Khá	1812402	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29809	1632-K51P3		Lê Thùy	Dung	Nữ	11/02/1997				Khá	1812403	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29810	1633-K51P3		Nguyễn út	Duyên	Nữ	11/07/1997				Khá	1812404	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29811	1634-K51P3		Phan Châu	Giang	Nữ	25/09/1997				Khá	1812405	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29812	1635-K51P3		Trần Ngọc	Hải	Nam	09/01/1996				Khá	1812406	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29813	1636-K51P3		Trần Thị	Hằng	Nữ	26/04/1997				Khá	1812407	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29814	1637-K51P3		Nguyễn Thị Minh	Hiền	Nữ	09/12/1997				Khá	1812408	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29815	1638-K51P3		Nguyễn Thị	Huê	Nữ	23/10/1996				Khá	1812409	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29816	1639-K51P3		Bùi Thị Ngọc	Huyền	Nữ	06/08/1997				Khá	1812410	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29817	1640-K51P3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	28/03/1996				Trung bình	1812411	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29818	1641-K51P3		Trần Diễm	Lệ	Nữ	16/04/1997				Khá	1812412	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29819	1642-K51P3		Trần Khánh	Linh	Nữ	07/02/1997				Khá	1812413	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29820	1643-K51P3		Nguyễn Thảo	My	Nữ	08/11/1997				Khá	1812414	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29821	1644-K51P3		Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	25/06/1997				Khá	1812415	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29822	1645-K51P3		Nguyễn Thị Nam	Oanh	Nữ	24/04/1997				Khá	1812416	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29823	1646-K51P3		Lã Thị Huyền	Phương	Nữ	29/12/1997				Khá	1812417	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29824	1647-K51P3		Đỗ Mạnh	Quân	Nam	17/10/1996				Khá	1812418	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29825	1648-K51P3		Lê Thị	Thắm	Nữ	12/11/1997				Khá	1812419	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29826	1649-K51P3		Trịnh Phương	Thảo	Nữ	19/12/1997				Khá	1812420	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29827	1650-K51P3		Trần Thị Thùy	Tiên	Nữ	10/02/1997				Khá	1812421	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29828	1651-K51P3		Lê Huyền	Trang	Nữ	06/11/1997				Khá	1812422	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29829	1652-K51P3		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	19/12/1997				Khá	1812423	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29830	1653-K51P3		Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	26/07/1997				Khá	1812424	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29831	1654-K51P3		Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	19/01/1997				Khá	1812425	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29832	1655-K51P3		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	26/03/1997				Khá	1812426	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29833	1656-K51P3		Nguyễn Minh	Tùng	Nam	07/01/1997				Trung bình	1812427	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29834	1657-K51P4		Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	25/07/1997				Khá	1812428	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29835	1658-K51P4		Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	12/10/1997				Trung bình	1812429	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29836	1659-K51P4		Đỗ Thị Hương	Giang	Nữ	26/02/1997				Khá	1812430	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29837	1660-K51P4		Đoàn Thị Hải	Hà	Nữ	28/11/1997				Khá	1812431	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29838	1661-K51P4		Đặng Thị	Hằng	Nữ	25/06/1997				Khá	1812432	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29839	1662-K51P4		Phạm Thị Minh	Hạnh	Nữ	15/05/1997				Khá	1812433	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29840	1663-K51P4		Vũ Thu	Hương	Nữ	24/11/1997				Khá	1812434	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29841	1664-K51P4		Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	28/07/1997				Khá	1812435	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29842	1665-K51P4		Nguyễn Kim	Long	Nam	14/07/1997				Khá	1812436	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29843	1666-K51P4		Phan Hương	Ly	Nữ	09/12/1996				Khá	1812437	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29844	1667-K51P4		Trần Thảo	Ly	Nữ	07/09/1997				Khá	1812438	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29845	1668-K51P4		Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	03/04/1997				Khá	1812439	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29846	1669-K51P4		Đào Trà	My	Nữ	06/01/1997				Khá	1812440	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29847	1670-K51P4		Phạm Bích	Ngọc	Nữ	26/01/1997				Khá	1812441	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29848	1671-K51P4		Trần Thị	Nhung	Nữ	13/04/1997				Khá	1812442	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29849	1672-K51P4		Trần Thị Tú	Oanh	Nữ	04/03/1997				Khá	1812443	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29850	1673-K51P4		Phan Thị	Phương	Nữ	12/03/1997				Khá	1812444	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29851	1674-K51P4		Hồ Phương	Thanh	Nữ	08/10/1997				Khá	1812445	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29852	1675-K51P4		Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	23/08/1997				Khá	1812446	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29853	1676-K51P4		Nguyễn Hiền	Thơ	Nữ	15/07/1997				Khá	1812447	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29854	1677-K51P4		Ngô Thu	Thủy	Nữ	03/10/1997				Khá	1812448	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29855	1678-K51P4		Trần Đỗ Hương	Trà	Nữ	27/12/1997				Khá	1812449	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29856	1679-K51P4		Lê Mai Vân	Trang	Nữ	26/01/1997				Khá	1812450	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29857	1680-K51P4		Nguyễn Thị Linh	Trang	Nữ	23/10/1997				Khá	1812451	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29858	1681-K51P4		Phạm Hồng	Trang	Nữ	20/10/1997				Khá	1812452	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29859	1682-K51P4		Bùi Thị Hà	Vân	Nữ	26/06/1997				Khá	1812453	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29860	1683-K51P4		Đào Thị Hải	Yến	Nữ	21/02/1997				Khá	1812454	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29861	1684-K50P5		Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	30/12/1996				Trung bình	1812455	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	661/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29862	1685-K51U1		Cao Thị Vân	Anh	Nữ	17/12/1997				Khá	1812456	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29863	1686-K51U1		Nguyễn Thị	Bắc	Nữ	28/02/1997				Khá	1812457	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29864	1687-K51U1		Đặng Thị Mai	Chi	Nữ	25/01/1997				Khá	1812458	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29865	1688-K51U1		Lưu Văn	Đông	Nam	06/12/1997				Khá	1812459	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29866	1689-K51U1		Đinh Thị Tuyết	Dung	Nữ	25/04/1997				Khá	1812460	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29867	1690-K51U1		Nguyễn Thị Minh	Dung	Nữ	10/03/1996				Khá	1812461	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29868	1691-K51U1		Bùi Thị	Hà	Nữ	10/03/1997				Khá	1812462	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29869	1692-K51U1		Vũ Thị	Hằng	Nữ	21/09/1997				Khá	1812463	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29870	1693-K51U1		Phạm Thị	Hiên	Nữ	03/02/1997				Trung bình	1812464	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29871	1694-K51U1		Trịnh Thị	Hiền	Nữ	12/07/1997				Khá	1812465	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29872	1695-K51U1		Hoàng Trần	Hiếu	Nam	10/07/1997				Khá	1812466	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29873	1696-K51U1		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	07/02/1997				Khá	1812467	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29874	1697-K51U1		Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	06/11/1997				Khá	1812468	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29875	1698-K51U1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	13/04/1997				Khá	1812469	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29876	1699-K51U1		Phan Thị	Huyền	Nữ	02/07/1997				Khá	1812470	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29877	1700-K51U1		Nguyễn Đức	Lâm	Nam	05/09/1996				Khá	1812471	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29878	1701-K51U1		Đặng Ngọc	Linh	Nữ	11/05/1997				Trung bình	1812472	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29879	1702-K51U1		Nguyễn Diệp Anh	Linh	Nữ	22/01/1997				Khá	1812473	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29880	1703-K51U1		Vũ Thùy	Linh	Nữ	18/11/1997				Khá	1812474	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29881	1704-K51U1		Lê Thị Minh	Lý	Nữ	17/02/1997				Khá	1812475	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29882	1705-K51U1		Dương Hồng	Mến	Nữ	19/01/1997				Khá	1812476	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29883	1706-K51U1		Lê Quang	Minh	Nam	07/09/1997				Giỏi	1812477	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29884	1707-K51U1		Giáp Phương	Nga	Nữ	22/07/1997				Khá	1812478	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29885	1708-K51U1		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	06/03/1997				Khá	1812479	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29886	1709-K51U1		Phan Văn	Nhật	Nam	14/11/1997				Trung bình	1812480	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29887	1710-K51U1		Hoàng Thị	Nhi	Nữ	27/02/1997				Khá	1812481	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29888	1711-K51U1		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/02/1997				Khá	1812482	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29889	1712-K51U1		Trần Thanh	Nương	Nữ	10/12/1997				Trung bình	1812483	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29890	1713-K51U1		Lâm Thị	Oanh	Nữ	25/09/1997				Khá	1812484	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29891	1714-K51U1		Ngô Thị	Phượng	Nữ	27/05/1997				Trung bình	1812485	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29892	1715-K51U1		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	10/06/1997				Khá	1812486	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29893	1716-K51U1		Vũ Thị Như	Quỳnh	Nữ	13/06/1997				Khá	1812487	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29894	1717-K51U1		Hoàng Thanh	Tâm	Nữ	14/08/1997				Khá	1812488	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29895	1718-K51U1		Nguyễn Thị Minh	Thành	Nữ	13/09/1997				Khá	1812489	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29896	1719-K51U1		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	15/03/1997				Khá	1812490	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29897	1720-K51U1		Vương Thị Thu	Thảo	Nữ	12/10/1997				Khá	1812491	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29898	1721-K51U1		Lê Thị	Thúy	Nữ	05/03/1997				Khá	1812492	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29899	1722-K51U1		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	19/04/1997				Khá	1812493	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29900	1723-K51U1		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	04/03/1997				Khá	1812494	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29901	1724-K51U1		Đầu Thị	Tuyến	Nữ	10/10/1997				Khá	1812495	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29902	1725-K51U1		Phạm Thị Lan	Vĩnh	Nữ	09/05/1997				Giỏi	1812496	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29903	1726-K51U1		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	16/01/1997				Trung bình	1812497	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29904	1727-K51U2		Đinh Thị Minh	Anh	Nữ	15/12/1997				Khá	1812498	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29905	1728-K51U2		Đinh Thị	Bích	Nữ	04/05/1997				Khá	1812499	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29906	1729-K51U2		Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	26/11/1997				Khá	1812500	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29907	1730-K51U2		Lê Tiến	Đạt	Nam	05/02/1996				Khá	1812501	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29908	1731-K51U2		Phạm Thị	Dung	Nữ	03/11/1997				Khá	1812502	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29909	1732-K51U2		Nguyễn Hà	Giang	Nữ	25/09/1997				Khá	1812503	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29910	1733-K51U2		Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	06/02/1997				Khá	1812504	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29911	1734-K51U2		Bùi Thị Hồng	Hạnh	Nữ	07/10/1997				Khá	1812505	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29912	1735-K51U2		Đặng Thị	Hiền	Nữ	25/11/1997				Khá	1812506	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29913	1736-K51U2		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	12/01/1997				Khá	1812507	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29914	1737-K51U2		Nguyễn Việt	Hòa	Nữ	21/01/1997				Khá	1812508	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29915	1738-K51U2		Tạ Thị	Hồng	Nữ	29/05/1997				Khá	1812509	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29916	1739-K51U2		Hà Thị Thanh	Lam	Nữ	14/10/1997				Khá	1812510	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29917	1740-K51U2		Trần Thị	Lan	Nữ	25/09/1997				Khá	1812511	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29918	1741-K51U2		Đào Mỹ	Linh	Nữ	24/09/1997				Khá	1812512	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29919	1742-K51U2		Hoàng Ngọc	Long	Nam	08/01/1997				Trung bình	1812513	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29920	1743-K51U2		Đỗ Thị	Mai	Nữ	19/09/1997				Khá	1812514	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29921	1744-K51U2		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	07/05/1997				Giỏi	1812515	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29922	1745-K51U2		Phan Thị	Như	Nữ	11/02/1997				Khá	1812516	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29923	1746-K51U2		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	16/12/1997				Khá	1812517	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29924	1747-K51U2		Hồ Thị	Oanh	Nữ	23/02/1997				Giỏi	1812518	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29925	1748-K51U2		Trần Thị Thu	Quyên	Nữ	15/01/1997				Khá	1812519	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29926	1749-K51U2		Trần Thị	Sáng	Nữ	29/10/1997				Trung bình	1812520	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29927	1750-K51U2		Trần Thị	Tâm	Nữ	21/11/1997				Khá	1812521	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29928	1751-K51U2		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	20/02/1997				Trung bình	1812522	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29929	1752-K51U2		Lâm Thị	Thúy	Nữ	18/05/1996				Khá	1812523	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29930	1753-K51U2		Trương Thị	Thúy	Nữ	05/09/1997				Khá	1812524	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29931	1754-K51U2		Lê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	25/08/1997				Khá	1812525	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29932	1755-K51U2		Tạ Thanh	Tùng	Nam	30/09/1997				Khá	1812526	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29933	1756-K51U2		Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	23/06/1997				Khá	1812527	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29934	1757-K51U2		Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	10/01/1997				Khá	1812528	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29935	1758-K51U3		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	20/04/1997				Khá	1812529	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29936	1759-K51U3		Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	04/10/1997				Khá	1812530	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29937	1760-K51U3		Phạm Thị Ngọc	Bích	Nữ	12/10/1997				Khá	1812531	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29938	1761-K51U3		Nguyễn Văn	Đạt	Nam	01/06/1996				Khá	1812532	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29939	1762-K51U3		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	16/03/1996				Khá	1812533	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29940	1763-K51U3		Đàm Thị Thùy	Dương	Nữ	16/12/1997				Khá	1812534	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29941	1764-K51U3		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	06/03/1997				Khá	1812535	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29942	1765-K51U3		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	26/06/1997				Khá	1812536	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29943	1766-K51U3		Trần Thị Viết	Hạnh	Nữ	23/12/1997				Khá	1812537	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29944	1767-K51U3		Đoàn Thị	Hiền	Nữ	07/10/1997				Khá	1812538	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29945	1768-K51U3		Chu Thị Phương	Hoa	Nữ	09/06/1997				Khá	1812539	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29946	1769-K51U3		Phùng Thị	Hòa	Nữ	11/02/1997				Khá	1812540	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29947	1770-K51U3		Mã Thị	Hồng	Nữ	22/06/1997				Khá	1812541	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29948	1771-K51U3		Nguyễn Thị Hồng	Huế	Nữ	08/02/1997				Khá	1812542	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29949	1772-K51U3		Trương Đức	Huy	Nam	10/11/1997				Khá	1812543	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29950	1773-K51U3		Lê Thị Hương	Lan	Nữ	04/08/1997				Khá	1812544	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29951	1774-K51U3		Nguyễn Thị Hương	Lê	Nữ	07/11/1997				Khá	1812545	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29952	1775-K51U3		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	23/12/1997				Khá	1812546	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29953	1776-K51U3		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	19/11/1997				Khá	1812547	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29954	1777-K51U3		Đỗ Đức	Mạnh	Nam	24/04/1997				Trung bình	1812548	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29955	1778-K51U3		Dương Thị	My	Nữ	10/12/1997				Khá	1812549	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29956	1779-K51U3		Phạm Thị	Nhung	Nữ	07/11/1997				Khá	1812550	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29957	1780-K51U3		Hoàng Thị Vân	Oanh	Nữ	13/10/1996				Khá	1812551	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29958	1781-K51U3		Đỗ Thị	Quỳnh	Nữ	10/08/1997				Khá	1812552	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29959	1782-K51U3		Phạm Mai	Quỳnh	Nữ	22/12/1997				Trung bình	1812553	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29960	1783-K51U3		Vũ Thị	Thắm	Nữ	24/10/1997				Khá	1812554	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29961	1784-K51U3		Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	30/08/1997				Khá	1812555	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29962	1785-K51U3		Phạm Thị Lựu	Thảo	Nữ	16/05/1996				Khá	1812556	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29963	1786-K51U3		Ngô Thị Hoài	Thu	Nữ	03/10/1997				Khá	1812557	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29964	1787-K51U3		Lê Thị	Trang	Nữ	17/07/1997				Giỏi	1812558	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29965	1788-K51U3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	02/03/1997				Khá	1812559	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29966	1789-K51U3		Trương Thị	Trang	Nữ	03/07/1997				Khá	1812560	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29967	1790-K51U3		Lưu Thị	Vân	Nữ	15/12/1997				Khá	1812561	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29968	1791-K51U3		Đinh Thị Hải	Yến	Nữ	02/10/1997				Giỏi	1812562	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29969	1792-K51U4		Nguyễn Huệ	Anh	Nữ	09/03/1997				Khá	1812563	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29970	1793-K51U4		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	24/03/1997				Khá	1812564	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29971	1794-K51U4		Bùi Thị	Chi	Nữ	08/04/1997				Giỏi	1812565	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29972	1795-K51U4		Nông Đức	Đạt	Nam	19/12/1997				Khá	1812566	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29973	1796-K51U4		Nguyễn Thị	Đinh	Nữ	01/12/1997				Khá	1812567	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29974	1797-K51U4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	28/09/1997				Khá	1812568	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
29975	1798-K51U4		Vũ Tuấn	Dũng	Nam	26/09/1997				Khá	1812569	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29976	1799-K51U4		Phùng Thị	Giang	Nữ	09/10/1997				Khá	1812570	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29977	1800-K51U4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/06/1997				Khá	1812571	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29978	1801-K51U4		Vũ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	02/03/1997				Khá	1812572	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29979	1802-K51U4		Trần Thị Thúy	Hoa	Nữ	25/05/1997				Khá	1812573	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29980	1803-K51U4		Phan Thị	Hoài	Nữ	20/01/1997				Khá	1812574	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29981	1804-K51U4		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	26/06/1997				Khá	1812575	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29982	1805-K51U4		Cao Thị Khánh	Linh	Nữ	14/07/1997				Khá	1812576	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29983	1806-K51U4		Lê Thị Hoài	Linh	Nữ	10/09/1997				Khá	1812577	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29984	1807-K51U4		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	03/12/1997				Khá	1812578	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29985	1808-K51U4		Ngọc Thị	Mai	Nữ	01/09/1997				Khá	1812579	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29986	1809-K51U4		Nguyễn Trà	My	Nữ	17/08/1997				Khá	1812580	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29987	1810-K51U4		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/04/1997				Trung bình	1812581	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29988	1811-K51U4		Nguyễn Thị	Niên	Nữ	23/12/1997				Khá	1812582	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29989	1812-K51U4		Đào Thị	Phương	Nữ	14/07/1997				Khá	1812583	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29990	1813-K51U4		Trần Minh	Phương	Nam	22/09/1996				Khá	1812584	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29991	1814-K51U4		Vũ Thị Thu	Phương	Nữ	15/06/1997				Khá	1812585	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29992	1815-K51U4		Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	21/02/1997				Khá	1812586	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29993	1816-K51U4		Bùi Thị	Tâm	Nữ	30/10/1997				Khá	1812587	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29994	1817-K51U4		Phạm Tuấn	Thanh	Nữ	01/04/1997				Khá	1812588	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29995	1818-K51U4		Lê Thu	Thảo	Nữ	06/05/1997				Khá	1812589	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29996	1819-K51U4		Nguyễn Đắc	Thịnh	Nam	19/03/1997				Khá	1812590	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29997	1820-K51U4		Đinh Thị	Thư	Nữ	27/07/1997				Khá	1812591	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29998	1821-K51U4		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	23/08/1997				Khá	1812592	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
29999	1822-K51U4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	01/02/1997				Khá	1812593	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30000	1823-K51U4		Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	24/01/1997				Khá	1812594	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30001	1824-K51U4		Dương Thị	Yến	Nữ	08/03/1996				Khá	1812595	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30002	1825-K51U5		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	24/10/1997				Khá	1812596	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30003	1826-K51U5		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	18/01/1997				Khá	1812597	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30004	1827-K51U5		Trần Thị Nguyệt	Anh	Nữ	10/10/1997				Khá	1812598	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30005	1828-K51U5		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	31/05/1997				Khá	1812599	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30006	1829-K51U5		Ngô Vũ Mai	Chi	Nữ	26/04/1997				Khá	1812600	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30007	1830-K51U5		Lê Thị Kim	Cúc	Nữ	08/11/1997				Khá	1812601	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30008	1831-K51U5		Đỗ Thị	Diễm	Nữ	18/05/1997				Trung bình	1812602	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30009	1832-K51U5		Vương Thị	Dịu	Nữ	08/10/1997				Khá	1812603	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30010	1833-K51U5		Tạ Anh	Dũng	Nam	21/02/1997				Trung bình	1812604	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30011	1834-K51U5		Khúc Thị	Giang	Nữ	05/09/1997				Khá	1812605	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30012	1835-K51U5		Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	Nữ	23/11/1997				Khá	1812606	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30013	1836-K51U5		Nguyễn Hồ Bảo	Hân	Nữ	26/10/1997				Khá	1812607	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30014	1837-K51U5		Lê Thị	Hằng	Nữ	05/10/1997				Khá	1812608	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30015	1838-K51U5		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	22/10/1997				Khá	1812609	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30016	1839-K51U5		Trần Thu	Hiền	Nữ	11/09/1997				Khá	1812610	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30017	1840-K51U5		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	12/04/1997				Giỏi	1812611	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30018	1841-K51U5		Ngô Minh	Hoàng	Nam	12/01/1997				Khá	1812612	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30019	1842-K51U5		Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	20/07/1997				Khá	1812613	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30020	1843-K51U5		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	14/10/1997				Trung bình	1812614	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30021	1844-K51U5		Lê Ngọc	Linh	Nữ	02/04/1997				Khá	1812615	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30022	1845-K51U5		Đào Thị	Mai	Nữ	06/05/1997				Giỏi	1812616	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30023	1846-K51U5		Vũ Thị Thanh	Mai	Nữ	19/05/1997				Khá	1812617	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30024	1847-K51U5		Trần Phương	My	Nữ	29/12/1997				Khá	1812618	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30025	1848-K51U5		Trương Hải	Nam	Nam	23/03/1997				Trung bình	1812619	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30026	1849-K51U5		Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	14/03/1997				Khá	1812620	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30027	1850-K51U5		Ngô Thị Bích	Ngọc	Nữ	31/05/1997				Khá	1812621	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30028	1851-K51U5		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	07/08/1997				Khá	1812622	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30029	1852-K51U5		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	14/03/1997				Khá	1812623	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30030	1853-K51U5		Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	Nữ	07/11/1997				Khá	1812624	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30031	1854-K51U5		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	26/06/1997				Khá	1812625	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30032	1855-K51U5		Đinh Thị Thanh	Thiên	Nữ	01/09/1997				Khá	1812626	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30033	1856-K51U5		Ngô Thị Ngọc	Trâm	Nữ	19/05/1997				Khá	1812627	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30034	1857-K51U5		Nguyễn Thị Thùy	Vân	Nữ	05/08/1997				Khá	1812628	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30035	1858-K51U5		Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	23/04/1997				Khá	1812629	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30036	1859-K50U3		Lê Thị Lan	Hương	Nữ	22/04/1996				Trung bình	1812630	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30037	1860-K49U6		Trần Thị	Nhung	Nữ	06/01/1995				Khá	1812631	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	662/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30038	2837-K51I1		Trần Thị	An	Nữ	08/02/1996				Khá	1813608	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30039	2838-K51I1		Dương Thị Vân	Anh	Nữ	04/06/1997				Khá	1813609	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30040	2839-K51I1		Lê Thị	Bích	Nữ	19/05/1997				Khá	1813610	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30041	2840-K51I1		Nguyễn Đức	Chiến	Nam	14/08/1997				Khá	1813611	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30042	2841-K51I1		Nguyễn Văn	Duẩn	Nam	30/12/1997				Trung bình	1813612	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30043	2842-K51I1		Vũ Minh	Đức	Nam	08/10/1997				Khá	1813613	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30044	2843-K51I1		Dương Thị Thùy	Dung	Nữ	06/11/1997				Khá	1813614	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30045	2844-K51I1		Ninh Thị	Dung	Nữ	26/06/1997				Khá	1813615	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30046	2845-K51I1		Lê Thị Thu	Giang	Nữ	26/06/1997				Trung bình	1813616	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30047	2846-K51I1		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	25/10/1997				Khá	1813617	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30048	2847-K51I1		Nguyễn Tam	Hải	Nam	07/04/1997				Khá	1813618	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30049	2848-K51I1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	20/02/1997				Khá	1813619	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30050	2849-K51I1		Vũ Thị	Hảo	Nữ	20/02/1997				Khá	1813620	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30051	2850-K51I1		Ninh Thị	Hiền	Nữ	20/08/1997				Khá	1813621	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30052	2851-K51I1		Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	02/06/1997				Trung bình	1813622	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30053	2852-K51I1		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	30/01/1997				Trung bình	1813623	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30054	2853-K51I1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/12/1997				Khá	1813624	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30055	2854-K51I1		Nông Thị	Huyền	Nữ	16/11/1996				Khá	1813625	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30056	2855-K51I1		Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	12/11/1997				Trung bình	1813626	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30057	2856-K51I1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07/12/1997				Khá	1813627	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30058	2857-K51I1		Phùng Thị	Lệ	Nữ	09/08/1997				Khá	1813628	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30059	2858-K51I1		Hoàng Thị	Linh	Nữ	28/05/1997				Khá	1813629	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30060	2859-K51I1		Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	28/08/1997				Khá	1813630	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30061	2860-K51I1		Hoàng Thị Lưu	Ly	Nữ	14/02/1997				Khá	1813631	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30062	2861-K51I1		Hà Thị	Nga	Nữ	30/10/1997				Giỏi	1813632	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30063	2862-K51I1		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	03/11/1997				Khá	1813633	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30064	2863-K51I1		Trần Thị Thanh	Nhài	Nữ	22/05/1997				Trung bình	1813634	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30065	2864-K51I1		Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	28/08/1997				Trung bình	1813635	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30066	2865-K51I1		Đỗ Thị	Phương	Nữ	30/11/1997				Khá	1813636	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30067	2866-K51I1		Đoàn Thị	Phượng	Nữ	29/10/1997				Khá	1813637	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30068	2867-K51I1		Phùng Thế	Quang	Nam	05/11/1997				Trung bình	1813638	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30069	2868-K51I1		Lê Hồng	Thùy	Nữ	02/06/1997				Khá	1813639	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30070	2869-K51I1		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	23/12/1997				Khá	1813640	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30071	2870-K51I1		Nguyễn Thị Kim	Trung	Nữ	08/06/1997				Khá	1813641	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30072	2871-K51I1		Nguyễn Quang	Trường	Nam	03/02/1997				Trung bình	1813642	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30073	2872-K51I1		Dương Hải	Vi	Nữ	27/02/1997				Khá	1813643	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30074	2873-K51I1		Đào Thị Hải	Yến	Nữ	31/05/1997				Khá	1813644	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30075	2874-K51I2		Đặng Thị Hoàng	Anh	Nữ	12/07/1997				Khá	1813645	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30076	2875-K51I2		Ngô Ngọc	Anh	Nữ	10/10/1997				Trung bình	1813646	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30077	2876-K51I2		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	03/09/1997				Trung bình	1813647	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30078	2877-K51I2		Trần Thu	Anh	Nữ	24/08/1997				Trung bình	1813648	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30079	2878-K51I2		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	24/02/1997				Khá	1813649	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30080	2879-K51I2		Nguyễn Anh	Công	Nam	07/01/1997				Khá	1813650	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30081	2880-K51I2		Trần Thị Kim	Cúc	Nữ	19/03/1997				Khá	1813651	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30082	2881-K51I2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	28/01/1997				Khá	1813652	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30083	2882-K51I2		Bùi Thị	Hằng	Nữ	08/06/1997				Giỏi	1813653	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30084	2883-K51I2		Vũ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	06/10/1997				Khá	1813654	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30085	2884-K51I2		Nguyễn Trung	Hậu	Nam	01/11/1996				Trung bình	1813655	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30086	2885-K51I2		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	25/10/1997				Khá	1813656	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30087	2886-K51I2		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	17/07/1997				Khá	1813657	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30088	2887-K51I2		Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	03/08/1997				Trung bình	1813658	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30089	2888-K51I2		Trần Thị	Lệ	Nữ	14/11/1997				Khá	1813659	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30090	2889-K51I2		Hoàng Ngọc	Linh	Nam	02/06/1996				Trung bình	1813660	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30091	2890-K51I2		Trần Thùy	Linh	Nữ	10/11/1997				Khá	1813661	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30092	2891-K51I2		Đặng Thị	Mai	Nữ	07/02/1997				Khá	1813662	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30093	2892-K51I2		Phạm Minh	Nhật	Nữ	10/01/1996				Giỏi	1813663	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30094	2893-K51I2		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	15/12/1997				Khá	1813664	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30095	2894-K51I2		Nguyễn Thị Thùy	Ninh	Nữ	25/03/1997				Khá	1813665	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30096	2895-K51I2		Vũ Thị Thanh	Phương	Nữ	04/08/1997				Trung bình	1813666	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30097	2896-K51I2		Lưu Thị Bích	Phượng	Nữ	16/06/1997				Khá	1813667	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30098	2897-K51I2		Trần Thị	Quỳnh	Nữ	19/08/1997				Khá	1813668	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30099	2898-K51I2		Đặng Văn	Thính	Nam	09/05/1997				Khá	1813669	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30100	2899-K51I2		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	12/01/1997				Trung bình	1813670	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30101	2900-K51I2		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	03/09/1996				Khá	1813671	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30102	2901-K51I2		Bùi Thị Ngọc	Trâm	Nữ	05/10/1997				Khá	1813672	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30103	2902-K51I2		Bùi Hoàng	Yến	Nữ	03/11/1997				Khá	1813673	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30104	2903-K51I3		Chu Tuấn	Anh	Nam	17/09/1997				Trung bình	1813674	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30105	2904-K51I3		Đoàn Thị Kim	Anh	Nữ	24/08/1997				Trung bình	1813675	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30106	2905-K51I3		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	13/04/1997				Khá	1813676	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30107	2906-K51I3		Nguyễn Vân	Anh	Nữ	10/07/1997				Khá	1813677	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30108	2907-K51I3		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	17/09/1997				Khá	1813678	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30109	2908-K51I3		Lê Thị Phương	Châm	Nữ	16/09/1997				Khá	1813679	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30110	2909-K51I3		Đỗ Hồng	Diễm	Nữ	04/06/1997				Trung bình	1813680	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30111	2910-K51I3		Ngô Hữu	Đồng	Nam	19/01/1997				Trung bình	1813681	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30112	2911-K51I3		Trịnh Văn	Đức	Nam	15/01/1997				Trung bình	1813682	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30113	2912-K51I3		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	20/10/1996				Khá	1813683	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30114	2913-K51I3		Nguyễn Hữu	Giang	Nam	30/04/1995				Khá	1813684	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30115	2914-K51I3		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	10/09/1997				Khá	1813685	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30116	2915-K51I3		Cấn Thị	Hằng	Nữ	23/08/1997				Khá	1813686	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30117	2916-K51I3		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	12/06/1997				Khá	1813687	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30118	2917-K51I3		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	25/10/1997				Khá	1813688	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30119	2918-K51I3		Ngô Thị	Hoà	Nữ	24/07/1997				Khá	1813689	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30120	2919-K51I3		Trần Thị	Hồng	Nữ	13/05/1997				Khá	1813690	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30121	2920-K51I3		Đỗ Thị	Hương	Nữ	04/03/1996				Khá	1813691	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30122	2921-K51I3		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	25/07/1997				Khá	1813692	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30123	2922-K51I3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/11/1997				Khá	1813693	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30124	2923-K51I3		Vũ Văn	Lai	Nam	26/05/1996				Trung bình	1813694	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30125	2924-K51I3		Phạm Thị	Lan	Nữ	07/07/1997				Khá	1813695	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30126	2925-K51I3		Phạm Thùy	Liên	Nữ	19/03/1997				Khá	1813696	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30127	2926-K51I3		Đặng Thị	Loan	Nữ	14/10/1997				Khá	1813697	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30128	2927-K51I3		Dương Thị	Luyến	Nữ	21/02/1997				Khá	1813698	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30129	2928-K51I3		Hoàng Thị Ngọc	Mai	Nữ	30/05/1997				Khá	1813699	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30130	2929-K51I3		Lê Thị	Nết	Nữ	28/02/1996				Khá	1813700	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30131	2930-K51I3		Ngô Thị	Ngát	Nữ	12/09/1997				Khá	1813701	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30132	2931-K51I3		Khổng Thị	Nhài	Nữ	10/01/1997				Khá	1813702	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30133	2932-K51I3		Đặng Thị	Như	Nữ	09/10/1997				Khá	1813703	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30134	2933-K51I3		Tống Thị	Nhung	Nữ	01/09/1997				Trung bình	1813704	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30135	2934-K51I3		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	04/01/1997				Khá	1813705	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30136	2935-K51I3		Ngô Thái	Sơn	Nam	02/11/1997				Trung bình	1813706	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30137	2936-K51I3		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	02/10/1997				Khá	1813707	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30138	2937-K51I3		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	25/05/1997				Khá	1813708	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30139	2938-K51I3		Phạm Thị	Thu	Nữ	25/03/1997				Trung bình	1813709	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30140	2939-K51I3		Vũ Thị	Thùy	Nữ	23/03/1997				Khá	1813710	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30141	2940-K51I3		Bùi Thị	Trang	Nữ	30/06/1997				Khá	1813711	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30142	2941-K51I3		Đoàn Thị Thu	Trang	Nữ	14/05/1997				Khá	1813712	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30143	2942-K51I3		Phương Quỳnh	Trang	Nữ	09/10/1997				Khá	1813713	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30144	2943-K51I3		Phạm Thị	Vân	Nữ	12/11/1996				Khá	1813714	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30145	2944-K51I3		Đặng Thị	Yến	Nữ	19/01/1997				Khá	1813715	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30146	2945-K51I4		Đỗ Ngọc	ánh	Nữ	25/05/1997				Khá	1813716	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30147	2946-K51I4		Mai Thị	Chinh	Nữ	12/09/1997				Khá	1813717	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30148	2947-K51I4		Phạm Thùy	Dương	Nữ	27/12/1997				Khá	1813718	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30149	2948-K51I4		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	22/12/1997				Khá	1813719	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30150	2949-K51I4		Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	18/11/1997				Khá	1813720	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30151	2950-K51I4		Trần Thị	Hảo	Nữ	22/11/1997				Khá	1813721	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30152	2951-K51I4		Phan Thị	Hiền	Nữ	05/03/1997				Khá	1813722	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30153	2952-K51I4		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	04/04/1997				Khá	1813723	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30154	2953-K51I4		Bùi Thị	Hòa	Nữ	16/05/1997				Trung bình	1813724	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30155	2954-K51I4		Đào Văn	Hoàng	Nam	21/05/1997				Trung bình	1813725	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30156	2955-K51I4		Ngô Thị Mai	Hương	Nữ	17/11/1997				Khá	1813726	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30157	2956-K51I4		Giáp Thị	Huyền	Nữ	09/05/1997				Khá	1813727	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30158	2957-K51I4		Tạ Ngọc	Kiên	Nam	07/02/1997				Khá	1813728	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30159	2958-K51I4		Đặng Thị	Lan	Nữ	06/09/1997				Khá	1813729	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30160	2959-K51I4		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	14/10/1997				Khá	1813730	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30161	2960-K51I4		Vy Thùy	Linh	Nữ	14/09/1997				Khá	1813731	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30162	2961-K51I4		Nguyễn Thành	Long	Nam	24/02/1997				Trung bình	1813732	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30163	2962-K51I4		Lê Thị Ly	Na	Nữ	24/09/1997				Khá	1813733	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30164	2963-K51I4		Nguyễn Thị	Như	Nữ	08/04/1997				Khá	1813734	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30165	2964-K51I4		Nông Thị Hồng	Nhung	Nữ	25/08/1997				Khá	1813735	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30166	2965-K51I4		Phạm Thị	Nhung	Nữ	17/11/1997				Khá	1813736	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30167	2966-K51I4		Lã Thị Kim	Oanh	Nữ	26/12/1997				Khá	1813737	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30168	2967-K51I4		Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	19/04/1997				Trung bình	1813738	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30169	2968-K51I4		Lương Thị	Thái	Nữ	31/03/1997				Khá	1813739	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30170	2969-K51I4		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	04/05/1997				Khá	1813740	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30171	2970-K51I4		Ngô Thị Phương	Thảo	Nữ	06/08/1996				Khá	1813741	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30172	2971-K51I4		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	11/09/1997				Trung bình	1813742	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30173	2972-K51I4		Ngô Văn	Thiện	Nam	13/06/1996				Khá	1813743	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30174	2973-K51I4		Lại Thị	Thu	Nữ	14/05/1996				Khá	1813744	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30175	2974-K51I4		Đỗ Anh	Thư	Nữ	05/08/1997				Khá	1813745	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30176	2975-K51I4		Lưu Thanh	Thùy	Nữ	23/09/1997				Khá	1813746	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30177	2976-K51I4		Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	22/11/1996				Khá	1813747	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30178	2977-K51I4		Trần Thị Kiều	Trang	Nữ	01/01/1997				Khá	1813748	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30179	2978-K51I4		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	08/04/1997				Khá	1813749	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30180	2979-K51I4		Bùi Thị	Xuân	Nữ	23/09/1997				Khá	1813750	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30181	2980-K50I2		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	19/05/1996				Trung bình	1813751	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	677/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30182	2271-K51DD		Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	15/05/1997				Khá	1813042	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30183	2272-K51DD		Nguyễn Nguyệt	Ánh	Nữ	14/08/1997				Xuất sắc	1813043	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30184	2273-K51DD		Ngô Tuấn	Bách	Nam	03/10/1997				Khá	1813044	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30185	2274-K51DD		Phan Xuân	Cường	Nam	13/05/1997				Khá	1813045	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30186	2275-K51DD		Trần Tiến	Đạt	Nam	25/02/1997				Khá	1813046	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30187	2276-K51DD		Phạm Cao	Dương	Nam	06/08/1997				Khá	1813047	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30188	2277-K51DD		Nguyễn Thị Bích	Duyên	Nữ	08/11/1997				Khá	1813048	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30189	2278-K51DD		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	26/05/1997				Khá	1813049	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30190	2279-K51DD		Vũ Song	Hiền	Nữ	27/08/1997				Giỏi	1813050	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30191	2280-K51DD		Phạm Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	18/09/1997				Khá	1813051	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30192	2281-K51DD		Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	21/12/1997				Khá	1813052	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30193	2282-K51DD		Đỗ Huy	Long	Nam	25/07/1997				Khá	1813053	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30194	2283-K51DD		Võ Văn	Minh	Nam	10/06/1997				Khá	1813054	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30195	2284-K51DD		Trần Thị Thanh	Nga	Nữ	22/06/1997				Giỏi	1813055	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30196	2285-K51DD		Nguyễn Hồng	Ngân	Nữ	12/01/1997				Khá	1813056	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30197	2286-K51DD		Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	20/10/1997				Trung bình	1813057	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30198	2287-K51DD		Đinh Ngọc	Sơn	Nam	14/08/1997				Trung bình	1813058	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30199	2288-K51DD		Nguyễn Trí	Thành	Nam	10/11/1996				Giỏi	1813059	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30200	2289-K51DD		Hà Phương	Thảo	Nữ	26/05/1997				Khá	1813060	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30201	2290-K51DD		Nguyễn Ngọc	Thu	Nữ	29/09/1997				Giỏi	1813061	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30202	2291-K51DD		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	17/08/1997				Khá	1813062	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30203	2292-K51DD		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	17/04/1997				Khá	1813063	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30204	2293-K51DD		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/06/1997				Khá	1813064	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30205	2294-K51DD		Trịnh Minh	Vương	Nam	28/04/1996				Khá	1813065	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30206	2295-K51DD		Bùi Như	Ý	Nữ	28/02/1997				Khá	1813066	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30207	2296-K51DD		Đặng Văn	Dũng	Nam	03/12/1997				Giỏi	1813067	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	678/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30208	2804-K51HH		Hoàng Tùng	Anh	Nam	04/11/1997				Trung bình	1813575	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30209	2805-K51HH		Ngô Thị Ngọc	Anh	Nữ	19/10/1997				Khá	1813576	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30210	2806-K51HH		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	02/06/1997				Khá	1813577	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30211	2807-K51HH		Trần Thị Phương	Anh	Nữ	20/10/1997				Khá	1813578	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30212	2808-K51HH		Tạ Thành	Đạt	Nam	11/07/1997				Khá	1813579	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30213	2809-K51HH		Bùi Minh	Đức	Nam	04/07/1997				Khá	1813580	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30214	2810-K51HH		Phùng Việt	Đức	Nam	11/09/1997				Khá	1813581	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30215	2811-K51HH		Lữ Minh	Hương	Nữ	08/03/1997				Khá	1813582	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30216	2812-K51HH		Khuất Thị Thúy	Hường	Nữ	19/02/1997				Giỏi	1813583	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30217	2813-K51HH		Đào Thị Thanh	Huyền	Nữ	23/09/1997				Khá	1813584	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30218	2814-K51HH		Đinh Thị Khánh	Huyền	Nữ	13/04/1997				Khá	1813585	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30219	2815-K51HH		Vũ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	06/04/1997				Khá	1813586	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30220	2816-K51HH		Đoàn Thu	Linh	Nữ	11/06/1997				Giỏi	1813587	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30221	2817-K51HH		Nguyễn Phương	Linh	Nữ	17/07/1996				Giỏi	1813588	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30222	2818-K51HH		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	18/05/1997				Khá	1813589	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30223	2819-K51HH		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	13/01/1997				Khá	1813590	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30224	2820-K51HH		Trần Hải	Linh	Nữ	22/03/1997				Khá	1813591	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30225	2821-K51HH		Vương Mỹ	Linh	Nữ	20/11/1996				Khá	1813592	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30226	2822-K51HH		Lê Thị ánh	Mai	Nữ	30/08/1997				Giỏi	1813593	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30227	2823-K51HH		Nguyễn Lê Hà	My	Nữ	28/04/1996				Trung bình	1813594	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30228	2824-K51HH		Nguyễn Trà	My	Nữ	15/01/1997				Khá	1813595	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30229	2825-K51HH		Cao Tuấn	Nghĩa	Nam	23/11/1997				Khá	1813596	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30230	2826-K51HH		Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	10/07/1997				Khá	1813597	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30231	2827-K51HH		Nguyễn Thị Yến	Ngọc	Nữ	24/06/1997				Khá	1813598	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30232	2828-K51HH		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	08/07/1997				Khá	1813599	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30233	2829-K51HH		Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	01/12/1996				Khá	1813600	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30234	2830-K51HH		Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	22/01/1997				Khá	1813601	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30235	2831-K51HH		Nguyễn Duy	Sơn	Nam	03/12/1997				Khá	1813602	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30236	2832-K51HH		Ngô Bá	Thành	Nam	05/09/1997				Giỏi	1813603	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30237	2833-K51HH		Đỗ Quỳnh	Trang	Nữ	17/05/1997				Khá	1813604	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30238	2834-K51HH		Đỗ Thị	Trang	Nữ	16/02/1997				Giỏi	1813605	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30239	2835-K51HH		Lê Trần Thu	Trang	Nữ	28/01/1997				Khá	1813606	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30240	2836-K51HH		Nguyễn Huyền	Vân	Nữ	15/11/1997				Khá	1813607	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30241	1000-K51E1		GANKHUU	ARIUNCHIMEG	Nữ	18/01/1997				Trung bình	1654333	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30242	1001-K51E1		Sayphet	SOYSAMPHONE	Nam	02/11/1990				Khá	1654334	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30243	1002-K51E1		Ngô Hoàng Huệ	Chi	Nữ	30/10/1997				Khá	1654335	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30244	1003-K51E1		Vũ Thị	Chúc	Nữ	20/05/1997				Trung bình	1654336	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30245	1004-K51E1		Trần Thị	Hằng	Nữ	26/01/1997				Khá	1654337	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30246	1005-K51E1		Lê Hồng	Hạnh	Nữ	04/08/1997				Khá	1654338	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30247	1006-K51E1		Bồ Thị Thu	Huyền	Nữ	09/01/1997				Khá	1654339	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30248	1007-K51E1		Nguyễn Thị Thảo	Huyền	Nữ	08/03/1997				Khá	1654340	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30249	1008-K51E1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	03/10/1997				Giỏi	1654341	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30250	1009-K51E1		Trần Thị Phương	Liễu	Nữ	22/04/1997				Khá	1654342	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30251	1010-K51E1		Phạm Nhật	Linh	Nữ	15/12/1997				Trung bình	1654343	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30252	1011-K51E1		Đỗ Thành	Luân	Nam	06/03/1997				Khá	1654344	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30253	1012-K51E1		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	29/11/1997				Khá	1654345	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30254	1013-K51E1		Ngô Thị	Nguyệt	Nữ	26/09/1997				Khá	1654346	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30255	1014-K51E1		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	20/10/1997				Khá	1654347	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30256	1015-K51E1		Cao Thị	Oanh	Nữ	30/07/1997				Giỏi	1654348	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30257	1016-K51E1		Pheomany	LOYHOUYONG	Nữ	07/01/1996				Trung bình	1654349	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30258	1017-K51E1		Hoàng Thị	Phương	Nữ	27/07/1997				Khá	1654350	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30259	1018-K51E1		Phạm Thị	Tâm	Nữ	13/09/1997				Khá	1654351	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30260	1019-K51E1		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	08/02/1996				Khá	1654352	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30261	1020-K51E1		Đỗ Phương	Thảo	Nữ	12/06/1997				Khá	1654353	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30262	1021-K51E1		Mai Thị	Thuỳ	Nữ	19/09/1997				Khá	1654354	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30263	1022-K51E1		Trần Thanh	Thuỳ	Nữ	18/08/1996				Khá	1654355	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30264	1023-K51E1		Ngô Thị Thu	Thủy	Nữ	21/11/1997				Khá	1654356	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30265	1024-K51E1		Thái Ngọc	Trâm	Nữ	05/12/1997				Khá	1654357	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30266	1025-K51E1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	03/07/1996				Khá	1654358	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30267	1026-K51E1		Quản Thị	Trang	Nữ	10/03/1996				Trung bình	1654359	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30268	1027-K51E1		Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	28/02/1997				Khá	1654360	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30269	1028-K51E1		Vũ Bích	Vân	Nữ	25/12/1997				Trung bình	1654361	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30270	1029-K51E1		Phạm Thị	Yến	Nữ	25/11/1997				Khá	1654362	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30271	1030-K51E1		Triệu Kim	Oanh	Nữ	27/04/1997				Khá	1654363	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30272	1031-K51E2		Đặng Văn	Anh	Nữ	16/03/1996				Khá	1654364	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30273	1032-K51E2		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	11/03/1997				Khá	1654365	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30274	1033-K51E2		Phạm Thị Kim	Anh	Nữ	20/08/1997				Khá	1654366	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30275	1034-K51E2		Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	09/01/1997				Giỏi	1654367	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30276	1035-K51E2		Nguyễn Thanh	Bình	Nữ	03/04/1997				Khá	1654368	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30277	1036-K51E2		Lê Thị	Diệp	Nữ	01/03/1997				Khá	1654369	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30278	1037-K51E2		Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	25/01/1997				Khá	1654370	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30279	1038-K51E2		Đặng Thị	Hà	Nữ	08/03/1997				Khá	1654371	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30280	1039-K51E2		Trần Thị	Hằng	Nữ	15/08/1997				Khá	1654372	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30281	1040-K51E2		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	18/08/1997				Giỏi	1654373	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30282	1041-K51E2		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	01/05/1997				Khá	1654374	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30283	1042-K51E2		Mai Thị	Huyền	Nữ	07/09/1997				Khá	1654375	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30284	1043-K51E2		Quách Thị	Lan	Nữ	22/03/1997				Khá	1654376	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30285	1044-K51E2		Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	27/06/1997				Khá	1654377	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30286	1045-K51E2		Trương Mỹ	Linh	Nữ	16/04/1997				Khá	1654378	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30287	1046-K51E2		Triệu Hương	Ly	Nữ	03/09/1997				Khá	1654379	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30288	1047-K51E2		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	16/11/1997				Khá	1654380	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30289	1048-K51E2		Đào Thị	Nga	Nữ	06/05/1997				Khá	1654381	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30290	1049-K51E2		Bùi Thị Bích	Ngọc	Nữ	29/06/1997				Khá	1654382	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30291	1050-K51E2		Võ Thị	Ngọc	Nữ	27/04/1997				Khá	1654383	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30292	1051-K51E2		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	14/10/1997				Khá	1654384	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30293	1052-K51E2		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	02/05/1997				Khá	1654385	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30294	1053-K51E2		Đào Lâm	Oanh	Nữ	06/12/1997				Khá	1654386	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30295	1054-K51E2		Hoàng Đình	Quang	Nam	06/08/1997				Xuất sắc	1654387	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30296	1055-K51E2		Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	28/02/1997				Khá	1654388	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30297	1056-K51E2		Thái Thị	Tâm	Nữ	20/02/1997				Khá	1654389	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30298	1057-K51E2		Lương Thu	Thảo	Nữ	07/03/1997				Khá	1654390	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30299	1058-K51E2		Bế Kim	Thi	Nữ	09/04/1997				Khá	1654391	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30300	1059-K51E2		Bàng Thị	Thúy	Nữ	02/04/1997				Khá	1654392	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30301	1060-K51E2		Phạm Thị Ngọc	Thúy	Nữ	14/06/1997				Khá	1654393	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30302	1061-K51E2		Phạm Thị Lệ	Thùy	Nữ	11/12/1997				Trung bình	1654394	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30303	1062-K51E2		Nguyễn Minh	Trang	Nữ	27/12/1997				Khá	1654395	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30304	1063-K51E2		Trần Huyền	Trang	Nữ	25/04/1997				Khá	1654396	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30305	1064-K51E2		Lê Thị Ánh	Tuyết	Nữ	04/03/1997				Khá	1654397	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30306	1065-K51E2		Trần Thị Bảo	Yến	Nữ	08/05/1997				Khá	1654398	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30307	1066-K51E3		Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	28/10/1997				Khá	1654399	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30308	1067-K51E3		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	25/03/1997				Khá	1654400	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30309	1068-K51E3		Phạm Tú	Anh	Nữ	24/08/1997				Khá	1654401	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30310	1069-K51E3		Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	11/10/1997				Khá	1654402	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30311	1070-K51E3		Đỗ Thị	Bưởi	Nữ	08/04/1997				Khá	1654403	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30312	1071-K51E3		Trương Thị Cẩm	Chi	Nữ	11/06/1997				Khá	1664864	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30313	1072-K51E3		Nguyễn Thị Linh	Đan	Nữ	02/09/1997				Khá	1664865	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30314	1073-K51E3		Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	14/05/1997				Khá	1664866	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30315	1074-K51E3		Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	25/08/1997				Giỏi	1664867	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30316	1075-K51E3		Hoàng Thị Thu	Hà	Nữ	25/04/1996				Khá	1664868	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30317	1076-K51E3		Trần Thu	Hằng	Nữ	24/09/1997				Khá	1664869	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30318	1077-K51E3		Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	22/02/1997				Khá	1664870	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30319	1078-K51E3		Phạm Huy	Hoàng	Nam	24/01/1997				Khá	1664871	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30320	1079-K51E3		Lại Quỳnh	Hương	Nữ	23/09/1997				Khá	1664872	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30321	1080-K51E3		Trần Thị Mai	Hương	Nữ	10/06/1997				Khá	1664873	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30322	1081-K51E3		Ngô Thị	Huyền	Nữ	27/11/1997				Khá	1664874	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30323	1082-K51E3		Trần Hương	Lê	Nữ	22/08/1997				Khá	1664875	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30324	1083-K51E3		Đỗ Hoàng	Linh	Nữ	26/07/1997				Khá	1664876	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30325	1084-K51E3		Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	07/05/1997				Khá	1664877	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30326	1085-K51E3		Quách Thị Thùy	Linh	Nữ	21/06/1997				Khá	1664878	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30327	1086-K51E3		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	04/02/1997				Khá	1664879	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30328	1087-K51E3		Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	23/03/1997				Giỏi	1664880	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30329	1088-K51E3		Ngô Công	Minh	Nam	08/04/1997				Khá	1664881	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30330	1089-K51E3		Đoàn Thị	Mơ	Nữ	25/04/1997				Giỏi	1664882	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30331	1090-K51E3		Đinh Thị Thanh	Nga	Nữ	01/11/1996				Khá	1664883	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30332	1091-K51E3		Dương Quỳnh	Ngọc	Nữ	03/09/1997				Giỏi	1664884	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30333	1092-K51E3		Lê Thị	Nguyên	Nữ	24/09/1997				Khá	1664885	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30334	1093-K51E3		Nguyễn Thị	Nhiên	Nữ	02/01/1997				Khá	1664886	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30335	1094-K51E3		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	20/07/1997				Khá	1664887	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30336	1095-K51E3		Đào Thị Tú	Oanh	Nữ	14/11/1997				Khá	1664888	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30337	1096-K51E3		Ngô Thị Minh	Phương	Nữ	20/09/1997				Khá	1664889	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30338	1097-K51E3		Vũ Thị	Phượng	Nữ	03/06/1996				Khá	1664890	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30339	1098-K51E3		Trần Văn	Quý	Nam	24/02/1997				Khá	1664891	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30340	1099-K51E3		Trần Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	19/08/1997				Khá	1664892	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30341	1100-K51E3		Ngô Thị Phương	Thảo	Nữ	31/08/1997				Khá	1664893	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30342	1101-K51E3		Nguyễn Anh	Thơ	Nữ	22/10/1997				Xuất sắc	1664894	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30343	1102-K51E3		Mạc Thanh	Thư	Nữ	09/10/1997				Khá	1664895	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30344	1103-K51E3		Đinh Thị	Thúy	Nữ	19/03/1997				Khá	1664896	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30345	1104-K51E3		Nguyễn Ngọc Thuý	Tiên	Nữ	02/08/1997				Khá	1664897	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30346	1105-K51E3		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	12/03/1997				Khá	1664898	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30347	1106-K51E3		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	11/08/1997				Khá	1664899	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30348	1107-K51E3		Trần Thị Thu	Uyên	Nữ	26/06/1997				Trung bình	1664900	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30349	1108-K51E3		Nguyễn Mai	Vy	Nữ	15/09/1997				Trung bình	1664901	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30350	1109-K51E4		Hoàng Trần Minh	Anh	Nữ	06/08/1997				Xuất sắc	1664902	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30351	1110-K51E4		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	07/12/1997				Khá	1664903	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30352	1111-K51E4		Trần Lan	Anh	Nữ	03/12/1997				Khá	1664904	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30353	1112-K51E4		Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	20/10/1997				Khá	1664905	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30354	1113-K51E4		Ngô Thị	Châu	Nữ	12/09/1997				Khá	1664906	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30355	1114-K51E4		Chu Thị Trúc	Chinh	Nữ	06/04/1997				Khá	1664907	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30356	1115-K51E4		Hà Thị	Đào	Nữ	15/07/1997				Khá	1664908	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30357	1116-K51E4		Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	04/09/1997				Khá	1664909	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30358	1117-K51E4		Đào Thuỳ	Dương	Nữ	08/06/1997				Khá	1664910	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30359	1118-K51E4		Bùi Thị Thu	Hằng	Nữ	19/07/1997				Khá	1664911	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30360	1119-K51E4		Trần Thúy	Hằng	Nữ	13/06/1997				Khá	1664912	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30361	1120-K51E4		Đỗ Minh	Hiếu	Nữ	22/11/1997				Khá	1664913	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30362	1121-K51E4		Lê Thị Thu	Hương	Nữ	23/08/1997				Khá	1664914	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30363	1122-K51E4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/01/1997				Khá	1664915	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30364	1123-K51E4		Trịnh Thị	Huyền	Nữ	19/08/1997				Giỏi	1664916	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30365	1124-K51E4		Phạm Thị Nhật	Lệ	Nữ	03/11/1997				Khá	1664917	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30366	1125-K51E4		Kiều Thị Phương	Linh	Nữ	24/08/1997				Khá	1664918	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30367	1126-K51E4		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	13/01/1997				Khá	1664919	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30368	1127-K51E4		Trần Mỹ	Linh	Nữ	18/12/1997				Khá	1664920	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30369	1128-K51E4		Nguyễn Thúy	Lương	Nữ	23/09/1997				Khá	1664921	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30370	1129-K51E4		Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	14/06/1997				Giỏi	1664922	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30371	1130-K51E4		Lưu Thị	Mơ	Nữ	16/01/1997				Khá	1664923	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30372	1131-K51E4		Đỗ Thị	Nga	Nữ	12/10/1997				Khá	1664924	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30373	1132-K51E4		Đỗ Thúy Quỳnh	Ngân	Nữ	04/02/1997				Giỏi	1664925	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30374	1133-K51E4		Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	02/02/1997				Khá	1664926	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30375	1134-K51E4		Nguyễn Vũ Phương	Nguyên	Nữ	10/03/1997				Khá	1664927	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30376	1135-K51E4		Cao Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/05/1997				Khá	1664928	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30377	1136-K51E4		Phan Thị	Nhung	Nữ	19/08/1997				Khá	1664929	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30378	1137-K51E4		Hà Thị Kim	Oanh	Nữ	04/02/1997				Khá	1664930	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30379	1138-K51E4		Trần Thị Lệ	Quyên	Nữ	31/07/1997				Khá	1664931	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30380	1139-K51E4		Trương Thúy	Quỳnh	Nữ	25/01/1997				Khá	1664932	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30381	1140-K51E4		Hoàng Thị	Thắm	Nữ	01/01/1996				Khá	1664933	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30382	1141-K51E4		Bùi Thị Huyền	Thương	Nữ	25/09/1997				Khá	1664934	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30383	1142-K51E4		Hứa Thị	Thúy	Nữ	21/09/1997				Khá	1664935	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30384	1143-K51E4		Nguyễn Thị	Toan	Nữ	05/08/1997				Trung bình	1664936	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30385	1144-K51E4		Đỗ Hà	Trang	Nữ	23/09/1997				Khá	1664937	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30386	1145-K51E4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	01/05/1997				Trung bình	1664938	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30387	1146-K51E4		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	05/08/1997				Giỏi	1664939	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30388	1147-K51E4		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	23/11/1996				Khá	1664940	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30389	1148-K51E4		Đặng Thị	Uyên	Nữ	24/02/1997				Khá	1664941	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30390	1149-K51E4		Đỗ Hồng	Vân	Nữ	22/04/1996				Khá	1664942	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30391	1150-K51E4		Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	18/08/1997				Khá	1664943	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30392	1151-K51E5		Lê Phương	Anh	Nữ	18/10/1997				Khá	1664944	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30393	1152-K51E5		Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	29/11/1997				Khá	1664945	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30394	1153-K51E5		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	20/06/1997				Khá	1664946	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30395	1154-K51E5		Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	Nữ	05/05/1997				Khá	1664947	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30396	1155-K51E5		Nguyễn Anh	Đào	Nữ	16/07/1997				Khá	1664948	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30397	1156-K51E5		Bùi Thị Huyền	Dinh	Nữ	28/11/1997				Khá	1664949	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30398	1157-K51E5		Lê Thị	Giang	Nữ	07/06/1997				Khá	1664950	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30399	1158-K51E5		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	31/01/1997				Khá	1664951	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30400	1159-K51E5		Vũ Thị Thanh	Hằng	Nữ	19/10/1997				Khá	1664952	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30401	1160-K51E5		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	31/08/1997				Khá	1664953	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30402	1161-K51E5		Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	17/11/1997				Khá	1664954	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30403	1162-K51E5		Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	11/08/1997				Khá	1664955	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30404	1163-K51E5		Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	14/03/1997				Khá	1664956	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30405	1164-K51E5		Ngô Thái Khánh	Linh	Nữ	24/06/1997				Khá	1664957	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30406	1165-K51E5		Nguyễn Thị Thảo	Linh	Nữ	08/03/1997				Khá	1664958	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30407	1166-K51E5		Trần Thị	Linh	Nữ	17/03/1997				Khá	1664959	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30408	1167-K51E5		Lê Thị	Lưu	Nữ	01/08/1997				Khá	1664960	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30409	1168-K51E5		Phạm Thị Thu	Mai	Nữ	11/10/1997				Khá	1664961	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30410	1169-K51E5		Hà Kiều	My	Nữ	28/07/1997				Trung bình	1664962	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30411	1170-K51E5		Lương Thị Hồng	Nga	Nữ	11/03/1997				Khá	1664963	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30412	1171-K51E5		Hồ Thị	Ngân	Nữ	07/02/1996				Khá	1664964	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30413	1172-K51E5		Thái Thị	Nguyên	Nữ	12/01/1997				Trung bình	1664965	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30414	1173-K51E5		Chu Thị Tuyết	Nhung	Nữ	01/03/1996				Khá	1664966	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30415	1174-K51E5		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	28/10/1997				Khá	1664967	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30416	1175-K51E5		Trần Thu	Quyên	Nữ	14/08/1997				Khá	1664968	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30417	1176-K51E5		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	14/06/1997				Khá	1664969	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30418	1177-K51E5		Phạm Minh	Thúy	Nữ	13/12/1997				Giỏi	1664970	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30419	1178-K51E5		Hoàng Thị	Thúy	Nữ	23/10/1997				Khá	1664971	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30420	1179-K51E5		Phạm Thu	Trà	Nữ	22/11/1997				Giỏi	1664972	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30421	1180-K51E5		Lê Thị Thuỳ	Trang	Nữ	29/01/1997				Khá	1664973	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30422	1181-K51E5		Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	23/09/1997				Khá	1664974	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30423	1182-K51E5		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	21/10/1997				Khá	1664975	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30424	1183-K51E5		Hoàng Bảo	Trinh	Nữ	04/06/1997				Khá	1664976	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30425	1184-K51E5		Lê Đoàn Phương	Uyên	Nữ	17/09/1997				Trung bình	1664977	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30426	1185-K51E5		Hoàng Thúy	Vân	Nữ	25/10/1997				Khá	1664978	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30427	1186-K51E5		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	03/05/1997				Trung Bình	1664979	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30428	1187-K51E6		Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	10/06/1997				Khá	1664980	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30429	1188-K51E6		Lê Thùy	Chi	Nữ	25/10/1997				Khá	1664981	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30430	1189-K51E6		Đào Thị	Đạt	Nữ	24/06/1997				Khá	1664982	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30431	1190-K51E6		Đỗ Thị	Dung	Nữ	21/10/1996				Khá	1664983	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30432	1191-K51E6		Nguyễn Thị Thu	Giang	Nữ	27/05/1997				Trung bình	1664984	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30433	1192-K51E6		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	26/07/1997				Khá	1664985	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30434	1193-K51E6		Ngô Thị Diệu	Linh	Nữ	25/03/1996				Khá	1664986	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30435	1194-K51E6		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	29/08/1996				Khá	1664987	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30436	1195-K51E6		Trần Thùy	Linh	Nữ	19/03/1997				Giỏi	1664988	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30437	1196-K51E6		Trần Thị	Mai	Nữ	08/05/1997				Khá	1664989	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30438	1197-K51E6		Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	16/04/1997				Giỏi	1664990	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30439	1198-K51E6		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	05/05/1997				Khá	1664991	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30440	1199-K51E6		Vũ Thị Hà	Ngân	Nữ	01/07/1997				Giỏi	1664992	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30441	1200-K51E6		Nguyễn Thu	Ngọc	Nữ	16/02/1997				Khá	1664993	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30442	1201-K51E6		Trần Quý	Ngọc	Nam	16/10/1997				Giỏi	1664994	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30443	1202-K51E6		Lê Thị Kim	Oanh	Nữ	31/10/1997				Khá	1664995	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30444	1203-K51E6		Đồng Thị Hà	Phương	Nữ	12/02/1997				Khá	1664996	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30445	1204-K51E6		Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	15/02/1997				Khá	1664997	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30446	1205-K51E6		Đặng Phương	Thảo	Nữ	10/11/1996				Khá	1664998	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30447	1206-K51E6		Phạm Thị	Thảo	Nữ	20/08/1996				Khá	1664999	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30448	1207-K51E6		Nguyễn Thị	Thuý	Nữ	12/02/1997				Giỏi	1665000	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30449	1208-K51E6		Phùng Thị	Thúy	Nữ	24/11/1996				Giỏi	1665001	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30450	1209-K51E6		Hoàng Thị	Thúy	Nữ	03/10/1997				Khá	1665002	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30451	1210-K51E6		Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	29/07/1997				Khá	1665003	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30452	1211-K51E6		Lương Thị Mai	Trang	Nữ	22/09/1997				Khá	1665004	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30453	1212-K51E6		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	06/01/1997				Khá	1665005	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30454	1213-K51E6		Phạm Thu	Trang	Nữ	01/05/1997				Khá	1665006	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30455	1214-K51E6		Phan Cẩm	Tú	Nữ	22/08/1997				Khá	1665007	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30456	1215-K51E6		Lê Vũ Ngọc	Uyên	Nữ	22/12/1997				Khá	1665008	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30457	1216-K51E6		Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	07/12/1995				Trung bình	1665009	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30458	1217-K51E6		Hà Văn	Lâm	Nam	19/04/1997				Khá	1665010	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30459	1218-K50E1		Phan	Anh	Nam	19/12/1996				Khá	1665011	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30460	1219-K50E2		Đào Quyên	Anh	Nam	06/11/1996				Khá	1665012	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30461	1220-K50E2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	25/05/1996				Trung bình	1665013	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30462	1221-K19E		Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	31/12/1996				Khá	1665014	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	659/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30463	1222-K51C1		Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	25/11/1996				Khá	1665015	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30464	1223-K51C1		Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	01/04/1997				Khá	1665016	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30465	1224-K51C1		Vũ Đức	Chính	Nam	17/04/1997				Khá	1665017	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30466	1225-K51C1		Phạm Thị Thanh	Danh	Nữ	18/09/1997				Trung bình	1665018	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30467	1226-K51C1		Lê Việt	Đức	Nam	20/05/1997				Trung bình	1665019	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30468	1227-K51C1		Đặng Thị Thùy	Dung	Nữ	20/05/1997				Khá	1665020	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30469	1228-K51C1		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02/05/1997				Khá	1665021	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30470	1229-K51C1		Nguyễn Thị	Hai	Nữ	21/03/1997				Khá	1665022	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30471	1230-K51C1		Trần Bích	Hằng	Nữ	13/05/1997				Khá	1665023	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30472	1231-K51C1		Trần Thị	Hảo	Nữ	20/02/1997				Khá	1665024	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30473	1232-K51C1		Trần Thị	Hiền	Nữ	15/06/1997				Khá	1665025	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30474	1233-K51C1		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	17/05/1996				Khá	1665026	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30475	1234-K51C1		Mai Thị	Hồng	Nữ	10/10/1997				Khá	1665027	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30476	1235-K51C1		Mai Thị Bích	Hồng	Nữ	27/12/1994				Trung Bình	1665028	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30477	1236-K51C1		Đặng Thị	Hương	Nữ	31/10/1997				Khá	1665029	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30478	1237-K51C1		Phạm Thị	Hương	Nữ	10/12/1997				Khá	1665030	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30479	1238-K51C1		Hoàng Thu	Huyền	Nữ	12/09/1997				Khá	1665031	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30480	1239-K51C1		Hoàng Thị	Lan	Nữ	31/01/1997				Khá	1665032	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30481	1240-K51C1		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	11/08/1997				Khá	1665033	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30482	1241-K51C1		Bùi Huệ	Mỹ	Nữ	27/01/1997				Khá	1665034	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30483	1242-K51C1		Ngô Thị	Nhẫn	Nữ	14/08/1997				Khá	1665035	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30484	1243-K51C1		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	13/10/1997				Khá	1665036	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30485	1244-K51C1		Lê Thị	Oanh	Nữ	29/10/1997				Khá	1665037	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30486	1245-K51C1		Vũ Khánh	Quỳnh	Nữ	22/10/1997				Khá	1665039	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30487	1246-K51C1		Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	30/12/1997				Khá	1665038	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30488	1247-K51C1		Hồ Thị	Thoa	Nữ	20/01/1997				Trung bình	1665040	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30489	1248-K51C1		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	20/08/1997				Khá	1665041	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30490	1249-K51C1		Vũ Thị Hồng	Thúy	Nữ	28/01/1997				Khá	1665042	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30491	1250-K51C1		Hoàng Thu	Thủy	Nữ	11/09/1997				Giỏi	1665043	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30492	1251-K51C1		Lê Thị	Trâm	Nữ	11/01/1997				Khá	1665044	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30493	1252-K51C1		Phạm Thị	Tươi	Nữ	27/05/1997				Khá	1665045	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30494	1253-K51C1		Trần Thị Thu	Uyên	Nữ	17/08/1997				Giỏi	1665046	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30495	1254-K51C1		Trần Thị	Yên	Nữ	12/08/1997				Khá	1665047	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30496	1255-K51C1		Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	09/09/1996				Trung bình	1665048	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30497	1256-K51C1		Phạm Duy	Tuấn	Nam	09/08/1994				Trung Bình	1665049	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30498	1257-K51C2		Trần Ngọc	Ánh	Nữ	09/01/1997				Khá	1665050	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30499	1258-K51C2		Đỗ Thị	Dâu	Nữ	07/08/1997				Khá	1665051	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30500	1259-K51C2		Nguyễn Thị Hồng	Dung	Nữ	29/03/1997				Khá	1665052	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30501	1260-K51C2		Trần Tích	Dương	Nam	08/03/1997				Khá	1665053	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30502	1261-K51C2		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	06/06/1997				Trung bình	1665054	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30503	1262-K51C2		Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	14/08/1997				Khá	1665055	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30504	1263-K51C2		Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	16/03/1997				Khá	1665056	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30505	1264-K51C2		Lê Thị	Hằng	Nữ	14/12/1997				Khá	1665057	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30506	1265-K51C2		Lê Mỹ	Hạnh	Nữ	20/04/1997				Khá	1665058	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30507	1266-K51C2		Nguyễn Thị	Hạt	Nữ	21/04/1997				Khá	1665059	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30508	1267-K51C2		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	26/04/1997				Khá	1665060	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30509	1268-K51C2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	13/05/1997				Khá	1665061	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30510	1269-K51C2		Phan Thị Thu	Hương	Nữ	28/09/1997				Khá	1665062	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30511	1270-K51C2		Mai Thị	Huyền	Nữ	04/06/1997				Khá	1665063	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30512	1271-K51C2		Lê Thị Ngọc	Lan	Nữ	14/10/1997				Khá	1665064	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30513	1272-K51C2		Bạch Thị Thùy	Linh	Nữ	06/01/1997				Khá	1665065	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30514	1273-K51C2		Cáp Thị	Linh	Nữ	23/04/1997				Khá	1665066	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30515	1274-K51C2		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	03/06/1997				Khá	1665067	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30516	1275-K51C2		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	09/04/1997				Giỏi	1665068	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30517	1276-K51C2		Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	14/03/1997				Khá	1665069	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30518	1277-K51C2		Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	27/09/1997				Khá	1665070	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30519	1278-K51C2		Lê Thị	Ngọc	Nữ	21/09/1997				Khá	1665071	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30520	1279-K51C2		Trần Thúy	Ngọc	Nữ	24/06/1997				Khá	1665072	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30521	1280-K51C2		Bùi Thị	Nhạn	Nữ	27/03/1997				Khá	1665073	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30522	1281-K51C2		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/01/1997				Khá	1665074	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30523	1282-K51C2		Nguyễn Kim	Oanh	Nữ	02/06/1997				Khá	1665075	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30524	1283-K51C2		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	30/11/1997				Khá	1665076	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30525	1284-K51C2		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	10/01/1997				Khá	1665077	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30526	1285-K51C2		Trương Thị	Thắm	Nữ	02/08/1997				Trung bình	1665078	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30527	1286-K51C2		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	07/12/1997				Giỏi	1665079	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30528	1287-K51C2		Chu Thị	Thu	Nữ	04/09/1997				Khá	1665080	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30529	1288-K51C2		Ngô Thị Hoài	Thư	Nữ	24/09/1997				Khá	1665081	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30530	1289-K51C2		Vũ Thị	Thương	Nữ	03/03/1997				Khá	1665082	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30531	1290-K51C2		Vũ Thị	Thúy	Nữ	26/09/1997				Khá	1665083	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30532	1291-K51C2		Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	23/08/1997				Khá	1665084	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30533	1292-K51C2		Trần Thị	Trang	Nữ	03/02/1997				Khá	1665085	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30534	1293-K51C2		Trần Thanh	Trúc	Nữ	20/01/1997				Khá	1665086	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30535	1294-K51C2		Đậu Thị	Tuyết	Nữ	22/12/1997				Khá	1665087	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30536	1295-K51C2		Lương Thị	Vân	Nữ	17/02/1997				Khá	1665088	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30537	1296-K51C3		Nguyễn Vân	Anh	Nữ	30/09/1997				Khá	1665089	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30538	1297-K51C3		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	25/06/1997				Khá	1665090	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30539	1298-K51C3		Đỗ Mạnh	Cường	Nam	15/01/1997				Trung bình	1665091	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30540	1299-K51C3		Bùi Thị	Diệu	Nữ	15/10/1997				Khá	1665092	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30541	1300-K51C3		Phạm Thị	Dung	Nữ	20/01/1997				Khá	1665093	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30542	1301-K51C3		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	01/05/1997				Giỏi	1665094	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30543	1302-K51C3		Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	21/02/1997				Khá	1665095	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30544	1303-K51C3		Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	19/05/1997				Khá	1665096	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30545	1304-K51C3		Phạm Thị	Hạnh	Nữ	31/01/1997				Khá	1665097	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30546	1305-K51C3		Ngô Thị	Hậu	Nữ	06/07/1997				Khá	1665098	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30547	1306-K51C3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	08/10/1997				Khá	1665099	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30548	1307-K51C3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/10/1997				Khá	1665100	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30549	1308-K51C3		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	20/03/1997				Khá	1665101	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30550	1309-K51C3		Ngô Tuấn	Khang	Nam	26/10/1997				Khá	1665102	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30551	1310-K51C3		Ngô Thị	Lan	Nữ	27/09/1996				Khá	1665103	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30552	1311-K51C3		Hoàng Thị Hương	Liên	Nữ	16/11/1997				Khá	1665104	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30553	1312-K51C3		Bùi Thị	Linh	Nữ	25/01/1997				Trung bình	1665105	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30554	1313-K51C3		Hồ Thuỳ	Linh	Nữ	26/07/1997				Khá	1665106	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30555	1314-K51C3		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	20/12/1997				Khá	1665107	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30556	1315-K51C3		Đặng Cẩm	Mai	Nữ	13/06/1997				Khá	1665108	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30557	1316-K51C3		Phạm Thị Hằng	Nga	Nữ	18/03/1997				Trung bình	1665109	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30558	1317-K51C3		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	02/08/1997				Khá	1665110	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30559	1318-K51C3		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	25/09/1997				Khá	1665111	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30560	1319-K51C3		Lê Thị Thu	Phương	Nữ	24/10/1997				Khá	1665112	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30561	1320-K51C3		Ngô Anh	Quân	Nam	22/11/1997				Khá	1665113	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30562	1321-K51C3		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	07/12/1997				Khá	1665114	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30563	1322-K51C3		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	17/04/1997				Khá	1665115	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30564	1323-K51C3		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	13/12/1997				Khá	1665116	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30565	1324-K51C3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	11/06/1997				Khá	1665117	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30566	1325-K51C3		Mai Thị	Thu	Nữ	13/01/1997				Khá	1665118	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30567	1326-K51C3		Nguyễn Anh	Thư	Nữ	03/07/1997				Khá	1665119	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30568	1327-K51C3		Bùi Thị	Thúy	Nữ	18/12/1997				Khá	1665120	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30569	1328-K51C3		Nguyễn Văn	Tiến	Nam	05/03/1997				Khá	1813753	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30570	1329-K51C3		Nguyễn Thị	Toan	Nữ	02/05/1996				Trung bình	1665122	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30571	1330-K51C3		Trịnh Thị	Trang	Nữ	11/12/1997				Khá	1665123	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30572	1331-K51C3		Đặng Hoài	Tú	Nữ	28/11/1997				Khá	1665124	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30573	1332-K51C3		Hoàng Thị Kim	Tuyến	Nữ	19/09/1996				Khá	1665125	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30574	1333-K51C3		Dương Thị	Tuyết	Nữ	20/01/1997				Khá	1665126	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30575	1334-K51C3		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	20/12/1997				Khá	1665127	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30576	1335-K51C3		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	15/01/1997				Khá	1665128	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30577	1336-K51C4		Đào Thị Kim	Anh	Nữ	28/09/1997				Giỏi	1665129	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30578	1337-K51C4		Phạm Thị Bảo	Anh	Nữ	13/05/1997				Khá	1665130	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30579	1338-K51C4		Nguyễn Thị Huyền	Chang	Nữ	05/09/1997				Trung bình	1665131	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30580	1339-K51C4		Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	10/10/1995				Khá	1665132	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30581	1340-K51C4		Tô Thùy	Dương	Nữ	12/10/1997				Khá	1665133	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30582	1341-K51C4		Đặng Hương	Giang	Nữ	06/09/1997				Khá	1665134	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30583	1342-K51C4		Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	10/10/1997				Khá	1665135	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30584	1343-K51C4		Nguyễn Thuý	Hằng	Nữ	01/05/1997				Khá	1665136	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30585	1344-K51C4		Tạ Thị	Hạnh	Nữ	27/10/1997				Khá	1665137	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30586	1345-K51C4		Lê Đức	Hoàn	Nam	19/08/1997				Khá	1665138	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30587	1346-K51C4		Hoàng Thị	Hồng	Nữ	19/09/1997				Khá	1665139	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30588	1347-K51C4		Vũ Thị	Huệ	Nữ	26/05/1997				Khá	1665140	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30589	1348-K51C4		Phạm Nguyễn	Hương	Nữ	02/05/1996				Khá	1665141	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30590	1349-K51C4		Đinh Thị Thu	Huyền	Nữ	13/07/1997				Khá	1665142	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30591	1350-K51C4		Vương Thị	Huyền	Nữ	22/07/1997				Khá	1665143	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30592	1351-K51C4		Vũ Thị	Lan	Nữ	24/07/1997				Khá	1665144	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30593	1352-K51C4		Phạm Thị	Liên	Nữ	12/01/1996				Khá	1665145	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30594	1353-K51C4		Bùi Thị Thùy	Linh	Nữ	06/12/1997				Khá	1665146	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30595	1354-K51C4		Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	Nữ	16/09/1997				Khá	1665147	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30596	1355-K51C4		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	24/02/1997				Khá	1665148	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30597	1356-K51C4		Nguyễn Trà	My	Nữ	28/04/1997				Khá	1665149	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30598	1357-K51C4		Trần Thị	Nga	Nữ	03/06/1997				Giỏi	1665150	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30599	1358-K51C4		Trần Thị	Ngân	Nữ	25/09/1997				Giỏi	1665151	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30600	1359-K51C4		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	23/06/1997				Khá	1665152	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30601	1360-K51C4		Trần Ánh	Nguyệt	Nữ	04/09/1997				Khá	1665153	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30602	1361-K51C4		Hoàng Thị	Nhung	Nữ	27/03/1997				Khá	1665154	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30603	1362-K51C4		Đặng Thị Lâm	Oanh	Nữ	10/08/1997				Khá	1665155	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30604	1363-K51C4		Trần Thị	Phương	Nữ	27/04/1996				Khá	1665156	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30605	1364-K51C4		Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	08/12/1997				Khá	1665157	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30606	1365-K51C4		Phí Văn	Sơn	Nam	07/03/1996				Khá	1665158	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30607	1366-K51C4		Nguyễn Thị	Tân	Nữ	21/01/1997				Khá	1665159	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30608	1367-K51C4		Đặng Phương	Thanh	Nữ	10/10/1996				Trung bình	1665160	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30609	1368-K51C4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	01/12/1997				Khá	1665161	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30610	1369-K51C4		Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	16/04/1997				Khá	1665162	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30611	1370-K51C4		Nguyễn Thị	Trà	Nữ	22/01/1997				Khá	1665163	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30612	1371-K51C4		Mai Thị Huyền	Trang	Nữ	23/10/1997				Khá	1665164	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30613	1372-K51C4		Vũ Huyền	Trang	Nữ	02/10/1997				Khá	1665165	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30614	1373-K51C4		Nguyễn Thị	Tú	Nữ	12/08/1997				Khá	1665166	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30615	1374-K51C4		Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	08/04/1997				Khá	1665167	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30616	1375-K51C4		Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04/12/1997				Khá	1665168	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30617	1376-K51C5		Đỗ Vân	Anh	Nữ	27/07/1997				Khá	1665169	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30618	1377-K51C5		Ngô Thị Thảo	Anh	Nữ	12/12/1997				Khá	1665170	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30619	1378-K51C5		Nguyễn Thị Hoài	Anh	Nữ	03/07/1997				Khá	1665171	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30620	1379-K51C5		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	01/08/1997				Khá	1665172	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30621	1380-K51C5		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	23/02/1997				Khá	1665173	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30622	1381-K51C5		Trần Nguyễn Quang	Anh	Nam	24/05/1997				Khá	1665174	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30623	1382-K51C5		Kim Ngọc	Ánh	Nữ	24/11/1997				Khá	1665175	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30624	1383-K51C5		Nguyễn Thị Hồng	Duyên	Nữ	08/07/1997				Khá	1665176	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30625	1384-K51C5		Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	27/03/1997				Giỏi	1665177	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30626	1385-K51C5		Phạm Thị Hải	Hà	Nữ	07/12/1997				Giỏi	1665178	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30627	1386-K51C5		Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	25/07/1997				Khá	1665179	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30628	1387-K51C5		Hoàng Thị	Hiền	Nữ	29/12/1997				Giỏi	1665180	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30629	1388-K51C5		Lê Thị	Hiền	Nữ	21/03/1997				Khá	1665181	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30630	1389-K51C5		Trần Thị	Hiền	Nữ	24/05/1997				Trung bình	1665182	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30631	1390-K51C5		Hoàng Xuân	Hòa	Nam	07/08/1997				Khá	1665183	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30632	1391-K51C5		Nguyễn Nhật	Hồng	Nữ	07/01/1997				Khá	1665184	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30633	1392-K51C5		Trần Thị Hoa	Hồng	Nữ	25/09/1997				Khá	1665185	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30634	1393-K51C5		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	04/06/1995				Khá	1665186	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30635	1394-K51C5		Trần Thị	Huệ	Nữ	05/10/1997				Khá	1665187	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30636	1395-K51C5		Đinh Thị Thu	Hương	Nữ	13/04/1997				Khá	1665188	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30637	1396-K51C5		Phạm Thị	Huyền	Nữ	25/10/1997				Khá	1665189	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30638	1397-K51C5		Lê Thị	Loan	Nữ	17/03/1997				Khá	1665190	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30639	1398-K51C5		Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	03/01/1996				Trung bình	1665191	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30640	1399-K51C5		Lương Thị Hằng	Nga	Nữ	20/11/1997				Khá	1665192	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30641	1400-K51C5		Lê Thị Hà	Phương	Nữ	01/11/1997				Khá	1665193	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30642	1401-K51C5		Hoàng Kim	Thanh	Nữ	16/11/1997				Khá	1665194	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30643	1402-K51C5		Bùi Thị	Thảo	Nữ	17/02/1997				Khá	1665195	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30644	1403-K51C5		Lưu Thiên	Thảo	Nữ	20/09/1997				Khá	1665196	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30645	1404-K51C5		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	24/04/1997				Khá	1665197	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30646	1405-K51C5		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	12/02/1997				Khá	1665198	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30647	1406-K51C5		Trần Thị Minh	Thảo	Nữ	29/08/1997				Khá	1665199	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30648	1407-K51C5		Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	03/12/1997				Trung bình	1812178	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30649	1408-K51C5		Phạm Thị Minh	Thư	Nữ	20/03/1997				Trung bình	1812179	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30650	1409-K51C5		Trần Anh	Thư	Nữ	29/09/1997				Khá	1812180	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30651	1410-K51C5		Trần Thị	Thư	Nữ	25/09/1996				Khá	1812181	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30652	1411-K51C5		Phạm Thị	Thuý	Nữ	08/08/1997				Khá	1812182	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30653	1412-K51C5		Đào Thị	Thúy	Nữ	20/03/1997				Khá	1812183	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30654	1413-K51C5		Đỗ Bích	Thúy	Nữ	28/03/1997				Giỏi	1812184	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30655	1414-K51C5		Nguyễn Thị	Toan	Nữ	29/12/1997				Khá	1812185	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30656	1415-K51C5		Vũ Thị Hà	Trang	Nữ	06/11/1997				Khá	1812186	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30657	1416-K51C5		Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	04/01/1997				Trung bình	1812187	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30658	1417-K51C5		Nguyễn Thị Việt	Trinh	Nữ	08/10/1997				Khá	1812188	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30659	1418-K51C5		Ngô Thị Ngọc	Yên	Nữ	27/03/1997				Khá	1812189	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30660	1419-K51C5		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	01/01/1997				Giỏi	1812190	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30661	1420-K50C3		Tào Thị Hương	Lan	Nữ	20/10/1996				Khá	1812191	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30662	1421-K51T1		Hoàng Thị Thuận	Ân	Nữ	14/03/1997				Khá	1812192	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30663	1422-K51T1		Đoàn Thị Hải	Anh	Nữ	07/07/1997				Khá	1812193	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30664	1423-K51T1		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	11/06/1997				Khá	1812194	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30665	1424-K51T1		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	06/02/1997				Khá	1812195	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30666	1425-K51T1		Trần Xuân	Bắc	Nam	07/07/1996				Trung bình	1812196	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30667	1426-K51T1		Trần Thị	Giang	Nữ	17/10/1997				Khá	1812197	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30668	1427-K51T1		Vũ Thị	Hằng	Nữ	11/02/1997				Khá	1812198	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30669	1428-K51T1		Vũ Thị	Hoa	Nữ	04/03/1997				Khá	1812199	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30670	1429-K51T1		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	26/02/1997				Khá	1812200	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30671	1430-K51T1		Vũ Thị	Hường	Nữ	10/06/1997				Trung bình	1812201	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30672	1431-K51T1		Kiều Thị Thùy	Linh	Nữ	03/09/1997				Khá	1812202	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30673	1432-K51T1		Mai Thị	Linh	Nữ	20/07/1997				Trung bình	1812203	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30674	1433-K51T1		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	10/11/1997				Khá	1812204	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30675	1434-K51T1		Hoàng Thị Ngọc	Mai	Nữ	18/08/1996				Khá	1812205	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30676	1435-K51T1		Lê Thị Hồng	Ngọc	Nữ	15/06/1997				Khá	1812206	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30677	1436-K51T1		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	22/10/1997				Khá	1812207	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30678	1437-K51T1		Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	12/12/1997				Khá	1812208	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30679	1438-K51T1		Nguyễn Thị Hồng	Phấn	Nữ	09/10/1997				Trung bình	1812209	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30680	1439-K51T1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/04/1996				Khá	1812210	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30681	1440-K51T1		Nguyễn Hoàng Thu	Quyên	Nữ	28/02/1997				Khá	1812211	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30682	1441-K51T1		Nguyễn Thu	Quỳnh	Nữ	22/04/1997				Khá	1812212	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30683	1442-K51T1		Đỗ Minh	Thành	Nam	12/09/1997				Trung bình	1812213	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30684	1443-K51T1		Đặng Thị	Thao	Nữ	10/05/1997				Khá	1812214	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30685	1444-K51T1		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	10/03/1997				Khá	1812215	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30686	1445-K51T1		Trần Thị	Thảo	Nữ	17/06/1996				Khá	1812216	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30687	1446-K51T1		Phạm Thị	Thu	Nữ	28/07/1997				Khá	1812217	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30688	1447-K51T1		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	21/09/1997				Khá	1812218	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30689	1448-K51T2		Bùi Thị Ngọc	Anh	Nữ	26/11/1997				Khá	1812219	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30690	1449-K51T2		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	11/11/1997				Khá	1812220	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30691	1450-K51T2		Bùi Thị	Châm	Nữ	03/12/1997				Khá	1812221	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30692	1451-K51T2		Hoàng Minh	Châu	Nam	23/09/1997				Khá	1812222	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30693	1452-K51T2		Lương Văn	Duẩn	Nam	06/05/1997				Trung bình	1812223	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30694	1453-K51T2		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	24/10/1997				Khá	1812224	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30695	1454-K51T2		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	22/04/1997				Trung bình	1812225	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30696	1455-K51T2		Lê Thị	Hoa	Nữ	10/03/1997				Khá	1812226	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30697	1456-K51T2		Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	06/08/1997				Khá	1812227	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30698	1457-K51T2		Phan Thị	Huệ	Nữ	30/05/1997				Khá	1812228	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30699	1458-K51T2		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/09/1997				Khá	1812229	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30700	1459-K51T2		Nguyễn Đình	Huy	Nam	20/06/1997				Trung bình	1812230	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30701	1460-K51T2		Hoàng Mai Khánh	Huyền	Nữ	25/11/1997				Khá	1812231	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30702	1461-K51T2		Trần Thị	Liễu	Nữ	30/12/1997				Khá	1812232	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30703	1462-K51T2		Lê Mỹ	Linh	Nữ	28/12/1997				Trung bình	1812233	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30704	1463-K51T2		Ngô Diệu	Linh	Nữ	09/07/1997				Khá	1812234	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30705	1464-K51T2		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	03/11/1997				Trung bình	1812235	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30706	1465-K51T2		Nguyễn Tuấn	Linh	Nam	11/11/1996				Khá	1812236	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30707	1466-K51T2		Phan Văn	Long	Nam	28/01/1997				Khá	1812237	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30708	1467-K51T2		Đoàn Thị	Lý	Nữ	03/06/1997				Khá	1812238	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30709	1468-K51T2		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	15/01/1997				Khá	1812239	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30710	1469-K51T2		Nguyễn Thị Ngọc	Minh	Nữ	05/04/1997				Khá	1812240	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30711	1470-K51T2		Lý Thị	Nga	Nữ	07/11/1997				Khá	1812241	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30712	1471-K51T2		Lê Thị	Ngọc	Nữ	08/04/1997				Khá	1812242	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30713	1472-K51T2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	06/05/1997				Khá	1812243	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30714	1473-K51T2		Nguyễn Thị	Như	Nữ	19/10/1997				Khá	1812244	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30715	1474-K51T2		Nguyễn Hữu	Quang	Nam	05/09/1995				Khá	1812245	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30716	1475-K51T2		Trần Thị Mai	Phương	Nữ	21/03/1997				Trung bình	1812246	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30717	1476-K51T2		Bùi Xuân	Sang	Nam	07/07/1997				Trung bình	1812247	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30718	1477-K51T2		Trương Công	Sơn	Nam	21/03/1997				Trung bình	1812248	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30719	1478-K51T2		Đặng Thanh	Thảo	Nữ	24/01/1997				Khá	1812249	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30720	1479-K51T2		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	11/10/1997				Khá	1812250	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30721	1480-K51T2		Bùi Thị	Thi	Nữ	06/02/1997				Khá	1812251	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30722	1481-K51T2		Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	13/08/1997				Khá	1812252	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30723	1482-K51T2		Phùng Thị	Thúy	Nữ	25/07/1997				Trung bình	1812253	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30724	1483-K51T2		Đỗ Thị Quỳnh	Trang	Nữ	13/10/1997				Khá	1812254	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30725	1484-K51T2		Trần Minh	Trang	Nữ	13/10/1997				Trung bình	1812255	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30726	1485-K51T2		Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	17/03/1997				Trung bình	1812256	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30727	1486-K51T2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	22/04/1997				Khá	1812257	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30728	1487-K51T3		Đinh Thị Vân	Anh	Nữ	07/03/1997				Khá	1812258	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30729	1488-K51T3		Lê Thị Hà	Anh	Nữ	15/10/1997				Khá	1812259	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30730	1489-K51T3		Nguyễn Đức	Anh	Nam	09/04/1997				Trung bình	1812260	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30731	1490-K51T3		Đặng Thị	Châm	Nữ	15/11/1997				Khá	1812261	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30732	1491-K51T3		Bùi Thị Thúy	Hằng	Nữ	22/05/1997				Khá	1812262	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30733	1492-K51T3		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	30/11/1997				Trung bình	1812263	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30734	1493-K51T3		Vũ Thị	Hồng	Nữ	27/07/1997				Khá	1812264	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30735	1494-K51T3		Nguyễn Đình	Huy	Nam	13/12/1996				Khá	1812265	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30736	1495-K51T3		Lê Phương Thảo	Linh	Nữ	29/06/1997				Trung bình	1812266	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30737	1496-K51T3		Ngô Hải	Linh	Nữ	27/09/1997				Khá	1812267	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30738	1497-K51T3		Hoàng Thị	Lụa	Nữ	09/05/1997				Khá	1812268	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30739	1498-K51T3		Lê Thị	Lý	Nữ	25/02/1997				Khá	1812269	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30740	1499-K51T3		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	13/03/1997				Khá	1812270	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30741	1500-K51T3		Đặng Huyền	My	Nữ	27/11/1997				Khá	1812271	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30742	1501-K51T3		Bạch Thị	Ngọc	Nữ	20/06/1997				Khá	1812272	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30743	1502-K51T3		Hoàng Kim	Oanh	Nữ	27/04/1997				Khá	1812273	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30744	1503-K51T3		Trần Thị	Phương	Nữ	15/10/1997				Khá	1812274	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30745	1504-K51T3		Nguyễn Nhật	Quang	Nam	11/07/1997				Khá	1812275	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30746	1505-K51T3		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	05/04/1997				Khá	1812276	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30747	1506-K51T3		Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	14/11/1997				Khá	1812277	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30748	1507-K51T3		Bùi Đăng	Thiện	Nam	21/02/1997				Khá	1812278	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30749	1508-K51T3		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	07/03/1997				Trung bình	1812279	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30750	1509-K51T3		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	11/10/1997				Trung bình	1812280	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30751	1510-K51T3		Nguyễn Anh	Tú	Nam	27/03/1997				Trung bình	1812281	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30752	1511-K51T3		Trần Thị Vinh	Tươi	Nữ	13/11/1997				Trung bình	1812282	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30753	1512-K51T3		Trần Thị Bảo	Yến	Nữ	17/02/1997				Khá	1812283	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30754	1513-K51T4		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	26/05/1997				Trung bình	1812284	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30755	1514-K51T4		Nguyễn Thị Nguyệt	Ánh	Nữ	29/07/1997				Khá	1812285	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30756	1515-K51T4		Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	03/02/1997				Khá	1812286	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30757	1516-K51T4		Phạm Thị Việt	Chi	Nữ	10/12/1997				Khá	1812287	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30758	1517-K51T4		Nguyễn Hương	Giang	Nữ	08/10/1997				Khá	1812288	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30759	1518-K51T4		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	20/10/1997				Khá	1812289	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30760	1519-K51T4		Đinh Thị	Hiền	Nữ	25/06/1996				Khá	1812290	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30761	1520-K51T4		Lưu Thị	Hiền	Nữ	08/02/1997				Khá	1812291	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30762	1521-K51T4		Phan Thị Thu	Hiền	Nữ	18/09/1996				Khá	1812292	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30763	1522-K51T4		Phí Như	Hoa	Nữ	16/10/1997				Khá	1812293	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30764	1523-K51T4		Khuất Thị	Hồng	Nữ	11/03/1997				Khá	1812294	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30765	1524-K51T4		Tạ Thị Thu	Hương	Nữ	26/09/1997				Khá	1812295	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30766	1525-K51T4		Vương Đình Thị	Hường	Nữ	17/02/1997				Khá	1812296	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30767	1526-K51T4		Trần Thị Nhật	Lệ	Nữ	19/07/1997				Khá	1812297	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30768	1527-K51T4		Ngô Thị	Liệu	Nữ	22/03/1997				Khá	1812298	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30769	1528-K51T4		Lê Thùy	Linh	Nữ	15/02/1997				Khá	1812299	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30770	1529-K51T4		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	04/12/1997				Trung bình	1812300	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30771	1530-K51T4		Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	02/07/1997				Khá	1812301	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30772	1531-K51T4		Trần Hương	Ly	Nữ	26/05/1997				Khá	1812302	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30773	1532-K51T4		Nguyễn Trà	My	Nữ	26/05/1997				Khá	1812303	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30774	1533-K51T4		Nguyễn Như	Nguyệt	Nữ	14/02/1997				Khá	1812304	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30775	1534-K51T4		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	23/08/1997				Khá	1812305	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30776	1535-K51T4		Thiều Thị	Oanh	Nữ	23/03/1997				Giỏi	1812306	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30777	1536-K51T4		Phạm Anh	Phương	Nữ	19/08/1997				Khá	1812307	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30778	1537-K51T4		Đồng Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	01/09/1997				Khá	1812308	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30779	1538-K51T4		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	18/09/1997				Khá	1812309	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30780	1539-K51T4		Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	29/07/1997				Khá	1812310	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30781	1540-K51T4		Phạm Lê Phương	Thảo	Nữ	22/04/1997				Khá	1812311	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30782	1541-K51T4		Nguyễn Ngọc	Thơ	Nữ	09/02/1997				Khá	1812312	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30783	1542-K51T4		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	17/04/1997				Khá	1812313	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30784	1543-K51T4		Trần Thị Minh	Thuý	Nữ	25/10/1997				Khá	1812314	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30785	1544-K51T4		Bùi Minh	Thúy	Nữ	05/05/1997				Khá	1812315	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30786	1545-K51T4		Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	26/10/1997				Khá	1812316	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30787	1546-K51T4		Vũ Thị Thuý	Vân	Nữ	30/01/1997				Khá	1812317	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30788	1547-K51T4		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	13/08/1997				Khá	1812318	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30789	1548-K51T4		Phạm Hương	Giang	Nữ	13/05/1997				Khá	1812319	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30790	1549-K50T1		Bùi Hà	Anh	Nữ	15/03/1996				Trung bình	1812320	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30791	1550-K50T2		Phạm Thị	Thúy	Nữ	29/09/1996				Khá	1812321	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30792	1551-K50T2		Đường Thị	Thúy	Nữ	27/09/1996				Khá	1812322	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30793	1552-K50T3		Phạm Thị	Uyên	Nữ	20/01/1996				Trung bình	1812323	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30794	1553-K50T5		Bùi Anh	Tùng	Nam	30/05/1996				Khá	1812324	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30795	1554-K49T2		Đỗ Thanh	Thuý	Nữ	13/08/1995				Trung bình	1812325	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	660/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30796	382-K51A1		Kiều Thị Mai	Anh	Nữ	18/08/1997				Khá	1653715	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30797	383-K51A1		Trương Thị Lan	Anh	Nữ	14/11/1997				Giỏi	1653716	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30798	384-K51A1		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	13/09/1997				Khá	1653717	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30799	385-K51A1		Bùi Thị Hương	Giang	Nữ	24/05/1997				Khá	1653718	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30800	386-K51A1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	11/07/1997				Khá	1653719	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30801	387-K51A1		Trần Thu	Hiền	Nữ	12/11/1997				Khá	1653720	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30802	388-K51A1		Dương Mỹ	Hoa	Nữ	11/12/1997				Khá	1653721	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30803	389-K51A1		Cao Thị	Hoài	Nữ	29/04/1997				Khá	1653722	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30804	390-K51A1		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	24/12/1997				Trung bình	1653723	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30805	391-K51A1		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	28/05/1997				Khá	1653724	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30806	392-K51A1		Đậu Thị	Hường	Nữ	05/10/1997				Khá	1653725	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30807	393-K51A1		Nguyễn Minh	Khiêm	Nam	17/05/1997				Khá	1653726	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30808	394-K51A1		Trần Thị Nhật	Lệ	Nữ	24/06/1997				Khá	1653727	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30809	395-K51A1		Lê Thị Minh	Lý	Nữ	05/10/1996				Khá	1653728	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30810	396-K51A1		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	24/06/1997				Khá	1653729	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30811	397-K51A1		Cao Thị	Thơm	Nữ	04/11/1997				Khá	1653730	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30812	398-K51A1		Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	06/10/1997				Khá	1653731	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30813	399-K51A1		Phạm Thùy	Tiên	Nữ	24/11/1997				Khá	1653732	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30814	400-K51A1		Đặng Thị	Trang	Nữ	01/11/1997				Khá	1653733	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30815	401-K51A1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	23/10/1997				Khá	1653734	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30816	402-K51A1		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	15/04/1997				Khá	1653735	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30817	403-K51A2		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	20/09/1997				Khá	1653736	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30818	404-K51A2		Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	25/09/1997				Khá	1653737	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30819	405-K51A2		Nguyễn Hồng	Cúc	Nữ	22/06/1997				Khá	1653738	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30820	406-K51A2		Triệu Việt	Cường	Nam	02/12/1997				Trung bình	1653739	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30821	407-K51A2		Hà Thị	Doan	Nữ	05/03/1997				Khá	1653740	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30822	408-K51A2		Tống Thị Thùy	Dương	Nữ	15/06/1997				Khá	1653741	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30823	409-K51A2		Đỗ Thị	Giang	Nữ	24/05/1996				Khá	1653742	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30824	410-K51A2		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/02/1997				Khá	1653743	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30825	411-K51A2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	04/03/1997				Khá	1653744	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30826	412-K51A2		Đặng Thị	Hảo	Nữ	31/12/1997				Khá	1653745	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30827	413-K51A2		Đặng Anh	Hiển	Nam	12/12/1997				Khá	1653746	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30828	414-K51A2		Ngô Thị	Hiệp	Nữ	23/09/1997				Khá	1653747	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30829	415-K51A2		Phạm Thị	Huế	Nữ	23/08/1997				Trung bình	1653748	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30830	416-K51A2		Phạm Thị	Hường	Nữ	07/04/1997				Khá	1653749	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30831	417-K51A2		Lê Quang	Huy	Nam	25/02/1997				Khá	1653750	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30832	418-K51A2		Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23/03/1997				Trung bình	1653751	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30833	419-K51A2		Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	02/10/1997				Trung bình	1653752	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30834	420-K51A2		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	29/01/1997				Khá	1653753	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30835	421-K51A2		Đặng Thị	Minh	Nữ	03/07/1997				Khá	1653754	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30836	422-K51A2		Đinh Thị	Ngọc	Nữ	10/11/1997				Khá	1653755	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30837	423-K51A2		Lê Thị	Nhàn	Nữ	11/11/1997				Khá	1653756	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30838	424-K51A2		Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	25/03/1997				Trung bình	1653757	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30839	425-K51A2		Bùi Thị Thu	Phương	Nữ	28/01/1997				Khá	1653758	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30840	426-K51A2		Lương Công	Thành	Nam	17/01/1997				Khá	1653759	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30841	427-K51A2		Trần Như	Thế	Nữ	17/05/1997				Khá	1653760	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30842	428-K51A2		Lê Thị	Thơm	Nữ	23/09/1997				Khá	1653761	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30843	429-K51A2		Nguyễn Thị Lệ	Toán	Nữ	30/10/1997				Khá	1653762	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30844	430-K51A2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	02/12/1997				Khá	1653763	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30845	431-K51A2		Nguyễn Thị Việt	Trinh	Nữ	27/05/1997				Khá	1653764	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30846	432-K51A2		Phạm Văn	Tuấn	Nam	05/03/1997				Khá	1653765	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30847	433-K51A2		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	26/10/1997				Khá	1653766	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30848	434-K51A3		Nguyễn Thị Minh	ánh	Nữ	19/12/1997				Khá	1653767	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30849	435-K51A3		Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	28/11/1996				Khá	1653768	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30850	436-K51A3		Lê Thị	Đan	Nữ	01/02/1997				Khá	1653769	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30851	437-K51A3		Trần Hữu	Đức	Nam	15/06/1997				Giỏi	1653770	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30852	438-K51A3		Đỗ Thị Hà	Giang	Nữ	08/02/1997				Khá	1653771	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30853	439-K51A3		Lê Thị	Hiền	Nữ	18/08/1997				Khá	1653772	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30854	440-K51A3		Đặng Thị	Hoa	Nữ	09/10/1997				Khá	1653773	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30855	441-K51A3		Đặng Huy	Hoàng	Nam	09/05/1997				Khá	1653774	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30856	442-K51A3		Ngô Thị	Hoè	Nữ	20/04/1997				Khá	1653775	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30857	443-K51A3		Lang Thị	Hương	Nữ	13/06/1996				Khá	1653776	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30858	444-K51A3		Chu Thị Diệu	Huyền	Nữ	02/10/1997				Khá	1653777	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30859	445-K51A3		Nguyễn Thị Thu	Lan	Nữ	25/10/1997				Khá	1653778	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30860	446-K51A3		Nguyễn Thị Huyền	Lương	Nữ	13/08/1997				Khá	1653779	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30861	447-K51A3		Cao Thị	Mai	Nữ	06/08/1997				Khá	1653780	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30862	448-K51A3		Phạm Thế	Nam	Nam	08/04/1997				Khá	1653781	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30863	449-K51A3		Vũ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	28/11/1997				Khá	1653782	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30864	450-K51A3		Ngô Thị Bích	Phương	Nữ	02/06/1997				Khá	1653783	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30865	451-K51A3		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	27/04/1997				Khá	1653784	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30866	452-K51A3		Phạm Minh	Thanh	Nam	22/05/1997				Trung bình	1653785	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30867	453-K51A3		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	09/09/1997				Giỏi	1653786	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30868	454-K51A3		Lâm Diệu	Thúy	Nữ	07/12/1997				Khá	1653787	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30869	455-K51A3		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	19/09/1997				Khá	1653788	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30870	456-K51A3		Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	24/08/1997				Khá	1653789	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30871	457-K51A3		Trần Minh	Tuấn	Nam	22/02/1997				Khá	1653790	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30872	458-K51A3		Đào Trọng	Vinh	Nam	15/02/1996				Trung bình	1653791	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30873	459-K51A4		Trần Thế	Anh	Nam	14/07/1997				Giỏi	1653792	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30874	460-K51A4		Trịnh Thị Lan	Anh	Nữ	01/08/1997				Khá	1653793	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30875	461-K51A4		Ma Thị	Bạch	Nữ	21/08/1996				Khá	1653794	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30876	462-K51A4		Chu Thị Bảo	Châm	Nữ	14/02/1997				Trung bình	1653795	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30877	463-K51A4		Đinh Văn	Đức	Nam	15/03/1997				Trung bình	1653796	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30878	464-K51A4		Lê Thị	Dung	Nữ	02/03/1997				Khá	1653797	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30879	465-K51A4		Kim Thanh	Duy	Nam	30/01/1997				Khá	1653798	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30880	466-K51A4		Bùi Thị	Duyên	Nữ	24/05/1997				Khá	1653799	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30881	467-K51A4		Trần Thị	Hằng	Nữ	18/08/1997				Khá	1653800	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30882	468-K51A4		Đào Thị	Hoa	Nữ	12/10/1996				Khá	1653801	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30883	469-K51A4		Bùi Thị Việt	Hồng	Nữ	09/06/1997				Khá	1653802	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30884	470-K51A4		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	09/04/1997				Trung bình	1653803	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30885	471-K51A4		Thân Tiến	Hưng	Nam	19/08/1997				Khá	1653804	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30886	472-K51A4		Nguyễn Lan	Hương	Nữ	03/02/1997				Trung bình	1653805	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30887	473-K51A4		Đào Thị	Hường	Nữ	24/07/1997				Khá	1653806	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30888	474-K51A4		Lê Thị Thúy	Huyền	Nữ	16/10/1997				Khá	1653807	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30889	475-K51A4		Vũ Thị	Huyền	Nữ	17/10/1997				Khá	1653808	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30890	476-K51A4		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	28/07/1997				Khá	1653809	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30891	477-K51A4		Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	29/07/1997				Trung bình	1653810	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30892	478-K51A4		Vũ Thị	Luyến	Nữ	10/02/1997				Trung bình	1653811	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30893	479-K51A4		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	28/02/1997				Khá	1653812	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30894	480-K51A4		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	27/09/1997				Khá	1653813	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30895	481-K51A4		Nguyễn Thị Kim	Phương	Nữ	23/11/1997				Khá	1653814	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30896	482-K51A4		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	20/10/1997				Khá	1653815	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30897	483-K51A4		Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	22/11/1997				Khá	1653816	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30898	484-K51A4		Nguyễn Thị	Tho	Nữ	12/08/1997				Khá	1653817	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30899	485-K51A4		Nguyễn Thị Hồng	Thúy	Nữ	16/08/1997				Khá	1653818	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30900	486-K51A4		Đặng Quỳnh	Trang	Nữ	18/11/1997				Giỏi	1653819	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30901	487-K51A4		Phạm Thị	Trang	Nữ	23/10/1997				Khá	1653820	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30902	488-K51A4		Trần Văn	Trường	Nam	04/02/1997				Khá	1653821	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30903	489-K51A4		Hoàng Đức	Vượng	Nam	09/03/1997				Khá	1653822	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30904	490-K51A5		Trần Ngọc	Anh	Nữ	13/11/1996				Khá	1653823	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30905	491-K51A5		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	18/11/1997				Giỏi	1653824	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30906	492-K51A5		Lữ Thị	Điểm	Nữ	28/09/1997				Khá	1653825	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30907	493-K51A5		Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	20/09/1997				Khá	1653826	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30908	494-K51A5		Cù Thu	Hiền	Nữ	07/10/1997				Khá	1653827	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30909	495-K51A5		Lê Thị	Hồng	Nữ	03/11/1997				Khá	1653828	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30910	496-K51A5		Vũ Thị	Huệ	Nữ	06/11/1997				Khá	1653829	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30911	497-K51A5		Ngo Lan	Hương	Nữ	24/08/1997				Khá	1653830	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30912	498-K51A5		Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	23/10/1997				Khá	1653831	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30913	499-K51A5		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	01/08/1997				Khá	1653832	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30914	500-K51A5		Lê Thị Thu	Lương	Nữ	02/07/1997				Khá	1653833	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30915	501-K51A5		Đỗ Thị Khánh	Ly	Nữ	30/09/1997				Khá	1653834	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30916	502-K51A5		Lê Thị Cẩm	Ly	Nữ	28/07/1996				Khá	1653835	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30917	503-K51A5		Triệu Thị Thanh	Mai	Nữ	13/02/1997				Khá	1653836	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30918	504-K51A5		Lê Xuân	Mạnh	Nam	01/11/1997				Khá	1653837	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30919	505-K51A5		Nguyễn Hồng	Minh	Nữ	08/07/1997				Khá	1653838	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30920	506-K51A5		Triệu Thị	Ngân	Nữ	13/07/1997				Khá	1653839	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30921	507-K51A5		Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	24/12/1997				Khá	1653840	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30922	508-K51A5		Bùi Thị	Nguyệt	Nữ	19/04/1997				Khá	1653841	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30923	509-K51A5		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	11/09/1997				Khá	1653842	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30924	510-K51A5		Đào Thị	Oanh	Nữ	16/10/1997				Khá	1653843	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30925	511-K51A5		Phạm Minh	Phúc	Nữ	17/07/1997				Trung bình	1653844	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30926	512-K51A5		Lưu Thị	Phương	Nữ	08/02/1997				Khá	1653845	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30927	513-K51A5		Lê Thị	Phượng	Nữ	19/08/1997				Khá	1653846	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30928	514-K51A5		Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	08/06/1997				Khá	1653847	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30929	515-K51A5		Nguyễn Thị	Trà	Nữ	28/04/1997				Khá	1653848	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30930	516-K51A5		Phạm Thị	Trâm	Nữ	07/11/1996				Khá	1653849	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30931	517-K51A5		Lưu Thị Thu	Trang	Nữ	20/08/1997				Khá	1653850	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30932	518-K51A5		Trần Thị	Trang	Nữ	26/07/1997				Khá	1653851	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30933	519-K51A5		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	09/03/1996				Khá	1653852	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30934	520-K50A1		Nguyễn Phúc	Thắng	Nam	10/02/1996				Trung bình	1653853	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30935	521-K50A3		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	11/12/1996				Khá	1653854	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30936	522-K50A4		Lương Xuân Quỳnh	Anh	Nữ	29/09/1996				Trung bình	1653855	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30937	523-K50A4		Phạm Thị Tuyết	Nhung	Nữ	26/07/1996				Trung bình	1653856	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30938	524-K49A2		Lệnh Ngọc	Khánh	Nam	16/04/1995				Khá	1653857	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGAY 21/5/2019	
30939	525-K51K1		Bùi Thị Phương	Anh	Nữ	15/02/1997				Khá	1653858	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30940	526-K51K1		Nguyễn Lan	Anh	Nữ	10/12/1997				Khá	1653859	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30941	527-K51K1		Vũ Quang	Chính	Nam	27/03/1997				Khá	1653860	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30942	528-K51K1		Trần Thị	Dung	Nữ	20/02/1997				Trung bình	1653861	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30943	529-K51K1		Trần Thị	Hải	Nữ	22/02/1997				Khá	1653862	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30944	530-K51K1		Bùi Thị	Hiền	Nữ	22/06/1997				Khá	1653863	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30945	531-K51K1		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	15/04/1997				Khá	1653864	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30946	532-K51K1		Lê Đình	Hiếu	Nam	25/08/1997				Khá	1653865	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30947	533-K51K1		Đoàn Việt	Hoàng	Nam	19/08/1997				Trung bình	1653866	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30948	534-K51K1		Phạm Thị Thu	Huệ	Nữ	07/01/1997				Khá	1653867	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30949	535-K51K1		Lương Thị Khánh	Huyền	Nữ	15/05/1997				Khá	1653868	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30950	536-K51K1		Mai Thị	Lan	Nữ	17/11/1997				Giỏi	1653869	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30951	537-K51K1		Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	19/09/1997				Khá	1653870	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30952	538-K51K1		Nguyễn Tuấn	Linh	Nam	12/09/1997				Trung bình	1653871	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30953	539-K51K1		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	13/07/1997				Khá	1653872	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30954	540-K51K1		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	20/02/1997				Khá	1653873	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30955	541-K51K1		Doãn Phương	Nga	Nữ	11/08/1997				Giỏi	1653874	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30956	542-K51K1		Đinh Văn	Ngọc	Nam	25/11/1997				Khá	1653875	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30957	543-K51K1		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	20/11/1997				Khá	1653876	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30958	544-K51K1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	23/06/1997				Khá	1653877	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30959	545-K51K1		Nguyễn Quang	Thiều	Nam	08/02/1997				Trung bình	1653878	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30960	546-K51K1		Phạm Thị	Thúy	Nữ	05/01/1997				Khá	1653879	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30961	547-K51K1		Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	30/09/1997				Giỏi	1653880	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30962	548-K51K1		Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	26/09/1997				Khá	1653881	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
30963	549-K51K1		Phạm Thị Quỳnh	Trang	Nữ	29/09/1997				Khá	1653882	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30964	550-K51K1		Đinh Thị Hồng	Trinh	Nữ	04/10/1997				Khá	1653883	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30965	551-K51K1		Đào Văn	Trường	Nam	18/08/1997				Trung bình	1653884	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30966	552-K51K1		Đặng Thế	Tùng	Nam	18/05/1997				Khá	1653885	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30967	553-K51K1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	25/05/1997				Khá	1653886	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30968	554-K51K2		Cầm Thị Vân	Anh	Nữ	21/11/1997				Trung bình	1653887	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30969	555-K51K2		Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	25/10/1997				Khá	1653888	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30970	556-K51K2		Trương Thi	Dung	Nữ	02/08/1997				Khá	1653889	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30971	557-K51K2		Lê Thị	Hà	Nữ	28/05/1997				Trung bình	1653890	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30972	558-K51K2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	22/12/1997				Khá	1653891	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30973	559-K51K2		Lê Hồng	Hạnh	Nữ	26/05/1997				Khá	1653892	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30974	560-K51K2		Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	28/04/1997				Khá	1653893	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30975	561-K51K2		Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	10/05/1997				Khá	1653894	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30976	562-K51K2		Trần Thị	Huệ	Nữ	17/02/1997				Khá	1653895	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30977	563-K51K2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	14/12/1997				Khá	1653896	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30978	564-K51K2		Lưu Thị Phương	Liên	Nữ	04/04/1997				Trung bình	1653897	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30979	565-K51K2		Vũ Bảo	Linh	Nữ	15/06/1997				Khá	1653898	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30980	566-K51K2		Nguyễn Hương	Ly	Nữ	23/12/1997				Khá	1653899	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30981	567-K51K2		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	25/09/1997				Khá	1653900	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30982	568-K51K2		Trần Thị	Nga	Nữ	28/08/1997				Khá	1653901	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30983	569-K51K2		Trần Thị	Ngát	Nữ	26/03/1997				Khá	1653902	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30984	570-K51K2		Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	07/05/1997				Khá	1653903	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30985	571-K51K2		Tạ Thị	Như	Nữ	08/11/1997				Giỏi	1653904	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30986	572-K51K2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/01/1997				Trung bình	1653905	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30987	573-K51K2		Lê Thị	Sinh	Nữ	13/11/1997				Khá	1653906	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30988	574-K51K2		Cao Thị Phương	Thảo	Nữ	05/11/1997				Khá	1653907	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30989	575-K51K2		Lý Thị Thúy	Tiên	Nữ	08/05/1997				Trung bình	1653908	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30990	576-K51K2		Trần Minh	Trí	Nam	21/06/1995				Trung bình	1653909	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30991	577-K51K3		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	20/12/1996				Khá	1813752	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30992	578-K51K3		Vũ Minh	Châu	Nữ	24/06/1997				Khá	1653911	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30993	579-K51K3		Đỗ Viết Hải	Đăng	Nam	23/04/1997				Khá	1653912	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30994	580-K51K3		Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	23/12/1997				Khá	1653913	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30995	581-K51K3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	03/06/1997				Khá	1653914	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30996	582-K51K3		Phạm Thúy	Hạnh	Nữ	21/08/1996				Khá	1653915	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30997	583-K51K3		Đào Thị	Hiền	Nữ	25/11/1997				Khá	1653916	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30998	584-K51K3		Phạm Văn	Hiếu	Nam	20/08/1997				Trung bình	1653917	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
30999	585-K51K3		Cao Thị	Hoa	Nữ	02/12/1997				Khá	1653918	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31000	586-K51K3		Ngô Thị Lan	Hương	Nữ	21/12/1997				Khá	1653919	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31001	587-K51K3		Diệp Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/04/1997				Khá	1653920	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31002	588-K51K3		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/09/1997				Khá	1653921	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31003	589-K51K3		Khuất Doãn Thanh	Lam	Nữ	25/11/1997				Giỏi	1653922	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31004	590-K51K3		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	20/04/1997				Khá	1653923	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31005	591-K51K3		Chu Thị	Loan	Nữ	03/02/1997				Khá	1653924	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31006	592-K51K3		Phạm Hương	Ly	Nữ	28/08/1997				Khá	1653925	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31007	593-K51K3		Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	22/05/1997				Khá	1653926	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31008	594-K51K3		Cao Thị Thu	Ngân	Nữ	24/11/1997				Giỏi	1653927	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31009	595-K51K3		Đặng Thị	Ngọc	Nữ	05/06/1997				Khá	1653928	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31010	596-K51K3		Vũ Thị	Ngọc	Nữ	12/12/1997				Khá	1653929	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31011	597-K51K3		Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/01/1997				Khá	1653930	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31012	598-K51K3		Phạm Thị	Nữ	Nữ	12/10/1997				Khá	1653931	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31013	599-K51K3		Lê Thị	Quỳnh	Nữ	30/10/1997				Giỏi	1653932	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31014	600-K51K3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	16/05/1997				Trung bình	1653933	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31015	601-K51K3		Hà Thị Bích	Thơ	Nữ	09/11/1997				Khá	1653934	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31016	602-K51K3		Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	01/09/1997				Khá	1653935	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31017	603-K51K3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	08/11/1997				Khá	1653936	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31018	604-K51K3		Vũ Huyền	Trang	Nữ	08/07/1997				Giỏi	1653937	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31019	605-K51K3		Phùng Đức	Tuấn	Nam	25/05/1997				Trung bình	1653938	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31020	606-K51K3		Quế Thị	Tuyết	Nữ	09/09/1997				Khá	1653939	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31021	607-K51K4		Phạm Thị Diệu	Chi	Nữ	29/10/1997				Khá	1653940	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31022	608-K51K4		Đỗ Tiến	Đạt	Nam	23/10/1997				Trung bình	1653941	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31023	609-K51K4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	05/07/1997				Khá	1653942	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31024	610-K51K4		Đỗ Hương	Giang	Nữ	05/10/1997				Khá	1653943	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31025	611-K51K4		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	02/09/1997				Khá	1653944	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31026	612-K51K4		Phạm Minh	Hiền	Nam	18/09/1997				Khá	1653945	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31027	613-K51K4		Liễu Thị	Huyền	Nữ	04/05/1997				Khá	1653946	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31028	614-K51K4		Trần Tuấn	Khôi	Nam	28/07/1997				Khá	1653947	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31029	615-K51K4		Trần Thị Diệu	My	Nữ	23/11/1997				Trung bình	1653948	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31030	616-K51K4		Bùi Thị	Phương	Nữ	25/09/1997				Khá	1653949	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31031	617-K51K4		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	21/07/1997				Trung bình	1653950	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31032	618-K51K4		Nguyễn Thị	Sáu	Nữ	03/12/1997				Khá	1653951	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31033	619-K51K4		Cao Thị	Thu	Nữ	23/10/1997				Trung bình	1653952	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31034	620-K51K4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	19/01/1997				Khá	1653953	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31035	621-K51K4		Bùi Thị Ngọc	Trâm	Nữ	21/04/1997				Khá	1653954	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31036	622-K51K4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	05/10/1997				Khá	1653955	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31037	623-K51K4		Đỗ Thành	Trung	Nam	12/02/1997				Trung bình	1653956	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31038	624-K51K4		Trần Thị Kim	Tuyến	Nữ	23/06/1997				Khá	1653957	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31039	625-K51K5		Đỗ Mai	Anh	Nữ	08/01/1997				Khá	1653958	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31040	626-K51K5		Đỗ Thị Ngọc	Anh	Nữ	30/09/1997				Khá	1653959	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31041	627-K51K5		Lưu Phương	Anh	Nữ	14/10/1997				Khá	1653960	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31042	628-K51K5		Nguyễn Công Tuấn	Anh	Nam	13/11/1997				Khá	1653961	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31043	629-K51K5		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	06/06/1997				Khá	1653962	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31044	630-K51K5		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	24/10/1997				Giỏi	1653963	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31045	631-K51K5		Vương Thị Ngọc	ánh	Nữ	24/08/1997				Khá	1653964	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31046	632-K51K5		Trương Thị Ngọc	Bảo	Nữ	16/10/1997				Khá	1653965	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31047	633-K51K5		Phạm Thị Minh	Châu	Nữ	19/07/1997				Khá	1653966	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31048	634-K51K5		Phạm Thùy	Dung	Nữ	30/08/1997				Khá	1653967	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31049	635-K51K5		Phùng Thị Kim	Dung	Nữ	03/08/1997				Khá	1653968	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31050	636-K51K5		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	01/09/1997				Khá	1653969	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31051	637-K51K5		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	28/08/1997				Khá	1653970	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31052	638-K51K5		Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	03/04/1996				Khá	1653971	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31053	639-K51K5		Cấp Minh	Hạnh	Nữ	29/12/1997				Khá	1653972	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31054	640-K51K5		Hoàng Lê Kim	Hậu	Nữ	11/07/1997				Khá	1653973	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31055	641-K51K5		Trần Thị	Huệ	Nữ	12/02/1997				Khá	1653974	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31056	642-K51K5		Đặng Thị Hồng	Hường	Nữ	15/08/1997				Giỏi	1653975	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31057	643-K51K5		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	25/10/1997				Khá	1653976	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31058	644-K51K5		Lê Mai	Lan	Nữ	04/08/1997				Khá	1653977	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31059	645-K51K5		Thạch Thị	Liên	Nữ	31/05/1997				Khá	1653978	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31060	646-K51K5		Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	21/08/1997				Khá	1653979	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31061	647-K51K5		Đặng Thị	Loan	Nữ	26/08/1997				Giỏi	1653980	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31062	648-K51K5		Hà Thị	Loan	Nữ	30/06/1997				Khá	1653981	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31063	649-K51K5		Đoàn Thị Hương	Ly	Nữ	20/10/1997				Giỏi	1653982	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31064	650-K51K5		Trịnh Thị Trà	My	Nữ	28/03/1997				Khá	1653983	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31065	651-K51K5		Trần Thị Việt	Mỹ	Nữ	30/08/1997				Giỏi	1653984	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31066	652-K51K5		Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	18/02/1997				Khá	1653985	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31067	653-K51K5		Trần Thúy	Nga	Nữ	05/03/1997				Khá	1653986	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31068	654-K51K5		Đỗ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	16/02/1997				Khá	1653987	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31069	655-K51K5		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	12/01/1997				Khá	1653988	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31070	656-K51K5		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	25/09/1997				Khá	1653989	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31071	657-K51K5		Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	19/02/1997				Trung bình	1653990	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31072	658-K51K5		Nguyễn Thị Thu	Thu	Nữ	12/03/1997				Khá	1653991	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31073	659-K51K5		Vũ Thị	Thu	Nữ	02/01/1997				Giỏi	1653992	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31074	660-K51K5		Lê Thị Hà	Trang	Nữ	19/01/1997				Giỏi	1653993	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31075	661-K51K5		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	06/07/1997				Khá	1653994	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31076	662-K51K5		Phạm Duy	Tùng	Nam	03/07/1996				Trung bình	1653995	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31077	663-K51K5		Vũ Hải	Yến	Nữ	03/05/1997				Khá	1653996	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31078	664-K50K2		Phạm Thị Ngọc	Hà	Nữ	02/12/1996				Khá	1653997	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31079	665-K50K2		Vũ Trung	Kiên	Nam	08/02/1996				Trung bình	1653998	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31080	666-K50K2		Phan Thị	Minh	Nữ	15/04/1996				Khá	1653999	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31081	667-K50K2		Hoàng Đức	Thành	Nam	10/09/1995				Trung bình	1654000	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31082	668-K50K3		Trần Hồng	Hạnh	Nữ	22/08/1995				Trung bình	1654001	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31083	669-K50K3		Lương Thị Thu	Hiền	Nữ	21/11/1996				Khá	1654002	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31084	670-K50K6		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	23/05/1995				Trung bình	1654003	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31085	671-K48K1		Trần Thành	Trung	Nam	26/10/1994				Trung bình	1654004	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31086	672-K48K5		Lê Minh	Tuấn	Nam	30/11/1994				Trung bình	1654005	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31087	673-K49I4		Dương Đình	Tài	Nam	28/12/1995				Trung bình	1654006	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31088	674-K51Q1		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	23/06/1997				Khá	1654007	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31089	675-K51Q1		Tô Thị Lan	Anh	Nữ	04/05/1997				Khá	1654008	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31090	676-K51Q1		Đặng Quỳnh	Châu	Nữ	07/11/1997				Khá	1654009	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31091	677-K51Q1		Nguyễn Đình	Đức	Nam	04/03/1997				Giỏi	1654010	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31092	678-K51Q1		Nguyễn Phương	Hà	Nữ	30/04/1997				Khá	1654011	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31093	679-K51Q1		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	13/09/1997				Khá	1654012	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31094	680-K51Q1		Phạm Thị	Hồng	Nữ	12/11/1996				Khá	1654013	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31095	681-K51Q1		Đinh Thị Lan	Hương	Nữ	28/12/1997				Khá	1654014	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31096	682-K51Q1		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	24/04/1997				Khá	1654015	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31097	683-K51Q1		Đinh Nữ Hoàng	Linh	Nữ	17/10/1997				Khá	1654016	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31098	684-K51Q1		Lê Thị Thanh	Loan	Nữ	04/06/1997				Khá	1654017	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31099	685-K51Q1		Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	18/05/1997				Trung bình	1654018	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31100	686-K51Q1		Ngô Thị	Nga	Nữ	07/08/1997				Khá	1654019	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31101	687-K51Q1		Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	08/02/1997				Trung bình	1654020	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31102	688-K51Q1		Vũ Thị Ngọc	Quý	Nữ	03/06/1997				Khá	1654021	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31103	689-K51Q1		Bùi Thị Tô	Thành	Nữ	05/12/1996				Khá	1654022	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31104	690-K51Q1		Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	02/01/1997				Khá	1654023	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31105	691-K51Q1		Nguyễn Thanh	Xuân	Nữ	07/03/1997				Khá	1654024	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31106	692-K51Q2		Nguyễn Thị	Bích	Nữ	23/11/1997				Khá	1654025	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31107	693-K51Q2		Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	17/03/1997				Khá	1654026	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31108	694-K51Q2		Phạm Huy	Hùng	Nam	01/10/1996				Trung bình	1654027	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31109	695-K51Q2		Đỗ Thị	Hương	Nữ	13/04/1997				Khá	1654028	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31110	696-K51Q2		Vũ Diệu	Linh	Nữ	09/06/1997				Khá	1654029	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31111	697-K51Q2		Đỗ Hiền	Mai	Nữ	26/12/1997				Khá	1654030	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31112	698-K51Q2		Lê Ngọc Băng	Ngân	Nữ	28/06/1996				Khá	1654031	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31113	699-K51Q2		Đào Thị Hồng	Ngọc	Nữ	01/02/1997				Khá	1654032	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31114	700-K51Q2		Phan Thị	Nhung	Nữ	09/10/1997				Khá	1654033	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31115	701-K51Q2		Đoàn Thị	Phượng	Nữ	10/03/1997				Khá	1654034	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31116	702-K51Q2		Dương Thị	Quyên	Nữ	17/10/1997				Khá	1654035	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31117	703-K51Q2		Đặng Thu	Thảo	Nữ	06/06/1997				Khá	1654036	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31118	704-K51Q2		Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	06/09/1997				Khá	1654037	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31119	705-K51Q2		Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	23/06/1997				Khá	1654038	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31120	706-K51Q2		Triệu Thị	Vân	Nữ	03/09/1997				Khá	1654039	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31121	707-K51Q2		Nguyễn Hà	Anh	Nữ	06/01/1996				Trung Bình	1654040	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31122	708-K51Q3		Lê Kiều	Anh	Nữ	22/02/1997				Khá	1654041	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31123	709-K51Q3		Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	12/02/1997				Khá	1654042	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31124	710-K51Q3		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	15/12/1997				Giỏi	1654043	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31125	711-K51Q3		Nguyễn Thanh	Bình	Nam	22/02/1997				Khá	1654044	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31126	712-K51Q3		Vũ Tùng	Dương	Nam	08/08/1997				Trung bình	1654045	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31127	713-K51Q3		Nguyễn Hoàng	Giang	Nam	07/10/1997				Khá	1654046	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31128	714-K51Q3		Trần Thu	Giang	Nữ	27/03/1997				Khá	1654047	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31129	715-K51Q3		Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	Nữ	26/01/1997				Khá	1654048	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31130	716-K51Q3		Vũ Ngọc	Lâm	Nam	19/11/1997				Khá	1654049	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31131	717-K51Q3		Nguyễn Phương	Linh	Nữ	14/09/1997				Giỏi	1654050	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31132	718-K51Q3		Cao Thị	Ly	Nữ	11/03/1997				Khá	1654051	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31133	719-K51Q3		Nguyễn Quang	Minh	Nam	17/11/1997				Khá	1654052	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31134	720-K51Q3		Nguyễn Hà	My	Nữ	07/10/1997				Khá	1654053	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31135	721-K51Q3		Hồ Đắc Bảo	Ngọc	Nữ	18/06/1997				Khá	1654054	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31136	722-K51Q3		Lê Hồng	Nhung	Nữ	29/09/1997				Khá	1654055	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31137	723-K51Q3		Nguyễn Đan	Phương	Nữ	12/06/1997				Khá	1654056	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31138	724-K51Q3		Nguyễn Mai	Quỳnh	Nữ	03/12/1997				Khá	1654057	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31139	725-K51Q3		Nguyễn Tùng	Sơn	Nam	21/03/1997				Khá	1654058	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31140	726-K51Q3		Lê Phương	Thảo	Nữ	06/03/1997				Khá	1654059	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31141	727-K51Q3		Hồ Thị Phương	Thủy	Nữ	21/03/1997				Khá	1654060	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31142	728-K51Q3		Nguyễn Lâm	Tùng	Nam	20/01/1997				Khá	1654061	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31143	729-K51Q3		Vũ Kim	Tuyến	Nữ	10/02/1997				Khá	1654062	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31144	730-K51Q4		Đỗ Huy	Đạt	Nam	11/03/1997				Trung bình	1654063	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31145	731-K51Q4		Đinh Công	Đức	Nam	19/08/1997				Khá	1654064	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31146	732-K51Q4		Lê Ngọc	Hà	Nữ	03/04/1997				Khá	1654065	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31147	733-K51Q4		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	09/12/1997				Khá	1654066	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31148	734-K51Q4		Hà Huệ	Linh	Nữ	18/11/1997				Giỏi	1654067	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31149	735-K51Q4		Ngô Thân Ngọc	Linh	Nữ	22/11/1997				Khá	1654068	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31150	736-K51Q4		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	30/10/1997				Khá	1654069	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31151	737-K51Q4		Lê Bạch Phương	Nhi	Nữ	11/04/1997				Khá	1654070	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31152	738-K51Q4		Lê Thị Mai	Phương	Nữ	01/09/1997				Khá	1654071	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31153	739-K51Q4		Trần Mai	Phương	Nữ	03/10/1997				Khá	1654072	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31154	740-K51Q4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	14/06/1996				Trung bình	1654073	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31155	741-K51Q4		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	31/05/1997				Khá	1654074	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31156	742-K51Q4		Lê Thị Thu	Trang	Nữ	31/05/1997				Giỏi	1654075	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31157	743-K51Q4		Phạm Thu	Trang	Nữ	15/09/1997				Khá	1654076	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31158	744-K51Q4		Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	28/03/1997				Khá	1654077	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31159	745-K50Q4		Đặng Phương	Linh	Nữ	29/05/1996				Trung bình	1654078	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	656/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31160	1861-K51F1		Bùi Thị Ngọc	Anh	Nữ	23/05/1997				Khá	1812632	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31161	1862-K51F1		Đỗ Đức	Anh	Nam	06/06/1997				Khá	1812633	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31162	1863-K51F1		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	28/09/1995				Giỏi	1812634	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31163	1864-K51F1		Dương Thị	Ánh	Nữ	29/05/1997				Khá	1812635	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31164	1865-K51F1		Nguyễn Thị	Bảo	Nữ	20/12/1997				Khá	1812636	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31165	1866-K51F1		Vũ Thị	Chi	Nữ	28/06/1997				Khá	1812637	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31166	1867-K51F1		Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	17/03/1997				Khá	1812638	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31167	1868-K51F1		Vũ Thị	ẫn	Nữ	26/03/1997				Khá	1812639	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31168	1869-K51F1		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	02/11/1997				Giỏi	1812640	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31169	1870-K51F1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	04/02/1997				Trung bình	1812641	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31170	1871-K51F1		Hà Thị	Hạnh	Nữ	04/09/1995				Khá	1812642	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31171	1872-K51F1		Vũ Hồng	Hạnh	Nữ	05/10/1997				Khá	1812643	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31172	1873-K51F1		Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	10/01/1997				Khá	1812644	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31173	1874-K51F1		Nguyễn Quang	Hưng	Nam	27/10/1997				Trung bình	1812645	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31174	1875-K51F1		Vi Thị Lan	Hương	Nữ	13/12/1996				Khá	1812646	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31175	1876-K51F1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	03/05/1997				Trung bình	1812647	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31176	1877-K51F1		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	08/08/1997				Khá	1812648	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31177	1878-K51F1		Phạm Thị	Loan	Nữ	19/05/1997				Khá	1812649	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31178	1879-K51F1		Nguyễn Thị	Ly	Nữ	28/09/1997				Trung bình	1812650	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31179	1880-K51F1		Trần Thị Thanh	Mai	Nữ	08/05/1997				Khá	1812651	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31180	1881-K51F1		Phạm Văn	Mao	Nam	18/04/1996				Trung bình	1812652	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31181	1882-K51F1		Đào Thị	Ngoan	Nữ	20/02/1997				Giỏi	1812653	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31182	1883-K51F1		Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	Nữ	27/09/1997				Giỏi	1812654	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31183	1884-K51F1		Đặng Thu	Phương	Nữ	14/10/1997				Giỏi	1812655	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31184	1885-K51F1		Nguyễn Tiến	Sơn	Nam	08/04/1997				Trung bình	1812656	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31185	1886-K51F1		Trần Thị Hồng	Thao	Nữ	06/11/1997				Khá	1812657	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31186	1887-K51F1		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	07/05/1997				Khá	1812658	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31187	1888-K51F1		Bùi Thị	Thìn	Nữ	22/03/1997				Khá	1812659	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31188	1889-K51F1		Đoàn Thanh	Thúy	Nữ	24/12/1997				Khá	1812660	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31189	1890-K51F1		Đinh Thu	Thủy	Nữ	18/03/1996				Trung bình	1812661	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31190	1891-K51F1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	25/10/1997				Khá	1812662	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31191	1892-K51F1		Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	15/09/1997				Trung bình	1812663	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31192	1893-K51F1		Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	21/07/1997				Trung bình	1812664	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31193	1894-K51F1		Đào Thị	Tuyết	Nữ	29/06/1997				Khá	1812665	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31194	1895-K51F1		Hoàng Thị	Vân	Nữ	03/10/1996				Khá	1812666	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31195	1896-K51F1		Phạm Thị	Vi	Nữ	10/12/1997				Khá	1812667	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31196	1897-K51F2		Bùi Thị Phương	Anh	Nữ	22/05/1997				Khá	1812668	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31197	1898-K51F2		Nguyễn Việt	Cường	Nam	22/08/1996				Khá	1812669	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31198	1899-K51F2		Vũ Thị Hồng	Diễn	Nữ	27/08/1997				Khá	1812670	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31199	1900-K51F2		Vũ Kim	Dung	Nữ	09/06/1996				Khá	1812671	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31200	1901-K51F2		Bùi Tiến	Dũng	Nam	27/11/1997				Khá	1812672	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31201	1902-K51F2		Đỗ Thị Hà	Giang	Nữ	26/06/1997				Khá	1812673	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31202	1903-K51F2		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	07/07/1997				Trung bình	1812674	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31203	1904-K51F2		Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	14/07/1997				Khá	1812675	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31204	1905-K51F2		Lê Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	16/06/1997				Trung bình	1812676	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31205	1906-K51F2		Trần Thị Khánh	Hào	Nữ	27/10/1997				Trung Bình	1812677	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31206	1907-K51F2		Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	10/02/1997				Khá	1812678	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31207	1908-K51F2		Trần Thị	Hoa	Nữ	09/02/1997				Khá	1812679	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31208	1909-K51F2		Bùi Thị Thanh	Huệ	Nữ	05/02/1997				Trung bình	1812680	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31209	1910-K51F2		Nguyễn Đức	Huy	Nam	03/04/1997				Khá	1812681	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31210	1911-K51F2		Phạm Hương	Lan	Nữ	24/09/1996				Khá	1812682	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31211	1912-K51F2		Đỗ Thị	Loan	Nữ	19/08/1997				Khá	1812683	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31212	1913-K51F2		Hồ Thị Thanh	Mai	Nữ	10/06/1997				Khá	1812684	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31213	1914-K51F2		Vương Văn	Minh	Nam	03/01/1997				Khá	1812685	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31214	1915-K51F2		Lại Thị Bích	Ngà	Nữ	19/01/1997				Khá	1812686	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31215	1916-K51F2		Hồ Thị	Ngọc	Nữ	02/01/1997				Khá	1812687	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31216	1917-K51F2		Phạm Thị Thúy	Ninh	Nữ	25/02/1997				Khá	1812688	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31217	1918-K51F2		Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	17/06/1997				Khá	1812689	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31218	1919-K51F2		Phạm Thị	Sang	Nữ	28/12/1997				Khá	1812690	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31219	1920-K51F2		Nguyễn Văn	Thắng	Nam	30/08/1997				Khá	1812691	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31220	1921-K51F2		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	20/08/1997				Khá	1812692	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31221	1922-K51F2		Ngô Thị	Thoa	Nữ	27/05/1997				Khá	1812693	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31222	1923-K51F2		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	07/04/1997				Khá	1812694	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31223	1924-K51F2		Nguyễn Thị Diệu	Thuần	Nữ	01/03/1997				Khá	1812695	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31224	1925-K51F2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	03/07/1997				Khá	1812696	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31225	1926-K51F2		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	10/12/1997				Khá	1812697	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31226	1927-K51F2		Phạm Thị	Tình	Nữ	25/09/1997				Khá	1812698	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31227	1928-K51F2		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	22/10/1997				Khá	1812699	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31228	1929-K51F2		Phạm Thị	Trang	Nữ	21/06/1997				Khá	1812700	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31229	1930-K51F2		Phan Văn	Tuấn	Nam	02/04/1997				Khá	1812701	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31230	1931-K51F2		Trần Thị	Tươi	Nữ	05/02/1997				Khá	1812702	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31231	1932-K51F2		Nguyễn Ngọc	Tuyết	Nữ	19/11/1997				Khá	1812703	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31232	1933-K51F2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	15/02/1997				Trung bình	1812704	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31233	1934-K51F2		Nguyễn Đức	Vinh	Nam	16/01/1997				Trung bình	1812705	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31234	1935-K51F2		Chu Thị	Yến	Nữ	01/03/1997				Khá	1812706	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31235	1936-K51F3		Đặng Mai	Anh	Nữ	09/01/1997				Khá	1812707	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31236	1937-K51F3		Hoàng Thị Ngọc	Anh	Nữ	02/01/1996				Trung bình	1812708	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31237	1938-K51F3		Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	27/01/1997				Trung bình	1812709	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31238	1939-K51F3		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09/11/1997				Khá	1812710	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31239	1940-K51F3		Hoàng Ngọc	ánh	Nữ	27/02/1997				Khá	1812711	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31240	1941-K51F3		Hà Linh	Chi	Nữ	14/07/1997				Khá	1812712	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31241	1942-K51F3		Nguyễn Phú	Đạt	Nam	17/08/1997				Trung bình	1812713	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31242	1943-K51F3		Lê Hồng	Điệp	Nữ	05/11/1997				Khá	1812714	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31243	1944-K51F3		Trần Thị	Duyên	Nữ	29/03/1997				Khá	1812715	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31244	1945-K51F3		Lê Thị	Hà	Nữ	22/03/1997				Khá	1812716	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31245	1946-K51F3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	26/11/1997				Khá	1812717	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31246	1947-K51F3		Trần Thị Minh	Hằng	Nữ	01/02/1997				Khá	1812718	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31247	1948-K51F3		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	19/02/1997				Khá	1812719	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31248	1949-K51F3		Lưu Thúy	Hiền	Nữ	14/12/1997				Giỏi	1812720	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31249	1950-K51F3		Lê Minh	Hiếu	Nam	14/10/1997				Khá	1812721	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31250	1951-K51F3		Nguyễn Đăng	Hùng	Nam	01/04/1997				Khá	1812722	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31251	1952-K51F3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/06/1997				Khá	1812723	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31252	1953-K51F3		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	28/12/1997				Khá	1812724	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31253	1954-K51F3		Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nữ	14/08/1997				Khá	1812725	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31254	1955-K51F3		Ngô Trung	Kiên	Nam	26/08/1997				Khá	1812726	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31255	1956-K51F3		Vũ Ngọc	Lan	Nữ	25/01/1997				Khá	1812727	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31256	1957-K51F3		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	08/02/1997				Khá	1812728	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31257	1958-K51F3		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	21/10/1997				Khá	1812729	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31258	1959-K51F3		Lưu Thị	Mai	Nữ	19/07/1997				Trung bình	1812730	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31259	1960-K51F3		Nguyễn Văn	Minh	Nam	04/11/1997				Khá	1812731	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31260	1961-K51F3		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	07/01/1997				Khá	1812732	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31261	1962-K51F3		Nguyễn Lâm	Oanh	Nữ	08/08/1997				Khá	1812733	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31262	1963-K51F3		Lê Anh	Quân	Nam	03/03/1997				Khá	1812734	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31263	1964-K51F3		Lê Thị	Quỳnh	Nữ	04/09/1997				Khá	1812735	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31264	1965-K51F3		Lương Thị	Tài	Nữ	26/10/1996				Trung bình	1812736	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31265	1966-K51F3		Cấn Thị	Thanh	Nữ	17/05/1997				Khá	1812737	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31266	1967-K51F3		Bùi Thị	Thược	Nữ	09/11/1997				Khá	1812738	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31267	1968-K51F3		Phạm Thị	Thúy	Nữ	07/09/1997				Khá	1812739	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31268	1969-K51F3		Phạm Văn	Tiến	Nam	04/11/1997				Khá	1812740	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31269	1970-K51F3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	23/06/1997				Giỏi	1812741	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31270	1971-K51F3		Vũ Thị	Tươi	Nữ	09/02/1997				Khá	1812742	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31271	1972-K51F3		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	09/01/1997				Khá	1812743	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31272	1973-K51F4		Tô Đức	Anh	Nam	20/10/1997				Khá	1812744	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31273	1974-K51F4		Hoàng Thị Quế	Chi	Nữ	03/07/1997				Khá	1812745	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31274	1975-K51F4		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	10/08/1997				Khá	1812746	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31275	1976-K51F4		Vùi Thị	Duyên	Nữ	14/12/1997				Khá	1812747	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31276	1977-K51F4		Ngô Thị	Hạnh	Nữ	10/07/1997				Khá	1812748	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31277	1978-K51F4		Đoàn Thị	Hiền	Nữ	23/08/1997				Khá	1812749	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31278	1979-K51F4		Nguyễn Thị	Hướng	Nữ	07/06/1997				Giỏi	1812750	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31279	1980-K51F4		Nguyễn Thị Phương	Loan	Nữ	05/03/1996				Khá	1812751	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31280	1981-K51F4		Lê Phương	Ly	Nữ	21/11/1997				Khá	1812752	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31281	1982-K51F4		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	30/11/1997				Trung bình	1812753	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31282	1983-K51F4		Lê Trọng	Nam	Nam	22/06/1997				Khá	1812754	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31283	1984-K51F4		Nguyễn Thị Mai	Nam	Nữ	12/07/1997				Khá	1812755	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31284	1985-K51F4		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	25/02/1997				Khá	1812756	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31285	1986-K51F4		Đỗ Thị	Nguyên	Nữ	27/04/1997				Khá	1812757	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31286	1987-K51F4		Lư Thị Mai	Quyên	Nữ	21/07/1997				Khá	1812758	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31287	1988-K51F4		Vũ Thị	Sâm	Nữ	17/08/1997				Khá	1812759	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31288	1989-K51F4		Vũ Thị	Thanh	Nữ	30/11/1997				Khá	1812760	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31289	1990-K51F4		Hà Trung	Thành	Nam	13/05/1997				Khá	1812761	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31290	1991-K51F4		Mai Thu	Thảo	Nữ	26/02/1997				Khá	1812762	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31291	1992-K51F4		Trần Phương	Thảo	Nữ	18/12/1997				Khá	1812763	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31292	1993-K51F4		Đặng Minh	Thu	Nữ	24/09/1997				Khá	1812764	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31293	1994-K51F4		Trần Thị	Thu	Nữ	01/02/1997				Khá	1812765	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31294	1995-K51F4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	08/08/1997				Khá	1812766	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31295	1996-K51F4		Đàm Thị Thu	Thủy	Nữ	19/11/1997				Khá	1812767	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31296	1997-K51F4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	11/02/1997				Khá	1812768	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31297	1998-K51F4		Đặng Thị	Trang	Nữ	07/09/1997				Khá	1812769	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31298	1999-K51F4		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	02/11/1997				Khá	1812770	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31299	2000-K51F4		Trần Thị	Trang	Nữ	31/08/1997				Khá	1812771	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31300	2001-K51F4		Nguyễn Văn	Tùng	Nam	22/01/1997				Khá	1813754	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31301	2002-K51F4		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	01/05/1997				Khá	1812773	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31302	2003-K51F4		Nguyễn Hữu	Xuân	Nam	29/05/1997				Khá	1812774	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31303	2004-K51F4		Phạm Thị	Yến	Nữ	28/11/1997				Khá	1812775	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31304	2005-K51F5		Nguyễn Thị Huệ	An	Nữ	11/11/1997				Khá	1812776	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31305	2006-K51F5		Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	04/07/1997				Giỏi	1812777	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31306	2007-K51F5		Chu Thị Ngọc	ánh	Nữ	25/03/1997				Khá	1812778	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31307	2008-K51F5		Nguyễn Ngọc	Bảo	Nữ	01/05/1997				Khá	1812779	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31308	2009-K51F5		Phùng Lương	Duy	Nam	09/08/1997				Trung bình	1812780	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31309	2010-K51F5		Cao Xuân	Hà	Nam	26/06/1996				Khá	1812781	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31310	2011-K51F5		Nguyễn Khánh	Hà	Nữ	25/04/1997				Trung bình	1812782	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31311	2012-K51F5		Phạm Thị	Hà	Nữ	17/12/1997				Khá	1812783	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31312	2013-K51F5		Trần Thị	Hải	Nữ	29/06/1997				Khá	1812784	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31313	2014-K51F5		Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	30/08/1997				Khá	1812785	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31314	2015-K51F5		Trần Thị Thúy	Hồng	Nữ	20/06/1997				Khá	1812786	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31315	2016-K51F5		Trần Thu	Huệ	Nữ	07/07/1996				Khá	1812787	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31316	2017-K51F5		Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	04/02/1997				Khá	1812788	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31317	2018-K51F5		Phạm Minh	Khuê	Nam	17/10/1997				Khá	1812789	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31318	2019-K51F5		Dương Thị	Khuyên	Nữ	25/10/1997				Giỏi	1812790	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31319	2020-K51F5		Hoàng Tiểu	Lệ	Nữ	19/11/1997				Khá	1812791	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31320	2021-K51F5		Vũ Thị	Mai	Nữ	05/03/1997				Khá	1812792	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31321	2022-K51F5		Trần Thị	Mơ	Nữ	17/10/1997				Giỏi	1812793	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31322	2023-K51F5		Phạm Thị	Nhung	Nữ	13/09/1997				Khá	1812794	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31323	2024-K51F5		Nguyễn Viết Tùng	Sơn	Nam	27/05/1997				Trung bình	1812795	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31324	2025-K51F5		Nguyễn Vũ	Thái	Nam	11/04/1997				Trung bình	1812796	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31325	2026-K51F5		Phạm Thị Thu	Thúy	Nữ	27/08/1997				Khá	1812797	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31326	2027-K51F5		Đặng Việt	Trung	Nam	08/05/1997				Khá	1812798	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31327	2028-K51F5		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	26/03/1997				Trung bình	1812799	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31328	2029-K51F5		Bùi Đức	Việt	Nam	25/09/1997				Khá	1812800	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31329	2030-K51F6		Đặng Tuấn	Anh	Nam	13/11/1997				Khá	1812801	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31330	2031-K51F6		Lê Thị Phương	Anh	Nữ	31/03/1997				Khá	1812802	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31331	2032-K51F6		Lưu Thị	Dung	Nữ	01/01/1997				Khá	1812803	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31332	2033-K51F6		Vũ Thị Thùy	Dương	Nữ	10/10/1997				Khá	1812804	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31333	2034-K51F6		Nguyễn Bích	Hằng	Nữ	26/10/1997				Giỏi	1812805	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31334	2035-K51F6		Trần Thị	Hằng	Nữ	15/10/1997				Khá	1812806	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31335	2036-K51F6		Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	03/11/1997				Khá	1812807	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31336	2037-K51F6		Lê Quang	Huy	Nam	24/01/1997				Trung bình	1812808	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31337	2038-K51F6		Vũ Thúy	Huyền	Nữ	26/10/1997				Xuất sắc	1812809	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31338	2039-K51F6		Tạ Thúy	Nga	Nữ	22/04/1997				Trung bình	1812810	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31339	2040-K51F6		Ngô Thị Thục	Oanh	Nữ	04/12/1997				Khá	1812811	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31340	2041-K51F6		Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	18/11/1997				Khá	1812812	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31341	2042-K51F6		Hoàng Thái	Sơn	Nam	03/11/1997				Khá	1812813	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31342	2043-K51F6		Nguyễn Đăng	Sơn	Nam	23/02/1997				Trung bình	1812814	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31343	2044-K51F6		Lê Thanh	Tân	Nam	25/10/1996				Khá	1812815	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31344	2045-K51F6		Phạm Thị	Thương	Nữ	15/09/1997				Khá	1812816	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31345	2046-K51F6		Trần Thị	Thúy	Nữ	02/08/1997				Trung bình	1812817	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31346	2047-K51F6		Phạm Đức	Toàn	Nam	14/02/1997				Khá	1812818	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31347	2048-K51F6		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	15/10/1997				Giỏi	1812819	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31348	2049-K51F6		Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	19/07/1997				Khá	1812820	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31349	2050-K51F6		Lý Thế	Tùng	Nam	18/02/1997				Khá	1812821	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31350	2051-K50F4		Hoàng Thị	Ngân	Nữ	16/04/1995				Trung bình	1812822	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31351	2052-K50F6		Phạm Thị Lệ	Quyên	Nữ	05/11/1996				Trung bình	1812823	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31352	2981-K51F3		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	06/03/1996				Khá	1813755	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	663/QĐ-QLĐT NGÀY 21/5/2019	
31353	2982-K51HH		Nguyễn Thị Vân	Hà	Nữ	01/11/1996				Khá	1813756	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	679/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGAY 21/5/2019	
31354	2983-K50P5		Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	3/12/1996				Khá	1813757	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	729/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 4/6/2019	
31355	01-K48DK1		Vũ Kỳ	Anh	Nam	09/12/1996				Khá	1624922	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31356	02-K48DK1		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	23/11/1981				Trung bình khá	1624923	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31357	03-K48DK1		Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	03/06/1992				Trung bình khá	1624924	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31358	04-K48DK1		Vũ Thị	Dinh	Nữ	02/01/1980				Khá	1624925	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31359	05-K48DK1		Mai Thị Thu	Hiền	Nữ	24/08/1993				Khá	1624926	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31360	06-K48DK1		Nguyễn Thị Xuân	Huệ	Nữ	27/02/1975				Trung bình khá	1624927	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31361	07-K48DK1		Nguyễn Thị	Lộc	Nữ	11/06/1991				Trung bình khá	1624928	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31362	08-K48DK1		Trần Thị Ngọc	Lý	Nữ	14/10/1985				Khá	1624929	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31363	09-K48DK1		Đoàn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	25/08/1996				Khá	1624930	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31364	10-K48DK1		Đỗ Bích	Nhàn	Nữ	07/02/1981				Trung bình khá	1624931	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31365	11-K48DK1		Đỗ Phương	Thảo	Nữ	20/09/1995				Trung bình khá	1624932	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31366	12-K48DK1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	03/07/1986				Trung bình khá	1624933	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31367	13-K48DK1		Nguyễn Văn	Tình	Nam	22/04/1989				Trung bình khá	1624934	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31368	14-K45DK2		Đỗ Thị	Thùy	Nữ	13/02/1984				Trung bình khá	1624935	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31369	15-K46DK3		Vũ Hoàng	Trung	Nam	15/09/1990				Trung bình khá	1624936	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31370	16-K47DK1		Hồ Vương	Sơn	Nam	12/12/1988				Trung bình	1624937	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	38/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31371	17-K48DQ1		Lê Hoàng Lan	Anh	Nữ	08/05/1992				Trung bình khá	1624938	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31372	18-K48DQ1		Nguyễn Việt	Anh	Nam	26/08/1994				Trung bình khá	1624939	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31373	19-K48DQ1		Phạm Văn	Bách	Nam	08/08/1987				Trung bình khá	1624940	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31374	20-K48DQ1		Lê Thanh	Bình	Nam	22/12/1986				Trung bình khá	1624941	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31375	21-K48DQ1		Tô Trọng	Cầu	Nam	02/09/1985				Trung bình khá	1624942	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31376	22-K48DQ1		Nguyễn Duy	Đức	Nam	16/03/1987				Trung bình khá	1624943	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31377	23-K48DQ1		Dương Đông	Hà	Nam	24/05/1978				Trung bình khá	1624944	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31378	24-K48DQ1		Bùi Thị Kim	Hạnh	Nữ	18/11/1983				Trung bình khá	1624945	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31379	25-K48DQ1		Đinh Văn	Hiệp	Nam	12/10/1993				Trung bình khá	1624946	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31380	26-K48DQ1		Dương Văn	Hùng	Nam	13/08/1988				Trung bình khá	1624947	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31381	27-K48DQ1		Hoàng Mạnh	Hùng	Nam	08/11/1982				Trung bình khá	1624948	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31382	28-K48DQ1		Lê Mạnh	Hùng	Nam	06/02/1984				Trung bình khá	1624949	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31383	29-K48DQ1		Dương Quang	Hưng	Nam	01/12/1982				Trung bình khá	1624950	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31384	30-K48DQ1		Nguyễn Vũ	Huy	Nam	03/10/1991				Trung bình khá	1624951	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31385	31-K48DQ1		Phạm Tùng	Lâm	Nam	11/11/1962				Trung bình khá	1624952	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31386	32-K48DQ1		Trần Thị	Liên	Nữ	10/08/1991				Trung bình khá	1624953	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31387	33-K48DQ1		Trần Quý	Phương	Nam	08/07/1981				Trung bình khá	1624954	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31388	34-K48DQ1		Đỗ Mạnh	Quang	Nam	23/09/1982				Trung bình khá	1624955	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31389	35-K48DQ1		Trịnh Đức Việt	Sơn	Nam	30/10/1991				Trung bình khá	1624956	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31390	36-K48DQ1		Nguyễn Văn	Thành	Nam	13/10/1981				Khá	1624957	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31391	37-K48DQ1		Đào Anh	Tuấn	Nam	06/11/1983				Trung bình khá	1624958	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31392	38-K48DQ1		Đoàn Xuân	Tuyết	Nam	10/11/1989				Trung bình khá	1624959	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31393	39-K48DQ1		Bùi Đức	Vũ	Nam	07/07/1990				Trung bình khá	1624960	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31394	40-K46DQ1		Nguyễn Tiến	Lâm	Nam	08/11/1986				Trung bình khá	1624961	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31395	41-K46DQ1		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	26/10/1971				Trung bình khá	1624962	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31396	42-K46DQ2		Nguyễn Danh	Bàng	Nam	04/10/1983				Trung bình khá	1624963	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31397	43-K46DQ2		Phan Hữu	Định	Nam	18/08/1980				Trung bình khá	1624964	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31398	44-K46DQ2		Hà Thứ	Sáu	Nam	11/01/1987				Trung bình khá	1624965	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31399	45-K47DQ1		Đặng Hồng	ánh	Nữ	15/01/1993				Trung bình khá	1624966	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31400	46-K47DQ1		Nguyễn Khánh	Duy	Nam	31/12/1992				Trung bình khá	1624967	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31401	47-K47DQ1		Nguyễn Tiến	Hải	Nam	05/02/1971				Trung bình khá	1624968	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31402	48-K47DQ1		Nguyễn Mạnh	Quang	Nam	27/01/1982				Trung bình khá	1624969	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31403	49-K47DQ1		Đào Anh	Tuấn	Nam	19/11/1989				Trung bình khá	1624970	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31404	50-K47DQ1		Viết Tiến	Hùng	Nam	07/02/1988				Trung bình khá	1624971	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	39/QĐ-ĐHTM, 10/1/2019	
31405	51-K49BK2		Phan Thị	Diệp	Nữ	23/10/1992				Giỏi	1624972	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	98/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31406	52-K49BK2		Nguyễn Chí	Đức	Nam	01/09/1992				Khá	1624973	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	98/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31407	53-K49BK2		Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	12/02/1990				Khá	1624974	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	98/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31408	54-K49BK2		Đoàn Thị	Liên	Nữ	22/02/1993				Khá	1624975	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	98/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31409	55-K49BK2		Đặng Tiến	Thành	Nam	09/12/1991				Khá	1624976	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	98/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31410	56-K49BK2		Trần Thị Ngọc	Thêu	Nữ	18/09/1990				Khá	1624977	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	98/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31411	57-K49BK2		Phạm Thị Quỳnh	Trang	Nữ	05/08/1989				Khá	1624978	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	98/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31412	58-K49BK2		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	16/08/1992				Giỏi	1624979	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	98/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31413	59-K49BQ2		Phạm Quốc	Dũng	Nam	23/06/1984				Khá	1624980	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	97/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31414	60-K49BQ2		Đinh Tuấn	Dương	Nam	09/11/1987				Khá	1624981	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	97/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31415	61-K49BQ2		Đỗ Quang	Hà	Nam	22/02/1984				Trung bình	1624982	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	97/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31416	62-K49BQ2		Tạ Đình	Nguyên	Nam	11/02/1990				Khá	1624983	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	97/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31417	63-K49BQ2		Vũ Thu	Trang	Nữ	20/07/1993				Khá	1624984	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	97/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31418	64-K13CK2		Trần Thị	Thu	Nữ	06/11/1993				Khá	1624985	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	96/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31419	65-K13CK2		Bùi Thị Bảo	Yến	Nữ	15/01/1990				Khá	1624986	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	96/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31420	66-K13CK1		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	03/05/1990				Khá	1624987	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	96/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31421	67-K6TK1		Đinh Phan	Quân	Nam	30/09/1989				Khá	1624988	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	94/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31422	68-K6TK2		Vũ Thị	Mơ	Nữ	01/02/1987				Khá	1624989	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	94/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31423	69-K6TK2		Đào Thị	Tiếp	Nữ	05/10/1989				Khá	1624990	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	94/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31424	70-K11CT3		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	04/01/1992				Khá	1624991	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	95/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31425	71-K49BQ2A		Phạm Anh	Tuấn	Nam	29/06/1975				Khá	1624992	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	93/QĐ-ĐHTM, 21/1/2019	
31426	72-K6TK1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	09/09/1989				Trung bình	1624993	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	398/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31427	73-K6TK1		Vũ Ngọc	Tung	Nam	29/01/1990				Trung bình	1624994	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	398/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31428	74-K14CT1		Đỗ Quỳnh	Anh	Nữ	26/09/1995				Khá	1624995	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31429	75-K14CT1		Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	16/11/1996				Khá	1624996	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31430	76-K14CT1		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	20/12/1993				Khá	1624997	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31431	77-K14CT1		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	29/05/1995				Khá	1624998	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31432	78-K14CT1		Hoàng Minh	Châu	Nữ	29/11/1992				Khá	1624999	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31433	79-K14CT1		Nguyễn Ngọc	Chiến	Nam	19/09/1992				Khá	1625000	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31434	80-K14CT1		Nguyễn Như	Định	Nam	16/10/1992				Khá	1625101	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31435	81-K14CT1		Nguyễn Hải	Dương	Nam	14/06/1995				Khá	1625102	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31436	82-K14CT1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/03/1993				Khá	1625103	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31437	83-K14CT1		Nguyễn Phương	Hoa	Nữ	14/08/1995				Khá	1625104	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31438	84-K14CT1		Đào Khánh	Huyền	Nữ	05/07/1992				Khá	1625105	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31439	85-K14CT1		Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	02/02/1995				Khá	1625106	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31440	86-K14CT1		Trần Mỹ	Linh	Nữ	23/11/1994				Khá	1625107	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31441	87-K14CT1		Bùi Thanh	Mai	Nữ	03/11/1991				Khá	1625108	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31442	88-K14CT1		Phạm Hồng	Ngọc	Nữ	04/10/1994				Giỏi	1625109	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31443	89-K14CT1		Đồng Hồng	Nhung	Nữ	26/04/1995				Khá	1625110	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31444	90-K14CT1		Vũ Ngọc	Quân	Nam	25/04/1994				Khá	1625111	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31445	91-K14CT1		Hồ Quang	Sơn	Nam	14/11/1994				Khá	1625112	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31446	92-K14CT1		Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	21/02/1994				Khá	1625113	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31447	93-K14CT1		Đặng Thu	Thủy	Nữ	04/11/1996				Khá	1625114	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31448	94-K14CT1		Cù Thị	Tình	Nữ	17/10/1995				Khá	1625115	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31449	95-K14CT1		Phan Anh	Tú	Nam	04/09/1995				Khá	1625116	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	395/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31450	96-K14CA1		Nguyễn Huyền	Anh	Nữ	24/01/1996				Khá	1625117	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31451	97-K14CA1		Phạm Quỳnh	Chi	Nữ	18/02/1996				Khá	1625118	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31452	98-K14CA1		Phạm Văn	Đạt	Nam	10/10/1993				Khá	1625119	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31453	99-K14CA1		Nguyễn Văn	Đức	Nam	23/04/1995				Khá	1625120	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31454	100-K14CA1		Nguyễn Diễm	Hường	Nữ	13/07/1993				Xuất sắc	1625121	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31455	101-K14CA1		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	23/01/1983				Khá	1625122	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31456	102-K14CA1		Lê Thị	Khuyên	Nữ	13/05/1991				Khá	1625123	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31457	103-K14CA1		Ngô Đặng Việt	Nga	Nữ	10/01/1996				Khá	1625124	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31458	104-K14CA1		Phan Thị	Nga	Nữ	03/03/1996				Khá	1625125	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31459	105-K14CA1		Tướng Phi	Thắng	Nam	19/04/1996				Khá	1625126	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31460	106-K14CA1		Nguyễn Công	Thành	Nam	13/02/1996				Giỏi	1625127	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31461	107-K14CA1		Uông Thị	Thảo	Nữ	13/12/1996				Khá	1625128	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31462	108-K14CA1		Vũ Thị Tây	Thi	Nữ	22/09/1995				Khá	1625129	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31463	109-K14CA1		Nguyễn Thanh	Thư	Nữ	01/07/1996				Giỏi	1625130	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31464	110-K14CK1		Lê Văn	An	Nam	10/12/1993				Khá	1625131	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31465	111-K14CK1		Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	04/11/1980				Khá	1625132	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31466	112-K14CK1		Phạm Xuân	Đồng	Nam	26/03/1983				Khá	1625133	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31467	113-K14CK1		Hoàng Anh	Dũng	Nam	28/12/1991				Khá	1625134	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31468	114-K14CK1		Nguyễn Thị	Gấm	Nữ	19/04/1988				Khá	1625135	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31469	115-K14CK1		Nguyễn Hữu	Hà	Nam	13/01/1983				Trung bình	1625136	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31470	116-K14CK1		Lục Thị Yến	Hoa	Nữ	20/11/1988				Khá	1625137	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31471	117-K14CK1		Bùi Thị	Hồng	Nữ	14/02/1986				Khá	1625138	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31472	118-K14CK1		Hoàng Thị	Hồng	Nữ	09/08/1990				Khá	1625139	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31473	119-K14CK1		Phan Thị	Huế	Nữ	23/08/1990				Khá	1625140	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31474	120-K14CK1		Lưu Thị	Huyền	Nữ	12/06/1987				Khá	1625141	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31475	121-K14CK1		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	27/10/1991				Khá	1625142	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31476	122-K14CK1		Đỗ Thị Thu	Lệ	Nữ	24/04/1988				Khá	1625143	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31477	123-K14CK1		Lê Lam	Linh	Nữ	10/08/1997				Khá	1625144	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31478	124-K14CK1		Đỗ Thị	Lương	Nữ	20/04/1992				Khá	1625145	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31479	125-K14CK1		Nông Thị	Mai	Nữ	23/02/1992				Khá	1625146	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31480	126-K14CK1		Nguyễn Văn	Miu	Nam	19/01/1992				Khá	1625147	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31481	127-K14CK1		Hoàng Thị	Mười	Nữ	20/01/1988				Khá	1625148	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31482	128-K14CK1		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	02/02/1992				Khá	1625149	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31483	129-K14CK1		Giáp Thị	Nguyệt	Nữ	01/10/1992				Khá	1625150	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31484	130-K14CK1		Chu Thị	Nhâm	Nữ	25/04/1992				Khá	1625151	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31485	131-K14CK1		Ngọc Thị	Nhàn	Nữ	25/12/1993				Khá	1625152	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31486	132-K14CK1		Trần Văn	Phú	Nam	08/07/1991				Khá	1625153	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31487	133-K14CK1		Nguyễn Minh	Phượng	Nữ	04/12/1991				Khá	1625154	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31488	134-K14CK1		Thân Văn	Quyền	Nam	04/05/1990				Khá	1625155	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31489	135-K14CK1		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	10/08/1991				Giỏi	1625156	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31490	136-K14CK1		Nguyễn Thị	Thái	Nữ	11/08/1988				Khá	1625157	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31491	137-K14CK1		Đặng Quang	Thiện	Nam	09/01/1987				Khá	1625158	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31492	138-K14CK1		Thân Thị Kim	Thoa	Nữ	14/11/1993				Khá	1625159	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31493	139-K14CK1		Hà Thái	Tuân	Nam	21/11/1990				Khá	1625160	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31494	140-K14CK1		Nguyễn Đình	Tùng	Nam	02/11/1994				Khá	1625161	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31495	141-K14CK1		Nguyễn Tiến	Tùng	Nam	30/12/1992				Khá	1625162	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31496	142-K14CK1		Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	30/08/1994				Giỏi	1625163	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	391/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31497	143-K14CK2		Đào Thị Hà	Anh	Nữ	27/08/1993				Khá	1625164	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31498	144-K14CK2		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	05/02/1988				Khá	1625165	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31499	145-K14CK2		Lê Văn	Cường	Nam	24/09/1995				Khá	1625166	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31500	146-K14CK2		Hoàng Thị	Dung	Nữ	28/01/1994				Khá	1625167	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31501	147-K14CK2		Đào Trung	Dũng	Nam	09/04/1989				Khá	1625168	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31502	148-K14CK2		Tạ Thị	Duyên	Nữ	14/03/1996				Khá	1625169	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31503	149-K14CK2		Ngô Thu	Hà	Nữ	26/11/1994				Khá	1625170	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31504	150-K14CK2		Trương Thị	Hằng	Nữ	02/09/1992				Khá	1625171	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31505	151-K14CK2		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	12/06/1989				Khá	1625172	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31506	152-K14CK2		Hoàng Thị	Hoa	Nữ	06/10/1992				Khá	1625173	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31507	153-K14CK2		Trịnh Thị	Hoa	Nữ	17/09/1992				Khá	1625174	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31508	154-K14CK2		Nguyễn Văn	Hoàn	Nam	13/08/1993				Khá	1625175	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31509	155-K14CK2		Đặng Thị	Hồng	Nữ	05/03/1993				Khá	1625176	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31510	156-K14CK2		Đinh Thị Thanh	Huyền	Nữ	14/04/1994				Giỏi	1625177	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31511	157-K14CK2		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	18/09/1996				Khá	1625178	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31512	158-K14CK2		Dương Thị Mỹ	Linh	Nữ	20/07/1996				Giỏi	1625179	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31513	159-K14CK2		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	28/01/1993				Khá	1625180	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31514	160-K14CK2		Võ Thị	Lộc	Nữ	02/03/1986				Khá	1625181	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31515	161-K14CK2		Vương Thị	Lương	Nữ	15/02/1996				Khá	1625182	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31516	162-K14CK2		Lê Thị Phương	Nga	Nữ	26/03/1996				Khá	1625183	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31517	163-K14CK2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	23/11/1992				Khá	1625184	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31518	164-K14CK2		Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	14/08/1993				Khá	1625185	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31519	165-K14CK2		Nguyễn Thị	Thành	Nữ	31/12/1992				Khá	1625186	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31520	166-K14CK2		Mai Phương	Thảo	Nữ	22/12/1995				Khá	1625187	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31521	167-K14CK2		Nguyễn Minh	Thi	Nữ	23/02/1995				Giỏi	1625188	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31522	168-K14CK2		Ngô Thanh	Thư	Nữ	17/09/1992				Giỏi	1625189	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31523	169-K14CK2		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	03/06/1993				Khá	1625190	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31524	170-K14CK2		Vũ Văn	Tích	Nam	18/10/1990				Giỏi	1625191	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31525	171-K14CK2		Phạm Thị Thu	Trà	Nữ	02/09/1993				Khá	1625192	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31526	172-K14CK2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/08/1995				Khá	1625193	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31527	173-K14CK2		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	26/09/1996				Khá	1625194	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31528	174-K14CK2		Bùi Việt	Trinh	Nữ	07/07/1996				Khá	1625195	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31529	175-K14CK3		Đỗ Thị Huyền	Anh	Nữ	05/05/1996				Khá	1625196	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31530	176-K14CK3		Lê Thị Hải	Anh	Nữ	14/08/1993				Khá	1625197	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31531	177-K14CK3		Lê Thanh	Bình	Nữ	28/05/1992				Khá	1625198	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31532	178-K14CK3		Nguyễn Xuân	Đạo	Nam	08/10/1993				Khá	1625199	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31533	179-K14CK3		Lê Thùy	Dương	Nữ	17/09/1996				Khá	1625200	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31534	180-K14CK3		Đặng Thị Thu	Giang	Nữ	26/08/1991				Khá	1625001	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31535	181-K14CK3		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	10/09/1995				Khá	1625002	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31536	182-K14CK3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/04/1996				Khá	1625003	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31537	183-K14CK3		Phạm Thị	Hòa	Nữ	07/08/1992				Khá	1625004	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31538	184-K14CK3		Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	20/07/1989				Khá	1625005	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31539	185-K14CK3		Đỗ Thị	Hồng	Nữ	08/05/1992				Khá	1625006	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31540	186-K14CK3		Kiều Thu	Hương	Nữ	27/01/1995				Khá	1625007	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31541	187-K14CK3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	24/10/1994				Trung bình	1625008	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31542	188-K14CK3		Hoàng Bích	Huyền	Nữ	09/08/1995				Trung bình	1625009	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31543	189-K14CK3		Trần Thị Bích	Liên	Nữ	30/03/1996				Khá	1625010	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31544	190-K14CK3		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	26/02/1996				Khá	1625011	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31545	191-K14CK3		Phạm Thị	Lụa	Nữ	21/08/1996				Khá	1625012	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31546	192-K14CK3		Trần Hương	Ly	Nữ	28/06/1995				Trung bình	1625013	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31547	193-K14CK3		Trịnh Thị	Minh	Nữ	22/10/1993				Khá	1625014	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31548	194-K14CK3		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	08/03/1994				Khá	1625015	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31549	195-K14CK3		Trần Thị	Phương	Nữ	12/03/1992				Khá	1625016	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31550	196-K14CK3		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	08/08/1996				Trung bình	1625017	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31551	197-K14CK3		Nguyễn Văn	Thành	Nam	30/12/1993				Trung bình	1625018	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31552	198-K14CK3		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	03/01/1989				Khá	1625019	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31553	199-K14CK3		Vũ Thị	Thơm	Nữ	05/07/1990				Khá	1625020	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31554	200-K14CK3		Đỗ Thị	Thuận	Nữ	10/02/1995				Khá	1625021	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31555	201-K14CK3		Vũ Thị	Thùy	Nữ	11/09/1993				Trung bình	1625022	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31556	202-K14CK3		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	23/03/1995				Khá	1625023	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31557	203-K14CK3		Bằng Quyết	Tiến	Nam	20/07/1991				Trung bình	1625024	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31558	204-K14CK3		Hoàng Thị	Trang	Nữ	18/06/1993				Khá	1625025	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31559	205-K14CK3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/09/1987				Khá	1625026	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31560	206-K14CK3		Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	07/11/1993				Khá	1625027	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31561	207-K14CK3		Bùi Thanh	Tùng	Nam	30/10/1996				Trung bình	1625028	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31562	208-K14CK3		Trần Thị	Vân	Nữ	18/10/1996				Khá	1625029	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31563	209-K14CK3		Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	01/04/1990				Khá	1625030	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31564	210-K14CK4		Trần Ngọc	Anh	Nữ	11/05/1995				Trung bình	1625031	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31565	211-K14CK4		Đào Thị Thúy	Cầm	Nữ	07/02/1993				Khá	1625032	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31566	212-K14CK4		Lã Minh	Đức	Nam	16/03/1996				Trung bình	1625033	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31567	213-K14CK4		Phạm Thị	Dung	Nữ	30/04/1996				Khá	1625034	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31568	214-K14CK4		Nguyễn ánh	Dương	Nam	08/08/1995				Khá	1625035	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31569	215-K14CK4		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	01/09/1994				Khá	1625036	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31570	216-K14CK4		Tô Thị	Hiền	Nữ	29/10/1992				Khá	1625037	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31571	217-K14CK4		Trần Thị	Hoa	Nữ	10/02/1990				Khá	1625038	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31572	218-K14CK4		Tô Thị Thu	Hòa	Nữ	04/01/1994				Trung bình	1625039	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31573	219-K14CK4		Phạm Huy	Hoàng	Nam	28/10/1992				Khá	1625040	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31574	220-K14CK4		Lê Thị	Hương	Nữ	12/01/1995				Khá	1625041	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31575	221-K14CK4		Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/09/1992				Khá	1625042	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31576	222-K14CK4		Lại Xuân	Linh	Nam	19/12/1991				Khá	1625043	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31577	223-K14CK4		Phan Thùy	Linh	Nữ	07/10/1993				Khá	1625044	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31578	224-K14CK4		Trần Huy	Mừng	Nam	04/10/1993				Khá	1625045	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31579	225-K14CK4		Phan Thị	Nga	Nữ	03/04/1996				Khá	1625046	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31580	226-K14CK4		Nguyễn Thị	Nhân	Nữ	07/11/1993				Trung bình	1625047	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31581	227-K14CK4		Bùi Thị Kiều	Oanh	Nữ	22/07/1995				Khá	1625048	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31582	228-K14CK4		Lê Thị	Phượng	Nữ	04/01/1996				Trung bình	1625049	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31583	229-K14CK4		Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	02/09/1993				Khá	1625050	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31584	230-K14CK4		Nguyễn Hồng	Thương	Nữ	20/12/1989				Khá	1625051	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31585	231-K14CK4		Đàm Thị Thanh	Thùy	Nữ	29/03/1994				Khá	1625052	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31586	232-K14CK4		Phạm Thị	Thùy	Nữ	15/12/1996				Khá	1625053	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31587	233-K14CK4		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	29/12/1992				Khá	1625054	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31588	234-K14CK4		Tạ Thu	Trang	Nữ	28//081996				Khá	1625055	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31589	235-K14CK4		Bùi Thanh	Tú	Nam	15/09/1996				Khá	1625056	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31590	236-K14CK4		Lê Huy	Tùng	Nam	11/11/1992				Khá	1625057	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31591	237-K14CK4		Trần Quốc	Việt	Nam	15/05/1993				Khá	1625058	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31592	238-K14CK4		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	25/09/1996				Khá	1625059	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31593	239-K14CK5		Nguyễn Thùy	Anh	Nữ	25/11/1995				Khá	1625060	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31594	240-K14CK5		Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	28/01/1996				Khá	1625061	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31595	241-K14CK5		Vũ Thị	Chung	Nữ	02/09/1993				Khá	1625062	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31596	242-K14CK5		Nguyễn Doãn	Đức	Nam	26/09/1995				Khá	1625063	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31597	243-K14CK5		Trịnh Thị Thùy	Dương	Nữ	12/02/1995				Khá	1625064	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31598	244-K14CK5		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	03/10/1995				Khá	1625065	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31599	245-K14CK5		Lương Thị	Hà	Nữ	12/06/1994				Giỏi	1625066	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31600	246-K14CK5		Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	15/04/1995				Khá	1625067	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31601	247-K14CK5		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	19/05/1995				Khá	1625068	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31602	248-K14CK5		Nguyễn Ngọc	Hiệp	Nam	15/09/1993				Khá	1625069	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31603	249-K14CK5		Trần Thị	Hoa	Nữ	02/07/1991				Giỏi	1625070	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31604	250-K14CK5		Lê Thị	Hoàn	Nữ	08/03/1994				Khá	1625071	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31605	251-K14CK5		Phùng Thị	Hồi	Nữ	10/11/1995				Khá	1625072	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31606	252-K14CK5		Trần Thị	Huệ	Nữ	13/10/1993				Khá	1625073	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31607	253-K14CK5		Đỗ Thị Thùy	Linh	Nữ	09/03/1991				Khá	1625074	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31608	254-K14CK5		Trần Diệu	Linh	Nữ	14/03/1993				Khá	1625075	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31609	255-K14CK5		Nguyễn Văn	Lương	Nam	19/07/1992				Khá	1625076	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31610	256-K14CK5		Nguyễn Duy	Mạnh	Nam	29/06/1996				Khá	1625077	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31611	257-K14CK5		Hoàng Lệ	Mỹ	Nữ	18/04/1996				Khá	1625078	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31612	258-K14CK5		Vũ Thị Phương	Nga	Nữ	30/10/1996				Khá	1625079	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31613	259-K14CK5		Hồ Thị Hồng	Ngát	Nữ	17/09/1994				Khá	1625080	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31614	260-K14CK5		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/01//1992				Khá	1625081	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31615	261-K14CK5		Trần Lệ Thanh	Thanh	Nữ	04/09/1996				Khá	1625082	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31616	262-K14CK5		Lê Thị	Thảo	Nữ	02/02/1995				Khá	1625083	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31617	263-K14CK5		Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	06/07/1993				Khá	1625084	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31618	264-K14CK5		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	26/10/1992				Khá	1625085	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31619	265-K14CK5		Thân Thị Thu	Thủy	Nữ	12/09/1994				Khá	1625086	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31620	266-K14CK5		Đặng Thị Thu	Trà	Nữ	20/06/1996				Khá	1625087	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31621	267-K14CK5		Lương Thị Huyền	Trang	Nữ	04/11/1992				Khá	1625088	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31622	268-K14CK5		Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	12/06/1995				Khá	1625089	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31623	269-K14CK5		Phan Công	Triệu	Nam	21/03/1991				Khá	1625090	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31624	270-K14CK5		Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	11/01/1995				Khá	1625091	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31625	271-K14CK5		Lê Huy	Vinh	Nam	17/12/1994				Khá	1625092	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31626	272-K14CK5		Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	16/09/1994				Khá	1625093	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31627	273-K11CK15		Dương Ngọc	Hà	Nữ	30/05/1991				Khá	1625094	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31628	274-K12CK5		Trịnh Trà	My	Nữ	13/12/1993				Khá	1625095	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31629	275-K12CK5		Trần Thị	Quyên	Nữ	29/11/1989				Khá	1625096	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31630	276-K12CK7		Nguyễn Thị Cẩm	Linh	Nữ	14/06/1994				Khá	1625097	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31631	277-K12CK8		Vũ Nguyễn Thái	Ngân	Nữ	11/08/1995				Khá	1625098	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31632	278-K13CK3		Phạm Thị	Bích	Nữ	14/10/1994				Khá	1625099	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31633	279-K13CK3		Phạm Tiến	Dũng	Nam	12/01/1994				Khá	1625100	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31634	280-K13CK3		Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	15/12/1994				Khá	1625201	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31635	281-K13CK3		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	01/05/1993				Khá	1625202	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31636	282-K13CK3		Nguyễn Thùy	Liên	Nữ	07/09/1993				Khá	1625203	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31637	283-K13CK3		Trịnh Văn	Linh	Nam	02/01/1994				Khá	1625204	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31638	284-K13CK3		Lưu Thị	Quyên	Nữ	28/12/1994				Khá	1625205	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31639	285-K13CK3		Đoàn Thị	Thu	Nữ	08/03/1990				Khá	1625206	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	393/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31640	286-K49BK1		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	29/05/1992				Khá	1625207	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	396/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31641	287-K48BK1		Trương Thị Ngọc	Diệp	Nữ	22/01/1990				Khá	1625208	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	396/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31642	288-K48BK1		Vương Thị Hải	Đường	Nữ	11/11/1981				Trung bình	1625209	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	396/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31643	289-K14CQ1		Lương Thị Trung	Anh	Nữ	15/09/1994				Khá	1625210	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31644	290-K14CQ1		Trần Vân	Anh	Nữ	01/05/1996				Khá	1625211	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31645	291-K14CQ1		Trần Đình	Chính	Nam	24/11/1996				Khá	1625212	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31646	292-K14CQ1		Trần Quốc	Đại	Nam	30/08/1994				Khá	1625213	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31647	293-K14CQ1		Hoàng Ngọc	Điệp	Nam	04/08/1989				Giỏi	1625214	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31648	294-K14CQ1		Đinh Tuấn	Dũng	Nam	03/04/1996				Trung bình	1625215	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31649	295-K14CQ1		Trần Thu	Giang	Nữ	03/04/1993				Khá	1625216	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31650	296-K14CQ1		Trần Thị Thanh	Hải	Nữ	25/12/1993				Khá	1625217	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31651	297-K14CQ1		Phạm Minh	Hạnh	Nữ	10/12/1993				Khá	1625218	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31652	298-K14CQ1		Hà Thị	Hoa	Nữ	07/02/1994				Giỏi	1625219	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31653	299-K14CQ1		Đào Bá	Hùng	Nam	06/08/1990				Giỏi	1625220	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31654	300-K14CQ1		Mạc Khánh	Hưng	Nam	05/12/1994				Khá	1625221	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31655	301-K14CQ1		Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	21/04/1989				Khá	1625222	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31656	302-K14CQ1		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	06/04/1996				Khá	1625223	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31657	303-K14CQ1		Phùng Thị	Hương	Nữ	21/11/1991				Giỏi	1625224	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31658	304-K14CQ1		Ngô Thị	Huyền	Nữ	05/06/1991				Giỏi	1625225	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31659	305-K14CQ1		Trần Đăng Thị	Huyền	Nữ	30/03/1996				Giỏi	1625226	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31660	306-K14CQ1		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	12/07/1994				Khá	1625227	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31661	307-K14CQ1		Vũ Tuấn	Linh	Nam	13/08/1995				Giỏi	1625228	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31662	308-K14CQ1		Đỗ Hương	Ly	Nữ	14/12/1993				Khá	1625229	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31663	309-K14CQ1		Đinh Đức	Mạnh	Nam	27/03/1989				Khá	1625230	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31664	310-K14CQ1		Đoàn Thị	Ngọc	Nữ	06/10/1995				Khá	1625231	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31665	311-K14CQ1		Nguyễn Thị Thanh	Nhã	Nữ	13/04/1995				Khá	1625232	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31666	312-K14CQ1		Lê Thị	Nhung	Nữ	18/10/1992				Khá	1625233	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31667	313-K14CQ1		Nguyễn Đình	Phúc	Nam	22/11/1996				Khá	1625234	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31668	314-K14CQ1		Nguyễn Hà	Phương	Nữ	27/03/1996				Khá	1625235	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31669	315-K14CQ1		Trịnh Lan	Phương	Nữ	12/09/1996				Khá	1625236	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31670	316-K14CQ1		Phan Thúy	Quỳnh	Nữ	29/05/1996				Khá	1625237	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31671	317-K14CQ1		Nguyễn Công	Thực	Nam	24/09/1992				Giỏi	1625238	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31672	318-K14CQ1		Ngô Thị Thanh	Thủy	Nữ	07/10/1992				Khá	1625239	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31673	319-K14CQ1		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	06/12/1996				Khá	1625240	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31674	320-K14CQ1		Đỗ Ngọc	Tuân	Nam	11/11/1996				Khá	1625241	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31675	321-K14CQ1		Trịnh Công	Tuấn	Nam	24/03/1990				Trung bình	1625242	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31676	322-K14CQ1		Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	28/02/1995				Khá	1625243	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31677	323-K14CQ1		Nguyễn Xuân	Việt	Nam	11/11/1992				Khá	1625244	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31678	324-K14CQ2		Lê Tuấn	Anh	Nam	27/04/1996				Khá	1625245	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31679	325-K14CQ2		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	15/11/1996				Trung bình	1625246	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31680	326-K14CQ2		Dương Quốc	Chính	Nam	11/12/1993				Khá	1625247	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31681	327-K14CQ2		Nguyễn Hữu	Đức	Nam	25/06/1995				Khá	1625248	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31682	328-K14CQ2		Đỗ Thùy	Dương	Nữ	28/06/1995				Khá	1625249	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31683	329-K14CQ2		Hoàng Thị Ngọc	Hà	Nữ	10/08/1993				Khá	1625250	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31684	330-K14CQ2		Nguyễn Đắc	Hợp	Nam	14/02/1989				Giỏi	1625251	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31685	331-K14CQ2		Vũ Mạnh	Hùng	Nam	30/09/1994				Khá	1625252	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31686	332-K14CQ2		Trịnh Hoàng	Hưng	Nam	06/11/1994				Khá	1625253	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31687	333-K14CQ2		Nguyễn Xuân	Hương	Nữ	29/10/1987				Khá	1625254	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31688	334-K14CQ2		Dương Thị	Huyền	Nữ	08/03/1994				Khá	1625255	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31689	335-K14CQ2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	31/12/1993				Giỏi	1625256	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31690	336-K14CQ2		Đặng Mai	Khanh	Nữ	23/08/1996				Khá	1625257	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31691	337-K14CQ2		Đỗ Thị	Lệ	Nữ	01/09/1996				Khá	1625258	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31692	338-K14CQ2		Đào Diệu	Linh	Nữ	08/03/1994				Khá	1625259	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31693	339-K14CQ2		Chử Thị	Loan	Nữ	19/05/1995				Khá	1625260	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31694	340-K14CQ2		Dương Hải	Long	Nam	16/01/1996				Khá	1625261	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31695	341-K14CQ2		Phạm Thị Hương	Ly	Nữ	14/10/1996				Khá	1625262	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31696	342-K14CQ2		Quản Thị	Mai	Nữ	23/02/1996				Khá	1625263	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31697	343-K14CQ2		Nguyễn	Nam	Nam	28/06/1995				Trung bình	1625264	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31698	344-K14CQ2		Trương Thị Minh	Ngọc	Nữ	28/05/1994				Khá	1625265	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31699	345-K14CQ2		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	14/11/1994				Khá	1625266	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31700	346-K14CQ2		Trần Thanh	Phương	Nữ	25/04/1994				Khá	1625267	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31701	347-K14CQ2		Bùi Thị	Thảo	Nữ	14/04/1992				Khá	1625268	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31702	348-K14CQ2		Tạ Thúy	Thúy	Nữ	22/11/1993				Giỏi	1625269	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31703	349-K14CQ2		Vũ Mạnh	Tú	Nam	15/10/1996				Khá	1625270	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31704	350-K14CQ2		Nguyễn Kim	Tuân	Nam	11/08/1993				Khá	1625271	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31705	351-K14CQ2		Vũ Thị Phương	Tuyến	Nữ	27/04/1994				Khá	1625272	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31706	352-K14CQ2		Tô Văn	Vinh	Nam	23/01/1983				Khá	1625273	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	392/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31707	353-K12CQ4		Phan Văn	Đạt	Nam	26/06/1992				Khá	1625274	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	399/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31708	354-K44DQ2		Nguyễn Xuân	Thành	Nam	17/08/1988				Trung bình khá	1625275	2019	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	400/QĐ-ĐHTM, 2/4/2019	
31709	355-K6TK3		Đặng Thị Phương	Anh	Nữ	14/01/1994				Khá	1625276	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31710	356-K6TK3		Lê Ngọc	Anh	Nữ	28/07/1993				Khá	1625277	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31711	357-K6TK3		Nguyễn Thị Thúy	Bình	Nữ	28/07/1994				Khá	1625278	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31712	358-K6TK3		Cao Việt	Chinh	Nữ	06/08/1991				Khá	1625279	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31713	359-K6TK3		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	06/08/1990				Khá	1625280	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31714	360-K6TK3		Trần Thị Phương	Dung	Nữ	16/10/1979				Khá	1625281	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31715	361-K6TK3		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	08/08/1985				Khá	1625282	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31716	362-K6TK3		Nguyễn Văn	Giang	Nam	07/07/1994				Khá	1625283	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31717	363-K6TK3		Nông Minh	Giang	Nữ	20/07/1991				Khá	1625284	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31718	364-K6TK3		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	06/08/1992				Khá	1625285	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31719	365-K6TK3		Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	20/08/1993				Khá	1625286	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31720	366-K6TK3		Đậu Thị	Hạnh	Nữ	06/03/1994				Khá	1625287	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31721	367-K6TK3		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	24/03/1985				Khá	1625288	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31722	368-K6TK3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	15/11/1990				Khá	1625289	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31723	369-K6TK3		Lê Thị	Hòa	Nữ	05/01/1992				Khá	1625290	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31724	370-K6TK3		Trần Ninh Ngọc	Hòa	Nữ	18/02/1992				Khá	1625291	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31725	371-K6TK3		Trần Lê Thu	Hoài	Nữ	08/02/1987				Khá	1625292	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31726	372-K6TK3		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/11/1992				Khá	1625293	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31727	373-K6TK3		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	01/04/1986				Khá	1625294	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31728	374-K6TK3		Phạm Thị	Hương	Nữ	02/07/1982				Khá	1625295	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31729	375-K6TK3		Dương Thị Thu	Hường	Nữ	06/10/1991				Khá	1625296	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31730	376-K6TK3		Nguyễn Văn	Huy	Nam	16/03/1990				Khá	1625297	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31731	377-K6TK3		Hoàng Thị Ngọc	Huyền	Nữ	04/03/1980				Khá	1625298	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31732	378-K6TK3		Lê Thị	Lâm	Nữ	13/08/1994				Khá	1625299	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31733	379-K6TK3		Chu Thị Hương	Lan	Nữ	15/04/1993				Khá	1625300	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31734	380-K6TK3		Hoàng Thu	Lan	Nữ	14/02/1985				Khá	1625301	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31735	381-K6TK3		Trần Hoàng	Lan	Nữ	22/10/1994				Khá	1625302	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31736	382-K6TK3		Võ Thị	Lan	Nữ	30/06/1993				Khá	1625303	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31737	383-K6TK3		Đặng Hoài	Linh	Nữ	18/10/1993				Khá	1625304	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31738	384-K6TK3		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	25/05/1980				Khá	1625305	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31739	385-K6TK3		Phan Thị Mai	Loan	Nữ	26/06/1983				Khá	1625306	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31740	386-K6TK3		Lại Thị	Lương	Nữ	14/10/1993				Khá	1625307	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31741	387-K6TK3		Đặng Thị	Lượng	Nữ	06/02/1989				Khá	1625308	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31742	388-K6TK3		Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	04/05/1985				Khá	1625309	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31743	389-K6TK3		Bùi Thị Ngọc	Ly	Nữ	14/10/1988				Khá	1625310	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31744	390-K6TK3		Ma Thị	Ngân	Nữ	01/01/1990				Khá	1625311	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31745	391-K6TK3		Nguyễn Anh	Nghĩa	Nam	04/03/1987				Khá	1625312	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31746	392-K6TK3		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	01/04/1993				Khá	1625313	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31747	393-K6TK3		Đậu Thị Hồng	Nguyệt	Nữ	13/06/1982				Khá	1625314	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31748	394-K6TK3		Trần Thị	Nhàn	Nữ	30/10/1989				Khá	1625315	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31749	395-K6TK3		Phạm Hoàng Kim	Nhất	Nam	25/09/1994				Khá	1625316	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31750	396-K6TK3		Lương Thị	Nhung	Nữ	04/02/1993				Khá	1625317	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31751	397-K6TK3		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	09/02/1994				Khá	1625318	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31752	398-K6TK3		Nghiêm Văn	Ninh	Nam	21/04/1994				Khá	1625319	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31753	399-K6TK3		Hà Thanh	Nụ	Nữ	25/02/1985				Khá	1625320	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31754	400-K6TK3		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	23/08/1995				Khá	1625321	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31755	401-K6TK3		Vũ Thị	Phương	Nữ	24/03/1990				Khá	1625322	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31756	402-K6TK3		Khúc Kim	Quý	Nữ	04/12/1992				Khá	1625323	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31757	403-K6TK3		Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	10/01/1992				Khá	1625324	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31758	404-K6TK3		Nguyễn Thị Hồng	Sinh	Nữ	28/01/1983				Khá	1625325	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31759	405-K6TK3		Nguyễn Văn	Thành	Nam	23/11/1994				Khá	1625326	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31760	406-K6TK3		Trần	Thành	Nam	20/06/1979				Khá	1625327	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31761	407-K6TK3		Cao Thanh	Thảo	Nữ	24/04/1994				Khá	1625328	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31762	408-K6TK3		Phan Thị	Thảo	Nữ	10/02/1994				Khá	1625329	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31763	409-K6TK3		Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24/07/1984				Khá	1625330	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31764	410-K6TK3		Bàn Thị	Thuận	Nữ	15/05/1995				Khá	1625331	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31765	411-K6TK3		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	06/06/1993				Khá	1625332	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31766	412-K6TK3		Hoàng Thị Đoan	Trang	Nữ	06/12/1993				Khá	1625333	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31767	413-K6TK3		Vũ Thị Vân	Trang	Nữ	28/06/1986				Khá	1625334	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31768	414-K6TK3		Nguyễn Thị Thanh	Tú	Nữ	06/10/1994				Khá	1625335	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31769	415-K6TK3		Dương Mạnh	Tuấn	Nam	23/12/1994				Khá	1625336	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31770	416-K6TK3		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	15/02/1985				Khá	1625337	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31771	417-K6TK3		Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	08/05/1995				Khá	1625338	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	421/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31772	418-K6TK3A		Trần Thị Mỹ	Quyên	Nữ	24/01/1976				Khá	1625339	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	422/QĐ-ĐHTM, 8/4/2019	
31773	419-K14CK6		Võ Minh	Anh	Nam	17/06/1996				Khá	1625340	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31774	420-K14CK6		Hoàng Thị Thanh	Bình	Nữ	29/09/1992				Khá	1625341	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31775	421-K14CK6		Hồ Thị Phương	Dung	Nữ	19/02/1990				Khá	1625342	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31776	422-K14CK6		Hoàng Thị Ngọc	Duyên	Nữ	14/12/1995				Khá	1625343	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31777	423-K14CK6		Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	19/04/1993				Khá	1625344	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31778	424-K14CK6		Thái Thị Thùy	Duyên	Nữ	17/10/1995				Khá	1625345	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31779	425-K14CK6		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	25/05/1995				Khá	1625346	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31780	426-K14CK6		Phạm Minh	Hà	Nam	22/07/1994				Khá	1625347	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31781	427-K14CK6		Trần Văn	Hà	Nam	31/08/1993				Khá	1625348	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31782	428-K14CK6		Vũ Thị	Hà	Nữ	01/07/1994				Giỏi	1625349	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31783	429-K14CK6		Võ Minh	Hằng	Nữ	26/02/1996				Khá	1625350	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31784	430-K14CK6		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	07/09/1994				Khá	1625351	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31785	431-K14CK6		Trần Thị	Hiền	Nữ	01/10/1993				Khá	1625352	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31786	432-K14CK6		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	11/02/1988				Khá	1625353	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31787	433-K14CK6		Lê Thị Thúy	Hồng	Nữ	20/09/1990				Khá	1625354	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31788	434-K14CK6		Nguyễn Văn	Hùng	Nam	17/09/1993				Khá	1625355	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31789	435-K14CK6		Bùi Thị	Lai	Nữ	28/10/1996				Khá	1625356	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31790	436-K14CK6		Nguyễn Thị Kim	Lang	Nữ	01/11/1996				Khá	1625357	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31791	437-K14CK6		Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	04/12/1991				Khá	1625358	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31792	438-K14CK6		Lê Trần Mỹ	Linh	Nữ	18/02/1993				Khá	1625359	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31793	439-K14CK6		Nguyễn Văn	Linh	Nam	25/05/1993				Khá	1625360	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31794	440-K14CK6		Đặng Công	Lộc	Nam	24/03/1990				Trung bình	1625361	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31795	441-K14CK6		Nguyễn Thị Hồng	Ly	Nữ	28/05/1996				Khá	1625362	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31796	442-K14CK6		Nguyễn Tấn	Mốt	Nam	02/11/1996				Khá	1625363	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31797	443-K14CK6		Phạm Thị Trà	My	Nữ	19/11/1993				Khá	1625364	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31798	444-K14CK6		Đinh Thị Thúy	Nga	Nữ	14/04/1996				Khá	1625365	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31799	445-K14CK6		Văn Thị Thu	Nga	Nữ	01/01/1985				Khá	1625366	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31800	446-K14CK6		Nguyễn Hải	Ngân	Nữ	18/08/1994				Khá	1625367	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31801	447-K14CK6		Phan Thị Kiều	Nguyên	Nữ	18/07/1996				Khá	1625368	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31802	448-K14CK6		Phạm Thị Minh	Nguyệt	Nữ	01/01/1996				Khá	1625369	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31803	449-K14CK6		Dương Thị Thùy	Nhi	Nữ	20/02/1996				Khá	1625370	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31804	450-K14CK6		Trần Hà	Nhi	Nữ	05/04/1996				Khá	1625371	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31805	451-K14CK6		Trần Thục	Nhi	Nữ	12/10/1996				Khá	1625372	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31806	452-K14CK6		Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	20/01/1995				Khá	1625373	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31807	453-K14CK6		Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/02/1995				Khá	1625374	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31808	454-K14CK6		Võ Trọng	Phúc	Nam	29/12/1992				Khá	1625375	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31809	455-K14CK6		Trần Kim	Phước	Nam	19/06/1994				Trung bình	1625376	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31810	456-K14CK6		Hà Thị Hồng	Phương	Nữ	08/02/1992				Khá	1625377	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31811	457-K14CK6		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	07/12/1993				Khá	1625378	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31812	458-K14CK6		Nguyễn Thị	Quý	Nữ	03/07/1995				Khá	1625379	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31813	459-K14CK6		Trương Thị Hồng	Sương	Nữ	28/09/1996				Khá	1625380	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31814	460-K14CK6		Đặng Ngọc	Tâm	Nam	27/03/1995				Khá	1625381	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31815	461-K14CK6		Nguyễn Thị Thu	Thanh	Nữ	25/07/1996				Khá	1625382	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31816	462-K14CK6		Nguyễn Công	Thành	Nam	01/02/1996				Khá	1625383	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31817	463-K14CK6		Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	02/11/1995				Khá	1625384	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31818	464-K14CK6		Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	04/12/1994				Khá	1625385	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31819	465-K14CK6		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	06/07/1989				Khá	1625386	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31820	466-K14CK6		Phạm Thị	Thảo	Nữ	10/07/1993				Khá	1625387	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31821	467-K14CK6		Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	19/02/1993				Khá	1625388	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31822	468-K14CK6		Từ Cam	Thảo	Nữ	09/09/1996				Khá	1625389	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31823	469-K14CK6		Ông Thị Anh	Thi	Nữ	20/10/1994				Trung bình	1625390	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31824	470-K14CK6		Trần Thị	Thu	Nữ	29/01/1993				Khá	1625391	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31825	471-K14CK6		Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	14/07/1996				Khá	1625392	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31826	472-K14CK6		Võ Thị Minh	Thùy	Nữ	20/07/1991				Khá	1625393	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31827	473-K14CK6		Hoàng Thị Thanh	Thúy	Nữ	07/02/1985				Khá	1625470	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31828	474-K14CK6		Lê Thị Minh	Tình	Nữ	26/09/1996				Khá	1625394	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31829	475-K14CK6		Phạm Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	16/10/1996				Khá	1625395	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31830	476-K14CK6		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	10/02/1995				Khá	1625396	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31831	477-K14CK6		Cao Thanh	Tuyền	Nữ	15/07/1996				Khá	1625397	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31832	478-K14CK6		Phạm Thị Thanh	Tuyền	Nữ	26/01/1996				Khá	1625398	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31833	479-K14CK6		Lê Thị	Ty	Nữ	30/09/1993				Khá	1625399	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31834	480-K14CK6		Lê Trần Đình	Uyên	Nữ	16/02/1995				Khá	1625400	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31835	481-K14CK6		Nguyễn Thị Thảo	Uyên	Nữ	27/01/1996				Khá	1625401	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31836	482-K14CK6		Trần Hà	Uyên	Nữ	14/10/1995				Khá	1625402	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31837	483-K14CK6		Nguyễn Xuân	Vinh	Nam	25/07/1991				Khá	1625403	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31838	484-K12CK5		Nguyễn Văn	Hợp	Nam	09/03/1989				Trung bình	1625404	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31839	485-K13CK1		Vũ Thị ánh	Nguyệt	Nữ	24/10/1994				Khá	1625405	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31840	486-K13CK1		Đặng Thanh	Thảo	Nữ	19/10/1993				Khá	1625406	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31841	487-K14CK2		Phạm Thị	Yến	Nữ	05/01/1996				Khá	1625407	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31842	488-K14CK3		Vũ Hạnh	Huyền	Nữ	02/03/1996				Khá	1625408	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31843	489-K14CK3		Đinh Thị	Phương	Nữ	06/03/1988				Khá	1625409	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31844	490-K14CK4		Chu Thị	Khuyên	Nữ	08/08/1990				Khá	1625410	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31845	491-K14CK4		Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	06/09/1996				Khá	1625411	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31846	492-K14CK4		Tô Tế	Lực	Nam	13/09/1993				Trung bình	1625412	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	518/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31847	493-K6TK1		Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	20/08/1987				Khá	1625413	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	516/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31848	494-K6TK2		Ngô Thị	Tuyết	Nữ	27/07/1985				Khá	1625414	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	516/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31849	495-K49BK2		Phạm Thị	Chuyền	Nữ	16/11/1987				Khá	1625415	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	517/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31850	496-K49BK2		Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	20/11/1993				Khá	1625416	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	517/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31851	497-K49BK2		Hồ Thị Thu	Hiền	Nữ	10/02/1987				Khá	1625417	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	517/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31852	498-K49BK2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	06/05/1987				Khá	1625418	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	517/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31853	499-K49BK2		Đỗ Thị	Thảo	Nữ	26/05/1991				Khá	1625419	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	517/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31854	500-K49BK2		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	08/05/1991				Khá	1625420	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	517/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31855	501-K49BK2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	17/01/1993				Khá	1625421	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	517/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31856	502-K14CQ3		Thân Thị Huỳnh	Anh	Nữ	23/02/1990				Giỏi	1625422	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31857	503-K14CQ3		Nguyễn Hồ Văn	Diệp	Nam	21/02/1994				Giỏi	1625423	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31858	504-K14CQ3		Nguyễn Dương	Đông	Nam	13/10/1994				Khá	1625424	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31859	505-K14CQ3		Nguyễn Thị ái	Đông	Nữ	26/03/1983				Khá	1625425	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31860	506-K14CQ3		Nguyễn Minh	Hải	Nam	16/10/1996				Khá	1625426	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31861	507-K14CQ3		Trương Thị Minh	Hải	Nữ	14/08/1991				Giỏi	1625427	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31862	508-K14CQ3		Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	26/09/1996				Khá	1625428	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31863	509-K14CQ3		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	10/06/1996				Khá	1625429	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31864	510-K14CQ3		Đặng Hoàng	Hiếu	Nam	09/12/1996				Khá	1625430	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31865	511-K14CQ3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	18/09/1996				Giỏi	1625431	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31866	512-K14CQ3		Bùi Văn	Huy	Nam	30/11/1994				Khá	1625432	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31867	513-K14CQ3		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	25/04/1990				Khá	1625433	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31868	514-K14CQ3		Hoàng	Long	Nam	11/12/1994				Khá	1625434	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31869	515-K14CQ3		Cao Văn	Lượng	Nam	20/04/1990				Khá	1625435	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31870	516-K14CQ3		Nguyễn Đăng Thiên	Lý	Nữ	26/09/1996				Khá	1625436	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31871	517-K14CQ3		Lê Thị Hoa	Mơ	Nữ	21/09/1996				Khá	1625437	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31872	518-K14CQ3		Thái Hà	My	Nữ	10/10/1996				Trung bình	1625438	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31873	519-K14CQ3		Nguyễn Văn	Nam	Nam	16/10/1991				Trung bình	1625439	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31874	520-K14CQ3		Lê Tuyết	Ngân	Nữ	21/09/1992				Khá	1625440	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31875	521-K14CQ3		Võ Viết	Ngọc	Nam	13/06/1995				Khá	1625441	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31876	522-K14CQ3		Nguyễn Thị Tâm	Nhân	Nữ	20/12/1995				Khá	1625442	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31877	523-K14CQ3		Phạm Phú	Nhật	Nam	03/05/1996				Khá	1625443	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31878	524-K14CQ3		Đinh Thị Huỳnh	Như	Nữ	16/05/1996				Khá	1625444	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31879	525-K14CQ3		Hồ Như	Pháp	Nam	31/05/1995				Khá	1625445	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31880	526-K14CQ3		Nguyễn Thị Huệ	Phố	Nữ	31/12/1996				Giỏi	1625446	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31881	527-K14CQ3		Võ Nhật	Quang	Nam	28/04/1996				Khá	1625447	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31882	528-K14CQ3		Phạm Đinh Hồ Đoan	Quỳnh	Nữ	04/03/1996				Khá	1625448	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31883	529-K14CQ3		Phạm Thảo	Quỳnh	Nữ	26/02/1992				Khá	1625449	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31884	530-K14CQ3		Huỳnh Thị Ngọc	Sương	Nữ	16/07/1991				Khá	1625450	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31885	531-K14CQ3		Trần Thị Thanh	Tao	Nữ	10/11/1995				Khá	1625451	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31886	532-K14CQ3		Huỳnh Kim	Thắng	Nam	05/08/1994				Khá	1625452	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31887	533-K14CQ3		Cao Thị	Thanh	Nữ	20/09/1992				Khá	1625453	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31888	534-K14CQ3		Nguyễn Lương	Thành	Nam	07/08/1989				Khá	1625454	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31889	535-K14CQ3		Ngô Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	02/10/1996				Khá	1625455	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31890	536-K14CQ3		Nguyễn Thị Thạch	Thảo	Nữ	13/11/1994				Khá	1625456	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31891	537-K14CQ3		Lê Tuấn	Thiên	Nam	06/03/1995				Khá	1625457	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31892	538-K14CQ3		Phạm Thanh	Thoa	Nữ	24/05/1995				Khá	1625458	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31893	539-K14CQ3		Mai Thị Anh	Thư	Nữ	26/04/1993				Khá	1625459	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31894	540-K14CQ3		Trần Đình	Thuận	Nam	14/11/1992				Khá	1625460	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31895	541-K14CQ3		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	10/01/1993				Giỏi	1625461	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31896	542-K14CQ3		Đinh Quỳnh	Trang	Nữ	15/07/1993				Khá	1625462	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31897	543-K14CQ3		Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	12/06/1995				Khá	1625463	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31898	544-K14CQ3		Mai Xuân	Trí	Nam	08/09/1992				Khá	1625464	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31899	545-K14CQ3		Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	23/03/1996				Khá	1625465	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31900	546-K14CQ3		Nguyễn Văn Nhật	Trường	Nam	13/10/1996				Trung bình	1625466	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31901	547-K14CQ3		Nguyễn Hữu	Tuấn	Nam	30/10/1996				Khá	1625467	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31902	548-K14CQ3		Hồ Thanh	Vinh	Nam	09/01/1994				Khá	1625468	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31903	549-K14CQ3		Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	19/10/1996				Khá	1625469	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	519/QĐ-ĐHTM, 25/4/2019	
31904	550-K7TK1		Nguyễn Hải	Anh	Nữ	06/05/1994				Khá	1625471	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31905	551-K7TK1		Đỗ Thị	Bình	Nữ	29/07/1991				Khá	1625472	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31906	552-K7TK1		Hồ Thị	Hà	Nữ	23/06/1992				Khá	1625473	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31907	553-K7TK1		Trần Thị Thu	Hà	Nữ	26/06/1989				Khá	1625474	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31908	554-K7TK1		Đặng Thị Thúy	Hạnh	Nữ	12/11/1993				Khá	1625475	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31909	555-K7TK1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	22/04/1989				Khá	1625476	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31910	556-K7TK1		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	05/08/1990				Khá	1625477	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31911	557-K7TK1		Phạm Thị	Huệ	Nữ	15/04/1992				Khá	1625478	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31912	558-K7TK1		Đỗ Thị	Hường	Nữ	18/08/1990				Khá	1625479	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31913	559-K7TK1		Phạm Thị	Liên	Nữ	22/11/1982				Khá	1625480	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31914	560-K7TK1		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	06/07/1984				Khá	1625481	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31915	561-K7TK1		Lê Thị	Ngân	Nữ	03/02/1983				Khá	1625482	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31916	562-K7TK1		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	03/08/1993				Khá	1625483	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31917	563-K7TK1		Hoàng	Quân	Nam	18/04/1990				Trung bình	1625484	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31918	564-K7TK1		Lê Minh	Quang	Nam	16/11/1993				Khá	1625485	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31919	565-K7TK1		Lê Nhật	Quang	Nam	14/12/1985				Khá	1625486	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31920	566-K7TK1		Trịnh Ngọc	Quyền	Nam	25/06/1982				Khá	1625487	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31921	567-K7TK1		Hoàng	Sa	Nam	15/06/1988				Khá	1625488	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31922	568-K7TK1		Nguyễn Văn	Thành	Nam	14/02/1990				Khá	1625489	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31923	569-K7TK1		Đỗ Thị	Thi	Nữ	10/08/1990				Khá	1625490	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31924	570-K7TK1		Tạ Thị	Thu	Nữ	10/05/1991				Khá	1625491	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31925	571-K7TK1		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	10/11/1992				Khá	1625492	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31926	572-K7TK1		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	10/09/1994				Khá	1625493	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31927	573-K7TK1		Lê Công	Tư	Nam	17/07/1964				Khá	1625494	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31928	574-K7TK1		Lê Anh	Tuấn	Nam	17/11/1993				Khá	1625495	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31929	575-K7TK1		Vũ Văn	Tuấn	Nam	08/02/1994				Khá	1625496	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31930	576-K7TK1		Trần Thị	Tuyết	Nữ	11/07/1981				Khá	1625497	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	627/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31931	577-K12CK8		Lê Thị	Xuân	Nữ	11/11/1992				Khá	1625498	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	628/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31932	578-K14CK2		Bùi Duy	Bình	Nam	01/08/1990				Khá	1625499	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	628/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31933	579-K14CK3		Hoàng Thị Phương	Anh	Nữ	04/10/1996				Khá	1625500	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	628/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31934	580-K14CK4		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	10/06/1993				Khá	1625501	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	628/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31935	581-K14CK4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	20/05/1991				Khá	1625502	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	628/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31936	582-K12CT3		Phan Thị	Riệp	Nữ	15/02/1992				Khá	1625503	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	631/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31937	583-K14CT1		Trần Thị	Tình	Nữ	07/09/1992				Khá	1625504	2019	Chính quy	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng thương mại	631/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31938	584-K49BQ2		Nguyễn Tiến	Huy	Nam	05/12/1976				Trung bình	1625505	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	629/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31939	585-K49BQ2		Dương Thành	Sơn	Nam	22/10/1984				Khá	1625506	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	629/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31940	586-K14CQ2		Phạm Tiến	Đạt	Nam	23/10/1995				Khá	1625507	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp	630/QĐ-ĐHTM, 16/5/2019	
31941	3580-K50H2		PARANTSOO	BELGERBAT	Nam	27/01/1996				Trung bình	1813758	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng		904/QĐ-ĐHTM-QLĐT, ngày 15/08/2019	
31942	3581-K50H2		PUREVSUREN	MMMMMMLOMGO	Nữ	27/08/1996				Trung bình	1813759	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng		904/QĐ-ĐHTM-QLĐT, ngày 15/08/2019	
31943	3587-K51A1		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	20/04/1997				Khá	1813760	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31944	3588-K51A1		Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	22/01/1997				Trung bình	1813761	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31945	3589-K51A1		Phùng Thị	Linh	Nữ	19/09/1997				Khá	1813762	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31946	3590-K51A1		Lâm Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/12/1997				Khá	1813763	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31947	3591-K51A1		Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	16/01/1997				Khá	1813764	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31948	3592-K51A1		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	22/09/1997				Khá	1813765	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31949	3593-K51A1		Phạm Thế	Tường	Nam	12/07/1997				Khá	1813766	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31950	3594-K51A2		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	26/09/1997				Khá	1813767	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
31951	3595-K51A2		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	05/09/1997				Khá	1813768	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31952	3596-K51A2		Đào Thùy	Quyên	Nữ	29/09/1997				Khá	1813769	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31953	3597-K51A2		Nguyễn Kiên	Trung	Nam	06/01/1997				Khá	1813770	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31954	3598-K51A3		Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	27/03/1997				Trung bình	1813771	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31955	3599-K51A3		Phạm Thu	Hà	Nữ	30/07/1997				Khá	1813772	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31956	3600-K51A3		Nguyễn Đức	Khải	Nam	24/05/1997				Khá	1813773	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31957	3601-K51A3		Đỗ Thị Thùy	Linh	Nữ	12/09/1996				Trung bình	1813774	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31958	3602-K51A3		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	30/08/1997				Giỏi	1813775	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31959	3603-K51A3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	12/11/1996				Khá	1813776	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31960	3604-K51A3		Đào Thị Như	Quỳnh	Nữ	19/07/1997				Khá	1813777	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31961	3605-K51A4		Phạm Ngọc	Diệp	Nữ	07/09/1997				Trung bình	1813778	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31962	3606-K51A4		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	08/05/1997				Khá	1813779	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31963	3607-K51A4		Hồ Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/07/1997				Khá	1813780	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31964	3608-K51A4		Dương Mạnh	Thành	Nam	08/02/1997				Trung bình	1813781	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31965	3609-K51A5		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	16/03/1997				Khá	1813782	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31966	3610-K51A5		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	26/03/1997				Khá	1813783	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31967	3611-K51A5		Nguyễn Việt	Đức	Nam	29/08/1997				Khá	1813784	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31968	3612-K51A5		Dương Thị	Hà	Nữ	11/06/1997				Trung bình	1813785	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31969	3613-K51A5		Hà Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	08/10/1997				Khá	1813786	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31970	3614-K51A5		Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	09/08/1997				Giỏi	1813787	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31971	3615-K51A5		Nguyễn Tuyết	Nhung	Nữ	11/12/1997				Khá	1813788	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31972	3616-K51A5		Trương Thùy	Tiên	Nữ	15/04/1997				Khá	1813789	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31973	3617-K51K1		Trần Thị Việt	Anh	Nữ	10/05/1997				Khá	1813790	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31974	3618-K51K1		Nguyễn Thị Linh	Giang	Nữ	08/12/1997				Khá	1813791	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31975	3619-K51K1		Nguyễn Trường	Giang	Nam	10/05/1997				Khá	1813792	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31976	3620-K51K1		Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	25/11/1997				Khá	1813793	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31977	3621-K51K1		Nguyễn Hoài	Lương	Nữ	01/03/1995				Khá	1813794	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31978	3622-K51K1		Lê Thị	Thanh	Nữ	07/10/1997				Khá	1813795	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31979	3623-K51K2		Trịnh Thị Ngọc	ánh	Nữ	10/10/1996				Khá	1813796	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31980	3624-K51K2		Nguyễn Minh	Hải	Nam	05/05/1996				Trung bình	1813797	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31981	3625-K51K2		Dương Trọng	Huy	Nam	19/05/1997				Giỏi	1813798	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31982	3626-K51K2		Lê Hồng	Thái	Nam	13/11/1997				Trung bình	1813799	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31983	3627-K51K2		Nguyễn Thị	Thiết	Nữ	22/07/1997				Khá	1813800	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31984	3628-K51K2		Nguyễn Ngọc Thanh	Tú	Nữ	06/09/1997				Trung bình	1813801	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31985	3629-K51K2		Lê Anh	Tuấn	Nam	16/11/1997				Trung bình	1813802	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31986	3630-K51K3		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	05/03/1997				Khá	1813803	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31987	3631-K51K3		Nguyễn Thị Mai	Sương	Nữ	13/10/1997				Khá	1813804	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31988	3632-K51K3		Phạm Thị Thu	Trà	Nữ	05/12/1997				Khá	1813805	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31989	3633-K51K4		Giáp Đình	Cầu	Nam	01/01/1997				Trung bình	1813806	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31990	3634-K51K4		Nguyễn Trường	Giang	Nam	22/05/1997				Khá	1813807	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31991	3635-K51K4		Đào Thị Hồng	Hải	Nữ	23/04/1997				Khá	1813808	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31992	3636-K51K4		Phan Thị	Phương	Nữ	15/06/1997				Trung bình	1813809	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31993	3637-K51K4		Vũ Thị	Thắm	Nữ	25/09/1997				Giỏi	1813810	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31994	3638-K51K4		Trần Chung	Thắng	Nam	14/11/1997				Trung bình	1813811	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31995	3639-K51K4		Quách Văn	Việt	Nam	30/09/1996				Trung bình	1813812	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31996	3640-K51K5		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	21/05/1997				Khá	1813813	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31997	3641-K51K5		Nguyễn Phương	Hải	Nữ	20/08/1997				Khá	1813814	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31998	3642-K51K5		Vũ Ngọc	Hân	Nữ	03/12/1996				Khá	1813815	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
31999	3643-K51K5		Hoàng Thị Kim	Tuyến	Nữ	18/02/1997				Giỏi	1813816	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32000	3644-K51K5		Trần Thị	Yến	Nữ	20/03/1997				Khá	1813817	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32001	3645-K51Q1		Tạ Thị	Linh	Nữ	10/10/1996				Khá	1813818	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32002	3646-K51Q1		Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	19/08/1997				Trung bình	1813819	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32003	3647-K51Q1		Phan Thị	Nhàn	Nữ	21/12/1997				Trung bình	1813820	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32004	3648-K51Q2		Phạm Thị	Huế	Nữ	26/10/1997				Khá	1813821	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32005	3649-K51Q3		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	02/05/1996				Khá	1813822	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32006	3650-K51Q3		Trương Minh	Anh	Nữ	30/07/1997				Khá	1813823	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32007	3651-K51Q4		Dương Vũ Minh	Anh	Nam	22/09/1997				Trung bình	1813824	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32008	3652-K50A1		Nguyễn Văn	An	Nam	01/08/1996				Trung bình	1813825	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32009	3653-K50A2		Lã Thị Nhật	Lệ	Nữ	08/06/1996				Trung bình	1813826	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32010	3654-K50A3		Vũ Duy	Khánh	Nam	01/09/1995				Trung bình	1813827	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32011	3655-K50A4		Nguyễn Văn	Đức	Nam	11/07/1996				Trung bình	1813828	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32012	3656-K50K2		Đào Thị Thu	Hà	Nữ	16/07/1995				Khá	1813829	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32013	3657-K50K4		Nguyễn Huy	Tuân	Nam	01/09/1993				Trung bình	1813830	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32014	3658-K50K4		Nguyễn Đình	Nguyên	Nam	16/01/1996				Trung bình	1813831	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32015	3659-K50K4		Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	19/05/1996				Khá	1813832	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32016	3660-K50K5		Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	19/04/1996				Khá	1813833	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32017	3661-K50K6		Nguyễn Thị	Bình	Nữ	13/01/1996				Khá	1813834	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32018	3662-K50Q1		Nguyễn Đức	Huy	Nam	28/09/1996				Khá	1813835	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32019	3663-K50Q1		Vũ Lê Thu	Hương	Nữ	18/02/1995				Khá	1813836	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32020	3664-K49I4		Đỗ Thành	Lợi	Nam	25/02/1995				Trung bình	1813837	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32021	3665-K49K1		Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	23/05/1995				Khá	1813838	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32022	3666-K49K1		Đỗ Đức	Thuận	Nam	19/02/1995				Trung bình	1813839	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32023	3667-K48T2		Nguyễn Văn	Đồng	Nam	16/06/1994				Trung bình	1813840	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương hiệu	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32024	3668-K19K		Hoàng Đức	Hải	Nam	10/04/1996				Trung bình	1813841	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1030/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32025	3669-K51D1		Đặng Thành	Đạt	Nam	20/11/1997				Khá	1813842	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32026	3670-K51D1		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	15/09/1997				Khá	1813843	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32027	3671-K51D1		Trịnh Thị	Huế	Nữ	13/03/1997				Trung bình	1813844	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32028	3672-K51D1		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	15/07/1997				Giỏi	1813845	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32029	3673-K51D1		Nguyễn Văn	Long	Nam	13/07/1997				Trung bình	1813846	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32030	3674-K51D1		Phạm Trà	My	Nữ	12/11/1997				Khá	1813847	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32031	3675-K51D1		Đỗ Thị Thanh	Tâm	Nữ	23/06/1997				Khá	1813848	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32032	3676-K51D1		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	17/08/1997				Trung bình	1813849	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32033	3677-K51D2		Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	17/03/1997				Khá	1813850	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32034	3678-K51D2		Hoàng Thị Diệu	Lâm	Nữ	02/09/1997				Khá	1813851	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32035	3679-K51D2		Dương Thị	Linh	Nữ	18/06/1997				Khá	1813852	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32036	3680-K51D2		Nguyễn Trọng	Luân	Nam	06/06/1997				Trung bình	1813853	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32037	3681-K51D2		Trần Thị	Mai	Nữ	16/09/1997				Khá	1813854	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32038	3682-K51D2		Tô Thị	Thoa	Nữ	14/04/1996				Trung bình	1813855	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32039	3683-K51D2		Nguyễn Thị Thúy	Trâm	Nữ	19/06/1996				Trung bình	1813856	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32040	3684-K51D3		Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	17/08/1997				Trung bình	1813857	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32041	3685-K51D3		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	10/03/1997				Trung bình	1813858	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32042	3686-K51D3		Vũ Thị	Lan	Nữ	24/08/1997				Khá	1813859	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32043	3687-K51D3		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	04/05/1997				Trung bình	1813860	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32044	3688-K51D3		Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	12/03/1997				Khá	1813861	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32045	3689-K51D4		Hứa Thị	Minh	Nữ	20/02/1996				Khá	1813862	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32046	3690-K51D4		Triệu Thị	Nhung	Nữ	27/11/1997				Trung bình	1813863	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32047	3691-K51D4		Hà Huy	Thắng	Nam	10/09/1996				Khá	1813864	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32048	3692-K51D5		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	27/05/1997				Khá	1813865	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32049	3693-K51D5		Nguyễn Thị	Xuyên	Nữ	30/01/1997				Trung bình	1813866	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32050	3694-K51D6		Trương Mỹ	Duyên	Nữ	30/01/1997				Khá	1813867	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32051	3695-K50D2		Hà Thị Hằng	Nga	Nữ	15/04/1992				Trung bình	1813868	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32052	3696-K18D		Nguyễn Thị Hồng	Quyên	Nữ	12/08/1994				Khá	1813869	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32053	3697-K19D		Phan Tú	Anh	Nữ	28/02/1995				Khá	1813870	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32054	3698-K19D		Lê Thị Hải	Linh	Nữ	11/01/1996				Khá	1813871	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32055	3699-K19D		Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	29/06/1994				Trung bình	1813872	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32056	3700-K19D		Phùng Thị Thanh	Nhàn	Nữ	08/01/1995				Trung bình	1813873	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32057	3701-K19D		Viên Thị	Thu	Nữ	17/07/1994				Khá	1813874	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32058	3702-K19D		Trần Thu	Thủy	Nữ	12/07/1996				Khá	1813875	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32059	3703-K19D		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	28/09/1996				Khá	1813876	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32060	3704-K20D		Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	06/10/1996				Khá	1813877	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32061	3705-K20D		Lê Thùy	Linh	Nữ	08/05/1997				Trung bình	1813878	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32062	3706-K20D		Nguyễn Tiến	Quang	Nam	30/10/1995				Khá	1813879	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32063	3707-K20D		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	03/03/1996				Khá	1813880	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32064	3708-K20D		Bạch Thị	Vân	Nữ	25/03/1997				Trung bình	1813881	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32065	3709-K20D		Đoàn Thị Hoàng	Yến	Nữ	26/06/1996				Khá	1813882	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32066	3710-K21D		Ngô Thị Thu	Phương	Nữ	29/05/1996				Khá	1813883	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32067	3711-K21D		Lương Thu	Thảo	Nữ	03/01/1996				Khá	1813884	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32068	3712-K21D		Trần Thiên	Trâm	Nữ	13/12/1996				Khá	1813885	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1038/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32069	3713-K51H1		Lưu Kim	Chi	Nữ	24/09/1997				Khá	1813886	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32070	3714-K51H1		Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	04/10/1997				Khá	1813887	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32071	3715-K51H1		Trần Thu	Hiền	Nữ	12/10/1997				Trung bình	1813888	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32072	3716-K51H1		Đinh Thị	Huyền	Nữ	07/11/1997				Khá	1813889	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32073	3717-K51H1		Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	11/08/1997				Khá	1813890	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32074	3718-K51H1		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	10/09/1997				Trung bình	1813891	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32075	3719-K51H1		Đặng Thị Thu	Trang	Nữ	08/03/1997				Trung bình	1813892	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32076	3720-K51H1		Phạm Thị	Trang	Nữ	23/05/1997				Trung bình	1813893	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32077	3721-K51H1		Nghiêm Thị	Trinh	Nữ	09/11/1997				Khá	1813894	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32078	3722-K51H1		Phạm Đức	Tuấn	Nam	17/07/1997				Khá	1813895	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32079	3723-K51H1		Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	01/10/1997				Trung bình	1813896	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32080	3724-K51H1		Trần Hoàng	Việt	Nam	24/08/1997				Khá	1813897	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32081	3725-K51H2		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	18/05/1997				Trung bình	1813898	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32082	3726-K51H2		Nguyễn Thị Bích	Diệp	Nữ	03/05/1997				Khá	1813899	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32083	3727-K51H2		Phạm Quang	Khanh	Nam	01/02/1997				Trung bình	1813900	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32084	3728-K51H2		Nguyễn Thị Hồng	Ngân	Nữ	29/10/1997				Khá	1813901	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32085	3729-K51H2		Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	03/06/1997				Khá	1813902	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32086	3730-K51H2		Dương Ngọc	Phan	Nam	23/06/1997				Khá	1813903	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32087	3731-K51H2		Bùi Phương	Thảo	Nữ	26/09/1997				Khá	1813904	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32088	3732-K51H2		Mai Thanh	Tùng	Nam	15/06/1997				Trung bình	1813905	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32089	3733-K51H3		Bùi Thị Hoàng	Hà	Nữ	15/08/1997				Khá	1813906	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32090	3734-K51H3		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	14/01/1997				Khá	1813907	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32091	3735-K51H4		Nguyễn Việt	Đức	Nam	07/02/1997				Trung bình	1813908	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32092	3736-K51H4		Phạm Thị Minh	Hằng	Nữ	14/12/1997				Khá	1813909	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32093	3737-K51H4		Lê Xuân	Hưng	Nam	23/08/1997				Khá	1813910	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32094	3738-K51H4		Lê Duy	Thành	Nam	04/11/1997				Khá	1813911	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32095	3739-K51H4		Cao Thị Phương	Thảo	Nữ	20/09/1997				Giỏi	1813912	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32096	3740-K51H4		Đặng Quốc	Việt	Nam	13/05/1997				Khá	1813913	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32097	3741-K51H5		Lê Thị	Châm	Nữ	12/11/1997				Khá	1813914	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32098	3742-K51H5		Đặng Duy	Hải	Nam	05/08/1997				Khá	1813915	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32099	3743-K51H5		Lò Thị Thái	Hiền	Nữ	05/07/1996				Khá	1813916	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32100	3744-K51H5		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	05/09/1997				Giỏi	1813917	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32101	3745-K51H6		Đoàn Bảo Ngọc	Anh	Nữ	02/11/1997				Khá	1813918	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32102	3746-K51H6		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	22/11/1997				Khá	1813919	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32103	3747-K51H6		Bùi Thị Minh	Châu	Nữ	20/03/1996				Khá	1813920	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32104	3748-K50H1		Trần Doãn	Hưng	Nam	24/11/1995				Khá	1813921	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32105	3749-K50H2		Trần Minh	Kiên	Nam	01/01/1996				Trung bình	1813922	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32106	3750-K50H2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	19/07/1995				Khá	1813923	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32107	3751-K50H2		Hoàng Thị Kim	Tuyến	Nữ	12/05/1995				Trung bình	1813924	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32108	3752-K50H5		Vũ Kim	Khánh	Nữ	30/03/1996				Trung bình	1813925	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32109	3753-K50H6		Trần Quang	Anh	Nam	22/04/1996				Khá	1813926	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32110	3754-K50H6		Ngô Tiến	Đức	Nam	09/01/1995				Trung bình	1813927	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32111	3755-K50H6		Bùi Sao	Mai	Nữ	02/12/1996				Khá	1813928	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32112	3756-K50H6		Nguyễn Trần Anh	Minh	Nam	16/12/1996				Khá	1813929	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32113	3757-K49H1		Đỗ Ngọc	Lâm	Nam	10/12/1995				Trung bình	1813930	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32114	3758-K49H3		Nguyễn Thanh	Hoa	Nữ	26/01/1995				Khá	1813931	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32115	3759-K19H		Phạm Đức	Hòa	Nam	31/10/1995				Trung bình	1813932	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32116	3760-K19H		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	13/09/1996				Khá	1813933	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1042/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32117	3761-K51F1		Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	10/02/1997				Khá	1813934	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32118	3762-K51F1		Phạm Ngọc	Hoa	Nữ	19/09/1997				Trung bình	1813935	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32119	3763-K51F1		Lê Thị	Hương	Nữ	15/07/1997				Khá	1813936	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32120	3764-K51F1		Hồ Thanh	Huyền	Nữ	07/07/1997				Trung bình	1813937	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32121	3765-K51F1		Nguyễn Quang	Ngọc	Nam	05/12/1997				Trung bình	1813938	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32122	3766-K51F1		Vũ Thị Bích	Ngọc	Nữ	20/10/1997				Khá	1813939	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32123	3767-K51F1		Nguyễn Tiến	Thành	Nam	20/04/1997				Khá	1813940	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32124	3768-K51F1		Lê Hà	Thu	Nữ	19/08/1997				Trung bình	1813941	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32125	3769-K51F1		Bế Tường	Vân	Nữ	20/12/1996				Trung bình	1813942	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32126	3770-K51F2		Đinh Thị	Bé	Nữ	03/08/1996				Khá	1813943	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32127	3771-K51F2		Hoàng Thị	Hà	Nữ	15/11/1997				Khá	1813944	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32128	3772-K51F2		Lê Thúy	Hiền	Nữ	14/10/1997				Trung bình	1813945	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32129	3773-K51F2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	26/06/1997				Khá	1813946	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32130	3774-K51F2		Đặng Khánh	Ly	Nữ	08/09/1997				Trung bình	1813947	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32131	3775-K51F2		Đỗ Nam	Phong	Nam	05/11/1997				Trung bình	1813948	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32132	3776-K51F3		Lưu Thị	Hạnh	Nữ	19/12/1997				Khá	1813949	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32133	3777-K51F3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	02/10/1997				Trung bình	1813950	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32134	3778-K51F3		Đào Khánh	Ly	Nữ	10/06/1997				Khá	1813951	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32135	3779-K51F3		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	19/04/1995				Khá	1813952	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32136	3780-K51F3		Lê Thị Lệ	Thảo	Nữ	01/12/1997				Khá	1813953	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32137	3781-K51F3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	10/12/1997				Khá	1813954	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32138	3782-K51F4		Đặng Thị Ngọc	ánh	Nữ	13/04/1997				Khá	1813955	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32139	3783-K51F4		Nguyễn Thị Kim	Cương	Nữ	11/12/1997				Trung bình	1813956	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32140	3784-K51F4		Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	01/09/1997				Trung bình	1813957	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32141	3785-K51F4		Phạm Thị	Linh	Nữ	10/11/1997				Khá	1813958	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32142	3786-K51F4		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/11/1997				Giỏi	1813959	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32143	3787-K51F4		Đao Văn	Quang	Nam	06/02/1997				Trung bình	1813960	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32144	3788-K51F5		Hoàng Thùy	Dương	Nữ	22/06/1997				Trung bình	1813961	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32145	3789-K51F5		Vũ Thị	Hoa	Nữ	27/06/1997				Trung bình	1813962	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32146	3790-K51F5		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	07/03/1997				Khá	1813963	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32147	3791-K51F5		Dương Thành	Phát	Nam	26/03/1997				Trung bình	1813964	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32148	3792-K51F6		Lê Anh	Đức	Nam	21/11/1997				Khá	1813965	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32149	3793-K51F6		Nguyễn Trọng	Đức	Nam	03/06/1997				Khá	1813966	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32150	3794-K51F6		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	10/05/1997				Khá	1813967	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32151	3795-K51F6		Roãn Thị	Hà	Nữ	17/05/1997				Khá	1813968	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32152	3796-K51F6		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	05/02/1997				Khá	1813969	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32153	3797-K51F6		Trần Minh	Nguyệt	Nữ	07/05/1997				Khá	1813970	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32154	3798-K50F1		Ngô Đình	Diệm	Nam	21/03/1996				Trung bình	1813971	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32155	3799-K50F1		Nguyễn Hữu	Quý	Nam	14/09/1996				Trung bình	1813972	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32156	3800-K50F2		Đào Thị Hoài	Thương	Nữ	10/10/1996				Trung bình	1813973	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32157	3801-K50F4		Vũ Hữu	Huy	Nam	30/11/1996				Trung bình	1813974	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32158	3802-K49F2		Sùng Văn	Linh	Nam	06/09/1994				Trung bình	1813975	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32159	3803-K49F2		Vi Tấn	Thảo	Nam	14/02/1994				Trung bình	1813976	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32160	3804-K20F		Vũ Hà	My	Nữ	11/06/1996				Khá	1813977	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1037/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32161	3805-K51N1		Nguyễn Thị	Sa	Nữ	05/10/1997				Khá	1813978	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32162	3806-K51N1		Phạm Thị	Thảo	Nữ	04/12/1997				Trung bình	1813979	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32163	3807-K51N2		Nguyễn Mai	Anh	Nữ	15/05/1996				Khá	1813980	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32164	3808-K51N2		Phạm Thị	Bé	Nữ	23/11/1997				Trung bình	1813981	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32165	3809-K51N2		Phạm Thu	Hằng	Nữ	26/01/1997				Trung bình	1813982	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32166	3810-K51N3		Trần Thị	Trang	Nữ	09/10/1997				Trung bình	1813983	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32167	3811-K51N4		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	26/12/1997				Trung bình	1813984	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32168	3812-K51N4		Đỗ Thị Thanh	Xuân	Nữ	12/07/1997				Khá	1813985	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32169	3813-K51N5		Ngô Thị Vân	Anh	Nữ	07/12/1997				Trung bình	1813986	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32170	3814-K51N5		Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	01/07/1997				Khá	1813987	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32171	3815-K51N5		Đặng Thị	Hạnh	Nữ	08/02/1997				Trung bình	1813988	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32172	3816-K51N5		Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	05/03/1997				Khá	1813989	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32173	3817-K51N5		Nguyễn Huyền	Thanh	Nữ	02/10/1997				Trung bình	1813990	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32174	3818-K51N5		La Thị	Tuyến	Nữ	14/08/1997				Khá	1813991	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32175	3819-K51N6		Trần Thị	Cúc	Nữ	19/06/1997				Khá	1813992	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32176	3820-K50N1		Lý Phương	Linh	Nữ	18/08/1996				Khá	1813993	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32177	3821-K50N1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	10/11/1995				Khá	1813994	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32178	3822-K50N4		Phùng Hà	Chi	Nữ	20/02/1996				Trung bình	1813995	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32179	3823-K50N5		Lại Thanh	Phương	Nữ	02/06/1996				Khá	1813996	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32180	3824-K50N7		Đỗ Thị Bảo	Ngọc	Nữ	04/05/1996				Khá	1813997	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32181	3825-K50N7		Phạm Hà	Phương	Nữ	24/09/1996				Khá	1813998	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32182	3826-K49N2		Trịnh Thị Linh	Chi	Nữ	04/01/1995				Trung bình	1813999	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32183	3827-K49N2		Trần Phương	Thảo	Nữ	18/10/1995				Trung bình	1814000	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32184	3828-K47N2		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	07/12/1993				Trung bình	1814001	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1040/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32185	3829-K51S1		Trần Thị Phương	Hoa	Nữ	20/09/1997				Khá	1814002	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32186	3830-K51S1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16/11/1997				Trung bình	1814003	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32187	3831-K51S1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	18/05/1997				Trung bình	1814004	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32188	3832-K51S2		Võ Huy	Diệu	Nam	08/01/1995				Khá	1814005	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32189	3833-K51S2		Đặng Thị	Giang	Nữ	06/10/1997				Trung bình	1814006	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32190	3834-K51S2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	25/04/1997				Khá	1814007	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32191	3835-K51S2		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	30/10/1996				Trung bình	1814008	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32192	3836-K51S2		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	11/09/1996				Khá	1814009	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32193	3837-K51S2		Cao Thị Thanh	Nga	Nữ	14/09/1997				Trung bình	1814010	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32194	3838-K51S2		Trần Thị	Nhung	Nữ	05/08/1997				Khá	1814011	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32195	3839-K51S2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	06/05/1997				Khá	1814012	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32196	3840-K51S2		Hoàng Đức	Tài	Nam	02/01/1994				Khá	1814013	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32197	3841-K51S2		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	21/10/1997				Khá	1814014	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32198	3842-K51S3		Lê Hương	Giang	Nữ	12/08/1997				Trung bình	1814015	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32199	3843-K51S3		Vương Thị Thanh	Loan	Nữ	30/03/1997				Trung bình	1814016	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32200	3844-K51S3		Hoàng Ngọc	Lợi	Nam	27/10/1997				Trung bình	1814017	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32201	3845-K51S3		Phạm Thị Nhật	Thùy	Nữ	15/02/1997				Trung bình	1814018	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32202	3846-K51S3		Tô Thị	Trang	Nữ	23/02/1997				Trung bình	1814019	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32203	3847-K51S3		Ninh Văn	Tuân	Nam	15/12/1997				Khá	1814020	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32204	3848-K51S3		Nguyễn Bá Hoàng Hải	Việt	Nam	02/03/1997				Trung bình	1814021	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32205	3849-K51S4		SITTHIVONG	Bounmy	Nam	20/09/1996				Trung bình	1814022	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32206	3850-K51S4		Trần Đức	Duy	Nam	23/01/1997				Khá	1814023	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32207	3851-K51S4		Đỗ Ngọc	Hường	Nữ	14/03/1997				Khá	1814024	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32208	3852-K51S4		Nguyễn Hải	Long	Nam	17/12/1997				Trung bình	1814025	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32209	3853-K51S4		Phạm Thị	Thu	Nữ	04/05/1996				Trung bình	1814026	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32210	3854-K51S4		KHAMBOU	Minta	Nữ	12/01/1997				Trung bình	1814027	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32211	3855-K51S4		Trần Thị	Oanh	Nữ	07/11/1997				Trung bình	1814028	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32212	3856-K51S4		Dương Tấn	Sang	Nam	02/04/1997				Trung bình	1814029	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32213	3857-K51S4		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23/06/1997				Giỏi	1814030	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32214	3858-K51S4		Chu Thị Hồng	Yến	Nữ	06/06/1997				Trung bình	1814031	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32215	3859-K51S4		Trần Thị	Yến	Nữ	18/01/1997				Khá	1814032	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32216	3860-K50S1		Lê Minh	Phượng	Nữ	02/08/1996				Trung bình	1814033	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32217	3861-K50S3		Nguyễn Hà	Linh	Nam	17/10/1996				Trung bình	1814034	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32218	3862-K50S3		Trần Hiếu	Nam	Nam	04/02/1995				Trung bình	1814035	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32219	3863-K50S5		Hòa Quang	Bình	Nam	16/04/1991				Trung bình	1814036	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32220	3864-K50S6		Đào Hữu	Nghĩa	Nam	06/02/1992				Trung bình	1814037	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32221	3865-K49S2		Đỗ Hương	Giang	Nữ	17/01/1994				Khá	1814038	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32222	3866-K49S5		Đoàn Thị	Dung	Nữ	20/10/1995				Trung bình	1814039	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32223	3867-K48S1		Nguyễn Khả	Mạnh	Nam	23/10/1993				Trung bình	1814040	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1041/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32224	3868-K51B1KS		Nguyễn Tú	Anh	Nữ	11/01/1997				Khá	1814041	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32225	3869-K51B1KS		Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	25/01/1997				Khá	1814042	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32226	3870-K51B1KS		Phạm Thị	Mai	Nữ	06/11/1997				Giỏi	1814043	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32227	3871-K51B1KS		Vũ Bích	Ngọc	Nữ	26/12/1996				Khá	1814044	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32228	3872-K51B1KS		Nguyễn Lan	Nhi	Nữ	14/10/1997				Khá	1814045	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32229	3873-K51B1KS		Bùi Lê	Trang	Nữ	25/01/1997				Khá	1814046	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32230	3874-K51B2KS		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	26/11/1997				Khá	1814047	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32231	3875-K51B2KS		Huỳnh Thị Thanh	Giang	Nữ	07/11/1997				Khá	1814048	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32232	3876-K51B2KS		Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	20/06/1997				Khá	1814049	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32233	3877-K51B2KS		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	18/07/1997				Khá	1814050	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32234	3878-K51B3KS		Lê Thị	Huyền	Nữ	15/08/1997				Trung bình	1814051	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32235	3879-K51B3KS		Hà Thị	Luyến	Nữ	08/07/1997				Khá	1814052	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32236	3880-K51B3KS		Phạm Minh	Ngọc	Nữ	24/07/1997				Khá	1814053	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32237	3881-K51B3KS		Đoàn Như	Quỳnh	Nữ	06/09/1997				Khá	1814054	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32238	3882-K51B3KS		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	08/12/1997				Khá	1814055	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32239	3883-K51B3KS		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	02/05/1997				Khá	1814056	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32240	3884-K51B3KS		Phạm Hoài	Thu	Nữ	01/07/1996				Khá	1814057	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32241	3885-K51B3KS		Lê Ngọc Phương	Thùy	Nữ	23/06/1997				Khá	1814058	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32242	3886-K51B4KS		Bùi Hương	Giang	Nữ	22/03/1997				Khá	1814059	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32243	3887-K51B4KS		Lê Thị	Hà	Nữ	21/11/1996				Khá	1814060	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32244	3888-K51B4KS		Đinh Thị Hà	Thuận	Nữ	03/09/1997				Khá	1814061	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32245	3889-K51B4KS		Nguyễn Quang	Vũ	Nam	27/11/1997				Trung bình	1814062	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32246	3890-K50B1KS		Vũ Xuân Minh	An	Nam	18/11/1996				Trung bình	1814063	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32247	3891-K50B2KS		Đoàn Văn	Hiếu	Nam	16/08/1996				Trung bình	1814064	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32248	3892-K50B2KS		Đinh Khánh	Linh	Nữ	16/09/1996				Trung bình	1814065	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32249	3893-K50B2KS		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	19/09/1996				Trung bình	1814066	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32250	3894-K50B5KS		Nguyễn Lan	Hương	Nữ	26/11/1996				Khá	1814067	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1031/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32251	3895-K51B1LH		Vũ Thị Hương	Giang	Nữ	05/11/1997				Khá	1814068	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32252	3896-K51B2LH		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	29/03/1996				Khá	1814069	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32253	3897-K51B2LH		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/12/1997				Khá	1814070	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32254	3898-K51B3LH		Phạm Thị	Thu	Nữ	02/05/1997				Khá	1814071	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32255	3899-K51B4LH		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	24/03/1997				Khá	1814072	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32256	3900-K51B4LH		Đinh Thị	Trang	Nữ	03/03/1997				Khá	1814073	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32257	3901-K51B4LH		Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	09/10/1997				Khá	1814074	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32258	3902-K50B1LH		Ngô Bảo	Trâm	Nữ	13/01/1996				Trung bình	1814075	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32259	3903-K50B2LH		Lê Thị Hồng	Hạ	Nữ	15/01/1996				Khá	1814076	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32260	3904-K50B2LH		Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	26/02/1996				Khá	1814077	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32261	3905-K50B2LH		Trần Thị Hoàn	Mỹ	Nữ	16/03/1996				Trung bình	1814078	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32262	3906-K49B5LH		Nguyễn Phương	Linh	Nữ	11/12/1995				Trung bình	1814079	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1032/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32263	3907-K52C5		Hoàng Phương	Hoa	Nữ	17/05/1997				Khá	1814080	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32264	3908-K51C1		Vũ Hải	Ly	Nữ	21/08/1997				Khá	1814081	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32265	3909-K51C1		Nguyễn Đắc Anh	Phong	Nam	25/12/1997				Trung bình	1814082	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32266	3910-K51C1		Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	13/02/1997				Khá	1814083	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32267	3911-K51C1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	03/01/1997				Khá	1814084	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32268	3912-K51C2		Phạm Văn	Chinh	Nam	11/09/1997				Trung bình	1814085	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32269	3913-K51C2		Chu Ngọc	Tân	Nam	02/10/1997				Trung bình	1814086	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32270	3914-K51C3		Hoàng Thị	ánh	Nữ	02/09/1997				Khá	1814087	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32271	3915-K51C3		Đỗ Thu	Huyền	Nữ	21/08/1996				Khá	1814088	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32272	3916-K51C3		Lê Huyền	Trang	Nữ	28/04/1996				Trung bình	1814089	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32273	3917-K51C4		Ngô Huy	Tuấn	Nam	20/10/1997				Khá	1814090	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32274	3918-K51C4		Phạm Thị Cẩm	Vân	Nữ	13/12/1997				Khá	1814091	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32275	3919-K51C5		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	02/01/1997				Khá	1814092	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32276	3920-K51C5		Nguyễn Thúy	Tiên	Nữ	10/09/1996				Khá	1814093	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32277	3921-K51T1		Thân Thị Thu	Hà	Nữ	29/11/1997				Trung bình	1814094	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32278	3922-K51T1		Lê Thị	Hằng	Nữ	10/07/1996				Trung bình	1814095	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32279	3923-K51T1		Tạ Thị	Hiền	Nữ	04/02/1997				Khá	1814096	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32280	3924-K51T1		Phùng Quốc	Khôi	Nam	29/10/1997				Trung bình	1814097	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32281	3925-K51T1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	20/05/1997				Trung bình	1814098	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32282	3926-K51T1		Nguyễn Văn	Quỳnh	Nam	24/02/1996				Trung bình	1814099	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32283	3927-K51T2		Hoàng Lan	Anh	Nữ	17/11/1997				Trung bình	1814100	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32284	3928-K51T3		Phùng Đình	Chiến	Nam	28/06/1997				Khá	1814101	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32285	3929-K51T3		Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	15/11/1996				Khá	1814102	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32286	3930-K51T3		Thân Văn	Hưng	Nam	09/01/1996				Khá	1814103	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32287	3931-K51T3		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	19/10/1997				Khá	1814104	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32288	3932-K51T3		Vũ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	20/03/1997				Trung bình	1814105	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32289	3933-K51T3		Vũ Xuân	Nam	Nam	13/12/1997				Trung bình	1814106	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32290	3934-K51T3		Lưu Hồng	Nguyên	Nữ	10/08/1997				Khá	1814107	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32291	3935-K51T3		Nguyễn Anh	Sơn	Nam	10/04/1997				Trung bình	1814108	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32292	3936-K51T4		Tô Thị Ngọc	Anh	Nữ	07/09/1997				Khá	1814109	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32293	3937-K51T4		Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	12/02/1996				Khá	1814110	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32294	3938-K51T4		Bùi Thanh	Hương	Nữ	07/11/1997				Khá	1814111	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32295	3939-K51T4		Nguyễn Kiều	Loan	Nữ	24/12/1997				Khá	1814112	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32296	3940-K51T4		Bùi Thị	Tuyền	Nữ	12/12/1996				Trung bình	1814113	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32297	3941-K51T4		Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	19/10/1996				Trung bình	1814114	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32298	3942-K50C2		Trần Thu	Hà	Nữ	15/05/1996				Khá	1814115	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32299	3943-K50C2		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	27/10/1996				Khá	1814116	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32300	3944-K50C4		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	08/11/1996				Trung bình	1814117	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32301	3945-K50C5		Trần Thị	Mỹ	Nữ	06/05/1996				Trung bình	1814118	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32302	3946-K50T4		Lưu Thị	Hoà	Nữ	18/10/1996				Trung bình	1814119	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32303	3947-K50T4		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	12/03/1996				Trung bình	1814120	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32304	3948-K49C1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	01/01/1995				Trung bình	1814121	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1034/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32305	3949-K51E1		Lại Thanh	Bình	Nữ	12/09/1997				Khá	1814122	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32306	3950-K51E1		Trần Vũ Mỹ	Linh	Nữ	20/10/1997				Khá	1814123	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32307	3951-K51E2		Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	25/04/1997				Trung bình	1814124	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32308	3952-K51E3		Trần Văn	Chương	Nam	26/03/1997				Khá	1814125	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32309	3953-K51E3		Trần Thị	Huyền	Nữ	05/03/1997				Khá	1814126	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32310	3954-K51E3		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	09/04/1997				Khá	1814127	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32311	3955-K51E4		Chu Tiến	Đức	Nam	01/11/1997				Khá	1814128	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32312	3956-K51E4		Hoàng Văn	Hưng	Nam	02/06/1997				Khá	1814129	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32313	3957-K51E5		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	21/01/1997				Giỏi	1814130	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32314	3958-K51E5		Nguyễn Minh	Nghĩa	Nam	04/06/1997				Khá	1814131	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32315	3959-K51E5		Hoàng Thị Thùy	Oanh	Nữ	26/10/1997				Khá	1814132	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32316	3960-K51E5		Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	29/01/1997				Khá	1814133	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32317	3961-K51E6		Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	26/08/1997				Giỏi	1814134	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32318	3962-K51E6		Nguyễn Trần Phương	Chinh	Nữ	17/06/1997				Khá	1814135	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32319	3963-K51E6		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	06/08/1997				Khá	1814136	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32320	3964-K51E6		Đỗ Mỹ	Hạnh	Nữ	11/01/1996				Khá	1814137	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32321	3965-K51E6		Vũ Thảo	Nguyên	Nữ	04/12/1997				Khá	1814138	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32322	3966-K51E6		Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	28/01/1997				Trung bình	1814139	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32323	3967-K50E1		Bùi Thu	Hảo	Nữ	29/05/1996				Khá	1814140	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32324	3968-K50E3		Nguyễn Tùng	Linh	Nữ	10/11/1996				Trung bình	1814141	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32325	3969-K50E4		Dương Minh	Hải	Nam	18/10/1996				Trung bình	1814142	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32326	3970-K50E5		Hoàng Thị	Thùy	Nữ	10/01/1996				Khá	1814143	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32327	3971-K50E6		Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	31/08/1996				Trung bình	1814144	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1033/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32328	3972-K51P1		Nguyễn Văn Đức	Châu	Nam	17/11/1997				Khá	1814145	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32329	3973-K51P1		Đoàn Hà	My	Nữ	02/12/1997				Khá	1814146	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32330	3974-K51P1		Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	12/10/1997				Khá	1814147	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32331	3975-K51P1		Nông Thị	Thúy	Nữ	21/10/1996				Khá	1814148	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32332	3976-K51P1		Đỗ Linh	Trang	Nữ	18/07/1997				Trung bình	1814149	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32333	3977-K51P1		Lưu Đỗ	Trường	Nam	17/10/1997				Khá	1814150	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32334	3978-K51P1		Nguyễn Hải	Yến	Nữ	16/11/1997				Khá	1814151	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32335	3979-K51P2		Đỗ Thị Phương	Anh	Nữ	21/10/1997				Khá	1814152	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32336	3980-K51P2		Nguyễn Thị	Hường	Nữ	14/08/1997				Khá	1814153	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32337	3981-K51P2		Hà Thị Tuyết	Mai	Nữ	01/07/1997				Khá	1814154	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32338	3982-K51P2		Hoàng Minh	Nguyệt	Nữ	28/01/1997				Khá	1814155	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32339	3983-K51P2		Trịnh Thị Phương	Thảo	Nữ	07/02/1996				Khá	1814156	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32340	3984-K51P3		Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	16/10/1997				Trung bình	1814157	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32341	3985-K51P3		Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	23/08/1997				Trung bình	1814158	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32342	3986-K51P3		Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	10/11/1997				Khá	1814159	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32343	3987-K51P3		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	06/02/1997				Khá	1814160	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32344	3988-K51P3		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	14/12/1997				Khá	1814161	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32345	3989-K51P3		Trần Huyền	Ly	Nữ	16/09/1997				Trung bình	1814162	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32346	3990-K51P3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	23/07/1997				Trung bình	1814163	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32347	3991-K51P3		Phạm Thị	Phương	Nữ	26/09/1996				Trung bình	1814164	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32348	3992-K51P4		Trần Thu	Hằng	Nữ	24/04/1997				Khá	1814165	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32349	3993-K51P4		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	17/03/1996				Giỏi	1814166	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32350	3994-K51P4		Bùi Minh	Hiếu	Nam	19/08/1997				Trung bình	1814167	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32351	3995-K51P4		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	07/02/1997				Khá	1814168	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32352	3996-K51P4		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	21/11/1997				Khá	1814169	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32353	3997-K51P4		Bùi Thị	Nhung	Nữ	09/07/1997				Khá	1814170	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32354	3998-K51P4		Phan Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	22/09/1997				Khá	1814171	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32355	3999-K51P4		Mai Phương	Thảo	Nữ	05/11/1997				Khá	1814172	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32356	4000-K51P4		Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	09/12/1997				Khá	1814173	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32357	4001-K50P2		Bùi Ngọc	Điệp	Nam	06/02/1996				Trung bình	1814174	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32358	4002-K50P5		Trương Quách Ngọc	Anh	Nữ	09/10/1996				Khá	1814175	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32359	4003-K18P		Dương Quang	Vinh	Nam	03/02/1995				Khá	1814176	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32360	4004-K18P		Hoàng Minh	Tâm	Nữ	06/03/1995				Khá	1814177	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32361	4005-K19P		Dương Thị	Vân	Nữ	18/08/1995				Khá	1814178	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32362	4006-K51U1		Nguyễn Kim	Anh	Nữ	28/11/1997				Khá	1814179	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32363	4007-K51U1		Hoàng Thị	Thảo	Nữ	24/11/1996				Khá	1814180	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32364	4008-K51U1		Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	18/11/1997				Khá	1814181	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32365	4009-K51U2		Đinh Thị Ngọc	Mơ	Nữ	26/08/1997				Trung bình	1814182	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32366	4010-K51U2		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	21/08/1997				Khá	1814183	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32367	4011-K51U2		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	30/12/1997				Khá	1814184	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32368	4012-K51U2		Nguyễn Thị	Thiền	Nữ	29/04/1997				Trung bình	1814185	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32369	4013-K51U3		My Thị	Anh	Nữ	15/06/1997				Khá	1814186	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32370	4014-K51U3		Ngô Thị Tuyết	Mai	Nữ	28/01/1996				Giỏi	1814187	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32371	4015-K51U3		Nguyễn Thành	Nam	Nam	22/05/1997				Khá	1814188	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32372	4016-K51U3		Tạ Minh	Ngọc	Nữ	23/11/1997				Khá	1814189	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32373	4017-K51U4		Vũ Lan	Anh	Nữ	25/10/1997				Trung bình	1814190	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32374	4018-K51U4		Trần Chí	Công	Nam	13/12/1997				Trung bình	1814191	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32375	4019-K51U4		Lê Hải	Duyên	Nữ	04/04/1997				Trung bình	1814192	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32376	4020-K51U4		Trần Thị	Hằng	Nữ	28/07/1996				Khá	1814193	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32377	4021-K51U4		Ngô Thảo	Hoài	Nữ	26/10/1996				Trung bình	1814194	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32378	4022-K51U4		Hoàng Thị Ngọc	Huyền	Nữ	09/08/1997				Khá	1814195	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32379	4023-K51U4		Hoàng Văn	Khang	Nam	29/03/1996				Trung bình	1814196	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32380	4024-K51U4		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	28/09/1997				Khá	1814197	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32381	4025-K51U4		Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	07/12/1996				Trung bình	1814198	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32382	4026-K51U4		Lê Nhật	Minh	Nam	02/06/1997				Khá	1814199	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32383	4027-K51U4		Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	08/09/1997				Khá	1814200	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32384	4028-K51U5		Đặng Thị Phương	Anh	Nữ	25/04/1997				Khá	1814201	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32385	4029-K51U5		Hoàng Thị Thanh	Hằng	Nữ	06/04/1997				Khá	1814202	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32386	4030-K51U5		Chu Thị	Hiền	Nữ	05/12/1997				Khá	1814203	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32387	4031-K51U5		Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	23/03/1997				Trung bình	1814204	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32388	4032-K51U5		Hoàng Thu	Hương	Nữ	05/09/1997				Khá	1814205	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32389	4033-K51U5		Nguyễn Vũ	Khánh	Nam	19/10/1996				Trung bình	1814206	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32390	4034-K51U5		Trần Thị Thanh	Nga	Nữ	11/12/1997				Trung bình	1814207	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32391	4035-K51U5		Trần Bích	Phương	Nữ	16/08/1997				Khá	1814208	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32392	4036-K51U5		Nguyễn Tiến	Quân	Nam	30/08/1997				Trung bình	1814209	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32393	4037-K51U5		Nguyễn Hào	Quang	Nam	27/11/1997				Khá	1814210	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32394	4038-K51U5		Hà Đức	Quyền	Nam	21/04/1997				Khá	1814211	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32395	4039-K51U5		Nguyễn Quang	Vinh	Nam	15/02/1997				Trung bình	1814212	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32396	4040-K51U5		Nguyễn Thế	Vinh	Nam	05/12/1997				Khá	1814213	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32397	4041-K50U1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/09/1995				Trung bình	1814214	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32398	4042-K50U1		Nguyễn Thị Xuân	Thanh	Nữ	18/01/1996				Khá	1814215	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32399	4043-K50U2		Đàm Quang	Trường	Nam	12/06/1996				Trung bình	1814216	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32400	4044-K50U5		Vũ Phạm Linh	Nhi	Nữ	02/08/1996				Trung bình	1814217	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1036/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32401	4045-K51I1		Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	20/06/1997				Trung bình	1814218	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32402	4046-K51I1		Bùi Tài	Ngọc	Nam	23/06/1996				Khá	1814253	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32403	4047-K51I1		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/10/1997				Trung bình	1814254	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32404	4048-K51I1		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	07/10/1997				Trung bình	1814221	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32405	4049-K51I1		Hoàng Thị	Trang	Nữ	17/06/1997				Khá	1814222	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32406	4050-K51I2		Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	19/08/1997				Khá	1814223	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32407	4051-K51I2		Đào Anh	Đức	Nam	21/11/1997				Khá	1814224	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32408	4052-K51I2		Vũ Thị Phú	Mỹ	Nữ	20/10/1997				Trung bình	1814225	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32409	4053-K51I2		Vũ Đình	Quỳnh	Nam	10/10/1997				Trung bình	1814226	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32410	4054-K51I2		Đỗ Thị	Trang	Nữ	14/07/1997				Khá	1814227	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32411	4055-K51I2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	05/12/1997				Khá	1814228	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32412	4056-K51I3		Phạm Huy	Hoàng	Nam	29/08/1997				Khá	1814229	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32413	4057-K51I3		Phùng Văn	Luyện	Nam	31/05/1996				Trung bình	1814230	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32414	4058-K51I3		Vũ Thị	Phương	Nữ	19/06/1996				Trung bình	1814231	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32415	4059-K51I3		Đinh Mạnh	Quân	Nam	17/08/1997				Khá	1814232	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32416	4060-K51I4		Lê Tiến	Đạt	Nam	22/05/1997				Khá	1814233	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32417	4061-K51I4		Nguyễn Đăng	Dương	Nam	12/01/1997				Trung bình	1814234	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32418	4062-K51I4		Hà Quỳnh	Phong	Nam	29/10/1997				Khá	1814235	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32419	4063-K51I4		Trương Thị Hoài	Thu	Nữ	12/02/1996				Khá	1814236	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32420	4064-K51I4		Ngạc Giang	Tuấn	Nam	08/05/1997				Khá	1814237	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32421	4065-K51I4		Vũ Đức	Việt	Nam	10/09/1997				Trung bình	1814238	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32422	4066-K50I1		Lê Thanh	Nga	Nữ	13/06/1996				Trung bình	1814239	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32423	4067-K50I3		Nguyễn Trọng	Thể	Nam	05/02/1996				Trung bình	1814240	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1044/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32424	4068-K51DD		Phạm Quang	Hưng	Nam	07/06/1997				Khá	1814241	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1039/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32425	4069-K51DD		Lê Hồng	Phúc	Nữ	06/03/1997				Khá	1814242	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1039/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32426	4070-K51DD		Nguyễn Thị Kim	Trang	Nữ	05/12/1996				Giỏi	1814243	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1039/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32427	4071-K51DD		Trần Mạnh	Trí	Nam	14/08/1997				Khá	1814244	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1039/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32428	4072-K51DD		Trịnh Như	Quỳnh	Nữ	19/04/1997				Khá	1814245	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1039/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32429	4073-K50DD		Nghiêm Phú	Cường	Nam	11/06/1996				Trung bình	1814246	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1039/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32430	4074-K51HH		Ngô Bình	Dương	Nam	05/10/1997				Khá	1814247	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1043/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32431	4075-K51HH		Phạm Mai	Duyên	Nữ	02/02/1996				Khá	1814248	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1043/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32432	4076-K51HH		Lê Mạnh	Hùng	Nam	14/08/1997				Trung bình	1814249	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1043/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32433	4077-K51HH		Lã Huệ	Phương	Nữ	09/11/1997				Giỏi	1814250	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1043/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32434	4078-K51HH		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24/01/1997				Trung bình	1814251	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1043/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32435	4079-K50HH		Nguyễn Thị Minh	Hà	Nữ	02/05/1996				Trung bình	1814252	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1043/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 10/9/2019	
32436	4080-K52A1		Kiều Thị	Lan	Nữ	10/05/1998				Khá	1625694	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32437	4081-K52A1		Nguyễn Thị Hoàng	Mai	Nữ	09/05/1998				Giỏi	1625695	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32438	4082-K52A1		Phạm Thị	Ngọc	Nữ	05/05/1998				Giỏi	1625696	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32439	4083-K52A1		Tống Thị	Ngọc	Nữ	29/06/1998				Khá	1625697	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32440	4084-K52A1		Nguyễn Võ Thanh	Thanh	Nữ	20/06/1998				Khá	1625698	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32441	4085-K52A1		Vũ Thị	Thùy	Nữ	16/12/1998				Giỏi	1625699	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32442	4086-K52A1		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	29/10/1998				Khá	1625700	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32443	4087-K52A2		Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	05/04/1998				Khá	1625701	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32444	4088-K52A2		Trần Xuân	Nhất	Nam	20/01/1998				Khá	1625702	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32445	4089-K52A2		Vũ Thu	Quyên	Nữ	08/01/1998				Khá	1625703	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32446	4090-K52A2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	16/09/1998				Khá	1625704	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32447	4091-K52A3		Ngô Thị	Hiền	Nữ	17/05/1998				Giỏi	1625705	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32448	4092-K52A3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/11/1998				Khá	1625706	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32449	4093-K52A3		Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	Nữ	07/04/1998				Khá	1625707	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32450	4094-K52A4		Bùi Thị Lan	Anh	Nữ	01/11/1998				Giỏi	1625708	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32451	4095-K52A4		Nguyễn Lê Thùy	Anh	Nữ	07/08/1998				Giỏi	1625709	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32452	4096-K52A4		Trần Thị Kim	Thu	Nữ	03/01/1998				Giỏi	1625710	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32453	4097-K52A5		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	10/10/1998				Giỏi	1625711	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32454	4098-K52A5		Nguyễn Thị	Hải	Nữ	06/10/1998				Giỏi	1625712	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32455	4099-K52A5		Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	26/09/1998				Giỏi	1625713	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32456	4100-K52A5		Trịnh Thị	Huyền	Nữ	23/05/1997				Giỏi	1625714	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32457	4101-K52A5		Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	03/12/1998				Xuất sắc	1625715	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32458	4102-K52A5		Lê Thị	Thuyên	Nữ	18/09/1998				Giỏi	1625716	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32459	4103-K52A6		Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	26/10/1998				Giỏi	1625717	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32460	4104-K52A6		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	17/07/1998				Xuất sắc	1625718	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32461	4105-K52A6		Trần Thị	Huê	Nữ	16/09/1998				Giỏi	1625719	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32462	4106-K52A6		Hoàng Thu	Hương	Nữ	21/01/1998				Giỏi	1625720	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32463	4107-K52A6		Lưu Thị	Sáng	Nữ	31/10/1998				Giỏi	1625721	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32464	4108-K52A6		Phạm Tú	Uyên	Nữ	11/08/1998				Khá	1625722	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32465	4109-K52A7		Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	01/07/1998				Giỏi	1625723	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32466	4110-K52A7		Nguyễn Vân	Anh	Nữ	28/10/1998				Khá	1625724	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32467	4111-K52A7		Dương Thị Ngọc	Ánh	Nữ	19/12/1998				Khá	1625725	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32468	4112-K52A7		Nguyễn Thị Hà	Giang	Nữ	05/10/1998				Khá	1625726	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32469	4113-K52A7		Cao Thị	Hiên	Nữ	01/04/1998				Khá	1625727	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32470	4114-K52A7		Mai Thị Việt	Hồng	Nữ	13/08/1998				Khá	1625728	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32471	4115-K52A7		Trần Thị	Hương	Nữ	16/11/1998				Khá	1625729	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32472	4116-K52A7		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	07/04/1998				Giỏi	1625730	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32473	4117-K52A7		Phạm Thùy	Linh	Nữ	19/02/1998				Giỏi	1625731	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32474	4118-K52A7		Vương Thị Diệu	Linh	Nữ	13/03/1998				Giỏi	1625732	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32475	4119-K52A7		Dương Thị Khánh	Ly	Nữ	06/11/1998				Khá	1625733	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32476	4120-K52A7		Cao Thị Thu	Ngọc	Nữ	27/06/1998				Khá	1625734	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32477	4121-K52A7		Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	Nữ	11/02/1998				Giỏi	1625735	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32478	4122-K52A7		Phạm Thị	Phương	Nữ	15/10/1998				Khá	1625736	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32479	4123-K52A7		Triệu Phương	Thảo	Nữ	20/04/1998				Khá	1625737	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32480	4124-K52A7		Đào Anh	Thư	Nữ	08/10/1998				Khá	1625738	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32481	4125-K52A7		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	23/08/1998				Khá	1625739	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32482	4126-K52A7		Nguyễn Văn	Trường	Nam	30/03/1998				Khá	1625740	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32483	4127-K52A7		Kiều Ngọc	Tú	Nữ	04/09/1998				Khá	1625741	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32484	4128-K52A7		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	17/05/1998				Giỏi	1625742	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32485	4129-K52A8		Hà Ngọc Minh	Châu	Nữ	01/03/1998				Giỏi	1625743	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32486	4130-K52A8		Trần Thị Hồng	Diên	Nữ	08/02/1998				Khá	1625744	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32487	4131-K52A8		Phùng Thị ánh	Hồng	Nữ	28/08/1998				Giỏi	1625745	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32488	4132-K52A8		Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	09/03/1998				Giỏi	1625746	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32489	4133-K52A8		Phùng Thị Hải	Linh	Nữ	21/08/1998				Khá	1625747	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32490	4134-K52A8		Đỗ Thị Bích	Ngọc	Nữ	13/04/1998				Khá	1625748	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32491	4135-K52A8		Lê Thị	Quỳnh	Nữ	29/05/1998				Khá	1625749	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32492	4136-K52A8		Phạm Minh	Trang	Nữ	05/01/1998				Khá	1625750	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32493	4137-K52A8		Vũ Thị Thanh	Xuân	Nữ	20/06/1998				Khá	1625751	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32494	4138-K52A9		Phạm Hà	An	Nữ	16/04/1998				Giỏi	1625752	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32495	4139-K52A9		Hoàng Thị Thu	Anh	Nữ	13/09/1998				Khá	1625753	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32496	4140-K52A9		Phạm Thị Loan	Anh	Nữ	02/01/1998				Giỏi	1625754	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32497	4141-K52A9		Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	25/02/1998				Xuất sắc	1625755	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32498	4142-K52A9		Trần Thị	Hoa	Nữ	20/06/1997				Giỏi	1625756	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32499	4143-K52A9		Đỗ Thị Thanh	Hợp	Nữ	12/06/1998				Giỏi	1625757	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32500	4144-K52A9		Bùi Thị Mai	Hương	Nữ	30/01/1998				Giỏi	1625758	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32501	4145-K52A9		Bùi Thu	Hương	Nữ	02/03/1998				Khá	1625759	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32502	4146-K52A9		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	22/04/1998				Khá	1625760	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32503	4147-K52A9		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	26/09/1998				Khá	1625761	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32504	4148-K52A9		Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	11/01/1998				Khá	1625762	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32505	4149-K52A9		Đoàn Thị	Nụ	Nữ	14/10/1998				Khá	1625763	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32506	4150-K52A9		Phạm Hồng	Quân	Nam	05/09/1998				Xuất sắc	1625764	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32507	4151-K52A9		Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	27/02/1998				Giỏi	1625765	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32508	4152-K52A9		Dương Thị	Tuyết	Nữ	18/06/1998				Giỏi	1625766	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32509	4153-K52A9		Hoàng Bảo	Yến	Nữ	20/07/1998				Khá	1625767	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32510	4154-K51A4		Nguyễn Duy	Khánh	Nam	06/11/1997				Trung bình	1625768	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32511	4155-K50A2		Hoàng Thị Mai	Lan	Nữ	28/05/1996				Trung bình	1625769	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32512	4156-K49A2		Nguyễn Đức	Cường	Nam	08/01/1994				Khá	1625770	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32513	4157-K52A5		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	25/07/1997				Khá	1625771	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32514	4158-K51K1		Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	30/09/1997				Trung bình	1625772	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32515	4159-K51K2		Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	15/04/1997				Trung bình	1625773	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32516	4160-K51K3		Tạ Thị Hoàng	Mai	Nữ	09/09/1997				Trung bình	1625774	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32517	4161-K51K3		Bùi Xuân	Nam	Nam	29/11/1997				Khá	1625775	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32518	4162-K51K4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	03/06/1997				Khá	1625776	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32519	4163-K51K4		Bùi Anh	Tùng	Nam	19/11/1997				Trung bình	1625777	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32520	4164-K50K1		Hoàng Duy	Tùng	Nam	05/02/1996				Trung bình	1625778	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32521	4165-K52Q1		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	28/03/1998				Khá	1625779	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32522	4166-K52Q1		Vũ Thị	Hậu	Nữ	01/03/1998				Khá	1625780	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32523	4167-K52Q1		Nguyễn Phương	Linh	Nữ	17/12/1998				Khá	1625781	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32524	4168-K52Q1		Trần Thanh	Ngân	Nữ	15/07/1998				Khá	1625782	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32525	4169-K52Q1		Thái Thị Hồng	Nhạn	Nữ	13/08/1998				Khá	1625783	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32526	4170-K52Q1		Hoàng Thị	Thảo	Nữ	07/05/1998				Giỏi	1625784	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32527	4171-K52Q1		Hoàng Thị	Trang	Nữ	13/06/1998				Khá	1625785	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32528	4172-K52Q1		Ngô Thị Hải	Yến	Nữ	13/05/1998				Khá	1625786	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32529	4173-K52Q2		Phạm Kỳ	Anh	Nữ	11/09/1998				Khá	1625787	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32530	4174-K52Q2		Mai Thị Thu	Huyền	Nữ	27/09/1998				Giỏi	1625788	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32531	4175-K52Q2		Nguyễn Thanh	Lam	Nữ	24/03/1998				Khá	1625789	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32532	4176-K52Q2		Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	30/09/1998				Giỏi	1625790	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32533	4177-K52Q2		Đỗ Thị Thu	Phương	Nữ	22/12/1998				Khá	1625791	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32534	4178-K52Q2		Hoàng Thị Minh	Trang	Nữ	20/01/1998				Giỏi	1625792	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32535	4179-K52Q2		La Ngọc Phương	Trinh	Nữ	13/02/1998				Khá	1625793	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32536	4180-K51Q4		Nguyễn Văn	Quý	Nam	18/06/1997				Trung bình	1625794	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	1587/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32537	4181-K52B1KS		Đỗ Việt	Hằng	Nữ	19/01/1998				Xuất sắc	1625795	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32538	4182-K52B1KS		Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	20/01/1998				Xuất sắc	1625796	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32539	4183-K52B1KS		Nguyễn Thúy	Quyên	Nữ	25/04/1998				Xuất sắc	1625797	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32540	4184-K52B1KS		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	22/10/1998				Khá	1625798	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32541	4185-K52B2KS		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	11/10/1998				Giỏi	1625799	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32542	4186-K52B2KS		Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	20/10/1998				Khá	1625800	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32543	4187-K52B2KS		Giáp Thu	Huyền	Nữ	10/04/1998				Khá	1625801	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32544	4188-K52B2KS		Nguyễn Trà	My	Nữ	01/06/1998				Giỏi	1625802	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32545	4189-K52B2KS		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	08/07/1998				Khá	1625803	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32546	4190-K52B2KS		Tạ Thị	Quyên	Nữ	10/06/1997				Giỏi	1625804	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32547	4191-K52B3KS		Trần Thị	Diễm	Nữ	08/10/1998				Giỏi	1625805	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32548	4192-K52B3KS		Nguyễn Thái	Hậu	Nữ	20/12/1997				Giỏi	1625806	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32549	4193-K52B3KS		Bùi Thị	Huyền	Nữ	05/01/1998				Khá	1625807	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32550	4194-K52B3KS		Lại Thị	Linh	Nữ	18/09/1998				Giỏi	1625808	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32551	4195-K51B2KS		Nguyễn Hải	Anh	Nữ	11/01/1997				Khá	1625809	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32552	4196-K51B2KS		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15/07/1997				Khá	1625810	2019	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	1588/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32553	4197-K52B2LH		Nguyễn Văn	Chung	Nam	19/08/1998				Khá	1625811	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1589/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32554	4198-K52B3LH		Tạ Thị	Hường	Nữ	18/03/1998				Khá	1625812	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1589/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32555	4199-K52B3LH		Tạ Khánh	Linh	Nữ	08/05/1998				Khá	1625813	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1589/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32556	4200-K52B3LH		Đoàn Thị	Trang	Nữ	03/06/1998				Khá	1625814	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1589/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32557	4201-K52B3LH		Vũ Thị	Yến	Nữ	04/08/1998				Khá	1625815	2019	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1589/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32558	4202-K52E1		Lê Ngọc Lan	Anh	Nữ	20/10/1998				Khá	1625816	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32559	4203-K52E1		Nguyễn Thị	Dân	Nữ	27/07/1998				Giỏi	1625817	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32560	4204-K52E1		Lưu Thị	Hà	Nữ	30/07/1998				Khá	1625818	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32561	4205-K52E1		Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	04/04/1998				Giỏi	1625819	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32562	4206-K52E1		Đỗ Thị Thu	Hường	Nữ	18/04/1998				Khá	1625820	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32563	4207-K52E1		Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	18/09/1998				Khá	1625821	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32564	4208-K52E1		Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	01/11/1998				Giỏi	1625822	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32565	4209-K52E1		Lê Thị Thanh	Mỹ	Nữ	29/06/1998				Giỏi	1625823	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32566	4210-K52E1		Lăng Thị	Ngoan	Nữ	10/11/1998				Khá	1625824	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32567	4211-K52E1		Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	24/04/1998				Giỏi	1625825	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32568	4212-K52E1		Đặng Thị	Nhung	Nữ	16/08/1998				Giỏi	1625826	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32569	4213-K52E1		Nguyễn Hương	Quỳnh	Nữ	24/11/1998				Giỏi	1625827	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32570	4214-K52E1		Phan Thị	Thư	Nữ	09/10/1998				Giỏi	1625828	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32571	4215-K52E1		Nguyễn Hoài Huyền	Trâm	Nữ	23/03/1998				Khá	1625829	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32572	4216-K52E1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	04/02/1998				Khá	1625830	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32573	4217-K52E2		Trịnh Thị Phương	Anh	Nữ	23/05/1998				Khá	1625831	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32574	4218-K52E2		Lê Thị	Giang	Nữ	13/12/1998				Giỏi	1625832	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32575	4219-K52E2		Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	04/03/1998				Giỏi	1625833	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32576	4220-K52E2		Đoàn Thị Thu	Hiền	Nữ	09/01/1998				Khá	1625834	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32577	4221-K52E2		Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	06/11/1998				Khá	1625835	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32578	4222-K52E2		Hoàng Thanh	Huyền	Nữ	13/02/1998				Khá	1625836	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32579	4223-K52E2		Phạm Thị	Mỹ	Nữ	15/05/1998				Giỏi	1625837	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32580	4224-K52E2		Nguyễn Thu	Nguyệt	Nữ	03/11/1998				Giỏi	1625838	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32581	4225-K52E2		Đinh Thị Thu	Thảo	Nữ	06/02/1998				Khá	1625839	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32582	4226-K52E2		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	05/04/1998				Khá	1625840	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32583	4227-K52E3		Lê Thùy	Dương	Nữ	02/06/1998				Giỏi	1625841	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32584	4228-K52E3		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	15/07/1998				Giỏi	1625842	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32585	4229-K52E3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/05/1998				Khá	1625843	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32586	4230-K52E3		Hà Hồng	Hạnh	Nữ	11/12/1998				Khá	1625844	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32587	4231-K52E3		Lê Thị	Hạnh	Nữ	25/09/1997				Khá	1625845	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32588	4232-K52E3		Đỗ Thị	Lanh	Nữ	29/10/1998				Giỏi	1625846	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32589	4233-K52E3		Lại Thị	Mai	Nữ	22/12/1998				Khá	1625847	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32590	4234-K52E3		Vũ Thị	Mận	Nữ	04/02/1998				Xuất sắc	1625848	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32591	4235-K52E3		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/12/1997				Giỏi	1625849	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32592	4236-K52E3		Đỗ Thị	Thảo	Nữ	30/09/1998				Giỏi	1625850	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32593	4237-K52E3		Vũ Thị Minh	Trang	Nữ	07/01/1998				Khá	1625851	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32594	4238-K52E3		Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Nữ	26/05/1997				Giỏi	1625852	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32595	4239-K52E4		Nguyễn Hà	Anh	Nữ	25/10/1998				Giỏi	1625853	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32596	4240-K52E4		Dương Thị	Hoa	Nữ	19/10/1998				Giỏi	1625854	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32597	4241-K52E4		Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	29/03/1998				Giỏi	1625855	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32598	4242-K52E4		Dương Thị Nhật	Minh	Nữ	12/11/1998				Khá	1625856	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32599	4243-K52E4		Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	20/08/1998				Giỏi	1625857	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32600	4244-K52E4		Quách Mai	Thùy	Nữ	30/05/1998				Giỏi	1625858	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32601	4245-K52E5		Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	21/11/1998				Khá	1625859	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32602	4246-K52E5		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	23/09/1998				Xuất sắc	1625860	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32603	4247-K52E5		Lê Thị	Hà	Nữ	09/11/1998				Khá	1625861	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32604	4248-K52E5		Lương Thị Ngọc	Hân	Nữ	20/12/1998				Khá	1625862	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32605	4249-K52E5		Hoàng Thị	Hảo	Nữ	07/05/1998				Giỏi	1625863	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32606	4250-K52E5		Đoàn Thị Thu	Hương	Nữ	29/06/1998				Giỏi	1625864	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32607	4251-K52E5		Ma Thị	Huyền	Nữ	17/05/1998				Giỏi	1625865	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32608	4252-K52E5		Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	30/09/1998				Khá	1625866	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32609	4253-K51E2		Phan Thị	Hạnh	Nữ	20/08/1997				Khá	1625867	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32610	4254-K51E5		Phạm Minh	Phương	Nữ	02/09/1995				Khá	1625868	2019	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	1590/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32611	4255-K52C1		Phạm Thị	Bình	Nữ	18/08/1998				Giỏi	1625869	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32612	4256-K52C1		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	06/10/1998				Khá	1625870	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32613	4257-K52C2		Ngô Thị	Cúc	Nữ	21/10/1998				Giỏi	1625871	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32614	4258-K52C2		Đoàn Thị	Hòa	Nữ	07/11/1998				Khá	1625872	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32615	4259-K52C2		Nguyễn Thị Thúy	Hường	Nữ	19/03/1998				Giỏi	1625873	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32616	4260-K52C2		Hoàng Thị	Khánh	Nữ	14/04/1998				Khá	1625874	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32617	4261-K52C2		Tống Khánh	Linh	Nữ	21/08/1998				Khá	1625875	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32618	4262-K52C2		Bùi Thị Kim	Thư	Nữ	16/01/1998				Khá	1625876	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32619	4263-K52C2		La Thị	Trang	Nữ	19/11/1998				Giỏi	1625877	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32620	4264-K52C2		Nguyễn Tường	Vân	Nữ	06/03/1998				Khá	1625878	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32621	4265-K52C2		Phạm Quỳnh	Yến	Nữ	19/09/1998				Khá	1625879	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32622	4266-K52C3		Nguyễn Thị Hoàng	Hậu	Nữ	23/05/1998				Khá	1625880	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32623	4267-K52C3		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	30/11/1998				Giỏi	1625881	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32624	4268-K52C4		Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	21/10/1998				Khá	1625882	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32625	4269-K52C4		Nguyễn Văn	Đinh	Nam	05/09/1998				Giỏi	1625883	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32626	4270-K52C4		Lê Thị	Hạnh	Nữ	22/02/1998				Khá	1625884	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32627	4271-K52C4		Đỗ Thị Nhật	Lệ	Nữ	01/10/1998				Khá	1625885	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32628	4272-K52C4		Vương Thu	Trà	Nữ	16/08/1998				Khá	1625886	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32629	4273-K52C4		Đỗ Thị	Yến	Nữ	05/09/1998				Giỏi	1625887	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32630	4274-K52C5		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	12/07/1998				Giỏi	1625888	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32631	4275-K52C5		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	12/09/1998				Giỏi	1625889	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32632	4276-K49C3		Phạm Thị Hoa	Lê	Nữ	15/03/1994				Trung bình	1625890	2019	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32633	4277-K52T1		Nguyễn Thị Ngọc	Giang	Nữ	26/06/1998				Giỏi	1625891	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32634	4278-K52T1		Đào Thị	Hằng	Nữ	29/08/1998				Giỏi	1625892	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32635	4279-K52T1		Trương Thúy	Hằng	Nữ	27/10/1998				Khá	1625893	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32636	4280-K52T1		Mông Thị	Linh	Nữ	16/06/1998				Khá	1625894	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32637	4281-K52T2		Nguyễn Thị Bạch	Dương	Nữ	13/02/1998				Khá	1625895	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32638	4282-K52T2		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	07/05/1998				Khá	1625896	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32639	4283-K52T2		Hoàng Tuấn	Huy	Nam	03/12/1998				Khá	1625897	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32640	4284-K52T2		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	01/10/1998				Giỏi	1625898	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32641	4285-K52T2		Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	31/12/1998				Giỏi	1625899	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32642	4286-K52T2		Tạ Thị	Quỳnh	Nữ	11/09/1998				Giỏi	1625900	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32643	4287-K52T2		Mai Thị	Thảo	Nữ	23/01/1998				Khá	1625901	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32644	4288-K52T2		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	13/12/1998				Khá	1625902	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32645	4289-K52T2		Đàm Thị	Vân	Nữ	13/04/1998				Giỏi	1625903	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32646	4290-K52T3		Phạm Kiều	Diễm	Nữ	28/11/1998				Khá	1625904	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32647	4291-K52T3		Đậu Việt	Hà	Nữ	20/01/1998				Khá	1625905	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32648	4292-K52T3		Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	06/05/1998				Khá	1625906	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32649	4293-K52T3		Hoàng Trà	My	Nữ	11/11/1998				Khá	1625907	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32650	4294-K52T3		Uông Thị Huyền	My	Nữ	19/05/1998				Khá	1625908	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32651	4295-K52T3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	17/01/1998				Khá	1625909	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32652	4296-K52T3		Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	27/08/1998				Khá	1625910	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32653	4297-K52T3		Nguyễn Bích	Phương	Nữ	08/11/1998				Giỏi	1625911	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32654	4298-K52T3		Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	01/09/1998				Trung bình	1625912	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32655	4299-K52T3		Dương Thị Mai	Trang	Nữ	09/02/1998				Khá	1625913	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32656	4300-K51T2		Nguyễn Thị Hạ	Vi	Nữ	01/08/1996				Khá	1625914	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32657	4301-K51T3		Nguyễn Việt	Dũng	Nam	02/09/1995				Trung bình	1625915	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32658	4302-K51T3		Dương Huyền	Trang	Nữ	27/11/1997				Trung bình	1625916	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32659	4303-K51T4		Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	14/04/1997				Trung bình	1625917	2019	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	1591/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32660	4304-K52P1		Đoàn Minh	Châu	Nữ	10/05/1998				Giỏi	1625918	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32661	4305-K52P1		Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	01/01/1998				Khá	1625919	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32662	4306-K52P1		Nguyễn Bình	Dương	Nam	15/09/1998				Khá	1625920	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32663	4307-K52P1		Vũ Thùy	Dương	Nữ	23/03/1998				Khá	1625921	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32664	4308-K52P1		Vũ Thị	Duyên	Nữ	19/07/1998				Giỏi	1625922	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32665	4309-K52P1		Hoàng Thị	Hà	Nữ	27/05/1998				Giỏi	1625923	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32666	4310-K52P1		Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	20/09/1998				Khá	1625924	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32667	4311-K52P1		Nguyễn Hương	Ly	Nữ	31/03/1998				Giỏi	1625925	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32668	4312-K52P1		Trần Thanh Ngọc	Mai	Nữ	26/02/1998				Khá	1625926	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32669	4313-K52P1		Lê Thảo	Minh	Nữ	11/01/1998				Khá	1625927	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32670	4314-K52P1		Dương Hằng	Nga	Nữ	22/12/1998				Khá	1625928	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32671	4315-K52P1		Vũ Thị Bích	Ngọc	Nữ	20/01/1998				Giỏi	1625929	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32672	4316-K52P1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	25/11/1998				Giỏi	1625930	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32673	4317-K52P1		Vũ Thị Bích	Phương	Nữ	01/08/1998				Khá	1625931	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32674	4318-K52P1		Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	23/03/1998				Khá	1625932	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32675	4319-K52P1		Lương Thị	Thùy	Nữ	21/07/1998				Khá	1625933	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32676	4320-K52P1		Lê Thị	Trang	Nữ	10/11/1998				Khá	1625934	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32677	4321-K52P1		Tạ Thị	Vân	Nữ	01/07/1998				Giỏi	1625935	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32678	4322-K52P1		Đào Thị Hải	Yến	Nữ	19/09/1998				Khá	1625936	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32679	4323-K52P2		Ngô Phương	Anh	Nữ	20/08/1998				Khá	1625937	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32680	4324-K52P2		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	10/09/1998				Khá	1625938	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32681	4325-K52P2		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	30/03/1998				Khá	1625939	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32682	4326-K52P2		Ngô Văn	Công	Nam	04/04/1998				Khá	1625940	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32683	4327-K52P2		Ngô Thùy	Dương	Nữ	23/11/1998				Giỏi	1758855	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32684	4328-K52P2		Lê Thị Thu	Hà	Nữ	09/07/1998				Khá	1758856	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32685	4329-K52P2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	24/02/1998				Khá	1758857	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32686	4330-K52P2		Phan Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/11/1998				Khá	1758858	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32687	4331-K52P2		Ngô Thị Thùy	Linh	Nữ	19/06/1998				Giỏi	1758859	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32688	4332-K52P2		Đỗ Thị	Loan	Nữ	01/05/1998				Khá	1758860	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32689	4333-K52P2		Lê Thị	Minh	Nữ	10/06/1997				Giỏi	1758861	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32690	4334-K52P2		Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	31/08/1998				Khá	1758862	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32691	4335-K52P2		Ngô Thị Thùy	Trang	Nữ	20/06/1998				Khá	1758863	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32692	4336-K52P2		Trần Tố	Uyên	Nữ	28/01/1998				Khá	1758864	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32693	4337-K52P2		Hoàng Thị Ngọc	Vi	Nữ	01/11/1998				Khá	1758865	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32694	4338-K52P2		Nguyễn Thị	Vỹ	Nữ	18/12/1998				Giỏi	1758866	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32695	4339-K52P3		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	30/05/1998				Khá	1758867	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32696	4340-K52P3		Nguyễn Thị	Chanh	Nữ	11/09/1998				Khá	1758868	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32697	4341-K52P3		Phan Thị Hồng	Chiêm	Nữ	06/07/1998				Khá	1758869	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32698	4342-K52P3		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	06/07/1998				Giỏi	1758870	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32699	4343-K52P3		Trần Mai	Ly	Nữ	03/12/1998				Giỏi	1758871	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32700	4344-K52P3		Lê Minh	Phương	Nữ	26/09/1998				Giỏi	1758872	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32701	4345-K52P3		Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	03/03/1998				Khá	1758873	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32702	4346-K52P4		Nguyễn Vân	Anh	Nữ	21/05/1998				Khá	1758874	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32703	4347-K52P4		Đỗ Thị Ngọc	ánh	Nữ	13/07/1998				Khá	1758875	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32704	4348-K52P4		Lưu Thị	Châm	Nữ	07/04/1998				Giỏi	1758876	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32705	4349-K52P4		Đoàn Mạnh	Cường	Nam	31/08/1997				Giỏi	1758877	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32706	4350-K52P4		Nguyễn ánh	Duyên	Nữ	08/11/1998				Khá	1758878	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32707	4351-K52P4		Triệu Hương	Giang	Nữ	26/02/1998				Giỏi	1758879	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32708	4352-K52P4		Ngô Thu	Hiền	Nữ	09/04/1998				Giỏi	1758880	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32709	4353-K52P4		Đào Thị Mai	Liên	Nữ	02/08/1998				Khá	1758881	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32710	4354-K52P4		Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	26/02/1998				Khá	1758882	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32711	4355-K52P4		Trần Mai	Phương	Nữ	19/12/1998				Khá	1758883	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32712	4356-K52P4		Đỗ Thị Thùy	Trang	Nữ	12/08/1998				Khá	1758884	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32713	4357-K52P4		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	15/07/1998				Khá	1758885	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32714	4358-K52P4		Vũ Lệ Huyền	Trang	Nữ	22/09/1998				Khá	1758886	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32715	4359-K52P4		Nguyễn Tào Linh	Vân	Nữ	24/08/1998				Khá	1758887	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32716	4360-K51P4		Nguyễn Văn	Thắng	Nam	10/01/1997				Trung bình	1758888	2019	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	1592/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32717	4361-K52U1		Nguyễn Đông	Dương	Nam	01/01/1998				Giỏi	1758889	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32718	4362-K52U1		Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	11/09/1998				Giỏi	1758890	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32719	4363-K52U1		Trần Thị Nhật	Lệ	Nữ	08/05/1998				Xuất sắc	1758891	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32720	4364-K52U1		Phạm Tuyết	Mai	Nữ	03/02/1998				Khá	1758892	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32721	4365-K52U1		Hoàng Thị Quỳnh	Như	Nữ	15/02/1998				Khá	1758893	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32722	4366-K52U1		Thái Thị	Thư	Nữ	02/09/1998				Giỏi	1758894	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32723	4367-K52U1		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	03/11/1998				Giỏi	1758895	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32724	4368-K52U1		Nguyễn Thị	Việt	Nữ	27/03/1998				Khá	1758896	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32725	4369-K52U2		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	08/03/1998				Khá	1758897	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32726	4370-K52U2		Vũ Thị Hồng	ánh	Nữ	14/09/1998				Khá	1758898	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32727	4371-K52U2		Phạm Khánh	Duy	Nam	07/08/1998				Khá	1758899	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32728	4372-K52U2		Hoàng Thị	Hiền	Nữ	08/01/1998				Khá	1758900	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32729	4373-K52U2		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	22/12/1998				Giỏi	1758901	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32730	4374-K52U2		Nguyễn Thị	Thêm	Nữ	18/08/1998				Giỏi	1758902	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32731	4375-K52U2		Thân Thị	Trang	Nữ	09/07/1998				Khá	1758903	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32732	4376-K52U3		Hoàng Thị Hồng	Hường	Nữ	22/03/1998				Khá	1758904	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32733	4377-K52U3		Hoàng Thị	Pha	Nữ	08/09/1998				Giỏi	1758905	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32734	4378-K52U3		Trần Thị	Phượng	Nữ	06/07/1998				Giỏi	1758906	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32735	4379-K52U4		Đặng Thị Thùy	Chung	Nữ	08/12/1998				Giỏi	1758907	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32736	4380-K52U4		Trương Thị	Dương	Nữ	15/02/1998				Giỏi	1758908	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32737	4381-K52U4		Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	12/09/1998				Khá	1758909	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32738	4382-K52U4		Hoàng Minh	Huệ	Nữ	28/02/1998				Giỏi	1758910	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32739	4383-K52U4		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	20/09/1998				Khá	1758911	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32740	4384-K52U4		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	17/01/1998				Giỏi	1758912	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32741	4385-K52U4		Phạm Thu	Phương	Nữ	10/06/1998				Khá	1758913	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32742	4386-K52U4		Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	10/02/1998				Giỏi	1758914	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32743	4387-K52U4		ứng Thị Diệu	Thúy	Nữ	20/04/1998				Giỏi	1758915	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32744	4388-K52U4		Vũ Thị Thanh	Thùy	Nữ	22/06/1998				Khá	1758916	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32745	4389-K52U4		Nguyễn ánh	Tuyết	Nữ	01/08/1998				Khá	1758917	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32746	4390-K52U5		Bùi Phương	Anh	Nữ	12/03/1998				Giỏi	1758918	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32747	4391-K52U5		Nguyễn Thị Hoài	Anh	Nữ	26/10/1998				Khá	1758919	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32748	4392-K52U5		Trần Thị	ánh	Nữ	18/01/1998				Khá	1758920	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32749	4393-K52U5		Lê Thị Hồng	Chuyên	Nữ	15/08/1998				Khá	1758921	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32750	4394-K52U5		Lâm Thị	Ngọc	Nữ	16/05/1998				Khá	1758922	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32751	4395-K52U5		Lê Thị	Phượng	Nữ	24/09/1997				Giỏi	1758923	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32752	4396-K52U5		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	16/02/1998				Giỏi	1758924	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32753	4397-K52U2		Diệp Thị Thu	Thảo	Nữ	26/09/1997				Khá	1758925	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32754	4398-K51U2		Hoàng Vương	Nam	Nam	26/02/1997				Trung bình	1758926	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32755	4399-K51U4		Vũ Thị Thanh	Huệ	Nữ	06/02/1997				Trung bình	1758927	2019	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	1593/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32756	4400-K52F1		Lê Thu	Hương	Nữ	17/02/1998				Khá	1758928	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32757	4401-K52F1		Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	15/02/1998				Khá	1758929	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32758	4402-K52F1		Dương Thị	Thắm	Nữ	07/10/1998				Giỏi	1758930	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32759	4403-K52F1		Trương Thị Khánh	Vân	Nữ	28/07/1998				Giỏi	1758931	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32760	4404-K52F1		Chu Thị	Yến	Nữ	30/01/1998				Xuất sắc	1758932	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32761	4405-K52F2		Lê Linh	Chi	Nữ	17/04/1998				Giỏi	1758933	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32762	4406-K52F2		Hà Kim	Phượng	Nữ	13/01/1998				Giỏi	1758934	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32763	4407-K52F2		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	09/04/1998				Khá	1758935	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32764	4408-K52F2		Trần Thị	Thu	Nữ	22/08/1998				Giỏi	1758936	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32765	4409-K52F2		Trần Thị	Thúy	Nữ	11/01/1998				Giỏi	1758937	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32766	4410-K52F2		Lý Thị Thu	Vân	Nữ	15/10/1998				Giỏi	1758938	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32767	4411-K52F2		Nguyễn Thị	Xoan	Nữ	08/09/1998				Khá	1758939	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32768	4412-K52F3		Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	24/04/1998				Khá	1758940	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32769	4413-K52F3		Mai Văn	Đoàn	Nam	21/12/1998				Khá	1758941	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32770	4414-K52F3		Nguyễn Thị	Gấm	Nữ	29/05/1998				Khá	1758942	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32771	4415-K52F3		Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	14/10/1998				Khá	1758943	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32772	4416-K52F3		Nguyễn Dương	Khánh	Nữ	17/08/1998				Giỏi	1758944	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32773	4417-K52F3		Trịnh Thị	Mừng	Nữ	01/01/1998				Giỏi	1758945	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32774	4418-K52F3		Lê Văn	Thanh	Nam	07/03/1997				Khá	1758946	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32775	4419-K52F3		Dương Thị	Thu	Nữ	27/04/1998				Giỏi	1758947	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32776	4420-K52F3		Lê Hồng	Trang	Nữ	30/04/1998				Khá	1758948	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32777	4421-K52F3		Ngô Thị Hương	Trang	Nữ	05/01/1997				Khá	1758949	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32778	4422-K52F3		Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	18/04/1997				Khá	1758950	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32779	4423-K52F4		Hà Kiều	Anh	Nữ	13/06/1998				Khá	1758951	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32780	4424-K52F4		Nguyễn Thị Việt	ánh	Nữ	13/12/1998				Khá	1758952	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32781	4425-K52F4		Hoàng Thị Thúy	Hằng	Nữ	29/01/1998				Xuất sắc	1758953	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32782	4426-K52F4		Vũ Thị	Hằng	Nữ	01/05/1998				Giỏi	1758954	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32783	4427-K52F4		Vũ Thị Khánh	Huyền	Nữ	30/10/1998				Giỏi	1758955	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32784	4428-K52F4		Trần Thị	Nhung	Nữ	30/04/1998				Khá	1758956	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32785	4429-K52F4		Nguyễn Văn	Quân	Nam	30/12/1998				Giỏi	1758957	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32786	4430-K52F4		Ngô Thị	Thanh	Nữ	18/01/1997				Khá	1758958	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32787	4431-K52F4		Vũ Thị	Thu	Nữ	29/05/1998				Khá	1758959	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32788	4432-K52F4		Phạm Thị Hồng	Vân	Nữ	24/09/1998				Khá	1758960	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32789	4433-K52F4		Lê Thị	Xuyến	Nữ	30/09/1998				Giỏi	1758961	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32790	4434-K52F5		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	18/02/1998				Khá	1758962	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32791	4435-K52F5		Trần Thị	Diễm	Nữ	12/05/1998				Khá	1758963	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32792	4436-K52F5		Trần Thị	Hà	Nữ	13/04/1998				Giỏi	1758964	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32793	4437-K52F5		Trần Thị	Hằng	Nữ	16/06/1998				Khá	1758965	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32794	4438-K52F5		Ngô Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/08/1998				Giỏi	1758966	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32795	4439-K52F5		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	04/01/1998				Khá	1758967	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32796	4440-K52F6		Dương Thị Thùy	Dương	Nữ	18/01/1998				Khá	1758968	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32797	4441-K52F6		Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	01/05/1998				Giỏi	1758969	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32798	4442-K52F6		Ngô Thanh	Nga	Nữ	23/10/1998				Giỏi	1758970	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32799	4443-K51F1		Nguyễn Thị Hân	Ni	Nữ	21/06/1997				Khá	1758971	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32800	4444-K51F4		Nguyễn Bùi	Kiên	Nam	14/02/1997				Trung bình	1758972	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32801	4445-K51F4		Hoàng Trọng	Trường	Nam	20/05/1997				Trung bình	1758973	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32802	4446-K51F5		Dương Thị Kiều	Oanh	Nữ	15/02/1996				Trung bình	1758974	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32803	4447-K50F5		Đinh Hồng	Dương	Nam	14/11/1995				Trung bình	1758975	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32804	4448-K49F3		Trần Quang	Vinh	Nam	06/04/1995				Trung bình	1758976	2019	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	1594/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32805	4449-K52D1		Đỗ Thúy	Hường	Nữ	28/01/1998				Khá	1758977	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32806	4450-K52D1		Hoàng Thị	Hường	Nữ	12/09/1998				Khá	1758978	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32807	4451-K52D1		Đoàn Thị	Phương	Nữ	30/12/1998				Giỏi	1758979	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32808	4452-K52D1		Hoàng Thị Minh	Tâm	Nữ	26/08/1998				Khá	1758980	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32809	4453-K52D1		Lã Thị	Thu	Nữ	05/10/1998				Giỏi	1758981	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32810	4454-K52D1		Bùi Thị	Thúy	Nữ	02/12/1997				Khá	1758982	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32811	4455-K52D1		Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	21/04/1998				Xuất sắc	1758983	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32812	4456-K52D1		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	18/06/1998				Xuất sắc	1758984	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32813	4457-K52D2		Trần Thị	Hường	Nữ	16/11/1998				Giỏi	1758985	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32814	4458-K52D2		Hoàng Thị	Huyền	Nữ	19/05/1998				Giỏi	1758986	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32815	4459-K52D2		Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	13/09/1998				Giỏi	1758987	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32816	4460-K52D2		Vũ Thùy	Linh	Nữ	19/10/1998				Khá	1758988	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32817	4461-K52D2		Đỗ Thị Phương	Thảo	Nữ	06/03/1998				Giỏi	1758989	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32818	4462-K52D2		Phan Thị	Thảo	Nữ	16/12/1998				Xuất sắc	1758990	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32819	4463-K52D3		Phạm Thanh	Hằng	Nữ	01/06/1998				Khá	1758991	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32820	4464-K52D3		Vũ Thị	Liên	Nữ	05/12/1998				Giỏi	1758992	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32821	4465-K52D3		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	04/01/1998				Khá	1758993	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32822	4466-K52D3		Chu Thị	Minh	Nữ	11/01/1998				Khá	1758994	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1035/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/9/2019	
32823	4467-K52D3		Lê Thị Phương	Nguyễn	Nữ	02/10/1998				Giỏi	1758995	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32824	4468-K52D3		Nguyễn Thị	Thái	Nữ	06/06/1998				Giỏi	1758996	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32825	4469-K52D3		Vương Thị	Thảo	Nữ	01/02/1998				Xuất sắc	1758997	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32826	4470-K52D3		Phạm Thị	Thúy	Nữ	30/06/1998				Khá	1758998	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32827	4471-K52D3		Lê Thị Thu	Uyên	Nữ	20/10/1998				Giỏi	1758999	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32828	4472-K52D4		Bùi Thị Thu	Hoài	Nữ	02/10/1998				Khá	1759000	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32829	4473-K52D4		Phan Thị Mai	Hương	Nữ	03/05/1998				Khá	1759001	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32830	4474-K52D4		Đặng Thị	Khuyên	Nữ	06/10/1998				Giỏi	1759002	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32831	4475-K52D4		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	21/12/1998				Giỏi	1759003	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32832	4476-K52D4		Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	15/10/1998				Khá	1759004	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32833	4477-K52D4		Vũ Thị Hồng	Quyên	Nữ	20/08/1998				Khá	1759005	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32834	4478-K52D4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	08/04/1998				Khá	1759006	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32835	4479-K52D4		Đinh Thị	Trang	Nữ	23/11/1997				Giỏi	1759007	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32836	4480-K52D4		Trịnh Thị	Trang	Nữ	17/04/1998				Giỏi	1759008	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32837	4481-K52D5		Cao Thị Lan	Anh	Nữ	28/10/1998				Giỏi	1759009	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32838	4482-K52D5		Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	11/01/1998				Xuất sắc	1759010	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32839	4483-K52D5		Lê Thị	Hoài	Nữ	01/07/1998				Giỏi	1759011	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32840	4484-K52D5		Nguyễn Thị Phương	Liên	Nữ	04/09/1998				Xuất sắc	1759012	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32841	4485-K52D5		Phùng Thị	Nhài	Nữ	08/01/1998				Giỏi	1759013	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32842	4486-K52D5		Nguyễn Thị Thanh	Quý	Nữ	19/09/1998				Giỏi	1759014	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32843	4487-K52D6		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	14/03/1998				Xuất sắc	1759015	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32844	4488-K52D6		Vũ Thị	Huế	Nữ	19/02/1998				Giỏi	1759016	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32845	4489-K52D6		Đào Thu	Hường	Nữ	06/12/1998				Giỏi	1759017	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32846	4490-K52D6		Phạm Thị	Liễu	Nữ	13/01/1998				Giỏi	1759018	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32847	4491-K52D6		Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	17/05/1998				Giỏi	1759019	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32848	4492-K52D6		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	01/04/1998				Khá	1759020	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32849	4493-K52D6		Vũ Thị	Thúy	Nữ	11/06/1998				Giỏi	1759021	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32850	4494-K52D6		Nguyễn Thị	Yên	Nữ	25/05/1998				Giỏi	1759022	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32851	4495-K52D7		Nguyễn Tiến	Hữu	Nam	04/01/1998				Khá	1759023	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32852	4496-K52D7		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	14/09/1998				Giỏi	1759024	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32853	4497-K52D7		Vũ Thị Thu	Sinh	Nữ	15/10/1998				Khá	1759025	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32854	4498-K52D8		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	01/08/1998				Khá	1759026	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32855	4499-K52D8		Phạm Khánh	Chi	Nữ	03/10/1998				Khá	1759027	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32856	4500-K52D8		Doãn Thu	Hà	Nữ	09/11/1998				Khá	1759028	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32857	4501-K52D8		Hoàng Thị Thúy	Hoa	Nữ	23/03/1998				Khá	1759029	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32858	4502-K52D8		Vũ Thị	Hồng	Nữ	11/01/1998				Khá	1759030	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32859	4503-K52D8		Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	10/11/1998				Giỏi	1759031	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32860	4504-K52D8		Vương Ngọc	Khánh	Nữ	01/12/1998				Giỏi	1759032	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32861	4505-K52D8		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	09/12/1998				Xuất sắc	1759033	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32862	4506-K52D8		Vũ Thị Ngọc	Mai	Nữ	16/06/1998				Khá	1759034	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32863	4507-K52D8		Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	07/08/1998				Khá	1759035	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32864	4508-K52D8		Kiều Thị	Nguyệt	Nữ	14/03/1998				Giỏi	1759036	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32865	4509-K52D8		Hoàng Thị	Phương	Nữ	13/06/1997				Giỏi	1759037	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32866	4510-K52D8		Nguyễn Cẩm	Trà	Nữ	23/07/1998				Xuất sắc	1759038	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32867	4511-K52D8		Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	19/05/1998				Giỏi	1759039	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32868	4512-K52D8		Trần Thị Như	Trang	Nữ	08/12/1998				Khá	1759040	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32869	4513-K52D8		Giáp Thị	Vân	Nữ	03/11/1998				Khá	1759041	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32870	4514-K52D9		Nguyễn Phương	Anh	Nữ	19/12/1998				Khá	1759042	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32871	4515-K52D9		Đào Ngọc	Diệp	Nữ	02/04/1998				Khá	1759043	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32872	4516-K52D9		Bùi Thị Thúy	Hằng	Nữ	05/10/1998				Giỏi	1759044	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32873	4517-K52D9		Vũ Khánh	Linh	Nữ	25/10/1998				Khá	1759045	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32874	4518-K52D9		Phan Thị Như	Quỳnh	Nữ	14/02/1998				Khá	1759046	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32875	4519-K52D9		Trần Thị	Thoa	Nữ	07/07/1998				Giỏi	1759047	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32876	4520-K52D9		Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	14/12/1998				Xuất sắc	1759048	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32877	4521-K51D2		Trần Thị Hoàng	Quyên	Nữ	07/03/1997				Khá	1759049	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32878	4522-K51D3		Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	16/04/1997				Trung bình	1759050	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32879	4523-K51D3		Phạm Thị	Huyền	Nữ	29/08/1997				Khá	1759051	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32880	4524-K51D5		Phạm Thị Ngọc	Hòa	Nữ	30/08/1997				Trung bình	1759052	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32881	4525-K51D6		Nguyễn Thi Huyền	Trang	Nữ	02/05/1997				Trung bình	1759053	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32882	4526-K50D3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	27/03/1995				Khá	1759054	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32883	4527-K21D		Lưu Thị Mai	Phương	Nữ	27/06/1996				Khá	1759055	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32884	4528-K17D_SB		Lê Thị	Trang	Nữ	30/12/1995				Khá	1759056	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32885	4529-K18D		Mai Thị Lệ	Giang	Nữ	30/03/1994				Trung bình	1759057	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32886	4530-K18D		Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	03/11/1995				Khá	1759058	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32887	4531-K18D		Đỗ Thị	Hường	Nữ	27/10/1994				Trung bình	1759059	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1595/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32888	4532-K52N1		Đặng Thị	Tâm	Nữ	14/11/1998				Giỏi	1759060	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32889	4533-K52N3		Trần Thị	Hà	Nữ	10/07/1998				Khá	1759061	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32890	4534-K52N3		Tống Thị	Hằng	Nữ	18/05/1998				Khá	1759062	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32891	4535-K52N3		Ngô Thị Thanh	Hoa	Nữ	20/05/1998				Khá	1759063	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32892	4536-K52N3		Lê Thị	Mai	Nữ	24/05/1998				Khá	1759064	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32893	4537-K52N3		Mản Thị Phương	Nam	Nữ	10/04/1997				Khá	1759065	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32894	4538-K52N3		Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	29/03/1998				Giỏi	1759066	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32895	4539-K52N3		Trịnh Thị	Thương	Nữ	23/01/1998				Khá	1759067	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32896	4540-K52N4		Nguyễn Thị	Thìn	Nữ	14/04/1998				Khá	1759068	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32897	4541-K51N2		Thái Thị Ngọc	Lê	Nữ	07/09/1997				Trung bình	1759069	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32898	4542-K51N3		Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	01/09/1997				Trung bình	1759070	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32899	4543-K51N6		Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	Nữ	24/04/1996				Trung bình	1759071	2019	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	1596/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 31/12/2019	
32900	4544-K52S1		Vũ Lương Minh	Anh	Nữ	25/11/1998				Giỏi	1759072	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32901	4545-K52S1		Nguyễn Văn	Minh	Nam	04/11/1998				Khá	1759073	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32902	4546-K52S1		Trần Thị Huyền	Ngọc	Nữ	12/06/1998				Xuất sắc	1759074	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32903	4547-K52S1		Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	21/07/1998				Khá	1759075	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32904	4548-K52S1		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	16/08/1998				Khá	1759076	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32905	4549-K52S2		Nguyễn Thái	Đức	Nam	12/05/1998				Khá	1759077	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32906	4550-K52S2		Trần Thị Tuyết	Nga	Nữ	04/04/1998				Giỏi	1759078	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32907	4551-K52S2		Phùng Thị	Thảo	Nữ	13/11/1998				Khá	1759079	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32908	4552-K52S3		Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	27/08/1998				Khá	1759080	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32909	4553-K52S3		Đỗ Thị Phương	Thảo	Nữ	14/09/1998				Giỏi	1759081	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32910	4554-K52S3		Đỗ Thị	Thêm	Nữ	29/07/1998				Khá	1759082	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32911	4555-K52S3		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/06/1998				Khá	1759083	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32912	4556-K52S4		Đỗ Thị	Linh	Nữ	03/01/1998				Khá	1759084	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32913	4557-K52S4		Nguyễn Hương	Ly	Nữ	20/11/1998				Khá	1759085	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32914	4558-K52S4		Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/09/1998				Xuất sắc	1759086	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32915	4559-K52S4		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	04/09/1998				Khá	1759087	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32916	4560-K51S3		Nguyễn Khắc	Hiếu	Nam	10/11/1997				Trung bình	1759088	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32917	4561-K51S4		Nguyễn Quang	Huy	Nam	21/09/1997				Trung bình	1759089	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32918	4562-K51S4		Nguyễn Quang	Minh	Nam	03/10/1997				Trung bình	1759090	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32919	4563-K48S2		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	09/12/1994				Trung bình	1759091	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32920	4564-K51S3		Đỗ Thị	Hiên	Nữ	07/05/1997				Trung bình	1759191	2019	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	1597/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32921	4565-K52H1		Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	11/08/1998				Giỏi	1759093	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32922	4566-K52H1		Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	15/11/1998				Xuất sắc	1759094	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32923	4567-K52H1		Chu Thị Mỹ	Linh	Nữ	13/01/1998				Giỏi	1759095	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32924	4568-K52H1		Nguyễn Thị	Thành	Nữ	30/03/1998				Khá	1759096	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32925	4569-K52H2		Dương Phương	Anh	Nữ	09/11/1998				Giỏi	1759097	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32926	4570-K52H2		Bùi Thị	Hà	Nữ	22/09/1998				Giỏi	1759098	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32927	4571-K52H2		Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	20/12/1998				Giỏi	1759099	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32928	4572-K52H2		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	30/12/1998				Xuất sắc	1759100	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32929	4573-K52H2		Nguyễn Thị Hiên	Quyên	Nữ	24/12/1998				Khá	1759101	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32930	4574-K52H3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	25/09/1998				Giỏi	1759102	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32931	4575-K52H3		Đỗ Thị Anh	Lê	Nữ	12/11/1998				Giỏi	1759103	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32932	4576-K52H3		Lê Thùy	Linh	Nữ	15/10/1998				Khá	1759104	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32933	4577-K52H4		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	22/08/1998				Giỏi	1759105	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32934	4578-K52H4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/12/1998				Giỏi	1759106	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32935	4579-K52H4		Nguyễn Thị	Lê	Nữ	04/05/1998				Xuất sắc	1759107	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32936	4580-K52H4		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	28/06/1998				Giỏi	1759108	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32937	4581-K52H4		Trương Thùy	Linh	Nữ	26/06/1998				Giỏi	1759109	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32938	4582-K52H4		Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	18/03/1998				Khá	1759110	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
32939	4583-K52H4		Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	01/06/1998				Khá	1759111	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32940	4584-K52H4		Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	26/10/1998				Giỏi	1759112	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32941	4585-K52H4		Võ Thị Tường	Vi	Nữ	20/04/1997				Khá	1759113	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32942	4586-K52H5		Dương Thị	Chín	Nữ	12/10/1997				Khá	1759114	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32943	4587-K52H5		Quàng Minh	Điệp	Nữ	08/05/1998				Khá	1759115	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32944	4588-K52H5		Trịnh Thu	Hà	Nữ	12/09/1998				Giỏi	1759116	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32945	4589-K52H5		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	24/07/1998				Khá	1759117	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32946	4590-K52H5		Bùi Thị	Hiền	Nữ	25/05/1998				Giỏi	1759118	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32947	4591-K52H5		Lê Thị Khánh	Huyền	Nữ	11/01/1998				Giỏi	1759119	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32948	4592-K52H5		Triệu Thùy	Linh	Nữ	05/01/1998				Khá	1759120	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32949	4593-K52H5		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	11/09/1998				Khá	1759121	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32950	4594-K52H5		Hoàng Thị	Ninh	Nữ	23/08/1998				Khá	1759122	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32951	4595-K52H5		Vi Thị ánh	Quyên	Nữ	30/04/1998				Giỏi	1759123	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32952	4596-K52H5		Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	25/09/1998				Giỏi	1759124	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32953	4597-K52H5		Nguyễn Anh	Thư	Nữ	13/09/1998				Xuất sắc	1759125	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32954	4598-K52H5		Nguyễn Hồng	Trà	Nữ	26/01/1998				Khá	1759126	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32955	4599-K52H5		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	05/07/1998				Xuất sắc	1759127	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32956	4600-K52H6		Chu Thị Thanh	Huyền	Nữ	26/04/1998				Khá	1759128	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32957	4601-K52H6		Trần Thị	Ngọc	Nữ	19/11/1998				Khá	1759129	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32958	4602-K52H6		Hoàng Thị	Phượng	Nữ	30/09/1998				Khá	1759130	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32959	4603-K52H6		Vũ Thị	Quyên	Nữ	20/10/1998				Khá	1759131	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32960	4604-K52H6		Nguyễn Ngọc Hà	Trang	Nữ	12/11/1998				Khá	1759132	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32961	4605-K52H6		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	09/03/1998				Giỏi	1759133	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32962	4606-K52H6		Đàm Thanh	Tuyền	Nữ	07/07/1998				Giỏi	1759134	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32963	4607-K51H1		Hứa Minh	Quang	Nam	16/01/1997				Trung bình	1759135	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32964	4608-K51H2		Phan Đắc	Quang	Nam	28/11/1997				Trung bình	1759136	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32965	4609-K51H3		Bùi Kiều	Anh	Nữ	17/02/1997				Khá	1759137	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32966	4610-K51H3		Nguyễn Đăng Tuấn	Anh	Nam	18/09/1997				Trung bình	1759138	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32967	4611-K51H4		Lã Thị Hồng	Ngọc	Nữ	06/05/1997				Trung bình	1759139	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32968	4612-K51H4		Đặng Thị Ninh	Trang	Nữ	16/11/1997				Khá	1759140	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32969	4613-K51H5		Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	23/01/1997				Trung bình	1759141	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32970	4614-K51H6		Võ Minh	Khánh	Nam	18/09/1997				Khá	1759142	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32971	4615-K51H6		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	05/08/1997				Khá	1759143	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32972	4616-K50H1		Chu Văn	Thắng	Nam	13/07/1996				Khá	1759144	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32973	4617-K49H2		Trần Đại	Tài	Nam	16/12/1995				Trung bình	1759145	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1598/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32974	4618-K52I1		Lê Ngọc	Anh	Nam	05/08/1998				Khá	1759146	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32975	4619-K52I1		Hòa Thị	Lan	Nữ	23/05/1998				Khá	1759147	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32976	4620-K52I1		Hoàng Thị	Linh	Nữ	10/08/1998				Xuất sắc	1759148	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32977	4621-K52I1		Lương Thị Thanh	Nhàn	Nữ	21/09/1998				Khá	1759149	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32978	4622-K52I1		Nguyễn Thị	Ninh	Nữ	29/07/1998				Khá	1759150	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32979	4623-K52I2		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	21/06/1998				Khá	1759151	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32980	4624-K52I2		Đỗ Thị	Hằng	Nữ	19/08/1998				Giỏi	1759152	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32981	4625-K52I2		Phạm Thị Tuyết	Lan	Nữ	04/09/1998				Khá	1759153	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32982	4626-K52I2		Tiêu Thị Tuyết	Mai	Nữ	27/08/1998				Giỏi	1759154	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32983	4627-K52I2		Lê Thị Minh	Ngọc	Nữ	20/06/1998				Giỏi	1759155	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32984	4628-K52I2		Hà Thị	Trang	Nữ	02/06/1998				Khá	1759156	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32985	4629-K52I3		Bùi Thị	Duyên	Nữ	03/07/1998				Khá	1759157	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32986	4630-K52I3		Đặng Thị Diệu	Hà	Nữ	24/07/1998				Khá	1759158	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32987	4631-K52I3		Nguyễn Minh	Ngọc	Nam	24/03/1998				Khá	1759159	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32988	4632-K52I3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	07/11/1998				Xuất sắc	1759160	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32989	4633-K52I3		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	16/04/1998				Khá	1759161	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32990	4634-K52I3		Phùng Thị Hoài	Thương	Nữ	12/09/1998				Khá	1759162	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32991	4635-K52I4		Đoàn Thị Ngọc	ánh	Nữ	09/11/1998				Giỏi	1759163	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32992	4636-K52I4		Lê Văn	Hiếu	Nam	02/02/1998				Khá	1759164	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32993	4637-K52I4		Nhữ Thị Thanh	Huyền	Nữ	13/12/1998				Khá	1759165	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32994	4638-K52I4		Lê Thị Thu	Linh	Nữ	27/08/1998				Khá	1759166	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32995	4639-K52I4		Tô Khánh	Linh	Nữ	17/10/1998				Khá	1759167	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32996	4640-K52I4		Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	31/01/1998				Giỏi	1759168	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32997	4641-K52I4		Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	27/01/1998				Khá	1759169	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32998	4642-K52I4		Cao Thị	Phượng	Nữ	23/10/1998				Khá	1759170	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
32999	4643-K52I4		Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	11/06/1998				Giỏi	1759171	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33000	4644-K52I4		Phan Thị	Thúy	Nữ	27/09/1998				Khá	1759172	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33001	4645-K52I4		Bùi Hạnh	Trang	Nữ	12/02/1998				Khá	1759173	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33002	4646-K52I4		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	24/09/1998				Giỏi	1759174	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33003	4647-K52I4		Đoàn Thị	Trình	Nữ	25/07/1997				Giỏi	1759175	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33004	4648-K52I4		Cù Hải	Yến	Nữ	21/10/1998				Khá	1759176	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33005	4649-K52I5		Nguyễn Thu	Anh	Nữ	02/03/1998				Khá	1759177	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33006	4650-K52I5		Trần Thị Mỹ	Hà	Nữ	25/10/1998				Giỏi	1759178	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33007	4651-K52I5		Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	14/09/1998				Khá	1759179	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33008	4652-K52I5		Vũ Thị Ngọc	Liên	Nữ	29/04/1997				Giỏi	1759180	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33009	4653-K52I5		Cao Thị Mỹ	Linh	Nữ	06/01/1998				Khá	1759181	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33010	4654-K52I5		Trần Thị	Linh	Nữ	07/06/1998				Giỏi	1759182	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33011	4655-K52I5		Tạ Thị	Mai	Nữ	26/01/1998				Giỏi	1759183	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33012	4656-K52I5		Đặng Thị	Ngà	Nữ	27/07/1998				Giỏi	1759184	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33013	4657-K52I5		Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	10/12/1998				Giỏi	1759185	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33014	4658-K52I5		Đỗ Thị Phương	Thúy	Nữ	29/12/1998				Xuất sắc	1759186	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33015	4659-K52I5		Phạm Thị	Thúy	Nữ	27/01/1998				Xuất sắc	1759187	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33016	4660-K52I5		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	13/05/1998				Khá	1759188	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33017	4661-K52I5		Vũ Thị	Yến	Nữ	03/10/1998				Xuất sắc	1759189	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33018	4662-K51I3		Nguyễn Đàm	Thuần	Nam	08/12/1997				Trung bình	1759190	2019	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	1599/QĐ-ĐHTM-QLĐT NGÀY 31/12/2019	
33019	587-K14CK7		Đặng Ngọc	Anh	Nữ	16/08/1996				Khá	1625508	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33020	588-K14CK7		Nguyễn Thị Cẩm	Anh	Nữ	02/10/1996				Khá	1625509	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33021	589-K14CK7		Trương Duy	Bình	Nam	27/06/1990				Khá	1625510	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33022	590-K14CK7		Trần Thị Diệu	Chi	Nữ	09/06/1993				Giỏi	1625511	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33023	591-K14CK7		Trần Thị	Diệp	Nữ	05/11/1986				Giỏi	1625512	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33024	592-K14CK7		Bùi Anh	Đức	Nam	19/10/1995				Khá	1625513	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33025	593-K14CK7		Chu Thị	Dung	Nữ	05/11/1991				Giỏi	1625514	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33026	594-K14CK7		Nguyễn Hải	Hà	Nữ	28/09/1981				Giỏi	1625515	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33027	595-K14CK7		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	10/12/1996				Giỏi	1625516	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33028	596-K14CK7		Trần Thị	Hà	Nữ	20/09/1991				Giỏi	1625517	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33029	597-K14CK7		Thái Thị Thu	Hạnh	Nữ	02/07/1987				Giỏi	1625518	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33030	598-K14CK7		Ngô Thị	Hiền	Nữ	05/03/1994				Khá	1625519	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33031	599-K14CK7		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	03/05/1991				Giỏi	1625520	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33032	600-K14CK7		Trần Thị	Hiền	Nữ	24/02/1991				Khá	1625521	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33033	601-K14CK7		Nguyễn Thị Kim	Hoa	Nữ	10/04/1990				Giỏi	1625522	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33034	602-K14CK7		Nguyễn Hữu	Huấn	Nam	14/10/1988				Giỏi	1625523	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33035	603-K14CK7		Trương Thị	Huệ	Nữ	01/10/1992				Giỏi	1625524	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33036	604-K14CK7		Doãn Văn	Hùng	Nam	17/07/1971				Khá	1625525	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33037	605-K14CK7		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	11/02/1994				Khá	1625526	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33038	606-K14CK7		Đào Thùy	Linh	Nữ	25/11/1993				Khá	1625527	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33039	607-K14CK7		Lê Duy	Long	Nam	26/02/1992				Khá	1625528	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33040	608-K14CK7		Nguyễn Thị Mai	Lương	Nữ	03/06/1980				Khá	1625529	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33041	609-K14CK7		Nguyễn Đắc Lê	Minh	Nam	24/12/1993				Khá	1625530	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33042	610-K14CK7		Phạm Trà	My	Nữ	05/07/1993				Khá	1625531	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33043	611-K14CK7		Trịnh Thị	Ngân	Nữ	27/11/1989				Khá	1625532	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33044	612-K14CK7		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/11/1993				Khá	1625533	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33045	613-K14CK7		Phạm Thanh	Phương	Nữ	27/11/1992				Giỏi	1625534	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33046	614-K14CK7		Trần Thị	Phương	Nữ	20/10/1993				Giỏi	1625535	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33047	615-K14CK7		Trịnh Thị Thu	Phương	Nữ	05/01/1992				Khá	1625536	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33048	616-K14CK7		Tô Thị	Sim	Nữ	08/09/1978				Giỏi	1625537	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33049	617-K14CK7		Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	27/03/1980				Giỏi	1625538	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33050	618-K14CK7		Trần Thị	Thắm	Nữ	12/02/1980				Giỏi	1625539	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33051	619-K14CK7		Trần Thị	Thanh	Nữ	07/10/1993				Khá	1625540	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33052	620-K14CK7		Trần Phương	Thảo	Nữ	30/07/1996				Khá	1625541	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33053	621-K14CK7		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	04/01/1992				Khá	1625542	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33054	622-K14CK7		Đỗ Thị	Thúy	Nữ	10/09/1991				Khá	1625543	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33055	623-K14CK7		Ngô Anh	Tuấn	Nam	10/08/1981				Khá	1625544	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33056	624-K14CK7		Lương Thị Thanh	Tuyền	Nữ	14/11/1988				Khá	1625545	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33057	625-K14CK7		Ngô Thị ánh	Tuyết	Nữ	15/12/1982				Giỏi	1625546	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33058	626-K14CK7		Nguyễn Hiền	Xuân	Nam	02/09/1967				Khá	1625547	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33059	627-K14CK7		Hoàng Hải	Yến	Nữ	30/03/1988				Khá	1625548	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1020/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33060	628-K11CK15		Nguyễn Duy	Trung	Nam	03/11/1992				Trung bình	1625549	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1021/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33061	629-K12CK5		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	27/03/1994				Trung bình	1625550	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1021/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33062	630-K12CK8		Chu Thị Thúy	Hằng	Nữ	05/09/1994				Khá	1625551	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1021/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33063	631-K12CK8		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	13/05/1995				Khá	1625552	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1021/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33064	632-K13CK3		Đào Thị	Nga	Nữ	15/07/1992				Khá	1625553	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1021/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33065	633-K14CK2		Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	19/02/1995				Khá	1625554	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1021/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33066	634-K14CK2		Nguyễn Thị	Yên	Nữ	16/05/1991				Khá	1625555	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1021/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33067	635-K14CK3		Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	15/09/1990				Khá	1625556	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1021/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33068	636-K14CK5		Hà Thu	Lan	Nữ	20/05/1995				Khá	1625557	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1021/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33069	637-K6TK3		Phan Thị	Hà	Nữ	28/01/1990				Khá	1625558	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33070	638-K6TK3		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	29/04/1987				Khá	1625559	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33071	639-K6TK3		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	11/05/1994				Khá	1625560	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33072	640-K7TK1		Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	24/09/1993				Trung bình	1625561	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33073	641-K7TK1		Lê Thị	Thúy	Nữ	02/09/1986				Khá	1625562	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1025/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33074	642-K4TK1		Nguyễn Quang	Anh	Nam	06/08/1993				Trung bình khá	1625563	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1024/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33075	643-K14CQ1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	27/07/1995				Khá	1625564	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1023/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33076	644-K14CQ1		Phan Bá	Thành	Nam	11/07/1995				Trung bình	1625565	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1023/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33077	645-K14CQ2		Hoàng Thị	Giang	Nữ	02/02/1993				Khá	1625566	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1023/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33078	646-K14CQ3		Nguyễn Văn	Hùng	Nam	10/11/1988				Trung bình	1625567	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	1022/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33079	647-K14CQ3		Đặng Thị Thanh	Huyền	Nữ	15/01/1996				Khá	1625568	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	1022/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33080	648-K14CQ3		Nguyễn Thanh	Lành	Nam	14/09/1996				Khá	1625569	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	1022/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33081	649-K14CQ3		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	29/09/1996				Khá	1625570	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	1022/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33082	650-K14CQ3		Huỳnh Thị Như	Sương	Nữ	01/02/1992				Khá	1625571	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	1022/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33083	651-K14CQ3		Đặng Thị Phương	Thảo	Nữ	20/10/1991				Khá	1625572	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	1022/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33084	652-K6TK3		Vũ Thị Phương	Thanh	Nữ	4/11/1989				Khá	1625573	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33085	653-K7TK1		Phạm Thị Minh	Diệu	Nữ	19/02/1992				Khá	1625574	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33086	654-K7TK2		Vũ Thị Thúy	Anh	Nữ	18/09/1995				Giỏi	1625575	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33087	655-K7TK2		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	23/02/1994				Khá	1625576	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33088	656-K7TK2		Dương Quang	Đô	Nam	10/03/1993				Khá	1625577	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33089	657-K7TK2		Tạ Minh	Đức	Nam	20/03/1984				Khá	1625578	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33090	658-K7TK2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	23/06/1993				Khá	1625579	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33091	659-K7TK2		Đỗ Văn	Khắc	Nam	20/06/1994				Khá	1625580	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33092	660-K7TK2		Đỗ Thị Phương	Linh	Nữ	24/12/1987				Giỏi	1625581	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33093	661-K7TK2		Nguyễn Thu	Nga	Nữ	06/08/1989				Khá	1625582	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33094	662-K7TK2		Tạ Thị	Nhàn	Nữ	18/07/1987				Giỏi	1625583	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33095	663-K7TK2		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/12/1989				Khá	1625584	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33096	664-K7TK2		Trịnh Thị	Then	Nữ	14/02/1989				Khá	1625585	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33097	665-K7TK2		Hoàng Thị	Tình	Nữ	12/01/1987				Khá	1625586	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33098	666-K7TK2		Lê Thị	Xoan	Nữ	28/12/1990				Khá	1625587	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33099	667-K7TK2		Lê Thị Thanh	Xuân	Nữ	20/12/1987				Khá	1625588	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33100	668-K7TK3		Đinh Thị Vân	Anh	Nữ	10/10/1995				Khá	1625589	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33101	669-K7TK3		Lê Thị Quỳnh	Anh	Nữ	06/11/1991				Khá	1625590	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33102	670-K7TK3		Lê Thị Tùng	Anh	Nữ	13/08/1986				Khá	1625591	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33103	671-K7TK3		Nguyễn Huyền Ngọc	Anh	Nữ	26/11/1989				Khá	1625592	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33104	672-K7TK3		Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	28/04/1995				Khá	1625593	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33105	673-K7TK3		Nguyễn Thị	Chung	Nữ	17/10/1986				Khá	1625594	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33106	674-K7TK3		Phạm Thị Anh	Đào	Nữ	20/02/1985				Khá	1625595	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33107	675-K7TK3		Đặng Thị	Đức	Nữ	06/06/1986				Khá	1625596	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33108	676-K7TK3		Nguyễn Đức	Hải	Nam	25/06/1988				Khá	1625597	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33109	677-K7TK3		Lê Thị	Hiền	Nữ	29/01/1992				Giỏi	1625598	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33110	678-K7TK3		Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	28/11/1995				Giỏi	1625599	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33111	679-K7TK3		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	06/01/1994				Khá	1625600	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33112	680-K7TK3		Lê Hồng	Hoa	Nữ	05/08/1994				Khá	1625601	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33113	681-K7TK3		Triệu Thị Thanh	Hường	Nữ	03/11/1985				Khá	1625602	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33114	682-K7TK3		Phạm Thị	Khuyên	Nữ	22/12/1991				Giỏi	1625603	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33115	683-K7TK3		Nguyễn Thị	Kiên	Nữ	19/04/1993				Khá	1625604	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33116	684-K7TK3		Nguyễn Văn	Kiên	Nam	20/09/1984				Khá	1625605	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33117	685-K7TK3		Nguyễn Trung	Lai	Nam	13/10/1993				Khá	1625606	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33118	686-K7TK3		Chu Thị	Mai	Nữ	22/11/1998				Giỏi	1625607	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33119	687-K7TK3		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	15/12/1992				Khá	1625608	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33120	688-K7TK3		Phạm Thị	Ngoan	Nữ	10/01/1982				Khá	1625609	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33121	689-K7TK3		Hoàng Đức	Quang	Nam	09/01/1986				Khá	1625610	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33122	690-K7TK3		Nguyễn Khánh	Quỳnh	Nữ	13/04/1994				Khá	1625611	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33123	691-K7TK3		Trần Thanh	Sơn	Nam	16/05/1981				Khá	1625612	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33124	692-K7TK3		Hoàng Thanh	Tâm	Nữ	05/08/1994				Khá	1625613	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33125	693-K7TK3		Tạ Thị	Thái	Nữ	12/07/1989				Khá	1625614	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33126	694-K7TK3		Lê Hoài	Thương	Nữ	09/11/1988				Khá	1625615	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33127	695-K7TK3		Chử Thị Kiều	Trang	Nữ	26/06/1991				Khá	1625616	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33128	696-K7TK3		Lê Anh	Tử	Nam	29/04/1977				Giỏi	1625617	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33129	697-K7TK3		Nguyễn Duy	Tuấn	Nam	22/05/1993				Khá	1625618	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33130	698-K7TK3		Vũ Thị Tố	Uyên	Nữ	08/05/1993				Khá	1625619	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33131	699-K7TK3		Tạ Thu	Vân	Nữ	18/05/1994				Khá	1625620	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33132	700-K7TK3		Trần Văn	Việt	Nam	23/10/1991				Khá	1625621	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1106/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33133	701-K6TK1		Lê Thị Thu	Trang	Nữ	04/11/1988				Khá	1625622	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33134	702-K6TK1		Phan Thị Bích	Việt	Nữ	20/06/1988				Khá	1625623	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33135	703-K6TK3		Nguyễn Minh	Thành	Nam	22/08/1993				Khá	1625624	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33136	704-K7TK2		Bùi Duy	Anh	Nam	21/09/1994				Khá	1625625	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33137	705-K7TK2		Trần Thị	Nhung	Nữ	20/08/1994				Khá	1625626	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33138	706-K7TK4		Nghiêm Thị Lan	Anh	Nữ	18/01/1988				Khá	1625627	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33139	707-K7TK4		Nguyễn Thị	Chúc	Nữ	02/12/1993				Khá	1625628	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33140	708-K7TK4		Nguyễn Đức	Duy	Nam	10/12/1995				Trung bình	1625629	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33141	709-K7TK4		Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	04/04/1991				Khá	1625630	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33142	710-K7TK4		Phạm Hương	Giang	Nữ	31/12/1984				Khá	1625631	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33143	711-K7TK4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/08/1993				Khá	1625632	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33144	712-K7TK4		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	04/04/1987				Khá	1625633	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33145	713-K7TK4		Trần Thị	Hằng	Nữ	26/07/1984				Khá	1625634	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33146	714-K7TK4		Trần Thị	Huệ	Nữ	08/12/1995				Khá	1625635	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33147	715-K7TK4		Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	28/07/1984				Khá	1625636	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33148	716-K7TK4		Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	18/12/1989				Khá	1625637	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33149	717-K7TK4		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	19/10/1994				Khá	1625638	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33150	718-K7TK4		Trần Xuân	Lợi	Nam	20/08/1983				Khá	1625639	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33151	719-K7TK4		Hà Thị	Lựu	Nữ	22/11/1990				Khá	1625640	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33152	720-K7TK4		Cao Thị	Mai	Nữ	01/01/1991				Khá	1625641	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33153	721-K7TK4		Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	30/10/1993				Khá	1625642	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33154	722-K7TK4		Lê Thị	Ngoan	Nữ	01/10/1992				Khá	1625643	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33155	723-K7TK4		Mai Thị	Ngọc	Nữ	29/07/1988				Khá	1625644	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33156	724-K7TK4		Nguyễn Lan	Phương	Nữ	03/11/1986				Trung bình	1625645	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33157	725-K7TK4		Nguyễn Loan	Phượng	Nữ	15/10/1993				Trung bình	1625646	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33158	726-K7TK4		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	20/01/1991				Khá	1625647	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33159	727-K7TK4		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	22/02/1982				Khá	1625648	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33160	728-K7TK4		Vũ Minh	Thúy	Nữ	07/11/1993				Khá	1625649	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33161	729-K7TK4		Lê Mạnh	Vương	Nam	16/02/1993				Khá	1625650	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33162	730-K7TK4		Ngô Thị Hải	Yến	Nữ	24/11/1993				Khá	1625651	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1122/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33163	731-K50BK1		Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	28/12/1991				Khá	1625652	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33164	732-K50BK1		Đinh Thị Hải	Diệu	Nữ	19/08/1992				Khá	1625653	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33165	733-K50BK1		Phạm Đức	Dũng	Nam	25/02/1981				Khá	1625654	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33166	734-K50BK1		Đào Thị Thùy	Dương	Nữ	24/12/1993				Khá	1625655	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33167	735-K50BK1		Hà Thị	Dương	Nữ	20/11/1993				Khá	1625656	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33168	736-K50BK1		Văn Thị	Duyên	Nữ	16/10/1991				Khá	1625657	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33169	737-K50BK1		Đinh Thị	Hạnh	Nữ	15/10/1989				Khá	1625658	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33170	738-K50BK1		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	26/03/1993				Khá	1625659	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33171	739-K50BK1		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	10/10/1991				Khá	1625660	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33172	740-K50BK1		Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	09/10/1993				Khá	1625661	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33173	741-K50BK1		Hoàng Thùy	Linh	Nữ	01/04/1991				Khá	1625662	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33174	742-K50BK1		Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	07/09/1983				Khá	1625663	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33175	743-K50BK1		Cao Thị Minh	Loan	Nữ	08/05/1987				Khá	1625664	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33176	744-K50BK1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	24/11/1987				Khá	1625665	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33177	745-K50BK1		Dương Quỳnh	Nga	Nữ	19/01/1992				Khá	1625666	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33178	746-K50BK1		Vũ Hồng	Quân	Nam	12/02/1987				Khá	1625667	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33179	747-K50BK1		Nguyễn Thị	Sáu	Nữ	24/10/1990				Khá	1625668	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33180	748-K50BK1		Phan Hùng	Sơn	Nam	23/05/1993				Khá	1625669	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33181	749-K50BK1		Bùi Thị	Thoan	Nữ	08/11/1994				Khá	1625670	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33182	750-K50BK1		Nguyễn Dạ	Thương	Nữ	31/08/1991				Khá	1625671	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33183	751-K50BK1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	09/03/1992				Khá	1625672	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33184	752-K50BK1		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	30/11/1990				Khá	1625673	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33185	753-K50BK1		Ngô Thị	Uyên	Nữ	17/11/1984				Khá	1625674	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1124/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33186	754-K14CK4		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	23/02/1996				Trung bình	1625675	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1126/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33187	755-K14CK5		Lương Thị	Thu	Nữ	21/04/1996				Khá	1625676	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1126/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33188	756-K14CK6		Lê Thị Vân	Trang	Nữ	27/04/1994				Khá	1625677	2019	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1126/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33189	757-K50BQ1		Đỗ Đức	Chung	Nam	18/07/1992				Khá	1625678	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1125/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33190	758-K50BQ1		Phạm Thành	Dương	Nam	14/09/1984				Khá	1625679	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1125/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33191	759-K50BQ1		Nguyễn Đình	Duy	Nam	26/01/1986				Khá	1625680	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1125/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33192	760-K50BQ1		Đặng Hoàng	Hà	Nam	04/04/1994				Khá	1625681	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1125/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33193	761-K50BQ1		Vũ Thanh	Huyền	Nữ	03/11/1993				Khá	1625682	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1125/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33194	762-K50BQ1		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	23/10/1991				Khá	1625683	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1125/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33195	763-K50BQ1		Đào Thị Hồng	Phương	Nữ	28/09/1993				Khá	1625684	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1125/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33196	764-K50BQ1		Trịnh Xuân	Quang	Nam	05/11/1989				Khá	1625685	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	1125/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33197	765-K14CQ1		Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	19/05/1995				Khá	1625686	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	1127/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33198	766-K14CQ1		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	13/08/1994				Khá	1625687	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	1127/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33199	767-K14CQ3		Nguyễn Thị Phương	Hằng	Nữ	16/05/1991				Khá	1625688	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	1127/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33200	768-K14CQ3		Nguyễn Đình Bảo	Nhi	Nam	19/01/1994				Khá	1625689	2019	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	1127/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33201	769-K14CT1		Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	08/05/1993				Trung bình	1625690	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1027/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33202	770-K14CT1		Trần Quốc	Tuấn	Nam	21/08/1993				Khá	1625691	2019	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	1027/QĐ-ĐHTM, 09/9/2019	
33203	771-K7TK4		Nguyễn Thái	Công	Nam	08/04/1991				Trung bình khá	1625692	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1123/QĐ-ĐHTM, 26/9/2019	
33204	772-K6TK3		Lê Thị	Thảo	Nữ	20/05/1989				Khá	1625693	2019	Vừa làm vừa học	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	1105/QĐ-ĐHTM, 25/9/2019	
33205	1-K52A2		Nguyễn Minh	Chí	Nam	21/05/1998				Khá	1759192	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33206	2-K52A2		Nguyễn Kim	Hà	Nữ	24/08/1998				Khá	1759193	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33207	3-K52A3		Đoàn Văn	Nam	Nam	12/11/1998				Trung bình	1759194	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33208	4-K52A3		Đỗ Thị	Yến	Nữ	09/03/1998				Khá	1759195	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33209	5-K52A4		Phùng Thị Vân	Anh	Nữ	26/02/1998				Khá	1759196	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33210	6-K52A4		Đặng Thùy	Dương	Nữ	01/12/1998				Khá	1759197	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33211	7-K52A4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	06/12/1998				Giỏi	1759198	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33212	8-K52A4		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	01/09/1998				Khá	1759199	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33213	9-K52A5		Nguyễn Đức	Duy	Nam	05/03/1998				Trung bình	1759200	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33214	10-K52A5		Trương Thị Thu	Thảo	Nữ	27/02/1998				Khá	1759201	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33215	11-K52A6		Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	03/03/1998				Khá	1759202	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33216	12-K52A6		Ngô Quốc	Trí	Nam	21/03/1998				Trung bình	1759203	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33217	13-K52A7		Lại Thị	Ngà	Nữ	15/08/1998				Giỏi	1759204	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33218	14-K52A7		Phạm Thị	Oanh	Nữ	08/07/1998				Khá	1759205	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33219	15-K52A8		Triệu Thị Lệ	Giang	Nữ	02/02/1998				Giỏi	1759206	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33220	16-K52A8		Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	15/11/1998				Giỏi	1759207	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33221	17-K52A8		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	25/04/1998				Khá	1759208	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33222	18-K52A9		Bùi Thị Thùy	Linh	Nữ	10/01/1998				Giỏi	1759209	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33223	19-K52A9		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	01/07/1998				Giỏi	1759210	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33224	20-K52A9		Phạm Thị Hà	Trang	Nữ	18/07/1998				Trung bình	1759211	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33225	21-K51A1		Nguyễn Đình	Quỳnh	Nam	03/07/1997				Trung bình	1759212	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33226	22-K51A2		Bùi Thị	Mai	Nữ	27/10/1997				Khá	1759213	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33227	23-K51A3		Tạ Việt	Anh	Nam	13/06/1997				Trung bình	1759214	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33228	24-K51A3		Trần Thế	Đạt	Nam	27/11/1997				Khá	1759215	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33229	25-K51A3		Lê Thị	Vân	Nữ	30/11/1997				Trung bình	1759216	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33230	26-K51A4		Trần Thị Minh	ánh	Nữ	13/06/1997				Khá	1759217	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33231	27-K50A1		Cao Thùy	Linh	Nữ	23/05/1996				Trung bình	1759218	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33232	28-K50A4		Trần Bảo	Khoa	Nam	10/02/1996				Trung bình	1759219	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33233	29-K48QA		Trần Thị	Hạnh	Nữ	13/11/1994				Trung bình	1759220	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33234	30-K51K1		Bùi Phụng	Anh	Nam	14/09/1997				Trung bình	1759221	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33235	31-K51K1		Vũ Thị Hà	Phương	Nữ	09/12/1997				Khá	1759222	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33236	32-K51K1		Ninh Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	23/10/1997				Khá	1759223	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33237	33-K51K1		Trịnh Thị	Thu	Nữ	25/08/1997				Khá	1759224	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33238	34-K51K1		Trần Bá	Vũ	Nam	10/10/1997				Trung bình	1759225	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33239	35-K51K2		Đỗ Thị	Trang	Nữ	19/11/1997				Khá	1759226	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33240	36-K51K2		Nguyễn Vũ Thanh	Tùng	Nam	28/02/1997				Trung bình	1759227	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33241	37-K51K2		Nguyễn Thị Phương	Tuyết	Nữ	07/02/1997				Khá	1759228	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33242	38-K51K2		Trần Văn	Vượng	Nam	19/02/1996				Trung bình	1759229	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33243	39-K51K3		Hoàng	Anh	Nữ	24/02/1996				Trung bình	1759230	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33244	40-K51K3		Bùi Quang	Trung	Nam	01/04/1997				Trung bình	1759231	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33245	41-K51K4		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	01/10/1997				Trung bình	1759232	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33246	42-K51K4		Lê Xuân	Hòa	Nam	09/11/1997				Trung bình	1759233	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33247	43-K51K4		Hoàng Thị Thu	Hoài	Nữ	22/12/1997				Giỏi	1759234	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33248	44-K51K4		Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	03/03/1997				Khá	1759235	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33249	45-K51K5		Vũ Trâm	Anh	Nữ	11/02/1997				Khá	1759236	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33250	46-K51K5		Trần Thị Cẩm	Hà	Nữ	08/08/1997				Khá	1759237	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33251	47-K52Q1		Nguyễn Tiến	Anh	Nam	19/08/1998				Khá	1759238	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33252	48-K52Q1		Nguyễn Thị	Hạ	Nữ	15/08/1998				Khá	1759239	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33253	49-K52Q1		Đỗ Đăng	Hoàn	Nam	27/04/1998				Khá	1759240	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33254	50-K52Q1		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	13/12/1998				Khá	1759241	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33255	51-K52Q1		Dương Thùy	Linh	Nữ	20/05/1997				Khá	1759242	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33256	52-K52Q1		Trần Thùy	Linh	Nữ	06/04/1998				Khá	1759243	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33257	53-K52Q1		Vương Thị	Mến	Nữ	01/09/1996				Khá	1759244	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33258	54-K52Q1		Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	05/02/1998				Khá	1759245	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33259	55-K52Q1		Trần Thị	Nhung	Nữ	30/10/1998				Khá	1759246	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33260	56-K52Q1		Vũ Thị Thu	Phượng	Nữ	23/02/1998				Khá	1759247	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33261	57-K52Q1		Phan Thị Tố	Tâm	Nữ	29/01/1998				Khá	1759248	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33262	58-K52Q1		Phạm Thị	Thu	Nữ	17/08/1998				Khá	1759249	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33263	59-K52Q1		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	25/05/1998				Khá	1759250	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33264	60-K52Q1		Phan Văn	Trường	Nam	07/09/1998				Khá	1759251	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33265	61-K52Q2		Lê Phương	Anh	Nữ	24/08/1998				Khá	1759252	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33266	62-K52Q2		Nguyễn Trọng	Hưng	Nam	21/12/1998				Khá	1759253	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33267	63-K52Q2		Lương Thế	Mậu	Nam	08/05/1998				Khá	1759254	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33268	64-K52Q2		Vũ Nguyễn Mai	Phương	Nữ	09/03/1998				Khá	1759255	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33269	65-K51Q1		Lý Thị	Hưng	Nữ	02/11/1997				Khá	1759256	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33270	66-K51Q1		Trần Thị	Thùy	Nữ	24/10/1997				Khá	1759257	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33271	67-K51Q2		Đoàn Khánh	Huyền	Nữ	14/11/1997				Khá	1759258	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33272	68-K51Q2		Nguyễn Thị Hồng	Phượng	Nữ	08/07/1997				Trung bình	1759259	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33273	69-K51Q2		Nguyễn Trần Lạc	Thư	Nữ	17/04/1997				Trung bình	1759260	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33274	70-K51Q2		Nguyễn Xuân	Tường	Nam	20/11/1997				Trung bình	1759261	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33275	71-K51Q2		Phạm Thị ánh	Tuyết	Nữ	02/02/1997				Trung bình	1759262	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33276	72-K51Q4		Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	20/09/1997				Khá	1759263	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33277	73-K50Q1		Trần Thị Nụ	Oanh	Nữ	30/11/1996				Trung bình	1759264	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33278	74-K50Q2		Nguyễn Hằng	Hà	Nữ	11/07/1996				Trung bình	1759265	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33279	75-K50Q2		Vũ Thị	Phương	Nữ	07/12/1995				Khá	1759266	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33280	76-K50Q2		Đỗ Trí	Trung	Nam	04/06/1996				Khá	1759267	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33281	77-K49Q		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	27/07/1995				Trung bình	1759268	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33282	78-K48I5		Nguyễn Quang	Long	Nam	08/05/1994				Trung bình	1759269	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị thương mại điện tử	153/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33283	79-K52B1KS		Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	01/01/1998				Giỏi	1759270	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33284	80-K52B1KS		Nguyễn Phương	Lan	Nữ	26/12/1998				Xuất sắc	1759271	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33285	81-K52B1KS		Đỗ Thị	Linh	Nữ	23/04/1998				Khá	1759272	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33286	82-K52B1KS		Đặng Thị Kim	Ngân	Nữ	15/04/1998				Khá	1759273	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33287	83-K52B1KS		Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	31/10/1998				Khá	1759274	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33288	84-K52B1KS		Đỗ Mai	Uyên	Nữ	20/08/1998				Khá	1759275	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33289	85-K52B2KS		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	25/01/1998				Khá	1759276	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33290	86-K52B2KS		Vũ Phương	Hạnh	Nữ	03/07/1998				Khá	1759277	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33291	87-K52B2KS		Tô Lan	Hương	Nữ	07/09/1998				Giỏi	1759278	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33292	88-K52B2KS		Phạm Thị	Mai	Nữ	01/01/1998				Khá	1759279	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33293	89-K52B2KS		Đặng Thị Kim	Ngân	Nữ	30/07/1998				Khá	1759280	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33294	90-K52B2KS		Nguyễn Thu	Trang	Nữ	26/07/1998				Khá	1759281	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33295	91-K52B3KS		Hà Thị	Nga	Nữ	08/10/1998				Khá	1759282	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33296	92-K51B1KS		Đào Thị	Bưởi	Nữ	10/12/1996				Khá	1759283	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33297	93-K51B3KS		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	18/09/1996				Trung bình	1759284	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33298	94-K51B3KS		Trương Thị	Giang	Nữ	04/11/1997				Trung bình	1759285	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33299	95-K51B4KS		Lê Thị Khánh	Huyền	Nữ	18/11/1997				Khá	1759286	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33300	96-K51B4KS		Phạm Thị Mai	Lệ	Nữ	12/04/1997				Khá	1759287	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	154/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33301	97-K52B1LH		Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	17/11/1998				Khá	1759288	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33302	98-K52B1LH		Phạm Thị	Tâm	Nữ	13/04/1998				Khá	1759289	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33303	99-K52B2LH		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	25/08/1998				Giỏi	1759290	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33304	100-K52B2LH		Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	22/02/1998				Khá	1759291	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33305	101-K52B2LH		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	16/09/1998				Khá	1759292	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33306	102-K52B2LH		Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	09/02/1998				Khá	1759293	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33307	103-K52B2LH		Nguyễn Thuý	Quỳnh	Nữ	12/07/1998				Khá	1759573	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33308	104-K52B2LH		Dương Thị	Thanh	Nữ	17/03/1998				Khá	1759295	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33309	105-K52B3LH		Vũ Mạnh	Cường	Nam	28/07/1998				Khá	1759296	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33310	106-K52B3LH		Hoàng Thị Thanh	Thanh	Nữ	15/03/1998				Khá	1759297	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33311	107-K52B3LH		Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	24/08/1998				Xuất sắc	1759298	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33312	108-K52B4LH		Phạm Thu	Hà	Nữ	26/04/1998				Khá	1759299	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33313	109-K52B4LH		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	03/07/1998				Giỏi	1759300	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33314	110-K52B4LH		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	19/01/1998				Khá	1759301	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33315	111-K52B4LH		Hoàng Phương	Nam	Nam	01/01/1998				Khá	1759302	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33316	112-K52B4LH		Đặng Thị Thúy	Tâm	Nữ	29/01/1998				Khá	1759303	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33317	113-K52B4LH		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	30/07/1998				Giỏi	1759304	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33318	114-K52B4LH		Phạm Thị	Thoa	Nữ	20/10/1998				Giỏi	1759305	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33319	115-K52B4LH		Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	01/06/1997				Khá	1759306	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33320	116-K52B4LH		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	24/05/1998				Khá	1759307	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33321	117-K51B1LH		Nguyễn Thuỳ	Dung	Nữ	30/09/1997				Giỏi	1759308	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33322	118-K51B1LH		Lê Thị	Huyền	Nữ	23/11/1997				Khá	1759309	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33323	119-K51B1LH		Lý Thị Thùy	Linh	Nữ	18/06/1997				Khá	1759310	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33324	120-K51B1LH		Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	17/05/1997				Khá	1759311	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33325	121-K51B2LH		Nguyễn Thanh	An	Nữ	03/12/1997				Khá	1759312	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33326	122-K51B3LH		Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	20/06/1997				Khá	1759313	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33327	123-K51B4LH		Doãn Thị	Huyền	Nữ	22/03/1997				Trung bình	1759314	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33328	124-K50B2LH		Đặng Phương	Vân	Nữ	07/10/1996				Trung bình	1759315	2020	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33329	125-K52E1		Dương Thục	Anh	Nữ	15/08/1998				Giỏi	1759316	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33330	126-K52E2		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	12/11/1997				Khá	1759317	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33331	127-K52E2		Ngô Thị Thu	Phương	Nữ	22/04/1998				Giỏi	1759318	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33332	128-K52E3		Cao Mỹ	Linh	Nữ	15/05/1997				Khá	1759319	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33333	129-K52E4		Nguyễn Thị	ánh	Nữ	05/02/1998				Giỏi	1759320	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33334	130-K52E4		Nguyễn Thị	Diễn	Nữ	30/07/1998				Giỏi	1759321	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33335	131-K52E4		Trương Mỹ	Hạnh	Nữ	28/12/1998				Giỏi	1759322	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33336	132-K52E4		Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	10/03/1998				Giỏi	1759323	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33337	133-K52E4		Đinh Thị Diệu	Linh	Nữ	27/05/1998				Giỏi	1759324	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33338	134-K52E5		Trần Thảo	Trang	Nữ	04/07/1998				Khá	1759325	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33339	135-K51E1		Nguyễn Thị	Anh	Nữ	28/08/1997				Khá	1759326	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33340	136-K51E1		Nguyễn Trần Hoàng	Anh	Nữ	16/11/1997				Trung bình	1759327	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33341	137-K51E2		Bùi Thị Mai	Trang	Nữ	09/11/1997				Khá	1759328	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33342	138-K51E6		Bùi Thị	Nương	Nữ	20/07/1997				Khá	1759329	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33343	139-K50E3		Chu Thị Vân	Anh	Nữ	07/08/1996				Trung bình	1759330	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	156/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33344	140-K52C1		Ngô Thị	Liên	Nữ	01/05/1998				Khá	1759331	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33345	141-K52C2		Lưu Thúy	Quỳnh	Nữ	14/08/1998				Khá	1759332	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33346	142-K52C3		Nguyễn Thị Anh	Phương	Nữ	03/07/1998				Khá	1759333	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33347	143-K52C3		Phan Thị Thu	Thảo	Nữ	09/12/1998				Khá	1759334	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33348	144-K52C3		Chu Thị Thuỳ	Trang	Nữ	06/08/1998				Giỏi	1759335	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33349	145-K52C4		Hà Thị Minh	Anh	Nữ	14/06/1998				Khá	1759336	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33350	146-K52C5		Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	28/05/1998				Khá	1759337	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33351	147-K52C5		Trần Thị	Phương	Nữ	27/06/1998				Khá	1759338	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33352	148-K52C5		Ngô Thị	Thùy	Nữ	22/04/1998				Khá	1759339	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33353	149-K51C1		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	15/04/1997				Khá	1759340	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33354	150-K48C5		Hồ Thị Thùy	Dung	Nữ	24/11/1994				Trung bình	1759341	2020	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33355	151-K52T1		Quản Lục Thanh	Hằng	Nữ	22/09/1998				Khá	1759342	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33356	152-K52T1		Vũ Thị	Hồng	Nữ	26/11/1998				Khá	1759343	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33357	153-K52T1		Vũ Thị	Huyền	Nữ	24/02/1998				Khá	1759344	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33358	154-K52T2		Bùi Thị Linh	Hiếu	Nữ	05/01/1998				Khá	1759345	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33359	155-K52T3		Nông Thị Mai	Anh	Nữ	12/11/1998				Khá	1759346	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33360	156-K52T3		Phan Thị Ngọc	Hà	Nữ	21/07/1998				Giỏi	1759347	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33361	157-K52T3		Đỗ Bích	Hằng	Nữ	09/08/1998				Khá	1759348	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33362	158-K52T3		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	21/06/1998				Khá	1759349	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33363	159-K52T3		Lương Thị Thu	Hiền	Nữ	07/10/1998				Giỏi	1759350	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33364	160-K51T1		Lê Thị Lan	Anh	Nữ	21/05/1997				Khá	1759351	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33365	161-K51T1		Đỗ Xuân	Tùng	Nam	24/03/1997				Trung bình	1759352	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33366	162-K51T2		Lê Thu	Phương	Nữ	25/09/1997				Khá	1759353	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33367	163-K50T2		Trần Ngọc	Hoa	Nữ	11/05/1996				Khá	1759354	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33368	164-K50T2		Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	29/10/1996				Trung bình	1759355	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33369	165-K49T4		Lê Tuấn	Minh	Nam	06/04/1995				Trung bình	1759356	2020	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	157/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33370	166-K52P1		Đinh Thị Hà	Linh	Nữ	24/09/1998				Khá	1759357	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33371	167-K52P2		Vũ Phương	Anh	Nữ	22/10/1998				Khá	1759358	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33372	168-K52P2		Nguyễn Lan	Chi	Nữ	30/11/1998				Khá	1759359	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33373	169-K52P2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	18/12/1998				Giỏi	1759360	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33374	170-K52P2		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	05/12/1998				Giỏi	1759361	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33375	171-K52P3		Lê Thị Thanh	Hiền	Nữ	15/08/1998				Khá	1759362	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33376	172-K52P3		Vũ Gia	Khiêm	Nam	02/01/1997				Khá	1759363	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33377	173-K52P4		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	20/12/1998				Giỏi	1759364	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33378	174-K51P1		Đinh Thị Thanh	Mai	Nữ	11/03/1997				Khá	1759365	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33379	175-K51P2		Hồ Thùy	Tiên	Nữ	10/11/1997				Trung bình	1759366	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33380	176-K51P3		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	19/04/1997				Trung bình	1759367	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33381	177-K51P3		Nguyễn Thị Mĩ	Linh	Nữ	29/01/1997				Khá	1759368	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33382	178-K51P3		Lê Thu	Thủy	Nữ	18/12/1997				Khá	1759369	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33383	179-K51P3		Trần Thị Thu	Uyên	Nữ	27/02/1997				Khá	1759370	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33384	180-K51P4		Lê Tú	Anh	Nữ	07/01/1997				Khá	1759371	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33385	181-K51P4		Ma Thị Thùy	Dung	Nữ	27/03/1997				Khá	1759372	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33386	182-K51P4		Bùi Đức	Duy	Nam	30/09/1995				Trung bình	1759373	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33387	183-K50P5		Trương Hữu	Quân	Nam	21/07/1995				Trung bình	1759374	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33388	184-K49P3		Tống Nguyên	Thọ	Nam	10/11/1992				Trung bình	1759375	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33389	185-K18P		Lê Thị Kim	Chi	Nữ	07/03/1995				Khá	1759376	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33390	186-K19P		Phạm Thị	Trang	Nữ	20/06/1996				Khá	1759377	2020	Chính quy	Luật kinh tế	Luật thương mại	158/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33391	187-K52U1		Phan Ngọc	ánh	Nữ	16/11/1998				Khá	1759378	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33392	188-K52U1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	04/11/1997				Khá	1759379	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33393	189-K52U1		Nguyễn Thu	Sang	Nữ	25/07/1998				Giỏi	1759380	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33394	190-K52U1		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	13/11/1998				Giỏi	1759381	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33395	191-K52U2		Hoàng Thị Thuỳ	Linh	Nữ	08/07/1998				Giỏi	1759382	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33396	192-K52U2		Trần Thị	Mến	Nữ	20/07/1998				Khá	1759383	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33397	193-K52U2		Nguyễn Thị Kim	Thanh	Nữ	06/09/1998				Khá	1759384	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33398	194-K52U3		Trần Thị	Đào	Nữ	07/12/1998				Khá	1759385	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33399	195-K52U3		Đỗ Thị	Lý	Nữ	18/02/1998				Khá	1759386	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33400	196-K52U3		Nguyễn Thị Hồng	Minh	Nữ	30/07/1998				Giỏi	1759387	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33401	197-K52U3		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	20/10/1998				Giỏi	1759388	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33402	198-K52U4		Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	17/04/1998				Giỏi	1759389	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33403	199-K52U4		Nguyễn Ngọc	ánh	Nữ	22/03/1998				Khá	1759390	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33404	200-K52U4		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	23/04/1998				Giỏi	1759391	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33405	201-K52U4		Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	18/04/1998				Khá	1759392	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33406	202-K52U5		Chu Thanh	Hường	Nữ	16/03/1998				Khá	1759393	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33407	203-K52U5		Tạ Thị Thu	Huyền	Nữ	17/10/1998				Khá	1759394	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33408	204-K52U5		Trần Trung	Kiên	Nam	28/05/1998				Trung bình	1759395	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33409	205-K52U5		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	18/05/1998				Giỏi	1759396	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33410	206-K51U1		Phạm Hoàng	Anh	Nữ	25/07/1997				Khá	1759397	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33411	207-K51U2		Dương Thị	Thuý	Nữ	15/06/1997				Trung bình	1759398	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33412	208-K51U4		Kiều Thị	Oanh	Nữ	19/11/1997				Khá	1759399	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33413	209-K51U4		Nguyễn Ngọc Thu	Trang	Nữ	29/10/1997				Trung bình	1759400	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33414	210-K51U5		Trương Hoài	Linh	Nữ	04/02/1997				Khá	1759401	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33415	211-K51U2		Phạm Thuỳ	Trang	Nữ	11/05/1997				Khá	1759402	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33416	212-K51U3		Đại Thị Hồng	Ngọc	Nữ	02/12/1997				Khá	1759403	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33417	213-K50U2		Nguyễn Đức	Phúc	Nam	27/10/1995				Trung bình	1759404	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33418	214-K19U		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	21/08/1995				Khá	1759405	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực thương mại	159/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33419	215-K52F1		Nguyễn Phương	Liên	Nữ	31/01/1998				Giỏi	1759406	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33420	216-K52F2		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	17/06/1998				Giỏi	1759407	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33421	217-K52F2		Văn Thị	Hoa	Nữ	13/12/1998				Khá	1759408	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33422	218-K52F2		Phạm Thị	Lý	Nữ	21/10/1998				Khá	1759409	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33423	219-K52F2		Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	29/11/1998				Giỏi	1759410	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33424	220-K52F3		Nguyễn Quang	Linh	Nam	05/02/1998				Khá	1759411	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33425	221-K52F3		Lương Thị	Thanh	Nữ	28/12/1998				Khá	1759412	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33426	222-K52F3		Dương Thị	Thúy	Nữ	01/11/1998				Giỏi	1759413	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33427	223-K52F4		Nguyễn Hữu	Đức	Nam	08/09/1998				Khá	1759414	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33428	224-K52F4		Trần Thị	Hoa	Nữ	29/10/1998				Giỏi	1759415	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33429	225-K52F4		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	16/05/1998				Giỏi	1759416	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33430	226-K52F5		Nguyễn Thị Thu	Loan	Nữ	22/04/1998				Khá	1759417	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33431	227-K52F5		Đỗ Thu	Quyên	Nữ	21/12/1998				Khá	1759418	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33432	228-K52F6		Nguyễn Trần	Cường	Nam	20/11/1998				Khá	1759419	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33433	229-K52F6		Đỗ Thị Huyền	Diệu	Nữ	10/09/1998				Khá	1759420	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33434	230-K52F6		Ngô Thị	Huyền	Nữ	03/04/1998				Khá	1759421	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33435	231-K52F6		Mai Thị Hương	Ly	Nữ	07/07/1998				Khá	1759422	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33436	232-K52F6		Lê Văn	Tuấn	Nam	18/07/1998				Giỏi	1759423	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33437	233-K52F6		Nguyễn Lê Mỹ	Uyên	Nữ	18/06/1998				Khá	1759424	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33438	234-K52F6		Trần Thị Hà	Vy	Nữ	07/11/1998				Khá	1759425	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33439	235-K51F1		Nguyễn Quang	Vĩ	Nam	25/05/1997				Trung bình	1759426	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33440	236-K51F2		Nguyễn Đức	Minh	Nam	27/02/1996				Trung bình	1759427	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33441	237-K51F3		Đỗ Trọng	Mười	Nam	19/10/1997				Khá	1759428	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33442	238-K51F5		Kấn Hồng	Sơn	Nam	19/01/1997				Trung bình	1759429	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33443	239-K50F6		Trương Thị Thu	Hương	Nữ	14/09/1995				Khá	1759430	2020	Chính quy	Kinh tế	Kinh tế thương mại	160/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33444	240-K52D1		Mai Thị	Hà	Nữ	10/02/1998				Khá	1759431	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33445	241-K52D1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/04/1998				Giỏi	1759432	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33446	242-K52D2		Phan Thị Như	Phương	Nữ	03/11/1998				Giỏi	1759433	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33447	243-K52D3		Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	02/08/1998				Giỏi	1759434	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33448	244-K52D3		Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	04/07/1998				Khá	1759435	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33449	245-K52D3		Lý Thị	Linh	Nữ	02/09/1998				Giỏi	1759436	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33450	246-K52D3		Vương Thị	Phương	Nữ	04/05/1998				Khá	1759437	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33451	247-K52D3		Vũ Thị	Thảo	Nữ	09/11/1998				Khá	1759438	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33452	248-K52D3		Đào Thị	Trang	Nữ	02/01/1998				Giỏi	1759439	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33453	249-K52D4		Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	11/08/1997				Xuất sắc	1759440	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33454	250-K52D4		Triệu Chí	Thành	Nam	31/08/1997				Khá	1759441	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33455	251-K52D6		Nguyễn Thị Phương	Bình	Nữ	16/08/1998				Khá	1759442	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33456	252-K52D6		Đỗ Thị Thanh	Nga	Nữ	12/12/1998				Giỏi	1759443	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33457	253-K52D7		Bùi Lan	Anh	Nữ	12/06/1998				Khá	1759444	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33458	254-K52D7		Bùi Thúy	Hằng	Nữ	10/04/1998				Khá	1759445	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33459	255-K52D7		Ngô Thị Thu	Huyền	Nữ	04/06/1998				Khá	1759446	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33460	256-K52D7		Trịnh Thị Tuyết	Mai	Nữ	17/08/1998				Giỏi	1759447	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33461	257-K52D7		Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	01/11/1998				Xuất sắc	1759448	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33462	258-K52D7		Phạm Thu	Thảo	Nữ	02/09/1998				Khá	1759449	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33463	259-K52D8		Lý Thị Kiều	Anh	Nữ	20/01/1998				Khá	1759450	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33464	260-K52D8		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	12/12/1998				Khá	1759451	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33465	261-K52D9		Trần Thu	An	Nữ	06/01/1998				Khá	1759452	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33466	262-K52D9		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	05/12/1998				Khá	1759453	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33467	263-K52D9		Phạm Đức	Huy	Nam	17/08/1998				Giỏi	1759454	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33468	264-K52D9		Hàn Thị Thùy	Linh	Nữ	02/08/1998				Khá	1759455	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33469	265-K52D9		Triệu Hoàng	Sơn	Nam	04/11/1998				Khá	1759456	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33470	266-K52D9		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	25/06/1998				Giỏi	1759457	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33471	267-K51D1		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/06/1997				Khá	1759458	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33472	268-K51D2		Quách Thị Hồng	Ngọc	Nữ	25/04/1997				Trung bình	1759459	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33473	269-K51D3		Hán Thị	Chung	Nữ	07/07/1997				Trung bình	1759460	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33474	270-K51D3		Ngô Thị	Dung	Nữ	23/08/1997				Trung bình	1759461	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33475	271-K51D3		Bùi Văn	Hiếu	Nam	06/12/1995				Trung bình	1759462	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33476	272-K51D4		Lê Ngọc	ánh	Nữ	18/07/1997				Khá	1759463	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33477	273-K51D4		Đào Hồng	Chuyên	Nữ	14/11/1997				Trung bình	1759464	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33478	274-K51D4		Bùi Thu	Hà	Nữ	26/11/1997				Trung bình	1759465	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33479	275-K51D4		Trịnh Đình	Hiếu	Nam	26/09/1995				Trung bình	1759466	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33480	276-K51D4		Lê Thu	Thuỳ	Nữ	13/11/1997				Trung bình	1759467	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33481	277-K51D4		Nguyễn Thị Thúy	Tình	Nữ	21/04/1997				Khá	1759468	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33482	278-K51D6		Lê Thị	Loan	Nữ	10/10/1997				Trung bình	1759469	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33483	279-K50D1		Nguyễn Thị	Ly	Nữ	13/09/1996				Trung bình	1759470	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33484	280-K18D		Đinh Thị	Huệ	Nữ	08/03/1995				Trung bình	1759471	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33485	281-K19D		Nguyễn Thị Ngọc	Hồng	Nữ	02/02/1995				Trung bình	1759472	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33486	282-K19D		Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	24/12/1996				Trung bình	1759473	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33487	283-K19D		Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	11/03/1996				Khá	1759474	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33488	284-K20D		Trần Thị	Mơ	Nữ	17/10/1997				Giỏi	1759475	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33489	285-K21D		Vũ Đức	Thanh	Nam	26/03/1996				Khá	1759476	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33490	286-K21D		Trần Thị	Hoà	Nữ	31/05/1997				Khá	1759477	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33491	287-K21D		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	04/11/1997				Khá	1759478	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33492	288-K21D		Nguyễn Phương	Hà	Nữ	30/04/1997				Khá	1759479	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	161/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33493	289-K51DD		Hoàng Thị	Linh	Nữ	05/09/1997				Trung bình	1759480	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	171/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33494	290-K51DD		Thái Thị Mai	Linh	Nữ	12/04/1997				Khá	1759481	2020	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	171/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33495	291-K52N1		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09/07/1998				Giỏi	1759482	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33496	292-K52N1		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	24/01/1998				Khá	1759483	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33497	293-K52N1		Đặng Thị Thu	Hường	Nữ	08/11/1998				Giỏi	1759484	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33498	294-K52N1		Hồ Ly Na Trà	My	Nữ	15/03/1997				Khá	1759485	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33499	295-K52N1		Cao Thị	Ngọc	Nữ	27/12/1998				Khá	1759486	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33500	296-K52N1		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	17/02/1998				Giỏi	1759487	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33501	297-K52N2		Đỗ Thị Thanh	Tâm	Nữ	29/10/1998				Khá	1759488	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33502	298-K52N3		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	26/07/1998				Khá	1759489	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33503	299-K52N3		Hà Duy	Bảo	Nam	07/03/1997				Khá	1759490	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33504	300-K52N3		Lê Quỳnh	Hương	Nữ	09/09/1998				Khá	1759491	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33505	301-K52N4		Lưu Hồng	Chang	Nữ	17/08/1997				Khá	1759492	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33506	302-K52N4		Vũ Huyền	Trang	Nữ	01/07/1998				Khá	1759493	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33507	303-K52N5		Hoàng Thị Minh	Chi	Nữ	03/10/1998				Khá	1759494	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33508	304-K52N5		Phạm Thị	Dương	Nữ	27/04/1998				Khá	1759495	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33509	305-K52N5		Đinh Thị	Hải	Nữ	07/02/1998				Khá	1759496	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33510	306-K52N5		Lê Thị Diệu	Linh	Nữ	05/09/1998				Khá	1759497	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33511	307-K52N5		Hà Diệu	Ly	Nữ	09/04/1998				Khá	1759498	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33512	308-K52N5		Đậu Thị	Oanh	Nữ	27/02/1998				Khá	1759499	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33513	309-K52N5		Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	17/05/1998				Khá	1759500	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33514	310-K52N5		Dương Thị	Thúy	Nữ	27/02/1998				Khá	1759501	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33515	311-K52N5		Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	03/11/1997				Khá	1759502	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33516	312-K52N6		Hà Kiều	Anh	Nữ	12/02/1998				Khá	1759503	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33517	313-K52N6		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	09/08/1998				Khá	1759504	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33518	314-K52N6		Bùi Hồng	Hoa	Nữ	01/12/1998				Khá	1759505	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33519	315-K52N6		Trương Thị Hương	Thảo	Nữ	19/02/1998				Giỏi	1759506	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33520	316-K51N2		Bùi Thị Lan	Anh	Nữ	15/09/1997				Khá	1759507	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33521	317-K51N2		Phạm Lan	Hương	Nữ	07/11/1997				Trung bình	1759508	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33522	318-K51N2		Phạm Thu	Thảo	Nữ	17/07/1997				Khá	1759509	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33523	319-K51N2		Trần Thị Thu	Trang	Nữ	30/10/1997				Khá	1759510	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33524	320-K51N4		Vũ Thị Vàng	Anh	Nữ	08/08/1997				Trung bình	1759511	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33525	321-K51N4		Diêm Thị	Chung	Nữ	24/06/1997				Trung bình	1759512	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33526	322-K51N6		Đỗ Hồng	Hạnh	Nữ	24/10/1997				Khá	1759513	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33527	323-K51N6		Hoàng	Phúc	Nam	14/12/1996				Khá	1759514	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33528	324-K51N6		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	29/07/1997				Khá	1759515	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33529	325-K51N6		Lê Thị	Tuyết	Nữ	28/06/1997				Khá	1759516	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33530	326-K50N2		Lê Phương	Anh	Nữ	01/11/1996				Trung bình	1759517	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33531	327-K50N4		Nguyễn Khắc Tuấn	Anh	Nam	07/09/1996				Khá	1759518	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33532	328-K50N5		Phạm Phương Thu	Hà	Nữ	02/10/1994				Trung bình	1759519	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33533	329-K50N5		Đinh Thị	Mai	Nữ	22/01/1996				Trung bình	1759520	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33534	330-K50N5		Bùi Thị	Thảo	Nữ	07/11/1996				Trung bình	1759521	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	162/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33535	331-K52S2		Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	11/11/1998				Khá	1759522	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33536	332-K52S2		Nguyễn Thị	Ly	Nữ	11/11/1998				Giỏi	1759523	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33537	333-K52S3		Tạ Ngọc	Anh	Nữ	06/01/1998				Khá	1759524	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33538	334-K52S3		Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	19/10/1998				Khá	1759525	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33539	335-K52S3		Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	08/07/1998				Khá	1759526	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33540	336-K52S4		Nguyễn Khả	Đại	Nam	04/07/1998				Khá	1759527	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33541	337-K52S4		Đỗ Đăng	Long	Nam	21/09/1998				Khá	1759528	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33542	338-K51S1		Ngô Thúy	Quỳnh	Nữ	04/12/1997				Khá	1759529	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33543	339-K51S1		Hoàng Thị	Sen	Nữ	30/08/1997				Trung bình	1759530	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33544	340-K51S2		Vi Văn	Chì	Nam	21/10/1997				Trung bình	1759531	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33545	341-K51S2		Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	28/11/1997				Trung bình	1759532	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33546	342-K51S2		Nguyễn Quốc	Huy	Nam	20/09/1997				Khá	1759533	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33547	343-K51S2		Chử Thị Ngọc	Mai	Nữ	17/12/1997				Trung bình	1759534	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33548	344-K51S2		Trần Công	Minh	Nam	20/10/1997				Trung bình	1759535	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33549	345-K51S3		Hoàng Thị Kiều	Chinh	Nữ	08/10/1997				Trung bình	1759536	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33550	346-K51S3		Nguyễn Thị	My	Nữ	10/08/1997				Khá	1759537	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	163/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33551	347-K52H1		Hoàng Thị Mai	Dung	Nữ	27/01/1998				Giỏi	1759538	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33552	348-K52H1		Mạc Khánh	Huyền	Nữ	01/07/1998				Khá	1759539	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33553	349-K52H1		Chu Thúy	Quỳnh	Nữ	28/11/1998				Khá	1759540	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33554	350-K52H3		Ninh Thị Mai	Anh	Nữ	07/03/1998				Giỏi	1759541	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33555	351-K52H3		Nguyễn Thuỳ	Linh	Nữ	21/03/1998				Khá	1759542	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33556	352-K52H3		Phạm Thu	Phương	Nữ	04/06/1998				Giỏi	1759543	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33557	353-K52H4		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	24/08/1998				Khá	1759544	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33558	354-K52H5		Trần Thị Thuý	Hường	Nữ	21/08/1998				Khá	1759545	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33559	355-K52H5		Cao Thị Hà	Thương	Nữ	15/12/1998				Giỏi	1759546	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33560	356-K52H5		Hà Anh	Tú	Nữ	30/12/1998				Khá	1759547	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33561	357-K52H6		Nguyễn Hoàng Tú	Anh	Nữ	19/09/1998				Khá	1759548	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33562	358-K52H6		Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	22/10/1998				Giỏi	1759549	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33563	359-K51H1		Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	10/08/1997				Trung bình	1759550	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33564	360-K51H2		Lê Tuấn	Anh	Nam	29/11/1997				Trung bình	1759551	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33565	361-K51H2		Nguyễn Tiến	Tài	Nam	19/03/1997				Trung bình	1759552	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33566	362-K51H2		Lại Thị Huyền	Trang	Nữ	10/03/1997				Khá	1759553	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33567	363-K51H3		Tô Quỳnh	Hoa	Nữ	25/09/1997				Trung bình	1759554	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33568	364-K51H3		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	05/02/1997				Khá	1759555	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33569	365-K51H4		Trần Thị	Gấm	Nữ	05/10/1997				Khá	1759556	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33570	366-K51H4		Hoàng Kim	Ngân	Nữ	27/07/1997				Khá	1759557	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33571	367-K51H5		Phạm Thúy	Quỳnh	Nữ	15/11/1997				Khá	1759558	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33572	368-K50H3		Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	07/04/1996				Trung bình	1759559	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33573	369-K50H4		Nguyễn Tiến	Dương	Nam	11/03/1996				Trung bình	1759560	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	164/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33574	370-K50HH		Nguyễn Tiến	Trung	Nam	27/09/1996				Trung bình	1759572	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	172/QĐ-ĐHTM ngày 25/02/2020	
33575	371-K52I1		Bùi Thị Hồng	Thơm	Nữ	30/09/1998				Khá	1759561	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33576	372-K52I1		Lê Thị Thu	Uyên	Nữ	10/02/1998				Khá	1759562	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33577	373-K52I2		Nguyễn Quang	Anh	Nam	04/12/1998				Khá	1759563	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33578	374-K52I2		Đồng Thanh	Mai	Nữ	22/07/1998				Giỏi	1759564	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33579	375-K52I2		Phạm Thị	Oanh	Nữ	13/12/1998				Khá	1759565	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33580	376-K52I3		Hoàng Thị	Nhung	Nữ	25/09/1998				Giỏi	1759566	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33581	377-K52I4		Bùi Thị	Mến	Nữ	07/09/1998				Khá	1759567	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33582	378-K51I1		Nguyễn Thị	Mến	Nữ	28/01/1997				Trung bình	1759568	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33583	379-K51I2		Nguyễn Phương	Linh	Nữ	25/05/1997				Trung bình	1759569	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33584	380-K51I3		Lê Minh	Hiệp	Nam	01/12/1997				Trung bình	1759570	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33585	381-K51I4		Nguyễn Ngọc Chính	Hiếu	Nam	06/03/1997				Trung bình	1759571	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	165/QĐ-ĐHTM ngày 24/02/2020	
33586	1-K14CA1		Vũ Thị Minh	Ngọc	Nữ	02/10/1994				Khá	1759574	2020	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	K14CA1	QĐ 274/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33587	2-K49DQ1		Dương Quốc	Anh	Nam	27/10/1987				Trung bình khá	1759575	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33588	3-K49DQ1		Nguyễn Anh	Dũng	Nam	17/01/1985				Trung bình khá	1759576	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33589	4-K49DQ1		Đỗ Trường	Giang	Nam	06/08/1986				Trung bình khá	1759577	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33590	5-K49DQ1		Nguyễn Vũ	Hưng	Nam	15/09/1992				Trung bình khá	1759578	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33591	6-K49DQ1		Lường Khắc	Khu	Nam	10/07/1987				Trung bình khá	1759579	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33592	7-K49DQ1		Nguyễn Trà	My	Nữ	07/02/1996				Trung bình khá	1759580	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33593	8-K49DQ1		Nghiêm Văn	Sơn	Nam	27/08/1983				Trung bình khá	1759581	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33594	9-K49DQ1		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	21/04/1984				Trung bình khá	1759582	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33595	10-K49DQ1		Nguyễn Quang	Trung	Nam	02/02/1979				Trung bình khá	1759583	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33596	11-K49DQ1		Phạm Thành	Trung	Nam	21/09/1981				Khá	1759584	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33597	12-K49DQ1		Hoàng	Tùng	Nam	03/07/1991				Trung bình khá	1759585	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33598	13-K49DQ1		Lê Duy	Tùng	Nam	26/12/1995				Trung bình khá	1759586	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33599	14-K49DQ1		Đặng Thế	Vũ	Nam	08/11/1994				Trung bình khá	1759587	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33600	15-K45DQ3		Đặng Văn	Khiệt	Nam	02/11/1983				Trung bình khá	1759588	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33601	16-K46DQ1		Tạ Thanh	Tuyền	Nam	06/11/1987				Trung bình khá	1759589	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33602	17-K48DQ1		Hoàng Trung	Kế	Nam	02/07/1991				Trung bình khá	1759590	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33603	18-K48DQ1		Cao Văn	Quân	Nam	12/06/1985				Trung bình khá	1759591	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	K49DQ1	QĐ 275/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33604	19-K49DK1		Đặng Vũ	Bình	Nữ	04/01/1994				Khá	1759592	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K49DK1	QĐ 276/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33605	20-K49DK1		Đinh Thị	Đoàn	Nữ	23/09/1989				Khá	1759593	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K49DK1	QĐ 276/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33606	21-K49DK1		Nguyễn Duy	Lam	Nam	22/03/1984				Trung bình khá	1759594	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K49DK1	QĐ 276/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33607	22-K49DK1		Trần Thị	Ly	Nữ	16/09/1984				Khá	1759595	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K49DK1	QĐ 276/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33608	23-K45DK5		Phan Văn	Phú	Nam	06/01/1990				Trung bình khá	1759596	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K49DK1	QĐ 276/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33609	24-K44DK6		Vũ Ngọc	Hoàng	Nam	05/07/1989				Trung bình khá	1759597	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K49DK1	QĐ 276/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33610	25-K15CK1		Đào Thị Lan	Anh	Nữ	22/06/1994				Khá	1759598	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33611	26-K15CK1		Hà Thị Hải	Anh	Nữ	31/01/1996				Khá	1759599	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33612	27-K15CK1		Nguyễn Thị Hồng	Cúc	Nữ	26/01/1992				Khá	1759600	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33613	28-K15CK1		Trần Thị	Duyên	Nữ	27/10/1994				Khá	1759601	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33614	29-K15CK1		Vũ Thị	Giang	Nữ	10/03/1991				Khá	1759602	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33615	30-K15CK1		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	23/09/1993				Khá	1759603	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33616	31-K15CK1		Nguyễn Việt	Hà	Nữ	30/05/1984				Khá	1759604	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33617	32-K15CK1		Trịnh Thanh	Hải	Nam	28/09/1991				Khá	1759605	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33618	33-K15CK1		Nguyễn Thị	Hân	Nữ	05/08/1995				Khá	1759606	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33619	34-K15CK1		Đoàn Minh	Hằng	Nữ	21/09/1996				Khá	1759607	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33620	35-K15CK1		Kiều Thị Hải	Hạnh	Nữ	28/02/1996				Giỏi	1759608	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33621	36-K15CK1		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	28/12/1992				Giỏi	1759609	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33622	37-K15CK1		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	26/03/1993				Giỏi	1759610	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33623	38-K15CK1		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	17/04/1988				Khá	1759611	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33624	39-K15CK1		Nguyễn Thị	Hương	Nữ	21/01/1993				Khá	1759612	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33625	40-K15CK1		Trần Mạnh	Khang	Nam	18/09/1996				Khá	1759613	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33626	41-K15CK1		Nguyễn Thị	Lê	Nữ	10/07/1990				Khá	1759614	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33627	42-K15CK1		Dương Thị Mỹ	Linh	Nữ	06/11/1995				Khá	1759615	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33628	43-K15CK1		Nguyễn Tuấn	Linh	Nam	03/04/1991				Khá	1759616	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33629	44-K15CK1		Phạm Thị	Loan	Nữ	15/03/1993				Khá	1759617	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33630	45-K15CK1		Phạm Thị	Mến	Nữ	16/04/1990				Giỏi	1759618	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33631	46-K15CK1		Trần Thị	Mến	Nữ	31/03/1991				Khá	1759619	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33632	47-K15CK1		Phan Thị	Minh	Nữ	11/08/1996				Khá	1759620	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33633	48-K15CK1		Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	07/04/1990				Khá	1759621	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33634	49-K15CK1		Hoàng Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/06/1993				Khá	1759622	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33635	50-K15CK1		Bùi Thị	Phương	Nữ	29/11/1996				Giỏi	1759623	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33636	51-K15CK1		Lê Thị Thu	Phương	Nữ	08/12/1994				Giỏi	1759624	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33637	52-K15CK1		Tào Thanh	Sơn	Nam	07/07/1995				Khá	1759625	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33638	53-K15CK1		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	10/09/1993				Khá	1759626	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33639	54-K15CK1		Tạ Thị	Tâm	Nữ	24/09/1990				Giỏi	1759627	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33640	55-K15CK1		Bùi Thị	Thanh	Nữ	24/11/1993				Khá	1759628	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33641	56-K15CK1		Phạm Thị Hồng	Thu	Nữ	04/09/1992				Khá	1759629	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33642	57-K15CK1		Phạm Thị	Thương	Nữ	30/05/1992				Giỏi	1759630	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33643	58-K15CK1		Đỗ Mai	Thùy	Nữ	17/03/1991				Giỏi	1759631	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33644	59-K15CK1		Trần Thị Quỳnh	Trang	Nữ	23/11/1993				Giỏi	1759632	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33645	60-K15CK1		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	22/04/1990				Khá	1759633	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33646	61-K15CK2		Lê Thị Vân	Anh	Nữ	26/02/1995				Khá	1759634	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33647	62-K15CK2		Đào Ngọc	Đồng	Nam	18/09/1994				Khá	1759635	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33648	63-K15CK2		Ngô Tiến	Dũng	Nam	08/05/1994				Khá	1759636	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33649	64-K15CK2		Phùng Hoàng	Dương	Nam	05/11/1996				Khá	1759637	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33650	65-K15CK2		Trần Thị Trà	Giang	Nữ	19/04/1990				Giỏi	1759638	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33651	66-K15CK2		Tăng Thị	Hà	Nữ	10/08/1994				Khá	1759639	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33652	67-K15CK2		Phạm Thị Minh	Hải	Nữ	13/02/1994				Khá	1759640	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33653	68-K15CK2		Lê Ngọc	Hân	Nam	06/02/1990				Khá	1759641	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33654	69-K15CK2		Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	26/02/1994				Giỏi	1759642	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33655	70-K15CK2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	01/12/1996				Khá	1759643	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33656	71-K15CK2		Tạ Hồng	Hạnh	Nữ	15/07/1987				Giỏi	1759644	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33657	72-K15CK2		Nguyễn Thị Thanh	Hòa	Nữ	25/02/1993				Khá	1759645	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33658	73-K15CK2		Nguyễn Thị ánh	Hồng	Nữ	15/06/1996				Khá	1759646	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33659	74-K15CK2		Lê Thị	Hường	Nữ	12/03/1993				Khá	1759647	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33660	75-K15CK2		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	12/08/1988				Khá	1759648	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33661	76-K15CK2		Vũ Thị	Lành	Nữ	22/03/1993				Giỏi	1759649	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33662	77-K15CK2		Nguyễn Ngọc	Liên	Nữ	13/10/1995				Khá	1759650	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33663	78-K15CK2		Phạm Thùy	Linh	Nữ	05/05/1993				Khá	1759651	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33664	79-K15CK2		Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	19/10/1994				Khá	1759652	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33665	80-K15CK2		Nguyễn Thị	Mến	Nữ	15/06/1992				Khá	1759653	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33666	81-K15CK2		Nguyễn Thị	Miền	Nữ	02/01/1981				Giỏi	1759654	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33667	82-K15CK2		Lê Thị	Nga	Nữ	05/08/1996				Giỏi	1759655	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33668	83-K15CK2		Mai Thị	Ngọc	Nữ	07/07/1993				Giỏi	1759656	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33669	84-K15CK2		Trần Thị Tuyết	Nhung	Nữ	29/10/1997				Giỏi	1759657	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33670	85-K15CK2		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	16/04/1994				Khá	1759658	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33671	86-K15CK2		Bùi Thị	Phương	Nữ	03/08/1994				Khá	1759659	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33672	87-K15CK2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	18/08/1993				Giỏi	1759660	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33673	88-K15CK2		Lê Minh	Tâm	Nữ	25/10/1991				Khá	1759661	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33674	89-K15CK2		Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	16/08/1989				Giỏi	1759662	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33675	90-K15CK2		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	08/08/1990				Khá	1759663	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33676	91-K15CK2		Ngô Thị	Thơm	Nữ	08/12/1992				Khá	1759664	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33677	92-K15CK2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	21/05/1990				Khá	1759665	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33678	93-K15CK2		Hồ Hà	Trang	Nữ	12/03/1996				Khá	1759666	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33679	94-K15CK2		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	23/02/1991				Khá	1759667	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33680	95-K15CK2		Hoàng Thu	Vui	Nữ	21/02/1993				Giỏi	1759668	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33681	96-K12CK2		Nguyễn Đình	Hoàng	Nam	25/04/1992				Trung bình	1759669	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33682	97-K13CK3		Trần Thị Thúy	Nga	Nữ	21/03/1990				Khá	1759670	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33683	98-K14CK1		Nguyễn Thanh	Bằng	Nam	14/11/1991				Khá	1759671	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33684	99-K14CK1		Lê Văn	Duy	Nam	21/08/1990				Trung bình	1759672	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33685	100-K14CK2		Giáp Thị	Lê	Nữ	03/03/1993				Khá	1759673	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33686	101-K14CK2		Phạm Thị	Thùy	Nữ	23/01/1993				Khá	1759674	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33687	102-K14CK3		Phạm Thu	Anh	Nữ	19/10/1996				Trung bình	1759675	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33688	103-K14CK4		Lê Thị Thúy	Hà	Nữ	30/03/1995				Khá	1759676	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33689	104-K14CK7		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	08/01/1990				Khá	1759677	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33690	105-K14CK7		Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	18/05/1991				Giỏi	1759678	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33691	106-K14CK7		Phạm Thế	Tài	Nam	10/07/1983				Khá	1759679	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2	QĐ 277/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33692	107-K15CQ1		Mai Thị Kiều	Anh	Nữ	02/12/1996				Giỏi	1759680	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33693	108-K15CQ1		Phan Linh	Chi	Nữ	05/12/1991				Khá	1759681	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33694	109-K15CQ1		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	29/01/1992				Giỏi	1759682	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33695	110-K15CQ1		Vũ Tiến	Dũng	Nam	04/06/1986				Khá	1759683	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33696	111-K15CQ1		Đặng Thị Thùy	Dương	Nữ	09/10/1995				Khá	1759684	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33697	112-K15CQ1		Mai Tuấn	Hải	Nam	12/11/1996				Khá	1759685	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33698	113-K15CQ1		Nguyễn Đức	Hân	Nam	04/03/1993				Khá	1759686	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33699	114-K15CQ1		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	30/07/1994				Khá	1759687	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33700	115-K15CQ1		Kiều	Hoàn	Nam	25/11/1994				Khá	1759688	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33701	116-K15CQ1		Nguyễn Thị Mai	Hồng	Nữ	30/03/1991				Khá	1759689	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33702	117-K15CQ1		Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	13/11/1996				Khá	1759690	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33703	118-K15CQ1		Trần Đình	Huy	Nam	20/11/1993				Khá	1759691	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33704	119-K15CQ1		Nguyễn Thuận	Khanh	Nữ	31/05/1996				Khá	1759692	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33705	120-K15CQ1		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	11/07/1994				Khá	1759693	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33706	121-K15CQ1		Đặng Thị	Loan	Nữ	21/04/1994				Khá	1759694	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33707	122-K15CQ1		Hồ Thị Ngọc	Mai	Nữ	25/10/1995				Khá	1759695	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33708	123-K15CQ1		Phạm Thị	Mai	Nữ	26/04/1995				Khá	1759696	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33709	124-K15CQ1		Nguyễn Thị	Nga	Nữ	10/08/1993				Khá	1759697	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33710	125-K15CQ1		Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	10/01/1994				Khá	1759698	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33711	126-K15CQ1		Nguyễn Đức	Nghĩa	Nam	15/02/1991				Khá	1759699	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33712	127-K15CQ1		Trần Thị	Ngoan	Nữ	10/10/1992				Khá	1759700	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33713	128-K15CQ1		Nguyễn Đức	Ngọc	Nam	10/10/1993				Khá	1759701	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33714	129-K15CQ1		Phạm Thị Kiều	Như	Nữ	26/10/1993				Giỏi	1759702	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33715	130-K15CQ1		Hoàng Thị	Nhung	Nữ	28/08/1994				Khá	1759703	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33716	131-K15CQ1		Nguyễn Đăng	Quang	Nam	24/07/1992				Khá	1759704	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33717	132-K15CQ1		La Văn	Thắng	Nam	05/09/1992				Khá	1759705	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33718	133-K15CQ1		Nguyễn Ngọc	Thành	Nam	26/05/1989				Khá	1759706	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33719	134-K15CQ1		Lê Văn	Tuân	Nam	20/12/1982				Khá	1759707	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33720	135-K15CQ1		Phạm Hồng	Vân	Nữ	29/01/1983				Khá	1759708	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33721	136-K15CQ1		Nguyễn Ngọc	Vinh	Nam	05/05/1994				Khá	1759709	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33722	137-K15CQ1		Hà Thị	Vinh	Nữ	10/11/1991				Khá	1759710	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33723	138-K15CQ1		Nguyễn Tiến	Vũ	Nam	21/11/1990				Khá	1759711	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33724	139-K14CQ2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	29/05/1996				Khá	1759712	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33725	140-K14CQ2		Vũ Ngọc	Sơn	Nam	15/02/1993				Trung bình	1759713	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33726	141-K14CQ2		Nguyễn Lệ	Thùy	Nữ	29/04/1996				Trung bình	1759714	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	K15CQ1	QĐ 278/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33727	142-K14CQ2		Nguyễn Bá	Toàn	Nam	15/12/1996				Khá	1759715	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	K15CQ1	QĐ 279/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33728	143-K11CT4		Nguyễn Hồng	Tuyết	Nữ	07/10/1992				Khá	1759716	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	11CT4,CT1	QĐ 279/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33729	144-K14CT1		Phan Hồng	Duyên	Nữ	18/03/1996				Khá	1759717	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	11CT4,CT1	QĐ 279/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33730	145-K14CT1		Nguyễn Thanh	Hải	Nữ	17/04/1991				Trung bình	1759718	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	11CT4,CT1	QĐ 279/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33731	146-K14CT1		Đặng Thị	Nga	Nữ	12/02/1992				Khá	1759719	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	11CT4,CT1	QĐ 279/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33732	147-K14CT1		Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	04/09/1992				Khá	1759720	2020	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	11CT4,CT1	QĐ 279/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33733	148-K8TK2		Dương Thu	An	Nữ	25/06/1974				Trung bình khá	1759721	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33734	149-K8TK2		Hoàng Thị	ánh	Nữ	20/01/1974				Trung bình khá	1759722	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33735	150-K8TK2		Bế Thị	Chiện	Nữ	19/09/1980				Trung bình khá	1759723	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33736	151-K8TK2		Dương Thị Hoài	Dung	Nữ	06/03/1993				Khá	1759724	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33737	152-K8TK2		Ngô Thị Hương	Giang	Nữ	15/04/1991				Khá	1759725	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33738	153-K8TK2		La Thu	Hằng	Nữ	09/10/1990				Trung bình khá	1759726	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33739	154-K8TK2		Đinh Thị	Hạnh	Nữ	25/05/1990				Khá	1759727	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33740	155-K8TK2		Nông Thị	Hiền	Nữ	16/08/1981				Trung bình khá	1759728	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33741	156-K8TK2		Hà Quốc	Huy	Nam	03/04/1983				Khá	1759729	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33742	157-K8TK2		Lục Văn	Kiệm	Nam	22/03/1987				Khá	1759730	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33743	158-K8TK2		Hoàng Thị	Linh	Nữ	04/04/1986				Trung bình khá	1759731	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33744	159-K8TK2		Hứa Thị	Lua	Nữ	22/10/1981				Khá	1759732	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33745	160-K8TK2		Bùi Trà	My	Nữ	16/02/1994				Khá	1759733	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33746	161-K8TK2		Nông Thị	Ngoạt	Nữ	20/08/1988				Khá	1759734	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33747	162-K8TK2		Đặng Văn	Phong	Nam	24/05/1987				Trung bình khá	1759735	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33748	163-K8TK2		Nông Thị	Siềng	Nữ	02/10/1986				Khá	1759736	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33749	164-K8TK2		Nguyễn Văn	Thuần	Nam	02/06/1986				Khá	1759737	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33750	165-K8TK2		Đinh Thị	Trang	Nữ	18/08/1991				Khá	1759738	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33751	166-K8TK2		Lưu Thu	Trang	Nữ	15/10/1989				Khá	1759739	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33752	167-K8TK2		Ma Thị	Trang	Nữ	14/11/1990				Khá	1759740	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33753	168-K8TK2		Nguyễn Anh	Trang	Nữ	01/01/1990				Khá	1759741	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33754	169-K8TK2		Hoàng Thị	Trưng	Nữ	03/06/1987				Khá	1759742	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33755	170-K8TK2		Lương Thị Thanh	Xuân	Nữ	04/01/1986				Khá	1759743	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K8TK2	QĐ 280/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33756	171-K49BQ1		Nguyễn Đức	Thiết	Nam	30/05/1977				Trung bình	1759744	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	49BQ1	QĐ 281/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33757	172-K7TK1		Nguyễn Ngọc	Nam	Nam	22/08/1992				Khá	1759745	2020	Chính quy	Kế toán	K7TK1,3,4	QĐ 282/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33758	173-K7TK3		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	02/03/1980				Khá	1759746	2020	Chính quy	Kế toán	K7TK1,3,4	QĐ 282/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33759	174-K7TK3		Nguyễn Thị	Thiết	Nữ	21/01/1987				Khá	1759747	2020	Chính quy	Kế toán	K7TK1,3,4	QĐ 282/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33760	175-K7TK4		Phạm Thị	Hải	Nữ	28/04/1981				Khá	1759748	2020	Chính quy	Kế toán	K7TK1,3,4	QĐ 282/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33761	176-K7TK4		Đào Thị	Liễu	Nữ	26/03/1990				Khá	1759749	2020	Chính quy	Kế toán	K7TK1,3,4	QĐ 282/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33762	177-K7TK4		Đàm Ngọc	Nhung	Nữ	28/12/1980				Khá	1759750	2020	Chính quy	Kế toán	K7TK1,3,4	QĐ 282/QĐ-ĐHTM NGÀY 19/3/2020	
33763	178-K5TK2		Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	10/09/1993				Trung bình khá	1759799	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	K5TK2	QĐ 524/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33764	179-K8TK1		Bùi Thị Vân	Anh	Nữ	20/07/1984				Khá	1759752	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33765	180-K8TK1		Ngô Thị Việt	Chinh	Nữ	21/01/1996				Khá	1759753	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33766	181-K8TK1		Phan Thị	Chung	Nữ	20/06/1987				Khá	1759754	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33767	182-K8TK1		Trần Hồng	Hà	Nữ	05/01/1987				Khá	1759755	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33768	183-K8TK1		Nguyễn Thị Lệ	Hằng	Nữ	17/01/1990				Khá	1759756	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33769	184-K8TK1		Nguyễn Bá	Hiệp	Nam	16/09/1990				Khá	1759757	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33770	185-K8TK1		Nguyễn Đức	Hiệu	Nam	27/06/1985				Khá	1759758	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33771	186-K8TK1		Phùng Thị Thanh	Hoa	Nữ	18/08/1996				Trung bình	1759759	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33772	187-K8TK1		Đoàn Thị Diệu	Hoàn	Nữ	16/11/1995				Khá	1759760	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33773	188-K8TK1		Bùi Thị	Hồng	Nữ	26/12/1987				Khá	1759761	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33774	189-K8TK1		Trịnh Thị	Hường	Nữ	04/01/1994				Khá	1759762	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33775	190-K8TK1		Đậu Thị Ngọc	Huyền	Nữ	03/09/1996				Khá	1759763	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33776	191-K8TK1		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	29/04/1995				Khá	1759764	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33777	192-K8TK1		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	14/07/1988				Khá	1759765	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33778	193-K8TK1		Nguyễn Thị	Mai	Nữ	20/04/1987				Khá	1759766	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33779	194-K8TK1		Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	04/09/1990				Khá	1759767	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33780	195-K8TK1		Lê Thị Ngọc	Nhung	Nữ	16/10/1992				Khá	1759768	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33781	196-K8TK1		Phạm Hồng	Quân	Nam	07/05/1992				Khá	1759769	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33782	197-K8TK1		Tạ Thanh	Thanh	Nữ	01/12/1992				Khá	1759770	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33783	198-K8TK1		Mai Thị	Thơm	Nữ	20/05/1990				Khá	1759771	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33784	199-K8TK1		Đỗ Thị	Thùy	Nữ	03/02/1992				Khá	1759772	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33785	200-K8TK1		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	20/07/1972				Khá	1759773	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33786	201-K8TK1		Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	08/03/1987				Khá	1759774	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33787	202-K8TK1		Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	10/10/1995				Khá	1759775	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33788	203-K8TK1		Nguyễn Thị Hà	Trinh	Nữ	20/02/1996				Khá	1759776	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33789	204-K8TK1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	20/10/1986				Khá	1759777	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33790	205-K8TK1		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	21/09/1988				Khá	1759778	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33791	206-K8TK1		Ngô Thị Hải	Yến	Nữ	08/07/1996				Khá	1759779	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33792	207-K5TK3		Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	18/09/1980				Trung bình	1759780	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33793	208-K5TK3		Đỗ Thị	Hường	Nữ	01/07/1983				Khá	1759781	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33794	209-K5TK3		Trần Thị Ngọc	Uyên	Nữ	05/10/1975				Trung bình	1759782	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33795	210-K6TK3		Phan Thị Thu	Trang	Nữ	18/12/1987				Khá	1759783	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33796	211-K6TK3		Nguyễn Quang	Tuấn	Nam	07/10/1983				Trung bình	1759784	2020	Chính quy	Kế toán	K8TK1	QĐ 525/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33797	212-K13CK3		Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	11/12/1994				Khá	1759785	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2,K13CK3	QĐ 526/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33798	213-K15CK1		Lê Nhật	Huyền	Nữ	18/08/1995				Khá	1759786	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2,K13CK3	QĐ 526/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33799	214-K15CK2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	20/05/1989				Khá	1759787	2020	Chính quy	Kế toán	K15CK1,2,K13CK3	QĐ 526/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33800	215-K46DQ2		Nguyễn Đức Hoàng	Lâm	Nam	18/07/1982				Trung bình khá	1759788	2020	Vừa làm vừa học	QUẢN TRỊ KINH DOANH	46DQ2	QĐ 527/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33801	216-K12CQ3		Hà Thị	Giang	Nữ	30/09/1994				Khá	1759789	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	K12CQ3	QĐ 528/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33802	217-K14CQ1		Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	19/10/1994				Khá	1759790	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	K15CQ1, K14CQ1,2	QĐ 529/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33803	218-K14CQ2		Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	07/03/1988				Khá	1759791	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	K15CQ1, K14CQ1,2	QĐ 529/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33804	219-K14CQ2		Kiều Thị	Phượng	Nữ	29/11/1996				Khá	1759792	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	K15CQ1, K14CQ1,2	QĐ 529/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33805	220-K15CQ1		Trần Quốc	Anh	Nam	13/10/1995				Khá	1759793	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	K15CQ1, K14CQ1,2	QĐ 529/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33806	221-K15CQ1		Trần Mạnh	Thuần	Nam	19/10/1990				Khá	1759794	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	K15CQ1, K14CQ1,2	QĐ 529/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33807	222-K13CA1		Nguyễn Thanh	Hải	Nữ	03/09/1995				Trung bình	1759795	2020	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	K13CA1	QĐ 530/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33808	223-K13CA1		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	13/03/1995				Khá	1759796	2020	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	K13CA1	QĐ 530/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33809	224-K13CA1		Nghiêm Thu	Trang	Nữ	29/08/1994				Khá	1759797	2020	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	K13CA1	QĐ 530/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33810	225-K49BK2		Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	20/06/1987				Khá	1759798	2020	Chính quy	Kế toán	49BK2	QĐ 531/QĐ-ĐHTM NGÀY 02/6/2020	
33811	382-K52A1		Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	23/05/1998				Xuất sắc	TMU.7.000001	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33812	383-K52A1		Phạm Thị	Huyền	Nữ	20/09/1998				Khá	TMU.7.000002	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33813	384-K52A1		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	03/05/1998				Khá	TMU.7.000003	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33814	385-K52A2		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	30/05/1998				Khá	TMU.7.000004	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33815	386-K52A2		Lê Minh	Đức	Nam	29/07/1998				Khá	TMU.7.000005	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33816	387-K52A2		Ngô Quang	Tân	Nam	02/05/1995				Khá	TMU.7.000006	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33817	388-K52A3		Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	24/04/1998				Khá	TMU.7.000007	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33818	389-K52A3		Lương Tiến	Dũng	Nam	19/09/1998				Khá	TMU.7.000008	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33819	390-K52A3		Đàm Thị Thu	Hà	Nữ	18/12/1998				Khá	TMU.7.000009	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33820	391-K52A3		Hoàng Văn	Hà	Nam	08/11/1998				Giỏi	TMU.7.000010	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33821	392-K52A3		Trần Hồng	Ngát	Nữ	24/04/1998				Khá	TMU.7.000011	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33822	393-K52A3		Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	28/09/1998				Khá	TMU.7.000012	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33823	394-K52A4		Bùi Quang	Diệu	Nam	27/09/1998				Khá	TMU.7.000013	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33824	395-K52A4		Lại Trung	Hiếu	Nam	22/10/1998				Khá	TMU.7.000014	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33825	396-K52A4		Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/02/1998				Giỏi	TMU.7.000015	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33826	397-K52A4		Lê Thị	Mai	Nữ	26/04/1998				Khá	TMU.7.000016	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33827	398-K52A4		Nguyễn Phương	Ngân	Nữ	22/08/1998				Khá	TMU.7.000017	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33828	399-K52A4		Nguyễn Thị Uyển	Nhi	Nữ	20/04/1997				Giỏi	TMU.7.000018	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33829	400-K52A4		Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	22/01/1998				Giỏi	TMU.7.000019	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33830	401-K52A4		Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	06/12/1997				Khá	TMU.7.000020	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33831	402-K52A5		Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	07/09/1998				Giỏi	TMU.7.000021	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33832	403-K52A5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/12/1998				Khá	TMU.7.000022	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33833	404-K52A5		Nguyễn Diệp	Linh	Nữ	09/07/1998				Khá	TMU.7.000023	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33834	405-K52A5		Đỗ Thị Hoài	Ngân	Nữ	03/02/1998				Khá	TMU.7.000024	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33835	406-K52A6		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	01/06/1998				Khá	TMU.7.000025	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33836	407-K52A6		Thái Bảo	Ngọc	Nam	17/08/1995				Khá	TMU.7.000026	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33837	408-K52A7		Hoàng Thị	Hoa	Nữ	21/09/1998				Khá	TMU.7.000027	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33838	409-K52A7		Trần Thị Tâm	Hoa	Nữ	30/10/1998				Khá	TMU.7.000028	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33839	410-K52A7		Chu Thị Hồng	Huế	Nữ	22/05/1998				Khá	TMU.7.000029	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33840	411-K52A7		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	26/04/1998				Khá	TMU.7.000030	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33841	412-K52A8		Nguyễn Thị Diễm	Hằng	Nữ	04/12/1998				Giỏi	TMU.7.000031	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33842	413-K52A8		Lê Thị	Hiền	Nữ	29/10/1998				Khá	TMU.7.000032	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33843	414-K52A8		Lương Ngọc	Hoài	Nữ	20/10/1998				Khá	TMU.7.000033	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33844	415-K52A8		Cao Thị	Thêu	Nữ	07/09/1998				Khá	TMU.7.000034	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33845	416-K52A9		Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	20/01/1998				Khá	TMU.7.000035	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33846	417-K52A9		Lê Thị Hồng	Ánh	Nữ	28/01/1998				Giỏi	TMU.7.000036	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33847	418-K52A9		Nguyễn Thị Nguyệt	Hà	Nữ	27/10/1998				Khá	TMU.7.000037	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33848	419-K52A9		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	09/04/1998				Giỏi	TMU.7.000038	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33849	420-K52A9		Đoàn Yến	Ly	Nữ	20/08/1998				Khá	TMU.7.000039	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33850	421-K52A9		Phùng Thị	Nga	Nữ	18/03/1998				Khá	TMU.7.000040	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33851	422-K52A9		Phạm Lâm	Phúc	Nữ	25/08/1998				Khá	TMU.7.000041	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33852	423-K52A9		Nguyễn Minh	Tiến	Nam	25/04/1998				Trung bình	TMU.7.000042	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33853	424-K52A3		Phạm Ngọc	Linh	Nữ	24/11/1997				Khá	TMU.7.000043	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33854	425-K51A1		Nguyễn Minh	Đức	Nam	01/09/1997				Trung bình	TMU.7.000044	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33855	426-K51A2		Lê Huyền	Trang	Nữ	02/01/1997				Khá	TMU.7.000045	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33856	427-K51A3		Tống Thị Thu	Hương	Nữ	15/03/1997				Khá	TMU.7.000046	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33857	428-K51A4		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	15/09/1997				Khá	TMU.7.000047	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33858	429-K49K4		Phạm Chi	Nhu	Nam	19/01/1993				Trung bình	TMU.7.000048	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33859	430-K50K3		Bùi Thị	Bắc	Nữ	30/07/1996				Khá	TMU.7.000049	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33860	431-K50K4		Phạm Bùi	Công	Nam	02/09/1996				Trung bình	TMU.7.000050	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33861	432-K51K2		Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	23/11/1997				Trung bình	TMU.7.000051	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33862	433-K51K3		Trần Tuấn	Anh	Nam	31/03/1997				Khá	TMU.7.000052	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33863	434-K51K3		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	12/01/1997				Trung bình	TMU.7.000053	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33864	435-K51K5		Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	14/10/1997				Giỏi	TMU.7.000054	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33865	436-K52A4		Lưu Thùy	Linh	Nữ	03/08/1997				Khá	TMU.7.000055	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33866	437-K49I2		Hoa Tiến	Thành	Nam	20/11/1995				Trung bình	TMU.7.000056	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33867	438-K52Q1		Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	01/06/1998				Khá	TMU.7.000057	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33868	439-K52Q2		Đinh Thị Mai	Anh	Nữ	08/07/1998				Trung bình	TMU.7.000058	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33869	440-K52Q2		Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	13/08/1998				Khá	TMU.7.000059	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33870	441-K52Q2		Tào Thùy	Linh	Nữ	23/10/1997				Khá	TMU.7.000060	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33871	442-K51Q2		Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	11/03/1997				Trung bình	TMU.7.000061	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33872	443-K51Q3		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	24/04/1996				Trung bình	TMU.7.000062	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33873	444-K51Q4		Hoàng Minh	Hiếu	Nam	30/05/1997				Trung bình	TMU.7.000063	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	547/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33874	445-K52B1KS		Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	20/06/1998				Khá	TMU.7.000064	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33875	446-K52B1KS		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	02/05/1998				Khá	TMU.7.000065	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33876	447-K52B1KS		Trần Nguyên	Hạnh	Nữ	16/10/1998				Khá	TMU.7.000066	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33877	448-K52B1KS		Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	05/08/1998				Khá	TMU.7.000067	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33878	449-K52B1KS		Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	14/03/1998				Giỏi	TMU.7.000068	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33879	450-K52B1KS		Nguyễn Thị Tài	Linh	Nữ	24/10/1997				Khá	TMU.7.000069	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33880	451-K52B1KS		Nhữ Hoàng	Linh	Nữ	14/05/1998				Khá	TMU.7.000070	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33881	452-K52B1KS		Vũ Khánh	Linh	Nữ	28/10/1998				Khá	TMU.7.000071	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33882	453-K52B1KS		Vũ Thị	Ngân	Nữ	22/05/1998				Giỏi	TMU.7.000072	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33883	454-K52B1KS		Trần Như	Quỳnh	Nữ	01/08/1998				Khá	TMU.7.000073	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33884	455-K52B1KS		Phan Thị Hồng	Thư	Nữ	27/06/1998				Khá	TMU.7.000074	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33885	456-K52B1KS		Trần Thị	Thương	Nữ	10/08/1998				Giỏi	TMU.7.000075	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33886	457-K52B2KS		Phạm Thị Quỳnh	Anh	Nữ	25/07/1998				Khá	TMU.7.000076	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33887	458-K52B2KS		Vũ Thị Kim	Anh	Nữ	04/12/1998				Khá	TMU.7.000077	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33888	459-K52B2KS		Nguyễn Thị Châu	Loan	Nữ	20/01/1998				Khá	TMU.7.000078	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33889	460-K52B2KS		Lê Thị Hằng	Nga	Nữ	08/02/1998				Khá	TMU.7.000079	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33890	461-K52B2KS		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	25/01/1998				Xuất sắc	TMU.7.000080	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33891	462-K52B2KS		Phạm Thị Bích	Thủy	Nữ	04/06/1998				Giỏi	TMU.7.000081	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33892	463-K52B3KS		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	23/10/1998				Khá	TMU.7.000082	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33893	464-K52B3KS		Nguyễn Thị Mĩ	Hạnh	Nữ	07/10/1998				Khá	TMU.7.000083	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33894	465-K52B3KS		Lưu Thị	Hường	Nữ	13/06/1998				Giỏi	TMU.7.000084	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33895	466-K52B3KS		Lê Xuân	Lâm	Nam	11/07/1998				Giỏi	TMU.7.000085	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33896	467-K52B3KS		Vũ Thị	Mai	Nữ	22/07/1998				Khá	TMU.7.000086	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33897	468-K52B3KS		Đỗ Hồng	Minh	Nữ	09/01/1998				Khá	TMU.7.000087	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33898	469-K52B3KS		Trần Thị Minh	Ngọc	Nữ	14/02/1998				Giỏi	TMU.7.000088	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33899	470-K52B3KS		Vũ Bích	Phương	Nữ	07/03/1998				Giỏi	TMU.7.000089	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33900	471-K52B3KS		Vương Thị Bảo	Tâm	Nữ	24/03/1998				Giỏi	TMU.7.000090	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33901	472-K52B3KS		Nguyễn Thị Vân	Thư	Nữ	20/11/1998				Xuất sắc	TMU.7.000091	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33902	473-K52B3KS		Tường Thu	Thương	Nữ	02/08/1998				Khá	TMU.7.000092	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33903	474-K52B3KS		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	05/08/1998				Khá	TMU.7.000093	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33904	475-K52B3KS		Ninh Thị Quỳnh	Trang	Nữ	16/04/1998				Khá	TMU.7.000094	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33905	476-K52B3KS		Bùi Thị Thanh	Tú	Nữ	30/09/1998				Khá	TMU.7.000095	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33906	477-K52B3KS		Trần Long	Vũ	Nam	26/02/1998				Khá	TMU.7.000096	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33907	478-K52B3KS		Phạm Thị	Xinh	Nữ	31/05/1998				Khá	TMU.7.000097	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33908	479-K49B1KS		Nguyễn Đức	Nhất	Nam	20/09/1995				Khá	TMU.7.000098	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33909	480-K51B1KS		Vũ Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	20/05/1997				Khá	TMU.7.000099	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33910	481-K51B4KS		Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	18/06/1995				Khá	TMU.7.000100	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	548/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33911	482-K52B1LH		Trần Minh	Hạnh	Nữ	25/09/1998				Khá	TMU.7.000101	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33912	483-K52B1LH		Biện Thị	Huyền	Nữ	08/03/1998				Khá	TMU.7.000102	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33913	484-K52B1LH		Tạ Thị Hoài	Linh	Nữ	21/03/1998				Khá	TMU.7.000103	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33914	485-K52B1LH		Kiều Trọng	Lộc	Nam	09/12/1998				Khá	TMU.7.000104	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33915	486-K52B1LH		Vũ Thanh	Tân	Nam	06/07/1998				Khá	TMU.7.000105	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33916	487-K52B1LH		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	17/01/1998				Giỏi	TMU.7.000106	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33917	488-K52B1LH		Hồ Thị Thanh	Trà	Nữ	02/06/1998				Khá	TMU.7.000107	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33918	489-K52B1LH		Đỗ Thị	Vân	Nữ	15/06/1998				Khá	TMU.7.000108	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33919	490-K52B2LH		Đặng Thị Minh	Anh	Nữ	05/10/1998				Khá	TMU.7.000109	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33920	491-K52B2LH		Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	20/05/1998				Khá	TMU.7.000110	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33921	492-K52B2LH		Chu Văn	Hà	Nam	15/02/1998				Giỏi	TMU.7.000111	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33922	493-K52B2LH		Hoàng Thị	Hoa	Nữ	21/10/1998				Khá	TMU.7.000112	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33923	494-K52B2LH		Đinh Thị Thúy	Linh	Nữ	25/09/1998				Giỏi	TMU.7.000113	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33924	495-K52B2LH		Hoàng Thị	Loan	Nữ	24/07/1998				Khá	TMU.7.000114	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33925	496-K52B2LH		Bùi Thị Huệ	Phương	Nữ	11/11/1998				Khá	TMU.7.000115	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33926	497-K52B2LH		Chu Thị	Phượng	Nữ	15/03/1998				Khá	TMU.7.000116	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
33927	498-K52B2LH		Nguyễn Ngọc	Thái	Nam	23/05/1998				Khá	TMU.7.000117	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33928	499-K52B2LH		Lê Trang	Thu	Nữ	11/04/1997				Khá	TMU.7.000118	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33929	500-K52B2LH		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	08/07/1998				Giỏi	TMU.7.000119	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33930	501-K52B2LH		Phạm Thị Ngọc	Trinh	Nữ	24/08/1998				Giỏi	TMU.7.000120	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33931	502-K52B2LH		Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	23/10/1998				Khá	TMU.7.000121	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33932	503-K52B3LH		Lê Thị Bích	Hải	Nữ	27/04/1998				Khá	TMU.7.000122	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33933	504-K52B3LH		Phạm Thị Trà	My	Nữ	05/08/1998				Giỏi	TMU.7.000123	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33934	505-K52B3LH		Vũ Thị	Phương	Nữ	07/12/1998				Giỏi	TMU.7.000124	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33935	506-K52B3LH		Phan Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	21/02/1998				Khá	TMU.7.000125	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33936	507-K52B3LH		Cao Thị Phương	Thảo	Nữ	09/12/1998				Khá	TMU.7.000126	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33937	508-K52B4LH		Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	22/06/1998				Giỏi	TMU.7.000127	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33938	509-K52B4LH		Võ Thị Trà	Giang	Nữ	27/08/1998				Giỏi	TMU.7.000128	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33939	510-K52B4LH		Hoàng Thị	Hằng	Nữ	20/06/1998				Xuất sắc	TMU.7.000129	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33940	511-K52B4LH		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	09/01/1998				Giỏi	TMU.7.000130	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33941	512-K52B4LH		Đỗ Ngọc	Phúc	Nam	27/10/1998				Khá	TMU.7.000131	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33942	513-K52B4LH		Phạm Thị	Thúy	Nữ	04/03/1998				Khá	TMU.7.000132	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33943	514-K51B1LH		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	18/05/1997				Khá	TMU.7.000133	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33944	515-K51B2LH		Phạm Thị Ngọc	Châm	Nữ	05/07/1997				Giỏi	TMU.7.000134	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33945	516-K51B2LH		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	08/04/1996				Giỏi	TMU.7.000135	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33946	517-K51B3LH		Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	18/04/1997				Khá	TMU.7.000136	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33947	518-K51B4LH		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	01/10/1997				Khá	TMU.7.000137	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33948	519-K51B4LH		Đinh Nguyệt	Minh	Nữ	04/04/1997				Khá	TMU.7.000138	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33949	520-K51B4LH		Phạm Thị	Oanh	Nữ	01/07/1997				Khá	TMU.7.000139	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	549/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33950	521-K52C1		Bùi Phương	Anh	Nữ	25/09/1998				Giỏi	TMU.7.000140	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33951	522-K52C1		Phan Thị	Hảo	Nữ	19/04/1998				Khá	TMU.7.000141	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33952	523-K52C1		Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	19/05/1998				Xuất sắc	TMU.7.000142	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33953	524-K52C1		Đinh Thị	Thoa	Nữ	18/10/1998				Giỏi	TMU.7.000143	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33954	525-K52C1		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	18/06/1998				Giỏi	TMU.7.000144	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33955	526-K52C2		Nguyễn Thị	Chung	Nữ	30/09/1998				Giỏi	TMU.7.000145	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33956	527-K52C2		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	09/09/1998				Khá	TMU.7.000146	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33957	528-K52C2		Nguyễn Thanh	Phương	Nữ	02/10/1998				Khá	TMU.7.000147	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33958	529-K52C2		Hoàng Thị	Thu	Nữ	04/05/1998				Khá	TMU.7.000148	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33959	530-K52C2		Tạ Thị Thu	Thủy	Nữ	06/03/1998				Khá	TMU.7.000149	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33960	531-K52C3		Đỗ Thị Phương	Quỳnh	Nữ	06/08/1998				Khá	TMU.7.000150	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33961	532-K52C3		Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	30/04/1998				Khá	TMU.7.000151	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33962	533-K52C4		Đặng Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/04/1998				Giỏi	TMU.7.000152	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33963	534-K52C4		Lưu Thị Ngọc	Ánh	Nữ	18/03/1998				Khá	TMU.7.000153	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33964	535-K52C4		Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	12/10/1998				Khá	TMU.7.000154	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33965	536-K52C4		Trần Thị Thu	Hạnh	Nữ	20/10/1998				Khá	TMU.7.000155	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33966	537-K52C4		Nguyễn Thị Mai	Hoa	Nữ	14/11/1997				Giỏi	TMU.7.000156	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33967	538-K52C4		Nguyễn Thị Mai	Hồng	Nữ	22/05/1998				Khá	TMU.7.000157	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33968	539-K52C4		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	14/06/1998				Khá	TMU.7.000158	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33969	540-K52C4		Phạm Hương	Ly	Nữ	06/08/1998				Khá	TMU.7.000159	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33970	541-K52C4		Phan Khánh	Ly	Nữ	13/06/1998				Giỏi	TMU.7.000160	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33971	542-K52C4		Lò Thị Thảo	Nhi	Nữ	08/10/1998				Khá	TMU.7.000161	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33972	543-K52C4		Lê Hà	Phương	Nữ	20/12/1998				Khá	TMU.7.000162	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33973	544-K52C4		Phạm Thị	Phượng	Nữ	09/09/1998				Khá	TMU.7.000163	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33974	545-K52C4		Trần Bích	Thủy	Nữ	22/05/1998				Khá	TMU.7.000164	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33975	546-K52C5		Nguyễn Thị Khánh	Hòa	Nữ	27/08/1998				Khá	TMU.7.000165	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33976	547-K52C5		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	18/02/1998				Khá	TMU.7.000166	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33977	548-K52C5		Đoàn Thị Thanh	Huyền	Nữ	11/01/1998				Khá	TMU.7.000167	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33978	549-K52C5		Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	06/09/1998				Trung bình	TMU.7.000168	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33979	550-K52C5		Đinh Thanh	Nga	Nữ	21/04/1998				Khá	TMU.7.000169	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33980	551-K50C1		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/09/1996				Khá	TMU.7.000170	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33981	552-K51C2		Ninh Văn	Tuyến	Nam	20/06/1997				Trung bình	TMU.7.000171	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33982	553-K51C3		Đinh Thị	Thùy	Nữ	09/09/1997				Khá	TMU.7.000172	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33983	554-K52T1		Nguyễn Thị Nhật	Hằng	Nữ	05/09/1998				Khá	TMU.7.000173	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33984	555-K52T1		Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	20/12/1998				Khá	TMU.7.000174	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33985	556-K52T1		Trần Văn	Hùng	Nam	20/09/1997				Khá	TMU.7.000175	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33986	557-K52T1		Nguyễn Thị	Sơn	Nữ	25/08/1998				Giỏi	TMU.7.000176	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33987	558-K52T1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	04/03/1998				Giỏi	TMU.7.000177	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33988	559-K52T1		Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	30/11/1998				Khá	TMU.7.000178	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33989	560-K52T2		Nguyễn Khánh	Ngọc	Nam	07/06/1998				Trung bình	TMU.7.000179	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33990	561-K52T2		Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	06/09/1998				Khá	TMU.7.000180	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33991	562-K52T3		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	11/07/1997				Khá	TMU.7.000181	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33992	563-K52T3		Phan Thị	Ánh	Nữ	25/05/1998				Khá	TMU.7.000182	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33993	564-K52T3		Vũ Thục	Chinh	Nữ	12/02/1998				Giỏi	TMU.7.000183	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33994	565-K52T3		Bùi Việt	Dương	Nữ	07/04/1998				Khá	TMU.7.000184	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33995	566-K52T3		Trần Lê	Hải	Nữ	22/11/1998				Khá	TMU.7.000185	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33996	567-K52T3		Nguyễn Văn	Khánh	Nam	24/12/1998				Khá	TMU.7.000186	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33997	568-K52T3		Ngô Thị Mai	Lan	Nữ	16/03/1998				Khá	TMU.7.000187	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33998	569-K52T3		Nguyễn Thị Thảo	Lan	Nữ	26/06/1998				Khá	TMU.7.000188	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
33999	570-K52T3		Nguyễn Thị Minh	Lý	Nữ	05/05/1998				Giỏi	TMU.7.000189	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34000	571-K52T3		Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	16/03/1998				Khá	TMU.7.000190	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34001	572-K52T3		Nguyễn Lương	Thành	Nam	04/04/1998				Trung bình	TMU.7.000191	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34002	573-K52T3		Vũ Phương	Thảo	Nữ	25/02/1998				Khá	TMU.7.000192	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34003	574-K52T3		Đặng Thị	Thương	Nữ	20/09/1997				Khá	TMU.7.000193	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34004	575-K52T3		Nguyễn Linh	Trang	Nữ	08/09/1998				Khá	TMU.7.000194	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34005	576-K51T1		Lê Đức	Cường	Nam	23/04/1997				Trung bình	TMU.7.000195	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34006	577-K51T1		Phạm Vũ	Hoàng	Nam	14/03/1997				Trung bình	TMU.7.000196	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34007	578-K51T1		Trần Thị	Liên	Nữ	14/06/1997				Trung bình	TMU.7.000197	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34008	579-K51T2		Đinh Thị	Quỳnh	Nữ	02/05/1996				Khá	TMU.7.000198	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34009	580-K51T3		Lê Thị	Ngọc	Nữ	11/04/1997				Trung bình	TMU.7.000199	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34010	581-K51T4		Lê Thanh	Hằng	Nữ	09/12/1997				Khá	TMU.7.000200	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34011	582-K51T4		Ngô Hải	Phong	Nam	30/06/1997				Khá	TMU.7.000201	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34012	583-K51T4		Nguyễn Thị Hồng	Tươi	Nữ	25/11/1997				Khá	TMU.7.000202	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	550/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34013	584-K52D1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/02/1998				Giỏi	TMU.7.000203	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34014	585-K52D1		Phạm Thùy	Linh	Nữ	05/06/1998				Khá	TMU.7.000204	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34015	586-K52D1		Trần Ngọc	Mai	Nữ	09/12/1998				Khá	TMU.7.000205	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34016	587-K52D1		Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	04/06/1998				Khá	TMU.7.000206	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34017	588-K52D2		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	05/07/1998				Khá	TMU.7.000207	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34018	589-K52D2		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	12/03/1998				Giỏi	TMU.7.000208	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34019	590-K52D3		Nguyễn Thị Nga	Hải	Nữ	10/02/1998				Khá	TMU.7.000209	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34020	591-K52D3		Phạm Thị	Hiền	Nữ	15/11/1998				Khá	TMU.7.000210	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34021	592-K52D3		Phùng Thị	Huyền	Nữ	07/05/1998				Giỏi	TMU.7.000211	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34022	593-K52D4		Trần Thị Lan	Anh	Nữ	02/07/1997				Giỏi	TMU.7.000212	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34023	594-K52D4		Lê Thị	Hằng	Nữ	26/06/1998				Giỏi	TMU.7.000213	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34024	595-K52D4		Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	15/05/1998				Xuất sắc	TMU.7.000214	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34025	596-K52D4		Phạm Thị	Ngân	Nữ	24/09/1998				Khá	TMU.7.000215	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34026	597-K52D4		Vũ Thị Bảo	Ngọc	Nữ	23/04/1998				Khá	TMU.7.000216	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34027	598-K52D4		Phạm Thị	Oanh	Nữ	06/02/1998				Giỏi	TMU.7.000217	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34028	599-K52D4		Hoàng Thị	Vân	Nữ	13/10/1998				Giỏi	TMU.7.000218	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34029	600-K52D5		Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	16/01/1998				Khá	TMU.7.000219	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34030	601-K52D5		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	03/11/1998				Khá	TMU.7.000220	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34031	602-K52D6		Hoàng Lan	Anh	Nữ	03/12/1998				Khá	TMU.7.000221	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34032	603-K52D6		Võ Đoàn Quỳnh	Chi	Nữ	28/07/1998				Giỏi	TMU.7.000222	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34033	604-K52D6		Đào Thị Mỹ	Linh	Nữ	02/04/1998				Giỏi	TMU.7.000223	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34034	605-K52D6		Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	20/09/1998				Giỏi	TMU.7.000224	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34035	606-K52D7		Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	08/03/1998				Khá	TMU.7.000225	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34036	607-K52D7		Bùi Thị Thanh	Nga	Nữ	08/09/1998				Khá	TMU.7.000226	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34037	608-K52D7		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	20/01/1998				Giỏi	TMU.7.000227	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34038	609-K52D7		Lê Thu	Phương	Nữ	18/12/1998				Khá	TMU.7.000228	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34039	610-K52D7		Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	01/10/1998				Khá	TMU.7.000229	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34040	611-K52D7		Vương Thị Thu	Trang	Nữ	05/09/1998				Giỏi	TMU.7.000230	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34041	612-K52D8		Lâm Ngọc	Anh	Nữ	02/09/1998				Khá	TMU.7.000231	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34042	613-K52D8		Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	03/06/1998				Giỏi	TMU.7.000232	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34043	614-K52D8		Tạ Trung	Hiếu	Nam	26/06/1998				Khá	TMU.7.000233	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34044	615-K52D8		Nguyễn Hương	Quỳnh	Nữ	15/06/1998				Khá	TMU.7.000234	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34045	616-K52D8		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	18/02/1998				Giỏi	TMU.7.000235	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34046	617-K52D8		Phan Thị Thu	Thảo	Nữ	27/04/1998				Giỏi	TMU.7.000236	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34047	618-K52D8		Trần Thu	Thảo	Nữ	23/06/1998				Khá	TMU.7.000237	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34048	619-K52D8		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	29/08/1998				Khá	TMU.7.000238	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34049	620-K52D9		Phạm Thị	Ánh	Nữ	29/12/1998				Khá	TMU.7.000239	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34050	621-K52D9		Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Nữ	16/06/1998				Khá	TMU.7.000240	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34051	622-K52D9		Hồ Thị Nhân	Hòa	Nữ	26/10/1998				Giỏi	TMU.7.000241	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34052	623-K52D9		Lê Thị	Hương	Nữ	14/08/1998				Giỏi	TMU.7.000242	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34053	624-K52D9		Bùi Thị Ngọc	Huyền	Nữ	16/03/1998				Khá	TMU.7.000243	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34054	625-K52D9		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	27/01/1998				Giỏi	TMU.7.000244	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34055	626-K52D9		Nguyễn Thị	Nhị	Nữ	18/09/1998				Giỏi	TMU.7.000245	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34056	627-K52D9		Đoàn Thị	Yến	Nữ	29/07/1998				Giỏi	TMU.7.000246	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34057	628-K51D4		Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	08/12/1996				Khá	TMU.7.000247	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34058	629-K17D_SB		Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	23/10/1994				Khá	TMU.7.000248	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34059	630-K17D_SB		Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	22/12/1995				Khá	TMU.7.000249	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34060	631-K17D_SB		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	10/09/1995				Khá	TMU.7.000250	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34061	632-K18D		Trần Thị	Huyền	Nữ	04/04/1995				Khá	TMU.7.000251	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34062	633-K18D		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	17/07/1992				Trung bình	TMU.7.000252	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34063	634-K19D		Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	04/05/1996				Khá	TMU.7.000253	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34064	635-K19D		Lê Thị Thu	Hoài	Nữ	12/10/1995				Trung bình	TMU.7.000254	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34065	636-K19D		Trần Thị Mai	Lý	Nữ	07/10/1996				Khá	TMU.7.000255	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34066	637-K20D		Phương Thu	Hằng	Nữ	19/05/1997				Khá	TMU.7.000256	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34067	638-K20D		Đặng Huy	Hoàng	Nam	09/05/1997				Khá	TMU.7.000257	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	551/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34068	639-K52DD		Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	06/11/1998				Khá	TMU.7.000258	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34069	640-K52DD		Nguyễn Hồng	Ánh	Nữ	06/09/1998				Khá	TMU.7.000259	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34070	641-K52DD		Ngô Minh	Châu	Nữ	05/02/1998				Khá	TMU.7.000260	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34071	642-K52DD		Đỗ Linh	Chi	Nữ	16/07/1998				Khá	TMU.7.000261	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34072	643-K52DD		Phạm Thị	Dung	Nữ	03/02/1998				Khá	TMU.7.000262	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34073	644-K52DD		Bùi Bích	Hằng	Nữ	02/10/1998				Khá	TMU.7.000263	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34074	645-K52DD		Nguyễn Thị Thúy	Hậu	Nữ	04/08/1998				Giỏi	TMU.7.000264	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34075	646-K52DD		Bùi Quang	Hiếu	Nam	24/09/1998				Khá	TMU.7.000265	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34076	647-K52DD		Lê Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	01/05/1998				Khá	TMU.7.000266	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34077	648-K52DD		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	09/12/1998				Giỏi	TMU.7.000267	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34078	649-K52DD		Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	23/11/1998				Khá	TMU.7.000268	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34079	650-K52DD		Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	13/01/1998				Khá	TMU.7.000269	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34080	651-K52DD		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	04/05/1998				Xuất sắc	TMU.7.000270	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34081	652-K52DD		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	07/11/1998				Khá	TMU.7.000271	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34082	653-K52DD		Trần Thúy	Linh	Nữ	07/10/1998				Khá	TMU.7.000272	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34083	654-K52DD		Vũ Nhật	Linh	Nữ	10/02/1998				Khá	TMU.7.000273	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34084	655-K52DD		Trịnh Thị Phương	Ly	Nữ	08/02/1998				Khá	TMU.7.000274	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34085	656-K52DD		Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	13/06/1998				Giỏi	TMU.7.000275	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34086	657-K52DD		Phạm Quốc	Minh	Nam	19/01/1998				Khá	TMU.7.000276	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34087	658-K52DD		Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	28/06/1998				Khá	TMU.7.000277	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34088	659-K52DD		Đoàn Thị	Thanh	Nữ	06/01/1998				Giỏi	TMU.7.000278	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34089	660-K52DD		Bùi Hoàng Phương	Thảo	Nữ	17/11/1998				Khá	TMU.7.000279	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34090	661-K52DD		Hoàng Thu	Thảo	Nữ	28/04/1998				Khá	TMU.7.000280	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34091	662-K52DD		Đoàn Thanh	Thư	Nữ	27/11/1998				Khá	TMU.7.000281	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34092	663-K52DD		Bùi Thùy	Tiên	Nữ	21/07/1998				Trung bình	TMU.7.000282	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34093	664-K52DD		Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	08/08/1998				Giỏi	TMU.7.000283	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	552/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34094	665-K52E1		Vũ Thị Ngọc	Anh	Nữ	28/07/1998				Khá	TMU.7.000284	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34095	666-K52E1		Đỗ Thị	Diệu	Nữ	13/11/1998				Giỏi	TMU.7.000285	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34096	667-K52E1		Trịnh Văn	Đô	Nam	26/04/1998				Khá	TMU.7.000286	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34097	668-K52E1		Đỗ Thị	Giang	Nữ	28/08/1998				Khá	TMU.7.000287	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34098	669-K52E1		Trương Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	16/11/1998				Giỏi	TMU.7.000288	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34099	670-K52E1		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	16/09/1998				Giỏi	TMU.7.000289	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34100	671-K52E1		Phạm Thị	Linh	Nữ	11/02/1998				Giỏi	TMU.7.000290	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34101	672-K52E1		Nguyễn Minh Bảo	Ngọc	Nữ	23/02/1998				Giỏi	TMU.7.000291	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34102	673-K52E1		Nguyễn Như	Phương	Nữ	12/08/1998				Giỏi	TMU.7.000292	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34103	674-K52E1		Phạm Minh	Thu	Nữ	31/07/1998				Khá	TMU.7.000293	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34104	675-K52E1		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	14/07/1998				Khá	TMU.7.000294	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34105	676-K52E2		Lê Lan	Anh	Nữ	05/08/1998				Khá	TMU.7.000295	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34106	677-K52E2		Trần Quang	Anh	Nam	16/06/1998				Khá	TMU.7.000296	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34107	678-K52E2		Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	30/09/1998				Khá	TMU.7.000297	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34108	679-K52E2		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	24/11/1998				Khá	TMU.7.000298	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34109	680-K52E2		Lê Thị	Hường	Nữ	31/10/1997				Khá	TMU.7.000299	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34110	681-K52E2		Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	26/09/1998				Giỏi	TMU.7.000300	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34111	682-K52E2		Lê Anh	Sơn	Nam	29/01/1998				Khá	TMU.7.000301	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34112	683-K52E2		Bùi Thị Hoài	Thương	Nữ	28/02/1998				Giỏi	TMU.7.000302	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34113	684-K52E2		Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	05/09/1998				Khá	TMU.7.000303	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34114	685-K52E2		Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	16/02/1998				Khá	TMU.7.000304	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34115	686-K52E3		Mai Lan	Anh	Nữ	27/01/1998				Giỏi	TMU.7.000305	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34116	687-K52E3		Bùi Phương	Châm	Nữ	02/09/1998				Khá	TMU.7.000306	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34117	688-K52E3		Hoàng Thị	Dung	Nữ	22/04/1998				Giỏi	TMU.7.000307	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34118	689-K52E3		Lê Thị Hà	Giang	Nữ	23/11/1998				Khá	TMU.7.000308	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34119	690-K52E3		Phạm Thị	Hoài	Nữ	20/07/1998				Xuất sắc	TMU.7.000309	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34120	691-K52E3		Lương Thu	Huyền	Nữ	12/04/1998				Giỏi	TMU.7.000310	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34121	692-K52E3		Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	17/08/1998				Khá	TMU.7.000311	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34122	693-K52E3		Khổng Tường	Linh	Nữ	07/04/1998				Giỏi	TMU.7.000312	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34123	694-K52E3		Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	11/11/1998				Giỏi	TMU.7.000313	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34124	695-K52E3		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	14/12/1998				Khá	TMU.7.000314	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34125	696-K52E3		Phạm Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	08/09/1998				Giỏi	TMU.7.000315	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34126	697-K52E3		Cù Thị	Thắm	Nữ	14/03/1998				Khá	TMU.7.000316	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34127	698-K52E3		Lê Thị	Thu	Nữ	25/09/1997				Khá	TMU.7.000317	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34128	699-K52E3		Võ Thị Hoài	Thu	Nữ	27/10/1998				Khá	TMU.7.000318	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34129	700-K52E3		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	26/01/1998				Khá	TMU.7.000319	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34130	701-K52E4		Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	13/10/1998				Giỏi	TMU.7.000320	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34131	702-K52E4		Nguyễn Hương	Giang	Nữ	06/12/1998				Giỏi	TMU.7.000321	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34132	703-K52E4		Nguyễn Minh	Hạnh	Nữ	16/05/1998				Khá	TMU.7.000322	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34133	704-K52E4		Đinh Thị	Hòe	Nữ	01/10/1998				Khá	TMU.7.000323	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34134	705-K52E4		Cao Lan	Hương	Nữ	12/05/1998				Khá	TMU.7.000324	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34135	706-K52E4		Phan Thị	Hường	Nữ	07/09/1998				Giỏi	TMU.7.000325	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34136	707-K52E4		Nguyễn Hữu Minh	Huyền	Nữ	24/05/1998				Giỏi	TMU.7.000326	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34137	708-K52E4		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	30/07/1998				Khá	TMU.7.000327	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34138	709-K52E4		Bùi Thị Phước	Loan	Nữ	29/03/1998				Khá	TMU.7.000328	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34139	710-K52E4		Ngô Thị Tuyết	Mai	Nữ	02/02/1998				Khá	TMU.7.000329	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34140	711-K52E4		Lưu Thúy	Nga	Nữ	03/02/1998				Giỏi	TMU.7.000330	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34141	712-K52E4		Nguyễn Thị Như	Nguyệt	Nữ	09/10/1998				Khá	TMU.7.000331	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34142	713-K52E4		Như Kiều	Oanh	Nữ	15/09/1998				Giỏi	TMU.7.000332	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34143	714-K52E4		Nguyễn Lan	Phương	Nữ	28/05/1998				Trung bình	TMU.7.000333	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34144	715-K52E4		Đoàn Thị Hoài	Thương	Nữ	12/10/1998				Khá	TMU.7.000334	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34145	716-K52E4		Nguyễn Thu	Trà	Nữ	09/09/1998				Khá	TMU.7.000335	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34146	717-K52E4		Phạm Nguyệt	Tú	Nữ	21/10/1998				Khá	TMU.7.000336	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34147	718-K52E4		Phạm Thị	Yến	Nữ	12/11/1998				Khá	TMU.7.000337	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34148	719-K52E5		Bùi Thị	Anh	Nữ	08/12/1998				Giỏi	TMU.7.000338	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34149	720-K52E5		Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	19/02/1998				Giỏi	TMU.7.000339	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34150	721-K52E5		Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	01/04/1998				Giỏi	TMU.7.000340	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34151	722-K52E5		Ngô Thị	Bích	Nữ	20/10/1998				Khá	TMU.7.000341	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34152	723-K52E5		Tống Thị	Hoa	Nữ	03/09/1998				Trung bình	TMU.7.000342	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34153	724-K52E5		Trần Thị	Huyền	Nữ	10/05/1998				Khá	TMU.7.000343	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34154	725-K52E5		Hoàng Thị	Khuyên	Nữ	13/09/1998				Giỏi	TMU.7.000344	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34155	726-K52E5		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	26/02/1998				Xuất sắc	TMU.7.000345	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34156	727-K52E5		Trần Thị Thu	Miền	Nữ	13/10/1998				Giỏi	TMU.7.000346	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34157	728-K52E5		Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	04/05/1998				Khá	TMU.7.000347	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34158	729-K52E5		Nguyễn Lê Minh	Ngọc	Nữ	25/08/1998				Giỏi	TMU.7.000348	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34159	730-K52E5		Lương Kiều	Oanh	Nữ	25/12/1998				Khá	TMU.7.000349	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34160	731-K52E5		Dương Thị Thu	Phương	Nữ	08/06/1998				Xuất sắc	TMU.7.000350	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34161	732-K52E5		Quách Thị Bích	Phượng	Nữ	22/08/1998				Khá	TMU.7.000351	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34162	733-K52E5		Nguyễn Thị Vân	Thảo	Nữ	25/06/1998				Giỏi	TMU.7.000352	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34163	734-K52E5		Vũ Bảo	Yến	Nữ	18/11/1998				Khá	TMU.7.000353	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34164	735-K51E1		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	07/01/1997				Khá	TMU.7.000354	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34165	736-K51E3		Bùi Thị Hương	Hảo	Nữ	10/06/1997				Khá	TMU.7.000355	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34166	737-K51E3		Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	31/10/1997				Khá	TMU.7.000356	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34167	738-K51E5		Đào Thị Minh	Thu	Nữ	30/08/1997				Khá	TMU.7.000357	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	553/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34168	739-K52F1		Phạm Thị Thùy	Dương	Nữ	22/07/1998				Khá	TMU.7.000358	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34169	740-K52F1		Nguyễn Hà	Giang	Nữ	25/10/1998				Giỏi	TMU.7.000359	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34170	741-K52F1		Vũ Quang	Huy	Nam	09/10/1998				Khá	TMU.7.000360	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34171	742-K52F1		Nguyễn Thị Mai	Loan	Nữ	12/01/1998				Khá	TMU.7.000361	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34172	743-K52F1		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	21/02/1998				Khá	TMU.7.000362	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34173	744-K52F1		Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	12/07/1998				Giỏi	TMU.7.000363	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34174	745-K52F2		Trần Thúy	An	Nữ	03/01/1998				Giỏi	TMU.7.000364	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34175	746-K52F2		Bùi Ngọc	Điệp	Nữ	20/05/1998				Khá	TMU.7.000365	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34176	747-K52F2		Nguyễn Trần Tiến	Đức	Nam	24/04/1998				Khá	TMU.7.000366	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34177	748-K52F2		Bùi Hải	Quân	Nam	26/12/1996				Giỏi	TMU.7.000367	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34178	749-K52F3		Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	19/09/1998				Khá	TMU.7.000368	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34179	750-K52F3		Nguyễn Thị	Dương	Nữ	03/08/1998				Khá	TMU.7.000369	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34180	751-K52F3		Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	26/10/1998				Khá	TMU.7.000370	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34181	752-K52F5		Lê Ngọc	Hưng	Nam	17/02/1998				Trung bình	TMU.7.000371	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34182	753-K52F5		Bùi Thị Minh	Nguyệt	Nữ	28/02/1998				Khá	TMU.7.000372	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34183	754-K52F5		Ngô Thị	Oanh	Nữ	19/02/1998				Khá	TMU.7.000373	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34184	755-K52F5		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	13/01/1998				Giỏi	TMU.7.000374	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34185	756-K52F5		Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	21/08/1998				Giỏi	TMU.7.000375	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34186	757-K52F6		Lý Ngọc	Ánh	Nữ	04/10/1998				Khá	TMU.7.000376	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34187	758-K52F6		Bùi Thị Phương	Châm	Nữ	04/03/1998				Khá	TMU.7.000377	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34188	759-K52F6		Phạm Thị	Hà	Nữ	05/08/1998				Khá	TMU.7.000378	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34189	760-K52F6		Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	12/09/1998				Khá	TMU.7.000379	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34190	761-K52F6		Nguyễn Thị	Thương	Nữ	21/10/1998				Khá	TMU.7.000380	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34191	762-K52F6		Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	31/10/1998				Khá	TMU.7.000381	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34192	763-K52F1		Nguyễn Thị	Sang	Nữ	01/05/1997				Khá	TMU.7.000382	2020	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34193	764-K51F4		Đặng Thị Lan	Hương	Nữ	13/03/1997				Trung bình	TMU.7.000383	2020	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34194	765-K51F4		Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	21/10/1997				Khá	TMU.7.000384	2020	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34195	766-K19F		Ngần Hải	Yến	Nữ	10/10/1996				Khá	TMU.7.000385	2020	Chính quy	KINH TẾ	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	554/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34196	767-K52P1		Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	29/05/1998				Khá	TMU.7.000386	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34197	768-K52P1		Mai Ngọc Khánh	Linh	Nữ	23/12/1998				Khá	TMU.7.000387	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34198	769-K52P2		Cao Thị Ngọc	Anh	Nữ	27/10/1998				Khá	TMU.7.000388	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34199	770-K52P2		Đỗ Thùy	Dung	Nữ	18/04/1998				Khá	TMU.7.000389	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34200	771-K52P2		Võ Thị Linh	Hương	Nữ	16/11/1998				Khá	TMU.7.000390	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34201	772-K52P2		Hồ Thu	Phương	Nữ	17/08/1998				Khá	TMU.7.000391	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34202	773-K52P2		Lê Đình	Quang	Nam	18/05/1998				Khá	TMU.7.000392	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34203	774-K52P2		Phạm Anh	Thư	Nữ	22/11/1998				Khá	TMU.7.000393	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34204	775-K52P3		Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	Nữ	12/05/1998				Khá	TMU.7.000394	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34205	776-K52P3		Diệp Thị	Xuân	Nữ	22/08/1998				Khá	TMU.7.000395	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34206	777-K52P4		Nguyễn Tuấn	Dũng	Nam	28/05/1998				Khá	TMU.7.000396	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34207	778-K52P4		Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	19/11/1998				Giỏi	TMU.7.000397	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34208	779-K52P4		Trần Phương	Linh	Nữ	10/06/1998				Khá	TMU.7.000398	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34209	780-K52P4		Đào Thị	Mỹ	Nữ	16/03/1998				Khá	TMU.7.000399	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34210	781-K52P4		Hoàng Như	Ngọc	Nữ	16/08/1998				Khá	TMU.7.000400	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34211	782-K52P4		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	07/09/1997				Khá	TMU.7.000401	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34212	783-K52P4		Hồ Thanh	Thảo	Nữ	13/03/1998				Khá	TMU.7.000402	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	555/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34213	784-K52I1		Vũ Xuân	Đạt	Nam	26/09/1998				Khá	TMU.7.000403	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34214	785-K52I1		Phùng Thị	Luyến	Nữ	25/04/1998				Giỏi	TMU.7.000404	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34215	786-K52I2		Cấn Ngọc	Anh	Nữ	29/05/1998				Khá	TMU.7.000405	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34216	787-K52I2		Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	25/10/1998				Khá	TMU.7.000406	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34217	788-K52I2		Đàm Huy	Hùng	Nam	20/02/1998				Khá	TMU.7.000407	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34218	789-K52I2		Đinh Thị Ngọc	Linh	Nữ	14/05/1998				Khá	TMU.7.000408	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34219	790-K52I2		Tạ Thị	Linh	Nữ	23/04/1998				Khá	TMU.7.000409	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34220	791-K52I2		Đặng Thị	Nhung	Nữ	30/04/1998				Khá	TMU.7.000410	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34221	792-K52I3		Tô Thị	Mến	Nữ	02/09/1998				Khá	TMU.7.000411	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34222	793-K52I4		Vũ Lê	Công	Nam	07/09/1996				Khá	TMU.7.000412	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34223	794-K52I4		Trần Văn	Đính	Nam	12/11/1998				Trung bình	TMU.7.000413	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34224	795-K52I4		Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	31/08/1998				Khá	TMU.7.000414	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34225	796-K52I4		Phạm Thị Thu	Hoài	Nữ	15/09/1998				Khá	TMU.7.000415	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34226	797-K52I4		Bùi Quang	Huy	Nam	04/06/1998				Khá	TMU.7.000416	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34227	798-K52I4		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	04/11/1998				Khá	TMU.7.000417	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34228	799-K52I4		Trương Thị	Thảo	Nữ	15/07/1998				Khá	TMU.7.000418	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34229	800-K52I4		Vũ Văn	Trọng	Nam	02/01/1998				Khá	TMU.7.000419	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34230	801-K52I5		Chung Thị	Duyên	Nữ	28/01/1998				Giỏi	TMU.7.000420	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34231	802-K52I5		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	21/12/1998				Khá	TMU.7.000421	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34232	803-K52I5		Vũ Văn	Hoan	Nam	17/06/1998				Khá	TMU.7.000422	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34233	804-K52I5		Phạm Thị	Huệ	Nữ	19/02/1998				Giỏi	TMU.7.000423	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34234	805-K52I5		Nguyễn Thị Thanh	Hường	Nữ	06/02/1998				Khá	TMU.7.000424	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34235	806-K52I5		Trịnh Thùy	Trang	Nữ	23/09/1998				Khá	TMU.7.000425	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34236	807-K51I1		Nguyễn Thế	Thành	Nam	06/03/1997				Trung bình	TMU.7.000426	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34237	808-K51I2		Trần Thị	Loan	Nữ	16/12/1997				Trung bình	TMU.7.000427	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34238	809-K51I2		Phạm Thị Thanh	Ngân	Nữ	03/11/1997				Trung bình	TMU.7.000428	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34239	810-K51I4		Đặng Văn	Huấn	Nam	03/01/1997				Trung bình	TMU.7.000429	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34240	811-K51I4		Nguyễn Văn	Trường	Nam	23/07/1997				Trung bình	TMU.7.000430	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	556/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34241	812-K52S1		Vũ Đăng	Khoa	Nam	27/09/1998				Khá	TMU.7.000431	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34242	813-K52S1		Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	15/11/1998				Khá	TMU.7.000432	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34243	814-K52S1		Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	28/05/1998				Khá	TMU.7.000433	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34244	815-K52S2		Đỗ Thị Như	Hảo	Nữ	13/12/1997				Giỏi	TMU.7.000434	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34245	816-K52S2		Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	07/11/1998				Khá	TMU.7.000435	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34246	817-K52S2		Trần Thị Thu	Huệ	Nữ	16/03/1998				Giỏi	TMU.7.000436	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34247	818-K52S2		Hoàng Thu	Thủy	Nữ	20/08/1998				Khá	TMU.7.000437	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34248	819-K52S2		Trần Anh	Việt	Nam	20/05/1997				Khá	TMU.7.000438	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34249	820-K52S3		Phạm Quang	Huy	Nam	30/12/1998				Trung bình	TMU.7.000439	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34250	821-K52S3		Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	24/01/1998				Khá	TMU.7.000440	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34251	822-K52S3		Tạ Thị Phương	Mai	Nữ	02/01/1998				Giỏi	TMU.7.000441	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34252	823-K52S3		Nguyễn Thị	Minh	Nữ	14/10/1998				Xuất sắc	TMU.7.000442	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34253	824-K52S4		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	23/11/1998				Khá	TMU.7.000443	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34254	825-K52S4		Đặng Quỳnh	Nga	Nữ	14/11/1998				Khá	TMU.7.000444	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34255	826-K52S4		Nguyễn Quang	Thịnh	Nam	07/10/1998				Khá	TMU.7.000445	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34256	827-K52S4		Vũ Thị	Thúy	Nữ	31/03/1998				Khá	TMU.7.000446	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34257	828-K50S2		Trịnh Văn	Hiệp	Nam	04/11/1995				Trung bình	TMU.7.000447	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34258	829-K50S3		Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	24/10/1996				Trung bình	TMU.7.000448	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34259	830-K50S3		Đinh Quang	Thái	Nam	17/11/1996				Trung bình	TMU.7.000449	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34260	831-K50S7		Nguyễn Thành	Trung	Nam	26/06/1996				Trung bình	TMU.7.000450	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34261	832-K50S8		Đinh Văn	Bảo	Nam	30/05/1996				Trung bình	TMU.7.000451	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34262	833-K51S1		Trần Thị Trà	Giang	Nữ	04/08/1997				Trung bình	TMU.7.000452	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	557/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34263	834-K52H1		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	26/03/1998				Xuất sắc	TMU.7.000453	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34264	835-K52H1		Vũ Thị Hải	Giang	Nữ	30/05/1998				Giỏi	TMU.7.000454	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34265	836-K52H1		Hà Mai	Quyên	Nữ	08/09/1998				Giỏi	TMU.7.000455	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34266	837-K52H2		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09/09/1998				Khá	TMU.7.000456	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34267	838-K52H2		Bùi Tiến	Hưng	Nam	26/08/1998				Khá	TMU.7.000457	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34268	839-K52H3		Phùng Thị Mỹ	Duyên	Nữ	27/08/1998				Giỏi	TMU.7.000458	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34269	840-K52H4		Đào Thị Ngọc	Anh	Nữ	15/12/1998				Khá	TMU.7.000459	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34270	841-K52H4		Hoàng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/05/1998				Khá	TMU.7.000460	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34271	842-K52H4		Nguyễn Thị	Hà	Nữ	21/11/1998				Khá	TMU.7.000461	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34272	843-K52H5		Trần Hải	Anh	Nữ	24/06/1998				Khá	TMU.7.000462	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34273	844-K52H5		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	03/04/1997				Khá	TMU.7.000463	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34274	845-K52H6		Tạ Thị Mai	Anh	Nữ	25/12/1998				Khá	TMU.7.000464	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34275	846-K52H6		Vũ Thị	Thư	Nữ	10/10/1998				Khá	TMU.7.000465	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34276	847-K52H6		Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	28/03/1998				Khá	TMU.7.000466	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34277	848-K49H2		Ngô Quang	Hải	Nam	23/12/1995				Trung bình	TMU.7.000467	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34278	849-K50H3		Nguyễn Thị Hoàng	Lan	Nữ	28/03/1996				Trung bình	TMU.7.000468	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34279	850-K51H3		Vũ Thị Quỳnh	Trang	Nữ	06/10/1997				Trung bình	TMU.7.000469	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34280	851-K17H_SB		Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	12/09/1995				Khá	TMU.7.000470	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	558/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34281	852-K52N1		Trần Ngọc	Ánh	Nữ	03/09/1997				Giỏi	TMU.7.000471	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34282	853-K52N1		Vũ Linh	Chi	Nữ	09/05/1998				Khá	TMU.7.000472	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34283	854-K52N1		Trịnh Quang	Chung	Nam	02/10/1997				Trung bình	TMU.7.000473	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34284	855-K52N1		Đinh Thị	Diệp	Nữ	13/12/1998				Khá	TMU.7.000474	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34285	856-K52N1		Nguyễn Thu	Hà	Nữ	04/10/1998				Giỏi	TMU.7.000475	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34286	857-K52N1		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	30/01/1997				Khá	TMU.7.000476	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34287	858-K52N1		Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	07/03/1998				Khá	TMU.7.000477	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34288	859-K52N1		Lê Thị	Hạnh	Nữ	24/11/1998				Giỏi	TMU.7.000478	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34289	860-K52N1		Lê Thị	Hoài	Nữ	12/12/1998				Khá	TMU.7.000479	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34290	861-K52N1		Tăng Thị	Huyền	Nữ	24/09/1998				Giỏi	TMU.7.000480	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34291	862-K52N1		Nguyễn Thị Thùy	Lệ	Nữ	27/10/1998				Khá	TMU.7.000481	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34292	863-K52N1		Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	19/05/1998				Trung bình	TMU.7.000482	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34293	864-K52N1		Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	21/01/1998				Khá	TMU.7.000483	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34294	865-K52N1		Vũ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	27/02/1998				Khá	TMU.7.000484	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34295	866-K52N1		Vũ Thị	Như	Nữ	28/07/1997				Khá	TMU.7.000485	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34296	867-K52N1		Dương Nguyễn Như	Phương	Nữ	27/02/1998				Khá	TMU.7.000486	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34297	868-K52N1		Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	24/01/1998				Khá	TMU.7.000487	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34298	869-K52N1		Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	11/10/1998				Khá	TMU.7.000488	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34299	870-K52N1		Đỗ Thị	Thảo	Nữ	11/01/1998				Khá	TMU.7.000489	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34300	871-K52N1		Đinh Thu	Trang	Nữ	21/06/1998				Khá	TMU.7.000490	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34301	872-K52N2		Nguyễn Đặng Ngọc	Anh	Nữ	05/01/1998				Giỏi	TMU.7.000491	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34302	873-K52N2		Nguyễn Thị	Chung	Nữ	03/01/1998				Khá	TMU.7.000492	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34303	874-K52N2		Phạm Như	Diệp	Nữ	30/04/1998				Khá	TMU.7.000493	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34304	875-K52N2		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	06/01/1998				Khá	TMU.7.000494	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34305	876-K52N2		Phan Thị	Duyên	Nữ	06/03/1998				Khá	TMU.7.000495	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34306	877-K52N2		Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	20/08/1998				Khá	TMU.7.000496	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34307	878-K52N2		Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	19/11/1998				Khá	TMU.7.000497	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34308	879-K52N2		Hoàng Bích	Hồng	Nữ	15/04/1998				Giỏi	TMU.7.000498	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34309	880-K52N2		Ngô Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/01/1998				Khá	TMU.7.000499	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34310	881-K52N2		Vũ Thị	Liên	Nữ	19/04/1998				Khá	TMU.7.000500	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34311	882-K52N2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	31/10/1998				Khá	TMU.7.000501	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34312	883-K52N2		Vũ Thùy	Linh	Nữ	28/07/1998				Giỏi	TMU.7.000502	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34313	884-K52N2		Nguyễn Thị	Lý	Nữ	25/07/1998				Khá	TMU.7.000503	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34314	885-K52N2		Đặng Thảo	My	Nữ	03/09/1998				Khá	TMU.7.000504	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34315	886-K52N2		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	02/11/1998				Khá	TMU.7.000505	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34316	887-K52N2		Nguyễn Thị	Ni	Nữ	08/04/1998				Khá	TMU.7.000506	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34317	888-K52N2		Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	23/03/1998				Khá	TMU.7.000507	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34318	889-K52N2		Trần Thị	Quỳnh	Nữ	01/06/1998				Khá	TMU.7.000508	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34319	890-K52N2		Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	30/11/1998				Khá	TMU.7.000509	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34320	891-K52N2		Nguyễn Hà	Thương	Nữ	28/02/1998				Khá	TMU.7.000510	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34321	892-K52N2		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	28/07/1998				Giỏi	TMU.7.000511	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34322	893-K52N3		Thân Thị Phương	Anh	Nữ	23/03/1998				Khá	TMU.7.000512	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34323	894-K52N3		Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04/09/1998				Khá	TMU.7.000513	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34324	895-K52N3		Lê Thị Ngọc	Bích	Nữ	30/01/1998				Khá	TMU.7.000514	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34325	896-K52N3		Nguyễn Thị Kim	Chung	Nữ	19/02/1998				Trung bình	TMU.7.000515	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34326	897-K52N3		Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	20/01/1998				Khá	TMU.7.000516	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34327	898-K52N3		Dương Thị	Hân	Nữ	12/07/1997				Khá	TMU.7.000517	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34328	899-K52N3		Nguyễn Thảo Trang	Hiền	Nữ	21/11/1998				Trung bình	TMU.7.000518	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34329	900-K52N3		Đinh Ngọc	Huệ	Nữ	09/08/1998				Khá	TMU.7.000519	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34330	901-K52N3		Phạm Thanh	Hưng	Nam	27/05/1998				Khá	TMU.7.000520	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34331	902-K52N3		Biện Thị Khánh	Linh	Nữ	12/02/1998				Khá	TMU.7.000521	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34332	903-K52N3		Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	08/02/1998				Khá	TMU.7.000522	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34333	904-K52N3		Nguyễn Thị	Loan	Nữ	17/12/1998				Khá	TMU.7.000523	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34334	905-K52N3		Trần Yến	Quỳnh	Nữ	22/04/1998				Khá	TMU.7.000524	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34335	906-K52N3		Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	20/05/1998				Khá	TMU.7.000525	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34336	907-K52N3		Lê Quỳnh	Trang	Nữ	06/12/1998				Khá	TMU.7.000526	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34337	908-K52N3		Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	12/10/1998				Khá	TMU.7.000527	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34338	909-K52N4		Lê Thị	Ánh	Nữ	23/07/1998				Khá	TMU.7.000528	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34339	910-K52N4		Phạm Thị	Dịu	Nữ	18/08/1998				Khá	TMU.7.000529	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34340	911-K52N4		Hoàng Thị Lệ	Hằng	Nữ	08/01/1998				Khá	TMU.7.000530	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34341	912-K52N4		Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	17/08/1998				Giỏi	TMU.7.000531	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34342	913-K52N4		Vũ Thị	Hoa	Nữ	10/08/1998				Khá	TMU.7.000532	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34343	914-K52N4		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/10/1998				Khá	TMU.7.000533	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34344	915-K52N4		Hoàng Thị	Khuyên	Nữ	18/01/1998				Giỏi	TMU.7.000534	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34345	916-K52N4		Lê Thanh	Lịch	Nam	27/01/1998				Khá	TMU.7.000535	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34346	917-K52N4		Chử Thị Khánh	Linh	Nữ	22/03/1998				Khá	TMU.7.000536	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34347	918-K52N4		Nguyễn Thị	Lưu	Nữ	28/07/1998				Khá	TMU.7.000537	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34348	919-K52N4		Nguyễn Thị	My	Nữ	31/03/1998				Khá	TMU.7.000538	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34349	920-K52N4		Lê Thị	Nga	Nữ	06/12/1998				Khá	TMU.7.000539	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34350	921-K52N4		Phạm Thị	Phương	Nữ	14/09/1998				Khá	TMU.7.000540	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34351	922-K52N4		Thân Lê	Thái	Nam	13/08/1998				Khá	TMU.7.000541	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34352	923-K52N4		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	20/01/1998				Khá	TMU.7.000542	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34353	924-K52N4		Vũ Thị	Thương	Nữ	14/02/1998				Giỏi	TMU.7.000543	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34354	925-K52N4		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	19/07/1998				Khá	TMU.7.000544	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34355	926-K52N4		Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	07/12/1998				Trung bình	TMU.7.000545	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34356	927-K52N5		Cao Thị Xuân	Anh	Nữ	28/06/1998				Khá	TMU.7.000546	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34357	928-K52N5		Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	19/04/1998				Khá	TMU.7.000547	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34358	929-K52N5		Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	27/02/1998				Khá	TMU.7.000548	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34359	930-K52N5		Lê Đình Minh	Đức	Nam	17/11/1997				Khá	TMU.7.000549	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34360	931-K52N5		Hoàng Thị Kim	Dung	Nữ	21/01/1998				Khá	TMU.7.000550	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34361	932-K52N5		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	22/08/1998				Giỏi	TMU.7.000551	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34362	933-K52N5		Trần Thị Thúy	Hiền	Nữ	11/09/1998				Khá	TMU.7.000552	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34363	934-K52N5		Đào Thị Thanh	Hoài	Nữ	30/12/1998				Khá	TMU.7.000553	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34364	935-K52N5		Lưu Thị Mai	Hương	Nữ	28/03/1998				Giỏi	TMU.7.000554	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34365	936-K52N5		Đặng Thị	Huyền	Nữ	18/08/1998				Khá	TMU.7.000555	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34366	937-K52N5		Hoàng Phi	Long	Nam	29/12/1998				Khá	TMU.7.000556	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34367	938-K52N5		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	18/08/1998				Khá	TMU.7.000557	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34368	939-K52N5		Vũ Thị	Thương	Nữ	04/06/1998				Khá	TMU.7.000558	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34369	940-K52N5		Nguyễn Hữu	Tình	Nam	22/11/1998				Khá	TMU.7.000559	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34370	941-K52N5		Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	15/02/1998				Khá	TMU.7.000560	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34371	942-K52N5		Trần Thị	Tuyến	Nữ	13/04/1998				Khá	TMU.7.000561	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34372	943-K52N5		Nghiêm Thanh	Xuân	Nữ	21/10/1998				Khá	TMU.7.000562	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34373	944-K52N6		Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	19/05/1998				Khá	TMU.7.000563	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34374	945-K52N6		Phan Thị	Ánh	Nữ	03/02/1997				Khá	TMU.7.000564	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34375	946-K52N6		Phạm Linh	Chi	Nữ	05/07/1998				Khá	TMU.7.000565	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34376	947-K52N6		Vũ Thùy	Chi	Nữ	24/10/1998				Trung bình	TMU.7.000566	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34377	948-K52N6		Phùng Thị	Diễm	Nữ	15/10/1998				Khá	TMU.7.000567	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34378	949-K52N6		Nguyễn Duy	Đức	Nam	25/10/1996				Khá	TMU.7.000568	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34379	950-K52N6		Nguyễn Thị	Dung	Nữ	20/01/1998				Khá	TMU.7.000569	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34380	951-K52N6		Nguyễn Thị	Dược	Nữ	21/03/1998				Giỏi	TMU.7.000570	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34381	952-K52N6		Đỗ Thị Ngọc	Hà	Nữ	06/11/1998				Khá	TMU.7.000571	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34382	953-K52N6		Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	26/01/1998				Giỏi	TMU.7.000572	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34383	954-K52N6		Nguyễn Thị Thanh	Hảo	Nữ	27/01/1998				Giỏi	TMU.7.000573	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34384	955-K52N6		Đinh Thị Thu	Hoài	Nữ	05/03/1998				Khá	TMU.7.000574	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34385	956-K52N6		Vũ Thị	Hương	Nữ	20/08/1998				Khá	TMU.7.000575	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34386	957-K52N6		Mai Nhật	Lệ	Nữ	13/06/1998				Khá	TMU.7.000576	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34387	958-K52N6		Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	19/03/1998				Trung bình	TMU.7.000577	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34388	959-K52N6		Tạ Thị	Mến	Nữ	19/09/1998				Khá	TMU.7.000578	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34389	960-K52N6		Trần Thị Minh	Ngọc	Nữ	14/02/1998				Khá	TMU.7.000579	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34390	961-K52N6		Trương Thị	Nhung	Nữ	24/07/1998				Khá	TMU.7.000580	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34391	962-K52N6		Trương Minh	Phương	Nam	09/07/1998				Khá	TMU.7.000581	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34392	963-K52N6		Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	25/03/1998				Khá	TMU.7.000582	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34393	964-K52N6		Nguyễn Thị	Sinh	Nữ	22/09/1998				Khá	TMU.7.000583	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34394	965-K52N6		Nguyễn Thị	Tình	Nữ	09/01/1998				Trung bình	TMU.7.000584	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34395	966-K52N6		Hoàng Cẩm	Tú	Nữ	22/06/1998				Khá	TMU.7.000585	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34396	967-K50N3		Vũ Ngọc	Linh	Nữ	24/04/1996				Khá	TMU.7.000586	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34397	968-K51N1		Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	06/07/1997				Khá	TMU.7.000587	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34398	969-K51N2		Vũ Thị	Thảo	Nữ	08/04/1997				Trung bình	TMU.7.000588	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34399	970-K51N4		Đinh Thị Kim	Hoàn	Nữ	02/01/1997				Trung bình	TMU.7.000589	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34400	971-K51N4		Nguyễn Văn	Linh	Nam	29/11/1996				Trung bình	TMU.7.000590	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34401	972-K51N4		Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	30/09/1997				Khá	TMU.7.000591	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34402	973-K51N6		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	18/12/1997				Khá	TMU.7.000592	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34403	974-K51N6		Vũ Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	08/03/1997				Khá	TMU.7.000593	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34404	975-K49N5		Trần Thiên	Trang	Nữ	22/10/1995				Trung bình	TMU.7.000594	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	559/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34405	976-K52U2		Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	23/09/1998				Khá	TMU.7.000595	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34406	977-K52U3		Nguyễn Linh	Giang	Nữ	13/03/1998				Giỏi	TMU.7.000596	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34407	978-K52U3		Nguyễn Đức	Hiển	Nữ	03/05/1998				Khá	TMU.7.000597	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34408	979-K52U3		Nguyễn Hải	Linh	Nữ	04/03/1998				Khá	TMU.7.000598	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34409	980-K52U4		Chu Thị Quỳnh	Anh	Nữ	03/02/1998				Khá	TMU.7.000599	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34410	981-K52U4		Bùi Thị	Hường	Nữ	02/06/1998				Khá	TMU.7.000600	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34411	982-K52U4		Phan Thị Diệu	Linh	Nữ	29/06/1998				Khá	TMU.7.000601	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34412	983-K52U4		Ngô Thị Minh	Phương	Nữ	27/04/1998				Khá	TMU.7.000602	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34413	984-K52U4		Đặng Duy	Tuấn	Nam	24/01/1998				Giỏi	TMU.7.000603	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34414	985-K52U5		Đoàn Bảo	Hà	Nữ	16/10/1998				Khá	TMU.7.000604	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34415	986-K52U5		Đặng Thị	Hạnh	Nữ	09/06/1998				Khá	TMU.7.000605	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34416	987-K52U5		Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	12/09/1998				Giỏi	TMU.7.000606	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34417	988-K52U5		Nguyễn Thị Minh	Hòa	Nữ	04/12/1998				Khá	TMU.7.000607	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34418	989-K52U5		Trần Hương	Ly	Nữ	20/03/1998				Khá	TMU.7.000608	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34419	990-K52U5		Lê Thị Thanh	Phương	Nữ	28/10/1998				Khá	TMU.7.000609	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34420	991-K50U5		Trần Bùi	Được	Nam	04/04/1996				Trung bình	TMU.7.000610	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34421	992-K50U5		Hoàng Thị	Lan	Nữ	11/01/1996				Trung bình	TMU.7.000611	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34422	993-K51U3		Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	04/02/1997				Khá	TMU.7.000612	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34423	994-K51U3		Trịnh Thị	Thúy	Nữ	15/06/1997				Khá	TMU.7.000613	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34424	995-K51U5		Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	20/06/1997				Khá	TMU.7.000614	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	560/QĐ-ĐHTM, 08/06/2020	
34425	996-K52A1		Phạm Kim	Chi	Nữ	19/01/1998				Giỏi	TMU.7.000615	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34426	997-K52A1		Lê Thanh	Hiền	Nữ	30/01/1998				Giỏi	TMU.7.000616	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34427	998-K52A1		Đặng Diệu	Linh	Nữ	23/09/1998				Khá	TMU.7.000617	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34428	999-K52A1		Phùng Đình	Trí	Nam	23/10/1997				Khá	TMU.7.000618	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34429	1000-K52A2		Lưu Thị	Hiền	Nữ	16/11/1998				Xuất sắc	TMU.7.000619	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34430	1001-K52A2		Hoàng Thu	Hoài	Nữ	10/12/1998				Khá	TMU.7.000620	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34431	1002-K52A2		Võ Thị Bích	Ngọc	Nữ	18/05/1998				Khá	TMU.7.000621	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34432	1003-K52A2		Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	22/04/1998				Khá	TMU.7.000622	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34433	1004-K52A3		Tạ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	02/09/1998				Giỏi	TMU.7.000623	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34434	1005-K52A4		Đào Đức	Lương	Nam	28/01/1998				Khá	TMU.7.000624	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34435	1006-K52A4		Nguyễn Anh	Tú	Nam	02/07/1998				Khá	TMU.7.000625	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34436	1007-K52A5		Phạm Xuân	Toàn	Nam	15/09/1998				Trung bình	TMU.7.000626	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34437	1008-K52A6		Phạm Hà	Phương	Nữ	24/04/1998				Giỏi	TMU.7.000627	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34438	1009-K52A6		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	06/03/1998				Xuất sắc	TMU.7.000628	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34439	1010-K52A7		Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	26/09/1998				Khá	TMU.7.000629	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34440	1011-K52A8		Phạm Ngọc	Anh	Nữ	02/11/1998				Khá	TMU.7.000630	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34441	1012-K52A8		Trịnh Thị Thu	Huyền	Nữ	12/07/1998				Xuất sắc	TMU.7.000631	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34442	1013-K52A8		Đinh Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	31/12/1998				Trung bình	TMU.7.000632	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34443	1014-K52A8		Phạm Văn	Tú	Nam	23/11/1998				Khá	TMU.7.000633	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34444	1015-K52A9		Lê Thị Minh	Hồng	Nữ	15/05/1998				Khá	TMU.7.000634	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34445	1016-K52A9		Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	21/04/1998				Khá	TMU.7.000635	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34446	1017-K52A9		Đỗ Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	08/06/1998				Khá	TMU.7.000636	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34447	1018-K53A1		Đỗ Thị	Hảo	Nữ	12/02/1999				Giỏi	TMU.7.000637	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34448	1019-K53A1		Nguyễn Minh	Trang	Nữ	26/12/1999				Giỏi	TMU.7.000638	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34449	1020-K53A7		Hòa Thị	Tươi	Nữ	02/09/1999				Xuất sắc	TMU.7.000639	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34450	1021-K53A7		Hoàng Thị	Viên	Nữ	28/08/1999				Giỏi	TMU.7.000640	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34451	1022-K52A3		Trần Nam	Trung	Nam	10/03/1997				Khá	TMU.7.000641	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34452	1023-K50A4		Nguyễn Hoàng Anh	Dũng	Nam	24/04/1996				Trung bình	TMU.7.000642	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34453	1024-K51A1		Phùng Thị Ánh	Hồng	Nữ	29/07/1997				Khá	TMU.7.000643	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34454	1025-K51A4		Đào Thị Thúy	Hòa	Nữ	07/11/1997				Khá	TMU.7.000644	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34455	1026-K50K1		Đoàn Tiến	Đạt	Nam	03/02/1996				Trung bình	TMU.7.000645	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34456	1027-K50K4		Vương Tiến	Hoàng	Nam	04/08/1996				Trung bình	TMU.7.000646	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34457	1028-K50K5		Nguyễn Mạnh	Hải	Nam	07/01/1996				Trung bình	TMU.7.000647	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34458	1029-K51K1		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	26/12/1996				Trung bình	TMU.7.000648	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34459	1030-K51K1		Đào Thị Hương	Sen	Nữ	12/10/1997				Trung bình	TMU.7.000649	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34460	1031-K52Q1		Lương Ngọc	Anh	Nam	21/12/1998				Trung bình	TMU.7.000650	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34461	1032-K52Q1		Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	26/08/1998				Khá	TMU.7.000651	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34462	1033-K52Q1		Đỗ Thị Nguyệt	Ánh	Nữ	05/10/1998				Khá	TMU.7.000652	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34463	1034-K52Q1		Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	14/05/1998				Giỏi	TMU.7.000653	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34464	1035-K52Q1		Đào Xuân	Dũng	Nam	08/12/1997				Khá	TMU.7.000654	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34465	1036-K52Q1		Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	28/09/1998				Khá	TMU.7.000655	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34466	1037-K52Q1		Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	29/03/1998				Khá	TMU.7.000656	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34467	1038-K52Q1		Đào Thị	Huyền	Nữ	02/10/1998				Giỏi	TMU.7.000657	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34468	1039-K52Q1		Hoàng Diệu	Huyền	Nữ	07/12/1998				Khá	TMU.7.000658	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34469	1040-K52Q1		Mai Thị Bích	Ngọc	Nữ	29/01/1998				Khá	TMU.7.000659	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34470	1041-K52Q1		Lương Thị	Nguyệt	Nữ	06/05/1998				Khá	TMU.7.000660	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34471	1042-K52Q1		Đào Thị	Phương	Nữ	29/01/1998				Khá	TMU.7.000661	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34472	1043-K52Q1		Lê Minh	Trường	Nam	12/09/1998				Khá	TMU.7.000662	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34473	1044-K52Q1		Trần Thị Thanh	Xuân	Nữ	23/09/1998				Khá	TMU.7.000663	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34474	1045-K52Q1		Ngô Thị Hải	Yến	Nữ	23/10/1998				Khá	TMU.7.000664	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34475	1046-K52Q1		Nguyễn Thị	Yến	Nữ	20/10/1998				Khá	TMU.7.000665	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34476	1047-K52Q2		Vũ Thị Mai	Linh	Nữ	18/02/1998				Khá	TMU.7.000666	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34477	1048-K51Q1		Phạm Minh	Hiếu	Nam	03/07/1997				Trung bình	TMU.7.000667	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34478	1049-K51Q1		Nguyễn Tuấn	Hùng	Nam	22/12/1996				Khá	TMU.7.000668	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34479	1050-K51Q1		Mai Thành	Tuân	Nam	26/01/1997				Khá	TMU.7.000669	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34480	1051-K51Q2		Trần Tùng	Lâm	Nam	14/09/1997				Khá	TMU.7.000670	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34481	1052-K51Q4		Nguyễn Hà Diệu	Anh	Nữ	12/02/1997				Khá	TMU.7.000671	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34482	1053-K49I6		Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	14/12/1995				Trung bình	TMU.7.000672	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1030/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34483	1054-K52B1KS		Đỗ Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	17/09/1998				Khá	TMU.7.000673	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34484	1055-K52B1KS		Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	21/02/1998				Khá	TMU.7.000674	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34485	1056-K52B1KS		Hoàng Thị	Hà	Nữ	12/07/1998				Khá	TMU.7.000675	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34486	1057-K52B1KS		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20/07/1998				Trung bình	TMU.7.000676	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34487	1058-K52B2KS		Tạ Thị	Hiền	Nữ	21/01/1997				Giỏi	TMU.7.000677	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34488	1059-K52B2KS		Nguyễn Quỳnh	Ngân	Nữ	12/08/1998				Khá	TMU.7.000678	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34489	1060-K52B2KS		Trịnh Hà	Vy	Nữ	05/02/1998				Khá	TMU.7.000679	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34490	1061-K52B3KS		Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	17/08/1998				Khá	TMU.7.000680	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34491	1062-K52B3KS		Trần Linh	Chi	Nữ	22/12/1998				Khá	TMU.7.000681	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34492	1063-K52B3KS		Bùi Phương	Quỳnh	Nữ	17/12/1998				Khá	TMU.7.000682	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34493	1064-K52B3KS		Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	09/07/1998				Khá	TMU.7.000683	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34494	1065-K50B3KS		Vũ Thị Thành	Thư	Nữ	06/08/1996				Trung bình	TMU.7.000684	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34495	1066-K51B1KS		Nguyễn Phương	Thu	Nữ	28/12/1997				Khá	TMU.7.000685	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34496	1067-K51B2KS		Nguyễn Vân	Anh	Nữ	22/05/1997				Trung bình	TMU.7.000686	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34497	1068-K51B2KS		Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	06/02/1997				Khá	TMU.7.000687	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34498	1069-K51B2KS		Trần Minh	Châu	Nữ	20/08/1997				Khá	TMU.7.000688	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34499	1070-K51B2KS		Vũ Mỹ	Linh	Nữ	12/01/1997				Trung bình	TMU.7.000689	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34500	1071-K51B2KS		Phạm Thị Minh	Nguyệt	Nữ	02/05/1997				Khá	TMU.7.000690	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34501	1072-K51B2KS		Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	20/12/1997				Khá	TMU.7.000691	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34502	1073-K51B4KS		Nguyễn Hoàng	Hà	Nam	06/11/1997				Trung bình	TMU.7.000692	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34503	1074-K20BK		Hồ Đắc Bảo	Ngọc	Nữ	18/06/1997				Khá	TMU.7.000693	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	1031/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34504	1075-K52B1LH		Lê Việt	Anh	Nam	22/03/1998				Khá	TMU.7.000694	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34505	1076-K52B1LH		Lê Thị	Na	Nữ	15/03/1998				Giỏi	TMU.7.000695	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34506	1077-K52B1LH		Nguyễn Thị	Thu	Nữ	14/10/1998				Khá	TMU.7.000696	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34507	1078-K52B1LH		Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	05/10/1998				Khá	TMU.7.000697	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34508	1079-K52B2LH		Nguyễn Thị Diệu	Ninh	Nữ	16/10/1998				Khá	TMU.7.000698	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34509	1080-K52B2LH		Trần Thị Hải	Yến	Nữ	13/01/1998				Khá	TMU.7.000699	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34510	1081-K52B3LH		Phạm Thị Ninh	Giang	Nữ	16/12/1998				Khá	TMU.7.000700	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34511	1082-K52B3LH		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20/10/1998				Giỏi	TMU.7.000701	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34512	1083-K52B3LH		Đỗ Thị	Hiền	Nữ	09/05/1998				Khá	TMU.7.000702	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34513	1084-K52B3LH		Phạm Thị Thúy	Hồng	Nữ	19/01/1998				Khá	TMU.7.000703	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34514	1085-K52B3LH		Lê Thị	Nước	Nữ	17/10/1998				Giỏi	TMU.7.000704	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34515	1086-K52B3LH		Hà Minh	Thư	Nữ	19/05/1998				Giỏi	TMU.7.000705	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34516	1087-K52B3LH		Nguyễn Thị	Xuyến	Nữ	27/01/1998				Khá	TMU.7.000706	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34517	1088-K52B4LH		Phan Như	Anh	Nữ	14/05/1998				Giỏi	TMU.7.000707	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34518	1089-K49B4LH		Vũ Việt	Tuấn	Nam	22/11/1995				Khá	TMU.7.000708	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34519	1090-K51B1LH		Lê Thanh	Tùng	Nam	14/09/1997				Trung bình	TMU.7.000709	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34520	1091-K51B4LH		Cao Ngọc	Ánh	Nữ	02/11/1996				Trung bình	TMU.7.000710	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34521	1092-K51B4LH		Dương Đức Anh	Dũng	Nam	02/08/1997				Trung bình	TMU.7.000711	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	1032/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34522	1093-K52C1		Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	06/01/1998				Khá	TMU.7.000712	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34523	1094-K52C2		Vũ Thị	Huệ	Nữ	12/06/1998				Khá	TMU.7.000713	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34524	1095-K52C3		Trần Thị	Ánh	Nữ	24/05/1997				Khá	TMU.7.000714	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34525	1096-K52C3		Nguyễn Minh	Nguyệt	Nữ	06/06/1998				Khá	TMU.7.000715	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34526	1097-K52C3		Đặng Thị Minh	Thúy	Nữ	06/08/1998				Giỏi	TMU.7.000716	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34527	1098-K52C4		Tường Khánh	Linh	Nữ	03/10/1998				Khá	TMU.7.000717	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34528	1099-K49C4		Hoàng Thị Lê	Na	Nữ	27/12/1994				Trung bình	TMU.7.000718	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34529	1100-K50C2		Đinh Duy	Kiên	Nam	26/09/1996				Trung bình	TMU.7.000719	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34530	1101-K50C4		Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	09/07/1996				Khá	TMU.7.000720	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34531	1102-K20C		Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	15/12/1997				Khá	TMU.7.000721	2020	Chính quy	MARKETING	MARKETING THƯƠNG MẠI	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34532	1103-K52T1		Đinh Tuấn	Quân	Nam	09/04/1998				Giỏi	TMU.7.000722	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34533	1104-K52T1		Lê Thị	Thúy	Nữ	16/01/1998				Khá	TMU.7.000723	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34534	1105-K52T2		Tống Khánh	Linh	Nữ	11/12/1998				Khá	TMU.7.000724	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34535	1106-K52T3		Nguyễn Hải	Nam	Nam	16/01/1998				Khá	TMU.7.000725	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34536	1107-K52T3		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	14/03/1998				Khá	TMU.7.000726	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34537	1108-K52T3		Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	02/07/1998				Khá	TMU.7.000727	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34538	1109-K50T1		Lê Thị	Thảo	Nữ	25/04/1995				Trung bình	TMU.7.000728	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34539	1110-K51T2		Hoàng Thị	Tươi	Nữ	03/04/1997				Trung bình	TMU.7.000729	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34540	1111-K51T4		Ngô Khánh	Huyền	Nữ	24/07/1996				Khá	TMU.7.000730	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34541	1112-K51T4		Nguyễn Mai	Linh	Nữ	20/09/1997				Khá	TMU.7.000731	2020	Chính quy	MARKETING	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1033/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34542	1113-K52D1		Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	27/04/1998				Giỏi	TMU.7.000732	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34543	1114-K52D1		Đinh Thị	Liên	Nữ	08/04/1998				Giỏi	TMU.7.000733	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34544	1115-K52D1		Hà Lê Khánh	Linh	Nữ	29/07/1998				Khá	TMU.7.000734	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34545	1116-K52D1		Lê Thị	Nga	Nữ	15/03/1998				Khá	TMU.7.000735	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34546	1117-K52D1		Nguyễn Thị	Nhã	Nữ	29/05/1998				Giỏi	TMU.7.000736	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34547	1118-K52D1		Nghiêm Lan	Phương	Nữ	21/10/1998				Giỏi	TMU.7.000737	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34548	1119-K52D1		Lê Thị	Trang	Nữ	05/03/1998				Giỏi	TMU.7.000738	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34549	1120-K52D2		Nguyễn Thị	Châm	Nữ	21/12/1998				Giỏi	TMU.7.000739	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34550	1121-K52D2		Bùi Thị	Khánh	Nữ	05/07/1998				Khá	TMU.7.000740	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34551	1122-K52D2		Kim Thị Thanh	Tâm	Nữ	03/02/1998				Giỏi	TMU.7.000741	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34552	1123-K52D3		Nguyễn Cẩm	Nhung	Nữ	22/02/1998				Khá	TMU.7.000742	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34553	1124-K52D4		Nguyễn Thị	Giang	Nữ	04/07/1998				Giỏi	TMU.7.000743	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34554	1125-K52D4		Nguyễn Thị	Linh	Nữ	24/05/1998				Khá	TMU.7.000744	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34555	1126-K52D4		Trịnh Thị Thùy	Linh	Nữ	31/08/1998				Khá	TMU.7.000745	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34556	1127-K52D4		Phạm Thị	Nhung	Nữ	17/06/1998				Khá	TMU.7.000746	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34557	1128-K52D4		Lê Vinh	Quang	Nam	10/09/1998				Khá	TMU.7.000747	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34558	1129-K52D4		Trần Thị	Thắm	Nữ	05/08/1998				Khá	TMU.7.000748	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34559	1130-K52D5		Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	22/02/1998				Khá	TMU.7.000749	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34560	1131-K52D5		Bùi Thị	Hồng	Nữ	03/07/1998				Khá	TMU.7.000750	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34561	1132-K52D5		Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	16/02/1998				Khá	TMU.7.000751	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34562	1133-K52D5		Lò Thế	Quỳnh	Nam	15/06/1998				Giỏi	TMU.7.000752	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34563	1134-K52D5		Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	26/09/1998				Khá	TMU.7.000753	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34564	1135-K52D6		Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	05/12/1998				Khá	TMU.7.000754	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34565	1136-K52D6		Nguyễn Thị	Huế	Nữ	07/10/1998				Giỏi	TMU.7.000755	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34566	1137-K52D6		Nguyễn Thị	Trang	Nữ	27/07/1998				Giỏi	TMU.7.000756	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34567	1138-K52D7		Lê Thị	Hương	Nữ	14/06/1998				Giỏi	TMU.7.000757	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34568	1139-K52D7		Đào Thị	Hướng	Nữ	11/10/1998				Khá	TMU.7.000758	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34569	1140-K52D7		Vũ Như	Quỳnh	Nữ	29/09/1998				Giỏi	TMU.7.000759	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34570	1141-K52D8		Đinh Tiến	Đạt	Nam	15/12/1998				Khá	TMU.7.000760	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34571	1142-K52D8		Đặng Thị	Hiên	Nữ	20/10/1998				Giỏi	TMU.7.000761	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34572	1143-K52D8		Nguyễn Thị Minh	Lệ	Nữ	20/02/1998				Giỏi	TMU.7.000762	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34573	1144-K52D8		Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	01/02/1997				Khá	TMU.7.000763	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34574	1145-K52D8		Nguyễn Bảo	Trung	Nam	01/12/1998				Khá	TMU.7.000764	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34575	1146-K52D9		Phạm Minh	Đức	Nam	09/05/1998				Khá	TMU.7.000765	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34576	1147-K52D9		Hoàng Thu	Hà	Nữ	01/12/1998				Khá	TMU.7.000766	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34577	1148-K52D9		Lê Hà	Phương	Nữ	08/10/1998				Khá	TMU.7.000767	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34578	1149-K52D9		Biên Thị Thúy	Tiên	Nữ	22/02/1998				Khá	TMU.7.000768	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34579	1150-K50D6		Đinh Thị	Huyền	Nữ	23/06/1996				Trung bình	TMU.7.000769	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34580	1151-K50D6		Trịnh Ngọc	Quang	Nam	20/04/1996				Trung bình	TMU.7.000770	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34581	1152-K51D1		Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	06/09/1997				Trung bình	TMU.7.000771	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34582	1153-K51D1		Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	17/09/1997				Trung bình	TMU.7.000772	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34583	1154-K51D2		Tống Thị Kim	Dung	Nữ	02/09/1997				Trung bình	TMU.7.000773	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34584	1155-K51D2		Nguyễn Thị	Vân	Nữ	20/10/1997				Trung bình	TMU.7.000774	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34585	1156-K51D5		Trần Thị Diệu	Linh	Nữ	26/04/1997				Trung bình	TMU.7.000775	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34586	1157-K18D		Lại Thị	Huyền	Nữ	10/02/1994				Trung bình	TMU.7.000776	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34587	1158-K20D		Vũ Thúy	Huyền	Nữ	26/10/1997				Xuất sắc	TMU.7.000777	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34588	1159-K20D		Nguyễn Phương	Linh	Nữ	14/09/1997				Khá	TMU.7.000778	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34589	1160-K21D		Lưu Thúy	Hiền	Nữ	14/12/1997				Giỏi	TMU.7.000779	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1034/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34590	1161-K52DD		Phạm Thị Nguyệt	Ánh	Nữ	23/05/1998				Khá	TMU.7.000780	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34591	1162-K52DD		Nguyễn Đình	Dũng	Nam	20/09/1996				Khá	TMU.7.000781	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34592	1163-K52DD		Đinh Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/10/1998				Khá	TMU.7.000782	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34593	1164-K52DD		Bùi Phương	Thanh	Nữ	26/11/1998				Khá	TMU.7.000783	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34594	1165-K52DD		Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	03/05/1998				Khá	TMU.7.000784	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34595	1166-K52DD		Đào Vũ Anh	Thư	Nữ	27/03/1998				Khá	TMU.7.000785	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34596	1167-K52DD		Phạm Thị Minh	Thư	Nữ	11/04/1998				Trung bình	TMU.7.000786	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34597	1168-K52DD		Trần Thu	Trang	Nữ	12/07/1998				Trung bình	TMU.7.000787	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34598	1169-K50DD		Lê Phạm Hồng	Hiển	Nam	08/07/1996				Trung bình	TMU.7.000788	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34599	1170-K51DD		Nguyễn Thị	Lan	Nữ	15/10/1997				Trung bình	TMU.7.000789	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34600	1171-K52DD		Phương Thành	Trung	Nam	29/11/1998				Khá	TMU.7.000950	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1035/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34601	1172-K52E1		Đỗ Khánh	Linh	Nữ	12/07/1998				Giỏi	TMU.7.000790	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34602	1173-K52E1		Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	28/07/1998				Khá	TMU.7.000791	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34603	1174-K52E2		Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	15/11/1998				Khá	TMU.7.000792	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34604	1175-K52E2		Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	06/10/1998				Khá	TMU.7.000793	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34605	1176-K52E3		Trần Tuấn	Anh	Nam	22/02/1997				Khá	TMU.7.000794	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34606	1177-K52E3		Đoàn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	25/12/1998				Khá	TMU.7.000795	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34607	1178-K52E3		Trần Văn	Hà	Nam	16/10/1998				Khá	TMU.7.000796	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34608	1179-K52E3		Đỗ Văn	Hoàng	Nam	16/09/1998				Khá	TMU.7.000797	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34609	1180-K52E3		Nguyễn Thu	Phương	Nữ	18/08/1998				Khá	TMU.7.000798	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34610	1181-K52E3		Đinh Ngọc	Thương	Nữ	02/04/1998				Khá	TMU.7.000799	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34611	1182-K52E3		Nguyễn Thị Biên	Thùy	Nữ	24/07/1998				Giỏi	TMU.7.000800	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34612	1183-K52E4		Tạ Thị Thu	Hương	Nữ	20/05/1998				Khá	TMU.7.000801	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34613	1184-K52E4		Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	08/08/1998				Giỏi	TMU.7.000802	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34614	1185-K52E5		Trần Thị Huyền	Lương	Nữ	14/08/1998				Khá	TMU.7.000803	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34615	1186-K52E5		Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	05/11/1998				Trung bình	TMU.7.000804	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34616	1187-K52E5		Nguyễn Lan	Phương	Nữ	16/09/1998				Khá	TMU.7.000805	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34617	1188-K50E4		Ngô Minh	Tuấn	Nam	03/11/1996				Trung bình	TMU.7.000806	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34618	1189-K51E1		Nguyễn Ngọc Duy	Phương	Nam	31/10/1997				Trung bình	TMU.7.000807	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34619	1190-K51E1		Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	18/09/1997				Trung bình	TMU.7.000808	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34620	1191-K51E6		Nguyễn Thị	Liên	Nữ	11/04/1997				Trung bình	TMU.7.000809	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34621	1192-K51E6		Bùi Hoàng Khánh	Quỳnh	Nữ	03/09/1997				Khá	TMU.7.000810	2020	Chính quy	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1036/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34622	1193-K52F1		Nguyễn Giang	Thanh	Nữ	05/07/1998				Khá	TMU.7.000811	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34623	1194-K52F1		Đinh Khắc	Việt	Nam	28/04/1998				Khá	TMU.7.000812	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34624	1195-K52F2		Lê Trung	Anh	Nam	10/07/1997				Khá	TMU.7.000813	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34625	1196-K52F2		Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	18/02/1998				Khá	TMU.7.000814	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34626	1197-K52F2		Đậu Thị Nhật	Minh	Nữ	04/02/1998				Khá	TMU.7.000815	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34627	1198-K52F3		Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	07/11/1998				Khá	TMU.7.000816	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34628	1199-K52F4		Lục Thị	Giang	Nữ	10/04/1998				Khá	TMU.7.000817	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34629	1200-K52F4		Hoàng Thị	Liên	Nữ	28/01/1998				Khá	TMU.7.000818	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34630	1201-K52F4		Hoàng Thị	Lương	Nữ	17/09/1998				Khá	TMU.7.000819	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34631	1202-K52F5		Khúc Thị	Hiền	Nữ	06/05/1998				Khá	TMU.7.000820	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34632	1203-K52F5		Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	17/08/1998				Khá	TMU.7.000821	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34633	1204-K52F5		Thái Thị Phương	Ly	Nữ	08/02/1998				Trung bình	TMU.7.000822	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34634	1205-K52F6		Phạm Trung	Vũ	Nam	09/06/1998				Trung bình	TMU.7.000823	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34635	1206-K51F2		Mai Thế	Anh	Nam	21/12/1997				Trung bình	TMU.7.000824	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34636	1207-K51F3		Trần Văn	Thắng	Nam	02/12/1994				Trung bình	TMU.7.000825	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34637	1208-K51F4		Hiển Việt	Cường	Nam	10/06/1996				Trung bình	TMU.7.000826	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34638	1209-K51F4		Trần Thị	Giang	Nữ	03/06/1997				Trung bình	TMU.7.000827	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34639	1210-K51F4		Hoàng Phú	Hưng	Nam	13/06/1997				Trung bình	TMU.7.000828	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34640	1211-K51F4		Trần Thị	Phương	Nữ	08/01/1997				Khá	TMU.7.000829	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34641	1212-K51F6		Bùi Hoàng	Linh	Nam	14/09/1996				Trung bình	TMU.7.000830	2020	Chính quy	KINH TẾ	QUẢN LÝ KINH TẾ	1037/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34642	1213-K52P1		Nguyễn Mai	Anh	Nữ	08/04/1998				Khá	TMU.7.000831	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34643	1214-K52P1		Nguyễn Thu	Hương	Nữ	07/05/1998				Khá	TMU.7.000832	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34644	1215-K52P1		Vũ Thùy	Linh	Nữ	20/02/1998				Khá	TMU.7.000833	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34645	1216-K52P2		Phan Thị Thu	Hằng	Nữ	01/09/1998				Khá	TMU.7.000834	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34646	1217-K52P2		Hà Thị Mai	Linh	Nữ	02/12/1998				Khá	TMU.7.000835	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34647	1218-K52P2		Phạm Hương	Ly	Nữ	12/08/1998				Khá	TMU.7.000836	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34648	1219-K52P2		Phạm Nhật	Minh	Nam	23/05/1998				Khá	TMU.7.000837	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34649	1220-K52P3		Đinh Thị Quỳnh	Anh	Nữ	08/11/1998				Khá	TMU.7.000838	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34650	1221-K52P3		Vũ Thị Trang	Anh	Nữ	29/07/1998				Khá	TMU.7.000839	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34651	1222-K52P3		Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	28/11/1998				Khá	TMU.7.000840	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34652	1223-K52P3		Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	24/02/1998				Khá	TMU.7.000841	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34653	1224-K52P4		Đào Vân	Anh	Nữ	06/11/1998				Giỏi	TMU.7.000842	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34654	1225-K52P4		Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	17/10/1998				Giỏi	TMU.7.000843	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34655	1226-K20P		Nguyễn Hồng	Nam	Nam	07/04/1996				Khá	TMU.7.000844	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34656	1227-K50P2		Nguyễn Thúy	Diu	Nữ	25/01/1995				Trung bình	TMU.7.000845	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34657	1228-K51P1		Phạm Quang	Minh	Nam	04/03/1997				Trung bình	TMU.7.000846	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34658	1229-K51P2		Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	21/08/1997				Khá	TMU.7.000847	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34659	1230-K51P3		Cao Đức	Huy	Nam	19/01/1997				Trung bình	TMU.7.000848	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34660	1231-K51P3		Nguyễn Hương	Mơ	Nữ	21/12/1997				Khá	TMU.7.000849	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34661	1232-K51P3		Bùi Ngọc	Vy	Nữ	16/12/1996				Trung bình	TMU.7.000850	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34662	1233-K51P4		Phạm Thị	Loan	Nữ	15/01/1997				Trung bình	TMU.7.000851	2020	Chính quy	LUẬT KINH TẾ	LUẬT KINH TẾ	1038/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34663	1234-K52I1		Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	24/03/1998				Khá	TMU.7.000852	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1039/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34664	1235-K52I1		Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	07/09/1998				Khá	TMU.7.000853	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1039/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34665	1236-K52I2		Nguyễn Văn	Quang	Nam	21/10/1996				Khá	TMU.7.000854	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1039/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34666	1237-K52I4		Vũ Minh	Hiếu	Nam	30/06/1998				Trung bình	TMU.7.000855	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1039/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34667	1238-K52I4		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	17/05/1998				Khá	TMU.7.000856	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1039/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34668	1239-K52I5		Nguyễn Quốc	Hưng	Nam	18/10/1998				Trung bình	TMU.7.000857	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1039/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34669	1240-K52I5		Phạm Tiến	Mạnh	Nam	14/04/1998				Khá	TMU.7.000858	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1039/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34670	1241-K50I2		Đoàn Sơn	Tùng	Nam	21/05/1995				Trung bình	TMU.7.000859	2020	Chính quy	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	1039/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34671	1242-K52S2		Phạm Thị	Dung	Nữ	15/07/1998				Giỏi	TMU.7.000860	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34672	1243-K52S2		Phan Minh	Nguyệt	Nữ	01/01/1998				Khá	TMU.7.000861	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34673	1244-K52S2		Phạm Thị	Quyên	Nữ	05/08/1998				Khá	TMU.7.000862	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34674	1245-K52S2		Nguyễn Bảo	Thanh	Nam	13/07/1997				Khá	TMU.7.000863	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34675	1246-K52S2		Lâm Thị Thu	Thảo	Nữ	27/08/1998				Khá	TMU.7.000864	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34676	1247-K52S4		Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	26/04/1998				Khá	TMU.7.000865	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34677	1248-K49S1		Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	11/12/1995				Trung bình	TMU.7.000866	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34678	1249-K49S1		Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	10/01/1994				Trung bình	TMU.7.000867	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34679	1250-K50S3		Lê Thị Lâm	Oanh	Nữ	23/08/1995				Khá	TMU.7.000868	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34680	1251-K50S3		Phạm Thu	Trang	Nữ	22/03/1996				Trung bình	TMU.7.000869	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34681	1252-K50S3		Phạm Tố	Uyên	Nữ	12/11/1996				Trung bình	TMU.7.000870	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34682	1253-K50S4		Triệu Hồng	Ngọc	Nữ	23/07/1996				Trung bình	TMU.7.000871	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34683	1254-K50S5		Phạm Thị	Thảo	Nữ	19/09/1995				Trung bình	TMU.7.000872	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34684	1255-K50S6		Vũ Tiến	Minh	Nam	14/10/1996				Trung bình	TMU.7.000873	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34685	1256-K50S6		Văn Duy	Thái	Nam	08/09/1996				Trung bình	TMU.7.000874	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34686	1257-K51S3		Đỗ Tuấn	Hưng	Nam	31/10/1997				Trung bình	TMU.7.000875	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34687	1258-K50S2		Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	16/10/1996				Trung bình	TMU.7.000951	2020	Chính quy	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1040/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34688	1259-K52H1		Ngô Minh	Dẫn	Nam	28/10/1998				Khá	TMU.7.000876	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34689	1260-K52H1		Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	22/07/1997				Giỏi	TMU.7.000877	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34690	1261-K52H1		Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	14/05/1998				Khá	TMU.7.000878	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34691	1262-K52H1		Nguyễn Văn	Thắng	Nam	22/07/1998				Khá	TMU.7.000879	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34692	1263-K52H2		Nguyễn Như	Ánh	Nam	28/09/1998				Khá	TMU.7.000880	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34693	1264-K52H2		Dương Dáng	Duyên	Nữ	19/09/1998				Giỏi	TMU.7.000881	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34694	1265-K52H2		Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	25/02/1998				Khá	TMU.7.000882	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34695	1266-K52H2		Nguyễn Ngọc	Hoa	Nữ	31/10/1998				Giỏi	TMU.7.000883	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34696	1267-K52H2		Hoàng Thị Cẩm	Linh	Nữ	08/06/1998				Khá	TMU.7.000884	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34697	1268-K52H2		Vũ Thị Khánh	Linh	Nữ	30/08/1998				Khá	TMU.7.000885	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34698	1269-K52H2		Nguyễn Thị	Phương	Nữ	27/09/1998				Khá	TMU.7.000886	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34699	1270-K52H2		Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	17/12/1998				Khá	TMU.7.000887	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34700	1271-K52H2		Đinh Thị Thùy	Trang	Nữ	11/03/1997				Khá	TMU.7.000888	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34701	1272-K52H2		Mai Thị	Trang	Nữ	05/08/1998				Khá	TMU.7.000889	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34702	1273-K52H3		Phạm Yến Nguyệt	Anh	Nữ	04/07/1998				Khá	TMU.7.000890	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34703	1274-K52H3		Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	06/06/1998				Giỏi	TMU.7.000891	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34704	1275-K52H3		Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	01/09/1998				Giỏi	TMU.7.000892	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34705	1276-K52H3		Đỗ Thị	Thoa	Nữ	01/01/1998				Khá	TMU.7.000893	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34706	1277-K52H5		Hoàng Tố	Loan	Nữ	10/11/1998				Giỏi	TMU.7.000894	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34707	1278-K52H6		Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	25/03/1998				Xuất sắc	TMU.7.000895	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34708	1279-K52H6		Mai Thị Thu	Hà	Nữ	15/06/1998				Giỏi	TMU.7.000896	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34709	1280-K52H6		La Thị	Hằng	Nữ	24/03/1998				Khá	TMU.7.000897	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34710	1281-K52H6		Đỗ Thu	Hương	Nữ	22/12/1998				Giỏi	TMU.7.000898	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34711	1282-K52H6		Hoàng Thị Thu	Loan	Nữ	20/07/1998				Xuất sắc	TMU.7.000899	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34712	1283-K52H6		Nguyễn Thu	Trà	Nữ	12/09/1998				Khá	TMU.7.000900	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34713	1284-K50H5		Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nữ	08/10/1996				Trung bình	TMU.7.000901	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34714	1285-K51H3		Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	09/02/1996				Trung bình	TMU.7.000902	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34715	1286-K51H4		Hoàng Đức	Bình	Nam	18/01/1997				Trung bình	TMU.7.000903	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34716	1287-K51H4		Nguyễn Văn Thu	Hương	Nữ	26/03/1997				Khá	TMU.7.000904	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34717	1288-K51H5		Đặng Thị Phương	Hoa	Nữ	04/08/1997				Khá	TMU.7.000905	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34718	1289-K51H5		Đặng Tiến	Mạnh	Nam	01/05/1997				Trung bình	TMU.7.000906	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34719	1290-K51H5		Trần Thị Ngọc	Như	Nữ	19/10/1996				Khá	TMU.7.000952	2020	Chính quy	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	1041/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34720	1291-K52N1		Nguyễn Thị Lệ	Hiền	Nữ	01/10/1998				Khá	TMU.7.000907	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34721	1292-K52N1		Bùi Ngọc	Sơn	Nam	01/09/1998				Khá	TMU.7.000908	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34722	1293-K52N1		Phạm Thị	Thùy	Nữ	12/11/1998				Khá	TMU.7.000909	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34723	1294-K52N2		Nguyễn Giang	My	Nữ	21/04/1998				Giỏi	TMU.7.000910	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34724	1295-K52N2		Dương Thị	Ngọc	Nữ	29/04/1998				Khá	TMU.7.000911	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34725	1296-K52N2		Hoàng Thị	Thúy	Nữ	07/10/1998				Khá	TMU.7.000912	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34726	1297-K52N3		Nguyễn Hà	Anh	Nữ	20/12/1998				Khá	TMU.7.000913	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34727	1298-K52N3		Trương Thị	Duyên	Nữ	01/10/1998				Khá	TMU.7.000914	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34728	1299-K52N3		Nguyễn Thị Ninh	Giang	Nữ	06/09/1998				Trung bình	TMU.7.000915	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34729	1300-K52N4		Lê Quỳnh	Chi	Nữ	20/06/1998				Khá	TMU.7.000916	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34730	1301-K52N4		Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	03/02/1998				Khá	TMU.7.000917	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34731	1302-K52N4		Quảng Khánh	Linh	Nữ	10/09/1998				Khá	TMU.7.000918	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34732	1303-K52N4		Nguyễn Thị Mai	Loan	Nữ	21/11/1998				Khá	TMU.7.000919	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34733	1304-K52N4		Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	16/02/1998				Trung bình	TMU.7.000920	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34734	1305-K52N4		Lương Thị Thùy	Vi	Nữ	22/11/1998				Khá	TMU.7.000921	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34735	1306-K52N5		Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	15/05/1998				Khá	TMU.7.000922	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34736	1307-K52N6		Đỗ Thị	Huyền	Nữ	28/07/1998				Khá	TMU.7.000923	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34737	1308-K52N6		Phan Thị Kim	Ngân	Nữ	30/04/1998				Khá	TMU.7.000924	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34738	1309-K50N6		Phạm Hữu	Đức	Nam	08/09/1996				Trung bình	TMU.7.000925	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34739	1310-K50N7		Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	10/12/1996				Trung bình	TMU.7.000926	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34740	1311-K51N2		Nguyễn Hoa Diệu	Linh	Nữ	21/11/1997				Khá	TMU.7.000927	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34741	1312-K51N5		Nguyễn Xuân	Long	Nam	02/12/1997				Khá	TMU.7.000928	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34742	1313-K51N6		Trần Thị Bạch	Hồng	Nữ	05/11/1997				Khá	TMU.7.000929	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34743	1314-K51N6		Trần Trọng	Hưng	Nam	25/07/1996				Khá	TMU.7.000930	2020	Chính quy	NGÔN NGỮ ANH	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1042/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34744	1315-K52U1		Đinh Thị	Phương	Nữ	24/06/1998				Giỏi	TMU.7.000931	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34745	1316-K52U1		Nguyễn Thị	Tư	Nữ	06/04/1998				Khá	TMU.7.000932	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34746	1317-K52U1		Bùi Thị Tố	Uyên	Nữ	01/08/1998				Khá	TMU.7.000933	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34747	1318-K52U2		Vũ Thị	Xuân	Nữ	26/04/1998				Khá	TMU.7.000934	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34748	1319-K52U3		Hoàng Thị	Thúy	Nữ	02/07/1998				Khá	TMU.7.000935	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34749	1320-K52U3		Phùng Thị	Thùy	Nữ	28/01/1997				Khá	TMU.7.000936	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34750	1321-K52U4		Phạm Thanh	Sơn	Nam	23/10/1998				Khá	TMU.7.000937	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34751	1322-K52U5		Ngô Thành	Đạt	Nam	25/11/1998				Khá	TMU.7.000938	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34752	1323-K52U5		Đào Khánh	Linh	Nữ	28/09/1998				Giỏi	TMU.7.000939	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34753	1324-K52U5		Nguyễn Thảo	Ly	Nữ	29/09/1998				Khá	TMU.7.000940	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34754	1325-K52U5		Phạm Thị Bảo	Ngọc	Nữ	05/12/1998				Khá	TMU.7.000941	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34755	1326-K52U5		Trần Thị	Thúy	Nữ	25/10/1998				Khá	TMU.7.000942	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34756	1327-K52U5		Lại Minh	Tiến	Nam	21/11/1998				Khá	TMU.7.000943	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34757	1328-K52U5		Nguyễn Anh	Tùng	Nam	01/10/1998				Khá	TMU.7.000944	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34758	1329-K51U2		Phan Hải	Anh	Nữ	14/10/1997				Trung bình	TMU.7.000945	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34759	1330-K51U4		Trần Thị	Vi	Nữ	02/11/1997				Khá	TMU.7.000946	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34760	1331-K51U5		Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	07/10/1997				Khá	TMU.7.000947	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34761	1332-K51U5		Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	19/09/1997				Trung bình	TMU.7.000948	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34762	1333-K51U5		Đỗ Hoàng	Lân	Nam	11/01/1997				Trung bình	TMU.7.000949	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34763	1334-K51U3		Kiều Văn	Quyết	Nam	16/04/1996				Trung bình	TMU.7.000953	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34764	1335-K51U5		Trần Thị Minh	Anh	Nữ	18/08/1996				Khá	TMU.7.000954	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1043/QĐ-ĐHTM ngày 17/09/2020	
34765	1336-LQKT K12		CHEN MEITING		Nữ	21/01/1998				Trung bình	TMU.7.000955	2020	Hệ 2+2	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1118/QĐ-ĐHTM, ngày 15/09/2020	
34766	1337-LQKT K12		ZENG BOLING		Nữ	19/02/1998				Trung bình	TMU.7.000956	2020	Hệ 2+2	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1118/QĐ-ĐHTM, ngày 15/09/2020	
34767	1338-LQKT K12		LONG XUEMEI		Nữ	11/10/1997				Trung bình	TMU.7.000957	2020	Hệ 2+2	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1118/QĐ-ĐHTM, ngày 15/09/2020	
34768	1339-LQKT K12		WEI SHIYUAN		Nam	15/10/1995				Trung bình	TMU.7.000958	2020	Hệ 2+2	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1118/QĐ-ĐHTM, ngày 15/09/2020	
34769	1340-LQKT K12		ZHENG NIANRAN		Nữ	12/08/1998				Trung bình	TMU.7.000959	2020	Hệ 2+2	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1118/QĐ-ĐHTM, ngày 15/09/2020	
34770	1341-LQKT K12		TANG JING		Nữ	04/09/1997				Trung bình	TMU.7.000960	2020	Hệ 2+2	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1118/QĐ-ĐHTM, ngày 15/09/2020	
34771	1342-LQKT K12		YE JINCHENG		Nam	04/11/1996				Trung bình	TMU.7.000961	2020	Hệ 2+2	KINH DOANH QUỐC TẾ	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1118/QĐ-ĐHTM, ngày 15/09/2020	
34772	226-K16CQ1	19H106003	Đỗ Nguyễn Vân	Anh	Nữ	30/12/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000962	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34773	227-K16CQ1	19H106001	Nguyễn Lê Hải	Anh	Nữ	10/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000963	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34774	228-K16CQ1	19H106004	Nguyễn Linh	Chi	Nữ	06/08/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000964	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34775	229-K16CQ1	19H106007	Nguyễn Văn	Chương	Nam	04/10/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000965	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34776	230-K16CQ1	19H106008	Vương Khánh	Cường	Nam	15/05/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.000966	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34777	231-K16CQ1	19H106010	Hoàng Quý	Dương	Nam	24/06/1996	Hà Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000967	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34778	232-K16CQ1	19H106011	Bùi Thị Kim	Hạnh	Nữ	16/03/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.000968	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34779	233-K16CQ1	19H106012	Lê Văn	Hào	Nam	01/05/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000969	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34780	234-K16CQ1	19H106013	Bùi Thị Thanh	Hảo	Nữ	23/10/1997	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000970	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34781	235-K16CQ1	19H106014	Quách Thị Thanh	Huệ	Nữ	15/12/1996	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000971	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34782	236-K16CQ1	19H106015	Nguyễn Quốc	Hưng	Nam	10/01/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000972	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34783	237-K16CQ1	19H106016	Nguyễn Việt	Hưng	Nam	30/06/1982	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000973	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34784	238-K16CQ1	19H106017	Đinh Thị Mai	Hương	Nữ	17/09/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.000974	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34785	239-K16CQ1	19H106018	Lê Thị	Hương	Nữ	10/01/1994	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000975	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34786	240-K16CQ1	19H106019	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	25/07/1984	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.000976	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34787	241-K16CQ1	19H106022	Phan Quang	Huy	Nam	29/04/1997	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.000977	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34788	242-K16CQ1	19H106023	Đoàn Thị	Huyền	Nữ	14/07/1991	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.000978	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34789	243-K16CQ1	19H106024	Nguyễn Xuân	La	Nam	05/11/1992	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000979	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34790	244-K16CQ1	19H106025	Ngô Thị Mai	Lan	Nữ	11/11/1986	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000980	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34791	245-K16CQ1	19H106027	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	Nữ	06/07/1995	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000981	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34792	246-K16CQ1	19H106028	Lê Ngọc	Linh	Nam	01/02/1987	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000982	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34793	247-K16CQ1	19H106029	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	13/12/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000983	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34794	248-K16CQ1	19H106030	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	18/09/1994	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000984	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34795	249-K16CQ1	19H106033	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	12/07/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000985	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34796	250-K16CQ1	19H106034	Trần Nhật	Nam	Nam	04/11/1991	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000986	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34797	251-K16CQ1	16H100318	Minh Quang	Nghĩa	Nam	13/01/1995	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000987	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34798	252-K16CQ1	19H106036	Nguyễn Thị Kim	Như	Nữ	13/03/1995	Bình Thuận	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000988	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34799	253-K16CQ1	19H106037	Ninh Thị Tuyết	Nhung	Nữ	26/06/1992	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000989	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34800	254-K16CQ1	19H106038	Lê Ngọc	Phong	Nam	26/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000990	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34801	255-K16CQ1	19H106040	Nguyễn Văn	Phương	Nam	30/12/1994	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000991	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34802	256-K16CQ1	19H106039	Trần Minh	Phương	Nữ	12/06/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000992	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34803	257-K16CQ1	19H106041	Phạm Minh	Quốc	Nam	14/08/1997	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000993	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34804	258-K16CQ1	19H106042	Lê Minh	Quý	Nam	18/11/1995	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000994	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34805	259-K16CQ1	19H106043	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	20/10/1991	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000995	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34806	260-K16CQ1	19H106044	Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	07/02/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000996	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34807	261-K16CQ1	19H106045	Phạm Văn	Sự	Nam	27/09/1993	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000997	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34808	262-K16CQ1	19H106046	Nguyễn Minh	Tâm	Nữ	25/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000998	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34809	263-K16CQ1	19H106047	Trương Việt	Thắng	Nam	03/06/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.000999	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34810	264-K16CQ1	19H106054	Nguyễn Đỗ Mai	Trang	Nữ	02/09/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001000	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34811	265-K16CQ1	19H106053	Trần Thùy	Trang	Nữ	10/04/1997	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001001	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34812	266-K16CQ1	19H106052	Trịnh Thu	Trang	Nữ	03/03/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001002	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34813	267-K16CQ1	19H106055	Phạm Thị	Trung	Nữ	02/02/1993	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001003	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34814	268-K16CQ1	19H106056	Lê Xuân	Tuấn	Nam	16/12/1989	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001004	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34815	269-K16CQ1	19H106057	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	15/10/1997	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001005	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34816	270-K16CQ1	19H106059	Bùi Thanh	Tùng	Nam	10/06/1991	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001006	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34817	271-K16CQ1	19H106058	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	24/11/1993	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.001007	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34818	272-K16CQ1	19H106060	Bùi Thị Tố	Uyên	Nữ	21/06/1996	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001008	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34819	273-K16CQ1	19H106061	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	12/09/1993	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001009	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34820	274-K16CQ1	19H106062	Chu Thanh Yến	Yến	Nữ	29/11/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001010	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1244/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34821	275-K12CQ1	16H100001	Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	01/02/1991	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001011	2020	Chính quy	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1245/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34822	276-K16CK1	19H155001	Hoàng Minh	Anh	Nam	26/11/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001012	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34823	277-K16CK1	19H155004	Lê Hồng	Anh	Nữ	20/10/1989	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001013	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34824	278-K16CK1	19H155006	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	10/11/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001014	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34825	279-K16CK1	19H155005	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	12/12/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001015	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34826	280-K16CK1	19H155003	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	31/07/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001016	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34827	281-K16CK1	19H155002	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	27/04/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001017	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34828	282-K16CK1	19H155007	Nguyễn Minh	Ánh	Nữ	08/03/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001018	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34829	283-K16CK1	19H155008	Nguyễn Đức	Bình	Nam	15/04/1997	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001019	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34830	284-K16CK1	19H155009	Bùi Mạnh	Cầm	Nam	22/06/1992	Gia Lai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001020	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34831	285-K16CK1	19H155011	Nguyễn Thị	Đêm	Nữ	08/10/1997	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001021	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34832	286-K16CK1	19H155012	Hoàng Thị	Điểm	Nữ	05/05/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001022	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34833	287-K16CK1	19H155014	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	16/11/1996	Nam Hà	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001023	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34834	288-K16CK1	19H155013	Trần Thị	Hà	Nữ	26/12/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001024	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34835	289-K16CK1	19H155020	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	30/12/1987	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001025	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34836	290-K16CK1	19H155021	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	04/11/1986	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001026	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34837	291-K16CK1	19H155019	Phạm Thúy	Hằng	Nữ	16/08/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001027	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34838	292-K16CK1	19H155016	Bùi Hồng	Hạnh	Nữ	12/09/1996	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001028	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34839	293-K16CK1	19H155015	Lê Văn	Hạnh	Nam	27/10/1986	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001029	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34840	294-K16CK1	19H155017	Hồ Sỹ	Hào	Nam	21/10/1993	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001030	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34841	295-K16CK1	19H155018	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	22/11/1993	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001031	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34842	296-K16CK1	19H155022	Nguyễn Huy	Hiếu	Nam	30/09/1982	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001032	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34843	297-K16CK1	19H155023	Trịnh Thị	Hoài	Nữ	24/10/1994	Hà Bắc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001033	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34844	298-K16CK1	19H155024	Trần Thị	Hồng	Nữ	12/03/1991	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001034	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34845	299-K16CK1	19H155025	Nguyễn Thị	Huê	Nữ	30/08/1993	Vĩnh Phú	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001035	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34846	300-K16CK1	19H155028	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	28/01/1985	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001036	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34847	301-K16CK1	19H155029	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/11/1990	Hà Nam Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001037	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34848	302-K16CK1	19H155027	Trần Thị	Huyền	Nữ	08/08/1990	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001038	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34849	303-K16CK1	19H155030	Trương Thanh	Huyền	Nữ	11/12/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001039	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34850	304-K16CK1	19H155031	Nguyễn Thị Hương	Lan	Nữ	10/05/1981	Việt Trì	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001040	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34851	305-K16CK1	19H155032	Phạm Nhật	Lệ	Nữ	05/11/1997	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001041	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34852	306-K16CK1	17H151244	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	19/08/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001042	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34853	307-K16CK1	19H155033	Trần Thùy	Linh	Nữ	21/10/1994	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001043	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34854	308-K16CK1	19H155034	Từ Thị	Loan	Nữ	10/12/1990	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001044	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34855	309-K16CK1	19H155036	Nguyễn Hà	Ly	Nữ	02/01/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001045	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34856	310-K16CK1	19H155035	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	25/09/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001046	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34857	311-K16CK1	19H155037	Phạm Thị Hương	Lý	Nữ	23/10/1994	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001047	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34858	312-K16CK1	19H155038	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	28/08/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001048	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34859	313-K16CK1	19H155039	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	25/11/1997	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001049	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34860	314-K16CK1	19H155040	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	19/08/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001050	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34861	315-K16CK1	19H155042	Nguyễn Thúy	Ngân	Nữ	05/02/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001051	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34862	316-K16CK1	19H155043	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	29/10/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001052	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34863	317-K16CK1	19H155045	Ngô Thị Minh	Nguyệt	Nữ	19/04/1981	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001053	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34864	318-K16CK1	19H155047	Trần Thu	Phương	Nữ	30/11/1996	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001054	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34865	319-K16CK1	19H155049	Hoàng Xuân	Quyết	Nam	11/01/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001055	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34866	320-K16CK1	19H155050	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	10/06/1997	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001056	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34867	321-K16CK1	19H155057	Lê Thị	Thắm	Nữ	12/12/1993	Nam Hà	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001057	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34868	322-K16CK1	19H155056	Trần Thị	Thắm	Nữ	02/05/1991	Nam Hà	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001058	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34869	323-K16CK1	19H155053	Trần Thị Thanh	Thanh	Nữ	04/04/1997	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001059	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34870	324-K16CK1	19H155055	Bùi Thị	Thảo	Nữ	18/10/1997	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001060	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34871	325-K16CK1	19H155054	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	07/05/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001061	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34872	326-K16CK1	19H155058	Đặng Thị	Thời	Nữ	10/08/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001062	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34873	327-K16CK1	19H155059	Hoàng Thị	Thơm	Nữ	24/11/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001063	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34874	328-K16CK1	19H155060	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	02/03/1996	Nam Hà	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001064	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34875	329-K16CK1	19H155067	Bùi Thị	Thúy	Nữ	06/11/1990	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001065	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34876	330-K16CK1	19H155065	Đào Thị	Thúy	Nữ	09/12/1990	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001066	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34877	331-K16CK1	19H155106	Đào Thị	Thúy	Nữ	05/05/1987	Vĩnh Phú	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001067	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34878	332-K16CK1	19H155066	Phan Thanh	Thúy	Nữ	14/11/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001068	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34879	333-K16CK1	19H155062	Lê Thị	Thùy	Nữ	28/09/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001069	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34880	334-K16CK1	19H155063	Hoàng Thanh	Thủy	Nữ	20/10/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001070	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34881	335-K16CK1	19H155068	Đinh Thị	Thuyết	Nữ	25/09/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001071	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34882	336-K16CK1	19H155051	Lê Thị Thùy	Tiên	Nữ	10/10/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001072	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34883	337-K16CK1	19H155052	Ngô Thị	Toan	Nữ	02/01/1989	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001073	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34884	338-K16CK1	19H155069	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	10/08/1993	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001074	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34885	339-K16CK1	19H155071	Lê Thị	Xuân	Nữ	10/04/1994	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001075	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34886	340-K16CK1	19H155070	Lý Thị	Xuân	Nữ	18/12/1996	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001076	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34887	341-K16CK1	19H155072	Đỗ Thị	Yến	Nữ	17/01/1993	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001077	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34888	342-K12CK7	16H150925	Trần Văn	Tú	Nam	03/08/1993	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001078	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34889	343-K12CK9	16H151088	Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	19/11/1990	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001079	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34890	344-K13CK3	17H150061	Mai Thị	Tuyết	Nữ	27/02/1990	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001080	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1246/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34891	345-K16CK2	19H155081	Nguyễn Thị	Ái	Nữ	29/08/1989	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001081	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34892	346-K16CK2	19H155082	Dương Đăng	Bình	Nam	28/07/1983	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001082	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34893	347-K16CK2	19H155083	Mai Thị	Cúc	Nữ	28/02/1984	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001083	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34894	348-K16CK2	19H155084	Nguyễn Văn	Cương	Nam	31/08/1975	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001084	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34895	349-K16CK2	19H155086	Vi Tiến	Dân	Nam	31/01/1992	Bắc Giang	Sán Chí	Việt Nam	Khá	TMU.7.001085	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34896	350-K16CK2	19H155087	Trần Thị Ngọc	Diễm	Nữ	13/08/1989	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001086	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34897	351-K16CK2	19H155088	Lê Thị	Giang	Nữ	07/04/1992	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001087	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34898	352-K16CK2	19H155089	Ngô Thị	Hà	Nữ	17/04/1990	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001088	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34899	353-K16CK2	19H155090	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/12/1984	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001089	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34900	354-K16CK2	19H155092	Tống Thị	Hiến	Nữ	20/05/1988	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001090	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34901	355-K16CK2	19H155093	Nguyễn Thu	Hồng	Nữ	26/01/1985	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001091	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34902	356-K16CK2	19H155094	Hoàng Xuân	Hưng	Nam	17/03/1985	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001092	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34903	357-K16CK2	19H155095	Trần Thị Diệu	Linh	Nữ	14/05/1993	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001093	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34904	358-K16CK2	19H155096	Triệu Thị Hiền	Lương	Nữ	01/10/1982	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001094	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34905	359-K16CK2	19H155097	Hà Thị	Luyến	Nữ	04/11/1988	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001095	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34906	360-K16CK2	19H155098	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	08/06/1990	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001096	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34907	361-K16CK2	19H155099	Vũ Văn	Mạnh	Nam	27/11/1980	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001097	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34908	362-K16CK2	19H155100	Nguyễn Trà	My	Nữ	20/12/1993	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001098	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34909	363-K16CK2	19H155101	Lê Tùng	Nam	Nam	10/08/1992	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001099	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34910	364-K16CK2	19H155103	Đặng Văn	Quý	Nam	17/05/1982	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001100	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34911	365-K16CK2	19H155105	Nguyễn Văn	Tha	Nam	25/08/1981	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001101	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34912	366-K16CK2	19H155107	Giáp Thị Hồng	Thúy	Nữ	01/08/1992	Hà Bắc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001102	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34913	367-K16CK2	19H155109	Trần Văn	Tiến	Nam	06/10/1980	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001103	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34914	368-K16CK2	19H155110	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	21/02/1994	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001104	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34915	369-K16CK2	19H155112	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	16/08/1981	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001105	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34916	370-K16CK2	19H155113	Hoàng Thị	Tuyến	Nữ	12/09/1992	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001106	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34917	371-K16CK2	19H155114	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	12/09/1986	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001107	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34918	372-K16CK2	19H155115	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	23/11/1988	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001108	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1247/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34919	373-K52BK1	17G150002	Hà Thị Lan	Anh	Nữ	07/06/1993	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001109	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34920	374-K52BK1	17G150001	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	17/12/1989	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001110	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34921	375-K52BK1	17G150003	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Nữ	06/11/1993	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001111	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34922	376-K52BK1	17G150039	Đinh Thế	Ba	Nam	05/12/1985	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001112	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34923	377-K52BK1	17G150046	Phạm Thị Việt	Bắc	Nữ	17/09/1982	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001113	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34924	378-K52BK1	17G150006	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	30/08/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001114	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34925	379-K52BK1	17G150008	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	10/04/1991	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001115	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34926	380-K52BK1	17G150009	Phạm Lan	Hương	Nữ	26/04/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001116	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34927	381-K52BK1	17G150010	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	20/08/1982	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001117	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34928	382-K52BK1	17G150011	Nguyễn Văn	Khá	Nam	20/10/1980	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001118	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34929	383-K52BK1	17G150012	Văn Phú	Linh	Nam	09/11/1989	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001119	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34930	384-K52BK1	17G150014	Vũ Hà	Linh	Nữ	06/09/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001120	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34931	385-K52BK1	17G150038	Nguyễn Tố	Loan	Nữ	26/04/1980	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001121	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34932	386-K52BK1	17G150015	Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	25/09/1991	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001122	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34933	387-K52BK1	17G150047	Trần Thị	Mai	Nữ	08/04/1981	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001123	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34934	388-K52BK1	17G150037	Lê Thị	Nga	Nữ	19/11/1991	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001124	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34935	389-K52BK1	17G150017	Cao Bích	Ngọc	Nữ	10/08/1994	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001125	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34936	390-K52BK1	17G150018	Hồng Thị Thanh	Phương	Nữ	23/11/1992	Thừa Thiên Huế	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001126	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34937	391-K52BK1	17G150033	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	31/10/1992	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001127	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34938	392-K52BK1	17G150021	Dương Thu	Thảo	Nữ	28/11/1993	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001128	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34939	393-K52BK1	17G150020	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	27/07/1994	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001129	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34940	394-K52BK1	17G150023	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	17/03/1989	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001130	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34941	395-K52BK1	17G150026	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/08/1989	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001131	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34942	396-K52BK1	17G150025	Trương Thị	Trang	Nữ	05/04/1988	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001132	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34943	397-K52BK1	17G150029	Hoàng Thanh	Tùng	Nam	14/03/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001133	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34944	398-K52BK1	17G150031	Nguyễn Kiều	Vân	Nữ	03/03/1993	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001134	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1248/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34945	399-K52BK1A	17G150013	Mai Thị Thùy	Linh	Nữ	20/03/1985	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001135	2020	Vừa làm vừa học	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1249/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34946	400-K52BK1A	17G150022	Nguyễn Cao	Thoại	Nam	17/01/1974	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001136	2020	Vừa làm vừa học	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1249/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34947	401-K49DQ1	12E100044	Lê Thành	Trung	Nam	10/05/1986	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.001137	2020	Vừa làm vừa học	QUẢN TRỊ KINH DOANH	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1250/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34948	402-K48DK1	12E150030	Lê Trọng	Tú	Nam	25/05/1986	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.001138	2020	Vừa làm vừa học	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1251/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34949	403-K9TK1	17H151002	Đinh Thế	Anh	Nam	21/03/1993	Hà Nam	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001139	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34950	404-K9TK1	17H151003	Hoàng Thị Tuyết	Ánh	Nữ	24/04/1989	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001140	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34951	405-K9TK1	17H151006	Đinh Thị	Biên	Nữ	29/10/1987	Phú Thọ	Việt Nam	Mường	Khá	TMU.7.001141	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34952	406-K9TK1	17H151007	Đào Thị	Chinh	Nữ	24/02/1985	Hưng Yên	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001142	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34953	407-K9TK1	17H151008	Đặng Trần	Đạt	Nam	16/06/1995	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001143	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34954	408-K9TK1	17H151010	Nguyễn Thị	Đông	Nữ	25/07/1991	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001144	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34955	409-K9TK1	17H151069	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	10/11/1983	Ninh Bình	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001145	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34956	410-K9TK1	17H151013	Bùi Việt	Dũng	Nam	27/03/1985	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001146	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34957	411-K9TK1	17H151015	Vũ Thị	Hằng	Nữ	13/01/1992	Hà Nam	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001147	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34958	412-K9TK1	17H151016	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	04/04/1983	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001148	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34959	413-K9TK1	17H151017	Ngô Thị	Hiền	Nữ	25/05/1991	Hưng Yên	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001149	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34960	414-K9TK1	17H151019	Phạm Quỳnh	Hoa	Nữ	20/01/1985	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001150	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34961	415-K9TK1	17H151020	Phạm Ngọc	Hòa	Nam	21/03/1992	Lạng Sơn	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001151	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34962	416-K9TK1	17H151021	Lê Huy	Hoàng	Nam	06/09/1995	Thanh Hóa	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001152	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34963	417-K9TK1	17H151022	Ngô Thị Thúy	Hồng	Nữ	01/08/1994	Nam Định	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001153	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34964	418-K9TK1	17H151024	Trần Thị	Huệ	Nữ	29/03/1995	Lào Cai	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001154	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34965	419-K9TK1	17H151025	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	26/10/1986	Hải Phòng	Việt Nam	Kinh	Trung bình	TMU.7.001155	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34966	420-K9TK1	17H151026	Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	30/10/1987	Lào Cai	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001156	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34967	421-K9TK1	17H151027	Đỗ Thị	Lan	Nữ	15/10/1984	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001157	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34968	422-K9TK1	17H151030	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	06/10/1989	Thanh Hóa	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001158	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34969	423-K9TK1	17H151033	Nguyễn Thị	Muộn	Nữ	15/01/1983	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001159	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34970	424-K9TK1	17H151037	Hà Thị Kim	Ngân	Nữ	27/10/1995	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001160	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34971	425-K9TK1	17H151036	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	06/02/1985	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001161	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34972	426-K9TK1	17H151039	Nguyễn Thị Loan	Ngọc	Nữ	22/09/1990	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001162	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34973	427-K9TK1	17H151041	Phùng Thị	Nhiễn	Nữ	20/06/1987	Long An	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001163	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34974	428-K9TK1	17H151042	Bùi Thị	Phước	Nữ	04/04/1994	Hòa Bình	Việt Nam	Mường	Khá	TMU.7.001164	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34975	429-K9TK1	17H151044	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	23/01/1986	Phú Thọ	Việt Nam	Mường	Khá	TMU.7.001165	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34976	430-K9TK1	17H151045	Phan Thu	Phương	Nữ	14/12/1994	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001166	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34977	431-K9TK1	17H151046	Vũ Thị	Phương	Nữ	01/07/1986	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001167	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34978	432-K9TK1	17H151048	Phạm Thị	Quyên	Nữ	18/05/1989	Phú Thọ	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001168	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34979	433-K9TK1	17H151049	Dương Thị	Sen	Nữ	29/03/1994	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001169	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34980	434-K9TK1	17H151050	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	08/08/1988	Hà Nam	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001170	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34981	435-K9TK1	17H151052	Đỗ Trường	Thành	Nam	27/01/1995	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001171	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34982	436-K9TK1	17H151053	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	24/10/1990	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001172	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34983	437-K9TK1	17H151056	Phạm Thị	Thúy	Nữ	22/05/1992	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001173	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34984	438-K9TK1	17H151055	Vũ Thị	Thúy	Nữ	16/12/1996	Nam Định	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001174	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34985	439-K9TK1	17H151058	Lương Thu	Thủy	Nữ	17/05/1994	Thái Nguyên	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001175	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34986	440-K9TK1	17H151057	Vũ Thị	Thủy	Nữ	02/04/1982	Ninh Bình	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001176	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34987	441-K9TK1	17H151060	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	16/06/1989	Thanh Hóa	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001177	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34988	442-K9TK1	17H151059	Vũ Thị	Thủy	Nữ	14/12/1983	Bắc Ninh	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001178	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34989	443-K9TK1	17H151061	Phan Thị	Trang	Nữ	04/10/1994	Hà Tĩnh	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001179	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34990	444-K9TK1	17H151063	Chu Quốc	Tùng	Nam	08/06/1990	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001180	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
34991	445-K9TK1	17H151064	Đinh Văn	Tuyên	Nam	15/10/1991	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001181	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34992	446-K9TK1	17H151065	Phạm Thị	Vân	Nữ	27/04/1990	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Trung bình	TMU.7.001182	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34993	447-K9TK1	17H151066	Trần Đăng	Vỹ	Nam	10/03/1989	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001183	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34994	448-K9TK1	17H151067	Lê Thị	Xuân	Nữ	02/02/1987	Thanh Hóa	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001184	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34995	449-K9TK1	17H151068	Đinh Thị Phương Hạnh	Yến	Nữ	15/01/1981	Hà Nội	Việt Nam	Kinh	Khá	TMU.7.001185	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34996	450-K6TK3	15H153134	Trần Kim	Chi	Nữ	22/09/1993	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001186	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34997	451-K7TK1	16H152055	Trịnh Quốc	Đạt	Nam	27/09/1991	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001187	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34998	452-K7TK2	16H152020	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	24/09/1987	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.001188	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
34999	453-K8TK1	17H152001	Hoàng Thị Huyền	An	Nữ	31/08/1984	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001189	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
35000	454-K8TK1	17H152005	Lương Thị	Bình	Nữ	10/03/1989	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001190	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
35001	455-K8TK1	17H152007	Đặng Trọng	Công	Nam	11/04/1991	Đăk Lăk	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001191	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
35002	456-K8TK1	17H152012	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	10/09/1987	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001192	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
35003	457-K8TK1	17H152023	Hoàng Khánh	Linh	Nam	09/09/1983	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001193	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
35004	458-K8TK1	16H152146	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	12/06/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001194	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
35005	459-K8TK1	17H152039	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/09/1992	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001195	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
35006	460-K8TK1	16H152156	Phạm Văn	Tiệp	Nam	06/10/1993	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001196	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
35007	461-K8TK1	17H152041	Lê Thu	Trang	Nữ	03/07/1990	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001197	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
35008	462-K8TK1	17H152043	Trần Thị	Trang	Nữ	18/08/1989	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001198	2020	Chính quy	KẾ TOÁN	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1252/QĐ-ĐHTM ngày 04/11/2020	
35009	463-K16CK1	19H155044	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	17/04/1989	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001199	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1598/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35010	464-K16CK1	19H155064	Trần Thị	Thúy	Nữ	19/06/1993	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001200	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1598/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35011	465-K14CQ1	17H101022	Lã Thị Hoài	Linh	Nữ	20/10/1996	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.001201	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1599/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35012	466-K47DQ1	13E100062	Trần Thúy	Quỳnh	Nữ	25/07/1981	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	TB Khá	TMU.7.001202	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1600/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35013	467-K49DQ1	15E100102	Đỗ Trọng	Đạt	Nam	20/08/1990	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	TB Khá	TMU.7.001203	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1600/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35014	468-K49DQ1	15E100108	Phạm Thị Như	Hoa	Nữ	02/02/1991	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	TB Khá	TMU.7.001204	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1600/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35015	469-K49DQ1	15E100113	Trịnh Phương	Nam	Nam	13/11/1996	Nam Định	Kinh	Việt Nam	TB Khá	TMU.7.001205	2020	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1600/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35016	470-K5TK3	14H151208	Nguyễn Tiến	Điệp	Nam	16/11/1985	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001206	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1601/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35017	471-K5TK3	14H151224	Bùi Thị	Hoa	Nữ	23/05/1990	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001207	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1601/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35018	472-K7TK3	16H152164	Phạm Văn	Thông	Nam	30/01/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001208	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1601/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35019	473-K7TK4	16H152221	Đỗ Đăng	Khoa	Nam	18/02/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001209	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1601/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35020	474-K9TK1	17H151012	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	27/09/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001210	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1601/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35021	475-K9TK1	16H152160	Lê Danh	Thanh	Nam	23/02/1994	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001211	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1601/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2020	
35022	476-K45DK2	11E150158	Phạm Thị	Nguyệt	Nữ	23/03/1985	Thái Bình	Kinh	VietNam	Trungbìnhkhá	TMU.7.001212	2020	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1635/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35023	1343-K52A1	16D100016	Phạm Thị Hồng	Hảng	Nữ	22/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001213	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35024	1344-K52A2	16D100082	Phạm Phương	Anh	Nữ	27/08/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001214	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35025	1345-K52A3	16D100168	Nguyễn Thị Bạch	Cúc	Nữ	31/07/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001215	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35026	1346-K52A3	16D100197	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	22/04/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001216	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35027	1347-K52A3	16D100199	Vũ Thị	Nhiên	Nữ	25/03/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001217	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35028	1348-K52A3	16D100214	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	15/11/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001218	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35029	1349-K52A4	16D100290	Trần Thị	Thùy	Nữ	02/04/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001219	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35030	1350-K52A8	16D100560	Thân Thị	Duyên	Nữ	16/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001220	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35031	1351-K52A8	16D100565	Trần Thị	Hiền	Nữ	12/12/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001221	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35032	1352-K52A8	16D100586	Nguyễn Thị Trang	Nhung	Nữ	10/09/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001222	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35033	1353-K53A1	17D100006	Phan Thị	Diễm	Nữ	17/04/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001223	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35034	1354-K53A1	16D100017	Hoàng Minh	Hiếu	Nam	12/09/1998	Cao Bằng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001224	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35035	1355-K53A1	17D100019	Khuất Chi	Linh	Nữ	09/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001225	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35036	1356-K53A1	17D100020	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	26/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001226	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35037	1357-K53A1	17D100024	Phạm Ngọc	Mai	Nữ	24/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001227	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35038	1358-K53A1	17D100030	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	Nữ	21/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001228	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35039	1359-K53A1	17D100033	Nguyễn Thị Thu	Quyên	Nữ	08/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001229	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35040	1360-K53A1	17D100037	Bùi Văn	Thương	Nam	19/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001230	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35041	1361-K53A1	17D100038	Đặng Thị	Thương	Nữ	02/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001231	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35042	1362-K53A2	17D100066	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	15/03/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001232	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35043	1363-K53A2	17D100069	Hà Thị	Hảo	Nữ	31/08/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001233	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35044	1364-K53A2	17D100073	Hoàng Thái	Học	Nam	08/12/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001234	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35045	1365-K53A2	17D100079	Lê Diệu	Linh	Nữ	28/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001235	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35046	1366-K53A2	17D100087	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	15/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001236	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35047	1367-K53A2	17D100090	Cao Lan	Phương	Nữ	16/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001237	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35048	1368-K53A2	17D100102	Nguyễn Thị Tố	Uyên	Nữ	23/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001238	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35049	1369-K53A3	17D100131	Bùi Thị	Hiền	Nữ	06/05/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001239	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35050	1370-K53A3	17D100134	Khổng Văn	Huy	Nam	27/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001240	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35051	1371-K53A3	17D100135	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	24/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001241	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35052	1372-K53A3	17D100140	Tống Thị Ái	Linh	Nữ	09/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001242	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35053	1373-K53A3	17D100143	Đinh Thị Lan	Mai	Nữ	29/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001243	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35054	1374-K53A4	17D100181	Nguyễn Bình	An	Nữ	12/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001244	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35055	1375-K53A4	17D100187	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	19/07/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001245	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35056	1376-K53A4	17D100190	Đinh Thị	Hằng	Nữ	27/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001246	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35057	1377-K53A4	17D100197	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	28/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001247	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35058	1378-K53A4	17D100208	Vũ Thị Minh	Nguyệt	Nữ	06/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001248	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35059	1379-K53A4	17D100209	Nguyễn Huy	Nhân	Nam	21/08/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001249	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35060	1380-K53A4	17D100213	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	28/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001250	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35061	1381-K53A4	17D100223	Nguyễn Ánh Phong	Vân	Nữ	08/11/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001251	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35062	1382-K53A5	17D100243	Trương Quỳnh	Anh	Nữ	11/06/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001252	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35063	1383-K53A5	17D100244	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001253	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35064	1384-K53A5	17D100248	Nguyễn Thị Hồng	Giang	Nữ	30/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001254	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35065	1385-K53A5	17D100250	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	30/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001255	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35066	1386-K53A5	17D100252	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	14/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001256	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35067	1387-K53A5	17D100260	Lê Vũ Cẩm	Linh	Nữ	19/08/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001257	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35068	1388-K53A5	17D100261	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	13/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001258	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35069	1389-K53A5	17D100262	Phan Châu	Loan	Nữ	06/12/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001259	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35070	1390-K53A5	17D100263	Nguyễn Hiền	Mai	Nữ	26/09/1999	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001260	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35071	1391-K53A5	17D100264	Đỗ Tuấn	Minh	Nam	16/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001261	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35072	1392-K53A5	17D100267	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	20/12/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001262	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35073	1393-K53A5	17D100269	Nguyễn Văn	Nhật	Nam	10/01/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001263	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35074	1394-K53A5	17D100278	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	10/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001264	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35075	1395-K53A5	17D100279	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	02/06/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001265	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35076	1396-K53A5	17D100281	Ngô Thị	Tuyết	Nữ	12/05/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001266	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35077	1397-K53A5	17D100283	Nguyễn Hải	Vân	Nữ	11/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001267	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35078	1398-K53A5	17D100284	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	08/03/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001268	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35079	1399-K53A6	17D100302	Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	11/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001269	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35080	1400-K53A6	17D100303	Trương Thị	Anh	Nữ	19/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001270	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35081	1401-K53A6	17D100305	Triệu Kiều	Chinh	Nữ	30/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001271	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35082	1402-K53A6	17D100307	Lành Ngọc	Đức	Nam	02/02/1999	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001272	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35083	1403-K53A6	17D100308	Trần Hương	Giang	Nữ	08/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001273	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35084	1404-K53A6	17D100310	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	05/05/1999	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001274	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35085	1405-K53A6	17D100321	Trịnh Thùy	Linh	Nữ	28/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001275	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35086	1406-K53A6	17D100324	Lưu Tuấn	Minh	Nam	16/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001276	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35087	1407-K53A6	17D100325	Phan Thị	Mơ	Nữ	10/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001277	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35088	1408-K53A6	17D100327	Phạm Thị Hồng	Ngọc	Nữ	28/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001278	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35089	1409-K53A6	17D100330	Đinh Thị	Oanh	Nữ	09/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001279	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35090	1410-K53A6	17D100337	Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	03/01/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001280	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35091	1411-K53A6	17D100342	Hồ Khánh	Vi	Nữ	28/02/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001281	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35092	1412-K53A7	17D100364	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	17/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001282	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35093	1413-K53A7	17D100367	Đinh Thị	Hà	Nữ	28/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001283	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35094	1414-K53A7	17D100379	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	02/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001284	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35095	1415-K53A7	17D100383	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	05/09/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001285	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35096	1416-K53A7	17D100386	Phạm Hằng	Nga	Nữ	30/12/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001286	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35097	1417-K53A7	17D100396	Lê Hoài	Thu	Nữ	16/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001287	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35098	1418-K53A8	17D100436	Đào Thị Thu	Hương	Nữ	06/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001288	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35099	1419-K53A8	17D100440	Trương Thị	Linh	Nữ	28/02/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001289	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35100	1420-K53A8	17D100442	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	04/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001290	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35101	1421-K53A9	17D100484	Nguyễn Thị	Châm	Nữ	26/05/1997	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001291	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35102	1422-K53A9	17D100485	Ngô Thị	Diễm	Nữ	27/06/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001292	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35103	1423-K53A9	17D100494	Lê Ngọc	Huyền	Nữ	19/05/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001293	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35104	1424-K53A9	17D100496	Đỗ Thị	Hương	Nữ	13/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001294	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35105	1425-K53A9	17D100499	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	24/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001295	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35106	1426-K53A9	17D100503	Nguyễn Thị Hoa	Mai	Nữ	16/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001296	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35107	1427-K51A1	15D100043	Trần Thị	Thùy	Nữ	21/05/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001297	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35108	1428-K51A3	15D100191	Phan Thị Cẩm	Tú	Nữ	21/05/1997	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001298	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35109	1429-K51A5	15D100344	Phạm Thị Thùy	Trang	Nữ	13/08/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001299	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35110	1430-K52Q1	16D105013	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	13/12/1997	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001300	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35111	1431-K52Q1	16D105045	Ngô Quang	Tuấn	Nam	18/08/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001301	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35112	1432-K52Q1	16D105047	Hoàng Thị	Xuân	Nữ	18/04/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001302	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35113	1433-K53Q1	17D105001	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	22/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001303	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35114	1434-K53Q1	17D105008	Đào Thị Lan	Hương	Nữ	21/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001304	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35115	1435-K53Q1	17D105009	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	19/12/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001305	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35116	1436-K53Q1	17D105010	Trần Văn	Minh	Nam	26/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001306	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35117	1437-K53Q1	17D105012	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	15/10/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001307	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35118	1438-K53Q1	17D105016	Tạ Thị	Quyên	Nữ	22/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001308	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35119	1439-K53Q1	17D105019	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	05/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001309	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35120	1440-K53Q1	17D105020	Thái Nguyễn Hoàng	Thanh	Nữ	07/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001310	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35121	1441-K53Q1	17D105023	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	20/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001311	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35122	1442-K53Q1	17D105027	Bùi Thanh	Nam	Nam	31/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001312	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35123	1443-K53Q1	17D105028	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	19/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001313	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35124	1444-K53Q1	17D105030	Nguyễn Thị	Tình	Nữ	03/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001314	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35125	1445-K53Q2	17D105041	Nguyễn Thái	An	Nữ	29/03/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001315	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35126	1446-K53Q2	17D105043	Hoa Quế	Anh	Nữ	28/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001316	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35127	1447-K53Q2	17D105052	Dương Hải	Đăng	Nam	16/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001317	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35128	1448-K53Q2	17D105053	Đào Ngân	Hoa	Nữ	30/08/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001318	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35129	1449-K53Q2	17D105055	Phạm Mai	Khanh	Nữ	19/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001319	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35130	1450-K53Q2	17D105061	Trịnh Thùy	Linh	Nữ	22/10/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001320	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35131	1451-K53Q2	17D105065	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	26/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001321	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35132	1452-K53Q2	17D105066	Đào Bảo	Ngọc	Nữ	09/02/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001322	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35133	1453-K53Q2	17D105076	Lê Vũ Phương	Thảo	Nữ	25/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001323	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35134	1454-K53Q2	17D105078	Nguyễn Phương	Thúy	Nữ	02/01/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001324	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35135	1455-K53Q2	17D105082	Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	15/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001325	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35136	1456-K51Q1	15D105010	Trương Anh	Dũng	Nam	12/02/1997	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001326	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35137	1457-K51Q4	15D105173	Nguyễn Bình	Minh	Nam	29/06/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001327	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35138	1458-K53QT1	17D107001	Dương Quỳnh	Anh	Nữ	19/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001328	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35139	1459-K53QT1	17D107006	Đỗ Thị Ngọc	Châm	Nữ	03/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001329	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35140	1460-K53QT1	17D107008	Phạm Văn	Dương	Nam	03/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001330	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35141	1461-K53QT1	17D107011	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	05/06/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001331	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35142	1462-K53QT1	17D107015	Trần Thị Như	Hiền	Nữ	06/08/1999	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001332	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35143	1463-K53QT1	17D107019	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	01/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001333	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35144	1464-K53QT1	17D107021	Bùi Thị Thanh	Hường	Nữ	28/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001334	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35145	1465-K53QT1	17D107025	Lê Thị Kiều	Loan	Nữ	06/10/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001335	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35146	1466-K53QT1	17D107027	Phan Thị	Mơ	Nữ	23/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001336	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35147	1467-K53QT1	17D107028	Hoàng Kim	Ngân	Nữ	11/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001337	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35148	1468-K53QT1	17D107030	Đoàn Thị	Nguyên	Nữ	20/09/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001338	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35149	1469-K53QT1	17D107031	Nguyễn Hồng	Nhật	Nam	28/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001339	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35150	1470-K53QT1	17D107032	Nguyễn Tuyết	Nhung	Nữ	19/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001340	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35151	1471-K53QT1	17D107034	Hoàng Thị	Phương	Nữ	30/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001341	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35152	1472-K53QT1	17D107035	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	22/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001342	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35153	1473-K53QT1	17D107036	Trần Văn	Quân	Nam	09/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001343	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35154	1474-K53QT1	17D107038	Ngô Thị	Sang	Nữ	01/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001344	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35155	1475-K53QT1	17D107039	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	03/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001345	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35156	1476-K53QT1	17D107040	Vũ Thanh	Thủy	Nữ	27/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001346	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35157	1477-K53QT1	17D107041	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	16/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001347	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35158	1478-K53QT1	17D107042	Lương Thị Thu	Trang	Nữ	15/12/1998	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001348	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35159	1479-K53QT1	17D107043	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	29/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001349	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35160	1480-K53QT1	17D107044	Lê Thị Thu	Trà	Nữ	05/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001350	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35161	1481-K53QT1	17D107045	Trịnh Thị Tố	Uyên	Nữ	24/05/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001351	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35162	1482-K53QT2	17D107071	Hồ Thị Ngọc	Anh	Nữ	28/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001352	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35163	1483-K53QT2	17D107072	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	02/06/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001353	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35164	1484-K53QT2	17D107073	Nguyễn Hoa	Ban	Nữ	20/09/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001354	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35165	1485-K53QT2	17D107074	Mạc Thị	Biển	Nữ	18/06/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001355	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35166	1486-K53QT2	17D107075	Phan Thị Ngọc	Bích	Nữ	19/09/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001356	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35167	1487-K53QT2	17D107076	Đoàn Thị Minh	Châu	Nữ	11/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001357	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35168	1488-K53QT2	17D107079	Cao Thị	Hà	Nữ	07/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001358	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35169	1489-K53QT2	17D107080	Tạ Thị	Hà	Nữ	23/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001359	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35170	1490-K53QT2	17D107081	Nguy Thị Tuyết	Hạnh	Nữ	29/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001360	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35171	1491-K53QT2	17D107082	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/02/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001361	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35172	1492-K53QT2	17D107083	Vũ Thị Minh	Hằng	Nữ	11/02/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001362	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35173	1493-K53QT2	17D107084	Lê Thị	Hiền	Nữ	16/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001363	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35174	1494-K53QT2	17D107085	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	07/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001364	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35175	1495-K53QT2	17D107086	Đinh Thu Ngân	Hồng	Nữ	11/11/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001365	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35176	1496-K53QT2	17D107090	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	20/08/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001366	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35177	1497-K53QT2	17D107094	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	08/03/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001367	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35178	1498-K53QT2	17D107097	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	24/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001368	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35179	1499-K53QT2	17D107101	Hoàng Thị	Nhi	Nữ	24/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001369	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35180	1500-K53QT2	17D107102	Phạm Thị	Nhung	Nữ	07/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001370	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35181	1501-K53QT2	17D107103	Đinh Thị Thu	Phương	Nữ	12/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001371	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35182	1502-K53QT2	17D107108	Trần Thị	Tâm	Nữ	05/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001372	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35183	1503-K53QT2	17D107109	Giáp Thị	Thanh	Nữ	13/04/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001373	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35184	1504-K53QT2	17D107110	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/02/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001374	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35185	1505-K53QT2	17D107111	Vi Thị Thu	Thương	Nữ	01/06/1999	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001375	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35186	1506-K53QT3	17D107133	Văn Hữu Hoàng	Đạt	Nam	19/01/1999	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001376	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35187	1507-K53QT3	17D107140	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	31/10/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001377	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35188	1508-K53QT3	17D107148	Mai Thị Thu	Phương	Nữ	08/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001378	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35189	1509-K53QT3	17D107150	Nguyễn Thị Kim	Trang	Nữ	24/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001379	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35190	1510-K53QT3	17D107151	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	Nữ	27/03/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001380	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35191	1511-K53QT3	17D107154	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	22/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001381	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35192	1512-K53QT3	17D107155	Đồng Thị	Trang	Nữ	22/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001382	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35193	1513-K53QT3	17D107157	Nguyễn Thị Hương	Quyên	Nữ	12/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001383	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35194	1514-K53QT3	17D107158	Lê Thị Huyền	Giang	Nữ	23/05/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001384	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35195	1515-K53QT3	17D107159	Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	05/03/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001385	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35196	1516-K53QT3	17D107160	Hoàng Thị Bích	Ngọc	Nữ	09/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001386	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35197	1517-K51K1	15D240025	Trương Khánh	Linh	Nữ	03/11/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001387	2020	Chính quy	Quản trị kinh doanh	**QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP**	1610/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35198	1518-K50B4KS	14D110245	Lê Quang	Thắng	Nam	15/10/1996	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001388	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35199	1519-K52B1KS	16D110023	Phan Thị Khánh	Huyền	Nữ	02/09/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001389	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35200	1520-K52B1KS	16D110036	Lê Thị	Nga	Nữ	07/01/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001390	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35201	1521-K52B1KS	16D110052	Lương Quốc	Toàn	Nam	17/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001391	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35202	1522-K52B1KS	16D110055	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	03/03/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001392	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35203	1523-K52B2KS	16D110081	Phạm Phương	Anh	Nữ	04/06/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001393	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35204	1524-K52B2KS	16D110087	Hà Linh	Chi	Nữ	07/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001394	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35205	1525-K52B2KS	16D110121	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	11/12/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001395	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35206	1526-K52B3KS	16D110191	Bùi Phương	Ly	Nữ	09/09/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001396	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35207	1527-K52B3KS	16D110198	Phạm Kim	Ngân	Nữ	10/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001397	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35208	1528-K52B3KS	16D110207	Dương Hà	Thu	Nữ	17/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001398	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35209	1529-K53B1KS	17D110003	Đinh Thị	Ánh	Nữ	17/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001399	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35210	1530-K53B1KS	17D110009	Phan Thị Hồng	Hạnh	Nữ	11/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001400	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35211	1531-K53B1KS	17D110014	Vũ Thị Phương	Huế	Nữ	06/02/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001401	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35212	1532-K53B1KS	17D110020	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	22/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001402	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35213	1533-K53B1KS	17D110040	Trần Vũ Đăng	Tùng	Nam	24/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001403	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35214	1534-K53B1KS	17D110042	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	23/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001404	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35215	1535-K53B3KS	17D110137	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001405	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35216	1536-K53B4KS	17D110199	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	22/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001406	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35217	1537-K53B4KS	17D110203	Nguyễn Như	Mai	Nữ	27/12/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001407	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35218	1538-K53B4KS	17D110209	Tạ Thị Kim	Phương	Nữ	23/10/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001408	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35219	1539-K53B5KS	17D110282	Khương Thị Vân	Anh	Nữ	05/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001409	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35220	1540-K53B6KS	17D110306	Phan Thị	Dung	Nữ	21/10/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001410	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35221	1541-K53B6KS	17D110336	Phan Thị	Thương	Nữ	13/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001411	2020	Chính quy	Quản trị khách sạn	**QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**	1611/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35222	1542-K51B2LH	15D250104	Phạm Hải	Phong	Nam	23/10/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001412	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35223	1543-K52B1LH	16D250040	Lê Thị	Thảo	Nữ	17/06/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001413	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35224	1544-K52B2LH	16D250084	Trịnh Thị	Hân	Nữ	22/01/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001414	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35225	1545-K52B2LH	16D250085	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/02/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001415	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35226	1546-K52B4LH	16D250243	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	28/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001416	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35227	1547-K52B4LH	16D250255	Đặng Vũ Tiến	Trọng	Nam	11/02/1997	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001417	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35228	1548-K53B1LH	17D250006	Trần Mạnh	Dũng	Nam	16/02/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001418	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35229	1549-K53B1LH	17D250011	Hoàng Thanh	Hiền	Nữ	17/06/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001419	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35230	1550-K53B1LH	17D250015	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	27/09/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001420	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35231	1551-K53B1LH	17D250023	Trịnh Thị	Ly	Nữ	08/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001421	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35232	1552-K53B1LH	17D250032	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	27/03/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001422	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35233	1553-K53B1LH	17D250038	Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	01/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001423	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35234	1554-K53B1LH	17D250046	Trần Mai Xuân	Đạt	Nam	23/12/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001424	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35235	1555-K53B2LH	17D250066	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	21/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001425	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35236	1556-K53B2LH	17D250068	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	23/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001426	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35237	1557-K53B2LH	17D250071	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	24/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001427	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35238	1558-K53B2LH	17D250076	Trần Duy	Khánh	Nam	06/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001428	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35239	1559-K53B2LH	17D250082	Đinh Thị	Luyến	Nữ	13/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001429	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35240	1560-K53B3LH	17D250134	Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	16/11/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001430	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35241	1561-K53B3LH	17D250137	Trần Thị Hương	Liên	Nữ	27/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001431	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35242	1562-K53B3LH	17D250145	Lương Thị Kim	Ngân	Nữ	18/12/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001432	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35243	1563-K53B3LH	17D250148	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	29/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001433	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35244	1564-K53B3LH	17D250167	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	01/10/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001434	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35245	1565-K53B4LH	17D250201	Vương Gia	Linh	Nữ	02/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001435	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35246	1566-K53B4LH	17D250209	Bùi Thị	Phượng	Nữ	10/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001436	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35247	1567-K53B4LH	17D250224	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	13/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001437	2020	Chính quy	Quản trị DVDL và lữ hành	**QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**	1612/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35248	1568-K52T1	15D220056	Lê Hà Khánh	Vân	Nữ	15/02/1997	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001438	2020	Chính quy	Marketing	**QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35249	1569-K52T1	16D220035	Nguyễn Thị	Xoan	Nữ	07/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001439	2020	Chính quy	Marketing	**QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35250	1570-K53T1	17D220005	Vũ Thị Huyền	Anh	Nữ	05/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001440	2020	Chính quy	Marketing	**QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35251	1571-K53T1	17D220036	Lại Thị	Trang	Nữ	11/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001441	2020	Chính quy	Marketing	**QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35252	1572-K53T2	17D220089	Vũ Hồng	Quý	Nam	01/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001442	2020	Chính quy	Marketing	**QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35253	1573-K53T2	17D220093	Lê Thị Phương	Thùy	Nữ	26/05/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001443	2020	Chính quy	Marketing	**QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35254	1574-K53T3	17D220148	Nguyễn Thị Hương	Ninh	Nữ	27/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001444	2020	Chính quy	Marketing	**QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35255	1575-K53T3	17D220156	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	02/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001445	2020	Chính quy	Marketing	**QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35256	1576-K53T5	17D220247	Trần Quỳnh	Chi	Nữ	31/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001446	2020	Chính quy	Marketing	**QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35257	1577-K53T5	17D220281	Trần Thị Thúy	Tình	Nữ	19/02/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001447	2020	Chính quy	Marketing	**QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35258	1578-K52C1	16D120001	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	10/12/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001448	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35259	1579-K52C1	16D120015	Phạm Thùy	Dương	Nữ	05/09/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001449	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35260	1580-K52C1	16D120041	Nguyễn Thị Hồng	Nghĩa	Nữ	18/06/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001450	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35261	1581-K52C2	16D120101	Vũ Thị	Dinh	Nữ	17/02/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001451	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35262	1582-K52C2	16D120132	Đoàn Minh	Nguyệt	Nữ	26/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001452	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35263	1583-K52C4	16D120273	Trịnh Thị Mai	Anh	Nữ	21/03/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001453	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35264	1584-K52C4	16D120285	Cao Thị	Hoa	Nữ	07/01/1998	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001454	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35265	1585-K52C4	16D120288	Đinh Thị Diệu	Hồng	Nữ	16/12/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001455	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35266	1586-K52C4	16D120292	Dương Thị Thu	Huyền	Nữ	25/03/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001456	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35267	1587-K52C4	16D120296	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	16/03/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001457	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35268	1588-K52C4	16D120306	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	09/11/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001458	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35269	1589-K52C5	16D120383	Nguyễn Trần Hồng	Minh	Nữ	25/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001459	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35270	1590-K52C5	16D120387	Hồ Thị	Nhãn	Nữ	21/10/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001460	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35271	1591-K52C5	16D120405	Tô Thị	Yến	Nữ	15/03/1998	Hải Dương	Sán Dìu	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001461	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35272	1592-K53C1	17D120005	Lê Thị Kim	Cúc	Nữ	31/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001462	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35273	1593-K53C1	17D120013	Tô Thị	Hoài	Nữ	27/09/1999	Bắc Giang	Dao	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001463	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35274	1594-K53C1	17D120016	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	31/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001464	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35275	1595-K53C1	17D120018	Phạm Thu	Hương	Nữ	13/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001465	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35276	1596-K53C1	17D120033	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	02/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001466	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35277	1597-K53C2	17D120069	Phạm Thu	Hà	Nữ	14/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001467	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35278	1598-K53C2	17D120094	Dương Đức	Thắng	Nam	21/09/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001468	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35279	1599-K53C2	17D120095	Vy Thị	Thùy	Nữ	19/04/1999	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.001469	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35280	1600-K53C3	17D120144	Vũ Thị Thu	Nga	Nữ	28/01/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001470	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35281	1601-K53C3	17D120152	Tường Ngọc	Thanh	Nữ	28/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001471	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35282	1602-K53C3	17D120153	Lê Thị	Thu	Nữ	11/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001472	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35283	1603-K53C3	17D120154	Bùi Thị	Thùy	Nữ	11/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001473	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35284	1604-K53C4	17D120194	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/03/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001474	2020	Chính quy	Marketing	**MARKETING THƯƠNG MẠI**	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35285	1605-K53C4	17D120195	Trần Ngọc	Huyền	Nữ	30/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001475	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35286	1606-K53C5	17D120244	Nguyễn Quỳnh	Chi	Nữ	04/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001476	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35287	1607-K53C5	17D120260	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	06/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001477	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35288	1608-K53C5	17D120274	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/09/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001478	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35289	1609-K53C6	17D120302	Phạm Thị Hoài	Anh	Nữ	01/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001479	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35290	1610-K53C6	17D120330	Trần Thị Thu	Phương	Nữ	07/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001480	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35291	1611-K53C6	17D120337	Đỗ Thị	Trang	Nữ	09/09/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001481	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35292	1612-K53C6	17D120341	Vũ Thị	Trinh	Nữ	28/03/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001482	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35293	1613-K53C6	17D120343	Đào Thị Thanh	Xuân	Nữ	01/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001483	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35294	1614-K51C1	15D120030	Trần Thị Thanh	Nga	Nữ	05/10/1997	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001484	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35295	1615-K51C5	15D120319	Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	30/09/1996	Yên Bái	Tày	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001485	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35296	1616-K50T2	14D220109	Vũ Thị	Thanh	Nữ	19/12/1996	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001486	2020	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35297	1617-K51T1	15D220033	Nguyễn Thành	Nam	Nam	24/03/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001487	2020	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35298	1618-K17C_SB	C13D190084	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	08/08/1995	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001488	2020	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1613/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35299	1619-K51D1	15D150067	Ngô Thị Hải	Yến	Nữ	19/04/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001489	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35300	1620-K51D5	15D150285	Chu Thị Ngọc	Bình	Nữ	14/04/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001490	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35301	1621-K52D1	16D150012	Trịnh Thị Thu	Hà	Nữ	01/10/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001491	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35302	1622-K52D1	16D150020	Bùi Thị	Hoài	Nữ	09/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001492	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35303	1623-K52D2	16D150102	Bùi Thị Hồng	Hai	Nữ	20/12/1998	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001493	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35304	1624-K52D2	16D150109	Đỗ Thị	Hoài	Nữ	31/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001494	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35305	1625-K52D2	16D150153	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Nữ	30/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001495	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35306	1626-K52D3	15D150184	Mai Thị	Phương	Nữ	29/08/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001496	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35307	1627-K52D4	16D150325	Lê Đại	Thắng	Nam	27/12/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001497	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35308	1628-K52D5	16D150379	Lương Thị Mỹ	Hoa	Nữ	10/12/1998	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001498	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35309	1629-K52D5	16D150382	Phạm Ngọc	Huyền	Nữ	20/11/1998	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001499	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35310	1630-K52D5	16D150427	Vũ Thị Thu	Uyên	Nữ	06/01/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001500	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35311	1631-K52D5	16D150428	Nguyễn Thị	Vinh	Nữ	13/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001501	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35312	1632-K52D6	16D150475	Lương Thị Mai	Hương	Nữ	02/06/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001502	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35313	1633-K52D6	16D150518	Nguyễn Thị	Xuyên	Nữ	01/01/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001503	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35314	1634-K52D7	16D150569	Lê Phương	Linh	Nữ	16/01/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001504	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35315	1635-K52D7	16D150581	Đặng Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/02/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001505	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35316	1636-K52D7	16D150594	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	11/11/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001506	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35317	1637-K52D8	16D150658	Mai Thị	Phương	Nữ	25/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001507	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35318	1638-K52D9	16D150735	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	29/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001508	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35319	1639-K53D1	17D150035	Trịnh Thị	Phương	Nữ	19/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001509	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35320	1640-K53D1	17D150039	Hồ Thị	Thơ	Nữ	19/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001510	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35321	1641-K53D1	17D150041	Lê Thị	Thùy	Nữ	28/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001511	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35322	1642-K53D1	17D150044	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	07/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001512	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35323	1643-K53D1	17D150045	Trần Thu	Trang	Nữ	31/12/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001513	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35324	1644-K53D2	17D150083	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	23/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001514	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35325	1645-K53D2	17D150099	Ngô Thị	Ngọc	Nữ	14/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001515	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35326	1646-K53D2	17D150106	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	20/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001516	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35327	1647-K53D2	17D150108	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	13/05/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001517	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35328	1648-K53D2	17D150110	Vũ Thị	Thúy	Nữ	13/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001518	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35329	1649-K53D2	17D150115	Vũ Huyền	Trang	Nữ	06/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001519	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35330	1650-K53D2	17D150118	Bùi Thị	Vân	Nữ	17/05/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001520	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35331	1651-K53D3	17D150163	Phan Thị	Linh	Nữ	04/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001521	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35332	1652-K53D3	17D150184	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	18/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001522	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35333	1653-K53D3	17D150186	Đoàn Thị Thanh	Trúc	Nữ	25/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001523	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35334	1654-K53D4	17D150201	Nguyễn Thị	An	Nữ	28/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001524	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35335	1655-K53D4	17D150203	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	03/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001525	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35336	1656-K53D4	17D150204	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	25/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001526	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35337	1657-K53D4	17D150206	Trần Minh	Châu	Nữ	29/04/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001527	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35338	1658-K53D4	17D150215	Trần Thị	Hiền	Nữ	18/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001528	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35339	1659-K53D4	17D150217	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	24/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001529	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35340	1660-K53D4	17D150218	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	18/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001530	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35341	1661-K53D4	17D150221	Phan Thị Mai	Lan	Nữ	03/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001531	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35342	1662-K53D4	17D150223	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	04/03/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001532	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35343	1663-K53D4	17D150244	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	13/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001533	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35344	1664-K53D4	17D150245	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	06/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001534	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35345	1665-K53D4	17D150247	Hoàng Thị Kim	Tuyến	Nữ	12/03/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001535	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35346	1666-K53D5	17D150302	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	27/05/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001536	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35347	1667-K53D5	17D150308	Dương Thị Phương	Thảo	Nữ	13/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001537	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35348	1668-K53D5	17D150318	Nguyễn Thị	Vui	Nữ	11/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001538	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35349	1669-K53D6	17D150363	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	26/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001539	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35350	1670-K53D6	17D150372	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	17/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001540	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35351	1671-K53D6	17D150373	Nguyễn Mai	Oanh	Nữ	29/01/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001541	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35352	1672-K53D6	17D150377	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	22/12/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001542	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35353	1673-K53D6	17D150385	Tăng Thị Hà	Trang	Nữ	28/06/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001543	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35354	1674-K53D6	17D150386	Nguyễn Thị Hương	Trà	Nữ	26/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001544	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35355	1675-K53D7	17D150401	Đinh Vũ Hồng	Anh	Nữ	10/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001545	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35356	1676-K53D7	17D150421	Lê Thị Ngọc	Lê	Nữ	16/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001546	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35357	1677-K53D7	17D150427	Vũ Thị Trà	My	Nữ	24/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001547	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35358	1678-K53D7	17D150429	Đặng Thị Hồng	Ngọc	Nữ	15/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001548	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35359	1679-K53D7	17D150435	Phạm Thị	Phương	Nữ	09/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001549	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35360	1680-K53D8	17D150493	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	14/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001550	2020	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35361	1681-K53D8	17D150511	Đoàn Thị	Thùy	Nữ	24/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001551	2020	Chính quy	Kế toán	**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35362	1682-K18D	D12D220253	Đặng Thu	Hương	Nữ	01/10/1994	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001552	2020	Chính quy	Kế toán	**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35363	1683-K18D	D13D160342	Phạm Hạ	Trang	Nữ	02/03/1995	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001553	2020	Chính quy	Kế toán	**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35364	1684-K20D	D15D200261	Phạm Hồng	Trang	Nữ	20/10/1997	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001554	2020	Chính quy	Kế toán	**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35365	1685-K21D	D15D210005	Đặng Thị Mai	Chi	Nữ	25/01/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001555	2020	Chính quy	Kế toán	**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35366	1686-K21D	D15D210289	Ngô Vũ Mai	Chi	Nữ	26/04/1997	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001556	2020	Chính quy	Kế toán	**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**	1614/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35367	1687-K52DD	16D155016	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	15/09/1997	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001902	2020	Chính quy	Kế toán	**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**	1615/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35368	1688-K52E1	16D130025	Lê Thị Mỹ	Lệ	Nữ	15/08/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001558	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35369	1689-K52E1	16D130031	Tạ Thị Ngọc	Mai	Nữ	27/03/1998	Quảng Ninh	Sán Dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.001559	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35370	1690-K52E1	16D130049	Nguyễn Thị	Tình	Nữ	07/02/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001560	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35371	1691-K52E2	16D130105	Trần Thị Thanh	Liễu	Nữ	25/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001561	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35372	1692-K52E2	16D130106	Dương Khánh	Linh	Nữ	17/06/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001562	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35373	1693-K52E2	16D130114	Phan Ngô Hồng	Ngọc	Nữ	08/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001563	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35374	1694-K52E2	16D130117	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	11/12/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001564	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35375	1695-K52E2	16D130120	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	24/03/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001565	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35376	1696-K52E3	16D130182	Phan Thị Thanh	Hương	Nữ	16/04/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001566	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35377	1697-K52E3	16D130183	Nguyễn Thu	Hường	Nữ	26/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001567	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35378	1698-K52E3	16D130192	Hoàng Thị	Na	Nữ	26/08/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001568	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35379	1699-K52E3	16D130208	Hà Thị	Trang	Nữ	25/03/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001569	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35380	1700-K52E4	16D130275	Phạm Phương	Nhung	Nữ	09/01/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001570	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35381	1701-K52E5	16D130336	Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	17/02/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001571	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35382	1702-K52E5	16D130377	Đặng Anh	Thư	Nữ	10/03/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001572	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35383	1703-K52E5	16D130375	Trần Thị	Thuận	Nữ	28/02/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001573	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35384	1704-K53E1	17D130006	Nguyễn Thị Lệ	Chi	Nữ	06/07/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001574	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35385	1705-K53E1	17D130010	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	18/09/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001575	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35386	1706-K53E1	17D130011	Mai Thị	Hạnh	Nữ	25/07/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001576	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35387	1707-K53E1	17D130014	Vũ Thu	Hiền	Nữ	18/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001577	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35388	1708-K53E1	17D130037	Vũ Thị	Thu	Nữ	26/09/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001578	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35389	1709-K53E1	17D130040	Nguyễn Thị Thanh	Trang	Nữ	10/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001579	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35390	1710-K53E2	17D130071	Đinh Phương	Anh	Nữ	27/07/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001580	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35391	1711-K53E2	17D130081	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	13/09/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001581	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35392	1712-K53E2	17D130082	Phan Thị	Hằng	Nữ	22/05/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001582	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35393	1713-K53E2	17D130095	Phạm Ngọc	Mai	Nữ	28/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001583	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35394	1714-K53E2	17D130107	Trần Lệ	Thùy	Nữ	08/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001584	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35395	1715-K53E3	17D130148	Vũ Thị	Đào	Nữ	13/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001585	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35396	1716-K53E3	17D130157	Trần Thị	Huyền	Nữ	01/01/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001586	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35397	1717-K53E3	17D130160	Bùi Thị Mỹ	Linh	Nữ	12/12/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001587	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35398	1718-K53E3	17D130171	Hoàng Phan Xuân	Phương	Nữ	29/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001588	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35399	1719-K53E3	17D130173	Nguyễn Thảo	Quyên	Nữ	15/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001589	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35400	1720-K53E3	17D130176	Mai Thị	Thơm	Nữ	25/03/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001590	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35401	1721-K53E4	17D130211	Đoàn Thị Vân	Anh	Nữ	31/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001591	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35402	1722-K53E4	17D130215	Vũ Văn	Chung	Nam	01/09/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001592	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35403	1723-K53E4	17D130216	Ngô Thị Thảo	Dung	Nữ	19/12/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001593	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35404	1724-K53E4	17D130220	Phạm Văn	Hào	Nam	28/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001594	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35405	1725-K53E4	17D130235	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	16/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001595	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35406	1726-K53E4	17D130237	Vũ Thanh	Ngọc	Nữ	14/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001596	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35407	1727-K53E4	17D130241	Trần Anh	Phương	Nữ	20/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001597	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35408	1728-K53E4	17D130245	Trần Đức	Thịnh	Nam	26/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001598	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35409	1729-K53E4	17D130249	Lưu Hà	Trang	Nữ	27/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001599	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35410	1730-K53E4	17D130250	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	22/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001600	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35411	1731-K53E5	17D130283	Trần Thị Quỳnh	Anh	Nữ	04/04/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001601	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35412	1732-K53E5	17D130284	Lê Quỳnh	Chi	Nữ	05/12/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001602	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35413	1733-K53E5	17D130287	Lê Nhất	Đại	Nam	21/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001603	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35414	1734-K53E5	17D130289	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	27/08/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001604	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35415	1735-K53E5	17D130290	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	10/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001605	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35416	1736-K53E5	17D130292	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	30/03/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001606	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35417	1737-K53E5	17D130295	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001607	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35418	1738-K53E5	17D130301	Nguyễn Thị Tài	Linh	Nữ	23/03/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001608	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35419	1739-K53E5	17D130303	Nguyễn Thị Thanh	Ly	Nữ	17/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001609	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35420	1740-K53E5	17D130315	Đinh Minh	Thông	Nam	16/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001610	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35421	1741-K53E5	17D130319	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	01/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001611	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35422	1742-K53E5	17D130327	Hoàng Thị Thu	Hà	Nữ	19/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001612	2020	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	**THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**	1616/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35423	1743-K53EK1	17D260001	Đào Lan	Anh	Nữ	10/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001613	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35424	1744-K53EK1	17D260005	Trần Nguyệt	Anh	Nữ	10/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001614	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35425	1745-K53EK1	17D260022	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	28/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001615	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35426	1746-K53EK1	17D260030	Phạm Thị	Ngoan	Nữ	12/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001616	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35427	1747-K53EK1	17D260033	Thân Thị	Nhung	Nữ	10/02/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001617	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35428	1748-K53EK1	17D260034	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	26/05/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001618	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35429	1749-K53EK1	17D260036	Trương Hồng	Quang	Nam	10/10/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001619	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35430	1750-K53EK1	17D260048	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	12/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001620	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35431	1751-K53EK2	17D260085	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001621	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35432	1752-K53EK2	17D260086	Dương Thị Kim	Chi	Nữ	28/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001622	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35433	1753-K53EK2	17D260098	Tăng Thị	Hoa	Nữ	16/04/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001623	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35434	1754-K53EK2	17D260106	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	24/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001624	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35435	1755-K53EK2	17D260108	Hà Thị	Nga	Nữ	03/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001625	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35436	1756-K53EK2	17D260109	Ngô Thị Thúy	Ngân	Nữ	17/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001626	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35437	1757-K53EK2	17D260119	Phùng Phương	Thảo	Nữ	06/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001627	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35438	1758-K53EK2	17D260120	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	11/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001628	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35439	1759-K53EK2	17D260121	Đặng Minh	Thúy	Nữ	20/05/1999	Hà Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001629	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35440	1760-K53EK2	17D260128	Phạm Huyền	Trang	Nữ	21/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001630	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35441	1761-K53EK2	17D260133	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	25/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001631	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35442	1762-K53EK3	17D260165	Vũ Tú	Anh	Nữ	28/08/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001632	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35443	1763-K53EK3	17D260171	Bùi Thị	Duyên	Nữ	12/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001633	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35444	1764-K53EK3	17D260174	Hoàng Thanh	Hà	Nữ	22/08/1999	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.001634	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35445	1765-K53EK3	17D260191	Đặng Thị	Nhàn	Nữ	01/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001635	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35446	1766-K53EK3	17D260192	Phạm Thị Cẩm	Nhung	Nữ	19/10/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001636	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35447	1767-K53EK3	17D260202	Đỗ Thị Minh	Thúy	Nữ	10/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001637	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35448	1768-K53EK3	17D260204	Hà Thị	Thương	Nữ	23/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001638	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35449	1769-K53EK3	17D260207	Nguyễn Thị Thảo	Trang	Nữ	12/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001639	2020	Chính quy	Kinh tế quốc tế	**KINH TẾ QUỐC TẾ**	1617/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35450	1770-K52F1	16D160021	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	04/09/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001640	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35451	1771-K52F1	16D160036	Nguyễn Tuấn	Mạnh	Nam	03/03/1998	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001641	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35452	1772-K52F2	16D160092	Lê Ngọc	Anh	Nữ	19/10/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001642	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35453	1773-K52F2	16D160104	Nguyễn Thị Trà	Giang	Nữ	01/11/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001643	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35454	1774-K52F2	16D160107	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	01/02/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001644	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35455	1775-K52F2	16D160133	Võ Đình	Phương	Nam	21/11/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001645	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35456	1776-K52F3	16D160183	Ngô Thị Ngọc	Ánh	Nữ	09/10/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001646	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35457	1777-K52F4	16D160283	Đặng Ngọc	Hà	Nữ	29/11/1998	Hà Giang	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.001647	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35458	1778-K52F4	16D160285	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	03/08/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001648	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35459	1779-K52F4	16D160323	Nông Thị	Thùy	Nữ	02/04/1998	Bắc Kạn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.001649	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35460	1780-K52F6	16D160441	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	20/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001650	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35461	1781-K53F1	17D160006	Trần Thị Ngọc	Diệp	Nữ	22/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001651	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35462	1782-K53F1	17D160008	Trịnh Thị	Dương	Nữ	16/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001652	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35463	1783-K53F1	17D160010	Lê Ngân	Hà	Nữ	07/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001653	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35464	1784-K53F1	17D160012	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	02/02/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001654	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35465	1785-K53F1	17D160027	Phạm Thị	Oanh	Nữ	16/11/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001655	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35466	1786-K53F1	17D160038	Trương Thị Thanh	Trà	Nữ	12/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001656	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35467	1787-K53F1	17D160046	Nguyễn Văn	Long	Nam	09/03/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001657	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35468	1788-K53F2	17D160064	Phạm Phương	Anh	Nữ	14/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001658	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35469	1789-K53F2	17D160072	Bùi Thị	Hạnh	Nữ	18/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001659	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35470	1790-K53F2	17D160091	Vương Thúy	Quỳnh	Nữ	09/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001660	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35471	1791-K53F2	17D160094	Hoàng Thanh	Thúy	Nữ	16/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001661	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35472	1792-K53F2	17D160097	Nguyễn Hiền	Trang	Nữ	05/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001662	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35473	1793-K53F2	17D160100	Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	14/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001663	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35474	1794-K53F3	17D160133	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001664	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35475	1795-K53F3	17D160136	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	27/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001665	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35476	1796-K53F3	17D160149	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	07/09/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001666	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35477	1797-K53F3	17D160153	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	09/10/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001667	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35478	1798-K53F3	17D160162	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	13/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001668	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35479	1799-K53F4	17D160184	Hồ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	15/06/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001669	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35480	1800-K53F4	17D160212	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	30/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001670	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35481	1801-K53F4	17D160214	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	08/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001671	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35482	1802-K53F4	17D160218	Phạm Thị Quỳnh	Trang	Nữ	15/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001672	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35483	1803-K53F4	17D160220	Trần Thị	Uyên	Nữ	17/03/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001673	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35484	1804-K53F4	17D160221	Nguyễn Hà	Xuyên	Nữ	03/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001674	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35485	1805-K53F4	17D160222	Vũ Thị	Yến	Nữ	27/08/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001675	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35486	1806-K53F5	17D160241	Đào Thị Vân	Anh	Nữ	27/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001676	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35487	1807-K53F5	17D160247	Lê Đức	Duy	Nam	10/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001677	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35488	1808-K53F5	17D160265	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	01/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001678	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35489	1809-K53F5	17D160266	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/05/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001679	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35490	1810-K53F5	17D160276	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	06/06/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001680	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35491	1811-K53F5	17D160277	Phạm Thùy	Trang	Nữ	09/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001681	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35492	1812-K53F6	17D160302	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	24/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001682	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35493	1813-K53F6	17D160322	Nguyễn Nguyệt	Minh	Nữ	10/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001683	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35494	1814-K53F6	17D160327	Quách Thái	Phúc	Nam	09/06/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001684	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35495	1815-K53F7	17D160364	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	26/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001685	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35496	1816-K53F7	17D160366	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001686	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35497	1817-K53F7	17D160369	Đào Thị Thu	Hà	Nữ	12/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001687	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35498	1818-K53F7	17D160373	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Nữ	02/08/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001688	2020	Chính quy	Kinh tế	**QUẢN LÝ KINH TẾ**	1618/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35499	1819-K51P4	15D200216	Ngô Thị Ngọc	Ánh	Nữ	30/11/1997	Lâm Đồng	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001689	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35500	1820-K52P1	16D200222	Mai Phương	Anh	Nữ	16/08/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001690	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35501	1821-K52P2	16D200084	Trần Thị	Điện	Nữ	07/05/1998	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.001691	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35502	1822-K52P2	16D200114	Đào Thanh	Thúy	Nữ	28/11/1998	Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001692	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35503	1823-K52P3	16D200168	Nguyễn Thị Bạch	Hồng	Nữ	10/09/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001693	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35504	1824-K52P4	16D200221	Phạm Thị Quỳnh	Anh	Nữ	28/07/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001694	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35505	1825-K52P4	16D200240	Nguyễn Thị Linh	Hương	Nữ	21/09/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001695	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35506	1826-K52P4	16D200239	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	02/06/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001696	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35507	1827-K53P1	17D200013	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	21/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001697	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35508	1828-K53P1	17D200021	Trương Nhật	Linh	Nữ	29/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001698	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35509	1829-K53P1	17D200024	Đồng Thị Kim	Ngân	Nữ	10/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001699	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35510	1830-K53P1	17D200037	Dương Thị Thùy	Tiên	Nữ	13/11/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001700	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35511	1831-K53P1	17D200040	Trần Ngọc Huyền	Trang	Nữ	06/09/1999	Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001701	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35512	1832-K53P1	17D200041	Nguyễn Thị Tố	Uyên	Nữ	13/09/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001702	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35513	1833-K53P2	17D200063	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	02/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001703	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35514	1834-K53P2	17D200072	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	12/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001704	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35515	1835-K53P2	17D200073	Cù Thị Xuân	Hồng	Nữ	25/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001705	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35516	1836-K53P2	17D200084	Hoàng Thị	Ngân	Nữ	28/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001706	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35517	1837-K53P2	17D200088	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	12/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001707	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35518	1838-K53P2	17D200093	Đặng Tiến	Thành	Nam	11/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001708	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35519	1839-K53P2	17D200096	Phạm Thị Hồng	Thúy	Nữ	11/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001709	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35520	1840-K53P3	17D200123	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	21/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001710	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35521	1841-K53P3	17D200129	Vương Đình	Đạt	Nam	14/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001711	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35522	1842-K53P3	17D200134	Trần Thị Thu	Hồng	Nữ	27/10/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001712	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35523	1843-K53P3	17D200136	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	23/10/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001713	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35524	1844-K53P3	17D200146	Nguyễn Thị	Ngọt	Nữ	18/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001714	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35525	1845-K53P3	17D200156	Phạm Thị	Thùy	Nữ	10/04/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001715	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35526	1846-K53P3	17D200166	Hoàng Thị Minh	Hiền	Nữ	28/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001716	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35527	1847-K53P4	17D200194	Trương Thị	Hồng	Nữ	14/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001717	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35528	1848-K53P4	17D200196	Khuất Việt	Hưng	Nam	18/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001718	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35529	1849-K53P4	17D200202	Đinh Thị	Minh	Nữ	17/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001719	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35530	1850-K53P4	17D200216	Lê Thị	Thúy	Nữ	14/03/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001720	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35531	1851-K53P4	17D200222	Trương Thị Hải	Yến	Nữ	26/08/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001721	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35532	1852-K20P	P15D105116	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	Nữ	26/01/1997	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001722	2020	Chính quy	Luật kinh tế	**LUẬT THƯƠNG MẠI**	1619/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35533	1853-K51I2	15D140120	Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	31/10/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001723	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35534	1854-K51I3	15D140146	Vũ Thị	Bắc	Nữ	31/07/1997	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001724	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35535	1855-K51I3	14D140183	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	30/11/1995	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001725	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35536	1856-K52I1	16D140003	Nông Thị Ngọc	Ánh	Nữ	19/12/1998	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.001726	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35537	1857-K52I1	16D140018	Tống Thị	Huyền	Nữ	13/08/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001727	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35538	1858-K52I1	16D140017	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	13/10/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001728	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35539	1859-K52I1	16D140031	Tạ Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001729	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35540	1860-K52I1	16D140039	Phan Thị Thúy	Tiên	Nữ	09/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001730	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35541	1861-K52I2	16D140089	Đoàn Thị Thu	Hương	Nữ	21/10/1997	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001731	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35542	1862-K52I3	16D140141	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	09/09/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001732	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35543	1863-K52I3	16D140143	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	20/07/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001733	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35544	1864-K52I3	16D140151	Phan Thị Thu	Hằng	Nữ	18/03/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001734	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35545	1865-K52I3	16D140162	Lê Hồng	Linh	Nữ	10/02/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001735	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35546	1866-K52I3	16D140164	Mai Thị	Lương	Nữ	28/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001736	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35547	1867-K52I3	16D140173	Đào Thị	Oanh	Nữ	12/12/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001737	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35548	1868-K52I4	16D140220	Trần Việt	Hà	Nữ	22/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001738	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35549	1869-K52I4	16D140233	Vương Thị Phương	Lan	Nữ	12/11/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001739	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35550	1870-K52I4	16D140241	Phạm Thị Hồng	Na	Nữ	11/12/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001740	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35551	1871-K52I5	16D140338	Trần Trí	Trung	Nam	30/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001741	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35552	1872-K53I1	17D140001	Chu Hải	Anh	Nữ	03/03/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001742	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35553	1873-K53I1	17D140012	Trần Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	20/03/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001743	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35554	1874-K53I1	17D140029	Trần Thị	Mến	Nữ	20/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001744	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35555	1875-K53I1	17D140039	Trần Minh	Thúy	Nữ	13/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001745	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35556	1876-K53I1	17D140040	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	29/10/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001746	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35557	1877-K53I2	17D140074	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	03/11/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001747	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35558	1878-K53I2	17D140096	Nguyễn Thị	Lộc	Nữ	26/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001748	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35559	1879-K53I3	17D140151	Lê Thu	Hà	Nữ	28/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001749	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35560	1880-K53I3	17D140155	Lê Thị	Hiền	Nữ	27/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001750	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35561	1881-K53I3	17D140164	Hà Diệu	Linh	Nữ	28/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001751	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35562	1882-K53I3	17D140167	Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	16/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001752	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35563	1883-K53I3	17D140174	Đào Thị	Quỳnh	Nữ	18/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001753	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35564	1884-K53I3	17D140180	Tống Thị Minh	Thư	Nữ	20/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001754	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35565	1885-K53I3	17D140182	Nguyễn Thị Phương	Trang	Nữ	07/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001755	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35566	1886-K53I3	17D140188	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	17/05/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001756	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35567	1887-K53I4	17D140204	Trần Thị Linh	Chi	Nữ	06/09/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001757	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35568	1888-K53I4	17D140225	Phạm Khánh	Linh	Nữ	13/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001758	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35569	1889-K53I4	17D140227	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	09/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001759	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35570	1890-K53I4	17D140242	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	06/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001760	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35571	1891-K53I4	17D140245	Lê Thị Thúy	Vân	Nữ	01/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001761	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35572	1892-K53I4	17D140249	Vương Thị Như	Phương	Nữ	05/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001762	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35573	1893-K53I5	17D140272	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	06/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001763	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35574	1894-K53I5	17D140280	Trần Hưng Đạo	Đức	Nam	23/06/1999	Gia Lai	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001764	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35575	1895-K53I5	17D140287	Đặng Thị	Huê	Nữ	02/12/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001765	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35576	1896-K53I5	17D140289	Lưu Thị	Hương	Nữ	27/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001766	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35577	1897-K53I5	17D140291	Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	07/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001767	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35578	1898-K53I5	17D140298	Vũ Thị Ngọc	Mai	Nữ	07/06/1999	Khánh Hòa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001768	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35579	1899-K53I5	17D140301	Tống Thị	Nhi	Nữ	25/10/1999	Bắc Giang	Cao Lan	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001769	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35580	1900-K53I5	17D140306	Ngô Thị Thanh	Thảo	Nữ	06/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001770	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35581	1901-K53I5	17D140319	Vương Thị Hồng	Vân	Nữ	25/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001771	2020	Chính quy	Thương mại điện tử	**QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35582	1902-K51S3	15D190190	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	14/10/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001772	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	**QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN**	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35583	1903-K52S1	16D190007	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	15/07/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001773	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	**QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN**	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35584	1904-K52S1	16D190022	Đỗ Minh	Ngọc	Nữ	27/12/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001774	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35585	1905-K52S2	16D190088	Trần Quang	Quý	Nam	22/06/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001775	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35586	1906-K52S4	16D190193	Nguyễn Khánh	Hoàng	Nam	25/02/1998	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001776	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35587	1907-K52S4	16D190204	Lương Thế	Minh	Nam	19/07/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001777	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35588	1908-K53S1	17D190042	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	10/01/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001778	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35589	1909-K53S2	17D190062	Triệu Thị Vân	Anh	Nữ	03/10/1999	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001779	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35590	1910-K53S2	17D190072	Dương Thị	Hoài	Nữ	28/06/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001780	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35591	1911-K53S2	17D190077	Phạm Thị	Lệ	Nữ	06/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001781	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35592	1912-K53S2	17D190079	Nguyễn Hoài	Linh	Nữ	17/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001782	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35593	1913-K53S2	17D190081	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	18/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001783	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35594	1914-K53S2	17D190095	Văn Thu	Trang	Nữ	20/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001784	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35595	1915-K53S3	17D190133	Dương Thị Ngọc	Huyền	Nữ	01/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001785	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35596	1916-K53S3	17D190142	Nguyễn Phương	Nam	Nam	13/04/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001786	2020	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	1621/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35597	1917-K52H1	16D180006	Vũ Phúc	Anh	Nam	04/01/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001787	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35598	1918-K52H1	16D180023	Phạm Thúy	Hiền	Nữ	28/10/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001788	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35599	1919-K52H2	16D180107	Võ Thị Thanh	Đông	Nữ	05/02/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001789	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35600	1920-K52H2	16D180133	Bùi Thị	Lương	Nữ	08/03/1996	Hoà Bình	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001790	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35601	1921-K52H3	16D180198	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	18/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001791	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35602	1922-K52H3	16D180207	Vũ Thị	Huế	Nữ	01/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001792	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35603	1923-K52H5	16D180364	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	08/04/1998	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001793	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35604	1924-K52H5	16D180390	Đào Mai	Lan	Nữ	31/10/1998	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.001794	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35605	1925-K52H5	16D180391	Hoàng Diệu	Linh	Nữ	24/06/1998	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001795	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35606	1926-K52H5	16D180426	Bùi Thị	Yến	Nữ	15/03/1998	Thanh Hoá	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.001796	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35607	1927-K52H6	16D180463	Trương Thị Thùy	Dương	Nữ	05/11/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001797	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35608	1928-K52H6	16D180479	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	Nam	21/10/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001798	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35609	1929-K52H6	16D180493	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	Nữ	17/06/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001799	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35610	1930-K52H6	16D180494	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	26/11/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001800	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35611	1931-K53H1	17D180004	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	07/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001801	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35612	1932-K53H1	17D180015	Đỗ Văn	Hiền	Nữ	06/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001802	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35613	1933-K53H1	17D180018	Phạm Thị Thu	Huệ	Nữ	23/08/1998	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001803	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35614	1934-K53H1	17D180022	Lưu Bảo	Hưởng	Nữ	16/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001804	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35615	1935-K53H1	17D180023	Cao Thị Mai	Lâm	Nữ	11/11/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001805	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35616	1936-K53H1	17D180025	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	12/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001806	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35617	1937-K53H1	17D180040	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	28/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001807	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35618	1938-K53H1	17D180043	Lê Ngọc Cát	Tường	Nữ	12/09/1999	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001808	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35619	1939-K53H1	17D180045	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	02/12/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001809	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35620	1940-K53H1	17D180047	Đặng Thị	Hiền	Nữ	02/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001810	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35621	1941-K53H2	17D180085	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	06/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001811	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35622	1942-K53H2	17D180094	Lê Thị Diệu	Linh	Nữ	10/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001812	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35623	1943-K53H2	17D180095	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	13/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001813	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35624	1944-K53H2	17D180106	Tạ Thị	Thảo	Nữ	29/08/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001814	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35625	1945-K53H2	17D180107	Bùi Minh	Thúy	Nữ	16/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001815	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35626	1946-K53H2	17D180118	Phan Thị Thu	Uyên	Nữ	13/10/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001816	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35627	1947-K53H3	17D180174	Trà Lê Ái	Vy	Nữ	11/10/1999	Bình Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001817	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35628	1948-K53H4	17D180194	Ninh Đức	Anh	Nam	04/05/1999	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001818	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35629	1949-K53H4	17D180222	Vũ Thị Thu	Phương	Nữ	27/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001819	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35630	1950-K53H4	17D180223	Nguyễn Đức	Sơn	Nam	05/03/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001820	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35631	1951-K53H4	17D180227	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	02/01/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001821	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35632	1952-K53H4	17D180235	Trịnh Hữu	Hưởng	Nam	09/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001822	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35633	1953-K53H5	17D180286	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	29/08/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001823	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35634	1954-K53H6	16D180465	Bùi Hương	Giang	Nữ	30/10/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001824	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35635	1955-K53H6	17D180327	Phan Văn	Duy	Nam	23/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001825	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35636	1956-K53H1	17D180051	Douangsouden	LATSHANAVONG	Nam	10/10/1997	Lào	Lào	Lào	Khá	TMU.7.001826	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35637	1957-K18H	H13D240233	Trần Duy	Khánh	Nam	10/09/1995	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001827	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35638	1958-K19H	H13D190318	Mai Văn	Tâm	Nam	07/06/1995	Vĩnh Phú	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001828	2020	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1622/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35639	1959-K50N4	14D170267	Trịnh Thị	Tuyết	Nữ	03/01/1996	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001829	2020	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1623/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35640	1960-K51N5	15D170322	Vũ Thu	Thủy	Nữ	01/07/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001830	2020	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1623/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35641	1961-K52N3	16D170176	Nguyễn Thị Hà	Nương	Nữ	06/09/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001831	2020	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1623/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35642	1962-K53N1	17D170021	Phạm Thị Hiền	Linh	Nữ	08/11/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001832	2020	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1623/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35643	1963-K53N2	17D170067	Nguyễn Thị	Duyệt	Nữ	09/08/1999	Phú Thọ	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.001833	2020	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1623/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35644	1964-K53N2	17D170093	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	07/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001834	2020	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1623/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35645	1965-K53N2	17D170097	Đỗ Thị Thu	Thủy	Nữ	08/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001835	2020	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1623/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35646	1966-K53N3	17D170139	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	14/09/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001836	2020	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1623/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35647	1967-K53N6	17D170316	Hồ Thái	Khanh	Nam	24/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001837	2020	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1623/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35648	1968-K19N	N13D250195	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	04/10/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001838	2020	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	1623/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35649	1969-K52U1	16D210022	Dương Thị	Lan	Nữ	03/04/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001839	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35650	1970-K52U1	16D210032	Phùng Thúy	Nga	Nữ	24/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001840	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35651	1971-K52U2	16D210093	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	15/03/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001841	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35652	1972-K52U2	16D210106	Trần Thị Thu	Phương	Nữ	05/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001842	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35653	1973-K52U3	16D210153	Phan Thị	Hoài	Nữ	27/04/1997	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001843	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35654	1974-K52U3	16D210155	Đoàn Thị	Huyền	Nữ	21/12/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001844	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35655	1975-K52U3	16D210171	Vũ Thị	Ngoan	Nữ	14/02/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001845	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35656	1976-K52U3	16D210172	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	07/02/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001846	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35657	1977-K52U4	16D210218	Nguyễn Tuấn	Đạt	Nam	22/12/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001847	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35658	1978-K52U5	16D210273	Vũ Huỳnh	Anh	Nữ	12/05/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001848	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35659	1979-K52U5	16D210293	Trần Tuyết	Mai	Nữ	26/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001849	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35660	1980-K53U1	17D210014	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	03/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001850	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35661	1981-K53U1	17D210016	Đào Hải	Linh	Nữ	15/02/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001851	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35662	1982-K53U1	17D210029	Trần Thị	Nhung	Nữ	16/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001852	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35663	1983-K53U1	17D210031	Giáp Thị	Phượng	Nữ	15/08/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001853	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35664	1984-K53U1	17D210039	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	06/02/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001854	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35665	1985-K53U1	17D210045	Nguyễn Thu	An	Nữ	26/10/1999	CH Bêlarut	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001855	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35666	1986-K53U2	17D210064	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	19/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001856	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35667	1987-K53U2	17D210069	Lưu Thị Hồng	Hạnh	Nữ	20/04/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001857	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35668	1988-K53U2	17D210073	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	31/05/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001858	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35669	1989-K53U2	17D210075	Vũ Diệu	Hương	Nữ	18/02/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001859	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35670	1990-K53U2	17D210076	Phạm Hương	Lan	Nữ	04/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001860	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35671	1991-K53U2	17D210077	Đào Thùy	Linh	Nữ	10/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001861	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35672	1992-K53U2	17D210080	Phan Thị Thùy	Linh	Nữ	11/02/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001862	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35673	1993-K53U2	17D210081	Nguyễn Thị	Luân	Nữ	02/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001863	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35674	1994-K53U2	17D210094	Trần Thị Hương	Thảo	Nữ	11/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001864	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35675	1995-K53U2	17D210100	Phạm Thu	Trang	Nữ	14/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001865	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35676	1996-K53U2	17D210101	Nguyễn Thành	Trung	Nam	12/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001866	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35677	1997-K53U3	17D210125	Nghiêm Thị Hồng	Chinh	Nữ	02/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001867	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35678	1998-K53U3	17D210126	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	10/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001868	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35679	1999-K53U3	17D210128	Hồ Thu	Hà	Nữ	16/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001869	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35680	2000-K53U3	17D210129	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	28/02/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001870	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35681	2001-K53U3	17D210130	Tạ Thị Thanh	Hằng	Nữ	23/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001871	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35682	2002-K53U3	17D210137	Đỗ Thị Khánh	Linh	Nữ	07/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001872	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35683	2003-K53U3	17D210138	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	04/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001873	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35684	2004-K53U3	17D210142	Hoàng Thanh	Mai	Nữ	22/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001874	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35685	2005-K53U3	17D210143	Đinh Thị	Mến	Nữ	29/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001875	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35686	2006-K53U3	17D210145	Lê Thị Minh	Ngọc	Nữ	24/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001876	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35687	2007-K53U3	17D210151	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	09/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001877	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35688	2008-K53U3	17D210155	Nguyễn Thị	Thuần	Nữ	18/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001878	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35689	2009-K53U4	17D210190	Tạ Thu	Hằng	Nữ	12/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001879	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35690	2010-K53U4	17D210201	Hà Khánh	Ly	Nữ	11/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001880	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35691	2011-K53U4	17D210203	Trần Thị	Minh	Nữ	22/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001881	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35692	2012-K53U4	17D210205	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	24/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001882	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35693	2013-K53U4	17D210213	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	23/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001883	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35694	2014-K53U4	17D210217	Nguyễn Thị	Tình	Nữ	28/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001884	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35695	2015-K53U4	17D210222	Tăng Thị	Xoan	Nữ	17/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001885	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35696	2016-K53U5	17D210244	Lê Ngọc	Diệp	Nữ	07/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001886	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35697	2017-K53U5	17D210251	Đoàn Thị	Hoa	Nữ	01/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001887	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35698	2018-K53U5	17D210253	Vân Thị	Huyền	Nữ	11/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001888	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35699	2019-K53U5	17D210269	Phan Thị	Oanh	Nữ	13/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001889	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35700	2020-K53U5	17D210273	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	27/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001890	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35701	2021-K53U5	17D210274	Lê Thị	Thu	Nữ	22/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001891	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35702	2022-K53U5	17D210275	Đinh Thị Phương	Thúy	Nữ	26/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001892	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35703	2023-K53U5	17D210277	Lê Thị	Toán	Nữ	01/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001893	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35704	2024-K53U5	17D210278	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	06/01/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001894	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35705	2025-K53U6	17D210304	Nông Thùy	Dung	Nữ	08/12/1999	Bắc Ninh	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001895	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35706	2026-K53U6	17D210305	Hoàng Anh	Đào	Nữ	20/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001896	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35707	2027-K53U6	17D210307	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	11/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001897	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35708	2028-K53U6	17D210308	Trịnh Thị	Hậu	Nữ	13/01/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001898	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35709	2029-K53U6	17D210313	Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	31/03/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001899	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35710	2030-K53U6	17D210319	Nguyễn Thị Thanh	Lịch	Nữ	10/07/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001900	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35711	2031-K53U6	17D210324	Bùi Bích	Ngọc	Nữ	03/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001901	2020	Chính quy	Quản trị nhân lực	**QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP**	1620/QĐ-ĐHTM ngày 31/12/2020	
35712	1-K50A4	14D100231	Đinh Thị Ngọc	Lan	Nữ	28/06/1995	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001904	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35713	2-K51A5	15D100310	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	20/10/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001905	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35714	3-K50K2	14D240120	Nguyễn Trọng	Tình	Nam	08/10/1996	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001906	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35715	4-K50K3	14D240172	Nguyễn Thị	Ngát	Nữ	25/03/1996	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001907	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35716	5-K51K2	15D240116	Trần Thị	Trang	Nữ	16/01/1997	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001908	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35717	6-K51K4	15D240260	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	16/04/1997	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001909	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35718	7-K52A2	16D100108	Phạm Ngọc	Lan	Nữ	10/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001910	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35719	8-K52A2	16D100128	Nguyễn Cảnh	Thoại	Nam	19/05/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001911	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35720	9-K52A3	16D100203	Trần Thị	Quý	Nữ	05/01/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001912	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35721	10-K52A4	16D100285	Nguyễn Quang	Thanh	Nam	21/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001913	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35722	11-K52A6	16D100447	Đinh Mạnh	Thắng	Nam	17/08/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001914	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35723	12-K52A8	16D100555	Hoàng Ngọc	Ánh	Nữ	15/12/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001915	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35724	13-K53A2	17D100065	Vũ Quang	Chung	Nam	24/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001916	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35725	14-K53A2	17D100083	Đinh Thị Hồng	Mai	Nữ	11/10/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001917	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35726	15-K53A3	17D100129	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	20/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001918	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35727	16-K53A3	17D100157	Hồ Thị	Thương	Nữ	18/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001919	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35728	17-K53A4	17D100194	Nguyễn Quang	Huy	Nam	30/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001920	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35729	18-K53A4	17D100204	Trần Đức	Mạnh	Nam	25/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001921	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35730	19-K53A4	17D100216	Trần Thu	Thảo	Nữ	09/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001922	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35731	20-K53A5	17D100247	Đỗ Văn	Đức	Nam	17/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001923	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35732	21-K53A5	17D100256	Trần Khánh	Huyền	Nữ	01/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001924	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35733	22-K53A5	17D100272	Hà Thị	Phượng	Nữ	29/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001925	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35734	23-K53A5	17D100274	Nguyễn Đình	Tân	Nam	21/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001926	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35735	24-K53A5	17D100277	Bùi Hà	Thúy	Nữ	14/09/1999	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001927	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35736	25-K53A6	17D100312	Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	11/08/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001928	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35737	26-K53A7	17D100361	Đào Huệ	Anh	Nữ	26/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001929	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35738	27-K53A7	17D100365	Nguyễn Hồng	Chúc	Nữ	09/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001930	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35739	28-K53A9	17D100515	Trần Thị	Thu	Nữ	07/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001931	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ KINH DOANH	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35740	29-K53Q1	17D105007	Nguyễn Duy	Hiển	Nam	14/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001932	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35741	30-K53Q1	17D105013	Mai Thị	Nhẫn	Nữ	20/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001933	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35742	31-K53Q1	17D105014	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001934	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35743	32-K53Q1	17D105015	Phùng Thị Kim	Oanh	Nữ	20/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001935	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35744	33-K53Q1	17D105017	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	25/04/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001936	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35745	34-K53Q1	17D105029	Đặng Ngọc	Thảo	Nữ	09/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001937	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35746	35-K53Q1	17D105021	Trần Thu	Thủy	Nữ	17/02/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001938	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35747	36-K53Q2	17D105042	Đinh Vân	Anh	Nữ	06/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001939	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35748	37-K53Q2	17D105060	Phùng Ngọc Hoài	Linh	Nam	02/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001940	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35749	38-K53Q2	17D105067	Bùi Thị Ánh	Nhật	Nữ	07/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001941	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35750	39-K53Q2	17D105073	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	Nữ	10/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001942	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35751	40-K53Q2	17D105077	Ngô Thu	Thảo	Nữ	23/12/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001943	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35752	41-K53QT1	17D107002	Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	10/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001944	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35753	42-K53QT1	17D107003	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001945	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35754	43-K53QT1	17D107009	Đinh Thị Thu	Hà	Nữ	10/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001946	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35755	44-K53QT1	17D107012	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	24/03/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001947	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35756	45-K53QT1	17D107010	Hà Thị Hồng	Hạnh	Nữ	16/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001948	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35757	46-K53QT1	17D107013	Trần Thị Hạnh	Hiên	Nữ	03/03/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001949	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35758	47-K53QT1	17D107016	Phan Thị	Hoàn	Nữ	01/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001950	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35759	48-K53QT1	17D107020	Vũ Lan	Hương	Nữ	09/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001951	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35760	49-K53QT1	17D107018	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	22/08/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001952	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35761	50-K53QT1	17D107024	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	25/11/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001953	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35762	51-K53QT1	17D107026	Đỗ Thị	Lý	Nữ	12/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001954	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35763	52-K53QT1	17D107029	Đặng Thị	Ngọc	Nữ	01/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001955	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35764	53-K53QT2	17D107077	Trần Thùy	Dung	Nữ	10/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001956	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35765	54-K53QT2	17D107078	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	17/12/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001957	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35766	55-K53QT2	17D107087	Nguyễn Thị	Hợp	Nữ	16/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001958	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35767	56-K53QT2	17D107089	Đỗ Lan	Hương	Nữ	21/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001959	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35768	57-K53QT2	17D107088	Hoàng Thị Khánh	Huyền	Nữ	03/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001960	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35769	58-K53QT2	17D107091	Trần Thị	Khuyên	Nữ	24/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001961	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35770	59-K53QT2	17D107093	Trần Thị Hương	Lan	Nữ	02/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001962	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35771	60-K53QT2	17D107095	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	12/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001963	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35772	61-K53QT2	17D107096	Quách Mạnh	Lộc	Nam	23/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001964	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35773	62-K53QT2	17D107105	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	09/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001965	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35774	63-K53QT2	17D107107	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	03/03/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001966	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35775	64-K53QT2	17D107112	Nguyễn Thị Mai	Trang	Nữ	15/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001967	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35776	65-K53QT2	17D107114	Trần Mỹ	Uyên	Nữ	11/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001968	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35777	66-K53QT3	17D107153	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	Nữ	06/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001969	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35778	67-K53QT3	17D107131	Hoàng Mỹ	Duyên	Nữ	01/03/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001970	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35779	68-K53QT3	17D107149	Lê Thị	Huệ	Nữ	27/03/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001971	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35780	69-K53QT3	17D107136	Lê Huyền	Linh	Nữ	22/01/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001972	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35781	70-K53QT3	17D107139	Bùi Yến	Ngọc	Nữ	10/11/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001973	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35782	71-K53QT3	17D107144	Nguyễn Ba	Thương	Nữ	21/06/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001974	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	227/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35783	72-K50B1KS	14D110007	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	29/03/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001975	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	228/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35784	73-K50B1KS	14D110023	Trần Mỹ	Linh	Nữ	27/11/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001976	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	228/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35785	74-K50B2KS	14D110088	Lê Thị	Liên	Nữ	11/12/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001977	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	228/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35786	75-K50B3KS	14D110171	Phạm Thị	Phương	Nữ	20/12/1996	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001978	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	228/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35787	76-K52B2KS	16D110094	Lê Thị Mỹ	Hằng	Nữ	02/09/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001979	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	228/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35788	77-K53B1KS	16D110056	Đoàn Thị Ngọc	Trinh	Nữ	02/08/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001980	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	228/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35789	78-K53B3KS	17D110131	Trịnh Thu	Hằng	Nữ	25/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001981	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	228/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35790	79-K53B5KS	17D110256	Phạm Thị	Hường	Nữ	06/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001982	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	228/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35791	80-K53B5KS	17D110276	Phạm Thị	Thương	Nữ	20/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001983	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	228/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35792	81-K53B5KS	17D110275	Ngô Thu	Thủy	Nữ	22/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001984	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	228/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35793	82-K51B1LH	15D250028	Nguyễn Bình	Minh	Nam	19/12/1996	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001985	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35794	83-K51B2LH	15D250107	Trần Thanh	Phương	Nữ	31/10/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.001986	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35795	84-K52B2LH	16D250096	Nguyễn Đào Ngọc	Mai	Nữ	07/11/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001987	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35796	85-K52B3LH	16D250184	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/12/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001988	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35797	86-K52B4LH	16D250225	Bàn Thị Minh	Huệ	Nữ	11/06/1998	Sơn La	Dao	Việt Nam	Khá	TMU.7.001989	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35798	87-K52B4LH	16D250235	Trịnh Hà	My	Nữ	02/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001990	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35799	88-K53B1LH	17D250019	Đinh Trần Khánh	Linh	Nữ	26/11/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001991	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35800	89-K53B1LH	17D250027	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	12/12/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001992	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35801	90-K53B1LH	17D250033	Phan Thị Tiến	Thành	Nữ	24/05/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001993	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35802	91-K53B1LH	17D250040	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	22/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001994	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35803	92-K53B2LH	17D250069	Đặng Thị Thu	Hằng	Nữ	30/03/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001995	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35804	93-K53B2LH	17D250087	Mai Thị	Nguyệt	Nữ	12/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001996	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35805	94-K53B2LH	17D250091	Lương Như	Quỳnh	Nữ	20/05/1999	Lào Cai	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.001997	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35806	95-K53B2LH	17D250092	Lê Thị	Tân	Nữ	04/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.001998	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35807	96-K53B2LH	17D250093	Đào Thị	Thảo	Nữ	13/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.001999	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35808	97-K53B2LH	17D250095	Phạm Thị	Thi	Nữ	12/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002000	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35809	98-K53B2LH	17D250097	Trần Thị Hoài	Thương	Nữ	28/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002001	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35810	99-K53B2LH	17D250099	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002002	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35811	100-K53B2LH	17D250103	Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	03/08/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002003	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35812	101-K53B4LH	17D250208	Lê Thị	Phương	Nữ	10/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002004	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	229/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35813	102-K51C1	15D120017	Nguyễn Văn	Hợp	Nam	23/11/1997	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002005	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2021	
35814	103-K52C1	16D120043	Trương Thị Hoa	Nhài	Nữ	08/10/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002006	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35815	104-K52C2	16D120106	Trần Thị	Giang	Nữ	25/09/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002007	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2021	
35816	105-K52C2	16D120127	Trần Thị Diệp	Linh	Nữ	10/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002008	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35817	106-K52C2	16D120141	Đỗ Thị Hồng	Thắm	Nữ	15/09/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002009	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35818	107-K52C3	16D120212	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	07/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002010	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35819	108-K52C5	16D120355	Bùi Thị	Dịu	Nữ	15/07/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002011	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35820	109-K52C5	16D120379	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	01/08/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002012	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35821	110-K52C5	16D120397	Trần Phương	Thúy	Nữ	23/09/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002013	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35822	111-K53C1	17D120012	Đỗ Thị	Hoa	Nữ	31/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002014	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35823	112-K53C3	17D120124	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	Nữ	13/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002015	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35824	113-K53C3	16D120210	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	03/05/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002016	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35825	114-K53C4	17D120197	Hoàng Thị Thúy	Kiều	Nữ	05/08/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002017	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35826	115-K53C4	17D120202	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	11/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002018	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35827	116-K53C4	17D120218	Lê Thị	Trang	Nữ	18/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002019	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35828	117-K53C5	17D120252	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	10/04/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002020	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35829	118-K53C5	17D120253	Trần Thị	Hoa	Nữ	14/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002021	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35830	119-K53C5	17D120263	Hoàng Văn	Minh	Nam	09/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002022	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35831	120-K53C5	17D120269	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	23/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002023	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35832	121-K53C6	17D120314	Nguyễn Thị Tố	Huệ	Nữ	02/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002024	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35833	122-K53C6	17D120326	Dương Thị Như	Nguyệt	Nữ	18/01/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002025	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35834	123-K53C6	17D120327	Nguyễn Thị	Nhiên	Nữ	04/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002026	2021	Chính quy	Marketing	MARKETING THƯƠNG MẠI	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35835	124-K50T6	14D220419	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	11/03/1996	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002027	2021	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35836	125-K51T2	15D220102	Vũ Hoàng	Nam	Nam	29/12/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002028	2021	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35837	126-K52T1	16D220006	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	01/03/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002029	2021	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35838	127-K52T2	16D220067	Đỗ Thúy	Hằng	Nữ	15/09/1998	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.002030	2021	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35839	128-K52T3	16D220161	Phan Thị Cẩm	Nhung	Nữ	28/04/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002031	2021	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35840	129-K53T2	17D220080	Hoàng Thị Bích	Liên	Nữ	13/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002032	2021	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35841	130-K53T4	17D220182	Mai Hồng	Anh	Nữ	14/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002033	2021	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35842	131-K53T5	17D220262	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	10/04/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002034	2021	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35843	132-K53T5	17D220265	Đinh Thị	Nga	Nữ	12/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002035	2021	Chính quy	Marketing	QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	1610/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35844	133-K52D2	16D150097	Lê Thị	Dung	Nữ	11/12/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002036	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35845	134-K52D2	16D150146	Phạm Phương	Thúy	Nữ	22/08/1998	Yên Bái	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002037	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35846	135-K52D2	16D150158	Phan Thị Hải	Yến	Nữ	29/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002038	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35847	136-K52D3	16D150239	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	06/02/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002039	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35848	137-K52D5	16D150367	Nguyễn Công	Chức	Nam	27/11/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002040	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35849	138-K52D7	16D150559	Đàm Thị Ngọc	Huế	Nữ	28/09/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002041	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35850	139-K52D9	16D150707	Tường Thị Bảo	Châu	Nữ	30/04/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002042	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35851	140-K52D9	16D150731	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	14/10/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002043	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35852	141-K53D1	17D150016	Nguyễn Thị Thu	Huế	Nữ	21/04/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002044	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35853	142-K53D1	17D150030	Lương Thị	Nguyệt	Nữ	22/11/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002045	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35854	143-K53D1	17D150032	Trần Thị Anh	Như	Nữ	15/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002046	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35855	144-K53D1	17D150033	Đặng Thị Minh	Phương	Nữ	10/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002047	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35856	145-K53D1	17D150038	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	16/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002048	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35857	146-K53D1	17D150046	Tô Văn	Trà	Nam	10/12/1995	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002049	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35858	147-K53D2	17D150071	Lưu Phương	Anh	Nữ	08/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002050	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35859	148-K53D2	17D150073	Vũ Bá Quỳnh	Anh	Nữ	16/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002051	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35860	149-K53D2	17D150075	Đinh Thị Minh	Châu	Nữ	05/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002052	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35861	150-K53D2	17D150085	Phạm Thị Thanh	Hoa	Nữ	28/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002053	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35862	151-K53D2	17D150090	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	15/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002054	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35863	152-K53D2	17D150098	Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	25/02/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002055	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35864	153-K53D2	17D150103	Hoắc Thị	Phương	Nữ	03/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002056	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35865	154-K53D2	17D150105	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	14/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002057	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35866	155-K53D2	17D150107	Cao Thị	Thảo	Nữ	20/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002058	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35867	156-K53D2	17D150117	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	30/07/1999	Gia Lai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002059	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35868	157-K53D3	17D150145	Nguyễn Thị Minh	Châu	Nữ	25/04/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002060	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35869	158-K53D3	17D150153	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	03/06/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002061	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35870	159-K53D3	17D150155	Trần Thị	Hoa	Nữ	20/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002062	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35871	160-K53D3	17D150176	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	11/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002063	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35872	161-K53D3	17D150178	Tạ Thị	Thảo	Nữ	15/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002064	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35873	162-K53D4	17D150222	Bùi Ngọc	Linh	Nữ	06/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002065	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35874	163-K53D4	17D150238	Đỗ Thị	Thảo	Nữ	21/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002066	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35875	164-K53D4	17D150239	Thiều Thị	Thảo	Nữ	28/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002067	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35876	165-K53D6	17D150364	Trần Thị	Linh	Nữ	23/07/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002068	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35877	166-K53D7	17D150403	Tạ Thị Kim	Anh	Nữ	09/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002069	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35878	167-K53D7	17D150410	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	07/03/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002070	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35879	168-K53D7	17D150430	Hoàng Hạnh	Nguyên	Nữ	27/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002071	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35880	169-K53D7	17D150431	Trần Thị Linh	Nhi	Nữ	12/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002072	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35881	170-K53D7	17D150432	Quách Thị	Nhung	Nữ	20/06/1999	Thanh Hóa	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002073	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35882	171-K53D8	17D150485	Nguyễn Thị Hồng	Huế	Nữ	16/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002074	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35883	172-K53D8	16D150669	Dương Thị Huyền	Trang	Nữ	17/11/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002075	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35884	173-K18D	D13D210388	Trần Thị	Nhung	Nữ	06/01/1995	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.002076	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35885	174-K19D	D13D210434	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	10/03/1995	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002077	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35886	175-K20D	D15D170146	Hồ Phương	Dung	Nữ	21/04/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002078	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35887	176-K20D	D15D200086	Đỗ Phương	Hoa	Nữ	19/02/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002079	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35888	177-K20D	D15D180243	Hoàng Kim	Ngân	Nữ	27/07/1997	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002080	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35889	178-K21D	D15D220212	Tô Thị Ngọc	Anh	Nữ	07/09/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002081	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35890	179-K21D	D14D200293	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	07/09/1996	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002082	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35891	180-K21D	D16D100276	Nguyễn Phương	Ngân	Nữ	22/08/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002083	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	231/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35892	181-K51DD	15D155007	Phạm Tùng	Dương	Nam	18/12/1997	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002084	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	232/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35893	182-K51E2	15D130085	Lê Xuân	Hòa	Nam	14/11/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002085	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35894	183-K52E1	16D130003	Nguyễn Kim	Anh	Nữ	01/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002086	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35895	184-K52E1	16D130021	Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	01/11/1996	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002087	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35896	185-K52E1	16D130035	Phạm Trần Ngọc	Nguyên	Nam	24/12/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002088	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35897	186-K52E1	16D130038	Lưu Thị Thu	Phương	Nữ	10/08/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002089	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35898	187-K52E3	16D130176	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	11/05/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002090	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35899	188-K52E3	16D130181	Trương Ngọc	Huyền	Nữ	27/03/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002091	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35900	189-K52E4	16D130263	Nguyễn Tuấn	Linh	Nam	19/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002092	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35901	190-K52E5	16D130371	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	01/04/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002093	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35902	191-K52E5	16D130374	Nguyễn Minh	Thu	Nữ	23/01/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002094	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35903	192-K53E1	17D130002	Lê Diệu	Anh	Nữ	14/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002095	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35904	193-K53E1	17D130004	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	25/10/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002096	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35905	194-K53E1	17D130013	Trần Đình	Hiếu	Nam	20/07/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002097	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35906	195-K53E2	17D130076	Trương Đình	Chi	Nữ	28/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002098	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35907	196-K53E2	17D130079	Vũ Minh	Đức	Nam	20/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002099	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35908	197-K53E2	17D130083	Lê Thị	Hoa	Nữ	04/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002100	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35909	198-K53E2	17D130088	Đỗ Thu	Hường	Nữ	27/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002101	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35910	199-K53E2	17D130108	Nguyễn Diệu	Thúy	Nữ	14/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002102	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1611/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35911	200-K53E2	17D130112	Trần Ngọc	Trâm	Nữ	05/04/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002103	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35912	201-K53E3	17D130168	Trần Thị	Ngọc	Nữ	14/09/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002104	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35913	202-K53E4	17D130254	Trương Thị Thu	Uyên	Nữ	29/11/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002105	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35914	203-K53E5	17D130300	Dương Thị Diệu	Linh	Nữ	24/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002106	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35915	204-K53E5	16D130364	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	20/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002107	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35916	205-K53E5	17D130316	Trần Thị	Thu	Nữ	10/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002108	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35917	206-K53E5	17D130320	Phạm Hà	Trang	Nữ	10/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002109	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35918	207-K53E1	17D130048	Malixabern	SYLAVANH	Nữ	16/11/1998	Lào	0	Lào	Khá	TMU.7.002110	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35919	208-K53EK1	17D260024	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	28/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002111	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	KINH TẾ QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35920	209-K53EK1	17D260038	Đinh Phương	Thảo	Nữ	23/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002112	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	KINH TẾ QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35921	210-K53EK1	17D260043	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	06/06/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002113	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	KINH TẾ QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35922	211-K53EK1	17D260050	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	Nữ	23/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002114	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	KINH TẾ QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35923	212-K53EK2	17D260123	Hoàng Bích	Thủy	Nữ	14/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002115	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	KINH TẾ QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35924	213-K53EK3	17D260178	Vũ Thị Việt	Hòa	Nữ	13/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002116	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	KINH TẾ QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35925	214-K53EK3	17D260180	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002117	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	KINH TẾ QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35926	215-K53EK3	17D260206	Đỗ Thu	Trang	Nữ	13/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002118	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	KINH TẾ QUỐC TẾ	1612/QĐ-ĐHTM, 31/12/2020	
35927	216-K50F1	14D160051	Nguyễn Việt	Thắng	Nam	19/01/1996	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002119	2021	Chính quy	Kinh tế	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35928	217-K51F5	15D160320	Phạm Thu	Trang	Nữ	29/06/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002120	2021	Chính quy	Kinh tế	KINH TẾ THƯƠNG MẠI	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35929	218-K52F3	16D160193	Vũ Thị Hương	Giang	Nữ	12/09/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002121	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35930	219-K52F5	16D160379	Phạm Thị	Hòa	Nữ	24/10/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002122	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35931	220-K52F5	16D160403	Trần Công	Thành	Nam	02/03/1998	LB Nga	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002123	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35932	221-K52F6	16D160463	Trần Thế	Hưng	Nam	12/05/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002124	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35933	222-K53F1	17D160002	Mai Vũ Huyền	Anh	Nữ	23/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002125	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35934	223-K53F1	17D160003	Nguyễn Trung	Anh	Nữ	24/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002126	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35935	224-K53F1	17D160004	Vũ Thị Hà	Anh	Nữ	10/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002127	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35936	225-K53F1	17D160009	Vũ Đào Thành	Đạt	Nam	24/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002128	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35937	226-K53F1	17D160014	Phan Thục	Hiền	Nữ	17/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002129	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35938	227-K53F1	17D160029	Đặng Đình	Quang	Nam	09/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002130	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35939	228-K53F1	17D160034	Trần Thị	Thùy	Nữ	22/08/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002131	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35940	229-K53F2	17D160061	Bùi Thị Mai	Anh	Nữ	18/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002132	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35941	230-K53F2	17D160065	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	04/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002133	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35942	231-K53F2	17D160104	Vũ Hoàng	Duy	Nam	17/10/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002134	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35943	232-K53F2	17D160089	Đặng Thị	Phượng	Nữ	18/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002135	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35944	233-K53F2	17D160099	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	02/12/1999	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002136	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35945	234-K53F3	17D160124	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	28/11/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002137	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35946	235-K53F3	17D160131	Phạm Thị Thanh	Hà	Nữ	04/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002138	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35947	236-K53F3	17D160135	Lê Thị	Hoa	Nữ	26/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002139	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35948	237-K53F4	17D160183	Thân Hồng	Anh	Nữ	14/05/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002140	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35949	238-K53F4	17D160191	Trần Thị Nguyệt	Hà	Nữ	17/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002141	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35950	239-K53F4	17D160215	Nguyễn Đăng	Toàn	Nam	03/05/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002142	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35951	240-K53F5	17D160246	Lê Thị	Dung	Nữ	07/04/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002143	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35952	241-K53F5	17D160263	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	29/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002144	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35953	242-K53F5	17D160272	Trần Phương	Thảo	Nữ	20/09/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002145	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35954	243-K53F5	17D160280	Bùi Thị	Vân	Nữ	10/10/1999	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.002146	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35955	244-K53F6	17D160323	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	22/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002147	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35956	245-K53F6	17D160325	Ngô Minh	Nguyệt	Nữ	13/05/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002149	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35957	246-K53F6	17D160328	Trần Minh	Phương	Nữ	03/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002150	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35958	247-K53F7	17D160362	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	28/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002151	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
35959	248-K53F7	17D160363	Vũ Thị Chung	Anh	Nữ	20/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002152	2021	Chính quy	Kinh tế	QUẢN LÝ KINH TẾ	235/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35960	249-K51P1	15D200034	Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	23/04/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002276	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT THƯƠNG MẠI	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35961	250-K51P2	15D200108	Đinh Thị	Phương	Nữ	06/07/1997	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002153	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT THƯƠNG MẠI	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35962	251-K51P3	15D200182	Đỗ Minh	Thảo	Nữ	15/03/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002154	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT THƯƠNG MẠI	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35963	252-K52P2	16D200090	Bùi Hoàng	Hiệp	Nam	19/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002155	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35964	253-K52P3	16D200161	Vũ Hoàng Hải	Dung	Nữ	20/01/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002156	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35965	254-K52P3	16D200175	Phạm Hương	Linh	Nữ	04/10/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002157	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35966	255-K52P3	16D200187	Ngô Minh	Quang	Nam	20/07/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002158	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35967	256-K52P3	16D200195	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	11/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002159	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35968	257-K53P1	17D200002	Hà Tuấn	Anh	Nam	08/03/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002160	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35969	258-K53P1	17D200007	Vũ Thị Kim	Chi	Nữ	07/11/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002161	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35970	259-K53P1	17D200023	Nguyễn Viết Ngọc	Minh	Nữ	19/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002162	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35971	260-K53P2	17D200062	Nguyễn Kim	Anh	Nữ	11/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002163	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35972	261-K53P2	17D200076	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	24/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002164	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35973	262-K53P2	17D200081	Đỗ Thanh	Luận	Nam	02/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002165	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35974	263-K53P3	17D200127	Trần Hải	Bình	Nữ	23/05/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002166	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35975	264-K53P3	17D200148	Cung Phi Tài	Phương	Nam	24/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002167	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35976	265-K53P4	17D200223	Đỗ Ngọc Kỳ	Lân	Nam	12/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002168	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35977	266-K20P	P14D190422	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	14/04/1996	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002169	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35978	267-K20P	P14D130377	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	15/02/1997	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002170	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35979	268-K21P	P14D170404	Phạm Ngọc	Trâm	Nữ	27/08/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002171	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	236/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35980	269-K50I2	14D140096	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	03/03/1996	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002172	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	237/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35981	270-K51I1	15D140004	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	08/02/1997	Bắc Giang	Sán Dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.002173	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	237/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35982	271-K52I3	16D140150	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	29/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002174	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	237/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35983	272-K52I4	16D140255	Nguyễn Hữu	Tiến	Nam	25/09/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002175	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	237/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35984	273-K52I4	16D140261	Nhữ Anh	Tú	Nam	16/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002176	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	237/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35985	274-K52I5	16D140315	Phạm Thùy	Linh	Nữ	23/11/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002177	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	237/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35986	275-K53I3	17D140169	Nguyễn Giang	Nam	Nam	15/03/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002178	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	237/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35987	276-K52S1	16D190012	Lê Xuân	Hoàng	Nam	28/02/1996	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002179	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35988	277-K52S1	16D190035	Ngô Thị	Thương	Nữ	14/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002180	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35989	278-K52S2	16D190069	Nguyễn Phú	Hiệp	Nam	08/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002181	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35990	279-K52S2	16D190071	Ngô Bảo	Hoàng	Nam	03/03/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002182	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35991	280-K52S3	16D190126	Nguyễn Phúc	Đạt	Nam	13/06/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002183	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35992	281-K52S3	16D190129	Hoàng Minh	Hiếu	Nam	26/11/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002184	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35993	282-K52S3	16D190138	Trần Vũ	Linh	Nam	11/09/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002185	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35994	283-K52S3	16D190142	Trương Ngọc	Long	Nam	09/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002186	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35995	284-K52S3	16D190149	Lê Thị	Nhung	Nữ	24/10/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002187	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35996	285-K52S3	16D190159	Phạm Danh	Tuyên	Nam	24/09/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002188	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35997	286-K52S4	16D190192	Tống Thị	Hoa	Nữ	27/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002189	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35998	287-K53S2	17D190084	Đào Mai	Nguyệt	Nữ	09/11/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002190	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
35999	288-K53S3	17D190122	Bùi Ngọc	Ánh	Nữ	17/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002191	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36000	289-K53S3	17D190131	Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	30/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002192	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36001	290-K53S4	17D190182	Tạ Thị Mai	Anh	Nữ	06/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002193	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36002	291-K53S4	17D190220	Cấn Thị	Linh	Nữ	02/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002194	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	238/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36003	292-K51H1	13D180044	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	21/10/1995	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002195	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36004	293-K51H2	15D180129	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	17/05/1997	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002196	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36005	294-K52H2	16D180149	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	12/09/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002197	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36006	295-K52H2	16D180159	Nguyễn Thị Hồng	Vy	Nữ	04/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002198	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36007	296-K52H3	16D180246	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	15/02/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002199	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36008	297-K52H4	16D180271	Bùi Thị Vân	Anh	Nữ	13/02/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002200	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36009	298-K52H4	16D180309	Cao Phương	Linh	Nữ	19/09/1998	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002201	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36010	299-K52H5	16D180377	Đinh Thị Thanh	Hà	Nữ	11/08/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002202	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36011	300-K52H5	16D180407	Hoàng Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	28/04/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002203	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36012	301-K53H1	17D180001	Phạm Thị Thanh	An	Nữ	02/10/1999	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002204	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36013	302-K53H1	17D180019	Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nữ	21/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002205	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36014	303-K53H1	17D180027	Đào Phương	Mai	Nữ	22/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002206	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36015	304-K53H1	17D180029	Đỗ Thị Quỳnh	Ngân	Nữ	08/09/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002207	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36016	305-K53H1	17D180037	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	27/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002208	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36017	306-K53H2	17D180097	Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	16/06/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002209	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36018	307-K53H3	17D180146	Trần Gia	Hoàng	Nam	29/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002210	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36019	308-K53H3	17D180165	Nguyễn Ngọc	Thành	Nam	03/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002211	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36020	309-K53H3	17D180168	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	06/04/1999	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.002212	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36021	310-K53H3	17D180172	Trần Anh	Tuấn	Nam	25/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002213	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36022	311-K53H4	17D180240	Nguyễn Chí	Đức	Nam	11/04/1998	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002214	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36023	312-K53H4	17D180203	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	08/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002215	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36024	313-K53H5	16D180365	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	23/04/1997	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002216	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36025	314-K53H5	17D180300	Trần Thị Thu	Uyên	Nữ	08/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002217	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36026	315-K53H6	17D180340	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	28/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002218	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36027	316-K53H6	17D180346	Uông Thị Hoài	Lý	Nữ	20/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002219	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36028	317-K53H6	17D180355	Mai Phương	Thảo	Nữ	05/05/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002220	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36029	318-K53H6	17D180374	Phùng Thị	Trang	Nữ	20/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002221	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36030	319-K53H2	17D180123	Leepor	LOR	Nam	27/02/1998	Lào	Kinh	Lào	Khá	TMU.7.002222	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36031	320-K53H3	17D180182	Touka	PHOMMACHANH	Nữ	04/01/1997	Viengchan	Kinh	Lào	Khá	TMU.7.002223	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	Sinh viên đã được cấp lại bằng với số hiệu TMU.7.002463 do bị sai tên. Tên đúng là Toukta PHOMMACHANH
36032	321-K19H	H14D190363	Nguyễn Thị Phương	Hạnh	Nữ	12/04/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002224	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36033	322-K19H	H13D140326	Lê Thanh	Thủy	Nữ	30/05/1995	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002225	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	239/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36034	323-K51HH	15D185008	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	28/07/1997	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002226	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	240/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36035	324-K50N5	14D170330	Trần Đức	Toàn	Nam	08/10/1996	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002227	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36036	325-K51N2	15D170075	Luyện Thị Việt	Chinh	Nữ	08/10/1997	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002228	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36037	326-K51N3	15D170181	Bùi Thị Mai	Thương	Nữ	31/08/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002229	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36038	327-K51N5	15D170290	Đào Văn	Hạ	Nam	25/11/1997	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002230	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36039	328-K52N2	16D170093	Nguyễn Thanh Thu	Hường	Nữ	17/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002231	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36040	329-K52N2	16D170117	Dương Linh	Trang	Nữ	01/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002232	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36041	330-K52N4	16D170226	Vũ Thị	Hằng	Nữ	27/05/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002233	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36042	331-K52N4	16D170231	Tạ Minh	Huyền	Nữ	20/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002234	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36043	332-K52N4	16D170243	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	04/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002235	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36044	333-K52N5	16D170311	Tòng Ngọc	Minh	Nam	08/12/1997	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002236	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36045	334-K52N6	16D170371	Dương Ngọc	Khánh	Nữ	02/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002237	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36046	335-K52N6	16D170388	Ngô Quỳnh	Phương	Nữ	13/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002238	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36047	336-K53N1	17D170015	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/01/1999	Lâm Đồng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002239	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36048	337-K53N1	17D170031	Nguyễn Thị Thúy	Phương	Nữ	23/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002240	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36049	338-K53N2	17D170071	Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	10/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002241	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36050	339-K53N2	17D170098	Nguyễn Thị Thương	Thương	Nữ	21/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002242	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36051	340-K53N2	17D170103	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	08/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002243	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36052	341-K53N3	17D170126	Hà Anh	Dũng	Nam	21/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002244	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36053	342-K53N3	17D170136	Hồ Thị	Khánh	Nữ	02/02/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002245	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36054	343-K53N3	17D170149	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	25/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002246	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36055	344-K53N3	17D170152	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	27/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002247	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36056	345-K53N4	17D170192	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	12/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002248	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36057	346-K53N4	17D170199	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	05/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002249	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36058	347-K53N4	17D170216	Nguyễn Minh	Thu	Nữ	31/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002250	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36059	348-K53N5	17D170259	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	29/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002251	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36060	349-K53N5	17D170283	Nguyễn Thị Lưu	Yến	Nữ	13/01/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002252	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36061	350-K53N6	17D170302	Nguyễn Hữu Ngọc	Anh	Nữ	15/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002253	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36062	351-K53N6	17D170307	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	30/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002254	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36063	352-K53N6	17D170315	Vương Thị Thanh	Hương	Nữ	06/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002255	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36064	353-K53N6	17D170325	Đới Đăng	Nam	Nam	06/05/1999	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002256	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36065	354-K53N6	17D170335	Phan Thị	Thoa	Nữ	26/03/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002257	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36066	355-K53N6	17D170341	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	24/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002258	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36067	356-K53N6	17D170343	Nguyễn Thị Phương	Yến	Nữ	13/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002259	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36068	357-K20N	N14D200053	Cao Minh	Trang	Nữ	26/07/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002260	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	241/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36069	358-K52U5	15D210319	Mai Thị	Lan	Nữ	12/11/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002261	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36070	359-K52U2	16D210105	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	08/07/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002262	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36071	360-K52U3	16D210166	Tô Hải	Long	Nam	09/10/1998	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.002263	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36072	361-K52U4	16D210240	Nguyễn Duy	Ninh	Nam	20/05/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002264	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36073	362-K52U5	16D210295	Lương Nhật	Minh	Nam	06/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002265	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36074	363-K52U5	16D210306	Ngô Thị	Thúy	Nữ	11/09/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002266	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36075	364-K53U1	17D210024	Nguyễn Hằng	Nga	Nữ	09/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002267	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36076	365-K53U2	17D210097	Lưu Thị	Thư	Nữ	25/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002268	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36077	366-K53U5	17D210271	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	04/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002269	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36078	367-K53U5	17D210282	Nguyễn Thị	Yên	Nữ	04/04/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002270	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36079	368-K53U6	17D210310	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	25/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002271	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36080	369-K53U6	17D210334	Lê Thị	Thu	Nữ	05/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002272	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	242/QĐ-ĐHTM, 22/03/2021	
36081	370-K21H	H16D190071	Ngô Bảo	Hoàng	Nam	03/03/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002273	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	263/QĐ-ĐHTM, 25/03/2021	
36082	371-K53P2	17D200071	Đỗ Mạnh	Hà	Nam	19/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002274	2021	Chính quy	Luật kinh tế	LUẬT KINH TẾ	273/QĐ-ĐHTM, 29/03/2021	
36083	372-K19D	D13D250172	Ngô Thị Thu	Thuỷ	Nữ	10/01/1995	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002275	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	274/QĐ-ĐHTM, 25/03/2021	
36084	373-K51DQ1	17E100009	Nguyễn Hào	Nam	Nam	27/07/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.002277	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	379/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36085	374-K51DQ1	17E100010	Dương Hồng	Quân	Nam	05/05/1997	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.002278	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	379/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36086	375-K51DQ1	17E100011	Đỗ Hữu	San	Nam	17/06/1987	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.002279	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	379/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36087	376-K51DQ1	17E100012	Vũ Minh	Sáng	Nam	07/12/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.002280	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	379/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36088	377-K51DQ1	17E100021	Hà Phúc	Thắng	Nam	24/12/1994	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.002281	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	379/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36089	378-K51DQ1	17E100017	Phạm Hữu	Thế	Nam	29/03/1991	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.002282	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	379/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36090	379-K51DQ1	17E100014	Trương Ngọc	Tú	Nam	10/11/1988	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002283	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	379/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36091	380-K51DQ1	17E100016	Hoàng Văn	Tuyên	Nam	29/09/1987	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.002284	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	379/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36092	381-K51DQ1	17E100018	Phạm Thị	Vinh	Nữ	08/04/1983	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.002285	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	379/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36093	382-K47DQ1	13E100028	Đinh Hoàng	Long	Nam	04/05/1992	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.002286	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	379/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36094	383-K53BK1	18G150001	Bùi Thị Ngọc	Ánh	Nữ	07/09/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002287	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36095	384-K53BK1	18G150002	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	26/02/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002288	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36096	385-K53BK1	18G150003	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	07/03/1995	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002289	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36097	386-K53BK1	18G150004	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	24/11/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002290	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36098	387-K53BK1	18G150005	Nguyễn Hải	Hòa	Nam	01/04/1980	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002291	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36099	388-K53BK1	18G150006	Ngô Văn	Hồng	Nam	30/10/1992	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002292	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36100	389-K53BK1	18G150007	Nguyễn Thị Minh	Hưng	Nữ	28/12/1990	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002293	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36101	390-K53BK1	18G150010	Cồ Thùy	Hương	Nữ	05/06/1992	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002294	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36102	391-K53BK1	18G150011	Đào Lan	Hương	Nữ	15/09/1982	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002295	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36103	392-K53BK1	15G150060	Đỗ Thị Thanh	Hương	Nữ	14/10/1983	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002296	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36104	393-K53BK1	18G150009	Khánh Thị	Hương	Nữ	04/12/1987	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002297	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36105	394-K53BK1	18G150012	Nguyễn Văn	Hưởng	Nam	03/07/1992	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002298	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36106	395-K53BK1	18G150013	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	22/05/1994	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002299	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36107	396-K53BK1	18G150014	Nguyễn Thị	Lanh	Nữ	27/12/1993	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002300	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36108	397-K53BK1	18G150016	Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	21/09/1993	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002301	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36109	398-K53BK1	18G150019	Đặng Thị Hồng	Nga	Nữ	01/12/1972	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002302	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36110	399-K53BK1	18G150020	Lê Quý	Nhâm	Nam	27/08/1992	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002303	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36111	400-K53BK1	18G150023	Dương Thị	Phúc	Nữ	01/10/1982	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002304	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36112	401-K53BK1	18G150024	Nguyễn Thị	Sen	Nữ	24/06/1993	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002305	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36113	402-K53BK1	18G150027	Đào Thị Thu	Trà	Nữ	03/10/1995	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002306	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36114	403-K52BK1	17G150005	Nguyễn Thị Yến	Chi	Nữ	10/07/1993	Liên bang Nga	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002307	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36115	404-K52BK1	17G150007	Đinh Thị Thùy	Dương	Nữ	03/09/1991	Phú Thọ	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.002308	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36116	405-K52BK1	17G150032	Trịnh Thị Kim	Yến	Nữ	28/11/1991	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002309	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	380/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36117	406-K16CQ1	19H106002	Lê Tuấn	Anh	Nam	15/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002310	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	381/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36118	407-K16CQ1	19H106006	Lý Thị	Chinh	Nữ	08/10/1997	Lào Cai	Giáy	Việt Nam	Khá	TMU.7.002311	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	381/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36119	408-K16CQ1	19H106021	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	07/10/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002312	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	381/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36120	409-K7TK2	16H152009	Chu Thị Thanh	Hương	Nữ	02/04/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002313	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	382/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36121	410-K12CK6	16H150756	Hoàng Thị	Mai	Nữ	24/03/1992	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002314	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	383/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36122	411-K16CK1	19H155041	Ngô Minh	Nam	Nam	01/11/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002315	2021	Chính quy	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	383/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36123	412-K17CQ1	19H102006	Bùi Lan	Anh	Nữ	19/10/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002316	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36124	413-K17CQ1	19H102112	Kiều Thị Phương	Anh	Nữ	06/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002317	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36125	414-K17CQ1	19H102003	Kiều Thị Vân	Anh	Nữ	30/11/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002318	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36126	415-K17CQ1	19H102008	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	16/10/1997	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002319	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36127	416-K17CQ1	19H102005	Nguyễn Thị Kiều	Anh	Nữ	16/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002320	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36128	417-K17CQ1	19H102002	Phùng Thị Tuyết	Anh	Nữ	23/09/1990	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002321	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36129	418-K17CQ1	19H102011	Trần Linh	Chi	Nữ	10/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002322	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36130	419-K17CQ1	19H102012	Đặng Minh	Chiến	Nam	27/05/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002323	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36131	420-K17CQ1	19H102013	Phạm Văn	Chiến	Nam	09/02/1992	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002324	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36132	421-K17CQ1	19H102014	Bùi Trọng	Công	Nam	30/12/1993	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002325	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36133	422-K17CQ1	19H102015	Lưu Thành	Công	Nam	18/05/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002326	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36134	423-K17CQ1	19H102016	Nguyễn Văn	Cường	Nam	17/09/1996	Bắc ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002327	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36135	424-K17CQ1	19H102017	Tạ Đình	Đăng	Nam	12/09/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002328	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36136	425-K17CQ1	19H102018	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	05/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002329	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36137	426-K17CQ1	19H102021	Đào Minh	Đức	Nam	10/07/1992	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002330	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36138	427-K17CQ1	19H102022	Nguyễn Anh	Đức	Nam	11/09/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002331	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36139	428-K17CQ1	19H102020	Trịnh Minh	Đức	Nam	14/09/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002332	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36140	429-K17CQ1	19H102024	Cáp Thị	Dung	Nữ	12/12/1991	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002333	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36141	430-K17CQ1	19H102026	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	16/04/1987	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002334	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36142	431-K17CQ1	19H102025	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	14/06/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002335	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36143	432-K17CQ1	19H102023	Phạm Thị	Dung	Nữ	10/08/1989	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002336	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36144	433-K17CQ1	19H102027	Bùi Đức	Dương	Nam	20/04/1993	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002337	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36145	434-K17CQ1	19H102029	Trần Văn	Duy	Nam	20/12/1995	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002338	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36146	435-K17CQ1	19H102030	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	11/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002339	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36147	436-K17CQ1	19H102031	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	07/10/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002340	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36148	437-K17CQ1	19H102032	Doãn Mạnh	Hải	Nam	04/03/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002341	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36149	438-K17CQ1	19H102033	Triệu Lê	Hằng	Nữ	10/06/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002342	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36150	439-K17CQ1	19H102034	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	14/10/1998	Hà Nam·	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002343	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36151	440-K17CQ1	19H102035	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	28/10/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002344	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36152	441-K17CQ1	19H102037	Đàm Thanh	Hiền	Nữ	24/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002345	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36153	442-K17CQ1	19H102038	Đinh Thị Thanh	Hiền	Nữ	28/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002346	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36154	443-K17CQ1	19H102036	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	23/04/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002347	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36155	444-K17CQ1	19H102039	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	04/06/1998	Lâm Đồng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002348	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36156	445-K17CQ1	19H102042	Lê Thị Nhật	Hồng	Nữ	13/06/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002349	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36157	446-K17CQ1	19H102045	Hà Thị	Hương	Nữ	23/02/1997	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002350	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36158	447-K17CQ1	19H102044	Lê Thu	Hương	Nữ	17/11/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002351	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36159	448-K17CQ1	19H102043	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	31/12/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002352	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36160	449-K17CQ1	19H102111	Lê Quang	Huy	Nam	13/12/1992	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002353	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36161	450-K17CQ1	19H102046	Trần Thị	Huyền	Nữ	04/11/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002354	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36162	451-K17CQ1	19H102049	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	02/10/1993	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002355	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36163	452-K17CQ1	19H102050	Đỗ Thùy	Linh	Nữ	13/02/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002356	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36164	453-K17CQ1	19H102052	Mai Tú	Linh	Nữ	05/10/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002357	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36165	454-K17CQ1	19H102051	Trần Diệu	Linh	Nữ	28/06/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002358	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36166	455-K17CQ1	19H102054	Trần Thị	Linh	Nữ	22/08/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002359	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36167	456-K17CQ1	19H102056	Trịnh Hồng	Loan	Nữ	03/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002360	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36168	457-K17CQ1	19H102057	Thái Thị Hiền	Lương	Nữ	30/04/1993	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002361	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36169	458-K17CQ1	19H102058	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	19/04/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002362	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36170	459-K17CQ1	19H102059	Lê Thị	Mận	Nữ	15/07/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002363	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36171	460-K17CQ1	19H102063	Nguyễn Trọng	Minh	Nam	08/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002364	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36172	461-K17CQ1	19H102065	Hoàng Thị Lê	Na	Nữ	29/06/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002365	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36173	462-K17CQ1	19H102066	Nguyễn Thành	Nam	Nam	03/09/1993	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002366	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36174	463-K17CQ1	19H102067	Trần Tuấn	Nam	Nam	25/07/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002367	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36175	464-K17CQ1	19H102069	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	10/10/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002368	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36176	465-K17CQ1	19H102070	Phạm Thị Hằng	Nga	Nữ	25/03/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002369	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36177	466-K17CQ1	19H102068	Trần Thị Thanh	Nga	Nữ	28/01/1986	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002370	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36178	467-K17CQ1	19H102072	Bùi Nguyên	Ngọc	Nam	24/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002371	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36179	468-K17CQ1	19H102071	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	14/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002372	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36180	469-K17CQ1	19H102073	Hà Danh	Nhân	Nam	08/05/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002373	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36181	470-K17CQ1	19H102074	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	22/06/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002374	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36182	471-K17CQ1	19H102075	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	26/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002375	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36183	472-K17CQ1	19H102081	Dương Thúy	Quỳnh	Nữ	30/08/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002376	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36184	473-K17CQ1	19H102079	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	29/09/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002377	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36185	474-K17CQ1	19H102113	Nguyễn Văn	Sơn	Nam	15/07/1996	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.002378	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36186	475-K17CQ1	19H102085	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	03/08/1994	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002379	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36187	476-K17CQ1	19H102086	Triệu Nguyên	Thắng	Nam	01/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002380	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36188	477-K17CQ1	19H102088	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	09/01/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002381	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36189	478-K17CQ1	19H102087	Vũ Văn	Thành	Nam	29/11/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002382	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36190	479-K17CQ1	19H102090	Hồ Ngọc	Thu	Nữ	05/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002383	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36191	480-K17CQ1	19H102091	Kiều Thị Minh	Thúy	Nữ	26/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002384	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36192	481-K17CQ1	19H102092	Nguyễn Thúy	Tiên	Nữ	20/12/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002385	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36193	482-K17CQ1	19H102094	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	28/04/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002386	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36194	483-K17CQ1	19H102098	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	20/07/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002387	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36195	484-K17CQ1	19H102096	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	11/12/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002388	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36196	485-K17CQ1	19H102097	Triệu Thị Thu	Trang	Nữ	14/11/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002389	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36197	486-K17CQ1	19H102101	Lê Nam	Tú	Nam	03/03/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002390	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36198	487-K17CQ1	19H102102	Nguyễn Anh	Tú	Nam	04/04/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002391	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36199	488-K17CQ1	19H102103	Phạm Minh	Tuấn	Nam	14/08/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002392	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36200	489-K17CQ1	19H102105	Mai Sơn	Tùng	Nam	20/04/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002393	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36201	490-K17CQ1	19H102107	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	20/03/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002394	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36202	491-K17CQ1	19H102108	Lương Thị	Vân	Nữ	06/01/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002395	2021	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	384/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36203	492-K17CK1	19H153203	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	01/08/1997	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002396	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36204	493-K17CK1	19H153202	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	04/11/1994	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002397	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36205	494-K17CK1	19H153201	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	18/02/1990	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002398	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36206	495-K17CK1	19H153204	Nguyễn Thị	Cảnh	Nữ	06/07/1992	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002399	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36207	496-K17CK1	19H153207	Ngô Thị	Chinh	Nữ	04/12/1993	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002400	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36208	497-K17CK1	19H153205	Đỗ Thị	Cúc	Nữ	26/09/1995	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002401	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36209	498-K17CK1	19H153208	Dương Thu	Hà	Nữ	29/04/1996	Hà Nội	kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002402	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36210	499-K17CK1	19H153210	Lê Thị	Hà	Nữ	19/09/1983	Nam Định	kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002403	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36211	500-K17CK1	19H153212	Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	13/04/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002404	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36212	501-K17CK1	19H153209	Phan Thị	Hà	Nữ	25/11/1991	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002405	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36213	502-K17CK1	19H153269	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	27/11/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002406	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36214	503-K17CK1	19H153211	Trần Việt	Hà	Nữ	01/02/1996	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002407	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36215	504-K17CK1	19H153215	Mai Thị	Hạnh	Nữ	06/05/1998	Thanh Hóa	kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002408	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36216	505-K17CK1	19H153214	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	28/01/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002409	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36217	506-K17CK1	19H153216	Nguyễn Minh	Hảo	Nữ	15/06/1991	Hà Nội	kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002410	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36218	507-K17CK1	19H153217	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	26/04/1989	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002411	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36219	508-K17CK1	19H153218	Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	28/09/1996	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002412	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36220	509-K17CK1	19H153219	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	17/10/1990	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002413	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36221	510-K17CK1	19H153267	Đàm Thị	Hiếu	Nữ	19/10/1983	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002414	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36222	511-K17CK1	19H153221	Đào Thị Thanh	Hoa	Nữ	08/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002415	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36223	512-K17CK1	19H153220	Kiều Thị	Hoa	Nữ	24/12/1992	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002416	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36224	513-K17CK1	19H153222	Nguyễn Phú	Hòa	Nữ	11/09/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002417	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36225	514-K17CK1	19H153223	Phạm Quốc	Hoàn	Nam	10/06/1993	Hà Nội	kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002418	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36226	515-K17CK1	19H153224	Kiều Mạnh	Hùng	Nam	10/12/1990	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002419	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36227	516-K17CK1	19H153227	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	11/04/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002420	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36228	517-K17CK1	19H153228	Nguyễn Thu	Hường	Nữ	27/06/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002421	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36229	518-K17CK1	19H153225	Lê Quang	Huy	Nam	30/05/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002422	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36230	519-K17CK1	19H153226	Đỗ Xuân	Huyên	Nam	17/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002423	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36231	520-K17CK1	19H153230	Hoàng Thị Mai	Lan	Nữ	24/05/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002424	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36232	521-K17CK1	19H153229	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	26/07/1991	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002425	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36233	522-K17CK1	19H153231	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	14/05/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002426	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36234	523-K17CK1	19H153268	Trần Thị Bích	Lệ	Nữ	02/08/1994	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002427	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36235	524-K17CK1	19H153234	Đào Thùy	Linh	Nữ	16/01/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002428	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36236	525-K17CK1	19H153236	Đoàn Phương	Linh	Nữ	09/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002429	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36237	526-K17CK1	19H153232	Lê Thị Diệu	Linh	Nữ	01/06/1992	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002430	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36238	527-K17CK1	19H153235	Phạm Khánh	Linh	Nữ	09/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002431	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36239	528-K17CK1	19H153233	Phan Thị	Linh	Nữ	02/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002432	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36240	529-K17CK1	19H153271	Trương Thị	Linh	Nữ	16/02/1989	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002433	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36241	530-K17CK1	19H153237	Tào Thị	Loan	Nữ	20/09/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002434	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36242	531-K17CK1	19H153238	Lê Thị	Lưu	Nữ	24/03/1982	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002435	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36243	532-K17CK1	19H153240	Đồng Thị Thanh	Nga	Nữ	01/10/1990	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002436	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36244	533-K17CK1	19H153241	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	01/11/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002437	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36245	534-K17CK1	19H153242	Cao Thị	Ngát	Nữ	19/04/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002438	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36246	535-K17CK1	19H153243	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	02/03/1993	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002439	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36247	536-K17CK1	19H153244	Lê Thị	Nhạn	Nữ	06/10/1988	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002440	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36248	537-K17CK1	19H153245	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	11/06/1998	Tuyên Quang	Sán Dìu	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002441	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36249	538-K17CK1	19H153272	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	30/09/1996	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002442	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36250	539-K17CK1	19H153246	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	24/02/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002443	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36251	540-K17CK1	19H153266	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	28/03/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002444	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36252	541-K17CK1	19H153248	Phạm Thu	Phương	Nữ	14/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002445	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36253	542-K17CK1	19H153249	Bùi Khắc	Quí	Nam	10/08/1994	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002446	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36254	543-K17CK1	19H153250	Trần Thị	Quyên	Nữ	17/01/1985	Hoàng Liên Sơn	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002447	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36255	544-K17CK1	19H153256	Đoàn Thị	Thanh	Nữ	16/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002448	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36256	545-K17CK1	19H153255	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	23/08/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002449	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36257	546-K17CK1	19H153254	Nguyễn Văn	Thanh	Nam	27/03/1994	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002450	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36258	547-K17CK1	19H153257	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	21/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002451	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36259	548-K17CK1	19H153258	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	11/05/1997	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002452	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36260	549-K17CK1	19H153259	Trần Thị Thương	Thương	Nữ	29/05/1996	Nghệ An	kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002453	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36261	550-K17CK1	19H153270	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	30/12/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002454	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36262	551-K17CK1	19H153252	Nguyễn Thị	Toan	Nữ	30/01/1991	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002455	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36263	552-K17CK1	19H153260	Chu Thị Huyền	Trang	Nữ	15/04/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002456	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36264	553-K17CK1	19H153262	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	18/10/1988	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002457	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36265	554-K17CK1	19H153261	Triệu Thị	Trang	Nữ	18/11/1986	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002458	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36266	555-K17CK1	19H153253	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	29/04/1985	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002459	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36267	556-K17CK1	19H153263	Nguyễn Thị Thúy	Vân	Nữ	10/06/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002460	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36268	557-K17CK1	19H153264	Trần Thanh	Vy	Nữ	28/10/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002461	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36269	558-K17CK1	19H153265	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	30/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002462	2021	Vừa làm vừa học	Kế toán	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	385/QĐ-ĐHTM, 12/04/2021	
36270	559-K50A3	14D100181	Trần Xuân	Toàn	Nam	27/06/1996	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002464	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36271	560-K51A3	15D100188	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	08/07/1996	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002465	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36272	561-K51A5	15D100290	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	25/07/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002466	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36273	562-K52A5	15D100336	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	22/05/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002467	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36274	563-K51K2	15D240083	Cao Thị Thu	Hiền	Nữ	30/12/1997	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002468	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36275	564-K51K3	15D240179	Hoàng Đức	Thắng	Nam	10/10/1997	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002469	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36276	565-K52A4	15D240238	Ngô Trọng	Nam	Nam	27/05/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002470	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36277	566-K52A2	16D100125	Hồ Thị	Thảo	Nữ	29/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002471	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36278	567-K52A5	16D100337	Lê Trung	Hiếu	Nam	15/11/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002472	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36279	568-K52A7	16D100495	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	02/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002473	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36280	569-K52A7	16D100513	Hoàng Thảo	My	Nữ	06/03/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002474	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36281	570-K52A8	16D100580	Trần Thị Hải	Lý	Nữ	12/03/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002475	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36282	571-K52A8	16D100590	Nghiêm Thị	Thảo	Nữ	19/12/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002476	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36283	572-K52A8	16D100593	Bùi Văn	Thượng	Nam	01/11/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002477	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36284	573-K52A9	16D100647	Đoàn Thị	Ly	Nữ	02/02/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002478	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36285	574-K53A1	17D100001	Đoàn Thị Minh	Anh	Nữ	13/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002479	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36286	575-K53A1	17D100005	Bùi Linh	Chi	Nữ	07/08/1999	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002480	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36287	576-K53A1	17D100008	Nguyễn Khánh	Hà	Nữ	19/02/1999	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002481	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36288	577-K53A1	17D100012	Lê Thị	Hoa	Nữ	16/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002482	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36289	578-K53A1	17D100016	Đoàn Lan	Hương	Nữ	08/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002483	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36290	579-K53A1	17D100017	Vũ Thị Lan	Hương	Nữ	21/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002484	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36291	580-K53A1	17D100025	Võ Thị Uyên	My	Nữ	16/09/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002485	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36292	581-K53A1	17D100029	Nguyễn Thị Trang	Nhung	Nữ	06/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002486	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36293	582-K53A1	17D100031	Nguyễn Hoài	Phương	Nữ	14/08/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002487	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36294	583-K53A1	17D100040	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	03/03/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002488	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36295	584-K53A2	17D100061	Lại Vân	Anh	Nữ	01/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002489	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36296	585-K53A2	17D100062	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	19/05/1999	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.002490	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36297	586-K53A2	17D100068	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	03/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002491	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36298	587-K53A2	17D100076	Hoàng Thu	Hương	Nữ	08/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002492	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36299	588-K53A2	17D100080	Phạm Khánh	Linh	Nữ	26/10/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002493	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36300	589-K53A2	17D100085	Lê Thị Phương	Mỹ	Nữ	27/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002494	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36301	590-K53A2	17D100088	Vũ Thị	Nguyên	Nữ	12/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002495	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36302	591-K53A2	17D100089	Thân Thị	Nhung	Nữ	28/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002496	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36303	592-K53A3	17D100121	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	02/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002497	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36304	593-K53A3	17D100132	Doãn Thúy	Hoài	Nữ	02/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002498	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36305	594-K53A3	17D100133	Trần Thị	Huệ	Nữ	13/05/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002499	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36306	595-K53A3	17D100145	Đào Thị	Nga	Nữ	10/12/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002500	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36307	596-K53A3	17D100146	Vũ Văn	Nghĩa	Nam	24/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002501	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36308	597-K53A3	17D100147	Bùi Thị	Ngọc	Nữ	13/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002502	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36309	598-K53A3	17D100150	Đỗ Thu	Phương	Nữ	22/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002503	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36310	599-K53A3	17D100156	Nguyễn Thị Diệu	Thùy	Nữ	23/10/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002504	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36311	600-K53A3	17D100159	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	28/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002505	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36312	601-K53A3	17D100162	Đào Vũ Hải	Vân	Nữ	29/09/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002506	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36313	602-K53A3	17D100164	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	17/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002507	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36314	603-K53A4	17D100192	Dương Thu	Hiền	Nữ	11/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002508	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36315	604-K53A4	17D100202	Nguyễn Thị Phương	Loan	Nữ	25/02/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002509	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36316	605-K53A4	17D100207	Lê Huyền	Ngọc	Nữ	28/11/1999	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002510	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36317	606-K53A4	17D100214	Nguyễn Hải	Sơn	Nam	28/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002511	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36318	607-K53A4	17D100220	Phạm Thu	Trang	Nữ	29/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002512	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36319	608-K53A4	17D100222	Đoàn Thị Bạch	Tuyết	Nữ	22/04/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002513	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36320	609-K53A5	17D100251	Trần Quang	Hiếu	Nam	04/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002514	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36321	610-K53A5	17D100253	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	29/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002515	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36322	611-K53A5	17D100255	Đào Thị Thanh	Huyền	Nữ	23/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002516	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36323	612-K53A5	17D100259	Đặng Đình	Linh	Nam	14/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002517	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36324	613-K53A5	17D100268	Bùi Thị	Nhâm	Nữ	25/02/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002518	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36325	614-K53A6	16D100418	Thân Minh	Hiếu	Nam	10/02/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002519	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36326	615-K53A6	17D100304	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002520	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36327	616-K53A6	17D100311	Đinh Thanh	Hiệp	Nam	26/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002521	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36328	617-K53A6	17D100313	Trần Thu	Hoài	Nữ	30/05/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002522	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36329	618-K53A6	17D100316	Trần Thị	Huyền	Nữ	01/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002523	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36330	619-K53A6	17D100320	Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	27/03/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002524	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36331	620-K53A6	17D100323	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	04/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002525	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36332	621-K53A6	17D100334	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	27/03/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002526	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36333	622-K53A6	17D100340	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	09/03/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002527	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36334	623-K53A6	17D100341	Nguyễn Ngọc	Tú	Nữ	16/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002528	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36335	624-K53A7	17D100366	Hoàng Vũ	Dũng	Nam	23/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002529	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36336	625-K53A7	17D100368	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	30/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002530	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36337	626-K53A7	17D100376	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	11/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002531	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36338	627-K53A7	17D100378	Bùi Thị Bảo	Linh	Nữ	23/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002532	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36339	628-K53A7	17D100387	Phan Bích	Ngọc	Nữ	16/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002533	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36340	629-K53A7	17D100391	Lê Minh	Phương	Nữ	02/10/1999	Điện Biên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002534	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36341	630-K53A7	17D100393	Trần Như	Quỳnh	Nữ	26/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002535	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36342	631-K53A7	17D100399	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	16/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002536	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36343	632-K53A7	17D100400	Trịnh Thị Thùy	Trang	Nữ	17/06/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002537	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36344	633-K53A8	17D100421	Đỗ Thị Kiều	Anh	Nữ	23/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002538	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36345	634-K53A8	17D100428	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	21/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002539	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36346	635-K53A8	17D100439	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nữ	13/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002540	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36347	636-K53A8	17D100451	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	19/08/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002541	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36348	637-K53A8	17D100460	Đào Thị Thanh	Trà	Nữ	29/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002542	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36349	638-K53A8	17D100462	Đào Trọng	Vinh	Nam	04/03/1999	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002543	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36350	639-K53A9	17D100482	Nguyễn Thị Lâm	Anh	Nữ	06/10/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002544	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36351	640-K53A9	17D100487	Lê Thu	Hà	Nữ	09/04/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002545	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36352	641-K53A9	17D100498	Đường Diệu	Linh	Nữ	10/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002546	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36353	642-K53A9	17D100500	Vũ Khánh	Linh	Nữ	30/11/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002547	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36354	643-K53A9	17D100508	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/07/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002548	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36355	644-K53A9	17D100513	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	19/08/1999	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002549	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36356	645-K53A9	17D100516	Nguyễn Đình	Thuận	Nam	12/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002550	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36357	646-K53A9	17D100518	Nguyễn Linh	Trang	Nữ	14/12/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002551	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36358	647-K52Q1	15D105009	Nguyễn Viết	Đức	Nam	19/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002552	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36359	648-K52Q2	16D105077	Nguyễn Thị Bích	Hậu	Nữ	15/07/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002553	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36360	649-K53Q1	17D105004	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	23/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002554	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36361	650-K53Q1	17D105026	Vương Thu	Uyên	Nữ	01/03/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002555	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36362	651-K53Q2	17D105083	Phạm Vũ	Tùng	Nam	07/11/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002556	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36363	652-K53QT1	17D107014	Đặng Minh	Hiếu	Nam	16/07/1999	Hà Giang	Tày	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002557	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36364	653-K53QT1	17D107017	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	18/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002558	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36365	654-K53QT1	17D107022	Bùi Thị	Lan	Nữ	05/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002559	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36366	655-K53QT1	17D107023	Chế Thị Thùy	Linh	Nữ	29/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002560	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36367	656-K53QT2	17D107098	Lý Thị Trà	My	Nữ	31/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002561	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36368	657-K53QT2	17D107100	Vũ Hồng	Ngọc	Nữ	20/01/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002562	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36369	658-K53QT3	17D107134	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	04/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002563	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36370	659-K53QT3	17D107138	Trần Mai	Linh	Nữ	09/02/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002564	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36371	660-K53QT3	17D107146	Trần Hoàng Thu	Uyên	Nữ	16/04/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002565	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36372	661-K53QT3	17D107147	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	28/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002566	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36373	662-K46V2	10D230274	Vũ Tiến	Phước	Nam	20/09/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002567	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC DỊCH VỤ Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE	Kèm theo Quyết định số: 730/QĐ-ĐHTM ngày 21tháng 05 năm 2021	
36374	663-K51B2KS	15D110075	Vũ Nhật	Anh	Nữ	04/09/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002568	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36375	664-K51B3KS	15D110174	Phan Thị Thanh	Nhàn	Nữ	05/11/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002569	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36376	665-K52B1KS	16D110001	Nguyễn Thúy	An	Nữ	25/05/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002570	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36377	666-K52B2KS	16D110106	Bùi Phương	Linh	Nữ	12/08/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002571	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36378	667-K52B2KS	16D110109	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	25/07/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002572	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36379	668-K52B3KS	16D110179	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	25/07/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002573	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36380	669-K52B3KS	16D110186	Trần Thị Diệu	Linh	Nữ	22/01/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002574	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36381	670-K52B3KS	16D110199	Hoàng Phạm Kim	Ngân	Nữ	07/07/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002575	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36382	671-K52B3KS	16D110206	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	19/01/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002576	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36383	672-K53B1KS	17D110002	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	01/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002577	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36384	673-K53B1KS	17D110005	Nguyễn Linh	Chi	Nữ	08/03/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002578	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36385	674-K53B1KS	17D110006	Trần Nhật	Cúc	Nữ	17/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002579	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36386	675-K53B1KS	17D110008	Lê Lạm	Giang	Nam	17/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002580	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36387	676-K53B1KS	17D110019	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	Nữ	27/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002581	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36388	677-K53B1KS	17D110031	Đỗ Thị Hương	Thảo	Nữ	06/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002582	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36389	678-K53B1KS	17D110033	Nguyễn Thị	Thơ	Nữ	26/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002583	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36390	679-K53B1KS	17D110034	Đầu Phương	Thúy	Nữ	23/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002584	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36391	680-K53B1KS	17D110036	Quách Xuân	Tình	Nữ	30/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002585	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36392	681-K53B1KS	17D110037	Dương Đức	Toàn	Nam	04/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002586	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36393	682-K53B2KS	17D110062	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	14/06/1999	Lào Cai	Giáy	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002587	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36394	683-K53B2KS	17D110068	Nguyễn Trường	Giang	Nam	19/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002588	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36395	684-K53B2KS	17D110077	Lê Thị	Lan	Nữ	21/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002589	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36396	685-K53B2KS	17D110081	Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	04/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002590	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36397	686-K53B2KS	17D110082	Ngân Thị	Luyến	Nữ	16/02/1999	Lào Cai	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002591	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36398	687-K53B2KS	17D110085	Đỗ Thị	Ngân	Nữ	22/06/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002592	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36399	688-K53B2KS	17D110094	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	14/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002593	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36400	689-K53B2KS	17D110096	Bùi Thị Linh	Trang	Nữ	18/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002594	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36401	690-K53B2KS	17D110098	Thái Hữu Thành	Trung	Nam	21/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002595	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36402	691-K53B2KS	17D110102	Phạm Ngọc	Yến	Nữ	14/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002596	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36403	692-K53B3KS	16D110197	Phùng Thị	Nga	Nữ	11/12/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002597	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36404	693-K53B3KS	17D110122	Nguyễn Kim	Anh	Nữ	10/03/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002598	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36405	694-K53B3KS	17D110126	Trịnh Linh	Chi	Nữ	15/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002599	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36406	695-K53B3KS	17D110134	Bùi Thị Thu	Huyền	Nữ	13/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002600	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36407	696-K53B3KS	17D110135	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002601	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36408	697-K53B3KS	17D110136	Nguyễn Ngọc	Hưng	Nam	16/01/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002602	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36409	698-K53B3KS	17D110147	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	04/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002603	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36410	699-K53B3KS	17D110148	Nguyễn Thị Phương	Nhung	Nữ	14/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002604	2021	Chính quy

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36413	702-K53B3KS	17D110157	Đỗ Thị	Trang	Nữ	10/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002607	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36414	703-K53B4KS	17D110186	Đoàn Thị Hoàng	Diệu	Nữ	20/06/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002608	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36415	704-K53B4KS	17D110189	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	30/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002609	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36416	705-K53B4KS	17D110191	Trương Thị Thu	Hằng	Nữ	28/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002610	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36417	706-K53B4KS	17D110195	Cao Thị	Hương	Nữ	24/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002611	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36418	707-K53B4KS	17D110200	Trần Thị	Linh	Nữ	15/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002612	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36419	708-K53B4KS	17D110201	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	09/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002613	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36420	709-K53B4KS	17D110210	Tạ Hồng	Quang	Nam	23/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002614	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36421	710-K53B4KS	17D110211	Nguyễn Đắc Phương	Thanh	Nữ	04/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002615	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36422	711-K53B4KS	17D110219	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	28/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002616	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36423	712-K53B5KS	17D110243	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	28/12/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002617	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36424	713-K53B5KS	17D110248	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	11/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002618	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36425	714-K53B5KS	17D110262	Nguyễn Diệu	Ly	Nữ	29/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002619	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36426	715-K53B6KS	17D110302	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	29/04/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002620	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36427	716-K53B6KS	17D110303	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	06/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002621	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36428	717-K53B6KS	17D110314	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	25/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002622	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36429	718-K53B6KS	17D110327	Vũ Thị Lan	Nhi	Nữ	05/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002623	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36430	719-K53B6KS	17D110332	Bùi Thị Minh	Thoa	Nữ	23/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002624	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36431	720-K53B6KS	17D110337	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002625	2021	Chính quy	Quản trịkhách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36432	721-K52B1LH	16D250028	Ngô Lê Huyền	Mi	Nữ	04/12/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002626	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36433	722-K52B1LH	16D250032	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	07/12/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002627	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36434	723-K52B2LH	16D250103	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	Nữ	10/03/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002628	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36435	724-K52B2LH	16D250113	Đào Hà	Trang	Nữ	16/05/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002629	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36436	725-K52B3LH	16D250164	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	07/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002630	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36437	726-K52B3LH	16D250185	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	14/03/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002631	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36438	727-K52B4LH	16D250228	Trần Quốc	Khánh	Nam	02/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002632	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36439	728-K52B4LH	16D250233	Nguyễn Hương	Ly	Nữ	01/06/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002633	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36440	729-K52B4LH	16D250247	Chu Thị Phương	Thảo	Nữ	20/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002634	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36441	730-K52B4LH	16D250252	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	11/12/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002635	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36442	731-K52B4LH	16D250256	Trần Thị	Tươi	Nữ	07/02/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002636	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36443	732-K53B1LH	17D250002	Đoàn Thị Vân	Anh	Nữ	11/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002637	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36444	733-K53B1LH	17D250005	Nguyễn Kim	Dung	Nữ	20/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002638	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36445	734-K53B1LH	17D250009	Đàm Thị Nguyệt	Hằng	Nữ	07/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002639	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36446	735-K53B1LH	17D250018	Lưu Thị	Liên	Nữ	15/11/1999	Hà Giang	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.002640	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36447	736-K53B1LH	17D250020	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	08/06/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002641	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36448	737-K53B1LH	17D250028	Trần Thị	Nhung	Nữ	05/09/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002642	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36449	738-K53B1LH	17D250034	Lương Thị Phương	Thảo	Nữ	31/03/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002643	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36450	739-K53B1LH	17D250035	Trương Thị Hải	Thắm	Nữ	19/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002644	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36451	740-K53B1LH	17D250041	Trần Thúy	Trang	Nữ	20/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002645	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36452	741-K53B1LH	17D250044	Vũ Thị Kim	Xuyến	Nữ	10/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002646	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36453	742-K53B1LH	17D250048	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	22/12/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002647	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36454	743-K53B1LH	17D250050	PHAM THI NIAT	LE	Nữ	15/11/1999	Ucraina	Kinh	Ucraina	Khá	TMU.7.002648	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36455	744-K53B2LH	17D250065	Nguyễn Thảo	Dung	Nữ	26/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002649	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36456	745-K53B2LH	17D250067	Dương Thị	Giang	Nữ	18/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002650	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36457	746-K53B2LH	17D250073	Phạm Thị	Huệ	Nữ	09/06/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002651	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36458	747-K53B2LH	17D250074	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	26/07/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002652	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36459	748-K53B2LH	17D250077	Phan Minh	Khuê	Nữ	20/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002653	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36460	749-K53B2LH	17D250079	Hoàng Thùy	Linh	Nữ	18/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002654	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36461	750-K53B2LH	17D250080	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	14/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002655	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36462	751-K53B2LH	17D250081	Trần Diệu	Linh	Nữ	12/03/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002656	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36463	752-K53B2LH	17D250100	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	19/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002657	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36464	753-K53B2LH	17D250105	Chu Anh	Thư	Nữ	28/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002658	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36465	754-K53B2LH	17D250106	Trần Thị Quỳnh	Anh	Nữ	11/02/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002659	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36466	755-K53B3LH	17D250121	Nguyễn Thị Lâm	Anh	Nữ	10/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002660	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36467	756-K53B3LH	17D250124	Trần Thị	Diệu	Nữ	29/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002661	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36468	757-K53B3LH	17D250130	Trần Văn	Hiếu	Nam	10/08/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002662	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36469	758-K53B3LH	17D250133	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002663	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36470	759-K53B3LH	17D250135	Trần Thị Lan	Hương	Nữ	15/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002664	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36471	760-K53B3LH	17D250138	Kim Thị	Linh	Nữ	07/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002665	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36472	761-K53B3LH	17D250139	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	21/03/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002666	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36473	762-K53B3LH	17D250140	Trần Thị Hoài	Linh	Nữ	22/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002667	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36474	763-K53B3LH	17D250146	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	28/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002668	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36475	764-K53B3LH	17D250149	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	01/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002669	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm the

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36489	778-K53B4LH	17D250214	Ngô Thị	Thắm	Nữ	25/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002683	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36490	779-K53B4LH	17D250217	Bùi Mai	Trang	Nữ	11/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002684	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36491	780-K53B4LH	17D250225	Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	10/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002685	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36492	781-K53B4LH	17D250226	Lưu Thị Kiều	Oanh	Nữ	04/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002686	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36493	782-K53B4LH	17D250228	Đinh Thị Quỳnh	Anh	Nữ	18/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002687	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36494	783-K53B1LH	17D250049	Khampheng	VAHVANHNA	Nữ	25/02/1996	Lào	Lào	Lào	Khá	TMU.7.002688	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36495	784-K53B1LH	17D250051	BATDORJ	MAASANJARGAL	Nữ	18/10/1996	Mông cổ	Mông Cổ	Mông cổ	Khá	TMU.7.002689	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36496	785-K53B4LH	15D250254	Phan Thùy	Tiên	Nữ	04/10/1997	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002690	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Kèm theo Quyết định số: 732/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36497	786-K52C1	16D120037	Tống Khánh	Linh	Nữ	06/08/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002691	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36498	787-K52C2	16D120131	Phạm Thị Trà	My	Nữ	16/08/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002692	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36499	788-K52C4	16D120290	Đàm Thị	Huế	Nữ	08/09/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002693	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36500	789-K52C5	16D120376	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	19/05/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002694	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36501	790-K53C1	17D120002	Lê Thị Kiều	Anh	Nữ	05/01/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002695	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36502	791-K53C1	17D120004	Phạm Minh	Ánh	Nữ	17/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002696	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36503	792-K53C1	17D120010	Lê Thị	Hân	Nữ	26/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002697	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36504	793-K53C1	17D120011	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	23/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002698	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36505	794-K53C1	17D120015	Bùi Thị	Huyền	Nữ	30/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002699	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36506	795-K53C1	17D120020	Ngô Thùy	Linh	Nữ	07/07/1999	Phú Thọ	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.002700	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36507	796-K53C1	17D120023	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	25/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002701	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36508	797-K53C1	17D120024	Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	10/11/1999	Vĩnh Phúc	Sán dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.002702	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36509	798-K53C1	17D120032	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	05/12/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002703	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36510	799-K53C1	17D120035	Trần Thị	Thúy	Nữ	25/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002704	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36511	800-K53C1	17D120039	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	04/12/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002705	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36512	801-K53C1	17D120043	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	21/04/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002706	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36513	802-K53C2	17D120062	Nguyễn Quế	Anh	Nữ	06/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002707	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36514	803-K53C2	17D120068	Đặng Hương	Giang	Nữ	06/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002708	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36515	804-K53C2	17D120070	Đặng Hải	Hằng	Nữ	28/01/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002709	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36516	805-K53C2	17D120071	Phương Thanh	Hằng	Nữ	06/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002710	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36517	806-K53C2	17D120072	Nguyễn Thanh	Hoa	Nữ	05/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002711	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36518	807-K53C2	17D120073	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	02/04/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002712	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36519	808-K53C2	17D120077	Mai Thị Trúc	Hương	Nữ	13/11/1999	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002713	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36520	809-K53C2	17D120081	Phạm Thị Phương	Loan	Nữ	06/09/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002714	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36521	810-K53C2	17D120086	Màn Thị	Nhâm	Nữ	11/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002715	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36522	811-K53C2	17D120089	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	11/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002716	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36523	812-K53C2	17D120091	Trịnh Nhật	Sinh	Nam	03/06/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002717	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36524	813-K53C2	17D120103	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	29/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002718	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36525	814-K53C3	17D120121	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	13/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002719	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36526	815-K53C3	17D120122	Trần Đức	Anh	Nam	27/04/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002720	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36527	816-K53C3	17D120123	Trần Phương	Anh	Nữ	17/06/1999	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002721	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36528	817-K53C3	17D120126	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	17/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002722	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36529	818-K53C3	17D120129	Vũ Thị Mỹ	Hà	Nữ	03/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002723	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36530	819-K53C3	17D120130	Đào Thị Thu	Hằng	Nữ	03/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002724	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36531	820-K53C3	17D120131	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	15/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002725	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36532	821-K53C3	17D120133	Lê Thị	Hồng	Nữ	12/06/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002726	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36533	822-K53C3	17D120140	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	25/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002727	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36534	823-K53C3	17D120142	Hoàng Thị	Lý	Nữ	22/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002728	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36535	824-K53C3	17D120147	Ngô Thị	Nhung	Nữ	29/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002729	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36536	825-K53C3	17D120148	Vũ Thị Kiều	Oanh	Nữ	10/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002730	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36537	826-K53C3	17D120151	Bùi Trung	Sơn	Nam	19/12/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002731	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36538	827-K53C3	17D120155	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	20/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002732	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36539	828-K53C4	17D120185	Chu Thị Thùy	Dung	Nữ	10/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002733	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36540	829-K53C4	17D120196	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	01/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002734	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36541	830-K53C4	17D120203	Lê Thị Trà	My	Nữ	30/12/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002735	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36542	831-K53C4	17D120207	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	16/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002736	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36543	832-K53C5	17D120241	Đỗ Thị	An	Nữ	14/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002737	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36544	833-K53C5	17D120242	Phạm Thị Diệu	Anh	Nữ	11/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002738	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36545	834-K53C5	17D120248	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	29/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002739	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36546	835-K53C5	17D120254	Nguyễn Thị Thu	Huệ	Nữ	20/03/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002740	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36547	836-K53C5	17D120257	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	13/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002741	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36548	837-K53C5	17D120261	Vũ Minh	Loan	Nữ	09/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002742	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36549	838-K53C5	17D120265	Đỗ Kim	Ngân	Nữ	23/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002743	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36550	839-K53C5	17D120268	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/11/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002744	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36551	840-K53C5	17D120273	Lê Thị	Thảo	Nữ	27/05/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002745	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36552	841-K53C5	17D120277	Võ Thị	Tình	Nữ	02/09/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002746	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36553	842-K53C5	17D120283	Nguyễn Nhật	Vy	Nữ	16/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002747	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36554	843-K53C6	17D120303	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	21/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002748	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36555	844-K53C6	17D120329	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	19/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002749	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36556	845-K53C6	17D120333	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	29/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002750	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36557	846-K21C	C16D190145	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	14/10/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002751	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36558	847-K52T3	16D220122	Vũ Thị Phương	Anh	Nữ	23/12/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002752	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36559	848-K52T3	16D220165	Trần Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	07/01/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002753	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36560	849-K53T1	17D220001	Đỗ Vũ Quang	Anh	Nam	11/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002754	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36561	850-K53T1	17D220006	Vũ Thị	Ánh	Nữ	05/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002755	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36562	851-K53T1	17D220011	Khuất Hương	Giang	Nữ	19/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002756	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36563	852-K53T1	17D220012	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	06/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002757	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36564	853-K53T1	17D220014	Khuất Thu	Hiền	Nữ	28/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002758	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36565	854-K53T1	17D220017	Phạm Anh	Huy	Nam	22/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002759	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36566	855-K53T1	17D220023	Trương Thị Mỹ	Linh	Nữ	18/04/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002760	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36567	856-K53T1	17D220026	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	20/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002761	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36568	857-K53T1	17D220027	Nguyễn Thị Trang	Nhung	Nữ	11/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002762	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36569	858-K53T1	17D220028	Phan Trần	Phú	Nam	10/09/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002763	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36570	859-K53T1	17D220031	Hoàng Thị	Tám	Nữ	16/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002764	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36571	860-K53T2	17D220068	Trần Thị	Chinh	Nữ	03/03/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002765	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36572	861-K53T2	17D220073	Tống Thị	Hằng	Nữ	02/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002766	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36573	862-K53T2	17D220075	Nguyễn Thị Minh	Hòa	Nữ	19/01/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002767	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36574	863-K53T2	17D220079	Đặng Thu	Hường	Nữ	16/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002768	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36575	864-K53T2	17D220083	Nguyễn Thị	Long	Nữ	01/11/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002769	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36576	865-K53T2	17D220087	Phạm Thị	Nhung	Nữ	20/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002770	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36577	866-K53T2	17D220088	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	27/09/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002771	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36578	867-K53T2	17D220095	Nguyễn Minh	Trang	Nữ	05/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002772	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36579	868-K53T3	17D220121	Nguyễn Hải	An	Nữ	12/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002773	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36580	869-K53T3	17D220125	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	02/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002774	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36581	870-K53T3	17D220128	Nguyễn Thu	Cúc	Nữ	02/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002775	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36582	871-K53T3	17D220130	Hoàng Vi Thùy	Dương	Nữ	26/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002776	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36583	872-K53T3	17D220137	Bùi Thị Thu	Huyền	Nữ	18/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002777	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36584	873-K53T3	17D220142	Nguyễn Trang	Linh	Nữ	28/02/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002778	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36585	874-K53T3	17D220143	Đinh Thị Thùy	Ly	Nữ	10/03/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002779	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36586	875-K53T3	17D220147	Đinh Yến	Nhi	Nữ	14/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002780	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36587	876-K53T3	17D220150	Đoàn Như	Quỳnh	Nữ	25/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002781	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36588	877-K53T3	17D220163	Nghiêm Thị Thanh	Ngân	Nữ	06/08/1999	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002782	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36589	878-K53T4	17D220185	Phạm Thị Mai	Anh	Nữ	02/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002783	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36590	879-K53T4	17D220188	Phạm Thị	Cúc	Nữ	14/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002784	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36591	880-K53T4	17D220189	Phạm Quốc	Duy	Nam	11/12/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002785	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36592	881-K53T4	17D220190	Vũ Lê Thùy	Dương	Nữ	09/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002786	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36593	882-K53T4	17D220196	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	13/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002787	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36594	883-K53T4	17D220198	Đinh Thị	Hương	Nữ	12/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002788	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36595	884-K53T4	17D220199	Phạm Thị Ngọc	Lan	Nữ	17/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002789	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36596	885-K53T4	17D220200	Đặng Thị Vân	Linh	Nữ	27/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002790	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36597	886-K53T4	17D220202	Trần Hà	Linh	Nữ	17/02/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002791	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36598	887-K53T4	17D220205	Đỗ Hoàng	Nam	Nam	14/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002792	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36599	888-K53T4	17D220209	Phạm Hoài	Phương	Nữ	07/11/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002793	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36600	889-K53T4	17D220211	Nguyễn Xuân	Sơn	Nam	07/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002794	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36601	890-K53T4	17D220212	Lê Như	Thảo	Nữ	02/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002795	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36602	891-K53T4	17D220215	Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	04/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002796	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36603	892-K53T4	17D220216	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	21/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002797	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36604	893-K53T4	17D220217	Trần Thị Mai	Trang	Nữ	02/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002798	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36605	894-K53T4	17D220218	Đỗ Quang	Trung	Nam	09/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002799	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36606	895-K53T4	17D220219	Lê Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	11/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002800	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36607	896-K53T4	17D220220	Cao Thị Minh	Vượng	Nữ	27/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002801	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36608	897-K53T4	17D220221	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	26/09/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002802	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36609	898-K53T5	17D220242	Mai Phương	Anh	Nữ	26/01/1999	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002803	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36610	899-K53T5	17D220244	Vũ Duy Nam	Anh	Nam	23/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002804	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36611	900-K53T5	17D220252	Nguyễn Lương Khánh	Hằng	Nữ	01/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002805	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36612	901-K53T5	17D220254	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	04/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002806	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36613	902-K53T5	17D220255	Phạm Thị	Hồng	Nữ	08/02/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002807	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36614	903-K53T5	17D220266	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	02/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002808	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36615	904-K53T5	17D220268	Kiều Lan	Phương	Nữ	28/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002809	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36616	905-K53T5	17D220273	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	12/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002810	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36617	906-K53T5	17D220276	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	02/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002811	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36618	907-K53T5	17D220278	Nguyễn Đức	Trung	Nam	13/11/1999	Đức	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002812	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36619	908-K50T2	14D220119	Mai Anh	Tuấn	Nam	19/10/1995	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.002813	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	Kèm theo Quyết định số: 733/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36620	909-K52D1	16D150065	Sòi Ngọc Anh	Tuấn	Nam	20/02/1998	Sơn La	Thái	Việt Nam	Khá	TMU.7.002814	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36621	910-K52D3	16D150187	Lê Thị	Diệp	Nữ	22/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002815	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36622	911-K52D3	16D150220	Trần Thị Hải	Ngọc	Nữ	14/06/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002816	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36623	912-K52D3	16D150225	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	15/05/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002817	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36624	913-K52D5	16D150417	Đặng Thị	Thùy	Nữ	11/01/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002818	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36625	914-K52D6	16D150458	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	03/03/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002819	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36626	915-K52D7	16D150541	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	09/10/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002820	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36627	916-K52D8	16D150655	Hồ Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/10/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002821	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36628	917-K52D8	16D150666	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	01/11/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002822	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36629	918-K52D9	16D150724	Tướng Trần Thiên	Kim	Nữ	10/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002823	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36630	919-K53D1	17D150003	Phạm Minh	Anh	Nữ	23/11/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002824	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36631	920-K53D1	17D150005	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	01/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002825	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36632	921-K53D1	17D150007	Đồng Thị	Chinh	Nữ	06/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002826	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36633	922-K53D1	17D150008	Đinh Thị Kim	Dung	Nữ	13/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002827	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36634	923-K53D1	17D150009	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	10/12/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002828	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36635	924-K53D1	17D150014	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	04/03/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002829	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36636	925-K53D1	17D150017	Hà Thu	Huyền	Nữ	15/01/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002830	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36637	926-K53D1	17D150019	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	15/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002831	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36638	927-K53D1	17D150022	Hà Phương	Linh	Nữ	24/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002832	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36639	928-K53D1	17D150025	Ngô Thành	Long	Nam	05/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002833	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36640	929-K53D1	17D150028	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	10/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002834	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36641	930-K53D1	17D150029	Lê Thị	Ngọc	Nữ	15/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002835	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36642	931-K53D1	17D150040	Trần Thị	Thuận	Nữ	12/10/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002836	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36643	932-K53D1	17D150043	Đào Thu	Trang	Nữ	21/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002837	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36644	933-K53D1	17D150047	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	Nữ	22/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002838	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36645	934-K53D2	17D150078	Đỗ Thị	Dung	Nữ	26/06/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002839	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36646	935-K53D2	17D150081	Mạc Thị Nguyệt	Hà	Nữ	13/08/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002840	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36647	936-K53D2	17D150088	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	01/04/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002841	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36648	937-K53D2	17D150091	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	16/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002842	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36649	938-K53D2	17D150092	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	07/10/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002843	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36650	939-K53D2	17D150094	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	19/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002844	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36651	940-K53D2	17D150097	Mai Thị	Mi	Nữ	18/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002845	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36652	941-K53D2	17D150101	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	22/01/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002846	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36653	942-K53D2	17D150102	Trần Thị Bích	Như	Nữ	24/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002847	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36654	943-K53D2	17D150104	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	Nữ	19/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002848	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36655	944-K53D2	17D150109	Phạm Thị	Thơ	Nữ	15/09/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002849	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36656	945-K53D2	17D150111	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	05/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002850	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36657	946-K53D2	17D150112	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	21/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002851	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36658	947-K53D2	17D150119	Đặng Hải	Yến	Nữ	06/09/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002852	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36659	948-K53D3	17D150142	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	26/01/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002853	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36660	949-K53D3	17D150143	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	05/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002854	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36661	950-K53D3	17D150148	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	27/12/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002855	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36662	951-K53D3	17D150149	Trần Thị Thúy	Điệp	Nữ	02/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002856	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36663	952-K53D3	17D150150	Nguyễn Minh	Giang	Nam	29/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002857	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36664	953-K53D3	17D150151	Phạm Thị	Hà	Nữ	23/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002858	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36665	954-K53D3	17D150156	Vũ Thị	Huế	Nữ	09/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002859	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36666	955-K53D3	17D150157	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	13/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002860	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36667	956-K53D3	17D150170	Phạm Thị	Nguyệt	Nữ	29/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002861	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36668	957-K53D3	17D150173	Lê Thị Thanh	Phương	Nữ	20/09/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002862	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36669	958-K53D3	17D150175	Phạm Thị	Phượng	Nữ	14/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002863	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36670	959-K53D3	17D150177	Đặng Thị Phương	Thảo	Nữ	20/08/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002864	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36671	960-K53D3	17D150187	Vũ Quang	Tùng	Nam	30/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002865	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36672	961-K53D3	17D150189	Nguyễn Như	Yến	Nữ	24/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002866	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36673	962-K53D4	17D150202	Nguyễn Hà Phương	Ánh	Nữ	30/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002867	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36674	963-K53D4	17D150205	Vũ Thị Minh	Ánh	Nữ	19/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002868	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36675	964-K53D4	17D150209	Lê Thùy	Dương	Nữ	23/10/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002869	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36676	965-K53D4	17D150213	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	09/04/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002870	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36677	966-K53D4	17D150219	Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	01/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002871	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36678	967-K53D4	17D150224	Trần Mai	Linh	Nữ	05/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002872	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36679	968-K53D4	17D150225	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	01/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002873	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36680	969-K53D4	17D150228	Ngô Bảo	My	Nữ	03/02/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002874	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36681	970-K53D4	17D150229	Bùi Thị	Ngân	Nữ	13/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002875	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36682	971-K53D4	17D150230	Trần Thị	Ngọc	Nữ	04/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002876	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36683	972-K53D4	17D150232	Phạm Diệu	Nhung	Nữ	13/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002877	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36684	973-K53D4	17D150233	Hoàng Thị	Oanh	Nữ	12/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002878	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36685	974-K53D4	17D150248	Hồ Thị	Vui	Nữ	02/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002879	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36686	975-K53D5	17D150276	Đặng Kim	Chi	Nữ	08/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002880	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36687	976-K53D5	17D150277	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	12/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002881	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36688	977-K53D5	17D150278	Lê Phương	Dung	Nữ	13/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002882	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36689	978-K53D5	17D150279	Lưu Thị Thùy	Dương	Nữ	22/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002883	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36690	979-K53D5	17D150282	Phạm Thị	Hậu	Nữ	12/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002884	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36691	980-K53D5	17D150283	Lã Thị Thu	Hiền	Nữ	04/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002885	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36692	981-K53D5	17D150291	Lê Thị	Lài	Nữ	07/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002886	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36693	982-K53D5	17D150298	Nguyễn Hà	My	Nữ	28/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002887	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36694	983-K53D5	17D150299	Nguyễn Thùy	Ngân	Nữ	15/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002888	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36695	984-K53D5	17D150310	Lê Thị Thanh	Thu	Nữ	12/03/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002889	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36696	985-K53D6	17D150344	Bùi Thị Ngọc	Ánh	Nữ	11/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002890	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36697	986-K53D6	17D150346	Đỗ Kim	Chi	Nữ	14/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002891	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36698	987-K53D6	17D150347	Vũ Ngọc	Diệp	Nữ	06/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002892	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36699	988-K53D6	17D150350	Lê Thị Thanh	Giang	Nữ	06/05/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002893	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36700	989-K53D6	17D150353	Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	23/09/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002894	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36701	990-K53D6	17D150362	Đào Thị Thùy	Linh	Nữ	21/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002895	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36702	991-K53D6	17D150376	Đào Thị Hương	Quỳnh	Nữ	05/12/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002896	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36703	992-K53D6	17D150380	Lưu Minh	Thu	Nữ	23/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002897	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36704	993-K53D6	17D150383	Phan Thị	Tình	Nữ	01/08/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002898	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36705	994-K53D6	17D150387	Kim Thị	Tươi	Nữ	27/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002899	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36706	995-K53D7	17D150406	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	13/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002900	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36707	996-K53D7	17D150407	Hoàng Thị	Dinh	Nữ	09/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002901	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36708	997-K53D7	17D150412	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	27/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002902	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36709	998-K53D7	17D150414	Cù Thanh	Hoa	Nữ	10/05/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002903	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36710	999-K53D7	17D150418	Đặng Thu	Hương	Nữ	19/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002904	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36711	1000-K53D7	17D150419	Lê Quang	Khải	Nam	14/01/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002905	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36712	1001-K53D7	17D150424	Triệu Thị Mỹ	Linh	Nữ	11/10/1999	Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002906	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36713	1002-K53D7	17D150428	Trần Bá	Nam	Nam	12/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002907	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36714	1003-K53D7	17D150434	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	02/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002908	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36715	1004-K53D7	17D150437	Hà Thị	Thanh	Nữ	09/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002909	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36716	1005-K53D7	17D150440	Phạm Thị Hồng	Thu	Nữ	05/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002910	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36717	1006-K53D7	17D150441	Võ Thị	Thúy	Nữ	27/04/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002911	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36718	1007-K53D7	17D150442	Đỗ Thị Minh	Thư	Nữ	29/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002912	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36719	1008-K53D7	17D150444	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	19/03/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002913	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36720	1009-K53D7	17D150448	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	03/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002914	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36721	1010-K53D8	17D150471	Dương Thị	Anh	Nữ	17/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002915	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36722	1011-K53D8	17D150473	Trịnh Quỳnh	Anh	Nữ	26/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002916	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36723	1012-K53D8	17D150475	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	20/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002917	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36724	1013-K53D8	17D150479	Trần Ánh	Dương	Nữ	13/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002918	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36725	1014-K53D8	17D150480	Nguyễn Thu	Giang	Nữ	25/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002919	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36726	1015-K53D8	17D150483	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	15/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002920	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36727	1016-K53D8	17D150497	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	30/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002921	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36728	1017-K53D8	17D150504	Trần Mai	Phương	Nữ	31/03/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002922	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36729	1018-K53D8	17D150508	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	11/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002923	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36730	1019-K53D8	17D150513	Đặng Hà	Trang	Nữ	08/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002924	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36731	1020-K53D8	17D150519	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	13/03/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002925	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36732	1021-K50D1	14D150040	Lương Ngọc	Nhung	Nữ	04/10/1995	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002926	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36733	1022-K50D5	14D150340	Đinh Thu	Uyên	Nữ	17/12/1995	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002927	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36734	1023-K51D1	15D150032	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	05/10/1997	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002928	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36735	1024-K19D	D14D240236	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	26/11/1996	Gia Lai	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.002929	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36736	1025-K20D	D15D180076	Lê Thị	Chinh	Nữ	07/07/1996	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002930	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36737	1026-K20D	D15D220005	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	11/06/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002931	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36738	1027-K21D	D16D100365	Trương Thị Thu	Thảo	Nữ	27/02/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.002932	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36739	1028-K53DD	17D155001	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	Nữ	24/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002933	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36740	1029-K53DD	17D155004	Trần Minh	Anh	Nữ	02/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002934	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36741	1030-K53DD	17D155006	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	25/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002935	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36742	1031-K53DD	17D155007	Hoàng Thị Khánh	Bình	Nữ	03/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002936	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36743	1032-K53DD	17D155009	Đặng Thị Hồng	Diệu	Nữ	16/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002937	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36744	1033-K53DD	17D155010	Vũ Quỳnh	Dung	Nữ	21/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002938	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36745	1034-K53DD	17D155011	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	08/02/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002939	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36746	1035-K53DD	17D155012	Phạm Thùy	Dương	Nữ	02/06/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002940	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36747	1036-K53DD	17D155013	Phạm Thùy	Dương	Nữ	03/12/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002941	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36748	1037-K53DD	17D155014	Vũ Châu	Giang	Nữ	20/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002942	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36749	1038-K53DD	17D155015	Ngô Thị Ngân	Hạ	Nữ	09/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002943	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36750	1039-K53DD	17D155016	Nguyễn Nhật	Hạ	Nữ	09/09/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002944	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36751	1040-K53DD	17D155017	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	12/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002945	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36752	1041-K53DD	17D155019	Đoàn Thị	Hường	Nữ	21/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002946	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36753	1042-K53DD	17D155018	Hoàng Thanh	Huyền	Nữ	16/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002947	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36754	1043-K53DD	17D155021	Trương Gia	Long	Nam	24/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002948	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36755	1044-K53DD	17D155022	Bùi Thị Thanh	Mai	Nữ	29/05/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002949	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36756	1045-K53DD	17D155025	Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	05/12/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002950	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36757	1046-K53DD	17D155026	Bùi Thị Hồng	Ngọc	Nữ	22/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002951	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36758	1047-K53DD	17D155027	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	23/08/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002952	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36759	1048-K53DD	17D155029	Đỗ Hồng	Nhung	Nữ	21/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002953	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36760	1049-K53DD	17D155031	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	11/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002954	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36761	1050-K53DD	17D155034	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	02/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002955	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36762	1051-K53DD	17D155039	Bùi Thị Thu	Uyên	Nữ	18/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002956	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 754/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
36763	1052-K52E1	16D130010	Lưu Thị Hồng	Duyên	Nữ	04/04/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002957	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36764	1053-K52E3	16D130166	Nguyễn Ngọc	Chi	Nữ	06/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.002958	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36765	1054-K52E4	16D130262	Bùi Tùng	Lâm	Nam	12/06/1998	Thanh Hoá	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.002959	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36766	1055-K52E4	16D130264	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	04/01/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002960	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36767	1056-K52E4	16D130282	Lê Thị Dạ	Thu	Nữ	26/10/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002961	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36768	1057-K52E5	16D130360	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	22/08/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002962	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36769	1058-K53E1	17D130007	Đỗ Lê Kỳ	Duyên	Nữ	10/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002963	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36770	1059-K53E1	17D130012	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	07/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002964	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36771	1060-K53E1	17D130016	Vũ Thị Bích	Huệ	Nữ	05/01/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002965	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36772	1061-K53E1	17D130018	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	21/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002966	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36773	1062-K53E1	17D130023	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	04/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002967	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36774	1063-K53E1	17D130025	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	31/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002968	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36775	1064-K53E1	17D130028	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	17/01/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002969	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36776	1065-K53E1	17D130030	Phạm Thị	Nhung	Nữ	26/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002970	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36777	1066-K53E1	17D130032	Phạm Thu	Phương	Nữ	02/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002971	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36778	1067-K53E1	17D130034	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	10/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002972	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36779	1068-K53E1	17D130036	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	01/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002973	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36780	1069-K53E1	17D130038	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	28/03/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002974	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36781	1070-K53E1	17D130041	Phạm Thị	Trang	Nữ	21/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002975	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36782	1071-K53E1	17D130042	Phan Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	17/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002976	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36783	1072-K53E1	17D130043	Lê Duy	Trung	Nam	18/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002977	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36784	1073-K53E1	17D130044	Lã Thị	Tươi	Nữ	01/04/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002978	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36785	1074-K53E1	17D130046	Hoàng Hải	Yến	Nữ	05/04/1999	Sơn La	Thái	Việt Nam	Khá	TMU.7.002979	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36786	1075-K53E2	17D130075	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	06/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002980	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36787	1076-K53E2	17D130078	Phạm Thị	Duyên	Nữ	28/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002981	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36788	1077-K53E2	17D130089	Nguyễn Thị	Kim	Nữ	01/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002982	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36789	1078-K53E2	17D130091	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	31/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002983	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36790	1079-K53E2	17D130092	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	03/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002984	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36791	1080-K53E2	17D130098	Ninh Thị Hồng	Ngọc	Nữ	28/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002985	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36792	1081-K53E2	17D130099	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002986	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36793	1082-K53E2	17D130101	Hồ Thị Mai	Phương	Nữ	14/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.002987	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36794	1083-K53E2	17D130103	Trần Thị Minh	Phượng	Nữ	22/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002988	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36795	1084-K53E2	17D130105	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	11/10/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002989	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36796	1085-K53E2	17D130106	Vũ Thị	Thơ	Nữ	19/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002990	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36797	1086-K53E2	17D130110	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	15/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002991	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36798	1087-K53E2	17D130111	Phan Thị Thu	Trang	Nữ	22/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002992	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36799	1088-K53E2	17D130115	Nguyễn Phương	Vi	Nữ	23/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002993	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36800	1089-K53E2	17D130116	Hoàng Hải	Yến	Nữ	18/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002994	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36801	1090-K53E3	17D130141	Đinh Thị Vân	Anh	Nữ	17/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002995	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36802	1091-K53E3	17D130142	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	11/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002996	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36803	1092-K53E3	17D130143	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	02/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.002997	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36804	1093-K53E3	17D130147	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	21/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002998	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36805	1094-K53E3	17D130150	Trần Thanh	Hà	Nữ	25/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.002999	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36806	1095-K53E3	17D130151	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	22/02/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003000	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36807	1096-K53E3	17D130155	Cao Thanh	Huệ	Nữ	21/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003001	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36808	1097-K53E3	17D130158	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	08/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003002	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36809	1098-K53E3	17D130159	Hoàng Thị Thúy	Kiều	Nữ	21/06/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003003	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36810	1099-K53E3	17D130164	Đỗ Thị	Mến	Nữ	26/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003004	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36811	1100-K53E3	17D130166	Lê Thị	Ngân	Nữ	27/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003005	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36812	1101-K53E3	17D130175	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	25/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003006	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36813	1102-K53E3	17D130178	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	08/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003007	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36814	1103-K53E3	17D130180	Nguyễn Thị Thủy	Trang	Nữ	27/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003008	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36815	1104-K53E3	17D130181	Trần Quỳnh	Trang	Nữ	22/10/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003009	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36816	1105-K53E3	17D130182	Bùi Mai	Trinh	Nữ	10/05/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003010	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36817	1106-K53E3	17D130185	Nguyễn Tường	Vi	Nữ	04/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003011	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36818	1107-K53E4	17D130212	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	05/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003012	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36819	1108-K53E4	17D130213	Phan Tú	Anh	Nữ	06/05/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003013	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36820	1109-K53E4	17D130214	Lê Thị	Châm	Nữ	04/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003014	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36821	1110-K53E4	17D130217	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003015	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36822	1111-K53E4	17D130218	Nguyễn Minh	Điệp	Nữ	10/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003016	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36823	1112-K53E4	17D130221	Ngô Thị	Hằng	Nữ	24/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003017	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36824	1113-K53E4	17D130225	Lê Thị Hồng	Huệ	Nữ	02/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003018	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36825	1114-K53E4	17D130229	Nguyễn Thị	Lam	Nữ	10/02/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003019	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36826	1115-K53E4	17D130231	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	01/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003020	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36827	1116-K53E4	17D130236	Lê Thị Mai	Ngọc	Nữ	05/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003021	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36828	1117-K53E4	17D130239	Trịnh Thị	Nhung	Nữ	10/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003022	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36829	1118-K53E4	17D130242	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	Nữ	10/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003023	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36830	1119-K53E4	17D130243	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	23/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003024	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36831	1120-K53E4	17D130244	Trần Phương	Thảo	Nữ	19/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003025	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36832	1121-K53E4	17D130246	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	22/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003026	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36833	1122-K53E5	17D130285	Nguyễn Phương	Dung	Nữ	05/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003027	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36834	1123-K53E5	17D130286	Nguyễn Thị Mai	Duyên	Nữ	29/12/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003028	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36835	1124-K53E5	17D130293	Hoàng Xuân	Hồng	Nữ	13/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003029	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36836	1125-K53E5	17D130294	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003030	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36837	1126-K53E5	17D130297	Nguyễn Minh	Khánh	Nữ	11/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003031	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36838	1127-K53E5	17D130308	Phạm Thị	Nhung	Nữ	01/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003032	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36839	1128-K53E5	17D130311	Bùi Thị Minh	Phượng	Nữ	23/04/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003033	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36840	1129-K53E5	17D130321	Hoàng Thị Thu	Trà	Nữ	02/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003034	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36841	1130-K53E5	17D130322	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	10/12/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003035	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36842	1131-K53E5	17D130325	Trần Thị Tú	Xảo	Nữ	16/03/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003036	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36843	1132-K53E5	17D130326	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	04/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003037	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36844	1133-K53E1	17D130050	Phathaithep	SIPASEUTH	Nam	14/01/1998	Lào	Lào	Lào	Trungbình	TMU.7.003038	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 735/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36845	1134-K53E4	17D130255	Nguyễn Thị	Việt	Nữ	22/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003039	2021	Chính quy	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 656/QĐ-ĐHTM ngày 17 tháng 05 năm 2021	
36846	1135-K53EK1	17D260003	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	03/01/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003040	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36847	1136-K53EK1	17D260006	Nguyễn Mai	Ánh	Nữ	27/10/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003041	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36848	1137-K53EK1	17D260007	Trần Thị Thanh	Bình	Nữ	25/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003042	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36849	1138-K53EK1	17D260009	Trương Ngọc	Diệu	Nữ	25/05/1999	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.003043	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36850	1139-K53EK1	17D260011	Đặng Đình	Duy	Nam	31/05/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003044	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36851	1140-K53EK1	17D260012	Nguyễn Trác	Giang	Nam	12/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003045	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36852	1141-K53EK1	17D260017	Lê Thị	Hằng	Nữ	30/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003046	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36853	1142-K53EK1	17D260018	Đinh Thị Ngọc	Hiền	Nữ	11/08/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003047	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36854	1143-K53EK1	17D260020	Cao Thị	Huyền	Nữ	13/04/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003048	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36855	1144-K53EK1	17D260023	Giáp Thị	Liên	Nữ	10/04/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003049	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36856	1145-K53EK1	17D260026	Đỗ Thị	Loan	Nữ	07/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003050	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36857	1146-K53EK1	17D260040	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	14/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003051	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36858	1147-K53EK1	17D260041	Nguyễn Ngọc	Thuần	Nam	06/03/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003052	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36859	1148-K53EK1	17D260044	Đinh Thị	Thùy	Nữ	02/01/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003053	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36860	1149-K53EK1	17D260045	Phạm Thị Anh	Thương	Nữ	05/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003054	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36861	1150-K53EK1	17D260047	Hà Thu	Trang	Nữ	29/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003055	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36862	1151-K53EK2	17D260082	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	14/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003056	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36863	1152-K53EK2	17D260084	Vũ Phương	Anh	Nữ	21/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003057	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36864	1153-K53EK2	17D260088	Bùi Thị Thu	Cúc	Nữ	23/08/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003058	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36865	1154-K53EK2	17D260090	Tạ Thị Thùy	Dung	Nữ	28/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003059	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36866	1155-K53EK2	17D260091	Ngô Thành	Đạt	Nam	17/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003060	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36869	1158-K53EK2	17D260099	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	03/05/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003063	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36870	1159-K53EK2	17D260100	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	14/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003064	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36871	1160-K53EK2	17D260102	Lê Minh	Khánh	Nữ	20/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003065	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36872	1161-K53EK2	17D260103	Hà Thị Phương	Linh	Nữ	15/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003066	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36873	1162-K53EK2	17D260105	Trần Thị	Linh	Nữ	30/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003067	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36874	1163-K53EK2	17D260110	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	28/10/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003068	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36875	1164-K53EK2	17D260111	Đàm Minh	Nguyệt	Nữ	25/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003069	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36876	1165-K53EK2	17D260122	Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	01/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003070	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36877	1166-K53EK2	17D260126	Lương Thị Thu	Trang	Nữ	26/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003071	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36878	1167-K53EK2	17D260129	Nguyễn Hữu	Tuấn	Nam	21/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003072	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36879	1168-K53EK2	17D260131	Đàm Thị Thanh	Vân	Nữ	25/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003073	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36880	1169-K53EK2	17D260132	Nguyễn Anh	Việt	Nữ	05/12/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003074	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36881	1170-K53EK2	17D260166	Đỗ Thị Kim	Ân	Nữ	25/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003075	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36882	1171-K53EK3	17D260179	Vũ Minh	Huệ	Nữ	25/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003076	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36883	1172-K53EK3	17D260181	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	27/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003077	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36884	1173-K53EK3	17D260186	Đặng Thanh	Loan	Nữ	11/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003078	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36885	1174-K53EK3	17D260187	Phạm Thị Hải	Lộc	Nữ	07/04/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003079	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36886	1175-K53EK3	17D260190	Phạm Bích	Ngọc	Nữ	06/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003080	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36887	1176-K53EK3	17D260196	Đỗ Thị Minh	Tâm	Nữ	28/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003081	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36888	1177-K53EK3	17D260199	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	03/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003082	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36889	1178-K53EK3	17D260210	Bùi Thị Bích	Vân	Nữ	01/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003083	2021	Chính quy	Kinh tếquốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36890	1179-K51F5	15D160295	Bùi Thu	Hiền	Nữ	28/11/1997	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003084	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36891	1180-K52F1	16D160004	Lê Thị	Bình	Nữ	14/05/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003085	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36892	1181-K52F1	16D160008	Bùi Thọ	Dũng	Nam	07/02/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003086	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36893	1182-K52F1	16D160012	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	22/08/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003087	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36894	1183-K52F1	16D160015	Vũ Tuấn	Hải	Nam	26/03/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003088	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36895	1184-K52F3	16D160209	Phạm Quang	Khải	Nam	21/09/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003089	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36896	1185-K52F3	16D160221	Khiếu Thị	Nhàn	Nữ	28/07/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003090	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36897	1186-K52F4	16D160334	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	02/11/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003091	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36898	1187-K52F5	16D160410	Đoàn Ngọc	Tú	Nam	02/02/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003092	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36899	1188-K53F1	17D160015	Cao Thu	Huyền	Nữ	11/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003093	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36900	1189-K53F1	17D160022	Đặng Khánh	Ly	Nữ	17/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003094	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36901	1190-K53F1	17D160024	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	18/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003095	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36902	1191-K53F1	17D160028	Vũ Thị	Phương	Nữ	10/11/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003096	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36903	1192-K53F1	17D160041	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Nữ	26/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003097	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36904	1193-K53F1	17D160047	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	07/01/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003098	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36905	1194-K53F2	17D160062	Chu Vân	Anh	Nam	24/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003099	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36906	1195-K53F2	17D160063	Ngô Huệ	Anh	Nữ	28/02/1999	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003100	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36907	1196-K53F2	17D160083	Lê Thị Hương	Ly	Nữ	24/12/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003101	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36908	1197-K53F3	17D160138	Tô Thị	Hường	Nữ	13/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003102	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36909	1198-K53F3	17D160139	Vương Tuấn	Khải	Nam	29/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003103	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36910	1199-K53F3	17D160150	Hà Huy	Quân	Nam	25/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003104	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36911	1200-K53F3	17D160161	Ngô Thị	Xuân	Nữ	17/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003105	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36912	1201-K53F4	17D160199	Bùi Thị	Lan	Nữ	26/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003106	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36913	1202-K53F4	17D160200	Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	27/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003107	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36914	1203-K53F4	17D160208	Ngô Thu	Phương	Nữ	03/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003108	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36915	1204-K53F4	17D160210	Nguyễn Thị Hồng	Sơn	Nữ	07/09/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003109	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36916	1205-K53F4	17D160211	Trần Đình	Sơn	Nam	07/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003110	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36917	1206-K53F4	17D160224	Bùi Thị Ngọc	Linh	Nữ	11/12/1998	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.003111	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36918	1207-K53F5	17D160251	Phan Thị	Hải	Nữ	06/05/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003112	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36919	1208-K53F6	17D160318	Lại Văn	Lâm	Nam	16/11/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003113	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36920	1209-K53F6	17D160338	Trần Đình	Trường	Nam	02/11/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003114	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36921	1210-K53F6	17D160343	Phạm Thị	Lệ	Nữ	08/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003115	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36922	1211-K53F7	17D160372	Bùi Quang	Hiếu	Nam	03/07/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003116	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36923	1212-K53F7	17D160376	Vũ Thế	Hùng	Nam	12/08/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003117	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36924	1213-K53F7	17D160377	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	15/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003118	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36925	1214-K53F7	17D160385	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	06/12/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003119	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36926	1215-K53F7	17D160387	Nguyễn Anh	Phương	Nam	06/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003120	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36927	1216-K53F7	17D160388	Trần Thu	Phương	Nữ	28/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003121	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36928	1217-K53F7	17D160402	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	03/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003122	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36929	1218-K50P1	14D200040	Đinh Như	Quỳnh	Nữ	19/11/1996	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003123	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36930	1219-K51P1	15D200057	Nguyễn Mỹ	Linh	Nữ	08/05/1996	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003124	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36931	1220-K52P1	16D200028	Đặng Duy	Long	Nam	18/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003125	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36932	1221-K52P2	16D200106	Phan Thị Huyền	Nhi	Nữ	11/10/1998	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003126	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36933	1222-K53P1	17D200001	Đoàn Thị Ngọc	Anh	Nữ	06/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003127	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36934	1223-K53P1	17D200003	Hoàng Thị Mai	Anh	Nữ	13/04/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003128	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36935	1224-K53P1	17D200004	Nguyễn Thị Huệ	Anh	Nữ	17/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003129	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36936	1225-K53P1	17D200005	Phạm Hoàng	Anh	Nữ	23/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003130	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36937	1226-K53P1	17D200009	Phan Thị Thanh	Duyên	Nữ	26/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003131	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36938	1227-K53P1	17D200012	Đinh Thị	Hằng	Nữ	18/01/1999	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003132	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36939	1228-K53P1	17D200019	Nguyễn Thị Phương	Liên	Nữ	14/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003133	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36940	1229-K53P1	17D200025	Trần Công	Nghĩa	Nam	18/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003134	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36941	1230-K53P1	17D200028	Đậu Thị Kim	Oanh	Nữ	25/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003135	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36942	1231-K53P1	17D200031	Nguyễn Kim	Phương	Nữ	12/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003136	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36943	1232-K53P1	17D200034	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	14/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003137	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36944	1233-K53P1	17D200046	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	25/01/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003138	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
36945	1234-K53P2	17D200061	Giàng Tú	Anh	Nữ	08/12/1999	Lào Cai	Phù Lá	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003139	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36946	1235-K53P2	17D200067	Đào Ngọc	Diễm	Nữ	26/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003140	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36947	1236-K53P2	17D200069	Đỗ Thùy	Dương	Nữ	13/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003141	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36948	1237-K53P2	17D200074	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	27/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003142	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36949	1238-K53P2	17D200077	Nguyễn Thanh	Lam	Nữ	18/12/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003143	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36950	1239-K53P2	17D200078	Phạm Thị Phương	Liên	Nữ	22/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003144	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36951	1240-K53P2	17D200083	Nguyễn Hà	My	Nữ	06/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003145	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36952	1241-K53P2	17D200090	Quách Thị	Phương	Nữ	12/01/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003146	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36953	1242-K53P2	17D200099	Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	10/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003147	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36954	1243-K53P2	17D200100	Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	26/09/1999	Kon Tum	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003148	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36955	1244-K53P2	17D200101	Vũ Đức	Việt	Nam	11/05/1999	Yên bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003149	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36956	1245-K53P3	17D200122	Hà Minh	Anh	Nữ	03/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003150	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36957	1246-K53P3	17D200125	Trần Minh Thảo	Anh	Nữ	21/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003151	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36958	1247-K53P3	17D200137	Đỗ Thị Trang	Hường	Nữ	14/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003152	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36959	1248-K53P3	17D200140	Trần Khánh	Linh	Nữ	20/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003153	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36960	1249-K53P3	17D200149	Đặng Anh	Phương	Nữ	05/07/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003154	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36961	1250-K53P3	17D200153	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	07/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003155	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36962	1251-K53P3	17D200157	Đỗ Thị	Thùy	Nữ	06/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003156	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36963	1252-K53P3	17D200159	Phạm Kim	Trang	Nữ	05/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003157	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36964	1253-K53P3	17D200160	Cấn Nhật	Uyên	Nữ	07/07/1999	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003158	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36965	1254-K53P4	17D200183	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	22/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003159	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36966	1255-K53P4	17D200186	Nguyễn Linh	Chi	Nữ	26/01/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003160	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36967	1256-K53P4	17D200190	Lê Thị Hồng	Giang	Nữ	13/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003161	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36968	1257-K53P4	17D200192	Vũ Trung	Hiếu	Nam	11/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003162	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36969	1258-K53P4	17D200193	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	18/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003163	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36970	1259-K53P4	17D200198	Phạm Ngọc	Lệ	Nữ	24/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003164	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36971	1260-K53P4	17D200199	Hoàng Thị Nhật	Linh	Nữ	29/05/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003165	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36972	1261-K53P4	17D200203	Vũ Thị Hằng	Nga	Nữ	23/07/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003166	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36973	1262-K53P4	17D200207	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	22/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003167	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36974	1263-K53P4	17D200221	Trần Hà	Vân	Nữ	05/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003168	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36975	1264-K53P4	17D200225	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	29/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003169	2021	Chính quy	Luậtkinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36976	1265-K52I5	16D140312	Nguyễn Xuân	Lâm	Nam	28/09/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003170	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36977	1266-K53I1	17D140015	Đồng Thị	Hiền	Nữ	21/03/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003171	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36978	1267-K53I1	17D140019	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	19/06/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003172	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36979	1268-K53I1	17D140024	Nguyễn Hồng	Liên	Nữ	07/09/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003173	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36980	1269-K53I1	17D140027	Bùi Hải	Lý	Nữ	15/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003174	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36981	1270-K53I1	17D140033	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	13/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003175	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36982	1271-K53I1	17D140034	Nguyễn Đăng	Quang	Nam	04/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003176	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36983	1272-K53I1	17D140036	Hoàng Diệu	Thanh	Nữ	07/04/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003177	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36984	1273-K53I1	17D140037	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	27/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003178	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36985	1274-K53I1	17D140042	Dương Thị Huyền	Trang	Nữ	19/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003179	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36986	1275-K53I1	17D140049	Nguyễn Duy	Thùy	Nam	18/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003180	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36987	1276-K53I2	17D140076	Đoàn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	02/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003181	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36988	1277-K53I2	17D140080	Cao Hương	Giang	Nữ	02/06/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003182	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36989	1278-K53I2	17D140083	Vũ Thị Thu	Hằng	Nữ	28/05/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003183	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36990	1279-K53I2	17D140098	Nguyễn Thị	Miền	Nữ	13/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003184	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36991	1280-K53I2	17D140106	Lê Thị Thanh	Thanh	Nữ	06/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003185	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36992	1281-K53I2	17D140114	Phạm Minh	Triệu	Nam	05/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003186	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36993	1282-K53I3	17D140143	Lê Xuân	Bảo	Nam	31/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003187	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36994	1283-K53I3	17D140152	Trần Thị Hậu	Giang	Nữ	24/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003188	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36995	1284-K53I3	17D140157	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	10/03/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003189	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36996	1285-K53I3	17D140162	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	08/10/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003190	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36997	1286-K53I3	17D140170	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	26/09/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003191	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36998	1287-K53I3	17D140171	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	Nữ	08/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003192	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
36999	1288-K53I3	17D140178	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	02/01/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003193	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37000	1289-K53I3	17D140179	Vương Thị	Thúy	Nữ	05/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003194	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37001	1290-K53I3	17D140185	Nguyễn Ngọc	Uyên	Nữ	08/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003195	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37002	1291-K53I4	17D140202	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	30/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003196	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37003	1292-K53I4	17D140205	Nguyễn Tiến	Dân	Nam	29/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003197	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37004	1293-K53I4	17D140206	Nguyễn Thị Thanh	Dung	Nữ	01/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003198	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37005	1294-K53I4	17D140207	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	19/08/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003199	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37006	1295-K53I4	17D140219	Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	05/01/1999	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003200	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37007	1296-K53I4	17D140229	Vũ Phương	Nam	Nam	15/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003201	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37008	1297-K53I4	17D140230	Đặng Thị Bảo	Ngọc	Nữ	30/09/1999	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.003202	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37009	1298-K53I4	17D140235	Đinh Thị Minh	Thảo	Nữ	16/03/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003203	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37010	1299-K53I4	17D140236	Đỗ Thị	Thắm	Nữ	01/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003204	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37011	1300-K53I4	17D140244	Bùi Thị Ánh	Tuyết	Nữ	12/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003205	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37012	1301-K53I5	17D140274	Đàm Thị	Chiên	Nữ	17/06/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003206	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37013	1302-K53I5	17D140278	Trần Thùy	Dương	Nữ	13/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003207	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37014	1303-K53I5	17D140285	Lương Thị	Hiền	Nữ	10/09/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003208	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37015	1304-K53I5	17D140294	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	24/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003209	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37016	1305-K53I5	17D140299	Hoàng Thị Ni	Na	Nữ	22/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003210	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37017	1306-K53I5	17D140308	Phí Thị	Thúy	Nữ	01/05/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003211	2021	Chính quy	Thương maiđiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - C

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37021	1310-K51I4	15D140252	Phạm Minh	Quân	Nam	07/02/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003215	2021	Chính quy	Thương mạidiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37022	1311-K51I2	15D140123	Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	17/11/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003216	2021	Chính quy	Thương mạidiện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37023	1312-K50S6	14D190376	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	02/09/1996	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003217	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37024	1313-K51S2	15D190125	Bùi Trần Quang	Việt	Nam	08/02/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003218	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37025	1314-K52S2	16D190095	Trần Mạnh	Tuấn	Nam	23/09/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003219	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37026	1315-K52S4	16D190200	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	04/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003220	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37027	1316-K53S1	17D190019	Lê Diệu	Linh	Nữ	16/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003221	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37028	1317-K53S1	17D190020	Nguyễn Thanh	Loan	Nữ	16/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003222	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37029	1318-K53S1	17D190032	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	08/03/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003223	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37030	1319-K53S2	17D190067	Lê Hương	Giang	Nữ	17/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003224	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37031	1320-K53S2	17D190096	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	03/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003225	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37032	1321-K53S2	17D190098	Phạm Đức	Việt	Nam	16/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003226	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37033	1322-K53S3	17D190127	Bùi Thị Hồng	Hà	Nữ	18/06/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003227	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37034	1323-K53S3	17D190129	Lê Thị	Hằng	Nữ	24/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003228	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37035	1324-K53S3	17D190132	Đào Đức	Huy	Nam	16/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003229	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37036	1325-K53S3	17D190138	Nguyễn Lưu Hà	Linh	Nữ	17/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003230	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37037	1326-K53S3	17D190139	Tạ Thị Hiền	Lương	Nữ	18/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003231	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37038	1327-K53S3	17D190140	Phan Thị Quỳnh	Mai	Nữ	01/05/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003232	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37039	1328-K53S3	17D190145	Đinh Thị	Nhung	Nữ	25/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003233	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37040	1329-K53S3	17D190159	Trần Hải	Yến	Nữ	07/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003234	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37041	1330-K53S3	17D190163	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	24/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003235	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37042	1331-K53S4	17D190188	Lê Thu	Hà	Nữ	16/11/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003236	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37043	1332-K53S4	17D190189	Lê Thị Thanh	Hậu	Nữ	06/11/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003237	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37044	1333-K53S4	17D190190	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	21/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003238	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37045	1334-K53S4	17D190192	Phạm Thị	Huế	Nữ	14/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003239	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37046	1335-K53S4	17D190193	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003240	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37047	1336-K53S4	17D190195	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	17/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003241	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37048	1337-K53S4	17D190200	Nguyễn Hương	Ly	Nữ	01/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003242	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37049	1338-K53S4	17D190201	Nguyễn Ngọc	Mẫn	Nữ	27/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003243	2021	Chính quy	Hệ thốngthông tinquản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37050	1339-K52H1	16D180071	Nông Văn	Cường	Nam	25/12/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003244	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37051	1340-K52H1	16D180049	Cao Thị Thúy	Phương	Nữ	17/04/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003245	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37052	1341-K52H5	16D180408	Ngô Thị	Thanh	Nữ	08/02/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003246	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37053	1342-K53H1	17D180003	Lê Mai	Anh	Nữ	24/11/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003247	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37054	1343-K53H1	17D180014	Doãn Minh	Hiếu	Nam	08/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003248	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37055	1344-K53H2	17D180071	Tạ Thị Trường	An	Nữ	15/04/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003249	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37056	1345-K53H2	17D180078	Nguyễn Hoàng Anh	Dũng	Nam	23/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003250	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37057	1346-K53H2	17D180079	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	13/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003251	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37058	1347-K53H2	17D180103	Trần Vinh	Quang	Nam	05/05/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003252	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37059	1348-K53H2	17D180108	Tường Minh Linh	Thư	Nữ	24/05/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003253	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37060	1349-K53H2	17D180117	Cao Thị Minh	Phương	Nữ	06/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003254	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37061	1350-K53H2	17D180120	Phạm Kiều	Trang	Nữ	06/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003255	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37062	1351-K53H3	17D180132	Ngô Thị Lan	Anh	Nữ	11/03/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003256	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37063	1352-K53H3	17D180134	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	01/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003257	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37064	1353-K53H3	17D180137	Quách Thị	Cúc	Nữ	09/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003258	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37065	1354-K53H3	17D180141	Đỗ Việt	Hà	Nữ	18/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003259	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37066	1355-K53H3	17D180151	Vũ Bảo	Khanh	Nữ	31/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003260	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37067	1356-K53H3	17D180152	Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	25/03/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003261	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37068	1357-K53H3	17D180157	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	12/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003262	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37069	1358-K53H3	17D180158	Đinh Thị Thúy	Nga	Nữ	22/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003263	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37070	1359-K53H3	17D180176	Nguyễn Thị Tú	Oanh	Nữ	03/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003264	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37071	1360-K53H4	17D180191	Đào Thị Vân	Anh	Nữ	17/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003265	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37072	1361-K53H4	17D180192	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	06/12/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003266	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37073	1362-K53H4	17D180215	Dương Khánh	Ly	Nữ	21/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003267	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37074	1363-K53H4	17D180236	Doãn Thị Trà	Giang	Nữ	12/11/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003268	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37075	1364-K53H5	17D180253	Nguyễn Thục	Anh	Nữ	01/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003269	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37076	1365-K53H5	17D180265	Trần Thị	Hoa	Nữ	03/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003270	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37077	1366-K53H5	17D180267	Nguyễn Ngọc	Huy	Nam	14/09/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003271	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37078	1367-K53H5	17D180268	Kim Thanh	Huyền	Nữ	11/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003272	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37079	1368-K53H5	17D180271	Phạm Thị Ngọc	Lan	Nữ	18/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003273	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37080	1369-K53H5	17D180276	Lê Thị Huyền	My	Nữ	21/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003274	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37081	1370-K53H5	17D180281	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	25/11/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003275	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37082	1371-K53H5	17D180288	Dương Thị	Tình	Nữ	27/01/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003276	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37083	1372-K53H5	17D180291	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	05/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003277	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37084	1373-K53H6	17D180325	Trần Duy	Anh	Nam	20/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003278	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37085	1374-K53H6	17D180331	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	23/11/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003279	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37086	1375-K53H6	17D180349	Trần Thị Minh	Nguyệt	Nữ	24/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003280	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37087	1376-K53H6	17D180356	Ngô Thị	Thu	Nữ	27/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003281	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37088	1377-K53H6	17D180357	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	25/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003282	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37097	1386-K53H4	17D180243	Soudjai	THAO	Nam	29/08/1995	Viengchan	Lào	Lào	Khá	TMU.7.003291	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37098	1387-K50H1	14D180016	Đinh Thị Mai	Hiên	Nữ	02/11/1996	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003292	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37099	1388-K51H2	15D180111	Hứa Thị	Phượng	Nữ	12/07/1997	Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003293	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 741/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37100	1389-K53HH	17D185007	Nguyễn Ngọc	Đức	Nam	29/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003294	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 755/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
37101	1390-K53HH	17D185010	Đỗ Thu	Hà	Nữ	13/09/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003295	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 755/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
37102	1391-K53HH	17D185012	Nguyễn Mạnh	Hiệp	Nam	06/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003296	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 755/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
37103	1392-K53HH	17D185020	Nguyễn Việt	Linh	Nữ	02/06/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003297	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 755/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
37104	1393-K53HH	17D185023	Vũ Thành	Nam	Nam	16/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003298	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 755/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
37105	1394-K53HH	17D185027	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	29/04/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003299	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 755/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
37106	1395-K53HH	17D185028	Lê Xuân	Thông	Nam	01/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003300	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 755/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
37107	1396-K53HH	17D185029	Võ Thùy	Tiên	Nữ	22/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003301	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 755/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
37108	1397-K53HH	17D185031	Nguyễn Hồng	Uyên	Nữ	25/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003302	2021	Chính quy	Tài chínhngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 755/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2021	
37109	1398-K52N4	16D170224	Bùi Thị	Hạnh	Nữ	10/08/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003303	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37110	1399-K53N1	17D170001	Đinh Phương	Anh	Nữ	11/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003304	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37111	1400-K53N1	17D170002	Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	15/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003305	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37112	1401-K53N1	17D170003	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	24/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003306	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37113	1402-K53N1	17D170005	Trịnh Huy	Chiến	Nam	23/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003307	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37114	1403-K53N1	17D170006	Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	13/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003308	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37115	1404-K53N1	17D170007	Phạm Thị	Duyên	Nữ	04/03/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003309	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37116	1405-K53N1	17D170008	Bùi Thị Tâm	Giang	Nữ	08/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003310	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37117	1406-K53N1	17D170009	Đặng Ngọc	Hà	Nữ	17/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003311	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37118	1407-K53N1	17D170010	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	28/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003312	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37119	1408-K53N1	17D170011	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	29/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003313	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37120	1409-K53N1	17D170012	Phan Thị	Hằng	Nữ	28/09/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003314	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37121	1410-K53N1	17D170013	Trương Thị Mỹ	Hoa	Nữ	15/01/1999	Bắc Giang	Sán dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.003315	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37122	1411-K53N1	17D170014	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	30/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003316	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37123	1412-K53N1	17D170018	Phùng Thị Thanh	Lan	Nữ	22/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003317	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37124	1413-K53N1	17D170019	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	29/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003318	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37125	1414-K53N1	17D170020	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	23/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003319	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37126	1415-K53N1	17D170022	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	16/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003320	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37127	1416-K53N1	17D170023	Nguyễn Mai	Ly	Nữ	29/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003321	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37128	1417-K53N1	17D170024	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	09/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003322	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37129	1418-K53N1	17D170025	Trần Thị Hải	Nam	Nữ	01/04/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003323	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37130	1419-K53N1	17D170026	Mai Thị	Ngọc	Nữ	10/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003324	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37131	1420-K53N1	17D170028	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	15/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003325	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37132	1421-K53N1	17D170030	Đặng Thu	Phương	Nữ	01/11/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003326	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37133	1422-K53N1	17D170033	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	11/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003327	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37134	1423-K53N1	17D170034	Đoàn Thị	Thanh	Nữ	24/01/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003328	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37135	1424-K53N1	17D170035	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	12/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003329	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37136	1425-K53N1	17D170036	Nguyễn Thị Hồng	Thơm	Nữ	21/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003330	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37137	1426-K53N1	17D170037	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	01/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003331	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37138	1427-K53N1	17D170038	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	08/03/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003332	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37139	1428-K53N1	17D170039	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	06/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003333	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37140	1429-K53N1	17D170040	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	15/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003334	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37141	1430-K53N1	17D170041	Đặng Thị	Tuyết	Nữ	16/05/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003335	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37142	1431-K53N1	17D170042	Lê Khánh	Vân	Nữ	03/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003336	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37143	1432-K53N2	17D170061	Đinh Thị Phương	Anh	Nữ	07/05/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003337	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37144	1433-K53N2	17D170063	Trịnh Lan	Anh	Nữ	19/04/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003338	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37145	1434-K53N2	17D170064	Nguyễn Lê Cẩm	Bình	Nữ	21/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003339	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37146	1435-K53N2	17D170069	Đỗ Thị Chúc	Hà	Nữ	23/02/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003340	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37147	1436-K53N2	17D170072	Nguyễn Thị Mai	Hiên	Nữ	04/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003341	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37148	1437-K53N2	17D170073	Lê Thị Út	Hoài	Nữ	20/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003342	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37149	1438-K53N2	17D170075	Trần Thị Đan	Huệ	Nữ	28/09/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003343	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37150	1439-K53N2	17D170076	Phan Thị Thu	Hường	Nữ	19/02/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003344	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37151	1440-K53N2	17D170077	Lê Văn	Kỳ	Nam	10/09/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003345	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37152	1441-K53N2	17D170078	Tạ Thanh	Lan	Nữ	17/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003346	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37153	1442-K53N2	17D170080	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	02/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003347	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37154	1443-K53N2	17D170081	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	19/05/1999	Yên Bái	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.003348	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37155	1444-K53N2	17D170082	Hoàng Thị	Lụa	Nữ	20/05/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003349	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37156	1445-K53N2	17D170083	Lê Thị	Lý	Nữ	06/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003350	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37157	1446-K53N2	17D170086	Ngô Thị Bích	Ngọc	Nữ	15/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003351	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37158	1447-K53N2	17D170087	Phạm Bích	Ngọc	Nữ	11/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003352	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37159	1448-K53N2	17D170091	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	28/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003353	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37160	1449-K53N2	17D170095	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	30/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003354	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37161	1450-K53N2	17D170096	Hà Thị	Thu	Nữ	02/07/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003355	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37162	1451-K53N2	17D170099	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	02/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003356	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37163	1452-K53N2	17D170101	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	Nữ	25/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003357	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37164	1453-K53N3	17D170121	Đinh Thị Thục	Anh	Nữ	25/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003358	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37165	1454-K53N3	17D170122	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	10/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003359	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37166	1455-K53N3	17D170123	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	28/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003360	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37167	1456-K53N3	17D170125	Đinh Nguyễn Huyền	Diệu	Nữ	30/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003361	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37168	1457-K53N3	17D170131	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	12/06/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003362	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37169	1458-K53N3	17D170132	Đỗ Thị Thanh	Hiền	Nữ	25/08/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003363	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37170	1459-K53N3	17D170133	Đào Thị	Hoàn	Nữ	16/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003364	2021	Chính quy	Ngôn ngữanh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37171	1

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37173	1462-K53N3	17D170138	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	13/09/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003367	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37174	1463-K53N3	17D170140	Trần Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	07/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003368	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37175	1464-K53N3	17D170141	Lê Phúc	Luật	Nam	12/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003369	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37176	1465-K53N3	17D170143	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	02/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003370	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37177	1466-K53N3	17D170144	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	19/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003371	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37178	1467-K53N3	17D170145	Trương Thị	Nga	Nữ	06/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003372	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37179	1468-K53N3	17D170147	Phạm Minh	Ngọc	Nữ	25/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003373	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37180	1469-K53N3	17D170148	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	09/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003374	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37181	1470-K53N3	17D170151	Mai Thị Nhật	Quyên	Nữ	04/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003375	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37182	1471-K53N3	17D170153	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	11/03/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003376	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37183	1472-K53N3	17D170154	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	14/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003377	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37184	1473-K53N3	17D170155	Hoàng Thị	Thu	Nữ	13/09/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003378	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37185	1474-K53N3	17D170156	Nguyễn Thị Phương	Thủy	Nữ	29/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003379	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37186	1475-K53N3	17D170157	Vũ Thùy	Tiên	Nữ	16/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003380	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37187	1476-K53N3	17D170158	Nguyễn Hồng	Trang	Nữ	12/12/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003381	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37188	1477-K53N3	17D170159	Phạm Thị	Trang	Nữ	13/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003382	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37189	1478-K53N3	17D170160	Trần Ánh	Tuyết	Nữ	21/08/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003383	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37190	1479-K53N3	17D170161	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	15/05/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003384	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37191	1480-K53N3	17D170163	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	09/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003385	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37192	1481-K53N4	17D170181	Hoàng Hà	An	Nữ	17/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003386	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37193	1482-K53N4	17D170182	Hồ Ngọc	Anh	Nữ	24/09/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003387	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37194	1483-K53N4	17D170183	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	01/02/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003388	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37195	1484-K53N4	17D170184	Bùi Minh	Ánh	Nữ	22/09/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003389	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37196	1485-K53N4	17D170186	Vũ Thị	Dinh	Nữ	22/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003390	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37197	1486-K53N4	17D170187	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	10/11/1999	Hà Nội	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.003391	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37198	1487-K53N4	17D170188	Lê Minh	Dự	Nam	21/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003392	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37199	1488-K53N4	17D170189	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	06/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003393	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37200	1489-K53N4	17D170190	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	12/06/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003394	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37201	1490-K53N4	17D170193	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	20/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003395	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37202	1491-K53N4	17D170195	Lê Thị	Huyền	Nữ	15/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003396	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37203	1492-K53N4	17D170196	Đỗ Lan	Hương	Nữ	12/10/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003397	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37204	1493-K53N4	17D170198	Vũ Thị Thùy	Lâm	Nữ	29/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003398	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37205	1494-K53N4	17D170200	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	24/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003399	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37206	1495-K53N4	17D170201	Trần Thị	Linh	Nữ	11/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003400	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37207	1496-K53N4	17D170202	Phan Thị Xuân	Lương	Nữ	20/01/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003401	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37208	1497-K53N4	17D170203	Lê Hoàng Thanh	Mai	Nữ	08/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003402	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37209	1498-K53N4	17D170205	Nguyễn Thị Hồng	Minh	Nữ	03/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003403	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37210	1499-K53N4	17D170207	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	19/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003404	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37211	1500-K53N4	17D170208	Tạ Bảo	Ngọc	Nữ	05/01/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003405	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37212	1501-K53N4	17D170210	Hoàng Thị Kim	Oanh	Nữ	26/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003406	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37213	1502-K53N4	17D170211	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	22/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003407	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37214	1503-K53N4	17D170215	Phạm Ngọc	Thảo	Nữ	04/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003408	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37215	1504-K53N4	17D170217	Trần Thị	Thùy	Nữ	19/01/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003409	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37216	1505-K53N4	17D170219	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	23/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003410	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37217	1506-K53N4	17D170220	Phạm Thị	Trang	Nữ	27/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003411	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37218	1507-K53N4	17D170221	Vũ Thị Anh	Tú	Nữ	29/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003412	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37219	1508-K53N4	17D170222	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	23/04/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003413	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37220	1509-K53N4	17D170223	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	27/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003414	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37221	1510-K53N5	17D170197	Phạm Ngọc	Khánh	Nữ	11/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003415	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37222	1511-K53N5	17D170241	Vũ Thanh	An	Nữ	24/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003416	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37223	1512-K53N5	17D170242	Lưu Bảo	Anh	Nữ	20/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003417	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37224	1513-K53N5	17D170243	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	04/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003418	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37225	1514-K53N5	17D170244	Nguyễn Thị Nhật	Ánh	Nữ	22/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003419	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37226	1515-K53N5	17D170245	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	29/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003420	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37227	1516-K53N5	17D170246	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	30/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003421	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37228	1517-K53N5	17D170247	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	07/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003422	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37229	1518-K53N5	17D170248	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	05/12/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003423	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37230	1519-K53N5	17D170249	Trần Thị Hương	Giang	Nữ	06/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003424	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37231	1520-K53N5	17D170250	Lê Thị Vân	Hà	Nữ	28/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003425	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37232	1521-K53N5	17D170251	Phạm Thị	Hân	Nữ	22/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003426	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37233	1522-K53N5	17D170252	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	23/03/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003427	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37234	1523-K53N5	17D170253	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	06/03/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003428	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37235	1524-K53N5	17D170254	Hà Thị Quý	Hồng	Nữ	13/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003429	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37236	1525-K53N5	17D170255	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	08/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003430	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37237	1526-K53N5	17D170256	Ngô Thị	Hương	Nữ	30/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003431	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37238	1527-K53N5	17D170257	Phạm Vân	Khánh	Nữ	11/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003432	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37239	1528-K53N5	17D170260	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	17/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003433	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37240	1529-K53N5	17D170261	Vũ Khánh	Linh	Nữ	10/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003434	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37241	1530-K53N5	17D170262	Đỗ Thị Hồng	Ly	Nữ	22/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003435	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37242	1531-K53N5	17D170264	Nguyễn Thị Kiều	My	Nữ	21/05/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003436	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37243	1532-K53N5	17D170265	Bùi Xuân	Nam	Nam	18/12/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003437	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37244	1533-K53N5	17D170266	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	Nữ	01/04/1999	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.003438	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37245	1534-K53N5	17D170267	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	06/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003439	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37246	1535-K53N5	17D170268	Đỗ Thị Thảo	Nguyên	Nữ	05/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003440	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37247	1536-K53N5	17D170271	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	28/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003441	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37249	1538-K53N5	17D170273	Hoàng Thị	Tâm	Nữ	01/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003443	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37250	1539-K53N5	17D170274	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	11/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003444	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37251	1540-K53N5	17D170275	Trần Thị	Thắm	Nữ	02/03/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003445	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37252	1541-K53N5	17D170276	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	09/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003446	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37253	1542-K53N5	17D170277	Lê Thị	Thương	Nữ	21/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003447	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37254	1543-K53N5	17D170278	Đỗ Huyền	Trang	Nữ	28/01/1999	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003448	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37255	1544-K53N5	17D170279	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	21/11/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003449	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37256	1545-K53N5	17D170280	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	10/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003450	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37257	1546-K53N5	17D170281	Đinh Thu	Uyên	Nữ	22/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003451	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37258	1547-K53N6	17D170301	Bùi Kim	Anh	Nữ	23/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003452	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37259	1548-K53N6	17D170303	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	21/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003453	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37260	1549-K53N6	17D170304	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	13/07/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003454	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37261	1550-K53N6	17D170305	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	02/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003455	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37262	1551-K53N6	17D170306	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	30/04/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003456	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37263	1552-K53N6	17D170308	Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	16/09/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003457	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37264	1553-K53N6	17D170310	Phạm Thị Phúc	Hậu	Nữ	24/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003458	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37265	1554-K53N6	17D170312	Cao Thị	Hoa	Nữ	12/08/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003459	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37266	1555-K53N6	17D170313	Hà Thị Ngọc	Huế	Nữ	17/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003460	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37267	1556-K53N6	17D170314	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	03/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003461	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37268	1557-K53N6	17D170317	Phạm Thị	Kim	Nữ	15/09/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003462	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37269	1558-K53N6	17D170318	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	05/01/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003463	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37270	1559-K53N6	17D170319	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	18/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003464	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37271	1560-K53N6	17D170320	Nguyễn Thị Thiên	Linh	Nữ	17/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003465	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37272	1561-K53N6	17D170321	Đoàn Thị	Loan	Nữ	15/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003466	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37273	1562-K53N6	17D170322	Ngô Văn	Ly	Nữ	08/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003467	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37274	1563-K53N6	17D170323	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	10/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003468	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37275	1564-K53N6	17D170324	Nguyễn Trà	My	Nữ	16/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003469	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37276	1565-K53N6	17D170326	Hà Minh	Ngọc	Nữ	10/11/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003470	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37277	1566-K53N6	17D170327	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	23/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003471	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37278	1567-K53N6	17D170328	Đỗ Thị Thùy	Nguyên	Nữ	29/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003472	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37279	1568-K53N6	17D170329	Nguyễn Thị	Nhã	Nữ	20/09/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003473	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37280	1569-K53N6	17D170331	Nguyễn Thị Thảo	Phương	Nữ	12/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003474	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37281	1570-K53N6	17D170333	Phạm Thị Thanh	Tâm	Nữ	06/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003475	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37282	1571-K53N6	17D170336	Vương Thị Bích	Thủy	Nữ	29/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003476	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37283	1572-K53N6	17D170337	Lê Thị Hoài	Thương	Nữ	04/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003477	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37284	1573-K53N6	17D170339	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	17/05/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003478	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37285	1574-K53N6	17D170340	Đào Thị	Trinh	Nữ	26/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003479	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37286	1575-K53N6	17D170342	Nguyễn Thị	Vinh	Nữ	20/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003480	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 742/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37287	1576-K52U2	16D210081	Trần Duyên	Hải	Nữ	25/09/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003481	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37288	1577-K52U3	16D210169	Nguyễn Đức	Nam	Nam	10/10/1997	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003482	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37289	1578-K52U4	16D210223	Kiều Thị Thanh	Hằng	Nữ	17/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003483	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37290	1579-K52U5	16D210281	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	22/01/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003484	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37291	1580-K52U5	16D210311	Hà Minh	Trường	Nam	19/01/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003485	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37292	1581-K53U1	17D210002	Mai Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	13/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003486	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37293	1582-K53U1	17D210003	Nguyễn Minh	Ánh	Nữ	17/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003487	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37294	1583-K53U1	17D210007	Nguyễn Linh	Giang	Nữ	06/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003488	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37295	1584-K53U1	17D210009	Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	21/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003489	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37296	1585-K53U1	17D210022	Nguyễn Thị Phương	Mai	Nữ	06/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003490	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37297	1586-K53U1	17D210028	Đào Thị	Nhung	Nữ	07/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003491	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37298	1587-K53U1	17D210033	Phạm Thị	Thảo	Nữ	30/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003492	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37299	1588-K53U1	17D210034	Nguyễn Minh	Thu	Nữ	24/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003493	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37300	1589-K53U1	17D210035	Kim Phương	Thúy	Nữ	12/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003494	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37301	1590-K53U1	17D210042	Ngô Hùng	Vỹ	Nam	04/08/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003495	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37302	1591-K53U1	17D210043	Lù Thị	Yến	Nữ	06/10/1999	Điện Biên	Thái	Việt Nam	Khá	TMU.7.003496	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37303	1592-K53U1	17D210046	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	04/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003497	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37304	1593-K53U2	17D210063	Nguyễn Năng Đức	Anh	Nam	19/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003498	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37305	1594-K53U2	17D210070	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	29/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003499	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37306	1595-K53U2	17D210088	Trịnh Thị	Nguyệt	Nữ	18/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003500	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37307	1596-K53U2	17D210096	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	22/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003501	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37308	1597-K53U3	17D210132	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	07/07/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003502	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37309	1598-K53U3	17D210134	Vũ Thiên	Hương	Nữ	09/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003503	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37310	1599-K53U3	17D210141	Vũ Thị	Lụa	Nữ	10/06/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003504	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37311	1600-K53U4	17D210181	Dương Thị Mai	Anh	Nữ	04/04/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003505	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37312	1601-K53U4	17D210182	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	10/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003506	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37313	1602-K53U4	17D210184	Nguyễn Thục	Chinh	Nữ	18/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003507	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37314	1603-K53U4	17D210185	Phạm Văn	Cường	Nam	11/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003508	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37315	1604-K53U4	17D210198	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	14/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003509	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37316	1605-K53U4	17D210206	Võ Thị	Ngọc	Nữ	16/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003510	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37317	1606-K53U4	17D210207	Nguyễn Thị	Nhẫn	Nữ	15/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003511	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37318	1607-K53U4	17D210210	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	01/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003512	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37319	1608-K53U4	17D210211	Nguyễn Hà	Quyên	Nữ	31/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003513	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37320	1609-K53U4	17D210215	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	20/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003514	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37321	1610-K53U5	17D210243	Triệu Minh	Ánh	Nữ	22/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003515	2021	Chính quy	Quản

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37325	1614-K53U6	17D210309	Dương Thu	Hiền	Nữ	02/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003519	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37326	1615-K53U6	17D210315	Nguyễn Thị Phương	Liên	Nữ	05/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003520	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37327	1616-K53U6	17D210316	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	19/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003521	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37328	1617-K53U6	17D210335	Đỗ Thanh	Thúy	Nữ	30/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003522	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37329	1618-K53U6	17D210344	Nguyễn Mai	Loan	Nữ	25/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003523	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37330	1619-K53U1	17D210047	Nitpanida	[illegible]PANYA	Nữ	25/05/1996	Lào	Lào	Lào	Khá	TMU.7.003524	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37331	1620-K50U2	14D210088	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/06/1996	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trungbình	TMU.7.003525	2021	Chính quy	Quản trịnhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	Kèm theo Quyết định số: 743/QĐ-ĐHTM ngày 21 tháng 05 năm 2021	
37332	1621-K52D2	16D150157	Phạm Thị	Vân	Nữ	06/05/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003526	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	Kèm theo Quyết định số: 835/QĐ-ĐHTM ngày 31 tháng 05 năm 2021	
37333	1622-TQ2+2K13	19U130005	ZENG XIAOMEI		Nữ	18/09/1998	Trung Quốc	Hán	Trung Quốc	Trungbình	TMU.7.003527	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 982/QĐ-ĐHTM ngày 29tháng 06 năm 2021	
37334	1623-TQ2+2K13	19U130009	HE JINWEI		Nam	10/02/1999	Trung Quốc	Hán	Trung Quốc	Khá	TMU.7.003528	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 982/QĐ-ĐHTM ngày 29tháng 06 năm 2021	
37335	1624-K51A3	15D100179	Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	11/01/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003529	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37336	1625-K51A4	15D100252	Nguyễn Xuân	Thịnh	Nam	20/02/1996	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003530	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37337	1626-K51A5	15D100333	Đỗ Thị	Phương	Nữ	20/10/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003531	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37338	1627-K50K3	14D240169	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	31/05/1996	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003532	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37339	1628-K50K1	14D240041	Lương Việt	Quang	Nam	03/01/1996	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003533	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37340	1629-K50K4	14D240235	Phạm Thị	Lệ	Nữ	27/08/1996	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003534	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37341	1630-K52A1	16D100002	Phạm Văn	Anh	Nữ	16/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003535	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37342	1631-K52A1	16D100007	Nguyễn Công	Chiến	Nam	02/02/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003536	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37343	1632-K52A1	16D100013	Đào Hương	Giang	Nữ	04/11/1998	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003537	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37344	1633-K52A1	16D100022	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	19/01/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003538	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37345	1634-K52A1	16D100043	Đoàn Văn	Sơn	Nam	09/03/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003539	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37346	1635-K52A2	16D100085	Trần Thị Kim	Chi	Nữ	22/11/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003540	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37347	1636-K52A2	16D100091	Trần Văn	Đức	Nam	20/03/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003541	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37348	1637-K52A2	16D100103	Phan Thị	Huyền	Nữ	02/01/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003542	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37349	1638-K52A2	16D100136	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	20/02/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003543	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37350	1639-K52A3	16D100167	Nguyễn Văn	Chung	Nam	13/12/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003544	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37351	1640-K52A3	16D100173	Nguyễn Huy	Đức	Nam	20/11/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003545	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37352	1641-K52A3	16D100182	Bùi Thị	Hoàn	Nữ	12/01/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003546	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37353	1642-K52A3	16D100191	Đào Văn	Long	Nam	09/05/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003547	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37354	1643-K52A3	16D100212	Trần Doãn	Thương	Nam	27/04/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003548	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37355	1644-K52A4	16D100260	Phạm Thị Thu	Hoài	Nữ	28/01/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003549	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37356	1645-K52A4	16D100265	Lê Văn	Hùng	Nam	27/04/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003550	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37357	1646-K52A4	16D100266	Hà Thanh	Lam	Nữ	09/11/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003551	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37358	1647-K52A4	16D100268	Hoàng Bảo	Lâm	Nam	01/02/1998	Hà Giang	Giấy	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003552	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37359	1648-K52A5	16D100323	Trương Hà	Anh	Nữ	29/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003553	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37360	1649-K52A5	16D100329	Mẫn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	13/01/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003554	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37361	1650-K52A5	16D100341	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	25/02/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003555	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37362	1651-K52A5	16D100347	Trần Nguyễn Hoàng	Lâm	Nam	24/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003556	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37363	1652-K52A5	16D100374	Đỗ Văn	Trường	Nam	02/03/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003557	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37364	1653-K52A5	16D100378	Trần Thu	Uyên	Nữ	14/02/1997	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003558	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37365	1654-K52A5	16D100379	Phạm Thị Thanh	Xuân	Nữ	24/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003559	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37366	1655-K52A6	16D100401	Lưu Thị Ngọc	Anh	Nữ	21/08/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003560	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37367	1656-K52A6	16D100403	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	09/09/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003561	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37368	1657-K52A6	16D100414	Hoàng Thị	Hạ	Nữ	06/07/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003562	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37369	1658-K52A6	16D100415	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/02/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003563	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37370	1659-K52A6	16D100420	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	23/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003564	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37371	1660-K52A6	16D100428	Trần Thanh	Liêm	Nam	28/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003565	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37372	1661-K52A6	16D100437	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	23/05/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003566	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37373	1662-K52A6	16D100444	Nguyễn Việt	Sơn	Nam	14/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003567	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37374	1663-K52A6	16D100448	Trần Minh	Thu	Nữ	28/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003568	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37375	1664-K52A8	16D100570	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	26/05/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003569	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37376	1665-K52A8	16D100573	Trương Bảo	Lâm	Nam	28/10/1998	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003570	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37377	1666-K52A8	16D100574	Nguyễn Thị Tú	Lệ	Nữ	09/10/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003571	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37378	1667-K52A8	16D100578	Hoàng Thị	Luyến	Nữ	08/09/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003572	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37379	1668-K52A8	16D100581	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	28/09/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003573	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37380	1669-K52A8	16D100587	Trần Thị	Oanh	Nữ	02/04/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003574	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37381	1670-K52A9	16D100648	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	09/11/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003575	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37382	1671-K52A9	16D100650	Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	06/03/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003576	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37383	1672-K52A9	16D100655	Lã Thị	Ngọc	Nữ	27/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003577	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37384	1673-K53A1	17D100026	Vũ Hoài	Nam	Nam	22/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003578	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37385	1674-K53A1	17D100027	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	19/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003579	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37386	1675-K53A1	17D100042	Ngô Thị Thu	Uyên	Nữ	10/10/1999	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003580	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37387	1676-K53A2	17D100071	Phan Thị Ngọc	Hiệp	Nữ	04/11/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003581	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37388	1677-K53A2	17D100082	Trịnh Xuân	Lộc	Nam	05/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003582	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37389	1678-K53A2	17D100104	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	12/09/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003583	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37390	1679-K53A3	17D100138	Phạm Thị	Lan	Nữ	09/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003584	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37391	1680-K53A3	17D100153	Chu Hoàng	Sơn	Nam	20/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003585	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37392	1681-K53A4	17D100198	Nguyễn Như	Lai	Nam	01/01/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003586	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37393	1682-K53A5	17D100258	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	Nữ	14/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003587	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37394	1683-K53A5	17D100280	Trần Thị	Trang	Nữ	05/01/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003588	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37395	1684-K53A6	17D100319	Nguyễn Khánh	Linh	Nam	09/02/1999	Hà Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003589	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37396	1685-K53A7	17D100370	Trần Thị	Hằng	Nữ	02/08/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003590	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37397	1686-K53A7	17D100390	Vũ Văn	Phúc	Nam	29/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003591	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37398	1687-K53A8	17D100422	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	29/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003592	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NG

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37401	1690-K53A8	17D100445	Đinh Trà	My	Nữ	23/08/1999	Hà Nội	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.003595	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37402	1691-K53A8	17D100447	Trương Thị	Ngọc	Nữ	21/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003596	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37403	1692-K53A8	17D100448	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003597	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37404	1693-K53A9	17D100505	Trần Hoài	Nam	Nam	18/08/1999	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003598	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37405	1694-K51Q2	15D105052	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	01/02/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003599	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	Sinh viên đã đính chính tên thành Nguyễn Đắc Ngọc Anh theo QĐ 551/QĐ-ĐHTM ngày 11/4/2022
37406	1695-K52Q2	16D105074	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	19/11/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003600	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37407	1696-K53Q1	17D105022	Đỗ Thu	Trang	Nữ	19/06/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003601	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37408	1697-K53Q2	15D105102	Lý Trọng Tuấn	Anh	Nam	15/05/1997	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003602	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37409	1698-K53Q2	17D105068	Lê Thị	Nhung	Nữ	12/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003603	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37410	1699-K53Q2	17D105071	Trương Minh	Phương	Nữ	08/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003604	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37411	1700-K53Q2	17D105079	Ngọc Huyền	Trang	Nữ	12/02/1999	Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.003605	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37412	1701-K53Q2	17D105081	Nguyễn Ngọc	Trinh	Nữ	08/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003606	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37413	1702-K53QT1	17D107005	Lê Thị Ngọc	Bích	Nữ	23/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003607	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1528/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37414	1703-K51B1KS	15D110005	Nguyễn Tùng	Anh	Nam	16/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003608	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37415	1704-K51B2KS	15D110071	Đặng Minh	Anh	Nữ	17/10/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003609	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37416	1705-K51B2KS	15D110101	Phạm Thị Tuyết	Mai	Nữ	25/09/1997	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003610	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37417	1706-K51B2KS	15D110124	Hồ Thị	Trinh	Nữ	10/03/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003611	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37418	1707-K52B1KS	15D110012	Đào Thị Hương	Giang	Nữ	15/12/1997	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003612	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37419	1708-K52B1KS	16D110017	Nguyễn Thị Bích	Hiền	Nữ	04/12/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003613	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37420	1709-K52B1KS	16D110022	Đinh Thị	Huyền	Nữ	02/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003614	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37421	1710-K52B1KS	16D110042	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	05/11/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003615	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37422	1711-K52B2KS	16D110099	Vũ Thị Thu	Hoài	Nữ	05/02/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003616	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37423	1712-K52B3KS	16D110201	Đỗ Hồng	Nhung	Nữ	10/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003617	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37424	1713-K52B3KS	16D110213	Nguyễn Linh	Trang	Nữ	30/10/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003618	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37425	1714-K53B1KS	17D110016	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	27/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003619	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37426	1715-K53B3KS	17D110145	Trần Thị Huyền	My	Nữ	12/10/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003620	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37427	1716-K53B3KS	17D110150	Nguyễn Văn	Quang	Nam	10/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003621	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37428	1717-K53B3KS	17D110161	Đỗ Thị Nguyệt	Vang	Nữ	18/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003622	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37429	1718-K53B4KS	17D110184	Lê Thị	Bình	Nữ	29/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003623	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37430	1719-K53B4KS	17D110196	Phùng Trịnh Linh	Hương	Nữ	09/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003624	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37431	1720-K53B4KS	17D110205	Đỗ Văn	Nam	Nam	20/06/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003625	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37432	1721-K53B4KS	17D110215	Đào Hoàng Ngọc	Thùy	Nữ	05/07/1999	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003626	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37433	1722-K53B4KS	17D110220	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	11/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003627	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37434	1723-K53B5KS	17D110242	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003628	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37435	1724-K53B5KS	17D110259	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	26/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003629	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37436	1725-K53B5KS	17D110269	Phạm Thị Lệ	Quyên	Nữ	28/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003630	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37437	1726-K53B5KS	17D110270	Nguyễn Xuân	Sơn	Nam	15/06/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003631	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37438	1727-K53B5KS	17D110271	Đỗ Thị	Thái	Nữ	12/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003632	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37439	1728-K53B6KS	17D110318	Nguyễn Thị	Lê	Nữ	22/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003633	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37440	1729-K53B6KS	17D110330	Đinh Thị	Thảo	Nữ	02/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003634	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37441	1730-K53B6KS	17D110340	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	28/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003635	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37442	1731-K19BK	B14D210243	Nguyễn Bích	Phương	Nữ	17/01/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003636	2021	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1529/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37443	1732-K51B2LH	15D250093	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nữ	10/10/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003637	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37444	1733-K51B4LH	15D250226	Phạm Thiên	Hương	Nữ	12/12/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003638	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37445	1734-K52B3LH	16D250147	Lã Thị	Dung	Nữ	26/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003639	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37446	1735-K52B3LH	16D250161	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	Nữ	02/08/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003640	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37447	1736-K52B3LH	16D250163	Hoàng Thị	Linh	Nữ	31/01/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003641	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37448	1737-K53B1LH	17D250030	Đỗ Thị	Phượng	Nữ	19/01/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003642	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37449	1738-K53B3LH	17D250156	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	06/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003643	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37450	1739-K53B4LH	17D250189	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	25/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003644	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37451	1740-K53B4LH	17D250203	Trần Thị Trà	My	Nữ	09/01/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003645	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37452	1741-K53B4LH	17D250227	Lâm Hà	Nghi	Nữ	14/08/1999	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.003646	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37453	1742-K53B4LH	17D250215	Hoàng Hà	Thu	Nữ	25/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003647	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37454	1743-K53B4LH	17D250220	Trần Thị	Trang	Nữ	11/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003648	2021	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1530/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37455	1744-K51C1	15D120001	Phạm Bình	An	Nữ	26/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003649	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37456	1745-K51C2	15D120091	Nguyễn Công	Khá	Nam	08/07/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003650	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37457	1746-K51C5	15D120284	Lê Trung	Anh	Nam	15/06/1997	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003651	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37458	1747-K52C1	16D120002	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	01/02/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003652	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37459	1748-K52C1	16D120008	Nguyễn Ngọc	Chinh	Nam	19/05/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003653	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37460	1749-K52C1	16D120011	Vũ Thị Ngọc	Diệp	Nữ	15/10/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003654	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37461	1750-K52C1	16D120013	Đỗ Thị	Dung	Nữ	17/10/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003655	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37462	1751-K52C1	16D120023	Phạm Thị	Hằng	Nữ	03/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003656	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37463	1752-K52C1	16D120028	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	17/10/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003657	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37464	1753-K52C1	16D120029	Phạm Thị	Huyền	Nữ	08/06/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003658	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37465	1754-K52C1	16D120032	Nguyễn Huy	Kiên	Nam	22/12/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003659	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37466	1755-K52C1	16D120035	Đồng Thùy	Linh	Nữ	24/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.003660	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37467	1756-K52C1	16D120055	Đinh Thị Hồng	Thu	Nữ	27/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003661	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37468	1757-K52C1	16D120060	Hoàng Thị	Trang	Nữ	18/07/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003662	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37469	1758-K52C2	16D120107	Bùi Thị	Hà	Nữ	02/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003663	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37470	1759-K52C2	16D120108	Phạm Thị Nguyệt	Hà	Nữ	09/03/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003664	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37471	1760-K52C2	16D120126	Bùi Thị Mỹ	Linh	Nữ	02/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37475	1764-K52C3	16D120220	Nguyễn Thị	Nghĩa	Nữ	12/10/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003669	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37476	1765-K52C3	16D120242	Phạm Thị Châu	Uyên	Nữ	01/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003670	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37477	1766-K52C3	16D120244	Lê Tiến	Việt	Nam	31/05/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003671	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37478	1767-K52C4	15D120221	Võ Thị	Hà	Nữ	04/02/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003672	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37479	1768-K52C4	16D120300	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	28/06/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003673	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37480	1769-K52C4	16D120307	Nguyễn Quỳnh	Nga	Nữ	20/11/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003674	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37481	1770-K52C4	16D120311	Phạm Thị	Nhung	Nữ	23/10/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003675	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37482	1771-K52C5	16D120351	Dương Thị Ngọc	Anh	Nữ	02/07/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003676	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37483	1772-K52C5	16D120365	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	20/03/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003677	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37484	1773-K52C5	16D120394	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	20/02/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003678	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37485	1774-K52C5	16D120404	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	16/08/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003679	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37486	1775-K53C2	17D120098	Hồ Thị Phương	Trang	Nữ	05/10/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003680	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37487	1776-K53C4	17D120221	Nguyễn Thị Tú	Trinh	Nữ	01/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003681	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37488	1777-K53C6	17D120331	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	15/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003682	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37489	1778-K50T1	14D220032	Đậu Thị	Nguyên	Nữ	06/02/1996	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003683	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37490	1779-K50T1	14D220052	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	27/06/1996	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003684	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37491	1780-K51T1	15D220053	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	14/10/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003685	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37492	1781-K51T1	15D220054	Đỗ Thị	Trinh	Nữ	29/09/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003686	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37493	1782-K51T2	15D220120	Vũ Trọng	Toàn	Nam	07/06/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003687	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37494	1783-K51T3	15D220163	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	18/01/1997	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003688	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37495	1784-K51T3	15D220192	Trần Thùy	Trang	Nữ	04/01/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003689	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37496	1785-K51T4	15D220261	Đào Thị	Thu	Nữ	15/03/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003690	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37497	1786-K51T4	15D220271	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	05/11/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003691	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37498	1787-K52T1	16D220002	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	11/07/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003692	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37499	1788-K52T1	16D220004	Phạm Thị Ngọc	Diễm	Nữ	21/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003693	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37500	1789-K52T1	16D220017	Lê Thị	Hường	Nữ	18/04/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003694	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37501	1790-K52T1	16D220021	Vũ Bích	Ngọc	Nữ	26/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003695	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37502	1791-K52T2	16D220065	Dương Thị	Hạnh	Nữ	30/04/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003696	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37503	1792-K52T2	16D220081	Mai Thị	Phương	Nữ	14/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003697	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37504	1793-K52T3	16D220123	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	09/04/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003698	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37505	1794-K52T3	16D220136	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	24/02/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003699	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37506	1795-K52T3	16D220171	Lê Phương	Thảo	Nữ	01/08/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003700	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37507	1796-K53T1	17D220003	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	Nữ	29/05/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003701	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37508	1797-K53T1	17D220009	Vũ Thị Bích	Diệp	Nữ	06/11/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003702	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37509	1798-K53T1	17D220010	Chu Đăng	Dương	Nam	26/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003703	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37510	1799-K53T1	17D220029	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	11/01/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003704	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37511	1800-K53T1	17D220037	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	02/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003705	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37512	1801-K53T2	17D220096	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	22/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003706	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37513	1802-K53T3	17D220135	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003707	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37514	1803-K53T3	17D220141	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	10/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003708	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37515	1804-K53T3	17D220153	Trần Thu	Thảo	Nữ	05/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003709	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37516	1805-K53T3	17D220154	Hoàng Thị Lệ	Thùy	Nữ	09/12/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003710	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37517	1806-K53T3	17D220158	Đặng Duy	Trung	Nam	31/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003711	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37518	1807-K53T3	17D220160	Võ Thị	Vân	Nữ	01/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003712	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37519	1808-K53T5	17D220282	Hoàng Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	27/06/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003713	2021	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1531/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37520	1809-K50D4	14D150216	Nguyễn Thị Thu	Dung	Nữ	20/11/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003714	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37521	1810-K50D6	14D150412	Nguyễn Hạnh	Yến	Nữ	31/12/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003715	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37522	1811-K51D4	15D150223	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	26/09/1997	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003716	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37523	1812-K52D1	16D150016	Vũ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	15/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003717	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37524	1813-K52D1	16D150023	Đặng Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/01/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003718	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37525	1814-K52D1	16D150039	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	08/03/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003719	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37526	1815-K52D1	16D150046	Trần Thu	Phương	Nữ	23/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003720	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37527	1816-K52D1	16D150062	Đào Thị Huyền	Trang	Nữ	04/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003721	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37528	1817-K52D1	16D150066	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	15/04/1997	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003722	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37529	1818-K52D2	16D150105	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	30/04/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003723	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37530	1819-K52D2	16D150104	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	23/06/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003724	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37531	1820-K52D2	16D150126	Phạm Trọng	Minh	Nam	07/01/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003725	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37532	1821-K52D2	16D150131	Đào Lệ	Nhi	Nữ	18/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003726	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37533	1822-K52D2	16D150140	Hoàng Thanh	Tâm	Nữ	20/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003727	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37534	1823-K52D2	16D150141	Cao Thị	Thanh	Nữ	21/06/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003728	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37535	1824-K52D3	16D150194	Lê Thị	Hằng	Nữ	24/03/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003729	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37536	1825-K52D3	16D150203	Hà Thị Khánh	Huyền	Nữ	17/01/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003730	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37537	1826-K52D3	16D150229	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	10/08/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003731	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37538	1827-K52D4	16D150307	Phạm Nhược	Nam	Nữ	22/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003732	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37539	1828-K52D4	16D150314	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	06/01/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003733	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37540	1829-K52D4	16D150332	Hà Huyền	Trang	Nữ	24/01/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003734	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37541	1830-K52D5	16D150365	Lương Thị	Bích	Nữ	18/03/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003735	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37542	1831-K52D5	16D150422	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	07/03/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003736	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37543	1832-K52D6	16D150473	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	23/03/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003737	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37544	1833-K52D7	16D150546	Trần Tiến	Anh	Nam	27/09/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003738	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37545	1834-K52D7	16D150565	Nguyễn Thị Thu	Lan	Nữ	30/08/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003739	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37546	1835-K52D9	16D150728	Hoàng Thị Tuyết	Mai	Nữ	24/02/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003740	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37547	1836-K53D1	17D150006	Nguyễn Thị	Châm	Nữ	02/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003741	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37548	1837-K53D1	17D150024	Ngô Thị	Loan	Nữ	24/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003742	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37549	1838-K53D1	17D150037	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	Nữ	18/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003743	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37550	1839-K53D2	17D150082	Đào Thị	Hạnh	Nữ	27/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003744	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37551	1840-K53D2	17D150084	Phan Thị	Hiền	Nữ	10/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003745	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37552	1841-K53D2	17D150089	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	03/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003746	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37553	1842-K53D2	17D150093	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	24/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003747	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37554	1843-K53D3	17D150144	Trần Thị	Ánh	Nữ	08/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003748	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37555	1844-K53D3	17D150162	Lê Thị Ngà	Linh	Nữ	21/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003749	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37556	1845-K53D3	17D150179	Đào Thị Hồng	Thu	Nữ	24/05/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003750	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37557	1846-K53D4	17D150216	Trần Thị Thu	Hoa	Nữ	23/05/1999	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003751	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37558	1847-K53D4	17D150243	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	20/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003752	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37559	1848-K53D5	17D150306	Phạm Thị	Quyên	Nữ	11/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003753	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37560	1849-K53D6	17D150343	Phạm Vũ Phương	Anh	Nữ	26/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003754	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37561	1850-K53D6	17D150348	Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	29/01/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003755	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37562	1851-K53D6	17D150357	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	12/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003756	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37563	1852-K53D6	17D150361	Đinh Hoài	Lâm	Nữ	03/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003757	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37564	1853-K53D6	17D150365	Phạm Thị Phương	Loan	Nữ	13/02/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003758	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37565	1854-K53D6	17D150367	Trần Thị Trà	My	Nữ	10/08/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003759	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37566	1855-K53D7	16D150588	Phạm Thị	Thúy	Nữ	01/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003760	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37567	1856-K53D8	17D150472	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	23/01/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003761	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37568	1857-K53D8	17D150488	Hứa Thị Thu	Hương	Nữ	12/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003762	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37569	1858-K53D8	17D150492	Đỗ Thị Thùy	Linh	Nữ	19/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003763	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37570	1859-K20D	D15D180121	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	23/01/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003764	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37571	1860-K21D	D15D100072	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	26/09/1997	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003765	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37572	1861-K21D	D15D220218	Phí Thị Thục	Chinh	Nữ	15/12/1997	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003766	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37573	1862-K21D	D16D100426	Hoàng Thu	Hương	Nữ	21/01/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003767	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1532/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37574	1863-K50DD	14D155047	Vũ Mạnh	Tuấn	Nam	10/03/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003768	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1533/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37575	1864-K53DD	17D155003	Nguyễn Hà	Anh	Nữ	20/12/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003769	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1533/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37576	1865-K53DD	17D155005	Lê Bùi Ngọc	Ánh	Nữ	25/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003770	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1533/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37577	1866-K53DD	17D155023	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	21/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003771	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1533/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37578	1867-K53DD	17D155028	Đoàn Hà	Nhi	Nữ	23/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003772	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1533/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37579	1868-K53DD	17D155030	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	25/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003773	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1533/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37580	1869-K50E6	14D130362	Phan Hải	Hà	Nữ	11/09/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003774	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37581	1870-K52E1	16D130007	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	05/09/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003775	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37582	1871-K52E2	16D130113	Bùi Bảo	Ngọc	Nữ	21/12/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003776	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37583	1872-K52E3	16D130186	Nguyễn Thị Mĩ	Linh	Nữ	30/04/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003777	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37584	1873-K53E1	17D130019	Nguyễn Thị Mỹ	Khánh	Nữ	26/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003778	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37585	1874-K53E1	17D130024	Võ Hà	Linh	Nữ	27/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003779	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37586	1875-K53E1	17D130029	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	15/04/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003780	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37587	1876-K53E2	17D130087	Phùng Thị Thanh	Huyền	Nữ	11/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003781	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37588	1877-K53E2	17D130097	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	Nữ	10/05/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003782	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37589	1878-K53E5	17D130323	Nguyễn Đông	Tùng	Nam	23/01/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003783	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37590	1879-K53E1	17D130047	Khanmaly	PHOMMALATH	Nữ	12/05/1998	Lào	Lào	Lào	Khá	TMU.7.003784	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1534/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37591	1880-K53EK1	17D260002	Đỗ Tiến	Anh	Nam	14/03/1999	Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003785	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1535/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37592	1881-K53EK1	17D260014	Đỗ Thu	Hà	Nữ	22/02/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003786	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1535/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37593	1882-K53EK1	17D260039	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	15/06/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003787	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1535/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37594	1883-K53EK1	17D260049	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	11/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003788	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1535/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37595	1884-K53EK2	17D260081	Hàn Thị Kim	Anh	Nữ	03/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003789	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1535/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37596	1885-K53EK2	17D260089	Đỗ Thanh	Dịu	Nữ	11/03/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003790	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1535/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37597	1886-K53EK2	17D260096	Vương Thúy	Hằng	Nữ	08/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003791	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1535/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37598	1887-K53EK2	17D260116	Phạm Hồng	Sơn	Nam	28/06/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003792	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1535/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37599	1888-K53EK3	17D260176	Nguyễn Thị Thúy	Hạnh	Nữ	27/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003793	2021	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1535/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37600	1889-K51F3	15D160172	Nguyễn Văn	Long	Nam	12/07/1996	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003794	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37601	1890-K51F4	15D160236	Vũ Thị	Huyền	Nữ	17/11/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003795	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37602	1891-K52F1	16D160005	Phạm Văn	Chung	Nam	27/09/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003796	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37603	1892-K52F1	16D160003	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	28/01/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003797	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37604	1893-K52F1	16D160018	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	20/05/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003798	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37605	1894-K52F1	16D160045	Đinh Thiện	Quang	Nam	20/05/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003799	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37606	1895-K52F1	16D160054	Nguyễn Thị Minh	Thuận	Nữ	27/03/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003800	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37607	1896-K52F1	16D160063	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	03/01/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003801	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37608	1897-K52F2	16D160098	Nguyễn Văn Sỹ	Dũng	Nam	09/11/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003802	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37609	1898-K52F2	16D160109	Lục Minh	Hiếu	Nam	23/06/1998	Quảng Ninh	Sán Dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.003803	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37610	1899-K52F2	16D160113	Nguyễn Duy	Huân	Nam	19/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003804	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37611	1900-K52F2	16D160116	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	25/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003805	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37612	1901-K52F2	16D160130	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	03/11/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003806	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37613	1902-K52F2	16D160132	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	02/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003807	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37614	1903-K52F2	16D160142	Lê Thị	Thêm	Nữ	06/08/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003808	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37615	1904-K52F2	16D160150	Lương Thị Thùy	Trang	Nữ	25/12/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003809	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37616	1905-K52F3	16D160197	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	21/01/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003810	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37617	1906-K52F3	16D160207	Trần Thị Thu	Hường	Nữ	29/11/1997	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.003811	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37618	1907-K52F3	16D160214	Phạm Thị	Linh	Nữ	31/01/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003812	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37619	1908-K52F3	16D160215	Đặng Thị	Mai	Nữ	06/07/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003813	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37620	1909-K52F3	16D160230	Trần Thị	Thảo	Nữ	24/12/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003814	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37621	1910-K52F3	16D160231		Thiên	Nam	01/02/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003815	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37622	1911-K52F3	16D160244	Lưu Thị	Xuyến	Nữ	11/05/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003816	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37623	1912-K52F4	16D160275	Trần Thị	Diệu	Nữ	15/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003817	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37624	1913-K52F4	16D160298	Võ Trọng	Kiên	Nam	24/09/1996	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003818	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37625	1914-K52F4	16D160310	Hoàng Hoa Tôn Anh	Nguyên	Nữ	14/12/1998	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003819	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37626	1915-K52F6	16D160462	Phan Khánh	Huyền	Nữ	10/08/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003820	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37627	1916-K52F6	16D160476	Trần Thị Minh	Nguyệt	Nữ	02/08/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003821	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37628	1917-K52F6	16D160477	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	26/08/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003822	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37629	1918-K52F6	16D160484	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	28/05/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003823	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37630	1919-K53F1	17D160005	Vũ Thị	Châm	Nữ	10/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003824	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37631	1920-K53F1	17D160007	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	02/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003825	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37632	1921-K53F1	17D160016	Trần Thị Mỹ	Huyền	Nữ	08/08/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003826	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37633	1922-K53F1	17D160021	Phạm Trọng	Linh	Nam	27/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003827	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37634	1923-K53F1	17D160026	Phạm Yến	Nhi	Nữ	22/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003828	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37635	1924-K53F1	17D160035	Đặng Thị	Trang	Nữ	20/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003829	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37636	1925-K53F1	17D160042	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	15/04/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003830	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37637	1926-K53F2	17D160069	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	14/01/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003831	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37638	1927-K53F2	17D160078	Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	21/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003832	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37639	1928-K53F2	17D160086	Đào Đức	Nhật	Nam	31/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003833	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37640	1929-K53F2	17D160092	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	04/11/1999	Quảng Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003834	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37641	1930-K53F2	17D160106	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	28/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003835	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37642	1931-K53F2	17D160098	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	22/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003836	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37643	1932-K53F3	17D160122	Hoàng Văn	Anh	Nam	08/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003837	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37644	1933-K53F3	17D160123	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	08/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003838	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37645	1934-K53F3	17D160132	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	13/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003839	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37646	1935-K53F3	17D160141	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	04/08/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003840	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37647	1936-K53F3	17D160144	Lê Thị Huế	Mỹ	Nữ	07/03/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003841	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37648	1937-K53F3	17D160151	Nguyễn Thị	Sinh	Nữ	08/02/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003842	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37649	1938-K53F4	17D160192	Phạm Thị	Hạnh	Nữ	05/11/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003843	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37650	1939-K53F4	17D160194	Vũ Quang	Hiệu	Nam	22/05/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003844	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37651	1940-K53F4	17D160195	Lê Thị Bích	Hòa	Nữ	23/04/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003845	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37652	1941-K53F4	17D160209	Đậu Thị Nhật	Quyên	Nữ	18/06/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003846	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37653	1942-K53F5	17D160244	Mai Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003847	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37654	1943-K53F5	17D160268	Phạm Minh	Phương	Nữ	12/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003848	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37655	1944-K53F5	17D160269	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	20/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003849	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37656	1945-K53F5	17D160282	Tiêu Thị Thu	Trang	Nữ	15/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003850	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37657	1946-K53F6	17D160332	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	18/03/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003851	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37658	1947-K53F6	17D160336	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	15/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003852	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37659	1948-K53F7	17D160370	Lê Thị Bích	Hảo	Nữ	22/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003853	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37660	1949-K53F7	17D160386	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	17/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003854	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37661	1950-K53F7	17D160391	Đào Thị	Thảo	Nữ	30/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003855	2021	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1536/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37662	1951-K50P2	14D200085	Trần Thục	Hiền	Nữ	13/11/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003856	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37663	1952-K52P1	16D200049	Vũ Thị	Trinh	Nữ	01/01/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003857	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37664	1953-K52P2	16D200087	Từ Văn	Hải	Nam	09/08/1997	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003858	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37665	1954-K52P2	16D200113	Nguyễn Hương	Thảo	Nữ	05/06/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003859	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37666	1955-K52P3	16D200190	Bùi Thị Phương	Thanh	Nữ	09/09/1998	Thanh Hoá	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.003860	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37667	1956-K52P4	16D200259	Đinh Tuấn	Sơn	Nam	26/10/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003861	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37668	1957-K53P1	17D200008	Đỗ Khắc	Cương	Nam	06/01/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003862	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37669	1958-K53P1	17D200010	Ứng Minh	Đức	Nam	11/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003863	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37670	1959-K53P1	17D200014	Nguyễn Quang	Huy	Nam	09/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003864	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37671	1960-K53P2	17D200064	Phạm Kim	Anh	Nữ	22/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003865	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37672	1961-K53P2	17D200068	Tô Đỗ Quang	Duy	Nam	20/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003866	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37673	1962-K53P2	17D200086	Đào Thị Hồng	Nhung	Nữ	13/03/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003867	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37674	1963-K53P3	17D200124	Nguyễn Thị Thảo	Anh	Nữ	11/03/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003868	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37675	1964-K53P3	17D200126	Nguyễn Văn	Bằng	Nam	23/01/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003869	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37676	1965-K53P3	17D200128	Trần Nữ Bách	Diệp	Nữ	21/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003870	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37677	1966-K53P3	17D200143	Đinh Văn	Nam	Nam	25/01/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003871	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37678	1967-K53P3	17D200165	Đặng Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003872	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37679	1968-K53P3	17D200161	Chayxamlet	Vatsana	Nữ	02/01/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003873	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37680	1969-K53P3	17D200162	Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	21/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003874	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37681	1970-K53P4	17D200226	Ngô Thị Thu	Hồng	Nữ	28/09/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003875	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37682	1971-K53P4	17D200197	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nữ	25/09/1999	Hà Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003876	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37683	1972-K53P4	17D200211	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	27/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003877	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37684	1973-K53P4	17D200213	Đỗ Thị Linh	Thanh	Nữ	03/11/1999	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003878	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37685	1974-K53P4	17D200218	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	28/05/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003879	2021	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1537/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37686	1975-K51I2	15D140095	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	28/08/1997	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003880	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37687	1976-K52I1	16D140006	Hoàng Việt	Dũng	Nam	07/07/1997	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.003881	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37688	1977-K52I1	16D140019	Phùng Quốc	Khánh	Nam	23/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003882	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37689	1978-K52I1	16D140027	Trịnh Văn	Minh	Nam	01/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003883	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37690	1979-K52I1	16D140034	Nguyễn Đình	Sang	Nam	11/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003884	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37691	1980-K52I1	16D140035	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	Nữ	26/08/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003885	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37692	1981-K52I1	16D140038	Lê Thị Hà	Thúy	Nữ	17/02/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003886	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37693	1982-K52I2	16D140085	Đặng Thị	Hồng	Nữ	12/05/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003887	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37694	1983-K52I2	16D140102	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	Nữ	22/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003888	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37695	1984-K52I2	16D140108	Lý Thị	Thắm	Nữ	01/01/1998	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003889	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37696	1985-K52I2	16D140107	Đào Thị	Thảo	Nữ	06/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003890	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37697	1986-K52I3	16D140147	Tạ Văn	Điều	Nam	10/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003891	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37698	1987-K52I3	16D140157	Phạm Thị	Hương	Nữ	10/09/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003892	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37699	1988-K52I3	16D140158	Lê Duy	Khánh	Nam	02/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003893	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37700	1989-K52I3	16D140163	Đỗ Thị	Loan	Nữ	05/01/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003894	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37701	1990-K52I3	16D140170	Đỗ Như	Ngọc	Nữ	12/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003895	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37702	1991-K52I3	16D140186	Trần Quốc	Việt	Nam	12/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003896	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37703	1992-K52I3	16D140187	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	11/04/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003897	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37704	1993-K52I5	16D140339	Nguyễn Hoàng	Tuân	Nam	28/01/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003898	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37705	1994-K53I1	17D140005	Nguyễn Thị	Chúc	Nữ	24/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003899	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37706	1995-K53I1	17D140006	Trần Văn	Chương	Nam	08/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003900	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37707	1996-K53I1	17D140013	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	12/01/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003901	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37708	1997-K53I1	17D140017	Đinh Thị	Hồng	Nữ	03/01/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003902	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37709	1998-K53I1	17D140018	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	29/10/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003903	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37710	1999-K53I1	17D140041	Đỗ Văn	Toàn	Nam	25/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003904	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37711	2000-K53I1	17D140044	Vũ Quỳnh	Trang	Nữ	05/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003905	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37712	2001-K53I2	17D140079	Nguyễn Việt	Đức	Nam	07/11/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003906	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37713	2002-K53I2	17D140092	Nguyễn Thị Thúy	Hường	Nữ	28/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003907	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37714	2003-K53I2	17D140115	Đỗ Thanh	Tùng	Nam	02/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003908	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37715	2004-K53I3	17D140141	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	29/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003909	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37716	2005-K53I3	17D140149	Phạm Minh	Đức	Nam	04/11/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003910	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37717	2006-K53I3	17D140150	Đỗ Thị	Giang	Nữ	25/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003911	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37718	2007-K53I3	17D140165	Nguyễn Thị Lan	Linh	Nữ	28/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003912	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37719	2008-K53I3	17D140173	Hồ Minh	Quân	Nam	01/03/1999	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003913	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37720	2009-K53I3	17D140177	Nguyễn Tài	Thăng	Nam	11/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003914	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37721	2010-K53I4	17D140210	Đỗ Thị	Giang	Nữ	23/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003915	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37722	2011-K53I4	17D140213	Vy Thị	Hiên	Nữ	26/02/1999	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003916	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37723	2012-K53I4	17D140232	Phan Thị	Nhung	Nữ	02/02/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003917	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37724	2013-K53I4	17D140234	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	02/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003918	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37725	2014-K53I4	17D140240	Lê Thị Thúy	Tình	Nữ	24/04/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003919	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37726	2015-K53I5	17D140282	Trần Thị	Hảo	Nữ	08/01/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003920	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37727	2016-K53I5	17D140302	Đỗ Thị Kim	Oanh	Nữ	12/06/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003921	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37728	2017-K53I5	17D140316	Vũ Thị	Vân	Nữ	06/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003922	2021	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1538/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37729	2018-K50S6	14D190359	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	01/12/1995	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003923	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37730	2019-K50S8	14D190528	Phạm Thị Hồng	Ngọc	Nữ	15/12/1996	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003924	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37731	2020-K52S1	16D190001	Lê Trần Tú	Anh	Nữ	20/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003925	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37732	2021-K52S1	16D190003	Lê Minh	Chiến	Nam	24/05/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003926	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37733	2022-K52S1	16D190005	Chu Văn	Định	Nam	08/04/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003927	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37734	2023-K52S1	16D190009	Hà Thị	Hạnh	Nữ	06/05/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003928	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37735	2024-K52S1	16D190016	Phạm Thị	Huyền	Nữ	18/10/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003929	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37736	2025-K52S2	16D190066	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	04/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003930	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37737	2026-K52S2	16D190084	Nguyễn Thị Gia	Như	Nữ	03/09/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003931	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37738	2027-K52S4	16D190190	Lê Hoàng	Hiệp	Nam	24/02/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003932	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37739	2028-K52S4	16D190218	Lưu Hoài	Trang	Nữ	20/08/1998	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003933	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37740	2029-K53S1	17D190007	Hán Thị	Đào	Nữ	21/05/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003934	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37741	2030-K53S1	17D190011	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	24/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003935	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37742	2031-K53S1	17D190013	Vũ Thị	Huế	Nữ	22/04/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003936	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37743	2032-K53S1	17D190015	Đặng Đức	Hùng	Nam	21/05/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003937	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37744	2033-K53S1	17D190018	Trần Thị	Lan	Nữ	05/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003938	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37745	2034-K53S1	17D190021	Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	25/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003939	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37746	2035-K53S1	17D190022	Vũ Thị Huyền	My	Nữ	20/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003940	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37747	2036-K53S1	17D190024	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	15/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003941	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37748	2037-K53S1	17D190025	Lê Thị	Nhâm	Nữ	18/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003942	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37749	2038-K53S1	17D190033	Lê Xuân	Tiền	Nam	18/09/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003943	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37750	2039-K53S1	17D190037	Đặng Thị	Tươi	Nữ	08/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003944	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37751	2040-K53S2	17D190066	Đinh Trọng	Đại	Nam	17/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003945	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37752	2041-K53S2	17D190075	Đỗ Văn	Hùng	Nam	01/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003946	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37753	2042-K53S2	17D190080	Trần Thị Thanh	Luyến	Nữ	07/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003947	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37754	2043-K53S2	17D190085	Nguyễn Thị	Nhận	Nữ	02/06/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003948	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37755	2044-K53S2	17D190086	Lê Thu	Phương	Nữ	29/03/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003949	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37756	2045-K53S2	17D190089	Nguyễn Mai	Thanh	Nữ	12/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003950	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37757	2046-K53S3	17D190124	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	29/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003951	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37758	2047-K53S3	17D190135	Dương Thu	Hương	Nữ	15/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003952	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37759	2048-K53S3	17D190137	Đỗ Thị	Linh	Nữ	21/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003953	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37760	2049-K53S4	17D190222	Lâm Thị Hồng	Hạnh	Nữ	12/02/1999	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.003954	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37761	2050-K53S4	17D190211	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	11/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003955	2021	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1539/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37762	2051-K51H1	15D180014	Trịnh Thúy	Hằng	Nữ	10/02/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003956	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37763	2052-K51H5	15D180281	Nguyễn Hà	An	Nữ	26/03/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003957	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37764	2053-K51H5	15D180282	Hoàng Thục	Anh	Nữ	12/10/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003958	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37765	2054-K52H1	16D180021	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	24/02/1998	Lào Cai	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.003959	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37766	2055-K52H1	16D180035	Nguyễn Thị Hà	Lê	Nữ	14/06/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003960	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37767	2056-K52H1	16D180068	Dương Thị Lan	Vy	Nữ	21/03/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003961	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37768	2057-K52H2	16D180118	Đinh Thị	Huế	Nữ	17/02/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003962	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37769	2058-K52H2	16D180124	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	06/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003963	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37770	2059-K52H3	16D180208	Phan Thị Thanh	Huyền	Nữ	22/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003964	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG M

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37779	2068-K52H6	16D180488	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	11/02/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003973	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37780	2069-K53H1	17D180007	Tô Thị	Bích	Nữ	01/08/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003974	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37781	2070-K53H1	17D180049	Vũ Thu	Hoài	Nữ	21/03/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003975	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37782	2071-K53H1	17D180028	Tào Thị Trà	My	Nữ	22/02/1999	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003976	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37783	2072-K53H2	17D180075	Trần Thị Kiều	Anh	Nữ	01/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003977	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37784	2073-K53H2	17D180076	Chu Trọng	Chế	Nam	03/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003978	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37785	2074-K53H2	17D180091	Trần Thị Thu	Hường	Nữ	11/05/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003979	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37786	2075-K53H2	17D180093	Tống Thị Phương	Lâm	Nữ	06/08/1999	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003980	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37787	2076-K53H3	17D180131	Bùi Phương	Anh	Nữ	15/05/1999	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.003981	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37788	2077-K53H3	17D180136	Phạm Văn	Chiến	Nam	23/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003982	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37789	2078-K53H3	17D180139	Hà Ngọc	Điệp	Nữ	29/12/1999	Quảng Ninh	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.003983	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37790	2079-K53H3	17D180177	Nguyễn Ngọc Thu	Hà	Nữ	08/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003984	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37791	2080-K53H3	17D180142	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	05/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003985	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37792	2081-K53H3	17D180147	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	28/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003986	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37793	2082-K53H3	17D180149	Thái Vũ Ngọc	Huyền	Nữ	21/07/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003987	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37794	2083-K53H3	17D180153	Lê Thùy	Linh	Nữ	26/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003988	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37795	2084-K53H3	17D180178	Lê Thị Hoài	Nga	Nữ	12/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003989	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37796	2085-K53H3	17D180159	Đỗ Thị Bích	Ngọc	Nữ	24/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003990	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37797	2086-K53H3	17D180166	Trương Thu	Thảo	Nữ	26/08/1999	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003991	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37798	2087-K53H3	17D180169	Kiều Minh	Trang	Nữ	04/03/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003992	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37799	2088-K53H4	17D180201	Dương Nguyễn Thu	Hà	Nữ	20/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003993	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37800	2089-K53H4	17D180202	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	26/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003994	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37801	2090-K53H4	17D180207	Trần Tất	Hội	Nam	03/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.003995	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37802	2091-K53H4	17D180211	Quang Thị	Khuê	Nữ	08/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003996	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37803	2092-K53H4	17D180219	Nguyễn Minh	Nguyệt	Nữ	20/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003997	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37804	2093-K53H5	17D180295	Lê Thu	Dinh	Nữ	23/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.003998	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37805	2094-K53H5	17D180256	Nguyễn Văn	Doanh	Nam	22/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.003999	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37806	2095-K53H5	17D180269	Lê Thu	Hương	Nữ	26/11/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004000	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37807	2096-K53H5	17D180283	Phạm Thái	Sơn	Nam	26/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004001	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37808	2097-K53H5	17D180294	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	27/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004002	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37809	2098-K53H5	17D180298	Vũ Thị Thanh	Thư	Nữ	24/10/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004003	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37810	2099-K53H5	17D180293	Lê Hải	Vân	Nữ	01/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004004	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37811	2100-K53H6	17D180334	Đào Duy	Hiếu	Nam	16/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004005	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37812	2101-K53H6	17D180372	Nghiêm Thị Mai	Hương	Nữ	25/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004006	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37813	2102-K53H6	17D180342	Nguyễn Thúy	Lành	Nữ	07/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004007	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37814	2103-K52H2	15D180120	Lê Phương	Thảo	Nữ	20/03/1997	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004008	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37815	2104-K54H4	18D180202	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	02/09/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004009	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37816	2105-K20H	H15D200056	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	16/11/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004010	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37817	2106-K22H	H16D200088	Phan Thị Thu	Hằng	Nữ	01/09/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004011	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37818	2107-K51HH	15D185007	Nguyễn Thùy	Duyên	Nữ	05/09/1997	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004012	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1541/QĐ-ĐHTM ngày 12tháng 10 năm 2021)	
37819	2108-K53HH	17D185001	Bùi Lan	Anh	Nữ	07/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004013	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1541/QĐ-ĐHTM ngày 12tháng 10 năm 2021)	
37820	2109-K53HH	17D185003	Nguyễn Thiều	Chinh	Nữ	31/03/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004014	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1541/QĐ-ĐHTM ngày 12tháng 10 năm 2021)	
37821	2110-K53HH	17D185004	Phạm Thùy	Dung	Nữ	29/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004015	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1541/QĐ-ĐHTM ngày 12tháng 10 năm 2021)	
37822	2111-K53HH	17D185009	Trần Thị	Giang	Nữ	26/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004016	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1541/QĐ-ĐHTM ngày 12tháng 10 năm 2021)	
37823	2112-K53HH	17D185016	Phạm Văn	Hùng	Nam	06/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004017	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1541/QĐ-ĐHTM ngày 12tháng 10 năm 2021)	
37824	2113-K53HH	17D185025	Nguyễn Lê Hà	Phương	Nữ	24/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004018	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1541/QĐ-ĐHTM ngày 12tháng 10 năm 2021)	
37825	2114-K53HH	17D185030	Trần Thanh	Tuấn	Nam	13/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004019	2021	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1541/QĐ-ĐHTM ngày 12tháng 10 năm 2021)	
37826	2115-K50N6	14D170378	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	23/10/1996	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004020	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37827	2116-K51N1	15D170029	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	20/06/1997	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004021	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37828	2117-K51N4	15D170222	Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	01/04/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004022	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37829	2118-K52N1	16D170013	Nguyễn Minh	Hà	Nam	02/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004023	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37830	2119-K52N2	16D170073	Lý Tiến	Anh	Nam	02/08/1998	Cao Bằng	Nùng	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004024	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37831	2120-K52N2	16D170081	Nguyễn Lưu Tuấn	Dũng	Nam	31/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004025	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37832	2121-K52N2	16D170088	Lê Thị	Hoa	Nữ	28/02/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004026	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37833	2122-K52N3	16D170178	Phạm Thị	Phương	Nữ	07/12/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004027	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37834	2123-K52N5	16D170293	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	31/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004028	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37835	2124-K52N5	16D170313	Lương Thị	Ngát	Nữ	12/06/1998	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004029	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37836	2125-K52N6	16D170379	Đỗ Hà	Mi	Nữ	30/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004030	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37837	2126-K52N6	16D170380	Lê Hoài	Nam	Nam	06/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004031	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37838	2127-K52N6	16D170384	Lê Minh	Ngọc	Nữ	29/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004032	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37839	2128-K52N6	16D170397	Đặng Nam Hải	Triều	Nam	24/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004033	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37840	2129-K53N2	17D170062	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	13/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004034	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37841	2130-K53N2	17D170084	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	14/09/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004035	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37842	2131-K53N2	17D170088	Vũ Thảo	Nguyên	Nữ	09/10/1999	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004036	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37843	2132-K53N2	17D170089	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	26/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004037	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37844	2133-K53N3	17D170128	Nguyễn Hoàng	Giang	Nữ	01/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004038	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37845	2134-K53N3	17D170150	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	11/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004039	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37846	2135-K53N4	17D170191	Lưu Minh	Hạnh	Nữ	24/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004040	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37847	2136-K53N4	17D170209	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	12/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004041	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37848	2137-K53N4	17D170212	Bùi Đỗ Xuân	Quỳnh	Nữ	23/08/1999	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004042	2021	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1542/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37849	2138-K53N4	17D170214	Nguyễn Phương	Thảo	N

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37855	2144-K51U5	15D210327	Lành Thiện	Mỹ	Nữ	15/12/1997	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004049	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37856	2145-K52U2	15D210078	Trần Minh	Đức	Nam	17/01/1997	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004050	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37857	2146-K52U2	15D210108	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	12/12/1997	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004051	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37858	2147-K52U1	16D210007	Trần Thị	Duyên	Nữ	26/09/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004052	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37859	2148-K52U1	16D210013	Tạ Thị	Hằng	Nữ	20/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004053	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37860	2149-K52U1	16D210018	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	23/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004054	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37861	2150-K52U2	16D210085	Lê Thị	Hòa	Nữ	10/10/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004055	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37862	2151-K52U2	16D210083	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	25/05/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004056	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37863	2152-K52U2	16D210087	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	28/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004057	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37864	2153-K52U2	16D210098	Nguyễn Thị Diệu	Ly	Nữ	01/07/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004058	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37865	2154-K52U2	16D210100	Nguyễn Nhật	Mỹ	Nữ	27/12/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004059	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37866	2155-K52U2	16D210102	Trần Thị	Ngoan	Nữ	16/04/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004060	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37867	2156-K52U2	16D210116	Phạm Thị	Thương	Nữ	07/07/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004061	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37868	2157-K52U2	16D210120	Ma Thị	Uyên	Nữ	22/12/1998	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004062	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37869	2158-K52U3	16D210146	Lê Tuấn	Dũng	Nam	25/10/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004063	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37870	2159-K52U3	16D210145	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	03/11/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004064	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37871	2160-K52U3	16D210154	Phan Hữu Hoàng	Huy	Nam	29/04/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004065	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37872	2161-K52U3	16D210161	Bùi Thị	Lệ	Nữ	15/08/1998	Thanh Hoá	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.004066	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37873	2162-K52U3	16D210163	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	09/10/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004067	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37874	2163-K52U3	16D210177	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	05/04/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004068	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37875	2164-K52U3	16D210180	Đỗ Thị	Thoa	Nữ	13/11/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004069	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37876	2165-K52U3	16D210182	Cao Thị	Thúy	Nữ	28/03/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004070	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37877	2166-K52U3	16D210190	Đinh Thị Thúy	Vân	Nữ	23/12/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004071	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37878	2167-K52U4	16D210222	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	04/11/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004072	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37879	2168-K52U4	16D210230	Ngô Thị Kim	Liên	Nữ	20/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004073	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37880	2169-K53U1	17D210005	Mai Thị Kim	Duyên	Nữ	12/06/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004074	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37881	2170-K53U1	17D210010	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	09/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004075	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37882	2171-K53U1	17D210011	Đỗ Thị Yến	Hồng	Nữ	03/01/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004076	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37883	2172-K53U1	17D210017	Lê Thùy	Linh	Nữ	26/05/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004077	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37884	2173-K53U1	17D210019	Phạm Tiểu Yến	Linh	Nữ	13/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004078	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37885	2174-K53U1	17D210021	Vũ Thị Hương	Ly	Nữ	17/08/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004079	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37886	2175-K53U1	17D210030	Đặng Thị Thanh	Phương	Nữ	01/09/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004080	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37887	2176-K53U2	16D210119	Đào Thị	Trang	Nữ	20/01/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004081	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37888	2177-K53U3	17D210122	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	28/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004082	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37889	2178-K53U3	17D210146	Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	14/04/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004083	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37890	2179-K53U5	17D210258	Phạm Khánh	Linh	Nữ	03/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004084	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37891	2180-K53U5	17D210260	Phạm Khánh	Ly	Nữ	10/05/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004085	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37892	2181-K53U5	17D210266	Vũ Thị Ánh	Ngọc	Nữ	24/04/1999	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004086	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37893	2182-K53U6	17D210320	Phạm Kim	Ly	Nữ	27/12/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004087	2021	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1543/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 10 năm 2021)	
37894	2183-TQ2+2K12	18U130004	LIANG HAITING		Nữ	16/06/1998	Trung Quốc	Hán	Trung Quốc	Trung bình	TMU.7.004088	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1637/QĐ-ĐHTM ngày 29tháng 10 năm 2021	
37895	2184-TQ2+2K12	18U130005	HU CHAOHUA		Nữ	14/01/1998	Trung Quốc	Hán	Trung Quốc	Trung bình	TMU.7.004089	2021	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1637/QĐ-ĐHTM ngày 29tháng 10 năm 2021	
37896	2185-K17CQ1	19H102053	Quyền Hải	Linh	Nữ	05/12/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004090	2021	Vừa làm Vừa học	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1620/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37897	2186-K51DQ1	17E100025	Nguyễn Quốc	An	Nam	29/11/1996	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	TB khá	TMU.7.004091	2021	Vừa làm Vừa học	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1621/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37898	2187-K51DQ1	17E100024	Nguyễn Thị	Gấm	Nữ	11/05/1996	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004092	2021	Vừa làm Vừa học	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1621/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37899	2188-K51DQ1	17E100028	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	26/06/1996	Nam Định	Kinh	Việt Nam	TB khá	TMU.7.004093	2021	Vừa làm Vừa học	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1621/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37900	2189-K47DK1	13E100063	Nghiêm Xuân	Huy	Nam	25/06/1992	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	TB khá	TMU.7.004094	2021	Vừa làm Vừa học	Quản trị kinh doanh	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1622/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37901	2190-K48DK1	14E155013	Bùi Minh	Tâm	Nam	15/04/1987	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	TB khá	TMU.7.004095	2021	Vừa làm Vừa học	Quản trị kinh doanh	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1622/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37902	2191-K17CK1	19H153251	Trần Thị	Tình	Nữ	30/01/1994	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004096	2021	Vừa làm Vừa học	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1623/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37903	2192-K16CQ1	16H100189	Đào Thị	Khuyên	Nữ	13/07/1992	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004097	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1624/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37904	2193-K16CQ1	19H106035	Nguyễn Xuân	Nguyên	Nam	04/01/1979	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004098	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1624/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37905	2194-K16CQ1	19H106050	Lê Linh	Thi	Nữ	21/01/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004099	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1624/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37906	2195-K16CQ1	19H106051	Trịnh Thị	Thúy	Nữ	27/08/1991	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004100	2021	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1624/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37907	2196-K16CK2	19H155085	Thân Mạnh	Cường	Nam	07/09/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004101	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1625/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37908	2197-K53BK1	18G150021	Vũ Thị Phương	Nhung	Nữ	27/11/1994	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004102	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37909	2198-K53BK1	18G150026	Cao Diệu	Thúy	Nữ	03/09/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004103	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37910	2199-K54BK1	19G150003	Nguyễn Lê	Hằng	Nữ	25/10/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004104	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37911	2200-K54BK1	19G150004	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	09/05/1991	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004105	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37912	2201-K54BK1	19G150005	Trịnh Thị	Hạnh	Nữ	08/05/1985	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004106	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37913	2202-K54BK1	19G150006	Lê Thị	Hoa	Nữ	04/07/1995	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004107	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37914	2203-K54BK1	19G150007	Vũ Phương	Hoa	Nữ	21/02/1994	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004108	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37915	2204-K54BK1	19G150008	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	26/12/1990	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004109	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37916	2205-K54BK1	19G150010	Cao Xuân	Huy	Nam	20/09/1996	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004110	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37917	2206-K54BK1	19G150011	Đồng Thị	Huyền	Nữ	20/04/1995	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004111	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37918	2207-K54BK1	19G150012	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	15/02/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004112	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37919	2208-K54BK1	19G150014	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	08/09/1991	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004113	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37920	2209-K54BK1	19G150015	Hồ Công	Thành	Nam	12/05/1995	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004114	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37921	2210-K54BK1	19G150016	Vũ Diệu	Thùy	Nữ	13/04/1992	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004115	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37922	2211-K54BK1	19G150017	Hồ Thị	Vân	Nữ	14/10/1989	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004116	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37923	2212-K54BK1	19G150018	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	17/07/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004117	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1626/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37924	2213-K10TK3	18H158503	Tống Thị	Chanh	Nữ	02/07/1981	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004118	2021	Vừa làm Vừa học	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1627/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37925	2214-K10TK3	18H158530	Chu Thu	Trà	Nữ	09/10/1979	Hà Tây cũ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004119	2021	Vừa làm Vừa học	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1627/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37926	2215-K6TK3	15H153176	Lê Minh	Ngọc	Nữ	29/09/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004120	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Qu

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
37931	2220-K10TK1	18H155001	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	03/03/1994	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004125	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37932	2221-K10TK1	18H155003	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	06/07/1994	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004126	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37933	2222-K10TK1	18H155007	Nguyễn Duy	Chung	Nam	22/12/1993	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004127	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37934	2223-K10TK1	18H155005	Nguyễn Việt	Cường	Nam	16/06/1991	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004128	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37935	2224-K10TK1	18H155006	Phan Văn	Cường	Nam	15/07/1997	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004129	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37936	2225-K10TK1	18H155011	Nguyễn Xuân	Đức	Nam	10/02/1997	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004130	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37937	2226-K10TK1	18H155008	Ngô Thị	Dung	Nữ	20/01/1984	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004131	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37938	2227-K10TK1	18H155012	Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	21/04/1985	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004132	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37939	2228-K10TK1	18H155014	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	25/10/1992	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004133	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37940	2229-K10TK1	18H155015	Lê Thị	Hoa	Nữ	29/04/1987	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004134	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37941	2230-K10TK1	18H155016	Tạ Thị	Hồng	Nữ	15/11/1982	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004135	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37942	2231-K10TK1	18H155017	Trịnh Thị	Hồng	Nữ	15/08/1994	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004136	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37943	2232-K10TK1	18H155019	Đoàn Thị	Hương	Nữ	23/08/1981	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004137	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37944	2233-K10TK1	18H155020	Đỗ Thị	Hường	Nữ	14/08/1986	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004138	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37945	2234-K10TK1	18H155021	Hoàng Thị	Hường	Nữ	09/04/1982	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004139	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37946	2235-K10TK1	18H155022	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	25/03/1991	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004140	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37947	2236-K10TK1	18H155023	Nguyễn Duy	Long	Nam	23/08/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004141	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37948	2237-K10TK1	18H155024	Nguyễn Hữu	Long	Nam	02/03/1994	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004142	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37949	2238-K10TK1	18H155025	Lê Thị	Ngọc	Nữ	18/03/1997	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004143	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37950	2239-K10TK1	18H155026	Lê Thị	Nhung	Nữ	10/03/1991	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004144	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37951	2240-K10TK1	18H155027	Nguyễn Đăng	Quân	Nam	10/09/1995	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004145	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37952	2241-K10TK1	18H155029	Lê Thị	Thanh	Nữ	11/08/1984	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004146	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37953	2242-K10TK1	18H155030	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	27/03/1997	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004147	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37954	2243-K10TK1	18H155031	Lê Thị	Thu	Nữ	10/09/1993	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004148	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37955	2244-K10TK1	18H155032	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	05/09/1989	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004149	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37956	2245-K10TK1	18H155033	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	22/10/1988	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004150	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37957	2246-K10TK1	18H155034	Phạm Thị	Trang	Nữ	24/10/1991	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004151	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37958	2247-K10TK1	18H155028	Vũ Thị Hồng	Tuyết	Nữ	17/05/1988	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004152	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37959	2248-K10TK2	18H158555	Hà Quỳnh	Anh	Nữ	11/05/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004153	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37960	2249-K10TK2	18H158556	Phạm Quỳnh	Chi	Nữ	07/05/1994	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004154	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37961	2250-K10TK2	18H158557	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	19/05/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004155	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37962	2251-K10TK2	18H158558	Đỗ Thị	Đào	Nữ	03/02/1985	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004156	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37963	2252-K10TK2	18H158561	Trần Thị	Hằng	Nữ	18/10/1988	Đăklăk	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004157	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37964	2253-K10TK2	18H158562	Bùi Thị	Hảo	Nữ	12/02/1982	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004158	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37965	2254-K10TK2	18H158563	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	24/11/1984	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004159	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37966	2255-K10TK2	18H158564	Nguyễn Xuân	Hiển	Nam	12/09/1987	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004160	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37967	2256-K10TK2	18H158565	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	22/12/1981	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004161	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37968	2257-K10TK2	18H158567	Hoàng Thị	Hương	Nữ	01/12/1993	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004162	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37969	2258-K10TK2	18H158566	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	14/09/1994	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004163	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37970	2259-K10TK2	18H158568	Vũ Thị Thu	Hường	Nữ	26/08/1992	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004164	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37971	2260-K10TK2	18H158571	Vũ Thị	La	Nữ	01/03/1986	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004165	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37972	2261-K10TK2	18H158573	Lê Thị	Loan	Nữ	02/01/1994	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004166	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37973	2262-K10TK2	18H158572	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	18/06/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004167	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37974	2263-K10TK2	18H158575	Phan Thị	Nhung	Nữ	08/06/1987	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004168	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37975	2264-K10TK2	18H158577	Bùi Thị	Sáu	Nữ	20/06/1988	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004169	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37976	2265-K10TK2	18H158578	Lê Sỹ	Thái	Nam	14/09/1997	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004170	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37977	2266-K10TK2	18H158579	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	28/06/1986	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004171	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37978	2267-K10TK2	18H158580	Vũ Thùy	Trang	Nữ	13/09/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004172	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37979	2268-K10TK2	18H158581	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	30/10/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004173	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37980	2269-K10TK2	18H158582	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	08/03/1985	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004174	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37981	2270-K10TK2	18H158583	Vũ Thị Thanh	Xuân	Nữ	29/01/1986	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004175	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37982	2271-K10TK3	18H158502	Bùi Thị	Biết	Nữ	15/02/1985	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004176	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37983	2272-K10TK3	18H158505	Đặng Thị Thu	Dung	Nữ	05/02/1990	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004177	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37984	2273-K10TK3	18H158506	Vũ Thị	Dung	Nữ	05/10/1983	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004178	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37985	2274-K10TK3	18H158507	Lê Thị Thúy	Hà	Nữ	12/10/1992	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004179	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37986	2275-K10TK3	18H158508	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	25/01/1981	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004180	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37987	2276-K10TK3	18H158509	Ngô Thị Thúy	Hằng	Nữ	27/04/1978	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004181	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37988	2277-K10TK3	18H158510	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	07/04/1988	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004182	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37989	2278-K10TK3	18H158512	Trương Thị Thu	Hiền	Nữ	05/03/1993	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004183	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37990	2279-K10TK3	18H158513	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	10/01/1987	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004184	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37991	2280-K10TK3	18H158514	Nguyễn Thị Bích	Hồng	Nữ	27/12/1989	Hà Tây cũ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004185	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37992	2281-K10TK3	18H158517	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/04/1983	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004186	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37993	2282-K10TK3	18H158518	Phùng Văn	Huy	Nam	19/09/1983	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004187	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37994	2283-K10TK3	18H158519	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	22/09/1983	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004188	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37995	2284-K10TK3	18H158520	Vũ Thị Vân	Khánh	Nữ	28/03/1987	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004189	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37996	2285-K10TK3	18H158521	Đinh Thị Mai	Linh	Nữ	27/01/1984	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004190	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37997	2286-K10TK3	18H158522	Lê Quang	Long	Nam	08/06/1989	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004191	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37998	2287-K10TK3	18H158523	Đinh Thị	Lương	Nữ	02/01/1975	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004192	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
37999	2288-K10TK3	18H158524	Bùi Hải	Lý	Nữ	29/05/1983	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004193	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
38000	2289-K10TK3	18H158525	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	04/12/1980	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004194	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
38001	2290-K10TK3	18H158526	Phạm Thị	Thơ	Nữ	18/12/1996	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004195	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
38002	2291-K10TK3	18H158527	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	11/11/1989	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004196	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
38003	2292-K10TK3	18H158528	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	14/07/1984	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004197	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
38004	2293-K10TK3	18H158533	Trần Thị	Vân	Nữ	19/09/1986	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004198	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1628/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 10 năm 2021)	
38005	2294-K10TK3	18H158511	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	09/12/1980	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004199	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1800/QĐ-ĐHTM ngày 25 tháng 11 năm 2021)	
38006	2295-K10TK3	18H158515	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	05/11/1971	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004200	2021	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1800/QĐ-ĐHTM ngày 25 tháng 11 năm 2021)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38007	2296-K10TK3	18H158501	Đinh Đức	An	Nam	14/08/1987	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004201	2021	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 2010/QĐ-ĐHTM ngày 25 tháng 12 năm 2021)	
38008	1-K52A2	16D100109	Lương Thị	Linh	Nữ	19/11/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004202	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38009	2-K52A2	16D100114	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	19/12/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004203	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38010	3-K52A2	16D100126	Đồng Thị	Thắm	Nữ	13/08/1998	Lai Châu	Thái	Việt Nam	Khá	TMU.7.004204	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38011	4-K52A3	16D100170	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	14/05/1998	Thanh Hoá	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.004205	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38012	5-K52A4	16D100249	Trần Thị Kim	Dung	Nữ	09/01/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004206	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38013	6-K52A4	16D100282	Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	17/05/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004207	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38014	7-K53A1	17D100018	Nguyễn Minh	Khoa	Nam	19/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004208	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38015	8-K53A1	17D100043	Nguyễn Đình	Vinh	Nam	07/03/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004209	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38016	9-K53A2	17D100063	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	02/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004210	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38017	10-K53A2	17D100091	Nguyễn Ngọc Minh	Phương	Nữ	25/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004211	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38018	11-K53A4	17D100219	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	08/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004212	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38019	12-K53A7	17D100398	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	04/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004213	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38020	13-K53A8	17D100457	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	09/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004214	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38021	14-K53A8	17D100459	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	06/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004215	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38022	15-K53A9	17D100488	Trần Thị Minh	Hải	Nữ	16/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004216	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38023	16-K53A9	17D100502	Đào Minh	Lý	Nữ	16/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004217	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38024	17-K53A9	17D100506	Đoàn Thị	Ngân	Nữ	09/05/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004218	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38025	18-K53A9	17D100511	Vương Thị Hồng	Phượng	Nữ	12/04/1999	Tuyên Quang	Cao Lan	Việt Nam	Khá	TMU.7.004219	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38026	19-K53A3	15D240159	Vũ Quang	Khải	Nam	21/05/1997	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004220	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38027	20-K54A1	18D100013	Nguyễn Hữu Thế	Hải	Nam	02/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004221	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38028	21-K54A1	18D100014	Phan Ngọc	Hân	Nữ	26/11/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004222	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38029	22-K54A1	18D100015	Nguyễn Thảo	Hiền	Nữ	20/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004223	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38030	23-K54A1	18D100026	Trần Diệu	Linh	Nữ	14/08/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004224	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38031	24-K54A1	18D100029	Nguyễn Thị Thu	Mây	Nữ	19/06/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004225	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38032	25-K54A1	18D100030	Nguyễn Hà	My	Nữ	20/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004226	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38033	26-K54A1	18D100032	Lê Thanh Bảo	Ngọc	Nữ	04/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004227	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38034	27-K54A1	18D100033	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	12/08/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004228	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38035	28-K54A1	18D100034	Đỗ Thị Minh	Nhàn	Nữ	06/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004229	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38036	29-K54A1	18D100041	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	20/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004230	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38037	30-K54A1	18D100043	Trần Thị	Thùy	Nữ	08/12/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004231	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38038	31-K54A1	18D100049	Đào Thị Thu	Vân	Nữ	22/08/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004232	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38039	32-K54A2	18D100073	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	25/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004233	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38040	33-K54A2	18D100075	Trương Thị Thu	Hiền	Nữ	30/03/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004234	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38041	34-K54A2	18D100081	Đào Mai	Hương	Nữ	24/12/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004235	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38042	35-K54A2	18D100088	Lưu Thùy	Ly	Nữ	10/03/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004236	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38043	36-K54A2	18D100094	Nguyễn Viết	Nhật	Nam	11/04/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004237	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38044	37-K54A2	18D100097	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	24/12/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004238	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38045	38-K54A2	18D100103	Nguyễn Hoàng	Thùy	Nữ	05/02/2000	Gia Lai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004239	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38046	39-K54A3	18D100122	Nguyễn Thùy	Anh	Nữ	23/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004240	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38047	40-K54A3	18D100134	Đỗ Thị Kim	Hằng	Nữ	27/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004241	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38048	41-K54A3	18D100138	Dương Tuyết	Hồng	Nữ	06/01/2000	Quảng Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004242	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38049	42-K54A3	18D100140	Hoàng Thu	Huyền	Nữ	02/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004243	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38050	43-K54A3	18D100142	Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	20/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004244	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38051	44-K54A3	18D100143	Trần Thị	Liên	Nữ	10/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004245	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38052	45-K54A3	18D100145	Tạ Thị Diệu	Linh	Nữ	11/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004246	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38053	46-K54A3	18D100151	Hồ Bảo	Ngọc	Nữ	01/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004247	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38054	47-K54A3	18D100159	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	31/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004248	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38055	48-K54A3	18D100160	Lê Thị Minh	Thanh	Nữ	10/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004249	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38056	49-K54A4	18D100185	Hồ Thị	Châu	Nữ	28/04/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004250	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38057	50-K54A4	18D100191	Nguyễn Thị Hà	Giang	Nữ	19/03/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004251	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38058	51-K54A4	18D100193	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	06/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004252	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38059	52-K54A4	18D100196	Nguyễn Minh	Hoài	Nữ	18/06/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004253	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38060	53-K54A4	18D100198	Phan Thị	Hợp	Nữ	08/07/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004254	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38061	54-K54A4	18D100202	Đoàn Thị Phương	Lan	Nữ	28/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004255	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38062	55-K54A4	18D100204	Bùi Khánh	Linh	Nữ	07/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004256	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38063	56-K54A4	18D100205	Trịnh Khánh	Linh	Nữ	10/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004257	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38064	57-K54A4	18D100209	Nguyễn Thị	My	Nữ	24/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004258	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38065	58-K54A4	18D100212	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	17/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004259	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38066	59-K54A4	18D100213	Đỗ Thị	Nguyệt	Nữ	16/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004260	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38067	60-K54A4	18D100214	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	Nữ	16/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004261	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38068	61-K54A4	18D100217	Hoàng Thị Kim	Phượng	Nữ	08/06/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004262	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38069	62-K54A4	18D100219	Hoàng Như	Quỳnh	Nữ	23/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004263	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38070	63-K54A4	18D100220	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	22/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004264	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38071	64-K54A4	18D100222	Lưu Thị	Thúy	Nữ	01/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004265	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38072	65-K54A4	18D100223	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	01/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004266	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38073	66-K54A4	18D100225	Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	29/08/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004267	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38074	67-K54A4	18D100226	Trần Thị	Trang	Nữ	05/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004268	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38075	68-K54A4	18D100230	Hà	Vũ	Nam	27/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004269	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38076	69-K54A5	18D100241	Phạm Hải	Anh	Nam	28/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004270	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38077	70-K54A5	18D100249	Phan Thị Thùy	Dương	Nữ	22/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004271	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38078	71-K54A5	18D100250	Nguyễn Văn	Đồng	Nam	13/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004272	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38079	72-K54A5	18D100254	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	22/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004273	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38080	73-K54A5	18D100264	Phạm Thị	Linh	Nữ	15/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004274	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38081	74-K54A5	18D100275	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	08/07/2000	Bắc Ninh	K

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38083	76-K54A5	18D100287	Nguyễn Trọng	Tuấn	Nam	18/08/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004277	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38084	77-K54A5	18D100280	Đinh Thị Thu	Thảo	Nữ	20/01/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004278	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38085	78-K54A5	18D100281	Phạm Thị Vân	Thu	Nữ	25/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004279	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38086	79-K54A5	18D100286	Nguyễn Thu	Trà	Nữ	03/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004280	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38087	80-K54A5	18D100284	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	08/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004281	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38088	81-K54A5	18D100285	Phạm Huyền	Trang	Nữ	24/12/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004282	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38089	82-K54A5	18D100289	Hoàng Đức	Việt	Nam	03/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004283	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38090	83-K54A6	18D100304	Lê Thị Minh	Ánh	Nữ	19/11/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004284	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38091	84-K54A6	18D100308	Vũ Thị	Duyên	Nữ	30/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004285	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38092	85-K54A6	18D100312	Đặng Thu	Hà	Nữ	09/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004286	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38093	86-K54A6	18D100317	Trịnh Thị	Hòa	Nữ	18/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004287	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38094	87-K54A6	18D100322	Nguyễn Thị Thanh	Lan	Nữ	18/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004288	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38095	88-K54A6	18D100327	Nguyễn Thị	Lộc	Nữ	12/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004289	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38096	89-K54A6	18D100328	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	02/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004290	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38097	90-K54A6	18D100332	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	18/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004291	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38098	91-K54A6	18D100342	Bùi Bích	Thủy	Nữ	03/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004292	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38099	92-K54A6	18D100349	Phạm Hoàng	Việt	Nam	12/06/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004294	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38100	93-K54A4	18D100232	Bounsamai	SIABEELOR	Nam	14/10/1998	Lào	Lào	Lào	Khá	TMU.7.004293	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38101	94-K21A	A16D170235	Chử Thị Khánh	Linh	Nữ	22/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004295	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38102	95-K21A	A15D180078	Nguyễn Thị Bích	Diệp	Nữ	03/05/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004296	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38103	96-K51Q1	15D105037	Trương Thị Minh	Thảo	Nữ	10/08/1995	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004297	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38104	97-K52Q1	16D105008	Nguyễn Thị Thái	Bảo	Nữ	01/06/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004298	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38105	98-K53Q1	17D105018	Nguyễn Sỹ	Sơn	Nam	31/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004299	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38106	99-K54Q1	18D105001	Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	21/10/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004300	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38107	100-K54Q1	18D105004	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	21/09/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004301	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38108	101-K54Q1	18D105006	Đỗ Ngọc	Ánh	Nữ	18/11/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004302	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38109	102-K54Q1	18D105011	Lê Thị Ngân	Hà	Nữ	14/10/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004303	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38110	103-K54Q1	18D105014	Phan Thị Ngọc	Hoàn	Nữ	05/12/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004304	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38111	104-K54Q1	18D105015	Nguyễn Công	Hoàng	Nam	26/04/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004305	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38112	105-K54Q1	18D105016	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	23/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004306	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38113	106-K54Q1	18D105021	Đặng Ngọc Khánh	Linh	Nữ	06/11/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004307	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38114	107-K54Q1	18D105023	Tạ Ngọc	Long	Nam	11/02/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004308	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38115	108-K54Q1	18D105029	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	04/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004309	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38116	109-K54Q1	18D105031	Nguyễn Duy	Quân	Nam	22/10/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004310	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38117	110-K54Q1	18D105033	Phạm Huy	Sinh	Nam	15/05/1999	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004311	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38118	111-K54Q1	18D105043	Đàm Minh	Toàn	Nam	09/03/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004312	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38119	112-K54Q1	18D105039	Mai Thị Thương	Thư	Nữ	20/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004313	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38120	113-K54Q1	18D105040	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	10/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004314	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38121	114-K54Q1	18D105042	Đặng Thị	Thương	Nữ	09/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004315	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38122	115-K54Q1	18D105045	Đào Huyền	Trang	Nữ	12/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004316	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38123	116-K54Q1	18D105048	Phan Ngọc Bảo	Trang	Nữ	29/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004317	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38124	117-K54Q1	17D105024	Vũ Minh	Trang	Nữ	26/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004318	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38125	118-K54Q1	18D105050	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	15/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004319	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38126	119-K53QT1	17D107033	Nguyễn Ngọc	Phúc	Nam	12/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004320	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38127	120-K53QT2	17D107104	Nguyễn Mạnh	Phương	Nam	22/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004321	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38128	121-K53QT2	17D107106	Trần Thị	Phượng	Nữ	20/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004322	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38129	122-K53QT3	17D107132	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	18/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004323	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38130	123-K53QT3	17D107135	Đỗ Linh	Hương	Nữ	21/06/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004324	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38131	124-K53QT3	17D107161	Trần Đức	Văn	Nam	28/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004325	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38132	125-K54QT1	18D107001	Trương Thị	An	Nữ	23/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004326	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38133	126-K54QT1	18D107002	Lưu Phương	Anh	Nữ	20/07/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004327	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38134	127-K54QT1	18D107003	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	25/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004328	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38135	128-K54QT1	18D107004	Lê Thị Thanh	Bình	Nữ	15/07/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004329	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38136	129-K54QT1	18D107005	Nguyễn Thị Phương	Chi	Nữ	27/12/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004330	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38137	130-K54QT1	18D107006	Nguyễn Thị	Chiêm	Nữ	10/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004331	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38138	131-K54QT1	18D107007	Trần Thị	Dung	Nữ	25/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004332	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38139	132-K54QT1	18D107008	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	15/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004333	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38140	133-K54QT1	18D107009	Bùi Thị Trà	Giang	Nữ	10/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004334	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38141	134-K54QT1	18D107010	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	25/09/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004335	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38142	135-K54QT1	18D107013	Hà Thị	Hiền	Nữ	20/07/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004336	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38143	136-K54QT1	18D107014	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	29/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004337	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38144	137-K54QT1	18D107015	Nguyễn Mai	Hoa	Nữ	24/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004338	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38145	138-K54QT1	18D107016	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	03/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004339	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38146	139-K54QT1	18D107017	Đỗ Thị	Huyền	Nữ	17/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004340	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38147	140-K54QT1	18D107019	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	02/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004341	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38148	141-K54QT1	18D107020	Hoàng Việt	Hưng	Nam	17/12/2000	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.004342	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38149	142-K54QT1	18D107022	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	16/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004343	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38150	143-K54QT1	18D107023	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	17/11/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004344	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38151	144-K54QT1	18D107024	Lê Thị Ngọc	Lan	Nữ	28/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004345	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38152	145-K54QT1	18D107025	Ngô Thùy	Linh	Nữ	30/09/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004346	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38153	146-K54QT1	18D107026	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	10/07/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004347	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38154	147-K54QT1	18D107027	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	24/05/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004348	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38155	148-K54QT1	18D107028	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	16/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004349	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38159	152-K54QT1	18D107035	Nguyễn Thị	Ngoan	Nữ	25/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004353	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38160	153-K54QT1	18D107036	Trần Thị	Ngọc	Nữ	12/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004354	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38161	154-K54QT1	18D107037	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	16/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004355	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38162	155-K54QT1	18D107039	Vương Lan	Phương	Nữ	31/03/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004356	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38163	156-K54QT1	18D107040	Nguyễn Thu Ánh	Quyên	Nữ	23/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004357	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38164	157-K54QT1	18D107043	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004358	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38165	158-K54QT1	18D107044	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	10/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004359	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38166	159-K54QT1	18D107045	Giáp Thị	Thìn	Nữ	09/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004360	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38167	160-K54QT1	18D107046	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	Nữ	25/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004361	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38168	161-K54QT1	18D107047	Long Thị	Thùy	Nữ	10/09/2000	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.004362	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38169	162-K54QT1	18D107048	Nguyễn Mai Hà	Thư	Nữ	16/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004363	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38170	163-K54QT1	18D107049	Nguyễn Thị Kim	Trang	Nữ	13/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004364	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38171	164-K54QT1	18D107050	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	13/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004365	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38172	165-K54QT1	18D107051	Bùi Huyền	Trinh	Nữ	20/05/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004366	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38173	166-K54QT1	18D107053	Vũ Thị	Xoan	Nữ	04/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004367	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38174	167-K54QT1	18D107054	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	20/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004368	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38175	168-K54QT2	18D107061	Lê Trung	Anh	Nữ	14/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004369	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38176	169-K54QT2	18D107062	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	07/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004370	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38177	170-K54QT2	18D107065	Nguyễn Huệ	Chi	Nữ	08/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004371	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38178	171-K54QT2	18D107066	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	15/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004372	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38179	172-K54QT2	18D107067	Vũ Thùy	Dung	Nữ	17/05/2000	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.004373	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38180	173-K54QT2	18D107068	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	20/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004374	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38181	174-K54QT2	18D107069	Vũ Thị Hương	Giang	Nữ	27/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004375	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38182	175-K54QT2	18D107071	Phạm Thị	Hà	Nữ	11/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004376	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38183	176-K54QT2	18D107072	Lương Mỹ	Hạnh	Nữ	21/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004377	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38184	177-K54QT2	18D107073	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	23/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004378	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38185	178-K54QT2	18D107075	Nguyễn Thanh	Hoa	Nữ	08/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004379	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38186	179-K54QT2	18D107076	Phạm Thị	Hồng	Nữ	05/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004380	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38187	180-K54QT2	18D107077	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	19/05/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004381	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38188	181-K54QT2	18D107078	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	01/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004382	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38189	182-K54QT2	18D107080	Đinh Mai	Hương	Nữ	27/08/2000	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004383	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38190	183-K54QT2	18D107081	Hoàng Thu	Hương	Nữ	22/02/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004384	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38191	184-K54QT2	18D107082	Phạm Thị	Hường	Nữ	23/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004385	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38192	185-K54QT2	18D107084	Trần Bảo	Lân	Nữ	04/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004386	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38193	186-K54QT2	18D107085	Bùi Thị	Linh	Nữ	22/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004387	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38194	187-K54QT2	18D107086	Phạm Thị Mỹ	Linh	Nữ	21/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004388	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38195	188-K54QT2	18D107087	Trần Nhật	Linh	Nữ	24/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004389	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38196	189-K54QT2	18D107088	Trần Thị Thanh	Loan	Nữ	26/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004390	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38197	190-K54QT2	18D107089	Trần Hải	Long	Nam	09/10/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004391	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38198	191-K54QT2	18D107090	Vương Thị Hồng	Lương	Nữ	23/10/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004392	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38199	192-K54QT2	18D107091	Phạm Thị Hồng	Mây	Nữ	06/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004393	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38200	193-K54QT2	18D107095	Phí Thị Hồng	Ngọc	Nữ	29/02/2000	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.004394	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38201	194-K54QT2	18D107096	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	26/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004395	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38202	195-K54QT2	18D107097	Nguyễn Thị Châm	Oanh	Nữ	03/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004396	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38203	196-K54QT2	18D107098	Tạ Quang	Phúc	Nam	24/12/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004397	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38204	197-K54QT2	18D107099	Lê Thị	Phượng	Nữ	06/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004398	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38205	198-K54QT2	18D107101	Lê Như	Quỳnh	Nữ	05/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004399	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38206	199-K54QT2	18D107102	Nguyễn Trung	Sơn	Nam	07/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004400	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38207	200-K54QT2	18D107112	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	07/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004401	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38208	201-K54QT2	18D107104	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	30/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004402	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38209	202-K54QT2	18D107105	Trịnh Thị	Thoa	Nữ	23/01/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004403	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38210	203-K54QT2	18D107107	Vũ Thị	Thùy	Nữ	02/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004404	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38211	204-K54QT2	18D107106	Lê Thị	Thúy	Nữ	19/07/2000	Đắk Nông	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004405	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38212	205-K54QT2	18D107108	Đặng Thị Khánh	Trang	Nữ	29/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004406	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38213	206-K54QT2	18D107109	Giáp Thị Thu	Trang	Nữ	15/07/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004407	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38214	207-K54QT3	18D107121	Dư Thị Phương	Anh	Nữ	30/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004408	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38215	208-K54QT3	18D107122	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	17/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004409	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38216	209-K54QT3	18D107124	Nguyễn Thị Phương	Chang	Nữ	19/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004410	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38217	210-K54QT3	18D107126	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	08/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004411	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38218	211-K54QT3	18D107127	Lê Thị	Duyên	Nữ	21/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004412	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38219	212-K54QT3	18D107128	Trịnh Văn	Đức	Nam	15/04/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004413	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38220	213-K54QT3	18D107129	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	14/12/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004414	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38221	214-K54QT3	18D107131	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	13/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004415	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38222	215-K54QT3	18D107132	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	01/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004416	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38223	216-K54QT3	18D107134	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	27/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004417	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38224	217-K54QT3	18D107135	Vũ Thị	Hòa	Nữ	26/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004418	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38225	218-K54QT3	18D107136	Đàm Minh	Huệ	Nữ	26/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004419	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38226	219-K54QT3	18D107137	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	01/07/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004420	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38227	220-K54QT3	18D107140	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	01/05/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004421	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38228	221-K54QT3	18D107141	Phùng Thị	Hương	Nữ	24/11/2000	Lào Cai	Dao	Việt Nam	Khá	TMU.7.004422	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38229	222-K54QT3	18D107142	Vũ Thị Minh	Khuê	Nữ	22/09/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004423	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38230	223-K54QT3	18D107143	Phùng Thị Đan	La	Nữ	29/03/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004424	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38231	224-K54QT3	18D107144	Ngô Thị Thùy	Linh	Nữ	17/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004425	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QU

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38235	228-K54QT3	18D107147	Vũ Thùy	Linh	Nữ	29/08/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004429	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38236	229-K54QT3	18D107148	Trần Thùy	Loan	Nữ	01/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004430	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38237	230-K54QT3	18D107150	Trần Tuyết	Mai	Nữ	04/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004431	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38238	231-K54QT3	18D107151	Nguyễn Thị	Mẫn	Nữ	02/01/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004432	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38239	232-K54QT3	18D107153	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	08/05/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004433	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38240	233-K54QT3	18D107154	Đào Đức	Nghĩa	Nam	11/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004434	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38241	234-K54QT3	18D107155	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	01/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004435	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38242	235-K54QT3	18D107156	Phạm Thị Tuyết	Nhung	Nữ	13/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004436	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38243	236-K54QT3	18D107157	Chu Thị Thảo	Oanh	Nữ	01/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004437	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38244	237-K54QT3	18D107158	Phan Linh	Phương	Nữ	20/07/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004438	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38245	238-K54QT3	18D107159	Nguyễn Văn	Quân	Nam	29/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004439	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38246	239-K54QT3	18D107160	Nguyễn Thùy	Quỳnh	Nữ	14/02/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004440	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38247	240-K54QT3	18D107161	Nguyễn Thị Huyền	Sang	Nữ	07/11/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004441	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38248	241-K54QT3	18D107162	Nguyễn Thị Hồng	Thao	Nữ	06/07/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004442	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38249	242-K54QT3	18D107166	Cao Thị Phương	Thúy	Nữ	07/06/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004443	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38250	243-K54QT3	18D107167	Phạm Thị Thanh	Thư	Nữ	12/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004444	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38251	244-K54QT3	18D107168	Hà Hải	Trang	Nữ	11/09/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004445	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38252	245-K54QT3	18D107169	Vũ Thị Thùy	Trang	Nữ	20/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004446	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38253	246-K54QT3	18D107170	Đỗ Thị Thảo	Trinh	Nữ	25/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004447	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38254	247-K54QT3	18D107171	Lã Thị Ngọc	Trúc	Nữ	14/11/2000	Bình Phước	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004448	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH- CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38255	248-K52B1KS	16D110009	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	30/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004449	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38256	249-K52B3KS	16D110187	Nguyễn Thị Nga	Linh	Nữ	05/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004450	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38257	250-K52B3KS	15D110251	Chử Thị Phương	Thảo	Nữ	22/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004451	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38258	251-K53B1KS	17D110023	Phùng Diệu	Ly	Nữ	15/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004452	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38259	252-K53B1KS	17D110024	Lương Huyền	My	Nữ	28/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004453	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38260	253-K53B1KS	16D110045	Nguyễn Ngọc	Thảo	Nữ	25/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004454	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38261	254-K53B2KS	17D110070	Trần Thị	Hằng	Nữ	21/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004455	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38262	255-K53B2KS	17D110086	Phùng Vân	Ngọc	Nữ	20/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004456	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38263	256-K53B2KS	17D110091	Lương Ngọc	Thảo	Nữ	16/06/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004457	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38264	257-K53B2KS	17D110101	Nguyễn Doãn Long	Vũ	Nam	02/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004458	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38265	258-K53B3KS	17D110123	Lương Thị	Ánh	Nữ	01/08/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004459	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38266	259-K53B3KS	17D110130	Hoàng Mai Nguyệt	Hằng	Nữ	04/10/1999	Hà Giang	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.004460	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38267	260-K53B3KS	17D110143	Hà Thị Phương	Mai	Nữ	16/05/1999	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004461	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38268	261-K53B3KS	17D110151	Cao Phương	Thanh	Nữ	29/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004462	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38269	262-K53B4KS	17D110183	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	31/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004463	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38270	263-K53B5KS	17D110241	Lê Thị Hoài	Anh	Nữ	15/06/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004464	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38271	264-K53B5KS	17D110246	Hán Ngọc	Dung	Nữ	17/11/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004465	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38272	265-K53B5KS	17D110249	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	09/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004466	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38273	266-K53B5KS	17D110261	Phan Thị Thanh	Loan	Nữ	28/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004467	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38274	267-K53B5KS	17D110263	Nguyễn Thị	Mây	Nữ	28/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004468	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38275	268-K53B5KS	17D110264	Nguyễn Thế Phương	Nam	Nam	14/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004469	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38276	269-K53B5KS	17D110273	Phạm Thu	Thảo	Nữ	17/12/1998	Kon Tum	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004470	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38277	270-K53B5KS	17D110274	Nguyễn Thị Hà	Thu	Nữ	25/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004471	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38278	271-K53B6KS	17D110304	Tường Thị Thanh	Bình	Nữ	26/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004472	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38279	272-K53B6KS	17D110308	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	04/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004473	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38280	273-K53B6KS	17D110310	Đặng Minh	Hiếu	Nam	05/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004474	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38281	274-K53B6KS	17D110313	Vũ Phương	Hồng	Nữ	11/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004475	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38282	275-K53B6KS	17D110331	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	03/10/1999	Bắc Giang	Sán Dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.004476	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38283	276-K53B6KS	17D110339	Lê Hoàng	Tùng	Nam	13/09/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004477	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38284	277-K54B1KS	18D110003	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	27/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004478	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38285	278-K54B1KS	18D110013	Hà Thị	Điệp	Nữ	08/05/2000	Hà Giang	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004479	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38286	279-K54B1KS	18D110016	Nguyễn Thị	Hân	Nữ	08/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004480	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38287	280-K54B1KS	18D110018	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	04/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004481	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38288	281-K54B1KS	18D110022	Hà Diệu	Hương	Nữ	19/09/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004482	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38289	282-K54B1KS	18D110027	Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	01/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004483	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38290	283-K54B1KS	18D110030	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	26/07/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004484	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38291	284-K54B1KS	18D110034	Phạm Phương	Mai	Nữ	09/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004485	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38292	285-K54B1KS	18D110038	Trần Thị	Ngọc	Nữ	28/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004486	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38293	286-K54B1KS	18D110041	Nhâm Thị Hoài	Phương	Nữ	16/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004487	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38294	287-K54B1KS	18D110045	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	03/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004488	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38295	288-K54B1KS	18D110054	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	02/07/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004489	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38296	289-K54B1KS	18D110058	Nguyễn Hà Mỹ	Uyên	Nữ	05/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004490	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38297	290-K54B1KS	18D110059	Bùi Thảo	Vân	Nữ	01/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004491	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38298	291-K54B2KS	18D110075	Vũ Thị Phương	Anh	Nữ	20/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004492	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38299	292-K54B2KS	18D110076	Nguyễn Thị Minh	Ánh	Nữ	08/05/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004493	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38300	293-K54B2KS	18D110077	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	20/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004494	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38301	294-K54B2KS	18D110079	Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	30/09/2000	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004495	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38302	295-K54B2KS	18D110080	Ngô Thuỳ	Dung	Nữ	11/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004496	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38303	296-K54B2KS	18D110100	Vũ Khánh	Linh	Nữ	09/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004497	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38304	297-K54B2KS	18D110101	Nguyễn Thị Phương	Loan	Nữ	11/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004498	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38305	298-K54B2KS	18D110102	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	17/04/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004499	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38306	299-K54B2KS	18D110104	Tạ Huệ	Minh	Nữ	28/07/2000	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004500	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38307	300-K54B2KS	18D110121	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	10/04/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004501	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QU

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38311	304-K54B3KS	18D110151	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	05/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004505	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38312	305-K54B3KS	18D110154	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	29/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004506	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38313	306-K54B3KS	18D110155	Nguyễn Thúy	Hạnh	Nữ	08/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004507	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38314	307-K54B3KS	18D110159	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	07/12/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004508	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38315	308-K54B3KS	18D110161	Đinh Thị	Huyền	Nữ	06/09/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004509	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38316	309-K54B3KS	18D110163	Nguyễn Thị Thúy	Hường	Nữ	07/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004510	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38317	310-K54B3KS	18D110169	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	30/03/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004511	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38318	311-K54B3KS	18D110171	Đồng Thị	Loan	Nữ	24/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004512	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38319	312-K54B3KS	18D110173	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	13/01/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004513	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38320	313-K54B3KS	18D110183	Lâm Ngọc	Quỳnh	Nữ	15/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004514	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38321	314-K54B3KS	18D110187	Đặng Thị	Thắm	Nữ	05/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004515	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38322	315-K54B3KS	18D110190	Mai Lê	Thùy	Nữ	12/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004516	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38323	316-K54B3KS	18D110193	Lưu Thị Huyền	Trang	Nữ	04/02/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004517	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38324	317-K54B3KS	18D110194	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	13/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004518	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38325	318-K54B3KS	18D110200	Phạm Thị Thanh	Xuân	Nữ	14/04/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004519	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38326	319-K54B4KS	18D110212	Điệp Nguyễn Vân	Anh	Nữ	21/09/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004520	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38327	320-K54B4KS	18D110213	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	26/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004521	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38328	321-K54B4KS	18D110217	Tống Gia	Bảo	Nam	26/03/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004522	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38329	322-K54B4KS	18D110221	Đoàn Việt	Duyên	Nữ	25/12/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004523	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38330	323-K54B4KS	18D110223	Đồng Ngọc Quỳnh	Giao	Nữ	13/12/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004524	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38331	324-K54B4KS	18D110224	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nữ	09/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004525	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38332	325-K54B4KS	18D110226	Bùi Thị	Hằng	Nữ	17/12/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004526	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38333	326-K54B4KS	18D110228	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	29/10/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004527	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38334	327-K54B4KS	18D110233	Đỗ Thu	Hường	Nữ	12/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004528	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38335	328-K54B4KS	18D110234	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	18/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004529	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38336	329-K54B4KS	18D110239	Lê Thị Hoài	Linh	Nữ	30/10/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004530	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38337	330-K54B4KS	18D110240	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	26/07/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004531	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38338	331-K54B4KS	18D110242	Phùng Ngọc Thảo	Ly	Nữ	03/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004532	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38339	332-K54B4KS	18D110246	Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	06/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004533	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38340	333-K54B4KS	18D110253	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	14/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004534	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38341	334-K54B4KS	18D110266	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	01/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004535	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38342	335-K54B4KS	18D110270	Đinh Thị	Xuân	Nữ	22/04/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004536	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03năm 2022)	
38343	336-K52B1LH	16D250003	Vũ Thị Phương	Anh	Nữ	26/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004537	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38344	337-K52B4LH	16D250226	Phạm Thị Thu	Huyền	Nữ	15/09/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004538	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38345	338-K52B4LH	16D250238	Nguyễn Thuý	Nga	Nữ	15/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005741	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38346	339-K52B4LH	16D250244	Tăng Thị	Phượng	Nữ	25/06/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004540	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38347	340-K53B1LH	17D250007	Phạm Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	08/08/1999	Lào Cai	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.004541	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38348	341-K53B1LH	17D250024	Lê Thị	Nga	Nữ	10/08/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004542	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38349	342-K53B1LH	17D250026	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	15/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004543	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38350	343-K53B1LH	17D250047	Đặng Thị Khánh	Ninh	Nữ	03/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004544	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38351	344-K53B1LH	17D250043	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	12/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004545	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38352	345-K53B3LH	17D250125	Phạm Thị	Dung	Nữ	06/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004546	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38353	346-K53B3LH	17D250129	Doãn Thị	Hằng	Nữ	02/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004547	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38354	347-K53B3LH	17D250131	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	25/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004548	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38355	348-K53B3LH	17D250169	Nguyễn Thị Mai	Loan	Nữ	21/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004549	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38356	349-K53B3LH	17D250158	Đào Thị Huyền	Trang	Nữ	27/12/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004550	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38357	350-K53B3LH	17D250168	Mai Thị Quỳnh	Trang	Nữ	17/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004551	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38358	351-K53B3LH	17D250161	Vũ Thị	Trang	Nữ	15/02/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004552	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38359	352-K53B3LH	17D250162	Vũ Thị Thu	Uyên	Nữ	02/03/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004553	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38360	353-K53B4LH	17D250197	Trần Phương	Lan	Nữ	27/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004554	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38361	354-K53B4LH	17D250204	Nguyễn Thu	Nga	Nữ	11/12/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004555	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38362	355-K53B4LH	17D250216	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	07/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004556	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38363	356-K54B1LH	18D250002	Lê Thị Phương	Anh	Nữ	06/03/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004557	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38364	357-K54B1LH	18D250003	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	17/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004558	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38365	358-K54B1LH	18D250005	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	12/01/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004559	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38366	359-K54B1LH	18D250010	Lại Thị Hương	Giang	Nữ	12/06/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004560	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38367	360-K54B1LH	18D250027	Tường Khánh	Linh	Nữ	26/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004561	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38368	361-K54B1LH	18D250034	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004562	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38369	362-K54B1LH	18D250044	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	06/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004563	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38370	363-K54B1LH	18D250047	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	01/06/2000	Tp.Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004564	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38371	364-K54B1LH	18D250048	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	03/09/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004565	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38372	365-K54B1LH	18D250051	Ngô Thị Thu	Uyên	Nữ	13/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004566	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38373	366-K54B1LH	18D250053	Mạc Thị	Yến	Nữ	25/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004567	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38374	367-K54B2LH	18D250063	Lương Thị Lan	Anh	Nữ	21/12/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004568	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38375	368-K54B2LH	18D250065	Phạm Hồng	Ánh	Nữ	26/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004569	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38387	380-K54B3LH	18D250169	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	17/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004581	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38388	381-K54B3LH	18D250160	Trần Thị Phương	Thanh	Nữ	07/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004582	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38389	382-K54B3LH	18D250163	Chu Hồng	Thu	Nữ	03/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004583	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38390	383-K54B3LH	18D250170	Phan Thị Khánh	Uyên	Nữ	16/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004584	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38391	384-K54B3LH	18D250171	Hoàng Hồng	Vân	Nữ	29/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004585	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38392	385-K54B3LH	18D250173	Trương Thị	Yến	Nữ	15/12/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004586	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38393	386-K54B4LH	18D250183	Nguy Thị Ngọc	Anh	Nữ	28/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004587	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38394	387-K54B4LH	18D250184	Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	05/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004588	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38395	388-K54B4LH	18D250186	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	29/04/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004589	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38396	389-K54B4LH	18D250203	Ngô Thị Hương	Lan	Nữ	11/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004590	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38397	390-K54B4LH	18D250204	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	19/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004591	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38398	391-K54B4LH	18D250213	Lê Thị Ánh	Ngọc	Nữ	04/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004592	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38399	392-K54B4LH	18D250216	Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	25/06/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004593	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38400	393-K54B4LH	18D250220	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	26/12/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004594	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38401	394-K54B4LH	18D250230	Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	11/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004595	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38402	395-K22BLH	B16D100007	Nguyễn Công	Chiến	Nam	02/02/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004596	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38403	396-K22BLH	B16D100016	Phạm Thị Hồng	Hăng	Nữ	22/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004597	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38404	397-K51C1	15D120025	Hoàng Nhật	Linh	Nam	18/07/1995	Lào Cai	Tày	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004598	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38405	398-K51C1	15D120047	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	03/11/1997	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004599	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38406	399-K51C2	15D120073	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23/06/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004600	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38407	400-K52C1	16D120017	Hồ Sỹ	Đức	Nam	20/08/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004601	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38408	401-K52C1	16D120020	Vũ Thị	Hà	Nữ	30/05/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004602	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38409	402-K52C1	16D120045	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	02/02/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004603	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38410	403-K52C1	16D120050	Quách Thị Thu	Thảo	Nữ	26/06/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004604	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38411	404-K52C1	16D120061	Nguyễn Thị Mai	Trang	Nữ	07/08/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004605	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38412	405-K52C2	16D120114	Trần Thế	Hiển	Nam	29/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004606	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38413	406-K52C3	16D120184	Lê Thị	Ánh	Nữ	22/08/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004607	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38414	407-K52C4	16D120293	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28/12/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004608	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38415	408-K52C5	16D120352	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	18/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004609	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38416	409-K52C5	16D120353	Ngô Thùy	Anh	Nữ	07/10/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004610	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38417	410-K52C5	16D120360	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	07/05/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004611	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38418	411-K52C5	16D120402	Phạm Thị	Tuyết	Nữ	01/01/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004612	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38419	412-K53C1	17D120021	Nguyễn Thanh	Loan	Nữ	13/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004613	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38420	413-K53C1	17D120030	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	01/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004614	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38421	414-K53C2	17D120066	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	29/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004615	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38422	415-K53C2	17D120075	Đặng Thị Ngọc	Huyền	Nữ	02/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004616	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38423	416-K53C2	17D120076	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	20/04/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004617	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38424	417-K53C2	17D120087	Lê Thị	Nhung	Nữ	01/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004618	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38425	418-K53C2	17D120092	Nguyễn Mỹ	Tâm	Nữ	19/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004619	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38426	419-K53C3	17D120162	Phạm Thị Hồng	Vân	Nữ	24/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004620	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38427	420-K53C4	17D120183	Trần Tiến	Anh	Nam	10/01/1999	Ninh Bình	Mường	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004621	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38428	421-K53C4	17D120189	Lê Thanh	Hải	Nữ	15/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004622	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38429	422-K53C4	17D120191	Phạm Thị Thu	Hiền	Nữ	02/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004623	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38430	423-K53C4	17D120204	Trần Thị Hương	Ngát	Nữ	05/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004624	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38431	424-K53C4	17D120208	Đỗ Thị Yến	Phương	Nữ	30/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004625	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38432	425-K53C4	17D120210	Phạm Thị Thu	Quyên	Nữ	16/02/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004626	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38433	426-K53C5	17D120245	Nguyễn Chí	Công	Nam	23/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004627	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38434	427-K53C5	17D120271	Lê Thị Hải	Quỳnh	Nữ	22/01/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004628	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38435	428-K53C5	17D120281	Trần Thị Việt	Trinh	Nữ	01/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004629	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38436	429-K53C6	17D120306	Nguyễn Quang	Dương	Nam	11/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004630	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38437	430-K53C6	17D120315	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	28/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004631	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38438	431-K53C6	17D120321	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	15/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004632	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38439	432-K54C1	18D120003	Trần Thị Hoàng	Anh	Nữ	13/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004633	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38440	433-K54C1	18D120005	Trần Ngọc	Ánh	Nữ	05/06/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004634	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38441	434-K54C1	18D120006	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	19/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004635	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38442	435-K54C1	18D120008	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	26/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004636	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38443	436-K54C1	18D120009	Vũ Thị Thùy	Dương	Nữ	24/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004637	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38444	437-K54C1	18D120010	Phạm Thành	Đạt	Nam	08/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004638	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38445	438-K54C1	18D120011	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	30/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004639	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38446	439-K54C1	18D120015	Võ Thu	Hiền	Nữ	17/02/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004640	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38447	440-K54C1	18D120025	Phạm Hà Trang	Linh	Nữ	26/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004641	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38448	441-K54C1	18D120044	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	19/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004642	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38449	442-K54C1	18D120046	Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	05/03/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004643	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38450	443-K54C1	18D120052	Uông Thị Hải	Yến	Nữ	24/02/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004644	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38451	444-K54C2	18D120065	Nguyễn Ngọc	Cầm	Nữ	12/12/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004645	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38452	445-K54C2	18D120069	Nguyễn Thị Hồng	Đăng	Nữ	26/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004646	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38453	446-K54C2	18D120088	Đinh Thị	Mơ	Nữ	17/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004647	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38454	447-K54C2	18D120092	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	Nữ	08/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004648	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38455	448-K54C2	18D120095	Cao Thị	Phượng	Nữ	13/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004649	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38456	449-K54C2	18D120098	Phùng Thị	Tâm	Nữ	11/05/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004650	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38457	450-K54C2	18D120103	Phạm Thu	Thủy	Nữ	08/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004651	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38458	451-K54C2	18D120104	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	27/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004652	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38459	452-K54C2	18D120106	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	17/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004653	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38460	453-K54C2	18D120107	Vũ Thị	Trang	Nữ	16/01/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004654	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38461	454-K54C2	18D120110	Hoàng Quỳnh	Yên	Nữ	14/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004655	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38462	455-K54C3	18D120121	Đỗ Thị Hồng	Ánh	Nữ	12/01/2000	Thái

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38463	456-K54C3	18D120128	Nguyễn Thị Thúy	Dương	Nữ	24/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004657	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38464	457-K54C3	18D120130	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	22/05/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004658	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38465	458-K54C3	18D120131	Dương Thị Bích	Hằng	Nữ	16/03/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004659	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38466	459-K54C3	18D120133	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Nữ	30/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004660	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38467	460-K54C3	18D120136	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	18/12/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004661	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38468	461-K54C3	18D120139	Đậu Thị	Hường	Nữ	15/06/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004662	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38469	462-K54C3	18D120141	Vũ Thị	Lan	Nữ	27/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004663	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38470	463-K54C3	18D120142	Trần Thị Mai	Liên	Nữ	21/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004664	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38471	464-K54C3	18D120143	Đỗ Phương	Linh	Nữ	05/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004665	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38472	465-K54C3	18D120144	Trần Mỹ	Linh	Nữ	11/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004666	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38473	466-K54C3	18D120147	Nguyễn Trà	Mi	Nữ	10/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004667	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38474	467-K54C3	18D120148	Bùi Hà	My	Nữ	29/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004668	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38475	468-K54C3	18D120151	Phạm Thị Thanh	Nhàn	Nữ	21/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004669	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38476	469-K54C3	18D120154	Lê Thị	Phương	Nữ	19/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004670	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38477	470-K54C3	18D120159	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	12/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004671	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38478	471-K54C3	18D120165	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	02/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004672	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38479	472-K54C3	18D120166	Nguyễn Ngọc	Trang	Nữ	18/01/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004673	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38480	473-K54C4	18D120181	Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	04/01/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004674	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38481	474-K54C4	18D120183	Hà Thị Ngọc	Ánh	Nữ	19/09/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004675	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38482	475-K54C4	18D120184	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	08/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004676	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38483	476-K54C4	18D120188	Hoàng Ngọc	Đài	Nữ	02/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004677	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38484	477-K54C4	18D120198	Ngô Lan	Hương	Nữ	10/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004678	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38485	478-K54C4	18D120203	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	01/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004679	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38486	479-K54C4	18D120206	Hoàng Thị	Lý	Nữ	13/03/2000	Bắc Giang	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004680	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38487	480-K54C4	18D120209	Phan Thị Thanh	Nga	Nữ	25/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004681	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38488	481-K54C4	18D120214	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	01/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004682	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38489	482-K54C4	18D120216	Hà Thị	Quyên	Nữ	04/12/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004683	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38490	483-K54C4	18D120222	Trần Thị Thanh	Thùy	Nữ	04/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004684	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38491	484-K54C4	18D120225	Dương Thu	Trang	Nữ	20/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004685	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38492	485-K54C4	18D120226	Phạm Thị	Trang	Nữ	05/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004686	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38493	486-K54C4	18D120227	Nguyễn Thị Việt	Trinh	Nữ	09/07/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004687	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38494	487-K54C5	18D120247	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02/08/2000	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004688	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38495	488-K54C5	18D120249	Ngô Thị Hương	Giang	Nữ	19/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004689	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38496	489-K54C5	18D120258	Đỗ Thu	Hương	Nữ	06/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004690	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38497	490-K54C5	18D120259	Phạm Thị	Hường	Nữ	14/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004691	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38498	491-K54C5	18D120272	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004692	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38499	492-K54C5	18D120276	Nguyễn Đặng Như	Quỳnh	Nữ	25/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004693	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38500	493-K54C5	18D120281	Vũ Thị Hoài	Thu	Nữ	03/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004694	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38501	494-K54C6	18D120315	Đậu Thị	Huệ	Nữ	14/10/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004695	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38502	495-K54C6	18D120319	Khuất Thúy	Hường	Nữ	11/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004696	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38503	496-K54C6	18D120325	Triệu Khánh	Ly	Nữ	13/12/2000	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004697	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38504	497-K54C6	18D120343	Lê Hoài	Thương	Nữ	25/07/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004698	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38505	498-K54C6	18D120346	Vũ Thị Thúy	Trang	Nữ	09/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004699	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38506	499-K50T5	14D220332	Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	13/02/1996	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004700	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38507	500-K50T5	14D220285	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	15/06/1996	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004701	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38508	501-K51T3	15D220147	Phạm Thị Lan	Chi	Nữ	01/08/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004702	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38509	502-K51T3	15D220182	Nguyễn Văn	Tạo	Nam	04/01/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004703	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38510	503-K51T4	14D220471	Lê Thanh	Lam	Nữ	18/12/1995	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004704	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38511	504-K52T2	16D220068	Phạm Thị	Hằng	Nữ	21/10/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004705	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38512	505-K52T2	16D220066	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	13/06/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004706	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38513	506-K53T1	17D220013	Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	25/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004707	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38514	507-K53T1	17D220022	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	11/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004708	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38515	508-K53T2	17D220082	Nguyễn Thuỳ	Linh	Nữ	28/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004709	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38516	509-K53T2	17D220101	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	06/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004710	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38517	510-K53T3	17D220126	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	18/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004711	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38518	511-K53T3	17D220138	Bùi Thị	Hương	Nữ	19/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004712	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38519	512-K53T3	17D220146	Phạm Quỳnh	Nga	Nữ	30/03/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004713	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38520	513-K53T4	17D220187	Phạm Thị	Chi	Nữ	24/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004714	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38521	514-K53T4	17D220191	Trần Thu	Hà	Nữ	16/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004715	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38522	515-K53T5	17D220263	Trần Phương	Ly	Nữ	16/05/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004716	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38523	516-K53T5	17D220267	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	19/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004717	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38524	517-K53T5	17D220279	Nguyễn Thị	Tựa	Nữ	14/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004718	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38525	518-K54T1	18D220025	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	20/06/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004719	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38526	519-K54T1	18D220035	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	23/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004720	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38527	520-K54T1	18D220038	Bùi Thị Linh	Quyên	Nữ	14/06/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004721	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38528	521-K54T1	18D220045	Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	27/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004722	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38529	522-K54T1	18D220042	Đỗ Thị	Thắm	Nữ	04/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004723	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38530	523-K54T1	18D220046	Kiều Thu	Trang	Nữ	03/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004724	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38531	524-K54T2	18D220062	Đoàn Thị Kim	Anh	Nữ	16/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004725	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38532	525-K54T2	18D220089	Đỗ Thị Ngọc	Mai	Nữ	13/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004726	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38533	526-K54T2	18D220097	Hoàng Thị Thu	Phương	Nữ	02/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004727	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38534	527-K54T2	18D220110	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	30/01/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004728	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38535	528-K54T3	18D220122	Dương Thị Ngọc	Anh	Nữ	19/05/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004729	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38536	529-K54T3	18D220123	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	10/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004730	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38537	530-K54T3	18D220143	Ngô Đặng Ngọc	Lan	Nữ	26/12/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004731	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38538	531-K54T3	18D220151	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	21/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004732	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38539	532-K54T3	18D220152	Nguyễn Tiến	Ngọc	Nam	14/06/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004733	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38540	533-K54T3	18D220153	Lê Thị Minh	Nguyệt	Nữ	02/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004734	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38541	534-K54T3	18D220154	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/08/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004735	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38542	535-K54T3	18D220157	Văn Đức	Quang	Nam	10/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004736	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38543	536-K54T3	18D220169	Vũ Thị Hồng	Vui	Nữ	06/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004737	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38544	537-K54T4	18D220185	Nguyễn Thị Thanh	Bảo	Nữ	15/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004738	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38545	538-K54T4	18D220189	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	08/03/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004739	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38546	539-K54T4	18D220196	Hoàng Thị	Hoài	Nữ	06/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004740	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38547	540-K54T4	18D220208	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	13/12/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004741	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38548	541-K54T4	18D220213	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	31/03/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004742	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38549	542-K54T4	18D220225	Lê Thị	Trang	Nữ	01/07/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004743	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38550	543-K52D1	16D150019	Lê Thị Thúy	Hiền	Nữ	14/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004744	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38551	544-K52D5	16D150395	Hoàng Thị Hoài	Linh	Nữ	13/05/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004745	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38552	545-K52D5	15D150301	Nguyễn Phương	Loan	Nữ	16/02/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004746	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38553	546-K52D6	16D150466	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/01/1998	Hoà Bình	Mường	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004747	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38554	547-K52D6	16D150472	Đặng Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/04/1998	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004748	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38555	548-K52D7	16D150591	Phạm Huyền	Trang	Nữ	13/12/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004749	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38556	549-K52D8	16D150650	Phạm Văn	Nam	Nam	08/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004750	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38557	550-K52D8	16D150656	Đỗ Trọng	Phúc	Nam	14/07/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004751	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38558	551-K53D1	17D150010	Đoàn Thị Ánh	Đào	Nữ	15/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004752	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38559	552-K53D1	17D150013	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	18/01/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004753	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38560	553-K53D1	17D150020	Nguyễn Quỳnh	Lan	Nữ	10/10/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004754	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38561	554-K53D1	17D150027	Phan Thị Tuyết	Mai	Nữ	05/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004755	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38562	555-K53D1	17D150042	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	06/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004756	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38563	556-K53D2	17D150095	Phạm Ngọc	Long	Nam	07/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.004757	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38564	557-K53D3	17D150152	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	16/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004758	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38565	558-K53D3	17D150158	Phan Thị	Huyền	Nữ	22/09/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004759	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38566	559-K53D3	17D150160	Phạm Thị	Lan	Nữ	20/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004760	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38567	560-K53D3	17D150166	Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	21/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004761	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38568	561-K53D3	17D150172	Nguyễn Hiếu	Ninh	Nữ	26/02/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004762	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38569	562-K53D4	17D150211	Thái Thị Thu	Hà	Nữ	02/08/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004763	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38570	563-K53D4	17D150212	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	28/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004764	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38571	564-K53D4	17D150234	Lưu Thị Thu	Phương	Nữ	29/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004765	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38572	565-K53D5	17D150275	Đặng Thị Thúy	Bình	Nữ	07/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004766	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38573	566-K53D5	17D150280	Dương Thị	Giang	Nữ	23/08/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004767	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38574	567-K53D5	17D150290	Trần Thu	Hường	Nữ	22/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004768	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38575	568-K53D5	17D150289	Vũ Khánh	Huyền	Nữ	18/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004769	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38576	569-K53D5	17D150305	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	04/03/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004770	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38577	570-K53D5	17D150316	Nguyễn Phan Việt	Trà	Nữ	25/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004771	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38578	571-K53D6	17D150341	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	18/06/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004772	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38579	572-K53D6	17D150378	Lê Phương	Thảo	Nữ	14/02/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004773	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38580	573-K53D6	17D150384	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004774	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38581	574-K53D7	17D150405	Hoàng Thị Thanh	Bình	Nữ	15/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004775	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38582	575-K53D7	17D150436	Đoàn Thị	Quỳnh	Nữ	11/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004776	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38583	576-K53D7	17D150443	Nguyễn Thị Thanh	Tịnh	Nữ	26/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004777	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38584	577-K53D8	17D150489	Nguyễn Minh	Khiết	Nam	14/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004778	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38585	578-K53D8	17D150494	Vũ Thị Thuỳ	Linh	Nữ	11/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004779	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38586	579-K54D1	18D150005	Nguyễn Thị Phương	Ánh	Nữ	25/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004780	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38587	580-K54D1	18D150006	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	30/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004781	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38588	581-K54D1	18D150015	Trương Thị Thu	Hoài	Nữ	30/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004782	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38589	582-K54D1	18D150019	Phan Thị Khánh	Huyền	Nữ	08/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004783	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38590	583-K54D1	18D150021	Mai Thu	Hương	Nữ	05/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004784	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38591	584-K54D1	18D150022	Phan Thị	Lan	Nữ	23/03/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004785	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38592	585-K54D1	18D150024	Lê Thị	Linh	Nữ	05/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004786	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38593	586-K54D1	18D150025	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	28/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004787	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38594	587-K54D1	18D150026	Phạm Thị Thảo	Linh	Nữ	21/12/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004788	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38595	588-K54D1	18D150029	Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	23/12/2000	Bắc Kạn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004789	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38596	589-K54D1	18D150030	Phùng Huyền	My	Nữ	10/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004790	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38597	590-K54D1	18D150040	Vũ Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	27/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004791	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38598	591-K54D1	18D150043	Vũ Thị Thanh	Thu	Nữ	14/07/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004792	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38599	592-K54D1	18D150044	Trương Thanh	Thúy	Nữ	07/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004793	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38600	593-K54D1	18D150045	Phạm Thị Thu	Thương	Nữ	06/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004794	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38601	594-K54D1	18D150048	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	30/08/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004795	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38602	595-K54D1	18D150049	Trần Thị	Trang	Nữ	02/04/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004797	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38603	596-K54D2	18D150061	Đỗ Ngọc	Anh	Nữ	12/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004796	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38604	597-K54D2	18D150065	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	08/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004798	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38605	598-K54D2	18D150066	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	Nữ	25/11/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004799	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38606	599-K54D2	18D150067	Lê Ngọc	Diệp	Nữ	31/08/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004800	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38607	600-K54D2	18D150077	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	18/07/2000	Quảng Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004801	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38608	601-K54D2	18D150080	Phạm Thị	Hương	Nữ	10/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004802	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38609	602-K54D2	18D150086	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	07/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004803	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38610	603-K54D2	18D150087	Lê Thị	Loan	Nữ	09/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004804	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38611	604-K54D2	18D150095	Nguyễn Thị Khánh	Ninh	Nữ	18/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004805	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38612	605-K54D2	18D150096	Kiều Anh	Phương	Nữ	23/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004806	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38613	606-K54D2	18D150097	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	23/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004807	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38614	607-K54D2	18D150103	Dương Thị Minh	Thu	Nữ	29/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004808	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38615	608-K54D2	18D150107	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	16/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004809	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38616	609-K54D2	18D150108	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	07/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004810	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38617	610-K54D2	18D150112	Cao Thị	Yến	Nữ	18/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004811	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38618	611-K54D3	18D150121	Đào Thị Vân	Anh	Nữ	19/01/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004812	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38619	612-K54D3	18D150125	Phạm Ngọc	Ánh	Nữ	25/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004813	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38620	613-K54D3	18D150126	Mai Thị Kim	Chi	Nữ	08/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004814	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38621	614-K54D3	18D150128	Đỗ Đức	Duy	Nam	04/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004815	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38622	615-K54D3	18D150129	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	Nữ	04/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004816	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38623	616-K54D3	18D150132	Đinh Thúy	Hằng	Nữ	11/01/2000	Thanh Hoá	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004817	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38624	617-K54D3	18D150135	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	20/05/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004818	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38625	618-K54D3	18D150136	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	05/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004819	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38626	619-K54D3	18D150141	Phạm Duy	Khánh	Nam	05/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004820	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38627	620-K54D3	18D150145	Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	20/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004821	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38628	621-K54D3	18D150147	Nguyễn Thành	Long	Nam	13/12/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004822	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38629	622-K54D3	18D150151	Phạm Thúy	Ngân	Nữ	28/02/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004823	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38630	623-K54D3	18D150152	Đặng Thị Hồng	Ngọc	Nữ	27/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004824	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38631	624-K54D3	18D150153	Lê Đức	Nhân	Nam	16/10/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004825	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38632	625-K54D3	18D150154	Đào Thị	Nhung	Nữ	05/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004826	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38633	626-K54D3	18D150155	Phan Hoàng	Oanh	Nữ	03/12/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004827	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38634	627-K54D3	18D150158	Hứa Ngọc	Quỳnh	Nữ	26/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004828	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38635	628-K54D3	18D150166	Bùi Thu	Trang	Nữ	18/05/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004829	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38636	629-K54D4	18D150181	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	03/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004830	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38637	630-K54D4	18D150182	Mai Ngọc	Anh	Nữ	08/06/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004831	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38638	631-K54D4	18D150185	Đinh Mai	Anh	Nữ	23/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005743	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38639	632-K54D4	18D150186	Lâm Thị	Chi	Nữ	21/03/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004833	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38640	633-K54D4	18D150189	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	14/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004834	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38641	634-K54D4	18D150191	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	05/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004835	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38642	635-K54D4	18D150192	Đỗ Thị Thanh	Hiền	Nữ	30/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004836	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38643	636-K54D4	18D150196	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	04/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004837	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38644	637-K54D4	18D150201	Phạm Thị	Khuê	Nữ	24/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004838	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38645	638-K54D4	18D150203	Hà Khánh	Linh	Nữ	13/08/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004839	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38646	639-K54D4	18D150205	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	23/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004840	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38647	640-K54D4	18D150208	Nguyễn Phương	Mai	Nữ	10/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004841	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38648	641-K54D4	18D150209	Vũ Thị	Minh	Nữ	04/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004842	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38649	642-K54D4	18D150210	Nguyễn Phương	Mỹ	Nữ	31/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004843	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38650	643-K54D4	18D150213	Phạm Thị Yến	Nhi	Nữ	04/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004844	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38651	644-K54D4	18D150218	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	26/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004845	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38652	645-K54D4	18D150225	Vũ Thị	Tình	Nữ	05/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004846	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38653	646-K54D4	18D150220	Đặng Thị	Thảo	Nữ	20/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004847	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38654	647-K54D4	18D150224	Đặng Thị	Thùy	Nữ	21/03/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004848	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38655	648-K54D4	18D150226	Dương Thị Minh	Trang	Nữ	01/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004849	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38656	649-K54D4	18D150231	Nguyễn Thị	Vy	Nữ	29/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004850	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38657	650-K54D5	18D150243	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	12/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004851	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38658	651-K54D5	18D150244	Trương Thị Vân	Anh	Nữ	16/11/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004852	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38659	652-K54D5	18D150246	Trần Mai	Chi	Nữ	14/09/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004853	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38660	653-K54D5	18D150252	Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	23/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004854	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38661	654-K54D5	18D150255	Lê Thị	Hoàn	Nữ	11/11/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004855	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38662	655-K54D5	18D150259	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	07/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004856	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38663	656-K54D5	18D150260	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	02/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004857	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38664	657-K54D5	18D150263	Ngô Thị Ánh	Linh	Nữ	13/03/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004858	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38665	658-K54D5	18D150266	Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	29/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004859	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38666	659-K54D5	18D150271	Nguyễn Thị	Ngoan	Nữ	12/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004860	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38667	660-K54D5	18D150278	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	11/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004861	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38668	661-K54D5	18D150279	Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	14/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004862	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38669	662-K54D5	18D150280	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	03/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004863	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38670	663-K54D5	18D150284	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	25/05/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004864	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38671	664-K54D5	18D150290	Cấn Thị Tố	Uyên	Nữ	12/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004865	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38672	665-K54D5	18D150292	Vũ Thị	Yến	Nữ	22/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004866	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38673	666-K54D6	18D150301	Lê Thị Quỳnh	Anh	Nữ	11/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004867	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38674	667-K54D6	18D150306	Phạm Minh	Cường	Nam	17/08/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004868	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38675	668-K54D6	18D150310	Vũ Thị	Hảo	Nữ	10/06/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004869	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38676	669-K54D6	18D150318	Phí Thị Thanh	Huyền	Nữ	23/08/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004870	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38677	670-K54D6	18D150320	Vũ Thị	Hương	Nữ	06/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004871	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38678	671-K54D6	18D150321	Ngô Thị	Lan	Nữ	06/07/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004872	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38679	672-K54D6	18D150327	Nguyễn Ngọc Hương	Ly	Nữ	22/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004873	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38680	673-K54D6	18D150328	Trần Thị	Mai	Nữ	24/12/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004874	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38681	674-K54D6	18D150329	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	22/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004875	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38682	675-K54D6	18D150336	Phạm Thị Thanh	Phương	Nữ	25/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004876	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38683	676-K54D6	18D150338	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	17/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004877	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38684	677-K54D6	18D150339	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	08/08/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004878	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38685	678-K54D6	18D150341	Từ Thị Hồng	Thắm	Nữ	22/12/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004879	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38686	679-K54D6	18D150350	Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	10/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004880	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38687	680-K54D6	18D150352	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	04/06/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004881	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38688	681-K20D	D14D200033	Đặng Thị Như	Ngọc	Nữ	31/01/1996	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004882	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38689	682-K22D	D16D100002	Phạm Văn	Anh	Nữ	16/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004883	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38690	683-K22D	D16D180207	Vũ Thị	Huế	Nữ	01/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004884	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38691	684-K54DC1	18D270002	Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	19/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004885	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38692	685-K54DC1	18D270005	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	31/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004886	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38693	686-K54DC1	18D270008	Đồng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	20/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004887	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38694	687-K54DC1	18D270012	Cao Thị Quỳnh	Giang	Nữ	26/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004888	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38695	688-K54DC1	18D270014	Nguyễn Thị Thu	Giang	Nữ	22/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004889	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38696	689-K54DC1	18D270019	Soái Thu	Hằng	Nữ	16/02/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004890	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38697	690-K54DC1	18D270021	Đỗ Thanh	Hiền	Nữ	20/12/1999	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004891	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38698	691-K54DC1	18D270026	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	06/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004892	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38699	692-K54DC1	18D270030	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	19/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004893	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38700	693-K54DC1	18D270036	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	18/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004894	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38701	694-K54DC1	18D270037	Vũ Thuỳ	Linh	Nữ	03/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004895	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38702	695-K54DC1	18D270038	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	17/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004896	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38703	696-K54DC1	18D270039	Phạm Việt	Long	Nam	06/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004897	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38704	697-K54DC1	18D270063	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	Nữ	09/05/2000	Yên Bái	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004898	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 253/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38705	698-K51E6	15D130369	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	14/03/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004899	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38706	699-K53E1	17D130049	Souksakhone	VANCHAO	Nam	28/12/1997	Lào	Kinh	Lào	Trung bình	TMU.7.004900	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38707	700-K52E3	16D130168	Bùi Thị	Duyên	Nữ	26/06/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004901	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38708	701-K52E3	16D130210	Nguyễn Linh	Trang	Nữ	29/10/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004902	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38709	702-K52E4	16D130279	Nguyễn Thị Băng	Tâm	Nữ	27/01/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004903	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38710	703-K52E4	16D130284	Lại Thị	Thúy	Nữ	29/06/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004904	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38711	704-K53E1	17D130005	Chu Thị Nhật	Ánh	Nữ	09/03/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004905	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38712	705-K53E1	17D130015	Lê Thị	Hồng	Nữ	20/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004906	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38713	706-K53E1	17D130020	Tạ Thị Thúy	Lan	Nữ	20/01/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004907	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38714	707-K53E2	17D130072	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	19/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004908	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38715	708-K53E2	17D130084	Bùi Viết	Hoàng	Nam	08/10/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004909	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38716	709-K53E2	17D130096	Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	30/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004910	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38717	710-K53E2	17D130100	Trần Thị	Nhung	Nữ	12/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004911	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38718	711-K53E2	17D130109	Khoa Thị	Trang	Nữ	06/03/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004912	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38719	712-K53E3	17D130184	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	24/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004913	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38720	713-K53E3	17D130183	Trần Quốc	Tuấn	Nam	07/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004914	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38721	714-K53E4	17D130222	Đinh Thị Bích	Hiền	Nữ	10/05/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004915	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38722	715-K53E4	17D130226	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	12/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004916	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38723	716-K53E4	17D130247	Đinh Thị	Thúy	Nữ	02/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004917	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38724	717-K53E4	17D130248	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	16/10/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004918	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38725	718-K53E5	17D130291	Phạm Công	Hiếu	Nam	10/09/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004919	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38726	719-K53E5	17D130298	Trần Anh	Khôi	Nam	25/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004920	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38727	720-K53E5	17D130306	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	11/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004921	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38728	721-K53E5	17D130310	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	20/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004922	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38729	722-K53E5	17D130312	Vũ Mai	Quyên	Nữ	25/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004923	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38730	723-K53E5	17D130318	Lê Thị Thu	Thùy	Nữ	18/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004924	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38731	724-K53E5	17D130324	Vũ Thị	Uyên	Nữ	02/06/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004925	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38732	725-K54E1	18D130001	Đinh Thị Lan	Anh	Nữ	26/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004926	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38733	726-K54E1	18D130002	Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	24/05/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004927	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38734	727-K54E1	18D130007	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	22/12/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004928	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38735	728-K54E1	18D130010	Phạm Thị Mỹ	Duyên	Nữ	05/04/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004929	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38736	729-K54E1	18D130018	Lê Thị	Hiền	Nữ	18/02/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004930	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38737	730-K54E1	18D130021	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	17/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004933	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38738	731-K54E1	18D130023	Hán Thị	Huyền	Nữ	22/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004931	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38739	732-K54E1	18D130025	Ngô Thu	Hương	Nữ	22/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004932	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38740	733-K54E1	18D130028	Đậu Thị Hà	Lê	Nữ	10/10/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004934	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38741	734-K54E1	18D130032	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	20/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004935	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38742	735-K54E1	18D130034	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	14/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004936	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38743	736-K54E1	18D130035	Trần Trà	My	Nữ	03/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004937	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38744	737-K54E1	18D130037	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	28/08/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004938	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38745	738-K54E1	18D130038	Phan Danh	Ngọc	Nam	17/10/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004939	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38746	739-K54E1	18D130041	Bùi Thị Hà	Phương	Nữ	02/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004940	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38747	740-K54E1	18D130042	Mai Thị	Phương	Nữ	06/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004941	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38748	741-K54E1	18D130044	Bùi Thị	Quyên	Nữ	09/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004942	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38749	742-K54E1	18D130046	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	28/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004943	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38750	743-K54E1	18D130047	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	03/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004944	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38751	744-K54E1	18D130057	Trần Thị Mai	Tuyết	Nữ	21/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004945	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38752	745-K54E1	18D130049	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	16/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004946	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38753	746-K54E1	18D130052	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	25/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004947	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38754	747-K54E1	18D130058	Hoàng Phương	Uyên	Nữ	16/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004948	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38755	748-K54E1	18D130059	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	04/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004949	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38756	749-K54E2	18D130074	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	01/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004950	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38757	750-K54E2	18D130075	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	23/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004951	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38758	751-K54E2	18D130078	Hà Thị Thảo	Chi	Nữ	15/08/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004952	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38759	752-K54E2	18D130079	Chu Thị	Dịu	Nữ	24/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004953	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38760	753-K54E2	18D130088	Đinh Thị	Hiền	Nữ	19/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004954	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38761	754-K54E2	18D130087	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	12/01/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004955	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38762	755-K54E2	18D130090	Tống Thị Bích	Hồng	Nữ	21/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004956	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38763	756-K54E2	18D130095	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	23/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004957	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38764	757-K54E2	18D130096	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	18/10/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004958	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38765	758-K54E2	18D130097	Phạm Thị	Lan	Nữ	27/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004959	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38767	760-K54E2	18D130104	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	26/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004961	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38768	761-K54E2	18D130105	Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	13/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004962	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38769	762-K54E2	18D130106	Dương Thị Hồng	Ngát	Nữ	23/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004963	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38770	763-K54E2	18D130109	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	22/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004964	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38771	764-K54E2	18D130110	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	26/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004965	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38772	765-K54E2	18D130112	Trần Thị Minh	Phương	Nữ	21/03/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004966	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38773	766-K54E2	18D130115	Nguyễn Hải	Quỳnh	Nữ	24/12/2000	Bắc Giang	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.004967	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38774	767-K54E2	18D130116	Phạm Thị	Sim	Nữ	12/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004968	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38775	768-K54E2	18D130117	Hà Thị	Thanh	Nữ	10/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004969	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38776	769-K54E2	18D130118	Nguyễn Trần Phương	Thảo	Nữ	24/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004970	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38777	770-K54E2	18D130120	Nguyễn Thị Phương	Thuý	Nữ	03/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004971	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38778	771-K54E2	18D130121	Lê Thị	Thùy	Nữ	30/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004972	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38779	772-K54E2	18D130122	Trần Thị Hoài	Thương	Nữ	02/08/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004973	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38780	773-K54E2	18D130123	Lê Thị Ngọc	Trang	Nữ	01/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004974	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38781	774-K54E2	18D130124	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	21/05/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004975	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38782	775-K54E2	18D130126	Ngô Nữ Bảo	Trâm	Nữ	11/02/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004976	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38783	776-K54E3	18D130141	Lê Nhật	Anh	Nam	05/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004977	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38784	777-K54E3	18D130142	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	19/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004978	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38785	778-K54E3	18D130148	Đàm Thu	Cúc	Nữ	29/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004979	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38786	779-K54E3	18D130149	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	16/06/2000	Thanh Hoá	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004980	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38787	780-K54E3	18D130154	Vũ Thị Bích	Hạnh	Nữ	03/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004981	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38788	781-K54E3	18D130155	Cao Thanh	Hằng	Nữ	11/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004982	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38789	782-K54E3	18D130156	Nguyễn Thuý	Hằng	Nữ	09/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004983	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38790	783-K54E3	18D130158	Dương Thị	Hiền	Nữ	11/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004984	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38791	784-K54E3	18D130157	Nguyễn Hùng	Hiệp	Nam	09/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004985	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38792	785-K54E3	18D130161	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	17/10/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004986	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38793	786-K54E3	18D130162	Đỗ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	21/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004987	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38794	787-K54E3	18D130165	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	25/12/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004988	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38795	788-K54E3	18D130168	Nguyễn Thị Thùy	Liên	Nữ	18/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004989	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38796	789-K54E3	18D130170	Đinh Sao	Linh	Nữ	30/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.004990	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38797	790-K54E3	18D130176	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	19/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004991	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38798	791-K54E3	18D130177	Đặng Thị	Ngọc	Nữ	03/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004992	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38799	792-K54E3	18D130180	Nguyễn Minh	Phương	Nam	13/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004993	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38800	793-K54E3	18D130181	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	22/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004994	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38801	794-K54E3	18D130184	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	09/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004995	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38802	795-K54E3	18D130185	Trần Ngọc	Quỳnh	Nữ	05/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.004996	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38803	796-K54E3	18D130186	Cao Thị Thanh	Tâm	Nữ	14/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004997	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38804	797-K54E3	18D130197	Nguyễn Thế	Tùng	Nam	11/01/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004998	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38805	798-K54E3	18D130189	Nguyễn Thị	Thêm	Nữ	21/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.004999	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38806	799-K54E3	18D130191	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	12/04/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005000	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38807	800-K54E3	18D130193	Bùi Thị Thu	Trang	Nữ	10/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005001	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38808	801-K54E3	18D130198	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	26/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005002	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38809	802-K54E4	18D130217	Nguyễn Thị	Châu	Nữ	01/03/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005003	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38810	803-K54E4	18D130218	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	01/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005004	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38811	804-K54E4	18D130221	Nguyễn Thị Hồng	Đào	Nữ	20/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005005	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38812	805-K54E4	18D130224	Nguyễn Đan	Hạnh	Nữ	15/07/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005006	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38813	806-K54E4	18D130226	Phan Thị Thu	Hằng	Nữ	10/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005007	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38814	807-K54E4	18D130227	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	02/08/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005008	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38815	808-K54E4	18D130231	Bùi Đức	Huy	Nam	05/09/2000	Cần Thơ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005009	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38816	809-K54E4	18D130235	Phạm Thị	Hương	Nữ	24/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005010	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38817	810-K54E4	18D130236	Phạm Trung	Kiên	Nam	14/06/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005011	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38818	811-K54E4	18D130238	Mai Thị	Liên	Nữ	21/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005012	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38819	812-K54E4	18D130240	Trần Thị	Linh	Nữ	23/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005013	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38820	813-K54E4	18D130242	Bùi Hương	Mai	Nữ	20/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005014	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38821	814-K54E4	18D130251	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	10/11/2000	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005015	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38822	815-K54E4	18D130255	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	28/03/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005016	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38823	816-K54E4	18D130262	Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	20/05/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005017	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38824	817-K54E4	18D130257	Trần Thị	Thanh	Nữ	07/03/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005018	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38825	818-K54E4	18D130258	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	18/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005019	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38826	819-K54E4	18D130259	Lê Thị	Thoa	Nữ	13/01/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005020	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38827	820-K54E4	18D130263	Đinh Huyền	Trang	Nữ	19/12/2000	Hà Tây	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.005021	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38828	821-K54E4	18D130265	Phạm Thị Ngọc	Trang	Nữ	19/02/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005022	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38829	822-K54E4	18D130266	Trần Thị Kiều	Trinh	Nữ	16/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005023	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38830	823-K54E4	18D130269	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	13/03/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005024	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38831	824-K21E	E16D105097	Vũ Nguyễn Mai	Phương	Nữ	09/03/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005025	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38832	825-K53EK1	17D260008	Nguyễn Thị	Chuyên	Nữ	17/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005026	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38833	826-K53EK1	17D260010	Phạm Thùy	Dung	Nữ	27/06/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005027	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38834	827-K53EK1	17D260052	Đào Thúy	Vi	Nữ	19/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005028	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38835	828-K53EK1	17D260053	Lê Thị	Yến	Nữ	25/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005029	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38836	829-K53EK2	17D260101	Lê Thị Lan	Hương	Nữ	27/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005030	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38837	830-K53EK2	17D260117	Lê Thị Minh	Tâm	Nữ	06/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005031	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38838	831-K53EK3	17D260161	Chu Hà	An	Nữ	26/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005032	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38839	832-K53EK3	17D260185	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	22/06/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005033	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38840	833-K53EK3	17D260201	Phí Thị Minh	Thuý	Nữ	17/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38843	836-K54EK1	18D260005	Đặng Thanh	Bình	Nam	27/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005037	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38844	837-K54EK1	18D260006	Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	31/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005038	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38845	838-K54EK1	18D260007	Vũ Thị Kim	Chi	Nữ	21/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005039	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38846	839-K54EK1	18D260011	Nguyễn Thu	Giang	Nữ	12/11/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005040	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38847	840-K54EK1	18D260013	Vũ Thị	Hà	Nữ	19/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005041	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38848	841-K54EK1	18D260015	Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	21/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005042	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38849	842-K54EK1	18D260016	Đinh Thị Thanh	Hằng	Nữ	05/04/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005043	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38850	843-K54EK1	18D260019	Trần Thị	Huế	Nữ	10/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005044	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38851	844-K54EK1	18D260021	Trần Thị Bích	Huệ	Nữ	20/07/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005045	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38852	845-K54EK1	18D260022	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	12/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005046	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38853	846-K54EK1	18D260026	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	22/04/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005047	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38854	847-K54EK1	18D260027	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Nữ	17/02/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005048	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38855	848-K54EK1	18D260029	Hoàng Thị Hải	Ly	Nữ	04/12/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005049	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38856	849-K54EK1	18D260043	Võ Phương	Thảo	Nữ	02/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005050	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38857	850-K54EK1	18D260044	Vũ Thị Hồng	Thắm	Nữ	28/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005051	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38858	851-K54EK1	18D260045	Lê Thị Hoài	Thu	Nữ	16/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005052	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38859	852-K54EK1	18D260046	Vũ Thị Diệu	Thúy	Nữ	03/03/2000	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005053	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38860	853-K54EK1	18D260051	Trần Thị	Trang	Nữ	16/04/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005054	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38861	854-K54EK1	18D260052	Trịnh Thùy	Trang	Nữ	12/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005055	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38862	855-K54EK2	18D260062	Ngô Thị Vân	Anh	Nữ	28/07/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005056	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38863	856-K54EK2	18D260066	Dương Thị Thảo	Chi	Nữ	14/12/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005057	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38864	857-K54EK2	18D260067	Đỗ Đức	Diễn	Nam	03/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005058	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38865	858-K54EK2	18D260068	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	23/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005059	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38866	859-K54EK2	18D260072	Nguyễn Ngọc Hà	Giang	Nữ	27/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005060	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38867	860-K54EK2	18D260073	Hoàng Thu	Hải	Nữ	20/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005061	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38868	861-K54EK2	18D260079	Hồ Thị Hoa	Huệ	Nữ	20/01/2000	Quảng Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005062	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38869	862-K54EK2	18D260080	Nguyễn Thị Thu	Huệ	Nữ	01/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005063	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38870	863-K54EK2	18D260081	Đặng Thanh	Huyền	Nữ	22/12/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005064	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38871	864-K54EK2	18D260083	Lục Quỳnh	Lâm	Nữ	01/08/2000	Hà Nội	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005065	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38872	865-K54EK2	18D260089	Đoàn Thị	Ly	Nữ	19/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005066	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38873	866-K54EK2	18D260091	Đặng Thị Hiếu	Ngân	Nữ	04/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005067	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38874	867-K54EK2	18D260093	Trần Thị	Ngọc	Nữ	23/02/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005068	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38875	868-K54EK2	18D260095	Phùng Thị	Nguyệt	Nữ	21/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005069	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38876	869-K54EK2	18D260098	Nguyễn Hữu	Quân	Nam	04/07/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005070	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38877	870-K54EK2	18D260099	Phùng Thị Hương	Quỳnh	Nữ	16/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005071	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38878	871-K54EK2	18D260109	Phan Văn	Toán	Nam	12/06/2000	Phú Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005072	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38879	872-K54EK2	18D260113	Phạm Cao	Tuấn	Nam	26/11/2000	Thanh Hoá	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.005073	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38880	873-K54EK2	18D260114	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	03/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005074	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38881	874-K54EK2	18D260101	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	09/04/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005075	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38882	875-K54EK2	18D260106	Dương Thị Thu	Thủy	Nữ	17/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005076	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38883	876-K54EK2	18D260107	Hoàng Thu	Thủy	Nữ	14/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005077	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38884	877-K54EK2	18D260108	Trần Thị	Thương	Nữ	01/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005078	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38885	878-K54EK2	18D260111	Phan Thị Hà	Trang	Nữ	17/05/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005079	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38886	879-K54EK2	18D260116	Ngô Thị Hải	Yến	Nữ	05/02/2000	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005080	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38887	880-K51F1	15D160037	An Thị	Nga	Nữ	24/01/1997	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005081	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38888	881-K52F1	15D160025	Bùi Thị	Hường	Nữ	31/01/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005082	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38889	882-K52F1	15D160062	Âu Hoàng	Tùng	Nam	08/11/1996	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005083	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38890	883-K52F1	16D160011	Nguyễn Minh	Đức	Nam	12/10/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005084	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38891	884-K52F1	16D160055	Phan Thị	Thúy	Nữ	04/09/1998	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005085	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38892	885-K52F2	16D160111	Trần Thị	Hoài	Nữ	14/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005086	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38893	886-K52F3	16D160190	Mai Văn	Đức	Nam	24/11/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005087	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38894	887-K52F5	16D160371	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	18/05/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005088	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38895	888-K52F5	16D160374	Lê Khánh	Hà	Nữ	01/11/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005089	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38896	889-K52F5	16D160383	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	23/06/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005090	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38897	890-K52F5	16D160386	Hoàng Hà Tùng	Lâm	Nam	17/11/1998	Bắc Kạn	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005091	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38898	891-K52F6	16D160458	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	25/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005092	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38899	892-K52F6	16D160466	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	07/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005093	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38900	893-K53F1	17D160013	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	12/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005094	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38901	894-K53F1	17D160037	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	14/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005095	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38902	895-K53F1	17D160039	Lê Việt	Tùng	Nam	29/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005096	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38903	896-K53F2	17D160095	Đỗ Đức	Toàn	Nam	03/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005097	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38904	897-K53F3	17D160125	Vũ Thị Ngọc	Anh	Nữ	16/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005098	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38905	898-K53F3	17D160148	Đoàn Thị	Phương	Nữ	01/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005099	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38906	899-K53F3	17D160158	Phạm Thị	Trang	Nữ	03/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005100	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38907	900-K53F4	17D160207	Nguyễn Duy	Phú	Nam	06/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005101	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38908	901-K53F4	17D160223	Trần Thị	Phương	Nữ	18/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005102	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38909	902-K53F5	17D160255	Trần Quang	Huy	Nam	17/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005103	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38910	903-K53F6	17D160321	Vũ Thị Khánh	Linh	Nữ	30/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005104	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38911	904-K53F6	17D160329	Nguyễn Thị Diệu	Quỳnh	Nữ	26/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005105	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38912	905-K53F6	17D160333	Phùng Thị Minh	Thúy	Nữ	24/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005106	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38913	906-K53F7	17D160404	Vũ Tiến Quang	Huy	Nam	28/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005107	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38914	907-K53F7	17D160389	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	18/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005108	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38915	908-K53F7	17D160397	Nguyễn Thanh	Trà	Nữ	10/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005109	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38916	909-K54F1	18D160002	Ngô Thị Minh	Anh	Nữ	30/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005110	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38917	910-K54F1	18D160007	Vũ Thị	Dinh	Nữ	05/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005111	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38918	911-K54F1	18D160008	Hà Anh	Dũng	Nam	14/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005112	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38919	912-K54F1	18D160010	Trần Thị Hương	Giang	Nữ	22/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005113	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38920	913-K54F1	18D160013	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	18/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005114	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38921	914-K54F1	18D160015	Đỗ Thị Thúy	Hằng	Nữ	25/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005115	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38922	915-K54F1	18D160016	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	02/07/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005116	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38923	916-K54F1	18D160018	Phạm Thị Thanh	Hiền	Nữ	25/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005117	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38924	917-K54F1	18D160019	Phạm Mai	Hoa	Nữ	20/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005118	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38925	918-K54F1	18D160022	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	19/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005119	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38926	919-K54F1	18D160024	Nguyễn Khánh	Hưng	Nữ	08/06/2000	Phú Thọ	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.005120	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38927	920-K54F1	18D160026	Phạm Thu	Hương	Nữ	07/11/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005121	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38928	921-K54F1	18D160027	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	06/06/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005122	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38929	922-K54F1	18D160031	Phạm Thị	Linh	Nữ	20/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005123	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38930	923-K54F1	18D160035	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	25/07/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005124	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38931	924-K54F1	18D160038	Trần Thuý	Nga	Nữ	08/10/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005125	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38932	925-K54F1	18D160040	Phạm Thúy	Ngọc	Nữ	03/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005126	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38933	926-K54F1	18D160044	Ngô Thị	Quyên	Nữ	24/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005127	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38934	927-K54F1	18D160045	Nguyễn Hương	Quỳnh	Nữ	08/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005128	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38935	928-K54F1	18D160047	Phạm Thành	Tân	Nam	20/11/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005129	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38936	929-K54F1	18D160052	Nguyễn Thị	Tình	Nữ	15/05/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005130	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38937	930-K54F1	18D160053	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	30/07/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005131	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38938	931-K54F1	18D160060	Trịnh Thị	Yến	Nữ	09/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005132	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38939	932-K54F2	18D160071	Đoàn Đức	An	Nam	09/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005133	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38940	933-K54F2	18D160077	Phạm Quang	Chiến	Nam	14/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005134	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38941	934-K54F2	18D160082	Đinh Phương	Hà	Nữ	14/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005135	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38942	935-K54F2	18D160083	Chu Thị Vân	Hạnh	Nữ	08/11/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005136	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38943	936-K54F2	18D160087	Trần Bá	Hiếu	Nam	02/01/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005137	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38944	937-K54F2	18D160092	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	27/02/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005138	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38945	938-K54F2	18D160104	Đặng Thị Phương	Mai	Nữ	16/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005139	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38946	939-K54F2	18D160106	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	11/04/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005140	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38947	940-K54F2	18D160109	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	31/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005141	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38948	941-K54F2	18D160110	Bùi Thị	Ngọc	Nữ	19/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005142	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38949	942-K54F2	18D160111	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	16/11/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005143	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38950	943-K54F2	18D160114	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	01/02/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005144	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38951	944-K54F2	18D160115	Đỗ Trường	Sinh	Nam	06/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005145	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38952	945-K54F2	18D160116	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	Nữ	02/12/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005146	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38953	946-K54F2	18D160122	Lê Thị	Trang	Nữ	07/12/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005147	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38954	947-K54F2	18D160123	Phạm Hà	Trang	Nữ	17/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005148	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38955	948-K54F2	18D160128	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	20/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005149	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38956	949-K54F3	18D160148	Phạm Thị Thanh	Bình	Nữ	25/04/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005150	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38957	950-K54F3	18D160157	Vũ Thuý	Hằng	Nữ	07/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005151	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38958	951-K54F3	18D160155	Nguyễn Thị	Hân	Nữ	09/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005152	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38959	952-K54F3	18D160165	Hoàng Việt	Hưng	Nam	29/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005153	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38960	953-K54F3	18D160167	Lê Thị	Hường	Nữ	07/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005154	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38961	954-K54F3	18D160172	Lê Phương	Linh	Nữ	21/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005155	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38962	955-K54F3	18D160178	Lê Quốc	Nam	Nam	22/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005156	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38963	956-K54F3	18D160180	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	24/09/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005157	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38964	957-K54F3	18D160181	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	07/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005158	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38965	958-K54F3	18D160200	Đàm Hương	Xuân	Nữ	13/04/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005159	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38966	959-K54F4	18D160215	Trần Phương	Anh	Nữ	28/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005160	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38967	960-K54F4	18D160217	Trịnh Hoàng	Châu	Nữ	27/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005161	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38968	961-K54F4	18D160221	Trần Vi Thái	Dương	Nam	12/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005162	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38969	962-K54F4	18D160223	Trần Thị	Hà	Nữ	20/11/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005163	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38970	963-K54F4	18D160224	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	19/02/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005164	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38971	964-K54F4	18D160226	Lương Thị	Hằng	Nữ	08/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005165	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38972	965-K54F4	18D160229	Lê Thị	Hiền	Nữ	10/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005166	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38973	966-K54F4	18D160230	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	07/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005167	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38974	967-K54F4	18D160237	Ngô Thị	Hường	Nữ	21/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005168	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38975	968-K54F4	18D160249	Bùi Thị	Ngân	Nữ	17/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005169	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38976	969-K54F4	18D160250	Lê Hồng	Ngọc	Nữ	05/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005170	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38977	970-K54F4	18D160253	Lê Thị	Nhung	Nữ	20/05/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005171	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38978	971-K54F4	18D160255	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	13/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005172	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38979	972-K54F4	18D160259	Bùi Thị	Thắm	Nữ	27/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005173	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38980	973-K54F4	18D160266	Phan Lê Quỳnh	Trang	Nữ	24/11/2000	Quảng Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005174	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38981	974-K54F4	18D160269	Trần Thị Thảo	Vi	Nữ	11/10/2000	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.005175	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38982	975-K54F4	18D160270	Hoàng Kim	Xuyến	Nữ	31/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005176	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38983	976-K54F5	18D160293	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	28/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005177	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38984	977-K54F5	18D160309	Cao Thị	Lanh	Nữ	21/03/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005178	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38985	978-K54F5	18D160310	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	05/11/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005179	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38986	979-K54F5	18D160316	Nguyễn Thị	Mát	Nữ	17/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005180	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38987	980-K54F5	18D160317	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	31/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005181	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38988	981-K54F5	18D160318	Vũ Thị Ngọc	Nga	Nữ	11/11/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005182	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38989	982-K54F5	18D160321	Đỗ Minh	Nguyệt	Nữ	25/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005183	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38990	983-K54F5	18D160326	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	18/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005184	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38991	984-K54F5	18D160332	Bùi Thị Thuý	Tiên	Nữ	19/08/2000	Hoà Bình	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005185	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38992	985-K54F5	18D160336	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	12/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005186	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 256/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38993	986-K52P1	16D200007	Lương Thị Ngọc	Ánh	Nữ	14/04/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005187	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38994	987-K52P4	16D200249	Hứa Tuấn	Minh	Nam	07/02/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005188	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
38995	988-K53P1	17D200011	Lê Thùy	Giang	Nữ	29/06/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005189	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38996	989-K53P1	17D200018	Hoàng Tùng	Lâm	Nam	30/01/1999	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.005190	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38997	990-K53P1	17D200020	Hoàng Vũ Uyên	Linh	Nữ	06/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005191	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38998	991-K53P1	17D200036	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	04/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005192	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
38999	992-K53P2	17D200066	Trịnh Hồng	Ánh	Nữ	30/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005193	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39000	993-K53P2	17D200080	Vương Hà	Linh	Nữ	29/11/1999	Hà Nội	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.005194	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39001	994-K53P2	17D200082	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	05/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005195	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39002	995-K53P2	17D200085	Vũ Khánh	Ngọc	Nữ	27/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005196	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39003	996-K53P2	17D200105	Nguyễn Thị Hoài	Phương	Nữ	08/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005197	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39004	997-K53P2	17D200092	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	27/03/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005198	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39005	998-K53P2	17D200097	Lê Thị	Trang	Nữ	20/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005199	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39006	999-K53P3	17D200142	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	17/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005200	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39007	1000-K53P3	17D200145	Nguyễn Hà	Ngân	Nữ	09/06/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005201	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39008	1001-K53P3	17D200147	Nguyễn Phương	Nhung	Nữ	05/10/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005202	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39009	1002-K53P3	17D200151	Vũ Thị	Phương	Nữ	17/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005203	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39010	1003-K53P3	17D200152	Đỗ Thị	Quỳnh	Nữ	21/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005204	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39011	1004-K53P4	17D200181	Đoàn Mai	Anh	Nữ	29/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005205	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39012	1005-K53P4	17D200182	Hà Vân	Anh	Nữ	02/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005206	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39013	1006-K53P4	17D200187	Nguyễn Sỹ	Công	Nam	06/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005207	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39014	1007-K53P4	17D200224	Hồ Thị Tú	Linh	Nữ	05/07/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005208	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39015	1008-K53P4	17D200200	Trần Thùy	Linh	Nữ	20/11/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005209	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39016	1009-K53P4	17D200206	Hoàng Lan	Nhi	Nữ	04/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005210	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39017	1010-K53P4	17D200209	Nguyễn Hồng	Phương	Nữ	13/01/1999	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.005211	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39018	1011-K54P1	18D200002	Đinh Mai	Anh	Nữ	04/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005212	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39019	1012-K54P1	18D200005	Trần Vân	Anh	Nữ	14/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005213	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39020	1013-K54P1	18D200003	Nguyễn Thị Cẩm	Anh	Nữ	27/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005214	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39021	1014-K54P1	18D200007	Mai Thị Ngọc	Ánh	Nữ	27/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005215	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39022	1015-K54P1	18D200009	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	17/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005216	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39023	1016-K54P1	18D200013	Hứa Trịnh Thùy	Dương	Nữ	25/02/2000	Lai Châu	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005217	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39024	1017-K54P1	18D200018	Nông Thị	Huế	Nữ	25/12/2000	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005218	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39025	1018-K54P1	18D200021	Đỗ Mạnh	Hùng	Nam	22/08/1996	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005219	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39026	1019-K54P1	18D200020	Đỗ Thị Thu	Huyền	Nữ	10/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005220	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39027	1020-K54P1	18D200022	Mai Lan	Hương	Nữ	29/01/2000	Đà Nẵng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005221	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39028	1021-K54P1	18D200030	Hoàng Thanh	Mai	Nữ	04/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005222	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39029	1022-K54P1	18D200035	Lương Vũ Hà	Phương	Nữ	31/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005223	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39030	1023-K54P1	18D200037	Nguyễn Hương	Quỳnh	Nữ	31/10/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005224	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39031	1024-K54P1	18D200040	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	28/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005225	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39032	1025-K54P1	18D200043	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	09/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005226	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39033	1026-K54P1	18D200049	Phạm Thị Thu	Trang	Nữ	07/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005227	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39034	1027-K54P1	18D200050	Nguyễn Ngọc Huyền	Trâm	Nữ	01/12/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005228	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39035	1028-K54P1	18D200052	Nguyễn Thu	Vân	Nữ	22/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005229	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39036	1029-K54P2	18D200061	Nguyễn Thị Thuỳ	An	Nữ	06/04/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005230	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39037	1030-K54P2	18D200064	Đỗ Thị Mai	Anh	Nữ	20/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005231	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39038	1031-K54P2	18D200073	Nguyễn Đại	Đức	Nam	31/07/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005232	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39039	1032-K54P2	18D200075	Trần Minh	Hiếu	Nữ	03/01/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005233	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39040	1033-K54P2	18D200079	Ngô Vũ Khánh	Huyền	Nữ	15/05/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005234	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39041	1034-K54P2	18D200080	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	09/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005235	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39042	1035-K54P2	18D200082	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	10/02/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005236	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39043	1036-K54P2	18D200083	Phan Viết	Khánh	Nam	31/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005237	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39044	1037-K54P2	18D200085	Hà Thị Diệu	Linh	Nữ	04/01/2001	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005238	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39045	1038-K54P2	18D200087	Phạm Thùy	Linh	Nữ	17/07/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005239	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39046	1039-K54P2	18D200093	Trần Thị Triệu	Nhung	Nữ	03/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005240	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39047	1040-K54P3	18D200123	Đoàn Mai	Anh	Nữ	08/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005241	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39048	1041-K54P3	18D200125	Hà Quỳnh	Anh	Nữ	17/03/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005242	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39049	1042-K54P3	18D200139	Hoàng Khánh	Huyền	Nữ	10/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005243	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39050	1043-K54P3	18D200142	Trần Liên	Hương	Nữ	16/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005244	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39051	1044-K54P3	18D200143	Vũ Nguyễn Trung	Kiên	Nam	15/12/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005245	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39052	1045-K54P3	18D200148	Đinh Trang	Ly	Nữ	18/09/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005246	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39053	1046-K54P3	18D200149	Đinh Thị Tuyết	Mai	Nữ	21/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005247	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39054	1047-K54P3	18D200150	Đặng Thị Ngọc	Minh	Nữ	31/05/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005248	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39055	1048-K54P3	18D200159	Trần Huyền	Thanh	Nữ	20/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005249	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39056	1049-K54P3	18D200168	Lê Minh	Trang	Nữ	08/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005250	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39057	1050-K54P3	18D200169	Ngô Thu	Trang	Nữ	16/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005251	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39058	1051-K54P3	18D200172	Đặng Thị Thanh	Xuân	Nữ	20/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005252	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39059	1052-K54P4	18D200181	Lò Lâm	Anh	Nữ	11/10/2000	Điện Biên	Thái	Việt Nam	Khá	TMU.7.005253	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39060	1053-K54P4	18D200194	Trần Thị Thanh	Hằng	Nữ	15/09/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005254	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39061	1054-K54P4	18D200196	Nguyễn Vũ Điền	Hoa	Nữ	03/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005255	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39062	1055-K54P4	18D200201	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	11/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005256	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39063	1056-K54P4	18D200203	Nguyễn Hương	Lan	Nữ	27/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005257	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39064	1057-K54P4	18D200206	Vũ Hồng Nhật	Linh	Nữ	03/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005258	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39065	1058-K54P4	18D200224	Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	03/05/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005259	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39066	1059-K54P4	18D200227	Đỗ Huyền	Trang	Nữ	02/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005260	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39067	1060-K54P4	18D200229	Trần Thu	Trang	Nữ	21/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005261	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39068	1061-K54P4	18D200231	Hoàng Thị Thu	Uyên	Nữ	05/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005262	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39069	1062-K21P	P15D170361	Đỗ Hồng	Hạnh	Nữ	24/10/1997	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005263	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39070	1063-K51I2	15D140091	Lê Thị Bích	Hồng	Nữ	29/09/1997	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005264	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39071	1064-K51I3	15D140170	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	23/02/1997	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005265	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39072	1065-K51I4	15D140267	Bùi Huy	Tùng	Nam	12/02/1997	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005266	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39073	1066-K52I4	16D140223	Cao Thị Thanh	Hằng	Nữ	07/12/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005267	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39074	1067-K52I4	16D140252	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	08/01/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005268	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39075	1068-K52I4	16D140263	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	25/10/1998	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005269	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39076	1069-K52I5	16D140294	Nguyễn Đức	Dũng	Nam	23/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005270	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39077	1070-K52I5	16D140295	Phạm Việt	Dương	Nam	01/09/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005271	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39078	1071-K52I5	16D140303	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	03/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005272	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39079	1072-K52I5	16D140308	Đào Tuấn	Hùng	Nam	14/07/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005273	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39080	1073-K52I5	16D140322	Nguyễn Thế	Nghĩa	Nam	01/01/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005274	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39081	1074-K52I5	16D140329	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	21/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005275	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39082	1075-K52I5	16D140335	Phạm Ngọc	Tiến	Nam	13/11/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005276	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39083	1076-K52I5	16D140340	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	17/01/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005277	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39084	1077-K53I1	17D140007	Tô Thùy	Dung	Nữ	05/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005278	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39085	1078-K53I1	17D140038	Nguyễn Văn	Thiết	Nam	13/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005279	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39086	1079-K53I1	17D140043	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	16/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005280	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39087	1080-K53I2	17D140089	Trần Thị	Huyền	Nữ	04/01/1999	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.005281	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39088	1081-K53I3	17D140181	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	13/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005282	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39089	1082-K53I3	17D140183	Nguyễn Hoàng Mai	Trinh	Nữ	12/11/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005283	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39090	1083-K53I4	17D140212	Lê Thị	Hằng	Nữ	02/05/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005284	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39091	1084-K53I4	17D140224	Hà Thị	Linh	Nữ	01/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005285	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39092	1085-K53I5	17D140271	Nguyễn Thị	An	Nữ	27/09/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005286	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39093	1086-K53I5	17D140273	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	16/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005287	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39094	1087-K53I5	17D140281	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	01/04/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005288	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39095	1088-K53I5	16D140323	Phan Thị	Nhung	Nữ	27/11/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005289	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39096	1089-K53I5	17D140315	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	27/04/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005290	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39097	1090-K53I5	17D140317	Trịnh Thị	Yến	Nữ	10/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005291	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39098	1091-K54I1	18D140001	Đinh Hoàng	Anh	Nữ	03/03/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005292	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39099	1092-K54I1	18D140013	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	23/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005293	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39100	1093-K54I1	18D140017	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	24/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005294	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39101	1094-K54I1	18D140021	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	15/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005295	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39102	1095-K54I1	18D140024	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	08/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005296	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39103	1096-K54I1	18D140029	Đào Thị	Lý	Nữ	26/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005297	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39104	1097-K54I1	18D140033	Đặng Thị Minh	Ngọc	Nữ	14/03/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005298	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39105	1098-K54I1	18D140034	Nguyễn Thị	Nhẫn	Nữ	05/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005299	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39106	1099-K54I1	18D140044	Vũ Thị Hồng	Thu	Nữ	30/07/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005300	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39107	1100-K54I1	18D140048	Lưu Thị Thùy	Trang	Nữ	08/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005301	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39108	1101-K54I1	18D140053	Đoàn Thị	Vi	Nữ	17/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005302	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39109	1102-K54I2	18D140061	Giang Quỳnh	Anh	Nữ	04/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005303	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39110	1103-K54I2	18D140064	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	27/08/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005304	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39111	1104-K54I2	18D140070	Đào Thị	Hà	Nữ	16/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005305	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39112	1105-K54I2	18D140071	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	01/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005306	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39113	1106-K54I2	18D140073	Bùi Thị	Hằng	Nữ	13/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005307	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39114	1107-K54I2	18D140079	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	24/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005308	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39115	1108-K54I2	18D140080	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	06/04/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005309	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39116	1109-K54I2	18D140082	Nguyễn Thảo	Hương	Nữ	16/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005310	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39117	1110-K54I2	18D140085	Kiều Thị Ngọc	Liên	Nữ	08/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005311	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39118	1111-K54I2	18D140087	Bùi Thị	Linh	Nữ	12/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005312	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39119	1112-K54I2	18D140094	Nguyễn Hà	Nhi	Nữ	21/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005313	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39120	1113-K54I2	18D140100	Phạm Thị Phương	Quỳnh	Nữ	20/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005314	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39121	1114-K54I2	18D140109	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	11/05/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005315	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39122	1115-K54I2	18D140112	Nguyễn Khánh Thảo	Vân	Nữ	25/07/2000	Tp.Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005316	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39123	1116-K54I3	18D140126	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	Nữ	22/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005317	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39124	1117-K54I3	18D140130	Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	11/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005318	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39125	1118-K54I3	18D140135	Quách Thị	Hiếu	Nữ	19/07/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005319	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39126	1119-K54I3	18D140145	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	29/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005320	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39127	1120-K54I3	18D140149	Lục Hoàng	Mai	Nữ	26/03/2000	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.005321	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39128	1121-K54I3	18D140151	Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	07/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005322	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39129	1122-K54I3	18D140154	Trần Yến	Nhi	Nữ	14/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005323	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39130	1123-K54I3	18D140156	Bùi Thị Hoài	Phương	Nữ	01/04/2000	Bình Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005324	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39131	1124-K54I3	18D140160	Bùi Phương	Quỳnh	Nữ	01/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005325	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39132	1125-K54I3	18D140161	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	19/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005326	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39133	1126-K54I3	18D140162	Đỗ Thị Thu	Thảo	Nữ	22/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005327	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39134	1127-K54I3	18D140164	Phạm Thị Thu	Thuỷ	Nữ	17/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005328	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39135	1128-K54I4	18D140182	Phạm Thị	Ánh	Nữ	23/03/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005329	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39136	1129-K54I4	18D140192	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	30/04/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005330	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39137	1130-K54I4	18D140202	Lê Thị	Hương	Nữ	10/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005331	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39138	1131-K54I4	18D140209	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	24/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005332	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39147	1140-K54I5	18D140243	Trương Thị Lan	Anh	Nữ	06/01/2000	Bắc Giang	Sán Dìu	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005341	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39148	1141-K54I5	18D140246	Vũ Ngọc	Diệp	Nữ	15/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005342	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39149	1142-K54I5	18D140249	Đỗ Thị Hương	Giang	Nữ	20/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005343	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39150	1143-K54I5	18D140253	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	16/04/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005344	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39151	1144-K54I5	18D140264	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	07/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005345	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39152	1145-K54I5	18D140269	Tô Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	14/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005346	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39153	1146-K54I5	18D140279	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	31/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005347	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39154	1147-K54I5	18D140284	Phạm Thanh	Thúy	Nữ	28/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005348	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39155	1148-K54I6	18D140310	Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	10/03/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005349	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39156	1149-K54I6	18D140311	Phạm Thị	Hải	Nữ	09/12/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005350	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39157	1150-K54I6	18D140313	Phạm Thu	Hằng	Nữ	05/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005351	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39158	1151-K54I6	18D140316	Hoàng Thị	Hoa	Nữ	11/04/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005352	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39159	1152-K54I6	18D140317	Lê Văn	Hoàng	Nam	04/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005353	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39160	1153-K54I6	18D140329	Cao Thu	Mây	Nữ	11/10/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005354	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39161	1154-K54I6	18D140335	Vũ Thị Kiều	Oanh	Nữ	02/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005355	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39162	1155-K54I6	18D140340	Trương Thị Thanh	Tâm	Nữ	06/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005356	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39163	1156-K54I6	18D140350	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	18/07/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005357	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39164	1157-K54I6	18D140341	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	28/02/2000	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005358	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39165	1158-K54I6	18D140342	Nguyễn Thiên	Thảo	Nữ	29/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005359	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39166	1159-K54I6	18D140351	Vũ Trần Thu	Uyên	Nữ	13/04/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005360	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39167	1160-K54I6	18D140352	Trần Thị	Vi	Nữ	15/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005361	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 258/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39168	1161-K51S4	15D190221	Tô Hoài	Giang	Nữ	19/02/1997	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005362	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39169	1162-K51S4	15D190230	Vũ Thị	Huế	Nữ	02/10/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005363	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39170	1163-K54S1	18D190057	Tabe	HAMMAVONG	Nữ	22/01/2000	Lào	Lào	Lào	Khá	TMU.7.005364	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39171	1164-K52S1	16D190026	Bùi Thị Lâm	Oanh	Nữ	18/04/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005365	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39172	1165-K52S2	16D190083	Đỗ Thị	Nhung	Nữ	14/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005366	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39173	1166-K52S4	16D190203	Phan Tiến	Mạnh	Nam	01/08/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005367	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39174	1167-K53S1	17D190003	Trần Tuấn	Anh	Nam	20/01/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005368	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39175	1168-K53S1	17D190016	Phùng Đại	Khánh	Nam	29/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005369	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39176	1169-K53S1	17D190028	Phạm Thị Hồng	Phượng	Nữ	02/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005370	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39177	1170-K53S2	17D190082	Nguyễn Phương	Nam	Nam	22/05/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005371	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39178	1171-K53S3	17D190134	Trần Ngọc	Hưng	Nam	23/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005372	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39179	1172-K53S3	17D190160	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/06/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005373	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39180	1173-K53S4	17D190187	Nguyễn Minh	Đức	Nam	16/08/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005374	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39181	1174-K53S4	17D190210	Nguyễn Thị Linh	Thảo	Nữ	29/05/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005375	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39182	1175-K53S4	17D190214	Nguyễn Thị Thủy	Trang	Nữ	17/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005376	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39183	1176-K54S1	18D190001	Cao Thị Lan	Anh	Nữ	15/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005377	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39184	1177-K54S1	18D190011	Đinh Quang	Đức	Nam	27/01/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005378	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39185	1178-K54S1	18D190017	Phạm Minh	Hoàng	Nam	03/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005379	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39186	1179-K54S1	18D190020	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	04/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005380	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39187	1180-K54S1	18D190022	Đinh Thị	Hương	Nữ	09/02/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005381	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39188	1181-K54S1	18D190032	Lê Đình	Nam	Nam	18/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005382	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39189	1182-K54S1	18D190038	Hà Nhật	Quyên	Nữ	07/07/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005383	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39190	1183-K54S1	18D190041	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	23/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005384	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39191	1184-K54S1	18D190043	Hoàng Thị Minh	Thi	Nữ	08/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005385	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39192	1185-K54S1	18D190054	Vũ Ngọc	Văn	Nam	09/12/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005386	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39193	1186-K54S2	18D190068	Lưu Thị	Dung	Nữ	14/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005387	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39194	1187-K54S2	18D190076	Đinh Thị	Hoài	Nữ	24/06/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005388	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39195	1188-K54S2	18D190099	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	21/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005389	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39196	1189-K54S2	18D190102	Thân Lê	Thắng	Nam	27/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005390	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39197	1190-K54S2	18D190110	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	18/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005391	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39198	1191-K54S2	18D190112	Phạm Thị Phương	Uyên	Nữ	27/06/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005392	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39199	1192-K54S3	18D190122	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	03/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005393	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39200	1193-K54S3	18D190125	Trần Thị	Ánh	Nữ	13/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005394	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39201	1194-K54S3	18D190126	Nguyễn Thị Minh	Châu	Nữ	06/04/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005395	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39202	1195-K54S3	18D190128	Vũ Thị	Dung	Nữ	05/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005396	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39203	1196-K54S3	18D190131	Phạm Thị	Giang	Nữ	11/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005397	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39204	1197-K54S3	18D190170	Tạ Thu	Trang	Nữ	25/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005398	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39205	1198-K54S4	18D190195	Lê Thị	Hoa	Nữ	06/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005399	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39206	1199-K54S4	18D190205	Lưu Thị Ánh	Linh	Nữ	03/12/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005400	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39207	1200-K54S4	18D190207	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	04/01/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005401	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39208	1201-K54S4	18D190210	Đỗ Anh	Minh	Nam	06/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005402	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39209	1202-K54S4	18D190213	Lê Minh	Ngọc	Nữ	10/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005403	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39210	1203-K54S4	18D190215	Chu Thị Hồng	Nhung	Nữ	29/03/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005404	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39211	1204-K54S4	18D190218	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	04/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005405	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39212	1205-K54S4	18D190219	Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	14/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005406	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39213	1206-K54S4	18D190221	Vũ Thị Hương	Thảo	Nữ	12/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005407	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39214	1207-K54S4	18D190223	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	11/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005408	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH H

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39223	1216-K53H1	17D180008	Lương Thị Thanh	Duyên	Nữ	22/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005417	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39224	1217-K53H1	17D180048	Nguyễn Đức Minh	Hiếu	Nam	29/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005418	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39225	1218-K53H1	17D180016	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	29/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005419	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39226	1219-K53H1	17D180033	Trần Ngọc	Quang	Nam	26/09/1999	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.005420	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39227	1220-K53H1	17D180036	Ngô Thị Diệu	Thảo	Nữ	05/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005421	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39228	1221-K53H1	17D180042	Cao Mạnh	Tuấn	Nam	16/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005422	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39229	1222-K53H2	17D180074	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	17/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005423	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39230	1223-K53H2	17D180082	Phạm Thị	Hải	Nữ	07/11/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005424	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39231	1224-K53H2	17D180090	Phạm Thị	Hương	Nữ	04/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005425	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39232	1225-K53H2	17D180114	Phạm Ngọc	Vân	Nữ	10/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005426	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39233	1226-K53H3	17D180143	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	25/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005427	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39234	1227-K53H3	17D180144	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	22/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005428	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39235	1228-K53H3	17D180145	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	08/09/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005429	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39236	1229-K53H3	17D180179	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	22/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005430	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39237	1230-K53H4	17D180196	Lê Văn	Cường	Nam	08/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005431	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39238	1231-K53H4	17D180212	Bùi Khánh	Linh	Nữ	03/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005432	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39239	1232-K53H4	17D180213	Mai Phương	Linh	Nữ	02/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005433	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39240	1233-K53H4	17D180224	Hoàng Thị Thanh	Thanh	Nữ	01/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005434	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39241	1234-K53H4	17D180225	Trần Thị	Thêu	Nữ	24/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005435	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39242	1235-K53H4	17D180229	Lê Thị Hà	Trang	Nữ	29/10/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005436	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39243	1236-K53H5	16D180376	Nguyễn Anh	Đức	Nam	22/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005437	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39244	1237-K53H5	17D180260	Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	20/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005438	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39245	1238-K53H5	17D180262	Nông Thu	Hậu	Nữ	27/07/1999	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.005439	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39246	1239-K53H5	17D180274	Trần Khánh	Linh	Nữ	11/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005440	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39247	1240-K53H5	17D180299	Ngô Thị	Thành	Nữ	10/07/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005441	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39248	1241-K53H5	17D180287	Nguyễn Minh	Thường	Nam	13/06/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005442	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39249	1242-K53H5	17D180289	Lương Thị Huyền	Trang	Nữ	20/03/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005443	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39250	1243-K53H5	17D180292	Nguyễn Ngọc	Tùng	Nam	17/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005444	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39251	1244-K53H6	17D180367	Bùi Đăng	Đỉnh	Nam	10/08/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005445	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39252	1245-K53H6	17D180336	Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	02/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005446	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39253	1246-K54H1	18D180009	Hà Mạnh	Chiêu	Nam	16/02/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005447	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39254	1247-K54H1	18D180011	Ngô Thị Hương	Giang	Nữ	20/06/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005448	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39255	1248-K54H1	18D180012	Ngô Thị	Hà	Nữ	26/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005449	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39256	1249-K54H1	18D180019	Đinh Ngọc	Huyền	Nữ	09/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005450	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39257	1250-K54H1	18D180022	Nghiêm Thị Thu	Hương	Nữ	23/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005451	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39258	1251-K54H1	18D180026	Lê Thị Quỳnh	Linh	Nữ	24/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005452	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39259	1252-K54H1	18D180027	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	05/06/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005453	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39260	1253-K54H1	18D180030	Đào Ngọc Hương	Ly	Nữ	02/10/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005454	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39261	1254-K54H1	18D180032	Nông Thị	Mơ	Nữ	12/09/2000	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.005455	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39262	1255-K54H1	18D180038	Phạm Thị	Phương	Nữ	04/11/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005456	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39263	1256-K54H1	18D180053	Đỗ Cẩm	Tú	Nữ	26/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005457	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39264	1257-K54H1	18D180043	Nguyễn Thị Kim	Thảo	Nữ	20/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005458	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39265	1258-K54H1	18D180044	Trịnh Thu	Thảo	Nữ	31/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005459	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39266	1259-K54H1	18D180047	Nguyễn Thị Phương	Thu	Nữ	20/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005460	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39267	1260-K54H1	18D180050	Lê Thị Hà	Trang	Nữ	25/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005461	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39268	1261-K54H1	18D180055	Tạ Quỳnh	Vy	Nữ	12/12/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005462	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39269	1262-K54H2	18D180066	Phạm Thị Việt	Anh	Nữ	10/09/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005463	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39270	1263-K54H2	18D180069	Trần Thị	Chinh	Nữ	20/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005464	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39271	1264-K54H2	18D180072	Đào Thảo	Hà	Nữ	17/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005465	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39272	1265-K54H2	18D180075	Lại Thu	Hằng	Nữ	18/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005466	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39273	1266-K54H2	18D180078	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	28/05/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005467	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39274	1267-K54H2	18D180080	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	09/01/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005468	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39275	1268-K54H2	18D180086	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	22/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005469	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39276	1269-K54H2	18D180093	Lê Thị	Nga	Nữ	18/05/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005470	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39277	1270-K54H2	18D180098	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	22/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005471	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39278	1271-K54H2	18D180099	Nguyễn Thị Linh	Phượng	Nữ	03/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005472	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39279	1272-K54H2	18D180101	Nguyễn Trường	Sa	Nam	29/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005473	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39280	1273-K54H2	18D180104	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	10/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005474	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39281	1274-K54H2	18D180105	Vũ Thị	Thắm	Nữ	14/03/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005475	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39282	1275-K54H2	18D180115	Quách Thị Khánh	Vy	Nữ	06/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005476	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39283	1276-K54H3	18D180121	Nguyễn Thị Ngọc	An	Nữ	14/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005477	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39284	1277-K54H3	18D180122	Đặng Phương	Anh	Nữ	08/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005478	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39285	1278-K54H3	18D180123	Đỗ Thị	Anh	Nữ	01/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005479	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39286	1279-K54H3	18D180124	Ngô Phương	Anh	Nữ	26/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005480	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39287	1280-K54H3	18D180130	Lưu Tiến	Dũng	Nam	25/01/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005481	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39288	1281-K54H3	18D180132	Bùi Thị Quỳnh	Hà	Nữ	02/09/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005482	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39289	1282-K54H3	18D180141	Đào Thị	Hương	Nữ	02/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005483	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39290	1283-K54H3	18D180143	Bùi Phương	Linh	Nữ	23/06/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005484	2022	Chính quy

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39299	1292-K54H3	18D180175	Nguyễn Hương	Xuân	Nữ	17/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005493	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39300	1293-K54H4	18D180184	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	28/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005494	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39301	1294-K54H4	18D180185	Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	08/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005495	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39302	1295-K54H4	18D180187	Phạm Minh	Ánh	Nữ	12/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005496	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39303	1296-K54H4	18D180210	Đỗ Thị Hương	Ly	Nữ	15/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005497	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39304	1297-K54H4	18D180221	Lê Thị Kim	Sơn	Nữ	05/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005498	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39305	1298-K54H5	18D180242	Lưu Dương Trung	Anh	Nữ	13/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005499	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39306	1299-K54H5	18D180243	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	10/07/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005500	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39307	1300-K54H5	18D180245	Trương Thị Vân	Anh	Nữ	12/02/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005501	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39308	1301-K54H5	18D180247	Tạ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	13/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005502	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39309	1302-K54H5	18D180249	Nguyễn Thị Thu	Dung	Nữ	26/03/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005503	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39310	1303-K54H5	18D180251	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	31/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005504	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39311	1304-K54H5	18D180253	Vũ Thị	Hải	Nữ	06/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005505	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39312	1305-K54H5	18D180264	Kiều Diệu	Linh	Nữ	28/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005506	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39313	1306-K54H5	18D180266	Trần Thị	Linh	Nữ	17/11/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005507	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39314	1307-K54H5	18D180267	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	28/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005508	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39315	1308-K54H5	18D180268	Vũ Đình	Long	Nam	22/06/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005509	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39316	1309-K54H5	18D180270	Trịnh Khánh	Ly	Nữ	03/04/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005510	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39317	1310-K54H5	18D180271	Trần Hương	Mai	Nữ	30/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005511	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39318	1311-K54H5	18D180272	Nguyễn Mạnh	Nam	Nam	29/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005512	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39319	1312-K54H5	18D180276	Nguyễn Thị Yến	Oanh	Nữ	29/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005513	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39320	1313-K54H5	18D180278	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	27/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005514	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39321	1314-K54H5	18D180280	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	04/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005515	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39322	1315-K54H5	18D180281	Vũ Thị	Thanh	Nữ	01/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005516	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39323	1316-K54H5	18D180283	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	06/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005517	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39324	1317-K54H5	18D180284	Vũ Thị Thu	Thảo	Nữ	26/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005518	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39325	1318-K54H5	18D180291	Đỗ Thị Hương	Trà	Nữ	16/11/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005519	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39326	1319-K54H5	18D180293	Đào Thị Thu	Vân	Nữ	23/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005520	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39327	1320-K22H	H16D190002	Vũ Lương Minh	Anh	Nữ	25/11/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005521	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39328	1321-K54HC1	18D280002	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	05/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005522	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39329	1322-K54HC1	18D280007	Bùi Thị	Dung	Nữ	06/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005523	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39330	1323-K54HC1	18D280009	Đỗ Thùy	Dương	Nữ	25/05/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005524	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39331	1324-K54HC1	18D280014	Nguyễn Thị Thái	Huệ	Nữ	14/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005525	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39332	1325-K54HC1	18D280016	Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	20/04/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005526	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39333	1326-K54HC1	18D280018	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	21/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005527	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39334	1327-K54HC1	18D280019	Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	01/03/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005528	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39335	1328-K54HC1	18D280022	Phùng Thị Phương	Linh	Nữ	26/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005529	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39336	1329-K54HC1	18D280026	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	24/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005530	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39337	1330-K54HC1	18D280038	Bùi Thu	Thủy	Nữ	05/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005531	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39338	1331-K54HC1	18D280040	Phí Thu	Trang	Nữ	25/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005532	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39339	1332-K54HC1	18D280043	Trần Thảo	Uyên	Nữ	19/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005533	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39340	1333-K54HC1	18D280045	Trần Hà	Vi	Nữ	06/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005534	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39341	1334-K54HC1	18D280047	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	03/05/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005535	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39342	1335-K54HC2	18D280054	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	19/09/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005536	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39343	1336-K54HC2	18D280060	Đoàn Việt	Hà	Nữ	13/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005537	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39344	1337-K54HC2	18D280066	Trần Thị Minh	Huyền	Nữ	22/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005538	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39345	1338-K54HC2	18D280073	Lưu Tuấn	Long	Nam	23/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005539	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39346	1339-K54HC2	18D280084	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	29/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005540	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39347	1340-K54HC2	18D280093	Nguyễn Thị Như	Vân	Nữ	25/06/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005541	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39348	1341-K54HC2	18D280097	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	08/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005542	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39349	1342-K53HH	17D185022	Lê Ngọc	Minh	Nam	25/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005543	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 261/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39350	1343-K53HH	17D185024	Nguyễn Thị Thuý	Nga	Nữ	29/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005544	2022	Chính quy	Tài chính- Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 261/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39351	1344-K50N3	14D170142	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	12/09/1996	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005545	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39352	1345-K50N3	14D170177	Nguyễn Thị	Nhị	Nữ	02/01/1996	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005546	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39353	1346-K50N6	14D170354	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	03/03/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005547	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39354	1347-K50N7	14D170438	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	Nữ	24/12/1996	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005548	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39355	1348-K52N2	16D170087	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	02/11/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005549	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39356	1349-K52N2	16D170119	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	08/10/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005550	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39357	1350-K53N1	16D170027	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	07/06/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005551	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39358	1351-K53N2	17D170065	Đỗ Thị	Diễm	Nữ	03/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005552	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39359	1352-K53N2	17D170066	Đặng Văn	Duy	Nam	05/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005553	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39360	1353-K53N2	17D170085	Nguyễn Thu	Nga	Nữ	10/11/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005554	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39361	1354-K53N2	17D170090	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	Nữ	06/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005555	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39362	1355-K53N2	17D170094	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	18/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005556	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39363	1356-K53N2	17D170102	Nguyễn Ái	Vân	Nữ	13/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005557	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39364	1357-K53N3	17D170124	Vũ Châu Nguyệt	Cầm	Nữ	17/12/1999	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005558	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39365	1358-K53N3	17D170135	Bùi Lan	Hương	Nữ	26/04/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005559	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39366	1359-K53N3	17D170146	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	21/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005560	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39367	1360-K53N4	17D170206	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	Nữ	15/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005561	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39368	1361-K53N4	17D170213	Phạm Trúc	Quỳnh	Nữ	09/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005562	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39369	1362-K53N5	17D170282	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	28/03/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005563	2022	Chính quy

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39375	1368-K54N1	18D170045	Đào Thị	Tuyết	Nữ	27/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005569	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39376	1369-K54N1	18D170036	Đinh Thị	Thảo	Nữ	12/02/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005570	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39377	1370-K54N1	18D170037	Trần Thị	Thêu	Nữ	24/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005571	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39378	1371-K54N1	18D170039	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	11/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005572	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39379	1372-K54N1	18D170043	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	06/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005573	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39380	1373-K54N1	18D170047	Bùi Thị Hải	Yến	Nữ	25/04/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005574	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39381	1374-K54N2	18D170054	Phan Thị Hồng	Ánh	Nữ	14/11/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005575	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39382	1375-K54N2	18D170055	Trần Thị Linh	Chi	Nữ	25/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005576	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39383	1376-K54N2	18D170059	Mai Thúy	Hà	Nữ	14/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005577	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39384	1377-K54N2	18D170060	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	23/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005578	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39385	1378-K54N2	18D170065	Đỗ Ngọc	Hoàn	Nam	21/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005579	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39386	1379-K54N2	18D170068	Phan Mạnh	Hùng	Nam	18/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005580	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39387	1380-K54N2	18D170069	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	23/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005581	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39388	1381-K54N2	18D170070	Phạm Thị Mai	Hương	Nữ	14/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005582	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39389	1382-K54N2	18D170075	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	21/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005583	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39390	1383-K54N2	18D170079	Đào Thị Hồng	Ngọc	Nữ	16/09/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005584	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39391	1384-K54N2	18D170080	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	30/06/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005585	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39392	1385-K54N2	18D170082	Nguyễn Thị Lan	Oanh	Nữ	24/11/2000	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005586	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39393	1386-K54N2	18D170084	Trần Thị Lệ	Quyên	Nữ	16/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005587	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39394	1387-K54N2	18D170086	Dương Thị	Thảo	Nữ	13/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005588	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39395	1388-K54N2	18D170087	Đoàn Thị	Thìn	Nữ	22/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005589	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39396	1389-K54N2	18D170088	Phạm Thị Mai	Thu	Nữ	06/10/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005590	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39397	1390-K54N2	18D170089	Trần Thị	Thúy	Nữ	26/02/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005591	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39398	1391-K54N2	18D170096	Đặng Khánh	Vân	Nữ	26/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005592	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39399	1392-K54N3	18D170104	Nguyễn Diệu	Ánh	Nữ	28/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005593	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39400	1393-K54N3	18D170105	Trịnh Thị Thu	Chinh	Nữ	03/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005594	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39401	1394-K54N3	18D170106	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	Nữ	08/01/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005595	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39402	1395-K54N3	18D170107	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	05/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005596	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39403	1396-K54N3	18D170108	Đặng Nguyệt	Hà	Nữ	07/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005597	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39404	1397-K54N3	18D170113	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	17/01/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005598	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39405	1398-K54N3	18D170123	Dương Thị	Linh	Nữ	07/07/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005599	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39406	1399-K54N3	18D170126	Ngô Nhật Khánh	Ly	Nữ	08/07/2000	Phú Thọ	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005600	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39407	1400-K54N3	18D170129	Phan Thị Hồng	Ngọc	Nữ	03/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005601	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39408	1401-K54N3	18D170141	Đoàn Thị Ngọc	Trang	Nữ	23/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005602	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39409	1402-K54N4	18D170151	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	11/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005603	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39410	1403-K54N4	18D170160	Phan Thị Ngọc	Hải	Nữ	17/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005604	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39411	1404-K54N4	18D170162	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	26/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005605	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39412	1405-K54N4	18D170175	Vũ Nhật	Linh	Nữ	22/05/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005606	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39413	1406-K54N4	18D170192	Trần Thị	Trang	Nữ	08/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005607	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39414	1407-K54N5	18D170202	Hoàng Thị Quế	Anh	Nữ	12/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005608	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39415	1408-K54N5	18D170203	Nguyễn Vân	Anh	Nữ	19/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005609	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39416	1409-K54N5	18D170208	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	05/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005610	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39417	1410-K54N5	18D170218	Đỗ Thị Thanh	Hương	Nữ	08/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005611	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39418	1411-K54N5	18D170230	Nguyễn Thị	Nhiên	Nữ	29/03/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005612	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39419	1412-K54N5	18D170231	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	29/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005613	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39420	1413-K54N5	18D170232	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005614	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39421	1414-K54N5	18D170237	Cao Thị	Thơm	Nữ	23/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005615	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39422	1415-K54N5	18D170243	Trịnh Thị	Trang	Nữ	04/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005616	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39423	1416-K54N5	18D170245	Đỗ Thị Thu	Uyên	Nữ	23/09/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005617	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39424	1417-K54N5	18D170246	Vương Khải	Yến	Nữ	05/09/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005618	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39425	1418-K54N6	18D170260	Hà Thị	Hảo	Nữ	08/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005619	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39426	1419-K54N6	17D170311	Phạm Thị Việt	Hằng	Nữ	26/05/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005620	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39427	1420-K54N6	18D170263	Hoàng Thị	Hoa	Nữ	23/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005621	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39428	1421-K54N6	18D170265	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	17/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005622	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39429	1422-K54N6	18D170270	Đào Thị Hương	Lan	Nữ	23/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005623	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39430	1423-K54N6	18D170272	Đinh Thị Phương	Liên	Nữ	10/10/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005624	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39431	1424-K54N6	18D170278	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	05/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005625	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39432	1425-K54N6	18D170279	Hoàng Minh	Nguyệt	Nữ	21/12/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005626	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39433	1426-K54N6	18D170282	Bùi Thu	Phương	Nữ	10/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005627	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39434	1427-K54N6	18D170289	Trần Thị	Thùy	Nữ	30/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005628	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39435	1428-K54N7	18D170324	Phùng Diệu	Linh	Nữ	18/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005629	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39436	1429-K54N7	18D170326	Bùi Thị	Mai	Nữ	09/11/2000	Hà Tây	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.005630	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39437	1430-K54N7	18D170328	Bùi Thị Bích	Ngọc	Nữ	14/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005631	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39438	1431-K54N7	18D170329	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	09/02/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005632	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39439	1432-K54N7	18D170343	Phạm Thu	Trà	Nữ	05/07/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005633	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39440	1433-K54N7	18D170340	Mai Thị	Trang	Nữ	07/02/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005634	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39441	1434-K54N7	18D170341	Nguyễn Hoàng Thu	Trang	Nữ	24/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005635	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39442	1435-K50U4	13D210230	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	17/12/1995	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005636	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39443	1436-K51U2	15D210071	Vũ Văn	An	Nam	17/08/1997	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005637	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39444	1437-K52U2	16D210076	Vi Thị	Duyên	Nữ	02/03/1998	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.005638	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39445	1438-K52U2	16D210094	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	23/05/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005639	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39446	1439-K52U2	16D210118	Phạm Thị	Trang	Nữ	22/07/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005640	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39447	1440-K52U3	16D210141	Phạm Kim	Anh	Nữ	13/01/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005641	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39448	1441-K52U3	16D210152	Đỗ Thu	Hiền	Nữ	14/04/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005642	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NG

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39451	1444-K53U1	17D210020	Nguyễn Thanh	Loan	Nữ	18/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005645	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39452	1445-K53U1	17D210023	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	27/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005646	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39453	1446-K53U2	17D210078	Nguyễn Hồng	Linh	Nữ	27/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005647	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39454	1447-K53U2	17D210089	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	04/05/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005648	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39455	1448-K53U2	17D210090	Vũ Thị	Nhung	Nữ	22/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005649	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39456	1449-K53U2	17D210091	Lê Minh	Phương	Nữ	29/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005650	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39457	1450-K53U2	17D210103	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	20/03/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005651	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39458	1451-K53U3	17D210156	Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	28/04/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005652	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39459	1452-K53U4	17D210200	Nguyễn Diệp	Long	Nam	20/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005653	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39460	1453-K53U4	17D210219	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	07/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005654	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39461	1454-K53U5	17D210248	Trương Ngọc	Hải	Nam	01/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005655	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39462	1455-K53U5	17D210272	Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	18/06/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005656	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39463	1456-K53U6	17D210303	Trần Phương	Châm	Nữ	12/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005657	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39464	1457-K53U6	17D210314	Phạm Thị Thu	Hường	Nữ	04/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005658	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39465	1458-K53U6	17D210325	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	11/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005659	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39466	1459-K54U1	18D210021	Phùng Thị	Hương	Nữ	04/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005660	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39467	1460-K54U1	18D210022	Vũ Ngọc	Khanh	Nữ	19/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005661	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39468	1461-K54U1	18D210026	Đào Hoàng	Long	Nam	09/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005662	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39469	1462-K54U1	18D210029	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	20/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005663	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39470	1463-K54U1	18D210041	Phùng Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	27/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005664	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39471	1464-K54U1	18D210052	Bùi Thanh	Tú	Nữ	17/07/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005665	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39472	1465-K54U1	18D210042	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	09/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005666	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39473	1466-K54U1	18D210043	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	20/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005667	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39474	1467-K54U1	18D210044	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	18/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005668	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39475	1468-K54U1	18D210045	Lê Ngọc	Thu	Nữ	15/06/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005669	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39476	1469-K54U2	18D210063	Nguyễn Mậu Thảo	Anh	Nữ	23/08/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005670	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39477	1470-K54U2	18D210067	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	23/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005671	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39478	1471-K54U2	18D210075	Trần Thị	Hằng	Nữ	08/03/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005672	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39479	1472-K54U2	18D210079	Phạm Thu	Huyền	Nữ	01/08/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005673	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39480	1473-K54U2	18D210082	Trần Quang	Khiêm	Nam	23/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005674	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39481	1474-K54U2	18D210085	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	13/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005675	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39482	1475-K54U2	18D210088	Phó Thị Kim	Mai	Nữ	07/10/2000	Vĩnh Phúc	Sán dìu	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005676	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39483	1476-K54U2	18D210094	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	22/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005677	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39484	1477-K54U2	18D210096	Trần Dung	Nhi	Nữ	03/07/2000	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005678	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39485	1478-K54U2	18D210104	Đỗ Thị	Thêu	Nữ	04/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005679	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39486	1479-K54U2	18D210106	Bùi Thị	Thùy	Nữ	23/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005680	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39487	1480-K54U2	18D210107	Chu Thị Kim	Thương	Nữ	27/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005681	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39488	1481-K54U2	18D210109	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	18/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005682	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39489	1482-K54U2	18D210113	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	Nữ	16/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005683	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39490	1483-K54U3	18D210130	Đào Thị Trà	Giang	Nữ	18/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005684	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39491	1484-K54U3	18D210131	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	08/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005685	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39492	1485-K54U3	18D210134	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	11/12/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005686	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39493	1486-K54U3	18D210138	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	13/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005687	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39494	1487-K54U3	18D210140	Hoàng Lan	Hương	Nữ	19/03/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005688	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39495	1488-K54U3	18D210141	Trương Thị	Hương	Nữ	14/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005689	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39496	1489-K54U3	18D210151	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	05/07/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005690	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39497	1490-K54U3	18D210152	Đặng Thị	Ngân	Nữ	17/05/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005691	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39498	1491-K54U3	18D210153	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	11/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005692	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39499	1492-K54U3	18D210154	Trần Thị	Ngọc	Nữ	21/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005693	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39500	1493-K54U3	18D210156	Đặng Thị	Nhiên	Nữ	15/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005694	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39501	1494-K54U3	18D210157	Phương Thị Tuyết	Nhung	Nữ	04/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005695	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39502	1495-K54U3	18D210172	Vũ Thị	Tươi	Nữ	23/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005696	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39503	1496-K54U3	18D210162	Dư Thị Phương	Thảo	Nữ	16/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005697	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39504	1497-K54U3	18D210165	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	11/06/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005698	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39505	1498-K54U3	18D210170	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	05/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005699	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39506	1499-K54U3	18D210173	Nguyễn Thị Tố	Uyên	Nữ	18/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005700	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39507	1500-K54U3	18D210175	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	07/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005701	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39508	1501-K54U4	18D210182	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	07/04/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005702	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39509	1502-K54U4	18D210184	Nguyễn Cẩm	Ánh	Nữ	14/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005703	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39510	1503-K54U4	18D210191	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	28/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005704	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39511	1504-K54U4	18D210198	Lê Thị	Huyền	Nữ	12/05/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005705	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39512	1505-K54U4	18D210199	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	21/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005706	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39513	1506-K54U4	18D210201	Dương Minh	Hường	Nữ	10/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005707	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39514	1507-K54U4	18D210202	Lê Ngọc	Lan	Nữ	02/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005708	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39515	1508-K54U4	18D210212	Trương Thị Thu	Ngân	Nữ	18/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005709	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39516	1509-K54U4	18D210214	Trần Kim	Ngọc	Nữ	01/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005710	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39517	1510-K54U4	18D210231	Phùng Thị Kim	Tuyến	Nữ	26/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005711	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39518	1511-K54U4	18D210223	Nguyễn Hà Phương	Thảo	Nữ	26/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005712	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39519	1512-K54U4	18D210229	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	21/09/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005713	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39520	1513-K54U5	18D210242	Ngô Thị Kiều	Anh	Nữ	28/08/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005714	2022	Chính quy	Quản

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39527	1520-K54U5	18D210253	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	12/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005721	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39528	1521-K54U5	18D210254	Trịnh Thúy	Hằng	Nữ	12/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005722	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39529	1522-K54U5	18D210255	Kiều Thị Thu	Hiền	Nữ	16/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005723	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39530	1523-K54U5	18D210266	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	10/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005724	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39531	1524-K54U5	18D210272	Nguyễn Thảo	Ngân	Nữ	01/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005725	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39532	1525-K54U5	18D210279	Ngô Thị Thanh	Phương	Nữ	31/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005726	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39533	1526-K54U5	18D210280	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	01/07/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005727	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39534	1527-K54U5	18D210283	Lương Thị	Thắm	Nữ	24/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005728	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39535	1528-K54U5	18D210284	Nguyễn Ngọc	Thơm	Nữ	01/03/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005729	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39536	1529-K54U5	18D210285	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	07/05/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005730	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39537	1530-K54U5	18D210286	Thái Quốc Anh	Thương	Nam	22/02/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005731	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39538	1531-K54U5	18D210290	Nguyễn Thanh	Trà	Nữ	27/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005732	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39539	1532-K54U5	18D210289	Trương Thị Hà	Trang	Nữ	05/07/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005733	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39540	1533-K54U5	18D210292	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	03/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005734	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39541	1534-K54U5	18D210294	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	Nữ	02/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005735	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39542	1535-K22D	D17D160148	Đoàn Thị	Phương	Nữ	01/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005736	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 274/QĐ-ĐHTM ngày 04 tháng 03 năm 2022)	
39543	1536-K7TK2	16H152011	Đào Thanh	Lan	Nữ	15/01/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005737	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39544	1537-K9TK1	17H151011	Trần Thùy	Dung	Nữ	06/11/1987	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005738	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39545	1538-K48DQ1	14E105008	Trần Dũng	Dũng	Nam	25/11/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005739	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 265/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39546	1539-K17CK1	19H153213	Đồng Thị	Hạnh	Nữ	23/02/1992	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005740	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 266/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
39547	1540-K53A3	13D100167	Khuất Đức	Mạnh	Nam	18/06/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005745	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39548	1541-K52A1	16D100014	Hoàng Thu	Hà	Nữ	14/11/1997	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005746	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39549	1542-K52A1	16D100031	Trần Thị	Linh	Nữ	17/05/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005747	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39550	1543-K52A1	16D100047	Đỗ Việt	Thắng	Nam	25/02/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005748	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39551	1544-K52A1	16D100046	Trương Thị	Thảo	Nữ	20/05/1998	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.005749	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39552	1545-K52A1	16D100057	Nguyễn Hữu	Tuấn	Nam	09/08/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005750	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39553	1546-K52A2	16D100087	Nguyễn Tất Xuân	Cường	Nam	17/01/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005751	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39554	1547-K52A2	16D100093	Trần Thị	Giang	Nữ	18/08/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005752	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39555	1548-K52A2	16D100105	Đỗ Anh	Khánh	Nam	23/06/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005753	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39556	1549-K52A2	16D100120	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	22/08/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005754	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39557	1550-K52A2	16D100140	Bùi Thị	Xương	Nữ	21/02/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005755	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39558	1551-K52A3	16D100169	Nguyễn Văn	Cường	Nam	06/01/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005756	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39559	1552-K52A3	16D100186	Lê Thị	Hương	Nữ	06/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005757	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39560	1553-K52A3	16D100183	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	15/07/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005758	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39561	1554-K52A3	16D100206	Lê Phương	Thảo	Nữ	01/08/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005759	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39562	1555-K52A3	16D100217	Hoàng Bá	Tuyển	Nam	22/06/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005760	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39563	1556-K52A4	16D100262	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	07/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005761	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39564	1557-K52A4	16D100270	Nguyễn Thị Chi	Linh	Nữ	27/05/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005762	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39565	1558-K52A4	16D100272	Bùi Đức	Lương	Nam	04/09/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005763	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39566	1559-K52A4	16D100281	Nguyễn Viết	Quang	Nam	04/09/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005764	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39567	1560-K52A4	16D100295	Nguyễn Văn	Trường	Nam	07/09/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005765	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39568	1561-K52A4	16D100296	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	19/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005766	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39569	1562-K52A5	16D100325	Phạm Thị	Bích	Nữ	09/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005767	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39570	1563-K52A5	16D100334	Trần Văn	Hai	Nam	23/03/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005768	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39571	1564-K52A5	16D100336	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	21/08/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005769	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39572	1565-K52A5	16D100338	Trần Thị	Hiền	Nữ	18/09/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005770	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39573	1566-K52A5	16D100346	Phạm Thị	Lam	Nữ	14/11/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005771	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39574	1567-K52A5	16D100358	Đinh Thị Hương	Phương	Nữ	11/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005772	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39575	1568-K52A5	16D100360	Trần Bảo	Quang	Nam	19/05/1997	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005773	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39576	1569-K52A5	16D100366	Nguyễn Ngọc	Thạch	Nam	08/07/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005774	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39577	1570-K52A6	16D100408	Đào Ngọc	Danh	Nam	14/08/1998	Yên Bái	Tày	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005775	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39578	1571-K52A6	16D100423	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	02/05/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005776	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39579	1572-K52A6	16D100429	Phạm Thị Kim	Liên	Nữ	07/07/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005777	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39580	1573-K52A6	16D100430	Nguyễn Thị Hải	Linh	Nữ	01/12/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005778	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39581	1574-K52A6	16D100443	Trần Hồng	Sơn	Nam	11/06/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005779	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39582	1575-K52A6	16D100456	Đào Anh	Tú	Nam	04/05/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005780	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39583	1576-K52A6	16D100459	Phan Thị Thanh	Xuân	Nữ	08/02/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005781	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39584	1577-K52A7	16D100528	Phạm Thu	Trang	Nữ	09/08/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005782	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39585	1578-K52A8	16D100552	Vũ Thị Phương	Anh	Nữ	03/07/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005783	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39586	1579-K52A8	16D100566	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa	Nữ	02/09/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005784	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39587	1580-K52A8	16D100569	Lê Thị	Huệ	Nữ	26/08/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005785	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39588	1581-K52A8	16D100579	Nguyễn Hải	Ly	Nữ	28/11/1998	Phú Thọ	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.005786	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39589	1582-K52A9	16D100654	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	24/07/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005787	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39590	1583-K52A9	16D100662	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	23/06/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005788	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39591	1584-K53A1	17D100014	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	21/04/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005789	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39592	1585-K53A1	17D100021	Vũ Thùy	Linh	Nữ	26/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005790	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39593	1586-K53A1	17D100023	Đinh Thị	Lý	Nữ	24/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005791	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39594	1587-K53A1	17D100032	Ngô Minh	Quân	Nam	19/09/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005792	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39595	1588-K53A1	17D100041	Đinh Quỳnh	Trâm	Nữ	10/01/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005793	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39596	1589-K53A2	17D100072	Vũ Thị Thanh	Hoa	Nữ	27/10/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005794	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39597	1590-K53A2	17D100075	Phạm Thị	Huyền	Nữ	01/11/1999	Thanh Hóa	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.005795	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39598	1591-K53A2	17D100078	Đỗ Xuân	Khôi	Nam	29/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005796	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39599	1592-K53A2	17D100084	Nguyễn Thị	Mây	Nữ	29/05/1999	Bắc Giang	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.005797	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39600	1593-K53A2	17D100094	Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	27/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005798	2022	Chính quy	Quản trị kinh

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39603	1596-K53A2	17D100103	Nguyễn Đình	Vũ	Nam	13/08/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005801	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39604	1597-K53A3	17D100124	Lưu Linh	Chi	Nữ	17/12/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005802	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39605	1598-K53A3	17D100130	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	05/02/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005803	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39606	1599-K53A3	17D100154	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	02/04/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005804	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39607	1600-K53A3	17D100155	Phạm Thanh	Thảo	Nữ	26/01/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005805	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39608	1601-K53A3	17D100163	Nguyễn Đức	Vỹ	Nam	22/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005806	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39609	1602-K53A4	17D100182	Ngô Thị Phương	Anh	Nữ	05/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005807	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39610	1603-K53A4	17D100184	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	05/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005808	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39611	1604-K53A4	17D100185	Trương Minh	Chi	Nữ	05/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005809	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39612	1605-K53A4	17D100188	Đinh Văn	Đức	Nam	16/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005810	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39613	1606-K53A4	17D100201	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	29/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005811	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39614	1607-K53A4	17D100203	Dương Thị	Mai	Nữ	31/05/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005812	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39615	1608-K53A4	17D100205	Hoàng Thị Thanh	Minh	Nữ	19/02/1999	Bắc Giang	Hoa	Việt Nam	Khá	TMU.7.005813	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39616	1609-K53A4	17D100206	Đào Thị Hằng	Nga	Nữ	07/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005814	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39617	1610-K53A4	17D100212	Phạm Thu	Phương	Nữ	25/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005815	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39618	1611-K53A4	17D100211	Dương Thị	Phương	Nữ	24/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005816	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39619	1612-K53A4	17D100218	Lê Thị	Thương	Nữ	10/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005817	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39620	1613-K53A4	17D100221	Phạm Khắc	Tuyên	Nam	07/01/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005818	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39621	1614-K53A5	17D100249	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nữ	21/01/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005819	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39622	1615-K53A5	17D100275	Bùi Diệu	Thanh	Nữ	24/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005820	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39623	1616-K53A6	17D100301	Bùi Thị Tú	Anh	Nữ	25/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005821	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39624	1617-K53A6	17D100331	Hoàng Thị Thanh	Phương	Nữ	24/09/1999	Bình Thuận	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005822	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39625	1618-K53A7	17D100362	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	14/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005823	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39626	1619-K53A7	17D100371	Lê Minh	Hiệp	Nam	13/08/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005824	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39627	1620-K53A7	17D100380	Trịnh Thùy	Linh	Nữ	23/03/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005825	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39628	1621-K53A7	17D100385	Bùi Thị Huyền	My	Nữ	28/09/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005826	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39629	1622-K53A7	17D100392	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	19/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005827	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39630	1623-K53A7	17D100395	Ngô Văn	Thắng	Nam	20/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005828	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39631	1624-K53A8	17D100431	Trịnh Thị	Hiền	Nữ	18/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005829	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39632	1625-K53A8	17D100432	Nguyễn Văn	Hoạn	Nam	12/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005830	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39633	1626-K53A8	17D100437	Trần Thị	Hương	Nữ	12/02/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005831	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39634	1627-K53A8	17D100441	Mai Xuân	Long	Nam	01/09/1999	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.005832	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39635	1628-K53A8	17D100443	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	18/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005833	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39636	1629-K53A8	17D100444	Vũ Bình	Minh	Nam	07/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005834	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39637	1630-K53A8	17D100446	Dương Thị	Ngà	Nữ	28/08/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005835	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39638	1631-K53A8	17D100450	Lê Thị Mai	Phương	Nữ	03/11/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005836	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39639	1632-K53A8	17D100453	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	14/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005837	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39640	1633-K53A8	17D100454	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	24/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005838	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39641	1634-K53A8	17D100456	Trần Thị	Thu	Nữ	11/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005839	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39642	1635-K53A8	17D100458	Đỗ Thu	Trang	Nữ	27/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005840	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39643	1636-K53A8	17D100461	Đào Thu	Uyên	Nữ	08/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005841	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39644	1637-K53A8	17D100463	Hà Thị	Vui	Nữ	15/10/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005842	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39645	1638-K53A9	17D100483	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	19/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005843	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39646	1639-K53A9	17D100486	Nguyễn Việt	Dũng	Nam	28/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005844	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39647	1640-K53A9	17D100489	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	27/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005845	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39648	1641-K53A9	17D100493	Dương Thị	Hồng	Nữ	05/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005846	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39649	1642-K53A9	17D100512	Trần Vũ	Quang	Nam	17/08/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005847	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39650	1643-K53A9	17D100522	Hoàng Hữu	Vinh	Nam	21/04/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005848	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39651	1644-K53A1	17D100045	Khamla PHIMSIPASOM		Nam	23/10/1998	Lào	Kinh	Lào	Khá	TMU.7.005849	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39652	1645-K54A1	18D100005	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	Nữ	19/12/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005850	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39653	1646-K54A1	18D100006	Nguyễn Kim	Chi	Nữ	20/01/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005851	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39654	1647-K54A1	18D100019	Đinh Quang	Huy	Nam	15/08/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005852	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39655	1648-K54A1	18D100020	Đoàn Thị Thu	Huyền	Nữ	12/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005853	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39656	1649-K54A1	18D100022	Nguyễn Thị	Khánh	Nữ	02/09/2000	Gia Lai	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005854	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39657	1650-K54A1	18D100024	Hoàng Thùy	Linh	Nữ	22/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005855	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39658	1651-K54A1	18D100025	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	11/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005856	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39659	1652-K54A1	18D100028	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	10/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005857	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39660	1653-K54A1	18D100037	Dương Thị Thu	Phương	Nữ	22/12/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005858	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39661	1654-K54A1	18D100038	Đào Văn	Quang	Nam	29/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005859	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39662	1655-K54A1	18D100039	Trần Như	Quỳnh	Nữ	15/07/2000	Hà Giang	Cao Lan	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005860	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39663	1656-K54A1	18D100050	Vũ Quang	Vinh	Nam	18/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005861	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39664	1657-K54A2	18D100062	Lê Thị Huyền	Anh	Nữ	06/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005862	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39665	1658-K54A2	18D100063	Lê Tuấn	Anh	Nam	05/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005863	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39666	1659-K54A2	18D100066	Nguyễn Linh	Chi	Nữ	13/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005864	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39667	1660-K54A2	18D100079	Dương Thị Thanh	Huyền	Nữ	08/07/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005865	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39668	1661-K54A2	18D100084	Đặng Thị Khánh	Linh	Nữ	07/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005866	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39669	1662-K54A2	18D100090	Nguyễn Hữu	Nam	Nam	12/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005867	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39670	1663-K54A2	18D100092	Trần Thị Thu	Ngọc	Nữ	23/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005868	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39671	1664-K54A2	18D100093	Lê Thị Thảo	Nguyên	Nữ	06/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005869	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39672	1665-K54A2	18D100099	Dương Như	Quỳnh	Nữ	07/09/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005870	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39673	1666-K54A2	18D100102	Nguyễn Ngọc	Thùy	Nữ	02/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005871	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39674	1667-K54A2	18D100104	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	13/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005872	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39675	1668-K54A2	18D100108	Trần Quý	Tú	Nam	01/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005873	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39676	1669-K54A3	18D100126	Nguyễn Trọng	Chiến	Nam	09/12/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005874	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39677	1670-K54A3	18D100132	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	22/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005875	2022

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39679	1672-K54A3	18D100148	Trần Thị Thúy	Mai	Nữ	02/04/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005877	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39680	1673-K54A3	18D100149	Trần Nhật	Minh	Nam	26/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005878	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39681	1674-K54A3	18D100163	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	02/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005879	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39682	1675-K54A3	18D100165	Đồng Thị Hà	Trang	Nữ	07/12/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005880	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39683	1676-K54A3	18D100166	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	15/05/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005881	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39684	1677-K54A3	17D100161	Bùi Thị	Tuyết	Nữ	31/07/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005882	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39685	1678-K54A4	18D100184	Lê Thị	Ánh	Nữ	17/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005883	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39686	1679-K54A4	18D100194	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	27/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005884	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39687	1680-K54A4	18D100203	Dương Phương	Liên	Nữ	21/11/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005885	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39688	1681-K54A4	18D100224	Lê Quỳnh	Trang	Nữ	02/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005886	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39689	1682-K54A4	18D100227	Phan Quang	Trường	Nam	03/11/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005887	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39690	1683-K54A5	18D100242	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	20/11/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005888	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39691	1684-K54A5	18D100244	Trần Thị Nguyệt	Ánh	Nữ	18/04/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005889	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39692	1685-K54A5	18D100256	Phạm Thị	Hoàn	Nữ	28/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005890	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39693	1686-K54A5	18D100262	Hoàng Thị	Lan	Nữ	03/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005891	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39694	1687-K54A5	18D100267	Trịnh Thị Phương	Long	Nữ	19/08/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005892	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39695	1688-K54A5	18D100272	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	28/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005893	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39696	1689-K54A5	18D100274	Phùng Thị	Nhị	Nữ	27/10/2000	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.005894	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39697	1690-K54A5	18D100276	Chu Chẩn	Phong	Nam	04/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005895	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39698	1691-K54A5	18D100278	Nguyễn Trọng	Quyền	Nam	27/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005896	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39699	1692-K54A5	18D100288	Lê Xuân	Tường	Nam	04/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005897	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39700	1693-K54A6	18D100321	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	27/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005898	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39701	1694-K54A6	18D100323	Hà Thị Thúy	Linh	Nữ	29/07/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005899	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39702	1695-K54A6	18D100330	Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	11/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005900	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39703	1696-K54A6	18D100335	Hoàng Trang	Nhung	Nữ	30/07/2000	Yên Bái	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.005901	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39704	1697-K54A6	18D100338	Vũ Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005902	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39705	1698-K52Q2	16D105092	Nguyễn Thành	Nam	Nam	07/02/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005903	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39706	1699-K53Q1	17D105002	Nguyễn Thị	Chi	Nữ	30/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005904	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39707	1700-K53Q1	17D105005	Nguyễn Bình	Giang	Nam	04/10/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005905	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39708	1701-K53Q1	17D105006	Dương Thị	Hằng	Nữ	12/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005906	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39709	1702-K53Q1	17D105011	Phạm Thị	Mừng	Nữ	03/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005907	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39710	1703-K54Q1	18D105002	Nguyễn Như	Anh	Nữ	13/11/2000	Gia Lai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005908	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39711	1704-K54Q1	18D105003	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	14/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005909	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39712	1705-K54Q1	18D105010	Lâm Thị Khánh	Hà	Nữ	28/06/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005910	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39713	1706-K54Q1	18D105020	Trần Thị Kim	Liên	Nữ	19/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005911	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39714	1707-K54Q1	18D105024	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	05/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005912	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39715	1708-K54Q1	18D105028	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	27/02/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005913	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39716	1709-K54Q1	18D105032	Phạm Thị Thanh	Quỳnh	Nữ	27/07/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005914	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39717	1710-K54Q1	18D105034	Phạm Trí	Thành	Nam	21/12/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005915	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39718	1711-K54Q1	18D105036	Phạm Thị Thanh	Thúy	Nữ	01/03/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005916	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39719	1712-K54Q1	18D105046	Nguyễn Thị Thúy	Trang	Nữ	11/05/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005917	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39720	1713-K54Q1	18D105049	Lê Sỹ	Tú	Nam	21/05/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005918	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39721	1714-K54QT1	18D107021	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	19/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005919	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39722	1715-K54QT1	18D107029	Hoàng	Long	Nam	07/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005920	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39723	1716-K54QT1	18D107033	Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	03/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005921	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39724	1717-K54QT2	18D107079	Phạm Thị	Huyền	Nữ	30/06/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005922	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39725	1718-K54QT2	18D107094	Lương Thị	Ngân	Nữ	14/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005923	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39726	1719-K54QT2	18D107111	Lê Thanh	Truyền	Nữ	24/01/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005924	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39727	1720-K54QT3	18D107123	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	12/06/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005925	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39728	1721-K54QT3	18D107152	Bùi Thị	Minh	Nữ	27/09/2000	Ninh Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.005926	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39729	1722-K54QT3	18D107172	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	29/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005927	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 792/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39730	1723-K52B1KS	16D110021	Đinh Thị Hạnh	Huyền	Nữ	29/10/1998	Thanh Hoá	Mường	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005928	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39731	1724-K52B2KS	16D110128	Lê Xuân	Thùy	Nam	01/03/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.005929	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39732	1725-K52B3KS	16D110176	Lã Thu	Hiền	Nữ	18/10/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005930	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39733	1726-K52B3KS	16D110180	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	17/06/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005931	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39734	1727-K53B2KS	17D110069	Trịnh Thị	Hạnh	Nữ	17/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005932	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39735	1728-K53B2KS	17D110079	Lê Ngọc	Linh	Nam	07/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005933	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39736	1729-K53B4KS	17D110185	Đoàn Thị	Chinh	Nữ	01/06/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005934	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39737	1730-K53B4KS	17D110218	Triệu Thị	Trang	Nữ	16/05/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005935	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39738	1731-K53B5KS	17D110250	Phạm Thị	Hằng	Nữ	07/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005936	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39739	1732-K53B5KS	17D110272	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	03/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005937	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39740	1733-K53B5KS	17D110279	Nguyễn Hải	Tuấn	Nam	12/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005938	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39741	1734-K53B6KS	17D110307	Võ Thành	Định	Nam	23/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005939	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39742	1735-K53B6KS	17D110323	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	20/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005940	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39743	1736-K53B6KS	17D110326	Trương Văn	Nghĩa	Nam	01/12/1999	Thanh Hóa	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.005941	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39744	1737-K53B6KS	17D110334	Phạm Thị Minh	Thu	Nữ	11/06/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005942	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39745	1738-K54B1KS	18D110002	Hoàng Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005943	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39746	1739-K54B1KS	18D110004	Nguyễn Thị Kiều	Anh	Nữ	23/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005944	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39747	1740-K54B1KS	18D110010	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	07/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005945	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39748	1741-K54B1KS	18D110012	Trương Thị Mỹ	Duyên	Nữ	14/11/2000	Nghệ An	Thổ	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005946	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39749	1742-K54B1KS	18D110014	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	03/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005947	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39750	1743-K54B1KS	18D110015	Bùi Long	Hải	Nam	03/08/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005948	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39751	1744-K54B1KS	18D110024	Hoàng Văn	Hữu	Nam	01/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005949	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39755	1748-K54B1KS	18D110035	Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	13/04/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005953	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39756	1749-K54B1KS	18D110036	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	04/08/2000	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005954	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39757	1750-K54B1KS	18D110044	Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	19/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005955	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39758	1751-K54B1KS	18D110049	Phạm Thị Hoài	Thu	Nữ	22/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005956	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39759	1752-K54B1KS	18D110051	Trần Ngọc	Thủy	Nữ	05/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005957	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39760	1753-K54B1KS	18D110052	Hà Thị	Trang	Nữ	25/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005958	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39761	1754-K54B1KS	18D110056	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	22/02/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005959	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39762	1755-K54B2KS	18D110073	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	03/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005960	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39763	1756-K54B2KS	18D110081	Ngô Trần Ngọc	Duyên	Nữ	06/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005961	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39764	1757-K54B2KS	18D110083	Trần Thị Hồng	Gấm	Nữ	23/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005962	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39765	1758-K54B2KS	18D110086	Trương Ngọc	Hậu	Nữ	09/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005963	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39766	1759-K54B2KS	18D110088	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	28/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005964	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39767	1760-K54B2KS	18D110089	Bùi Thị Phương	Hoa	Nữ	20/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005965	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39768	1761-K54B2KS	18D110092	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	18/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005966	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39769	1762-K54B2KS	18D110093	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	01/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005967	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39770	1763-K54B2KS	18D110095	Đinh Thị	Lành	Nữ	12/11/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005968	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39771	1764-K54B2KS	18D110097	Hoàng Thị Mỹ	Linh	Nữ	11/12/2000	Kiên Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005969	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39772	1765-K54B2KS	18D110099	Nguyễn Trần Phương	Linh	Nữ	04/11/2000	Lâm Đồng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005970	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39773	1766-K54B2KS	18D110106	Đoàn Bảo	Ngọc	Nữ	02/01/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005971	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39774	1767-K54B2KS	18D110109	Lê Thị	Nhung	Nữ	14/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005972	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39775	1768-K54B2KS	18D110111	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	09/04/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005973	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39776	1769-K54B2KS	18D110112	Nguyễn Đăng	Quang	Nam	30/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005974	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39777	1770-K54B2KS	18D110114	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	22/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005975	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39778	1771-K54B2KS	18D110116	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	26/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005976	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39779	1772-K54B2KS	18D110117	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	06/06/2000	Quảng Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005977	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39780	1773-K54B2KS	18D110120	Đặng Thị Phương	Thùy	Nữ	11/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005978	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39781	1774-K54B2KS	18D110124	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	20/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005979	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39782	1775-K54B3KS	18D110141	Bùi Thị Kim	Anh	Nữ	01/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005980	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39783	1776-K54B3KS	18D110144	Lê Hoàng	Anh	Nữ	28/08/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005981	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39784	1777-K54B3KS	18D110152	Trần Ngọc	Dũng	Nam	07/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005982	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39785	1778-K54B3KS	18D110158	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	26/09/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005983	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39786	1779-K54B3KS	18D110174	Phạm Thị	Nga	Nữ	05/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005984	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39787	1780-K54B3KS	18D110177	Trương Thị Bích	Ngọc	Nữ	31/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005985	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39788	1781-K54B3KS	18D110184	Lại Thị	Thanh	Nữ	15/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005986	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39789	1782-K54B3KS	18D110185	Phạm Hoàng	Thảo	Nữ	13/08/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005987	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39790	1783-K54B3KS	18D110189	Trịnh Thị	Thu	Nữ	26/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005988	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39791	1784-K54B3KS	18D110197	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	20/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005989	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39792	1785-K54B4KS	18D110214	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	03/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005990	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39793	1786-K54B4KS	18D110220	Trần Ngọc	Duy	Nam	16/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.005991	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39794	1787-K54B4KS	18D110225	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	02/01/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005992	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39795	1788-K54B4KS	18D110232	Nguyễn Linh	Hương	Nữ	17/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005993	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39796	1789-K54B4KS	18D110237	Đỗ Ngọc	Linh	Nữ	02/07/2000	Ba Lan	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005994	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39797	1790-K54B4KS	18D110238	Khương Thị Thùy	Linh	Nữ	10/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005995	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39798	1791-K54B4KS	18D110241	Lý Bảo	Long	Nam	06/04/2000	Lào Cai	H Mông	Việt Nam	Khá	TMU.7.005996	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39799	1792-K54B4KS	18D110249	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	21/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005997	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39800	1793-K54B4KS	18D110252	Hồ Thị	Quỳnh	Nữ	04/08/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.005998	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39801	1794-K54B4KS	18D110255	Cao Thị Phương	Thảo	Nữ	28/02/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.005999	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39802	1795-K54B4KS	18D110265	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	16/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006000	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39803	1796-K54BKD	18D110501	Lê Thị	Anh	Nữ	28/06/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006001	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39804	1797-K54BKD	18D110502	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	05/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006002	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39805	1798-K54BKD	18D110503	Nguyễn Gia	Bách	Nam	22/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006003	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39806	1799-K54BKD	18D110505	Trần Quang	Đạo	Nam	06/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006004	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39807	1800-K54BKD	18D110506	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	07/12/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006005	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39808	1801-K54BKD	18D110507	Nguyễn Thị Thu	Giang	Nữ	11/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006006	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39809	1802-K54BKD	18D110510	Nguyễn Bá Khải	Hoàn	Nam	30/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006007	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39810	1803-K54BKD	18D110511	Vũ Anh	Hoàng	Nam	05/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006008	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39811	1804-K54BKD	18D110512	Phạm Minh	Huệ	Nữ	19/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006009	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39812	1805-K54BKD	18D110514	Đinh Văn Quốc	Khánh	Nam	15/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006010	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39813	1806-K54BKD	18D110515	Đỗ Châu	Khánh	Nữ	04/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006011	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39814	1807-K54BKD	18D110517	Nguyễn Hoàng	Linh	Nam	26/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006012	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39815	1808-K54BKD	18D110518	Hà Thị	Lụa	Nữ	29/03/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006013	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39816	1809-K54BKD	18D110522	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	31/07/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006014	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39817	1810-K54BKD	18D110525	Phạm Kiều	Oanh	Nữ	15/12/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006015	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39818	1811-K54BKD	18D110526	Lê Thị Thu	Phương	Nữ	06/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006016	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39819	1812-K54BKD	18D110528	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006017	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39820	1813-K54BKD	18D110529	Trần Trúc	Quỳnh	Nữ	05/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006018	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39821	1814-K54BKD	18D110532	Đinh Thị Thu	Thủy	Nữ	13/07/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006019	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39822	1815-K54BKD	18D110533	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	16/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006020	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39823	1816-K54BKD	18D110534	Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	19/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006021	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39824	1817-K54BKD	18D110535	Quản Minh	Trang	Nữ	16/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006022	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39825	1818-K54BKD	18D110537	Đoàn Thanh	Vân	Nữ	11/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006023	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39826	1819-K54BKD	18D110538	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	25/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006024	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 794/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39831	1824-K52B3LH	16D250144	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	06/01/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006029	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39832	1825-K52B3LH	16D250148	Trịnh Thị	Duyên	Nữ	07/10/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006030	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39833	1826-K52B3LH	16D250156	Phạm Thị	Huế	Nữ	25/09/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006031	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39834	1827-K52B3LH	16D250157	Nguyễn Trần Thu	Huyền	Nữ	22/10/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006032	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39835	1828-K52B3LH	16D250169	Lê Thị	Nga	Nữ	02/10/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006033	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39836	1829-K52B3LH	16D250168	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	20/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006034	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39837	1830-K52B3LH	16D250180	Tạ Thị	Thu	Nữ	27/05/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006035	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39838	1831-K53B1LH	17D250025	Nguyễn Việt	Nga	Nữ	13/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006036	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39839	1832-K53B3LH	17D250164	Phạm Hải	Yến	Nữ	24/12/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006037	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39840	1833-K53B4LH	17D250195	Bùi Thị Thu	Hương	Nữ	10/11/1999	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006038	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39841	1834-K53B4LH	17D250194	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	22/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007642	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39842	1835-K53B4LH	17D250212	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	Nữ	16/02/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007643	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39843	1836-K53B4LH	17D250223	Nguyễn Phan Khánh	Vân	Nữ	25/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006041	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39844	1837-K54B1LH	18D250001	Nguyễn Thu	An	Nữ	03/08/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006042	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39845	1838-K54B1LH	18D250008	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	25/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006043	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39846	1839-K54B1LH	18D250011	Phạm Thị Ngân	Hà	Nữ	19/10/2000	Hoà Bình	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006044	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39847	1840-K54B1LH	18D250012	Từ Văn	Hải	Nam	03/04/2000	Quảng Ninh	Sán Dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.006045	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39848	1841-K54B1LH	18D250024	Nguyễn Công	Lâm	Nam	27/05/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006046	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39849	1842-K54B1LH	18D250023	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	12/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006047	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39850	1843-K54B1LH	18D250028	Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	06/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006048	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39851	1844-K54B1LH	18D250036	Ngô Thị Hồng	Nhi	Nữ	06/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006049	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39852	1845-K54B1LH	18D250037	Trương Khánh	Như	Nữ	05/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006050	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39853	1846-K54B1LH	18D250041	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	03/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006051	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39854	1847-K54B1LH	18D250042	Đặng Thị Phương	Thảo	Nữ	10/08/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006052	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39855	1848-K54B1LH	18D250043	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	22/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006053	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39856	1849-K54B1LH	18D250049	Nguyễn Năng	Tuấn	Nam	10/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006054	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39857	1850-K54B1LH	18D250050	Hà Thị Thu	Uyên	Nữ	27/01/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006055	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39858	1851-K54B1LH	18D250052	Bạch Khánh	Vi	Nữ	27/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006056	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39859	1852-K54B2LH	18D250061	Bùi Tuấn	Anh	Nam	08/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006057	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39860	1853-K54B2LH	18D250066	Vũ Linh	Chi	Nữ	11/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006058	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39861	1854-K54B2LH	18D250071	Phạm Thái	Hà	Nữ	15/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006059	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39862	1855-K54B2LH	18D250074	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	24/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006060	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39863	1856-K54B2LH	18D250076	Vũ Thị Thu	Hoài	Nữ	05/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006061	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39864	1857-K54B2LH	18D250082	Nguyễn Kim	Khánh	Nữ	11/09/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006062	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39865	1858-K54B2LH	18D250084	Đinh Khánh	Lệ	Nữ	24/08/2000	Sơn La	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.006063	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39866	1859-K54B2LH	18D250091	Đặng Phương	Nam	Nam	15/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006064	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39867	1860-K54B2LH	18D250093	Mai Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/08/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006065	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39868	1861-K54B2LH	18D250094	Trần Thị	Ngọc	Nữ	27/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006066	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39869	1862-K54B2LH	18D250098	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	04/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006067	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39870	1863-K54B2LH	18D250105	Nguyễn Thị Thúy	Tiên	Nữ	31/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006068	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39871	1864-K54B2LH	18D250106	Hồ Thị Huyền	Trang	Nữ	15/02/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006069	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39872	1865-K54B2LH	18D250109	Nguyễn Đức	Tuyên	Nam	01/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006070	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39873	1866-K54B2LH	18D250110	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	28/02/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006071	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39874	1867-K54B2LH	18D250112	Bùi Quốc	Việt	Nam	19/08/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006072	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39875	1868-K54B2LH	18D250113	Đào Thị Hải	Yến	Nữ	04/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006073	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39876	1869-K54B3LH	18D250124	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	24/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006074	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39877	1870-K54B3LH	18D250129	Nguyễn Ngọc	Điệp	Nữ	03/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006075	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39878	1871-K54B3LH	18D250140	Lê Thu	Hương	Nữ	13/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006076	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39879	1872-K54B3LH	18D250138	Trịnh Thị	Huyền	Nữ	18/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006077	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39880	1873-K54B3LH	18D250142	Võ Thị	Khuyên	Nữ	25/05/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006078	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39881	1874-K54B3LH	18D250147	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nữ	11/07/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006079	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39882	1875-K54B3LH	18D250149	Đinh Thị Ngọc	Mai	Nữ	05/07/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006080	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39883	1876-K54B3LH	18D250156	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	03/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006081	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39884	1877-K54B4LH	18D250181	Bùi Hoài	Anh	Nữ	21/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006082	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39885	1878-K54B4LH	18D250182	Lê Thị Phương	Anh	Nữ	02/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006083	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39886	1879-K54B4LH	18D250190	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	21/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006084	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39887	1880-K54B4LH	18D250192	Tạ Quang	Hậu	Nam	13/05/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006085	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39888	1881-K54B4LH	18D250196	Trần Thị Thu	Hoài	Nữ	23/08/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006086	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39889	1882-K54B4LH	18D250200	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	22/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006087	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 795/Q

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39907	1900-K54BLD	18D250517	Phạm Hà Yến	Hương	Nữ	20/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006105	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39908	1901-K54BLD	18D250515	Đỗ Ngọc	Huyền	Nữ	02/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006106	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39909	1902-K54BLD	18D250516	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	28/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006107	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39910	1903-K54BLD	18D250519	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	10/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006108	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39911	1904-K54BLD	18D250523	Phạm Thiên	Lộc	Nữ	18/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006109	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39912	1905-K54BLD	18D250521	Nguyễn Công	Long	Nam	23/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006110	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39913	1906-K54BLD	18D250522	Nguyễn Thành	Long	Nam	27/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006111	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39914	1907-K54BLD	18D250526	Nguyễn Thị	Nhận	Nữ	13/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006112	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39915	1908-K54BLD	18D250528	Ngô Thanh	Thảo	Nữ	30/09/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006113	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39916	1909-K54BLD	18D250529	Trần Thị	Thơm	Nữ	26/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006114	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39917	1910-K54BLD	18D250530	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	30/08/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006115	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39918	1911-K54BLD	18D250531	Lương Thanh	Thúy	Nữ	09/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006116	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39919	1912-K54BLD	18D250533	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	24/08/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006117	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 796/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39920	1913-K52C1	16D120007	Ngô Thị Ngọc	Châm	Nữ	11/04/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006118	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39921	1914-K52C1	16D120018	Đinh Thị Linh	Giang	Nữ	10/11/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006119	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39922	1915-K52C1	16D120036	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	22/08/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006120	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39923	1916-K52C1	16D120046	Nguyễn Thanh	Phương	Nữ	26/08/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006121	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39924	1917-K52C1	16D120066	Phạm Thị Linh	Phương	Nữ	26/01/1997	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006122	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39925	1918-K52C1	16D120047	Đặng Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	07/05/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006123	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39926	1919-K52C1	15D120039	Trần Thị	Thắm	Nữ	04/03/1997	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006124	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39927	1920-K52C2	16D120091	Trần Tú	An	Nữ	18/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006125	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39928	1921-K52C2	16D120092	Trần Kim	Anh	Nữ	03/12/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006126	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39929	1922-K52C2	16D120102	Lê Thị	Dung	Nữ	15/01/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006127	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39930	1923-K52C2	16D120115	Nguyễn Thị Mai	Hoa	Nữ	19/03/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006128	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39931	1924-K52C2	16D120125	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	21/07/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006129	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39932	1925-K52C2	16D120130	Phạm Thị Mộng	Mơ	Nữ	16/12/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006130	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39933	1926-K52C2	16D120134	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	12/02/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006131	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39934	1927-K52C2	16D120136	Bùi Thị	Nương	Nữ	27/03/1997	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006132	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39935	1928-K52C2	16D120140	Nguyễn Thị Mít	Sy	Nữ	12/11/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006133	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39936	1929-K52C2	16D120143	Vũ Thế	Thọ	Nam	10/03/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006134	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39937	1930-K52C2	16D120151	Lê Thu	Trang	Nữ	08/04/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006135	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39938	1931-K52C3	16D120182	Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	06/05/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006136	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39939	1932-K52C3	16D120188	Đoàn Thị	Diệp	Nữ	12/04/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006137	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39940	1933-K52C3	16D120194	Nguyễn Thị	Đoài	Nữ	10/10/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006138	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39941	1934-K52C3	15D120151	Thân Thị Minh	Hà	Nữ	28/02/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006139	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39942	1935-K52C3	16D120198	Võ Thị Việt	Hà	Nữ	24/04/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006140	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39943	1936-K52C3	16D120199	Vũ Thị Ngọc	Hà	Nữ	20/09/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006141	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39944	1937-K52C3	16D120211	Lê Thị Hồng	Lan	Nữ	18/06/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006142	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39945	1938-K52C3	16D120213	Diệm Thị Khánh	Linh	Nữ	02/10/1998	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006143	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39946	1939-K52C3	16D120214	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	26/08/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006144	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39947	1940-K52C3	16D120215	Bùi Thị	Loan	Nữ	19/01/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006145	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39948	1941-K52C3	16D120223	Phạm Thị	Nhật	Nữ	01/08/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006146	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39949	1942-K52C3	16D120233	Đào Thị	Thu	Nữ	20/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006147	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39950	1943-K52C3	16D120245	Vũ Hải	Yến	Nữ	26/07/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006148	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39951	1944-K52C4	16D120312	Đặng Minh	Phương	Nữ	12/07/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006149	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39952	1945-K52C4	16D120324	Nguyễn Văn	Trường	Nam	22/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006150	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39953	1946-K52C5	16D120354	Đinh Băng	Băng	Nữ	10/03/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006151	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39954	1947-K53C1	17D120003	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	18/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006152	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39955	1948-K53C1	17D120008	Phạm Văn	Đại	Nam	13/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006153	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39956	1949-K53C1	17D120007	Phan Thị Anh	Đào	Nữ	01/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006154	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39957	1950-K53C1	17D120019	Đặng Diệu	Linh	Nữ	27/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006155	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39958	1951-K53C1	17D120025	Phạm Thị Bích	Ngân	Nữ	24/03/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006156	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39959	1952-K53C1	17D120026	Trần Thanh	Nghị	Nam	14/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006157	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39960	1953-K53C1	17D120027	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	03/05/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006158	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39961	1954-K53C1	17D120031	Trần Thị	Phượng	Nữ	06/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006159	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39962	1955-K53C1	17D120034	Đỗ Mạnh	Thắng	Nam	26/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006160	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39963	1956-K53C1	17D120036	Đặng Thị Thanh	Thư	Nữ	13/05/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006161	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39964	1957-K53C1	17D120045	Hoàng Đình	Trình	Nam	25/01/1998	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.006162	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39965	1958-K53C1	17D120044	Mai Thị	Xuân	Nữ	09/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006163	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39966	1959-K53C2	17D120065	Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	27/10/1999	Nghệ An	Thái	Việt Nam	Khá	TMU.7.006164	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39967	1960-K53C2	17D120078	Trần Đoàn	Hương	Nữ	01/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006165	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39968	1961-K53C2	17D120079	Đặng Khánh	Linh	Nữ	07/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006166	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39969	1962-K53C2	17D120084	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	22/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006167	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39970	1963-K53C2	17D120085	Bùi Thị	Ngọc	Nữ	25/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006168	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39971	1964-K53C2	17D120090	Nguyễn Hương	Quyên	Nữ	07/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006169	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39972	1965-K53C2	17D120097	Phạm Thị Hải	Thương	Nữ	23/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006170	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39973	1966-K53C2	17D120100	Trần Thu	Trang	Nữ	21/02/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006171	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39974	1967-K53C2	17D120104	Vũ Thị	Xuân	Nữ	02/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006172	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39975	1968-K53C3	17D120127	Lê Cao	Định	Nam	15/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006173	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39976	1969-K53C3	17D120137	Đinh Thị	Hường	Nữ	28/06/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006174	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39977	1970-K53C3	17D120135	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	06/06/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006175	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39978	1971-K53C3	17D120138	Nguyễn Quang	Khánh	Nam	08/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006176	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39979	1972-K53C3	17D120143	Vũ Thị Ngọc	Mai	Nữ	22/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006177	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39980	1973-K53C3	16D120243	Phạm Thị Tường	Vi	Nữ	18/12/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006178	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39981	1974-K53C3	17D120163	Đinh Đức	Việt	Nam	21/09/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006179	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39982	1975-K53C4	17D120181	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	20/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006180	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
39983	1976-K53C4	17D120187	Nguyễn Văn	Đoàn	Nam	02/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006181	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39984	1977-K53C4	16D120291	Nguyễn Vỹ	Huy	Nam	07/10/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006182	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39985	1978-K53C4	17D120200	Trần Thị	Loan	Nữ	26/02/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006183	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39986	1979-K53C4	17D120206	Kiều Thị Yến	Nhi	Nữ	15/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006184	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39987	1980-K53C4	17D120209	Phí Thị Thu	Phương	Nữ	03/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006185	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39988	1981-K53C4	17D120211	Giáp Văn	Thành	Nam	18/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006186	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39989	1982-K53C5	17D120256	Võ Thị	Huyền	Nữ	20/03/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006187	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39990	1983-K53C5	17D120276	Bùi Thị	Thương	Nữ	15/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006188	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39991	1984-K53C5	17D120278	Lê Thị	Trang	Nữ	12/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006189	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39992	1985-K53C6	17D120305	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	06/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006190	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39993	1986-K53C6	17D120335	Vũ Thanh	Thủy	Nữ	11/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006191	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39994	1987-K53C6	17D120338	Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	14/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006192	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39995	1988-K54C1	18D120012	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	04/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006193	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39996	1989-K54C1	18D120020	Mai Thị	Hường	Nữ	21/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006194	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39997	1990-K54C1	18D120018	Bùi Quang	Huy	Nam	22/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006195	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39998	1991-K54C1	18D120021	Trần Văn	Khánh	Nam	19/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006196	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
39999	1992-K54C1	18D120026	Bùi Thị Bích	Loan	Nữ	17/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006197	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40000	1993-K54C1	18D120027	Nguyễn Hương	Ly	Nữ	06/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006198	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40001	1994-K54C1	18D120029	Đặng Thị Hải	Minh	Nữ	03/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006199	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40002	1995-K54C1	18D120038	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	20/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006200	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40003	1996-K54C1	18D120042	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	05/04/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006201	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40004	1997-K54C1	18D120045	Đỗ Thanh	Thương	Nữ	30/08/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006202	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40005	1998-K54C1	18D120048	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	08/04/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006203	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40006	1999-K54C1	18D120049	Phạm Thị	Tuyền	Nữ	14/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006204	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40007	2000-K54C2	18D120063	Phan Nhật	Anh	Nam	21/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006205	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40008	2001-K54C2	18D120064	Đinh Thị Hồng	Ánh	Nữ	24/02/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006206	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40009	2002-K54C2	18D120068	Lê Thị Ánh	Dương	Nữ	30/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006207	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40010	2003-K54C2	18D120073	Dương Thu	Hiền	Nữ	07/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006208	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40011	2004-K54C2	18D120079	Trần Thị	Hường	Nữ	06/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006209	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40012	2005-K54C2	18D120077	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	22/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006210	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40013	2006-K54C2	18D120083	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	28/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006211	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40014	2007-K54C2	18D120084	Văn Thị Thùy	Linh	Nữ	12/10/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006212	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40015	2008-K54C2	18D120094	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	11/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006213	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40016	2009-K54C2	18D120096	Trần Minh	Quang	Nam	17/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006214	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40017	2010-K54C2	18D120099	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	28/07/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006215	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40018	2011-K54C2	18D120100	Phạm Thu	Thảo	Nữ	24/06/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006216	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40019	2012-K54C2	18D120109	Đào Thị	Vân	Nữ	20/11/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006217	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40020	2013-K54C3	18D120124	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	Nữ	02/07/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006218	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40021	2014-K54C3	18D120126	Nguyễn Hà	Diệp	Nữ	19/07/2000	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006219	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40022	2015-K54C3	18D120134	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	18/12/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006220	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40023	2016-K54C3	18D120138	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	19/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006221	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40024	2017-K54C3	18D120140	Nguyễn Đức	Khương	Nam	10/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006222	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40025	2018-K54C3	18D120150	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	Nữ	29/12/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006223	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40026	2019-K54C3	18D120162	Bùi Thị	Thúy	Nữ	06/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006224	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40027	2020-K54C3	18D120163	Phan Thị Phương	Thúy	Nữ	30/12/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006225	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40028	2021-K54C3	18D120167	Hồ Thị Út	Trinh	Nữ	23/07/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006226	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40029	2022-K54C4	18D120182	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	16/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006227	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40030	2023-K54C4	18D120185	Nguyễn Kiều	Chinh	Nữ	04/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006228	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40031	2024-K54C4	18D120190	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	29/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006229	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40032	2025-K54C4	18D120193	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	05/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006230	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40033	2026-K54C4	18D120192	Lê Minh	Hiếu	Nam	01/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006231	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40034	2027-K54C4	18D120200	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	27/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006232	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40035	2028-K54C4	18D120201	Hà Thị	Lành	Nữ	26/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006233	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40036	2029-K54C4	18D120202	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	11/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006234	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40037	2030-K54C4	18D120207	Vũ Huyền	Mi	Nữ	02/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006235	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40038	2031-K54C4	18D120210	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	25/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006236	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40039	2032-K54C4	18D120215	Đỗ Thị	Phượng	Nữ	05/03/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006237	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40040	2033-K54C4	18D120217	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	31/01/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006238	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40041	2034-K54C4	18D120218	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	Nữ	14/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006239	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40042	2035-K54C4	18D120220	Vũ Phương	Thảo	Nữ	18/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006240	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40043	2036-K54C5	18D120241	Nguyễn Trần Mai	Anh	Nữ	03/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006241	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40044	2037-K54C5	18D120242	Vương Thị Kim	Anh	Nữ	30/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006242	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40045	2038-K54C5	18D120243	Hoàng Ngọc	Ánh	Nữ	20/02/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006243	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40046	2039-K54C5	18D120246	Lê Thị Phương	Dịu	Nữ	13/03/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006244	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40047	2040-K54C5	18D120250	Hoàng Sơn	Hải	Nam	28/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006245	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40048	2041-K54C5	18D120251	Trần Thị	Hằng	Nữ	02/09/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006246	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40049	2042-K54C5	18D120253	Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	17/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006247	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40050	2043-K54C5	18D120252	Bùi Minh	Hiển	Nam	01/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006248	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40051	2044-K54C5	18D120255	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	06/03/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006249	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40052	2045-K54C5	18D120257	Cao Thanh	Huyền	Nữ	10/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006250	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40053	2046-K54C5	18D120260	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	14/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006251	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40054	2047-K54C5	18D120264	Vũ Khánh	Linh	Nữ	24/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006252	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40055	2048-K54C5	18D120271	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	20/11/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006253	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40056	2049-K54C5	18D120273	Bùi Thị	Phương	Nữ	03/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006254	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40057	2050-K54C5	18D120278	Nguyễn Băng	Tâm	Nữ	03/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006255	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40058	2051-K54C5	18D120280	Vũ Thu	Thảo	Nữ	21/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006256	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40059	2052-K54C6	18D120302	Kiều Thị Quế	Anh	Nữ	29/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006257	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40060	2053-K54C6	18D120313	Trần Thị	Hiền	Nữ	01/01/2000	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006258	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40061	2054-K54C6	18D120312	Hoàng Thị	Hiệp	Nữ	06/03/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006259	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40062	2055-K54C6	18D120318	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	26/07/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006260	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40063	2056-K54C6	18D120323	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	27/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006261	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40064	2057-K54C6	18D120326	Trịnh Ngọc	Mai	Nữ	20/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006262	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40065	2058-K54C6	18D120331	Bùi Huệ	Nhi	Nữ	03/01/2000	Hà Tây	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.006263	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40066	2059-K54C6	18D120332	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	11/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006264	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40067	2060-K54C6	18D120333	Bùi Thị	Phương	Nữ	08/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006265	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40068	2061-K54C6	18D120336	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	30/12/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006266	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40069	2062-K54C6	18D120337	Trần Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	08/12/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006267	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40070	2063-K54C6	18D120342	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	02/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006268	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40071	2064-K54C6	18D120344	Phan Văn	Tích	Nam	15/01/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006269	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40072	2065-K54C6	18D120345	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	22/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006270	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40073	2066-K54C6	18D120347	Đặng Anh	Tuấn	Nam	10/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006271	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40074	2067-K54C6	18D120349	Lê Văn	Vinh	Nam	26/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006272	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40075	2068-K52T1	16D220001	Trần Thị Hà	An	Nữ	15/12/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006273	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40076	2069-K52T1	16D220020	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	06/01/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006274	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40077	2070-K52T1	16D220022	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	05/05/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006275	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40078	2071-K52T1	16D220024	Đinh Thị Lâm	Quỳnh	Nữ	25/01/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006276	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40079	2072-K52T1	16D220033	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	25/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006277	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40080	2073-K52T2	16D220064	Trần Thị	Hạnh	Nữ	28/06/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006278	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40081	2074-K52T2	16D220071	Lã Thị	Hoa	Nữ	08/04/1998	Đắc Lắc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006279	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40082	2075-K52T2	16D220080	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	05/02/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006280	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40083	2076-K52T2	16D220082	Nguyễn Thị Mai	Phượng	Nữ	23/10/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006281	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40084	2077-K52T2	16D220094	Lê Thị	Vân	Nữ	23/02/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006282	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40085	2078-K52T3	16D220144	Nguyễn Thúy	Hoài	Nữ	01/12/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006283	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40086	2079-K52T3	16D220170	Lưu Phương	Thảo	Nữ	12/12/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006284	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40087	2080-K52T3	16D220177	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	27/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006285	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40088	2081-K53T1	17D220004	Phạm Mai	Anh	Nữ	30/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006286	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40089	2082-K53T1	17D220015	Phan Thị	Hoàn	Nữ	08/06/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006287	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40090	2083-K53T1	17D220016	Đỗ Thị	Huệ	Nữ	14/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006288	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40091	2084-K53T1	17D220019	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	10/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006289	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40092	2085-K53T1	17D220018	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	19/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006290	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40093	2086-K53T1	17D220020	Vũ Thị	Lan	Nữ	04/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006291	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40094	2087-K53T1	17D220024	Phạm Ngọc	Mai	Nữ	06/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006292	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40095	2088-K53T1	17D220043	Trần Thị	Phương	Nữ	17/11/1999	Bắc Giang	Sán Dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.006293	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40096	2089-K53T1	17D220032	Phạm Thị	Thảo	Nữ	22/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006294	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40097	2090-K53T1	17D220035	Cao Thị Minh	Thư	Nữ	15/10/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006295	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40098	2091-K53T1	17D220038	Vũ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	13/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006296	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40099	2092-K53T2	17D220062	Lương Thị Vân	Anh	Nữ	18/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006297	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40100	2093-K53T2	17D220065	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	19/10/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006298	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40101	2094-K53T2	17D220067	Nguyễn Thị	Châu	Nữ	01/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006299	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40102	2095-K53T2	17D220070	Vũ Hải	Đăng	Nam	27/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006300	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40103	2096-K53T2	17D220069	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	06/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006301	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40104	2097-K53T2	17D220071	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	12/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006302	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40105	2098-K53T2	17D220074	Ngô Thị Thu	Hiền	Nữ	27/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006303	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40106	2099-K53T2	17D220081	Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	11/03/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006304	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40107	2100-K53T2	17D220084	Ngô Thị Thanh	Minh	Nữ	22/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006305	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40108	2101-K53T2	17D220085	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	20/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006306	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40109	2102-K53T2	17D220086	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	26/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006307	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40110	2103-K53T2	17D220094	Nguyễn Huyền	Thương	Nữ	26/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006308	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40111	2104-K53T2	17D220097	Vy Thị Kiều	Trinh	Nữ	13/09/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006309	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40112	2105-K53T2	17D220099	Đỗ Thị	Vân	Nữ	04/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006310	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40113	2106-K53T2	17D220102	Phan Thị	Vân	Nữ	26/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006311	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40114	2107-K53T3	17D220122	Ma Thị Ngọc	Anh	Nữ	13/06/1999	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006312	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40115	2108-K53T3	17D220131	Ngô Nam	Hà	Nam	27/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006313	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40116	2109-K53T3	17D220133	Nông Nữ	Hậu	Nữ	01/01/1999	Cao Bằng	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006314	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40117	2110-K53T3	17D220136	Mai Thị Thu	Hồng	Nữ	22/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006315	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40118	2111-K53T3	17D220162	Vũ Quang	Huy	Nam	01/09/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006316	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40119	2112-K53T3	17D220145	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	Nữ	11/07/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006317	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40120	2113-K53T3	17D220155	Trịnh Thị Út	Thương	Nữ	19/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006318	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40121	2114-K53T4	17D220183	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	02/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006319	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40122	2115-K53T4	17D220192	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	28/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006320	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40123	2116-K53T4	17D220223	Hà Quang	Thống	Nam	08/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006321	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40124	2117-K53T5	17D220245	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	18/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006322	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40125	2118-K53T5	17D220249	Bùi Đức	Dương	Nam	15/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006323	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40126	2119-K53T5	17D220258	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	10/01/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006324	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40127	2120-K53T5	17D220256	Nguyễn Quang	Huy	Nam	25/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006325	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40128	2121-K53T5	17D220259	Vũ Thị	Lan	Nữ	06/07/1999	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006326	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40129	2122-K53T5	17D220261	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	02/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006327	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40130	2123-K53T5	17D220280	Chu Thị Hải	Yến	Nữ	17/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006328	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40131	2124-K54T1	18D220010	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	23/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007644	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40132	2125-K54T1	18D220011	Phạm Thị Hương	Giang	Nữ	19/02/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006330	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40133	2126-K54T1	18D220015	Vũ Minh	Hạnh	Nữ	08/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006331	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40134	2127-K54T1	18D220031	Vũ Thị	Ngân	Nữ	20/12/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006332	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40135	2128-K54T1	18D220033	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	14/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006333	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40136	2129-K54T1	18D220037	Trịnh Thu	Phương	Nữ	02/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006334	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40137	2130-K54T1	18D220039	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	09/02/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006335	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40138	2131-K54T1	18D220048	Phạm Hoàng Minh	Tú	Nữ	10/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006336	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40139	2132-K54T2	18D220065	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	Nữ	17/05/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006337	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40140	2133-K54T2	18D220066	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	19/05/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006338	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40141	2134-K54T2	18D220072	Lê Thu	Hà	Nữ	15/09/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006339	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40142	2135-K54T2	18D220075	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	22/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006340	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40143	2136-K54T2	18D220078	Trần Minh	Huệ	Nữ	14/06/2000	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.006341	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40144	2137-K54T2	18D220081	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	19/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006342	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40145	2138-K54T2	18D220079	Ngô Khánh	Huyền	Nữ	06/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006343	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40146	2139-K54T2	18D220080	Bá Đình	Huỳnh	Nam	08/06/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006344	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40147	2140-K54T2	18D220084	Phạm Thị	Liên	Nữ	08/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006345	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40148	2141-K54T2	18D220088	Vũ Thị Thanh	Ly	Nữ	07/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006346	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40149	2142-K54T2	18D220090	Vũ Lệ	Mỹ	Nữ	06/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006347	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40150	2143-K54T2	18D220094	Bùi Hồng	Nhung	Nữ	24/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006348	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40151	2144-K54T2	18D220104	Đặng Thị Thanh	Thư	Nữ	02/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006349	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40152	2145-K54T2	18D220107	Phạm Thị Vân	Trang	Nữ	26/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006350	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40153	2146-K54T2	18D220109	Lê Thị Hà	Vi	Nữ	10/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006351	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40154	2147-K54T3	18D220124	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	14/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006352	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40155	2148-K54T3	18D220126	Trần Huyền	Chi	Nữ	21/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006353	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40156	2149-K54T3	18D220131	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	11/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006354	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40157	2150-K54T3	18D220136	Nguyễn Như	Hoa	Nữ	08/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006355	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40158	2151-K54T3	18D220144	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	18/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006356	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40159	2152-K54T3	18D220156	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	08/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006357	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40160	2153-K54T3	18D220161	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	08/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006358	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40161	2154-K54T4	18D220183	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	10/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006359	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40162	2155-K54T4	18D220184	Tạ Thị Phương	Anh	Nữ	17/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006360	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40163	2156-K54T4	18D220195	Nguyễn Việt	Hằng	Nữ	06/10/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006361	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40164	2157-K54T4	18D220200	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	07/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006362	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40165	2158-K54T4	18D220205	Lã Thị Thùy	Linh	Nữ	15/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006363	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40166	2159-K54T4	18D220206	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	20/08/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006364	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40167	2160-K54T4	18D220209	Đặng Tuấn	Minh	Nam	29/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006365	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40168	2161-K54T4	18D220224	Nguyễn Thị	Tiên	Nữ	06/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006366	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40169	2162-K51D4	15D150264	Đặng Thị	Thúy	Nữ	16/12/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006367	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40170	2163-K52D1	16D150007	Hà Thị Tuyết	Chinh	Nữ	17/05/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006368	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40171	2164-K52D1	16D150010	Lưu Thị Hiền	Duyên	Nữ	25/12/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006369	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40172	2165-K52D1	16D150024	Hà Thị	Huyền	Nữ	08/01/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006370	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40173	2166-K52D1	16D150032	Đỗ Diệu	Linh	Nữ	09/07/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006371	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40174	2167-K52D1	16D150037	Lê Thị Trà	My	Nữ	02/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006372	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40175	2168-K52D1	16D150038	Phạm Thị	Nga	Nữ	08/10/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006373	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40176	2169-K52D1	16D150051	Bùi Thị Thanh	Thanh	Nữ	02/07/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006374	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40177	2170-K52D2	16D150092	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	12/07/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006375	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40178	2171-K52D2	16D150096	Trần Thị	Chinh	Nữ	24/07/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006376	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40179	2172-K52D2	16D150098	Vũ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	10/01/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006377	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40180	2173-K52D2	16D150129	Ngô Thị	Ngân	Nữ	31/10/1997	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006378	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40181	2174-K52D2	16D150149	Trương Thị	Tình	Nữ	10/04/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006379	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40182	2175-K52D2	16D150151	Lê Thị	Trang	Nữ	21/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006380	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40183	2176-K52D3	16D150199	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	22/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006381	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40184	2177-K52D3	16D150218	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	08/09/1998	Điện Biên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006382	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40185	2178-K52D3	16D150241	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	22/06/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006383	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40186	2179-K52D4	16D150292	Bùi Khánh	Huyền	Nữ	26/06/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006384	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40187	2180-K52D4	16D150293	Trần Thanh	Huyền	Nữ	03/08/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006385	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40188	2181-K52D4	16D150305	Phan Thị	Mai	Nữ	20/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006386	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40189	2182-K52D4	16D150317	Đặng Thị	Quỳnh	Nữ	06/07/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006387	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40190	2183-K52D4	16D150326	Hàn Thị	Thúy	Nữ	26/01/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006388	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40191	2184-K52D4	16D150338	Trịnh Thị	Xiêm	Nữ	26/06/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006389	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40192	2185-K52D5	16D150368	Trần Thị	Dịu	Nữ	23/09/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006390	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40193	2186-K52D5	16D150372	Trần Thúy	Giang	Nữ	13/01/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006391	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40194	2187-K52D5	16D150373	Lê Ngọc	Hà	Nữ	07/03/1998	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006392	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40195	2188-K52D5	16D150386	Tạ Thị Thu	Hương	Nữ	20/11/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006393	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40196	2189-K52D5	16D150392	Vũ Thị	Linh	Nữ	14/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006394	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40197	2190-K52D5	16D150393	Phạm Thị	Linh	Nữ	12/11/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006395	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40198	2191-K52D5	16D150398	Nguyễn Thu	Minh	Nữ	07/05/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006396	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40199	2192-K52D5	16D150401	Nguyễn Thúy	Ngân	Nữ	22/02/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006397	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40200	2193-K52D5	16D150415	Nguyễn Thị	Thiết	Nữ	13/12/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006398	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40201	2194-K52D5	16D150419	Trần Thị	Thư	Nữ	13/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006399	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40202	2195-K52D5	16D150418	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	16/08/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006400	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40203	2196-K52D6	16D150493	Võ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	20/08/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006401	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40204	2197-K52D6	16D150499	Nhạc Thị	Soái	Nữ	22/09/1998	Yên Bái	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.006402	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40205	2198-K52D6	16D150506	Vũ Thị	Thu	Nữ	09/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006403	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40206	2199-K52D6	16D150511	Bùi Huyền	Trang	Nữ	20/09/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006404	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40207	2200-K52D7	16D150551	Lồ Thùy	Dương	Nữ	29/03/1998	Quảng Ninh	Sán Chí	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006405	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40208	2201-K52D7	16D150553	Mẫn Văn	Giao	Nam	01/01/1997	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006406	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40209	2202-K52D7	16D150556	Hồ Thị Thanh	Hoa	Nữ	09/06/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006407	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40210	2203-K52D7	16D150557	Lê Thị	Hoài	Nữ	04/10/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006408	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40211	2204-K52D7	16D150593	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	18/06/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006409	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40212	2205-K52D7	16D150595	Đoàn Thị	Tuệ	Nữ	05/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006410	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40213	2206-K52D7	16D150597	Lê Thị Kim	Yến	Nữ	21/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006411	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40214	2207-K52D8	16D150626	Phan Thị Thanh	Bình	Nữ	08/05/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006412	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40215	2208-K52D8	16D150641	Phạm Thị	Hương	Nữ	16/12/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006413	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40216	2209-K52D8	16D150645	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	02/08/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006414	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40217	2210-K52D8	16D150662	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	01/08/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006415	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40218	2211-K52D8	16D150674	Mai Anh	Tuấn	Nam	03/01/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006416	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40219	2212-K52D8	16D150676	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	08/12/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006417	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40220	2213-K52D9	16D150750	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	12/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006418	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40221	2214-K53D1	17D150002	Lương Kim	Anh	Nữ	31/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006419	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40222	2215-K53D1	17D150001	Khuất Trung	Anh	Nam	18/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006420	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40223	2216-K53D1	17D150051	Trần Văn	Hiếu	Nam	22/03/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006421	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40224	2217-K53D1	17D150018	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	26/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006422	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40225	2218-K53D1	17D150021	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	09/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006423	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40226	2219-K53D1	17D150023	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	21/08/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006424	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40227	2220-K53D1	17D150026	Phạm Thị	Lụa	Nữ	10/02/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006425	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40228	2221-K53D1	17D150031	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	12/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006426	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40229	2222-K53D1	17D150050	Lý Huy	Tuyên	Nam	30/08/1998	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.006427	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40230	2223-K53D2	17D150077	Phạm Thị Thùy	Chinh	Nữ	11/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006428	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40231	2224-K53D2	17D150079	Nguyễn Thị Quỳnh	Duyên	Nữ	20/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006429	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40232	2225-K53D2	17D150120	Đinh Hoàng Hiển	Linh	Nữ	03/05/1998	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.006430	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40233	2226-K53D2	17D150096	Hoàng Lưu	Ly	Nữ	24/03/1999	Lai Châu	Thái	Việt Nam	Khá	TMU.7.006431	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40234	2227-K53D2	16D150144	Trịnh Thị Phương	Thảo	Nữ	10/03/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006432	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40235	2228-K53D2	17D150114	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	15/03/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006433	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40236	2229-K53D3	17D150146	Nguyễn Thị	Chung	Nữ	03/03/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006434	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40237	2230-K53D3	17D150147	Đỗ Thị Thùy	Dung	Nữ	19/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006435	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40238	2231-K53D3	17D150154	Trần Thị	Hiền	Nữ	26/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006436	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40239	2232-K53D3	17D150159	Vương Thị Thu	Hương	Nữ	09/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006437	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40240	2233-K53D3	17D150164	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	20/11/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006438	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40241	2234-K53D3	17D150167	Ngô Thị	Mơ	Nữ	16/02/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006439	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40242	2235-K53D3	17D150169	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	19/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006440	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40243	2236-K53D3	17D150171	Nông Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/07/1999	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.006441	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40244	2237-K53D3	17D150174	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	24/07/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006442	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40245	2238-K53D3	17D150190	Trần Phương	Thảo	Nữ	12/01/1998	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.006443	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40246	2239-K53D3	17D150180	Nguyễn Hải	Thúy	Nữ	13/06/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006444	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40247	2240-K53D3	17D150185	Vũ Kiều	Trang	Nữ	12/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006445	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40248	2241-K53D3	17D150183	Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	01/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006446	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40249	2242-K53D4	17D150207	Mai Thị Ngọc	Diễm	Nữ	01/08/1999	Gia Lai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006447	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40250	2243-K53D4	17D150220	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	06/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006448	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40251	2244-K53D4	17D150231	Phùng Thị Minh	Nguyệt	Nữ	16/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006449	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40252	2245-K53D4	17D150235	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	22/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006450	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40253	2246-K53D4	17D150236	Ngô Thị Hồng	Quyên	Nữ	30/06/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006451	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40254	2247-K53D4	17D150241	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	06/03/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006452	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40255	2248-K53D4	17D150249	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	25/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006453	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40256	2249-K53D5	17D150272	Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	01/01/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006454	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40257	2250-K53D5	17D150271	Bùi Vân	Anh	Nữ	16/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006455	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40258	2251-K53D5	17D150273	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	17/09/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006456	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40259	2252-K53D5	17D150297	Trương Trần Khải	Minh	Nam	22/03/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006457	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40260	2253-K53D5	17D150301	Bùi Thị	Nhàn	Nữ	29/07/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006458	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40261	2254-K53D5	17D150313	Đặng Thị Kim	Tiến	Nữ	21/05/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006459	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40262	2255-K53D5	17D150315	Phạm Thị Kiều	Trang	Nữ	25/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006460	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40263	2256-K53D5	17D150314	Nguyễn Kiều	Trang	Nữ	23/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006461	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40264	2257-K53D6	17D150351	Dương Thị Hồng	Hải	Nữ	01/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006462	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40265	2258-K53D6	17D150352	Bùi Thị Thúy	Hằng	Nữ	19/12/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006463	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40266	2259-K53D6	17D150354	Bùi Thanh	Hoa	Nữ	12/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006464	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40267	2260-K53D6	17D150356	Vũ Phương	Huệ	Nữ	18/01/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006465	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40268	2261-K53D6	17D150366	Lê Thị	Mai	Nữ	28/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006466	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40269	2262-K53D6	17D150374	Nguyễn Thanh	Phương	Nữ	27/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006467	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40270	2263-K53D6	17D150388	Vũ Thị Thanh	Vương	Nữ	10/02/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006468	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40271	2264-K53D6	17D150389	Phan Thị	Yến	Nữ	06/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006469	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40272	2265-K53D7	17D150402	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	08/04/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006470	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40273	2266-K53D7	17D150408	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	08/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006471	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40274	2267-K53D7	17D150449	Trần Thị	Hiền	Nữ	17/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006472	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40275	2268-K53D7	17D150416	Đỗ Khánh	Huyền	Nữ	13/01/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006473	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40276	2269-K53D7	17D150420	Lê Thị Minh	Khuyên	Nữ	10/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006474	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40277	2270-K53D7	17D150425	Vũ Thị	Loan	Nữ	05/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006475	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40278	2271-K53D7	17D150426	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	04/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006476	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40279	2272-K53D7	17D150445	Trần Hà Thanh	Trang	Nữ	07/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006477	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40280	2273-K53D8	17D150484	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	14/02/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006478	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40281	2274-K53D8	17D150487	Nguyễn Thị Thảo	Huyền	Nữ	02/05/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006479	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40282	2275-K53D8	17D150490	Trần Thị Linh	Kiều	Nữ	24/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006480	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40283	2276-K53D8	17D150495	Mai Thị	Lụa	Nữ	21/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006481	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40284	2277-K53D8	17D150502	Bùi Bích	Phương	Nữ	18/12/1999	Lâm Đồng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006482	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40285	2278-K53D8	17D150503	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	28/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006483	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40286	2279-K53D8	17D150505	Lê Như	Quỳnh	Nữ	03/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006484	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40287	2280-K53D8	17D150517	Lương Thị	Uyên	Nữ	09/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006485	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40288	2281-K53D8	17D150518	Tạ Thị	Xuân	Nữ	23/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006486	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40289	2282-K54D1	18D150001	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	15/11/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006487	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40290	2283-K54D1	18D150010	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	05/01/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006488	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40291	2284-K54D1	18D150012	Trần Hồng	Hạnh	Nữ	28/03/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006489	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40292	2285-K54D1	18D150011	Trần Thị Hồng	Hảo	Nữ	24/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006490	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40293	2286-K54D1	18D150018	Dương Thu	Huyền	Nữ	11/12/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006491	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40294	2287-K54D1	18D150034	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	24/01/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006492	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40295	2288-K54D1	18D150042	Đỗ Thị	Thắm	Nữ	16/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006493	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40296	2289-K54D1	18D150046	Đỗ Thị	Trang	Nữ	12/06/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006494	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40297	2290-K54D1	18D150047	Ngô Thùy	Trang	Nữ	27/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006495	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40298	2291-K54D1	18D150052	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	27/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006496	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40299	2292-K54D2	18D150062	Nguyễn Xuân	Anh	Nam	05/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006497	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40300	2293-K54D2	18D150064	Trần Thị Mai	Anh	Nữ	17/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006498	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40301	2294-K54D2	18D150070	Nguyễn Thu	Giang	Nữ	28/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006499	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40302	2295-K54D2	18D150071	Tạ Mai	Hạnh	Nữ	08/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006500	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40303	2296-K54D2	18D150073	Bùi Thị	Hiền	Nữ	20/05/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006501	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40304	2297-K54D2	18D150076	Dương Minh	Hồng	Nữ	06/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006502	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40305	2298-K54D2	18D150088	Phan Thị Ngọc	Mai	Nữ	13/10/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006503	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40306	2299-K54D2	18D150098	Vương Thu	Quyên	Nữ	18/08/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006504	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40307	2300-K54D2	18D150099	Bùi Thị	Quỳnh	Nữ	15/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006505	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40308	2301-K54D2	18D150110	Mai Thu	Uyên	Nữ	24/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006506	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40309	2302-K54D3	18D150124	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	12/11/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006507	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40310	2303-K54D3	18D150127	Hoàng Thị	Diệu	Nữ	20/05/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006508	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40311	2304-K54D3	18D150131	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	09/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006509	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40312	2305-K54D3	18D150133	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	07/07/2000	Thái Nguyên	Sán Dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.006510	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40313	2306-K54D3	18D150138	Hoàng Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/04/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006511	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40314	2307-K54D3	18D150146	Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	27/06/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006512	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40315	2308-K54D3	18D150149	Phạm Thị Thanh	Mai	Nữ	07/08/2000	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006513	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40316	2309-K54D3	18D150156	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	31/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006514	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40317	2310-K54D3	18D150159	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	24/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006515	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40318	2311-K54D3	18D150160	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	01/05/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006516	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40319	2312-K54D3	18D150171	Đặng Thị	Vân	Nữ	24/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006517	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40320	2313-K54D4	18D150184	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	08/12/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006518	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40321	2314-K54D4	18D150188	Trần Anh	Duyên	Nữ	01/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006519	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40322	2315-K54D4	18D150193	Trần Thị	Hiền	Nữ	30/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006520	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40323	2316-K54D4	18D150212	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	09/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006521	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40324	2317-K54D4	18D150215	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	11/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006522	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40325	2318-K54D4	18D150219	Lưu Thúy	Quỳnh	Nữ	22/04/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006523	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40326	2319-K54D4	18D150221	Đinh Thị	Thảo	Nữ	31/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006524	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40327	2320-K54D4	18D150223	Phạm Thị	Thùy	Nữ	05/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006525	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40328	2321-K54D4	18D150229	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	13/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006526	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40329	2322-K54D4	18D150230	Vũ Thị Thu	Uyên	Nữ	26/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006527	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40330	2323-K54D5	18D150241	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	09/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006528	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40331	2324-K54D5	18D150242	Ngô Thị Ngọc	Anh	Nữ	02/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006529	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40332	2325-K54D5	18D150247	Trần Thị Hồng	Diu	Nữ	18/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006530	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40333	2326-K54D5	18D150248	Đào Thị	Duyên	Nữ	07/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006531	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40334	2327-K54D5	18D150251	Trần Thị	Hạnh	Nữ	26/05/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006532	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40335	2328-K54D5	18D150257	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	01/04/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006533	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40336	2329-K54D5	18D150258	Trần Thu	Huyền	Nữ	10/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006534	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40337	2330-K54D5	18D150265	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	29/01/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006535	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40338	2331-K54D5	18D150267	Lê Thị	Lương	Nữ	20/01/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006536	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40339	2332-K54D5	18D150269	Nguyễn Hồng	Minh	Nữ	03/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006537	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40340	2333-K54D5	18D150281	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	10/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006538	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40341	2334-K54D5	18D150286	Hoàng Thu	Trang	Nữ	16/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006539	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40342	2335-K54D5	18D150287	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	29/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006540	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40343	2336-K54D5	18D150291	Lưu Thị	Xen	Nữ	29/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006541	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40344	2337-K54D6	18D150302	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	21/07/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006542	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40345	2338-K54D6	18D150304	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	27/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006543	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40346	2339-K54D6	18D150311	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	28/03/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006544	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40347	2340-K54D6	18D150319	Đào Thị Thu	Hương	Nữ	27/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006545	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40348	2341-K54D6	18D150317	Nghiêm Thị	Huyền	Nữ	19/07/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006546	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40349	2342-K54D6	18D150332	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	04/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006547	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40350	2343-K54D6	18D150333	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	17/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006548	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40351	2344-K54D6	18D150344	Lý Ngọc	Thương	Nữ	09/06/2000	Lào Cai	Giáy	Việt Nam	Khá	TMU.7.006549	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40352	2345-K20D	D15D100178	Đào Thị Như	Quỳnh	Nữ	19/07/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006550	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40353	2346-K20D	D15D100186	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	19/09/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006551	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40354	2347-K20D	D15D130181	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	19/08/1997	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006552	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40355	2348-K20D	D15D200017	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	24/08/1996	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006553	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40356	2349-K20D	D15D200083	Trần Thanh	Hằng	Nữ	22/11/1997	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006554	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40357	2350-K20D	D15D105085	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	06/09/1997	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006555	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40358	2351-K20D	D15D105141	Nguyễn Lâm	Tùng	Nam	20/01/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006556	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40359	2352-K21D	D16D180375	Quảng Minh	Điệp	Nữ	08/05/1998	Sơn la	Thái	Việt Nam	Khá	TMU.7.006557	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40360	2353-K22D	D16D170142	Thân Thị Phương	Anh	Nữ	23/03/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006558	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40361	2354-K54DC1	18D270001	Nguyễn Thị Hoài	An	Nữ	23/02/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006559	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40362	2355-K54DC1	18D270004	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	19/03/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006560	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40363	2356-K54DC1	18D270007	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	03/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006561	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40364	2357-K54DC1	18D270016	Trương Trần Thu	Hà	Nữ	02/01/2000	Hà Giang	Pu péo	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006562	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40365	2358-K54DC1	18D270022	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	15/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006563	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40366	2359-K54DC1	18D270025	Ngô Thị Thu	Huyền	Nữ	13/07/1999	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006564	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40367	2360-K54DC1	18D270032	Đỗ Phương	Lan	Nữ	26/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006565	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40368	2361-K54DC1	18D270033	Hoàng Mai	Linh	Nữ	30/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006566	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40369	2362-K54DC1	18D270042	Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	12/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006567	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40370	2363-K54DC1	18D270045	Trần Thị Hằng	Nga	Nữ	17/04/2000	Tuyên Quang	Sán dìu	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006568	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40371	2364-K54DC1	18D270047	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	06/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006569	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40372	2365-K54DC1	18D270051	Giáp Thúy	Quỳnh	Nữ	09/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006570	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40373	2366-K54DC1	18D270054	Lê Thị	Tâm	Nữ	26/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006571	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40374	2367-K54DC1	18D270060	Nghiêm Thị Thu	Trang	Nữ	15/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006572	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40375	2368-K54DC1	18D270061	Trần Thu	Trang	Nữ	01/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006573	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40376	2369-K54DC1	18D270062	Ngô Nguyệt	Trinh	Nữ	25/09/2000	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006574	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40377	2370-K54DC1	18D270065	Đỗ Thị Kim	Tuyến	Nữ	31/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006575	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40378	2371-K54DC1	18D270068	Vũ Phương	Vinh	Nữ	09/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006576	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40379	2372-K52E1	16D130044	Phạm Phương	Thảo	Nữ	26/11/1998	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006577	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40380	2373-K52E2	16D130108	Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	11/09/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006578	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40381	2374-K52E2	16D130119	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	21/07/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006579	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40382	2375-K52E4	16D130272	Phan Thị	Nghĩa	Nữ	02/01/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006580	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40383	2376-K52E5	16D130353	Hoàng Văn	Lau	Nam	17/06/1995	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006581	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40384	2377-K53E1	17D130008	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	12/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006582	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40385	2378-K53E2	17D130073	Lê Trung	Anh	Nam	22/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006583	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40386	2379-K53E2	17D130074	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	12/02/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006584	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40387	2380-K53E3	17D130145	Chíu Chăn	Cầm	Nam	06/10/1999	Quảng Ninh	Dao	Việt Nam	Khá	TMU.7.006585	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40388	2381-K53E3	17D130152	Trần Thị Lệ	Hằng	Nữ	19/05/1999	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006586	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40389	2382-K53E3	17D130154	Ma Phúc	Hoàng	Nam	26/11/1999	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006587	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40390	2383-K53E3	17D130163	Bùi Thị	Luyến	Nữ	05/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006588	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40391	2384-K53E3	17D130169	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	23/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006589	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40392	2385-K53E3	17D130172	Phùng Minh	Phương	Nữ	20/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006590	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40393	2386-K53E3	17D130179	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	05/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006591	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40394	2387-K53E5	17D130281	Hà Mai	Anh	Nữ	18/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006592	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40395	2388-K54E1	18D130005	Nguyễn Thị Việt	Anh	Nữ	13/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006593	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40396	2389-K54E1	18D130012	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	07/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006594	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40397	2390-K54E1	18D130009	Trịnh Bích	Diệp	Nữ	04/03/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006595	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40398	2391-K54E1	18D130011	Vũ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	21/11/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006596	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40399	2392-K54E1	18D130014	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	25/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006597	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40400	2393-K54E1	18D130016	Phạm Thị	Hằng	Nữ	08/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006598	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40401	2394-K54E1	18D130015	Phạm Hồng	Hạnh	Nữ	26/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006599	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40402	2395-K54E1	18D130027	Đồng Thị	Lam	Nữ	04/02/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006600	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40403	2396-K54E1	18D130029	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	14/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006601	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40404	2397-K54E1	18D130036	Trịnh Quỳnh	Nga	Nữ	10/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006602	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40405	2398-K54E1	18D130040	Trương Thị	Oanh	Nữ	18/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006603	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40406	2399-K54E1	18D130043	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	27/12/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006604	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40407	2400-K54E1	18D130050	Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	28/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006605	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40408	2401-K54E1	18D130055	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	31/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006606	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40409	2402-K54E1	18D130060	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	29/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006607	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40410	2403-K54E2	18D130072	Dương Ngọc	Anh	Nữ	07/04/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006608	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40411	2404-K54E2	18D130076	Trần Tiến	Anh	Nam	24/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006609	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40412	2405-K54E2	18D130083	Trần Thái	Hà	Nữ	28/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006610	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40413	2406-K54E2	18D130098	Đỗ Thị	Lệ	Nữ	10/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006611	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40414	2407-K54E2	18D130099	Mai Khánh	Linh	Nữ	07/05/2000	Phú Thọ	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.006612	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40415	2408-K54E2	18D130100	Trần Thị Tâm	Linh	Nữ	04/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006613	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40416	2409-K54E2	18D130108	Nguyễn Thị Hoàng	Nguyên	Nữ	04/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006614	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40417	2410-K54E2	18D130113	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	04/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006615	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40418	2411-K54E2	17D130104	Đỗ Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006616	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40419	2412-K54E2	18D130125	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	01/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006617	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40420	2413-K54E2	18D130128	Đỗ Phương	Uyên	Nữ	21/03/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006618	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40421	2414-K54E2	18D130129	Nguyễn Thị	Xim	Nữ	06/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006619	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40422	2415-K54E2	18D130130	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	08/06/2000	Phú Thọ	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006620	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40423	2416-K54E3	18D130144	Nguyễn Tô Minh	Anh	Nữ	04/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006621	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40424	2417-K54E3	18D130146	Tạ Thị	Anh	Nữ	31/12/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006622	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40425	2418-K54E3	18D130150	Phạm Thị Hương	Duyên	Nữ	28/01/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006623	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40426	2419-K54E3	18D130152	Toàn Thị Hà	Giang	Nữ	17/06/2000	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006624	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40427	2420-K54E3	18D130153	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nữ	19/06/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006625	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40428	2421-K54E3	18D130159	Đinh Thị	Hoài	Nữ	31/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006626	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40429	2422-K54E3	18D130163	Ngô Thanh	Huyền	Nữ	23/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006627	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40430	2423-K54E3	18D130167	Vũ Thị	Lanh	Nữ	25/04/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006628	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40431	2424-K54E3	18D130169	Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	13/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006629	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40432	2425-K54E3	18D130172	Nguyễn Thị Thảo	Ly	Nữ	12/07/2000	Lâm Đồng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006630	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40433	2426-K54E3	18D130178	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	10/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006631	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40434	2427-K54E3	18D130183	Phạm Minh	Quế	Nữ	07/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006632	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40435	2428-K54E3	18D130188	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	16/12/2000	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006633	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40436	2429-K54E3	18D130199	Hoàng Thị	Xuân	Nữ	01/07/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006634	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40437	2430-K54E3	18D130200	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	05/07/2000	Quảng Ninh	Kinh

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40439	2432-K54E4	18D130215	Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	29/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006637	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40440	2433-K54E4	18D130220	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	04/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006638	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40441	2434-K54E4	18D130222	Nguyễn Trần Bảo	Giang	Nữ	06/11/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006639	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40442	2435-K54E4	18D130223	Nguyễn Thị Phương	Hà	Nữ	25/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006640	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40443	2436-K54E4	18D130228	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	13/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006641	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40444	2437-K54E4	18D130229	Lê Thị Thu	Hoài	Nữ	10/08/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006642	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40445	2438-K54E4	18D130243	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	29/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006643	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40446	2439-K54E4	18D130246	Vũ Thị Kim	Ngân	Nữ	09/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006644	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40447	2440-K54E4	18D130247	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	30/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006645	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40448	2441-K54E4	18D130248	Cao Tuyết	Nhi	Nữ	28/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006646	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40449	2442-K54E4	18D130253	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	24/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006647	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40450	2443-K54E4	18D130256	Nguyễn Thiện	Tâm	Nữ	14/04/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006648	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40451	2444-K54E4	18D130261	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	04/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006649	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40452	2445-K54E4	18D130264	Đinh Thị Huyền	Trang	Nữ	01/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006650	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40453	2446-K54E4	18D130267	Đào Thị	Tươi	Nữ	26/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006651	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40454	2447-K54E4	18D130270	Phan Thị	Yến	Nữ	02/01/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006652	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40455	2448-K53EK1	17D260013	Phí Thu	Giang	Nữ	08/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006653	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40456	2449-K53EK1	17D260042	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	05/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006654	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40457	2450-K53EK2	17D260093	Dương Thị	Hà	Nữ	02/09/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006655	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40458	2451-K53EK2	17D260112	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006656	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40459	2452-K53EK2	17D260114	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	19/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006657	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40460	2453-K53EK3	17D260167	Lê Thị Lan	Chinh	Nữ	14/12/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006658	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40461	2454-K53EK3	17D260172	Phạm Tiến	Đạt	Nam	17/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006659	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40462	2455-K53EK3	17D260173	Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	01/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006660	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40463	2456-K53EK3	17D260175	Nguyễn Minh	Hảo	Nữ	18/07/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006661	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40464	2457-K53EK3	17D260184	Hoàng Thị Diệu	Linh	Nữ	30/08/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006662	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40465	2458-K53EK3	17D260188	Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	04/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006663	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40466	2459-K53EK3	17D260195	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	16/09/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006664	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40467	2460-K53EK3	17D260212	Đặng Thị Hải	Yến	Nữ	03/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006665	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40468	2461-K54EK1	18D260001	Lê Thị	Anh	Nữ	13/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006666	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40469	2462-K54EK1	18D260003	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	19/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006667	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40470	2463-K54EK1	18D260009	Vũ Tiến	Đạt	Nam	02/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006668	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40471	2464-K54EK1	18D260010	Lê Đăng	Đô	Nam	02/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006669	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40472	2465-K54EK1	18D260014	Nguyễn Thị Hồng	Hải	Nữ	26/03/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006670	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40473	2466-K54EK1	18D260018	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	03/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006671	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40474	2467-K54EK1	18D260017	Lê Mạnh	Hiếu	Nam	10/09/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006672	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40475	2468-K54EK1	18D260028	Trần Hương	Linh	Nữ	16/04/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006673	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40476	2469-K54EK1	18D260031	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	25/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006674	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40477	2470-K54EK1	18D260033	Lò Như	Ngọc	Nữ	06/05/2000	Điện Biên	Thái	Việt Nam	Khá	TMU.7.006675	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40478	2471-K54EK1	18D260034	Phương Hồng	Ngọc	Nữ	05/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006676	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40479	2472-K54EK1	18D260035	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	05/04/2000	Phú Thọ	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006677	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40480	2473-K54EK1	18D260038	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	26/12/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006678	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40481	2474-K54EK1	18D260039	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	18/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006679	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40482	2475-K54EK1	18D260049	Đoàn Thị Thúy	Tiên	Nữ	14/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006680	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40483	2476-K54EK1	18D260050	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	19/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006681	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40484	2477-K54EK1	18D260056	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	03/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006682	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40485	2478-K54EK2	18D260063	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	19/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006683	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40486	2479-K54EK2	18D260064	Phan Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24/12/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006684	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40487	2480-K54EK2	18D260065	Đàm Thị Ngọc	Bình	Nữ	21/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006685	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40488	2481-K54EK2	18D260074	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	24/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006686	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40489	2482-K54EK2	18D260076	Trần Minh	Hiếu	Nam	12/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006687	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40490	2483-K54EK2	18D260078	Trịnh Quỳnh	Hoa	Nữ	15/08/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006688	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40491	2484-K54EK2	18D260084	Nguyễn Mai	Linh	Nữ	18/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006689	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40492	2485-K54EK2	18D260085	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	09/04/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006690	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40493	2486-K54EK2	18D260086	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	28/03/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006691	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40494	2487-K54EK2	18D260088	Dương Đình	Long	Nam	05/05/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006692	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40495	2488-K54EK2	18D260090	Bùi Minh	Nam	Nam	03/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006693	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40496	2489-K54EK2	18D260097	Nguyễn Hoàng	Phương	Nam	06/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006694	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40497	2490-K54EK2	18D260100	Tạ Thị Như	Quỳnh	Nữ	08/02/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006695	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40498	2491-K54EK2	18D260105	Phạm Phương	Thúy	Nữ	14/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006696	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40499	2492-K54EK2	18D260112	Nguyễn Nguyên Tố	Trân	Nữ	29/12/2000	Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006697	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 800/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40500	2493-K52F1	16D160034	Quách Hoàng	Long	Nam	25/12/1998	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007645	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40501	2494-K52F1	16D160053	Trần Thị	Thu	Nữ	24/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006699	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40502	2495-K52F1	16D160056	Đặng Thị Minh	Thư	Nữ	03/04/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006700	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40503	2496-K52F1	16D160061	Trương Văn	Tùng	Nam	02/07/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006701	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40504	2497-K52F2	16D160097	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	23/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006702	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40505	2498-K52F2	16D160123	Đào Ngọc	Linh	Nam	02/06/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006703	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40506	2499-K52F2	16D160131	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	08/03/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006704	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40507	2500-K52F2	16D160141	Phan Đức	Thắng	Nam	14/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006705	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40508	2501-K52F2	16D160143	Trần Tú	Thiên	Nam	26/10/1997	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006706	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40509	2502-K52F2	16D160151	Trần Thị Ngọc	Tú	Nữ	17/06/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006707	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40510	2503-K52F2	16D160153	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	08/02/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006708	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40511	2504-K52F3	16D160199	Lê Công	Hiệp	Nam	21/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006709	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40512	2505-K52F3	16D160211	Đoàn Thị Mỹ	Linh	Nữ	16/01/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006710	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40513	2506-K52F3	16D160239	Phan Cảnh	Trọng	Nam	17/03/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006711	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40515	2508-K52F4	16D160297	Phạm Đình	Kiên	Nam	08/07/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006713	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40516	2509-K52F5	16D160372	Trần Mỹ	Duyên	Nữ	10/12/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006714	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40517	2510-K52F6	16D160444	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	11/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006715	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40518	2511-K53F1	17D160011	Nguyễn Thị	Hạ	Nữ	02/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006716	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40519	2512-K53F1	17D160018	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	03/03/1999	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.006717	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40520	2513-K53F1	17D160043	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	14/11/1998	Bắc Kạn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.006718	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40521	2514-K53F1	17D160019	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	Nữ	19/05/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006719	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40522	2515-K53F1	17D160023	Ngô Thị	Mơ	Nữ	21/09/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006720	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40523	2516-K53F2	17D160067	Ngô Thị	Diệu	Nữ	19/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006721	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40524	2517-K53F2	17D160077	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	31/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006722	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40525	2518-K53F2	17D160076	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	26/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006723	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40526	2519-K53F2	17D160079	Trịnh Quốc	Khánh	Nam	04/08/1999	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006724	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40527	2520-K53F2	17D160107	Lê Ngọc	Mai	Nữ	23/06/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006725	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40528	2521-K53F2	17D160085	Ngô Thị	Ngoan	Nữ	08/02/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006726	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40529	2522-K53F2	17D160087	Hồ Thị	Nhiên	Nữ	02/01/1999	Lào Cai	Giáy	Việt Nam	Khá	TMU.7.006727	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40530	2523-K53F2	17D160101	Trần Thị Cẩm	Vân	Nữ	09/11/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006728	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40531	2524-K53F3	17D160129	Vũ Thị Anh	Đào	Nữ	18/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006729	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40532	2525-K53F3	17D160128	Hà Hữu	Dương	Nam	04/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006730	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40533	2526-K53F3	17D160140	Bùi Thị Ngọc	Linh	Nữ	14/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006731	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40534	2527-K53F3	17D160142	Cấn Phúc	Lộc	Nam	24/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006732	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40535	2528-K53F3	17D160143	Tống Khánh	Ly	Nữ	01/08/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006733	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40536	2529-K53F3	17D160147	Tạ Trung	Ninh	Nam	19/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006734	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40537	2530-K53F3	17D160159	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	29/01/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006735	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40538	2531-K53F3	17D160157	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	13/04/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006736	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40539	2532-K53F4	17D160188	Nguyễn Văn	Dương	Nam	18/09/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006737	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40540	2533-K53F4	17D160190	Đồng Thị Trà	Giang	Nữ	16/10/1999	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006738	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40541	2534-K53F4	17D160196	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/04/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006739	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40542	2535-K53F4	17D160202	Trịnh Thị Hải	Lý	Nữ	22/06/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006740	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40543	2536-K53F4	17D160204	Cao Thị Hằng	Nga	Nữ	04/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006741	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40544	2537-K53F4	17D160205	Nguyễn Lan	Ngọc	Nữ	11/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006742	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40545	2538-K53F4	17D160219	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	29/05/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006743	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40546	2539-K53F4	17D160216	Đồng Thị Huyền	Trang	Nữ	12/02/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006744	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40547	2540-K53F4	17D160217	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	06/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006745	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40548	2541-K53F5	17D160242	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	05/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006746	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40549	2542-K53F5	17D160245	Nguyễn Linh	Chi	Nữ	27/10/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006747	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40550	2543-K53F5	17D160248	Trần Ngọc	Dương	Nam	12/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006748	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40551	2544-K53F5	17D160250	Bùi Đức	Hải	Nam	17/05/1999	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006749	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40552	2545-K53F5	17D160285	Đinh Thúy	Hằng	Nữ	30/10/1998	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006750	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40553	2546-K53F5	17D160252	Lê Thị Kim	Hậu	Nữ	02/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006751	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40554	2547-K53F5	17D160254	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	09/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006752	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40555	2548-K53F5	17D160256	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	03/05/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006753	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40556	2549-K53F5	17D160259	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	25/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006754	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40557	2550-K53F5	17D160260	Đỗ Thị Diệu	Linh	Nữ	10/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006755	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40558	2551-K53F5	17D160262	Hoàng Thanh	Mai	Nữ	11/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006756	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40559	2552-K53F5	17D160264	Lương Thị Thùy	Nga	Nữ	29/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006757	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40560	2553-K53F5	17D160271	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	20/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006758	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40561	2554-K53F5	17D160273	Phạm Thị Minh	Thúy	Nữ	19/03/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006759	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40562	2555-K53F5	17D160279	Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	06/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006760	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40563	2556-K53F5	17D160281	Nguyễn Thị Hồng	Xuyến	Nữ	07/04/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006761	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40564	2557-K53F6	17D160301	Đỗ Thị Hoàng	Anh	Nữ	24/12/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006762	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40565	2558-K53F6	17D160303	Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	18/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006763	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40566	2559-K53F6	17D160304	Hoàng Thị Tuyết	Ban	Nữ	02/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006764	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40567	2560-K53F6	17D160305	Vũ Thị Kim	Cúc	Nữ	29/01/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006765	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40568	2561-K53F6	17D160309	Vũ Thị Hà	Giang	Nữ	21/11/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006766	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40569	2562-K53F6	17D160317	Đoàn Thị Thu	Hương	Nữ	06/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006767	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40570	2563-K53F6	17D160315	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	25/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006768	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40571	2564-K53F6	17D160319	Mai Thị Mỹ	Lệ	Nữ	11/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006769	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40572	2565-K53F6	17D160320	Đoàn Hà	Linh	Nữ	13/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006770	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40573	2566-K53F6	17D160324	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	26/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006771	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40574	2567-K53F6	17D160331	Bùi Thị Phương	Thanh	Nữ	12/09/1999	Thanh Hóa	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.006772	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40575	2568-K53F6	17D160339	Nguyễn Thị Thanh	Tuyết	Nữ	04/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006773	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40576	2569-K53F6	17D160341	Ngô Thị Thu	Yến	Nữ	26/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006774	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40577	2570-K53F7	17D160365	Phan Thị	Diệp	Nữ	21/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006775	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40578	2571-K53F7	17D160405	Trịnh Thị	Giang	Nữ	04/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006776	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40579	2572-K53F7	17D160371	Bùi Thị	Hằng	Nữ	25/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006777	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40580	2573-K53F7	17D160392	Đặng Thị Kim	Thu	Nữ	30/12/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006778	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40581	2574-K53F7	17D160395	Lê Thị	Trang	Nữ	25/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006779	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40582	2575-K53F7	17D160398	Phạm Thị	Tuyết	Nữ	07/10/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006780	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40583	2576-K53F7	17D160400	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	22/10/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006781	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40584	2577-K53F7	17D160401	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	07/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006782	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40585	2578-K54F1	18D160009	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	18/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006783	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40586	2579-K54F1	18D160012	Mai Ngọc	Hà	Nữ	25/08/2000	Đắc Lắk	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006784	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40587	2580-K54F1	18D160014	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	27/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006785	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40588	2581-K54F1	18D160021	Phan Thị	Huệ	Nữ	15/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006786	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40589	2582-K54F1	18D160029	Hà Hải	Lâm	Nam	15/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006787	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40590	2583-K54F1	18D160033	Hoàng Đức	Long	Nam	11/10/2000	Vĩnh Phúc	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.006788	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40591	2584-K54F1	18D160054	Nguyễn Trần Quỳnh	Trang	Nữ	22/07/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006789	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40592	2585-K54F1	18D160055	Phạm Hà	Trang	Nữ	26/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006790	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40593	2586-K54F1	18D160058	Phạm Thị	Vân	Nữ	19/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006791	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40594	2587-K54F2	18D160075	Võ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	22/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006792	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40595	2588-K54F2	18D160080	Lê Trần	Đạt	Nam	29/12/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006793	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40596	2589-K54F2	18D160079	Nguyễn Việt	Dũng	Nam	26/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006794	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40597	2590-K54F2	18D160081	Trần Thị Hương	Giang	Nữ	17/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006795	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40598	2591-K54F2	18D160088	Đặng Thị	Hiền	Nữ	01/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006796	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40599	2592-K54F2	18D160095	Trần Ngọc	Hương	Nữ	06/11/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006797	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40600	2593-K54F2	18D160099	Dương Thị Thùy	Liên	Nữ	15/03/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006798	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40601	2594-K54F2	18D160103	Trần Ngọc	Long	Nam	09/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006799	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40602	2595-K54F2	18D160107	Trần Hoài	Nam	Nam	06/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006800	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40603	2596-K54F3	18D160144	Trịnh Phương	Anh	Nữ	12/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006801	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40604	2597-K54F3	18D160149	Đinh Thị	Chinh	Nữ	28/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006802	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40605	2598-K54F3	18D160156	Vũ Thanh	Hằng	Nữ	29/04/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006803	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40606	2599-K54F3	18D160164	Vũ Thị	Huyền	Nữ	23/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006804	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40607	2600-K54F3	18D160168	Phạm Quang	Khải	Nam	06/05/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006805	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40608	2601-K54F3	18D160169	Lê Thị	Lam	Nữ	21/07/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006806	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40609	2602-K54F3	18D160191	Đỗ Minh	Thùy	Nữ	02/09/2000	Lâm Đồng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006807	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40610	2603-K54F3	18D160196	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	25/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006808	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40611	2604-K54F3	18D160197	Nghiêm Lê Quốc	Trung	Nam	15/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006809	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40612	2605-K54F3	18D160201	Trần Thị	Yến	Nữ	30/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006810	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40613	2606-K54F4	18D160212	Nguyễn Hữu Việt	Anh	Nam	17/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006811	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40614	2607-K54F4	18D160218	Lê Thị Mai	Chinh	Nữ	13/03/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006812	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40615	2608-K54F4	18D160219	Ngô Ngọc	Diễm	Nữ	18/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006813	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40616	2609-K54F4	18D160227	Vũ Thu	Hằng	Nữ	13/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006814	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40617	2610-K54F4	18D160232	Phạm Thị	Hòa	Nữ	24/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006815	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40618	2611-K54F4	18D160234	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006816	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40619	2612-K54F4	18D160247	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	24/07/2000	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006817	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40620	2613-K54F4	18D160248	Đào Thị	Nga	Nữ	03/05/2000	Vĩnh Phúc	Cao Lan	Việt Nam	Khá	TMU.7.006818	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40621	2614-K54F4	18D160256	Vũ Thị Như	Quỳnh	Nữ	30/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006819	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40622	2615-K54F4	18D160261	Lê Thị	Thùy	Nữ	16/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006820	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40623	2616-K54F4	18D160263	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	29/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006821	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40624	2617-K54F5	18D160284	Lại Thị	Ánh	Nữ	20/07/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006822	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40625	2618-K54F5	18D160285	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	08/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006823	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40626	2619-K54F5	18D160286	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	02/02/2000	Đắc Lắk	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006824	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40627	2620-K54F5	18D160290	Nguyễn Thế	Dương	Nam	02/05/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006825	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40628	2621-K54F5	18D160296	Đỗ Thị Thúy	Hằng	Nữ	09/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006826	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40629	2622-K54F5	18D160299	Ngô Thị Thu	Hiền	Nữ	30/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006827	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40630	2623-K54F5	18D160300	Phan Thị Hiền	Hòa	Nữ	24/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006828	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40631	2624-K54F5	18D160306	Phạm Thị Xuân	Hương	Nữ	20/07/2000	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006829	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40632	2625-K54F5	18D160315	Cao Thị Khánh	Ly	Nữ	17/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006830	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40633	2626-K54F5	18D160322	Trần Thị	Nội	Nữ	24/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006831	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40634	2627-K54F5	18D160323	Lê Thị Hà	Phương	Nữ	13/04/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006832	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40635	2628-K54F5	18D160324	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	16/07/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006833	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40636	2629-K54F5	18D160327	Phạm Thị	Tâm	Nữ	18/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006834	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40637	2630-K54F5	18D160330	Trịnh Thị	Thúy	Nữ	01/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006835	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40638	2631-K54F5	18D160333	Hoàng Thu	Trang	Nữ	16/07/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006836	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40639	2632-K54F5	18D160335	Ngô Thu	Trang	Nữ	06/03/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006837	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40640	2633-K54F5	18D160339	Nguyễn Thị Hà	Vi	Nữ	30/01/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006838	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 801/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40641	2634-K50P4	14D200240	Nguyễn Quỳnh	Nga	Nữ	01/10/1996	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007646	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40642	2635-K52P3	16D200182	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	19/10/1997	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.006840	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40643	2636-K52P3	16D200192	Trần Thu	Thảo	Nữ	07/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006841	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40644	2637-K52P4	16D200252	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	25/11/1997	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006842	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40645	2638-K53P1	17D200015	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	02/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006843	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40646	2639-K53P1	17D200029	Khuông Thị	Phương	Nữ	05/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006844	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40647	2640-K53P1	17D200033	Vũ Ngọc	Thái	Nam	13/08/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006845	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40648	2641-K53P2	17D200065	Tạ Duy	Anh	Nam	20/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006846	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40649	2642-K53P2	17D200103	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	09/02/1998	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.006847	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40650	2643-K53P3	17D200131	Cao Thị Việt	Hà	Nữ	24/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006848	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40651	2644-K53P3	17D200132	Nguyễn Phước	Hải	Nam	31/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006849	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40652	2645-K53P3	17D200135	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	29/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006850	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40653	2646-K53P3	17D200144	Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	19/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006851	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40654	2647-K53P3	17D200154	Tạ Thị Phương	Thảo	Nữ	19/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006852	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40655	2648-K53P3	17D200155	Vũ Anh	Thiện	Nam	09/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006853	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40656	2649-K53P4	17D200220	Ngô Thị Thảo	Uyên	Nữ	25/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006854	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40657	2650-K54P1	18D200004	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	02/05/2000	Cao Bằng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006855	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40658	2651-K54P1	18D200006	Trịnh Phương	Anh	Nữ	27/10/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006856	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40659	2652-K54P1	18D200008	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	07/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006857	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40660	2653-K54P1	18D200010	Thào A	Chư	Nam	06/07/1999	Sơn La	Mông	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006858	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40661	2654-K54P1	18D200014	Mai Thị	Hải	Nữ	01/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006859	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40662	2655-K54P1	18D200016	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	11/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006860	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40663	2656-K54P1	18D200015	Quách Thị	Hiếu	Nữ	22/07/2000	Thanh Hoá	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006861	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40664	2657-K54P1	18D200019	Nguyễn Quang	Huy	Nam	04/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006862	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40665	2658-K54P1	18D200026	Hoàng Hồng	Linh	Nữ	27/03/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006863	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40666	2659-K54P1	18D200031	Trần Mạc Bằng	Ngân	Nữ	29/12/2000	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006864	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40667	2660-K54P1	18D200033	Uông Phương	Nhi	Nữ	01/11/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006865	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40668	2661-K54P1	18D200034	Lê Thị	Phương	Nữ	23/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006866	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40669	2662-K54P1	18D200041	Phạm Thu	Thảo	Nữ	23/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006867	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40670	2663-K54P1	18D200047	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	18/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006868	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40671	2664-K54P1	18D200051	Chu Thanh	Tú	Nữ	12/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006869	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40672	2665-K54P2	18D200065	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	06/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006870	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40673	2666-K54P2	18D200067	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	08/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006871	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40674	2667-K54P2	18D200086	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	17/05/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006872	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40675	2668-K54P2	18D200092	Bùi Thị Thanh	Nhàn	Nữ	05/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006873	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40676	2669-K54P2	18D200094	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	22/07/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006874	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40677	2670-K54P2	18D200096	Trần Ngọc	Quang	Nam	26/03/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006875	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40678	2671-K54P2	18D200098	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	20/06/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006876	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40679	2672-K54P2	18D200106	Lê Thị Thùy	Tiên	Nữ	07/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006877	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40680	2673-K54P2	18D200109	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	02/05/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006878	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40681	2674-K54P3	18D200121	Phạm Gia Khánh	An	Nữ	26/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006879	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40682	2675-K54P3	18D200122	Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	19/09/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006880	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40683	2676-K54P3	18D200124	Dương Thị Vân	Anh	Nữ	01/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006881	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40684	2677-K54P3	18D200130	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	11/01/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006882	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40685	2678-K54P3	18D200132	Vũ Hoàng	Dũng	Nam	30/11/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006883	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40686	2679-K54P3	18D200131	Chu Ngọc	Duy	Nam	15/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006884	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40687	2680-K54P3	18D200134	Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	23/09/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006885	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40688	2681-K54P3	18D200135	Bùi Tuấn	Hiển	Nam	12/12/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006886	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40689	2682-K54P3	18D200141	Đinh Quang	Hưng	Nam	29/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006887	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40690	2683-K54P3	18D200138	Lương Công	Huy	Nam	10/12/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006888	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40691	2684-K54P3	18D200144	Đoàn Thị	Lệ	Nữ	08/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006889	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40692	2685-K54P3	18D200147	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	19/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006890	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40693	2686-K54P3	18D200153	Đinh Thị	Nhung	Nữ	23/05/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006891	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40694	2687-K54P3	18D200155	Tạ Hà	Phương	Nữ	07/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006892	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40695	2688-K54P3	18D200156	Phùng Diệp	Quân	Nữ	17/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006893	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40696	2689-K54P3	18D200170	Phạm Quang	Trường	Nam	23/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006894	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40697	2690-K54P3	18D200171	Vũ Thanh	Tùng	Nam	22/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006895	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40698	2691-K54P4	18D200182	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	11/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006896	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40699	2692-K54P4	18D200183	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	17/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006897	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40700	2693-K54P4	18D200185	Phan Tiến	Anh	Nam	19/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006898	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40701	2694-K54P4	18D200188	Vũ Thị Minh	Chi	Nữ	02/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006899	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40702	2695-K54P4	18D200193	Phạm Đức	Hải	Nam	23/12/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006900	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40703	2696-K54P4	18D200195	Mạc Thị Thanh	Hiền	Nữ	26/07/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006901	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40704	2697-K54P4	18D200202	Phạm Thị	Hương	Nữ	26/01/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006902	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40705	2698-K54P4	18D200198	Phạm Quang	Huy	Nam	09/03/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006903	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40706	2699-K54P4	18D200204	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	11/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006904	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40707	2700-K54P4	18D200208	Đỗ Thị	Ly	Nữ	26/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006905	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40708	2701-K54P4	18D200211	Trần Ánh	Ngọc	Nữ	26/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006906	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40709	2702-K54P4	18D200218	Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	27/09/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006907	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40710	2703-K54P4	18D200223	Lê Thị Kim	Thoa	Nữ	21/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006908	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40711	2704-K54P4	18D200226	Trịnh Khánh	Toàn	Nam	27/05/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006909	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40712	2705-K54P4	18D200228	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	02/02/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006910	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40713	2706-K20P	P15D180080	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	02/07/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006911	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40714	2707-K21P	P16D160466	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	07/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006912	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 802/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40715	2708-K51I2	15D140081	Vũ Xuân	Dương	Nam	12/02/1997	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006913	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40716	2709-K51I2	15D140109	Trần Ngọc	Nhiệm	Nam	14/08/1996	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006914	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40717	2710-K51I4	15D140239	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	25/12/1997	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006915	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40718	2711-K52I1	16D140001	Trương Thị Lan	Anh	Nữ	18/10/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006916	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40719	2712-K52I1	16D140009	Mai Ngọc	Đức	Nam	17/10/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006917	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40720	2713-K52I1	16D140012	Bàn Thị	Hằng	Nữ	30/01/1998	Bắc Giang	Dao	Việt Nam	Khá	TMU.7.006918	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40721	2714-K52I1	16D140021	Vũ Thị	Lệ	Nữ	19/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006919	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40722	2715-K52I1	16D140022	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	07/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006920	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40723	2716-K52I1	16D140033	Lê Thị	Phượng	Nữ	12/02/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006921	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40724	2717-K52I1	16D140047	Trần Văn	Vỹ	Nam	11/12/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006922	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40725	2718-K52I1	16D140048	Trần Lệ	Xuân	Nữ	10/05/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006923	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40726	2719-K52I2	16D140088	Lại Thị Diệu	Hương	Nữ	25/04/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006924	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40727	2720-K52I2	16D140110	Lê Thị	Thùy	Nữ	16/01/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006925	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40728	2721-K52I2	16D140114	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	05/11/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006926	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40729	2722-K52I3	16D140155	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/06/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006927	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40730	2723-K52I3	16D140161	Phan Thị	Lệ	Nữ	31/07/1998	Cao Bằng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006928	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40731	2724-K52I3	16D140180	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	23/11/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006929	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40732	2725-K52I3	16D140183	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	21/09/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006930	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40733	2726-K52I4	16D140222	Huỳnh Thị Thanh	Hằng	Nữ	27/08/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006931	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40734	2727-K52I4	16D140238	Đỗ Hoàng	Long	Nam	06/09/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.006932	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40735	2728-K52I4	16D140242	Nguyễn Thị	Ngát	Nữ	17/07/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006933	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40736	2729-K52I4	16D140217	Hà Tiến	Đạt	Nam	03/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006934	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40737	2730-K52I4	16D140248	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	24/07/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006935	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40738	2731-K53I1	17D140003	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006936	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40739	2732-K53I1	17D140004	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	09/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006937	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40740	2733-K53I1	17D140010	Nguyễn Công	Đức	Nam	24/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006938	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40741	2734-K53I1	17D140048	Hoàng Thị	Dược	Nữ	11/02/1998	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.006939	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40743	2736-K53I1	17D140014	Lê Duy	Hiếu	Nam	09/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006941	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40744	2737-K53I1	17D140021	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	04/07/1999	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006942	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40745	2738-K53I1	17D140025	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	10/06/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006943	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40746	2739-K53I1	17D140028	Trần Tất	Mạnh	Nam	09/07/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006944	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40747	2740-K53I1	17D140030	Lại Thị Thúy	Nga	Nữ	16/04/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006945	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40748	2741-K53I1	17D140032	Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	26/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006946	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40749	2742-K53I1	17D140035	Nguyễn Thái	Sơn	Nam	06/03/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006947	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40750	2743-K53I1	17D140045	Trần Thị	Tuyết	Nữ	04/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006948	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40751	2744-K53I1	17D140047	Bùi Thảo	Yến	Nữ	13/07/1999	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.006949	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40752	2745-K53I2	17D140071	Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	03/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006950	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40753	2746-K53I2	17D140075	Đặng Hữu	Công	Nam	11/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006951	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40754	2747-K53I2	17D140082	Nhâm Thị Hải	Hậu	Nữ	20/07/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006952	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40755	2748-K53I2	17D140085	Hoàng Thu	Hiền	Nữ	12/01/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006953	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40756	2749-K53I2	17D140086	Trần Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	16/07/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006954	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40757	2750-K53I2	17D140090	Ngô Thị	Hương	Nữ	11/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006955	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40758	2751-K53I2	17D140099	Đào Hoài	Nam	Nam	16/09/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006956	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40759	2752-K53I2	17D140102	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006957	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40760	2753-K53I2	17D140103	Bùi Mai	Phương	Nữ	02/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006958	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40761	2754-K53I2	17D140107	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	27/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006959	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40762	2755-K53I2	17D140108	Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	23/02/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006960	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40763	2756-K53I2	17D140109	Hoàng Thị Thanh	Thúy	Nữ	22/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006961	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40764	2757-K53I2	17D140110	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	09/06/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006962	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40765	2758-K53I2	17D140112	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	18/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006963	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40766	2759-K53I2	17D140116	Ngô Thị	Uyên	Nữ	06/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006964	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40767	2760-K53I2	17D140117	Lê Bảo	Yến	Nữ	19/06/1999	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006965	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40768	2761-K53I3	17D140145	Trần Đức	Công	Nam	15/09/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006966	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40769	2762-K53I3	17D140146	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	27/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006967	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40770	2763-K53I3	17D140153	Lục Thị Kim	Hiên	Nữ	05/08/1999	Tuyên Quang	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006968	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40771	2764-K53I3	17D140168	Ngô Thị Hương	Mơ	Nữ	02/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006969	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40772	2765-K53I3	17D140176	Vũ Thanh	Thảo	Nữ	19/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006970	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40773	2766-K53I3	17D140184	Đỗ Quang	Tuấn	Nam	13/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006971	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40774	2767-K53I3	17D140187	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	22/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006972	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40775	2768-K53I4	17D140220	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	12/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006973	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40776	2769-K53I4	17D140218	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	23/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006974	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40777	2770-K53I4	17D140226	Vũ Thị	Luyến	Nữ	13/06/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006975	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40778	2771-K53I4	17D140231	Lê Thị	Nhi	Nữ	01/12/1999	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006976	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40779	2772-K53I4	17D140246	Vũ Việt	Vương	Nam	06/04/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006977	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40780	2773-K53I4	17D140247	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	22/07/1997	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006978	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40781	2774-K53I5	17D140275	Trần Xuân	Chinh	Nam	18/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006979	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40782	2775-K53I5	17D140277	Vương Việt	Dũng	Nam	14/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006980	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40783	2776-K53I5	17D140293	Trần Thị Nhật	Lệ	Nữ	08/04/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006981	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40784	2777-K53I5	17D140297	Nguyễn Hương	Ly	Nữ	31/07/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006982	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40785	2778-K54I1	18D140009	Phạm Quang	Đức	Nam	09/12/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006983	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40786	2779-K54I1	18D140007	Tạ Thị Thùy	Dung	Nữ	06/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006984	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40787	2780-K54I1	18D140018	Nguyễn Lê	Hoàng	Nam	14/05/2000	Bình Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006985	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40788	2781-K54I1	18D140030	Hoàng Văn	Minh	Nam	19/03/2000	Bắc Giang	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.006986	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40789	2782-K54I1	18D140037	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	01/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.006987	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40790	2783-K54I1	18D140040	Đinh Thúy	Quỳnh	Nữ	02/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006988	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40791	2784-K54I1	18D140042	Lý Thị Thu	Thảo	Nữ	29/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.006989	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40792	2785-K54I1	18D140045	Đoàn Thị Thu	Thủy	Nữ	14/09/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006990	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40793	2786-K54I1	18D140051	Trần Đức	Tú	Nam	10/02/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006991	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40794	2787-K54I2	18D140063	Nguyễn Đức	Anh	Nam	17/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006992	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40795	2788-K54I2	18D140065	Vũ Thị Minh	Châu	Nữ	16/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006993	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40796	2789-K54I2	18D140086	Bùi Khánh	Linh	Nữ	21/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006994	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40797	2790-K54I2	18D140089	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	07/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006995	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40798	2791-K54I2	18D140091	Lại Thị Hằng	Nga	Nữ	10/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006996	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40799	2792-K54I2	18D140097	Phạm Thị	Phương	Nữ	20/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006997	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40800	2793-K54I2	18D140102	Phạm Thu	Thảo	Nữ	01/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006998	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40801	2794-K54I2	18D140105	Đàm Thị Thu	Thủy	Nữ	12/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.006999	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40802	2795-K54I2	18D140107	Phạm Thị Thùy	Tiên	Nữ	05/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007000	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40803	2796-K54I2	18D140110	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Nữ	04/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007001	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40804	2797-K54I2	18D140115	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	26/09/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007002	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40805	2798-K54I3	18D140121	Đặng Lê Đức	Anh	Nam	15/01/2000	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007003	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40806	2799-K54I3	18D140123	Nguyễn Thùy	Anh	Nữ	08/12/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007004	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40807	2800-K54I3	18D140125	Hà Thị Phương	Chi	Nữ	31/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007005	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40808	2801-K54I3	18D140138	Trần Thanh	Hòa	Nữ	25/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007006	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40809	2802-K54I3	18D140144	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	18/12/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007007	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40810	2803-K54I3	18D140147	Văn Thị Khánh	Linh	Nữ	01/03/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007008	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40811	2804-K54I3	18D140173	Ngô Tuấn	Vũ	Nam	02/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40819	2812-K54I4	18D140200	Phan Khánh	Huyền	Nữ	26/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007017	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40820	2813-K54I4	18D140204	Đinh Thị	Lan	Nữ	29/11/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007018	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40821	2814-K54I4	18D140212	Trần Thị	Ngọc	Nữ	18/02/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007019	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40822	2815-K54I4	18D140219	Đặng Thị	Quyên	Nữ	28/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007020	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40823	2816-K54I4	18D140230	Trịnh Thu	Trúc	Nữ	02/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007021	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40824	2817-K54I5	18D140241	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	23/07/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007022	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40825	2818-K54I5	18D140245	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	18/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007023	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40826	2819-K54I5	18D140256	Vũ Thị Thanh	Hoa	Nữ	03/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007024	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40827	2820-K54I5	18D140262	Lê Thị Kiều	Hương	Nữ	17/09/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007025	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40828	2821-K54I5	18D140267	Tạ Thị	Linh	Nữ	10/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007026	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40829	2822-K54I5	18D140268	Nguyễn Hải	Long	Nam	04/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007027	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40830	2823-K54I5	18D140277	Liễu Hà	Phương	Nữ	16/01/2000	Hà Nội	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007028	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40831	2824-K54I5	18D140287	An Thị Huyền	Trang	Nữ	09/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007029	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40832	2825-K54I5	18D140288	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	07/03/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007030	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40833	2826-K54I5	18D140292	Đoàn Thanh	Vân	Nữ	31/07/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007031	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40834	2827-K54I6	18D140303	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	07/06/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007032	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40835	2828-K54I6	18D140309	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	28/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007033	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40836	2829-K54I6	18D140315	Đỗ Thị Thu	Hiền	Nữ	29/01/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007034	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40837	2830-K54I6	18D140323	Nguyễn Đình	Kỳ	Nam	10/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007035	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40838	2831-K54I6	18D140324	Võ Thị	Lành	Nữ	05/10/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007036	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40839	2832-K54I6	18D140347	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	21/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007037	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40840	2833-K51S4	15D190218	Nguyễn Khương	Duy	Nam	13/05/1996	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007038	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40841	2834-K52S1	16D190006	Ngô Thị	Giang	Nữ	13/11/1997	Điện Biên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007039	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40842	2835-K52S1	16D190008	Nguyễn Thị Thu	Hải	Nữ	09/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007040	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40843	2836-K52S1	16D190011	Đỗ Thị Thu	Hoài	Nữ	03/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007041	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40844	2837-K52S1	16D190014	Hoàng Thị	Huệ	Nữ	01/01/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007042	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40845	2838-K52S1	16D190021	Nguyễn Thị	Mùa	Nữ	09/06/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007043	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40846	2839-K52S1	16D190025	Lê Thị	Nhung	Nữ	04/03/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007044	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40847	2840-K52S1	16D190029	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	26/09/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007045	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40848	2841-K52S1	16D190033	Lê Thị Kim	Thêu	Nữ	20/06/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007046	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40849	2842-K52S1	16D190034	Ngô Thị	Thùy	Nữ	31/03/1998	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007047	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40850	2843-K52S1	16D190037	Vũ Thị	Xuân	Nữ	16/05/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007048	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40851	2844-K52S2	16D190062	Doãn Thị	Dung	Nữ	29/05/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007049	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40852	2845-K52S2	16D190070	Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	07/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007050	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40853	2846-K52S2	16D190072	Lê Đình	Hòa	Nam	28/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007051	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40854	2847-K52S2	16D190086	Đỗ Minh	Quang	Nam	04/07/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007052	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40855	2848-K52S2	16D190093	Lưu Thị Thương	Thương	Nữ	10/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007053	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40856	2849-K52S4	16D190183	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	Nữ	22/03/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007054	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40857	2850-K52S4	16D190206	Lê Thị	Minh	Nữ	06/09/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007055	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40858	2851-K53S1	17D190009	Dương Hữu	Hậu	Nam	12/10/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007056	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40859	2852-K53S1	17D190010	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	31/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007057	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40860	2853-K53S1	17D190040	Mai Thị	Huế	Nữ	13/03/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007058	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40861	2854-K53S1	17D190027	Nguyễn Thị	Phấn	Nữ	19/01/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007059	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40862	2855-K53S1	17D190030	Phạm Công	Thành	Nam	30/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007060	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40863	2856-K53S1	17D190031	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	27/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007061	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40864	2857-K53S1	17D190034	Dương Thùy	Trang	Nữ	20/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007062	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40865	2858-K53S2	17D190100	Trịnh Việt	Thành	Nam	09/01/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007063	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40866	2859-K53S3	17D190121	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09/03/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007064	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40867	2860-K53S3	17D190123	Nguyễn Thành	Công	Nam	25/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007065	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40868	2861-K53S3	17D190126	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	31/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007066	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40869	2862-K53S3	16D190147	Nguyễn Phạm Quốc	Nam	Nam	28/12/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trung Bình	TMU.7.007067	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40870	2863-K53S3	17D190144	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	11/11/1999	Lào Cai	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.007068	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40871	2864-K53S3	17D190149	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	26/06/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007069	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40872	2865-K53S3	17D190157	Trần Đức	Việt	Nam	15/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007070	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40873	2866-K53S4	17D190206	Vũ Thị	Nhung	Nữ	02/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007071	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40874	2867-K53S4	17D190209	Bùi Xuân	Thành	Nam	10/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007072	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40875	2868-K53S4	17D190223	Nguyễn Minh	Tú	Nam	29/12/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007073	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40876	2869-K54S1	18D190007	Ngô Văn	Chung	Nam	03/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007074	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40877	2870-K54S1	18D190021	Trần Mạnh	Hùng	Nam	28/02/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007075	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40878	2871-K54S1	18D190025	Mai Thị Kim	Liên	Nữ	12/03/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007076	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40879	2872-K54S1	18D190030	Phan Đức	Mạnh	Nam	02/10/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007077	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40880	2873-K54S1	18D190031	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	19/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007078	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40881	2874-K54S1	18D190037	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	05/09/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007079	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40882	2875-K54S1	18D190039	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	15/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007080	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40883	2876-K54S1	18D190040	Phạm Thị	Tâm	Nữ	23/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007081	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40884	2877-K54S1	18D190047	Lê Mạnh	Toàn	Nam	10/01/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007082	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40885	2878-K54S1	18D190052	Vũ Mạnh	Tùng	Nam	20/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007083	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40886	2879-K54S2	18D190064	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	10/01/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007084	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔ

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40895	2888-K54S3	18D190134	Lê Hoàng	Hiệp	Nam	26/08/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007093	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40896	2889-K54S3	18D190149	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	01/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007094	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40897	2890-K54S3	18D190154	Đào Thị Hồng	Nhâm	Nữ	15/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007095	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40898	2891-K54S3	18D190162	Nguyễn Mạnh	Thắng	Nam	01/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007096	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40899	2892-K54S3	18D190169	Nguyễn Vân	Trang	Nữ	16/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007097	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40900	2893-K54S3	18D190175	Đinh Thị Hải	Yến	Nữ	25/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007098	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40901	2894-K54S4	18D190190	Bùi Văn	Đông	Nam	09/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007099	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40902	2895-K54S4	18D190196	Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	23/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007100	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 804/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40903	2896-K54SD	18D190502	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	05/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007101	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40904	2897-K54SD	18D190503	Nhữ Kiều	Anh	Nữ	16/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007102	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40905	2898-K54SD	18D190506	Đào Việt	Chung	Nam	11/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007103	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40906	2899-K54SD	18D190507	Bùi Thị Kim	Cúc	Nữ	07/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007104	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40907	2900-K54SD	18D190508	Lê Thị Huyền	Diệu	Nữ	03/06/2000	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007105	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40908	2901-K54SD	18D190509	Trần Thị	Dung	Nữ	23/05/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007106	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40909	2902-K54SD	18D190510	Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	26/06/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007107	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40910	2903-K54SD	18D190515	Nguyễn Thị Tú	Hân	Nữ	11/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007108	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40911	2904-K54SD	18D190516	Đinh Thu	Hằng	Nữ	09/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007109	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40912	2905-K54SD	18D190514	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	08/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007110	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40913	2906-K54SD	18D190517	Phạm Thị	Hoa	Nữ	14/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007111	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40914	2907-K54SD	18D190519	Tạ Thị	Huệ	Nữ	27/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007112	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40915	2908-K54SD	18D190520	Khuất Thị Thu	Hương	Nữ	08/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007113	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40916	2909-K54SD	18D190526	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	30/08/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007114	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40917	2910-K54SD	18D190530	Nguyễn Thành	Long	Nam	06/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007115	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40918	2911-K54SD	18D190532	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	31/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007116	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40919	2912-K54SD	18D190537	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	26/01/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007117	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40920	2913-K54SD	18D190538	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	03/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007118	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40921	2914-K54SD	18D190539	Vũ Minh	Ngọc	Nữ	29/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007119	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40922	2915-K54SD	18D190540	Lại Thị Minh	Nguyệt	Nữ	10/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007120	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40923	2916-K54SD	18D190541	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	02/09/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007121	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40924	2917-K54SD	18D190542	Phạm Thị Hồng	Nhàn	Nữ	17/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007122	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40925	2918-K54SD	18D190543	Vũ Trung	Nhân	Nam	06/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007123	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40926	2919-K54SD	18D190544	Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	11/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007124	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40927	2920-K54SD	18D190545	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	26/01/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007125	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40928	2921-K54SD	18D190549	Nguyễn Duy	Quang	Nam	28/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007126	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40929	2922-K54SD	18D190551	Nguyễn Nam	Thắng	Nam	20/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007127	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40930	2923-K54SD	18D190552	Bạch Hà	Thu	Nữ	21/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007128	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40931	2924-K54SD	18D190556	Đặng Thị	Thư	Nữ	26/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007129	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40932	2925-K54SD	18D190561	Trịnh Thị Huyền	Trang	Nữ	26/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007130	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40933	2926-K54SD	18D190562	Khuất Duy	Trung	Nam	12/09/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007131	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40934	2927-K54SD	18D190563	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	12/02/2000	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.007132	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40935	2928-K52H1	16D180037	Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	25/01/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007133	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40936	2929-K52H1	16D180048	Lê Hoàng	Phúc	Nam	14/12/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007134	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40937	2930-K52H2	16D180114	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	29/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007135	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40938	2931-K52H2	16D180121	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	06/05/1998	Điện Biên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007136	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40939	2932-K52H2	16D180126	Lê Mai	Liên	Nữ	02/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007137	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40940	2933-K52H2	16D180143	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	08/01/1998	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007138	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40941	2934-K52H2	16D180156	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	20/02/1996	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007139	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40942	2935-K52H2	16D180158	Đỗ Đức	Việt	Nam	28/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007140	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40943	2936-K52H3	16D180187	Đỗ Ngọc	Bách	Nam	27/10/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007141	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40944	2937-K52H3	16D180202	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	06/07/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007142	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40945	2938-K52H3	16D180203	Nguyễn Hữu	Hiệp	Nam	11/07/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007143	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40946	2939-K52H3	16D180215	Vũ Thị	Liên	Nữ	16/01/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007144	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40947	2940-K52H4	16D180291	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	16/11/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007145	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40948	2941-K52H4	16D180301	Ninh Thị	Hương	Nữ	13/10/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007146	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40949	2942-K52H4	16D180337	Đinh Ngọc	Yến	Nữ	19/10/1998	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007147	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40950	2943-K52H6	16D180462	Nguyễn Thị Phương	Chi	Nữ	15/02/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007148	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40951	2944-K52H6	16D180499	Vũ Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	15/02/1998	Cao Bằng	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007149	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40952	2945-K52H6	16D180504	Nguyễn Hà	Thư	Nữ	08/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007150	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40953	2946-K53H1	17D180012	Vương Việt	Hà	Nữ	26/07/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007151	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40954	2947-K53H1	17D180032	Nguyễn Tú	Phương	Nữ	15/08/1999	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007152	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40955	2948-K53H2	17D180072	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	22/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007153	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40956	2949-K53H2	17D180083	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	02/11/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007154	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40957	2950-K53H2	17D180089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	20/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007155	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40958	2951-K53H2	17D180101	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	28/06/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007156	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40959	2952-K53H3	17D180138	Nguyễn Vũ	Đại	Nam	24/02/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007157	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40960	2953-K53H3	17D180175	Hà Thị Thu	Hà	Nữ	04/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007158	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40961	2954-K53H3	17D180154	Nguyễn Thị Hải	Linh	Nữ	02/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007159	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40962	2955-K53H3	17D180156	Trương Thị	Loan	Nữ	13/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007160	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	CHUYÊN NGÀNH T

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
40971	2964-K53H5	17D180270	Trần Thị	Hương	Nữ	03/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007169	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40972	2965-K53H5	17D180273	Ngô Phan	Linh	Nữ	15/11/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007170	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40973	2966-K53H5	17D180282	Ngô Thị Bích	Phượng	Nữ	03/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007171	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40974	2967-K53H5	17D180296	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	31/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007172	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40975	2968-K53H5	17D180290	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	23/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007173	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40976	2969-K53H6	17D180321	Lê Thị Mai	An	Nữ	11/11/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007174	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40977	2970-K53H6	17D180326	Nguyễn Thị Kim	Ánh	Nữ	20/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007175	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40978	2971-K53H6	17D180330	Pờ Thanh	Giang	Nữ	18/11/1999	Lào Cai	Pa dí	Việt Nam	Khá	TMU.7.007176	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40979	2972-K53H6	17D180366	Trịnh Thị	Hạnh	Nữ	30/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007177	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40980	2973-K53H6	17D180370	Ngô Thị	Hương	Nữ	06/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007178	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40981	2974-K53H6	17D180341	Trần Thị Thảo	Hương	Nữ	15/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007179	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40982	2975-K53H6	17D180344	Nguyễn Lương Ngọc	Linh	Nữ	13/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007180	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40983	2976-K53H6	17D180350	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	14/06/1999	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007181	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40984	2977-K53H6	17D180373	Trần Đức	Phong	Nam	04/04/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007182	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40985	2978-K53H6	17D180352	Đặng Huy	Quang	Nam	22/02/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007183	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40986	2979-K53H6	17D180354	Nguyễn Văn	Tài	Nam	01/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007184	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40987	2980-K53H6	17D180361	Vũ Đình	Trà	Nam	11/04/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007185	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40988	2981-K54H1	18D180002	Chu Vân	Anh	Nữ	20/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007186	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40989	2982-K54H1	17D180009	Lê Chí Anh	Dũng	Nam	30/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007187	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40990	2983-K54H1	18D180013	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	10/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007188	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40991	2984-K54H1	18D180020	Dương Thị Thu	Huyền	Nữ	05/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007189	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40992	2985-K54H1	18D180021	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	07/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007190	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40993	2986-K54H1	18D180024	Bùi Thị Khánh	Linh	Nữ	18/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007191	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40994	2987-K54H1	18D180028	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	17/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007192	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40995	2988-K54H1	18D180033	Lại Thị Thanh	Nga	Nữ	07/04/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007193	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40996	2989-K54H1	18D180039	Trần Hà	Phương	Nữ	05/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007194	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40997	2990-K54H1	18D180046	Nguyễn Phương	Thu	Nữ	23/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007195	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40998	2991-K54H1	18D180051	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	08/03/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007196	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
40999	2992-K54H2	18D180063	Đỗ Thị Phương	Anh	Nữ	30/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007197	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41000	2993-K54H2	18D180073	Trần Thu	Hà	Nữ	09/10/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007198	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41001	2994-K54H2	18D180076	Trương Thị	Hiền	Nữ	26/03/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007199	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41002	2995-K54H2	18D180088	Lê Thanh Hoàng	Long	Nam	25/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007200	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41003	2996-K54H2	18D180094	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	27/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007201	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41004	2997-K54H2	18D180100	Nguyễn Phương	Quý	Nữ	03/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007202	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41005	2998-K54H2	18D180103	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	14/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007203	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41006	2999-K54H3	18D180125	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	10/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007204	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41007	3000-K54H3	18D180126	Trần Đức	Anh	Nam	17/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007205	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41008	3001-K54H3	18D180127	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	13/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007206	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41009	3002-K54H3	18D180128	Nguyễn Triệu Mỹ	Chi	Nữ	06/04/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007207	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41010	3003-K54H3	18D180135	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	03/12/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007208	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41011	3004-K54H3	18D180140	Nguyễn Lê	Huyền	Nữ	20/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007209	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41012	3005-K54H3	18D180144	Đỗ Thị Phương	Linh	Nữ	27/12/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007210	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41013	3006-K54H3	18D180151	Nguyễn Thái Phương	Mai	Nữ	27/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007211	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41014	3007-K54H3	18D180154	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	29/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007212	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41015	3008-K54H3	18D180159	Trần Thị	Phượng	Nữ	01/01/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007213	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41016	3009-K54H3	18D180160	Bùi Như	Quỳnh	Nữ	13/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007214	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41017	3010-K54H3	18D180165	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	11/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007215	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41018	3011-K54H3	18D180164	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	04/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007216	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41019	3012-K54H3	18D180169	Đào Minh	Trang	Nữ	14/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007217	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41020	3013-K54H4	18D180181	Phạm Thị	An	Nữ	22/07/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007218	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41021	3014-K54H4	18D180188	Hồ Linh	Chi	Nữ	22/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007219	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41022	3015-K54H4	18D180194	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	26/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007220	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41023	3016-K54H4	18D180197	Trần Thị	Hòa	Nữ	24/09/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007221	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41024	3017-K54H4	18D180201	Đặng Thu	Hương	Nữ	01/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007222	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41025	3018-K54H4	18D180198	Nguyễn Khánh	Huy	Nam	23/12/1999	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007223	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41026	3019-K54H4	18D180203	Lê Hương	Linh	Nữ	01/01/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007224	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41027	3020-K54H4	18D180205	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	22/01/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007225	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41028	3021-K54H4	18D180207	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	12/05/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007226	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41029	3022-K54H4	18D180209	Đặng Thị Vân	Lương	Nữ	18/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007227	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41030	3023-K54H4	18D180212	Nguyễn Ngọc Kiều	My	Nữ	16/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007228	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41031	3024-K54H4	18D180214	Vũ Hồng	Ngọc	Nữ	24/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007229	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41032	3025-K54H4	18D180215	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	13/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007230	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41033	3026-K54H4	18D180216	Nguyễn Thị	Nụ	Nữ	27/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007231	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41034	3027-K54H4	18D180217	Chu Nam	Phương	Nữ	18/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007232	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41035	3028-K54H4	18D180218	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	07/11/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007233	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41036	3029-K54H4	18D180222	Bùi Phương	Thảo	Nữ	03/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007234	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41037	3030-K54H4	18D180226	Đinh Thị Hà	Thu	Nữ	04/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007235	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41038	3031-K54H4	18D180228	Hoàng Thủy	Tiên	Nữ	11/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007236	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41039	3032-K54H4	18D180230	Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	09/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007237	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41040	3033-K54H4	18D180232	Nguyễn Thành	Trung	Nam	29/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007238	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÂN HÀNG; NGÂN HÀNG CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41041	3034-K54H5	18D180241	Đỗ Hoàng	Anh	Nam	02/05/2000

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41047	3040-K54H5	18D180259	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	19/07/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007245	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41048	3041-K54H5	18D180269	Đinh Thị Phương	Ly	Nữ	16/10/1999	Hòa Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.007246	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41049	3042-K54H5	18D180277	Nguyễn Hoàng	Phương	Nữ	04/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007247	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41050	3043-K54H5	18D180286	Nguyễn Nguyệt	Thu	Nữ	03/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007248	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41051	3044-K54H5	18D180294	Lương Minh	Vũ	Nam	01/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007249	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41052	3045-K54HC1	18D280001	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	20/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007250	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41053	3046-K54HC1	18D280003	Nguyễn Tú	Anh	Nữ	26/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007251	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41054	3047-K54HC1	18D280005	Trịnh Hải	Anh	Nam	15/04/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007252	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41055	3048-K54HC1	18D280011	Phạm Thu	Hà	Nữ	25/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007253	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41056	3049-K54HC1	18D280012	Dương Thị	Hải	Nữ	11/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007254	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41057	3050-K54HC1	18D280013	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	22/04/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007255	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41058	3051-K54HC1	18D280017	Nguyễn Minh	Huyền	Nữ	07/10/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007256	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41059	3052-K54HC1	18D280020	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	07/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007257	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41060	3053-K54HC1	18D280021	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nữ	13/09/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007258	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41061	3054-K54HC1	18D280031	Lê Mai	Nhung	Nữ	31/08/2000	Yên Bái	Dao	Việt Nam	Khá	TMU.7.007259	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41062	3055-K54HC1	18D280035	Nguyễn Duy	Thành	Nam	23/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007260	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41063	3056-K54HC1	18D280036	Lương Phương	Thảo	Nữ	26/09/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007261	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41064	3057-K54HC1	18D280046	Vũ Tuấn	Vũ	Nam	18/05/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007262	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41065	3058-K54HC2	18D280052	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	18/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007263	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41066	3059-K54HC2	18D280055	Nguyễn Thy	Anh	Nữ	04/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007264	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41067	3060-K54HC2	18D280058	Bá Thị Khánh	Duyên	Nữ	26/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007265	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41068	3061-K54HC2	18D280067	Ngô Long Phúc	Hưng	Nam	10/02/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007266	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41069	3062-K54HC2	18D280065	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	25/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007267	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41070	3063-K54HC2	18D280069	Nguyễn Thị	Len	Nữ	25/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007268	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41071	3064-K54HC2	18D280072	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	31/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007269	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41072	3065-K54HC2	18D280078	Lương Thị Thu	Ngân	Nữ	19/11/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007270	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41073	3066-K54HC2	18D280090	Phạm Thùy	Trang	Nữ	30/07/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007271	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41074	3067-K54HC2	18D280092	Nguyễn Thị Hà	Tú	Nữ	24/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007272	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG)	(Kèm theo Quyết định số: 806/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41075	3068-K53HH	17D185002	Dương Hiệp	Anh	Nam	22/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007273	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)	(Kèm theo Quyết định số: 807/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41076	3069-K53HH	17D185011	Bùi Thúy	Hằng	Nữ	01/09/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Trung Bình	TMU.7.007274	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)	(Kèm theo Quyết định số: 807/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41077	3070-K53HH	17D185013	Lê Thị	Hòa	Nữ	13/03/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007275	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)	(Kèm theo Quyết định số: 807/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41078	3071-K53HH	17D185015	Hoàng Thị Minh	Huyền	Nữ	11/08/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007276	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)	(Kèm theo Quyết định số: 807/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41079	3072-K53HH	17D185018	Bùi Đình	Lâm	Nam	28/10/1999	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.007277	2022	Chính quy	Tài chính ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI)	(Kèm theo Quyết định số: 807/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41080	3073-K51N1	15D170031	Trịnh Thị	Ngân	Nữ	13/11/1997	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007647	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41081	3074-K51N3	15D170144	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	04/10/1997	Lâm Đồng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007648	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41082	3075-K51N4	15D170219	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	24/07/1996	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007649	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41083	3076-K51N4	15D170256	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	27/05/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007650	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41084	3077-K52N1	16D170002	Hồ Thị Phương	Anh	Nữ	10/01/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007651	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41085	3078-K52N2	16D170114	Hoàng Văn	Thảo	Nam	10/02/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007652	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41086	3079-K52N3	16D170163	Nguyễn Thúy	Hường	Nữ	10/02/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007284	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41087	3080-K53N2	17D170079	Nguyễn Hoàng	Linh	Nữ	18/12/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007285	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41088	3081-K53N4	17D170194	Dương Thị	Hoàn	Nữ	01/09/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007286	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41089	3082-K54N1	18D170001	Trần Thị	An	Nữ	07/01/2000	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007287	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41090	3083-K54N1	18D170002	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	26/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007288	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41091	3084-K54N1	18D170003	Tạ Thị Phương	Anh	Nữ	31/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007289	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41092	3085-K54N1	18D170004	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	13/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007290	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41093	3086-K54N1	18D170005	Nguyễn Minh	Châu	Nữ	15/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007291	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41094	3087-K54N1	18D170006	Đoàn Ngọc	Diệu	Nữ	17/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007292	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41095	3088-K54N1	18D170007	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	12/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007293	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41096	3089-K54N1	18D170008	Vũ Thị Quỳnh	Giang	Nữ	27/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007294	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41097	3090-K54N1	18D170009	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24/08/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007295	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41098	3091-K54N1	18D170010	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	17/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007296	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41099	3092-K54N1	18D170012	Lưu Thu	Hằng	Nữ	17/12/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007297	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41100	3093-K54N1	18D170011	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	10/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007298	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41101	3094-K54N1	18D170015	Phạm Thị Thanh	Hoài	Nữ	28/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007299	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41102	3095-K54N1	18D170016	Lương Thị	Hợp	Nữ	21/06/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007300	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41103	3096-K54N1	18D170020	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	11/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007301	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41104	3097-K54N1	18D170022	Tạ Hải	Lâm	Nam	19/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007302	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41105	3098-K54N1	18D170023	Đặng Kim	Liên	Nữ	20/11/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007303	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41106	3099-K54N1	18D170024	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	27/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007304	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41107	3100-K54N1	18D170025	Trần Khánh	Linh	Nữ	24/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007305	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41108	3101-K54N1	18D170027	Phạm Thị Ngọc	Mai	Nữ	12/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007306	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41109	3102-K54N1	18D170028	Dương Thị Huyền	Nga	Nữ	27/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007307	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41110	3103-K54N1	18D170030	Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	07/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007308	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41111	3104-K54N1	18D170031	Phạm Thị Phương	Nhung	Nữ	25/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007309	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41112	3105-K54N1	18D170032	Trương Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/09/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007310	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41113	3106-K54N1	18D170033	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	16/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007311	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41114	3107-K54N1	18D170035	Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	05/07/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007312	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41115	3108-K54N1	18D170038	Võ Thị	Thơm	Nữ	18/07/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007313	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41116	3109-K54N1	18D170040	Vũ Anh	Thư	Nữ	25/12/2000	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007314	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41117	3110-K54N1	18D170041	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	15/10/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007315	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41118	3111-K54N1	18D170046	Bùi Hoài	Vân	Nữ	07/11/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007316	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41119	3112-K54N2	18D170051	Mai Thị Bình	An	Nữ	28/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007317	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số:

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41123	3116-K54N2	18D170062	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	30/12/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007321	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41124	3117-K54N2	18D170061	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	29/08/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007322	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41125	3118-K54N2	18D170063	Vũ Thái	Hiền	Nữ	21/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007323	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41126	3119-K54N2	18D170064	Phạm Thị	Hoa	Nữ	14/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007324	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41127	3120-K54N2	18D170066	Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	11/07/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007325	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41128	3121-K54N2	18D170067	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	21/07/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007326	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41129	3122-K54N2	18D170071	Trương Thị	Lan	Nữ	27/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007327	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41130	3123-K54N2	18D170072	Nguyễn Ngọc	Lê	Nữ	01/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007328	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41131	3124-K54N2	18D170073	Đặng Thị Hương	Linh	Nữ	27/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007329	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41132	3125-K54N2	18D170074	Hồ Khánh	Linh	Nữ	01/09/1999	Quảng Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007330	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41133	3126-K54N2	18D170076	Hà Thị Hương	Ly	Nữ	07/10/2000	Yên Bái	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007331	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41134	3127-K54N2	18D170081	Đỗ Hồng	Nhung	Nữ	28/04/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007332	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41135	3128-K54N2	18D170085	Phạm Thị	Thanh	Nữ	24/12/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007333	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41136	3129-K54N2	18D170090	Nguyễn Vũ Anh	Thư	Nữ	29/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007334	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41137	3130-K54N2	18D170094	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	26/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007335	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41138	3131-K54N2	18D170091	Đặng Thu	Trang	Nữ	10/05/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007336	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41139	3132-K54N2	18D170092	Lê Huyền	Trang	Nữ	10/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007337	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41140	3133-K54N2	18D170093	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	28/07/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007338	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41141	3134-K54N2	18D170095	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	20/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007339	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41142	3135-K54N2	18D170097	Phan Thị	Yến	Nữ	24/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007340	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41143	3136-K54N3	18D170101	Cao Thị Kim	Anh	Nữ	10/06/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007341	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41144	3137-K54N3	18D170102	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	18/02/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007342	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41145	3138-K54N3	18D170103	Phạm Đức	Anh	Nam	19/09/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007343	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41146	3139-K54N3	18D170110	Quách Thị Thu	Hà	Nữ	03/12/2000	Ninh Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.007344	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41147	3140-K54N3	18D170111	Nguyễn Thị	Hân	Nữ	05/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007345	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41148	3141-K54N3	18D170114	Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	26/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007346	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41149	3142-K54N3	18D170115	Đào Thị	Hòa	Nữ	28/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007347	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41150	3143-K54N3	18D170116	Nguyễn Minh	Huệ	Nữ	10/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007348	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41151	3144-K54N3	18D170118	Lưu Thị	Hương	Nữ	27/03/2000	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007349	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41152	3145-K54N3	18D170119	Trịnh Thị Mai	Hương	Nữ	27/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007350	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41153	3146-K54N3	18D170120	Bùi Thị Thu	Hường	Nữ	23/05/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007351	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41154	3147-K54N3	18D170117	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	07/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007352	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41155	3148-K54N3	18D170121	Hoàng Hương	Lan	Nữ	18/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007353	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41156	3149-K54N3	18D170122	Hoàng Thị Mai	Lệ	Nữ	07/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007354	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41157	3150-K54N3	18D170124	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	30/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007355	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41158	3151-K54N3	18D170125	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	24/06/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007356	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41159	3152-K54N3	18D170127	Đỗ Thị	Mừng	Nữ	11/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007357	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41160	3153-K54N3	18D170128	Mạch Thị Kim	Ngân	Nữ	26/12/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007358	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41161	3154-K54N3	18D170130	Bùi Thị	Nhân	Nữ	06/02/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007359	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41162	3155-K54N3	18D170131	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	18/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007360	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41163	3156-K54N3	18D170132	Đoàn Thị	Phúc	Nữ	04/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007361	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41164	3157-K54N3	18D170133	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	13/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007362	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41165	3158-K54N3	18D170135	Đỗ Thị	Thanh	Nữ	28/04/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007363	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41166	3159-K54N3	18D170136	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	25/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007364	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41167	3160-K54N3	18D170137	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	25/03/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007365	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41168	3161-K54N3	18D170138	Phạm Thị	Thu	Nữ	11/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007366	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41169	3162-K54N3	18D170140	Trần Thị	Thương	Nữ	25/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007367	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41170	3163-K54N3	18D170139	Hồ Hoàng Thanh	Thủy	Nữ	24/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007368	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41171	3164-K54N3	18D170142	Nguyễn Thủy	Trang	Nữ	21/01/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007369	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41172	3165-K54N3	18D170143	Trần Thị Thanh	Trang	Nữ	06/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007370	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41173	3166-K54N3	18D170144	Trần Thị Lan	Trinh	Nữ	18/10/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007371	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41174	3167-K54N3	18D170145	Hoàng Thị	Tuyết	Nữ	19/08/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007372	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41175	3168-K54N3	18D170146	Doãn Lan	Vy	Nữ	02/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007373	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41176	3169-K54N4	18D170152	Đồng Văn	Anh	Nữ	28/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007374	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41177	3170-K54N4	18D170153	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	14/03/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007375	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41178	3171-K54N4	18D170154	Nguyễn Đình	Bách	Nam	18/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007376	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41179	3172-K54N4	18D170155	Nguyễn Mạnh	Cương	Nam	26/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007377	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41180	3173-K54N4	18D170157	Nguyễn Thị	Đông	Nữ	27/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007378	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41181	3174-K54N4	18D170156	Hoàng Thị Kim	Duyên	Nữ	28/07/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007379	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41182	3175-K54N4	18D170158	Đào Thị	Hà	Nữ	14/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007380	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41183	3176-K54N4	18D170159	Đỗ Thị Ngọc	Hà	Nữ	30/05/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007381	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41184	3177-K54N4	18D170161	Lê Thu	Hằng	Nữ	11/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007382	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41185	3178-K54N4	18D170163	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	17/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007383	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41186	3179-K54N4	18D170164	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	06/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007384	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41187	3180-K54N4	18D170165	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	24/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007385	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41188	3181-K54N4	18D170168	Đỗ Ngọc	Hương	Nữ	04/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007386	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41189	3182-K54N4	18D170169	Vũ Thị Mai	Hương	Nữ	20/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007387	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41190	3183-K54N4	18D170170	Lê Thu	Hường	Nữ	08/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007388	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41191	3184-K54N4	18D170166	Nguyễn Quang	Huy	Nam	17/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007389	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41192	3185-K54N4	18D170167	Trần Khánh	Huyền	Nữ	17/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007390	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41193	3186-K54N4	18D170171	Lê Thị Thanh	Lan	Nữ	24/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007391	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41194	3187-K54N4	18D170172	Trần Thị	Lệ	Nữ	07/05/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007392	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41195	3188-K54N4	18D170173	Hà Thùy	Linh	Nữ	10/09/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007393	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41196	3189-K54N4	18D170174	Phạm Diệu	Linh	Nữ	18/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007394	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41197	3190-K54N4	18D170176	Phạm Thị Hải	Ly	Nữ	24/11/2000

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41199	3192-K54N4	18D170178	Hoàng Thị	Ngân	Nữ	10/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007397	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41200	3193-K54N4	18D170179	Dương Bích	Ngọc	Nữ	08/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007398	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41201	3194-K54N4	18D170181	Tào Thị Hồng	Nhung	Nữ	07/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007399	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41202	3195-K54N4	18D170182	Ngô Thị Kim	Phương	Nữ	22/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007400	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41203	3196-K54N4	18D170183	Vũ Thị Thu	Phương	Nữ	26/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007401	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41204	3197-K54N4	18D170184	Từ Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	18/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007402	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41205	3198-K54N4	18D170185	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	02/12/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007403	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41206	3199-K54N4	18D170186	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	19/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007404	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41207	3200-K54N4	18D170187	Nguyễn Thị	Thơi	Nữ	13/01/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007405	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41208	3201-K54N4	18D170188	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	02/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007406	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41209	3202-K54N4	18D170190	Lê Thị Quỳnh	Thương	Nữ	15/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007407	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41210	3203-K54N4	18D170189	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	20/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007408	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41211	3204-K54N4	18D170193	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	25/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007409	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41212	3205-K54N4	18D170194	Trịnh Lan	Trinh	Nữ	02/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007410	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41213	3206-K54N4	18D170195	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	01/06/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007411	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41214	3207-K54N4	18D170196	Đào Minh	Yến	Nữ	08/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007412	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41215	3208-K54N5	18D170201	Đinh Thị Thùy	Anh	Nữ	09/12/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007413	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41216	3209-K54N5	18D170204	Bùi Thị Xoan	Bắc	Nữ	29/01/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007414	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41217	3210-K54N5	18D170205	Ngô Thị	Diễm	Nữ	11/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007415	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41218	3211-K54N5	18D170206	Lê Thị	Duyên	Nữ	23/08/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007416	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41219	3212-K54N5	18D170209	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	17/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007417	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41220	3213-K54N5	18D170210	Vũ Thị	Hải	Nữ	09/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007418	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41221	3214-K54N5	18D170211	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	30/03/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007419	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41222	3215-K54N5	18D170212	Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	26/04/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007420	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41223	3216-K54N5	18D170213	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	01/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007421	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41224	3217-K54N5	18D170214	Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	06/02/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007422	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41225	3218-K54N5	18D170215	Hứa Thị Bích	Hồng	Nữ	25/09/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007423	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41226	3219-K54N5	18D170219	Dương Thu	Hương	Nữ	18/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007424	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41227	3220-K54N5	18D170220	Nguyễn Thị Thúy	Hường	Nữ	22/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007425	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41228	3221-K54N5	18D170216	Đặng Thị Mỹ	Huyền	Nữ	30/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007426	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41229	3222-K54N5	18D170217	Ngô Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007427	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41230	3223-K54N5	18D170221	Đặng Thảo	Lan	Nữ	22/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007428	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41231	3224-K54N5	18D170222	Vũ Nhật	Lệ	Nữ	10/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007429	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41232	3225-K54N5	17D170258	Đoàn Diệu	Linh	Nữ	09/04/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007430	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41233	3226-K54N5	18D170225	Vương Thị Mỹ	Linh	Nữ	08/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007431	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41234	3227-K54N5	18D170226	Đinh Thị	Lý	Nữ	30/05/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007432	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41235	3228-K54N5	18D170227	Hoàng Thị Ngọc	My	Nữ	18/12/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007433	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41236	3229-K54N5	18D170228	Trịnh Thị	Ngoan	Nữ	15/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007434	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41237	3230-K54N5	18D170229	Phạm Thị Thảo	Nguyên	Nữ	29/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007435	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41238	3231-K54N5	18D170233	Vũ Thị	Phượng	Nữ	25/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007436	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41239	3232-K54N5	18D170234	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	26/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007437	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41240	3233-K54N5	18D170235	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	11/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007438	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41241	3234-K54N5	18D170236	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	02/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007439	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41242	3235-K54N5	18D170238	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	01/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007440	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41243	3236-K54N5	18D170239	Tạ Thị Bích	Thủy	Nữ	30/11/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007441	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41244	3237-K54N5	18D170240	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	08/01/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007442	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41245	3238-K54N5	18D170241	Hà Thị Thu	Trang	Nữ	11/11/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007443	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41246	3239-K54N5	18D170242	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	14/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007444	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41247	3240-K54N5	18D170244	Nguyễn Khắc	Trung	Nam	20/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007445	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41248	3241-K54N6	18D170251	Bùi Hồng	Anh	Nữ	29/12/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007446	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41249	3242-K54N6	18D170252	Đỗ Quỳnh	Anh	Nữ	06/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007447	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41250	3243-K54N6	18D170253	Ngô Ngọc	Ánh	Nữ	04/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007448	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41251	3244-K54N6	18D170254	Hoàng Thị Ngọc	Bích	Nữ	25/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007449	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41252	3245-K54N6	18D170256	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	22/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007450	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41253	3246-K54N6	18D170257	Nguyễn Thị Trà	Giang	Nữ	09/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007451	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41254	3247-K54N6	18D170259	Vũ Thị	Hà	Nữ	23/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007452	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41255	3248-K54N6	18D170261	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	14/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007453	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41256	3249-K54N6	18D170262	Trần Minh	Hằng	Nữ	07/07/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007454	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41257	3250-K54N6	18D170264	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	03/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007455	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41258	3251-K54N6	18D170268	Dương Thiên	Hương	Nữ	04/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007456	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41259	3252-K54N6	18D170269	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	Nữ	06/08/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007457	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41260	3253-K54N6	18D170266	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	25/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007458	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41261	3254-K54N6	18D170267	Trần Thị	Huyền	Nữ	13/01/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007459	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41262	3255-K54N6	18D170271	Dương Thị	Lan	Nữ	15/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007460	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41263	3256-K54N6	18D170273	Mai Thị Khánh	Linh	Nữ	12/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007461	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41264	3257-K54N6	18D170274	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	27/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007462	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41265	3258-K54N6	18D170275	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	25/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007463	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41266	3259-K54N6	18D170276	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	28/09/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007464	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41267	3260-K54N6	18D170280	Hà Thị Trang	Nhung	Nữ	05/10/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007465	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41268	3261-K54N6	18D170281	Lã Thị Hồng	Nhung	Nữ	28/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007466	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41269	3262-K54N6	18D170283	Đỗ Thị	Phượng	Nữ	18/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007467	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41270	3263-K54N6	18D170284	Nguyễn Thị	Sông	Nữ	09/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007468	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41271	3264-K54N6	18D170285	Phùng Thị Ngọc	Thảo	Nữ	06/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007469	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41272	3265-K54N6	18D170286	Trần Thị	Thảo	Nữ	05/05/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007470	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41273	3266-K54N6	18D170287	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41275	3268-K54N6	18D170291	Dương Quỳnh	Trang	Nữ	14/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007473	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41276	3269-K54N6	18D170292	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	09/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007474	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41277	3270-K54N6	18D170293	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	13/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007475	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41278	3271-K54N6	18D170295	Trương Thị Mai	Uyên	Nữ	29/04/2000	Vĩnh Phúc	Sán dìu	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007476	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41279	3272-K54N6	18D170296	Bùi Hải	Yến	Nữ	04/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007477	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41280	3273-K54N7	18D170302	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	30/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007478	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41281	3274-K54N7	18D170303	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	20/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007479	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41282	3275-K54N7	18D170304	Nguyễn Thị Phương	Châm	Nữ	18/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007480	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41283	3276-K54N7	18D170305	Lê Thu	Diệp	Nữ	13/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007481	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41284	3277-K54N7	18D170306	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	17/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007482	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41285	3278-K54N7	18D170307	Trần Thị Thu	Giang	Nữ	08/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007483	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41286	3279-K54N7	18D170309	Vũ Thị	Hà	Nữ	20/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007484	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41287	3280-K54N7	18D170311	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	15/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007485	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41288	3281-K54N7	18D170310	Đoàn Thị	Hạnh	Nữ	29/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007486	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41289	3282-K54N7	18D170312	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	09/03/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007487	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41290	3283-K54N7	18D170314	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	23/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007488	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41291	3284-K54N7	18D170315	Nguyễn Thị	Hội	Nữ	06/08/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007489	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41292	3285-K54N7	18D170318	Lê Thị Mai	Hương	Nữ	19/11/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007490	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41293	3286-K54N7	18D170319	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	16/05/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007491	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41294	3287-K54N7	18D170316	Hoàng Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/05/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007492	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41295	3288-K54N7	18D170317	Phạm Thị	Huyền	Nữ	24/08/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007493	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41296	3289-K54N7	18D170320	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	12/06/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007494	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41297	3290-K54N7	18D170321	Đinh Thị	Lành	Nữ	21/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007495	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41298	3291-K54N7	18D170322	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	06/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007496	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41299	3292-K54N7	18D170323	Ngô Thảo	Linh	Nữ	02/09/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007497	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41300	3293-K54N7	18D170325	Vũ Thanh	Loan	Nữ	12/03/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007498	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41301	3294-K54N7	18D170327	Nguyễn Thế	Nam	Nam	13/12/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007499	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41302	3295-K54N7	18D170330	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	19/05/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007500	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41303	3296-K54N7	18D170331	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	19/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007501	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41304	3297-K54N7	18D170332	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	02/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007502	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41305	3298-K54N7	18D170333	Bùi Thị	Quyên	Nữ	25/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007503	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41306	3299-K54N7	18D170334	Vũ Thị Thanh	Tâm	Nữ	10/04/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007504	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41307	3300-K54N7	18D170336	Lã Thị Hồng	Thắm	Nữ	20/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007505	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41308	3301-K54N7	18D170335	Vũ Thị	Thảo	Nữ	10/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007506	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41309	3302-K54N7	18D170337	Phan Thị	Thơm	Nữ	18/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007507	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41310	3303-K54N7	18D170339	Cao Đình	Thư	Nam	29/03/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007508	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41311	3304-K54N7	18D170338	Trịnh Phương	Thúy	Nữ	07/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007509	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41312	3305-K54N7	18D170344	Nguyễn Đình	Tuyên	Nam	17/04/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007510	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41313	3306-K54N7	18D170345	Nguyễn Tú	Uyên	Nữ	10/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007511	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41314	3307-K54N7	18D170346	Hạ Hồng	Yến	Nữ	17/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007512	2022	Chính quy	Ngôn ngữ anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 808/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41315	3308-K52U5	14D210307	Giáp Thị Quỳnh	Mai	Nữ	07/11/1996	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007513	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41316	3309-K52U1	16D210005	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	Nữ	03/10/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007514	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41317	3310-K52U1	16D210015	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	19/06/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007515	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41318	3311-K52U1	16D210036	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	08/10/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007516	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41319	3312-K52U1	16D210043	Lê Thị	Thu	Nữ	28/02/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007517	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41320	3313-K52U2	16D210080	Đặng Thị Thanh	Hải	Nữ	11/01/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007518	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41321	3314-K52U2	16D210089	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	10/06/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007519	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41322	3315-K52U2	16D210112	Phạm Thị	Thêu	Nữ	21/07/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007520	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41323	3316-K52U5	16D210289	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	03/02/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007653	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41324	3317-K53U1	17D210013	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	13/03/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007654	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41325	3318-K53U1	17D210032	Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	26/01/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007523	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41326	3319-K53U2	17D210079	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	15/11/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007524	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41327	3320-K53U2	17D210104	Đào Nguyên	Thành	Nam	21/04/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007525	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41328	3321-K53U3	17D210140	Quách Thị	Linh	Nữ	10/10/1999	Thanh Hóa	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007526	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41329	3322-K53U3	17D210144	Phan Thị	Nga	Nữ	19/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007527	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41330	3323-K53U3	17D210147	Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	23/01/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007528	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41331	3324-K53U3	17D210148	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	29/07/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007529	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41332	3325-K53U3	17D210149	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	22/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007530	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41333	3326-K53U3	17D210163	Đào Anh	Phương	Nữ	10/10/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007531	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41334	3327-K53U4	17D210204	Trần Thị Thu	Nga	Nữ	02/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007532	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41335	3328-K53U5	17D210284	Phạm Thu	Hằng	Nữ	02/03/1999	Thanh Hóa	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.007533	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41336	3329-K53U5	17D210267	Trần Thị Tuyết	Nhi	Nữ	02/01/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007534	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41337	3330-K53U5	17D210270	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	24/09/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007535	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41338	3331-K53U5	17D210276	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	27/03/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007536	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41339	3332-K53U5	17D210280	Ngô Thị Kiều	Trâm	Nữ	21/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007537	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41340	3333-K53U5	17D210279	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	19/11/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007538	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41341	3334-K53U5	17D210281	Nguyễn Duy	Tùng	Nam	20/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007539	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41342	3335-K53U6	17D210311	Đoàn Văn	Huy	Nam	11/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007540	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41343	3336-K53U6	17D210322	Hoàng Công	Minh	Nam	02/06/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007541	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41344	3337-K53U6	17D210326	Nguyễn Khánh	Nguyên	Nữ	08/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007542	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41345	3338-K53U6	17D210327	Hoàng Thị	Nhớ	Nữ	23/01/1999	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.007543	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41346	3339-K53U6	17D210333	Hồ Vinh	Thắng	Nam	28/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007544	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41347	3340-K53U6

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41351	3344-K54U1	18D210007	Tống Thị Thúy	Dung	Nữ	19/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007549	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41352	3345-K54U1	18D210015	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007550	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41353	3346-K54U1	18D210016	Nguyễn Phạm Thục	Hiền	Nữ	11/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007551	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41354	3347-K54U1	18D210017	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	19/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007552	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41355	3348-K54U1	18D210018	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	31/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007553	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41356	3349-K54U1	18D210024	Hoàng Bảo	Linh	Nữ	05/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007554	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41357	3350-K54U1	18D210028	Cao Thị Thanh	Mai	Nữ	23/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007555	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41358	3351-K54U1	18D210034	Quách Thị Cẩm	Ngọc	Nữ	15/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007556	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41359	3352-K54U1	18D210040	Nguyễn Xuân	Quốc	Nam	22/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007557	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41360	3353-K54U1	18D210051	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	13/03/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007558	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41361	3354-K54U1	18D210048	Cao Thị Quỳnh	Trang	Nữ	05/09/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007559	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41362	3355-K54U1	18D210049	Lã Thị Kiều	Trang	Nữ	02/11/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007560	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41363	3356-K54U1	18D210050	Lê Thị	Trang	Nữ	08/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007561	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41364	3357-K54U1	18D210054	Trần Thị Hồng	Vân	Nữ	25/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007562	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41365	3358-K54U1	18D210055	Trương Hoàng Thúy	Vy	Nữ	15/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007563	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41366	3359-K54U2	18D210064	Trần Thị Quỳnh	Anh	Nữ	19/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007564	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41367	3360-K54U2	18D210065	Hoàng Thị	Biên	Nữ	10/01/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007565	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41368	3361-K54U2	18D210066	Đồng Thị Kiều	Chinh	Nữ	29/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007566	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41369	3362-K54U2	18D210070	Trần Ngọc	Đức	Nam	31/05/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007567	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41370	3363-K54U2	18D210069	Bùi Ánh	Dương	Nữ	19/07/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007568	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41371	3364-K54U2	18D210080	Nguyễn Học	Hưng	Nam	09/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007569	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41372	3365-K54U2	18D210087	Hoàng Thị	Mai	Nữ	27/04/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007570	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41373	3366-K54U2	18D210095	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	15/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007571	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41374	3367-K54U2	18D210101	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	29/04/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007572	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41375	3368-K54U2	18D210103	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	17/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007573	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41376	3369-K54U2	18D210114	Bùi Thị Thúy	Vân	Nữ	15/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007574	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41377	3370-K54U2	18D210115	Nguyễn Thị	Xinh	Nữ	16/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007575	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41378	3371-K54U3	18D210123	Vũ Phương	Anh	Nữ	23/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007576	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41379	3372-K54U3	18D210127	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	09/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007577	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41380	3373-K54U3	18D210132	Nguyễn Thanh	Hải	Nữ	21/08/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007578	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41381	3374-K54U3	18D210136	Lại Thị Hồng	Hoa	Nữ	28/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007579	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41382	3375-K54U3	18D210139	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	13/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007580	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41383	3376-K54U3	18D210143	Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	08/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007581	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41384	3377-K54U3	18D210144	Hà Thị Phương	Linh	Nữ	19/05/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007582	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41385	3378-K54U3	18D210150	Bùi Huyền	My	Nữ	30/06/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007583	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41386	3379-K54U3	18D210160	Vũ Hoàng Thúy	Quỳnh	Nữ	12/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007584	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41387	3380-K54U4	18D210189	Phạm Thị Bích	Đào	Nữ	20/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007585	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41388	3381-K54U4	18D210195	Trần Thị	Hiền	Nữ	15/04/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007586	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41389	3382-K54U4	18D210196	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	02/12/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007587	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41390	3383-K54U4	18D210197	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	03/12/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007588	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41391	3384-K54U4	18D210200	Hoàng Thị	Hương	Nữ	18/01/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007589	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41392	3385-K54U4	18D210206	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	16/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007590	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41393	3386-K54U4	18D210217	Tạ Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007591	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41394	3387-K54U4	18D210224	Đặng Thị	Thơ	Nữ	10/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007592	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41395	3388-K54U4	18D210226	Lê Thị Kim	Thúy	Nữ	02/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007593	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41396	3389-K54U4	18D210228	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	15/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007594	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41397	3390-K54U4	18D210230	Trịnh Thị Thu	Trang	Nữ	18/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007595	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41398	3391-K54U4	18D210232	Mai Thị	Uyên	Nữ	18/12/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007596	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41399	3392-K54U4	18D210235	Trịnh Thị	Yến	Nữ	09/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007597	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41400	3393-K54U5	18D210241	Đoàn Quỳnh	Anh	Nữ	03/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007598	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41401	3394-K54U5	18D210263	Đỗ Thị Diệu	Linh	Nữ	18/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007599	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41402	3395-K54U5	18D210268	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	28/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007600	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 809/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41403	3396-K53DD	17D155037	Trương Quỳnh	Trang	Nữ	18/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007601	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41404	3397-K53DD	17D155036	Trần Thu	Trang	Nữ	05/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007602	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41405	3398-K54DD1	18D155001	Biện Phương	Anh	Nữ	21/05/2000	Bà Rịa -Vũng Tàu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007603	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41406	3399-K54DD1	18D155027	Nguyễn Thị Hà	Anh	Nữ	27/01/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007604	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41407	3400-K54DD1	18D155025	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	16/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007605	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41408	3401-K54DD1	18D155003	Phan Diệp	Anh	Nữ	24/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007606	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41409	3402-K54DD1	18D155004	Đào Thị Thanh	Bình	Nữ	17/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007607	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41410	3403-K54DD1	18D155005	Phan Thị Thái	Bình	Nữ	21/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007608	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41411	3404-K54DD1	18D155006	Nguyễn Thành	Chính	Nam	25/08/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007609	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41412	3405-K54DD1	18D155042	Đào Phương	Dung	Nữ	09/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007610	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41413	3406-K54DD1	18D155007	Nguyễn Tùng	Dương	Nam	13/10/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007611	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41414	3407-K54DD1	18D155008	Bùi Nguyễn Hương	Giang	Nữ	16/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007612	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41415	3408-K54DD1	18D155029	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	22/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007613	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41416	3409-K54DD1	18D155032	Nguyễn Thị Thanh	Giang	Nữ	19/10/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007614	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41417	3410-K54DD1	18D155009	Đặng Khánh	Hà	Nữ	02/09/2000	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007615	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41418	3411-K54DD1	18D155010	Đặng Thanh	Hà	Nữ	25/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007616	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41419	3412-K54DD1	18D155011	Kiều Thanh	Hằng	Nữ	20/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007617	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41420	3413-K54DD1	18D155028	Trần Thị Thu	Huệ	Nữ	27/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007618	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41421	3414-K54DD1	18D155012	Bùi Thị Xuân	Hương	Nữ	07/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007619	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41422	3415-K54DD1	18D155013	Tống Trọng	Khang	Nam	07/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41427	3420-K54DD1	18D155016	Đỗ Thị Thanh	Mai	Nữ	24/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007625	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41428	3421-K54DD1	18D155033	Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	27/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007626	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41429	3422-K54DD1	18D155034	Ngô Thanh	Ngân	Nữ	16/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007627	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41430	3423-K54DD1	18D155017	Phan Minh	Ngọc	Nữ	28/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007628	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41431	3424-K54DD1	18D155018	Nguyễn Minh	Nguyệt	Nữ	27/11/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007629	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41432	3425-K54DD1	18D155041	Nguyễn Khánh	Ninh	Nữ	02/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007630	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41433	3426-K54DD1	18D155020	Đặng Phương	Thảo	Nữ	20/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007631	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41434	3427-K54DD1	18D155021	Phạm Phương	Thảo	Nữ	15/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007632	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41435	3428-K54DD1	18D155026	Phạm Thanh	Thảo	Nữ	02/08/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007633	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41436	3429-K54DD1	18D155022	Trịnh Phương	Thảo	Nữ	12/11/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007634	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41437	3430-K54DD1	18D155023	Lương Thị	Thương	Nữ	29/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007635	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41438	3431-K54DD1	18D155031	Lê Thu	Trang	Nữ	21/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007636	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41439	3432-K54DD1	18D155035	Ngô Thị Thu	Trang	Nữ	31/07/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007637	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41440	3433-K54DD1	18D155030	Chu Minh	Tú	Nữ	12/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007638	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41441	3434-K54DD1	18D155043	Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	12/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007639	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41442	3435-K54DD1	18D155039	Vũ Công	Tuyển	Nam	01/10/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007640	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41443	3436-K54DD1	18D155024	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	24/07/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007641	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 810/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 05 năm 2022)	
41444	3437-K9TK1	17H151029	Đào Thị	Liên	Nữ	30/04/1983	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007655	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 880/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41445	3438-K14CK5	17H151266	Mai Anh	Tú	Nam	03/10/1996	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007656	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 881/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41446	3439-K15CK1	18H159027	Cao Thị Thu	Ngà	Nữ	10/02/1992	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007657	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 881/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41447	3440-K16CK1	19H155111	Phan Công	Tùng	Nam	15/01/1993	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007658	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 881/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41448	3441-K11TK1	19H153001	Ngô Thị Thúy	An	Nữ	07/10/1995	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007659	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41449	3442-K11TK1	19H153002	Trần Thị Hoài	An	Nữ	06/01/1994	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007660	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41450	3443-K11TK1	19H153003	Hoàng Thị Mai	Anh	Nữ	18/08/1988	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007661	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41451	3444-K11TK1	19H153005	Mai Quỳnh	Anh	Nữ	06/07/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007662	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41452	3445-K11TK1	19H153004	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	06/03/1990	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007663	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41453	3446-K11TK1	19H153007	Nguyễn Văn	Biên	Nam	09/11/1988	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007664	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41454	3447-K11TK1	19H153008	Phạm Thị Thanh	Đào	Nữ	08/07/1991	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007665	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41455	3448-K11TK1	19H153011	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	13/10/1977	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007666	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41456	3449-K11TK1	19H153010	Trần Thị	Hiền	Nữ	18/01/1983	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007667	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41457	3450-K11TK1	19H153012	Bùi Thị	Hoa	Nữ	04/02/1990	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007668	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41458	3451-K11TK1	19H153013	Nguyễn Xuân	Hòa	Nam	01/03/1966	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007669	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41459	3452-K11TK1	19H153014	Lương Thị	Hoài	Nữ	23/03/1984	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007670	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41460	3453-K11TK1	19H153015	Hoàng Hồng	Huệ	Nữ	29/05/1989	Hà Nội	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.007671	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41461	3454-K11TK1	19H153016	Hoàng Việt	Hùng	Nam	01/10/1995	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007672	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41462	3455-K11TK1	19H153017	Đào Mai	Hương	Nữ	13/04/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007673	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41463	3456-K11TK1	19H153018	Đỗ Thị	Hường	Nữ	10/07/1990	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007674	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41464	3457-K11TK1	19H153020	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	17/09/1992	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007675	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41465	3458-K11TK1	19H153021	Đỗ Thị Mai	Loan	Nữ	10/09/1995	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007676	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41466	3459-K11TK1	19H153022	Vũ Thị	Loan	Nữ	06/11/1993	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007677	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41467	3460-K11TK1	19H153023	Nguyễn Xuân	Lợi	Nam	24/05/1983	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007678	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41468	3461-K11TK1	19H153027	Hà Văn	Nam	Nam	19/10/1981	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007679	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41469	3462-K11TK1	19H153028	Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	26/05/2001	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007680	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41470	3463-K11TK1	19H153029	Đặng Thị	Nhớ	Nữ	07/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007681	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41471	3464-K11TK1	19H153030	Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/02/1982	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007682	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41472	3465-K11TK1	19H153031	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	27/12/1993	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007683	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41473	3466-K11TK1	19H153033	Phạm Đức	Trung	Nam	01/03/1994	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007684	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 882/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41474	3467-K47DQ1	12E100063	Nguyễn Ngọc	Duy	Nam	30/12/1989	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.007685	2022	VLVH	QTKD	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 883/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41475	3468-K47DQ1	13E150091	Nguyễn Đình	Bách	Nam	26/10/1992	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.007686	2022	VLVH	QTKD	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 883/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 06 năm 2022)	
41476	3469-K54S3	18D190124	Trương Quốc	Anh	Nam	08/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007687	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1136/QĐ-ĐHTM ngày 08 tháng 07 năm 2022)	
41477	3470-K51A3	15D100149	Bùi Thị	Duyên	Nữ	19/09/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007688	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41478	3471-K51K3	15D240150	Phạm Thanh	Hải	Nam	28/09/1996	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007689	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41479	3472-K51K5	15D240326	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	09/09/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007690	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41480	3473-K52A5	16D100335	Trịnh Thị Thúy	Hạnh	Nữ	05/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007691	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41481	3474-K52A5	16D100361	Nguyễn Ngọc	Quân	Nam	13/08/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007692	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41482	3475-K52A6	16D100435	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	29/07/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007693	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41483	3476-K52A8	16D100596	Lê Hồng	Trinh	Nữ	04/02/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007694	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41484	3477-K53A1	17D100044	Đinh Hải	Yến	Nữ	26/01/1999	Hà Nội	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007695	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41485	3478-K53A3	17D100152	Lê Thuý	Quỳnh	Nữ	14/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007696	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41486	3479-K53A3	17D100127	Đặng Văn	Đức	Nam	11/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007697	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41487	3480-K53A3	17D100148	Lý Ước	Nguyện	Nữ	14/01/1999	Lào Cai	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.007698	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41488	3481-K53A4	17D100224	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	12/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007699	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41489	3482-K53A4	17D100189	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	12/04/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007700	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41490	3483-K53A6	17D100336	Đinh Thị Thanh	Thu	Nữ	01/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007701	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41491	3484-K53A8	17D100426	Nguyễn Chí	Dũng	Nam	24/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007702	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41492	3485-K53A9	17D100517	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	16/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007703	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41493	3486-K54A1	18D100003	Trần Hoàng	Anh	Nam	04/05/2000	Phú Thọ	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.007704	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41494	3487-K54A1	18D100011	Hứa Hoài	Đức	Nam	14/10/2000	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.007705	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41495	3488-K54A1	18D100017	Vũ Huy	Hoàng	Nam	20/05/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007706	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41496	3489-K54A1	18D100040	Nguyễn Ngọc	Tài	Nam	21/05/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007707	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41497	3490-K54A2	18D100064	Nguyễn Thiên	Ánh	Nam	28/10/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007708	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41498	3491-K54A2	18D100065	Quách Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007709	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41499	3492-K54A2	18D100077	Bùi Huy	Hoàng	Nam	23/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007710	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41500	3493-K54A2	18D100080	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007711	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41501	3494-K54A2	18D100105	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	05/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007712	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41502	3495-K54A3	18D100141	Chu Thị Thu	Hương	Nữ	23/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007713	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41503	3496-K54A3	18D100161	Nguyễn Minh	Thơ	Nữ	28/10/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007714	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41504	3497-K54A3	18D100168	Chu Đức	Tư	Nam	21/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007715	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41505	3498-K54A4	18D100201	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	20/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007716	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41506	3499-K54A4	18D100207	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	14/12/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007717	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41507	3500-K54A4	18D100210	Nguyễn Đức	Nam	Nam	12/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007718	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41508	3501-K54A5	18D100255	Ngô Thị Thanh	Hoa	Nữ	13/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007719	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41509	3502-K54A5	18D100260	Nguyễn Việt	Hưng	Nam	01/11/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007720	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41510	3503-K54A5	18D100269	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	22/02/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007721	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41511	3504-K54A6	18D100310	Trần Ngọc	Đức	Nam	13/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007722	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41512	3505-K54A6	18D100331	Hà Thị Hồng	Ngọc	Nữ	21/01/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007723	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41513	3506-K23A	A17D120092	Nguyễn Mỹ	Tâm	Nữ	19/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007724	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41514	3507-K51Q4	15D105161	Hoàng Phương	Dung	Nữ	14/10/1997	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007725	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41515	3508-K52Q1	16D105046	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	03/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007726	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41516	3509-K54Q1	18D105018	Nguyễn Quốc	Hưng	Nam	13/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007727	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41517	3510-K54Q1	18D105017	Nguyễn Quang	Hưng	Nam	19/03/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007728	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41518	3511-K54Q1	18D105019	Trần Lê Ngọc	Lâm	Nữ	29/09/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007729	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41519	3512-K54Q1	18D105037	Trần Thị Minh	Thúy	Nữ	05/07/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007730	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41520	3513-K54QT1	18D107012	Phạm Thị	Hảo	Nữ	03/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007731	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41521	3514-K54QT1	18D107041	Đỗ Phạm Thúy	Quỳnh	Nữ	04/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007732	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41522	3515-K54QT1	18D107052	Mai Xuân	Trường	Nam	24/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007733	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41523	3516-K54QT2	18D107064	Nguyễn Giang Tuấn	Cảnh	Nam	11/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007734	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41524	3517-K54QT2	18D107074	Vũ Thị Thanh	Hiền	Nữ	08/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007735	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41525	3518-K54QT2	18D107093	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	Nữ	11/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007736	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41526	3519-K54QT3	18D107130	Phạm Thị Hoàng	Hà	Nữ	01/09/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007737	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41527	3520-K54QT3	18D107149	Phan Phúc	Lộc	Nam	22/11/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007738	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1455/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41528	3521-K51B4KS	15D110256	Tòn Minh	Thư	Nữ	04/10/1996	Thanh Hóa	Mường	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007739	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41529	3522-K52B3KS	15D110188	Vũ Thị	Thùy	Nữ	27/09/1997	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007740	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41530	3523-K52B1KS	16D110037	Đỗ Thị	Nga	Nữ	16/07/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007741	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41531	3524-K53B1KS	17D110029	Hoàng Lâm	Phương	Nữ	04/08/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007742	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41532	3525-K53B3KS	17D110125	Vũ Thanh	Bình	Nam	23/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007743	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41533	3526-K53B4KS	17D110193	Phùng Thị Thu	Hòa	Nữ	17/05/1998	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007744	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41534	3527-K53B5KS	17D110277	Nguyễn Hoàng Thanh	Trang	Nữ	02/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007745	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41535	3528-K53B6KS	17D110309	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	06/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007746	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41536	3529-K54B1KS	18D110008	Trần Ngọc	Bảo	Nam	22/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007747	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41537	3530-K54B1KS	18D110019	Trịnh Thúy	Hiền	Nữ	20/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007748	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41538	3531-K54B1KS	18D110020	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	13/04/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007749	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41539	3532-K54B2KS	18D110085	Phan Đức	Hải	Nam	10/05/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007750	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41540	3533-K54B2KS	18D110091	Phạm Ngọc	Huyền	Nữ	10/05/2000	Tuyên Quang	Cao Lan	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007751	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41541	3534-K54B2KS	18D110096	Trần Thị	Liễu	Nữ	11/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007752	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41542	3535-K54B2KS	18D110119	Trần Thị Kim	Thu	Nữ	08/02/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007753	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41543	3536-K54B3KS	18D110156	Vũ Nguyệt	Hằng	Nữ	29/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007754	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41544	3537-K54B3KS	18D110165	Nguyễn Thị Bảo	Lâm	Nữ	16/04/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007755	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41545	3538-K54B3KS	18D110168	Nguyễn Lê Thùy	Linh	Nữ	10/07/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007756	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41546	3539-K54B3KS	18D110175	Lê Thị	Ngân	Nữ	19/06/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007757	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41547	3540-K54B4KS	18D110216	Đinh Ngọc	Ánh	Nữ	27/05/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007758	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41548	3541-K54B4KS	18D110218	Nguyễn Ngọc	Châm	Nữ	10/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007759	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41549	3542-K54B4KS	17D110305	Lê Vũ	Chinh	Nữ	08/05/1999	Bắc Kạn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007760	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41550	3543-K54B4KS	18D110229	Nguyễn Thị Như	Hoa	Nữ	05/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007761	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41551	3544-K54B4KS	18D110263	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	04/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007762	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41552	3545-K54B4KS	18D110268	Trần Thị	Vân	Nữ	15/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007763	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1456/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41553	3546-K54BKD	18D110516	Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	11/01/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007764	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1457/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41554	3547-K54BKD	18D110527	Nguyễn Đăng	Quang	Nam	15/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007765	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1457/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41555	3548-K54BKD	18D110530	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	06/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007766	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1457/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41556	3549-K54BKD	18D110536	Vũ Quang	Tuấn	Nam	08/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007767	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	(Kèm theo Quyết định số: 1457/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41557	3550-K52B1LH	16D250004	Trần Hồng	Anh	Nữ	06/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007768	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41558	3551-K52B1LH	16D250036	Cao Như	Quỳnh	Nữ	11/12/1998	Hà Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007769	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41559	3552-K52B3LH	16D250172	Lê Hải	Phong	Nam	22/08/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007770	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41560	3553-K52B4LH	16D250224	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	12/05/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007771	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41561	3554-K53B1LH	17D250022	Đặng Thị	Loan	Nữ	25/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007772	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41562	3555-K53B1LH	17D250031	Đặng Như	Quỳnh	Nữ	16/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007773	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41563	3556-K53B1LH	17D250012	Nguyễn Thị Thúy	Hoài	Nữ	10/11/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007774	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41564	3557-K53B1LH	17D250004	Đặng Thị	Chinh	Nữ	23/10/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007775	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41565	3558-K53B4LH	17D250210	Lò Thị	Quyên	Nữ	15/02/1999	Hòa Bình	Thái	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007776	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41566	3559-K54B1LH	18D250015	Cao Thị Thu	Hiền	Nữ	10/12/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007777	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41567	3560-K54B1LH	18D250025	Nguyễn Thị Phương	Liên	Nữ	05/02/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007778	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41568	3561-K54B1LH	18D250029	Phan Vương	Lộc	Nam	29/03/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007779	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41569	3562-K54B1LH	18D250039	Ngô Thị Mai	Phương	Nữ	04/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007780	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41570	3563-K54B1LH	18D250040	Nguyễn Thị	Sinh	Nữ	25/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007781	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41571	3564-K54B2LH	18D250064	Vũ Ngọc Phương	Anh	Nữ	15/08/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007782	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41579	3572-K54B3LH	18D250128	Phạm Thị Hải	Duyên	Nữ	13/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007790	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41580	3573-K54B3LH	18D250137	Vũ Thu	Hòa	Nữ	30/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007791	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41581	3574-K54B3LH	18D250164	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	16/06/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007792	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41582	3575-K54B3LH	18D250165	Dương Thị Thu	Trang	Nữ	28/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007793	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41583	3576-K54B3LH	18D250168	Hồ Phượng	Trinh	Nữ	15/06/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007794	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41584	3577-K54B4LH	18D250185	Nguyễn Thị Minh	Châm	Nữ	22/11/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007795	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41585	3578-K54B4LH	18D250188	Mai Tiến	Dũng	Nam	11/09/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007796	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41586	3579-K54B4LH	18D250193	Vũ Minh	Hiếu	Nam	10/01/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007797	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41587	3580-K54B4LH	18D250207	Phạm Ngọc Phương	Linh	Nữ	06/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007798	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1458/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41588	3581-K54BLD	18D250506	Phạm Thị Ngân	Hà	Nữ	28/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007799	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1459/QĐ-ĐHTM ngày12 tháng 09 năm 2022)	
41589	3582-K54BLD	18D250532	Trần Thu	Thủy	Nữ	30/08/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007800	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH- CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	(Kèm theo Quyết định số: 1459/QĐ-ĐHTM ngày12 tháng 09 năm 2022)	
41590	3583-K52C1	16D120003	Đặng Tuấn	Anh	Nam	15/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007801	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41591	3584-K52C2	16D120105	Lý Khắc	Đan	Nam	16/05/1998	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007802	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41592	3585-K52C3	16D120219	Trần Thị Quỳnh	Nga	Nữ	26/08/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007803	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41593	3586-K52C3	16D120193	Trần Quốc	Đạt	Nam	07/10/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007804	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41594	3587-K52C3	16D120240	Phạm Thị	Trang	Nữ	29/12/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007805	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41595	3588-K52C3	16D120224	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	10/08/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007806	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41596	3589-K52C5	16D120403	Đinh Sơn	Tùng	Nam	08/03/1998	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007807	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41597	3590-K52C5	16D120389	Hà Kiều	Oanh	Nữ	09/08/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007808	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41598	3591-K53C1	17D120038	Dương Thị Linh	Trang	Nữ	18/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007809	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41599	3592-K53C2	17D120099	Nguyễn Minh	Trang	Nữ	15/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007810	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41600	3593-K53C3	17D120139	Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	17/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007811	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41601	3594-K53C4	17D120212	Đặng Thị	Thảo	Nữ	02/12/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007812	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41602	3595-K53C4	17D120219	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	12/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007813	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41603	3596-K53C4	17D120224	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	16/01/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007814	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41604	3597-K53C4	17D120190	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	23/08/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007815	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41605	3598-K53C4	17D120222	Phan Thị	Vân	Nữ	17/12/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007816	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41606	3599-K53C5	17D120249	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	03/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007817	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41607	3600-K53C5	17D120255	Lê Phạm Ngọc	Huyền	Nữ	31/12/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007818	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41608	3601-K53C6	17D120304	Vũ Linh	Chi	Nữ	06/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007819	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41609	3602-K54C1	18D120016	Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	20/01/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007820	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41610	3603-K54C1	18D120019	Vũ Lan	Hương	Nữ	24/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007821	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41611	3604-K54C1	18D120024	Đàm Thị Khánh	Linh	Nữ	25/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007822	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41612	3605-K54C1	18D120028	Trịnh Phương	Mai	Nữ	11/07/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007823	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41613	3606-K54C1	18D120033	Hoàng Hà	Nhi	Nữ	04/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007824	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41614	3607-K54C1	18D120039	Nguyễn Như	Sang	Nam	30/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007825	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41615	3608-K54C1	18D120041	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	15/12/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007826	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41616	3609-K54C1	18D120043	Trịnh Thị	Thủy	Nữ	11/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007827	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41617	3610-K54C2	18D120062	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	12/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007828	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41618	3611-K54C2	18D120071	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	05/04/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007829	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41619	3612-K54C2	18D120081	Trần Thị	Lan	Nữ	02/09/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007830	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41620	3613-K54C2	18D120090	Đào Thị	Ngoan	Nữ	26/08/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007831	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41621	3614-K54C2	18D120102	Bá Thị	Thủy	Nữ	07/09/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007832	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41622	3615-K54C3	18D120132	Trần Minh	Hiếu	Nam	25/07/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007833	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41623	3616-K54C3	18D120153	Bùi Gia	Phong	Nam	02/01/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007834	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41624	3617-K54C3	18D120155	Đinh Thị An	Phượng	Nữ	01/03/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007835	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41625	3618-K54C3	18D120156	Lương Thị Quyên	Qui	Nữ	04/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007836	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41626	3619-K54C5	18D120285	Hoàng Thu	Trang	Nữ	16/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007837	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41627	3620-K54C6	18D120324	Ninh Thị Bích	Loan	Nữ	01/06/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007838	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41628	3621-K54C6	18D120339	Đoàn Quỳnh	Thảo	Nữ	07/01/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007839	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH MARKETING THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41629	3622-K51T3	15D220150	Tạ Thị Thu	Hà	Nữ	14/12/1997	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007840	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41630	3623-K52T2	16D220086	Hoàng Văn	Thắng	Nam	25/03/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007841	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41631	3624-K52T3	16D220132	Trương Mạnh	Dũng	Nam	03/11/1998	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007842	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41632	3625-K53T2	17D220063	Nguyễn Thị Hoài	Anh	Nữ	06/11/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007843	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41633	3626-K53T2	17D220064	Phạm Thị Hoài	Anh	Nữ	22/10/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007844	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41634	3627-K53T3	17D220124	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	03/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007845	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41635	3628-K53T3	17D220123	Nguyễn Đình Thế	Anh	Nam	19/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007846	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41636	3629-K53T5	17D220257	Hoàng Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007847	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41637	3630-K54T1	18D220004	Vũ Phương	Anh	Nữ	07/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007848	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41638	3631-K54T1	18D220044	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	11/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007849	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41639	3632-K54T1	18D220047	Ngô Quỳnh	Trang	Nữ	01/12/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007850	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41640	3633-K54T2	18D220076	Nguyễn Thị Minh	Hoa	Nữ	03/03/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007851	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41641	3634-K54T2	18D220103	Lê Thị Thanh	Thủy	Nữ	24/01/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007852	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41642	3635-K54T3	18D220164	Phạm Thị Hồng	Thương	Nữ	03/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007853	2022	Chính quy	Marketing	NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	(Kèm theo Quyết định số: 1460/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41643	3636-K52D2	16D150100	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	08/06/1998	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007854	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41644	3637-K52D5	16D150429	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	08/04/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007855	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41645	3638-K53D2	17D150080	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	08/04/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007856	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41646	3639-K53D3	17D150161	Bùi Thị	Liễu	Nữ	19/12/1999	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007857	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41647	3640-K53D5	17D150284	Trịnh Thị Thanh	Hiền	Nữ	29/11/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007858	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41648	3641-K53D5	17D150274	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	10/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007859	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41649	3642-K53D6	17D150368	Đoàn Lê Phương	Nam	Nam	30/09/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007860	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41650	3643-K53D8	17D150515	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	15/08/1999	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007861	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41651	3644-K54D1	18D150014	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	23/06/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007862	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41652	3645-K54D1	18D150020	Đỗ Thị Xuân	Hương	Nữ	01/11/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007863	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41653	3646-K54D1	18D150037	Trần Thị	Phương	Nữ	06/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007864	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41654	3647-K54D3	18D150123	Lê Thị Việt	Anh	Nữ	17/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007865	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41655	3648-K54D3	18D150148	Nguyễn Sao	Mai	Nữ	17/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007866	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41656	3649-K54D3	18D150165	Phạm Minh	Tiến	Nam	30/07/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007867	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41657	3650-K54D4	18D150197	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	10/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007868	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41658	3651-K54D4	18D150211	Đỗ Thị Thảo	Ngân	Nữ	08/05/2000	Gia Lai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007869	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41659	3652-K54D5	18D150250	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	28/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007870	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41660	3653-K54D6	18D150315	Phan Thị Khánh	Hòa	Nữ	20/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007871	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41661	3654-K54D6	18D150330	Hoàng Thị Quỳnh	Nga	Nữ	21/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007872	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41662	3655-K54D6	18D150343	Trần Thị Thanh	Thủy	Nữ	02/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007873	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41663	3656-K20D	D15D180090	Đặng Thị Thúy	Hồng	Nữ	20/02/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007874	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41664	3657-K20D	D15D180098	Bùi Thị	Linh	Nữ	30/07/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007875	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41665	3658-K21D	D15D210001	Cao Thị Vân	Anh	Nữ	17/12/1997	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007876	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41666	3659-K21D	D15D160068	Đỗ Thị Thu	Nguyệt	Nữ	30/01/1996	Hà Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007877	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41667	3660-K22D	D17D160279	Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	06/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007878	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41668	3661-K54DC1	18D270029	Lê Thu	Hương	Nữ	02/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007879	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 1461/QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 03 năm 2022)	
41669	3662-K53DD	17D155032	Trương Thanh	Thủy	Nữ	03/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007880	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN- CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1462/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41670	3663-K50E6	14D130365	Trịnh Thu	Hằng	Nữ	20/10/1996	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007881	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41671	3664-K51E6	15D130363	Tống Thanh	Hằng	Nữ	18/10/1997	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007882	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41672	3665-K52E1	16D130028	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	23/02/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007883	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41673	3666-K52E5	16D130335	Nguyễn Hoàng Kim	Chi	Nữ	31/05/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007884	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41674	3667-K52E5	16D130357	Lê Thị	Linh	Nữ	10/02/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007885	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41675	3668-K52E5	16D130356	Đinh Thị Thuỳ	Linh	Nữ	12/03/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007886	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41676	3669-K53E3	16D130197	Nguyễn Hoa	Phương	Nữ	03/02/1998	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007887	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41677	3670-K53E4	17D130251	Trần Thu	Trang	Nữ	12/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007888	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41678	3671-K53E5	17D130317	Đỗ Thị Kim	Thúy	Nữ	23/04/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007889	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41679	3672-K54E1	18D130017	Phạm Thị Ánh	Hằng	Nữ	20/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007890	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41680	3673-K54E1	18D130030	Nguyễn Văn	Linh	Nam	28/08/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007891	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41681	3674-K54E1	18D130048	Nguyễn Đức	Thành	Nam	21/11/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007892	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41682	3675-K54E2	18D130082	Lê Thành	Đạt	Nam	16/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007893	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41683	3676-K54E2	18D130091	Nguyễn Thị Linh	Huệ	Nữ	06/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007894	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41684	3677-K54E2	18D130093	Hoàng Văn	Huyền	Nữ	08/01/2000	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.007895	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41685	3678-K54E3	18D130164	Hoàng Thanh	Hương	Nữ	10/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007896	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41686	3679-K54E4	18D130230	Vũ Thị Mai	Huê	Nữ	26/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007897	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41687	3680-K54E4	18D130241	Phạm Thị Thanh	Loan	Nữ	05/03/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007898	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41688	3681-K54E4	18D130244	Lê Bình	Minh	Nữ	08/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007899	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41689	3682-K54E4	18D130245	Lã Thị	Nga	Nữ	07/10/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007900	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1463/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41690	3683-K53EK1	17D260028	Lê Phương	Nam	Nam	13/09/1992	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007901	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1464/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41691	3684-K53EK2	17D260113	Nguyễn Thị Mi	Ni	Nữ	03/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007902	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1464/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41692	3685-K53EK2	17D260115	Phạm Thị Ngọc	Sen	Nữ	28/10/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007903	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1464/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41693	3686-K53EK3	17D260163	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	28/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007904	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1464/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41694	3687-K54EK1	18D260037	Lê Thị Nhàn	Oanh	Nữ	15/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007905	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1464/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41695	3688-K54EK1	18D260055	Dương Thị	Vân	Nữ	26/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007906	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1464/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41696	3689-K54EK2	18D260061	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	01/08/2000	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007907	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1464/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41697	3690-K54EK2	18D260069	Bùi Thị Thúy	Điệp	Nữ	11/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007908	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1464/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41698	3691-K54EK2	18D260082	Đinh Thị Khánh	Huyền	Nữ	22/02/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008088	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ- CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1464/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41699	3692-K52F3	16D160195	Lê Thị	Hạnh	Nữ	19/05/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008089	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41700	3693-K52F3	16D160241	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	11/04/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008090	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41701	3694-K53F1	17D160032	Trịnh Việt	Thắng	Nam	22/04/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007912	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41702	3695-K53F1	17D160045	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	19/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008091	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41703	3696-K53F2	17D160068	Bùi Tùng	Dương	Nam	06/01/1999	Ninh Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.007914	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41704	3697-K53F4	17D160187	Doãn Thị	Dung	Nữ	09/05/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007915	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41705	3698-K53F4	17D160185	Lê Thị Phương	Chi	Nữ	22/12/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007916	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41706	3699-K53F5	17D160275	Hoàng Thị Thu	Trang	Nữ	23/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007917	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41707	3700-K53F5	17D160257	Bùi Thị Mai	Hương	Nữ	16/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007918	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41708	3701-K53F6	17D160330	Vũ Hồng	Sơn	Nam	26/03/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007919	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41709	3702-K53F6	17D160310	Phạm Quang	Hải	Nam	13/04/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007920	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41710	3703-K53F7	17D160368	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	15/07/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007921	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41711	3704-K54F1	18D160003	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	17/07/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007922	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41712	3705-K54F1	18D160017	Phạm Minh	Hiếu	Nam	06/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007923	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41713	3706-K54F1	18D160043	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	13/06/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007924	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41714	3707-K54F2	18D160084	Dương Thanh	Hằng	Nữ	20/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007925	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41715	3708-K54F2	18D160093	Đào Việt	Hưng	Nam	26/04/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007926	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41716	3709-K54F2	18D160101	Phạm Phương	Linh	Nữ	05/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007927	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41717	3710-K54F2	18D160113	Phạm Linh	Phương	Nữ	22/12/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007928	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41718	3711-K54F2	18D160118	Phạm Phương	Thảo	Nữ	13/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007929	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41719	3712-K54F2	18D160126	Trần Thị	Tuyết	Nữ	30/10/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007930	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41720	3713-K54F2	18D160129	Vũ Thị	Xuân	Nữ	20/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007931	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41721	3714-K54F3	18D160146	Đào Thị Ngọc	Ánh	Nữ	11/08/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007932	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41722	3715-K54F3	18D160154	Mai Thanh	Hải	Nữ	10/05/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007933	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41723	3716-K54F3	18D160171	Lê Thị	Liên	Nữ	22/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.007934	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41724	3717-K54F3	18D160173	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	05/06/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007935	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41725	3718-K54F3	18D160189	Phùng Thị Hồng	Thắm	Nữ	20/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007936	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41726	3719-K54F3	18D160192	Trần Thị	Thúy	Nữ	05/11/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007937	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41727	3720-K54F3	18D160198	Đào Duy	Tùng	Nam	18/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007938	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41728	3721-K54F4	18D160211	Hồ Thị Ngọc	Anh	Nữ	28/06/2000	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007939	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41729	3722-K54F4	18D160245	Nguyễn Thị Hiền	Lương	Nữ	15/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007940	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41730	3723-K54F4	18D160254	Dương Diệu	Phương	Nữ	07/11/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007941	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41731	3724-K54F5	18D160283	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	22/09/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007942	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41732	3725-K54F5	18D160289	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	24/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007943	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41733	3726-K54F5	18D160297	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	20/06/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007944	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41734	3727-K54F5	18D160294	Bùi Thị	Hạnh	Nữ	24/04/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007945	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41735	3728-K54F5	18D160320	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	15/06/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007946	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41736	3729-K21F	F15D170288	Hoàng Minh	Giang	Nữ	30/12/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007947	2022	Chính quy	Kinh tế	NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1465/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41737	3730-K52P2	16D200077	Hoàng Thị Nhật	Ánh	Nữ	11/12/1997	Bắc Kạn	Tày	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007948	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41738	3731-K53P1	17D200044	Lê Nam	Phương	Nữ	03/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007949	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41739	3732-K53P3	17D200150	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	13/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007950	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41740	3733-K54P1	18D200001	Đào Thị Mỹ	An	Nữ	19/10/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007951	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41741	3734-K54P2	18D200062	Bùi Hồng	Anh	Nữ	20/04/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007952	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41742	3735-K54P2	18D200072	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	20/12/2000	Thanh Hóa	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007953	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41743	3736-K54P2	18D200071	Trịnh Quang	Duy	Nam	26/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007954	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41744	3737-K54P2	18D200076	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	12/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007955	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41745	3738-K54P2	18D200081	Bùi Xuân	Hùng	Nam	29/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007956	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41746	3739-K54P2	18D200097	Trần Ninh	Sơn	Nam	06/04/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007957	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41747	3740-K54P2	18D200104	Trần Thị	Thu	Nữ	30/04/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007958	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41748	3741-K54P2	18D200111	Vũ Việt	Tùng	Nam	29/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007959	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41749	3742-K54P3	18D200127	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	12/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007960	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41750	3743-K54P3	18D200140	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	16/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007961	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41751	3744-K54P3	18D200146	Nguyễn Phương Nhật	Linh	Nữ	06/01/2000	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007962	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41752	3745-K54P3	18D200154	Đặng Thanh	Phương	Nữ	26/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007963	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41753	3746-K54P3	18D200165	Nguyễn Phương	Thư	Nữ	01/01/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007964	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41754	3747-K54P3	18D200166	Trương Minh	Tiến	Nam	04/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007965	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41755	3748-K54P4	18D200187	Thiều Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007966	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41756	3749-K54P4	18D200190	Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	31/05/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007967	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41757	3750-K54P4	18D200219	Đào Bá	Thành	Nam	12/07/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007968	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41758	3751-K54P4	18D200232	Trần Thị Thanh	Xuân	Nữ	02/11/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007969	2022	Chính quy	Luật kinh tế	NGÀNH LUẬT KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ	(Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41759	3752-K51I1	15D140022	Vi Thị	Huệ	Nữ	06/09/1997	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007970	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41760	3753-K52I4	16D140251	Đàm Quyết	Thắng	Nam	12/11/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007971	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41761	3754-K52I4	16D140227	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	30/11/1998	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007972	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41762	3755-K52I5	16D140307	Chu Thị	Huyền	Nữ	01/06/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007973	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41763	3756-K53I1	17D140020	Lưu Thị Thu	Hương	Nữ	05/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007974	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41764	3757-K53I1	17D140008	Nguyễn Thái	Dương	Nam	10/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.007975	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41765	3758-K53I1	17D140022	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	14/08/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007976	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41766	3759-K53I2	17D140072	Nguyễn Tiến	Anh	Nam	14/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007977	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41767	3760-K53I3	17D140147	Công Thùy	Dương	Nữ	16/04/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007978	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41768	3761-K53I3	17D140144	Phạm Thị Linh	Chi	Nữ	03/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007979	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41769	3762-K53I4	17D140222	Tăng Tuấn	Kiệt	Nam	08/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007980	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41770	3763-K53I4	17D140203	Ngô Đức	Bình	Nam	06/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007981	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41771	3764-K53I5	17D140295	Phạm Vũ Khánh	Linh	Nữ	19/08/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007982	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41772	3765-K53I5	17D140318	Vũ Thị Thu	Uyên	Nữ	20/09/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007983	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41773	3766-K53I5	17D140286	Phùng Thị Khánh	Hòa	Nữ	01/01/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007984	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41774	3767-K53I5	17D140284	Đặng Thị	Hiền	Nữ	10/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007985	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41775	3768-K54I1	18D140036	Bùi Đức	Phát	Nam	24/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007986	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41776	3769-K54I2	18D140106	Hà Thị Thanh	Thủy	Nữ	01/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007987	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41777	3770-K54I3	18D140132	Phí Thị Minh	Hảo	Nữ	26/08/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007988	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41778	3771-K54I3	18D140137	Cao Thị	Hoài	Nữ	29/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007989	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41779	3772-K54I3	18D140171	Hoàng Thế	Tùng	Nam	27/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007990	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41780	3773-K54I4	18D140191	Chu Minh	Hải	Nam	14/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007991	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41781	3774-K54I4	18D140215	Trần Bảo	Nương	Nữ	18/01/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007992	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41782	3775-K54I5	18D140250	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	31/08/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007993	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41783	3776-K54I5	18D140255	Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	25/08/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007994	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41784	3777-K54I5	18D140266	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	07/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007995	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41785	3778-K54I5	18D140271	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	16/03/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007996	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41786	3779-K54I6	18D140326	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	24/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007997	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41787	3780-K54I6	18D140330	Trần Phi	Nam	Nam	05/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.007998	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41788	3781-K54I6	18D140345	Phan Thanh	Thủy	Nữ	04/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.007999	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41789	3782-K23I	I17D200206	Hoàng Lan	Nhi	Nữ	04/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008000	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	(Kèm theo Quyết định số: 1467/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41790	3783-K51S3	15D190162	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	25/10/1997	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008001	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41791	3784-K52S2	16D190067	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	13/03/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008002	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41792	3785-K53S3	17D190153	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	03/01/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008003	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41793	3786-K53S4	17D190213	Hoàng Ngọc	Tiến	Nam	30/03/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008004	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41794	3787-K53S4	17D190203	Ngô Thị Bích	Ngọc	Nữ	19/11/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008005	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41795	3788-K54S1	18D190042	Hoàng Xuân	Thắng	Nam	01/07/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008006	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41796	3789-K54S2	18D190063	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	23/01/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008007	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41797	3790-K54S2	18D190066	Phạm Anh	Bình	Nam	13/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008008	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41798	3791-K54S2	18D190103	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	25/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008009	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41799	3792-K54S3	18D190140	Lê Đặng Thanh	Huyền	Nữ	08/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008010	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41800	3793-K54S3	18D190146	Lê Khánh	Linh	Nữ	01/11/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008011	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41801	3794-K54S3	18D190150	Nguyễn Quang	Minh	Nam	19/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008012	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41802	3795-K54S3	18D190156	Lê Thanh	Phương	Nữ	12/07/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008013	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41807	3800-K54S4	18D190211	Trương Huyền	My	Nữ	07/06/2000	Quảng Ninh	Sán dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.008018	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41808	3801-K54S4	18D190214	Ngô Thị Yến	Nhi	Nữ	16/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008019	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41809	3802-K54S4	18D190217	Ngô Thế	Quốc	Nam	02/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008020	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41810	3803-K54S4	18D190231	Cao Lê	Tùng	Nam	07/12/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008021	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN	(Kèm theo Quyết định số: 1468/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41811	3804-K52H1	16D180044	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	25/10/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008022	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41812	3805-K52H2	16D180100	Giàng Thị	Chá	Nữ	25/10/1998	Hà Giang	Mông	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008023	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41813	3806-K53H1	17D180035	Hà Ngọc	Tâm	Nam	05/01/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008024	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41814	3807-K53H1	17D180002	Đỗ Duy	Anh	Nam	23/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008025	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41815	3808-K53H2	15D180091	Nguyễn Văn	Hợp	Nam	25/07/1995	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008026	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41816	3809-K53H4	17D180209	Lại Thị Quỳnh	Hương	Nữ	23/05/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008027	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41817	3810-K53H5	17D180297	Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	14/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008028	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41818	3811-K54H1	18D180015	Bùi Thị Thu	Hằng	Nữ	19/10/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008029	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41819	3812-K54H1	18D180014	Nguyễn Thúy	Hạnh	Nữ	06/09/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008030	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41820	3813-K54H1	18D180017	Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	19/08/2000	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.008031	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41821	3814-K54H1	18D180034	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	24/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008032	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41822	3815-K54H1	18D180040	Trần Danh	Quý	Nam	08/07/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008033	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41823	3816-K54H1	18D180041	Chu Thúy	Quỳnh	Nữ	25/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008034	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41824	3817-K54H2	18D180084	Lê Gia	Linh	Nữ	03/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008035	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41825	3818-K54H2	18D180108	Trịnh Thị Hồng	Thương	Nữ	30/07/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008036	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41826	3819-K54H2	18D180113	Trần Ngọc	Tú	Nữ	20/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008037	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41827	3820-K54H3	18D180139	Khúc Khánh	Huyền	Nữ	12/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008038	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41828	3821-K54H3	18D180167	Nguyễn Ngọc	Thùy	Nữ	15/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008039	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41829	3822-K54H4	18D180233	Trần Thị	Vân	Nữ	02/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008040	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41830	3823-K54H5	18D180248	Trần Thùy	Chi	Nữ	21/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008041	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41831	3824-K54H5	18D180262	Nguyễn Thị	Lài	Nữ	10/02/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008042	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41832	3825-K54H5	18D180263	Đồng Khánh	Linh	Nữ	10/02/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008043	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41833	3826-K54H5	18D180287	Nguyễn Phạm Thu	Thủy	Nữ	24/10/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008044	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41834	3827-K54HC1	18D280039	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	30/11/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008045	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41835	3828-K54HC1	18D280044	Trần Thảo	Vân	Nữ	05/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008046	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41836	3829-K54HC2	18D280053	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	12/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008047	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41837	3830-K54HC2	18D280063	Phan Thị Thúy	Hiền	Nữ	10/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008048	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41838	3831-K54HC2	18D280068	Lê Hoàng	Lan	Nữ	07/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008049	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41839	3832-K54HC2	18D280074	Trần Phúc	Lộc	Nam	12/12/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008050	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41840	3833-K54HC2	18D280081	Hoàng Thị	Như	Nữ	27/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008051	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41841	3834-K54HC2	18D280082	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	04/09/2000	Khánh Hòa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008052	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41842	3835-K54HC2	18D280095	Lê Phú	Vinh	Nam	04/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008053	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG	(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41843	3836-K54N1	18D170021	Trịnh Ngọc	Lan	Nữ	03/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008054	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1470/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41844	3837-K54N1	18D170044	Trần Hương	Trà	Nữ	07/09/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008055	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1470/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41845	3838-K54N1	18D170042	Nguyễn Thị Hiền	Trang	Nữ	01/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008056	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1470/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41846	3839-K54N2	18D170077	Đinh Ngọc Chi	Mai	Nữ	30/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008057	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1470/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41847	3840-K54N5	17D170269	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	Nữ	28/11/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008058	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1470/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41848	3841-K54N7	18D170342	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	06/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008059	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	(Kèm theo Quyết định số: 1470/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41849	3842-K52U1	16D210016	Vũ Thị	Hoài	Nữ	10/12/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008060	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41850	3843-K52U1	16D210026	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	13/06/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008061	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41851	3844-K52U1	16D210021	Trần Đức	Khánh	Nam	05/10/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008062	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41852	3845-K52U1	16D210008	Vũ Thị	Duyên	Nữ	06/08/1997	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008063	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41853	3846-K52U3	16D210143	Lý Thị	Cập	Nữ	10/02/1998	Lào Cai	Giáy	Việt Nam	Khá	TMU.7.008064	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41854	3847-K52U5	16D210279	Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	04/09/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008065	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41855	3848-K53U1	17D210038	Đỗ Thu	Trang	Nữ	09/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008066	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41856	3849-K53U4	17D210221	Phạm Văn	Tú	Nam	31/10/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008067	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41857	3850-K53U5	17D210264	Nguyễn Thị Ngọc	Ngà	Nữ	16/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008068	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41858	3851-K54U1	18D210004	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	05/04/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008069	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41859	3852-K54U1	18D210011	Trần Nhật	Hà	Nữ	18/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008070	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41860	3853-K54U1	18D210012	Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	20/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008071	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41861	3854-K54U1	18D210014	Đặng Thanh	Hằng	Nữ	30/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008072	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41862	3855-K54U1	18D210013	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	04/01/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008073	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41863	3856-K54U1	18D210047	Nguyễn Thị Hiền	Thương	Nữ	06/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008074	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41864	3857-K54U2	18D210062	Nguyễn Đức	Anh	Nam	15/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008075	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41865	3858-K54U2	18D210068	Đỗ Trí	Dũng	Nam	29/04/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008076	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41866	3859-K54U2	18D210081	Bùi Mai	Hương	Nữ	21/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008077	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41867	3860-K54U2	18D210086	Phạm Hải	Long	Nam	13/03/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008078	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41868	3861-K54U2	18D210089	Trần Thị Thanh	Mai	Nữ	21/11/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008079	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41869	3862-K54U2	18D210102	Trần Thị Phương	Thanh	Nữ	26/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008080	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41870	3863-K54U2	18D210110	Phan Thị Huyền	Trang	Nữ	18/06/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008081	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41871	3864-K54U3	18D210137	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	05/04/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008082	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41872	3865-K54U3	18D210158	Đặng Thùy	Ninh	Nữ	14/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008083	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41873	3866-K54U4	18D210227	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	13/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008084	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41874	3867-K54U4	18D210233	Nguyễn Thị Hải	Vân	Nữ	19/11/2000	Hà Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008085	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41875	3868-K54U5	18D210261	Đỗ Hoàng	Khanh	Nữ	17/07/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008086	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	(Kèm theo Quyết định số: 1471/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 09 năm 2022)	
41876	3869-K22D	D16D190067	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	13/03/1998	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008087	2022	Chính quy	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1480/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 09 năm 2022)	
41877	3870-TQ2+2K14	20U130002	XU ZHENDONG	徐振东	Nam	15/11/2000	Chiết Giang	Hán	TrungQuốc	Giỏi	TMU.7.008092	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC T

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41883	3876-TQ2+2K14	20U130011	LI JIAO	李娇	Nữ	18/03/2000	Quảng Tây	Choang	TrungQuốc	Trung bình	TMU.7.008098	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41884	3877-TQ2+2K14	20U130014	NONG AILIAN	农爱恋	Nữ	11/03/2000	Quảng Tây	Choang	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008099	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41885	3878-TQ2+2K14	20U130015	SU YANMEI	苏艳媚	Nữ	26/06/2000	Quảng Tây	Choang	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008100	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41886	3879-TQ2+2K14	20U130016	MO LIUNA	莫柳娜	Nữ	09/11/1999	Quảng Tây	Choang	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008101	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41887	3880-TQ2+2K14	20U130017	LAN WANNI	蓝宛妮	Nữ	25/05/1998	Quảng Tây	Choang	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008102	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41888	3881-TQ2+2K14	20U130020	HE MINFEI	何敏飞	Nam	20/05/2000	Quảng Tây	Choang	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008103	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41889	3882-TQ2+2K14	20U130021	HUANG XIUQUN	黄秀群	Nữ	25/08/1999	Quảng Tây	Choang	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008104	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41890	3883-TQ2+2K14	20U130022	HUANG YUNCE	黄韵策	Nữ	01/03/2001	Quảng Tây	Hán	TrungQuốc	Trung bình	TMU.7.008105	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41891	3884-TQ2+2K14	20U130023	XUE LINSHAN	薛琳珊	Nữ	02/06/1998	Hà Nam	Hán	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008106	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41892	3885-TQ2+2K14	20U130024	MA TAO	马滔	Nam	20/01/1999	Hà Nam	Hán	TrungQuốc	Trung bình	TMU.7.008107	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41893	3886-TQ2+2K14	20U130026	FAN JING	樊菁	Nữ	26/09/1998	Quảng Tây	Choang	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008108	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41894	3887-TQ2+2K14	20U130027	LIN MIHUI	林蜜慧	Nữ	05/10/1999	Quảng Tây	Đông	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008109	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41895	3888-TQ2+2K14	20U130028	YUAN XIAOWEI	袁晓薇	Nữ	24/06/2000	Quảng Tây	Hán	TrungQuốc	Trung bình	TMU.7.008110	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41896	3889-TQ2+2K14	20U130030	LIANG QIUYU	梁秋雨	Nữ	25/01/2000	Quảng Tây	Hán	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008111	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41897	3890-TQ2+2K14	20U130031	YANG ZEYU	杨泽宇	Nam	18/01/2000	Vân Nam	Hán	TrungQuốc	Trung bình	TMU.7.008112	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41898	3891-TQ2+2K14	20U130032	NONG XIAOYI	农小意	Nữ	07/11/1999	Quảng Tây	Choang	TrungQuốc	Khá	TMU.7.008113	2022	LKQT	Kinh doanhquốc tế	NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ - CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	Kèm theo Quyết định số: 1504/QĐ-ĐHTM ngày 14 tháng 09 năm 2022	
41899	3892-K49BK1	15G150010	Trần Thị Thu Hiền		Nữ	07/08/1991	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008114	2022	**Chính quy**	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1919/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41900	3893-K7TK4	16H152215	Trần Thị Hoài		Nữ	31/01/1990	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008115	2022	**Chính quy**	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1920/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41901	3894-K8TK1	17H152030	Hoàng Thị Nhung		Nữ	02/11/1994	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008116	2022	**Chính quy**	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1920/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41902	3895-K9TK1	17H151014	Hạ Thị Hương Giang		Nữ	03/11/1993	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008117	2022	**Chính quy**	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1920/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41903	3896-K9TK1	17H151040	Nguyễn Thị Nhi		Nữ	08/04/1984	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008118	2022	**Chính quy**	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1920/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41904	3897-K16CK2	19H155104	Nguyễn Minh Sắc		Nam	20/12/1992	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008119	2022	VLVH	Kế toán	NGÀNH KẾ TOÁN - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	(Kèm theo Quyết định số: 1921/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41905	3898-K17CQ1	19H102007	Nguyễn Thị Hải Anh		Nữ	02/04/1998	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008120	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1922/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41906	3899-K53DQ1	18E100002	Nguyễn Duy Bình		Nam	25/06/1986	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008121	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1923/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41907	3900-K53DQ1	18E100003	Dương Anh Đức		Nam	06/10/1994	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008122	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1923/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41908	3901-K53DQ1	18E100005	Đào Thị Thu Hiền		Nữ	19/09/1985	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008123	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1923/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41909	3902-K53DQ1	18E100008	Đặng Xuân Hoàng		Nam	02/04/1989	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.008124	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1923/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41910	3903-K53DQ1	18E100012	Vương Nhật Linh		Nam	26/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.008125	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1923/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41911	3904-K53DQ1	18E100013	Nguyễn Văn Mến		Nam	06/10/1996	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.008131	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1923/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41912	3905-K53DQ1	18E100016	Hoàng Bảo Ninh		Nam	21/02/1993	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Trung bình khá	TMU.7.008127	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1923/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41913	3906-K53DQ1	18E100017	Nguyễn Thị Hoài Thu		Nữ	09/05/1987	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008128	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1923/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41914	3907-K53DQ1	18E100019	Nguyễn Thu Trang		Nữ	18/07/1993	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008129	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1923/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41915	3908-K53DQ1	18E100020	Ngô Đức Trọng		Nam	09/11/1990	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008130	2022	VLVH	Quản trị kinh doanh	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	(Kèm theo Quyết định số: 1923/QĐ-ĐHTM ngày 01 tháng 11 năm 2022)	
41916	3909-K52A4	16D100244	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	10/11/1998	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008132	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41917	3910-K52A4	16D100298	Đỗ Thị	Xoan	Nữ	20/03/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008133	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41918	3911-K52A5	16D100372	Phạm Thị	Tới	Nữ	28/01/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008134	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41919	3912-K52A6	16D100421	Nguyễn Thị Nhật	Hồng	Nữ	16/12/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008135	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41920	3913-K53A2	17D100067	Nguyễn Duy	Định	Nam	10/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008136	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41921	3914-K53A6	17D100332	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	02/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008137	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41922	3915-K54A1	18D100001	Phùng Bình	An	Nữ	08/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008138	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41923	3916-K54A1	18D100008	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	09/09/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008139	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41924	3917-K54A1	18D100016	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	19/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008140	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41925	3918-K54A2	18D100071	Phạm Thị Hồng	Gấm	Nữ	26/05/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008141	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41926	3919-K54A2	18D100078	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	08/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008142	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41927	3920-K54A3	18D100124	Vũ Chí Việt	Anh	Nam	22/07/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008143	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41928	3921-K54A3	18D100129	Chúc Đại	Dương	Nam	30/05/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008144	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41929	3922-K54A3	18D100136	Bùi Thu	Hoài	Nữ	26/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008145	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41930	3923-K54A3	18D100139	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	27/04/2000	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008146	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41931	3924-K54A4	17D100217	Phạm Thị	Thùy	Nữ	04/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008147	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41932	3925-K54A4	18D100181	Mai Quỳnh	Anh	Nữ	25/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008148	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41933	3926-K54A4	18D100187	Hồ Thị Bạch	Diệp	Nữ	31/08/2000	Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.008149	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41934	3927-K54A4	18D100188	Triệu Thị	Dung	Nữ	07/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008150	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41935	3928-K54A4	18D100206	Vũ Thị	Loan	Nữ	10/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008151	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41936	3929-K54A4	18D100208	Lê Lệ	Mai	Nữ	16/04/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008152	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41937	3930-K54A5	18D100247	Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	12/09/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008153	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41938	3931-K54A5	18D100259	Quách Thanh	Huyền	Nữ	23/10/1999	Thanh Hoá	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.008154	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41939	3932-K54A5	18D100266	Vũ Cao Sơn	Loan	Nữ	10/02/2000	Quảng Trị	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008155	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41940	3933-K54A5	18D100277	Lê Huy	Quang	Nam	02/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008156	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41941	3934-K54A6	18D100306	Đặng Kim	Cúc	Nữ	11/05/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008157	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41942	3935-K54A6	18D100333	Phạm Thị	Nhàn	Nữ	18/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008158	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41943	3936-K55A1	19D100006	Nguyễn Thái	Bảo	Nam	08/03/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008159	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41944	3937-K55A1	19D100009	Ngô Hồng	Diệp	Nữ	27/07/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008160	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41945	3938-K55A1	19D100011	Đinh Thị Hồng	Điệp	Nữ	11/12/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008161	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41946	3939-K55A1	19D100012	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	07/06/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008162	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41947	3940-K55A1	19D100013	Trịnh Thị	Hà	Nữ	14/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008163	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41948	3941-K55A1	19D100014	Phạm Thị	Hạ	Nữ	09/09/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008164	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41949	3942-K55A1	19D100017	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	15/08/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008165	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41950	3943-K55A1	19D100020	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008166	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41951	3944-K55A1	19D100022	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	23/06/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008167	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41952	3945-K55A1	19D100027	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	12/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008168	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41953	3946-K55A1	19D100032	Hà Hương	Mai	Nữ	26/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008169	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41954	3947-K55A1	19D100036	Dương Thị	Ngọc	Nữ	02/10/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008170	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41955	3948-K55A1	19D100037	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	13/06/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008171	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41956	3949-K55A1	19D100043	Lê Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	15/10/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008172	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41957	3950-K55A1	19D100045	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	28/08/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008173	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41958	3951-K55A1	19D100049	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	22/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008174	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
41959	3952-K55A1	19D100051	Hoàng Thu	Trang	Nữ	01/01/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008175	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41960	3953-K55A2	19D100075	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	15/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008176	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41961	3954-K55A2	19D100077	Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	26/04/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008177	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41962	3955-K55A2	19D100083	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	21/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008178	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41963	3956-K55A2	19D100085	Phạm Thị Minh	Hằng	Nữ	05/05/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008179	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41964	3957-K55A2	19D100091	Kiều Thị Mai	Huyền	Nữ	18/08/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008180	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41965	3958-K55A2	19D100099	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	06/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008181	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41966	3959-K55A2	19D100101	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	25/08/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008182	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41967	3960-K55A2	19D100113	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	Nữ	17/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008183	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41968	3961-K55A2	19D100114	Trần Thanh	Tâm	Nữ	18/01/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008184	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41969	3962-K55A2	19D100117	Trần Quang	Thiên	Nam	05/05/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008185	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41970	3963-K55A2	19D100119	Vũ Thanh	Thùy	Nữ	12/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008186	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41971	3964-K55A2	19D100120	Ngô Minh	Thư	Nữ	02/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008187	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41972	3965-K55A3	19D100141	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	03/10/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008188	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41973	3966-K55A3	19D100146	Vũ Thị Ninh	Châm	Nữ	09/03/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008189	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41974	3967-K55A3	19D100150	Trần Hải	Đăng	Nam	15/01/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008190	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41975	3968-K55A3	19D100172	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	08/01/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008191	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41976	3969-K55A3	19D100174	Vũ Thị Hoài	Nam	Nữ	21/11/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008192	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41977	3970-K55A3	19D100177	Đỗ Thị	Nhung	Nữ	10/10/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008193	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41978	3971-K55A3	19D100182	Nguyễn Thu	Quỳnh	Nữ	27/08/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008194	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41979	3972-K55A3	19D100185	Dương Thị	Thanh	Nữ	29/07/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008195	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41980	3973-K55A3	19D100186	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	08/01/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008196	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41981	3974-K55A4	19D100217	Trịnh Thị Lan	Chinh	Nữ	22/10/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008197	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41982	3975-K55A4	19D100219	Bùi Thị	Duyên	Nữ	30/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008198	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41983	3976-K55A4	19D100221	Nguyễn Minh	Đức	Nam	22/03/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008199	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41984	3977-K55A4	19D100223	Phạm Ngọc	Hà	Nữ	26/11/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008200	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41985	3978-K55A4	19D100233	Ngô Thị	Hương	Nữ	07/10/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008201	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41986	3979-K55A4	19D100236	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	25/10/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008202	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41987	3980-K55A4	19D100237	Lưu Hồng	Liên	Nữ	02/08/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008203	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41988	3981-K55A4	19D100251	Phan Ngọc	Quang	Nam	02/12/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008204	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41989	3982-K55A4	19D100252	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	05/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008205	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41990	3983-K55A4	19D100255	Đỗ Thị	Thanh	Nữ	14/12/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008206	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41991	3984-K55A4	19D100263	Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	21/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008207	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41992	3985-K55A4	19D100264	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	12/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008208	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41993	3986-K55A4	19D100266	Hoàng Thảo	Vân	Nữ	06/07/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008209	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41994	3987-K55A5	19D100283	Trần Thị Mai	Anh	Nữ	04/03/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008210	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41995	3988-K55A5	19D100291	Hoàng Thị	Hà	Nữ	16/03/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008211	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41996	3989-K55A5	19D100294	Phạm Thị	Hảo	Nữ	10/08/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008212	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41997	3990-K55A5	19D100295	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	26/04/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008213	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41998	3991-K55A5	19D100308	Đỗ Nhật	Linh	Nữ	05/06/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008214	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
41999	3992-K55A5	19D100309	Võ Thị Diệu	Linh	Nữ	12/01/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008215	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42000	3993-K55A5	19D100315	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	18/11/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008216	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42001	3994-K55A5	19D100322	Đào Thị Hương	Quỳnh	Nữ	06/08/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008217	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42002	3995-K55A5	19D100327	Tạ Thị	Thảo	Nữ	19/03/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008218	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42003	3996-K55A5	19D100331	Đồng Thị Huyền	Trang	Nữ	20/10/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008219	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42004	3997-K55A5	19D100336	Phạm Thị	Vân	Nữ	11/01/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008220	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42005	3998-K55A6	19D100358	Đặng Ngọc	Diệp	Nữ	11/06/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008221	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42006	3999-K55A6	19D100373	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	22/03/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008222	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42007	4000-K55A6	19D100385	Vũ Thị	Ngân	Nữ	30/09/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008223	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42008	4001-K55A6	19D100393	Hoàng Thái	Sơn	Nam	13/06/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008224	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42009	4002-K55A6	19D100396	Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	18/01/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008225	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42010	4003-K55A6	19D100397	Nguyễn Thị Sao	Thắm	Nữ	19/09/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008226	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42011	4004-K55A6	19D100398	Đào Thị Thanh	Thúy	Nữ	12/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008227	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42012	4005-K55A6	19D100399	Tạ Thu	Thủy	Nữ	02/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008228	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42013	4006-K55A6	19D100400	Hoàng Hải	Trang	Nữ	10/08/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008229	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42014	4007-K55A6	19D100401	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	08/05/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008230	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42015	4008-K55A6	19D100404	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	28/09/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008231	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42016	4009-K55A6	19D100406	Phan Thị Cẩm	Vân	Nữ	26/02/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008232	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42017	4010-K23A	17D120076	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	20/04/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008233	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42018	4011-K52B2KS	16D110111	Trần Diệu	Linh	Nữ	01/12/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008234	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42019	4012-K52B3KS	16D110189	Đỗ Khánh	Linh	Nữ	21/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008235	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42020	4013-K53B1KS	17D110022	Đỗ Thị	Luyến	Nữ	05/11/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008236	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42021	4014-K53B1KS	17D110032	Phạm Phương	Thảo	Nữ	13/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008237	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42022	4015-K53B1KS	17D110039	Vương Thị Thu	Trang	Nữ	30/04/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008238	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42023	4016-K53B4KS	17D110187	Đặng Quang	Dũng	Nam	25/03/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008239	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42024	4017-K53B4KS	17D110204	Võ Trà	My	Nữ	27/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008240	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42025	4018-K54B1KS	18D110005	Phạm Tú	Anh	Nữ	01/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008241	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42026	4019-K54B1KS	18D110046	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	14/08/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008242	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42027	4020-K54B1KS	18D110057	Lê Quang	Tuấn	Nam	20/04/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008243	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42028	4021-K54B1KS	18D110060	Trần Thị Tường	Vi	Nữ	23/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008244	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42029	4022-K54B2KS	18D110098	Mai Diệu	Linh	Nữ	31/03/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008245	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42030	4023-K54B2KS	18D110107	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	25/11/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008246	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42031	4024-K54B2KS	18D110125	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	04/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008247	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42032	4025-K54B2KS	18D110127	Đào Vương	Tuấn	Nam	19/03/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008248	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42033	4026-K54B3KS	18D110162	Trần Thị	Hương	Nữ	18/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008249	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42034	4027-K54B4KS	18D110215	Trần Thị Lan	Anh	Nữ	02/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008250	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42035	4028-K54B4KS	18D110219	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	03/12/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008251	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42036	4029-K54B4KS	18D110231	Hoàng Khánh	Huyền	Nữ	06/09/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008252	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42037	4030-K54B4KS	18D110261	Trần Mạnh	Toàn	Nam	03/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008253	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42038	4031-K55B1KS	19D110002	Đỗ Thị	Anh	Nữ	29/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008254	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42039	4032-K55B1KS	19D110051	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	08/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008255	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42040	4033-K55B3KS	19D110162	Lương Thị	Huế	Nữ	05/07/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008256	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42041	4034-K55B3KS	19D110164	Đào Mạnh	Hùng	Nam	05/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008257	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42042	4035-K55B3KS	19D110171	Đào Thị Bích	Loan	Nữ	18/05/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008258	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42043	4036-K55B3KS	19D110192	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	24/07/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008259	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42044	4037-K55B4KS	19D110212	Lê Thị Phương	Anh	Nữ	21/11/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008260	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42045	4038-K55B4KS	19D110215	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	18/09/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008261	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42046	4039-K55B4KS	19D110216	Trương Diệu	Ánh	Nữ	18/05/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008262	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42047	4040-K55B4KS	19D110218	Bùi Ngọc	Diệp	Nữ	06/11/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008263	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42048	4041-K55B4KS	19D110256	Phạm Mai	Thuyền	Nữ	03/01/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008264	2022	Chính quy	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42049	4042-K52B2LH	16D250088	Đỗ Thị	Huyền	Nữ	18/10/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008265	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42050	4043-K53B1LH	16D250022	Đào Thị Nhật	Linh	Nữ	03/08/1998	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008266	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42051	4044-K53B1LH	17D250017	Lê Thị	Khanh	Nữ	09/01/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008267	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42052	4045-K53B1LH	17D250039	Nguyễn Kim	Trang	Nữ	15/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008268	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42053	4046-K53B2LH	17D250085	Phạm Thị	Nga	Nữ	19/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008269	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42054	4047-K53B2LH	17D250086	Phạm Thị	Ngân	Nữ	12/01/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008270	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42055	4048-K53B4LH	17D250200	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	23/10/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008271	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42056	4049-K53B4LH	17D250211	Tạ Thị Thanh	Tâm	Nữ	19/12/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008272	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42057	4050-K54B1LH	18D250020	Trần Ngọc	Huyền	Nữ	11/05/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008273	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42058	4051-K54B1LH	18D250030	Hoàng Thị Nhật	Mai	Nữ	03/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008274	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42059	4052-K54B2LH	18D250078	Nguyễn Thị Như	Huệ	Nữ	15/04/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008275	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42060	4053-K54B2LH	18D250086	Phạm Thị	Linh	Nữ	20/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008276	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42061	4054-K54B2LH	18D250088	Bùi Thị Thanh	Loan	Nữ	17/04/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008277	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42062	4055-K54B2LH	18D250089	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	15/06/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008278	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42063	4056-K54B2LH	18D250100	Quách Thị Minh	Tâm	Nữ	08/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008279	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42064	4057-K54B2LH	18D250102	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	08/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008280	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42065	4058-K54B2LH	18D250111	Lương Thị Thúy	Vân	Nữ	20/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008281	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42066	4059-K54B3LH	18D250121	Đặng Hùng	Anh	Nam	03/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008282	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42067	4060-K54B3LH	18D250123	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	27/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008283	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42068	4061-K54B3LH	18D250126	Vũ Ngọc	Diệp	Nữ	24/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008284	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42069	4062-K54B3LH	18D250132	Vũ Thị Ngọc	Hân	Nữ	18/09/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008285	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42070	4063-K54B3LH	18D250141	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	29/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008286	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42071	4064-K54B3LH	18D250153	Nguyễn Kim	Ngọc	Nữ	23/02/2000	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008287	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42072	4065-K54B3LH	18D250166	Hoàng Huyền	Trang	Nữ	10/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008288	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42073	4066-K54B3LH	18D250172	Đào Duy	Vinh	Nam	03/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008289	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42074	4067-K54B4LH	18D250224	Lê Thanh	Thư	Nữ	02/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008290	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42075	4068-K55B1LH	19D250028	Bùi Hương	Ly	Nữ	18/07/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008291	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42076	4069-K55B1LH	19D250046	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	23/05/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Dao	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008292	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42077	4070-K55B1LH	19D250048	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	07/03/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008293	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42078	4071-K55B2LH	19D250072	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	13/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008294	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42079	4072-K55B2LH	19D250074	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04/10/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008295	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42080	4073-K55B2LH	19D250079	Nguyễn Văn	Đức	Nam	05/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008296	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42081	4074-K55B2LH	19D250086	Trần Thị	Hoa	Nữ	01/10/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008297	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42082	4075-K55B2LH	19D250087	Ngô Thị	Hồng	Nữ	10/04/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008298	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42083	4076-K55B2LH	19D250096	Trịnh Thùy	Linh	Nữ	25/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008299	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42084	4077-K55B2LH	19D250097	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	22/03/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008300	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42085	4078-K55B2LH	19D250098	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	27/04/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008301	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42086	4079-K55B2LH	19D250110	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	24/11/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008302	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42087	4080-K55B2LH	19D250117	Hà Huyền	Trang	Nữ	06/01/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008303	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42088	4081-K55B2LH	19D250122	Trịnh Thị Thu	Uyên	Nữ	30/06/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008304	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42089	4082-K55B3LH	19D250142	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	10/09/2001	Tỉnh Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008305	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42090	4083-K55B3LH	19D250144	Hoàng Thị Thảo	Bình	Nữ	26/03/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008306	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42091	4084-K55B3LH	19D250146	Mai Thị Mỹ	Duyên	Nữ	16/02/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008307	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42092	4085-K55B3LH	19D250152	Phạm Thị	Hạnh	Nữ	27/01/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008308	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42093	4086-K55B3LH	19D250178	Hoàng Văn	Thái	Nam	15/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008309	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42094	4087-K55B3LH	19D250182	Mạc Thanh	Thúy	Nữ	05/10/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008310	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42095	4088-K55B3LH	19D250184	Trần Thị Thanh	Thương	Nữ	27/02/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008311	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42096	4089-K55B3LH	19D250185	Dương Linh	Trang	Nữ	01/08/2001	Tỉnh Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008312	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42097	4090-K55B3LH	19D250189	Văn Anh	Trọng	Nam	28/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008313	2022	Chính quy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42098	4091-K50C3	14D120146	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	Nữ	14/06/1996	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008314	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42099	4092-K52C1	16D120053	Trương Đức	Thịnh	Nam	02/03/1998	Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008315	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42100	4093-K52C3	16D120208	Lê Tuấn	Hưng	Nam	19/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008316	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42101	4094-K52C3	16D120217	Dương Hữu	Luật	Nam	18/10/1997	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008317	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42102	4095-K52C5	16D120367	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	21/06/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008318	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42103	4096-K53C1	17D120029	Bùi Thị	Nụ	Nữ	27/05/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008319	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42104	4097-K53C1	17D120037	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	02/06/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008320	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42105	4098-K53C2	17D120096	Lê Thị	Thư	Nữ	20/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008321	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42106	4099-K53C4	17D120193	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	13/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008322	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42107	4100-K53C4	17D120217	Hoàng Thành	Trai	Nam	16/01/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008323	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42108	4101-K53C4	17D120223	Trần Quang	Vũ	Nam	13/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008324	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42109	4102-K53C5	17D120243	Lại Thị Ngọc	Ánh	Nữ	19/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008325	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42110	4103-K53C5	17D120275	Phạm Thị Bích	Thủy	Nữ	26/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008326	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42111	4104-K53C6	17D120316	Đinh Thị Thu	Hương	Nữ	02/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008327	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42112	4105-K53C6	17D120319	Lương Thị Thùy	Linh	Nữ	25/11/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008328	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42113	4106-K53C6	17D120325	Nguyễn Thị Bích	Ngân	Nữ	28/08/1999	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008329	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42114	4107-K53C6	17D120340	Hoàng Thị Hương	Trà	Nữ	31/03/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008330	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42115	4108-K54C1	18D120013	Phan Thị	Hằng	Nữ	11/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008331	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42116	4109-K54C1	18D120030	Vũ Tiến	Nam	Nam	20/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008332	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42117	4110-K54C2	18D120091	Ngô Thanh	Nhàn	Nữ	28/05/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008333	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42118	4111-K54C3	18D120125	Lại Thị Mai	Chi	Nữ	23/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008334	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42119	4112-K54C3	18D120129	Nguyễn Văn	Đồng	Nam	06/12/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008335	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42120	4113-K54C3	18D120164	Lê Thùy	Tiên	Nữ	19/08/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008336	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42121	4114-K54C4	18D120186	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	29/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008337	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42122	4115-K54C4	18D120196	Nguyễn Quang	Huy	Nam	01/09/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008338	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42123	4116-K54C4	18D120211	Phan Ánh	Nhật	Nữ	15/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008339	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42124	4117-K54C4	18D120229	Phùng Hoàng	Việt	Nam	24/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008340	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42125	4118-K54C5	18D120248	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	24/01/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008341	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42126	4119-K54C5	18D120279	Bùi Thu	Thảo	Nữ	19/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008342	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42127	4120-K54C5	18D120289	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	12/05/1998	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008343	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42128	4121-K54C6	18D120305	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	29/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008344	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42129	4122-K54C6	18D120308	Nguyễn Thế	Đạt	Nam	23/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008345	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42130	4123-K54C6	18D120309	Nguyễn Thu	Giang	Nữ	01/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008346	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42131	4124-K54C6	18D120310	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	29/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008347	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42132	4125-K54C6	18D120316	Lê Quang	Huy	Nam	02/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008348	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42133	4126-K54C6	18D120317	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	Nữ	10/08/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008349	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42134	4127-K54C6	18D120320	Hoàng Thị	Lan	Nữ	20/05/2000	Tuyên Quang	Cao Lan	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008350	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42135	4128-K54C6	18D120334	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	05/02/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008351	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42136	4129-K54C6	18D120338	Lâm Thị Giang	Thanh	Nữ	13/03/2000	Bắc Giang	Sán Chí	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008352	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42137	4130-K55C1	19D120001	Hoàng Việt	An	Nam	12/07/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008353	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42138	4131-K55C1	19D120002	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	16/12/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008354	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42139	4132-K55C1	19D120003	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	23/01/2001	Tỉnh Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008355	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42140	4133-K55C1	19D120010	Đoàn Thùy	Dương	Nữ	03/09/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008356	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42141	4134-K55C1	19D120012	Trần Thị Hương	Giang	Nữ	29/03/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008357	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42142	4135-K55C1	19D120013	Trần Thu	Hà	Nữ	05/06/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008358	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42143	4136-K55C1	19D120015	Đinh Thị Thúy	Hằng	Nữ	02/07/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008359	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42144	4137-K55C1	19D120017	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	17/05/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008360	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42145	4138-K55C1	19D120018	Vũ Thị	Hòa	Nữ	06/09/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008361	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42146	4139-K55C1	19D120021	Nguyễn Duy	Hương	Nam	20/10/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008362	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42147	4140-K55C1	19D120022	Phạm Quỳnh	Hương	Nữ	15/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008363	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42148	4141-K55C1	19D120031	Lê Thị Tú	Nga	Nữ	11/03/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008364	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42149	4142-K55C1	19D120033	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	Nữ	12/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008365	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42150	4143-K55C1	19D120034	Nguyễn Thị	Nhuận	Nữ	21/05/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008366	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42151	4144-K55C1	19D120037	Nguyễn Thị Hà Minh	Phương	Nữ	25/05/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008367	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42152	4145-K55C1	19D120040	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008368	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42153	4146-K55C1	19D120049	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	09/07/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008369	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42154	4147-K55C1	19D120054	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	05/04/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008370	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42155	4148-K55C2	19D120071	Lê Văn	An	Nam	23/02/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008371	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42156	4149-K55C2	19D120073	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	27/11/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008372	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42157	4150-K55C2	19D120075	Tạ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008373	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42158	4151-K55C2	19D120084	Nguyễn Chí	Hải	Nam	17/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008374	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42159	4152-K55C2	19D120085	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	16/10/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008375	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42160	4153-K55C2	19D120086	Lê Thị	Hằng	Nữ	07/04/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008376	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42161	4154-K55C2	19D120088	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	20/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008377	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42162	4155-K55C2	19D120089	Lê Thị	Hồng	Nữ	11/03/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008378	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42163	4156-K55C2	19D120095	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	25/10/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008379	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42164	4157-K55C2	19D120100	Hoàng Thị	Mơ	Nữ	25/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008380	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42165	4158-K55C2	19D120104	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	19/10/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008381	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42166	4159-K55C2	19D120105	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	04/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008382	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42167	4160-K55C2	19D120119	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	19/07/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008383	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42168	4161-K55C2	19D120124	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	13/02/2001	Tỉnh Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008384	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42169	4162-K55C3	19D120141	Đức Thị Lan	Anh	Nữ	23/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008385	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42170	4163-K55C3	19D120143	Trần Thị Huyền	Anh	Nữ	07/10/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008386	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42171	4164-K55C3	19D120144	Võ Trần Việt	Anh	Nam	20/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008387	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42172	4165-K55C3	19D120145	Tạ Thị	Bình	Nữ	07/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008388	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42173	4166-K55C3	19D120146	Trần Linh	Chi	Nữ	22/08/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008389	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42174	4167-K55C3	19D120149	Trần Thùy	Dung	Nữ	04/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008390	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42175	4168-K55C3	19D120150	Nguyễn Đăng	Đạt	Nam	22/12/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008391	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42176	4169-K55C3	19D120151	Đinh Thị	Giang	Nữ	31/10/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008392	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42177	4170-K55C3	19D120153	Nguyễn Thị Thúy	Hải	Nữ	25/01/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008393	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42178	4171-K55C3	19D120154	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	29/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008394	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42179	4172-K55C3	19D120155	Lưu Thị Thu	Hằng	Nữ	20/07/2001	Tỉnh Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008395	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42180	4173-K55C3	19D120157	Trần Thị Thúy	Hiền	Nữ	30/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008396	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42181	4174-K55C3	19D120161	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	19/08/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008397	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42182	4175-K55C3	19D120165	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	02/12/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008398	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42183	4176-K55C3	19D120166	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	27/10/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008399	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42184	4177-K55C3	19D120167	Nguyễn Hữu	Long	Nam	21/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008400	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42185	4178-K55C3	19D120169	Phạm Ngọc	Mai	Nữ	14/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008401	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42186	4179-K55C3	19D120170	Mai Thị	My	Nữ	06/04/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008402	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42187	4180-K55C3	19D120177	Lê Thị	Phương	Nữ	17/11/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008403	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42188	4181-K55C3	19D120178	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	05/06/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008404	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42189	4182-K55C3	19D120179	Khuất Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	27/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008405	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42190	4183-K55C3	19D120180	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/10/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008406	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42191	4184-K55C3	19D120183	Phạm Phương	Thảo	Nữ	23/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008407	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42192	4185-K55C3	19D120184	Phạm Thị	Thu	Nữ	12/07/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008408	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42193	4186-K55C4	19D120211	Hoàng Thị Trâm	Anh	Nữ	04/04/2001	Tỉnh Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008409	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42194	4187-K55C4	19D120212	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	29/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008410	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42195	4188-K55C4	19D120213	Trịnh Thị Mai	Anh	Nữ	20/05/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008411	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42196	4189-K55C4	19D120214	Nguyễn Đình	Bắc	Nam	29/10/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008412	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42197	4190-K55C4	19D120220	Phạm Tiến	Đạt	Nam	23/11/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008413	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42198	4191-K55C4	19D120221	Lê Thị	Giang	Nữ	20/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008414	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42199	4192-K55C4	19D120224	Phan Hồng	Hạnh	Nữ	08/08/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008415	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42200	4193-K55C4	19D120225	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	30/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008416	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42201	4194-K55C4	19D120228	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	Nữ	30/08/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008417	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42202	4195-K55C4	19D120233	Nguyễn Nhật	Lệ	Nữ	31/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008418	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42203	4196-K55C4	19D120234	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	29/11/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008419	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42204	4197-K55C4	19D120237	Chu Tiến	Lực	Nam	07/02/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008420	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42205	4198-K55C4	19D120239	Nguyễn Thị Hồng	May	Nữ	19/04/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008421	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42206	4199-K55C4	19D120243	Trần Thị Hồng	Ngọc	Nữ	03/12/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008422	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42207	4200-K55C4	19D120244	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/11/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008423	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42208	4201-K55C4	19D120247	Trần Thị	Phương	Nữ	15/11/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008424	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42209	4202-K55C4	19D120253	Trần Thị	Thu	Nữ	29/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008425	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42210	4203-K55C4	19D120255	Trần Văn	Tiến	Nam	11/10/2001	Cộng hòa Séc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008426	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42211	4204-K55C5	19D120284	Nguyễn Hoàng Đức	Bảo	Nam	20/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008427	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42212	4205-K55C5	19D120286	Hoàng Thị	Chiến	Nữ	10/04/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008428	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42213	4206-K55C5	19D120297	Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	02/05/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008429	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42214	4207-K55C5	19D120300	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	29/07/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008430	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42215	4208-K55C5	19D120303	Hà Thị Thùy	Linh	Nữ	26/08/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008431	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42216	4209-K55C5	19D120305	Trần Thị	Linh	Nữ	22/03/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008432	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42217	4210-K55C5	19D120309	Đào Thị Hảo	Minh	Nữ	03/01/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008433	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42218	4211-K55C5	19D120311	Phạm Thị Thanh	Ngân	Nữ	01/07/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008434	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42219	4212-K55C5	19D120313	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	06/12/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008435	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42220	4213-K55C5	19D120314	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/01/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008436	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42221	4214-K55C5	19D120315	Hoàng Thị	Nương	Nữ	06/10/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008437	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42222	4215-K55C5	19D120321	Nguyễn Thị Hải	Thành	Nữ	04/07/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008438	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42223	4216-K55C5	19D120322	Phạm Thị Minh	Thoa	Nữ	08/09/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008439	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42224	4217-K55C5	19D120329	Hoàng Mai	Trinh	Nữ	01/02/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008440	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42225	4218-K55C5	19D120334	Khuất Hải	Yến	Nữ	05/03/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008441	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42226	4219-K22C	17D100340	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	09/03/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008442	2022	Chính quy	Marketing	Marketing thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42227	4220-K51D2	15D150083	Nguyễn Quang	Duy	Nam	28/10/1994	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008443	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42228	4221-K52D1	16D150006	Nguyễn Đình	Chiến	Nam	06/05/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008444	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42229	4222-K52D4	16D150276	Nguyễn Thị	Chuyên	Nữ	22/09/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008445	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42230	4223-K53D1	17D150015	Phạm Thị	Hoa	Nữ	06/03/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008446	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42231	4224-K53D2	17D150072	Phạm Ngọc Huyền	Anh	Nữ	07/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008447	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42232	4225-K53D3	17D150165	Hoàng	Lộc	Nam	14/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008448	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42233	4226-K53D6	17D150371	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	23/05/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008449	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42234	4227-K53D8	17D150474	Ngô Thị Ngọc	Ánh	Nữ	02/08/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008450	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42235	4228-K53D8	17D150491	Nguyễn Ngọc	Lê	Nữ	25/04/1999	Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.008451	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42236	4229-K53D8	17D150499	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	23/09/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008452	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42237	4230-K53D8	17D150506	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	07/05/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008453	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42238	4231-K54D1	18D150028	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	23/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008454	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42239	4232-K54D1	18D150036	Phạm Hồng	Phương	Nữ	15/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008455	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42240	4233-K54D1	18D150054	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	06/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008456	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42241	4234-K54D2	18D150063	Tô Phương	Anh	Nữ	01/09/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008457	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42242	4235-K54D2	18D150084	Đỗ Thùy	Linh	Nữ	10/12/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008458	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42243	4236-K54D2	18D150089	Trần Ngọc	Mai	Nữ	16/10/2000	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008459	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42244	4237-K54D2	18D150093	Vũ Thanh	Nhàn	Nữ	13/03/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008460	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42245	4238-K54D2	18D150102	Vũ Quyết	Thắng	Nam	09/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008461	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42246	4239-K54D2	18D150104	Phạm Thị	Thùy	Nữ	09/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008462	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42247	4240-K54D2	18D150105	Dương Thị	Thương	Nữ	12/09/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008463	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42248	4241-K54D2	18D150106	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	01/12/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008464	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42249	4242-K54D2	18D150111	Đỗ Thị	Vân	Nữ	06/01/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008465	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42250	4243-K54D2	18D150113	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	01/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008466	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42251	4244-K54D3	18D150142	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	01/04/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008467	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42252	4245-K54D3	18D150157	Lê Thị	Phượng	Nữ	28/06/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008468	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42253	4246-K54D3	18D150167	Lưu Thị	Trang	Nữ	28/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008469	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42254	4247-K54D3	18D150168	Phan Thùy	Trang	Nữ	10/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008470	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42255	4248-K54D3	18D150169	Trần Kiều	Trinh	Nữ	12/02/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008471	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42256	4249-K54D3	18D150172	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	12/11/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008472	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42257	4250-K54D4	18D150200	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	01/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008473	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42258	4251-K54D4	18D150228	Vi Huyền	Trang	Nữ	16/09/2000	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008474	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42259	4252-K54D4	18D150232	Trịnh Thị	Yến	Nữ	05/06/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008475	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42260	4253-K54D6	18D150322	Trần Thị	Liên	Nữ	05/04/2000	Bắc Giang	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.008476	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42261	4254-K54D6	18D150324	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	24/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008477	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42262	4255-K54D6	18D150326	Phạm Khánh	Linh	Nữ	04/09/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008478	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42263	4256-K54D6	18D150334	Trần Thị	Nhung	Nữ	28/08/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008479	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42264	4257-K54D6	18D150345	Bùi Thị Thu	Trang	Nữ	25/12/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008480	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42265	4258-K55D1	19D150002	Hà Thị Lan	Anh	Nữ	30/11/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008481	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42266	4259-K55D1	19D150006	Nguyễn Thị	Chi	Nữ	09/03/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008482	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42267	4260-K55D1	19D150007	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	23/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008483	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42268	4261-K55D1	19D150008	Trần Thị	Dung	Nữ	17/02/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008484	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42269	4262-K55D1	19D150012	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	04/09/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008485	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42270	4263-K55D1	19D150014	Nguyễn Thị Phương	Hiệp	Nữ	09/02/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008486	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42271	4264-K55D1	19D150017	Đàm Bích	Hồng	Nữ	06/03/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008487	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42272	4265-K55D1	19D150019	Hoàng Thị	Hương	Nữ	24/04/2001	Tỉnh Bắc Giang	Hoa	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008488	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42273	4266-K55D1	19D150024	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	19/03/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008489	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42274	4267-K55D1	19D150031	Trần Thị Quỳnh	Mai	Nữ	07/01/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008490	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42275	4268-K55D1	19D150032	Đinh Thị	Ngân	Nữ	04/03/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008491	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42276	4269-K55D1	19D150033	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	05/10/2001	Tỉnh Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008492	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42277	4270-K55D1	19D150036	Đỗ Thị Thuý	Ninh	Nữ	26/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008493	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42278	4271-K55D1	19D150037	Hồ Thị	Phương	Nữ	03/08/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008494	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42279	4272-K55D1	19D150038	Lê Thúy	Quỳnh	Nữ	05/06/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008495	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42280	4273-K55D1	19D150039	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	02/10/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008496	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42281	4274-K55D1	19D150040	Phạm Thị	Sinh	Nữ	28/07/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008497	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42282	4275-K55D1	19D150042	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	30/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008498	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42283	4276-K55D1	19D150043	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	18/01/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008499	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42284	4277-K55D1	19D150050	Lilia Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	19/06/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008500	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42285	4278-K55D1	19D150053	Vũ Thị Thùy	Trang	Nữ	03/08/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008501	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42286	4279-K55D1	19D150054	Trần Thị Ánh	Tuyết	Nữ	13/07/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008502	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42287	4280-K55D2	19D150077	Lê Thị Linh	Duyên	Nữ	30/11/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008503	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42288	4281-K55D2	19D150078	Vũ Linh	Đan	Nữ	29/11/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008504	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42289	4282-K55D2	19D150082	Trịnh Thị	Hằng	Nữ	07/09/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008505	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42290	4283-K55D2	19D150087	Cù Thị Kim	Hợp	Nữ	15/07/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008506	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42291	4284-K55D2	19D150089	Nguyễn Thị Minh	Hương	Nữ	19/10/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008507	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42292	4285-K55D2	19D150094	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	02/11/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008508	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42293	4286-K55D2	19D150100	Nguyễn Văn	Nam	Nam	14/04/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008509	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42294	4287-K55D2	19D150114	Ngô Thị	Thu	Nữ	27/08/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008510	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42295	4288-K55D2	19D150116	Bùi Thị Thu	Thuỷ	Nữ	14/01/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008511	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42296	4289-K55D2	19D150117	Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	22/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008512	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42297	4290-K55D2	19D150118	Nguyễn Kiều	Trang	Nữ	14/12/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008513	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42298	4291-K55D2	19D150122	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	17/06/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008514	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42299	4292-K55D3	19D150146	Cao Thị	Diệu	Nữ	25/05/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008515	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42300	4293-K55D3	19D150156	Trần Thị Minh	Hòa	Nữ	04/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008516	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42301	4294-K55D3	19D150157	Tưởng Thị	Huế	Nữ	16/08/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008517	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42302	4295-K55D3	19D150159	Trần Thị	Hương	Nữ	29/01/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008518	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42303	4296-K55D3	19D150160	Bùi Thị Ánh	Hường	Nữ	23/05/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008519	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42304	4297-K55D3	19D150165	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	14/07/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008520	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42305	4298-K55D3	19D150168	Triệu Thảo	Ly	Nữ	04/09/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008521	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42306	4299-K55D3	19D150169	Phạm Quỳnh	Mai	Nữ	15/05/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008522	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42307	4300-K55D3	19D150172	Ngô Minh	Nguyệt	Nữ	08/10/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008523	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42308	4301-K55D3	19D150173	Phạm Yến	Nhi	Nữ	01/07/2001	Tỉnh Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008524	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42309	4302-K55D3	19D150181	Tạ Thị Phương	Thảo	Nữ	28/07/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008525	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42310	4303-K55D3	19D150184	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	08/01/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008526	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42311	4304-K55D3	19D150188	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	16/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008527	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42312	4305-K55D3	19D150189	Phạm Thị Phương	Trang	Nữ	30/04/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008528	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42313	4306-K55D3	19D150190	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	03/10/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008529	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42314	4307-K20D	15D200027	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	29/01/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008530	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42315	4308-K20D	15D200029	Đinh Thị Thanh	Mai	Nữ	11/03/1997	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008531	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42316	4309-K20D	15D210167	Ngô Thị Tuyết	Mai	Nữ	28/01/1996	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008532	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42317	4310-K54DC1	18D270009	Vũ Kim	Chi	Nữ	15/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008533	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42318	4311-K54DC1	18D270018	Phan Thị	Hằng	Nữ	25/11/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008534	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42319	4312-K54DC1	18D270020	Tống Thu	Hằng	Nữ	19/08/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008535	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42320	4313-K54DC1	18D270024	Hoàng Thị Da	Huế	Nữ	06/02/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008536	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42321	4314-K54DC1	18D270031	Nguyễn Thị Thúy	Hường	Nữ	19/05/2000	Hoà Bình	Mường	Việt Nam	Khá	TMU.7.008537	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42322	4315-K54DC1	18D270035	Phạm Thị	Linh	Nữ	17/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008538	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42323	4316-K54DC1	18D270055	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	13/12/2000	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.008539	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42324	4317-K54DC1	18D270064	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	06/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008540	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42325	4318-K54DC1	18D270066	Trương Thị Thanh	Tuyền	Nữ	10/02/2000	Nghệ An	Thổ	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008541	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42326	4319-K55DC1	19D270022	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Nữ	05/07/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008542	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42327	4320-K55DC1	19D270025	Nguyễn Minh	Hiền	Nữ	10/05/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008543	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42328	4321-K55DC1	19D270050	Trần Thị Minh	Thúy	Nữ	01/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008544	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42329	4322-K55DC2	19D270085	Lương Thị	Duyên	Nữ	09/08/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008545	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42330	4323-K55DC2	19D270089	Vũ Thị Hương	Giang	Nữ	08/09/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008546	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42331	4324-K55DC2	19D270091	Nguyễn Thúy	Hà	Nữ	05/08/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008547	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42332	4325-K55DC2	19D270096	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	22/05/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008548	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42333	4326-K55DC2	19D270110	Phạm Bích	Ngọc	Nữ	23/06/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008549	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42334	4327-K55DC2	19D270115	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	29/10/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008550	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42335	4328-K55DC2	19D270132	Nguyễn Thanh	Xuân	Nữ	25/05/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008551	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42336	4329-K53DD	17D155008	Vũ Thị Kim	Chi	Nữ	21/12/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008552	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp (Chương trình chất lượng cao)	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42337	4330-K53DD	17D155035	Phạm Thị	Trang	Nữ	29/10/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008553	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp (Chương trình chất lượng cao)	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42338	4331-K54DD1	18D155038	Đỗ Quang	Huy	Nam	30/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008554	2022	Chính quy	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp (Chương trình chất lượng cao)	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42339	4332-K55DK1	19D290001	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	18/10/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008555	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42340	4333-K55DK1	19D290003	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	02/11/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008556	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42341	4334-K55DK1	19D290006	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	18/05/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008557	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42342	4335-K55DK1	19D290021	Cao Thị	Hường	Nữ	13/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008558	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42343	4336-K55DK1	19D290028	Trịnh Ngọc	Mai	Nữ	29/11/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008559	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42344	4337-K55DK1	19D290029	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	12/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008560	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42345	4338-K55DK1	19D290039	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	13/03/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008561	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42346	4339-K55DK1	19D290042	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	20/05/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008562	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42347	4340-K55DK2	19D290075	Nguyễn Thị Minh	Ánh	Nữ	27/11/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008563	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42348	4341-K55DK2	19D290077	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	Nữ	28/11/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008564	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42349	4342-K55DK2	19D290086	Đinh Thị Thu	Hiền	Nữ	25/03/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008565	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42350	4343-K55DK2	19D290088	Trần Thị	Hồng	Nữ	09/04/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008566	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42351	4344-K55DK2	19D290090	Lê Thị	Huyền	Nữ	29/09/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008567	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42352	4345-K55DK2	19D290094	Nguyễn Mai	Lanh	Nữ	25/11/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008568	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42353	4346-K55DK2	19D290095	Phạm Nhật	Linh	Nữ	03/05/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008569	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42354	4347-K55DK2	19D290097	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	27/05/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008570	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42355	4348-K55DK2	19D290099	Vũ Tuyết	Mai	Nữ	05/01/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008571	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42356	4349-K55DK2	19D290103	Lê Thu	Phương	Nữ	03/12/2001	Tỉnh Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008572	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42357	4350-K55DK2	19D290110	Hoàng Thu	Trang	Nữ	20/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008573	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42358	4351-K55DK3	19D290144	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	07/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008574	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42359	4352-K55DK3	19D290154	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	10/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008575	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42360	4353-K55DK3	19D290155	Dương Thị Thúy	Hiền	Nữ	24/11/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008576	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42361	4354-K55DK3	19D290180	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	28/01/2000	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008577	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42362	4355-K55DK3	19D290181	Đỗ Thị Thu	Uyên	Nữ	12/03/2001	Tỉnh Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008578	2022	Chính quy	Kiểm toán	Kiểm toán	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42363	4356-K52E2	15D130106	Trịnh Thị Kiều	Oanh	Nữ	18/07/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008579	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42364	4357-K52E2	16D130090	Đặng Phương	Đức	Nam	12/04/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008580	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42365	4358-K52E2	16D130110	Hoàng Nguyễn Mai	Lý	Nữ	17/07/1998	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008581	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42366	4359-K53E1	17D130021	Trần Đức	Lâm	Nam	04/11/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008582	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42367	4360-K53E1	17D130033	Nguyễn Khánh	Phượng	Nữ	06/07/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008583	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42368	4361-K53E2	17D130113	Nguyễn Quốc	Trường	Nam	20/07/1999	Điện Biên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008584	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42369	4362-K53E3	17D130161	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	Nữ	12/11/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008585	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42370	4363-K53E3	17D130174	Bùi Thị Huyền	Thanh	Nữ	02/08/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008586	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42371	4364-K54E1	18D130026	Phạm Thị	Hương	Nữ	21/09/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008587	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42372	4365-K54E1	18D130054	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	20/02/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008588	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42373	4366-K54E2	18D130089	Lê Thị Thu	Hoài	Nữ	05/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008589	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42374	4367-K54E2	18D130094	Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	30/04/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008590	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42375	4368-K54E2	18D130103	Đỗ Phương	Mai	Nữ	02/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008591	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42376	4369-K54E2	18D130119	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	08/09/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008592	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42377	4370-K54E3	18D130147	Nguyễn Việt	Bắc	Nam	17/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008593	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42378	4371-K54E3	18D130160	Nguyễn Thu	Hồng	Nữ	10/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008594	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42379	4372-K54E3	18D130174	Nguyễn Văn	Minh	Nam	20/06/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008595	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42380	4373-K54E3	18D130194	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008596	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42381	4374-K54E3	18D130196	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	Nữ	13/02/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008597	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42382	4375-K54E4	18D130225	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	04/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008598	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42383	4376-K54E4	18D130232	Hà Thúy	Huyền	Nữ	26/01/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008599	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42384	4377-K54E4	18D130234	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	27/07/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008600	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42385	4378-K54E4	18D130250	Công Thị	Phương	Nữ	26/08/2000	Hòa Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008601	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42386	4379-K54E4	18D130252	Huỳnh Thị	Phượng	Nữ	04/07/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008602	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42387	4380-K54E4	18D130260	Phan Thị	Thùy	Nữ	10/04/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008603	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42388	4381-K54E4	18D130268	Trần Thị Thanh	Vân	Nữ	24/05/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008604	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42389	4382-K55E1	19D130004	Lê Thị	Bích	Nữ	10/04/2000	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008605	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42390	4383-K55E1	19D130008	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	22/03/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008606	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42391	4384-K55E1	19D130010	Nguyễn Vũ	Hà	Nam	10/04/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008607	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42392	4385-K55E1	19D130014	Bùi Thị	Hạn	Nữ	03/04/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008608	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42393	4386-K55E1	19D130017	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	19/05/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008609	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42394	4387-K55E1	19D130018	Phạm Thị	Hồng	Nữ	20/02/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008610	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42395	4388-K55E1	19D130021	Phạm Trung	Kiên	Nam	11/08/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008611	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42396	4389-K55E1	19D130022	Phạm Nhật	Lệ	Nữ	30/12/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008612	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42397	4390-K55E1	19D130028	Lại Lê Hằng	Nga	Nữ	15/09/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sán Dìu	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008613	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42398	4391-K55E1	19D130029	Nguyễn Đoàn Minh	Ngọc	Nữ	24/08/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008614	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42399	4392-K55E1	19D130031	Cáp Thị Thanh	Nhàn	Nữ	27/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008615	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42400	4393-K55E1	19D130033	Lê Anh	Phương	Nữ	21/12/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008616	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42401	4394-K55E1	19D130044	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	26/08/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008617	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42402	4395-K55E1	19D130045	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	22/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008618	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42403	4396-K55E1	19D130047	Đặng Xuân	Trường	Nam	09/01/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008619	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42404	4397-K55E1	19D130048	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	01/11/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008620	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42405	4398-K55E1	19D130051	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	02/11/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008621	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42406	4399-K55E2	19D130071	Bùi Thị Kim	Anh	Nữ	08/10/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008622	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42407	4400-K55E2	19D130076	Nguyễn Thế	Cường	Nam	08/06/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008623	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42408	4401-K55E2	19D130079	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	07/06/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008624	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42409	4402-K55E2	19D130080	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	10/12/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008625	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42410	4403-K55E2	19D130082	Đinh Thị Thu	Hạnh	Nữ	30/10/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008626	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42411	4404-K55E2	19D130084	Bùi Thị	Hiền	Nữ	07/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008627	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42412	4405-K55E2	19D130085	Phạm Thị	Hiền	Nữ	10/08/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008628	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42413	4406-K55E2	19D130087	Nguyễn Thị Minh	Hòa	Nữ	28/02/2001	Tỉnh Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008629	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42414	4407-K55E2	19D130092	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	15/05/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008630	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42415	4408-K55E2	19D130096	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	26/03/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008631	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42416	4409-K55E2	19D130097	Phạm Thị Ngọc	Mai	Nữ	11/07/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008632	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42417	4410-K55E2	19D130104	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	22/05/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008633	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42418	4411-K55E2	19D130108	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	07/06/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008634	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42419	4412-K55E2	19D130115	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	21/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008635	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42420	4413-K55E2	19D130116	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	14/08/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008636	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42421	4414-K55E3	19D130141	Bùi Thị Nguyệt	Anh	Nữ	05/01/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008637	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42422	4415-K55E3	19D130144	Chu Thị Hồng	Ánh	Nữ	02/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008638	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42423	4416-K55E3	19D130148	Phạm Thị Thùy	Dương	Nữ	16/03/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008639	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42424	4417-K55E3	19D130152	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	31/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008640	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42425	4418-K55E3	19D130154	Chu Thị Thu	Hiền	Nữ	16/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008641	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42426	4419-K55E3	19D130156	Ong Thị	Hoa	Nữ	24/08/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008642	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42427	4420-K55E3	19D130158	Hoàng Thị	Huệ	Nữ	22/12/2001	Tỉnh Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008643	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42428	4421-K55E3	19D130161	Chu Thị	Lan	Nữ	22/04/1999	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008644	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42429	4422-K55E3	19D130167	Trịnh Thị Ngọc	Mai	Nữ	08/03/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008645	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42430	4423-K55E3	19D130168	Đỗ Thị	Ngân	Nữ	28/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008646	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42431	4424-K55E3	19D130170	Trần Thị	Ngọc	Nữ	11/01/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008647	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42432	4425-K55E3	19D130171	Lê Huyền	Nhi	Nữ	08/09/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008648	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42433	4426-K55E3	19D130173	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	27/03/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008649	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42434	4427-K55E3	19D130174	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	07/03/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008650	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42435	4428-K55E3	19D130177	Nguyễn Thị Thúy	Sen	Nữ	17/07/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008651	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42436	4429-K55E3	19D130178	Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	22/06/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008652	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42437	4430-K55E3	19D130183	Bùi Thúy	Trang	Nữ	10/09/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008653	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42438	4431-K55E4	19D130213	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	16/07/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008654	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42439	4432-K55E4	19D130214	Nguyễn Hà Ngọc	Ánh	Nữ	03/10/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008655	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42440	4433-K55E4	19D130219	Bùi Thị	Hà	Nữ	24/10/2001	Tỉnh Ninh Bình	Mường	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008656	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42441	4434-K55E4	19D130220	Trương Thị	Hà	Nữ	05/04/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008657	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42442	4435-K55E4	19D130222	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	29/01/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008658	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42443	4436-K55E4	19D130224	Hoàng Thu	Hiền	Nữ	06/09/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008659	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42444	4437-K55E4	19D130226	Dương Thị	Hòa	Nữ	15/04/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008660	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42445	4438-K55E4	19D130227	Nguyễn Thu	Hồng	Nữ	13/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008661	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42446	4439-K55E4	19D130228	Trần Xuân	Huyền	Nữ	26/02/2001	Tỉnh Khánh Hoà	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008662	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42447	4440-K55E4	19D130231	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	06/11/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008663	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42448	4441-K55E4	19D130232	Ngô Thị Phương	Linh	Nữ	02/04/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008664	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42449	4442-K55E4	19D130233	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	21/04/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008665	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42450	4443-K55E4	19D130236	Vũ Thị Tuyết	Mai	Nữ	04/07/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008666	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42451	4444-K55E4	19D130237	Ngô Hoài	Nam	Nam	31/07/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008667	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42452	4445-K55E4	19D130240	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	12/04/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008668	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42453	4446-K55E4	19D130242	Hoàng Thu	Phương	Nữ	04/12/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008669	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42454	4447-K55E4	19D130243	Tô Minh	Phương	Nữ	02/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008670	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42455	4448-K55E4	19D130245	Vũ Hương	Quê	Nữ	20/09/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008671	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42456	4449-K55E4	19D130246	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	25/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008672	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42457	4450-K55E4	19D130247	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	28/04/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008673	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42458	4451-K55E4	19D130248	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	29/09/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008674	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42459	4452-K55E4	19D130249	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	07/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008675	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42460	4453-K55E4	19D130260	Đinh Thị	Vui	Nữ	10/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008676	2022	Chính quy	Kinh doanh quốc tế	Thương mại quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42461	4454-K53EK3	17D260162	Lương Thị Lan	Anh	Nữ	07/05/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008677	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42462	4455-K53EK3	17D260164	Tạ Thị Ngọc	Anh	Nữ	02/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008678	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42463	4456-K53EK3	17D260193	Nguyễn Duy	Phong	Nam	04/02/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008679	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42464	4457-K54EK1	18D260020	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	21/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008680	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42465	4458-K54EK1	18D260048	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	04/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008681	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42466	4459-K54EK1	18D260054	Nguyễn Phương	Tuyên	Nữ	21/03/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008682	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42467	4460-K54EK2	18D260087	Vũ Ngọc Anh	Linh	Nam	27/02/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008683	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42468	4461-K54EK2	18D260110	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	15/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008684	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42469	4462-K55EK1	19D260001	Kim Thị Hoài	Anh	Nữ	24/07/2001	Liên Bang Nga	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008685	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42470	4463-K55EK1	19D260006	Bùi Thị Minh	Ánh	Nữ	04/11/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008686	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42471	4464-K55EK1	19D260010	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	06/05/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008687	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42472	4465-K55EK1	19D260013	Hoàng Thị Hương	Giang	Nữ	08/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008688	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42473	4466-K55EK1	19D260014	Đỗ Thị Ngọc	Hà	Nữ	28/03/2001	Tỉnh Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008689	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42474	4467-K55EK1	19D260016	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	Nữ	18/01/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008690	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42475	4468-K55EK1	19D260017	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	30/10/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008691	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42476	4469-K55EK1	19D260019	Trần Thị	Hòa	Nữ	19/10/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008692	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42477	4470-K55EK1	19D260020	Đỗ Thị	Huê	Nữ	07/09/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008693	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42478	4471-K55EK1	19D260025	Lương Thị	Hương	Nữ	07/04/2000	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008694	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42479	4472-K55EK1	19D260032	Vương Thị	Lương	Nữ	14/06/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008695	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42480	4473-K55EK1	19D260033	Bùi Đức	Mạnh	Nam	14/04/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008696	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42481	4474-K55EK1	19D260035	Nguyễn Phương	Nam	Nam	30/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008697	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42482	4475-K55EK1	19D260038	Trần Thị Minh	Ngọc	Nữ	13/01/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008698	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42483	4476-K55EK1	19D260039	Thân Thanh	Nhi	Nữ	30/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008699	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42484	4477-K55EK1	19D260040	Bùi Thị	Oanh	Nữ	12/07/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008700	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42485	4478-K55EK1	19D260043	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	11/01/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008701	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42486	4479-K55EK1	19D260050	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	11/03/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008702	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42487	4480-K55EK1	19D260051	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	20/06/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008703	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42488	4481-K55EK1	19D260052	Phạm Thị	Trang	Nữ	24/10/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008704	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42489	4482-K55EK1	19D260053	Thân Thị Bạch	Tuyết	Nữ	12/05/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008705	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42490	4483-K55EK1	19D260055	Hoàng Ngọc Thu	Uyên	Nữ	01/02/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008706	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42491	4484-K55EK1	19D260057	Phạm Hà	Vy	Nữ	03/06/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008707	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42492	4485-K55EK2	19D260074	Tô Phương	Anh	Nữ	01/07/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008708	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42493	4486-K55EK2	19D260075	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ánh	Nữ	27/12/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008709	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42494	4487-K55EK2	19D260077	Trịnh Thị	Châm	Nữ	14/10/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008710	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42495	4488-K55EK2	19D260079	Đoàn Thị Thùy	Dung	Nữ	27/03/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008711	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42496	4489-K55EK2	19D260082	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	11/01/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008712	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42497	4490-K55EK2	19D260083	Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	11/01/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008713	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42498	4491-K55EK2	19D260084	Trần Thị Thanh	Hải	Nữ	07/03/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008714	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42499	4492-K55EK2	19D260087	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	29/06/2001	Tỉnh Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008715	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42500	4493-K55EK2	19D260088	Vũ Huy	Hoàng	Nam	15/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008716	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42501	4494-K55EK2	19D260095	Nguyễn Mai	Hương	Nữ	26/02/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008717	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42502	4495-K55EK2	19D260098	Phạm Thị Thúy	Liễu	Nữ	14/07/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008718	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42503	4496-K55EK2	19D260105	Trịnh Duy	Nam	Nam	10/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008719	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42504	4497-K55EK2	19D260109	Lê Tâm	Như	Nữ	27/07/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008720	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42505	4498-K55EK2	19D260110	Bùi Thị	Oanh	Nữ	19/07/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008721	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42506	4499-K55EK2	19D260111	Lê Thị	Phương	Nữ	21/07/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008722	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42507	4500-K55EK2	19D260118	Phạm Thị Hồng	Thúy	Nữ	08/08/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008723	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42508	4501-K55EK2	19D260120	Phạm Huyền	Trang	Nữ	18/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008724	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42509	4502-K55EK2	19D260121	Phạm Thu	Trang	Nữ	17/03/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008725	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42510	4503-K55EK2	19D260123	Cao Nhã	Uyên	Nữ	05/09/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008726	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42511	4504-K55EK2	19D260124	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	09/09/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008727	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42512	4505-K55EK2	19D260125	Lâm Thị Thu	Vân	Nữ	01/07/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008728	2022	Chính quy	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42513	4506-K52F1	16D160001	Hoàng Thị	Anh	Nữ	08/10/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008729	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42514	4507-K52F4	16D160291	Đinh Diệp	Hồng	Nữ	11/07/1998	Cao Bằng	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008730	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42515	4508-K52F5	16D160369	Phạm Quốc	Cường	Nam	06/02/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008731	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42516	4509-K53F1	17D160031	Lê Thị	Thảo	Nữ	04/01/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008732	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42517	4510-K53F2	17D160096	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	22/12/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008733	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42518	4511-K53F4	17D160181	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	24/05/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008734	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42519	4512-K53F5	17D160258	Mai Xuân	Kiên	Nam	26/04/1999	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008735	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42520	4513-K53F5	17D160284	Lê Thị Thu	Trà	Nữ	06/08/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008736	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42521	4514-K53F6	17D160307	Đoàn Thị	Duyên	Nữ	16/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008737	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42522	4515-K53F6	17D160313	Đỗ Thị Thanh	Hiền	Nữ	26/03/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008738	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42523	4516-K53F7	17D160406	Thạch Minh	Hoàng	Nam	06/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008739	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42524	4517-K54F1	18D160006	Nguyễn Hồng Khánh	Chi	Nữ	02/03/2000	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008740	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42525	4518-K54F1	18D160048	Vương Thị	Thảo	Nữ	04/09/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008741	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42526	4519-K54F1	18D160059	Cao Hà	Vy	Nữ	21/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008742	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42527	4520-K54F2	18D160072	Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	13/10/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008743	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42528	4521-K54F2	18D160096	Vũ Thị	Hương	Nữ	16/11/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008744	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42529	4522-K54F2	18D160121	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	11/12/2000	Điện Biên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008745	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42530	4523-K54F2	18D160124	Phùng Thị Huyền	Trang	Nữ	25/03/2000	Lai Châu	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008746	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42531	4524-K54F3	18D160166	Bùi Thanh	Hương	Nữ	28/09/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008747	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42532	4525-K54F3	18D160183	Trần Thị Phương	Nhung	Nữ	14/12/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008748	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42533	4526-K54F4	18D160220	Nghiêm Đại	Duy	Nam	12/05/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008749	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42534	4527-K54F4	18D160228	Phạm Phương	Hiếu	Nữ	05/11/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008750	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42535	4528-K54F4	18D160236	Trịnh Thị Thu	Hương	Nữ	20/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008751	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42536	4529-K54F4	18D160262	Lã Thị Thùy	Tiên	Nữ	28/05/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008752	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42537	4530-K54F5	18D160302	Lã Thị	Huệ	Nữ	10/05/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008753	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42538	4531-K54F5	18D160303	Đinh Thị Thu	Huyền	Nữ	17/02/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008754	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42539	4532-K54F5	18D160305	Nguyễn Việt	Hưng	Nam	16/04/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008755	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42540	4533-K54F5	18D160325	Trần Ngọc	Quyên	Nữ	28/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008756	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42541	4534-K55F1	19D160002	Chu Hải	Anh	Nữ	07/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008757	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42542	4535-K55F1	19D160003	Lê Hoàng Quỳnh	Anh	Nữ	13/10/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008758	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42543	4536-K55F1	19D160008	Lương Thị	Dinh	Nữ	18/06/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008759	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42544	4537-K55F1	19D160013	Hoàng Thị	Hảo	Nữ	30/09/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008760	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42545	4538-K55F1	19D160018	Cao Thu	Huyền	Nữ	11/08/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008761	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42546	4539-K55F1	19D160019	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	16/08/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008762	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42547	4540-K55F1	19D160026	Đinh Thị Phương	Loan	Nữ	05/01/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008763	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42548	4541-K55F1	19D160027	Nguyễn Văn	Long	Nam	07/10/2000	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008764	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42549	4542-K55F1	19D160028	Vũ Thị Phương	Ly	Nữ	20/11/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008765	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42550	4543-K55F1	19D160029	Phạm Ngọc	Mai	Nữ	26/12/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008766	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42551	4544-K55F1	19D160049	Phạm Thị Thu	Uyên	Nữ	12/10/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008767	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42552	4545-K55F2	19D160071	Đặng Vân	Anh	Nữ	02/03/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008768	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42553	4546-K55F2	19D160075	Vũ Hoàng Vân	Anh	Nữ	04/04/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008769	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42554	4547-K55F2	19D160078	Phạm Thị	Dịu	Nữ	15/01/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008770	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42555	4548-K55F2	19D160079	Lê Trí	Đức	Nam	29/07/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008771	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42556	4549-K55F2	19D160081	Nguyễn Phương	Hà	Nữ	05/12/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008772	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42557	4550-K55F2	19D160083	Lê Thu	Hằng	Nữ	11/09/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008773	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42558	4551-K55F2	19D160085	Lê Thảo	Hiền	Nữ	15/08/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008774	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42559	4552-K55F2	19D160086	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	17/07/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008775	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42560	4553-K55F2	19D160089	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	06/01/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008776	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42561	4554-K55F2	19D160090	Đỗ Thị	Hương	Nữ	14/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008777	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42562	4555-K55F2	19D160094	Đinh Thị	Linh	Nữ	13/02/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008778	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42563	4556-K55F2	19D160102	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	11/12/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008779	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42564	4557-K55F2	19D160108	Phó Phương	Thảo	Nữ	29/10/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Sán Dìu	Việt Nam	Khá	TMU.7.008780	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42565	4558-K55F2	19D160112	Mai Thị	Thúy	Nữ	22/01/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008781	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42566	4559-K55F2	19D160115	Nguyễn Lê Hoài	Trang	Nữ	25/10/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008782	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42567	4560-K55F3	19D160149	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	15/03/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008783	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42568	4561-K55F3	19D160158	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	11/03/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008784	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42569	4562-K55F3	19D160159	Vũ Hoàng	Hưng	Nam	27/08/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008785	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42570	4563-K55F3	19D160161	Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	28/04/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008786	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42571	4564-K55F3	19D160178	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	19/02/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008787	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42572	4565-K55F3	19D160191	Đỗ Thị	Xuân	Nữ	18/01/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008788	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42573	4566-K55F4	19D160215	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	22/09/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008789	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42574	4567-K55F4	19D160216	Phùng Thị	Diễn	Nữ	27/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008790	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42575	4568-K55F4	19D160217	Trần Kim	Dung	Nữ	16/10/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008791	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42576	4569-K55F4	19D160219	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	18/07/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008792	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42577	4570-K55F4	19D160222	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	03/04/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008793	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42578	4571-K55F4	19D160223	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	09/03/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008794	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42579	4572-K55F4	19D160228	Trần Thị Ngọc	Huyền	Nữ	06/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008795	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42580	4573-K55F4	19D160234	Trương Thùy	Linh	Nữ	04/01/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008796	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42581	4574-K55F4	19D160236	Nguyễn Thị Phương	Ly	Nữ	24/08/2001	Tỉnh Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008797	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42582	4575-K55F4	19D160237	Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	24/12/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008798	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42583	4576-K55F4	19D160240	Mạc Thị	Ngọc	Nữ	22/07/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008799	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42584	4577-K55F4	19D160241	Đinh Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/02/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008800	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42585	4578-K55F4	19D160243	Vũ Duy	Phong	Nam	24/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008801	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42586	4579-K55F4	19D160245	Nguyễn Văn	Quyền	Nam	22/12/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008802	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42587	4580-K55F4	19D160247	Lê Phương	Thảo	Nữ	28/07/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008803	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42588	4581-K55F4	19D160250	Trần Thị	Thoa	Nữ	25/06/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008804	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42589	4582-K55F4	19D160254	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	06/04/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008805	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42590	4583-K55F4	19D160256	Nguyễn Công	Tráng	Nam	16/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008806	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42591	4584-K55F5	19D160296	Phạm Thị	Hồng	Nữ	20/08/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008807	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42592	4585-K55F5	19D160303	Vũ Ngọc	Lan	Nữ	31/05/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008808	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42593	4586-K55F5	19D160320	Trần Thị Bảo	Thoa	Nữ	04/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008809	2022	Chính quy	Kinh tế	Quản lý kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42594	4587-K52H4	16D180272	Nguyễn Lê Hải	Anh	Nữ	17/09/1998	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008810	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42595	4588-K52H6	16D180468	Bùi Thị	Hải	Nữ	10/10/1998	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008811	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42596	4589-K53H1	17D180041	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	17/09/1999	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008812	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42597	4590-K53H5	17D180263	Vương Thị	Hằng	Nữ	25/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008813	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42598	4591-K53H6	17D180345	Trần Thị Nhật	Linh	Nữ	19/07/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008814	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42599	4592-K54H1	18D180004	Lê Thị Mai	Anh	Nữ	14/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008815	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42600	4593-K54H1	18D180007	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008816	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42601	4594-K54H1	18D180016	Nguyễn Tiến	Hiệu	Nam	03/08/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008817	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42602	4595-K54H1	18D180023	Lương Thị Hồng	Liễn	Nữ	02/10/2000	Lạng Sơn	Nùng	Việt Nam	Khá	TMU.7.008818	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42603	4596-K54H1	18D180054	Nguyễn Thị Khánh	Vân	Nữ	09/05/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008819	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42604	4597-K54H2	18D180068	Nguyễn Phương	Chi	Nữ	04/12/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008820	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42605	4598-K54H2	18D180070	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008821	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42606	4599-K54H2	18D180077	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	01/04/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008822	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42607	4600-K54H2	18D180091	Bùi Phương	Mai	Nữ	18/08/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008823	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42608	4601-K54H3	18D180129	Ninh Thị	Diệp	Nữ	20/05/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008824	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42609	4602-K54H3	18D180134	Trần Thị	Hạnh	Nữ	10/04/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008825	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42610	4603-K54H3	18D180149	Vũ Hải	Long	Nam	23/07/2000	Tp.Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008826	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42611	4604-K54H3	18D180171	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	23/03/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008827	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42612	4605-K55H1	19D180002	Lê Phương	Anh	Nữ	27/06/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008828	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42613	4606-K55H1	19D180010	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	18/04/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008829	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42614	4607-K55H1	19D180012	Cù Thị	Giang	Nữ	26/07/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008830	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42615	4608-K55H1	19D180020	Hoàng Thị	Huệ	Nữ	01/11/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008831	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42616	4609-K55H1	19D180025	Trần Thị	Lan	Nữ	08/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008832	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42617	4610-K55H1	19D180027	Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	20/11/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008833	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42618	4611-K55H1	19D180034	Đào Thị	Nhung	Nữ	29/06/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008834	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42619	4612-K55H1	19D180036	Phan Thị Vân	Oanh	Nữ	28/10/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008835	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42620	4613-K55H1	19D180046	Vi Thị Thu	Trang	Nữ	28/10/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008836	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42621	4614-K55H1	19D180051	Khuất Thị	Vy	Nữ	31/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008837	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42622	4615-K55H2	19D180072	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	19/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008838	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42623	4616-K55H2	19D180076	Chu Chí	Bảo	Nam	13/04/2000	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008839	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42624	4617-K55H2	19D180079	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	05/08/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008840	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42625	4618-K55H2	19D180084	Vàng Thị	Hạnh	Nữ	27/08/2001	Tỉnh Lào Cai	Giáy	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008841	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42626	4619-K55H2	19D180090	Lê Thanh	Huyền	Nữ	30/08/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008842	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42627	4620-K55H2	19D180091	Phạm Thị	Huyền	Nữ	01/08/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008843	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42628	4621-K55H2	19D180102	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	21/07/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008844	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42629	4622-K55H2	19D180107	Bùi Như	Quỳnh	Nữ	28/03/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008845	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42630	4623-K55H3	19D180141	Dương Thảo	Anh	Nữ	06/08/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008846	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42631	4624-K55H3	19D180142	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	03/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008847	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42632	4625-K55H3	19D180145	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	26/03/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008848	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42633	4626-K55H3	19D180148	Đỗ Thị Quỳnh	Chi	Nữ	22/03/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008849	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42634	4627-K55H3	19D180149	Đặng Thị Thùy	Dung	Nữ	01/01/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008850	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42635	4628-K55H3	19D180150	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	02/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008851	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42636	4629-K55H3	19D180151	Lương Thu	Duyên	Nữ	04/07/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008852	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42637	4630-K55H3	19D180158	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	05/04/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008853	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42638	4631-K55H3	19D180162	Trần Khánh	Huyền	Nữ	08/05/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008854	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42639	4632-K55H3	19D180172	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	27/03/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008855	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42640	4633-K55H3	19D180180	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24/04/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008856	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42641	4634-K55H3	19D180191	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	19/03/2001	Tỉnh Quảng Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008857	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42642	4635-K55H4	19D180217	Phan Thị Hồng	Diệp	Nữ	29/07/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008858	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42643	4636-K55H4	19D180223	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	Nữ	19/06/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008859	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42644	4637-K55H4	19D180226	Đỗ Thu	Hiền	Nữ	19/01/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008860	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42645	4638-K55H4	19D180229	Phan Thị	Huế	Nữ	26/03/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008861	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42646	4639-K55H4	19D180230	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	07/12/2001	Tỉnh Điện Biên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008862	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42647	4640-K55H4	19D180235	Hà Thùy	Linh	Nữ	02/06/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008863	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42648	4641-K55H4	19D180237	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	21/01/2001	Tỉnh Sơn La	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008864	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42649	4642-K55H4	19D180238	Nguyễn Hữu	Luân	Nam	29/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008865	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42650	4643-K55H4	19D180239	Trần Thị Ngọc	Ly	Nữ	22/01/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008866	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42651	4644-K55H4	19D180247	Phạm Thị Thu	Phượng	Nữ	20/02/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008867	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42652	4645-K55H4	19D180250	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22/11/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008868	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42653	4646-K55H4	19D180252	Đặng Thị Phương	Thúy	Nữ	28/09/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008869	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42654	4647-K54HC1	18D280008	Phạm Ngọc	Dung	Nữ	06/10/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008870	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42655	4648-K54HC1	18D280015	Ngô Gia	Huy	Nam	17/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008871	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42656	4649-K54HC1	18D280023	Trần Phương	Linh	Nữ	03/06/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008872	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42657	4650-K54HC1	18D280027	Nguyễn Phương	Nam	Nam	02/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008873	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42658	4651-K54HC1	18D280037	Ngô Xuân	Thăng	Nam	01/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008874	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42659	4652-K54HC1	18D280041	Nguyễn Đình Quốc	Trung	Nam	09/12/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008875	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42660	4653-K54HC2	18D280051	Đỗ Quốc	Anh	Nam	24/03/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008876	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42661	4654-K54HC2	18D280087	Đỗ Trường	Thọ	Nam	26/09/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008877	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42662	4655-K54HC2	18D280091	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	28/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008878	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42663	4656-K55HC1	19D280001	Đỗ Minh	Anh	Nữ	31/05/2000	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008879	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42664	4657-K55HC1	19D280007	Trần Thu	Hoài	Nữ	11/04/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008880	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42665	4658-K55HC1	19D280008	Giáp Hoàng	Huế	Nữ	04/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008881	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42666	4659-K55HC1	19D280010	Chu Khánh	Huyền	Nữ	02/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008882	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42667	4660-K55HC1	19D280013	Mai Hà	Phương	Nữ	02/10/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008883	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42668	4661-K55HC1	19D280014	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008884	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42669	4662-K55HC1	19D280015	Trần Lan	Phương	Nữ	12/11/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008885	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42670	4663-K55HC1	19D280025	Trần Thảo	Vân	Nữ	30/08/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008886	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42671	4664-K55HC1	19D280026	Nguyễn Thị Lan	Vy	Nữ	27/08/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008887	2022	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42672	4665-K52I4	15D140211	Bùi Tuấn	Anh	Nam	10/12/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008888	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42673	4666-K52I4	16D140221	Hoàng Đại	Hải	Nam	30/03/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.008889	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42674	4667-K53I1	17D140031	Đinh Thị	Nguyên	Nữ	29/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008890	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42675	4668-K53I2	17D140093	Vũ Duy	Khánh	Nam	16/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008891	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42676	4669-K53I2	17D140100	Trần Thị Huyền	Ngà	Nữ	19/02/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008892	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42677	4670-K53I2	17D140105	Vũ Đức	Tài	Nam	11/12/1999	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008893	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42678	4671-K53I3	17D140142	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24/04/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008894	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42679	4672-K53I3	17D140166	Nguyễn Thị	Lợi	Nữ	17/12/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008895	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42680	4673-K53I3	17D140175	Đào Thị	Thảo	Nữ	27/09/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008896	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42681	4674-K53I4	17D140201	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	02/12/1999	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008897	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42682	4675-K53I4	17D140211	Vũ Thúy	Hà	Nữ	10/02/1999	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008898	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42683	4676-K53I5	17D140290	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	14/03/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008899	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42684	4677-K53I5	17D140310	Trần Văn	Tiến	Nam	08/07/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008900	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42685	4678-K54I1	18D140002	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	16/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008901	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42686	4679-K54I1	18D140011	Khổng Thị Thu	Hà	Nữ	12/09/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008902	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42687	4680-K54I1	18D140023	Lưu Thị Minh	Hương	Nữ	26/03/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008903	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42688	4681-K54I1	18D140027	Trần Thị Hoài	Linh	Nữ	24/10/2000	Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008904	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42689	4682-K54I1	18D140035	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	03/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008905	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42690	4683-K54I1	18D140038	Bùi Phương	Phượng	Nữ	24/10/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008906	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42691	4684-K54I1	18D140055	Phạm Thị Hồng	Yến	Nữ	11/11/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008907	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42692	4685-K54I2	18D140075	Phan Trung	Hiếu	Nam	04/07/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008908	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42693	4686-K54I2	18D140095	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	23/10/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008909	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42694	4687-K54I2	18D140096	Phí Đăng	Phú	Nam	22/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008910	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42695	4688-K54I2	18D140103	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	07/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008911	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42696	4689-K54I2	18D140104	Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	24/03/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008912	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42697	4690-K54I2	18D140111	Đinh Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	30/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008913	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42698	4691-K54I2	18D140114	Lương Thị	Xuân	Nữ	18/01/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008914	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42699	4692-K54I3	18D140136	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	16/08/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008915	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42700	4693-K54I3	18D140140	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	12/09/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008916	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42701	4694-K54I3	18D140146	Đinh Nhật	Linh	Nữ	20/09/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008917	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42702	4695-K54I3	18D140150	Trần Thị	Mơ	Nữ	13/04/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008918	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42703	4696-K54I3	18D140167	Nguyễn Thế	Tới	Nam	16/12/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008919	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42704	4697-K54I4	18D140193	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	29/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008920	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42705	4698-K54I4	18D140207	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	22/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008921	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42706	4699-K54I4	18D140216	Bùi Thị	Phương	Nữ	24/04/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008922	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42707	4700-K54I4	18D140221	Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	04/06/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008923	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42708	4701-K54I4	18D140232	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	15/09/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008924	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42709	4702-K54I5	18D140244	Khổng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	13/02/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008925	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42710	4703-K54I5	18D140248	Nguyễn Minh	Đông	Nam	02/11/2000	Tuyên Quang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008926	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42711	4704-K54I5	18D140251	Nguyễn Minh	Hải	Nam	22/03/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008927	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42712	4705-K54I5	18D140258	Nguyễn Thị Vân	Hồng	Nữ	21/10/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008928	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42713	4706-K54I5	18D140275	Liễu Thị	Oanh	Nữ	22/02/2000	Thái Nguyên	Sán Dìu	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008929	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42714	4707-K54I5	18D140276	Đỗ Thị Thu	Phương	Nữ	22/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008930	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42715	4708-K54I5	18D140278	Lê Đức	Quang	Nam	22/04/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008931	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42716	4709-K54I5	18D140285	Bùi Thị	Thúy	Nữ	04/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008932	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42717	4710-K54I5	18D140290	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	13/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008933	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42718	4711-K54I5	18D140291	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	09/01/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008934	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42719	4712-K54I5	18D140294	Hà Thị	Xuân	Nữ	17/02/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008935	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42720	4713-K54I6	18D140314	Nhâm Trung	Hiếu	Nam	28/11/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008936	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42721	4714-K54I6	18D140325	Đỗ Phương	Linh	Nữ	27/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.008937	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42722	4715-K55I1	19D140002	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	02/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008938	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42723	4716-K55I1	19D140006	Phan Thị Linh	Chi	Nữ	02/09/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008939	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42724	4717-K55I1	19D140008	Lương Thị	Dung	Nữ	08/02/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008940	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42725	4718-K55I1	19D140012	Nguyễn Thị Minh	Đức	Nữ	25/08/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008941	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42726	4719-K55I1	19D140023	Trần Lan	Hương	Nữ	01/08/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008942	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42727	4720-K55I1	19D140025	Phạm Văn	Lạc	Nam	17/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008943	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42728	4721-K55I1	19D140036	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	11/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008944	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42729	4722-K55I1	19D140043	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	16/03/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008945	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42730	4723-K55I1	19D140044	Vũ Hồng	Thắm	Nữ	02/05/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008946	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42731	4724-K55I2	19D140072	Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	03/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008947	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42732	4725-K55I2	19D140076	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	25/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008948	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42733	4726-K55I2	19D140081	Lê Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	30/10/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008949	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42734	4727-K55I2	19D140095	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	06/01/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008950	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42735	4728-K55I2	19D140104	Trần Thị Hồng	Ngọc	Nữ	05/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008951	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42736	4729-K55I2	19D140109	Lê Thị	Quyên	Nữ	11/01/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008952	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42737	4730-K55I2	19D140114	Vũ Thị	Thảo	Nữ	29/09/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008953	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42738	4731-K55I2	19D140120	Lê Thu	Trang	Nữ	29/03/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008954	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42739	4732-K55I2	19D140123	Nguyễn Văn	Trực	Nam	28/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008955	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42740	4733-K55I2	19D140124	Chu Anh	Tú	Nữ	18/05/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008956	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42741	4734-K55I3	19D140141	Mai Thảo	Anh	Nữ	28/01/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008957	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42742	4735-K55I3	19D140145	Nguyễn Thị	Bắc	Nữ	06/06/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008958	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42743	4736-K55I3	19D140147	Nguyễn Thị Tú	Chinh	Nữ	27/11/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008959	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42744	4737-K55I3	19D140161	Đặng Thị Thu	Huyền	Nữ	04/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008960	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42745	4738-K55I3	19D140163	Đỗ Thu	Hường	Nữ	03/03/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008961	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42746	4739-K55I3	19D140173	Lê Thị Minh	Ngọc	Nữ	21/01/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008962	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42747	4740-K55I3	19D140179	Đỗ Thị	Quỳnh	Nữ	19/11/2000	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008963	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42748	4741-K55I3	19D140181	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	28/07/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008964	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42749	4742-K55I3	19D140182	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	06/10/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008965	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42750	4743-K55I3	19D140183	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	29/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008966	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42751	4744-K55I3	19D140184	Vương Thu	Thảo	Nữ	16/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008967	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42752	4745-K55I3	19D140185	Trịnh Thị	Thơm	Nữ	01/11/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008968	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42753	4746-K55I3	19D140187	Võ Thị Thùy	Tiên	Nữ	04/01/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008969	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42754	4747-K55I3	19D140195	Nguyễn Duy	Tùng	Nam	23/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008970	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42755	4748-K55I4	19D140212	Nguyễn Đức	Anh	Nam	13/01/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008971	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42756	4749-K55I4	19D140216	Nguyễn Hòa	Bình	Nam	09/08/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008972	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42757	4750-K55I4	19D140218	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	15/07/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008973	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42758	4751-K55I4	19D140219	Phùng Mai	Duyên	Nữ	21/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008974	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42759	4752-K55I4	19D140222	Phạm Thị Thanh	Giang	Nữ	25/09/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008975	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42760	4753-K55I4	19D140223	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	19/04/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008976	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42761	4754-K55I4	19D140224	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	21/08/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008977	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42762	4755-K55I4	19D140227	Lê Thu	Hiền	Nữ	05/04/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008978	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42763	4756-K55I4	19D140228	Trần Thị	Hoài	Nữ	11/01/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008979	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42764	4757-K55I4	19D140243	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	18/03/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008980	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42765	4758-K55I4	19D140250	Tô Thị Như	Quỳnh	Nữ	09/03/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008981	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42766	4759-K55I4	19D140252	Lê Thu	Thanh	Nữ	27/04/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008982	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42767	4760-K55I4	19D140253	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	23/07/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008983	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42768	4761-K55I4	19D140254	Nguyễn Minh	Thạch	Nữ	26/08/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008984	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42769	4762-K55I4	19D140255	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	08/10/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008985	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42770	4763-K55I4	19D140256	Phạm Thị	Thùy	Nữ	29/04/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008986	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42771	4764-K55I4	19D140259	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	07/02/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008987	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42772	4765-K55I4	19D140262	Nguyễn Trọng	Tuyển	Nam	10/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008988	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42773	4766-K55I4	19D140265	Chu Thị	Uyên	Nữ	24/09/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008989	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42774	4767-K55I4	19D140266	Phạm Thị Hà	Vi	Nữ	19/08/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008990	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42775	4768-K55I4	19D140267	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	16/04/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008991	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42776	4769-K55I5	18D140274	Lưu Thị	Nhung	Nữ	20/11/2000	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008992	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42777	4770-K55I5	19D140289	Đỗ Thị	Duyên	Nữ	23/09/2000	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008993	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42778	4771-K55I5	19D140291	Ngô Thị	Đào	Nữ	23/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008994	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42779	4772-K55I5	19D140295	Đỗ Thị Thu	Hằng	Nữ	01/08/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008995	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42780	4773-K55I5	19D140298	Đoàn Thị Minh	Hòa	Nữ	31/01/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.008996	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42781	4774-K55I5	19D140304	Mai Trung	Kiên	Nam	07/02/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008997	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42782	4775-K55I5	19D140306	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	02/07/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008998	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42783	4776-K55I5	19D140309	Dương Thị	Lụa	Nữ	30/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.008999	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42784	4777-K55I5	19D140312	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	24/10/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009000	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42785	4778-K55I5	19D140313	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	Nữ	07/10/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009001	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42786	4779-K55I5	19D140314	Trần Thị Hải	Như	Nữ	11/01/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009002	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42787	4780-K55I5	19D140316	Đào Thị	Phương	Nữ	02/01/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009003	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42788	4781-K55I5	19D140317	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	29/04/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009004	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42789	4782-K55I5	19D140318	Ngô Thúy	Quỳnh	Nữ	25/10/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009005	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42790	4783-K55I5	19D140320	Vũ Diễm	Quỳnh	Nữ	14/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009006	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42791	4784-K55I5	19D140321	Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	06/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009007	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42792	4785-K55I5	19D140325	Trần Thị Hoài	Thu	Nữ	07/10/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009008	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42793	4786-K55I5	19D140326	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	03/11/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009009	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42794	4787-K55I5	19D140328	Đỗ Thị Kim	Trang	Nữ	13/01/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009010	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42795	4788-K55I5	19D140330	Phạm Thu	Trang	Nữ	18/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009011	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42796	4789-K55I5	19D140335	Đỗ Thị Mỹ	Uyên	Nữ	01/05/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009012	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42797	4790-K55I5	19D140336	Nguyễn Thị	Xen	Nữ	28/04/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009013	2022	Chính quy	Thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42798	4791-K55LQ1	19D300002	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	28/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009014	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42799	4792-K55LQ1	19D300004	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	19/06/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009015	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42800	4793-K55LQ1	19D300005	Tạ Thị	Bình	Nữ	20/08/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009016	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42801	4794-K55LQ1	19D300006	Lê Thị Phương	Chi	Nữ	11/09/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009017	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42802	4795-K55LQ1	19D300009	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	Nữ	28/05/2001	Tỉnh Gia Lai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009018	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42803	4796-K55LQ1	19D300019	Trịnh Thế	Hoàn	Nam	05/02/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009019	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42804	4797-K55LQ1	19D300025	Trần Thị	Hường	Nữ	09/07/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009020	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42805	4798-K55LQ1	19D300026	Bùi Phương	Linh	Nữ	10/06/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009021	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42806	4799-K55LQ1	19D300029	Phạm Thị	Mai	Nữ	14/09/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009022	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42807	4800-K55LQ1	19D300037	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	16/02/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009023	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42808	4801-K55LQ1	19D300039	Vũ Thị Lâm	Phương	Nữ	13/08/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009024	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42809	4802-K55LQ1	19D300040	Nguyễn Đình	Quang	Nam	09/08/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009025	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42810	4803-K55LQ1	19D300043	Hà Công	Sinh	Nam	22/09/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009026	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42811	4804-K55LQ1	19D300045	Nguyễn Nhật	Tân	Nam	29/11/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009027	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42812	4805-K55LQ1	19D300050	Đỗ Thị Hồng	Thúy	Nữ	14/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009028	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42813	4806-K55LQ1	19D300051	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	15/03/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009029	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42814	4807-K55LQ1	19D300054	Nguyễn Linh	Trang	Nữ	02/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009030	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42815	4808-K55LQ1	19D300056	Đường Thị Ngọc	Trâm	Nữ	29/11/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009031	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42816	4809-K55LQ1	19D300062	Đoàn Thị	Vy	Nữ	04/03/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009032	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42817	4810-K55LQ2	19D300082	Nguyễn Tâm	Anh	Nữ	30/07/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009033	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42818	4811-K55LQ2	19D300085	Vũ Thị	Ánh	Nữ	27/10/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009034	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42819	4812-K55LQ2	19D300088	Ngô Thị Kim	Dung	Nữ	16/07/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009035	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42820	4813-K55LQ2	19D300091	Nguyễn Thị Mai	Giang	Nữ	02/01/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009036	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42821	4814-K55LQ2	19D300100	Bá Mạnh	Hoàng	Nam	22/04/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009037	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42822	4815-K55LQ2	19D300102	Đỗ Thị Mai	Hương	Nữ	18/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009038	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42823	4816-K55LQ2	19D300105	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	11/11/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009039	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42824	4817-K55LQ2	19D300106	Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	08/07/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009040	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42825	4818-K55LQ2	19D300109	Đinh Công	Minh	Nam	18/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009041	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42826	4819-K55LQ2	19D300111	Trương Công	Minh	Nam	26/09/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009042	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42827	4820-K55LQ2	19D300112	Lê Hà	My	Nữ	07/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009043	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42828	4821-K55LQ2	19D300120	Nguyễn Đình	Quân	Nam	10/05/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009044	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42829	4822-K55LQ2	19D300121	Đỗ Thị Hồng	Quyên	Nữ	02/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009045	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42830	4823-K55LQ2	19D300123	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	01/04/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009046	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42831	4824-K55LQ2	19D300127	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	31/03/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009047	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42832	4825-K55LQ2	19D300140	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	14/05/2000	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009048	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42833	4826-K55LQ2	19D300141	Bùi Thị	Yến	Nữ	08/02/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009049	2022	Chính quy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42834	4827-K54N5	18D170207	Trần Hương	Giang	Nữ	14/07/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009050	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42835	4828-K54N6	18D170255	Vũ Thị	Diệp	Nữ	09/10/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009051	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42836	4829-K55N1	19D170030	Nguyễn Hà	My	Nữ	21/12/2000	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009052	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42837	4830-K55N2	19D170080	Trần Linh	Giang	Nữ	30/05/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009053	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42838	4831-K55N2	19D170108	Trương Hương	Quỳnh	Nữ	18/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009054	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42839	4832-K55N4	19D170235	Vũ Thị	Loan	Nữ	10/10/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009055	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42840	4833-K55N4	19D170236	Nguyễn Thị Hải	Lý	Nữ	14/01/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009056	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42841	4834-K55N4	19D170254	Vũ Thị Minh	Thuận	Nữ	28/04/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009057	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42842	4835-K55N5	19D170327	Đỗ Minh	Trang	Nữ	10/05/1999	Tỉnh Sơn La	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009058	2022	Chính quy	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42843	4836-K52P1	16D200044	Lộc Văn	Thăng	Nam	16/01/1997	Lạng Sơn	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.009059	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42844	4837-K52P3	16D200173	Hoàng Diệu	Linh	Nữ	10/02/1998	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009060	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42845	4838-K52P3	16D200177	Phạm Thị Mai	Lương	Nữ	28/12/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009061	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42846	4839-K53P4	17D200217	Vũ Anh	Thư	Nữ	02/07/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009062	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42847	4840-K54P1	18D200027	Lê Thị Kiều	Linh	Nữ	16/01/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009063	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42848	4841-K54P2	18D200068	Trịnh Thị	Bích	Nữ	03/08/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009064	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42849	4842-K54P2	18D200069	Lê Vân	Chinh	Nữ	20/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009065	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42850	4843-K54P2	18D200089	Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	15/08/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009066	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42851	4844-K54P2	18D200099	Nguyễn Xuân	Thanh	Nam	07/12/2000	Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009067	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42852	4845-K54P2	18D200107	Tạ Thị Mai	Trang	Nữ	14/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009068	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42853	4846-K54P2	18D200112	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	31/10/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009069	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42854	4847-K54P3	18D200161	Trần Hương	Thảo	Nữ	28/10/1999	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009070	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42855	4848-K54P3	18D200164	Bùi Thị	Thúy	Nữ	01/03/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009071	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42856	4849-K54P4	18D200184	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	25/05/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009072	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42857	4850-K54P4	18D200207	Nguyễn Phi	Long	Nam	07/06/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009073	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42858	4851-K54P4	18D200212	Nguyễn Thị	Nhi	Nữ	06/11/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009074	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42859	4852-K54P4	18D200213	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	02/10/2000	Đắk Lắk	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009075	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42860	4853-K54P4	18D200225	Phan Thị Thương	Thương	Nữ	06/09/2000	Bình Phước	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009076	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42861	4854-K55P1	19D200024	Nguyễn Hoàng Diệu	Linh	Nữ	24/12/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009077	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42862	4855-K55P1	19D200031	Lê Thị	Ngà	Nữ	18/02/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009078	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42863	4856-K55P1	19D200032	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	28/10/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009079	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42864	4857-K55P1	19D200035	Phạm Thị Minh	Nguyệt	Nữ	06/01/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009080	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42865	4858-K55P1	19D200037	Vũ Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/03/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009081	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42866	4859-K55P1	19D200038	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	31/07/2001	Tỉnh Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009082	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42867	4860-K55P1	19D200040	Vũ Thị Hồng	Phượng	Nữ	12/07/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009083	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42868	4861-K55P1	19D200042	Nguyễn Đình	Tân	Nam	26/07/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009084	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42869	4862-K55P1	19D200043	Bùi Phương	Thảo	Nữ	08/02/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009085	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42870	4863-K55P1	19D200045	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	04/06/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009086	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42871	4864-K55P1	19D200047	Đinh Thị Minh	Thu	Nữ	05/07/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009087	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42872	4865-K55P1	19D200051	Hà Huyền	Trang	Nữ	16/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009088	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42873	4866-K55P2	19D200080	Phạm Thu	Ha	Nữ	30/05/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009089	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42874	4867-K55P2	19D200084	Lê Huy	Hoàng	Nam	29/10/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009090	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42875	4868-K55P2	19D200086	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	18/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009091	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42876	4869-K55P2	19D200105	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/09/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009092	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42877	4870-K55P2	19D200108	Vũ Thị Mai	Phương	Nữ	06/10/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009093	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42878	4871-K55P2	19D200110	Vũ Thị Hồng	Quỳnh	Nữ	16/07/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009094	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42879	4872-K55P2	19D200118	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	01/01/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009095	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42880	4873-K55P2	19D200120	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	17/07/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009096	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42881	4874-K55P2	19D200124	Nguyễn Thị Tú	Uyên	Nữ	10/10/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009097	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42882	4875-K55P2	19D200125	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	29/09/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009098	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42883	4876-K21P	16D100289	Trần Thị Kim	Thu	Nữ	03/01/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009099	2022	Chính quy	Luật kinh tế	Luật kinh tế	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42884	4877-K51Q4	15D105191	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	06/03/1997	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.009100	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42885	4878-K54Q1	18D105027	Phạm Thái Bảo	Ngọc	Nữ	04/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009101	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42886	4879-K55Q1	19D105001	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	30/11/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009102	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42887	4880-K55Q1	19D105014	Nguyễn Thị Kim	Huế	Nữ	25/02/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009103	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42888	4881-K55Q1	19D105017	Ngô Thị	Hường	Nữ	04/02/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009104	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42889	4882-K55Q1	19D105021	Phùng Thị Thùy	Linh	Nữ	23/03/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009105	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42890	4883-K55Q1	19D105022	Thạch Thị Khánh	Linh	Nữ	20/12/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009106	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42891	4884-K55Q1	19D105023	Phạm Thị Quỳnh	Nga	Nữ	20/11/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009107	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42892	4885-K55Q1	19D105025	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	14/11/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009108	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42893	4886-K55Q1	19D105029	Phạm Thu	Ngọc	Nữ	27/06/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009109	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42894	4887-K55Q1	19D105032	Đỗ Mai	Phương	Nữ	09/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009110	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42895	4888-K55Q1	19D105040	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	01/04/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009111	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42896	4889-K55Q1	19D105042	Trương Anh	Việt	Nam	09/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009112	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Pháp thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42897	4890-K54QT2	18D107070	Lê Thị Mỹ	Hà	Nữ	27/07/2000	Thái Nguyên	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.009113	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42898	4891-K54QT3	18D107173	Cao Hải	Yến	Nữ	18/06/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009114	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42899	4892-K55QT1	19D107001	Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	03/02/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Mường	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009115	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42900	4893-K55QT1	19D107003	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	Nữ	11/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009116	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42901	4894-K55QT1	19D107009	Ngô Thị	Cúc	Nữ	04/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009117	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42902	4895-K55QT1	19D107010	Phạm Thùy	Dung	Nữ	18/01/2001	Tỉnh Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009118	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42903	4896-K55QT1	19D107012	Tạ Tùng	Dương	Nam	22/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009119	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42904	4897-K55QT1	19D107013	Nguyễn Thị Trâm	Đan	Nữ	15/10/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009120	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42905	4898-K55QT1	19D107014	Đào Thị	Giang	Nữ	19/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009121	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42906	4899-K55QT1	19D107015	Vũ Nguyệt	Hà	Nữ	21/01/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009122	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42907	4900-K55QT1	19D107019	Bùi Thị	Hiền	Nữ	15/10/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009123	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42908	4901-K55QT1	19D107029	Lê Thị	Lệ	Nữ	16/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009124	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42909	4902-K55QT1	19D107031	Trần Thị Mai	Linh	Nữ	16/08/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009125	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42910	4903-K55QT1	19D107032	Trần Thị	Lợi	Nữ	02/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009126	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42911	4904-K55QT1	19D107034	Tạ Hà	My	Nữ	14/02/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009127	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42912	4905-K55QT1	19D107036	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	26/10/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009128	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42913	4906-K55QT1	19D107037	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	Nữ	24/10/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009129	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42914	4907-K55QT1	19D107040	Đặng Thu	Thảo	Nữ	08/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009130	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42915	4908-K55QT1	19D107045	Nguyễn Thị	Tình	Nữ	30/08/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009131	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42916	4909-K55QT1	19D107048	Nguyễn Thị Mây	Trang	Nữ	09/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009132	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42917	4910-K55QT1	19D107050	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	28/02/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009133	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42918	4911-K55QT1	19D107053	Đào Thị	Việt	Nữ	12/02/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009134	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42919	4912-K55QT1	19D107055	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	13/02/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009135	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42920	4913-K55QT2	19D107072	Kiều Thị Minh	Anh	Nữ	01/03/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009136	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42921	4914-K55QT2	19D107073	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	03/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009137	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42922	4915-K55QT2	19D107074	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	Nữ	18/01/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009138	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42923	4916-K55QT2	19D107076	Trần Thị Hải	Ánh	Nữ	24/11/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009139	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42924	4917-K55QT2	19D107080	Cao Thị	Dung	Nữ	21/08/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009140	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42925	4918-K55QT2	19D107084	Đinh Thị	Giang	Nữ	23/10/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009141	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42926	4919-K55QT2	19D107086	Phạm Thị Hồng	Hạnh	Nữ	15/05/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009142	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42927	4920-K55QT2	19D107089	Nguyễn Thị Phương	Hiền	Nữ	25/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009143	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42928	4921-K55QT2	19D107097	Hà Thị Lan	Hương	Nữ	16/08/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009144	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42929	4922-K55QT2	19D107100	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	19/08/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009145	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42930	4923-K55QT2	19D107101	Trần Thị	Linh	Nữ	18/02/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009146	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42931	4924-K55QT2	19D107102	Phạm Thị Thanh	Luyến	Nữ	27/07/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009147	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42932	4925-K55QT2	19D107103	Nguyễn Thị Hương	Lựu	Nữ	18/02/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009148	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42933	4926-K55QT2	19D107105	Dương Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009149	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42934	4927-K55QT2	19D107108	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	09/04/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009150	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42935	4928-K55QT2	19D107109	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	23/03/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009151	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42936	4929-K55QT2	19D107113	Phạm Thị	Thu	Nữ	09/05/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009152	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42937	4930-K55QT2	19D107116	Đào Thị	Trang	Nữ	19/04/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009153	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42938	4931-K55QT2	19D107117	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	25/06/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009154	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42939	4932-K55QT2	19D107119	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	30/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009155	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42940	4933-K55QT2	19D107120	Trần Thu	Trang	Nữ	26/02/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009156	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42941	4934-K55QT2	19D107122	Trần Thị	Uyên	Nữ	23/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009157	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42942	4935-K55QT3	19D107142	Ngô Thị Lan	Anh	Nữ	19/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009158	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42943	4936-K55QT3	19D107147	Nguyễn Thị	Cam	Nữ	13/10/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009159	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42944	4937-K55QT3	19D107148	Đặng Thị	Chi	Nữ	27/07/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009160	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42945	4938-K55QT3	19D107151	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	17/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009161	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42946	4939-K55QT3	19D107153	Trần Thị Phương	Đông	Nữ	23/02/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009162	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
42947	4940-K55QT3	19D107155	Nguyễn Diễm	Hạnh	Nữ	12/07/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009163	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42948	4941-K55QT3	19D107158	Trịnh Thị Thu	Hằng	Nữ	29/09/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009164	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42949	4942-K55QT3	19D107159	Vũ Thị	Hiếu	Nữ	24/01/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009165	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42950	4943-K55QT3	19D107160	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	15/11/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009166	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42951	4944-K55QT3	19D107161	Vũ Thị Thu	Hoài	Nữ	15/06/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009167	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42952	4945-K55QT3	19D107163	Nguyễn Xuân	Hồng	Nữ	14/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009168	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42953	4946-K55QT3	19D107164	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	23/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009169	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42954	4947-K55QT3	19D107165	Lê Thị Minh	Huệ	Nữ	24/03/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009170	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42955	4948-K55QT3	19D107168	Phạm Thị Hồng	Lan	Nữ	22/08/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009171	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42956	4949-K55QT3	19D107170	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	24/11/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009172	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42957	4950-K55QT3	19D107171	Nông Thị Bích	Loan	Nữ	16/01/2001	Tỉnh Hà Giang	Ngan	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009173	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42958	4951-K55QT3	19D107177	Phạm Thị	Phượng	Nữ	06/11/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009174	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42959	4952-K55QT3	19D107179	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	07/09/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009175	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42960	4953-K55QT3	19D107182	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	07/04/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009176	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42961	4954-K55QT3	19D107183	Phùng Hoài	Thu	Nữ	26/08/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009177	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42962	4955-K55QT3	19D107187	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	08/05/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009178	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42963	4956-K55QT3	19D107190	Vương Thị	Trang	Nữ	24/11/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009179	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42964	4957-K55QT3	19D107194	Lê Thị	Yến	Nữ	06/02/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009180	2022	Chính quy	Quản trị kinh doanh	Tiếng Trung thương mại	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42965	4958-K52S2	16D190085	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	18/03/1998	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009181	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42966	4959-K53S2	17D190073	Đỗ Thị Thu	Huệ	Nữ	20/04/1999	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009182	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42967	4960-K53S2	17D190090	Tạ Đức	Thành	Nam	02/09/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009183	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42968	4961-K53S2	17D190094	Lê Huyền	Trang	Nữ	04/01/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009184	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42969	4962-K53S3	17D190130	Phạm Thị	Hiền	Nữ	27/02/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009185	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42970	4963-K53S3	17D190150	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	12/09/1999	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009186	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42971	4964-K53S3	17D190151	Lê Văn	Thiệp	Nam	04/02/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009187	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42972	4965-K53S3	17D190155	Cao Mạnh	Trí	Nam	08/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009188	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42973	4966-K53S4	17D190186	Chu Đức	Dũng	Nam	04/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009189	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42974	4967-K53S4	17D190197	Bạch Minh	Khoa	Nam	26/04/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009190	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42975	4968-K53S4	17D190207	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	23/08/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009191	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42976	4969-K54S1	18D190035	Bùi Thị Yến	Nhi	Nữ	14/09/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009192	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42977	4970-K54S1	18D190046	Dương Diệu	Thương	Nữ	08/10/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009193	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42978	4971-K54S2	18D190079	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	14/06/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009194	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42979	4972-K54S2	18D190095	Trần Vũ Thảo	Nhi	Nữ	21/07/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009195	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42980	4973-K54S2	18D190097	Nguyễn Anh	Quân	Nam	26/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009196	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42981	4974-K54S2	18D190115	Vũ Thị	Yến	Nữ	09/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009197	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42982	4975-K54S3	18D190121	Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	25/06/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009198	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42983	4976-K54S3	18D190132	Lê Thị Thanh	Hảo	Nữ	18/01/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009199	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42984	4977-K54S3	18D190135	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	23/06/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009200	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42985	4978-K54S3	18D190138	Ngô Thị	Hồng	Nữ	11/04/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009201	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42986	4979-K54S3	18D190139	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	21/02/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009202	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42987	4980-K54S3	18D190148	Võ Thị	Lộc	Nữ	06/10/2000	Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009203	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42988	4981-K54S3	18D190152	Đỗ Hải	Nam	Nam	18/02/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009204	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42989	4982-K54S3	18D190164	Đồng Thị Thanh	Thúy	Nữ	29/12/2000	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009205	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42990	4983-K54S3	18D190167	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	26/10/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009206	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42991	4984-K54S3	18D190172	Nguyễn Trịnh Thảo	Uyên	Nữ	24/09/2000	Sơn La	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009207	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42992	4985-K54S4	18D190188	Nguyễn Hữu Quang	Duy	Nam	06/12/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009208	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42993	4986-K54S4	18D190228	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	08/09/2000	Kiên Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009209	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42994	4987-K54S4	18D190232	Bùi Thị Thu	Uyên	Nữ	04/04/2000	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009210	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42995	4988-K55S1	18D190027	Trần Thị Phương	Linh	Nữ	02/01/2000	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009211	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42996	4989-K55S1	19D190006	Phan Thị Thùy	Ánh	Nữ	02/01/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009212	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42997	4990-K55S1	19D190027	Đào Trọng	Huy	Nam	30/03/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009213	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42998	4991-K55S1	19D190029	Đào Thị Thanh	Lam	Nữ	18/11/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009214	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
42999	4992-K55S1	19D190035	Nguyễn Thị	Na	Nữ	03/10/2001	Tỉnh Nghệ An	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009215	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43000	4993-K55S1	19D190036	Trịnh Tuấn	Nam	Nam	23/11/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009216	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43001	4994-K55S1	19D190039	Hà Phương	Nhung	Nữ	23/03/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009217	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43002	4995-K55S1	19D190044	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	06/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009218	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43003	4996-K55S1	19D190049	Nguyễn Thị	Thịnh	Nữ	21/06/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009219	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43004	4997-K55S1	19D190053	Hoàng Mạnh	Toàn	Nam	10/08/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009220	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43005	4998-K55S2	19D190077	Phùng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	10/05/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009221	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43006	4999-K55S2	19D190079	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	Nữ	20/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009222	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43007	5000-K55S2	19D190081	Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	10/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009223	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43008	5001-K55S2	19D190083	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	08/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009224	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43009	5002-K55S2	19D190085	Nguyễn Công	Dương	Nam	08/11/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009225	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43010	5003-K55S2	19D190088	Hán Thị	Giang	Nữ	24/02/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009226	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43011	5004-K55S2	19D190100	Chu Thị Phương	Linh	Nữ	01/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009227	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43012	5005-K55S2	19D190101	Phạm Trà	Linh	Nữ	26/04/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009228	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43013	5006-K55S2	19D190104	Phạm Văn	Minh	Nam	20/01/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009229	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43014	5007-K55S2	19D190105	Nguyễn Thị Diệu	Mơ	Nữ	29/03/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009230	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43015	5008-K55S2	19D190109	Hoàng Thị Hồng	Nhung	Nữ	17/03/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009231	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43016	5009-K55S2	19D190116	Dương Thanh	Thảo	Nữ	29/12/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009232	2022	Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị hệ thống thông tin	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43017	5010-K51T2	15D220122	Nguyễn Thị Bích	Trang	Nữ	15/04/1997	Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009233	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43018	5011-K52T1	16D220026	Phạm Thị	Thảo	Nữ	29/07/1997	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009234	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43019	5012-K52T2	16D220087	Đinh Thị	Thuyên	Nữ	30/09/1998	Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009235	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43020	5013-K52T3	15D220177	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	06/05/1997	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009236	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43021	5014-K52T3	15D220191	Nguyễn Thị Hiền	Trang	Nữ	14/05/1997	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009237	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43022	5015-K52T3	16D220174	Trần Thị Thanh	Thuý	Nữ	04/02/1998	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009238	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
43023	5016-K53T1	15D220019	Trần Quang	Hưng	Nam	09/03/1997	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009239	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43024	5017-K53T1	17D220025	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	11/02/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009240	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43025	5018-K53T1	17D220034	Vũ Thị	Thúy	Nữ	15/09/1999	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009241	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43026	5019-K53T4	17D220214	Lê Thị	Thúy	Nữ	23/10/1999	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009242	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43027	5020-K53T5	17D220274	Trần Thị	Thùy	Nữ	10/09/1999	Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009243	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43028	5021-K54T1	18D220005	Vy Ngọc	Anh	Nữ	22/10/2000	Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.009244	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43029	5022-K54T1	18D220012	Đỗ Thị Thúy	Hà	Nữ	04/01/2000	Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009245	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43030	5023-K54T1	18D220021	Bùi Thị Thu	Hương	Nữ	05/09/2000	Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009246	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43031	5024-K54T1	18D220022	Đặng Quỳnh	Hương	Nữ	02/10/2000	Cao Bằng	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.009247	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43032	5025-K54T1	18D220027	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	09/02/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009248	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43033	5026-K54T1	18D220036	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	06/12/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009249	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43034	5027-K54T2	18D220061	Bùi Quang	Anh	Nam	05/12/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009250	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43035	5028-K54T2	18D220069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	26/03/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009251	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43036	5029-K54T2	18D220074	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	02/02/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009252	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43037	5030-K54T2	18D220086	Trần Khánh	Linh	Nữ	08/11/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009253	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43038	5031-K54T2	18D220092	Nguyễn Trần Thị Minh	Ngọc	Nữ	09/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009254	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43039	5032-K54T3	18D220129	Lê Thị Thùy	Dương	Nữ	16/07/2000	Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009255	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43040	5033-K54T3	18D220155	Vũ Trường	Phúc	Nam	23/08/2000	Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009256	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43041	5034-K54T3	18D220166	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	17/08/2000	Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009257	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43042	5035-K54T4	18D220181	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	16/06/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009258	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43043	5036-K54T4	18D220182	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/08/2000	Bắc Kạn	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009259	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43044	5037-K54T4	18D220193	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	03/03/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009260	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43045	5038-K54T4	18D220202	Nguyễn Kim	Khánh	Nữ	04/09/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009261	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43046	5039-K54T4	18D220210	Mạch Thị Quỳnh	Nga	Nữ	18/10/2000	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009262	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43047	5040-K54T4	18D220216	Triệu Quỳnh	Phương	Nữ	26/01/2000	Tuyên Quang	Dao	Việt Nam	Khá	TMU.7.009263	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43048	5041-K54T4	18D220221	Trần Thu	Thảo	Nữ	10/01/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009264	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43049	5042-K54T4	18D220226	Ngô Huyền	Trang	Nữ	09/09/2000	Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009265	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43050	5043-K54T4	18D220227	Vũ Thị Ánh	Tuyết	Nữ	12/01/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009266	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43051	5044-K54T4	18D220229	Nguyễn Long	Vũ	Nam	12/04/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009267	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43052	5045-K55T1	18D220014	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	01/07/2000	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009268	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43053	5046-K55T1	19D220002	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	23/11/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009269	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43054	5047-K55T1	19D220007	Phan Thị Phương	Chi	Nữ	28/06/2001	Tỉnh Quảng Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009270	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43055	5048-K55T1	19D220010	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	16/10/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009271	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43056	5049-K55T1	19D220026	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	28/12/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009272	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43057	5050-K55T1	19D220027	Đinh Thế	Lộc	Nam	04/01/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009273	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43058	5051-K55T1	19D220028	Phạm Thị Phương	Ly	Nữ	16/06/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009274	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43059	5052-K55T1	19D220031	Hoàng Thị	Ngân	Nữ	03/03/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009275	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43060	5053-K55T1	19D220037	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	17/10/2001	Tỉnh Bình Phước	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009276	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43061	5054-K55T1	19D220041	Mai Thị Diệu	Quỳnh	Nữ	22/10/2001	Tỉnh Ninh Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009277	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43062	5055-K55T1	19D220043	Đoàn Lê Mai	Thảo	Nữ	12/05/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009278	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43063	5056-K55T1	19D220049	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	18/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009279	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43064	5057-K55T1	19D220054	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	26/05/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009280	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43065	5058-K55T2	19D220074	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	02/02/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009281	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43066	5059-K55T2	19D220076	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/01/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009282	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43067	5060-K55T2	19D220091	Long Thị	Huyền	Nữ	20/06/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009283	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43068	5061-K55T2	19D220099	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	16/06/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009284	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43069	5062-K55T2	19D220112	Trần Phương	Thanh	Nữ	11/01/2001	Tỉnh Lào Cai	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009285	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43070	5063-K55T3	19D220143	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	01/01/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009286	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43071	5064-K55T3	19D220144	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	03/08/2001	Tỉnh Hoà Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009287	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43072	5065-K55T3	19D220145	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	30/10/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009288	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43073	5066-K55T3	19D220147	Lương Khánh	Chi	Nữ	10/10/2001	Tỉnh Lạng Sơn	Tày	Việt Nam	Khá	TMU.7.009289	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43074	5067-K55T3	19D220148	Nguyễn Thị	Chung	Nữ	04/01/2000	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009290	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43075	5068-K55T3	19D220149	Ngô Thanh	Dịu	Nữ	23/01/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009291	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43076	5069-K55T3	19D220150	Phan Thị Phương	Duyên	Nữ	09/07/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009292	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43077	5070-K55T3	19D220155	Trần Thị	Hiền	Nữ	05/10/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009293	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43078	5071-K55T3	19D220161	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	26/09/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009294	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43079	5072-K55T3	19D220168	Trịnh Thị Ngọc	Mai	Nữ	26/09/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009295	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43080	5073-K55T3	19D220177	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	16/03/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009296	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43081	5074-K55T3	19D220180	Hàn Thị	Quỳnh	Nữ	01/11/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009297	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43082	5075-K55T3	19D220181	Nguyễn Thị Minh	Sáng	Nữ	22/06/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009298	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43083	5076-K55T3	19D220191	Bùi Thị	Vân	Nữ	16/03/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009299	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43084	5077-K55T3	19D220193	Ngô Thị Thanh	Xuân	Nữ	25/05/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009300	2022	Chính quy	Marketing	Quản trị thương hiệu	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43085	5078-K52U2	16D210078	Nguyễn Duy	Điệp	Nam	11/07/1997	Hà Giang	Kinh	Việt Nam	Trung bình	TMU.7.009301	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43086	5079-K52U2	16D210084	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	20/05/1998	Thanh Hoá	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009302	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43087	5080-K53U2	17D210087	Phạm Thị Bảo	Ngọc	Nữ	18/11/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009303	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43088	5081-K53U2	17D210102	Đào Thị	Vân	Nữ	03/04/1999	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009304	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43089	5082-K53U4	17D210189	Phạm Hồng	Hạnh	Nữ	22/05/1999	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009305	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43090	5083-K53U4	17D210195	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	30/08/1999	Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009306	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43091	5084-K54U1	18D210019	Đào Thị	Huyền	Nữ	11/01/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009307	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43092	5085-K54U1	18D210027	Vũ Nguyễn Diệu	Ly	Nữ	23/07/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009308	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43093	5086-K54U1	18D210038	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	04/09/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009309	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43094	5087-K54U2	18D210071	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	23/08/2000	Hà Tây	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009310	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43095	5088-K54U2	18D210111	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	25/08/2000	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009311	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43096	5089-K54U4	18D210181	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	06/03/2000	Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009312	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43097	5090-K54U4	18D210192	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	07/11/2000	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009313	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43098	5091-K54U4	18D210213	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	17/06/2000	Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009314	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	

STT	Số vào sổ	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Xếp hạng	Số hiệu	Năm TN	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Quyết định tốt nghiệp	Ghi chú
43099	5092-K54U4	18D210220	Vương Thị	Quỳnh	Nữ	31/03/2000	Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009315	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43100	5093-K54U5	18D210277	Đặng Thị	Nhung	Nữ	25/12/2000	Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009316	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43101	5094-K55U1	19D210007	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	21/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009317	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43102	5095-K55U1	19D210009	Lê Thị	Giang	Nữ	19/03/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009318	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43103	5096-K55U1	19D210012	Phạm Thảo	Hạnh	Nữ	08/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009319	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43104	5097-K55U1	19D210013	Vũ Thị Mai	Hiên	Nữ	04/10/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009320	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43105	5098-K55U1	19D210017	Chu Thị Thảo	Huyền	Nữ	02/05/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009321	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43106	5099-K55U1	19D210025	Trần Yến	Linh	Nữ	03/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009322	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43107	5100-K55U1	19D210034	Đỗ Thị	Nhung	Nữ	06/04/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009323	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43108	5101-K55U1	19D210038	Trịnh Thị Bích	Phượng	Nữ	25/12/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009324	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43109	5102-K55U1	19D210040	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	28/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009325	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43110	5103-K55U1	19D210041	Hàn Thu	Thảo	Nữ	18/01/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009326	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43111	5104-K55U1	19D210043	Đỗ Thị	Thuỳ	Nữ	23/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009327	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43112	5105-K55U1	19D210044	Nguyễn Phương	Thùy	Nữ	11/01/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009328	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43113	5106-K55U2	19D210072	Ngô Hồng	Anh	Nữ	06/09/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009329	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43114	5107-K55U2	19D210077	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	19/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Khá	TMU.7.009330	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43115	5108-K55U2	19D210078	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	01/12/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009331	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43116	5109-K55U2	19D210079	Lê Thị	Đông	Nữ	15/06/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009332	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43117	5110-K55U2	19D210081	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	11/09/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009333	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43118	5111-K55U2	19D210083	Hoàng Quang	Hiên	Nam	18/11/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009334	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43119	5112-K55U2	19D210087	Lê Khánh	Huyền	Nữ	24/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009335	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43120	5113-K55U2	19D210088	Phạm Thu	Huyền	Nữ	06/09/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009336	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43121	5114-K55U2	19D210099	Nguyễn Thị Hà	My	Nữ	25/12/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009337	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43122	5115-K55U2	19D210100	Ngô Thị	Nga	Nữ	24/01/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009338	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43123	5116-K55U2	19D210105	Đỗ Thị Trang	Nhung	Nữ	10/04/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009339	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43124	5117-K55U2	19D210108	Bùi Thị	Phượng	Nữ	22/01/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009340	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43125	5118-K55U2	19D210111	Mai Hà	Thanh	Nữ	30/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009341	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43126	5119-K55U2	19D210114	Bùi Thị	Thúy	Nữ	30/07/2001	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009342	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43127	5120-K55U2	19D210116	Phạm Thị	Thương	Nữ	22/07/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009343	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43128	5121-K55U3	19D210141	Bùi Phương	Anh	Nữ	27/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009344	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43129	5122-K55U3	19D210143	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	22/12/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009345	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43130	5123-K55U3	19D210144	Vũ Mai	Anh	Nữ	27/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009346	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43131	5124-K55U3	19D210145	Lương Thúy	Bình	Nữ	13/04/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009347	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43132	5125-K55U3	19D210148	Bùi Thị Thùy	Dương	Nữ	27/05/2001	Tỉnh Yên Bái	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009348	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43133	5126-K55U3	19D210152	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	09/08/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009349	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43134	5127-K55U3	19D210162	Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	06/07/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009350	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43135	5128-K55U3	19D210164	Phạm Thùy	Linh	Nữ	01/05/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009351	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43136	5129-K55U3	19D210165	Vũ Thị Khánh	Linh	Nữ	14/04/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009352	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43137	5130-K55U3	19D210171	Hoàng Minh	Ngọc	Nữ	04/04/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009353	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43138	5131-K55U3	19D210172	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	25/10/2001	Tỉnh Nam Định	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009354	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43139	5132-K55U3	19D210174	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/07/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009355	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43140	5133-K55U3	19D210187	Lý Hoài	Trang	Nữ	19/12/2001	Tỉnh Thái Nguyên	Nùng	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009356	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43141	5134-K55U3	19D210189	Kim Ánh	Tuyết	Nữ	04/10/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009357	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43142	5135-K55U3	19D210190	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	09/09/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009358	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43143	5136-K55U3	19D210191	Đào Thị Thanh	Xuân	Nữ	04/01/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009359	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43144	5137-K55U4	19D210211	Đoàn Thị Vân	Anh	Nữ	14/06/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009360	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43145	5138-K55U4	19D210213	Trần Cẩm	Anh	Nữ	09/10/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009361	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43146	5139-K55U4	19D210219	Hoàng Hương	Giang	Nữ	07/09/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009362	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43147	5140-K55U4	19D210220	Lê Nguyễn Ngân	Hà	Nữ	12/12/2001	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009363	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43148	5141-K55U4	19D210222	Nhữ Thị	Hậu	Nữ	21/12/2001	Tỉnh Hà Nam	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009364	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43149	5142-K55U4	19D210225	Lãnh Thị	Hoa	Nữ	08/05/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009365	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43150	5143-K55U4	19D210227	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	11/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009366	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43151	5144-K55U4	19D210231	Bùi Thị Mỹ	Linh	Nữ	01/02/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009367	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43152	5145-K55U4	19D210233	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	18/10/2001	Tỉnh Phú Thọ	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009368	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43153	5146-K55U4	19D210246	Thân Thị Thảo	Phương	Nữ	20/02/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009369	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43154	5147-K55U4	19D210259	Đỗ Thị Cẩm	Tú	Nữ	07/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009370	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43155	5148-K55U5	19D210281	Hà Thị Vân	Anh	Nữ	05/01/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009371	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43156	5149-K55U5	19D210286	Đặng Thùy	Dung	Nữ	10/04/2001	Tỉnh Hưng Yên	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009372	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43157	5150-K55U5	19D210287	Lưu Thị	Duyên	Nữ	27/11/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009373	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43158	5151-K55U5	19D210311	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	15/11/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009374	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43159	5152-K55U5	19D210313	Tô Thị	Nhi	Nữ	19/01/2001	Thành phố Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009375	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43160	5153-K55U5	19D210317	Ngọc Thị	Phượng	Nữ	06/03/2001	Tỉnh Bắc Giang	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009376	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43161	5154-K55U5	19D210318	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	06/09/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009377	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43162	5155-K55U5	19D210321	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	31/10/2001	Tỉnh Hải Dương	Kinh	Việt Nam	Xuất sắc	TMU.7.009378	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43163	5156-K55U5	19D210322	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	21/05/2001	Thành phố Hà Nội	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009379	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43164	5157-K55U5	19D210329	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	12/09/2001	Tỉnh Bắc Ninh	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009380	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	
43165	5158-K55U5	19D210331	Bùi Thị	Yến	Nữ	02/03/2001	Tỉnh Thái Bình	Kinh	Việt Nam	Giỏi	TMU.7.009381	2022	Chính quy	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	(Kèm theo Quyết định số: 2419/QĐ-ĐHTM ngày 30 tháng 12 năm 2022)	